

C.MÁC
VÀ
PH.ĂNG-GHEN
TOÀN TẬP
14



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

C.MÁC
VÀ
PH.ĂNG-GHEN
TOÀN TẬP
14

NXB. CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
SỰ THẬT

VÔ SẢN TẤT CẢ CÁC NƯỚC, ĐOÀN KẾT LẠI!

TOÀN TẬP C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN XUẤT BẢN
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN TOÀN TẬP C. MÁC VÀ PH. ĂNG- GHEN

GS. Nguyễn Đức Bình	Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng
GS. Đặng Xuân Kỳ	Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Viện trưởng Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác- Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch (thường trực) Hội đồng
GS. PTS. Trần Ngọc Hiền	Phó Giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, uỷ viên
PGS. Hà Học Hội	Phó trưởng Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, uỷ viên
GS. PTS. Phạm Xuân Nam	Phó Giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, uỷ viên
GS. Trần Nhâm	Giám đốc, Tổng biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, uỷ viên
GS. Trần Xuân Trường	Trung tướng, Viện trưởng Học viện chính trị - quân sự, uỷ viên

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giáo sư TRẦN NHÂM

Biên tập: LÊ XUÂN TIÊM
TRƯƠNG ĐÌNH LAI
VŨ HỒNG THẮM

Sửa bài: BAN SÁCH KINH ĐIỂN

Trình bày, bìa: NGHIÊM THÀNH

C. MÁC
VÀ
PH. ĂNG-GHEN

TOÀN TẬP
TẬP 14

(THÁNG BẢY 1857 - THÁNG MƯỜI MỘT 1860)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
SỰ THẬT
HÀ NỘI - 1994

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tập 14 của bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nơ bao gồm những tác phẩm của hai nhà kinh điển viết trong thời gian từ tháng Bảy 1857 đến tháng Mười một 1860. Vào thời kỳ này, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới lần thứ nhất đã bùng nổ cao trào đấu tranh cách mạng mới của giai cấp vô sản và phong trào chống phong kiến, chống áp bức giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước ở một số quốc gia châu Âu đã dâng lên mạnh mẽ.

Những tác phẩm in trong tập 14 chủ yếu là những bài viết về đề tài quân sự. Trong đó hai ông phân tích và đánh giá sâu sắc lịch sử những cuộc chiến tranh từ thời Cổ đại, lịch sử ra đời và phát triển của các quân đội, cách tổ chức quân đội, các phương pháp và hình thức tiến hành chiến tranh; kèm theo đó là những đánh giá hoạt động của các nhà cải cách quân sự... Bài “Ngài Phô-giơ”, một tác phẩm dài nằm ở trọn nửa sau tập này, là một tác phẩm luận chiến lớn của Mác viết vào buổi đầu cao trào phát triển mới của phong trào công nhân quốc tế. Tác phẩm không những phản ánh cuộc đấu tranh không khoan nhượng của C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nơ cho đảng vô sản và bảo vệ các nhà cách mạng vô sản mà còn có giá trị sâu sắc về nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật.

Tập này được dịch dựa vào bản tiếng Nga bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nơ, tập 14, do Nhà xuất bản chính trị quốc gia Liên Xô xuất bản tại Mát-xcơ-va năm 1959. Ngoài phần chính văn, chúng tôi còn in kèm theo phần chú thích và các bản chỉ dẫn do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin Liên Xô (trước đây) biên soạn để bạn đọc tham khảo.

Đồng thời với việc xuất bản bộ Toàn tập C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nơ, chúng tôi sẽ tổ chức biên soạn sách giới thiệu nội dung mỗi tập và các tư tưởng cơ bản trong các tác phẩm chính của hai nhà kinh điển.

Tháng 6-1994
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

THE NEW
AMERICAN CYCLOPÆDIA:

A
Popular Dictionary

OF
GENERAL KNOWLEDGE.

EDITED BY
GEORGE RIPLEY AND CHARLES A. DANA.

VOLUME I
A-ARAGUAY.

NEW YORK:
D. APPLETON AND COMPANY,
346 & 348 BROADWAY:
LONDON: 16 LITTLE BRITAIN.
M.DCCC.LVIII.

Bìa phụ của tập một
"Bách khoa toàn thư mới của Mỹ"

PH. ĂNG-GHEN

QUÂN ĐỘI¹

Quân đội là một tập đoàn có tổ chức gồm những người được vũ trang, được nhà nước đài thọ để thực hiện chiến tranh tấn công hoặc phòng ngự. Trong các quân đội của thế giới Cổ đại, quân đội đầu tiên mà chúng ta có những sử liệu ít nhiều đáng tin cậy là quân đội Ai Cập. Thời đại vinh quang của nó trùng hợp với thời kỳ thống trị của Ram-xê-xơ II (Xê-xô-xtrít); những bức hoạ và những dòng chữ ghi trên rất nhiều di tích thuộc thời kỳ thống trị của ông thuật lại các chiến công của ông là nguồn tài liệu chủ yếu giúp chúng ta hiểu biết về trình độ quân sự của người Ai Cập. Đẳng cấp quân sự của Ai Cập chia làm hai đẳng cấp: Héc-mô-típ và Ca-la-xia²; ở thời kỳ thịnh vượng nhất, đẳng cấp thứ nhất có 160 000 người, đẳng cấp thứ hai có 250 000 người. Xem ra thì hai đẳng cấp ấy chỉ khác nhau hoàn toàn về độ tuổi hoặc thời gian phục vụ, cho nên Ca-la-xia qua một số năm phục vụ nhất định sẽ chuyển lên Héc-mô-típ hoặc chuyển sang ngạch hậu bị. Toàn bộ quân đội chia ra đóng ở các địa điểm gọi là binh ấp, và lại mỗi quân nhân đều được thưởng một khoảnh đất rộng vì sự phục vụ của mình. Những binh ấp ấy chủ yếu phân bố ở phần hạ lưu của đất nước, nơi có thể xảy ra những cuộc tập kích từ các nước châu Á láng giềng; chỉ có mấy binh ấp được đặt ở Thượng lưu sông Nin, vì rằng người Ê-ti-ô-pi là kẻ địch không

đáng sợ lắm. Sức mạnh của quân đội là ở bộ binh của nó, nhất là ở các lính bắn cung của nó. Ngoài những lính bắn cung, quân đội còn có các đội bộ binh vũ trang khác nhau và biên chế thành các tiểu đoàn³ tùy theo loại vũ khí: lính giáo dài, lính kiếm ngắn, lính cầm côn, lính bắn đá v.v.. Bộ binh có nhiều chiến xa chi viện, trên mỗi chiến xa có hai chiến sĩ: một người cầm cương ngựa, một người bắn cung. Trong các di tích không thấy vẽ kỵ binh. Bức hoạ duy nhất vẽ người cưỡi ngựa, thuộc vào thời đại La Mã, và xem ra sẽ là đúng nếu giả định rằng người Ai Cập biết dùng ngựa để cưỡi và dùng kỵ binh chỉ là học ở các nước láng giềng châu Á. Vào thời kỳ muộn hơn, như ta có thể thấy không chút nghi ngờ gì qua sự xác nhận nhất trí của các nhà sử học Cổ đại về vấn đề này, người Ai Cập có nhiều kỵ binh, kỵ binh này hoạt động bên sườn của bộ binh, như bất cứ kỵ binh nào thời xưa. Vũ khí phòng vệ của người Ai Cập gồm có mộc, mũ trụ, giáp ngực hoặc giáp bào được chế tạo bằng những vật liệu khác nhau. Trong các phương pháp tấn công thành lũy của họ người ta thấy có nhiều phương pháp và mưu kế quen thuộc của người Hy Lạp và người La Mã. Họ có testudo hoặc vô đập, vi-nê-a⁴ và thang tấn công; nhưng lời khẳng định của ngài H. Uyn-kin-xơn cho rằng họ cũng biết sử dụng tháp di động và giới đào đường ngầm dưới chân tường thì chỉ là giả thuyết mà thôi⁵. Từ thời Pxam-me-tích, người Ai Cập đã có những đơn vị lính đánh thuê Hy Lạp cũng đồn trú ở Hạ Ai Cập.

Át-xi-ri cho chúng ta một hình mẫu sớm nhất về những quân đội châu Á đã chiến đấu trên một ngàn năm để chiếm các đất đai ở giữa Địa Trung Hải và sông Ấn. Ở đây cũng như ở Ai Cập, nguồn tư liệu chủ yếu của chúng ta là các di vật. Phán đoán theo các di vật đó thì bộ binh được trang bị giống như bộ binh Ai Cập, tuy rằng xem ra cũng giữ vai trò nhỏ hơn, còn vũ khí phòng vệ và tấn công thường được chế tạo tinh vi và hình dáng đẹp hơn. Ngoài ra, do đất đai của đế quốc này rộng hơn, nên vũ khí cũng nhiều chủng loại hơn. Vũ khí chủ yếu là giáo, cung, kiếm và dao

găm. Người Át-xi-ri trong quân đội của Cre-rcơ-xơ cũng được vẽ trong bức hoạ với chiếc côn bọc sắt. Vũ khí phòng vệ gồm có mũ trụ (thường được chế tạo rất đẹp), giáp bằng nỉ hoặc bằng da, và mộc. Chiến xa vẫn là bộ phận quan trọng của quân đội; trên xe chở hai người, mà người cầm cương ngựa phải cầm mộc che đỡ cho lính bắn cung. Nhiều chiến sĩ chiến đấu trên xe được vẽ khoác áo giáp dài có vẩy. Ngoài ra có kỵ binh mà chúng ta gặp lần đầu tiên ở ngay đây. Trên những di tích điêu khắc thuộc thời kỳ sớm hơn, kỵ sĩ ngồi trên ngựa không thẳng yên; về sau mới sử dụng một thứ gì như là yên mềm và trên một bức di vật điêu khắc cho thấy chiếc yên cao giống như những cái hiện nay được sử dụng ở phương Đông. Kỵ binh chưa hẳn đã có gì khác nhiều so với kỵ binh Ba Tư và kỵ binh của những dân tộc phương Đông sau này. Đó là kỵ binh nhẹ, không chính qui, khi xung trận thì chụm lại thành một khối lộn xộn, dễ bị bộ binh trang bị tốt và kiên cường đánh lui, nhưng lại là sự uy hiếp đối với đội quân đã bị rối loạn hoặc đã bị đánh bại. Do đó, trên các bức hoạ người ta thấy nó được vẽ ở trong đội hình phía sau các chiến sĩ chiến đấu trên các chiến xa, những chiến sĩ này xem ra tạo thành một thứ binh chủng quý tộc. Trong chiến thuật bộ binh rõ ràng là đã đạt được một số tiến bộ về qui tắc vận động và bố trí đội hình. Những lính bắn cung hoặc chiến đấu ở phía trước, thì trong trường hợp này, mỗi người trong số họ đều được các lính mang mộc yểm hộ, hoặc khi dàn hàng ngang ở phía sau, thì trong trường hợp này, các chiến sĩ cầm giáo ở hàng thứ nhất và thứ hai sẽ cúi xuống hoặc quỳ xuống để các tay cung có thể bắn được. Không nghi ngờ gì nữa, người Át-xi-ri đã biết sử dụng tháp di động và đào đường hầm khi bao vây, và căn cứ vào một đoạn trong cuốn I-ê-dê-kin⁶ có thể kết luận rằng họ đã dựng lên một thứ chiến lũy hoặc gò đất để có thể khống chế các tường thành bị vây, - mầm mống ban đầu của agger^{1*} La Mã. Những tháp di động và cố định của họ

1* - tường lũy

cũng được xây cao bằng và cao hơn tường của thành lũy bị bao vây để có thể khống chế được thành lũy đó. Người Át-xi-ri cũng sử dụng vỏ đập và lá chắn; vì quân đội của họ rất đông nên họ có thể thay đổi cả dòng chảy của một con sông nhỏ để tiếp cận các đoạn yếu trên chính diện của thành lũy bị tấn công, hoặc lợi dụng lòng sông cạn làm đường tiến vào thành lũy. Quân đội của người Babi-lon xem ra giống với quân đội của người Át-xi-ri, nhưng chúng ta không biết những chi tiết cụ thể về họ.

Đế quốc Ba Tư có được sự vĩ đại của nó là nhờ những người sáng lập ra nó - những người du mục thiện chiến của xứ Phác-xi-xtan hiện nay, đất nước của những kỵ sĩ, ở đó kỵ binh chiếm ngay được địa vị thống trị, cái địa vị mà nó vẫn giữ trong tất cả các quân đội phương Đông suốt từ hồi đó, cho tới mãi thời gian gần đây, khi mà trong các quân đội ấy người ta đem áp dụng lối huấn luyện quân sự theo kiểu châu Âu hiện đại. Đa-ri Ghi-xtáp xây dựng quân đội thường trực để khống chế các tỉnh bị chinh phục, cũng như để ngăn ngừa những cuộc nổi loạn thường xảy ra của các xa-tráp, tức là các tỉnh trưởng dân sự. Như vậy là mỗi tỉnh đều có đội cảnh vệ của mình đặt dưới quyền chỉ huy của một viên tư lệnh đặc phái; ngoài ra, các đơn vị quân đội chia ra đóng giữ các thành lũy. Chi phí để duy trì đội quân ấy là do các tỉnh chịu. Trong quân thường trực ấy cũng có quân cận vệ của hoàng đế – 10 000 bộ binh tinh nhuệ (“đội bất tử”, Athanatoi) với mũ giáp lông lầy vàng son; trong các cuộc hành quân của họ có đoàn xe cộ dài chở vợ con và đầy tớ cũng như các đoàn lạc đà chở lương thực, đạn dược đi kèm theo; ngoài ra, trong quân cận vệ của hoàng đế còn có 1 000 lính cầm kích, 1 000 kỵ binh cận vệ và nhiều chiến xa, trong đó một số chiến xa được trang bị những chiếc lưỡi hái. Đối với các cuộc viễn chinh lớn, những lực lượng vũ trang đó tỏ ra không đủ cho nên người ta tiến hành tổng trưng binh ở tất cả các tỉnh thuộc đế chế. Tổng hợp lại, những quân lính lắm hình nhiều vẻ ấy hình thành một quân đội

phương Đông thực sự, gồm những đơn vị đủ loại khác nhau về trang bị và phương pháp tác chiến; đội vận tải đồ sộ và vô số những người phục vụ quân đội đi kèm theo nó. Chính sự tồn tại của số người phục vụ này giải thích cho chúng ta về số lượng đồ sộ của quân đội Ba Tư mà người Hy Lạp nói tới. Binh sĩ, tùy theo thành phần dân tộc của họ, được trang bị cung, lao, giáo, kiếm, chùy, dao găm, máy phóng đá v.v.. Quân lính của mỗi tỉnh đều ở dưới quyền một người chỉ huy riêng, theo Hê-rô-đốt, thì những quân lính ấy hình như chia thành các đơn vị 10 người, 100 người, 1 000 người, v.v., mà mỗi đơn vị thập phân ấy có một sĩ quan đứng đầu⁷. Việc chỉ huy các binh đoàn lớn hoặc các cánh quân thường được giao phó cho thành viên của hoàng tộc. Trong bộ binh thì người Ba Tư và người thuộc các bộ tộc A-ri-an khác (người Mi-di-an và người Béc-tri-an) tạo thành elite^{1*}. Họ được vũ trang bằng cung, giáo cỡ vừa và kiếm ngắn; đầu quấn một thứ khăn, mình mặc áo bảo vệ bằng những tấm sắt; một phần lớn làm bằng cánh nhỏ đan. Những elite ấy, cũng như bộ binh khác của Ba Tư, đều thất bại thảm hại mỗi lần gặp phải quân đội Hy Lạp, dù quân số rất ít; đám quân ô hợp và vụng về ấy chỉ có thể chống cự một cách thụ động khi đụng độ với đội hình chấp kích sơ khai của người Xpác-tơ và người A-ten, bằng chứng là các trận Ma-ra-tông, Pla-tây, Mi-ca-lơ và Phéc-mô-pin⁸. Những xe trận xuất hiện lần cuối cùng trong lịch sử của quân đội Ba Tư có thể có ích trên địa hình hoàn toàn bằng phẳng khi chống lại đám người ô hợp như bản thân bộ binh Ba Tư, nhưng sẽ quá ư vô dụng khi phải chống lại đơn vị cầm giáo, đội hình dày đặc của người Hy Lạp hoặc phải chống lại những quân sĩ được trang bị nhẹ lợi dụng được sự mấp mô của địa hình. Những chướng ngại nhỏ nhất cũng cản bước được chiến xa. Trong chiến đấu, ngựa hoảng sợ không nghe theo

1* - quân đội tinh nhuệ

người cầm cương, đã xéo lên bộ binh của mình. Còn về kỵ binh thì chúng ta có ít bằng chứng về chất lượng cao của nó trong thời kỳ ban đầu của đế quốc ấy. Tại thung lũng Ma-ra-tông, - nơi thích hợp cho kỵ binh, - người Ba Tư có 10 000 kỵ binh, nhưng vẫn không phá vỡ được hàng ngũ người A-ten. Vào thời kỳ muộn hơn, kỵ binh đã nổi bật trong trận Gra-ních⁹, nơi đây kỵ binh được bố trí thành một tuyến đã tập kích bất ngờ vào bộ phận đi đầu của các đoàn quân Ma-xê-doan đang leo lên bờ sau khi lội qua sông, và đánh lui phân đội này trước khi nó triển khai. Như vậy, nó đã tác chiến thắng lợi trong một thời gian dài chống lại đội tiền vệ của A-lếch-xan-đơ, do Ptô-le-mây chỉ huy, cho tới khi chủ lực kéo đến và ở bên sườn nó đã xuất hiện bộ binh trang bị nhẹ, sau đó nó buộc phải rút lui do thiếu tuyến thứ hai hoặc đội dự bị. Nhưng trong thời kỳ ấy, quân đội Ba Tư được tăng cường thêm những người Hy Lạp gia nhập hàng ngũ của họ, chính là các lính đánh thuê người Hy Lạp mà chẳng bao lâu sau khi Xe-roc-xơ chết, các hoàng đế đã thuê họ về, còn chiến thuật kỵ binh mà Mem-nôn sử dụng trong trận Gra-ních thì rõ ràng không phải theo kiểu châu Á, nên dù thiếu những sử liệu đáng tin cậy, chúng tôi cũng có thể mạnh bạo cho rằng nó chịu ảnh hưởng của Hy Lạp.

Các quân đội Hy Lạp là những quân đội đầu tiên mà chúng ta có tài liệu phong phú và chính xác về mặt tổ chức, với tất cả các chi tiết của nó. Có thể nói rằng lịch sử chiến thuật, nhất là chiến thuật bộ binh, bắt đầu với những quân đội đó. Chúng tôi không bàn về hệ thống quân sự của thời đại anh hùng của Hy Lạp, như Hô-me mô tả, khi mà người ta chưa biết đến kỵ binh, khi mà các nhân vật quý tộc và các thủ lĩnh đã chiến đấu trên chiến xa hoặc xuống xe để quyết đấu với địch thủ cùng đẳng cấp và khi bộ binh xem ra không hơn bộ binh châu Á bao nhiêu, mà chuyển ngay sang bàn về lực lượng quân sự của A-ten vào thời kỳ huy hoàng của nó. Ở A-ten, mọi người đàn ông xuất thân từ dân tự do đều phải làm nghĩa vụ quân sự. Chỉ có những người gánh vác những

chức vụ nhất định của nhà nước, và ở thời kỳ sớm hơn, đẳng cấp thứ tư hoặc nghèo nhất trong dân tự do, mới được miễn nghĩa vụ quân sự¹⁰. Đó là chế độ dân binh dựa trên chế độ nô lệ. Thanh niên hể đủ 18 tuổi là phải làm nghĩa vụ quân sự trong hai năm, đặc biệt trong việc bảo vệ biên giới. Trong thời gian đó, anh ta hoàn thành việc huấn luyện quân sự của mình và sau đó vẫn thuộc diện nghĩa vụ quân sự cho đến 60 tuổi. Khi có chiến tranh, đại hội công dân sẽ qui định số lượng người cần gọi nhập ngũ; chỉ trong trường hợp đặc biệt mới sử dụng tới *levées en masse*^{1*} (pan-xtra-ti-a). Mười nhà chiến lược, do nhân dân bầu ra hàng năm có nhiệm vụ phải tiến hành tuyển quân và phiên chế số quân sĩ ấy, đồng thời các thành viên của mỗi bộ lạc hoặc của phi-lác tạo thành một đơn vị dưới quyền chỉ huy của một phi-lác chuyên trách. Các viên phi-lác cũng như các viên ta-xi-ác hoặc các viên chỉ huy đại đội cũng do nhân dân bầu ra. Tất cả những người được gọi nhập ngũ biên chế thành bộ binh trang bị nặng (quân hô-plít) để tạo thành đội chấp kích, hoặc đội hình hàng ngang có chiều sâu của binh sĩ cầm giáo; bộ binh ấy ban đầu tạo thành toàn bộ lực lượng vũ trang, còn sau này, khi được bổ sung các binh sĩ trang bị nhẹ và kỵ binh, thì nó trở thành hạt nhân chính của quân đội, một binh chủng quyết định kết cục của trận đánh. Đội hình chấp kích có chiều sâu khác nhau; chúng ta thấy kể đến những đội hình chấp kích có chiều sâu 8, 12, 25 hàng. Trang bị của bộ binh nặng gồm có giáp ngực hoặc giáp trụ, mũ trụ, mộc bầu dục, giáo và kiếm ngắn. Sức mạnh của đội chấp kích A-ten là ở thể tập kích; nó nổi tiếng nhờ sự tập kích mãnh liệt khi tấn công, nhất là sau khi Min-ti-át đã áp dụng, trong trận Ma-ra-tông, lối tiến tốc độ khi tấn công, nên bộ binh vừa chạy vừa xông vào quân địch. Nhưng trong phòng ngự, đội chấp kích của người Xpác-tơ

1* - tổng trưng binh, gọi toàn dân nhập ngũ

vững chắc hơn và dày đặc hơn đã vượt trội đội chấp kích của người A-ten. Trong khi ở Ma-ra-tông, toàn bộ quân lính của người A-ten gồm quân chấp kích trang bị nặng đông đến 10 000 hô-plít, thì ở Pla-tây, ngoài 8 000 hô-plít, họ còn có một số lượng như thế những bộ binh trang bị nhẹ. Sự uy hiếp đáng sợ của cuộc xâm nhập của người Ba Tư làm cho việc tăng số người làm nghĩa vụ quân sự trở nên cần thiết; giai cấp nghèo nhất trong dân cư – phe-ta – được ghi vào danh sách nhập ngũ. Những người này được biên chế thành các quân đội trang bị nhẹ (him-nét, pơ-xin); họ hoàn toàn không có vũ khí phòng vệ hoặc chỉ có mỗi chiếc mộc; họ cầm giáo và lao. Với sự mở rộng quyền lực của A-ten, bộ binh trang bị nhẹ của nó được tăng cường bằng số binh sĩ của các đồng minh¹¹ và thậm chí bằng quân đánh thuê. Trong quân đội bao gồm cư dân của A-các-na-ni-a, Ê-tô-li-a và Cri-tơ nổi tiếng là những tay bắn cung và bắn đá giỏi. Người ta đã thành lập một thứ quân trung gian giữa bộ binh trang bị nhẹ và bộ binh trang bị nặng – đó là pen-ta-xta, được trang bị như bộ binh nhẹ nhưng có thể chiếm lĩnh và giữ vững trận địa. Nhưng những loại bộ binh này không có ý nghĩa lớn trước khi I-phi-crát cải tổ nó sau cuộc Chiến tranh Pê-lô-pôn-nét¹². Bộ binh trang bị nhẹ của người A-ten đã nổi tiếng về sự nhanh trí và sự nhanh chóng trong việc hạ quyết tâm chiến đấu cũng như thực hiện quyết tâm. Trong nhiều trường hợp, có thể là trên địa hình mấp mô, họ có thể chống cự thành công ngay cả với đội chấp kích của người Xpác-tơ. Việc thành lập kỵ binh A-ten ở vào thời kỳ mà nước cộng hoà này đã giàu có và hùng cường. Địa hình đồi núi Át-tích không thuận lợi cho binh chủng này, nhưng vị trí ở gần các nước láng giềng là Phét-xa-li và Bê-ô-ti – là những vùng giàu về ngựa, do đó là những xứ đầu tiên thành lập kỵ binh – đã nhanh chóng đưa tới sự thành lập binh chủng đó ở các quốc gia khác của Hy Lạp. Kỵ binh A-ten ban đầu có 300, rồi 600, thậm chí 1 000 người, gồm những công dân giàu có nhất và thường xuyên tồn tại, cả trong thời bình. Đó

là bộ phận có sức chiến đấu cao của quân đội, đặc biệt cảnh giác, nhanh trí và chủ động. Trong chiến đấu, cũng như bộ binh trang bị nhẹ, kỵ binh thường chiếm vị trí ở bên sườn của đội hình chấp kích. Trong thời kỳ muộn hơn, người A-ten cũng có một đơn vị đánh thuê gồm 200 lính bắn cung cưỡi ngựa (hy-pô-tốc). Cho đến tận thời kỳ Pê-ri-clét, quân nhân A-ten không nhận được lương bổng gì. Về sau họ lĩnh 2 ô-bô-lơ (ngoài ra còn được nhận 2 ô-bô-lơ nữa về ăn uống mà quân nhân phải tự lo liệu), có khi bộ binh trang bị nặng thậm chí lĩnh tới 2 đrac-mơ. Chỉ huy lĩnh số lương nhiều gấp hai lần, kỵ binh lĩnh nhiều gấp ba, còn tư lệnh thì lĩnh nhiều gấp 4 lần. Chỉ riêng kỵ binh nặng thời bình cũng tiêu tốn mỗi năm 40 ta-lon (40 000 đô-la), còn thời chiến thì tốn kém nhiều hơn. Đội hình chiến đấu và phương thức tác chiến đặc biệt giản đơn: đội hình chấp kích tạo thành trung tâm, các chiến sĩ chĩa giáo ra ngoài và yểm hộ toàn bộ chính diện bằng bức tường gồm các chiếc mộc của họ. Họ tấn công đội hình quân địch trên toàn chính diện. Nếu đợt công kích đầu tiên không phá vỡ được đội hình chiến đấu của địch thì kết cục của trận đánh sẽ được quyết định bởi cuộc đánh giáp lá cà bằng kiếm, đồng thời bộ binh nhẹ và kỵ binh hoặc tấn công vào các đội hình binh sĩ tương ứng của địch, hoặc cố gắng hành động bên sườn và sau lưng đội hình của địch và lợi dụng sự rối loạn nhỏ nhất trong hàng ngũ quân địch. Nếu thắng lợi, họ sẽ truy kích địch, nếu thất bại họ cố gắng yểm hộ cuộc rút lui. Họ cũng được sử dụng cho trinh sát và tập kích, quấy rối địch khi địch đang hành quân, nhất là khi địch phải qua đường hẻm, và họ cố gắng chiếm lấy xe cộ vận tải và bắt binh sĩ rớt lại phía sau của địch. Như vậy đội hình chiến đấu cực kỳ giản đơn; đội hình chấp kích bao giờ cũng hành động như một chỉnh thể; việc phân chia nó ra thành những đơn vị nhỏ hơn không có ý nghĩa chiến thuật; các viên chỉ huy của chúng chỉ có nhiệm vụ theo dõi sao cho đội hình chấp kích không bị phá vỡ hoặc chỉ ít sao cho nó khôi phục được nhanh chóng. Qua mấy ví dụ kể trên,

chúng tôi đã chỉ ra quân số của quân đội A-ten trong thời kỳ có các cuộc chiến tranh Ba Tư. Vào thời kỳ đầu cuộc Chiến tranh Pê-lô-pôn-nét, họ có 13 000 bộ binh nặng làm nhiệm vụ dã chiến, 16 000 người (gồm những binh sĩ trẻ nhất và già nhất) làm nhiệm vụ đồn trú, 1 200 kỵ binh và 1 600 lính bắn cung. Theo tính toán của Béch, đội quân được phái đi đánh Xi-ra-cu-giơ đông đến **38 560 người, đội tăng viện được gửi đi sau đó đông tới 26 000 người** và toàn bộ là khoảng 65 000 người. Sau thất bại hoàn toàn của cuộc viễn chinh này¹³, A-ten quả thực đã kiệt sức không kém gì nước Pháp sau chiến dịch năm 1812 ở Nga.

Trong số các quốc gia ở Hy Lạp, Xpác-tơ là quốc gia quân sự par excellence^{1*}. Nếu sự rèn luyện thân thể phổ biến của người A-ten coi ngang nhau việc rèn luyện sự khéo léo và tăng cường thể lực, thì người Xpác-tơ chủ yếu lưu ý đến việc tăng cường thể lực, tinh thần kiên cường và tinh thần chịu đựng của chiến sĩ. Họ coi trọng tinh thần kiên cường trong chiến đấu và sự giữ gìn danh dự quân nhân hơn là sự nhanh trí. Người A-ten được huấn luyện để sao cho khi cần họ có thể chiến đấu trong hàng ngũ bộ binh trang bị nhẹ, mặc dù họ được chuẩn bị để trong khi có chiến tranh họ giữ một vị trí đã qui định chặt chẽ trong đội hình chấp kích trang bị nặng; trái lại, người Xpác-tơ chỉ được huấn luyện để chiến đấu trong đội hình chấp kích. Từ đó thấy rõ là chừng nào đội hình chấp kích còn quyết định kết cục của trận đánh thì người Xpác-tơ rút cục vẫn chiếm thế vượt trội hơn. Ở Xpác-tơ, mọi công dân tự do từ 20 đến 60 tuổi đều được ghi vào danh sách quân đội. Các quan giám sát qui định số người cần gọi nhập ngũ, thông thường tuyển mộ trong những người trung niên vào lứa tuổi 30 - 40. Cũng như ở A-ten, những người thuộc cùng một bộ lạc hoặc cùng một địa phương được biên chế vào cùng một đơn vị. Cơ sở của tổ chức quân đội là tổ huynh đệ (ê-nô-mô-ti) do Li-cu-rơ lập ra; hai

ê-nô-mô-ti (tổ huynh đệ) hợp thành một pen-tê-cô-xtít, hai pen-tê-cô-xtít hợp thành một lốc và 8 pen-tê-cô-xtít hoặc 4 lốc hợp thành một mô-ra. Đó là tổ chức ở thời kỳ Cxê-nô-phôn-tơ; vào thời kỳ sớm hơn, tổ chức này hình như đã khác. Quân số của một mô-ra được qui định khác nhau: từ 400 đến 900 người; nghe nói có thời kỳ có tới 600 mô-ra. Những đội quân khác nhau ấy của người Xpác-tơ tự do hợp thành các đội chấp kích; bộ binh nặng hợp thành đội chấp kích thì được trang bị giáo, kiếm ngắn và mộc buộc vào cổ. Về sau, Clê-ô-men sử dụng mộc rộng của Ca-ri-a, có dây buộc vào cánh tay trái để cho hai tay của binh sĩ được tự do. Người Xpác-tơ cho rằng sẽ là điều sỉ nhục đối với binh sĩ của mình, nếu sau khi thua trận họ trở về mà không có mộc; việc giữ gìn chiếc mộc chứng tỏ rằng, cuộc rút lui được tiến hành hoàn toàn có trật tự và trong đội hình chấp kích cố kết, còn các cá nhân lẻ tẻ bỏ chạy để thoát chết thì dĩ nhiên phải vứt bỏ chiếc mộc cổng kèn của mình. Các đội hình chấp kích của người Xpác-tơ thường có chiều sâu là 8 hàng, nhưng có khi chiều sâu đó tăng gấp đôi do bố trí sườn nọ sau sườn kia. Chắc là binh sĩ đi đều bước; cũng có một số thay đổi giản đơn nhất về đội hình, chẳng hạn, thay đổi chính diện bằng cách mỗi binh sĩ đều quay sang phải hoặc trái, sự di chuyển về phía trước hoặc phía sau của một bên sườn do vòng sang phải hoặc trái v.v., nhưng xem ra những sự thay đổi đội hình đó chỉ được tiến hành vào thời kỳ muộn hơn. Trong thời kỳ cực thịnh của nó, đội hình chấp kích của Xpác-tơ cũng như của A-ten chỉ có thể tấn công bằng toàn tuyến chính diện. Khoảng cách giữa các hàng của đội hình chấp kích là: khi hành quân là 6 phút, khi công kích – 3 phút, còn khi chống trả cuộc công kích chỉ là 1½ phút. Quân đội do một quốc vương chỉ huy; quốc vương và đoàn tùy tùng ở giữa đội hình chấp kích. Về sau, khi số người Xpác-tơ tự do giảm đi nhiều thì quân số của đội hình chấp kích được duy trì bằng cách tuyển lựa binh sĩ trong số những Pê-ri-ê-cô¹⁴ phụ thuộc. Quân số của kỵ binh không bao giờ vượt quá 600 người, được chia thành các đội (u-lam) gồm 50 người

1* - chủ yếu

trong một đội. Nó chỉ yểm hộ hai bên sườn. Ngoài ra còn có một đơn vị gồm 300 kỵ binh - elite của thanh niên Xpác-tơ, nhưng trong chiến đấu họ đều xuống ngựa và hình thành một thứ đơn vị bộ binh vệ sĩ bảo vệ quốc vương. Trong bộ binh trang bị nhẹ của người Xpác-tơ có người Xki-rít - dân cư miền núi gần Ác-ca-di - thường yểm hộ sườn trái; ngoài ra bộ binh nặng trong đội hình chấp kích còn có người hầu - i-lô-ta¹⁵ trong chiến đấu phải đóng vai trò lính mở đường. Như trong trận Pla-tây 5 000 bộ binh nặng mang theo 35 000 i-lô-ta trang bị nhẹ, nhưng trong lịch sử chúng tôi không thấy tài liệu nào nói về hoạt động của các i-lô-ta.

Sau cuộc Chiến tranh Pê-lô-pôn-nét, chiến thuật giản đơn của người Hy Lạp đã có những biến đổi lớn. Trong trận Lép-ctơ-rơ¹⁶ Ê-pa-mi-nông với số quân ít ỏi người Phi-van đã quần nhau với đội hình chấp kích của người Xpác-tơ quân số đông hơn nhiều và cho tới lúc đó là vô địch. Ở đây, lối công kích trên toàn tuyến chính diện thường dùng sẽ chắc chắn thất bại, vì hai bên sườn của Ê-pa-mi-nông sẽ bị phía chính diện rộng hơn của địch bao vây. Đáng lẽ công kích bằng đội hình hàng ngang, Ê-pa-mi-nông đã bố trí quân đội của mình thành đội hình hàng dọc rất sâu và tiến đánh một bên sườn của đội hình chấp kích Xpác-tơ, nơi có quốc vương. Ông đã đột phá được chiến tuyến của người Xpác-tơ ở địa điểm có tính chất quyết định ấy; tiếp đó ông đưa quân của mình vận động ngược trở về hai bên của đột phá khẩu, từ hai sườn đích thân ông đánh bọc chiến tuyến đã bị chọc thủng của đội hình chấp kích khiến nó không thể hình thành chính diện mới mà không đảo lộn sự bố trí chiến thuật của mình. Trong trận Man-ti-nây-a¹⁷, người Xpác-tơ đã bố trí đội hình chấp kích của mình có chiều sâu hơn, nhưng đội hình của người Phi-van vẫn đột phá được. A-giê-di-lát ở Xpác-tơ, Ti-mô-phây, I-phi-crát, Kha-bri ở A-ten cũng tiến hành những biến đổi trong chiến thuật bộ binh. I-phi-crát đã cải tiến cách tổ chức pen-ta-xta - một dạng bộ binh trang bị nhẹ, nhưng khi cần có thể chiến đấu trong đội hình hàng ngang. Họ

được trang bị mộc tròn nhỏ, giáp trụ bằng vải gai chắc và giáo cán dài bằng gỗ. Trong phòng ngự, Kha-bri đã buộc mấy hàng đầu của đội hình chấp kích phải quỳ xuống để đẩy lui cuộc công kích của địch. Đội hình vuông đầy đủ cũng như các loại đội hình hàng dọc khác v.v. đã được sử dụng, và tương ứng với những cái đó là sự triển khai các đội hình chiến đấu khác nhau đã trở thành bộ phận hợp thành của chiến thuật sơ đẳng. Đồng thời người ta đã tăng cường chú ý đến các loại bộ binh trang bị nhẹ; người Hy Lạp đã du nhập của những quốc gia láng giềng đã man và nửa đã man các loại vũ khí, sử dụng những lính bắn cung cưỡi ngựa và đi bộ, lính bắn đá v.v.. Phần lớn binh sĩ thời kỳ đó là lính đánh thuê. Những công dân giàu có đáng lẽ bản thân phải làm nghĩa vụ quân sự lại bỏ tiền ra thuê người thay thế, họ coi như thế thích hợp hơn. Như thế là tính chất của đội quân chấp kích, với tính cách là bộ phận chủ yếu mang tính dân tộc của quân đội mà chỉ có những công dân tự do của nước nhà mới được tham gia, đã bị giảm sút do sự pha tạp này của những lính đánh thuê không có quyền công dân. Ngay trước thời kỳ Ma-xê-doan, Hy Lạp và các thuộc địa của nó, giống như Thụy Sĩ vào thế kỷ XVIII và XIX, là thị trường cho bọn quân nhân phiêu lưu và bọn lính đánh thuê. Ngay vào thời kỳ sớm hơn, các hoàng đế Ai Cập đã lập các đơn vị quân người Hy Lạp. Về sau quốc vương Ba Tư đưa vào hàng ngũ quân đội những đơn vị lính đánh thuê Hy Lạp, làm cho quân đội của mình có được tính ổn định nhất định. Những người cầm đầu những đơn vị ấy là những công-đốt-chi-e thực sự, giống như công-đốt-chi-e ở I-ta-li-a thế kỷ XVI. Trong thời kỳ này, nhất là người A-ten, đã sử dụng những khí cụ để phóng đá, lao và đạn lửa. Pê-ri-clét đã sử dụng một số trong những khí giới ấy trong cuộc vây đánh Xa-mô-xơ¹⁸. Các cuộc vây đánh được tiến hành bằng cách xây dựng một tuyến bao vây, có hào hoặc tường chắn chạy xung quanh thành lũy; đồng thời người ta cố gắng đặt những khí cụ ấy vào những trận địa có thể khống chế ở gần tường thành. Để phá hoại tường thành người ta thường dùng đến đường ngầm.

Khi tiến hành cường tập, đội hình chiến đấu tạo thành xi-na-xpi-mơ, nghĩa là mấy hàng lính bên ngoài giờ mộc ra phía trước mình, còn mấy hàng bên trong giờ mộc lên đầu, như vậy tạo thành mái che (người La Mã gọi là testudo) để chống lại đạn đá của địch.

Trong khi nghệ thuật quân sự Hy Lạp bằng cách đó hướng trước hết vào mặt thành lập các loại quân mới, biên chế linh hoạt gồm lính đánh thuê có thể dễ sai khiến, vào mặt bắt chước hoặc sáng lập các loại quân mới trang bị nhẹ, vào mặt xoá bỏ hình thức đội hình chấp kích trang bị nặng kiểu Đô-ri-en cổ đại là tổ chức quân sự duy nhất có thể quyết định kết cục của trận đánh thời bấy giờ, - thì một vương quốc mới vươn lên, tiếp thu tất cả những cái cách thực thụ, đã thành lập một quân đội gồm bộ binh trang bị nặng với quy mô đồ sộ đến mức không một quân đội nào, khi giao chiến với nó, lại có thể chống lại được sức tấn công của nó. Phi-líp Ma-xê-doan thành lập quân thường trực gồm 30 000 bộ binh và 3 000 kỵ binh. Bộ phận chủ yếu của quân đội là đội chấp kích đồ sộ có chừng 16 000 người hoặc 18 000 người và biên chế theo nguyên tắc của đội chấp kích Xpác-tơ, nhưng trang bị tốt hơn. Một nhỏ kiểu Hy Lạp được thay thế bằng một lớn và dài kiểu Ca-ri-a, còn giáo cổ vừa được thay bằng giáo Ma-xê-doan (xa-ri-xa) dài tới 24 phút. Dưới thời Phi-líp, chiều sâu của đội chấp kích ấy biến động từ 8 đến 10, 12, 24 hàng. Trong điều kiện sử dụng giáo đặc biệt dài, nếu như 6 hàng đầu, mỗi hàng đều cầm ngang chiếc giáo thì mũi giáo có thể chìa ra phía trước hàng đầu. Sự tiến đều của chính diện dài như vậy gồm 1 000 - 2 000 người đòi hỏi việc huấn luyện cơ bản phải hoàn hảo, do đó phải được tiến hành thường xuyên. A-lếch-xan-đơ đã hoàn thiện việc xây dựng tổ chức đó. Đội hình chấp kích của ông thông thường có 16 384 người và chiều sâu là 16 hàng, mỗi hàng có 1 024 người. Mỗi hàng dọc gồm 16 người gọi là lốc được đặt dưới quyền chỉ huy của lô-ha-gốt đứng ở hàng ngang thứ nhất. Hai hàng dọc đó hợp thành một đi-lốc, hai đi-lốc hợp thành một tê-trắc, 2 tê-trắc thành một tác-xi-ác, 2 tác-xi-ác thành một cxê-na-gi hoặc

xin-tắc-ma, tức là đội hình có 16 người ở chính diện và 16 người ở chiều sâu. Đây là đơn vị cơ động, khi hành quân, binh lính vận động theo từng cxê-na-gi tạo thành đội hình hàng dọc với chính diện là 16 người, 16 cxê-na-gi (hợp thành 8 pen-tơ-cô-xi-ác, hoặc 4 khi-li-ác, hoặc 2 tê-lác) tạo thành một đội hình chấp kích nhỏ; 2 đội chấp kích nhỏ tạo thành một đội chấp kích vừa, còn 4 đội chấp kích nhỏ tạo thành một đội chấp kích lớn, hoặc một đội chấp kích thực thụ. Mỗi một đơn vị đều có người chỉ huy của mình. Đội chấp kích vừa ở sườn phải gọi là đầu, đội chấp kích vừa ở sườn trái gọi là đuôi hoặc phần hậu bị của đội chấp kích. Mỗi lần cần có sự ổn định đặc biệt, sườn trái sẽ chiếm lĩnh vị trí phía sau sườn phải, hình thành đội hình gồm 512 người ở chính diện và 32 người ở chiều sâu. Mặt khác, bằng sự triển khai của 8 hàng phía sau ở bên trái các hàng phía trước, có thể tăng gấp đôi bề rộng của chính diện và giảm chiều sâu đi 8 hàng. Khoảng cách giữa các hàng ngang với nhau và giữa các hàng dọc với nhau cũng giống như ở người Xpác-tơ, nhưng đội hình dày đặc đến mức từng chiến sĩ bên trong đội chấp kích không thể quay đi quay lại được. Trong chiến đấu, không có khoảng cách giữa các đơn vị hợp thành đội chấp kích: đội chấp kích tạo thành một tuyến không gián đoạn tấn công en muraille^{1*}. Đội chấp kích gồm toàn lính tình nguyện Ma-xê-doan, nhưng sau khi chinh phục được Hy Lạp thì cả người Hy Lạp cũng có thể tham gia¹⁹. Các binh sĩ của nó chỉ gồm bộ binh trang bị nặng. Ngoài mộc và giáo, họ còn mang mũ trụ và kiếm, mặc dù sau cuộc công kích của cả rừng giáo ấy rất thường không cần tới đánh giáp lá cà bằng kiếm. Nhưng khi đội chấp kích gặp đội quân lê dương La Mã thì tình hình khác hẳn. Toàn bộ hệ thống đội hình chấp kích từ thời kỳ đầu của thời đại Đô-ri-en cho đến thời kỳ tan rã của đế quốc Ma-xê-doan đều mắc một khuyết điểm lớn là thiếu tính linh hoạt. Những đội ngũ vừa dài

1* - như một bức tường

vừa sâu ấy chỉ có thể vận động chỉnh tề, duy trì được đội hình tại địa hình bằng phẳng và trống trải. Mỗi khi gặp chướng ngại, đội hình chấp kích buộc phải chuyển thành hàng dọc, nhưng trong đội hình đó nó không hành động được. Ngoài ra đội hình chấp kích không có tuyến thứ hai hoặc đội dự bị. Do đó, mỗi khi gặp phải một đạo quân có thể chia thành những đơn vị nhỏ hơn, có thể đi vòng qua địa hình mấp mô mà không đảo lộn đội hình chiến đấu của mình và được bố trí thành mấy tuyến chi viện cho nhau, thì đội hình chấp kích buộc phải tiến vào địa hình mấp mô, nơi đây kẻ địch mới xuất hiện đó có thể xé nhỏ đội hình của nó ra. Nhưng đối với kẻ địch mà A-lếch-xan-đơ gặp ở trận Ác-bê-lơ²⁰ thì hai đội chấp kích của ông rõ ràng là vô địch. Ngoài loại bộ binh nòng cốt trang bị nặng, A-lếch-xan-đơ còn có quân cận vệ gồm 6 000 hi-ra-xpi-xtơ mang những vũ khí nặng hơn: mộc lớn hơn và giáo dài hơn. Bộ binh trang bị nhẹ của ông gồm có ác-gi-ra-xpit mang mộc nhỏ hơn bịt bạc và nhiều pen-ta-xta; hai loại binh sĩ này được tổ chức thành các đội nửa chấp kích, thường có 8 192 người; họ có thể chiến đấu trong đội hình tấn khai hoặc đội hình hàng ngang giống như loại bộ binh nặng, và đội hình chấp kích của họ thường cũng đạt được thắng lợi như thế. Kỵ binh Ma-xê-đoan được tuyển mộ trong giới thanh niên quý tộc Ma-xê-đoan và Phết-xa-li; về sau đội kỵ binh bản địa Hy Lạp cũng được sát nhập vào đó. Nó phân chia thành đại đội kỵ binh (i-la) mà riêng giới quý tộc Ma-xê-đoan đã biên chế thành 8 đại đội như vậy. Loại kỵ binh ấy thuộc loại mà chúng ta có thể gọi là kỵ binh nặng; kỵ binh có mũ trụ, giáp bào và có dãi làm bằng những tấm sắt để bảo vệ hai chân và được trang bị kiếm dài và giáo. Ngựa cũng có giáp che đầu bằng sắt. Loại kỵ binh này gọi là ca-táp-rắc-ta được Phi-líp, cũng như A-lếch-xan-đơ, quan tâm chăm sóc; A-lếch-xan-đơ sử dụng ca-táp-rắc-ta vào sự cơ động có tính chất quyết định của mình trong trận Ác-bê-lơ, bấy giờ thoát đầu ông đánh bại và truy kích một sườn của quân Ba Tư, sau đó đi vòng cánh quân trung tâm của họ, từ phía sau tập kích vào sườn kia.

Kỵ binh này công kích theo nhiều đội hình khác nhau: đội hình hàng ngang, đội hình hàng dọc chữ nhật thông thường, đội hình hàng dọc hình thoi hoặc hình gọng kìm. Kỵ binh nhẹ không có vũ khí che đỡ, họ được trang bị lao và giáo ngắn nhẹ; cũng có đơn vị a-crô-ba-li-xta, tức các lính bắn cung cưỡi ngựa. Loại binh sĩ này được dùng vào việc canh gác, tuần tra, trinh sát và nói chung là cho tác chiến phi chính quy. Nó được tuyển mộ trong các bộ lạc Phra-ki-a và In-li-ri ngoài ra từ những bộ lạc này người ta đã tuyển mộ mấy ngàn người cho bộ binh phi chính quy. Một loại binh sĩ mới mà A-lếch-xan-đơ sáng lập là đi-ma-ha, là những đội kỵ binh dùng cho chiến đấu trên ngựa cũng như đi chân; loại binh sĩ này làm cho chúng ta chú ý vì nó được đời sau bắt chước. Long kỵ binh thế kỷ XVI và những thế kỷ tiếp theo, như chúng ta sẽ thấy sau này, chính là sự sao chép nó. Nhưng chúng ta không có tài liệu nào chứng minh rằng thứ binh chủng lai tạo này của thời Cổ đại có thể đảm đương hai nhiệm vụ của nó một cách thành công hơn là long kỵ binh hiện đại.

Đó là thành phần của quân đội mà A-lếch-xan-đơ dùng để chinh phục một khu vực kéo dài từ Địa Trung Hải tới sông Ốc-xu-xơ và sông Xát-lê-giơ. Về quân số của quân đội này thì trong trận Ác-bê-lơ, nó gồm có 2 đội chấp kích bộ binh lớn trang bị nặng (khoảng 30 000 người), hai đội nửa chấp kích pen-ta-xta (16 000 người), 4 000 kỵ binh và 6 000 quân phi chính quy, tất cả khoảng 56 000 người. Trong trận Gra-ních, quân đội của ông gồm đủ các binh chủng đông tới 35 000 người, trong đó có 5 000 kỵ binh.

Về quân đội Các-ta-giơ thì chúng ta không có tài liệu tỉ mỉ nào; ngay về số lượng quân lính mà Han-ni-ban đưa vượt qua dãy núi An-pơ, cũng còn gây tranh luận. So với tổ chức mà A-lếch-xan-đơ xây dựng, thì quân đội của những người kế thừa ông không có sự cải tiến nào; việc sử dụng voi chỉ được tiến hành trong một thời gian ngắn, bởi vì lý do sợ lửa, động vật này tỏ ra nguy hiểm cho quân lính mình hơn là cho quân địch. Quân đội Hy Lạp vào các

thời kỳ sau này (thời kỳ Đồng minh A-khây-xơ²¹) được tổ chức một phần theo kiểu Ma-xê-doan, một phần theo kiểu La Mã.

Quân đội La Mã đã cho chúng ta một hình mẫu hoàn thiện nhất trong tất cả các hệ thống chiến thuật bộ binh được phát minh trong thời đại mà người ta chưa biết sử dụng thuốc súng. Nó duy trì ưu thế của bộ binh trang bị nặng và biên chế dày đặc, nhưng còn thêm vào đó tính cơ động của mỗi đơn vị nhỏ, khả năng tác chiến trên địa hình mấp mô, sự bố trí thành mấy tuyến, tuyến nọ sau tuyến kia một phần để chi viện và thay thế cho nhau, một phần với tính cách đội dự bị mạnh, và sau hết, chế độ huấn luyện cho cá nhân binh sĩ có tính mục đích rõ ràng hơn của người Xpác-tơ. Nhờ vậy người La Mã chiến thắng được bất kể lực lượng vũ trang nào chống chọi với họ: đội chấp kích của Ma-xê-doan cũng như kỵ binh của Nu-mi-di-a.

Ở La Mã, mỗi công dân thuộc lứa tuổi 17 đến 45 hoặc 50 đều phải làm nghĩa vụ quân sự, nếu như anh ta không thuộc đẳng cấp thấp nhất hoặc chưa tham gia 20 trận đánh với tư cách là bộ binh hoặc 10 trận với tư cách là kỵ binh. Nhưng thông thường người ta chỉ tuyển những người trẻ tuổi vào lính. Việc huấn luyện binh sĩ được tiến hành rất nghiêm khắc và nhằm phát triển thể lực của họ bằng mọi phương pháp có thể có. Ngoài việc huấn luyện chính quy về sử dụng vũ khí và các cách vận động, người ta còn luyện tập rộng rãi môn chạy, nhảy, nhảy sào, leo núi, đánh vật, bơi lội, ban đầu không có quần áo rồi sau đó là với toàn bộ trang bị. Những cuộc hành quân dài với toàn bộ trang bị vũ khí trong đó mỗi binh sĩ mang nặng từ 40 đến 60 pao, được tiến hành với tốc độ 4 dặm Anh mỗi giờ. Trong huấn luyện quân sự cũng bao gồm huấn luyện sử dụng công cụ đào hào và xây dựng nhanh chóng thành lũy. Không những lính mới mà cả lính cũ thuộc các đội lê dương cũng phải dự tất cả những cuộc tập luyện đó để duy trì sự sảng khoái về thể lực và sự khéo léo và sẽ quen với sự chịu đựng gian khổ. Những binh sĩ như thế quả thực có thể chinh phục thế giới.

Vào thời kỳ cực thịnh của nước cộng hòa, thông thường có hai đạo quân thuộc hội đồng chấp chính mà mỗi đạo quân này gồm 2 lê-gi-ông và các đơn vị quân của đồng minh (trong các đạo quân này, số bộ binh bằng số bộ binh của La Mã, còn số kỵ binh thì đông hơn gấp đôi). Việc tuyển quân được tiến hành tại đại hội công dân ở Điện Ca-pi-tôn hoặc ở quảng trường Mác-xơ; từ mỗi tri-bu²² người ta tuyển mộ một số người như nhau; những tân binh này được phân bố rất đều trong bốn lê-gi-ông, đến khi hoàn toàn đủ quân số. Rất thường khi những công dân được miễn nghĩa vụ quân sự do tuổi tác hoặc do đã tham gia nhiều trận chiến đấu, song lại tham gia trở lại quân đội với tư cách lính tình nguyện. Tân binh tuyên thệ rồi trở về nhà chờ gọi nhập ngũ. Khi gọi nhập ngũ, những người trẻ nhất và nghèo nhất được biên chế vào các đội vê-li-ta, nhóm tiếp theo thì xét theo lứa tuổi và tình hình tài sản mà biên chế vào loại ha-xta-ti và prin-xi-pi, những người nhiều tuổi nhất và giàu có nhất thì biên chế vào các đội tri-a-rô-rom. Mỗi lê-gi-ông có 1 200 vê-li-ta, 1 200 ha-xta-ti, 1 200 prin-xi-pi, 600 tri-a-rô-rom và 300 kỵ binh (hiệp sĩ)²³, tất cả là 4 500 người. Ha-xta-ti, prin-xi-pi và tri-a-rô-rom lại được chia thành 10 ma-ni-pu-li hoặc đại hội, mỗi ma-ni-pu-li được bổ sung một số lượng ngang nhau các vê-li-ta. Vê-li-ta (rorarii, accensi, ferentarii^{1*}) tạo thành bộ binh nhẹ trong lê-gi-ông và cùng với kỵ binh được bố trí ở hai sườn của lê-gi-ông. Ha-xta-ti tạo thành tuyến một, prin-xi-pi tạo thành tuyến hai, ban đầu họ được trang bị giáo. Tri-a-rô-rom tạo thành đội dự bị và được trang bị bằng pilum, một thứ giáo ngắn nhưng cực nặng và đáng sợ mà họ phóng vào hàng trước của quân địch ngay trước khi xông vào đánh giáp lá cà bằng kiếm. Mỗi ma-ni-pu-li do một xen-tu-ri-ô chỉ huy, có xen-tu-ri-ô thứ hai làm trợ lý. Cấp bậc của xen-tu-ri-ô do vị trí

1* - Các binh sĩ trang bị nhẹ được bố trí phía sau tri-a-rô-rom, quân bổ trợ trang bị nhẹ, các xạ thủ.

của anh ta trong lê-gi-ông quyết định, thấp nhất là chức xen-tu-ri-ô thứ hai của ma-ni-pu-li cuối cùng hoặc thứ mười của thứ quân ha-xta-ti, còn cao nhất là xen-tu-ri-ô thứ nhất của ma-ni-pu-li thứ nhất (primus pilus) của quân tri-a-rô-rom, thậm chí có thể lãnh quyền chỉ huy toàn lê-gi-ông khi không có cấp chỉ huy cao hơn. Thông thường primus pilus chỉ huy toàn bộ quân tri-a-rô-rom cũng như primus princeps (xen-tu-ri-ô thứ nhất của ma-ni-pu-li prin-xi-pi thứ nhất) chỉ huy toàn bộ quân prin-xi-pi, còn primus haxtatus chỉ huy toàn bộ quân ha-xta-ti trong lê-gi-ông. Ở thời kỳ sớm hơn, lê-gi-ông lần lượt do 6 tri-bun quân sự chỉ huy, mỗi người chỉ huy trong hai tháng. Sau cuộc nội chiến thứ nhất²⁴ đứng đầu mỗi lê-gi-ông là một lê-ga với tư cách tư lệnh thường trực; tri-bun bây giờ phần lớn là những nhân vật làm chức vụ tham mưu hoặc hành chính. Sự khác nhau về vũ khí của ba tuyến đã mất đi từ trước thời Ma-ri-út. Pi-lum được trang bị cho tất cả ba tuyến của lê-gi-ông; từ đó nó trở thành vũ khí dân tộc của người La Mã. Sự khác nhau về chất lượng giữa ba tuyến ấy, trong chừng mực nó dựa trên sự khác nhau về tuổi tác và thời gian phục vụ, cũng nhanh chóng biến đi. Theo Xa-li-út-xti-út thì loại quân ha-xta-ti, prin-xi-pi, tri-a-rô-rom xuất hiện lần cuối cùng trong trận Mê-ten-lút chống lại I-u-guốc-ta²⁵. Ma-ri-út thu gọn 30 ma-ni-pu-li của lê-gi-ông thành 10 cô-hoóc, và bố trí chúng thành hai tuyến, mỗi tuyến có 5 cô-hoóc. Đồng thời quân số bình thường của mỗi cô-hoóc được tăng lên thành 600 người; cô-hoóc thứ nhất, do primus pilus chỉ huy, mang huy hiệu chim ưng của lê-gi-ông²⁶. Kỵ binh vẫn như trước kia, được chia thành tua-ma, mỗi tua-ma có 30 binh sĩ và 3 dê-cu-ri-ô, đồng thời dê-cu-ri-ô thứ nhất thì chỉ huy tua-ma. Vũ khí che đỡ của bộ binh La Mã gồm có mộc gỗ hình bán trụ dài 4 phút, rộng 2 ½ phút, bọc da và đóng bằng đinh sắt; ở giữa có phần lồi lên (umbo) để chống giáo đâm. Mũ trụ bằng đồng, thường có phía sau dài để bảo vệ cổ; mũ buộc vào đầu bằng giây da bọc bằng những tấm đồng. Giáp ngực vuông mỗi bề một phút được buộc vào giáp trụ bằng giây da có vẩy và lông qua vai. Vũ khí che đỡ của

xen-tu-ri-ông là giáp bào bọc bằng những tấm đồng. Chân phải khi giờ ra phía trước thì bị kiểm đập vào nên được che bằng tấm đồng. Ngoài kiếm ngắn dùng để đâm nhiều hơn để chém, binh sĩ còn có pi-lum là một thứ giáo nặng có cán dài 4 ½ phút và mũi giáo bằng sắt dài 1 ½ phút; do đó dài cả thấy khoảng 6 phút, mặt cắt của cán gỗ là 2 ½ in-xơ, nặng chừng 10 hoặc 11 pao. Ném ở cự ly 10-15 bước, nó thường xuyên thủng được mộc và giáp ngực và hầu như bao giờ cũng đánh gục được quân địch. Vê-li-ta trang bị nhẹ, có lao ngắn và nhẹ. Vào thời kỳ muộn hơn của nước cộng hoà, khi mà quân bổ trợ gồm những người thuộc các dân tộc dã man bắt đầu làm chức năng của bộ binh trang bị nhẹ thì loại bộ binh ấy hoàn toàn mất đi. Kỵ binh được trang bị vũ khí che đỡ giống như bộ binh, giáo và kiếm dài hơn. Nhưng kỵ binh dân tộc của La Mã không có chất lượng cao lắm và ưa chiến đấu trong đội hình đi bộ hơn. Về sau nó bị hoàn toàn xoá bỏ và được thay thế bằng kỵ binh Nu-mi-di-a, Tây Ban Nha, Gô-lô và Đức.

Đội hình chiến thuật của quân đội La Mã đã đạt được trình độ tính cơ động lớn. Khoảng cách giữa các ma-ni-pu-li trong đội hình ngang với bề dài chính diện của mỗi ma-ni-pu-li, chiều sâu của các ma-ni-pu-li thay đổi từ 5-6 đến 10 hàng. Các ma-ni-pu-li của tuyến hai được bố trí ở khoảng cách giữa các ma-ni-pu-li của tuyến một: tri-a-rô-rom được bố trí xa nữa về phía sau, nhưng thành một tuyến chính diện dày đặc. Tùy theo tình hình, các ma-ni-pu-li của mỗi tuyến có thể nhích sát nhau, nghĩa là tạo thành một tuyến liên tục, hoặc các ma-ni-pu-li của tuyến hai có thể tiến lên phía trước và lấp những khoảng trống của tuyến một, hoặc, sau khi cần có chiều sâu lớn thì mỗi ma-ni-pu-li của quân prin-xi-pi sẽ bố trí ở phía sau ma-ni-pu-li tương ứng của quân ha-xta-ti, tăng gấp đôi chiều sâu của nó. Nhưng khi phải giao chiến với voi của Pi-rô²⁷, cả ba tuyến đều được bố trí có khoảng cách, mà mỗi ma-ni-pu-li yểm hộ cho ma-ni-pu-li đứng ở phía trước, sao cho những con voi ấy còn lại con đường đi thẳng tuột qua toàn đội hình chiến đấu. Về tất cả các mặt, đội hình đó đã khắc phục được tốt tính cứng

nhắc của địa hình chấp kích. Lê-gi-ông có thể tiến và cơ động mà không đảo lộn đội hình chiến đấu của mình ở địa hình mà đội hình chấp kích không dám liều thân nếu không muốn hứng chịu mối nguy cơ lớn nhất. Để đi vòng các chướng ngại, thường người ta phải thu hẹp chính diện, nhiều nhất là của một hoặc hai ma-ni-pu-li; nhưng qua mấy phút chính diện lại được khôi phục. Lê-gi-ông có thể yểm hộ toàn bộ chính diện của mình bằng các binh sĩ trang bị nhẹ, vì những binh sĩ này có thể đi qua các khoảng cách mà lui về phía sau khi các tuyến ma-ni-pu-li tiến lên. Nhưng ưu điểm chính là sự bố trí quân thành mấy tuyến, tùy theo yêu cầu của tình huống mà lần lượt đưa các tuyến ấy vào chiến đấu. Trong hệ thống đội hình chấp kích sự việc quyết định bởi một đòn đánh. Trong đội dự bị không có số quân mới đưa vào chiến đấu khi thất lợi, - nhìn chung, trên thực tế không dự kiến khả năng ấy. Sử dụng đội quân trang bị nhẹ và kỵ binh lê-gi-ông có thể nghênh chiến với kẻ địch trên toàn tuyến chính diện của nó; nó có thể đưa tuyến quân ha-xta-ti thứ nhất ra chống cự với đội chấp kích đang tấn công của địch, số quân ha-xta-ti này không bị đánh bại dễ dàng, vì trước hết phải đánh tan từng đơn vị một, chỉ ít là 6 trong 10 ma-ni-pu-li; nó có thể đưa quân prin-xi-pi ra làm cho địch mệt mỏi, rồi sau hết dùng tri-a-rô-rom để giành thắng lợi. Như vậy thống soái nắm chắc được việc điều khiển quân và tiến trình trận đánh, trong khi đó đội hình chấp kích một khi đã lao vào chiến đấu thì phải dốc hết toàn bộ lực lượng của mình và phải chiến đấu đến cùng. Nếu thống soái La Mã muốn ngừng trận đánh thì tổ chức theo lê-gi-ông cho phép ông đưa đội dự bị lên chiếm lĩnh trận địa, sau đó các đơn vị đã tham gia chiến đấu từ trước có thể lui về phía sau qua các khoảng cách và chiếm lĩnh trận địa của mình. Trong mọi tình huống một bộ phận quân bao giờ cũng giữ được đội hình hoàn chỉnh, vì ngay khi quân tri-a-rô-rom bị đánh lui, thì phía sau nó đã có hai tuyến đầu được bố trí lại rồi. Khi các lê-gi-ông của Phla-mi-ni-út giao chiến trên đồng bằng Phét-xa-li với đội chấp kích của Phi-líp²⁸ thì đợt tấn công thứ nhất

của chúng đã bị đẩy lùi ngay; nhưng các đợt tấn công nối tiếp nhau; quân Ma-xê-doan bắt đầu mệt mỏi và làm yếu một phần sự vững chắc của đội hình chiến đấu của họ; vì hễ chỗ nào cảm thấy những triệu chứng của sự rối loạn là đều xuất hiện các ma-ni-pu-li La Mã cố chen vào cái đám người khó cơ động được ấy. Cuối cùng khi 20 ma-ni-pu-li tấn công đội chấp kích từ bên sườn và phía sau thì đội hình chiến đấu không thể duy trì được nữa, đội hình có chiều sâu tan rã và biến thành đám người chạy trốn và trận đánh thất bại. Để đối phó với kỵ binh, lê-gi-ông bố trí thành orbis, tức là một thứ đội hình vuông ở giữa là đoàn xe hậu cần. Trong hành quân, khi có thể bị tập kích thì lê-gi-ông bố trí thành legio quadrata, tức là đội hình hàng dọc dài có chính diện rộng và đoàn xe hậu cần ở giữa. Đương nhiên, điều đó chỉ có thể thực hiện ở đồng bằng bằng phẳng quang đãng, nơi có thể vận động theo đường thẳng.

Vào thời Xê-da, các lê-gi-ông phần lớn được bổ sung bằng việc mộ lính tình nguyện ở I-ta-li-a. Sau cuộc Chiến tranh đồng minh²⁹, quyền công dân và cùng với nó là nghĩa vụ quân sự được mở rộng ra cả nước I-ta-li-a, do đó số người đủ điều kiện tuyển mộ hiện nay vượt xa yêu cầu. Lương hầu như bằng tiền công của người thợ; do đó số lượng tân binh thừa thãi đến mức không cần đến ngay cả việc tuyển quân cưỡng bức. Chỉ trong những trường hợp đặc biệt, các lê-gi-ông mới được tuyển ở các tỉnh, như lê-gi-ông thứ năm của Xê-da được tuyển mộ ở xứ Gô-lô³⁰ thuộc La Mã, nhưng về sau binh sĩ của lê-gi-ông này được hưởng *en masse*^{1*} quyền công dân La Mã. Các lê-gi-ông tuyệt nhiên không đạt được quân số danh nghĩa của chúng là 4 500 người; như các lê-gi-ông của Xê-da hiếm khi vượt 3 000 người. Người ta thích dùng tân binh để thành lập những lê-gi-ông mới (*legiones tironum*^{2*}) hơn

1* không loại trừ ai

2* lê-gi-ông tân binh

là pha trộn họ với cựu binh ở các lê-gi-ông cũ; những lê-gi-ông mới này ban đầu không được tham gia dã chiến, mà chủ yếu được dùng để đóng giữ các doanh trại. Lê-gi-ông chia thành 10 cô-hoóc, mỗi cô-hoóc có 3 ma-ni-pu-li. Tên gọi ha-xta-ti, prin-xi-pi, tri-a-rô-rom chỉ được giữ lại trong chừng mực cần thiết để nói lên cấp bậc của các viên chỉ huy theo chế độ nói trên, đối với binh sĩ thường thì tên gọi ấy mất hết ý nghĩa. Sáu xen-tu-ri-ông của cô-hoóc thứ nhất trong từng quân đoàn có quyền tham gia hội đồng quân sự. Xen-tu-ri-ông đều xuất thân từ binh sĩ thường và hiếm khi lên được địa vị cao hơn; trường học đào tạo sĩ quan cao cấp là bộ tham mưu của cá nhân vị tư lệnh, gồm những người trẻ tuổi, có học thức, nhanh chóng được đề bạt lên đến cấp tri-bun trong quân đội, rồi lên cấp lê-ga. Vũ khí của binh sĩ vẫn như trước - giáo và kiếm. Ngoài trang bị, chiến sĩ còn phải mang hành lý riêng nặng từ 35 đến 60 pao. Dụng cụ để mang hành lý công kênh đến mức binh sĩ, để chuẩn bị chiến đấu, phải bỏ hành lý xuống. Dụng cụ hạ trại của quân lính do lừa ngựa thồ, mỗi lê-gi-ông cần tới 500 con. Mỗi lê-gi-ông có huy hiệu chim ưng của mình còn mỗi cô-hoóc có cờ riêng. Để thành lập bộ binh trang bị nhẹ Xê-da lựa chọn trong các lê-gi-ông của mình một số lượng nhất định binh sĩ (ăng-tê-xi-gơ-nat) vừa thích hợp với nhiệm vụ của loại quân trang bị nhẹ, vừa thích hợp với lối đánh gần trong đội hình hàng ngang. Ngoài ra, Xê-da còn có đội quân bổ trợ của các tỉnh: lính bắn cung của đảo Cri-tô, lính bắn đá của quần đảo Ba-lê-a-rô, các đội quân từ xứ Gô-lô và Nu-mi-di-a, lính đánh thuê Đức. Kỵ binh của ông gồm một phần các đội quân xứ Gô-lô, một phần các đội quân Đức. Loại quân vê-li-ta và kỵ binh La Mã đã biến đi trước đó ít lâu.

Bộ tham mưu của quân đội gồm các lê-ga do viên nguyên lão bổ nhiệm; họ là những trợ lý của các viên tư lệnh, sử dụng họ làm chỉ huy các đơn vị độc lập hoặc các đơn vị chiến đấu. Xê-da là người đầu tiên cử đến mỗi lê-gi-ông một lê-ga với tư cách người chỉ huy thường trực. Nếu thiếu lê-ga thì việc chỉ huy lê-gi-ông

được trao cho que-xto. Bản thân nhân vật này là chủ nhiệm tài vụ và chủ nhiệm quân nhu của quân đội, đảm đương chức vụ này ông ta được nhiều quan chức và sĩ quan liên lạc giúp việc. Tham gia bộ tham mưu còn có các tri-bun quân sự được cử đến và những thanh niên tình nguyện nói trên (contubernales, comites practorii^{1*}) được sử dụng vào chức vụ sĩ quan tùy tùng, sĩ quan trực ban; nhưng khi chiến đấu thì họ cùng chiến đấu như binh sĩ thường trong hàng ngũ cohors praetoria^{2*} gồm các lich-to, các quan chức, dày tớ, mật thám (speculatores) và các sĩ quan liên lạc (apparitores) của tổng hành dinh. Thêm vào đó, viên tư lệnh còn có đơn vị như là đội vệ binh riêng, gồm những lính cũ tình nguyện tái ngũ theo lời kêu gọi của các viên chỉ huy trước đây của họ. Đơn vị này khi hành quân thì cưỡi ngựa, nhưng khi tác chiến thì đi chân, được xem là bộ phận tinh nhuệ của quân đội; họ giữ và bảo vệ vexillum, tức là lá cờ biểu tượng của toàn quân. Để tác chiến, Xê-da thường bố trí quân đội thành 3 tuyến: 4 cô-hoóc của mỗi lê-gi-ông ở tuyến thứ nhất và 3 cô-hoóc ở tuyến thứ hai và ở tuyến thứ ba; ngoài ra, các cô-hoóc của tuyến thứ hai đều ở phía sau các khoảng cách của tuyến một. Tuyến hai phải chi viện cho tuyến một; tuyến ba là đội tổng dự bị được sử dụng vào việc cơ động có tính chất quyết định đánh vào chính diện hoặc sườn địch và để đẩy lùi các đòn quyết định của địch. Nếu xảy ra tình hình địch đánh bọc sườn khiến cần phải kéo dài tuyến chính diện, thì quân đội chỉ bố trí thành hai tuyến. Chỉ trong trường hợp bất đắc dĩ mới bố trí thành một tuyến (acies simplex^{3*}) và bấy giờ giữa các cô-hoóc không để khoảng cách; nhưng khi phòng ngự doanh trại thì đội hình này trở thành thông dụng, vì chiến tuyến vẫn còn chiều sâu 8-10 hàng

1* Nguyên văn có nghĩa là đồng hành, cùng đi; ở đây có nghĩa là các nhân viên tùy tùng của viên tư lệnh.

2* - cô-hoóc đi theo vị tư lệnh

3* - đội hình chiến đấu giản đơn

và có thể lập đội dự bị gồm những chiến sĩ không được bố trí ở tường lũy.

Ô-guy-xơ đã hoàn thành việc biến lực lượng vũ trang La Mã thành quân đội chính quy thường trực. Ông phân bố 25 lê-gi-ông trên khắp đế quốc: 8 lê-gi-ông được bố trí ở vùng Ranh (chúng được coi là trụ cột và chỗ dựa - *praecipium robur* - của quân đội), 3 lê-gi-ông ở Tây Ban Nha, 2 ở châu Phi, 2 ở Ai Cập, 4 ở Xi-ri và Tiểu Á, 6 ở các tỉnh Đa-nuýp. Ở I-ta-li-a còn bố trí những đơn vị đồn trú gồm các đội tinh nhuệ, chỉ được tuyển mộ trên đất I-ta-li-a và tạo thành quân cận vệ hoàng đế; đội quân này ban đầu gồm có 12, sau có 14 cô-hoóc, ngoài ra trong thành phố La Mã còn có đội cảnh vệ thành phố (*vigiles*^{1*}) gồm 7 cô-hoóc, gồm những nô lệ đã được giải phóng từ trước. Ngoài quân đội chính quy ấy, các tỉnh vẫn phải thành lập, như trước đây, đội quân bổ trợ trang bị nhẹ của mình, nhưng lúc bấy giờ phần lớn đã trở thành một thứ dân binh làm nhiệm vụ canh gác và cảnh sát. Nhưng ở những vùng biên giới nào bị đe dọa tập kích, thì để làm nhiệm vụ chiến đấu người ta đã sử dụng không những các đơn vị bổ trợ ấy, mà còn sử dụng quân đánh thuê người nước ngoài. Số lê-gi-ông tăng lên đến 30, dưới thời Tơ-rai-an rồi lên đến 33 dưới thời Xép-ti-mi-út Xê-ve-rơ. Các lê-gi-ông, ngoài phiên hiệu, còn mang tên gọi theo nơi đóng quân (*L.Germanica*, *L.Italica*^{2*}), theo niên hiệu của hoàng đế (*L.Augusta*^{3*}), theo tên các vị thần (*L.Primigenia*, *L.Apollinaris*^{4*}), hoặc theo huy chương đã thưởng cho nó (*L.fidelis*, *L.pia*, *L.invicta*^{5*}). Tổ chức của lê-gi-ông đã có

1* - cảnh vệ

2* - lê-gi-ông Đức, lê-gi-ông I-ta-li-a

3* - lê-gi-ông Ô-guy-xơ

4* - lê-gi-ông Giuy-pi-te, lê-gi-ông A-pô-lông

5* - lê-gi-ông Trung thành, lê-gi-ông Thành kính, lê-gi-ông Vô địch

một số thay đổi. Người chỉ huy của nó giờ đây được gọi là prê-phéc-tuýt. Cô-hoóc thứ nhất đã tăng quân số gấp đôi (*cohors milliaria*^{1*}), còn quân số bình thường của lê-gi-ông được nâng lên đến 6 100 người đối với bộ binh và 726 người đối với kỵ binh; đó là quân số tối thiểu, và khi cần lê-gi-ông còn được bổ sung thêm một hoặc nhiều *cohortes milliariae*. *Cohors milliaria* được đặt dưới quyền chỉ huy của tri-bun quân sự, còn các cô-hoóc khác được đặt dưới quyền chỉ huy của các tri-bun hoặc *praepositi*^{2*}, như vậy là cấp xen-tu-ri-ông bây giờ trở thành cấp hạ sĩ quan. Việc để cho những người mới được giải phóng và nô lệ, dân cư các tỉnh và, nói chung, đủ hạng người được tham gia các lê-gi-ông, đã trở thành lệ thường; quyền công dân La Mã chỉ đòi hỏi đối với quân cấm vệ ở I-ta-li-a, mà ngay cả ở đây sau này người ta cũng bỏ đòi hỏi ấy. Như vậy là người La Mã trong quân đội rất nhanh chóng bị tan biến trong dòng thác các phần tử dã man và nửa dã man, các phần tử La Mã hoá và không La Mã hoá; chỉ có sĩ quan vẫn là người La Mã. Sự xuống cấp ấy của thành phần quân đội đã ảnh hưởng nhanh chóng đến trang bị và chiến thuật của nó. Giáp ngực nặng và pi-lum đã bị vứt bỏ; người ta trở nên chán ghét chế độ huấn luyện vất vả nhằm tạo ra người lính chinh phục thế giới; nhân viên phục dịch và sự xa xỉ đã trở thành cần thiết đối với quân đội, còn *impredimenta* (đoàn xe hậu cần) phình ra cùng một lúc với sự suy yếu và giảm sút tinh thần chịu đựng gian khổ của quân đội. Cũng như ở Hy Lạp, sự suy tàn biểu hiện ở chỗ coi thường bộ binh nòng cốt trang bị nặng, ở sự mê thích lối bạch đối với mọi loại vũ khí nhẹ và ở sự bất chú ý vũ khí và chiến thuật của các dân tộc dã man. Do đó, xuất hiện vô số loại binh lính trang bị nhẹ (*auxiliares*, *excultores*, *jaculatores*, *excursatores*, *praecursatores*, *scutati*, *funditores*, *balistaru*,

1* - cô-hoóc 1 000 người

2* - viên chỉ huy

tragularii^{1*}) trang bị đủ loại vũ khí bắn phóng, và theo Vê-gê-ti-út cho biết, việc cải tiến kỵ binh đã đi theo con đường bắt chước người Gốt, người A-lam và người Hung-nô³¹. Rút cục, mọi sự khác nhau về trang bị và vũ khí giữa người La Mã và các dân tộc dã man đều biến mất, và các dân tộc Đức, trội hơn về thể chất và tinh thần, đã bước qua đồng di cốt của các lê-gi-ông đã phi La Mã hoá.

Như vậy là sự chinh phục của người Giéc-manh đối với phương Tây chỉ vấp phải sự kháng cự của truyền thống mờ nhạt của chiến thuật La Mã Cổ đại, tàn dư thảm hại của nó; nhưng ngay cả cái tàn dư thảm hại ấy ngày nay cũng đã bị quét sạch. Về mặt phát triển chiến thuật, toàn bộ thời kỳ Trung cổ cũng chỉ là một thời kỳ vô hiệu như đối với tất cả mọi khoa học khác. Chế độ phong kiến, mặc dù về nguồn gốc nó là một tổ chức quân sự, về thực chất nó thù địch với bất cứ kỷ luật nào. Những cuộc nổi loạn và sự ly khai của các chư hầu lớn cùng với các đội quân của chúng là hiện tượng thường thấy. Việc truyền đạt mệnh lệnh cho các thủ lĩnh thường biến thành hội nghị quân sự ồn ào, khiến không thể nào tiến hành các hoạt động quân sự lớn. Vì vậy các cuộc chiến tranh ít khi được tiến hành ở khu vực có tính chất quyết định; cuộc đấu tranh để giành lấy một địa điểm nào đó đòi hỏi nhiều lần chinh chiến. Suốt thời kỳ này (nếu chỉ xét lướt qua thời kỳ hỗn loạn từ thế kỷ VI đến thế kỷ XII) những hoạt động quân sự quan trọng duy nhất là các cuộc viễn chinh của các hoàng đế Đức sang I-ta-li-a và các cuộc viễn chinh thập tự quân³² mà cả hai loại hoạt động ấy đều không có kết quả.

Bộ binh Trung cổ, được tuyển mộ từ các nô bộc phong kiến và một phần từ nông dân, chủ yếu gồm những binh sĩ cầm giáo và phần lớn chẳng làm được việc gì. Kỵ sĩ có giáp sắt che từ đầu

1* - lính thuộc đơn vị bổ trợ (nghĩa đen: người giúp việc), đơn vị tiền vệ, lính phóng (giáo, lao), lính trinh sát, lính mở đường, lính cầm mộc, lính bắn đá, pháo thủ bắn đạn đá, lính ném giáo có đai chằng

xuống chân rất thích môn thể thao là đơn thương độc mã xông vào đám người không có gì bảo vệ ấy mà tả xung hữu đột. Một phần bộ binh ở lục địa châu Âu được trang bị nỏ, trong khi đó ở Anh vũ khí dân tộc của nông dân là chiếc cung lớn. Chiếc cung lớn này là vũ khí rất đáng sợ và nó đã bảo đảm cho người Anh chiếm ưu thế so với người Pháp ở Crê-xi, Poa-chi-ê và A-den-cua³³. Dễ dàng chống được mưa, - mưa thường làm cho nó trở nên vô dụng - loại cung này bắn xa trên 200 i-ác-đơ, không thua mấy tầm bắn hữu hiệu của súng Mu-skê nòng trơn kiểu cũ. Tên xuyên thủng được ván gỗ dày một tấc Anh và thậm chí xuyên thủng cả giáp ngực. Nhờ thế mà cung lớn còn giữ được một thời gian dài nữa ưu thế của nó ngay cả đối với khẩu súng tay ban đầu, hơn nữa, trong khi Mu-skê thời bấy giờ nạp đạn và bắn được một phát thì cung lớn có thể bắn sáu phát; thậm chí đến cuối thế kỷ XVI, nữ hoàng Ê-li-da-bét định sử dụng lại chiếc cung lớn dân tộc làm vũ khí chiến đấu. Nó là vũ khí đặc biệt hữu hiệu để chống kỵ binh; những mũi tên, nếu như áo giáp của kỵ sĩ trang bị nặng có thể che đỡ được nó, thì nó vẫn có thể bắn bị thương hoặc bắn chết ngựa, mà kỵ sĩ ngã ngựa không thể chiến đấu được và thường bị bắt làm tù binh. Các lính bắn cung chiến đấu trong đội hình tản khai hoặc trong đội hình hàng ngang. Thời Trung cổ, kỵ binh là binh chủng có tính chất quyết định. Kỵ sĩ có giáp che khắp người xuất hiện lần đầu trong lịch sử dưới hình thức kỵ binh trang bị nặng có sức chiến đấu, tấn công trong đội hình chính quy, bởi vì thứ quân ca-táp-rắc-ta của A-lếch-xan-đơ, tuy quyết định kết cục của trận Ác-bê-lơ, vẫn chỉ là hiện tượng ngoại lệ, bởi vì từ đó chúng ta không nghe nói đến nó nữa, và suốt cả thời kỳ tiếp theo của lịch sử Cổ đại, bộ binh vẫn giữ vai trò ưu thế của mình trên chiến trường. Như vậy, tiến bộ duy nhất mà chúng ta có được nhờ thời Trung cổ là sự sáng lập ra kỵ binh - quân kỵ binh của chúng ta có giòng dõi trực tiếp từ kỵ binh, - thời này. Nhưng loại kỵ binh ấy đã tỏ ra hết sức không linh hoạt, điều đó đã được chứng minh bằng sự việc là suốt thời Trung cổ, kỵ binh là một binh

chúng trang bị nặng nề và ít cơ động, trong khi tất cả hoạt động của loại quân trang bị nhẹ và sự vận động nhanh chóng đều do bộ binh đảm nhiệm. Song kỵ sĩ không phải bao giờ cũng chiến đấu trong đội hình dày đặc. Họ ưa chiến đấu một chọi một hoặc thúc ngựa xông vào giữa bộ binh địch; như vậy phương pháp tác chiến của họ đã trở về với thời đại Hô-me. Khi kỵ sĩ hành động trong đội hình dày đặc thì họ tấn công hoặc bằng đội hình ngang (kỵ sĩ ở hàng đầu, lính tùy tùng trang bị nhẹ hơn thì ở hàng thứ hai) hoặc bằng đội hình hàng dọc dài. Theo lệ thường, cách tấn công như thế chỉ dùng để chống lại kỵ sĩ (kỵ sĩ trang bị nặng) của quân địch; chống lại bộ binh địch thì cách tấn công đó chỉ là sự uống phí binh lực. Ngựa mang nặng giáp của nó và của kỵ sĩ, chỉ có thể vận động chậm chạp và trên một khoảng cách ngắn. Vì vậy trong các cuộc viễn chinh thập tự quân và trong chiến tranh chống người Mông Cổ ở Ba Lan và Xi-lê-di³⁴, loại kỵ binh hành động chậm chạp đó thường xuyên ở vào tình trạng cực kỳ mệt mỏi và rút cục bị kỵ binh nhẹ rất cơ động của phương Đông đánh bại. Trong cuộc chiến tranh của Áo và Buốc-gun-di chống Thụy Sĩ³⁵, kỵ sĩ trang bị nặng, bị tê liệt trong hành động trên địa hình khó qua lại, đã phải xuống ngựa vào tạo thành đội chấp kích, nó tỏ ra kém linh hoạt hơn cả đội chấp kích của Ma-xê-đoan; trong khe núi, họ bị địch từ trên cao bắn đá và thân cây xuống, kết quả là đội chấp kích rối loạn đội hình chiến thuật, rồi bị đòn tấn công có tính chất quyết định đánh tan.

Đến thế kỷ XIV xuất hiện một loại kỵ binh kiểu nhẹ hơn, và một số lính bắn cung cũng cưỡi ngựa để dễ cơ động; nhưng do có việc sử dụng một yếu tố mới có ý nghĩa thay đổi toàn bộ phương thức tác chiến - thuốc súng - cho nên những cải tiến đó và những cải tiến khác nữa đã nhanh chóng trở thành vô dụng, bị vứt bỏ hoặc mang ý nghĩa khác.

Tri thức về chế tạo và sử dụng thuốc súng, học được của người A Rập ở Tây Ban Nha, đã lan truyền sang Pháp và phần còn lại của châu Âu; bản thân người A Rập học nó từ các dân tộc ở phía

Đông họ, những dân tộc này lại tiếp thu của người phát minh đầu tiên là người Trung Quốc. Vào nửa đầu thế kỷ XIV, các quân đội châu Âu bắt đầu sử dụng pháo trước tiên, đó là một thứ pháo đồ sộ và nặng nề bắn đạn đá và chỉ thích hợp với chiến đấu vây đánh thành lũy. Nhưng chẳng bao lâu người ta đã phát minh ra súng tay. Thành phố Pê-rút-gia ở I-ta-li-a năm 1364 có 500 súng tay bắn đạn và có nòng dài không quá 8 in-xơ, thứ súng này sau đó đã kích thích sự ra đời của súng lục (tên gọi này xuất xứ từ thành phố Pi-xtôi-a ở Tô-xca-no). Chẳng bao lâu sau người ta chế tạo ra súng tay có nòng dài hơn và nặng hơn (ác-cơ-buy) giống với súng hiện nay của chúng ta; nhưng do nòng ngắn và nặng, súng này chỉ đạt được tầm bắn ngắn, còn kíp nổ châm ngòi là trở ngại hầu như không khắc phục được đối với sự ngắm bắn chính xác; thêm vào đó nó hầu như có đủ mọi khuyết điểm khác nữa. Đến cuối thế kỷ XIV ở Tây Âu đã không còn quân đội nào lại không có pháo binh và binh chủng dùng súng ác-cơ-buy của mình. Nhưng ảnh hưởng của vũ khí mới đối với toàn bộ chiến thuật còn rất ít rõ rệt. Pháo cũng như súng tay, bắn đạn nổ đòi hỏi nhiều thời gian để nhồi thuốc súng, và do sự cồng kềnh và giá đắt cho nên đến năm 1450 nó vẫn chưa thay thế được nổ.

Nhưng sự tan rã rộng khắp của chế độ phong kiến và sự phát triển của các thành thị đã thúc đẩy sự thay đổi thành phần của quân đội. Các chư hầu lớn hoặc thần phục chính quyền trung ương như ở Pháp, hoặc biến thành một thứ các ông vua độc lập, như ở Đức và I-ta-li-a. Thế lực của quý tộc lớp dưới bị chính quyền trung ương liên hiệp với các thành phố, đập tan. Các quân đội phong kiến không còn tồn tại nữa, những quân đội mới được thành lập gồm đông đảo lính đánh thuê mà sự tan rã của chế độ phong kiến đem lại cho họ quyền tự do phục vụ kẻ nào trả tiền cho họ. Như thế là nảy sinh ra một cái gì giống quân đội thường trực; nhưng những lính đánh thuê đó, gồm những con người thuộc đủ các dân tộc, khó duy trì kỷ luật trong họ và họ được trả lương không kịp thời nên đã gây ra những vụ rối loạn rất lớn. Vì vậy, ở Pháp, vua Sác-lơ VII đã thành lập quân đội thường trực gồm

người bản quốc. Năm 1445 ông tuyển mộ 15 compagnies d'ordonnance^{1*}, mỗi đại đội 600 người, cả thảy là 9 000 kỵ binh, chia ra đóng giữ ở các thành phố thuộc vương quốc, và được lĩnh lương đều đặn. Mỗi đại đội chia ra làm 100 tổ giáo; mỗi tổ giáo gồm có một kỵ sĩ trang bị nặng, ba lính bắn cung, một lính tùy tùng và một người hầu. Như vậy họ là sự hỗn hợp của kỵ binh trang bị nặng với những lính bắn cung cưỡi ngựa, và lại hai loại quân ấy, đương nhiên, trong chiến đấu sẽ hành động riêng rẽ. Năm 1488, ông ta bổ sung vào lực lượng ấy 16 000 xạ thủ tự do 4 viên tướng chỉ huy, dưới quyền mỗi viên tướng có 8 đại đội, mỗi đại đội 500 người. Tất cả các lính bắn cung đều được trang bị nỏ. Họ đều do giáo khu tuyển mộ và trang bị, và được miễn mọi thứ thuế khoá. Những đội quân ấy có thể được coi là quân đội thường trực đầu tiên của thời Cận đại.

Đến cuối thời kỳ phát triển đầu tiên ấy của chiến thuật hiện đại, trong trạng thái như nó vừa thoát khỏi trạng thái hỗn loạn thời Trung cổ, tình hình đại để rút lại là như sau: đại bộ phận bộ binh gồm lính đánh thuê được trang bị giáo và kiếm, giáp ngực và mũ trụ. Khi giao chiến, họ cụm lại thành khối dày đặc, nhưng được trang bị và huấn luyện tốt hơn là bộ binh phong kiến, trong chiến đấu họ tỏ ra kiên cường hơn và có kỷ luật hơn. Những tân binh được tuyển mộ bằng cách gọi nhập ngũ đều đặn, và những lính đánh thuê đã từng là binh sĩ chuyên nghiệp, hiển nhiên là vượt xa những tân binh được tuyển mộ ngẫu nhiên và đám ô hợp những nô bộc phong kiến. Kỵ binh nặng đến lúc bấy giờ đôi khi thấy cần thiết phải tấn công bộ binh bố trí bằng đội hình dày đặc. Bộ binh nhẹ vẫn gồm chủ yếu là những lính bắn cung, nhưng để trang bị cho lính mở đường người ta đã sử dụng rộng rãi súng tay. Kỵ binh vẫn là binh chủng chính; kỵ binh nặng - kỵ sĩ trang bị nặng có giáp sắt - không phải bao giờ cũng do quý tộc đảm

1* - đại đội sắc lệnh, nghĩa là đại đội kỵ binh, được thành lập theo sắc lệnh (oóc-dô-năng-xô) của nhà vua.

nhiệm và phải chuyển từ phương pháp tác chiến kiểu kỵ sĩ và kiểu Hô-me trước kia sang yêu cầu thực tế hơn là tấn công trong đội hình dày đặc. Những tính chất nặng nề của loại kỵ binh ấy đến bây giờ đã được mọi người thừa nhận và người ta đã đưa ra nhiều dự án thành lập một loại kỵ binh nhẹ hơn. Như trên đã nói, nhược điểm ấy tất phải được bù đắp một phần bằng những lính bắn cung cưỡi ngựa, ở I-ta-li-a và các nước lân cận người ta sẵn lòng sử dụng xtra-di-ô-ti - kỵ binh nhẹ kiểu Thổ Nhĩ Kỳ, gồm lính đánh thuê người Bô-xni-a và An-ba-ni - một kiểu lính ba-si-bu-dúc; nó rất đáng sợ, nhất là khi truy kích. Ba Lan và Hung-ga-ri, ngoài kỵ binh trang bị nặng phỏng theo phương Tây, đã duy trì loại kỵ binh nhẹ dân tộc của mình. Pháo binh vẫn còn ở trong tình trạng ấu trĩ. Tuy rằng trọng pháo hồi bấy giờ có được chuyển đến chiến trường, nhưng chúng không thể thay đổi được trận địa đã được chiếm lĩnh; thuốc súng rất tồi, nạp đạn vào pháo khó khăn và chậm chạp, còn bắn bằng đạn đá thì chỉ bắn tới được cự ly ngắn.

Cuối thế kỷ XV và đầu thế kỷ XVI được đặc trưng bằng tiến bộ cùng một lúc trên hai lĩnh vực: người Pháp đã cải tiến pháo binh, còn người Tây Ban Nha đã đem lại tính chất mới cho bộ binh. Vua Pháp Sác-lơ VIII đã làm cho pháo của mình trở nên cơ động tới mức không những có thể bố trí chúng trên chiến trường, mà còn thay đổi được trận địa bố trí chúng khi chiến đấu và kéo chúng theo quân đội khi tiến quân, song bấy giờ binh lính tiến quân không nhanh lắm. Như vậy Sác-lơ VIII là người sáng lập ra pháo binh dã chiến. Pháo của ông đặt trên giá pháo có bánh xe do một số lớn ngựa kéo, đã vượt xa không biết bao nhiêu lần pháo kiểu cũ không cơ động được của người I-ta-li-a (do bò đực kéo), và gây ra nhiều thiệt hại trong đội hình hàng dọc dài của bộ binh I-ta-li-a đến nỗi Ma-ki-a-ve-li viết cuốn "Nghệ thuật chiến tranh"³⁶ của mình chủ yếu là để đưa ra một đội hình, có thể ngăn ngừa ảnh hưởng của loại pháo binh đó đối với bộ binh. Trong trận Ma-ri-nhi-a-nô³⁷, vua Pháp Phrăng-xoa I đã đánh bại được lính cầm giáo của Thụy Sĩ nhờ hiệu quả của hỏa lực và tính cơ động của loại pháo đó đã từ các trận địa bên sườn bắn vào đội hình chiến đấu của quân Thụy Sĩ. Nhưng ưu thế của giáo trong bộ binh

đã chấm dứt. Người Tây Ban Nha đã cải tiến súng tay thông dụng đương thời, (ác-cơ-buy) và trang bị nó cho bộ binh chính quy trang bị nặng. Loại súng Mu-skê (hacquebutte) của họ là thứ súng nặng và nòng dài, nòng súng có thể nạp đạn nặng 2 ô-n-xơ, khi bắn phải có cọc hình chạc làm giá. Đạn do thứ súng Mu-skê này bắn ra xuyên thủng giáp ngực vững chắc nhất, do đó nó có ý nghĩa quyết định trong chiến đấu chống kỵ binh trang bị nặng, kỵ binh này rơi ngay vào tình trạng rối loạn khi kỵ sĩ ngã ngựa. Mỗi đại đội lính cầm giáo được trang bị 10 - 15 khẩu Mu-skê, và hiệu quả của hỏa lực của nó ở trận Pa-vi-a³⁸ làm cho cả quân đồng minh lẫn quân địch ngạc nhiên. Phrun-dơ-xbéc kể lại rằng trong trận này mỗi phát súng bắn ra từ khẩu Mu-skê đó thường loại khỏi vòng chiến mấy người và mấy con ngựa. Từ đó bắt đầu ưu thế của bộ binh Tây Ban Nha kéo dài trên 100 năm.

Cuộc chiến tranh do cuộc khởi nghĩa Hà Lan³⁹ gây ra đã có ảnh hưởng lớn đến cách tổ chức quân đội. Người Tây Ban Nha, cũng như người Hà Lan, đều cải tiến rất nhiều tất cả các binh chủng. Trước đó, mỗi người tình nguyện tham gia quân đội đánh thuê phải có đầy đủ trang bị, vũ khí và biết sử dụng vũ khí của mình. Nhưng trong cuộc chiến tranh lâu dài đó, kéo dài 40 năm trên một lãnh thổ nhỏ hẹp, chẳng bao lâu sau đã không còn đủ loại tân binh thích hợp đó nữa. Người Hà Lan buộc lòng phải thỏa mãn với những lính tình nguyện có thể lực thích hợp mà họ có thể tìm được, còn chính phủ buộc phải huấn luyện cho họ. Mô-rít-xơ Na-xau viết điều lệnh chiến đấu đầu tiên của thời Cận đại và bằng việc làm đó đã đặt cơ sở cho việc huấn luyện thống nhất của toàn quân. Bộ binh lại bắt đầu đi đều, họ trở thành thống nhất và vững chắc hơn nhiều. Bấy giờ nó được chia ra thành những đơn vị nhỏ hơn: đại đội, mà trước đây có từ 400 đến 500 người, nay giảm xuống còn 150-200 người, ngoài ra cứ 10 đại đội hợp thành một trung đoàn. Khẩu Mu-skê cải tiến đã lắp át chiếc giáo; một phần ba bộ binh là những lính trang bị súng Mu-skê, biên chế vào từng đại đội cùng với các lính cầm giáo. Những lính cầm giáo này chỉ cần thiết cho đánh giáp lá cà, vẫn giữ mũ trụ, giáp ngực và bao

tay sắt; các lính trang bị súng Mu-skê không có vũ khí che đỡ nào. Những binh sĩ cầm giáo thường xếp thành hai hàng, còn lính Mu-skê xếp thành 5 - 8 hàng, sau khi bắn đồng loạt xong, hàng thứ nhất lui về phía sau để nạp lại đạn cho các khẩu Mu-skê của mình. Trong kỵ binh còn có những thay đổi lớn hơn, và ở đây nữa, Mô-rít-xơ Na-xau lại đóng vai trò chủ đạo. Vì không thể tổ chức kỵ binh nặng gồm những kỵ sĩ trang bị nặng, ông đã tổ chức kỵ binh trang bị nhẹ, được tuyển mộ ở Đức và được trang bị mũ trụ: giáp ngực, giáp che cánh tay, bao tay sắt và ủng cao; nhưng với một ngọn giáo nó không thể độ sức với kỵ binh Tây Ban Nha được trang bị nặng, nên ông trang bị cho nó dao và những khẩu súng lục nòng dài. Loại kỵ binh mới này, tương tự với giáp kỵ hiện nay của chúng ta, đã nhanh chóng tỏ ra hơn hẳn các kỵ sĩ Tây Ban Nha trang bị nặng, quân số ít hơn và kém cơ động hơn, vì những kỵ binh mới này có thể kịp bắn gục các con ngựa của kỵ sĩ Tây Ban Nha trước khi cái khối vận động chậm chạp này xông vào họ. Mô-rít-xơ Na-xau huấn luyện cho lính giáp kỵ cũng cặn kẽ như huấn luyện bộ binh; về mặt này ông đã đạt được những thành tựu lớn tới mức trong chiến đấu ông dám thay đổi tuyến chính diện và tiến hành những sự cơ động khác với những đơn vị nhỏ và lớn. An-ba cũng nhanh chóng thấy được sự cần thiết phải cải tiến kỵ binh nhẹ của mình; trước đó, nó chỉ thích hợp với lối tác chiến trong đội hình tản khai hoặc đối với cuộc vật lộn một chọi một, nhưng dưới sự chỉ huy của ông, nó đã nhanh chóng học được cách tấn công với đội hình dày đặc, giống như kỵ binh nặng. Kỵ binh vẫn được bố trí thành 5 - 8 hàng như trước kia. Cũng khoảng vào thời gian ấy, vua Pháp Hăng-ri IV đã thành lập một loại kỵ binh mới là long kỵ; ban đầu, đó là một thứ bộ binh cưỡi ngựa chỉ nhằm mục đích cơ động nhanh hơn; nhưng chỉ mấy năm sau khi long kỵ xuất hiện, thì nó được sử dụng như kỵ binh và được trang bị thích hợp cho cả hai nhiệm vụ ấy. Họ không có vũ khí che đỡ, không mang ủng cao, nhưng được trang bị bằng gươm kỵ binh và có khi có giáo; ngoài ra họ còn mang những khẩu

Mu-skê bộ binh hoặc những khẩu các-bin ngắn hơn. Nhưng loại quân này không thực hiện được niềm hy vọng mà người ta ôm ấp khi thành lập nó; chẳng bao lâu nó trở thành một bộ phận của kỵ binh chính quy và thôi không còn chiến đấu với tư cách bộ binh. (Hoàng đế Nga Ni-cô-lai định khôi phục loại long kỵ ban đầu, thành lập một quân đoàn gồm 16 000 người, thích hợp với tác chiến trên ngựa hoặc đi chân; nhưng quân đoàn này chưa bao giờ chiến đấu đi chân, bao giờ nó cũng chiến đấu với tính cách kỵ binh và hiện nay quân đoàn ấy được giải thể và sáp nhập, với tính chất long kỵ, vào các kỵ binh khác của nước Nga). Về pháo binh, người Pháp vẫn giữ ưu thế mà họ đã đạt được. Cũng khoảng thời gian đó, họ đã phát minh ra giây kéo pháo, còn Hăng-ri IV đã sử dụng đạn pháo có nhiều mảnh đạn vụn. Người Tây Ban Nha và người Hà Lan cũng làm cho pháo của họ giản đơn hơn và nhẹ hơn, nhưng vẫn còn nặng nề, và họ vẫn chưa phát minh ra được pháo nhẹ, cơ động, có được cỡ và tầm đủ để bắn có hiệu quả.

Từ cuộc Chiến tranh ba mươi năm⁴⁰ là bắt đầu thời kỳ Gu-xtáp A-đôn-phơ, nhà cải cách quân sự vĩ đại của thế kỷ XVII. Các trung đoàn bộ binh của ông gồm hai phần ba là lính mang súng Mu-skê và một phần ba là lính mang giáo. Một số trung đoàn gồm toàn lính mang súng Mu-skê. Mu-skê đã nhẹ đến mức khi bắn không cần có giá đỡ nữa. Gu-xtáp A-đôn-phơ cũng sử dụng vỏ đạn bằng giấy, khiến dễ dàng rất nhiều trong việc nhồi đạn. Đội hình sâu bị xoá bỏ; các lính cầm giáo được bố trí thành 6 hàng, còn các lính mang súng Mu-skê chỉ được bố trí thành 3 hàng. Lính mang súng Mu-skê được huấn luyện bắn súng theo trung đội và theo hàng. Các trung đoàn công kênh, gồm 2 000 hoặc 3 000 người, được giảm xuống còn 1 300 hoặc 1 400 người, chia thành 8 đại đội, cứ 2 trung đoàn biên chế thành một lữ đoàn. Nhờ đội hình đó, ông đã đánh bại đám quân đông đặc của địch thường được bố trí, giống như đội hình hàng dọc hoặc đội hình vuông, thành 30 hàng mà pháo binh của ông đã gây ra những tổn thất ghê gớm. Kỵ binh cũng được cải tổ cũng theo những nguyên tắc ấy. Kỵ binh

trang bị nặng đã hoàn toàn bị loại bỏ. Giáp kỵ bỏ giáp tay và một số bộ phận vỏ bọc khác trong vũ khí che đỡ của mình để được nhẹ và cơ động hơn nhiều. Các long kỵ binh của Gu-xtáp A-đôn-phơ hầu như bao giờ cũng chiến đấu với tính cách là kỵ binh. Cả giáp lẫn long kỵ đều chỉ được bố trí thành 3 hàng và họ được lệnh nghiêm ngặt là không được để mất thời gian vào việc bắn súng, mà phải lập tức xung phong bằng gươm. Họ được chia thành những đại đội gồm 125 người. Pháo binh cũng được cải tiến nhờ có những khẩu pháo nhẹ. Các khẩu pháo có vỏ bọc bằng da của Gu-xtáp A-đôn-phơ đã nổi tiếng một thời, nhưng không tồn tại được lâu trong trang bị vũ khí. Chúng được thay bằng các khẩu pháo đúc bằng gang nặng bốn pao, nhẹ đến mức hai ngựa có thể kéo đi được; những khẩu pháo này có thể bắn được sáu phát trong khi lính sử dụng súng Mu-skê bắn được hai phát, mỗi trung đoàn bộ binh được trang bị hai khẩu pháo đó. Như vậy là đã quy định việc phân chia pháo dã chiến ra thành loại nhẹ và loại nặng; pháo nhẹ đi theo bộ binh, còn pháo nặng ở lại được dùng làm đội dự bị hoặc chiếm lĩnh một trận địa nào đó trong suốt trận đánh. Trong các quân đội thời bấy giờ đã thể hiện ưu thế ngày một tăng của bộ binh đối với kỵ binh. Trong trận Lai-pxích năm 1631, Gu-xtáp A-đôn-phơ có 19 000 bộ binh và 11 000 kỵ binh, Ti-li có 31 000 bộ binh và 13 000 kỵ binh. Trong trận Luy-tơ-xen năm 1632 Va-len-stây-nơ có 24 000 bộ binh và 16 000 kỵ binh (170 đại đội). Số lượng pháo cũng tăng lên theo cùng với việc sử dụng pháo nhẹ; ở người Thụy Điển cứ 1 000 binh sĩ thì thường có 5 đến 12 khẩu, trong trận Lê-khơ, Gu-xtáp A-đôn-phơ vượt sông này dưới sự yểm trợ của hỏa lực của 72 khẩu trọng pháo⁴¹.

Nửa sau thế kỷ XVII và nửa đầu thế kỷ XVIII, với việc sử dụng phổ biến lưới lê trong bộ binh thì giáo và các thứ vũ khí che đỡ khác đã bị loại bỏ hẳn. Được phát minh vào khoảng năm 1640 ở Pháp, lưới lê đã phải cạnh tranh với giáo trong suốt 80 năm trời. Người Áo là những người đầu tiên đã trang bị lưới lê cho toàn thể bộ binh của mình, kể đến là người Phổ; người Pháp còn trang

bị bằng giáo cho mãi đến năm 1703, còn người Nga đến tận năm 1721. Cơ bả súng bằng đá lửa được phát minh ở Pháp hầu như đồng thời với lưỡi lê, nhưng cũng đến năm 1700 mới được dần dần sử dụng trong phần lớn các quân đội. Nó rút ngắn rất nhiều quá trình nạp thuốc súng, nó đã bảo vệ, ở một chừng mực nhất định, thuốc súng ở trong ngăn khỏi bị mưa, do đó đã góp phần đáng kể vào việc loại trừ chiếc giáo. Nhưng động tác bắn vẫn còn rất chậm, đến nỗi trong suốt trận đánh, người lính thường chỉ bắn được nhiều nhất là 24 - 36 phát, chỉ đến nửa sau của thời kỳ đó, việc cải tiến điều lệnh chiến đấu, việc huấn luyện tốt hơn và sự hoàn thiện thêm cấu tạo của súng tay (đặc biệt là chiếc thông nòng sắt được sử dụng lần đầu tiên ở Phổ) đã cho phép người lính bắn với tốc độ đáng kể. Điều đó làm cho việc giảm chiều sâu của đội hình trở nên cần thiết và giờ đây bộ binh chỉ được bố trí thành 4 hàng. Bấy giờ đã hình thành một thứ elite của bộ binh - đó là các đại đội phóng lựu, ban đầu cốt để ném lựu đạn trước khi bắt đầu đánh giáp lá cà; nhưng chẳng bao lâu sau họ chỉ chiến đấu bằng súng thôi. Trong một số quân đội ở các quốc gia Đức, ngay trong thời kỳ cuộc Chiến tranh ba mươi năm người ta đã thành lập các đơn vị xạ thủ được trang bị súng nòng có rãnh; bản thân loại súng nòng có rãnh được phát minh ở Lai-pxích năm 1498. Loại súng này hiện được sử dụng cùng với các loại súng trường và được trang bị cho những xạ thủ ưu tú ở mỗi đại đội; nhưng ở ngoài nước Đức, thứ súng này không được biết đến nhiều. Người Áo cũng có loại bộ binh nhẹ mang tên gọi là pan-đua. Đây là thứ quân phi chính quy gồm người Crô-a-xi và Xéc-bi thuộc vùng Biên khu quân sự⁴² giáp tiếp Thổ Nhĩ Kỳ, loại quân này thích hợp với nhiệm vụ tập kích và truy kích, nhưng xét theo góc độ chiến thuật đương thời thì không còn thích hợp với chiến đấu chính quy, và cũng còn do hoàn toàn không được huấn luyện. Người Pháp và người Hà Lan cũng thành lập bộ binh phi chính quy nhằm vào cũng những mục đích ấy mà mang tên

gọi *compagnies franches*^{1*}. Trong tất cả các quân đội, trang bị của kỵ binh cũng nhẹ đi. Kỵ binh trang bị nặng hoàn toàn biến đi; lính giáp kỵ chỉ giữ lại giáp ngực và mũ trụ; ở Pháp và Thụy Điển người ta cũng bỏ cả giáp ngực. Hoả lực của bộ binh ngày một tăng hiệu lực và tốc độ là điều hoàn toàn bất lợi cho kỵ binh. Chẳng bao lâu người ta thừa nhận rằng binh chủng này hoàn toàn vô dụng trong tấn công bộ binh bằng chiếc gươm trong tay; ý kiến về sự không thể vượt qua được tuyến hoả lực đã trở thành phổ biến đến nỗi người ta luyện cho kỵ binh cũng quen dùng ca-ra-bin hơn là gươm. Do đó, vào thời kỳ ấy thường xảy ra tình hình là kỵ binh hai bên chiến đấu với nhau bằng súng như bộ binh; người ta xem như là rất dũng cảm hành động thúc ngựa đến cách địch 20 i-ác-đơ, bắn một loạt và phi nước kiệu xung phong. Nhưng Sác-lơ XII giữ vững quy tắc của vị tiền bối vĩ đại của mình^{2*}. Kỵ binh của ông không bao giờ dừng lại để bắn nhau: nó bao giờ cũng xung phong với thanh gươm trong tay, bất kể phía trước nó là gì - kỵ binh, bộ binh, các khẩu đội pháo, chiến hào - và bao giờ cũng thắng lợi. Người Pháp cũng từ bỏ cách đánh mới và lại chỉ dựa vào lưỡi gươm thôi. Chiều sâu của đội hình chiến đấu của kỵ binh còn thu hẹp thêm nữa - từ 4 xuống còn 3 hàng. Hiện tượng phổ biến trong pháo binh bấy giờ là giảm trọng lượng của pháo và sử dụng vỏ đạn và đạn có nhồi những mảnh sắt thương. Một cải cách quan trọng khác là đưa binh chủng này vào biên chế của quân đội. Trước đó, mặc dù pháo là của nhà nước, nhưng những người thao tác pháo không phải là binh sĩ mà hợp thành một thứ phường hội, còn pháo binh không được coi là binh chủng, mà là một ngành nghề. Các sĩ quan của nó không có quân hàm và người ta coi họ thuộc vào những thợ thiện nghệ như thợ may và thợ mộc hơn là thuộc vào giới quý tộc trong túi có mảnh bằng

1* - các đại đội tự do

2* - Gu-xtáp A-đôn-phơ

sĩ quan. Nhưng vào khoảng thời gian đó, pháo binh trở thành bộ phận hợp thành của quân đội và được chia thành các đại đội và tiểu đoàn; những người thao tác pháo trở thành binh sĩ chính quy, còn sĩ quan cũng có quân hàm như trong bộ binh và kỵ binh. Sự tập trung pháo binh và sự ổn định số nhân viên của nó, - kết quả của cuộc cải cách đó, - đã mở đường cho khoa học pháo binh mà dưới thời còn hệ thống cũ đã không phát triển được.

Việc chuyển từ đội hình có chiều sâu sang đội hình theo tuyến, từ chiếc giáo sang khẩu súng, từ ưu thế của kỵ binh sang ưu thế của bộ binh được hoàn thành dần dần vào thời kỳ khi mà Phri-đrich Đại đế bắt đầu các cuộc chinh chiến và cùng với các cuộc chinh chiến ấy ông đã mở đầu kỷ nguyên cổ điển của chiến thuật tác chiến theo tuyến. Ông bố trí bộ binh của mình thành ba hàng và đưa tốc độ bắn lên tới 5 phát mỗi phút. Trong những trận đầu tiên của ông ở Môn-vi-xơ⁴³, bộ binh ấy đã triển khai thành một tuyến và bằng hỏa lực bắn nhanh của mình đã đẩy lùi mọi đợt tấn công của kỵ binh Áo vừa mới đánh tan tác kỵ binh Phổ; thanh toán kỵ binh của Áo xong, bộ binh Phổ tấn công bộ binh Áo, đánh bại nó và như vậy là giành được thắng lợi. Người ta không bao giờ dùng đến đội hình vuông để chống lại kỵ binh trong các trận đánh lớn; người ta chỉ dùng đội hình đó trong những trường hợp bộ binh đang hành quân bị kỵ binh địch tập kích bất ngờ. Trong trận đánh, các cánh sườn của bộ binh bị kỵ binh uy hiếp thì kéo dài ra và gấp khúc lại en potence^{1*} và thường cho thế là đủ rồi. Để chiến đấu với binh chủng pan-đua của Áo, Phri-đrich đã thành lập các đội quân bộ binh và kỵ binh phi chính quy giống như thế, nhưng không bao giờ dựa vào những đơn vị này trong các trận đánh chính quy mà họ ít khi tham gia. Kết cục trận đánh của ông được quyết định bởi sự vận động tiến lên chậm chạp của tuyến hàng ngang phát huy hỏa lực. Kỵ binh bị coi nhẹ dưới thời tiền

1* - theo hình chữ L

bối của ông^{1*} thì hiện đang trải qua một cuộc cải cách đầy đủ. Nó chỉ được bố trí thành hai hàng và nghiêm cấm bắn súng, trừ trường hợp truy kích địch. Việc huấn luyện nghệ thuật cưỡi ngựa, mà cho tới nay ít được coi trọng, thì bây giờ đã được hết sức chú ý. Tất cả mọi sự thay đổi đội hình đều phải được tiến hành trong khi ngựa phi nước đại, đồng thời đòi hỏi binh sĩ duy trì chặt chẽ đội hình dày đặc. Nhờ những cố gắng của Dây-dli-xơ, kỵ binh của Phri-đrich đã làm lu mờ bất cứ kỵ binh nào đương thời cũng như trong quá khứ: bằng nước đại hiên ngang, đội hình chỉnh tề, tấn công mãnh liệt, tập hợp nhanh chóng làm cho không có kẻ nào sánh kịp nó hồi đó cũng như trong kỵ binh của những thời kỳ tiếp sau. Pháo đã giảm nhẹ nhiều đến mức một số pháo cỡ lớn không chịu đựng nổi lượng thuốc nổ đầy đủ, nên về sau đã phải bỏ đi. Nhưng trọng pháo vẫn còn rất chậm chạp và không cơ động trong vận động do chất lượng tồi và các giá đỡ pháo công kênh, tổ chức chưa hoàn thiện. Trong trận đánh nó chiếm lĩnh ngay tức khắc trận địa của mình, và đôi khi có thể thay đổi trận địa lên phía trước, nhưng người ta không tiến hành được sự cơ động nào. Pháo nhẹ - pháo trung đoàn tăng cường cho bộ binh - được bố trí trước tuyến bộ binh, cách 50 bước phía trước các khoảng cách giữa các tiểu đoàn; nó tiến lên cùng với bộ binh mà pháo thì do binh sĩ kéo và bắn loại đạn có nhiều mảnh vụn ở khoảng cách 300 i-ác-đơ. Số lượng pháo rất lớn: cứ 1 000 binh sĩ thì có từ 3 đến 6 khẩu. Bộ binh cũng như kỵ binh được chia thành lữ đoàn và sư đoàn; nhưng khi giao chiến, quân lính hầu như hoàn toàn không cơ động và mỗi tiểu đoàn phải ở vị trí của mình trong toàn tuyến nên những sự phân chia ấy không có ý nghĩa chiến thuật; còn kỵ binh thì khi tấn công, người chỉ huy lữ đoàn trong trường hợp nào đó có thể hành động theo sự chủ động của mình, nhưng trong bộ binh thì không có những trường hợp như thế. Đội hình theo tuyến

1* - Phri-đrich Vin-hem I

- ở giữa là bộ binh được bố trí thành hai tuyến, hai bên sườn là kỵ binh được bố trí thành 2 hoặc 3 tuyến - là một sự tiến bộ lớn so với đội hình sâu ở các thời kỳ trước; đội hình này bảo đảm hiệu lực lớn nhất cho hỏa lực bộ binh cũng như cho sự tấn công của kỵ binh đồng thời cho phép một số lượng người đông nhất tác chiến cùng một lúc; nhưng mặc dù đã tiến hành mọi sự hoàn thiện trong lĩnh vực đó, song lại chính vì thế, đội hình theo tuyến đã trở thành toàn thể quân đội, giống như chiếc áo lót bó sát người. Mỗi đại đội kỵ binh, mỗi tiểu đoàn bộ binh và mỗi khẩu pháo đều có vị trí quy định trong đội hình chiến đấu, đội hình này không thể bị phá hoại ở chỗ nào hoặc bị rối loạn bằng cách nào đó vì điều đó không thể không ảnh hưởng đến sức chiến đấu của cả đạo quân. Do đó, trong hành quân, phải tổ chức thật kỹ sao cho khi triển khai tuyến chính diện của quân đội để hạ trại hoặc để chiến đấu thì mỗi đơn vị đều được đặt đúng vào vị trí đã quy định trước cho nó. Như vậy, nếu cần hoàn thành một sự cơ động nào đó thì toàn thể đạo quân phải thực hiện việc đó; việc tách ra một bộ phận nào đó để đánh tạt sườn, việc thành lập đội dự bị đặc nhiệm để dùng ưu thế binh lực tấn công một chỗ yếu nào đó đều sẽ không thể thực hiện được và sẽ là sai lầm trong tình hình quân sự quá ư chậm chạp, chỉ thích hợp với chiến đấu trong đội hình theo tuyến, và trong đội hình chiến đấu hết sức cứng nhắc. Ngoài ra, trong chiến đấu sự tiến lên phía trước của cả tuyến dài như vậy phải được tiến hành rất từ từ để khỏi phá vỡ sự đồng đều của hàng. Lều vải bao giờ cũng phải mang theo quân đội và đêm nào cũng phải dựng trại; xung quanh nơi hạ trại phải có công sự đơn giản. Quân lính do các trạm cung cấp lương thực; một số hết sức lớn là bánh mì đã chiến được vận chuyển theo quân đội. Tóm lại, vật tư đem theo và đoàn xe hậu cần khác của quân đội hết sức công kềnh và trong khi di chuyển điều này đã gây cho nó những khó khăn mà hiện nay người ta không tưởng tượng được. Nhưng dù có tất cả những thiếu sót đó thì tổ chức quân sự của Phri-đrich Đại đế vẫn là tổ chức tốt nhất đương thời và tất cả

các chính phủ khác ở châu Âu đều sốt sắng bắt chước nó. Việc bổ sung quân lính hầu như nơi nào cũng được tiến hành bằng cách đăng ký những người tình nguyện, bổ sung thêm bằng việc tuyển mộ nhờ thủ đoạn lừa bịp và cưỡng bức; và chỉ sau khi bị những thiệt hại nặng nề, Phri-đrich mới dùng đến việc tuyển quân cưỡng bức ở các tỉnh của mình.

Khi cuộc chiến tranh của liên minh chống nước Cộng hòa Pháp⁴⁴ bắt đầu, quân đội Pháp bị rối loạn do tổn thất sĩ quan và có chưa đầy 150 000 người. Địch có số quân lớn hơn nhiều, nảy sinh sự cần thiết phải có những cuộc tuyển quân mới được tiến hành trên quy mô lớn dưới hình thức gọi nhập ngũ các lính tình nguyện quốc gia; năm 1793 xem ra có ít nhất là 500 tiểu đoàn lính tình nguyện đó. Những đội quân này chưa qua huấn luyện, mà cũng không có thời gian để huấn luyện họ cho phù hợp với hệ thống chiến thuật kiểu tuyến phức tạp và với trình độ hoàn thiện mà sự vận động trong đội hình kiểu tuyến đòi hỏi. Mọi ý đồ đổ sức với kẻ địch trong đội hình kiểu tuyến đều hoàn toàn thất bại, mặc dù người Pháp có ưu thế lớn về số quân. Do đó, cần lập ra một hệ thống chiến thuật mới. Cuộc cách mạng Mỹ⁴⁵ chứng minh rằng ngay số quân lính được huấn luyện kém cũng có thể giành được ưu thế như vậy nhờ sử dụng đội hình tản khai và hỏa lực bắn nhanh của các xạ thủ. Người Pháp bắt chước cách đó và chỉ viện cho các đội xạ thủ bằng đội hình hàng dọc sâu mà sự rối loạn nhỏ không gây ra nhiều tác hại, khi đại bộ phận quân đội còn dày đặc. Sử dụng đội hình đó, người Pháp tung lực lượng chiếm ưu thế về số lượng của mình vào quân địch và thường thu được thắng lợi. Đội hình mới ấy và sự thiếu kinh nghiệm của quân sĩ buộc họ chiến đấu ở địa hình mấp mô, ở làng mạc, và rừng rú, nơi mà họ có thể ẩn nấp tránh hỏa lực địch và ở đấy đội hình thành tuyến của địch không tránh khỏi xảy ra rối loạn; vì người Pháp không có lều vải, lò bánh mì đã chiến v.v., nên họ buộc phải hạ trại ngoài trời và sống bằng những thứ mà vùng xung quanh cung cấp cho họ. Như vậy họ đạt được tính cơ động không có ở kẻ địch của họ là bị đè nặng bởi lều vải và đủ thứ vật tư chở theo. Khi các cuộc chiến

tranh cách mạng tạo ra, thông qua nhân vật Na-pô-lê-ông, một con người biến phương pháp tác chiến mới ấy thành một hệ thống chính quy đồng thời kết hợp nó với những cái còn có ích trong hệ thống cũ và lập tức nâng phương pháp mới đó lên đến trình độ hoàn thiện y như Phri-đrich đã nâng chiến thuật theo tuyến, - thì người Pháp đã trở thành hầu như vô địch, chừng nào kẻ địch của họ còn chưa tiếp thu kinh nghiệm của họ và chưa tổ chức quân đội mình theo kiểu mới. Những đặc điểm chủ yếu của hệ thống mới ấy như sau: khôi phục nguyên tắc cũ là mỗi công dân khi cần đều bị gọi nhập ngũ để bảo vệ đất nước, và kết quả của việc đó là sự bổ sung quân đội bằng những cuộc tuyển quân cưỡng bức trên quy mô lớn hoặc nhỏ trong toàn thể cư dân, - sự biến đổi này lập tức tăng gấp đôi quân số trung bình của quân đội so với thời Phri-đrich, hơn nữa khi cần số lượng đó có thể tăng lên mức lớn hơn. Thứ đến, loại bỏ các dụng cụ doanh trại dã chiến, về mặt cung cấp lương thực làm cho binh sĩ không phụ thuộc vào các kho binh trạm nữa, thực hiện việc đóng quân ngoài trời và thi hành nguyên tắc lấy chiến tranh nuôi chiến tranh. Tính cơ động và tính độc lập của quân đội nhờ đó mà tăng lên không thua gì sự tăng quân số của nó do thi hành chế độ nghĩa vụ quân sự phổ biến. Về tổ chức chiến thuật, nguyên tắc kết hợp bộ binh, kỵ binh và pháo binh trong những đơn vị nhỏ hơn của quân đội - quân đoàn và sư đoàn - đã trở thành thông lệ. Do đó, mỗi sư đoàn đã trở thành một đội quân thực sự, được thu nhỏ, có năng lực tác chiến độc lập và thật sự chống cự được ngay với kẻ địch có ưu thế về số lượng. Cơ sở của đội hình chiến đấu hiện nay là đội hình hàng dọc; đội hình này là bể chứa từ đó phái đi và là nơi để quay trở về của các đơn vị xạ thủ, nó là một khối hình gọng kìm rắn chắc được tung vào một điểm nào đó trên chiến tuyến địch; nó là hình thức để tiếp cận địch và triển khai sau đó, nếu như địa hình và tình huống chiến đấu thuận lợi cho việc đưa các tuyến xạ thủ đương đầu với địch. Sự chi viện lẫn nhau của ba binh chủng được phát triển đầy đủ nhờ sự kết hợp những binh chủng ấy trong một đơn vị nhỏ, cũng như sự kết hợp ba hình thức chiến đấu - đội

hình tấn khai, đội hình ngang và đội hình dọc - đó chính là ưu thế chiến thuật lớn của các quân đội hiện đại. Nhờ đó mà hiện nay bất cứ địa hình nào cũng đều thích hợp đối với chiến đấu; một trong những yêu cầu chủ yếu đặt ra trước người chỉ huy là đánh giá nhanh chóng tất cả mọi sự lợi hại của địa hình và lập tức bố trí quân của mình theo địa hình ấy. Những đặc tính ấy, cùng với năng lực chung về chỉ huy độc lập, hiện nay đã trở thành điều cần thiết không những đối với vị tổng tư lệnh mà cả đối với các sĩ quan cấp dưới. Các quân đoàn, sư đoàn, lữ đoàn, các đơn vị độc lập thường xuyên lâm vào tình hình trong đó các viên chỉ huy phải hành động theo cách tự mình gánh chịu mọi sự may rủi; chiến trường không còn là tuyến bộ binh dài liên tục được bố trí trên địa hình đồng bằng rộng rãi, có kỵ binh ở hai bên sườn; bây giờ các quân đoàn và sư đoàn độc lập được bố trí thành đội hình hàng dọc, nấp sau làng mạc, sau các con đường hoặc đồi gò, cách nhau xem ra khá xa, trong khi đó chỉ có một bộ phận nhỏ quân đội là thực tế tham gia bắn nhau và đấu pháo cho đến khi xuất hiện giờ phút quyết định. Đội hình chiến đấu kéo dài ra với sự tăng thêm quân số và với sự thực hiện đội hình như vậy; từ nay không còn cần lấp mỗi khoảng cách ở ngay trước mắt địch bằng một hàng quân, vì đã có sẵn quân lính trong tay và có thể chiếm lĩnh vị trí cần thiết khi nào cần. Đánh bọc sườn hiện nay đã thành ra sự cơ động chiến lược thông thường; một đội quân mạnh hơn có thể thọc toàn bộ vào giữa quân đội yếu hơn và các tuyến giao thông của nó, khiến cho một trận thất bại có thể dẫn tới sự tiêu diệt của toàn đạo quân và quyết định số phận của chiến dịch. Sự cơ động chiến thuật quen dùng là dùng các đội quân mới nguyên để đột phá trung tâm của địch khi tình hình cho thấy rõ rằng địch đã đưa vào chiến đấu đội dự bị cuối cùng của nó. Đội dự bị mà khi áp dụng chiến thuật theo tuyến trở nên không thích hợp và chỉ làm yếu sức chiến đấu của quân đội vào giờ phút quyết định, thì giờ đây đã biến thành phương sách chính dùng để quyết định kết cục của trận đánh. Đội hình chiến đấu kéo dài trên chính

diện, cũng kéo dài theo chiều sâu: từ tuyến xạ thủ đến chỗ bố trí đội dự bị thường xa đến 2 hoặc hơn 2 dặm Anh. Tóm lại, nếu hệ thống mới đòi hỏi ít sự huấn luyện khắt khe và tính cầu kỳ kiểu phô diễn thì nó đòi hỏi ở mỗi người, từ vị tổng tư lệnh đến người xạ thủ thường, sự nhanh nhẹn nhiều hơn, sự căng sức nhiều hơn, sự cơ trí nhiều hơn; và mỗi cải tiến mới của hệ thống đó, sau Na-pô-lê-ông, đều đi theo cùng hướng đó.

Sự biến đổi về khí tài của quân đội trong thời kỳ này là không đáng kể: do những cuộc chiến tranh liên miên nên ít có thời gian dành cho những sự cải cách đó mà để tiến hành chúng thì đòi hỏi phải có thời gian. Trước cách mạng ít lâu, trong quân đội Pháp có hai sự cải tiến rất quan trọng. Họ đã trang bị một kiểu súng trường mới cỡ nhỏ hơn và khe nhỏ hơn trong rãnh đạn của nòng súng, cũng như có báng cong thay cho báng thẳng vẫn được sử dụng trước đây. Vũ khí này được chế tạo rất kỹ lưỡng đã góp phần không nhỏ vào việc xác lập ưu thế của xạ thủ Pháp và trở thành thứ khuôn mẫu mà mãi tới khi phát minh ra bộ kim hỏa, người ta vẫn căn cứ vào đó chế tạo ra - với những sự thay đổi không đáng kể - các loại súng trường sử dụng trong tất cả các quân đội khác. Hai là, Gri-bô-van đã giản đơn hoá và cải tiến pháo. Pháo binh Pháp dưới thời Lu-i XV đã ở vào tình trạng hoàn toàn bị bỏ rơi: pháo thì có đủ loại cỡ khác nhau với những giá pháo cũ kỹ, thậm chí không có sự thống nhất về kiểu chế tạo. Gri-bô-van trong thời kỳ Chiến tranh bảy năm⁴⁶ đã phục vụ trong quân đội Áo và nhìn thấy ở đó những mẫu tốt hơn, đã giảm bớt số lượng các cỡ, khiến chúng thống nhất hơn, và cải tiến kiểu cũng như giản đơn hoá rất nhiều toàn bộ hệ thống. Na-pô-lê-ông tiến hành chiến tranh chính là với các khẩu pháo và giá pháo của Gri-bô-van. Pháo binh Anh trong thời gian nổ ra chiến tranh với Pháp còn ở vào tình trạng rất tồi tệ, đã được cải tiến rất nhiều, tuy là sự cải tiến ấy diễn ra dần dần và chậm chạp; trong pháo binh lần đầu tiên xuất hiện giá pháo có càng một dóng mà sau đó được nhiều quân đội trên lục địa sử dụng, cũng như thiết bị

dùng để đưa các pháo thủ đi bộ lên trên giá đỡ phía trước pháo và hòm đạn. Kỵ pháo do Phri-đrich Đại đế thành lập đã được tăng cường sử dụng trong suốt thời kỳ Na-pô-lê-ông, đặc biệt là được chính Na-pô-lê-ông sử dụng và bấy giờ là lần đầu tiên người ta đã xây dựng chiến thuật riêng của nó. Khi chiến tranh kết thúc thì người ta nhận thấy rằng binh chủng pháo binh của người Anh là có hiệu quả nhất. Trong tất cả các quân đội lớn ở châu Âu chỉ có quân đội Áo đã thay thế kỵ pháo bằng những đại đội pháo mà các pháo thủ ngồi trên xe dùng riêng để chở họ.

Các quân đội ở Đức vẫn giữ loại bộ binh đặc biệt của mình được trang bị bằng súng nòng có rãnh, và phương pháp tác chiến mới trong đội hình tấn khai đem lại ý nghĩa đặc biệt cho loại vũ khí ấy. Phương pháp này được lưu hành đặc biệt, và đến năm 1838 người Pháp cần súng trường có tầm bắn xa cho An-giê-ri đã bắt chước kiểu súng đó. Ban đầu người ta đã thành lập tirailleurs de Vincennes^{1*}, rồi sau đó người ta thành lập chasseurs à pied^{2*}; hai loại xạ thủ này được nâng lên đến trình độ hoàn thiện chưa từng thấy. Sự thành lập những loại quân đó đã kích thích sự cải tiến quan trọng đối với súng trường nòng có rãnh, nhờ đó mà tầm bắn xa cũng như sự chính xác của đạn đã được nâng cao lên đến trình độ chưa từng thấy. Những sự cải tiến ấy đã làm nổi danh tên tuổi của Đen-vi-nhơ, Tu-vơ-nen, Mi-ni-ê. Đối với toàn thể bộ binh, bộ cơ bắm đã được sử dụng trong phần lớn các quân đội trong khoảng thời gian giữa các năm 1830 và năm 1840; theo lệ thường, người Anh và người Nga vẫn tụt hậu. Đồng thời ở tất cả các nước đều có những cố gắng lớn nhằm cải tiến hơn nữa súng cầm tay và chế tạo súng có tầm bắn xa hơn nữa để có thể trang bị cho tất cả bộ binh. Người Phổ trang bị bằng súng có kim hỏa

1* - xạ thủ Vành-xen-nơ

2* - các xạ thủ bộ binh. Sa-xơ

- đó là thứ súng nòng có rãnh nạp đạn bằng bộ cơ bắm và có đặc điểm là bắn nhanh và xa; súng này do người Bỉ phát minh đầu tiên và được người Phổ cải tiến rất nhiều. Súng này được trang bị cho tất cả các tiểu đoàn khinh binh của quân đội Phổ; trước đó ít lâu, các đơn vị khác của bộ binh được trang bị súng kiểu cũ, những súng này nhờ một số cải tiến giản đơn đã biến thành súng trường kiểu Mi-ni-ê. Lần này thì người Anh là người đầu tiên trang bị cho toàn thể bộ binh của mình bằng một thứ súng hoàn hảo nhất - súng trường En-phin, đó là kiểu súng trường Mi-ni-ê cải tiến chút ít; ưu điểm của nó được chứng minh đầy đủ ở Crum và đã cứu vãn được người Anh trong trận đánh ở In-ke-rơ-man⁴⁷.

Về mặt chiến thuật, trong bộ binh và kỵ binh không có những biến đổi gì quan trọng nếu không kể đến sự cải tiến đáng kể của chiến thuật bộ binh nhẹ do chasseurs Pháp tiến hành và cải tiến hệ thống đội hình đại đội hàng dọc mới của Phổ; không nghi ngờ gì nữa, hệ thống đội hình này, có thể cần ít nhiều cải tiến, chẳng bao lâu nữa sẽ trở thành đội hình được sử dụng phổ biến do những ưu điểm chiến thuật lớn của nó. Quân Nga và quân Áo vẫn giữ đội hình 3 hàng ngang, quân Anh từ thời Na-pô-lê-ông đã được bố trí thành 2 hàng, quân Phổ khi hành quân thì được bố trí thành 3 hàng, nhưng khi chiến đấu phần lớn được bố trí thành 2 hàng, còn hàng thứ ba là các xạ thủ và đội chi viện cho hai hàng kia; quân Pháp trước kia được bố trí thành 3 hàng ngang, nhưng ở Crum họ chiến đấu với đội hình 2 hàng ngang, và đội hình này từ đây được sử dụng trong tất cả quân đội. Còn về kỵ binh thì cuộc thí nghiệm của người Nga trong việc khôi phục long kỵ binh thế kỷ XVII và sự thất bại của cuộc thí nghiệm này thì đã được nhắc tới trên kia rồi.

Trong pháo binh của tất cả các quân đội đã có sự cải tiến lớn về các chi tiết, cũng như sự giản đơn hoá các cỡ, kiểu bánh xe, giá pháo v.v.. Khoa học pháo binh đã có bước tiến quan trọng.

Nhưng chưa có cuộc cải cách lớn lao nào. Phần lớn các quân đội trên lục địa được trang bị pháo cỡ 6 và 12 pao; quân đội Pi-ê-mông có pháo cỡ 8 và 16 pao, quân đội Tây Ban Nha có pháo cỡ 8 và 12 pao; quân đội Pháp trước đây có cỡ pháo cỡ 8 và 12 pao và hiện nay sử dụng lựu pháo gọi là kiểu Lu-i Na-pô-lê-ông, đó là loại pháo nhẹ thông thường cỡ 12 pao, có thể bắn cả trái phá nhỏ và dùng để thay thế tất cả các loại pháo dã chiến khác. Quân đội Anh ở các thuộc địa có pháo cỡ 3 và 6 pao, nhưng trong các đội quân được phái ra ngoài biên giới Anh hiện chỉ sử dụng pháo cỡ 9, 12 và 18 pao. Ở Crum, quân Anh thậm chí có đại đội pháo dã chiến cỡ 32 pao, nhưng nó luôn luôn bị lún sâu xuống đất.

Tổ chức chung của các quân đội hiện đại là hết sức giống nhau. Trừ quân đội Anh và quân đội Mỹ, các quân đội đều được bổ sung bằng sự tuyển quân cưỡng bức hoặc dựa trên chế độ quân dịch, - trong trường hợp này thì quân nhân sau khi phục vụ trong quân đội một thời hạn nhất định, được giải ngạch hẳn, - hoặc dựa trên chế độ quân hậu bị, nghĩa là thời hạn ở ngạch thường trực rất ngắn, nhưng sau khi chuyển sang ngạch dự bị những người này vẫn phải tái ngũ trong một thời hạn nhất định. Nước Pháp là ví dụ rõ ràng nhất về hệ thống thứ nhất, nước Phổ là ví dụ rõ ràng nhất về hệ thống thứ hai. Ngay ở Anh là nước mà quân đội chính quy cũng như dân binh thông thường được bổ sung bằng việc đăng ký những người tình nguyện, trường hợp thiếu lính tình nguyện thì việc bổ sung dân binh, theo luật định, được tiến hành bằng chế độ quân dịch (hoặc chế độ rút thăm). Ở Thụy Sĩ hoàn toàn không có quân đội thường trực; toàn bộ lực lượng vũ trang của nước này gồm dân binh, chỉ được huấn luyện một thời gian ngắn. Việc mộ lính đánh thuê nước ngoài cho tới nay còn là thông lệ ở một số nước: Na-pơ và giáo hoàng cho tới nay còn có các trung đoàn người Thụy Sĩ, quân Pháp có lính lê dương, còn ở Anh, khi xảy ra chiến tranh lớn, thường buộc phải sử dụng phương sách đó. Thời hạn phục vụ ở ngạch thường trực rất khác nhau: nó kéo dài 2 tuần ở Thụy Sĩ; từ 18 tháng đến 2 năm ở các quốc gia nhỏ

của Đức; 3 năm ở Phổ, và thời hạn đó lên tới 5, 6 năm ở Pháp, 12 năm ở Anh và 15 - 25 năm ở Nga. Sĩ quan được bổ sung bằng những phương pháp khác nhau. Trong phần lớn các quân đội, hiện nay không có trở ngại pháp luật nào đối với việc đề bạt sĩ quan từ lính thường, nhưng trong thực tế những trở ngại đó rất nhiều. Ở Pháp và Áo, một phần sĩ quan phải được bổ sung từ hạ sĩ quan lên; điều đó trở thành cần thiết ở Nga, do thiếu các sĩ quan đã qua huấn luyện chờ được bổ nhiệm. Ở Phổ trong thời bình cuộc thi lấy bằng quân hàm sĩ quan là một trở ngại cho những người chưa được học tập đầy đủ; ở Anh rất hiếm có sĩ quan xuất thân từ lính thường. Để đào tạo bộ phận sĩ quan còn lại, phần lớn các nước đều có các trường quân sự, tuy rằng ở mọi nước, trừ Pháp, việc trải qua các lớp huấn luyện ở các trường đó không phải là điều bắt buộc. Về mặt giáo dục quân sự, các sĩ quan Pháp đi hàng đầu, về mặt giáo dục chung, sĩ quan Phổ đi hàng đầu; sĩ quan Anh và Nga đứng hàng cuối cả về hai mặt ấy. Còn về ngựa cần thiết cho quân đội thì, theo chúng tôi biết, Phổ là nước duy nhất mà tại đó ngựa cũng phải qua kỳ tuyển mộ bắt buộc mà người có ngựa được trả khoản tiền đền bù nhất định. Trừ những ngoại lệ nói trên, hiện nay vũ khí và trang bị của các quân đội hiện đại ở khắp nơi đều gần như cùng một kiểu. Đương nhiên, có sự khác nhau lớn về chất lượng và trang trí của vũ khí trang bị. Về mặt này, người Nga chiếm vị trí cuối cùng, còn người Anh đã chiếm hàng đầu do thực sự hưởng được lợi thế của sự phát triển công nghiệp của mình.

Bộ binh trong tất cả các quân đội đều được phân chia ra bộ binh chủ lực và bộ binh nhẹ. Loại thứ nhất thông thường là bộ phận chính của bộ binh, còn bộ binh nhẹ thực sự ở nơi nào cũng là ngoại lệ. Trong bộ binh nhẹ thời kỳ chúng ta, bộ binh nhẹ của Pháp, không nghi ngờ gì nữa, có chất lượng cao nhất và đồng đều nhất: nó gồm có 21 tiểu đoàn xạ thủ, 9 tiểu đoàn lính du-a-vơ và 6 tiểu đoàn xạ thủ người bản xứ An-giê-ri. Bộ binh nhẹ của Áo, nhất là xạ thủ, cũng rất khá: nó gồm 32 tiểu đoàn. Quân Phổ có

9 tiểu đoàn thiện xạ và 40 tiểu đoàn bộ binh nhẹ, song những tiểu đoàn bộ binh nhẹ này không đáp ứng được đầy đủ sứ mạng đặc biệt của nó. Quân Anh không có bộ binh nhẹ thực sự, nếu không kể 6 tiểu đoàn xạ thủ; sau quân Nga, không nghi ngờ gì nữa, chúng là loại quân không thích hợp nhất với loại công việc này. Có thể nói rằng quân Nga không có bộ binh nhẹ thực sự, vì 6 tiểu đoàn xạ thủ của họ chìm ngấm trong đạo quân đồ sộ của nó.

Ở khắp nơi kỵ binh cũng phân chia thành kỵ binh nặng và kỵ binh nhẹ. Giáp kỵ bao giờ cũng thuộc về kỵ binh nặng, còn long kỵ, xạ thủ, chevaux-legers^{1*} thuộc về kỵ binh nhẹ. Long kỵ và thương kỵ trong một số quân đội được coi là kỵ binh nhẹ, còn trong một số quân đội khác lại được coi là kỵ binh nặng; quân Nga hoàn toàn không có kỵ binh nhẹ nếu không có lính Cô-dắc. Kỵ binh nhẹ tốt nhất, không nghi ngờ gì nữa, là của Áo, tức là gồm phiêu kỵ dân tộc Hung và Ba Lan. Trong pháo binh cũng có sự phân chia như thế, trừ quân Pháp vì trong quân đội đó, như đã chỉ rõ, chỉ có một loại cỡ pháo. Trong các quân đội khác, cho tới nay còn chia ra thành các đại đội pháo nhẹ và đại đội pháo nặng tùy theo cỡ pháo. Pháo binh nhẹ vẫn còn được chia ra thành kỵ pháo và bộ pháo, mà kỵ pháo chuyên được sử dụng để hiệp đồng với kỵ binh. Như đã nói ở trên, quân Áo không có kỵ pháo; quân Anh và quân Pháp không có bộ pháo theo đúng nghĩa của danh từ, vì các pháo thủ của nó ngồi trên bộ trước của xe và trên hòm đạn.

Bộ binh biên chế thành các đại đội, tiểu đoàn và trung đoàn. Tiểu đoàn là đơn vị chiến thuật; nó là hình thức biên chế chiến đấu của quân đội, nếu không kể một số ít trường hợp ngoại lệ. Do đó tiểu đoàn không được quá lớn về số lượng, để người chỉ huy của nó có thể điều khiển nó bằng lời nói và bằng tín hiệu

1* - kỵ sĩ thuộc kỵ binh nhẹ

liên lạc thị giác, nhưng không được quá ít để nó có thể tác chiến với tính cách đơn vị độc lập, ngay cả sau khi bị thiệt hại trong chiến đấu. Vì vậy quân số của tiểu đoàn có từ 600 đến 1 400 người, trung bình là 800 - 1 000 người. Việc chia tiểu đoàn thành các đại đội nhằm mục đích củng cố các phân đội biên chế của nó, huấn luyện tốt hơn cho binh lính về quân sự cơ bản và quản lý kinh tế thuận tiện hơn. Trên thực tế, các đại đội chỉ đóng vai trò đơn vị độc lập trong khi bắn nhau, còn trong quân Phổ là khi bố trí thành đại đội hàng dọc, nghĩa là khi mỗi đại đội trong 4 đại đội tạo thành hàng dọc với ba trung đội, đội hình đó đòi hỏi đại đội phải có quân số lớn, và ở Phổ đại đội có tới 250 người. Số lượng đại đội trong một tiểu đoàn cũng thay đổi như quân số của nó. Tiểu đoàn Anh có 10 đại đội, mỗi đại đội 90 - 120 người, tiểu đoàn Nga và Phổ có 4 đại đội, mỗi đại đội có 250 người, tiểu đoàn Pháp và Áo có 6 đại đội với quân số khác nhau. Các tiểu đoàn được biên chế thành trung đoàn nhằm mục đích hành chính và quản lý kỷ luật cũng như để bảo đảm thống nhất trong huấn luyện, hơn là nhằm mục đích chiến thuật; do đó trong các đơn vị biên chế thời chiến, các tiểu đoàn thuộc cùng một trung đoàn thường tách rời nhau. Ở Nga và Áo, mỗi trung đoàn có 4 tiểu đoàn, ở Phổ - 3 tiểu đoàn, ở Pháp - 2 tiểu đoàn chiến đấu, không kể các phân đội hậu bị - huấn luyện; ở Anh phần lớn các trung đoàn thời bình chỉ có một tiểu đoàn. Kỵ binh được chia ra thành các đại đội và trung đoàn. Đại đội với quân số từ 100 đến 200 người, là đơn vị chiến thuật và hành chính; chỉ có người Anh mới chia đại đội thành 2 trung đội nhằm các mục đích hành chính. Trung đoàn thường có từ 3 đến 10 đại đội kỵ binh chiến đấu; ở người Anh thì thời bình trung đoàn chỉ có 3 đại đội, mỗi đại đội có khoảng 120 kỵ binh; trung đoàn của Phổ có 4 đại đội, mỗi đại đội có 150 kỵ sĩ, trong quân đội Pháp, trung đoàn có 5 đại đội kỵ binh, mỗi đại đội có 180-200 người; trong đại đội quân Áo, trung đoàn có 6 hoặc 8 đại đội, mỗi đại đội có 200 người; trong

quân đội Nga, trung đoàn có 6 đến 10 đại đội kỵ binh, mỗi đại đội có từ 150-170 kỵ sĩ. Trong kỵ binh, trung đoàn là đơn vị có ý nghĩa chiến thuật, vì nó có phương tiện để tấn công độc lập, và lại, các đại đội kỵ binh sẽ chi viện cho nhau; do đó trung đoàn kỵ binh có quân số khá đông từ 500 đến 1 600 người. Chỉ tính riêng ở Anh, các trung đoàn kỵ binh có ít người đến mức buộc phải hợp nhất 4 hoặc 5 trung đoàn như vậy thành một lữ đoàn; mặt khác, trung đoàn của Nga và Áo nhiều khi có quân số bằng một lữ đoàn trung bình. Trung đoàn kỵ binh của quân Pháp, xét trên danh nghĩa, có quân số rất lớn, nhưng cho đến nay chúng chỉ xuất hiện trên chiến trường với quân số ít hơn nhiều do thiếu ngựa. Pháo binh biên chế thành các đại đội; chỉ thời bình mới thực hiện việc biên chế binh chủng này thành các trung đoàn hoặc lữ đoàn, vì vào thời chiến, các đại đội, hầu như trong mọi trường hợp, đều tách rời nhau và bao giờ cũng được sử dụng trong những điều kiện đó. Số pháo tối thiểu trong một đại đội pháo là 4 khẩu, nhưng ở Áo, con số ấy lên tới 8; đại đội pháo của Pháp và Anh có 6 khẩu. Xạ thủ và các loại bộ binh nhẹ thực sự khác đều thường chỉ được tổ chức thành tiểu đoàn và đại đội, chứ không thành trung đoàn, tính chất của binh chủng này không phù hợp với việc hợp nhất chúng thành những đơn vị lớn. Tình hình cũng như vậy đối với công binh và bộ đội đánh mìn, và lại họ chỉ là bộ phận rất nhỏ trong quân đội. Hiện nay chỉ có quân đội Pháp là ngoại lệ; nhưng 3 trung đoàn công binh và lính đánh mìn của họ chỉ có cả thảy 6 tiểu đoàn. Thời bình, trong phần lớn các quân đội, trung đoàn được xem là đơn vị biên chế cao nhất. Các đơn vị lớn hơn - như lữ đoàn, sư đoàn, quân đoàn - phần lớn chỉ được tổ chức khi nổ ra chiến tranh. Chỉ người Nga và người Phổ có quân đội được tổ chức triệt để, có bố trí cán bộ chỉ huy cao cấp cả thời bình lẫn thời chiến. Nhưng ở Phổ, điều đó chỉ thuần túy là ảo tưởng, chừng nào còn chưa tiến hành huy động, chỉ ít là cả một quân đoàn, việc này đòi hỏi gọi nhập ngũ lính lan-ve của toàn

tỉnh; nếu ở Nga quân đội thực sự được biên chế thành trung đoàn, thì cuộc chiến tranh vừa rồi^{1*} vẫn chứng tỏ rằng các sư đoàn và quân đoàn nguyên khai rất dễ bị pha trộn, cho nên ưu điểm của kiểu biên chế đó có ý nghĩa đối với thời bình hơn là đối với thời chiến.

Thời chiến, một số tiểu đoàn bộ binh hoặc đại đội kỵ binh được hợp nhất thành lữ đoàn: lữ đoàn bộ binh có từ 4 đến 8 tiểu đoàn, lữ đoàn kỵ binh có từ 6 đến 20 đại đội. Ở nơi nào có những trung đoàn kỵ binh lớn thì những trung đoàn này có thể hoàn toàn thay thế lữ đoàn, nhưng quân số của chúng rất thường bị giảm đi do cử các đơn vị cho sư đoàn. Vì một vài lợi thế nào đó bộ binh nhẹ và bộ binh chủ lực có thể hợp nhất trong một lữ đoàn nhưng không thể làm như thế đối với kỵ binh nhẹ và kỵ binh nặng. Người Áo hầu như bao giờ cũng điều cho mỗi lữ đoàn một đại đội pháo. Mấy lữ đoàn tạo thành sư đoàn. Trong phần lớn các quân đội, sư đoàn gồm tất cả ba binh chủng, chẳng hạn: gồm 2 lữ đoàn bộ binh, 4 - 6 đại đội kỵ binh và 1 - 3 đại đội pháo. Người Pháp và người Nga hoàn toàn không đưa kỵ binh vào biên chế các sư đoàn, người Anh thì thành lập các sư đoàn gồm toàn bộ binh. Do đó, những nước này, nếu không muốn tác chiến trong những điều kiện bất lợi cho mình, họ phải phối thuộc kỵ binh (và pháo binh một cách tương ứng) cho các sư đoàn mỗi khi có cơ hội; nhưng cơ hội đó dễ trôi qua, mà nhiều khi khó bề hoặc không thể sử dụng được cơ hội đó. Song tỷ lệ kỵ binh trong sư đoàn ở đâu cũng rất nhỏ, do đó bộ phận còn lại của binh chủng này được biên chế thành các sư đoàn kỵ binh, gồm mỗi sư đoàn hai lữ đoàn nhằm mục đích thành lập đội dự bị kỵ binh. Hai hoặc ba, có khi bốn sư đoàn, hợp thành một quân đoàn trong các quân đội lớn. Quân đoàn đó bao giờ cũng có kỵ binh và pháo binh của mình, ngay cả khi các quân đoàn này không có các sư đoàn, còn trong trường hợp các

1* - Chiến tranh Crim những năm 1853 - 1856

sư đoàn là các đơn vị hỗn hợp thì vẫn có đội dự bị gồm kỵ binh và pháo binh thuộc quyền chỉ huy của viên tư lệnh quân đoàn. Na-pô-lê-ông là người đầu tiên xây dựng đội dự bị quân đoàn như thế, và do không thoả mãn với điều đó, ông ta còn tổ chức toàn thể số kỵ binh còn lại thành quân đoàn kỵ binh dự bị, gồm 2 hoặc 5 sư đoàn kỵ binh có cả kỵ pháo. Người Nga cũng duy trì tổ chức giống thế cho số kỵ binh dự bị của họ; các quân đội khác xem ra lại dùng đến tổ chức đó trong trường hợp có chiến tranh lớn, mặc dù kết quả đạt được không tương xứng với khối lượng kỵ binh đồ sộ, được tập trung như vậy vào một điểm. Đây là tổ chức hiện đại của bộ phận chiến đấu trong quân đội. Nhưng mặc dù đã bỏ lều vải, kho lưu động, lò bánh mỳ dã chiến và xe lương thảo, quân đội vẫn còn chở kèm theo đoàn xe hậu cần lớn, gồm các nhân viên phi chiến đấu và số xe cộ cần thiết để đảm bảo sức chiến đấu của quân đội trong thời gian chiến dịch. Để có được một khái niệm nào đó về điểm ấy, chúng tôi nêu lên ở đây, dựa theo điều kiện hiện hành, một quân đoàn của quân đội Phổ cần một đoàn xe hậu cần như thế nào:

Đoàn xe pháo binh: 6 đội xe gồm 30 chiếc, một phòng pha chế thuốc trên 6 xe.

Đoàn xe bắc cầu: 34 xe chở vật liệu, 5 xe chở dụng cụ, 1 xe xưởng rèn.

Đoàn xe bộ binh: 116 xe, 108 bộ yên cương ngựa.

Đoàn xe quân y: 50 xe, (dùng cho 1 600 hoặc 2 000 bệnh binh).

Đoàn xe quân nhu dự bị: 159 xe.

Đoàn xe dự bị: 1 xe, 75 con ngựa dự bị.

Cộng: 402 xe, 1 791 ngựa, 3 000 nhân viên.

Để tạo khả năng cho các tư lệnh tập đoàn quân và quân đoàn và các viên chỉ huy sư đoàn có thể chỉ huy được, trong phạm vi quyền hạn của mình, các đội quân dưới quyền, thì trong tất cả các quân đội, trừ quân đội Anh, đều thành lập cơ quan chuyên môn, gồm toàn sĩ quan và được gọi là bộ tham mưu. Nhiệm vụ của các sĩ quan ấy là trinh sát và quan sát bằng mắt địa hình nơi quân đội sẽ tiến qua hoặc có thể tiến qua: giúp đỡ soạn kế hoạch tác chiến,

cũng như xác định các chi tiết của kế hoạch ấy để khỏi phí thời gian, khỏi nảy sinh sự rối loạn trong quân ngũ và hao phí sức lực một cách vô ích. Vì vậy các sĩ quan ấy giữ địa vị rất quan trọng và phải được huấn luyện quân sự hoàn bị, cũng như phải hiểu rõ những khả năng của mỗi binh chủng trong hành quân và trong chiến đấu. Vì vậy, ở tất cả các nước những sĩ quan này được tuyển chọn trong số những người có năng lực nhất và họ được huấn luyện kỹ càng trong các trường quân sự cao đẳng. Chỉ có người Anh cho rằng mỗi sĩ quan sơ cấp hoặc cao cấp, thuộc bất cứ đơn vị nào của quân đội, đều thích hợp với chức vụ đó; do vậy bộ tham mưu Anh ở vào trình độ thấp kém nhất; quân đội chỉ thực hiện được những sự cơ động chậm chạp nhất và giản đơn nhất, trong khi đó người chỉ huy, nếu nhìn chung người đó làm việc mẫn cán, thì buộc phải tự mình làm toàn bộ công tác tham mưu. Sư đoàn hiếm khi có quá một sĩ quan tham mưu; quân đoàn có bộ tham mưu riêng dưới quyền sĩ quan cấp cao hoặc sĩ quan tham mưu, còn tập đoàn quân có bộ tham mưu đầy đủ có mấy viên tướng ở dưới quyền một thủ trưởng chuyên trách, khi cần viên chỉ huy này có thể ra mệnh lệnh lấy danh nghĩa tư lệnh tập đoàn quân. Trong quân đội Anh, phó tư lệnh và phó tham mưu trưởng ở dưới quyền tham mưu trưởng; trong các quân đội khác, phó tư lệnh đồng thời là tham mưu trưởng. Ở Pháp một mình tham mưu trưởng nắm giữ cả hai chức vụ ấy và để thực hiện mỗi một chức vụ ấy, ông ta lại có cơ quan chuyên môn riêng. Phó tư lệnh là thủ trưởng của toàn thể quân nhân của tập đoàn quân; ông nhận báo cáo của tất cả các cơ quan và đơn vị dưới quyền và nắm tất cả các vấn đề về kỷ luật huấn luyện, biên chế, trang bị, vũ khí v.v.. Tất cả mọi cấp dưới đều thông qua ông mà liên hệ với tư lệnh tập đoàn quân. Nếu ông ta kiêm chức vụ tham mưu trưởng thì ông ta cùng với tư lệnh tập đoàn quân đặt kế hoạch tác chiến và hành quân của tập đoàn quân. Việc đặt kế hoạch tỉ mỉ về hành quân là chức trách của tham mưu phó: ông ta sẽ định ra tất cả những điều cụ thể về hành quân, đóng quân, hạ trại. Giúp

việc tổng hành dinh có một số lượng cần thiết các sĩ quan tham mưu để trình sát địa hình, đặt kế hoạch phòng ngự hoặc tấn công các trận địa v.v.. Ngoài ra, còn có chức chỉ huy trưởng pháo binh và chủ nhiệm công binh, phụ trách các ngành tương ứng, tiếp đó còn có mấy trợ lý tham mưu trưởng, đại diện cho tham mưu trưởng ở các nơi khác nhau trên chiến trường, và một số sĩ quan liên lạc và sĩ quan truyền đạt mệnh lệnh và báo cáo. Thuộc về tổng hành dinh còn có chủ nhiệm quân nhu và các nhân viên giúp việc, chủ nhiệm tài vụ, chủ nhiệm quân y và uỷ viên công tố quân sự hay là trưởng ban quân pháp. Cơ quan tư lệnh của quân đoàn và sư đoàn cũng được tổ chức theo kiểu đó, nhưng đơn giản hơn nhiều và ít nhân viên hơn; cơ quan tư lệnh của lữ đoàn và trung đoàn càng ít người hơn, còn bộ tham mưu của tiểu đoàn chỉ gồm có viên chỉ huy tiểu đoàn, chỉ huy phó, một sĩ quan tài vụ, một hạ sĩ quan văn thư và lính đánh trống hoặc lính kèn.

Để duy trì và quản lý lực lượng vũ trang của các quốc gia lớn, ngoài các cơ quan kể trên, cần có nhiều cơ quan khác. Có các quan chức tuyển quân và các quan chức bổ sung ngựa cho quân đội, những quan chức nói sau đó thường liên hệ với cơ quan quản lý các trại nuôi ngựa quốc gia; có các trường quân sự cho sĩ quan và hạ sĩ quan, các tiểu đoàn huấn luyện bộ binh, các đại đội huấn luyện kỵ binh, các đại đội huấn luyện pháo binh, các trường dạy cưỡi ngựa và trường thú y. Ở phần lớn các nước đều có xưởng đúc quốc gia và các xí nghiệp sản xuất súng cầm tay và thuốc súng; có các trại lính, kho vũ khí, kho tàng, cứ điểm với thiết bị của nó và các sĩ quan quản các cơ sở đó, cuối cùng còn có cục quân nhu và bộ tổng tham mưu quân đội cai quản toàn bộ lực lượng vũ trang của nước nhà, đông nhân viên hơn nhiều và làm chức năng quan trọng hơn nhiều so với cơ quan tham mưu và cơ quan quân nhu của các đạo quân tác chiến cá biệt. Bộ tổng tham mưu gánh vác chức trách đặc biệt quan trọng. Nó thường được chia ra thành: cục chiến sử (tập hợp các tài liệu về lịch sử chiến

tranh, về tổ chức quân đội v.v. trước kia và hiện nay), cục đồ bản (phụ trách lập bản đồ và đo đạc địa hình toàn quốc), cục thống kê v.v.. Tất cả những cơ quan ấy cũng như tất cả các lực lượng vũ trang đều thuộc quyền bộ chiến tranh, bộ này được tổ chức theo những cách khác nhau ở các nước nhưng, như đã thấy rõ qua những ý kiến trên, có phạm vi chức trách rất rộng. Chúng tôi lấy ví dụ: tổ chức của bộ chiến tranh Pháp. Nó gồm có 7 cơ quan quản lý hoặc cục: 1) cục nhân sự, 2) cục pháo binh, 3) cục xây dựng công trình - cứ điểm, 4) cục quân nhu, 5) cục phụ trách các vấn đề An-giê-ri, 6) quân vụ (phòng chiến sử, phòng đồ bản quân sự v.v. và các phòng ban của bộ tham mưu), 7) cục tài chính quân sự. Trực thuộc bộ chiến tranh có những ủy ban có tính chất tư vấn, gồm các tướng, sĩ quan cao cấp và chuyên viên: ủy ban về nhân sự của bộ binh, kỵ binh, pháo binh, ủy ban về xây dựng thành lũy, ủy ban về quân y, cũng như các ủy ban về thú y và tổ chức công tác xã hội. Bộ máy đồ sộ đó là như vậy, nó được thành lập để bổ sung người và ngựa, cung cấp thực phẩm cho một quân đội hiện đại hàng đầu, để quản lý quân đội đó và để làm cho nó được luôn luôn tái tạo. Tổ chức đó thích ứng với số người đông đảo được tuyển mộ vào quân đội. Tuy rằng đạo quân đồ sộ mà Na-pô-lê-ông có được vào năm 1812, - 200 000 người ở Tây Ban Nha, 200 000 người ở Pháp, I-ta-li-a, Đức và Ba Lan và 450 000 người với 1 300 khẩu pháo khi xâm nhập nước Nga, - chưa bao giờ bị vượt quá, tuy rằng hoàn toàn có thể là chúng ta sẽ không còn bao giờ lại trông thấy một đạo quân 450 000 người như thế tập trung vào chỉ một hoạt động quân sự, nhưng bất cứ nước lớn nào ở lục địa châu Âu, kể cả Thổ Nhĩ Kỳ đều có thể tuyển mộ, vũ trang và huấn luyện cho một quân đội đông 500 000 người, thậm chí lớn hơn; tuy quân đội của những nước ấy gồm không quá 1½% - 3% trong tổng số dân cư, nhưng trong lịch sử chúng chưa bao giờ đạt tới quy mô đó.

Hệ thống quân sự của Mỹ xây dựng cho công cuộc bảo vệ đất

nước về cơ bản dựa trên cơ sở các đội dân binh của các bang và dựa trên cơ sở quân tình nguyện được tuyển mộ khi tình hình đòi hỏi; lực lượng vũ trang thường trực được sử dụng chủ yếu để duy trì trật tự trong các bộ lạc người da đỏ ở miền Tây, mà theo báo cáo của bộ trưởng chiến tranh năm 1857, chỉ có khoảng 18 000 người.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Tám -
khoảng ngày 24 tháng Chín 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. II, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH. ĂNG-GHEN

SĨ QUAN TUỖ TÙNG

Sĩ quan tuổ tùng là người giúp việc hoặc aide-de-camp của người chỉ huy đơn vị lớn hoặc nhỏ trong quân đội. Thông thường tiểu đoàn trưởng bộ binh hoặc trung đoàn trưởng kỵ binh có một sĩ quan tuổ tùng; các viên chỉ huy lữ đoàn và sư đoàn, các tư lệnh corps d'armee^{1*}, cũng như tổng tư lệnh, tuổ theo cấp bậc, có một hoặc mấy sĩ quan tuổ tùng. Chức trách của sĩ quan tuổ tùng là truyền đạt mệnh lệnh của thủ trưởng của mình đến nơi quy định và theo dõi việc thi hành những mệnh lệnh ấy, cũng như nhận hoặc tập hợp những báo cáo gửi cho thủ trưởng của mình. Do đó, thẩm quyền của viên sĩ quan này phần lớn là quản lý nội quy của đơn vị quân đội tương ứng. Viên sĩ quan này quy định thứ tự tiến hành công tác của các bộ phận thuộc đơn vị và ra nhật lệnh, đồng thời anh ta là một loại thư ký của thủ trưởng, thảo công văn gửi các chỉ huy cấp trên và cấp dưới, tổ chức việc thảo các báo cáo và thông báo bằng văn bản hàng ngày, ghi sổ nhật ký và bảng kiểm kê của đơn vị mình. Ở những đơn vị lớn hơn hiện nay thường có bộ tham mưu thường trực do bộ tổng tham mưu cử ra và do "tham mưu trưởng" lãnh đạo, tham mưu trưởng gánh vác những nhiệm vụ phức tạp của sĩ quan tuổ tùng và chỉ để lại cho sĩ quan tuổ tùng việc truyền đạt các mệnh lệnh và điều hành công tác nội

1* - quân đoàn

bộ của đơn vị đó. Nhưng trong các quân đội khác nhau thì sự phân chia chức trách trong những trường hợp đó khác nhau nhiều đến nỗi ở đây không thể nào trình bày về nó, dù là trên những nét chung nhất. Chẳng hạn, không thể nào nêu ra hai quân đội, trong đó chức trách của sĩ quan tuổ tùng của tư lệnh corps d' arme'e lại hoàn toàn giống nhau. Ngoài những sĩ quan tuổ tùng thực tế đó, ở hầu hết các nước châu Âu, để đáp ứng nhu cầu của chế độ quân chủ người ta đã đặt ra rất nhiều nhân vật mệnh danh các viên tướng tuổ tùng bên cạnh nhà vua mà chức trách của họ đều giả tạo, trừ những trường hợp họ phục vụ cho bản thân nhà vua; nhưng ngay trong những trường hợp này, chức năng của họ cũng mang tính chất thuần tuổ hình thức.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 11 tháng Bảy và ngày 10 tháng Tám 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. I, 1858*

*In theo bản in trong Bách khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH. ĂNG-GHEN

AN-BU-Ê-RA

An-bu-ê-ra là tên một làng và một con sông nhỏ ở tỉnh Ê-xtrê-ma-đu-ra của Tây Ban Nha, cách Bát-đa-i-ốt 12 dặm Anh về phía đông - nam. Mùa xuân năm 1811 quân Anh bao vây Bát-đa-i-ốt lúc đó đang nằm trong tay quân Pháp và tiến hành vây đánh rất mãnh liệt cứ điểm này⁴⁸. Bê-re-xphốt với khoảng 10 000 quân Anh và Đức và 20 000 quân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đã yểm hộ cho cuộc vây đánh ở An-bu-ê-ra. Với bộ phận quân đội An-đa-lu-di-a có thể sử dụng để tấn công, Xun-tơ đã tấn công Bê-re-xphốt ngày 16 tháng Năm. Cánh phải của quân Anh được bố trí trên một điểm cao hình tròn, cánh giữa và cánh trái của quân Anh bố trí dọc theo bộ phận kéo dài hình yên ngựa của cao điểm ấy. Sông An-bu-ê-ra được dùng để yểm hộ trận địa từ phía chính diện. Xun-tơ hiểu ngay rằng ngọn đồi hình tròn đó là điểm cao khống chế và chiếc chìa khoá của toàn bộ trận địa; do đó ông ta chỉ chiếm lĩnh trận địa ở phía giữa và đối diện với cánh trái, còn chuẩn bị tiến công en masse^{1*} vào cánh phải của quân Anh. Bất chấp sự phản đối của các sĩ quan của mình, Bê-re-xphốt đã bố trí hầu hết quân Anh và Đức ở giữa và cánh trái, thành thử việc phòng ngự ngọn đồi được giao phó hầu như hoàn toàn cho số tân

1* - bằng chủ lực

binh Tây Ban Nha. Do đó, khi bộ binh của Xun-tơ xung phong lên ngọn đồi bằng đội hình hàng dọc dày đặc và tập trung thì quân Tây Ban Nha rút lui rất nhanh chóng và toàn bộ trận địa của quân Anh lâm ngay vào nguy cơ bị đánh bọc sườn. Vào giờ phút hiểm nghèo ấy, sau khi Bê-re-xphốt mấy lần từ chối phái quân Anh hoặc Đức sang cánh phải thì một trong những sĩ quan dưới quyền ông ở bộ tham mưu^{1*} đã tự chịu lấy trách nhiệm ra lệnh cho khoảng 7 000 lính Anh tấn công. Họ triển khai ở phía sau điểm cao hình yên ngựa, dùng hỏa lực tiêu diệt những tiểu đoàn Pháp đi đầu, và sau khi tiếp cận ngọn đồi, ông thấy quả đồi ấy được chiếm giữ bởi đội hình hàng dọc dài của quân Pháp không có nơi triển khai đang ở vào tình trạng khá rối loạn. Quân Anh liền tiến thẳng vào những đội hình ấy. Hỏa lực của tuyến triển khai của họ đã gây ra thương vong cho đám lính dày đặc; và cuối cùng, khi quân Anh chuyển sang đánh giáp lá cà thì quân Pháp bỏ chạy hỗn loạn xuống chân đồi. Đòn kết thúc này làm cho quân Anh phải trả bằng một cái giá là khoảng bốn phần năm quân số của họ - đây là số thương vong của họ. Nhưng kết cục của trận đánh đã được quyết định, và Xun-tơ đã rút lui, tuy rằng mấy ngày sau đó cuộc vây đánh Bát-đa-i-ốt cũng bị huỷ bỏ.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào giữa ngày 11 tháng Bảy và ngày 10 tháng Tám 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. I, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh
Công bố bằng tiếng Nga lần
đầu*

1* - Hắc-đỉnh

PH.ĂNG-GHEN

AN-MA

An-ma là một con sông con ở Crưm, từ địa hình cao ở ngoại thành Bác-si-xa-rai nó chảy theo hướng tây đổ vào vịnh Ca-la-mít, ở giữa Xê-va-xtô-pôn và Ép-pa-tô-ri. Bờ nam của sông này dốc đứng cho đến tận cửa sông và suốt chiều dài của nó đều không chế bờ đối diện, cho nên trong thời kỳ chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ vừa qua đã được công tước Men-si-cốp lựa chọn làm trận địa phòng ngự để đẩy lùi cuộc tấn công của liên quân, ngay khi chúng vừa đổ bộ lên Crưm.

Số quân dưới quyền chỉ huy của ông có 42 tiểu đoàn bộ binh, 16 đại đội kỵ binh, 1 đại đội lính Cô-dắc và 96 khẩu pháo, cả thảy là 35 000 người. Ngày 14 tháng Chín 1854 liên quân đã đổ bộ chệch về phía bắc An-ma 28 000 quân Pháp (4 sư đoàn), 28 000 quân Anh (5 sư đoàn bộ binh và 1 sư đoàn kỵ binh) và 6 000 quân Thổ Nhĩ Kỳ. Pháo của họ có số khẩu ngang với quân Nga - quân Pháp có 72 khẩu và quân Anh có 24 khẩu. Trận địa quân Nga tưởng chừng rất mạnh, nhưng trên thực tế có nhiều điểm yếu. Chính diện của nó kéo dài gần 5 dặm - một chiều dài quá mức đối với số lượng quân nhỏ mà Men-si-cốp nắm trong tay. Cánh phải không có chỗ dựa nào, trong khi cánh trái (do sự có mặt của hạm đội liên quân không chế bờ biển bằng hỏa lực) không thể đưa trận địa đến sát biển, do đó cũng có nhược điểm như trên. Kế hoạch của liên quân được xây dựng dựa trên tình hình

đó. Họ đánh lạc sự chú ý của quân Nga bằng những cuộc tấn công nghi binh từ phía chính diện, trong khi đó quân Pháp, được sự yểm hộ của hải đoàn phải vu hồi cánh trái của quân Nga, còn quân Anh, dưới sự yểm hộ của kỵ binh của mình, phải vu hồi cánh phải của quân Nga.

Cuộc tấn công diễn ra ngày 20. Nó được dự định tiến hành vào sáng sớm. Nhưng do sự chậm chạp của quân Anh, quân Pháp không dám vượt sông sớm hơn thời gian đó. Ở đầu cánh phải của quân Pháp, sư đoàn Bô-xkê vượt sông, hầu như chỗ nào cũng lội qua được và leo lên dốc đứng của bờ nam, không gặp sự chống cự nào cả. Nhờ những cố gắng lớn mà 12 khẩu pháo cũng đã đưa được lên khu đất cao. Ở bên trái Bô-xkê, Can-rô-béc đưa sư đoàn của mình vượt sông và triển khai trên cao điểm, trong khi sư đoàn của hoàng thân Na-pô-lê-ông làm công việc quét sạch Thổ Nga ra khỏi các vườn cây, vườn nho và các ngôi nhà ở làng An-ma. Để chống lại tất cả những cuộc tấn công của một lực lượng gồm 29 tiểu đoàn, Men-si-cốp chỉ có 9 tiểu đoàn ở tuyến một và tuyến hai của mình, chẳng bao lâu sau được 7 tiểu đoàn nữa đến tăng viện. 16 tiểu đoàn ấy, được sự chi viện của 40 khẩu pháo và 4 đại đội phiêu kỵ, phải chịu đựng toàn bộ sức nặng của cuộc tấn công của quân Pháp là bên chiếm ưu thế tuyệt đối về số lượng và nhanh chóng được sự tăng viện của 9 tiểu đoàn còn lại của sư đoàn Phoóc-rơ. Như vậy là toàn bộ đội quân của nguyên soái Xanh-Ăc-nô đã được đưa vào chiến đấu, trừ số quân Thổ Nhĩ Kỳ được giữ lại làm đội dự bị. Kết quả không phải chờ đợi lâu. Quân Nga dần dần không chống đỡ nổi và đã rút lui, duy trì trật tự trong chừng mực có thể được. Lúc đó quân Anh bắt đầu tấn công. Khoảng 4 giờ, những loạt đạn pháo của Bô-xkê bắn từ đỉnh đồi vào sườn trái quân Nga cho thấy rằng trận đánh đã ở vào lúc gay go; khoảng một giờ sau, tuyến xạ thủ của quân Anh tấn công tuyến xạ thủ của quân Nga. Quân Anh bỏ kế hoạch đánh bọc cánh phải quân Nga vì kỵ binh Nga - nếu không tính đến lính Cô-dắc,

thì cũng đã đông hơn kỵ binh Anh 2 lần - đã yểm hộ cho cánh đó, thậm chí uy hiếp sườn trái của quân Anh. Do đó huan tước Raglan quyết định tấn công trực tiếp chính diện quân Nga. Lấy sư đoàn bộ binh nhẹ của Brau-nơ và sư đoàn Ê-van-xơ làm tuyến một, ông đánh mạnh vào trung tâm quân Nga. Hai sư đoàn của công tước Căm-brít-giơ và tướng In-glen-đơ tạo thành tuyến thứ hai, còn đội dự bị (sư đoàn Cát-các-tơ) được kỵ binh yểm hộ, đi theo sau cánh trái. Tuyến thứ nhất triển khai xong thì đánh vào hai làng ở phía trước họ, và sau khi đuổi được quân Nga thì vượt sông An-ma. Ở đây hai bên mô tả khác nhau. Người Anh quả quyết rằng sư đoàn bộ binh nhẹ của họ đã đến được tường chắn mà phía sau tường chắn đó quân Nga bố trí trọng pháo, nhưng ở đây sư đoàn này đã bị đẩy lùi. Người Nga khẳng định rằng sư đoàn bộ binh nhẹ thậm chí không vượt được sông toàn bộ, còn nói gì đến việc tiến đến được dốc đứng trên đó xây dựng tường chắn. Dù sao đi nữa, tuyến thứ hai vận động trực tiếp sau tuyến thứ nhất; triển khai xong, nó lại phải bố trí thành đội hình dọc để vượt sông An-ma và leo lên điểm cao; tiếp đó nó lại triển khai và sau mấy loạt súng đã lao vào tấn công. Trước hết chính sư đoàn của công tước Căm-brít-giơ (quân cận vệ và quân Xcốt-len) đã đến cứu viện sư đoàn bộ binh nhẹ. Ê-van-xơ tuy vận động chậm chạp vẫn không bị đánh lui, vì vậy sư đoàn In-glen-đơ hành động ở sau lưng nó, vị tất đã phải chi viện gì cho nó. Tường chắn bị quân cận vệ và quân Xcốt-len chiếm và sau một cuộc chiến đấu ngắn nhưng kịch liệt, quân Nga đã rời bỏ trận địa. Ở đây 18 tiểu đoàn quân Nga đương đầu với cùng một số tiểu đoàn quân Anh, và nếu quân số của mỗi tiểu đoàn Anh vượt tiểu đoàn Nga khoảng 50 người, thì quân Nga, với ưu thế về pháo binh và về sự kiên cố của trận địa của mình, thừa sức bù lại sự thua kém về số lượng đó. Tuy nhiên, hỏa lực của bộ binh Anh nhìn chung nổi tiếng về sức sát thương của nó, đã đặc biệt gây chết chóc trong trận này. Phần lớn số quân tham gia trận đánh đều được trang bị súng

trường Mi-ni-ê, và đạn của nó có sức xuyên cho phép bắn sâu tào cả một hàng người và những viên đạn đó đã tỏ ra đặc biệt tai hại đối với đội hình hàng dọc dài của quân Nga. Toàn thể bộ binh quân Nga, trừ 6 tiểu đoàn, đã tham gia chiến đấu nhưng quân Nga không thể hy vọng đẩy lùi một đợt tấn công mới, nên đã rút khỏi trận chiến đấu; cuộc rút lui, dưới sự yểm hộ của kỵ binh và pháo binh nhẹ cũng như của đội dự bị bộ binh nhỏ, đã được hoàn thành thuận lợi. Trong trận này quân Anh, không nghi ngờ gì nữa, đã nổi bật hơn các quân đội khác, nhưng họ đã sử dụng cái phương pháp cơ động vụng về quen thuộc của họ là triển khai, rồi bố trí thành đội hình dọc, rồi lại triển khai dưới hỏa lực địch khi hoàn toàn không cần làm như vậy, do đó họ đã để mất thời gian và bị thiệt hại về người. Kết quả của trận này là khi quân Nga còn chưa được tăng viện thì khu vực không được bảo vệ của Crum đã hoàn toàn bị liên quân khống chế và họ đã mở cho mình con đường tiến đến Xê-va-xtô-pôn. Họ không thu được lợi gì từ ưu thế thứ nhất, song họ đã lợi dụng ngay được ưu thế thứ hai.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng giữa ngày
11 tháng Bảy và ngày 10 tháng Tám 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t.I, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

ÁC-KÊ-BÚT

ÁC-kê-bút xuất xứ từ tiếng Pháp: arquebuse, có khi viết sai thành harquebuse, còn ở Anh, đặc biệt là ở vùng biên giới Xcốt-len, lại bị biến dạng thành hagbut hoặc hackbut là kiểu súng trường cổ nhất thực sự thích hợp trên chiến trường cho mục đích quân sự. Ngay trong trận Bô-xu-ê-rơ năm 1485⁴⁹ nó đã được sử dụng với cái tên súng phóng đạn pháo cầm tay, chẳng qua là một ống ngắn bằng sắt, một đầu bịt kín bằng một thứ cơ bẫy và có ngòi nổ, súng phóng đạn này được cố định ở đầu một chiếc giá gỗ tương tự như cán giáo hoặc cán kích. Đó là một thứ hoả khí cầm tay, hoặc pháo cỡ nhỏ được nạp bằng đạn tự chế tạo hoặc nạp bằng những hòn bi nhỏ kê sát khối thuốc nổ làm bằng thuốc súng hạt lớn; súng bắn được nhờ có ngòi sát liền lỗ châm mồi. Súng đặt trên vai binh sĩ ở hàng đầu - lính cầm giáo hoặc cầm kích - điều chỉnh phương hướng bằng tay cầm và do binh sĩ ở hàng sau bắn, dĩ nhiên là không ngắm gì cả. Theo sử biên niên của Hô-lơ thì ngay ở thời kỳ rất sớm, trong trận A-den-qua, người Anh đã được trang bị "súng cầm tay"⁵⁰. Nhưng loại súng cổ này nặng nề và hoạt động chậm chạp đến mức chỉ đem lại ít hiệu quả hoặc không đem lại hiệu quả gì, mặc dù tiếng nổ mà nó phát ra rất ghê gớm và hình thức trông khác thường. Vào thời kỳ trị vì của Hen-ri VIII, mặc dù trong trận Pa-vi-a ở thời kỳ trị vì ban đầu ông ta đã thu được thắng lợi nhờ hoả lực của các xạ thủ bắn súng ác-kê-bút Tây Ban Nha, chiếc cung lớn vẫn còn là vũ khí ưu việt nhờ

sự chính xác, tầm bắn xa và sức xuyên của nó. Ngay ở thời kỳ trị vì của Ê-li-da-bét, người ta còn nói đến chiếc cung lớn là "vua của các vũ khí", mặc dù trong quân đội của nữ hoàng đã có các xạ thủ dùng súng Mu-skê và nữ hoàng đã cử đi giúp vua Pháp Hăng-ri IV một đơn vị xạ thủ dùng súng ác-kê-bút cưỡi ngựa dưới quyền chỉ huy của đại tá Giêm-xơ, cụ tổ của nhà viết tiểu thuyết nổi tiếng^{1*}. Vào thời kỳ trị vì của nữ hoàng, vũ khí này đã được cải tiến rất nhiều, mặc dù vẫn còn dài và nặng nề, chỉ có thể bắn được bằng chiếc cọc hình chạc cắm xuống đất trước mặt xạ thủ; thiết bị cần thiết này có khi được gắn các đầu nhọn của ngọn giáo hoặc ngọn kích để khi cắm nghiêng xuống đất có thể dùng làm dậu cọc.

Thân của những cây súng ác-kê-bút kiểu cổ ấy dài quá khổ, chúng được chế tạo bằng kim loại rất bền và thường là cỡ nhỏ, và một số ác-kê-bút đã có rãnh, như khẩu ác-kê-bút hiện nay còn bảo tồn ở cung Ha-min-tơn thuộc Xcốt-len là thuộc loại đó, năm 1570 Ha-min-tơn ở Bô-tu-ên-khô đã dùng súng này bắn chết nhiếp chính vương Me-rây. Súng này bắn được nhờ có dây cháy hoặc ngòi làm bằng gai ăn thông sang phía dưới cò súng giống như cò súng sử dụng trong cơ bẫy đá lửa hiện nay, khi bóp cò, ngòi đẩy đầu đang cháy vào gần thuốc súng và làm nổ ác-kê-bút. Về sau, cơ bẫy có ngòi nhường chỗ cho cơ bẫy bánh xe, ở đó đá lửa được cố định hẳn dưới gần thuốc súng, còn bánh xe nhỏ có khía ở xung quanh sẽ quay nhanh nhờ có lò so để phóng một cơn mưa tia lửa vào thuốc súng ở phía dưới nó. Tiếp theo sau cơ bẫy bánh xe là cái gọi là cơ bẫy lò so. Đó là mầm mống thô sơ đầu tiên của cơ bẫy thép dùng đá lửa được Giô-dép Man-tơn cải tiến rất nhiều và cả thấy chỉ sau có mấy năm đã hoàn toàn bị loại bỏ bởi ngòi nổ, công cụ phát hoả nhanh nhất và chắc chắn nhất mà người ta có thể tưởng tượng được. Cơ bẫy lò so đã được sử dụng trong

1* - Gi.P.R. Giêm-xơ

thời kỳ nội chiến ở Anh⁵¹ cho những súng lục nhỏ, súng săn và những khẩu súng trường chế tạo tinh xảo, nhưng do hiếm hoi và giá đắt, vũ khí này không được sử dụng rộng rãi, nó chỉ được giới quý tộc và sĩ quan sử dụng trong khi súng Mu-skê có ngòi nổ vẫn là vũ khí của binh sĩ. Đáng chú ý là từ khi phát minh lần đầu ra khẩu súng ác-kê-bút hoàn thiện cho mãi tới gần đây nhất thì bản thân việc chế tạo thân súng và trình độ chính xác của hướng bay của đạn đã đạt được sự tiến bộ thua xa điều mà người ta có thể dự kiến. Khó khăn về ngắm bắn chính xác, xem ra hoàn toàn bắt nguồn từ phương pháp bắn không hoàn thiện, khẩu súng nặng nề và sự bất lửa cực kỳ chậm, vì nhiều thân súng ác-cơ-bút được sản xuất rất lâu, nhất là sản xuất ở Tây Ban Nha, được cải tạo cho phù hợp với nguyên lý tác dụng va đập, được lắp báng mới và có thay đổi về chiều dài một cách thích đáng, như người ta đã thấy rõ, thì bắn rất chính xác và thậm chí có sức xuyên khác thường ở cự ly xa.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng giữa
ngày 11 tháng Bảy và 10 tháng Tám 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t.II, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

Ê-RI⁵²

Ngài Ê-ri, Ri-sốt được thưởng huân chương Ban hạng hai, là thiếu tướng, hiện nay là cục trưởng cục quân nhu quân đội Anh. Bắt đầu nhập ngũ năm 1821 ở cấp chuẩn úy, năm 1825 được thăng đại úy, năm 1851 được thăng trung tá; năm 1854 ở cấp ấy ông đã chỉ huy một lữ đoàn trong đạo quân được phái sang phương Đông. Tháng Chín 1854, ngay trước cuộc xuất phát của quân viễn chinh Crưm từ Vác-na, ông được bổ nhiệm làm chủ nhiệm quân nhu của lực lượng viễn chinh, giữ chức vụ này, ông là một trong số sáu hoặc tám sĩ quan bị khiển trách về tội là: ở dưới quyền chỉ huy của huân tước Ra-glan, họ đã đưa quân đội Anh đến chỗ diệt vong do thói thủ cựu, chủ nghĩa hình thức trong khi thừa hành chức trách, thiếu lý trí lành mạnh và mang nặng tính chây ỳ. Ê-ri chịu trách nhiệm xác định các tiêu chuẩn dựa vào đó để phân phối các doanh cụ hành quân cho các trung đoàn: lều vải, áo khoác, chăn, giấy. Theo sự thừa nhận của bản thân ông (trước uỷ ban điều tra ở Chen-xi) thì,

"từ tuần đầu tháng Chạp năm 1854, không có ngày nào ở Ba-cla-va lại không có dự trữ lớn về áo rét, nhưng trong khi đó ở mặt trận, trong các chiến hào một số trung đoàn chịu khổ sở vì thiếu chính những cái được cất giữ cho họ ở cách đó chừng 7 - 8 dặm".

Nhưng, ông tuyên bố rằng, đây không phải lỗi của ông, vì không hề có chút khó khăn nào để được ông ký phê chuẩn cấp phát

những trang bị ấy. Trái lại, ông cho rằng mình có công ở chỗ đã hết sức thu gọn và giản đơn hoá những thủ tục đã được quy định về phê chuẩn, thoả mãn một phần hoặc bác bỏ những yêu cầu mà các sư đoàn và trung đoàn gửi tới ông.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng giữa
ngày 11 tháng Bảy và 10 tháng Tám 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t.I, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH. ĂNG-GHEN

A-XPÉC-NƠ

A-xpéc-nơ và *Ê-xlin-gơ* là một thành phố và một làng ở bờ bắc sông Đa-nuýp, thành phố ấy ở phía dưới Viên khoảng nửa li-gơ^{1*}, làng ấy ở phía dưới Viên khoảng hai li-gơ, cả hai đều ở trên đồng bằng Mác-khphen-đơ rộng lớn có đồng cỏ bao phủ, kéo dài từ sông Đa-nuýp cho đến tận vùng rừng núi Bi-dam-béc, hai nơi này nổi tiếng nhờ trận đánh khốc liệt kéo dài hai ngày 21 và 22 tháng Năm 1809 giữa quân Pháp và quân Áo và là trận thất bại đầu tiên của hoàng đế Na-pô-lê-ông, bị đại công tước Các-lơ đánh bại ở đây và buộc phải rút lui.

Đầu chiến dịch, Na-pô-lê-ông thống lĩnh đại quân⁵³ ngược dòng sông In-nơ và sông I-da-rơ, tiến qua Ti-rôn, đánh bại đại công tước Các-lơ ở Ê-cơ-muy-lơ, đánh chiếm Rê-ghen-xbuốc và tại đây đã buộc đại công tước Các-lơ rút lui sang bên kia sông Đa-nuýp, vào dãy núi Bô-hêm, như vậy là đã chiếm được trận địa nằm giữa quân Áo và thủ đô Áo⁵⁴. Sau khi cử Đa-vun đem 40 000 quân để đánh lạc hướng viên tướng Áo, Na-pô-lê-ông xuôi theo sông Đa-nuýp và chiếm Viên. Trong khi đó các trợ thủ của ông là O-gien Bô-hác-ne và Mác-đô-nan tiến quân thắng lợi từ I-ta-li-a qua Đan-ma-xi,

1* Một li-gơ bằng 4,83 km.

Crai-na và ngược theo thung lũng sông Mu-rơ - nơi đây họ đã đánh bại I-ê-la-sích - để hội quân với vị tổng tư lệnh của mình. Lúc bấy giờ đại công tước Các-lơ sau thất bại ở Ê-cơ-muy-lơ tiến quân từ từ xuôi theo bờ bắc sông Đa-nuýp, hy vọng có cơ hội đánh một trận thắng lợi và cứu vãn đế chế ở ngay chân thành thủ đô, đã đưa quân đội của mình chiếm lĩnh trận địa ở Bi-dam-béc, phía trên đảo Lô-bai và một đảo nhỏ hơn nữa phân chia sông Đa-nuýp ở đây ra thành bốn dòng.

Đại công tước đứng đầu đạo quân 100 000 người chờ đợi từng giờ để hội quân với người em trai mình là đại công tước I-ô-han, người dẫn đầu một đạo quân 40 000 người và đạo quân này sẽ có thể tăng lên đến 60 000 người, nếu đại công tước I-ô-han, tuân theo mệnh lệnh chính xác mà ông ta nhận được, sẽ hội quân được với Cô-lô-vrát ở Lin-xơ, và đạo quân ấy phải chiếm lĩnh trận địa ở điểm cao nhất phía sau Na-pô-lê-ông, trên tuyến giao thông chính của Na-pô-lê-ông.

Na-pô-lê-ông, tập trung dưới quyền chỉ huy của đích thân ông 80 000 binh sĩ tinh nhuệ, sẵn sàng chiến đấu, trong đó có quân cận vệ của hoàng đế và đội dự bị kỵ binh của Bét-xi-e-rơ, định vượt sông Đa-nuýp và giao chiến với đại công tước Các-lơ, hy vọng tiêu diệt đại công tước trước khi viện binh của đại công tước tới. Nhằm mục đích đó, ông ra lệnh bắc từ phía hữu ngạn sông Đa-nuýp đến đảo Lô-bai một chiếc cầu bằng những vật liệu bền nhất đặt trên 68 chiếc thuyền lớn và 9 chiếc bè lớn, còn từ Lô-bai đến Mác-khphen-đơ tại địa điểm nằm giữa hai điểm dân cư A-xpéc-nơ và Ê-xlin-gơ, thì bắc cầu phao nhẹ hơn; sáng sớm ngày 21, với sự hăng hái lớn nhất, ông thân trọng bắt đầu cho binh lính qua sông. Từ trận địa trên cao của mình, tư lệnh quân Áo đã nhận thấy sự khinh suất của cuộc hành quân này là ở chỗ hoàng đế cho đạo quân đồ sộ của mình vượt con sông rộng và chảy xiết bằng một chiếc cầu duy nhất, chỉ cho phép sự vận động chậm chạp của các binh chủng nối tiếp nhau trên một chiếc cầu dài và hẹp, trên đó

kỵ binh tiến đã rất khó khăn, pháo binh càng khó khăn hơn; trường hợp bất buộc phải rút lui thì chiếc cầu ấy chắc gì đã có thể cứu vãn được đạo quân. Nhận thấy điều đó, ông lập tức quyết định lợi dụng thời cơ tiêu diệt một nửa lực lượng của Pháp trên bờ bắc, khi nửa còn lại của đạo quân còn đang bận vượt sông hoặc còn ở trên bờ nam. Đại công tước, một mặt, phái Cô-lô-vrát, Noóc-man và những sĩ quan khác chỉ huy số quân ở thượng lưu sông Đa-nuýp chuẩn bị thuyền chở những vật nặng và vật phóng hoả để phá hoại các cây vào lúc thích hợp, mặt khác, giấu chủ lực của mình và ra lệnh cho kỵ binh và các đội tiên tiêu giả vờ chống cự rồi rút lui trước số quân Pháp do Ma-xê-na chỉ huy, đang tấn công. Đến 12 giờ, khi cuộc hành binh của địch đã đi khá sâu, - trên 40 000 quân Pháp đã ở trên bờ bắc, - đại công tước Các-lơ đã có thể giành lấy quyền chủ động. Vào lúc đó, từ trên núi có rừng Bi-dăm-béc, ông đưa 80 000 người kéo xuống trong đó có 14 000 kỵ binh tinh nhuệ và 288 khẩu pháo và xông vào quân địch, chọn mục tiêu công kích chính là hai điểm dân cư ở hai sườn Na-pô-lê-ông - A-xpéc-nơ và Ê-xlin-gơ; khu vực trung tâm giữa hai cứ điểm đó, những công trình kiến trúc bằng đá, những vườn hoa có tường bao quanh và nhiều hàng dâu đều bị các đơn vị pháo lớn mạnh của quân Áo chiếm lĩnh, những đơn vị này do kỵ binh yểm trợ là chính, còn số bộ binh của Hô-hen-xtô-léc ở lại phía sau làm đội dự bị. Cuộc chiến đấu triển khai ở hai cánh khi quân Áo đánh vào sườn thật kinh khủng: sự mãnh liệt của bên tấn công cũng như sự ngoan cường của bên phòng ngự hầu như không có tiền lệ trong lịch sử chiến tranh. Hai điểm dân cư ấy đã mấy lần bị hai bên chiếm đi giành lại, còn pháo binh Áo đã gây ra thiệt hại kinh khủng cho hàng ngũ quân Pháp, đến nỗi Na-pô-lê-ông phải ra lệnh tổng công kích bằng kỵ binh hùng chiếm lấy các cỗ pháo. Giáp kỵ cận vệ ưu tú của quân Pháp tấn công với sự dũng mãnh và gan dạ thường thấy ở họ, đẩy lùi kỵ binh Áo, và lẽ ra, đã chiếm được các khẩu pháo nếu như pháo không vội vã rút đi,

còn bộ binh không tạo thành đội hình vuông, cũng như sau này ở trận Oa-téc-lô⁵⁵, đội hình này đã đập tan mọi ý đồ đòi chọc thủng cái đội hình không thể công phá được của nó; cuối cùng, đội hình vuông đã đánh bại kỵ binh và buộc nó phải lui về trận tuyến của mình trong tư thế hoàn toàn rối loạn với những thiệt hại hết sức nặng nề. Lúc đó, A-xpéc-nơ đã bị quân Áo chiếm; cánh giữa của quân Áo tiến lên dần dần nhưng không gì ngăn cản được, mặc dù quân giáp kỵ đã chiến đấu hy sinh anh dũng, cứ mỗi lần quân số lại giảm đi, nhưng họ vẫn công kích hết đợt nọ đến đợt kia và một mình cản trở việc chọc thủng trận tuyến của quân Pháp.

Ban đêm, cuộc chiến đấu ngừng lại một thời gian ngắn; nhưng quân Pháp đã thua rõ ràng trong trận đánh quyết định; cánh trái của họ bị vu hồi, còn cánh giữa của họ bị đẩy lùi hầu như đến đầu cầu; và tuy rằng Ê-xlin-gơ, nằm ở sườn phải của họ, vẫn còn giữ được nhờ sự anh dũng của Lan-nơ, nhưng bị quân Áo bao vây, đạo quân Áo này đang tựa vào súng mà ngủ giữa các xác quân Pháp, chỉ chờ đến sáng sớm là lại mở cuộc tấn công.

Nhưng suốt đêm những đơn vị quân đội mới đã vượt qua cầu và đến Mác-khphen-đơ, nên đến sáng sớm, sau tất cả những thiệt hại hôm qua, Na-pô-lê-ông vẫn có trong hàng ngũ cả thấy 70 000 người, không kể 3 000 do Đa-vu chỉ huy đã bắt đầu vượt sông. Trận đánh bắt đầu bằng sự khôi phục cuộc công kích vào hai điểm dân cư đang giành giật; Ê-xlin-gơ bị quân Áo chiếm, nhưng A-xpéc-nơ lại rơi vào tay quân Pháp. Suốt ngày đó, hai điểm dân cư này là bãi chiến trường quyết liệt, hai điểm này đã mấy lần chuyển tay do những cuộc đánh giáp lá cà, nhưng rút cục đã nằm trong tay quân Áo, đến tối họ đã đưa được pháo của mình vào hai điểm ấy và bắn chéo cánh sẻ vào hậu phương quân Pháp. Nhưng trong cuộc chiến đấu đẫm máu đó, Na-pô-lê-ông thoát khỏi thế thủ nhờ viện binh mạnh, đã dùng đến lối đánh quen thuộc của mình là công kích có tính chất tiêu diệt vào cánh giữa. Ông

tung Lan-nơ và U-di-nô chỉ huy một đội hình dọc đồ sộ với trên 20 000 người với 200 khẩu pháo ở phía trước và kỵ binh đông đảo ở phía sau đánh thẳng vào cánh giữa của quân Áo, vào giữa sườn trái của Hô-hen-txô-léc và sườn phải của Rô-den-béc-gơ, nơi xem ra yếu hơn cả trong trận tuyến của họ. Ban đầu cuộc công kích mãnh liệt ấy xem ra là hoàn toàn thành công; phòng tuyến quân Áo bị chọc thủng, giữa các đội quân của Rô-den-béc và của Hô-hen-txô-léc hình thành một lỗ hổng lớn, qua đó kỵ binh tiến lên vùn vụt, mở đường sâu vào hậu tuyến, đến tận đội dự bị của công tước Rai-xơ; khắp nơi đã lan truyền tin đồn trận đánh đã thua, nhưng đại công tước Các-lơ tỏ ra đường đầu được với tình thế: lính phóng lựu của đội dự bị được tung vào lỗ hổng với tốc độ nhanh gấp đôi và tạo thành nhiều đội hình vuông, bố trí như trên bàn cờ, đông đảo long kỵ của công tước Lich-ten-xtây-nơ phi nước đại theo sau và với lá cờ của trung đoàn Xắc trong tay, vị công tước dũng cảm ấy đã khôi phục được tình hình.

Đội hình dọc đồ sộ của Lan-nơ không thể tiến thêm nữa, nó dừng lại và bắn nhau với đội hình vuông và không thể triển khai được, nó đã bị tan tác trước hỏa lực của các đơn vị pháo cách nó có một nửa tầm bắn súng tay. Kỵ binh đã uống công công kích đội hình vuông, lăn xả vào lưới lê - không một đội hình vuông nào bị lung lay và bị đánh tan; cuối cùng đến lượt mình, long kỵ của đội dự bị Áo hò la ầm ĩ đã tấn công giáp kỵ của Pháp, làm cho đội giáp kỵ rối loạn và lao hỗn độn vào chính bộ binh Pháp, rút cục làm cho toàn bộ quân Pháp rối loạn. Ngay sau khi đẩy lui cuộc công kích, Hô-hen-txô-léc đem 6 trung đoàn lính phóng lựu Hung-ga-ri chọc thủng trận tuyến của quân Pháp ở bên phải trung tâm và chiếm toàn bộ khu vực kéo dài đến tận phía sau Ê-xlin-gơ, địa điểm này, cùng với A-xpéc-nơ, đã bị quân Áo chiếm hãm. Trong khi cánh giữa của quân Áo, bất chấp những cố gắng chưa từng thấy của quân Pháp lúc ấy đang rút lui toàn diện về đảo Lô-bai, quét sạch tất cả những gì ở trước nó, các đơn vị pháo của quân Áo từ hai địa điểm trên bắn chéo cánh sẻ vào các cây cầu, hiệu

quả của hoả lực đó mang tính chất tiêu diệt: mỗi phát đều trúng vào một đám đông đặc người và ngựa.

Bấy giờ, thêm vào tất cả những tai hoạ ấy của quân Pháp, chiếc cầu nối liền hòn đảo với bờ nam đã bị thuyền phóng hoả và bè của quân Áo phá huỷ, và, quân Pháp tạm thời mất hết mọi khả năng rút lui khỏi hòn đảo. Tuy vậy, với sự kiên cường khác thường, đội hậu vệ quân Pháp đã cầm cự được với quân Áo cho đến nửa đêm, khi những đơn vị cuối cùng của quân Pháp rời bỏ chiến trường và chuyển lên đảo, khi mà những đơn vị pháo của quân Áo thôi gầm thét, còn các pháo thủ mệt mỏi nằm ngổ bèn các khẩu pháo, kiệt sức vì cuộc chiến đấu vất vả của ngày vinh quang chưa từng có ấy.

7 000 quân Pháp đã bị kẻ chiến thắng chôn trên chiến trường, 29 793 thương binh và tù binh đã được đưa đến Viên. Lan-nơ và Xanh-I-le-rơ đã bị trọng thương và chết mấy hôm sau. Quân Áo bị tử trận 87 sĩ quan cao cấp và 4 200 binh sĩ, bị thương 16 300. Nhưng thắng lợi giành được ngay dưới chân tường thủ đô và hầu như trong tầm mắt của nó, là thắng lợi hoàn toàn; quân địch bị đánh tan tác và sa sút tinh thần, đã bị giam hãm trên diện tích chật hẹp của đảo Lô-bai, và nếu như đại công tước I-ô-han xuất hiện với 60 000 quân mới ở sau lưng quân Pháp vào sáng sớm hôm sau trận thất bại ở A-xpéc-nơ, đúng như mệnh lệnh đòi hỏi ông ta phải làm, thì sẽ thật dễ dàng có thể thấy kết quả sẽ ra sao.

Nhưng giờ tận số của Na-pô-lê-ông chưa điểm, và nhân dân các dân tộc còn chịu bốn năm đau khổ nữa, cho đến khi sự sụp đổ hẳn của tên quân phiệt khổng lồ ấy trả lại tự do cho họ trên bãi chiến trường Lai-pxích⁵⁶ và Oa-téc-lô.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng giữa ngày
14 tháng Bảy và ngày 10 tháng Tám 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t.II, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH. ĂNG-GHEN

TẤN CÔNG

Thuật ngữ "*tấn công*", theo ý nghĩa chiến lược chung của danh từ này, được dùng để chỉ việc nắm quyền chủ động trong bất cứ cuộc chiến đấu riêng lẻ nào, dù là trận đánh nhỏ, trận đánh vừa hoặc trận quyết chiến, và lại trong bất cứ trường hợp nào thì bao giờ cũng có một bên phải bắt đầu bằng hành động tấn công, còn bên kia bằng hành động phòng ngự. Người ta thường cho rằng tấn công đem lại thắng lợi lớn hơn, do đó quân đội giữ thế thủ, nghĩa là tiến hành chiến tranh có tính chất hoàn toàn phòng ngự, thường mở những chiến dịch tấn công và ngay trong các chiến dịch phòng ngự cũng tiến hành hoạt động tấn công. Trong trường hợp thứ nhất, quân đội phòng ngự có nhiệm vụ thay đổi địa điểm chiến đấu và chiến trường, đảo lộn những tính toán của địch, dụ địch xa rời căn cứ tác chiến của nó và buộc nó chiến đấu trong những giờ phút và những địa điểm hoàn toàn không phù hợp với điều mà nó chờ đợi, với cái mà nó chuẩn bị, và bất lợi hẳn hoi đối với nó.

Hai chiến dịch xuất sắc của Na-pô-lê-ông đã cho ta thấy 2 ví dụ tuyệt vời về lối tác chiến tấn công và công kích liên tục đã được tiến hành trong các chiến dịch hoàn toàn phòng ngự - đó là chiến dịch năm 1814 kết thúc bằng việc ông ta bị vây ở En-bơ, và chiến dịch năm 1815 kết thúc bằng thất bại ở Oa-téc-lô và sự đầu hàng của Pa-ri. Trong cả hai chiến dịch lỗi lạc ấy, vị thống soái đã tác chiến hoàn toàn nhằm mục đích phòng thủ đất nước

bị kẻ thù xâm phạm, đều đã tiến công địch thủ của mình ở mọi địa điểm mỗi khi có thời cơ; nhìn chung bao giờ cũng kém kẻ địch xâm lược rất nhiều về quân số, lần nào ông cũng biết tạo ra ưu thế so với địch ở địa điểm công kích, nơi mà ông thường giành được thắng lợi. Kết cục bất lợi của hai chiến dịch ấy không hề làm giảm sút ưu điểm của ý đồ chung của chúng hoặc ý nghĩa của những hành động cục bộ được tiến hành trong các chiến dịch đó. Cả hai chiến dịch đều thất bại do những nguyên nhân hoàn toàn không tùy thuộc vào kế hoạch của chúng hoặc việc thực hiện kế hoạch ấy, mà do những nguyên nhân mang tính chất chính trị cũng như chiến lược; nguyên nhân chính trong số đó là ưu thế to lớn của phía các nước đồng minh về mặt phương tiện và sự bất lực của một nước bị kiệt quệ vì những cuộc chiến tranh kéo dài một phần tư thế kỷ không thể nào một mình chống chọi được cuộc tấn công của toàn thể giới vũ trang chống lại nó.

Có quan điểm cho rằng khi hai quân đội gặp nhau mặt đối mặt trên chiến trường thì quân đội nào giành được quyền chủ động hoặc, nói cách khác, thực hiện *tấn công* sẽ có ưu thế quyết định. Song, những người có quan điểm ấy xem ra đã chịu ảnh hưởng sâu sắc do những thành tựu huy hoàng của mấy vị thống soái vĩ đại và một hay vài đại cường quốc quân sự mang lại, những thống soái và những cường quốc này có được những thành công là nhờ có những cuộc tấn công trên quy mô lớn nhất. Ý kiến này hiển nhiên là cần có sự điều chỉnh rất nhiều. Ê-pa-mi-nông A-lếch-xan-đơ, Han-ni-ban, Xê-da và sau hết, tính theo thời gian chứ không phải tính theo vai trò, là Na-pô-lê-ông I, là những vị thống soái đặc biệt ưa tấn công, họ đã giành được tất cả những thắng lợi vĩ đại và, trong phần lớn trường hợp, đã chịu những thất bại to lớn trong những hành động mà chính bản thân họ nắm quyền chủ động. Người Pháp có được những thắng lợi của mình nhờ những cuộc tấn công mãnh liệt như vũ bão và hầu như không thể nào cản được của họ, nhờ tài năng phán đoán nhanh chóng được tình hình, phát huy thắng lợi và biến thất bại của địch thành

sự tan rã hoàn toàn. Nhưng trong phòng ngự, người Pháp còn xa mới mạnh như vậy. Theo chúng tôi, lịch sử các trận đánh lớn trên thế giới chứng minh rằng, phương pháp tác chiến phòng ngự là có hiệu quả hơn cả trong những trường hợp, khi mà, quân đội bị tấn công có được tinh thần kiên cường và sự bình tĩnh đủ để bảo đảm chống cự liên tục chờ cho đến khi hỏa lực của bên tấn công bắt đầu yếu đi và binh lực của nó hao kiệt và suy sụp, rồi sau đó bên bị tấn công chuyển sang tấn công và tiến hành công kích. Nhưng có ít quân đội, thậm chí có ít dân tộc nào mà người ta có thể gửi gắm hy vọng vào họ cách tác chiến đó. Ngay người La Mã đã từng phòng ngự một cách xuất sắc trong các thành lũy kiên cố và tiến hành lỗi lạc các hành động tấn công trong điều kiện dã chiến, cũng chưa lần nào nổi tiếng trong các hành động tác chiến có tính chất phòng ngự; trong lịch sử của họ chưa có trận đánh nào, trong đó, sau khi chiến đấu phòng ngự trong những điều kiện bất lợi suốt một ngày, rút cục họ đã chuyển sang tấn công và giành thắng lợi. Nhìn chung cũng có thể nói như vậy về quân đội Pháp và các thống soái của họ. Trái lại, người Hy Lạp đã tiến hành nhiều trận đánh thành công nhất như trận Ma-ra-tông, Phéc-mô-pin, Pla-tây v.v., trong các trận kể trên đặc biệt là trận cuối họ đã tiến hành theo kế hoạch sau: ban đầu họ đẩy lùi cuộc tấn công mãnh liệt của địch cho đến khi địch suy yếu đi, rồi họ tấn công, một cách bất ngờ nhất đối với bên tấn công, vào đội quân đã bị tiêu hao một nửa của kẻ địch. Phương pháp tác chiến đó đã được người Anh dùng trong nhiều thế kỷ và người Thụy Sĩ và người Đức sử dụng trên quy mô lớn; thông thường nó đem lại thắng lợi cho quân đội của các dân tộc ấy, còn vào thời kỳ muộn hơn, người Mỹ cũng đã sử dụng thành công phương pháp đó. Các trận Crê-xi, Pu-a-chi-ê, A-dăng-cua, Oa-téc-lô, A-xpéc-nơ và Ê-xlin-gơ^{1*} cũng như nhiều trận khác - có quá nhiều chúng, không

1* Về trận đánh này, xem tập này, tr. 83-88.

thể kể ra hết ở đây - đều được tiến hành chính xác theo cùng nguyên tắc đó. Có thể bổ sung thêm rằng trong cuộc chiến tranh 1812 - 1814⁵⁷ người Mỹ đã sử dụng thành công để chống lại người Anh - những người hầu như trước sau vẫn công kích người Mỹ bằng đội hình dọc, và lại, trái với lệ thường của họ - cũng chính cái phương pháp đó, cái phương pháp đã tỏ ra rất có hiệu quả để chống lại người Pháp và cách đây không lâu cũng được người Anh sử dụng khi tác chiến với người Nga.

Trong chiến tranh, khi hai quân đội dàn quân đối diện nhau và cả hai chuẩn bị giao chiến thì thường sử dụng những phương pháp tấn công sau đây. Một là, phương pháp đơn giản nhất là tấn công trên toàn chính diện khi bên tấn công mở đầu trận đánh đồng loạt trên suốt toàn bộ chính diện, từ sườn này đến sườn kia, và chỉ dùng sức mạnh để giải quyết trận đánh. Hai là, tấn công bên sườn, hoặc đồng thời bằng hai sườn, hoặc lần lượt bắt đầu bằng sườn này rồi sang sườn khác, còn cánh giữa thì giữ ở phía sau. Đó là chiến thuật chiến đấu ưa thích của Na-pô-lê-ông: ông buộc quân địch phải làm suy yếu cánh giữa của nó để tăng cường cho hai sườn, còn bản thân lại giữ cánh giữa của mình lui về phía sau, tăng cường cánh giữa bằng đội dự bị kỵ binh lớn và cuối cùng tung vào lỗ hổng hình thành ở cánh giữa của quân địch, kết thúc trận đánh bằng cuộc đột kích có tính chất tiêu diệt. Ba là, tấn công bằng cánh giữa, khi đó hai sườn lui về phía sau làm đội dự bị. Trong tất cả các phương pháp tấn công đó, phương pháp cuối cùng có nhiều khuyết điểm hơn cả; nó ít được dùng tới và, như người ta nhận xét, nó chưa bao giờ đem lại thắng lợi. Nếu quân đội buộc phải giữ thế trận đó thì nó thường bị bao vây và bị tiêu diệt, như đã xảy ra với quân đội La Mã tiến hành tấn công ở Can-nô^{1*}. Trái lại, thế trận đó cực kỳ thích hợp đối với phòng ngự. Phương pháp thứ tư - tấn công, lệnh do Ê-pa-mi-nông sáng tạo

1* Xem tập này tr. 365-367.

ra và sử dụng với thắng lợi huy hoàng ở Lép-ctơ-rô và Man-ti-nây-a. Phương pháp đó là tấn công một sườn của quân địch, trong khi một sườn của mình được bí mật tăng viện dần dần, còn cánh giữa và sườn kia thì lui về phía sau, nhưng cơ động sao cho tạo ra được sự đe dọa tấn công thường xuyên và không cho phép bên phòng ngự tăng cường chỗ yếu của nó, cho đến khi làm được thì đã quá muộn. Đó là phương pháp ưa thích của ông Cléc-phơ, người Áo, phương pháp ấy được sử dụng để thường xuyên đánh bại quân Thổ Nhĩ Kỳ, và của Phri-đrich Đại đế là người thường nói về các chiến thắng huy hoàng nhất của mình rằng "ông chỉ diễn lại trận đánh của Ê-pa-mi-nông". Cần phải chú ý một sự thực là người Hy Lạp, người Pháp, người Nga và người Áo cũng như vậy, thường đánh thắng tất cả những trận xuất sắc của mình nhờ công kích bằng đội hình dọc; những đội hình này, miễn là không gặp trở ngại thực sự và không bị chặn lại, sẽ chọc thủng được cánh giữa và quét sạch tất cả những gì ở phía trước chúng. Trong tiến công hoặc trong phòng ngự, người La Mã, người Anh và người Mỹ trước kia hầu như trước sau vẫn chiến đấu trong đội hình ngang, người Anh và người Mỹ đến nay còn tiếp tục chiến đấu trong đội hình đó; trong đội hình này, họ bao giờ cũng dùng cánh giữa của mình đẩy lùi được cuộc tấn công mãnh liệt của các đội hình dọc tiến hành tấn công và ghìm được chúng, cho tới khi đưa các cánh quân ở sườn của mình lên, họ có thể đánh bọc sườn của quân địch và đánh bại nó. Cần chỉ ra rằng mỗi lần người Anh vứt bỏ cái phương pháp tấn công có thể nói là phương pháp dân tộc, với đội hình ngang gồm hai hàng và tấn công bằng đội hình dọc, như ở Phong-tơ-noa và Tri-pê-va⁵⁸, thì họ đều thất bại. Hầu như không thể bác bỏ được kết luận cho rằng tấn công vào cánh giữa bằng đội hình dọc là căn bản sai lầm, khi cuộc tấn công ấy nhằm vào những đội quân có sự bình tĩnh và kiên cường, mặc dầu đội hình đó lại bảo đảm chắc chắn sự thắng lợi trước kẻ địch thua kém về thể chất và kỷ luật, nhất là khi kẻ địch lại bị mất tinh thần.

Khi công kích lô-cốt cố thủ hoặc công sự dã chiến chỉ do bộ

binh phòng thủ, thì bên tấn công có thể đi ngay vào công kích, nếu công sự cũng có pháo để phòng thủ, thì trước hết cần phải làm sao để pháo của bên tấn công làm câm họng pháo của bên phòng thủ. Hoả lực của pháo phải phá huỷ được hàng rào, tiêu diệt pháo địch và phá hoại tường chắn và, như vậy, buộc bên phòng thủ rút pháo của mình vào trong công sự. Sau khi pháo binh của bên tấn công làm xong nhiệm vụ của mình, bộ binh nhẹ, chủ yếu là lập binh, vòng qua một phần công sự và bắn lên đỉnh tường chắn, buộc bên phòng thủ hoặc hoàn toàn không dám nhô đầu lên, hoặc bắn vội vàng. Lập binh dần dần tiếp cận và tập trung ở địa điểm quy định, bấy giờ tổ chức thành đội hình dọc xung phong đi đầu là những người được trang bị rìu và những người vác thang. Hàng thứ nhất cũng có thể trang bị những bó cành cây, vừa dùng làm mộc che đỡ, vừa dùng để lấp hào. Đến đây pháo của công sự đã lui về phía sau và chia vào đội hình dọc đang xung phong, còn lập binh tham gia tấn công thì tăng cường hoả lực của mình nhằm chủ yếu vào các pháo thủ phòng thủ cứ điểm, những pháo thủ này có thể tìm cách nạp lại đạn cho các khẩu pháo của mình. Nếu bên tấn công đã đến được hào, thì điều rất quan trọng là khi đột kích họ hành động có hiệp đồng và từ tất cả các phía họ cùng một lúc xông vào công sự. Do đó, trên bờ hào một thời gian ngắn họ chờ đợi tín hiệu quy định; khi họ leo lên tường chắn, họ vấp phải đạn phá bắn từ lựu pháo ra và đá và gỗ lăn xuống người họ, còn trên đỉnh tường chắn, những người phòng thủ dùng lưới lê và súng chống lại họ. Ưu thế trận địa vẫn còn thuộc về bên phòng thủ, nhưng tinh thần tấn công đem lại ưu thế hào hứng lớn cho bên tấn công, và nếu như một công sự không được các công sự khác yểm trợ từ bên sườn thì thường đến đây là lúc khó có thể đẩy lùi cuộc đột kích kiên quyết, tuy rằng không phải là hoàn toàn không làm được, đã có một số ví dụ chứng minh điều này. Có thể công kích những công sự tạm thời một cách bất ngờ hoặc bằng sức mạnh, và trong cả hai trường hợp, chức trách đầu tiên của người chỉ huy là dựa vào các gián điệp hoặc trinh sát để

đạt được những tin tình báo hết sức đầy đủ về tính chất của công sự, đội quân phòng thủ của nó, phương tiện phòng thủ và nguồn dự trữ. Trong công kích, bộ binh thường phải dựa vào phương tiện của bản thân, bấy giờ binh sĩ phải trông cậy vào tính sáng tạo của chính họ: dùng các bó củi khô đốt hàng rào lông nhím, lấp những hào nhỏ bằng các bó cỏ, vượt hàng rào bằng thang dưới sự yểm hộ của các nhóm lập binh, dùng các gói thuốc nổ làm nổ tung các cửa ra vào và cửa sổ bị chặn kín; với những phương tiện được sử dụng một cách kiên quyết và gan dạ, bộ binh thường có thể khắc phục được bất cứ chướng ngại thông thường nào.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng giữa ngày
14 tháng Bảy đến ngày 10 tháng Tám 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t.I, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH. ĂNG-GHEN

ÁP-GA-NI-XTAN

Áp-ga-ni-xtan là một nước rộng lớn ở châu Á về phía tây - bắc Ấn Độ, nằm giữa Ba Tư và Ấn Độ, còn ở hướng khác thì nằm giữa dãy núi Hin-đu-cu-sơ và Ấn Độ Dương. Trước kia, các tỉnh Ba Tư Hô-ra-xan và Cô-hin-xtan cùng với Hê-rát cũng như Bê-lút-gi-xtan, Ca-sơ-mia, Xin-đơ và phần lớn vùng Pen-giáp đều thuộc Áp-ga-ni-xtan. Trong biên giới hiện nay của mình, nước này có không quá 4 000 000 dân. Địa thế Áp-ga-ni-xtan rất không bằng phẳng: có những cao nguyên, núi lớn, đồng bằng và thung lũng sâu. Giống như tất cả các nước nhiệt đới nhiều núi, nó có đặc điểm là sự khác nhau rất nhiều về khí hậu. Ở Hin-đu-cu-sơ trên đỉnh núi tuyết phủ quanh năm, còn ở đồng bằng nhiệt độ lên tới 130° 1*. Miền đông nóng hơn miền tây, nhưng nhìn chung khí hậu mát hơn ở Ấn Độ và tuy có sự khác nhau rất lớn giữa nhiệt độ mùa đông và mùa hè cũng như giữa nhiệt độ ban ngày và ban đêm, nhìn chung khí hậu nước này có lợi cho sức khỏe. Những bệnh tật chính là sốt rét, viêm dạ dày và đau mắt. Có khi bệnh đậu mùa gây ra những sự tàn phá lớn. Đất đai cực kỳ màu mỡ. Ở các ốc đảo mọc lên um tùm những cây chà là, ở đồng bằng có khí hậu nóng thì có mía và bông, còn trên những ruộng bậc thang

1* Theo nhiệt kế Pha-ren-hai.

ở sườn núi cho tới độ cao 6 000 hoặc 7 000 phút có rất nhiều loại rau quả châu Âu. Núi đều được rừng rậm phủ kín, trong đó thường gặp gấu, sói và cáo, trong khi đó sư tử, báo và hổ thì sống ở những nơi thích hợp với những động vật ấy. Cũng không thiếu những động vật có ích cho con người. Ở đây có loài cừu Ba Tư tuyệt vời hoặc giống cừu đuôi lớn. Ngựa cao to và tốt giống. Lạc đà và lừa được sử dụng làm động vật thô; dê rừng, chó và mèo thì rất nhiều. Ngoài dãy núi Hin-đu-cu-sơ là bộ phận kéo dài của Hi-ma-lay-a, ở phía tây - nam có dãy núi gọi là núi Xô-li-man, còn chạy xuyên giữa Áp-ga-ni-xtan và Ban-khơ là dãy núi có tên gọi là dãy Pa-rô-pa-mi-xơ, nhưng ở châu Âu người ta rất ít biết tới. Sông ngòi thì không nhiều; con sông lớn nhất là Hin-men-đơ và Ca-bun. Chúng bắt nguồn ở Hin-đu-cu-sơ, trong khi đó thì sông Ca-bun chảy về phía đông và đổ vào sông Ấn ở gần Át-tốc, còn sông Hin-men-đơ chảy về phía tây qua tỉnh Xây-xtan và đổ vào hồ Di-ra. Đặc điểm của sông Hin-men-đơ là: giống như sông Nin, hàng năm nó tràn qua bờ, đem lại màu mỡ cho đất đai, đất đai này ngoài khu vực được nước tràn qua đều là sa mạc. Những thành phố chính của Áp-ga-ni-xtan là thủ đô của nó - Ca-bun, Ha-dơ-ni, Pê-sa-vác và Can-đa-gác. Ca-bun là một thành phố tuyệt đẹp, ở vào 34° 10' độ vĩ bắc và 60° 43' độ kinh đông, nằm trên con sông mang cùng tên. Nhà cửa ở đó đều xây dựng bằng gỗ, sạch sẽ và thuận tiện, và bản thân thành phố nhờ có những thửa vườn tráng lệ bao quanh nên có một vẻ đẹp hết sức hấp dẫn. Ca-bun có làng mạc bao quanh và nằm ở giữa bình nguyên rộng lớn có những đồi thấp bao quanh. Di tích chủ yếu của nó là lăng hoàng đế Ba-buốc. Pê-sa-vác là một thành phố lớn với cư dân lên tới 100 000 người, Ha-dơ-ni là thành phố rất nổi tiếng từ thời xưa, đã từng là thủ đô của đại đế Ma-khơ-mút đã mất đi địa vị nổi bật của nó trước kia và hiện nay xem ra rất nghèo nàn. Ở không xa thành phố là lăng Ma-khơ-mút. Can-đa-gác mới xây dựng gần đây, vào năm 1754, và nằm trên di chỉ của một thành phố cổ. Nó đã là thủ đô trong mấy năm nhưng vào năm 1774 trụ sở của chính

phủ đã chuyển về Ca-bun. Người ta cho rằng Can-đa-gác có 100 000 dân. Gần thành phố có lăng A-khmet-sắc, người sáng lập ra thành phố, lăng này là nơi ẩn náu thiêng liêng đến mức ngay nhà vua cũng không thể truy nã tội phạm ẩn nấp sau những bức tường của lăng này.

Vị trí địa lý của Áp-ga-ni-xtan và đặc trưng dân tộc đem lại cho nước này ý nghĩa chính trị, vị tất có thể đánh giá hết được trong các công việc của Trung Á. Hình thức cai trị là chế độ quân chủ, nhưng quyền lực của nhà vua đối với những thần dân dũng cảm và không yên phận của mình, mang tính chất cá nhân và cực kỳ không vững vàng. Vương quốc chia thành các tỉnh; đứng đầu mỗi tỉnh là đại diện của quốc vương thu thuế và chuyển về thủ đô.

Dân tộc Áp-ga-ni-xtan là một dân tộc dũng cảm, kiên nghị và yêu chuộng tự do; họ chỉ làm nghề chăn nuôi hoặc nông nghiệp và hết sức lẩn tránh thủ công nghiệp và thương nghiệp, họ khinh bỉ dành những nghề này cho người Ấn Độ và các cư dân khác ở thành phố làm. Đối với họ, chiến tranh là sự giải trí và sự nghỉ ngơi giúp giải thoát khỏi sự bận rộn đơn điệu trong các công việc làm ăn. Người Áp-ga-ni-xtan chia ra thành các chủng⁵⁹, trong đó có nhiều thủ lĩnh thực hiện một sự thống trị kiểu phong kiến đối với họ. Chỉ có sự ghét cay ghét đắng chính quyền nhà nước và sự ưa chuộng tính độc lập cá nhân đã cản trở họ trở thành một dân tộc hùng cường, nhưng chính tính tự phát đó và sự thất thường trong hành vi của họ đã biến họ thành những người lảng giềng nguy hiểm, bị chi phối bởi tâm trạng nhất thời và dễ bị lôi cuốn bởi những kẻ âm mưu chính trị biết kích thích một cách khéo léo sự ham thích của họ. Những bộ lạc chính là người Đu-ra-ni và người Ghin-dai thường xuyên thù địch nhau. Bộ lạc Đu-ra-ni mạnh hơn và do ưu thế của họ mà ê-mia hoặc khan của họ đã trở thành vua Áp-ga-ni-xtan. Thu nhập của ông này bằng khoảng 10 000 000 đô-la. Ông chỉ sử dụng được toàn bộ quyền lực của mình trong bộ

lạc mình. Quân số chủ yếu là do bộ lạc Đu-ra-ni cung cấp; phần còn lại của quân đội được bổ sung bằng các bộ lạc khác, hoặc bằng các phần tử phiêu lưu quân sự tham gia quân đội với hy vọng được lương hoặc cướp bóc. Quyền tư pháp ở các thành phố là do các ca-di điều hành, nhưng người Áp-ga-ni-xtan ít khi cầu viện đến luật pháp. Các khan của họ có quyền quy định các hình phạt cho đến tử hình. Hình thức trả nợ máu là nghĩa vụ của thị tộc. Tuy nhiên, người Áp-ga-ni-xtan nổi tiếng là một dân tộc hào hiệp và rộng lượng, nếu như họ không bị khiêu khích, và tục lệ mến khách của họ thiêng liêng đến mức kẻ tử thù, dù dùng thủ đoạn xảo quyệt để trở thành vị khách thì sẽ trở thành bất khả xâm phạm về mặt trả thù, và thậm chí, có thể yêu cầu chủ nhân bảo vệ để chống mọi sự nguy hiểm khác. Về tôn giáo, người Áp-ga-ni-xtan theo Hồi giáo và thuộc hệ phái xun-ni; song sự giả nhân giả nghĩa là xa lạ đối với họ và sự kết hôn giữa phái xun-ni và phái si-ít⁶⁰ là hiện tượng thường thấy.

Áp-ga-ni-xtan đã lần lượt bị sự thống trị của người Mông Cổ⁶¹ và người Ba Tư. Trước khi người Anh xuất hiện trên bờ biển Ấn Độ, những cuộc xâm nhập của người ngoài vào bình nguyên Hin-đu-xtan đều được tiến hành từ Áp-ga-ni-xtan. Đại đế Mắc-khơ-mút, Thành Cát Tư Hãn, Ta-méc-lan và Na-đia-sắc đều đi theo con đường ấy. Năm 1747, sau khi Na-đia chết, A-khmet-sắc học được nghệ thuật quân sự dưới quyền của nhà phiêu lưu quân sự ấy, đã quyết tâm cởi bỏ cái ách Ba Tư. Dưới thời ông, Áp-ga-ni-xtan đã đạt được sự vĩ đại và sự phồn vinh nhất trong suốt thời kỳ cận đại. Ông thuộc thị tộc Xa-đô-dai và hành động đầu tiên của ông là chiếm lấy những chiến lợi phẩm mà kẻ thống trị quá cố của ông cướp bóc được ở Ấn Độ. Năm 1748 ông đã đuổi được tổng đốc Mông Cổ ra khỏi Ca-bun và Pê-sa-vác, rồi vượt sông Ấn, ông tiến hành cuộc xâm nhập thần tốc vào Pen-giáp. Vương quốc của ông kéo dài từ Hô-ra-xan đến Đê-li, thậm chí ông đã độ sức với quốc gia của người Ma-rát-khơ⁶². Nhưng những hoạt

động quân sự vĩ đại ấy không cản trở ông quan tâm đến sự phát triển của nhiều ngành nghệ thuật hoà bình và ông nổi tiếng là nhà thơ và nhà sử học. Ông mất năm 1773, để lại ngai vàng cho con trai là Ti-mua, song Ti-mua không đảm đương được gánh nặng trao phó cho mình. Ti-mua rời bỏ thành phố Can-da-gác mà cha ông đã sáng lập và sau mấy năm đã trở thành một trung tâm giàu có và đông đúc, và lại chuyển trụ sở của chính phủ về Ca-bun. Những tranh chấp nội bộ giữa các bộ lạc đã từng bị bàn tay cứng rắn của A-khmet-sắc ngăn chặn, lại xảy ra dưới thời Ti-mua. Năm 1793 Ti-mua mất và Dê-man nối ngôi. Nhà vua này mưu tính củng cố quyền lực của Hồi giáo ở Ấn Độ, và kế hoạch có thể đe dọa nghiêm trọng lãnh địa của người Anh đó đã thu hút sự chú ý đến mức ngài Giôn Man-con được cử ra nước ngoài để ngăn chặn người Áp-ga-ni-xtan trong trường hợp họ có sự rục rịch nào đó, đồng thời những cuộc đàm phán với Ba Tư đã được bắt đầu, dựa vào đó có thể đặt người Áp-ga-ni-xtan vào tư thế trên đe dưới búa. Nhưng những sự dè phòng ấy đều uổng công; Dê-man-sắc gặp phải quá nhiều chuyện rắc rối nội bộ nảy sinh do những âm mưu và sự rối loạn ngay trong nước, và kế hoạch vĩ đại của ông tiêu tan ngay từ trong trứng. Em của nhà vua, Ma-khơ-mút, xâm nhập Hê-rát với ý định thành lập một công quốc độc lập, nhưng thất bại trong mưu toan đó, Ma-khơ-mút đã chạy sang Ba Tư. Trước kia Dê-man-sắc lên được ngôi vua là nhờ sự ủng hộ của thị tộc người Ba-rắc-dai, đứng đầu là Xa-ra-phra-dơ-khan. Việc Dê-man cử một nhân vật không được lòng người lên làm bộ trưởng toàn quyền đã gây ra sự thù ghét của những người đã từng ủng hộ ông trước đây, họ tổ chức một âm mưu, âm mưu bị phát giác và Xa-ra-phra-dơ đã bị xử tử. Sau đó Ma-khơ-mút được những người âm mưu mời từ Ba Tư về, Dê-man bị bắt và bị móc hai mắt. Để chống lại Ma-khơ-mút được người Đu-ra-ni ủng hộ, bộ lạc Ghin-dai đưa Sút-gia sắc lên làm vua được một thời gian; nhưng rút cuộc ông đã thất bại, chủ yếu là do chính những người ủng hộ ông phản bội ông và ông buộc phải tị nạn ở xứ sở người Xích⁶³.

Năm 1809 Na-pô-lê-ông cử tướng Gác-dăng đến Ba Tư mưu tính thúc đẩy sắc^{1*} xâm nhập Ấn Độ còn nhà cầm quyền Anh ở Ấn Độ thì cử đại diện của mình^{2*} tới triều đình sắc Sút-gia để tổ chức chống cự với Ba Tư. Vào thời kỳ đó Răng-gi-tơ Xinh-khơ đã xác lập được quyền lực và có tiếng tăm rộng rãi. Đó là thủ lĩnh của người Xích, người mà nhờ tài năng của mình đã làm cho đất nước độc lập đối với người Áp-ga-ni-xtan, đã thành lập một vương quốc ở Pen-giáp và tự xưng là Ma-ha-rát-gia (đại Rát-gia) và buộc chính phủ Anh - Ấn phải coi trọng mình. Ma-khơ-mút, kẻ cướp ngôi, tuy không bị phán xét, song cũng không hưởng được bao lâu sự thắng lợi. Bộ trưởng toàn quyền của ông ta là Phát-khơ-khan, kẻ ngả nghiêng giữa Ma-khơ-mút và sắc Sút-gia, đã chạy từ bên nọ sang bên kia tùy theo sự thúc đẩy của tính hiếu danh vì lợi ích nhất thời, đã bị hoàng tử Cam-ran bắt, bị móc mắt rồi bị xử tử tàn khốc. Thị tộc mạnh của bộ trưởng toàn quyền bị giết thê thảm cho cái chết của ông ta. Sắc bù nhìn Sút-gia lại được đưa lên sân khấu, còn Ma-khơ-mút bị đuổi cổ. Nhưng do sắc Sút-gia có thái độ ngạo mạn, nên chẳng bao lâu sau đã bị lật đổ và một người anh em khác của ông ta được đưa lên ngôi. Ma-khơ-mút chạy sang Hê-rát, nơi ông ta tiếp tục cai trị, năm 1829, sau khi ông chết, con trai ông là Cam-ran kế thừa quyền cai trị khu vực này. Bấy giờ thị tộc Ba-rắc-dai đã giành được quyền lực tối cao; các đại biểu của nó chia nhau lãnh thổ, nhưng do tập quán dân tộc, những cuộc phân tranh nội bộ lại bắt đầu và họ chỉ thống nhất trước kẻ thù chung. Một người anh em là Mô-ha-mét-khan đã cai trị thành phố Pê-sa-vác và do đó phải nộp cống cho Răng-gi-tơ Xinh-khơ; một người anh em khác cai trị

1* Tên gọi tước vị quốc vương ở một số quốc gia phương Đông. Sắc nói đến ở đây là Phê-thơ-A-li-sắc.

2* - M. En-phin-xtơn

thành phố Ha-dơ-ni, một người thứ ba cai trị Can-đa-gác, còn cai trị Ca-bun là đại biểu có thể lực nhất thị tộc - Đô-xơ Mô-ha-mét.

Năm 1835 đại úy A-léch-xan-đơ Bốc-xơ được phái đến nơi vị quốc vương này làm đại sứ vào thời kỳ mà Nga và Anh đang bày mưu tính kế chống lại nhau ở Ba Tư và Trung Á. Ông đề nghị liên minh với Đô-xơ, điều mà Đô-xơ hết sức sẵn lòng ký kết; nhưng chính phủ Anh - Ấn yêu cầu ở Đô-xơ tất cả những gì có thể yêu cầu, trong khi đó bản thân lại không đưa ra cái gì để đổi lại. Đồng thời, vào năm 1838, người Ba Tư lợi dụng sự giúp đỡ và lời khuyên của người Nga đã bao vây Hê-rát, chiếc chìa khoá mở cửa vào Áp-ga-ni-xtan và Ấn Độ⁶⁴; các gián điệp của Ba Tư và Nga đã đến Ca-bun, và do người Anh trước sau vẫn cự tuyệt nhận bất cứ nghĩa vụ rõ ràng nào, Đô-xơ rút cục đã chấp nhận đề nghị do bên kia đưa ra. Bốc-xơ rời Ca-bun và bấy giờ toàn quyền Ấn Độ là huân tước Ốc-lên-đơ, do chịu ảnh hưởng của viên thư ký của mình là U.Mác-nô-ten đã quyết định trừng phạt Đô-xơ Mô-ha-mét về biện pháp mà bản thân ông ta đã buộc Đô-xơ phải thi hành. Ốc-lên-đơ quyết định lật đổ Đô-xơ và thay thế bằng sắc Sút-gia, bấy giờ đang nhận trợ cấp hưu của Chính phủ Ấn Độ. Hiệp ước đã được ký kết với sắc Sút-gia và với người Xích; sắc bắt đầu tuyển mộ quân đội do người Anh trả tiền và do sĩ quan Anh chỉ huy, còn quân đội Anh - Ấn thì tập trung trên sông Xát-lét-giơ. Mác-nô-ten, có Bốc-xơ làm người giúp việc, phải đi theo quân viễn chinh với tư cách công sứ ở Áp-ga-ni-xtan. Lúc bấy giờ người Ba Tư đã rút bỏ cuộc bao vây Hê-rát, và như vậy là đã mất đi cái lý do duy nhất có trọng lượng để can thiệp vào công việc của Áp-ga-ni-xtan. Tuy vậy, vào tháng Chạp 1838 quân đội đã tiến vào Xin-đơ, bắt đất nước này khuất phục và bắt nó bồi thường chiến tranh cho người Xích và sắc Sút-gia⁶⁵. Ngày 20 tháng Hai 1839 quân đội Anh vượt sông Ấn. Nó có chừng 12 000 binh sĩ và trên 40 000 nhân viên phục vụ quân đội, không kể số tân binh

của sắc. Tháng Ba, quân đội Anh vượt đèo Bô-lan; lương thực cho người và thức ăn cho súc vật đã cảm thấy thiếu thốn; lạc đà chết hàng trăm con, và đại bộ phận đoàn hậu cần bị thiệt hại. Ngày 7 tháng Tư quân đội tiếp cận đèo Hốt-giắc, vượt đèo này mà không gặp sự chống cự gì và ngày 25 tháng Tư nó tiến vào Can-đa-gác mà Chính phủ Áp-ga-ni-xtan và anh em Đô-xơ Mô-ha-mét đã rời bỏ. Sau hai tháng nghỉ ngơi, ngài Giôn Kín, tư lệnh quân Anh, đã cùng chủ lực tiến về phía bắc, để lại một lữ đoàn ở Can-đa-gác do Nốt-tơ chỉ huy. Thành trì kiên cố của Áp-ga-ni-xtan là Ha-dơ-ni đã bị chiếm ngày 22 tháng Bảy sau khi một trong những tên chạy sang phía địch cho biết rằng trong số tất cả các cửa chỉ có cửa Ca-bun là không có đặt vật chướng ngại; cửa thành bị nổ tung và ngôi thành bị đánh chiếm. Sau trận thất bại thảm hại ấy, quân đội do Đô-xơ Mô-ha-mét tuyển mộ cũng tan tác ngay và ngày 6 tháng Tám Ca-bun cũng mở rộng cửa thành của mình. Sắc Sút-gia được đưa lên ngôi với nghi thức cần thiết, nhưng quyền lực thực sự nằm trong tay Mác-nô-ten là kẻ đã lấy tiền trong ngân khố Ấn Độ để thanh toán tất cả các khoản chi tiêu của sắc Sút-gia.

Việc chinh phục Áp-ga-ni-xtan dường như đã kết thúc, và đại bộ phận quân đội đã được rút về. Song người Áp-ga-ni-xtan không cam chịu sự thống trị của Feringhee Kaffirs (người châu Âu vô đạo) và trong những năm 1840 và 1841 các cuộc khởi nghĩa nối tiếp nhau nổ ra trên khắp đất nước. Quân Anh - Ấn buộc phải thường xuyên điều động. Tuy vậy, Mác-nô-ten tuyên bố rằng đó là tình hình thông thường ở xã hội Áp-ga-ni-xtan và báo cáo về Anh rằng tình hình rất tốt và chính quyền của sắc Sút-gia đang được củng cố. Những lời cảnh cáo của các sĩ quan Anh và các điệp viên chính trị khác đều uống công. Tháng Mười 1840 Đô-xơ Mô-ha-mét đầu hàng người Anh và bị giải về Ấn Độ, tất cả các cuộc khởi nghĩa vào mùa hè năm 1841 đều bị đàn áp nhờ những hoạt động có kết quả, và đến tháng Mười thì Mác-nô-ten, người được cử làm thống đốc Bom Bay, dự định tiến vào Ấn Độ với một

đoàn quân khác. Nhưng bão táp nổ ra ở đây. Việc chiếm đóng Áp-ga-ni-xtan làm cho ngân khố Ấn Độ tiêu tốn hàng năm 1 250 000 pao xtéc-linh: phải trang trải những chi phí về duy trì 1 600 quân Anh - Ấn ở Áp-ga-ni-xtan và số quân của sắc Sút-gia, lại còn 3 000 quân ở Xin-đơ và ở đèo Bô-lan; cuộc sống đế vương xa hoa của sắc Sút-gia, lương bổng cho các quan lại của ông ta và tất cả những khoản chi phí để duy trì cung đình và chính phủ của ông ta đều do ngân khố Ấn Độ thanh toán và sau hết, việc trợ cấp, hoặc nói đúng hơn, việc mua chuộc các thủ lĩnh Áp-ga-ni-xtan để họ khỏi có những hoạt động thù địch, đều lấy ở cùng nguồn tài chính ấy. Người ta nói với Mác-nô-ten rằng tiêu phí một số tiền như vậy là không thể tiếp tục lâu hơn nữa. Ông ta định thực hành tiết kiệm, nhưng biện pháp duy nhất có thể làm được để thực hành tiết kiệm là ngừng trợ cấp cho các thủ lĩnh. Chính vào cái ngày mà ông ta thí nghiệm biện pháp ấy, các thủ lĩnh đã tổ chức một vụ âm mưu nhằm tiêu diệt người Anh và như vậy là bản thân Mác-nô-ten đã trở thành công cụ để thống nhất các lực lượng phiến loạn, những lực lượng mà từ trước tới nay chiến đấu chống kẻ xâm lược một cách đơn độc, không có sự nhất trí và thống nhất nào; vả lại, điều cũng không nghi ngờ gì được nữa là đến lúc đó sự căm thù của người Áp-ga-ni-xtan đối với sự thống trị của người Anh đã lên tới tột đỉnh.

Quân Anh ở Ca-bun nằm dưới quyền chỉ huy của tướng E-phin-xtơ, một ông già mắc bệnh thống phong lâu năm, hoàn toàn bất lực và do dự, mà những mệnh lệnh của ông này thường xuyên mâu thuẫn nhau. Quân đội đã chiếm đóng một thứ dinh lũy rộng đến mức mà đơn vị phòng thủ vị tất có đủ để phòng thủ tường thành, và hoàn toàn không đủ để cử các đơn vị đi hoạt động ở bên ngoài. Công sự thiếu hoàn thiện đến mức có thể cưỡi ngựa vượt qua hào và tường chắn. Dường như để cộng vào tất cả những điều chẳng may đó, các điểm cao khổng lồ chế dinh lũy này đều hầu như ở gần trong tầm bắn của súng trường; điều phi lý

nhất trong toàn bộ sự bố trí là tất cả dự trữ lương thực và thuốc men đều được cất giữ trong hai lô-cốt độc lập, cách dinh lũy một khoảng, thêm vào đó chúng còn cách dinh lũy này mấy mảnh vườn có hàng rào và một lô-cốt nhỏ mà quân Anh không chiếm đóng. Thành Ca-bun hoặc Ba-la-ghi-xa-rơ, có thể là nơi hạ trại vào mùa đông và chắc chắn tuyệt hảo đối với cả một đạo quân, nhưng lại bỏ trống thể theo ý thích của Sút-gia sắc. Ngày 2 tháng Mười một 1841 cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Ngôi nhà của A-lếch-xan-đơ Bóc-xơ ở trong thành phố bị tấn công và bản thân ông ta bị giết. Viên tướng người Anh không có hành động gì và cuộc khởi nghĩa, không vấp phải sự chống cự nào, đã mạnh lên. Hoàn toàn hoảng hốt, E-phin-xtơ mù quáng làm theo đủ loại ý kiến mâu thuẫn nhau, chẳng bao lâu đã đẩy tất cả mọi cái đến tình trạng rối loạn mà Na-pô-lê-ông khái quát bằng ba từ: *ordre, contre-ordre, désordre*^{1*}. Thậm chí lúc bấy giờ Ba-la-ghi-xa-rơ cũng không bị chiếm lĩnh. Mấy đại đội được cử đi chống lại mấy ngàn người khởi nghĩa, và dĩ nhiên là những đại đội ấy bị đánh tan. Điều đó làm cho người Áp-ga-ni-xtan càng thêm dũng cảm. Ngày 3 tháng Mười một, họ chiếm các lô-cốt ở gần dinh lũy. Ngày 9 tháng Mười một, người Áp-ga-ni-xtan chiếm lô-cốt quân nhu (đơn vị bảo vệ nó có tất cả 80 người), do đó người Anh đã bị rơi vào cảnh bị đói. Ngày 5 tháng Mười một, En-phin-xtơ đã nói đến việc mua lấy quyền được rút khỏi nước này mà không bị cản trở. Trên thực tế, vào giữa tháng Mười một, do sự do dự và bất lực của ông ta, quân đội đã mất tinh thần, đến mức lính Âu cũng như Xi-pai⁶⁶ đã không dám chiến đấu trực diện với người Áp-ga-ni-xtan. Bấy giờ cuộc đàm phán bắt đầu, Mác-nô-ten bị giết trong một cuộc hội kiến với các thủ lĩnh Áp-ga-ni-xtan. Đất đã bị tuyết phủ, lương thực không đủ. Rút cục, ngày 1 tháng Giêng đã ký hiệp định đầu hàng. Tất cả

1* - mệnh lệnh, phản mệnh lệnh, hỗn loạn

tiền mặt, 190 000 pao xtéc-ling phải được giao cho người Áp-ga-ni-xtan, ngoài ra đã ký một kỳ phiếu nữa là 140 000 pao xtéc-ling. Toàn bộ pháo và đạn được, trừ 6 khẩu pháo cỡ 6 pao và 3 khẩu sơn pháo, đều để lại cho người Áp-ga-ni-xtan. Người Anh phải rút toàn bộ khỏi Áp-ga-ni-xtan. Về phần mình, các thủ lĩnh hứa bảo đảm an toàn, cung cấp lương thực và súc vật thồ.

Ngày 5 tháng Giêng, quân Anh bắt đầu rút lui, trong đội ngũ có 4 500 binh sĩ và 12 000 nhân viên phục vụ. Chỉ riêng một sự chuyển quân là đã đủ để xoá hết tàn dư cuối cùng của trật tự, binh sĩ lẫn lộn với nhân viên phục vụ, thành ra một mớ hỗn độn không thể tin cậy được, khiến không thể tiến hành sự kháng cự nào. Rét và tuyết cũng như sự thiếu lương thực đã tác động giống như trong cuộc rút lui của Na-pô-lê-ông khỏi Mát-xcơ-va. Nhưng điều làm cho người Anh lo lắng không phải là những người Cô-dắc vốn ở cự ly xa, mà chính là những lạc binh Áp-ga-ni-xtan dữ dằn được vũ trang bằng súng mu-xkê tầm xa và chiếm lĩnh mỗi điểm cao. Các thủ lĩnh đã ký hiệp định về sự đầu hàng, đã không thể, và cũng không muốn cản trở các bộ lạc miền núi. Đèo Hua - Ca-bun đã thành mồ chôn của hầu hết đạo quân, còn đám tàn quân nhỏ của nó - chưa đầy 200 người Âu - đã bị tiêu diệt ở lối vào đèo Gia-gđa-lắc. Chỉ có một người, bác sĩ Brai-đơn, vất vả lắm mới đến được Giê-la-la-bát và kể lại sự việc đã xảy ra. Song, nhiều sĩ quan đã bị người Áp-ga-ni-xtan bắt và giữ làm tù binh. Lữ đoàn Xây-lơ cố thủ Giê-la-la-bát. Người ta yêu cầu ông đầu hàng, nhưng ông cự tuyệt rút khỏi thành phố; Nốt-tơ cũng hành động như vậy ở Can-đa-gác. Ha-dơ-ni thất thủ; trong thành phố này không còn người nào hiểu biết dù là tí chút về pháo binh, còn những lính xi-pai thuộc quân đội đồn trú thì không chịu đựng nổi khí hậu.

Bấy giờ, khi được tin tức đầu tiên về thảm hoạ ở Ca-bun, nhà cầm quyền Anh ở biên giới đã tập trung quân đội ở Pê-sa-vác để cứu viện các trung đoàn còn ở Áp-ga-ni-xtan. Nhưng thiếu phương tiện vận chuyển, mà số người mắc bệnh trong lính xi-pai rất lớn.

Tháng Hai 1842 tướng Pô-lốc-cơ nhận quyền chỉ huy và đến cuối tháng Ba ông nhận được quân tăng viện mới. Bấy giờ ông vượt qua đèo Khai-béc và tiến lên để cứu Xây-lơ ở Giê-la-la-bát, nơi đây mấy hôm trước đó Xây-lơ đã đánh bại hoàn toàn quân đội Áp-ga-ni-xtan bao vây ông. Toàn quyền mới ở Ấn Độ, huân tước Ê-len-bô-rô đã ra lệnh cho quân Anh rút lui; nhưng Nốt-tơ cũng như Pô-lốc-cơ viện lý do có vẻ chính đáng là thiếu phương tiện vận chuyển để không phục tùng. Đến đầu tháng Bảy, công luận ở Ấn Độ rút cục đã buộc huân tước Ê-len-bô-rô phải có biện pháp nào đó để cứu vãn danh dự dân tộc và uy tín của quân đội Anh, do đó ông phê chuẩn cuộc tiến quân đồng thời từ Can-đa-gác và Giê-la-la-bát đến Ca-bun. Vào giữa tháng Tám, Pô-lốc-cơ và Nốt-tơ thoả thuận với nhau về kế hoạch tác chiến và ngày 20 tháng Tám Pô-lốc-cơ tiến về hướng Ca-bun, đến Gan-đa-mắc và đánh bại một đơn vị Áp-ga-ni-xtan vào ngày 23; ngày 8 tháng Chín ông chiếm đèo Gia-gđa-lắc, ngày 13 đã đánh tan lực lượng liên hiệp của địch ở gần Tê-din và ngày 15 hạ trại dưới chân thành Ca-bun. Trong khi đó Nốt-tơ rời Ca-đa-gác vào ngày 7 tháng Tám và đưa quân của mình tiến về Ha-dơ-ni. Sau mấy trận đụng độ nhỏ, ngày 30 tháng Tám, ông đánh bại một đơn vị lớn của người Áp-ga-ni-xtan, ngày 6 tháng Chín đánh chiếm Ha-dơ-ni mà quân địch đã rút bỏ, phá huỷ công sự và thành phố, đánh bại quân Áp-ga-ni-xtan một trận nữa ở trận địa kiên cố của họ gần A-li-đan và ngày 17 tháng Chín tiến đến ngoại thành Ca-bun, nơi đây Pô-lốc-cơ đã liên lạc được ngay với ông. Trước đó đã lâu, Sút-gia-sắc đã bị một thủ lĩnh giết và từ đó Áp-ga-ni-xtan không có chính phủ thường trực; con trai ông Phát-khơ Giun-gơ là vua trên danh nghĩa. Pô-lốc-cơ phái một đơn vị kỵ binh đi cứu tù binh ở Ca-bun, nhưng những người này đã mua chuộc được người gác và họ gặp đội quân này trên đường đi. Để trả thù, chợ Ca-bun đã bị phá hoại, ngoài ra binh sĩ đã cướp bóc một phần thành phố và tàn sát nhiều cư dân, ngày 12 tháng Mười, người Anh rút khỏi Ca-bun, đi qua Giê-la-la-

bát và Pê-sa-vác tiến về Ấn Độ. Ở vào tình trạng tuyệt vọng, Phát-khơ Giun-gơ đã đi theo họ. Bấy giờ Đô-xtơ Mô-ha-mét được phóng thích và trở về vương quốc của mình. Ý đồ của người Anh định đặt tay sai của mình lên ngai vàng Áp-ga-ni-xtan đã kết thúc như vậy.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 10 tháng Tám 1857

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. I, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

Nguyên văn là tiếng Anh

PH. ĂNG-GHEN

VẬT CHƯỞNG NGẠI

Vật chướng ngại bằng thân cây và cành cây, abattis - trong quân sự - là vật chướng ngại được tạo ra bằng cây đã chặt đổ và thường được dùng làm phương tiện thô sơ trong chiến đấu ở miền núi. Trong tình hình khẩn cấp, cây được xếp thành hàng dọc, cành cây chìa ra phía ngoài để ngăn cản địch tiến lên, còn thân cây thì làm tường chắn cho những người phòng ngự. Trường hợp việc dựng chướng ngại vật này được dự kiến từ trước, chẳng hạn làm phương tiện phòng thủ đèo, thì cành cây được phạt lá và vót nhọn, thân cây chôn xuống đất, còn các cành cây được đan thành một thứ giống như chevaux de frise^{1*}.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 10 tháng Tám 1857

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. I, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

Nguyên văn là tiếng Anh

In bằng tiếng Nga lần đầu

1* - vật chướng ngại bằng những thanh thép đan chéo nhau

PH. ĂNG-GHEN

PHƯƠNG PHÁP BỐ TRÍ PHÁO TRÊN NỀN CAO

Khi pháo trên pháo đài được bố trí cao tới mức có thể bắn vượt đỉnh tường chắn, chứ không phải như thông thường bắn qua lỗ châu mai, thì người ta nói rằng pháo được bố trí en barbette^{1*}. Để nâng pháo lên tới độ cao ấy, người ta đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau. Trong công sự dã chiến, nền đất cao ở phía sau tường chắn có thể dùng làm nơi đặt pháo. Trong công sự lâu bền, pháo được nâng lên độ cao cần thiết bằng giá pháo thông thường có thể trượt được và cao, hoặc bằng bệ quay. Pháo bố trí en barbette, không có gì yểm hộ chống hỏa lực địch như pháo bắn qua lỗ châu mai, do đó người ta chỉ bố trí chúng như thế trong những trường hợp không thể khoét lỗ châu mai ở tường chắn, vì điều đó làm yếu nghiêm trọng đến tường chắn, hoặc khi muốn mở rộng phạm vi hỏa lực của pháo sang phải và sang trái trên một cự ly lớn hơn là lỗ châu mai cho phép. Vì vậy sự bố trí pháo en barbette được sử dụng trong các cứ điểm dã chiến, ở công sự có góc nhô ra và ở các pháo đài bờ biển nhằm bắn vào tàu chiến, đặc biệt là nếu như tường chắn xây bằng đá tảng. Để bảo vệ pháo

1* - trên bệ pháo

chống hỏa lực bắn dọc, khi cần thiết người ta sẽ xây rào ngang và ụ nhỏ ở phía trước.

*Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 14
tháng Chín 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. II, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH. ĂNG-GHEN

PHÁO ĐÀI

Trong trúc thành cổ đại, tường thành được bảo vệ từ trên sườn bằng những tháp canh hình tròn hoặc hình vuông, từ đó, bên bị vây có thể bắn cung hoặc dùng các chiến cụ bắn trái đạn vào kẻ địch đang tấn công, vào lúc mà địch buộc phải dừng lại trước hào. Ở châu Âu khi pháo binh xuất hiện, những tháp canh ấy được xây dựng với quy mô rất lớn, và cuối cùng vào đầu thế kỷ XVI các kỹ sư I-ta-li-a đã tạo cho chúng hình nhiều cạnh thay cho hình tròn hoặc hình vuông, như vậy là xây dựng thành pháo đài. Pháo đài là một hình năm cạnh không đều, mà một cạnh hướng vào bên trong cứ điểm, thành thủ góc lồi đối lập nhô ra chỗ trống. Hai cạnh dài hình thành góc lồi thì được gọi là chính diện, còn hai cạnh ngắn nối liền những cạnh dài với tường thành hoặc tường lũy thì được gọi là sườn. Chính diện dùng để đối phó với hỏa lực tầm xa của địch, còn sườn dùng hỏa lực của mình yểm hộ cho hào. Những pháo đài đầu tiên của I-ta-li-a còn mang dấu vết nguồn gốc của chúng là những tháp canh Cổ đại. Chúng được xây dựng rất gần tường chính, góc lồi rất tù, chính diện ngắn, còn tường chắn được xây bằng đá đến tận đỉnh. Ở những pháo đài nhỏ ấy, tác dụng chính của sườn là bảo vệ hào ở phía trước tường thành nối liền hai pháo đài. Do đó, sườn thẳng góc với tường thành. Những pháo đài ấy hoặc được bố trí ở mỗi góc của thành lũy nhiều cạnh, tạo thành toàn bộ tường bao quanh cứ điểm, hoặc trong trường hợp một cạnh của hình nhiều cạnh quá dài đến nỗi một

phần của nó vượt ra ngoài phạm vi tầm bắn có hiệu lực của súng trường của hai sườn nhô ra, thì ở giữa có pháo đài trung gian được gọi là *piatta forma*^{1*}.

Do sự cải tiến của pháo công thành vào thế kỷ XVII người ta thấy cần có những pháo đài lớn hơn, còn tường thành mất đi rất nhanh chóng tác dụng của nó, vì từ nay mục tiêu công kích chính là các pháo đài. Tác dụng của các sườn cũng thay đổi: giờ đây chúng phải bắn dọc, chủ yếu là theo hào ở phía trước chính diện của pháo đài bên cạnh, và chúng thẳng góc không phải với tường thành, mà là với đường kéo dài của chính diện ấy, và được gọi là tuyến phòng ngự. Độ cao của bộ phận bằng đá đã giảm đi với sự tính toán là hoặc tường dề, hoặc tường chắn của các công sự ngoại vi thấp hơn, có thể yểm hộ nó khỏi bị hỏa lực bắn thẳng. Như vậy là các đại biểu của các trường phái Pháp và Đức cũ, rồi đến Vô-băng và Cu-khoóc-nơ đã nhiều lần thay đổi hình thức và quy mô của các pháo đài, cho đến vào khoảng năm 1740, khi Coóc-môn-tanh công bố tác phẩm của mình về hệ thống xây dựng pháo đài⁶⁷; hệ thống của ông thường được xem là hoàn thiện nhất trong lĩnh vực này. Các pháo đài của Coóc-môn-tanh có qui mô hết sức lớn; các sườn của nó hầu như, chứ không phải hoàn toàn, thẳng góc với tuyến phòng ngự; các công sự ngoại vi cũng được hoàn thiện rất nhiều.

Pháo đài có loại đặc và rộng. Ở loại pháo đài đặc, toàn bộ bên trong đều đạt tới độ cao của tường lũy, ở pháo đài rộng, tường lũy kéo dài theo cạnh trong của pháo đài và đủ rộng để bố trí pháo, còn trung tâm của công sự thì bỏ trống. Trong những pháo đài đặc có khi người ta xây dựng ca-va-li-e, tức là công sự mà các cạnh của nó song song với các cạnh của pháo đài và cao đến mức có thể từ đó bắn pháo vượt qua tường chắn của pháo đài. Do vị trí khổng lồ của những ca-va-li-e ấy, nên trong đó thường đặt

1* - bộ

những khẩu pháo tầm xa nhất để quấy rối địch bằng hoả lực bắn từ xa.

Hệ thống trúc thành dựa trên các pháo đài là hệ thống duy nhất được công nhận từ thế kỷ XVI cho đến cuối thế kỷ XVIII khi Mông-ta-lăm-be đưa ra mấy phương pháp mới về trúc thành không có pháo đài. Trong số đó được ca ngợi nhất là hệ thống hình nhiều cạnh, hay là hệ thống ca-pô-nia, dùng cho những cứ điểm ở xa bờ biển và hệ thống pháo đài bờ biển có hầm ngầm có bố trí nhiều tầng pháo.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 14 tháng Chín 1857

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. II, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

LƯỠI LÊ

Người ta thường cho rằng loại vũ khí mà hiện được sử dụng trong tất cả các đơn vị bộ binh chủ lực này đã được phát minh vào khoảng năm 1640 ở Pháp (chắc là ở Bai-ôn do đó có tên gọi đó^{1*}). Theo những tài liệu khác thì người Hà Lan du nhập kiểu vũ khí này của người Mã Lai là những người đã gắn "kris", hay là đoản kiếm của họ vào khẩu súng, còn ở Pháp vũ khí này được sử dụng vào khoảng năm 1679. Trước đó, những xạ thủ Mu-skê không có vũ khí hữu hiệu để đánh giáp lá cà, do đó để bảo vệ họ chống kẻ địch trong một trận đánh như thế phải hợp nhất họ với những tay giáo. Lưỡi lê làm cho những xạ thủ Mu-skê có thể chống lại kỵ binh hoặc lính cầm giáo, do đó dần dần loại trừ loại lính này. Ban đầu lưỡi lê được gắn vào một chiếc gậy và cắm vào nòng súng với chiếc gậy, nhưng vì như vậy người lính không thể bắn được khi đã lắp lưỡi lê, nên về sau đã phát minh ra một chiếc ống chụp vào nòng súng. Tuy nhiên, chiếc giáo còn được giữ lại làm vũ khí của bộ binh trên nửa thế kỷ nữa. Người Áo là những người đầu tiên đã thay chiếc giáo bằng súng trường có lưỡi lê cho tất cả số bộ binh chủ lực của họ; người Phổ noi gương họ vào năm 1689; người Pháp mãi đến năm 1703, còn người Nga mãi đến năm 1721 mới thôi hẳn sử dụng giáo. Trong trận Spây-ơ-bác

1* "Lưỡi lê" - tiếng Anh gọi là "bayonet" (xuất xứ từ tiếng Pháp "baionnette").

năm 1703, bộ binh lần đầu tiên xung phong có lắp lưới lê⁶⁸. Trong bộ binh nhẹ hiện nay, lưới lê thường được thay bằng lưới găm ngắn, thẳng và nhọn, được gắn trên ổ di động ở một bên của miệng súng. Do đó nó đương nhiên cấm không được chắc, nhưng loại bộ binh này chỉ xung phong bằng đội hình dày đặc trong những trường hợp đặc biệt, cho nên người ta cho rằng khuyết điểm đó được bù lại bằng cách sử dụng đa dạng đối với vũ khí đó.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 14 tháng Chín 1857

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. II, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

Nguyên văn là tiếng Anh

In bằng tiếng Nga lần đầu

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

BÁC-CLAI-ĐƠ-TÔ-LI⁶⁹

Bác-clai-đơ-Tô-li, Mi-kha-in, là công tước và nguyên soái Nga; sinh năm 1759 ở Li-vô-ni; mất ngày 25 tháng Năm 1818 ở In-xtéc-bua thuộc Đông Phổ. Năm 1769, ngay khi chưa đầy 11 tuổi ông đã gia nhập quân đội Nga và trong suốt 29 năm trong hàng ngũ của quân đội này ông đã tham gia vào các cuộc chiến tranh chống người Thổ Nhĩ Kỳ, người Thụy Điển, người Ba Lan, nhưng đến năm 1798 quân hàm của ông còn thấp. Ông nổi lên trong chiến dịch năm 1806. Tiếng tăm về quân sự của ông bắt đầu từ năm 1807 khi chỉ huy đội tiền vệ của quân Nga, ông đã bảo vệ cực kỳ anh dũng Proi-xi-sơ-Ây-lau, chống cự lâu dài trên đường phố, trong nhà thờ và trên nghĩa địa của thành phố này⁷⁰. Năm 1808 ông buộc người Thụy Điển rút khỏi Ca-rê-li-a, và năm 1809 với tư cách tướng bộ binh, ông đã lập lại, trên qui mô lớn hơn nhiều, cuộc tiến quân nổi tiếng của Các-lơ Gu-xtáp vượt qua eo biển Tiểu Ben-tơ đóng băng, khi ông đưa 12 000 quân Nga với pháo, đạn dược, lương thực và đoàn xe vận tải vượt qua vịnh Bốt-ni-a, phủ kín những tảng băng lớn. Ông chiếm U-mê-ô, bằng sự xuất hiện của mình, đã thúc đẩy cuộc đảo chính đang được chuẩn bị để chống lại Gu-xtáp IV và buộc người Thụy Điển phải xin giảng hoà⁷¹. Sau năm 1810 ông được trao nhiệm vụ cai quản bộ chiến tranh của Nga.

Năm 1812 ông chỉ huy Tập đoàn quân phương Tây thứ nhất. Chủ lực của tập đoàn quân này ở dưới quyền chỉ huy trực tiếp

của ông, và theo những thông báo chính thức đã được thổi phồng, số chủ lực ấy tưởng như lên tới 550 000 người, song trên thực tế chỉ có tất cả 104 000 người, còn tổng số quân bố trí giữa bờ biển Ban-tích và sông Prút thì không vượt quá 200 000 người. Do đó, cuộc rút lui của quân đội Nga lúc đó không phải là vấn đề sự lựa chọn tự do, mà là một tất yếu khắc nghiệt - trong hồi ký viết trên đảo Xanh-Ê-len⁷² Na-pô-lê-ông đã gán lằm kế hoạch ban đầu của cuộc rút lui đó cho Bác-clai-đơ-Tô-li, kỳ thực kế hoạch đó đã do tướng Phổ Phun⁷³ định ra từ lâu trước khi có sự đoạn tuyệt giữa Nga và Pháp, và sau khi tuyên chiến, trước mặt A-lếch-xan-đơ, Béc-na-dốt-tơ lại kiên quyết yêu cầu thực hiện. Công lao vĩ đại của Bác-clai-đơ-Tô-li là ông không nhượng bộ trước yêu cầu ngu ngốc đòi nghênh chiến do binh sĩ quân đội Nga cũng như do đại bản doanh đưa ra; ông thực hiện cuộc rút lui với một nghệ thuật tuyệt hảo, không ngừng đưa một phần đội quân của mình vào chiến đấu, nhằm mục đích làm cho công tước Ba-gra-ti-ôn có thể hội quân với ông và tạo điều kiện cho cuộc tấn công của đô đốc Tri-tra-gốp vào hậu phương địch. Khi ông buộc phải nghênh chiến, như đã xảy ra ở Xmô-len-xcơ⁷⁴, thì ông chiếm lĩnh trận địa làm cho trận đánh không trở thành quyết chiến. Khi đến gần Mát-xcơ-va, thấy không thể tránh khỏi trận quyết chiến được nữa thì ông lựa chọn trận địa kiên cố ở Gơ-giát-xcơ, hầu như không thể bị tấn công từ bên sườn, và chỉ có đi vòng một quãng đường xa mới đánh bọc được nó⁷⁵. Ông đã bố trí xong xuôi đội quân của mình thì Cu-tu-dốp tới, do mưu mô của các tướng Nga và do sự bất bình của quân đội Nga vì lý do là cuộc chiến tranh thần thánh này lại do người nước ngoài chỉ huy, nên bấy giờ quyền chỉ huy tối cao được chuyển sang cho Cu-tu-dốp. Để chọc tức Bác-clai-đơ-Tô-li, Cu-tu-dốp đã rời bỏ trận địa ở Ggiát-xcơ, do đó quân đội Nga buộc phải nghênh chiến ở trận địa bất lợi gần Bô-rô-di-nô. Trong trận đánh ngày 26 tháng Tám^{1*} Bác-clai-đơ chỉ huy cánh phải, là viên

1* Lịch cũ, về trận này xem tập này, tr. 314-320.

tướng duy nhất đã giữ vững trận địa của mình và không rút lui cho đến ngày 27, như vậy ông đã yểm hộ cho cuộc rút lui của quân đội Nga, mà quân đội này lẽ ra đã bị hoàn toàn tiêu diệt nếu không có ông ở đấy. Sau cuộc rút lui từ Bô-rô-di-nô theo hướng Mát-xcơ-va, vẫn chính Bác-clai-đơ-Tô-li lại cảnh cáo mọi ý đồ vô ích muốn bảo vệ thủ đô thần thánh.

Trong chiến dịch năm 1813, ngày 4 tháng Tư Bác-clai-đơ chiếm cứ điểm Thoóc-nơ, đánh bại Lô-ri-xơn ở Khuê-ních-xvác-ta; sau trận thất bại ở Bau-txen ngày 8 tháng Năm, ông yểm hộ cuộc rút lui của quân đồng minh, đánh thắng trong trận Guê-li-xơ, thúc đẩy sự đầu hàng của Van-đam và lập chiến công trong trận Lai-pxích⁷⁶. Trong chiến dịch năm 1814, ông không chỉ huy binh đoàn độc lập nào và hoạt động của ông mang tính chất hành chính và ngoại giao hơn là mang tính chất quân sự. Kỷ luật nghiêm ngặt mà ông bắt quân lính dưới quyền kiểm soát trực tiếp của ông phải tuân theo đã đem lại cho ông tiếng tốt trong dân cư Pháp. Khi Na-pô-lê-ông từ đảo En-bơ trở về, ông từ Ba Lan đến quá muộn nên không tham gia trận Oa-téc-lô, nhưng đã tham gia cuộc xâm nhập thứ hai vào nước Pháp. Ông mất trong cuộc hành trình bằng đường thủy đi Các-xbát. Những năm cuối đời, ông bị buồn phiền vì những lời vu khống. Ông là vị tướng ưu tú nhất của A-lếch-xan-đơ, không mang tham vọng, ngoan cường, quả quyết và đầy sáng suốt.

*Do C. Mác và Ph.Ăng-ghen viết vào ngày
10-15 tháng Chín 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. II, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

BÉC-TI-Ê

Béc-ti-ê, Lu-i A-lếch-xăng-đơ, là nguyên soái nước Pháp, công tước và quận công Nơ-sa-ten và Va-lan-gien, công tước Va-gram, sinh ngày 20 tháng Mười một 1753 ở Véc-xây, bị giết ngày 1 tháng Sáu 1815 ở Băm-béc-gơ. Ông được giáo dục về quân sự nhờ sự quan tâm của cha là thủ trưởng binh đoàn công trình trắc địa dưới thời trị vì của Lu-i XVI. Từ cục trắc địa hoàng gia, ông chuyển vào quân đội, ban đầu ở cấp trung úy thuộc bộ tổng tham mưu, rồi làm đại úy long kỵ binh. Trong cuộc chiến tranh giành độc lập ở Mỹ⁷⁷ ông phục vụ dưới quyền chỉ huy của La-phay-ét. Năm 1789, Lu-i XVI bổ nhiệm ông làm tư lệnh đội vệ binh quốc gia ở Véc-xây, còn ngày 5 và ngày 6 tháng Mười 1789 cũng như ngày 19 tháng Hai 1791, ông đã có công lớn đối với hoàng tộc⁷⁸. Song ông hiểu rằng cách mạng đã mở ra khả năng rộng lớn cho các tài năng quân sự và chúng ta thấy ông lần lượt làm tổng tham mưu trưởng cho La-phay-ét, Luych-ne-rơ Quy-xtin-nơ. Trong thời kỳ khủng bố, ông tránh được bị tình nghi nhờ rất sốt sắng trong cuộc chiến tranh Van-đây. Sự dũng cảm mà cá nhân ông biểu hiện trong cuộc phòng thủ Xô-muy-rơ ngày 12 tháng Sáu 1793 đã được đánh giá cao trong báo cáo của các uỷ viên Hội nghị Quốc ước⁷⁹. Sau ngày 9 tháng Nóng⁸⁰ ông được bổ nhiệm làm tổng tham mưu trưởng của Ke-léc-man và do kiên quyết chủ trương việc quân Pháp phải chiếm lĩnh tuyến Boóc-gét-tô, ông đã góp phần làm cho cuộc tấn công của địch phải ngừng lại. Như vậy là

tiếng tăm của ông trong cương vị tổng tham mưu trưởng, đã được xác lập ngay trước khi Bô-na-pác-tơ đưa ông lên chức vụ ấy. Trong chiến dịch năm 1796 - 1797, trong các trận Môn-đô-va (ngày 22 tháng Tư 1796), Lô-đi (ngày 10 tháng Năm 1796), Cô-đô-ni-ô (ngày 9 tháng Năm 1796) và Ri-vô-li (ngày 24 tháng Giêng 1797), ông cũng tỏ ra là một viên tướng chỉ huy sư đoàn ưu tú⁸¹.

Tính khí nhu nhược nhưng ngoan cường và kiên nghị, có sức khoẻ như Héc-quyn, nên ông có thể làm việc liên tục tám đêm liền, có trí nhớ kỳ lạ đối với mọi chi tiết của hoạt động quân sự, như sự vận động của các quân đoàn, quân số các đơn vị, sự hạ trại, số cán bộ chỉ huy, do nhanh chóng trong chấp hành nhiệm vụ nên bao giờ người ta cũng có thể tin cậy ở ông, thận trọng và chính xác, giỏi sử dụng bản đồ, đánh giá được thấu đáo đặc điểm địa hình, nắm được nghệ thuật báo cáo về những hoạt động quân sự phức tạp nhất bằng ngôn ngữ giản dị và rõ ràng, có nhiều kinh nghiệm và mưu trí để khi chiến đấu biết cách truyền đạt đến nơi nào những mệnh lệnh nhận được và có thể đích thân theo dõi việc chấp hành những mệnh lệnh đó, là máy điện báo sống của thủ trưởng của mình trên chiến trường và là cái máy viết tự động không mệt mỏi bên bàn giấy của thủ trưởng ở bộ tham mưu, ông là mẫu mực của sĩ quan tham mưu đối với vị tướng nắm tất cả những chức năng tối cao ở bộ tư lệnh. Năm 1798, bất chấp sự phản đối của ông, Bô-na-pác-tơ đã trao cho ông chỉ huy đạo quân đi chiếm La Mã, tuyên bố thành lập nước cộng hoà ở đó và cầm tù giáo hoàng⁸². Không thể ngăn ngừa được sự cướp bóc mà các vị tướng lĩnh, sĩ quan quân nhu và nhân viên cung ứng tiến hành ở La Mã, cũng như không ngăn chặn được sự nổi loạn của binh lính Pháp, ông đã trao quyền chỉ huy cho tướng Ma-xê-na và về Mi-la-nô, nơi đây ông đã đem lòng say mê bà Vi-xcôn-ti; tình yêu say đắm lâu dài có tính chất kỳ dị của ông khiến cho ông đã được biệt hiệu là thủ lĩnh của *faction des amoureux*^{1*} trong thời kỳ viễn

1* - phái đa tình

chinh Ai Cập⁸³ và khiến ông đã tiêu phí phần lớn số tiền 40 000 000 phrăng mà người thống trị tối cao của ông đã thưởng cho ông qua các thời kỳ.

Từ Ai Cập về, ông ủng hộ âm mưu của Bô-na-pác-tơ trong những ngày 18 và 19 tháng Sương mù⁸⁴ và được cử giữ chức bộ trưởng bộ chiến tranh mà ông giữ cho đến ngày 2 tháng Tư 1800. Lại được cử làm tổng tham mưu trưởng trong thời kỳ có cuộc chiến tranh I-ta-li-a lần thứ hai, ông đã góp phần nhất định vào việc làm cho Bô-na-pác-tơ rơi vào tình hình bị nhảm lẫn ở Ma-ren-gô do tin vào những tin tình báo sai về đường hành quân và sự bố trí của quân Áo⁸⁵. Ký kết hiệp định ngừng bắn với tướng Mê-lát sau khi giành thắng lợi, ông hoàn thành một loạt sứ mệnh ngoại giao rồi trở về bộ chiến tranh mà ông điều khiển cho đến khi tuyên bố thành lập nền đế chế. Từ đó, ông luôn luôn ở bên cạnh hoàng đế mà ông đi theo trong tất cả các chiến dịch với tư cách tổng tham mưu trưởng mang quân hàm thiếu tướng đại quân⁸⁶. Na-pô-lê-ông đã ban một cách hào hiệp cho ông những tước hiệu, cấp bậc, huân chương, trợ cấp và tặng phẩm. Ngày 19 tháng Năm 1804 ông được thăng nguyên soái của đế chế, được thưởng huân chương chữ thập lớn của Quân đoàn danh dự và được tặng danh hiệu hộ quốc công thần nước Pháp. Ngày 17 tháng Mười 1805 ông được vinh dự tham gia cùng với Mác-cơ vào việc thảo ra những điều kiện đầu hàng ở Un-mơ⁸⁷. Từ chiến dịch năm 1806 ở Phổ, ông trở về nước với tước hiệu công tước toàn quyền vùng Nơ-sa-ten và Va-lan-gien. Năm 1808 ông được lệnh kết hôn với công chúa Ma-ri-a - Ê-li-da-bét Ba-vi-e - Biéc-ken-phen-đơ, cháu gái của quốc vương Ba-vi-e^{1*} và được tặng danh hiệu phó thống soái Pháp. Năm 1809, Na-pô-lê-ông cử ông làm tổng tư lệnh đại quân có sứ mạng từ Ba-vi-e tác chiến chống lại Áo. Ngày 6 tháng Tư ông tuyên chiến, thế mà ngày 15 ông đã đặt toàn bộ cuộc chiến tranh vào

1* - Mắc-xi-mi-li-an I I-ô-xíp

thế bị uy hiếp. Ông chia quân đội thành ba bộ phận, đặt Đa-vu với một nửa lực lượng của Pháp ở Rê-ghe-n-xbuốc, đặt Ma-xê-na với một nửa khác ở Au-xbuốc, còn ở giữa hai viên tướng này, tại A-ben-xbéc-gơ, thì ông bố trí quân Ba-vi-e, thành thủ với sự tiến quân nhanh chóng, đại công tước Các-lơ có thể lần lượt tiêu diệt tất cả ba cụm đó. Sự chậm chạp của quân Áo và sự có mặt kịp thời của Na-pô-lê-ông đã cứu vãn quân đội Pháp. Song dưới sự giám sát trực tiếp của thủ trưởng của mình và trong nhiệm vụ tương xứng hơn với năng lực của ông, cũng trong cuộc chiến tranh này, ông đã hoàn thành xuất sắc chức trách của mình và bản danh sách dài những tước hiệu của ông lại có thêm một tước hiệu nữa là công tước Va-gram⁸⁸.

Trong thời kỳ chiến tranh ở Nga, ông đã thất bại ngay trong chức vụ tổng tham mưu trưởng. Sau khi đốt Mát-xcơ-va, ông thậm chí không giải thích được chính xác các mệnh lệnh của thủ trưởng của mình; song mặc dầu ông khẩn khoản yêu cầu cho ông theo Na-pô-lê-ông trở về Pháp, Na-pô-lê-ông vẫn ra lệnh cho ông ở lại nước Nga cùng với quân đội. Tính hạn chế trong suy nghĩ của ông và tính thủ cựu của ông giờ đây đã hoàn toàn bộc lộ trong điều kiện quân Pháp buộc phải chiến đấu chống lực lượng có ưu thế lớn. Trung thành với những thói quen của mình, ông đã phát ra cho các tiểu đoàn, và, có khi cho các đại đội của đội hậu vệ cũng những mệnh lệnh tuồng như đạo quân hậu vệ đó vẫn gồm 30 000 người như trước đây; ông phân chia trận địa cho các trung đoàn và sư đoàn đã không còn tồn tại từ lâu, và để bù lại sự bất động của mình, ông tăng số lượng người truyền tin và số lượng mệnh lệnh. Những năm 1813 - 1814 chúng ta lại thấy ông ta trên chức vụ quen thuộc của ông^{1*}. Sau khi thượng nghị viện tuyên bố về sự hạ bệ của Na-pô-lê-ông, Béc-ti-ê viện lý do giả tạo đã lạng lẽ xa rời người che chở cho mình và ngay trước khi Na-pô-lê-ông

1* - tức chức vụ tổng tham mưu trưởng

thoái vị, Béc-ti-ê đã tuyên bố trung thành với thượng nghị viện và chính phủ lâm thời⁸⁹, rồi sau đó, đứng đầu các nguyên soái để chế, ông đến Côm-pi-êng để hoan nghênh Lu-i XVIII với những lời lẽ sủng nịnh nhất. Ngày 4 tháng Sáu 1814 Lu-i XVIII phong ông làm quý tộc nước Pháp và chỉ huy trưởng đại đội quân cận vệ hoàng gia mới thành lập. Ông nhường công quốc Nuy-sa-ten của mình cho vua Phổ để đổi lấy khoản trợ cấp 34 000 phlorin. Khi Na-pô-lê-ông từ đảo En-bơ trở về, ông theo Lu-i XVIII về Gan-đơ. Song do giấu bức thư nhận được của Na-pô-lê-ông, ông đã bị thất sủng đối với nhà vua và chuyển về Băm-béc-gơ, ở đây ngày 1 tháng Sáu 1815 ông bị 6 người đeo mặt nạ giết, họ quăng ông qua cửa sổ cung điện của bố vợ ông. Hồi ký của Béc-ti-ê xuất bản ở Pa-ri vào năm 1826⁹⁰.

*Do C. Mác viết vào khoảng ngày 15 tháng
Chín 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. III, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

AN-GIÊ-RI⁹¹

An-giê-ri là một bộ phận của Bắc Phi trước kia là khu pa-sa An-giê-ri thuộc Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng từ năm 1830 nằm trong lãnh địa hải ngoại của Pháp. Ở phía bắc nó có Địa Trung Hải bao bọc, đông giáp Tuy-ni-di, tây giáp Ma-rốc và nam giáp sa mạc mênh mông Xa-ha-ra. Chiều dài tối đa của lãnh thổ từ đông sang tây là 500 dặm, từ bắc xuống nam là 200 dặm. Dãy núi Ất-lát là đặc điểm quan trọng của địa lý tự nhiên của nước này, nó ngăn cách vùng đất canh tác được ở bờ biển với sa mạc. Nó cũng hình thành tuyến phân thủy cho các sông ngòi ở phía bắc và phía nam đất nước. Dãy núi chính chạy dài từ đông sang tây, nhưng các nhánh của dãy núi trung tâm cắt chéo toàn bộ đất nước trên mọi hướng. Núi cao nhất là Mau-tơ Va-la-sri-xơ - Ptô-lê-mê gọi là Mons Zalacus - ở phía tây và Giốc-đơ-giu-ra và Au-re-xơ ở phía đông. Chúng cao gần 7 000 phút. Sông quan trọng nhất là Sê-líp-phơ. Cũng có mấy con sông khá lớn từ sườn nam núi Ất-lát chảy vào sa mạc. Những con sông đó không có con sông nào tàu thuyền đi lại được. Chúng hầu như cạn vào mùa hè, nhưng mùa xuân thì làm ngập một phần quan trọng của đất nước và làm cho đất đai phì nhiêu.

Một số nhà du hành không cho rằng khí hậu bất lợi cho sức khỏe. Bệnh đau mắt và bệnh ngoài da lưu hành rộng rãi. Có người cho rằng không có dịch sốt rét nhưng số tử vong lớn vì bệnh tật trong quân đội Pháp xem ra lại tạo cơ sở để đi đến một kết luận

khác. Không khí sạch và trong suốt, mùa hè rất nóng, mùa đông có khi giá lạnh, nhất là ở miền núi. Vùng giáp sa mạc thì cằn cỗi và nhiều cát, nhưng ở những nơi nằm giữa các ngọn núi thì đất màu mỡ, đặc biệt là ở nơi gần sông chảy qua. Ở An-giê-ri có đủ loại ngũ cốc được gieo trồng, các loại quả châu Âu và nhiệt đới, những loại hoa tuyệt đẹp, nhất là hoa hồng, cũng như một loại mía được coi là loại lớn nhất và chứa nhiều đường nhất trong tất cả các loại mía nổi tiếng. Có rất nhiều gia súc đủ loại. Ngựa, đương nhiên, thuộc loại tuyệt đẹp; lừa thuộc giống rất tốt và dùng rộng rãi để cưỡi. Lạc đà An-giê-ri và lạc đà một bướu thuộc loại hảo hạng. Cừu cái Mê-ri-ru gốc gác ở đây và được chuyển từ An-giê-ri về Tây Ban Nha trước tiên; sư tử Nu-mi-di-a, báo, đà điểu cũng như rết, rắn và những loại bò sát có nọc độc khác đều có rất nhiều.

Người ta cho rằng dân cư bản địa của nước này là người Bác-ba-ri, nói cách khác là người Ca-bin hoặc Ma-xít, người ta biết họ dưới ba tên gọi đó. Về lịch sử của chủng tộc này thì có ít tài liệu, người ta chỉ biết rằng họ đã từng chiếm toàn bộ miền Tây - Bắc châu Phi và hiện nay người ta cũng thấy họ ở bờ biển phía đông. Người Ca-bin sống ở miền núi. Số dân cư còn lại là người A Rập, con cháu của những người Hồi giáo đi chinh phục. Ở An-giê-ri cũng có người Mô-rô, người Thổ Nhĩ Kỳ, người Cun-lúc⁹², người Do Thái, người da đen và sau hết là người Pháp. Năm 1852 dân cư gồm có 2 078 035 người, trong đó có 134 115 người Âu thuộc đủ các dân tộc, không kể quân đội với 100 000 người. Người Ca-bin yêu lao động, sống ở các làng xóm thông thường; họ là những nhà nông giỏi và cũng làm việc ở các hầm mỏ, các xí nghiệp gia công kim loại và các công xưởng gia công len thô và bông. Họ chế tạo thuốc súng và xà phòng, thu gom mật ong và sáp ong và cung cấp cho thành phố gia cầm, hoa quả và những sản phẩm khác. Người A Rập theo tập quán của cha ông họ, sống cuộc sống du mục và chuyển chỗ ở của họ từ nơi này sang nơi khác, tùy theo yêu cầu về đồng cỏ hoặc những tình hình khác buộc họ làm

như vậy. Trong dân cư hình như người Mô-rô ít được kính trọng nhất. Sống ở thành phố và hưởng nhiều tiện nghi hơn người A Rập và người Ca-bin, họ ở dưới ách áp bức thường xuyên của bọn thống trị Thổ Nhĩ Kỳ, do vậy họ có đặc điểm là nhút nhát, tuy vậy vẫn giữ tính tàn bạo và đầu óc trả thù của mình; về mặt đạo đức, họ cũng ở trình độ rất thấp.

Những thành phố chính của An-giê-ri là: An-giê, là thủ đô, Côn-xtăng-tanh với dân số khoảng 20 000 và Bon, một thành phố có bố phòng ở bờ biển mà số dân năm 1847 là khoảng 10 000 người. Gần thành phố này có những xưởng san hô, thường được những người Pháp và người I-ta-li-a làm nghề này đến thăm. Bugi ở trên vịnh cùng tên. Việc chiếm lĩnh địa điểm này được đẩy nhanh bởi hành động bạo lực của người Ca-bin ở vùng phụ cận, họ đã làm cho thuyền hai cột buồm của Pháp bị tai nạn sau khi đã chặt đứt giây neo rồi cướp phá tàu, giết hết đoàn thủy thủ.

Ở trong nước, nhất là ở tỉnh Côn-xtăng-tanh, có một số di tích cổ đại, trong đó có di chỉ của ngôi thành cổ Lam-bét-xa với tàn tích của cổng thành, bộ sườn của rạp hát hình tròn và lăng mộ được chống đỡ bằng các hàng cột Cô-rin-phơ. Trên bờ biển là Cô-lê-a và Séc-sen - thành I-u-li-út Xê-da cổ đại là địa điểm có ý nghĩa nhất định đối với người Pháp. Ở đây có dinh của I-u-ba, và ở vùng phụ cận có di tích thời xưa. Ô-ran là một thành phố có bố phòng, trước năm 1792 nó ở dưới quyền thống trị của người Tây Ban Nha. Tlem-xen đã từng là trụ sở của Áp-đơ-en-Ca-đe nằm ở vào một vùng màu mỡ; thành phố cổ bị cháy trụi vào năm 1670, còn thành phố mới thì bị người Pháp phá huỷ hầu như hoàn toàn. Ở đây sản xuất thảm và chăn. Ở phía nam núi Át-lát là Da-bơ, Ghê-tu-li-a cổ kính. Địa điểm quan trọng nhất là Bi-xơ-ra với những cư dân yêu chuộng hoà bình, họ được đánh giá rất cao ở các cảng phía bắc với tư cách những người phục dịch và phu khuân vác.

An-giê-ri đã lần lượt bị người La Mã, người Văng-dan và người

A Rập chinh phục. Năm 1492 khi người Mô-rô bị đuổi khỏi Tây Ban Nha, Phéc-di-năng cử quân viễn chinh đi đánh An-giê-ri, và chiếm Ô-ran, Bu-gi và An-giê, đe dọa chinh phục nước này. Không đủ sức chiến đấu với kẻ chinh phục lớn mạnh, Xê-lim Cu-ta-mi, thủ lĩnh của Mê-tít-gia, một bình nguyên phì nhiêu ở gần thành phố An-giê, đã cầu cứu người Thổ Nhĩ Kỳ và tên cướp biển nổi tiếng Báp-ba-rốt-xa Ô-rút-giơ được cử tới giúp ông. Ô-rút-giơ đến vào năm 1516 và trước hết chiếm lấy xứ này, đích thân giết hại Xê-lim Cu-te-mi, sau đó tấn công người Tây Ban Nha và do kết quả của một cuộc chiến tranh khi thắng khi bại hấn buộc phải ẩn náu ở Tlen-xen, nơi đây hấn bị quân đội Tây Ban Nha bao vây, bắt làm tù binh và xử tử năm 1518. Người anh em của hấn là Hai-ét-Đin trở thành người kế thừa hấn. Y cầu cứu vua Xê-lim II và thừa nhận vị vua này làm người cầm quyền tối cao của mình. Do đó, Xê-lim cử Hai-ét-Đin làm pa-sa ở An-giê-ri và phái quân đội đến cho y, nhờ đó y có thể đánh lui người Tây Ban Nha và rút cục trở thành chúa tể nước này. Nhờ chiến công của y chống lại tín đồ Cơ Đốc giáo ở Địa Trung Hải, y được Xu-lây-man I phong tước hiệu ca-phu-đan - pa-sa. Các-lơ V mưu toan khôi phục quyền lực của người Tây Ban Nha, và năm 1541 một đạo quân viễn chinh lớn mạnh gồm 370 chiến thuyền và 30 000 người đã vượt Địa Trung Hải. Nhưng bão táp ghê gớm và động đất đã làm hạm đội tan tác và phá hoại mọi liên lạc của nó với lục quân. Không có nơi ẩn nấp, bị những cuộc tấn công của kẻ địch gan dạ làm kiệt sức, quân lính buộc phải trở về tàu và bỏ chạy, thiệt hại 8 000 người, 15 chiến thuyền và 140 thuyền vận tải. Từ đó bắt đầu những hoạt động quân sự liên miên giữa các quốc gia Bắc-ba-ri⁹³ và các hiệp sĩ Man-ta làm nảy sinh chế độ cướp biển, nhờ đó mà bọn cướp biển An-giê-ri gây nên sự hoảng sợ lớn trên Địa Trung Hải và các quốc gia Cơ Đốc giáo phải khuất phục chúng trong một thời gian dài như vậy. Người Anh do Bléc chỉ huy, người Pháp do Duy-ken chỉ huy, người Hà Lan và đại biểu của các nước khác

đã tấn công An-giê-ri vào những thời gian khác nhau; Duy-ken đã hai lần pháo kích An-giê, sau đó viên tổng đốc cử người hải quân lãnh sự Pháp - đại diện của Lu-i XIV - và biết được cuộc pháo kích tốn kém bao nhiêu, thì cười mà bảo rằng nếu được một nửa số tiền ấy thì bản thân ông ta sẽ đốt thành phố này.

Chế độ cướp bóc ấy tiếp tục tồn tại bất chấp sự kháng cự thường xuyên của các nước châu Âu; ngay bờ biển Tây Ban Nha và I-ta-li-a có khi cũng bị sự tập kích của bọn côn đồ chuyên tiến hành những hoạt động khủng khiếp đó: chiến tranh và cướp bóc. Hàng ngàn tín đồ Cơ Đốc giáo bị bắt làm nô lệ, thường xuyên bị hành hạ trong cảnh nô lệ ở An-giê-ri; những người mộ đạo đã thành lập các đoàn thể với mục đích riêng là hàng năm đi về An-giê-ri để chuộc lại tù nhân bằng tiền mà họ hàng của tù nhân cung cấp. Trong khi đó quyền lực của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ chỉ có trên danh nghĩa. Các viên tổng đốc, do quân thị vệ bầu ra, đã tuyên bố không phụ thuộc vào triều đình của Thổ Nhĩ Kỳ. Pa-sa cuối cùng của Thổ Nhĩ Kỳ đã bị viên tổng đốc I-bra-him trục xuất năm 1705; quân thị vệ trong cuộc bầu cử sôi nổi đã bầu ra những thủ lĩnh mới mà họ thường giết hại trong các cuộc nổi loạn của họ. Quân thị vệ được tuyển bộ trong những người di cư từ Thổ Nhĩ Kỳ sang và không một người địa phương nào, dù anh ta là con trai của quân thị vệ và phụ nữ địa phương được tham gia hàng ngũ quân thị vệ. Thịnh thoảng viên tổng đốc gửi đồ cống sang Công-xtăng-ti-nô-plơ để tỏ sự lệ thuộc trên danh nghĩa của mình; nhưng sự cống nộp thường xuyên đã hoàn toàn bị đình chỉ, và người Thổ Nhĩ Kỳ bị trói buộc bởi cuộc đấu tranh không ngừng của họ với nước Nga, đã quá yếu đuối nên không trấn áp được bọn phiến loạn ở tỉnh xa. Việc chỉ ra con đường tiêu diệt sự bạo ngược quái gở đó là sứ mạng của nước cộng hoà trẻ tuổi Hợp chúng quốc. Trong thời kỳ chiến tranh cách mạng Pháp và các cuộc chiến tranh Na-pô-lê-ông, hạm đội lớn mạnh ở Địa Trung Hải, đã bảo vệ việc thông thương và người An-giê-ri buộc phải tạm thời đình chỉ sự cưỡng đoạt phi pháp của họ. Khi hoà bình

được lập lại, người An-giê-ri lại tiến hành việc cướp bóc; và người Mỹ ngay từ năm 1795 đã buộc phải theo gương các nước châu Âu nộp tiền trợ cấp cho viên tổng đốc để duy trì hoà bình, nhưng giờ đây đã cự tuyệt nộp tiền cống ấy. Năm 1815 phó đô đốc Đê-các-tua trong trận chiến đấu với phân hạm đội An-giê-ri đã chiếm được một chiến hạm và một thuyền hai cột buồm và tiến vào vịnh An-giê, nơi đây ông đã buộc viên tổng đốc phải trao trả tất cả tù binh Mỹ và từ nay từ bỏ mọi yêu sách về cống nạp. Người Anh đã noi gương dũng cảm ấy, dưới quyền chỉ huy của huân tước Éch-xma-út họ bắn phá thành phố này năm 1816 và biến nó thành tro bụi, buộc viên tổng đốc phải giao nộp tù binh của họ. Nhưng tất cả những cái đó chỉ là biện pháp trừng phạt, vì nạn cướp biển vẫn không bị tiêu diệt, ngay năm 1826 người An-giê-ri đã công khai bắt giữ thuyền của I-ta-li-a ở Địa Trung Hải và thậm chí còn tiến hành các cuộc xâm nhập vào Biển Bắc. Năm 1818 tổng trấn Hu-xây-nơ lên cầm quyền; năm 1823 do việc cướp phá nhà của lãnh sự Pháp và nhiều cuộc tập kích vào tàu thuyền treo cờ Pháp, Pháp đã đưa ra cho Hu-xây-nơ yêu cầu về bồi thường thiệt hại nhưng không kết quả. Sự việc kết thúc bằng việc viên tổng đốc An-giê-ri đích thân lăng mạ lãnh sự Pháp và dùng những lời lẽ không tôn kính đối với vua Pháp, người đã không trả lời bức thư của viên tổng đốc về vấn đề Chính phủ Pháp mắc nợ các nhà buôn Do Thái mà những người này lại mắc nợ Hu-xây-nơ⁹⁴. Để buộc viên tổng đốc xin lỗi, một hải đoàn Pháp đã được phái đi phong toả An-giê. Cuộc đàm phán giữa Pháp, Mô-ha-mét - A-li và Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã bắt đầu, trong quá trình đàm phán Mô-ha-mét - A-li đã đảm nhận việc chinh phục An-giê-ri với sự ủng hộ của Pháp và nhận nộp cống thường xuyên cho vua Thổ Nhĩ Kỳ với tư cách là tổng trấn của vua Thổ Nhĩ Kỳ. Kế hoạch này không thực hiện được một phần do sự phản đối của Anh, một phần do Mô-ha-mét - A-li và Pháp không thoả thuận được với nhau về những biện pháp cụ thể để thực hiện nó. Bấy giờ chính phủ của Sác-lơ X tự mình tiến hành cuộc viễn chinh chống An-giê-ri,

và ngày 13 tháng Sáu 1830, một đạo quân gồm 38 000 bộ binh và 4 000 kỵ binh do tướng Buốc-môn chỉ huy đã đổ bộ gần tường thành An-giê. Để chiến đấu với đạo quân ấy, Hu-xây-nơ đã mộ được 60 000 người, nhưng đã để cho quân Pháp đổ bộ rồi thì không thể chống cự có hiệu quả, ngày 4 tháng Bảy, An-giê đầu hàng với điều kiện là tài sản riêng của cư dân và tôn giáo của họ được tôn trọng, còn viên tổng đốc và đám cận thần người Thổ Nhĩ Kỳ của viên tổng đốc phải ra đi. Quân Pháp chiếm lĩnh thành phố. Trong số chiến lợi phẩm mà họ bắt được có 12 tàu chiến, 1 500 khẩu pháo bằng đồng đen và tiền kim loại trị giá gần 10 000 000 đô-la. Họ lập tức bố trí quân đồn trú ở An-giê và thực hiện chế độ quân quản. Chính phủ của Sác-lơ X định trao An-giê cho vua Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng chỉ thị ấy đang trên đường sang Công-xtăng-ti-nô-pơ thì do hậu quả sự kiện tháng Bảy 1830, Sác-lơ X bị lật khỏi ngai vàng⁹⁵. Một trong những hành động đầu tiên của người kế thừa^{1*} ông là quyết định giữ khu vực đã chinh phục được, và cử Clô-den làm tổng tư lệnh ở An-giê thay Buốc-môn.

Kể từ khi người Pháp chiếm lĩnh An-giê-ri lần đầu cho tới nay, đất nước bất hạnh này là vũ đài của những cuộc chém giết, cướp bóc và hành động bạo ngược liên miên. Mỗi thành phố lớn cũng như nhỏ đều bị chinh phục từng tấc đất một bằng những sự hy sinh to lớn. Các bộ lạc A Rập và Ca-bin quý trọng nền độc lập như của báu và đặt sự thù ghét ách thống trị của người nước ngoài cao hơn sinh mệnh của mình, đã bị đàn áp và bị bình định bằng những cuộc tập kích tàn bạo, trong đó nhà cửa và của cải của họ bị đốt phá, mùa màng của họ bị giày xéo, còn những nạn nhân may mà thoát được thì lại bị hoặc là chém giết, hoặc là phải chịu tất cả những sự kinh khủng của hành động truy lạc và bạo tàn. Người Pháp ngoan cố duy trì phương pháp tiến hành chiến tranh dã man đó bất chấp mọi tiêu chuẩn của chủ nghĩa nhân

1* - Lu-i Phi-líp

đạo, văn minh và Cơ Đốc giáo. Để bào chữa, người ta viện đến những lời khẳng định rằng tuồng như thể người Ca-bin tàn bạo, như thể họ vốn ưa giết người, họ tra tấn tù binh và như thể là nếu tỏ ra rộng lượng đối với bọn dã man thì đó sẽ là sai lầm. Chính sách của chính phủ văn minh mà sử dụng tới *lex talionis*^{1*} thì vị tất tìm được sự biện hộ. Và nếu như phán đoán cây theo quả của nó thì có thể nói rằng sau khi đã tiêu phí chừng 100 000 000 đô-la và hy sinh mấy trăm ngàn sinh mệnh, An-giê-ri chỉ là trường quân sự cho các tướng lĩnh và binh sĩ Pháp, trong đó tất cả các sĩ quan Pháp nào nhận được niềm vinh quang trong cuộc Chiến tranh Crưm đều trải qua sự huấn luyện quân sự và đạt được kinh nghiệm tác chiến của mình. Còn về mưu toan thực dân hoá thì việc so sánh số người Âu với số dân bản địa đã chứng minh rằng ý đồ đó hoàn toàn thất bại trong lúc này, và điều đó lại xảy ra ở một trong những nước phì nhiêu nhất thế giới, vựa thóc cổ đại của I-ta-li-a ở cách nước Pháp có 20 giờ hành trình, nơi đây chỉ thiếu có một điều: sự an toàn cho sinh mệnh và tài sản do bị các quân nhân - bạn bè cũng như quân thù dã man đe dọa. Phải chăng có thể qui sự thất bại đó cho thiếu sót bẩm sinh trong tính cách của người Pháp khiến họ không thích hợp với việc di dân hay là cho sự thiếu sáng suốt của ngành hành chính địa phương, - điều đó không thuộc quyền phán đoán của chúng tôi. Tất cả các thành phố quan trọng - Côn-xtăng-tanh, Bon, Bu-gi, Ác-dép, Mô-xta-ganem, Tlem-xen - đều bị chiếm bằng tấn công và chịu đựng tất cả mọi sự kinh khủng kèm theo cuộc đánh chiếm. Dân bản xứ với lòng thù ghét sâu sắc đã khuất phục trước bọn thống trị Thổ Nhĩ Kỳ, bọn này ít ra còn có một ưu điểm là cùng tôn giáo; nhưng họ chẳng thấy cái gọi là văn minh của nền thống trị mới là hơn ở chỗ nào cả mà họ lại cảm thấy sự thống trị đó là hoàn toàn ghê tởm, một sự ghê tởm bắt nguồn từ sự cuồng tín tôn giáo. Mỗi một

1* - luật trả thù

viên thống sứ mới chỉ lấp lại tất cả những hành động tàn bạo của người đi trước mình; trong các bản tuyên bố có nói đến những ý định tốt lành nhất, nhưng quân đội chiếm đóng, sự điều động quân đội, hành động tàn bạo kinh khủng do hai bên tiến hành, - tất cả cái đó đã bác bỏ những lời tuyên bố về hoà bình và thiện chí.

Năm 1831 nam tước Pi-sơn được bổ nhiệm làm thống sứ dân sự; ông định tổ chức hệ thống hành chính dân sự hoạt động bên cạnh hệ thống quân quản, nhưng các biện pháp của ông có thể đưa tới việc xác lập sự giám sát đối với tổng tư lệnh nên gây ra sự phản nộ của Xa-va-ri, công tước Đơ Rô-vi-gô, nguyên bộ trưởng cảnh sát của Na-pô-lê-ông, và theo đề nghị của ông ta, Pi-sơn bị triệu hồi. Dưới quyền Xa-va-ri, An-giê-ri biến thành nơi đi đày của tất cả những ai bị pháp luật trừng trị do bị tình nghi về chính trị hoặc xã hội; đội quân lê dương được đưa vào An-giê-ri, binh lính của nó bị cấm vào thành phố. Năm 1833 người ta đã trao cho hạ nghị viện đơn thỉnh nguyện trong đó có viết:

"Ba năm trời, chúng tôi chịu đựng mọi sự bất công. Để đưa đơn kiện lên chính quyền là được trả lời bằng những hành động bạo tàn mới trước hết là chĩa vào những ai đã đưa đơn. Kết quả là không ai dám làm gì cả, chính vì vậy mà đơn thỉnh nguyện này không có ký tên. Ôi các ngài, chúng tôi kêu nài các ngài hãy nhân danh lòng nhân đạo mà giải phóng chúng tôi khỏi sự bạo ngược có tính chất huỷ diệt đó, hãy cởi bỏ cho chúng tôi những xiềng xích nô lệ ấy. Nếu đất nước này còn ở trong tình trạng quân quản, nếu ở đó không có chính quyền dân sự thì chúng tôi sẽ diệt vong, đối với chúng tôi sẽ vĩnh viễn không có hoà bình".

Đơn thỉnh nguyện này đưa tới việc thành lập một uỷ ban điều tra mà kết quả là áp dụng chế độ quản lý dân sự. Sau khi Xa-va-ri chết, dưới sự cai trị *ad interim*^{1*} của tướng Voa-rôn đã bắt đầu có một số biện pháp nhằm xoa dịu sự công phẫn: người ta đã bắt đầu làm khô cạn các đầm lầy, đắp đường sá, xây dựng cảnh sát địa phương. Nhưng tất cả những việc đó đều bị đình chỉ khi nguyên

1* - lâm thời

soái Clô-den trở lại, dưới quyền chỉ huy của ông người ta đã tiến hành cuộc viễn chinh đầu tiên và hoàn toàn thất bại chống lại Côn-xtăng-tanh⁹⁶. Sự cai trị của ông ta đã tỏ ra tồi tệ đến mức là năm 1836 người ta đã gửi tới Pa-ri một đơn thỉnh nguyện có 54 nhân vật có tên tuổi ký tên, đề cập đến các vấn đề cai trị, yêu cầu điều tra về những hành động lạm dụng chức quyền của ông ta. Việc đó rút cục đưa tới sự từ chức của Clô-den. Trong suốt thời kỳ trị vì của Lu-i Phi-líp người ta đã thực hiện ý đồ thực dân hoá mà kết quả duy nhất khi thực hiện chúng là sự đầu cơ ruộng đất; cuộc thí nghiệm lập các khu di dân quân sự đã tỏ ra hoàn toàn vô hiệu, vì đám thực dân - diên chủ chỉ được an toàn ở gần các khẩu pháo trong các lô-cốt; người ta cũng tiến hành mưu toan di dân đến miền Đông An-giê-ri và trục xuất Áp-đơ-en - Ca-đe khỏi Ô-ran và miền Tây An-giê-ri⁹⁷. Do hậu quả của sự thất bại của vị thủ lĩnh không biết mệt mỏi và không biết sợ là gì ấy, đất nước đã bị bình định đến mức bộ lạc lớn Ga-mi-an - ga-ráp lập tức tỏ ý qui thuận.

Thời kỳ cách mạng năm 1848, tướng Ca-ve-nhắc đã được bổ nhiệm làm toàn quyền thay công tước Ô-man-xki. Sau đó ông ta cùng với hoàng thân Gioăng-vin, cũng từng ở An-giê-ri, đều từ chức. Nhưng trong việc cai trị vùng này thì nền cộng hoà cũng không lượm được thành công gì hơn chế độ quân chủ. Một số toàn quyền đã thay thế nhau trong thời gian tồn tại ngắn ngủi của nền cộng hoà. Những người di dân được đưa đến An-giê-ri để khai khẩn đất đai, nhưng họ hoặc là bị chết chóc, hoặc là vứt bỏ công việc đã bắt đầu, tỏ ra chán ghét nó. Năm 1849 tướng Pê-li-xi-ê tấn công một số bộ lạc và làng xóm của Bê-ni Xin-lem; mùa màng của họ và tất cả tài sản bị cướp của họ theo lệ thường đều bị đốt đi hoặc phá huỷ, bởi vì họ cự tuyệt nộp thuế. Ở Da-bơ - một vùng phi nhiều giáp sa mạc - đã nổ ra những cuộc nổi loạn lớn do sự cổ động của một ma-ra-bu⁹⁸; một đội quân chinh phạt gồm 1 200 người được cử đến đó đã bị những người khởi nghĩa đánh bại. Hoá

ra cuộc khởi nghĩa đã lan rất rộng và người cổ vũ nó là những tổ chức bí mật gọi là "Xi-di Áp-đơ-e-rơ-rắc-man" mà mục tiêu chính của họ là tiêu diệt người Pháp. Những người khởi nghĩa chỉ thất bại sau khi đạo quân chinh phạt do tướng Can-cô-béc và Éc-bi-ông chỉ huy được phái đến chống lại họ; cuộc vây đánh thành phố của người A Rập Do-át-sơ cũng chứng tỏ rằng cư dân bản xứ tuyệt nhiên không mất đi dũng khí và không ưa gì bọn chinh phục. Thành phố này đã đánh lui các cuộc công kích của bên bao vây trong 51 ngày và rút cục bị đánh chiếm. Tiểu Ca-bi-li-a mãi đến năm 1851 mới đầu hàng, khi tướng Xanh-Ăc-nô chinh phục nó và như vậy mới lập được tuyến giao thông giữa Phi-líp-vin và Côn-xtăng-tanh.

Những thông báo và báo chí của Pháp đầy rẫy những lời tuyên bố về hoà bình ở An-giê-ri và về sự phồn vinh của đất nước này. Nhưng đó chỉ là biểu hiện của đầu óc hiệu danh dân tộc. Các khu nội địa nước này cho tới nay, cũng như trước kia, đã không bị thực dân hoá. Sự thống trị của người Pháp mang tính chất hoàn toàn ảo tưởng, nếu không kể vùng bờ biển, các thành phố và vùng phụ cận. Các bộ lạc tiếp tục bảo vệ nền độc lập của họ và thù ghét chế độ của Pháp, còn phương pháp tập kích dã man vẫn được thi hành. Như năm 1857 nguyên soái Ran-đôn đã tiến hành một cuộc tập kích thắng lợi vào các làng xóm còn chưa chịu khuất phục của người Ca-bin nhằm mục đích sáp nhập đất đai của họ vào lãnh địa của Pháp. Cư dân địa phương cho tới nay vẫn bị cai trị bằng bàn tay sắt, còn những cuộc khởi nghĩa không ngừng nổ ra của họ đã chứng minh tính chất không vững vàng của sự chiếm đóng của Pháp và tính chất hão huyền của nền hoà bình được duy trì bằng thủ đoạn đó. Như ở Ô-ran, tháng Tám 1857 người ta đã xử một vụ án trong đó viên đại uý Đu-a-nô, trưởng Bureau Arabe⁹⁹, bị xác định là tội phạm trong vụ giết hại một người dân bản xứ có tên tuổi và giàu có; vụ án đó chứng tỏ các quan chức của Pháp, ngay cả các quan chức cấp thấp, thường sử dụng quyền lực của

minh với sự tàn nhẫn và sự bạo ngược cùng cực đến chừng nào, điều đó không thể không làm cho toàn thể giới chú ý tới.

Hiện nay khu vực cai quản của toàn quyền được chia làm ba tỉnh: Côn-xtăng-tanh ở phía đông, An-giê ở giữa và Ô-ran ở phía tây. Đất nước ở dưới quyền của viên toàn quyền đồng thời kiêm tổng tư lệnh; những người giúp việc ông ta là viên bí thư và một quan chức coi việc dân sự; dưới quyền ông ta cũng có một hội đồng gồm người lãnh đạo ngành nội vụ, tư lệnh hải quân, tư lệnh lục quân và người lãnh đạo ngành tư pháp; chức trách của hội đồng này là phê chuẩn các sắc lệnh của viên toàn quyền. Conseil des contentieux^{1*} xem xét các vụ phạm pháp về mặt dân sự và hình sự. Ở các tỉnh có tổ chức bộ máy cai trị dân sự thì có thị trưởng, quan toà và cảnh sát trưởng. Những bộ lạc theo Hồi giáo tiếp tục có quan toà của mình: nhưng họ thi hành chế độ toà án trọng tài mà tưởng như họ ưa thích hơn, và có một quan chức (l'avocat des Arabes^{2*}) chuyên trách bênh vực lợi ích của người A Rập trước toà án Pháp.

Thương mại của An-giê-ri, như người ta có thể xác định được, đã phát triển rất nhiều từ khi Pháp chiếm đóng. Tổng trị giá nhập khẩu là khoảng 22 000 000 đô-la, tổng trị giá xuất khẩu là 3 000 000 đô-la. Hàng nhập khẩu là sản phẩm vải bông, len và tơ, ngũ cốc, bột mì, vôi và đường bánh; hàng xuất khẩu là san hô chưa gia công, da thuộc, tiểu mạch, dầu thực vật, len thô và một số hàng hoá nhỏ khác.

*Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 17 tháng
Chín 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. I, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In một phần bằng tiếng Nga lần
đầu trong tạp chí "Đông phương
học Xô-Viết" số 5, 1958*

1* - Hội đồng xét xử các vụ kiện

2* - luật sư của những người A-rập

PH.ĂNG-GHEN

ĐẠN DƯỢC

Dạn dược là dạn, thuốc nổ và ngòi nổ cần thiết cho hoả khí, thêm vào đó, theo cách hiểu thông thường thì thuật ngữ này chỉ cả ba thứ ấy dưới dạng đã hoàn tất chỉ còn để sử dụng. Như dạn dược cho súng tay gồm có dạn nổ và ngòi dạn (đối với súng có cơ bấm đá lửa hoặc súng có kim hoả thì, đương nhiên, không cần ngòi dạn); dạn dược đối với pháo dã chiến gồm có dạn đặc, dạn nhồi thuốc nổ, dạn có nạp những mảnh kim loại vụn, trái phá, lượng thuốc nổ, kíp, ngòi đốt, chất dẫn lửa v.v., cũng như hoả tiễn cho các đại đội hoả tiễn. Ở các cứ điểm và khi vây đánh, thuốc súng thường được giữ trong thùng, còn khi cần thì làm ra các lượng thuốc nổ; đối với các loại hỗn hợp thuốc nổ cần thiết khi vây đánh cũng xử lý như vậy; dạn rỗng cũng được nhồi tại chỗ. Số lượng dạn dược của quân đội tác chiến tùy thuộc vào tình huống, thông thường bộ binh mang trên mình 60 viên dạn, đôi khi nhiều hơn; và một số lượng dạn như thế cho mỗi binh sĩ còn được chuyên chở trên các xe vận tải đi theo quân đội, số dạn dược dự trữ còn lại thì ở phía sau, trên các đoàn xe cách xa 1 - 2 ngày đường. Trong pháo binh dã chiến, mỗi khẩu pháo trong khẩu đội đều có 150 - 200 viên dạn, một phần để trong hòm dạn của xe trước của pháo, một phần để trong các thùng dạn; thông thường còn có 200 viên nữa ở trong số dự trữ dạn dược của quân đoàn, còn phần thứ ba thì ở trong các đoàn vận tải. Ở phần lớn các

quân đội văn minh tình hình thường là như vậy, nhưng đương nhiên chỉ là khi chiến dịch mới bắt đầu; sau mấy tháng tác chiến thì số dự trữ đạn dược thường cạn đi rất nhiều, có khi bị mất đi sau mấy trận thất bại, và việc bổ sung đạn dược thường khó khăn và chậm chạp.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng ngày 17 tháng Chín 1857

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. I, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

BEN-NÍCH-XEN¹⁰⁰

Ben-ních-xen, Lê-vin Áp-gu-xơ Tê-ô-phin, bá tước, viên tướng Nga, sinh ngày 10 tháng Hai 1745 ở Brao-svai-gơ, nơi đây người cha của ông đã phục vụ với chức đại tá cận vệ, ông mất ngày 2 tháng Mười 1826. Ông đã làm quan hầu trong vòng 5 năm ở cung Han-nô-vơ của Gioóc-giơ II; về sau tham gia quân đội Han-nô-vơ và được thăng lên cấp đại úy quân cận vệ bộ binh, đã tham gia chiến dịch cuối cùng của cuộc Chiến tranh bảy năm. Sự say mê quá mức của ông đối với phái đẹp bấy giờ đã gây ra nhiều lời bàn luận hơn là chiến công của ông. Để lấy con gái nam tước Stai-nơ-béc-gơ, đại sứ Han-nô-vơ ở triều đình Viên, ông đã từ chức trong quân đội và trở về dinh cơ Ban-ten-nơ của mình ở Han-nô-vơ; do sống cuộc sống xa xỉ, ông không có hy vọng thoát khỏi nợ nần và sau khi vợ chết, ông quyết định phục vụ trong quân đội Nga để khôi phục cơ nghiệp. Được Ê-ca-tê-ri-na II thăng lên cấp trung tá, ông phục vụ ban đầu dưới quyền chỉ huy của Ru-mi-an-xép chiến đấu với quân Thổ Nhĩ Kỳ, rồi dưới quyền chỉ huy của Xu-vô-rốp chống lại thủ lĩnh khởi nghĩa Pu-ga-sép. Được nghỉ phép, ông trở về Han-nô-vơ để cầu hôn với tiểu thư Phôn Svi-ghen nổi tiếng về sắc đẹp của mình. Trở về Nga, nhờ sự che chở của Ru-mi-an-xép và Pô-tem-kin, ông được trao quyền chỉ huy trung đoàn. Nổi bật trong trận vây đánh Ốt-sa-cốp¹⁰¹ năm 1788, ông được cử làm lữ đoàn trưởng. Trong cuộc chiến tranh Ba Lan 1793-1794,

ông chỉ huy một đơn vị quân trang bị nhẹ và sau khi chiến đấu ở Ô-smi-a-nư và Xô-lư ông được thăng cấp tướng; chỉ huy kỵ binh đột phá được cánh giữa của quân đội Ba Lan, ông đã bảo đảm kết cục thắng lợi cho trận Vin-nô¹⁰², và nhờ mấy cuộc tập kích táo bạo bất ngờ được tiến hành thành công trên hai bên bờ hạ lưu sông Nê-man, ông được Ê-ca-tê-ri-na II tặng thưởng huân chương thánh Vla-di-mia, vũ khí danh dự và 200 nông nô. Trong cuộc chiến tranh Ba Lan, ông đã biểu hiện phẩm chất của một sĩ quan kỵ binh giỏi, hăng hái, dũng cảm, nhanh nhẹn - nhưng không bộc lộ thiên tư cao hơn và cần thiết cho người chỉ huy quân đội. Sau cuộc chiến tranh Ba Lan, ông được cử đến phục vụ trong đội quân đang tác chiến ở Ba Tư, nơi đây, bằng cuộc bắn phá mười ngày ông đã buộc Đéc-ben-tơ trên biển Ca-xpien phải đầu hàng¹⁰³. Huân chương thánh Ghê-oóc-gi-hạng ba là phần thưởng cuối cùng mà ông nhận được của Ê-ca-tê-ri-na, sau khi bà mất ông bị triệu hồi và bị người nối ngôi của bà phế bỏ.

Thống đốc X.Pê-téc-bua, công tước Pa-len, hồi bấy giờ đã tổ chức một cuộc âm mưu giết Pa-ven. Biết rõ tính khí kiên quyết của Ben-ních-xen, Pa-len cho ông biết bí mật và trao cho ông nhiệm vụ vinh dự là đưa những người âm mưu vào phòng ngủ của hoàng đế. Chính Ben-ních-xen lôi Pa-ven ra khỏi lò sưởi, nơi Pa-ven ẩn nấp, và khi Pa-ven cự tuyệt thoái vị, những người âm mưu khác đâm ra do dự thì Ben-ních-xen thốt lên: "không nhiều lời nữa", cởi khăn quàng cổ, lao vào Pa-ven và sau cuộc vật lộn trong đó Ben-ních-xen, được những người khác giúp đỡ, đã bóp cổ giết chết nạn nhân. Để chóng kết thúc sự việc, Ben-ních-xen đã lấy chiếc hộp thuốc lá bằng bạc rất nặng nện vào đầu Pa-ven. Khi A-lếch-xan-đrơ I lên ngôi, Ben-ních-xen được ngay chức tư lệnh ở Lít-va.

Đầu chiến dịch những năm 1806 - 1807 ông chỉ huy một trong những quân đoàn của tập đoàn quân thứ nhất ở dưới quyền chỉ huy của Ca-men-xki, quân đoàn thứ hai do Búc-xghép-đen chỉ huy.

Sau những ý đồ không thành công về yểm hộ Vác-sa-va chống quân Pháp, ông buộc phải rút về Pun-tu-xcơ trên sông Na-rép và ở đây ngày 26 tháng Chạp 1806 ông đã đẩy lùi được cuộc tấn công của Lan-nơ và Béc-na-đốt-tơ, vì ông vượt xa họ về quân số, và vì chủ lực của Na-pô-lê-ông tấn công tập đoàn quân thứ hai của quân Nga. Ben-ních-xen gửi cho A-lếch-xan-đrơ những bản báo cáo khoắc lác và nhờ mưu mô chống lại Ca-men-xki và Búc-xghép-đen, nên chẳng bao lâu sau ông được cử làm tổng tư lệnh đội quân sẽ phải tác chiến với Na-pô-lê-ông. Cuối tháng Giêng 1807, ông tiến hành một cuộc cơ động tấn công chống quân của Na-pô-lê-ông đang đóng trong doanh trại mùa đông và thuần tuý ngẫu nhiên mà tránh được cạm bẫy mà Na-pô-lê-ông giăng ra, sau đó giữa ông và địch thủ diễn ra trận Ấy-lau. Ấy-lau thất thủ ngày 7 tháng Hai, còn trận đánh chủ yếu mà Ben-ních-xen buộc phải tiến hành để ngăn chặn cuộc truy kích mãnh liệt của Na-pô-lê-ông đã diễn ra ngày 8 tháng Hai. Tinh thần kiên cường của quân Nga, việc quân Phổ do Le-xtóc chỉ huy đã tới kịp và việc một số quân đoàn Pháp đến chiến trường chậm khiến cho thắng lợi không rõ ràng. Mỗi bên đều đòi quyền tự cho là người chiến thắng, nhưng dù sao đi nữa, theo lời của chính Na-pô-lê-ông trận Ấy-lau là trận đẫm máu nhất trong các trận chiến đấu của ông. Ben-ních-xen đã cử thánh ca Te Deum^{1*} và được Nga hoàng tặng huân chương nước Nga, khoản trợ cấp 12 000 rúp và bức thư chúc mừng ca tụng ông là "người chiến thắng kẻ chưa từng bị bại trận".

Mùa xuân, ông xây dựng công sự ở Hây-lơ-xbéc và bỏ lỡ cơ hội tấn công Na-pô-lê-ông khi một bộ phận quân Pháp bận vào việc vây đánh Đan-txích¹⁰⁴, nhưng sau khi Đan-txích thất thủ và tất cả các lực lượng của quân đội Pháp đã hội quân, thì ông lại cho rằng giờ tấn công đã đến. Lúc đầu ông đã bị đội tiền vệ của

1* Buổi lễ cầu nguyện trong đó người ta hát bài thánh ca "Te Deum laudamus" ("Thượng đế, chúng con ca ngợi Người").

Na-pô-lê-ông, mà quân số chỉ bằng một phần ba số quân của bản thân ông, chặn lại và chẳng bao lâu sau sự cơ động của Na-pô-lê-ông buộc ông phải rút lui về dinh lũy của mình. Ở đây ngày 10 tháng Sáu, Na-pô-lê-ông đã tấn công ông không có kết quả bằng lực lượng có cả thủy hai quân đoàn và mấy tiểu đoàn cận vệ, nhưng hôm sau đã buộc ông phải bỏ dinh lũy và rút lui. Nhưng điều hoàn toàn bất ngờ là không chờ quân đoàn có 28 000 người bấy giờ đã đến Tin-dít, Ben-ních-xen lại chuyển sang tấn công, chiếm Phrít-lan-đơ, nơi đây ông bố trí quân của mình, lưng dựa vào sông An-lơ và lấy cầu Phrít-lan-đơ làm con đường rút lui duy nhất. Đáng lẽ vận động nhanh chóng lên phía trước, trước khi Na-pô-lê-ông có thể tập trung lực lượng của mình, thì ông lại để cho Lan-nơ và Moóc-chi-ê đánh lạc sự chú ý suốt 5 - 6 giờ, cho mãi đến 5 giờ, khi Na-pô-lê-ông đã chuẩn bị xong quân lính của mình và ra lệnh chuyển sang tấn công. Quân Nga bị đẩy lui đến sông An-lơ, Phrít-lan-đơ bị chiếm, còn chiếc cầu bị chính quân Nga phá hoại, mặc dù cả cánh phải của nó còn ở bờ sông bên kia. Trận Phrít-lan-đơ ngày 14 tháng Sáu đã thất bại như vậy, làm quân Nga thiệt hại trên 20 000 người. Người ta nói rằng lúc bấy giờ Ben-ních-xen bị ảnh hưởng của vợ ông, người Ba Lan. Trong suốt chiến dịch này Ben-ních-xen mắc hết sai lầm này đến sai lầm khác mà toàn bộ hành động của ông là sự kết hợp lạ lùng giữa sự khinh suất vô lý với sự do dự nhu nhược.

Trong chiến dịch năm 1812, hoạt động của ông được tiến hành chủ yếu ở đại bản doanh của hoàng đế A-lếch-xan-đơ, nơi đây ông bày mưu tính kế chống lại Bác-clai-đơ-Tô-li nhằm mục đích chiếm lấy vị trí của Bác-clai-đơ-Tô-li. Trong thời gian diễn ra chiến dịch năm 1813 ông chỉ huy quân đoàn dự bị của Nga và trên chiến trường ở Lai-pxích, ông được A-lếch-xan-đơ phong bá tước. Sau đó ông được lệnh đuổi Đa-vu khỏi Hăm-buốc, ông vây đánh Đa-vu cho đến khi Na-pô-lê-ông thoái vị vào tháng Tư 1814, kết thúc hoạt động quân sự. Bấy giờ ông chiếm được Hăm-buốc mà không phải chiến đấu, về việc này ông yêu cầu phải được nhận vinh dự

và sự khen thưởng mới và ông đã nhận được những cái đó. Từ năm 1814 đến năm 1818, Ben-ních-xen chỉ huy Tập đoàn quân phương Nam ở Bét-xa-ra-bi-a, sau đó rút cục ông đã trở về dinh cơ của mình ở Han-nô-vơ, nơi đây ông qua đời sau khi đã phung phí phần lớn gia sản của mình và để lại những đứa con nghèo nàn phục vụ nước Nga.

*Do C. Mác và Ph.Ăng-ghe-n viết vào ngày
10-22 tháng Chín 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. III, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

BLI-UM

Bli-um, Rô-bóc là một trong những người bị dày dụa của cách mạng Đức; sinh ở Khuên ngày 10 tháng Mười một 1807, bị xử tử ở Viên ngày 9 tháng Mười một 1848. Ông là con trai của một người thợ phụ đóng thùng nghèo chết năm 1815, để lại ba đứa con và người vợ goá trong cảnh quẩn bách, năm 1816 người vợ goá này lại kết hôn với một người thợ khuôn vác bình thường trên xà-lan. Cuộc tái giá này cũng bất hạnh và sự nghèo nàn của gia đình này đã lên đến tột bậc trong thời kỳ đói kém những năm 1816 - 1817. Năm 1819 chàng thanh niên Rô-bóc theo Thiên chúa giáo đã nhận một chân phục vụ trong nhà thờ, sau đó ông là người học việc của thợ mạ vàng, ít lâu sau là người học việc của thợ làm thất lưng rồi, theo thông lệ ở Đức, thành người phụ việc lang thang, nhưng không đáp ứng được yêu cầu của nghề của mình, và sau sự tạm vắng nhà không lâu buộc phải trở về Khuên. Ông tìm được việc làm ở xưởng làm đèn và được cảm tình của chủ xưởng, ông ta cất nhắc ông lên làm việc ở văn phòng; ông được đi theo chủ trong những chuyến đi của ông ta ở các quốc gia Nam Đức và vào những năm 1829 - 1830 sống với ông ta ở Béc-lin. Trong thời gian này, bằng sự cố gắng phi thường ông Rô-bóc đã đạt được một trình độ giáo dục bách khoa, nhưng không biểu hiện thiên tư rõ ràng hoặc tài năng xuất chúng trong một lĩnh vực khoa học cụ thể nào cả. Năm 1830 ông bị gọi nhập ngũ, đó là

nghĩa vụ của mỗi thần dân Phổ và quan hệ của ông với người che chở mình bị gián đoạn. Sau sáu tuần, ông bị đưa ra khỏi quân đội và không có chỗ nương thân, ông trở về Khuên hầu như trong tình cảnh giống như hai lần ông bỏ thành phố này. Sự nghèo nàn của cha mẹ và tình cảnh tuyệt vọng của bản thân buộc ông phải nhận ở viên giám đốc nhà hát Khuên là Rin-ghen-gác-đơ cái chân người sai vặt ở nhà hát. Tuy là một viên chức nhỏ, quan hệ của Bli-um với sân khấu đã thu hút sự chú ý của ông vào công việc sáng tác kịch bản, còn không khí chính trị sôi nổi mà cuộc cách mạng tháng Bảy ở Pháp gây ra trên khắp vùng Ranh thuộc Phổ thì đã mở đường cho ông vào một số đoàn thể chính trị và tạo điều kiện cho thơ của ông được đăng trên báo chí địa phương.

Năm 1831 Rin-ghen-gác-đơ, bấy giờ đã chuyển về Lai-pxích, cử Bli-um làm thủ quỹ và thư ký ở nhà hát Lai-pxích, ông giữ chức vụ đó cho đến năm 1847. Từ năm 1831 đến năm 1837 ông cộng tác với những tờ báo Lai-pxích dành cho bạn đọc gia đình, như tờ "Komet", "Abend - Zeitung"¹⁰⁵ v.v., ông xuất bản "Bác khoa sân khấu", "Bạn của hiến pháp", văn tập nhan đề "Vorwärts", và những cuốn khác, các tác phẩm của ông mang dấu ấn tiểu thị dân tầm thường. Những tác phẩm muộn hơn trong số đó lại còn thêm một điều là tràn đầy thị hiếu thấp hèn. Hoạt động chính trị của ông bắt đầu từ năm 1837, khi đó với tư cách đại biểu trong đoàn đại biểu thị dân Lai-pxích ông trao tặng phẩm danh dự cho hai nghị sĩ thuộc phe đối lập trong nghị viện Dắc-den. Năm 1840 ông là một trong những người sáng lập ra, năm 1841 là một trong những người lãnh đạo Hiệp hội Si-lơ và Hội liên hiệp các nhà văn Đức¹⁰⁶. Sự cộng tác của ông với tờ báo chính trị "Sächsische Vaterlands-Blätter"¹⁰⁷ làm cho ông trở thành nhà báo có tiếng tăm nhất ở Dắc-den và trở thành đối tượng bị truy nã đặc biệt của chính phủ. Cái gọi là Thiên chúa giáo Đức¹⁰⁸ coi ông là người ủng hộ sốt sắng. Ông thành lập Hội Thiên chúa giáo Đức ở Lai-pxích vào năm 1845 ông trở thành thủ lĩnh tinh thần của nó. Ngày 12 tháng Tám 1845 khi một cuộc hội họp lớn của thị dân vũ trang

và học sinh đại học được cử hành trước trại lập binh, đe dọa phá huỷ trại này để trả thù cho vụ đổ máu do một đại đội lập binh gây ra hôm trước¹⁰⁹, thì Bli-um nhờ tài hùng biện vốn có và được nhân dân ưa thích, đã thuyết phục quần chúng vũ trang chống nên từ bỏ những phương pháp phản kháng mà pháp luật cho phép và đề xướng việc thừa kiện đòi bồi thường theo pháp luật. Để khen thưởng những cố gắng của ông, chính phủ Dắc-den lại tiến hành truy nã ông và đóng cửa "Vaterlands - Blätter" vào năm 1848.

Khi cuộc cách mạng tháng Hai năm 1848 bùng nổ, Bli-um đã trở thành nhân vật trung tâm của phái tự do Dắc-den; ông thành lập Hội liên hiệp tổ quốc¹¹⁰ chẳng bao lâu có được trên 40 000 hội viên, và nhìn chung ông đã tỏ ra là một nhà cổ động không mệt mỏi. Được thành phố Lai-pxích cử vào Tiennghị viện, ông giữ chức vụ phó chủ tịch và ngăn ngừa được sự rút lui en masse^{1*} của phe đối lập, do đó ông đã góp phần duy trì cơ cấu đó. Sau khi Tiennghị viện giải tán, ông trở thành uỷ viên của một uỷ ban được duy trì sau đó, và về sau trở thành nghị sĩ của Quốc hội Phran-phuốc, trong đó ông là lãnh tụ của phe đối lập ôn hoà¹¹¹. Trong lý luận chính trị của mình, ông đề ra mục đích của mình là xây dựng nước Đức thành một nước cộng hoà, song cơ sở là các vương quốc, công quốc v.v. có các truyền thống khác nhau, vì theo ông, chỉ có những vương quốc, công quốc ấy mới duy trì được nguyên vẹn cái mà ông cho là đặc điểm hấp dẫn nhất của xã hội Đức, tức là sự phát triển độc lập của các giai tầng khác nhau của xã hội ấy. Là diễn giả, ông nói năng rõ ràng dễ hiểu, có diễn xuất và có tiếng tăm rộng rãi.

Khi tin tức về cuộc khởi nghĩa ở Viên¹¹² đến Phran-phuốc, ông được trao phó, cùng với mấy đại biểu khác của nghị viện Đức, đem sang Viên bức thư do phe đối lập ở nghị viện viết. Với tư cách đại biểu của đoàn đại biểu, ông trao bức thư cho nghị viện

thành phố Viên ngày 17 tháng Mười 1848. Ông tham gia hàng ngũ của quân đoàn học sinh đại học và trong chiến đấu, ông chỉ huy chiến lữ. Sau khi Vin-di-sơ-grét-xơ chiếm Viên, ông bình tĩnh ngồi nói chuyện trong khách sạn thì đột nhiên khách sạn bị lính vây và bản thân ông bị bắt. Bị đưa ra trước toà án quân sự, ông không hạ mình để phủ nhận những lời nói và việc làm của mình. Ông bị xử treo cổ, nhưng hình thức xử treo cổ đổi thành xử bắn. Cuộc hành hình được tiến hành vào sáng sớm ở Bri-gít-tê-nau.

Do C. Mác viết vào ngày 22 tháng Chín 1857

*Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. III, 1858*

In theo bản in trong

Bách khoa toàn thư

Nguyên văn là tiếng Anh

1* - hàng loạt

C.MÁC

BUỐC-RI-EN-NƠ

Buốc-ri-en-nơ, Lu-i Ăng-toan Phô-ven là thư ký riêng của Na-pô-lê-ông; sinh ở Xan-xơ ngày 9 tháng Bảy 1769, chết ở gần Ca-nơ ngày 7 tháng Hai 1834. Năm 1778 vào học trường quân sự ở Bri-en và ở đấy chừng 6 năm, là bạn học của Na-pô-lê-ông. Từ năm 1789 đến năm 1792 ông ở Viên với tư cách tùy viên đại sứ quán Pháp, nghiên cứu luật quốc tế và các ngôn ngữ các dân tộc phương Bắc ở Lai-pxích, lưu lại ở Cung điện Pô-ni-a-tốp-xki ở Vác-sa-va một thời gian. Sau khi trở về Pa-ri, ông khôi phục quan hệ thân thiết với Na-pô-lê-ông bấy giờ là một sĩ quan nghèo và không có bạn bè, nhưng bước ngoặt có tính chất quyết định của sự kiện cách mạng sau ngày 20 tháng Sáu 1792¹¹³ buộc Buốc-ri-en-nơ trở lại Đức. Năm 1795 ông lại về Pa-ri và ở đây lại gặp Na-pô-lê-ông, nhưng Na-pô-lê-ông tỏ ra lạnh nhạt; đến cuối năm 1796, sau khi Buốc-ri-en-nơ lại yết kiến Na-pô-lê-ông, thì ông được gọi đến đại bản doanh và được cử ngay làm thư ký riêng của Na-pô-lê-ông. Sau cuộc chiến tranh I-ta-li-a thứ hai¹¹⁴, Buốc-ri-en-nơ được phong tước vị uỷ viên Hội đồng quốc gia ở trong Điện Tuy-lơ-ri và được xem như người nhà của quan chấp chính đệ nhất. Năm 1802, hăng buôn Cu-lông, người cung ứng cho quân đội - mà Buốc-ri-en-nơ là một cổ đông bí mật và hăng này được Buốc-ri-en-nơ thu xếp cho một vụ buôn bán có lời về cung cấp toàn bộ trang bị của kỵ binh - đã vỡ nợ với một khoản lỗ vốn

là 3 triệu. Người đứng đầu hăng này bỏ trốn, còn Buốc-ri-en-nơ bị điều đi Hăm-buốc. Năm 1806 ông được giao phó nhiệm vụ giám sát việc tuân thủ nghiêm ngặt ở Hăm-buốc hệ thống lục địa của Na-pô-lê-ông¹¹⁵. Thượng nghị viện Hăm-buốc mà Buốc-ri-en-nơ đã trưng thu 2 000 000 phrăng và hoàng đế A-lếch-xan-đơ có người họ hàng là công tước Méc-clen-bua cũng bị Buốc-ri-en-nơ phạt tiền, đã tố cáo ông biến thủ công quỹ; Na-pô-lê-ông cử một uỷ ban để điều tra hành vi của ông và ra lệnh cho ông nộp trả ngân khố của hoàng đế 1 000 000 phrăng.

Bị thất sủng và bị phá sản như vậy, Buốc-ri-en-nơ sống ở Pa-ri cho đến khi Na-pô-lê-ông sụp đổ vào năm 1814; bấy giờ ông lại xuất hiện trên vũ đài, lấy lại một triệu phrăng của mình ở chính phủ lâm thời Pháp¹¹⁶ và được cử làm tổng cục trưởng tổng cục bưu điện. Lu-i XVIII đã cách chức này của ông, nhưng khi nghe những tin đồn đầu tiên về Na-pô-lê-ông từ đảo En-bơ trở về, lại bổ nhiệm ông làm cục trưởng cục cảnh sát Pa-ri; ông ở lại chức vị này được 8 ngày. Vì trong sắc lệnh ký ở Li-ông ngày 13 tháng Ba, Na-pô-lê-ông loại ông ra ngoài danh sách những người được hưởng tổng ân xá, nên ông theo Lu-i XVIII sang Bỉ, từ đây được cử sang Hăm-buốc, rồi sau khi trở về Pa-ri thì được cử làm uỷ viên Hội đồng quốc gia, rồi làm bộ trưởng. Những khó khăn về tài chính buộc ông vào năm 1828 phải tìm nơi nương thân ở Bỉ, trong dinh cơ của công tước phu nhân Bran-cơ ở Phong-ten - L'Ê-véc, gần Sác-lơ-roa. Ở đây, với sự giúp đỡ của ông Đơ Vi-lơ-ma-rơ và những người khác, ông viết "Hồi ký" của mình (10 tập, in 8°) xuất bản năm 1829 ở Pa-ri và gây ra sự xôn xao lớn¹¹⁷. Ông chết ở nhà dành cho những người điên.

*Do C. Mác viết vào ngày 22 tháng Chín 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. III, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

GIÁP CHIẾN

Cuộc xung đột giữa hai cụm quân lính đối địch được gọi là giáp chiến, khi những cụm quân ấy là chủ lực của quân đội hai bên, hoặc chỉ ít hành động độc lập ở chiến trường riêng của mình. Trước khi sử dụng thuốc súng, kết cục của giáp chiến do cuộc đánh thực sự giáp lá cà quyết định. Ở người Hy Lạp và người Maxê-doan, sự thắng bại được quyết định bởi cuộc công kích bằng đội hình pha-lan-ga dày đặc tua tủa giáo mác và tiếp theo là cuộc vật lộn ngắn ngủi bằng kiếm. Ở người La Mã, sự bố trí đội quân lê-gi-ông thành ba tuyến cho phép khi tấn công có thể lập lại cuộc công kích bằng lực lượng của tuyến hai và tiến hành sự cơ động có tính chất quyết định bằng tuyến thứ ba. Tuyến chiến binh La Mã tiến đến cách địch ở khoảng cách 10 - 15 i-ác-đơ ném vào quân địch những chiếc lao của mình - một thứ giáo rất nặng dùng để phóng - rồi bước vào đánh giáp lá cà bằng kiếm. Nếu tuyến thứ nhất bị đẩy lùi thì tuyến thứ hai tấn công địch qua các khoảng cách của tuyến thứ nhất, nếu như lúc đó vẫn chưa đánh bại được sự chống cự của địch, thì tuyến thứ ba, hoặc đội dự bị, tấn công vào cánh giữa của địch hoặc đánh mạnh vào một sườn của địch. Ở thời Trung cổ, kết cục của những trận đánh chủ yếu đều được quyết định bởi cuộc công kích của đội kỵ binh mặc giáp sắt cho đến thời kỳ việc sử dụng pháo binh và súng cầm tay trả lại ưu thế cho bộ binh. Từ đó ưu thế về số lượng và về cấu tạo của súng ở quân đội này hoặc quân đội khác là yếu tố chính trong giáp chiến, cho đến thế kỷ XVIII khi tất cả các quân đội châu Âu đều

trang bị súng cho bộ binh của mình và hầu như ngang nhau về mặt chất lượng của súng. Chính lúc bấy giờ, trong điều kiện có độ bắn chính xác bình quân nhất định, số phát đạn bắn ra trong một thời gian nhất định trở thành yếu tố quyết định. Bộ binh xếp thành tuyến hàng ngang có chiều sâu ba hàng; nó được huấn luyện hết sức cẩn thận để bảo đảm bắn được liên tục và tần số hỏa lực đạn tới 5 phút mỗi phút. Tuyến dài của hai bên tiến dần dần lại gần nhau, không ngừng bắn nhau dưới sự chi viện của pháo binh sử dụng đạn có nhiều mảnh kim loại vụn; rút cục thiệt hại của một bên làm cho nó dao động, còn bên kia lợi dụng thời cơ ấy xông lên đánh giáp lá cà, trận đánh thường kết thúc như vậy. Nếu một trong hai quân đội đã chiếm lĩnh trận địa trước khi bắt đầu cuộc giáp chiến, thì bên kia thường tấn công nó ở góc nhọn để vu hồi từ bên sườn, rồi bao vây một cánh của nó; như vậy là cánh này cũng như bộ phận kế cận của cánh giữa bị ưu thế binh lực làm cho rối loạn và dồn thành một đám đông đặc mà bên tấn công nã trọng pháo vào. Đó là cách đánh ưa thích của Phri-đrich Đại đế sử dụng đặc biệt thành công trong trận Lai-then¹¹⁸. Ngoài ra, bên tấn công còn dùng kỵ binh đánh vào bộ binh địch đã dao động và trong nhiều trường hợp đã đạt được những thắng lợi huy hoàng; nhưng nhìn chung kết cục của giáp chiến được quyết định bởi tốc độ bắn của tuyến bộ binh, và hỏa lực này có hiệu quả đến mức những trận giáp chiến trong thời kỳ này là những trận giáp chiến đẫm máu nhất thời cận đại. Trong trận Cô-lin, Phri-đrich Đại đế thiệt hại 12 000 trong số 18 000 người, còn trong trận Cu-ne-rơ-xđoóc-phơ thiệt hại 17 000 trong số 30 000 người¹¹⁹, trong khi đó thì cuộc giáp chiến đẫm máu nhất trong tất cả các chiến dịch của Na-pô-lê-ông là trận Bô-rô-di-nô*, quân Nga bị thương vong gần một nửa toàn bộ binh lực của mình.

Cách mạng Pháp và Na-pô-lê-ông đã hoàn toàn thay đổi bức tranh của giáp chiến. Quân đội được biên chế thành sư đoàn với quân số khoảng 10 000 người, bao gồm bộ binh, kỵ binh và pháo

1* Xem tập này, tr. 314-320.

binh; nó tác chiến không những trong đội hình ngang, mà cả trong đội hình dọc và đội hình tản khai. Khi dùng đội hình chiến đấu đó thì không còn cần thiết phải lựa chọn chiến trường chỉ ở nơi bằng phẳng; nhằm mục đích đó người ta đã ưa thích rừng, làng mạc, trang trại, bất cứ địa hình mấp mô nào. Từ khi tất cả các quân đội đều sử dụng đội hình chiến đấu mới ấy, giáp chiến đã được tiến hành hoàn toàn khác so với thế kỷ XVIII. Bấy giờ tuy quân đội thường triển khai thành ba tuyến, số phận của trận giáp chiến vẫn quyết định bởi một hoặc nhiều lắm là hai hoặc ba đợt công kích kế tiếp nhau nhanh chóng; bây giờ thì giáp chiến có thể kéo dài suốt một ngày, thậm chí hai hoặc ba ngày mà trong suốt thời gian đó, các cuộc công kích, phản kích và cơ động nối tiếp nhau, khi thì bên này thắng, khi thì bên kia thắng. Hiện giờ, giáp chiến thường do đội tiền vệ của bên tấn công mở đầu, nó đưa các xạ thủ và các đội chi viện lên phía trước. Ngay khi xạ thủ vấp phải sự chống cự nghiêm trọng - điều này thường xảy ra ở địa hình có lợi cho phòng ngự - thì pháo binh nhẹ được điều lên phía trước dưới sự yểm hộ của các xạ thủ và những đơn vị kỵ binh nhỏ, còn chủ lực của đội tiền vệ chiếm lĩnh trận địa. Kế đó, theo thông lệ, cuộc bắn pháo bắt đầu, mà một số đạn nhất định được sử dụng để làm dễ dàng việc trinh sát và buộc địch bộc lộ lực lượng. Trong khi đó các sư đoàn lần lượt kéo đến, tiến vào các vị trí chiến đấu nào đó tùy theo tính chất của những tin tình báo đã trinh sát được về hoạt động của địch. Ở những địa điểm có lợi cho công kích, các xạ thủ được phái lên phía trước và được sự chi viện, ở nơi nào cần, của bộ binh nòng cốt và pháo binh; chuẩn bị công kích hai sườn, quân lính được tập trung để công kích các địa điểm trọng yếu ngay trước trận địa chính của địch, quân địch cũng có những biện pháp tương ứng. Một loạt cuộc cơ động được tiến hành nhằm mục đích uy hiếp trận địa phòng ngự hoặc để đối phó với cuộc công kích có thể có, gây ra cho địch nguy cơ bị phản kích. Quân đội dần dần tiếp cận địch, địa điểm công kích được xác định rõ ràng, và các đơn vị đột kích xông ra từ trận địa kín đáo mà họ chiếm lĩnh từ trước tới giờ. Ở giai đoạn này của cuộc chiến đấu, cái nổi lên là hỏa lực của bộ binh nòng cốt và pháo

binh nhằm vào những địa điểm dự định công kích; kế đó là sự cơ động của các đơn vị làm nhiệm vụ công kích, ngoài ra thỉnh thoảng còn diễn ra cuộc công kích của những đội kỵ binh nhỏ. Cuộc chiến đấu giành giật nhau địa điểm trọng yếu bắt đầu; chúng bị chuyển từ tay bên nọ sang tay bên kia, mà hai bên lần lượt tung ra những lực lượng mới. Khoảng cách giữa những địa điểm ấy lúc đó trở thành chiến trường của các tuyến bộ binh đã triển khai, đôi khi trở thành chiến trường của những cuộc chiến đấu bằng lưỡi lê, song những cuộc chiến đấu này hiếm khi trở thành những cuộc đánh giáp lá cà thực sự, trong khi ở làng mạc, trang trại, ở chiến hào v.v., lưỡi lê thực sự đã được sử dụng khá thông thường. Trên địa hình trống trải đó, hễ có thời cơ thuận lợi là kỵ binh cũng lao lên phía trước, trong khi đó pháo binh tiếp tục bắn và chuyển lên trận địa mới. Khi cuộc giáp chiến tiến triển trong tình thế lúc bên này thắng lúc bên kia thắng, thì ý đồ, sự bố trí và nhất là lực lượng của hai quân đội giao chiến ngày càng lộ rõ; số lượng quân lính đưa vào giáp chiến ngày càng lớn, và chẳng bao lâu sẽ lộ rõ bên nào có được đội dự bị lớn hơn gồm những lực lượng chưa sử dụng đến và được dành cho cuộc công kích cuối cùng và có tính chất quyết định. Hoặc là bên tấn công cho tới nay đã có thuận lợi, như vậy giờ đây nó dám tung đội dự bị của mình vào cánh giữa hoặc bên sườn của bên phòng ngự, hoặc các cuộc công kích đều luôn luôn bị đẩy lùi và không thể có sự tăng viện lực lượng mới, trong trường hợp này bên phòng ngự có thể đưa đội dự bị của mình lên phía trước và bằng cuộc công kích mãnh liệt biến việc đẩy lùi quân địch thành sự thất bại của nó. Trong phần nhiều trường hợp, cuộc công kích có tính chất quyết định đều nhằm vào một đoạn nào đó ở phía chính diện của địch để chọc thủng nó. Pháo binh được tập trung hết sức nhiều vào đoạn đã lựa chọn; bộ binh tiến lên bằng đội hình chiến đấu dày đặc, và khi cuộc công kích của nó vừa thành công là kỵ binh lao nhanh vào đột phá khẩu đã hình thành, rẽ sang phải và sang trái, công kích trận tuyến địch từ bên sườn và sau lưng, có thể nói là buộc địch phải co mình lại theo hướng hai cánh của nó. Nhưng để cho cuộc công kích đó thực sự trở thành có tính chất quyết định thì phải tiến

hành nó với lực lượng lớn và sau khi địch đã tung đội dự bị cuối cùng; nếu không thì những thiệt hại phải chịu sẽ hoàn toàn không tương xứng với những thành tựu rất bé nhỏ đã đạt được trong trường hợp này và thậm chí có thể trở thành nguyên nhân thất bại của cuộc giáp chiến. Trong phần lớn trường hợp, vị thống soái thả ngừng cuộc giáp chiến rõ ràng đã chuyển biến bất lợi, hơn là sử dụng đội dự bị cuối cùng của mình và ngồi chờ đòn quyết định của địch; với tổ chức và chiến thuật hiện đại, điều đó rất thường có thể thực hiện được mà thiệt hại không lớn lắm, vì sau một cuộc giáp chiến quyết liệt, kẻ địch cũng thường ở vào tình trạng rất rối loạn. Đội dự bị và pháo binh chiếm lĩnh trận địa mới ở phía sau; dưới sự yểm hộ của chúng, binh lính lần lượt rút khỏi chiến đấu và rút lui. Cuộc rút lui có được tiến hành trong trật tự cần thiết hay không thì trong trường hợp này điều đó tùy thuộc vào tốc độ truy kích. Đối phó với số binh sĩ định rút khỏi chiến đấu, quân địch thường phái kỵ binh đi, do đó để chi viện cho những binh lính ấy cũng phải chuẩn bị kỵ binh. Nhưng nếu kỵ binh của bên rút lui bị đánh bại, còn bộ binh bị đuổi kịp trước khi thoát khỏi địch, thì trường hợp này sự thất bại sẽ trở thành toàn diện, và đội hậu vệ, như vẫn thường xảy ra, ở trên trận địa phòng ngự mới của mình sẽ gặp rất nhiều khó khăn chừng nào trời chưa tối.

Đây là kiểu thông thường của giáp chiến hiện đại trong điều kiện hai bên gần ngang nhau về quân số và trình độ chỉ huy. Trong điều kiện một bên có ưu thế rõ rệt thì vấn đề đơn giản đi rất nhiều và có vô số kiểu kết hợp khác nhau; song trong mọi tình huống, giáp chiến hiện đại giữa quân đội của các nước văn minh, nhìn chung, mang tính chất được trình bày trên đây.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 21 tháng Chín 1857

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. II, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

Nguyên văn là tiếng Anh

PH.ĂNG-GHEN

KHẨU ĐỘI¹²⁰

Trong pháo binh dã chiến, thuật ngữ này chỉ một số lượng pháo nhất định, từ 4 đến 12 khẩu, với số ngựa, pháo thủ và đạn được cần thiết, thường được sử dụng cho hợp đồng tác chiến. Khẩu đội pháo của người Anh và người Pháp có 6 khẩu pháo, của người Phổ và Áo có 8 khẩu, của người Nga có 8 hoặc 12 khẩu. Khẩu đội pháo dã chiến chia thành khẩu đội pháo nhẹ, khẩu đội pháo nặng và khẩu đội lựu pháo, ở một số nước còn có thêm khẩu đội sơn pháo. Khi viết về trận địa chiến đấu, thuật ngữ khẩu đội pháo cũng được sử dụng để chỉ bất cứ địa điểm nào có bố trí pháo. Trong pháo binh công thành, danh từ khẩu đội pháo hoặc là chỉ một chính diện của cứ điểm có trang bị pháo, hoặc chỉ riêng một số lượng pháo nào đó được bố trí thành tuyến để bắn trong cứ điểm và được tường chắn bao quanh che chở. Khi nói xây dựng khẩu đội pháo thì đó chính là xây dựng bức tường chắn đó và các bãi đặt pháo. Xét về hình thù thì có loại khẩu đội pháo nhô ra, nửa thụt vào và thụt vào hẳn; xét theo trang bị thì có loại khẩu đội pháo nòng dài, lựu pháo và cối; xét theo phương thức che giấu thì có loại khẩu đội pháo có lỗ châu mai, loại khẩu đội pháo có xà bác-bét (không có lỗ châu mai) và khẩu đội pháo kiểu hầm ngầm (có công sự chống đạn pháo). Theo mục đích sử dụng, thì có loại khẩu đội phá huỷ dùng để loại khỏi vòng chiến các khẩu pháo ở một chính diện của cứ điểm với những khẩu pháo đặt song song với phía chính diện ấy; loại khẩu đội bắn chéo, được bố trí

ở tuyến kéo dài của mặt chính diện và dùng để bắn dọc theo phía chính diện ấy, đạn đặc và đạn phá của nó bay là là trên tường chắn dọc theo chính diện, bật ngược từ mặt đất lên một độ cao nhỏ; khẩu đội cối để bắn vào phía trong pháo đài và công sự bên trong cứ điểm; khẩu đội pháo phá tường thành dùng để phá hoại tường đá của đê trong của tường thành; khẩu đội chống khẩu đội được bố trí trên đê dốc đối diện với sườn để áp chế hỏa lực bắn từ bên sườn yểm hộ cho hào trước đột phá khẩu. Các khẩu đội pháo bờ biển là công sự được xây dựng ở những địa điểm nhất định trên bờ biển để tác chiến chống tàu chiến địch; các khẩu đội ấy hoặc có tính chất vĩnh cửu - trong trường hợp này chúng thường được xây dựng bằng đá và thường có hầm ngầm với những cỗ pháo bố trí thành mấy tầng, - hoặc là những công sự tạm thời bằng đất, theo thông lệ, với các khẩu pháo bố trí theo kiểu bác-bét bảo đảm tầm bắn rộng lớn hơn, trong cả hai trường hợp chúng thường được yểm hộ từ phía sau để đề phòng sự tập kích bất ngờ của bộ binh đổ bộ.

Khi bố trí khẩu đội pháo theo kiểu công sự bằng đất thì phải vạch tuyến có các kích thước cơ bản, còn đất để đắp công sự thì lấy ở hào phía trước hoặc phía sau tường chắn sẽ xây dựng. Mặt dốc ngoài của tường chắn không cần che chắn, nhưng mặt dốc trong và hai bên má, tức là phía trong của lỗ châu mai, thì xung quanh phải đặt những bó củi, lông chắn, cành cây, sọt đất, bao cát hoặc những lớp đất bùn để đất khỏi sụt lở cả khi mặt dốc dựng đứng. Giữa mặt dốc ngoài của tường chắn và hào ở phía trước thường để lại bờ đất để bảo vệ tường hoặc một bộ phận nhô ra nằm ngang. Bên trong khẩu đội pháo giữa các lỗ châu mai có xây dựng những chiếc bệ có chiều cao sao cho người đứng trên bệ ấy có thể quan sát phía trên tường chắn. Để bảo vệ khẩu đội chống hỏa lực từ bên sườn, ở một hoặc hai sườn của khẩu đội thường cấu trúc tường vai hoặc tường chắn hình thành góc tù với tường chắn của khẩu đội. Ở nơi mà khẩu đội có thể bị hỏa lực bắn dọc thì cần xây dựng tường ngang hoặc tường vai ở giữa các

khẩu pháo. Ở khẩu đội có công sự cao đặt pháo, công sự yểm trợ này được tăng cường bằng cách làm cho tường ngang cao hơn tường chắn mấy phút nữa; bộ phận nhô lên này kéo dài ra vắt qua tường chắn đến tận đỉnh cao phía ngoài của tường này và được gọi là bô-nê. Pháo được đặt trên bệ làm bằng ván gỗ, tà vẹt hoặc những vật liệu bằng gỗ khác để bảo đảm thế đứng vững vàng của pháo. Một phần đạn được để trong các hầm ở chân tường chắn, một phần nữa để trong công sự bằng gỗ ngầm dưới đất và có phủ đất để chống đạn phá. Để bảo vệ pháo thủ khỏi hỏa lực súng trường, lỗ châu mai thường được dầy bằng tấm che làm bằng ván kiên cố mở ra hai phía khi pháo di động, hoặc có lỗ thủng qua đó miệng pháo thò ra ngoài. Tấm che làm bằng gỗ tròn được dùng để tránh hỏa lực địch, những khúc gỗ tròn này một đầu được kê lên đỉnh phía trong của tường chắn, còn một đầu được chống nghiêng xuống mặt đất. Ở những khẩu đội sử dụng lựu pháo, đáy của lỗ châu mai có mặt nghiêng từ dưới lên trên, chứ không phải từ trên xuống dưới; ở khẩu đội cối thì hoàn toàn không có lỗ châu mai: góc bắn lớn bảo đảm đạn pháo bay trên đỉnh tường chắn. Để bảo vệ có hiệu quả chống hỏa lực của trọng pháo, tường chắn phải có bề dày ít nhất 17 hoặc 18 phút; nếu pháo của địch có cỡ rất lớn, mà chất đất xấu thì đòi hỏi bề dày là 24 phút. Chiều cao 7 hoặc 8 phút bảo đảm có được sự bảo vệ đầy đủ. Giữa các khẩu pháo phải có khoảng trống 10-14 phút; nếu cần có tường ngang thì tường chắn phải kéo dài một cách tương ứng.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 28 tháng Chín 1857

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. II, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

ĐÓNG QUÂN NGOÀI TRỜI

Đóng quân ngoài trời (một từ tiếng Pháp^{1*} chắc là bắt nguồn từ hai thuật ngữ tiếng Đức *bei* và *Wache*^{2*}) là nơi quân lính hạ trại để ngủ qua đêm ngoài trời, không có lều vải, binh sĩ mặc cả quần áo để ngủ, vũ khí thì để cạnh mình. Vào thời kỳ các cuộc chiến tranh cổ đại, chiến sĩ ngủ trong các lều vải được dùng như là thành phố lưu động. Thời Trung cổ, quân đội của các lãnh chúa phong kiến và các quốc vương tìm nơi trú ngụ trong các lâu đài và tu viện mà họ gặp trên đường đi. Quần chúng nhân dân do ảnh hưởng của lòng cuồng nhiệt tôn giáo nên đã tham gia vào các cuộc viễn chinh thập tự vào châu Á¹²¹, họ là đám người ô hợp hơn là một quân đội; tất cả đám đông ấy, trừ các thủ lĩnh - các hiệp sĩ và các vua chúa, - cũng như đám tùy tùng thân cận của họ, đều hạ trại ngoài trời ngay trên mặt đất, giống như các bộ lạc du mục dã man, cư trú trên các bình nguyên châu Á. Với sự trở lại chiến tranh chính quy, những trại lính có lều vải lại xuất hiện và là hiện tượng bình thường ở châu Âu trong suốt hai thế kỷ vừa qua. Nhưng vào thời kỳ những cuộc chiến tranh Na-pô-lê-ông đại quy mô, người ta đi đến kết luận là tốc độ vận động quan

trọng hơn sức khoẻ của binh sĩ, thế là lều vải bị coi như một đồ xa xỉ không cần thiết đã biến khỏi chiến trường châu Âu, nếu không kể một số trường hợp cá biệt mà quân đội Anh sử dụng. Tất cả các quân đội đều hạ trại ngoài trời bên cạnh đồng lửa, và nếu như phải hạ trại ở gần địch thì không có đồng lửa, và quân lính ngủ trên rơm và chắc là có khi ngủ ngay trên mặt đất trơ trụi, ngoài ra có một bộ phận binh sĩ canh gác. Không một cuộc đóng quân ngoài trời nào trong lịch sử được ca ngợi trong thi ca và hội họa bằng cuộc đóng quân ngoài trời được dựng vào ngay đêm trước khi nổ ra trận Ô-xtéc-lít¹²².

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 28 tháng Chín 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. III, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư Nguyên văn là tiếng Anh In bằng tiếng Nga lần đầu

1* Tiếng Pháp là "bivouac"

2* - "bei" - "ở bên", "tại"; "Wache" - "cảnh vệ", "vệ binh", "cảnh giới".

PH.ĂNG-GHEN

TẮM CHE

Tấm che - được dùng trong xây thành lũy - là bất cứ thiết bị nào ngăn cản không để kẻ địch trông thấy những gì diễn ra ở một nơi nào đó. Ví dụ như: những bó củ xếp trên đỉnh trong của khẩu đội pháo và nhô ra bên trên lỗ châu mai; chúng làm cho việc quan sát, trên một cự ly nhất định, qua lỗ châu mai trở nên khó khăn hơn. Có khi lỗ châu mai được che bằng những tấm che phức tạp hơn, gồm có hai tấm ván dày di động trên rãnh từ hai phía, nên chúng có thể hoàn toàn che kín lỗ châu mai. Nếu hướng bắn trước sau vẫn là một thì khi đưa nòng pháo ra không cần mở tấm che ra, vì có thể khoét một lỗ hổng cho miệng pháo chĩa ra. Khi cần thì lỗ hổng ấy có thể được che bằng một tấm chắn di động. Những loại tấm che khác được sử dụng để che cho pháo thủ khỏi bị hỏa lực bắn cầu vồng. Chúng được làm bằng những khúc gỗ kiên cố nhẵn nhụi mà một đầu kê lên đỉnh trong của tường chắn, còn đầu kia được đặt trên mặt đất. Nếu đạn pháo không lớn lắm và không rơi hầu như thẳng đứng thì chúng không xuyên thủng được loại tấm che này và chỉ chạm vào nó và bật khỏi theo một góc nhất định. Để yểm hộ công binh khỏi hỏa lực khi đào chiến hào, người ta sử dụng một loại tấm che kiểu đặc biệt; chúng có thể di động trên những con lăn và đẩy lên phía trước tùy theo sự tiến triển của việc đào chiến hào. Để chống hỏa lực súng trường thì chỉ cần chiếc mộc bằng ván chắc, phía ngoài có bọc vỏ sắt và

dùng khúc gỗ to làm chân đỡ. Để chống lại hỏa lực của pháo cần có những hầm hoặc sọt vuông chứa đầy đất, những bao cát hoặc bó củ. Tấm che thường dùng nhất của công binh là một cái lồng rất lớn, hoặc một chiếc sọt tròn nhét đầy củ mà đội công tác lẩn ở phía trước công binh. Khi cần che bên trên hào thì tấm che được làm như sau: bên trên có đặt những chiếc xà vuông có phủ những bó cành cây, trên các bó cành cây có rải đất, làm cho những xà gỗ ấy đủ chắc để che đỡ được đạn pháo đặc và trái phá.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 28 tháng Chín 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. III, 1858*

*In theo bản in trong Bách khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

BÔ-NÉT

Bô-nét - trong xây dựng thành lũy - là phần ngang nhô cao của tường chắn, hoặc tường ngang và tường chắn, được xây dựng hoặc là để không cho địch có thể từ điểm cao nào đó nhìn thấy bên trong công sự, hoặc là để bảo vệ pháo thủ và các khẩu pháo của các pháo đài kiểu bác-bét khỏi bị hỏa lực bắn tạt sườn của địch. Ở những pháo đài này, các khẩu pháo bắn vượt qua đỉnh tường chắn phải được đặt trên những bệ quay cao, giá pháo nằm trên bệ quay này có thể di động về phía sau và phía trước. Do đó, pháo thủ không được hoàn toàn bảo vệ chống hỏa lực địch vào lúc họ thao tác pháo, đặc biệt nguy hiểm đối với họ là hỏa lực bên sườn hoặc bắn xiên chéo, vì lúc này mục tiêu mà địch bắn vào hầu như cao gấp đôi so với những pháo đài có lỗ châu mai và có giá pháo thấp. Để ngăn ngừa sự nguy hiểm đó, giữa các khẩu pháo người ta xây dựng tường ngang hoặc tường chắn nằm ngang, những tường chắn này cần được xây dựng có phần nhô cao phía trên tường chắn để chúng hoàn toàn che chở được pháo thủ khi pháo thủ đứng trên bệ. Phần cấu trúc này kéo dài từ tường ngang xuyên suốt chiều dày của tường chắn. Nếu hai bên khẩu pháo đều có bô-nét thì chúng sẽ hạn chế góc quay ngang của pháo trong phạm vi 90° đến 120° .

"Bonnet-à-Prêtre" hoặc "Queue d'Hirondelle" (đuôi én) - trong việc xây dựng thành lũy dã chiến - là công sự có hai góc lồi ra

và một góc lõm ở giữa hai góc lồi ấy. Góc lõm vào ấy bao giờ cũng bằng 90° , còn hai góc lồi ra thường là 60° , thành thử hai mặt ngoài dài hơn hai mặt trong và xoè ra ở phía sau. Công sự này có khi được áp dụng trong xây dựng công sự đầu cầu nhỏ và trong những tình huống khác, dùng để bảo vệ lối vào đèo.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 28 tháng Chín 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. III, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

BEM¹²³

Bem, Giô-dép là viên tướng Ba Lan, sinh năm 1795 ở Tác-nốp thuộc Ga-li-xi, mất ngày 10 tháng Chạp 1850. Sự cuồng nhiệt suốt đời của ông là lòng thù ghét nước Nga. Vào thời kỳ mà những chiến thắng và những lời tuyên bố của Na-pô-lê-ông thúc đẩy niềm tin vào sự phục hưng nước Ba Lan, Bem tham gia đoàn thiếu sinh quân ở Vác-sa-va và được huấn luyện quân sự ở trường pháo binh do tướng Pê-lê-chi-ê lãnh đạo. Khi tốt nghiệp trường này, ông được bổ nhiệm làm trung uý kỵ binh pháo. Trong chiến dịch năm 1812 ông phục vụ với chức vụ ấy ở dưới quyền Đa-vu và Mác-đô-nan; nhờ sự tham gia trận phòng ngự Đan-txích¹²⁴ ông được thưởng huân chương chữ thập quân đoàn danh dự và sau khi cú điểm này đầu hàng, ông trở về Ba Lan. Sau đó, khi Nga hoàng A-lếch-xan-đơ giả vờ là người nhiệt thành sốt sắng với dân tộc Ba Lan, cải tạo quân đội Ba Lan, thì Bem tham gia quân đội ấy năm 1815 với tư cách sĩ quan pháo binh, nhưng chẳng bao lâu bị cách chức do đấu súng với một sĩ quan cấp trên. Nhưng kể đó ông được cử làm giảng viên khoa học quân sự ở trường pháo binh Vác-sa-va và được thăng cấp đại uý. Ông đưa vào sử dụng trong quân đội Ba Lan loại tên lửa Công-gri-vơ; ông đã miêu tả những cuộc thí nghiệm về việc này trong cuốn sách ban đầu được xuất bản bằng tiếng Pháp, sau đó được dịch ra tiếng Đức¹²⁵. Ông dễ nổi giận, không chịu phục tùng, từ năm 1820 đến năm 1825 đã

mấy lần bị đưa ra trước toà án quân sự, bị xử tù, sau khi được phóng thích lại bị tù, cuối cùng bị giải đến Cốt-xơ, một làng Ba Lan hẻo lánh, tại đây ông sống qua ngày đoạn tháng dưới sự giám sát nghiêm ngặt của cảnh sát, ông chỉ thoát khỏi quân đội Ba Lan sau khi A-lếch-xan-đơ chết, cuộc khởi nghĩa Pê-téc-bua¹²⁶ đã buộc Côn-xtan-tin phải thôi để mất đến ông. Rồi Ba Lan thuộc Nga, Bem đến Lem-béc-gơ, nơi đây ông làm quản lý một xưởng rượu lớn và viết một cuốn sách về phương pháp dùng hơi nước để chưng cất cồn.

Năm 1830, khi cuộc khởi nghĩa nổ ra ở Vác-sa-va, ông tham gia khởi nghĩa, sau mấy tháng ông được đề bạt chức thiếu tá pháo binh và tháng Năm 1831 tham gia trận đánh ở Ô-xtơ-rô-len-ca, tại đây ông tỏ ra xuất sắc về nghệ thuật và tinh thần kiên cường mà ông đã biểu hiện trong cuộc chiến đấu với các đơn vị pháo binh Nga, chiếm ưu thế so với pháo binh của ông¹²⁷. Khi cuộc công kích của quân đội Ba Lan vào quân Nga bị đánh lui hoàn toàn và quân Nga vượt sông Na-rép thì ông táo bạo đưa toàn bộ pháo binh của mình lên phía trước để yểm hộ cho cuộc rút lui của quân Ba Lan. Sau đó Bem được thăng đại tá, chẳng bao lâu sau lại được thăng cấp tướng và được cử giữ chức tư lệnh pháo binh Ba Lan. Trong cuộc cường tập của quân Nga vào Vác-sa-va, ông chiến đấu dũng cảm, nhưng với tư cách người chỉ huy, ông mắc sai lầm là không đưa 40 khẩu pháo của mình vào hoạt động và để cho quân Nga chiếm mất Vô-li-a, điểm phòng ngự chính. Sau khi Vác-sa-va thất thủ, ông đem tàn quân rút sang Phổ, thuyết phục binh sĩ không hạ vũ khí trước người Phổ, do đó gây ra cuộc xung đột đẫm máu nhưng không cần thiết mà người đương thời gọi là trận Phi-sau. Sau đó ông rời bỏ quân đội, tổ chức ở Đức uỷ ban cứu giúp những người Ba Lan lưu vong, kể đó sang Pa-ri.

Tính cách khác thường của ông - trong con người ông lòng yêu lao động và yêu chuộng các môn khoa học chính xác kết hợp với khát vọng hoạt động mãnh liệt - khiến cho ông sẵn sàng tham gia những công việc phiêu lưu mà sự thất bại bị kẻ thù của ông lợi

dụng. Ví dụ, năm 1833 ông tự gánh lấy mọi rủi ro đã đứng ra tiến hành - vả lại, không có kết quả - việc tuyển mộ một quân đoàn Ba Lan cho Đôn Pê-đru¹²⁸ và bấy giờ bị buộc tội là phản bội; một trong những đồng bào thất vọng về ông đã bắn vào ông ở Buốc-giơ, là nơi ông đến để chiêu mộ người Ba Lan cho quân đoàn của mình. Thời kỳ từ năm 1834 đến năm 1848, ông làm cuộc viễn du sang Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Bỉ và Pháp.

Năm 1848, khi xuất hiện những dấu hiệu đầu tiên của cuộc cách mạng ở Ba Lan thuộc Áo, ông vội vã về Lem-béc-gơ và từ đây ông đến Viên vào ngày 14 tháng Mười. Tất cả những gì đã được tiến hành ở đây để củng cố công sự phòng ngự và tổ chức lực lượng cách mạng, đều được thực hiện nhờ những cố gắng của cá nhân ông. Cuộc tháo chạy hỗn loạn ngày 25 tháng Mười kết thúc cuộc xuất kích của quân đội cận vệ cơ động¹²⁹, do ông chỉ huy, đã buộc ông phải thốt ra, bằng những lời lẽ nghiêm khắc, một loạt lời quả trách; để trả lời, người ta công khai buộc tội ông là phản bội. Lời buộc tội ấy, bất kể tất cả sự phi lý của nó, đã mang tính chất nghiêm trọng đến mức là nếu người ta không e sợ cuộc bạo động của quân đoàn Ba Lan, thì ông đã bị đưa ra trước toà án quân sự. Sau khi tiến hành xuất sắc cuộc phòng thủ bằng chiến lược lớn dựng lên ở Ê-ghéc-nơ-xai-lơ ngày 28 tháng Mười và sau khi cuộc đàm phán giữa hội đồng thị chính Viên với công tước Vin-đi-sơ-grét-xơ bắt đầu, ông đã lẩn trốn. Sự hoài nghi lại càng tăng do sự mất tích bí mật của ông, đã theo đuổi ông từ Viên đến Pét, nơi đây, do ông đưa ra với Chính phủ Hung-ga-ri khuyến nghị hợp lý là không nên cho phép tổ chức quân đoàn Ba Lan đặc biệt, nên một người Ba Lan tên là Cô-lô-đen-xki đã bắn ông vì tình nghi ông là kẻ phản bội, khiến ông bị thương nặng.

Cuộc chiến tranh ở Tơ-ran-xin-va-ni trong đó Chính phủ Hung-ga-ri trao quyền chỉ huy cho Bem, nhưng trao cho ông tự mình tìm cách chiêu mộ quân đội để tiến hành, - là thời kỳ quan trọng nhất trong hoạt động quân sự của ông và biểu lộ rõ ràng nhất những đặc điểm độc đáo trong nghệ thuật chỉ huy của ông.

Mở đầu chiến dịch đầu tiên vào cuối tháng Chạp 1848 với đạo quân gần 8 000 người được trang bị tồi, tuyển mộ vội vàng và gồm những thành phần rất khác nhau: tân binh Ma-gi-a chưa qua huấn luyện, người Hôn-vếch¹³⁰, những người lưu vong từ Viên và một nhóm nhỏ những người Ba Lan, - một đội quân muôn màu muôn vẻ này được bổ sung trong khi tiến qua Tơ-ran-xin-va-ni bằng việc tuyển mộ bổ sung dần trong các sắc dân Xê-cle-rơ¹³¹, Dắc-den, Vla-vơ và Ru-ma-ni, - gần hai tháng sau Bem đã kết thúc chiến dịch này, đánh thắng Pu-khơ-nơ chỉ huy đạo quân Áo gồm 20 000 người, đánh thắng En-ghen-hác cầm đầu đạo quân hỗ trợ gần 6 000 quân Nga và đánh thắng Uóc-ban với đội quân ăn cướp của hắn. Sau khi buộc Uóc-ban phải lẩn trốn về Bu-cô-vi-na, còn Pu-khơ-nơ và En-ghen-hác thì phải lui về Va-la-khi, ông đã chiếm được toàn bộ Tơ-ran-xin-va-ni, trừ một cứ điểm nhỏ là Các-lơ-xbuốc. Những cuộc tập kích bất ngờ dũng cảm, những sự cơ động táo bạo, những cuộc hành quân thần tốc cũng như sự tín nhiệm sâu sắc mà ông tranh thủ được ở quân sĩ của mình nhờ tấm gương của cá nhân ông, nhờ sự lựa chọn khéo léo khu vực kín đáo và nhờ kỹ năng luôn biết bảo đảm được sự chi viện của pháo binh vào giờ phút quyết định, - tất cả những cái đó chứng tỏ rằng ông là nhà chỉ huy quân sự bậc nhất trong chiến tranh du kích và chiến tranh miền núi quy mô nhỏ mà ông đã tiến hành trong chiến dịch đầu tiên này. Ông cũng tỏ ra là người có bản lĩnh trong nghệ thuật nhanh chóng thành lập quân đội và đưa kỷ luật vào quân đội; nhưng vì ông thoả mãn với tổ chức thô sơ ban đầu và không chăm lo xây dựng hạt nhân gồm những đơn vị tinh nhuệ - điều này hết sức cần thiết - cho nên đạo quân được tổ chức theo kiểu ngẫu hứng của ông tất không tránh khỏi tan rã, như một ảo ảnh khi gặp những thất bại nặng nề đầu tiên.

Khi Tơ-ran-xin-va-ni còn ở trong tay ông, ông còn được sự kính trọng do ngăn ngừa được những thủ đoạn tàn bạo vô nghĩa lý và thiếu sách lược về mặt chính trị mà các đặc phái viên người Ma-gi-a định tiến hành. Chính sách hoà giải các dân tộc thù địch nhau đã

giúp ông, trong có mấy tháng, tăng cường được quân số của quân đội mình lên 40 000 - 50 000 người, ngoài ra đội quân của ông có đủ pháo binh và kỵ binh. Nếu như cuộc viễn chinh mà ông tiến hành với đạo quân lớn ấy nhằm vào Ba-nát¹³² vẫn không đem lại những kết quả vững chắc, mặc dầu đã có mấy cuộc cơ động xuất sắc, thì để giải thích điều đó, cần chú ý rằng ông bị bó chân bó tay do cần phải hiệp đồng tác chiến với mấy viên tướng bất lực của Hung-ga-ri.

Việc lực lượng lớn của Nga xâm nhập Tơ-ran-xin-va-ni và kèm theo đó là những thất bại của người Ma-gi-a đã buộc Bem phải rút về chiến trường, nơi diễn ra chiến dịch đầu tiên của ông. Sau mưu đồ định xâm nhập vào Môn-đa-vi-a quấy rối hậu phương địch không thành công, ông trở về Tơ-ran-xin-va-ni và ở đây, ngày 29 tháng Bảy, ông bị thất bại thảm hại trong trận Séc-xbua trước quân Nga, do Li-đéc-xơ chỉ huy, có ưu thế gấp ba về quân số, chính bản thân ông lại thoát khỏi bị bắt làm tù binh vì nhờ sa vào vùng đầm lầy, ông tình cờ được mấy phiêu kỵ Ma-gi-a thuộc các đơn vị bại trận cứu thoát ra khỏi đầm lầy đó. Tập hợp tàn quân, ông đánh chiếm lần thứ hai Héc-man-stát vào ngày 5 tháng Tám, nhưng do thiếu tăng viện, ông đã nhanh chóng bỏ lại nơi này và sau trận thất bại ngày 7 tháng Tám, ông trở về Hung-ga-ri, và rất đúng lúc để được chứng kiến sự thất bại trong trận đánh có tính chất quyết định ở Tê-mê-sva-ra¹³³. Sau mưu đồ không có kết quả là chỉ huy số tàn quân Ma-gi-a tiến hành cuộc chống cự cuối cùng ở Lu-gô-giơ, ông lại tiến vào Tơ-ran-xin-va-ni và cầm cự ở đây chống lại lực lượng có ưu thế hơn nhiều cho đến ngày 19 tháng Tám, khi ông buộc phải tìm nơi ẩn náu trên lãnh thổ Thổ Nhĩ Kỳ.

Để mở ra địa bàn mới cho hoạt động chống nước Nga, Bem theo Hồi giáo, được vua Thổ Nhĩ Kỳ thăng lên chức pa-sa đổi tên thành A-mu-ra, được trao quyền chỉ huy trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ; nhưng do sự phản kháng của các nước châu Âu, ông bị chuyển đến A-lép-pô. Nơi đây, tháng Mười một 1850 ông đã ngăn chặn

thành công hành động quá khích đẫm máu của dân cư Hồi giáo mà nạn nhân là các tín đồ Cơ đốc giáo địa phương¹³⁴; chừng một tháng sau, ông chết vì cơn sốt rét ác tính sau khi từ chối không chịu chữa bệnh.

*Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết vào nửa
cuối tháng Chín 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. III, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

BÉT-XI-E-RƠ

Bét-xi-e-rơ, Giăng Ba-ti-xơ là nguyên soái của nền Đế chế Pháp, sinh ở Prê-xéch thuộc tỉnh Lô ngày 6 tháng Tám 1768, bị giết ở Luy-tơ-xen ngày 1 tháng Năm 1813. Năm 1791 tham gia "quân cận vệ lập hiến"¹³⁵ của Lu-i XVI, làm hạ sĩ quan trong trung đoàn xạ thủ kỵ binh ở Pi-rê-nê và chẳng bao lâu được phong quân hàm đại uý lập binh. Ngày 4 tháng Chín 1796 sau thắng lợi ở Rô-ve-rê-tô Bô-na-pác-tơ đã phong cho ông chức đại tá ngay tại chiến trường. Trong chiến dịch I-ta-li-a năm 1796-1797 ông là chỉ huy đội quân ghi-đơ¹³⁶ bên cạnh tổng tư lệnh; là đại tá trong đạo quân ấy ở Ai Cập, Bét-xi-e-rơ gắn bó với họ trong phần lớn cuộc đời mình. Năm 1802 ông được thăng thiếu tướng và năm 1804 được phong danh hiệu nguyên soái của đế chế. Ông đã dự các trận Rô-ve-rê-tô, Ri-vô-li, Xanh-Giăng-d'A-crơ, A-bu-kia, Ma-ren-gô, - tại đây ông chỉ huy cuộc công kích cuối cùng có tính chất quyết định của kỵ binh, - trận Ô-xtéc-lít, I-ê-na, Ấy-lau và Phrit-lan-đơ¹³⁷. Năm 1808 ông nhận chức vụ chỉ huy một sư đoàn có 18 000 quân đóng ở tỉnh Xa-la-man-ca của Tây Ban Nha, khi ông tới đây thì thấy rằng tướng Cu-ê-xta đã chiếm lĩnh trận địa nằm giữa Va-li-a-đô-lít và Buốc-gô-xơ, uy hiếp tuyến giao thông giữa Ma-đrít và nước Pháp, Bét-xi-e-rơ tấn công tướng Cu-ê-xta và giành thắng lợi ở Mê-di-na-đơ, Ri-ô-xê-cô. Sau thất bại của cuộc viễn chinh Van-khe-ren¹³⁸ của quân Anh, Na-pô-lê-ông cử Bét-xi-e-rơ thay

Béc-na-đốt-tơ làm tư lệnh quân Pháp ở Bỉ. Cùng năm (1809), Bét-xi-e-rơ được phong tước hiệu công tước I-xơ-ri. Trong trận Ê-xlin-gơ^{1*}, khi chỉ huy sư đoàn kỵ binh, ông đã đánh bại tướng Hô-hen-txô-léc của Áo. Trong chiến dịch ở Nga, ông là chỉ huy kỵ binh cận vệ, còn năm 1813 khi chiến dịch ở Đức bắt đầu, ông giữ chức tư lệnh kỵ binh Pháp. Ông tử trận khi tấn công¹³⁹ khe núi Ri-pắc ở Dắc-den vào đêm trước khi nổ ra trận Luy-tơ-xen. Ông hết sức được lòng binh sĩ, điều này có thể thấy được qua sự việc là người ta nên hoãn việc thông báo cho quân đội biết về cái chết của ông trong một thời gian.

*Do C.Mác viết vào khoảng ngày 29 tháng
Chín 1857*

*Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. III, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư*

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* Xem tập này tr. 83-88.

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

BÔ-XKÊ¹⁴⁰

Bô-xkê, Mai-ri Giô-dép là nguyên soái Pháp, sinh năm 1810 ở Pô thuộc tỉnh Hạ Pi-rê-nê. Năm 1829 học trường kỹ nghệ bách khoa ở Pa-ri, năm 1831 học trường quân sự ở Mét-xơ, năm 1833 được thăng quân hàm thiếu úy pháo binh và năm 1834, với cấp bậc ấy, ông cùng trung đoàn pháo binh số 10 sang An-giê-ri. Một lần, khi một đơn vị nhỏ của Pháp ở đây lâm vào tình cảnh cực kỳ khốn cấp, còn viên chỉ huy thì hoảng hốt không biết làm thế nào rút ra khỏi trận chiến đấu, chàng thanh niên Bô-xkê đã can thiệp và đề nghị một kế hoạch, nhờ đó địch hoàn toàn thất bại. Năm 1836 Bô-xkê được thăng cấp trung úy, năm 1839 - đại úy, năm 1842 - thiếu tá và năm 1845 - trung tá, năm 1848 - đại tá, rồi kế đó dưới chính phủ cộng hoà ông được thăng lên thiếu tướng. Trong chiến dịch Ca-bi-li-a năm 1851^{1*} ông bị thương khi đưa lữ đoàn của mình tấn công khe núi Mô-na-gan. Việc thăng Bô-xkê lên cấp trung tướng đã bị hoãn lại do thái độ dè dặt mà ông biểu hiện đối với Lu-i Bô-na-pác-tơ, nhưng khi chiến tranh bắt đầu, quân đội được phái sang Thổ Nhĩ Kỳ thì ông được cử làm tư lệnh sư đoàn số 2.

1* Xem tập này, tr. 133-136.

Trong trận An-ma^{1*}, chỉ huy cánh phải của quân Pháp, ông đánh vào sườn trái của quân Nga với một tốc độ và một sự mãnh liệt mà bản thân người Nga cũng đánh giá cao; Bô-xkê thậm chí đã đưa được pháo binh của mình lên đồi cao vượt qua những khe núi không có đường sá và được coi là không thể vượt qua được. Nhưng cần chỉ ra rằng trong trận này quân của ông vượt xa quân địch về mặt quân số. Ở Ba-la-cla-va ông kịp thời đến cứu cánh phải của quân Anh, nên số kỵ binh nhẹ của Anh còn sống sót đã có thể rút lui dưới sự yểm trợ của quân lính của ông, còn quân Nga thì buộc phải ngừng truy kích¹⁴¹. Trong trận In-ke-rơ-man, ngay từ sáng sớm, ông đã tỏ ý sẵn sàng chỉ viện cho quân Anh bằng 5 tiểu đoàn bộ binh và hai đại đội pháo. Ngay khi đề nghị đó bị bác bỏ, ông đã bố trí ba lữ đoàn quân Pháp làm đội dự bị ở phía sau cánh phải của quân Anh. Vào 11 giờ sáng ông đưa hai trong số ba lữ đoàn ấy lên hoả tuyến, do đó buộc quân Nga phải rút lui. Nếu không có sự chỉ viện ấy, quân Anh đã hoàn toàn thất bại, vì tất cả quân lính của họ đã được đưa vào chiến đấu và họ không còn đội dự bị nào, trong khi quân Nga vẫn còn 16 tiểu đoàn chưa dùng tới. Với tư cách viên sĩ quan chỉ huy quân đoàn phải yểm hộ cho số quân đồng minh bố trí trên bờ dựng đứng của sông Đen, Bô-xkê thường xuyên nổi bật về mặt hành động nhanh chóng, mưu trí và chủ động. Ông tham gia cuộc đánh chiếm đồi Ma-la-khốp¹⁴². Sau sự kiện này ông được thăng nguyên soái và năm 1856 trở thành thượng nghị sĩ.

Do C.Mác và Ăng-ghe-ni viết ngày 22-29 tháng Chín 1857

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. III, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* Xem tập này, tr. 74 - 77.

C.MÁC

BRUYN

Bruyn, Ghi-ôm Ma-ri An-nơ là nguyên soái của Đế chế Pháp, sinh ngày 13 tháng Ba 1763 ở Bríp-la-Gai-ác-đơ, mất ngày 2 tháng Tám 1815 ở A-vi-nhôn. Cha ông đưa ông đến Pa-ri học luật, nhưng bỏ trường đại học, do khó khăn về tài chính, ông buộc phải làm công nhân in. Thời kỳ đầu cách mạng, ông cùng với Gô-chi-e và Giuốc-ni-ác-đơ Xanh-Mê-ác xuất bản tờ "Journal général de la Cour et de la Ville"¹⁴³. Chẳng bao lâu sau ông gia nhập chính đảng cách mạng, ghi tên tham gia quân cận vệ quốc gia và trở thành hội viên sốt sắng của Câu lạc bộ Coóc-đê-li-ê¹⁴⁴. Nhờ thân hình cao lớn, dáng vẻ có tướng chiến binh và lòng yêu nước sôi nổi, ông đã trở thành một trong những thủ lĩnh quân sự của nhân dân vào thời gian có cuộc biểu tình năm 1791 ở Quảng trường Mác-xơ, bị quân cận vệ quốc gia của La-phay-ét đàn áp¹⁴⁵. Khi ông bị tù và lan truyền tin đồn bọn bảo hoàng tìm cách thủ tiêu ông bằng thủ đoạn hèn hạ, thì Đấng-tông đã giúp đỡ để ông được thả ra. Nhờ sự che chở của Đấng-tông, người mà ông hết sức ngưỡng mộ, Bruyn được cử giữ chức vụ quân sự vào những ngày nổ ra sự kiện tháng Chín nổi tiếng năm 1792¹⁴⁶ và ngày 12 tháng Mười ông đột nhiên được thăng cấp đại tá và trưởng tốp sĩ quan tùy tùng. Ông phục vụ ở Bỉ dưới quyền Duy-mu-ri-ê; ông được phái đi chống lại phái liên bang ở Can-va-đô-xơ, do tướng Piu-đơ chỉ huy, lúc ấy đang tấn công vào Pa-ri, và đánh bại họ dễ dàng. Sau đó ông được

thăng quân hàm thiếu tướng và tham gia trận Hồng-xcốt-tơ¹⁴⁷. Ủy ban cứu nguy xã hội trao cho ông nhiệm vụ dẹp tan cuộc nổi loạn ở Gi-rôn-đơ mà ông đã hoàn thành một cách hết sức nghiêm khắc¹⁴⁸.

Khi Đấng-tông bị tù, người ta trông đợi là Bruyn lao đi cứu người bạn và người che chở của mình, nhưng ông đã bàng quan đứng bên ngoài vào giờ phút nguy hiểm đầu tiên và khéo léo bảo toàn được mình trong thời kỳ khủng bố. Sau ngày 9 tháng Nóng, ông lại tham gia phái Đấng-tông¹⁴⁹ bấy giờ đã giành được thắng lợi và theo Phrê-rôn đến Mác-xây và A-vi-nhôn. Ngày 13 tháng Hái nho (5 tháng Mười 1795), với tư cách một viên tướng dưới quyền Bô-na-pác-tơ, ông trấn áp các phái phiến loạn ở Pa-ri¹⁵⁰. Sau khi giúp Hội đồng chấp chính dè bẹp vụ âm mưu ở trại lính Grê-nen (9 tháng Chín 1776)¹⁵¹ ông tham gia sư đoàn Ma-xê-na thuộc quân đoàn I-ta-li-a và trong suốt chiến dịch đã tỏ ra rất dũng cảm. Để lấy lòng các lãnh tụ phái Coóc-đê-li-ê, Bô-na-pác-tơ quy một phần công tích của mình ở Ri-vô-li cho công sức của Bruyn, đề bạt ông lên trung tướng ngay tại chiến trường và thúc đẩy Hội đồng chấp chính cử ông làm sư trưởng sư đoàn số 2 của quân đoàn I-ta-li-a khi chức này khuyết do Ô-giê-rô trở về Pa-ri.

Sau khi ký Hoà ước Cam-pô-phô-mi-ô¹⁵², Hội đồng chấp chính trao cho ông sứ mạng trước hết là làm cho người Thụy Sĩ mất cảnh giác, tin rằng không có sự nguy hiểm gì, rồi gây sự chia rẽ trong các hội đồng của họ, sau cùng, khi đã tập trung được quân đội cho mục đích ấy thì tấn công bang Béc-nơ để chiếm ngân khố công cộng của bang này; khi làm việc này Bruyn đã quên lập bản kê những thứ cướp được. Ngoài ra, bằng thủ đoạn mang tính chất ngoại giao hơn là quân sự, ông đã buộc Các-lơ-Ê-ma-nu-en, vua xứ Xác-đi-ni và đồng minh giả của Pháp, trao cho mình thành Tu-rin (ngày 3 tháng Bảy 1798). Chiến dịch Ba-ta-vi-a¹⁵³ kéo dài khoảng hai tháng là sự kiện lớn trong cuộc đời binh nghiệp của Bruyn. Trong chiến dịch này, ông đã đánh bại lực lượng liên hiệp của Anh và Nga do công tước I-oóc chỉ huy, công tước này đã đầu hàng ông, cam kết sẽ trả lại tất cả tù binh Pháp bị quân Anh bắt

kể từ cuộc chiến tranh chống Gia-cô-banh. Sau coup d'état^{1*} ngày 18 tháng Sương mù, Bô-na-pác-tơ cử Bruyn làm uỷ viên Hội đồng quốc gia mới được thành lập, rồi phái ông đi đánh bọn bảo hoàng ở Brơ-ta-nhơ.

Được phái đến quân đoàn I-ta-li-a vào năm 1800, Bruyn đã chiếm được ba dinh lũy của địch, củng cố trận địa trên bờ sông Vôn-ta, đẩy địch sang bên kia sông và thi hành những biện pháp để vượt sông tức khắc. Theo lệnh của ông, quân đoàn phải vượt sông ở hai địa điểm: cánh phải do tướng Duy-pông chỉ huy vượt sông ở quãng giữa trạm xay bột trên bờ sông Vôn-ta và làng Pốt-txan-lô; cánh trái do Bruyn đích thân chỉ huy vượt sông ở Môn-bô-dôn. Khi cánh trái triển khai hoạt động thì gặp khó khăn, Bruyn ra lệnh lui lại 24 giờ, mặc dù cánh phải đã bắt đầu vượt sông ở địa điểm khác, đã bước vào chiến đấu với quân Áo có số quân đông hơn rất nhiều. Chỉ nhờ sự cố gắng của tướng Duy-pông cánh phải mới không bị tiêu diệt hoặc bị bắt làm tù binh, điều đó sẽ đe dọa thắng lợi của toàn chiến dịch. Sai lầm ấy làm cho Bruyn bị gọi về Pa-ri.

Từ năm 1802 đến năm 1804, Bruyn đóng vai trò không đáng kể với chức vụ đại sứ ở Công-xtăng-ti-nô-pơ, nơi đây tài ngoại giao của ông không được lưỡi lê chi viện như ở Thụy Sĩ và Pi-ê-mông. Khi ông trở về Pháp tháng Chạp 1804, Na-pô-lê-ông thăng ông lên nguyên soái, coi trọng ông hơn những tướng như Lơ-cau-bơ. Qua một thời gian làm tư lệnh trại lính Bu-lông¹⁵⁴, năm 1807, ông được cử đến Hăm-buốc làm tổng đốc các thành phố thuộc liên minh Han-dây và tư lệnh đội hậu bị của đại quân. Giữ chức vụ ấy, ông tích cực giúp Buốc-ri-en-nơ biến thủ tài sản quốc gia. Để giải quyết một số điều tranh chấp của hiệp định ngừng bắn ký kết với Thụy Điển ở Slắc-ten, Bruyn đã tiến hành hội đàm riêng kéo dài với vua Gu-xtáp, là người trên thực tế đã đề nghị ông phản bội hoàng thượng của mình. Phương thức mà ông từ chối đề

ngợi đó đã gây ra sự hoài nghi của Na-pô-lê-ông; Na-pô-lê-ông đã nổi cơn lôi đình khi Bruyn thảo hiệp định chuyển giao đảo Ri-u-ghen cho người Pháp chỉ nhắc đến quân Pháp và quân Thụy Điển với tư cách là hai bên ký kết, chứ không nhắc gì đến "đức hoàng đế và đức quốc vương". Bruyn lập tức bị triệu hồi bằng bức thư của Béc-ti-ê, trong đó Béc-ti-ê theo chỉ thị đặc biệt của Na-pô-lê-ông đã chỉ rõ "từ thời Pha-ra-mông chưa hề có chuyện tai tiếng như vậy".

Trở về Pháp, Bruyn đi vào cuộc sống riêng. Năm 1814 ông tuyên thệ với sắc lệnh của thượng nghị viện¹⁵⁵ và được Lu-i XVII thưởng huân chương chữ thập thánh Lu-i. Trong thời kỳ xảy ra sự kiện Trăm ngày¹⁵⁶ ông lại trở thành một phần tử Bô-na-pác-tơ và được bổ nhiệm làm tư lệnh quân đoàn thám sát trên sông Va-ra, nơi đây ông truy nã bọn bảo hoàng cũng với sự không thương tiếc và sự kiên quyết như khi ông thuộc phái Gia-cô-banh. Sau trận Oa-téc-lô, ông tuyên bố mình là người ủng hộ quốc vương. Từ Tu-lông đi Pa-ri, ngày 2 tháng Tám ông đến A-vi-nhôn vào lúc thành phố nằm trong tay bọn ác ôn bảo hoàng đang tiến hành giết người và đốt nhà trong 15 ngày. Chúng nhận ra ông và ông bị bắn chết. Đám đông cướp lấy xác ông, kéo lê theo đường phố rồi quăng ông xuống sông Rôn. "Bruyn, Ma-xê-na, Ô-giê-rô và nhiều người khác nữa" - Na-pô-lê-ông nói trên đảo Xanh Ê-len - "là những người phá hoại không biết sợ sệt". Về tài năng quân sự của ông, Na-pô-lê-ông nêu rõ: "Bruyn có công lao nhất định, nhưng nhìn chung ông ta là général de tribune^{1*} hơn là một chiến binh đáng sợ". Năm 1814 người ta dựng cho ông một đài kỷ niệm ở thành phố quê hương.

*Do C.Mác viết vào khoảng ngày 23-29 tháng Chín 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. IV, 1858*

*In theo bản in trong Bách khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* - cuộc chính biến

1* - viên tướng trên khán đài

PH.ĂNG-GHEN

ĐẠN TRÁI PHÁ

Đạn trái phá hay là đạn pháo nổ, là đạn pháo bằng sắt và rỗng được nhồi thuốc súng, dùng cho trọng pháo và cối; được bắn đi theo góc khá cao và nhằm phát huy tác dụng nhờ sức rơi và sức nổ của nó. Đạn trái phá là loại lớn nhất trong số các đạn pháo được sử dụng, vì súng cối, loại pháo ngắn nhất trong các loại pháo, có thể có đường kính và kích cỡ lớn hơn nhiều. Hiện nay, người ta thường sử dụng đạn trái phá có đường kính 10, 11 và 13 in-xơ; năm 1832 trong cuộc vây đánh Ăng-ve¹⁵⁷ người Pháp đã sử dụng cối đúc ở Bỉ và đạn trái phá cỡ 24 in-xơ. Thuốc súng chứa trong đạn nổ được nhờ có ngòi nổ là một ống tròn rỗng chứa đầy thuốc cháy chậm bắt lửa khi bắn cối. Tác dụng của ngòi nổ ấy được tính toán sao cho đạn nổ hết sức nhanh tới mục tiêu, có khi nổ trước khi chạm mặt đất. Ngoài thuốc súng ra, trong đạn trái phá có khi còn nhét mấy liều thuốc Va-lan-xi-en¹⁵⁸ để đốt cháy những vật bắt lửa, nhưng có ý kiến cho rằng thứ thuốc này vô dụng, vì khi đạn nổ, nó bị phân thành những hạt nhỏ li ti, rằng không có thứ thuốc này thì tác dụng đốt cháy của đạn trái phá cũng không mấy may giảm sút. Việc bắn đạn trái phá được tiến hành với góc bắn từ 15° đến 45°, nhưng thông thường nhất là với góc 30° đến 45°, ngoài ra đạn trái phá cỡ lớn hơn với lượng thuốc nổ ít hơn thì có tầm bắn tương đối lớn hơn khi góc bắn là 45°, còn loại đạn trái phá nhỏ hơn có lượng thuốc tăng lên sẽ có tầm bắn tương đối lớn

hơn, khi góc bắn là 30° hoặc khoảng 30°. Trong mọi tình huống, lượng thuốc súng tương đối nhỏ: đạn trái phá cỡ 13 in-xơ nặng 200 pao khi bắn bằng cối với góc bắn 45°, với lượng thuốc súng là 3½ thì có tầm bắn là 1 000 i-ác-đơ, còn với lượng thuốc súng là 20 pao, tức là bằng $\frac{1}{10}$ trọng lượng của đạn trái phá, thì tầm bắn là 4 200 i-ác-đơ. Sức phá hoại của đạn trái phá đó, rơi từ độ cao lớn, sẽ rất lớn, nếu nó rơi vào cái gì dễ phá hoại. Nó xuyên thủng được mọi tầng gác của ngôi nhà và trần che vòm kiên cố, và tuy đạn trái phá cỡ 13 in-xơ, chứa cả thủy có chừng 7 pao thuốc súng, song kết quả của sức nổ của nó giống như kết quả của mìn nổ và mảnh của nó, nếu không gặp trở ngại sẽ văng xa 800 và 1 000 i-ác-đơ. Mặt khác, nếu đạn trái phá rơi vào đất mềm, nó sẽ xuyên sâu từ 8 đến 12 phút và hoặc là không nổ, hoặc là nổ, nhưng không gây tác hại được nữa. Đồng thời đạn trái phá thường được dùng làm mìn nhỏ hoặc bom phá - người ta chôn nó dưới đất ở độ sâu chừng một phút ở những nơi mà địch phải đi qua; để làm nó nổ, người ta dùng ngòi nổ hoặc dây cháy chậm. Phương pháp ban đầu sử dụng đạn trái phá là như vậy. Theo các nhà viết sử biên niên Trung Quốc thì ngay từ mấy thế kỷ trước công nguyên, người Trung Quốc đã sử dụng những quả cầu bằng kim loại chứa đầy chất nổ và những mảnh kim loại, những quả cầu này nổ nhờ ngòi cháy chậm. Họ sử dụng những quả cầu đó trong việc phòng thủ các hẻm núi, chôn chúng ở đó khi địch đến gần. Năm 1232, trong trận phòng ngự Phủ Khai Phong, khi bị đột kích, người Trung Quốc thường lăn đạn trái phá từ trên tường chắn xuống quân Mông Cổ đang cường tập vào cứ điểm của họ. Sắc Gút-giê-ra là Ma-khơ-mút vây đánh Cham-pa-nia vào năm 1484 đã quăng đạn trái phá vào trong thành. Ở châu Âu, nếu không nhắc đến những thí dụ có sớm hơn và không đáng tin cậy lắm, thì người A Rập ở Tây Ban Nha và nổi gót họ là người Tây Ban Nha từ đầu thế kỷ XIV đã dùng pháo bắn đạn trái phá và đạn cháy, nhưng giá đắt và khó khăn trong việc chế tạo đạn rỗng đã cản trở trong một thời gian dài việc sử dụng rộng rãi những loại

đạn đó. Chỉ từ giữa thế kỷ XVII chúng mới trở thành yếu tố hợp thành quan trọng của pháo binh công thành.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 5 tháng Mười 1857

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. III, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

PHÁO THỦ

Pháo thủ ban đầu là lính thao tác cối trong khẩu đội cối, nhưng hiện nay trong một số quân đội, thuật ngữ ấy được dùng để gọi hạ sĩ quan pháo binh có cấp bậc thấp hơn cấp trung sĩ. Chức trách chính của pháo thủ thường là ngắm pháo. Ở Áo đã thành lập quân đoàn pháo thủ, nó được coi là trường huấn luyện các hạ sĩ quan pháo binh, là tổ chức góp phần đáng kể vào việc xây dựng phương pháp huấn luyện pháo binh một cách khoa học và có hiệu quả, nhờ đó mà binh chủng này nổi bật trong quân đội Áo.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 5 tháng Mười 1857

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. III, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

PHÁO KÍCH

Pháo kích là bắn phá thành phố hoặc cứ điểm bằng đạn trái phá để gây ra cháy. Cuộc pháo kích hoặc mang tính chất không có hệ thống khi các tàu chiến, các khẩu đội pháo dã chiến và một số lượng tương đối nhỏ khẩu đội pháo công thành dùng đạn trái phá bắn vào một địa điểm nào đó để dọa dân cư và đội quân bảo vệ, để đạt được sự đầu hàng nhanh chóng, cũng như nhằm mục đích khác, hoặc mang tính chất chính quy khi người ta sử dụng nó làm một trong những phương pháp công kích cứ điểm. Việc tấn công cứ điểm bằng pháo kích chính quy được người Phổ tiến hành lần đầu tiên vào năm 1815, sau trận Oa-téc-lô, trong cuộc vây đánh các cứ điểm ở miền Bắc nước Pháp. Vì quân đội Pháp và những người ủng hộ Bô-na-pác-tơ bấy giờ đã sa sút tinh thần rất nhiều, còn toàn bộ số cư dân còn lại thì khao khát hoà bình, nên lần này quân Phổ quyết định vứt bỏ các hình thức vây đánh cũ tiến hành tuần tự từng bước và thay thế bằng cuộc pháo kích ngắn và mãnh liệt gây ra những đám cháy và làm nổ các kho thuốc súng, khiến cho toàn thể cư dân trong cứ điểm mất ngủ suốt đêm, do đó thúc đẩy sự đầu hàng nhanh chóng hoặc bởi áp lực tinh thần của cư dân đối với bộ tư lệnh, hoặc bởi số lượng những sự phá huỷ thực tế và sự kiệt sức của đội quân phòng thủ. Tuy phương pháp tấn công chính quy vào các công sự phòng ngự bằng hoả lực bắn thẳng còn tiếp tục được sử dụng, nhưng nó đã trở thành phương pháp thứ yếu so với phương pháp bắn cầu vồng

bằng đạn trái phá bắn đi từ các khẩu lựu pháo hạng nặng. Trong một số tình huống chỉ cần sử dụng biện pháp pháo kích không có hệ thống là đủ, trong những tình huống khác thì phải dùng đến phương pháp pháo kích chính quy, nhưng trong cả hai trường hợp ấy mục đích đều nhất định đạt được, nên hiện nay trong lý thuyết về vây đánh, người ta thừa nhận một nguyên tắc là tiêu diệt các nguồn dự trữ của địch bằng hoả lực cầu vồng và nhờ đó làm cho việc ở lại trong cứ điểm trở thành nguy hiểm, - cách đó cũng quan trọng (nếu không phải là quan trọng hơn) như phá hoại công sự ngoại vi bằng hoả lực bắn thẳng và bắn chéo. Việc pháo kích vào cứ điểm cỡ vừa có đông dân thường đem lại hiệu quả lớn nhất, vì tác dụng tinh thần của việc pháo kích là một trong những thủ đoạn buộc bộ chỉ huy đầu hàng. Việc pháo kích vào cứ điểm lớn đòi hỏi số lượng rất lớn các nguồn dự trữ vật chất. Cuộc vây đánh Xê-va-xtô-pôn là một ví dụ điển hình nhất, trong cuộc vây đánh này người ta đã bảo tồn được một số đạn dược chưa từng thấy¹⁵⁹. Cũng cuộc chiến tranh này đã cho chúng ta một ví dụ rõ rệt nhất về phương pháp pháo kích không có hệ thống, khi các thuyền trang bị súng cối của quân Anh - Pháp tấn công Xvê-a-boóc-gơ, lúc bấy giờ người ta đã bắn vào cứ điểm này trên 5 000 đạn trái phá và một số lượng như thế đạn đặc¹⁶⁰.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 5 tháng Mười 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. III, 1858*

*In theo bản in trong Bách khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

PHÁO THUYỀN

Thuật ngữ *pháo thuyền* hiện nay thường được dùng để chỉ chiến thuyền có đặt cối kiểu cổ hơn (galientes à bombes^{1*}). Chúng được chế tạo khá vững chắc để có thể chịu đựng được những chấn động gây ra bởi sự giật lùi của cối, dài 60-70 phút, trọng tải từ 100 tấn đến 150 tấn, mớn nước từ 8 đến 9 phút và thông thường có hai cột buồm. Trên loại thuyền này bố trí hai khẩu cối và mấy khẩu pháo. Tính năng hàng hải của chúng đương nhiên là rất thấp. Chúng thường có tàu 보조 - thông thường là chiến thuyền có hai cột buồm - đi kèm, thuyền 보조 này, trước khi bắt đầu cuộc chiến đấu, chở pháo thủ và phần lớn đạn dược.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 5 tháng Mười 1857

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. III, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

Nguyên văn là tiếng Anh

In bằng tiếng Nga lần đầu

1* - pháo thuyền Ga-li-ốt

PH.ĂNG-GHEN

PHÁO HẠM

Pháo hạm, hay là chiến thuyền trang bị cối là thuật ngữ dùng để chỉ một loại tàu chiến hiện đại hơn được trang bị súng cối. Trước cuộc chiến tranh Nga^{1*} trong hạm đội Anh, những tàu chiến kiểu này có mớn nước 8-9 phút, trên đó ngoài 2 khẩu cối cỡ 10 in-xơ, còn bố trí 4 khẩu pháo cỡ 68 pao và 6 khẩu pháo Ca-rông cỡ 18 pao. Khi cuộc chiến tranh với Nga làm cho hoạt động của hạm đội ở nơi nước nông và đường biển quanh co trở nên cần thiết, còn các cứ điểm bờ biển kiên cố của quân Nga không thể bị đánh chiếm bằng cuộc công kích chính diện của tàu chiến, đòi hỏi sử dụng chiến thuyền có trang bị súng cối thì người ta phải phát minh ra loại pháo hạm mới. Những tàu chiến mới này dài khoảng 60 phút, rất rộng, mũi tàu tròn như ở các tàu Ga-li-ốt của Hà Lan, đáy bằng, mớn nước 6-7 phút, và chạy bằng máy hơi nước. Chúng được trang bị hai khẩu cối cỡ 10 hoặc 13 in-xơ và mấy khẩu pháo dã chiến hoặc pháo Ca-rông dùng đạn có nhiều mảnh kim loại nhỏ để đẩy lùi các đơn vị đánh lên tàu; trên tàu loại này không có trọng pháo. Chúng đã tác chiến trong trận Xvê-a-boóc-gơ có hiệu quả lớn khi bắn vào cứ điểm này ở cự ly 4 000 i-ác-đơ.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 5 tháng Mười 1857

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. III, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

Nguyên văn là tiếng Anh

In bằng tiếng Nga lần đầu

1* - Chiến tranh Crưm 1853-1856

PH.ĂNG-GHEN

CÔNG SỰ CHỐNG ĐẠN TRÁI PHÁ

Công sự chống đạn trái phá là công trình che đỡ có kết cấu nhất định đủ vững chắc để chống được sức công phá của đạn trái phá rơi trúng nó. Trong tình hình sử dụng những cỡ đạn rất lớn hiện nay thì hầu như không thể làm cho đại bộ phận các kiến trúc chống được trái phá, tuyệt đối an toàn trước hoả lực cầu vồng, vả lại, hiển nhiên là điều này cũng không hợp lý. Mái vòm dày 3½ phút ở ngay vòm đá cuốn có thể chống đỡ được phần lớn các đạn trái phá, thậm chí một quả đạn cỡ 13 in-xơ không xuyên qua được, nhưng quả thứ hai thì phần nhiều là xuyên qua được. Do đó, công sự tuyệt đối chống được đạn trái phá chỉ được xây dựng cho kho đạn được, phòng thí nghiệm v.v., nơi đây một quả đạn trái phá sẽ gây ra một vụ nổ có sức mạnh cực lớn. Mái vòm kiên cố, trên có phủ một lớp đất dày 3-4 phút, sẽ đem lại sự an toàn lớn nhất. Mái vòm của hầm thông thường không cần phải kiên cố như vậy, vì khả năng rơi trúng lần thứ hai vào đúng một chỗ là rất hiếm. Đối với công sự chống đạn tạm thời thì lợp bằng những xà gỗ kiên cố kê liên nhau, trên phủ các bó cành cây rồi đến rác rưởi và cuối cùng phủ đất. Với việc sử dụng các pháo đài và lô cốt có hầm ngầm, cũng như các doanh trại phòng ngự kiểu hầm ngầm thường được bố trí dọc theo mặt dốc trong của tường cứ điểm và ở gần tường đó mà số lượng công sự chống trái phá trong cứ điểm tăng lên rất nhiều; vả lại, trong điều kiện sử dụng phương pháp kết hợp vây đánh chính quy cứ điểm với pháo kích

mãnh liệt suốt ngày đêm như hiện nay thì không thể hy vọng quân phòng thủ có thể chịu đựng được cuộc vây đánh như vậy, nếu nó không được bảo đảm có được các công sự ẩn nấp chắc chắn, trong đó các phân đội thay thế nhau có thể nghỉ ngơi và khôi phục sức lực. Vì vậy trong việc xây dựng cứ điểm hiện đại, số lượng công sự này hoàn toàn chắc chắn sẽ tăng lên không ngừng.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 5 tháng Mười 1857

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. III, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

CẦU QUÂN SỰ¹⁶¹

Kỹ thuật xây dựng các cầu tạm để cho quân lính qua các sông lớn và eo biển hẹp đã được người cổ đại nắm vững, và các công trình loại này của họ có khi làm người ta ngạc nhiên về quy mô của chúng. Đa-ri đã vượt eo biển Bô-xpho và sông Đa-nuýp, còn Cxe-rơ-xơ thì vượt eo biển Hê-le-xpôn-tơ bằng cầu phao được dựng lên bằng các tàu thuyền; chúng ta thấy trong tác phẩm của Hê-rô-đốt¹⁶² đã ghi chép về những chiếc cầu ấy. Quân đội của Cxe-rơ-xơ đã bắc hai cầu qua eo biển Đắc-đa-nen. Cầu thứ nhất gồm 360 tàu được gắn các neo ở mũi thuyền và ở đuôi thuyền và áp mạn vào nhau, sống tàu hướng theo dòng nước; các tàu được nối liền bằng xích chắc, bên trên lát ván, hai bên được củng cố bằng xà ngang và phủ một lớp đất. Cầu thứ hai gồm 314 tàu và cũng được xây dựng theo phương pháp đó. Theo lời kể của A-ri-a-nốt, trong quân đội của A-lếch-xan-đơ có đội cầu phao thường trực gồm các tàu nhẹ¹⁶³. Người La Mã có các tàu đan bọc da thú dùng để đỡ mặt lát ván của cầu; cho mãi đến thời kỳ sụp đổ của Đế quốc La Mã, những tàu này là một bộ phận của đoàn vận tải của quân đội. Song, nếu cần vượt qua những con sông chảy xiết, người La Mã cũng biết cách xây dựng những chiếc cầu quân sự vững chắc hơn; bằng chứng của điều đó là những chiếc cầu nổi tiếng gá trên những trụ chống mà Xê-da dùng để vượt sông Ranh¹⁶⁴.

Chúng ta không tìm thấy những tư liệu về sự tồn tại trong các

quân đội thời Trung cổ những khí tài chuyên dùng để vượt sông và bắc cầu, nhưng trong thời kỳ có cuộc Chiến tranh ba mươi năm, các quân đội tác chiến đều mang theo khí tài để bắc cầu qua những con sông lớn ở Đức. Các tàu được sử dụng thời đó rất nặng, thường được làm bằng gỗ sồi. Mặt cầu được đỡ bằng những chiếc giá dựng đứng trên đáy tàu. Người Hà Lan là những người đầu tiên sử dụng những chiếc tàu kiểu nhẹ hơn, đáy bằng, thành tàu hầu như thẳng đứng, mũi tàu và đuôi tàu nhọn, ngoài ra, hai đầu cao hơn mặt nước theo một góc nhất định. Những tàu này được làm bằng khung gỗ, bọc sắt lá và gọi là cầu phao. Theo Phô-la-rơ¹⁶⁵ người Pháp cũng cho mình là người phát minh ra cầu phao, nhưng lại bọc bằng đồng, và có ý kiến cho rằng khoảng năm 1672 họ có hẳn một đội cầu phao hoàn bị. Vào đầu thế kỷ XVIII, tất cả các quân đội châu Âu đã có những tàu như vậy, và thông thường có bộ sườn gỗ bọc bằng sắt hoặc đồng, phủ da hoặc vải buồm tẩm dầu. Người Nga sử dụng loại vật liệu kể ra cuối cùng đó. Các con tàu không lớn và để cho cầu có thể nổi trên mặt nước ở mức độ nào đó, thì cần bố trí các tàu gần nhau, chỉ để lại một khoảng trống không quá 4-5 phút giữa chúng với nhau; điều đó cản trở rất nhiều cho nước chảy, khiến cho sự an toàn của cầu bị đe dọa và làm cho địch có thể phá hoại cầu bằng cách thả vào cầu những vật nổi.

Thuyền phao hiện sử dụng trong các quân đội của các nước trên lục địa châu Âu có kích thước lớn, nhưng về cơ bản thì giống cầu phao sử dụng trước đây 100 năm. Từ năm 1829 người Pháp dùng các tàu đáy bằng, thành hầu như thẳng đứng, mũi nhọn, đuôi cũng nhọn, tuy ở mức độ ít hơn; hai đầu của tàu cao hơn mạn tàu và cong lên giống như ở thuyền độc mộc. Kích thước của các tàu như sau: dài 31 phút, trên rộng 5,7 phút, đáy rộng 4,4 phút. Khung bằng gỗ sồi có bọc ván gỗ thông. Mỗi cầu phao nặng 1 658 pao và có sức nổi (sức chở khi tàu ngập xuống nước đến phía trên mạn tàu) là 18 675 pao. Khi bắc cầu, các tàu được bố trí với khoảng cách nhau là 14 phút giữa các mạn tàu. Bề rộng

của phần đi lại được là 11 phút. Đội tiền tệ của quân đội dùng cầu phao nhỏ để vượt những con sông nhỏ hơn. Cầu phao của Áo giống cầu phao lớn hơn của Pháp nhưng để tiện vận chuyển, chúng được chia ở giữa ra thành hai bộ phận, các bộ phận này sẽ được ghép lại với nhau, một khi đã thả xuống nước. Hai đầu áp mạn với nhau và được nối liền bằng những khúc gỗ ngắn, rồi dùng những khúc gỗ dọc đỡ xà ngang của mặt cầu để tạo thành trụ nổi của cầu. Những cầu phao này, do Bi-ra-gô phát minh, được sử dụng lần đầu năm 1825. Cầu phao của người Nga có bộ sườn gỗ mà cấu tạo cho phép tháo dỡ xà ngang giữa hoặc cột chống; bộ sườn này bọc vải buồm tẩm dầu hoặc phết dung dịch cao su. Mỗi cầu phao dài 21,9 phút, rộng 4,11 phút, cao 2,4 phút và nặng 718 pao. Bề rộng của phần đi lại trên cầu là 10 phút, khoảng cách giữa các phao là 8 phút. Người Nga còn có cầu phao với bộ sườn giống thế, nhưng bọc da. Người ta khẳng định rằng người Phổ là người đầu tiên phân chia cầu phao của mình ra thành nhiều khoảng bằng những tấm chắn ngang để cho các phao không bị đắm, khi một chỗ nào đó bị rò. Cầu phao của họ làm bằng gỗ, đáy bằng. Khi bắc cầu, họ để lại giữa các phao một nhịp hoặc khoảng trống dài từ 8 đến 16 phút tùy theo tình hình. Người Hà Lan từ năm 1832 và người Pi-ê-mông có các đội cầu phao giống với đội cầu phao sử dụng trong quân đội Áo. Tàu làm phao của Bỉ, có mũi nhọn, nhưng phía lái thì không nhọn. Trong tất cả các quân đội thuộc các nước trên lục địa, các đội cầu phao đều được trang bị kèm theo những thuyền nhỏ để chở neo.

Quân đội Anh và Mỹ hoàn toàn không sử dụng thuyền cho đội cầu phao, mà sử dụng những ống tròn rỗng bịt kín làm bằng vật liệu nhẹ để đỡ cầu. Ở Anh năm 1836 người ta đã thay thế tất cả các loại cầu phao khác bằng phao ống có hai đầu hình chóp nón, hình bán cầu hoặc hình pa-ra-bôn, do đại tá Blăng-sác-đơ thiết kế năm 1828. Phao lớn của Anh dài 24½ phút và có đường kính 2 phút 8. Phao được làm bằng tôn lá, được gắn một loại bánh xe bằng tôn mà nan hoa là những ống tôn rỗng, một ống tôn lớn

hơn có đường kính 1¼ in-xơ tạo thành trục chung của chúng và kéo dài hết chiều dọc của phao.

Ở Mỹ đã thí nghiệm phao cao su hình ống. Năm 1836 đại úy (sau là đại tá) Lê-in đã bắc một cầu phao như vậy qua sông sâu và chảy xiết ở A-la-ba-ma, còn năm 1839 ông Am-xơ-rông đã thiết kế những phao giống như thế, khi được bơm căng rồi sẽ dài 18 phút, đường kính 18 in-xơ và nặng 39 pao; ba phao đó sẽ tạo thành một nhịp của cầu. Năm 1846 quân đội Mỹ đã sử dụng phao cao su bơm trong cuộc chiến tranh chống Mê-hi-cô¹⁶⁶. Chúng rất dễ vận chuyển do trọng lượng không nặng và chiếm không nhiều chỗ khi được gấp lại, nhưng sẽ hỏng và không sử dụng được do sự cọ xát vào sỏi v.v., và có những nhược điểm vốn có ở các loại phao ống. Những nhược điểm đó là: khi phao đã ngập xuống nước tới nửa chiều cao của nó thì độ chìm của nó ngày càng lớn khi trọng tải tăng đều, trong khi người ta yêu cầu điều trái lại; thứ nữa, ở hai đầu ống để giữ lại mọi vật nổi trôi qua; sau hết, để di chuyển chúng trên mặt nước, cần dùng ván cầu nối chúng từng đôi một thành bè, trong khi đó cầu phao bằng tàu thuyền có thể độc lập di chuyển trên mặt nước như những chiếc thuyền bình thường và có thể dùng để chở nhanh chóng binh lính qua sông bằng mái chèo. Để so sánh sức nổi của cầu phao ống với cầu phao thuyền, chỉ cần đưa ra những số liệu sau đây là đủ rõ: một thuyền cầu phao của Pháp đỡ được khoảng 20 phút cầu và có sức nổi (không kể trọng lượng của cấu trúc bên trên của cầu), trên 150 tạ Anh^{1*}, chiếc bè Anh gồm hai phao đỡ được một đoạn cầu đại để ngang như thế, nhưng sức nổi của nó, không kể cấu trúc ở bên trên, chỉ bằng 77 tạ Anh, trong đó chỉ có một nửa là trọng tải cho phép.

Ngoài các thuyền phao ra, đội cầu phao còn bao gồm các mái chèo, sào, neo, dây và những vật dụng khác cần thiết để di chuyển thuyền phao trên mặt nước, cũng như để cố định nó tại chỗ, cũng

1* - Một tạ Anh bằng 112 pao hoặc 50,8 kg.

như có cả rầm và những tấm lát (ván) dùng cho mặt cầu. Cầu phao bằng thuyền thường được sắp xếp trước từng cái vào vị trí, rồi chúng được nối liền bằng rầm và ván; các phao ống thì được nối từng đôi một thành bè, rồi mới thả neo cách đầu cầu một cự ly thích đáng và được nối liền với cầu bằng rầm và ván. Nếu tình hình cho phép, từng nhịp cầu gồm 3, 4 hoặc 5 thuyền phao được nối liền bằng mặt cầu, được dựng lên ở nơi kín đáo ở phía trên địa điểm định bắc cầu, rồi sau đó được thả từng nhịp một xuống địa điểm đó. Trong một số trường hợp, khi có những lính bắc cầu giàu kinh nghiệm, thì toàn bộ chiếc cầu được xây dựng ở bên một bờ sông, và khi được bắc qua sông sẽ mượn sức chảy của dòng sông để đẩy sang bên kia bờ. Cầu của quân đội Na-pô-lê-ông để vượt sông Đa-nuýp vào đêm trước trận Va-gram, đã được bắc theo cách như vậy. Toàn bộ chiến dịch này cực kỳ bổ ích xét theo góc độ vượt sông lớn bằng cầu quân sự ngay trước mắt địch.

Song, đội cầu phao không phải bao giờ cũng có sẵn trong tay, và khi cần, kỹ sư quân sự phải biết bắc cầu qua sông trong trường hợp không có nó. Có các loại vật liệu và phương pháp bắc cầu hết sức khác nhau để đạt mục đích đó. Những thuyền lớn, thường hiện diện trên các con sông đi lại được, có thể được dùng để bắc cầu phao. Nếu không tìm được thuyền và chiều sâu hoặc hình dáng của lòng sông đòi hỏi xây dựng trụ nổi thì có thể dùng bè gỗ, phao bằng thùng hoặc những vật nổi khác. Nếu sông không sâu và lòng sông rắn chắc, tương đối bằng phẳng thì người ta sẽ dựng những trụ cầu cố định được làm bằng cọc gỗ bảo đảm xây dựng được những chiếc cầu kiên cố và chắc chắn, nhưng đòi hỏi mất nhiều thời gian và sức lao động, hoặc được làm bằng giá đỡ có thể được dựng lên nhanh chóng và dễ dàng. Có khi những xe lớn chứa đầy cành cây v.v. và được nhận chìm vào những chỗ tương đối sâu của con sông, có thể tạo thành trụ đỡ cho mặt cầu. Cầu qua nơi bị ngập nước, đầm lầy v.v., có thể được bắc bằng những sọt đất lớn. Để vượt qua các sông hẹp hoặc khe núi và chỉ để cho bộ binh qua thôi, thì người ta sử dụng các loại cầu treo; những cầu này thường được treo bằng dây cáp kiên cố.

Hiện nay, hiếm khi người ta bắc cầu quân sự trong điều kiện địch khống chế bằng hỏa lực, tuy vậy, bao giờ cũng cần dự kiến khả năng chống trả địch. Do đó, cầu thường bắc ở khúc cong của sông hướng về phía quân mình để cho các đơn vị pháo bố trí ở bên phải và bên trái có thể bắn sang bờ bên kia ở gần chỗ cuối cầu, do đó yểm hộ được việc bắc cầu. Ngoài ra, bờ sông lõm vào của khúc cong thường cao hơn bờ bên kia, do đó trong phần lớn trường hợp, ưu thế về hỏa lực đan chéo còn được bổ sung bằng ưu thế về vị trí khống chế. Bộ binh có thể sang bên kia sông bằng thuyền hoặc cầu thuyền phao bằng mái chèo và chiếm lĩnh trận địa ngay trước cầu. Có khi người ta làm phà để chuyển một số nhỏ kỵ binh và một số khẩu pháo nhẹ. Những hòn đảo chia sông ra thành mấy nhánh, cũng như địa điểm ở bên dưới chỗ một con sông nhỏ nào đó đổ vào sông lớn, cũng có nhiều ưu điểm. Trong trường hợp thứ hai, và có khi trong trường hợp thứ nhất, các nhịp cầu có thể lắp riêng ở nơi kín đáo trên bờ sông, rồi thả theo dòng. Bên tấn công thường có thể lựa chọn nhiều địa điểm thích hợp trên một đoạn dài của con sông, có thể dễ dàng làm địch bị lừa bằng tấn công nghi binh, rồi tiến hành cuộc vượt sông thực sự ở một địa điểm xa xôi nào đó, còn đối với bên phòng ngự, việc phân tán lực lượng trên một quãng sông dài là một việc rất nguy hiểm, cho nên hiện nay người ta ưa tập trung lực lượng cách xa sông một khoảng nào đó và tung toàn bộ lực lượng vào nơi vượt sông thực sự, một khi đã xác định được địa điểm đó và ngay trước khi địch đã đưa toàn thể binh lính của mình vượt sông. Những nguyên nhân đó giải thích tại sao từ thời cách mạng Pháp, trong bất cứ cuộc chiến tranh nào, việc bắc cầu qua bất cứ con sông lớn nào ở châu Âu cũng đều không vấp phải sự chống cự nghiêm trọng.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 14 tháng Mười 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. III, 1858*

*In theo bản in trong Bách khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu trong "Tạp chí lịch sử quân sự" số 11, 1940*

C.MÁC

BÉC-NA-ĐỐT-TƠ¹⁶⁷

Béc-na-đốt-tơ, Giăng Ba-ti-xơ, Giuy-lơ là nguyên soái của Đế chế Pháp, công tước Pôn-tê-cô-rvô và quốc vương Thụy Điển và Na Uy với vương hiệu Các-lơ XIV I-ô-han, sinh ngày 26 tháng Giêng 1764 ở Pô, thuộc tỉnh Hạ Pi-rê-nê, chết ngày 8 tháng Ba 1844 ở cung vua Xtốc-khôn. Là con trai một luật sư, ông đã được đào tạo với trình độ cần thiết cho nghề nghiệp ấy, nhưng niềm say mê binh nghiệp đã thúc đẩy ông, năm 1780, bí mật gia nhập binh chủng lính thủy đánh bộ hoàng gia, ở đây ông đã được phong quân hàm trung sĩ khi nổ ra cách mạng Pháp. Từ đó bắt đầu cuộc thăng tiến rất nhanh của ông. Năm 1792 ông đã ở cấp đại tá trong quân đoàn Quy-xtín-nơ, năm 1793 chỉ huy bán lữ đoàn, cùng năm nhờ sự che chở của Clê-béc ông được thăng thiếu tướng và làm sư trưởng trong quân đoàn Xôm-brô-mát do Clê-béc và Giuốc-đăng chỉ huy, ông đã góp phần vào thắng lợi giành được ngày 26 tháng Sáu 1794 ở Phlô-ruýt, thắng lợi ở Giuy-lích và sự đầu hàng của Ma-a-xơ-rích¹⁶⁸. Ông cũng có công lao lớn trong chiến dịch những năm 1795-1796 chống lại các tướng của Áo là Cléc-phơ, Crai và đại công tước Các-lơ. Đầu năm 1797 ông được lệnh của Hội đồng chấp chính đem 20 000 quân tăng viện cho quân đoàn I-ta-li-a; ở I-ta-li-a, lần đầu tiên ông gặp mặt Bô-na-pác-tơ, và cuộc gặp gỡ này đã quyết định quan hệ sau này của họ. Mặc dù đã có được sự oai vệ trời phú, nhưng Bô-na-pác-tơ

vẫn đối xử với quân đoàn Ranh và các viên tướng của nó với thái độ ghen tỵ nhỏ nhen và nghị kỵ. Bô-na-pác-tơ hiểu ngay rằng Béc-na-đốt-tơ khao khát con đường công danh độc lập. Về phía mình, Béc-na-đốt-tơ lại là người xứ Ga-xcô-nhơ quá mức để có thể xác định được chính xác khoảng cách giữa một thiên tài như Bô-na-pác-tơ với một người có tài năng bình thường như bản thân ông. Từ đó sinh ra sự ác cảm giữa họ với nhau. Trong cuộc xâm nhập I-xơ-ri-a¹⁶⁹ Béc-na-đốt-tơ đã nổi bật trong việc vượt sông Ta-li-a-men-tô, ở đó ông chỉ huy đội tiền vệ, cũng như trong trận đánh chiếm cứ điểm Gra-di-xca ngày 19 tháng Ba 1797.

Sau cái gọi là cuộc cách mạng ngày 18 tháng Qu¹⁷⁰ Bô-na-pác-tơ ra lệnh cho các tướng của mình thu nhập thư của các sư đoàn của họ ủng hộ coup d'état^{1*} ấy, nhưng Béc-na-đốt-tơ, ngay từ đầu đã tuyên bố phản kháng điều đó, rồi bày tỏ công khai rằng mình cực kỳ không muốn thi hành chỉ thị ấy và, cuối cùng, đã gửi cho Hội đồng chấp chính một bức thư có nội dung trái hẳn với điều mà người ta yêu cầu ở ông, mà lại không chuyển qua Bô-na-pác-tơ. Bô-na-pác-tơ trên đường đi Pa-ri để trao cho Hội đồng chấp chính bản Hiệp ước Cam-pô-phô-mi-ô, đã đến thăm Béc-na-đốt-tơ tại đại bản doanh của ông ta ở U-di-nơ và đã tặng bức Béc-na-đốt-tơ, nhưng hôm sau, bằng một mệnh lệnh gửi từ Mi-la-nô, Bô-na-pác-tơ đã tước của ông ta một nửa sư đoàn trong quân đoàn Ranh của ông ta, còn nửa kia thì ra lệnh điều về Pháp. Sau những cuộc khuyên giải, điều đình lâu dài về những bất đồng và những tranh chấp mới, sau cùng người ta đã thuyết phục được Béc-na-đốt-tơ nhận chức đại sứ ở Viên. Ở đây, hành động theo chỉ thị của Ta-lây-răng, ông giữ lập trường hòa giải, bị báo chí Pa-ri, theo sự xúi bẩy của Bô-na-pác-tơ và phe cánh, tuyên bố là chứa đầy xu hướng bảo hoàng, và để chứng minh cho lời buộc tội đó họ đã tung ra ở khắp nơi tin đồn rằng Béc-na-đốt-tơ đã bỏ lá cờ ba sắc

1* - cuộc đảo chính

treo ở trước cửa nhà mình và đã bỏ huy hiệu nước cộng hoà trên mũ của những người dưới quyền ông. Bị Hội đồng chấp chính khiển trách về việc đó, ngày 13 tháng Tư 1798, vào ngày kỷ niệm một năm cuộc biểu tình chống Gia-cô-banh ở Viên, Béc-na-đốt-tơ cho treo lá cờ ba sắc có dòng chữ đề: "Tự do, bình đẳng, bác ái", sau đó khách sạn nơi ông ở bị đám đông ở Viên đập phá, cờ bị đốt, tính mạng của ông bị đe dọa. Vì Chính phủ Áo cự tuyệt yêu cầu do ông đưa ra, nên Béc-na-đốt-tơ, cùng với các nhân viên sứ quán của mình rời đến Ra-stát; nhưng bản thân Hội đồng chấp chính, theo lời khuyên của Bô-na-pác-tơ là kẻ đã nhúng tay vào việc này để gây ra vụ tai tiếng ấy, lại lấp liếm vụ này và để mặc cho vị đại diện của mình mà không có sự hậu thuẫn cho ông.

Việc Béc-na-đốt-tơ có quan hệ họ hàng với gia đình Bô-na-pác-tơ, do ông kết hôn vào tháng Tám 1798 với tiểu thư Đê-di-rơ Cla-ri, con gái của một nhà buôn ở Mác-xây và là em gái của vợ Giô-dép Bô-na-pác-tơ, xem ra chỉ làm tăng thêm sự thù ghét của ông đối với Bô-na-pác-tơ. Năm 1799 giữ chức tư lệnh đội quân trinh sát ở Thượng Ranh, ông tỏ ra không có năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao phó và như vậy là chứng minh ngay từ trước, sự đúng đắn của ý kiến của Na-pô-lê-ông nói về ông trên đảo Xanh-Ê-len rằng ông thích hợp với vai trò kẻ phục tùng, hơn là giữ vai trò tổng tư lệnh. Đứng đầu bộ chiến tranh sau emeute^{1*} trong Hội đồng chấp chính ngày 30 tháng Chấn nuôi¹⁷¹, ông biểu hiện tài năng qua các kế hoạch tác chiến của mình ít hơn là bằng những âm mưu với phái Gia-cô-banh, để dựa vào thế lực mới được phục hồi của phái này mà ông mưu toan tập hợp cho mình những kẻ ủng hộ ông trong quân đội. Vậy là, sáng sớm ngày 13 tháng Chín 1799 ông đọc thấy trong tờ "Moniteur" tin tức về sự từ chức của mình, nhưng ông không nghi ngờ rằng ông đã đệ đơn từ chức. Các thành viên của Hội đồng chấp chính là Xi-ây-ét và Rô-gie

1* - cuộc xung đột, cuộc nổi loạn, cuộc đảo chính

Đuy-cô có quan hệ gần bó với Bô-na-pác-tơ, đã chơi cái trò đó với ông.

Với tư cách tư lệnh Tập đoàn quân phương Tây, Béc-na-đốt-tơ đã trấn áp những chiếc nô cuối cùng của cuộc bạo động Van-đây. Sau khi đế chế được thiết lập, đế chế trao cho ông danh hiệu nguyên soái, ông được trao quyền chỉ huy quân đoàn Han-nô-vơ. Trong chức vụ này, cũng như trong chức vụ tư lệnh quân đoàn Bắc Đức, ông cố gắng tạo lập cho mình, trong con mắt nhân dân miền Bắc, cái tiếng tăm là một con người độc lập, ôn hoà, nắm được nghệ thuật quản lý. Chỉ huy một quân đoàn đóng ở Han-nô-vơ - quân đoàn số 1 của đại quân - ông tham gia cuộc chiến tranh chống Áo và Nga trong chiến dịch năm 1805, ông được Na-pô-lê-ông cử đến I-glau theo dõi sự di chuyển của đại công tước Phéc-đi-năng ở Bô-hêm; sau đó được gọi về Bruyn, trong trận Ô-xtéc-lít quân đoàn của ông được bố trí ở trung tâm giữa Xun-tơ và Lan-nơ và đã góp phần đánh bại ý đồ của cánh phải của liên quân âm mưu đánh bọc sườn quân đội Pháp. Ngày 5 tháng Sáu 1806, ông được phong tước hiệu công tước Pông-tê-cô-rvô. Trong cuộc chiến tranh năm 1806-1807 chống Phổ, ông chỉ huy corps d'armée^{1*} số 1. Ông được lệnh của Na-pô-lê-ông tiến từ Na-um-buốc đến Đóc-nơ-buốc-gơ, trong khi đó Đa-vu cũng đóng ở gần Na-um-buốc, thì phải tiến về A-pông-đa; trong mệnh lệnh mà Đa-vu nhận được có nói thêm rằng nếu Béc-na-đốt-tơ đã hội quân với ông thì họ có thể cùng tiến về A-pông-đa. Trinh sát được hướng đi của quân Phổ và tin chắc rằng trên đường đi Đóc-nơ-buốc-gơ sẽ không thể xảy ra cuộc chạm trán nào với địch, Đa-vu đề nghị với Béc-na-đốt-tơ cùng tiến về A-pông-đa, thậm chí tỏ ý sẵn sàng phục tùng sự chỉ huy của Béc-na-đốt-tơ. Nhưng Béc-na-đốt-tơ khẳng khái giải thích mệnh lệnh của Na-pô-lê-ông theo nguyên văn, cứ tiến về hướng

1* - quân đoàn

Đoóc-nơ-buốc-gơ, suốt ngày không gặp địch, trong khi đó một mình Đa-vu phải chịu đòn chủ yếu của địch trong trận Au-éc-stét¹⁷² mà do vắng Béc-na-đốt-tơ đã không kết thúc bằng thắng lợi có tính chất quyết định. May nhờ có sự xung đột giữa hai đám tàn quân đến từ Au-éc-stét và từ I-ê-na, cũng như nhờ mưu kế chiến lược của Na-pô-lê-ông, mới ngăn ngừa được hậu quả do sai lầm nghiêm trọng của Béc-na-đốt-tơ. Na-pô-lê-ông đã ký lệnh đưa Béc-na-đốt-tơ ra toà án quân sự, nhưng sau khi suy nghĩ lại đã bỏ lệnh này. Sau trận I-ê-na ngày 17 tháng Mười Béc-na-đốt-tơ cùng với Xun-tơ và Mui-ra đã đánh tan quân Phổ ở Ha-lơ, truy kích tướng Phổ là Bluy-khơ đến tận Luy-bếch và góp phần vào sự đầu hàng của Bluy-khơ ở Ra-tê-cau ngày 7 tháng Mười một 1806. Ông cũng đánh bại quân Nga ngày 25 tháng Giêng 1807 ở đồng bằng Mô-run-ghe-n, gần Thoóc-nơ.

Sau Hoà ước Tin-dít, theo những điều khoản của hiệp ước liên minh ký kết giữa Na-pô-lê-ông và Đan Mạch, quân Pháp phải đóng giữ các đảo của Đan Mạch để từ đó tác chiến chống Thụy Điển¹⁷³. Do đó, ngày 23 tháng Ba 1808, vào đúng ngày mà Nga xâm nhập Phần Lan, Béc-na-đốt-tơ được lệnh tiến vào Dê-lan để cùng với quân Đan Mạch xâm nhập Thụy Điển, lật đổ quốc vương^{1*} và phân chia nước này cho Đan Mạch và Nga - một sứ mạng lạ lùng giành cho con người mà trong một tương lai không xa sẽ được ấn định trị vì Xtốc-khôn. Ông chỉ huy 32 000 quân người Pháp, Hà Lan và Tây Ban Nha vượt Ben-tơ và đến được Dê-lan; nhưng 10 000 quân người Tây Ban Nha, do tướng Đơ-la Rô-ma-na chỉ huy, được sự giúp đỡ của hạm đội Anh, đã rời bỏ đạo quân của Béc-na-đốt-tơ. Trong thời gian ở Dê-lan, Béc-na-đốt-tơ chẳng làm gì cả và chẳng đạt được gì cả. Được gọi về Đức để tham gia cuộc

1* Gu-xtáp IV A-đôn-phơ

chiến tranh mới giữa Pháp và Áo, ông nhận quyền chỉ huy quân đoàn 9 chủ yếu gồm người Dắc-den.

Trận Va-gram ngày 5 và 6 tháng Bảy 1809 đã đem lại lý do mới cho sự bất hoà giữa ông với Na-pô-lê-ông. Ngày đầu trận đánh, Ô-gien Bô-hác-ne rút khỏi hẻm núi ở liên kế Va-gram và thọc vào trung tâm đội dự bị địch, nhưng không được sự chi viện cần thiết của Béc-na-đốt-tơ là người đã đưa quân của mình tham gia chiến đấu quá muộn và quá uể oải. Bị công kích từ chính diện và bên sườn Ô-gien bị đẩy lui một cách mãnh liệt đến tận chỗ quân cận vệ của Na-pô-lê-ông; như vậy là đợt công kích đầu tiên của quân Pháp bị đánh tan do sự chậm chạp của Béc-na-đốt-tơ lúc bấy giờ chiếm lĩnh làng Át-léc-cla ở trung tâm khu vực bố trí của quân đội Pháp, hơi nhích về phía trước tuyến chính diện quân Pháp. Hôm sau, vào 6 giờ sáng, khi quân Áo tiến lên để tấn công bằng lực lượng tập trung thì Béc-na-đốt-tơ đã triển khai quân của mình ở phía trước Át-léc-cla, không cố thủ làng này, giữ nó ở phía chính diện của mình. Cảm thấy sự tiếp cận của quân Áo quá nguy hiểm đối với trận địa mình đã lựa chọn, Béc-na-đốt-tơ rút về ngọn đồi phía sau Át-léc-cla chưa bị chiếm lĩnh, nên lập tức bị quân Áo của Ben-gác-đơ chiếm lấy. Do đó, trung tâm của quân Pháp ở vào tình huống nguy hiểm và viên tư lệnh cánh quân này là Mê-xê-na cử một sư đoàn ra phía trước để chiếm lại Át-léc-cla, nhưng sư đoàn này lại bị lính phóng lựu của Đ'At-xprê từ đó đánh bật ra. Đúng vào lúc đó, Na-pô-lê-ông đích thân tới, ông nắm quyền tổng chỉ huy, đặt ra kế hoạch mới cho trận đánh và làm tê liệt sự cơ động của quân Áo. Như vậy là, giống như ở Au-éc-stét, Béc-na-đốt-tơ lại làm cho thắng lợi của trận đánh bị đe dọa. Về phần mình, ông tỏ ý không hài lòng về chỗ Na-pô-lê-ông vi phạm mọi quy tắc quân sự, đã ra lệnh cho tướng Đuy-pa, mà sư đoàn Pháp của ông này thuộc biên chế quân đoàn Béc-na-đốt-tơ, tác chiến mà không đếm xỉa đến mệnh lệnh của ông. Sau khi Na-pô-lê-ông biết rằng lệnh của Béc-na-đốt-tơ ban ra cho quân lính Dắc-den của mình với nội

dung bất đồng với thông báo của hoàng đế, thì đơn xin từ chức của Béc-na-đốt-tơ đã được chấp nhận.

Chẳng bao lâu sau khi Béc-na-đốt-tơ trở về Pa-ri, nơi đây ông tiến hành hoạt động âm mưu với Phu-sê, cuộc viễn chinh Van-khe-ren (ngày 30 tháng Bảy 1809) đã buộc nội các Pháp - trong khi hoàng đế vắng mặt - trao cho Béc-na-đốt-tơ phòng thủ Ăng-ve¹⁷⁴. Những sai lầm nghiêm trọng của người Anh làm cho mọi hoạt động của ông đều trở nên thừa; nhưng lợi dụng cơ hội ấy, ông gửi lời kêu gọi đến quân lính của mình, xen vào chân ý của bản thân ông là lên án Na-pô-lê-ông đã không quan tâm thi hành những biện pháp cần thiết để phòng thủ bờ biển Bỉ. Ông bị cắt chức chỉ huy; khi về Pa-ri ông được lệnh rời thủ đô và về lãnh địa công tước của mình ở Pôn-tê-cô-rvô, ông cự tuyệt phục tùng lệnh ấy và bị gọi sang Viên. Sau mấy cuộc nói chuyện kịch liệt và gay gắt với Na-pô-lê-ông ở Suên-brun¹⁷⁵, ông nhận chức tổng thống khu vực La Mã - một sự lưu đầy lịch sử.

Một thời gian dài sau khi ông chết, hoàn cảnh đưa đến việc bầu ông làm thái tử Thụy Điển vẫn chưa hoàn toàn được làm sáng tỏ. Sau khi nhận Các-lơ Au-gu-xtơ, công tước Au-gu-xten-boóc, làm con nuôi và thừa nhận công tước này làm người kế thừa ngôi vua Thụy Điển, Sác-lơ XIII đã cử bá tước Vre-đơ sang Pa-ri để cầu hôn công chúa Sác-lốt-ta, con gái Luy-xiêng Bô-na-pác-tơ cho công tước đó. Ngày 18 tháng Năm 1810, tiếp theo cái chết đột ngột của công tước Au-gu-xten-boóc, Nga đòi kỳ được Sác-lơ XIII nhận công tước Ôn-đen-buốc làm con nuôi; Na-pô-lê-ông thì ủng hộ yêu cầu của vua Đan Mạch Phrê-đê-rích VI. Bản thân quốc vương đã già lại đề nghị tuyên bố em của cố công tước Au-gu-xten-boóc làm người kế thừa ngôi vua, và cử nam tước Muyéc-ne-rơ đem chỉ thị cho tướng Vre-đơ đề nghị tranh thủ trước sự đồng ý của Na-pô-lê-ông đối với sự lựa chọn của quốc vương. Nhưng đồng mưu với La-pi, một kỹ sư quân sự trẻ của Pháp, với Xi-nhi-ôn, tổng lãnh sự Thụy Điển và với chính bá tước Vre-đơ, Muyéc-ne-rơ, một thanh niên thuộc đảng rất có thế lực ở Thụy

Điển bấy giờ chỉ trông đợi sự phục hưng của nước mình qua sự liên minh mật thiết với Pháp đã đến Pa-ri chủ động đề nghị Béc-na-đốt-tơ làm ứng cử viên kế thừa ngôi vua Thụy Điển, và lại tất cả bọn họ đều cố gắng che giấu những hành động của họ không cho đại sứ Thụy Điển bên cạnh triều đình Tuy-lơ-ri là bá tước La-ghe-rbi-en-cơ biết; hơn nữa, tất cả bọn họ, do một loạt cách nhìn sai lầm được Béc-na-đốt-tơ ủng hộ một cách khéo léo, đã tin chắc rằng Béc-na-đốt-tơ thực tế đã là người được Na-pô-lê-ông đề cử. Do đó ngày 29 tháng Sáu, Vre-đơ và Xi-nhi-ôn, trong điện khẩn gửi bộ trưởng bộ ngoại giao Thụy Điển, đã nói rằng Na-pô-lê-ông đã rất hài lòng nếu chức vị người kế thừa ngôi vua được trao cho người họ hàng và người giúp việc của ông. Bất chấp sự phản đối của Sác-lơ XIII, quốc hội họp ở Ê-rép-ru ngày 21 tháng Tám 1810 đã bầu Béc-na-đốt-tơ làm thái tử Thụy Điển. Vua cũng buộc phải nhận ông làm con nuôi, với cái tên Các-lơ I-ô-han. Rất không vui lòng và không phấn khởi, Na-pô-lê-ông ra lệnh cho Béc-na-đốt-tơ nhận chức vị đã được trao cho ông. Rồi Pa-ri ngày 28 tháng Chín 1810, Béc-na-đốt-tơ đến Hen-xin-gboóc-gơ ngày 21 tháng Mười, nơi đây ông từ bỏ đạo Thiên chúa, ngày 1 tháng Mười một đến Xtốc-khôn, ngày 5 tháng Mười một dự hội nghị các đẳng cấp và lên cầm quyền từ đó. Từ khi có Hoà ước Phri-đrich-xham¹⁷⁶ bất hạnh, ở Thụy Điển đã ngự trị tư tưởng lại muốn chiếm lấy Phần Lan, mà theo ý kiến chung, thì không có Phần Lan "Thụy Điển sẽ ngừng tồn tại", như Na-pô-lê-ông đã phát biểu trong thư gửi A-léch-xan-đơ ngày 28 tháng Hai 1811, ít ra là với tư cách một cường quốc độc lập với nước Nga. Thụy Điển chỉ hy vọng thu hồi tỉnh ấy bằng liên minh chặt chẽ với Na-pô-lê-ông. Béc-na-đốt-tơ có được niềm tin ấy chính là nhờ việc ông được lựa chọn. Trong thời gian nhà vua ốm kéo dài từ ngày 17 tháng Ba 1811 đến ngày 7 tháng Giêng 1812, Các-lơ I-ô-han được cử làm nhiếp chính, nhưng sự bổ nhiệm đó chỉ là vấn đề nghi thức, vì ông đã lãnh đạo mọi công việc ngay từ ngày ông đến Thụy Điển.

Bản thân Na-pô-lê-ông là kẻ quá ư chơi trội để có thể tha thứ

lòng tự ái của một kẻ thuộc hạ cũ của mình, ngày 17 tháng Mười một 1810, ông đã buộc Béc-na-đốt-tơ, - trái với những cam kết của ông trước kia, - tham gia hệ thống lục địa và tuyên chiến với Anh. Ông cũng tước mất của Béc-na-đốt-tơ khoản thu nhập mà Béc-na-đốt-tơ được hưởng với tư cách công tước Pháp, không nhận thư tín mà Béc-na-đốt-tơ trực tiếp gửi cho ông, viện cớ Béc-na-đốt-tơ là "ông vua không ngang hàng với ông" và trả lại tám huân chương Xê-ra-phim mà Các-lơ I-ô-han tặng vị quốc vương La Mã mới ra đời^{1*}. Những nhát kim đâm nhỏ nhặt ấy chỉ đem lại cho Béc-na-đốt-tơ lý do để hành động theo những quyết định đã thông qua từ lâu. Vừa đến Xtốc-khôn, ông đã công khai tiếp tướng Nga Xúch-tê-len - kẻ bị người Thuỵ Điển thù ghét, vì ông này đã mua chuộc viên tư lệnh Xvê-a-boóc-gơ và thậm chí đồng ý tiếp nhận nhân vật này làm đại sứ bên cạnh triều đình Thuỵ Điển. Ngày 18 tháng Chạp 1810, ông đã hội đàm với Tréc-nư-sép, trong cuộc hội đàm này ông đã tuyên bố "nhiệt liệt mong muốn được những ý kiến nhiệt thành của Nga hoàng" và đồng ý vĩnh viễn từ bỏ Phần Lan với điều kiện Na Uy sẽ tách khỏi Đan Mạch và được sáp nhập vào Thuỵ Điển. Cũng thông qua vị Tréc-nư-sép ấy ông gửi cho vua A-lếch-xan-đơ một bức thư với nội dung hết sức xu nịnh. Khi ông xích gần lại nước Nga như vậy thì các viên tướng Thuỵ Điển đã từng lật đổ Gu-xtáp IV và thúc đẩy việc lựa chọn Béc-na-đốt-tơ ngừng ủng hộ ông. Sự chống đối của họ được sự hưởng ứng trong quân đội và nhân dân, điều đó đã trở thành mối nguy nghiêm trọng khi cuộc xâm nhập của một sư đoàn Pháp vào Pô-mê-ra-ni thuộc Thuỵ Điển ngày 27 tháng Giêng 1812 - đây là biện pháp mà Na-pô-lê-ông thi hành theo đề nghị bí mật từ Xtốc-khôn - rút cục đã cho Các-lơ I-ô-han cái cớ thuận lợi để chính thức tuyên bố sự trung lập của Thuỵ Điển. Nhưng ông ký kết bí

1* - công tước Rai-stát, con trai của Na-pô-lê-ông I

mật và sau lưng nghị viện với A-lếch-xan-đơ một hiệp ước về liên minh tấn công chống Pháp, ký ngày 27 tháng Ba 1812 ở X.Pê-téc-bua, trong đó cũng quy định điều kiện là sáp nhập Na Uy vào Thuỵ Điển.

Việc tuyên chiến của Na-pô-lê-ông với Nga làm cho Béc-na-đốt-tơ nhất thời trở thành chúa tể vận mệnh châu Âu. Na-pô-lê-ông đề nghị trao cho ông Phần Lan, Méc-clen-bua, Stét-tin và toàn bộ giải đất giữa Stét-tin và Vôn-ga-xtơ, với điều kiện là ông đưa 40 000 quân Thuỵ Điển tấn công nước Nga. Béc-na-đốt-tơ vốn có thể quyết định kết cục của chiến tranh và chiếm X.Pê-téc-bua trước khi Na-pô-lê-ông đến Mát-xcơ-va. Ông lựa chọn việc đóng vai Lê-pít trong tam toạ chấp chính do ông cùng với Anh và Nga lập thành. Khuyến khích vua Thổ Nhĩ Kỳ phê chuẩn Hoà ước Buc-a-rét¹⁷⁷, bằng cách đó, ông đã tạo khả năng cho đô đốc Nga Tri-tra-gốp rút quân trên sông Đa-nuýp và tác chiến bên sườn quân Pháp. Ông cũng là người trung gian trong việc ký kết vào ngày 18 tháng Bảy 1812 ở Ê-rếp-ru hoà ước giữa một bên là Anh một bên là Nga và Thuỵ Điển¹⁷⁸. A-lếch-xan-đơ hoảng sợ trước những thắng lợi đầu tiên của Na-pô-lê-ông, nên đã mời Các-lơ I-ô-han hội kiến, đồng thời đề nghị ông giữ chức tổng tư lệnh các đội quân của Nga. Tỏ ra khá sáng suốt để từ chối đề nghị thứ hai, ông nhận lời mời hội kiến. Ngày 27 tháng Tám, ông đến A-bô, nơi đây ông gặp A-lếch-xan-đơ ở trong tình trạng tinh thần cực kỳ sa sút và rất muốn xin giảng hoà. Bản thân Các-lơ I-ô-han đã đi quá xa để có thể rút lui, ông tiếp thêm can đảm cho Nga hoàng đã dao động, chỉ cho Nga hoàng thấy rằng những thắng lợi bề ngoài của Na-pô-lê-ông tất sẽ đưa đến sự diệt vong của y. Kết quả của cuộc hội kiến là cái gọi là Hiệp ước A-bô¹⁷⁹ có kèm theo điều khoản bí mật khiến cho đồng minh mang tính chất hiệp nghị gia đình. Trên thực tế, Các-lơ I-ô-han không được gì hết ngoài lời hứa, trong khi đó nước Nga không mảy may mất mát gì, lại được bảo đảm sự liên minh với Thuỵ Điển, một điều rất quý giá vào lúc đó. Trước đó chẳng bao lâu, dựa trên các văn kiện gốc có thể

chứng minh rằng việc trả lại Phần Lan cho Thụy Điển bấy giờ chỉ tùy thuộc vào Béc-na-đốt-tơ; nhưng nhà thống trị người xứ Gaxcô-nhơ ấy - đã bị mê hoặc bởi những lời khẳng định xu nịnh của A-lếch-xan-đrơ nói rằng "một khi chiếc mũ hoàng đế của nước Pháp từ đầu Na-pô-lê-ông rơi xuống thì nó có thể được đội lên đầu ông" - chỉ coi Thụy Điển đơn giản là pis aler^{1*}.

Sau khi quân Pháp rút khỏi Mát-xcơ-va, ông chính thức cắt đứt quan hệ ngoại giao với Pháp, và khi thông qua hiệp định ngày 3 tháng Ba 1813 Anh bảo đảm ông sẽ nhận được Na Uy¹⁸⁰ thì ông tham gia khối đồng minh. Được sự trợ cấp của Anh, tháng Năm 1813 ông đổ bộ Stơ-ran-dun-tơ với đạo quân Thụy Điển gần 25 000 người và tiến về sông En-bơ. Trong thời gian ngừng bắn ngày 4 tháng Sáu 1813¹⁸¹ ông đóng vai trò quan trọng trong cuộc hội kiến ở Tra-khen-béc, ở đây A-lếch-xan-đrơ giới thiệu ông với vua Phổ^{2*}, và nơi đây đã thông qua kế hoạch tác chiến chung. Là tổng tư lệnh Tập đoàn quân phương Bắc gồm các đơn vị Thụy Điển, Nga, Phổ, Anh, liên minh Han-dây và Bắc Đức, ông giữ quan hệ hoàn toàn hai mặt với quân đội Pháp thông qua một người thường lui tới đại bản doanh của ông với danh nghĩa bạn; ông duy trì quan hệ ấy dựa trên giả định rằng người Pháp sẽ vui lòng đánh đổi sự thống trị của Na-pô-lê-ông lấy sự thống trị của Béc-na-đốt-tơ, miễn là ông chứng minh được với họ sự khoan dung và nhân từ. Do đó ông cản trở các viên tướng dưới quyền chuyển sang tấn công, và khi Buy-lốp - bắt chấp chỉ thị của ông - đã hai lần chiến thắng quân Pháp ở Grô-xơ-Bê-rên và Đen-nê-vi-xơ, ông đã cho ngừng cuộc truy kích đạo quân bại trận. Khi Bluy-khơ nhằm thúc đẩy ông hành động, đã tiến về sông En-bơ và hội quân với ông thì chỉ có sự đe dọa của đại diện toàn quyền Anh trong quân đội

1* - dinh cơ cho trường hợp tệ nhất

2* - Phri-đrich Vin-hem III

của ông, tức ngài Sác-lơ Xtiu-át, đe dọa sẽ ngừng việc cung cấp, mới buộc ông tiến quân. Tuy nhiên, người Thụy Điển xuất hiện trên chiến trường ở Lai-pxích chỉ để có hình thức và trong suốt cuộc chiến tranh chỉ thiệt hại trong tác chiến chưa đến 200 người. Khi quân đồng minh tiến vào Pháp, Béc-na-đốt-tơ giữ quân đội Thụy Điển ở biên giới. Sau khi Na-pô-lê-ông thoát vị, ông đích thân đến Pa-ri để nhắc A-lếch-xan-đrơ về những lời hứa với ông ở A-bô. Ta-lây-răng lập tức chấm dứt những hy vọng ngây thơ của ông khi tuyên bố tại hội nghị các vị vua của các nước đồng minh rằng "không có sự lựa chọn nào khác ngoài sự lựa chọn giữa Bô-na-pác-tơ và vương triều Buốc-bông, tất cả những cái khác chỉ là âm mưu thôi".

Sau trận Lai-pxích, khi Các-lơ I-ô-han đứng đầu đạo quân gồm người Thụy Điển, người Đức và người Nga xâm nhập vào hai công quốc Slê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ thì vua Đan Mạch Phrê-đê-rích IV, đứng trước binh lực ưu thế của địch, đã buộc phải ký, ngày 14 tháng Giêng 1814, bản hoà ước Kín mà căn cứ theo đó Na Uy bị trao cho Thụy Điển. Nhưng người Na Uy, không muốn họ bị đối xử trắng trợn như vậy, đã tuyên bố Na Uy độc lập dưới sự lãnh đạo của Cri-xti-an - Phrê-đê-rích, thái tử thừa kế của Đan Mạch. Các đại biểu quốc dân họp ở Äy-dơ-xvôn ngày 17 tháng Năm 1814 đã thông qua bản hiến pháp dân chủ nhất châu Âu hiện đại và tới nay vẫn còn hiệu lực. Sau khi điều lục quân và hạm đội Thụy Điển chiếm cứ điểm Phrê-đê-rích-stát để khống chế lối vào Cri-xti-a-ni-a Các-lơ I-ô-han bước vào đàm phán với người Na Uy, đồng ý coi Na Uy là quốc gia độc lập và thừa nhận hiến pháp Äy-dơ-xvôn; ngày 7 tháng Mười đạt được sự đồng ý của nghị viện nói trên thì đến ngày 10 tháng Mười một 1814 ông đi Cri-xti-a-ni-a để nhân danh cá nhân và nhân danh nhà vua tuyên thệ trung thành với hiến pháp.

Ngày 5 tháng Hai 1818 Sác-lơ XIII mất, Béc-na-đốt-tơ được châu Âu thừa nhận là vua Thụy Điển và Na Uy với vương hiệu Các-lơ XIV I-ô-han. Lúc đó, ông mưu toan sửa đổi hiến pháp

Na Uy, khôi phục giai cấp quý tộc đã bị phế bỏ, nắm quyền phủ quyết tuyệt đối và quyền phế truất mọi quan chức dân sự và sĩ quan quân đội. Mưu toan ấy gây ra những cuộc xung đột nghiêm trọng, thậm chí dẫn tới cuộc tập kích ngày 18 tháng Năm 1828 của kỵ binh vào các cư dân Cri-xti-a-ni-a lúc đó đang kỷ niệm một năm bản hiến pháp của mình. Cuộc bùng nổ tưởng chừng không tránh khỏi, nhưng cuộc cách mạng Pháp năm 1830 đã buộc nhà vua thi hành những biện pháp hoà giải. Nước Na Uy, mà ông ta không tiếc một sự hy sinh nào để giành lấy, trong suốt thời kỳ thống trị của ông vẫn là nguồn gốc thường xuyên của mọi khó khăn. Ngay từ những ngày đầu của cách mạng Pháp năm 1830, ở châu Âu chỉ có một người cho rằng vua Thụy Điển là người thích hợp nhất để theo đuổi ngôi vua Pháp, và người ấy là bản thân Béc-na-đốt-tơ. Ông đã nhiều lần nhắc lại với các đại diện ngoại giao Pháp ở Xtốc-khôn: "Làm sao mà Láp-phít-tơ lại có thể không nghĩ đến tôi?". Bộ mặt đã thay đổi của châu Âu và trước hết là cuộc khởi nghĩa Ba Lan đã nhất thời làm cho ông ta nảy ra ý nghĩ thành lập đồng minh chống Nga. Đề nghị của ông đưa ra với huân tước Pan-móc-xtôn theo tinh thần trên đã vấp phải sự phản đối kiên quyết, do đó ông ta buộc phải chuộc lại cái ý nghĩ thoáng qua ấy về tính độc lập bằng việc ký kết ngày 23 tháng Sáu 1834 với hoàng đế Ni-cô-lai công ước về liên minh, biến ông ta thành chư hầu của Nga. Từ đó, chính sách của ông ở Thụy Điển có đặc điểm là xâm phạm quyền tự do xuất bản, truy tố các tội lèse majesté^{1*}, và chống lại những biện pháp tiến bộ, thậm chí chống cả những biện pháp nhằm giải thoát công nghiệp ra khỏi những luật lệ cũ rích về phường hội và nghiệp đoàn. Lợi dụng sự kinh địch nhau giữa các tầng lớp tham gia nghị viện Thụy Điển, trong một thời gian dài ông đã làm tê liệt được mọi phong trào; nhưng các nghị quyết tự do của nghị viện năm 1844 - mà căn cứ

1* - xúc phạm đức vua

vào hiến pháp thì năm 1845 nghị viện phải biến những nghị quyết ấy thành các đạo luật - đã khiến cho chính sách của ông lâm vào nguy cơ bị phá sản hoàn toàn; nhưng ông chết đúng vào lúc đó.

Nếu như trong thời gian trị vì của Các-lơ XIV, Thụy Điển đã được khôi phục một phần sau những tai hoạ và thất bại kéo dài một thế kỷ rưỡi thì đó không phải là nhờ ở Béc-na-đốt-tơ, mà hoàn toàn chỉ nhờ nghị lực bẩm sinh của bản thân nhân dân và ảnh hưởng của một nền hoà bình lâu dài.

Do C.Mác viết ngày 17 tháng Chín - 15 tháng Mười 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. III, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

ÁC-MA-ĐA¹⁸²

Ác-ma-đa Tây Ban Nha là lực lượng hải quân lớn mạnh do vua Tây Ban Nha Phi-líp II cử đi năm 1588 để chinh phục nước Anh nhằm

"phục vụ chúa trời và đưa trở về trong lòng giáo hội của chúa nhiều linh hồn đau khổ bị áp bức bởi bọn dị giáo, kẻ thù của đạo thiên chúa thần thánh của chúng ta, kẻ đã buộc họ phải phục tùng giáo phái của chúng và gây ra cho họ sự đau khổ" ("Ký sự thực về cuộc viễn chinh của Tây Ban Nha ở Anh", 1588 sau công nguyên)¹⁸³.

Bản báo cáo đầy đủ nhất về những lực lượng ấy được trình bày trong cuốn sách xuất bản theo lệnh của Phi-líp, vào lúc hạm đội sắp khởi hành, với nhan đề "Ác-ma-đa thật may mắn được đăng tối cao của chúng ta, vua don Phi-líp ra lệnh tập hợp ở cảng Li-xbon năm 1588. Pê-đrô Pa-xơ Xa-la-xơ là tác giả của cuốn sách"¹⁸⁴. Huân tước Béc-lây đã nhận được một bản của tác phẩm đó, nên Chính phủ Anh đã kịp thời biết mọi chi tiết của cuộc viễn chinh. (Bản này gồm những tư liệu cho đến tháng Ba 1588, hiện được giữ ở Viện bảo tàng Anh). Như cuốn sách đã chỉ rõ, hạm đội gồm có 65 thuyền buồm và tàu chiến lớn, 25 tàu vận tải, lượng choán nước của mỗi cái là từ 300 đến 700 tấn, 19 tàu hỗ trợ, lượng choán nước từ 70 đến 100 tấn, 13 thuyền chiến ba cột buồm loại nhỏ, 4 thuyền buồm nhỏ và 4 thuyền nhỏ, cả thảy là 130 tàu với tổng trọng tải là 75 868 tấn. Các tàu được trang bị 2 431 khẩu pháo, trong đó có 1 497 khẩu bằng đồng oen - phần lớn là pháo loại lớn nhất (48 pao), pháo nòng dài (pháo nòng dài 30 và

20 pao) v.v.; đạn được gồm có 123 790 đạn đặc hình cầu và 5 175 tạ Anh^{1*} thuốc súng, như vậy mỗi khẩu súng bắn được khoảng 50 phát với lượng thuốc nổ bình quân là 4½ pao. Toàn thể đoàn thủy thủ trên các tàu gồm có 8 052 thủy binh; ngoài ra trên tàu còn có 19 295 binh sĩ và 180 linh mục và thầy dòng. Trên tàu có lửa và xe tải dùng để kéo pháo dã chiến sau khi lên bờ. Theo tư liệu kể trên, toàn thể nhân viên được cung cấp lương thực cho 6 tháng. Hạm đội có một không hai lúc bấy giờ đó phải tiến về bờ biển Phla-măng, nơi đây một đạo quân khác có tới 30 000 bộ binh và 4 000 kỵ binh, do công tước Pác-mơ chỉ huy, được sự yểm hộ của hạm đội này, sẽ đáp xuống những chiếc thuyền đáy bằng được sử dụng chuyên cho mục đích đó, còn đoàn thủy thủ trên những chiếc thuyền đó được bổ sung thêm các thủy thủ vùng biển Ban-tích. Sau đó tất cả những lực lượng ấy sẽ tiến sang Anh.

Ở Anh, với những cố gắng tích cực, nữ hoàng Ê-li-da-bét đã mở rộng hạm đội của mình lên tới gần 180 chiếc, ban đầu có 30 tàu chiến; số tàu thuyền này lớn nhỏ khác nhau, nhưng về kích thước thì thường thua các tàu chiến Tây Ban Nha. Nhưng các tàu Anh có trên tàu 17 500 thủy binh, do đó có được số đoàn thủy thủ đông hơn nhiều so với hạm đội Tây Ban Nha. Lực lượng vũ trang của Anh chia thành 2 đạo quân: một đạo gồm 18 500 người, do bá tước Le-xtéc chỉ huy, được sử dụng để trực tiếp chống cự với địch, đạo quân kia gồm 45 000 người được sử dụng làm đội bảo vệ riêng của nữ hoàng. Ngoài ra, theo bản thảo có nhan đề "Tường thuật tỉ mỉ về số lực lượng của Anh tập hợp để chiến đấu với Ác-ma-đa Tây Ban Nha" (Phản bản thảo, bản liệt kê 18, chương XXI)¹⁸⁵ thì người ta đang chờ đợi 2 000 bộ binh đến từ Hà Lan.

Ác-ma-đa đáng lẽ phải xuất phát từ Li-xbon vào đầu tháng Năm, nhưng do đô đốc Xan-ta Cru-xơ và phó đô đốc của ông chết, cuộc xuất phát phải lùi lại. Công tước Mê-đi-na Xi-đô-ni-a, một

1* Một tạ Anh bằng 112 pao, hoặc 50,8 kg.

con người hoàn toàn không am hiểu về hải quân, giờ đây được cử làm tư lệnh hạm đội; song phó đô đốc của ông, Mác-ti-ne-xơ đơ Rê-can-đơ, là một nhà hàng hải có kinh nghiệm. Trong cuộc ra khơi ngày 29 tháng Năm 1588 từ Li-xbon đến Cô-ru-ni-a để xếp đạn được, hạm đội này đã bị bão lớn làm cho tan tác, cho nên tuy tất cả các tàu thuyền - trừ 4 chiếc - đều tập hợp được ở Cô-ru-ni-a, nhưng chúng đều bị hư hỏng nặng vì gió lớn và phải sửa chữa. Vì có tin tức truyền đến Anh nói rằng hạm đội Tây Ban Nha đã hoàn toàn không sử dụng được nữa, nên chính phủ ra lệnh cho tàu chiến của mình cũng không nhổ neo; nhưng huân tước Hau-ác-đơ đô đốc, phản kháng mệnh lệnh đó, ông xuất hành đến Cô-ru-ni-a tìm hiểu rõ tình hình thực tế và khi trở về đã tiếp tục chuẩn bị chiến tranh. Chẳng bao lâu sau đó được tin Ác-ma-đa đã xuất hiện trên mặt biển, ông cho nhổ neo và bám theo nó dọc biển La-Măng-sơ, quấy rối các tàu của Tây Ban Nha mỗi khi có cơ hội thuận lợi. Bấy giờ người Tây Ban Nha tiến về bờ biển Phlan-đơ, các tàu thuyền của họ cố giữ cự ly thật gần nhau. Trong các trận nhỏ xảy ra lúc đó, người Anh nhờ những tàu chiến cơ động hơn, cũng như các thủy thủ trên tàu đông hơn và thông thạo hàng hải hơn, nên họ thường xuyên thắng các thuyền buồm lớn của Tây Ban Nha không linh hoạt và thiếu thủy thủ, tuy chỗ đây binh sĩ. Ngoài ra, pháo binh Tây Ban Nha có những pháo thủ tồi, phần lớn ngắm bắn quá cao. Đến gần Ca-lơ, đoàn Ác-ma-đa cho thả neo chờ hạm đội của công tước Pác-mơ xuất phát từ các cảng ở Phla-măng; nhưng chẳng bao lâu nó được tin rằng tàu của hạm đội Pác-mơ không thích hợp với chiến đấu, không thể xuất kích được, chùng nào đoàn Ác-ma-đa còn chưa vượt eo biển và đuổi được phân hạm đội Anh - Hà Lan đang phong toả. Do đó, Ác-ma-đa lại nhổ neo, nhưng đến gần Đung-kéc thì gặp lúc trời lặng gió, bị kẹt giữa một bên là hạm đội Anh và một bên là hạm đội Hà Lan. Huân tước Hau-ác-đơ đã chuẩn bị thuyền phóng hoả và đêm ngày 7 tháng Tám, khi gió lại thổi, thì thả 8 thuyền phóng hoả vào tàu thuyền địch. Các thuyền phóng hoả đã gây ra sự kinh

hoàng trong hạm đội Tây Ban Nha. Một số tàu chiến nhỏ neo, một số khác chập chờn thừng và bị gió thổi dạt; toàn bộ hạm đội bị dồn vào cảnh rối loạn, một số tàu va chạm vào nhau và bị loại khỏi vòng chiến. Đến sáng sớm, trật tự tuyệt nhiên chưa được khôi phục và các phân hạm đội của Ác-ma-đa bị phân tán trên một khoảng rộng. Bấy giờ huân tước Hau-ác-đơ được sự tăng viện của các tàu chiến mà đoàn thủy thủ trên đó là quý tộc có tước hiệu và không có tước hiệu, cũng như được sự tăng viện của phân hạm đội phong toả do huân tước Bai-rơ chỉ huy, với sự giúp sức tài nghệ của ngài Phen-xít Đrây-cơ, đã bước vào trận chiến đấu với địch vào lúc 4 giờ sáng, trận đánh, hoặc nói đúng hơn, cuộc săn đuổi (vì người Anh chiếm ưu thế trên tất cả các địa điểm công kích) kéo dài cho đến khi trời tối. Người Tây Ban Nha tác chiến dững cảm, nhưng những tàu nặng nề của họ không thích hợp đối với sự vận động ở các eo biển hẹp và với kiểu chiến đấu cơ động. Người Tây Ban Nha đã hoàn toàn thất bại và bị thiệt hại nặng nề.

Như vậy là không thể hội quân với đoàn tàu vận tải của công tước Pác-mơ, còn việc đổ bộ lên bờ biển Anh bằng lực lượng của riêng một mình Ác-ma-đa thì không thể bàn tới được. Tình hình lúc đó là: phần lớn dự trữ lương thực trên tàu đã cạn và do đường đi đến Phlan-đơ thuộc Tây Ban Nha giờ đây đã bị cắt đứt, nên không còn cách nào khác hơn là trở về Tây Ban Nha để bổ sung số vật tư mới. (Xem "Thông báo xác thực từ Ai-rơ-len về thiệt hại và thảm họa mà hạm đội Tây Ban Nha gánh chịu trên bờ biển Ai-rơ-len". Luân Đôn, 1588. Lời khai của Ê-ma-nu-en Phrê-mô-xa phục vụ trên tàu "Xan Hoan" có sức choán nước 1 100 tấn, kỳ hạm của đô đốc Rê-can-đơ¹⁸⁶). Vì đường qua La-Măng-sơ cũng bị hạm đội Anh phong toả, nên chỉ còn một con đường về nhà là vòng qua Xcốt-len. Hạm đội của huân tước Xây-mua được phái đi truy kích, chỉ quấy rối được Ác-ma-đa chút ít, vì hạm đội này thiếu đạn được và không dám tấn công. Sau khi người Tây Ban

Nha đã đi vòng quần đảo Óoc-nhây thì nổi lên một cơn bão lớn làm cho toàn bộ hạm đội tan tác. Một số tàu bị bão thổi bạt trở lại cho đến tận bờ biển Na Uy, nơi đây chúng va phải đá ngầm; một số khác bị đắm ở biển Bắc hoặc bị vỡ tan vì đá ngầm ở bờ biển Xcốt-len và ở quần đảo Hê-bơ-rít. Chẳng bao lâu sau, một cơn bão mới lại ập vào người Tây Ban Nha ở bờ biển Tây Ai-rơ-len, nơi đây trên 30 chiếc tàu bị đắm. Số thủy thủ còn bơi được vào bờ thì phần lớn đã bị giết chết; khoảng 200 người bị xử tử theo lệnh của toàn quyền Ai-rơ-len^{1*}. Toàn bộ hạm đội còn lại không quá 60 tàu thuyền ở trong tình trạng thảm hại nhất, trên tàu là những con người kiệt sức vì đói, đoàn tàu này đã đến được Xan-tan-đe-rơ vào khoảng giữa tháng Chín, bấy giờ Tây Ban Nha mới bỏ hẳn kế hoạch xâm nhập nước Anh.

Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng từ cuối tháng Bảy đến ngày 23 tháng Mười 1857

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. II, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư Nguyên văn là tiếng Anh

1* -Phi-txơ-uy-li-am

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

A-I-A-CU-SÔ¹⁸⁷

A-i-a-cu-sô là một tỉnh của nước Cộng hoà Pê-ru; dân số 131 921 người. Ở gần thành phố chính của nó - cũng có tên gọi là A-i-a-cu-sô - đã diễn ra trận đánh đã hoàn toàn bảo đảm nền độc lập của vùng Nam Mỹ thuộc Tây Ban Nha. Sau trận Khu-nin (ngày 6 tháng Tám 1824)¹⁸⁸ phó vương Tây Ban Nha, tướng La Xéc-na, định dùng nhiều cuộc cơ động để cắt tuyến giao thông của quân đội khởi nghĩa do tướng Xu-cơ chỉ huy. Không đạt được mục đích đó, viên phó vương rút cục đã nhử kẻ địch của mình vào đồng bằng A-i-a-cu-sô, nơi đây người Tây Ban Nha chiếm lĩnh trận địa phòng ngự trên một cao điểm. Binh lực của họ gồm 13 tiểu đoàn bộ binh với pháo binh và kỵ binh, cả thảy có 9 310 người, ngày 8 tháng Chạp 1824 các đội tiên vệ của hai quân đội đã bước vào chiến đấu và ngày hôm sau Xu-cơ mở cuộc tấn công với 5 780 người. Sư đoàn Cô-lôm-bi-a số 2, do tướng Coóc-đô-va chỉ huy, đánh vào sườn trái của quân đội Tây Ban Nha và lập tức làm cho nó rối loạn. Sư đoàn Pê-ru ở sườn trái, do tướng La Ma-rơ chỉ huy, đã vấp phải sự chống cự ngoan cường hơn và không thể tiến lên được cho đến khi đội dự bị, do tướng La-ra chỉ huy, tới nơi. Sau đó khi quân địch rút lui trên toàn tuyến, kỵ binh được tung ra truy kích, nó đánh tan tác kỵ binh Tây Ban Nha và hoàn thành việc đánh tan bộ binh. Quân Tây Ban Nha tử trận 6 viên tướng; họ bị thiệt hại 2 600 gồm thương vong và bị bắt; trong số này có viên phó vương. Thiệt hại của người Nam Mỹ là: 1 viên

tướng và 308 sĩ quan và binh sĩ bị chết, bị thương 520 người trong đó có 6 viên tướng. Hôm sau tướng Can-tê-rắc, bấy giờ nắm quyền chỉ huy quân đội Tây Ban Nha, đã ký bản đầu hàng mà các điều kiện của nó quy định không những ông ta và toàn bộ số binh lính của ông ta trở thành tù binh, mà toàn bộ số binh lính Tây Ban Nha ở Pê-ru và tất cả các đồn bốt, pháo binh, kho tàng, cũng như toàn bộ đất đai Pê-ru còn nằm trong tay người Tây Ban Nha (Cu-xcô, A-rê-ki-pa, Pu-nô, Kin-ca v.v.) đều phải giao cho quân khởi nghĩa. Như vậy số lượng quân lính được bàn giao làm tù binh cả thảy lên tới gần 12 000 người. Như thế là sự thống trị của Tây Ban Nha đã chấm dứt hoàn toàn và ngày 25 tháng Tám 1825, đại hội ở Su-ki-xa-ca đã tuyên bố nền độc lập của nước Cộng hoà Bô-li-vi-a.

Ở Tây Ban Nha, Ê-xpác-te-rô và phe cánh quân sự của ông ta được gán cho biệt hiệu "phái A-i-a-cu-sô". Một bộ phận các gian thần quân sự tập hợp xung quanh ông ta đã cùng ông ta tham gia cuộc chiến tranh chống lại những người khởi nghĩa ở Nam Mỹ, trong cuộc chiến tranh này sự liên hiệp của họ không chỉ dựa trên tình anh em chiến đấu, mà còn dựa trên khuynh hướng phiêu lưu chung của họ; trong cuộc chiến tranh này họ đã cam kết với nhau là ủng hộ nhau trong hoạt động chính trị khi trở về Tây Ban Nha. Sự cam kết đó họ đã tận tâm hoàn thành đem lại không ít lợi lộc cho nhau. Biệt hiệu "phái A-i-a-cu-sô" được gán cho họ là muốn ám chỉ rằng Ê-xpác-te-rô và phe ủng hộ ông ta về thực chất đã góp phần vào kết cục bất lợi của trận đánh. Nhưng ý kiến đó không đúng, tuy nó được truyền bá rất mạnh đến mức ngay hiện nay ở Tây Ban Nha nhìn chung người ta vẫn tin vào nó. Ê-xpác-te-rô không những không có mặt trên chiến trường A-i-a-cu-sô, thậm chí không ở châu Mỹ khi xảy ra trận đánh, vì vào lúc đó ông ta còn chưa kết thúc chuyến đi Tây Ban Nha, nơi mà phó vương La Xéc-na cử đến để đem báo cáo khẩn cho Phéc-di-năng VII. Ngày 5 tháng Sáu 1824, ông xuống chiếc thuyền buồm hai cột buồm "Ti-bơ" của Anh ở Kin-ca, và đến Ca-di-xơ vào ngày 28 tháng Chín, đến Ma-đrít vào ngày 12 tháng Mười, và lại đáp thuyền từ

Boóc-dô để trở về châu Mỹ vào đúng ngày 9 tháng Chạp 1824 khi xảy ra trận A-i-a-cu-sô. (xem: Đông Hồ-xê Xê-gun-dô, Phlô-rê-xơ. "Ê-xpác-te-rô", Ma-đrít, 1844, gồm 4 tập; và Prin-xíp-pơ "Ê-xpác-te-rô", Ma-đrít, 1848¹⁸⁹).

*Do C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n viết vào
khoảng thời gian từ 21 tháng Chín đến 23
tháng Mười 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. II, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

BLUY-KHƠ¹⁹⁰

Bluy-khơ, Ghép-hác Lê-bê-rếch phon, công tước Van-stát, là nguyên soái Phổ; sinh ngày 16 tháng Chạp 1742 tại Rô-xtốc thuộc Mếch-clen-bua - Sve-rin, mất ở Cri-blô-vi-xơ thuộc Xi-lê-di ngày 12 tháng Chín 1819. Năm 1754 khi còn nhỏ, ông bị đưa sang đảo Ri-u-ghen và ở đây ông đã bí mật tham gia trung đoàn phiêu kỵ Thụy Điển, làm hạ sỹ quan, chiến đấu chống lại vua Phổ Phri-đrich II. Trong chiến dịch 1758, Bluy-khơ bị bắt làm tù binh; sau khi ông bị cầm tù cả một năm trời và bị thả hồi ra khỏi quân đội Thụy Điển, người ta đã thuyết phục ông tham gia quân đội Phổ. Ngày 3 tháng Ba 1771, ông được bổ làm đại úy kỵ binh. Năm 1778 khi đại úy Phôn Ê-ghéc-xphen-đơ, con trai ngoài giá thú của bá tước Phôn Svét-tơ, được đề bạt thiếu tá, chức vụ còn bị khuyết, chứ không phải ông được đề bạt cấp ấy, thì Bluy-khơ viết thư cho Phri-đrich II:

"Tâu bệ hạ, Ê-ghéc-xphen-đơ, một người không có công lao nào ngoài việc ông ta là con trai của bá tước Phôn Svét-tơ, được ưa chuộng hơn tôi. Tâu bệ hạ, thần yêu cầu cho được từ chức".

Để trả lời thư đó, Phri-đrich II hạ lệnh tống giam ông, nhưng khi ông - bất chấp bị tù khá lâu - vẫn cự tuyệt không chịu rút lại bức thư của mình, nhà vua đồng ý thoả mãn yêu cầu của ông bằng lời phê chuẩn với nội dung như sau: "Đại úy Phôn Bluy-khơ có thể xéo đi". Bấy giờ ông bỏ đến xứ Xi-lê-di thuộc Ba Lan,

chẳng bao lâu sau đã lấy vợ, làm nghề nông, có được một trang trại nhỏ ở Pô-mê-ra-ni và sau khi Phri-đrich II qua đời ông lại tham gia trung đoàn trước đây của mình với quân hàm thiếu tá, nhưng với một điều kiện nhất định là: năm bổ nhiệm ông phải ghi là năm 1779. Mấy tháng sau vợ ông mất. Bluy-khơ đã tham gia cuộc xâm nhập không đổ máu vào Hà Lan¹⁹¹ và ngày 3 tháng Sáu 1788 ông được thăng trung tá. Ngày 20 tháng Tám 1790, ông được thăng đại tá và chỉ huy tiểu đoàn số 1 của trung đoàn phiêu kỵ mà ông tham gia ngay từ năm 1760.

Năm 1794, Bluy-khơ tỏ ra xuất sắc trên cương vị chỉ huy kỵ binh nhẹ trong thời gian tác chiến ở Pphan-xơ chống lại nước Cộng hoà Pháp. Ngày 28 tháng Năm 1794, sau trận thắng ở Kiéc-vây-lơ, ông được phong thiếu tướng, còn hoạt động chiến đấu ở Lúcxăm-buốc, Cai-déc-xlau-téc-nơ, Moóc-shai-mơ Vây-đen-than Ê-đơ-xhai-mơ, Ê-đen-cô-ben đã bảo đảm cho ông sự vinh quang ngày một tăng. Không ngừng quấy rối quân Pháp bằng những coups de main^{1*}, dũng mãnh và những cuộc tập kích thành công, ông không bao giờ quên báo cáo về tổng hành dinh những tin tình báo chính xác nhất về sự di chuyển của địch. Nhật ký của ông viết vào thời gian chiến cục ấy và do sỹ quan tùy tùng của ông, bá tước Gôn-xơ, công bố năm 1796, tuy có những khuyết điểm về mặt tu từ, vẫn được xem là một tác phẩm cổ điển về các vấn đề hoạt động của đội tiền vệ 192. Sau khi ký Hoà ước Ba-lơ¹⁹³, ông kết hôn lần thứ hai. Sau khi lên ngôi, Phri-đrich Vin-hem III đã thăng ông lên cấp trung tướng và ở cấp này Bluy-khơ đã chiếm đóng Êc-phuốc, Muyn-hau-den và Muyn-xơ và cai trị những vùng đó với tư cách thống đốc. Năm 1805 ông được trao chức quân đoàn trưởng một quân đoàn không đồng quân, tập trung ở Bai-roi-tơ để giám sát những hậu quả của trận Ô-xtéc-lít trực tiếp liên quan

1* - những cuộc tấn công kiên quyết.

đến Phổ, tức là giám sát việc quân đoàn Béc-na-đốt-tơ chiếm đóng công quốc An-xbắc.

Năm 1806, Bluy-khơ chỉ huy đội tiền vệ của quân Phổ trong trận Au-éc-stết. Nhưng cuộc tấn công của ông đã bị hoả lực mãnh liệt pháo binh của Đa-vu đánh lui, còn đề nghị của ông về việc mở lại cuộc tấn công bằng những lực lượng mới và đưa toàn bộ kỵ binh vào tác chiến, thì đã bị vua Phổ bác bỏ. Sau hai trận thất bại của quân Phổ ở Au-éc-stết và I-ê-na, ông rút lui về vùng hạ lưu sông En-bơ, trong khi đó Na-pô-lê-ông truy kích, với thế không gì ngăn nổi, chủ lực của quân Phổ, liên tục truy kích họ từ I-ê-na đến Stết-tin. Trong cuộc rút lui của mình, Bluy-khơ thu thập tàn quân của các quân đoàn, nên đã tăng quân đội của mình lên gần 25 000 người. Cuộc rút lui của ông về Luy-bếch trước sự tấn công mãnh liệt của các lực lượng liên hợp của Xun-tơ, Béc-na-đốt-tơ và Mui-ra là một trong số ít sự kiện vinh quang của thời kỳ nhục nhã đó của Đức. Vì Luy-bếch là lãnh thổ trung lập, nên việc Bluy-khơ biến các đường phố của thành phố bỏ ngõ này thành bãi chiến trường của cuộc chiến đấu tuyệt vọng, mà hậu quả là thành phố này đã bị binh lính Pháp cướp phá ba ngày trời, đã trở thành cái cớ cho những sự công kích kịch liệt nhằm vào ông; song trong tình hình lúc đó điều quan trọng là đem lại cho nhân dân Đức, dù chỉ một tấm gương về hành động chống cự ngoan cường. Bị đánh bật khỏi Luy-bếch, Bluy-khơ buộc phải đầu hàng ngày 7 tháng Mười một 1806 ở bình nguyên Ra-tê-cau theo những điều kiện nhất định, căn cứ vào đó thì có thể chứng minh bằng văn bản rằng nguyên nhân của sự đầu hàng của ông là "thiếu đạn dược và lương thực". Được phóng thích sau khi tuyên thệ, ông trở về Hăm-buốc để cùng đàn con của mình giết thời giờ bằng chơi bài, hút thuốc và uống rượu. Sau khi ông được đem đổi lấy tướng Vích-to, ông được cử làm thống đốc Pô-mê-ra-ni, nhưng một trong những điều khoản bí mật của hiệp ước liên minh ký ngày 24 tháng Hai 1812 giữa Phổ và Na-pô-lê-ông đã qui định việc cất chức của Bluy-khơ, giống như Sác-nơ-hoóc-xơ và những nhà yêu nước lỗi

lạc khác của Phổ. Để làm dịu cái điều thất sủng chính thức đó, nhà vua bí mật cấp cho ông trại ấp Cun-xen-đoóc-phơ giàu có ở Xi-lê-di.

Trong những năm thuộc thời kỳ chuyển tiếp từ Hoà ước Tin-dít sang cuộc chiến tranh giải phóng nước Đức, những nhà lãnh đạo của "Tu-ghe-n-bun"¹⁹⁴ là Sác-nơ-hoóc-xơ, Gnai-dơ-nau muốn đưa lên vũ đài một vị anh hùng nhân dân, đã chọn Bluy-khơ đóng vai trò ấy. Truyền bá tiếng tăm của ông trong quần chúng, họ đã thành công trong việc này đến mức khi Phri-đrich Vin-hem III ra bản tuyên ngôn ngày 17 tháng Ba 1813 kêu gọi người Phổ cầm vũ khí thì họ đã chuẩn bị đầy đủ cơ sở để buộc nhà vua cử Bluy-khơ làm tổng tư lệnh quân đội Phổ. Trong những trận Luy-tơ-xen và Bau-txen mà quân đồng minh bị thất bại, mặc dù chống cự ngoan cường, Bluy-khơ đã tác chiến dưới quyền chỉ huy của Vít-ghe-n-stây-nơ. Trong cuộc rút lui của quân đồng minh từ Bau-txen đến Svây-dơ-nít-xơ, ông bố trí phục kích ở Gây-nau, từ đây ông đưa kỵ binh của mình ra đánh mạnh vào đội tiền vệ của Pháp do Me-dông chỉ huy, làm Me-dông thiệt hại trong trận này 1 500 người và 11 khẩu pháo¹⁹⁵. Với thắng lợi bất ngờ đó, Bluy-khơ đã nâng cao được tinh thần quân đội Phổ và buộc Na-pô-lê-ông phải rất thận trọng trong truy kích.

Bluy-khơ trở thành chỉ huy một quân đoàn độc lập khi hết thời hạn của hiệp định ngừng bắn Tra-khen-béc ngày 10 tháng Tám 1813¹⁹⁶. Bảy giờ vua các nước đồng minh chia lực lượng của mình ra thành ba tập đoàn quân: Tập đoàn quân miền Bắc do Béc-na-đốt-tơ chỉ huy và được bố trí ở hạ lưu sông En-bơ; Tập đoàn quân chủ lực tiến qua Bô-hêm, và Tập đoàn quân Xi-lê-di do Bluy-khơ thống lĩnh có sự giúp sức của Gnai-dơ-nau là tham mưu trưởng và Mui-phơ-linh - tham mưu phó. Hai người này giữ những chức vụ ấy dưới quyền ông cho đến tận khi ký hoà ước 1815, họ đã thảo ra tất cả các kế hoạch chiến lược của ông. Theo lời Mui-phơ-linh thì bản thân Bluy-khơ

"không hiểu gì về chỉ đạo chiến lược đối với các hoạt động quân sự, hoặc hiểu ít

đến mức khi đưa ông phê chuẩn kế hoạch tác chiến nào đó, thậm chí kế hoạch tác chiến rất nhỏ, ông cũng không có được quan niệm rõ ràng nào về kế hoạch đó và không phán xét được xem nó tốt hoặc xấu"¹⁹⁷.

Giống như nhiều nguyên soái của Na-pô-lê-ông, ông không biết xem bản đồ. Tập đoàn quân Xi-lê-di gồm ba corps d'arme^e^{1*}: 40 000 quân Nga do bá tước Lan-gie-rôn chỉ huy, 16 000 quân do nam tước Phôn Xa-ken chỉ huy và quân đoàn Phổ do tướng I-óc chỉ huy gồm 40 000 người. Địa vị của Bluy-khơ đứng đầu đạo quân nhiều dân tộc ấy là đặc biệt khó khăn. Lan-gie-rôn đã từng giữ chức vụ tư lệnh độc lập, đã miễn cưỡng phục tùng viên tướng nước ngoài; ngoài ra, ông biết rằng Bluy-khơ đã nhận được mật lệnh là hạn chế ở những hoạt động phòng ngự, hoàn toàn không hay biết rằng Bluy-khơ trong cuộc gặp mặt ngày 11 tháng Tám ở Rai-sen-bắc với Bác-clai-đơ-Tô-li, đã đạt được sự cho phép hành động tùy theo tình hình. Do đó, Lan-gie-rôn cho rằng ông có quyền không thi hành mệnh lệnh khi ông cho rằng tổng tư lệnh đã xa rời kế hoạch thoả thuận từ trước, và hành động nổi loạn này của ông lại được tướng I-óc ra sức ủng hộ.

Mối nguy hiểm bắt nguồn từ tình hình đó ngày càng nghiêm trọng, nhưng lúc đó xảy ra trận đánh ở Ca-xbắc bảo đảm cho Bluy-khơ có được uy tín to lớn trong đạo quân của ông khiến đã đưa đạo quân đó đến cửa ngõ Pa-ri. Nguyên soái Mác-đô-nan, được lệnh của Na-pô-lê-ông đẩy Tập đoàn quân Xi-lê-di vào nội địa Xi-lê-di, ngày 26 tháng Tám đã mở đầu trận đánh bằng cuộc tấn công vào các trạm tiền tiêu của Bluy-khơ được bố trí giữa Prau-đơ-nít-xơ và Crôi-xơ, trên đoạn sông Noi-xơ nhập với Ca-xbắc. Cái gọi là cuộc hội chiến ở Ca-xbắc thực ra gồm bốn trận chiến đấu. Trận thứ nhất là cuộc xung phong bằng lưỡi lê đẩy lùi khoảng 8 tiểu đoàn Pháp - chưa đầy 1/10 lực lượng địch - được bố trí trên gò đất phía sau ngọn núi trên hữu ngạn sông Noi-xơ, đưa đến những kết

1* - quân đoàn

quả hoàn toàn không tương xứng với ý nghĩa ban đầu của nó. Điều đó xảy ra là vì những kẻ bỏ chạy khỏi gò đất không tập hợp lại được ở Ni-đéc - Crai-nơ và được bố trí ở gần Crôi-xơ, ở phía bên kia sông Ca-xbắc, tuy nhiên, lúc đó nếu làm như vậy, thì cuộc rút chạy của họ không ảnh hưởng gì đến bộ phận còn lại của quân Pháp; thứ đến, do mấy trận thất bại mà các quân đoàn Xa-ken và Lan-gie-rôn bố trí ở tả ngạn sông Noi-xơ giáng cho địch bằng các cuộc tấn công ban đêm, cũng như do nguyên soái Mác-đô-nan đích thân chỉ huy trên tả ngạn, và cho đến 7 giờ tối ông chỉ chống cự yếu ớt cuộc tấn công của Lan-gie-rôn, và ngay sau khi mặt trời lặn đã rút quân của mình về Gôn-đơ-béc-gơ, trong tình trạng kiệt sức đến mức không thể tác chiến được nữa và tất phải sa vào tay địch; sau hết, do mùa mưa lớn đã biến những con sông bình thường rất nhỏ - mà quân Pháp tháo chạy nhất thiết phải vượt qua như sông Noi-xơ, Ca-xbắc, Đây-khxen và Bô-be-rơ - thành những dòng thác dữ dội và làm cho đường sá hầu như không qua lại được. Kết quả là: được sự chi viện của dân quân địa phương hoạt động ở vùng núi bên sườn trái của Tập đoàn quân Xi-lê-di, mà trận Ca-xbắc, bản thân là một trận không lớn, nhưng đã kết thúc bằng việc bắt được 18-20 ngàn tù binh, hơn 200 khẩu pháo và trên 300 hòm đạn, xe cứu thương và xe chở đồ v.v..

Sau trận đánh, Bluy-khơ đã thi hành mọi biện pháp để buộc quân lính của mình dốc sức truy kích địch, chỉ ra một cách chính xác cho họ thấy rằng "với sự căng sức nhất định, họ có thể làm cho một trận hội chiến mới trở nên thừa". Ngày 3 tháng Chín, ông đưa tập đoàn quân của mình vượt sông Noi-xơ và ngày 4 tràn qua Bi-sóp-xvéc-da để tập trung ở Bau-txen. Bằng hành động này, ông đã cứu vãn được tập đoàn quân chủ lực sau thất bại ở Dre-xden ngày 27 tháng Tám, và buộc phải rút về sau dãy núi Rút, và giờ đây đã hoàn toàn thoát được quân địch¹⁹⁸; Na-pô-lê-ông buộc phải đem viện binh đến Bau-txen để thu thập đạo quân bị đánh tan ở Ca-xbắc và tiến hành trận đánh chống Tập đoàn quân Xi-lê-di. Trong khi đóng ở đông-nam Dắc-den trên hữu ngạn sông En-bơ,

bằng một loạt những cuộc cơ động lui quân và tiến quân, Bluy-khơ luôn luôn tránh cuộc giáp chiến mà Na-pô-lê-ông buộc phải tiến hành, nhưng ông thường xuyên bước vào chiến đấu mỗi khi gặp những đơn vị lẻ của quân đội Pháp. Các ngày 22, 23 và 24 tháng Chín, ông thực hiện cuộc hành quân bên sườn phải quân địch, bằng cuộc hành quân gấp xuống Hạ En-bơ đến gần Tập đoàn quân phương Bắc. Ngày 2 tháng Mười ông bắc cầu phao qua sông En-bơ ở En-xthe-rơ và sáng sớm ngày 3 tháng Mười tập đoàn quân của ông vượt sông. Cuộc hành quân này không những là táo bạo mà thậm chí còn mạo hiểm, vì Bluy-khơ phó mặc tuyến giao thông của mình cho sự may rủi, và được quyết định bởi ý đồ chính trị tối cao và rút cục, đã dẫn tới trận Lai-pxích mà nếu không phải Bluy-khơ thì tập đoàn quân chủ lực, hành động chậm chạp và quá ư thận trọng không bao giờ dám đánh liều thực hiện.

Tập đoàn quân phương Bắc, mà tư lệnh là Béc-na-dốt-tơ có khoảng 90 000 người, do đó việc buộc đạo quân này tiến về Dắc-den là điều cực kỳ quan trọng. Nhờ liên hệ chặt chẽ của Bluy-khơ với Buy-lốp và Vin-txin-ghe-rô-đơ, chỉ huy quân đoàn Phổ và quân đoàn Nga thuộc Tập đoàn quân phương Bắc, ông đã nhận được những chứng cứ xác thực cho thấy rằng Béc-na-dốt-tơ đang chơi trò ve vãn người Pháp và không thể thúc đẩy ông ta tiến hành một hành động tích cực nào khi ông ta còn ở một mình trên một chiến trường tách biệt. Buy-lốp và Vin-txin-ghe-rô-đơ tỏ ý sẵn sàng hành động trái lệnh Béc-na-dốt-tơ, nhưng để làm việc đó, họ yêu cầu chi viện cho họ bằng một lực lượng là 100 000 người. Do đó mới có quyết định của Bluy-khơ cả gan tiến hành cuộc hành quân bên sườn mà ông kiên trì, bất chấp lệnh ông nhận được của các quốc vương là tiến về bên trái để nhích lại gần với họ, theo hướng Bô-hêm. Những chướng ngại mà Béc-na-dốt-tơ dựng lên một cách có hệ thống trên đường đi của ông ngay cả sau khi Tập đoàn quân Xi-lê-di đã vượt sông En-bơ, cũng không buộc được ông từ bỏ ý định ấy. Trước khi rời Bau-txen, ông cử một sĩ quan thân tín đến báo cho Béc-na-dốt-tơ biết rằng do Tập đoàn quân phương Bắc

quá yếu không thể đơn độc tác chiến ở tả ngạn sông En-bơ nên ông sẽ đưa Tập đoàn quân Xi-lê-di đến và vượt sông ở En-xthe-rơ vào ngày 3 tháng Mười, do đó, ông yêu cầu Béc-na-dốt-tơ vượt sông En-bơ đồng thời với ông và cùng tiến về Lai-pxích. Vì Béc-na-dốt-tơ không để ý đến bức thư ấy, còn quân địch thì chiếm Vác-ten-buốc đối diện với En-xthe-rơ, nên Bluy-khơ trước hết đánh lui địch, sau đó, để có thể phòng thủ trong trường hợp Na-pô-lê-ông tung toàn bộ lực lượng của mình đánh mạnh vào ông, ông bắt đầu xây dựng dinh lũy suốt từ Vác-ten-buốc đến Blê-đin. Từ nơi đây, ông tiến về Mun-đơ.

Ngày 7 tháng Mười trong cuộc gặp mặt với Béc-na-dốt-tơ đã ước định rằng hai đạo quân sẽ tiến về Lai-pxích. Ngày 9 tháng Mười khi Tập đoàn quân Xi-lê-di chuẩn bị cho cuộc tiến quân đó thì Béc-na-dốt-tơ, sau khi được tin Na-pô-lê-ông từ Mây-xen đang tiến đến gần theo đường cái, liền kiên quyết đòi rút lui sang bên kia sông En-bơ và chỉ đồng ý đóng lại tả ngạn sông này với điều kiện là Bluy-khơ quyết định hiệp đồng với ông ta vượt sông Da-le để chiếm lĩnh trận địa phía sau con sông này. Mặc dầu do cuộc di chuyển này, Tập đoàn quân Xi-lê-di lại mất tuyến giao thông của mình, Bluy-khơ vẫn đồng ý, vì nếu không làm như thế thì đồng minh, trên thực tế, sẽ mất đi Tập đoàn quân phương Bắc. Ngày 10 tháng Mười toàn bộ Tập đoàn quân Xi-lê-di đã hội quân với Tập đoàn quân phương Bắc ở tả ngạn sông Mun-đơ mà các cây cầu qua sông này đã bị phá hoại. Bấy giờ Béc-na-dốt-tơ nói rằng cần rút lui về Béc-nơ-buốc, và Bluy-khơ, với mục đích duy nhất là không để cho Béc-na-dốt-tơ lui về hữu ngạn sông En-bơ, lại nhượng bộ với điều kiện là Béc-na-dốt-tơ sẽ vượt sông Da-le ở Vét-tin và chiếm lĩnh trận địa ở đó. Ngày 11 tháng Mười, vào lúc mà đoàn quân của ông vượt con đường cái đi từ Mác-đơ-buốc đến Ha-lơ, Bluy-khơ được tin báo rằng trái với lời hứa chắc chắn của mình, Béc-na-dốt-tơ đã không bắc cầu ở Vét-tin, nên ông liền quyết định hành quân gấp theo đường cái đó.

Na-pô-lê-ông thấy rằng các tập đoàn quân phương Bắc và Xi-lê-di

lẩn tránh cuộc giáp chiến mà ông bày sẵn cho họ bằng việc tập trung lực lượng ở Đu-ben, biết rằng họ không thể nào tránh được cuộc giáp chiến ấy trừ phi rút lui sang bên kia sông En-bơ, đồng thời hiểu rằng mình chỉ còn 4 ngày nữa là gặp tập đoàn quân chủ lực mà tình huống đó sẽ đặt ông vào giữa hai hoả lực, nên Na-pô-lê-ông bèn quyết định hành quân trên hữu ngạn sông En-bơ theo hướng Vít-ten-béc để dùng cuộc nghỉ binh ấy như tập đoàn quân phương Bắc và Xi-lê-di vượt sang bờ bên kia sông En-bơ, rồi sau đó giáng đòn chớp nhoáng vào tập đoàn quân chủ lực. Quả nhiên, Béc-na-đốt-tơ do lo sợ về tuyến giao thông của mình với Thụy Điển, liền ra lệnh cho Tập đoàn quân của mình lập tức chuyển sang hữu ngạn sông En-bơ qua cây cầu bắc ở A-ken và cũng trong ngày đó, 13 tháng Mười, ông thông tri cho Bluy-khơ rằng hoàng đế A-lếch-xan-đrơ, vì những lý do quan trọng nào đó, đã đặt Bluy-khơ dưới quyền chỉ huy của ông ta. Trên cơ sở đó, ông yêu cầu Bluy-khơ đem Tập đoàn quân Xi-lê-di bám sát ông trên hữu ngạn sông En-bơ, hết sức không để mất thời gian. Nếu như bấy giờ Bluy-khơ tỏ ra thiếu kiên quyết và bám theo Tập đoàn quân phương Bắc thì chiến dịch sẽ thất bại, vì Tập đoàn quân Xi-lê-di và Tập đoàn quân phương Bắc, gộp lại có khoảng 200 000 người, sẽ vắng mặt trên chiến trường Lai-pxích. Bluy-khơ viết thư trả lời Béc-na-đốt-tơ rằng căn cứ theo tất cả những tin tức mà ông có thì Na-pô-lê-ông không hề có ý định chuyển chiến trường sang hữu ngạn sông En-bơ, mà chỉ ra sức đánh lừa họ. Đồng thời ông khẩn khoản yêu cầu Béc-na-đốt-tơ từ bỏ ý định vượt sông En-bơ. Trong khi không ngừng thuyết phục tập đoàn quân chủ lực tiến về Lai-pxích và đề nghị hội quân với nó ở đó, rút cục ngày 15 tháng Mười ông nhận được lời mời đã mong đợi từ lâu. Ông tiến ngay về Lai-pxích trong khi Béc-na-đốt-tơ lui về Pê-téc-xbéc. Ngày 16 tháng Mười, trên đường tiến từ Han-lơ về Lai-pxích, ông đã đánh bại trong một trận chiến đấu gay go và ngoan cường ở Muyéc-ke-rơ, quân đoàn 6 của quân Pháp do Mác-mông chỉ huy, thu 54 khẩu pháo. Ông lập tức thông báo kết

quả trận đánh ấy cho Béc-na-đốt-tơ đã không có mặt trên chiến trường vào ngày đầu của trận Lai-pxích. Ngày thứ hai của cuộc giáp chiến, tức ngày 17 tháng Mười, Bluy-khơ đuổi quân địch khỏi hữu ngạn sông Pác-tơ; trong tay địch chỉ còn lại mấy ngôi nhà và công sự đã chiến gần đồn biên phòng Han-lơ. Sáng sớm ngày 18 có cuộc hội ý giữa Bluy-khơ và Béc-na-đốt-tơ ở Bra-khen-phen-đơ, Béc-na-đốt-tơ nói rằng ông ta không thể công kích địch trên tả ngạn sông Pác-tơ, nếu như hôm đó Bluy-khơ không điều 30 000 người thuộc Tập đoàn quân Xi-lê-di cho ông ta. Hoàn toàn xuất phát từ lợi ích chung, Bluy-khơ đồng ý không chút ngập ngừng, nhưng với điều kiện là bản thân ông ở lại với 30 000 người ấy để bảo đảm sự hiệp đồng tấn công tích cực của số quân ấy.

Sau thắng lợi cuối cùng ngày 19 tháng Mười và suốt quá trình rút lui của Na-pô-lê-ông từ Lai-pxích về sông Ranh, chỉ một mình Bluy-khơ truy kích nghiêm chỉnh. Ngày 19 tháng Mười trong khi các viên tướng chỉ huy các đơn vị quân khác còn đón tiếp các vị vua chúa tại quảng trường chợ Lai-pxích và lãng phí thời gian quý giá vào việc chúc tụng lẫn nhau, thì Tập đoàn quân Xi-lê-di của Bluy-khơ đã truy kích địch theo hướng Luy-tơ-xen. Trong cuộc tiến quân từ Luy-tơ-xen đến Vây-xen-béc, hoàng thân Vin-hem Phổ đã đuổi kịp ông và trao cho ông tấm bằng phong ông danh hiệu nguyên soái Phổ. Vua chúa các nước đồng minh đã để cho Na-pô-lê-ông giành được một khoảng cách không bao giờ gỡ lại được nữa, nhưng từ Ấy-dơ-nác trở đi, Bluy-khơ đều luôn luôn tiến đến được vào buổi chiều những nơi mà Na-pô-lê-ông vừa rời đi buổi sáng. Khi Bluy-khơ đã định tiến về Khuê để vượt sông Ranh ở đấy, thì ông bị gọi về và được lệnh phong toả thành phố Ma-in-xơ trên tả ngạn sông Ranh. Cuộc truy kích nhanh chóng mà ông tiến hành để đuổi quân địch cho đến tận sông Ranh, đã gây ra sự tan rã của Liên minh vùng Ranh¹⁹⁹; quân đội của liên minh này được tách khỏi những sư đoàn Pháp mà trước đó chúng là bộ phận hợp thành. Trong khi tổng hành dinh của Tập đoàn quân Xi-lê-di đóng ở Huê-khơ-xơ, thì tập đoàn quân chủ lực đã tiến đến thượng lưu

sông Ranh. Chiến dịch năm 1813 đã kết thúc như vậy, thắng lợi của nó hoàn toàn là nhờ ở sự năng động táo bạo và nghị lực sắt đá của Bluy-khơ.

Về kế hoạch hành động tiếp theo, ý kiến của các nước đồng minh có sự bất đồng; một số đề nghị dừng lại ở sông Ranh và tiến hành phòng ngự ở đây, một số khác đề nghị vượt sông Ranh và tiến về Pa-ri. Sau sự do dự kéo dài của các vua chúa, Bluy-khơ và phe ông đã thắng thế và người ta đã quyết định tiến về Pa-ri bằng sự vận động tập trung, trong đó tập đoàn quân chủ lực sẽ xuất phát từ Thụy Sĩ, Buy-lốp xuất phát từ Hà Lan, còn Bluy-khơ với Tập đoàn quân Xi-lê-di sẽ xuất phát từ khu vực Trung lưu sông Ranh. Để tiến hành chiến dịch mới, Bluy-khơ được giao thêm ba quân đoàn là quân đoàn Clai-xtơ, quân đoàn của tuyển đế hầu Hét-xen và quân đoàn của công tước Dắc-den - Cô-buốc-gơ. Để lại một phần của quân đoàn Lan-gie-rôn phong toả Ma-in-xơ và lệnh cho các đơn vị quân mới được tăng cường phải tiến theo mình trong tư thế thê đội thứ hai, ngày 1 tháng Giêng 1814 Bluy-khơ vượt sông Ranh ở ba địa điểm: Man-hem, Cau-bơ và Cô-blen-tơ, đuổi Mác-môn ở thung lũng sông Mô-den sang bên kia Vô-he-dơ và sông Xa-rơ, bố trí quân đoàn I-oóc giữa các cứ điểm trên sông Mô-den, tự mình nắm một đơn vị 28 000 người gồm quân đoàn Xa-ken và một sư đoàn của quân đoàn Lan-gie-rôn, tiến qua Vô-cu-li-ốp và Gioăng-vin về Bri-en nhằm mục đích để cho cánh trái của mình hội quân với tập đoàn quân chủ lực. Ở Bri-en ngày 29 tháng Giêng ông bị Na-pô-lê-ông tập kích với lực lượng khoảng 40 000 người vào lúc mà quân đoàn I-oóc vẫn còn ở xa Tập đoàn quân Xi-lê-di, còn tập đoàn quân chủ lực với quân số 110 000 người chỉ tiến đến Sô-mông. Như vậy là Bluy-khơ phải đối phó với lực lượng ưu thế của Na-pô-lê-ông, song Na-pô-lê-ông tấn công thiếu sự mãnh liệt vốn có, thậm chí để cho Bluy-khơ rút lui được về Tra-na mà không gặp trở ngại gì, nếu không kể mấy trận chiến đấu nhỏ bằng kỵ binh. Nếu như Na-pô-lê-ông chiếm Bri-en, bố trí một phần quân của mình ở bên cạnh Bri-en và dùng ba quân đoàn

khác nhau để chiếm Đì-en-vin, La-Rô-chi-e-rơ và Sô-me-nin, thì ngày 30 tháng Giêng ông ta đã có thể đem lực lượng ưu thế về số lượng của mình lao vào Bluy-khơ khi Bluy-khơ còn chờ lực lượng tăng viện. Nhưng Na-pô-lê-ông dùng chiến thuật thụ động trong khi quân chủ lực của các nước đồng minh tập trung ở Bắc-xuyéc-Ốp và phái một bộ phận tăng viện cho cánh phải của Bluy-khơ. Sự thụ động của hoàng đế được giải thích bởi niềm hy vọng mà ông gửi gắm vào cuộc đàm phán hoà bình đang được tiến hành ở hội nghị Sa-ti-ông²⁰⁰; ông ta đã thành công trong việc mở đầu cuộc đàm phán đó và hy vọng dựa vào nó để tranh thủ thời gian. Thật thế, sau khi Tập đoàn quân Xi-lê-di đã hội quân với tập đoàn quân chủ lực, những người chủ trương đàm phán ngoại giao với Na-pô-lê-ông nằng nặc đòi rằng trong thời gian tiến hành đàm phán hoà bình tại hội nghị thì chỉ tiến hành chiến tranh trên hình thức mà thôi. Công tước Svác-xen-béc cử một sĩ quan đến gặp Bluy-khơ để tranh thủ sự đồng ý của ông về điểm đó, nhưng Bluy-khơ cho viên sĩ quan ấy trở về với câu trả lời như sau:

"Chúng ta phải tiến về Pa-ri, Na-pô-lê-ông đã đi thăm tất cả các thủ đô châu Âu; chẳng lẽ chúng ta thua kém ông ta về mặt lịch sự hay sao? Tóm lại, ông ta phải thoái vị và chúng ta không yên tâm chừng nào ông ta còn chưa bị lật khỏi ngai vàng".

Bluy-khơ kiên trì chỉ ra ưu thế lớn mà các nước đồng minh có được khi tấn công Na-pô-lê-ông ở gần Bri-en trước khi ông ta điều được các bộ phận còn lại của quân đội mình, và Bluy-khơ tự đảm nhiệm cuộc tấn công ấy với điều kiện là được tăng viện khi quân đoàn I-oóc còn chưa tới. Lý lẽ cho rằng không thể nuôi sống quân đội ở thung lũng căn cổ của sông Ôp, rằng nếu nó không tấn công thì nó phải rút lui - lý lẽ ấy đã đem lại sức nặng cho đề nghị của Bluy-khơ. Do đó đã quyết định đánh, nhưng công tước Svác-xen-béc đáng lẽ phải tung vào kẻ địch lực lượng liên hợp mà ông ta nắm trong tay thì ông ta lại hạn chế ở chỗ trao cho Bluy-khơ quân đoàn của thái tử Vuyéc-tem-béc (40 000 người), quân đoàn Đuy-lai (12 000 người) và quân đoàn Vre-dơ (12 000 người). Về phần mình, Na-pô-lê-ông không biết gì hết và không nghi ngờ gì về việc

quân đoàn chủ lực đã tới. Ngày 1 tháng Hai, khoảng một giờ chiều, khi được báo cáo rằng Bluy-khơ tấn công, ông ta còn không chịu tin. Khi biết rằng tình hình đúng như vậy, ông ta lên ngựa định lẩn tránh trận đánh và đưa ra cho Béc-ti-ê những chỉ thị cần thiết. Nhưng trên quãng đường giữa Bri-en-la-vi-ây và Rô-chi-e-rơ, khi ông đuổi kịp đội cận vệ trẻ²⁰¹ đã chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu vì nghe thấy tiếng pháo ngày một gần thì ông được họ đón tiếp với sự nhiệt tình hết mức, khiến ông quyết định lợi dụng nhiệt tình ấy và hô lớn: *L'artillerie en avant!*^{1*}. Như thế là khoảng 4 giờ chiều, cuộc giáp chiến ở La-Rô-chi-e-rơ được triển khai thực sự. Nhưng sau thất bại đầu tiên, Na-pô-lê-ông không còn đích thân tham gia cuộc chiến nữa. Bộ binh của ông ta xông vào làng La-Rô-chi-e-rơ, bắt đầu cuộc chiến đấu kéo dài và ngoan cường, đến nỗi Bluy-khơ buộc phải đưa đội dự bị của mình ra. Chỉ mãi đến 11 giờ đêm quân Pháp mới bị đánh bật khỏi làng này, khi Na-pô-lê-ông ra lệnh cho quân đội của mình rút lui, sau khi bị thiệt hại 4 000 hoặc 5 000 người thương vong, bị bắt 2 500 tù binh và mất 53 khẩu pháo. Nếu như quân đồng minh, bấy giờ cách Pa-ri cả bảy ngày đường, ra sức tiến lên với tất cả tinh lực của mình thì chắc chắn Na-pô-lê-ông sẽ không đứng vững trước ưu thế về số lượng to lớn của họ; nhưng các vị quốc vương vẫn còn sợ cản trở Na-pô-lê-ông ký hoà ước ở hội nghị Sa-ti-ông, nên đã để cho công tước Svác-xen-béc, tổng tư lệnh tập đoàn quân chủ lực, viện đủ lý do để lẩn tránh hành động có tính chất quyết định.

Khi Na-pô-lê-ông ra lệnh cho Mác-môn trở về hữu ngạn sông Ôp, tiến theo hướng Ram-ri-út, còn bản thân thì bằng cuộc hành quân bên sườn đã lui về Tô-roay-ơ, thì quân đội các nước đồng minh được chia ra thành hai đạo quân: đạo quân chủ lực tiến từ từ về Tô-roay-ơ còn Tập đoàn quân Xi-lê-di tiến về sông Mác-nơ, nơi đây, theo dự kiến của Bluy-khơ, ông sẽ hội quân với I-ooéc và

1* - "Pháo binh, hãy tiến lên!"

một bộ phận của các quân đoàn Lan-gie-rôn và Clai-xơ; như vậy, lực lượng của ông, gộp cả lại, phải tăng lên tới khoảng 50 000 người. Kế hoạch của ông là truy kích đến tận Pa-ri, nguyên soái Mác-đô-nan lúc đó đang xuất hiện ở hạ lưu sông Mác-nơ, trong khi đó Svác-xen-béc phải kiềm chế chủ lực quân Pháp ở sông Xen. Nhưng thấy rằng quân đồng minh không biết lợi dụng thắng lợi của họ, và sau khi tin chắc rằng mình có thể trở về sông Xen trước khi quân đoàn chủ lực của đồng minh có thể tiến xa về hướng Pa-ri, nên Na-pô-lê-ông đã quyết định giáng đòn mãnh liệt vào Tập đoàn quân Xi-lê-di yếu hơn. Nhằm mục đích đó, ông để lại một binh đoàn 20 000 người, do Vích-to và U-di-nô chỉ huy, để đối phó với tập đoàn quân chủ lực 100 000 người, còn bản thân ông nắm hai quân đoàn của Moóc-chi-e và Nây gồm 40 000 người tiến về hướng sông Mác-nơ, mang theo quân đoàn của Mác-môn ở Nô-giăng và ngày 9 tháng Hai đem số lực lượng liên hiệp ấy tiến vào Xê-dan. Trong khi đó Bluy-khơ tiến theo đường nhỏ giữa Xanh-U-an và Xôm-pi-út dẫn đến Pa-ri, và ngày 9 tháng Hai ông đã đặt đại bản doanh ở thị trấn Véc-chi-u. Lực lượng của ông được bố trí như sau: khoảng 10 000 người đóng gần tổng hành dinh của ông; 18 000 người do I-ooéc chỉ huy, ở vào giữa Doóc-man và Sa-tô-Chi-e-ri để truy kích Mác-đô-nan lúc ấy đã có mặt ở trên trục đường lớn đi từ Ê-péc-nơ đến Pa-ri; 30 000 quân do Xa-ken chỉ huy, ở vào giữa Mông-mi-rai và La-Phéc-tơ-xu-Gioa-rơ để đề phòng cuộc hội quân được dự định tiến hành giữa kỵ binh của Xê-ba-xti-a-ni với Mác-đô-nan, và chặn đường không cho Mác-đô-nan vượt sông ở La-Phéc-tơ-xu-Gioa-rơ; viên tướng Nga là Ôn-xu-phi-ép nắm 5 000 quân đóng ở Sam-pô-béc. Sự bố trí lực lượng sai lầm như vậy - mà hậu quả là Tập đoàn quân Xi-lê-di bị phân tán en échelon^{1*} trên một trận tuyến rất dài - là hậu quả của những động cơ mâu thuẫn nhau tác động vào Bluy-khơ. Một mặt, ông ra sức chặn đường của Mác-đô-nan và không cho ông ta

1* - theo tầng, theo lớp

hội quân với kỵ binh của Xê-ba-xti-a-ni; mặt khác, ông muốn đưa vào biên chế lực lượng của mình hai quân đoàn Clai-xơ và Cáp-txê-vích đã hành quân từ Sa-lon và dự tính sẽ hội quân với ông vào ngày 9 hoặc 10. Một động cơ ghìm bước ông, động cơ khác thì thúc đẩy ông tiến lên.

Ngày 9 tháng Hai, Na-pô-lê-ông tấn công và đánh bại Ôn-xu-phi-ép ở Sam-pô-béc. Bluy-khơ đưa hai quân đoàn Clai-xơ và Cáp-txê-vích, bấy giờ đã tới nơi, nhưng phần lớn kỵ binh chưa tới, đánh vào Mác-môn đang tiến theo lệnh của Na-pô-lê-ông và truy kích Mác-môn khi viên tướng này rút lui về La-Phe-rơ-Sam-pen-nu-a-dơ, nhưng khi được tin Ôn-xu-phi-ép bại trận thì ngay đêm đó Bluy-khơ đưa hai quân đoàn của mình trở về Béc-gie-rơ để yểm hộ con đường đi Sa-lon. Sau trận thắng lợi ngày 10 tháng Hai, Xa-ken đánh bật được Mác-đô-nan sang bên kia sông Mác-nơ ở Trin-poóc, nhưng ngay đêm đó được tin Na-pô-lê-ông đánh Sam-pô-béc thì ngày 11 ông vội vã lui về Mông-mi-rai. Ngay khi chưa đến được Mông-mi-rai ông đã buộc phải triển khai đội hình chiến đấu ở Vi-e-Mê-dôn để đối phó với vị hoàng đế từ Mông-mi-rai tiến thẳng về phía ông. Ông bị thua trận và chịu thiệt hại nặng nề trước khi I-oóc hội quân được với ông; hai viên tướng gặp nhau ở Vi-phơ-rơ và ngày 12 tháng Hai lui về Sa-tô-Chi-e-ri, ở đây I-oóc phải chịu những trận đánh chặn hậu, chịu những thiệt hại lớn, sau đó mới lui được về U-si-la-Vin. Sau khi ra lệnh cho Moóc-chi-e truy kích I-oóc và Xa-ken theo đường cái Phi-mơ, Na-pô-lê-ông dừng lại ở Sa-tô-Chi-e-ri vào ngày 13. Không biết chính xác vị trí của I-oóc và Xa-ken và kết quả chiến đấu của họ, những ngày 11 và 12 tháng Hai, Bluy-khơ từ Béc-gie-rơ bình tĩnh quan sát Mác-môn chiếm lĩnh trận địa đối diện với ông ở Ê-tô-giơ. Ngày 13, khi ông được tin thất bại của hai viên tướng, thì do dự đoán rằng Na-pô-lê-ông đang đi tìm tập đoàn quân chủ lực, nên ông bị cám dỗ mở đòn đánh từ biệt nhằm vào Mác-môn mà ông cho là hậu quân của Na-pô-lê-ông. Tiến về Sam-pô-béc, ông đẩy Mác-môn về Mông-mi-rai, tại đây ngày 14 tháng Hai Mác-môn hội quân được

với Na-pô-lê-ông; bây giờ Na-pô-lê-ông quay lại đối phó với Bluy-khơ, gặp Bluy-khơ vào giữa trưa ở gần Vô-san trong tình hình Bluy-khơ có 20 000 người, nhưng hầu như không có kỵ binh, rồi ông tấn công Bluy-khơ, dùng kỵ binh bao vây đoàn quân của Bluy-khơ và chịu thiệt hại nặng mới đẩy được Bluy-khơ về Sam-pô-béc. Rút lui từ Sam-pô-béc, Tập đoàn quân Xi-lê-di có thể đến Ê-tô-giơ trước khi trời tối mà không phải gánh chịu những tổn thất đặc biệt, nếu như Bluy-khơ không nổi hứng rút lui cố tình chậm chạp. Do đó, trong suốt cuộc hành quân, ông đã bị tấn công, và một đơn vị thuộc đạo quân của ông - sư đoàn của hoàng thân Phổ Au-gu-xơ - khi đi qua Ê-tô-giơ lại bị quân địch tiến theo hai phố bên cạnh của thành phố này bao vây. Đến khoảng nửa đêm Bluy-khơ đã đến được doanh trại của mình ở Béc-gie-rơ, sau mấy giờ nghỉ ngơi ông lại tiến về Sa-lon và đến đó khoảng trưa ngày 15 tháng Hai, và đến ngày 16 và 17 thì đội quân của I-oóc và Xa-ken đã hội quân được với ông. Các trận lẻ tẻ ở Sam-pô-béc, Mông-mi-rai, Sa-tô-Chi-e-ri, Vô-san và Ê-tô-giơ đã làm ông mất 15 000 người và 27 khẩu pháo; trách nhiệm về sai lầm chiến lược, dẫn tới thất bại đó, hoàn toàn thuộc về Gnai-dơ-nau và Mui-phơ-linh.

Để Mác-mông và Moóc-chi-e đối phó với Bluy-khơ, Na-pô-lê-ông đem theo Nây hành quân gấp trở về sông Xen, nơi mà Svác-xen-béc đã đẩy Vích-to và U-đi-nô rút sang bên kia sông I-e-rơ, và tại đây Na-pô-lê-ông đã sáp nhập vào đạo quân của mình 12 000 người do Mác-đô-nan chỉ huy và một số lực lượng tăng viện từ Tây Ban Nha đến. Ngày 16 tháng Hai quân đồng minh bị bất ngờ trước sự xuất hiện đột ngột của Na-pô-lê-ông mà theo sau ông ta là đội quân đến vào ngày 17 tháng Hai. Sau khi hội quân với các nguyên soái của mình, Na-pô-lê-ông gấp rút tấn công Svác-xen-béc đang chiếm lĩnh trận địa hình tam giác lớn mà ba đỉnh là Nô-giăng, Môn-tê-rô và Xan-xơ. Sau khi Na-pô-lê-ông lần lượt tấn công và đánh bại các viên tướng dưới quyền Svác-xen-béc là Vit-ghen-stây-nơ Vre-dơ và thái tử Vuyéc-tem-béc, thì công tước Svác-xen-béc bỏ chạy, lui về Tơ-roay-ơ và ngỏ ý cho Bluy-khơ biết rằng Bluy-khơ

cần hội quân với ông để có thể cùng mở trận đánh trên sông Xen. Bluy-khơ bấy giờ vừa nhận được viện binh mới, lập tức chấp nhận lời mời đó, ngày 21 tháng Hai ông đến Me-ri và ông chờ ở đây suốt ngày 22 mệnh lệnh về trận đánh đã hứa hẹn. Đến tối ông được biết là thông qua công tước Lích-ten-stây-nơ người ta đã đề nghị với Na-pô-lê-ông ngừng bắn, nhưng Na-pô-lê-ông kiên quyết bác bỏ. Bluy-khơ cử ngay một sĩ quan tin cẩn đến Tơ-roay-ơ và khẩn khoản yêu cầu Svác-xen-béc tiến hành trận đánh, thậm chí đích thân tiến hành trận đánh, miễn là tập đoàn quân chủ lực đồng ý làm đội dự bị; nhưng Svác-xen-béc càng hoảng sợ trước tin tức là Ô-giê-rô đã đẩy lùi tướng Búp-na về Thụy Sĩ, đã ra lệnh rút về Lăng-grơ. Bluy-khơ hiểu ngay rằng cuộc rút lui về Lăng-grơ sẽ đưa tới sự rút lui sang bên kia sông Ranh, và để thu hút Na-pô-lê-ông khỏi sự truy kích tập đoàn quân chủ lực đã sa sút tinh thần, ông lại quyết định tiến thẳng theo hướng Pa-ri về sông Mác-nơ, nơi mà giờ đây ông có thể hy vọng tập hợp được một đạo quân 100 000 người vì Vin-txin-ghe-rô-đơ đã đem 25 000 người tới ngoại ô Rem-xơ, Buy-lốp đem 16 000 người tiến về Lăng, tàn quân của quân đoàn Clai-xơ cũng có thể xuất phát từ Éc-phauc, còn tàn quân của quân đoàn Lan-gie-rôn, do Xanh-Pri chỉ huy, thì xuất phát từ vùng Ma-in-xơ.

Chính sự tách rời lần thứ hai này của Bluy-khơ khỏi tập đoàn chủ lực đã quyết định số phận của Na-pô-lê-ông. Nếu như Na-pô-lê-ông bắt đầu tiến quân truy kích tập đoàn quân chủ lực đang rút lui, chứ không tiến quân đánh vào Tập đoàn quân Xi-lê-di đang tấn công, thì chiến dịch sẽ thất bại đối với liên quân. Việc vượt qua sông Ôp trước khi Na-pô-lê-ông đuổi kịp ông, - nhiệm vụ khó khăn duy nhất trong cuộc tiến quân của ông, - Bluy-khơ đã hoàn thành bằng việc bắc cầu phao ở An-gluy-rơ ngày 24 tháng Hai. Sau khi cử U-di-nô và Mác-đô-nan đem khoảng 25 000 người đuổi theo tập đoàn quân chủ lực, ngày 26 tháng Hai Na-pô-lê-ông cùng với Nây và Vích-to rời Éc-bi-xơ để bắt đầu truy kích Tập đoàn quân Xi-lê-di. Bấy giờ tập đoàn quân chủ lực chỉ có trước

mặt mình hai vị nguyên soái, nên Svác-xen-béc, theo đề nghị của Bluy-khơ, ngừng rút lui, lấy lại tinh thần, quay lại đánh U-di-nô và Mác-đô-nan, và đánh bại họ ngày 27 và 28 tháng Hai. Ý đồ của Bluy-khơ là tập trung quân đội của mình ở một địa điểm nào đó hết sức gần Pa-ri. Mác-môn và đội quân của mình vẫn còn ở Xê-dan, trong khi Moóc-chi-e thì ở Sa-tô-Chi-e-ri. Khi Bluy-khơ tiến gần, Mác-môn rút lui, ngày 26 ông hội quân với Moóc-chi-e ở La-phéc-tơ-xu-Gioa-nơ và cùng Moóc-chi-e rút về Mô. Ý đồ vượt sông Uốc-cơ mà Bluy-khơ tiến hành trong hai ngày liền để đưa trận tuyến của mình tiến dần lên phía trước, buộc hai vị nguyên soái phải nghênh chiến, đã thất bại và lúc ấy ông buộc phải tiến về phía hữu ngạn sông Uốc-cơ. Ngày 2 tháng Ba ông đến U-si-lơ-Sa-tô, sáng sớm ngày 3 tháng Ba thì được tin Buy-lốp và Vin-txin-ghe-rô-đơ đã buộc Xu-át-xông đầu hàng, và cùng ngày hôm đó ông vượt sông En, tập trung toàn bộ đạo quân của mình ở gần Xu-át-xông. Sau khi vượt sông Mác-nơ ở La-Phéc-tơ-xu-Gioa-nơ, ở phía sau Bluy-khơ một khoảng cách là hai ngày hành quân gấp. Na-pô-lê-ông tiến theo hướng Sa-tô-Chi-e-ri và Phi-mơ và qua sông Ven, ngày 6 tháng Ba đã vượt sông En ở Bơ-ri-ô-Bắc, sau khi một đơn vị của quân đội ông lại đã chiếm được Rem-xơ. Sau khi Na-pô-lê-ông vượt sông En, Bluy-khơ ban đầu định giao chiến bên kia sông, và nhằm mục đích đó ông đã điều động quân của mình. Khi ông biết rằng Na-pô-lê-ông tiến theo hướng Phi-mơ và Bơ-ri-ô-Bắc để đánh vu hồi Tập đoàn quân Xi-lê-di từ sườn trái, ông liền quyết định bố trí quân của mình thành góc nghiêng, từ Cra-on đánh vào sườn Na-pô-lê-ông ngay sau khi Na-pô-lê-ông ra khỏi khe núi Bơ-ri-ô-Bắc, để Na-pô-lê-ông buộc phải giao chiến khi phía sau chỉ có một đường hẻm. Ở giữa đoạn đường từ Vu-át-xông đến Cra-on, ông đã bố trí xong lực lượng của mình, cánh phải dựa vào sông En, cánh trái dựa vào sông Lét, nhưng ông đã từ bỏ kế hoạch ban đầu đó khi biết chắc rằng Vin-txin-ghe-rô-đơ đã để cho Na-pô-lê-ông vượt sông Bơ-ri-ô-Bắc một cách thuận lợi vào ngày 6 và Na-pô-lê-ông thậm chí cho một đơn vị của mình tiến theo đường cái về Lăng. Giờ

dây ông cảm thấy không thể tiến hành trận chiến quyết định ở đâu khác ngoài Lăng.

Để tìm chân Na-pô-lê-ông có thể đi qua Coóc-bê-ni theo đường cái từ Rem-xơ tiến đến Lăng cũng nhanh như Tập đoàn Xi-lê-di xuất phát từ Cra-on, Bluy-khơ đã bố trí quân đoàn Vô-rôn-xốp ở giữa sông En và sông Lét trên cao nguyên Cra-on có trận địa kiên cố, đồng thời phái 10 000 kỵ binh do Vin-txin-ghe-rô-đơ chỉ huy qua Phe-ti-ô tiến về Coóc-bê-ni với mệnh lệnh là tập kích vào sườn phải và vào sau lưng Na-pô-lê-ông khi Na-pô-lê-ông vừa bắt đầu tấn công Vô-rôn-xốp. Vì Vin-txin-ghe-rô-đơ không hoàn thành cuộc cơ động được ấn định cho ông, nên ngày 7 tháng Ba Na-pô-lê-ông đã đánh bật được Vô-rôn-xốp khỏi cao nguyên, nhưng bản thân bị thiệt hại 8 000 người trong khi Vô-rôn-xốp tránh được thất bại mà chỉ thiệt hại có 4 700 người và có thể rút lui hoàn toàn có trật tự. Ngày 8 tháng Ba Bluy-khơ tập trung lực lượng của mình gần Lăng, nơi đây trận đánh sẽ quyết định số phận của hai quân đội. Ngoài ưu thế về số lượng của Tập đoàn quân Xi-lê-di, thung lũng rộng rãi phía trước Lăng đặc biệt thuận lợi cho việc triển khai 20 ngàn kỵ binh của nó, đồng thời bản thân Lăng nằm trên đỉnh bằng phẳng của một ngọn đồi độc lập mà sườn ở các phía đều có độ dốc khác nhau là 12, 16, 20 và 30 độ và chân đồi có 4 ngôi làng, - cũng là lợi thế lớn đối với tấn công cũng như phòng ngự. Ngày hôm đó, cuộc tấn công của cánh trái quân Pháp, do Na-pô-lê-ông đích thân chỉ huy, đã bị đẩy lùi, trong khi cánh phải, do Mác-môn chỉ huy, bị tập kích khi hạ trại ban đêm và đã thua đậm đến mức vị nguyên soái này không thể chặn quân đội của mình lại trước khi họ đến được Phi-mơ. Na-pô-lê-ông bị hoàn toàn cô lập với số quân cánh trái của mình chỉ có 35 000 người và bị dồn vào trận địa bất lợi, lẽ ra ông phải đầu hàng trước kẻ địch có ưu thế lớn về số lượng và được thắng lợi cổ vũ. Nhưng sáng sớm hôm sau cơn sốt và sự sung tấy mắt đã loại Bluy-khơ ra khỏi vòng chiến, trong khi Na-pô-lê-ông vẫn giữ tư thế khiêu chiến trên trận địa cũ của mình. Điều đó làm cho những người hiện đang

chỉ huy tác chiến đâm ra hoảng sợ đến nỗi không những họ ngừng cuộc tấn công đã bắt đầu của quân mình, mà còn để cho Na-pô-lê-ông yên ổn lui về Xu-át-xông vào ban đêm.

Tuy nhiên, trận Lăng đã phá hoại sức mạnh vật chất và tinh thần của Na-pô-lê-ông. Ông ta đã uống công mưu toan khôi phục vị thế của mình bằng cuộc tập kích ngày 13 tháng Ba hòng chiếm Rem-xơ mà lúc đó đã rơi vào tay Xanh-Pri. Tình cảnh của ông ta hiện nay đã rõ ràng, đến nỗi ngày 17 và 18 tháng Ba, khi ông tấn công vào tập đoàn quân chủ lực ở Ác-xi-xuy-rơ-Ôp, thì ngay cả Svác-xen-béc, mặc dù có chưa đầy 80 000 người chống lại 25 000 do Na-pô-lê-ông chỉ huy, đã dám dừng lại và tiến hành cuộc nghênh chiến kéo dài sang cả ngày 20 và 22 tháng Ba. Khi Na-pô-lê-ông ngừng trận đánh, tập đoàn quân chủ lực đã truy kích ông ta đến Vi-tơ-ri và hội quân với Tập đoàn quân Xi-lê-di ở sau lưng ông ta. Trong cảnh tuyệt vọng, Na-pô-lê-ông dùng thủ đoạn cuối cùng - rút lui về Xanh-Đi-gie, định bằng cách đó, với một dúm người đe dọa đạo quân đồ sộ của các nước đồng minh là sẽ phá hoại tuyến giao thông chính và đường rút lui của nó giữa Lan-gơ và Sô-mông; quân đồng minh trả lời hành động ấy bằng cuộc tấn công vào Pa-ri. Ngày 30 tháng Ba xảy ra trận đánh gần Pa-ri trong đó Tập đoàn quân Xi-lê-di đánh chiếm Mông-mác-tơ-rơ. Tuy Bluy-khơ còn chưa khỏi bệnh từ trận Lăng, ông vẫn có mặt trong một thời gian ngắn trên chiến trường, cưỡi ngựa, che mắt cho khỏi chói, nhưng sau khi Pa-ri đầu hàng, ông đã từ chức chỉ huy; lý do từ chức là bệnh tật, nhưng nguyên nhân thật sự là Bluy-khơ, một con người không che giấu sự thù ghét của mình đối với người Pháp, đã không đồng ý những mách lới ngoại giao vờ vĩnh mà các vị quốc vương, các nước đồng minh cho là cần thiết. Như vậy là ông đến Pa-ri ngày 31 tháng Ba với tính cách cá nhân. Trong suốt chiến dịch năm 1814, ông là người duy nhất trong quân đồng minh kiên trì nguyên tắc tấn công. Bằng trận đánh ở La-Rô-chi-e-rơ ông đã phá vỡ kế hoạch của phái chủ hòa Sa-ti-ông; với sự kiên quyết mà ông biểu hiện ở Me-ri, ông đã tránh cho

quân đồng minh cuộc rút lui tai hoạ, còn bằng trận đánh gần Lăng, ông đã quyết định từ trước cuộc đầu hàng lần thứ nhất của Pa-ri.

Sau Hoà ước Pa-ri lần thứ nhất²⁰², Bluy-khơ tháp tùng hoàng đế A-lếch-xan-đơ và vua Phổ Phri-đrich - Vin-hem trong thời gian hai quốc vương này thăm nước Anh, nơi đây ông được hoan nghênh như là vị anh hùng đương đại. Ông được rất nhiều sự tặng thưởng, được trao tất cả các huân chương chiến công châu Âu; vua Phổ đặt ra cho ông loại huân chương chữ thập sắt; hoàng thân nhiếp chính Anh^{1*} tặng ông chân dung của mình, còn trường đại học Ốc-xphốt trao cho ông học vị tiến sĩ giáo luật và dân luật.

Năm 1815 Bluy-khơ lại quyết định kết cục của chiến dịch cuối cùng chống Na-pô-lê-ông. Sau thất bại chí mạng mà ông phải chịu đựng ngày 16 tháng Sáu ở trận Li-nhi, Bluy-khơ, mặc dầu đã 73 tuổi, vẫn thu thập được tàn quân và tiến theo sau kẻ chiến thắng mình, nên đến chiều tối ngày 18 tháng Sáu đội quân này đã có mặt trên chiến trường Oa-téc-lô. Đó là một chiến công có một không hai trong lịch sử chiến tranh. Sau trận Oa-téc-lô, cuộc truy kích của ông đối với quân Pháp bỏ chạy từ Oa-téc-lô đến Pa-ri chỉ có một trường hợp tương tự trong quá khứ - cuộc truy kích cũng xuất sắc như vậy của Na-pô-lê-ông đối với quân Phổ từ I-ê-na đến Stét-tin. Lần này ông chỉ huy đạo quân của mình tiến vào Pa-ri và thậm chí cử viên tổng tham mưu phó của mình là Mui-phơ-linh làm tổng đốc quân sự Pa-ri. Ông kiên quyết đòi xử bắn Na-pô-lê-ông, đã phá sập cầu I-ê-a trên sông Xen và đòi trả lại cho nguyên chủ những châu báu mà quân Pháp cướp ở thủ đô các nước châu Âu. Nguyên vọng thứ nhất của ông bị Oen-lin-tơn cản trở, nguyên vọng thứ hai bị các quốc vương các nước đồng minh cản trở, và chỉ có nguyên vọng thứ ba được thực hiện. Ông lưu lại Pa-ri ba tháng,

1* - Gioóc - giơ

rất hay xuất hiện bên bàn chơi để đánh "rouge et noir"^{1*}. Vào lễ kỷ niệm một năm trận Ca-xbác, ông về thăm quê hương mình là thành phố Rô-xtốc, nơi đây cư dân đã góp tiền dựng bia kỷ niệm ông. Khi ông mất, toàn thể quân đội Phổ để tang ông 8 ngày.

Là le vieux diable^{2*} - Na-pô-lê-ông gọi ông như vậy, là "nguyên soái tiến lên" - biệt danh mà binh sĩ Nga trong Tập đoàn quân Xi-lê-di đã đặt cho ông, Bluy-khơ thực chất là một viên tướng kỳ binh. Ông tỏ ra xuất chúng trong lĩnh vực chuyên môn này, vì ở đây chỉ đòi hỏi thói quen chiến thuật, chứ không đòi hỏi các tri thức chiến lược. Hoàn toàn chia sẻ sự thù ghét của nhân dân đối với Na-pô-lê-ông và người Pháp, ông đã được lòng quần chúng do thiện cảm của ông đối với tầng lớp bình dân, do lý trí rất lành mạnh vốn có của ông, do phong thái bình dị và lối nói năng hơi thô kệch, tuy rằng khi cần ông vẫn có thể làm cho lời nói của mình trở nên hùng hồn nóng bỏng. Ông là một chiến binh mẫu mực. Nêu gương dũng cảm cao độ trong chiến đấu và tinh thần không hề biết mệt mỏi ở nơi nào cần đến sự căng thẳng, sức lực; có ảnh hưởng mạnh mẽ trong binh sĩ bình thường, kết hợp sự gan dạ khác thường với khả năng nhạy cảm khi đánh giá đặc điểm địa hình, có năng lực quyết định nhanh chóng trong những hoàn cảnh khó khăn, ngoan cường trong phòng ngự và cũng kiên quyết như thế trong tấn công; có đủ trí tuệ để độc lập xác định phương thức hành động đúng đắn trong những tình huống đơn giản, còn trong những tình huống phức tạp hơn thì dựa vào Gnai-dơ-nau, - với phẩm chất như vậy, Bluy-khơ là viên tướng thích hợp nhất đối với hoạt động quân sự vào những năm 1813-1815, một cuộc chiến tranh mang tính chất nửa chính quy, nửa khởi nghĩa.

*Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết ngày 22 tháng Chín - ngày 30 tháng Mười 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. III, 1858*

*In theo bản in trong Bách khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh*

1* - "đỏ và đen"

2* - con quỷ già

PH.ĂNG-GHEN

PHÁO BINH

Sự phát minh ra thuốc súng là việc sử dụng nó để phóng những vật nặng theo hướng nhất định, như hiện nay hầu hết mọi người đều thừa nhận, là thuộc về các nước phương Đông. Ở Trung Quốc và Ấn Độ, đất thừa thãi diêm tiêu tự nhiên, nên điều hoàn toàn tự nhiên là cư dân địa phương biết được từ lâu đặc tính của nó. Ở Trung Quốc, thuốc nổ được chế tạo bằng hỗn hợp diêm tiêu với các chất dẫn lửa khác, đã ra đời vào thời kỳ rất sớm và được sử dụng vào mục đích quân sự cũng như vào các lễ hội cộng đồng. Chúng ta không có tư liệu cho biết xem vào lúc nào thì người ta biết dùng chất hỗn hợp đặc biệt gồm diêm tiêu, lưu huỳnh và than gỗ mà đặc tính nổ của nó làm cho nó có ý nghĩa to lớn. Theo một số tài liệu sử biên niên Trung Quốc mà ông Pa-ra-vây dẫn ra trong một bản báo cáo của Viện hàn lâm Pháp trình bày năm 1850²⁰³ thì pháo đã có từ năm 618 trước công nguyên; một số bản thảo Trung Quốc cổ đại khác có mô tả về đạn cháy bắn từ các ống tre, và một loại trái phá. Dù sao thì việc sử dụng thuốc súng và pháo cho mục đích quân sự, xem ra chưa phát triển đầy đủ trong thời kỳ sơ khai của lịch sử Trung Quốc, vì trường hợp đầu tiên xác thực về việc sử dụng một cách rộng rãi những thứ đó chỉ được ghi vào năm 1232 sau công nguyên, khi người Trung Quốc bị người Mông Cổ bao vây ở phủ Khai Phong đã phòng thủ bằng pháo bắn

đạn đá và đã sử dụng trái phá, pháo và những súng ống khác mà sự hoạt động của chúng dựa trên việc sử dụng thuốc súng.

Theo bằng chứng của các tác giả Hy Lạp Ê-li-an, Cte-xi-át, Philô-xơ-rát và Phê-mi-xti-út, thì người Ấn Độ rõ ràng là đã có một thứ thuốc nổ được dùng vào mục đích quân sự ngay từ thời A-lếch-xan-đơ Đại đế. Nhưng dứt khoát đó không phải là thuốc súng, mặc dù trong thành phần của nó có nhiều diêm tiêu. Trong bộ luật Ấn Độ, xem ra, cũng có chỉ dẫn về một thứ súng; không nghi ngờ gì nữa, trong đó có nói đến thuốc súng, còn theo giáo sư H.H.Uyn-xơn thì trong sách y học Cổ đại Ấn Độ có mô tả về thành phần của nó. Nhưng sự chỉ dẫn đầu tiên về pháo hầu như hoàn toàn trùng hợp với thời gian xuất hiện sớm nhất - và đã được xác minh - của nó ở Trung Quốc. Tập thơ của Ha-dét, viết vào khoảng năm 1200, có nhắc đến máy bắn đạn đặc mà tiếng rít nghe thấy được ở khoảng cách 10 cốt (1 500 i-ác-đơ). Chúng tôi đã đọc thấy tài liệu nói về các khẩu pháo đặt trên xe xuất hiện vào khoảng năm 1258 thuộc sở hữu của quan cai trị Ê-li. Một trăm năm sau, pháo binh đã được sử dụng rộng rãi ở Ấn Độ, và vào năm 1498 khi người Bồ Đào Nha xuất hiện ở đây thì họ thấy rằng trong việc sử dụng súng bắn đạn nổ, người Ấn Độ cũng đã tiến bộ như bản thân họ. Người A Rập đã học được cách lấy diêm tiêu và chế tạo thuốc nổ ở người Trung Quốc và người Ấn Độ. Hai trong những tên gọi diêm tiêu mà người A Rập sử dụng có nghĩa là: *muối Trung Quốc* và *tuyết Trung Quốc*. Những tác giả A Rập Cổ đại nhắc tới loại "lửa đỏ và trắng của Trung Quốc". Việc sử dụng các chất đốt cháy, tính theo thời gian, cũng hầu như trùng hợp với cuộc xâm nhập lớn của người A Rập vào châu Á và châu Phi²⁰⁴. Nếu như không nói đến maujanitz - một thứ súng hầu như mang tính chất thần thoại, mà theo người ta kể lại, Mô-ha-mét đã biết đến và sử dụng nó, - thì có một sự thực không còn nghi ngờ gì nữa là người Hy Lạp thuộc xứ Bi-dăng-xơ lần đầu tiên biết đến thuốc nổ (về sau trở thành "lửa Hy Lạp") ở kẻ thù của mình -

người A Rập. Mác-cơ Grêch, tác giả vào thế kỷ IX, dẫn ra thành phần của chất hỗn hợp - 6 phần diêm tiêu, 2 phần lưu huỳnh, một phần than gỗ - rất gần gũi với thành phần thực tế của thuốc súng²⁰⁵. Thành phần của thuốc súng đã được Rô-gơ Bê-cơ, tác giả đầu tiên ở châu Âu, xác định khá chính xác vào khoảng năm 1216 trong tác phẩm của mình "Cuốn sách về ảo thuật hoang đường"²⁰⁶, nhưng cả một trăm năm sau đó các nước phương Tây còn chưa biết sử dụng nó. Người A Rập xem ra đã làm phong phú nhanh chóng những tri thức mà họ học được của người Trung Quốc. Theo cuốn "Lịch sử người Mo-rơ ở Tây Ban Nha" của Côn-dơ thì năm 1118 pháo đã được sử dụng trong thời gian vây đánh Xa-ra-gốt, còn năm 1132 ở Tây Ban Nha người ta còn đúc, ngoài những khẩu pháo khác, loại pháo nòng dài cỡ 4 pao²⁰⁷. Người ta biết rằng năm 1156 Áp-dơ-en-Mu-min đã chiếm Mô-ha-me-di-a cách Bon của Angiê-ri không xa bằng súng bắn đạn nổ, còn năm sau thì thành phố Ni-e-bla ở Tây Ban Nha đã phòng thủ chống lại người Ca-xti-li-a nhờ có súng bắn tên và đá. Nếu như còn chưa xác định được đặc tính của các máy bắn mà người A Rập sử dụng vào thế kỷ XII thì điều hoàn toàn không nghi ngờ gì nữa là: năm 1280 người ta đã dùng pháo binh chống lại Coóc-đô-va, và vào đầu thế kỷ XIV tri thức về pháo binh đã được người A Rập truyền cho người Tây Ban Nha. Năm 1308 Phéc-di-năng IV chiếm Gi-bran-ta bằng pháo. Pháo binh đã được sử dụng trong các trận đánh chiếm Ba-xa vào năm 1312 và 1323, Mác-tô-xơ vào năm 1326, A-li-can-tơ vào năm 1331; trong một số những cuộc vây đánh ấy, pháo đã bắn đạn cháy. Việc sử dụng pháo binh được truyền từ người Tây Ban Nha sang các nước khác ở châu Âu. Người Pháp sử dụng pháo trong khi vây đánh Pi-u-Ghi-ôm vào năm 1338, và cùng năm đó các hiệp sĩ Đức đã dùng pháo ở Phố²⁰⁸. Đến năm 1350 súng bắn đạn nổ đã được truyền bá ở tất cả các nước Tây Âu, Nam Âu và Trung Âu. Việc pháo binh ra đời ở phương Đông cũng được chứng minh bằng phương pháp chế tạo những khẩu pháo cổ nhất của châu Âu. Pháo làm bằng những thanh sắt rèn hàn với nhau

thành ống dài và củng cố thêm bằng những đai sắt nặng bịt lên. Pháo gồm mấy bộ phận mà bộ cơ bả tháo lắp được sẽ lắp chắc vào để bắn sau khi đã nạp đạn. Pháo cổ đại của Trung Quốc và Ấn Độ cũng được chế tạo hoàn toàn giống như thế, mà chúng lại thuộc vào thời kỳ cũng sớm bằng hoặc sớm hơn những khẩu pháo cổ nhất của châu Âu. Pháo châu Âu cũng như châu Á đều xuất hiện vào khoảng thế kỷ XIV, cấu tạo còn rất không hoàn chỉnh, chứng tỏ rằng pháo binh còn đang ở vào thời kỳ thơ ấu của nó. Như vậy là, nếu chưa xác định được thời gian nào phát minh ra thuốc súng và thời gian nào sử dụng nó vào súng bắn đạn nổ, thì chỉ ít chúng ta cũng có thể xác định được thời kỳ mà lần đầu tiên nó trở thành nhân tố quan trọng trong quân sự; bản thân sự công kênh của pháo ở thế kỷ XIV ở tất cả những nơi mà người ta thấy chúng, đã chứng minh rằng việc sử dụng chúng làm vũ khí thường trực còn rất mới mẻ. Pháo châu Âu thế kỷ XIV rất công kênh. Pháo cỡ lớn chỉ sau khi được tháo dỡ ra mới vận chuyển được, mà mỗi bộ phận của nó chiếm cả một cỗ xe ngựa. Ngay pháo cỡ nhỏ cũng cực kỳ nặng nề, vì hồi bấy giờ chưa xác định được sự tương quan chính xác giữa trọng lượng của pháo và trọng lượng của đạn, cũng như giữa trọng lượng của đạn với trọng lượng của liều thuốc súng. Khi đã đặt những khẩu pháo ấy lên trận địa, còn phải dựng lên cho mỗi khẩu pháo một thứ giá hoặc bục gỗ mới bắn được. Ở thành phố Gan-tơ có một khẩu pháo, cùng với bệ ấy, chiếm một chiều dài 50 phút. Bấy giờ người ta còn chưa biết tới giá pháo. Trong phần lớn trường hợp pháo bắn với góc cao rất lớn, giống như súng cối của ta, do đó hiệu quả rất nhỏ cho đến khi sử dụng trái phá. Đạn thì thường sử dụng đạn đá hình cầu, còn pháo cỡ nhỏ có khi được nạp bằng các tên sắt. Tuy có tất cả những khuyết điểm đó, pháo vẫn được sử dụng không những trong vây thành và giữ thành, mà còn trong điều kiện dã chiến và trên các tàu chiến. Ngay từ năm 1386 người Anh đã chiếm được hai tàu chiến của Pháp có trang bị pháo. Nếu xét theo những khẩu pháo được tháo gỡ ở tàu "Ma-ri Rô-dơ" (bị đắm năm

1545) thì thấy rằng những khẩu pháo hạm đầu tiên ấy được đặt trên bệ gỗ làm riêng cho mục đích ấy và được cố định trên đó, nên không thể có những góc bắn khác nhau.

Ở thế kỷ XV, về mặt cấu tạo cũng như sử dụng pháo binh đã có những cải tiến lớn. Pháo bắt đầu được đúc bằng gang, đồng hoặc đồng thau. Bộ cơ bẫy tháo lắp được đã bị loại bỏ, hiện nay toàn bộ khẩu pháo được đúc thành một khối chỉnh thể. Những xưởng đúc tốt nhất là ở Pháp và Đức. Ở Pháp cũng có những cuộc thí nghiệm đầu tiên đưa pháo lên phía trước trong thời gian vây đánh và đặt pháo dưới những vật che chắn. Khoảng năm 1450 người ta đã làm một loại hãm và chẳng bao lâu sau đó anh em Bu-rô đã thiết kế ra đội pháo công thành đầu tiên; dùng những đội pháo ấy, trong vòng một năm vua Pháp Sác-lơ VII đã chiếm lại được tất cả những cứ điểm mà người Anh đã chiếm của ông. Nhưng sự cải tiến lớn nhất là do vua Pháp Sác-lơ VIII tiến hành. Ông bỏ hẳn bộ cơ bẫy có thể tháo lắp, bắt đầu đúc các cỗ pháo bằng đồng thau của mình thành một khối hoàn chỉnh, dùng ngỗng trục và giá pháo có bánh xe và chỉ sử dụng đạn gang đặc. Ông cũng thống nhất cỡ của pháo và thường đưa ra chiến trường những khẩu pháo nhẹ hơn. Trong số đó có pháo hai nòng đặt trên giá có bốn bánh xe do 35 ngựa kéo; những khẩu pháo khác có giá hai bánh do từ 24 đến 2 ngựa kéo mà đuôi của giá pháo thì kéo lê trên mặt đất. Mỗi nhóm pháo thủ được cố định vào một khẩu pháo và công việc của pháo thủ cũng được tổ chức theo một cơ chế khiến cho pháo binh đã chiến lần đầu tiên trở thành một binh chủng đặc biệt. Pháo cỡ nhỏ đều khá linh hoạt để có thể di chuyển trong chiến đấu cùng với các loại quân khác và thậm chí không rút lại đằng sau kỵ binh. Chính binh chủng mới này đã đảm bảo cho Sác-lơ VIII những thắng lợi đáng kinh ngạc ở I-ta-li-a. Pháo binh I-ta-li-a vẫn còn được vận chuyển trên lưng bò, pháo vẫn gồm mấy bộ phận, sau khi chọn trận địa, pháo vẫn tiếp tục đặt trên bệ; pháo bắn đạn đá và nhìn chung thì công kênh đến nổi trong một giờ người Pháp bắn được số đạn pháo nhiều hơn là

người I-ta-li-a bắn suốt cả ngày. Trận đánh ở gần Phoóc-nô-vô (1495) giành được thắng lợi nhờ pháo binh đã chiến Pháp²⁰⁹, đã gây ra sự kinh hoàng ở khắp I-ta-li-a, và binh chủng mới được thừa nhận là vô địch. Tác phẩm của Ma-ki-a-ve-li "Nghệ thuật chiến tranh"²¹⁰ được viết nhằm mục đích chỉ ra những phương pháp loại trừ tác dụng của binh chủng này bằng sự bố trí khéo léo bộ binh và kỵ binh. Những người kế thừa Sác-lơ VIII và Lu-i XII và Phrăng-xoa I tiếp tục cải tiến và làm nhẹ các khẩu pháo đã chiến của mình. Phrăng-xoa I tổ chức pháo binh thành một ngành đặc biệt phục tùng tổng cục trưởng pháo binh. Pháo đã chiến của ông đã đánh tan đội giáo dài Thụy Sĩ đông đảo, mà trước đây là vô địch, trong trận gần Ma-ri-nhi-ta-nô (1515); di chuyển nhanh chóng từ trận địa sườn này sang trận địa sườn kia, nhờ đó chúng đã quyết định kết cục của trận đánh. Người Trung Quốc và người A Rập đã biết chế tạo và sử dụng trái phá và có thể là chính từ họ mà tri thức ấy được truyền sang các nước châu Âu. Tuy nhiên, việc sử dụng loại đạn đá và loại súng cối hiện nay bắn thứ đạn ấy là thuộc vào thời kỳ không sớm hơn nửa sau thế kỷ XV, mà người ta thường cho rằng tác giả của việc sử dụng chúng là Pan-dôn-pho Ma-la-te-xta, người cầm quyền xứ Ri-mi-ni. Những quả trái phá đầu tiên là hai bán cầu kim loại rỗng được vện chặt vào nhau; chỉ sau này mới phát minh ra phương pháp đúc quả đạn rỗng nguyên khối.

Hoàng đế Sác-lơ V không chịu lạc hậu so với đối thủ Pháp của mình trong công cuộc cải tiến pháo đã chiến. Ông sử dụng bệ xe trước, do đó pháo có hai bánh xe, khi di chuyển lại biến thành xe pháo có bốn bánh, có thể vận động nhanh chóng hơn và vượt địa hình mấp mô. Như trong trận Ran-ti năm 1554²¹¹, những khẩu pháo nhẹ đó có thể được kéo nhanh tới tốc độ phi nước đại.

Những cuộc nghiên cứu lý luận đầu tiên trong lĩnh vực pháo binh và về đường bay của đạn cũng thuộc vào thời kỳ ấy. Người ta cho rằng một người I-ta-li-a là ông Tác-ta-li-a đã phát hiện ra

hiện tượng in vacuo^{1*} góc bắn 45° đem lại tầm bay xa tối đa của đạn. Các ông Cô-la-dô và U-pha-nô người Tây Ban Nha cũng tiến hành những cuộc nghiên cứu như thế. Như vậy là đã đặt được cơ sở lý luận cho khoa học pháo binh. Hầu như cũng đồng thời với những điều đó, sự nghiên cứu của Van-nô-sô Bi-rin-gu-sô trong lĩnh vực kỹ thuật đúc (1540) đã đem lại tiến bộ quan trọng trong việc chế tạo pháo, còn việc Hác-tman phát minh ra bảng tỷ lệ cỡ mà dùng nó có thể tính toán mỗi bộ phận của pháo bằng tỷ lệ của những bộ phận ấy so với đường kính của rãnh pháo, đã tạo ra được các tiêu chuẩn xác định cho cấu tạo của chúng và mở đường cho việc đặt ra những nguyên tắc lý luận chắc chắn và những quy tắc chung dựa trên kinh nghiệm.

Một trong những kết quả đầu tiên của sự cải tiến pháo binh là cuộc cách mạng hoàn toàn trong nghệ thuật trúc thành. Nghệ thuật này chỉ phát triển rất ít từ thời các vương triều At-xi-ri và Ba-bi-lon. Nhưng đến nay với tường đá kiểu cũ pháo có thể chọc thủng ở bất cứ chỗ nào, và buộc người ta phải phát minh một hệ thống công sự mới. Công sự phòng ngự phải xây dựng sao cho chỉ một bề mặt hết sức nhỏ của công sự bằng đá bị lộ ra trước hỏa lực bắn thẳng của pháo binh của phía bao vây và có thể bố trí pháo binh mạnh trên các tường thành. Tường đá cũ được thay thế bằng tường thành bằng đất phủ đá, còn tháp nhỏ ở bên sườn được biến thành pháo đài nằm cạnh lớn. Dần dần tất cả các bộ phận bằng đá của công sự đều được công sự ngoại vi bằng đất che chắn để chống hỏa lực bắn thẳng, và đến giữa thế kỷ XVII, các biện pháp phòng ngự cứ điểm trở lại thành tương đối mạnh hơn các biện pháp tấn công, cho đến khi Vô-băng lấy lại ưu thế cho các phương pháp tấn công.

Trước đây việc nạp đạn là trực tiếp nhồi thuốc súng rồi vào pháo. Khoảng vào năm 1600 người ta bắt đầu sử dụng các bao

thuốc súng - túi bằng gai chứa một lượng thuốc súng quy định - nên giảm rất nhiều thời gian cần thiết để nạp đạn và bảo đảm sự chuẩn xác lớn hơn của hỏa lực nhờ sự đồng nhất nhiều hơn của các liều thuốc súng. Cũng vào khoảng thời gian đó đã có một phát minh quan trọng khác - sự phát minh ra đạn rìa kiểu chùm và kiểu thông thường. Sự chế tạo ra pháo dã chiến có thể bắn đạn rỗng cũng thuộc vào thời kỳ đó. Vô số những cuộc vây đánh xảy ra trong thời kỳ chiến tranh của Tây Ban Nha chống Hà Lan²¹² đã thúc đẩy rất nhiều sự cải tiến của pháo binh dùng vào phòng thủ và tấn công các cứ điểm, đặc biệt là về mặt sử dụng cối và lựu pháo, đạn phá, đạn cháy, đạn đặc nung đỏ, cũng như về mặt chế tạo dây cháy và những khí tài khác về thuốc nổ. Đầu thế kỷ XVII người ta vẫn còn dùng pháo đủ các cỡ, từ pháo cỡ 48 pao cho đến pháo chim ưng cỡ nhỏ nhất mà nòng chỉ chứa được đạn đặc nửa pao. Tuy có tất cả những sự cải tiến đó, song pháo binh dã chiến vẫn còn chưa hoàn thiện, nên đòi hỏi phải có tất cả những cỡ pháo khác nhau đó để có được đại thể cái kết quả mà hiện nay chúng ta đạt được bằng một số ít pháo cỡ trung bình từ 6 đến 12 pao. Pháo cỡ nhỏ thời kỳ đó có khả năng cơ động, nhưng kém hiệu quả; pháo cỡ lớn có đủ hiệu quả, nhưng kém cơ động; pháo cỡ vừa không có được đầy đủ cả hiệu quả lẫn sự cơ động, để có thể hoàn thành mọi nhiệm vụ. Hậu quả của tình hình đó là phải duy trì tất cả các cỡ và các loại pháo khác nhau hợp nhất thành một mớ, mà mỗi đại đội pháo, theo thông lệ, bao gồm đủ mặt các thứ pháo thường thấy. Góc bắn được xác định bằng chiếc nêm nâng. Giá pháo vẫn cố kênh như trước kia, và đối với mỗi cỡ pháo, đương nhiên, cần một mẫu riêng, do đó hầu như không thể mang theo ra chiến trường bánh xe và giá pháo dự trữ. Trục xe bằng gỗ và tương ứng với mỗi cỡ pháo là một kích thước riêng. Thêm vào đó, kích thước của pháo và giá pháo lại không thống nhất ngay đối với cùng một cỡ pháo, vì ở mọi nơi vẫn còn giữ lại rất nhiều pháo kiểu cũ, ngoài ra, các công xưởng khác nhau của cùng một nước chế tạo những khẩu pháo có

1* - trong chân không

cấu tạo khác nhau. Bao thuốc nổ vẫn chỉ dùng cho pháo cứ điểm; trên chiến trường, pháo được nạp thuốc súng rời và thuốc súng được đưa vào pháo bằng chiếc xẻng nhỏ, sau đó người ta lắp nút và đạn. Thuốc súng rời cũng được nhồi vào lỗ châm lửa. Toàn bộ quá trình này diễn ra cực kỳ chậm chạp. Thợ pháo không được xem là binh sĩ của quân đội chính quy, họ hợp thành một phường hội đặc biệt, được bổ sung những người học nghề và tuyên thệ giữ bí mật nghề của mình. Khi chiến tranh nổ ra, các bên tham chiến tuyển mộ thật nhiều thợ pháo, nhiều hơn nhiều so với thời bình. Mỗi một thợ pháo hoặc pháo thủ ấy chỉ huy một khẩu pháo, có một con ngựa để cưỡi và có một người học việc và có một số người giúp việc chuyên môn theo yêu cầu, ngoài ra có một số người nhất định để vận chuyển trọng pháo. Lương của họ cao hơn binh sĩ bốn lần. Khi chiến tranh nổ ra, ngựa của pháo binh do người bao thầu cung cấp; người bao thầu cũng căn cứ vào hợp đồng mà cung cấp yên cương và điều kiện ngựa. Trong chiến đấu, pháo được bố trí thành một hàng ở trước trận tuyến, được gỡ ra từ xe trước xuống và ngựa được tháo ra. Khi được lệnh tiến thì thắng ngựa và lắp pháo vào bệ trước; pháo cỡ nhỏ có khi do người vận chuyển trên một khoảng cách ngắn. Thuốc súng và đạn được vận chuyển bằng xe cộ khác; bệ trước của pháo còn chưa có thùng đựng đạn. Sự di chuyển, việc nạp đạn, nhồi thuốc dẫn lửa, ngắm bắn - tất cả những thao tác ấy, xét theo góc độ những quan niệm hiện đại của chúng ta, thì cực kỳ chậm chạp, và trong tình hình kỹ thuật chưa hoàn thiện như vậy và trong tình hình hầu như hoàn toàn thiếu nghiên cứu khoa học về ngành pháo binh, con số lần bắn trúng đích tất phải thực sự không đáng kể.

Thời kỳ Chiến tranh ba mươi năm, sự xuất hiện của Gu-xtáp A-đôn-phơ ở Đức đánh dấu bằng một bước tiến bộ lớn lao trong ngành pháo binh. Vị thống soái vĩ đại ấy thủ tiêu những cỗ pháo quá nhỏ, ban đầu thay thế chúng bằng cái gọi là pháo bọc da, tức là những ống sắt được rèn đúc nhẹ, bên ngoài bọc bằng dây và da. Những khẩu pháo ấy chỉ dùng để bắn đạn ria kiểu chùm, như

vậy là, loại đạn này được sử dụng lần đầu tiên trong dã chiến. Trước đó, việc sử dụng đạn này chỉ bó hẹp ở việc bảo vệ hào của cứ điểm. Ngoài đạn ria chùm và đạn ria thông thường, ông cũng dùng bao thuốc súng cho pháo binh dã chiến của mình. Pháo bọc da tỏ ra không đủ vững chắc để được thay thế bằng pháo gang nhẹ 4 pao, dài gấp 16 lần miệng pháo, cùng với giá pháo nặng tới 6 tạ, do hai ngựa kéo. Mỗi trung đoàn bộ binh được trang bị hai khẩu pháo như thế. Như vậy là pháo trung đoàn, được duy trì trong nhiều quân đội cho tới đầu thế kỷ, đã ra đời do kết quả của việc thay những khẩu pháo cũ tương đối công kênh mặc dù cỡ nhỏ, bằng những khẩu pháo mới, và ban đầu pháo trung đoàn chỉ dùng để bắn đạn ria; nhưng chẳng bao lâu người ta đã làm cho nó có thể bắn được đạn đặc hình cầu. Trọng pháo thì được tách riêng ra và hợp thành các đại đội mạnh chiếm các trận địa có lợi ở bên sườn hoặc phía trước cánh trung tâm của quân đội. Như vậy việc tách pháo binh nhẹ ra khỏi pháo binh nặng và thành lập các đại đội pháo đã đặt cơ sở cho chiến thuật của pháo binh dã chiến. Tổng tư lệnh pháo binh Thụy Điển, tướng Toóc-xten-sơn, đã góp phần hơn ai hết vào những cải cách đó, nhờ chúng mà pháo binh dã chiến lần đầu tiên trở thành một binh chủng độc lập tuân theo những quy tắc riêng về sử dụng nó trong chiến đấu. Cũng vào khoảng thời gian ấy còn có hai phát minh quan trọng nữa: khoảng vào năm 1650 người ta đã phát minh ra vít nâng theo chiều ngang được sử dụng cho đến thời Gri-bô-van, còn vào khoảng năm 1697 người ta bắt đầu sử dụng ống nhồi đầy thuốc súng làm ngòi nổ, thay cho việc nhồi thuốc súng vào lỗ châm lửa. Nhờ vậy mà việc ngắm mục tiêu và nạp đạn được dễ dàng hơn nhiều. Một sự cải tiến quan trọng khác là sự phát minh ra càng kéo để di chuyển pháo trên cự ly ngắn. Trong thế kỷ XVII số lượng pháo đưa ra sử dụng trên chiến trường rất lớn. Trong trận Grây-phen-ha-ghen, Gu-xtáp - A-đôn-phơ, có 80 khẩu pháo cho 20 000 binh sĩ, còn trong trận Phran-phuốc trên sông Ô-đê có 200 khẩu pháo cho 18 000 người²¹³. Trong thời gian chiến tranh của

Lu-i XIV dàn pháo có 100 - 200 khẩu là hiện tượng thường thấy. Trong trận Man-plác-co²¹⁴ hai bên có gần 300 khẩu; đó là số lượng pháo lớn nhất tập trung trên một chiến trường chưa từng thấy trước đó. Trong thời kỳ ấy, việc sử dụng cối trong điều kiện dã chiến cũng khá thông thường. Người Pháp vẫn giữ ưu thế về mặt pháo binh với việc thành lập trung đoàn pháo vào năm 1671 và quy định các chức vụ sĩ quan và cấp bậc quân hàm, họ là những người đầu tiên chấm dứt chế độ phường hội cũ và biên chế thợ pháo vào quân đội làm binh sĩ khung. Như vậy bộ phận này của lực lượng vũ trang được thừa nhận là một binh chủng độc lập và việc huấn luyện sĩ quan và binh sĩ do nhà nước nắm. Năm 1690 ở Pháp đã thành lập trường pháo binh tồn tại với tính cách là trường pháo binh duy nhất trên thế giới ít ra là trong 50 năm. Năm 1697, Xanh-Rê-mi đã xuất bản sách hướng dẫn về khoa học pháo binh²¹⁵, một cuốn sách rất tốt đối với đương thời. Nhưng tính chất huyền bí bao trùm "những bí mật" của ngành pháo binh tỏ ra to lớn đến nỗi nước Pháp chưa biết tới nhiều cải tiến được thực hiện ở các nước khác, còn về cấu tạo và biên chế của pháo binh thì mỗi nước châu Âu đều khác nhau nhiều với các nước khác. Như vậy người Pháp còn chưa trang bị lựu pháo là loại pháo được phát minh ở Hà Lan và trước năm 1700 phần lớn các quân đội đã sử dụng. Hòm đạn được bố trí trên bệ xe trước, do Mô-rít-xơ, Na-xau sử dụng đầu tiên, thì ở Pháp người ta chưa biết tới và ít có nơi nào sử dụng. Pháo, giá pháo và bệ xe trước đã tỏ ra quá nặng nên không thể chất thêm vào đó trọng lượng của đạn được. Pháo cỡ nhỏ nhất, kể cả loại 3 pao, đã thực tế bị loại bỏ, nhưng ở Pháp chưa có pháo nhẹ của trung đoàn. Các liều thuốc nổ được dùng trong pháo binh ở vào các thời kỳ dã nghiên cứu thì thường rất nặng; ban đầu chúng nặng bằng đạn đặc. Tuy thuốc súng có chất lượng kém, nhưng những liều thuốc nổ ấy gây ra tác dụng mạnh hơn nhiều so với những liều thuốc nổ sử dụng hiện nay, và tình hình đó là một trong những nguyên nhân chính làm cho trọng lượng của pháo rất lớn. Để chịu đựng được những liều thuốc nổ

đó, trọng lượng của pháo bằng đồng thau thường vượt trọng lượng của đạn đến 250-400 lần. Nhưng sự cần thiết làm cho pháo nhẹ hơn đã buộc người ta giảm dần liều thuốc nổ và vào khoảng đầu thế kỷ VIII, trọng lượng của nó thông thường chỉ bằng một nửa trọng lượng của đạn. Liều thuốc nổ cho cối và lựu pháo được định theo khoảng cách và thông thường không lớn.

Cuối thế kỷ XVII và đầu thế kỷ XVIII là thời kỳ mà tại phần lớn các nước, pháo binh đã được đưa hẳn vào thành phần quân đội, mất tính chất phường hội Trung cổ của nó, được thừa nhận là một binh chủng đặc biệt, và nhờ tất cả những điều đó nó đã có khả năng phát triển bình thường và nhanh chóng. Kết quả là có những tiến bộ hầu như tức khắc và rất rõ rệt. Sự hỗn loạn và tình trạng lăm hình nhiều vẻ của các cỡ pháo và loại pháo, tính chất không đáng tin cậy của tất cả những quy tắc có tính chất kinh nghiệm tồn tại trước kia, tình trạng hoàn toàn thiếu những nguyên tắc được quy định vững chắc - tất cả những cái đó hiện nay đã đập vào mắt người ta và trở nên không thể chịu đựng lâu hơn nữa. Do đó, ở khắp mọi nơi người ta đều tiến hành, trên quy mô lớn, những cuộc thí nghiệm để xác định tác dụng của các cỡ pháo, quan hệ của cỡ với liều thuốc nổ, trọng lượng và chiều dài của pháo, sự phân bố kim loại trong pháo, tầm bắn, tác dụng của sức giạt đối với giá pháo, v.v.. Thời kỳ những năm 1730-1740 Bê-li-đoóc đã lãnh đạo những cuộc thí nghiệm như thế ở La-Phe-rơ tại nước Pháp, Rô-bin-xơ lãnh đạo ở Anh và Pa-pa-si-nô đ' An-tô-ni lãnh đạo ở Tu-rin. Kết quả là đạt được sự thống nhất to lớn đối với các cỡ pháo, sự phân bố tốt hơn kim loại trong pháo và sự giảm bớt phổ biến liều thuốc nổ mà trọng lượng hiện nay của nó chỉ bằng 1/3 đến 1/2 trọng lượng của đạn. Ngang tầm với sự cải tiến đó là tiến bộ trong sự phát triển các nguyên lý khoa học về pháo binh. Ga-li-lê đặt cơ sở cho lý thuyết về pa-ra-bôn, các học trò của ông là To-ri-sê-li, An-đéc-xơn, Niu-tơn, Blông-đen, Béc-nu-li, Vôn-phơ và Ô-le đã nghiên cứu tiếp về đường bay của đạn, sức cản của không khí và nguyên nhân hiện tượng đi chệch của đạn.

Các nhà thực nghiệm pháo binh kể trên cũng có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển về mặt toán học của pháo binh.

Dưới thời Phri-drích Đại đế, pháo binh dã chiến của Phổ lại được giảm nhẹ trọng lượng đi nhiều. Những khẩu pháo nhẹ nòng ngắn của trung đoàn, dài không quá 14, 16 hoặc 18 lần đường kính miệng pháo và nặng hơn trọng lượng đạn 80-150 lần, được thừa nhận là có đủ tầm bắn xa đối với hoạt động tác chiến đương thời mà kết cục của hoạt động ấy chủ yếu do hoả lực của bộ binh quyết định. Do đó, nhà vua đã đem đúc lại tất cả các khẩu pháo 12 pao của mình thành các khẩu pháo có những tỷ lệ nói trên về mặt chiều dài và trọng lượng. Năm 1753 người Áo noi theo gương ấy, phần lớn các nước khác cũng vậy; nhưng bản thân Phri-drích, vào nửa sau thời kỳ trị vì của mình, lại trang bị cho đội pháo binh dự bị của mình những khẩu pháo nòng dài, vì kinh nghiệm trận Lai-then làm cho ông tin vào tính hơn hẳn của hoả lực của nó. Phri-drích Đại đế lập ra một binh chủng mới khi ông cho pháo thủ của một số đại đội pháo cưỡi ngựa, như vậy là đã xây dựng đội kỵ pháo để làm chức năng đem lại sự chi viện cho kỵ binh, giống như sự chi viện của bộ pháo đối với bộ binh. Binh chủng mới này tỏ ra đặc biệt có hiệu quả và chẳng bao lâu sau đã được sử dụng trong phần lớn các quân đội; trong một số quân đội như trong quân đội Áo, pháo thủ không cưỡi ngựa mà ngồi trên một loại xe đặc biệt. Độ bảo hoà của pháo trong các quân đội ở thế kỷ XVIII còn rất lớn. Năm 1756 Phri-drích Đại đế có 206 khẩu pháo cho 70 000 người, năm 1762 có 275 khẩu cho 67 000 người, năm 1778 có 811 khẩu cho 180 000 người. Những khẩu pháo ấy, trừ pháo trung đoàn đi theo các tiểu đoàn, được tổ chức thành các đại đội pháo với biên chế khác nhau, từ 6 đến 20 khẩu. Pháo trung đoàn tiến cùng với bộ binh, trong khi đó các đại đội pháo bắn từ trận địa đã lựa chọn, có khi tiến lên trận địa thứ hai, nhưng thông thường chúng dừng lại ở đây để chờ kết cục của trận đánh. Về mặt cơ động chúng vẫn còn làm cho người ta phải trông

đội nhiều vào sự cải tiến; trận Cu-ne-rơ-xđoóc-phơ đã thua, vì không điều được pháo binh vào giờ phút quyết định. Tướng Phổ Tem-pen-hốp cũng lập ra các đại đội cối dã chiến, hơn nữa cối nhẹ được di chuyển trên lưng lừa, nhưng chẳng bao lâu sau, cuộc chiến tranh 1792 và năm 1793 đã chứng minh sự vô dụng của nó, nên đã bị loại bỏ. Mặt khoa học của pháo binh trong thời kỳ này đặc biệt phát triển ở Đức. Xơ-ru-en-dơ và Tem-pen-hốp đã viết những tác phẩm bổ ích trình bày vấn đề này²¹⁶, nhưng chuyên gia lỗi lạc nhất trong lĩnh vực pháo binh thời đó là Sác-nơ-hoóc-xơ. Cuốn chỉ nam về pháo binh của ông ta là tác phẩm thực sự khoa học và toàn diện đầu tiên trong lĩnh vực này, còn sách chỉ nam của ông viết cho sĩ quan xuất bản ngay từ năm 1787 đã đưa ra một sự trình bày khoa học đầu tiên về chiến thuật của pháo binh dã chiến²¹⁷. Các tác phẩm của Sác-nơ-hoóc-xơ, tuy đã lỗi thời về nhiều mặt, cho đến nay vẫn là những tác phẩm cổ điển. Tướng Vê-ga trong quân đội Áo, tướng Moóc-la trong quân đội Tây Ban Nha, Hoi-éc và Rúp-roa trong quân đội Phổ đã có những đóng góp quý giá trong lĩnh vực trước tác về pháo binh²¹⁸. Năm 1732 người Pháp đã cải tổ pháo binh của mình theo hệ thống Va-li-ê-rơ; họ giữ lại loại pháo nòng dài cỡ 24, 16, 12, 8 và 4 pao và sử dụng lưu pháo cỡ 8 in-xơ. Nhưng pháo của họ vẫn duy trì tính chất đa dạng lớn về các kiểu cấu tạo; chiều dài của pháo gấp 22 đến 26 lần đường kính miệng pháo, và trọng lượng của pháo vượt khoảng 250 lần so với trọng lượng của đạn tương ứng. Sau hết, năm 1774 tướng Gri-bô-van trong thời kỳ Chiến tranh bảy năm đã phục vụ trong quân đội Áo và biết rõ tính ưu việt của pháo binh mới của Phổ và Áo, ông đã đạt được việc áp dụng hệ thống mới của mình. Pháo binh công thành được tách hẳn ra khỏi pháo binh dã chiến. Nó được biên chế bằng tất cả các khẩu trọng pháo 12 pao trở lên và bằng tất cả các khẩu trọng pháo nòng dài 12 pao kiểu cũ. Pháo binh dã chiến gồm có các khẩu pháo nòng dài 12 pao, 8 pao và 4 pao, tất cả đều có nòng dài gấp 18 lần đường kính miệng pháo và trọng lượng gấp 150 lần trọng lượng đạn, cũng gồm cả những

khẩu lựu pháo 6 in-xơ. Liều thuốc nổ loại pháo nòng dài được xác định dứt khoát bằng $\frac{1}{3}$ trọng lượng đạn, đã sử dụng vít nâng theo chiều dọc và mỗi bộ phận của pháo hoặc giá pháo đều được chế tạo theo mẫu quy định để có thể thay thế chúng dễ dàng bằng phụ tùng dự trữ. Bảy loại bánh xe và ba loại trục xe đủ cho tất cả các loại phương tiện vận chuyển được sử dụng trong pháo binh Pháp. Tuy pháo binh phần lớn các nước đã sử dụng các hòm đạn trên bệ xe trước để chở đạn được, nhưng Gri-bô-van không sử dụng nó ở Pháp. Loại pháo 4 pao được chuyển về cho bộ binh, và mỗi tiểu đoàn nhận được hai khẩu; loại pháo 8 và 12 pao được phân phối về các đại đội pháo riêng như là loại pháo binh dự bị, với một xướng rên đã chiến cho mỗi đại đội. Người ta đã tổ chức đội vận tải và đại đội lao công, và nhìn chung pháo binh của Gri-bô-van là hình thức tổ chức pháo binh đầu tiên được xây dựng theo yêu cầu hiện đại. Nó chứng tỏ tính ưu việt của nó so với bất cứ pháo binh nào đương thời về mặt tỉ lệ cấu tạo của pháo, về mặt khí tài và tổ chức, và là kiểu mẫu trong nhiều năm.

Nhờ những cải tiến đó của Gri-bô-van, pháo binh Pháp trong thời kỳ chiến tranh cách mạng đã vượt lên trên pháo binh các nước khác và chẳng bao lâu sau đã trở thành một lực lượng mạnh chưa từng có trong tay Na-pô-lê-ông. Trong pháo binh Pháp hầu như không có sự biến đổi nào, nếu không kể đến việc bỏ hẳn hệ thống pháo trung đoàn vào năm 1799 và việc nó cũng trang bị pháo nòng dài cỡ 6 và 3 pao do nó chiếm đoạt được khắp nơi ở châu Âu một số lượng rất lớn các khẩu pháo cỡ này. Toàn bộ pháo binh đã chiến được tổ chức thành các đại đội pháo gồm 6 khẩu, trong đó một khẩu thường là lựu pháo, còn lại là các pháo nòng dài. Nếu về mặt khí tài của pháo binh không có hoặc hầu như không có sự thay đổi nào, thì về mặt chiến thuật của pháo binh đã có những biến đổi lớn. Tuy số lượng pháo có giảm đi chút ít do bỏ pháo trung đoàn, tác dụng của pháo binh trong chiến đấu đã được tăng cường nhờ nghệ thuật sử dụng nó. Na-pô-lê-ông đã sử dụng một số pháo nhẹ được phối thuộc vào các sư đoàn bộ binh

để mở đầu trận đánh và buộc địch bộc lộ lực lượng v.v. trong khi đại bộ phận pháo được giữ lại ở đội dự bị cho đến khi xác định được mục tiêu công kích chính yếu; bấy giờ mới bất ngờ thành lập những đơn vị pháo lớn cùng bắn phá mục tiêu ấy và dùng cuộc pháo kích mãnh liệt ấy để chuẩn bị cho cuộc tấn công dứt điểm của đội bộ binh dự bị. Trong trận Phrít-lan-đơ^{1*} có 70 khẩu, trong trận Va-gram có 100 khẩu đã được bố trí như vậy thành một tuyến; trong trận Bô-rô-di-nô^{2*} một đơn vị pháo gồm 80 khẩu đã chuẩn bị cho cuộc tấn công của Nây vào trận địa của Xê-me-nốp-xơ. Mặt khác, đội kỵ binh dự bị đông đảo, do Na-pô-lê-ông thành lập, cần có đội kỵ pháo tương ứng để chi viện, và thế là binh chủng này lại rất được coi trọng; trong quân đội Pháp, kỵ pháo rất đông và ở đây trong thực tiễn đã xác định được cách sử dụng chiến thuật riêng của binh chủng này. Không có những cải tiến do Gri-bô-van tiến hành thì không thể có cách sử dụng mới đó đối với pháo binh, còn tính tất yếu của những biến đổi trong chiến thuật đã góp phần khiến cho những sự cải tiến ấy tự mở đường dần dần, với những biến đổi nhỏ, đi vào tất cả các quân đội trên lục địa.

Cho đến đầu cuộc chiến tranh cách mạng Pháp, pháo binh Anh ở vào tình trạng hết sức tàn tạ và lạc hậu nhiều so với pháo binh các nước khác. Mỗi tiểu đoàn quân Anh có hai khẩu pháo trung đoàn, nhưng họ hoàn toàn không có pháo binh dự bị. Xe pháo do một ngựa kéo, mà người điều khiển ngựa thì cầm roi dài đi bên cạnh. Ngựa và người điều khiển ngựa đều được thuê cả. Các khí tài của pháo có cấu tạo rất cũ kỹ, pháo chỉ có thể di chuyển bằng ngựa đi nước một, trừ những cự ly rất ngắn. Họ chưa biết đến kỵ pháo. Nhưng sau năm 1300 khi mà kinh nghiệm chứng tỏ rằng không thể hài lòng được với hệ thống như thế, pháo binh đã được

1* Xem tập này, tr. 141-142.

2* Xem tập này, tr. 314-320.

thiếu tá Xpi-rmen cải tổ căn bản. Bộ trước xe được sửa lại cho hai ngựa kéo, pháo được biên chế thành đại đội gồm 6 khẩu, và nhìn chung người Anh đã thực hiện những cải tiến đã được thực hiện trên lục địa một thời gian rồi. Do chi tiêu không tiết kiệm, pháo binh Anh chẳng bao lâu đã trở thành sang trọng nhất, được trang bị đáng hoàng nhất và phong phú nhất. Kỵ pháo mới được thành lập rất được coi trọng, chẳng bao lâu sau nó nổi bật nhờ sự dũng cảm, sự nhanh chóng và sự cơ động chính xác của nó. Còn những cải tiến mới về khí tài thì chỉ là về kết cấu của xe pháo. Bộ pháo có một càng và hòm đựng đạn trên bộ trước của xe, sau đó đã được phần lớn các nước trên lục địa sử dụng.

Tỷ lệ giữa pháo binh và các thành phần khác của quân đội trong thời kỳ ấy đã được cố định ít nhiều. Mật độ lớn nhất của pháo binh thể hiện trong quân đội Phổ trong trận Piéc-ma-den²¹⁹ - 7 khẩu pháo cho 1 000 người. Na-pô-lê-ông cho rằng tỷ lệ 3 khẩu pháo cho 1 000 người là hoàn toàn đủ, và tỷ lệ ấy trở thành quy luật chung. Người ta cũng đã xác định số lượng đạn cần trang bị cho mỗi khẩu pháo, tức là ít nhất trang bị 200 viên cho mỗi khẩu, trong số $\frac{1}{4}$ hoặc $\frac{1}{5}$ là đạn rìa có nạp mảnh kim loại nhỏ. Trong thời kỳ hoà bình tiếp sau sự sụp đổ của Na-pô-lê-ông, pháo binh tất cả các nước châu Âu đã dần dần tiến hành những cải tiến. Khắp mọi nơi người ta đều bỏ pháo nhẹ loại 3 và 4 pao, phần lớn các nước đã sử dụng giá pháo cải tiến và hòm đựng đạn của pháo binh Anh. Hầu như ở mọi nơi người ta đều xác định trọng lượng liều thuốc nổ bằng $\frac{1}{3}$ trọng lượng viên đạn, trọng lượng của pháo bằng 150 hoặc gần 150 lần trọng lượng viên đạn, còn chiều dài của pháo bằng 16-18 lần đường kính nòng pháo. Người Pháp đã cải tổ pháo binh của mình vào năm 1827. Đối với pháo dã chiến đã quy định những tiêu chuẩn như sau: cỡ 8 và 12 pao thì nòng dài bằng 18 lần đường kính nòng pháo, liều thuốc nổ bằng $\frac{1}{3}$ trọng lượng viên đạn, trọng lượng pháo vượt 150 lần trọng lượng viên đạn. Đã sử dụng giá pháo và hòm đựng đạn kiểu Anh; lần đầu tiên trong quân đội Pháp đã sử dụng hòm đạn đặt trên bộ

trước xe. Trong đại đội pháo 8 và 12 pao có hai loại lựu pháo mà đường kính của nòng pháo tương ứng với 15 và 16 xăng-ti-mét. Hệ thống mới này của pháo binh dã chiến có đặc điểm là rất đơn giản. Trong tất cả các phương tiện chuyên chở của các đại đội pháo dã chiến Pháp chỉ có hai loại giá pháo, một cỡ bộ trước xe, 1 cỡ bánh xe và hai cỡ trục. Ngoài ra, người ta còn xây dựng sơn pháo đặc biệt, gồm các khẩu lựu pháo cỡ 12 xăng-ti-mét.

Pháo binh dã chiến của Anh hiện nay gồm hầu như toàn pháo 9 pao, dài bằng 17 lần đường kính miệng pháo, trọng lượng pháo được tính như sau: cứ 1 pao trọng lượng của đạn chỉ tương ứng với trọng lượng 1,5 tạ của pháo, với liều thuốc nổ bằng $\frac{1}{5}$ trọng lượng quả đạn. Trong mỗi đại đội pháo có hai khẩu lựu pháo 24 pao cỡ 5,5 in-xơ. Trong cuộc chiến tranh gần đây với Nga^{1*} loại pháo 6 và 12 pao hoàn toàn không được điều ra chiến trường. Người ta dùng hai cỡ bánh xe. Trong bộ pháo của Anh cũng như của Pháp, khi di chuyển các pháo thủ ngồi trên bộ trước xe và trên các hòm đựng đạn.

Quân đội Phổ trang bị pháo 6 và 12 pao dài bằng 18 lần đường kính nòng nặng gấp 145 lần trọng lượng viên đạn, với liều thuốc nổ bằng $\frac{1}{5}$ trọng lượng viên đạn. Đường kính nòng của lựu pháo là 5,5 và 6,5 in-xơ. Mỗi đại đội pháo có 6 pháo nòng dài và 2 lựu pháo. Có hai kiểu bánh xe và trục, một kiểu bộ xe trước. Giá pháo kết cấu theo kiểu Gri-bô-van. Trong bộ pháo, để di chuyển nhanh, 5 pháo thủ - số lượng đủ để điều khiển khẩu pháo - ngồi trên hòm đạn ở bộ trước xe và trên ngựa được dắt theo còng xe, còn ba người còn lại đi theo pháo theo cách của mình. Do đó, hòm đạn không gắn liền vào pháo như trong quân đội Pháp và Anh, mà tạo thành một bộ phận riêng biệt, khi chiến đấu thì được đặt ở ngoài phạm vi hỏa lực địch. Năm 1842 người ta đã sử dụng hòm đạn kiểu Anh cải tiến.

1* - Chiến tranh Crưm 1853-1856

Pháo binh Áo có pháo 6 và 12 pao, dài bằng 16 đường kính nòng, nặng gấp 135 lần trọng lượng viên đạn, với liều thuốc nổ bằng $\frac{1}{4}$ trọng lượng viên đạn. Lựu pháo của Áo giống lựu pháo sử dụng trong quân đội Phổ. Đại đội pháo gồm có 6 khẩu pháo nòng dài và hai khẩu lựu pháo.

Pháo binh Nga có pháo 6 và 12 pao, dài bằng 18 lần đường kính của nòng, nặng gấp 150 lần trọng lượng viên đạn, với liều thuốc nổ bằng $\frac{1}{3}$ trọng lượng viên đạn. Đường kính nòng của lựu pháo là 5 và 6 in-xơ. Tùy theo cỡ nòng và nhiệm vụ, đại đội pháo gồm 8 hoặc 12 khẩu, trong đó một nửa là pháo nòng dài và một nửa là lựu pháo.

Quân đội Xéc-đi-ni có pháo nòng dài 8 và 16 pao và lựu pháo có cỡ tương ứng. Tất cả quân đội của các quốc gia nhỏ ở Đức đều có loại pháo 6 và 12 pao; người Tây Ban Nha có pháo 8 và 12 pao; người Bồ Đào Nha, Thụy Điển, Đan Mạch, Bỉ, Hà Lan và Na-pơ có pháo 6 và 12 pao.

Sự phát triển của pháo binh Anh mà sự mở đầu là công cuộc cải tiến do thiếu tá Xpi-rmen tiến hành, cùng với sự quan tâm của giới pháo binh đến việc cải tiến hơn nữa do tình hình trên kích thích, cùng với những khả năng rộng rãi để có được sự tiến bộ trong lĩnh vực pháo binh nhờ sự tồn tại của pháo binh hải quân đồ sộ của Anh - tất cả những cái đó đã thúc đẩy nhiều phát minh quan trọng. Thuốc nổ của Anh, cũng như thuốc súng của Anh, tốt hơn các nước khác, còn kíp đạn định giờ thì không gì so sánh được về mặt chính xác. Phát minh quan trọng gần đây trong pháo binh Anh là trái phá (một thứ đạn rỗng chứa đầy các đầu đạn súng cầm tay và nổ trong khi đang bay), nhờ đó mà tầm xa của hỏa lực hữu hiệu của đạn chứa nhiều mảnh kim loại vụn ngang với tầm xa của đạn đặc hình cầu. Dù nghệ thuật của các nhà thiết kế và các nhà tổ chức Pháp cao như thế nào, thì quân đội Pháp hầu như là quân đội duy nhất chưa sử dụng loại đạn pháo mới đáng sợ ấy; người Pháp còn chưa chế được thuốc nổ cần thiết cho

kíp đạn định giờ mà toàn bộ vấn đề phụ thuộc vào thứ thuốc nổ đó.

Lu-i Bô-na-pác-tơ đã đề nghị một hệ thống pháo binh dã chiến mới và, xem ra, hệ thống này hiện đang dần dần được sử dụng ở Pháp. Tất cả 4 cỡ pháo nòng dài và lựu pháo hiện nay đang được trang bị, đều phải được thay bằng pháo nòng dài 12 pao, dài gấp 15,5 lần đường kính nòng, nặng gấp 110 lần trọng lượng của viên đạn, với liều thuốc nổ bằng $\frac{1}{4}$ trọng lượng đạn đặc. Khi giảm trọng của liều thuốc nổ thì pháo nòng dài đó phải bắn loại đạn nổ cỡ 12 xăng-ti-mét (hiện được dùng trong sơn pháo), như vậy là thay cho lựu pháo trong trường hợp chỉ bắn đạn rỗng. Các cuộc thí nghiệm tiến hành ở bốn trường pháo binh Pháp đều rất thành công, và người ta khẳng định rằng những khẩu pháo ấy đã thể hiện ở Crum sự ưu việt rõ ràng so với pháo nòng dài Nga mà phần lớn là loại 6 pao. Nhưng người Anh khẳng định rằng loại pháo nòng dài 9 pao của họ trội hơn loại pháo mới ấy về tầm xa và độ chuẩn xác, và cần chỉ ra rằng họ là những người đầu tiên sử dụng loại pháo nhẹ 12 pao, với lượng thuốc nổ bằng $\frac{1}{4}$ trọng lượng viên đạn, nhưng chẳng bao lâu sau người ta đã từ bỏ loại pháo ấy, loại pháo này rõ ràng là mẫu cho pháo của Lu-i Na-pô-lê-ông. Việc bắn đạn phá bằng pháo nòng dài thông thường là du nhập ở quân đội Phổ, ở đó khi bao vây, để hoàn thành nhiệm vụ nhất định người ta đã dùng pháo nòng dài 24 pao để bắn đạn phá. Tuy nhiên, chất lượng của pháo nòng dài của Lu-i Na-pô-lê-ông vẫn còn cần được kiểm nghiệm trong thực tiễn, trong khi chưa có công bố chuyên môn gì về tác dụng của nó trong cuộc chiến tranh vừa rồi, nên ở đây chúng tôi không thể đưa ra một ý kiến suy xét dứt khoát về ưu điểm của nó.

Những quy luật và quy tắc được xác định bằng thí nghiệm về việc bắn đạn đặc rỗng và các thứ đạn khác, quan hệ đã biết giữa tầm bay xa của đạn, góc bắn và trọng lượng của liều thuốc nổ, ảnh hưởng của khe hở giữa viên đạn và thành nòng pháo cũng như của những nguyên nhân khác gây ra sự đi chệch của viên

dạn, xác suất trúng đích và những tình huống khác có thể xảy ra trong chiến tranh - tất cả những cái đó là đối tượng của khoa học pháo binh. Tuy việc bất cứ vật nặng nào ném invacuo theo hướng không thẳng đứng, đều tạo thành hình pa-ra-bôn khi bay - là nguyên tắc cơ bản của khoa học này, nhưng sức cản của không khí tăng lên theo sự tăng tốc độ của vật thể đang vận động đã biến đổi rất nhiều sự vận dụng lý luận pa-ra-bôn vào thực tiễn pháo binh. Chẳng hạn, đối với pháo nòng dài bắn đạn di với tốc độ ban đầu là 1 400 đến 1 700 phút/giây thì đường bay của đạn lại khác xa với lý luận pa-ra-bôn đến mức tầm xa tối đa có thể đạt được với góc bắn chỉ khoảng 20°, trong khi theo lý luận pa-ra-bôn thì góc bắn ấy phải bằng 45°. Dựa trên những cuộc thực nghiệm người ta đã xác định được, với sự chuẩn xác nhất định, những độ chênh lệch ấy, và như thế là đã xác định được góc bắn cần có đối với mỗi loại pháo, đối với liều thuốc nổ nhất định và đối với một cự ly nhất định. Nhưng có nhiều điều kiện khác ảnh hưởng đến đường bay của viên đạn. Trước hết là tồn tại khe hở, hay là sự chênh lệch giữa đường kính của viên đạn với đường kính của nòng pháo: để cho dễ nạp, đường kính của viên đạn phải nhỏ hơn đường kính của nòng pháo. Khe hở ấy gây ra, một là, sự thất thoát của khí đang nở ra khi thuốc nổ nổ, nói cách khác: sự giảm sút sức nổ, hai là, phá vỡ độ chính xác của đạn bay theo hướng đã định, kết quả là viên đạn sẽ chệch hướng theo phương thẳng đứng hoặc theo chiều ngang. Kế đó là sự khác nhau không tránh khỏi về trọng lượng của liều thuốc nổ và trạng thái của nó lúc bắn, sự lệch tâm của viên đạn mà trọng tâm không trùng hợp với tâm của hình cầu, nên gây ra những độ chênh lệch khác nhau tùy theo vị trí tương đối của những tâm ấy vào lúc bắn, cũng như nhiều nguyên nhân khác tạo ra những kết quả bắn khác nhau trong những điều kiện bay xem chừng giống nhau của viên đạn. Chúng ta đã thấy rằng đối với pháo dã chiến, hầu như nơi nào cũng dùng liều thuốc nổ bằng $\frac{1}{3}$ trọng lượng viên đạn, còn chiều dài bằng 16-18 đường kính của nòng. Với liều thuốc nổ đó, khi

bắn thẳng (khi thân pháo ở vị trí nằm ngang) đạn rơi xuống đất ở khoảng cách chừng 300 i-ác-đơ. Còn bằng cách tăng góc bắn thì tầm bay xa của viên đạn có thể tăng lên tới 3 000 hoặc 4 000 i-ác-đơ. Nhưng ở tầm xa đó sẽ mất hết mọi khả năng rơi trúng mục tiêu; do đó tầm bắn xa có hiệu quả thực tế của pháo dã chiến không vượt quá 1 400 hoặc 1 500 i-ác-đơ mà ngay cả ở cự ly đó thì trong 6 hoặc 8 phút chỉ có thể hy vọng một phát trúng đích. Cự ly có tính chất quyết định, trong đó pháo có thể ảnh hưởng đến kết cục của trận đánh, là cự ly 600 đến 1 100 i-ác-đơ đối với đạn đặc và đạn phá, trong những cự ly ấy, xác suất trúng đích quả thực tăng lên rất nhiều. Chẳng hạn, theo tính toán, ở cự ly 700 i-ác-đơ thì khoảng 50%, còn ở cự ly 900 i-ác-đơ thì khoảng 35%, và ở cự ly 1 100 i-ác-đơ thì khoảng 25% tổng số những viên đạn bắn từ pháo nòng dài 6 pao rơi trúng bia biểu thị phía chính diện của tiểu đoàn được bố trí thành đội hình tấn công (chiều dài 34 i-ác-đơ và chiều cao 2 i-ác-đơ). Pháo nòng dài 9 và 12 pao cho những kết quả tốt hơn chút ít. Trong cuộc thí nghiệm tiến hành ở Pháp năm 1850 người ta đã dùng pháo nòng dài 8 và 12 pao được trang bị cho quân đội thời đó, để bắn vào bia dài 30 mét và cao 3 mét (biểu thị đơn vị kỵ binh) và đã đạt được những kết quả sau đây:

	Tỷ lệ trúng đích ở cự ly tính bằng mét				
	500	600	700	800	900
Pháo nòng dài 12 pao...	64%	54%	43%	37%	32%
Pháo nòng dài 8 pao...	67%	44%	40%	28%	28%

Tuy bia cao gấp rưỡi song, kết quả bắn, tính bình quân, lại thấp hơn kết quả đưa ra trên kia. Ở lựu pháo dã chiến, tỷ lệ của trọng lượng liều thuốc nổ so với trọng lượng viên đạn nhỏ hơn nhiều so với ở pháo nòng dài. Nguyên nhân là chiều dài của pháo ngắn (bằng 7 đến 10 lần đường kính nòng) và phải bắn với góc bắn lớn hơn. Khi bắn lựu pháo với góc bắn lớn, sức giật tác động về phía dưới và phía sau - nếu dùng liều thuốc nổ lớn - sẽ tạo sức ép lớn lên giá pháo đến nỗi sau mấy lần bắn, giá pháo sẽ bị

hông. Do nguyên nhân đó, trong pháo binh phần lớn các nước trên lục địa người ta đã sử dụng các liều thuốc nổ khác nhau đối với cùng một loại lựu pháo đã chiến để pháo thủ có thể bảo đảm bắn trong cự ly cần thiết bằng những sự kết hợp khác nhau giữa liều thuốc nổ và góc bắn. Ở nơi nào không thực hiện điều đó - chẳng hạn như trong pháo binh Anh - thì góc bắn của lựu pháo không tránh khỏi rất nhỏ và chỉ vượt chút ít góc bắn của pháo nòng dài; các biểu đồ tầm bắn xa đối với lựu pháo 12 pao của Anh, với liều thuốc nổ 2,5 pao và góc bắn 4°, đã cho những cự ly không quá 1 050 i-ác-đơ; góc bắn đó đối với pháo nòng dài 9 pao cho tầm xa 1 400 i-ác-đơ. Phần lớn quân đội các quốc gia ở Đức sử dụng loại lựu pháo ngắn đặc biệt cho phép có góc bắn từ 16° đến 20°, do đó hoạt động như cối; liều thuốc nổ của nó phải rất nhỏ. Loại lựu pháo này có tính ưu việt so với lựu pháo nòng dài thông thường ở chỗ là trái phá của nó có thể bắn vào những trận địa được che đầy nằm sau những chỗ gấp khúc của địa hình v.v.. Nhưng tính ưu việt ấy trở thành đáng nghi ngờ khi bắn vào mục tiêu di động, chẳng hạn bắn vào đoàn quân đang đi, mặc dù nó vẫn còn tác dụng quan trọng khi mục tiêu che đỡ được hoả lực bắn thẳng, nhưng là mục tiêu không di động; còn như bắn thẳng thì những lựu pháo này hoàn toàn không thích hợp do chiều dài nhỏ (bằng 16 đến 17 đường kính nòng pháo) và liều thuốc nổ không lớn. Để bảo đảm cự ly bắn khác nhau với góc bắn nhất định được xác định theo nhiệm vụ đặt ra (để bắn thẳng hoặc bắn cầu vồng), thì liều thuốc nổ phải rất khác nhau; trong pháo binh đã chiến Phổ, nơi còn sử dụng những khẩu lựu pháo ấy, có ít ra là 12 loại liều thuốc nổ. Nhìn chung, lựu pháo là một loại pháo rất không hoàn thiện, nên càng sớm thay thế nó bằng pháp nòng dài đã chiến hoạt động tốt và bắn bằng đạn phá thì càng tốt.

Những khẩu trọng pháo được sử dụng ở các cứ điểm, trong trường hợp vây đánh và trên tàu chiến thì có nhiều loại khác nhau. Trước cuộc chiến tranh gần đây với Nga, trong trường hợp vây đánh người ta không dùng loại pháo nặng hơn loại pháo 24 pao; trường hợp bất đắc dĩ người ta mới dùng một số loại pháo

34 pao. Nhưng từ cuộc vây đánh Xê-va-xtô-pôn người ta đã thôi phân biệt pháo công thành và pháo chiến hạm, hoặc nói đúng hơn người ta bất ngờ phát hiện thấy rằng tác dụng của trọng pháo chiến hạm đối với chiến hào và công sự bằng đất vượt rất xa tác dụng của loại pháo công thành thông thường hạng nhẹ, nên từ đấy loại trọng pháo chiến hạm đó phần nhiều phải là vũ khí có tính chất quyết định trong vây đánh. Trong pháo binh công thành cũng như trong pháo binh hải quân thường thấy nhiều loại pháo khác nhau cùng cỡ. Có pháo ngắn nòng hạng nhẹ, cũng có những khẩu trọng pháo nòng dài. Vì trong trường hợp này, tính cơ động có ít ý nghĩa, nên đối với những mục tiêu riêng người ta đã chế tạo những khẩu pháo dài gấp 22-25 lần đường kính của nòng và một số pháo nhờ có nòng pháo dài, nên khi bắn cũng chuẩn xác như súng trường. Một trong những thứ pháo tốt thuộc loại này là pháo bằng đồng thau 24 pao của Phổ, dài 10 phút 4 in-xơ, hay là gấp 22 lần đường kính của nòng, nặng 60 tạ, không một loại pháo nào sánh kịp với nó khi bắn với mục đích diệt pháo địch trong cuộc vây đánh. Nhưng để hoàn thành phần lớn nhiệm vụ thì dùng loại pháo dài 16-20 lần đường kính của nòng được thừa nhận là hoàn toàn đủ rồi, vì thông thường người ta ưa cỡ pháo lớn hơn là độ bắn chuẩn xác cao, thì khối lượng 60 tạ gang hoặc đồng thay đúc pháo thường được sử dụng có ích nhất là trong việc chế tạo loại trọng pháo 32 pao có chiều dài gấp 16-17 lần đường kính của nòng pháo. Pháo 32 pao bằng gang kiểu mới là một trong những loại pháo tốt nhất của hạm đội Anh, nó dài 9 phút, nặng 50 tạ, có chiều dài bằng 16,5 lần đường kính của nòng. Pháo nòng dài 68 pao quay được [pivot-gun] thì nặng 112 tạ được đặt trên tất cả các tàu chiến chạy bằng chân vịt trang bị 131 khẩu pháo, loại pháo này, có chiều dài 10 phút 10 in-xơ, hay là bằng hơn 16 lần đường kính của nòng một chút; một kiểu pháo quay được khác - pháo nòng dài 56 pao, nặng 98 tạ - có chiều dài 11 phút, hay là 17,5 lần đường kính của nòng. Cho tới lúc này, trong trang bị của tàu chiến vẫn còn có một số lớn pháo ít mạnh hơn, như loại pháo khoan chỉ dài bằng 11 hoặc 12 lần đường kính của nòng và

pháo Ca-rông dài bằng 7-8 lần đường kính của nòng. Nhưng còn một loại pháo hải quân khác, do tướng Péc-xan sáng chế 35 năm trước đây, và từ đây đến nay vẫn còn có ý nghĩa to lớn, đó là pháo bắn trái phá. Loại pháo này đã được cải tiến nhiều, còn loại pháo bắn trái phá của Pháp hiện thời rất ít khác với loại pháo do nhà phát minh đó thiết kế: nó vẫn duy trì gần hình trụ để chứa thuốc nổ. Trong hạm đội Anh, loại pháo này hoặc hoàn toàn không có ngăn chứa thuốc nổ, hoặc ngăn chứa thuốc nổ là hình chóp nón, cụt ngắn hơn, nhỏ hơn đường kính của nòng pháo; pháo này dài bằng 10 đến 13 lần đường kính nòng pháo và chuyên dùng để bắn đạn rỗng, trong khi pháo nòng dài 68 và 56 pao được nói đến trên kia, thì bắn được cả đạn đặc lẫn trái phá. Trong hạm đội Mỹ, đại úy Đan-gren đề nghị một hệ thống mới về pháo bắn trái phá, tức pháo nòng ngắn cỡ rất lớn (đường kính nòng pháo là 11 và 9 in-xơ), hệ thống mới này được sử dụng một phần để trang bị cho một số chiến hạm mới. Tính ưu việt của nó còn phải được kiểm nghiệm bằng thực tiễn chiến đấu, nó phải chứng minh xem những trái phá to lớn ấy có bảo đảm phát huy tác dụng ghê gớm hay không mà vẫn không làm mất đi tính chuẩn xác khi bắn, sự chuẩn xác này không thể không bị ảnh hưởng của góc bắn lớn khi phải bắn xa. Trong pháo binh công thành và pháo binh hải quân, liều thuốc nổ cũng có nhiều loại như cấu tạo của bản thân pháo, cũng như những mục tiêu ở phía trước chúng. Để bắn thủng công sự bằng đá phải dùng những liều thuốc nổ nặng nhất mà trọng lượng của chúng - đối với một số pháo lớn và nặng - lên tới một nửa trọng lượng viên đạn. Nhưng liều thuốc nổ nặng bằng $\frac{1}{4}$ trọng lượng viên đạn, có khi tăng lên bằng $\frac{1}{3}$, hoặc trong trường hợp khác lại giảm xuống còn bằng $\frac{1}{6}$ trọng lượng viên đạn, thì nhìn chung hoàn toàn có thể được coi là liều thuốc nổ trung bình đối với mục tiêu vây đánh. Trên tàu chiến đối với mỗi loại pháo thường có ba loại liều thuốc nổ: liều thuốc nổ lớn để bắn với cự ly xa, bắn kẻ địch bỏ chạy v.v.; liều thuốc nổ trung bình để bắn có hiệu quả ở cự ly trung bình trong các trận hải chiến; và liều

thuốc nổ giảm bớt để bắn trong các cuộc chiến đấu giáp mạn tàu và để bắn đạn chùm. Đối với pháo nòng dài 32 pao, liều thuốc nổ bằng $\frac{5}{16}$, $\frac{1}{4}$ và $\frac{3}{16}$ trọng lượng viên đạn. Đối với pháo nhẹ nòng ngắn và pháo bắn trái phá thì những tỷ lệ ấy đương nhiên còn giảm đi nữa, ngoài ra, trọng lượng của đạn rỗng dùng cho loại pháo bắn trái phá thì không bằng trọng lượng của đạn đặc. Ngoài pháo thường và pháo bắn trái phá, trong pháo binh công thành và pháo binh hải quân cũng có lựu pháo và cối hạng nặng. Lựu pháo là loại pháo ngắn nòng dùng để bắn trái phá với góc bắn từ 12° đến 30° và được cố định trên giá pháo; cối là một loại pháo ngắn hơn nữa, được cố định trên đế và dùng để bắn trái phá với góc bắn thường vượt quá 20° và thậm chí lên tới 60° . Cả hai loại đều là pháo có ngăn chứa đạn, tức là bên trong chúng có ngăn đạn, hoặc phần rãnh của nòng pháo chứa liều thuốc nổ, có đường kính nhỏ hơn phần còn lại, hay là bộ phận chính của nòng pháo. Cỡ nòng của lựu pháo hiếm khi vượt 8 in-xơ, nhưng súng cối có cỡ nòng lên tới 13, 15 in-xơ và lớn hơn nữa. Trái phá bắn từ cối, do liều thuốc nổ nhỏ (bằng $\frac{1}{20}$ đến $\frac{1}{40}$ lượng trái phá), và do góc bắn lớn, nên khi bay chịu sức cản nhỏ hơn của không khí, và ở đây lý thuyết về pa-ra-bôn có thể được sử dụng tính toán trong pháo binh mà không gây ra những sự sai lệch đáng kể so với kết quả thực tế. Trái phá của cối hoặc được dùng với tác dụng tàn phá, hoặc được dùng làm đạn cháy để đốt cháy các vật dễ cháy, bằng cách phụt tia lửa ra từ một lỗ hổng của viên đạn, hoặc nó tác động bằng sức nặng của nó, xuyên thủng nắp công sự vòm hoặc những loại công sự khác; trong trường hợp nói sau cùng này, người ta ưa góc bắn lớn, vì như vậy bảo đảm đạn bay cao hơn và có quán tính lớn hơn khi rơi. Trái phá của lựu pháo được dùng trước hết nhằm phát huy tác dụng va đập, rồi đến tác dụng phá nổ. Nhờ góc bắn lớn, nhờ tốc độ ban đầu của đạn nhỏ và do vậy nhờ sức cản của không khí nhỏ, cho nên cối bắn đạn đi xa hơn bất cứ loại pháo nào khác; vì mục tiêu để bắn phá thông thường là cả thành phố, cho nên không đòi hỏi sự chuẩn xác cao, do đó

tầm bắn có hiệu quả của cối có khi lên tới trên 4 000 i-ác-đơ; các chiếc thuyền có trang bị cối của Anh - Pháp đã bắn phá Xvê-a-boóc-gơ từ cự ly ấy.

Vấn đề sử dụng các loại pháo, đạn và liều thuốc nổ trong trường hợp vây đánh sẽ được trình bày trong một mục viết riêng theo chủ đề ấy^{1*}; vấn đề sử dụng pháo binh trong hải quân gồm hầu như toàn bộ phần tác chiến trong chiến thuật cơ bản của hải quân, do đó không thuộc đối tượng nghiên cứu của chúng tôi; cho nên ở đây chúng tôi chỉ đưa ra mấy ý kiến về sử dụng pháo binh đã chiến và chiến thuật của nó.

Pháo binh không có vũ khí đánh giáp lá cà; toàn bộ sức mạnh của nó là ở tác dụng của hoả lực của nó ở một cự ly nhất định. Ngoài ra, nó chỉ duy trì được tư thế sẵn sàng chiến đấu khi còn chiếm lĩnh trận địa, một khi được buộc vào bệ trước của xe hoặc nối vào cần kéo để di chuyển, thì pháo tạm thời mất sức chiến đấu. Do hai nguyên nhân ấy, trong ba binh chủng, pháo binh mang đặc tính phòng ngự trên một mức độ lớn hơn nhiều so với các binh chủng kia; khả năng tấn công của nó thực ra rất hạn chế, vì tấn công là tiến lên và đỉnh cao của nó là giáp chiến, thép chọi thép. Do đó giờ phút hiểm nghèo đối với pháo binh là khi nó tiến lên phía trước, chiếm lĩnh trận địa và chuẩn bị hoạt động dưới hoả lực địch. Sự triển khai của nó vào tuyến, sự vận động trước khi bắn phải được nguy trang hoặc bằng những chỗ mấp mô của địa hình, hoặc bằng các tuyến bộ binh. Cho nên, pháo binh ban đầu phải được bố trí song song với tuyến mà nó phải chiếm lĩnh, rồi mới tiến vào trận địa đối diện với địch, để bản thân mình khỏi nằm dưới hoả lực bên sườn của địch. Việc lựa chọn trận địa là việc rất quan trọng xét về mặt hiệu quả của hoả lực của khẩu đội pháo, cũng như về mặt tác dụng của hoả lực địch đối với nó. Bố trí pháo của mình sao cho tác dụng của nó được thể hiện rõ nhất

1* Xem tập này, tr. 424-428.

đối với địch, đó là nhiệm vụ quan trọng thứ nhất; nhiệm vụ thứ hai là bảo đảm sự an toàn chống lại hoả lực địch. Trận địa tốt phải có nền đất chắc và nơi bằng phẳng để đặt bánh xe và đuôi giá pháo, nếu bánh xe đứng không bằng thì không thể bắn tốt được, nếu đuôi giá pháo lún xuống đất thì giá pháo mau hư hỏng vì sức giật. Ngoài ra, trận địa phải đảm bảo tầm nhìn tới địa hình nơi địch chiếm lĩnh không bị hạn chế và sự tự do cơ động hết sức lớn. Sau hết, địa hình phía trước giữa khẩu đội pháo và địch phải thuận lợi đối với hoạt động của pháo ta và hết sức bất lợi đối với địch. Địa hình thuận lợi nhất là nền đất rắn và bề mặt bằng phẳng bảo đảm lợi thế bật nảy khi bắn, đồng thời viên đạn, ngay cả khi bay chưa tới đích, thì sau khi vừa chạm đất cũng sẽ rơi vào địch. Điều khiến người ta ngạc nhiên là sự khác nhau về tính chất của nền đất ảnh hưởng mạnh mẽ biết chừng nào đến kết quả của pháo binh. Trên nền đất mềm, đạn pháo khi đụng vào mặt đất sẽ đi chệch hướng của nó hoặc bắt đầu bật lên bật xuống một cách hỗn loạn, nếu nói chung nó không bị mắc kẹt ngay lập tức vào đất. Hướng của luống đất được cày xới có ảnh hưởng lớn, nhất là khi bắn đạn pháo trong có nhiều mảnh vụn hoặc trái phá; nếu những luống đất ấy chạy ngang thì phần lớn các viên đạn sẽ găm vào trong đó. Nếu ngay phía trước chúng ta là nền đất mềm thì địa hình có tính chấp mấp mô kiểu làn sóng, còn xa nữa về phía địch địa hình lại bằng phẳng và nền đất rắn, thì điều đó sẽ có lợi cho hoả lực của pháo binh ta và che chở chúng ta khỏi hoả lực địch. Điều kiện bắn rất bất lợi là khi từ sườn dốc trên 5° bắn xuống hoặc bắn lên, hoặc từ đỉnh đồi nọ bắn sang đỉnh đồi kia. Còn vấn đề che nấp chống hoả lực địch thì cả những vật thể rất nhỏ cũng làm thuận lợi cho việc đó. Một hàng rào thưa hơi che khuất được trận địa của ta, một vài lùm cây hoặc những cọng lúa cao đều cản trở địch ngắm bắn chuẩn xác. Mô đất nhỏ dốc đứng, trên đó bố trí pháo của ta, sẽ hứng chặn được những quả đạn pháo nguy hiểm nhất của địch. Hào tạo thành tường chắn rất tốt, nhưng sự che chắn tốt nhất là có mô đất nhô lên do địa hình mấp mô và

ta bố trí pháo ở phía sau nó, làm sao để địch chỉ thấy có miệng pháo; ở trận địa đó mỗi viên đạn rơi xuống phía trước chúng ta sẽ bật lên cao bên trên chúng ta. Càng tốt hơn, nếu như có thể đào trên đỉnh mô đất ấy cho pháo của ta một bãi sâu chừng 2 phút, mở lối xuống sườn dốc phía sau, như vậy bảo đảm không chế được toàn bộ sườn dốc trước của ngọn đồi. Người Pháp thời Na-pô-lê-ông biết cách bố trí pháo của họ một cách đặc biệt tài tình, và nghệ thuật ấy đã từ họ truyền sang tất cả các dân tộc khác. Đối với địch thì trận địa pháo của ta phải được lựa chọn sao cho trận địa ấy được che chở khỏi hỏa lực tạt sườn hoặc hỏa lực bắn thẳng của địch; còn đối với quân lính của ta thì trận địa ấy không được gây khó khăn cho sự vận động của họ. Khi bố trí thành tuyến, cự ly thông thường từ khẩu pháo nọ đến khẩu kia là 20 i-ác-đơ, nhưng không cần thiết tuân theo cứng nhắc những quy tắc kiểu duyệt binh ấy. Khi pháo binh tiến vào trận địa, bộ trước của xe được bố trí ngay phía sau khẩu pháo, trong khi đó các hòm đạn được của một số quân đội vẫn được để ở khu trú ẩn. Nếu xe đạn được dùng để chở pháo thủ thì xe này cũng phải chịu sự nguy hiểm khi đổ trong phạm vi hỏa lực hữu hiệu của địch. Khẩu đội pháo phải chia hỏa lực vào bộ phận quân địch lúc đó đang uy hiếp nhiều nhất trận địa ta; nếu bộ binh ta sắp sửa tấn công thì khẩu đội pháo phải bắn hoặc vào pháo binh địch nếu nó chưa bị đè bẹp, hoặc vào đông đảo bộ binh địch nếu chúng lộ ra; nhưng nếu một phần lực lượng địch bước vào tấn công thì phải chia hỏa lực chính vào mục tiêu ấy, mặc dù pháo binh địch bắn vào chúng ta. Hỏa lực của chúng ta chống pháo binh địch sẽ có hiệu quả nhất vào lúc mà pháo binh địch không bắn trả được, tức là khi pháo đang được đưa lên bộ trước, đang di chuyển hoặc đang được tháo dỡ từ bộ trước của xe xuống. Mấy loạt đạn chuẩn xác sẽ gây ra sự bối rối mạnh mẽ vào những lúc như thế. Quy tắc cũ quy định rằng, trừ trường hợp cực kỳ cần thiết, pháo binh không được tiến gần bộ binh ở cự ly dưới 300 i-ác-đơ hoặc trong tầm bắn của súng trường, hiện nay đã nhanh chóng lỗi thời. Trong

tình hình tầm xa của súng trường hiện đại ngày một tăng, nếu ở ngoài tầm hỏa lực của súng trường thì pháo binh dã chiến cũng không thể hành động có kết quả, nên cổ pháo cùng với bộ trước của xe, ngựa và các pháo thủ cũng trở thành mục tiêu ngon lành để xạ thủ có thể dùng súng trường Mi-ni-ê hoặc En-phin bắn từ cự ly 600 i-ác-đơ. Ý kiến khẳng định từ lâu cho rằng ai muốn sống lâu hãy vào pháo binh, thì hiện nay rõ ràng là không phù hợp với thực tế, vì điều hiển nhiên là hỏa lực của xạ thủ bắn từ cự ly xa, trong tương lai, sẽ là phương pháp đối đầu có hiệu quả nhất chống lại pháo binh, và chẳng lẽ có những chiến trường mà ở đó không thể tìm được nơi ẩn nấp chắc chắn cho các xạ thủ trong cự ly 600 i-ác-đơ cách bất cứ trận địa pháo binh nào, hay sao?

Pháo binh bao giờ cũng có ưu thế đối với bộ binh tấn công theo đội hình hàng ngang hoặc hàng dọc; mấy loạt đạn có nạp mảnh kim loại bắn trúng hoặc đôi ba viên đạn đặc bắn xuyên vào đội hình hàng dọc dài sẽ gây ra tác dụng mạnh mẽ làm nản lòng quân địch. Quân tấn công càng tiến gần thì pháo của chúng ta bắn càng có hiệu quả; thậm chí vào giờ phút chót chúng ta cũng có thể rút dễ dàng pháo của chúng ta thoát khỏi quân địch đang tiến lên chậm chạp như vậy, mặc dầu vẫn còn vấn đề nghi vấn là tuyến chasseurs de Vincennes^{1*} tấn công với pas gymnastique^{2*} có thể lao bổ vào chúng ta trước khi chúng ta chuyển được pháo lên bộ xe trước của pháo hay không.

Trong chiến đấu với kỵ binh, ưu thế của pháo binh được bảo đảm bằng sự bình tĩnh. Nếu pháo binh không bắn trước khi địch tiến đến cách 100 i-ác-đơ, sau đó mới bắn hàng loạt đạn có nạp mảnh kim loại một cách chính xác, thì khi khói tan, kỵ binh sẽ ở cách xa pháo binh. Trong mọi tình huống đưa pháo lên bộ xe

1* - lạp binh Vành-xen

2* - bước tiến nhanh như chạy

trước và tìm cách rút là cách tác chiến tồi nhất, vì trong trường hợp này kỵ binh chắc chắn sẽ chiếm được pháo.

Trong chiến đấu giữa pháo binh với nhau, thắng bại quyết định bởi tính chất của địa hình, cỡ pháo, số lượng pháo so sánh và kỹ năng sử dụng pháo của hai bên. Nhưng cần chỉ ra rằng pháo cỡ lớn khi bắn ở cự ly xa có ưu thế không thể hoài nghi được, nhưng pháo cỡ nhỏ, trong trường hợp cần rút ngắn cự ly sẽ có tác dụng nhích gần giống tới tác dụng của pháo cỡ lớn, còn ở một khoảng cách ngắn thì có tác dụng hầu như bằng pháo cỡ lớn. Trong trận Bô-rô-di-nô, pháo binh của Na-pô-lê-ông chủ yếu gồm loại pháo 3 pao và 4 pao, trong khi quân Nga có nhiều loại pháo 12 pao hơn, song pháo cỡ nhỏ của Pháp lại chiếm ưu thế có tính chất quyết định hơn đối với pháo 12 pao.

Khi chỉ viện cho bộ binh hoặc kỵ binh, pháo binh bao giờ cũng phải chiếm lĩnh vị trí bên sườn họ. Nếu bộ binh tấn công thì pháo binh lấy nửa đại đội hoặc trung đội làm đơn vị tiến lên thành một tuyến với các xạ thủ hoặc thậm chí hơi ở phía trước họ; khi đồng đạo bộ binh chuẩn bị xung phong đánh giáp lá cà thì pháo binh tiếp cận bằng nước kiệu đến cách địch 400 i-ác-đơ và bắn cấp tập bằng đạn ria để chuẩn bị cho cuộc xung phong. Nếu cuộc tấn công bị đẩy lùi thì pháo binh phải chĩa hỏa lực vào kẻ địch đang truy kích, cho đến khi bản thân đội pháo binh đó buộc phải rút lui; nhưng nếu cuộc tấn công thành công, thì hỏa lực của pháo binh thúc đẩy, trên mức độ rất lớn, sự kết thúc thắng lợi, lúc đó một nửa số pháo tiếp tục bắn, còn một nửa tiến lên. Với tính cách là binh chủng chỉ viện cho kỵ binh, đem lại cho kỵ binh khả năng phòng ngự mà kỵ binh đương nhiên là hoàn toàn không có, kỵ pháo hiện đang là một binh chủng được ưa chuộng nhất và được tất cả các quân đội châu Âu nâng lên tới trình độ hoàn thiện cao. Tuy kỵ pháo được sử dụng tác chiến ở địa hình thích hợp với kỵ binh và cùng tác chiến với kỵ binh, nhưng trên thế giới, chưa có đội kỵ pháo nào lại không vượt qua được, bằng cách phi nước đại, địa hình mà bản thân kỵ binh vượt qua được, có điều là mất trật

tự và không còn đội hình một khối. Kỵ pháo của tất cả các nước gồm những tay cưỡi ngựa dũng cảm nhất và lão luyện nhất của quân đội mình; trong tất cả những cuộc cơ động lớn, với niềm kiêu hãnh đặc biệt của mình, họ xông lên mãnh liệt, không kể gì đến các chướng ngại, pháo, v.v., trước những cái làm cho kỵ binh phải dừng lại. Chiến thuật của kỵ pháo là ở sự dũng cảm và bình tĩnh. Sự nhanh chóng, sự xuất hiện bất ngờ, nhịp độ bắn, tinh thần sẵn sàng di chuyển bất cứ lúc nào và khả năng vận động trên đường mà kỵ binh khó vượt qua - đấy là những phẩm chất cơ bản của một đội kỵ pháo ưu tú. Trong tình hình thường xuyên thay đổi vị trí như vậy thì không cần phải đặc biệt lựa chọn trận địa, bất cứ trận địa nào cũng đều tốt cả, miễn là nó ở gần địch và kỵ binh không đến được; chính trong cao trào và thoái trào của các cuộc đánh giáp lá cà của kỵ binh mà pháo binh, tùy theo sự dâng lên hoặc hạ xuống của các đợt sóng, phải biểu hiện bất cứ lúc nào tính hơn hẳn của mình về tài cưỡi ngựa và tinh thần chiến đấu, thoát khỏi cái biển đang nổi sóng đó ở bất cứ địa hình nào, nơi mà không phải mọi đội kỵ binh đều có thể mạo hiểm và sẵn lòng tiến theo gót nó.

Khi tấn công và phòng thủ cứ điểm, pháo binh cũng dùng chiến thuật đó. Vai trò chính của nó bao giờ cũng là: trong phòng thủ thì bắn vào điểm uy hiếp lớn nhất và trực tiếp nhất đối với quân ta, còn trong tấn công thì bắn vào chỗ mà tại đó cuộc tấn công của quân ta có thể bị đẩy lùi, một cách thành công nhất. Nhiệm vụ của pháo binh còn là phá hủy các vật chướng ngại kiên cố, và ở đây sẽ sử dụng các cỡ pháo và loại pháo khác nhau tùy theo đặc điểm và tác dụng của chúng: lựu pháo dùng để đốt cháy các công trình kiến trúc, trọng pháo để phá hủy cổng thành, tường và lũy chướng ngại.

Tất cả những ý kiến đó đều nói về pháo binh, binh chủng mà trong các quân đội đều được ghép vào các sư đoàn. Nhưng trong những trận đánh lớn và có tính chất quyết định, những kết quả lớn nhất sẽ đạt được nhờ đội pháo binh dự bị. Được bố trí ở phía

sau, ngoài tầm mắt và tầm bắn của địch trong phần lớn thời gian của trận đánh, đội pháo binh dự bị chỉ tiến lên với khối lượng lớn tập trung, đánh vào địa điểm có tính chất quyết định chỉ khi đã đến giờ phút giáng đòn kết thúc. Được bố trí thành hình bán nguyệt dài một dặm Anh hoặc trên một dặm Anh, nó sẽ tập trung hỏa lực phá hủy của nó vào một đoạn tương đối nhỏ. Khi địch không thể bắn trả bằng hỏa lực pháo binh với một sức mạnh ít nhiều ngang bằng, thì pháo binh ta bắn gấp nửa giờ là giải quyết được vấn đề. Lực lượng địch bắt đầu tan tác dưới làn mưa của đạn rít, lực lượng dự bị mới của bộ binh bước vào chiến đấu, diễn ra trận giáp lá cà cuối cùng gay go và ngắn ngủi, và thế là giành được thắng lợi. Na-pô-lê-ông đã chuẩn bị như vậy cho cuộc xung phong của Mác-đô-nan trong trận đánh ở Va-gram, và sức chống trả của địch đã bị đập tan ngay khi ba sư đoàn tấn công bằng đội hình dọc chưa kịp bắn dù là một phát hoặc đánh giáp lá cà. Có thể cho rằng chỉ từ những ngày vĩ đại đó mới xuất hiện chiến thuật của pháo binh dã chiến.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào giữa tháng Mười -
ngày 26 tháng Mười một 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. II, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh*

C.MÁC

BUY-GIÔ²²⁰

Buy-giô-đơ-la Pi-côn-nơ-ri, Tô-ma Rô-be, công tước I-xli-nguyên soái Pháp, sinh ở Li-mô-giơ vào tháng Mười 1784, qua đời ở Pa-ri ngày 10 tháng Sáu 1849. Năm 1804 tham gia quân đội Pháp làm lính thường, trong thời kỳ chiến tranh 1805 được thăng lên cai, thời kỳ chiến tranh Phổ và Ba Lan (1806-1807) làm thiếu uý, năm 1811 tham gia vây đánh Lê-ri-đa, Toóc-tô-xa và Tác-ra-gô-na ở cấp thiếu tá và sau trận Oóc-đan ở Ca-ta-lô-ni²²¹ được thăng lên trung tá. Sau cuộc hồi phục lần thứ nhất của vương triều Buốc-bông, đại tá Buy-giô bắt đầu ca tụng hoa huệ trắng²²² trong những vần thơ bất tài của ông ta; nhưng vì sáng tác thi ca của ông bị người ta khá khinh rẻ, nên trong thời kỳ Trăm ngày²²³ ông lại chạy sang phía Na-pô-lê-ông và được Na-pô-lê-ông phái đến quân đoàn An-pơ chỉ huy trung đoàn chủ lực số 14. Thời kỳ hồi phục lần thứ hai của vương triều Buốc-bông, ông trở về Éc-xi-đây ở trang trại của bố. Thời kỳ công tước Ăng-gu-lê²²⁴ can thiệp vào Tây Ban Nha, ông tỏ ý sẵn sàng phục vụ vương triều Buốc-bông, nhưng vì đề nghị ấy bị cự tuyệt nên ông trở thành người thuộc phái tự do và tham gia phong trào mà rút cục đã đưa tới cuộc cách mạng năm 1830.

Năm 1831, Buy-giô được bầu làm nghị sĩ hạ nghị viện và được Lu-i Phi-líp đề bạt thiếu tướng. Năm 1833 được cử làm tư lệnh thành Blê, nơi đây ông được uỷ thác giám sát công tước phu nhân Béc-ri; nhưng phương pháp ông dùng để làm tròn cái sứ mệnh ấy

đã đem lại cho ông ta ít vinh dự và về sau bị người ta đặt cho cái tên là "tên cai ngục cũ ở Blê". Trong cuộc tranh luận ở hạ nghị viện ngày 26 tháng Giêng 1834, khi ông La-ra-bi than phiền về sự độc tài quân sự của Xun-tơ, còn Buy-giô ngắt lời ông kia bằng những lời như sau: "Phục tùng là nghĩa vụ hàng đầu của người lính", thì một nghị sĩ khác, ông Đuy-lông, hỏi một cách châm chọc: "Nếu người lính ấy được lệnh làm cai ngục thì sao?". Sự việc này dẫn tới cuộc quyết đấu giữa Buy-giô và Đuy-lông, trong đó Đuy-lông bị giết. Sự bất bình cao độ của người Pa-ri trước sự kiện đó được tăng thêm do Buy-giô tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa Pa-ri ngày 13 và 14 tháng Tư 1834²²⁵. Đội quân được sử dụng để đàn áp cuộc khởi nghĩa chia ra làm 3 lữ đoàn mà trong số đó Buy-giô chỉ huy một lữ. Sáng sớm ngày 14 khi những trận đánh chính đã kết thúc, ở phố Tran-xnô-nen một nhóm nhỏ những người nhiệt tình vẫn còn giữ chiến lũy đã bị lực lượng áp đảo của đối phương tàn sát dã man. Tuy phố này không nằm trong khu vực hoạt động dành cho lữ đoàn Buy-giô, do đó ông không tham gia vụ tàn sát này, nhưng sự thù ghét của nhân dân vẫn gắn liền tên tuổi của ông với sự việc nhục nhã ấy, và, bất chấp mọi sự bác bỏ, vẫn cứ kiên quyết lên án ông ta bằng biệt hiệu "anh hùng phố Tran-xnô-nen".

Ngày 6 tháng Sáu 1836 tướng Buy-giô được cử sang An-giê-ri nhận chức tư lệnh tỉnh Ô-ran, bảo đảm địa vị hầu như không phụ thuộc vào viên toàn quyền. Được lệnh tiến hành hoạt động quân sự chống lại Áp-đơ-en-Ca-đe và sau khi tung ra những lực lượng mạnh chống lại Áp-đơ-en-Ca-đe, buộc Áp-đơ-en-Ca-đe phải khuất phục, Buy-giô đã ký hiệp ước Ta-phna²²⁶; như vậy là ông đã bỏ lỡ thời cơ triển khai hoạt động quân sự và đẩy quân đội của mình vào tình thế nguy ngập trước khi nó bắt đầu tác chiến. Trước khi ký hiệp ước ấy, Buy-giô tiến hành mấy trận đánh. Điều khoản bí mật - không được đưa vào văn bản của hiệp ước - quy định trả cho tướng Buy-giô 30 000 bút-giô (khoảng 12 000 đô la). Sau khi được điều về Pháp, ông được thăng trung tướng và trở thành một

tướng lĩnh cao cấp được huân chương Quân đoàn danh dự. Khi người ta được biết về điều khoản bí mật của hiệp ước Tá-phna, Lu-i Phi-líp đã cho phép Buy-giô bỏ tiền ra xây dựng một số công lộ để nâng cao tiếng tăm của ông ta trong cử tri, và giữ cho ông ta chiếc ghế ở hạ nghị viện.

Đầu năm 1841, Buy-giô được bổ nhiệm làm toàn quyền An-giê-ri và dưới quyền cai trị của ông ta, chính sách của Pháp ở An-giê-ri đã có những thay đổi căn bản. Ông là viên toàn quyền đầu tiên nắm quyền chỉ huy một đạo quân đủ để hoàn thành nhiệm vụ được đặt ra trước ông, có quyền lực tuyệt đối đối với các tướng lĩnh dưới quyền và giữ chức vụ ấy khá lâu để hành động theo một kế hoạch mà việc thực hiện đòi hỏi phải mất nhiều năm. Trong trận I-xli (ngày 14 tháng Tám 1844), tuy nắm trong tay lực lượng thua kém nhiều về số lượng, nhưng ông đã đánh bại quân đội của hoàng đế Ma-rốc^{1*}, ông giành được thắng lợi là do tập kích bất ngờ vào quân Hồi giáo mà không tuyên chiến trước và, vào ngày trước khi kết thúc đàm phán²²⁷. Ngay từ ngày 17 tháng Bảy 1843 đã được phong danh hiệu nguyên soái nước Pháp, sau trận này, Buy-giô được phong tước hiệu công tước I-xli. Vì sau khi ông trở về Pháp Áp-đơ-en-Ca-đe lại tập hợp quân đội, nên ông được cử trở lại An-giê-ri, nơi đây ông đã đè bẹp nhanh chóng cuộc khởi nghĩa của người A Rập. Do sự bất đồng giữa ông và Ghi-dô vì cuộc viễn chinh mà ông tiến hành ở Ca-bi-li-a trái với lệnh của nội các, nên ông bị thay thế bằng công tước Ô-man và, theo cách nói của Ghi-dô "thì, ông đã có dịp có mặt ở Pháp để hưởng thụ niềm vinh quang của mình"²²⁸.

Đêm 23 rạng ngày 24 tháng Hai 1848, theo đề nghị bí mật của Ghi-dô, Lu-i Phi-líp triệu Buy-giô đến và trao cho chức thống soái tối cao toàn bộ lực lượng vũ trang, kể cả quân thường trực cũng như quân cận vệ quốc gia. Sáng sớm ngày 24, có các tướng

1* - Áp-đơ-e-rơ-Rắc-man

Ruy-li-e-rơ, Bê-đô, La-mô-ri-xi-e đơ Xa-lơ, Xanh-Ăc-nô v.v. đi kèm, ông đến bộ tổng tham mưu ở Tuy-lơ-ri để long trọng tiếp nhận chức vụ thống soái tối cao từ tay công tước Nê-muốc-xơ. Ông nhắc nhở các sĩ quan có mặt rằng ông - con người sẽ lãnh đạo họ đi chống lại những người cách mạng Pa-ri "chưa từng biết đến thất bại trên chiến trường cũng như trong thời kỳ diễn ra các cuộc khởi nghĩa" và hứa hẹn rằng lần này sẽ nhanh chóng đánh tan "đám dân đen nổi loạn". Trong khi đó tin tức về việc bổ nhiệm ông đã thúc đẩy rất nhiều sự chuyển biến có tính chất quyết định của tình hình. Trong hàng ngũ quân cận vệ quốc gia, mà việc bổ nhiệm ông giữ chức thống soái tối cao đã gây ra sự bất bình lớn hơn, đã vang lên những tiếng hô: "đả đảo Buy-giô!", "đả đảo anh hùng phố Tran-xnô-nen!" và quân cận vệ kiên quyết tỏ ý sẽ không phục tùng mệnh lệnh của ông. Hoảng sợ trước sự thị uy đó, Lu-i Phi-líp thu hồi mệnh lệnh của mình và đã mất cả một ngày vào cuộc đàm phán không kết quả. Ngày 24 tháng Hai Buy-giô là người duy nhất, trong số các cố vấn của Lu-i Phi-líp đã kiên trì tiếp tục cuộc đấu tranh một mất một còn; nhưng nhà vua đã nghĩ rằng nếu hy sinh vị nguyên soái thì ông ta có thể hoà giải được với quân cận vệ quốc gia. Do đó, quyền thống soái được chuyển sang tay người khác, còn Buy-giô được cho từ chức. Hai ngày sau ông đề nghị được phục vụ chính phủ lâm thời²²⁹, nhưng đề nghị ấy không được chấp nhận.

Khi Lu-i Na-pô-lê-ông trở thành tổng thống, ông ta cử Buy-giô giữ chức tư lệnh quân đoàn An-pơ, Buy-giô cũng được tỉnh Sa-răng-tơ Hạ bầu làm nghị sĩ nghị viện. Buy-giô công bố một số tác phẩm, chủ yếu trình bày về An-giê-ri²³⁰. Tháng Tám 1852, người ta đã dựng cho ông đài kỷ niệm ở thành phố An-giê và một đài kỷ niệm nữa ở thành phố quê hương ông.

*Do C.Mác viết ngày 27 tháng Mười một 1857
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t.IV, 1859*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh*

C. MÁC

BÔ-LI-VA-RƠ-I-PÔN-TÊ²³¹

Bô-li-va-rơ-i-pôn-tê, Xi-mông - "người giải phóng" Cô-lôm-bi-a; sinh ở Ca-ra-cát này 24 tháng Bảy 1783, qua đời ở Xan-Pê-đrô gần Xan-ta-Ma-rta ngày 17 tháng Chạp 1830. Về nguồn gốc xuất thân, ông thuộc một trong những familias Mantuanas^{1*} mà trong thời kỳ thống trị của Tây Ban Nha đã tạo thành giới quý tộc Crê-ô-lô ở Vê-nê-xu-ê-la. Theo tập quán của người giàu có ở châu Mỹ, ngay từ thời niên thiếu, lúc mới 14 tuổi, ông đã được gửi sang châu Âu. Từ Tây Ban Nha ông sang Pháp và sống ở Pa-ri mấy năm. Năm 1802 ông kết hôn ở Ma-đrít và trở về Vê-nê-xu-ê-la, nơi đây vợ ông chết đột ngột vì mắc bệnh sốt rét ác tính nhiệt đới. Sau đó ông sang châu Âu lần thứ hai; năm 1804 ông tham gia lễ đăng quang hoàng đế của Na-pô-lê-ông, còn năm 1805 tham gia buổi lễ Na-pô-lê-ông đặt lên đầu chiếc vương miện bằng sắt của xứ Lô-m-bác-đi²³². Năm 1809 Bô-li-va-rơ trở về tổ quốc và, bất chấp lời mời khẩn khoản của Hô-xê Phê-lích-xơ Ri-bát, một người họ hàng với mình, ông đã cự tuyệt tham gia cuộc cách mạng nổ ra ở Ca-ra-cát ngày 19 tháng Tư 1810²³³. Nhưng sau sự kiện ấy, ông nhận sự uỷ thác đi Luân Đôn mua vũ khí và xin sự bảo hộ của Chính phủ Anh. Được sự tiếp đãi bề ngoài tốt đẹp của hầu

1* - gia đình thuộc vương triều Man-tu-a

tước Oen-xli bấy giờ là bộ trưởng ngoại giao, ông chẳng đạt được gì hết ngoài việc được phép tự do xuất khẩu vũ khí trả bằng tiền mặt và phải nộp thuế quan cao. Từ Luân Đôn trở về, ông lại rời bỏ chính trị cho đến tháng Chín 1811, khi tướng Mi-ran-đa, bấy giờ là tổng tư lệnh các lực lượng lục quân và hải quân của quân khởi nghĩa, thuyết phục ông nhận quân hàm trung tá bộ tham mưu và chấp nhận sự bổ nhiệm làm tư lệnh thành Pu-éc-tô - Ca-be-li-ô, cứ điểm kiên cố nhất Vê-nê-xu-ê-la.

Khi các tù binh Tây Ban Nha mà Mi-ran-đa vẫn thường xuyên chuyển đến Pu-éc-tô - Ca-be-li-ô để canh giữ trong thành, đột nhiên tập kích vào lính gác và giành được thắng lợi, rồi chiếm lấy thành, thì Bô-li-va-rô, mặc dù kẻ địch không có vũ khí còn bản thân ông thì có đội quân phòng thủ đông đảo và những kho quân nhu lớn, ngay đêm đó đã cùng với tám sĩ quan của mình, không báo trước cho quân lính của mình, vội vã xuống chiến hạm để sáng sớm đã đến La-Guay-ra và về trang trại của mình ở Xan-Ma-te-ô. Được tin vị tư lệnh của mình bỏ chạy, đội quân phòng thủ đã rút khỏi cứ điểm một cách hoàn toàn có trật tự; cứ điểm này lập tức bị quân Tây Ban Nha do Môn-te-véc-đơ chỉ huy chiếm lĩnh. Sự kiện ấy làm cho cán cân nghiêng về phía người Tây Ban Nha và buộc Mi-ran-đa, theo sự uỷ nhiệm của nghị viện, ký ở Vi-tô-ri-a vào ngày 26 tháng Bảy 1812 một bản hiệp ước, theo đó, Vê-nê-xu-ê-la bị đặt trở lại dưới quyền thống trị của Tây Ban Nha. Ngày 30 tháng Bảy Mi-ran-đa đến La-Guay-ra, nơi đây ông định lên tàu chiến Anh. Khi ông đến thăm viên tư lệnh thành phố này là đại tá Ma-nu-en Ma-ri-a Ca-xát ông gặp rất nhiều người, trong đó có don Mi-ghen Pê-nhi-a và Xi-môn Bô-li-va-rô; những người này khuyên ông lưu lại nhà đại tá Ca-xát dù là một đêm. Vào 2 giờ sáng, trong khi Mi-ran-đa đang ngon giấc, Ca-xát, Pê-nhi-a và Bô-li-va-rô đem theo bốn tên lính có vũ trang vào phòng ông, thận trọng tước lấy kiếm và súng lục của ông, rồi đánh thức ông dậy, thô bạo ra lệnh cho ông đứng dậy và mặc quần áo, còng ông lại và cuối cùng nộp ông cho Môn-te-véc-đơ, tên này giải ông đến

Ca-di-xô, nơi đây, sau mấy năm bị tù, ông đã chết trong ngục. Hành động ấy được thực hiện với cái cớ là Mi-ran-đa đã phản bội tổ quốc mình bằng sự đầu hàng ở Vi-tô-ri-a, và hành động ấy đã bảo đảm cho Bô-li-va-rô có được sự ân cần đặc biệt của Môn-te-véc-đơ, nên khi Bô-li-va-rô xin y cấp hộ chiếu, Môn-te-véc-đơ tuyên bố rằng "yêu cầu của đại tá Bô-li-va-rô phải được thoả mãn để cảm tạ ông có công nộp Mi-ran-đa cho vua Tây Ban Nha"²³⁴.

Vì vậy, Bô-li-va-rô được phép đáp tàu đi Quy-ra-xao, nơi đây ông lưu lại sáu tuần lễ, rồi cùng với người họ hàng là Ri-bát sang nước Cộng hoà nhỏ bé Các-ta-hê-na. Ngay trước khi họ tới, một số lượng lớn binh sĩ trước kia ở dưới quyền chỉ huy của tướng Mi-ran-đa đã bỏ chạy sang đây. Ri-bát đề nghị họ tiến hành cuộc viễn chinh sang Vê-nê-xu-ê-la chống lại người Tây Ban Nha và thừa nhận Bô-li-va-rô làm tổng tư lệnh của họ. Họ phản khởi chấp nhận đề nghị thứ nhất, phản đối đề nghị thứ hai, nhưng rút cục đã đồng ý với điều kiện là Ri-bát sẽ làm phó tư lệnh. Tổng thống nước Cộng hoà Các-ta-hê-na là Ma-nu-en Rô-đri-ghe-xô - Tô-ri-xê đã sáp nhập 500 người dưới quyền chỉ huy của người thân thích của mình là Ma-nu-en Ca-xti-li-ô, vào 300 binh sĩ được tuyển mộ theo cách như vậy thuộc đội quân của Bô-li-va-rô. Cuộc viễn chinh xuất phát vào đầu tháng Giêng 1813. Vì giữa Bô-li-va-rô và Ca-xti-li-ô nảy sinh sự bất hoà do tham vọng nắm giữ quyền chỉ huy tối cao, nên Ca-xti-li-ô đột nhiên bỏ đi với những người Gra-na-đa của mình. Về phía mình Bô-li-va-rô đề nghị noi gương Ca-xti-li-ô trở về Các-ta-hê-na, nhưng Ri-bát rút cục đã thuyết phục được ông ta tiếp tục tiến quân chỉ ít đến Bô-gô-ta, nơi đây nghị viện của Tân Gra-na-đa đang họp. Họ được hoan nghênh nhiệt liệt và được mọi sự chỉ viện; cả hai được nghị viện thăng cấp tướng, chia đạo quân nhỏ bé của mình thành hai nhóm, họ tiến theo những đường khác nhau về Ca-ra-cát. Họ càng tiến thì lực lượng của họ càng tăng; hành động hung bạo của người Tây Ban Nha ở đâu cũng có tác dụng tuyển mộ tân binh cho đạo quân đấu tranh giành độc lập. Lực lượng chống cự của người Tây Ban

Nha bị đập tan, một phần vì lý do là ba phần tư quân đội Tây Ban Nha gồm người bản xứ mà trong mỗi trận đánh nhỏ đều chạy sang phía đối phương, một phần do sự hèn nhát của các viên tướng như Ti-xca, Ca-hi-gan và Phi-e-rô lần nào cũng bỏ rơi quân đội của mình. Nhờ đó mà một thanh niên mù chữ, Xan-chi-a-gô Ma-ri-ni-ô, đã đánh đuổi được người Tây Ban Nha ra khỏi các tỉnh Cu-ma-na và Bác-xê-lô-na trong khi Bô-li-va-rô tiến về các tỉnh phía tây. Đạo quân của Ri-bát đã vấp phải sự chống cự thật sự duy nhất của người Tây Ban Nha, nhưng Ri-bát đã đánh bại tướng Môn-te-véc-dơ ở Lô-xơ-Ta-gu-a-nê-xơ và buộc viên tướng này đem tàn quân cố thủ ở Pu-éc-tô-Ca-be-li-ô.

Được tin Bô-li-va-rô tiến gần, thống đốc Ca-ra-cát là tướng Phi-e-rô đã cử đại biểu đến gặp Bô-li-va-rô đề nghị ký hiệp định đầu hàng, hiệp định này được ký ở Vi-tô-ri-a; nhưng Phi-e-rô bị hoảng hốt, không chờ đại biểu của mình trở về đã bất ngờ đang đêm bí mật chạy trốn, phò mặc hơn 1 500 người Tây Ban Nha cho địch. Lúc đó công chúng tổ chức lễ khải hoàn cho Bô-li-va-rô. Đứng trên xe khải hoàn do 12 thiếu phụ thuộc các gia đình hiển quý nhất ở Ca-ra-cát mặc những bộ quần áo trắng được tô điểm bằng màu quốc kỳ kéo đi, Bô-li-va-rô đầu trần, mặc lễ phục, cầm chiếc gậy nhỏ trong tay, đi từ cổng thành đến dinh của mình trong khoảng nửa giờ. Tự xưng là "người thống lĩnh và người giải phóng các tỉnh miền Tây Vê-nê-xu-ê-la" - còn Ma-ri-ni-ô nhận tước hiệu "thống lĩnh các tỉnh miền Đông" - ông đã đặt ra "huân chương người giải phóng", tổ chức đội quân tình nguyện gọi là quân cận vệ của mình và sống cuộc đời đế vương. Nhưng giống như phần lớn đồng bào của mình, ông không thể chịu được sự gắng sức lâu dài, và nền độc tài của ông chẳng bao lâu đã biến thành tình trạng quân phiệt vô chính phủ; ông phớt lờ những việc quan trọng nhất cho đám người thân tín của mình, bọn này đã phung phí tài chính quốc gia, rồi sau đó, để bù lại số tiền đó, đã sử dụng những thủ đoạn hèn hạ. Do đó, nhiệt tình trước đó không lâu của nhân dân đã biến thành sự bất mãn, và thế là lực lượng phân tán của

địch có khả năng tập hợp trở lại. Mới chỉ ba tháng trôi qua kể từ đầu tháng Tám 1813 khi Môn-te-véc-dơ bị vây khốn ở cứ điểm Pu-éc-tô - Ca-be-li-ô và trong tay quân đội Tây Ban Nha chỉ còn một mẫu lãnh thổ ở miền Tây-Bắc Vê-nê-xu-ê-la, vậy mà đến tháng Chạp, người giải phóng đã mất uy tín và bản thân Ca-ra-cát bị uy hiếp do sự xuất hiện bất ngờ ở vùng lân cận của quân đội Tây Ban Nha đang tác chiến thắng lợi dưới quyền chỉ huy của Bô-vét. Để củng cố chính quyền đang lung lay của mình, ngày 1 tháng Giêng 1814 Bô-li-va-rô triệu tập cuộc hội họp gồm những cư dân có thể lực nhất ở Ca-ra-cát và tuyên bố rằng ông ta không muốn mang cái gánh nặng nhà độc tài nữa. Mặt khác, Hu-rta-dô đơ Men-đô-xa trong một bài diễn văn dài đã kiên trì yêu cầu

"cần phải duy trì quyền lực tối cao trong tay tướng Bô-li-va-rô, chừng nào còn chưa thể triệu tập được nghị viện Tân Gra-na-đa và Vê-nê-xu-ê-la còn chưa thống nhất lại dưới quyền lực của một chính phủ"²³⁵.

Đề nghị ấy được thông qua và như vậy nền độc tài đã nhận được một hình thức phê chuẩn hợp pháp nào đó.

Trong một thời gian, chiến tranh với người Tây Ban Nha mang tính chất những trận đánh nhỏ, không tạo ưu thế quyết định đối với bên nào cả. Tháng Sáu 1814, Bô-vét đem toàn bộ lực lượng của mình tiến từ Ca-la-bô-xô đến La-Pu-éc-tô, nơi đây diễn ra cuộc hội quân giữa hai nhà độc tài Bô-li-va-rô và Ma-ri-ni-ô; ở đây Bô-vét gặp họ và lệnh cho quân đội mình tấn công ngay. Sau khi chống cự ít nhiều, Bô-li-va-rô chạy về Ca-ra-cát, còn Ma-ri-ni-ô biến mất tăm về hướng Cu-ma-na. Pu-éc-tô - Ca-be-li-ô và Va-len-xi-a rơi vào tay Bô-vét, viên tướng này chia quân thành hai cánh (một cánh quân do đại tá Gôn-xa-lét chỉ huy) tiến theo những con đường khác nhau về Ca-ra-cát. Ri-bát đã ủng hộ công mưu toan ngăn chặn cuộc tiến công của Gôn-xa-lét. Ngày 17 tháng Bảy 1814 khi Ca-ra-cát đầu hàng Gôn-xa-lét thì Bô-li-va-rô rút khỏi La-Guay-ra, ra lệnh cho các tàu chiến đậu ở cảng của thành phố này nhổ neo và chạy về Cu-ma-na, còn mình thì đem tàn quân rút về Bác-xê-lô-na. Sau thất bại mà Bô-vét giáng cho những người

khởi nghĩa ở Ác-gui-ta ngày 8 tháng Tám 1814, ngay đêm đó Bô-li-va-rô bí mật rời bỏ quân đội của mình để đi đường vòng vợi và về Cu-ma-na, nơi đây, bất chấp sự phản kháng phần nộ của Ri-bát, ông ta lên ngay tàu chiến "Bi-an-ki" cùng với Ma-ri-ni-ô và mấy sĩ quan khác. Nếu Ri-bát, Pa-ê-xơ và những viên tướng khác cùng đi theo các nhà độc tài trong cuộc chạy trốn của họ, thì sẽ mất sạch. Khi đến Hoan-gri-e-gô trên đảo Mác-ga-ri-ta, những người này bị tướng A-ri-xmen-đi đối xử như những kẻ đào ngũ và ra lệnh rời đảo này, họ đi đến Ca-ru-pa-nô, nhưng ở đây bị đại tá Béc-mu-đét đối xử giống như thế, họ lại đi Các-ta-hê-na. Tại đây, để làm phai mờ ấn tượng về cuộc chạy trốn của mình, họ đã ra lời tuyên bố có tính chất biện bạch được viết bằng lời văn khoa trương.

Do tham gia âm mưu được tổ chức nhằm lật đổ Chính phủ Các-ta-hê-na, Bô-li-va-rô buộc phải rời khỏi nước cộng hoà nhỏ bé này và sang Tun-ha là nơi đang họp nghị viện của nước Cộng hoà liên bang Tân Gra-na-đa²³⁶. Bấy giờ tỉnh Cun-đi-na-mác-ca đang đứng đầu các tỉnh độc lập không chịu thừa nhận hiệp ước liên bang Gra-na-đa, còn Ki-tô, Xan-ta-Ma-rta và các tỉnh khác vẫn còn ở dưới quyền thống trị của người Tây Ban Nha. Bô-li-va-rô đến Tun-ha ngày 22 tháng Mười một 1814, được nghị viện bổ nhiệm làm tổng tư lệnh lực lượng liên bang và nhận hai nhiệm vụ - buộc chủ tịch tỉnh Cun-đi-na-mác-ca phải thừa nhận quyền lực của nghị viện, rồi sau đó tiến đánh Xan-ta-Ma-rta, hải cảng duy nhất được phòng thủ của Tân Gra-na-đa vẫn còn nằm trong tay người Tây Ban Nha. Nhiệm vụ thứ nhất được hoàn thành không vất vả gì, vì Bô-gô-ta, thủ phủ của một tỉnh đang bất mãn, là một thành phố không được bố phòng. Mặc dầu nó đã đầu hàng, Bô-li-va-rô vẫn cho binh sĩ của mình cướp phá nó trong 48 giờ. Ở Xan-ra-Ma-rta tướng Tây Ban Nha là Môn-tan-vô nắm một đội quân phòng thủ yếu ớt gồm chưa đầy 200 người và một cứ điểm mà công sự phòng ngự ở vào tình trạng thảm hại nhất, đã thuê

sẵn một chiếc tàu Pháp để bảo đảm mình có thể chạy trốn được, trong khi cư dân thành phố cho Bô-li-va-rô biết rằng khi ông ta đến gần họ sẽ mở cổng thành và đánh đuổi quân phòng thủ. Nhưng đáng lẽ tiến đánh người Tây Ban Nha ở Xan-ta-Ma-rta như nghị viện đã trao nhiệm vụ cho ông ta, thì Bô-li-va-rô lại bị chi phối bởi sự thù ghét của mình đối với Ca-xti-li-ô, tư lệnh Các-ta-hê-na, nên đã tự tiện đem quân đội của mình đánh thành phố này là thành phố đã gia nhập nước cộng hoà liên bang. Bị đẩy lùi, ông ta hạ trại ở La-Pô-pa, một quả đồi lớn nằm cách Các-ta-hê-na khoảng một tầm bắn của pháo và đặt khẩu pháo nhỏ duy nhất của mình làm trận địa pháo chống lại cứ điểm đó gần 80 khẩu pháo. Sau đó, ông ta chuyển từ vây đánh sang phong tỏa kéo dài đến đầu tháng Năm mà không đem lại kết quả nào khác, ngoài việc giảm quân số của mình từ 2 400 người xuống còn khoảng 700 người, do đào ngũ và bệnh tật. Trong khi đó, một đạo quân viễn chinh lớn của Tây Ban Nha, do tướng Mô-ri-lô chỉ huy, từ Ca-đi-xơ tiến đến đảo Mác-ga-ri-ta ngày 25 tháng Ba 1815; nó cử lực lượng tăng viện lớn đến Xan-ta-Ma-rta, rồi chẳng bao lâu đã chiếm được Các-ta-hê-na. Nhưng trước đó ngày 10 tháng Năm 1815, Bô-li-va-rô cùng với khoảng 12 sĩ quan của mình đi kèm, đã xuống chiếc tàu hai cột buồm của Anh đi Gia-mai-ca. Đến nơi an toàn này, ông ta lại ra bản tuyên bố, tự cho là nạn nhân của một kẻ thù bí mật hoặc tập đoàn nào đó và bào chữa cho cuộc chạy trốn của mình trước mặt quân Tây Ban Nha đang tiến gần, mô tả sự chạy trốn ấy như là sự từ bỏ quyền chỉ huy nhằm duy trì nền hoà bình xã hội.

Trong tám tháng Bô-li-va-rô lưu lại Kinh-xtôn, những viên tướng mà ông ta bỏ lại ở Vê-nê-xu-ê-la, cũng như tướng A-ri-xmen-đi ở đảo Mác-ga-ri-ta, đã chống cự ngoan cường với lực lượng vũ trang Tây Ban Nha. Nhưng khi Ri-bát, người đã đem lại tiếng tăm cho Bô-li-va-rô, bị người Tây Ban Nha bắn chết sau khi chiếm Ma-tu-rin, thay thế Ri-bát, xuất hiện trên vũ đài, một người khác có tài năng hơn nhiều, nhưng vì là người nước ngoài không thể đóng vai trò

độc lập trong cách mạng Nam Mỹ, nên rút cục người này đã quyết định hoạt động dưới quyền Bô-li-va-rô. Đó là Lu-i Bri-ông. Để giúp đỡ những người cách mạng, ông đã từ Luân Đôn đi Các-ta-hê-na trên chiếc pháo hạm với 24 khẩu pháo và phần lớn trang bị trên chiến hạm này là do chính ông bỏ tiền ra mua và chở 14 000 bộ vũ khí và một số lượng lớn vật tư quân sự. Vì ông đến quá muộn và đã không còn có ích cho những người khởi nghĩa ở vùng này, nên từ đây ông lại đi Cai-e-xơ trên đảo Ha-i-ti²³⁷, nơi mà nhiều nhà yêu nước lưu vong tụ tập sau khi Các-tê-hê-na đầu hàng. Lúc này Bô-li-va-rô cũng từ Kinh-xtôn đi Poóc-tơ-ô - Pren, nơi đây hưởng ứng lời hứa của ông là giải phóng nô lệ, tổng thống Ha-i-ti là Pê-ti-ôn tỏ ý sẵn sàng dành cho ông mọi sự chi viện về vật chất cho một cuộc viễn chinh mới chống người Tây Ban Nha ở Vê-nê-xu-ê-la. Ở Cai-e-xơ, ông gặp Bri-ông và những người lưu vong khác, và tại cuộc hội nghị toàn thể, ông đề nghị được cử làm tư lệnh quân viễn chinh mới với điều kiện là quyền lực dân sự và quân sự đều thống nhất trong tay ông cho đến khi triệu tập nghị viện chung. Đa số đã chấp nhận điều kiện của ông, và ngày 16 tháng Tư 1816 đạo quân viễn chinh xuất phát với Bô-li-va-rô trong tư cách tư lệnh và Bri-ông trong tư cách đô đốc. Trên đảo Mác-ga-ri-ta, Bô-li-va-rô đã tranh thủ được tư lệnh đội quân nơi này là A-ri-xmen-đi, người đã làm cho người Tây Ban Nha chỉ còn giữ lại được cứ điểm duy nhất ở trên đảo Păm-pa-ta. Được lời hứa chính thức của Bô-li-va-rô là triệu tập nghị viện quốc dân ở Vê-nê-xu-ê-la ngay khi nắm được đất nước, A-ri-xmen-đi liền triệu tập hội nghị quốc dân tại nhà thờ thành phố La-vi-li-a-đen - Noóc-tơ và công khai tuyên bố Bô-li-va-rô là tổng tư lệnh nước Cộng hòa Vê-nê-xu-ê-la và Tân Gra-na-đa. Ngày 31 tháng Năm 1816, Bô-li-va-rô đổ bộ lên Ca-ru-pa-nô, nhưng không dám ngăn cản Ma-ri-ni-ô và Pi-a-rô tách khỏi ông để tự tiến hành chiến tranh chống Cu-ma-na theo tinh thần tự gánh chịu mọi sự may rủi. Bị yếu đi vì sự phân chia ấy, ông làm theo lời khuyên của Bri-ông tiến về Ô-cu-ma-rô, ông đến nơi đây vào ngày 3 tháng

Bảy 1816 với 13 tàu trong đó chỉ có 7 tàu được vũ trang. Đạo quân của ông có tất cả 650 người và nhờ tuyển mộ được một số người da đen được ông tuyên bố giải phóng cho họ, số quân của ông đã tăng lên đến gần 800 người. Ở Ô-cu-ma-rô, ông lại ra bản tuyên cáo hứa "tiêu diệt bọn bạo chúa" và "triệu tập nhân dân để họ cử đại biểu của mình vào nghị viện". Trong khi tiến về hướng Va-len-xi-a, đến một nơi cách không xa Ô-cu-ma-rô, ông gặp tướng Tây Ban Nha là Mô-ra-le-xơ đang chỉ huy một đơn vị có khoảng 200 binh sĩ và 100 dân vệ. Khi các xạ thủ của Mô-ra-li-xơ đánh tan đội tiền vệ của Bô-li-va-rô thì theo lời một người mục kích, ông ta

"chẳng còn hồn vía nào nữa; chẳng nói một lời, ông nhanh chóng quay ngựa phi nước đại về Ô-cu-ma-rô, vượt qua làng mạc đến vịnh gần đấy, xuống ngựa, đáp thuyền con, lên tàu "Đi-a-nu" và ra lệnh cho toàn phần hạm đội theo ông đến hòn đảo nhỏ Bô-nai-rô, bỏ mặc tất cả những bạn chiến đấu của mình không được sự giúp đỡ gì"²³⁸.

Nhờ ảnh hưởng của những lời chỉ trích và khuyên bảo của Bri-ông, ông ta lại liên hợp với các vị chỉ huy khác ở vùng duyên hải Cu-ma-na, nhưng bị họ tỏ thái độ nghiêm khắc, ngoài ra Pi-a còn dọa đưa ông ra toà án quân sự về tội đảo ngũ và hèn nhát, nên ông lại đi ngay đến Cai-e-xơ. Sau mấy tháng cố gắng, Bri-ông rút cục đã thuyết phục được đa số các vị chỉ huy quân sự Vê-nê-xu-ê-la để họ thấy rằng cần có một trung tâm dù là trên danh nghĩa, nên họ lại thừa nhận Bô-li-va-rô làm tổng tư lệnh của họ, với điều kiện nhất quyết là ông ta triệu tập nghị viện và sẽ không can thiệp vào việc quản lý dân sự. Ngày 31 tháng Chạp 1816, ông đến Bác-xê-lô-na có đem theo vũ khí, đạn dược và thực phẩm do Pê-ti-ôn cung cấp. Ngày 2 tháng Giêng 1817 A-ri-xmen-đi liên hiệp với ông thì ngày 4 tháng Giêng ông tuyên bố tình trạng thời chiến và tập trung toàn bộ quyền lực vào tay mình; nhưng 5 ngày sau, khi A-ri-xmen-đi rơi vào ổ phục kích của quân Tây Ban Nha, thì nhà độc tài này chạy về Bác-xê-lô-na. Quân lính lại tập hợp ở Bác-xê-lô-na, Bri-ông gửi tới đây cho Bô-li-va-rô cả pháo và

lực lượng tăng viện, nên ông ta nhanh chóng xây dựng được một đội ngũ mới, có tới 1 100 người. Ngày 5 tháng Tư, người Tây Ban Nha chiếm thành Bác-xê-lô-na và quân của những người yêu nước rút lui về một nhà dưỡng lão ở gần Bác-xê-lô-na và đã xây dựng công sự theo lệnh của Bô-li-va-rô, nhưng công sự này không thể dùng làm nơi ẩn nấp cho đội quân phòng thủ 1 000 người khi bị tấn công thật sự. Đêm ngày 5 tháng Giêng ông rời bỏ đội ngũ, nói với đại tá Phrây-tét người mà ông giao quyền chỉ huy, rằng ông ta tìm thêm quân mới và sẽ nhanh chóng quay trở lại. Tin vào lời hứa hẹn đó, Phrây-tét từ chối lời đề nghị đầu hàng và sau cuộc cường tập đã cùng toàn thể số quân phòng thủ trở thành nạn nhân của cuộc tàn sát của người Tây Ban Nha.

Pi-a-rô, người da màu và sinh ở Quy-ra-xao, đã mưu tính và thực hiện việc chinh phục Gu-a-na, đồng thời đô đốc Bri-ông lại ủng hộ công cuộc ấy bằng các pháo thuyền của mình. Ngày 20 tháng Bảy sau khi người Tây Ban Nha bị quét ra khỏi toàn tỉnh đó, thì Pi-a-rô, Bri-ông, Xê-a, Ma-ri-ni-ô, A-ri-xmen-di và những người khác triệu tập nghị viện tỉnh ở An-gô-xtu-ra và đặt hội đồng tam vị chấp chính đứng đầu quyền hành pháp; Bri-ông căm ghét Pi-a-rô và thiết tha mong muốn Bô-li-va-rô thành đạt, vì điều này mà ông đã tiêu phí một số lớn tài sản riêng, và ông đã tìm cách cử bằng được Bô-li-va-rô làm uỷ viên của hội đồng tam vị chấp chính, mặc dù Bô-li-va-rô vắng mặt. Được tin này, Bô-li-va-rô rời nơi ẩn nấp của mình và đến An-gô-xtu-ra, nơi đây, được Bri-ông cổ vũ, ông ta giải tán nghị viện và hội đồng tam vị chấp chính và thay thế hai cơ quan này bằng "hội đồng tối cao quốc gia" mà bản thân ông ta đứng đầu, còn Bri-ông làm người lãnh đạo tiểu ban quân sự và Phran-xi-xcô An-tô-ni-ô Xê-a làm người lãnh đạo tiểu ban chính trị. Nhưng Pi-a-rô, người chinh phục Gu-a-na và đã từng dọa đưa Bô-li-va-rô ra toà án quân sự với tư cách kẻ đảo ngũ, đã không tiếc lời châm biếm ông ta là "Na-pô-lê-ông rút lui", do đó Bô-li-va-rô nghĩ cách xoá sổ ông này. Dựa trên những tội danh giả: tưởng như Pi-a-rô nhen nhóm một vụ âm mưu chống

người da trắng, mưu đồ giết hại Bô-li-va-rô và đoạt quyền tối cao, Pi-a-rô bị đưa ra toà án quân sự do Bri-ông chủ toạ, bị kết tội và lĩnh án tử hình, ông bị xử bắn ngày 16 tháng Mười 1817. Cái chết của ông làm cho Ma-ri-ni-ô hoảng sợ. Hoàn toàn hiểu rằng không có Pi-a-rô thì bản thân mình chẳng ra gì hết, cho nên trong một bức thư viết theo tinh thần nịnh bợ nhất, ông ta công khai phỉ báng người bạn đã bị giết của mình, phủ định ý đồ của mình là cạnh tranh với nhân vật giải phóng và cầu xin lòng khoan hồng độ lượng của Bô-li-va-rô.

Cuộc chinh phục của Pi-a-rô đối với Gu-a-na đã thay đổi tận gốc tình hình có lợi cho những người yêu nước; riêng tỉnh này đã cung cấp được nhiều tài nguyên hơn cả bảy tỉnh khác của Vê-nê-xu-ê-la gộp lại. Do đó, khắp nơi người ta trông chờ một chiến dịch mới, mà Bô-li-va-rô nêu ra trong một bản tuyên cáo mới, sẽ đưa đến việc đuổi hẳn được người Tây Ban Nha. Từ thông cáo đầu tiên ấy mô tả một số đơn vị nhỏ gồm lính thu mua cỏ ngựa của Tây Ban Nha rút khỏi Ca-la-bô-xô, như là "đạo quân chạy dài trước quân đội bách chiến bách thắng của chúng ta", đương nhiên tờ thông cáo ấy tuyệt nhiên không phải nhằm mục đích gì khác hơn là làm giảm bớt những hy vọng trên. Để chống lại gần 4 000 người Tây Ban Nha mà Mô-ri-lô còn chưa kịp tập hợp, Bô-li-va-rô có trên 9 000 người được trang bị tốt và được cung cấp dồi dào tất cả những thứ cần thiết cho chiến tranh. Tuy nhiên, cho đến cuối tháng Năm 1818, ông đã thua chừng 12 trận, mất hết các tỉnh nằm ở phía bắc Ô-ri-nô-cô. Vì ông phân tán lực lượng chiếm ưu thế về số lượng của mình, nên những lực lượng ấy bao giờ cũng bị đánh bại từng bộ phận. Để cho Pa-e-xô và những người khác dưới quyền mình tác chiến, ông quay về An-gô-xtu-ra. Sự tan rã này tiếp theo sự tan rã kia, và tất cả tưởng chừng như đang lâm vào thảm họa hoàn toàn. Vào giờ phút hiểm nghèo nhất ấy sự ngẫu hợp mới xuất hiện của hoàn cảnh thuận lợi lại thay đổi tình hình một lần nữa. Ở An-gô-xtu-ra, Bô-li-va-rô gặp Xan-tan-đe-rô quê quán ở xứ Tân Gra-na-đa, ông này yêu cầu

Bô-li-va-rô giúp đỡ để xâm nhập xứ này, tại đó dân cư đã sẵn sàng tiến hành cuộc tổng khởi nghĩa chống người Tây Ban Nha. Bô-li-va-rô đã thoả mãn, trên mức độ nhất định, yêu cầu này. Bấy giờ từ Anh đã chuyển tới sự chi viện dồi dào như một dòng thác gồm người, tàu thuyền và vật tư chiến tranh, các sĩ quan nào là người Anh, người Pháp, người Đức và người Ba Lan từ khắp nơi đổ về An-gô-xtu-ra. Sau hết, trên vũ đài xuất hiện bác sĩ Ge-rman Rốt xi-ô, một người đã tuyệt vọng vì những thất bại của cách mạng Nam Mỹ; ông gây được ảnh hưởng đối với Bô-li-va-rô và thúc đẩy Bô-li-va-rô triệu tập vào ngày 15 tháng Hai 1819 Nghị viện quốc dân, riêng cái tên gọi ấy đã là công cụ đủ mạnh để thành lập một đạo quân mới gồm khoảng 14 000 người, cho nên Bô-li-va-rô có thể khôi phục các hành động tấn công.

Các sĩ quan nước ngoài đề nghị với Bô-li-va-rô một kế hoạch căn cứ vào đó ông phải làm ra vẻ định tấn công vào Ca-ra-cát và giải phóng Vê-nê-xu-ê-la khỏi ách thống trị của Tây Ban Nha, do đó buộc Mô-ri-lô giảm bớt lực lượng của mình ở Tân Gra-na-đa và tập trung lực lượng ấy để bảo vệ Vê-nê-xu-ê-la, trong khi đó ông (Bô-li-va-rô) phải bắt ngờ quay lại phía tây để hội quân với quân du kích của Xan-tan-đe-rô và tiến về Bô-gô-ta. Để thực hiện kế hoạch đó, ngày 24 tháng Hai 1819 Bô-li-va-rô rời An-gô-xtu-ra, cử Xê-a làm chủ tịch nghị viện và phó tổng thống nước Cộng hoà trong thời gian ông vắng mặt. Nhờ sự cơ động của Pa-ê-xơ nên Mô-ri-lô và La To-rô đã bị đánh bại ở A-sa-gu-a-xơ và lẽ ra đã bị hoàn toàn tiêu diệt, nếu Bô-li-va-rô thực hiện được cuộc hội quân của đội quân mình với các đơn vị của Pa-ê-xơ và Ma-ri-ni-ô. Dù sao thì những thắng lợi của Pa-ê-xơ cũng đưa tới việc chiếm lĩnh tỉnh Ba-ri-ma để mở đường cho Bô-li-va-rô tiến vào Tân Gra-na-đa. Sau khi Xan-tan-đe-rô đã chuẩn bị xong xuôi mọi thứ ở đây, đội quân nước ngoài, chủ yếu gồm người Anh, đã quyết định số phận của Tân Gra-na-đa bằng một loạt thắng lợi giành được ở tỉnh Tun-ha vào ngày 1 và 23 tháng Bảy và ngày 7 tháng Tám²³⁹. Ngày 12 tháng Tám, Bô-li-va-rô ca khúc khải hoàn tiến vào Bô-gô-ta,

còn người Tây Ban Nha bị tất cả các tỉnh ở Gra-na-đa khởi nghĩa chống lại, thì đã co vào cố thủ ở thành phố Mô-m-pô-xơ.

Tổ chức xong công việc của nghị viện Gra-na-đa ở Bô-gô-ta và sau khi cử tướng Xan-tan-đe-rô làm tổng tư lệnh, Bô-li-va-rô đi Pam-plô-na sống chừng hai tháng trong yến tiệc và ca múa. Ngày 3 tháng Mười một, ông đến Môn-tê-can ở Vê-nê-xu-ê-la, ở đây ông ra lệnh tập hợp các viên chỉ huy quân sự có tinh thần yêu nước của nước này cùng quân lính của họ. Nắm trong tay công quỹ gần 2 000 000 đô-la thu được bằng những khoản cưỡng bức bồi thường chiến tranh trong cư dân Tân Gra-na-đa và một đạo quân sẵn sàng chiến đấu gồm chừng 9 000 người mà một phần ba là quân lính Anh, Ai-rơ-len Han-nô-vơ, và các binh lính nước ngoài khác rất có kỷ luật, giờ đây ông đứng trước một kẻ địch đã mất hết mọi nguồn vật chất với lực lượng quân sự trên danh nghĩa chỉ có khoảng 4 500 người và hai phần ba lại gồm người bản xứ mà người Tây Ban Nha không thể tin cậy. Vì Mô-ri-lô rút lui từ Xan-Phéc-nan-đô trên sông A-pu-rê về Xan-Các-lốt, nên Bô-li-va-rô truy kích đến tận Ca-la-bô-xô, thành thủ các tổng hành dinh của hai địch thủ chỉ cách nhau có hai ngày đường. Nếu Bô-li-va-rô dám tiến lên thì riêng số quân người Âu của ông cũng có thể đánh tan quân Tây Ban Nha, nhưng ông lại chọn cách đánh kéo dài chiến tranh thêm 5 năm nữa.

Tháng Mười 1819, nghị viện ở An-gô-xtu-ra buộc người đại diện của Bô-li-va-rô là Xê-a phải từ chức, và cử A-ri-xmen-đi lên thay. Được tin này, Bô-li-va-rô bắt ngờ đưa quân đoàn lê dương của mình về An-gô-xtu-ra, bất chợt tập kích A-ri-xmen-đi chỉ có 600 binh sĩ là người bản xứ, đuổi A-ri-xmen-đi đến đảo Mác-ga-ri-ta và khôi phục chức vụ của Xê-a. Bác sĩ Rô-xi-ô lôi cuốn Bô-li-va-rô bằng viễn cảnh thiết lập quyền lực tập trung, đã thuyết phục ông tuyên bố thành lập "nước Cộng hoà Cô-lôm-bi-a" bao gồm Tân Gra-na-đa và Vê-nê-xu-ê-la, ban bố luật cơ bản của nhà nước mới do chính Rô-xi-ô thảo ra, và đồng ý thành lập nghị viện chung

cho hai khu vực. Ngày 20 tháng Giêng 1820 Bô-li-va-rô lại quay trở về Xan-phéc-nan-dô trên sông A-pua. Việc Bô-li-va-rô đột nhiên rút quân đoàn lê dương - người Tây Ban Nha sợ quân đoàn này hơn số quân lính Cô-lôm-bi-a đông gấp mười lần - đã làm cho Mô-ri-lô lại có thể tập hợp quân tăng viện, trong khi đó tin tức về một đạo quân viễn chinh lớn do Ô' Đôn-nen chỉ huy sắp sửa xuất phát từ Tây Ban Nha, lại nâng cao tinh thần đã sa sút của phía Tây Ban Nha. Tuy có ưu thế về binh lực, nhưng Bô-li-va-rô không nghĩ gì đến việc đạt được một điều gì trong chiến dịch năm 1820. Trong khi đó tin tức đến từ châu Âu cho biết cuộc cách mạng trên đảo Lê-ông²⁴⁰ đã chấm dứt bằng bạo lực, cuộc viễn chinh của Ô' Đôn-nen được dự định tiến hành. Ở Tân Gra-na-da trong số 22 tỉnh thì đã có 15 tỉnh tham gia chính phủ Cô-lôm-bi-a do đó trong tay người Tây Ban Nha chỉ còn lại cứ điểm Các-ta-hê-na và eo Pa-na-ma. Ở Vê-nê-xu-ê-la, trong số 8 tỉnh đã có 6 tỉnh phục tùng luật pháp của Cô-lôm-bi-a. Tình thế đã như vậy mà Bô-li-va-rô lại để cho Mô-ri-lô lôi kéo mình vào cuộc đàm phán, kết quả là việc ký bản hiệp định ngừng bắn trong sáu tháng tại Tru-khi-li-ô ngày 25 tháng Mười một 1820. Trong hiệp định ngừng bắn thậm chí không nhắc tới nước Cộng hoà Cô-lôm-bi-a, mặc dù nghị viện đã dứt khoát cấm ký kết bất cứ hiệp ước nào với tư lệnh Tây Ban Nha, nếu y không thừa nhận trước nền độc lập của nước cộng hoà.

Ngày 17 tháng Chạp, Mô-ri-lô do khao khát tham gia công việc ở Tây Ban Nha nên đã đáp tàu chiến đi Pu-éc-tô - Ca-be-li-ô, trao quyền tổng chỉ huy cho Mi-ghen Đơ La To-rô, và đến ngày 10 tháng Ba 1821 Bô-li-va-rô viết thư báo cho La To-rô biết rằng hoạt động quân sự sẽ được khôi phục khi hết hạn 30 ngày. Người Tây Ban Nha chiếm lĩnh trận địa kiên cố ở Ca-ra-bô-bô, một làng nằm giữa đoạn đường từ Xan-Các-lốt đến Va-len-xi-a; nhưng La To-rô đáng lẽ tập hợp toàn bộ lực lượng của mình ở đây thì lại chỉ tập trung có sư đoàn số 1 của mình gồm 2 500 bộ binh và

chừng 1 500 kỵ binh, trong khi Bô-li-va-rô có 6 000 bộ binh, trong đó có đội quân Anh 1 100 người, và 3 000 kỵ binh Li-a-nê-rốt²⁴¹ do Pa-ê-xơ chỉ huy. Bô-li-va-rô coi trận địa của địch là đáng sợ đến nỗi ông đề nghị với hội đồng quân sự của mình ký hiệp định ngừng bắn mới, nhưng bị cấp dưới bác bỏ. Chỉ huy một đội quân mà chủ yếu gồm đội quân lê dương Anh, Pa-ê-xơ theo đường nhỏ đánh vu hồi sườn phải của địch; sau khi cuộc cơ động đó hoàn toàn thắng lợi, La To-rô là người đầu tiên bên phía Tây Ban Nha đã chạy miết đến tận Pu-éc-tô-Ca-be-li-ô mới dừng lại và cố thủ ở đó với tàn quân của mình. Nhưng bản thân cứ điểm Pu-éc-tô-Ca-be-li-ô tất phải đầu hàng, nếu quân đội chiến thắng tiến đến nhanh chóng, nhưng Bô-li-va-rô đã để phí thời gian vào những cuộc ra mắt long trọng trước nhân dân ở Va-len-xi-a và Ca-ra-cát. Ngày 21 tháng Chín 1821 cứ điểm kiên cố Các-ta-hê-na đầu hàng Xan-tan-đéc. Những chiến công cuối cùng ở Vê-nê-xu-ê-la - trận hải chiến ở Ma-ra-cai-bô vào tháng Tám 1823 và cuộc bức hàng của thành Pu-éc-tô-Ca-be-li-ô vào tháng Bảy 1824 - đều là kết quả hành động của Pa-đi-li-a. Cuộc cách mạng trên đảo Lê-ôn ngăn cản sự xuất quân của cuộc viễn chinh Ô' Đôn-nen, và sự giúp đỡ của quân đoàn Anh đã bảo đảm một cách rõ rệt kết cục thắng lợi về phía người Cô-lôm-bi-a.

Nghị viện Cô-lôm-bi-a khai mạc tháng Giêng 1821 ở Cu-cu-ta, ngày 30 tháng Tám nghị viện công bố hiến pháp mới, và sau khi Bô-li-va-rô lại vờ từ chức, nghị viện đã khôi phục toàn quyền cho ông. Sau khi ký bản hiến pháp, Bô-li-va-rô đã được phép tiến quân vào tỉnh Ki-tô (1822) là nơi mà người Tây Ban Nha rút về sau khi bị đuổi khỏi eo Pa-na-ma do cuộc khởi nghĩa nhân dân rộng khắp²⁴². Chiến dịch này - được kết thúc bằng việc hợp nhất Ki-tô, Pa-xtô và Guay-a-kin vào Cô-lôm-bi-a - trên danh nghĩa là do Bô-li-va-rô và tướng Xu-cơ chỉ huy, nhưng những thắng lợi ít ỏi của đội quân viễn chinh là hoàn toàn nhờ vào các sĩ quan Anh, đặc biệt là đại tá Xan-đơ. Trong thời gian nổ ra chiến dịch những

năm 1823 - 1824 chống người Tây Ban Nha ở Thượng Pê-ru và Hạ Pê-ru^{1*}, Bô-li-va-rô đã cho rằng mình không cần làm thống soái nữa, nhưng sau khi trao quyền lãnh đạo quân sự cho tướng Xu-cơ-rô, ông chỉ làm mỗi việc là tổ chức các buổi lễ khải hoàn trong các thành phố, ra tuyên ngôn và ban bố hiến pháp. Dựa vào quân cấm vệ Cô-lôm-bi-a của mình, ông gây ảnh hưởng đối với cuộc biểu quyết của nghị viện ở Li-ma, ngày 10 tháng Hai 1823 nghị viện này đã uỷ thác cho ông làm nhà độc tài, còn với lời tuyên bố từ chức mới, ông đã bảo đảm cho mình được bầu lại làm tổng thống Cô-lôm-bi-a. Đồng thời địa vị của ông được củng cố nhờ Anh chính thức công nhận quốc gia mới này và nhờ tướng Xu-cơ-rô chiếm các tỉnh Thượng Pê-ru mà Xu-cơ-rô hợp nhất thành nước cộng hoà độc lập lấy tên là Bô-li-vi-a. Ở đây, nơi mà nhờ lưới lê của Xu-cơ-rô thống trị, Bô-li-va-rô đã mặc sức thực hiện ham muốn thiết lập chế độ thống trị chuyên chế của mình, như ban hành "Bộ luật Cô-lôm-bi-a" phỏng theo Code Napoléon²⁴³. Ông định mở rộng bộ luật ấy, đưa nó từ Bô-li-vi-a sang Pê-ru rồi từ Pê-ru sang Cô-lôm-bi-a, đồng thời dùng quân đội Cô-lôm-bi-a khống chế hai nước này và dùng quân đoàn lê dương và các binh sĩ Pê-ru để khống chế Cô-lôm-bi-a. Bằng nỗ lực, và cũng bằng âm mưu nữa, ông ta quả thực đã áp đặt được cho Pê-ru bộ luật của mình, chỉ ít là trong mấy tuần lễ. Trong tư cách là tổng thống và người giải phóng Cô-lôm-bi-a, người bảo hộ và nhà độc tài của Pê-ru và cha đỡ đầu của Bô-li-vi-a, bây giờ ông đã lên đến đỉnh cao nhất của vinh quang. Nhưng ở Cô-lôm-bi-a bắt đầu diễn ra những cuộc xung đột nghiêm trọng giữa phái tập quyền hoặc phái Bô-li-va-rô, với phái liên bang, tên gọi của những người phản đối tình trạng quân phiệt vô chính phủ liên hiệp với những đối thủ quân sự của Bô-li-va-rô. Sau khi nghị viện Cô-lôm-bi-a, bị Bô-li-va-rô xúi bẩy,

1* Xem tập này, tr. 213-215.

đã đưa ra bản cáo trạng đối với phó tổng thống Vê-nê-xu-ê-la là Pa-ê-xơ thì Pa-ê-xơ bắt đầu công khai nổi loạn, và được chính Bô-li-va-rô bí mật ủng hộ và cổ vũ, vì Bô-li-va-rô cần có khởi nghĩa để có cơ huỷ bỏ hiến pháp và lại đạt được quyền lực độc tài. Từ Pê-ru trở về ngoài đội quân cấm vệ của mình, Bô-li-va-rô còn đem theo 1 800 người Pê-ru tuồng như để chống phái liên bang phiến loạn. Nhưng ở Pu-éc-tô - Ca-be-li-ô, nơi ông gặp gỡ với Pa-ê-xơ, ông không những phê chuẩn cho Pa-ê-xơ ở lại chức vụ chỉ huy ở Vê-nê-xu-ê-la và tuyên bố ân xá cho tất cả những người nổi loạn, mà còn công khai đứng về phía họ, quở trách những người ủng hộ hiến pháp; bằng sắc lệnh ban bố ở Bô-gô-ta ngày 23 tháng Mười một 1826, ông đã nắm được toàn quyền độc tài.

Năm 1826 - là năm quyền lực của ông bắt đầu sự suy sụp, - ông đã triệu tập được đại hội ở Pa-na-ma với mục đích chính thức là thảo ra những tiêu chuẩn dân chủ mới của luật quốc tế²⁴⁴. Các đại biểu toàn quyền của Cô-lôm-bi-a, Bra-xin, La Pla-ta, Bô-li-vi-a, Mê-hi-cô, Goa-tê-ma-la v.v. đã tới dự. Thực ra Bô-li-va-rô ra sức biến toàn Nam Mỹ thành một nước cộng hoà liên bang, và bản thân ông mưu tính trở thành nhà độc tài của nó. Như vậy trong khi ông còn mang đầy những mơ ước muốn gắn liền tên tuổi của mình với cả nửa trái đất, thì quyền lực thực tế lại nhanh chóng tuột khỏi tay ông. Quân đội Cô-lôm-bi-a ở Pê-ru sau khi biết rằng ông chuẩn bị thi hành bộ luật Bô-li-vi-a, liền bắt đầu khởi nghĩa. Người Pê-ru bầu tướng La Ma-rô làm tổng thống nước cộng hoà, giúp người Bô-li-vi-a đánh đuổi quân đội Cô-lôm-bi-a, thậm chí tiến hành chiến tranh thắng lợi chống Cô-lôm-bi-a, kết thúc bằng hiệp ước đưa Cô-lôm-bi-a về biên giới trước đây của nó, xác lập sự bình đẳng giữa hai nước và phân chia các khoản quốc trái của hai nước. Nghị viện ở Ô-ca-ni-a, do Bô-li-va-rô triệu tập nhằm mục đích sửa đổi hiến pháp có lợi cho sự thống trị độc tài của mình, đã khai mạc ngày 2 tháng Ba 1828 bằng việc đọc một lời kêu gọi tử mĩ chứng minh tính chất cấp bách phải trao cho quyền hành pháp những ưu tiên mới. Nhưng khi mọi người

thấy rõ rằng bản dự thảo sửa đổi hiến pháp khi ra khỏi hội nghị sẽ khác hẳn so với hình thức ban đầu của nó, các bạn hữu của Bô-li-va-rô không dự họp nữa làm cho nghị viện thiếu số đại biểu cần thiết, do đó buộc nó phải ngừng hoạt động. Trở về trang trại của mình cách Ô-ca-ni-a mấy dặm, Bô-li-va-rô ra một bản tuyên ngôn khác, trong đó giả vờ bất bình với các biện pháp mà các bạn hữu của ông tiến hành, đồng thời đả kích nghị viện, kêu gọi các tỉnh thi hành các biện pháp đặc biệt, và tuyên bố rằng ông sẵn sàng nhận bất cứ gánh nặng quyền lực nào sẽ đè lên mình. Dưới áp lực lưỡi lê của ông, quốc hội ở Ca-ra-cát, Các-tê-hê-na, cũng như ở Bô-gô-ta - những nơi mà ông đã tới - lại trao cho ông quyền lực độc tài. Vụ ám sát ông tiến hành ở Bô-gô-ta, trong phòng ngủ của ông, song ông đã thoát được, nhờ trong đêm tối đã nhảy từ ban công xuống, nằm trốn dưới cầu, đã thúc đẩy ông thi hành một hình thức khủng bố quân sự trong một thời gian. Nhưng ông không động đến Xan-tan-đe-rô mặc dù Xan-tan-đe-rô đã tham gia âm mưu này, nhưng ông đã xử tử tướng Pa-đi-li-a mà tội trạng hoàn toàn không được chứng thực, nhưng là người da màu, nên Pa-đi-li-a không thể tự biện hộ được.

Năm 1829 vì cuộc đấu tranh gay gắt giữa các phe phái làm rung chuyển nước cộng hoà, nên trong lời kêu gọi mới gửi công dân, Bô-li-va-rô đề nghị họ bày tỏ thẳng thắn nguyện vọng của mình về những sửa đổi cần tiến hành trong hiến pháp. Để trả lời điều đó, hội nghị các thân hào ở Ca-ra-cát khiển trách những tham vọng hiếu danh của ông, vạch ra nhược điểm trong sự cai trị của ông, tuyên bố Vê-nê-xu-ê-la tách khỏi Cô-lôm-bi-a và đưa Pa-ê-xô lên lãnh đạo nước cộng hoà. Thượng nghị viện Cô-lôm-bi-a đứng về phía Bô-li-va-rô, nhưng ở các nơi đã nổ ra những cuộc khởi nghĩa mới. Tháng Giêng 1830 ông rút khỏi chính quyền lần thứ năm, rồi lại nhận thức tổng thống và rời Bô-gô-ta, để nhân danh nghị viện Cô-lôm-bi-a, tiến hành chiến tranh chống Pa-ê-xô. Cuối tháng Ba 1830, ông chỉ huy 8 000 quân bắt đầu tấn công, chiếm Ca-ra-cu-ta là nơi nổ ra khởi nghĩa, rồi tiến đánh tỉnh Ma-ra-cai-bô,

ở đây Pa-ê-xô đang chờ đợi ông trên một trận địa kiên cố với 12 000 người. Chỉ vừa biết rằng Pa-ê-xô định thực sự dọ sức với ông, ông liền mất hết dũng khí. Đã có lúc ông thậm chí nghĩ đến việc khuất phục trước Pa-ê-xô và tuyên bố rằng ông phản đối nghị viện; nhưng những người ủng hộ ông đã mất ảnh hưởng ở nghị viện và ông buộc phải từ chức, hơn nữa người ta gợi ý với ông rằng lần này thì ông phải có thái độ nghiêm chỉnh đối với việc từ chức, và nếu đồng ý ra nước ngoài thì sẽ được lương bổng hàng năm. Do đó, ngày 27 tháng Tư 1830 ông gửi nghị viện bản tuyên bố trút bỏ toàn quyền của mình. Nhưng với hy vọng dựa vào ảnh hưởng của những người ủng hộ mình mà khôi phục quyền lực và lợi dụng sự chống đối đối với tổng thống mới của Cô-lôm-bi-a là Hoa-kin Mô-xke-ra, Bô-li-va-rô ra sức trì hoãn ngày rời Bô-gô-ta và vịn đủ mọi cớ để kéo dài thời gian lưu lại Xan-Pê-đrô cho đến cuối năm 1830, nhưng ông đột nhiên qua đời vào lúc đó.

Duy-cu-đơ-Hôn-stai-nơ vẽ bức chân dung sau đây của Bô-li-va-rô:

"Bô-li-va-rô cao 5 phút 4 in-xơ; mặt dài với hai má hõm, da ngăm đen có vẻ xanh. Mắt ông to vừa phải mà sâu, trên đầu là mái tóc ướn. Bộ râu làm cho ông có vẻ u buồn và hoang dã, đặc biệt là khi ông xúc động. Ông có dáng người lụng lẩy và yếu ớt. Nhìn bề ngoài ông như người đã 65 tuổi. Khi đi, ông luôn luôn vung vẩy hai tay. Ông không đi được nhiều và chóng mệt mỏi. Ông thích ngồi hoặc nằm trên vông. Ông hay đột nhiên nổi giận và bấy giờ ông lập tức trở thành kẻ mất trí, nhảy lên vông của mình và chửi mắng như té tát tất cả những người xung quanh. Ông thích thú chế nhạo độc ác những người vắng mặt: ông chỉ đọc tiểu thuyết Pháp loại nhẹ nhàng; ông là người cười ngửa đứng cảm và người mê điệu nhảy van-xơ. Ông thích thú các bài diễn thuyết của mình và ưa phát biểu nâng cốc chúc mừng. Khi thất bại và khi cần gấp sự giúp đỡ của người nào đó, ông hoàn toàn không bị kích động và nổi nóng. Ông trở thành người ôn hoà, người nhẫn nại, người dễ tính, thậm chí người dễ bảo. Ông ra sức che đậy khuyết điểm của mình dưới cái vẻ con người lịch thiệp được giáo dục trong cái gọi là *beau monde*^{1*} và hầu như có tài giả vờ của người châu Á, trong khi hiểu bản chất con người hơn đa số đồng bào của ông"²⁴⁵.

1* - xã hội thượng lưu

Theo sắc lệnh của nghị viện Tân Gra-na-đa năm 1812 hài cốt của Bô-li-va-rơ được chuyển về Ca-ra-cát và ở đây người ta đã dựng bia kỷ niệm ông.

Xem "Tiểu sử Bô-li-va-rơ do tướng Đuy-cu-đơ - Hôn-stai-nơ viết và được An-phông-xơ Vi-ôn-lơ viết tiếp cho đến khi Bô-li-va-rơ qua đời" (Paris, 1831); "Hồi ký của tướng Giôn Mi-lơ (đã phục vụ trong quân đội nước Cộng hoà Pê-ru)"; đại tá Híp-pi-xli. "Ký sự về cuộc hành trình ở Ô-ri-nô-cô" (Luân Đôn, 1819)²⁴⁶.

*Do C.Mác viết vào khoảng ngày 8 tháng
Giêng 1858
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. III, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

CHIẾN DỊCH

Chiến dịch - thuật ngữ này thường được dùng để chỉ những hoạt động quân sự được tiến hành trong vòng một năm của thời kỳ có chiến tranh; nhưng nếu những hoạt động quân sự ấy được tiến hành trên hai hoặc trên hơn hai chiến trường tác chiến độc lập, mà vẫn coi đó là một chiến dịch thì như thế chưa chắc chắn đã là lô-gích. Chẳng hạn, điều mà người ta gọi là chiến dịch năm 1800, di chuyển nghĩa chặt chẽ của từ đó, lại là hai chiến dịch riêng biệt được tiến hành hoàn toàn độc lập với nhau: chiến dịch I-ta-li-a (Ma-ren-gô) và chiến dịch Đức (Hô-hen-linh-đen)²⁴⁷. Mặt khác, từ lúc các quân đội hầu như thôi không được điều về doanh trại mùa đông, thì sự kết thúc của một năm không phải bao giờ cũng là ranh giới giữa sự kết thúc của một loạt hành động quân sự được thể hiện rõ rệt và sự bắt đầu của một loạt hành động quân sự khác. Hiện nay, trong chiến tranh có nhiều tình huống quân sự và chính trị khác đóng vai trò hết sức quan trọng hơn là sự thay đổi các mùa của một năm. Ví dụ như mỗi một chiến dịch của năm 1800 lại được chia ra thành hai giai đoạn khác nhau: cuộc ngừng bắn toàn diện, kéo dài từ tháng Bảy đến tháng Chín đã phân chia chúng ra, và mặc dù vào tháng Chạp 1800 chiến dịch Đức đã kết thúc, thì chiến dịch I-ta-li-a vẫn còn kéo dài suốt nửa đầu tháng Giêng 1801. Clau-dơ-vít-xơ chỉ ra rất đúng rằng chiến dịch năm 1812 rõ ràng đã kết thúc không phải vào ngày 31 tháng Chạp năm ấy, khi quân Pháp còn ở vùng Nê-man và khi cuộc rút lui

của nó đang ở vào lúc sôi nổi nhất, mà chỉ kết thúc khi họ vượt sông En-bơ vào tháng Hai 1813, nơi đây họ lại tập hợp lực lượng của mình, vì lực lượng truy đuổi họ về tổ quốc họ lại đã ngừng hoạt động²⁴⁸. Tuy nhiên, do ở vùng vĩ độ của chúng ta mùa đông vẫn là mùa mà các quân đội tác chiến bao giờ cũng đặc biệt suy yếu vì mệt mỏi và thiếu thốn, nên mùa ấy của năm rất thường trùng hợp với thời kỳ mà hai bên ngừng hoạt động quân sự và tích lũy lực lượng; mặc dù theo nghĩa chặt chẽ của từ này thì chiến dịch chỉ một loạt hành động quân sự gắn chặt với nhau bằng một kế hoạch chiến lược và nhằm đạt tới một mục đích chiến lược, song trong phần lớn trường hợp, để thuận tiện, người ta có thể đặt tên chiến dịch bằng tên năm trong đó xảy ra những hành động quân sự chủ yếu của chiến dịch này.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 7 tháng Giêng 1858
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. IV, 1859*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

ĐẠI UÝ

Đại úy là quân hàm của người chỉ huy đại đội bộ binh, đại đội hoặc bán đại đội kỵ binh, cũng như của người chỉ huy chiến hạm. Trong phần lớn các quân đội lục địa châu Âu, đại úy thuộc thành phần sĩ quan sơ cấp; trong quân đội Anh họ là sĩ quan cấp trung gian giữa sĩ quan sơ cấp và cao cấp, vì loại sĩ quan sơ cấp chỉ bao gồm những người có bằng sĩ quan mà theo quân hàm thì không đảm nhận các chức năng chỉ huy trực tiếp và cố định. Trong quân đội Mỹ, đại úy chịu trách nhiệm về vũ khí, đạn dược, quân trang v.v. của đại đội mà anh ta phụ trách. Trong hải quân, chức trách của đại úy rất rộng và chức vụ của họ thuộc vào số những chức vụ trọng trách nhất. Trong hải quân Anh, về cấp bậc đại úy là cấp tương đương với trung tá bộ binh, và ba năm sau khi nhận quân hàm này thì cấp sĩ quan ấy tương đương với đại tá bộ binh. Ngày xưa, trong quân đội Pháp, đại úy bị cấm bỏ chiến hạm của mình, nếu không sẽ bị xử tử hình, nên họ thà cho nổ tung tàu chiến của mình hơn là để nó rơi vào tay địch. Từ đại úy cũng chỉ chức thuyền trưởng tàu buôn hoặc tàu khách và các viên chỉ huy trưởng trên tàu chiến chủ lực, như: chỉ huy trưởng khoang mũi tàu, chỉ huy trưởng khoang giữa tàu, chỉ

huy trưởng đài chính và đài trước^{1*}. Từ "đại uý" gốc từ tiếng I-ta-li-a^{2*} và có nghĩa là người lãnh đạo, do đó nó thường được dùng làm từ đồng nghĩa với "tổng tư lệnh", đặc biệt khi nói về năng lực của người đó với tư cách vị thống soái.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 7 tháng Giêng 1858

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. IV, 1859

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* Trong tiếng Anh, thành phần của thuật ngữ chỉ những chức vụ ấy có kèm thêm từ "captain", như: "captain of the forecandle" là "chỉ huy trưởng khoang mũi tàu", "captain of the hold" là "chỉ huy trưởng khoang giữa tàu" v.v..

2* - Tiếng I-ta-li-a là "capitano".

PH.ĂNG-GHEN

CÁC-BIN²⁴⁹

Các-bin - carabine hoặc carbine - là loại súng thân ngắn, sử dụng thích hợp trong kỵ binh. Để dễ nạp đạn trên yên ngựa, nếu không nạp đạn bằng qui-lát, thì chiều dài của nòng súng không được quá 2 phút 6 in-xơ; để có thể sử dụng một tay được dễ dàng, nó phải nhẹ hơn súng bộ binh. Trong phần lớn các quân đội cỡ nòng của nó cũng nhỏ hơn súng bộ binh. Các-bin có thể có nòng trơn hoặc nòng có rãnh; trong trường hợp thứ nhất, hiệu quả của hỏa lực của nó thấp nhiều so với súng thường; trong trường hợp thứ hai, các-bin vượt súng thường về độ bắn chính xác ở cự ly trung bình. Trong quân đội Anh, kỵ binh được trang bị bằng các-bin nòng trơn; trong kỵ binh Nga, toàn bộ kỵ binh nhẹ được trang bị các-bin nòng có rãnh, trong khi đó ¼ giáp kỵ được trang bị các-bin nòng có rãnh, còn ¾ còn lại được trang bị các-bin nòng trơn. Trong một số quân đội (đặc biệt là Pháp và Anh) trong pháo binh người ta cũng dùng các-bin; ở Anh chúng được chế tạo theo nguyên lý của súng trường mới En-phin²⁵⁰. Có thời kỳ, hỏa lực của các-bin là hình thức chính trong chiến đấu kỵ binh, nhưng hiện nay chúng được sử dụng chủ yếu khi làm nhiệm vụ cảnh giới và trong các cuộc bắn nhau của kỵ binh. Trong các tác phẩm quân sự Pháp, thuật ngữ "carabine" bao giờ cũng chỉ loại súng bộ binh nòng có

rãnh, trong khi đó thuật ngữ "mousqueton"^{1*} được dùng để chỉ các-bin của kỵ binh.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 21 tháng Giêng 1858

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. IV, 1859

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

Nguyên văn là tiếng Anh

In bằng tiếng Nga lần đầu

1* - müt-xơ-tông

PH.ĂNG-GHEN

PHÁO CA-RÔNG

Pháo Ca-rông - là loại pháo bằng gang nòng ngắn, lần đầu tiên được đúc ở Ca-rông (Xcôt-len) năm 1779 cho hạm đội Anh và được sử dụng lần đầu trong cuộc chiến tranh chống Hợp chúng quốc Bắc Mỹ²⁵¹. Pháo Ca-rông không có trục ngỗng và được lắp lên giá pháo bằng đai kẹp nằm ở phía dưới phần giữa của pháo. Nòng pháo có ngăn thuốc nổ, miệng súng rộng như miệng bát. Pháo này rất ngắn và nhẹ: trọng lượng pháo 60-70 pao thì dùng đạn đặc nặng 1 pao, chiều dài của pháo bằng 7-8 lần đường kính nòng. Do đó, lượng thuốc nổ không thể không nhỏ và bằng từ $\frac{1}{6}$ đến $\frac{1}{8}$ trọng lượng đạn.

Khi pháo Ca-rông được sử dụng lần đầu, chúng được các lính thuỷ rất hoan nghênh. Trọng lượng nhỏ và sức giật nhẹ cho phép bố trí một số lượng lớn pháo Ca-rông trên các tàu chiến nhỏ đương thời. Tầm bắn của nó tương đối xa được giải thích bởi những nguyên nhân sau đây: 1) kẽ hở nhỏ khi đạn nằm trong nòng pháo, 2) góc lớn giữa trục của nòng pháo và đường ngắm do bề dày của kim loại ở bộ cơ bắ và chiều dài nhỏ của pháo; trọng lượng lớn của viên đạn được nó bắn ra làm cho nó thành vũ khí uy hiếp mạnh ở cự ly gần. Khoảng năm 1800, pháo này cũng được trang bị cho hạm đội Mỹ. Nhưng chẳng bao lâu sau người ta phát hiện thấy rằng loại pháo này không thể chơi được với các khẩu pháo dài hơn và nặng hơn bắn với lượng thuốc nổ đầy đủ và với góc bắn nhỏ. Chẳng hạn, người ta đã xác định được rằng pháo nòng

dài thông thường của quân đội Anh bắn với góc bắn 2° , còn pháo bắn trái phá bắn với góc bắn 3° thì có tầm bắn xa bằng (tức là khoảng 1 200 i-ác-đơ) pháo Ca-rông có cỡ tương ứng bắn với góc bắn 5° . Vì góc bắn càng lớn, thì xác suất trúng đích càng giảm đi, cho nên hoàn toàn không thể bắn pháo Ca-rông ở cự ly xa hơn 1 200 i-ác-đơ với góc bắn 5° , trong khi pháo nòng dài có thể bắn rất có hiệu quả ở cự ly tới 1 dặm, thậm chí tới 2 000 i-ác-đơ. Điều đó được chứng minh hùng hồn bằng hành động của hai hải đoàn của địch ở các hồ Ê-ri và Ôn-ta-ri-ô trong cuộc chiến tranh Anh-Mỹ vào những năm 1812-1814²⁵². Các tàu Mỹ được trang bị pháo nòng dài, còn các tàu Anh được trang bị chủ yếu bằng pháo Ca-rông. Người Mỹ tiến hành cơ động với sự tính toán sao cho mình ở ngoài tầm bắn của hỏa lực pháo Ca-rông Anh, còn bản thân họ thì dùng pháo nòng dài gây ra những hư hỏng nghiêm trọng cho thân tàu và thiết bị trên tàu của địch. Những thiếu sót đó của pháo Ca-rông làm cho hiện nay chúng không được sử dụng nữa. Trên đất liền người Anh có khi đặt pháo Ca-rông ở bên sườn các pháo đài và trong hầm ngầm, từ đó chỉ đòi hỏi bắn tạt sườn một đoạn hào nhỏ, và lại chủ yếu dùng đạn ria. Trong hạm đội Pháp người ta sử dụng loại pháo Ca-rông có trục ngỗng (carronade à tourillons); nhưng về thực chất, đây là loại pháo có uy lực lớn.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 21 tháng Giêng 1858
 Đã in trong "New American Cyclopaedia",
 t. IV, 1859

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư
 Nguyên văn là tiếng Anh
 In bằng tiếng Nga lần đầu

PH.ĂNG-GHEN

ĐẠN RIA²⁵³

Đạn ria - case shot hoặc canister shot - là một loạt những viên đạn tròn bằng sắt rèn, được nhét đầy vào vỏ đạn bằng sắt tây hình ống. Những viên đạn dùng cho pháo dã chiến thường được xếp thành nhiều lớp, nhưng đối với phần lớn pháo công thành và pháo hải quân thì chỉ đơn giản là người ta đổ đầy chúng vào một hình ống, sau đó hàn nắp vào. Giữa đáy hình ống và liều thuốc nổ có để xen vào một tấm lót bằng gỗ. Trọng lượng của viên đạn thay đổi tùy theo loại pháo và tùy theo các tiêu chuẩn được quy định trong các quân đội. Người Anh sử dụng cho trọng pháo hải quân của mình đạn nặng từ 8 ôn-xơ đến 3 pao; đối với pháo dã chiến cỡ 9 pao thì dùng đạn nặng 1,5 ôn-xơ và 5 ôn-xơ; đối với loại pháo này mỗi lần bắn còn cần phải nạp vào ống một cách tương ứng 126 và 41 viên đạn. Người Phổ nạp 41 viên, mà trọng lượng của mỗi viên bằng $\frac{1}{32}$ trọng lượng của quả đạn pháo đặc tương ứng. Trước năm 1854, người Pháp cũng dùng cách thức hầu như giống thế; về những biến đổi có thể được tiến hành về mặt này, do việc trang bị các khẩu pháo bắn trái phá kiểu mới, thì hiện nay chúng ta chưa thể có gì để bàn. Đối với pháo công thành và pháo cứ điểm các viên đạn tròn có khi được nạp xung quanh cái trục nhô lên khỏi tấm lót đáy bằng gỗ hoặc xếp vào túi thành hình chùm nho (do đó, có tên "grape

shot"^{1*}) hoặc thành những lớp đều đặn cách nhau bằng những mảnh tròn bằng gỗ hoặc kim loại, và tất cả nhét vào túi bạt.

Loại đạn ria kiểu mới nhất - đạn ria hình cầu, thường được gọi là trái phá Sráp-nen, theo tên của người phát minh ra nó là viên tướng người Anh Sráp-nen. Đạn này gồm có vỏ bằng gang mỏng (dày từ $\frac{1}{8}$ đến $\frac{3}{4}$ in-xơ) giữa có màng cách hoặc vách ngăn. Phần dưới dùng để nạp thuốc nổ, còn phần trên có các viên đạn súng trường hình cầu bằng chì. Trong đạn có đặt ngòi nổ nhét đầy thuốc nổ tinh chế, có thể bảo đảm cháy đúng thời gian. Để cho các viên đạn hình cầu không chuyển chỗ, khe hở giữa chúng với nhau có nhét thuốc nổ đặc biệt. Khi sử dụng trong dã chiến, ngòi nổ được cắt theo kích thước tùy thuộc vào khoảng cách tới địch và được lắp vào quả đạn. Cách địch 50-70 i-ác-đơ thì thuốc của ngòi nổ cháy hết và đạn nổ, các viên đạn hình cầu bắn toé về phía địch giống như trường hợp người ta bắn đạn ria thường vào chỗ quả đạn pháo nổ. Hiện nay, trong quân đội một số nước tác dụng ngòi nổ của đạn pháo đã đạt được độ chính xác lớn, do đó loại đạn mới này cho phép pháo thủ đạt được những kết quả mong muốn bằng hỏa lực đạn ria, ở cự ly mà trước kia chỉ có đạn đặc hình cầu mới đạt được. Đạn ria loại bình thường đạt được uy lực lớn nhất khi bắn ở cự ly dưới 200 i-ác-đơ nhưng có thể sử dụng ở cự ly tới 500 i-ác-đơ; khi sử dụng ở cự ly gần chống lại bộ binh hoặc kỵ binh tấn công theo đội hình hàng ngang, thì tác dụng của nó rất đáng sợ; nó sẽ ít hiệu quả khi chống lại các tuyến xạ thủ dàn thành nhiều hàng; để chống lại các đội hình hàng dọc thì người ta thường dùng đạn đặc hình cầu. Mặt khác, đạn ria hình cầu đem lại hiệu quả lớn nhất ở cự ly từ 600 đến 1 400 i-ác-đơ còn khi có góc bắn thích hợp và ngòi nổ của đạn dài thì sử dụng nó ở cự ly lớn hơn nữa không phải là không kết quả. Vì

1* "grape" là "chùm nho"; "grape shot" là đạn ria lớn thường gồm có 9 viên đạn tròn, đạn ria chùm.

nó nổ gần địch, nên làn mưa đạn mà nó dội vào địch đạt được mật độ cao, cho nên nó có thể sử dụng có kết quả để chống lại hầu hết các đội hình chiến đấu, ngoài tuyến xạ thủ bố trí theo nhiều lớp. Khi đạn ria hình cầu xuất hiện thì nó được dùng để trang bị trong hầu hết các quân đội châu Âu sau khi các quân đội đó phát minh ra thuốc bắt lửa đặc biệt dùng cho ngòi nổ của đạn pháo, không có loại thuốc này là khó khăn duy nhất đối với việc sử dụng loại đạn ria này. Trong các cường quốc châu Âu, chỉ có Pháp còn chưa nắm bắt được cái chi tiết này. Nhưng những cuộc thí nghiệm tiếp sau này, hoặc do gặp may, hoặc nhờ mua chuộc, không nghi ngờ gì nữa, sẽ làm cho cường quốc này nắm được bí mật ấy.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 21 tháng Giêng 1858

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. IV, 1859

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

ĐẠN CHÁY

Đạn cháy - đạn pháo nhét đầy chất dễ bốc cháy, khi cháy ngọn lửa của nó phụt ra qua 3 hoặc 4 lỗ và đạt được sức mạnh đến mức khó bề dập tắt. Những đạn đó được bắn ra từ súng cối, lựu pháo và pháo nòng dài, giống như khi bắn loại đạn pháo thường, và chúng cháy từ 8 đến 10 phút. Thuốc này hoặc được nung chảy ra và đổ vào viên đạn khi còn trong trạng thái nóng chảy, hoặc người ta dùng chất dầu lỏng biến nó thành một thể đặc rồi tọng vào viên đạn. Các lỗ của đạn cháy được bịt bằng nút hoặc nắp gỗ, ngòi nổ chứa đầy thuốc bắt lửa luôn qua nút đi vào bên trong quả đạn. Trước đây, những viên đạn đó được chế tạo có vách ngăn hoặc màng cách ở bên trong, giống như trái phá Srap-nen hiện nay; ngoài ra phần dưới dùng để đặt liều thuốc nổ làm bằng thuốc súng; nhưng hiện nay người ta đã bỏ kết cấu phức tạp đó. Trước kia người ta cũng sử dụng một loại đạn cháy khác được chế tạo giống như đạn đặc nhẹ, gồm có hai vòng sắt tròn bắt chéo nhau với một góc thẳng và có bọc vải gai; như vậy tạo thành một vật hình cầu không đều, được nhét đầy một thứ thuốc bắt lửa giống như loại thuốc dùng hiện nay, gồm chủ yếu là thuốc súng và nhựa cây. Nhưng người ta đã bỏ thứ đạn cháy này, vì trọng lượng rất nhỏ của nó khiến cho hầu như không thể bắn với sự chuẩn xác tương đối ở cự ly hơi xa một chút. Có rất nhiều loại thuốc bắt lửa khác nhau để nhồi vào đạn cháy hiện đại, nhưng tất cả đều gồm chủ yếu là diêm tiêu và lưu hoàng trộn với chất nhựa dính

hoặc chất dầu nhờn. Chẳng hạn trong quân đội Phổ người ta dùng 75 phần diêm tiêu, 25 phần lưu hoàng, 7 phần thuốc súng nghiền nhỏ và 33 phần cô-lô-phan. Người Anh dùng 100 phần diêm tiêu, 40 phần lưu hoàng, 30 phần nhựa cây, 10 phần an-ti-moan, 10 phần mỡ nén và 10 phần nhựa thông. Đạn cháy được sử dụng chủ yếu vào các cuộc pháo kích và đôi khi chống lại hạm tàu, tuy rằng, trong trường hợp này chúng hầu như bị loại trừ bởi đạn đặc được nung đỏ để chế tạo hơn, khi được bắn có thể đạt độ chuẩn xác hơn và có tác dụng đốt cháy lớn hơn nhiều.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 21 tháng Giêng 1858

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. IV, 1859

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

ỐNG THUỐC SÚNG

Ống thuốc súng - bao hoặc túi bằng giấy, bằng giấy da cừu hoặc bằng dạ chứa một lượng thuốc súng được quy định chặt chẽ, dùng làm thuốc nổ cho súng; có khi đạn hoặc đạn pháo được gắn liền vào nó. Ống thuốc súng đơn thuần của súng, khác với đạn chiến đấu, không chứa đầu đạn. Ở tất cả các loại ống thuốc súng của súng, giấy nhét vào trong được sử dụng làm nắp đậy. Đối với súng trường Mi-ni-ê của Pháp và súng trường En-phin của Anh thì ống thuốc súng một đầu ống được tẩm dầu để dễ nạp. Ống thuốc súng của súng có kim hỏa của Phổ cũng có thuốc gây nổ, cháy lên do tác động của kim hỏa. Ống thuốc súng cho pháo thì thường được làm bằng dạ hoặc bằng vải len mỏng. Trong một số quân đội, ít ra là trong pháo binh dã chiến, trong trường hợp có thể, người ta gắn ống thuốc súng với đạn pháo bằng một tấm đáy gỗ, còn người Pháp phần nào đã dùng phương pháp đó ngay cả trong thủy quân. Trong quân đội Anh, ống thuốc súng vẫn còn tách rời khỏi đạn pháo, dù là pháo dã chiến, pháo hải quân hoặc pháo công thành.

Trong kho vũ khí hoàng gia của Anh tại Vu-li-giơ, gần đây người ta đã sử dụng một phương pháp độc đáo để chế tạo ống thuốc súng bằng giấy không cần khâu. Trong những hình trụ rỗng bằng kim loại mà kích thước vừa vặn lọt vào ống thuốc súng, người ta khoan nhiều lỗ nhỏ và khi nhúng những hình trụ ấy vào nước bột giấy loãng dùng để chế tạo giấy làm ống thuốc súng và

gắn chúng vào cái chụp của chiếc bơm khí đã rút hết không khí, thì những hình trụ ấy được phủ ngay một lớp mỏng nước bột giấy đó. Khi khô, lớp bột giấy ấy trở thành ống bằng giấy đã được chế tạo xong. Khi làm ống thuốc súng người ta đồng thời dùng một số lượng lớn hình trụ; mỗi hình trụ được đặt trong một bao bằng len, giống như các ngón găng tay, nước bột giấy sẽ dính vào đó, chiếc bao len ấy cùng với lớp giấy được lấy ra khỏi hình trụ thì sẽ biến thành những tấm lót trang bị cho những ống thuốc súng tốt nhất.

Đối với súng săn thì người ta sử dụng loại ống thuốc súng bằng lưới kim loại chỉ chứa đạn chì. Những ống thuốc súng này được đặt trong chiếc vỏ ngoài bằng giấy. Để được lèn chặt hơn, lượng thuốc nổ của đạn chì được trộn với bột xương. Khi bắn bằng loại súng ấy, đạn chì bay xa hơn nhiều so với bất cứ liều thuốc nổ nào khác, lại không bị tản mạn.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 21 tháng Giêng 1858

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. IV, 1859

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

BÉC-MƠ

Béc-mơ - trong xây dựng thành là đê đất ngang nằm giữa bờ trong của hào và mặt dốc bên ngoài của tường chắn của công sự nào đó. Nó thường rộng khoảng 3 phút. Nó chủ yếu được dùng để tăng cường cho tường chắn và ngăn ngừa sự sụt lỏ của đất từ tường chắn xuống hào, sau những trận mưa to, băng tan v.v.. Có khi Béc-mơ có thể được dùng làm đường giao thông phía ngoài xung quanh cứ điểm. Nhưng không nên quên rằng Béc-mơ là nơi nghỉ ngơi và tập trung rất thích hợp cho các đơn vị xung phong và leo thành, do đó nó hoàn toàn không được sử dụng trong nhiều hệ thống công sự vĩnh cửu, còn trong những hệ thống khác nó được bảo vệ bằng bức tường hình răng cưa, tạo thành tuyến yểm hộ cho hỏa lực của bộ binh. Trong xây dựng thành dã chiến hoặc khi xây dựng các bãi pháo vây đánh mà ở phía trước có hào thì thường không thể không đắp Béc-mơ, vì mặt bờ trong của hào hầu như không bao giờ được lát, vậy mà nếu không có khoảng không gian đó thì bờ trong cũng như tường chắn sẽ nhanh chóng bị huỷ hoại do ảnh hưởng của thời tiết thay đổi.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 28 tháng Giêng 1858

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. III, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

Nguyên văn là tiếng Anh

In bằng tiếng Nga lần đầu

PH.ĂNG-GHEN

BLEN-HAI-MƠ

Blen-hai-mơ hoặc *Blin-đơ-hai-mơ* - một làng ở Ba-vi-e cách Au-xbuốc chừng 23 dặm; ngày 13 tháng Tám 1704 ở đây đã diễn ra trận hội chiến lớn giữa một bên là quân Anh và quân Áo do Man-bô-rô và hoàng thân Ô-gien chỉ huy và bên kia là quân Pháp và quân Ba-vi-e do nguyên soái Ta-la-rơ, Mác-xen và tuyển đế hầu Ba-vi-e^{1*} chỉ huy. Vì các tỉnh của Áo bị đe dọa bởi sự xâm nhập trực tiếp của địch qua ngả nước Đức, nên Man-bô-rô xuất phát từ Phlan-đơ để cứu viện họ. Quân đồng minh Anh - Áo thoả thuận tiến hành hoạt động phòng ngự ở I-ta-li-a, Hà Lan và tại vùng Hạ Ranh, còn toàn bộ chủ lực thì tập trung ở sông Đa-nuýp. Sau cuộc tập kích vào công sự của quân Ba-vi-e ở Sê-len-béc, Man-bô-rô vượt sông Đa-nuýp và hội quân với hoàng thân Ô-gien. Sau đó cả hai ông lập tức xuất quân để tấn công địch. Họ phát hiện địch ở bên kia sông Nê-ben, mà trước sườn địch có các làng Blen-hai-mơ và Kít-xin-ghen bị quân địch chiếm giữ chắc chắn. Quân Pháp ở cánh phải, còn quân Ba-vi-e ở cánh trái. Quân của họ chiếm lĩnh một trận tuyến dài gần 5 dặm và mỗi quân đội của phía đồng minh đều bố trí kỵ binh của mình ở hai bên sườn, thành thử một

1* Mác-xi-mi-li-an II Ê-ma-nu-en

phần trung tâm được cả kỵ binh Pháp và kỵ binh Ba-vi-e che chở. Song, trận địa được chiếm lĩnh không theo những qui tắc chiến thuật thông dụng đương thời. Toàn bộ bộ binh Pháp gồm 27 tiểu đoàn đều cụm lại ở Blen-hai-mơ, nên đối với những binh lính được tổ chức theo kiểu hồi đó và chỉ được huấn luyện để tác chiến trong đội hình kiểu tuyến và trên địa hình bằng phẳng, thì điều đó có nghĩa là bị đặt vào tình trạng hoàn toàn bất lực. Ở vào tình hình nguy hiểm như vậy, họ lại bị quân Anh - Áo tấn công bất ngờ, nhưng Man-bô-rô lợi dụng được rất nhanh tất cả những điều thuận lợi mà tình hình đó tạo cho ông. Sau cuộc tấn công không thành công của địch vào Blen-hai-mơ, ông đột nhiên điều chủ lực của mình vào cánh giữa và dùng nó đột phá cánh giữa của địch. Hoàng thân Ô-gien hoàn thành nhiệm vụ không khó khăn gì - đánh bại quân Ba-vi-e bị cô lập, và tiến hành truy kích toàn diện, còn Man-bô-rô sau khi cắt hẳn đường rút lui của 18 000 quân Pháp bị vây khốn ở Blen-hai-mơ, đã buộc họ hạ vũ khí. Trong số đó có cả nguyên soái Ta-la-rơ. Tổng số thiệt hại của quân Pháp - Ba-vi-e là 30 000 thương vong và tù binh; bên chiến thắng mất chừng 11 000 người. Trận này có tính chất quyết định đối với toàn chiến dịch. Ba-vi-e rơi vào tay người Áo, còn Lu-i XIV thì bị mất uy tín.

Trận hội chiến ấy có ý nghĩa đặc biệt xét theo góc độ chiến thuật. Nó chỉ ra hết sức rành rọt sự khác nhau lớn giữa chiến thuật thời đó với chiến thuật hiện đại. Cái tình huống mà hiện nay được đánh giá là một trong những ưu thế lớn của trận địa bên phòng ngự, tức là có được hai địa điểm dân cư ở phía trước hai sườn, thì lại trở thành nguyên nhân thua trận đối với quân đội thế kỷ XVIII. Thời đó, bộ binh hoàn toàn không thích hợp với chiến đấu trong đội hình tản khai mang tính chất phi chính qui hiển nhiên đó, hiện nay hình thức chiến đấu này làm cho các điểm dân cư có nhà bằng đá do các đơn vị tinh nhuệ phòng thủ, trở thành hầu như không thể chiếm được. Ở Pháp và trên lục địa nói

chung, trận đánh này được gọi là trận Hốch-stét, theo tên của một thị trấn nhỏ ở bên cạnh, đã nổi tiếng nhờ trận đánh xảy ra ở đây vào ngày 20 tháng Chín năm trước²⁵⁴.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 28
tháng Giêng 1858
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. III, 1858*

*In theo bản in trong Bách khoa
toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

BÔ-RÔ-ĐI-NÔ²⁵⁵

Bô-rô-di-nô - một làng của Nga nằm trên tả ngạn của sông Cô-lô-sa, lùi lên hai dặm nữa là chỗ con sông này hoà vào sông Mát-xcơ-va. Người Nga lấy tên làng này để gọi trận đánh lớn đã xảy ra vào năm 1812 và đã quyết định vấn đề chiếm Mát-xcơ-va; người Pháp thì gọi trận đó là trận Mát-xcơ-va hoặc trận Mô-giai-xcơ. Chiến trường nằm ở hữu ngạn sông Cô-lô-sa. Cánh phải quân Nga được con sông này yểm hộ từ chỗ nó chảy vào sông Mát-xcơ-va cho đến Bô-rô-di-nô; cánh trái của nó thụt vào en potence^{1*} đến phía sau con suối nhỏ và cái khe chạy từ điểm ngoài cùng của sườn trái, gần U-ti-xa, đến Bô-rô-di-nô. Phía sau khe ấy, trên hai ngọn đồi có xây dựng lô-cốt không hoàn chỉnh, hay là công sự kiểu lu-nét; trong đó lô-cốt gần trung tâm nhất gọi là lô-cốt Ra-ép-xki, còn ba lô-cốt ở trên ngọn đồi phía trái gọi là các công sự lu-nét mang tên Ba-gra-ti-ôn. Giữa 2 ngọn đồi ấy có một khe sâu khác gọi là khe Xê-me-nốp-xcơ, được gọi theo tên một làng ở phía sau khe này, chạy từ cánh trái quân Nga xuống khe thứ nhất, gặp khe thứ nhất ở cách nơi mà khe thứ nhất ăn ra sông Cô-lô-sa chừng 1 000 i-ác-đơ. Con đường lớn về Mát-xcơ-va chạy qua Bô-rô-di-nô; con đường cũ chạy qua U-ti-xa về Mát-xcơ-va thì ở phía sau lưng trận địa quân Nga. Trận tuyến này, dài chừng 9 000

1* - theo hình chữ L

i-ác-đơ, do gần 130 000 quân Nga phòng thủ, còn Bô-rô-di-nô, do quân Nga chiếm lĩnh, thì ở phía trước trung tâm trận tuyến của họ. Tổng tư lệnh quân Nga là tướng Cu-tu-dốp; quân lính của ông chia thành hai quân đoàn, quân đoàn lớn hơn do Bác-clai-đơ-Tô-li chỉ huy, chiếm lĩnh cánh phải và trung tâm, còn quân đoàn nhỏ hơn do Ba-gra-ti-ôn chỉ huy, thì chiếm lĩnh trận địa cánh tả. Trận địa được lựa chọn rất không thành công. Cuộc tiến công vào cánh trái, nếu thắng lợi, sẽ hoàn toàn dẫn đến việc vu hồi được cánh phải và trung tâm, và nếu quân Pháp đến được Mô-giai-xcơ trước khi sườn phải quân Nga rút lui - mà điều này hoàn toàn có thể thực hiện được - thì tình thế của quân Nga sẽ trở thành hoàn toàn tuyệt vọng. Nhưng sau khi Cu-tu-dốp đã khuếch từ trận địa tuyệt hảo ở Txa-re-vô - Dai-mi-sơ do Bác-clai lựa chọn, thì ông không còn sự lựa chọn nào khác nữa²⁵⁶.

Quân Pháp do Na-pô-lê-ông đích thân chỉ huy gồm khoảng 125 000 người. Ngày 5 tháng Chín theo lịch cũ (26 tháng Tám theo lịch mới) năm 1812 quân Pháp, sau khi đuổi được quân Nga ra khỏi một số chiến hào kém kiên cố ở cánh trái quân Nga, đã chuẩn bị mở cuộc hội chiến vào ngày 7 tháng Chín. Kế hoạch của Na-pô-lê-ông được xây dựng trên các sai lầm của Cu-tu-dốp; hạn chế ở việc giám sát trung tâm quân Nga, ông tập trung lực lượng của mình đánh vào cánh trái quân Nga với ý đồ chọc thủng nó và mở đường tiến thẳng về Mô-giai-xcơ. Do vậy, hoàng thân Ô-gien được lệnh đánh nghi binh vào Bô-rô-di-nô, sau đó Nây và Đa-vu phải tấn công Ba-gra-ti-ôn và đánh vào các công sự kiểu lu-nét mang tên ông ta, trong khi đó Pô-ni-a-tốp-xki phải đánh bọc phía ngoài cùng sườn trái của quân Nga ở U-ti-xa; khi cuộc hội chiến bắt đầu thực sự thì hoàng thân Ô-gien phải vượt sông Cô-lô-sa và đánh vào công sự kiểu lu-nét của Ra-ép-xki. Như vậy chiều dài tuyến tấn công thực tế không vượt quá 5 000 i-ác-đơ, nên có mật độ là 26 người trên mỗi i-ác-đơ, tức là tạo ra một chiều sâu chưa từng thấy trong đội hình chiến đấu, điều đó giải thích thiệt hại ghê gớm của quân Nga vì hoả lực pháo binh. Đến sáng sớm

Pô-ni-a-tốp-xki tiến về U-ti-xa và chiếm được địa điểm này, nhưng đối thủ của ông là Tu-sơ-cốp lại đuổi được ông ra khỏi nơi này; nhưng sau đó, khi Tu-sơ-cốp buộc phải đưa một sư đoàn chỉ viện cho Ba-gra-ti-ôn thì quân Ba Lan lại chiếm được làng này. Vào 6 giờ, Đa-vu đánh thẳng vào sườn trái của các công sự Ba-gra-ti-ôn. Ông tiến lên, gặp phải hỏa lực mãnh liệt của loại pháo 12 pao mà ông chỉ có thể chống lại bằng loại pháo 3 và 4 pao. Nửa giờ sau Nây trực tiếp đánh vào sườn phải của các lu-nét ấy. Những lu-nét ấy bị chiếm đi và giành lại, tiếp sau là cuộc chiến đấu ác liệt, nhưng không đem lại những kết quả có tính chất quyết định.

Nhưng Ba-gra-ti-ôn theo dõi một cách chăm chú những lực lượng lớn đang tiến về phía ông cùng với đội dự bị lớn của nó và quân cận vệ Pháp bố trí ở phía sau. Không còn nghi ngờ gì nữa về hướng tấn công thực sự. Do đó, ông tập trung tất cả các đơn vị có thể tập trung được, điều một sư đoàn của quân đoàn Ra-ép-xki, một sư đoàn khác của quân đoàn Tu-sơ-cốp, điều quân cận vệ và các đơn vị phóng lựu thuộc đội dự bị của tập đoàn quân và yêu cầu Bác-clai, điều đến cho ông toàn bộ quân đoàn Ba-gô-vút. Tất cả những đơn vị tăng viện ấy, mà số lượng lên tới 30 000 người, được phái đi ngay; chỉ riêng từ đội dự bị của tập đoàn quân Ba-gra-ti-ôn đã nhận được 17 tiểu đoàn cận vệ và lính phóng lựu và hai đại đội pháo 12 pao. Nhưng tất cả những lực lượng ấy chỉ đến nơi và kịp đưa vào chiến đấu, sớm nhất là vào lúc 10 giờ, nhưng đến lúc đó thì Đa-vu và Nây đã mở tới đợt tấn công thứ hai vào các công sự và đã chiếm lấy chúng rồi, đã đuổi quân Nga về phía sau khe Xê-mê-nốp-xơ. Bấy giờ Ba-gra-ti-ôn đưa đội giáp kỵ của mình lên; tiếp theo là một cuộc hỗn chiến kịch liệt, trong đó quân Nga tiến lên tùy theo mức độ quân tăng viện, nhưng sau đó lại bị đẩy lùi về phía sau khe ngay khi Đa-vu tung sư đoàn dự bị của mình vào chiến đấu. Thiệt hại của hai bên rất lớn; hầu hết các sĩ quan cao cấp đều bị chết hoặc bị thương và bản thân Ba-gra-ti-ôn cũng bị một vết thương chí mạng. Lúc bấy giờ Cu-tu-dốp, rút cục, đã tham gia chút ít vào trận hội chiến, cử

Đô-khtu-rốp chỉ huy sườn trái và cử tham mưu trưởng của mình là Tôn-li kiểm tra tại chỗ các biện pháp được thi hành để phòng ngự. Sau 10 giờ một chút, 17 tiểu đoàn cận vệ và lính phóng lựu cùng sư đoàn Va-xin-chi-cốp đã đến Xê-mê-nốp-xơ; quân đoàn Bác-gô-vút bị xé lẻ: một sư đoàn tăng viện cho Ra-ép-xki, một sư đoàn cho Tu-sơ-cốp, còn kỵ binh thì được điều về cánh phải. Trong thời gian đó, quân Pháp tiếp tục cuộc tấn công của mình; sư đoàn Ve-xtơ-pha-li tiến trong rừng đến chỗ nhô ra của khe, còn tướng Phri-an vượt khe, nhưng vẫn không thể trụ lại trên trận địa này. Lúc này (10 giờ 30 phút) quân Nga được tăng viện bằng các đội giáp kỵ của Bô-rô-dơ-đin thuộc đội dự bị của tập đoàn quân và một bộ phận kỵ binh của Coóc-phơ, song hàng ngũ của họ còn quá lộn xộn để có thể bước vào tấn công, trong khi đó quân Pháp chuẩn bị một cuộc tấn công qui mô lớn bằng kỵ binh. Ở trung tâm trận địa quân Nga, Ô-gien Bô-hác-ne đã chiếm được Bô-rô-đi-nô vào lúc 6 giờ sáng và vượt sông Cô-lô-sa, đẩy lùi quân địch ở phía trước mình; nhưng chẳng bao lâu ông quay trở lại và lại vượt sông ở phía thượng lưu để cùng với quân cận vệ I-ta-li-a, sư đoàn Bru-xi-ê (quân I-ta-li-a), Giê-rác, Mô-ran và kỵ binh của Gru-si tấn công Ra-ép-xki và lô-cốt mang tên ông. Bô-rô-đi-nô vẫn nằm trong tay quân Pháp. Cuộc vượt sông của quân lính của Bô-hác-ne gây nên sự chậm trễ, và cuộc tiến công của ông không thể bắt đầu trước 10 giờ. Đồn Ra-ép-xki do sư đoàn Pa-xkê-vích chiếm giữ và được Va-xin-chi-cốp yểm trợ ở sườn trái, quân đoàn Đô-khtu-rốp được dùng làm đội dự bị. Vào 11 giờ, đồn bị quân Pháp chiếm, còn sư đoàn Pa-xkê-vích thì bị đánh tan và bị đẩy ra khỏi chiến trường. Nhưng Van-xin-chi-cốp và Đô-khtu-rốp chiếm lại được đồn; lúc đó sư đoàn của hoàng thân Ô-gien-Vuyéc-tem-béc kéo đến, Bác-clai liền lệnh cho quân đoàn Ô-xte-rman chiếm lĩnh trận địa ở phía sau trong tư thế đội dự bị mới. Cùng với quân đoàn này, bộ phận cuối cùng chưa dùng đến của bộ binh Nga được đưa vào sử dụng, đội dự bị chỉ còn lại 6 tiểu đoàn cận vệ. Vào 12 giờ

Ô-gien Bô-hác-ne đã chuẩn bị xong đợt tấn công thứ hai vào đồn Ra-ép-xki, nhưng lúc đó kỵ binh Nga²⁵⁷ xuất hiện trên tả ngạn sông Cô-lô-sa. Cuộc tiến công của Bô-hác-ne bị dừng lại và quân lính được tung ra để đánh kỵ binh. Nhưng quân Nga không chiếm được Bô-rô-di-nô, cũng không vượt được thung lũng đầm lầy của sông Vôi-na và buộc phải rút qua ngã Dô-đốc với kết quả duy nhất là làm đảo lộn, trên mức độ nào đó, kế hoạch của Na-pô-lê-ông.

Lúc bấy giờ Nây và Đa-vu, được bố trí trên đồi Ba-gra-ti-ôn, vẫn tiếp tục bắn mãnh liệt qua khe Xê-mê-nốp-xki vào đám đông quân Nga. Kỵ binh Pháp đột nhiên xuất quân. Ở bên phải trận địa Xê-mê-nốp-xơ, Nan-xu-ti đã tấn công rất thành công vào bộ binh Nga cho đến khi kỵ binh của Xi-véc-xơ tấn công ông vào bên sườn và đẩy lùi ông. Ở bên trái 3 000 kỵ binh của La-tu-rơ-Mô-bu-rơ tấn công thành hai cánh; cánh thứ nhất, gồm hai trung đoàn giáp kỵ người Dắc-den, ở phía trước, đã hai lần đẩy lùi ba tiểu đoàn lính phóng lựu Nga vừa tạo thành đội hình hình chữ nhật, nhưng bản thân lại bị kỵ binh Nga đánh tạt sườn; trung đoàn giáp kỵ Ba Lan đã tiêu diệt được lính phóng lựu Nga, nhưng cũng bị đẩy lùi về khe, ở đây cánh thứ hai, gồm hai trung đoàn giáp kỵ người Ve-xtơ-pha-li và một trung đoàn thương kỵ người Ba Lan, đã đẩy lùi được quân Nga. Như vậy là, cơ sở đã được chuẩn bị xong xuôi, bộ binh của Nây và Đa-vu vượt khe Phri-an chiếm trận địa Xê-mê-nốp-xơ và số tàn quân Nga chiến đấu ở đây - gồm có lính phóng lựu, quân cận vệ và quân chủ lực - đã bị đẩy lùi hẳn và kỵ binh Pháp đánh cho họ hoàn toàn thất bại. Họ bỏ chạy tán loạn thành những nhóm nhỏ về Mô-giai-xơ, và đến đêm khuya mới tập hợp họ được; chỉ có ba trung đoàn cận vệ là giữ được chút ít trật tự. Thế là cánh phải quân Pháp đã đánh tan cánh trái quân Nga và vào lúc 12 giờ đã chiếm lĩnh được trận địa ngay phía sau cánh trung tâm quân Nga; bây giờ Đa-vu và Nây khẩn khoản yêu cầu Na-pô-lê-ông hành động theo những nguyên tắc chiến thuật của chính ông ta, và hoàn thành chiến thắng bằng

việc tung quân cận vệ qua trận địa Xê-mê-nốp-xơ để tiến vào sau lưng quân Nga. Nhưng Na-pô-lê-ông cự tuyệt điều đó, còn Nây và Đa-vu, với số quân lính cũng rất lộn xộn, thì không dám tấn công khi không có quân tăng viện.

Về phía quân Nga, sau khi Ô-gien Bô-hác-ne ngừng tấn công đồn Ra-ép-xki thì Ô-gien Vuyéc-tem-béc được điều về trận địa Xê-mê-nốp-xơ còn Ô-xte-rman cũng buộc phải chuyển trận tuyến sang hướng ấy, để từ phía trận địa Xê-mê-nốp-xơ có thể yểm trợ phía sau của đồi Ra-ép-xki. Khi tư lệnh pháo binh Pháp là Xoóc-bi-e thấy những lực lượng mới ấy, ông liền ra lệnh điều 36 khẩu pháo loại 12 pao của đội pháo binh cận vệ và tổ chức trận địa pháo gồm 85 khẩu ở phía trước trận địa Xê-mê-nốp-xơ. Trong khi những khẩu pháo ấy bắn vào đám đông quân Nga thì Mui-ra đưa lên phía trước đội kỵ binh của Môn-bren và đội thương kỵ Ba Lan còn chưa được sử dụng. Họ bất ngờ tấn công vào quân của Ô-xte-rman vào lúc số quân này đang triển khai, và đẩy chúng vào tình thế cực kỳ nguy hiểm, nhưng lúc đó kỵ binh của Crây-xơ đã đẩy lùi kỵ binh Pháp. Bộ binh Nga vẫn bị thiệt hại vì hỏa lực pháo binh, nhưng không bên nào dám tiến lên. Vào khoảng hai giờ, khi Ô-gien Bô-hác-ne tin chắc rằng sườn trái của mình không còn bị pháo binh địch uy hiếp nữa, ông lại tấn công vào đồn Ra-ép-xki. Trong khi bộ binh tấn công đồn từ phía chính diện thì kỵ binh từ trận địa Xê-mê-nốp-xơ tiến vào phía sau lưng đồn này. Sau cuộc chiến đấu ngoan cường, đồn này nằm trong tay quân Pháp, còn quân Nga rút lui vào lúc gần 3 giờ. Cuộc pháo kích chung của hai bên còn tiếp tục, nhưng hoạt động chiến đấu tích cực đã ngừng lại. Na-pô-lê-ông vẫn từ chối tung quân cận vệ của mình vào chiến đấu, nên quân Nga có thể rút lui theo ý muốn. Quân Nga đã đưa vào chiến đấu tất cả các đơn vị của mình, trừ hai trung đoàn cận vệ đầu tiên, nhưng ngay cả những trung đoàn này cũng bị thiệt hại vì hỏa lực pháo binh, mất 17 sĩ quan và 600 binh sĩ. Tổng số thiệt hại của quân Nga là 52 000 người, không

kể số thương binh nhẹ và những binh sĩ lạc đơn vị nhưng đã nhanh chóng tìm về được đơn vị mình; nhưng hôm sau trận hội chiến quân đội của họ chỉ còn 52 000 người. Quân Pháp cũng đưa vào chiến đấu toàn bộ số quân của mình, trừ quân cận vệ (14 000 bộ binh và 5 000 kỵ binh cùng pháo binh), như thế là họ đã đánh bại được lực lượng có ưu thế rõ ràng so với họ. Ngoài ra, pháo binh của họ yếu hơn, vì nó chủ yếu gồm loại pháo 3 và 4 pao, trong khi một phần tư số pháo binh của quân Nga là gồm loại pháo 12 pao, và số còn lại, là loại pháo 6 pao. Quân Pháp bị thiệt hại 30 000 người, họ chiếm được 40 khẩu pháo và bắt tất cả chừng 1 000 tù binh. Nếu Na-pô-lê-ông đưa vào chiến đấu đội quân cận vệ của mình thì, theo lời tướng Tôn, quân đội Nga chắc chắn bị tiêu diệt. Nhưng ông không dám phiêu lưu đội dự bị cuối cùng của mình, hạt nhân và trụ cột của quân đội mình, và có lẽ vì vậy, ông đã bỏ lỡ dịp ký hoà ước ở Mát-xcơ-va.

Bài thuật lại trên đây về cuộc hội chiến - với những chi tiết không giống với những điều đang lưu truyền - chủ yếu dựa vào cuốn "Hồi ký của tướng Tôn"²⁵⁸ người mà chúng tôi nhắc đến trên kia với tư cách là tham mưu trưởng của Cu-tu-dốp. Cuốn sách đó là bản tường thuật tốt nhất của phía Nga về trận hội chiến này, và do tính chính xác khi đánh giá, cuốn sách này là nguồn tài liệu khó thay thế được.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 28 tháng Giêng 1858
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. III, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

BI-ĐA-XÔ-A

Bi-đa-xô-a - một con sông nhỏ ở các tỉnh thuộc vùng Ba-xơ của Tây Ban Nha, nổi tiếng vì những trận đánh diễn ra trên hai bờ sông này giữa quân Pháp, do Xun-tơ chỉ huy, và quân Anh, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha do Oen-lin-tơn chỉ huy. Sau thất bại ở Vi-tô-ri-a vào năm 1813²⁵⁹, Xun-tơ tập hợp quân của mình vào một trận địa mà sườn phải của nó dựa vào bờ biển đối diện với Phu-en-te-ra-bia, phía trước là sông Bi-đa-xô-a, còn cánh giữa và sườn trái thì kéo dài dọc theo các đỉnh núi về hướng Xanh-Giăng-đơ-Li-út. Từ trận địa ấy ông đã tìm cách giải vây cho đội quân đóng giữ Pam-plô-na, nhưng bị đánh lui. Xanh-Xê-ba-xchiên bị Oen-lin-tơn bao vây thì đang ở vào tình cảnh rất khó khăn, và Xun-tơ quyết định buộc địch phải rút bỏ cuộc bao vây. Từ trận địa của ông ở vùng hạ lưu Bi-đa-xô-a chỉ có 9 dặm là đến Ôi-ác-xun, một làng trên đường đi Xanh-Xê-ba-xchiên, và nếu ông có thể đến được làng ấy thì người ta phải rút bỏ cuộc bao vây. Do đó, cuối tháng Tám 1813, Xun-tơ tập trung ở khu vực Bi-đa-xô-a hai cánh quân. Cánh quân ở sườn trái, do tướng Clô-den chỉ huy gồm 20 000 người và 29 khẩu pháo, đã chiếm lĩnh trận địa trên đỉnh núi đối diện với Ve-ra (vùng thượng lưu sông, phía sau địa điểm này nằm trong tay liên quân), trong khi đó tướng Rai-lơ với 18 000 quân và đội dự bị 7 000 người do Phoa chỉ huy thì bố trí ở hạ lưu sông, gần con đường từ Bai-ôn đi I-run.

Dinh lữ ở hậu phương quân Pháp, do hai sư đoàn của D'Éc-lon đóng giữ, có nhiệm vụ đánh lui bất cứ cuộc vận động vu hồi nào ở phía sườn phải của liên quân.

Oen-lin-tôn nhận được các tin tình báo về kế hoạch của Xun-tơ và thi hành mọi biện pháp đề phòng. Sườn trái ngoài cùng trận địa của ông, phía trước được yểm hộ bởi cửa sông Bi-đa-xô-a mà thủy triều lên tới được, có công sự tốt, tuy chỉ có một đội quân không đông chiếm giữ; cánh giữa được hình thành bởi dãy núi dốc đứng Xan-Mác-xi-an khó qua lại, có xây dựng công sự dã chiến và do đội quân Tây Ban Nha của Phrây-rơ chốt giữ, còn sư đoàn số 1 của quân Anh làm đội dự bị và được bố trí ở phía sau sườn trái của đơn vị quân Phrây-re, gần con đường đi I-run. Cánh phải gồm có quân Tây Ban Nha của Lông-ga và sư đoàn số 4 gồm quân Anh - Bồ Đào Nha được bố trí ở sườn dốc đứng của dãy núi Pê-ni-a-đơ-Ai-a; lữ đoàn In-glít của sư đoàn số 7 nối liền cánh phải với sư đoàn trang bị nhẹ đóng ở Ve-ra, và với các đơn vị tác chiến độc lập ở xa nữa về bên phải, giữa các cao điểm. Theo kế hoạch của Xun-tơ, Rai-lơ phải chiếm lấy Xan-Mác-xi-an (mà ông định biến thành công sự đầu cầu để tác chiến sau này) và đẩy lùi liên quân về tận trận địa sườn phải của nó ở hẻm núi Pê-ni-a-đơ-Ai-a, nhờ đó mà dọn sạch con đường cái cho Phoa là người phải tấn công dọc theo đường ấy cho đến tận Ôi-ác-xun, trong khi đó Clô-den sau khi để lại một sư đoàn giám sát Ve-ra sẽ vượt sông Bi-đa-xô-a ở phía dưới địa điểm này chút ít và phải đẩy lùi tất cả những đơn vị chống cự lại ông đến núi Pê-ni-a-đơ-Ai-a, nhờ đó từ bên sườn ông chi viện cho cuộc tấn công của Rai-lơ.

Sáng sớm ngày 31 tháng Tám, quân của Rai-lơ chia thành mấy cánh, lội qua sông, tấn công mãnh liệt chiếm được đỉnh thứ nhất của dãy núi Xan-Mác-xi-an và tiến sang những đỉnh cao hơn và có tính chất khống chế trong số các cao điểm ấy. Nhưng ở khu vực khó đi lại này, quân của ông chỉ huy tồi nên dẫm ra rối loạn; tuyến xạ thủ và các đơn vị chi viện họ hoà lẫn vào nhau và ở một số nơi thì túm tụm lại thành những nhóm lộn xộn, trong khi

đó các cánh quân Tây Ban Nha từ trên cao lao xuống và đẩy họ lùi về bờ sông. Đợt tấn công thứ hai ban đầu có thuận lợi hơn, và đưa quân Pháp đến tận trận địa quân Tây Ban Nha; nhưng ở đây sức tấn công của quân Pháp đã kiệt và cuộc tấn công mới của quân Tây Ban Nha lại đẩy họ chạy tán loạn về phía Bi-đa-xô-a. Trong khi đó Xun-tơ được tin Clô-den tấn công thành công và đang tiến dần tới vùng núi Pê-ni-a-đơ-Ai-a, đẩy lùi quân Bồ Đào Nha, quân Anh và quân Tây Ban Nha ở phía trước họ, thì lập tức thành lập các cánh quân gồm đội dự bị của Rai-lơ và các binh lính của Phoa để mở một đợt tấn công thứ ba và cuối cùng; đúng lúc đó thì có tin Đ'Éc-lon đang bị lực lượng lớn tấn công tại doanh trại của mình. Sau khi sự tập trung của quân Pháp ở hạ lưu sông Bi-đa-xô-a đã để lộ rõ hướng tấn công thực tế của họ, Oen-lin-tôn ra lệnh cho tất cả các đơn vị quân ở phía ngoài cùng của sườn phải của mình tập trung trên các cao điểm phải mở cuộc tấn công vào tất cả các đơn vị quân địch đang chống cự với họ. Tuy cuộc tấn công này bị đẩy lùi, nó vẫn rất kịch liệt và có thể tái diễn. Trong khi đó, một bộ phận của sư đoàn nhẹ của Anh được bố trí ở tả ngạn sông Bi-đa-xô-a để qua đó mà uy hiếp sườn các đơn vị tấn công của Clô-den. Bấy giờ Xun-tơ từ bỏ cuộc tấn công đã dự định và gọi số quân của Rai-lơ trở về bên này sông Bi-đa-xô-a. Quân của Clô-den chỉ thoát khỏi địch vào đêm khuya sau cuộc chiến đấu ngoan cường để vượt qua cầu ở Ve-ra, vì do mưa to trong ngày đó nên các chỗ cạn không lội qua được. Liên quân đã đánh chiếm Xanh-Xê-ba-xchiên, trừ ngôi thành mà vào ngày 9 tháng Chín mới đầu hàng.

Cuộc chiến đấu thứ hai trên sông Bi-đa-xô-a xảy ra ngày 7 tháng Mười khi Oen-lin-tôn vượt con sông này. Cách bố trí quân của Xun-tơ hầu như không thay đổi; Phoa chiếm lĩnh dinh lữ Xanh-Giăng-đơ-Li-út, Đ'Éc-lon chiếm lĩnh Uốc-đắc-xơ và doanh trại Ê-noa, Clô-den đóng trên đỉnh núi nối liền Uốc-đắc-xơ với hạ lưu sông Bi-đa-xô-a, còn Rai-lơ đóng dọc theo sông này từ sườn phải của Clô-den đến tận biển. Toàn tuyến chính diện đều xây dựng công sự, và người Pháp còn tăng cường công sự của mình. Cánh

phải của quân Anh đóng đối diện với Phoa và Đ'Éc-lon; cánh giữa gồm quân Tây Ban Nha của Gi-rôn và sư đoàn nhẹ, còn quân Tây Ban Nha của Lông-ga và sư đoàn số 4 làm đội dự bị, cả thảy có 20 000 người, thì được bố trí đối diện với Clô-den; còn ở hạ lưu sông Bi-đa-xô-a là quân Tây Ban Nha của Phrây-rơ, các sư đoàn Anh-Bồ Đào Nha số 1 và số 5 và các lữ đoàn độc lập của Ấy-lơ-me-rơ và Uyn-xơn, tất cả là 24 000 người đã chuẩn bị tấn công Rai-lơ, Oen-lin-tơn đã thi hành mọi biện pháp để bảo đảm sự bất ngờ của cuộc tấn công. Đêm 6 rạng sáng 7 tháng Mười, quân của ông được bố trí ở những địa điểm mà địch hoàn toàn không quan sát được, còn lều bạt thì không được dỡ bỏ. Ngoài ra, bọn người buôn lậu còn chỉ cho ông vị trí của ba chỗ lội qua sông ở cửa sông Bi-đa-xô-a mà thủy triều lên tới được, những chỗ nông này có thể lội qua được khi thủy triều xuống và quân Pháp không hề biết nên cho rằng mình được hoàn toàn an toàn ở đoạn này.

Sáng sớm ngày 7 tháng Mười, trong khi đội dự bị của quân Pháp hạ trại ở phía sau xa mặt trận, trong khi nhiều binh sĩ của một sư đoàn nằm tuyến đầu bị điều đi lao động ở các đồn thì sư đoàn số 5 của Anh và lữ đoàn của Ấy-lơ-me-rơ lội qua cửa sông Bi-đa-xô-a và tiến về dinh lũy nổi tiếng với tên gọi "doanh trại của bọn Xăng-quy-lốt". Khi họ vừa lên bờ bên kia thì pháo từ Xan-Mác-xi-an bắt đầu bắn và 5 cánh quân nữa tiến lên để lội qua sông. Họ đã chinh đốn được hàng ngũ ở bờ hữu ngạn trước khi quân Pháp kịp chống cự; quả thực cuộc tấn công là hoàn toàn bất ngờ; các tiểu đoàn của quân Pháp đến từng tiểu đoàn một và không đúng thời gian, đều bị đánh tan, và toàn bộ trận tuyến cùng trận địa then chốt là cao điểm Croa-đơ-Bu-cơ đều bị chiếm trước khi bất cứ đội dự bị nào tới. Quân Pháp đã bỏ các doanh trại Bi-ri-a-tu và Bin-đốc-xơ nối liền Rai-lơ với Clô-den, vì bị Phrây-rơ đánh bực sau khi chiếm được cao điểm Man-đa-lơ. Quân lính của Rai-lơ rút lui hỗn loạn cho đến gần U-rô-ni-e mới dừng lại khi gặp Xun-tơ từ Ê-xpê-lết vội vã đem đội dự bị tới. Ngay khi còn ở đây, ông đã được tin Uốc-đắc-xơ bị tiến công; nhưng ông không phút nào nghi ngờ hướng tấn công thực sự, nên cứ tiến về

hạ lưu sông Bi-đa-xô-a, nhưng nơi đây ông cũng đến quá muộn nên không cứu vãn được tình thế. Trong khi đó cánh giữa quân Anh tấn công Clô-den và chiếm dần trận địa của ông sau các cuộc tấn công chính diện cũng như bên sườn. Đến chiều tối, trong tay Clô-den chỉ còn một điểm cao nhất của đỉnh núi, cao điểm Gran-đơ-Ruyn mà ông rời bỏ vào hôm sau. Thiệt hại của quân Pháp lên khoảng 1 400 người, còn liên quân mất chừng 1 600 thương vong. Tính bất ngờ của cuộc đột kích được bảo đảm tốt đến nỗi trên thực tế quân Pháp buộc phải phòng thủ trận địa của mình với lực lượng chỉ có 10 000 người và họ đã phải chịu đựng cuộc tấn công mãnh liệt của 33 000 binh lính của liên quân và đã bị đánh bật khỏi những trận địa ấy trước khi bất cứ đội dự bị nào kịp đến tăng viện cho họ.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 11
tháng Hai 1858
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. III, 1858*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

BU-ĐA

Bu-đa, hoặc *Ô-phen* - thành phố ở bờ tây sông Đa-nuýp, thủ đô cũ của Hung-ga-ri, hiện nay là thủ phủ vùng Pét. Dân cư của thành phố này và bảy khu ngoại ô của nó, kể cả dân cư của Ô-phen cũ được sáp nhập vào thành phố này năm 1850, là 45 653 người, không kể đội quân bảo vệ và học sinh đại học. Theo đường thẳng, thành phố này cách Viên 135 dặm về phía đông - nam của nó, và cách Ben-grát 200 dặm về phía tây - bắc của nó. Trước kia, thành phố được nối liền với Pét, ở bên kia sông, bằng cầu phao, từ năm 1849 bằng cầu treo dài 1 250 phút; từ năm 1852 người ta đã xây dựng đường hầm để nối liền cầu với thành. Chu vi Bu-đa dài chừng 9 dặm; thành phố được xây dựng xung quanh Slô-xbéc, một núi đá đứng một mình với những dốc thoải. Phần trung tâm và cao nhất gọi là thành trì, là bộ phận được quy hoạch đúng đắn nhất của thành phố, trong đó có nhiều ngôi nhà và quảng trường đẹp. Xung quanh thành có tường; từ tường thành kéo dài đến sông là mấy khu ven đô. Những ngôi nhà chính của thành phố là hoàng cung - một toà nhà hình chữ nhật, dài 564 phút, trong đó có 203 phòng; nhà thờ Đức mẹ lên trời và nhà thờ của đội quân bảo vệ, cả hai nhà thờ này xây theo kiểu gô-tích; kho vũ khí, cung khánh tiết và toà thị chính. Ở Bu-đa có 12 nhà thờ Thiên chúa giáo, một nhà thờ chính thống giáo Hy Lạp và một nhà thờ Do Thái, một số nam tu viện và nữ tu viện, rạp hát và

nhiều cơ quan quân sự, trường học và cơ quan từ thiện lớn. Có một số nhà xuất bản; có ba tờ báo được ấn hành. Đài thiên văn được xây dựng trên ngọn đồi ở phía nam thành phố, cao hơn mặt Địa Trung Hải 516 phút, nhà in của Đại học Pét cũng nằm trong đài này; người ta đã không tiếc tiền để trang bị cho đài thiên văn này những khí tài tốt nhất. Ở các nơi thuộc ngoại thành có các suối nước nóng chứa lưu huỳnh và các vết tích nhà tắm mà người La Mã và Thổ Nhĩ Kỳ xây dựng trong thời kỳ chiếm đóng nơi này. Rượu nho là thứ hàng chính của ngành thương mại thành phố (chủ yếu là rượu nho đỏ, giống loại rượu nho Buốc-gun-di); nó được sản xuất ở các vườn nho trên các đồi lân cận, sản lượng hàng năm, theo thống kê, là 4 500 000 ga-lông. Cũng có xưởng đúc pháo và máy công xưởng sản xuất tơ, nhung, vải bông và vải len và da thuộc. Ở đây người ta đóng tàu cho công ty vận tải tàu thủy Đa-nuýp, đem lại việc làm cho gần 600 người. Bu-đa là trụ sở cố định của tổng đốc Hung-ga-ri và của các đại diện chính quyền nhà nước.

Có người cho rằng thành phố này nằm trên địa điểm của Ác-vin-cum cổ đại, được nhắc tới trong "Sách chỉ đường của An-tô-nin"²⁶¹. Thời kỳ tồn tại Vương quốc Hung-ga-ri thì Bu-đa là nơi đóng đô của các vua, họ đã mở rộng và tô điểm nó; Mát-vây Đại đế là người đầu tiên làm việc đó. Bu-đa bị Thổ Nhĩ Kỳ thời Xu-lây-man Đại đế chiếm vào năm 1526, nhưng đến năm sau thành phố lại được thu hồi. Năm 1529 nó lại rơi vào tay người Thổ Nhĩ Kỳ và nằm trong tay họ cho đến năm 1686 khi Các-lơ Lô-ta-rin hoàn toàn giành lại nó, đến năm 1784 nó lại trở thành nơi đóng trụ sở của chính phủ. Trong toàn bộ lịch sử của nó, Bu-đa bị bao vây ít nhất là 20 lần. Cuộc bao vây cuối cùng xảy ra vào tháng Năm 1849, khi quân đội Hung-ga-ri, do Guéc-gây chỉ huy, đánh lui quân đội Áo đến biên giới phía tây của vương quốc. Về hoạt động tiếp theo thì người ta bàn đến hai kế hoạch: hoặc mở rộng thắng lợi đã đạt được bằng việc kiên quyết truy kích địch đến tận

lãnh thổ của nó, đánh tan lực lượng của nó trước khi quân Nga, bấy giờ đang tiến về Hung-ga-ri, đến kịp, và tìm cách làm nổ ra cách mạng ở Viên; hoặc dừng lại ở trận địa phòng ngự trước Cô-móc-nơ và tách ra một lực lượng lớn để bao vây Bu-đa, nơi mà quân Áo khi rút lui đã để lại đội quân đồn trú. Guéc-gây quả quyết rằng Cô-sút và Cláp-ca kiên quyết đòi thực hiện kế hoạch này; nhưng Cláp-ca nói rằng ông không biết Cô-sút có ra mệnh lệnh như thế hay không, và phủ nhận việc bản thân ông đã khuyến nghị thực hiện bước đi đó. Song, khi so sánh hồi ký của Guéc-gây với hồi ký của Cláp-ca²⁶², chúng ta buộc phải thừa nhận rằng cho tới nay vẫn còn rất chưa rõ ràng xem ai có lỗi trong việc tiến quân về Bu-đa, cũng như những bằng chứng mà Cláp-ca đưa ra thì trên chừng mực nào đó, không phải là không tranh cãi được. Guéc-gây cũng quả quyết rằng quyết định của ông ta còn bắt nguồn từ tình trạng hoàn toàn thiếu đạn dược cho pháo dã chiến và các vật tư khác, ngoài ra bản thân ông tin rằng quân đội sẽ cự tuyệt việc vượt biên giới. Dù sao thì tất cả các hành động tấn công đều dừng lại, và Guéc-gây đem 30 000 người tiến về Bu-đa. Do biện pháp đó, hy vọng cuối cùng để cứu vãn Hung-ga-ri đã bị mất. Quân Áo có dịp trấn tĩnh lại sau thất bại, chỉnh đốn lại lực lượng của mình và 6 tuần sau, quân Nga xuất hiện ở biên giới Hung-ga-ri, họ đã lại tấn công với đạo quân 127 000 người, ngoài ra còn hai quân đoàn dự bị lúc đó còn đang được thành lập. Như vậy là cuộc bao vây Bu-đa là bước ngoặt trong cuộc chiến tranh Hung-ga-ri vào những năm 1848-1849 và nếu trong quá khứ giữa Guéc-gây và quân Áo quả thực đã có quan hệ phản bội thì những quan hệ ấy phải xảy ra đại để vào thời gian ấy.

Thành lũy Bu-đa chỉ là tàn tích thảm hại của ngôi thành cổ của người Thổ Nhĩ Kỳ, họ vẫn từng nấp sau tường thành này để đẩy lùi mọi cuộc tấn công của quân đội Hung-ga-ri và quân đội hoàng đế. Hào và dê dốc bị san bằng với mặt đất, chỉ còn lại bức tường thành chính - những công trình rất cao, được xây bằng đá. Hình dáng cơ bản của thành lũy là hình chữ nhật mà các cạnh

đều ít nhiều khúc khuỷu để có thể phát huy hỏa lực tạt sườn khá hiệu quả. Chiến hào được xây dựng gần đây đi từ mặt đông xuống sông Đa-nuýp và che chở cho các công trình dẫn nước cung cấp cho thành lũy. Đội quân bảo vệ gồm có 4 tiểu đoàn bộ binh, chừng một đại đội công binh và một số lượng pháo thủ cần thiết, họ được đặt dưới sự chỉ huy của thiếu tướng Hen-txi, một sĩ quan dũng cảm và kiên quyết. Trên tường thành có đặt 75 khẩu pháo. Ngày 4 tháng Năm, sau khi thành bị bao vây và bị pháo dã chiến hạng nặng pháo kích một thời gian ngắn, Guéc-gây đề nghị với đội quân bảo vệ hãy đầu hàng. Khi đề nghị này bị bác bỏ, ông ra lệnh cho Cmê-ti tấn công các công trình dẫn nước, dưới sự yểm hộ của hỏa lực của toàn bộ các khẩu pháo hiện có, cánh quân của Cmê-ti tiến lên, nhưng các khẩu pháo bố trí trong chiến hào đã dùng hỏa lực bắn dọc bắn vào cánh quân đang tiến lên, nhanh chóng đánh lui nó. Điều đó chứng tỏ rằng không thực hiện các công việc vây đánh trước, thì không bao giờ chiếm được thành lũy này bằng tấn công, rằng cần có sự tấn công bằng pháo binh để thoát đầu mở đột phá khẩu để có thể đi qua được. Nhưng Guéc-gây không có cỡ pháo lớn hơn pháo 12 pao, và, thậm chí đối với các khẩu pháo này cũng không đủ đạn dược. Nhưng sau một thời gian, từ Cô-móc-nơ người ta đã đưa đến 4 khẩu pháo loại 24 pao và một khẩu loại 18 pao, rồi sau lại chuyển đến 6 khẩu cối. Ở cự ly 500 i-ác-đơ trên điểm cao, cách góc tây-bắc của tường thành người ta đã đặt trận địa pháo công thành, ngày 15 tháng Năm trận địa này bắt đầu bắn. Trước đó Hen-txi đã pháo kích thành phố Pét mà không cần có lý do và không hy vọng đạt được điều gì nhờ hành động ấy. Ngày 16 tháng Năm người ta mở được đột phá khẩu, song khả năng qua được là rất nhỏ; nhưng Guéc-gây quyết định cường tập vào đêm hôm sau: một cánh quân phải tấn công ở đột phá khẩu, hai cánh khác cường tập tường thành, còn cánh quân thứ tư, do Cmê-ti chỉ huy, phải chiếm lấy các công trình dẫn nước. Các cuộc cường tập đã không thành công ở bất cứ nơi nào. Cuộc công kích bằng pháo được khôi phục. Khi pháo công thành

hoàn thành nhiệm vụ của nó, thì hàng rào xung quanh các công trình dẫn nước đã bị pháo 12 pao phá huỷ, và phần bên trong thành lũy bị bắn phá. Đêm nào cũng có những đợt tấn công nghi binh để quấy rối đội quân bảo vệ. Tối ngày 20 người ta lại đã chuẩn bị cuộc cường tập mới. Người ta vẫn duy trì 4 cánh quân trước đây với những mục tiêu công kích như cũ, sáng sớm ngày 21 họ tiến đánh thành lũy. Sau cuộc chiến đấu quyết liệt, trong đó Hen-txi đích thân phòng thủ địa điểm đột phá khẩu và bị tử thương, tiểu đoàn Hôn-vét số 47²⁶³ chiếm lĩnh đột phá khẩu; theo sau nó là tiểu đoàn số 34, trong khi đó C-mê-ti tấn công công trình dẫn nước, còn quân của quân đoàn 3 do C-nê-tích chỉ huy, thì tấn công tường thành gần cửa Viên. Cuộc chiến đấu quyết liệt đã diễn ra bên trong thành lũy, nhưng chẳng bao lâu sau quân bảo vệ đã đầu hàng. Trong tổng số 3 500 người có khoảng 1 000 người bị chết, số còn lại bị bắt làm tù binh. Trong cuộc vây đánh, quân Hung-ga-ri bị thiệt hại 600 người.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 11 tháng Hai 1858

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. IV, 1859

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

CÔNG SỰ ĐẦU CẦU

Công sự đầu cầu hoặc tète-de-pont - trong việc xây thành - là công sự vĩnh cửu hoặc dã chiến, được dựng lên tận đầu cầu nhằm mục đích bảo vệ cầu và đảm bảo cho lực lượng giữ cầu có thể cơ động ở hai bên bờ sông. Sự tồn tại của công sự đầu cầu là tuyệt đối cần thiết đối với những pháo đài hiện đại lớn nằm trên bờ sông lớn hoặc ngã ba sông. Trong trường hợp này, khu ngoại ô có công sự tốt ở bờ sông bên kia thường là công sự đầu cầu. Chẳng hạn, Ca-xten là công sự đầu cầu đối với Ma-in-xơ, Ê-ren-brây-stainơ là công sự đầu cầu đối với Cô-blen-tơ, và Đoi-xơ là công sự đầu cầu đối với Khuên. Thời kỳ chiến tranh cách mạng, quân Pháp chiếm được Ken lập tức biến nó thành công sự đầu cầu đối với Xtơ-ra-xbua. Ở Anh, Gô-xpóc-tơ có thể coi là công sự đầu cầu của Póc-xmút, tuy ở đây không có cầu và tuy nó cũng làm chức năng khác rất quan trọng. Giống như trong trường hợp nói sau cùng, công sự ở bên bờ kia sông hoặc eo biển hẹp cũng thường được gọi là công sự đầu cầu ngay cả khi không có cầu, vì đồng thời với việc yểm hộ cho quân đổ bộ và chuẩn bị cho các hoạt động tấn công, công sự này cũng làm chức năng như trên, và xét theo góc độ chiến lược thì nó xứng đáng với tên gọi đó. Khi nói về trận địa của một đạo quân được bố trí trên con sông lớn nào đó thì tất cả những điểm tựa bảo vệ nó ở bên bờ kia sông đều được gọi là công sự đầu cầu của nó, bất kể chúng là cứ điểm,

làng mạc có công sự hoặc công sự dã chiến thông thường, vì tất cả những công sự ấy đều bảo đảm an toàn cho quân lính vượt qua sang bờ sông bên kia. Như năm 1813, khi Na-pô-lê-ông rút lui từ Nga đến sông En-bơ thì dừng lại, lúc ấy Hăm-buốc, Mác-đơ-buốc, Vít-ten-béc và Toóc-hai đều là công sự đầu cầu của ông ở hữu ngạn sông này. Trong xây thành dã chiến, công sự đầu cầu thường là những công sự rất đơn giản và gồm có bonnet-à-prêtre^{1*} hoặc có khi gồm công sự hình kèn hoặc công sự hình mũi mỏ ra phía sông và có lô-cốt ở ngay phía trước cầu. Có khi những làng mạc nhỏ, cụm công trình xây dựng cho nông nghiệp hoặc những nhà cửa khác ở gần cầu, sau khi được cải tạo cho thích hợp với phòng ngự, cũng có thể biến thành những công sự đầu cầu khá tốt, vì trong điều kiện chiến thuật hiện đại của bộ binh nhẹ, những công trình ấy - nếu nhìn chung chúng thích hợp với phòng ngự - đều có thể được sử dụng để chống cự nếu không tốt hơn thì cũng không kém gì bất cứ công sự dã chiến nào được xây dựng theo mọi nguyên tắc của nghệ thuật quân sự.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 11 tháng Hai 1858
 Đã in trong "New American Cyclopaedia",
 t. III, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư
 Nguyên văn là tiếng Anh
 In bằng tiếng Nga lần đầu

^{1*} Xem tập này, tr. 162.

PH.ĂNG-GHEN

MÁY PHÓNG

Máy phóng (xuất xứ từ chữ Hy Lạp $\chi\alpha\iota\tau\alpha$ - "chĩa vào" và $\pi\alpha\lambda\lambda\omega$ - "ném") - khí tài quân sự cổ xưa được dùng để phóng đá, lao hoặc những vật được dùng để bắn khác; được phát minh ở Xi-ra-cu-giơ dưới triều Đi-ô-ni-di-ốt Bô. Nó hoạt động theo nguyên lý của chiếc cung và gồm có khung bằng gỗ và một bộ phận có tính dễ uốn, co dãn được và có lắp thùng to bện bằng lông hoặc lõi dây. Máy phóng có nhiều cỡ tùy theo chúng được dùng cho hoạt động dã chiến hay bắn phá thành. Loại lớn nhất phóng được khúc gỗ dài 6 phút, nặng 60 pao bắn xa 400 bước, còn Giô-dép Phla-vi-út dẫn ra những trường hợp máy phóng bắn những hòn đá lớn xa tới $\frac{1}{4}$ dặm. Trong thời gian vây đánh Giê-ru-xa-lem, người La Mã đã sử dụng 300 máy phóng như thế²⁶⁴. Từ thời I-u-li-út Xê-da, các tác giả Cổ La Mã không phân biệt máy phóng với nỏ cỡ lớn ban đầu chỉ dùng để phóng những tảng đá.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 18 tháng Hai 1858
 Đã in trong "New American Cyclopaedia", t.
 IV, 1859

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư
 Nguyên văn là tiếng Anh
 In bằng tiếng Nga lần đầu

PH.ĂNG-GHEN

TRẠI DÃ CHIẾN

Trại dã chiến là nơi quân lính dừng chân để nghỉ một đêm, hoặc một thời gian dài hơn trong lều bạt, ngoài trời hoặc dưới bất cứ mái che nào có thể dựng lên nhanh chóng. Quân lính đóng phân tán ở các làng mạc hoặc - sau một chiến dịch - chia ra đóng ở các kho lán thì gọi là nơi trú quân. Doanh trại là nơi đóng quân thường xuyên. Na-pô-lê-ông cho rằng lều bạt là vô dụng, thà để binh sĩ ở ngoài trời, khi ngủ thì chân sưởi cạnh đồng lửa và chắn gió bằng những phen nhẹ và vật chắn bằng cành cây. Xi-bli, thiếu tá quân đội Mỹ, đã phát minh ra lều bạt có thể chứa được 20 lính kỵ binh với trang bị của họ; binh sĩ ngủ trong đó, chân để gần đồng lửa ở giữa lều bạt. Lều bạt trú quân ngoài trời được sử dụng trong quân đội Pháp từ năm 1837. Chúng được làm bằng vải bông tẩm cao su, do đó không thấm nước. Mỗi binh sĩ mang theo một mảnh của tấm vải bạt đó; các phần của lều bạt được nối liền nhanh chóng bằng những chiếc móc. Khi lựa chọn nơi hạ trại, điều có ý nghĩa quan trọng là nguồn nước uống tốt ở khoảng cách thích đáng, cũng như gần rừng để có chất đốt và vật liệu che chắn. Những con đường tốt, sông đào hoặc sông tàu bè đi lại được có ý nghĩa quan trọng đối với việc cung cấp nhu yếu phẩm cho quân lính, nếu họ đóng quân trong một thời gian dài. Cần tránh nơi gần đầm lầy hoặc nước đọng. Để tiện cho phòng thủ, địa điểm phải tạo khả năng cho quân đội cơ động được. Kỵ binh và bộ binh phải được bố trí sao cho có thể trên cùng một tuyến - kỵ binh ở hai sườn, bộ binh ở giữa. Mái che hoặc lán trại, trong chừng mực tính chất của địa hình cho phép, phải được bố trí thành hàng

thẳng góc với chính diện và kéo dài từ đầu nọ đến đầu kia của trại. Song, đối với việc dựng trại dã chiến không thể quy định một quy tắc phổ biến nào cả: người chỉ huy phải tùy tình hình mà quyết định bố trí quân đội của mình thành một hay hai tuyến, cũng như vị trí tương quan đối với bộ binh, kỵ binh và pháo binh. Quân bảo vệ trại dã chiến gồm có: 1) đội vệ binh doanh trại có nhiệm vụ duy trì trật tự và kỷ luật tốt, ngăn ngừa đào ngũ và báo động cho trại; 2) các đội tuần tra gồm bộ binh và kỵ binh được bố trí phía trước và hai sườn của trại; các đội tuần tra này chặn đường đơn vị trinh sát của địch và kịp thời báo tin địch đến gần; 3) các trạm gác hoặc trạm cảnh giới chiến đấu - các phân đội lớn được bố trí ở các làng xung quanh, trong trang trại hoặc trong các công sự dã chiến nhỏ, từ đó họ có thể theo dõi cuộc tiến quân của địch. Họ không được ở xa trại đến mức không chi viện được trong trường hợp họ bị tấn công. Ngay khi đến nơi hạ trại, phải cử một số lượng binh sĩ cần thiết làm đội cảnh vệ và đội tuần tra, quy định các vọng gác mà họ phải đóng, chỉ định nơi phân phối lương thực và nói chung ra tất cả những mệnh lệnh về cảnh giới bên trong và bên ngoài trại và duy trì trật tự vệ sinh trong trại.

Một trong những trại dã chiến cổ nhất được nhắc tới trong lịch sử là trại dã chiến của người I-xra-en vào thời kỳ rời khỏi Ai Cập. Nó là một hình bốn góc lớn được chia ra từng đoạn cho các bộ lạc khác nhau; ở giữa là trại của đẳng cấp lê-vít có xki-ni-a²⁶⁵, cũng như của chính hoặc lối ra vào; cùng với khu đất trống tiếp giáp nó đồng thời là nơi hội họp và bãi họp chợ. Nhưng hầu như không thể xác định được hình thức, quy mô và công sự của các trại quân sự thường thấy của người Do Thái Cổ đại, cũng như của kẻ thù của họ.

Trại dã chiến của người Hy Lạp ở Tơ-roa nằm gần bờ biển để bảo vệ các tàu chiến Hy Lạp khi được kéo lên cạn, nó được chia thành những đoạn khác nhau cho các bộ lạc khác nhau và có xây tường về hướng thành phố và biển, còn bên ngoài có đê đất cao được tăng cường bằng chòi canh bằng gỗ để đẩy lùi các cuộc xuất kích của quân bao vây. Những thủ lĩnh dũng cảm nhất của người

Hy Lạp, như A-sin và A-gia-xơ đều ở những nơi cuối trại. Doanh trại của người La-kê-đê-môn hình tròn và không thể thiếu những biện pháp phòng ngừa thông thường, có bố trí lính gác và đội tuần tiểu cuối ngựa.

Trại dã chiến của người La Mã thay đổi theo thời tiết trong năm, theo thời gian đóng quân và số lượng các quân đoàn cũng như tính chất của địa hình và các tình hình khác. Nhà sử học thời kỳ đế chế^{1*} có nhắc tới các trại dã chiến đủ mọi kiểu: tròn, chữ nhật v.v., nhưng thông thường trại dã chiến La Mã có hình vuông. Địa điểm của trại do các nhà tư tế xác định vị trí theo 4 phương trời, phía chính diện ngoảnh về phía mặt trời mọc; nó được đo bằng dụng cụ thiên văn Gnomon²⁶⁶; trại hình vuông có mỗi chiều dài 700 phút, được coi là đủ cho 20 000 binh sĩ. Trại chia thành hai bộ phận trên và dưới, cách nhau bởi một khoảng trống rộng, nó cũng được cắt ngang bởi hai tuyến chính (decumana và cardo) chạy từ đông sang tây và từ bắc xuống nam và nhiều đường phố chạy qua. Trại có 4 cửa mà hai cửa chính là cửa đê-cu-man và cửa cấm vệ, không binh sĩ nào được đi qua cửa cấm vệ nếu không được phép, nếu bị vi phạm sẽ bị xử tử hình; xung quanh trại có tường cách ranh giới bên trong của trại bằng một khoảng trống rộng 200 phút, có hào và đê đất. Tất cả những công sự ấy do chính binh sĩ xây dựng, họ sử dụng cuộc chim và xẻng cũng khéo léo như sử dụng kiếm và giáo; họ san bằng mặt đất và dùng những chiếc cọc họ mang theo dựng lên xung quanh công sự một thứ hàng rào răng bừa không đều nhau. Ở giữa phần trên của trại bố trí nhà bạt của thống soái (trại chủ soái) là một hình vuông mỗi bề 200 phút; xung quanh trại này là chỗ ở cho các nhà tư tế, nhân viên phụ trách tài vụ hoặc chỗ ở của chủ nhiệm kho bạc quân đội, bãi tập tập được dùng làm chợ và nơi hội họp, lều bạt của phó soái, lều bạt của các vị chỉ huy quân sự thì được bố trí đối diện với các quân đoàn tương ứng, và lều bạt của các viên chỉ huy những đơn vị bổ trợ nước ngoài. Ở phía dưới là lều bạt

của các viên chỉ huy cấp dưới và binh sĩ quân lê dương: kỵ binh La Mã, lính hậu bị, lính chủ lực, lính cầm giáo v.v., còn ở bên sườn là kỵ binh và bộ binh nước ngoài được họ cố sức bố trí chỗ đóng quân riêng. Lều bạt được phủ da thú. Mỗi cái chứa được 10 chiến sĩ và đội trưởng của họ; đội trưởng đội trăm người và những tay cầm cờ thì đứng đầu đơn vị thuộc quyền. Ở khoảng trống giữa hai phần của trại gọi là principia, có dựng lên đài bằng gỗ để vị thống soái chủ trì việc xét xử, cũng như phát biểu ý kiến; ở đây cũng có bàn thờ, tượng thần và nhiều cờ trận không kém phần thiêng liêng. Trong tình hình đặc biệt, trại dã chiến có xây tường đá xung quanh, có khi cả nơi ở của binh sĩ cũng xây bằng đá. Toàn bộ trại dã chiến có vẻ một thành phố; đó là kiểu thành lũy duy nhất mà người La Mã xây dựng. Những di tích vững chắc nhất về thời kỳ người La Mã chinh phục nước Anh là sự duy trì danh từ la-tinh castra (trại dã chiến) làm tên gọi hoặc một phần tên gọi của nhiều thành phố mà ban đầu là địa điểm đóng quân của quân đồn trú La Mã, như Đôn-ca-xơ-rơ, Lê-xơ, Bu-xơ, Se-xơ, Vin-se-xơ^{1*} v.v..

Trại dã chiến của các dân tộc dã man thời Cổ đại thường có công sự bằng đủ loại xe cộ bao quanh, như trại của người Kim-vri trong thời gian diễn ra trận chiến đấu cuối cùng của họ với người La Mã (năm 101 trước công nguyên) - đấy chính là trại dã chiến mà sau khi người Kim-vri thất bại, những người vợ của họ đã bảo vệ hết sức ngoan cường²⁶⁷.

Dinh lũy là trại dã chiến có công sự phòng ngự bao quanh, cũng có một loại công sự có thành lũy, do đó được sử dụng lâu dài.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 18 tháng Hai 1858
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. IV, 1859*

*In theo bản in trong Bách khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

1* - Giô-đép Phla-vi-út.

1* Tiếng Anh: Doncaster, Leicester, Worcester, Chester, Winchester.

PH.ĂNG-GHEN

CU-KHOỐC-NƠ

Cu-khoóc-nơ, hoặc *Cô-khoóc-nơ*, Men-nô, Van, nam tước - viên tướng và kỹ sư Hà Lan; sinh ở Phri-xlan-dơ năm 1641, qua đời ở La Hay ngày 17 tháng Năm năm 1704. Ở tuổi 16 ông đã được thăng cấp đại uý, tỏ ra xuất sắc trong cuộc bao vây Ma-a-xtơ-rích, sau đó là trong các trận Xê-nép, Cát-xen, Xanh-Đơ-ni và Phlơ-ruýt²⁶⁸. Trong thời gian tạm nghỉ giữa các hoạt động chiến đấu, ông chú ý rất nhiều đến khoa trúc thành, đặt ra cho mình nhiệm vụ tạo ra những khả năng như nhau cho bên bao vây và bên bị bao vây, vì hệ thống mới của người cùng thời đại với ông là Vô-băng đã đem lại ưu thế lớn cho bên bị vây. Ngay khi còn tương đối trẻ, ông đã nhận được danh hiệu công trình sư, còn khi ở tuổi trung niên, ông được thừa nhận là sĩ quan ưu tú của binh chủng này trong quân đội Hà Lan. Hoàng thân O-răng-giơ hứa cho ông quân hàm đại tá, nhưng vì vị hoàng thân này không giữ lời hứa của mình, nên Cu-khoóc-nơ bất mãn đã từ chức, mang ý định phục vụ nước Pháp. Trong khi đó, theo lệnh hoàng thân, vợ và tám đứa con của ông bị giữ làm con tin cho đến khi ông trở về. Điều đó buộc ông phải nhanh chóng trở về, sau đó ông đã nhận được quân hàm đã hứa, rồi liên tiếp được thăng lên cấp tướng pháo binh, được bổ nhiệm làm tổng thanh tra về trúc thành, rồi được cử làm toàn quyền ở Phlan-đơ.

Toàn bộ cuộc đời của Cu-khoóc-nơ được hiến dâng cho sự nghiệp

phát triển các phương pháp phòng thủ Hà Lan. Trong thời kỳ bao vây Gra-vơ năm 1674 ông đã phát minh và sử dụng lần đầu tiên súng cối cỡ nhỏ, gọi là pháo Cu-khoóc-nơ, để bắn lựu đạn, và năm sau đã được Vô-băng khen ngợi do đã vượt sông Ma-xơ thành công và chiếm pháo đài được coi là có sự yểm hộ chắc chắn nhờ có sông. Sau hoà ước Nim-ve-ghen (1678)²⁶⁹ ông tiếp tục củng cố một loạt thành phố đã có công sự; Nim-ve-ghen, Brê-da, Man-hem - sau này các công trình phòng thủ của thành phố này đã bị lấp đi - và Béc-ghen-ốp-Dôm đã chứng minh giá trị của hệ thống của ông. Ông coi cú điểm cuối cùng này là một kiệt tác của ông, tuy nhiên nó đã bị nguyên soái Đơ Lô-ven-đan chiếm vào năm 1747 sau cuộc bao vây kéo dài. Trong cuộc chiến tranh 1688-1691, ông ở ngạch thường trực²⁷⁰. Cuộc bao vây Na-mua năm 1692 đã cho ông cơ hội thử thách hệ thống của mình chống lại hệ thống của Vô-băng, vì ở đây hai công trình sư nổi tiếng đó đương đầu với nhau với tư cách địch thủ trực tiếp: Cu-khoóc-nơ bảo vệ công sự mà ông xây dựng để phòng ngự thành trì, còn Vô-băng thì ra sức chiếm lấy nó. Cu-khoóc-nơ phòng ngự ngoan cường, nhưng bị thương nặng, ông phải đầu hàng đối thủ của mình, đối thủ này đã rộng lượng thừa nhận sự dũng cảm và tài nghệ của ông. Sau đó Cu-khoóc-nơ tham gia vây đánh Tra-rbắc, Lim-buốc và Li-e-giơ, và năm 1695 ông góp phần vào việc chiếm lại Na-mua. Trong cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Tây Ban Nha²⁷¹, ông liên tiếp bao vây Ven-lô, Xti-ven-xu-e-rtơ, Rua-rmôn-dơ và Li-e-giơ, còn năm 1703 ông đã chiếm Bon trên sông Ranh sau ba ngày bắn phá bằng trọng pháo, được tăng cường bằng hỏa lực đạn bắn ra từ 500 khẩu súng cối kiểu Cu-khoóc-nơ. Sau đó, ông chuyển về Phlan-đơ thuộc Hà Lan, ở đây ông đã mấy lần thắng quân Pháp và chỉ huy cuộc vây đánh Ghi-nui. Đây là hành động cuối cùng trong hoạt động quân sự của ông, chẳng bao lâu sau ông đã chết vì ứ máu não, đúng vào lúc ông chờ đợi cuộc hội kiến với công tước Man-bô-rô về kế hoạch chiến dịch mới.

Tác phẩm quan trọng nhất của Cu-khoóc-nơ "Phương pháp mới

về xây dựng cứ điểm", được in với khổ gấp tám ở Lê-ê-vác-đen năm 1685²⁷² và được dịch ra mấy thứ tiếng nước ngoài. Các sơ đồ của ông thích hợp nhất đối với cứ điểm kiểu Hà Lan hoặc đối với những cứ điểm giống kiểu Hà Lan nằm ở nơi chỉ cao hơn mặt nước mấy phút. Hễ nơi nào có thể là ông cho đào quanh công sự của mình hai con hào; hào ngoài đầy nước, hào trong khô ráo và thường có bề rộng khoảng 125 phút; nó là bàn đạp đối với bên bị vây, và trong một số trường hợp nó là bàn đạp của các đơn vị kỵ binh. Nguyên tắc lý luận của hệ thống của ông, trong tấn công cũng như trong phòng ngự, là lấy ưu thế của hỏa lực hiệp đồng dày đặc để áp đảo hỏa lực phân tán. Là chuyên gia quân sự, Cu-khoóc-nơ bị chê trách là phung phí sinh mệnh con người; về mặt này ông thua kém Vô-băng là người thương xót con người. Về mặt cá nhân, ông là người thẳng thắn, chính trực, dũng cảm và căm ghét tính xu nịnh. Ông đã từ chối những đề nghị cảm dỗ mà một số chính phủ nước ngoài đề xuất với ông. Vua Anh Các-lơ II đã phong cho ông tước hiệu hiệp sĩ. Cu-khoóc-nơ được mai táng ở Vây-ken gần Xnếch thuộc Phri-xlan-đơ, nơi đây người ta đã dựng bia kỷ niệm ông.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng cuối tháng Giêng - tháng Hai 1858
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. V, 1859*

*In theo bản in trong Bách khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

BRÊ-SI-A

Brê-si-a - một tỉnh ở Lôm-bác-di, bắc giáp Béc-ga-mô và Ti-rôn, tây giáp Vê-rô-na và Măng-tu, nam giáp Crê-mô-na, đông giáp Lô-di và Béc-ga-mô. Diện tích 1 300 dặm vuông; dân số - 350 000 người. Đất đai màu mỡ đã tạo thuận lợi cho những ngành sản xuất tinh tế nhất, một trong những ngành kinh tế chủ yếu là ngành nuôi tằm, hằng năm đem lại 1 000 000 pao-tơ; số xưởng dệt lụa là 27, còn số xưởng làm tơ là 1 046. Hằng năm cắt được khoảng 70 000 pao lông cừu loại hảo hạng, và có ít ra 45 xưởng dệt len, 40 xưởng sản xuất hàng len và hàng vải bông, 13 xưởng làm dạ, 27 xí nghiệp chế tạo đồ vàng, bạc và đồng, 12 xí nghiệp sản xuất hàng ngũ kim nhỏ và đồ sứ, 7 nhà in, 137 xưởng luyện thép và kim loại khác (thép của Brê-si-a nổi tiếng trên thế giới) và 77 xưởng sản xuất súng và các loại vũ khí khác, và nhờ chất lượng ưu việt của chúng mà Brê-si-a ngày trước được gọi là L'Armata^{1*}. Bơ, pho mát, tiểu mạch, ngô, cỏ khô, lanh, hạt dẻ, dầu thực vật và rượu là nguồn thu nhập bổ sung. Hoạt động thương nghiệp của tỉnh này chủ yếu tập trung ở thủ phủ của nó cũng mang cùng tên gọi.

Thành phố Brê-si-a (Brích-xi-a thời xưa) có 40 000 dân và nằm

1* - xưởng vũ khí, kho vũ khí

ở chân một ngọn núi không cao, bên bờ của hai con sông Mê-la và Gơ-rxa. Lâu đài có hào lũy trên đỉnh núi thời xưa được gọi là "chim ưng của Lô-m-bác-đi". Đó là một thành phố được xây dựng chu đáo, đẹp mắt và náo nhiệt mà thắng cảnh là những vòi phun nước: ở các đường phố và tại quảng trường có ít ra 72 cái, không kể khoảng 100 vòi phun nước ở các nhà tư. Nhà thờ cổ và các nhà thờ khác có những bức bích hoạ phong phú của các nghệ nhân bạc thầy vĩ đại của I-ta-li-a. Nhà thờ mới hoặc Dnomo Nuovo đặt móng năm 1604, nhưng việc xây dựng nóc tròn mãi đến năm 1825 mới xong. Đồ trang trí chủ yếu của nhà thờ Xan-ta Áp-ra là "Người phụ nữ không giữ lòng chung thuỷ vợ chồng" của Ti-txi-an^{1*}. Tất cả có hơn hai mươi nhà thờ mà tất cả đều nổi tiếng về kho tàng nghệ thuật của chúng. Trong những công thự nổi tiếng ở quảng trường Véch-ki-a có cung đen-la Lốt-gi-a, được dùng làm trụ sở toà thị chính; mặt trước đẹp đẽ của công thự này bị hư hỏng nặng do cuộc bắn phá hồi tháng Tư 1849. Cung Tô-đi-ô do bá tước Tô-đi-ô tặng cho thành phố và ở đó, trong số nhiều bức tranh nổi tiếng có bức tranh tuyệt vời "Đấng cứu thế" của Ra-pha-en. Phòng trưng bày tranh ở các cung A-vê-rôn-đi, Phê-na-rô-li, Lếch-ki, Mác-ti-nen-gô và các cung khác cũng nổi tiếng về các tác phẩm nghệ thuật quý giá của mình, ở phố Coóc-xô-đen Tê-a-tơ-rô, phía trước tầng hai của tất cả các ngôi nhà đều được trang trí bằng những bức hoạ lấy đề tài trong kinh thánh, thần thoại và lịch sử. Ở thư viện Quy-ri-ni, do hồng y giáo chủ Quy-ri-ni sáng lập vào giữa thế kỷ XVIII, có hơn 80 000 cuốn sách, ngoài ra có bộ sưu tập lớn gồm những bản thảo quý hiếm và đồ cổ. Di tích có một không hai của Brê-si-a là nghĩa địa (Campo Santo) đẹp nhất ở I-ta-li-a; nó được xây dựng năm 1810, mặt trước là khoảng đất trống hình bán nguyệt, có những ngôi mộ và những cây bách bao

1* Tên gọi thường được dùng nhiều hơn: "Cri-xtốt và người đàn bà phạm tội".

quanh. Thành phố Brê-si-a là trung tâm hành chính của tỉnh và trung tâm của giáo khu, ở đây cũng có viện tư pháp thương mại và các cơ quan tư pháp khác. Ở đây có các loại cơ quan từ thiện, chủng viện, hai trường trung học văn khoa, một trường trung học giành cho nam giới, vườn bách thảo, viện bảo tàng đồ cổ và viện bảo tàng lịch sử tự nhiên, hội nông nghiệp, mấy trường cao đẳng, hội khuyến nhạc - một trong những hội lâu đời nhất ở I-ta-li-a, - sông bạc, nhà hát rất đẹp, còn ở bên ngoài thành phố có một nơi rộng rãi được dùng làm chỗ biểu diễn nghệ thuật trong thời gian mở hội chợ hàng năm - thời kỳ náo nhiệt và vui vẻ nhất, tờ tuần báo của Brê-si-a gọi là "Giornale della provincia Bresciana". Ở ngoại ô Brê-si-a năm 1822 đã khai quật được một ngôi đền cổ La Mã được xây bằng đá hoa. Brê-si-a có đường sắt nối liền với Vê-rô-na và các thành phố khác của I-ta-li-a.

Có giả thiết cho rằng thành phố Brê-si-a do người Ê-tơ-ru-xơ xây dựng. Sau khi Đế chế La Mã suy tàn, thành phố này bị người Gốt cướp phá và cuối cùng rơi vào tay người Phrăng-cơ. Ôt-tôn Đại đế dành cho nó đặc quyền là thành phố tự do của đế chế, nhưng cuộc đấu tranh giữa phái gven-phơ và ghi-ben-lin²⁷³ là nguồn gốc của nhiều tai hoạ cho thành phố. Đã có thời kỳ nó bị các quan cai trị Vê-rô-na khuất phục, nhưng đến năm 1339 nó rơi vào ách thống trị của người Mi-lan-nô. Năm 1426 nó bị Các-ma-ni-ô-la chiếm, năm 1438 nó bị Pi-si-ni-nô vây đánh, năm 1509 nó đầu hàng người Pháp, năm 1512 bị viên tướng của xứ Vơ-ni-dơ là Grit-ti chiếm, nhưng rút cục được Ga-xtôn đơ Phoa giải phóng. Bị vây đánh ba lần nữa vào thế kỷ XVI, nó bị Vơ-ni-dơ thống trị cho đến khi nước cộng hoà này sụp đổ²⁷⁴. Trong thời kỳ Na-pô-lê-ông, Brê-si-a là thủ phủ của tỉnh Mê-la. Năm 1849, vào thời kỳ cách mạng, cư dân Brê-si-a nổi dậy khởi nghĩa vũ trang chống lại chính quyền của Áo mà họ khuất phục từ năm 1814. Ngày 30 tháng Ba 1849, tướng Hay-nau bắn phá thành phố này;

chịu đựng được đến trưa ngày 2 tháng Tư, thành phố buộc phải đầu hàng và nộp 1 200 000 đô-la tiền chuộc để tránh khỏi bị huỷ diệt hoàn toàn.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 24 tháng Hai 1858

Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. III, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư

*Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

MIẾN ĐIỆN

Miến Điện, hoặc Vương quốc A-va - một quốc gia rộng lớn ở Đông-Nam Á, ở bên kia sông Hằng; trước kia nó chiếm một lãnh thổ rộng hơn hiện nay rất nhiều. Biên giới trước kia của Miến Điện nằm giữa 9° và 27° độ vĩ Bắc, có chiều dài trên 1 000 dặm và chiều rộng trên 600 dặm. Lãnh thổ hiện nay của Miến Điện nằm giữa 19°25' và 28°15' độ vĩ Bắc và giữa 93°2' và 100°40' độ kinh Đông, chiếm một không gian dài từ bắc đến nam là 540 dặm và rộng 420 dặm, tổng diện tích khoảng 200 000 dặm vuông. Phía tây Miến Điện giáp tỉnh A-ra-can là tỉnh được cắt cho người Anh năm 1826 theo hiệp ước ký giữa người Anh với người Miến Điện, cũng như giáp các quốc gia nhỏ Ti-pê-ra, Ma-ni-pua và A-xam, có những dãy núi cao ngăn cách Miến Điện với những quốc gia này. Ở phía nam là tỉnh Pê-gu²⁷⁵ bị Anh thôn tính cách đây không lâu, ở phía bắc là thượng A-xam và Tây Tạng, còn ở phía đông là Trung Quốc. Theo số liệu của đại úy Hăng-ri I-u-lơ dân số Miến Điện không quá 36 000 000 người.

Từ khi tỉnh Pê-gu rơi vào tay người Anh, Miến Điện không có đồng bằng do phù sa bồi lên, cũng như không có lối ra biển, vì biên giới phía nam của Miến Điện cách cửa sông I-ra-va-di ít nhất là 200 dặm, và từ phía bắc biên giới ấy địa hình cao lên dần. Dải đất cao dần kéo dài khoảng 300 dặm, rồi thay vào đó là vùng núi

hiếm trở. Lãnh thổ ấy có ba con sông lớn chảy qua: I-ra-va-đi, các nhánh của nó là Ki-en-Đven và Xa-lu-en. Những con sông ấy bắt nguồn từ dãy núi phía bắc, chảy về phía nam và đổ vào Ấn Độ Dương.

Tuy Miến Điện bị cướp đoạt mất đi phần lãnh thổ phì nhiêu nhất, phần đất còn lại của nước này dù sao cũng không thể bị coi là không màu mỡ. Rừng thì dư dật những loại cây quý, trong đó chiếm vị trí nổi bật là cây tếch dùng để đóng tàu. Hầu như tất cả các loại cây sinh trưởng ở Ấn Độ đều có ở Miến Điện. Ở đây sản xuất sơn dính chất lượng rất tốt cũng như sơn dùng để làm các đồ sơn. Thủ đô Miến Điện, A-va, được cung cấp gỗ tếch hảo hạng từ những cánh rừng cách đó 15 ngày đường. Nông nghiệp và nghề trồng vườn ở chỗ nào cũng cực kỳ lạc hậu, nếu không có đất đai màu mỡ và khí hậu thuận lợi thì đất nước này rất nghèo nàn. Cây ăn quả không được trông nom gì cả, còn kỹ thuật gieo trồng thì ở trình độ thấp. Trong các loại rau trồng nhiều hơn cả là hành và ớt; ngoài ra cũng có khoai, khoai tây, cũng như một số lượng nhỏ dưa bở, dưa chuột và cà. Cư dân dùng măng tre, măng tây dại, rễ củ có nhiều nước của các loại thực vật sống trong nước thay thế cho hoa quả trồng ra. Trong các loại quả ở đây người ta sản xuất xoài, dưa, cam, quả vải, mít (một loại mít), đu đủ, vả, chuối tây (kẻ thù độc ác nhất của nền văn minh). Tất cả những thứ quả ấy sinh trưởng hầu như, hoặc, hoàn toàn không được trông nom. Những loại cây trồng chính trên đồng ruộng là lúa (ở một số nơi cũng được dùng làm phương tiện trao đổi), ngô, kê, tiểu mạch, các loại đậu, các loại cây thuộc loài lá cọ, mía, thuốc lá, bông sợi ngắn và chàm. Mía trồng không rộng khắp và cư dân hầu như không biết nghệ thuật ép mía ra đường, mặc dù đã biết cây này từ lâu. Từ nước của cây thốt nốt có thể lấy ra một thứ đường thô giá rẻ. Có từng cánh rừng nhỏ cây thốt nốt này, đặc biệt là ở phía nam thủ đô. Việc trông nom cây chàm tồi tệ đến mức nó hoàn toàn không thích hợp cho việc xuất khẩu. Cây trồng điển hình ở miền Nam là lúa và ở miền Bắc là ngô và

kê. Vùng được trồng ở khắp mọi nơi làm thức ăn cho gia súc. Trên các sườn núi ở miền Bắc người ta trồng rất nhiều cây chè chính cống của Trung Quốc, nhưng điều kỳ quặc là cư dân địa phương không pha trà như người ta thường dùng chè tàu, mà lại ăn lá chè kèm với dầu thực vật và tỏi. Bông được trồng chủ yếu ở các vùng đất khô thuộc các tỉnh thượng du.

Rừng rậm của Miến Điện có rất nhiều thú rừng, trong đó chủ yếu là voi, tê giác một sừng, hổ và báo, lợn lòi và một số loài hươu. Trong các loại chim thường thấy gà rừng, cũng có một số loại gà lôi, gà gô, chim cun cút. Gia súc thì có bò, ngựa và trâu. Voi cũng được dùng làm súc vật kéo. Lạc đà thì không được biết đến. Có một số lượng nhỏ dê rừng và cừu, nhưng người ta ít quan tâm đến việc chăn nuôi chúng. Lừa cũng ít được sử dụng. Ở Miến Điện hoàn toàn không dùng chó để giữ nhà mà mèo thì rất nhiều. Ngựa chỉ hoàn toàn được dùng để cưỡi, chiều cao của nó ít khi vượt qua 132 xăng-ti-mét. Súc vật thô ở miền Bắc là bò đực, còn ở miền Nam thì người ta dùng trâu.

Trong số các khoáng sản hữu ích có vàng, được phát hiện dưới đáy các con sông, nó bị cuốn cùng với cát ở trên núi xuống đáy sông. Ở Bốt-vin, trên biên giới Trung Quốc, có khai thác mỏ bạc. Trị giá vàng và bạc được khai thác hàng năm lên tới khoảng 1 000 000 đô-la. Đông bộ Lào dồi dào quặng sắt, nhưng việc chế biến quặng được tiến hành bằng phương pháp thô sơ hết sức, nên mất đi 30-40% kim loại. Các giếng dầu trên bờ sông I-ra-va-đi hàng năm cung cấp tới 8 000 000 pao dầu hỏa. Người ta biết ở vùng Lào có đồng, thiếc, chì và àm-ti-mon, nhưng bất cứ thứ kim loại nào trong số đó vị tất đạt được số lượng lớn, vì cư dân chưa biết phương pháp khai quặng. Vùng núi xung quanh thành phố A-va cung cấp loại đá vôi hảo hạng; trên bờ sông I-ra-va-đi, cách thủ đô 40 dặm, có đá hoa rất đẹp thích hợp với ngành điêu khắc; trong nước có nhiều hổ phách, nên ở A-va nó được bán với giá rẻ, mỗi pao giá một đô-la; khắp nước có quặng diêm tiêu, xút,

muối, than, tuy than rất ít được dùng. Dầu hoả được khai thác với số lượng lớn ở Miến Điện và được mọi tầng lớp dân cư sử dụng làm chất đốt để thắp đèn, cũng như làm thuốc trừ sâu. Người ta múc nó bằng thùng từ những giếng dầu có độ sâu từ 210 đến 300 phút. Đồng thời, ở đáy giếng, dầu phun lên như suối phun. Ở nhiều nơi trong nước, người ta khai thác dầu thông, xuất khẩu với số lượng lớn sang Trung Quốc. Ở đây một số sông thuộc hai vùng trong nước có các loại đá quý: xa-phia, ru-bin, tô-pa và ame-tít phương Đông, cũng như nhiều loại cri-đô-be-rin và spi-nen. Tất cả các loại đá quý có giá trị trên 50 đô-la thì đều được tuyên bố là tài sản của quốc vương và nộp vào ngân khố nhà nước. Không một người nước ngoài nào được phép làm việc khai thác đá quý.

Từ những điều nói trên có thể thấy rằng cư dân Miến Điện đã đạt được những tiến bộ không lớn trong sự phát triển các ngành khai thác hữu ích. Toàn bộ quá trình sản xuất vải bông đều do phụ nữ đảm nhiệm. Họ dùng những khung cửi thô sơ, biểu hiện trình độ nghề nghiệp hoặc kỹ năng tương đối thấp. Đồ sứ nhập từ Trung Quốc; vải bông của Anh cũng là đối tượng nhập khẩu, hơn nữa ngay trên thị trường trong nước hàng vải bông của Anh bán rẻ hơn sản phẩm bản xứ. Tuy người Miến Điện biết luyện sắt, nhưng thép vẫn nhập từ Ben-gan vào Miến Điện; hàng tơ lụa được sản xuất ở một số vùng trong nước, nhưng bằng nguyên liệu tơ nhập từ Trung Quốc. Trong khi Miến Điện nhập khẩu một số lượng lớn các loại hàng hoá, thì xuất khẩu lại tương đối ít. Miến Điện có quan hệ mậu dịch rộng rãi nhất với Trung Quốc, họ xuất khẩu sang nước này bông thô, lông dùng để trang sức, chủ yếu là lông của sáo sậu xanh, tổ yến dùng làm thực phẩm, ngà voi, nhưng hươu, sừng tê giác và một số đá quý tương đối hiếm. Bằng sự trao đổi đó, Miến Điện nhập khẩu đồng đã gia công, a-se-nit vàng, thủy ngân, bát đĩa bằng kim loại, dây đồng, thiếc, chì, phèn chua, bạc, vàng, trong đó có vàng lá, đồ gốm, thuốc nhuộm, thảo, đại hoàng, chè, mật ong, tơ nguyên liệu, nhưng, rượu Trung Quốc, xạ hương,

xanh rĩ đồng, quả khô, giấy, quạt, dù, giấy dếp và quần áo. Ở nhiều nơi trong nước người ta chế tạo các đồ trang sức rất đơn sơ bằng vàng và bạc. Ở A-va người ta sản xuất vũ khí, kéo và các công cụ đồ mộc; cách A-va 40 dặm, nơi có ngọn đồi bằng đá hoa trắng tinh, người ta đã chế tạo rất nhiều tượng thần. Lưu thông tiền tệ ở trong tình trạng thảm hại. Phương tiện lưu thông trao đổi là chì, bạc và vàng đều ở dạng chưa đúc. Đại bộ phận việc giao dịch được thực hiện bằng sự trao đổi hàng hoá trực tiếp do những khó khăn về thanh toán những khoản tiền nhỏ. Kim loại quý, mỗi khi được chuyển nhượng, đều phải đem cân và kiểm nghiệm, nên bọn chủ ngân hàng thu khoảng 3½%. Lãi suất hàng năm biến động giữa 25 và 60 phần trăm. Hàng thường dùng phổ biến nhất là dầu lửa; có thể đem nó đổi lấy diêm tiêu, vôi, giấy, đồ sơn mài, vải bông và lụa, đồ sắt và đồ đồng, đường, me v.v.. Gui-vê-ni (chuẩn mực quy định cho đồng tiền bằng bạc ở trong nước) thông thường là một hợp kim gồm có bạc và 10% - 15% đồng. Hợp kim trong đó bạc chiếm dưới 85% thì không được đưa vào lưu thông, vì đối với loại tiền được dùng để nộp thuế thì người ta đòi hỏi chính độ thuần khiết đó của kim loại.

Nguồn thu nhập của đế chế là thuế nhà đánh vào các làng, nhà cầm quyền ở các làng xã quy định phần mỗi người phải nộp phù hợp với năng lực thanh toán của họ. Mức thuế rất khác nhau: từ mức 6 ti-can đánh vào mỗi chủ nhà ở Prô-mê đến 27 ti-can ở Tông-hô. Những người làm nghĩa vụ quân sự, nông dân ở các lãnh địa của nhà vua và thợ thủ công làm các loại công việc xã hội được miễn thuế này. Mức thuế ruộng đất tùy thuộc vào mức thu hoạch. Thuế thuốc lá nộp bằng tiền, đối với các cây trồng khác thì thu thuế hiện vật 5%. Nông dân canh tác trên ruộng đất của nhà vua thì phải nộp quá nửa số thu hoạch. Để có được giấy phép đánh cá ở sông và hồ thì phải nộp hoặc một khoản lệ phí nhất định, hoặc một phần tương ứng cá khô trong số cá đánh được. Tất cả những khoản thu thập ấy do các viên chức của nhà vua thu nhận, họ sống nhờ những khoản thu nhập ấy; mỗi người trong

số họ tùy theo địa vị của mình, được nhận một vùng lớn hoặc nhỏ để cai quản và sống bằng các nguồn thu nhập thu được ở vùng mình cai quản. Thu nhập của nhà vua dựa vào việc bán các thứ độc quyền, trong đó chủ yếu là độc quyền về bông. Với chế độ độc quyền đó, cư dân phải cung cấp cho các quan chức của nhà vua một số hàng hoá nhất định theo giá thấp được quy định, các quan chức này bán những hàng hoá ấy, thu một khoản tiền lãi lớn. Chẳng hạn, người sản xuất cung cấp chỉ theo giá 5 ti-can một vớ hoặc 3,6 pao, còn quan trên bán ra theo giá 20 ti-can. Theo những số liệu hiện có, khoản thu nhập của nhà vua hàng năm lên tới gần 1 820 000 ti-can hay là 227 500 pao xtéc-linh, nhưng cần thêm vào đó một số tiền nữa bằng 44 250 pao xtéc-linh là khoản thu nhập nhờ các thứ thuế thu ở các vùng riêng lẻ. Số tiền ấy dùng để cung cấp cho cung đình. Chế độ thuế khoá của Miến Điện, tuy mang tính chất chuyên chế, lại đặc biệt giản đơn trong chi tiết; một ví dụ khác về tính chất giản đơn của việc tổ chức quản lý nhà nước là phương pháp tự cung cấp của quân đội, hoặc ít ra nó được cung cấp dựa vào cư dân. Phương pháp tuyển mộ vào quân đội rất khác nhau: ở một số nơi duy trì chế độ mộ lính tình nguyện, ở những nơi khác thì cứ 16 gia đình phải nộp hai người lính có đầy đủ vũ khí và trang bị. Ngoài ra hàng tháng họ phải cung cấp cho những tân binh ấy 56 pao gạo và cấp cho họ 5 ru-pi tiền. Ở tỉnh Pa-đun-gơ, hai gia đình cung cấp cho một người lính, những gia đình này lĩnh 5 a-cơ-ri đất không phải nộp thuế và phải trao cho người lính ấy một nửa số thu hoạch và 25 ru-pi mỗi năm, ngoài ra phải cung cấp cho anh ta củi và những hàng tiêu dùng thứ yếu khác. Mỗi người chỉ huy có 50 binh sĩ dưới quyền mình thì nhận được 10 ti-can (một ti-can bằng $1\frac{1}{4}$ đôla hoặc $2\frac{1}{2}$ ru-pi) của 6 gia đình và một nửa số thu hoạch của gia đình thứ 7. Bô, hay viên chỉ huy đơn vị có 100 binh sĩ, sống dựa vào lao động của 52 hộ. Còn bô-gin hay là đại tá thì nhận lương do các sĩ quan và binh sĩ của mình cung cấp. Trong điều kiện thuận lợi, binh sĩ Miến Điện chiến đấu tốt; nhưng sự ưu việt chủ yếu của quân đội

Miến Điện là ở chỗ nó không có đội vận tải, binh sĩ treo chần màn (võng) của mình lên một đầu súng, còn đầu kia treo nồi niêu đã chiên và những thứ khác, còn lương thực của anh ta (gạo) thì đựng trong túi buộc quanh thắt lưng.

Xét về các số liệu thể chất, người Miến Điện xem ra thuộc về chủng tộc cư trú ở các nước nằm giữa Hin-đu-xtan và Trung Quốc, gần với người Mông Cổ hơn là người Ấn Độ. Họ có vóc người thấp, thân hình vững chắc và cân đối, mập mạp, nhưng nhanh nhẹn. Họ có gò má rộng, mắt xếch, da mặt ngăm đen nhưng không thâm lắm, tóc cứng, mượt và đen, râu rất rậm và dài hơn râu của dân tộc nước láng giềng - cư dân Xiêm. Trong báo cáo của mình gửi chính phủ Đông Ấn, thiếu tá An-len đã đánh giá đúng mức tính thành thực, đầu óc hài hước cao, sự sáng trí khá lớn, tinh thần yêu nước ôn hoà, nhưng thiết tha với quê hương và gia đình, tương đối ít có thành kiến với người nước ngoài và sẵn sàng học nghề thủ công mới, miễn là nó không đòi hỏi sự quá căng thẳng về trí óc. Họ là những nhà buôn có kinh nghiệm và, trên mức độ rất lớn, mang đầu óc năng động; biết tự kiểm chế được, nhưng không xuất sắc về tính nhẫn nại; họ có trí hơn là dũng cảm. Tuy họ, xét về bản chất, không khát máu, nhưng họ lạnh lùng chịu đựng những sự tàn bạo của nhiều vị vua của họ; tuy không phải là những kẻ dối trá và bịp bợm, nhưng họ vẫn có đặc điểm là rất khoác lác và hay thay lòng đổi dạ.

Về mặt tín ngưỡng, người Miến Điện theo Phật giáo, đồng thời họ duy trì các nghi lễ tôn giáo của mình mà ít chịu ảnh hưởng của các tôn giáo khác so với bất cứ nơi nào ở Ấn Độ và Trung Quốc. Tín đồ Phật giáo ở Miến Điện, trên mức độ nhất định, đã tránh sùng bái các thần tượng hơn là ở Trung Quốc, và các nhà sư Miến Điện, giữ lòng trung thành nghiêm túc hơn mức bình thường, đối với lời nguyện sống trong cảnh bần hàn và không có hôn nhân. Cuối thế kỷ trước, quốc giáo Miến Điện chia làm hai phái, hoặc hai chi của tôn giáo cổ. Phái thứ nhất theo giáo lý mà

về một số mặt giống với phiếm thần luận, tin rằng yếu tố thần thánh được phân tán trên toàn thế giới và sống trong các tạo vật của mình, nhưng trình độ phát triển cao nhất của nó thể hiện ở bản thân các tín đồ Phật giáo. Các đại biểu của phái thứ hai lại hoàn toàn bác bỏ thuyết luân hồi^{1*}, cũng như sự sùng bái thần tượng và chế độ chùa chiền mà các tín đồ Phật giáo đã chấp nhận; họ coi cái chết là cửa ngõ dẫn tới vương quốc của sự cực lạc vĩnh hằng, hoặc sự đau đớn vĩnh hằng, tùy theo hành vi của người chết, và họ tôn sùng vị thần duy nhất tối cao và toàn năng (Nát). Quốc vương hiện nay^{2*}, người sốt sắng bảo vệ tôn giáo của mình, đã cho thiêu sống trên giàn lửa trước mặt công chúng mười bốn tín đồ dị giáo, hai giáo phái của họ bị đặt ra ngoài vòng pháp luật. Tuy nhiên, theo lời đại uý I-u-lơ, những giáo phái ấy có rất đông tín đồ, nhưng họ tiến hành bí mật các lễ cầu nguyện của họ.

Lịch sử ban đầu của Miến Điện ít được nghiên cứu. Đế quốc này đã đạt tới đỉnh cao của sự cường thịnh của nó vào thế kỷ XI, khi thủ đô của nó là Pê-gu. Đến đầu thế kỷ XVI, quốc gia này phân chia thành một loạt công quốc nhỏ và độc lập đánh lộn lẫn nhau. Năm 1554 khi vua Tren-bai-xơ Mai-ai-en chiếm A-va, ông chinh phục toàn bộ thung lũng sông I-ra-va-di và thậm chí đã chinh phục cả Xiêm. Sau một loạt những biến động, người sáng lập ra vương triều hiện nay là A-lôm-pra (chết năm 1760) lại đưa đế quốc này phát triển hầu như tới quy mô trước kia và sự cường thịnh xưa kia của nó. Kể đó người Anh chiếm của Miến Điện những vùng phì nhiêu nhất và giàu có nhất.

Về hình thức cai trị, Miến Điện là một quốc gia chuyên chế thuần túy, tất cả mọi việc bỏ tù, phạt tiền, tra khảo hoặc xử tử đều hoàn toàn tùy thuộc vào ý chí tối cao của quốc vương là người,

1* - linh hồn của người chết nhập vào thể xác của người hoặc động vật khác

2* - Men-đôn

ngoài các tước hiệu khác, còn mang tước hiệu là chúa tể của sự sống và cái chết. Những vấn đề cai quản cụ thể thì được đặt dưới quyền điều khiển của Khlu-ốt-dây, tức là hội đồng quốc gia mà đứng đầu là người nối ngôi hợp pháp được chỉ định trước, còn trong trường hợp không có người như vậy, thì người đứng đầu ấy sẽ là một hoàng thân nào đó thuộc vương tộc. Thông thường tham gia hội đồng quốc gia có bốn vị thượng thư, nhưng họ không nắm cố định một ngành nhất định và hoạt động của họ do những yếu tố ngẫu nhiên quy định. Họ cũng tạo thành toà án thượng thẩm, nơi nhận những đơn thỉnh cầu để đưa ra sự phán quyết cuối cùng. Đồng thời mỗi người trong số họ đều có thẩm quyền phán quyết đối với những vụ án không đưa ra xét xử tập thể ở hội đồng quốc gia. Vì họ giữ lại 10% số tài sản bị đưa ra kiện cáo, để trang trải án phí, nên từ nguồn này họ kiếm được khoản thu nhập rất quan trọng. Cứ nhìn vào mặt này và các mặt khác của việc quản lý nhà nước của Miến Điện, người ta không khó khăn gì mà không tin rằng ngành tư pháp hiếm khi bảo vệ lợi ích của nhân dân. Mỗi viên quan đồng thời là một tên kẻ cướp; quan toà tham ô, cảnh sát bất lực, trong nước có nhiều trộm cướp, sinh mệnh không an toàn, việc bảo vệ tài sản không được bảo đảm, không có nhân tố kích thích nào cho tiến bộ. Ở gần thủ đô, quyền lực của quốc vương gây ra sự sợ hãi và ý thức khuất phục. Nhưng càng xa trung tâm thì quyền lực đó càng yếu đi đến mức, ở những tỉnh xa nhất thần dân ít coi trọng các chiếu dụ của nhà thống trị mang biểu tượng voi trắng; ở đây người ta cử ra người cầm quyền của mình - việc bầu cử này được quốc vương phê chuẩn - và chỉ nộp cho chính phủ một số thuế nhỏ. Các tỉnh giáp giới với Trung Quốc nhìn chung là một cảnh tượng thú vị: nhân dân ở đây yên trí sống dưới quyền lực của hai chính phủ - Trung Quốc và Miến Điện - có quyền bình đẳng tham gia phê chuẩn người cầm quyền ở những địa phương ấy, nhưng thông thường thì họ sáng suốt thực hiện sự lựa chọn của mình hướng vào cùng một ứng cử viên. Mặc dù nhiều sứ đoàn Anh đã đến thăm Miến Điện, còn hoạt động của các nhà

truyền giáo được tiến hành ở đây thành công hơn bất cứ nơi nào khác ở châu Á, song nội địa Miến Điện cho tới nay vẫn còn là terra incognita^{1*} thực sự mà các nhà địa lý và các nhà làm bản đồ hiện đại tự cho phép mình đưa ra mấy giả định phi lý trong chỉ có một mớ tri thức rất ít ỏi về nó.

Xem "Ghi chép của phái đoàn do toàn quyền Ấn Độ cử đến triều đình Vương quốc A-va năm 1855", do đại uý Hăng-ri I-u-lơ viết. Luân Đôn, 1858²⁷⁶.

Do Ph.Ăng-ghen viết khoảng giữa đầu tháng Hai và ngày 8 tháng Ba 1858
Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. IV, 1859

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

1* - miền đất chưa được khảo sát

PH.ĂNG-GHEN

BÔ-MÁC-XUN-ĐƠ

Bô-mác-xun-đơ - eo biển hẹp giữa quần đảo A-lăng và đảo Vác-di-ô ở lối vào vịnh Bốt-ni-a. Công sự của Nga trong cảng Bô-mác-xun-đơ đã bị hạm đội của Anh và Pháp phá hoại trong thời kỳ có các hoạt động quân sự năm 1854. Cuối tháng Bảy, các eo biển đi vào Bô-mác-xun-đơ đã bị bốn tàu chiến Anh và mấy tàu chạy bằng hơi nước loại nhỏ phong toả. Chẳng bao lâu sau hạm đội liên hợp của liên quân, do các đô đốc Nây-pia và Pác-xê-van - Đê-sen chỉ huy, đã tới và tiếp theo đó ngày 7 tháng Tám các tàu chiến chủ lực chở tướng Ba-ra-ghe đ'In-li-ê và 12 000 binh sĩ chủ yếu là người Pháp cũng đã tới. Ngày 16 tháng Tám, tướng Bô-di-xcô, tư lệnh quân Nga đã buộc phải đầu hàng. Liên quân chiếm đóng đảo cho đến cuối tháng, khi tất cả các công sự bị nổ tung. Chiến lợi phẩm của phía chiến thắng gồm có: 112 khẩu pháo có giá, 79 khẩu pháo không có giá, 3 khẩu cối, 7 khẩu pháo đã chiến và 2 235 tù binh. Xét theo góc độ quân sự, cuộc vây đánh đó có ý nghĩa chủ yếu ở chỗ nó loại hẳn khỏi chương trình nghị sự vấn đề sử dụng bộ phận xây bằng đá trong các công sự có các phía chính diện nối với đất liền.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 18 tháng Ba 1858
Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. III, 1858

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

BÊ-RE-XPHỐT²⁷⁷

Bê-re-xphốt, Uy-li-am Các-rơ, tử tước - viên tướng Anh; sinh ở Ai-rơ-len ngày 2 tháng Mười 1768, qua đời ở Ken ngày 8 tháng Giêng 1854. Là con trai ngoài giá thú của Gioóc-giơ Bê-re-xphốt, đệ nhất hầu tước Oa-tơ-phoóc, ông tham gia quân đội năm 16 tuổi và phục vụ ở Tân Xcốt-len mãi đến năm 1790. Trong thời kỳ này, ông mù một mắt do một sĩ quan cộng sự với ông để súng cướp cò. Ông phục vụ ở Tu-lông, ở Coóc-xơ, ở Tây Ấn (dưới quyền A-bóc-crôm-bi), ở Ấn Độ và Ai Cập dưới quyền Bê-rđơ. Trở về nước năm 1800 ông được thăng đại tá danh dự^{1*}. Kế đó phục vụ ở Ai-rơ-len, ông tham gia chinh phục mũi Hảo vọng và (với tư cách chuẩn tướng) năm 1806 đã tham gia tấn công Bu-ê-nốt-Ai-rét, nơi đây ông buộc phải hạ vũ khí, nhưng rút cục đã trốn thoát. Năm 1807 ông chỉ huy các đơn vị quân chiếm Ma-đây-ra và được cử làm thống đốc đảo này²⁷⁸. Năm 1808 ông nhận quân hàm thiếu tướng và khi đem quân Anh đến Bồ Đào Nha, ông đảm nhận toàn bộ công tác tổ chức quân đội Bồ Đào Nha, kể cả đội dân cảnh. Ông là một trong những đại biểu toàn quyền thảo ra những điều khoản của hiệp định nổi tiếng ở Xin-tơ-ra; tham gia cuộc rút

1* - Tức là sĩ quan có danh hiệu đại tá, nhưng vẫn lĩnh lương theo quân hàm trước đây.

lui về Cô-ru-ni-a và trận hội chiến tới thành phố này, yểm hộ cho việc chuyển quân lính của ngài Gioóc-giơ Mu-rơ lên tàu²⁷⁹. Tháng Ba 1809, Bê-re-xphốt nhận danh hiệu nguyên soái và được cử làm tổng tư lệnh quân đội Bồ Đào Nha, quân đội này dưới sự lãnh đạo của ông chẳng bao lâu đã biến thành một lực lượng chiến đấu xuất sắc trong tấn công cũng như trong phòng ngự. Ông đã tham gia cuộc chiến đấu trên bán đảo I-be-ri-cơ ngay từ khi nó nổ ra cho đến khi nó kết thúc vào năm 1814 và đã giúp đỡ rất nhiều cho Oen-lin-tơn. Nhưng trong một sự kiện quan trọng duy nhất, khi ông làm tổng tư lệnh - trong trận hội chiến An-bu-ê-ra - ông lại tỏ ra là một vị thống soái rất bình thường và trận hội chiến lẽ ra đã thất bại, nếu một trong những sĩ quan dưới quyền ông đã không hành động trái với mệnh lệnh của ông^{1*}. Ông tham gia những trận đánh thắng lợi ở Xa-la-man-ca, Vi-tô-ri-a, Bai-ôn, Oóc-tê-dơ và Tu-lu-dơ²⁸⁰. Nhờ những chiến công ấy, ông được phong danh hiệu nguyên soái Bồ Đào Nha và được phong tước hiệu công tước En-va-si và hầu tước Xan-tô-Căm-pô. Năm 1810 ông được quận Oa-tơ-phoóc bầu làm nghị sĩ (ông chưa từng dự các phiên họp của hạ nghị viện), năm 1814 được phong tước hiệu nam tước Bê-re-xphốt An-bu-ê-ra và Đan-gan-nôn, và năm 1823 được phong tước hiệu tử tước.

Năm 1814, Bê-re-xphốt nhận sứ mệnh ngoại giao sang Bra-xin, ở đây, năm 1817 ông tổ chức đàn áp một cuộc âm mưu²⁸¹. Về nước, ông giữ chức phó tổng cục trưởng pháo binh, rồi nhận danh hiệu đại tướng và cuối cùng trở thành tổng cục trưởng pháo binh (từ năm 1828 đến năm 1830). Do sự giúp đỡ của ông năm 1823 đối với Đôn Mi-ghen²⁸², ông bị tước mất chiếc gậy biểu tượng nguyên soái Bồ Đào Nha. Về mặt chính trị, ông là người bảo vệ tích cực và kiên quyết đảng To-ri, tuy không công khai tuyên bố

1* Xem tập này, tr. 72-73.

điều đó. Tài năng quân sự của ông biểu hiện chủ yếu khi ông cải tổ thành công quân đội Bồ Đào Nha, nhờ hoạt động hết sức khéo léo và không mệt mỏi của ông, quân đội này rút cục đã trở thành một quân đội được tôi luyện và có kỷ luật đến mức có thể đua tài ngay cả với quân đội Pháp. Năm 1832 ông kết hôn với cô em họ của mình Lu-i-dơ, con gái của đại giáo chủ Tu-am và vợ goá của Tô-mát Hoi-pơ, chủ ngân hàng - triệu phú và tác giả cuốn "A-na-xta-xi-út"²⁸³. Vì Bê-re-xphốt không có con, nên sau khi ông qua đời, tước hiệu của ông không được truyền cho ai cả.

*Do C.Mác và Ph.Ăng-ghen viết khoảng giữa đầu tháng Ba và ngày 9 tháng Tư 1858
Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. III, 1858*

*In theo bản in trong Bách khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh
In bằng tiếng Nga lần đầu*

PH.ĂNG-GHEN

KỶ BINH

Kỵ binh (tiếng Pháp là cavalerie, từ chữ cavalier - người cưỡi và chữ cheval - ngựa mà ra) - tên gọi chung của binh sĩ cưỡi ngựa. Việc dùng ngựa để cưỡi, việc đưa vào biên chế quân đội những đơn vị binh sĩ cưỡi ngựa, đương nhiên, bắt nguồn ở những nước từ xưa đã có ngựa và ở đó khí hậu và cỏ xanh thuận lợi cho sự phát triển mọi phẩm chất thể lực của ngựa. Trong khi ngựa ở châu Âu và vùng nhiệt đới châu Á thoái hoá nhanh chóng thành những con vật vụng về hoặc thành giống ngựa thấp bé, thì các giống ngựa ở A-ra-vi-a Ba Tư, Tiểu Á, Ai Cập và các nước ở vùng duyên hải Bắc Phi lại phát triển rất đẹp, chạy giỏi, dễ dạy bảo và dẻo dai. Nhưng ngay từ đầu, xem ra, ngựa chỉ được sử dụng để kéo xe; nhưng ít ra trong lịch sử quân sự, xe trận đã xuất hiện rất lâu trước khi những kỵ sĩ vũ trang xuất hiện. Trên những di tích Ai Cập có vẽ nhiều xe trận nhưng hoàn toàn không có kỵ sĩ, trừ một ngoại lệ duy nhất, mà ngoại lệ này rõ ràng thuộc vào thời kỳ La Mã. Tuy nhiên, không nghi ngờ gì cả, người Ai Cập đã có nhiều kỵ binh, ít ra là từ hai thế kỷ trước khi người Ba Tư chinh phục đất nước họ và trong số những viên quan trọng nhất của cung đình người ta đã nhiều lần nhắc đến các vị tư lệnh của binh chủng này. Hoàn toàn có thể là người Ai Cập đã từng biết đến kỵ binh vào thời kỳ chiến tranh với Át-xi-ri, vì trên các di tích của Át-xi-ri có khắc hình những kỵ sĩ và người ta đã xác định

đích xác việc quân đội Át-xi-ri sử dụng họ vào chiến tranh ở thời kỳ sớm nhất. Xem ra yên ngựa xuất hiện đầu tiên ở người Át-xi-ri. Trên những di tích chạm trở thuộc thời kỳ sớm hơn, chiến sĩ được mô tả cưỡi ngựa không có yên: về sau như chúng ta đã phát hiện thấy - đã sử dụng một thứ gì như đệm hoặc gối, và cuối cùng là chiếc yên cao, giống như hiện đang được sử dụng khắp nơi ở phương Đông. Người Ba Tư và người Mi-di-an, từ khi họ xuất hiện trong lịch sử, đã là những dân tộc của những kỵ sĩ. Tuy rằng họ vẫn giữ xe ngựa chiến và thậm chí, vẫn như trước đây, coi trọng xe ngựa chiến hơn là binh chủng mới là kỵ binh, nhưng số lượng đông đảo của chiến sĩ cưỡi ngựa đã đem lại cho binh chủng này tác dụng mà nó chưa từng có trong bất cứ quân đội nào trước kia. Kỵ binh của người Át-xi-ri, Ai Cập và Ba Tư là loại kỵ binh đang thịnh hành ở phương Đông và cho tận gần đây còn là kỵ binh duy nhất ở Bắc Phi, châu Á và Đông Âu; đó là kỵ binh không chính quy. Nhưng khi người Hy Lạp vừa cải thiện được ở mức độ nhất định giống ngựa của mình - bằng cách lai nó với ngựa phương Đông - để ngựa trở nên thích hợp với kỵ binh, thì họ lập tức bắt tay tổ chức binh chủng này theo nguyên tắc mới. Người Hy Lạp là người sáng lập ra bộ binh chính quy, cũng như kỵ binh chính quy. Họ biên chế một số lượng đông đảo chiến sĩ thành các đơn vị chiến đấu độc lập, trang bị và cung cấp cho những đơn vị ấy một cách tương ứng với mục đích mà họ nhằm sử dụng chúng, huấn luyện chúng cách tác chiến hiệp đồng, hành tiến theo đội hình ngang và đội hình dọc, duy trì đội hình chiến thuật nhất định, để có thể tung toàn bộ sức nặng của cái khối tập trung và đang tiến lên đó vào một điểm nhất định ở phía chính diện quân địch. Được tổ chức như vậy, các quân đội ấy ở đâu cũng tỏ rõ tính hơn hẳn so với đám quân ô hợp không được huấn luyện và vụng về mà người châu Á đưa ra chống lại chúng. Chúng ta không có ví dụ về các trận đánh giữa kỵ binh Hy Lạp với kỵ sĩ Ba Tư trước khi bản thân người Ba Tư thành lập được những đơn vị kỵ

binh kiểu chính quy hơn; nhưng không nghi ngờ gì cả, nếu những trận đó xảy ra thì kết quả cũng sẽ giống như kết quả đạt được trong cuộc giao chiến trên chiến trường giữa bộ binh của hai dân tộc ấy. Ban đầu, kỵ binh chỉ được tổ chức tại những vùng nuôi ngựa ở Hy Lạp, như ở Phét-xa-li và Bê-ô-ti; nhưng chẳng bao lâu sau đó, người A-ten đã thành lập đơn vị kỵ binh nặng, ngoài những tay cung cưỡi ngựa, được dùng vào nhiệm vụ cảnh giới và tác chiến trong đội hình tản khai. Người Xpác-tơ cũng tổ chức elite^{1*} trong thanh niên của họ thành những đơn vị vệ binh cưỡi ngựa; nhưng họ không tin vào kỵ binh và buộc kỵ binh phải xuống ngựa trong chiến đấu và tác chiến như bộ binh. Người Ba Tư đã học được cách tổ chức kỵ binh chính quy của người Hy Lạp ở Tiểu Á cũng như của lính đánh thuê Hy Lạp phục vụ trong quân đội họ, và không nghi ngờ gì cả, đại bộ phận kỵ binh Ba Tư chiến đấu chống A-lếch-xan-đơ Đại đế đã được huấn luyện ít nhiều về tác chiến chính quy trong đội hình khép kín. Nhưng họ không thể so sánh được với người Ma-xê-đoan. Ở dân tộc này, việc huấn luyện nghệ thuật cưỡi ngựa là khoa mục bắt buộc trong việc giáo dục thanh niên quý tộc, và kỵ binh chiếm địa vị danh dự trong quân đội họ. Kỵ binh của Phi-líp và A-lếch-xan-đơ được tuyển trong giới quý tộc Ma-xê-đoan và Phét-xa-li; chỉ có mấy đại đội được tuyển mộ ở ngay Hy Lạp. Nó gồm có những kỵ sĩ trang bị nặng - cataphractae - có mũ trụ, giáp ngực, giáp che đùi và giáo dài. Nó thường tấn công trong đội hình dày đặc, đội hình dọc chữ nhật hoặc hình gọng kìm, cũng có khi trong đội hình ngang. Kỵ binh nhẹ gồm các đội kỵ binh bổ trợ, ít nhiều vẫn là loại kỵ binh không chính quy và phục vụ giống như quân Cô-dắc hiện nay, với tính cách là đội vệ binh hoặc để tác chiến trong đội hình tản khai.

Trận Gra-ních (năm 334 trước công nguyên) là một ví dụ đầu tiên về hoạt động quân sự trong đó kỵ binh đóng vai trò quyết

1* - tinh hoa

định. Kỵ binh Ba Tư được bố trí cách nơi lội qua sông một cự ly đủ để xung phong. Khi các đội quân đi đầu của đội bộ binh Ma-xê-doan vừa vượt qua sông và trước khi họ kịp triển khai, thì kỵ binh Ba Tư đã lao vào họ bằng cuộc tấn công mãnh liệt như vũ bão buộc họ lại phải lui xuống sông. Sự cơ động đó, được lặp lại nhiều lần có kết quả, đã trực tiếp chứng minh rằng người Ba Tư có đội kỵ binh chính quy đã được đưa ra đường đầu với quân Ma-xê-doan. Chỉ khi nào xuất hiện đội kỵ binh có kỷ luật và được chỉ huy tài tình mới có thể bất thần tấn công được bộ binh đứng vào lúc nó yếu nhất, tức là lúc nó chuyển từ một đội hình chiến thuật này sang một đội hình chiến thuật khác. Kỵ binh phi chính quy không thể làm như vậy. Ptô-lê-mây chỉ huy đội tiền quân của quân đội A-lếch-xan-đơ, đã không thể tiến lên chừng nào kỵ binh trang bị nặng của Ma-xê-doan còn chưa vượt sông và chưa tấn công từ bên sườn vào quân Ba Tư. Tiếp theo đó là cuộc chiến đấu kéo dài, nhưng vì kỵ binh Ba Tư được bố trí thành một tuyến, không có đội dự bị, còn những người Hy Lạp châu Á phục vụ trong quân đội của người Ba Tư cuối cùng lại rời bỏ nó, nên kỵ binh Ba Tư rút cục đã bị đánh bại. Trận Ác-bê-lơ (năm 331 trước công nguyên) là trận nổi tiếng nhất của kỵ binh Ma-xê-doan. A-lếch-xan-đơ đích thân xuất lĩnh đội kỵ binh Ma-xê-doan, tạo thành cánh phải ngoài cùng của đội hình chiến đấu của ông, trong khi đó kỵ binh Phét-xa-li tạo thành cánh trái. Quân Ba Tư định vu hồi ông từ bên sườn, như vào giờ phút quyết định, A-lếch-xan-đơ đưa lực lượng mới từ phía sau lên để đến lượt mình, đánh vu hồi quân Ba Tư. Lúc đó quân Ba Tư đã để lại kẻ hở giữa cánh trái và cánh giữa của mình; A-lếch-xan-đơ lập tức chen vào kẻ hở đó, chia cắt cánh trái của quân Ba Tư với phần còn lại của quân đội của họ, hoàn toàn đánh bại cánh này và truy kích một quãng xa. Buộc phải cứu viện cho sườn trái của mình đang bị uy hiếp, ông đã tập hợp rất nhanh chóng đội kỵ binh của mình, từ phía sau thọc qua cánh giữa của quân địch để từ sau lưng đánh vào cánh phải của nó. Trận đánh đã thu được thắng lợi bằng cách như vậy,

và từ đó A-lếch-xan-đơ được coi là một trong những nhà chỉ huy kỵ binh ưu tú nhất của các thời đại. Trận đánh kết thúc, kỵ binh của ông truy kích kẻ địch bỏ chạy, với sự hăng hái đến mức là hôm sau đội tiền vệ của nó đã cách chiến trường 75 dặm. Điều rất đáng chỉ ra là vào thời đại đó người ta đã hiểu rõ nguyên tắc cơ bản của chiến thuật kỵ binh như hiện nay. Tấn công bộ binh địch khi nó còn đang ở trong đội hình hành quân hoặc khi nó thay đổi đội hình; tấn công kỵ binh chủ yếu từ bên sườn, lợi dụng mũi đột phá khẩu trong tuyến hàng ngang của địch để xen vào, rồi triển khai sang phải và sang trái, vu hồi từ bên sườn và từ sau lưng các đơn vị được bố trí gần đột phá khẩu đó; củng cố thắng lợi bằng cuộc truy kích thật nhanh chóng và thẳng tay kẻ địch đã tan rã - đây là những nguyên tắc chủ yếu và quan trọng nhất mà mỗi sĩ quan kỵ binh hiện đại phải hiểu rõ. Sau khi A-lếch-xan-đơ chết, chúng ta không còn nghe thấy nói về kỵ binh xuất sắc đó của Hy Lạp và Ma-xê-doan nữa. Ở Hy Lạp bộ binh lại chiếm ưu thế, còn ở châu Á và Ai Cập, kỵ binh đã suy tàn nhanh chóng.

Người La Mã chưa từng là những tay cưỡi ngựa giỏi. Số kỵ binh ít ỏi được biên chế trong các lê-gi-ông của họ thích chiến đấu trong đội hình đi bộ. Ngựa của họ thuộc giống ngựa xấu, còn chiến sĩ thì không thạo cưỡi ngựa. Nhưng bờ Nam Địa Trung Hải người ta đã thành lập kỵ binh không những có thể độ sức mà thậm chí còn trội hơn cả kỵ binh của A-lếch-xan-đơ. Các thống soái của xứ Các-ta-giơ là Ha-min-các và Han-ni-ban, ngoài số kỵ binh không chính quy Nu-mi-di-a của mình, còn thành lập được đội kỵ binh chính quy hạng nhất và như vậy đã xây dựng được một binh chủng hầu như bao giờ cũng bảo đảm thắng lợi cho họ. Người Béc-be ở Bắc Phi, ít ra là cư dân bình nguyên, hiện nay vẫn là một dân tộc của những kỵ sĩ, còn những con tuấn mã Béc-be, mà các chiến sĩ của Han-ni-ban cưỡi giữa đám bộ binh La Mã với tốc độ vùn vụt và sự hăng hái trước đây chưa từng thấy, thì cho tới nay vẫn còn được dùng để bổ sung cho những trung đoàn kỵ binh Pháp -

chasseurs d'Afrique^{1*} - ưu tú nhất và được họ thừa nhận là những con ngựa chiến tốt nhất hiện có. Bộ binh Các-ta-giơ, ngay cả sau khi được huấn luyện lâu dài dưới sự lãnh đạo của hai thủ lĩnh vĩ đại của họ, vẫn kém xa bộ binh La Mã; nó không có mấy may hy vọng thắng lợi trong cuộc chiến đấu chống các đội lê-gi-ông La Mã nếu không có sự yểm hộ của đội kỵ binh mà chỉ một mình nó đã bảo đảm cho Han-ni-ban có thể đứng vững ở I-ta-li-a suốt 16 năm²⁸⁴; và khi đội kỵ binh ấy bị yếu đi vì thiếu thốn, vì những thử thách trong quá nhiều chiến dịch - nhưng tuyệt nhiên không phải vì vũ khí của địch - thì Han-ni-ban buộc phải rút khỏi I-ta-li-a. Các trận chiến đấu của Han-ni-ban có chỗ giống nhau với các trận chiến đấu của Phri-đrich Đại đế ở chỗ là trong phần lớn các trận ấy kỵ binh đã đánh thắng bộ binh hạng nhất; và quả thực chưa bao giờ kỵ binh đã hoàn thành được nhiều chiến công vẻ vang như dưới sự chỉ huy của hai vị thống soái vĩ đại ấy. Chúng ta không biết chính xác Ha-min-các và Han-ni-ban thành lập đội kỵ binh chính quy của mình bằng những người thuộc dân tộc nào, cũng như dựa trên những nguyên tắc chiến thuật nào. Nhưng vì giữa kỵ binh nhẹ Nu-mi-di-a và kỵ binh nặng, hay là kỵ binh chính quy, bao giờ cũng có sự khác nhau rõ rệt, nên chúng ta có thể kết luận rằng kỵ binh chính quy không gồm những người thuộc các bộ lạc Béc-be. Rất có thể là trong đó có nhiều lính đánh thuê nước ngoài và một số người Các-ta-giơ, nhưng phần chủ yếu hoàn toàn có thể là gồm cư dân Tây Ban Nha, vì kỵ binh được thành lập ở đất nước họ và vì ngay vào thời Xê-da phần lớn quân đội La Mã là các kỵ sĩ Tây Ban Nha. Vì Han-ni-ban biết rõ nền văn minh Hy Lạp và vì ngay trước thời ông lính đánh thuê Hy Lạp và những kẻ phiêu lưu đã phục vụ trong quân đội Các-ta-giơ, nên vị tất có thể hoài nghi về một điều là tổ chức của kỵ binh nặng của Hy Lạp và của Han-ni-ban là dựa trên tổ chức

1* - các xạ thủ châu Phi

của loại kỵ binh này của người Các-ta-giơ. Cuộc chạm trán đầu tiên ở I-ta-li-a đã giải đáp vấn đề tính hơn hẳn của kỵ binh Các-ta-giơ. Ở Tít-si-nô (năm 218 trước công nguyên) chấp chính quan La Mã là Pu-bli-út Xi-pi-ôn, khi chỉ huy lực lượng kỵ binh và bộ binh nhẹ của mình tiến hành trinh sát, đã gặp kỵ binh Các-ta-giơ do Han-ni-ban chỉ huy cũng làm nhiệm vụ ấy. Han-ni-ban lập tức tấn công quân La Mã. Bộ binh nhẹ La Mã ở tuyến thứ nhất, kỵ binh tạo thành tuyến thứ hai. Kỵ binh trang bị nặng của Các-ta-giơ tấn công bộ binh, đánh tan nó rồi lập tức tấn công từ chính diện vào kỵ binh La Mã, trong khi đó kỵ binh Nu-mi-di-a không chính quy đánh vào sườn và sau lưng kỵ binh La Mã. Trận đánh ngắn ngủi. Quân La Mã chiến đấu dũng cảm, nhưng họ không có mấy may hy vọng thắng lợi. Họ không thạo cưỡi ngựa; chính ngựa của họ trở thành nguyên nhân thất bại của họ; bị hoảng sợ vì bộ binh nhẹ La Mã bỏ chạy lao thẳng vào kỵ binh La Mã và tìm sự che chở trong đội ngũ kỵ binh này, nhiều con ngựa đã quăng kỵ sĩ xuống và gây ra sự rối loạn trong đội hình họ. Những chiến sĩ khác không tin vào tài cưỡi ngựa của mình, đã thận trọng xuống ngựa và tìm cách chiến đấu như bộ binh. Nhưng kỵ binh trang bị nặng của Các-ta-giơ đã ở ngay trong lòng họ, trong khi quân Nu-mi-di-a có mặt khắp nơi đang phi ngựa xung quanh quân La Mã dồn lại thành khối, sát thương mỗi người chạy thoát ra khỏi cái khối đó. Thiệt hại của quân La Mã rất nặng, bản thân Pu-bli-út Xi-pi-ôn bị thương. Trong trận Trê-bi-a, Han-ni-ban đã dùng mưu nhử quân La Mã vượt sông này để buộc họ phải chiến đấu với chướng ngại vật đó ở sau lưng. Vừa đạt được mục đích ấy là ông chuyển sang tấn công bằng toàn bộ lực lượng của mình và buộc quân La Mã phải chấp nhận trận đánh. Bên phía quân La Mã, cũng như ở phía quân Các-ta-giơ, bộ binh được bố trí ở giữa, nhưng để đối phó với hai bên sườn của quân La Mã gồm có kỵ binh, Han-ni-ban đã bố trí những con voi của mình, dùng kỵ binh để vu hồi và bao vây hai sườn địch. Ngay từ đầu trận đánh, kỵ binh La Mã đã hoàn toàn thất bại vì bị địch có ưu thế về số

lượng đánh vu hồi như vậy, nhưng bộ binh La Mã đẩy lùi được cánh giữa của quân Các-ta-giơ và tiến lên phía trước. Bấy giờ kỵ binh Các-ta-giơ bách chiến bách thắng mới tấn công nó từ phía chính diện và từ bên sườn; kỵ binh Các-ta-giơ buộc bộ binh La Mã phải ngừng tấn công, nhưng không thể đánh bại nó. Song Han-ni-ban biết rõ sự ngoan cường của các đội lê-gi-ông La Mã, nên ông đã phái 1 000 kỵ binh và 1 000 bộ binh tinh nhuệ do em trai mình là Ma-gôn chỉ huy, đánh vu hồi vào sau lưng quân La Mã. Lúc ấy những đơn vị còn nguyên vẹn này tấn công quân La Mã và chọc thủng được tuyến thứ hai; nhưng tuyến thứ nhất có 10 000 người đã cụm lại và dùng đội hình dày đặc chọc thủng đội hình địch, rồi tiến xuôi xuống phía dưới dòng sông, đến Pla-xen-xi-a, nơi đây họ vượt sông không gặp trở ngại gì. Trong trận Can-nơ (năm 216 trước công nguyên), quân La Mã có 80 000 bộ binh và 6 000 kỵ binh, quân Các-ta-giơ có 40 000 bộ binh và 10 000 kỵ binh. Kỵ binh của La-xi-um tạo thành cánh phải của quân La Mã dựa vào sông Au-phít; kỵ binh của quân đồng minh I-ta-li-a được bố trí ở sườn trái, trong khi bộ binh được bố trí ở giữa. Han-ni-ban cũng bố trí bộ binh của mình ở giữa; các đơn vị quân Ken-tơ và Tây Ban Nha lại tạo thành hai cánh, trong khi ở giữa họ, hơi lui về phía sau là bộ binh châu Phi của ông hiện đã được trang bị và tổ chức theo hệ thống của La Mã. Còn về kỵ binh thì ông bố trí kỵ binh Nu-mi-di-a ở cánh phải, nơi đây địa hình trống trải cho phép nó dựa vào tính cơ động và sự nhanh chóng của nó sẽ tránh được cuộc tấn công của kỵ binh trang bị nặng của I-ta-li-a đương đầu với nó, còn toàn bộ kỵ binh nặng, do Ha-xđơ-ru-ban chỉ huy thì ông bố trí ở cánh trái trên bờ sông. Ở sườn trái quân La Mã, quân Nu-mi-di-a làm cho kỵ binh I-ta-li-a thấm mệt, nhưng do bản chất nó là kỵ binh không chính quy, nên nó không thể đánh tan đội hình dày đặc của địch bằng một cuộc tấn công chính quy. Ở cánh giữa, bộ binh La Mã nhanh chóng đánh tan các đơn vị quân Ken-tơ và Tây Ban Nha, rồi tạo thành đội hình gọng kìm để tấn công bộ binh châu Phi. Nhưng bộ binh châu Phi có hai

sườn về và tấn công trong đội hình ngang - vào cái khối không linh hoạt đó, đánh tan cuộc tấn công của nó, sau đó cuộc chiến đấu mang tính chất kéo dài. Trong khi đó kỵ binh trang bị nặng của Ha-xđơ-ru-ban đã chuẩn bị xong việc đánh bại quân La Mã. Sau khi tấn công ác liệt vào sườn phải của kỵ binh La Mã, kỵ binh của Ha-xđơ-ru-ban chia cắt nó sau cuộc chống cự ngoan cường, rồi giống như A-lếch-xan-đơ ở Ác-bê-lơ, đến được đằng sau cánh giữa quân La Mã, từ sau lưng tấn công vào kỵ binh I-ta-li-a, đánh bại nó và để nó lại làm miếng mồi dễ dàng cho kỵ binh Nu-mi-di-a chấn chỉnh đội hình cho cuộc tổng công kích vào sườn và sau lưng bộ binh La Mã. Điều đó quyết định kết cục của trận đánh. Khối người khó di động, bị tấn công từ bốn phía, đã không chịu đựng nổi, rơi vào sự rối loạn, bị đánh bại và bị đập tan. Chưa hề xảy ra một cuộc tiêu diệt hoàn toàn như vậy của cả một quân đội. Người La Mã mất 70 000 người: kỵ binh của họ chỉ sống sót có 70 người. Quân Các-ta-giơ bị thiệt hại chưa đầy 6 000 người trong đó hai phần ba thuộc các đội quân Ken-tơ đã gánh chịu sức nặng chính trong cuộc tấn công ban đầu của các đội lê-gi-ông La Mã. Trong 6 000 kỵ binh chính quy của Ha-xđơ-ru-ban giành thắng lợi của toàn trận đánh thì chỉ có không quá 200 người bị thương vong.

Vào thời kỳ muộn hơn, kỵ binh La Mã không khá hơn bao nhiêu so với thời kỳ chiến tranh Pu-ni²⁸⁵. Nó được biên chế thành những đơn vị nhỏ phối thuộc vào các lê-gi-ông, chưa bao giờ nó được tổ chức thành một binh chủng độc lập. Bên cạnh loại kỵ binh thuộc lê-gi-ông ấy, vào thời Xê-da còn có các đội kỵ binh đánh thuê người Tây Ban Nha, Ken-tơ và Đức; tất cả những đội kỵ binh này đều mang tính chất ít nhiều phi chính quy. Kỵ binh La Mã chưa bao giờ làm được chuyện gì để đáng được nhắc tới; binh chủng này bị người La Mã coi thường và kém sức chiến đấu đến nỗi kỵ binh phi chính quy người Pác-phi-an của Hô-ra-xan vẫn là lực lượng uy hiếp nghiêm trọng đối với quân đội La Mã. Nhưng ở miền Đông đế quốc này, người ta vẫn giữ gìn sự yêu thích cổ truyền đối với

ngựa và việc cưỡi ngựa; và trước khi bị người Thổ Nhĩ Kỳ chinh phục, xứ Bi-dăng-xơ vẫn là thị trường ngựa lớn và trường học cưỡi ngựa đối với châu Âu. Do đó chúng ta thấy rằng vào thời kỳ phục hưng ngắn ngủi của đế quốc Bi-dăng-xơ khi I-u-xti-ni-ăng trị vì, kỵ binh của nó đã ở vào trình độ tương đối cao và như sử liệu đã chứng minh - trong trận Ca-poa năm 554 sau công nguyên, hoạn quan Nác-xê-xơ đã đánh bại quân Tơ-tông đi chinh phục I-ta-li-a, chủ yếu là nhờ binh chủng này²⁸⁶.

Sự xác lập ở tất cả các nước Tây Âu giới quý tộc của bọn chinh phục thuộc nguồn gốc Tơ-tông, đã mở đầu kỷ nguyên mới trong lịch sử kỵ binh. Quý tộc khắp nơi đều xung vào kỵ binh, làm nhiệm vụ với tính chất kỵ sĩ trang bị nặng (gens d'armes) và tạo thành loại kỵ binh nặng nhất, trong đó không những kỵ sĩ mà cả ngựa đều được che đỡ bằng giáp hộ thân bằng kim loại. Trận chiến đầu tiên, trong đó loại kỵ binh ấy xuất hiện, là trận Purchi-ê năm 732, nơi đây Các-lơ Mác-tanh đã đẩy lùi được dòng thác xâm nhập của người A Rập. Các kỵ sĩ Pháp dưới sự chỉ huy của Ê-dơ là quận công A-quy-tanh đã chọc thủng đội ngũ của người Mô-rơ và chiếm lĩnh trại của họ. Nhưng loại quân này không thích hợp với truy kích; do đó người A Rập, được kỵ binh phi chính quy không biết mệt mỏi của họ yểm hộ, đã rút về Tây Ban Nha mà không bị trở ngại gì. Trận này mở đầu cho một loạt cuộc chiến tranh, trong đó kỵ binh chính quy đồ sộ nhưng không linh hoạt của phương Tây chiến đấu khi thắng khi bại với kỵ binh không chính quy nhưng linh hoạt của phương Đông. Hầu như trong suốt thế kỷ X, các kỵ sĩ Đức đọ sức với kỵ binh dã man Hung-ga-ri và hoàn toàn đánh bại nó nhờ đội hình dày đặc của mình trong trận Méc-dê-buốc-gơ năm 933 và trên sông Lê-khơ năm 955²⁸⁷. Trong mấy thế kỷ, kỵ sĩ Tây Ban Nha đã chiến đấu với người Mô-rơ xâm nhập nước họ và cuối cùng đã chiến thắng chúng. Nhưng trong thời kỳ các cuộc viễn chinh thập tự, khi các kỵ sĩ "trang bị nặng" của phương Tây chuyển chiến trường sang đất

nước của địch thủ phương Đông của mình, thì đến lượt họ, họ bắt đầu thua trận và trong phần lớn trường hợp, sự diệt vong chờ đợi họ ở đây; bản thân họ cũng như ngựa của họ không chịu đựng nổi khí hậu, những cuộc hành quân vô cùng dài và sự thiếu thốn thức ăn thích hợp cho người và ngựa. Tiếp theo sau các cuộc viễn chinh thập tự là những cuộc xâm nhập mới vào châu Âu của những kỵ sĩ giỏi cưỡi ngựa của phương Đông, tức là cuộc xâm nhập của người Mông Cổ. Trần ngập được nước Nga và các vùng ở Ba Lan, năm 1241 họ gặp phải liên quân Ba Lan - Đức ở Van-stát thuộc Xi-lê-di²⁸⁸. Sau một trận chiến đấu dài, người châu Á đã đánh bại các kỵ sĩ mặc giáp sắt bị mệt mỏi, nhưng thắng lợi đã mua bằng giá đắt, đến mức nó làm suy sút sức lực của kẻ chinh phục. Người Mông Cổ không tiến thêm nữa và chẳng bao lâu, do sự chia rẽ trong hàng ngũ mình, không còn là lực lượng đe dọa nữa và bị đánh lui. Trong suốt thời Trung cổ, kỵ binh là binh chủng chủ yếu trong tất cả các quân đội; ở các nước phương Đông, kỵ binh phi chính quy trang bị nhẹ luôn luôn giữ vai trò ấy; ở các nước Tây Âu binh chủng quyết định kết cục của mỗi trận đánh trong thời kỳ ấy là kỵ binh chính quy trang bị nặng gồm các hiệp sĩ. Ưu thế đó của kỵ binh bắt nguồn không phải chủ yếu từ những ưu điểm của bản thân nó - vì kỵ binh phi chính quy của phương Đông không thể tác chiến chính quy, còn kỵ binh chính quy của phương Tây thì hết sức không linh hoạt trong sự vận động của nó - mà bắt nguồn từ chất lượng kém của bộ binh. Người châu Á, cũng như người châu Âu, đều coi thường binh chủng này; bộ binh gồm những người không có tiền mua ngựa, - chủ yếu gồm các nô lệ hoặc nông nô. Nó không được tổ chức một cách thích đáng; thiếu giáp che thân, vũ khí duy nhất là giáo và kiếm, nhờ đội hình sâu của mình, đôi khi nó có thể chống chọi cuộc tấn công mãnh liệt nhưng lộn xộn của các kỵ sĩ phương Đông, nhưng nó không tránh khỏi bị dẫm nát bởi các kỵ sĩ phương Tây trang bị

nặng và khó bị đánh bại. Ngoại lệ duy nhất là bộ binh Anh có được sức mạnh của mình nhờ một thứ vũ khí ghê gớm - chiếc cung lớn. Tỷ trọng của kỵ binh châu Âu thời kỳ đó trong toàn bộ quân đội, không nghi ngờ gì cả, là không lớn như mấy thế kỷ sau đó hoặc thậm chí như hiện nay. Số lượng các kỵ sĩ không đông lắm, và chúng ta thấy rằng trong nhiều trận đánh lớn có không quá 800 hoặc 1 000 hiệp sĩ tham gia. Nhưng thông thường số lượng họ đủ để độ sức với bất cứ số lượng bộ binh nào, sau khi đã đuổi được các kỵ sĩ trang bị nặng của địch ra khỏi chiến trường. Những kỵ sĩ trang bị nặng ấy thường chiến đấu trong đội hình ngang dàn thành một tuyến; hàng phía sau gồm lính tùy tùng mang vũ khí, thông thường những lính này trang bị nhẹ hơn và có bộ trang bị không đầy đủ bằng. Khi những đội hình ngang đó giáp mặt với địch, chúng liền tản ra thành các chiến sĩ đơn độc tác chiến, và trận đánh kết thúc bằng cuộc đánh giáp lá cà thuần túy. Về sau, khi người ta đã sử dụng súng bắn đạn nổ thì bắt đầu xuất hiện các đội hình chiều sâu, thường là hình vuông; nhưng lúc đó thì những ngày tồn tại của tầng lớp kỵ sĩ đã chấm.

Thế kỷ XV trên chiến trường đã xuất hiện pháo binh, còn một phần bộ binh - các xạ thủ đương thời - được trang bị súng Mu-skê; đến lúc này thì tính chất của bộ binh đã có sự biến đổi căn bản. Binh chủng này được thành lập bằng lính đánh thuê, lấy việc đi lính làm nghề nghiệp của mình. Lính đánh thuê Đức và lính Thụy Sĩ là những binh sĩ nhà nghề như vậy; họ đã rất nhanh áp dụng đội hình chính quy hơn và những sự cơ động chiến thuật. Đội hình chiến đấu kiểu pha-lan-ga của Đô-ri-en và Ma-xê-doan thời Cổ đại đã lại được phục hưng trên một ý nghĩa nhất định; mũ trụ và giáp ngực đã bảo vệ, trên mức độ nhất định, cho binh sĩ chống lại lưỡi giáo và kiếm của kỵ binh; ở Nô-va-ra (1513)²⁸⁹ khi bộ binh Thụy Sĩ hoàn toàn đuổi được các kỵ binh Pháp ra khỏi chiến trường thì binh chủng kỵ binh dừng cảm nhưng không linh hoạt này không còn được sử dụng nữa. Do đó, sau cuộc khởi nghĩa

của Hà Lan chống lại Tây Ban Nha chúng ta thấy một thứ kỵ binh mới - tiếng Đức là Reiters^{1*} (tiếng Pháp là reitres) được tuyển mộ giống như bộ binh, bằng cách đăng ký tự nguyện và trang bị bằng mũ trụ và giáp ngực, gươm và súng ngắn. Họ cũng trang bị nặng như giáp kỵ hiện nay, nhưng nhẹ hơn các kỵ sĩ nhiều. Họ nhanh chóng tỏ ra ưu việt hơn so với kỵ binh mang giáp kín người. Loại kỵ binh này từ nay sẽ biến mất và cùng với nó là chiếc giáo; gươm và súng ngắn trở thành vũ khí thường dùng của kỵ binh. Cũng khoảng thời gian ấy (cuối thế kỷ XVI) ban đầu là ở Pháp rồi ở các nước khác thuộc châu Âu, người ta đã xây dựng một thứ binh chủng hỗn hợp - long kỵ binh. Được trang bị bằng súng Mu-xkê, họ phải tùy theo tình hình mà chiến đấu hoặc như bộ binh, hoặc như kỵ binh. Binh chủng này đã được xây dựng ngay từ thời A-lếch-xan-đơ Đại đế, với tên gọi là đi-man-sơ, nhưng tám gương ấy rất lâu không được ai noi theo. Long kỵ binh của thế kỷ XVI tồn tại một thời gian dài hơn, nhưng đến giữa thế kỷ XVIII ở khắp nơi nó đều mất đi tính chất hỗn hợp của nó, chỉ giữ lại tên gọi và thông thường nó được sử dụng như kỵ binh. Đặc trưng quan trọng nhất của nó là: nó là thứ kỵ binh chính quy đầu tiên hoàn toàn không có vũ khí hộ thân. Ý định thành lập long kỵ binh làm binh chủng hỗn hợp thực sự, lại được hoàng đế Nga Ni-cô-lai tiến hành trên quy mô lớn; nhưng không bao lâu sau người ta thấy rằng đứng trước địch, bao giờ cũng buộc phải sử dụng nó với tính cách kỵ binh, cho nên A-lếch-xan-đơ II đã biến nó rất nhanh thành kỵ binh thông thường, rất ít làm chức năng của bộ binh, giống như phiêu kỵ hoặc giáp kỵ. Thống soái vĩ đại của Hà Lan là Mô-rít-xơ Ô-răng-giơ đã áp dụng cho đội kỵ binh rây-tơ của mình một hình thức tổ chức mà trên mức độ nào đó giống với tổ chức chiến thuật hiện nay. Ông

1* - rây-tơ

dạy họ tiến hành tấn công và vận động bằng những đơn vị riêng lẻ, hình thành mấy tuyến, hoàn thành động tác quay, bắt khởi địch, bố trí thành đội hình dọc và ngang, thay đổi chính diện mà không phá hoại đội hình, cũng như tác chiến bằng những đại đội và trung đội độc lập. Như vậy là kết cục của trận chiến đấu bằng kỵ binh không còn được quyết định bởi một cuộc tấn công của toàn khối kỵ binh, mà bởi những đợt tấn công liên tục của các đại đội và các tuyến riêng lẻ chi viện lẫn nhau. Kỵ binh của Mô-rít-xơ O-răng-giơ thường được bố trí với chiều sâu 5 hàng. Trong các quân đội khác nó chiến đấu trong đội hình dài, còn ở nơi nào bố trí thành đội hình ngang thì đội hình ấy bao giờ cũng có chiều sâu 5-8 hàng.

Thế kỷ XVII, do các kỵ sĩ trang bị nặng tốn kém hoàn toàn mất đi, số lượng kỵ binh tăng lên cực mạnh. Chưa có thời kỳ nào binh chủng này lại chiếm địa vị lớn như vậy trong bất cứ quân đội nào. Trong thời kỳ chiến tranh 30 năm, thông thường kỵ binh chiếm từ 2/5 đến 1/2 quân số của mỗi quân đội; trường hợp cá biệt thì cứ một bộ binh lại có hai kỵ binh. Vị chỉ huy kỵ binh xuất sắc nhất thời kỳ đó là Gu-xtáp A-đôn-phơ. Kỵ binh của ông gồm có giáp kỵ và long kỵ, mà long kỵ hầu như bao giờ cũng chiến đấu với tính cách kỵ binh. Giáp kỵ của ông cũng trang bị nhẹ hơn giáp kỵ của hoàng đế rất nhiều và nhanh chóng chứng tỏ tính hơn hẳn không tranh cãi được của nó. Kỵ binh Thụy Điển được bố trí thành ba hàng; trái với tập quán của giáp kỵ của phần lớn các quân đội mà vũ khí chủ yếu là súng ngắn, thói quen của kỵ binh Thụy Điển là không bỏ phí thời gian vào việc bắn nhau, mà phải xung phong vào quân địch với thanh gươm trong tay. Thời Trung cổ kỵ binh thường được bố trí ở giữa, nhưng ở thời kỳ này nó lại được bố trí, giống như thời Cổ đại, ở hai bên sườn quân đội, ở đây nó hình thành hai tuyến. Trong cuộc nội chiến ở Anh đã xuất hiện hai vị chỉ huy kỵ binh xuất sắc. Hoàng thân Ru-pec-tơ ở phe bảo hoàng nổi bật nhờ tính "liều lĩnh" vốn có ở mỗi viên chỉ huy kỵ binh, nhưng hầu như bao giờ ông cũng quá say mê, bỏ

cả việc chỉ huy đội kỵ binh của mình, bản thân bị lôi cuốn vào những gì trực tiếp diễn ra trước mắt, nên ở ông "anh chàng long kỵ gan dạ" bao giờ cũng trỗi lên trên vị chỉ huy quân sự. Crôm-oen thuộc phe bên kia cũng biểu hiện tính liều lĩnh như thế ở nơi nào cần đến, nhưng ông là nhà chỉ huy quân sự tài nghệ hơn; ông nắm chắc binh sĩ của mình, bao giờ cũng giữ đội dự bị phòng tình huống bất ngờ và dành cho những cuộc cơ động có tính chất quyết định, biết tùy cơ ứng biến, nên thường thắng địch thủ khinh suất của mình. Chỉ dựa vào kỵ binh của mình, ông đã thắng trận ở Mác-xtôn-mua và Nây-dơ-bi²⁹⁰.

Trong phần lớn các quân đội, chỉ trừ quân đội Thụy Điển và Anh, việc sử dụng súng vẫn là phương pháp hoạt động cơ bản của kỵ binh trong chiến đấu. Ở Pháp, Phổ và Áo, kỵ binh được huấn luyện sử dụng các-bin giống như bộ binh được huấn luyện sử dụng Mu-skê. Đứng thành từng đơn vị, trung đội, hàng v.v., họ bắn đồng loạt trên mình ngựa, mà trong suốt thời gian bắn đều ngừng tiến lên; khi tiếp cận để xung phong, đội hình ngang tiến theo nước kiệu; cách địch một cự ly ngắn họ dừng lại, bắn đồng loạt, rút gươm rồi xung phong. Hiệu quả của hỏa lực của tuyến bộ binh dài làm lung lay mọi sự tin tưởng xung phong của kỵ binh, - lúc này nó đã không còn có giáp che thân nữa; do đó nghệ thuật cưỡi ngựa bị coi nhẹ, không biết vận động theo bước đi nhanh, mà ngay với bước đi chậm cũng xảy ra nhiều việc không may đối với người và ngựa. Việc huấn luyện phần lớn được tiến hành trong đội hình không cưỡi ngựa, nên các sĩ quan kỵ binh không có khái niệm gì về điều khiển kỵ binh trong chiến đấu. Tuy nhiên, người Pháp có khi tuốt gươm xung phong, còn vua Thụy Điển Sác-lơ XII, trung thành với truyền thống dân tộc, bao giờ cũng xung phong hết tốc độ, không bắn, xua tan kỵ binh và bộ binh địch, và thậm chí có khi chiếm công sự đã chiến loại nhỏ. Nhưng chỉ có Phri-đrich Đại đế và vị chỉ huy kỵ binh vĩ đại của ông, Dây-dli-xơ là đã gánh vác sứ mạng cải cách căn bản kỵ binh và bảo đảm cho nó sự vinh

quang cao nhất. Kỵ binh Phổ, mà người cha của Phri-drích^{1*} để lại cho con trai, gồm những kỵ binh trang bị nặng cưỡi những con ngựa vụng về chỉ được huấn luyện về bắn súng, đã bị đánh tan trong khoảng khắc ở trận Môn-vi-xơ (1741). Nhưng khi cuộc Chiến tranh Xi-lê-di lần thứ nhất²⁹¹ vừa kết thúc, Phri-drích đã lập tức cải tổ hoàn toàn kỵ binh của mình. Việc huấn luyện bắn trong đội hình không cưỡi ngựa bị đưa xuống hàng thứ yếu; nghệ thuật cưỡi ngựa được chú ý thật sự.

"Tất cả mọi sự vận động đều phải được tiến hành với tốc độ lớn nhất, tất cả những động tác quay đều phải được hoàn thành bằng cách phi nước đại nhẹ nhàng. Các sĩ quan kỵ binh trước hết phải làm cho binh sĩ của mình trở thành những người cưỡi ngựa ưu tú; giáp kỵ phải có tài nghệ và có kinh nghiệm cưỡi ngựa như phiêu kỵ và phải được huấn luyện tốt về sử dụng gươm.

Các kỵ binh phải tập cưỡi ngựa hàng ngày. Nhưng môn huấn luyện chính là cưỡi ngựa qua địa hình mấp mô, vượt chướng ngại vật và đấu gươm trên ngựa. Khi xung phong chỉ được bắn khi tuyến thứ nhất và tuyến thứ hai của địch bị hoàn toàn chọc thủng.

"Khi tiến lên xung phong, mỗi đại đội phải cầm gươm đánh địch và không một người chỉ huy nào được để cho binh lính của mình bắn, nếu làm trái điều này sẽ bị giáng chức một cách nhục nhã; các viên tướng lữ đoàn trưởng phải chịu trách nhiệm điều đó. Khi tấn công, ban đầu phải vận động bằng phi nước kiệu nhanh, rồi cuối cùng chuyển sang phi nước đại hoàn toàn, nhưng phải giữ đội hình khép kín; nếu cuộc xung phong được tiến hành như vậy thì bệ hạ tin rằng địch bao giờ cũng bị đánh tan". "Mỗi sĩ quan kỵ binh phải luôn luôn nhớ rằng để đánh tan địch cần thực hiện hai điều kiện: 1) xung phong vào địch với tốc độ tối đa và 2) vu hồi nó từ bên sườn"²⁹².

Những đoạn trích ấy trong bản hướng dẫn của Phri-drích phản ánh đầy đủ sự biến chuyển toàn diện mà ông đã tiến hành trong chiến thuật kỵ binh. Ông có người giúp việc đắc lực là Dây-dli-xơ luôn luôn chỉ huy các đội giáp kỵ và phiêu kỵ của ông và biến chúng thành những đội kỵ binh mà không một đội kỵ binh nào

sánh được với kỵ binh Phổ trong thời kỳ chiến tranh bảy năm, xét về phương diện xung phong thần tốc và có tổ chức, thay đổi đội hình nhanh chóng, khả năng xung phong vào bên sườn, tốc độ tập hợp và bố trí lại sau cuộc xung phong. Kết quả đã nhanh chóng trở thành hiển nhiên. Trong trận Hô-en-phri-dê-béc, trung đoàn long kỵ Bai-roi-tơ gồm 10 đại đội đã hoàn toàn đánh lui cánh trái của bộ binh Áo, đánh tan 21 tiểu đoàn, chiếm được 66 lá cờ, 5 khẩu pháo và 4 000 tù binh. Trong trận Xoóc-nơ-đoóc-phơ, khi bộ binh Phổ buộc phải rút lui, Dây-dli-xơ với 36 đại đội kỵ binh đã đuổi được đội kỵ binh chiến thắng của Nga ra khỏi chiến trường, rồi lao vào bộ binh Nga, hoàn toàn đánh bại nó và gây cho nó thiệt hại nặng nề. Những chiến thắng ở Rô-xbắc, Stơ-ri-gâu, Kê-xen-đoóc-phơ, Lai-then và trong mười trận khác Phri-drích đều giành được thắng lợi nhờ kỵ binh xuất sắc của mình²⁹³.

Khi nổ ra chiến tranh cách mạng Pháp, người Áo đã tiếp thu hệ thống của Phổ, nhưng người Pháp không làm như thế. Thực ra, kỵ binh Pháp đã bị rệu rã mạnh do cách mạng, còn những đơn vị mới được thành lập vào đầu chiến tranh thì không sử dụng được. Trong những năm 1792 và 1793, khi những đơn vị bộ binh Pháp mới được tuyển mộ gặp phải kỵ binh được huấn luyện tốt của người Anh, người Phổ và người Áo, thì nó hầu như bao giờ cũng thất bại. Kỵ binh của người Pháp hoàn toàn không có năng lực đọ sức với những kẻ địch như thế, nên bao giờ cũng được giữ làm đội dự bị cho đến khi mấy năm chinh chiến đã làm cho nó được cải tiến tốt lên hơn. Từ năm 1796 mỗi sư đoàn đều có kỵ binh làm lực lượng chi viện; tuy nhiên trong trận Vuyéc-xbước, toàn bộ kỵ binh Pháp đã bị 59 đại đội kỵ binh Áo đánh tan (năm 1796)²⁹⁴. Khi Na-pô-lê-ông nắm quyền lực ở Pháp, ông đã dồn tất cả mọi sự cố gắng để tăng cường chất lượng của kỵ binh Pháp. Ông đã gặp phải một chất liệu tồi nhất có thể có. Không nghi ngờ gì cả, dân tộc Pháp là những người cưỡi ngựa tồi nhất châu Âu, còn ngựa của họ thì tốt cho kéo xe, nhưng ít thích hợp để

1* - Phri-drích Vin-hem I

cưỡi. Bản thân Na-pô-lê-ông chỉ là tay cưỡi ngựa bình thường và có thái độ bàng quan đối với tài cưỡi ngựa của người khác. Tuy nhiên, ông đã tiến hành những cải cách lớn và sau khi lập trại Bu-lông, kỵ binh của ông - chủ yếu cưỡi ngựa Đức và I-ta-li-a - đã trở thành một đối thủ mà người ta không thể coi thường. Các chiến dịch năm 1805 và 1806-1807 đã cho phép kỵ binh của ông nuốt chửng hầu như toàn bộ số ngựa của quân đội Áo và Phổ, ngoài ra còn tăng cường cho quân đội Na-pô-lê-ông bằng đội kỵ binh tinh nhuệ của liên minh vùng Ranh và của Đại công quốc Vác-sa-va²⁹⁵. Những đội kỵ binh đồ sộ mà Na-pô-lê-ông dùng để tác chiến trong các năm 1809, 1812 và nửa sau của năm 1813 đã được thành lập như vậy, đội kỵ binh ấy tuy thường được gọi là kỵ binh Pháp, nhưng phần lớn gồm người Đức và người Ba Lan. Giáp kỵ bị hoàn toàn thủ tiêu trong quân đội Pháp ít lâu trước cách mạng thì nay đã được Na-pô-lê-ông khôi phục một phần trong kỵ binh nặng. Trong tổ chức và trang bị còn lại của kỵ binh hầu như không thay đổi gì, nếu không kể đến một điều là cùng với các đội quân hỗ trợ Ba Lan ông đã nhận được mấy trung đoàn kỵ binh nhẹ trang bị giáo mà kiểu quần áo và trang bị của nó chẳng bao lâu sau đã được các quân đội khác bắt chước. Nhưng Na-pô-lê-ông đã thay đổi hoàn toàn việc sử dụng kỵ binh về mặt chiến thuật. Tương ứng với hệ thống biên chế sư đoàn và quân đoàn gồm ba binh chủng, ông cho mỗi sư đoàn hoặc quân đoàn một số lượng nhất định kỵ binh nhẹ, nhưng lực lượng cơ bản của binh chủng này, đặc biệt là toàn bộ kỵ binh nặng được tập trung ở đội dự bị để giáng đòn mạnh mẽ có tính chất quyết định lúc thời cơ thuận lợi, hoặc khi cần thì yểm trợ cuộc rút lui của quân đội. Những khối kỵ binh ấy xuất hiện bất ngờ ở một địa điểm nhất định, trên chiến trường thường đóng vai trò quyết định; song họ chưa bao giờ đạt được những thắng lợi huy hoàng như kỵ binh của Phri-đrich Đại đế. Nguyên nhân của tình hình đó phải tìm một phần ở sự thay đổi chiến thuật của bộ binh, binh chủng này lựa chọn chủ yếu địa hình mấp mô cho hoạt động của mình và

bao giờ cũng được bố trí thành đội hình vuông mỗi khi gặp kỵ binh, do đó gây khó khăn cho kỵ binh đạt được những thắng lợi hết sức lớn như kỵ binh Phổ đã giành được đối với tuyến bộ binh địch mỏng và kéo dài. Nhưng cũng không nghi ngờ gì nữa, kỵ binh của Na-pô-lê-ông không thể sánh với kỵ binh của Phri-đrich Đại đế, và chiến thuật kỵ binh của Na-pô-lê-ông, về tất cả các mặt đều còn xa mới tiên tiến bằng chiến thuật của Phri-đrich. Tài cưỡi ngựa xoàng của người Pháp buộc họ xung phong với bước đi tương đối chậm - nước kiệu hoặc nước đại chính quy nhẹ, chỉ trong một số ít trường hợp kỵ binh Pháp xung phong hoàn toàn bằng nước đại. Tinh thần rất dũng cảm của người Pháp và việc sử dụng đội hình dây đặc thường bù lại cho thiếu sót về tốc độ, nhưng lối tấn công của họ không phải là điều mà hiện nay người ta có thể thừa nhận là có nghệ thuật. Trong nhiều trường hợp, kỵ binh Pháp duy trì chiến thuật cũ - đứng tại chỗ, tay cầm các-bin đón đánh kỵ binh địch, và trong tất cả các trường hợp đó nó đều bại trận. Ví dụ cuối cùng thuộc loại này là trận Đan-ních-cốp (ngày 5 tháng Tư 1813)²⁹⁶: bảy giờ khoảng 1 200 kỵ binh Pháp chờ đợi trong tư thế như vậy cuộc tiến công của 400 kỵ binh Phổ, và mặc dù có ưu thế về số lượng họ đã hoàn toàn thất bại. Còn về chiến thuật của Na-pô-lê-ông thì, việc sử dụng khối lượng lớn kỵ binh đã trở thành nguyên tắc được quy định cứng rắn đến nỗi nó dẫn tới hậu quả là không những làm suy yếu kỵ binh sư đoàn tới mức nó hoàn toàn trở nên vô hiệu, mà hơn nữa, khi sử dụng khối lượng lớn kỵ binh ông thường coi nhẹ nguyên tắc tuân tự đưa lực lượng của mình vào chiến đấu, mà đó là một trong những quy tắc cơ bản của chiến thuật hiện đại và được áp dụng trong kỵ binh thậm chí ở mức độ còn lớn hơn là trong bộ binh. Ông cho kỵ binh xung phong bằng đội hình dọc, thậm chí bố trí cả một đoàn kỵ binh thành đội hình dọc đồ sộ; trong đội hình đó, tuyệt đối không thể tách ra dù chỉ là một đại đội hoặc trung đoàn để tác chiến độc lập, càng không thể nói đến ý đồ triển khai đội hình nào cả. Các tướng kỵ binh của ông cũng không đủ trình độ cần có, ngay

cả người xuất sắc nhất trong số họ là Mui-ra trong chiến đấu cũng tỏ ra hèn kém hơn nhiều so với Dây-đi-xơ. Trong thời gian chiến tranh những năm 1813, 1814 và 1815 chiến thuật kỵ binh của địch thủ của Na-pô-lê-ông đã có sự cải tiến quan trọng. Tuy trên mức độ lớn họ tuân theo hệ thống của Na-pô-lê-ông là giữ khối lượng lớn kỵ binh ở đội dự bị, do đó rất thường để đại bộ phận kỵ binh không tham gia hoạt động tác chiến nào, nhưng trong nhiều trường hợp họ đã tìm cách trở lại với chiến thuật của Phri-đrich. Trong quân đội Phổ đã khôi phục lại tinh thần trước đây. Bluy-khơ là người đầu tiên sử dụng một cách táo bạo hơn kỵ binh của mình và thường thành công. Trận phục kích ở Gây-nau (năm 1813), trong đó 20 đại đội kỵ binh Phổ đã đánh tan 8 tiểu đoàn bộ binh Pháp và chiếm 18 khẩu pháo, đã đánh dấu bước ngoặt trong lịch sử kỵ binh hiện đại và trận phục kích này tỏ ra ưu thế hơn trong chiến thuật so với quân đồng minh trong trận Lu-tơ-xen, nơi đây họ giữ 18 000 kỵ binh ở đội dự bị cho đến khi bị thua, tuy khó tìm được địa hình thích hợp hơn cho hoạt động của kỵ binh.

Người Anh chưa bao giờ sử dụng hệ thống biên chế những khối kỵ binh lớn, do đó thường thắng lợi, tuy rằng bản thân Nây-pia thừa nhận rằng kỵ binh của ông thời bấy giờ không tốt như kỵ binh Pháp²⁹⁷. Ở Oa-téc-lô (tiện thể xin nói thêm rằng ở đây giáp kỵ Pháp lần này đã xung phong với nước đại hoàn toàn), kỵ binh Anh được chỉ huy một cách xuất sắc và nhìn chung đã hành động thành công trừ những trường hợp để cho sở trường dân tộc chi phối, nên họ đã vượt ra ngoài sự kiểm soát. Từ sau hoà ước năm 1815, chiến thuật của Na-pô-lê-ông tuy vẫn còn được quy định trong điều lệnh của phần lớn các quân đội, nhưng đã nhường chỗ cho chiến thuật của Phri-đrich. Nghệ thuật cưỡi ngựa đã được chú ý hơn, tuy vẫn chưa ở mức độ cần có. Tư tưởng đón đánh địch với khẩu ca-bin trong tay đã bị gạt bỏ; ở mọi nơi người ta đều khôi phục quy tắc của Phri-đrich, theo đó bất cứ người chỉ huy kỵ binh nào mà để cho địch tấn công mình chứ không đích thân tấn

công địch thì đều bị giáng cấp. Nước đại lại trở thành nước phi trong tấn công; tấn công bằng đội hình khối dọc nhường chỗ cho lối xung phong bằng các hàng ngang nối tiếp nhau với việc sử dụng đội hình bảo đảm giáng đòn vào bên sườn và có thể cơ động bằng những phân đội độc lập khi xung phong. Nhưng còn nhiều việc phải làm. Việc chú ý hơn đến nghệ thuật cưỡi ngựa, đặc biệt là trong điều kiện dã chiến làm cho cấu tạo của yên giống hơn với yên ngựa của người đi săn và sự thay đổi tương ứng của tư thế cưỡi ngựa, và điều quan trọng nhất là giảm nhẹ trọng lượng mà ngựa phải mang - đây là những sự cải tiến cần thiết đối với tất cả mọi quân đội, không có ngoại lệ nào.

Từ lịch sử của kỵ binh bây giờ chúng ta chuyển sang bàn về tổ chức và chiến thuật hiện đại của nó. Việc bổ sung quân số cho kỵ binh nhìn chung được tiến hành cũng theo phương pháp bổ sung như ở các binh chủng khác của một nước. Nhưng ở một số nước người ta đã quy định những người sinh trưởng ở một số khu vực nhất định mới được phục vụ trong binh chủng này, như: ở Nga là người Tiểu Nga (người sinh trưởng ở Tiểu Nga), ở Phổ là người Ba Lan. Ở Áo, kỵ binh nặng được tuyển mộ trong các tỉnh Đức và Bô-hêm, phiêu kỵ được hoàn toàn tuyển mộ ở Hung-ga-ri, thương kỵ chủ yếu được tuyển ở các tỉnh Ba Lan. Việc bổ sung ngựa đáng được bàn riêng. Ở Anh, là nơi trong thời chiến chỉ cần không quá 100 000 con ngựa là đủ để bổ sung cho toàn bộ kỵ binh, chính phủ không gặp khó khăn gì trong việc mua số ngựa ấy; nhưng để bảo đảm cho quân đội ưu tiên sử dụng những con ngựa ở độ tuổi khoảng dưới 5 tuổi chưa bị sử dụng vào công việc, người ta đã mua những con ngựa giống ba tuổi, phần lớn thuộc giống I-oóc-sia, do chính phủ bỏ tiền ra nuôi ở các trạm cho đến khi phục vụ được. Giá mua ngựa giống (20-25 pao xtéc-linh) và sự dồi dào ngựa tốt ở nước này đã bảo đảm cho kỵ binh Anh có được những con ngựa tuyệt nhất thế giới. Ở Nga cũng dồi dào ngựa như vậy, tuy chất lượng kém hơn của Anh. Các sĩ quan thu mua, mua buôn ngựa ở các tỉnh miền Tây và miền Nam của đế

quốc, phần lớn là của thương nhân Do Thái, rồi họ bán lại những con ngựa không thích hợp, số còn lại thì được giao cho các trung đoàn tùy theo màu lông (ở trong một trung đoàn Nga, tất cả các con ngựa đều cùng một màu lông). Người chỉ huy trung đoàn được coi là người sở hữu ngựa của trung đoàn mình; bằng số tiền lớn cấp phát cho anh ta, anh ta phải nuôi cho tốt đàn ngựa của trung đoàn. Thời hạn phục vụ của ngựa là 8 năm. Ban đầu ngựa do những trại nuôi ngựa lớn ở Vô-lun và U-cra-i-na cung cấp, ở những trại này chúng được nuôi hoàn toàn trong tình trạng hoang dã; nhưng việc huấn luyện nó phục vụ kỵ binh khó khăn đến mức phải từ bỏ cách làm đó. Ở Áo, một phần số ngựa được mua về, nhưng gần đây đại bộ phận là do các trại nuôi ngựa của nhà nước cung cấp, những trại này hàng năm có thể cung cấp trên 5 000 ngựa kỵ binh ở độ 5 tuổi. Ở một nước giàu ngựa như Áo, khi cực kỳ cần thiết có thể trông cậy vào thị trường trong nước. 60 năm về trước, Phổ phải mua ở nước ngoài hầu như toàn bộ số ngựa mà nó cần, nhưng hiện nay nó có thể dựa vào nguồn trong nước để cung cấp ngựa cho toàn bộ đội kỵ binh của mình, kể cả quân thường trực lẫn quân hậu bị. Ngựa cho kỵ binh thường trực thì do các sĩ quan quân nhu thu mua khi ngựa đạt ở độ tuổi ba tuổi và được đưa vào các trại nuôi cho đến độ tuổi cần thiết có thể phục vụ được; mỗi năm cần 3 500 ngựa. Khi động viên kỵ binh của quân hậu bị thì tất cả ngựa trong nước đều phải đăng ký phục vụ quân sự như đối với những người thuộc diện làm nghĩa vụ quân sự; nhưng mỗi con ngựa bị trưng thu được bồi thường từ 40 đến 70 đô-la. Ở Phổ số ngựa có khả năng phục vụ được lại nhiều quá ba lần số ngựa cần có. Pháp nghèo ngựa nhất trong số tất cả các nước khác ở châu Âu. Giống ngựa của Pháp thường tốt, thậm chí xuất sắc đối với việc kéo xe, nhưng thường không thích hợp để cưỡi. Những trại nuôi ngựa của nhà nước (haras), đã được xây dựng từ lâu, nhưng không đạt kết quả như ở các nước khác, năm 1838 những trại ấy và các cơ quan cung ứng ngựa liên quan đến chúng thậm chí không cung cấp nổi cho quân đội 1 000 con

ngựa do chính phủ bỏ tiền ra mua hoặc nuôi. Tướng La Rô-sơ-Ê-mông đưa ra ý kiến cho rằng khắp nước Pháp không kiếm nổi 20 000 con ngựa ở độ tuổi 4 đến 7 năm thích hợp với việc phục vụ kỵ binh²⁹⁸. Tuy cơ quan cung ứng và trại nuôi ngựa gần đây đã được cải tiến nhiều nhưng chúng vẫn chưa thể thỏa mãn đầy đủ yêu cầu của quân đội. An-giê-ri cung cấp giống ngựa kỵ binh xuất sắc và các trung đoàn tinh nhuệ của kỵ binh Pháp - chasseurs d'Afrique - hoàn toàn được cấp loại ngựa này, nhưng các trung đoàn khác thì hầu như không nhận được những con ngựa thuộc giống này. Như vậy, trong trường hợp động viên, người Pháp buộc phải mua ngựa ở nước ngoài, đôi khi ở Anh, nhưng phần lớn là ở Bắc Đức, ở đây họ mua được những con ngựa không phải tốt nhất, tuy khi mua mỗi con phải chi khoảng 100 đô-la. Nhiều con ngựa đã bị thải của các trung đoàn kỵ binh Đức lại xuất hiện trong hàng ngũ quân đội Pháp, cho nên trừ chasseurs d'Afrique, kỵ binh Pháp nói chung có những con ngựa tồi nhất châu Âu.

Có hai loại kỵ binh chính: kỵ binh nặng và kỵ binh nhẹ. Sự khác nhau thực tế của chúng là ở sự khác nhau về ngựa. Những con ngựa to và khỏe không thể hành động tốt cùng với những con ngựa nhỏ bé, linh hoạt và nhanh nhẹn. Những con ngựa to và khỏe khi xung phong hành động chậm hơn, nhưng có sức công kích lớn hơn; những con ngựa có trọng lượng nhẹ lại có đặc điểm là chạy nhanh và xung phong vùn vụt, ngoài ra chúng thích hợp hơn với lối chiến đấu đơn độc và chiến đấu trong đội hình tán khai, về phương diện này thì những con ngựa nặng nề hoặc cao to lại tỏ ra không đủ linh hoạt, cũng như không đủ nhanh trí. Chính vì vậy mà sự phân chia đó của kỵ binh là nhu cầu thật sự, nhưng cái mốt, trí tưởng tượng và sự bắt chước các kiểu quần áo dân tộc nào đó đã tạo ra rất nhiều phân loại mà trình bày tỉ mỉ về chúng ở đây chẳng bổ ích gì. Ở phần lớn các nước, kỵ binh nặng - ít ra là một bộ phận - được trang bị giáp ngực, nhưng hoàn toàn không phải không bị đạn xuyên thủng; ở Xéc-di-ni, hàng

dầu kỵ binh nặng được trang bị giáo, kỵ binh nhẹ được trang bị một phần bằng gươm và các-bin, một phần bằng giáo. Các-bin thì hoặc là loại nòng trơn, hoặc loại nòng có rãnh. Trong phần lớn trường hợp vũ khí của kỵ binh được bổ sung bằng súng ngắn; chỉ có kỵ binh của Hợp chúng quốc được trang bị súng lục ru-lô. Gươm thì thẳng hoặc hình cong nhiều hay ít, loại gươm thẳng thì thích hợp với đâm, còn loại gươm cong thì thích hợp với chém. Vấn đề tính ưu việt của giáo so với gươm vẫn còn đang tranh luận. Đối với trường hợp đánh giáp lá cà, không nghi ngờ gì nữa gươm thích hợp hơn, khi xung phong vị tất có thể sử dụng được giáo vì quá dài và quá nặng, nhưng khi truy kích kỵ binh địch bị đánh tan thì nó là vũ khí có hiệu quả cao độ. Hầu như tất cả các dân tộc giỏi cưỡi ngựa đều trồng cây vào gươm; ngay người Cô-dắc cũng bỏ ngọn giáo của mình khi phải chiến đấu với những chiến sĩ giỏi dùng gươm - người Tréc-kê-xi. Súng ngắn trở nên vô dụng nếu không kể việc dùng nó để bắn tín hiệu; các-bin không có hiệu quả lắm, dù là nòng có rãnh, và nó sẽ không bao giờ đem lại hiệu quả thực tế lớn chừng nào chưa nạp đạn bằng cơ bắ; súng lục ru-lô ở những tay súng giỏi là vũ khí đáng sợ khi đánh gần; song chiếc gươm tốt, sắc và thuận tiện vẫn là chúa tể trong kho vũ khí của kỵ binh.

Ngoài yên cương và kỵ binh vũ trang, ngựa kỵ binh còn phải thô quân trang dự trữ, doanh cụ và dụng cụ chăm sóc ngựa, còn trong thời gian chiến dịch cũng thô lương thực cho người và cỏ cho bản thân. Trong các quân đội khác nhau và các loại kỵ binh, tổng trọng lượng của gánh nặng ấy, khi trang bị đầy đủ cho hành quân, biến động từ 250 đến 300 pao; trọng tải ấy vượt xa trọng tải mà ngựa dân dụng phải thô. Trọng tải quá lớn ấy của ngựa là chỗ yếu nhất của mọi kỵ binh. Về mặt này, nơi nào cũng đòi hỏi những cải cách lớn. Trọng lượng của người cưỡi ngựa và trang bị hành quân có thể và phải giảm bớt; nhưng chừng nào còn tồn tại hệ thống hiện nay thì khi đánh giá sức chiến đấu và sức chịu đựng của kỵ binh bao giờ cũng phải chú ý đến sự nặng nề của trọng tải của ngựa. Kỵ binh nặng gồm có những người cưỡi ngựa

khỏe nhưng có trọng lượng hết sức nhẹ, cưỡi trên những con ngựa khoẻ mạnh, nó phải hành động chủ yếu bằng sức mạnh của đòn tập trung với đội hình dày đặc. Muốn vậy cần có sức mạnh, sức chịu đựng một sức nặng nhất định, tuy không lớn đến mức làm cho kỵ binh mất linh hoạt. Hành động của kỵ binh phải nhanh chóng, nhưng trong giới hạn phù hợp với sự duy trì đội hình nghiêm chỉnh nhất. Khi dàn đội hình xung phong, nó phải phi thẳng về phía trước, quét sạch mọi thứ trên đường của nó. Mỗi chiến sĩ kỵ binh có thể không phải là những tay cưỡi ngựa giỏi như trong kỵ binh nhẹ, nhưng họ phải điều khiển được ngựa của mình, học thành thạo trong động tác, tiến lên thật thẳng hàng về phía trước thành một khối lượng dày đặc. Do đó, ngựa của họ phải ít nhạy cảm với gót chân người cưỡi và không nhấc chân quá vội, chạy nước kiệu tốt và được huấn luyện duy trì nghiêm chỉnh đội hình khi chạy nước đại nhẹ trong một thời gian dài. Kỵ binh nhẹ, trái lại, có những tay cưỡi ngựa linh lợi hơn và những con ngựa nhanh hơn, phải hành động với sự nhanh chóng của mình và có năng lực kịp có mặt khắp nơi. Khuyết điểm về trọng lượng phải được bù lại bằng tốc độ và hoạt động tích cực. Nó xung phong với sự mãnh liệt lớn nhất; nhưng khi thấy có lợi, nó vờ bỏ chạy để sau đó bất ngờ thay đổi hướng tiến đánh vào sườn địch. Tốc độ nhanh và khả năng chiến đấu đơn độc làm cho nó đặc biệt có năng lực truy kích. Người chỉ huy kỵ binh nhẹ phải có con mắt sắc sảo hơn và sự tỉnh táo hơn mức độ đòi hỏi ở người chỉ huy kỵ binh nặng. Từng chiến sĩ trong kỵ binh nhẹ phải là những tay cưỡi ngựa tài hơn; anh ta phải hoàn toàn điều khiển được con ngựa của mình, biết cách đang dừng tại chỗ mà chuyển ngay sang nước đại hoàn toàn, cũng như dừng lại trong khi phi hết tốc độ, xoay chuyển nhanh chóng và giỏi vượt chướng ngại; ngựa phải dùng cảm và nhanh, nhạy cảm với dây cương và gót chân điều khiển của người cưỡi, lanh lẹ khi xoay chuyển và được huấn luyện đặc biệt về nước đại nhẹ, biết nhấc chân tốt. Ngoài những đợt xung phong mãnh liệt vào bên sườn và sau lưng, phục kích và truy kích, kỵ binh nhẹ phải hoàn thành phần lớn nhiệm vụ

canh gác và tuần tra cho toàn quân đội; do đó bản lĩnh chiến đấu đơn độc - mà cơ sở của nó là tài cưỡi ngựa - là một trong những yêu cầu chính đối với kỵ binh nhẹ. Trong đội hình ngang, kỵ binh tiến trong đội hình ít dày đặc hơn, nên có thể luôn luôn sẵn sàng thay đổi chính diện và tiến hành những sự cơ động khác.

Người Anh, trên danh nghĩa, có 13 trung đoàn kỵ binh nhẹ và 13 trung đoàn kỵ binh nặng (long kỵ, phiêu kỵ, thương kỵ; giáp kỵ chỉ gồm có hai trung đoàn quân cận vệ), nhưng trên thực tế toàn bộ kỵ binh của họ đều là kỵ binh nặng xét về mặt biên chế và huấn luyện; trong kỵ binh này chỉ có những sự khác nhau rất nhỏ về khổ người của kỵ sĩ và về tầm vóc của ngựa. Để có được thực tế đội kỵ binh nhẹ, họ bao giờ cũng phải dùng đến người nước ngoài, ở châu Âu là người Đức, ở Ấn Độ là đội kỵ binh phi chính quy bản xứ. Người Pháp có ba loại kỵ binh: kỵ binh nhẹ gồm phiêu kỵ và xạ thủ - cả thảy có 174 đại đội; kỵ binh nòng cốt gồm thương kỵ và long kỵ có 120 đại đội; kỵ binh dự bị gồm giáp kỵ và lính trang bị súng các-bin, - 78 đại đội. Áo có 96 đại đội kỵ binh nặng - long kỵ và giáp kỵ - và 192 đại đội kỵ binh nhẹ - phiêu kỵ và thương kỵ. Trong quân thường trực của Phổ có 80 đại đội kỵ binh nặng, gồm giáp kỵ và thương kỵ; và 72 đại đội kỵ binh nhẹ gồm long kỵ và phiêu kỵ; trong thời chiến thì thêm vào số lượng ấy có thể bổ sung 136 đại đội thương kỵ của quân hậu bị loại một. Kỵ binh của quân hậu bị loại hai vị tất có khi nào được biên chế thành những đơn vị độc lập. Kỵ binh Nga gồm có 160 đại đội kỵ binh nặng - giáp kỵ và long kỵ - và 304 đại đội kỵ binh nhẹ - phiêu kỵ và thương kỵ. Việc thành lập các đơn vị long kỵ có thể luân phiên làm nhiệm vụ kỵ binh cũng như làm nhiệm vụ bộ binh, hiện nay đã bị đình chỉ và long kỵ được đưa vào thành phần kỵ binh nặng. Nhưng kỵ binh nhẹ thực sự của người Nga là những lính Cô-dắc mà họ có quá đủ để làm mọi nhiệm vụ canh gác, trinh sát, kỵ binh phi chính quy trong quân đội của họ. Trong quân đội Mỹ có hai trung đoàn long kỵ, một

trung đoàn xạ thủ cưỡi ngựa và hai trung đoàn được gọi là kỵ binh; người ta gọi các trung đoàn ấy là những trung đoàn kỵ binh. Trên thực tế, kỵ binh của Mỹ chỉ là bộ binh cưỡi ngựa.

Đơn vị chiến thuật trong kỵ binh là đại đội, bao gồm trong biên chế của nó một số lượng chiến binh mà khi thay đổi đội hình người chỉ huy có thể điều khiển bằng lời nói và tác động trực tiếp. Quân số của đại đội kỵ binh biến động từ 100 người (Anh) đến 200 người (Pháp) trong các quân đội khác nó cũng không vượt giới hạn đó, 4, 6, 8 hoặc 10 đại đội thì hợp thành một trung đoàn. Trung đoàn ít quân nhất là của người Anh (từ 400 đến 480 người), trung đoàn nhiều quân nhất là trung đoàn kỵ binh nhẹ của Áo (1 600 người). Trung đoàn quá đông thì hành động kênh càng, quá ít thì tan biến rất nhanh trong thời chiến. Như một lữ đoàn kỵ binh Anh ở Ba-la-cla-va, khi chưa đầy hai tháng kể từ khi chiến dịch bắt đầu, chỉ còn có chưa đầy 700 người trong 5 trung đoàn, theo biên chế mỗi trung đoàn có 2 đại đội, tức là chỉ bằng một nửa quân số của một trung đoàn phiêu kỵ Nga theo biên chế thời chiến. Biên chế đặc biệt ở người Anh là đại đội hoặc nửa đại đội, còn ở người Áo là binh đoàn kỵ binh hay là đại đội hoặc nửa đại đội, còn ở người Áo là binh đoàn kỵ binh hay là đại đội kép tạo thành tổ chức trung gian mà chỉ có nó mới cho phép một người chỉ huy quản lý được trung đoàn kỵ binh của mình trong tình hình quân số của nó lớn như thế.

Trước Phri-drích Đại đế, tất cả mọi đội kỵ binh đều được bố trí với chiều sâu ít ra là ba hàng. Ông là người đầu tiên bố trí phiêu kỵ của mình thành hai hàng vào năm 1743, còn trong trận Rô-xbác ông cũng bố trí kỵ binh nặng của mình như vậy. Sau cuộc Chiến tranh bảy năm các quân đội khác cũng bắt chước đội hình ấy và hiện nay người ta chỉ dùng đội hình ấy. Để thay đổi đội hình, đại đội chia thành 4 trung đội, từ đội hình hàng ngang chuyển thành đội hình hàng dọc, từng trung đội triển khai theo chiều sâu và, ngược lại, từ đội hình hàng dọc chuyển sang đội hình hàng ngang là động tác chuyển đội hình cơ bản và chủ yếu của mọi sự cơ động của kỵ binh. Phần lớn các động tác chuyển

đội hình khác chỉ dùng hoặc trong hành quân (hành quân bên sườn theo ba tuyến v.v.) hoặc trong trường hợp đặc biệt (đội hình dọc dày đặc theo trung đội hoặc theo đại đội). Hành động của kỵ binh trong chiến đấu chủ yếu là đánh giáp lá cà, hỏa lực của nó chỉ có tác dụng thứ yếu, sắt thép - gươm hoặc giáo - là vũ khí chính của nó; tất cả sự nỗ lực của kỵ binh tập trung trong xung phong, như vậy xung phong là tiêu chuẩn của tất cả mọi sự cơ động và mọi động tác của kỵ binh và của trận địa mà nó chiếm lĩnh. Tất cả cái gì cản trở xung phong, đều là sai lầm. Sức mạnh của xung phong được bảo đảm bằng những cố gắng cao độ chung của chiến sĩ cũng như của ngựa vào giờ phút kết thúc, vào lúc thực tế tiếp cận địch. Để đạt được điều đó, cần phải tiếp cận địch với tốc độ tăng dần, sao cho ngựa chỉ phi nước đại ở cự ly gần địch. Song, việc thực hiện cuộc xung phong như vậy hầu như là nhiệm vụ khó khăn nhất trong những nhiệm vụ mà kỵ binh phải giải quyết. Duy trì được hàng ngũ chỉnh tề và thành một khối vững chắc, khi tiến lên với tốc độ tăng dần là điều cực kỳ khó khăn, nhất là nếu phải vượt qua địa hình rất mấp mô. Chính ở đây người ta mới thấy rằng nghiêm chỉnh tiến thẳng lên phía trước là điều khó khăn cũng như quan trọng biết chừng nào, vì nếu mỗi chiến sĩ kỵ binh khi tiến lên không giữ thẳng hướng thì trong các hàng sẽ nảy sinh tình trạng đụng chạm vào nhau, tình trạng đó nhanh chóng lan từ giữa ra hai sườn, rồi từ hai sườn vào giữa; ngựa bị kích thích và mất bình tĩnh, bắt đầu bộc lộ sự không đều nhau trong tốc độ và đà hăng hái của từng con ngựa, và toàn bộ đội hình sẽ lộn xộn hỗn loạn, không còn hàng lối chỉnh tề và không giữ được cái khối vững chắc mà chỉ có nó mới bảo đảm thắng lợi. Tiếp nữa, rõ ràng là khi tiến sát địch thì ngựa sẽ không chịu xông vào khối đông quân địch đã dừng lại hoặc đang vận động, những chiến sĩ kỵ binh phải ngăn ngừa hiện tượng ấy; nếu không thì không nghi ngờ gì cả, cuộc xung phong sẽ không thắng lợi. Vì vậy chiến sĩ kỵ binh không những phải có quyết tâm vững chắc xông vào hàng ngũ địch, mà còn phải khống chế thành thạo con ngựa của mình. Điều lệnh của các quân đội đưa ra những quy

tắc khác nhau về phương pháp vận động của kỵ binh tấn công nhưng tất cả đều giống nhau ở chỗ là: đội hình hàng ngang phải cố gắng bắt đầu tiến bằng bước chậm, rồi chuyển sang nước kiệu, cách địch 300-150 i-ác-đơ thì chuyển sang nước đại nhẹ, đưa dần tốc độ lên nước đại hoàn toàn, còn khi cách địch 20-30 i-ác-đơ thì phi hết tốc độ. Song, những quy tắc ấy cho phép nhiều ngoại lệ; trên thực tế, trong mỗi trường hợp riêng biệt phải chú ý đến tính chất địa hình, thời tiết, tình trạng của ngựa v.v.. Nếu trong khi kỵ binh xung phong vào kỵ binh, hai bên thật sự xô vào nhau - trường hợp này rất hiếm trong chiến đấu bằng kỵ binh - thì vào lúc trực tiếp xô vào nhau, thanh gươm không có tác dụng lớn. Chính do quán tính mà một bên xô ngã và đánh tan bên kia. Nhân tố tinh thần, sự dũng cảm ở đây biến ngay thành sức mạnh vật chất; đại đội dũng cảm nhất sẽ phi lên với sự bình tĩnh, sự kiên quyết, sự mãnh liệt lớn nhất, ensemble^{1*} và vững chắc. Do vậy, không một đội kỵ binh nào có thể làm nên việc lớn nếu nó không có lòng "hăng hái" ["dash"]. Nhưng khi hàng ngũ của một bên bị đánh tan thì gươm, cùng với tài cưỡi ngựa của cá nhân, sẽ có tác dụng. Ít ra thì một bộ phận của đội kỵ binh đang thắng phải bỏ đội hình chiến thuật của mình để dùng gươm giành lấy thắng lợi. Như vậy, đợt xung phong thành công sẽ quyết định ngay số phận của trận đánh; nhưng nếu xung phong không kèm theo truy kích và những đợt cá nhân đánh giáp lá cà thì thắng lợi sẽ mang lại tương đối ít kết quả. Chính tính hơn hắn ấy của bên giữ được sự vững vàng về chiến thuật và đội hình đối với bên mất những cái đó, đã giải thích hiện tượng là kỵ binh phi chính quy dù giỏi thế nào và đông thế nào đi nữa cũng không đánh bại được kỵ binh chính quy. Không nghi ngờ gì nữa, về tài cưỡi ngựa cá nhân và bản lĩnh sử dụng gươm, chưa hề có kỵ binh chính quy nào so sánh được với kỵ binh phi chính quy của các dân tộc phương Đông vốn là những chiến sĩ giỏi cưỡi ngựa; song đội kỵ binh chính

1* - nhịp nhàng, nhất trí

quy tốt nhất của châu Âu bao giờ cũng chiến thắng đội kỵ binh phi chính quy đó trong chiến đấu ở địa hình trống trải. Từ cuộc thất bại của người Hung-nô ở Sa-lon (năm 451) cho đến tận cuộc khởi nghĩa của người Xi-pai năm 1857²⁹⁹ người ta không thể đưa ra được một ví dụ nào về trường hợp kỵ binh xuất sắc nhưng phi chính quy của phương Đông đã dùng xung phong đánh quy dù là một trung đoàn kỵ binh chính quy trong chiến đấu. Khối người lộn xộn không thành hàng ngũ của nó xung phong không nhịp nhàng và không thành đội ngũ vững chắc, không thể tác động được gì vào một đội hình dày đặc đang tiến lên như vũ bão. Tính hơn hãn của kỵ binh phi chính quy chỉ có thể biểu hiện trong trường hợp đội hình chiến thuật của kỵ binh chính quy rơi vào tình trạng rối loạn và bắt đầu cuộc chiến đấu của từng cá nhân kỵ binh; nhưng việc kỵ binh phi chính quy xông bừa vào kẻ địch không thể đem lại kết quả như thế. Chỉ khi nào kỵ binh chính quy, trong khi truy kích địch, đã bỏ đội hình ngang của mình và triển khai cuộc chiến đấu của từng cá nhân thì kỵ binh phi chính quy, bất ngờ quay ngoắt lại và lợi dụng được thời cơ, mới đánh bại được kỵ binh chính quy. Như vậy, từ thời kỳ chiến tranh của người Pác-phi-an chống người La Mã, hầu như toàn bộ chiến thuật của kỵ binh phi chính quy trong tác chiến với kỵ binh chính quy đều được quy tụ vào mưu kế quân sự ấy. Về mặt này, long kỵ của Na-pô-lê-ông ở Ai Cập có thể là những ví dụ tốt nhất - không nghi ngờ gì nữa, đó là kỵ binh chính quy tồi nhất thời đó - bao giờ cũng đánh bại những kỵ sĩ phi chính quy xuất sắc nhất là đội quân Ma-me-lúc. Na-pô-lê-ông đã nói về họ như sau: không nghi ngờ gì nữa, hai kỵ sĩ Ma-me-lúc trội hơn ba lính Pháp, 100 lính Pháp thì ngang sức với 100 lính Ma-me-lúc, nhưng 300 lính Pháp thì phần lớn lại thắng 300 lính Ma-me-lúc, còn 1 000 lính Pháp thì bao giờ cũng đánh bại 1 500 lính Ma-me-lúc³⁰⁰.

Đơn vị kỵ binh duy trì được tốt hơn đội hình chiến đấu của mình khi xung phong, dù có ưu thế lớn như thế nào đi nữa thì người ta vẫn thấy rõ rằng sau khi xung phong thắng lợi, đội hình

của ngay cả đơn vị ấy cũng bị tương đối vi phạm. Thắng lợi của đợt xung phong không phải có tính chất quyết định như nhau ở tất cả các địa điểm; nhiều chiến sĩ không tránh khỏi bị cuốn hút vào cuộc đánh giáp lá cà đơn độc hoặc truy kích; chỉ có một bộ phận tương đối nhỏ, chủ yếu là ở hàng thứ hai, còn duy trì được đội hình nào đó. Đó là giờ phút nguy hiểm nhất đối với kỵ binh; một đơn vị mới rất nhỏ, được tung ra chống lại nó, có thể giật lấy thắng lợi từ trong tay nó. Do đó, sự tập hợp nhanh chóng sau đợt xung phong là bằng chứng của đội kỵ binh thực sự tốt, và chính về mặt này không những binh sĩ trẻ, mà ngay cả những binh sĩ dũng cảm có kinh nghiệm cũng mắc phải khuyết điểm nghiêm trọng. Kỵ binh Anh cuối những con ngựa hung hăng nhất thì đặc biệt dễ vượt ra ngoài sự kiểm soát; hầu như ở đâu nó cũng phải trả giá đắt về khuyết tật đó (như ở Oa-téc-lô và Ba-la-cla-va). Sau hiệu lệnh tập hợp, việc truy kích thường được trao cho một số trung đội hoặc đại đội được tách ra làm nhiệm vụ ấy theo mệnh lệnh riêng hoặc được chỉ định trước vào mục đích ấy theo sự phân công chung; trong lúc đó lực lượng chủ yếu của đội kỵ binh chỉ dồn lại hàng ngũ để sẵn sàng đối phó với mọi sự bất ngờ. Vì sau đợt xung phong, tất cả đều rơi vào tình trạng lộn xộn ngay cả ở bên thắng lợi, nên điều cực kỳ cần thiết là bao giờ cũng phải có đội dự bị có thể sử dụng trước hết vào trường hợp thất bại, do đó, quy tắc cơ bản của chiến thuật kỵ binh bao giờ cũng là chỉ tung vào tác chiến một bộ phận lực lượng hiện có trong tay. Phương pháp phổ biến đó về sử dụng đội dự bị đã giải thích tính chất biến động của những cuộc hội chiến kỵ binh quy mô lớn, trong đó sự may mắn về quân sự khi thì nghiêng về bên này, khi thì nghiêng về bên kia, và hai bên lần lượt ở vào thế bị thua, cho đến khi đội dự bị cuối cùng tung toàn bộ sức mạnh của đội hình chiến đấu nguyên vẹn của nó vào khối quân địch rối loạn, hoảng hốt và quyết định kết cục của trận đánh. Một nhân tố rất quan trọng khác là địa hình.

Không một binh chủng nào phụ thuộc vào địa hình như kỵ binh. Đất bùn, mềm làm giảm nước đại lớn thành nước đại chậm; một chướng ngại mà chiến sĩ kỵ binh riêng lẻ vượt qua không chút ngần ngại, lại có vẻ phá rối đội hình và sự vững chắc của hàng quân, một chướng ngại mà những con ngựa không bị mệt mỏi có thể vượt qua được dễ dàng, lại có thể làm quỵ những con ngựa phóng nước kiệu và nước đại từ sáng sớm chưa được ăn uống gì. Những chướng ngại bất ngờ, đến lượt nó, sẽ cản trở bước tiến và gây ra sự thay đổi đội hình và tuyến chính diện, có thể làm cho toàn đội hình hàng ngang rơi vào thế bị địch tấn công từ bên sườn. Cuộc tổng công kích mà Mui-ra tiến hành trong trận Lai-pxích là một ví dụ cho thấy tiến hành đợt tiến công kỵ binh như thế nào thì không nên. Ông bố trí 14 000 kỵ binh thành một đội hình khối hình dọc có chiều sâu và tung vào bộ binh Nga mà cuộc xung phong của họ vào làng Va-khau vừa mới bị đẩy lùi. Kỵ binh Pháp tiếp cận bằng cách phi nước kiệu; khi cách bộ binh quân đồng minh chừng 600 hoặc 800 i-ác-dơ nó chuyển sang phi nước đại nhẹ; trên đất mềm ngựa mệt rất nhanh và nhuệ khí tấn công tiêu tan chính vào lúc mà họ tới được đội hình vuông. Chỉ có một số tiểu đoàn bộ binh bị thương vong nặng là bị đánh tan. Vòng qua các đội hình vuông khác, cả khối kỵ binh chọc thủng tuyến thứ hai của bộ binh, không gây cho họ thiệt hại gì, và cuối cùng tiến đến tuyến có các hồ ao và đầm lầy chặn đứng bước tiến của họ. Ngựa kiệt sức hẳn, các chiến sĩ kỵ binh thì rối loạn hàng ngũ, các trung đoàn lẫn lộn với nhau và mất sự chỉ huy; trong tình hình đó hai trung đoàn Phổ và Cô-dắc cận vệ, với tổng số quân chưa đầy 2 000 người, đã bất ngờ tập kích vào sườn kỵ binh Pháp và làm cho nó hoàn toàn hỗn loạn. Lúc này không có đội dự bị để đề phòng tình huống bất ngờ, cũng không có sự lưu ý cần thiết đến tốc độ phi ngựa và khoảng cách; kết quả là thất bại.

Có thể tiến hành xung phong bằng các đội hình khác nhau.

Các nhà chiến thuật chia ra phương pháp xung phong en muraille^{1*}, nghĩa là giữa các đại đội của đội hình hàng ngang tiến hành xung phong không có khoảng cách hoặc có khoảng cách rất nhỏ; cách xung phong không có khoảng cách cự ly giữa các đại đội bằng 10 đến 20 i-ác-dơ, cách xung phong en échelon^{2*}, nghĩa là các đại đội nối tiếp nhau bước vào xung phong, bắt đầu từ một bên sườn, nên họ tiếp cận địch không phải đồng thời mà là lần lượt, có thể tăng cường rất nhiều cho hình thức xung phong này bằng cách đem đại đội tạo thành đội hình hàng dọc tấn khai bố trí ở phía sau sườn ngoài của đại đội tạo thành échelon thứ nhất; sau hết là cách xung phong bằng đội hình hàng dọc. Hình thức xung phong cuối cùng này căn bản khác với tất cả các hình thức xung phong kể trên mà mỗi hình thức ấy chỉ là một biến dạng của cách xung phong bằng đội hình hàng ngang. Trước Na-pô-lê-ông, đội hình hàng ngang là hình thức cơ bản và thông dụng của bất cứ cuộc xung phong kỵ binh nào. Suốt thế kỷ XVIII chúng ta chỉ thấy cách xung phong kỵ binh bằng đội hình hàng dọc trong một trường hợp, tức là khi buộc phải chọc thủng vòng vây của địch. Nhưng Na-pô-lê-ông, mà kỵ binh của ông gồm những binh sĩ dũng cảm nhưng cưỡi ngựa tồi, đã buộc phải bù đắp những nhược điểm chiến thuật kỵ binh của mình bằng phương cách mới nào đó. Ông bắt đầu đưa kỵ binh của mình xung phong với những đội hình dọc sâu, do đó buộc những hàng đầu tiên phải phi thẳng về phía trước, đồng thời tung vào địa điểm được lựa chọn để xung phong một số lượng kỵ binh lớn hơn nhiều so với số lượng cần thiết khi xung phong bằng đội hình ngang. Xu hướng tác chiến bằng đội hình hàng dọc lớn đã trở thành một thứ bệnh cuồng nhiệt của Na-pô-lê-ông trong các chiến dịch diễn ra tiếp theo sau chiến dịch năm 1807. Ông là

1* - thành bức tường

2* - thành thê đội

người đầu tiên đưa việc bố trí đội hình dọc lên quy mô thực sự kinh khủng, và do thắng lợi ngẫu nhiên, năm 1809, mà đã khẳng định giữ đội hình ấy trong những chiến dịch sau, tuy rằng đội hình này đã thúc đẩy sự thất bại của ông trong nhiều trận. Ông lập các đội hình dọc gồm hàng sư đoàn bộ binh hoặc kỵ binh, bố trí trùng trùng điệp điệp các tiểu đoàn và trung đoàn trong tư thế triển khai. Với kỵ binh, lần đầu tiên ông đã tiến hành cuộc thử nghiệm đó trong trận Ê-cơ-muy-lơ năm 1809, bấy giờ 10 trung đoàn giáp kỵ xung phong theo đội hình dọc và ở tuyến thứ nhất đã triển khai hai trung đoàn, 4 tuyến phía sau cũng vậy và cách nhau chừng 60 i-ác-đơ. Với bộ binh người ta cũng làm như vậy trong trận Va-gram, ở đấy người ta lập những đội hình dọc gồm hàng sư đoàn, các tiểu đoàn thì triển khai tiểu đoàn nọ sau tiểu đoàn kia. Sự cơ động đó có thể tỏ ra không nguy hiểm khi đối phó với quân Áo thời đó hành động chậm chạp và theo phương pháp, nhưng trong tất cả những chiến dịch sau đó, cũng như trong chiến đấu với kẻ địch hành động tích cực hơn, thì sự cơ động ấy đã dẫn tới thất bại. Chúng ta đã thấy cuộc tổng công kích của Mui-ra ở Va-khau, được tiến hành với đội hình như thế, đã kết thúc bi thảm như thế nào. Kết cục bi thảm của cuộc tổng công kích bằng bộ binh của Đ' Êc-lon trong trận Oa-téc-lô cũng bắt nguồn từ việc sử dụng đội hình như thế³⁰¹. Việc sử dụng đội hình dọc lớn trong kỵ binh là đặc biệt sai lầm, và nó biến binh lực quý giá nhất này thành một khối đông không linh hoạt mà một khi được tung vào chiến đấu thì không tiếp tục chỉ huy được nữa, và dù ở phía chính diện nó đạt được thành tựu như thế nào đi nữa thì nó bao giờ cũng bị rơi vào sự chi phối của những đơn vị địch nhỏ hơn được chỉ huy tốt và được tung vào sườn nó. Với số binh lực dùng để tạo ra một đội hình dọc như vậy người ta có thể lập tuyến thứ hai và một hoặc hai đội dự bị mà cuộc xung phong của chúng có thể chưa tạo được ngay hiệu quả đặc biệt, nhưng khi lặp lại những cuộc xung phong ấy thì, không nghi ngờ gì cả, rút

cục sẽ đem lại những kết quả lớn, những thiệt hại nhỏ. Thật vậy, phần lớn các quân đội hoặc đã bỏ cách xung phong bằng đội hình dọc như vậy, hoặc nó chỉ được giữ lại như một lý thuyết nực cười, trong khi đó nhằm thực hiện tất cả các mục đích thực tiễn, những đơn vị kỵ binh lớn đều được bố trí thành mấy tuyến cách nhau một cự ly xung phong, và tuyến nọ chỉ viện và thay thế tuyến kia trong trận đánh kéo dài. Na-pô-lê-ông vẫn lại là người đầu tiên biên chế kỵ binh của mình thành binh đoàn gồm mấy sư đoàn và được gọi là quân đoàn kỵ binh. Là phương pháp nhằm đơn giản hóa việc truyền đạt mệnh lệnh trong một quân đội lớn, hình thức tổ chức đó của đội kỵ binh dự bị là cực kỳ cần thiết; nhưng việc duy trì nó trên chiến trường, khi những quân đoàn ấy phải tác chiến như một chỉnh thể thống nhất, thì chưa bao giờ mang lại kết quả tích cực. Thực ra đó là một trong những nguyên nhân chính của việc bố trí sai lầm thành những đội hình dọc lớn mà chúng tôi đã nhắc tới. Trong các quân đội châu Âu hiện đại, quân đoàn kỵ binh, theo thông lệ, vẫn còn được duy trì; trong các quân đội Phổ, Áo và Nga thậm chí người ta còn quy định đội hình tiêu chuẩn và quy tắc tác chiến chung của những quân đoàn ấy trên chiến trường; cơ sở của những quy tắc ấy là sự bố trí thành tuyến thứ nhất và tuyến thứ hai và đội dự bị, những quy tắc ấy bao gồm quy định về bố trí đội kỵ pháo được phối thuộc vào những quân đoàn ấy.

Cho tới đây chúng ta chỉ nói về hành động của kỵ binh trong chừng mực nó có liên quan đến tác chiến của kỵ binh chống kỵ binh. Nhưng một trong những mục đích chính của việc sử dụng binh chủng này trong chiến đấu - và hiện nay trên thực tế là mục đích chủ yếu - là sự tác chiến của nó chống bộ binh. Chúng ta thấy rằng vào thế kỷ XVIII, trong chiến đấu chống kỵ binh, bộ binh hầu như chưa bao giờ được bố trí thành đội hình vuông. Nó giữ đội hình ngang khi đón cuộc xung phong; nếu cuộc xung phong nhằm vào sườn nó thì mấy đại đội lùi lại phía sau tạo thành en

potence^{1*} để đẩy lùi nó. Phri-drích Đại đế quy định cho bộ binh của mình không bao giờ được bố trí thành đội hình vuông, trừ trường hợp tiểu đoàn cô lập bị kỵ binh tập kích bất ngờ; nếu trong trường hợp này bố trí thành đội hình vuông thì

"đội hình này phải tiến thẳng về phía kỵ binh địch, đánh lui nó và, không chú ý gì đến cuộc xung phong của nó, tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ của mình".

Đội hình ngang có chiều sâu mỏng của bộ binh thời đó hoàn toàn dựa vào hiệu lực của hỏa lực của mình mà đón đánh cuộc xung phong của kỵ binh và trên thực tế rất thường đánh lui được nó; nhưng trường hợp bị đột phá thì không tránh khỏi bị đánh tan, như trường hợp xảy ra ở Hô-en-phri-dê-béc và Xoóc-nơ-đoóc-phơ. Hiện nay, khi mà trong rất nhiều trường hợp đội hình dọc đã thay thế đội hình ngang, thì việc bộ binh - mỗi khi có thể thực hiện được điều này - luôn luôn được bố trí thành đội hình vuông để đẩy lùi cuộc xung phong của kỵ binh, đã trở thành thông lệ. Thật vậy, những cuộc chiến tranh hiện đại cho ta một loạt ví dụ nói lên rằng một đội kỵ binh giỏi trong tập kích bất ngờ vào một đơn vị bộ binh được bố trí thành hàng ngang, nhưng lại bị hỏa lực của đơn vị bộ binh đó đánh tan; nhưng đây là những trường hợp ngoại lệ. Vấn đề hiện nay là kỵ binh có đủ vận hội đánh bại được đội hình vuông của bộ binh không. Ý kiến về vấn đề này không có sự nhất trí; nhưng xem ra luận điểm được mọi người công nhận là trong điều kiện bình thường thì một khi ở trạng thái còn mới nguyên, tinh nhuệ, không bị suy yếu vì hỏa lực của pháo binh thì bộ binh có rất nhiều hy vọng chống chọi được kỵ binh, còn nếu là bộ binh non trẻ, bị hao phí sức lực và mất tinh thần kiên cường do cuộc chiến đấu ác liệt suốt ngày, bị thương vong nhiều và chịu đựng hỏa lực một thời gian dài, thì bộ binh ấy sẽ bị kỵ binh hành động kiên quyết đánh bại. Nhưng có những ngoại

1* - hình chữ L

lệ, như cuộc xung phong của long kỵ Đức trong trận Ga-xi-a-Ếc-nan-đét (năm 1812)³⁰², ở đây cứ ba đại đội kỵ binh thì có một đại đội đã đánh bại đội hình vuông của bộ binh còn mới nguyên của Pháp; nhưng thông thường, người chỉ huy kỵ binh không cho rằng tung quân lính của mình vào khối bộ binh đó là sáng suốt. Trong trận Oa-téc-lô, cuộc tổng công kích mà Nây tiến hành bằng đội kỵ binh dự bị đông đảo của Pháp vào cánh giữa của Oen-lin-tơn không thể đánh tan đội hình vuông của quân Anh và Đức vì phía quân bị tấn công nấp sau những đỉnh đồi ở cự ly xa và bị thiệt hại rất ít do trận pháo bắn trước đó và là những lực lượng hầu như còn mới nguyên. Do đó, những cuộc xung phong đó chỉ được tiến hành vào giai đoạn cuối cùng của trận đánh, khi mà bộ binh đã mệt mỏi và kiệt sức rất nhiều do tham gia tích cực vào chiến đấu, cũng như do chịu đựng một cách thụ động hỏa lực pháo binh tập trung. Trong trường hợp đó, những cuộc xung phong ấy tỏ ra có tác dụng quyết định, như đã xảy ra trận Bô-rô-di-nô và Li-nhi^{1*}, đặc biệt là nếu cuộc xung phong ấy được sự chi viện của đội bộ binh dự bị, như đã diễn ra ở hai trận trên.

Ở đây chúng tôi không thể bàn đến các chức trách khác có thể trao cho kỵ binh khi làm nhiệm vụ canh gác, tuần tra, hộ tống v.v.. Nhưng sẽ là điều hợp lý nếu nói đôi lời về quy tắc chung của chiến thuật kỵ binh. Vì bộ binh ngày càng trở thành lực lượng chính quy trong chiến đấu, nên sự cơ động của kỵ binh, không nghi ngờ gì nữa, phải ít nhiều phục tùng sự cơ động của bộ binh. Vì chiến thuật hiện đại dựa trên sự hiệp đồng và chi viện lẫn nhau của ba binh chủng, cho nên từ đó cần kết luận rằng ít ra là đối với một bộ phận của kỵ binh không thể nói đến việc tác chiến độc lập. Do vậy, kỵ binh của bất cứ quân đội nào bao giờ cũng được chia thành hai loại riêng: kỵ binh thuộc sư đoàn bộ binh và kỵ binh dự bị. Loại thứ nhất gồm các đơn vị kỵ binh được

1* Xem tập này tr. 314-320 và tr. 236-237.

biên chế vào các sư đoàn, quân đoàn bộ binh và, cùng với bộ binh, được đặt dưới cùng một viên chỉ huy. Trong chiến đấu, sứ mệnh của nó là lợi dụng mọi thời cơ thuận lợi có thể được để giành thắng lợi hoặc giúp bộ binh của mình rút khỏi cuộc chiến đấu khi nó bị các lực lượng chiếm ưu thế tấn công. Hành động của nó đương nhiên bị hạn chế, còn lực lượng của nó không đủ để nó có thể tác chiến độc lập. Đội kỵ binh dự bị, tạo thành chủ lực của kỵ binh của quân đội, cũng đóng vai trò phụ thuộc đối với toàn thể bộ binh của quân đội mình, như vai trò của kỵ binh sư đoàn đối với sư đoàn bộ binh mà nó được phối thuộc vào. Do đó phải duy trì đội kỵ binh dự bị trong tư thế luôn luôn sẵn sàng đợi thời cơ thuận lợi để giáng đòn chí mạng nhằm mục đích đẩy lùi cuộc tổng công kích của địch bằng bộ binh hoặc kỵ binh, hoặc để thực hiện cuộc xung phong có tính chất quyết định của mình. Từ những điều nói trên có thể thấy rõ rằng đội kỵ binh dự bị được sử dụng thích hợp hơn cả là vào giai đoạn cuối của những trận đánh lớn, khi nó có thể có và thường có tác động quyết định. Những thắng lợi hết sức to lớn mà Dây-dli-xơ đạt được với kỵ binh của ông, hiện nay là hoàn toàn không thể có được; nhưng vai trò của kỵ binh trong các trận đánh lớn đối với kết cục của phần lớn các trận đánh lớn hiện đại, vẫn có ảnh hưởng rất quan trọng. Kỵ binh có tác dụng cực kỳ lớn lao trong truy kích. Bộ binh, được pháo binh chi viện, không có lý do gì để tuyệt vọng trong cuộc chiến đấu với kỵ binh, chừng nào bộ binh đó còn giữ được đội hình và tinh thần kiên cường; nhưng bộ binh mà bị hỗn loạn, do bất kể nguyên nhân gì, đều trở thành miếng mồi cho kỵ binh được tung ra chống lại nó. Không thể chạy trốn kỵ binh: những kỵ binh ưu tú có thể tiến ngay trên địa hình khó đi qua; cuộc truy kích kiên quyết của kỵ binh đối với đội quân bị đánh bại bao giờ cũng là phương pháp tốt nhất và duy nhất để củng cố kết quả chiến thắng của mình. Như vậy vai trò của bộ binh trong chiến đấu có trở lên thế nào đi nữa, thì kỵ binh vẫn là, và vĩnh viễn là, một binh chủng cần thiết; hiện nay cũng như trước kia, không một quân

đội nào có thể chiến đấu với nhiều triển vọng thắng lợi, nếu nó không có kỵ binh, một đạo kỵ binh có tài cưỡi ngựa và biết chiến đấu.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào đầu tháng Ba -
khoảng ngày 21 tháng Sáu 1858
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t.IV, 1859*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

XÂY CÔNG SỰ³⁰³

Có khi người ta chia vấn đề này thành môn xây công sự phòng thủ, trong đó quy định các phương pháp cải tạo một địa hình nhất định cho thích hợp với phòng thủ thường xuyên hoặc chỉ trong một thời gian ngắn, và môn xây công sự tấn công bao gồm những quy tắc về vây thành. Nhưng ở đây chúng tôi chia vấn đề này ra ba phần để trình bày: *công sự lâu dài*, hay là phương pháp trong thời bình làm cho một nơi nào đó có khả năng phòng thủ, buộc địch phải tiến hành vây đánh theo lối chính quy để chống lại nó; nghệ thuật tiến hành *vây đánh*; *xây công sự dã chiến*, hay là xây dựng công sự tạm thời để tăng cường một điểm nào đó do ý nghĩa tạm thời của nó trong điều kiện đặc biệt của chiến dịch.

I. CÔNG SỰ LÂU DÀI

Công sự kiểu cổ nhất xem ra là hàng rào mà cho đến cuối thế kỷ XVIII vẫn còn là hệ thống dân tộc của người Thổ Nhĩ Kỳ (palanka) thậm chí hiện nay còn được người Miến Điện sử dụng rộng rãi ở bán đảo Trung - Ấn. Nó gồm có hai hoặc ba hàng cọc gỗ vững chắc được đóng thẳng xuống đất và dày đặc, tạo thành một bức tường xung quanh toàn bộ thành phố hoặc doanh trại được phòng thủ. Đa-ri trong cuộc hành quân chống người Xki-phơ, Coóc-te-xơ tại Ta-ba-xcô thuộc Mê-hi-cô và thuyền trưởng Cúc ở

Tân Tây Lan đều đã thấy những hàng rào ấy. Có khi khoảng cách giữa hai hàng cọc được lấp đầy đất, trong những trường hợp khác, cọc được buộc chặt với nhau bằng mây. Ở bước tiếp theo người ta đã xây những tường đá thay cho hàng rào. Hệ thống này bảo đảm được độ bền lâu dài, đồng thời làm cho việc đột kích khó khăn hơn nhiều; từ thời kỳ Ni-nê-vi-a và Ba-bi-lon cho đến cuối thời Trung Cổ, ở tất cả các dân tộc có trình độ văn minh hơn, tường đá là phương tiện duy nhất tạo công sự. Tường xây cao đến mức dùng thang treo lên để đánh chiếm cũng khó khăn; tường cũng khá dày để chống đỡ được lâu, chống lại vỡ phá tường và cho phép những người phòng thủ đi lại dễ dàng bên trên tường, được che chở của tường chắn mỏng hơn bằng đá và có hình răng cưa mà qua các lỗ châu mai của nó, người ta có thể bắn tên hoặc ném những vũ khí khác vào bên bao vây. Để tăng cường phòng thủ, chẳng bao lâu tường chắn được xây trên những tảng đá nhô ra phía trước, lơ lửng bên trên tường, có những khe hở giữa những tảng đá mà tường chắn bám vào: điều đó làm cho bên bị vây hãm trông thấy được chân tường và từ trên cao ném thẳng những vật sát thương vào quân địch nếu chúng đến được chỗ đó. Việc đào hào bao quanh toàn bộ tường thành và đồng thời là chướng ngại chính đối với việc tiếp cận nó, không nghi ngờ gì nữa, cũng thuộc vào một trong những thời kỳ rất sớm. Sau hết, năng lực phòng thủ của tường đá được đưa lên trình độ phát triển cao nhất, khi ở những khoảng cách nhất định người ta xây thêm cho tường đá những tháp canh tạo thành bộ phận nhô ra của tường, bảo đảm việc phòng thủ nó từ bên sườn nhờ những quả đạn được ném từ tháp canh vào phía quân tấn công, vào khoảng trống giữa hai tháp canh. Trong phần lớn trường hợp, những tháp canh ấy cao hơn tường đá và tách rời đỉnh tường đá bằng những tường chắn nằm ngang, nhờ vậy những tháp canh ấy không chế tường đá và mỗi tháp canh trở thành một cứ điểm nhỏ mà bên tấn công phải chiếm lấy từng cái một sau khi đã đuổi được bên phòng thủ ra khỏi tường chính. Nếu chúng ta bổ sung thêm rằng ở một số thành

phố, đặc biệt là ở Hy Lạp, có một loại thành lũy nào đó được xây ở trên một cao điểm khổng lồ chế bên trong cú điểm (a-crô-pôn), tạo thành một thứ lô-cốt và phòng tuyến thứ hai, thì chúng ta đã nói hết những đặc điểm chủ yếu nhất của khoa xây dựng công sự thời kỳ tường đá.

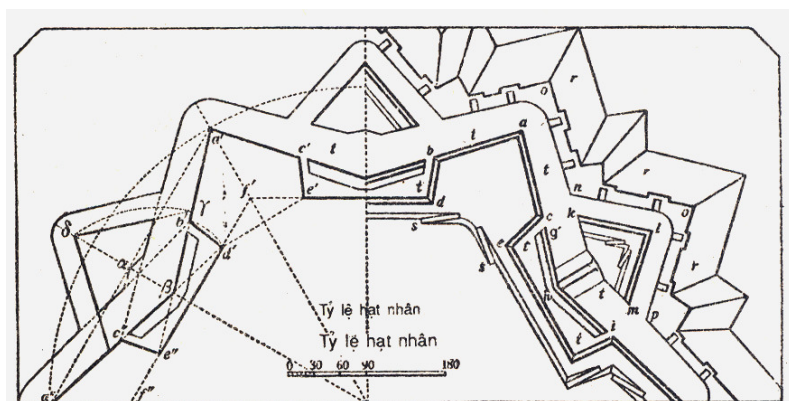
Nhưng trong thời kỳ từ thế kỷ XIV đến cuối thế kỷ XVI việc sử dụng pháo binh đã thay đổi căn bản phương pháp tấn công các cứ điểm. Từ thời kỳ đó bắt đầu xuất hiện dồi dào những tác phẩm về công sự giới thiệu vô số những hệ thống và phương pháp, trên thực tế, một phần đã được sử dụng một cách ít nhiều rộng rãi, trong khi những tác phẩm khác - không phải bao giờ cũng là tồi nhất - đã không được người ta chú ý đến và bị xem là câu chuyện vui đùa về lý luận, cho tới thời kỳ muộn hơn khi mà những tư tưởng bổ ích trong các tác phẩm đó lại được những người kế thừa may mắn hơn khai thác. Nhưng chúng ta sẽ thấy, đó là số phận của chính tác giả, đã bắc cầu, nếu có thể diễn đạt như vậy, giữa hệ thống tường đá cũ và hệ thống công sự mới bằng đất chỉ được ốp đá ở những chỗ mà địch ở xa không nhìn thấy được³⁰⁴. Kết quả trực tiếp của việc sử dụng pháo binh là tăng bề dày của tường và bán kính của tháp canh, giảm chiều cao của chúng. Bây giờ những tháp ấy được gọi là tháp tròn (rondelli); chúng được xây dựng khá lớn để đặt được mấy khẩu pháo. Để cho bên bị vây cũng có thể bắn pháo từ trên tường thì đằng sau tường phải đắp đê đất để cho tường có được bề rộng cần thiết. Chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ thấy rằng những công sự bằng đất ấy bắt đầu loại dần tường đá và trong một số trường hợp thì hoàn toàn thay thế chúng. An-bréch-tơ Duy-rơ, họa sĩ nổi tiếng Đức, đã phát triển hệ thống tháp tròn ấy lên tới trình độ hoàn thiện cao độ. Ông làm cho chúng trở thành những pháo đài hoàn toàn độc lập được xây dựng với những khoảng cách nhất định trên suốt chiều dọc của tường, có các bãi pháo ngầm để bắn dọc theo hào; tường chắn bằng đá của ông để lộ những quãng không che chắn (tức là bên bao vây trông thấy được và là mục tiêu của hỏa lực bắn thẳng),

không cao quá 3 phút; để tăng cường phòng thủ hào, ông đề nghị xây dựng những ca-pô-nia, tức là những công sự kiểu hầm ngầm ở đáy hào, khuất mắt đối với bên bao vây, có lỗ châu mai ở hai bên để bắn dọc theo hào ở trong giới hạn đến góc gần nhất của lô-cốt nhiều cạnh. Hầu như tất cả những đề nghị ấy đều là những phát minh mới; và nếu ở thời ông, không một phát minh nào, trừ hầm ngầm được tán thành thì, như chúng ta có thể thấy trong những hệ thống công sự quan trọng nhất sau này, những đề nghị ấy đã được thừa nhận và phát triển một cách thích ứng với điều kiện đã thay đổi của thời đại mới.

Vào khoảng thời kỳ ấy đã diễn ra sự biến đổi của hình thức những tháp canh được mở rộng, có thể nói rằng sự biến đổi ấy là sự mở đầu cho hệ thống những phương pháp xây công sự mới nhất. Hình tròn của tháp canh có nhược điểm là từ Cua-tin (bộ phận của tường thành nằm giữa hai tháp canh), cũng như từ những tháp canh bên cạnh, không thể bắn vào tất cả mọi điểm ở phía trước cái tháp canh nằm ở giữa chúng: ở gần tường có những góc nhỏ mà kẻ địch đến được là kẻ địch lọt ra khỏi ngoài phạm vi tác dụng của hỏa lực của cứ điểm. Để loại trừ khuyết điểm đó, tháp canh được cải tạo thành hình năm góc không đều, một cạnh hướng vào trong các cứ điểm, còn 4 cạnh hướng ra ngoài địa hình trống trải. Tháp hình năm góc ấy được gọi là pháo đài. Để tránh lặp lại và tránh những điều không rõ ràng, chúng tôi đi ngay vào mô tả - có đưa ra những thuật ngữ tương ứng - sự phòng thủ bằng pháo đài, dựa vào một trong những hệ thống có thể nói lên tất cả các đặc điểm chủ yếu của phương pháp phòng thủ đó.

Hình vẽ 1 (xem tr. sau) là 3 cạnh trước của một hình lục lăng được xây dựng theo hệ thống thứ nhất của Vô-băng. Bên trái hình vẽ là những đường nét giản đơn được phác thảo theo hình học của công sự, bên phải người ta vẽ tỉ mỉ đê đất, đê dốc, v.v.. Đê đất liền không bao gồm toàn bộ cạnh $f' f''$ của hình đa giác: ở mỗi đầu của cạnh này, các đoạn $d' f'$ và $e'' f''$ không được đê đất che,

do đó hình thành một khoảng trống được sự yểm hộ của pháo đài năm góc $d' b' a' c' e'$ nhô ra phía trước. Các đường $a' b'$ và $a' c'$ là chính diện, còn đường $b' d'$ và $c' e'$ là sườn của pháo đài. Điểm mà chính diện và sườn gặp nhau gọi là các điểm tựa vai. Đường $a' f'$ đi từ tâm của hình tròn đến đỉnh của góc pháo đài thì được gọi là đường cơ bản. Đường $e'' d'$ là một phần của những đường nét ban đầu của hình 6 cạnh, là cua-tin. Như vậy, mỗi hình đa giác có bao nhiêu cạnh thì có bấy nhiêu pháo đài. Pháo đài có thể đặc, nếu toàn bộ hình đa giác được đổ đầy đất cho cao bằng lũy đặt pháo (là nơi trên nền đê đất có đặt pháo) hoặc rỗng (trống rỗng), nếu đê đất dốc thoải từ sau lũy đặt pháo và bên trong pháo đài. Ở hình vẽ 1 đường $d b a c e$ là pháo đài đặc; còn bên phải nó chỉ vẽ có một nửa là pháo đài rỗng. Các pháo đài cùng với cua-tin tạo thành tường bao quanh cứ điểm hay là hạt nhân của cứ điểm. Trong tường bao quanh đó, chúng ta thấy trên lũy đặt pháo trước hết có tường chắn, được xây dựng ở phía trước để che chở cho bên phòng thủ, rồi đến dốc thoải thoải trên sườn trong ($S S$) nhờ đó mà giữ được giao thông liên lạc với phần bên

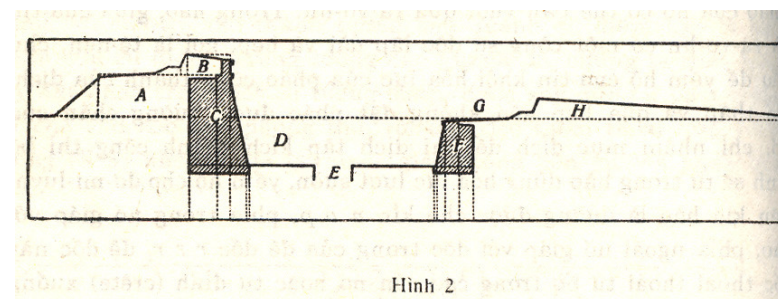


Hình 1

trong cứ điểm. Tường lũy xây khá cao để bảo vệ các công trình kiến trúc trong thành phố khỏi hỏa lực bắn thẳng, còn tường chắn thì khá dày để chịu đựng được một thời gian dài hỏa lực của trọng pháo. Xung quanh toàn bộ tường lũy đều có hào $t t t t$, còn trong hào lại có mấy loại công sự ngoại vi. Trước hết, phía trước cửa-tin có ra-vơ-lin hay là đơ-mi-luyn, $k l m$, công sự hình ba cạnh có hai chính diện - $k l$ và $l m$, mỗi chính diện đều có dê đất và tường chắn để đặt pháo. Phần phía sau để trống của mọi công sự đều được gọi là góc-giờ, như vậy $k m$ ở ra-vơ-lin và $d e$ ở pháo đài đều là góc-giờ. Tường chắn của ra-vơ-lin thấp hơn tường chắn của hạt nhân cứ điểm chừng 3 hoặc 4 phút, nên tường chắn của hạt nhân cứ điểm không chế tường chắn của ra-vơ-lin và khi cần pháo của nó có thể bắn vượt qua ra-vơ-lin. Trong hào, giữa cửa-tin và ra-vơ-lin có một công sự độc lập dài và hẹp, gọi là tê-nen, chủ yếu để yểm hộ cửa-tin khỏi hỏa lực của pháo công thành của địch. Nó thấp và quá hẹp nên không đặt pháo được, tường chắn của nó, chỉ nhằm mục đích để khi địch tập kích thành công thì bộ binh sẽ từ trong hào dùng hỏa lực lướt sườn, yểm hộ cho đơ-mi-luyn. Bên kia hào là đường được che kín $n o p$, phía trong nó giáp với hào, phía ngoài nó giáp với dốc trong của dê dốc $r r r$, dê dốc này dốc thoải từ bờ trong cao của nó hoặc từ đỉnh (crête) xuống đến mặt đất. Đỉnh dê dốc lại thấp hơn ra-vơ-lin ba hoặc trên ba phút để cho tất cả các khẩu pháo của cứ điểm có thể bắn vượt qua nó. Trong số các mặt dốc của những công sự bằng đất ấy, thì mặt dốc ngoài của hạt nhân của cứ điểm và của công sự ngoại vi trong hào (ê-xcáp-pơ) cũng như mặt dốc ngoài của bản thân hào (từ đường che kín đi xuống), hay là con-trơ-ê-xcáp-pơ, thường được ốp bằng đá. Góc lồi và góc lõm của đường che kín tạo thành những khoảng trống lớn, rộng, được yểm hộ, gọi là bãi hội quân; tùy theo chúng ở bên cạnh góc nào mà được gọi là bãi hội quân lồi (o) hoặc lõm ($n p$). Để đề phòng đường che kín khỏi bị hỏa lực bắn dọc, cứ từng quãng lại xây dựng vắt ngang nó những đường ngang hoặc đường chắn vắt ngang và chỉ để lại lối đi nhỏ ở các phần

cuối của nó, ở gần dê dốc. Có khi người ta xây dựng những công sự nhỏ để yểm hộ cho việc đi lại qua hào từ tê-nan đến ra-vơ-lin; công sự này gọi là ca-pô-nia và gồm có một lối đi hẹp, hai bên có tường chắn che, mặt ngoài của tường chắn này dốc thoải như dê dốc. Ở hình vẽ số 1, ca-pô-nia đó ở vào giữa tê-nan $g h i$ và ra-vơ-lin $k l m$.

Mặt cắt trình bày ở hình vẽ 2 sẽ giúp làm cho sự mô tả trên đây rõ ràng hơn. A là lũy đặt pháo của hạt nhân cứ điểm, B là tường chắn, C là phần vỏ bọc bằng đá của ê-xcáp-pơ, D là hào, E là cu-vét, hào nhỏ hơn và sâu hơn, được đào ở giữa hào lớn, F là



Hình 2

phần vỏ bọc bằng đá của con-trơ-ê-xác-pơ, G là đường che kín, H là dè dốc. Những bậc ở phía sau tường chắn và dè dốc thì được gọi là ban-kê và là những điểm cao để cho bộ binh đứng trên đó mà bắn vượt qua tường chắn che đỡ. Qua sơ đồ được dẫn ra ở đây, ta thấy đặc biệt rõ là pháo đặt ở sườn pháo đài bắn được toàn bộ đoạn hào nằm phía trước các pháo đài bên cạnh. Như vậy chính diện $a' b'$ được hoả lực của sườn $c'' e''$ yểm hộ, còn chính diện $a' c'$ thì được hoả lực của sườn $b d$ yểm hộ. Mặt khác, các tuyến chính diện bên trong của hai pháo đài bên cạnh nhau thì yểm hộ cho các chính diện của ra-vơ-lin nằm giữa hai pháo đài ấy, khống chế bằng hoả lực của mình đoạn hào ở trước ra-vơ-lin ấy. Như vậy, không một đoạn hào nào lại không được hoả lực bên sườn yểm hộ - đấy là bước tiến vĩ đại thực sự, nhờ đó mà hệ thống pháo đài mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử của việc xây công sự.

Người ta không biết rõ người phát minh ra pháo đài là ai và thời gian ra đời chuẩn xác của nó; chỉ có một điều chính xác là: chúng được phát minh ở I-ta-li-a và năm 1527 Xan-mi-kê-li đã xây dựng hai pháo đài trên tường thành Vê-rô-na. Tất cả những gì thông báo về sự tồn tại sớm hơn của pháo đài đều là điều đáng nghi ngờ. Các hệ thống công sự kiểu pháo đài được phân loại theo một số trường phái quốc gia; trước hết, đương nhiên, cần nêu lên trường phái đã phát minh ra pháo đài, tức là trường phái I-ta-li-a. Những pháo đài đầu tiên của I-ta-li-a còn mang dấu vết nguồn gốc của chúng; chúng chẳng phải là cái gì khác hơn là những tháp canh hoặc rôn-đê-li hình đa giác; chúng hầu như không thay đổi tính chất trước kia của công sự, nếu không kể đến hoả lực bên sườn. Tường quanh cứ điểm vẫn là tường đá, không được bảo vệ chống lại hoả lực bắn thẳng của địch; dè đất đắp san tường chủ yếu được dùng để làm nơi bố trí và bắn pháo, còn sườn trong của nó, giống như tường thành phố, cũng được lát đá. Chỉ rất lâu về sau tường chắn mới được xây thành công sự bằng đất, nhưng ngay cả lúc đó toàn bộ sườn ngoài của nó đều được xây bằng đá cho

đến tận đỉnh và không được bảo vệ chống lại hoả lực bắn thẳng của địch. Cua-tin quá dài, từ 300 đến 550 i-ác-đơ, các pháo đài rất nhỏ, chỉ lớn bằng một rôn-đê-li lớn, các sườn bao giờ cũng thẳng góc với cua-tin. Vì trong xây dựng công sự có một nguyên tắc quy định rằng hoả lực bên sườn tốt nhất bao giờ cũng bắn từ đường thẳng góc với đường mà hoả lực đó phải yểm hộ, cho nên, lẽ tự nhiên, mục đích chính của sườn của pháo đài kiểu cũ của I-ta-li-a không phải là yểm hộ cho chính diện ngắn và xa của pháo đài bên cạnh, mà là yểm hộ cho đường cua-tin dài và thẳng. Ở nơi nào cua-tin quá dài thì ở giữa nó xây dựng một pháo đài có góc tù và góc bằng, gọi là lô-cốt bằng (piatta forma). Các sườn được xây dựng không phải là từ các góc vai, mà hơi lùi về phía sau tường đất của chính diện, như thế để cho các góc vai nhô về phía trước và dùng để yểm hộ các sườn; mỗi sườn có hai khẩu đội pháo - khẩu đội thấp và khẩu đội cao hơi lùi về phía sau; có khi ở ê-xác-pơ của sườn còn xây dựng hầm ngầm ngang bằng với đáy hào. Hãy thêm vào đây hào thì chúng ta có toàn bộ hệ thống pháo đài ban đầu của I-ta-li-a; ở đây không có ra-vơ-lin, tê-nan, cũng như không có đường che kín và dè dốc. Nhưng hệ thống đó được cải tiến nhanh chóng. Cua-tin được rút ngắn, pháo đài được mở rộng. Chiều dài của cạnh trong của hình đa giác (f'' , hình vẽ 1) được quy định là 250-300 i-ác-đơ. Các sườn của pháo đài được kéo dài ra bằng $\frac{1}{6}$ cạnh của hình đa giác và bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài của cua-tin. Như vậy, tuy những sườn ấy vẫn còn thẳng góc với cua-tin và còn những khuyết điểm khác, nhưng như chúng ta thấy, hiện nay chúng đã yểm hộ được nhiều hơn cho phía chính diện của pháo đài bên cạnh. Người ta bắt đầu xây dựng các pháo đài dày đặc, và ở giữa chúng thường có ca-va-li-e, nghĩa là công sự có chính diện và sườn song song với chính diện và sườn của pháo đài, nhưng có dè và tường chắn cao đến mức có thể từ đó bắn vượt qua tường chắn của pháo đài. Hào rất rộng và sâu, có con-trơ-ê-xác-pơ thường đi song song với chính diện của pháo đài, nhưng vì hướng đó của con-trơ-ê-xác-pơ cản trở việc đứng từ phần

sườn góc vai để quan sát và bắn lướt sườn toàn bộ hào, nên về sau khuyết điểm ấy được loại trừ và con-trơ-ê-xcáp-pơ được xây dựng sao cho đường kéo dài hình học của nó đi qua góc vai của pháo đài bên cạnh. Về sau người ta đã áp dụng đường che kín (xuất hiện lần đầu ở thành Mi-la-nô vào những năm 25-50 của thế kỷ XVI; được Tác-ta-li-a mô tả lần đầu năm 1554³⁰⁵). Nó là nơi tập hợp và đường rút lui của các đội tiến hành xuất kích, và có thể nói rằng từ khi áp dụng đường che kín người ta đã mở đầu việc sử dụng một cách có nghệ thuật và kiên quyết hành động tấn công khi phòng ngự cứ điểm. Để tăng thêm khả năng lợi dụng đường che kín, người ta đã xây dựng nơi trú quân tạo ra một bãi đất rộng hơn, và từ góc lõm của nơi trú quân này có thể bắn lướt sườn một cách chắc chắn dọc theo đường che kín. Để gây thêm khó khăn cho việc tiếp cận đường che kín, trên đê dốc, cách đỉnh đê 1 hoặc 2 i-ác-dơ người ta đã dựng lên hàng rào; nhưng với cách bố trí như vậy, hàng rào bị hỏa lực địch phá hủy nhanh chóng nên vào nửa sau thế kỷ XVII, theo lời khuyên của một người Pháp họ là Mô-đen, hàng rào ấy được chuyển lên đường che kín được đê dốc yểm hộ. Cổng chính ở giữa cua-tin; để yểm hộ phía trước cổng chính, người ta đã xây dựng ở giữa hào một công sự hình bán nguyệt; nhưng cũng chính vì cái nguyên nhân đã biến tháp canh thành pháo đài, mà công sự hình bán nguyệt ấy (demi-lune) chẳng bao lâu sau đã biến thành công sự hình ba cạnh - ra-vơ-lin hiện nay. Công sự này vẫn rất nhỏ, nhưng nó bắt đầu được xây dựng với quy mô hơi lớn khi xác định được rằng nó không những là công sự đầu cầu cho hào, mà còn yểm hộ sườn (của pháo đài) và cua-tin khỏi hỏa lực địch, bảo đảm hỏa lực bắn chéo ở phía trước trung tuyến của pháo đài và yểm hộ hữu hiệu từ bên sườn cho đường che kín. Tuy nhiên, ra-vơ-lin vẫn còn rất nhỏ, nên đường kéo dài của chính diện của nó chỉ gặp tường cứ điểm ở góc cua-tin (ở hai đầu của cua-tin). Những khuyết điểm chính của hệ thống công sự I-ta-li-a là: 1. Hướng của sườn pháo đài không hoàn hảo. Sau khi đã có ra-vơ-lin và đường che kín, cua-tin ngày càng

ít trở thành đối tượng tấn công; hiện nay chủ yếu là các chính diện của pháo đài chịu đựng các cuộc cường tập. Để yểm hộ tốt hơn cho chính diện thì phải làm sao cho đường kéo dài của chính diện cắt cua-tin ở chính điểm bắt đầu của sườn của pháo đài bên cạnh, sao cho sườn này phải thẳng góc, hoặc hầu như thẳng góc, với đường kéo dài ấy (gọi là đường phòng ngự). Trong trường hợp này có thể phát huy hỏa lực bên sườn có hiệu quả dọc theo toàn bộ hào và ở phía trước pháo đài. Trên thực tế, tuyến phòng ngự không thẳng góc với sườn, cũng không gặp cua-tin ở góc cua-tin, nó gặp cua-tin ở điểm $\frac{1}{4}$, $\frac{1}{3}$ hoặc $\frac{1}{2}$ chiều dài của cua-tin. Do đó, hỏa lực bắn thẳng từ bên sườn có thể sát thương quân phòng thủ ở sườn đối diện hơn là sát thương quân địch đang tiến công vào pháo đài bên cạnh. 2. Rõ ràng là không đủ bảo đảm cuộc phòng thủ lâu dài sau khi dù chỉ là một điểm của đường cứ điểm bị phá thủng và kẻ địch tấn công chiếm lĩnh được đột phá khẩu ấy. 3. Các ra-vơ-lin nhỏ không đủ để yểm hộ cua-tin và sườn, còn bản thân các ra-vơ-lin cũng được yểm hộ yếu ớt bằng hỏa lực bên sườn bắn từ các cua-tin và các sườn. 4. Trong tình hình tường đất rất cao hoàn toàn được lát hoặc được bọc đá, thì phần bằng đá từ 15 đến 20 phút thường không được bảo vệ chống lại hỏa lực bắn thẳng của địch, nên đương nhiên phần tường đá ấy sẽ bị phá hủy nhanh chóng. Chúng ta thấy rằng ngay cả sau khi người Hà Lan đã chứng minh toàn bộ sự vô dụng của bộ phận tường xây bằng đá cũng phải mất gần hai thế kỷ mới loại trừ được sự tin tưởng vào bộ phận xây bằng đá không phủ đất. Những kỹ sư và tác gia ưu tú nhất thuộc trường phái I-ta-li-a là: Xan-mi-kê-li (chết năm 1559), người đã xây dựng công sự ở Na-pô-li-di - Rô-ma-ni-a của Hy Lạp và ở Can-đi-a, đã xây dựng pháo đài Li-đô gần Vơ-ni-dơ; Tác-ta-li-a (khoảng năm 1550), An-ghi-di đa Các-pi, Gie-rô-la-mô Mát-gi và Gia-cô-mô Ca-xtri-ốt-tô - cả ba người này đều viết các tác phẩm về công sự³⁰⁶ vào khoảng cuối thế kỷ XVI. Pa-sốt-tô quê ở Uốc-bi-nô đã xây dựng các thành Tu-rin

và Ăng-ve (các năm 1560 - 1670). Những tác gia về xây công sự tiếp theo ở I-ta-li-a - Ma-rki, Bu-xca, Phlo-ri-a-ni, Rốt-xét-ti - đã đem lại nhiều sự cải tiến cho hệ thống đó, nhưng không một sự cải tiến nào tỏ ra độc đáo cả. Họ chỉ đơn giản là những kẻ sao chép ít nhiều khéo léo: phần lớn những phát minh của họ đều do họ sao chép của ông Đa-ni-en Xpếch-lơ, người Đức, phần còn lại thì họ sao chép của người Hà Lan. Hoạt động của tất cả những tác gia kể trên đều thuộc vào thế kỷ XVII và nó hoàn toàn bị lu mờ bởi sự phát triển nhanh chóng của khoa xây dựng công sự bấy giờ đang diễn ra ở Đức, ở Hà Lan và ở Pháp.

Ở Đức, những khuyết điểm của hệ thống công sự của I-ta-li-a bị phát hiện nhanh chóng. Người đầu tiên nêu lên những thiếu sót chính của trường phái I-ta-li-a cũ – những pháo đài nhỏ và những cua-tin dài – là kỹ sư Đức Phran-tơ, người đã xây dựng công sự trong thành Ăng-ve cho Sác-lơ V. Tại hội nghị họp để xem xét kế hoạch xây dựng cứ điểm, ông kiên trì chủ trương xây dựng những pháo đài lớn hơn và những cua-tin ngắn hơn, nhưng tiếng nói của công tước An-ba và các tướng Tây Ban Nha khác đã thắng thế, họ không muốn biết tới cái gì khác ngoài hệ thống I-ta-li-a cũ với sự thủ cựu cố hữu của nó. Những cứ điểm Đức thuộc các hệ thống khác có đặc điểm là làm hành lang ngầm theo nguyên tắc của Đuy-rơ, như cứ điểm ở Quy-tơ-rin do một kỹ sư nổi tiếng, dưới cái tên nghệ nhân I-ô-han (meister Johann) xây dựng năm 1537-1558, và cứ điểm ở Giuy-lích cũng do kỹ sư ấy xây dựng mấy năm sau đó. Nhưng người đầu tiên đã thoát hẳn khỏi xiềng xích của trường phái I-ta-li-a và nêu lên những nguyên tắc dùng làm căn cứ cho tất cả những hệ thống công sự kiểu pháo đài sau này là Đa-ni-en Xpếch-lơ, kỹ sư ở thành phố Xtơ-ra-xbua (chết năm 1589). Những nguyên tắc chính của ông là: 1. Hình đa giác tạo thành tường bao quanh cứ điểm càng có nhiều cạnh, thì cứ điểm càng kiên cố, vì nhờ vậy mà các phía chính diện riêng biệt của cứ điểm có thể chi viện cho nhau nhiều hơn; do đó, biến

hình của công sự cần được yểm hộ càng xích gần với đường thẳng thì càng tốt. Như vậy là cái nguyên tắc mà Coóc-môn-tanh phát biểu như là một phát minh độc đáo và dùng để phô trương rộng rãi sự uyên bác về toán học, đã được Xpếch-lơ biết rất rõ từ 150 năm về trước. 2. Pháo đài có góc nhọn thì không tốt; pháo đài có góc tù cũng không tốt: góc lồi cần phải thẳng. Ông đúng khi phát biểu phản đối góc lồi nhọn (hiện nay người ta thông thường cho rằng góc 60° là góc lồi nhỏ nhất cho phép), nhưng do thiên hướng của thời đại đối với góc lồi vuông góc, nên ông đã phản đối góc tù lồi, trên thực tế thì loại góc này là cực kỳ có lợi và là tất yếu trong hình đa giác có rất nhiều cạnh. Xem ra, về thực chất đây là sự nhượng bộ trước thiên kiến của thời đại ông, vì trên tất cả các bản vẽ phản ánh những mặt mạnh nhất – theo ý kiến ông – của phương pháp xây dựng công sự của ông đều vẽ các pháo đài, có góc tù. 3. Các pháo đài I-ta-li-a quá nhỏ; pháo đài cần phải lớn. Do đó, pháo đài của Xpếch-lơ lớn hơn các pháo đài của Coóc-môn-tanh. 4. Trong mỗi pháo đài và trên mỗi cua-tin đều cần có ca-va-li-e. Kết luận này rút ra từ phương pháp vây đánh được áp dụng thời đó, trong phương pháp này, ca-va-li-e coi trọng chiến hào có tác dụng lớn. Nhưng theo ý kiến của Xpếch-lơ, ý nghĩa của ca-va-li-e còn lớn hơn là sự chống cự giản đơn, ông coi ca-va-li-e là những cu-pua thực sự được xây dựng từ trước trong những pháo đài tạo thành phòng tuyến thứ hai sau khi tường quanh cứ điểm đã bị mở đột phá khẩu và bị địch đánh chiếm rồi. Vậy là công lao biến ca-va-li-e thành cu-pua cố định thường được người ta gán cho Vô-băng và Coóc-môn-tanh, thì thực ra lại thuộc về Xpếch-lơ. 5. Sườn của pháo đài – chỉ ít là một phần của nó, nếu toàn bộ thì càng tốt – phải thẳng góc với tuyến phòng thủ và phải được xây dựng ở giao điểm của tuyến phòng thủ với cua-tin. Vậy là, cả nguyên tắc quan trọng ấy – mà sự phát hiện ra nó được quy cho kỹ sư Pháp Pa-gan và đem lại cho ông ta phần quan trọng trong niềm vinh quang của ông ta – cũng đã được công bố 70 năm trước Pa-gan. 6. Hành lang ngầm là cần thiết để phòng

thủ hào; do đó Xpéch-lơ xây dựng nó ở chính diện, cũng như ở sườn pháo đài, nhưng chỉ để cho bộ binh sử dụng; nếu ông làm cho chúng đủ chỗ cho pháo binh thì về mặt này ông đạt được trình độ những cải tiến mới nhất. 7. Để ra-vơ-lin phát huy tác dụng, nó phải hết sức lớn: do đó, ra-vơ-lin của Xpéch-lơ là lớn nhất trong tất cả các ra-vơ-lin đã được đề xuất. Sự cải tiến của Vô-băng so với Pa-gan thì ở mức độ nào đó, còn sự cải tiến của Coóc-môn-tanh so với Vô-băng thì hầu như hoàn toàn thể hiện ở sự mở rộng triệt để ra-vơ-lin; nhưng ra-vơ-lin của Xpéch-lơ còn lớn hơn nhiều ngay cả so với ra-vơ-lin của Coóc-môn-tanh. 8. Đường che kín phải hết sức được củng cố. Xpéch-lơ là người đầu tiên hiểu được ý nghĩa to lớn của đường che kín và tăng cường nó một cách tương ứng. Đỉnh của dê dốc và của con-trơ-ê-xác-pơ phải được xây dựng en crémaillère (như răng cưa) để làm mất tác dụng của hỏa lực bắn dọc của địch. Coóc-môn-tanh lại mượn ý tưởng này của Xpéch-lơ, nhưng ông giữ lại tường ngang (tường đất ngăn chắn ngang đường che kín để chống hỏa lực bắn dọc) mà Xpéch-lơ bác bỏ. Các kỹ sư hiện nay thường đi đến kết luận là sơ đồ của Xpéch-lơ tốt hơn sơ đồ của Coóc-môn-tanh. Ngoài ra, Xpéch-lơ là người đầu tiên bố trí pháo ở bãi trú quân của đường che kín. 9. Không một phần nào của phần tường bằng đá được lộ ra trước sự quan sát của địch và không được bảo vệ chống lại hỏa lực bắn thẳng, để bằng cách đó không để cho pháo công thành của địch có thể sẵn sàng hành động trước khi lên tới đỉnh dê dốc. Nguyên tắc quan trọng nhất ấy tuy đã được Xpéch-lơ xác định từ thế kỷ XVI, nhưng đã không được vận dụng cho mãi đến Coóc-môn-tanh; thậm chí Vô-băng cũng để lộ ra một phần quan trọng của phần tường bằng đá (xem C trên hình vẽ 2). Qua sự trình bày tóm tắt ở trên về những ý tưởng của Xpéch-lơ thì thấy rằng những ý tưởng đó không những bao gồm mà còn diễn đạt rõ ràng những nguyên tắc cơ bản của toàn bộ khoa xây dựng công sự kiểu pháo đài tối tân, và hệ thống của ông – dựa vào đó ngay cả hiện nay cũng có thể xây dựng những công sự rất tốt – quả thực là xuất sắc, nếu ta tính đến

thời đại ông đã sống. Trong toàn bộ lịch sử khoa xây dựng công sự Cận đại, không có một kỹ sư nổi tiếng nào mà người ta lại không thể chứng minh rằng trong những ý tưởng ưu tú của mình ông ta đã sao chép một số ý tưởng của nhà sáng lập vĩ đại ra hệ thống phòng ngự kiểu pháo đài ấy. Nghệ thuật công trình thực tế của Xpéch-li biểu hiện trong việc xây dựng các cứ điểm In-gôn-stát, Slét-stát, Ga-ghê-nau, Un-mơ, Côn-ma, Ba-lơ và Xtơ-ra-xbua – tất cả những cứ điểm ấy đều được xây dựng dưới sự chỉ đạo của ông.

Cũng khoảng thời kỳ ấy, cuộc đấu tranh giành độc lập của Hà Lan³⁰⁷ đã thúc đẩy sự ra đời của một trường phái xây dựng công sự khác. Không thể mong đợi rằng những tường đá cũ của các thành phố Hà Lan lại có thể chịu đựng được cuộc vây đánh chính quy [regular attack]; cần tăng cường những thành phố ấy chống lại người Tây Ban Nha, nhưng muốn xây dựng những pháo đài ca-va-li-e cao bằng đá theo hệ thống của I-ta-li-a thì không có thời gian và không có tiền. Nhưng tính chất của địa hình – không cao nhiều so với mặt biển – ở đây đem lại những khả năng khác, và người Hà Lan, những người đào kênh và xây đập có kinh nghiệm, đã tiến hành sự phòng thủ của mình bằng nước. Hệ thống của họ đối lập hẳn với của I-ta-li-a: những hào rộng và cạn được đổ nước có bề rộng từ 14 đến 40 i-ác-đơ, tường đất thấp không có phần xây bằng đá, nhưng được yểm hộ bằng tường đất thấp hơn nhô ra phía trước (phốt-xê-brây) để phòng thủ hào tốt hơn; nhiều công sự ngoại vi được dựng lên trong hào – như ra-vơ-lin, đơ-mi-luyn (ra-vơ-lin trước các góc nhô ra của pháo đài), hoóc-véc và crôn-véc^{1*}

1* hoóc-véc là một phía pháo đài, nó gồm có hai nửa pháo đài, cua-tin và ra-vơ-lin nhô ra phía trước hào chính và mỗi cạnh đều được sự yểm hộ của đường thẳng của tường đất và hào, tường và hào này được bố trí so với phía chính diện của các pháo đài trong khu vực tường bao quanh cứ điểm – sao cho chúng hoàn toàn được hỏa lực bên sườn của phía chính diện pháo đài yểm hộ. Crôn-véc gồm có hai mặt nhô ra như vậy (một pháo đài với hai nửa pháo đài bên sườn). Crôn-véc kép có ba mặt như thế. Để tường thành của cứ điểm không chế được tất cả những công sự ấy, cần làm cho tường của chúng thấp hơn tường thành cứ điểm, chỉ ít thấp tới mức như tường của ra-vơ-lin so với tường thành cứ điểm. Việc sử dụng những công sự ngoại vi đó – đương nhiên đó là ngoại lệ – là do tính chất của địa hình quyết định.

và sau hết là việc sử dụng những gấp nếp của địa hình một cách tốt hơn người I-ta-li-a. Thành phố đầu tiên được tăng cường hoàn toàn bằng công sự bằng đất và hào chứa nước là thành phố Brê-da (năm 1533). Về sau phương pháp Hà Lan đã trải qua mấy sự cải tiến: một dải hẹp của ê-xcác-pơ được lát đá, vì vào mùa đông dịch dễ dàng vượt qua hào đầy nước khi đóng băng: trong hào đã xây đập và cửa đập để có thể tháo nước vào khi dịch bắt đầu làm công sự ở đáy hào khi còn khô, và sau hết người ta đã xây dựng cửa đập và dê ngăn để làm ngập có tính toán trước khu vực xung quanh dê dốc. Những tác giả đã viết về phương pháp xây dựng công sự cũ của Hà Lan là Ma-rô-lu-a năm 1627, Phrây-tác (năm 1630), Phuyên-ke-rơ (năm 1666) và Men-đe-rơ (năm 1670). Sai-the-rơ, Nây-bau-e-rơ, Hai-đơ-man và He-rơ (tất cả đều thực hiện thử nghiệm vào giữa những năm 1670 và 1690 và họ toàn là người Đức) đã thử nghiệm vận dụng những nguyên tắc của Xpếch-lơ và hệ thống Hà Lan.

Trong tất cả các trường phái công sự, trường phái Pháp có tiếng tăm lớn nhất; những nguyên tắc của trường phái này vẫn được vận dụng thực tế vào các cứ điểm tồn tại cho tới nay, nhiều hơn các nguyên tắc của tất cả các trường phái khác gộp lại. Song, không có trường phái nào khác lại tỏ ra nghèo nàn hơn trường phái này về những ý tưởng độc đáo. Trong toàn bộ trường phái Pháp không tìm thấy một công sự mới nào, một nguyên tắc mới nào mà lại không được vay mượn của người I-ta-li-a, người Hà Lan hoặc người Đức. Nhưng công lao lớn của người Pháp là quy tụ nghệ thuật xây công sự thành những nguyên lý toán học chính xác, xác định được quan hệ tỷ lệ cân đối giữa các đường và vận dụng lý luận khoa học vào các điều kiện khác nhau của địa hình cần xây dựng công sự. Êc-ra-rơ, ở Béc-lê-Đuych (năm 1594) thường được gọi là cha đẻ của khoa xây dựng công sự Pháp – thực ra không có căn cứ để được nhận danh hiệu như vậy; các sườn pháo đài của ông tạo thành góc nhọn đối với cua-tin, do đó còn kém thích dụng hơn các sườn pháo đài của người I-ta-li-a. Có một nhân

vật nổi tiếng hơn, đó là Pa-gan (năm 1645). Ông là người đầu tiên vận dụng ở Pháp và truyền bá nguyên tắc của Xpếch-lơ, theo đó các sườn pháo đài phải thẳng góc với tuyến phòng ngự. Các pháo đài của ông lớn, tỷ lệ giữa chiều dài của chính diện, sườn và cua-tin rất thích hợp, tuyến phòng ngự không bao giờ dài quá 240 i-ác-dơ, nên toàn bộ hào, trừ đường che kín, đều nằm trong phạm vi hỏa lực bên sườn của súng trường. Ra-vơ-lin của ông lớn hơn ra-vơ-lin của I-ta-li-a và ở góc-giờ của nó có lô-cốt hoặc công sự trung tâm để tiếp tục chống cự sau khi tường lũy bị chiếm. Pa-gan yểm hộ phía chính diện của pháo đài bằng một công sự độc lập hẹp ở trong hào, gọi là con-trơ-gác – công sự mà người Hà Lan đã sử dụng (xem ra Đì-lích, một người Đức, là người đầu tiên áp dụng loại công sự này). Pháo đài của ông có hai dê đất ở chính diện: dê thứ hai dùng làm cu-pua, nhưng con hào ở giữa hai dê ấy hoàn toàn không được hỏa lực bên sườn yểm hộ. Vô-băng (năm 1633-1707), nguyên soái Pháp, là người làm cho trường phái Pháp trở thành đứng hàng đầu châu Âu. Tuy vinh quang quân sự thực sự của ông là dựa vào hai phát minh vĩ đại của ông trong lĩnh vực vây đánh cứ điểm (hỏa lực bắn bật chéo và hào song song), nhưng ông vẫn được nổi tiếng rộng rãi với tư cách là nhà kiến trúc cứ điểm. Điều mà chúng ta nói về trường phái Pháp thì trên mức độ rất lớn, là đặc trưng của phương pháp Vô-băng. Chúng ta thấy các công sự của ông có những hình thức thật hết sức phong phú đa dạng mà người ta có thể dùng trong hệ thống pháo đài, nhưng trong đó không có cái gì là độc đáo cả; người ta càng ít thấy ở ông nguyện vọng sử dụng những hình thức khác ngoài kiểu pháo đài. Nhưng việc sắp xếp các chi tiết, tỷ lệ của các đường, mặt cắt và việc vận dụng lý luận vào các yêu cầu khác nhau của địa hình đều tài tình đến mức tất cả cái đó đều tỏ ra hoàn thiện so với các sáng tác của những nhân vật tiền bối của ông, do đó có thể nói rằng lối xây dựng một cách khoa học và được nâng lên thành hệ thống đã khởi đầu từ ông. Tuy Vô-băng không viết dòng nào về phương pháp xây dựng công sự của mình, song các kỹ sư

Pháp đã dựa vào việc nghiên cứu một số lượng lớn những cứ điểm do ông xây dựng để tìm cách tổng kết các nguyên tắc lý luận mà ông tuân theo, và bằng cách đó đã xác định ba phương pháp gọi là hệ thống thứ nhất, thứ hai và thứ ba của Vô-băng.

Hình vẽ 1 mô tả hệ thống thứ nhất dưới hình thức giản đơn nhất. Những kích thước chủ yếu là: cạnh ngoài của hình đa giác, từ đỉnh của một pháo đài đến đỉnh pháo đài bên cạnh là 300 i-ác-đơ (tính trung bình); ở giữa đường này là đường thẳng góc $\alpha\beta$ bằng $\frac{1}{6}$ của đường đó; từ điểm a'' và a' qua β là các đường phòng ngự $a''d'$ và $a'e''$. Những đoạn bằng $\frac{2}{7}$ đường $a''a'$ và những đoạn được tính từ a'' và a' trên các đường phòng ngự tạo ra chính diện $a''c''$ và $a'b'$. Các đường vòng cung giữa các đường phòng thủ xuất phát từ các góc vai c'' và b' với bán kính là $c''d'$ hoặc $b'e''$ tạo ra các sườn $b'd'$ và $c''e''$. Đường $e''d'$ là cua-tin. Đường hào như sau: đường vòng cung vẽ từ đỉnh của pháo đài có bán kính 30 i-ác-đơ và nối tiếp bằng tiếp tuyến dẫn tới đường vòng cung này và đi từ các góc vai của các pháo đài bên cạnh sẽ tạo ra con-trơ-ê-xcác-pơ. Ra-vơ-lin được hình thành như sau: từ điểm cua-tin e'' có bán kính $e''\gamma$ (γ là điểm ở phía chính diện đối diện, cách góc vai 11 i-ác-đơ) người ta vẽ hình vòng cung $\gamma\delta$ cho đến khi nó cắt đường kéo dài của đường thẳng góc $\alpha\beta$; điểm đó là đỉnh của ra-vơ-lin, còn dây của vòng cung vừa nhắc tới tạo thành chính diện của ra-vơ-lin; đường chính diện kéo dài từ đỉnh ra-vơ-lin cho đến khi nó gặp đường kéo dài của tiếp tuyến tạo thành con-trơ-ê-xcác-pơ của hào chính; vị trí của goóc-giơ của ra-vơ-lin cũng được quy định bởi đường ấy; như vậy, có thể phát huy hỏa lực bên sườn không gặp trở ngại gì dọc suốt con hào. Phía trước cua-tin – chỉ phía trước thôi – Vô-băng giữ lại phốt-xê-brây của Hà Lan; trước ông một người I-ta-li-a tên là Phlo-ri-a-ni đã làm như vậy, và công sự mới này được gọi là tê-nan (tanaglia). Các chính diện của Vô-băng đi theo các đường phòng thủ. Hào phía trước ra-vơ-lin rộng 24 i-ác-đơ; con-trơ-ê-xcác-pơ song song với chính diện của ra-vơ-lin, còn đỉnh thì uốn cong. Với phương pháp

đó, Vô-băng đạt tới kết quả là làm cho pháo đài của ông rộng rãi, còn những góc lồi của sườn thường xuyên ở trong tầm hỏa lực của súng trường; nhưng cấu trúc đơn giản của những pháo đài ấy làm cho không thể tiến hành được việc phòng thủ toàn bộ cứ điểm một khi địch đã mở được đột phá khẩu ở một trong những pháo đài ấy. Các sườn pháo đài của ông cùng với đường phòng thủ tạo thành những góc nhọn không hoàn thiện bằng sườn pháo đài của Xpếch-li hoặc của Pa-gan, nhưng loại bỏ được ở tầng hai và tầng ba những khẩu pháo không được che chắn có trong phần lớn các sườn pháo đài của I-ta-li-a và các sườn pháo đài của Pháp ở thời kỳ sớm hơn và những khẩu pháo ấy chưa bao giờ đem lại lợi ích đặc biệt. Tê-nan của Vô-băng dùng để tăng cường phòng thủ hào bằng hỏa lực bộ binh và để yểm hộ cua-tin chống hỏa lực bắn thẳng vào pháo công thành bắn từ đỉnh dê dốc; nhưng điều đó được thực hiện rất không hoàn thiện, vì bộ phận của cua-tin gần điểm e trên sườn hoàn toàn lộ ra trước các khẩu đội pháo công thành của địch bố trí ở bãi trú quân hình góc lõm (n , hình vẽ 1). Đó là nhược điểm cực lớn, vì một khi mở được đột phá khẩu ở chỗ này thì có thể đánh vu hồi toàn bộ các cu-pua được xây dựng bên trong pháo đài với tính cách phòng tuyến thứ hai. Nguyên nhân là ở chỗ ra-vơ-lin vẫn còn quá nhỏ. Đường che kín được xây dựng không có cremaillères^{1*}, nhưng có những tường ngang lại yếu hơn đường che kín của Xpếch-lơ rất nhiều: các tường ngang cản trở không những địch, mà cả cản trở bên phòng thủ trong việc bắn dọc theo đường che kín. Giao thông giữa các công sự nhìn chung là tốt, nhưng vẫn chưa đủ để tiến hành xuất kích kiên quyết. Kích thước của mặt cắt giống như thường dùng cho tới nay ở mọi nơi. Nhưng Vô-băng vẫn còn giữ hệ thống ộp đá toàn bộ mặt ngoài của dê đất, cho nên bộ phận ộp đá cao ít nhất 15 phút, vẫn không được che chắn. Sai lầm đó đã được lặp lại trong nhiều

1* – răng cưa

cứ điểm của Vô-băng: mà sai lầm một khi đã mắc phải thì chỉ có thể sửa chữa nó với cái giá là những khoản chi tiêu lớn lao, bằng cách mở rộng hào phía trước chính diện của pháo đài và xây dựng công sự bằng đất dưới hình thức con-trơ-gác để yểm hộ bộ phận xây bằng đá. Trong phần lớn cuộc đời mình, Vô-băng tuân theo phương pháp thứ nhất, nhưng sau năm 1680 ông đã sử dụng hai phương pháp khác mà mục đích là bảo đảm phòng thủ lâu dài ngay sau khi pháo đài đã bị mở đột phá khẩu. Muốn thế, ông đã tiếp thu ý tưởng của Ca-xtri-ốt-tô là người đề nghị hiện đại hoá hệ thống công sự cũ gồm tháp canh và tường lũy bằng cách xây dựng ở trong hào đối diện với tháp canh những pháo đài biệt lập. Phương pháp thứ hai cũng như thứ ba của Vô-băng phù hợp với điều đó. Ra-vơ-lin cũng được xây dựng lớn hơn, bộ phận xây dựng bằng đá được yểm hộ tốt hơn ít nhiều, các tháp canh được xây hầm ngầm, nhưng không suốt tháp canh; vẫn tồn tại khuyết điểm khiến cho cua-tin có thể bị phá huỷ ở đoạn giữa pháo đài và tê-nan, khiến cho tác dụng của những pháo đài biệt lập trở thành ảo tưởng trên một mức độ nhất định. Tuy vậy, Vô-băng cho rằng phương pháp thứ hai và thứ ba của mình rất có hiệu quả. Khi ông trao cho Lu-i XIV kế hoạch xây dựng công sự Lan-đau (theo hệ thống thứ hai), ông nói: "Tàu bệ hạ, đây là một cứ điểm mà toàn bộ tài nghệ của thần không đủ để đánh chiếm nó". Nhưng điều đó không ngăn ngừa được sự thất thủ của Lan-đau, 3 lần khi Vô-băng còn sống (năm 1702, 1703 và 1704) và một lần nữa ít lâu sau khi ông qua đời (năm 1713)³⁰⁸.

Những sai lầm của Vô-băng đã được Coóc-môn-tanh sửa chữa, phương pháp của ông có thể được coi là tinh hoa của các hệ thống pháo đài. Coóc-môn-tanh (1696-1752) là tổng công trình sư của công binh. Các pháo đài rộng rãi hơn của ông cho phép xây dựng những cu-pua lâu bền và phòng tuyến thứ hai; ra-vơ-lin của ông hầu như lớn bằng ra-vơ-lin của Xpếch-lơ và hoàn toàn yểm hộ được cho bộ phận của cua-tin mà Vô-băng để lộ ra. Trong hình đa giác có tám cạnh hoặc nhiều cạnh hơn, ra-vơ-lin của ông nhỏ

ra xa phía trước đến mức khi bên vây đánh đến được đỉnh dê dốc, các ra-vơ-lin có thể từ phía sau bắn vào công sự mà họ xây dựng để đối phó với pháo đài gần nhất. Muốn tránh hoả lực đó, bên vây đánh phải áp chế được hai ra-vơ-lin trước khi có thể mở đột phá khẩu ở một pháo đài. Đường cần yểm hộ càng gần đường thẳng thì sự chi viện lẫn nhau ấy của những ra-vơ-lin lớn càng có hiệu quả. Nơi trú quân hình góc lõm được tăng cường bằng lô-cốt. Đỉnh dê dốc mang hình en crémaillère như của Xpếch-lơ, nhưng vẫn duy trì tường ngang. Mặt cắt rất hoàn thiện, bộ phận xây bằng đá bao giờ cũng có công sự bằng đất yểm hộ ở phía trước. Coóc-môn-tanh đã hoàn thiện trường phái Pháp, vì khái niệm trường phái Pháp chỉ rõ hệ thống xây dựng pháo đài phòng thủ có công sự ngoại vi trong hào. So sánh sự phát triển dần dần của công sự kiểu pháo đài từ năm 1600 đến năm 1750 và kết quả cuối cùng của nó dưới hình thức được Coóc-môn-tanh biểu hiện với những nguyên tắc của Xpếch-lơ, được trình bày trên kia, thì có thể có một quan niệm rõ ràng về thiên tài tuyệt đỉnh của người kỹ sư Đức ấy; tuy số lượng công sự ngoại vi trong hào đã tăng lên rất nhiều, nhưng trong suốt 150 năm trôi qua người ta vẫn không phát hiện được một nguyên tắc quan trọng nào mà Xpếch-lơ lại chưa phát biểu rõ ràng và xác định.

Sau Coóc-môn-tanh, trường công binh ở Mê-di-e-rơ (khoảng năm 1760) đã đem lại một số biến đổi nhỏ trong hệ thống của ông mà chủ yếu là trở lại với nguyên tắc cũ của Xpếch-lơ quy định rằng sườn phải thẳng góc với đường phòng thủ. Nhưng điều nổi bật nhất của trường phái Mê-di-e-rơ là các đại biểu của nó là những người đầu tiên xây dựng công sự ngoại vi ở phía trước đường che kín. Ở những đoạn phòng thủ đặc biệt yếu khi bị tấn công, họ xây dựng ở chân dê dốc, trên trung tuyến của pháo đài, những ra-vơ-lin độc lập gọi là lu-nét, như vậy là lần đầu tiên họ đã xích lại gần hệ thống dinh lũy vĩnh cửu tối tân. Đầu thế kỷ XIX Bu-xma-rơ, một người Pháp lưu vong phục vụ ở Phổ và bị giết ở Đan-txích

năm 1807, lại định cải tiến hệ thống của Coóc-môn-tanh, những ý tưởng của ông khá phức tạp, và điều xuất sắc nhất là ra-vơ-lin của ông rất lớn nhô ra đến tận chân đê dốc, nên trên mức độ nhất định nó thay thế và thực hiện chức năng của lu-nét vừa mới được mô tả.

Kỹ sư Hà Lan, nam tước Cu-khoóc-nơ, người cùng thời với Vô-băng và đã nhiều lần là đối thủ xứng đáng của Vô-băng trong chiến tranh vây đánh, đã thúc đẩy sự phát triển thêm nữa của phương pháp xây thành lũy Hà Lan cũ. Hệ thống của ông đã tạo khả năng phòng thủ mạnh hơn ngay cả so với hệ thống của Coóc-môn-tanh, nhờ sự kết hợp tài tình các hào cạn và hào nước, làm dễ dàng rất nhiều các cuộc xuất kích, nhờ giao thông rất thuận tiện giữa các công sự độc lập, nhờ các lô-cốt và cu-pua được bố trí tài tình bên trong các ra-vơ-lin và các pháo đài. Cu-khoóc-nơ, người rất sùng bái Xpếch-lơ, là kỹ sư lỗi lạc duy nhất đã có đủ lòng thành thực để thừa nhận ông chịu ơn Xpếch-lơ nhiều như thế nào.

Chúng ta thấy rằng ngay trước khi sử dụng pháo đài, An-bréch-tơ Duy-rơ đã sử dụng những ca-pô-nia để bảo đảm được hỏa lực bên sườn mạnh. Trong ngôi thành hình tứ giác của ông, sự phòng thủ hào hoàn toàn dựa vào những ca-pô-nia ấy; ở các góc thành không có tháp canh, đó là một hình tứ giác mái bằng chỉ có mấy góc lồi. Việc xây dựng cứ điểm trong đó tường lũy hoàn toàn trùng hợp với đường biên của hình đa giác, do đó chỉ có góc lồi chứ không có góc lõm, còn hào thì được hỏa lực của ca-pô-nia bắn yểm hộ từ bên sườn – là nguyên lý của cái gọi là phương pháp xây công sự đa giác, và phải coi Duy-rơ là người sáng lập ra nó. Mặt khác, khi tường cứ điểm có hình ngôi sao, trong đó có các góc lồi và góc lõm tuần tự luân phiên nhau và mỗi đường đồng thời vừa là chính diện và vừa là sườn dùng đoạn gần góc lõm để yểm hộ bên sườn cho hào của đường bên cạnh và dùng đoạn gần góc lồi để khống chế mặt đất – sơ đồ đó là cơ sở của phương pháp xây công sự kiểu tê-nan. Các đại biểu của trường phái I-ta-li-a cũ và

một bộ phận đại biểu của trường phái Đức cũ đã đề xuất hình thức đó, nhưng nó chỉ được phát triển sau nhiều năm. Hệ thống của Ghê-óc Rim-plơ (kỹ sư phục vụ hoàng đế Đức, chết trong cuộc phòng thủ Viên chống người Thổ Nhĩ Kỳ năm 1683³⁰⁹) là một thứ hệ thống trung gian giữa hệ thống pháo đài và hệ thống tê-nan. Những gì mà ông gọi là những pháo đài trung gian thì thực ra chỉ là đường hoàn chỉnh của các tê-nan. Ông kiên quyết phản đối những bãi pháo không được yểm hộ và chỉ có tường chắn bằng đất giản đơn ở phía trước, và ông kiên trì xây dựng các bãi pháo có hầm ngầm ở bất cứ nơi nào có thể xây dựng, đặc biệt là ở sườn, nơi mà hai hoặc ba tầng pháo được yểm hộ tốt sẽ đem lại hiệu quả lớn hơn nhiều so với hai hoặc ba tầng pháo trên các bãi pháo bên sườn không được yểm hộ và không bao giờ có thể đồng thời phát huy hỏa lực. Ông cũng kiên trì xây dựng các bãi pháo, nói cách khác các ổ pháo, ở các bãi trú quân của đường che kín, điều mà Cu-khoóc-nơ và Coóc-môn-tanh đã sử dụng, đặc biệt là kiên trì xây dựng hai hoặc ba phòng tuyến, ở sau các góc nhô ở tường cứ điểm. Về mặt này hệ thống của ông xuất sắc ở chỗ nó vượt trước thời đại của mình; toàn bộ tường cứ điểm gồm có những lô-cốt độc lập mà người ta phải chiếm từng cái một, còn phương pháp sử dụng hầm ngầm phòng ngự giống như phương pháp sử dụng các hầm ngầm trong các công sự gần đây nhất của Đức, kể cả trong các chi tiết. Không nghi ngờ gì nữa, Mông-ta-lăm-be có được thành quả là nhờ ở Rim-plơ bao nhiêu thì hệ thống pháo đài thế kỷ XVII và XVIII cũng nhờ ở Xpếch-lơ bấy nhiêu. Tác giả đầu tiên chứng minh đầy đủ tính ưu việt của hệ thống tê-nan so với hệ thống pháo đài là Lan-xbéc-gơ (năm 1712); nhưng chúng ta sẽ đi quá xa nếu trình bày các luận cứ của ông hoặc mô tả phương pháp xây thành lũy của ông. Trong đội ngũ đông đảo những kỹ sư thành thạo Đức nổi gót Rim-plơ và Lan-xbéc-gơ, chúng ta có thể nêu tên đại tá Bu-ghen-ha-ghen (năm 1720) ở Mếch-clen-bua phát minh ra tường ngang kiểu hình khối hoặc tường ngang bên trong rỗng và có thể phát huy hỏa lực súng

trường bắn từ hầm ngầm, rồi đến thiếu tá Héc-boóc-tơ (1734) ở Vuyéc-tem-béc phát minh ra hình thức trại binh có bố phòng, tức là doanh trại lớn ở phần góc-giờ của công sự nhô ra phía trước và tránh được hoả lực cầu vồng; các trại binh này có hầm ngầm với lỗ châu mai ở phần hướng ra phía tường cứ điểm và có chỗ đặt kho và cho binh sĩ đóng ở phần hướng ra thành phố. Hiện nay cả hai loại công sự này được sử dụng rất rộng rãi.

Vì vậy, chúng ta thấy rằng trường phái Đức – hầu như chỉ trừ một ngoại lệ duy nhất là Xpêch-lơ – ngay từ khi ra đời đã phản đối hình thức pháo đài, ra sức thay thế nó chủ yếu bằng các tên-nan, đồng thời tìm cách thực hiện hệ thống phòng thủ bên trong tốt hơn, chủ yếu bằng cách sử dụng hành lang ngầm mà các nhân vật Pháp có uy tín trong lĩnh vực công trình, trái lại, cho là điều cực kỳ hoang đường. Nhưng một trong những kỹ sư vĩ đại nhất đã từng xuất hiện ở Pháp, thiếu tướng kỵ binh, hầu tước Đơ Mông-ta-lăm-be (1713-1799), đã mở cờ rong trống chạy sang phe trường phái Đức trước sự rất đỗi ngạc nhiên của giới kỹ sư Pháp mà cho tới nay vẫn bài bác mỗi chữ do ông viết³¹⁰. Mông-ta-lăm-be phê phán kịch liệt các khuyết điểm của hệ thống pháo đài: hoả lực bên sườn của nó không có hiệu quả; nó làm cho địch tin rằng đạn pháo của họ, cho dù không rơi trúng một tuyến nào đó, thì cũng hầu như nhất định gây thiệt hại cho một tuyến khác; yểm hộ không đầy đủ chống hoả lực cầu vồng; cua-tin hoàn toàn vô dụng về mặt phát huy hoả lực; không thể có được các cu-pua tốt và lớn ở các phần góc-giờ của pháo đài, điều đó được chứng minh bằng sự việc là không một cứ điểm nào vào thời bấy giờ có được các loại cu-pua vĩnh cửu đa dạng mà các nhà lý luận của trường phái này đề xuất; và sau hết là những công sự ngoại vi yếu, liên hệ giữa chúng với nhau tồi và thiếu sự chi viện lẫn nhau thích đáng. Do đó, Mông-ta-lăm-be đã chọn hệ thống tên-nan hoặc hệ thống hình nhiều cạnh. Trong cả hai hệ thống này, hạt nhân của cứ điểm là một loạt hầm ngầm với một hoặc hai tầng pháo; bộ phận xây đá của hầm ngầm được yểm hộ chống hoả lực bắn thẳng

bằng cách bố trí ở xung quanh, những con-trơ-gác bằng đất, hay là công sự che chính diện, ở phía trước có hào thứ hai; hào này được sự yểm hộ từ bên sườn của những hầm ngầm ở vào góc lõm của công sự che chính diện và được sự yểm hộ của tường chắn của lô-cốt hoặc lu-nét ở bãi trú quân có hình góc lõm. Toàn bộ hệ thống ấy dựa trên nguyên tắc dùng pháo ở hầm ngầm gây trở ngại cho địch vào lúc nó đến được đỉnh dê đốc hoặc công sự che chính diện, trở ngại ấy là hoả lực có tính chất tiêu diệt không dễ cho địch đặt được pháo công thành của nó. Bất chấp sự nhất trí phản đối của các kỹ sư Pháp, Mông-ta-lăm-be khẳng định rằng hầm ngầm có thể hoàn thành nhiệm vụ đó, và về sau thậm chí ông đã thiết kế nhiều hệ thống trúc thành hình tròn và kiểu tên-nan, trong đó mọi công sự bằng đất đều bị loại bỏ và toàn bộ sự phòng ngự dựa vào những ổ pháo cao có hầm ngầm với 4 - 5 tầng pháo; bộ phận xây đá của những hầm ấy phải tự phòng thủ bằng hoả lực ổ pháo của mình. Như vậy, trong hệ thống hình tròn của mình, ông cố sức tập trung hoả lực của 348 khẩu pháo vào bất kỳ cứ điểm nào đó trong phạm vi cách cứ điểm 500 i-ác-đơ và cho rằng ưu thế hoả lực lớn như vậy sẽ hoàn toàn loại trừ khả năng địch bố trí pháo công thành. Những mặt này ông chỉ có những người làm theo ông trong trường hợp xây dựng phần chính diện trông ra biển của các pháo đài bờ biển; việc không thể dùng pháo binh trên tàu phá huỷ đường hầm kiên cố đã được chứng minh rất rõ trong cuộc pháo kích Xê-va-xtô-pôn. Những pháo đài ưu việt của Xê-va-xtô-pôn, Crôn-stát, Séc-bua và những pháo đài mới ở lối vào bến cảng Poóc-xmút (Anh), cũng như hầu hết các pháo đài hiện đại được xây dựng để phòng ngự bến tàu nhằm chống lại hạm đội, đều được xây dựng theo nguyên tắc của Mông-ta-lăm-be. Bộ phận xây đá để hỗ trợ một phần của tháp canh kiểu Mác-xi-mi-li-an ở Lin-xơ (Áo)³¹¹ và của các lô-cốt của các pháo đài độc lập ở Khuên, là sự mô phỏng phương án kém thành công hơn của Mông-ta-lăm-be. Trong việc xây công sự trên cao điểm dốc đứng (như Ê-ren-brây-stai-nơ ở Phổ) có khi cũng sử dụng

pháo đài bằng đá để hở, nhưng để xác định khả năng chống cự của chúng thì cần có kinh nghiệm thực tế.

Hệ thống tê-nan chưa bao giờ, ít ra là theo chỗ chúng tôi biết, được sử dụng thực tế, nhưng hệ thống hình nhiều cạnh rất được coi trọng ở Đức và được sử dụng trong những công sự tối tân, trong khi người Pháp khẳng khẳng bám lấy các pháo đài của Coóc-môn-tanh. Tường cứ điểm của hệ thống hình nhiều cạnh thường là tường đất bằng phẳng có ê-xcác-pơ và con-trơ-ê-xcác-pơ xây đá, có các ca-pô-nia lớn ở giữa hào nước và có các trại binh lớn được phòng thủ ở sau tường đất và được tường đất yểm hộ để chúng đóng vai trò các cu-pua. Những trại lính phòng ngự tương tự cũng được xây dựng làm cu-pua ở nhiều công sự kiểu pháo đài để đóng kín các góc-giờ của pháo đài, đồng thời tường đất được dùng làm con-trơ-gác để bảo vệ bộ phận xây đá khỏi bị hoả lực từ xa.

Trong tất cả những đề nghị của Mông-ta-lăm-be, hệ thống lô-cốt độc lập là thành công lớn nhất; nó mở ra một kỷ nguyên mới không những trong khoa xây công sự mà cả trong việc tấn công và phòng thủ cứ điểm, thậm chí trong chiến lược nói chung. Mông-ta-lăm-be đề nghị xây dựng xung quanh những cứ điểm lớn, nằm ở những địa điểm trọng yếu, một hoặc hai chuỗi lô-cốt nhỏ được bố trí trên những cao điểm khống chế, những lô-cốt này bề ngoài thì cô lập, song vẫn chi viện cho nhau bằng hoả lực và tạo điều kiện thuận lợi cho những cuộc xuất kích lớn, làm cho không thể tiến hành các cuộc pháo kích vào bản thân cứ điểm được; khi cần chúng cũng có thể tạo thành trại binh có công sự đối với quân đội. Vô-băng đã sử dụng các trại binh vĩnh cửu dưới sự yểm hộ của pháo cứ điểm, nhưng các công sự của các trại binh này gồm những phòng tuyến dài liên tục mà nếu bị đột phá dù chỉ là ở một điểm thì sẽ hoàn toàn bị lọt vào tay địch. Nhưng các dinh lữ của Mông-ta-lăm-be có khả năng chống cự lớn hơn nhiều, vì phải chiếm từng lô-cốt một, và địch không thể bắt đầu làm công sự vây đánh bản thân cứ điểm trước khi chiếm được ít ra là 3

hoặc 4 trong số những lô-cốt đó. Hơn nữa, cuộc vây đánh mỗi lô-cốt ấy có thể bị gián đoạn bất cứ lúc nào, bởi đội quân phòng thủ cứ điểm, hoặc thậm chí bởi đội quân đóng trại phía sau các lô-cốt, và do đó bảo đảm kết hợp chiến đấu đã chiến tích cực và chiến đấu chính quy của cứ điểm, điều đó tất nhiên sẽ tăng cường rất nhiều cho sự phòng ngự của cứ điểm. Sau khi Na-pô-lê-ông đưa quân đội của mình đi xa hàng trăm dặm vào sâu lãnh thổ địch và không bao giờ đếm xỉa đến các cứ điểm vẫn được xây dựng theo hệ thống cũ, sau khi quân đội đồng minh (1814-1815), đến lượt mình, lại tiến thẳng về Pa-ri, bỏ lại đằng sau mình hầu như không đếm xỉa đến ba lớp cứ điểm mà Vô-băng để lại cho nước Pháp, - thì hiển nhiên là hệ thống thành lũy chỉ hạn chế các công sự ngoại vi của mình vào những công sự nằm trong hào chính hoặc nhiều lắm là ở chân đê dốc - đã trở thành lỗi thời rồi. Những cứ điểm như thế đã mất đi sức hấp dẫn của chúng đối với các đạo quân lớn hiện đại. Khả năng gây thiệt hại cho địch của chúng không vượt quá giới hạn của bán kính hữu hiệu của pháo của chúng. Vì vậy cần tìm ra những phương pháp mới nào đó có thể ngăn chặn sự tiến quân như vũ bão của các quân đội hiện đại xâm nhập biên giới đất nước, và thế là hệ thống các pháo đài độc lập của Mông-ta-lăm-be đã được sử dụng rộng rãi. Chẳng hạn, Khuên, Cô-blen-tơ, Mét-xơ, Ra-stát, Un-mơ, Khuê-ních-xbéc, Pô-dơ-nan, Lin-xơ, Pê-xke-ra và Vê-rô-na đã biến thành những dinh lữ lớn chứa được từ 60 000 đến 100 000 người, nhưng khi cần có thể phòng thủ bằng đội quân đồn trú nhỏ hơn nhiều. Đồng thời tính hơn hẳn về chiến thuật của địa điểm xây dựng dinh lữ đã bị đẩy xuống hàng thứ yếu bởi những lý do chiến lược mà từ nay sẽ quyết định địa điểm xây dựng cứ điểm. Người ta chỉ xây dựng các cứ điểm ở những địa điểm có thể trực tiếp hoặc gián tiếp chặn cuộc tiến quân của quân đội chiến thắng, và bản thân chúng là những thành phố lớn và vì là nơi tập trung nguồn vật tư của toàn tỉnh nên chúng đem lại ưu thế lớn cho quân đội. Thông thường vị trí được lựa chọn bên sông lớn, nhất là ở nơi hợp lưu

của hai con sông lớn, vì điều đó buộc quân đội tấn công phân tán lực lượng của nó. Tường của cứ điểm đã được giản đơn hoá tới mức tối đa, còn các công sự ngoại vi của hào thì hầu như bị loại bỏ hoàn toàn; người ta cho rằng có được bức tường đủ sức chịu đựng một cuộc tấn công trong một thời gian ngắn là đủ rồi. Chiến trường chính nằm xung quanh các lô-cốt độc lập, mà những lô-cốt này được phòng thủ bằng hỏa lực trên tường lũy của nó ít hơn là bằng các cuộc xuất kích của đội quân phòng thủ của bản thân cứ điểm. Cứ điểm lớn nhất được xây dựng theo kế hoạch ấy là Pa-ri; nó có tường giản đơn kiểu pháo đài và các lô-cốt pháo đài hầu như đều có hình tứ giác; ở tất cả các công sự của nó đều không có công sự ngoại vi nào, thậm chí không có ra-vơ-lin. Không nghi ngờ gì nữa, sức mạnh phòng thủ của Pháp tăng lên 30% nhờ dinh lũy mới đồ sộ đó, nó đủ chỗ ẩn náu cho ba quân đoàn bị bại trận. Do sự cải tiến đó mà những gì có giá trị chứa đựng trong các phương pháp trúc thành đã mất đi rất nhiều ý nghĩa của chúng; phương pháp rẻ nhất hiện nay là phương pháp tốt nhất, vì từ nay phòng thủ không phải dựa vào hệ thống thụ động chờ địch ở sau những bức tường cứ điểm cho đến khi địch bắt đầu làm công sự vây đánh mới bắn pháo vào họ, mà là dựa vào hệ thống phòng thủ tích cực, bằng những hoạt động tấn công với lực lượng tập trung của đội quân phòng thủ chống lại lực lượng không tránh khỏi bị chia cắt của bên vây đánh.

II. VÂY ĐÁNH

Nghệ thuật tiến hành vây đánh đã được người Hy Lạp và người La Mã nâng lên đến trình độ hoàn thiện nhất định. Họ tìm cách phá tường cứ điểm bằng vô vàn tiếp cận tường dưới sự yểm hộ của những chiếc xe che chắn tốt ở phía trên hoặc khi cần thì dùng những thiết bị cao nhờ chiều cao mà khống chế được tường và tháp canh và tạo điều kiện cho các đội hình tấn công có thể an toàn tiếp cận tường thành. Việc sử dụng thuốc súng đã chấm dứt

sự tồn tại của những thiết bị ấy; vì các cứ điểm từ nay có tường đất thấp hơn nhưng có thể phát huy hỏa lực có hiệu quả tới cự ly xa, nên hào tiếp cận được đào về hướng dốc theo hình dích dắc hoặc theo đường cong; đồng thời đặt các đơn vị pháo ở các địa điểm để cố gắng làm câm pháo của bên bị vây và phá hoại công sự bằng đá của họ. Bên vây đánh vừa đến được đỉnh đê dốc là họ cấu trúc ngay ca-va-li-e cao kiểu chiến hào để khống chế các pháo đài và các ca-va-li-e của họ rồi dùng hỏa lực mãnh liệt để hoàn tất việc mở đột phá khẩu và chuẩn bị cường tập. Điểm tấn công thường là cua-tin. Nhưng phương pháp tấn công ấy không thành hệ thống gì cả, cho đến khi Vô-băng dùng hào song song phát huy hỏa lực bắn bật chéo và hệ thống hoá quá trình vây đánh theo phương pháp mà thậm chí ngày nay vẫn được sử dụng và vẫn còn được gọi là phương pháp tấn công kiểu Vô-băng. Bên vây đánh sau khi bao vây cứ điểm từ bốn phía bằng những lực lượng đầy đủ, và lựa chọn phía chính diện của cuộc tấn công, liền bắt đầu đào hào song song thứ nhất vào ban đêm (tất cả các công việc vây đánh đều như chủ yếu được tiến hành vào ban đêm), cách cứ điểm 600 i-ác-đơ. Chiến hào song song với cạnh của công sự hình đa giác bị vây đánh, phải được đào ít ra là bao quanh ba cạnh và quanh phía chính diện của nó; đất được đổ về phía địch và được giữ ở hai bên hào bằng những lồng chắn (những chiếc sọt bện bằng cành cây và được nhét đầy đất), tạo thành một thứ tường chắn để chống lại hỏa lực của cứ điểm. Trong hào song song thứ nhất này có đặt các khẩu đội bắn nảy chéo để phát huy hỏa lực bắn dọc theo suốt chiều dài của các phía chính diện bị tấn công. Nếu đối tượng bị vây đánh là công sự hình lục lăng kiểu pháo đài thì nói chung khẩu đội pháo bắn nảy là cần thiết để phát huy hỏa lực dọc vào chính diện của hai pháo đài và ba ra-vơ-lin, nhìn chung có một khẩu đội pháo cho mỗi chính diện. Những khẩu đội ấy phải bắn sao cho đạn pháo vượt thẳng qua đường chắn của công sự từ sườn, rơi vào chính diện trên suốt chiều dài của nó, và phá huỷ pháo cũng như sát thương người. Những khẩu đội như vậy cũng

được dùng để bắn dọc vào những đoạn cá biệt của đường che kín, còn các khẩu đội cối và lựu pháo thì được đặt để nã trái phá vào bên trong các pháo đài và các ra-vơ-lin. Tất cả những khẩu đội ấy đều được sự yểm hộ của tường chắn bằng đất. Đồng thời ở phía trước, ở hai nơi hoặc nhiều hơn hai nơi, có đào chiến hào hình chữ chi hướng vào cứ điểm, khi đào người ta cố sao cho hoàn toàn tránh mọi hỏa lực bắn dọc từ phía thành phố; khi vừa xuất hiện dấu hiệu hỏa lực của cứ điểm yếu đi là đào ngay hào song song thứ hai cách cứ điểm chừng 350 i-ác-đơ. Ở đây sẽ đặt những khẩu đội pháo công phá. Chúng dùng để hoàn toàn tiêu diệt pháo và phá huỷ các lỗ châu mai ở chính diện cứ điểm; cần tấn công 8 chính diện (chính diện của hai pháo đài và của ra-vơ-lin trong pháo đài và chính diện bên trong của các ra-vơ-lin bên cạnh), đối với mỗi chính diện ấy có một khẩu đội đặt song song với chính diện bị tấn công, còn mỗi lỗ châu mai đều đặt đối diện hẳn với lỗ châu mai tương ứng của cứ điểm. Từ hào song song thứ hai người ta đã đào hào chữ chi mới hướng về cứ điểm; ở cách đó 200 i-ác-đơ sẽ đào hào nửa song song tạo thành nhánh hào chữ chi mới, có bố trí các khẩu đội cối, và sau hết, ở chân đê dốc người ta xây hào song song thứ ba. Trong hào này đặt những khẩu đội cối hạng nặng. Đến thời điểm đó pháo cứ điểm hầu như hoàn toàn câm lặng và hướng về đỉnh đê dốc người ta bắt đầu đào các hào tiếp cận hình đường cong hoặc khúc khuỷu để tránh hỏa lực bắn nẩy; những hào tiếp cận này chĩa vào đỉnh của hai pháo đài và một ra-vơ-lin. Kế đó ở bãi trú quân có hình góc lồi người ta xây lô-giơ-măng, hay là công sự có tường chắn, để hỏa lực bộ binh bắn dọc vào hào. Nếu địch hành động tích cực và xuất kích táo bạo thì cần có hào song song thứ tư nối liền tất cả những bãi trú quân có hình góc lồi dọc theo suốt đê dốc. Trong trường hợp ngược lại thì đào đường hầm từ hào song song thứ ba đến bãi trú quân có hình góc lõm và đào hào tiếp cận ở đê dốc, nghĩa là đào chiến hào trên đỉnh đê dốc dọc theo suốt đường che kín. Thế rồi trong

couronnement^{1*} ấy sẽ đặt các ổ phản pháo để làm câm các khẩu pháo ở sườn, phát huy hỏa lực dọc theo hào, rồi sau đó đặt các khẩu đội pháo công thành để bắn vào đỉnh và chính diện của các pháo đài và ra-vơ-lin. Đối diện với điểm cần phá hoại phải đào đường hầm gài mìn đi từ chiến hào qua đê dốc và con-trơ-ê-xcáp-pơ đến hào; khi con-trơ-ê-xcáp-pơ bị nổ tung sẽ đào chiến hào mới qua hào đến phía dưới đột phá khẩu, và chiến hào này được tường chắn yểm hộ ở phía bị đe dọa bởi hỏa lực bắn dọc sườn. Khi đã mở được đột phá khẩu và lối vào ở trong đường hào là bắt đầu cuộc cường tập ngay. Đó là trường hợp hào khô; qua hào đầy nước thì phải làm đập bằng những bó củi, nó cũng được tường chắn yểm hộ ở phía sườn của pháo đài bên cạnh. Nếu sau khi chiếm được pháo đài mà ở phía sau lại phát hiện thấy một công sự nữa hoặc một cu-pua, thì phải đào lô-giơ-măng, đặt những khẩu đội mới ở đột phá khẩu, mở đột phá khẩu mới, đi xuống tận hào, vượt hào, rồi lại tiến hành cường tập. Tính trung bình, sự chống cự với một cuộc vây đánh như vậy nhằm vào cứ điểm hình lục lăng kiểu pháo đài được xây dựng theo phương pháp thứ nhất của Vô-băng, có thể duy trì 19 đến 22 ngày, nếu không có cu-pua, và 27 đến 28 ngày nếu có cu-pua. Cứ điểm được xây dựng theo phương pháp của Coóc-môn-tanh có thể đứng vững một cách tương ứng là 25 hoặc 35 đến 37 ngày.

III. XÂY CÔNG SỰ DÃ CHIẾN

Việc làm công sự dã chiến đã có lịch sử cũng lâu đời như sự tồn tại của quân đội. Các quân đội cổ đại nắm vững nghệ thuật ấy thậm chí ở một trình độ cao hơn nhiều so với các quân đội hiện đại. Các lê-gi-ông La Mã đóng gần địch thì đêm nào cũng đào công sự cho doanh trại mình. Trong thế kỷ XVII và XVIII

1* – hào tiếp cận

chúng ta cũng thấy sử dụng rất rộng rãi công sự dã chiến, còn trong các cuộc chiến tranh của Phri-đrich Đại đế, thì lính gác của đội cảnh vệ thường làm những rê-đan loại nhỏ. Song ngay thời đó – mà ngày nay thì còn trên mức độ lớn hơn, – việc làm công sự dã chiến nhằm tăng cường một số trận địa được lựa chọn từ trước có tính đến những chuyển biến quan trọng có thể xảy ra trong thời gian chiến dịch. Dinh lũy của Phri-đrich Đại đế ở Bun-xen-vi-xơ, phòng tuyến của Oen-lin-tơn ở To-re-xơ Ve-đra-xơ, phòng tuyến Pháp ở Vây-xen-buốc và các công sự Áo ở vùng cửa ngõ Vê-rô-na năm 1848³¹², đều là như vậy. Trong tình hình đó, công sự dã chiến có thể có ảnh hưởng lớn đến kết cục của chiến dịch, cho phép một quân đội yếu hơn có thể chống cự thành công với một kẻ địch có ưu thế hơn nó. Ban đầu phòng tuyến có tính chất liên tục, như trong dinh lũy lâu bền của Vô-băng. Nhưng do khuyết điểm của phòng tuyến này, thể hiện ở chỗ là khi nó bị đột phá và địch chiếm được một điểm thì toàn bộ phòng tuyến trở thành vô dụng, cho nên hiện nay ở nơi nào các dinh lũy cũng gồm một hoặc nhiều tuyến lô-cốt độc lập chi viện nhau bằng hỏa lực bên sườn và tạo khả năng cho quân mình, thông qua các khoảng cách, lao vào địch ngay khi hỏa lực của lô-cốt làm yếu cuộc công kích của bên tấn công. Đó là cách sử dụng chủ yếu đối với các công sự dã chiến; nhưng chúng cũng được sử dụng từng cái một như là công sự đầu cầu để bảo vệ lối vào cầu hoặc như là vật chướng ngại để bịt những lối đi quan trọng đối với các đơn vị nhỏ của địch. Nếu loại trừ tất cả những công sự có hình thù kỳ quặc hơn mà hiện nay đã lỗi thời, thì công sự dã chiến gồm có công sự với góc-giờ hở và công sự với góc-giờ kín. Loại thứ nhất là rê-đan (hai tường chắn tạo thành góc chĩa về phía địch, phía trước có hào), hoặc là lu-nét (rê-đan có sườn ngắn). Góc-giờ của các lu-nét có thể được che chắn bằng hàng rào. Công sự dã chiến kín chủ yếu, hiện đang được sử dụng, là lô-cốt hình bốn cạnh, là công sự hình tứ giác đều hoặc không đều xung quanh có hào và tường chắn. Tường chắn cũng cao như công sự vĩnh cửu (7 - 8 phút), nhưng không

dây bằng, vì nó chỉ phải chống đỡ hỏa lực của pháo dã chiến. Vì tất cả những công sự ấy bản thân chúng không có hỏa lực bên sườn, nên chúng phải được bố trí sao cho yểm hộ được nhau ở bên sườn bằng hỏa lực súng trường. Để làm cho hỏa lực bên sườn có hiệu quả và tăng cường toàn phòng tuyến, hiện nay người ta sử dụng phổ biến nhất sơ đồ theo đó dinh lũy được hình thành bởi tuyến lô-cốt hình tứ giác yểm hộ bên sườn cho nhau, cũng như bởi tuyến rê-đan giản đơn được bố trí ở phía trước các khoảng trống giữa các lô-cốt. Dinh lũy đó đã được xây dựng ở Cô-moóc-nơ trên bờ nam sông Đa-nuýp vào năm 1849; người Hung-ga-ri đã phòng thủ nó trong hai ngày chống lại một quân đội có ưu thế hơn nhiều về quân số³¹³.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Năm -
khoảng ngày 9 tháng Sáu 1859
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t.VII, 1860*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH. ĂNG-GHEN

BỘ BINH

Bộ binh – các binh sĩ đi bộ của quân đội. Trừ các bộ lạc du mục, ở tất cả các dân tộc, khối lượng chủ yếu của quân đội – nếu không phải là toàn quân đội – bao giờ cũng gồm những binh sĩ đi bộ. Như, ngay trong những quân đội châu Á đầu tiên – quân đội của người At-xi-ri, Ba-bi-lon và Ba Tư – bộ binh tạo thành, chí ít là về số lượng, bộ phận chủ yếu của quân đội. Toàn bộ quân đội của người Hy Lạp ban đầu do bộ binh hợp thành. Những tài liệu nghèo nàn về thành phần, tổ chức và chiến thuật của bộ binh các quân đội châu Á Cổ đại mà chúng ta có được, đã được trình bày trong mục "*Quân đội*"^{1*}; ở đó bạn đọc có thể thấy được nhiều chi tiết mà ở đây không cần nhắc lại. Trong bài này chúng tôi chỉ bổ hợp ở chỗ mô tả những đặc điểm quan trọng nhất của chiến thuật của binh chủng này trong suốt lịch sử của nó; do đó chúng tôi bắt đầu ngay từ bộ binh Hy Lạp.

I. BỘ BINH HY LẠP

Những người sáng lập ra chiến thuật Hy Lạp là người Đô-ri-en³¹⁴, những người Xpác-tơ đồng dãi của người Đô-ri-en đã nâng đội hình

^{1*} Xem tập này, tr. 11-16.

chiến đấu của người Đô-ri-en Cỗ đại lên trình độ hoàn thiện ban đầu, tất cả các giai cấp hợp thành xã hội Đô-ri-en – không những những công dân có đầy đủ quyền hạn hợp thành giới quý tộc, mà cả những người Pê-ri-ê-cô³¹⁵ phụ thuộc, thậm chí các nô lệ – đều phải làm nghĩa vụ quân sự. Tất cả họ đều tham gia vào cùng một pha-lan-ga, nhưng mỗi giai cấp chiếm một vị trí riêng. Những công dân có đầy đủ quyền hạn được trang bị nặng, có vũ khí hộ thân là mũ trụ, giáp trụ, tấm che đùi bằng đồng, chiếc mộc gỗ lớn bọc da đủ cao để che cho cả người, cũng như có giáo và kiếm. Tuy theo số lượng, họ được biên chế thành hàng thứ nhất hoặc hai hàng đầu của pha-lan-ga. Đứng phía sau họ là những công dân phụ thuộc và nô lệ, nên mỗi quý tộc Xpác-tơ đều có đằng sau mình những tôi tớ của họ; những người này không mang những vũ khí hộ thân quý giá và họ dựa vào sự yểm hộ của những hàng phía trước họ cũng như dựa vào chiếc mộc của mình: vũ khí tấn công của họ là máy bắn đá, lao, dao, dao găm và chùy. Như vậy, pha-lan-ga của người Đô-ri-en là đội hình ngang có chiều sâu; hô-pli-ta, hay là bộ binh trang bị nặng, được bố trí ở những hàng trước, còn gim-nê-ta, hay là bộ binh trang bị nhẹ, được bố trí ở những hàng phía sau. Tấn công bằng ngọn giáo của mình, các hô-pli-ta phải đánh bại địch; khi ở vào giữa đội hình quân địch, họ phải tuốt đoản kiếm ra và mở đường tiến lên, trong cuộc đánh giáp lá cà, trong khi đó các gim-nê-ta mà từ trước đã chuẩn bị cuộc tấn công bằng việc ném đá và phóng lao qua đầu các hàng phía trước thì bây giờ lại góp sức vào cuộc tấn công của các hô-pli-ta, thanh toán đám thương binh và binh sĩ địch còn chống cự. Do đó, chiến thuật của binh chủng này rất giản đơn; ở đây hầu như không có sự cơ động chiến thuật nào cả; sự dũng cảm, sự kiên cường, thể lực, sự lanh lẹ và tài nghệ của binh sĩ, nhất là của các hô-pli-ta, có tính chất quyết định.

Sự liên hợp có tính chất gia trưởng ấy của tất cả các giai cấp trong dân cư vào cùng một pha-lan-ga đã nhanh chóng tiêu tan chẳng bao lâu sau các cuộc chiến tranh Ba Tư³¹⁶, chủ yếu do

những nguyên nhân chính trị; kết quả là pha-lan-ga bây giờ chỉ gồm hoàn toàn hô-pli-ta, còn bộ binh nhẹ – ở nơi nào nó còn tiếp tục tồn tại hoặc ở nơi nào thành lập các hình thức mới của nó – thì chiến đấu đơn độc trong đội hình tản khai. Ở Xpác-tơ, các công dân Xpác-tơ, cùng với các Pê-ri-ê-cô, biên chế thành pha-lan-ga trang bị nặng, còn các i-lô-ta³¹⁷ theo sau họ với đoàn vận tải hoặc với tính cách lính mang mộc (hi-pa-xpi-xtơ). Trong một thời gian pha-lan-ga ấy thoả mãn mọi yêu cầu của chiến đấu; nhưng chẳng bao lâu sau, trong cuộc Chiến tranh Pê-lô-pôn-nét³¹⁸ việc người A-ten có lính mở đường đã buộc người Xpác-tơ phải thành lập loại lính này trong quân đội của mình. Song, họ không thành lập những đơn vị gim-nê-ta độc lập, mà tách những binh sĩ trẻ hơn trong quân đội ra làm nhiệm vụ lính mở đường. Vào cuối cuộc chiến tranh này, khi số lượng các công dân có đầy đủ quyền hạn, thậm chí số lượng các Pê-ri-ê-cô, đã giảm sút nhiều, thì người Xpác-tơ buộc phải thành lập những pha-lan-ga gồm các nô lệ trang bị nặng, do các công dân chỉ huy. Loại bỏ ra khỏi pha-lan-ga những gim-nê-ta được tuyển mộ trong số các công dân nghèo, nô bộc và nô lệ, người A-ten thành lập những đơn vị bộ binh nhẹ chuyên môn gồm các gim-nê-ta hoặc pxin; những đội quân này làm nhiệm vụ của đội mở đường và được trang bị hoàn toàn để tiến hành chiến đấu từ xa; đó là lính ném đá (sphendonetae), lính bắn cung (toxotae) và lính phóng lao (akontistae); loại cuối này cũng được gọi là pen-ta-xta theo tên gọi của chiếc mộc nhỏ (pelta) mà chỉ riêng họ mới mang. Loại bộ binh nhẹ mới này ban đầu được tuyển mộ trong số công dân A-ten không có tài sản, chẳng bao lâu sau được biên chế hầu như gồm toàn lính đánh thuê và quân lính của các đồng minh của A-ten. Từ khi sử dụng lính mở đường ấy, pha-lan-ga vụng về của Đô-ri-en lại càng tỏ ra không có khả năng tác chiến nếu không có sự giúp đỡ của bên ngoài. Đồng thời chất lượng của những người mà nó tuyển mộ thì luôn luôn ngày một xấu đi: ở Xpác-tơ thì do sự sa sút dần của quý tộc có đầu óc thượng võ, ở các thành phố khác thì do ảnh hưởng của thương nghiệp và sự

giàu có làm giảm sút dần tinh thần trước kia coi thường cái chết. Như vậy pha-lan-ga gồm những dân quân không anh dũng lắm và đã mất đi phần lớn tác dụng của nó. Nó hợp thành những hàng phía sau, thành đội dự bị trong đội hình chiến đấu, các đội lính mở đường chiến đấu ở phía trước nó và khi bị địch đánh lui thì lùi về phía sau nó; nhưng người ta khó bề trông đợi rằng bản thân nó sẽ có lúc nào đó đánh giáp lá cà với địch. Nơi nào mà pha-lan-ga gồm các lính đánh thuê thì nó cũng không tốt hơn bao nhiêu. Tính không linh hoạt của nó khiến nó không thích hợp với cơ động, đặc biệt là trên một địa hình đồi chút mấp mô, và chỉ có thể sử dụng nó vào sự chống cự thụ động. Điều đó dẫn tới hai cố gắng cải cách mà I-phi-crát, thủ lĩnh của lính đánh thuê, đã tiến hành. Vị chỉ huy lính đánh thuê Hy Lạp đó đã thay giáo cũ ngắn của hô-phi-ta (có chiều dài từ 8 đến 10 phút) bằng giáo dài hơn nhiều, nhờ vậy trong các hàng dày đặc, giáo của hàng thứ ba và thứ tư chĩa ra phía trước đến mức có thể tác chiến với địch; như vậy sức mạnh phòng thủ của pha-lan-ga được tăng cường rất nhiều. Mặt khác, để tạo ra một lực lượng có thể quyết định kết cục của trận đánh bằng cuộc tấn công ngắn nhưng mãnh liệt, ông trang bị cho các pen-ta-xta của mình những vũ khí hộ thân nhẹ và kiếm tốt và huấn luyện cho nó sự thay đổi đội hình của pha-lan-ga. Sau khi được lệnh tấn công, họ vận động với tốc độ mà pha-lan-ga của hô-phi-ta không đạt được, đến cự ly 10 hoặc 20 i-ác-dơ thì họ nhất loạt phóng lao và cầm kiếm xông vào hàng ngũ địch. Vậy là pha-lan-ga giản đơn của người Đô-ri-en Cổ đại nhường chỗ cho đội hình chiến đấu phức tạp hơn nhiều; hoạt động của vị thống soái trở thành điều kiện quan trọng của chiến thắng; khả năng cơ động chiến thuật đã xuất hiện. Ê-pa-mi-nông là người đầu tiên phát minh ra nguyên tắc chiến thuật vĩ đại mà cho tới ngày nay vẫn quyết định kết cục của hầu hết tất cả các trận đánh có ý nghĩa quyết định: không rải đều quân lính trên chính diện để tập trung lực lượng cho đòn chủ yếu ở đoạn có tính chất quyết định. Trước ông, người Hy Lạp tác chiến trong đội hình chiến đấu

song song, quân sĩ ở tuyến trước triển khai đồng đều trên suốt chính diện, nếu một đạo quân nào đó vượt quân địch về số lượng thì nó tạo lập thành đội hình chiến đấu sâu hơn, hoặc vu hồi hai sườn quân đội địch. Ê-pa-ni-nông làm ngược lại, chỉ định một cánh quân của mình tấn công, còn cánh quân kia thì phòng ngự; cánh quân công kích gồm những binh sĩ tinh nhuệ, trong đó có chủ lực của hô-phi-ta được bố trí thành đội hình dọc sâu, sau đó là bộ binh nhẹ và kỵ binh. Cánh kia đương nhiên yếu hơn nhiều, ông cho lùi về phía sau, trong khi cánh tấn công chọc thủng hàng ngũ địch, sau đó đội hình dọc triển khai hoặc quay thành đội hình ngang và đánh bại địch với sự giúp sức của bộ binh nhẹ và kỵ binh.

Những cuộc cải cách do I-phi-crát và Ê-pa-mi-nông tiến hành, đã được phát triển thêm khi Ma-xê-doan lãnh đạo chủng tộc Hy Lạp và dẫn đầu nó chống lại Ba Tư. Giáo dài của hô-phi-ta được kéo dài thêm nữa thành giáo Ma-xê-doan. Lính pen-ta-xta của I-phi-crát lại xuất hiện dưới hình thức hoàn thiện hơn thành lính hi-pa-xpi-xta của A-lếch-xan-đơ Ma-xê-doan. Sau hết, tổ chức quân đội mà Ê-pa-mi-nông sử dụng trong đội hình chiến đấu của mình, đã được A-lếch-xan-đơ nâng lên tới trình độ hợp đồng các binh chủng mà Hy Lạp, với số kỵ binh ít ỏi của mình, chưa bao giờ đạt tới. Bộ binh của A-lếch-xan-đơ gồm có các pha-lan-ga với các lính hô-phi-ta – lực lượng phòng ngự trong đội hình chiến đấu, – gồm có bộ binh nhẹ chiến đấu trong đội hình tản khai, đánh nhau với địch trên toàn chính diện cũng như góp phần vào việc mở rộng chiến quả, và gồm các lính hi-pa-xpi-xta mà các vệ sĩ của ông cũng thuộc vào đó; lính hi-pa-xpi-xta có vũ khí nhẹ nhưng vẫn có thể tiến hành những sự vận động chính qui trong đội hình của pha-lan-ga và là một loại hình bộ binh quá độ, ít nhiều có năng lực tác chiến trong đội hình dày đặc cũng như trong đội hình tản khai. Nhưng Hy Lạp, cũng như Ma-xê-doan đều không xây dựng được bộ binh linh hoạt có thể tin cậy được khi xung đột với pha-lan-ga vững chắc. Muốn thế, A-lếch-xan-đơ sử dụng kỵ binh

của mình. Cách tấn công gồm có chủ lực của kỵ binh nặng của ông được tuyển mộ trong giới quý tộc Ma-xê-đoan; lính hi-pa-xpi-xta tác chiến hợp đồng với kỵ binh; họ đi theo sau đội kỵ binh tấn công và lao vào đột phá khẩu mà kỵ binh đã mở, củng cố thắng lợi đã đạt được và bám chắc lấy trận địa địch. Sau khi chinh phục khu vực trung tâm của Đế quốc Ba Tư, A-lếch-xan-đơ đã sử dụng các lính hô-phi-ta chủ yếu là để làm nhiệm vụ đóng giữ các thành phố đã chinh phục được. Chẳng bao lâu sau hô-phi-ta hoàn toàn biến khỏi quân đội, đạo quân này nhờ các cuộc viễn chinh tảo bạo và thần tốc đã chinh phục được các bộ lạc châu Á cho đến tận khu vực sông Ấn và Giắc-xác-tơ, quân đội ấy gồm chủ yếu là kỵ binh, hi-pa-xpi-xta và bộ binh nhẹ; pha-lan-ga không thể tham gia những cuộc viễn chinh ấy và trở thành thừa cũng do đặc điểm của kẻ địch cần chinh phục. Dưới thời những nhân vật nối ngôi A-lếch-xan-đơ, bộ binh của ông, cũng như kỵ binh của ông và cả chiến thuật của ông đều nhanh chóng rơi vào tình trạng hoàn toàn suy tàn. Hai cánh của đội hình chiến đấu gồm toàn kỵ binh, còn ở giữa là bộ binh, nhưng bộ binh ít đáng tin cậy đến nỗi phải dùng voi để yểm hộ nó. Ở châu Á, những yếu tố châu Á nhanh chóng trở thành hoàn toàn thống trị, và điều đó làm cho quân đội của vương triều Xê-lép-kin-đơ hầu như hoàn toàn vô dụng. Ở châu Âu, bộ binh Ma-xê-đoan và Hy Lạp lại có sự ổn định nào đó, nhưng cùng với nó người ta đã trở lại với ưu thế hoàn toàn của chiến thuật pha-lan-ga. Tác dụng trước đây của bộ binh nhẹ và của kỵ binh không được khôi phục, mặc dầu nhiều công sức và tài nghệ đã được bỏ vào những ý đồ uống công muốn đem lại cho pha-lan-ga tính linh hoạt mà do bản chất của nó không bao giờ đạt được cho tới khi lê-gi-ông La Mã, rút cục, đã chấm dứt toàn bộ hệ thống đó.

Tổ chức chiến thuật và sự cơ động của pha-lan-ga khá đơn giản. Đội hình có 16 người ở chính diện và thường có 16 người ở chiều sâu (dưới thời A-lếch-xan-đơ) là một hình vuông hoàn chỉnh, và

cái gọi là khối xin-tắc-ma ấy là đơn vị thay đổi đội hình; 16 xin-tắc-ma, hay là 156 hàng, hợp thành một pha-lan-gác có 4 096 người; 4 pha-lan-gác hợp thành một pha-lan-ga hoàn chỉnh. Pha-lan-gác trong đội hình chiến đấu là đội hình có chiều sâu 16 hàng; nó đổi thành đội hình hành quân bằng sự quay sang phải hoặc sang trái của các xin-tắc-ma và trong bất kể trường hợp nào nó cũng đều tạo thành đội hình dày đặc có 16 người ở chính diện. Khi pha-lan-gác được sắp xếp thành đội hình ngang thì chiều sâu của nó có thể tăng lên, còn chính diện của nó nhỏ đi do số người ở mỗi hàng tăng gấp đôi, đồng thời các hàng có số chẵn đứng sau các hàng có số lẻ; sự thay đổi đội hình ngược lại thì được tiến hành bằng cách tăng gấp đôi số hàng, nên chiều sâu của đội hình giảm từ 16 xuống còn 8 người. Cuộc hành quân ngược trở lại của các hàng được sử dụng khi địch xuất hiện bất ngờ ở sau lưng pha-lan-ga; chính diện bị thay đổi do sự biến đổi đội hình ấy (mỗi hàng không còn ở vị trí trước đây của nó trong pha-lan-ga hoặc xin-tắc-ma), có khi được khôi phục bằng sự hành quân ngược trở lại của các hàng trong mỗi xin-tắc-ma. Nếu thêm vào đó tài nghệ sử dụng giáo thì chúng ta đã nói hết tất cả những yếu tố của cách huấn luyện quân sự cho lính hô-phi-ta Cổ đại. Lẽ đương nhiên bộ binh trang bị nhẹ, tuy không được sử dụng để tác chiến trong đội hình dày đặc, vẫn được huấn luyện về thay đổi đội hình trong pha-lan-ga.

II. BỘ BINH LA MÃ

Từ ngữ la-tinh legio ban đầu được dùng để gọi chung tất cả những người được cử ra làm nghĩa vụ quân sự, do đó là từ đồng nghĩa với quân đội. Sau đó khi qui mô lãnh thổ La Mã và lực lượng của kẻ thù của nước cộng hoà đòi hỏi phải thành lập những quân đội lớn hơn thì quân đội được chia ra thành mấy lê-gi-ông, mỗi lê-gi-ông này xét về số quân, bằng quân đội La Mã ban đầu. Cho tới thời Ma-ri-út, mỗi lê-gi-ông gồm cả bộ binh lẫn kỵ binh, mà số lượng kỵ binh bằng khoảng $\frac{1}{10}$ bộ binh. Ban đầu, bộ binh

trong lê-gi-ông La Mã, xem ra được tổ chức giống pha-lan-ga Đô-ri-en Cổ đại; nó chiến đấu trong đội hình ngang có chiều sâu, quý tộc và công dân giàu có mặc giáp trụ nặng, họ tạo thành những hàng phía trước, còn những binh dân nghèo và trang bị nhẹ thì ở phía sau họ. Nhưng vào khoảng thời kỳ nổ ra cuộc Chiến tranh Xam-nít³¹⁹ tổ chức của lê-gi-ông có những sự thay đổi nhanh chóng làm cho nó hoàn toàn khác với pha-lan-ga Hy Lạp. Pô-li-bi-út³²⁰ đã mô tả tỉ mỉ cho chúng ta thấy tổ chức đó đã phát triển đầy đủ vào thời kỳ Chiến tranh Pu-ni. Đối với mỗi cuộc chiến tranh người ta thường chiêu mộ 4 lê-gi-ông. Từ nay lê-gi-ông gồm có bốn loại bộ binh: vê-li-tơ, ha-xta-ti, prin-xi-pi, tri-a-rô-rom. Loại thứ nhất gồm tân binh là loại bộ binh nhẹ; tri-a-rô-rom gồm các cựu binh, nó là đội dự bị của quân đội; bộ phận còn lại của quân đội gồm hai loại bộ binh khác, chúng là lực lượng chiến đấu chủ yếu, hay là bộ binh nòng cốt của quân đội; prin-xi-pi được lựa chọn trong số những người có kinh nghiệm chiến đấu nhất sau tri-a-rô-rom, và họ khác với ha-xta-ti ở chỗ đó. Vê-li-tơ đội mũ da, cầm mộc tròn nhẹ làm vũ khí hộ thân, có kiếm và mấy cây lao nhẹ; ba loại bộ binh kia đều được trang bị mũ trụ đồng, giáp bằng da có bọc các tấm đồng và tấm che đùi bằng đồng. Ha-xta-ti và prin-xi-pi, ngoài đoản kiếm, còn có hai pi-lum, tức giáo ném – một chiếc nhẹ, một chiếc rất nặng; giáo ném nặng là vũ khí tấn công đặc thù của bộ binh La Mã. Giáo này được làm bằng thứ gỗ nặng rắn chắc, có mũi sắt dài, nặng ít ra 10 pao và kể cả mũi chỉ dài tới gần 7 phút. Nó chỉ có thể được ném ở cự ly rất ngắn, khoảng 8 - 12 i-ác-đơ; nhưng do trọng lượng, nó là vũ khí đáng sợ đối với trang bị hộ thân nhẹ đương thời. Tri-a-rô-rom, ngoài kiếm, còn được trang bị giáo thay cho pi-lum. Mỗi lê-gi-ông gồm có 1 200 ha-xta-ti được chia thành 10 ma-ni-pu-li, hay là đại đội, mỗi đại đội có 120 người, với một số lượng như thế, những lính prin-xi-pi cũng được phân chia theo cách này, 600 tri-a-rô-rom được chia thành 10 ma-ni-pu-li, mỗi ma-ni-pu-li có 60 người và

1 200 lính vê-li-tơ; nếu các vê-li-tơ không bị sử dụng vào mục đích khác thì họ được phối thuộc vào 30 ma-ni-pu-li trên, mỗi ma-ni-pu-li được phân 40 người, họ tạo thành các hàng phía sau. Lính ha-xta-ti tạo thành tuyến một, mỗi ma-ni-pu-li triển khai thành đội hình ngang, xem ra có chiều sâu là sáu hàng và cách các ma-ni-pu-li bên cạnh bằng một khoảng cách bằng chính diện của chúng. Vì mỗi người ở trong hàng cách nhau 6 phút, nên chính diện của ma-ni-pu-li bằng khoảng 120 phút, còn chiều rộng của chính diện của toàn lê-gi-ông lên tới 2 400 phút. Phía sau ha-xta-ti, ở tuyến hai, người ta bố trí 10 ma-ni-pu-li gồm các lính prin-xi-pi yểm hộ các khoảng cách giữa các ma-ni-pu-li ở tuyến một; phía sau của lính prin-xi-pi là lính tri-a-rô-rom; mỗi tuyến được bố trí các tuyến trước với một cự ly thích đáng. Vê-li-tơ chiến đấu trong đội hình tản khai ở trước chính diện và ở hai sườn. Bằng cách tăng gấp đôi số người của các hàng, bề rộng của chính diện của đội hình chiến đấu có thể giảm xuống còn một nửa quy mô ban đầu, tức là xuống còn 1 200 phút. Toàn bộ đội hình chiến đấu ấy là nhằm tấn công.

Lê-gi-ông La Mã, nhờ qui mô nhỏ của đơn vị chiến thuật, do đó mà có tính linh hoạt cao, có thể chiến đấu hầu như ở mọi địa hình, nó đã đứng ở một trình độ cao hơn rất nhiều so với pha-lan-ga Hy Lạp, đội hình cần phải có địa hình bằng phẳng và do tính không linh hoạt vốn có của nó mà trở thành đội hình chiến đấu chỉ thích hợp với phòng ngự. Khi lê-gi-ông tấn công thì ở cách địch 8 hoặc 12 i-ác-đơ các lính ha-xta-ti, mà chắc chắn là lúc đó dồn hai hàng thành một, phóng những chiếc pi-lum nặng của mình vào pha-lan-ga Hy Lạp có những chiếc giáo chưa đâm tới được người La Mã và bằng cách đó làm rối loạn đội hình dày đặc của binh sĩ trong pha-lan-ga, rồi cầm kiếm xông vào nó. Nếu một ma-ni-pu-li riêng biệt nào đó bị rối loạn thì hậu quả của việc đó không ảnh hưởng đến các ma-ni-pu-li bên cạnh; nếu trận đánh tiếp tục, không dẫn đến kết thúc được chóng vánh, thì các lính prin-xi-pi sẽ tiến vào các khoảng cách, phóng pi-lum và cầm kiếm

xông vào kẻ địch, do đó tạo khả năng cho lính ha-xta-ti thoát khỏi tình cảnh khó khăn và chỉnh đốn lại hàng ngũ ở phía sau các lính tri-a-rô-rom. Trường hợp cực kỳ cần thiết, tri-a-rô-rom mới tấn công để hoặc giành hân lấy thắng lợi, hoặc để bảo đảm cuộc rút lui hoàn toàn có trật tự. Vê-li-tơ cùng với kỵ binh làm nhiệm vụ cảnh giới, tác chiến với địch vào thời gian đầu trận đánh, hành động như lính mở đường và truy kích địch. Pi-lum nhẹ của lính ha-xta-ti và của lính prin-xi-pi xem ra được sử dụng chủ yếu trong phòng ngự để tạo ra sự rối loạn trong hàng ngũ của kẻ địch đang tấn công, cho đến khi chúng đến cự ly đủ gần để phóng pi-lum nặng. Cuộc tiến quân chính diện của lê-gi-ông bắt đầu từ bất kỳ cánh nào; ma-ni-pu-li thứ nhất của lính ha-xta-ti đi trước, theo sau là ma-ni-pu-li thứ nhất tương ứng của lính prin-xi-pi và tri-a-rô-rom, rồi đến ba ma-ni-pu-li thứ hai cũng theo thứ tự đó và cứ tiến như vậy; cuộc tiến quân bên sườn được tiến hành thành 3 đội hình, đồng thời mỗi loại trong ba loại bộ binh ấy tạo thành một khối; đội vận tải ở vào một nơi xa địch nhất. Nếu địch xuất hiện ở phía các lính tri-a-rô-rom đang tiến quân thì quân đội dừng lại và xoay chính diện về phía địch; lính prin-xi-pi và ha-xta-ti đi qua các khoảng cách của các ma-ni-pu-li của lính tri-a-rô-rom và chiếm lĩnh vị trí của mình.

Sau cuộc Chiến tranh Pu-ni lần thứ hai, khi những cuộc chiến tranh kéo dài và những vùng đất đai rộng lớn mà người La Mã chinh phục được, kết hợp với những biến đổi xã hội quan trọng ở La Mã và ở toàn bộ I-ta-li-a, làm cho chế độ nghĩa vụ quân sự toàn dân hầu như không thể thực hiện được, quân đội La Mã bắt đầu dần dần được tuyển mộ từ những người tình nguyện thuộc các giai cấp không có của, do đó nó biến thành một quân đội của lính nhà nghề thay cho dân quân mà trước đây bao gồm toàn thể công dân. Do đó, tính chất của quân đội hoàn toàn thay đổi; quân đội càng được bổ sung bằng những thành phần ngày một xấu đi, thì ngày càng cần có hình thức tổ chức mới. Ma-ri-út đã thực hiện hình thức tổ chức mới đó. Kỵ binh La Mã không còn tồn tại nữa. Đội kỵ binh ít ỏi còn giữ lại thì được bổ sung bằng lính đánh thuê

thuộc các dân tộc dã man hoặc bằng lính các nước đồng minh. Sự phân chia bộ binh ra thành bốn hạng không còn nữa. Vê-li-tơ được thay thế bằng lính các nước đồng minh hoặc bằng lính thuộc các dân tộc dã man, phần còn lại của lê-gi-ông thì gồm cùng một loại bộ binh nòng cốt được trang bị giống lính ha-xta-ta hoặc prin-xi-pi, nhưng không được trang bị bằng pi-lum nhẹ. Ma-ni-pu-li với tính cách đơn vị chiến thuật được thay thế bằng cô-hoóc gồm trung bình 360 người và ban đầu được hình thành bởi sự hợp nhất của 3 ma-ni-pu-li, như vậy bây giờ đây lê-gi-ông được chia thành 10 cô-hoóc thường được bố trí thành ba tuyến (tuyến một có 4 cô-hoóc, tuyến hai có 3 cô-hoóc và tuyến ba có 3 cô-hoóc). Cô-hoóc được bố trí thành đội hình có chiều sâu là 10 hàng ngang, mỗi hàng binh sĩ chiếm một diện tích là 3 - 4 phút, nên toàn bộ bề rộng chính diện của lê-gi-ông bị rút hẹp đi nhiều (nó chiếm khoảng 1 000 phút). Do đó, không những sự thay đổi đội hình chiến thuật đã được đơn giản đi, mà ảnh hưởng của người chỉ huy lê-gi-ông cũng tăng cường mạnh mẽ và trở thành trực tiếp hơn nhiều. Vũ khí và trang bị của mỗi binh sĩ nhẹ đi, nhưng mặt khác, binh sĩ phải mang đại bộ phận hành trang của mình trên chiếc giá gỗ do Ma-ri-út phát minh ra nhằm vào mục đích đó (muli Mariani^{1*}); do vậy impedimenta^{2*} của quân đội giảm đi rất nhiều. Mặt khác, việc hợp nhất ba ma-ni-pu-li thành một cô-hoóc không thể không làm giảm bớt sự tự do cơ động trên địa hình mấp mô; tình trạng không có pi-lum nhẹ làm giảm bớt sức phòng ngự của lê-gi-ông, còn hậu quả của việc thủ tiêu loại lính vê-li-tơ - không bao giờ loại lính này có thể được hoàn toàn thay thế bằng các lính bổ trợ người nước ngoài, bằng lính đánh thuê hoặc bằng các lính an-tê-xích-na-ni (những binh sĩ mà Xê-da rút ở lê-gi-ông ra để làm nhiệm vụ bộ binh nhẹ, nhưng không có vũ khí để đánh từ xa) –

1* – nghĩa đen: "con lừa của Ma-ri-út".

2* – đoàn hậu cần

dẫn đến tình trạng càng khó tác chiến liên tục và tránh những cuộc giáp chiến có tính chất quyết định. Hình thức chiến đấu duy nhất thích hợp đối với những lê-gi-ông ấy là công kích nhanh chóng và kiên quyết. Nhưng bộ binh La Mã vẫn còn gồm người La Mã hoặc chí ít gồm người I-ta-li-a và tuy đế quốc này suy tàn vào thời những người kế vị Xê-da, vẫn giữ được niềm vinh quang lâu đời của mình cho đến khi tính chất dân tộc của nó không còn duy trì được nữa. Nhưng một khi quốc tịch La Mã không còn là điều kiện nhất thiết phải có để tham gia lê-gi-ông, thì quân đội nhanh chóng mất đi tính ổn định của nó. Ngay dưới thời Tô-rai-an, những người thuộc các dân tộc dã man, một phần thuộc các tỉnh của La Mã, một phần thuộc các nước không bị chinh phục, đã tạo thành chủ lực của lê-gi-ông và từ đó đã mất đi những đặc trưng của bộ binh La Mã. Giáp trụ nặng nề bị vứt bỏ, giáo bị thay bằng pi-lum; lê-gi-ông được tổ chức thành cô-hoóc, thì nay lại biến thành pha-lan-ga không linh hoạt, và vì đặc trưng của bộ binh thời kỳ đó nói chung là ra sức đánh giáp lá cà với địch, nên cung và lao bấy giờ không những được sử dụng để tác chiến trong đội hình tản khai, mà cũng còn được đội bộ binh nòng cốt sử dụng trong đội hình dày đặc.

III. BỘ BINH THỜI TRUNG CỔ

Sự suy tàn mà bộ binh La Mã đã trải qua, vẫn tiếp diễn trong bộ binh Bi-dăng-xơ. Một thứ chế độ tuyển quân cưỡng bức vẫn còn được duy trì, nhưng nó chẳng đem lại gì hết ngoài những đơn vị vô dụng nhất trong quân đội. Bộ phận ưu tú nhất trong quân đội là đội lính bổ trợ gồm người thuộc các dân tộc dã man và lính đánh thuê, nhưng ngay bọn họ cũng có chất lượng không cao. Hệ thống quản lý theo cấp bậc trong quân đội đã được hoàn thiện và được nâng tới trình độ quan liêu hầu như lý tưởng, nhưng kết quả chính là cái mà hiện nay chúng ta thấy ở Nga – sự tồn tại của một tổ chức hoàn thiện dùng để lừa bịp và đánh cắp tài sản

quốc gia, với những quân đội chỉ tiêu những món tiền đồ sộ và một phần chỉ tồn tại trên giấy tờ. Những cuộc xung đột với kỵ binh phi chính qui phương Đông ngày càng hạ thấp tác dụng của bộ binh và làm cho chất lượng của nó ngày một giảm đi. Những lính bắn cung cưỡi ngựa trở thành một binh chủng được ưa thích; nếu không phải toàn bộ bộ binh thì đại bộ phận của nó được trang bị cung, chưa kể giáo và kiếm. Do vậy, hình thức chiến đấu ở cự ly xa trở thành điều thường thấy còn lối đánh giáp lá cà bị xem là điều đã lỗi thời. Giờ đây bộ binh bị xem như thứ đồ cũ bỏ đi và người ta cố tình giữ nó ở xa chiến trường, chủ yếu dùng nó vào nhiệm vụ đồn trú; trong phần lớn các trận đánh của Vê-li-da-ri, chỉ có kỵ binh tham gia, mỗi khi bộ binh tham gia chiến trận thì nó không tránh khỏi thua chạy. Chiến thuật của Vê-li-da-ri hoàn toàn dựa vào nguyên tắc: tránh đánh giáp lá cà và thắng địch bằng cách làm cho địch kiệt quệ. Nếu đối với người Gốt, người hoàn toàn không có vũ khí phóng, ông đã vận dụng thành công nguyên tắc ấy do lựa chọn địa hình mấp mô mà pha-lan-ga của người Gốt không thể hành động được, nhưng bản thân ông lại đã thua trận trước người Phrăng-cơ - bộ binh của họ tác chiến với lối đánh có phần giống với bộ binh La Mã Cổ đại, và trước người Ba Tư mà kỵ binh của họ không nghi ngờ gì nữa giỏi hơn kỵ binh của ông.

Lực lượng quân sự của người Giéc-manh chinh phục Đế quốc La Mã ban đầu chủ yếu gồm bộ binh và họ chiến đấu trong một thứ đội hình pha-lan-ga của người Đô-rin-en; thủ lĩnh và những người giàu hơn được bố trí ở những hàng trước, số còn lại ở sau họ. Vũ khí của họ là kiếm và giáo. Nhưng người Phrăng-cơ có rìu chiến hai lưỡi và ngắn mà họ phóng vào giữa đội hình địch, giống như pi-lum La Mã, trước khi họ cầm kiếm xung phong. Họ và người Dắc-den đã duy trì trong một thời gian đội bộ binh giỏi, gây được sự kính nể, nhưng dần dần, ở khắp mọi nơi, bản thân những người Tô-tông đi chinh phục lại phục vụ quân đội với tính cách binh sĩ kỵ binh, còn nghĩa vụ làm lính bộ binh được trao cho cư

dân các tỉnh La Mã đã bị khuất phục. Do vậy việc phục vụ trong bộ binh bị coi khinh và được xem là thuộc tính của nô lệ và nông nô, vì vậy chất lượng của bộ binh tất phải bị hạ thấp một cách tương ứng. Đến cuối thế kỷ X, ở khắp châu Âu, kỵ binh là binh chủng duy nhất thực sự quyết định kết cục của trận đánh; còn bộ binh trong mọi quân đội đều đông hơn kỵ binh rất nhiều, nhưng nó không phải là cái gì khác hơn là một đám người được trang bị tồi và hầu như không được người ta có ý định tổ chức ở mức cần thiết. Bộ binh thậm chí không được coi là binh sĩ; danh từ miles^{1*} trở thành từ đồng nghĩa với kỵ binh. Duy chỉ ở các thành phố, đặc biệt là ở I-ta-li-a và Phalan-đơ là có khả năng duy trì khối lượng bộ binh đông đảo. Họ có đội dân quân của mình, đương nhiên là lấy từ bộ binh; vì sự phục vụ của dân quân trong công cuộc phòng thủ thành phố, trong tình hình có sự phân tranh liên miên giữa các quý tộc ở các vùng ngoại thành, mang tính chất thường xuyên, cho nên chẳng bao lâu sau người ta thừa nhận rằng có lực lượng vũ trang gồm lính đánh thuê thay cho dân quân gồm thị dân thì thuận tiện hơn; dân quân được duy trì để sử dụng trong tình hình khẩn cấp. Tuy vậy, chúng ta cũng không thấy bộ binh thành phố có tính ưu việt rõ rệt nào so với đám bộ binh do quý tộc tuyển mộ, và khi xảy ra trận đánh bao giờ cũng được để lại để canh giữ đoàn hậu cần. Tình hình là như vậy, ít ra là trong thời kỳ cổ điển của tầng lớp hiệp sĩ. Trong kỵ binh đương thời, mỗi hiệp sĩ đều vũ trang cap-à-pied^{2*}, toàn thân mặc giáp trụ, anh ta cưỡi con ngựa cũng được che kín bằng giáp trụ. Hiệp sĩ có lính hầu với trang bị nhẹ hơn nhiều, và nhiều kỵ binh khác không mang giáp trụ nhưng được trang bị cung đi theo. Trong đội hình chiến đấu, những lực lượng ấy được bố trí theo nguyên tắc giống nguyên tắc bố trí đội hình của pha-lan-ga Đô-ri-en Cổ đại – các

1* – lính

2* – từ đầu đến chân

hiệp sĩ trang bị nặng ở hàng đầu, lính hầu mang trang bị ở hàng thứ hai, những lính đeo cung cưỡi ngựa ở phía sau họ. Do tính chất của vũ khí của họ, những lính mang cung cưỡi ngựa chẳng bao lâu sau được sử dụng để chiến đấu trong đội hình đi bộ, và điều đó ngày càng trở thành qui tắc của họ, thành thủ ngựa của họ được sử dụng chủ yếu là để cưỡi khi di chuyển, chứ không phải để tấn công. Những lính bắn cung Anh được vũ trang bằng cung lớn – trong khi đó ở Nam Âu sử dụng nỏ - đặc biệt nổi bật về phương pháp chiến đấu trong đội hình đi bộ, và rất có khả năng là chính tình hình đó đã nhanh chóng dẫn đến hiện tượng là binh chủng này đã sử dụng rộng rãi hình thức chiến đấu trong đội hình đi bộ. Sau những chiến dịch dài ở Pháp, ngựa của các kỵ sĩ trang bị nặng, không nghỉ ngơi gì nữa, bị kiệt sức nhanh chóng và chỉ còn thích hợp để làm phương tiện vận tải. Điều hoàn toàn tự nhiên là trong tình hình bi đát ấy các gendarmes^{1*} với những con người tồi nhất buộc phải xuống ngựa đi bộ và tạo thành pha-lan-gác gồm những lính cầm giáo và được bổ sung bằng bộ phận ưu tú nhất của bộ binh (nhất là bằng bộ binh người Van-li-xơ); đồng thời người nào còn ngựa thích hợp với tấn công thì giờ đây tạo thành đội kỵ binh thực sự có sức chiến đấu. Đội hình ấy tỏ ra rất thích hợp với chiến đấu phòng ngự; tất cả các trận hội chiến của hoàng thân Đen^{2*} đều dựa vào việc sử dụng đội hình đó và, như mọi người đều biết, đã kết thúc hoàn toàn thắng lợi. Phương pháp chiến đấu mới chẳng bao lâu sau được người Pháp và các dân tộc khác sử dụng và nó có thể được coi là một hệ thống hầu như thông dụng đối với thế kỷ XIV và XV. Như vậy là sau 1 700 năm chúng ta hầu như trở lại với chiến thuật của A-lếch-xan-đơ, chỉ có sự khác nhau là: kỵ binh của A-lếch-xan-đơ là một binh chủng mới, nó phải tăng cường sức chiến đấu của bộ

1* – kỵ sĩ mặc giáp sắt, binh sĩ cưỡi ngựa

2* – Ê-đu-ác-đơ, hoàng thân xứ Oen-xơ

binh nặng đang suy tàn, còn giờ đây bộ binh nặng, do kỵ binh xuống ngựa hợp thành, là bằng chứng sinh động nói lên rằng kỵ binh rơi vào tình trạng suy đồi và đối với bộ binh thì một binh mình mới đã bắt đầu.

IV. SỰ PHỤC HƯNG CỦA BỘ BINH

Ở các thành phố của Phla-măng – bấy giờ là vùng công nghiệp chính trên thế giới – và ở miền núi Thụy Sĩ lần đầu tiên xuất hiện những đội quân lại xứng đáng được gọi là bộ binh sau mấy trăm năm suy đồi của nó. Các hiệp sĩ Pháp không chống nổi những thợ dệt vải và thợ làm da, thợ kim hoàn và thợ da của các thành phố Bỉ, còn giới quý tộc Buốc-gun-di và Áo thì không chống nổi nông dân và dân du mục Thụy Sĩ. Cái có vai trò chính ở đây là những trận địa phòng ngự tốt và vũ khí nhẹ, lại được người Phla-măng tăng cường bằng nhiều súng và được người Thụy Sĩ tăng cường bằng địa hình hầu như không thể nào vượt được đối với các kỵ sĩ trang bị nặng đương thời. Người Thụy Sĩ được trang bị chủ yếu bằng kích ngắn có thể đâm và chém tốt như nhau và cũng không quá dài đối với đánh giáp lá cà; về sau họ cũng có giáo, nỏ và súng, nhưng trong một trong những trận nổi tiếng nhất của họ, trận Lau-pen (1339)³²¹, họ không có thứ vũ khí đánh xa nào khác ngoài đá. Từ những trận chiến đấu phòng ngự nhỏ ở miền núi hiểm trở, họ nhanh chóng chuyển sang chiến đấu tấn công ở đồng bằng, đồng thời chuyển sang chiến thuật chính qui hơn. Họ chiến đấu với đội hình pha-lan-ga có chiều sâu; vũ khí hộ thân của họ nhẹ, và, thông thường, chỉ có ở binh sĩ hàng đầu và ở các hàng bên sườn, còn ở giữa là binh sĩ không có giáp trụ; tuy vậy pha-lan-ga Thụy Sĩ bao giờ cũng gồm ba bộ phận khác nhau – tiền vệ, chủ lực và hậu vệ, điều đó bảo đảm cho pha-lan-ga có tính cơ động lớn hơn và có khả năng dàn thành các đội hình chiến đấu đa dạng. Người Thụy Sĩ chẳng bao lâu sau đã trở thành những người thông thạo trong việc lợi dụng các gập nếp địa hình,

nên với việc cải tiến súng họ chống lại được các cuộc tập kích của kỵ binh; chống lại bộ binh được trang bị giáo dài, họ đã phát minh ra nhiều phương pháp mở đường giữa rừng giáo, sau đó kích ngắn và nặng của họ tạo cho họ ưu thế lớn ngay trong cuộc chiến đấu với các binh sĩ mặc giáp sắt. Họ rất nhanh chóng học được cách bố trí thành đội hình vuông hoặc chữ thập để đẩy lùi cuộc tấn công của kỵ binh, đặc biệt là khi có sự hiệp đồng của pháo binh và súng cầm tay, cho nên khi bộ binh lại có thể làm được điều đó thì những ngày tồn tại của hiệp sĩ đã chấm dứt.

Khoảng giữa thế kỷ XV, cuộc đấu tranh của các thành thị chống lại giới quý tộc phong kiến đã được sự hưởng ứng ở mọi nơi của các vua chúa các nước quân chủ lớn hơn bấy giờ đã cố kết với nhau, kết quả là các nước quân chủ này thành lập quân đội gồm lính đánh thuê để đàn áp những quý tộc ấy, cũng như để thi hành chính sách đối ngoại độc lập. Ngoài người Thụy Sĩ ra, người Đức, và chẳng bao lâu sau họ, phần lớn các nước châu Âu đều cung cấp đông đảo lính đánh thuê được tuyển mộ bằng cách đăng ký tình nguyện và phục vụ bất kỳ ai – dù họ thuộc dân tộc nào – nếu người đó trả giá cao nhất. Trong biên chế đội hình những đội quân ấy sử dụng cũng những nguyên tắc chiến thuật như ở người Thụy Sĩ; họ được vũ trang chủ yếu bằng giáo và chiến đấu trong đội hình vuông lớn của tiểu đoàn, với số người như nhau ở hàng ngang cũng như ở hàng dọc. Nhưng họ buộc phải chiến đấu trong những điều kiện khác với người Thụy Sĩ phòng thủ miền núi của mình; họ không những phải giữ vững trận địa phòng ngự, mà còn phải tấn công, chiến đấu với địch không những ở địa hình đồi núi mà còn ở đồng bằng I-ta-li-a và Pháp. Chẳng bao lâu sau họ đứng trước một sự thật là quá trình cải tiến nhanh chóng của súng cầm tay diễn ra vào thời kỳ đó. Tình hình đó gây ra một số sự xa rời chiến thuật Thụy Sĩ cũ; những sự xa rời ấy khác nhau ở các dân tộc khác nhau; nhưng đặc trưng cơ bản của chúng vẫn giống nhau ở tất cả các dân tộc – đội hình thành ba khối dọc có chiều sâu, với tên gọi: tiền vệ, chủ lực và hậu vệ hoặc đội dự bị, tuy trên

thực tế không phải bao giờ cũng vậy. Người Thụy Sĩ giữ được ưu thế của mình cho đến trận Pa-vi-a, sau đó lính đánh thuê Đức – trước đó một thời gian đã tỏ ra nếu không hoàn toàn bằng thì cũng xấp xỉ bằng Thụy Sĩ – được coi là bộ binh hạng nhất châu Âu. Người Pháp, mà bộ binh của họ cho tới lúc đó chưa bao giờ tạo thành một cái gì ra trò, trong thời kỳ này đã rất kiên trì mưu toan thành lập bộ binh dân tộc có sức chiến đấu, nhưng họ chỉ làm được điều đó với người bản địa của hai tỉnh Pi-các-di và Ga-xcô-nhơ. Bộ binh I-ta-li-a thời kỳ này chưa bao giờ được người ta tính đến. Còn người Tây Ban Nha – trong hàng ngũ họ có Gôn-xa-lô-dơ Coóc-dô-va vào thời kỳ chiến tranh với người Mô-rô ở Gra-na-đa³²², là người đầu tiên đã sử dụng chiến thuật Thụy Sĩ và vũ khí Thụy Sĩ - đã đạt được rất nhanh tiếng tăm lớn và từ giữa thế kỷ XVI được coi là bộ binh ưu tú nhất châu Âu. Trong khi người I-ta-li-a, và theo sau họ là người Pháp và người Đức, đã đưa chiều dài của chiếc giáo của họ từ 10 lên 18 phút, thì người Tây Ban Nha vẫn giữ lại chiếc giáo ngắn hơn, tiện lợi hơn của mình, và sự khéo léo của họ làm cho những chiếc giáo ấy trở thành địch thủ đáng sợ trong cuộc đánh giáp lá cà bằng kiếm và dao găm. Tiếng tăm ấy, họ giữ được ở Tây Âu – chỉ ít là ở Pháp, I-ta-li-a và Hà Lan – cho đến cuối thế kỷ XVII.

Thái độ coi thường của người Thụy Sĩ đối với vũ khí hộ thân, một thái độ dựa trên truyền thống của thời đại khác đã không được những tay giáo của thế kỷ XVI tán thành. Khi người ta vừa thành lập bộ binh kiểu châu Âu, mà chất lượng của nó ở các quân đội đều ít nhiều giống nhau, thì hệ thống bố trí xung quanh pha-lan-ga một số ít binh sĩ có giáp ngực và mũ trụ hộ thân, đã tỏ ra không đủ nữa. Nếu trước đây người Thụy Sĩ cho rằng pha-lan-ga loại đó là không phá vỡ được, thì nó không còn như thế nữa kể từ khi nó gặp phải pha-lan-ga khác hoàn toàn ngang bằng nó. Trường hợp này, một bộ vũ khí hộ thân sẽ có một ý nghĩa nhất định; nếu nó không quá trở ngại cho tính cơ động của

quân đội thì nó tạo ưu thế có tính chất quyết định. Ngoài ra, người Tây Ban Nha chưa bao giờ tán thành thái độ coi thường đó đối với giáp ngực, và họ coi trọng nó. Như vậy, giáp ngực, mũ trụ, giáp che cánh tay và đùi, giáp che bàn tay lại trở thành một bộ phận của trang bị thường dùng của mỗi lính cầm giáo. Thêm vào đó là thanh kiếm ngắn hơn ở người Đức và dài hơn ở người Thụy Sĩ, và có khi cả chiếc dao găm nữa.

V. BỘ BINH THẾ KỶ XVI VÀ XVII

Cách thời kỳ này không lâu, chiếc cung lớn đã biến khỏi lục địa châu Âu, trừ Thổ Nhĩ Kỳ; chiếc nỏ được người Ga-xcô-nhơ ở Pháp sử dụng lần cuối cùng vào 1/4 đầu của thế kỷ XVI. Ở khắp mọi nơi được thay bằng súng Mu-skê có cơ bắ và ngòi nổ, và khẩu Mu-skê này – dù hoàn thiện, hay nói đúng hơn; không hoàn thiện, ở mức độ khác nhau – từ nay trở thành loại vũ khí thứ hai của bộ binh. Loại súng Mu-skê có ngòi nổ của thế kỷ XVII – một thứ máy móc vụng về có cấu tạo không hoàn thiện – thuộc cỡ quá lớn để có thể bảo đảm, ngoài tầm xa, một độ chuẩn xác tối thiểu nào đó của đường đạn bắn ra và sức xuyên thủng giáp ngực của những lính cầm giáo. Loại súng sử dụng phổ biến vào khoảng năm 1530 là súng Mu-skê nặng khi bắn có giá đỡ vì không có giá đỡ thì không ngắm bắn được. Lính Mu-skê đeo kiếm, nhưng không có vũ khí hộ thân, và họ được sử dụng để bắn nhau trong đội hình tản khai, hoặc trong đội hình tản rộng đặc biệt để giữ trận địa phòng ngự, hoặc để chuẩn bị cho cuộc tấn công của những lính cầm giáo ở trận địa đó. Họ nhanh chóng trở thành rất đông trong tỉ lệ so sánh với những lính cầm giáo; trong các trận đánh của Phrăng-xoa I ở I-ta-li-a họ còn thua xa lính cầm giáo về mặt số lượng, nhưng 30 năm sau họ ít ra cũng ngang bằng lính cầm giáo. Sự tăng số lượng đó của lính Mu-skê khiến người ta phải phát minh ra một số phương pháp chiến thuật về sự bố trí hợp lý của họ trong toàn bộ đội hình chiến đấu. Điều đó đã được tiến

hành trong hệ thống chiến thuật gọi là đội hình chiến đấu Hung-ga-ri [Hunggarian ordinance] do quân đội hoàng đế tạo ra trong cuộc chiến tranh của họ với người Thổ Nhĩ Kỳ ở Hung-ga-ri. Lính Mu-skê không thể tự vệ trong cuộc đánh giáp lá cà, bao giờ họ cũng được bố trí sao cho có thể ẩn sau những lính cầm giáo. Do đó, họ được bố trí đôi khi ở hai sườn, đôi khi ở bốn góc sườn; rất thường thấy là đội hình vuông hoặc đội hình khối của lính cầm giáo được một hàng lính Mu-skê bao quanh, mà lính Mu-skê thì ở dưới sự yểm hộ của ngọn giáo của lính đứng sau họ. Cuối cùng, nguyên tắc thắng thế là nguyên tắc bố trí lính Mu-skê ở bên sườn đội hình các lính cầm giáo được áp dụng trong hệ thống chiến thuật mới do người Hà Lan vận dụng trong cuộc chiến tranh giành độc lập của họ. Đặc trưng của hệ thống đó là sự chia nhỏ hơn nữa ba pha-lan-ga lớn hợp thành mỗi quân đội theo chiến thuật Thụy Sĩ hoặc Hung-ra-ri. Mỗi pha-lan-ga ấy bố trí thành 3 tuyến; tuyến giữa, đến lượt mình, lại được chia ra thành cánh phải và cánh trái, cách nhau một khoảng ít ra bằng bề rộng của chính diện tuyến thứ nhất. Toàn thể quân đội được biên chế thành các đơn vị bán trung đoàn mà chúng ta sẽ gọi là tiểu đoàn; ở mỗi tiểu đoàn lính cầm giáo được bố trí ở giữa, còn lính Mu-skê được bố trí ở bên sườn. Tiền vệ của quân đội gồm có ba trung đoàn, thường được bố trí như sau: hai bán trung đoàn tạo thành chính diện liên tục ở tuyến một; sau mỗi sườn của nó là một bán trung đoàn khác; kể đến ở phía sau, song song với tuyến một, là hai bán trung đoàn còn lại, cũng dàn thành chính diện liên tục. Chủ lực và hậu vệ được bố trí hoặc ở sườn, hoặc ở phía sau đội tiền vệ, nhưng đội hình thường cũng giống thế. Ở đây chúng thấy sự trở lại, trên một chừng mực nhất định, với đội hình La Mã cũ với ba tuyến và mấy đơn vị độc lập nhỏ.

Những người thuộc đế quốc, và cùng với họ là người Tây Ban Nha, cảm thấy cần chia quân đội của mình không phải thành ba cụm kể trên, mà thành nhiều bộ phận hơn; nhưng các tiểu đoàn hoặc các đơn vị chiến thuật của họ lớn hơn nhiều so với của người

Hà Lan, họ chiến đấu không phải trong đội hình hàng ngang mà trong đội hình dọc hoặc vuông mãi cho đến khi nổ ra cuộc chiến tranh giành độc lập của Hà Lan, người Tây Ban Nha mới sử dụng, trong quân đội của mình, đội hình chiến đấu gọi là đội hình chiến đấu của lũ đoàn Tây Ban Nha. Bốn binh đoàn lớn đó, mỗi binh đoàn thường gồm mấy trung đoàn, được bố trí thành hình vuông có một hoặc hai hàng lính Mu-skê bao quanh và có các cụm lính Mu-skê bảo vệ sườn ở các góc, họ được bố trí với khoảng cách nhất định ở bốn góc hình vuông, mà một trong những góc ấy hướng về phía địch. Nếu quân đội quá lớn để hợp nhất thành một lũ đoàn, thì có thể biên chế thành hai lũ đoàn, do đó có ba tuyến, mà tuyến một có 2 tiểu đoàn, tuyến hai 4 tiểu đoàn (có khi chỉ có 3) và tuyến ba có 2 tiểu đoàn. Ở đây cũng như trong hệ thống Hà Lan, chúng ta thấy ý định trở lại hệ thống ba tuyến cũ của La Mã.

Vào thế kỷ XVI đã có sự biến đổi quan trọng khác; đội hiệp sĩ trang bị nặng đã bị giải tán và được thay thế bằng đội kỵ binh đánh thuê được trang bị giống như đội giáp kỵ của chúng ta hiện nay: giáp ngực, mũ trụ, gươm và súng ngắn. Đội kỵ binh này trội hơn đội kỵ binh trước kia về tính cơ động, nên ngày càng đáng sợ đối với bộ binh; tuy vậy lính cầm giáo thời đó chưa bao giờ sợ nó. Nhờ sự biến đổi đó kỵ binh trở thành một binh chủng thống nhất và chiếm một vị trí tương đối lớn hơn nhiều trong thành phần quân đội, nhất là trong thời kỳ cuộc Chiến tranh ba mươi năm mà hiện nay chúng ta phải nghiên cứu. Lúc đó chế độ lính đánh thuê được sử dụng phổ biến ở châu Âu; đã hình thành một loại người sống nhờ chiến tranh và vì chiến tranh; tuy chiến thuật có lẽ nhờ điều đó mà được lợi, nhưng chất lượng của con người – chất liệu hình thành các quân đội và quyết định morale^{1*} của chúng – đương nhiên vì thế mà thiệt hại. Trung Âu đầy rẫy đủ

1* – trạng thái tinh thần, bộ mặt tinh thần.

loại các phần tử công-dốt-chi-e mà đối với chúng thì những cuộc phân tranh về tôn giáo và chính trị đã trở thành cái cớ để cướp bóc và tàn phá một loạt quốc gia. Chất lượng cá nhân của binh sĩ bị suy thoái, một sự suy thoái tiếp diễn với qui mô ngày một tăng, cho đến khi cách mạng Pháp chấm dứt chế độ lính đánh thuê đó. Những người thuộc đế quốc đã sử dụng trong các trận đánh của mình hệ thống lữ đoàn Tây Ban Nha, bố trí ở mỗi tuyến bốn lữ đoàn và nhiều hơn nữa, và bằng cách đó hình thành 3 tuyến. Dưới thời Gu-xtáp A-đôn-phơ, quân Thụy Điển được xây dựng thành các lữ đoàn, mỗi lữ đoàn gồm 3 tiểu đoàn, một tiểu đoàn ở phía trước và hai tiểu đoàn hơi lui về sau, mà mỗi tiểu đoàn triển khai thành một tuyến, ở giữa là lính cầm giáo, còn bên sườn là lính Mu-skê. Hai loại bộ binh (chúng ngang nhau về số lượng) được bố trí sao cho thành một tuyến liên tục, loại nọ có thể yểm hộ cho loại kia. Giả sử người ta ra lệnh tạo ra một tuyến liên tục lính Mu-skê; bây giờ hai cánh lính Mu-skê của tiểu đoàn ở giữa hay là ở phía trước sẽ đứng trước lính cầm giáo để yểm hộ cho họ, trong khi đó lính Mu-skê của hai tiểu đoàn khác tiến lên các sườn tương ứng và tạo thành một tuyến với lính Mu-skê của tiểu đoàn thứ nhất. Nếu dự kiến rằng sẽ có cuộc tấn công của kỵ binh thì tất cả lính Mu-skê đến nấp sau lính cầm giáo, trong khi đó lính cầm giáo ở hai sườn tiến lên và được bố trí thành một tuyến với cánh giữa, như vậy hình thành tuyến liên tục gồm các lính cầm giáo. Đội hình chiến đấu được hình thành bởi hai tuyến của những lữ đoàn hợp thành cánh giữa quân đội, trong khi kỵ binh đông đảo được bố trí ở hai sườn, xen kẽ với các đơn vị nhỏ lính Mu-skê. Đặc điểm của hệ thống Thụy Điển này là: lính cầm giáo ở thế kỷ XVI là loại lính có sức tấn công lớn thì hiện nay đã mất mọi năng lực tấn công. Họ chỉ biến thành công cụ phòng ngự và nhiệm vụ của họ là yểm hộ lính Mu-skê khỏi sự tấn công của kỵ binh; binh chủng kỵ binh này lại phải nhận lấy toàn bộ gánh nặng của nhiệm vụ tấn công. Như vậy, bộ binh đã mất đi địa vị của mình, còn kỵ binh đã khôi phục được

địa vị của mình. Sau đó, Gu-xtáp A-đôn-phơ đã loại bỏ ra khỏi thực tiễn chiến đấu phương pháp chiến đấu của kỵ binh bằng súng mà bây giờ đã trở thành phương pháp chiến đấu ưa thích đối với binh chủng này; ông ra lệnh cho kỵ binh của mình phải luôn luôn tấn công trong tư thế phi ngựa hết tốc độ và dùng gươm xung phong; từ khi đó cho đến tận khi khôi phục lại các trận đánh trên địa hình mấp mô, bất cứ đội kỵ binh nào sử dụng chiến thuật ấy cũng đều có thể tự khoe khoang về những thắng lợi lớn trong những cuộc đọ sức với bộ binh. Đối với bộ binh đánh thuê ở thế kỷ XVII và XVIII thì không có bản án nào nghiêm khắc hơn là tình hình đó, và xét về mặt hoàn thành mọi nhiệm vụ chiến đấu, nó là loại bộ binh có kỷ luật nhất trong mọi thời đại.

Kết quả của cuộc Chiến tranh ba mươi năm đối với chiến thuật của các quân đội châu Âu là: lữ đoàn Thụy Điển, cũng như lữ đoàn Tây Ban Nha, đều đã mất đi, và các quân đội hiện nay được bố trí thành hai tuyến, đồng thời kỵ binh tạo thành hai sườn, còn bộ binh ở giữa. Pháo binh được bố trí ở trước chính diện của hai binh chủng kể trên hoặc ở khoảng cách giữa chúng. Có khi người ta giữ lại đội dự bị gồm kỵ binh hoặc kỵ binh và bộ binh. Bộ binh triển khai thành đội hình ngang có chiều sâu 6 hàng; súng Mu-skê đã nhẹ đi nhiều, nên có thể bắn không cần giá đỡ; tất cả các nước đều dùng đạn có ống thuốc súng và bao đạn. Sự hợp nhất lính Mu-skê và lính cầm giáo vào cùng một tiểu đoàn bộ binh làm nảy sinh những sự thay đổi đội hình chiến thuật phức tạp nhất mà cơ sở của tất cả cái đó là sự cần thiết thành lập cái gọi là các tiểu đoàn phòng ngự hoặc, như chúng ta có thể gọi, đội hình vuông để chiến đấu chống kỵ binh. Ngay cả trong đội hình vuông giản đơn thì việc dàn 6 hàng lính cầm giáo ở giữa ra để chúng có thể bao quanh lính Mu-skê từ bốn phía – đương nhiên những lính Mu-skê này không chống được kỵ binh – là việc không dễ dàng; hướng hồ cũng dùng cách đó để bố trí một tiểu đoàn thành đội hình chữ thập, đội hình tám góc hoặc đội hình kỳ quặc nào khác, thì sẽ khó khăn biết bao! Do vậy người ta thấy rằng hệ thống

huấn luyện quân sự thời kỳ ấy phức tạp hơn bao giờ hết, và ngoài những binh sĩ đã phục vụ suốt đời mình thì không ai có mấy may hy vọng, dù chỉ nắm đại thể hệ thống đó. Đồng thời, rõ ràng là mọi ý đồ bố trí trước mắt địch thành một đội hình chiến đấu để có thể đẩy lùi cuộc tấn công của kỵ binh đều là hoàn toàn uổng công; bất cứ đội kỵ binh nào có sức chiến đấu đều có thể xông vào giữa tiểu đoàn đó trước khi tiểu đoàn này tiến hành được một phần tư tất cả những sự thay đổi đội hình ấy.

Vào nửa sau thế kỷ XVII, số lính cầm giáo giảm đi rất nhiều so với số lính Mu-skê, vì từ khi lính cầm giáo mất sức mạnh tấn công của mình, thì lính Mu-skê trở thành bộ phận tấn công thực sự của bộ binh. Hơn nữa, người ta thấy rằng kỵ binh Thổ Nhĩ Kỳ, đội kỵ binh đáng sợ nhất thời bấy giờ, rất hay đột phá được đội hình vuông của lính cầm giáo, trong khi đó các cuộc tấn công của nó lại thường bị hỏa lực chuẩn xác của tuyến lính Mu-skê đẩy lùi. Do đó, những người thuộc đế quốc đã hoàn toàn loại bỏ giáo trong quân đội Hung-ga-ri của mình và có khi thay bằng chevaux de rise^{1*} có thể lắp ráp trên chiến trường, đồng thời lính Mu-skê mang các mũi nhọn của chúng như một bộ phận của trang bị thông thường của mình. Ở các nước khác cũng xảy ra tình hình là quân đội ra trận không có lính cầm giáo nào: lính Mu-skê dựa vào tác dụng của hỏa lực của mình và vào sự chi viện của kỵ binh của mình mỗi khi bị sự tấn công của kỵ binh đe dọa. Nhưng để loại hẳn ngọn giáo thì cần có hai phát minh: lưỡi lê được phát minh ở Pháp khoảng vào năm 1640 và được cải tiến vào năm 1699, đến mức nó trở thành vũ khí thuận tiện, được sử dụng cho tới nay, và bộ cơ bả m đá lửa được phát minh khoảng vào năm 1650. Đường nhiên, tuy không thể hoàn toàn thay thế ngọn giáo, song lưỡi lê làm cho lính Mu-skê có thể tự bảo đảm, trên mức độ nhất định, sự bảo vệ mà trước đây người ta cho rằng anh ta thường

1* — cộc con nhím

trông cậy vào lính cầm giáo, cơ bả m đá lửa giản đơn hoá quá trình nạp đạn, cho phép dùng tốc độ bắn để không những bù lại nhược điểm của lưỡi lê, mà còn đạt được những kết quả lớn hơn.

VI. BỘ BINH THẾ KỶ XVIII

Cùng với việc loại trừ ngọn giáo khỏi trang bị của bộ binh, tất cả các loại vũ khí hộ thân đều biến mất, và từ nay binh chủng này chỉ gồm một loại lính được trang bị súng ngắn bằng đá lửa có gắn lưỡi lê. Sự biến đổi này được hoàn tất vào những năm đầu của cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Tây Ban Nha, trùng hợp về thời gian với những năm đầu của thế kỷ XVIII. Đồng thời, vào thời gian đó, chúng ta thấy ở khắp nơi những quân đội thường trực đông đảo cố gắng bổ sung bằng sự đăng ký của những người tình nguyện – được kết hợp với việc tuyển mộ bằng lừa bịp và bạo lực – còn khi cần thì bằng việc tuyển quân bắt buộc. Những quân đội ấy hiện thường xuyên chia ra thành các tiểu đoàn gồm 500 - 700 người làm đơn vị chiến thuật; tiểu đoàn lại chia ra làm đại đội với những mục đích đặc biệt; mấy tiểu đoàn hợp thành một trung đoàn. Như vậy, tổ chức của bộ binh mang hình thức ổn định và xác định. Việc dùng súng bắn bằng đá lửa đòi hỏi một không gian nhỏ hơn nhiều so với bắn bằng súng cũ có ngòi cháy, do đó đội hình giãn ra trước đây bị thủ tiêu và các hàng dồn sát nhau để có thật nhiều xạ thủ trên một đoạn nhất định. Cũng do nguyên nhân ấy, khoảng cách giữa các tiểu đoàn trong tư thế chiến đấu bị giảm đi tới mức tối đa, nên toàn bộ chính diện tạo thành một tuyến liên tục kéo dài: bộ binh bố trí thành hai tuyến ở giữa và kỵ binh ở bên sườn. Việc bắn súng trước đây do các hàng tiến hành, mà mỗi hàng sau khi bắn lại lùi về phía sau để nhồi thuốc cho súng, thì hiện nay do trung đội hoặc đại đội tiến hành: ba hàng trước của mỗi trung đội bắn nhất loạt theo khẩu lệnh. Như vậy mỗi tiểu đoàn có thể bắn liên tục vào kẻ địch ở trước mình. Trong đội hình ngang dài đó, mỗi tiểu

đoàn có vị trí qui định, và đội hình qui định vị trí cho mỗi người được gọi là đội hình chiến đấu. Bố trí quân đội, trong đội hình hành quân, sao cho nó luôn luôn có thể chuyển dễ dàng từ đội hình hành quân sang đội hình chiến đấu và mỗi đơn vị có thể nhanh chóng chiếm lĩnh vị trí qui định cho nó trong đội hình ngang, - là một việc rất khó khăn. Hạ trại trong phạm vi địch có thể tới được, cũng phải tính đến nhiệm vụ ấy. Do vậy, tuy nghệ thuật di chuyển và hạ trại của quân đội trong thời kỳ ấy đã tiến bộ rất nhiều, song tính cứng nhắc và tính công kênh của đội hình chiến đấu đã gò bó mọi sự vận động của quân đội. Đồng thời tính câu nệ máy móc vốn có ở đội hình ấy, việc không thể sử dụng đội hình ngang ấy ở nơi nào khác, ngoài địa hình bằng phẳng nhất, còn hạn chế nhiều hơn nữa việc lựa chọn địa hình cho trận đánh; nhưng khi hai bên giao chiến còn chịu cùng những sự ràng buộc ấy thì tình hình đó không làm cho bên nào ở vào địa vị bất lợi. Từ trận Man-plác-cơ đến đầu cách mạng Pháp, mọi con đường, làng xóm, ấp trại đều là cấm địa đối với bộ binh; ngay mương máng hoặc hàng rào cũng bị những người có nhiệm vụ phòng thủ những địa điểm ấy coi là chướng ngại.

Bộ binh Phổ là bộ binh cổ điển của thế kỷ XVIII. Nó chủ yếu do hoàng thân Lê-ô-pôn Đét-xau xây dựng nên. Trong thời gian chiến tranh giành quyền kế thừa ngôi vua Tây Ban Nha, chiều sâu của đội hình ngang của bộ binh đã giảm từ 6 xuống còn 4 hàng. Lê-ô-pôn bỏ hàng thứ tư và bố trí quân Phổ thành 3 hàng. Ông cũng sử dụng chiếc thông nòng súng bằng sắt, làm cho quân lính của ông trong một phút đã nạp đạn và bắn được 5 lần, trong khi đó các quân đội khác vị tất bắn được mỗi phút 3 lần. Đồng thời quân đội của ông được huấn luyện bắn trong quá trình công kích; nhưng vì họ phải dừng lại để bắn, còn toàn bộ hình ngang dài phải giữ đều hàng, nên bước đi của họ chậm chạp; đó là cái gọi là bước đi kiểu ngỗng. Bắt đầu khai hỏa từ khi cách địch 200 i-ác-đơ; đội hình ngang tiến đánh bằng bước đi kiểu ngỗng; càng đến gần địch thì bước đi của nó càng ngắn và hỏa lực càng được

tăng cường, cho đến khi địch bắt đầu rút lui hoặc rối loạn khiến cho cuộc tấn công của kỵ binh từ bên sườn và cuộc xung phong bằng lưỡi lê của bộ binh đánh bật địch khỏi trận địa của nó. Quân đội bao giờ cũng bố trí thành hai tuyến; nhưng vì ở tuyến thứ nhất hầu như không có khoảng cách, nên khi cần tuyến hai rất khó chỉ viện cho tuyến một. Quân đội và chiến thuật mà vua Phổ Phri-đrich II kế thừa khi lên ngôi, là như vậy. Xem ra, một nhân vật thiên tài có rất ít hy vọng cải tiến hệ thống đó, nếu không phá đổ nó, điều mà Phri-đrich, với địa vị của mình và với nhân lực mà ông có để đào tạo binh sĩ, không thể làm được. Tuy nhiên, ông đã khéo xác định được phương pháp tấn công và tổ chức quân đội của mình để có thể, với tài nguyên của một vương quốc nhỏ hơn Xác-đi-ni hiện nay, và với sự chi viện tài chính ít ỏi của Anh, tiến hành một cuộc chiến tranh hầu như chống lại cả châu Âu. Bí quyết thật đơn giản. Từ trước tới nay, tất cả các cuộc hội chiến ở thế kỷ XVIII đều là những cuộc hội chiến được tiến hành bằng những tuyến chính diện song song; hai quân đội triển khai thành trận tuyến song song với nhau và tác chiến trong cuộc chiến đấu chính qui trên địa hình bằng phẳng, không sử dụng đến mưu kế quân sự và thuật mẹo gì cả; ưu thế duy nhất mà bên mạnh hơn có thể có được là sườn của nó bọc sườn địch. Còn Phri-đrich thì đã vận dụng phương pháp tấn công xiên chéo, do Ê-pa-mi-nông phát minh, vào đội hình chiến đấu dàn thành tuyến. Ông lựa chọn cho cuộc tấn công thứ nhất một sườn của địch, và phá vỡ chống lại nó một trong những sườn của quân mình đang bọc sườn quân địch, cũng như phá vỡ thêm một bộ phận quân mình ở cánh giữa, còn giữ lại ở phía sau bộ phận còn lại của quân đội mình. Như vậy ông không những có ưu thế nhờ ở sự bao vây sườn địch, mà còn có thể dùng lực lượng ưu thế đánh bại số quân địch chịu đựng cuộc tấn công đó. Lực lượng còn lại của địch không thể chi viện cho cánh bị tấn công, vì lực lượng này bị cột vào vị trí của mình trong đội hình chiến đấu dàn thành tuyến, hơn nữa khi cuộc tấn công vào một cánh của địch thắng lợi thì bộ phận còn

lại của quân tấn công sẽ tiến lên thành tuyến và đánh vỡ mặt cánh giữa của địch, trong khi đó cánh quân ở sườn thực hiện cuộc tấn công, sau khi đánh bại sườn quân địch, liền xông vào sườn của cánh giữa quân địch. Đây quả thực là phương pháp duy nhất có thể áp dụng để có thể vừa duy trì hệ thống tuyến, vừa tung lực lượng ưu thế vào bất cứ bộ phận nào của đội hình chiến đấu của địch. Như vậy tất cả đều tùy thuộc vào việc tổ chức cánh tấn công như thế nào, và trong chừng mực mà đội hình chiến đấu cứng nhắc cho phép, thì Phri-đrich bao giờ cũng tăng cường cánh ấy. Ông rất hay bố trí ở phía trước tuyến bộ binh thứ nhất của cánh tấn công, một tuyến tiền vệ gồm lính phóng lựu hoặc đơn vị tinh nhuệ của ông, để bảo đảm thắng lợi lớn nhất trong đợt tấn công đầu tiên.

Biện pháp thứ hai mà Phri-đrich sử dụng để nâng cao trình độ của quân đội mình là cải tổ kỵ binh của ông. Học thuyết của Guxtáp A-đôn-phơ bị lãng quên; kỵ binh không còn dựa vào gươm và sự tấn công mãnh liệt nữa, mà đã trở về, trừ một số ngoại lệ hiếm hoi, tác chiến bằng súng ngắn và các-bin. Do đó, các cuộc chiến tranh ở đầu thế kỷ XVIII không dồi dào những cuộc tấn công thành công của kỵ binh; ở Phổ kỵ binh rơi vào tình trạng đặc biệt không được chăm nom. Nhưng Phri-đrich khôi phục phương pháp xung phong cũ bằng cách phi ngựa hết tốc độ với thanh gươm trong tay và xây dựng một đội kỵ binh chưa từng có trong lịch sử. Phần lớn các thắng lợi của ông chính nhờ ở đội kỵ binh ấy. Khi quân đội của ông trở thành mẫu mực ở châu Âu thì Phri-đrich – để đánh lừa các nhà hoạt động quân sự các nước khác – đã làm cho hệ thống thay đổi đội hình chiến thuật trở nên hết sức phức tạp, trong số những sự thay đổi đội hình này không có sự thay đổi nào thích hợp với tác chiến thực sự và chỉ được nghĩ ra để che giấu tính chất đơn giản của những thủ đoạn mà ông dùng để đạt thắng lợi. Ông đã thành công đến mức những người dưới quyền ông đã bị lừa bịp hơn ai hết, họ quả thực tin rằng những phương pháp bố trí đội hình phức tạp ấy là thực chất

chân chính của chiến thuật của ông; do đó, Phri-đrich không những đã đặt cơ sở cho lối câu nệ hình thức và lối huấn luyện máy móc rập khuôn mà từ đó trở thành đặc trưng của người Phổ, mà ông còn chuẩn bị thực tế cho những sự nhục nhã chưa từng thấy của họ ở I-ê-na và Au-éc-stét.

Ngoài bộ binh nòng cốt mà từ bấy lâu nay chúng tôi đã mô tả và bao giờ cũng tác chiến trong đội hình dày đặc, còn có một loại bộ binh nhẹ đặc biệt, nhưng không tham gia những trận đánh lớn. Nhiệm vụ của loại bộ binh này là tiến hành chiến tranh du kích; người Crô-a-xi ở Áo hết sức thích hợp với nhiệm vụ này, trong khi họ lại không thích hợp với bất cứ mục đích nào khác. Theo gương những người nửa dã man ấy, ở vùng Biên khu quân sự³²³ giáp Thổ Nhĩ Kỳ, các nước châu Âu khác cũng thành lập bộ binh nhẹ của mình. Nhưng phương pháp tác chiến trong đội hình tản khai trong các trận đánh lớn mà bộ binh nhẹ đã sử dụng ở thời Cổ đại và ở thời Trung cổ cho đến thế kỷ XVII, thì nay đã hoàn toàn không được sử dụng nữa. Chỉ có người Phổ và theo sau họ là người Áo đã thành lập một vài tiểu đoàn xạ thủ được tuyển lựa trong những người bảo vệ thú rừng đấu tranh chống bọn săn trộm và những người gác rừng – những nhà thiện xạ đặc biệt, trong các trận đánh họ được triển khai trên toàn chính diện và bắn vào các sĩ quan địch; nhưng số lượng họ quá ít nên vị tất có được tác dụng. Sự khôi phục đội hình tản khai là kết quả của chiến tranh giành độc lập của Mỹ. Trong khi binh sĩ các quân đội châu Âu bị giữ trong hàng ngũ bằng thủ đoạn cưỡng bức và sự quản lý hà khắc nên không thể giao phó cho họ tác chiến trong đội hình tản khai, thì ở Mỹ binh sĩ buộc phải chiến đấu với dân cư chưa qua huấn luyện chính qui trong quân đội thường trực, nhưng gồm những tay thiện xạ sử dụng thông thạo súng trường. Tính chất của địa hình có lợi cho họ; đáng lẽ tìm cách tiến hành những cuộc cơ động mà ban đầu họ không làm được, họ đã theo bản năng chuyển sang tác chiến trong đội hình tản khai. Như vậy,

các trận Léc-xin-ton và Côn-coóc-đơ³²⁴ đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử bộ binh.

VII. BỘ BINH TRONG THỜI KỲ CÁCH MẠNG PHÁP VÀ TRONG THẾ KỶ XIX

Khi quân đồng minh châu Âu xâm nhập nước Pháp cách mạng, người Pháp ở vào tình hình tương tự như người Mỹ trước đó không lâu, chỉ có một sự khác nhau là họ không có ưu thế về địa hình. Để chiến đấu theo chiến thuật tuyến cũ với những quân đội đông đảo đã xâm nhập hoặc đe dọa xâm nhập đất nước, người Pháp cần có những binh sĩ được huấn luyện tốt, mà những binh sĩ như vậy lại không nhiều, trong khi lính tình nguyện chưa qua huấn luyện lại đông. Trong chừng mực thời gian cho phép, lính tình nguyện đã được huấn luyện những động tác cơ bản mà chiến thuật tuyến qui định; nhưng một khi họ nằm dưới hỏa lực, các tiểu đoàn của họ triển khai thành đội hình ngang đã tự phát tán ra thành các nhóm xạ thủ nấp sau mỗi nếp đất để tránh hỏa lực địch; đồng thời tuyến hai là một thứ đội dự bị, rất thường tham chiến ngay từ đầu. Ngoài ra, quân đội Pháp rất khác với quân đội địch về mặt tổ chức. Họ không bố trí thành đội hình ngang đơn điệu, cứng nhắc của các tiểu đoàn, mà theo các sư đoàn, mỗi sư đoàn bao gồm pháo binh, kỵ binh và bộ binh. Một sự thật vĩ đại lại được phát hiện bất ngờ: vấn đề không phải là ở chỗ để cho tiểu đoàn tác chiến ở vị trí "qui định chặt chẽ" của nó trong đội hình chiến đấu, mà là khi được lệnh, họ tiến vào trận tuyến và chiến đấu giỏi. Vì Chính phủ Pháp nghèo, nên lều vải và đoàn vận tải đồ sộ của thế kỷ XVIII bị thủ tiêu; quân lính hạ trại lộ thiên; hành trang riêng của sĩ quan tạo thành một phần quan trọng vật tư chuyên chở trong các đội quân khác thì nay đã giảm tới mức là sĩ quan có thể tự mang lấy. Quân đội không lĩnh lương thực ở các kho binh trạm và phải trông vào việc trưng thu ở nơi họ đi qua. Do đó, người Pháp đã đạt được tính cơ động và năng lực bố

trí dễ dàng đội hình chiến đấu mà quân địch của họ hoàn toàn không biết đến. Khi thua trận, sau mấy giờ là họ thoát khỏi tầm với của kẻ địch truy kích họ; khi tấn công họ có thể xuất hiện ở địa điểm bất ngờ bên sườn địch trước khi địch có thể phát hiện thấy họ. Tính cơ động đó của người Pháp, cũng như sự nghi kỵ lẫn nhau của những người lãnh đạo quân đồng minh, bảo đảm cho họ một số thời gian tạm nghỉ để huấn luyện lính tình nguyện của mình và định ra hệ thống chiến thuật mới đã nảy mầm nơi họ.

Như chúng ta thấy, từ năm 1795 hệ thống mới ấy bắt đầu có hình thù rõ ràng của sự kết hợp đội xạ thủ tác chiến trong đội hình tản khai với đội hình dày đặc. Về sau thêm vào đó là sự bố trí thành đội hình ngang, tuy không phải là đối với toàn quân đội như từ trước tới nay, mà chỉ đối với những tiểu đoàn cá biệt được triển khai thành đội hình ngang khi người ta cho rằng tình hình đòi hỏi như vậy. Lễ đương nhiên là những đội quân phi chính quy của cách mạng Pháp chỉ trong trường hợp cuối cùng mới dùng tới sự cơ động đòi hỏi huấn luyện một cách có hệ thống hơn đó. Ba tiểu đoàn hợp thành bán lữ đoàn, 6 tiểu đoàn hợp thành một lữ đoàn, 2 hoặc 3 lữ đoàn bộ binh hợp thành sư đoàn mà thành phần còn có thêm 2 khẩu đội pháo và một số lượng nhỏ kỵ binh; mấy sư đoàn như vậy hợp thành quân đoàn. Khi sư đoàn gặp địch, các xạ thủ của tiền vệ chiếm lĩnh trận địa phòng ngự, còn đội tiền vệ làm đội dự bị cho họ, cho đến khi toàn sư đoàn tới. Kế đó, các lữ đoàn tạo thành hai đội hình ngang và đội dự bị, nhưng mỗi tiểu đoàn bố trí thành đội hình dọc, còn chiều rộng của khoảng cách giữa các tiểu đoàn thì không cố định; kỵ binh và đội dự bị yểm trợ khoảng trống trong đội hình chiến đấu. Đội hình chiến đấu không còn nhất thiết phải tạo thành tuyến thẳng và liên tục như trước kia; nó có thể quanh co theo mọi hướng như địa hình yêu cầu, vì hiện nay người ta không còn chọn địa hình bằng phẳng và nhẵn nhụi làm chiến trường; trái lại, người Pháp ưa chuộng địa hình mấp mô, và các xạ thủ của họ tạo thành một chuỗi mắt xích ở phía trước toàn bộ trận tuyến, sẽ lao vào mỗi làng mạc, mỗi

trang trại hoặc cánh rừng nhỏ mà họ đã có thể chiếm được. Nếu như những tiểu đoàn ở tuyến một triển khai ra thì họ thường nhanh chóng biến thành tuyến xạ thủ; các tiểu đoàn ở tuyến hai bao giờ cũng được giữ trong đội hình khối và với đội hình ấy họ thường tấn công rất thành công đội hình ngang mỏng của địch. Như vậy, đội hình chiến thuật của quân đội Pháp dần dần biến thành kiểu hai tuyến, mỗi tuyến gồm có những tiểu đoàn tạo thành đội hình khối dày đặc được bố trí en échiquier^{1*} với các xạ thủ rải ra ở trước chính diện và đội dự bị dày đặc ở phía sau.

Chính vào giai đoạn phát triển này, Na-pô-lê-ông đã bắt gặp chiến thuật do cách mạng Pháp tạo ra. Khi việc nắm được chính quyền vừa cho phép là ông ta bắt đầu phát triển thêm nữa hệ thống này. Ông tập trung quân đội của mình ở trại Bu-lông và ở đây ông tổ chức việc huấn luyện chính qui cho nó. Ông đặc biệt huấn luyện binh sĩ của mình về bố trí đội hình dày đặc của đội dự bị trên một khoảng hẹp và về triển khai nhanh chóng đội dự bị ấy để chuyển thành đội hình ngang. Ông hợp nhất hai hoặc ba sư đoàn thành một quân đoàn để đơn giản hoá việc chỉ huy. Ông xây dựng và nâng lên trình độ hoàn thiện cao đội hình hành quân mới gồm có sự dàn quân trên một khoảng đủ rộng để họ có thể sống nhờ vật tư dự trữ tại chỗ, đồng thời duy trì họ trong trạng thái tập trung đến mức có thể tập hợp họ lại ở bất cứ nơi nào trước khi bộ phận quân đội bị tấn công bị địch đánh bại. Từ chiến dịch năm 1809 Na-pô-lê-ông phát minh ra những đội hình chiến thuật mới, như đội hình khối có chiều sâu, gồm cả hàng lữ đoàn và sư đoàn, nhưng những đội hình này tỏ ra hoàn toàn không thành công và không bao giờ lại xuất hiện nữa. Sau năm 1813 hệ thống mới của Pháp đã trở thành thành tựu chung của tất cả các nước trên lục địa châu Âu. Hệ thống đội hình tuyến kiểu cũ và chế độ mộ lính đánh thuê đã bị bãi bỏ hẳn. Khắp nơi đều qui định

1* — kiểu bàn cờ

mỗi công dân phải làm nghĩa vụ quân sự và chiến thuật mới được áp dụng. Ở Phổ và Thụy Sĩ mỗi công dân đều phải phục vụ trong ngạch thường trực, còn các nước khác thì thực hiện chế độ tuyển quân; thanh niên rút thăm để quyết định ai vào phục vụ trong quân đội. Khắp mọi nơi đều thực hiện chế độ quân hậu bị, qui định việc phục viên về nhà một phần những người đã qua huấn luyện quân sự, để chi phí ít trong thời bình mà khi xảy ra chiến tranh thì sẽ có được một số lượng lớn binh sĩ đã được huấn luyện.

Từ đó trong trang bị và tổ chức của bộ binh có một số thay đổi, bắt nguồn một phần từ tiến bộ trong lĩnh vực sản xuất súng cầm tay, một phần từ cuộc xung đột của bộ binh Pháp với người A-rập ở An-giê-ri. Người Đức luôn luôn thích súng trường, họ đã tăng thêm các tiểu đoàn xạ thủ nhẹ của mình; người Pháp bị thúc đẩy bởi sự cần thiết phải có ở An-giê-ri những khẩu súng bắn xa hơn, nên rút cục họ đã thành lập vào năm 1840 một tiểu đoàn xạ thủ được trang bị loại súng trường cải tiến có độ chuẩn xác hơn và tầm bắn xa hơn. Binh sĩ của tiểu đoàn này được huấn luyện tiến hành mọi sự thay đổi đội hình, thậm chí hành quân xa bằng một kiểu đi như chạy (pas gymnastique) và chẳng bao lâu sau họ đã tỏ rõ sức chiến đấu rất cao của mình, nên những tiểu đoàn mới đã được thành lập. Như vậy là người ta đã thành lập một loại bộ binh nhẹ mới gồm không phải những người chơi môn thể thao bắn súng và những người gác rừng, mà gồm những binh sĩ khoẻ mạnh nhất và tinh nhanh nhất; độ chuẩn xác và tầm xa của hỏa lực được kết hợp với sự tinh nhanh và sức chịu đựng và nhờ vậy những đội quân mới thành lập ấy, không nghi ngờ gì nữa, đã trội hơn mọi loại bộ binh tồn tại đương thời. Đồng thời kiểu pas gymnastique cũng được áp dụng trong bộ binh nòng cốt - điều này thậm chí Na-pô-lê-ông cũng cho là cực kỳ điên rồ và giờ đây mỗi quân đội đều coi chạy là một trong những yếu tố quan trọng nhất của huấn luyện bộ binh.

Thành công của súng trường mới, do các chuyên gia quân giới Pháp chế tạo (Đen-vi-nhơ và Pôn-sa-ra) đã nhanh chóng gây ra

sự cải tiến mới. Người ta chế tạo ra loại đạn hình chóp cho súng có khe rãnh. Mi-ni-ê, Lô-ren-xơ và Uyn-kin-xơn đã phát minh ra phương pháp mới làm cho viên đạn trượt dễ dàng theo nòng súng, đồng thời khi lọt xuống phía dưới của nòng súng, thì giãn nở ra và đầu đạn khít các rãnh, do đó đạt được sự chuyển động quay và cường độ, điều đó quyết định hiệu quả của súng; mặt khác, Đrây-dơ phát minh ra súng có kim hoả, nạp đạn bằng bộ cơ bắ và không cần mồi chấ đặc biệt. Tất cả những súng trường ấy có thể sát thương ở cự ly 1 000 i-ác-đơ và nạp đạn cũng dễ dàng như súng nòng trơn thông thường. Tiếp đó người ta nảy ra ý nghĩ trang bị những súng ấy cho toàn thể bộ binh. Anh là nước đầu tiên thực hiện ý nghĩ đó. Phổ từ lâu chuẩn bị cho việc đó, đã theo gót Anh, rồi đến Áo và các quốc gia nhỏ ở Đức và cuối cùng là Pháp. Nước Nga cũng như các quốc gia ở I-ta-li-a và các nước ở vùng Xcăng-đi-na-vơ cho tới nay còn lạc hậu. Vũ khí mới này hoàn toàn thay đổi đặc điểm của tác chiến, nhưng không phải theo hướng mà các nhà lý luận chiến thuật chờ đợi; và tất cả những cái đó đều bắt nguồn từ nguyên nhân toán học rất giản đơn. Sau khi vẽ ra đường đi của những viên đạn ấy, người ta có thể chứng minh dễ dàng rằng độ sai 20 hoặc 30 i-ác-đơ trong việc xác định cự ly đến mục tiêu sẽ xoá sạch mọi hy vọng bắn trúng ở cự ly trên 300 hoặc 350 i-ác-đơ. Ngoài ra, trong khi trên bãi tập mọi cự ly đều được xác định rõ thì trên chiến trường những cự ly ấy đều không rõ, hơn nữa chúng lại thay đổi từng phút. Như vậy bộ binh nên bố trí trên trận địa phòng ngự và có thời gian đo cự ly đến các mục tiêu dễ nhận thấy nhất nằm trước chính diện của mình, sẽ chiếm được ưu thế to lớn so với đội quân tấn công nó ở cự ly 1 000 đến 300 i-ác-đơ. Chỉ có thể xoá bỏ ưu thế này nếu tiến nhanh về phía trước bằng cách chạy và không bắn khi cách địch trên 300 i-ác-đơ, ở cự ly này hiệu quả của hoả lực của hai bên sẽ như nhau. Ở cự ly này, sự bắn nhau giữa hai tuyến xạ thủ được bố trí tốt sẽ hết sức mãnh liệt, đạn sẽ rơi trúng rất nhiều vào đội canh gác và đội dự bị, nên đối với bộ binh dững cẩ thì

không có gì tốt hơn là hể có thời cơ là bắn đồng loạt ở cự ly 40 hoặc 50 i-ác-đơ và xông vào địch. Những nguyên tắc này được thiếu tá Phổ Trô-ta luận chứng lần đầu tiên về lý luận, rồi được người Pháp vận dụng thành công trong cuộc chiến tranh vừa rồi của họ với người Áo³²⁵. Do đó, những nguyên tắc ấy trở thành bộ phận không thể thiếu được của chiến thuật bộ binh, đặc biệt là nếu chúng có thể đem lại những kết quả cũng tốt như vậy khi được vận dụng chống lại loại súng nạp đạn nhanh chóng như kiểu súng có kim hoả của Phổ. Việc vũ trang cho toàn thể bộ binh bằng súng nòng có rãnh thuộc cùng một kiểu sẽ đưa tới việc xoá bỏ mọi sự khác nhau còn tồn tại giữa bộ binh nhẹ và bộ binh nòng cốt và đưa tới việc xây dựng loại bộ binh có thể hoàn thành bất cứ nhiệm vụ nào. Rõ ràng đây là sự hoàn thiện tiếp theo của binh chủng này.

*Do Ph.Ăng-ghen viết vào tháng Chín –
khoảng ngày 10 tháng Mười 1859
Đã in trong "New American Cyclopaedia",
t. IX, 1860*

*In theo bản in trong Bách
khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh*

PH.ĂNG-GHEN

HẢI QUÂN³²⁶

Hải quân – thuật ngữ chung để chỉ các tàu chiến thuộc một quốc vương hoặc quốc gia. Hải quân các nước cổ đại, tuy thường rất đông đảo, nhưng không thể nào sánh được với hải quân hiện đại về các mặt qui mô của tàu, động lực và sức tấn công của chúng. Tàu biển của Phê-ni-xi và Các-ta-giơ, Hy Lạp và La Mã là thuyền đáy bằng, không thể đi trong thời tiết có bão; biển cả bao la khi có bão là mối nguy chí mạng đối với chúng; chúng đi từ từ men bờ biển, còn ban đêm thì thả neo ở vịnh nhỏ nào đó. Đối với những thuyền ấy, vượt biển từ Hy Lạp sang I-ta-li-a hoặc từ châu Phi sang Xi-xin là một việc nguy hiểm. Những thuyền ấy không chịu nổi sức ép của những chiếc buồm thường dùng cho tàu chiến hiện đại của chúng ta, và chỉ được trang bị buồm nhỏ; dựa vào mái chèo, chúng chỉ có thể đi từ từ theo sóng. Người ta còn chưa phát minh ra la bàn; chưa hiểu biết gì về kinh độ và vĩ độ; vào thời bấy giờ những mốc trên bờ và sao Bắc cực là những người dẫn đường duy nhất trong hàng hải. Các phương tiện để tác chiến tấn công cũng ít hiệu quả. Cung và tên, lao, máy bắn tên và máy phóng đạn công kênh là những vũ khí duy nhất có thể dùng để đánh từ xa. Trên biển không thể gây ra cho địch sự thiệt hại nghiêm trọng nào trước khi hai tàu giao chiến trực tiếp xung đột với nhau. Do đó chỉ có hai phương pháp có thể áp dụng trong hải chiến: cơ động sao cho dùng mũi nhọn cứng bằng sắt ở mũi tàu mình đâm thật mạnh vào thành tàu địch và đánh đắm nó; hoặc

tiến sát tàu địch cho thành tàu giáp nhau, móc vào tàu địch rồi lập tức xông vào đánh tàu địch. Sau cuộc Chiến tranh Pu-ri lần thứ nhất chấm dứt sự thống trị của Các-ta-giơ trên biển³²⁷ thì trong lịch sử cổ đại không còn trận hải chiến nào đáng được chú ý, dù là tí chút, xét về góc độ chuyên môn, và sự xác lập quyền thống trị của La Mã đã nhanh chóng loại trừ khả năng xảy ra hải chiến trong tương lai ở Địa Trung Hải.

Quê hương thực sự của các hạm đội hải quân hiện đại của chúng ta là biển Bắc. Vào khoảng thời gian mà đông đảo các bộ lạc Tơ-tông ở Trung Âu nổi dậy để lật đổ Đế quốc La Mã đã suy đồi và phục hưng Tây Âu thì những người anh em của họ ở bờ biển Bắc – người Phri-di-a, người Dắc-den, người Anh, người Đan Mạch và người Xcăng-di-na-vơ – đã bắt đầu các chuyến đi biển. Thuyền của họ là những tàu đi biển vững chãi, kiên cố, với lòng tàu nhô và hai đầu có hình dáng nhọn hoắt; trên những thuyền ấy, phần lớn họ chỉ trông cậy vào một buồm và không sợ bão táp bất ngờ trên biển Bắc nhiều sóng gió. Chính trên những chiếc tàu kiểu này người Anh và người Dắc-den đã đi từ cửa sông En-bơ và sông Ai-dơ đến bờ biển Bro-ta-nhơ, còn người Noóc-măng thì tiến hành những chuyến viễn du, có tính chất cướp biển, theo một hướng thì họ đi tới tận Công-xtăng-ti-nô-plơ, còn theo hướng khác thì họ đã tới tận châu Mỹ. Việc đóng những con tàu dám vượt Đại Tây Dương đã gây ra một cuộc cách mạng toàn diện trong ngành hàng hải, và trước khi kết thúc thời kỳ Trung cổ thì trên tất cả các bờ biển châu Âu người ta đã sử dụng loại tàu biển kiểu mới đáy nhọn. Tàu mà người Noóc-măng dùng trong các cuộc đi biển của mình thì chắc chắn không lớn lắm; sức choán nước của chúng dù sao cũng không vượt quá 100 tấn và chúng có một hoặc nhiều nhất là hai cột buồm lắp buồm chéo.

Một thời gian dài, ngành đóng tàu cũng như ngành hàng hải, xem ra không có sự thay đổi; trong suốt thời kỳ Trung cổ, tàu không lớn lắm, còn lòng dũng cảm vốn có ở người Noóc-măng và

người Phri-di-a đã biến mất. Mọi sự cải tiến đều thuộc về người I-ta-li-a và Bồ Đào Nha, những người giờ đây trở thành những người đi biển dũng cảm nhất. Người Bồ Đào Nha đã khai phá đường biển đi Ấn Độ; hai người I-ta-li-a phục vụ ở nước ngoài, Cô-lông và Ca-bốt, là những người đầu tiên – sau Lai-phơ người Noóc-măng đã vượt Đại Tây Dương. Những cuộc hành trình xa trên biển giờ đây trở thành cần thiết và đòi hỏi phải có những tàu lớn. Đồng thời sự cần thiết vũ trang trọng pháo cho tàu chiến, thậm chí cho tàu buôn, cũng đòi hỏi tăng kích thước và trọng tải của tàu. Những nguyên nhân đã làm xuất hiện lực quân thường trực, cũng quyết định sự ra đời của hải quân thường trực, và chỉ từ lúc đó mới có thể nói đến hải quân thực sự. Kỷ nguyên của các hoạt động thực dân – mà hiện đã mở ra đối với tất cả các nước có biển – cũng là thời đại xây dựng hạm đội lớn để bảo vệ những thuộc địa vừa mới dựng lên và nền thương mại với những thuộc địa ấy. Từ đó bắt đầu thời kỳ – so với bất cứ thời kỳ nào trước đây – có nhiều trận hải chiến hơn và đạt được nhiều thành quả hơn trong sự phát triển vũ khí hải quân.

Hen-ri VII đặt cơ sở cho hải quân Anh, ông đóng chiếc tàu chiến đầu tiên gọi là "Grê-ít Ha-ri". Người nối ngôi Hen-ri VII^{1*} đã xây dựng hạm đội hải quân thường trực chính qui làm tài sản của nhà nước; chiếc tàu lớn nhất của hạm đội ấy gọi là "Hen-ri Grát đơ Đì-ơ". Tàu này lớn nhất trong tất cả những tàu được đóng từ trước cho tới lúc bấy giờ, nó có 80 khẩu pháo, một phần được bố trí trên hai boong pháo thông thường liên hoàn và một phần trên sàn bổ trợ ở mũi tàu và đuôi tàu. Tàu có 4 cột buồm và trọng tải của nó ước khoảng 1 000 - 1 500 tấn. Toàn bộ hải quân Anh vào lúc Hen-ri VIII qua đời gồm chừng 50 tàu buồm, tổng trọng tải là 12 000 tấn, với số nhân viên lên tới 8 000 thủy binh

1* – Hen-ri VIII

và lính thủy đánh bộ. Những tàu lớn thời kỳ đó đều có tầng trên mũi tàu và tầng trên đuôi cao, nghĩa là có tầng trên mũi tàu và đuôi tàu rất cao, nên tàu rất không ổn định. Chiếc tàu lớn thứ hai mà chúng tôi có tài liệu về nó – đó là tàu "Xô-vơ-rin Ô-vơ đơ Xi-i-ơ", về sau gọi là "Roay-an Xô-vơ-rin". Nó được đóng vào năm 1637. Đó là chiếc tàu thứ nhất mà chúng tôi có những tài liệu hầu như chính xác về vũ khí của nó. Nó có 3 boong liên, tầng trên mũi, phần giữa trước của boong, phần sau boong, tầng trên đuôi và buồng chỉ huy đuôi tàu; ở boong dưới của nó có 30 khẩu pháo cỡ 42 và 32 pao, ở boong giữa có 30 khẩu pháo cỡ 18 và 9 pao, ở boong trên có 26 khẩu pháo nhẹ, chắc là cỡ 6 và 3 pao. Ngoài ra, nó còn có 26 khẩu pháo mạn tàu và 26 khẩu pháo ở tầng trên mũi và phần giữa trước của boong. Nhưng khi làm nhiệm vụ thông thường trong khu vực nội thủy thì trang bị ấy giảm xuống còn 100 khẩu pháo, vì toàn bộ số vũ khí ấy xem ra quá lớn đối với con tàu. Về những tàu nhỏ hơn, chúng tôi có những tài liệu cực kỳ nghèo nàn về chúng.

Năm 1651 hạm đội hải quân được chia ra làm sáu hạng. Nhưng ngoài ra còn có rất nhiều loại không xếp hạng, như: xuồng, thuyền kho, rồi về sau còn có pháo thuyền, tàu phóng hỏa và thuyền buồm. Theo bản thống kê tàu của toàn bộ hải quân Anh năm 1677 thì tàu ba boong lớn nhất thuộc hạng nhất có 26 khẩu pháo cỡ 42 pao, 28 khẩu pháo cỡ 24 pao, 28 khẩu cỡ 9 pao, 14 khẩu cỡ 6 pao và 4 khẩu cỡ 3 pao, còn tàu hai boong nhỏ nhất (hạng năm) có 18 khẩu pháo cỡ 18 pao, 8 khẩu cỡ 6 pao và 4 khẩu cỡ 4 pao, nghĩa là cả thảy có 30 khẩu. Toàn bộ hạm đội gồm có 129 tàu. Năm 1714 con số ấy là 198, năm 1727 là 178 và năm 1744 là 128 tàu. Về sau cùng với sự tăng số lượng tàu, kích thước của chúng cũng tăng lên, còn cùng với sự tăng trọng tải của chúng, trọng lượng của vũ khí trang bị cũng tăng lên.

Tàu chiến đầu tiên của Anh tương đương với loại Phrê-gát hiện đại của chúng ta – do ngài Rô-béc Đa-đi đóng từ cuối thế kỷ XVI.

Nhưng phải sau 80 năm trôi kể từ khi loại tàu này xuất hiện lần đầu tiên ở các nước Nam Âu, nó mới được sử dụng rộng rãi trong hải quân Anh. Một thời gian ở Anh người ta không đánh giá đầy đủ phẩm chất tốc độ cao đặc biệt của các Phrê-gát. Tàu Anh thông thường chở quá nhiều pháo, nên các cửa pháo ở tầng dưới chỉ cách mặt nước có 3 phút, không thể mở ra vào thời tiết bão; ngoài ra sự chở quá nặng làm giảm rất nhiều tính năng hàng hải của tàu. Người Tây Ban Nha, cũng như người Pháp, đã tăng độ choán nước của tàu trong khi duy trì một số lượng pháo tương xứng, do đó tàu của họ có thể đặt được các pháo cỡ lớn hơn và chở được nhiều đạn được hơn; ngoài ra chúng còn có sức nổi lớn hơn và tốc độ lớn hơn. Phrê-gát của Anh vào nửa đầu thế kỷ XVIII, có 44 khẩu pháo cỡ 9-12 pao và mấy khẩu pháo cỡ 18 pao với lượng choán nước là khoảng 710 tấn. Năm 1780 người ta đóng những Phrê-gát có lượng choán nước là 946 tấn được trang bị 38 khẩu pháo (phần lớn là cỡ 18 pao). Ở đây chúng ta thấy có sự tiến bộ rõ ràng. Loại tàu Phrê-gát của Pháp vào thời kỳ này cũng được trang bị như thế, có lượng choán nước trung bình nhiều hơn 100 tấn. Cũng vào khoảng thời gian ấy (giữa thế kỷ XVIII), những tàu chiến nhỏ hơn được phân chia rõ ràng như hiện nay ra thành: tàu Coóc-vét, tàu hai cột buồm, tàu hai cột buồm nhỏ và thuyền buồm dọc.

Năm 1779 đã phát minh ra (có lẽ do tướng Anh Men-vin) một loại pháo mới gây ra sự biến đổi quan trọng trong vũ khí trang bị của phần lớn hải quân các nước. Đó là thứ pháo cỡ lớn, nòng rất ngắn, giống như lựu pháo, nhưng để bắn đạn đặc ở cự ly gần với lượng thuốc nổ nhỏ. Pháo này ban đầu do công ty sắt Ca-rông ở Xcốt-len chế tạo, nên mang tên gọi là pháo Ca-rông. Pháo bắn đồng loạt không có hiệu quả khi bắn ở cự ly xa, lại có hậu quả đáng sợ đối với bộ phận bằng gỗ của tàu địch khi bắn thẳng rất gần. Nhờ tốc độ nhỏ của nó (do lượng thuốc nổ nhỏ) đạn pháo này gây ra lỗ thủng lớn, phá hoại nặng nề hơn nhiều cho bộ phận bằng gỗ và gây ra rất nhiều chỗ thủng đặc biệt nguy hiểm. Thêm vào đó, pháo này tương đối nhẹ nên có thể dễ tìm chỗ đặt máy

khẩu ở thượng tầng đuôi, phần sau boong và thượng tầng mũi của tàu chiến. Đến năm 1781 trong hải quân Anh đã có 429 tàu chiến trang bị 6 - 10 khẩu pháo Ca-rông ngoài những pháo thông thường của chúng. Đọc những báo cáo về hải chiến trong thời kỳ chiến tranh Pháp và chiến tranh Mỹ cần chú ý rằng người Anh không bao giờ tính pháo Ca-rông vào số lượng pháo được tính trong vũ khí trang bị của tàu chiến, ví dụ như tàu Phrê-gát của Anh được xem là tàu chiến có 36 khẩu pháo, nhưng trên thực tế có thể có trên 42 khẩu, nếu ta tính đến số pháo Ca-rông có trên tàu. Trong thời kỳ chiến tranh với nước Pháp cách mạng, ưu thế đạt được nhờ sử dụng pháo Ca-rông về mặt trọng lượng đạn pháo bắn hàng loạt từ thành tàu chiến Anh, đã giúp cho người Anh thắng nhiều trận đánh ở cự ly gần. Nhưng rút cục, pháo Ca-rông chỉ là vũ khí tạm thời để tăng cường sức chiến đấu của những tàu chiến tương đối nhỏ tồn tại 80 năm trước đây. Một khi kích thước của tàu chiến mỗi hạng tăng lên, người ta lại bắt đầu từ bỏ pháo Ca-rông, và hiện nay chúng đã bị thay thế, trên mức độ rất lớn, bằng những kiểu pháo khác.

Về mặt cấu tạo của tàu chiến, người Pháp và người Tây Ban Nha vượt xa người Anh. Tàu của họ lớn hơn và hình dáng đẹp hơn của Anh; các tàu Phrê-gát của họ đặc biệt trội hơn của người Anh về mặt kích thước cũng như về tính năng hàng hải. Trong nhiều năm các tàu Phrê-gát của Anh đã mô phỏng theo kiểu của tàu "He-ba" của Pháp bị chiếm vào năm 1782. Cùng với sự tăng chiều dài của tàu chiến, tăng cao trên mũi tàu và đuôi tàu – thượng tầng mũi, thượng tầng đuôi và phần sau boong – đã thu nhỏ lại, nhờ thế nâng cao được tính năng hàng hải. Như vậy là dần dần tàu có được hình dáng tương đối đẹp mắt và tốc độ cao là những đặc điểm của tàu chiến hiện đại. Trên những tàu tương đối lớn ấy, thay vì tăng số lượng pháo người ta tăng dần cỡ pháo cũng như trọng lượng và chiều dài của mỗi khẩu pháo để có thể sử dụng lượng thuốc nổ đầy đủ và đạt tới tầm xa tối đa khi bắn thẳng, điều đó cho phép bắn ở cự ly xa. Pháo cỡ nhỏ dưới 24 pao

đều biến khỏi các tàu chiến lớn, các cỡ còn lại được giản đơn hoá sao cho trên một tàu chiến có không quá hai, nhiều nhất là ba cỡ pháo. Vì trên tàu chiến chủ lực boong dưới là vững chắc nhất, nên ở đây đặt pháo cùng cỡ với pháo ở boong trên, nhưng dài hơn và nặng hơn, để ít ra là có một tầng pháo bắn ở cự ly xa nhất.

Khoảng năm 1820 tướng Pháp Péc-xan đã có một phát minh có ý nghĩa rất lớn đối với vũ khí của hải quân. Ông thiết kế pháo cỡ lớn có ngăn hẹp đựng thuốc súng ở bộ cơ bả và dùng các khẩu "pháo bắn trái phá" ấy (conons obusiers) bắn đạn rộng với góc bắn nhỏ. Trước đó, người ta chỉ dùng lựu pháo của pháo đài bờ biển bắn đạn rộng vào tàu chiến; thực ra, từ lâu ở Đức người ta đã dùng đạn trái phá bắn thẳng vào công sự kiên cố từ những khẩu pháo nòng ngắn cỡ 24 pao, thậm chí 12 pao. Na-pô-lê-ông đã biết rất rõ tác dụng phá hoại của trái phá khi rơi vào thành gỗ của tàu chiến, ở Bu-lông ông đã trang bị lựu pháo cho phần lớn các pháo thuyền của mình dùng vào cuộc viễn chinh sang Anh và định ra qui tắc là phải bắn vào tàu chiến những đạn pháo nổ sau khi rơi trúng mục tiêu. Giờ đây pháo bắn trái phá của Péc-xan cho phép trang bị tàu chiến bằng những khẩu pháo nhờ cách bắn thẳng nhất bằng trái phá nên có thể sử dụng trong hải chiến giữa tàu chiến với nhau và bảo đảm cũng đạt xác suất trúng đích như pháo kiểu cũ bắn đạn đặc. Loại pháo mới được nhanh chóng dùng để trang bị cho hải quân tất cả các nước, và qua nhiều sự cải tiến từ nay nó đã trở thành bộ phận quan trọng trong vũ khí của tất cả các tàu chiến lớn.

Chẳng bao lâu sau người ta đã tiến hành những cuộc thí nghiệm đầu tiên về sử dụng động cơ hơi nước vào tàu chiến như Phun-tơn đã làm đối với tàu buôn. Việc chuyển từ tàu thuỷ hơi nước chạy sông sang tàu thuỷ hơi nước chạy ven biển, rồi dần dà sang tàu thuỷ hơi nước chạy đại dương, đã diễn ra chậm chạp; sự phát triển của tàu chiến hơi nước cũng chậm chạp như vậy. Điều đó là do thời bấy giờ chỉ có tàu thuỷ chạy bằng bánh guồng nước. Bánh xe guồng và một phần máy móc đã bị hở ra trước hoả lực địch và

có thể trở thành vô dụng nếu trúng một phát đạn; những bánh xe này chiếm một phần lớn không gian của mạn tàu, ngoài ra trọng lượng của máy móc, bánh xe guồng và than làm giảm nhiều sức chứa của tàu, đến mức không thể nói tới việc trang bị cho nó một số lượng lớn trọng pháo nòng dài. Do đó, tàu thuỷ có bánh xe guồng không thể nào trở thành tàu chiến chủ lực, nhưng tính ưu việt của nó về tốc độ nhanh làm cho nó có thể cạnh tranh với loại tàu Phrê-gát thường cơ động bên sườn địch để phát huy thắng lợi hoặc yểm hộ cuộc rút lui. Hiện nay Phrê-gát cũng kịp thời có được loại kích thước và vũ khí làm cho người ta có thể mạnh bạo sử dụng nó trong các cuộc tuần tiễu độc lập, đồng thời tính năng hàng hải ưu việt của nó cho phép nó kịp thời rút khỏi cuộc chiến đấu không cân sức. Tính năng hàng hải của bất cứ tàu Phrê-gát nào đều thua xa tàu chạy bằng hơi nước, nhưng không có vũ khí tốt thì tàu chạy bằng hơi nước không thể hoàn thành sứ mệnh của nó. Không thể nói tới hình thức chiến đấu chính qui từ mạn tàu của tàu chạy bằng hơi nước chống lại Phrê-gát; số lượng pháo của tàu chạy bằng hơi nước, do thiếu chỗ, tất nhiên bao giờ cũng ít hơn số lượng pháo của Phrê-gát chạy buồm. Ở đây hơn bất cứ nơi nào khác, pháo bắn trái phá là thích hợp nhất. Số lượng bị giảm đi của pháo trên tàu Phrê-gát chạy hơi nước được bù lại bằng trọng lượng của đạn và cỡ của những khẩu pháo này. Ban đầu những khẩu pháo này chỉ dùng để bắn trái phá, nhưng gần đây chúng được chế tạo với trọng lượng nặng – nhất là loại pháo cối (ở mũi và đuôi tàu) – đến mức là khi dùng lượng thuốc nổ đầy đủ thì có thể bắn đạn đặc tới cự ly xa. Ngoài ra, số lượng pháo giảm đi cho phép xây dựng trên boong bộ quay và đường ray, nhờ đó mà toàn bộ hoặc một phần lớn các khẩu pháo có thể di chuyển để bắn vào bất cứ hướng nào. Nhờ vậy, sức tấn công của Phrê-gát chạy bằng hơi nước hầu như tăng lên gấp đôi, và Phrê-gát chạy bằng hơi nước với 20 khẩu pháo có thể đưa vào hoạt động ít ra là một số lượng pháo ngang số pháo được đưa vào sử dụng của tàu Phrê-gát chạy buồm với 40 khẩu pháo, nhưng mỗi bên mạn tàu chỉ có 18 khẩu hoạt động. Do đó, Phrê-gát lớn hiện đại chạy bằng hơi nước và có bánh xe guồng nước là một

trong những tàu chiến có uy lực lớn nhất. Ưu thế về cỡ và tầm bắn pháo của nó cùng với tốc độ của nó đã cho phép nó bắn phá địch ở cự ly mà tàu chạy buồm khó có thể đánh trả nó bằng hỏa lực đôi chút hữu hiệu; đồng thời trong trường hợp tăng cường độ chiến đấu là có lợi cho nó, thì nó có thể lợi dụng sức công phá do trọng lượng đạn pháo nó bắn ra đem lại cho nó. Tuy vậy, chỗ yếu của tàu thủy có bánh xe guồng nước vẫn là ở chỗ toàn bộ phần động lực của nó không được bảo vệ chống lại hỏa lực bắn trực tiếp và là một mục tiêu lớn.

Đối với những tàu chiến nhỏ hơn như: loại tàu Coóc-vét, tàu trinh sát và các tàu nhẹ khác không đóng vai trò gì trong hải chiến nhưng rất có ích trong suốt chiến dịch, thì tính ưu việt lớn của hơi nước được mọi người thừa nhận ngay, và do nhu cầu của hải quân phần lớn các nước, người ta đã đóng một số lượng lớn loại tàu có bánh xe guồng nước này. Đối với tàu vận tải cũng xảy ra tình hình giống như thế. Nơi nào người ta dự định đổ bộ lính thủy đánh bộ, tàu chạy hơi nước không những đã rút ngắn xuống tới mức tối thiểu thời gian di chuyển trên biển, mà còn cho phép tính toán, với sự chuẩn xác hầu như tuyệt đối, thời gian tới được nơi qui định. Việc chuyên chở quân đội được giản tiện rất nhiều, nhất là nếu ta tính đến tình hình là mỗi nước có biển đều có một số lượng lớn tàu có bánh xe guồng nước thuộc đội tàu buôn và khi cần chúng có thể biến thành tàu vận tải. Chính dựa trên căn cứ đó hoàng thân Đơ Gioăng-vin đã nêu lên, trong bài văn châm biếm nổi tiếng của mình, ý kiến cho rằng trong các điều kiện chiến tranh trên biển, do những biến đổi hết sức lớn khi lợi dụng hơi nước nên sự xâm nhập của Pháp vào Anh không còn là điều không thể làm được³²⁸. Tuy vậy, chừng nào các tàu dùng cho các hoạt động có tính chất quyết định, tức tàu chiến chủ lực, vẫn toàn là tàu chạy buồm, thì việc sử dụng hơi nước không thể gây ra những thay đổi lớn trong những điều kiện diễn ra những trận hải chiến lớn.

Với sự phát minh ra chân vịt đã xuất hiện một phương tiện

gây ra sự chuyển biến tận gốc trong chiến tranh trên biển và biến tất cả tàu chiến thành tàu hơi nước. Nhưng 13 năm sau khi phát minh ra chân vịt mới có bước đi đầu tiên theo hướng ấy. Người Pháp, bao giờ cũng đi trước người Anh về mặt thiết kế và chế tạo tàu thủy mới, là những người đầu tiên đã đi bước ấy. Năm 1849 kỹ sư Pháp Duy-piu đơ Lôm rút cục đã đóng chiếc tàu chiến chủ lực đầu tiên có chân vịt – tàu "Na-pô-lê-ông" được trang bị 100 khẩu pháo với động cơ mạnh 600 sức ngựa. Tàu này không hoàn toàn dựa vào tác dụng của hơi nước; khác với bánh xe guồng nước, chân vịt cho phép giữ lại toàn bộ hình dáng và bộ trang thiết bị của tàu chạy buồm và có thể tùy ý chạy chỉ bằng hơi nước, hoặc chỉ chạy bằng buồm, hoặc bằng cả hai thứ đó. Vì vậy một khi có thể sử dụng buồm thì tàu bao giờ cũng có thể tiết kiệm than phòng khi cần thiết; do đó, nó ít phụ thuộc vào vị trí ở gần trạm than, ít hơn nhiều so với tàu chạy bánh xe guồng nước cũ. Vì nó còn sử dụng buồm, cũng như vì sức mạnh của động cơ hơi nước của nó còn quá nhỏ để nó có thể đạt được tốc độ bằng tốc độ của tàu có bánh xe guồng nước, nên tàu "Na-pô-lê-ông" và những tàu khác cùng kiểu được gọi là tàu hơi nước bổ trợ. Nhưng sau đó người ta đã đóng được những tàu chiến chủ lực có động cơ hơi nước đủ mạnh, cho phép đạt tới tốc độ đầy đủ mà chân vịt có thể đem lại cho tàu. Nhờ thành công của tàu "Na-pô-lê-ông", nên chẳng bao lâu sau Pháp, cũng như Anh, đều bắt đầu đóng tàu chiến chủ lực chạy bằng chân vịt. Cuộc chiến tranh ở Nga^{1*} đem lại sự thúc đẩy mới cho những sự cải cách căn bản đó trong ngành đóng tàu quân sự. Khi đã xác định được rằng đại bộ phận các tàu chủ lực được đóng tốt đều có thể lắp chân vịt và máy móc mà không gặp phải những khó khăn đặc biệt, thì việc biến tất cả những tàu hải quân thành tàu chạy hơi nước chỉ còn là vấn đề thời gian. Hiện giờ không còn một cường quốc lớn trên biển nào nghĩ tới việc đóng những tàu lớn chạy buồm. Hầu như tất cả những tàu mới

1* - Cuộc chiến tranh Crim 1853 - 1856.

đóng đều là tàu thủy chân vịt, trừ một số ít tàu thủy có bánh xe guồng nước vẫn còn cần thiết cho những mục đích nhất định. Đến năm 1870 tàu chiến chạy buồm đã lỗi thời, cũng như chiếc guồng xe sợi quay tay và súng nòng trơn đã lỗi thời vậy.

Cuộc Chiến tranh Crưm làm xuất hiện hai loại tàu chiến mới về mặt cấu tạo. Một là, pháo thuyền hay là thuyền trang bị cối chạy bằng hơi nước ban đầu do người Anh đóng cho cuộc công kích đã dự định nhằm vào Crôn-stát. Đó là một loại tàu nhỏ với mồm nước 4 đến 7 phút, được trang bị một hoặc hai trọng pháo có tầm bắn xa hoặc cối hạng nặng; pháo thuyền được sử dụng chủ yếu ở vùng nước nông khó đi lại, còn thuyền có trang bị cối dùng để bắn phá từ xa các kho quân giới hải quân có công sự. Những tàu này đáp ứng được cao độ sứ mạng của chúng và không nghi ngờ gì cả, sẽ có tác dụng quan trọng trong các cuộc chiến tranh hải quân sau này. Như trận Xvê-a-boóc-gơ đã chứng minh, cối thuyền đã hoàn toàn làm thay đổi tương quan lực lượng trong phòng ngự và trong tấn công giữa pháo đài và tàu chiến, đem lại cho tàu chiến khả năng bắn phá vào pháo đài mà không bị trừng phạt, một khả năng mà trước đây nó chưa từng có; ở cự ly 3 000 i-ác-đơ trái phá của cối thuyền có thể bắn phá một mục tiêu lớn như thành phố, nhưng bản thân nó thì hoàn toàn an toàn nhờ bề mặt rất nhỏ của nó. Trái lại, pháo thuyền phối hợp với pháo đài bờ biển sẽ tăng cường cuộc phòng thủ và bảo đảm cho chiến tranh trên biển có được những đơn vị tác chiến nhẹ với tính cách những đơn vị mở đường mà trước kia rất thiếu.

Điều mới mẻ thứ hai là pháo đài nổi bọc sắt, đạn bắn không thùng, ban đầu do người Pháp chế tạo để tấn công công sự phòng ngự bờ biển. Chúng chỉ được dùng thử ở Kin-bu, và ngay đối với tường chắn không kiên cố và các khẩu pháo đã hoen rỉ của cứ điểm nhỏ ấy, hoạt động của chúng cũng không đem lại kết quả đặc biệt lớn³²⁹. Tuy vậy, xem ra người Pháp rất hài lòng về những tàu ấy, nên từ đó họ tiếp tục đóng thử tàu có vỏ thép. Họ đóng những pháo thuyền có một thứ tường chắn bằng thép, đạn bắn

không xuyên thùng, ở thượng tầng mũi để bảo vệ pháo và pháo thủ. Nếu như pháo đài nổi rất vụng về và phải được kéo đi, thì những pháo thuyền này bao giờ cũng chìm mũi xuống nước, và nói chung không hợp với di chuyển trên biển. Tuy vậy, người Pháp đã đóng một chiếc Phrê-gát bọc thép, chạy bằng hơi nước, gọi là "La Gloa-ri", nghe nói đạn không xuyên thùng nó, và nó chạy rất nhanh và hoàn toàn có thể chịu được bão táp. Đã có những ý kiến khẳng định rất phóng đại về cuộc cách mạng có thể có nhờ những chiếc Phrê-gát đạn không xuyên thùng đó gây ra trong chiến tranh trên biển. Người ta tuyên bố rằng những tàu chiến chủ lực đã lỗi thời, rằng khả năng quyết định kết cục của những trận hải chiến lớn đã chuyển sang cho những tàu Phrê-gát có một pháo đài xung quanh bọc thép và đạn không xuyên thùng được; tưởng như không một tàu chiến ba boong bằng gỗ nào lại có thể chống chọi được với loại Phrê-gát này. Ở đây không phải chỗ thảo luận những vấn đề ấy, nhưng chúng tôi có thể chỉ ra rằng chế tạo và đặt lên tàu chiến những khẩu pháo nòng có rãnh và đủ mạnh để xuyên thùng vỏ sắt hoặc vỏ thép là điều dễ hơn nhiều so với việc đóng những con tàu bọc một lớp kim loại đủ dày để có thể chống được đạn đặc hoặc trái phá do những khẩu pháo ấy bắn ra. Về tàu "La Gloa-ri" thì, rút cục, người ta còn chưa biết đích xác được xem nó có chịu đựng được thời tiết bão tố hay không; nghe nói, do không thể chở đủ số lượng than, nên đưa vào hơi nước nó không thể đi biển quá ba ngày. Chúng ta còn chưa biết năng lực của đối thủ của nó ở Anh là tàu "Ua-ri-ri". Không nghi ngờ gì nữa, giảm vũ khí và khối lượng dự trữ than và thay đổi cấu tạo người ta có thể đóng những tàu chiến hoàn toàn chống được đạn bắn từ cự ly xa và vừa, đồng thời lại là tàu chạy hơi nước tốt. Nhưng vào thời đại mà khoa học pháo binh tiến bộ hết sức nhanh, thì vấn đề sau này có nên đóng những chiếc tàu như thế không còn là điều đáng nghi ngờ.

Sự chuyển biến trong pháo binh xảy ra hiện nay nhờ sử dụng pháo nòng có rãnh, xem ra có ảnh hưởng đối với chiến tranh trên

biển lớn hơn nhiều so với bất cứ ảnh hưởng nào mà tàu bọc thép có thể gây ra. Mỗi khẩu pháo nòng có rãnh xúng đáng với tên gọi ấy, khi bắn ở cự ly xa, đã cho một độ chuẩn xác tới mức là tình trạng không có hiệu quả trước đây của hoả lực pháo hải quân bắn ở cự ly như thế, xem ra, sắp sửa trở thành chuyện quá khứ rồi. Ngoài ra, pháo nòng có rãnh cho phép sử dụng đạn pháo dài và lượng thuốc nổ giảm bớt, đã giảm đi rất nhiều cỡ nòng và trọng lượng của pháo ở thành tàu, còn nếu giữ cỡ nòng trước đây thì đạt được hiệu quả lớn hơn. Quả đạn dài của khẩu pháo nòng có rãnh nặng 56 tạ với cỡ 32 pao thì vượt trội hơn đạn hình cầu của pháo nòng trơn cỡ 10 in-xơ có trọng lượng 113 tạ, không những về mặt trọng lượng mà cả về mặt sức xuyên, tầm bắn xa và rơi trúng đích. Sức tấn công của mỗi tàu chiến tăng ít nhất gấp ba nếu được trang bị pháo nòng có rãnh. Thêm vào đó, người ta cảm thấy rất mạnh mẽ sự cần thiết phát minh ra đạn va nổ, nó nổ ngay lúc đụng vào thành tàu. Sự chuyển động quay của đạn hình cầu không thực hiện được điều đó: ngòi nổ không phải bao giờ cũng ở vào vị trí cần thiết vào lúc đạn rơi vào mục tiêu, do đó không nổ. Nhưng đạn dài được bắn ra bằng pháo nòng có rãnh thì chuyển động xung quanh trục dọc của nó, nên bao giờ cũng làm cho đầu đạn đập vào mục tiêu và ngòi nổ giản đơn của kíp đặt trên đầu viên đạn sẽ làm đạn nổ, khi nó chạm vào thành tàu. Trong những tàu bọc sắt được phát minh cho tới nay, vị tất có tàu nào lại dám coi thường, mà không bị trừng phạt, hai loại đạn pháo đó bắn từ thành tàu của tàu hai boong, ấy là chưa nói đến đạn trái phá có thể rơi qua cửa pháo lọt vào trong tàu và nổ ở giữa các boong. Pháo nòng có rãnh tất phải kết thúc, trên mức độ rất lớn, những trận đánh gần mà pháo Ca-rông rất thích hợp; sự cơ động lại có ý nghĩa lớn, mà vì hơi nước làm cho các tàu giao chiến không phụ thuộc vào gió và luồng nước nên xét về phương pháp thì các cuộc hải chiến sau này sẽ càng giống các trận đánh trên bộ và sẽ phục tùng những nguyên tắc chiến thuật của các trận đánh trên bộ.

Các tàu chiến hợp thành hải quân hiện đại, được phân chia ra thành các hạng khác nhau, từ hạng một đến hạng sáu. Nhưng vì các hạng ấy có thể thay đổi tùy tiện, nên tốt hơn hết là phân loại tàu chiến theo cách thông thường, chia ra thành tàu chiến chủ lực, Phrê-gát, Coóc-vét, tàu hai cột buồm, thuyền buồm v.v.. Tàu chủ lực là những tàu chiến lớn nhất dùng để cấu thành đội hình chiến đấu trong những trận đánh tổng lực và quyết định kết cục của trận đánh bằng trọng lượng đạn bắn vào tàu địch. Chúng gồm có tàu ba boong hoặc hai boong, nói cách khác, chúng có 3 hoặc 2 boong lợp, được trang bị pháo. Những boong ấy gọi là boong dưới, boong giữa và boong chính hoặc boong trên. Boong trên ban đầu chỉ được lợp ở thượng tầng đuôi, phần sau boong và thượng tầng mũi thì bây giờ có boong liên hoàn lộ thiên từ mũi tàu đến đuôi tàu. Boong lộ thiên ấy mà các bộ phận vẫn còn gọi là thượng tầng đuôi, phần sau boong và thượng tầng mũi (phần xây dựng ở giữa gọi là phần giữa trước của boong) cũng có pháo, chủ yếu là pháo Ca-rông, thành thử trên thực tế hai boong có ba tầng pháo và tàu ba boong có 4 tầng pháo. Pháo nặng nhất dĩ nhiên được bố trí ở boong dưới. Pháo bố trí càng cao so với mặt nước thì trọng lượng của chúng càng nhỏ. Cỡ thông thường của những pháo ấy là giống nhau trên mọi boong; điều đó chỉ đạt được bằng cách giảm trọng lượng của bản thân khẩu pháo, do vậy đối với pháo ở boong trên chỉ có thể sử dụng lượng thuốc nổ giảm đi, do đó chỉ có thể dùng để bắn ở cự ly ngắn. Ngoại lệ duy nhất trong qui tắc này là loại pháo truy kích đặt ở mũi đuôi tàu và ngay khi được đặt ở thượng tầng mũi hoặc thượng tầng đuôi và phần sau boong thì pháo này vẫn có chiều dài và trọng lượng tối đa cho phép, vì chúng được sử dụng để bắn ở cự ly xa nhất. Chẳng hạn, pháo ở mũi và đuôi tàu chiến chủ lực của Anh là pháo bắn trái phá cỡ 8 và 10 in-xơ, hoặc pháo bắn đạn đặc cỡ 56 pao (đường kính nòng bằng 7,7 in-xơ) và 68 pao (đường kính nòng bằng 8,13 in-xơ) mà một khẩu được đặt trên bộ quay ở thượng tầng mũi. Trong hải quân Anh, trên tàu chiến loại thứ nhất thường có 6 khẩu pháo ở đuôi tàu và 5 khẩu ở mũi tàu.

Vũ khí trang bị còn lại của loại tàu chiến này được liệt kê trong bảng sau đây:

Nơi đặt pháo	Loại pháo	Trọng lượng	Chiều dài	Số khẩu
Boong dưới	pháo bắn trái phá 8 in-xơ	65 tạ	9 p. 0 i.	4
" "	pháo 32 pao	56 "	9 " 6 "	28
Boong giữa	pháo bắn trái phá 8 in-xơ	65 "	9 " 0 "	2
" "	pháo 32 pao	50 "	9 " 0 "	32
Boong trên	pháo 32 pao	42 "	8 " 0 "	34
Thượng tầng mũi				
thượng tầng đuôi	pháo 32 pao	45 "	8 " 6 "	6
và phần sau boong	pháo Ca-rông 32 pao	17 "	4 " 0 "	14
Cộng....				120

Trang bị vũ khí của loại tàu chiến chủ lực nhỏ hơn cũng dựa trên nguyên tắc đó. Để so sánh, chúng tôi cũng nêu lên trang bị của tàu chiến loại nhất của Pháp, cụ thể là: boong dưới của nó có 32 pháo nòng dài cỡ 30 pao; boong giữa có 4 khẩu pháo 80 pao bắn trái phá và 30 khẩu pháo nòng ngắn 30 pao; boong trên có 34 khẩu pháo bắn trái phá 30 pao, thượng tầng mũi, thượng tầng đuôi và phần sau boong thì có 4 khẩu 30 pao bắn trái phá và 16 khẩu pháo Ca-rông 30 pao, tổng cộng có 120 khẩu. Pháo 80 pao bắn trái phá của Pháp có đường kính nòng lớn hơn 0,8 in-xơ so với pháo 8 in-xơ của Anh; pháo 30 pao bắn trái phá và pháo 30 pao bắn đạn đặc của Pháp có đường kính nòng lớn hơn một chút so với pháo 30 pao của Anh, nên Pháp chiếm ưu thế về trọng lượng của đạn. Tàu chiến chủ lực nhỏ nhất hiện nay có 72 khẩu pháo; tàu Phrê-gát lớn nhất có 61 khẩu.

Phrê-gát là tàu chiến chỉ có một boong có mái che, ở trên có bố trí pháo, và trên boong này có một boong khác lộ thiên (thượng tầng mũi, thượng tầng đuôi và phần sau boong) trên đó cũng đặt pháo. Vũ khí của Phrê-gát trong hạm đội Anh thường gồm có 30 khẩu (hoặc toàn là pháo bắn trái phá, hoặc một phần là pháo bắn trái phá, còn một phần là pháo nòng dài 32 pao) ở trên boong

pháo, 30 khẩu pháo nòng ngắn 32 pao ở thượng tầng mũi thượng tầng đuôi và phần sau boong và một khẩu trọng pháo ở mũi tàu được đặt trên bệ quay. Vì Phrê-gát phần lớn được dùng vào những hoạt động đơn độc và thường chiến đấu một chọi một với Phrê-gát địch cũng làm nhiệm vụ chiến đấu, nên đa số các nước có biển đã có những cố gắng đáng kể để làm sao cho Phrê-gát lớn hơn và có uy lực hơn. Sự tăng trọng tải của bất cứ loại tàu chiến nào khác đều không lớn bằng của loại Phrê-gát. Vì Hợp chúng quốc Mỹ cần có một hạm đội hải quân giá rẻ nhưng đủ mạnh để có thể được kính nể, nên nó là nước đầu tiên chú ý đến tính ưu việt to lớn của hạm đội gồm những Phrê-gát lớn, mỗi Phrê-gát này đều trội hơn bất cứ Phrê-gát nào do các nước khác đem ra đối chọi lại nó. Ưu thế của những người đóng tàu Mỹ cũng được sử dụng trong việc đóng những tàu chạy nhanh, và cuộc chiến tranh gần đây với Anh (các năm 1812 - 1814) đã chứng minh qua nhiều trận đánh được tiến hành tốt, cho thấy những Phrê-gát Mỹ ấy là địch thủ đáng sợ như thế nào. Cho tới mãi hiện nay, các Phrê-gát của Hợp chúng quốc Mỹ vẫn được coi là mẫu mực của tàu chiến loại này, mặc dầu sự khác nhau về qui mô, khi so sánh chúng với Phrê-gát của các hải quân khác, hiện nay không lớn như 30 năm hoặc 40 năm về trước.

Loại tàu chiến tiếp theo gọi là Coóc-vét. Chúng chỉ có một tầng pháo đặt trên boong lộ thiên. Nhưng những tàu lớn hơn thuộc loại này có thượng tầng mũi, thượng tầng đuôi và phần sau boong (song ở phần giữa tàu không nối liền với boong liền) trên đó còn đặt mấy khẩu pháo nữa. Do đó, những tàu Coóc-vét ấy hầu như giống loại tàu Phrê-gát 80 năm trước đây, khi hai đầu nhô lên của tàu chiến còn chưa được nối liền với nhau bằng boong liền. Song, những Coóc-vét ấy vẫn đủ vững chắc để mang trên boong những khẩu pháo cùng cỡ với pháo trên tàu chiến lớn hơn. Coóc-vét cũng có 3 cột buồm, tất cả đều dùng buồm ngang. Những tàu chiến nhỏ hơn – tàu buồm ngang và tàu buồm dọc – có từ 20 đến 6 khẩu pháo. Trên những tàu này chỉ đặt hai cột buồm: ở tàu

buồm ngang thì dùng buồm ngang và tàu buồm dọc thì dùng buồm dọc. Cỗ pháo của chúng tất nhiên nhỏ hơn của pháo trên tàu chiến lớn và thông thường không vượt quá 18 hoặc 24 pao, có khi tụt xuống còn 12 và 9 pao. Những tàu có sức tấn công nhỏ như vậy không thể được phái đến nơi mà sự chống trả nghiêm trọng đang chờ đợi. Trên mặt biển châu Âu, ở mọi nơi người ta đều bắt đầu thay chúng bằng tàu chạy bằng hơi nước; chúng chỉ có thể phục vụ thực tế ở những bờ biển Nam Mỹ, Trung Quốc v.v., ở nơi đây chúng sẽ gặp phải những kẻ địch yếu ớt và chúng chỉ được dùng để giương lá cờ của cường quốc trên biển.

Trên đây chỉ nói về trang bị được sử dụng trong hạm đội lúc này, nhưng không nghi ngờ gì nữa trang bị ấy sẽ biến đổi trên tất cả mọi mặt trong 10 năm tới, do khắp nơi đều sử dụng loại pháo hải quân nòng có rãnh.

Do Ph.Ăng-ghen viết vào khoảng ngày 22 tháng Mười một 1860
Đã in trong "New American Cyclopaedia", t. XII, 1861

In theo bản in trong Bách khoa toàn thư
Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC NGÀI PHÔ-GTÔ³³⁰

Do C.Mác viết vào tháng Hai - tháng Mười một 1860
Đã in thành sách riêng ở Luân Đôn năm 1860
Ký tên: Các Mác

In theo bản in cuốn sách
Nguyên văn là tiếng Đức

Herr Vogt.

Von

Karl Marx.



London,

A. Petſch & Co, deutsche Buchhandlung.

78, FENCHURCH STREET, E.C.

1860.

Bìa phụ của lần xuất bản đầu tiên cuốn "Ngài Phô-gto"

LỜI NÓI ĐẦU

Tôi đã đăng trên tờ "*Volks - Zeitung*" ở Béc-lin, "*Reform*" ở Hăm-buốc và trên các tờ báo Đức khác bản tuyên bố ghi rõ: "*Luân Đôn*, ngày 6 tháng Hai 1860", bản tuyên bố đó mở đầu như sau:

"Nay tôi tuyên bố rằng tôi đã có những bước chuẩn bị để kiện tờ "*National-Zeitung*" ở Béc-lin³³² về tội báo này đã vu khống tôi trong các bài xã luận ở các số 37 và 41 về tập sách nhỏ của Phô-gtơ: "*Vụ tôi kiện Allgemeine Zeitung*"³³³. Tôi sẽ trả lời *Phô-gtơ* trên báo chí sau này".

Tại sao tôi quyết định trả lời *Các Phô-gtơ* trên báo chí, còn trả lời "*National-Zeitung*" bằng thủ tục tư pháp, điều đó có thể thấy được qua tác phẩm đã được giới thiệu.

Tháng Hai 1860, tôi phát đơn kiện "*National-Zeitung*" về tội vu khống. Sau khi đã qua bốn cấp sơ thẩm, ngày 23 tháng Mười năm nay tôi nhận được của Tòa án tối cao Vương quốc Phổ bản quyết định tước đoạt của tôi quyền thưa kiện và như vậy là vụ án bị ngừng lại trước khi đưa ra xử công khai. Nếu như thực sự có sự xét xử công khai – như tôi có quyền trông đợi – thì tôi đã có thể bỏ đi một phần ba đầu tiên của tác phẩm này. Chỉ cần đăng lại biên bản tốc ký của cuộc xét xử của tòa án là đủ rồi và tôi đã thoát khỏi công việc cực kỳ khó chịu để trả lời sự công kích đối với cá nhân tôi và do đó nói về bản thân tôi. Tôi bao giờ cũng thận trọng tránh điều đó, nên Phô-gtơ có thể hy vọng ít nhiều thành công trong sự đặt điều vu khống của mình. Song sunt certi demique fines^{1*}. Trong

1* - rút cục mọi cái đều có giới hạn (Hô-ra-xơ. "Tập châm biếm", quyển I, bài thơ châm biếm thứ nhất).

cuốn sách thảm hại của mình – mà nội dung được "National-Zeitung" trình bày theo lối riêng của nó – Phô-gơ đã gán cho tôi nhiều việc xấu xa mà tôi bị tước hẳn khả năng bác bỏ *công khai* theo thủ tục tư pháp, nên đòi hỏi bác bỏ trên sách báo. Nhưng ngoài những điều suy nghĩ trên không cho phép sự lựa chọn nào khác, tôi còn có những lý do khác cần bác trần tường tận những câu chuyện hoang đường của Phô-gơ về tôi và về các đồng chí cùng Đảng tôi, một khi tôi phải làm việc ấy: một mặt, bè lũ hầu như đồng tâm nhất trí đắc thắng mà báo chí gọi là "tự do" Đức đã dùng để hoan hô những sự phát giác giả tạo của Phô-gơ; mặt khác sự phân tích cuốn sách thảm hại của Phô-gơ đã cho phép đánh giá cái nhân vật ấy đại biểu cho cả một phe phái.

Việc trả lời những lời phát biểu của Phô-gơ buộc tôi phải phơi bày ở một chỗ nào đó *partie honteuse*^{1*} trong lịch sử của những người lưu vong. Ở đây tôi chỉ sử dụng quyền "tự vệ" của mình. Song, những người lưu vong, ngoài mấy cá nhân ra, không có gì đáng chê trách ngoài những ảo tưởng ít nhiều có thể được, biện minh bằng những tình huống hồi đó, và những điều ngu xuẩn tất nhiên nảy sinh từ hoàn cảnh đặc biệt mà những người lưu vong không ngờ lại rơi vào. Đương nhiên, ở đây tôi chỉ nói về những năm lưu vong đầu tiên. Sự so sánh lịch sử của các chính phủ và các xã hội tư sản trong thời kỳ khoảng từ năm 1849 đến 1859 với lịch sử của những người lưu vong cùng thời kỳ ấy là lời biện hộ xuất sắc nhất có thể viết cho những người lưu vong.

Tôi biết trước rằng những vị thông thái nhất khi thấy cuốn sách thảm hại của Phô-gơ đều lắc đầu lo ngại về tính chất quan trọng của sự "vạch trần" của ông ta thì hiện nay không sao hiểu được tại sao tôi lại uổng phí thời gian để bác bỏ những lời bậy bạ đó; trong khi đó thì bọn bồi bút "tự do chủ nghĩa", đã hý hửng vội

1* – điều ô nhục

vàng truyền bá những điều ngu xuẩn tầm thường và những điều bịa đặt tồi tệ của Phô-gơ trên báo chí Đức, Thụy Sĩ, Pháp và Mỹ lại cảm thấy rằng phương pháp của tôi đối phó với họ và các anh hùng của họ là mang ác ý và thô bỉ. But never mind!^{1*}

Phần chính trị và phần pháp luật của tác phẩm này không cần có sự giáo đầu đặc biệt gì cả. Để tránh những sự hiểu lầm có thể có, tôi chỉ nêu lên điều sau đây: những người trước năm 1848 còn đồng ý rằng nền độc lập của Ba Lan, Hung-ga-ri và I-ta-li-a cần được bảo vệ không những với tính cách là *quyền lợi* của những nước ấy, mà còn xét trên góc độ *lợi ích* của Đức và châu Âu, đã biểu hiện những quan điểm đối lập hẳn nhau về vấn đề sách lược mà nước Đức cần theo đuổi đối với Lu-i Bô-na-pác-tơ trong cuộc chiến tranh I-ta-li-a năm 1859³³⁴. Sự đối lập về quan điểm đó nảy sinh từ sự đánh giá trái ngược nhau đối với *tiền đề thực tế* mà kết luận cuối cùng phải dành cho tương lai. Về phần mình, trong tác phẩm này, tôi chỉ xem xét những quan điểm của *Phô-gơ* và của phe cánh ông ta. Ngay những quan điểm mà ông ta hứa bảo vệ và đã bảo vệ – trong trí *tưởng tượng* của đám người không có đầu óc phê phán – trên thực tế đều ở ngoài phạm vi của sự phê phán của tôi. Tôi chỉ phân tích những quan điểm mà ông ta đã *thực sự* bảo vệ.

Sau hết tôi chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình đối với tôi trong tác phẩm này, không những của những đồng chí lão thành trong đảng mà còn của nhiều đại biểu của giới lưu vong ở Thụy Sĩ, ở Pháp và ở Anh mà trước đây tôi không quen biết và một phần hiện nay còn chưa quen trực tiếp.

Luân Đôn, ngày 17 tháng Mười một 1860

Các Mác

1* – Nhưng điều đó có nghĩa lý gì!

I BẢNG NHÓM LƯU HOÀNG³³⁵

Clarín: Malas pastillas gasta;
....hase untado
Con ungüento de azufre
(Calderon)^{1*}

"*Nhân vật tròn trĩnh*"^{2*}, như luật sư *Héc-man* gọi một cách tế nhị trước toà án địa phương ở Au-xbuốc vị khách hàng béo tròn của mình, Phô-gtơ thể tập ở Ni-hin-buốc³³⁶, – "nhân vật tròn trĩnh", bắt đầu "câu chuyện lịch sử đồ sộ" của mình như sau:

"Trong giới lưu vong năm 1849, cái tên gọi *băng nhóm lưu hoàng*, hoặc danh hiệu không kém phần đặc trưng là *đám thợ làm bàn chải*, buộc dùng để gọi một nhóm nổi tiếng gồm những nhân vật ban đầu sống rải rác ở Thụy Sĩ, Pháp và Anh, rồi tụ tập dần dần ở Luân Đôn và ở đây họ đã tôn ngài Mác lên làm thủ lĩnh xuất sắc của mình. Nguyên tắc chính trị của những người anh em ấy là chuyên chính vô sản v.v.."

1* - Cla-rin: Nó nói tầm bậy;
...nó bôi
sáp lưu hoàng.

(*Can-đê-rôn*: "Nhà ảo thuật thần kỳ", màn hai).

2* Chơi chữ: abgerundete Natur" có nghĩa là "nhân vật tròn trĩnh" (theo nghĩa thể chất của danh từ) và "nhân vật đã trưởng thành" (theo nghĩa trưởng thành về tinh thần). Luật sư Héc-man dùng chữ này theo nghĩa thứ hai.

(Các Phô-gtơ. "Vụ tội kiện "Allgemeine Zeitung". Giơ-ne-vơ, tháng Chạp 1859, tr. 136).

"Tác phẩm chính"³³⁷ – trong đó có tin tức quan trọng ấy – ra mắt tháng Chạp 1859. Nhưng tám tháng trước đó, vào tháng Năm 1859, "nhân vật tròn trĩnh" đã đăng trên tờ "*Handels - Courier*" ở Bi-lơ một bài³³⁸ phải được xem như *bản thảo* của "câu chuyện lịch sử" dài hơi hơn. Chúng ta hãy nghe *nguyên tác ban đầu*:

"Từ lúc chuyển biến trong tiến trình cách mạng năm 1849" – "*Người rao hàng*" ở Bi-lơ viết – "ở Luân Đôn tập hợp dần dần một đám người lưu vong mà các thành viên đã nổi tiếng đương (!) thời *trong giới lưu vong* Thụy Sĩ dưới cái tên gọi *đám thợ làm bàn chải* hoặc *băng nhóm lưu hoàng*. Thủ lĩnh của họ là Mác, nguyên là chủ biên tờ "Rheinische Zeitung" ở Khuên, khẩu hiệu của họ là chế độ cộng hoà xã hội, chuyên chính của công nhân, công việc của họ là tổ chức các hội và các vụ âm mưu". (Đăng lại trong "Tác phẩm chính". Phần ba, Văn kiện, số 7, tr. 31, 32.)

Băng nhóm lưu vong nổi tiếng "trong giới lưu vong Thụy Sĩ" dưới cái tên gọi băng đảng lưu hoàng tám tháng sau đó, trước công chúng đông đảo hơn, đã biến thành đám đông "cư trú rải rác ở Thụy Sĩ, Pháp, và Anh", đám đông này đã nổi tiếng "trong giới lưu vong" nói chung dưới cái tên gọi *băng nhóm lưu hoàng*. Đó là câu chuyện cũ về những chiếc áo gai màu cỏ xanh mà tiền bối của Các Phô-gtơ, ngài Giôn Phan-xtáp^{1*} bắt tử, kể một cách thích thú, cái *chất* của vị này không hề giảm sút trong hiện thân xác thịt mới của ông ta. Qua nguyên bản đầu tiên của "*Người rao hàng*" có thể thấy rằng *băng nhóm lưu hoàng* cũng như *đám thợ làm bàn chải* đều là thổ sản của *Thụy Sĩ*. Chúng ta hãy tìm hiểu lịch sử tự nhiên của chúng.

1* Xem Sếch-xpia. "Vua Hen-ri IV". Phần I, hồi II, cảnh 4 (kể lại câu chuyện hư cấu cuộc chiến đấu của mình với bọn côn đồ. Phan-xtáp mỗi lần nhắc tới chúng đều thổi phồng số lượng của chúng và say sưa với câu chuyện bịa đặt của mình, đã mô tả chúng khi thì mặc áo choàng kẻ sọc, khi thì mặc áo dệt bằng gai).

Qua bạn bè được biết rằng trong những năm 1849-1850 ở Giơ-ne-vơ quả thực có phát triển phồn thịnh một hội lưu vong lấy tên là băng nhóm lưu hoàng, rằng một nhà buôn nổi tiếng ở khu Xi-ti thuộc Luân Đôn, ông X. L. Boóc-hai-mơ, có thể cung cấp những tin tức chính xác hơn về sự phát sinh, phát triển và tan rã của hội thiên tài này, tháng Hai 1860 tôi đã gửi thư cho ông ấy, mà hồi ấy tôi không quen biết, và sau cuộc gặp mặt, tôi quả thực nhận được của ông bản tài liệu dưới đây mà tôi đăng lại y nguyên:

"Luân Đôn, ngày 12 tháng Hai 1860

số 18, Hội liên hiệp Gớp, đường

Uôn-xu-oóc.

Thưa Ngài!

Mặc dầu ba ngày trước đây chúng ta còn chưa quen biết nhau – tuy rằng sống chín năm trời ở cùng một nước và phần lớn là trong cùng một thành phố – Ngài hoàn toàn đúng khi nghĩ rằng tôi sẽ không từ chối Ngài, với tư cách bạn lưu vong trong việc cung cấp những điều giải thích mà Ngài mong nhận được.

Vậy, xin nói về *băng nhóm lưu hoàng*.

Năm 1849, chẳng bao lâu sau khi chúng tôi, những người khởi nghĩa rời Ba-đen, thì một số thanh niên đã có mặt ở Giơ-ne-vơ, một số bị nhà cầm quyền Thụy Sĩ giải tới đó, một số khác thì do tự do lựa chọn. Tất cả họ – học sinh đại học, binh sĩ hoặc nhà buôn, – đều là bạn bè ngay khi còn ở Đức trước năm 1848 hoặc biết nhau trong thời kỳ cách mạng.

Tâm trạng của những người lưu vong hoàn toàn buồn phiền. Cái gọi là những lãnh tụ chính trị thì đùn đẩy nhau trách nhiệm về sự thất bại. Những nhà lãnh đạo quân sự thì phê phán lẫn nhau về tấn công trong phòng ngự, về vận động bên sườn và về rút lui trong tấn công. Những người lưu vong mắng nhiếc nhau là bọn cộng hoà tư sản, bọn xã hội chủ nghĩa và bọn cộng sản. Người ta rải những tờ truyền đơn không hề góp phần vào sự bình tâm. Ở chỗ nào cũng cảm thấy có gián điệp, và thêm vào tất cả những cái đó là đa số đều quần áo rách rưới và trên mặt nhiều người in dấu vết của cái đói. Trong hoàn cảnh bi thảm đó, những thanh niên nói trên họp thành một nhóm thân mật. Đó là: Ê-đu-a Rô-

den-blum, người gốc Đức, sinh ra ở Ô-dét-xa, anh học y ở Lai-pxích, Béc-lin và Pa-ri;

Mác-cơ Côn-hai-mơ ở Phrau-stát, nhân viên thương nghiệp, thời kỳ đầu cách mạng đã làm lính tình nguyện một năm trong đơn vị pháo vệ binh.

Coóc-nơ, nhà hoá học và nhà bào chế thuốc ở Béc-lin.

Béch-cơ, kỹ sư tinh Ranh, và bản thân tôi, năm 1844 đã tốt nghiệp trường trung học Véc-dơ ở Béc-lin, sau đó học ở Đại học Brê-xtáp, Grây-phơ-xvan-dơ và Béc-lin; thời kỳ đầu Cách mạng 1848 là pháo thủ ở thành phố quê hương (Glô-gây).

Tôi nghĩ rằng không ai trong chúng tôi trên 24 tuổi. Chúng tôi sống gần nhau và có một thời gian thậm chí sống trong cùng một ngôi nhà ở phố Gran Prê. Nhiệm vụ chính của chúng tôi ở cái nước nhỏ bé có rất ít khả năng kiếm được việc làm này là không sa vào cảnh buồn phiền và mất tinh thần do ảnh hưởng của sự nghèo nàn phổ biến của người lưu vong và không rơi vào tâm trạng mất cảnh giác chính trị. Khí hậu, thiên nhiên thật tuyệt vời, - chúng tôi không phủ nhận quá khứ của Bran-đen-buốc, của chúng tôi và thấy rằng die Jegand jottvoll^{1*}. Cái mà một người trong chúng tôi có là thuộc về tất cả chúng tôi, và nếu không ai có gì cả thì chúng tôi tìm những chủ hiệu ăn tối bụng hoặc những người tốt bụng khác vui lòng cung cấp cho chúng tôi cái gì đó để ăn chịu mà bộ mặt trẻ trung lạc quan của chúng tôi là vật bảo đảm. Có lẽ tất cả chúng tôi đều có cái vẻ thành thực và gần gũi! Cần nhắc lại với lòng biết ơn Béc-ten, chủ hiệu cà phê "Châu Âu", mà theo nghĩa đen của danh từ, thì ông này đã *không ngừng* "cho vay" không những đối với chúng tôi mà cả đối với nhiều người lưu vong Đức và Pháp khác. Năm 1856, sau sáu năm vắng mặt, từ Crum trở về, tôi đến thăm Giơ-ne-vơ cốt để trả món nợ của tôi với lòng biết ơn của "kẻ lang thang" lương thiện, Béc-ten tốt bụng, béo phì lấy làm ngạc nhiên và quả quyết với tôi rằng tôi là người đầu tiên đã đem lại cho ông sự hài lòng đó, tuy nhiên ông không mấy may hồi tiếc rằng ông còn từ 10 đến 20 ngàn phrăng ở trong tay những người lưu vong mà từ lâu đã bị đẩy đi khắp nơi trên trái đất. Không nghĩ gì đến nợ nần, ông đặc biệt sốt sắng hỏi thăm những người bạn thân của tôi. Tiếc rằng tôi chỉ có thể kể với ông rất ít.

Sau sự lạc đề đó, tôi xin trở lại năm 1849.

Chúng tôi hân hoan cạ chén và ca hát. Tôi còn nhớ đến dự tiệc của chúng tôi có những người lưu vong thuộc đủ màu sắc chính trị, trong đó có người Pháp và người I-ta-

1* – nơi đây là thiên đường (phương ngữ Béc-lin)

li-a. Những tối vui trôi qua trong *dulciubilo*^{2*} ấy, tất cả mọi người đều cảm thấy giống như những ốc đảo trong cuộc sống lưu vong, đương nhiên, buồn bã như sa mạc. Những người bạn lúc đó đã trở thành hoặc sau này trở thành nghị sĩ của Đại hội đồng Giơ-ne-vơ có khi cũng tham gia tiệc rượu của chúng tôi để nghỉ ngơi.

Líp-nếch hiện đang ở đây và trong chín năm tôi chỉ ngẫu nhiên gặp ở ngoài phố có 3 hoặc 4 lần, cũng thường có mặt trong nhóm chúng tôi. Sinh viên, bác sĩ, bạn học cũ ở trường trung học và đại học trong những chuyến du lịch vào kỳ nghỉ thường uống rượu với chúng tôi, cạn nhiều cốc bia và nhiều chai rượu nho Ma-côn ngon và rẻ. Có khi suốt ngày, thậm chí suốt tuần, chúng tôi bơi trên hồ Giơ-ne-vơ mà không lên bờ, hát những bài tình ca với chiếc ghi-ta trong tay, "tán tỉnh" trước những chiếc cửa sổ của các biệt thự phía Xa-voa hoặc phía Thụy Sĩ.

Phải thừa nhận rằng máu thanh niên ở chúng tôi có khi bộc lộ qua những hành động không được phép. Trong những trường hợp đó, *An-be Ga-le* đáng yêu và hiện đã quá cố, dịch thủ chính trị có tiếng tăm của Pha-đi, một công dân Giơ-ne-vơ, đã mắng chúng tôi với giọng thân ái nhất. "Các anh là những chàng trai gần đờ, – ông nói – song phải thừa nhận rằng nếu như các anh còn giữ được sự yêu đời như vậy trong cuộc sống lưu vong buồn tẻ của các anh thì có nghĩa là các anh không suy yếu về thể xác và không sa sút về tinh thần, mà muốn thế cần có khả năng co giãn khá lớn". Con người tốt bụng đó khó có thể quở trách chúng tôi nghiêm khắc hơn. Bấy giờ ông là nghị sĩ Đại hội đồng của bang Giơ-ne-vơ.

Theo tôi biết, cuộc quyết đấu chỉ xảy ra có một lần bằng súng ngắn giữa tôi và ngài R ... n. Song lý do hoàn toàn không mang tính chất chính trị – Người giúp sức tôi là một pháo thủ Giơ-ne-vơ chỉ biết nói tiếng Pháp, còn trọng tài là chàng thanh niên *Ô-xca Ga-le*, em trai của nghị sĩ Đại hội đồng, tiếc rằng anh ta đã chết sớm do bệnh thương hàn ở Muyn-sen, nơi anh ta theo học đại học. Lẽ ra còn có một cuộc quyết đấu khác – cũng không có tính chất chính trị – giữa Rô-den-blum và một người lưu vong Ba-den, trung uý Phôn Ph...g mà chẳng bao lâu sau đó đã trở về Tổ quốc vĩ đại để lại tham gia quân đội Ba-den mới được khôi phục. Cuộc tranh chấp đã được giải quyết vào sáng sớm ngày phải xảy ra cuộc quyết đấu trước khi họ bước vào hành động, nhờ sự hoà giải của ông Ăng-ghe-n – hình như đó chính là ông nghe dấu hiệu ở Man-se-xtơ và từ đó tôi không gặp nữa. Ông Ăng-ghe-n bấy giờ *đi qua* Giơ-ne-vơ và trong sự giao thiệp vui vẻ với ông, chúng tôi đã uống nhiều bình rượu nho. Nếu trí nhớ của tôi còn

2* – sự vui vẻ đầm ấm.

thì cuộc gặp gỡ với ông đặc biệt vui thích đối với chúng tôi, bởi vì chúng tôi có thể chỉ phớt cái túi tiền của ông.

Chúng tôi không phụ hoạ với lãnh tụ của cái gọi là đảng Cộng hoà "xanh" cũng như "đỏ", cũng không phụ hoạ với lãnh tụ của cái gọi là đảng xã hội chủ nghĩa cũng như cộng sản chủ nghĩa. Chúng tôi tự ý phán đoán một cách tự do và độc lập. Tôi không nói rằng bao giờ cũng đúng – về những mảnh lối chính trị của các nhân vật nhiếp chính đế quốc, của các nghị sĩ Nghị viện Phran-phuốc và của những quán bàn xuống khác, của những viên tướng và viên cai cách mạng hoặc của Đạt-lai Lạt-ma của chủ nghĩa cộng sản, và thậm chí nhằm mục đích đó cũng như để tiêu khiển, chúng tôi xuất bản một tuần báo, lấy tên là:

"Rummeltipuff"

Cơ quan ngôn luận của đám gần đờ [Lausbubokratiø]¹⁾.

Tờ báo này chỉ ra được hai số. Sau này, khi tôi bị bắt ở Pháp, để trực xuất tôi đến đây, cảnh sát Pháp đã tịch thu tất cả các giấy tờ và nhật ký của tôi nên hiện nay tôi không còn nhớ chính xác tờ báo đình bản là do thiếu tiền hay là do bị nhà cầm quyền cấm.

"Bọn phi-li-xtanh" – trong đó có những phần tử gọi là cộng hoà tư sản, cũng có những người thuộc hàng ngũ những công nhân gọi là cộng sản – đặt cho chúng tôi cái biệt hiệu *băng nhóm lưu hoàng*. Hình như có khi chúng tôi cũng tự xưng như thế. Dù sao, đối với đoàn thể chúng tôi biệt hiệu ấy được sử dụng hoàn toàn theo ý nghĩa tốt đẹp của danh từ tiếng Đức ấy. Tôi gặp gỡ thân ái với những đồng chí cùng cảnh bị trục xuất, với bạn bè của ông Phô-xtơ và với những người lưu vong khác đã từng và chắc vẫn còn là bạn của Ngài. Nhưng may thay, tôi chưa bao giờ nghe thấy ai bình luận một cách khinh bỉ về những thành viên của *băng nhóm lưu hoàng* mà tôi nhắc tới, về mặt chính trị cũng như về mặt sinh hoạt cá nhân.

Đấy là *băng nhóm lưu hoàng* duy nhất mà tôi biết. Nó tồn tại ở Giơ-ne-vơ trong những năm 1849 - 1850. Giữa năm 1850 số thành viên ít ỏi của đoàn thể nguy hiểm đó, trừ *Coóc-mơ* đều phải rời Thụy Sĩ, vì họ thuộc vào loại người lưu vong bị trục xuất. Thế

1) "Nếu tôi không nhớ nhầm thì cái biệt hiệu ấy được tặng cho tất cả các đảng tự do trong một nghị viện nhỏ của Đức hoặc trong Nghị viện Phran-phuốc. – Chúng tôi muốn làm cho nó tồn tại vĩnh viễn" (Boóc-hai-mơ).

là băng nhóm lưu hoàng của chúng tôi chấm dứt sự tồn tại. Liệu có những băng nhóm lưu hoàng khác ở nơi khác không, ở chỗ nào và mục đích chúng đặt ra là gì, thì tôi hoàn toàn không biết.

Coóc-mơ hình như ở lại Thụy Sĩ và lập nghiệp ở đó với tư cách nhà bào chế thuốc. *Côn-hai-mơ* và *Rô-den-blum* ra đi trước trận đánh ở It-stét đến Hôn-stai-nơ. Có lẽ cả hai đều tham gia trận chiến đấu đó. Về sau, vào năm 1851 họ sang Mỹ. Cuối năm ấy *Rô-den-blum* trở về Anh và năm 1852 sống ở Ô-xtơ-rây-li-a, từ năm 1855 tôi không nhận được tin tức gì về anh từ nơi ấy. Nghe nói, *Côn-hai-mơ* còn làm biên tập viên cho "New-Yorker Humorist" một thời gian nữa. Bấy giờ, tức năm 1850, *Béch-cơ* cũng sang Mỹ. Anh hiện ra sao, về điều này, tiếc rằng, tôi không thể nói chính xác được.

Bản thân tôi trải qua mùa đông năm 1850-1851 ở Pa-ri và Xtơ-ra-xbua. Tháng Hai 1851, như đã nhắc tới ở trên, tôi bị cảnh sát Pháp dùng bạo lực trục xuất sang Anh, và trong ba tháng trời tôi bị giam qua 25 nhà tù và đại bộ phận thời gian đi đường tôi bị cùm bằng những chiếc gông nặng nề. Trong năm đầu cư trú ở Anh tôi dành thời gian cho việc học tiếng Anh, chăm lo việc buôn bán, không lúc nào ngời quan tâm đến các sự kiện chính trị ở Tổ quốc, nhưng bao giờ cũng đứng ngoài mọi mưu đồ của các nhóm lưu vong chính trị. Tôi sống không tồi lắm, hay là như người Anh nói, very well, sir, thank you!^{1*} Ngài hãy tự trách mình về chỗ Ngài buộc phải đọc hết câu chuyện dài dòng và tuyệt nhiên không bổ ích lắm này.

Xin gửi lời chào kính trọng và chân thành tới Ngài

Xi-ghi-dmun-dơ. L. Boóc-hai-mơ".

Đây là bức thư của ngài *Boóc-hai-mơ*. Cảm nhận thấy trước tầm quan trọng lịch sử của mình, băng nhóm lưu hoàng đã thận trọng lo liệu đến việc in vào cuốn sách lịch sử đó văn bản ghi nhận hoàn cảnh công dân của mình dưới hình thức bản khắc gỗ. Cụ thể là số đầu của tờ "Rummeltipuff" được trang điểm bằng những bức chân dung của các nhân vật sáng lập ra nó.

Các bậc thiên tài thuộc băng nhóm lưu hoàng đã tham gia

1* — rất tốt, thưa Ngài, cảm ơn Ngài!

cuộc khởi nghĩa của phái cộng hoà của Xtơ-ru-vơ vào tháng Chín 1848, rồi ngồi tù ở Brúc-dan cho đến tháng Năm 1849, và sau hết, họ chiến đấu với tư cách binh sĩ trong chiến dịch ủng hộ hiến pháp đế quốc mà kết quả là các ngài ấy đã bị ném qua biên giới Thụy Sĩ³³⁹. Năm 1850, hai vai chính trong băng nhóm đó, *Côn-hai-mơ* và *Rô-den-blum*, đến Luân Đôn, nơi đây họ "tụ tập" xung quanh ngài *Gu-xtáp Xtơ-ru-vơ*. Tôi không có vinh dự đích thân làm quen với các Ngài ấy. Về chính trị, họ có sự tiếp xúc với tôi khi mưu toan thành lập một uỷ ban riêng của họ, do Xtơ-ru-vơ lãnh đạo, để đối chọi lại uỷ ban lưu vong Luân Đôn³⁴⁰ bấy giờ do tôi, Ăng-ghen, Vi-lích những người khác, lãnh đạo. Tiện thể xin nói luôn, bản tuyên bố chống lại chúng tôi của Uỷ ban đó, do Xtơ-ru-vơ, *Rô-den-blum*, *Côn-hai-mơ*, Bốp-xin, Gru-ních và Ô-xvan ký tên, đã được đăng trên tờ báo Béc-lin "Abend – Post".

Trong thời kỳ toàn thịnh của Liên minh thần thánh, *băng nhóm than* (*Các-bô-na-ri*)³⁴¹ đã là lớp đất hoàn toàn vô sản cho những hoạch định của cảnh sát và những ảo tưởng quý tộc. Phải chăng Goóc-ghen-li-an-toa đế quốc của chúng ta vì lợi ích lớn hơn của giai cấp tư sản Đức sẽ lợi dụng băng nhóm lưu hoàng theo phương thức của băng nhóm than? *Băng nhóm diêm tiêu* sẽ hoàn chỉnh khối phạm vi nhất thể của cảnh sát. Có lẽ *Các Phô-gơ* không ưa lưu hoàng, vì ông ghét mùi thuốc súng. Hoặc giống như một số bệnh nhân, ông ghét thuốc đặc trị? Như mọi người đều biết, thầy lang băm *Ra-dê-ma-khe-rơ* phân loại bệnh theo thuốc trị bệnh³⁴². Nếu thế thì sẽ bị liệt vào loại bệnh lưu hoàng, cái mà tại phiên toà cấp quận ở Au-xbước luật sư Héc-man gọi là "*nhân vật tròn trĩnh*", còn *Ra-dê-ma-khe-rơ* gọi là "cái bụng phình ra như trống", còn bác sĩ Phi-sác có tiếng tăm hơn gọi là "bụng phệ kiểu người Pháp"^{1*}. Như vậy là tất cả các thiên tính của Phan-

1* I. Phi-sác-tơ. "Câu chuyện lịch sử đồ sộ đầy mạo hiểm về công tích và danh ngôn của các vị anh hùng và các ngài Gran-gô-sia. Goóc-ghen-li-an-toa

xtáp phải chịu đau khổ vì bệnh lưu hoàng không phải chỉ về một khía cạnh. Hoặc, có lẽ lương tri sinh vật của *Phô-gtơ* nhắc nhở ông ta rằng lưu hoàng là sự chết chóc đối với con bọ chó bị ghẻ và những con bọ chó đã nhiều lần lột xác thì đặc biệt ghét lưu hoàng chẳng? Như những cuộc nghiên cứu mới nhất đã chứng minh, chỉ có những con bọ chó nào đã qua lột xác mới có năng lực sinh đẻ, do đó đạt được sự tự nhận thức. Đó là mâu thuẫn thú vị! Một bên là *lưu hoàng*, một bên là *bọ chó ghẻ* đã đạt tới *sự tự nhận thức*! Nhưng dù sao *Phô-gtơ* cũng có trách nhiệm chứng minh với "hoàng đế" của mình và với giai cấp tư sản tự do Đức rằng "kể từ bước ngoặt trong tiến trình cách mạng 1849, tất cả những tai hoạ đều sinh ra từ *băng nhóm lưu hoàng* Giơ-ne-vơ, chứ không phải từ *băng nhóm tháng Chạp* Pa-ri"³⁴³. Để trừng phạt tôi về tội công kích thô bạo kéo dài nhiều năm đối với thủ lĩnh và hội viên của "băng nhóm ngày 10 tháng Chạp", bản thân tôi đã bị ông ta đưa lên làm thủ lĩnh của băng nhóm lưu hoàng mà ông ta hết sức bôi nhọ và tôi hoàn toàn không biết gì trước khi "Tác phẩm chính" của ông ta ra đời. Để hiểu được sự phẫn nộ chính đáng của "người đối thoại dễ chịu", tôi xin dẫn ra đây một số đoạn trích về "băng nhóm tháng Chạp" trong tác phẩm của tôi: "*Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ*", Niu Oóc, 1852 (xem tr. 31, 32, và 61, 62).

"Hội này"³⁴⁴ được thành lập năm 1849. Lấy cơ lập một hội từ thiện, người ta đã tổ chức bọn vô sản lưu manh ở Pa-ri thành những nhóm bí mật, mỗi nhóm do một tên tay sai của Bô-na-pác-tơ lãnh đạo, còn đứng đầu toàn hội đó là một viên tướng thuộc phái Bô-na-pác-tơ. Trong hội đó, bên cạnh những bọn ăn chơi đã sạt nghiệp, với nguồn sinh sống mập mờ và lai lịch cũng khả nghi, bên cạnh những tay du thủ du thực trong số những cận vệ thói nát của giai cấp tư sản, người ta thấy có những tên du đảng, những lính tráng bị thải hồi, những tù hình sự được tha, tù khổ

và Pan-ta-gru-en". Chương 6.

sai vượt ngục, những tên bịp bợm, những tên hề, những lát-xa-rô-ni, những tên móc túi, những tên làm trò ảo thuật, những tay cờ bạc, những tên ma cô, những tên trùm nhà thổ, những phu khuân vác, những bọn bồi bút, những kẻ quay đàn hộp rong, những kẻ đi nhặt giẻ rách, những người mài dao kéo, những người hàn nôi, những người ăn mày, – nói tóm lại, là tất cả cái đám người vô định, ô hợp, bị hoàn cảnh xô đẩy từ chỗ này qua chỗ kia, mà người Pháp gọi là la bohème^{1*}. Bằng những phần tử gần gũi với hần như thế, Bô-na-pác-tơ đã tạo nên cái bộ phận trung kiên của Hội ngày 10 tháng Chạp, tức là "Hội từ thiện" bởi vì tất cả các hội viên, cũng hệt như Bô-na-pác-tơ, đều cảm thấy nhu cầu phải thoả mãn bản thân bằng cách sống dựa trên lưng quần chúng lao động trong nước.

Cái gã Bô-na-pác-tơ trở thành kẻ đứng đầu giai cấp vô sản lưu manh, chỉ trong giai cấp đó mới tìm thấy, dưới một hình thức đồng đảo, những lợi ích mà chính bản thân hần hằng theo đuổi; cái gã coi chính cái đám rác rưởi ấy, cái cận vệ ấy, của tất cả mọi giai cấp xã hội, là giai cấp duy nhất mà hần có thể hoàn toàn dựa vào được, – chính gã đó là Bô-na-pác-tơ thật sự, Bô-na-pác-tơ sans phrase^{1*}, mới nhận thấy được một cách đúng đắn thậm chí sau khi trở thành người có sức mạnh toàn năng, y thanh toán một bộ phận bè bạn đồng mưu cũ của mình bằng cách phái họ đến Ca-in cùng với phái cách mạng. Là một tên phóng đảng già bất trị, hần coi cuộc sống lịch sử của các dân tộc và tất cả những tấn kịch của nó như là một tấn hài kịch theo cái nghĩa tầm thường nhất của danh từ này, như một vũ hội hoá trang, trong đó những bộ quần áo lộng lẫy, những câu nói, những cử chỉ chỉ dùng để che giấu những hành vi dơ tiện nhất mà thôi. Ví dụ, trong cuộc đi của hần đến Xtơ-ra-xbua, con điều hầu Thụy Sĩ thuần dưỡng đã đóng vai con phượng hoàng Na-pô-lê-ông. Khi hần đổ bộ lên Bu-lông, hần đã cho mấy tên đầy tớ người Luân

1* – dân lang thang – lưu đảng

1* – chính cống

Đôn mặc binh phục Pháp, để đóng vai quân đội³⁴⁵. Trong cái Hội ngày 10 tháng Chạp của hấn, Bô-na-pác-tơ đã tập hợp được 10 000 tên du thủ du thực, để đóng vai nhân dân, hết như anh chàng thợ dệt Ô-xnô-va định đóng vai sư tử vậy^{2*}...

Những công xưởng quốc gia trước kia có ý nghĩa như thế nào đối với những công nhân xã hội chủ nghĩa, đội quân vệ binh cơ động³⁴⁶ trước kia có ý nghĩa như thế nào đối với bọn cộng hoà tư sản thì Hội ngày 10 tháng Chạp, lực lượng chiến đấu có tính chất đảng phái, riêng của Bô-na-pác-tơ, cũng có ý nghĩa như thế đối với hấn. Trong những cuộc kinh lý của hấn, những hội viên của tổ chức đó được bố trí thành từng nhóm tại các ga xe lửa, phải đóng vai quần chúng không chuẩn bị từ trước, biểu hiện nhiệt tình của nhân dân, hô hét, "Vive l' Empereur!"^{3*}, sỉ nhục và đánh đập những người cộng hoà - dĩ nhiên là với sự che chở của cảnh sát. Khi Bô-na-pác-tơ trở về Pa-ri, đám hội viên Hội ngày 10 tháng Chạp lại có trách nhiệm làm đội tiền vệ, ngăn chặn hoặc giải tán những cuộc biểu tình thù địch. Hội ngày 10 tháng Chạp là của riêng của Bô-na-pác-tơ, là tác phẩm của hấn, là tư tưởng thật sự của hấn. Còn trong tất cả những cái khác thì những cái mà Bô-na-pác-tơ chiếm đoạt được đều là nhờ hoàn cảnh đưa đến cho hấn, những cái mà hấn làm được đều là nhờ hoàn cảnh làm hộ cho hấn, hoặc giả hấn chỉ làm cái việc là rập theo hành động của người khác mà thôi. Nhưng công khai tung ra trước bọn tư sản những câu nói chính thức về trật tự, tôn giáo, gia đình, sở hữu, và bí mật dựa vào cái hội của cái hội của những tên Su-phte-lơ và Spi-ghen-béc-gơ, vào cái hội của sự vô trật tự, dĩ điểm và trộm cắp, - thì ở đây Bô-na-pác-tơ là một kẻ độc đáo, và lịch sử của Hội ngày 10 tháng Chạp là lịch sử của chính hấn ta...

Bô-na-pác-tơ muốn đóng vai trò người ân nhân kiểu gia trưởng của tất cả các giai cấp. Nhưng hấn không thể cho giai cấp này mà

lại không tước của giai cấp khác. Cũng giống như công tước Ghi-dô, nổi tiếng trong thời nội chiến Phrông-đơ là người hào hiệp nhất nước Pháp, vì công tước đã đổi tất cả tài sản của mình thành những khế nợ đối với mình của những người cùng cánh, Bô-na-pác-tơ cũng muốn làm một người hào hiệp nhất nước Pháp và muốn đổi tất cả tài sản, tất cả lao động của nước Pháp thành một khế nợ đối với cá nhân hấn. Hấn muốn *ăn cắp* của cả nước Pháp để sau đó *tặng lại* của ăn cắp đó cho nước Pháp, hay nói cho đúng hơn là, để sau đó có thể dùng tiền của nước Pháp *mua lại* nước Pháp, vì với tư cách là kẻ cầm đầu Hội ngày 10 tháng Chạp, hấn buộc phải mua những cái phải thuộc về hấn. Và tất cả mọi cơ quan nhà nước, Thượng nghị viện, Hội đồng nhà nước, cơ quan lập pháp, Bắc đẩu bội tinh, huy chương của binh sĩ, các hiệu giặt, các công trình công cộng, đường sắt, bộ tham mưu của đội cận vệ quốc gia không có binh lính, các tài sản tịch thu của dòng Oóc-lê-ăng - trở thành đối tượng buôn bán. Mỗi chức vụ trong quân đội và trong bộ máy chính phủ đều trở thành đối tượng buôn bán.

Nhưng điều quan trọng nhất trong quá trình vơ vét của nước Pháp để rồi lại biếu lại cho chính nước Pháp - đó là những lợi tức trong khi lưu thông đã rơi vào túi của người cầm đầu và của các hội viên Hội ngày 10 tháng Chạp: "C'est le premier vol de l'aigle" ["Đây là lần bay đầu tiên của con phượng hoàng"]¹⁾ câu nói hóm hỉnh ấy của nữ công tước L., tình nhân của Đờ Moóc-ni, nhân viên tịch thu tài sản của dòng Oóc-lê-ăng, có thể áp dụng vào tất cả các lần bay của con *phượng hoàng* ấy, giống quạ nhiều hơn là giống phượng hoàng. Chính bản thân hấn và bè đảng của hấn thường tự nhắc nhở nhau hàng ngày điều mà một thầy tu dòng Đê-các ở I-ta-li-a đã nói với một kẻ hà tiện khi tên này khoe khoang đếm những của cải mà hấn có thể ăn xài trong nhiều năm: "Tu fai

2* Sếch-xpia. "Giấc mộng đêm hè", hồi I, cảnh 2.

3* - "Hoàng đế muôn năm!"

1) - Từ "vol" có nghĩa là lần bay cũng có nghĩa là ăn cắp (*Chú thích của Mác viết cho cuốn "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ"*).

conto sopra i beni, bisogna prima far il conto sopra gli anni"²⁾. Để khỏi tính nhầm năm, chúng tính từng phút một.

Ở triều đình, trong các bộ, tại các cơ quan cầm đầu bộ máy hành chính và quân đội, chen chúc nhau một lũ côn đồ, mà về tên khá nhất thì người ta phải nói là chẳng biết hấn từ đâu đến, – chen chúc nhau cả một lũ du đảng ồn ào, nổi tiếng xấu xa, tham tàn, mặc những bộ sắc phục đính đầy lon, dải lụa loè loẹt, với một vẻ trang nghiêm lối bịch như các vị đại thần của hoàng đế Xu-lu-cơ. Ta có thể hình dung được dễ dàng cái tầng lớp cao cấp ấy của Hội ngày 10 tháng Chạp, nếu ta chú ý rằng Vê-rông - Crê-ven³⁾ là

2) "Anh đếm của cải của anh, nhưng trước hết anh nên tính xem anh còn sống

được bao năm". (*Chú thích của Mác viết cho cuốn "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ"*).

3) Trong tác phẩm "Dì Bét-tơ", Ban-dắc miêu tả Crê-ven, người mà ông phác hoạ theo tiến sĩ Vê-rông, chủ tờ báo "Constitutionnel", là tên phi-li-xtanh Pa-ri truy lạc. (*Chú thích của Mác viết cho cuốn "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ"*).

nhà bảo vệ đạo đức của nó và Gra-ni-ê đơ Cát-xa-nhắc là nhà tư tưởng của nó. Ghi-dô, hồi còn làm thủ tướng nội các, trên một tờ báo nhỏ đã từng dùng tên Gra-ni-ê đó chống lại phái bảo hoàng đối lập, đã thường hay tán tụng tên này là: "C'est le roi des drôles". "Đó là vua của hề". Sẽ là không thoả đáng khi đem so sánh triều đình và bè đảng Lu-i Bô-na-pác-tơ với triều đình thời phụ chính³⁴⁷, hoặc thời Lu-i XV. Vì "... nước Pháp đã nhiều lần trải qua sự cai quản của các ái khanh nhưng chưa bao giờ trải qua sự cai quản của các tình lang cả"¹⁾...

Bị những yêu cầu trái ngược của địa vị của mình thôi thúc, đồng thời giống như một nhà ảo thuật, buộc phải làm những trò lạ mắt mỗi ngày mỗi khác để công chúng luôn luôn chú ý vào mình như là một kẻ thế chân Na-pô-lê-ông và nói một cách khác, mỗi ngày buộc phải làm một đảo chính thu nhỏ, Bô-na-pác-tơ làm đảo lộn toàn bộ nền kinh tế tư sản, xâm phạm đến tất cả những cái trước kia cuộc Cách mạng 1848 coi là bất khả xâm phạm, làm cho số người này lãnh đạm với cách mạng và số người khác lại mong muốn cách mạng, hấn tạo ra trạng thái vô chính phủ nhân danh trật tự và đồng thời tước mất của bộ máy chính phủ cái vòng hào quang của nó, dung tục hoá bộ máy ấy làm cho nó trở nên vừa ghê tởm lại vừa nực cười. Bô-na-pác-tơ tổ chức ở Pa-ri tấn trò sùng bái chiếc áo thánh ở nhà thờ Tơ-ria³⁴⁸, dưới hình thức tôn thờ chiếc hoàng bào của Na-pô-lê-ông. Nhưng nếu như, cuối cùng, chiếc hoàng bào được khoác lên vai Lu-i Bô-na-pác-tơ, thì pho tượng đồng của Na-pô-lê-ông sẽ đổ nhào từ trên cột Văng-dôm xuống³⁴⁹.

1) Lời của bà Gi-rác-đanh. (Chú thích của Mác viết cho cuốn "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ".)

II NHỮNG NGƯỜI THỢ LÀM BÀN CHẢI

"But, sirrak, there's no room for faith,
truth nor honesty, in this bosom of thine;
it is all filles up with guts and midriff"
(Shakespeare)^{1*}.

Chúng ta đọc thấy trong sách Phúc âm nguyên thủy ở Bi-lơ "Những người thợ làm bàn chải **hay là băng nhóm lưu hoàng**" ("Tác phẩm chính", Văn kiện, tr. 31). Chúng ta đọc thấy trong "Tác phẩm chính" (tr. 136) "**Băng nhóm lưu hoàng hoặc cũng là những người thợ làm bàn chải**".

Trong hai cách nói băng nhóm lưu hoàng và những người thợ làm bàn chải chỉ là cùng một bọn. Nhưng bọn lưu hoàng, như chúng ta đã thấy, đã chết rồi, đã tiêu ma vào giữa năm 1850. Vậy thì bọn thợ làm bàn chải cũng tiêu ma? "Nhân vật tròn trĩnh" là người truyền bá văn minh trong bọn thàng Chạp, mà văn minh, như Phu-ri-ê nói, khác với dã man ở chỗ thay lời dối trá giản đơn bằng lời dối trá phức tạp.

Nhân vật Phan-xtáp đế quốc "phức tạp" kể với chúng ta ("Tác phẩm chính", tr. 198) về vị *Áp-tơ* nào đó mà ông ta gọi là "kẻ đê tiện nhất trong bọn đê tiện". Một sự khiêm tốn kỳ diệu! Đối với

1* - "Nhưng, đồ vô lại, trong bụng người không có chỗ nào dành cho sự thật, sự trung thành cũng như sự ngay thẳng; nó đầy ắp những lòng với ruột và hoành cách mô" (Séch-xpia. "Vua Hen-ri IV". Phần I, hồi III, cảnh ba).

bản thân, Phô-gtơ dùng thứ bậc tốt, nhưng đối với Áp-tơ của mình thì dùng thứ bậc tối cao, nâng y một cách nào đó lên hàng nguyên soái Nây của mình. Khi sách Phúc âm nguyên thủy của Phô-gtơ xuất hiện trên tờ "*Người rao hàng*" ở Bi-lơ thì tôi yêu cầu bộ biên tập của tờ "Volk"³⁵⁰ đăng lại không bình luận ở cuốn sách phỉ báng nguyên thủy ấy. Bộ biên tập vẫn cứ thêm lời chú thích sau:

"Lời phỉ báng đăng trên đây là do một kẻ sa đọa tên là Áp-tơ viết ra, tám năm trước đây, toà án danh dự của những người lưu vong Đức ở Giơ-ne-vơ nhất trí công nhận hẳn đã phạm tội có những hành động làm mất danh dự" ("Volk", số 6, ngày 11 tháng Sáu 1859).

Bộ biên tập "Volk" cho rằng Áp-tơ là tác giả cuốn sách phỉ báng nguyên thủy của Phô-gtơ; nó quên mất rằng Thụy Sĩ có hai Ri-smôn-đơ trên chiến trường³⁵¹ - ngoài Áp-tơ còn có Phô-gtơ.

Như vậy là "kẻ đê tiện nhất trong bọn đê tiện" vào mùa đông xuân năm 1851 đã phát sinh ra *những người thợ làm bàn chải* của mình mà đến mùa thu năm 1859 Phô-gtơ đã đánh cắp ở vị nguyên soái của mình. Cái thói quen đánh cắp văn đang yêu đó, ông ta có thể chuyển theo bản năng từ lĩnh vực lịch sử tự nhiên sang lĩnh vực viết sách kiểu cảnh sát. Có một thời gian, lãnh đạo Hội liên hiệp công nhân Giơ-ne-vơ là người thợ làm bàn chải [Bürstenmacher] *Dau-éc-hai-mơ*. Áp-tơ cắt lấy một nửa tên nghề và một nửa họ của *Dau-éc-hai-mơ*, một đằng lấy nửa trước, một đằng lấy nửa sau, và từ hai nửa ấy khéo léo chấp thành một chỉnh thể - *thợ làm bàn chải*. Ngoài *Dau-éc-hai-mơ* ra, ông ta còn dùng biệt hiệu ấy để gọi những người bạn thân của *Dau-éc-hai-mơ*: *Cam-mơ* ở Bon, làm nghề làm bàn chải, và **Ra-ních-ken** ở Bin-ghen, thợ đóng sách. Ông nâng cấp *Dau-éc-hai-mơ* lên cấp tướng của đám thợ làm bàn chải, Ra-ních-ken nâng cấp sĩ quan tùy tùng, còn lên cấp cho *Cam-mơ* thành thợ làm bàn chải sans phrase. Về sau, khi hai người lưu vong thuộc Hội liên hiệp công nhân Giơ-ne-vơ là *I-man* (hiện là giáo viên trung học ở Đơ-n-đi) và *Si-li* (trước là luật sư ở Tô-ria,

hiện ở Pa-ri) đã làm cho tòa án danh dự khai trừ Áp-tơ khỏi Hội liên hiệp, thì Áp-tơ ra cuốn sách đả kích đầy rẫy những lời thóa mạ trong đó ông ta nâng toàn bộ Hội liên hiệp công nhân Giơ-ne-vơ lên chúc *những người thợ làm bàn chải*. Như vậy, chúng ta thấy có những thợ làm bàn chải thông thường và có những người làm bàn chải đặc biệt. Thuộc vào loại *những người thợ làm bàn chải* thông thường có Hội liên hiệp công nhân Giơ-ne-vơ, chính cái Hội liên hiệp mà Phô-gtơ, bị dồn vào chân tường, đã lừa đảo lấy được testimonium paupertatis^{1*} của mình đăng trên "Allgemeine Zeitung" và ông ta đã quỳ gối trước nó trong lễ kỷ niệm Si-le và Rô-bóc Bli-um (1859). Thuộc vào đám thợ làm bàn chải đặc biệt có: *Dau-éc-hai-mơ* mà như tôi đã nói, tôi không hề quen biết và chưa bao giờ đến Luân Đôn; *Cam-mơ* là người bị trục xuất khỏi Giơ-ne-vơ và sau đó sang Mỹ qua Luân Đôn, song ở nơi đây ông ta không gặp tôi mà là gặp Kin-ken, sau hết là ông **Ra-ních-ken giống đực** hoặc **giống trung** [der oder das Ranickel]^{2*} với tư cách là sĩ quan tùy tùng của đám thợ làm bàn chải, đã ở lại Giơ-ne-vơ, nơi đây ông ta "tập hợp" xung quanh "nhân vật tròn trĩnh". Thật vậy, bản thân ông ta là giai cấp vô sản đối với Phô-gtơ. Vì sau này tôi còn phải trở lại bàn về *Ra-ních-ken*, nên tạm thời chỉ đưa ra một số tài liệu sơ bộ về con quái vật ấy. *Ra-ních-ken* thuộc trại lưu vong ở Bơ-dăng-xông do Vi-lích chỉ huy³⁵² sau cuộc tiến quân thất bại của Hếch-cơ. Dưới sự chỉ huy của ông này, Ra-ních-ken tham gia chiến dịch ủng hộ hiến pháp đế quốc, sau đó cùng ông này chạy sang Thụy Sĩ. Vi-lích là Mô-ha-mét cộng sản của ông, Mô-ha-mét này phải dùng lửa và kiếm để xây dựng vương quốc ngàn năm. Là anh chàng ba hoa hiếu danh và công tử bột yếu điệu, *Ra-ních-ken* còn tàn bạo hơn cả bạo chúa. Ở Giơ-ne-vơ,

1* - giấy chứng nhận nghèo nàn

2* Dưới đây Mác nhiều lần dùng quán từ giống trung để chỉ họ Ra-ních-ken.

trong cơn thịnh nộ, y đã điên cuồng phản đối "các nghị sĩ" nói chung và, với vai Ten-lơ mới, đã đặc biệt đe dọa "bóp chết Lan Phô-gơ". Nhưng khi Van-lô, một người lưu vong trong những năm 30 và bạn thời niên thiếu của Phô-gơ, đưa y vào nhà Phô-gơ thì những tình cảm khát máu của *Ra-ních-ken* biến thành "the milk of human kindness"^{1*}. Đúng như Si-le nói, "Đây là *chú bé* hầu hạ *quản quan giáo khu*"^{2*}.

Sĩ quan tùy tùng của đám thợ làm bàn chải trở thành sĩ quan tùy tùng của tướng Phô-gơ là người không được hưởng vinh quang quân sự chỉ vì Plông-Plông cho rằng viên đại úy của thành *U-loa* Na-plơ (thậm chí vị tướng by courtesy^{3*} đã chấp nhận khá tồi nhiệm vụ được giao phó cho "corps de touristes"^{4*} của ông, tức Plông-Plông, trong cuộc viễn chinh ở I-ta-li-a, còn Pa-rôn của mình thì giữ lại ở đội hậu bị cho cuộc phiêu lưu lớn đi tìm "chiếc trống đã mất", cuộc phiêu lưu sẽ phải tiến hành trên bờ sông Ranh³⁵³. Năm 1859, Phô-gơ chuyển *Ra-ních-ken* của mình từ tầng lớp vô sản lên tầng lớp tư sản, giúp y mở một xí nghiệp (đồ mỹ nghệ, dụng cụ đóng sách, văn phòng phẩm) và, thêm vào đó, đã đảm bảo cho y có được những đơn đặt hàng của chính phủ Giơ-ne-vơ. Sĩ quan tùy tùng của những thợ làm bàn chải trở thành "maid of all work"^{5*} đối với Phô-gơ, kẻ đầu sai không công, bạn thân, Lê-pô-rê-lô, người tâm phúc, phóng viên, kẻ phao tin, kẻ tố giác của ông ta, và

1* - "Sữa của lòng nhân từ" (Séch-xpia. "Mắc-bét", hồi I, cảnh 5. Trích câu của bà Mắc-bét nói về Mắc-bét: "Con được nuôi nấng bằng sữa của lòng nhân từ").

2* "Vin-hem Ten", hồi I, cảnh 4.

3* - do phép lịch sự (từ "by courtesy" được sử dụng đối với điều được đảm bảo không phải bằng pháp luật, mà bằng thiện chí hoặc tập quán).

4* - "đoàn du lịch"

5* - "có hầu làm đủ mọi việc"

sau khi Giếch béo phì^{6*} sa đọa thì cũng là mật thám và kẻ mộ người cho Bô-na-pác-tơ trong công nhân. Một tờ báo Thụy Sĩ cách đây không lâu đưa tin về việc phát hiện ra loại nhím thứ ba là nhím ran hoặc nhím ranh, có cả đặc điểm của nhím chó và nhím lợn và phát hiện được ở trong một tổ bên bờ sông Ác-va, trong trang trại của Hum-bôn-Phô-gơ. Loại nhím ran này có quan hệ gì với *Ra-ních-ken*^{1*} của chúng ta chăng?

Nota bene^{2*}: người lưu vong duy nhất ở Giơ-ne-vơ mà tôi có liên hệ là bác sĩ *Éc-nơ-xơ Dron-ke*, nguyên là ủy viên ban biên tập của tờ "Neue Rheinische Zeitung"³⁵⁴ còn hiện nay là nhà buôn ở Li-vóc-pun và có thái độ không ưa thích đối với những người làm bàn chải.

Về những bức thư dưới đây của *I-man* và *Si-li*, tôi chỉ muốn nêu ra một điều là khi cách mạng nổ ra, I-man rời bỏ trường đại học và tham gia, với tư cách lính tình nguyện, cuộc chiến tranh Slê-dơ-vích-Hôn-stai-nơ. Năm 1849 Si-li và I-man chỉ huy cuộc tập kích kho quân giới ở Pruym³⁵⁵; từ nơi này, họ đem đội ngũ của mình và vũ khí thu được đến Pphan-xơ, nơi đây họ tham gia quân đội chiến đấu cho hiến pháp đế quốc. Bị trục xuất khỏi Thụy Sĩ mùa xuân năm 1852, họ đã sang Luân Đôn.

"Đon-đi, ngày 5 tháng Hai 1860

Mác thân mến!

Tôi không hiểu tại sao Phô-gơ lại kéo anh dính dáng vào các sự việc ở Giơ-ne-vơ. Những người lưu vong ở đó đều biết rằng trong tất cả chúng tôi *chỉ có Dron-ke* là có

6* Ở Séch-xpia, bọm chèn chen gọi ngài Giôn Phan-xtáp là Giếch.

1* Lối chơi chữ không sao dịch được, một mặt, dựa trên sự đồng âm của từ "Ran-Igel" ("Nhím ran") với tên Ranickel, mặt khác, dựa trên hai nghĩa của từ "Sehweinigel" ("nhím lợn" và "đồ dê tiện").

2* – Xin chú ý

quan hệ với anh. *Bằng nhóm lưu hoàng* đã tồn tại trước khi tôi đến và người duy nhất có quan hệ với chúng mà tôi nhớ được là *Boóc-hai-mơ*.

Người ta gọi các hội viên của Hội liên hiệp công nhân Giơ-ne-vơ là *những thợ làm bàn chải*. Cái tên gọi ấy ra đời là nhờ *Áp-tơ*. Hội liên hiệp này là vườn ươm của liên minh bí mật của Vi-lích mà tôi làm chủ tịch. Khi Hội liên hiệp công nhân, mà nhiều người lưu vong tham gia, căn cứ vào đề nghị của tôi, thừa nhận rằng *Áp-tơ* là vô liêm sỉ và tuyên bố hân không xứng đáng giao thiệp với những người lưu vong và công nhân, thì hân vội vàng cho ra cuốn sách phỉ báng trong đó hân buộc cho tôi và Si-li những tội hoang đường nhất. Sau đó chúng tôi đã tổ chức một cuộc thẩm tra mới đối với những việc đó ở một nơi khác và do những người hoàn toàn khác tham gia. Đối với yêu cầu của chúng tôi là chứng minh lời buộc tội mà hân đưa ra đối với chúng tôi, *Áp-tơ* đã cự tuyệt và *Den-tơ* không yêu cầu tôi hoặc Si-li nói gì để tự biện hộ, đưa ngay ra đề nghị tuyên bố *Áp-tơ* là kẻ vu khống vô liêm sỉ. Đề nghị này lại được nhất trí thông qua, mà lần này, những người lưu vong tham dự hội nghị hầu như toàn là nghị sĩ. Đáng tiếc là thông báo của tôi cực kỳ chưa đầy đủ nhưng tám năm nay, đây là lần đầu tiên tôi phải nhớ lại vụ *việc bản thảo đó*. Tôi không muốn người ta bắt tôi phải chịu hình phạt là viết về việc đó và *tôi sẽ hết sức ngạc nhiên, nếu anh vẫn có thể đào bới những thứ ghê tởm đó*.

Xin từ biệt!

I-man của anh"

Một nhà văn Nga nổi tiếng^{1*}, trong thời gian ở Giơ-ne-vơ có quan hệ rất thân mật với *Phô-gtơ*, đã viết thư cho tôi theo tinh thần đoạn cuối bức thư trên.

Pa-ri, ngày 10 tháng Năm 1860

Mác thân mến!

Tôi cảm thấy căm phẫn sâu sắc, khi được biết về những lời đơm đặt có tính chất vu khống đang lan truyền chống lại Ngài mà tôi đọc thấy trong bài của *Ê-đu-a Xi-mông*³⁶ đăng trên "Revue contemporaine". Tôi đặc biệt ngạc nhiên thấy rằng *Phô-gtơ*, mà tôi tưởng là không ngu xuẩn và không độc ác, đã có thể sa đọa về mặt đạo đức đến mức như cuốn sách của ông ta bộc lộ ra. Tôi không cần bằng chứng nào để tin chắc rằng

1* N. I. Xa-dô-nốp.

Ngài không thể nào tiến hành những âm mưu thấp hèn và bẩn thỉu, và do đó tôi càng đau lòng khi đọc thấy rằng những điều đơm đặt có tính vu khống đó được phát biểu đúng vào lúc mà Ngài đã cho giới học giả phần đầu của một tác phẩm tuyệt vời³⁷ mà sứ mệnh là cải tạo khoa học kinh tế và xây dựng nó trên nền tảng mới vững chắc hơn... Mác thân mến, xin đừng bận tâm đến tất cả những điều đề tiện đó, tất cả những người nghiêm túc, tất cả những người có lương tâm đều đứng về phía Ngài và họ chờ đợi ở Ngài không phải cuộc luận chiến vô bổ mà là cái gì khác hẳn, – họ mong rằng có thể nhanh chóng bước vào nghiên cứu phần tiếp theo của tác phẩm tuyệt vời của Ngài. Ngài có những thành công lớn trong con mắt những người có tư duy và nếu như Ngài có nhã ý muốn biết được rằng học thuyết của Ngài được truyền bá ở Nga như thế nào thì tôi có thể báo cho Ngài biết rằng đầu năm nay giáo sư...^{1*} đã tiến hành ở Mát-xcơ-va những bài giảng công khai về kinh tế chính trị mà bài đầu tiên chính là giới thiệu tác phẩm gần đây của Ngài. Tôi xin gửi tới Ngài số báo "Gazette du Nord", qua đó Ngài thấy được tên tuổi Ngài được trọng vọng ở đất nước chúng tôi như thế nào. Xin tạm biệt, Mác thân mến, hãy giữ gìn sức khỏe của mình và làm việc như trước đây, khai sáng cho thế giới và đừng bận tâm đến những sự ngu xuẩn nhỏ nhen và những điều đề tiện vụn vặt. Xin tin ở tình bạn của người trung thành với Ngài..."^{2*}

Cựu bộ trưởng Hung-ga-ri *Xê-me-rơ* cũng viết cho tôi:

"Vaut-li la peine que vous vous occupiez de toutes ces bavardises?"^{3*}.

Tại sao, bất chấp tất cả những lời khuyên *như thế*, tôi vẫn cứ đào bới - dùng cách nói mạnh mẽ của *I-man* - những điều bản thỉu của *Phô-gtơ*, điều đó tôi đã trình bày ngắn gọn trong lời nói đầu.

Bây giờ chúng ta trở lại nói về *những người thợ làm bàn chải*. Bức thư dưới đây của Si-li tôi đăng lại *nguyên văn*, kể cả những cái gì không dính dáng đến "sự việc bản thỉu". Song, tôi lược bỏ trong thư này phần nói đến bằng nhóm lưu hoàng mà chúng ta đã biết qua thư của *Boóc-hai-mơ* và dành một số đoạn để *sau này*

1* - I. C. Báp-xtơ.

2* Trong nguyên bản, thư của Xa-dô-nốp được dẫn ra bằng tiếng Pháp.

3* - "Ngài có đáng bận tâm đến tất cả những điều bịa đặt nói xấu ấy không?"

trình bày, vì tôi phải xử lý "đề tài thú vị của mình" đến trình độ nghệ thuật được xác định, do đó không muốn lộ hết bí mật ngay trong một lúc.

"Pa-ri, ngày 8 tháng Hai 1860

Phố La-phay-ét 46.

Mác thân mến!

Tôi rất vui nhận được tin trực tiếp về bạn trong thư bạn đề ngày 31 tháng trước, và do đó tôi càng vui lòng cung cấp những tài liệu cần thiết về sự kiện Giơ-ne-vơ mà bạn quan tâm, vì tôi đã định *proprio motu*^{1*} viết cho bạn về sự kiện đó. Ý nghĩ đầu tiên không những của tôi mà của tất cả những người quen thuộc ở đây, ở Giơ-ne-vơ, khi chúng tôi ngẫu nhiên nói về điều là Phô-gơ, như bạn đã viết, đã nhập cục bạn với những người mà bạn hoàn toàn không quen biết, và vì chân lý, tôi phải báo cho bạn biết những tài liệu cần thiết về những người thợ làm bàn chải, băng nhóm lưu hoàng, v.v.. Do đó, bạn sẽ thấy rằng hai câu hỏi bạn nêu lên: "1) những thợ làm bàn chải là những ai, họ làm gì?"²⁾ băng nhóm lưu hoàng là gì, gồm những thành phần nào, làm gì?" là hoàn toàn đúng lúc. Nhưng trước hết tôi phải trách bạn làm đảo lộn trình tự thời gian, vì ở mặt này quyền ưu tiên ở đây thuộc về *băng nhóm lưu hoàng*. Nếu Phô-gơ muốn đem ma quỷ ra dọa anh phi-li-xtanh Đức hoặc đốt anh ta bằng lưu hoàng nóng đồng thời "mua vui", thì quả thực, ông ta có thể lựa chọn làm nhân vật của mình, những bọn quý sứ tốt hơn là những khách quen không hề có ác ý và vui vẻ ấy là của quán rượu, những người này được chúng tôi, thế hệ lưu vong già ở Giơ-ne-vơ, gọi một cách bông đùa và hoàn toàn không ác ý là băng nhóm lưu hoàng và họ cũng rất vui vẻ nhận cái biệt hiệu ấy. Đây là bọn học trò vui vẻ của thơ văn đã từng qua Examina^{2*} của mình và đã tiến hành exercitia practica^{3*} trong các cuộc khởi nghĩa ở Nam Đức, rồi trong cuộc vận động ủng hộ hiến pháp đế quốc, rồi sau thất bại đã cùng với chánh chủ khảo và các thầy giáo khoa học đồ của mình tập hợp lực lượng ở Giơ-ne-vơ chuẩn bị cho những cuộc chiến đấu mới... Lẽ đương nhiên, không thể nào liệt vào băng nhóm này những người hoàn toàn không ở Giơ-ne-vơ hoặc chỉ có

1* – chủ động

2* – kỳ thi

3* – thực tập

mặt ở đó sau khi băng này tan rã. Nó là đóa hoa thuần túy địa phương và chóng tàn (thực ra có thể gọi sự thăng hoa đó là hoa lưu hoàng), nhưng có lẽ do hương thơm cách mạng của "Rummeltipuff" của nó là hương thơm quá mạnh đối với thần kinh của Liên bang Thụy Sĩ, do đó Đrui-ê thổi một cái và đóa hoa tan tác ra tứ phía. Chỉ rất lâu sau *Áp-tơ* mới xuất hiện ở Giơ-ne-vơ, còn *Séc-van* thì chậm hơn mấy năm nữa; họ tỏa hương thơm ở đây "mỗi chàng theo một kiểu", nhưng hoàn toàn không phải như Phô-gơ khẳng định, tỏa hương thơm trong bó hoa đã tàn tạ từ lâu, khô héo từ lâu và bị lãng quên.

Hoạt động của băng nhóm này có thể tóm tắt bằng mấy chữ như sau: *lao động trong vườn nho của chúa*. Ngoài ra, họ biên tập "Rummeltipuff" của mình với đề từ "Ở lại trên đất nước và sống bằng *nội dung màu hồng*"^{1*}. Trên tờ báo của mình, họ chế nhạo một cách khôn ngoan và không phải không hóm hỉnh thượng đế và người trần, vạch mặt nhà tiên tri giả dối, công kích mãnh liệt các nghị sĩ (*inde irac*^{2*}), đồng thời không thương hại cả bản thân lẫn chúng ta là khách của họ và mô tả tất cả mọi cái cả bạn lẫn thù, với sự trung thực và công tâm không thể chối cãi được, dưới hình thức biếm họa.

Tôi không cần nói với bạn rằng họ không có quan hệ gì với bạn và họ không đi "giấy" của bạn^{3*}, nhưng tôi cũng không thể giấu bạn rằng giấy đó không hợp với khẩu vị của họ. Là lính đánh thuê của cách mạng, bọn họ tạm thời đi dè dặt của sự bình lặng về chiến sự, trong khi chờ đợi cách mạng lại kích thích họ và cấp phát cho họ những đôi giấy cao đế (những đôi hia bầy dậm của sự tiến lên có tính chất quyết định). Kẻ nào dám quấy rối siesta^{3*} của họ bằng kinh tế chính trị học mác-xít, bằng chuyên chính công nhân, v.v. thì kẻ đó liệu hồn. Lạy chúa! *cái* công việc mà *họ* làm đòi hỏi nhiều lắm là phải có vị chủ tọa cho cuộc uống túy lúy, và các bài học kinh tế của họ xoay quanh chai rượu và chất *màu hồng* của nó. Có một lần, Ba-cphít, người thợ rèn đáng kính ở Ô-đen-van thường đánh bạn với họ, đã nói rằng: "Quyền lao động đương nhiên là điều tốt, nhưng nghĩa vụ lao động thì để cho quỷ tha ma bắt đi!"...

Vì vậy chúng ta hãy đặt vào chỗ cũ tấm bia mộ chí của băng nhóm lưu hoàng bị quăng đi một cách đáng thóa mạ đến thế. Một Ha-phi-đơ nào đó đứng ra phải hát

1* Phỏng theo câu nói trong Kinh thánh: thay chữ "redlich" (thành thực) bằng chữ "rötlich" (màu hồng, nội dung màu hồng).

2* – do đó có sự tức giận (Giu-vê-nan. vở kịch châm biếm thứ nhất)

3* – giấc ngủ trưa.

"Requiescat in pace"^{4*} để ngăn ngừa sự xúc phạm tiếp tục đối với phần mộ của băng nhóm lưu hoàng. Nhưng vì thiếu cái đó, nên pro viatico et epitaphio^{5*} của nó sẽ là câu: "tất cả bọn họ đã ngủ mùi thuốc súng" trong khi đó nhà viết sử xúc phạm thần linh của họ chỉ mới ngủ có mùi lưu hoàng.

Những người thợ làm bàn chải xuất hiện trên vũ đài khi mà các thành viên của băng nhóm lưu hoàng chỉ còn tồn tại trong truyền cổ tích và truyền thuyết, trong sổ ghi chép của các anh chàng phi-li-xtanh Gio-ne-vơ và trong trái tim người đẹp Gio-ne-vơ. Những người thợ làm bàn chải và thợ đóng sách Dau-éc-hai-mơ, Cam-mơ, Ra-ních-ken v.v.. đã cãi nhau với Áp-tơ vì I-man, tôi và những người khác sốt sắng ủng hộ họ nên chúng tôi đã làm cho Áp-tơ tức giận. Vì vậy, Áp-tơ được mời dự một hội nghị toàn thể, trong đó những người lưu vong và Hội liên hiệp công nhân đứng ra với tư cách cour des pairs^{1*} hoặc thậm chí haute cour de justice^{2*}. Y đến dự hội nghị không những không giữ những lời công kích của mình đối với nhiều người khác, mà còn tuyên bố thẳng thừng rằng lời công kích là do y bịa đặt ra để đáp lại lời buộc tội của các địch thủ của y cũng lấy từ cùng một nguồn. Y kết thúc rằng: "*vỏ quýt đầy có móng tay nhọn*". Sau khi Áp-tơ đứng cảm biện hộ cho thủ đoạn trả thù ấy và ngoan cố mưu toan thuyết phục các quan tòa tối cao về ý nghĩa thực tiễn của thủ đoạn đó, người ta đưa ra những chứng cứ về tội lỗi của y; y bị công nhận là mắc tội vu khống độc ác, bị vạch mặt vì nhiều hành động lỗi lầm khác, do đó bị khai trừ. En revanche^{3*}, y gọi vị quý tộc cao cấp - thoát đầu chỉ là những thợ thủ công nói trên - là bọn thợ làm bàn chải. Như bạn thấy, đó là sự kết hợp thành công tên gọi của nghề nghiệp với họ của Dau-éc-hai-mơ nói trên, do đó bạn phải tôn Dau-éc-hai-mơ lên là ông tổ của những thợ làm bàn chải, nhưng bạn không có quyền coi bản thân mình là thành viên của dòng họ ấy, thậm chí không thể gia nhập dòng họ ấy dù nó là phường hội hoặc đẳng cấp quý tộc. Bạn hãy biết rằng những người trong bọn họ tiến hành "tổ chức cách mạng" không phải là tín đồ của bạn mà là kẻ thù của bạn: tôn Vi-lích làm đức chúa cha, hoặc ít ra là giáo hoàng, họ coi bạn là tên phản Ki-tô hoặc phản giáo hoàng, cho nên Đron-

4* — "cầu mong nó được yên nghỉ".

5* — lời từ biệt và dòng chữ đề trên mộ chí

1* — Tòa án quý tộc

2* — Tòa án tối cao

3* — Để trả thù

ke, người duy nhất ủng hộ bạn và legatus a latere^{4*} của bạn ở giáo khu Gio-ne-vơ không được tham gia hội nghị nào trừ những cuộc hội họp chề chén mà ở đó anh ta là primus inter pares^{5*}. Nhưng những thợ làm bàn chải, cũng giống như bọn lưu hoàng, là thứ thuần túy chóng tàn và cũng bị hơi thở mạnh của Đrui-ê làm cho tan tác.

Việc học sinh A-ga-xít có thể bị lôi cuốn vào những hóa thạch của những người lưu vong Gio-ne-vơ đó, và khai thác được từ đó những chuyện hoang đường về lịch sử - tự nhiên như cuốn sách của ông ta cung cấp, càng là điều ngạc nhiên đối với species Bürstenheimerana^{6*} vì trong phòng nghiên cứu động vật học của mình, anh học sinh ấy có thành viên của thời làm bàn chải nguyên thủy là *Ra-ních-ken*, nhận được chính từ đó một tiêu bản tuyệt vời về giống voi cổ xưa trong loài nhai lại. Rõ ràng là con vật nhai lại sinh ra không bình thường hoặc việc nghiên cứu của anh học sinh nói trên về nó đã sai lầm...

Đây là tất cả những điều mà bạn yêu cầu, et au delà^{1*}. Nhưng bây giờ tôi muốn yêu cầu anh một điều là cho biết ý kiến về việc khấu trừ phần di sản pro patria, vulgo^{2*} có lợi cho quốc gia với tính cách nguồn thu nhập chính của nó; đương nhiên, chỉ nói về những di sản lớn, với việc xóa bỏ mọi thứ thuế khác đánh vào những giai cấp không có của... Ngoài vấn đề thuế gia tài, tôi còn quan tâm đến hai thiết chế ở Đức: "sự hợp nhất của mảnh ruộng đất" và "bảo hiểm cầm cố". Tôi muốn giới thiệu những thiết chế ấy với người Pháp, nhìn chung trừ một số ít, họ hoàn toàn không biết gì về điều đó và chỉ nhìn thấy ở bên kia sông Ranh có sương mù và bắp cải chua. Cách đây không lâu, báo "Univers" là một ngoại lệ; khi than phiền nhiều về tình trạng ruộng đất sở hữu quá ư phân tán, báo đó chỉ ra một cách đúng đắn rằng: "Il serait désirable qu'on appliquât immédiatement les remèdes énergiques, dont une partie de l'Allemagne s'est servie avec avantage: le remaniement obligatoire des propriétés partout où les 7/10 des propriétaires d'une commune réclament cette mesure. La nouvelle répartition facilitera le

4* — đặc sứ

5* — người đứng đầu trong những người ngang hàng

6* — Loài thợ làm bàn chải.

1* — và còn hơn thế nữa

2* — vì lợi ích của tổ quốc, nói một cách đơn giản

drainage, l'irrigation, la culture rationnelle et la voirie des propriétés"^{3*}. Từ "Siècle" cũng bàn đến vấn đề ấy, tờ báo này nhìn chung có phần thiên cận, đặc biệt là trong những vấn đề nước Đức, nhưng ba hoa quá đỗi do chủ nghĩa sô-vanh tự mãn của nó mà nó phò trương giống như Đi-ô-gien phò trương chiếc áo mưa rách bươm của mình, cái món ăn ấy, nó hâm lên hết ngày nọ đến ngày kia cho bạn đọc của nó dưới hình thức chủ nghĩa yêu nước. Tờ báo sô-vanh này gửi lời chào buổi sáng cho bête noire^{4*} của nó, báo "Univers", xong liền thét lên: "Propriétaires ruraux, suivez ce conseil! Empressez - vous de réclamer le remaniement obligatoire des propriétés; *dépouillez les petits au profit des grands*. Ofortunatos nimium agricolos – trop heureux habitants des campagnes – sur si bona – s'ils connaissaient l'avantage à remanier obligatoirement là propriété!"^{1*} Đường như trong cuộc bỏ phiếu *theo đầu người* của người sở hữu, những người sở hữu lớn sẽ thắng những người sở hữu nhỏ.

Về các việc khác tôi để cho các sự kiện cứ xảy ra theo trình tự của mình, để cho đế vương thì được vương quốc, còn thượng đế thì được thiên quốc, song không quên "phần của quý". Tôi vẫn là bạn cũ của bạn.

Si-li của bạn".

Từ những tài liệu trên đây có thể kết luận rằng nếu như ở

3* – "Điều đáng mong muốn là thi hành ngay những biện pháp kiên quyết mà tại một phần của nước Đức người ta đã tiến hành thắng lợi: cưỡng bức chia lại ruộng đất ở tất cả mọi công xã mà 7/10 số người chiếm hữu ruộng đất của một thôn xã đòi hỏi điều đó. Sự phân chia mới đối với ruộng đất này sẽ làm dễ dàng việc tháo nước, tưới nước, sự canh tác hợp lý và làm cho đường sá giữa các cơ sở canh tác được tốt hơn".

4* – quái vật, vật mà người ta sợ hãi và thù ghét (nghĩa đen: "dã thú").

1* – "Hỡi những người sở hữu ruộng đất ở nông thôn, hãy làm theo lời khuyên ấy! Hãy mau mau đòi dùng cưỡng bức chia lại ruộng đất, hãy *tước sạch của những người sở hữu nhỏ vì lợi ích của những người sở hữu lớn*. Ofortunatos nimium agricolos. Ôi, những người dân nông thôn quá ư sung sướng – sua si bona, – nếu như họ biết được lợi ích của việc cưỡng bức chia lại ruộng đất!" (Những chữ la-tinh trong câu này là phỏng theo câu thơ trong quyển hai của trường ca của Viéc-gi-lô "Hoa thực được").

Giơ-ne-vơ trong những năm 1849-1850 đã tồn tại bọn lưu hoàng, còn trong những năm 1851-1852 đã tồn tại bọn thợ làm bàn chải, hai đoàn thể này không có chút gì giống nhau, không có gì giống với tôi, thì sự tồn tại của "*bọn lưu hoàng hoặc bọn thợ làm bàn chải*" do anh hề nghị viện của chúng ta phát hiện, chỉ là máu mủ của anh ta, là lời *dối trá* trăm phần trăm, một sự dối trá "cũng lớn như kẻ nào đã bịa đặt ra nó". Hãy tưởng tượng một nhà sử học đã vô liêm sỉ đến mức quả quyết rằng trong thời kỳ cuộc cách mạng Pháp lần thứ nhất đã có một nhóm người được nổi tiếng dưới cái tên "*Cerle social*"³⁵⁹ **hoặc cũng** dưới cái tên gọi không kém phần đặc trưng là: "*bọn Gia-cô-banh*".

Còn về đời sống và hoạt động của "bọn lưu hoàng *hoặc* bọn thợ làm bàn chải" thì ở đây anh hề của chúng ta đã tránh được mọi chi phí sản xuất. Tôi chỉ xin lấy một ví dụ duy nhất:

"Một trong những công việc chính của bọn lưu hoàng" – nhân vật tròn trĩnh kể với công chúng phi-li xtan bằng dáng bộ ngạc nhiên của mình – "là làm mất thanh danh của những người sống ở Tổ quốc, đến nỗi họ không được phản đối ý đồ cưỡng đoạt và phải bỏ tiền ra" (thật là hay nếu nói: "*họ không được tiếp tục phản đối ý đồ cưỡng đoạt*") "để bọn này giữ bí mật những việc làm mất thanh danh của họ. Những con người ấy" (tức homunculis^{1*} kiểu Phô-gtơ) đã gửi về Đức không phải *một* mà *hàng trăm* bức thư công khai đe dọa sẽ vạch trần sự tham gia vào các hành động cách mạng, nếu những số tiền quy định không được giao tới địa điểm quy định vào thời hạn nhất định" ("Tác phẩm chính", tr.139).

Tại sao Phô-gtơ không cho đăng "*một*" bức thư nào trong số những thư ấy? Vì rằng bọn lưu hoàng viết "*hàng trăm*" bức thư. Nếu như những bức thư dọa dẫm đó rẻ tiền như quả dâu dại^{2*} thì Phô-gtơ vẫn thể độc rằng chúng ta không nên xem một bức thư nào cả. Nếu ngày mai ông ta bị đưa ra tòa án danh dự của Liên

1* – những con người bé nhỏ đáng thương

2* Phỏng theo câu nói của Phan-xtáp (xem Sếch-xpia. "Vua Hen-ri IV". Phần I. màn II, cảnh 4).

minh Gruýt-li³⁶⁰ và phải giải thích về "hàng trăm bức thư dọa dẫm" thì ông ta sẽ lấy ở trong túi ra không phải những bức thư, mà là chai rượu, búng tay tặc lưỡi, tay ôm cái bụng rung rinh vì tiếng cười phá lên kiểu Xi-len, rồi thét lên cùng với Áp-tơ của ông ta rằng: "Ăn dưa trả dưa"

III HÀNH ĐỘNG KIỂU CẢNH SÁT

"Vị quản quan giáo khu nghĩ ra một
vụ mới chưa từng thấy!"
(*Si-le*)^{1*}.

"Tôi công khai tuyên bố" - Phô-gơ trong điệu bộ anh hề của mình, nói một cách nghiêm chỉnh – "Tôi công khai tuyên bố rằng bất cứ ai tham gia cùng với Mác và các đồng chí của ông ta vào bất kể âm mưu chính trị nào đều sớm hay muộn sẽ rơi vào tay cảnh sát; những âm mưu ấy đã bị mật thám biết rõ, họ ngay từ đầu đã được báo cáo về những âm mưu đó và vào thời gian thích hợp sẽ áp chúng" (hiển nhiên là những âm mưu ấy là những quả trứng, còn cảnh sát là con gà mái ấp những quả trứng ấy). "Bọn chủ mưu Mác và đồng bọn dĩ nhiên là ngồi ở Luân Đôn, ngoài tầm với tới được" (trong khi đó cảnh sát ngồi ấp trên các quả trứng). "*Tôi không gặp khó khăn gì trong việc đưa ra chứng cứ cho lời khẳng định ấy*". ("Tác phẩm chính", tr. 166, 167).

Phô-gơ "hiện không *gặp khó khăn* gì", Phan-xtáp thì chưa hề "*gặp khó khăn*". "*Đặt điều nói bậy*" bao nhiêu thì tùy thích, nhưng "*gặp khó khăn*" chẳng?^{2*} Vậy thì "chứng cứ" của anh, Giếch,

1* "Vin-hem Ten", màn I, cảnh 3.

2* Trong nguyên bản, hai động từ "verlogen" – "đặt điều nói bậy" và "verlegen" – "gặp khó khăn" phát âm na ná nhau.

"chứng cứ" của anh đâu^{3*}.

1. SỰ TỰ THÚ

"Trong cuốn sách mỏng của mình xuất bản năm 1853, nhan đề "*Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuê*", tr.77, chính Mác đã nói: "Đối với chính đảng vô sản sau năm 1849 cũng như trước năm 1848 chỉ còn lại *một* con đường – con đường *liên hiệp vô sản bí mật*. Do đó, kể từ năm 1849 trên lục địa đã xuất hiện một loạt những hội liên hiệp vô sản bí mật: *cảnh sát khám phá họ*, toà án truy tố họ, nhà tù làm vơi cạn hàng ngũ họ, tình thế *thường xuyên khôi phục họ trở lại*". "Ở đây Mác tự xưng, với cách nói ngụ ý khác (Phô-gơ nói), là "tình thế" ("Tác phẩm chính", tr. 167).

Vậy là Mác nói rằng "từ năm 1849, cảnh sát khám phá cả một loạt những hội liên hiệp bí mật", nhưng tình thế đã khôi phục chúng. Phô-gơ nói rằng không phải "tình thế" mà là Mác "đã khôi phục các hội liên hiệp bí mật". Thế là Phô-gơ đã chứng minh rằng mỗi lần cảnh sát Ba-đen khám phá được Ma-ri-a-ne³⁶¹, thì Mác, theo sự thoả thuận với Pi-ê-tơ-ri, lại khôi phục nó.

"*Bản thân Mác nói*". Tôi dẫn ra toàn văn, xem bản thân Mác thế nào:

"Từ khi cuộc cách mạng những năm 1848 - 1849 thất bại, chính đảng vô sản đã mất đi trên lục địa những gì mà nó đạt được – như một ngoại lệ – trong thời kỳ ngắn ngủi đó: *báo chí, tự do ngôn luận và quyền lập hội*, nói cách khác: những *thủ đoạn hợp pháp* để tổ chức đảng. Tuy ở vào thời kỳ thế lực phản động hoành hành, đảng tự do tư sản, cũng như đảng dân chủ – tiểu tư sản, đã tìm thấy trong địa vị xã hội của giai cấp mà họ đại biểu mọi điều kiện cần thiết để liên hiệp lại bằng hình thức này hoặc hình thức khác và bảo vệ, trên mức độ nhiều hay ít, những lợi ích chung của họ. *Đối với chính đảng vô sản* sau năm 1849 cũng như trước năm 1848, chỉ còn *một* con đường mở ra – con đường *liên hiệp bí mật*. Do đó, kể từ năm 1849, trên lục địa đã xuất hiện cả một

3* Xem Sếch-xpia, "Vua Hen-ri IV", phần I, hồi II, cảnh 4.

loạt hội liên hiệp vô sản bí mật, cảnh sát phát giác họ, toà án truy tố họ, nhà tù làm vơi cạn hàng ngũ họ; còn tình thế thường xuyên khôi phục lại họ. Một bộ phận những đoàn thể bí mật ấy đặt cho mình mục đích trực tiếp là lật đổ chính quyền nhà nước hiện hành. Điều đó là chính đáng ở *Pháp*... Một bộ phận khác những đoàn thể bí mật ấy đặt ra mục đích của mình là thành lập đảng vô sản, không bận tâm đến số phận của các chính phủ hiện hữu. Điều đó là cần thiết ở những nước như *Đức*... không nghi ngờ gì nữa, ở đây các đảng viên của đảng vô sản sẽ lại tham gia vào cuộc cách mạng chống status quo^{1*}, *nhưng việc chuẩn bị cho cuộc cách mạng ấy, việc cổ động cho nó, hoạt động bí mật và tổ chức âm mưu không nằm trong nhiệm vụ của họ... Do đó, Đồng minh những người cộng sản*³⁶² *không phải là một đoàn thể âm mưu...* ("Sự phòng ngừa v.v.", xuất bản ở Bô-xtôn, tr.62,63)³⁶³.

Nhưng chỉ riêng việc "tuyên truyền" đã bị Phô-gơ lên án là phạm tội, đương nhiên, trừ việc tuyên truyền theo sự cho phép của Pi-ê-tơ-ri và Le-ti. Phô-gơ thậm chí còn cho phép "cổ động, hoạt động bí mật, tổ chức âm mưu", nhưng miễn là trung tâm của tất cả việc đó nằm ở Pa-le-Roay-an³⁶⁴, trong tay Hen-ri, Hê-li-ô-ga-ban Plông-Plông mà ông ta yêu quý. Song, còn việc "tuyên truyền" trong hàng ngũ những người vô sản. Điều đó hèn hạ làm sao!

Trong "*Sự phòng ngừa*", sau đoạn trích dẫn trên, là đoạn đã bị uỷ viên điều tra của toà án Phô-gơ xuyên tạc một cách xảo quyệt, tôi tiếp tục.

"Lẽ đương nhiên là đoàn thể bí mật như thế (như *Đồng minh những người cộng sản*) có thể có ít sức hấp dẫn đối với những người mà, một mặt, ra sức che giấu sự hèn mọn của bản thân núp dưới chiếc áo choàng trang nghiêm đượm vẻ sân khấu của hoạt

1* – trật tự hiện hữu, hiện trạng.

động âm mưu, mặt khác, họ lại muốn thoả mãn óc hiếu danh nhỏ nhen của mình khi cuộc cách mạng sắp tới nổ ra, nhưng trước hết, ngay vào lúc này họ đã ra sức tỏ ra là người quan trọng, nhận phần của mình trong thành quả của sự mị dân và kiểm soát sự tán thưởng của những phần tử dân chủ to mồm kiểu hàng tôm hàng cá. Do đó, trong *Đồng minh những người cộng sản* đã tách ra, hoặc nếu có thể nói, bị tách ra một tập đoàn yêu cầu phải tiến hành nếu không phải những âm mưu thực sự thì chí ít cũng là *vẻ bề ngoài* của âm mưu, do đó học đòi kỳ được sự liên minh trực tiếp với những nhân vật anh hùng dân chủ đương thời – tập đoàn Vi-lích - Sáp-pơ. Đặc trưng của tập đoàn ấy là Vi-lích cùng với *Kin-ken* đã xuất hiện với tư cách entrepreneur^{1*} trong vụ tiền vay nợ cách mạng Đức-Mỹ" (tr.63, 64)³⁶⁵.

Đoạn này, Phô-gơ cũng dịch "với ngụ ý khác" bằng tiếng lóng nhà nghề của cảnh sát như thế nào? Xin hãy nghe đây:

"Chùng nào hai" (đang) "còn cùng hành động thì họ, *như bản thân Mác đã nói*, còn tiến hành tổ chức các hội bí mật và *làm mất thanh danh của các đoàn thể và một số cá nhân riêng biệt trên lục địa*" (tr.171).

Song tên dê tiện béo phị chỉ quên dẫn chứng số trang trong "*Sự phòng ngừa*", đoạn Mác "*đích thân nói*" điều đó.

"Egli e bugiardo, e padre di menzogna"^{2*}

2. ĐẠI HỘI CÁCH MẠNG Ở MUỐC-TANH

"Các dũng cảm", "Các anh dũng", vulgo Các Phô-gơ, bây giờ kể cho chúng ta nghe về thất bại ở Muốc-tanh.

"Một số đồng đảo công nhân và người lưu vong đã bị" *Líp-nếch* chứ không phải ai

1* – nhà kinh doanh

2* – "Hắn là tên bịp bợm và cha của mọi lời bịa đặt" (Đan-tơ "Hài kịch thánh thần", "Địa ngục", bài ca XXIII).

khác - "thuyết phục khéo léo đến nỗi rút cục đã quyết định triệu tập *đại hội cách mạng* ở Muốc - tanh. Đại biểu các đoàn thể địa phương phải bí mật đến đây, nơi mà họ muốn thảo luận về *tổ chức cuối cùng của đồng minh* và *thời hạn dứt khoát tiến hành khởi nghĩa*. Tất cả mọi việc chuẩn bị đều giữ tuyệt đối bí mật, giấy mời *chỉ* do những người tin cẩn của ông Líp-nếch và thông tín viên của ông ta phổ biến. Các đại biểu từ khắp nơi, người *đi bộ*, kẻ *đi tàu thủy*, người *cưỡi ngựa* tề tựu ở Muốc-tanh và lập tức bị hiến binh bắt, hiến binh đã biết từ trước họ từ đâu đến và đến *bằng cách nào*. Tất cả những người bị bắt *như vậy* đều bị giam một thời gian ở tu viện Au-gu-xin ở Phrây-buốc, sau đó bị giải sang Anh và Mỹ. Ông Líp-nếch được đối xử với thái độ *c dè dặt biệt*" ("Tác phẩm chính", tr.168).

"Ông Líp-nếch" tham gia cuộc khởi nghĩa tháng Chín 1848 do Xtơ-ru-vơ tổ chức, sau đó bị ngồi ở nhà tù Ba-den cho đến giữa tháng Năm 1849, được giải phóng nhờ cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Ba-den, tham gia làm đội viên pháo binh nhân dân Ba-den, sau đó lại bị bạn của Phô-gtô là Bren-ta-nô coi là nghĩa quân và tống vào nhà lao Ra-stát, sau cuộc phóng thích thứ hai, vào thời kỳ cuộc vận động ủng hộ hiến pháp đế quốc đã gia nhập sư đoàn của I-ô-han Phi-líp Béch-cơ và cuối cùng đã cùng với Xtơ-ru-vơ, Côn-hai-mơ, Coóc-nơ và Rô-den-blum vượt biên giới Pháp, từ đó họ sang Thụy Sĩ.

Bấy giờ, về "ông Líp-nếch" và "các đại hội cách mạng" của ông ta ở Thụy Sĩ thì tôi biết ít hơn là về các đại hội quán rượu ở khách sạn của ông chủ Ben-xơ ở phố Ke-xơ, thành phố Béc-nơ, nơi đây những hiệp sĩ nghị viện ngồi quanh những chiếc bàn tròn lại rất hài lòng bàn tán về những bài diễn thuyết mà họ đã từng phát biểu ở Nhà thờ Thánh Pôn,³⁶⁶ phân chia nhau, theo số thứ tự, các chức vụ của đế quốc tương lai và giết thời gian của những đêm lưu vong nặng nề bằng cách nghe những lời ba hoa lếu láo, những lời bông đùa thô lỗ, những lời tục tĩu và những câu chuyện hoang đường của anh chàng Các dũng cảm, anh ta, theo một truyền thuyết cũ ở Đức, đã đích tay cấp cho bản thân – không phải không có phần hài hước – một mảnh bằng phát minh của "*tay nghiện rượu đế quốc*".

"Truyền thuyết" bắt đầu như sau:

Swaz ich trinken's hân gesēhen,
daz ist gar von kinden geschēhen:
ich hân einen swēlch gesēhen,
dem wil ich meistersechfte jēhen.

Den dühten becher gar entwiht,
ēr wolde nāpf noch koppe niht,
ēr tranc ūz grōzen kannen,
ēr ist vor allen mannen
ein vorlauf allen swēlhen

von ūren und von ēlhen

wart solcher slünd nie niht getân^{1*}.

Nhưng hãy trở lại "đại hội cách mạng" ở Muốc-tanh. "Đại hội cách mạng!" "Tổ chức *hoàn chỉnh* đồng minh!" "Ngày giờ khởi nghĩa!" "Công việc chuẩn bị trong *sự bí mật tuyệt đối*!" "Sự tập hợp hoàn toàn *bí mật* từ khắp nơi – người đi bộ, kẻ đi tàu thủy,

1* – Tất cả chúng ta đều không chê rượu, - nhưng thực ra,

Tất cả cái đó là trò trẻ con;

Tôi biết một tay nghiện rượu

Quả thực hắn làm cho mọi người kinh ngạc.

Coi thường cốc vại, chén to.

Cũng như bát chiết yêu lớn.

Bao giờ cũng chỉ uống bằng thùng.

Là tấm gương cao cả

Cho mỗi người thuộc dân nghiện rượu.

Mồm hươu và trâu

Cũng không uống được những ngụm to như vậy.

(Trích trong bài thơ Đức hài hước thế kỷ XIII "Tên nghiện rượu").

người cưỡi ngựa". Rõ ràng là anh chàng "Các dưng cảm" đã không uổng công nghiên cứu phương pháp của Sti-bơ mà tôi đã bóc trần trong cuốn "Sự phòng ngừa".

Tình hình kỳ thực như thế này: đầu năm 1850 Líp-nếch là chủ tịch Hội liên hiệp công nhân Giơ-ne-vơ. Ông đề nghị thiết lập sự liên hiệp giữa các hội liên hiệp công nhân Đức ở Thụy Sĩ bấy giờ hoàn toàn không có liên hệ gì với nhau. Đề nghị ấy được chấp nhận. Giấy mời đã được quyết định gửi cho 24 hội liên hiệp công nhân khác nhau đến họp ở Muốc-tanh và ở đây sẽ thảo luận vấn đề về tổ chức đã được đề nghị và vấn đề xuất bản tờ báo chung. Các cuộc tranh luận trong Hội liên hiệp công nhân Giơ-ne-vơ, việc gửi giấy mời, những cuộc thảo luận liên quan đến việc này trong 24 hội liên hiệp công nhân khác – tất cả đều tiến hành *công khai*, đại hội ở Muốc-tanh được quyết định họp *công khai*. Nếu như nhà cầm quyền Thụy Sĩ muốn cấm đại hội, thì họ có thể làm điều đó một tháng trước khi đại hội khai mạc. Nhưng trong kế hoạch của ông Đrui-ê, một phần tử thuộc phái tự do, đã có thủ thuật cảnh sát kiểu sân khấu, ông ta đang tìm kiếm người nào đó mà ông ta có thể nuốt chửng để thoả lòng Liên minh thần thánh bấy giờ đang đe dọa. Líp-nếch, với tư cách chủ tịch Hội liên hiệp công nhân ký vào giấy mời dự đại hội, đã được vinh dự bị công nhận là kẻ chủ mưu. Bị cách ly với các đại biểu khác, ông được cư trú không mất tiền ở một căn buồng trên đỉnh tháp Phrây-buốc có thể nhìn rộng ra xung quanh và thậm chí được đặc quyền mỗi ngày đi dạo một giờ trên sân thượng của tháp này. Điều độc đáo duy nhất trong việc đối xử với ông là cách ly ông. Ông đã nhiều lần yêu cầu chuyển ông sang với những người bị giam khác, nhưng bao giờ cũng bị từ chối. Nhưng ông Phô-gtơ hiểu rõ rằng cảnh sát không cách ly những "moutons"^{1*} của nó mà trái lại, nhét những "kẻ

1* – Bọn mật thám chuyên trà trộn vào hàng ngũ những người bị bắt

đam đạo dễ chịu" ấy vào nội bộ những người bị bắt.

Hai tháng sau, Líp-nếch cùng với một người tên là Ghê-béc bị cảnh sát trưởng Phrây-buốc giải về Bơ-dăng-xông, ở đây ông cũng như các đồng chí trong hội liên hiệp của Đảng, được nhà cầm quyền Pháp cấp giấy thông hành sang Luân Đôn với lời cảnh cáo rằng nếu họ đi chệch tuyến đường quy định cho họ thì họ sẽ bị đầy sang An-giê-ri. Vì chuyến du hành không lường trước này mà Líp-nếch đã bị mất phần lớn số đồ dùng của mình ở Giơ-ne-vơ. Song, cần đánh giá công bằng các ngài Ca-xten-la, Sa-la-rơ và những uỷ viên khác của chính phủ Phrây-buốc đương thời - đối xử hoàn toàn nhân đạo với Líp-nếch cũng như đối với tất cả những tù nhân ở Muốc-tanh. Các ngài ấy còn nhớ rằng chỉ mới mấy năm trước đây thôi, bản thân đã bị ngồi tù hoặc lưu vong và công khai bày tỏ sự ghê tởm đối với nhà chức trách cảnh sát và Đrui-ê Đại Cốt-ta³⁶⁷ gán ép cho họ. Những người lưu vong bị giam không được đối xử *như* các "nghị sĩ" lưu vong mong đợi. Do đó, một người hiện còn ở Thụy Sĩ, một nhân vật X... nào đó trong đám nghị sĩ, cảm thấy mình có trách nhiệm xuất bản một cuốn sách đả kích, trong đó đã chửi bới tất cả bọn bị tù và đặc biệt là Líp-nếch về chỗ "tư tưởng cách mạng" của họ vượt quá giới hạn của lý trí lành mạnh của nghị viện. Còn anh chàng "Các dưng cảm" xem ra còn chưa thể trấn tĩnh lại sau "sự dè dặt đặc biệt" mà người ta đã thể hiện với Líp-nếch.

Toàn bộ sáng tác của anh chàng "Các dưng cảm" của chúng ta đều in dấu ấn của sự đánh cắp văn. Trong trường hợp này cũng vậy. Mọi người đều biết, phái tự do Thụy Sĩ có thói quen là tung tin rằng các nạn nhân của họ mắc tội moucharderie^{1*} để đem lại "tính chất tự do" cho các lệnh trục xuất thô bạo của họ. Khi trực

khác để dò xét ở họ những tin tức cần thiết (nghĩa đen: các con cừu đực).

1* – hoạt động gián điệp

xuất *Xtơ-ru-vơ*, *Pha-di* công khai tuyên bố rằng ông ta là "gián điệp Nga". Cũng hệt như vậy, *Đruy-ê* tuyên bố công khai *Boa-sô* là mouchard^{2*} Pháp. *Tu-rơ* cũng làm như vậy contra^{3*} *Si-li*, sau khi ra lệnh bắt chợt bắt ông trên đường phố Giơ-ne-vơ để đưa ông vào *tháp canh của nhà tù ở Béc-nơ*. "Le commissaire maire fédéral Monsieur Kern exige votre expulsion"^{1*}, *Tu-rơ* có quyền lực vạn năng tuyên bố như vậy để trả lời câu hỏi của *Si-li* về nguyên nhân của sự đối xử thô bạo đó đối với ông. *Si-li*: "Alors mettez-moi en présence de Monsieur Kern"^{2*}. *Tu-rơ*: "Non, nous ne voulons pas que M. le commissaire fédéral fasse la police à Genève"^{3*}. Lô-gích của câu trả lời đó hoàn toàn xứng đáng với sự thông minh tuyệt vời mà cũng ông *Tu-rơ* ấy, với tư cách công sứ Thụy Sĩ ở Tu-rin, đã thể hiện ra - khi việc nhường Xa-voa và Ni-xơ thành fait accompli^{4*} - khi ông ta viết cho tổng thống Liên bang Thụy Sĩ rằng Ca-vua đã cực lực phản đối sự nhân nhượng đó. Nhưng có lẽ vấn đề ngoại giao về đường sắt bấy giờ đã làm cùn sự sáng trí bình thường của ông *Tu-rơ*. Chỉ sau khi *Si-li* bị secret^{5*} cực kỳ nghiêm ngặt ở Béc-nơ, *Tu-rơ* mới làm cho sự thô bạo cảnh sát của mình mang "tính chất tự do" và thì thầm với những người lưu vong Đức, chẳng hạn như bác sĩ Phin-cơ: "Si-li bí mật câu kết với Kéc-nơ, tố giác với ông ta về những người lưu vong ở Giơ-ne-vơ...". Chính tờ báo Giơ-ne-vơ "Indépendant"³⁶⁸ bấy giờ cũng cho rằng "việc nâng thủ đoạn vụ khổng có hệ thống đối

2* - gián điệp

3* - chống lại

1* - "Ủy viên liên bang, ông thị trưởng Kéc-nơ, đòi trục xuất ông"

2* - "Vậy xin để cho tôi gặp mặt ông Kéc-nơ".

3* - "Không được, chúng tôi không muốn ông uỷ viên liên bang làm công việc cảnh sát ở Giơ-ne-vơ".

4* - việc đã rồi

5* - biệt giam

với những người lưu vong lên thành nguyên tắc quốc gia" (xem phụ lục I) là một tội lỗi ai nấy đều biết của chính phủ Giơ-ne-vơ.

Sau lần yêu cầu đầu tiên của cảnh sát Đức, chính phủ tự do Thụy Sĩ đã lập tức vi phạm quyền tị nạn - là quyền được hứa hẹn làm điều kiện để tàn quân của quân đội cách mạng thôi tham gia trận chiến đấu cuối cùng trên lãnh thổ Ba-đen, - trục xuất cái gọi là "các thủ lĩnh". Sau đó, đến lượt "bọn theo đuôi". Hàng ngàn binh sĩ Ba-đen, bị lừa gạt, bằng mọi cách, đã nhận giấy thông hành để trở về tổ quốc, nơi đây họ rơi ngay vào tay bọn hiến binh đã biết rõ từ trước những binh sĩ này "làm gì, từ đâu đến và đến như thế nào". Rồi đến sự đe dọa của Liên minh thần thánh và cùng với nó là trò hề của cảnh sát *Muốc-tanh*. Tuy nhiên, Hội đồng Liên bang "tự do"³⁶⁹ không dám đi xa như "Các dũng cảm". Không nói lấy chữ nào về "đại hội cách mạng", cũng như về "tổ chức hoàn chỉnh của đồng minh", "ngày giờ dứt khoát của cuộc khởi nghĩa". Cuộc điều tra, vì thể diện mà buộc phải bắt đầu, đã kết thúc không kết quả gì.

"Sự đe dọa chiến tranh" của các cường quốc bên ngoài và "khuyh hướng tuyên truyền chính trị" - đấy là tất cả những gì mà Hội đồng liên bang "lúng túng" đã lúng búng biện hộ cho mình trong một văn kiện chính thức (xem phụ lục 2). Chiến công cảnh sát của "chủ nghĩa tự do Thụy Sĩ" tuyệt nhiên không kết thúc bằng "đại hội cách mạng ở Muốc-tanh". Ngày 25 tháng Giêng 1851, bạn tôi, Vin-hem Vôn-phơ ("con sói nghị viện"^{1*} như "các con cừu đục nghị viện" gọi đùa ông) đã viết cho tôi từ Xuy-rích:

"Bằng những biện pháp quen dùng từ trước tới nay, Hội đồng liên bang đưa con số người lưu vong từ 11 000 xuống còn 500, nhưng nó còn chưa yên tâm, chừng nào chưa xua đuổi được tất cả những người không có tài sản kha khá hoặc không có những quan hệ đặc biệt".

1* Chơi chữ: Wolff là họ, "Wolf" là "sói".

Những người lưu vong chiến đấu cho cách mạng, đương nhiên, giữ lập trường thù địch với các nhân vật ở Nhà thờ Thánh Pôn là bọn đã giết cách mạng bằng những lời ba hoa vô tận của chúng. Chúng không ngại ngừng gò trong việc giao các dinh thự của chúng cho cảnh sát Thụy Sĩ.

Kẻ thân tín của Phô-gtơ, con quái vật *Ra-ních-ken*, đã đích thân viết thư cho *Si-li* sau khi Si-li đến Luân Đôn.

"Hãy tìm cách kiếm cho được mấy cột báo trên tờ báo Bỉ nào đó để đăng lời tuyên bố và đừng bỏ lỡ dịp quấy rối sự lưu lại ở nước Mỹ của *những con chó Đức hèn hạ*" (bọn nghị sĩ) "*đã bán mình cho nhà ngoại giao có bướu cổ*" (Đruy-ê) "*và trở thành công cụ của hắn*".

Bây giờ thì người ta hiểu được câu nói dưới đây của anh chàng "Các dững cảm" có ý nghĩa gì.

"Tôi cố gắng dốc hết sức mình để hạn chế sự bôn ba cách mạng của những người lưu vong và tìm nơi nương thân cho họ hoặc ở lục địa hoặc ở hải ngoại".

Ngay trong một bài báo đăng ở số 257 "*Neue Rheinische Zeitung*" đã có thể đọc thấy đoạn sau đây:

"*Hai-den-béc*, ngày 23 tháng Ba 1879: Bạn của chúng tôi, *Phô-gtơ*, chiến sĩ tiên phong của phái tả, nhà hài hước đế quốc đương thời, Ba-rô đế quốc tương lai, "người phát tín hiệu đáng tin cậy" đã từng ngăn ngừa mọi người làm cách mạng, đã liên hiệp - với những người cùng chí hướng chăng? Không! - với bọn phản động thực thụ. Và nhằm mục đích gì? Để những "cá nhân" bị giam cầm ở Xto-ra-xbua. Bơ-dăng-xông và các nơi khác trên biên giới Đức, được phái sang, hay nói cách khác, được *đẩy* sang Mỹ... Cái mà chế độ tàn bạo của Ca-ve-nhắc áp dụng như sự trừng phạt thì các ngài ấy nhân danh tình thương Cơ Đốc giáo để đạt cho được... sự ăn xá chết rồi, - *di đây* muôn năm! Dĩ nhiên, sự thể diễn ra với *pia frau*^{1*}, tưởng như thể bản thân những người lưu vong bày tỏ nguyện vọng di cư, v.v.. Nhưng tờ "*Seeblätter*" đưa tin từ Xto-ra-xbua rằng những kế hoạch đi đây đó đã gây ra trong *tất cả* những người lưu vong một làn sóng công phần thực sự v.v.. Tất cả họ đều muốn nhanh chóng trở về Đức, ngay cả nếu phải mạo hiểm, như ông Phô-gtơ nói một cách cảm động, tham gia một "hành động táo bạo điên cuồng nào đó".

1* — sự lừa bịp thành kính

Song, nói đủ rồi về đại hội cách mạng Muốc-tanh của anh chàng "Các Dững cảm".

3. SÉC-VAN

"The virtue of this jest will be the incomp-

rehensible lies that this same fat rogue will tell us".

"Giá trị tuyệt trần của sự pha trò đó là những lời dối trá không thể tưởng tượng được mà tên vô lại béo phì ấy sẽ kể lể với chúng ta"^{1*}.

Trong tác phẩm của tôi "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" có một chương dành riêng để nói về vụ *âm mưu của Séc-van*³⁷⁰. Ở đó tôi chỉ rõ Sti-bơ cùng với Séc-van (biệt danh của Crê-mơ) làm công cụ và Các-li-ê, Grây-phơ và Phlơ-ry làm bà đỡ, đã đẻ ra cái gọi là vụ âm mưu Pháp - Đức tháng Chín ở Pa-ri¹⁾ nhằm mục đích lấp những khiếm khuyết trong "*cấu thành khách quan của tội phạm*" được quy cho những tù nhân ở Khuên, những khiếm khuyết này đã gây ra sự bất mãn của viện công tố Khuên.

Chúng cố biện hộ mà tôi đưa ra trong thời gian vụ án Khuên³⁷² về việc không có bất cứ quan hệ nào giữa một bên là Séc-van và bên kia là tôi và những bị cáo ở Khuên, đã có sức thuyết phục đến mức bản thân Sti-bơ ngày 18 tháng Mười (1852) còn làm chứng có tuyên thệ rằng Séc-van của ông ta thuộc đồng bọn chúng tôi, - thì đến ngày 23 tháng Mười 1852 ("Sự phòng ngừa", tr.29³⁷³) đã phải phủ nhận lời khai đó. Bị dồn vào tường,

1) Sau khi tác phẩm "Sự phòng ngừa" của tôi in xong thì tôi được biết Đơ-la-ốt (lấy tên là Đuy-prê) cũng như những tên cảnh sát Phổ *Béch-cơ-man* (bấy giờ là *phóng viên* "*Kölnische Zeitung*"³⁷¹) và *Dôm-mê* cũng tham gia vào việc này.

1* Séc-xpia. "Vua Hen-ri IV". Phần I, hồi I, cảnh hai.

anh ta phải từ bỏ mưu toan làm cho chúng tôi dính líu đến Séc-van và âm mưu của hắn. Sti-bơ vẫn là Sti-bơ, nhưng Sti-bơ vẫn chưa phải là Phô-gtô.

Tôi cho rằng hoàn toàn không cần nhắc lại ở đây những điều giải thích mà tôi đòi đưa ra trong tập "Sự phòng ngừa" về cái gọi là vụ âm mưu tháng Chín. Đầu tháng Năm 1852, Séc-van trở về Luân Đôn là nơi hắn ra đi vào đầu mùa hè năm 1850 vì công việc mà rồi sang Pa-ri. Cảnh sát Pa-ri đã tạo cho hắn cơ hội chạy trốn sau mấy tháng bị kết án vào tháng Hai 1852. Ở Luân Đôn, thời gian đầu Hội giáo dục công nhân Đức, mà tôi và các bạn hữu của tôi đã rút khỏi đó ngay từ giữa tháng Chín 1850³⁷⁴, đã chào đón hắn như một người chịu nạn về chính trị. Nhưng sự lừa bịp đó không kéo dài được lâu. Các chiến công của Séc-van ở Pa-ri nhanh chóng bị phơi trần và ngay vào tháng Năm 1852 tại một cuộc hội nghị công khai, hắn đã bị đuổi khỏi Hội như một con người vô liêm sỉ. Những bị cáo ở Khuên bị bắt vào đầu tháng Năm 1851, vẫn còn ở trong tù đang bị điều tra. Qua bản tin mà tên gián điệp *Béch-man* gửi từ Pa-ri cho "Kölnische Zeitung" của nó, tôi hiểu rằng cảnh sát Phổ định dựng lên một cách muợn mần mối liên hệ giữa Séc-van, vụ âm mưu của hắn với những bị cáo ở Khuên. Vì vậy tôi bắt đầu tìm kiếm những tài liệu về Séc-van. Tôi phát hiện rằng tháng Bảy 1852 hắn đã đề nghị với cựu bộ trưởng thời Lu-i-Phi-líp, nhà triết học chiết trung nổi tiếng, ngài Phôn R...^{1*}, xin làm gián điệp cho phái Oóc-lê-ăng. Quan hệ của ông Phôn R... với Cục cảnh sát Pa-ri đã giúp ông ta lấy được ở cục này trích yếu trong hồ sơ của Séc-van. Theo các báo cáo của cảnh sát Pháp, Séc-van chính là Chervald nommé Frank, don't le véritable nom est Kremer^{2*}. Hồ sơ ghi rõ rằng trong một thời gian khá dài, hắn là mật thám của công tước Ha-dơ-phen, công sứ Phổ

1* – Rê-muy-da.

2* – Séc-van thường gọi là Phrăng, có họ thật là Crê-me.

ở Pa-ri, rằng hắn đóng vai kẻ phản bội trong Complot franco – allemand^{3*} và ngoài ra hiện nay vẫn còn là gián điệp Pháp v.v.. Trong thời gian vụ án Khuên, tôi đưa những tài liệu ấy cho một trong những người biện hộ, luật sư *Snai-dơ II*, căn dặn rằng khi cần ông luật sư có thể nói rõ là do tôi cung cấp. Tại phiên toà ngày 18 tháng Mười, Sti-bơ tuyên bố có tuyên thệ rằng Séc-van người xứ Ai-rơ-len theo chính lời của anh ta, năm 1845 bị tù ở A-khen do làm giả kỳ phiếu, vẫn còn bị tù ở Pa-ri, tôi báo ngay – qua bưu kiện thường kỳ – cho Snai-dơ II biết rằng Crê-me, người Phổ vùng Ranh, "vẫn còn" sống dưới cái tên giả Séc-van ở Luân Đôn, hàng ngày đều gặp viên trung uý cảnh sát Phổ Grây-phơ và là một tội phạm Phổ đã bị kết án, hắn sẽ được Anh dẫn độ theo yêu cầu của Chính phủ Phổ. Việc đưa hắn đến Khuên làm nhân chứng sẽ hoàn toàn lật đổ tất cả hệ thống mưu mô của Sti-bơ.

Trước sự đả kích mãnh liệt của Snai-dơ II, ngày 23 tháng Mười Sti-bơ rút cục phải nói rằng Séc-van tuồng như đã chạy khỏi Pa-ri, nhưng trình trọng tuyên thệ rằng ông ta không biết tin gì về địa chỉ của con người Ai-rơ-len và về quan hệ của anh ta với cảnh sát Phổ. Thực ra, bấy giờ Séc-van đã được đưa sang giúp việc Grây-phơ ở Luân Đôn với số lương cố định hàng tuần. Cuộc tranh luận do những tài liệu của tôi gây ra tại toà án bồi thẩm Khuên về "bí mật của Séc-van" đã buộc hắn chạy trốn khỏi Luân Đôn. Tôi nghe nói, hắn đi làm nhiệm vụ cảnh sát ở đảo Giốc-xi. Trong một thời gian dài tôi bị mất tăm tích hắn cho tới khi ngẫu nhiên, qua bản tin Giơ-ne-vơ trên tờ "Republik der Arbeiter"³⁷⁵ xuất bản ở Niu Oóc, tôi được biết rằng tháng Ba 1853 Séc-van đã đến Giơ-ne-vơ với cái tên *Niu-đgiên-tơ* và mùa hè năm 1854 lại chuồn khỏi nơi này. Như vậy là hắn gặp gỡ Phô-gtô ở Giơ-ne-vơ

3* – vụ âm mưu Đức - Pháp.

mấy tuần sau khi tác phẩm của tôi "Sự phòng ngừa", làm mất mặt hẳn, được Sa-bê-lít-xơ xuất bản ở Ba-lơ.

Nhưng tôi xin quay lại "Câu chuyện lịch sử" kiểu Phan-xtáp.

Phô-gơ quả quyết rằng Séc-van của ông ta sau cuộc chạy trốn giả khỏi Pa-ri đã *lập tức* xuất hiện ở Giơ-ne-vơ, còn trước đó ông ta quả quyết rằng "mấy tháng" trước khi khám phá ra vụ âm mưu tháng Chín, Séc-van đã được Đồng minh bí mật của những người cộng sản "điều" (tr. 172, sách đã dẫn) từ Luân Đôn sang Pa-ri. Nếu thế thì khoảng thời gian từ tháng Năm 1852 đến tháng Ba 1853 hẳn hoàn toàn biến mất, còn thời gian giữa tháng Sáu 1850 và tháng Chín 1851 bị rút lại thành "mấy tháng". Nếu như có được Phô-gơ nào đó tuyên thệ tại Toà án bồi thẩm Khuên rằng "đồng minh cộng sản bí mật ở Luân Đôn" đã phái Séc-van đến Pa-ri vào tháng Sáu 1850, thì Sti-bơ có thể cung cấp tất cả; nếu được ngắm nhìn Phô-gơ với Sti-bơ của mình trên hàng ghế nhân chứng đang đổ mồ hôi hột thì tôi chẳng tiếc cái gì cả! Một đám người đáng kính biết mấy gồm có Sti-bơ đã tuyên thệ, với con chim Grây-phơ của mình, với Véc-mút của mình, Gôn-hai-mơ và với *Bét-ten* – Phô-gơ của mình (*Bettelvogt*)^{1*}. Séc-van của Phô-gơ đến Giơ-ne-vơ "với giấy giới thiệu với tất cả những người quen thuộc của Mác và đồng bọn mà Niu-đgien-tơ nhanh chóng trở nên gắn bó quăn quýt" (tr. 173). Hẳn cư trú ở gia đình một phóng viên của tờ "Allgemeine Zeitung" và được – chắc là nhờ giấy giới thiệu của tôi ("Sự phòng ngừa") – tiếp kiến Phô-gơ, ông này giao cho hẳn công tác in đá (tr. 173-174, sách đã dẫn) và có một thứ "quan

1* Chơi chữ "Greif, Wermuth và Gosdheim (gọi thân mật là Goldheimchen) là họ của các quan chức cảnh sát, đồng thời cũng có nghĩa: "Greif" – "chim ưng", "Wermut" – "đau khổ", "khổ ải", "Goldheimchen" – "con dê màu vàng"); "Bettelvogt" – nghĩa đen là "kẻ cai quản bọn ăn mày", ở đây có nghĩa là "kẻ che chở cho bọn vô lại".

hệ với khoa học" với ông giống như trước đây với đại công tước I-ô-han, rồi sau đó với Plông-Plông. "Niu-đgien-tơ" làm việc ở "văn phòng" nhiếp chính đế quốc³⁷⁶, có lần "một người quen" nhận ra ông ta là Séc-van và vạch mặt là "agent provocaten"^{2*}. Nguyên do là Niu-đgien-tơ không những làm việc cho Phô-gơ, mà còn cho "việc xây dựng một đoàn thể bí mật".

"Séc-van – Niu-đgien-tơ chủ trì hội nghị, ghi biên bản và đảm nhiệm việc trao đổi thư từ với Luân Đôn" (l.c., tr. 175). "Ông lừa được sự tín nhiệm của một số công nhân kém sáng suốt nhưng nhìn chung là những công nhân rất tốt" (ib.), nhưng "trong các thành viên của hội còn có một tay sai của tập đoàn Mác mà tất cả đều cho rằng là mặt thám của cảnh sát Đức" (l.c.).

"Tất cả những người quen biết" của Mác mà Séc-van – Niu-đgien-tơ "gắn bó quăn quýt" đột nhiên biến thành "*một tên tay sai*" mà *tên* tay sai này, đến lượt nó, lại chia ra thành "*những tên tay sai của Mác* lưu lại Giơ-ne-vơ" (tr.176) mà về sau Niu-đgien-tơ không những "trao đổi thư từ từ Pa-ri", mà còn bị hẳn ta, giống như miếng nam châm, "hút" trở về "phía mình" ở Pa-ri (l.c.).

Đây lại là "sự thay đổi hình dạng" được ưa thích từ chỗ bằng "vải" sơn thành dạ màu cỏ xanh!

Mục đích mà Séc-van – Niu-đgien-tơ đặt ra khi thành lập đoàn thể của mình là

"chế tạo hàng loạt giấy bạc và chứng khoán ngân khố giả để bằng cách lưu hành chúng mà làm lung lay tín dụng của bọn chuyên chế và phá hoại chế độ tài chính của chúng" (l.c., tr. 175).

Xem ra thì Séc-van bắt chước Pít nổi tiếng, mọi người đều biết, trong thời kỳ chiến tranh chống Gia-cô-banh, Pít đã lập ra ở gần Luân Đôn một công xưởng để in giấy bạc Pháp giả.

Bản thân Niu-đgien-tơ đã chuẩn bị cho mục đích ấy các bản in đá và đồng, đã chỉ định một số thành viên cả tin của đồng minh bí mật sẽ mang theo những "bó" – bản in đá

2* – phần tử khiêu khích

và đồng chăng? – không, "*giấy bạc giả ấy*" (giấy bạc giả dĩ nhiên được bó thành bó trước khi in) "sang Pháp, Thụy Sĩ và Đức" (tr.175),

nhưng Xi-xê-rông – Phô-gơ đã đứng đằng sau Séc-van – Ca-ti-li-na với thanh kiếm tuốt trần. Đặc điểm của các nhân vật kiểu Phan-xtáp là không những bản thân họ bị thổi phồng, mà họ còn thổi phồng tất cả. Hãy xem Gu-ghe-n-grô-xlin-ghe đã hạn chế "sự bôn ba cách mạng" ở Thụy Sĩ và dùng một loạt tàu biển bảo đảm cho người lưu vong *vượt đại dương* như thế nào, hãy xem họ xuất hiện trên sân khấu như thế nào, biểu diễn kịch bình dân như thế nào, cố gắng như thế nào để làm cho câu chuyện lý thú về cuộc quyết đấu tại Pa-ri giữa Sti-bơ và Séc-van lưu danh thiên cổ như thế nào! (Xem "Sự phòng ngừa"³⁷⁷)! Ông ta đứng như thế đấy, ông ta sử dụng kiếm như thế đấy!^{1*}.

"Kế hoạch của toàn bộ âm mưu (l.c., tr. 176) đã được suy tính cực kỳ tỉ mỉ". "Toàn bộ trách nhiệm về đề án của Séc-van tất phải trút lên toàn bộ hội liên hiệp công nhân". "Đã xuất hiện những câu hỏi của các phái đoàn nước ngoài", đã chuẩn bị "làm mất thanh danh của Thụy Sĩ, đặc biệt là bang Giơ-ne-vơ".

Nhưng Phô-gơ không ngủ. Ông ta thực hiện sự cứu vớt đầu tiên đối với Thụy Sĩ – cuộc thực nghiệm mà sau này ông ta lặp lại nhiều lần với kết quả ngày một tăng.

"Tôi không phủ nhận" – con người nặng cân thốt lên, - "Không phủ nhận rằng tôi đã đem lại *sự đóng góp quan trọng của tôi* để đập tan những kế hoạch độc ác ấy, tôi không phủ nhận rằng để đạt tới điều đó tôi đã tìm đến cảnh sát của nước Cộng hoà Giơ-ne-vơ, hiện nay tôi còn lấy làm tiếc" (Xi-xê-rông đau thương) "rằng nhiệt tình của một số người bị lừa gạt đã trở thành lời báo trước cho kẻ chủ mưu giáo quyết và y đã thoát khỏi bị bắt".

Nhưng dù sao thì Xi-xê-rông – Phô-gơ cũng đã "đập tan" âm mưu với Ca-ti-li-na, cứu vớt Thụy Sĩ và "đem lại" **sự đóng góp quan trọng của mình** đến nơi mà anh ta luôn luôn sẵn sàng

1* Họa câu nói của Phan-xtáp trong vở kịch lịch sử của Sếch-xpia "Vua Hen-ri IV", Phần I, hồi II, cảnh 4.

đem lại sự đóng góp ấy. Mấy tuần sau – như Phô-gơ - Séc-van lại xuất hiện ở Pa-ri, "nơi đây anh ta tuyệt nhiên không ẩn trốn mà sống *công khai* như bất cứ *công dân* nào khác" (l.c., tr. 176). Mọi người đều rõ *cuộc sống công khai* của công dân (citoyens) Pa-ri của Empire^{2*} giả mạo ra sao.

Trong khi Séc-van "công khai" lang thang như vậy ở Pa-ri thì Phô-gơ poor^{3*} khi đến thăm Pa-ri lần nào cũng phải nấp dưới gầm bàn của Plông-Plông ở Pa-le Roay-an!

Đáng tiếc là để đối chọi với bài ca Da-kha-ri-át mạnh mẽ của Phô-gơ, tôi buộc phải dẫn ra bức thư dưới đây của I-ô-han Phi-líp Béch-cơ. Hoạt động cách mạng của bậc lão thành I-ô-han Phi-líp Béch-cơ trong giới lưu vong Đức từ ngày lễ Hăm-bắc³⁷⁸ đến cuộc vận động ủng hộ hiến pháp đế quốc, trong đó ông chiến đấu với tư cách chỉ huy sư đoàn chủ lực số 5 (tiếng nói hiển nhiên vô tư như tờ "Berliner Militair – Wochenschrift" chứng minh cho công lao quân sự của ông), - hoạt động của ông đã được biết tới quá rõ, nên tôi khỏi phải nói thêm gì về tác giả bức thư. Do đó, tôi chỉ nêu lên rằng bức thư của ông là gửi cho R...^{1*}, nhà buôn Đức mà tôi rất quen thuộc ở Luân Đôn, rằng cá nhân tôi không quen biết ông và về mặt chính trị ông chưa bao giờ có quan hệ với tôi, sau hết tôi đã lược bỏ phần đầu bức thư nói về chuyện kinh doanh cũng như lược bỏ phần lớn đoạn nói về bọn lưu hoàng và những thợ làm bàn chải và những gì đã rõ qua những chỗ trình bày trên kia. (Nguyên bản bức thư hiện nằm trong hồ sơ vụ án của tôi ở Béc-lin).

"Pa-ri, ngày 20 tháng Ba 1896

... Mấy ngày trước đây tôi nhận được cuốn sách nhỏ của Phô-gơ contra Mác.

2* – đế quốc

3* – đáng thương hại

1* – Rai-nơ-len-đơ.

Tác phẩm đó càng làm cho tôi đau lòng vì lịch sử của cái gọi là bọn lưu hoàng và của Séc-van nổi tiếng xấu xa, và tôi biết đích xác do lúc đó tôi ở Giơ-ne-vơ, đã bị hoàn toàn xuyên tạc và đem gán liền một cách hoàn toàn lầm lạc với hoạt động chính trị của nền kinh tế học Mác. Cá nhân tôi không quen biết ông Mác và chưa hề có một cuộc tiếp xúc nào với ông; trái lại, ông Phô-gtơ và gia đình ông, tôi đã biết hơn 20 năm nay, do đó quan hệ cá nhân của tôi với ông gần gũi hơn nhiều; tôi chỉ có thể bày tỏ sự đáng tiếc sâu sắc nhất và sự lên án kiên quyết nhất đối với sự khinh suất và sự vô liêm sỉ của ông Phô-gtơ trong khi tiến hành cuộc đấu tranh này. Trong đấu tranh mà sử dụng những sự việc xuyên tạc hoặc thậm chí dựng đứng lên, là điều không xứng đáng. Cho dù việc buộc tội Phô-gtơ phục vụ Na-pô-lê-ông là không có căn cứ thì sự khinh suất đó mà ông ta, giống như kẻ tự sát, dùng để huỷ hoại bước đường công danh đẹp đẽ, đã phá hoại địa vị và làm mất thanh danh của mình, gây ra ấn tượng nặng nề. Tôi thành tâm hy vọng rằng ông ta dùng tất cả những phương pháp ngay thẳng để bác bỏ lời buộc tội nghiêm khắc đó. Xét tất cả những gì ông đã làm từ trước tới nay trong sự việc không vui về gì này, tôi cảm thấy tuyệt đối cần thiết kể với Anh về lịch sử của cái gọi là bọn lưu hoàng và của ông Séc-van "không chêm vào đâu được", để Anh có thể phán đoán Mác chịu phần trách nhiệm như thế nào về sự tồn tại và hoạt động của họ.

Vậy xin nói đôi lời về sự ra đời và sự ngừng tồn tại của bọn lưu hoàng, mà vị tất ai có thể cung cấp những tin tức chính xác hơn tôi về chúng. Điều dễ hiểu là bây giờ tôi đang ở Giơ-ne-vơ, nhờ địa vị của mình, tôi không những có thể quan sát tất cả những gì xảy ra trong giới lưu vong; vì lợi ích của sự nghiệp chung, với tư cách là thế hệ lớn tuổi, tôi cho rằng mình có trách nhiệm chăm chú theo dõi tất cả những gì được tiến hành trong đám người ấy để khi cần có thể báo trước và khuyên ngăn những người lưu vong tránh những mưu đồ nhằm nhử rất đáng tha thứ trong hoàn cảnh khó khăn của họ làm nảy sinh sự tức giận và thường là sự tuyệt vọng của họ. Trên cơ sở 30 năm kinh nghiệm, tôi biết rất rõ đời sống lưu vong nào cũng đầy rẫy ảo tưởng".

(Đoạn tiếp theo phần lớn đã được trình bày trong thư của Boóc-hai-mơ và Si-li).

"... Cái đoàn thể phần lớn gồm những người vô công rồi nghề ấy được gọi đùa là bọn lưu hoàng. Đây là một nhóm những chàng trai ngẫu nhiên tụ tập ở một chỗ, ra đời không có sự chuẩn bị gì, không có chủ tịch và cương lĩnh, điều lệ và tín điều. Họ không hề có ý nghĩ về liên minh bí mật hoặc mục đích chính trị nào đó cần đạt tới một cách có hệ thống; họ chỉ cố gắng một cách công khai, thậm chí quá ư công khai và chân thành,

nhằm gây ra hiệu quả tới mức quá đáng. Tuy nhiên, không thể nói đến quan hệ nào của họ với Mác là người chắc chắn không biết gì về sự tồn tại của họ và đồng thời họ khác nhau rất nhiều với Mác về quan điểm xã hội - chính trị. Ngoài ra, những thanh niên ấy lúc đó biểu hiện khuynh hướng độc lập gần như kiêu căng và vị tất họ chịu phục tùng bất cứ quyền uy nào về lý luận cũng như thực tiễn; họ có thể chế nhạo những lời giáo huấn kiểu cha hiền của Phô-gtơ cũng như những chỉ thị mang định hướng của Mác. Tất cả những gì xảy ra trong nhóm ấy, tôi càng biết rõ, vì con trai lớn của tôi hàng ngày đều gặp gỡ những người cầm đầu họ. Tất cả những dự định với đám phóng túng ấy tồn tại không quá mùa đông năm 1849 - 1850; tình huống đã ném các vị anh hùng ấy của chúng ta đi bốn phương.

Ai có thể nghĩ rằng bọn lưu hoàng, đã bị lãng quên từ lâu vì sau 10 năm ngủ yên lại được giáo sư Phô-gtơ đốt lên để lợi dụng cái mùi ngạt thở chống lại kẻ thù già tướng của mình, rằng bọn nhà báo bôi bút xu nịnh, giống như dây dẫn giao cảm điện từ phần khởi truyền nó đi xa hơn. Thậm chí, ông Phôn Phin-kê par excellence^{1*} tự do chủ nghĩa nhân văn đề I-ta-li-a đã đề cập đến bọn lưu hoàng và đưa nó ra để minh hoạ cho Nghị viện Phổ khiêm tốn. Còn giai cấp tư sản Brê-xláp – hình như bao giờ cũng được tiếng tăm tốt – trong sancta simplicitas^{2*} của mình đã tổ chức cuộc biểu tình hoá trang để chúc mừng bọn lưu hoàng và hun thành phố bằng lưu hoàng để bày tỏ thiện chí của mình.

Bọn lưu hoàng đáng thương và vô tội! Sau cuộc tạ thế bình yên của người, nolens volens^{3*} người vẫn cứ phải biến thành ngọn núi lửa thực sự, giống như bọn ma quỷ dùng cảnh sát doạ những kẻ tầm thường yếu bóng vía, làm cho bọn đàn độn trên toàn thế giới biến thành núi phun lửa, đốt nóng cực độ những chiếc đầu nóng bỏng và tôi cảm thấy bản thân Phô-gtơ đã bị người làm vĩnh viễn bóng họ.

Bây giờ nói về *Crê-me*, vulgo *Séc-van*. Cái tên bịp bợm, về phương diện chính trị - xã hội và theo nghĩa thông thường của danh từ, đã xuất hiện ở Giơ-ne-vơ năm 1853 dưới cái tên người Anh Niu-đgien-tơ. Đó là họ thời con gái của người vợ hờ đi theo ông và là người đàn bà Anh chính cống. Y nói rất thạo tiếng Anh và tiếng Pháp nhưng trong một thời gian dài đã tránh nói tiếng Đức, vì xem ra y rất muốn người ta tưởng y là người Anh thực. Theo lời y, là công nhân in đá lạnh nghề và công nhân in đá màu, Niu-đgien-tơ đã

1* – thực sự, về thực chất

2* – sự dung dị thiêng liêng

3* – dù muốn hay không

đưa kỹ thuật in đá màu vào Giơ-ne-vơ. Y có những kiểu cách hay, y biết thu xếp cho mình và phò ra những mặt có lợi. Chẳng bao lâu y nhận nhiều đơn đặt hàng của các giáo sư đại học về những bức tranh về lịch sử tự nhiên và nghệ thuật cổ đại. Thời gian đầu, y sống rất không cỏi mở, sau đó hầu như chỉ đi lại với những người lưu vong Pháp và I-ta-li-a. Bấy giờ tôi sáng lập office de renseignements^{4*} và tờ báo ra hàng ngày "Messenger du Léman". Một người lưu vong Ba-đen tên là Stê-khơ, nguyên hiệu trưởng một trường học, làm việc ở chỗ tôi với tư cách biên tập. Anh rất có tài về hội họa và muốn hoàn thiện sự hiểu biết về in đá màu để cải thiện tình cảm của mình; anh ta coi anh chàng người Anh Niu-đgien-tơ là thầy giáo của mình. Stê-khơ rất hay kể cho tôi nghe nhiều điều tốt đẹp về anh chàng người Anh có tài năng, sốt sắng, hào hiệp và về người đàn bà Anh mỹ miều đáng yêu. Stê-khơ cũng là giáo viên dạy hát, ở Hội giáo dục công nhân và có lần dẫn thầy học của mình là Niu-đgien-tơ đến đó; ở đây tôi rất hài lòng có dịp làm quen lần đầu tiên với ông ta và ông ta đã hạ cố nói tiếng Đức, mà lại nói rất lưu loát phương ngữ vùng hạ Ranh, nên tôi bảo ông ta rằng: "chắc ông không phải là người Anh". Nhưng ông ta giữ ý kiến của mình và giải thích rằng thời thơ ấu bố mẹ anh đưa ông ta vào học một trường ở Bon, ông ta ở đấy cho đến 18 tuổi và học được phương ngữ vùng này. Stê-khơ cho mãi tới gần đây còn khâm phục con người "đáng yêu" ấy, cũng giúp cho Niu-đgien-tơ làm cho người ta tin rằng y là người Anh. Trái lại, sự việc ấy khiến tôi rất hoài nghi đứa con trai giả đó của An-bi-ông và tôi khuyên các thành viên của Hội liên hiệp phải thận trọng đối với y. Qua một thời gian, tôi gặp anh chàng người Anh ấy ở Hội liên hiệp những người lưu vong Pháp mà lại đứng vào lúc ông ta đang huênh hoang về chiến công anh hùng của mình trong cuộc khởi nghĩa Pa-ri. Đó là lần đầu tiên tôi hiểu rằng ông ta làm chính trị. Điều đó làm cho tôi càng hoài nghi về ông ta, tôi trêu chọc về "sự dũng mãnh như sư tử"... theo lời ông ta, ông ta đã biểu hiện trong chiến đấu để cho ông ta có cơ hội bênh vực trước mặt tôi và các chiến công của mình khi những người Pháp có mặt, nhưng vì ông ta tiếp thu như chó cụp đuôi lời trêu đùa sâu cay của tôi, nên tôi cũng khinh bỉ ông ta.

Từ đó ông ta hết sức tránh tôi mỗi khi có thể. Đồng thời với sự giúp sức của Stê-khơ, ông ta đã tổ chức những tối khiêu vũ trong Hội giáo dục công nhân Đức, họ còn kéo được đến đó mà không mất đồng nào, mấy nhạc sĩ – một người I-ta-li-a, một người Thụy Sĩ và một người Pháp. Trong những vũ hội đó, tôi lại gặp anh chàng người Anh ấy,

4* – phòng chỉ dẫn

nhưng đã với tư cách maître de plaisir^{1*} thực sự hoàn toàn tự tin, vì việc vui chơi vô độ và việc tán tỉnh phụ nữ vừa sức anh ta hơn là sự dũng mãnh như sư tử. Nhưng ông ta không làm chính trị trong Hội liên hiệp công nhân; ở đây ông ta chỉ nhảy múa và nhảy nhót, cười đùa, uống rượu và ca hát. Tuy nhiên, qua một người thợ làm đồ trang sức ở Vuyéc-tem-béc là Phrít tôi được biết rằng "người Anh cách mạng sâu sắc" đã thành lập một đồng minh gồm có ông (Phrít), một người Đức nữa, mấy người I-ta-li-a và Pháp, tất cả là bảy hội viên. Tôi yêu cầu Phrít đừng có tham dự vào bất cứ sự việc quan trọng nào liên quan đến nhà ảo thuật chính trị ấy, bản thân hãy lập tức rút khỏi đồng minh ấy và thuyết phục các đồng chí cũng làm như vậy. Ít lâu sau tôi nhận được của người bán sách tập sách mỏng của Mác về vụ án những người cộng sản ở Khuên, trong đó Séc-van bị lột mặt nạ là Crê-me và bị vạch mặt là tên bịp bợm và tên phản bội. Tôi lập tức nảy sinh ra sự hoài nghi Niu-đgien-tơ cũng là Séc-van, nhất là theo cuốn sách mỏng, ông ta sinh ra ở Ranh - điều này phù hợp với phương ngữ của hắn – và sống với một người đàn bà Anh – điều này cũng trùng hợp. Tôi lập tức cho Stê-khơ, Phrít và những người khác biết điều phỏng đoán của tôi và đưa họ đọc tập sách. Sự hoài nghi đối với Niu-đgien-tơ lan rộng nhanh chóng, – *cuốn sách mỏng của Mác đã phát huy tác dụng của nó*. Chẳng bao lâu Phrít bảo với tôi rằng anh đã rút khỏi "đồng minh con con" ấy và những người còn lại sẽ theo gương anh. Đồng thời anh còn bộc lộ với tôi mục đích bí mật của đồng minh. "Người Anh" định in chứng khoán quốc gia giả để phá hoại hoạt động tín dụng của các nước châu Âu và dùng tiền đổi được bằng chứng khoán ấy phát động cách mạng châu Âu v.v.. Cũng vào thời gian ấy, một người lưu vong Pháp, nguyên luật sư ở Pa-ri, ông Lây-a, đang giảng dạy về chủ nghĩa xã hội. Niu-đgien-tơ nghe những bài giảng ấy; Lây-a trước đây là người bào chữa cho Niu-đgien-tơ trong vụ án Pa-ri, đã nhận ra hắn là Séc-van, lập tức nói với hắn điều đó. Niu-đgien-tơ khẩn khoản xin ông đừng tố giác hắn. Tôi biết điều đó qua một người lưu vong Pháp, bạn của Lây-a, và lập tức cho tất cả mọi người biết. Niu-đgien-tơ vẫn còn mặt rạn mày đầy đến Hội liên hiệp công nhân, nhưng ở đây y bị vạch mặt là Séc-van người Pháp và Crê-me người Đức và bị tố cáo. Nghe nói y bị Ra-ních-ken ở Bi-ghen quở trách nghiêm khắc về việc này. Ngoài ra cảnh sát Giơ-ne-vơ định truy cứu y về việc tổ chức đồng minh con con nói trên, nhưng kẻ làm giấy bạc giả đã biến mất tăm hơi.

Ở Pa-ri y làm nghề vẽ trên đồ sứ, vì ở đó tôi cũng làm việc trong lĩnh vực này nên

1* – người chủ trì

tôi thường gặp y về mặt nghiệp vụ. Nhưng y vẫn rất nóng nảy, tính nào tạt ấy, bông lỏng.

Tôi không sao hiểu được, làm thế nào mà Phô-gơ có thể cả gan gắn cuộc phiêu lưu của tên lưu manh ở Giơ-ne-vơ với hoạt động của một con người như *Mác* và gọi y là đồng chí hoặc công cụ của *Mác*, mà lại đúng vào thời kỳ *Mác* đã kích mãnh liệt tên bịp ấy trong cuốn sách nói trên. *Chính Mác đã dùng cuốn sách mỏng của mình vạch mặt y và đuổi y khỏi Giơ-ne-vơ, nơi đây theo Phô-gơ nói, tưởng như hẳn làm việc cho Mác.*

Khi tôi nghĩ đến nhà tự nhiên học Phô-gơ làm sao lại có thể đi vào con đường sai lầm như thế, tôi quả thực không hiểu nổi. Chẳng lẽ không lấy làm tức khi thấy Phô-gơ đã huỷ hoại một cách nóng nảy, không kết quả và uống công như vậy cái ảnh hưởng mạnh mẽ mà ông ta có được nhờ sự kết hợp ngẫu nhiên của các tình huống. Không có gì phải ngạc nhiên, nếu như sau điều đó, tất cả mọi người đều đối xử một cách không tín nhiệm và hoài nghi đối với các tác phẩm tự nhiên học của Phô-gơ như là đối với các kết luận khoa học dựa một cách cũng nóng nảy và hời hợt như vậy vào những quan niệm giả dối chứ không phải vào những sự thực được khẳng định và được nghiên cứu thận trọng!

Để trở thành nhà hoạt động nhà nước về học giả thì riêng óc hiểu danh chưa đủ, - nếu không thì ngay Crê-me đã có thể là nhà hoạt động nhà nước lẫn học giả. *Đáng tiếc là do bề lũ lưu hoàng của ông ta và do Séc-van của ông ta, bản thân Phô-gơ đã rơi xuống cùng hàng với Séc-van. Thực vậy, giữa họ có sự giống nhau nội tại biểu hiện sâu sắc ở sự khao khát hạnh phúc thường ngày, cuộc sống sung túc và ăn chơi đàn dúm, cũng như ở sự đùa cợt nóng nảy trong những vấn đề nghiêm chỉnh...*

Trong khi chờ đợi sớm nhận được thư trả lời thân ái của Bạn, xin Bạn nhận lời chào nhiệt thành của người trung thực với bạn.

I.Ph. Béch-cơ

P.S. Tôi vừa đọc lướt lại tập sách mỏng của Phô-gơ và tôi càng ngạc nhiên khi thấy rằng bọn thợ làm bàn chải cũng được dành vinh dự đó. Bạn cần biết vấn đề xem bọn này là gì...

Ngoài ra, tôi cũng thấy trong tập sách ấy nói rằng Phô-gơ quả quyết là Niu-đgien-tơ - Séc-van - Crê-mơ đi Giơ-ne-vơ theo sự uỷ nhiệm của *Mác*. Do đó, tôi thấy cần bổ sung rằng Niu-đgien-tơ cho đến phút cuối cùng lưu lại Giơ-ne-vơ đóng vai người Anh chưa hề làm cho người ta nhận thấy rằng y đã có quan hệ vào lúc nào đó và ở nơi nào đó với một người lưu vong Đức nào đó. Vì điều đó hoàn toàn bất lợi cho việc giấu tên

của y. Ngay hiện giờ, ở đây, tuy điều đó đối với y không còn có ý nghĩa như ở Giơ-ne-vơ lúc bấy giờ, y vẫn cự tuyệt thừa nhận điều đó và phủ nhận mọi sự quen biết với người Đức trong quá khứ.

Từ trước tới nay tôi vẫn nghĩ rằng Phô-gơ đã nhẹ dạ bị người khác mê hoặc, nhưng bây giờ thì hành động của ông ta ngày càng bộc lộ mưu kế độc ác. Ông ta ít làm tôi quan tâm, nhưng tôi thương hại ông bố già lương thiện, dễ thương của ông ta, mà những chuyện này sẽ đem lại những giờ phút không vui.

Tôi không những cho phép, mà thậm chí còn yêu cầu anh, vì chân lý và việc làm tốt đẹp, mà thông báo với những người quen biết của anh tất cả những điều mà tôi cho anh biết.

Bạn chân thành của anh.

I. Phi-líp. B." (Xem phụ lục 3).

4. VỤ ÁN NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN Ở KHUÊN

Bây giờ chúng ta hãy chuyển từ "văn phòng" nhiếp chính đế quốc ở Giơ-ne-vơ sang toà án bồi thẩm của Vương quốc Phổ ở Khuên.

"*Mác* đóng vai trò xuất sắc trong vụ án ở Khuên". Không nghi ngờ gì nữa.

"Ở Khuên đã xét xử các đồng chí trong *Đồng minh của ông*". Hoàn toàn chính xác.

Việc tạm giam các bị cáo ở Khuên kéo dài 1 năm rưỡi.

Cục cảnh sát và đại sứ quán Phổ, Hin-ken-đây và cả bầu đoàn của y, bưu điện và nhà cầm quyền địa phương, bộ nội vụ và bộ tư pháp, - tất cả bọn họ đã có những cố gắng lớn lao trong vòng 1 năm rưỡi ấy để tạo ra một corpus delicti^{1*} nào đó.

1) Đạn pháo nặng mùi hay là *nghet thở* chủ yếu được sử dụng vào đánh mình. Muốn thế cần dùng những chất dễ cháy thông thường nhưng bao gồm nhiều lưu hoàng hơn và thật nhiều lông vũ, móng súc vật, tóc và những thứ rác rưởi khác nhét vào trong vỏ đạn và có lấp giấy cháy" (J.C. Plümicke

Như thế là để điều tra "hành động" của tôi, ở đây Phô-gtơ có thể nói là đã có những thủ đoạn hỗ trợ của quốc gia Phổ và thậm chí những tài liệu xác thực trong tác phẩm của tôi "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên", Ba-lơ, 1853, bản này hẳn thấy ở Hội liên hiệp công nhân Giơ-ne-vơ và mượn một thời gian để "nghiên cứu". Bây giờ thì cậu bé Các không bỏ lỡ cơ hội dọa dẫm tôi. Nhưng không! Lần này Phô-gtơ "vấp phải khó khăn", bắn mấy phát đạn pháo¹⁾ nặng mùi và nghệt thở vốn có của hắn rồi vừa nói lảng nhảng vừa hoảng hốt rút lui.

"Vụ án ở Khuên không có ý nghĩa đặc biệt đối với chúng tôi" ("Tác phẩm chính", tr. 172).

Trong "Sự phòng ngừa", tôi không thể không đề cập đến ông A. Vi-lích bên cạnh những người khác. Vi-lích mở đầu bài tự bào chữa³⁷⁹ trên tờ "New-Yorker Criminal-Zeitung" số ra ngày 28 tháng Mười 1853¹⁾ bằng lời bình luận đối với tác phẩm của tôi, coi đó là "*sự phê phán tài tình đối với những hoạt động kinh khủng của cục cảnh sát trung ương của Hiệp bang Đức*". Người xuất bản tác phẩm của tôi G. Sa-bê-lít-xơ, khi nhận được bản thảo của tôi, đã từ Ba-lơ viết cho tôi ngày 11 tháng Chạp 1852:

"Sự vạch trần của Ngài đối với hành động xấu xa của cảnh sát là tuyệt vời. Ngài đã dựng lên tấm bia kỷ niệm kiên cố cho chế độ Phổ hiện nay".

Ông còn thêm rằng ý kiến của ông được sự chia sẻ của những người có uy tín mà đứng đầu "những người có uy tín" ấy là một người bạn của Các Phô-gtơ hiện ở Giơ-ne-vơ.

"Handbuch für die Koniglich Preufischen Artillerie – Offiziere", Erster Theil, Berlin, 1820). [I.C. Phluy-mích-ke: "Chỉ nam cho sĩ quan pháo binh hoàng gia Phổ" phần I, Béc-lin, 1820].

1* – cấu thành tội phạm.

1) Tôi đưa ra câu trả lời trong bài đã kích đã được xuất bản: "Hiệp sĩ có ý thức cao thượng". Niu Oóc, 1853³⁸⁰.

Bảy năm sau khi xuất bản, tập sách của tôi đã cho ông Ai-xơ-hốp ở Béc-lin mà tôi hoàn toàn không quen biết – như mọi người đều biết Ai-xơ-hốp bị đưa ra toà về tội vu khống Sti-bơ – lý do để tuyên bố như sau trong vụ án của mình:

"Tôi đã nghiên cứu kỹ vụ án những người cộng sản ở Khuên, do đó không những buộc phải hoàn toàn ủng hộ sự buộc tội ban đầu của tôi đối với Sti-bơ là phản bội lời thề, mà còn mở rộng sự buộc tội đó theo tinh thần là tất cả những chứng cứ của Sti-bơ trong vụ án ấy đều là giả tạo... Sự phán quyết đối với các bị cáo ở Khuên chỉ tiến hành trên cơ sở những chứng cứ của Sti-bơ... Tất cả các chứng cứ của Sti-bơ đều chỉ là sự phản bội lời thề được thực hiện nhất quán" (Phụ trương thứ nhất của tờ "Vossische Zeitung"³⁸¹. Béc-lin số ra ngày 9 tháng Năm 1860).

Bản thân Phô-gtơ cũng thừa nhận:

"Ông ấy" (Mác) "đã đem tất cả mọi sự cố gắng có được để cung cấp cho người biện hộ cho các bị cáo những tài liệu và chỉ thị để tiến hành vụ án..."

"Như mọi người đều biết ở đó" (ở Khuên) "bọn mật thám Sti-bơ, Phlơ-ry v.v. đã đưa ra những tài liệu giả, do chúng dựng lên, làm "chứng cứ", và ở đó đã lộ ra trong bọn vô lại cảnh sát ấy một hố sâu những điều dễ tiệt đáng kinh tởm khiến người ta rung mình" ("Tác phẩm chính", tr. 169, 170).

Nếu như Phô-gtơ chứng minh sự thù ghét của mình đối với cuộc đảo chính bằng việc tuyên truyền có lợi cho chủ nghĩa Bô-napác-tơ thì tại sao tôi lại không thể chứng minh "sự đi lại của mình" với cảnh sát mật bằng việc vạch trần sự xấu xa cực độ của nó? Nếu như cảnh sát đã nắm được các chứng cứ xác thực thì tại sao còn dựng lên những chứng cứ giả tạo?

Giáo sư Phô-gtơ giảng giải; nhưng,

"tuy nhiên ngọn đèn chỉ đánh vào các thành viên của Đồng minh của Mác ở Khuên, chỉ đánh vào đảng của Mác".

Đúng thế, Pô-lô-ni-út! Phải chăng ngọn đèn không đánh đầu tiên vào một đảng khác ở Pa-ri, rồi một đảng nữa ở Béc-lin (vụ án La-đen-đoóc-phơ), rồi một đảng khác ở Brê-men (Đồng minh những người quá cố)³⁸² v.v. và v.v., hay sao?

Về việc kết án các bị cáo ở Khuên thì tôi xin dẫn ra mấy đoạn

trong ấn phẩm "Sự phòng ngừa" nói về điểm đó:

"Ban đầu cần sự can thiệp thần kỳ của cảnh sát để che đậy *tính chất thiên hướng* thuần túy của vụ án. "Sự phát giác sắp tới chứng minh với các ngài bồi thẩm rằng vụ án không phải là một vụ án mang tính chất thiên hướng" – Dết-tơ (viên chủ công lý) khai mạc cuộc bàn luận tại toà án bằng những lời lẽ ấy. Còn bây giờ (vào cuối cuộc xét xử) ông ta nhấn mạnh tính thiên hướng để lờ tịt sự phát giác của cảnh sát. Sau cuộc điều tra sơ bộ kéo dài nửa năm, các vị bồi thẩm cần có những tài liệu khách quan chứng minh sự phạm tội để tự biện hộ trước dư luận.

Sau tấn hải kịch cảnh sát kéo dài 5 tuần, các vị bồi thẩm cần có "*khuyết hướng thuần túy*" để rút ra khỏi vũng bùn của những tài liệu thực tế. Do đó, Dết-tơ không chỉ bó hẹp ở tài liệu thực tế buộc viên công tố đi đến kết luận rằng "không có cấu thành khách quan của tội phạm". Ông ta đi xa hơn nữa. Ông ta tìm cách chứng minh rằng luật về các âm mưu nói chung không đòi hỏi phải có cấu thành tội phạm, mà nó là một thứ luật mang tính chất thiên hướng thuần túy, do đó phạm trù âm mưu chỉ là lý do để dùng thủ tục pháp luật thiêu chết tín đồ dị giáo chính trị. Mưu đồ của ông ta hứa hẹn thành công lớn nhờ áp dụng đối với các bị cáo của bộ luật hình mới được ban hành sau khi họ bị bắt. Với lý do là bộ luật ấy tưởng như có những điều khoản giảm nhẹ hình phạt, toà án bộ đồ có thể vận dụng nó như là đạo luật có hiệu lực truy cứu việc cũ. Nhưng nếu như vụ án là vụ án mang thiên hướng thuần túy thì cần điều tra sơ bộ nửa năm để làm gì? Do tính thiên hướng" (l.c., tr. 71,72)³⁸³. "Vụ án bước vào giai đoạn mới với việc phơi bày tập biên bản do bản thân cảnh sát Phổ dựng lên và nhét ngầm vào. Bây giờ các bồi thẩm đã không còn có thể thừa nhận bị cáo là có tội hay không có tội; bây giờ họ phải thừa nhận bị cáo hay là chính phủ có tội.

Xử trắng án cho các bị cáo có nghĩa là kết tội chính phủ" (l.c., tr. 70)³⁸⁴.

Về việc Chính phủ Phổ đương thời cũng đánh giá đúng như vậy cục diện đã hình thành, thì điều đó được chứng minh bằng bức thư của Hin-ken-đây gửi cho đại sứ quán Phổ của Luân Đôn trong thời gian xử vụ án ở Khuên, trong đó ông viết "*toàn bộ số phận của cảnh sát chính trị tùy thuộc vào kết cục của vụ án này*". Do đó ông yêu cầu tìm kiếm một người có thể thay mặt trước toà án cho nhân chứng *H [au-phơ-tơ]* đã lẩn trốn, với khoản thù lao là 1 000 ta-le. Người ấy quả thực đã được tìm ra khi bức thư mới của Hin-ken-đây được gửi tới:

"Ông chủ công lý quốc gia hy vọng rằng trong điều kiện *thành phần bồi thẩm đoàn mà tốt thì sẽ tiến hành phán quyết có tội*, và không cần biện pháp đặc biệt thêm nữa, do đó ông" (Hin-ken-đây) "yêu cầu tạm thời không thi hành biện pháp gì cả" (xem phụ lục 4).

Quả thực chế độ Hin-ken-đây – Sti-bơ ở Phổ đã được sùng bái long trọng chính là nhờ *thành phần bồi thẩm đoàn tốt ở Khuên*. "Sấm sét sẽ gầm vang ở Béc-lin, nếu các bị cáo ở Khuên bị kết án", – bọn vô lại cảnh sát được điều về sứ quán Phổ ở Luân Đôn đã biết rõ điều đó từ tháng Mười 1852, mặc dù mìn của cảnh sát ở Béc-lin (vụ âm mưu La-đen-đoóc-phơ) mãi cuối tháng Ba 1853 mới nổ (xem phụ lục 4).

Sự nhát gan của phái tự do làm cho phe phản động hoành hành tuyệt đối trong nhiều năm, sự nhát gan đó cũng không có giới hạn bao nhiêu thì lời hò hét muợn mần của phái tự do về thời kỳ phản động càng ỉnh ỏi bấy nhiêu. Vì vậy, trong thời gian diễn ra vụ án Khuên, mọi mưu toan của tôi nhằm vạch trần trên báo chí tự do Phổ chế độ lừa gạt của Sti-bơ, đều thất bại. Báo chí ấy đã ghi trên ngọn cờ của mình bằng chữ lớn: thận trọng là chức trách hàng đầu của công dân và anh sẽ sống dưới dấu hiệu ấy³⁸⁵.

5. NGÀY LỄ CHÍNH CỦA CÁC HỘI GIÁO DỤC CÔNG NHÂN ĐỨC Ở LÔ-DAN (Ngày 26 và 27 tháng Sáu 1859)

Nhân vật của chúng ta mỗi lần đều chuẩn về... Ác-ca-di-a với sự hài lòng mới. Chúng ta lại gặp anh ta ở "một góc xa xôi của Thụy Sĩ", ở Lô-dan, trong buổi lễ chính của mấy hội giáo dục công nhân Đức được cử hành vào cuối tháng Sáu. Ở đây Các Phô-gơ lại cứu vãn Thụy Sĩ lần thứ hai. Trong khi Ca-ti-li-na ngồi ở Luân Đôn thì Xi-xê-rông trong chiếc áo ngắn sắc sỡ nổi trợn lồi đỉnh ở Lô-dan:

"Jam jam intelligis me acrius vigilare ad salutem, quam te ad perniciem reipublicae"^{1*}.

Ngẫu nhiên mà còn giữ lại được bản báo cáo gốc về ngày lễ chính nói trên và về chiến công anh hùng mà "con người tròn trĩnh" thực hiện tại buổi lễ đó. Trang đầu bản báo cáo do ông G.Lôm-men thảo ra với sự giúp đỡ của Phô-gơ, ghi rõ: "Ngày lễ chính của các hội giáo dục công nhân Đức miền Tây Thụy Sĩ (ở Lô-dan 1859), *Giơ-ne-vơ*, 1859, Mác-quýt Va-nây, Ruy đơ la Cru-a-đo"³⁸⁶. Hãy so sánh báo cáo gốc đó với "Tác phẩm chính" được xuất bản sau năm tháng. Trong báo cáo có diễn văn do Xi-xê-rông – Phô-gơ "*đích thân phát biểu*" mà ở ngay phần đầu ông ta đã tiết lộ điều bí mật của sự có mặt của ông ta trong buổi lễ đó. Ông ta xuất hiện trong công nhân, diễn thuyết với họ vì

"gần đây người ta đã đưa ra những lời buộc tội nặng nề đối với ông ta, và nếu như những lời buộc tội đó đáng tin cậy, thì chúng hoàn toàn làm lung lay sự tín nhiệm đối với ông ta và *hoàn toàn phá hoại hoạt động chính trị của ông ta*". "Tôi đến đây", – ông ta nói tiếp – "tôi đến đây để công khai phản đối ở đây những mưu kế bí mật" (nói trên) (báo cáo, tr. 6-7).

Người ta buộc tội hấn là hoạt động âm mưu kiểu Bô-na-pác-tơ,

1* – "Người đã hiểu rằng ta quan tâm đến việc cứu vớt nước cộng hoà một cách sốt sắng hơn là người quan tâm đến sự diệt vong của nó" (Xi-xê-rông. "Những bài diễn văn chống Ca-ti-li-na", trích chương IV, bài diễn văn thứ nhất).

hấn phải cứu vãn hoạt động chính trị của hấn và, theo thói quen của mình, hấn dùng lưới để bảo vệ thân xác của mình. Sau khi phí công sức một giờ rưỡi, hấn nhớ lại lời khuyên của Đê-mô-xten là "linh hồn của tài hùng biện, là ở hành động, hành động và hành động".

Nhưng hành động là gì? Ở châu Mỹ có một con thú nhỏ *xcun*, chỉ có *một* thủ đoạn phòng ngự vào giờ phút cái chết đe dọa là toả ra mùi tấn công của nó. Khi bị tấn công, nó tiết từ một bộ phận nào đó trên mình nó ra một thứ dịch đốt cháy quần áo anh, nếu thứ dịch ấy rơi vào da anh thì trong một thời gian anh mất khả năng tiếp xúc với người khác. Mùi hăng lợm giọng đến nỗi khi chó săn vô tình kích động con thú *xcun* thì người đi săn ba chân bốn cẳng bỏ chạy vội vã hơn cả có sói hoặc hổ đuổi theo sau. Người ta có thể dùng thuốc súng và đạn chỉ để tự vệ chống lại sói và hổ, nhưng không có biện pháp gì đối phó với *posteriori*^{1*} của con thú *xcun*!

Đấy là hành động! – vị diễn giả nhập quốc tịch vào "quốc gia của loài thú"³⁸⁷ tự nhủ như vậy và lập tức phun vào những kẻ truy nã giả tạo của mình hương thơm của con *xcun*:

"Nhưng tôi kiên trì xin quý vị cảnh giác về một điều hãy đề phòng mưu kế của một nhóm nhỏ những kẻ đề tiện mà toàn bộ mưu mô của họ đều nhằm làm cho công nhân rời bỏ nghề nghiệp của mình, lôi cuốn anh ta vào đủ thứ âm mưu và quỷ kế cộng sản, rồi sống nhờ mồ hôi của anh ta, lạnh lùng đẩy anh ta" (dĩ nhiên là sau khi anh ta đã bị vắt hết mồ hôi) "vào chỗ diệt vong. *Bây giờ* nhóm ấy lại tìm cách dùng mọi thủ đoạn có thể có" (đến mức có thể được) "lôi cuốn các hội của công nhân vào những chiếc lưới xảo quyệt của mình. Dù họ nói gì" (về các mưu kế kiểu Bô-na-pác-tơ của Phô-gơ) "thì cũng cần biết rằng họ chỉ ra sức đạt tới chỗ bóc lột công nhân vì lợi ích riêng của họ và, rút cục, bỏ mặc công nhân cho số phận" (báo cáo, tr. 18. Xem phụ lục).

Với sự vô liêm sỉ của con thú "*xcun*", hấn quả quyết rằng tôi

1* – đít

và bạn hữu của tôi, những người luôn luôn hy sinh lợi ích cá nhân để bảo vệ một cách *vô tư* lợi ích của giai cấp công nhân, rằng chúng tôi "*sống nhờ mồ hôi của công nhân*", – sự vô liêm sỉ này thậm chí chẳng có gì là độc đáo cả. Không những bọn mouchards^{1*} tháng Chạp gieo rắc, sau lưng Lu-i Blăng, Blăng-ki, Ra-xpai, những điều hèn hạ về họ, mà trong mọi thời đại và ở đâu đâu bọn tố giác của giai cấp thống trị cũng vu khống vô liêm sỉ như vậy đối với những chiến sĩ chính trị tiên phong và những tác gia bảo vệ lợi ích của các giai cấp bị áp bức (xem phụ lục 5).

Song, sau hành động ấy, "con người tròn trĩnh" của chúng ta không còn giữ được cái *sérieux*^{2*} của mình nữa. Anh hề này so sánh "những kẻ truy nã" mình, hiện đang được tự do, với "những người Nga bị bắt làm tù binh ở Xoóc-nơ-đoóc-phơ", còn tự so sánh bản thân – xin đoán xem, với ai nào? – với *Phri-đrich Đại đế*. Nhân vật Phan-xtáp – Phô-gơ nhớ rằng Phri-đrich Đại đế đã bỏ chạy ngay từ trận đầu tiên mà ngài tham gia. Còn hấn bỏ chạy khi chưa tham gia trận đánh nào cả, thì vĩ đại biết nhường nào!¹⁾.

1* – gián điệp

2* – giọng nói nghiêm túc

1) Trong cuốn sách đã kích, do I-a-cốp Vê-nê-đây xuất bản, nhan đề "Bảo vệ mình và tổ quốc chống Các Phô-gơ", Han-nô-vơ, 1860, Cô-bét I³⁸⁸ kể rằng ông ta "đã đích thân chứng kiến nhiếp chính đế quốc *Các Phô-gơ đã không có mặt* khi tất cả chúng tôi, cùng với bốn nhiếp chính đế quốc khác, buộc chính phủ Vuyéc-tem-béc sử dụng vũ lực và như vậy là làm cho nghị viện chết bằng cái chết quang vinh. Đây là câu chuyện rất lý thú. Khi bốn nhiếp chính khác đã ngồi lên xe ngựa để, như đã ước định, đến địa điểm họp ở đó sẽ cùng với "tàn dư" của nghị viện dơ ngực" (như mọi người đều biết "tàn dư" của nghị viện không có đầu) "ra trước lưới lê thì Các Phô-gơ đóng cửa xe lại, hét bảo người đánh xe: "Này, cho xe chạy đi, xe đầy người rồi, tôi sẽ theo sau!", Các Phô-gơ đã đến khi mọi nguy hiểm đã qua rồi" (I.c., tr. 23, 24).

Đó là điều xảy ra ở buổi lễ chính ở Lô-dan, căn cứ theo bản báo cáo gốc. "Sau đó xin hãy thưởng ngoạn" (dùng câu nói của Phi-sác-tơ) "kẻ vét đĩa đáng chán, anh đầu bếp vừa dằn vừa bần"^{1*}, - hãy xem năm tháng sau hấn nấu cho anh phi-li-xtanh Đức món cháo cảnh sát buồn cười như thế nào.

Có những kẻ *bất kể thế nào* cũng muốn *gây chuyện rắc rối ở Thụy Sĩ*, định giáng một đòn quyết định vào chính sách trung lập... *Tôi được thông báo* rằng buổi lễ chính của các hội giáo dục công nhân Đức bị người ta định lợi dụng để hướng công nhân vào con đường mà công nhân kiên quyết cự tuyệt từ trước. Người ta mưu tính lợi dụng buổi lễ tuyệt đẹp để thành lập *ủy ban bí mật*, ủy ban này phải tiếp xúc với những người cùng chí hướng ở Đức và thi hành những *biện pháp* chỉ có thượng đế mới biết" (*ngày đã được thông báo*. Phô-gơ vẫn không biết điều đó). "Người ta tung ra những tin đồn mờ ám và những tin tức bí mật về sự can thiệp tích cực của công nhân vào chính trị của tổ quốc Đức. *Tôi lập tức quyết định đứng ra chống lại những mưu kế đó* và lại cảnh cáo công nhân để họ trong mọi trường hợp không tin theo loại đề nghị đó. Trong phần cuối bài diễn văn nói trên, tôi đã công khai cảnh cáo v.v." ("Tác phẩm chính", tr. 180).

Xi-xê-rông – Phô-gơ quên rằng ở đầu bài diễn văn của mình, hấn đã công khai tiết lộ điều gì đã đưa y đến buổi lễ chính, - không phải nền trung lập của Thụy Sĩ, mà là cứu vớt thân xác mình. Trong bài diễn văn của y không nói một chữ nào về âm mưu hãm hại đã chuẩn bị xong xuôi đối với Thụy Sĩ, về kế hoạch âm mưu lợi dụng buổi lễ chính, về ủy ban bí mật, về sự can thiệp tích cực của công nhân vào chính trị của nước Đức, về đề nghị thuộc "*loại ấy*" hoặc bất cứ "*loại*" nào khác. Không có lời nào về tất cả những trò Sti-bơ ấy. Lời cảnh cáo cuối cùng của y chỉ là lời cảnh cáo của Xai-cơ-xơ thành thực tại toà án On Bây-li nhằm

1* I.Phi-sác-tơ "Câu chuyện lịch sử đồ sộ đầy phiêu lưu về công tích và danh ngôn của các vị anh hùng và các ngài Gran-gô-sia, Goóc-gen-li-an-toa và Pan-ta-gruy-en", chương ba.

thuyết phục các bồi thẩm đừng nghe theo những tên mật thám "hèn hạ" đã phát giác sự đánh cắp mà ông ta đã tiến hành.

"Những sự kiện tiếp theo liền sau đó", Phan-xtáp – Phô-gơ nói ("Tác phẩm chính", tr.181) "đã chứng thực *dự cảm của tôi*".

Sao, *dự cảm à?* Nhưng Phan-xtáp lại quên rằng ở mấy dòng trước đó, y không hề "dự cảm" mà là "được thông báo", thông báo về kế hoạch của bọn âm mưu, và lại được *thông báo tử mĩ! Những sự kiện* diễn ra liền theo đó – "ôi, người thực là thiên thần giàu dự cảm!"* – là những gì nhĩ!

"Trong một bài của mình, tờ "Allgemeine Zeitung" gán cho buổi lễ và đời sống của công nhân cái khuynh hướng mà chúng" (tức là buổi lễ và đời sống của công nhân) "không hề nghĩ tới". (Hoàn toàn như Phô-gơ đã gán khuynh hướng ấy cho đại hội Muốc-tanh và các tổ chức công nhân nói chung). "Trên cơ sở bài báo ấy là việc *đăng lại* nó trên "Frankfurter Journal", công sứ của một quốc gia Nam Đức đã nêu lên một câu chất vấn không được công bố đem lại cho buổi lễ một ý nghĩa" – ý nghĩa mà bài báo của "Allgemeine Zeitung" và sự đăng lại bài ấy trên "Frankfurter Journal"³⁸⁹ gán cho nó chăng? Hoàn toàn không phải? Hoàn toàn không phải – "ý nghĩa mà, theo *kế hoạch không thực hiện được của bọn lưu hoàng, buổi lễ vốn phải có*".

Chính như vậy đấy! *Vốn phải có!*

Tuy rằng chỉ cần đối chiếu một cách hời hợt nhất "Tác phẩm chính" với bản báo cáo gốc về buổi lễ chính là đủ vạch trần bí mật của sự cứu vớt lần thứ hai của Xi-xê-rông – Phô-gơ đối với Thụy Sĩ, tôi vẫn muốn xác minh xem có sự kiện nào đó, dù là bị xuyên tạc, có thể dùng làm vật chất cho lực kiểu Phô-gơ tác động vào³⁹⁰. Tôi viết thư cho người viết bản báo cáo gốc là G. Lô-men ở Giơ-ne-vơ. Ông Lô-men xem ra có quan hệ thân mật với Phô-gơ; ông không những được sự giúp đỡ của Phô-gơ trong việc viết bản báo cáo về buổi lễ chính ở Lô-dan, mà trong cuốn sách mỏng về kỷ niệm Si-le và Rô-bốt Bli-um ở Giơ-ne-vơ xuất bản sau này³⁹¹ còn

1* Gơ-tơ, "Phau-xtơ, phần I, màn 16 ("Vườn của Mác-tơ").

ra sức che đậy thất bại thảm hại của Phô-gơ ở đây. Trong thư trả lời ngày 13 tháng Tư 1860, ông Lô-men, mà cá nhân tôi không quen biết, đã viết:

"Câu chuyện của *Phô-gơ* kể rằng ông đã làm thất bại một âm mưu nguy hiểm ở Lô-dan là điều *tưởng tượng thuần túy* hoặc là sự *bịa đặt*. Ở Lô-dan ông ta chỉ tìm nơi diễn thuyết để sau đó có thể xuất bản. Trong bài diễn văn một tiếng rưỡi đồng hồ, ông bào chữa về việc người ta buộc tội ông là phần tử Bô-na-pác-tơ bị mua chuộc. Bản thảo tôi còn giữ được trọn vẹn bài diễn văn ấy".

Đối với câu hỏi cũng về âm mưu ấy của Phô-gơ, một người Pháp sống ở Giơ-ne-vơ và trả lời ngắn gọn.

"Il faut connaitre cet individu"^{1*} (tức Phô-gơ), "surtout *le faiseur, l'homme important*, toujours hors de la nature et de la verité"^{2*}.

Ở trang 99 của cái gọi là "Nghiên cứu"³⁹² của mình, bản thân Phô-gơ đã nói rằng y "chưa hề tự gán cho mình những phẩm chất của nhà tiên tri". Nhưng qua Cựu ước, mọi người đều biết rằng con lừa nhìn thấy cái mà nhà tiên tri không nhìn thấy. Vậy thì người ta cũng hiểu rõ được tại sao Phô-gơ *đã nhìn thấy* âm mưu mà y đã dự cảm thấy vào tháng Mười một 1859, nên y đã "làm thất bại" âm mưu ấy vào tháng Sáu 1859.

6. NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

"Nếu tôi không nhớ nhầm" - tên hề nghị viện nói - "thì bản thông tri" (tức bản thông tri Luân Đôn giả gửi giai cấp vô sản vào năm 1950) "dù sao đi nữa vẫn do người ủng hộ Mác, một nhân vật gọi là Sói nghị viện thảo ra, và ngấm nhét vào tay cảnh sát Han-nô-vơ. Bây giờ thì *con kênh ấy lại lộ ra* trong câu chuyện về thông tri của "những người bạn tổ quốc gửi phái Gô-ta" ("Tác phẩm chính", tr.144).

1* – "Cần biết rõ con người đó"

2* – "Trước hết đó là *tên dối trá, tự cao tự đại*, luôn luôn xa lạ với sự tự nhiên và sự thành thực".

Con kênh lộ ra! Prolapsus ani^{1*} của nhà tự nhiên học ưa bông đùa.

Còn về "Sói nghị viện" – dưới đây chúng ta sẽ biết tại sao con sói nghị viện, giống như cơn ác mộng, cứ ám ảnh anh hề nghị viện – thì hẳn đã ra bản tuyên bố sau đây trên các tờ "Volks Zeitung" Béc-lin, "Allgemeine Zeitung" và "Reform" Hăm-buốc:

"Tuyên bố, Man-se-xtơ ngày 6 tháng Hai 1860.

Qua thư của một người bạn tôi biết rằng "National - Zeitung" (số 41 năm nay) trong bài xã luận, dựa trên cuốn sách nhỏ của Phô-gtơ, đã phát biểu như sau:

"Năm 1850 một *thông tri* khác *gửi giai cấp vô sản Đức* đã được phát đi từ Luân Đôn, theo Phô-gtơ là do Sói nghị viện, alias^{2*} Sói bị tù, thảo ra, đồng thời được nhét ngầm cho cảnh sát Han-nô-vơ". Tôi chưa đọc số "National-Zeitung" ấy, cũng như cuốn sách nhỏ của Phô-gtơ, do đó chỉ trả lời những đoạn dẫn ra bên trên:

1) Năm 1850 tôi sống ở *Xuy-rích*, chứ không phải ở Luân Đôn, nơi mà tôi chỉ đến vào mùa hè 1851.

2) Suốt đời mình tôi chưa thảo bản thông tri nào gửi "giai cấp vô sản", cũng như gửi cho người nào khác.

3) Về việc dùng cảnh sát Han-nô-vơ để bêu xấu tôi, thì tôi *gửi lại với sự khinh bỉ lời lên án vô liêm sỉ ấy cho tác giả của nó*. Nếu như các phần khác của cuốn sách nhỏ của Phô-gtơ cũng kinh tởm và bịa đặt như phần nói về tôi, thì cuốn sách đó xứng đáng chiếm vị trí cùng với *những tác phẩm của các ngài* như *Xơ-nu*, *Đơ-la-ốt* và đồng bọn.

V. Vôn-phơ".

Như vậy là giống như *Quy-vi-ê* dựa vào một chiếc xương khô phục lại toàn bộ kết cấu của động vật, *Vôn-phơ*, dựa vào một đoạn trích, đã tái tạo được một cách đúng đắn toàn bộ món hẩu lớn văn

1* – Bệnh trĩ

2* – nói cách khác

học của Phô-gtơ. Thực vậy, *Các Phô-gtơ*, đứng bên cạnh *Xơ-nu* và *Đê-la-ốt*, hiện ra như là primus inter pares^{1*}.

"Chứng cứ" cuối cùng của cái ông Phô-gtơ "không gặp khó khăn" về entente cordiale^{2*} của tôi với mật thám nói chung, và về "quan hệ của tôi với đảng "Kreuz-Zeitung"³⁹³ nói riêng" là việc vợ tôi là em gái của viên cựu bộ trưởng Phổ, ông Phôn Ve-xtơ-pha-len ("Tác phẩm chính", tr. 194). Làm thế nào đánh bại được sự công kích thăm hại đó của Phan-xtáp béo phì? Có lẽ tên hề sẽ tha thứ cho vợ tôi về chỗ người thân của vợ tôi là bộ trưởng Phổ, khi hẳn biết rằng một trong những tổ tiên Xcôt-len của vợ tôi^{3*} đã bị chém đầu ngoài chợ ở Ê-din-bóc vì là kẻ phiến loạn tham gia cuộc đấu tranh giải phóng chống Gia-cốp II? Như mọi người đều biết, chỉ do ngẫu nhiên mà bản thân Phô-gtơ còn mang được cái đầu trên hai vai. Trong lễ kỷ niệm Rô-bóc Bli-um do Hội giáo dục công nhân Đức tổ chức ở Giơ-ne-vơ (ngày 13 tháng Mười một 1859), y đã kể rằng,

"cánh tả Nghị viện Phran-phuốc trong một thời gian dài chưa quyết định được xem nên cử ai sang Viên – Bli-um hay là ông ta. Cuối cùng đã rút thăm và số phận đã quyết định có lợi hoặc đúng hơn, bất lợi cho Bli-um" ("Lễ kỷ niệm Si-le ở Giơ-ne-vơ v.v.". Giơ-ne-vơ, 1859, tr.28,29).

Ngày 13 tháng Mười, Rô-bóc Bli-um từ Phran-phuốc đi Viên. Ngày 23 hoặc 24 tháng Mười, đoàn đại biểu cánh cực tả trong Quốc hội Phran-phuốc, trên đường đi Béc-lin dự đại hội những người dân chủ, đã tới Khuên. Tôi được gặp đoàn đại biểu. Một số trong bọn họ có quan hệ mật thiết với "Neue Rheinische Zeitung". Những đại biểu ấy – một người đã bị toà án quân sự mật trận xử bắn trong cuộc vận động ủng hộ hiến pháp đế quốc, một người khác chết trong khi lưu vong, còn người thứ ba vẫn còn sống –

1* – đứng đầu trong số những người ngang bằng.

2* – sự thuận hoà thân thiết

3* – công tước Ác-gai-lơ

người ta báo cho tôi biết về những tin tức lạ lùng và đáng lo ngại về mưu mô của Phô-gtơ về sứ mạng của Rô-bóc Blum ở Viên. Nhưng

Người ta bắt phải nín lặng, không được nói dù chỉ một lời.

Và lại, giữ bí mật là thân phận của tôi!^{1*}

Tại buổi kỷ niệm Rô-bóc Bli-um ở Giơ-ne-vơ (tháng Mười một 1859) nói trên, "nhân vật tròn trĩnh" đã gặp phải sự lạnh nhạt. Khi y vào hội trường của lễ kỷ niệm, với dáng đi khúm núm lắc la lắc lư như Xi-len theo sau kẻ bao cho y là Giêm Pha-di, thì một công nhân thốt lên: đấy, Hen-ri đã đến và theo sau là Phan-xtáp! Khi Phô-gtơ, trong lời nói đùa lịch sự của mình tự xưng là alter ego^{2*} của Rô-bóc Bli-um, người ta vất vả lắm mới giữ được mấy công nhân nóng tính không xông lên diễn đàn. Sau hết, khi y quên mất rằng ngay hồi tháng Sáu y còn đề phòng cách mạng, giờ đây đích thân "lại kêu gọi công nhân tiến ra chiến lũy" ("Lễ kỷ niệm Si-le", tr. 29) thì đã nổi lên rộng khắp tiếng vang chế giễu "Chiến lũy! - Đóng rác!"^{3*}. Nhưng ở nước ngoài người ta biết rõ giá trị của lời nói suông cách mạng của Phô-gtơ, nên lần này ngay "câu hỏi bí mật của một vị công sứ Nam Đức" thường

1* Gơ-tơ. "Cường cầm nhỏ".

2* — nhân vật "tôi" thứ hai

3* Nguyên bản tiếng Đức các từ "Barrikaden - Fladen" có sự đồng âm ở phần cuối.

thấy xuất hiện mọi khi, cũng không thấy nữa, và trên tờ "Allgemeine Zeitung" cũng không xuất hiện bài báo nào cả.

Toàn bộ bài ca Sti-bơ của Phô-gtơ, từ câu chuyện về bọn lưu hoàng cho đến "vị cựu bộ trưởng", đã làm cho người ta nhớ đến loại thi hào mà Đan-tơ nói tới:

Ed egli avea fatto del cul trombetta^{1*}.

1* Hần biến cả mông dít thành cái kèn. [Đan-tơ. "Thần khúc", "Địa ngục", bài ca XXI. Những câu thơ này của Đan-tơ, Mác dẫn ra bằng tiếng Đức ở chú thích cuối trang, theo bản dịch của Can-nơ-ghi-xơ, ông có ghi họ của Can-nơ-ghi-xơ trong ngoặc đơn].

IV THƯ CỦA TÊ-KHỚP

"*Nhân vật tròn trĩnh*" lại rút ra được cái gì từ

"tristo sacco

Che marda fa di quel, che si trangugia"

G. Dante^{1*}

Thư của Tê-khớp gửi từ Luân Đôn ngày 26 tháng Tám 1850.

"Điều tốt nhất mà tôi có thể làm để đánh giá những mưu mô ấy" (tức của bọn lưu hoàng), "là dẫn ra đây bức thư của một con người mà bất cứ ai"(!) "đã có dịp quen biết anh ta đều thừa nhận là con người ngay thẳng; tôi mạn phép công bố nó" (con người ngay thẳng hay là bức thư?) "vì nó được sử dụng để thông báo" (cho ai?) "và tất cả những điều suy nghĩ" (của ai?) "trước đây đã cản trở việc công bố nó, đều đã mất đi" ("Tác phẩm chính", tr. 141).

Tê-khớp từ Thụy Sĩ di chuyển sang Luân Đôn vào cuối tháng Tám 1850. Thư ông ta gửi cho viên cựu trung uý Phổ *Sim-men-phen-ních* (bây giờ đang ở Béc-nơ) "để thông báo cho bạn bè", tức các hội viên của "*Hội tập trung*", một đoàn thể bí mật đã chấm dứt hoạt động trước đây 10 năm, đoàn thể này do những người Đức lưu vong ở Thụy Sĩ thành lập, thành phần rất phức tạp và trong hàng ngũ họ có một số đông nghị sĩ. Tê-khớp gia

1* — "cái túi thảm hại.

Biến thức ăn thành phân" (Đan-tơ).

[Hài kịch thánh thần, "Địa ngục", bài ca XXVIII]

nhập đoàn thể ấy, nhưng Phô-gtơ và bạn bè của y không phải hội viên của nó. Làm thế nào mà Phô-gtơ có được bức thư của Tê-khốp, và ai cho y cái quyền công bố bức thư đó?

Chính *Tê-khốp* đã từ Ô-xtơ-rây-li-a viết thư cho tôi ngày 17 tháng Tư 1860:

"Dù sao đi nữa, tôi *chưa bao giờ* có lý do trao cho ông *Các Phô-gtơ thẩm quyền* nào trong sự việc này".

Trong số "bạn bè" của Tê-khốp, mà bức thư đó phải được thông báo, chỉ có hai người còn ở Thụy Sĩ. Hãy để cho bản thân họ nói.

"E.^{1*} gửi Si-li. Ngày 29 tháng Tư 1860. *Thượng En-ga-din, bang Grau-bun-đen.*

Khi cuốn sách của Phô-gtơ "Tôi kiện "Allgemeine Zeitung" được xuất bản, trong đó có đăng thư của Tê-khốp để ngày 26 tháng Tám 1850 gửi bạn bè ở Thụy Sĩ, chúng tôi, những người bạn của Tê-khốp hiện còn ở Thụy Sĩ, đã quyết định viết thư cho Phô-gtơ tỏ rõ sự bất bình của mình về việc *không được phép* mà đã công bố bức thư ấy. Thư của Tê-khốp được gửi cho Sim-men-phen-ních ở Béc-nơ và phải được sao gửi cho bạn bè biết... tôi lấy làm hài lòng thấy rằng chúng tôi không lầm khi dự kiến rằng không một người bạn nào của Tê-khốp, không một người nào trong số những người có quyền đối với bức thư ngày 26 tháng Tám, đã lợi dụng nó như kẻ ngẫu nhiên vớ được nó đã làm. Ngày 22 tháng Giêng thư đã được gửi cho Phô-gtơ, trong đó tỏ ý bất bình về việc *không được phép* mà đã công bố bức thư của Tê-khốp và tuyên bố phản kháng *bất cứ sự lạm dụng thêm nữa* nào của ông ta và yêu cầu gửi trả bức thư. Ngày 27 tháng Giêng Phô-gtơ trả lời rằng "bức thư của Tê-khốp cốt để thông báo cho bạn bè: rằng một người bạn có bức thư ấy đã chuyển cho ông ta chỉ cốt để công bố... và rằng ông ta chỉ trả lại bức thư cho người đã trao cho ông ta".

"B.^{2*} gửi Si-li, Xuy-rích, ngày 1 tháng Năm 1860.

Thư gửi Phô-gtơ do tôi viết theo sự thoả thuận trước với E... R.^{3*} không thuộc vào số "những bạn bè" mà bức thư của Tê-khốp nhằm thông báo; nhưng qua nội dung bức thư, *Phô-gtơ* biết rằng bức thư cũng gửi cho tôi nhưng không thêm yêu cầu sự đồng ý cho công bố của tôi".

1* — Em-méc-man.

2* — Boi-xtơ.

3* — Ra-ních-ken.

Để giải câu đố ấy, tôi đã giữ lại, làm dự trữ, một đoạn trong bức thư trên kia của *Si-li*. Đoạn ấy viết:

"Tôi buộc phải nói về *Ra-ních-ken* ở đây, vì *thư của Tê-khốp* xem ra đã thông qua ông ta mà rơi vào tay *Phô-gtơ*, - điểm đó trong câu hỏi của anh, tôi suýt nữa quên mất. Tê-khốp gửi thư ấy cho những người bạn của ông đã cùng sống với ông ở Xuy-rích. Sim-men — phen-ních. B. và E... Với tư cách bạn của những người bạn ấy và của bản thân Tê-khốp, tôi cũng nhận được thư ấy muộn hơn. Lúc tôi bị trục xuất một cách bất ngờ và thô bạo khỏi Thụy Sĩ (tôi bị bắt trên đường phố Giơ-ne-vơ không được báo trước và lập tức bị giải đi xa hơn), tôi không thể trở về buồng ở của tôi và thu dọn vật dụng của mình. Do đó, từ nhà tù Béc-nơ tôi viết thư về Giơ-ne-vơ cho một người đáng tin cậy là anh thợ giày Tum, yêu cầu anh uỷ thác cho người nào đó trong số những bạn bè của tôi vẫn còn ở lại đó (tôi không biết những ai trong số họ bị cưỡng ép đuổi đi cùng với tôi) thu thập vật dụng của tôi, gửi đến Béc-nơ cho tôi những cái quý giá nhất, những thứ còn lại thì *tạm thời giữ giúp*, cũng như yêu cầu lựa chọn cẩn thận giấy tờ của tôi để không gửi cho tôi cái gì không mang qua nước Pháp được. Người ta đã làm như vậy, nhưng không gửi cho tôi thư của Tê-khốp. Trong số những giấy tờ còn lại có mấy tài liệu liên quan đến việc các nghị sĩ bấy giờ phản đối uỷ ban phân phát tiền cho người lưu vong của địa phương Giơ-ne-vơ (uỷ ban này gồm có ba công dân Giơ-ne-vơ, trong đó có Tum và hai người lưu vong: Béch-cơ và tôi) còn *Ra-ních-ken*, là người ủng hộ uỷ ban này trong cuộc đấu tranh chống các nghị sĩ, nên biết rõ những tài liệu ấy. Do đó, tôi yêu cầu Tum — là thủ quỹ và người giữ hồ sơ của uỷ ban — tìm kiếm với sự giúp đỡ của *Ra-ních-ken* những tài liệu trên trong các giấy tờ của tôi. Có thể là *Ra-ních-ken*, được mời giúp đỡ như vậy vào việc kiểm tra giấy tờ của tôi, đã lấy được bức thư của Tê-khốp bằng cách nào đó, có thể là từ tay một người nào đó trong số những người kiểm tra số giấy tờ của tôi. Tôi hoàn toàn không phản đối việc *chuyển giao việc quản lý* mà việc chuyển giao việc quản lý này cần được phân biệt với việc chuyển quyền sở hữu, từ tôi sang ông ta: nhưng tôi đòi bằng được và một cách kiên quyết nhất quyền sở hữu của tôi đối với bức thư ấy. *Chẳng bao lâu sau đó, từ Luân Đôn tôi viết thư cho Ra-ních-ken để ông ta gửi cho tôi bức thư ấy. Nhưng ông ta không làm như vậy.* Từ đó culpa manifesta^{1*} của ông ta bắt đầu, thoạt tiên chỉ là lỗi levis^{2*}, nhưng sau đó ngày càng tăng, tỷ lệ với mức độ ông ta tham gia vào công việc công bố bức thư mà không được phép, đến

1* — tội lỗi hiển nhiên

2* — nhẹ

lỗi magna^{3*} hoặc maxima culpa^{4*} hoặc thậm chí tới dolus^{5*}. Tôi không phút nào nghi ngờ rằng việc công bố bức thư là *không được phép*, rằng không một người nhận thư nào uỷ quyền cho bất cứ ai làm việc đó; và chẳng, để cho hoàn toàn rõ ràng, tôi sẽ viết thư cho E. về điều đó. Việc *Ra-ních-ken* nhúng tay vào việc công bố thư không thể gây ra sự hoài nghi khi mà sự thân mật của ông ta với Phô-gtơ thì ai nấy đều biết cả. Không mấy may có ý định phê bình sự thân mật ấy, song tôi buộc phải chỉ ra ở đây sự trái ngược của nó với quá khứ. *Ra-ních-ken* không những là một trong những kẻ có dã tâm nhất trong nghị viện nói chung, mà đặc biệt là đối với nhiếp chính đế quốc thì ông ta bộc lộ sự khát máu nhất. "Tôi phải bóp chết đồ vô lại đó, – ông ta hét lên – cho dù vì thế mà tôi phải đi Béc-nơ". Suýt nữa thì phải khoác cho ông ta chiếc áo của người mắc bệnh tâm thần để ngăn ngừa ông ta có những mưu mô khủng bố đó chống lại một nhân vật cao cả như vậy. Nhưng hiện nay, khi mà xem ra ông ta đã tỉnh ngộ và từ nhân vật Xao-lô đã biến thành nhân vật Pa-ven, thì tôi muốn xét về mặt khác, tức với tư cách *kẻ trả thù của châu Âu*, ông ta sẽ thoát thân như thế nào. Tôi đã trải qua đấu tranh gian khổ – ông ta nói khi do dự trong việc lựa chọn giữa châu Âu và châu Mỹ – nhưng điều đó đã kết thúc may mắn, tôi còn sống – và *sẽ trả thù!* Hãy run lên đi, Bi-dăng-xơ!".

Si-li viết như vậy.

Vậy là *Ra-ních-ken* đã moi^{1*} được bức thư của Tê-khốp trong hồ sơ của nhà lưu vong Si-li. Bất chấp yêu cầu của Si-li ở Luân Đôn, ông ta không gửi trả bức thư. Bức thư "*đánh cắp được*" như vậy, "bạn" *Ra-ních-ken* chuyển cho "bạn" Phô-gtơ, còn "bạn" Phô-gtơ với sự tế nhị vốn có về mặt đạo đức, tuyên bố rằng mình có quyền công bố bức thư ấy, vì Phô-gtơ và *Ra-ních-ken* là "bạn bè". Thế là ai viết thư để "thông báo cho bạn bè", thì cũng viết thư ấy cho những người "bạn" như *Phô-gtơ* và *Ra-ních-ken* – arcades ambo^{2*}.

3* – nặng

4* – tội cực kỳ nặng

5* – lừa gạt.

1* – Trong nguyên bản dùng động từ "aufstiebern", nghĩa là "moi ra", "lục lọi ra" và đồng âm với tên của viên cảnh sát Sti-bơ.

2* – "hai người Ác-ca-di-a", "hai người đến từ Ác-ca-di-a" là câu nói của

Tôi lấy làm tiếc rằng cái thứ luật học đặc sắc đó đưa tôi đến chuyện cũ đã quên đi một nửa và sao lãng từ lâu. Nhưng *Ra-ních-ken* đã bắt đầu thì tôi phải bước tiếp theo.

Đồng minh những người cộng sản được thành lập – ban đầu dưới tên gọi khác – ở Pa-ri 1836. Kết cấu của nó dưới hình thức mà nó có hình thành dần dần, là như sau: một số thành viên nhất định hợp thành một "chi hội", các chi hội ở cùng một thành phố hợp thành "khu bộ", một số lượng nhiều hoặc ít khu bộ tập hợp xung quanh "khu bộ lãnh đạo"; đứng đầu toàn bộ tổ chức là uỷ ban trung ương, được bầu ra tại đại hội đại biểu tất cả các khu, nhưng nó có quyền tự bổ sung thành viên và trong trường hợp khẩn cấp thì có quyền chỉ định những người kế thừa lâm thời của mình. Uỷ ban trung ương ban đầu ở Pa-ri, còn từ năm 1840 đến đầu năm 1848 – ở Luân Đôn. Người lãnh đạo các chi hội và khu bộ cũng như các uỷ viên của Uỷ ban trung ương, đều do bầu ra. Cơ cấu dân chủ đó hoàn toàn thích hợp với các đoàn thể bí mật hoạt động âm mưu, chí ít không mâu thuẫn với nhiệm vụ của đoàn thể tuyên truyền. Hoạt động của Đồng minh trước hết thể hiện ở việc thành lập các Hội giáo dục công nhân Đức hoạt động công khai, và phần lớn các đoàn thể thuộc loại này hiện còn tồn tại ở Thụy Sĩ, Anh, Bỉ và Hợp chúng quốc Mỹ, đều do chính Đồng minh trực tiếp thành lập hoặc do các thành viên cũ của Đồng minh thành lập. Do đó, tổ chức của các hội công nhân nơi nào cũng giống nhau. Trong một tuần có một ngày dành để thảo luận và một ngày nữa để giải trí xã hội (ca hát, ngâm đọc v.v.). Ở mọi nơi, các hội đều lập thư viện và hễ nơi nào có điều kiện là mở những lớp học để giảng dạy tri thức cơ bản cho công nhân. Đứng sau các hội công nhân và lãnh đạo họ, Đồng minh

Viết-gi-lơ được Bai-rơn sử dụng trong tiểu thuyết "Đông Giaoăng" (bài ca thứ tư, đoạn 93) với nghĩa là "hai tên hèn hạ", câu nói này đã trở thành một từ ngữ chung.

coi họ là nơi hoạt động thuận tiện nhất cho tuyên truyền công khai, mặt khác, Đồng minh được bổ sung và phát triển bằng những thành viên có năng lực nhất của họ. Trong điều kiện những thợ thủ công Đức sống theo lối du cư, chỉ trong những trường hợp hiếm hoi Ủy ban trung ương mới dùng đến việc cử đặc sứ.

Còn như học thuyết bí mật của bản thân Đồng minh thì nó đã trải qua tất cả những sự biến hoá mà chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản Anh và Pháp, cũng như biến dạng Đức của chúng (chẳng hạn, ảo tưởng của Vai-tlinh) đã trải qua. Kể từ năm 1839 – như đã có thể thấy qua báo cáo của Blun-sli³⁹⁴ – ngoài vấn đề xã hội, vấn đề tôn giáo cũng có tác dụng cực kỳ quan trọng. Các giai đoạn khác nhau mà triết học Đức đã trải qua trong thời kỳ từ 1839 đến 1846, đều tìm thấy trong những đoàn thể công nhân ấy những môn đồ sốt sắng nhất. Hình thức bí mật của đoàn thể ấy bắt nguồn ở Pa-ri. Mục đích chủ yếu của Đồng minh – tuyên truyền trong công nhân Đức - đòi hỏi duy trì hình thức ấy cả sau này nữa. Trong thời gian tôi lưu lại Pa-ri lần đầu, tôi có sự tiếp xúc cá nhân với những người lãnh đạo Đồng minh ở đó, cũng như với các lãnh tụ của phần lớn các đoàn thể công nhân bí mật Pháp, song không gia nhập đoàn thể nào cả. Ở Bruy-xen, nơi mà Ghi-dô trực xuất tôi đến, tôi cùng với Ăng-ghe-nen, V. Vôn-phơ và những người khác thành lập Hội giáo dục công nhân Đức³⁹⁵ hiện còn tồn tại. Đồng thời, chúng tôi xuất bản nhiều tác phẩm đả kích, một phần in chì, một phần in đá, trong đó phê phán không thương tiếc cái món hủ lậu giữa chủ nghĩa xã hội hoặc chủ nghĩa cộng sản Pháp – Anh với triết học Đức mà nó tạo thành học thuyết bí mật của Đồng minh lúc bấy giờ; thay cho món hủ lậu đó, chúng tôi đưa ra việc nghiên cứu có tính chất khoa học đối với kết cấu kinh tế của xã hội tư sản, coi đó là cơ sở lý luận duy nhất vững chắc, và sau hết, giải thích bằng hình thức phổ thông rằng vấn đề không phải là thực hiện một hệ thống không tưởng nào đó, mà là tham gia tự giác vào quá trình lịch sử cải tạo xã hội bằng

cách mạng đang diễn ra trước mắt chúng ta. Do ảnh hưởng của hoạt động ấy của chúng tôi, Ủy ban trung ương Luân Đôn bắt đầu trao đổi thư từ với chúng tôi và cuối năm 1846 cử đến Bruy-xen một uỷ viên của mình, anh thợ đồng hồ *I-ô-xíp Môn* – về sau anh hy sinh trên chiến trường Ba-den với tư cách một người lính cách mạng – để mời chúng tôi tham gia Đồng minh. Sự phân vân mà chúng tôi bày tỏ đối với đề nghị đó, đã được Môn xoa tan bằng việc báo cho chúng tôi biết rằng Ủy ban trung ương chuẩn bị triệu tập ở Luân Đôn đại hội của Đồng minh, ở đó những quan điểm phê phán mà chúng tôi kiên trì, sẽ được thể hiện trong tuyên ngôn chính thức với tính cách là học thuyết của Đồng minh, những đề đấu tranh với các phần tử bảo thủ và các phần tử đối lập, chúng tôi cần đích thân tham gia, việc này lại liên quan đến việc gia nhập của chúng tôi vào Đồng minh. Vì vậy, chúng tôi tham gia Đồng minh. Tham dự Đại hội có các hội viên của Đồng minh ở Thụy Sĩ, Pháp, Bỉ, Đức và Anh, đại hội đã họp và sau cuộc tranh luận gay go kéo dài mấy tuần, đã thông qua "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" do Ăng-ghe-nen và tôi thảo ra, tuyên ngôn này xuất bản đầu năm 1848, và sau đó đã xuất bản các bản dịch tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đan Mạch và tiếng I-ta-li-a. Khi cuộc Cách mạng tháng Hai nổ ra, Ủy ban trung ương Luân Đôn trao cho tôi lãnh đạo Đồng minh. Thời kỳ cách mạng Đức, hoạt động của nó tự đình chỉ, vì đã mở ra con đường mới có hiệu quả hơn để thực hiện mục đích của nó. Trở về Luân Đôn vào cuối mùa hè năm 1849 sau khi bị trục xuất lần thứ hai khỏi Pháp, tôi thấy rằng những uỷ viên còn lại của Ủy ban trung ương ở đây đã tập hợp trở lại và nối lại được quan hệ với các khu bộ của Đồng minh đã phục hồi ở Đức. Mấy tháng sau, *Vi-lích* đến Luân Đôn và, theo đề nghị của tôi, được chấp nhận vào Ủy ban trung ương, *Ăng-ghe-nen*, người đã tham gia phong trào ủng hộ hiến pháp đế quốc với tư cách sĩ quan tùy tùng của *Vi-lích*, đã giới thiệu ông với tôi. Để cho lịch sử của

Đồng minh được đầy đủ, tôi xin chỉ ra rằng ngày 15 tháng Chín 1850 đã xảy ra sự phân liệt trong nội bộ Ủy ban trung ương. Đa số trong Ủy ban trung ương, cùng với Ăng-ghe-nơ và tôi, đã quyết định chuyển trụ sở cả Ủy ban trung ương sang *Khuên*, nơi đây từ lâu đã có "khu bộ lãnh đạo" đối với Trung và Nam Đức; sau Luân Đôn, Khuên là trung tâm hết sức quan trọng cả lực lượng tri thức của Đồng minh.

Đồng thời chúng tôi rút ra khỏi *Hội giáo dục công nhân* ở Luân Đôn. Phe thiểu số của Ủy ban trung ương, đứng đầu là Vi-lích và Sáp-pơ, thành lập Đôn-đéc-bun³⁹⁶, giữ quan hệ với Hội giáo dục công nhân và nối lại quan hệ với Thụy Sĩ và Pháp bị gián đoạn vào năm 1848. Ngày 12 tháng Mười một 1852, những bị cáo ở Khuên đã bị kết án. Một ngày sau, theo đề nghị của tôi, Đồng minh tuyên bố giải tán. Văn kiện về sự giải tán của Đồng minh đề tháng Mười một 1852, tôi đã đính một bản vào những tờ giấy về vụ kiện của tôi đối với "National – Zeitung". Văn kiện ấy chỉ ra lý do giải tán Đồng minh là từ khi có những vụ bắt bớ ở Đức, tức ngay từ mùa xuân năm 1851, mọi liên hệ với lục địa đã thực tế bị gián đoạn, thêm vào đó, một đoàn thể tuyên truyền như thế hoàn toàn không hợp thời nữa. Một tháng sau, vào đầu năm 1853, Đôn-đéc-bun của Vi-lích-Sáp-pơ cũng ngừng tồn tại.

Nguyên nhân có tính chất nguyên tắc của sự phân liệt nói trên đã được trình bày trong tác phẩm của tôi "Vạch trần vụ án những người cộng sản", trong đó đã đăng lại trích yếu biên bản phiên họp ngày 15 tháng Chín 1850 của Ủy ban trung ương. Lý do thực tế trực tiếp nhất là *Vi-lích* ra sức lôi kéo Đồng minh vào những dự định cách mạng của giới lưu vong dân chủ Đức. Sự đánh giá hoàn toàn trái ngược đối với cục diện chính trị cũng làm sâu sắc thêm sự phân liệt. Tôi chỉ đơn cử *một* ví dụ. Chẳng hạn, Vi-lích cho rằng sự tranh chấp giữa Phổ và Áo về vấn đề tuyển đế hầu quốc và Hiệp bang Đức³⁹⁷ sẽ dẫn tới xung đột nghiêm trọng

và sẽ tạo cơ hội cho đảng cách mạng can thiệp thực tế. Ngày 10 tháng Mười một 1850, chẳng bao lâu sau sự phân liệt của Đồng minh, ông ta công bố bản tuyên ngôn "Gửi những người dân chủ tất cả các nước" được soạn ra theo tinh thần đó và do Ủy ban trung ương của Đôn-đéc-bun và những người lưu vong Pháp, Hung-ga-ri và Ba Lan ký tên. Ăng-ghe-nơ và tôi - điều này có thể đọc ở trang 174, 175 của "Revue der Neuen Rheinischen Zeitung" (số kép cho tháng Năm – tháng Mười 1850, Hăm-buốc) – trái lại, khẳng định rằng: "*Tất cả những sự rùm beng ấy chẳng dẫn đến cái gì cả...*" Hai bên chống nhau, Áo và Phổ, sẽ không đổ giọt máu nào, sẽ cùng ngồi ở Quốc hội Hiệp bang Phran-phuốc³⁹⁸, song sự ghen ghét nhỏ nhen giữa họ với nhau, sự hiềm khích của họ với thần dân của mình, sự bất mãn của họ đối với sự thống trị tối cao *Nga*, sẽ không vì thế mà mấy may giảm sút³⁹⁹.

Vi-lích do cá tính của mình – không nghi ngờ gì nữa, Vi-lích là một người có năng lực – và do ảnh hưởng của sự kiện Bơ-dăng-xông bấy giờ (1850) còn mới trong trí nhớ của ông, liệu có thể phán đoán một cách "không thiên vị" hay không về các cuộc xung đột trở thành không tránh khỏi và lặp lại hàng ngày do sự đối lập về quan điểm, - điều đó có thể kết luận được dựa trên văn kiện dưới đây:

"Đội quân Đức ở Nan-xi"

Gửi ông I-ô, Phi-líp Béch-cơ ở Bi-lơ

Chủ tịch Liên minh quân sự Đức "Hãy tự cứu mình!"

Thưa ông!

Chúng tôi thông báo với ông với tư cách là đại biểu do tất cả những người lưu vong Đức theo chủ nghĩa cộng hòa bầu ra, rằng ở Nan-xi đã thành lập đội quân những người lưu vong Đức, gọi là "Đội quân Đức ở Nan-xi".

Đội quân ở đây gồm một phần là những người lưu vong trước kia thuộc đội quân Vê-dun và một phần là những người lưu vong đã tham gia đội quân Bơ-dăng-xông. Họ

đã rời Bơ-dăng-xông vì những động cơ có tính chất thuần túy dân chủ.

Vấn đề là trong tất cả các hành động của mình, Vi-lích rất hiếm khi bàn bạc với đội quân này. Quy chế cơ bản của đội quân Bơ-dăng-xông hoàn toàn không phải do đội quân này thảo luận và xây dựng, mà do Vi-lích đưa ra từ trước và đem thi hành không có sự đồng ý của đội quân này.

Sau đó Vi-lích cũng cho chúng tôi bằng chứng không thể bác bỏ được về tính chất chuyên quyền của ông ta trong một loạt mệnh lệnh tương xứng với I-ê-la-sích hoặc Vin-di-sơ-grét-xơ nào đó, chứ tuyệt nhiên không xứng đáng với người cộng hòa.

Vi-lích đã ra lệnh lột của một đội viên rồi bỏ đội quân này, tên là Sôn, đôi giày mới mua cho anh ta bằng tiền tiết kiệm của đội quân này mà không cần đếm xỉa rằng Sôn cũng có phần của anh ta trong số tiền tiết kiệm đó, vì số tiền này chủ yếu gồm số tiền mỗi người mỗi ngày 10 xu, do Pháp trợ cấp... Anh ta muốn đi giày của mình. Vi-lích đã ra lệnh lột giày của anh ta.

Chẳng hỏi han gì đội quân, Vi-lích đã đuổi khỏi Bơ-dăng-xông mấy đội viên có năng lực vì những chuyện vụn vặt như vắng mặt khi điểm danh hoặc luyện tập, về muộn (buổi tối), cãi nhau vặt, khi đuổi còn tuyên bố rằng họ có thể sang châu Phi, vì họ không thể ở lại Pháp được; nếu họ không sang châu Phi thì ông sẽ ra lệnh trục xuất họ về chính nước Đức, về điểm này ông ta được Chính phủ Pháp giao toàn quyền. Hội viên tỉnh trưởng Bơ-dăng-xông về vấn đề này thì được trả lời là việc đó không đúng thực. Hầu như ngày nào, vào lúc điểm danh, Vi-lích cũng tuyên bố: ai không hài lòng mà muốn bỏ đi thì có thể bỏ đi, mà càng chóng càng hay – có thể sang châu Phi, v.v.. Có một lần ông ta thậm chí đe dọa chung rằng ai không phục tùng mệnh lệnh của ông ta thì sẽ phải hoặc sang châu Phi hoặc bị đưa về Đức theo yêu cầu; về vấn đề này cũng đã chất vấn như trên ở dinh tỉnh trưởng. Do những sự đe dọa hàng ngày ấy, nhiều người đã chán ghét cuộc sống ở Bơ-dăng-xông, nơi đây, theo họ nói, họ bị người ta xua đuổi hàng ngày. Họ nói rằng nếu chúng tôi muốn làm nô lệ thì chúng tôi có thể sang Nga hoặc hoàn toàn chẳng cần làm sự nghiệp gì ở Đức cả. Họ tuyên bố rằng dù sao họ cũng không thể ở lại Bơ-dăng-xông lâu hơn mà không xung đột gay gắt với Vi-lích, nên họ ra đi. Nhưng vì bây giờ không nơi nào có một đội quân khác có thể thu nạp họ, mặt khác, vì họ không thể sống với 10 đồng xu, nên họ không có con đường nào khác hơn là để người ta tuyển mộ đi châu Phi và họ đã làm như vậy. Vi-lích đã đẩy như vậy 30 công dân ngay thẳng vào cảnh tuyệt vọng và tội lỗi của ông ta là ở chỗ làm cho tổ quốc vĩnh viễn mất đi những lực lượng ấy.

Thứ đến, Vi-lích đã thiếu sáng suốt đến mức trong các buổi điểm danh, ông ta thường xuyên tâng bốc những nhân viên cũ của mình và hạ thấp những người mới đến, điều đó luôn luôn gây ra xích mích. Trong một buổi điểm danh, ông ta thậm chí nói rằng người Phổ vượt xa người Nam Đức về đầu óc, trái tim và thể chất, tức là - như ông ta diễn đạt – về thể lực, đạo đức và trí lực. Còn người Nam Đức thì nổi bật về sự hiền lành, - ông ta muốn nói đến sự ngu xuẩn, nhưng không dám. Bằng cách đó, Vi-lích đã làm cho tất cả những người Nam Đức chiếm đa số phần nộ ghê gớm. Sau hết, đây là hành động thô bạo nhất của ông ta.

Hai tuần lễ trước đây, đại đội 7 đã cho một đội viên của đội tên là Ba-rốt-giơ, bị đuổi khỏi doanh trại theo lệnh của chính Vi-lích, ở lại thêm một đêm, giữ anh lại nơi đóng quân của họ bất chấp lệnh cấm của Vi-lích và bảo vệ nơi đóng quân ấy chống lại bọn ủng hộ Vi-lích, những thợ may cuồng nhiệt. Bấy giờ Vi-lích ra lệnh đem dây thừng đến và trói những người làm loạn. Quả thực dây thừng đã được đem tới. Nhưng để triệt để chấp hành lệnh đó, Vi-lích không đủ sức mặc dù rất muốn... Đây là nguyên nhân của sự bỏ đi của họ.

Chúng tôi viết tất cả những điều đó ở đây không phải để than phiền về Vi-lích. Phẩm cách và nguyện vọng của Vi-lích đều tốt đẹp, nhiều người trong chúng tôi kính trọng ông ta, nhưng con đường mà ông ta đi tới mục đích của mình, những biện pháp mà ông ta thi hành để đạt tới điều đó làm cho tất cả chúng tôi không hài lòng. Vi-lích có ý định tốt lành. Nhưng ông ta cho mình là hiện thân của trí tuệ và ultima ratio^{1*}, còn bất cứ ai chống lại ông ta – dù trong việc nhỏ nhặt - đều là bọn ngốc hoặc phản bội. Tóm lại, Vi-lích không chấp nhận ý kiến nào khác ngoài ý kiến của chính mình. Ông ta là quý tộc về mặt tinh thần và là tên bạo chúa, nếu như định làm gì là không từ một thủ đoạn nào. Nhưng nói về những cái đó đủ rồi! Hiện nay chúng tôi đã rõ Vi-lích. Chúng tôi biết chỗ mạnh và chỗ yếu của ông ta, do đó chúng tôi rời Bơ-dăng-xông. Nói chung, tất cả mọi người rời Bơ-dăng-xông đều nói rằng họ rời bỏ Vi-lích, chứ không rời bỏ Liên minh quân sự Đức "Hãy tự cứu mình".

Những người Vô-dun cũng vậy...

Sau hết, gửi lời chào trân trọng nhất và thay mặt đội quân Nan-xi gửi lời chào và bắt tay thân thiện.

Cuộc họp chung ngày 13 tháng Mười một 1848 đã thông qua.

1* - lý trí tối cao

Nan-xi, ngày 14 tháng Mười một 1848

Thay mặt và được sự uỷ nhiệm của Đội quân

Thư ký B."

Bây giờ chúng ta trở lại bức thư của *Tê-khốp*. Nọc độc của bức thư của ông ta, giống như của những con bò sát khác, là ở cái đuôi, chính là ở phần tái bút đề ngày 3 tháng Chín (1850). Chỗ này nói về cuộc quyết đấu giữa *Côn-rát Sram*, người bạn đã sớm qua đời của tôi, với ông *Vi-lích*. Trong cuộc quyết đấu này xảy ra đầu tháng Chín 1850 ở Ăng-ve, *Tê-khốp* và người Pháp *Bác-tê-lê-mi* có mặt với tư cách trợ thủ của *Vi-lích*. *Tê-khốp* viết thư cho Sim-men-phen-ních "để thông báo cho bạn bè":

"Họ" (tức là Mác và những người ủng hộ ông) "đã cử hiệp sĩ của mình là *Sram* chống lại *Vi-lích*, *Vi-lích* đã chối ông ta" (*Tê-khốp* muốn nói: *Vi-lích* đã bị ông ta chinh) "như té tất vào mặt bằng những lời thô bạo nhất và rút cục thách đấu trong cuộc quyết đấu" ("Tác phẩm chính", tr. 156, 157).

Lời bác bỏ của tôi đối với sự đặt điều hoang đường ấy đã được đăng bảy năm trước trong cuốn sách có tính chất đả kích được trích dẫn trên đây "*Hiệp sĩ có ý thức cao thượng*", Niu Oóc, 1853.

Bấy giờ *Sram* còn sống. Ông cũng như *Vi-lích*, đều ở nước Mỹ.

Trợ thủ của *Vi-lích*, anh chàng *Bác-tê-lê-mi* còn chưa bị treo cổ; trợ thủ của *Sram*, sĩ quan Ba Lan xuất sắc Mi-xcốp-xki, còn chưa bị thiêu chết, còn ông *Tê-khốp* thì chưa thể quên thông tri của mình để "thông báo cho bạn bè".

Trong bài đả kích nói trên có bức thư của bạn tôi là *Phri-đrich Ăng-ghen* đề ngày 23 tháng Mười một 1853, gửi từ *Man-se-xtơ*, mà đoạn cuối nói rằng:

"*Tại phiên họp của Ủy ban trung ương – mà ở đó giữa Sram và Vi-lích sự việc xảy ra tới mức đòi thách đấu*⁴⁰⁰, - tôi (Ăng-ghen) "dường như" (theo lời *Vi-lích*) "đã có tội vì cùng với *Sram* "rời căn phòng" không lâu trước khi diễn ra cảnh ấy, do đó đã chuẩn bị toàn bộ cảnh ấy. Trước kia, hình như "*Mác*" (theo lời *Vi-lích*) "đã

xúi giục" *Sram*, còn bây giờ, để cho có tính nhiều vẻ, *tôi* lại đóng vai ấy. Cuộc quyết đấu giữa một trung úy Phổ lão luyện, có kinh nghiệm sử dụng súng ngắn, với một nhà buôn là người có lẽ chưa bao giờ sờ đến khẩu súng ngắn, là biện pháp thực sự tuyệt vời để "gạt sang bên đường" viên trung úy. Tuy vậy, ông bạn *Vi-lích* lại kể lể – bằng miệng và bằng giấy tờ – khắp nơi rằng tưởng như chúng tôi muốn người ta bắn ông ta... *Sram* chẳng qua là bị hành vi ngang ngược của *Vi-lích* làm cho phẫn nộ và việc anh thách *Vi-lích* quyết đấu đã làm cho tất cả chúng tôi rất đỗi ngạc nhiên. Mấy phút trước đó, bản thân *Sram* chắc cũng không ngờ rằng sự việc lại chuyển biến như vậy. Thật khó mà tưởng tượng được một hành động không có ý thức hơn thế... *Sram* bỏ đi "ra khỏi phòng họp)". Chỉ là do yêu cầu riêng của *Mác* muốn tránh thêm chuyện tai tiếng.

Ph.Ăng-ghen" (*Hiệp sĩ vườn*", tr. 7)⁴⁰¹

Về phần mình, tôi hoàn toàn không nghĩ đến việc coi *Tê-khốp* là kẻ gieo rắc lời bịa đặt ngu xuẩn ấy, điều đó có thể thấy được qua đoạn sau đây cũng trong bài đã đả kích trên:

"*Sau khi trở về Luân Đôn chính Tê-khốp đã kể với tôi và Ăng-ghen* là ban đầu *Vi-lích* quả quyết rằng tôi định mượn bàn tay *Sram* để đưa con người cao thượng sang thế giới bên kia, và ông ta loan truyền bằng thư từ ý tưởng đó khắp nơi. Nhưng sau khi suy đi tính lại, anh ta xác định rằng tôi, với cái sách lược ma quỷ của tôi không thể nghĩ đến việc loại anh ta bằng một cuộc quyết đấu với *Sram*" (l.c., tr.9)⁴⁰².

Điều mà *Tê-khốp* bịa đặt trong thư gửi ông Sim-men-phen-ních "để thông báo cho bạn bè", *Tê-khốp* thuật lại lời người khác. Sau này, *Các Sáp-phơ*, sau khi Đồng minh phân liệt, đã đứng về phía *Vi-lích* và chứng kiến cảnh thách thức quyết đấu, đã viết cho tôi về việc đó như sau:

"số 5, phố Péc-xi, đường Bét-phoóc.

Ngày 27 tháng Chín 1860

Mác thân mến!

Về vụ tai tiếng giữa Sram và Vi-lích như sau:

Vụ tai tiếng nổ ra trong phiên họp của Ủy ban trung ương do cuộc tranh luận gay gắt *ngẫu nhiên* xảy ra giữa họ trong khi thảo luận. Tôi nhớ rất rõ ràng, về phía mình, anh đã làm *tất cả* để làm cho họ bình tĩnh lại và dàn xếp câu chuyện và, xem ra, anh cũng kinh ngạc trước sự bùng nổ bất ngờ ấy, như bản thân tôi và các uỷ viên trung ương khác có mặt tại đó.

Xin gửi lời chào.

Các Sáp-phơ của anh".

Sau hết, tôi xin lưu ý rằng bản thân Sram mấy tuần *sau* cuộc quyết đấu, trong bức thư ngày *31 tháng Chạp 1850*, đã trách tôi *thiên vị đối với Vi-lích*. Sự không tán thành mà Ăng-ghe-nen và tôi công khai bày tỏ với anh ta về cuộc quyết đấu trước cũng như sau cuộc quyết đấu, đã làm cho anh ta bực mình lúc đó. Bức thư đó của anh ta và những giấy tờ khác mà tôi nhận được của anh, cũng như của Mi-xcốp-xki, liên quan đến cuộc quyết đấu, có thể để cho họ hàng của anh ta xem. Không nên công bố những bức thư ấy.

Khi Côn-rát Sram từ Mỹ trở về vào giữa tháng Bảy 1857, lại đến thăm tôi ở Luân Đôn, thì thân hình trẻ trung khôi ngô cân đối của anh đã in dấu vết của bệnh lao nan y, bệnh này đồng thời như ánh hào quang bao quanh cái đầu đẹp đẽ độc đáo của anh. Với tính hài hước vốn có và không bao giờ mất đi của mình, trước hết anh vừa cười vừa đưa cho tôi xem lời cáo phó về anh, do một người bạn ba hoa dựa vào tin đồn mà cho đăng trên một tờ báo bằng tiếng Đức ở Niu Oóc. Theo lời khuyên của thầy thuốc, Sram đã đi Xanh Ê-li-ê trên đảo Gióc-xi, nơi đây tôi và Ăng-ghe-nen gặp anh lần cuối. Sram mất ngày 16 tháng Giêng 1858. Trong lễ an táng anh, tất cả giai cấp tư sản tự do Xanh Ê-li-ê và tất cả những

người lưu vong ở đây đều đến dự, người đọc lời diếu là *G.Giuy-li-an Hác-ni*, một trong những diễn giả bình dân ưu tú nhất ở Anh, trước đây nổi tiếng là lãnh tụ của phái Hiến chương và có quan hệ thân mật với Sram trong thời gian Sram lưu lại Luân Đôn. Bên cạnh tính cách nhiệt tình, sự gan dạ, như ngọn lửa rực cháy, không bao giờ lo lắng về cuộc sống hàng ngày, Sram còn có đầu óc phê phán, ý kiến độc đáo, tính hài hước tế nhị và tình cảm thân ái hồn nhiên. Anh là Péc-xi Hốt-xơ của đảng chúng tôi.

Bây giờ trở lại bức thư của ông *Tê-khốp*. Mấy ngày sau khi đến Luân Đôn, một buổi tối đã khuya, ông ta có rendez-vous^{1*} dài với Ăng-ghe-nen, Sram và tôi tại một quán rượu, nơi chúng tôi thết ông. Về rendez-vous ấy, ông mô tả trong thư của mình gửi Sim-men-phen-ních ngày 26 tháng Tám 1850 "để thông báo cho bạn bè". Trước đó tôi chưa gặp ông ta bao giờ, còn sau đó đã gặp ông ta có lẽ hai ba lần gì đó, và rất ngắn ngủi. Song ông ta lập tức nhìn thấu suốt tôi và bạn hữu của tôi, đầu, tim và lòng ruột chúng tôi và vội vã gửi – sau lưng chúng tôi – về Thuỵ Sĩ bản mô tả đặc trưng tâm lý của chúng tôi và căn dặn "bạn bè" bí mật nhân bản và tuyên bố sự mô tả đó.

Tê-khốp đã bận tâm nghiên cứu nhiều về "tim" tôi. Tôi vốn rộng lượng, nên không theo chân ông ta trong lĩnh vực ấy. "Ne parlons pas morale"^{1*} - như cô gái lẳng mạn Pa-ri nói khi bạn cô bắt đầu nói về chính trị.

Chúng ta bàn một chút về người nhận bức thư ngày 26 tháng Tám, cụu trung uỷ Phổ *Sim-men-phen-ních*. Tôi không quen biết ông này và chưa hề gặp mặt ông ta. Tôi nhận xét ông ta qua hai bức thư. Bức thứ nhất đề *ngày 23 tháng Mười một 1853*⁴⁰³, mà

1* – cuộc hẹn

1* – "Chúng ta không nói về đạo đức"

tôi chỉ trích dẫn, là do bạn tôi V. Stép-phen, cựu trung úy Phổ và giáo viên trường huấn luyện của sư đoàn, gửi cho tôi từ *Se-xơ*. Thư đó viết:

"Có một lần Vi-lích cử đến đây" (Khuên) "một sĩ quan tùy tùng tên là *Sim-men-phen-ních*. Viên sĩ quan này cho tôi một vinh dự lớn, mời tôi đến chỗ ông ta và quả quyết rằng chắc chắn là chỉ nhìn một cái là có thể đánh giá được toàn bộ tình thế chính xác hơn bất cứ ai theo dõi thường xuyên các sự kiện. Do đó, ông ta rất coi thường tôi khi tôi nói rằng các sĩ quan của quân đội Phổ tuyệt nhiên không cảm thấy hạnh phúc được chiến đấu dưới ngọn cờ của ông ta và của Vi-lích, và họ hoàn toàn không có ý định tuyên bố *citissime*^{2*} nước cộng hoà Vi-lích. Ông ta càng tức giận khi không tìm được một người nào kém thông minh đến mức đồng ý in lời kêu gọi gửi các sĩ quan mà ông ta mang theo, lời kêu gọi này hô hào họ lập tức công khai ủng hộ "cái" mà ông ta gọi là nền dân chủ.

Phát khùng, ông ta rời bỏ "*Khuên bị Mác nô dịch*", như ông ta nói với tôi, nhưng ông ta đã in được những lời nhảm nhí đó ở một nơi khác và phân phát cho nhiều sĩ quan, nên "Người quan sát" của "*Kreuz-Zeitung*" đã có thể vạch trần điều bí mật trong trứng của phương pháp quỷ quyệt ấy để biến sĩ quan Phổ thành những người cộng hoà".

Trong thời gian xảy ra sự phiêu lưu đó, tôi còn hoàn toàn chưa quen biết Stép-phen, mãi đến năm 1853 ông mới tới nước Anh. *Sim-men-phen-ních* đã tự miêu tả rõ nét hơn nữa trong bức thư dẫn ra dưới đây gửi cho chính *Huyếc-phen* mà về sau bị vạch mặt là mật thám Pháp. Huyếc-phen là linh hồn của uỷ ban cách mạng do *Sim-men-phen-ních*, Suốc-xơ, Hép-ne và những bạn bè khác của *Kin-ken* thành lập ở Pa-ri năm 1850, và là bạn thân của hai lực sĩ đấu bò tốt là Suốc-xơ và *Sim-men-phen-ních*.

Sim-men-phen-ních gửi *Huyếc-phen* (gửi đi Pa-ri, 1851):

"Ở đây" (ở Luân Đôn) "Tình hình hiện nay như sau... Chúng tôi đã viết thư sang đó" (sang Mỹ) "cho tất cả những người quen biết có thể lực của chúng tôi về vấn đề chuẩn bị cơ sở để có khoản vay" (khoản vay *Kin-ken*). "Khuyên họ trước hết *trong một thời kỳ nhận định hãy đích thân phát biểu trên báo chí về sức mạnh của các tổ chức âm mưu* và chỉ ra rằng những lực lượng tích cực của Đức và Pháp, cũng như của I-ta-

2* — một cách vội vã nhất

li-a không bao giờ được, rồi bỏ chiến trường". ("Chẳng lẽ lịch sử không có ngày tháng nào hay sao"^{1*})... "*Công việc của chúng tôi hiện nay tiến hành thuận lợi. Hai anh bỏ mặc bọn người quá ư ngoan cố thì họ sẽ chịu nhượng bộ và vui lòng chấp nhận những điều kiện đặt ra cho họ. Ngày mai, sau khi công việc thu xếp được ổn thoả, tôi sẽ liên hệ với Ru-gơ và Hau-gơ... Địa vị xã hội của tôi cũng như của anh rất khó khăn. Cục kỳ cần thiết tiến hành nhanh chóng công việc của chúng ta*". (Tức là khoản vay cách mạng của *Kin-ken*).

Sim-men-phen-ních của anh".

Bức thư này của *Sim-men-phen-ních* có trong tập "Sự phòng ngừa" mà A. *Ru-gơ* công bố trong "*Herold des westens*" (Lu-i-xvin-lơ, ngày 11 tháng Chín 1853). Trước khi công bố "Sự phòng ngừa" ấy, *Sim-men-phen-ních* đã ở Mỹ và chưa hề phủ nhận tính đúng thực của bức thư ấy. "Sự phòng ngừa" của *Ru-gơ* là bản đăng lại văn kiện: "*Rút trong hồ sơ lưu trữ của Cục cảnh sát Béc-lin*". Văn kiện này gồm những đoạn bút ký của *Kin-ken* ở ngoài lề trang giấy và những giấy tờ khác hoặc bị cảnh sát Pháp lấy được ở *Sim-men-phen-ních* và Huyếc-phen ở Pa-ri, hoặc "lục thấy" [aufgestiebert] ở nhà mục sư Đu-lông ở Brê-men, hoặc sau hết, trong thời kỳ chiến tranh giữa chuột và ếch xảy ra giữa Hội liên hiệp cổ động của *Ru-gơ* và Hội liên hiệp lưu vong của *Kin-ken*⁴⁰⁴ đã bị những người anh em thù địch tự tiết lộ riêng với báo chí Đức – Mỹ. Cái giọng châm biếm của *Hin-ken*-đây khi kể về việc *Sim-men-phen-ních*, "*tưởng rằng cảnh sát theo dõi mình*", đã vội

1* Chế giễu kết cấu ngữ pháp không chính xác của câu nói trước đó của *Sim-men-phen-ních*. Mác dẫn ra trong ngoặc đơn và có sửa chữa chút ít câu nói của nghị sĩ phản động của Quốc hội Phran-phuốc, công tước Li-xnốp-xki, trong một phiên họp của quốc hội ông ta nói: "Für das historische Recht gibt es *Kein Datum nicht*" (đối với quyền lịch sử thì không có ngày tháng nào cả), tức là dùng hai sự phủ định là điều không được phép trong tiếng Đức (xem C. Mác và Ph.Ăng-ghe-nen. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 5, tr. 444-445). *Sim-men-phen-ních* đã mắc sai lầm tương tự.

vả ngừng như thế nào chuyển đi Phổ của mình để tuyên truyền tư tưởng và khoản vay cách mạng của Kin-ken. Cũng trong "Sự phòng ngừa" ấy có thư của Các-lơ Suốc-xơ, "đại diện của uỷ ban Pa-ri" (tức của Huyéc-phen, Hép-ne, Sim-men-phen-ních v.v.) "ở Luân Đôn", nói rằng:

"Hôm qua, những người lưu vong ở đây đã quyết định thu hút Buy-xơ, bác sĩ Phran-cơ, Rét-dơ ở Viên và Tê-khốp sắp sửa đến đây, vào cuộc đàm phán. N. B. *Không cần thông tri cho Tê-khốp, bằng miệng hoặc bằng giấy tờ, về quyết định ấy* trước khi ông ta đến đây" (C. Suốc-xơ "Gửi những người thân yêu" ở Pa-ri, *Luân Đôn, ngày 16 tháng Tư 1851*).

Tê-khốp gửi bức thư của mình đề ngày 26 tháng Tám 1850 cho một trong "những người thân yêu" ấy là ông *Sim-men-phen-ních*, để "báo cho bạn bè". Trước hết, ông thông báo cho "người thân yêu" ấy biết học thuyết của tôi, mà tôi giấu cẩn thận nhưng ông ta khám phá ngay được ở tôi trong cuộc gặp gỡ duy nhất của chúng tôi nhờ câu tục ngữ: "in vino veritas"^{1*}.

"Tôi" - ông Tê-khốp nói với ông Sim-men-phen-ních "để thông báo cho bạn bè" - "tôi nói sau cùng rằng tôi bao giờ cũng *tưởng tượng* rằng họ" (*Mác, Ăng-ghen và những người khác*) "đứng cao hơn những tư tưởng phi lý về cái chuồng ngựa cộng sản hạnh phúc à la Ca-bê" v.v. ("Tác phẩm chính", tr. 150).

Tưởng tượng! Như vậy là Tê-khốp *không biết* ngay cả những điều sơ đẳng nhất của quan điểm của chúng tôi, nhưng đã rộng lượng và chiếu cố mức *tưởng tượng* rằng những quan điểm ấy không hoàn toàn là "phi lý".

Khỏi phải nói đến những tác phẩm khoa học, chỉ cần ông ta đọc "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" mà ở dưới đây ông ta gọi là "Vấn đáp của người cộng sản" của tôi, là ông ta thấy ở đó có một chương tỉ mỉ nhan đề "Văn học xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa" và ở cuối chương ấy có tiểu mục "chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không tưởng - phê phán", ở đó có viết:

"Những hệ thống xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa chính tông, những hệ thống của Xanh - Xi-mông, của Phu-ri-ê, của Ô-oen v.v. đều xuất hiện trong thời kỳ đầu chưa phát triển của cuộc đấu tranh giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, tức là thời kỳ đã mô tả ở trên. Tuy nhiên, những người phát minh ra những hệ thống ấy đều thấy rõ sự đối kháng giữa các giai cấp, cũng như thấy rõ tác dụng của những yếu tố phá hoại nằm ngay trong bản thân xã hội đương thống trị. Song những người đó lại không nhận thấy ở phía giai cấp vô sản một tính chủ động lịch sử nào, một cuộc vận động chính trị riêng của bản thân giai cấp vô sản cả. Vì sự đối kháng giữa các giai cấp phát triển song song với công nghiệp, cho nên họ càng không thấy những điều kiện vật chất cần thiết cho sự giải phóng giai cấp vô sản và cứ đi tìm một khoa học xã hội, những quy luật xã hội *có thể tạo ra được những điều kiện ấy*. Họ lấy tài ba cá nhân của họ để thay thế cho hoạt động xã hội, lấy những điều kiện *tưởng tượng* thay thế cho những điều kiện *lịch sử* của sự giải phóng, đem một *tổ chức xã hội do bản thân họ toàn toàn tạo ra thay thế cho sự tổ chức phát triển* một cách tuân tự của giai cấp vô sản thành giai cấp. Đối với họ, lịch sử tiếp theo của thế giới quy tụ thành sự tuyên truyền và thực hiện những kế hoạch xã hội của họ... Ý nghĩa của chủ nghĩa xã hội không tưởng - phê phán và chủ nghĩa cộng sản không tưởng - phê phán tỷ lệ nghịch với sự phát triển lịch sử... Cho nên, nếu như về nhiều phương diện, các nhà sáng tạo ra những học thuyết ấy là những nhà cách mạng thì những tông phái, do môn đồ của họ lập ra, luôn luôn là phản động vì bọn môn đồ ấy tiếp tục *mơ ước* thực hiện những thí nghiệm về những kế hoạch không tưởng xã hội của họ, lập ra những pha-lan-xte riêng biệt, tạo ra những trại lao động bên trong xứ sở [Home-colonies], xây dựng một xứ *I-ca-ri*

1* - "chân lý trong rượu vang"

nhỏ ¹⁾ một ấn phẩm cỡ nhỏ xiu của Giê-ru-xa-lem mới" (Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", 1848, tr. 21,22)⁴⁰⁵.

Trong câu cuối, I-ca-ri của *Ca-bê* - hoặc như Tê-khốp gọi là "chuồng ngựa hạnh phúc" – đã bị gọi thẳng thừng là "ấn phẩm nhỏ xiu của Giê-ru-xa-lem mới".

Sự hoàn toàn không hiểu biết của Tê-khốp – mà ông ta đã công nhận - đối với những quan điểm mà Ăng-ghe-nh và tôi đã phát biểu trên sách báo nhiều năm trước khi có cuộc gặp mặt của chúng tôi với ông ta, đã hoàn toàn giải thích sự ngộ nhận của ông ta. Chúng tôi dẫn ra mấy ví dụ để nêu lên sự tự nhận xét của ông ta.

"Ông" (Mác) "chế nhạo những kẻ ngu dân theo sau ông lập lại một cách máy móc cuốn vấn đáp của người vô sản của ông, chế nhạo những người cộng sản à la Vi-lích, cũng như chế nhạo những người tư sản. Người duy nhất mà ông kính trọng là giới quý tộc, nhưng là những quý tộc chân chính biết giá trị của mình. Để tước đoạt sự thống trị của họ, ông cần có lực lượng mà ông chỉ tìm thấy ở giai cấp vô sản, do đó, ông tạo ra hệ thống của mình để nhằm vào lực lượng ấy. ("Tác phẩm chính", tr. 152).

Vì vậy, Tê-khốp "tưởng tượng" rằng tôi biên soạn cuốn "Vấn đáp của người vô sản". Ông ta muốn ám chỉ cuốn "tuyên ngôn" trong đó đã phê phán, đã "chế giễu" – nếu ông Tê-khốp muốn nói như thế –

1) Pha-lan-xte là tên gọi của các trại lao động xã hội chủ nghĩa do Phu-ri-ê thiết kế; Ca-bê gọi là xứ I-ca-ri đất nước không tưởng của mình, sau này là trại lao động cộng sản chủ nghĩa của mình ở bên Mỹ. (Chú thích của Ăng-ghe-nh viết cho lần xuất bản tiếng Anh "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", 1888.)

Home - colonies (các trại lao động bên trong xứ sở) là tên gọi mà Ô-oen đặt cho những xã hội cộng sản chủ nghĩa kiểu mẫu. Pha-lan-xte là tên gọi của những cung xã hội mà Phu-ri-ê đã thiết kế. I-ca-ri là tên gọi của đất nước không tưởng – siêu thực mà những thiết chế cộng sản chủ nghĩa của nó đã được Ca-bê mô tả. (Chú thích của Ăng-ghe-nh cho lần xuất bản tiếng Đức "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", năm 1890.)

chủ nghĩa không tưởng xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa không tưởng phê phán đủ loại. Nhưng sự "chế giễu" ấy không giản đơn như ông ta "tưởng tượng", mà đòi hỏi bỏ ra nhiều công sức, - điều đó ông ta có thể thấy được qua cuốn "Sự khốn cùng của triết học" (1847)⁴⁰⁶ của tôi chống lại Pru-đông. Tê-khốp còn "tưởng tượng" rằng tôi đã "tạo ra" "hệ thống", thế nhưng trái hẳn lại, thậm chí trong tác phẩm "Tuyên ngôn" trực tiếp dành cho công nhân, tôi đã vứt bỏ mọi hệ thống và thay vào đó là "sự nhận thức có phê phán về những điều kiện, tiến trình và kết quả chung của sự vận động xã hội thực tế"⁴⁰⁷. Nhưng sự "nhận thức" như thế không thể là theo sau người nào đó lập lại một cách máy móc hoặc "tạo ra" như một chiếc bao đạn. Cái quan điểm về quan hệ qua lại giữa quý tộc, giai cấp vô sản và giai cấp tư sản – dưới hình thức như Tê-khốp "tưởng tượng" và *nhét ngấm* cho tôi – là cực kỳ ngây thơ.

Tôi "tôn trọng" quý tộc, "chế giễu" giai cấp tư sản, tôi "tạo ra hệ thống" cho giai cấp vô sản để dùng họ "tước đoạt quyền thống trị" của quý tộc. Ở phần I của "Tuyên ngôn" nhan đề "Tư sản và vô sản" (xem "Tuyên ngôn", tr. 11)⁴⁰⁸, đã giải thích kỹ rằng *sự thống trị* về kinh tế, do đó cả về chính trị dưới hình thức này hoặc hình thức khác, của *giai cấp tư sản* là điều kiện cơ bản cho sự tồn tại của giai cấp vô sản hiện đại, cũng như cho sự tạo ra "những điều kiện vật chất của sự giải phóng giai cấp này". "Nhìn chung, sự phát triển của giai cấp vô sản hiện đại (xem "Revue der Neuen Rheinischen Zeitung", tháng Giêng 1850, tr.15) được quyết định bởi sự phát triển của giai cấp tư sản công nghiệp. Chỉ có *dưới sự thống trị của giai cấp tư sản*, giai cấp vô sản mới đạt được sự tồn tại trên quy mô dân tộc, mới có thể nâng cuộc cách mạng của mình lên tới tầm toàn dân tộc, chỉ có dưới sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản mới tạo ra được những tư liệu sản xuất hiện đại đồng thời cũng là những phương tiện cho công cuộc giải phóng bằng cách mạng của mình. Chỉ có *sự thống trị* của giai cấp tư sản mới nhỏ bật được cỗi rễ vật chất của xã hội phong kiến và san bằng

mảnh đất mà *trên đó duy chỉ có cách mạng vô sản mới có thể tiến hành*"⁴⁰⁹. Do đó, ngay trong "Revue" ấy tôi đã tuyên bố rằng bất cứ phong trào vô sản nào mà không có Anh tham gia đều chỉ là "sóng gió trong cốc nước"⁴¹⁰. Ăng-ghe-n cũng phát triển cùng những quan điểm đó ngay từ năm 1845 trong tác phẩm của mình "Tình cảnh giai cấp lao động ở Anh"⁴¹¹. Vì vậy, ở những nước vẫn còn phải "tước đoạt quyền thống trị" của quý tộc hiểu theo ý nghĩa lực địa, mà Tê-khốp hiểu "quý tộc" chính theo nghĩa đó -, thì theo quan điểm của tôi, còn thiếu tiền đề đầu tiên của cách mạng vô sản, tức là *giai cấp vô sản công nghiệp* trên quy mô toàn dân tộc.

Đặc biệt là quan điểm của tôi về thái độ của công nhân Đức đối với phong trào tư sản, thì Tê-khốp có thể thấy, dưới hình thức rất rõ ràng, trong "Tuyên ngôn". Ở Đức, Đảng cộng sản đấu tranh chung với giai cấp tư sản, chừng nào giai cấp này hành động cách mạng, chống chế độ quân chủ chuyên chế, chống chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến và giai cấp tiểu tư sản phản động. Nhưng không giờ phút nào Đảng cộng sản lại quên tạo ra cho công nhân một ý thức rõ ràng nhất về sự đối lập thù địch giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản" v.v. ("Tuyên ngôn", tr.23)⁴¹². Bị đưa ra trước toà án bồi thẩm tư sản ở Khuên về tội "phiến loạn", tôi đã tuyên bố cũng theo tinh thần ấy: "Trong xã hội tư sản hiện đại còn tồn tại các *giai cấp*, nhưng không còn *đẳng cấp* nữa. Sự phát triển của nó là ở cuộc đấu tranh giữa những giai cấp ấy, nhưng những giai cấp ấy liên hợp với nhau chống lại các đẳng cấp và vương quyền trời ban của chúng" ("*Hai vụ án chính trị*". Toà án bồi thẩm Khuên xét xử tháng Hai", 1849, tr.59)⁴¹³.

Những lời kêu gọi của giai cấp tư sản tự do đối với giai cấp vô sản từ năm 1688 đến năm 1848 không phải cái gì khác hơn là "những sự tạo ra các hệ thống và câu chữ", để dùng lực lượng của *giai cấp vô sản* tước đoạt quyền thống trị của quý tộc. Như vậy, điều cơ bản nhất mà ông Tê-khốp rút ra được từ học thuyết bí mật

của tôi là *chủ nghĩa tự do tư sản tầm thường nhất!* Tand de bruit pour une omelette!"^{1*}. Nhưng, mặt khác, Tê-khốp vẫn biết rằng tôi "Mác" không phải là phần tử tự do tư sản, nên ông ta chẳng còn cách nào khác hơn là "đưa ra ấn tượng rằng mục đích toàn bộ hoạt động của Mác là sự thống trị của cá nhân ông ta". Đối với cuộc nói chuyện duy nhất của tôi với ông Tê-khốp mà bảo là "toàn bộ hoạt động của tôi" thì đó quả là câu nói mới nhũn nhặn làm sao!

Tiếp đó, Tê-khốp tiết lộ cho Sim-men-phen-ních của mình để "thông báo cho bạn bè" rằng tôi đã phát biểu quan điểm quái gở sau đây:

Nếu như châu Âu đáng thương hại sẽ diệt vong - điều này *chẳng bao lâu nữa* sẽ xảy ra trong điều kiện không có cách mạng xã hội - và nếu đến lúc ấy Mỹ sẽ lợi dụng chế độ cũ làm thiệt hại đến châu Âu, thì xét cho cùng đó là điều hoàn toàn chẳng quan trọng gì" ("Tác phẩm chính", tr.148).

Cuộc nói chuyện của tôi với Tê-khốp tiến hành vào cuối tháng Tám 1850. Trong số ra tháng Hai 1850 của "Revue der Neuen Rheinischen Zeitung", - nghĩa là tám tháng *trước khi* Tê-khốp moi được ở tôi điều bí mật đó - tôi đã phơi bày trước bạn đọc Đức sự việc sau:

"Bây giờ chúng ta chuyển sang nói *về nước Mỹ*. Sự kiện quan trọng nhất ở đây, quan trọng hơn cả cuộc cách mạng tháng Hai, là sự phát hiện ra mỏ vàng ở Ca-li-phoóc-ni-a. Giờ đây, mới chỉ sau có 18 tháng, đã có thể dự kiến rằng sự phát hiện đó có những kết quả lớn lao hơn nhiều ngay cả so với sự phát hiện ra châu Mỹ... Lần thứ hai nền mậu dịch thế giới có phương hướng mới... Lúc đó Thái Bình Dương sẽ đóng vai trò giống như vai trò của Đại Tây Dương hiện nay, vai trò của Địa Trung Hải trong thời cổ đại và trung cổ - vai trò đường thủy vĩ đại đối với giao lưu thế giới, còn

1* - Ổn ào biết bao vì một quả trứng trắng!

Đại Tây Dương sẽ bị hạ thấp xuống thành biển nội địa, như vai trò của Địa Trung Hải hiện nay. Điều kiện duy nhất để các nước văn minh châu Âu *đến lúc đó* sẽ không rơi vào địa vị phụ thuộc về công nghiệp, thương nghiệp và chính trị như địa vị hiện nay của I-ta-li-a, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, là cách mạng xã hội" v.v. ("Revue", số 2, tháng Hai 1850, tr. 77)⁴¹⁴.

Câu "*chẳng bao lâu nữa*" châu Âu cũ "*sẽ diệt vong*" và ngày hôm sau nước Mỹ sẽ lên ngôi vua, chỉ là của Tê-khốp. Bây giờ tôi quan niệm về tương lai trước mắt của nước Mỹ rõ ràng như thế nào, điều đó có thể thấy được qua đoạn sau đây cũng trong số "Revue" ấy: "chẳng bao lâu nữa ở đây sẽ diễn ra cuộc *đầu cơ quá đáng* và cho dù tư bản Anh được ném vào đó rất nhiều đi nữa, thì lần này *Niu Oóc* vẫn là trung tâm của toàn bộ hoạt động đầu cơ ấy và là nơi đầu tiên bị phá sản như năm 1836" ("Revue", số kép, tháng Năm – tháng Mười 1850, tr. 149)⁴¹⁵. Sự tiên đoán ấy của tôi năm 1850 đối với nước Mỹ đã hoàn toàn được cuộc khủng hoảng thương mại năm 1857 xác nhận là đúng. Về "châu Âu cũ" thì sau khi mô tả sự phát triển kinh tế của nó, trái lại, tôi đã viết: "Trong tình hình phồn vinh phổ biến như vậy, khi lực lượng sản xuất của xã hội tư sản phát triển hết sức rầm rộ như vậy, thì không thể nói đến một cuộc cách mạng thực sự... Những cuộc tranh cãi không bao giờ dứt, mà hiện nay đại biểu của các phái khác nhau trong đảng trật tự ở lục địa tiến hành để bêu xấu nhau, tuyệt nhiên không đưa tới cách mạng; trái lại, những cuộc tranh cãi ấy sở dĩ tiến hành được là vì cơ sở của quan hệ xã hội *trong lúc này* là hết sức vững chắc - điều mà phe phản động không biết – cũng như hết sức *tư sản hoá*. Tất cả mọi ý đồ phản động hòng ngăn cản sự phát triển của giai cấp tư sản, không nghi ngờ gì nữa, sẽ bị tan tành trước cơ sở đó, giống như *tất cả những sự bất bình mang tính đạo đức và tất cả những bản tuyên ngôn nảy lửa của các nhà dân chủ*. Cuộc cách mạng mới chỉ có thể nổ ra theo sau khủng hoảng" (l.c., tr. 153)⁴¹⁶.

Thật vậy, lịch sử châu Âu, chỉ từ sau cuộc khủng hoảng 1857-1858 mới lại mang tính chất gay gắt, có thể nói là tính chất cách mạng. Thật vậy, đúng vào thời kỳ phản động 1849-1859, công nghiệp và thương nghiệp đã phát triển trên lục địa với quy mô chưa từng có, và cùng với nó, cơ sở vật chất của sự thống trị chính trị của giai cấp tư sản đã được tăng cường. Thật vậy, trong thời kỳ này "mọi sự bất bình mang tính đạo đức và mọi bản tuyên ngôn nóng bỏng của phái dân chủ" đều bị tan tành trước những quan hệ kinh tế.

Tê-khốp hiểu phần nghiêm chỉnh trong cuộc nói chuyện của chúng tôi là sự nói đùa, nên lại càng coi lời nói đùa là điều nghiêm chỉnh. Với cái vẻ nghiêm trang của con người được mời dự lễ tang, ông ta huấn thị cho *Sim-men-phen-ních* của mình "để thông báo cho bạn bè":

"*Mác* nói tiếp rằng: trong các cuộc cách mạng, bọn sĩ quan là những phần tử nguy hiểm nhất. Từ La-phay-ét đến Na-pô-lê-ông là một chuỗi những tên phản bội và những vụ phản bội. *Bao giờ cũng phải chuẩn bị sẵn dao găm và thuốc độc cho chúng*" ("Tác phẩm chính", tr. 153).

Cái chân lý tầm thường về sự phản bội của "các ngài sĩ quan" thì ngay cả bản thân Tê-khốp cũng không cho là tư tưởng độc đáo của tôi. Sự độc đáo hiển nhiên là ở yêu cầu luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng "dao găm và thuốc độc". Chẳng lẽ Tê-khốp bây giờ không biết rằng chính phủ chân chính cách mạng như Comité de salut public⁴¹⁷ đã chuẩn bị sẵn sàng cho "các ngài sĩ quan" những thủ đoạn tuy rằng rất có hiệu lực song lại ít tính chất hài kịch hơn? Dao găm và thuốc độc nhiều lắm cũng chỉ có thể hữu dụng đối với tập đoàn thống trị Vơ-ni-dơ nào đó. Nếu như Tê-khốp đọc kỹ lại bức thư của mình thì sẽ thấy sự châm biếm trong những chữ "dao găm và thuốc độc". Kẻ a tòng với *Phô-gtô, m o u c h a r d*^{1*} nổi tiếng của phái Bô-na-pác-tơ là **Ê - đ u - a X i - m ô n g**, đã dịch

1* – tên gián điệp

trong "Revue contemporaine" (số XIII, Pa-ri, 1860, tr. 528 trong bài báo của mình "Vụ kiện ông Phô-gtô v.v.") đoạn dẫn ra trên kia trong thư của Tê-khốp, kèm theo lời chú thích sau đây:

"Marx n'aime pas beaucoup voir des officiers dans sa bande. Les officiers sont trop dangereux dans les révolutions.

Il faut toujours tenir prêts pour eux le poignard et le poison!

Techow, qui est officier, se le tient pour dit, il se rembarque et retourne en Suisse"^{2*}.

Trong sự trình bày của *Ê-đu-a Xi-mông*, Tê-khốp đáng thương đã hoảng sợ trước "dao găm và thuốc độc", mà tôi chuẩn bị sẵn sàng, đến nỗi ông ta lập tức lẩn tránh, đáp tàu và trở về Thụy Sĩ. Còn Phô-gtô đế quốc thì dăng lại chỗ nói về "dao găm và thuốc độc" bằng chữ đậm để dọa nạt anh phi-li-xtanh Đức. Nhưng, chính con người buồn cười ấy lại viết trong cái gọi là "*Nghiên cứu*" của ông ta:

"*Dao và thuốc độc của người Tây Ban Nha hiện đang toả ra ánh sáng kỳ diệu mới – vì vấn đề ở đây là nền độc lập của một dân tộc*" (l.c., tr. 79).

Tuy nhiên: các nguồn tài liệu của người Tây Ban Nha và người Anh về lịch sử thời kỳ 1807-1814 đã bác bỏ từ lâu những thần thoại về thuốc độc do người Pháp bịa ra. Nhưng đối với những chính khách quán rượu thì dĩ nhiên những thần thoại đó vẫn còn nguyên vẹn.

Sau hết, tôi chuyển sang "những chuyện đơm đặt" trong thư

2* – "*Mác* rất không thích có những sĩ quan trong *bọn ông ta*. Các sĩ quan là các phần tử quá ư nguy hiểm trong các cuộc cách mạng.

Phải luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng cho chúng dao găm và thuốc độc!

Tê-khốp, bản thân là sĩ quan, ghi nhận kỹ điều đó, liền đáp tàu thủy trở về Thụy Sĩ".

của Tê-khốp và dựa trên mấy ví dụ chứng minh sự không thiên vị về lịch sử của ông ta.

"Trước hết là vấn đề cuộc cạnh tranh giữa họ và chúng tôi, giữa Thụy Sĩ và Luân Đôn. Theo lời họ, họ phải bảo vệ quyền lợi của Đồng minh cũ. Đồng minh này do lập trường đảng phái rõ rệt của nó, dĩ nhiên, không thể đối xử hữu nghị với đồng minh khác đang tồn tại bên cạnh nó và trong cùng một lĩnh vực (giai cấp vô sản)" ("Tác phẩm chính", tr. 143).

Tổ chức cạnh tranh ở Thụy Sĩ mà Tê-khốp nói ở đây và, với tư cách là đại biểu của nó, ông ta đã chống lại chúng tôi trên mức độ nhất định, - đó là "*Tập trung cách mạng*" đã nhắc tới trên kia. Ủy ban trung ương của nó ở Xuy-rích; chủ tịch lãnh đạo nó là một luật sư, cựu phó chủ tịch của một trong những nghị viện nhỏ năm 1848 và cựu thành viên của một trong những chính phủ lâm thời Đức năm 1849^{1*}. *Tháng Bảy 1850 Đron-ke* đến Xuy-rích, nơi đây vị luật sư đề nghị với ông này, trong tư cách thành viên của Đồng minh Luân Đôn, "để thông báo" cho tôi một thứ hiệp nghị được công nhận. Nguyên văn hiệp nghị như sau:

"Xét sự cần thiết phải liên hiệp tất cả những phần tử cách mạng chân chính và sự thừa nhận của tất cả các uỷ viên của Ủy ban trung ương cách mạng đối với tính chất vô sản của cuộc cách mạng sắp tới, mặc dù không phải tất cả các uỷ viên ấy có thể tán thành vô điều kiện cương lĩnh được đề ra ở Luân Đôn ("Tuyên ngôn", 1848). - Đồng minh những người cộng sản và "Tập trung cách mạng" thoả thuận với nhau như sau:

1) Hai bên đồng ý từ nay sẽ cùng nhau hoạt động: "Tập trung cách mạng" chuẩn bị cho cuộc cách mạng sắp tới bằng sự liên hợp *tất cả* những phần tử cách mạng. Hội liên hiệp Luân Đôn chuẩn bị sự thống trị của giai cấp vô sản bằng cách tổ chức *chủ yếu là những phần tử vô sản*;

2) "Tập trung cách mạng" chỉ thị cho các đại biểu và đặc sứ của mình để khi thành lập các chi bộ ở Đức họ sẽ lưu ý với những thành viên, mà họ thấy thích hợp cho việc

1* – Siếc-nơ.

tham gia đồng minh những người cộng sản, rằng hiện có một tổ chức được xây dựng chủ yếu vì lợi ích của giai cấp vô sản;

3) và 4) Về Thụy Sĩ thì sự lãnh đạo sẽ chỉ được trao cho *những người thực sự ủng hộ* bản "Tuyên ngôn Luân Đôn" trong "Ủy ban trung ương cách mạng". Hai bên sẽ trao đổi báo cáo cho nhau".

Qua văn kiện ấy, và hiện còn ở trong tay tôi, có thể thấy rằng vấn đề ở đây không phải là hai đoàn thể bí mật "trong cùng một lĩnh vực" (giai cấp vô sản) mà là sự liên minh của hai đoàn thể *thuộc những lĩnh vực khác nhau, với những khuynh hướng khác nhau*. Qua văn kiện đó cũng thấy rõ rằng tổ chức "Tập trung cách mạng", ngoài việc thực hiện mục đích riêng của mình, còn tỏ ý sẵn sàng là một thứ chi nhánh của Đồng minh những người cộng sản.

Đề nghị ấy bị từ chối, vì chấp nhận nó là không phù hợp với tính "nguyên tắc" của Đồng minh.

"Rồi đến lượt *Kin-ken*... Họ trả lời điều đó rằng... Họ chưa bao giờ theo đuổi tiếng tăm rẻ tiền, - trái lại! Về *Kin-ken* thì họ thực lòng để ông ta hưởng cái tiếng tăm rẻ tiền, miễn là ông ta ngồi yên. Nhưng sau khi ông ta đăng trong "Abend-Post" Béc-lin bài diễn văn đọc tại Ra-stát ấy thì không thể có hoà bình với ông ta. Họ đã biết trước rằng những lời hò hét đã nổi lên từ mọi phía và họ hình dung rõ ràng rằng làm như vậy họ đã đem sự tồn tại của cơ quan ngôn luận hiện có của mình" ("Revue der Rheinischen Zeitung") "dốc vào canh bạc". "Nỗi lo của họ đã được chứng thực, vì chuyện ấy mà họ phá sản, mất hết tất cả những người đặt mua báo của họ ở tỉnh Ranh và phải khai tử tờ báo của mình. Nhưng đối với họ điều đó chẳng hệ trọng gì (l.c., tr. 146-148).

Trước hết, một sự đĩnh chính thực tế: bây giờ "Revue" còn chưa đình bản, ba tháng sau còn ra một số mới, gộp hai kỳ; chúng tôi cũng không mất đi *một người đặt mua nào ở tỉnh Ranh*, điều đó có sự làm chứng của bạn cũ của tôi – *I Vây-đơ-ma-i-ơ* cựu trung uý pháo binh Phổ, lúc đó là biên tập viên của "Neue Deutsche Zeitung"⁴¹⁸ ở Phran-phước, có nhã ý thu tiền đặt mua báo cho chúng tôi. Ngoài ra, chỉ mới nghe nói về hoạt động sáng tác của tôi và Ăng-ghe-nen, Tê-khốp chỉ ít phải đọc bài phê bình của chúng

tôi đối với bài nói của *Kin-ken*, là bài phê bình bị chính ông ta phê bình. Sự thông báo tin cẩn của ông ta cho "những người thân" ở Thụy Sĩ, là để làm gì? "Vạch trần" cho họ thấy điều mà năm tháng trước đó chúng tôi đã vạch trần trước bạn đọc, là để làm gì? Bài phê bình nói trên có nguyên văn như sau:

"Chúng tôi biết trước rằng chúng tôi sẽ gây ra sự phẫn nộ phổ biến của những kẻ nói dối đa cảm và bọn bần sưông dân chủ, vì chúng tôi vạch trần trước đảng chúng tôi bài nói ấy của *Kin-ken* "bị cầm tù". Chúng tôi hoàn toàn thờ ơ với cái đó. Nhiệm vụ của chúng tôi là phê phán không thương xót... kiên trì lập trường ấy của chúng tôi, *chúng tôi sẵn lòng từ bỏ danh tiếng rẻ tiền trong phái dân chủ*. Bằng sự công kích của chúng tôi, chúng tôi không mấy may làm xấu thêm tình cảnh của ông *Kin-ken*, bằng sự *vạch mặt*, chúng tôi đã đặt ông ta vào hàng được ân xá do xác nhận lời cung khai của ông ta rằng ông ta không phải là người như người ta nói, và bằng lời tuyên bố rằng ông ta không những đáng được ân xá mà thậm chí còn đáng được bổ nhiệm chức vụ trong nhà nước Phổ. Hơn nữa, bài nói của ông đã được công bố" ("Revue der Neuen Rheinischen Zeitung", tháng Tư 1850, tr. 70, 71)⁴¹⁹.

Tê-khốp nói rằng chúng tôi đã "làm mất thanh danh" của các *petits grands hommes*^{1*} của cách mạng. Nhưng ông ta hiểu "sự làm mất thanh danh ấy" không phải theo ý nghĩa *cảnh sát* của ông Phô-gtơ. Trái lại, ông chỉ muốn nói tới hành động mà chúng tôi dùng để lột cái vỏ ngoài chuồng sắt của con cừu khoác bộ da sói cách mạng; như vậy là chúng tôi đã bảo đảm trước cho họ tránh được số phận của anh chàng hát rong nổi tiếng vùng Prô-văng-xơ khoác bộ da sói đi săn đã bị các con chó xé xác vì tưởng là sói thật.

Lấy sự nhận xét ngẫu nhiên với tướng *Di-ghe-n* trong tác

1* – vĩ nhân nhỏ

phẩm của Ăng-ghe-n "Cuộc vận động ủng hộ hiến pháp đế quốc" (Xem "Revue" tháng Ba 1850, tr. 10-78)⁴²⁰ làm ví dụ, Tê-khốp đã coi đó như ví dụ về tính chất đáng chê trách của sự công kích của chúng tôi.

Nhưng hãy so sánh sự phê phán có văn kiện làm căn cứ của Ăng-ghe-n với những lời ba hoa vu vơ và độc ác cùng về tướng *Di-ghe-n* được Hội liên hiệp lưu vong Luân Đôn, do Tê-khốp, Kin-ken, Vi-lích, Sim-men-phen-ních, Suốc-xơ, G.B. Ốp-pen-hai-mơ, Ê-đu-a Mây-en v.v. lãnh đạo, xuất bản, và Hội này xuất bản chỉ vì *Di-ghe-n* tán thành Hội liên hiệp cổ động của Ru-gơ, chứ không tán thành Hội liên hiệp lưu vong của Kin-ken.

Trên tờ "Correspondent" Ban-ti-mo, bây giờ là một thứ "Moniteur"⁴²¹ của Kin-ken, số ra ngày 3 tháng Chạp 1851, trong bài báo nhan đề "*Hội liên hiệp cổ động ở Luân Đôn*" chúng ta thấy nhận xét về *Di-ghe-n* như sau:

"Chúng ta xem xét tiếp xem những người đáng kính ấy mà vẫn coi tất cả những người khác là "*những chính khách không già dặn*", là ai. *Đấy là tổng tư lệnh Di-ghe-n*. Nếu hỏi nàng thơ lịch sử rằng làm thế nào mà con người nhỏ bé rất bình thường ấy leo lên được chức tổng tư lệnh thì nàng thơ còn lúng túng hơn là bị hỏi về trường hợp Na-pô-lê-ông kém năng lực. Na-pô-lê-ông chỉ ít còn là "cháu của ông bác mình", còn *Di-ghe-n* chỉ là "anh em của người anh em mình". Người anh em của ông ta trở thành một sĩ quan có tiếng tăm là nhờ những lời lẽ gay gắt chống chính phủ, song những lời lẽ ấy lại bắt nguồn từ những vụ bất bớ thường xuyên mà anh ta phải chịu do sự *trụy lạc thông thường nhất*. Anh chàng *Di-ghe-n* trẻ tuổi cảm thấy đó là lý do *đầy đủ* để tuyên bố mình là tổng tư lệnh và bộ trưởng chiến tranh vào thời kỳ hỗn loạn đầu tiên của khởi nghĩa cách mạng. Trong pháo binh Ba-đen đã nhiều lần chứng tỏ phẩm chất ưu việt của nó có đủ những sĩ quan già dặn hơn và xứng đáng hơn, đứng trước họ *chàng trung úy Di-ghe-n* chưa có kinh nghiệm phải run sợ và họ rất phần nộ khi phải phục tùng một *chàng thanh niên không có tên tuổi, thiếu kinh nghiệm bao nhiêu thì cũng bất tài bấy nhiêu*. Nhưng ở đây xuất hiện Bren-ta-nô, một kẻ khá ngu xuẩn và manh tâm phản bội để có thể làm tất cả những gì để tiêu diệt cách mạng. Đứng là điều nực cười, nhưng vẫn là sự thực, là: *Di-ghe-n* tự phong làm tổng tư lệnh, còn Bren-ta-nô thì thừa nhận ông ta khi sự việc đã xong xuôi. Dù sao thì điều đáng chú ý là trong

cuộc chiến đấu sống mái, tuyệt vọng ở Ra-stát và ở vùng Svác-xvan-dơ, *Di-ghe-n* đã bỏ mặc các binh sĩ dũng cảm của quân đội cộng hòa cho số phận quyết định, không gửi lực lượng tăng viện đã hứa cho họ, trong khi đó ông ta đi dạo ở Xuy-rích với những câu vai của công tước Phuốc-xten-béc trên xe ngựa của mình, phô bày cái vai trò viên thống soái thất bại và gây nên sự chú ý. Đấy là tất cả cái vĩ đại ai nấy đều biết của vị chính khách già dặn đó, chính khách này, "trong sự nhận thức hợp pháp" về những chiến công anh hùng trước đây của mình, đã tự phong mình lần thứ hai làm tổng tư lệnh của Hội liên hiệp cổ động. *Người quen* vĩ đại của chúng ta, "*người anh em của người anh em mình*", là như thế đấy.

Để được vô tư, chúng tôi cũng dừng lại chút ít xem Hội liên hiệp cổ động của Ru-gơ nói gì thông qua người phát ngôn của nó là *Tau-dê-nau*. Trong bức thư ngỏ "Gửi ông Sai-đen-xi-cơ" ngày 14 tháng Mười một 1851 gửi từ Luân Đôn, *Tau-dê-nau* đặc biệt có nhận xét về Hội liên hiệp lưu vong do Kin-ken, Tê-khốp v.v. lãnh đạo.

"... Họ tỏ ý tin tưởng rằng sự đoàn kết của tất cả mọi người vì lợi ích của cách mạng là nghĩa vụ yêu nước và điều tất yếu. Hai liên hiệp cổ động Đức tán thành niềm tin ấy và các hội viên của nó đã chứng thực điều đó bằng cách đã nhiều lần cố gắng đoàn kết với Kin-ken và những người tin theo ông ta. Nhưng mọi cơ sở cho sự hợp tác chính trị vừa mới hình thành đã tiêu tan và thất vọng cứ nối tiếp nhau. Sự tùy tiện phá hoại những hiệp nghị trước kia, việc bảo vệ lợi ích riêng rẽ dưới cái mặt nạ yêu chuộng hòa bình, sự lừa gạt có hệ thống nhằm tranh thủ đa số, việc một số nhân vật lớn không tên tuổi lên mặt là lãnh tụ và nhà tổ chức của đảng, những mưu toan áp đặt một ủy ban tài chính bí mật và mọi mưu mô lén lút, dù mang những tên gọi gì thì đấy là những thủ đoạn mà các chính khách không già dặn luôn luôn muốn sử dụng trong giới lưu vong để chi phối vận mệnh của tổ quốc, song hễ đụng phải ngọn lửa cách mạng là tất cả những kế hoạch hiếu danh ấy đều tan như mây khói... Những người ủng hộ Kin-ken công khai và chính thức đã kích chúng tôi, trên *báo chí phản động Đức, mà chúng tôi không với tới được*, đẩy rẩy những bản tin bất lợi cho chúng tôi và có lợi cho Kin-ken, sau hết, Kin-ken sang Mỹ để dựa vào cái gọi là khoản vay nợ của nước Đức – mà ông ta chuẩn bị ở đó - để áp đặt cho chúng tôi sự liên hợp hoặc, nói đúng hơn, sự phục tùng và lệ thuộc, điều mà *bất cứ kẻ nào khởi xướng sự hợp nhất đảng về mặt tài chính đều đeo đuổi*. Chuyển đi của Kin-ken giữ bí mật nghiêm ngặt đến nỗi chúng tôi chỉ biết việc này khi đọc thấy trên báo chí Mỹ tin ông ta đã đến Niu Ốc... Đối với những nhà cách mạng nghiêm chỉnh không thoỉ phồng tác dụng của mình

nhưng nhận thức được công lao trước đây của mình và có thể nói một cách xứng đáng rằng chỉ ít có những tầng lớp nhất định trong nhân dân ủng hộ họ, - đối với họ những sự việc ấy và nhiều sự việc khác là lý do có tính chất quyết định cho sự tham gia của họ vào một hội liên hiệp cố gắng phục vụ lợi ích của cách mạng theo cách của mình".

Thứ đến, Kin-ken bị chê trách về chỗ số tiền ông ta thu được "chỉ" được sử dụng cho "một tập đoàn", như "toàn bộ hành vi của ông ta ở đây" (Luân Đôn) "và ở Mỹ đã chứng minh", cũng như "phần lớn những người mà bản thân Kin-ken đưa ra làm người bảo lãnh của mình", đã làm chứng.

Nhưng đoạn cuối lại nói:

"Chúng tôi không hứa với bạn bè của mình trả lãi, cũng như hoàn gốc cho số tiền quyên góp yêu nước của họ, nhưng chúng tôi biết rằng chúng tôi sẽ không phụ lòng tín nhiệm của họ bằng những hành động tích cực" (bằng sự phục vụ thực tế?) và "sự tường trình trung thực, rằng sau này khi chúng tôi công bố tên của họ thì họ có thể chờ đợi sự cảm ơn của tổ quốc" ("Baltimore Wecker", số ra ngày 29 tháng Mười một 1851).

Đây là một loại "hoạt động văn học" mà các nhân vật anh hùng dân chủ của Hội liên hiệp cổ đông và Hội liên hiệp lưu vong triển khai trong ba năm trời trên báo chí Đức-Mỹ mà ít lâu sau Đồng minh cách mạng của Hai thế giới do Guê-gơ sáng lập, cũng tham gia vào hoạt động ấy (xem phụ lục 6).

Song sự va chạm vụn vặt của những người lưu vong trên báo chí ở Mỹ bắt đầu bằng cuộc đấu võ trên giấy giữa các nghị sĩ Txít-xơ và Ruê-xơ người vùng En-xơ.

Tôi còn nêu lên một sự kiện đặc trưng cho "những người thân yêu" của Tê-khốp.

Sim-men-phen-ních, người nhận thư của Tê-khốp "để thông báo

cho bạn bè", đã cùng với Huyéc-phen, Hép-ne, Guê-gơ và những người khác (về sau C. Suốc-xơ cũng tham gia) thành lập (như đã nói ở trên) vào cuối năm 1850 cái gọi là Ủy ban cách mạng ở Pa-ri.

Mấy năm trước, người ta đã chuyển cho tôi, với quyền xử lý tùy ý, một bức thư của một cựu ủy viên của ủy ban ấy gửi cho một người lưu vong chính trị ở đây. Bức thư ấy hiện tôi còn giữ.

Trong thư ấy đặc biệt có nói:

"Suốc-xơ và Sim-men-phen-ních thao túng toàn bộ ủy ban. Những người khác được họ thu hút vào ủy ban, với tư cách đồng bồi thẩm, chỉ là hình thức. Hai ngài ấy bấy giờ hy vọng rằng chẳng bao lâu nữa sẽ đặt Kin-ken của họ lên vị trí lãnh đạo công việc ở Đức, mà Kin-ken thì họ đã hoàn toàn chiếm làm của riêng. Họ đặc biệt thù ghét sự chăm biếm của Ru-gơ, cũng như sự phê phán và hoạt động ma quỷ của Mác. Trong một buổi gặp mặt với các đồng bồi thẩm của mình, các ngài ấy đã cho chúng tôi một bức tranh quá thực đáng chú ý về Mác, khiến chúng tôi có quan niệm bị thổi phồng về sự nguy hiểm ma quái đe dọa từ phía Mác... Suốc-xơ và Sim-men-phen-ních đưa ra đề nghị *tiêu diệt Mác. Những lời bóng gió dựng đứng lên và những âm mưu, những lời vu khống vô liêm sỉ nhất* được giới thiệu làm thủ đoạn. Người ta tiến hành biểu quyết và ra một nghị quyết tương ứng, nếu như có thể gọi trò chơi trẻ con đó như vậy. Bước đi trực tiếp nhất để thi hành nghị quyết ấy là đăng vào đầu năm 1851 trong *bài tiểu phẩm* của "Hamburger Anzeiger" *bản nhận xét về Mác* do L. Hép-ne viết dựa trên sự mô tả nói trên của Suốc-xơ và Sim-men-phen-ních".

Dù sao cũng có sự giống nhau lạ lùng giữa bài tiểu phẩm của Hép-nơ và bức thư của Tê-khốp, tuy rằng cả hai cái đó đều không thể so sánh với "*Bài ca Lau-di-át*" của *Phô-gtơ*. Không nên nhập cục "*Bài ca Lau-di-át*" ấy với "*Bài ca Lau-di-át*" của Ca-mô-en-xơ. Trái lại, "*Bài ca Lau-di-át*" ban đầu là bài anh hùng ca hài hước của *Pi-tơ Pin-đa-rơ*⁴²².

V

NHIẾP CHÍNH ĐẾ QUỐC VÀ BÁ TƯỚC PPHAN-XƠ

Vidi un col capo si di merda lordo,

Che non pareva s'era laico o cherco

Quei mi sgridò: Prochè sètu si'ngordo

Di riguardar più me, che gli altri brutti?

(Dante)^{1*}

Bị khiển trách, *Phô-gtơ* cảm thấy rất cần chứng minh tại sao chính ông ta là bête noire^{2*} đã thu hút sự chú ý của bọn lưu hoàng. Vì vậy giai thoại về *Séc-van* và về "âm mưu thất bại" tại ngày lễ chính ở Lô-dan được bổ sung bằng câu chuyện ly kỳ cũng hoàn toàn đích xác như vậy về "nhiếp chính đế quốc bỏ chạy". Không nên quên rằng *Phô-gtơ* đã có thời làm tổng đốc nghị viện

1* Hấn ta phân phủ kín đầu

Nhìn chẳng rõ thầy tu, hay kẻ trần tục.

Hấn thét lên: "Sao mày ngấm nhìn tao thế?

Chẳng lẽ tao xấu hơn những đồ hèn hạ khác à?"

(Đan-tơ)

["Hài kịch thánh thần", "Địa ngục", bài ca XVIII. Khi dẫn ra bản dịch của Can-nơ-ghi-xơ, Mác có chú thích ở cuối trang họ của người dịch.]

2* — con ngoáo ộp, cái gây ra sự sợ hãi và thù ghét (nguyên văn: "đã thú").

Ba-ra-ta-ri-a⁴²³. Ông ta kể rằng:

"Từ đầu năm 1850 đã xuất bản tạp chí "Deutsche Monatsschrift" của Cô-lát-chếch. Lập tức ngay sau khi số đầu ra mắt, *bọn lưu hoàng đã thông qua một hội viên của mình, hội viên này sau đó đi Mỹ ngay*, xuất bản cuốn sách nhỏ có tính chất đả kích mang tựa đề "*Nhiếp chính đế quốc bỏ chạy Phô-gơ cùng tập đoàn của ông ta*" và "Deutsche Monatsschrift" của A-đôn-phơ Cô-lát-chếch".

"Allgemeine Zeitung" đã nhắc tới cuốn sách đả kích... Toàn bộ hệ thống của bọn lưu hoàng lại biểu hiện trong cuốn sách đả kích này" (l.c., tr.163).

Tiếp theo là sự kể lể dài dòng và chán ngắt rằng trong cuốn sách đả kích nói trên có một bài nặc danh bàn về *Ga-ghéc-nơ*, do giáo sư *Ha-ghen* viết, "bị gán ghép" cho nhiếp chính đế quốc bỏ chạy Phô-gơ, và gán ghép như thế chính là rõ theo "bọn lưu hoàng biết" thì Ha-ghen

"bấy giờ sống ở Đức, bị cảnh sát Ba-đen truy nã và bất cứ sự nhắc nhở nào đến ông ta đều gây ra cho ông ta những điều hết sức khó chịu" (tr.163).

Trong thư gửi từ Pa-ri đề ngày 6 tháng Hai *Si-li* viết cho tôi:

"Nếu *Grây-nơ* - theo tôi biết, ông này chưa bao giờ ở Giơ-ne-vơ - được liệt vào bọn lưu hoàng thì đó là do bài điều mà ông viết tặng "nhiếp chính đế quốc chạy trốn"; các nghị sĩ cho rằng tác giả bài điều là *ĐE-rte* và đã xỉ vả ông ta cho đến khi tôi correspondendo^{1*} cho một người bạn và đồng sự của Phô-gơ mới làm họ khỏi nghĩ sai".

Grây-nơ là ủy viên chính phủ lâm thời Pphan-xơ. Sự thống trị của Grây-nơ là "sự khủng khiếp *liên tục*" (xem "*Nghiên cứu*" của *Phô-gơ*, tr. 28), đặc biệt là đối với bạn tôi, *Ăng-ghen*, bị ông ta ra lệnh bắt ở Kiéc-ha-im-bô-lan-đen với những lý do bịa đặt. Bản thân *Ăng-ghen* đã thuật lại toàn bộ câu chuyện bi hài ấy trong "Revue der Neuen Rheinischen Zeitung" (số ra tháng Hai 1850, tr. 53-55)⁴²⁴. Đây là tất cả những gì tôi biết về ông *Grây-nơ*. Sự việc nhiếp chính đế quốc bỏ trốn đã đặt điều kéo tôi dính líu vào cuộc xung đột của ông ta với "bá tước Pphan-xơ", "lại" làm hiện ra

1* — viết thư

"toàn bộ hệ thống" mà phát minh thiên tài ấy đã sử dụng để dựng lên cuộc sống và hoạt động của bọn lưu hoàng.

Điều mà tôi vẫn hòa hảo với ông ta là nét hài hước kiểu Phan-xáp đích thực ấy mà ông ta sử dụng để buộc bá tước Pphan-xơ sang Mỹ" ngay tức khắc". Sau khi bá tước Pphan-xơ xuất bản, như bắn mũi tên Pác-ti-an, cuốn sách đả kích "nhiếp chính đế quốc bỏ chạy" thì sự hoảng sợ bao trùm lấy Grây-nơ. Cái gì đó xua ông ta từ Thụy Sĩ sang Pháp, rồi từ Pháp sang Anh. Ở phía bên kia biển La Măng-sơ, ông cũng không cảm thấy an toàn, và ông đi xa hơn, đến Li-vóc-pun bằng tàu thủy của Công ty Cuốc-nác-đơ; vừa đặt chân lên tàu, ông ta thở hổn hển khản khoản với thuyền trưởng: "Vượt Đại Tây Dương nhanh lên!". Còn "stern mariner"^{1*} trả lời ông rằng:

"Tôi nhất định cứu anh khỏi bàn tay bạo lực của *Phô-gơ*!

Hãy để người khác vớt anh trong lòng bão táp"^{2*}.

1* — người thủy thủ hà khắc

2* Si-le. "Vin-hem-Ten", màn I, cảnh 1.

VI

PHÔ-GTƠ VÀ "NEUE RHEINISCHE ZEITUNG"

"Sin kumber was manecvalt"^{1*}

Bản thân *Phô-gtơ* tuyên bố rằng trong "Tác phẩm chính", ông ta "phải" (l.c., tr. 162) "*trình bày thái độ của bản thân mình với tập đoàn ấy*" (Mác và đồng bạn). Nhưng điều lạ lùng là ông ta chỉ kể ra những cuộc xung đột mà ông ta chưa hề trải qua, còn những cuộc xung đột mà ông ta đã trải qua thì không bao giờ được nói tới. Vì vậy tôi buộc phải đối chiếu những câu chuyện kiểu người thợ săn với một số sự việc đúng thực. Nếu đọc cả tập "Neue Rheinische Zeitung" (từ ngày 1 tháng Sáu 1848 đến ngày 19 tháng Năm 1849) thì có thể thấy rằng suốt năm 1848 tên của *Phô-gtơ* - trừ một ngoại lệ duy nhất - không thấy có trong các bài xã luận, cũng như trong các bản tin của tờ báo. Tên ông ta chỉ thấy ở các bản tin hàng ngày về các cuộc tranh luận ở nghị viện, và người viết những bản tin ấy ở Phran-phước thật hết sức thú vị cho ông *Phô-gtơ*, đã chưa bao giờ quên tận tâm nhắc đến những "tràng võ tay" mà "những bài phát biểu của ông ta" gây ra. Chúng ta thấy rằng trong khi phái hữu của Nghị viện Phran-phước có được lực lượng liên hợp của anh hề hài kịch như *Li-snốp-xki* và *anh hề xiếc* như *Phôn Phin-kê* thì phái tả dành phải bằng lòng

1* — "Sự u buồn của anh ta thật lắm hình nhiều về".

với hài kịch độc diễn của một mình *Phô-gtơ*. Chúng ta hiểu rằng ông ta cần sự khuyến khích

"That importantfellow

the children's wonder – Signor Punchinello"^{1*}

do đó chúng ta không cản trở phái viên Phran-phước tiếp tục công việc của anh ta. Giọng điệu của những bản tin ấy bắt đầu thay đổi từ sau trung tuần tháng Chín 1848.

Phô-gtơ, kể trong khi thảo luận về hiệp định ngừng bắn ở Man-mi-ô đã dùng những lời trống rỗng khoác lác về cách mạng để kích động khởi nghĩa, thì vào giờ phút quyết định lại dốc hết sức mình cản trở việc chấp nhận nghị quyết do đại hội nhân dân ở Pphin-xtơ-vai-đơ đưa ra và được một bộ phận của cánh cực tả tán thành⁴²⁵. Khi cuộc chiến đấu trên chiến lũy kết thúc thất bại, Phran-phước biến thành trại lính và ngày 19 tháng Chín tuyên bố giới nghiêm thì cũng chính *Phô-gtơ* ấy đồng ý *thảo luận tức khắc* đề nghị của Da-kha-ri về tán thành những biện pháp mà nội các đế quốc thi hành từ trước tới nay và về việc tố lỗi cảm tạ quân đội đế quốc. Trước khi *Phô-gtơ* lên diễn đàn, ngay *Vê-nê-đây* cũng phản đối "*thảo luận tức khắc*" những đề nghị ấy, nói rằng những cuộc thảo luận như thế vào giờ phút này là không phù hợp với phẩm giá của nghị viện. Nhưng *Phô-gtơ* đã vượt qua *Vê-nê-đây*. Để trừng phạt việc đó, trong bản tin của nghị viện tôi đã thêm vào chữ "*Phô-gtơ*" chữ "kẻ ba hoa", một sự ám chỉ ngắn gọn đối với phóng viên Phran-phước.

Tháng Mười cùng năm đó *Phô-gtơ* không những ngừng dỏ dối các thủ đoạn của mình - đó là việc của ông ta - trước phe đa số bấy giờ tỏ ra ngang ngược và cực kỳ phản động. Thậm chí ông ta không dám ký vào bản kháng nghị do *Xim-méc-man* (ở Span-đau)

1* — Anh chàng quan trọng ấy

Kẻ pha trò cho trẻ con – Ngài *Pun-si-nen-la*"

thay mặt gần 40 nghị sĩ đưa ra ngày 10 tháng Mười, chống đạo luật về bảo vệ nghị viện⁴²⁶. Đạo luật này, như Xim-méc-man chỉ ra một cách chính xác, là sự vi phạm vô liêm sỉ nhất đối với các quyền lợi nhân dân mà cuộc Cách mạng tháng Ba đã giành được – tự do hội họp, ngôn luận và báo chí. Ngay *Ai-den-man* cũng đưa ra bản kháng nghị tương tự. Nhưng *Phô-gtô* đã vượt qua *Ai-den-man*. Sau đó vào lúc thành lập Liên minh tháng Ba trung ương⁴²⁷, khi ông ta lại ra về quan trọng thì, rút cục, tên ông ta lại xuất hiện trong một bài báo của tờ "Neue Rheinische Zeitung" (số ra ngày 29 tháng Chạp 1848) trong đó Liên minh tháng Ba bị mô tả như là "công cụ vô thức của phản cách mạng", cương lĩnh của nó bị phê phán chí tử, còn *Phô-gtô* được vẽ dưới dạng một nửa là kẻ hai mặt, một nửa là Phin-kê. Hơn mười năm sau, hai vị "bộ trưởng của tương lai" đã nhận thức được quan hệ bà con của họ và coi việc chia cắt nước Đức là châm ngôn của sự đoàn kết của họ.

Sự đánh giá đúng đắn của chúng tôi đối với Liên minh tháng Ba không những chỉ được "sự phát triển" sau này của Liên minh ấy chứng minh. Đồng minh nhân dân ở Hai-đen-béc, Đồng minh dân chủ ở Brê-xláp, Đồng minh dân chủ ở I-ê-na v.v. đã khinh bỉ cự tuyệt sự ve vãn quấy rầy của nó; và những đại biểu của cánh cực tả trước đây là hội viên của Liên minh tháng Ba, bằng bản tuyên bố rút khỏi Đồng minh đưa ra ngày 20 tháng Tư 1849, đều xác nhận sự phê phán của chúng tôi ngày 29 tháng Chạp 1848. Nhưng *Phô-gtô* tràn trề sự cao thượng bình thản trong lòng đã quyết định đánh bại chúng tôi bằng tâm hồn cao thượng của mình, như có thể thấy được qua đoạn dẫn sau đây:

"*Neue Rheinische Zeitung*" số 243, *Khuên*, ngày 10 tháng Ba 1849 "Cái gọi là Liên minh tháng Ba" Phran-phuốc của cái gọi là "nghị viện đế quốc" đã trơ tráo đến mức gửi cho chúng tôi bức thư in đá sau đây:

"Liên minh tháng Ba quyết định lập danh sách tất cả những tờ báo dành những trang báo của mình cho chúng tôi chi phối, và phân phát danh sách đó cho tất cả các tổ chức mà chúng tôi có quan hệ để với sự giúp sức của những hội này, những tờ báo trên sẽ được ưu tiên cung cấp các thông cáo hữu quan. Khi báo cho các bạn danh sách này, chúng tôi thấy không cần lưu ý các bạn đến ý nghĩa của những thông cáo được trả tiền đối với các tờ báo vì đó là nguồn thu nhập chính của toàn bộ doanh nghiệp. Phran-phuốc, cuối tháng Hai 1849.

Ban trị sự Liên minh tháng Ba trung ương"

Kèm theo thư là bản *danh sách* những tờ báo đã dành các trang báo của mình cho Liên minh tháng Ba chi phối và những người ủng hộ Liên minh tháng Ba phải ưu tiên cung cấp "những thông cáo hữu quan", trong danh sách này có cả tờ "Neue Rheinische Zeitung", thêm vào đó nó còn được đánh dấu bằng ngôi sao danh dự. Nay xin tuyên bố rằng các trang báo của chúng tôi chưa bao giờ được dành cho cái gọi là Đồng minh tháng Ba chi phối... Vì vậy, nếu trong bản danh sách in đá liệt kê các tờ báo đã thực sự dành các trang báo của mình cho Liên minh đó chi phối, Liên minh tháng Ba đã ghi tờ báo của chúng tôi và gọi nó là một cơ quan ngôn luận của nó thì đó thuần túy là sự vu cáo đối với "Neue Rheinische Zeitung" và là sự quảng cáo tầm thường của Đồng minh tháng Ba...

Đối với ý kiến bần thủ của những nhà yêu nước tham lam tiền lời, bị cạnh tranh thúc giục, về ý nghĩa của các thông cáo được trả tiền đối với các tờ báo, đó là *nguồn thu nhập của toàn bộ doanh nghiệp*, thì dĩ nhiên chúng tôi không định trả lời. "Neue Rheinische Zeitung" bao giờ cũng khác với các nhà yêu nước về tất cả mọi mặt, nhất là về chỗ nó không bao giờ coi phong trào chính trị là công việc kinh doanh kiếm lời hoặc nguồn thu nhập⁴²⁸.

Chẳng bao lâu sau sự cự tuyệt dứt khoát không nhận nguồn thu nhập mà *Phô-gtô* và đồng bọn đề nghị, tại một phiên họp của Tổng Đồng minh thương mại^{1*} người ta đã rơi lệ nhắc tới "Neue

1* Chơi chữ, dựa trên sự trùng âm: "Central – Märzverein" – "Tổng Đồng

Rheinische Zeitung" là điển hình của "sự hiềm thù thuần túy Đức". Ở cuối bài trả lời của chúng tôi đối với sự khốc lóc ấy ("Neue Rheinische Zeitung", số 248) Phô-gtô bị gọi là "kẻ to hòng ở quán cơm khu đại học của một tỉnh lẻ và là *Ba-rô đế quốc không thành công*"⁴²⁹. Tuy nhiên, bấy giờ (ngày 15 tháng Ba) trong vấn đề hoàng đế, ông ta còn chưa lên đến tột đỉnh. Nhưng chỉ một lần là chúng tôi hiểu ngay ông Phô-gtô, do đó có thể coi sự phản bội sau này, mà bấy giờ bản thân ông ta còn chưa biết, là việc đã rồi.

Nhưng sau đó, chúng tôi đã bỏ mặc Phô-gtô và đồng bọn của ông ta cho Sluê-phen trẻ trung, rất sáng trí cũng như gan dạ, đầu tháng Ba, *Sluê-phen* đã từ Hung-ga-ri đi Phran-phuốc và từ đây gửi cho tôi những báo cáo về sóng gió trong vùng đầm lầy ếch nhái của đế quốc.

Trong khi đó Phô-gtô đã sa đọa – dĩ nhiên, điều đó do bản thân ông ta gây ra hơn là "Neue Rheinische Zeitung" - đến mức ngay cả *Bát-xơ-man*, trong phiên họp ngày 25 tháng Tư 1849, đã dám chỉ trích nghiêm khắc ông ta là "*kẻ bỏ chạy và kẻ phản bội*".

Do tham gia cuộc khởi nghĩa En-bơ-phen-đơ, một trong những biên tập viên của "Neue Rheinische Zeitung", *Ph.Ăng-ghen*, buộc phải bỏ trốn⁴³⁰, còn bản thân tôi chẳng bao lâu cũng bị trục xuất khỏi Phổ, sau khi người ta đã nhiều lần thất bại trong những mưu đồ dùng thủ tục tư pháp buộc tôi phải im lặng trước tòa án bồi thẩm, còn cơ quan ngôn luận của nội các đảo chính, "Neue Preussische Zeitung"⁴³¹, đã nhiều lần tố cáo "Sim-bô-ra-xô"^{1*} của sự xóc xược của "Neue Rheinische Zeitung", so với nó thì "Moniteur" 1793 bị lu mờ" (xem "Neue Rheinische Zeitung", số 299)⁴³², "Sim-

minh tháng Ba" và "Central-Commerzverein" – "Tổng Đồng minh thương mại".

1* Sim-bô-ra-xô là một trong những ngọn núi cao nhất trong dãy núi Coóc-di-lê-ra ở Nam Mỹ. Sim-bô-ra-xô của sự xóc xược – ngụ ý rằng sự xóc xược cực độ.

bô-ra-xô của sự xóc xược" đó là hoàn toàn đúng chỗ ở thành phố – cứ điểm Phổ vào lúc mà thế lực phản cách mạng đặc thắng định gây ấn tượng bằng sự tàn bạo vô liêm sỉ của nó.

Ngày 19 tháng Năm 1849 "Neue Rheinische Zeitung" ra số cuối cùng (in mực đỏ). Khi tờ báo còn xuất bản, Phô-gtô chịu đựng và im lặng và nói chung, khi một nghị sĩ nào đó tuyên bố phản kháng thì bao giờ cũng bằng những lời lẽ lịch sử, chẳng hạn:

"Thưa ngài, tôi không kém phần coi trọng *sự phê bình gay gắt* của quý báo, vì *quý báo nghiêm khắc như nhau đối với tất cả các chính đảng và tất cả các cá nhân* (xem số 219, ra ngày 11 tháng Hai 1849, lời phản kháng của Vê-den-đôn-cơ).

Một tuần sau khi "Neue Rheinische Zeitung" đình bản, Phô-gtô rút cục cho rằng đã đến lúc lợi dụng thời cơ chờ đợi từ lâu và nấp sau chiếc lá chắn là sự bất khả xâm phạm của nghị sĩ, biến cái "vật chất" chứa chất một thời gian dài trong đáy lòng mình thành "lực lượng"⁴³³. Một trong những biên tập viên của "Neue Rheinische Zeitung", *Vin-hem Vôn-phơ*, là người thay thế một nghị sĩ Xi-lê-di đã chết, đã tham gia Quốc hội Phran-phuốc đang "ở trong quá trình tan rã".

Để hiểu được cảnh tượng mô tả dưới đây diễn ra tại phiên họp ngày 26 tháng Năm 1849 của nghị viện, cần nhớ lại trong khi cuộc khởi nghĩa ở Dre-xden và những cuộc nổi dậy lẻ tẻ ở tỉnh Ranh đã bị đàn áp thì Ba-đen và Pphan-xơ bị sự can thiệp của đế quốc đe dọa, chủ lực của quân đội Nga đang tiến về Hung-ga-ri và, sau hết, là nội các đế quốc đơn giản đã bãi bỏ mọi nghị quyết của Quốc hội. Trong chương trình nghị sự có hai "Lời kêu gọi gửi nhân dân Đức": một bản thì do U-lan biên soạn và xuất phát từ phe đa số, còn một bản là của phái giữa trong Ủy ban 30 người⁴³⁴. Chủ trì phiên họp là Rê, một người ở Đác-mô-stát, sau biến thành

thỏ^{1*} và cũng "rời bỏ" Quốc hội đang ở trong quá trình "hoàn toàn tan rã". Tôi xin trích dẫn theo biên bản tốc ký chính thức (các số 229, 228) của phiên họp ở Nhà thờ Thánh Pôn⁴³⁵.

Vôn-phơ (ở Bré-xláp):

"Thưa quý vị! Tôi ghi tên trong số những người phát biểu phản đối lời kêu gọi gửi nhân dân, do phe đa số thảo ra và đọc ở đây, vì tôi cho rằng nó hoàn toàn không phù hợp với tình thế hiện nay, vì tôi thấy nó quá ư yếu, có lẽ thích hợp làm bài báo cho tờ báo hàng ngày của chính đảng thảo ra lời kêu gọi ấy, chứ không thích hợp làm lời kêu gọi gửi nhân dân Đức. Vì vừa rồi người ta còn đọc một lời kêu gọi khác, nên tiện đây tôi nêu lên rằng tôi còn phản đối nó kịch liệt hơn nữa do những nguyên nhân mà tôi cho rằng không cần nói đến ở đây. (Có tiếng nói từ phái giữa. Tại sao không?) Tôi chỉ nói về lời kêu gọi của phe đa số; thực ra nó được soạn ra ôn hòa đến mức ngay ông Bu-xơ cũng chỉ có thể phản đối nó rất ít, và dĩ nhiên đó là sự giới thiệu tồi nhất đối với một lời kêu gọi. Không, thưa quý vị, nếu các vị còn muốn có dù chỉ chút ít ảnh hưởng đối với nhân dân thì các ngài phải nói với nhân dân không phải như các ngài đã nói trong lời kêu gọi, các ngài không nên nói về tính hợp pháp, về cơ sở hợp pháp v.v. mà nên nói về tính bất hợp pháp – như các chính phủ đã nói, như *người Nga* đã nói, mà dưới từ người Nga là tôi muốn ám chỉ người Phổ, người Áo, người Ba-vi-ê, người Han-nô-vơ. (Có sự xôn xao và có tiếng cười). Tất cả những người ấy tôi gộp dưới một tên gọi chung – *người Nga*. (Rất sôi nổi). Vậy thưa quý vị, tại hội nghị này, *người Nga* cũng có đại biểu. Các ngài cần bảo với họ rằng: "Hệt như các vị đứng trên quan điểm hợp pháp, chúng tôi cũng đứng trên quan điểm đó. Đó là quan điểm bạo lực, và tiện thể xin các ngài hãy giải thích rằng đối với các ngài tính hợp pháp là đem sức mạnh, đem các đội chiến đấu được tổ chức tốt chống lại đại bác của người Nga. *Nếu nhìn chung* cần ra lời kêu gọi thì hãy ra lời kêu gọi trong đó các ngài tuyên bố, không úp mở gì, rằng *đặt ra ngoài vòng pháp luật kẻ phản bội chủ yếu của nhân dân là nhiếp chính đế quốc*^{1*}". (Có tiếng hét: xin giữ kỷ cương! Những tràng vỗ tay sôi nổi trên các hàng ghế ở gác thượng.) *Tất cả các bộ trưởng cũng vậy.* (Lại có sự xôn xao.) Ô, các ngài đừng ngắt lời tôi; *hắn là kẻ phản bội chính của nhân dân*".

1* Chơi chữ: Reh là họ, "Reh" là "hươu con".

1* — đại công tước I-ô-han.

Chủ tịch: "Tôi cho rằng ông Vôn-phơ đã vi phạm và phá hoại mọi giới hạn cho phép. *Trước mặt Quốc hội này*, ông không được gọi *đại công tước – nhiếp chính đế quốc là kẻ phản bội nhân dân*, do đó tôi phải yêu cầu ông giữ kỷ cương. Đồng thời, lần cuối cùng, tôi yêu cầu công chúng trên các hàng ghế ở gác thượng đừng can thiệp bằng hình thức đó vào cuộc tranh luận của chúng tôi".

Vôn-phơ: "Về phần mình, tôi chấp nhận yêu cầu giữ kỷ cương và tuyên bố rằng tôi *muốn* phá kỷ cương, rằng *hắn và các bộ trưởng của hắn là những kẻ phản bội*." (Khắp phòng nổi lên những tiếng la lối: giữ kỷ cương, đó là sự lỗ mãng!)

Chủ tịch: "Tôi phải tước quyền phát biểu của ông".

Vôn-phơ: "Được, *tôi phản kháng*; tôi muốn *thay mặt nhân dân* mà nói ở đây và nói điều mà *nhân dân nghĩ*. Tôi phản kháng bất kể lời kêu gọi nào viết theo tinh thần ấy". (Có sự xúc động mạnh mẽ.)

Chủ tịch: "Thưa quý vị, cho phép tôi nói một chút. Thưa quý vị, *sự việc bất ngờ* vừa mới xảy ra, tôi có thể nói là *sự việc đầu tiên từ khi nghị viện họp ở đây*". (Thật vậy, đây là *sự kiện đầu tiên và duy nhất* trong câu lạc bộ tranh luận này). "Chưa từng có diễn giả nào lại tuyên bố ở đây rằng ông ta cố tình muốn phá hoại kỷ cương, cơ sở của Quốc hội này". (Ở phiên họp ngày 25 tháng Tư, khi bị yêu cầu giữ kỷ cương như vậy, Sluê-phen nói rằng: "Tôi chấp nhận yêu cầu giữ kỷ cương ấy và vui lòng làm việc đó vì tôi hy vọng rằng *chẳng bao lâu nữa sẽ đến lúc mà Quốc hội này sẽ bị yêu cầu giữ kỷ cương theo kiểu khác hẳn*".)

"Thưa quý vị, tôi rất lấy làm tiếc rằng ông Vôn-phơ vừa mới trở thành nghị sĩ đã *mở màn* như vậy" (Rê coi tất cả mọi việc đều là hài kịch cả). "Thưa quý vị, tôi yêu cầu ông ấy giữ kỷ cương vì ông ấy đã tự tiện *phá hoại một cách thô bạo trách nhiệm của chúng ta là biểu hiện sự tôn trọng và sự quan tâm cần thiết đối với vị nhiếp chính đế quốc*".

Phiên họp tiếp tục. Ha-ghen và Da-kha-ri đọc những bài diễn văn dài dòng, người ủng hộ, người phản đối lời kêu gọi của phái đa số. Người đứng lên cuối cùng là

Phô-gtô (ở Hít-xen): "Thưa quý vị! cho phép tôi nói đôi lời, tôi sẽ không làm quý vị mệt mỏi. Thưa quý vị, điều hoàn toàn chính xác là hiện nay *nghị viện họp không như năm ngoái và chúng ta cảm tạ trời*" (Với "niềm tin mù quáng" của mình, Phô-gtô đã cảm tạ trời!) "về chỗ nghị viện *đã trở thành như vậy*" [geworden wird] (đúng đấy,

geworden wird!^{1*}) "và về chỗ những người không còn tin tưởng vào dân tộc mình và phản bội sự nghiệp của nó vào giờ phút quyết định, đã chia tay với Quốc hội! Thưa quý vị, tôi *phát biểu*" (nghĩa là cho tới đây những lời cầu nguyện tạ ơn chỉ là những lời ba hoa rỗng tuếch) "để bảo vệ *dòng thác trong trắng như pha lê*" (bảo vệ dòng thác) "tuôn ra từ tâm hồn nhà thơ" (Phô-gtơ đang cảm hứng) "vào lời kêu gọi chống lại *những sự bắn thủ không xứng đáng* được tung hoặc quăng vào nó để cản đường của nó" (nhưng dòng thác đã bị lời kêu gọi hút mất rồi mà) – "tôi làm việc đó để bảo vệ *những câu nói ấy*" (cũng như tất cả cái khác của Phô-gtơ, dòng thác đã biến thành *câu nói*) "chống lại những cái *không sạch sẽ* tích tụ trong phong trào gần đây nhất ấy và đe dọa nhấn chìm và làm bắn tất cả mọi cái ở đó. Vậy, thưa quý vị: Đây" (tức là những cái không sạch sẽ) "là những cái không sạch sẽ và bắn thủ" (không sạch sẽ tức là bắn thủ!) "đã được tung bằng *cách đó*" (bằng cách nào?) "vào *tất cả những gì có thể được coi là sạch sẽ*, và tôi bày tỏ sự *phản nộ cao độ*" (Phô-gtơ phản nộ cao độ, quel tableau!)" "về *một điều như thế*" (cái gì chứ?) "đã có thể xảy ra".

Điều mà ông nói ra là rác rưởi^{2*}

Vôn-phơ không nói lấy một lời nào về lời kêu gọi do *U-lan biên soạn*. Ông, như vị chủ tịch đã hai lần tuyên bố, bị yêu cầu giữ kỷ cương, ông đã gây ra tất cả sự sóng gió ấy là do tuyên bố rằng *nhiep chính đế quốc và tất cả các bộ trưởng của ông ta đều là những kẻ phản bội nhân dân* và yêu cầu nghị viện tuyên bố họ là *những kẻ phản bội nhân dân*. Nhưng đối với Phô-gtơ, "đại công tước nhiếp chính đế quốc", "Háp-xbuốc đã rệu rã" ("*Nghiên cứu của Phô-gtơ*, tr. 28) và "*tất cả những bộ trưởng của ông ta*" - đó là "*tất cả những gì có thể được coi là sạch sẽ*". Ông ta hát lên cùng với Van-te Phôn đơ Phô-ghen-vai-đơ:

des fürsten milte ûz österrîche

1* Mác chế giễu Phô-gtơ đã dùng sai thể của động từ.

1* - một bức tranh mới tuyệt làm sao!

2* Phỏng theo câu thơ trong bài thơ của U-lan "Lời nguyện rửa của ca sĩ" (Nguyên văn câu thơ của U-lan "Điều mà ông ta nói là roi da").

fröit dem süezen regen gelîche

beidiu liute und ouch daz lant^{3*}

Phải chăng bấy giờ Phô-gtơ đã có "quan hệ khoa học" với đại công tước I-ô-han, như ông ta thừa nhận điều đó sau này? (xem "Tác phẩm chính", Văn kiện, tr.25).

Mười năm sau, cũng ông Phô-gtơ ấy nói trong "Nghiên cứu" của mình, tr. 27:

"Dù sao những điều sau đây vẫn là sự thực: Quốc hội ở Pháp và các thủ lĩnh của nó cũng đã đánh giá thấp năng lực của Lu-i Na-pô-lê-ông, như các thủ lĩnh của Quốc hội Phran-phuốc đánh giá thấp *tài năng của đại công tước I-ô-han*, mỗi một người trong số những kẻ quí quyết ấy, trong lĩnh vực của mình, *đã bắt người ta trả giá đắt cho những sai lầm mắc phải*. Nhưng dĩ nhiên, chúng ta không hề muốn đặt cả hai người ấy ngang hàng nhau. Sự trơ trẽn đáng kinh ngạc v.v. và v.v." (của Lu-i Bô-na-pác-tơ) – "tất cả cái đó đều chứng minh cho sự hơn hẳn của ông ta so với Háp-xbuốc đã già nua và rệu rã".

Cũng trong phiên họp đó *Vôn-phơ*, thông qua Vuyéc-thơ ở Di-gma-rin-ghen, chuyển cho *Phô-gtơ* lời thách quyết đấu, nhưng khi Phô-gtơ nói trên quyết định bảo vệ tấm thân mình vì phúc lợi của quốc gia¹⁾ thì *Vôn-phơ* đe dọa ông ta bằng sự trừng phạt về thể xác. Song khi *Vôn-phơ* ra khỏi Nhà thờ Thánh Pôn thấy Các

3* – Vua Vương quốc Áo

Đầm ầm như mưa phùn

Vuốt ve đất nước và thần dân.

1) Trong cuốn sách dả kích đã nhắc trên kia của I-a-cốp Vê-nê-đây, Cô-bét I kể lại rằng: "Trong phiên họp tại Nhà thờ Thánh Pôn trong đó Ga-ghéc-nơ đã ôm Ga-bri-en Rít-xơ sau diễn văn của Rít-xơ về hoàng đế, khi Phô-gtơ, với vẻ xúc động giễu cợt, vừa la lớn vừa ôm lấy nghị sĩ Xim-méc-man, tôi thét bảo ông ta: "Hãy thôi đi những hành động tếu kiêu con nít ấy". Thế là Phô-gtơ cảm thấy cần lắng nghe tôi bằng những lời chửi bới khiêu khích, khi tôi yêu cầu ông ta quyết đấu thì sau những sự bận rộn kéo dài của một người bạn, ông ta đã có dũng khí rút lui sự lãng mạn của mình" (l.c., tr. 21, 22).

dững cảm có hai bà đi hai bên thì cười phá lên và phó mặc ông ta cho số phận. Tuy nhiên, *Vôn-phơ* là sói với răng sói và trái tim sói, nhưng lại là cừu non trước phái đẹp. Sự trả thù duy nhất – và hoàn toàn vô hại của ông ta là bài báo trên "Revue der Neuen Rheinischen Zeitung" (số tháng Tư 1850, tr. 73) nhan đề "*Tài liệu bổ sung từ đế quốc*", trong đó nói về cựu nhiếp chính đế quốc như sau:

"Trong những ngày nguy cấp này, các thành viên của Liên minh tháng Ba trung

ương tỏ ra sốt sắng. Trước khi rời Phran-phước họ đã gửi lời kêu gọi cho các liên minh thánh Ba địa phương và nhân dân Đức: "Hỡi đồng bào! Đồng hồ đã điểm 11 giờ!". Từ Stút-gát họ lại gửi cho "nhân dân Đức" lời kêu gọi mới về thành lập quân đội nhân dân, - nhưng chiếc kim đồng hồ của Liên minh thánh Ba trung ương vẫn đứng ở chỗ cũ hoặc là con số XII đã bị tháo mất, như ở chiếc đồng hồ tại nhà thờ Phrây-buốc. Tóm lại, trong lời kêu gọi vẫn là câu nói: "Hỡi đồng bào! Đồng hồ đã điểm 11 giờ! "Ồi, nếu như chiếc đồng hồ ấy điểm sớm hơn, chỉ ít vào lúc mà vị anh hùng của Liên minh thánh Ba trung ương, *Các Phô-gtơ*, để thỏa mãn bản thân và thỏa mãn bọn hay than vãn đang chúc mừng ông ta, đã kết liễu ở Nuyéc-nơ-béc-go^{1*} cuộc cách mạng Phran-cô-ni-a⁴³⁶; ời, nếu như lúc bấy giờ đồng hồ lại gõ vào các anh và gõ thủng đầu các anh!... Chính phủ nhiếp chính đã đặt văn phòng của nó ở tòa thị chính Phrây-buốc. Ở đây nhiếp chính *Các Phô-gtơ*, đồng thời là bộ trưởng ngoại giao và lãnh đạo nhiều bộ khác, cũng rất quan tâm đến hạnh phúc của nhân dân Đức. Sau những công việc kéo dài không kể ngày đêm, ông đã hoàn thành một phát minh hoàn toàn hợp thời: "*hộ chiếu của chính phủ nhiếp chính*". Những hộ chiếu ấy không phức tạp và được in đá rất đẹp, có thể lĩnh không mất tiền, lĩnh bao nhiêu tùy thích. Chỉ có mỗi một khuyết tật nhỏ là chúng chỉ có hiệu lực trong văn phòng của Phô-gtơ. Có lẽ sau này, một chiếc hộ chiếu nào đó sẽ kiếm được vị trí của nó trong bộ sưu tập các vật kỳ lạ của một người Anh nào đó".

Vôn-phơ không noi gương Grây-nơ. Đáng lẽ "sang Mỹ ngay tức khắc" "sau khi xuất bản" "Revue", ông còn ở lại Thụy Sĩ một năm trời chờ sự trả thù của Phô-gtơ.

1* Về sau Phô-gtơ biện hộ cho chiến công của mình ở Nu-ren-béc rằng "ông ta không được bảo đảm an toàn cho cá nhân ông ta".

Bản chỉ dẫn tên người

A

A-ben (Abel). Các (sinh năm 1837) – nhà ngữ văn học và nhà báo Đức, phóng viên của báo "Daily Telegraph" tại Béc-lien.- 780-787.

A-béc-crôm-bi (Abercromby), Ran-phơ (1734 - 1801) – tướng Anh, năm 1795 - 1797 chỉ huy cuộc viễn chinh của quân Anh chống lại người Pháp ở Tây ấn.- 356.

A-bu (About), ét-môn (1828-1885) - nhà báo Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-609, 666, 695, 700, 726, 733, 813, 885, 889, 890.

A-ga-xít (Agassiz), Lu-i-Giăng, Ru-đôn-phơ (1807 - 1873) - nhà khoa học tự nhiên Thụy Sĩ, trong quan niệm về khoa học tự nhiên của ông ta có những quan điểm cực kỳ phản động, kẻ thù của chủ nghĩa Đác-uyn. -512.

A-giê-di-lát II (khoảng 442 - khoảng 358 trước công nguyên) - vua Xpác-tơ (khoảng 399 - khoảng 358 trước công nguyên) và thống soái.-13.

A-khét-sắc Đua-ra-ni (1724 - 1773) - sắc áp-ga-ni-xtan (1747 - 1773), người sáng lập ra quốc gia áp-ga-ni-xtan.-97-100.

A-len (Allen) - sĩ quan Anh.-290.

A-léch-xan-đrơ Ma-xê-đoan (356 - 323 trước công nguyên) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng thời Cổ đại. - 16,

24, 27, 39, 90, 188, 239, 361, 367, 371, 435, 436, 445, 705.

A-lếch-xan-đrơ I (1777-1825) - hoàng đế Nga (1801 - 1825).- 119, 120, 140,-13, 149, 164, 200-205, 224, 236, 634, 637, 640, 641, 646, 653.

A-lếch-xan-đrơ (1818 - 1881) - hoàng đế Nga (1855 - 1881).- 371, 634-639, 642-645, 650, 653, 654, 670-672, 678.

A-lôm-pơ (A-la-un-Pai) (1711-1760) - vua Miến Điện (1753 - 1760).- 352.

A-pô-lô-ni-ut Rô-đu-xơ (thế kỷ III trước công nguyên) - nhà thơ và nhà ngữ pháp học Cổ Hy Lạp, tác giả bài thơ dài "Những anh hùng truyền ác-gô".- 717.

A-ri-a-nốt (Arrianus), Phla-vi-ut (khoảng 95 - khoảng 180) - tác giả Hy Lạp, nhà sử học và nhà địa lý học, tác giả nhiều tác phẩm về lịch sử thế giới Cổ đại.- 188.

A-ri-xmen-đi (Arismendi), Hoan Bau-ti-xta (sinh năm 1770) - tướng và nhà hoạt động chính trị Vê-nê-xu-ê-la, tham gia các cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, năm 1819 là phó tổng thống Cô-lôm-bi-a.-180-283, 287.

A-xe-rman (Assermann), Phê-ren-xơ (1821 - 1893) - sĩ quan Hung-ga-ri, tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri.- 752, 753.

Ác-gai-lơ (Argyll), ác-tri-ban *Kem-pơ-ben*, bá tước (1629 - 1685) - quý tộc Xcốt-len, tháng Năm - Sáu năm 1685 lãnh đạo cuộc

bạo động chống Giêm-xơ II; sau khi cuộc bạo động bị đè bẹp, bị xử tử.- 550.

Ác-nim (Arnim), Ha-ri (Hen-rích), bá tước (1824 - 1881) - nhà ngoại giao Đức, đối thủ của Bi-xmác, năm 1874 bị kết tội về việc chiếm văn kiện ngoại giao.- 863.

Ác-nim - *Bôi-txen-bua* (Arnim - Boytzenburg), A-đôn-phơ Hen-rích, bá tước 81803 - 1868) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, đại biểu của bọn Giong-ke Phổ phản động, bộ trưởng nội vụ (1842 - 1845) và thủ tướng (19 - 29 tháng Ba 1848), năm 1848 đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, năm 1849 là một trong những lãnh tụ của cánh hữu trong nghị viện thứ hai.- 790.

Ai-den-man (Eisenmann), Gốt-phrít (1795 - 1867) - nhà chính luận Đức, thầy thuốc; trong những năm 1848 - 1849 đại biểu Quốc hội Phran-phuốc thuộc cánh giữa, sau song cánh tả.- 590.

Ai-sơ-hốp (Eichhoff), Các Vin-hem (1833 - 1895) - nhà xã hội chủ nghĩa Đức, cuối những năm 50 vạch trần trên báo chí hoạt động gián điệp - khiêu khích của Sti-bơ và do đó bị đưa ra xét xử; một trong những nhà sử học đầu tiên của Quốc tế I.- 540.

An-ba (Alba), Phéc-năng-đô An-va-rét, công tước *1507-1582) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, năm 1567 - 1573 toàn quyền Hà Lan.- 45, 409.

An-be-rô-ni (Alberoni), Giu-li-ô (1664 - 1752) - nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, hồng y giáo chủ; năm 1717 - 1719 thủ

tướng của vua Phi-líp V.- 750.

An-béc-xơ (Alberts) - trong những năm 50 thế kỷ XIX là bí thư đại sứ quán Phổ ở Luân Đôn.- 860, 861.

An-ghi-di đa, Các-pi (Alghisi da Carpi), Ga-la-sô (khoảng 1523 - 1573) - kiến trúc sư I-ta-li-a.- 408.

An-đéc-xơn (Anderson), Rô-bóc (mất năm 1696) - nhà toán học và công trình sư quân sự Anh, tác giả của nhiều tác phẩm về pháo binh.- 249.

An-đơ (Arndt), Êc-nơ-xơ Mô-rít-tơ (1769 - 1860) - nhà văn Đức, nhà sử học và nhà ngữ văn học, tham gia cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Đức chống sự thống trị của Na-pô-lê-ông, vẫn không thoát khỏi những yếu tố dân tộc chủ nghĩa; năm 1848 - 1849 đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh hữu của phái giữa.-628

An-na I-va-nốp-na (1693 - 1740) - nữ hoàng Nga (1730 - 1740).-639.

An-ten-huê-phơ (Altenhöfer). Au-gu-xơ Giô-dép (1804 - 1876) - nhà báo Đức, một trong những biên tập viên của báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc.-600.

Anh-be (Imbert) - nhà xã hội chủ nghĩa Pháp, tham gia cuộc khởi nghĩa Li-ông năm 1834; trong những năm 40 lưu vong sang Bỉ, phó chủ tịch Hội dân chủ Bruy-xen, sau cách mạng tháng Hai năm 1848, chỉ huy đội vệ binh ở cung Tuy-lơ-ri.-805.

Am-xtơ-rông (Armstrong), Uy-li-am Gioóc-giơ (1810 - 1900) - nhà phát minh và chủ xưởng Anh, nổi tiếng về việc phát minh ra pháo đặc biệt nòng có rãnh.-191.

áp-đơ-e-rơ - Rắc-man (1778 - 1859) - vua Ma-rốc (1882 - 1859).-273.

áp-đơ-en - Ca-de (1808 - 1883) - lãnh tụ của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân An-giê-ri chống bọn xâm lược Pháp những năm 1832 - 1847, năm 1847 bị người Pháp cầm tù, năm 1852 được phép của Na-pô-lê-ông III di cư sang Thổ Nhĩ Kỳ.-128, 134, 272, 273.

áp -đơ-en - Mu-min (1094 - 1163) - ha-li-pha đầu tiên (1130 - 1163) của quốc gia hồi giáo của vương triều A-mô-hát Tây - Bắc châu Phi và Nam Tây Ban Nha.-240.

áp-tơ (Abt) - nhà báo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, đầu những năm 50 thế kỷ XIX lưu vong ở Giơ-ne-vơ, bị khai trừ khỏi Hội liên hiệp công nhân Đức ở Giơ-ne-vơ vì vụ không.-504, 505, 507, 510, 512, 515.

Au-gu-xơ (1779 - 1843) - hoàng thân Phổ, tướng và nhà hoạt động quân sự, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, năm 1808 - 1843 giữ chức vụ tư lệnh pháo binh Phổ, lãnh đạo việc cải tổ binh chủng này.-231.

Ăng-ghe-n (Engels), Phri-đrich (1820 - 1895) (các tài liệu tiểu sử).-494, 496, 558-562, 564-567, 569-573, 580, 581, 586, 588, 592,

603, 609, 774, 803, 834, 895.

Ăng-gu-lê-m (Angoulême), Lu-i Ăng-toan, công tước (1775 - 1844) - con trai vua Pháp Sác-lơ X, năm 1823 chỉ huy quân đội Pháp đàn áp cuộc cách mạng tư sản ở Tây Ban Nha.-271.

Ăy-lơ-me-rơ (Aylmer) - sĩ quan Anh, tham gia cuộc chiến tranh trên báo đảo I-be-ri-cơ (1808 - 1814).-324.

B

Ba-buốc (1483 - 1530) - thống soái và người chinh phục châu á, pa-di-sắc ấn Độ (1526 - 1530) - người sáng lập ra quốc gia và vương triều Đại Mông Cổ, dòng dõi của Ti-mua.-97.

Ba-dang-cua (Bazancourt) - Xê-da (1810 - 1865) - nhà văn Pháp thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-668.

Ba-đen-ghe- xem *Na-pô-lê-ông III*.

Ba-gô-vút, Các-lơ Phê-đô-rô-vích (1761 - 1812) - tướng Nga, tham gia cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-316.

Ba-gra-ti-ôn, Pi-ốt I-va-nô-vích, công tước (1765 - 1812) - thống soái kiệt xuất nước Nga, tham gia nhiều cuộc viễn chinh và chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông do Xu-vô-rốp tiến hành, chỉ huy một trong những đạo quân của Nga trong thời kỳ Chiến tranh giữ nước năm 1812.-118, 315-318.

Ba-i-a (Bayard), Pi-e (khoảng 1475 - 1524) - kỵ sĩ Pháp được người đương thời ca tụng là tấm gương của sự dũng cảm và cao thượng, là "kỵ sĩ không hề biết sợ sệt và không chế trách được".-

786, 788, 790-797.

Ba-ra-ghe d' I-li-ê (Baraguay d'Hilliers), A-sin (1795 - 1878) - tướng Pháp, từ 1854 là nguyên soái, thuộc phái Bô-na-pác-tơ; năm 1854 chỉ huy đạo quân viễn chinh Pháp ở biển Ban-tích.-355.

Ba-ra-ghe d' I-li-ê (Baraguay d'Hilliers), Lu-i (1764 - 1812) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp và của nước Pháp Na-pô-lê-ông, bố của A-sin Ba-ra-ghe d' I-li-ê.-667.

Ba-rô (Barrot), Ô-di-lông (1791 - 1873) - nhà hoạt động chính trị của giai cấp tư sản Pháp, trước tháng Hai năm 1848 thủ lĩnh phe đối lập vương triều theo chủ nghĩa tự do; tháng Chạp năm 1848 - tháng Mười năm 1849, lãnh đạo nội các dựa vào khối liên minh phản cách mạng của các phái dân chủ.-526, 592.

Ba-rô-sơ (Boroche), Pi-e Giuy-lơ (1802 - 1870) - nhà hoạt động chính trị, nhà luật học Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, tham gia nhiều nội các trước và sau cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp năm 1851.-711.

Bác-clai-đơ Tô-li, Mi-kha-in Bô-gđa-nô-vích (1761 - 1818) - thống soái và nhà hoạt động quân sự xuất sắc của nước Nga, từ năm 1814 là nguyên soái, tham gia cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, chỉ huy quân Nga trong cuộc chiến tranh Nga - Thụy Điển năm 1808 - 1809, bộ trưởng lục quân (1810 - 1812), chỉ huy một đạo quân Nga trong thời kỳ Chiến tranh giữ nước

năm 1812, những năm 1813 - 1814 chỉ huy quân Nga và quân đội Nga - Phổ.-117-119, 142, 143, 220, 314-317.

Bác-tê-lê-mi (Barthélemy), Ê-ma-nu-en (khoảng 1820 - 1855) - công nhân Pháp, theo chủ nghĩa Blăng-ki, thời kỳ nền Quân chủ tháng Bảy và khởi nghĩa tháng Sáu năm 1848 ở Pa-ri tham gia vào các hội cách mạng bí mật, sau lưu vong sang Anh, là một trong những người lãnh đạo hội liên hiệp những người Pháp lưu vong theo chủ nghĩa Blăng-li ở Luân Đôn; tham gia nhóm bè phái - phiêu lưu Vi-lích - Sáp-pơ; bị xử tử năm 1855 vì phạm tội hình sự.-563.

Bai-rơn (Byron), Gioóc-giơ (1788 - 1824) - nhà thơ lỗi lạc Anh, đại biểu của chủ nghĩa lãng mạn cách mạng.-556, 777.

Bai-rơn (Byron), huân tước - chỉ huy quân đội hải quân Anh chiến đấu với ác-ma-đa của Tây Ban Nha năm 1588.-211.

Bam-béc-gơ (Bamberger), Lút-vích (1823 - 1899) - nhà chính luận Đức, nhà dân chủ tư sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, trong những năm 50 lưu vong sang Pháp, về sau thuộc phái tự do, đại biểu quốc hội.-784, 786.

Ban-dắc (Balzac), Ô-nô-rê-dơ (1700 - 1850) - nhà văn hiện thực vĩ đại Pháp.-501, 807.

Ban-đi-a (Bangya), I-a-nốt (I-ô-han) (1817 - 1868) - nhà báo và sĩ quan Hung-ga-ri, tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, sau khi cách mạng bị đàn áp, làm mật sứ của Cô-sút

ở nước ngoài đồng thời làm mật thám, về sau chuyển sang phục vụ trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ lấy tên là Mê-khơ-mét-bây và làm gián điệp cho Thổ Nhĩ Kỳ ở Cáp-ca-dơ (1855- 1858) trong thời kỳ chiến tranh của người Tréc-kê-xi chống lại nước Nga.-743-746.

Báp-xơ, Ivan Côn-đra-chi-ê-vich (1824 - 1881) - nhà kinh tế học, nhà sử học và nhà chính luận Nga, giáo sư kinh tế chính trị ở Đại học Ca-dan (từ năm 1851), rồi ở Đại học Mát-xcơ-va (từ năm 1857); đầu những năm 60 giảng dạy rộng rãi chương trình kinh tế chính trị học.-509.

Bát-ti-a-ni (Batthyány), Ca-dmơ (Ca-di-mia), bá tước (1807 - 1854) - nhà hoạt động nhà nước Hung-ga-ri, đại biểu của phái tự do trong quý tộc, bộ trưởng ngoại giao trong chính phủ cách mạng Hung-ga-ri năm 1849, sau khi cách mạng bị đàn áp, lưu vong ra nước ngoài.-740.

Bát-ti-a-ni (Batthyany), Lai-ô-xơ (Lút-vích), bá tước (1809 - 1849) - nhà hoạt động nhà nước Hung-ga-ri, đại biểu của phái tự do trong quý tộc; lãnh đạo Chính phủ Hung-ga-ri (tháng Ba - tháng Chín 1848), thi hành chính sách thoả hiệp với chế độ quân chủ Áo, bị bắn sau khi cách mạng bị đè bẹp.-740.

Bát-xơ-man (Basserman), Phri-đrich Đa-ni-en (1811 - 1855) - nhà hoạt động chính trị của giai cấp tư sản Đức, phần tử thuộc phái tự do ôn hoà, nghị sĩ viện Ba-đen, trong thời kỳ cách mạng năm 1848 - 1849 là đại biểu của chính phủ Ba-đen trong Nghị

viện liên bang, nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh hữu phái giữa.-592, 857.

Bau-ơ (Bauer), É-t-ga (1820 - 1886) - nhà chính luận Đức, thuộc phái Hê-ghe-nrê, trong những năm 50 - đầu những năm 60 sống ở nước ngoài, trong những năm 1858 - 1859 là biên tập viên của tờ "Neue Zeit" ở Luân Đôn.-607.

BẮT-LỖ (BUTLER), XA-MU-EN (1612 - 1680) - NHÀ THƠ TRÀO PHÚNG ANH, TÁC GIẢ BÀI "HU-ĐI-BRÁT".-705.

Be-ri-ê (Berryer), Pi-e Ăng-toan (1790 - 1868) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Pháp, trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai là đại biểu quốc hội lập hiến và lập pháp, thuộc phái chính thống.-660.

Béc-li-ne-blau, I-xi-do - xem *Ốp-pen-hem*, Hen-rích Béc-hác.

Béc-mu-đét (Bermudez), Hô-xê Phran-xi-xcô (1782 - 1831) - tướng và nhà hoạt động chính trị Vê-nê-xu-ê-la, tham gia các cuộc

chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, chống lại Bô-li-va-rô.-280.

Béc-na-đốt-tơ (Bernadotte), Giảng Báp-tít Giuy-lơ (1763 - 1844) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp và của nước Pháp Nô-pô-lê-ông; năm 1810 được vua Thụy Điển Các-lơ XIII nhận làm con nuôi, trở thành người nối ngôi và nhiếp chính của Thụy Điển Các-lơ XIII nhận làm con nuôi, trở thành người nối ngôi và nhiếp chính của Thụy Điển; năm 1813 tham gia chiến tranh chống Na-pô-lê-ông I; vua Thụy Điển và Na-uy lấy hiệu là Các-lơ XIV I-ô-han (1818 - 1844).-118, 142, 170, 194-207, 218, 222-225.

Béc-nu-li (Bernoulli), Giô-han (1667 - 1748) - nhà toán học lỗi lạc Thụy Sĩ, giáo sư Đại học Grôn-ni-ghe-n (Hà Lan) và Đại học Ba-lơ, nổi tiếng về các tác phẩm trong lĩnh vực vi phân học và tích phân học cũng như cơ học.-249.

Béc-ri (Berry), Ma-ri-a Ca-rô-li-na Phéc-đi-năng-đơ Lu-i-đơ, nữ công tước (1798 - 1870) - mẹ bá tước Săm-bo, thuộc phái chính thống, theo đuổi ngôi vua Pháp, năm 1832 mưu toan gây ra cuộc bạo động ở Van-dây nhằm lật đổ Lu-i - Phi-líp.- 271.

Béc-ti-ê (Berthier), Giảng Ba-ti-xơ (1721 - 1804) - công trình sư quân sự Pháp, thân sinh của nguyên soái Béc-ti-ê.- 120.

Béc-ti-ê (Berthier), Lu-i A-lếch-xăng-đơ (1753 - 1815) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng

hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông, tổng tham mưu trưởng quân đội của Na-pô-lê-ông I.- 120-124, 177, 228.

Bem (Bem), Giô-dép (1795- 1850) - tướng Ba Lan, nhà hoạt động của phong trào giải phóng dân tộc, tham gia cuộc khởi nghĩa năm 1830 - 1831; năm 1848 tham gia cuộc đấu tranh cách mạng ở Viên; một trong những người lãnh đạo quân đội cách mạng ở Hung-ga-ri; sau đó phục vụ trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ.- 164-169.

Ben-đa (Benda), Rô-bóc (1816 - 1899) - nhà hoạt động chính trị Đức, thuộc phái tự do, từ năm 1859 là hạ nghị sĩ, từ năm 1867 là nghị sĩ quốc hội, về sau tham gia phái dân tộc tự do.-789.

Ben-gác-đơ (Bellegarde), Phri-đrich, Hen-rich, bá tước (1756 - 1854) - nguyên soái áo, tham gia cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-199.

Ben-ních-xen (Bennigsen), Lê-vin áp-gu-xơ Tê-ô-phin (Lê-ông-ti Lê-ông-ti-ê-vích) (1745 - 1826) - người gốc Han-nô-vơ, làm tướng ở nước Nga, tham gia cuộc mưu sát Pa-ven I, tham gia cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, năm 1807 làm tổng tư lệnh, trong cuộc Chiến tranh giữ nước năm 1812 làm tổng tham mưu trưởng quân đội Nga.-139-143.

Bét-xi-e-rơ (Bessières), Giảng Ba-ti-xơ (1768 - 1813) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông.-65, 169-170.

Bê-cơ (Bacon), Ma-ri An-phông-xơ (1804 - 1863) - tướng và

nhà hoạt động chính trị Pháp, nhà cộng hoà tư sản ôn hoà, trong những năm 30-40 tham gia việc xâm chiếm An-giê-ri, trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai, là phó chủ tịch Quốc hội lập hiến và lập pháp, sau cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp năm 1851 trốn khỏi nước Pháp.-274.

Bê-li-đoóc (Belidor) Béc-nác, *Pho-rơ đơ* (1693 - 1761) - công trình sư quân sự Pháp, tác giả của nhiều tác phẩm về xây công sự, pháo binh và toán học.- 249.

Bê-rđơ (Baird), Đa-vít (1757 - 1829) - tướng Anh, trong những năm 1800 - 1802 chỉ huy cuộc viễn chinh của quân Anh ở Ai Cập.- 356.

Bê-re-xphốt (Beresford), Gioóc-giơ, hầu tước *U-ô-tơ-pho* (mất năm 1862) - quý tộc Anh, thân sinh của U.C. Bê-re-xphốt.-356.

Bê-re-xphốt (Beresford), Uy-li-am - giáo sĩ Thiên chúa giáo Anh, đại giáo chủ Tu-am (ở Ai-rơ-len).-357.

Bê-re-xphốt (Beresford), Uy-li-am - Các-rơ, tử tước (1768 - 1854) - tướng và nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng To-ri, một trong những người tổ chức và lãnh đạo nhiều cuộc viễn chinh thực dân, những năm 1808 - 1814 tham gia cuộc chiến tranh ở bán đảo I-bê-ri-cơ, tổng tư lệnh quân đội Bồ Đào Nha (1809 - 1823), cục trưởng cục pháo binh (1828 - 1830).-72, 356-358.

Béch (Beck), Cri-xti-an Đa-ni-en (1757 - 1832) - nhà ngữ văn học Đức, tác giả của nhiều tác phẩm về văn học cổ điển và lịch

sử.-20.

Béch-cơ (Becker), Gốt-phrít (1827 - 1865) - nhà báo Đức, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, năm 1853 lưu vong sang Mỹ, tham gia cuộc nội chiến ở nước Mỹ, con trai của I-ô-han Phi-líp Béch-cơ.-535.

Béch-cơ (Becker), I-ô-han Phi-líp (1809 - 1886) - công nhân làm bàn chải, tham gia phong trào dân chủ những năm 30 - 40 ở Đức và Thụy Sĩ; với tư cách sĩ quan quân đội Thụy Sĩ tham gia cuộc chiến tranh chống Đồng minh đặc biệt, nhà hoạt động tích cực của cuộc cách mạng những năm 1848 - 1849; trong thời kỳ khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ, chỉ huy dân quân Ba-đen; sau khi cách mạng bị đè bẹp, lưu vong khỏi Đức; trong những năm 60, là một trong những nhà hoạt động lỗi lạc của Quốc tế I, tham gia tất cả các đại hội của Quốc tế I, biên tập viên tạp chí "Vorbote", bạn và bạn chiến đấu của Mác và ăng-ghen.-520, 532-539, 555, 561, 754-765, 787, 802, 808, 852, 858, 888.

Béch-cơ (Becker), Mác-xơ Giô-đép (mất năm 1896) - công trình sư vùng Ranh, nhà dân chủ, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau khi cách mạng bị đè bẹp, lưu vong sang Thụy Sĩ rồi sang Mỹ.-493, 495.

Béch-cơ-man (Beckman) - đầu những năm 50 thế kỷ XIX, mật thám Phổ ở Pa-ri, phóng viên báo "K\lnische Zeitung" ở Pa-ri.-527, 528, 863.

Bi-xcam-pơ (Biskamp), Ê-lac - nhà dân chủ Đức, nhà báo, tham gia cuộc cách mạng năm 1848 - 1849 ở Đức, sau khi cách mạng bị đè bẹp lưu vong ra nước ngoài, tham gia ban biên tập của cơ quan ngôn luận của những người Đức lưu vong ở Luân Đôn là tờ "Volk", xuất bản với sự tham gia trực tiếp của Mác.-608, 619, 773, 801, 804, 807, 817-821, 823, 834, 835, 838, 855, 908.

Bi-đéc-man (Biederman), Các (1812 - 1901) - nhà sử học và nhà chính luận tư sản Đức, thuộc phái tự do ôn hoà; năm 1848 đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc phái giữa, về sau tham gia phái dân tộc - tự do.-857.

Bi-ra-gô (Birago), Các-lơ (1792 - 1845) - công trình sư quân sự áo, nghiên cứu ra hệ thống cầu phao được nhiều nước châu Âu sử dụng trang bị cho quân đội.-190.

Bi-rin-gu-sô (Biringuccio), Va-nô-sô (1480 - 1593) - nhà hoá học và kỹ sư luyện kim I-ta-li-a, tác giả cuốn "Bàn về kỹ thuật thuốc nổ".244.

Blăng (Blanc), Lu-i (1811 - 1882) - nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Pháp, nhà sử học; năm 1848 uỷ viên chính phủ lâm thời và chủ tịch Uỷ ban Lúc-xăm-buốc; đứng trên lập trường thoả hiệp với giai cấp tư sản; tháng Tám năm 1848 lưu vong sang Anh, một trong những nhà lãnh đạo những người lưu vong tiểu tư sản ở Luân Đôn.-545, 806.

Blăng-ki (Blanqui), Lu-i Ô-guy-xơ (1805 - 1881) - nhà cách

mạng Pháp, nhà cộng sản không tưởng, người tổ chức nhiều đoàn thể bí mật và hoạt động âm mưu; tích cực tham gia cách mạng năm 1830 và 1848, nhà lãnh đạo nổi tiếng nhất của phong trào vô sản Pháp; nhiều lần bị xử tù.-545.

Blăng-sác-đơ (Blanchard) - sĩ quan Anh, năm 1828 nghiên cứu được một hệ thống cầu pháo.-190.

Blăng-sơ-nê (Blanchenay), Lu-i (1800 - 1881) - nhà hoạt động chính trị của giai cấp tư sản Thuỵ Sĩ, nghị sĩ Hội đồng quốc dân 1848 - 1860, giám đốc hải quan (1861 - 1873).-716.

Blếch (Blake), Rô-bóc (1599 - 1657) - đô đốc Anh, tham gia cuộc cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII, bạn chiến đấu của Crôm-oen; trong những năm 50 chỉ huy hạm đội trong cuộc chiến tranh Anh- Tây Ban Nha, đã chiến đấu với bọn cướp biển Tuy-ni-di và An-giê-ri.-128.

Bli-um (Blum), Rô-bóc (1807 - 1848) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, về nghề nghiệp là nhà báo, lãnh đạo cánh tả trong Quốc hội Phran-phuốc, tháng Mười năm 1848 tham gia bảo vệ Viên, bị bắn sau khi quân phản cách mạng chiếm được Viên. - 244-147, 505, 548-552, 776.

Blin-đơ (Blind), Các-lơ (1826 - 1907) - nhà báo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia phong trào cách mạng ở Ba-đen trong những năm 1848 - 1849, vào những năm 50 là một trong những người lãnh đạo những người tiểu tư sản Đức lưu vong ở Luân

Đôn; về sau là phần tử dân tộc - tự do.-606, 608, 610, 613-626, 698, 773, 809, 817, 820-824, 830-835, 838, 874-881, 891, 893, 895-902, 904, 908.

Blun-sli (Bluntschli), Giô-han Ca-xpa (1808 - 1881) - nhà luật học và nhà hoạt động chính trị phản động Thuỵ Sĩ; một trong những kẻ tổ chức những cuộc truy nã của cảnh sát đối với những người tham gia phong trào cách mạng; uỷ viên uỷ ban điều tra hoạt động của những người lưu vong Đức ở Thuỵ Sĩ do Chính phủ Thuỵ Sĩ thành lập năm 1843 và người thảo ra bản báo cáo của uỷ ban đó công bố năm 1843.-558.

Bluy-khơ (Blücher), Ghép-hác Lê-bê-rếch (1742 - 1819) - nguyên soái Phổ, năm 1793 - 1794 tham gia cuộc chiến tranh chống nước Cộng hoà Pháp, những năm 1806, 1813 - 1814 và 1815 chỉ huy quân đội trong những cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-198, 204, 216-237, 378.

Blông-đanh (Blondin) (tên thật là Giảng Phrăng-xoa *Gra-vê-lơ*) (1824 - 1897) - diễn viên Pháp nổi tiếng về môn nhào lộn và leo giây.-750.

Blông-đen (Blondel), Phrăng-xoa (1617 - 1686) - kiến trúc sư và công trình sư quân sự Pháp, tác giả của những tác phẩm về trúc thành và pháo binh.-249.

Boa-sô (Boichôt), Giảng Ba-ti-xơ (sinh năm) - nhà hoạt động chính trị Pháp theo phái cộng hoà, nghị sĩ Quốc hội lập pháp

(1849), tham gia cuộc khởi nghĩa ngày 13 tháng Sáu năm 1849, về sau lưu vong ra nước ngoài.-523.

Boi-xto (Beust), Phri-drích) (1817 - 1899) - sĩ quan Đức, từ chức do niềm tin về chính trị năm 1848 uỷ viên Ban chấp hành Hội liên hiệp công nhân Khuên, một trong những biên tập viên của báo "Neue K\lnische Zeitung" (tháng Chín năm 1848 - tháng Hai năm 1849), tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; sau cách mạng lưu vong sang Thụy Sĩ, giáo sư giáo dục học.-554.

Boóc-hai-mơ (Borkheim), Xi-giê-dmin-đơ Lút-vích (1825 - 1885) - nhà báo Đức, nhà dân chủ, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau khi cuộc khởi nghĩa bị đè bẹp, lưu vong khỏi Đức, từ năm 1851 là nhà buôn ở Luân Đôn; có quan hệ hữu nghị với Mác và ăng-ghen.-492-496, 507, 509, 534, 890.

Bô-đi-xcô, I-a-cốp An-đrê-ê-vích (sinh năm 1794) - sĩ quan Nga, về sau thăng cấp tướng; đầu cuộc Chiến tranh Crưm *1853 - 1856) - tư lệnh pháo đài Bô-mác-xun-đơ.-355.

Bô-hác-ne (Beauharnais), Ô-gien, hoàng thân (1781 - 1824) - tướng Pháp, con chồng trước của vợ Na-pô-lê-ông I, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông năm 1805 - 1814, phó vương I-ta-li-a.-83, 190-193, 642.

Bô-li-va-rơ-i - *Pôn-te* (Bolivary Ponte), Xi-môn (1783 - 1830) - nhà hoạt động chính trị lỗi lạc Nam Mỹ, một trong những nhà

lãnh đạo chính trị của những cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, tổng thống nước Cộng hoà Cô-lôm-bi-a (1819 - 1830).-275-294, 744, 889.

Bô-na-pác-tơ - dòng học hoàng đế ở Pháp (1804 - 1814, 1815 và 1852 - 1870).-683, 702, 710.

Bô-na-pác-tơ - xem Na-pô-lê-ông I.

Bô-na-pác-tơ (Bonaparte), Giê-rôm (1784 - 1860) - em của Na-pô-lê-ông I; vua Vét-xơ-pha-li (1807 - 1813), từ năm 1850 là nguyên soái.-676.

Bô-na-pác-tơ (Bonaparte), Giô-dép (1786 - 1844) - anh em của Na-pô-lê-ông I, vua Na-plơ (1806 - 1808) và vua Tây Ban Nha (1808 - 1813).-195.

Bô-na-pác-tơ (Bonaparte), Giô-dép Sác-lơ-Pôn, hoàng thân Na-pô-lê-ông (1822 - 1891) - con trai của Giê-rôm Bô-na-pác-tơ, anh em họ thúc bá với Na-pô-lê-ông III, sau khi anh cả mất (1847) lấy tên là Giê-rôm, trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai, nghị sĩ Quốc hội lập pháp và lập hiến, năm 1854 chỉ huy một sư đoàn ở Crưm, trong cuộc chiến tranh áo - I-ta-li-a - PHáp năm 1859 chỉ huy một quân đoàn; nổi tiếng về biệt hiệu Plông - Plông và hoàng thân Đơ.-75, 506, 518, 530, 532, 614, 647, 682, 701-706, 710, 714-717, 724, 726, 734, 735, 746, 747, 751, 797, 876.

Bô-na-pác-tơ, Lu-i - xem *Na-pô-lê-ông III*.

Bô-na-pác-tơ (Bonaparte), Lu-i (1778 - 1846) - em của Na-pô-

lê-ông I, vua Hà Lan (1806 - 1810).-705.

Bô-na-pác-tơ (Bonaparte), Luy-xiêng (1775 - 1840) - em của Na-pô-lê-ông I, một trong những người tổ chức cuộc chính biến ngày 18 tháng Sương mù (9 tháng Mười một) năm 1799; công sứ ở Tây Ban Nha (... - 1802).-200.

Bô-ne-ri-uyt (Bonerius), Un-rich - nhà thơ Đức thời Trung cổ, nhà truyền giáo tu viện; tác giả tập ngụ ngôn "Đá quý" viết dựa theo nguồn tư liệu la-tinh và xuất bản năm 1350.-710.

Bô-ni-pha-xơ (Boniface), Lu-i (sinh năm 1796) - nhà báo Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-700, 733.

Bô-ni-sơ (Bónis), Sa-mu-en (1810 - 1879) - nhà luật học và nhà hoạt động chính trị Hung-ga-ri, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849, ủng hộ Cô-sút.-889.

Bô-rô-dơ-đin, Ni-cô-lai Mi-khai-lô-vích (1777 - 1830) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-317.

Bô-vét (Boves), Hô-xê Tô-mát (mất năm 1814) - sĩ quan Tây Ban Nha, thủ lĩnh đội quân Li-a-nê-rốt chiến đấu chống lại bọn địa chủ Crê-ô-lô, trước năm 1814, đội quân li-a-nê-rốt bị người Tây Ban Nha lợi dụng để đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-279, 280.

Bô-xkê (Bosquet), Pi-e Giô-dép Phrăng-xoa (1810 - 1861) - nguyên soái Pháp, nhà cộng hoà tư sản, về sau tham gia phái Bô-na-pác-tơ, trong những năm 30 - 50 tham gia chiến tranh xâm

lược An-giê-ri, năm 1854 chỉ huy một sự đoàn kết sau đó một quân đoàn ở Crutn (1854 - 1855).-75, 172-173.

Bôi-ác-đô (Bojardo), Ma-tê-ô Ma-ri-a (1434 - 1494) - nhà thơ I-ta-li-a thời kỳ Phục hưng, tác giả bài thơ "Rô-lan si tình".-871.

Bốp-xin (Bobzin), Phri-đrich Hen-rích Các-lơ (sinh năm 1826) - thợ thủ công Đức, năm 1847 thành viên Hội liên hiệp công nhân Đức ở Bruy-xen; tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-den - Pphan-xơ năm 1849, sau đó lưu vong sang Luân Đôn; cùng với Xtơ-ru-vơ lãnh đạo Hội liên hiệp những người lưu vong dân chủ tư sản Đức ở Luân Đôn.-496.

Bóc-lây - xem *Xê-xin*, Uy-li-am.

Bóc-xơ (Burnes), A-lếch-xan-đrơ (1805 - 1841) - sĩ quan Anh, một trong những người tổ chức việc bành trướng thuộc địa Anh ở Trung Á; năm 1836 - 1838 làm nhiệm vụ đặc biệt ở Ca-bun; năm 1839 - 1841 nhận chức vụ cố vấn chính trị bên cạnh bộ tư lệnh quân đội Anh ở Ca-bun.-102, 103, 105.

Bra-sơ (Braß), Au-gu-xtơ (1818 - 1876) - nhà báo Đức, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở Đức, sau khi cách mạng bị đè bẹp, lưu vong sang Thụy Sĩ, những năm 1859 - 1860 là chủ bút báo "Neue Schweizer Zeitung", về sau ủng hộ Bi-xmác.-701, 702.

Brai-đơn (Brydon), Uy-li-am (1811 - 1873) - bác sĩ quân đội Anh, tham gia cuộc chiến tranh Anh - Áp-ga-ni-xtan 1838 - 1842).

Bran-đen-buốc (Brandenburg), Phri-drích, Vin-hem, bá tước (1792 - 1850) - tướng Phổ và nhà hoạt động nhà nước Phổ, đứng đầu nội các phản cách mạng (tháng Mười một năm 1848 - tháng Mười một năm 1850).-793.

Brau-nơ (Brown), Gioóc-giơ (1790 - 1865) - tướng Anh, tham gia cuộc chiến tranh ở bán đảo I-bê-ri-cơ (1808 - 1814), trong những năm 1854 - 1855 chỉ huy sư đoàn ở Crưm.-76.

Ben-ta-nô (Brentano), Lô-ren-xơ (1813 - 1891) - nhà dân chủ tiểu tư sản ở Ba-đen, nghề nghiệp luật sư; năm 1848 đại biểu Quốc hội Phran-phước thuộc cánh tả, năm 1849 đứng đầu chính phủ lâm thời Ba-đen, sau khi cuộc cách mạng Ba-đen - Pphan-xơ bị dẹp, lưu vong sang Thụy Sĩ rồi sang Mỹ.-520, 582, 793.

Bri-la - Xa-va-ranh (Brillat - Savarin), An-xen-mơ (1755 - 1826) - nhà văn Pháp, tác giả cuốn "Sinh lý học về vị giác".-714.

Bri-ông (Brion), Lu-i (1782 - 1821) - thương nhân bán buôn Cô-lôm-bi-a, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập của thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, ủng hộ Bô-li-va-rơ, gốc người Hà lan.-282-285.

Bru-xi-ê (Broussier), Giảng Ba-ti-xơ (1766 - 1814) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Np.-317.

Brun-nốp, Phi-líp I-va-nô-vích, nam tước (1797 - 1875) - nhà ngoại gia Nga, công sứ (1840 - 1854, 1858 - 1860) rồi đại sứ (1860 - 1874) ở Luân Đôn.-644.

Bruyn (Brune), Ghi-ôm Ma-ri An-nơ (1763 - 1815) - nguyên soái Pháp, nhà hoạt động của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, phần tử Gia-cô-banh - Dăng-tông phái hữu, về sau ủng hộ Bô-na-pác-tơ tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp và của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-174-177.

Bu-chi-e-nhép, A-pô-li-na-ri Pê-trô-vích (1787 - 1866) - nhà ngoại giao Phổ, đại sứ ở Thổ Nhĩ Kỳ (1830 - 1842), những năm 1843 - 1856 công sứ ở Rô-ma, sau đó trong những năm 1856 - 1858 công sứ ở Thổ Nhĩ Kỳ.-642.

Bu-ghen-ha-ghen (Buggenhagen) (thế kỷ XVIII) - công trình quân sự ở Mếch-clen-bua.-420.

Bu-li-e-rơ (Bullier) - nhà báo Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-700.

Bu-rô (Bureau), hai anh em, Ga-xpa (mất năm 1469) và Giảng (mất năm 1463) - các công trình sư quân sự Pháp, trong những năm 30 đến 50 lãnh đạo pháo binh Pháp, tiến hành nhiều cuộc cải tiến trong pháo binh.-242.

Bu-thơ (Bute), Giôn Xtiu-ác, bá tước (1713 - 1792) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, thủ tướng (1761 - 1763).-630.

Bu-xca (Busca), Ga-bri-ô (khoảng 1540 - 1601) - công trình sư quân sự I-ta-li-a, tác giả tác phẩm về xây công sự.-409.

Bu-xma-rơ (Bousmard), Hăng-ri Giảng Ba-ti-xơ (1749 - 1807)

- công trình sư quân sự Pháp, từ năm 1792 phần tử lưu vong phản cách mạng, phục vụ nước Phổ, năm 1807 lãnh đạo việc phòng ngự Đan-txích chống lại quân đội của Na-pô-lê-ông; tác giả những tác phẩm về trúc thành.-418.

Bu-xơ (Buß), Phran-txơ I-ô-đép (1803 - 1878) - nhà luật học và nhà hoạt động chính trị Đức, chống lại bá quyền của Phổ, thuộc phái giáo quyền quyết liệt, đại biểu quốc hội.-594.

Búc-xghép-đen, Phê-đo Phê-đô-rô-vích, bá tước (1750 - 1811) - tướng Nga, những năm 1805 và 1806 tham gia các cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-140.

Bước-bông - triều đại ở Pháp (1589 - 1792, 1814 - 1815 và 1815 - 1830).-205, 271.

Bước-môn (Bourmont), Lu-i Au-gu-xơ Vích-to đơ (1773 - 1846) - tướng Pháp, từ 1830 là nguyên soái, phần tử bảo hoàng; năm 1830 chỉ huy quân viễn chinh xâm lược An-giê-ri.-131, 132.

Bước-ri-en-nơ (Bourrienne), Lu-i ăng-toan Phô-ven-lơ đơ (1769 - 1834) - nhà ngoại giao và nhà hoạt động chính trị Pháp, bạn đọc của Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ, bí thư riêng của ông ta (1797 - 1802), đại biểu ở Hăm-buốc (1804 - 1813), sau chạy sang phía vương triều Búc-lông.-148-149, 176.

Búp-na phon Li-ti-xơ (Bubna von Littié), Phéc-di-năng, bá tước 91768 - 1825) - tướng và nhà ngoại giao áo, gốc người Tréc; những năm 1813 - 1814 và 1815 tham gia các cuộc chiến tranh

chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-232.

Buy-giô đơ la Pi-côn-nơ-ri (Bugeaud de la Piconnecrie). Tô-ma Rô-be (1784 - 1849) - nguyên soái Pháp, thuộc phái Oóc-lê-ăng, hạ nghị sĩ nền Quân chủ thánh Bấy, chỉ huy đội quân đàn áp cuộc khởi nghĩa của phái cộng hoà ở Pa-ri năm 1834, một trong những người tổ chức cuộc chiến tranh xâm lược An-giê-ri và Ma-rốc, trong những năm 1841 - 1847, toàn quyền ở An-giê-ri, trong những năm 1848 - 1849 tổng tư lệnh đạo quân An-pơ, đại biểu Quốc hội lập pháp.-271-274.

Buy-lốp (Bulow), Phri-đrich Vin-hem, bá tước *Đen-nê-vít* (1755 - 1816) - tướng Phổ, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-204, 222, 226, 227.

Buy-xơ (Bucher), Lô-tác (1817 - 1892) - quan chức Phổ, nhà chính luận; năm 1848 đại biểu Quốc hội Phổ thuộc phái trung tả; sau khi cách mạng 1848 - 1849 bị đê bẹp, lưu vong sang Luân Đôn, phóng viên của báo "National - Zeitung" ở Béc-lin, về sau thuộc phái dân tộc - tự do, ủng hộ Bi-xmác.-596, 605.

Buyéc-ghéc-xơ (Burgers), Hen-rích (1820 - 1878) - nhà chính luận cấp tiến Đức, cộng tác viên của báo "Rheinische Zeitung" (1842 - 1843), năm 1848 hội viên chi bộ Khuên của Đồng minh những người cộng sản, một trong những biên tập viên của báo "Neue Rheinische Zeitung", từ 1850 uỷ viên Uỷ ban trung ương Đồng minh những người cộng sản, trong vụ án những người cộng

sản ở Khuê (1852) bị xử 6 năm tù, về sau tham gia đảng tiến bộ.-803.

C

Ca-bê (Babet), Ê-chiên (1788 - 1856) - nhà chính luận Pháp, đại biểu xuất sắc của chủ nghĩa cộng sản hoà bình không tưởng, tác giả cuốn "Cuộc du hành ở I-ca-ri".-570, 571.

Ca-bốt (Cabot), Giôn (*Ca-bô-tô*, Giô-van-ni) (khoảng 1450 - 1498) - nhà hàng hải I-ta-li-a phục vụ cho nước Anh, năm 1497 phát hiện một bộ phận bờ biển Bắc Mỹ.-468.

Ca-hi-gan (Cajigl), Hoan Ma-nu-en (1757 - 1823) - tướng Tây Ban Nha, những năm 1813 - 1815 chỉ huy quân đội chống lại phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-278.

Ca-men-xki, Mi-kha-in Phê-đô-tô-vích, bá tước (1738 - 1809) - nguyên soái Nga, năm 1806 làm tổng tư lệnh trong cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-140.

Ca-mô-en-xơ (Camões), Lu-i (khoảng 1524 - 1580) - nhà thơ vĩ đại Bồ Đào Nha thời kỳ phục hưng; tác giả bản anh hùng ca "Lau-di-át".-584, 706.

Ca-pô-đi-xơ-ri, I-ô-han, bá tước (1776 - 1831) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Hy Lạp; những năm 1809 - 1822 phục vụ ở nước Nga, thứ trưởng ngoại giao Nga (1815 - 1822), tổng thống Hy Lạp (1827 - 1831); thi hành chính sách thân Nga, bị

gián điệp nước ngoài ám hại.-641.

Ca-ram-din, Ni-cô-lai Mi-khai-lô-vích (1766 - 1826) - nhà sử học và nhà văn xuất sắc nga, nhà viết sử chính thức của Alếch-xan-đơ.-638.

Ca-ta-ca-di, Ga-vrin An-tô-nô-vích (1794 - 1867) - nhà ngoại giao Nga, gốc Hy Lạp, công sứ ở Hy Lạp (1833 - 1843), quan khu mật.-641.

Ca-ti-li-na (Lu-xi-ut Xéc-gi-ut Ca-ti-li-na, (khoảng 108 - 62 trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị La Mã, quý tộc, người tổ chức âm mưu chống lại nền cộng hoà quý tộc.-531. 543, 691.

Ca-tô (Mác-quýt, Pooc-xi-ut Ca-tô Lớn) (234 - 149 trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị và nhà văn La Mã, bảo vệ đặc quyền của quý tộc, năm 184 trước công nguyên được bầu làm quan giám sát, sự nghiêm khắc của ông trong công tác giám sát ai nấy đều biết.-778.

Ca-ve-nhắc (Cavaignac), Lu-i Ô-gien (1802 - 1857) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử cộng hoà tư sản ôn hoà; trong những năm 30 - 50 tham gia xâm chiếm An-giê-ri, năm 1848 toàn quyền An-giê-ri (từ tháng Ba) rồi bộ trưởng chiến tranh của Pháp (từ tháng Năm), đàn áp cực kỳ tàn khốc cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của công nhân Pa-ri, đứng đầu chính quyền hành pháp (tháng Sáu - tháng Chạp năm 1848).-134, 526, 655, 656.

Ca-vua (Cavour), Ca-min-lô Ben-dô, bá tước (1810 - 1861) - nhà hoạt động nhà nước I-ta-li-a, nhà tư tưởng và lãnh tụ của giai cấp tư sản tự do bảo hoàng và của quý tộc tư sản hoá; đứng đầu chính phủ Xác-đi-ni (1852 - 1859 và 1860 - 1861), thi hành chính sách thống nhất nước I-ta-li-a từ trên xuống, dưới sự lãnh đạo của vương triều Xa-voa và dựa vào sự ủng hộ Na-pô-lê-ông III, năm 1861 lãnh đạo chính phủ thống nhất đầu tiên I-ta-li-a.-52, 691, 692, 711, 712.

Ca-xát - xem *La-xơ Ca-xát*, Ma-nu-en Ma-ri-a.

Ca-xlê-ri (Castlereagh), Rô-bốt *Xtiu-át*, tử tước (1769 - 1822) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, bộ trưởng chiến tranh và thuộc địa (1805 - 1806, 1807 - 1809), bộ trưởng ngoại giao (1812 - 1822).-630.

Ca-xten-la (Castella) - nhà hoạt động nhà nước Thụy Sĩ, phần tử cấp tiến, trong những năm 1847 - 1856 uỷ viên chính phủ bang Phrây-buốc (Phri-buốc).-523.

Ca-xti-li-ô (Castillo), Ma-nu-en (mất năm 1816) - tướng Cô-lôm-bi-a, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, năm 1815 chỉ huy đội quân đòi trả Các-ta-hê-na, chống lại Bô-li-va-rô.-277, 280.

Ca-xti-ốt-tô (Castriotto), Gia-cô-mô (mất năm 1562) - công trình sư quân sự I-ta-li-a.-408, 417.

Các-li-ê (Carlier), Pi-e (1799 - 1858) - cục trưởng cục cảnh sát

Pa-ri (1849 - 1851), thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-572.

Các Dũng cảm (1433 - 1477) - công tước Buốc-gun-di (1467 - 1477), người có mưu đồ chiếm Thụy Sĩ; được nhắc đến một cách mỉa mai khi so sánh với Các Phô-gtô.-519., 520, 523-526, 597.

Các-lơ - Ê-ma-nu-en II (1751 - 1819) - vua Xác-đi-ni (17996 - 1802).-175.

Các-lơ V Lê-ô-pôn, công tước *Lô-ta-rin-ghen* (1643 - 1690) - nguyên soái áo, năm 1683 - 1688 chỉ huy quân áo trong cuộc chiến tranh áo - Thổ Nhĩ Kỳ 1683 - 1699.-327.

Các-lơ - Lút-vích - I-ô-han (1771 - 1847) - đại công tước áo, nguyên soái, tổng tư lệnh trong cuộc chiến tranh với Pháp (1706, 1799, 1805 và 1809), bộ trưởng chiến tranh (1805 - 1809).-83, 84, 87, 123, 194.

Các-lơ Mác-ten (khoảng 688-741)- tế tướng Phran-cơ, trên thực tế là đứng đầu nhà nước Phran-cơ.-368.

Các-ma-ni-ô-la (Carmagnola), Phran-se-xcô *Bu-xôn-nơ* (khoảng 1380 - 1423) - chỉ huy quân đánh thuê I-ta-li-a, năm 1426 - 1432 chỉ huy liên quân Vơ-ni-dơ và Phlo-ren-xi-a trong cuộc chiến tranh chống Mi-la-nô.-343.

Cam-ba-xê-re-xơ (Cambacérès), Giăng Giắc Rê-gi (1753 - 1824) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, nhà luật học, chủ tịch Hội nghị Quốc ước (1794 - 1795), sau đó là uỷ viên chấp chính, một trong những bạn chiến đấu gần gũi của Na-pô-lê-ông I, một trong

những người soạn thảo "Bộ dân luật".-714.

Cam-mơ (Kamm), Phri-đrich (mất năm 1867) - thợ thủ công Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau khi cuộc khởi nghĩa bị đè bẹp, lưu vong sang Thụy Sĩ, hội viên Hội liên hiệp công nhân Đức ở Giơ-ne-vơ, năm 1852 lưu vong sang Mỹ.-504,511.

Cam-ran - con trai của sắc áp-ga-ni-xtan Ma-khơ-mút, từ năm 1829 cầm quyền ở Hê-rát.-101.

Can-đê-rôn đơ la Bắc-ca (Calderon de la Barca), Pê-đrô (1600 - 1681) - nhà soạn kịch xuất sắc Tây Ban Nha.-409, 787.

Can-nơ-ghi-xơ (Kannegieber), Các-lơ Lut-vích (1781 - 1861) - nhà thơ và phiên dịch Đức.-552, 585.

Can-rô-béc (Canrobert), Phrăng-xoa Xéc-ten (1809 - 1895) - tướng Pháp, từ năm 1856 nguyên soái, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, những năm 30 - 40 tham gia xâm chiếm An-giê-ri; một trong những người tham gia tích cực vào cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp năm 1851; năm 1854 chỉ huy sư đoàn rồi tổng chỉ huy quân đội ở Crum (1854 - 1855).-75, 135.

Can-tê-rắc (Canterac), Hô-xê (khoảng 1779 - 1835) - tướng Tây Ban Nha, trong những năm 1816 - 1824 tham mưu trưởng quân đội của tướng Xéc-na chống lại phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-214.

Cáp-txê-vích, Pi-ốt Mi-khai-lô-vích (1772 - 1840) - tướng Nga,

tham gia cuộc chiến tranh chống lại nước Pháp Na-pô-lê-ông.-228-231.

Các-các-tơ (Cathcart), Gioóc-giơ (1794 - 1854) - tướng Anh, năm 1854 chỉ huy sư đoàn ở Crum.-76.

Cau-li (Cowley), Hen-ri Ri-sốt Sác-lơ *Oen-xli*, nam tước (1804 - 1884) - nhà ngoại giao Anh, đại sứ ở Pa-ri (1852 - 1867).-661, 644, 684, 709, 711, 713.

Cau-nít-xơ (Kaunitz), Ven-xen An-tôn, công tước (1711 - 1794) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao áo, ủng hộ cái gọi là chế độ chuyên chế sáng suốt, kẻ thù hung ác của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, thủ tướng (1753 - 1792).-630.

Căm-brit-giơ (Cambridge), Gioóc-giơ Uy-li-am Phrê-đê-rích Sác-lơ, công tước (1819 - 1904) - tướng Anh, năm 1845 chỉ huy sư đoàn ở Crum, tổng tư lệnh quân đội Anh (1856 - 1895).-75, 76.

Cla-ri (Clary), ép-ghê-nhi Béc-na-rđi-na Đê-di-rơ (1777 - 1860) - vợ Béc-na-đốt-tơ.-196.

Clai-xơ (Kleist), Phri-đrich Hen-rích Phéc-đi-năng Ê-min (1762 - 1823) - tướng Phổ sau thắng nguyên soái, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-226, 228-232.

Cláp-ca (Klapka), Đuyéc-giơ (Ghê-oóc-gơ) (1820 - 1892) - tướng Hung-ga-ri, thời kỳ cách mạng 1848 - 1849 chỉ huy một đạo quân Hung-ga-ri; tháng Sáu - tháng Chín năm 1849, tư lệnh pháo đài Cô-móc-nơ, năm 1849 lưu vong ra nước ngoài, trong những

năm 50 có quan hệ với tập đoàn Bô-na-pác-tơ, năm 1867 sau khi được ân xá trở về Hung-ga-ri.-328, 705, 714, 716, 735, 743, 746, 748-755.

Clau-dơ-vít-xơ (Clausewitz), Các-lơ (1780 - 1831) - tướng Phổ và nhà lý luận quân sự xuất sắc nhất của giai cấp tư sản, những năm 1812 - 1814 phục vụ cho quân đội Nga.-295.

Cléc-phơ (Clerfayt), Các-lơ (1733 - 1798) - nguyên soái áo, tham gia cuộc chiến tranh áo - Thổ Nhĩ Kỳ (1788 - 1789), những năm 1794 - 1795 tổng tư lệnh quân đội áo trong cuộc chiến tranh chống nước Cộng hoà Pháp.-93, 194.

Cléc-phơ (Clerfayt), Các-lơ (1733 - 1798) - nguyên soái áo, tham gia cuộc chiến tranh áo - Thổ Nhĩ Kỳ (1788 - 1789), những năm 1794 - 1795 tổng tư lệnh quân đội áo trong cuộc chiến tranh chống nước Cộng hoà Pháp.-93, 194.

Cléc-vin (Clairville), Lu-i Phrăng-xoa (họ thật là Ni-cô-lơ) (1811 - 1897) - nhà soạn kịch Pháp.-885.

Clê-béc (Kléber), Giăng Ba-ti-xơ (1753 - 1800) - tướng Pháp, tham gia cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp chống lại liên minh thứ nhất của các nước châu Âu.-194.

Clê-ô-men III (255 - 219 trước công nguyên) - vua Xpác-tơ (235 - 221).-194.

Clô-den (Clausel), Béc-tran, bá tước (1772 - 1842) - tướng Pháp, từ năm 1831 thăng nguyên soái, trong những năm 1809 -

1814 tham gia cuộc chiến tranh trên bán đảo I-be-ri-cơ, tướng toàn quyền An-giê-ri (1830 - 1831 và 1835 - 1837).-131, 134, 322-324.

Clô-tin-đa, công chúa Xa-voa (1843 - 1911) - con gái vua Xác-đi-ni Vich-to Ê-ma-nu-en II, từ năm 1859 là vợ của hoàng thân Na-pô-lê-ông.-735.

Clô-xman (Cloßmann)- sĩ quan Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau đó lưu vong ở Thụy Sĩ.-702.

Clút-xơ (Cluž), A-đôn-phơ (mất sau năm 1889) - công trình sư Đức, hội viên của Đồng minh những người cộng sản, năm 1848 là thư ký của Hội liên hiệp giáo dục công nhân ở Ma-in-xơ, năm 1849 lưu vong sang Mỹ; phục vụ trong bộ hải quân ở Oa-sinh-tơn; trong những năm 50 thường xuyên trao đổi thư từ với Mác và Ăng-ghe-n, cộng tác với nhiều tờ báo công nhân và dân chủ ở Đức, Anh và Mỹ.-780.

Cmê-ti (Kmetty), Đuyéc-đơ (Ghê-oóc-gơ) (1810 - 1865) - tướng Hung-ga-ri, tham gia cuộc cách mạng năm 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, sau khi cách mạng thất bại lưu vong sang Thổ Nhĩ Kỳ, ở đây nhập quốc tịch Thổ Nhĩ Kỳ, lấy tên là I-xma-in-pa-sa, mang quân hàm cấp tướng của Thổ Nhĩ Kỳ, tham gia cuộc Chiến tranh Crưm (1853 - 1856).-329-330.

Cnê-txích (Knezich), Ca-rôi (khoảng 1808 - 1849) - tướng

Hung-ga-ri, trong thời kỳ cách mạng năm 1848 - 1849 chỉ huy đơn vị quân đội cách mạng Hung-ga-ri.-330.

Coóc-đô-ba (Córdoba), Hô-xê Ma-ri-a (1799 - 1829) - tướng Cô-lôm-bi-a, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-213.

Coóc-đô-va - xem *Phéc-nan-đéc đờ Coóc-đô-va Gông-xa-lô*.

Coóc-môn-tanh (Cormontaigne), Lu-i đờ (khoảng 1696 - 1752) - tướng Pháp, công trình sư quân sự, tác giả nhiều tác phẩm về trúc thành.-113, 409-412, 416-420, 428.

Coóc-nờ (Korn), A-đôn-phơ (1822 - 1904) - sĩ quan Phổ (trước năm 1845), tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở Đức, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong ở Thụy Sĩ rồi từ 1857 ở ác-hen-ti-na.-492, 495, 520.

Coóc-phơ, Phê-đo Các-lô-vích, nam tước (1774 - 1826) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-317.

Coóc-te-xơ (Cortes), éc-nan (Phéc-nan-đô) (1485 - 1547) - thực dân Tây Ban Nha, kẻ chinh phục quốc gia của người Axít (Mê-hi-cô) (1519 - 1521).-398.

Cô-lát-chếch (Kolatschek), A-đôn-phơ (1821 - 1889) - nhà báo và nhà hoạt động chính trị áo, trong năm 1848 - 1849 là đại biểu Quốc hội Phran-phước, thuộc phái dân chủ tiểu tư sản, người xuất bản các tạp chí "Deutsche Monatsschrift: (1850 - 1851) và "Stimmen der Zeit" (1858 - 1862).-585, 620, 888.

Cô-lét (Collet), Cô-let Đốp-xơn - nhà báo và nhà hoạt động xã hội Anh, biên tập viên tờ báo của phái Uốc-cac-tơ "Free Press" (1859 - 1865).-615, 899.

Cô-la-đô (Collado), Lu-i-xơ (thế kỷ XVI) - công trình sư quân sự Tây Ban Nha.-244.

Cô-lô-vrát - Cra-cốp-xki (Kolowrat - Krakowsky), I-ô-han Nê-pô-múc Các-lơ, bá tước (1748 - 1816) - tướng áo, từ năm 1809 nguyên soái, tham gia chiến tranh chống nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông.-84.

Cô-lông (Colombo), Cri-xtốp (1451 - 1506) - nhà hàng hải lỗi lạc, đã phát hiện ra châu Mỹ, phục vụ cho Tây Ban Nha, người gốc Giê-nơ.-468.

Cô-sút (Kossuth), La-i-ốt (Lút-vích) (1802 - 1894) - lãnh tụ phong trào giải phóng dân tộc Hung-ga-ri, lãnh đạo các phần tử dân chủ tư sản trong cách mạng năm 1848 - 1849, đứng đầu chính phủ cách mạng Hung-ga-ri, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong khỏi Hung-ga-ri, trong những năm 50 tìm sự ủng hộ trong tập đoàn Bô-na-pác-tơ.-328, 648, 670, 704, 735-750, 872, 888, 889, 895.

Côn-bơ (Kolb), Gu-xtap Ê-đu-ác (1798 - 1865) - nhà báo Đức, một trong những biên tập viên của báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc.-616, 909.

Côn-đơ (Conde), Hô-xê An-tô-ni-ô (1765 - 1820) - nhà sử học

Tây Ban Nha, nghiên cứu về A Rập, tác giả nhiều tác phẩm về sự thống trị của người A Rập ở Tây Ban Nha.-240.

Côn-hai-mơ (Cohnheim), Mác-cơ - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, tham gia phong trào cách mạng ở Ba-đen vào những năm 1848 - 1849, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong khỏi nước Đức.-492, 495, 496, 520.

Côn-xtai-tin, Ni-cô-la-ê-vích (1827 - 1892) - đại công tước Nga, con thứ của Ni-cô-lai, đô đốc, lãnh đạo ngành hải quân (1853 - 1881) và hạm đội (1855 - 1881).-606, 614, 654, 877, 896, 898, 900.

Côn-xtan-tin, *Páp-vlô-vích* (179 - 1831) - đại công tước Nga, từ năm 1841 tổng tư lệnh quân đội Ba Lan, trên thực tế là toàn quyền Ba Lan.-165.

Công-gri-vơ (Congreve), Uy-li-am (1772 - 1828) - sĩ quan Anh, nhà phát minh quân sự, năm 1808 phát minh ra tên lửa mang tên ông.-164.

Crai (Kray), Pan (1735 - 1804) - tướng áo, vốn người Hung-ga-ri, tham gia chiến tranh chống nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông.-194.

Crau-dê, Các Phri-đrich Ô-guy-xtơ - xem *Phlơ-ri*, *Sác-lơ*.

Crây-tơ, Ki-pri-an An-tô-nô-vích, bá tước (1777 - 1850) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-319.

Crê-mơ - xem *Séc-van*, Giuy-li-ên.

Cri-xti-an - *Phrê-đê-rích* (1786 - 1884) - hoàng thân Đan Mạch, năm 1813 - 1814 toàn quyền, năm 1814 vua Na-uy, năm 1839 - 1848 vua Đan Mạch, lấy hiệu là Cri-xti-an VIII.-205.

Cri-xtéc-nơ (Christern), Giô-han Vin-hem - tác giả một tập sách châm biếm xuất bản khuyết danh "Cuộc hành trình của bác sĩ Ây-den và nam tước Bây-den đi họp hội đồng hàng tỉnh tháng Tư năm 1847".-626.

Crô-si (Crawshay) - trong những năm 50 thế kỷ XIX nhà báo Anh ủng hộ Uớc-các-tơ.-742.

Crôm-oen (Cramwell), Ô-li-vơ (1599 - 1658) - lãnh tụ của giai cấp tư sản và quý tộc tư sản hoá trong thời kỳ cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII; từ năm 1853 là người nhiếp chính Anh, Xcôt-len và Ai-rơ-len.-373.

Cruy-đê-ne-rơ (Kr|dener), Báp-ba-ra I-u-li-a, nam tước phu nhân (1764 - 1824) - nữ văn sĩ, người truyền bá chủ nghĩa kiên thành; vào thế kỷ XIX người ta nhận xét sai rằng tư tưởng thành lập Liên minh thần thánh là do bà đưa ra.-634.

Ctê-xi-át (giữa thế kỷ V - đầu thế kỷ IV trước công nguyên) - nhà sử học và thầy thuốc Cổ Hy Lạp, tác giả tác phẩm về ấn Độ và Ba Tư Cổ đại.-239.

Cu-da (Cuza), A-lếch-xan-đru (1820 - 1873) - nhà hoạt động chính trị Ru-ma-ni, năm 1859 - 1866 lấy vương hiệu A-lếch-xan-đrơ Giô-han I làm vua (người cầm quyền) hai Công quốc quốc

vùng Đa-nuýp là Môn-đa-vi-a và Va-la-khi, năm 1862 thành quốc gia Ru-ma-ni thống nhất; do âm mưu của bọn phản động phải nhượng ngôi và lưu vong ra nước ngoài.-638, 639, 665, 669.

Cu-ê-xta - xem *Gác-xi-a đơ la Cu-ê-xta*, Grê-go-ri-ô.

Cu-khoóc-nơ (Cô-khoóc) (Cochoorn), Men-nô, nam tước (1641 - 1704) - tướng Hà Lan, công trình sư quân sự, tác giả nhiều tác phẩm về xây công sự.-113, 217-220, 419, 420.

Cu-tu-dốp, Mi-khan-in I-la-ri-ô-nô-vích, công tước (1745 - 1813) - thống soái vĩ đại nước Nga.-118, 314-317.

Cúc (Cook), Giêm-xơ (1728 - 1779) - nhà hàng hải nổi tiếng Anh, đã hoàn thành ba cuộc hành trình quanh trái đất.-398.

Cxe-rơ-xơ (khoảng 519 - 465 trước công nguyên) - vua Cổ Ba Tư (486 - 465 trước công nguyên).13, 16, 188.

Cxê-nô-phôn-tơ (khoảng 430 - khoảng 354 trước công nguyên) - nhà sử học và nhà triết học Cổ Hy Lạp, nhà tư tưởng của giai cấp chủ nô.-21.

D

Da-kha-ri (Zachariae), Hen-rich An-be (1806 - 1875) nhà luật học Đức, đại biểu Quốc hội Phran-phước (1848 - 1849), thuộc cánh hữu phái giữa.-589, 595.

Dau-éc-hai-mơ (Sauernheimer) - công nhân làm bàn chải Đức, đầu những năm 50 thế kỷ XIX lưu vong sang Thụy Sĩ, chủ tịch Hội liên hiệp công nhân Đức ở Giơ-ne-vơ.504, 511, 512.

Dây-dli-xơ (Seydlitz), Phri-đrich Vin-hem (1721 - 1773) - tướng Phổ, trong cuộc Chiến tranh bảy năm 1756 - 1763 chỉ huy các đơn vị kỵ binh, đóng vai trò quan trọng trong việc cải tổ kỵ binh Phổ.-51, 373, 374, 378, 396.

Dắc-den - *Cô-buốc-gơ*, công tước - xem *éc-ne-xơ III*.

Dê-man sắc-sắc áp-ga-ni-xtan (1793 - 1800).-100.

Dết-tơ (Saedt), ốt-tô Giô-dép A-đôn-phơ (1816 - 1886) - quan toà Phổ, từ năm 1848 chủ trương lý ở Khuên, uỷ viên công tố trong vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852).-541.

Di-ghen (Sigel), An-be (1827 - 1884) - sĩ quan Ba-đen, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia phong trào cách mạng ở Ba-đen những năm 1848 - 1849; năm 1853 lưu vong sang Mỹ, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ đứng về phía miền Bắc.-581, 582.

Di-ghen (Sigel), Phran-tơ (1824 - 1902) - sĩ quan Ba-đen, nhà báo, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia phong trào cách mạng ở Ba-đen năm 1848 - 1849, tổng tư lệnh rồi phó tổng tư lệnh quân đội cách mạng Ba-đen trong thời kỳ cuộc khởi nghĩa Ba-đen-Pphan-xơ năm 1849; sau đó lưu vong sang Thụy Sĩ và Anh; năm 1852 di cư sang Mỹ, tham gia cuộc Nội chiến đứng về phía miền Bắc; anh của An-be Di-ghen.-581, 582.

Dôm-me (Sommer) - đầu những năm 50 thế kỷ XIX mật thám Phổ ở Pa-ri.-527, 863.

Đ

Đa-Đa - nhà chính luận A-rập, những năm 50 thế kỷ XIX được nhà cầm quyền An-giê-ri uỷ nhiệm dịch những tập sách đả kích phái Bô-na-pác-tơ ra tiếng A-rập.-694-698, 700, 701, 726, 732, 734, 885, 890.

Đa-đli (Dudley), Rô-bóc (1574 - 1649) - sĩ quan hải quân và nhà phát minh Anh, tác giả nhiều tác phẩm về hàng hải.-496.

Đa-na (Dana), Sác-lơ An-đéc-xơn 1819 - 1897) - nhà báo tiến bộ Mỹ, một trong những biên tập viên của báo "New - York Daily Tribune" và "Bách khoa toàn thư mới của Mỹ".-805-807, 884, 885.

Đa-ri I Ghi-xtáp (550 - 486 trước công nguyên) - vua Ba Tư Cổ đại.-14, 188, 398.

Đa-vu (Davout), Lu-i Ni-cô-la (1770 - 1823) - nguyên soái Pháp, một trong những bạn chiến đấu gần gũi của Na-pô-lê-ông I, tham gia những cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-83, 85, 123, 144, 164, 197, 198.

Đan-gren (Dahlgren), Giôn A-đôn-phơ (1809 - 1870) - sĩ quan hải quân và nhà phát minh quân sự Mỹ, từ năm 1863 là đô đốc, tác giả nhiều tác phẩm về pháo binh hải quân.-262.

Đan-tiu (Dentu), Ê-đu-ca Hăng-ri Giuyt-xtanh (1830 - 1884) - một trong những người chủ của nhà xuất bản Pháp Đan-tiu thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-628-632, 634-637, 654, 664, 666, 670, 679, 683, 691, 695, 885, 890.

Đan-tơ A-li-ghi-e-ri (Dante Alighieri) (1265 - 1321) - nhà thơ

vĩ đại I-ta-li-a.-519, 552, 553, 585, 730, 825.

Đ'At-xprê (D'Aspre), Công-xtăng-tin, nam tước (1761 - 1809) - tướng Áo, tham gia chiến tranh chống nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông.-199.

Đăng-tông (Danton), Gioóc-giơ Giắc-cơ (1759 - 1794) - một trong những nhà hoạt động lỗi lạc của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, lãnh tụ cánh hữu của phái Gia-cô-banh.-174, 175.

Đ'E-xte (D'Ester), Các-lút-vích I-ô-han (1811 - 1859) - nhà xã hội chủ nghĩa và nhà dân chủ Đức, nghề nghiệp thầy thuốc, thành viên chi bộ Khuên của Đồng minh những người cộng sản, năm 1848 đại biểu Quốc hội Phổ, thuộc cánh tả; từ tháng Mười năm 1848, uỷ viên Uỷ ban trung ương những người dân chủ ở Đức, đóng vai trò xuất sắc trong cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; về sau lưu vong sang Thụy Sĩ.-586, 769.

Đen-vi-nhơ (Delvigne), Hăng-ri Gu-xtáp (1799 - 1876) - sĩ quan và nhà phát minh quân sự Pháp.-57, 463.

Đê-các-tua (Decatur), Xtí-vơn (1779 - 1820) - chuẩn đô đốc Mỹ, năm 1815 chỉ huy phân hạm đội tác chiến chống lại An-giê-ri, Tuy-ni-di và Tơ-ri-pô-li.-130.

Đê-mô-xten (384 - 322 trước công nguyên) - nhà hùng biện và nhà hoạt động chính trị lỗi lạc Cổ Hy Lạp, lãnh tụ phái chống Ma-xê-đoan ở A-ten, ủng hộ chế độ dân chủ chủ nô.-554.

Đê-van (Deval) - lãnh sự Pháp ở An-giê-ri (1815 - 1827).-130.

Đi-ô-gien ở Xi-nô-pơ (khoảng 404 - khoảng 323 trước công nguyên) - nhà triết học Cổ Hy Lạp, một trong những người sáng lập ra trường phái Ki-ních phản ánh sự phản đối tiêu cực của tầng lớp nghèo khổ trong nhân dân chống lại sự chống trị của bọn hữu sản.-513.

Đi-ô-ni-di-ốt I Bô (khoảng 431 - 267 trước công nguyên) - bạo chúa ở Xi-ra-cơ-dơ (khoảng 406 - 367 trước công nguyên).-333.

Đi-txen (Dietzet), Gu-xtáp (1827 - 1864) - học giả và luật gia Đức.-732.

Đi-xra-e-li (Disraeli), Ben-gia-min, từ 1871 bá tước *Bi-con-xphin-dơ* (1804 - 1881) - nhà hoạt động nhà nước và nhà văn Anh, một trong những lãnh tụ của đảng To-ri, vào nửa sau thế kỷ XIX, lãnh tụ đảng bảo thủ; bộ trưởng tài chính (1852, 1858 - 1859 và 1866 - 1868), thủ tướng (1868 và 1874 - 1880).-799.

Đích-ken (Dickens), Sác-lơ (1812 - 1870) - nhà văn hiện thực vĩ đại Anh.-547, 682, 878.

Đi-lích (Dilich), Vin-hem *Sếp-phơ* (khoảng 1575 - 1655) - nhà văn quân sự Đức, tác giả sách giáo khoa về vấn đề quân sự và xây công sự.-414.

Đip-phen-bắc (Dieffenbach), *Ếc-nơ-xơ* (1811 - 1855) - nhà khoa học tự nhiên Đức, giáo sư địa chất học ở Hít-xen (1850).-734.

Đit-xơ (Dietz), Ô-xvan-đơ (khoảng 1824 - 1864) - kiến trúc sư

Đức ở Vi-xba-đen, tham gia cách mạng 1848 - 1849, lưu vong sang Luân Đôn, uỷ viên Ban chấp hành trung ương Đồng minh những người cộng sản, sau sự phân liệt trong đồng minh năm 1850, tham gia tập đoàn bè phái - phiêu lưu Vi-lích - Sáp-pơ, uỷ viên Ban chấp hành trung ương của tập đoàn này; về sau tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ.-862.

Đô-xơ Mô-ha-mét (1793 - 1863) - ê-mia Áp-ga-ni-xtan (1826 - 1839 và 1842 - 1863).-101-103, 108.

Đô-khtu-rốp, Đmi-tri Xéc-ghê-ê-vích (1756 - 1816) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, thời kỳ Chiến tranh giữ nước năm 1812 chỉ huy quân đoàn.-316,317.

Đôn-gô-ru-cốp, Pi-ốt Vla-đi-mi-rô-vích, công tước (1816 - 1868) - nhà chính luận và nhà sử học Nga, thuộc phái tự do, năm 1859 lưu vong ra nước ngoài, trong những năm 60 xuất bản nhiều tờ báo và tạp chí thuộc khuynh hướng đối lập, cộng tác với tờ "Cái chuông" của Ghéc-xen.-638.

Đơ-la-ma-rơ (Delamarre), Tê-ô-đo Ca-di-mia (1797 - 1870) - chủ ngân hàng Pháp, nhà chính luận, từ năm 1844 chủ tờ báo "Patrie", thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-728, 729.

Đơ-la-ốt (Delahodde cũng là de la Hodde, bí danh Duy-prê), Luy-xiêng (1808 - 1865) - nhà chính luật Pháp, tham gia các hội cách mạng bí mật thời kỳ Phục tích và thời kỳ Nền quân chủ tháng Bảy, mật thám.-527, 550, 863.

Đơ-la-ra-di-át (Delarageaz), Lu-i Hen-ri (1807 - 1891) - nhà hoạt động chính trị Thụy Sĩ, phần tử cấp tiến, ủng hộ Phu-ri-ê, biên tập viên báo "Nouvelliste Vaudois".-716.

Đơ Me-xơ-ra (De Maistre), Cxa-vi-e (1763 - 1852) - nhà văn và tướng Pháp, thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII lưu vong sang Nga, tác phẩm của ông phản ánh tâm trạng của quý tộc phản cách mạng.-783.

Đớc-bi (Derby), Ê-đu-ác Gioóc-giơ Giê-phri Xmít *Xten-li*, bá tước (1799 - 1869) - nhà hoạt động nhà nước Anh, lãnh tụ đảng To-ri, về sau là một trong những lãnh tụ của đảng bảo thủ, thủ tướng (1852, 1858 - 1859 và 1866 - 1868).661, 686, 748.

Đrây-dơ (Dreyse), I-ô-han Ni-cô-la-út (1787 - 1867) - nhà phát minh quân sự và chủ xưởng Phổ.-464.

Đrây-cơ (Drake), Phren-xít (khoảng 1540 - 1596) - nhà hàng hải Anh, đô đốc, năm 1588 tham gia đánh tan Ác-ma-da Tây Ban Nha.-211.

Đron-ke (Dronke), Êc-nơ-xtơ (1822 - 1891) - nhà chính luận Đức, ban đầu là "nhà xã hội chủ nghĩa chân chính", sau là thành viên của Đồng minh những người cộng sản và một trong những biên tập viên của tờ "Neue Rheinische Zeitung", sau cách mạng năm 1848 - 1849 lưu vong sang Giơ-ne-vơ, rồi năm 1851 sang Anh, trong thời kỳ phân liệt của Đồng minh những người cộng sản năm 1850, ủng hộ Mác và Ăng-ghe-nơ; về sau rời bỏ hoạt động

chính trị và chuyển sang buôn bán.-507, 512, 578.

Đruy-ê d'Ec-lon (Drouet d'Erlon), Giảng Ba-ti-xtơ, bá tước (1765 - 1844) - tướng Pháp về sau là nguyên soái, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông,-322, 323, 324, 392.

Đruy-ê (Druey), Hăng-ri (1799 - 1855) - nhà hoạt động nhà nước Thụy Sĩ, phần tử cấp tiến, uỷ viên Hội đồng liên bang (1848 - 1854), bộ trưởng tư pháp và cảnh sát (từ năm 1848), năm 1850 tổng thống Liên bang Thụy Sĩ.-510, 512, 522-526, 848, 850, 852-856.

Đu-a-nô (Doineau), Au-gu-xtơ Ê-đu-ác (sinh năm 1824) - sĩ quan Pháp, từ năm 1853 làm cục trưởng một cục A Rập ở An-giê-ri năm 1856 do giết một người An-giê-ri bị toà án bồi thẩm xử tử hình, năm 1857 Na-pô-lê-ông đổi thành tù chung thân; năm 1859 được ân xá.-135.

Đu-lông (Dulon) - Ru-đôn-phơ (1807 - 1870) - mục sư Đức, ủng hộ phong trào "Ban của ánh sáng" chống lại giáo hội chính thống,năm 1853 lưu vong sang Mỹ.-569.

Đu-sếch (Dusek), Phran-ti-sếch (1797 - 1873) - nhà hoạt động nhà nước Hung-ga-ri, vốn người Tréc, bộ trưởng tài chính trong chính phủ cách mạng Xê-me-rơ (1849).-748.

Đun-xơ Xcô-tút (Duns Scotus), Giôn (khoảng 1265 - 1308) - nhà triết học thời Trung cổ, nhà triết học kinh viện, đại biểu của chủ nghĩa duy danh là biểu hiện của chủ nghĩa duy vật thời

Trung cổ.-788, 794.

Duy-cô (Ducos), Rô-gie (1747 - 1816), nhà hoạt động của cách mạng tư sản Pháp, cuối thế kỷ XVIII, đại biểu của giai cấp đại tư sản, nghề nghiệp luật sư.-197.

Duy-cô-mun (Ducommun), Ê-li (1833 - 1906), - nhà hoạt động nhà nước và nhà báo Thụy Sĩ, phần tử cấp tiến, từ năm 1855, biên tập viên "Revue de Genève".-718.

Duy-cu-đơ *Hôn-stai-nơ* (Ducoudray Holstein) - sĩ quan Pháp, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, tác giả cuốn sách có thiên kiến về Bô-li-va-rô.-294.

Duy-lông (Dulong), Phrăng-xoa Sác-lơ (1792 - 1834) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Pháp, từ năm 1831 hạ nghị sĩ, thuộc phái đối lập tự do.-272.

Duy-ga-men A-lếch-xan-đơ Ô-xi-pô-vích (1801 - 1880) - tướng và nhà ngoại giao Nga, trong những năm 1842 và 1848 mang sứ mệnh đặc biệt đến Các công quốc vùng Đa-nuýp.-641.

Duy-ken (Duquesne), Ap-ram, hầu tước (1610 - 1688) - đô đốc Pháp, những năm 1680 - 1683 tiến hành hoạt động quân sự chống An-giê-ri và Tơ-ri-pô-li.-128.

Duy-lai (Gyulay), I-gna-xơ, bá tước (1763 - 1881) - tướng Áo, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-227.

Duy-mông (Dumont), Giô-dép (1811 - 1861) - nhà báo tư sản

Đức, thuộc phải tự do ôn hoà, từ năm 1831 phát hành ở "K\lnische Zeitung"; đổi họ thành Mông-tơ.-766, 895, 896.

Duy-mu-ri-ê (Dumouriez), Sác-lơ Phrăng-xoa (1739 - 1823) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp thời cách mạng tư sản cuối thế kỷ XVIII, thuộc phái Gi-rông-đanh; năm 1792 - 1793 chỉ huy quân đội cách mạng ở miền Bắc, tháng Ba năm 1793 phản bội nước Cộng hòa Pháp.-174.

Duy-pa (Dupas), Pi-e Lu-i (1761 - 1823) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-199.

Duy-panh (Dupin), Ăng-đrê Ma-ri Giăng Giắc (1783 - 1865) - luật gia và nhà hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái Oóc-lê-ăng, sau thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-755.

Duy-piư đơ Lôm (Dupuy de Lôme), Xta-ni-xla Sác-lơ Hăng-ri Lô-ran (1816 - 1885) - công trình sư quân sự và công trình sư đóng tàu Pháp.-475.

Duy-phô-rơ (Dufaure), Giuy-lơ Ác-măng Xta-ni-xla (1798 - 1881) - luật sư Pháp, nhà hoạt động chính trị tư sản, thuộc phái Oóc-lê-ăng, được nổi tiếng rộng rãi nhờ tham gia các vụ xét xử về chính trị; năm 1848, đại biểu Quốc hội lập hiến, tháng Mười - tháng Chạp năm 1848, bộ trưởng bộ nội vụ trong chính phủ Ca-ve-nhắc.-660.

Duy-pông đơ I'Ê-man (Dupont de l'Etang), Pi-e-rơ Ăng-toan (1765 - 1840) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của

nước Pháp Na-pô-lê-ông, năm 1808 trong thời kỳ chiến tranh của Tây Ban Nha đã đầu hàng ở gần Bai-len với sư đoàn của mình.-176.

Duy-rơ (Dürer), An-brếch-tơ (1471 - 1528) - hoạ sĩ và nhà điêu khắc vĩ đại Đức; nghiên cứu vấn đề xây công sự.-419.

E

Éc-bi-ông (Herbillon), Ê-min (1794 - 1866) - tướng Pháp, trong những năm 40 tham gia xâm lược An-giê-ri, năm 1855 chỉ huy sư đoàn ở Crum.-135.

Éc-lon - xem Đru-ê d'Éc-lon, Giảng Ba-tít-xtơ.

Éc-ma-ni (Ermani) - người xuất bản và chủ hiệu sách ở Luân Đôn.-622, 880.

Éc-nơ-xtơ III (Ernst III) (1784 - 1844) - công tước Dắc-den - Cô-buốc-gơ (1806 - 1826) và Dắc-den - Cô-buốc-gơ - Gô-ta với vương hiệu Éc-nơ-xtơ I (1826 - 1844), tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-226.

Éc-ra-rơ (Errard), Giảng (1554 -1610) - công trình sư quân sự và nhà toán học Pháp, tác giả tác phẩm về xây công sự.-413.

En-ghen-hác, An-tôn Ép-xta-phi-ê-vích (1795 - 1872) - tướng Nga, tham gia đàn áp cách mạng Ba Lan năm 1830 - 1831 và cách mạng Hung-ga-ri năm 1848 - 1849.-167.

En-glen-đơ (Engländer), Dích-mun (1828 - 1902) - nhà báo Áo, năm 1848 lưu vong sang Anh, mật thám.-222.

En-phin-xtơn (Elphinstone), Ma-un-xtiu-ác (1779 - 1859) - nhà ngoại giao Anh và quan chức của Công ty Đông Ấn, những năm 1808 - 1809 giữ chức đại sứ ở Ca-bun, những năm 1819 - 1826 tỉnh trưởng Bom-bay.-101.

En-phin-xtơn (Elphinstone), Uy-li-am Gioóc-giơ Kit (1782 - 1842) - tướng Anh, năm 1841 chỉ huy quân đội ở Ca-bun trong thời kỳ chiến tranh Anh- áp-ga-ni-xtan (1838 - 1842).-104, 105.

En-xơ (Elsner), Các Phri-đrich Mô-rít-xơ (1809 - 1894) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Xi-lê-di, phần tử cấp tiến, năm 1848 đại biểu Quốc hội Phổ, thuộc cánh tả; trong những năm 50, một trong những biên tập viên của tờ "Neue Oder - Zeitung".-803.

Em-méc-man (Emmermann), Các-lơ - quan chức kiểm lâm, chỉ huy phân đội bộ binh của quân đội cách mạng Ba-den - Pphan-xơ năm 1849, sau khi cách mạng thất bại lưu vong sang Thụy Sĩ.-554, 556.

Ê-ca-lê-ri-na II (1729 - 1796) - nữ hoàng phổ (1762 - 1796).-139, 140, 634, 639.

Ê-đơ (Eudes) (665 - 735) - công tước A-qui-tan, tham gia cuộc đấu tranh của người Phrăng chống lại sự xâm nhập của người A Rập.-368.

Ê-đu-ác-đơ, hoàng thân xứ Oen-xơ (biệt hiệu hoàng thân Đen) (1330 - 1376) - con vua Anh Ê-đu III, một trong những thống soái

thời kỳ Chiến tranh trăm năm giữa Anh và Pháp.-445.

E-len-bô-rô (Ellenborough), Ét-ốt Lô, từ năm 1844 bá tước (1790 - 1871) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, toàn quyền Ấn Độ (1842 - 1844), năm 1846 bộ trưởng hải quân, chủ tịch Ủy ban giám sát công việc Ấn Độ (1858).-107.

Ê-li-an (thế kỷ II) - nhà văn quân sự Hy Lạp.-239.

Ê-li-da-bét (Elizabeth) (1553 - 1603) - nữ hoàng Anh (1558 - 1603).39, 79, 209.

Ê-pa-mi-nông (khoảng 420 - 362 trước công nguyên) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước lỗi lạc Cổ Hy Lạp, một trong những lãnh tụ của chế độ dân chủ chủ nô Ti-van.-22, 90, 92, 435, 457.

Ê-phi-an-tơ - người Hy Lạp, vào năm 480 trước công nguyên đã phản bộ chỉ cho người Ba Tư con đường vòng đến khe núi Phéc-mô-pi do đó làm cho những người bảo vệ khe núi đứng đầu là vua Xpác-tơ Lô-ô-nít bị chết.-724.

Ê-ri (Airey), Ri-sốt (1803 - 1881) - tướng Anh, năm 1854 - 1855 cục trưởng cục quân nhu quân đội Anh ở Crum, sau đó cục trưởng cục quân nhu toàn thể quân đội Anh (1855 - 1865).-81.

Ê-xpác-te-rô (Espartero), Ban-đô-me-rô (1793 - 1879) - tướng và nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, lãnh tụ đảng tiến bộ, nhiếp chính Tây Ban Nha (1841 - 1843), đứng đầu chính phủ (1854 - 1856).-215.

Ê-van-xơ (Evans), Giooc-giơ đơ Lây-xi (1787 - 1870) - tướng Anh, nhà hoạt động chính trị của đảng tự do, nghị sĩ; năm 1854 chỉ huy sư đoàn ở Crum.-75, 76.

Ếch-xma-út (Exmouth), Ê-du-a *Pen-li-u* (1757 - 1833) - đô đốc Anh, năm 1816 chỉ huy hạm đội hoạt động chống lại An-giê-ri, Tuy-ni-di và O-ri-pô-li.-130.

G

Ga-ghéc-nơ (Gagern), Hen-rích, nam tước (1799 - 1880) - nhà hoạt động chính trị tư sản Đức, phần tử tự do ôn hoà; đại biểu và chủ tịch Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh hữu phái giữa, thủ tướng đế quốc (tháng Chạp năm 1848 - tháng Ba năm 1849), sau tháng Năm 1849 là một trong những lãnh tụ của phái Gô-ta.-586, 597, 855.

Ga-le (Galeer), An-be (1816 - 1851) - giáo viên và nhà văn Thụy Sĩ; nhà dân chủ, tham gia cuộc chiến tranh chống Đồng minh đặc biệt ở Thụy Sĩ năm 1847 và cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, nghị sĩ Đại hội đồng viện Giơ-ne-vơ, ban đầu ủng hộ Pha-di về sau là thủ lĩnh phe đối lập.-494, 760-764.

Ga-le (Galeer), Ô-xca - em của An-be Ga-le, sinh viên đại học.-494.

Ga-li-lê (Galilei), Ga-li-lê-ô (1564 - 1642) - nhà vật lý học và nhà thiên văn học vĩ đại I-ta-li-a, người sáng lập ra nguyên lý cơ học, chiến sĩ đấu tranh cho thế giới quan tiến bộ.-249.

Ga-ri-ban-di (Garibaldi), Giu-dép-pơ (1807 - 1882) - nhà cách mạng và nhà dân chủ I-ta-li-a, lãnh tụ phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a; năm 1848 chỉ huy quân đoàn tình nguyện chiến đấu quên mình bên cạnh quân đội Pi-ê-mông trong cuộc chiến tranh chống Áo; người tổ chức chính công cuộc phòng thủ nước Cộng hoà La Mã năm 1849; những năm 50 -60, lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân I-ta-li-a nhằm giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước.-750.

Gác-đăng (Gardane), Clô-đơ Ma-thi-ê-dơ (1766 - 1817) - tướng và nhà ngoại giao Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, năm 1807 - 1808 có sứ mệnh đặc biệt ở Tê-hê-ran.-101.

Gắc-xi-a đơ la Cu-ê-xta (Garcia de la Cuesta), Grê-go-ri-ô (1741 - 1811) - tướng Tây Ban Nha, tham gia chiến tranh giải phóng chống sự thống trị của Na-pô-lê-ông.-170.

Gây-đen, Lô-ghin Pê-tơ-rô-vích (1772 - 1850) - đô đốc hạm đội Nga, chỉ huy phân hạm đội trong trận chiến đấu Na-va-rin trong thời kỳ chiến tranh Nga-Thổ Nhĩ Kỳ năm 1828 - 1829, tổng tư lệnh hạm đội Nga ở Địa Trung Hải.-641.

Ghéc-la-khơ (Gerlach), Êc-nơ-xơ Lut-vích (1795 - 1877) - luật gia Phổ, nhà hoạt động chính trị phản động, người sáng lập báo "Neue Preußische Zeitung".-782.

Ghê-béc (Gebert), Au-gu-xơ - thợ mộc ở Mếch-clen-bua, hội

viên Đồng minh những người cộng sản ở Thụy Sĩ, sau di cư sang Luân Đôn, sau sự phân liệt của Đồng minh năm 1850, tham gia tập đoàn bè phái - phiêu lưu Vi-lích - Sáp-pơ, uỷ viên Ban chấp hành trung ương của tập đoàn này.-522.

Ghi-dô, công tước - xem *Hen-rích II Lo-ren-nơ*.

Ghi-dô, (Guizot), Phrăng-xoa Pi-e Ghi-ôm (1787 - 1874) - nhà sử học và nhà hoạt động nhà nước của giai cấp tư sản Pháp, từ năm 1840 đến cách mạng tháng hai năm 1848, lãnh đạo trên thực tế chính sách đối nội, đối ngoại, đại biểu cho lợi ích của giai cấp tư sản tài chính.-273, 502, 558, 804.

Ghi-pe-rích (Gipperich), I-ô-dép - thợ may Đức, thành viên của một trong những chi bộ Pa-ri, sau sự phân liệt của Đồng minh những người cộng sản, thuộc tập đoàn bè phái - phiêu lưu Vi-lích - Sáp-pơ, một trong những bị cáo của cái gọi là vụ án âm mưu Pháp - Đức ở Pa-ri tháng Hai năm 1852, về sau lưu vong sang Anh.-864.

Gi-rác-đanh (Girardin), Đen-phin-dơ (1804 - 1885) - nữ văn sĩ Pháp, vợ của Ê-min-dơ Gi-rác-đanh.-502.

Gi-rác-đanh (Girardin), Ê-min-dơ (1806 - 1881) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị của giai cấp tư sản Pháp, trong những năm 30 - 60 (có gián đoạn) là biên tập viên báo "Presse", về mặt chính trị có đặc điểm là cực kỳ vô nguyên tắc; trước cách mạng năm 1848 ở phe đối lập với chính phủ Ghi-do, trong thời kỳ

cách mạng là nhà cộng hoà tư sản, đại biểu Quốc hội lập pháp (1850 - 1851), về sau theo phái Bô-na-pác-tơ.-728.

Gi-rôn (Girón), Pê-đrô A-gu-xtin (1778 - 1842) - tướng Tây Ban Nha, tham gia chiến tranh giải phóng chống sự thống trị của Na-pô-lê-ông (1808 - 1814).-275.

Gia-cô-bi (Jacobi), A-bra-ham (sinh năm 1832) - thầy thuốc Đức, hội viên Đồng minh những người cộng sản, một trong những bị cáo trong vụ án những người cộng sản ở Khuê (1852), được toà án bồi thẩm xử trắng án, về sau lưu vong sang Mỹ.-870.

Gia-cốp II (1633 - 1701) - vua Anh (1685 - 1688).-550.

Giê-rác (Gerard), Ê-chiê-n Mô-ri-xơ, bá tước (1773 - 1852) - tướng Pháp về sau là nguyên soái và nhà hoạt động chính trị, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-317.

Giêm-xơ (James) - sĩ quan Anh.-79.

Giêm-xơ (James), Gioóc-giơ Pây-nơ Rây-nơ-xphoóc-đơ (1799 - 1860) - nhà văn Anh, tác giả nhiều tiểu thuyết lịch sử.-79.

Gioăng-vin (Joinville), Phrăng-xoa Phéc-đi-năng Phi-líp Lu-i Ma-ri công tước Oóc-lê-ăng, hoàng thân đơ *1818 - 1900) - con trai của Lu-i - Phi-líp, trong những năm 40 tham gia xâm lược An-giê-ri, sau thắng lợi của cách mạng tháng Hai năm 1848 lưu vong sang Anh.-134, 474.

Gioóc-giơ II (1683 - 1760) - vua Anh và tuyển đế hầu Han-nô-vơ (1727 - 1760).-139.

Gioóc-giơ IV (1762 - 1830) - nhiếp chính (1811 - 1820) và vua Anh (1820 - 1830).-236.

Giô-dép Phla-vi-út (khoảng 37 - khoảng 95) - nhà sử học và thủ trưởng quân sự Do Thái, tác giả nhiều tác phẩm về Cổ Do Thái và Cổ La Mã.-209, 215.

Giô-tơ răng (Jottrand), Luy-xiêng Lê-ô-pôn (1804 - 1877) - luật gia và nhà chính luận Bỉ, trong những năm 40 là nhà dân chủ tiểu tư sản; chủ tịch Hội liên hiệp dân chủ Bruy-xen.-805, 882.

Giôn-xơ (Jones), éc-ne-xơ Sác-lơ (1819 - 1869) - nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Anh, nhà thơ và nhà chính luận vô sản, một trong những lãnh tụ của phái hiến chương cách mạng, một trong những biên tập viên của tờ "Northern Star", biên tập viên "Notes to the People" và "People's Paper"; bạn của Mác và ăng-ghen.-606, 806, 883.

Giu-vê-nan (Đê-xi-mút Giu-ni-út Giu-vê-na-lít) sinh trong những năm 60 - mất sau năm 127) - nhà thơ trào phúng nổi tiếng La Mã.-511, 816.

Giuốc-đan (Jourdan), Giảng Ba-ti-xơ (1762 - 1833) - tướng Pháp, từ 1804 nguyên soái; tham gia cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp chống lại liên minh thứ nhất của các nước châu Âu.-194.

Giuốc-đan (Jourdan), Lu-i (1810 - 1881) - nhà chính luận

Pháp, ủng hộ học thuyết của Xanh-Xi-mông, sau đó thuộc phái Bô-na-pác-tơ, từ năm 1849 biên tập viên báo "Siècle".-700, 25, 733.

Giuốc-ni-ác Xanh - Mê-ác (Jourgniac Saint-Méard), Phrăng-xoa đơ (1745 - 1827) - sĩ quan và nhà chính luận Pháp, phần tử bảo hoàng.-174.

Giúyt-xti (Giusti), Giu-dép-nơ (1809 - 1800) - nhà thơ trào phúng I-ta-li-a.-772.

Gnai-dơ-nau (Gneisenau), Au-gu-xơ, Vin-hem An-tôn (1760 - 1831) - tướng và nhà hoạt động chính trị Phổ, từ năm 1825 nguyên soái; đóng vai trò xuất sắc trong cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Đức chống sự thống trị của Na-pô-lê-ông; sau khi quân đội Phổ bị Na-pô-lê-ông đánh bại năm 1806, tham gia việc thảo ra nguyên tắc cải cách quân sự; trong những năm 1813 - 1814 và 1815, tham mưu trưởng quân đội của Bluy-khơ.-219-221, 231, 237, 644.

Gô-chi-e (Gautier), Giắc Lu-i - nhà báo Pháp, phần tử bảo hoàng, cuối những năm 80 đầu những năm 90 thế kỷ XVIII, một trong những biên tập viên của báo "Journal général de la Cour et de la Ville".-174.

Gô-li-txun, A-lếch-xan-đơ Mi-khai-lô-vích - nhà ngoại giao Nga, vào cuối những năm 50 - đầu những năm 60 thế kỷ XVIII công sứ ở Luân Đôn.-630.

Gôn-hai-mơ (Goldheim) - sĩ quan cảnh sát Phổ, đầu những năm 50 thế kỷ XIX là một trong những tên mật thám của cảnh sát Phổ ở Luân Đôn.-530, 866-868.

Gôn-sơ (Goltz), Các-lơ Hen-rích Phri-đrich (1772 - 1822) - tướng và nhà ngoại giao Phổ, tham gia chiến tranh chống nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông, những năm 1814 - 1822 công sứ ở Pa-ri.-218.

Gôn-xa-let (Gonzalez) - sĩ quan Tây Ban Nha, đầu thế kỷ XIX chỉ huy quân đội đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-279.

Grôt-phrit ở Xơ-ra-xbua (cuối thế kỷ XII - đầu thế kỷ XIII) - nhà thơ Đức thời Trung cổ, tác giả bài thơ kỳ sĩ "Tri-xtan và I-đôn-đa".-657.

Gơ-tơ (Goethe), I-ô-han Vôn-phơ-găng (1749 - 1832) - nhà văn và nhà tư tưởng vĩ đại Đức.-547, 559, 696, 753, 787.

Gơ-xơ (Götze) - luật gia Đức, trong những năm 50 thế kỷ XIX phó chánh án toà án tối cao Phổ.-813.

Gra-bơ, Pa-ven Khri-xtô-phô-rô-vích (1787 - 1875) - nhà hoạt động quân sự và nhà nước Nga, tham gia việc đàn áp cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1830 - 1831 và vào việc can thiệp của quân đội Nga hoàng chống lại cách mạng Hung-ga-ri năm 1849.-754.

Gra-ni-ê đơ Cát-xa-nhắc (Granier de Cassagnac), A-đôn-phơ (1806 - 1880) - nhà báo Pháp, chính khách vô nguyên tắc, trước

cách mạng năm 1848, thuộc phái Oóc-lê-ăng rồi phái Bô-na-pác-tơ, nghị sĩ Đoàn lập pháp (1852 - 1870), giữ lập trường cực hữu, cộng tác với báo "Constitutionnel".-502, 700, 733.

Grăng-guy-lô (Grandguillot), An-xít Pi-e (1829 - 1891) - nhà chính luận Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, từ năm 1859 chủ bút báo "Constitutionnel", biên tập viên báo "Pays" (1863 - 1865).-685, 700, 885.

Grây-nơ (Greiner), Lút-vích - luật gia Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1849 uỷ viên chính phủ cách mạng lâm thời ở Pphran-xơ, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong sang Thụy Sĩ rồi sang Mỹ.-586, 598.

Grây-phơ (Greif) - sĩ quan cảnh sát Phổ, đầu những năm 50 thế kỷ XIX là một trong những người lãnh đạo gián điệp Phổ ở Luân Đôn.-527, 529, 859-868.

Grê-gô-ri XVI (1756 - 1846) - giáo hoàng La Mã (1831 - 1846).-642.

Gri-bô-van (Gribeauval), Giảng Báp-ti-xơ đơ (1715 - 1789) - tướng Pháp, trong những năm 1764 - 1789 (có gián đoạn) giữ chức vụ thanh tra pháo binh Pháp, đóng vai trò quan trọng trong việc cải tổ pháo binh Pháp.-56, 247, 251-154.

Grít-ti (Gritti), An-đrê-a (khoảng 1455 - 1538) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước Vơ-ni-dơ năm 1510 - 1521 tổng tư lệnh quân đội trong cuộc chiến tranh I-ta-li-a, năm 1523-1538 là tổng

đốc Vơ-ni-dơ.-343.

Gru-ních (Grunich) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, đầu những năm 50 thế kỷ XIX di cư sang Luân Đôn.-496.

Gru-si (Grouchy), Ê-ma-nuy-en, hầu tước đơ (1766 - 1847) - tướng Pháp, từ năm 1815 nguyên soái, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-317.

Gu-xtáp II A-đôn-phơ (1594 - 1623) - vua Thụy Điển (1611 - 1632), thống soái và nhà cải cách quân sự lỗi lạc.-46-49, 246, 247, 372, 452, 453, 458.

Gu-xtáp IV A-đôn-phơ (1778 - 1837) - vua Thụy Điển, năm 1809 bị lật khỏi ngai vàng do một âm mưu quân sự.-117, 176, 198, 202.

Gu-thơ-smít (Guthschmidt) - quan chức tư pháp Phổ.-731, 839, 840, 841.

Guê-gơ (Goegg), A-man-đu-xơ (1820 - 1897) - nhà báo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1849 uỷ viên chính phủ lâm thời Ba-đen, sau khi cách mạng thất bại lưu vong khỏi nước Đức, trong những năm 70 tham gia đảng xã hội - dân chủ Đức.-853, 871.

Guéc-gây (Görgey), Ac-tua (1818 - 1916) - nhà hoạt động quân sự của cách mạng Hung-ga-ri năm 1848 - 1849, tổng tư lệnh quân đội Hung-ga-ri (tháng Tư - tháng Sáu năm 1849); dựa vào bọn sĩ quan phản động và bộ phận phản cách mạng của giai cấp tư sản

ngắm ngấm phá hoại chiến tranh cách mạng.-327-330, 647, 737, 738, 753.

H

Ha-clen-đe-rơ (Hackländer), Phri-đrich Vin-hem (1816 - 1877) - nhà văn Đức.-696.

Ha-det - nhà thơ ấn Độ đầu thế kỷ XIII.-239.

Ha-dơ-phen (Hatzfekdt), Mắc-xi-mi-li-an, công tước (1813 - 1859), nhà ngoại giao Phổ, từ 1849 là công sứ ở Pa-ri, tham gia Hội nghị hoà bình Pa-ri năm 1856.-528, 862.

Ha-ghen (Hagen), Các-lơ (1810 - 1868) - nhà sử học Đức, nhà hoạt động chương trình, những năm 1848 - 1849 đại biểu Quốc hội Han-no-vơ thuộc cánh cực tả; từ năm 1855, giáo sư ở Béc-nơ.-586, 595.

Ha-min-tơn (Hamilton), Giêm-xơ (mất năm 1850) - quý tộc Xcốt-len, ủng hộ vua Xcốt-len Ma-ri Xtiu-át.-79.

Ha-min-các Bác-ca (khoảng 270 - khoảng 228 trước công nguyên) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước Các-ta-giơ, năm 247 - 241 trước công nguyên lãnh đạo cuộc đấu tranh chống người La Mã ở đảo Xi-xin, năm 237 - khoảng 228 trước công nguyên chỉ huy quân viễn chinh xâm lược Tây Ban Nha, thân sinh của Han-ni-ban.-363, 364.

Ha-phi-dơ, Săm-xét-đin Mô-ha-mét (khoảng 1300 - khoảng 1389) - nhà thơ vĩ đại Ba Tư, vốn người Tát-gích, nhà văn học cổ

điển về văn học Tát-gich.-511.

Ha-rít (Harris), Êt-vác-đơ An-phrét Giôn (1808 - 1888) - sĩ quan và nhà ngoại giao Anh, đại biện ở Béc-nơ (1858 - 1867).-686, 689, 692, 708-714.

Ha-va-xơ (Havas), Au-gu-xtơ (1814 - 1889) - một tổng những người chủ hãng thông tấn Pháp.-882.

Ha-xđơ-ru-ban - thống soái Các-ga-giơ, tham gia cuộc Chiến tranh Pu-ni thứ hai (218 - 201 trước công nguyên).-336.

Hác-đinh (Hardinge), Hen-ri, tử tước (1785 - 1856) - sĩ quan Anh, về sau là nguyên soái và nhà hoạt động chính trị, thuộc đảng To-ri, tham gia cuộc chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ (1808 - 1814).-73, 357.

Hác-ni (Harney), Gioóc-giơ Giu-li-an (1817 - 1897) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Anh, một trong những lãnh tụ của cánh tả phái hiến chương; biên tập viên báo "Northern Star" và nhiều tập sản định kỳ của phái Hiến chương, có quan hệ với Mác và Ăng-ghen.-566.

Hác-tman (Hartmann), Ghê-oóc-gơ (1489 - 1564) - nhà cơ khí học và vật lý học Đức.-244.

Hai-đơ-man (Heidemann) (thế kỷ XVII) - công trình sư quân sự người Đức, làm việc ở Hà Lan.-413.

Hai-ét-đin, Bác-ba-rốt-xa (khoảng 1467 - 1546) - cướp biển Thổ Nhĩ Kỳ, người cầm quyền ở An-giê-ri (1815 - 1546).-128.

Hai-nơ (Heine), Hen-rích (1797 - 1856) - nhà thơ cách mạng vĩ đại Đức.-545, 596, 603, 693, 766, 872.

Hai-ôn (Guyon), Ri-sắc Đê-bốp-rơ (1803 - 1856) - tướng Thổ Nhĩ Kỳ mang tên Hua-sít-pa-sa, nguyên là người Anh, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong sang Thổ Nhĩ Kỳ; năm 1853 chỉ huy quân đội Thổ Nhĩ Kỳ ở Cáp-ca-đơ.-738.

Hai-nơ-txen (Heinzen), Các (1809 - 1880) - nhà chính luận cấp tiến Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, chống lại Mác và Ăng-ghe-n, tham gia cách mạng Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau đó lưu vong sang Thụy Sĩ rồi sang Anh, mùa thu năm 1850 định cư hẳn ở Mỹ.-761.

HAN-NI-BAN (HANNIBAL) (KHOẢNG 247 - 183 TRƯỚC CÔNG NGUYÊN) - THỐNG SOÁI KIỆT XUẤT CỦA CÁC-TA-GIƠ.-27, 90, 362-366.

Han-xác-dơ (Hansard), Tô-mát Kéc-dôn (1776 - 1833) - người xuất bản Anh, người công bố các báo cáo của hội nghị nghị viên.-606.

Háp-xbước - hoàng triều của cái gọi là Đế quốc La Mã thần thánh từ năm 1273 đến năm 1806 (có gián đoạn), vương triều Tây Ban Nha (1516 - 1700), hoàng triều Áo (từ năm 1804) và Áo - Hung (1867 - 1918).-647, 649, 792, 818.

Hát-man (Hartmann), Mô-ri-xơ (1821 - 1872) - nhà văn Áo, vào giữa những năm 40 là "nhà xã hội chủ nghĩa chân chính", đại

biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh cực tả.-697.

Hát-man phon Au-ê, (khoảng 1170 - khoảng 1210) - nhà thơ trữ tình và anh hùng ca Đức thời Trung cổ.-697.

Hát-txơ-phen (Hatzfeldt), Mắc-xi-mi-liêng, bá tước (1813 - 1859) - nhà ngoại giao Phổ, từ năm 1849 công sứ ở Pa-ri, tham gia Hội nghị hoà bình Pa-ri năm 1856.-697.

Hát-xơn (Hudson), Giêm (1810 - 1885) - nhà ngoại giao Anh, công sứ ở Tu-ranh (1851 - 1863).-711, 712.

Hau-ác-đơ (Howard), Sác-lơ (1536 - 1624) - đô đốc Anh, trong những năm 1585 - 1618 lãnh đạo hải quân, năm 1588 tổng tư lệnh hạm đội Anh đánh bại Ác-ma-da Tây Ban Nha.-210, 211.

Hau-gơ (Haug), éc-nơ-xơ - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, sĩ quan áo, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở I-ta-li-a; sau khi cách mạng thất bại lưu vong sang Anh, một trong những biên tập viên của tuần báo "Kosmos".-568.

Hau-pơ-tơ (Haupt), Héc-man Vin-hem (sinh khoảng năm 1831) - nhân viên thương nghiệp Đức, hội viên Đồng minh những người cộng sản, một trong những người bị bắt về vụ án những người cộng sản ở Khuên, đã phản bội cung khai khi điều tra, được cảnh sát tha trước khi xét xử, chạy sang Bra-xin.-542, 866.

Hay-nau (Haynau), I-u-li-át I-a-cốp (1786 - 1853) - tướng Áo, đàn áp dã man phong trào cách mạng ở I-ta-li-a và Hung-ga-ri những năm 1848 - 1948, do biểu hiện tàn bạo mà mang biệt hiệu

"chó rừng điên".-343, 754.

Hắc-xơ-hau-den (Haxthausen), Au-gu-xơ (1792 - 1866) - quan chức và nhà văn Phổ, tác giả tác phẩm chuyên môn tả tàn dư của chế độ thôn xã trong quan hệ ruộng đất ở Nga, về quan điểm chính trị là một chủ nông nô phản động.-645.

Hăng-ri IV (1553 - 1610) - vua Pháp (1589 - 1610).-45, 46, 79.

Hây-dơ (Heise), Hen-rích (mất năm 1860) - nhà dân chủ và nhà chính luận Đức, một trong những biên tập viên của báo "Hornisse" (1848 - 1850), tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở Đức, sau lưu vong sang Anh.-608.

He-rơ (Heer), Cri-xtốp (mất năm 1701) - nhà toán học và công trình sư quân sự Đức, tác giả tác phẩm về xây công sự.-413.

Héc-boóc-tơ (Herbort), I-ô-han An-tôn (thế kỷ XVIII) - công trình sư quân sự Vuyéc-tem-béc, tác giả tác phẩm về xây công sự.-421.

Héc-man (Hermann) - luật gia Đức, năm 1859 luật sư của Phổ-gơ trong vụ Phổ-gơ kiện báo "Allgemeine Zeitung".-490, 497, 617, 773.

Héc-xen, A-lếch-xan-đrơ I-va-nô-vích (1812 - 1870) - nhà dân chủ cách mạng vĩ đại Nga, nhà chính luận và nhà văn, nhà triết học duy vật; năm 1847 di cư ra nước ngoài, tại đó tổ chức nhà in tự do Nga và xuất bản văn tập "Sao Bắc cực" và báo "Cái chuông".-762.

Ham-pđen (Hampden), Giôn (1594 - 1643) - nhà hoạt động nổi tiếng của cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII, phản ánh lợi ích của giai cấp tư sản và quý tộc tư sản hoá.-660.

Hen-ri (Henry), Tô-mát (1807 - 1876) - thẩm phán an ninh Anh.-623, 880, 881.

Hen-ri VII (1456 -1509) - vua Anh (1485 - 1509).-468.

Hen-ri VIII (1491 - 1547) - vua Anh (150 - 1547).-78, 468.

Hen-rích II Lo-ren-nơ, công tước *Ghi-dơ* (1614 - 1664) - một trong những nhà hoạt động của phong trào Phrông-đơ.-500.

Hen-txi (Hentzi), Hen-rích (1785 - 1849) - tướng áo, chỉ huy quân đội Áo đóng giữ pháo đài Bu-da, khi pháo đài này bị quân đội cách mạng Hung-ga-ri bao vây năm 1849.-329, 330.

Hép-ne (Htmner), Lê-ô-pôn (sinh năm 1820) - nhà báo Áo, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở Đức, sau đó lưu vong ra nước ngoài.-568, 569, 584, 702.

Hét-xen, tuyển đế hầu - xem Vin-hem II.

Hê-ghen (Hegel), Ghê-oóc Vin-hem Phri-đrich (1770 - 1831) - đại biểu vĩ đại nhất của triết học cổ điển Đức, nhà duy tâm khách quan, phát triển toàn diện nhất phép biện chứng duy tâm.-896.

Hê-li-ô-ban hoặc *Ê-la-ga-ban* (204 - 222) - hoàng đế La Mã (218 - 222) mà, tên trở thành biểu tượng của sự xa hoa, chuyên chế và hoang dâm.-518, 705.

Hê-rô-đốt (khoảng 84 - khoảng 425 trước công nguyên) - nhà

sử học Cổ Hy Lạp.-15, 188.

Héch-cơ (Hecker), Phri-đrich Các (1811 - 1881) - nhà cộng hoà Ba-den, nhà dân chủ tiểu tư sản, một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Ba-den tháng Tư năm 1848, sau khi cách mạng thất bại lưu vong sang Thụy Sĩ rồi sang Mỹ, tham gia Nội chiến ở Mỹ đứng về phía miền Bắc.-505, 792.

Hiéc-sơ (Hirsch), Vin-hem - nhân viên bán hàng ở Hăm-buốc, đầu những năm 50 thế kỷ XIX mật thám Phổ ở Luân Đôn.-859-868.

Hin-ghe-rơ-nơ (HillgTMrtner), Ghê-oóc - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, sau thất bại của cách mạng năm 1848 - 1849 lưu vong ra nước ngoài.-874.

Hin-ken-đây (hinckeldey), Các-lơ Lut-vich Phri-đrich (1805 - 1856) - quan chức chính phủ Phổ, từ năm 1848 là thanh tra cảnh sát Béc-lin, từ 1853 cục trưởng cục cảnh sát thuộc bộ nội vụ.-593, 542, 569, 865.

Hip-pi-xli (Hippisley), Gu-xtáp - sĩ quan Anh, tham gia cuộc viễn chinh của quân tình nguyện Anh ở Nam Mỹ (1817 - 1818) để đấu tranh cho nền độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha, tác giả tập ký về cuộc viễn chinh đó.-294.

Hoi-éc (Hoyer), I-ô-han Gốt-phrít (1767 - 1848) - tướng và nhà sử học quân sự Đức, tác giả nhiều tác phẩm về xây công sự và pháo binh.-251.

Hoi-pơ (Hope), Tô-mát (khoảng 1770 - 1831) - người chơi đồ cổ và nhà văn Anh.-358.

Hoóc-xmen (Horsmen), ét-uốt (1807 - 1876) - nhà hoạt động nhà nước Anh thuộc đảng tự do, những năm 1855 - 1857 bộ trưởng phụ trách vấn đề Ai-rơ-len.-661.

Hô-hen-txô-léc - dòng họ các tuyển đế hầu Bran-đen-buốc (1415 - 1701), cá vua Phổ (1701 - 1918) và các hoàng đế Đức (1871 - 1918).-707, 792, 818.

Hô-hen-txô-léc (Hohenzollern), Các-lơ An-tôn (1811 - 1885) - tướng và nhà hoạt động nhà nước Phổ, đứng đầu chính phủ (tháng Mười một 1858 - 1860).769, 782.

Hô-hen-txô-léc - Hê-khin-ghen (Hohenzollern - Hechingen) Phri-đrich Phran Xa-ve, công tước (1757 - 1844) - tướng Áo, sau thăng nguyên soái, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-85, 87, 171.

Hô-linh-gơ (Hollinger), Phi-đê-li-ô - chủ nhà in ở Luân Đôn, nhà in này đã in báo "Volk".-610, 613-619, 621-625, 773, 821, 830, 877-881, 896, 899-902, 908.

Hô-lơ (Hall), Ê-đu-ác-đơ (khoảng 1498 - 1547) - nhà viết sử biên niên Anh.-78.

Hô-me - nhà thơ anh hùng ca Cổ Hy Lạp có tính chất nửa truyền thuyết, tác giả của "I-li-át" và "Ô-đi-xê".-16, 40.

Hô-ra-xơ (Canh Hô-ra-xi Phlắc) (65 - 8 trước công nguyên) -

nhà thơ lỗi lạc La Mã.-487, 631, 737, 783.

Hốp-man (Hoffmann) - nhà báo, thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-733.

Hu-xây-nơ (khoảng 1773 - 1838) - tổng đốc An-giê-ri (1818 - 1830).-130.

Hua-rta-đô đơ Men-đô-xa (Hurtado de Mendoza) - nhà hoạt động chính trị Vê-nê-xu-ê-la, tham gia phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, ủng hộ Bô-li-va-rơ.-279.

Hum-bôn (Humboldt), A-lêch-xan-đrơ (1769 - 1850) - học giả vĩ đại Đức, nhà khoa học tự nhiên và nhà du lịch.-507, 673, 687, 696, 781.

Huy-gô (Hugo), Vích-to (1802 - 1885) - nhà văn vĩ đại Pháp.-658, 659, 666, 667, 705, 746, 888.

Huyếc-phen (H`rfel), Gu-xtáp - nhà dân chủ tiểu tư sản Áo, từ năm 1850 cư trú ở Pa-ri, một trong những bị cáo về cái gọi là âm mưu Đức - Pháp ở Pa-ri tháng Hai năm 1852, mật thám Pháp.-, 568, 569, 584.

I

I-an (Jahn), Phri-đrich Lút-vích (1778 - 1852) - nhà văn và nhà chính luận Đức, người tổ chức phong trào thể dục - thể thao ở Đức, tích cực tham gia cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Đức chống sự thống trị của Na-pô-lê-ông; nhà dân tộc chủ nghĩa.-628.

I-bra-him - tổng đốc An-ghê-ri.-129.

I-ê-ken-pha-lu-xi (Jekelfalusy) - linh mục Hung-ga-ri, năm 1848 - 1849 giáo chủ ở Xip-xơ.-889.

I-ê-la-sích (Jera uh) I-ô-xíp, bá tước (1801 - 1859) tướng Áo, tổng đốc Crô-a-xi, Đan-ma-xi và Xla-vô-ni (1848 - 1859), tích cực tham gia đàn áp cách mạng năm 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri và Áo.-84, 561.

I-man (Imandt), Pê-tơ - giáo viên Đức, nhà dân chủ, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849, sau khi cách mạng thất bại lưu vong sang Thụy Sĩ rồi sang Luân Đôn; hội viên Đồng minh những người cộng sản, ủng hộ Mác và Ăng-ghe-nơ,-504-510, 512, 848, 855.

I-oóc (Yorck), Han Đa-vít Lút-vích (1759 - 1830) - tướng Phổ, từ năm 1821 nguyên soái, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-220, 227-232.

I-oóc (York), Phrê-đê-rích Au-gu-xơ, công tước (1763 - 1827) - con thứ hai của vua Anh Gioóc-giơ III, từ 1795 nguyên soái; tổng tư lệnh quân đội Anh (1798 - 1809, 1811 - 1827), quân đội dưới quyền chỉ huy của ông đã nhiều lần thất bại trong cuộc chiến tranh với Pháp vào cuối thế kỷ XVIII.-175.

I-ô-xíp II (1741 - 1790) - người cùng cầm quyền với nữ hoàng Ma-ri - Tê-rê-da (1765 - 1780), hoàng đế của cái gọi là Đế quốc La Mã thần thánh (1780 - 1790).-648, 649.

I-ô-han (Johann) - công trình sư Đức, giữa thế kỷ XVI xây

dựng pháo đài Giuy-lich.-409.

I-ô-han (Johann) - đại công tước Áo, nguyên soái, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông; năm 1809 chỉ huy một trong những đạo quân của Áo, từ tháng Sáu đến tháng Chạp năm 1849 nhiếp chính đế quốc của Đức.-85, 88, 530, 594-597, 791, 792.

I-phi-crat (khoảng 419 - khoảng 353 trước công nguyên) - thống soái A-ten, chỉ huy quân đánh thuê.-18, 22, 23, 434, 435.

I-u-ba (chết năm 46 trước công nguyên) - vua Nu-mi-đi-a một trong những người tích cực tham gia cuộc chiến tranh của Pông-pê-i và những người ủng hộ Pông-pê-i chống lại Xê-da (49 - 46 trước công nguyên).-127.

I-u-guốc-ta (khoảng 160 - 104 trước công nguyên) - vua Nu-mi-đi-a, trong những năm 111 - 106 trước công nguyên, tiến hành chiến tranh ngoan cường với La Mã.-30.

I-u-lơ (Yule), Hăng-ri (1820 - 1889) - nhà Đông phương học Anh, nhà địa lý học và sử học, trong những năm 40 - 50, công trình sự phục vụ Công ty Đông Ấn.-285, 352, 353.

I-i-xti-ni-ăng I (483 - 565) - hoàng đế Bi-đăng-xơ (527 - 565).-368.

I-ung (Jung), Ghê-oóc (1814 - 1886) - nhà chính luận Đức, phần tử Hê-ghe-nrê, một trong những người phụ trách phát hành tờ "Rheinische Zeitung", nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1848

đại biểu Quốc hội Pháp thuộc cánh tả.-794.

I-van III (1440 - 1505) - đại công tước Mát-xcơ-va (1462 - 1505).-705.

In-glen-đơ (England), Ri-sốt (1793 - 1883) - tướng Anh, năm 1854 - 1855, sư đoàn trưởng ở Crưm.-76, 77.

In-glit (Inglis), Uy-li-am (1764 - 1835) - tướng Anh, năm 1809 - 1814 tham gia chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ.-322.

Ip-xi-lan-ti, A-lếch-xan-đơ (1792 - 1835) - nhà hoạt động của phong trào giải phóng dân tộc Hy Lạp, tổ chức cuộc khởi nghĩa năm 1821 ở Môn-đa-vi-a, sau khi khởi nghĩa thất bại, chạy sang Áo, bị bắt và bỏ tù cho đến năm 1827.-640.

K

Ke-léc-man (Kellermann), Phrăng-xoa Cri-xtốp (1735 - 1820) - tướng Pháp, từ năm 1804 nguyên soái, tham gia chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp chống lại liên minh các nước châu Âu.-120.

Kéc-nơ (Kern), Giô-han Côn-rát (1808 - 1888) - nhà hoạt động chính trị của giai cấp tư sản Thụy Sĩ, nhà luật học và nhà ngoại giao; năm 1849 thống đốc bang Tuốc-gau, chánh án toà án liên bang, năm 1857 - 1883 công sứ ở Pa-ri.-524, 684, 709, 713, 761.

Kha-bri (mất khoảng năm 357 trước công nguyên) - thống soái A-ten.-22.

Ki-xê-lép, Pa-ven Đmi-tri-ê-vích, bá tước (1788 - 1872) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Nga, năm 1829 - 1834 tỉnh

trưởng Môn-đa-vi-a và Va-la-khi, từ năm 1835 uỷ viên thường xuyên của tất cả các uỷ ban bí mật về vấn đề nông dân; từ năm 1837 bộ trưởng về tài sản quốc gia, ủng hộ thực hiện các cuộc cải cách ôn hoà.-639, 641.

Kin (Keane), Giôn (1781 - 1844) - tướng Anh, năm 1839 chỉ huy quân đội trong cuộc chiến tranh Anh - Á-p-ga-ni-xtan (1838 - 1842).-104.

Kin-ken (kinkel), Gốt-phrít (1815 - 1882) - nhà thơ và nhà chính luận Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; bị toà án Phổ xử tù chung thân, vượt ngục và lưu vong sang Anh; một trong những lãnh tụ của những người tiểu tư sản lưu vong ở Luân Đôn, biên tập viên báo "Hermann" (1859), chống lại Mác và Ăng-ghe-n.-505, 519, 569, 579-584, 600, 607, 871-875, 894, 895.

Kin-lếch (kinglake), A-lếch-xan-đrơ Uy-li-am (1809 - 1891) - nhà sử học và nhà hoạt động chính trị Anh, nghị sĩ (1857 - 1865), thuộc phái tự do.-679, 729.

Kít-sơ (Kiss), Mi-clô-rơ (sinh năm 1820) - sĩ quan Hung-ga-ri, nhà dân chủ sống lưu vong, đại diện của Cô-sút ở Pháp và I-ta-li-a, có quan hệ với tập đoàn Bô-na-pác-tơ.-741, 746.

L

La-đen-đoóc-phơ (Ladendrf) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, nhà triết học, năm 1854 bị xử tù 5 năm do bị vu tội hoạt động âm

muu.-541, 543, 868.

La Ghe-rô-ni-e-rơ (La Guéronnière), Lu-i Ê-chiên Ác-tua *Điu-brây* - Ê-li-ôn (1816 - 1875) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, trong những năm 50 thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-602, 643, 700, 727-730, 734.

La-ghéc-bi-en-cơ (Lagerbjelke), Gu-xtáp, bá tước (1777 - 1837) - nhà ngoại giao Thụy Điển, những năm 1810 - 1813 đại biểu toàn quyền lâm thời ở Pa-ri.-201.

La-Ma-rơ (La Mar), Hô-xê (1778 - 1830) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pê-ru, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, chống lại Bô-li-va-rơ, tổng thống Pê-ru (1827 - 1829).-213, 291.

La-mác-tin (Lamartine), An-phông-xơ (1790 - 1869) - nhà thơ Pháp, nhà sử học và nhà hoạt động chính trị, trong những năm 40 là phần tử cộng hoà tư sản; năm 1848 bộ trưởng bộ ngoại giao và trên thực tế đứng đầu chính phủ lâm thời.-728.

La-mô-ri-xi-e-rơ (Lamoricière), Cri-xtốp Lu-i-ông (1806 - 1865) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử cộng hoà tư sản ôn hoà, trong những năm 30 - 40 tham gia xâm lược An-giê-ri, năm 1848 tích cực tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa tháng Sáu, rồi bộ trưởng lục quân trong chính phủ Ca-ve-nhắc (tháng Sáu - tháng Chạp), đối lập với chính phủ của Lu-i Bô-na-pác-tơ, sau cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp năm 1851 bị trục xuất ra

nước ngoài.-273.

La-phay-et (Lafayette), Ma-ri Giô-dép Pôn (1757 - 1834) - tướng Pháp, một trong những lãnh tụ của giai cấp đại tư sản trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII và thời kỳ cách mạng tư sản tháng Bảy năm 1830.-120, 174, 576.

La-pi (Lapie), Pi-e (1779 - 1850) - công trình sư quân sự và nhà chuyên đo đạc địa hình Pháp.-200.

La-pin-xki (Lapinski), Tê-ô-phin (1827 - 1886) - đại tá Ba Lan, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, chuyển sang phục vụ quân đội Thổ Nhĩ Kỳ, lấy tên là Tép-phích-bây, chiến đấu chống lại nước Nga ở Tréc-kê-xi (1857 - 1858).-647, 737, 738, 744, 751-755.

La-ra (Lara), Hoan Ha-xin-tô (1778 - 1859) - tướng Vê-nê-xu-ê-la, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-213.

La-ra-bi (Larabit), Ma-ri Đê-ni (1792 - 1876) - nhà hoạt động chính trị Pháp, thời kỳ nền Quân chủ tháng Bảy hạ nghị sĩ, thuộc phe đối lập tự do, về sau thuộc phía Bô-na-pác-tô.-272.

La-rô-sơ - Ê-mông (La Roche-Aymon), Ăng-toan Sác-lơ Ê-chiê-n Pôn, bác tước đơ (1772 - 1849) - tướng và tác giả quân sự Pháp, tác giả nhiều tác phẩm về pháo binh.-381.

La-tu-rơ - Mô-bu-rơ (Latour - Maubourg), Ma-ri Vich-to Ni-cô-la (1768 - 1850) - tướng Pháp, sau là nhà hoạt động quân sự,

tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-318.

La-xơ - Ca-xa-xơ (Las Casas), Ma-nu-en Ma-ri-a - sĩ quan Vê-nê-xu-ê-la, năm 1812 chỉ huy quân đội bảo vệ La-go-a-rơ, ủng hộ Bô-li-va-rơ.-276.

Lan-ghen-xvác-xơ (Langenschwarz), Mác-xi-mi-li-an (sinh khoảng năm 1806) - nhà thơ ngẫu hứng Đức, định sáng tạo ra lý luận khoa học về thơ ngẫu hứng.-750.

Lan-gie-rôn A-lếch-xan-đrơ Phê-đô-rô-vích (Lu-i A-lếch-xan-đrơ An-đrô), bá tước (1763 - 1831) - tướng phục vụ nước Nga, vốn người Pháp, phần tử lưu vong phản cách mạng, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-220, 221, 226, 232.

Lan-nơ (Lannes), Giăng (1769 - 1809) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-85, 87, 88, 11, 142, 197.

Lan-xbéc-gơ (Landsberg), Héc-man (1670 - 1746) - công trình sư quân sự Đức, tác giả nhiều tác phẩm về xây công sự.-420.

Lai-phơ (Leiv), Ấy-rích-xơn (khoảng 975 - khoảng 1020) - nhà hàng hải Na Uy, đầu thế kỷ XI đã đến bờ biển Bắc Mỹ.-467.

Láp-phit-tơ (Laffitte), Giắc-cơ (1767 - 1844) - chủ ngân hàng lớn ở Pháp, nhà hoạt động chính trị, phần tử Oóc-lê-ăng, đại biểu của giai cấp tư sản tài chính.-206.

Lát-xan (Lassalle), Phéc-đi-năng (1825 - 1864) - nhà chính luận tiểu tư sản Đức, luật sư năm 1848 - 1849 tham gia phong

trào dân chủ ở tỉnh Ranh, đầu những năm 60 tham gia phong trào công nhân, một tổng những người sáng lập ra Hội liên hiệp công nhân toàn Đức (1863), ủng hộ chính sách thống nhất nước Đức "từ trên xuống" dưới bá quyền của nước Phổ phản cách mạng lập ra bè phái cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân Đức.- 785, 865.

Le-ti (Laity), Ác-măng Phrăng-xoa (1812 - 1889) - sĩ quan và nhà hoạt động chính trị Pháp, tham gia vụ phiến loạn của Lu-i Bô-na-pác-tơ ở Xtơ-ra-bua (1836), từ 1857 là thượng nghị sĩ.-518, 718.

Le-xtéc (Leicester), Rô-bóc Đa-dli, bá tước (khoảng 1532 - 1588) - sủng thần của nữ hoàng Anh Ê-li-da-bét, năm 1588 chỉ huy quân đội phòng thủ nước Anh chống sự xâm nhập của Tây Ban Nha.-209.

Le-xtóc (L'Estocq), An-tôn Vin-hem (1738 - 1815) - tướng Phổ, năm 1806 - 1807 tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-141.

Lê-lê-ven (Lelewel), I-ô-a-khim (1786 - 1861) - nhà sử học và nhà hoạt động cách mạng xuất sắc Ba Lan, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1830 - 1831, một trong những lãnh tụ của phái dân chủ trong những người lưu vong Ba Lan, năm 1847 - 1848 uỷ viên Ban chấp hành Hội liên hiệp dân chủ Bruy-xen.-805, 883.

Lê-pít (Mác-cơ Ê-mi-li Lê-pít Bé, (89 - 12 trước công nguyên) -

nhà hoạt động nhà nước La Mã, ủng hộ I-u-li-út Xê-da, quan chấp chính (46 và 42 trước công nguyên), uỷ viên của tam toạ chấp chính thứ hai (43 - 36 trước công nguyên) trong đó đóng vai trò thứ yếu so với hai người kia là Oóc-ta-vi và An-tô-ni, năm 36 trước công nguyên bị tước quyền lực trong tam toạ chấp chính.-203.

Lê-ô-nít - vua Xpác-tơ (khoảng 488 - 480 trước công nguyên); trong thời gian chiến tranh Hy Lạp - Ba Tư chỉ huy quân đội người Xpác-tơ chiến đấu anh dũng chống lại người Ba Tư ở ải Phéc-mô-pin.-724.

Lê-ô-pôn công tước An-gan-tơ Đê-xau (1676 - 1747) - nguyên soái Phổ, tham gia nhiều cuộc chiến tranh, đã cải tổ bộ binh Phổ.-456.

Lê-vi (Levy), Giô-dép Mô-dét (1812 - 1888) - một trong những người sáng lập viên và người phát hành báo "Daily Telegraph".-777-782, 787, 796.

Li-bích (Liebig), I-u-xtút (1803 - 1873) - học giả lỗi lạc Đức, một trong những người sáng lập ra môn nông hoá học.-777.

Li-xu-rơ - nhà lập pháp có tính chất thần thoại Cổ Xpác-tơ.-20.

Li-đéc-xơ, A-lếch-xan-đrơ Ni-cô-la-ê-vích (1790 - 1874) - tướng Nga, năm 1849 quân đoàn trưởng tham gia đàn áp cách mạng ở Hung-ga-ri, năm 1853 - 1856 chỉ huy quân đội tham gia cuộc Chiến tranh Crưm.-168.

Li-mê-rắc (Limayrac), Pô-lanh (1817 - 1868) - nhà báo Pháp, cộng tác với nhiều tờ báo lớn ở Pháp, năm 1861 - 1868 chủ biên báo "Constitutionnel", thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-885.

Li-xnốp-xki (Lichnowski), Phê-lích, công tước (1814 - 1848) - sĩ quan Phổ, phân tử phản động, đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh hữu; bị nhân dân giết chết trong thời kỳ cách mạng Phran-phuốc tháng Chín năm 1848.-588, 787, 790.

Lích-ten-stây-nơ (Liechtenstein), I-ô-han, công tước (1760 - 1836) - tướng Áo, từ 1809 nguyên soái, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-87.

Lích-ten-stây-nơ (Liechtenstein), Ven-txen, công tước (1767 - 1842) - sĩ quan Áo sau thăng cấp tướng, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, năm 1814 sĩ quan tùy tùng của nguyên soái Svác-xen-béc.-232.

Linh-huê-xơ (Lyndhurst), Giôn Xinh-lơ-tôn *Cốp-li*, nam tước (1772 - 1863) - nhà hoạt động nhà nước Anh, luật gia, thuộc đảng To-ri; chánh án cao cấp (1827 - 1830, 1834 - 1835 và 1841 - 1846).-631.

Líp-nếch (Liebknecht), Vin-hem (1826 - 1900) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và quốc tế, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849, hội viên Đồng minh những người cộng sản, một trong những người sáng lập và lãnh tụ của đảng xã hội - dân chủ Đức, bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghe-n.-493,

519-524, 600-604, 607, 610, 613, 615, 617, 619, 623, 773, 782, 801, 803, 809, 817, 820, 832-835, 837, 866, 867, 877-881, 891.

Líp-pê (Lippe), Lê-ô-pôn, bá tước (1815 - 1889) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, luật gia, năm 1860 chủ trương ở Béc-lin, bộ trưởng tư pháp (1862 - 1867).-810.

Loi-khten-béc (Leuchtenberg), Mắc-xi-mi-li-an Ô-gien Giô-dép Na-pô-lê-ông, công tước (1817 - 1852) - con trai của Ô-gien Bô-hác-en, năm 1839 lấy con gái Ni-cô-lai I.-642.

Long-gin, Ca-xi (khoảng 213 - 273) nhà triết học Hy Lạp, thuộc phái Pla-tông mới.-611.

Lô-ren-xơ (Lorenz), Giô-dép (1814 - 1879) - sĩ quan và nhà phát minh quân sự Áo.-464.

Lô-ri-xtôn (Lauriston), Giắc A-lếch-xan-đơ Béc-na-rơ *Lô* (1768 - 1828) - tướng Pháp, về sau là nguyên soái và nhà hoạt động nhà nước, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-119.

Lô-ven-đan (Lowendal), Un-rich Phrê-đê-rích *Van-đơ-mác đơ* (1700 - 1755) - tướng Pháp, từ 1747 nguyên soái, vốn người Đan Mạch, chỉ huy quân Pháp trong cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Áo.-339.

Lôm-men (Lommel), Ghê-oóc - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen tháng Tư năm 1848, sau đó lưu vong sang Thụy Sĩ.-543, 548.

Lông-ga (Longa), Phran-xi-xcô - sĩ quan Tây Ban Nha, về sau lên cấp tướng, tham gia chiến tranh giải phóng chống sự thống trị của Na-pô-lê-ông (1808 - 1814), một trong những người chỉ huy du kích.-322, 323.

Lơ-cau-bơ (Lecourbe), Clốt Giắc (1759 - 1815) - tướng Pháp, tham gia chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp chống lại liên minh các nước châu Âu.-176.

Lơ-đruy - Rô-lanh (Ledru - Rollin), A-lếch-xăng-đơ Ô-guy-xtơ (1807 - 1874) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, một trong những lãnh tụ của phái dân chủ tiểu tư sản, biên tập viên báo "Ré forme"; năm 1848 uỷ viên chính phủ lâm thời, nghị sĩ Quốc hội lập hiến và lập pháp trong đó ông lãnh đạo phái Núi, sau cuộc biểu tình ngày 13 tháng Sáu năm 1849 lưu vong sang Anh.,-656.

Lơ-ning (Loening) - người xuất bản Đức.-612, 698.

Lu-cun-lu-xơ (Lu-xi-út Li-xi-ni-út Lu-cun-lu-xơ) (khoảng 106 - khoảng 57 trước công nguyên) - thống soái La Mã, nổi tiếng về sự giàu có và tiệc tùng xa xỉ.-714.

Lu-i - xem *Na-pô-lê-ông III*.

Lu-i XII (1462 - 1515) - vua Pháp (1498 - 1515).-243.

Lu-i XIV (1638 - 1715) - vua Pháp (1643 - 1715).-129, 248, 312, 417, 630, 751.

Lu-i XV (1710 - 1774) - vua Pháp (1715 - 1774).-56, 502, 651.

Lu-i XVI (1754 - 1793) - vua Pháp (1774 - 1792), bị xử tử trong thời gian cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII.-120, 170.

Lu-i XVIII (1755 - 1824) - vua Pháp (1814 - 1815 và 1815 - 1824).-123, 149, 177, 178, 640.

Lu-i Bô-na-pác-tơ - xem *Na-pô-lê-ông III*.

Lu-i Phi-líp (1773 - 1850) - công tước Oóc-lê-ăng, vua Pháp (1830 - 1848).-132, 134, 271-274, 528, 636, 644, 660, 669, 983, 685, 709, 760, 785.

Luých-ne-rơ (Luckner), Ni-cô-la (1722 - 1794) - nguyên soái Pháp, tham gia chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp chống lại liên minh lần thứ nhất của các nước châu Âu.-120.

M

Ma-gôn (mất năm 203 trước công nguyên) - thống soái Các-ta-giơ, tham gia cuộc Chiến tranh Pu-ni lần thứ hai (218 - 201 trước công nguyên); anh em với Han-ni-ban.-366.

Mô-ha-mét - xem *Mô-ha-mét*.

Ma-ki-a-ve-li (Machiavelli), Ni-cô-lô (1469 - 1527) - nhà tư tưởng chính trị I-ta-li-a, nhà sử học và nhà văn, một trong những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản I-ta-li-a thời kỳ ra đời của quan hệ tư bản chủ nghĩa.-43, 243.

Ma-khơ-mút II (1785 - 1839) - vua Thổ Nhĩ Kỳ (1808 - 1839).-641.

Ma-khơ-mút Bê-ga-ra - sắc Gút-giê-rát (1458 - 1511).-179.

Ma-khơ-mút Ga-dne-vi (971 - 1030) - nguyên thủ của quốc gia Ga-dni của người Tuyếc-xơ bao gồm Hô-ra-xan, Xây-xtan và Áp-ga-ni-xtan (998 - 1030), thống soái và người đi chinh phục, đã tiến hành nhiều cuộc hành quân cướp phá ở ấn Độ.-97, 98.

Ma-khơ-mút-sắc (mất năm 1829) - sắc Áp-ga-ni-xtan (1800 - 1803 và 1809 - 1818) về sau cầm quyền ở Hê-rát.-101, 102.

Ma-la-te-xta (Malatesta), Xít-gi-xmôn-đô Pan-đôn-pho *đi Ri-mi-ni* (1417 - 1468) - người chỉ huy lính đánh thuê I-ta-li-a.-243.

Ma-nhi-li Brút - luật gia La Mã.-843.

Ma-ri-a - Ê-li-da-bét - A-ma-li-a (1784 - 1849) - con gái công tước Ba-vi-e Vin-hem thuộc chi Pphan-sơ Xvây-bruy-ken - Biéc-ken-phen-đơ.-102.

Ma-ri-lây (Marilley), Ê-chiên (1804 - 1889) - giáo chủ Phrây-buốc (1846 - 1879), kẻ xúi bẩy cuộc bạo động phản dân chủ ngày 24 tháng Mười năm 1848 ở Phrây-buốc (Phri-buốc).-765, 766.

Ma-ri-ni-ô (Marino), Xan-chi-a-gô (1788 - 1854) - tướng Vê-nê-xu-ê-la, một trong những nhà lãnh đạo cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, có một thời gian chống lại Bô-li-va-rơ.-278-280, 282, 283, 286.

Ma-ri-út Cai-út (khoảng 156 - 86 trước công nguyên) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước La Mã, quan chấp chính (107, 104 - 100, 86 trước công nguyên).-30, 437, 441.

Ma-rhi (Marchi), Phran-se-xcô (1504 - 1577) - công trình sư quân sự I-ta-li-a, tác giả tác phẩm về xây công sự.-409.

Ma-rô-lu-a (Marolois), Xa-muy-en - nhà toán học Pháp, nửa đầu thế kỷ XVII công tác tại Hà Lan, một trong những đặt nền móng cho trường phái Hà Lan cũ về xây công sự.-413.

Ma-xê-na (Masséna), Ăng-đrê (1756 - 1817) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông.-85, 123, 124, 175, 177, 199.

Ma-xông (Masson), Au-gu-xơ Mi-sen Bê-nu-a (1800 - 1883) - nhà văn Pháp.-657.

Mác (Marx), Các (1818 - 1883) (Các tài liệu tiểu sử).-487-489, 491, 495-497, 503, 505-511, 514, 524-530, 533-540, 543, 547, 550, 551, 558-561, 563-576, 579, 583-590, 592, 599-611, 613-622, 624, 625, 649, 727, 729, 743, 751, 769, 773, 781, 782, 799-815, 829-840, 843-847, 870, 875, 877-887, 891=896, 898-904, 905-912.

Mác (Marx), Gien-ni, họ bố *Phôn Vét-pha-len* (1814 - 1881) - vợ Các Mác, bạn trung thành và người giúp việc của ông.-550, 805, 882.

Mác-cơ Grếch (Grác) - nhà luyện kim đan Bi-dăng-xơ thời Trung cổ.-240.

Mác-xơ (Mack), Các-lơ (1752 - 1828) - tướng Áo, năm 1805 chỉ huy quân đội trong cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-122.

Mác-đô-nan (Macdonald), Giắc Ê-chiên Giô-dép A-lếch-xăng-đơ (1765 - 1840) - nguyên soái Pháp (từ năm 1809), tham gia chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-64, 134, 220, 221, 229-233, 270.

Mác-môn (Marmont), Ô-guy-xtơ Phrê-đê-rích Lu-i đơ (1774 - 1852) - nguyên soái Pháp, tham gia chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, tháng Tư năm 1814 chạy sang phía vương triều Buốc-lông, trong thời gian cách mạng tháng Bảy năm 1830 chỉ huy quân đội của Sác-lơ X.-225, 226, 228-234.

Mác-nô-ten (Macnaghten), Uy-li-am Hây (1793 - 1841) - nhà ngoại giao Anh, công sứ ở Ca-bun (1838 - 1841), một trong những người tổ chức cho sự bành trướng thuộc địa của Anh ở Trung Á, đóng vai trò chính trong việc phát động cuộc chiến tranh Anh - Áp-ga-ni-tan (1838 - 1842).-103-106.

Mác-tanh (Martin) - nhà báo Pháp, cộng tác viên của báo "Constitutionnel", thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-700.

Mác-ti-ne-xơ đơ Rê-can-đơ (Martinez de Recalde), Hoan (mất năm 1588) - đô đốc Tây Ban Nha, năm 1588 phó tư lệnh Ác-ma-đa Tây Ban Nha.-210, 211.

Mác-xanh (Marsin), Phéc-di-nang, bá tước đơ (1656 - 1706) - nguyên soái và nhà ngoại giao Pháp, chỉ huy quân Pháp trong cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Tây Ban Nha.-311.

Mai-ơ (Mayer), Các-lơ (1819 - 1889) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, những năm 1848 - 1849, nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong sang Thụy Sĩ.-611, 723, 724.

Man-côm (Malcolm), Giôn (1769 - 1833) - nhà ngoại gia Anh và viên chức của Công ty Đông Ấn, công sứ ở Tê-hê-ran (1799 - 1801, 1808 - 1809, 1810), năm 1826 - 1830 thống đốc Bom-bay, tác giả nhiều tác phẩm về Ấn Độ và Ba Tư.-100.

Man-bô-rô (Marlborough), Giôn Sốc-sin, công tước (1650 - 1722) - thống soái và nhà hoạt động chính trị ANh, năm 1702-1711 tổng tư lệnh quân đội Anh trong cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Tây Ban Nha.-311, 312, 339.

Man-mơ-xbê-ri (Malmesbury), Giêm-xơ Hô-vác-đơ *Ha-rít*, bá tước (1807 - 1889) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, nửa sau thế kỷ XIX là nhà hoạt động nổi tiếng của đảng bảo thủ; bộ trưởng ngoại giao (1852, 1858-1859), quan chưởng ấn (1866-1868, 1874-1876).-629, 686-690, 692, 709.

Man-toi-phen (Manteuffel), Ốt-tô Tê-ô-đo, nam tước (1805 - 1882) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, đại biểu của giới quan liêu quý tộc; bộ trưởng nội vụ (1848 - 1850), thủ tướng kiêm bộ trưởng ngoại giao (1850 - 1858).-767-711, 795, 796, 807.

Man-tôn (Manton), Giô-dép (khoảng 1766-1835) - chuyên gia và nhà phát minh vũ khí Anh.-79.

Mát-đi-ni (Mazzini), Giu-dép-pơ (1805 - 1872) - nhà cách

mạng I-ta-li-a, nhà dân chủ tư sản, một trong những lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc I-ta-li-a-, năm 1849 đứng đầu chính phủ lâm thời của nước Cộng hoà La Mã, năm 1850 một trong những người tổ chức ra Uỷ ban trung ương Hội dân chủ châu Âu ở Luân Đôn; trong những năm 50 phản đối sự can thiệp của nước Pháp Na-pô-lê-ông vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân I-ta-li-a.-654, 691, 692, 741, 743, 746, 761.

Mát-gi (Maggi), Gie-rô-la-mô (khoảng 1523 - 1572), công trình sư và nhà văn quân sự I-ta-li-a.-408.

Mát-vây (Ma-ti-at), Coóc-vin (1440 - 1490) - vua Hung-ga-ri (1458 - 1490).-327.

Mắc-xi-li-an II-ô-xíp (1756 - 1825) - tuyển đế hầu xứ Ba-vi-e (từ 1799) và vua Ba-vi-e (1806 - 1825) tham gia chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, năm 1813 chuyển sang phía liên minh chống Pháp của các nước châu Âu.-122.

Mắc-xi-mi-li-an II Ê-ma-nu-en (1662 - 1726) - tuyển đế hầu Ba-vi-a (1679 - 1726), chỉ huy quân đội Ba-vi-e trong cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Tây Ban Nha.-254.

Mắc-xi-mi-li-an đ'Ê-xtơ (1782 - 1863) - đại công tước Áo, tướng, người phát minh ra một kiểu công sự pháo đài đặc biệt mang tên ông "tháp canh Mắc-xi-mi-li-an".-422.

MÁY-EN (MEYEN), Ê-ĐU-A (1812 - 1870) - NHÀ CHÍNH LUẬN ĐỨC, PHẦN TỬ HÊ-GHEN TRẺ; NHÀ DÂN CHỦ TIỂU TƯ SẢN, SAU THẤT BẠI CỦA

CÁCH MẠNG 1848 - 1849, LƯU VONG SANG ANH; VỀ SAU THAM GIA ĐẢNG DÂN TỘC - TỰ DO.-581, 770-775, 864, 893-896, 910.

Me-dông (Maison), Ni-cô-la Giô-dép (1771 - 1840)- tướng Pháp, về sau là nguyên soái và nhà hoạt động chính trị, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-219.

Me-rây (Murray), Giêm-xơ Xtiu-át, bá tước (khoảng 1531 - 1570) - anh vua Xcôt-len Ma-ri Xtiu-át, từ 1567 nhiếp chính Xcôt-len, đấu tranh chống Ma-ri Xtiu-át và những người ủng hộ Ma-ri Xtiu-át.-79.

Mem-nôn Rô-đô-xơ (mất năm 333 trước công nguyên) - người chỉ huy lính đánh thuê Hy Lạp trong quân đội của vua Ba-Tư Đa-ri III.-16.

Men-đê-rơ (Melder), Giê-rác-đơ (thế kỷ XVII) - công trình sư quân sự Hà Lan, tác giả tác phẩm về xây công sự.-413.

Men-đôn (mất năm 1878) - vua Miến Điện (1853 - 1878).-352.

Men-đô-xa - xem *Hu-ta-đô đơ Men-đô-xa*.

Men-si-cốp, A-lếch-xan-đrơ Xéc-gây-ê-vích, công tước (1787 - 1896) - nhà hoạt động quân sự và nhà nước Nga, năm 1853 đặc sứ ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, tổng tư lệnh hải lục quân ở Cũm (1853 - tháng Hai 1855).-74, 75.

Men-vin (Melville), Rô-bóc (1723 - 1809) - tướng Anh, phát minh ra pháo hải quân năm 1759 gọi là pháo Ca-rông.-470.

Mét-téc-ních (Metternich), Clê-men-xơ, công tước (1773 -

1859) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Áo, phần tử phản động, bộ trưởng ngoại giao (1809 - 1821) và thủ tướng (1821 - 1848), một trong những người tổ chức ra Liên minh thần thánh.- 630, 648.

MÊ-ĐI-NA XI-ĐÓ-NI-A (MEDINA SIDONIA), A-LÔN-XÔ *PÊ-RE-XƠ ĐƠ GU-XMAN*, CÔNG TƯỚNG ĐƠ (1550 - 1615) - SÚNG THẦN CỦA VUA TÂY BAN NHA PHI-LÍP II, NĂM 1588 CHỈ HUY ÁC-MA-ĐA TÂY BAN NHA.-210.

MÊ-LÁT (MELAS), MI-KHA-EN PHRI-ĐÍCH BÊ-NÊ-ĐRÍCH (1729 - 1806), TƯỚNG ÁO, NĂM 1799 - 1800 TỔNG TƯ LỆNH QUÂN ÁO TRONG CUỘC CHIẾN TRANH CHỐNG NƯỚC PHÁP TRÊN LÃNH THỔ I-TA-LI-A.-122.

MÊ-LI-NÊ (MELLINET), PHRĂNG-XOA (1768 - 1852) - TƯỚNG BỈ, VỐN LÀ NGƯỜI PHÁP; TÍCH CỰC THAM GIA CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN BỈ NĂM 1830 VÀ PHONG TRÀO DÂN CHỦ Ở BỈ, CHỦ TỊCH DANH DỰ HỘI LIÊN HIỆP DÂN CHỦ BRUY-XEN.-805.

Mê-ten-lút Nu-mi-đi-út (Quy-tút Xe-xi-li-út Mê-ten-lút, (thế kỷ II - I trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị và thống soái La Mã, năm 109 trước công nguyên quan chấp chính.-109 - 107 trước công nguyên chỉ huy quân La Mã trong cuộc Chiến tranh I-u-guốc-ta (111 - 105 trước công nguyên).-30.

Mi-ghen, đôn (1802 - 1866) - hoàng thân Bồ Đào Nha năm 1828 - 1834 là vua, thủ lĩnh đảng giáo quyền chuyên chế ở Bồ Đào

Nha.-357, 641.

Mi-lơ (Miller), Giôn - anh em với tướng Anh Uy-li-a, Mi-lơ, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, người xuất bản cuốn hồi ký của Uy-li-am Mi-lơ viết theo thiên kiến.-294.

Mi-nê-ê (Minié), C lô-đơ Ê-chiê (1804 - 1879) - sĩ quan Pháp, người sáng chế ra súng trường kiểu mới.-57, 77, 267, 308, 464.

Mi-ran-đa (Miranda), Phran-xi-xcô (1750 - 1816) - tướng và nhà hoạt động chính trị Vê-nê-xu-ê-la, một trong những người lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở châu Mỹ, năm 1811 - 1812 tổng tư lệnh quân đội Vê-nê-xu-ê-la.-2676, 277.

Mi-xcốp-xki (Miskowsky), Hen-rích Lút-vích (mất năm 1854) - sĩ quan Ba Lan, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong sang Thổ Nhĩ kỳ rồi sang Luân Đôn.-564,566.

Mìn-ti-át (mất năm 489 trước công nguyên) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước Cổ Hy Lạp.-17.

Moóc-chi-ê (Mortier), Ê-đua-ác A-đôn-phơ Ca-di-mia Giô-đép (1768 - 1835) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông. 142, 228-233.

Moóc-la (Moria), Tô-mát (1752 - 1820) - tướng Tây Ban Nha, uỷ viên của Hội đồng nhiếp chính tối cao, năm 1808 chạy sang

phía bên chiếm đóng Pháp, bộ trưởng hải, lục quân trong chính phủ của Giô-dép Bô-na-pác-tơ.- 251.

Moóc-ni (Morny), Sác-lơ Ô-guy-xtơ Lu-i Giô-dép, bá tước đơ (1811 - 1865) - nhà hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, đại biểu Quốc hội lập pháp (1849 - 1851), một trong những người tổ chức cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp năm 1851 - bộ trưởng nội vụ (tháng Chạp năm 1851 - tháng Giêng năm 1852), nghị trưởng Đoàn lập pháp (1854 - 1856, 1857 - 1865).-501, 663.

Mo-đen (Maudin) (thế kỷ XVII) - công trình sư quân sự Pháp.- 407.

Mô-ha-mét (khoảng 570 - 632) - giáo sĩ A-rập, được coi như người sáng lập ra Hồi giáo, theo quan niệm của Hồi giáo là nhà tiên tri, "sứ giả của An-la".-239, 505, 795.

Mô-ha-mét-A-li (1769 - 1849) - người cầm quyền Ai Cập (1805 - 1849), thi hành nhiều cải cách tiến bộ; năm 1831 - 1833 và 1839 - 1840 tiến hành chiến tranh với vua Thổ Nhĩ Kỳ nhằm mục đích biến Ai Cập thành một quốc gia độc lập đối với Thổ Nhĩ Kỳ.-130.

Mô-ha-mét-khan - người cầm quyền ở Pê-sa-vác (1818 - 1834).- 101.

Mô-lê (Molé), Lu-i Ma-chi-ơ, bá tước (1781 - 1855) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, phần tử Óc-lê-ăng, thủ tướng (1836 - 1837, 1837 - 1839), trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai, đại biểu Quốc hội lập hiến và lập pháp.-664.

Mô-ni-e (Monnier), Hăng-ri Bô-na-ven-chiu-rơ (1805 - 1877) - nhà biếm hoạ và nhà văn Pháp.- 727.

Mô-pa (Maupas), Sác-lơ-ma-nhơ Ê-min (1818 - 1888) - luật sư Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, cục trưởng cục cảnh sát Pa-ri (1851), một trong những người tổ chức cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp năm 1851, bộ trưởng cảnh sát (1852 - 1853).-864.

Mô-ra-le-xơ (Morales), Tô-mát (1781 - 1844) - tướng Tây Ban Nha những năm 1813 - 1823 chỉ huy quân đội đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.- 283.

Mô-ran (Morand), Sác-lơ A-lếch-xít Lu-i Ăng-ghe-nơ (1771 - 1835) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-317.

MÔ-RI-LÔ (MORILLO), PÁP-LÔ (1778 - 1837) - TƯỚNG TÂY BAN NHA, THAM GIA CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG CHỐNG LẠI SỰ THỐNG TRỊ CỦA NA-PÔ-LÊ-ÔNG (1808 - 1814), TRONG NHỮNG NĂM 1815 - 1820 TỔNG TƯ LỆNH QUÂN ĐỘI ĐÀN ÁP PHONG TRào GIẢI PHÓNG DÂN TỘC CỦA CÁC THUỘC ĐỊA TÂY BAN NHA Ở NAM MỸ. - 281, 284-289.

Mô-rít-xơ Ma-xau, bá tước (hoàng thân O-răng-giơ) (1567 - 1625) - tổng đốc Hà Lan (1585 - 1625), nhà hoạt động quân sự và thống soái trong thời kỳ chiến tranh giành độc lập của Hà Lan.- 44, 248, 371.

Mô-xke-ra (Mosquera), Hoa-kin (1787 - 1877) - nhà hoạt động chính trị Cô-lôm-bi-a, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, năm 1830 tổng thống Cô-lôm-bi-a.-293.

Môn (Moll), I-ô-xíp (1812 - 1849) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và quốc tế, nghề nghiệp là thợ đồng hồ; một trong những người lãnh đạo của Đồng minh những người chính nghĩa, uỷ viên Ban chấp hành trung ương Đồng minh những người cộng sản, tháng Bảy - tháng Chín năm 1848, chủ tịch Hội liên hiệp công nhân Khuên, uỷ viên Ban chấp hành khu bộ Ranh của phái dân chủ; sau sự kiện tháng Chín năm 1848 ở Khuên, lưu vong sang Luân Đôn, chẳng bao lâu sau từ đây lại trở về mang tên khác và tiến hành công tác cổ động ở các vùng khác nhau ở Đức, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen-Pphan-xơ năm 1849, hy sinh trong chiến đấu ở Muốc-gơ.-558.

Môn-bren (montbrun), Lu-i Pi-e, bá tước (1770 - 1812) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-319.

Môn-tan-vô (Montalvo), Phran-xi-xcô (1754 - 1822) - tướng Tây Ban Nha, năm 1812 - 1816 toàn quyền Gra-na-đa Mới (Cô-lôm-bi-a).-280.

Môn-te-véc-đơ (Monteverde), Đô-min-gô (1772 - 1832) - sĩ quan hải quân Tây Ban Nha, năm 1812 - 1813 chỉ huy quân đội

đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ sau khi Mi-ran-đa đầu hàng, giữ chức tư lệnh trấn thủ (tư lệnh quân khu) Vê-nê-xu-ê-la. 276-279.

Môn-ta-lăm-be (Montalembert), Mác-cơ Rê-nơ, hầu tước đơ (11714 - 1800) - tướng Pháp, công trình sư quân sự, nghiên cứu ra một hệ thống xây công sự mới được sử dụng rộng rãi vào thế kỷ XIX.-114, 421-426.

Mông-ta-lăm-be (Montalembert), Sác-lơ (1810 - 1870) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Pháp, trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai, đại biểu Quốc hội lập hiến và lập pháp thuộc phái Oóc-lê-ăng, thủ lĩnh đảng Thiên chúa giáo; ủng hộ Lu-i Bô-na-pác-tơ trong cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp năm 1851, nhưng chẳng bao lâu sau chuyển sang phe đối lập.-660.

Mu-rơ (Moore), Giôn (1761 - 1809) - tướng Anh, năm 1808 - 1809 tổng tư lệnh quân Anh ở Bồ Đào Nha.-357.

Mu-xi-út Xe-vô-la - luật gia La Mã.-843.

Muy-lơ (M\ller) - chủ tịch Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn vào năm 1860-860.

Muy-phơ-linh (M\ffling), Phri-drích Phéc-đi-năng Các-lơ, nam tước (1775 - 1851) - tướng Phổ, về sau là nguyên soái, nhà hoạt động quân sự và nhà văn, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-219, 231, 236.

Muy-ra (Murat), I-ô-a-sim (1767 - 1815) - nguyên soái Pháp,

tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, vua Na-plơ (1808 - 1815,-198, 219, 319, 378, 389-391).

Muyéc-ne-rơ (M^lner), Các-lơ Ốt-tô, nam tước (1781 - 1868) - sĩ quan Thủy Điện, kẻ thúc đẩy việc lựa chọn Béc-na-đốt-tơ làm người nối ngôi vua Thủy Điện.-200.

N

Na-đia-sắc (1686 - 1748) - sắc Ba Tư (1736 - 1747), thống soái và nhà chinh phục, những năm 1738 - 1739 đã có nhiều cuộc hành quân cướp phá ở Ấn Độ.-99.

Na-pô-lê-ông I Bô-na-pác-tơ (1769 - 1821) - hoàng đế Pháp (1804 - 1814 và 1815).-55, 57, 58, 64, 69, 83-85, 89-93, 101, 105, 118-124, 140-144, 148, 149, 158, 164, 170, 175-177, 182, 191, 194-208, 217-237, 251-255, 268-271, 275, 284, 313, 318, 319, 332, 334, 343, 375-378, 385, 391, 392, 424, 461-463, 471, 498, 501, 502, 576, 581, 630, 633, 634, 640, 646, 659, 663, 665-670, 676, 705, 706, 723, 801, 830, 836, 837, 841.

Na-pô-lê-ông III (Lu-i Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ) (1808 - 1873)- cháu Na-pô-lê-ông I, tổng thống nền Cộng hoà thứ hai (1848 - 1851), hoàng đế Pháp (1852 - 1870).-59, 172, 287, 274, 489, 498-502, 515, 533, 581, 597, 599, 614, 626, 628, 629, 634-638, 650, 653-674, 676-685, 687-696, 699, 702-709, 711, 715-720, 722, 724, 726, 732, 736, 741, 746-752, 755, 756, 758, 760, 765, 776, 785, 876, 883-890, 894, 896.

Na-pô-lê-ông, Giê-rôm, hoàng thân - xem *Bô-na-pác-tơ* Giô-dép Sác-lơ Pôn.

Nác-xê-xơ (khoảng 472 - 568) - thống soái Bi-dăng-xơ, vốn người Ác-mê-ni, một trong những người giúp đỡ hoàng đế I-u-xti-ni-ăng thực hiện chính sách phản động của mình là khôi phục chế độ nô lệ ở I-ta-li-a.-368.

Nan-xu-ti (Nansouty), Ê-chiên Ma-ri Ăng-toan *Sam-pi-ôn*, bá tước đơ (1768 - 1815) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-318.

Nây (Ney), Mi-sen (1769 - 1815) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông.-229, 233, 253, 315-317, 395, 504.

Nây-bau-e-rơ (Neubauer) (thế kỷ XVII) - công trình sư quân sự Đức.-413.

Nây-pia (Napier), Sác-lơ (1786 - 1860) - đô đốc Anh, năm 1854 tư lệnh hạm đội biển Ban-tích.-355, 629.

Nây-pia (Napier), Uy-li-am Phren-xít, Pa-rơ-rích (1785 - 1860) - tướng và nhà sử học quân sự Anh, tham gia chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ (1808 - 1814).-378.

Nê-muốc-xơ (Nemours), Lu-i Sác-lơ Phi-líp Ra-pha-en *Oóc-lê-ăng*, công tước (1814 - 1896) - con thứ hai của vua Pháp Lu-i Phi-líp, tướng, trong những năm 30-40 tham gia xâm chiếm An-giê-ri, sau cách mạng tháng Hai năm 1848 lưu vong sang Anh.-274.

Ni-cô-lai I (1796 - 1855) - hoàng đế Nga (1825 - 1885).-46, 206, 635-643, 646, 753.

Niu-đgiên-tơ - xem *Séc-van*, Giuy-li-ên.

Niu-tơn (Newton), I-xắc (1642 - 1727) - nhà vật lý học, thiên văn học và toán học vĩ đại Anh, người sáng lập ra cơ học với tính cách một khoa học.-249.

Noóc-man (Nordmann), Giô-dép Ác-măng (1759 - 1809) - tướng Áo, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-85.

Nốt-ti (Nott), Uy-li-am (1782 - 1845) - tướng Anh, tham gia cuộc chiến tranh Anh - Áp-ga-ni-xtan (1838 - 1842).106, 107.

O

O-răng-giơ, hoàng thân - xem *Vin-hem III O-răng-giơ*.

Oen-lin-tơn (Wellington), Ác-tua *Oen-xli*, công tước (1769 - 1852) thống soái và nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng To-ri; 1808 - 1814 và 1815 lãnh đạo quân đội trong các cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, chỉ huy cục pháo binh (1818 - 1827), tổng chỉ huy quân đội Anh (1827 - 1828, 1842 - 1852), thủ tướng (1828 - 1830), bộ trưởng ngoại giao (1834 - 1835).-236, 321, 324, 325, 357, 392, 429.

Oen-xli (Wellesley), Ri-sốt Cô-li, hầu tước (1760 - 1842) - nhà hoạt động nhà nước Anh, toàn quyền Ấn Độ (1798 - 1805), đại sứ ở Tây Ban Nha (1809), bộ trưởng ngoại giao (1809 - 1812); toàn

quyền ở Ai-rơ-len (1821 - 1828, 1833 - 1834) đã đàn áp dã man phong trào giải phóng dân tộc ở trong nước.-276.

Oóc-ghét (Orges), Héc-man (1821 - 1874) - nhà báo Đức, từ năm 1854 đến 1864, một trong những biên tập viên của báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc.-616, 732, 804, 878.

Oóc-lê-ăng - vương triều ở Pháp (1830 - 1848).-500, 501.

Oóc-xi-ni (Orsini), Phê-lít-xơ (1819 - 1858) - nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà dân chủ và nhà cộng hoà tư sản, một trong những người tham gia có tên tuổi vào cuộc đấu tranh cho giải phóng dân tộc và thống nhất nước I-ta-li-a, bị xử tù vì mưu sát Na-pô-lê-ông III.-660.

Ô Đôn-nen (O'Donnell), En-ri-cơ Hô-xê (1769 - 1834) - tướng Tây Ban Nha, tham gia chiến tranh giải phóng chống lại sự thống trị của Na-pô-lê-ông (1808 - 1814), vào giữa năm 1819, chỉ huy tại khu vực Ca-đi-xơ một quân đoàn quân viễn chinh dùng để đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở châu Mỹ.-288, 289.

Ô-giê-rô (Augereau), Pi-e Phrăng-xoa Sác-lơ (1757 - 1816) - tướng Pháp, từ 1804 nguyên soái, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông.-175, 177, 232.

Ô-guy-xơ (63 trước công nguyên - 14) – hoàng đế La Mã (27 trước công nguyên - 14).-36.

Ô-ly (Ohly), Các-lơ Phri-đrich Cri-xti-an Héc-man (1825 - 1881), nhà báo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cách mạng 1848 - 1849, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong sang Thụy Sĩ rồi sang Luân Đôn; phóng viên báo "Allgemeine Zeitung".-600, 601, 801, 834.

Ô-li-phan-tơ (Oliphant), Lô-ren-xơ (1829 - 1888) – nhà du lịch và nhà báo Anh; năm 1855 ở Cáp-ca-dơ với tư cách phóng viên báo "Times".-691.

Ô-man-xki (Aumale), Hăng-ri Ô-gien Phi-líp Lu-i *Oóc-lê-ăng*, công tước (1822 - 1897)- con trai của vua Pháp Lu-i – Phi-líp, trong những năm 40 tham gia xâm chiếm An-giê-ri, toàn quyền An-giê-ri (1847 - 1848), sau cách mạng tháng Hai năm 1848 lưu vong sang Anh.-134, 273.

Ô-oen (Owen), Rô-bóc (1771 - 1858) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại Anh.- 570.

Ô-rút-giơ Béc-ba-rốt-xơ (khoảng 1473 - 1518) - cướp biển Thổ Nhĩ Kỳ, người cầm quyền ở An-giê-ri.-127.

Ô-xte-rman – Tôn-xtôi, A-lếch-xan-đơ I-va-nô-vích, bá tước (1770 - 1857) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-317, 318.

Ô-xten-Xa-ken, Pha-bi-an Vin-hem-mô-vích (1752 - 1837) – tướng Nga, từ 1826 nguyên soái, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-220, 221.

Ô-xvan (Oswald), Ây-ghe-n (1826 - 1912) - nhà báo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia phong trào cách mạng ở Ba-đen trong những năm 1848 - 1849; sau khi cách mạng thất bại, lưu vong khỏi Đức.-496.

Ốc-lên-đơ (Auckland), Gioóc-giơ I-đen, bá tước (1784 - 1849)– nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, giữ nhiều chức vụ bộ trưởng, toàn quyền Ấn Độ (1836 - 1842).-104.

Ốc-xen-banh (Ochsenbein), I-ô-han Un-rich (1811 - 1890) – tướng và nhà hoạt động nhà nước của giai cấp tư sản Thụy Sĩ, phần tử cấp tiến, rồi sau là một trong những người lãnh đạo phái tự do, chủ tịch Quốc hội hiệp bang trong thời kỳ chiến tranh với Đồng minh đặc biệt, đứng đầu Chính phủ liên bang (1847 - 1848); năm 1848 chủ tịch Hội đồng quốc dân và uỷ viên Hội đồng liên bang.-761.

Ôn-ga (1822 - 1892) – nữ đại công tước Nga, con gái Ni-cô-lai I, về sau là hoàng hậu Vuyéc-tem-béc.-853.

Ôn-đen-buốc (Oldenburg), Ghê-oóc-gơ Pê-tơ Phri-đrich (Ghê-oóc-gi Pê-trô-vích), hoàng thân (1784 - 1812) – con rể của hoàng đế Nga A-lếch-xan-đơ I, năm 1809 - 1812 tổng đốc các tỉnh Tve, I-a-rô-xláp-xki và Nốp-gô-rôt và giám đốc giao thông ở Nga.-200.

Ôn-xu-phi-ép, Da-kha-rơ Đmi-tri-e-vích (1773 - 1835) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-229, 230.

Ốp-pen-hai-mơ (Oppeheim), Hen-rích Béc-hác (1819 - 1880) - nhà hoạt động chính trị Đức, nhà kinh tế học và nhà báo, nhà dân chủ tiểu tư sản; năm 1848 là một trong những biên tập viên báo "Reform" ở Béc-lin, năm 1848 - 1849 sống lưu vong; về sau là phần tử dân tộc - tự do.-581, 785.

Ốt-tôn I (912 - 973) - vua Đức (936 - 937) và hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (962 - 973).-343.

Ở-gien, hoàng thân - xem *Bô-hác-ne*, *Ở-gien*.

Ở-gien-xa-voa, hoàng thân (1663 - 1736) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước áo.- 311, 312.

Ơ-le (Euler), Lê-ô-na (1707 - 1783) - nhà toán học, nhà cơ khí học và nhà vật lý học vĩ đại, gốc người Thụy Sĩ, công tác ở Viện hàn lâm khoa học Pê-téc-bua (1727 - 1741 và 1766 - 1783) và Viện hàn lâm khoa học Béc-lin (1741 - 1766).-249.

P

Pa-đi-li-a (Padilla), Hô-xê (1778 - 1828) - tướng Cô-lôm-bi-a, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, năm 1828 bị xử tử về tội tổ chức âm mưu chống lại Bô-li-va-rô.-289, 292.

Pa-ê-xơ (Páez), Hô-xê An-tô-ni-ô (1790 - 1873) - tướng và nhà hoạt động chính trị Vê-nê-xu-ê-la, một trong những nhà lãnh đạo cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, từ năm 1814 chỉ huy đội quân li-a-nê-rốt, chạy sang

phía phong trào giải phóng dân tộc, năm 1826 - 1830 chống lại Bô-li-va-rô, lãnh đạo cuộc đấu tranh đòi độc lập cho Vê-nê-xu-ê-la tách khỏi Cô-lôm-bi-a, từ năm 1831 đến 1863 (có gián đoạn) là tổng thống Vê-nê-xu-ê-la.-280, 285-288, 291, 292.

Pa-gan (Pagan), Blê-đơ Phrăng-xoa đơ (1604 - 1665) - công trình quân sự Pháp, tác giả tác phẩm về xây công sự.-413-416.

Pa-le-xtơ-ri-na (Palestrina) - quan chức cảnh sát Pháp.-730, 733.

Pa-len, Pi-ốt A-lếch-xây-ê-vích, bá tước (1745 - 1826) - tướng và nhà hoạt động chính trị Nga, tổng đốc quân sự Pê-téc-bua (1798 - 1801), một trong những người tổ chức và tham gia việc giết Pa-ven I.-140.

Pa-pa-si-nô đ'An-tô-ni (Papacino d'Antoni), A-lếch-xan-đrô Vítô-ri-ô (1714 - 1786) - công trình sư quân sự Xác-đi-ni, tác giả nhiều tác phẩm về pháo binh và xây công sự.-249.

Pa-pi-ni-an, Ê-mi-li (khoảng 140 - 212) - luật gia nổi tiếng La Mã, người bảo vệ triệt để chế độ nô lệ.-843.

Pa-ra-vây (Paravey), Sác-lơ I-pô-lít đơ (1787 - 1871) - công trình sư và nhà Đông phương học Pháp.-238.

Pa-sốt-tô (Paciotto), Phran-se-xcô (1521 - 1591) - công trình sư quân sự I-ta-li-a.-408.

Pa-ven I (1754 - 1801) - hoàng đế Nga (1796 - 1801).-140.

Pa-xkê-vích, I-van Phê-đô-rô-vích, công tước (1782 - 1856) -

nguyên soái Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, từ mùa hè năm 1831 là tổng tư lệnh quân đội Nga đàn áp cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1830 - 1831, từ năm 1832 toàn quyền Vương quốc Ba Lan, năm 1849 tư lệnh quân đội Nga tham gia đàn áp cách mạng ở Hung-ga-ri.-317.

Pa-xơ Xa-la-xơ (Paz Salas), Pê-đrô đơ (thế kỷ XVI) - người soạn báo cáo về Ác-ma-đa Tây Ban Nha.-208.

Pác-mơ, công tước - xem *Phác-ne-đơ*, A-lếch-xan-đơ.

Pác-xê-van - *Đê-sen* (Parseval - Deschênes), A-lếch-xan-đơ Phéc-di-nan (1790 - 1860) - đô đốc Pháp, năm 1850 chỉ huy phân hạm đội biển Ban-tích.-355.

Pai-in-đa-khan (biệt hiệu Xa-ra-phra-khan) (mất năm 1800) - người cầm đầu vụ âm mưu chống lại sắc Áp-ga-ni-xtan Dê-man.-100.

Pan-mớc-xtơn (Palmerston), Hen-ri Giôn Tem-pơn, tử tước (1784 - 1865) - nhà hoạt động nhà nước Anh, khi mới hoạt động thuộc đảng To-ri, từ năm 1830 là một trong những lãnh tụ của đảng Vích, dựa vào những phần tử cánh hữu của đảng này, bộ trưởng ngoại giao (1830 - 1834, 1835 - 1841 và 1846 - 1851), bộ trưởng nội vụ (1852 - 1855) và thủ tướng (1855 - 1858 và 1859 - 1865).-206, 606, 631, 635, 641, 660-663, 681, 689, 721, 739, 740, 778, 875, 894.

Péc-txen (Perczel), Mô-rít-xơ (1811 - 1899) - tướng Hung-ga-ri

tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri; sau khi cách mạng thất bại, lưu vong sang Thổ Nhĩ Kỳ và đến 1851 thì sang Anh.-648, 749.

Péc-xi-nhi (Persigny), Giăng Gin-be Vích-to *Phi-a-len*, bá tước (1808 - 1872) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, nghị sĩ Quốc hội lập pháp (1849 - 1851), một trong những người tổ chức cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851, bộ trưởng nội vụ (1852 - 1854 và 1860 - 1863), đại sứ ở Anh (1855 - 1858, 1859 - 1860).-683, 716.

Péc-xi-út (Ô-lút Péc-xi-út Phlắc-cút) (32 - 64) - nhà thơ trào phúng La Mã.-735, 777, 779.

Pê-đru I (1798 - 1834) - hoàng đế Bra-xin (1822 - 1831), vua Bồ Đào Nha dưới danh hiệu Pê-đru IV (1826), từ chối ngôi vua Bồ Đào Nha cho con gái của mình là Ma-ri-a II đa Glô-ri-a.-166.

Pê-lê-chi-ê (Pelletier), Giăng Ba-ti-xơ (1777 - 1862) - tướng Pháp, tham gia chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, thời kỳ nền Quân chủ thánh Bấy giữ chức giám đốc nhiều trường pháo binh ở Pháp.-164.

Pê-li-xi-ê (Pelissier), Giăng Giắc (1794 - 1864) - tướng Pháp, từ năm 1855 nguyên soái, trong những năm 30 - 50 tham gia xâm chiếm An-giê-ri, tổng tư lệnh quân đội ở Crôm *1855 - 1856).-134, 660.

Pê-nhi-a (Pena), Mi-ghen (1781 - 1833) - luật sư và nhà hoạt

động chính trị Vê-nê-xu-ê-la, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, ủng hộ Bô-li-va-rô, năm 1812 tỉnh trưởng La-Goay-ra, sau khi Vê-nê-xu-ê-la tách khỏi Cô-lôm-bi-a làm bộ trưởng nội vụ và tư pháp trong chính phủ của Pa-ê-xơ.-276.

Pê-rây-ra (Péire), I-xác (1806 - 1880) - chủ ngân hàng Pháp thuộc phái Bô-na-pác-tơ, năm 1852 cùng với anh là Ê-min Pê-rây-rô thành lập công ty cổ phần Crédit Mobilier, tác giả nhiều tác phẩm về vấn đề tín dụng.-784.

Pê-ri-clét (khoảng 490 - 429 trước công nguyên) - nhà hoạt động nhà nước A-ten, nhà chiến lược (444 - 429 trước công nguyên), thúc đẩy củng cố chế độ dân chủ nô lệ.-19, 23.

Pê-ri-ê (Perrier), Giôn - nhà hoạt động chính trị Thuy Sĩ, phần tử cấp tiến, nghị sĩ Đại hội đồng 91852 và 1856 - 1860) ủng hộ Pha-di.-713, 716-720.

Pê-tê-tanh (Petétin), An-xen-mơ (1807 - 1873) - nhà chính luận Pháp, ban đầu là nhà cộnghoà rồi tham gia phái Bô-na-pác-tơ; tỉnh trưởng tỉnh Xa-voa (1860 - 1861).-709.

Pê-ti-ôn (Pétion), An-nơ A-lếch-xan-đrơ Xa-bê-rô (1770 - 1818) - nhà hoạt động chính trị và tướng Tây Ấn, tham gia đấu tranh giải phóng Ha-i-ti khỏi nền thống trị thực dân, tổng thống nước Cộng hoà Ha-i-ti (1807 - 1818).-282, 283.

Péch-xan (Paixhans), Hăng-ri Giô-dép (1783 - 1854) - tướng

Pháp, công trình sư và nhà phát minh quân sự, tác giả nhiều tác phẩm về pháo binh.-262, 472.

Pha-di (Fazy), Giảng Giác-cơ (Giêm-xơ) (1794 - 1878) - nhà hoạt động nhà nước và nhà chính luận Thuy Sĩ, phần tử cấp tiến, đứng đầu chính phủ bang Giơ-ne-vơ (1846 - 1853 và 1855 - 1861), thi hành chính sách thân Bô-na-pác-tơ.494, 523, 551, 602, 607, 702, 704-714, 716-722, 726, 737, 754-766, 800, 848, 651, 888.

Phác-ne-dơ (Farnese), A-lếch-xan-đrơ (A-lét-xan-đrô), công tước Pác-mơ (1545 - 1592) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, năm 1578 - 1592 tổng đốc Hà Lan.-210, 211.

Phan-me-rai-ơ (Fallmerayer), I-a-cốp Phi-líp (1790 - 1861) - nhà sử học và nhà du lịch Đức.-603.

Phát-khơ Giun-gơ - con trai của sắc Ấp-ga-ni-xtan Sút-gia, năm 1842 đã giữ ngai vàng Ấp-ga-ni-xtan mấy tháng.-107.

Phát-khơ-khan (mất năm 1818) - vi-dia của sắc Ấp-ga-ni-xtan, Ma-khơ-mút.-101.

Phau-sơ (Faucher), Giuy-lơ (Giuy-li-út) (1820 - 1878) - nhà chính luận Đức, phần tử Hê-ghe-nơ trẻ; ủng hộ mậu dịch tự do, di cư sang Anh, cộng tác với báo "Morning Star", năm 1861 trở về Đức, thuộc đảng tiến bộ.-606-610.

Phéc-đi-năng IV (1285 - 1312) - vua Ca-xti-li và Lê-ông (1295 - 1312).-240.

Phéc-đi-năng VII (1784 - 1833) - vua Tây Ban Nha (1808 và

1814 - 1833).-214.

Phéc-di-năng V Ca-tô-lích (1452 - 1516) - vua (1474 - 1504) và người cầm quyền (1507 - 1516) Ca-xti-li-a, vua A-ra-gông với vương hiệu Phéc-di-năng II (1479 - 1516).-128.

Phéc-di-năng Phôn Ê-xtơ, đại công tước (1781 - 1830) - nguyên soái Áo, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-196.

Phéc-nan-đét đơ Coóc-đô-ba (Fernández de Córdoba), Công-xa-lô (1453 - 1515) - thống soái Tây Ban Nha, tham gia chiến tranh chống lại nước Hồi giáo Gra-na-da.-448.

Phéc-hát - pa-sa - xem *Stai-nơ* Mắc-xi-ni-liêng.

Phê-mi-xti-út (317 - khoảng 387) - nhà hoạt động chính trị Hy Lạp, nhà hùng biện và nhà triết học - chiết trung, nhà bình luận tác phẩm của A-ri-xtốt.-239.

Phê-thơ - A-li-sắc (1762 - 1834) - sắc Ba Tư (1797 - 1834).-101.

Phi-a-len - xem *Péc-xi-nhi*, Giảng Gin-be Vích-to.

Phi-e-rô (Fierro), Ma-nu-en - tướng Tây Ban Nha, phục vụ trong quân đội đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, tháng Bảy - tháng Tám năm 1813, tổng đốc Ca-ra-cát.-278.

Phi-líp II (1572 - 1598) - vua Tây Ban Nha (1556 - 1598).-208.

Phi-líp II Ma-xê-đoan (khoảng 382 - 336 trước công nguyên) - vua Ma-xê-đoan (359 - 336 trước công nguyên).-24, 26, 361.

Phi-líp V (khoảng 237 - 179 trước công nguyên) - vua Ma-xê-đoan (221 - 179 trước công nguyên).-32.

Phi-líp-xơn, Gri-gô-ri I-va-nô-vích (1809 - 1883) - tướng Nga, tham gia chinh phục Cáp-ca-dơ.-744, 745.

Phi-lô-xơ-rát (khoảng 170 - 245) - nhà hùng biện Hy Lạp, nhà triết học nguy biện và nhà văn.-239.

Phi-sắc-tơ (Fischart), I-ô-han (khoảng 1545 - 1590) - nhà văn trào phúng Đức.- 497, 533, 546, 789, 792.

Phin-cơ (Fink) - kiều dân Đức ở Giơ-ne-vơ.-524.

Phin-kê (Vincke), Ghê-oóc, nam tước (1811 - 1875) - nhà hoạt động chính trị Phổ, năm 1848 - 1849 một trong những lãnh tụ của cánh hữu trong Quốc hội Phran-phước; năm 1849 nghị sĩ đệ nhị viện thuộc cánh hữu, trong những năm 50 - 60 được bầu vào hạ nghị viện Phổ, thuộc phái tự do ôn hoà.-535, 588, 590, 786, - 797.

Phít-xơ-uy-li-am (Fitzwilliam), Uy-li-am (1526 - 1599) - nhà hoạt động nhà nước Anh, tổng đốc Ai-rơ-len (1572 - 1575 và 1588 - 1594).-212.

Phla-mi-ni-út (Ti-tut Canh-tut Pla-mi-ni-út) (khoảng 228 - 174 trước công nguyên) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước La Mã, quan chấp chính (198 trước công nguyên, chỉ huy quân đội La Mã trong cuộc chiến tranh Ma-xê-đoan thứ hai (200 - 197 trước công nguyên).-32.

Phlo-ri-a-ni (Floriani), Pi-e Pao-lô (1584 - 1638) - công trình

sư quân sự I-ta-li-a, tác giả tác phẩm về xây công sự.-409.

Phlô-công (Flocon), Phéc-di-năng (1800 - 1866) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Pháp, nhà dân chủ tiểu tư sản, một trong những biên tập viên của báo "Réforme", năm 1848 uỷ viên chính phủ lâm thời.-805, 881.

Phlô-rê-xơ (Florez), Hô-xê Xê-gun-đơ đơ (sinh năm 1789) - nhà sử học và nhà chính luận tư sản tự do Tây Ban Nha.-215.

Phlơ-ry (Fleury), Sác-lơ (tên thật Các-lơ Phri-đrich Au-gu-xơ Crau-đơ) (sinh năm 1824) - thương nhân ở Luân Đôn, gián điệp và mật thám Phổ.-527, 540, 680-868.

Phoa (Foix), Ga-xtôn đơ (1489 - 1512) - thống soái Pháp, năm 1512 chỉ huy quân Pháp trong thời gian xảy ra cuộc tiến quân vào I-ta-li-a trong thời kỳ chiến tranh I-ta-li-a.-343.

Phoa (Foy), Mắc-xi-mi-liêng Xê-bê-xchiên (1775 - 1825) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái tự do, tham gia chiến tranh ở bán đảo I-bê-ri-cơ (1808 - 1814).-321, 323, 324.

Phoóc-rơ (Forey), Ê-li Phrê-đê-rích (1804 - 1872) - tướn Pháp, sau nguyên soái, thuộc phái Bô-na-pác-tơ; trong những năm 30 - 40 tham gia xâm chiếm An-giê-ri, một trong những người tích cực tham gia cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp năm 1851; trong những năm 1854 - 1855 chỉ huy quân đội ở Crum.-75.

Phô-gtơ (Vogt), A-đôn-phơ (sinh năm 1823) - thầy thuốc Thụy Sĩ, em của C. Phô-gtơ.-722.

Phô-gtơ (Vogt), Các (1817 - 1895) - nhà khoa học tự nhiên Đức, nhà duy vật tầm thường, nhà dân chủ tiểu tư sản; năm 1848 - 1849 nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc thuộc cánh tả; tháng Sáu năm 1849 là một trong năm nhiếp chính đế chế; năm 1849 lưu vong khỏi Đức; trong những năm 50 - 60 mật thám ăn lương của Lu-i Bô-na-pác-tơ, một trong những kẻ tích cực tham gia việc đả kích có tính chất vu cáo đối với các nhà cách mạng vô sản. -487-492, 495, 597, 503-512, 515-535, 537-541, 542-556, 577, 580, 584-593, 595-640, 642-659, 662, 664-702, 704-710, 712-717, 719, 721-726, 728-738, 750, 752, 754, 755, 766, 767, 770-775, 781, 784-791, 796-802, 804-810, 816-819, 821-832, 835-841, 852, 855, 859, 869, 872, 875-882, 885, 888-890, 893, 895-903, 905, 910-912.

Phô-gtơ (Vogt), Ê-min (1820 - 1883) - luật gia Thụy Sĩ, em của C. Phô-gtơ.- 722.

Phô-gtơ (Vogt), Gu-xtáp (1829 - 1901) - luật gia Thụy Sĩ, nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị, phần tử cấp tiến, năm 1860 - 1862 giám đốc cục thống kê, em của C.Phô-gtơ.-719, 722.

Phô-gtơ (Vogt), Phi-líp Phri-đrich Vin-hem (1786 - 1861) - thầy thuốc Đức, đầu những năm 30 sống ở Thụy Sĩ, từ năm 1835 giáo sư y học ở trường cao đẳng Béc-nơ, tham gia phái tự do, bố của C.Phô-gtơ.-539, 722.

Phô-la-rơ (Folard), Giảng Sác-lơ (1669 - 1752) - sĩ quan Pháp, nhà lý luận và nhà văn quân sự.-189.

Phô-xcô-lô (Foskolo), U-gô (1778 - 1827) - nhà thơ nổi tiếng I-ta-li-a.-722.

Phrai-li-grát (Freilligrath), Phéc-di-năng (1810 - 1876) - nhà thơ Đức, thời kỳ mới hoạt động là nhà thơ lãng mạn sau thành nhà thơ cách mạng; trong những năm 1848 - 1849 một trong những biên tập viên của tờ "Neue Rheinische Zeitung", thành viên Đồng minh những người cộng sản; trong những năm 50 rời bỏ đấu tranh cách mạng.-605, 898.

Phran-cơ - xem *Séc-van Giuy-li-ên*.

Phran-cơ (Franck), Gu-xtáp - nhà dân chủ tiểu tư sản Áo, đầu những năm 50 thế kỷ XIX cư trú ở Luân Đôn.-569.

Phran-ki-ni, Vích-to An-tô-nô-vích (1820 - 1892) - sĩ quan Nga, sau lên tướng, tham gia cuộc Chiến tranh Crưm (1853 - 1856), tham gia chiến tranh chống lại dân miền núi Cáp-ca-dơ.-745.

Phran-txơ (Franz) (thế kỷ XVI) - công trình sư quân sự Đức.-409.

Phran-txơ-I-ô-xip I (1830 - 1916) - hoàng đế Áo (1848 - 1916).-633, 678-681, 750.

Phrăng-xoa I (1494 - 1547) - vua Pháp (1515 - 1547).-43, 243, 499, 682.

Phrây- Ê-rô-dê (Frey - Hérosé), Phri-đrich (1801 - 1873) - sĩ quan Thụy Sĩ, nhà hoạt động chính trị tư sản, thuộc phái tự do;

năm 1848 uỷ viên Hội đồng quốc dân, nghị sĩ quốc hội; năm 1854 và năm 1860 tổng thống Liên bang Thụy Sĩ.-686, 711, 716.

Phrây-rơ (Freire), Ma-nu-en (1765 - 1834) - tướng Tây Ban Nha, tham gia đấu tranh giải phóng chống lại sự thống trị của Na-pô-lê-ông (1808 - 1814).-322-325.

Phrây-tác (Freitag), A-đam (thế kỷ XVII) - công trình sư quân sự Hà Lan, một trong những người sáng lập ra trường phái Hà Lan cũ về xây công sự.-413.

Phrây-tét (Freites), Pê-đrô Ma-ri-a (mất năm 1817) - sĩ quan Vê-nê-xu-ê-la, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-284.

Phrê-đê-rích VI (1768 - 1839) - vua Đan Mạch - Na Uy (1808 - 1814) rồi vua Đan Mạch (1814 - 1839).-200, 205.

Phrê-mô-xa (Fremosa), Ê-ma-nu-en - thuỷ binh Tây Ban Nha, một tron gnx người tham gia cuộc viễn chinh của Ác-ma-đa Tây Ban Nha năm 1588, bị người Anh bắt làm tù binh.-211.

PHRÊ-RÔN (FRÉRON), LU-I MA-RI XTA-NI-XTA (1754 -1802) - NHÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP CUỐI THẾ KỶ XVIII RỒI SAU LÀ MỘT TRONG NHỮNG THỦ LĨNH CỦA CUỘC PHẢN CÁCH MẠNG THÁNG NÓNG.-175.

Phri-an (Friant), Lu-i (1758 - 1829) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-317, 318.

Phri-đrich II (1712 - 1786) - vua Phổ (1740 - 1786).- 50-54, 57,

93, 152, 216, 250, 251, 364, 373, 374, 376, 385, 394, 429, 456-459, 545, 630.

Phri-đrich - Vin-hem (1620 - 1688) - tuyển đế hầu Bran-đen-buốc (1640 - 1688).-792.

Phri-đrich - Vin-hem I (1688 - 1740) - vua Phổ (1713 - 1740).-50, 374.

Phri-đrich - Vin-hem III (1770 - 1840) - vua Phổ (1797 - 1840).-204, 217, 219, 235.

Phri-đrich - Vin-hem IV (1795 - 1861) - vua Phổ (1840 - 1861).-796.

Phruê - ben (Fröben), I-u-li-át (1805 - 1893) - nhà chính luận Đức, người xuất bản sách báo tiến bộ, phần tử cấp tiến tiểu tư sản, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở Đức, nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả, sau thất bại của cách mạng, lưu vong sang châu Mỹ, năm 1857 trở về châu Âu, thuộc phái tự do.-606, 623.

Phrun-đơ-xbéc (Fruntsberg), Ghê-oóc-gơ (1473 - 1528) - tư lệnh lính đánh thuê Đức, phục vụ cho hoàng đế Đức và Liên minh Sva-ben; tham gia chiến tranh ở I-ta-li-a; năm 1525 - 1526 tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa nông dân ở Sva-ben và ở giáo khu Dan-xbuốc.-44.

Phu-ri-ê (Fourier), Sác-lơ (1772 - 1837) - nhà xã hội chủ nghĩa - không tưởng vĩ đại Pháp. -503, 570, 571.

Phê-sê (Fouché), Giô-dép (1759 - 1820) - nhà hoạt động của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII và của đế chế Na-pô-lê-ông, thời kỳ cách mạng thuộc phái Gia-cô-banh, dưới thời Na-pô-lê-ông I là bộ trưởng cảnh sát; nổi tiếng là cực kỳ vô nguyên tắc.-200.

Phuê-ghe-lơ (Voegelé), A. - năm 1859 công nhân sắp chữ ở nhà in Hôn-lin-ghê-ơ ở Luân Đôn.-610, 614-624, 809, 820, 821, 830-835, 877, 881, 901.

Phun (Phull), Các-lơ Lút-vích áp-gu-xtơ (1757 - 1826) - tướng Phổ, năm 1806 tổng tham mưu trưởng quân đội Phổ, năm 1806 - 1812 phục vụ trong quân đội Nga.-118.

Phun-tơn (Fulton), Rô-bóc (1765 - 1815) - kỹ sư và nhà phát minh Mỹ, người chế tạo ra chiếc tàu thủy đầu tiên.-472.

Phuyên-ke-rơ (Völker) (thế kỷ XVII) - công trình sư quân sự, một trong những người sáng lập ra trường phái Hà Lan cũ về xây công sự.-414.

Pi-a-rơ (Piar), Ma-nu-en Các-lốt (1782 - 1817) - tướng Vê-nê-xu-ê-la - Cô-lôm-bi-a, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, năm 1817 bị xử tù về tội tổ chức âm mưu chống Bô-li-va-rơ.-282-286.

Pi-ê-tơ-ri (Pietri), Pi-e Ma-ri (1809 - 1864) - nhà hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, cục trưởng cục cảnh sát Pa-ri (1852 - 1858).-517, 518.

Pi-ốt I (1672 - 1725) - vua Nga từ 1682, hoàng đế toàn Nga từ 1721.-607, 639.

Pi-rơ (319 - 272 trước công nguyên) - vua Ê-pia (307 - 302, 296 - 272 trước công nguyên) - nguyên soái nổi tiếng thời Cổ đại.-31.

Pi-ta-to (khoảng 571 - 497 trước công nguyên) - nhà toán học Cổ Hy Lạp, nhà triết học - duy tâm, nhà tư tưởng của quý tộc chủ nô.-771.

Pi-si-ni-ô (Piccinino), Ni-cô-lô (1386 - 1444) - người chỉ huy lính đánh thuê Mỹ, năm 1426 - 1443 chỉ huy quân đội Mi-la-nô trong cuộc hỗn chiến giữa các thành phố I-ta-li-a.-243.

Pi-sơn (Pichon), Lu-i Ăng-đơ, nam tước (1771 - 1850) - nhà ngoại giao và nhà hoạt động chính trị Pháp, đầu những năm 30 quan cai trị dân sự ở An-giê-ri.-133.

PI IX (1792 - 1878) - GIÁO HOÀNG LA MÃ (1846 - 1878).-638, 656.

Pin (Peel), Rô-bốt (1788 - 1850) - nhà hoạt động nhà nước Anh, lãnh tụ phái ôn hoà trong đảng To-ri (phái này được gọi theo tên ông là phái Pin), bộ trưởng nội vụ (1822 - 1827 và 1828 - 1830), thủ tướng (1834 - 1835 và 1841 - 1846), với sự ủng hộ của đảng tự do đã huỷ bộ luật lúa mì (1846).-897.

Pin-đa-rơ, Pi-tơ - xem *Uôn-cốt Giôn*.

Pit (Pitt), Uy-li-am, Bé (1759 - 1806) - nhà hoạt động nhà nước Anh, một trong những lãnh tụ của đảng To-ri; một trong những nhà tổ chức chủ yếu các cuộc chiến tranh chống cách mạng

tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, thủ tướng (1783 - 1801 và 1804 - 1806).-531, 630.

Piu-dơ (Puisaye), Giô-dép Giê-nê-vi-ép, bá tước *đơ* (1755 - 1827) - tướng Pháp, phần tử bảo hoàng, những năm 1793 - 1797 là một trong những lãnh tụ của bọn phiến loạn phản cách mạng Su-ăng.-174.

Plau-tút Ti-tút Mắc-xi-út (khoảng 254 - 184 trước công nguyên) - tác giả hài kịch thơ Cổ Hy Lạp.-601.

Plông-Plông - xem Bô-na-pác-tơ Giô-dép Sác-lơ Pôn, hoàng thân Na-pô-lê-ông.

Pluy-mích-ke (Plümicke), I.C. - sĩ quan Đức, tác giả cuốn "Sách hướng dẫn giành cho sĩ quan pháo binh hoàng gia Phổ".-539.

Pô-li-bi-út (khoảng 201 - khoảng 120 trước công nguyên) - nhà sử học lỗi lạc Cổ Hy Lạp, tác giả của một trong những tác phẩm đầu tiên về thông sử.-483.

Pô-lốc-cơ (Pollock), Gioóc-giơ (1786 - 1872) - tướng Anh, sau nguyên soái, tham gia chiến tranh Anh - áp-ga-ni-xtan (1838 - 1842).-107.

Pô-ni-a-tốp-xki (Poniatowski), Xta-ni-xláp Áp-gu-xtơ (1732 - 1798) - vua Ba Lan với vương hiệu Xta-ni-xláp II Ô-guy-xtơ (1764 - 1795).-148.

Pô-ni-a-tốp-xki (Poniatowski), Giô-dép, công tước (1763 -

1813) - nhà hoạt động chính trị và quân sự Ba Lan, tướng, năm 1809 - 1813 tham gia chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-315.

Pô-tem-kin, Gri-gô-ri A-lếch-xan-đrô-vihcs, công tước (1739 - 1791) - nhà hoạt động nhà nước Nga, nguyên soái, tổng tư lệnh trong cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ năm 1787 - 1791; sủng thần của Ê-ca-tê-ri-na.-139.

Pôn-sa-ra (Poncharra), Sác-lơ Lu-i Xê-da *đụy Po-ro*, hầu tước *đơ* (1787 - 1860) - sĩ quan và nhà phát minh quân sự Pháp.-463.

Pốp (Pope), A-lếch-xan-đrô (1688 - 1744) - nhà thơ Anh, đại biểu của chủ nghĩa cổ điển khai sáng.-768, 769, 783, 786, 820, 886.

Pốt-xô-đi-Boóc-gô, Các-lơ Ô-xi-pô-vích, bá tước (1764 - 1842) - nhà ngoại giao Nga, vốn người Coóc-xơ; từ 1814 đến 1821 công sứ, từ 1821 đến 1835 đại sứ ở Pa-ri rồi ở Luân Đôn (1835 - 1839).-643.

Pphu-en-lơ (Pfuel), Êc-nơ-xơ (1779 - 1866) - tướng Phổ, một trong những kẻ đại biểu cho giới quân phiệt phản động; tháng Chín - tháng Mười 1848 thủ tướng và bộ trưởng chiến tranh.-795.

Prin-xíp-pơ-i - *Vi-đau* (Principe y Vidaud), Mi-ghen A-gu-xtin (1811 - 1866) - nhà văn tư sản Tây Ban Nha, tác giả nhiều tác phẩm về lịch sử và văn học Tây Ban Nha, thuộc đảng tiến bộ.-215.

Pru-đông (Proudhon), Pi-e Giô-đép (1809 - 1865) - nhà chính

luận, kinh tế học và xã hội học Pháp, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản, một trong những người sáng lập ra chủ nghĩa vô chính phủ.-572, 660.

Ptô-lê-mây, Lau-đi-út (thế kỷ II) - nhà thiên văn học và địa lý học nổi tiếng Cổ Hy Lạp.-125.

Ptô-lê-mây La-gơ (khoảng 360 - 283 trước công nguyên) - thống soái Ma-xê-đoan, tham gia các cuộc viễn chinh của A-lếch-xan-rơ Ma-xê-đoan, từ 323 trước công nguyên tổng đốc rồi vua của Ai Cập đã Hy Lạp hoá (305 - 285 trước công nguyên) người sáng lập ra vương triều Ptô-lê-mây.-16, 362.

Pxam-me-tích I-pha-ra-ông (663 - 610 trước công nguyên) và thống soái Ai Cập.-12.

Pu-ga-sép, Ê-me-li-an I-va-nô-vích (khoảng 1742 - 1775) - lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa chống phong kiến lớn nhất của nông dân và người Cô-dắc ở nước Nga những năm 1773 - 1775.-139.

Pu-khơ-nơ (Puchner), An-tôn, nam tước (1779 - 1852) - tướng áo, những năm 1848 - 1849 chỉ huy quân đội ở Tơ-ran-xin-va-ni tác chiến chống lại quân đội cách mạng Hung-ga-ri.-167.

Pun-xki (Pulszky), Phran-si-sếch (1814 - 1897) - nhà hoạt động chính trị, nhà văn và nhà khảo cổ học Hung-ga-ri gốc Ba Lan, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri; sau khi cách mạng thất bại lưu vong ra nước ngoài, những năm 50 cộng tác với tờ báo "New york Daily Tribune", năm 1867 trở về Hung-

ga-ri sau sự ân xá, nghị sĩ (1867 - 1876 và 1884 - 1897).-750.

Q

Qui-ri-ni (Quirini), An-điê-lơ Ma-ri-a (1680 - 1755) - hồng y giáo chủ I-ta-li-a và nhà văn.-342.

Quy-vi-ê (Cuvier), Gioóc-giơ (1769 - 1832) - nhà khoa học tự nhiên vĩ đại Pháp, nổi tiếng về các tác phẩm thuộc các lĩnh vực giải phẫu học so sánh, cổ sinh vật học và phân loại động vật.-550.

Quy-xtin-nơ (Custine), A-đam-Phi-líp, bá tước *đơ* (1740 - 1793) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, tham gia cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp chống lại liên minh lần thứ nhất của các nước châu Âu.-120.

R

Ra-cô-xi (Rákóczi), Phê-ren-tơ (Phran-tơ) (1676 - 1735) - người lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở Hung-ga-ri chống lại sự thống trị của vương triều Háp-xbuốc vào đầu thế kỷ XVIII.-751.

Ra-đét-xki (Radetzky), I-ô-dép, bá tước (1766 - 1858) - nguyên soái áo, từ năm 1831 chỉ huy quân đội áo ở Bắc I-ta-li-a, trong những năm 1848 - 1849 đàn áp dã man phong trào cách mạng và giải phóng dân tộc I-ta-li-a, từ năm 1850 đến tháng Hai năm 1857 toàn quyền Vương quốc Lô-m-bác-đi - Vơ-ni-đơ.-631.

Ra-đê-ma-khe-rơ (Rademacher), I-ô-han Gốt-phrít (1772 - 1849) - thầy thuốc Đức, nổi tiếng về sự phân loại độc đáo của ông

đối với các bệnh tật theo phương pháp chữa bệnh.-579.

Ra-đô-vi-xơ (Radowitz), Giô-dép (1797 - 1853) - tướng và nhà hoạt động nhà nước Phổ, đại biểu cho bọn gian thần ở cung đình, những năm 1848 - 1849 là một trong những lãnh tụ của cánh hữu tại Quốc hội Phran-phước.-787-791.

Ra-ép-xki, Ni-cô-lai Ni-cô-lai-e-vích (1771 - 1829) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-314-319.

Ra-glan (Raglan), Phi-xrôi Giêm-xơ Hen-ri *Xô-mét-xét*, nam tước 91788 - 1855) - tướng Anh, từ năm 1854 nguyên soái tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông (1808 - 1814 và 1852) với tư cách sĩ quan tham mưu của Oen-lin-tơn, bí thư quân vụ của văn phòng tổng tư lệnh (1827 - 1854), cục trưởng cục pháo binh (1852 - 1854), tổng tư lệnh quân đội ở Crưm (1854 - 1855).-76, 81.

Ra-ních-ken (Ranickel) - thợ thủ công Đức, nghề nghiệp thợ đóng sách, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cách mạng 1848 - 1849 ở Đức, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong sang Thụy Sĩ.-505, 506, 513, 525, 537, 554-557, 608-612, 709, 724, 726, 787, 852.

Ra-pha-en Xan-ti (Raffaello Santi) (1483 - 1520) - họa sĩ vĩ đại I-ta-li-a thời kỳ Phục hưng.-341.

Ra-vô (Raveaux), Phran-tơ (1810 - 1851) - nhà hoạt động chính trị Đức, nhà dân chủ tư sản; năm 1848 - 1849 nghị sĩ của Khuên tại Quốc hội Phran-phước thuộc phái tả; phái viên để chế tại Thụy Sĩ; tháng Sáu năm 1849 là một trong năm nhiếp chính

để chế; uỷ viên chính phủ lâm thời Ba-đen, sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Ba-đen -Pphan-xơ lưu vong khỏi nước Đức.-791.

Ra-xpai (Raspail), Phrăng-xoa (1794 - 1878) - học giả - nhà vật học nổi tiếng Pháp, nhà chính luận, nhà xã hội chủ nghĩa, gần gũi với giai cấp vô sản cách mạng; tham gia cách mạng 1830 và 1848; nghị sĩ Quốc hội lập hiến.-545.

Rai-lơ (Reille), Ô-nô-rơ Sác-lơ Mi-sen Giô-dép (1775 - 1860) - tướng Pháp, sau là nguyên soái và nhà hoạt động chính trị, tham gia chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ (1808 - 1814).-321, 322-325.

Rai-nắc (Reinach), Ác-nôn (khoảng 1820 - 1870) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, tham gia cách mạng 1848 - 1849 ở Đức sau đó lưu vong sang Thụy Sĩ.-610, 852, 853.

Rai-nơ-len-đơ (RheinlTMnder), Ghê-oóc Phri-đrich - hội viên của Đồng minh những người bị hất hủi ở Pa-ri sau lưu vong sang Luân Đôn.-533, 755, 756, 759.

Rai-sen-bác (Rèichnbach), Ô-xca, bá tước (sinh năm 1815) - địa chủ Xi-lê-di, nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1848 - 1849 đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, từ năm 1850 lưu vong sang Anh rồi sang Mỹ.-873.

Rai-stát, I-ô-dép Phrăng-xoa Sác-lơ Bô-na-pác-tơ, công tước (1811 - 1832) - con trai của Na-pô-lê-ông I và Ma-ri-a - Lu-i-da; được phái Bô-na-pác-tơ tiến cử làm người nối ngôi vua Pháp.-202.

Rai-tơ (Reuter), Pau-lơ I-u-li-út (1816 - 1899) - năm 1851 sáng lập ra hãng thông tấn Rai-tơ ở Luân Đôn.-822,

Rai-xơ - Plau-en (ReuS - Plauen), Hen-rích, công tước (1751 - 1825) - tướng Áo, tham gia chiến tranh chống nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông.-87.

Ram-xe-xơ II (theo truyền thuyết Hy Lạp gọi là Xê-xô-xtrít) - pha-ra-ông Ai Cập 91317 - 1251 trước công nguyên) và thống soái Ai Cập.-11.

Ran-đôn (Randon), Giắc Lu-i Xê-da A-lếch-xan-đơ, bá tước (1795 - 1871) - tướng Pháp, từ 1856, nguyên soái; trong những năm 30-40 tham gia xâm chiếm An-giê-ri; bộ trưởng chiến tranh (1851 - 1867), toàn quyền An-giê-ri (1851 - 1858).-135.

Răng-gi-tơ Xinh-khơ (1780 - 1839) - người cầm quyền ở Pen-giáp (1797 - 1839).-101.

Rây-khác (Reichard), I-ô-dép Mác-tin (1803 - 1872) - luật gia Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, uỷ viên chính phủ cách mạng lâm thời Pphan-xơ năm 1849, sau khi khởi nghĩa thất bại lưu vong sang Mỹ.-793.

Rê- (Reh), Tê-ô-đo - luật sư Đức, năm 1848 - 1849 nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc thuộc cánh trung tả.-593-596.

Rê-can-đơ - xem *Mác-ti-nê-xơ đơ Rê-can-đơ*, Hoan.

Rê-den (Raisin), Pi-e-rơ (1820 - 1870) - luật gia và nhà hoạt động chính trị Thụy Sĩ, nghị sĩ Đại hội đồng.-850, 851.

Rê-muy-da (Rémusat), Sác-lơ Phrăng-xoa Ma-ri, bá tước 91797 - 1875) - nhà hoạt động nhà nước và nhà văn Pháp, phần tử Oóc-lê-ăng, bộ trưởng nội vụ (1840), thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, bộ trưởng ngoại giao (1871 - 1873).-528.

Rê-sít-pa-sa (1802 - 1858) - nhà hoạt động nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ, nhiều lần giữ chức vụ thủ tướng và bộ trưởng ngoại giao.-649, 742.

Ri-bát (Ribas), Hô-xê Phê-lích (1775 - 1814) - tướng Vê-nê-xu-ê-la, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-275-281.

Ri-sơ-li-ơ (Richelieu), Ác-măng Ê-ma-nu-en *đầy Plét-xi*, công tước (1766 - 1822) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, sau khi cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII bắt đầu, lưu vong sang Nga, năm 1813 trở về Pháp, thủ tướng và bộ trưởng ngoại giao (1815 - 1818 và 1820 - 1821).-640.

Rim-plơ (Rimpler), Ghê-oóc (1636 - 1683) - công trình sư quân sự Đức, tác giả tác phẩm về xây công sự.-420, 421.

Rin-ghen-gác-đtơ (Ringelgardt) - giám đốc nhà hát ở Khuên rồi (từ năm 1832) ở Lai-pxích.-145.

Rinh-xơ (Rings), L.V. - thành viên của Đồng minh những người cộng sản, đầu những năm 50 thế kỷ XIX cư trú ở Luân Đôn, ủng hộ Mác và Ăng-ghen.-866.

Rít-xơ (Riesser), Ga-bri-en (1806 - 1863) - luật gia và nhà hoạt động chính trị Đức, đứng ra bảo vệ quyền bình đẳng của người Do Thái, năm 1848 - 1849 nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, ban đầu thuộc cánh trung hữu nhưng từ tháng Chín 1848 thuộc cánh trung tả.-597.

Roi-tơ (Reuter), Mác-đầu những năm 50 thế kỷ XIX mật thám Phổ ở Luân Đôn.-862.

Rô-bin-xơ (Robins), Ben-đgia-min (1707 - 1751) - nhà toán học và công trình sư quân sự Anh, tác giả nhiều tác phẩm về toán học và pháo binh.-249.

Rô-den-béc-gơ - Oóc-xi-ni (Rosenberg - Orsini), Phran-xơ Xê-ra-phơ, công tước (1761 - 1832) - tướng Áo, tham gia chiến tranh chống nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông.-87.

Rô-den-blum (Rosenblum), Ê-đu-a - học sinh đại học Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; sau thất bại của cách mạng lưu vong khỏi nước Đức.-492-497, 520.

Rô-đri-ghê-xơ - Tô-ri-xê (Rodriguez Torices), Ma-nu-en (1788 - 1815) - nhà hoạt động chính trị Cô-lôm-bi-a, tham gia phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, năm 1812 - 1814 tổng thống Các-ta-hê-na, sau là một trong những người lãnh đạo của Gra-na-đa Mới (Cô-lôm-bi-a).-277.

Rô-gi-ê (Rogier), Sác-lơ - La-toa (1800 - 1885) - nhà hoạt động

nhà nước của giai cấp tư sản Bỉ, thuộc phái tự do ôn hoà; năm 1847 - 1852 bộ trưởng nội vụ.-805.

Rô-ma-na (Romana), Pê-đrô *Ca-rô-i - Xu-re-đa*, hầu tước *đơ la* (1761 - 1811) - tướng Tây Ban Nha, năm 1807 - 1808 chỉ huy một quân đoàn Tây Ban Nha trên bờ biển Bắc và biển Ban tích, tham gia chiến tranh giải phóng chống sự thống trị của Na-pô-lê-ông (1808 - 1814).-198.

Rô-tếch (Rotteck), Các (1775 - 1840), nhà sử học và nhà hoạt động chính trị của giai cấp tư sản Đức, thuộc phái tự do.-768.

Rô-xét-ti (Rossetti), Đô-me-ni-cô (thế kỷ XVII) - công trình sư quân sự I-ta-li-a, tác giả tác phẩm về xây công sự.-409.

Rô-xi-ô (Roscio), Hoan Héc-man (1769 - 1821) - luật gia và nhà hoạt động chính trị Vê-nê-xu-ê-la, tham gia phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, phó tổng thống Vê-nê-xu-ê-la (1819 - 1820), rồi phó tổng thống Đại Cô-lôm-bi-a.-285-288.

Rôn (Roon), An-brếch (1803 - 1879) - nhà hoạt động nhà nước và quân sự Phổ, từ năm 1873 nguyên soái, một trong những đại biểu của bọn quân phiệt Phổ, bộ trưởng chiến tranh (1859 - 1873) và bộ trưởng hải quân (1861 - 1871), người tiến hành cải tổ quân Phổ.-789.

Rốt-xen (Russel), Giôn (1792 - 1878) - nhà hoạt động nhà nước Anh, lãnh tụ đảng Vích, thủ tướng (1846 - 1852 và 1865 - 1866),

bộ trưởng ngoại giao (1852 - 1853 và 1859 - 1865).-668, 711, 714.

Ru-gơ (Ruge), Ác-nôn (1802 - 1880) - nhà chính luận Đức, thuộc phái Hê-ghe-nơ; phần tử cấp tiến tư sản; năm 1848 nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; trong những năm 50, một trong những lãnh tụ của những người lưu vong tiểu tư sản Đức ở Anh, sau năm 1866, phần tử dân tộc - tự do.-569, 580-584, 864, 894.

Ru-mi-an-xép, Pi-ốt A-lếch-xan-đrô-vích, bá tước (1725 - 1796) - thống soái xuất sắc của nước Nga, nguyên soái, nhà hoạt động nhà nước, chỉ huy quân đội trong cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ năm 1768 - 1774.-139.

Ru-péc-tơ, hoàng thân (1619 - 1682) - tướng Anh, phần tử bảo hoàng, thời kỳ cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII chỉ huy kỵ binh hoàng gia trong cuộc nội chiến thứ nhất (1642 - 1646).-372.

Ruê-dơ (Ryser), Pê-tơ Ghéc-hác (1814 - 1865) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Đức; nghề nghiệp công nhân thuốc lá; năm 1818 - 1849 phó chủ tịch Hội liên hiệp công nhân Khuên; hội viên Đồng minh những người cộng sản, một trong những bị cáo trong vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852), bị xử sáu năm tù; về sau tham gia phái Lát-xan.-865.

Ruê-xlơ (Roesler), Gu-xtáp A-đôn-phơ (1818 - 1855) - giáo viên và nhà báo Đức, năm 1848 - 1849 nghị sĩ cánh tả của Quốc hội Phran-phuốc, từ 1850 di cư sang châu Mỹ.-583.

Rúp-roa (Rouvroy), Phri-đrich Gu-xtáp (1771 - 1839) - sĩ quan Dắc-den, tác giả nhiều tác phẩm về pháo binh.-251.

Rút-xô (Rousseau), Giăng Giắc (1712 - 1778) - nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào ánh sáng, nhà dân chủ, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản.-762.

Ruy-li-e-rơ (Rulhières), Giô-dép Mác-xê-lanh (1787 - 1862) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, tham gia chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, trong những năm 30 tham gia xâm chiếm An-ghe-ri, năm 1848 - 1849 đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp và bộ trưởng chiến tranh, từ chức sau cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851.-274.

S

Sa-bê-lít-xơ (Schabelitz), Gia-cốp (1827 - 1899) - chủ nhà xuất bản và chủ hiệu sách Thụy Sĩ, phần tử cấp tiến tư sản; cuối những năm 40 - đầu những năm 50 có quan hệ với Mác và Ăng-ghen.-529, 540.

Sa-le-rơ (Schaller), Giuy-li-ên (1807 - 1871) - nhà hoạt động nhà nước Thụy Sĩ, đứng đầu chính phủ bang Phrây-buốc (Phri-buốc) 91848 - 1856).-523.

Sa-pha-rích (Safarik), Pa-ven I-ô-dép (1795 - 1861) - nhà ngữ văn học Xlô-va-ki xuất sắc, nhà sử học và nhà khảo cổ học, đại biểu của phái tự do trong phong trào dân tộc Tréc và Xlô-va-ki; ủng hộ cương lĩnh chủ nghĩa Xla-vơ Áo.-652.

Sa-tô-bri-ăng (Chateaubriand), Phrăng-xoa Rê-nơ, tử tước đơ (1768 - 1848) - nhà văn Pháp nổi tiếng, nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao phản động, bộ trưởng ngoại giao (1822 - 1824), đại biểu của Pháp tại Hội nghị Vê-rô-na (1822).-640.

Sác-lốt-ta, công chúa (1796 - 1865) - con gái của Luy-xiêng Bô-na-pác-tơ.-200.

Sác-lơ II (1630 - 1685) - vua ANh (1660 - 1685).-340.

Sác-lơ V (1500 - 1558) - vua Tây Ban Nha dưới danh hiệu Sác-lơ I (1516 - 1556) và hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1519 - 1556).-127, 243, 409.

Sác-lơ VII (1403 - 1461) - vua Pháp (1422 - 1461).-41, 43, 242.

Sác-lơ VIII (1470 - 1498) - vua Pháp (1483 - 1498).-43, 242, 243.

Sác-lơ X (1403 - 1461) - vua Pháp (1824 - 1830); bị cuộc cách mạng tháng Bảy lật đổ vào năm 1830.-131, 132, 44.

Sác-lơ X Gu-xtáp (1622 - 1660) - vua Thụy Điển (1654 - 1660).-117.

Sác-lơ XII (1682 - 1718) - vua Thụy Điển (1697 - 1718).-49, 373.

Sác-lơ XIII (1748 - 1818) - vua Thụy Điển (từ 1809), sau là vua Thụy Điển và Na Uy (1814 - 1818).-200, 201, 206.

Sác-lơ-ma-nhơ (khoảng 742 - 814) - vua Pháp (768 - 800) và hoàng đế (800 - 814).-651.

Sác-nơ-hoóc-xtơ (Scharnhorst), Ghéc-hác (1755 - 1813) - tướng và nhà hoạt động quân sự Phổ, sau khi quân đội Phổ bị Na-pô-lê-ông đánh bại năm 1806 - chủ tịch uỷ ban soạn thảo nguyên tắc cải cách quân sự, bộ trưởng chiến tranh (1807 - 1810) và tổng tham mưu trưởng 91807 - 1813), đóng vai trò xuất sắc trong chiến tranh giải phóng chống Na-pô-lê-ông năm 1813.-219, 251.

Sai-blô (Schaible), Các Hen-rích 91824 - 1899) - thầy thuốc và nhà văn Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-den - Pphan-xơ năm 1849, sau lưu vong sang Anh.-624-626, 736, 809, 830, 832.

Sai-đen-xti-cơ (Seidensticker), Ghê-oóc Phri-drích Các-lơ Tê-ô-đo (1797 - 1862) - nhà luật học và nhà hoạt động chính trị Đức, bị xử tử vì tham gia cuộc bạo động ở Cô-tin-ghen năm 1831, năm 1845 lưu vong sang châu Mỹ ở đó ông hoạt động báo chí.-582.

Sai-the-rơ (Scheithner), I-ô-han Béc-nơ-hác-đơ (thế kỷ XVII) - công trình sư quân sự Đức, người theo gót Xpếch-lơ, tác giả tác phẩm về xây công sự.-413.

Sáp-pơ (Schpper), Các (1812 - 1870) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và quốc tế, một trong những người lãnh đạo Đồng minh những người chính nghĩa, uỷ viên Ban chấp hành trung ương Đồng minh những người cộng sản, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849, năm 1850 là một trong những lãnh tụ của tập đoàn bè phái - phiêu lưu khi có sự phân liệt của Đồng

minh những người cộng sản; năm 1856 lại gần gũi với Mác; uỷ viên Tổng hội đồng Quốc tế I.-519, 560, 565, 808, 862.

Séc-tơ (Scherzer), An-đrê-át (1807 - 1879) - thợ may người Đức, thành viên của một trong những chi bộ Pa-ri sau khi Đồng minh phân liệt, thuộc tập đoàn bè phái - phiêu lưu Vi-lích - Sáp-pơ, một trong những bị cáo của cái gọi là vụ án âm mưu Pháp, Đức ở Pa-ri tháng hai 1852; sau lưu vong sang Anh, một trong những người lãnh đạo Hội liên hiệp giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn, người xuất bản báo "Neue Zeit" và cộng tác viên của báo "Volk".-607, 608, 875, 876.

Séc-van (Cherval), Giuy-li-ên (tên thật Giô-dép *Crê-mơ*) mật thám và phần tử khiêu khích Phổ, chui vào hàng ngũ Đồng minh những người cộng sản, sau khi Đồng minh phân liệt, lãnh đạo một trong những chi bộ Pa-ri thuộc tập đoàn bè phái phiêu lưu Vi-lích - Sáp-pơ; một trong những bị cáo của cái gọi là vụ án âm mưu Pháp - Đức ở Pa-ri tháng Hai 1852; vượt ngục nhờ sự giúp đỡ của cơ quan cảnh sát, năm 1853- 1854 lấy tên là Niu-đgien-tơ hoạt động gián điệp - khiêu khích ở Thụy Sĩ.-510, 526-537, 585, 609, 691, 801, 803, 808, 824, 825, 834, 836, 858, 859, 862-865, 869.

Sếch-xpia (Shakespeare), Uy-li-am (1564 - 1616) - nhà văn Anh vĩ đại.-491, 497, 499, 503, 506, 515-518, 527, 529-532, 540, 545, 547, 550, 551-556, 586, 605, 621, 647, 687, 705, 714, 715,

722, 726, 733, 779, 787, 816, 824.

Si-li (Schily), Vích-to (1810 - 1875) - nhà dân chủ Đức, nghề nghiệp luật sư, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen Pphan-xơ năm 1849, sau lưu vong khỏi Đức, thành viên của Quốc tế I.-504-514, 523, 525, 534, 554, 556, 586, 848-857.

Si-le (Shciller), Phri-đrich 91759 - 1805) - nhà văn Đức vĩ đại.-145, 500, 505, 506, 516, 548, 587, 701m, 703, 708, 727, 798.

Si-sơ (Shiess), Giô-han Un-rích (1813 - 1883) - nhà hoạt động chính trị tư sản Thuỵ Sĩ, thủ tướng Liên bang Thuỵ Sĩ (1848 - 1881).-689, 710.

Siếc-nơ (Tzchirner), Xa-mu-en Éc-dơ-man (khoảng 1812 - 1870) - luật sư Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, thời kỳ cách mạng 1848 - 1849 lãnh tụ cực tả trong nghị viện Dắc-den, một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa tháng Năm 1849 ở Đrét-xden, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen Pphan-xơ 1849; sau khi cách mạng thất bại lưu vong sang Thuỵ Sĩ, uỷ viên Ban chấp hành trung ương của tổ chức "Tập trung cách mạng", về sau di cư sang Anh.-578.

Sim-men-phen-ních (Schimmelpfenig), A-lếch-xan-đơ (1824 - 1865) - sĩ quan Phổ, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau đó lưu vong, tham gia tập đoàn bè phái - phiêu lưu Vi-lích - Sáp-pơ; tham gia Nội chiến ở Mỹ đứng về phía miền Bắc.-553, 544, 563-570, 574, 576, 581,

583-584.

Slai-ni-xơ (Schleinitz), A-lếch-xan-đơ, bá tước (1807 - 1885) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, phần tử phản động, bộ trưởng ngoại giao (tháng Sáu 1848, 1849 - 1850, 1858 - 1861).-784.

Slích-cơ-man (Schlickmann) - quan chức tư pháp Phổ.-845, 846.

Sluê-phen (Schlöffel), Gu-xtáp A-đôn-phơ (khoảng 1828 - 1849) - học sinh đại học và nhà báo Đức, nhà cách mạng, tích cực tham gia cách mạng 1848 - 1849 ở Đức và Hung-ga-ri.-592.

Sluê-phen (Schlöffel), Phri-đrich Vin-hem (1800 - 1870) - chủ xưởng ở Xi-lê-xi, nhà dân chủ, năm 1848 nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả.-595.

Sméc-linh (Schmerling), An-tôn (1805 - 1893) - nhà hoạt động nhà nước Áo, thuộc phái tự do; năm 1848 đại biểu Quốc hộ Phran-phuốc thuộc cánh trung hữu, năm 1848 bộ trưởng nội vụ của đế chế (tháng Bảy - tháng Chạp), thủ tướng kiêm bộ trưởng ngoại giao (tháng Chín - tháng Chạp).-791.

Snai-đơ II (Schneider), Các - luật gia Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1848 chủ tịch Hội liên hiệp dân chủ Khuên và uỷ viên Ban Chấp hành khu bộ những người dân chủ vùng Ranh; người biện hộ cho Mác và Ăng-ghe-nơ trong vụ án "Neue Rheinische Zeitung" ngày 7 tháng Hai 1849; một trong những bị cáo trong vụ án về Ban Chấp hành khu bộ những người dân chủ vùng Ranh

ngày 8 tháng Hai 1849; năm 1849 nghị sĩ nghị viện thứ hai, thuộc cảnh cực tả; người biện hộ cho những người cộng sản trong vụ án Khuên (1852).-528, 592, 803, 808.

SƠ-NU (SHENU), A-ĐÔN-PHƠ (SINH KHOẢNG 1817) - NGƯỜI THAM GIA MỘT SỐ HỘI HOẠT ĐỘNG CÁCH MẠNG BÍ MẬT Ở PHÁP VÀO THỜI KỲ NỀN QUÂN CHỦ THẮNG BẢY, PHẦN TỬ KHIÊU KHÍCH VÀ MẬT THẨM.-550.

Sram (Schramm), Côn-rát (khoảng 1822 - 1858) - người tham gia xuất sắc vào phong trào công nhân Đức, thành viên của Đồng minh những người cộng sản, từ năm 1849 di cư sang Luân Đôn, người phụ trách phát hành ở "Neue Rheinische Zeitun". Pôlitisch - ökonomische Revue", thời kỳ Đồng minh những người cộng sản phân liệt năm 1850, ủng hộ Mác; bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghe-nơ.-563-567, 834.

Srap-nen (Shrapnet), Hăng-ri (1761 - 1842) - tướng và nhà phát minh quân sự Anh.-304.

Stai-nơ (Stein), I-u-li-út (1813 - 1889) - giáo viên ở Xi-lê-di, nhà chính luận, nhà dân chủ tư sản, năm 1848 nghị sĩ Quốc hội Phổ thuộc cánh tả; năm 1849 nghị sĩ nghị viện thứ hai thuộc cảnh cực tả.-769-771.

Stai-nơ (Stein), Mắc-xi-mi-liêng (1811 - 1860) - sĩ quan áo, thời kỳ cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, tham mưu trưởng quân đội cách mạng, sau khi cách mạng thất bại lưu vong sang

Thổ Nhĩ Kỳ ở đây lấy tên là Phéc-hát-pa-sa; tác chiến với nước Nga ở Tréc-kê-xi.-745.

Stan (Stahl), Phri-đrich I-u-li-út (1802 - 1861) - luật gia và nhà hoạt động chính trị cực kỳ phản động Đức, từ 1840 giáo sư Đại học Béc-lin.-782.

Stem-phli (Stämpfli), Gia-cốp (1820 - 1879) - nhà hoạt động nhà nước của giai cấp tư sản Thụy Sĩ, phần tử cấp tiến; tổng thống Liên bang Thụy Sĩ (1856, 1859 và 1862).689, 709, 710, 721.

Stép-phen (Steffen) V.- nguyên sĩ quan Phổ, nhân chứng bị cáo tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852), 1883 lưu vong sang Anh rồi sang Mỹ; tổng những năm 50 gần gũi với Mác và Ăng-ghe-nơ.-567, 568.

Stê-khơ (Stecher), G.C - nguyên hiệu trưởng trung học thực nghiệm ở Ba-đen, sau thất bại của cách mạng lưu vong khỏi Đức, nghiên cứu về in li-tô.-535, 537, 858, 859.

Sti-bơ (Stieber), Vin-hem (1818 - 1882) - quan chức cảnh sát Phổ, một trong những kẻ bố trí vụ án ở Khuên chống lại các thành viên của Đồng minh những người cộng sản và nhân chứng chính trong vụ án này (1852); cùng với Véc-mút viết cuốn "Âm mưu cộng sản ở thế kỷ XIX"; cục trưởng cục cảnh sát chính trị Phổ (1850 - 1860).-521, 526-530, 531, 540, 542, 552, 857, 859, 862, 863, 866-871, 895.

Sun-txơ (Schultze) - quan chức tư pháp Phổ.-831, 839, 840.

Suốc-xơ (Schurz), Các-lơ (1829 - 1906) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; lưu vong sang Thụy Sĩ, về sau là nhà hoạt động nhà nước ở Mỹ.- 568, 569, 581, 584.

Sút-gia-sắc (mất năm 1842) - sắc Áp-ga-ni-xtan (1803 - 1809 và 1839 - 1841), bù nhìn của Anh.-100, 105, 107.

Suy-lơ (Schüler), Éc-ne-xtơ (1807 - 1881) - nhà hoạt động chính trị và chính luận Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản; từ 1833 lưu vong sang Thụy Sĩ, giáo viên, từ 1853 xuất bản tờ "Schweizer Handels - Courier", trong những năm 50 60 tuyên truyền tư tưởng của Na-pô-lê-ông.-609.

Svác-cơ (Schwarck) - chủ trương lý toà thượng thẩm vương quốc Phổ.-810, 911.

Svác-xen-béc (Schwarzenberg), Các-lơ Phi-líp, công tước (1771 - 1820) - nguyên soái và nhà ngoại giao áo, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, năm 1813 - 1814 tổng tư lệnh liên quân của liên minh chống Pháp.-227, 228, 231, 232, 235.

Svéc-tơ (Schwedt), Hen-rích Phri-đrich (1709 - 1788) - hầu tước cuối cùng của Bran-đen-buốc-Svét-tơ.-216.

Svê-rin (Schwerin), Mắc-xi-mi-liêng, bá tước (1804 - 1872) - một trong những đại biểu của quý tộc và quan lại Phổ, bộ trưởng phụ trách các vấn đề tôn giáo, giáo dục và y tế (tháng Ba - tháng Sáu 1848), đại biểu Quốc hội Phran-phước thuộc cảnh hữu; về sau

thuộc phái dân tộc - tự do.-771.

T

Ta-cơ (Tucker) - chủ nhà xuất bản ở Luân Đôn.-606.

Ta-la-rơ (Tallard), Ca-min (1652 - 1728) - nguyên soái Pháp, chỉ huy quân Pháp thời kỳ đầu cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Tây Ban Nha.-255, 265.

Ta-lây-răng - Pê-ri-go (Talleyrand - Périgord), Sác-lơ Mo-ri-xơ, công tước (1754 - 1838) - nhà ngoại giao nổi tiếng Pháp, bộ trưởng ngoại giao (1797 - 1799, 1799 - 1807). (1814 - 1815), đại biểu của Pháp tại Hội nghị Viên (1814 - 1815), đại sứ ở Luân Đôn (1830 - 1834).-195, 205.

Ta-méc-lan (Ti-mua) (1336 - 1405) - thống soái và nhà chinh phục Trung Á, người sáng lập một quốc gia rộng lớn ở phương Đông.-99.

Ta-xít (Pu-bli-út Coóc-nê-li-út Ta-xít) (khoảng 55 - khoảng 120) - nhà sử học nổi tiếng La Mã.-658m 854.

Tác-ta-li-a (Tartaglia), Ni-cô-lô (khoảng 1499 - 1557) - nhà toán học I-ta-li-a, cũng nghiên cứu về vấn đề pháo binh và xây dựng.-243, 407, 408.

Tau-dê-nau (Tausenau), Các-lơ (1808 - 1873) - nhà hoạt động chính trị Áo, đại biểu nổi tiếng của cánh tả phái dân chủ tiểu tư sản, đứng đầu Ban Chấp hành Trung ương Hội liên hiệp dân chủ ở Viên thời kỳ cách mạng 1848; từ 1849 lưu vong ở Luân Đôn.-

582.

TEM-MÊ (TEMME), I-Ô-ĐÔ-CUT ĐÔ-NA-TÚT HU-BẾC-TÚT (1798 - 1881) - LUẬT GIA ĐỨC, NHÀ DÂN CHỦ TIỂU TƯ SẢN, NĂM 1848, ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI PHỔ, THUỘC CẢNH TẢ; 1849 NGHỊ SĨ QUỐC HỘI PHRAN-PHUỐC.-794.

Tem-pen-hốp (Têmplhoff), Ghê-oóc-gơ Phri-đrich (1737 - 1807) - tướng và nhà văn quân sự Phổ, tác giả tác phẩm về toán học và pháo binh.-251.

Tê-khốp (Techow), Gu-xtáp A-đôn-phơ (1813 - 1893) - sĩ quan Phổ, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia sự biến cách mạng 1848 ở Béc-lin, tổng tham mưu trưởng quân đội cách mạng Pphan-xơ; sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ 1849 lưu vong ở Thụy Sĩ, năm 1852 chuyển sang Ô-xtrây-li-a.-553-556, 563-567, 569-584, 774, 801, 830, 833, 836, 841.

Tê-lê-ki (Teleki), La-xtô, bá tước (1811 - 1861) - nhà hoạt động chính trị và nhà văn Hung-ga-ri, thời kỳ cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, đại biểu cho nước Cộng hoà Hung-ga-ri tại Pháp, sau thất bại của cách mạng ở lại nước Pháp.-746.

Thành Cát Tư Hãn (khoảng 1165-1227) - thống soái và nhà chinh phục Mông Cổ, người lập ra Đế quốc Mông Cổ.-99.

Ti-li (Tilly), I-ô-han, bá tước (1559 - 1632) - thống soái Đức thời kỳ Chiến tranh ba mươi năm, từ 1610 chỉ huy quân đội của Liên minh thiên chúa giáo, 1630 - 1632 chỉ huy liên quân đội của

hoàng đế và Liên minh Thiên chúa giáo.-47.

Ti-mô-phây (chết năm 354 trước công nguyên) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước A-ten.-22.

Ti-mua-sắc (1746 - 1793) - sắc Áp-ga-ni-xtan (1773 - 1793).-108.

TI-TXI-AN VÊ-SÊ-LI-Ô (TIZIANO VECELLIO) (KHOẢNG 1477 - 1576) - HOẠ SĨ VĨ ĐẠI I-TA-LI-A THỜI KỲ PHỤC HUNG.-342.

Ti-xca (Tiscar), An-tô-ni-ô (mất năm 1845) - sĩ quan hải quân Tây Ban Nha, 1811 - 1815 chỉ huy quân đội đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-278.

To-rơ (Torre), Mi-ghen đơ la (mất năm 1838) - tướng Tây Ban Nha, 1820 - 1822 tư lệnh quân đội đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-286.

To-ri-sê-li (Torricelli), Ê-van-đgie-li-xta (1608 - 1647) - nhà vật lý và nhà toán học xuất sắc I-ta-li-a.-205.

Toóc-xten-sơn (Torstensson), Len-nác (1603 - 1651) - thống soái Thụy Điển thời kỳ Chiến tranh ba mươi năm, người giúp việc chính của Gu-xtáp II A-đôn-phơ trong việc cải tổ pháo binh, 1641 - 1645 là tổng tư lệnh quân đội Thụy Điển.-247.

Tôn (Tolb), Các -lơ Phê-đô-rô-vích (Các-lơ Phri-đrich), từ 1829 bá tước (1777 - 1842) - đại tá Nga, về sau thăng cấp tướng, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, trong chiến tranh giữ nước 1812 làm cục trưởng cục quân nhu của Tập đoàn quân

phía Tây thứ nhất rồi từ tháng Chín của quân chủ lực.-317, 318, 320.

Tơ-rai-an (Mác Un-pi-út Tơ-rai-an) (53 - 117) - hoàng đế (98 - 117) và thống soái La Mã.-36.442.

Tréc-nư-sép A-lếch-xan-đrơ I-va-nô-vích (1786 - 1857) - sĩ quan Nga, từ 1812 tướng, nhà hoạt động nhà nước, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, 1809 - 1812 đại biểu quân sự - ngoại giao bên cạnh bộ tư lệnh của Na-pô-lê-ông I.-202.

Tren-bai-xơ - *Mai-ai-en* (Ba-in-na-un-gơ) - vua Miến Điện (1550 - 1581).-352.

Tren-xi (Chelsea), tử tước - nhà ngoại giao ANh, năm 1859 bí thư sứ quán ở Pa-ri.-664.

Tri-tra-gốp Pa-ven Va-xi-li-ê-vích (1767 - 1849) - đô đốc và nhà hoạt động nhà nước Nga, bộ trưởng hải quân (1807 - 1811), 1812 là tổng tư lệnh quân đoàn Môn-đa-vi-a (Đa-nuýp) và hạm đội Hắc Hải, tháng Mười một chỉ huy quân đội tiến vào hậu phương của quân Na-pô-lê-ông I đang rút lui.-118, 203.

Trô-gơ (Trog), I-ô-han (1807 - 1867) - nhà hoạt động nhà nước Thụy Sĩ, đại biểu Hội đồng quốc dân (1848 - 1857), thẩm phán toà án liên bang (1852 - 1856).-761, 849, 856.

Trô-ta (Trotha) (thế kỷ XIX) - sĩ quan Phổ, nghiên cứu vấn đề chiến thuật bộ binh.-465.

Tu-rơ (Tourte), A-bra-ham Lu-i (1818 - 1863) - nhà hoạt động

nhà nước và nhà ngoại giao Thụy Sĩ.-524, 712, 765, 849-853.

Tu-sơ-cốp, Ni-cô-lai A-lếch-xây-ê-vích (1761 - 1812) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, chỉ huy quân đoàn trong thời kỳ Chiến tranh giữ nước 1812.-316, 317.

Tu-vơ-nen (Thouvenin), Lu-i Ê-chiê-n (1791 - 1882) - sĩ quan và nhà phát minh quân sự Pháp.-57.

Tu-vơ-nên (Thouvenet), Ê-đu-a Ăng-toan (1818 - 1866) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Pháp, phần tử Bô-na-pác-tơ, bộ trưởng ngoại giao (1860 - 1862).-684, 712, 713, 715.

Tuy-rơ (Türr), I-stơ-van (1825 - 1908) - sĩ quan Hung-ga-ri, lưu vong ở Thổ Nhĩ Kỳ, tham gia Chiến tranh Crưm đứng về phía liên quân và chiến tranh của người Tréc-kê-xi chống lại nước Nga.-743.

Txit-xơ (Zifz), Phran-tơ (1803 - 1877) - luật sư Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, 1848 đại biểu Quốc hội Phran-quốc thuộc cánh tả, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ 1849; sau thất bại của cách mạng 1848 - 1849 lưu vong ở Mỹ.-583.

U

U-đi-nô (Oudinot), Ni-cô-la Sác-lơ (1767 - 1847) - tướng Pháp, từ 1809 nguyên soái, tham gia chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-87, 229, 231, 232.

U-đi-nô (Oudinot), Ni-cô-la Sác-lơ Vích-to (1791 - 1863) - tướng Pháp, phần tử Oóc-lê-ăng, 1849 chỉ huy đội quân phản cách

mạng phải đi chống lại nước Cộng hoà La Mã.-656.

U-lan (Uhland), Lút-vích (1787 - 1862) - nhà thơ lãng mạn Đức, 1848 - 1849 đại biểu Quốc hội Phran-phước thuộc phái trung tả.-593-596.

U-loa (Ulloa), Giê-rô-la-nô (1810 - 1891) - tướng Na-plơ, tham gia phong trào giải phóng dân tộc và cách mạng 1848 - 1849 ở I-ta-li-a, sau khi cách mạng thất bại lưu vong ở Pháp, chỉ huy đội quân Tô-xcan-nơ trong cuộc chiến tranh Áo - I-ta-li-a - Pháp năm 1859.-506.

U-pha-nô (Ufano), Đê-e-gô (thế kỷ XVI - đầu thế kỷ XVII) - công trình sư quân sự Tây Ban Nha, tác giả tác phẩm về pháo binh.-244.

Un-mơ (Ulmer), Giô-han - thành viên của Đồng minh những người cộng sản, đầu những năm 50 thế kỷ XIX lưu vong ở Luân Đôn, thời kỳ phân liệt của Đồng minh những người cộng sản, ủng hộ Mác và Ăng-ghe-n.-866.

Un-pi-an, Đê-mi-xi-út (khoảng 170 - 228) - luật gia và nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng La Mã.-843.

Un-rích (Ulrich) (1487 - 1550) - công tước Vuyéc-tem-béc từ 1498; năm 1519 bị trục xuất; mưu toan lợi dụng phong trào nông dân 1525 để khôi phục sự thống trị của mình; 1534 trở lại tước vị công tước Vuyéc-tem-béc.-724.

Uốc-ban (Urban), Các-lơ (1802 - 1877) - sĩ quan Áo, tướng từ

năm 1850, vốn người Ru-ma-ni, năm 1848 lãnh đạo cuộc bạo động phân lập của người Ru-ma-ni chống lại Chính phủ Hung-ga-ri tại Tô-ran-xin-va-ni do bọn mật vụ Áo gây ra, tham gia đàn áp cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri.-167.

Uốc-các-tơ (Urguhart), Đa-vít (1805 - 1877) - nhà ngoại giao Anh nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị phản động, phần tử thân Thổ Nhĩ Kỳ, trong những năm 30 làm nhiệm vụ ngoại giao ở Thổ Nhĩ Kỳ, 1947 - 1852 là nghị sĩ, đã vạch trần chính sách đối ngoại của Pan-móc-xtôn và đảng Vích.-604-608, 614, 647, 649, 737-743, 894m 896, 898.

Uôn-cốt (Wolcot), Giôn (bút danh Pi-tơ Pin-đa-rơ) (1738 - 1819) - nhà thơ trào phúng Anh.-584.

Uy-li-am III O-răng-giơ (1650 - 1702) - toàn quyền Hà Lan (1672 - 1702), vua Anh (1689 - 1702).-338.

Uyn-kin-xơn (Wilkinson) - chủ xưởng và nhà phát minh vũ khí Anh.-464.

Uyn-kin-xơn (Wilkinson), Giôn Hác-nơ (1797 - 1875) - nhà du lịch và nhà Cổ Ai Cập học Anh, tác giả nhiều tác phẩm về Ai Cập.-12.

Uyn-xơn (Wilson), Giêm-xơ (1805 - 1860) - nhà kinh tế học và nhà hoạt động chính trị của giai cấp tư sản Anh, theo thuyết mật dịch tự do, người sáng lập và biên tập viên tạp chí "Economist", 1853 - 1858 chánh văn phòng bộ tài chính, 1859 - 1860 bộ trưởng

phụ trách ngân khố Ấn Độ.-663.

Uyn-xơn (Wilson), Giôn (1780 - 1856) - sĩ quan Anh sau thăng cấp tướng, tham gia chiến tranh trên đảo I-bê-ri-cơ (1808 - 1814).-324.

Uyn-xơn (Wilson), Hô-ra-xơ Hây-man (1786 - 1860) - nhà Đông phương học Anh, nghiên cứu y học và hoá học, tác giả nhiều tác phẩm về chữ Phạn và văn học chữ Phạn.-239.

V

Va-len-stây-nơ (Wallenstein), An-brếch-tơ (1583 - 1634) - thống soái trong thời kỳ Chiến tranh ba mươi năm, trong những năm 1618 - 1630 chỉ huy quân đội của đế chế.-47.

Va-láp-xki (Walewski), A-lếch-xăng-đơ Phlô-ri-ăng Giô-dép *Cô-lô-na*, bá tước (1810 - 1868) - nhà ngoại giao và nhà hoạt động nhà nước Pháp, con trai của Na-pô-lê-ông I và bá tước phu nhân Ba Lan Va-lép-xcai-a, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan 1830 - 1831, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong ở Pháp; bộ trưởng ngoại giao (1855 - 1860), chủ trì Hội nghị Pa-ri (1856).-709.

Va-li-ê-rơ (Vallière), Giảng Phlô-ran-đơ đơ (1667 - 1759) - tướng Pháp, 1720 - 1747 là tư lệnh pháo binh Pháp, cải tổ binh chủng này theo hệ thống của mình.-251.

Va-rút (Pu-bli-út Can-ti-li-út Va-rút) (khoảng 53 trước công nguyên - 9 sau công nguyên) - nhà hoạt động chính trị và

thống soái La Mã, cai trị các tỉnh ở Đức (7-9 sau công nguyên), tử trận ở rừng Tép-tơ-buốc trong cuộc khởi nghĩa của các bộ lạc Đức.-788.

Va-xin-chi-cốp, I-la-ri-ôn Va-xi-lê-vích (khoảng 1777 - 1847) - tướng Nga về sau là nhà hoạt động quân sự và nhà nước, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-317, 318.

Vác-vích (Warwick), Ri-sốt *Nê-vin*, bá tước (1428 - 1471) - chúa phong kiến, đóng vai trò lớn trong cuộc Chiến tranh Hoa hồng đỏ và Hoa hồng trắng (1455 - 1485); do ảnh hưởng của ông ta trong việc xếp đặt ngôi vua nên mang biệt hiệu là "kẻ tạo ra quốc vương".-794.

Vai-tlinh (Weitling), Vin-hem (1808 - 1871) - nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Đức ở thời kỳ phôi thai, một trong những nhà lý luận của chủ nghĩa cộng sản bình quân không tưởng; nghề nghiệp thợ may.-558.

Van-đam (Vandamme), Đô-mi-ních Rê-mơ (1770 - 1830) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, năm 1813 đầu hàng ở gần Cun-ma với toàn quân đoàn của mình.-119.

Van-te Phôn đơ Phô-ghe-n-vai-đơ (khoảng 1170 - khoảng 1230) - nhà thơ trữ tình Đức thời Trung cổ.-596.

Vây-đơ-mai-ơ (Weydemeyer), I-ô-xíp (1818 - 1866) - nhà

hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Đức và Mỹ; 1846 - 1847 "nhà xã hội chủ nghĩa chân chính" do ảnh hưởng của Mác và Ăng-ghe-nh-uy-ên chuyển sang lập trường chủ nghĩa cộng sản khoa học, thành viên Đồng minh những người cộng sản, tham gia cách mạng 1848 - 1849 ở Đức, một trong những chủ biên của "Neue Deutsche Zeitung" (1849 - 1850), sau thất bại của cách mạng lưu vong sang Mỹ, tham gia Nội chiến ở Mỹ đứng về phía miền Bắc; là người đặt cơ sở cho việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác ở nước Mỹ; bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghe-nh-uy-ên.-580, 870.

Ve-xpa-di-a-nút (Tu-tút Phla-vi-út Ve-xpa-di-a-nút) (9-79) - hoàng đế La Mã (69 - 79).-785.

Ve-xto-pha-len (Westphalen), Phéc-di-nan *phôn* (1799 - 1876) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, bộ trưởng nội vụ (1850 - 1858), phần tử phản động; anh cùng cha khác mẹ của vợ Mác, Gi-en-ni Mác.-550.

Véc-mút (Wermuth) - ty trưởng cảnh sát ở Han-nô-vơ, nhân chứng trong vụ án những người cộng sản ở Khu-ên (1852); cùng với Sti-bơ viết cuốn "Âm mưu cộng sản ở thế kỷ XIX".-530.

Véc-thơ (Veerth), Ghê-oóc (1822 - 1856) - nhà thơ và nhà chính luận của giai cấp vô sản Đức, thành viên Đồng minh những người cộng sản, 1848 - 1849, là một trong những biên

tập viên của tờ "Neue Rheinische Zeitung", bạn của Mác và Ăng-ghe-nh-uy-ên.-881.

Vê-bơ (Weber) - luật gia Phổ, luật sư của Mác trong vụ kiện báo "National - Zeitung" ở Béc-lin năm 1860.-802, 806, 810, 829, 831, 843-847, 911.

Vê-den-đôn-cơ (Wesendonck), Gu-gô - luật sư Phổ ở Đuyt-xen-đoóc-phơ, 1848 - 1849 đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; 1849 nghị sĩ nghị viện thứ hai thuộc cánh cực tả.-593.

Vê-ga (Vega), Ghê-oóc, nam tước 91756 - 1802) - sĩ quan và nhà toán học Áo, người đặt ra bảng lô-ga-rít.-251.

Vê-ghe-ti-út (Phla-vi-út Vê-ghe-ti-út Rê-na-tút) (cuối thế kỷ IV) - nhà văn quân sự La Mã.-38.

Vê-giét-txi - *Ru-xca-la* (Vegezzi - Ruscalla), Giô-vê-nan-lơ - nhà chính luận I-ta-li-a giữa thế kỷ XIX, tác giả cuốn sách nhỏ "Dân tộc Ni-xơ".-715.

Vê-li-da-ri (khoảng 505 - 565) - thống soái Bi-đăng-xơ, tiến hành chiến tranh với người Ba Tư, người Văng-đan, người Đông-Gốt và người Phrăng-cơ; một trong những người giúp cho hoàng đế I-u-xti-ni-ăng I trong chính sách phản động của ông ta là khôi phục chế độ nô lệ Bắc Phi và ở I-ta-li-a.-443.

Vê-nê-đây (Venedey), I-a-cốp (1805 - 1871) - nhà chính luận cấp tiến Đức, năm 1848 - 1849 là đại biểu Quốc hội

Phran-phuốc, thuộc cánh tả; sau cách mạng 1848 - 1849 tham gia phái tự do.-546, 589, 597, 612, 788.

Vê-rông (Véron), Lu-i Đê-di-rê (1798 - 1867) - nhà báo và nhà hoạt động chính trị Pháp, trước năm 1848 thuộc phái Oóc-lê-ăng về sau thuộc phái Bô-na-pác-tơ; chủ tờ báo "Constitutionnel".-501.

Vi-den-ri-xle-rơ, I-a-cốp - xem *Lát-xan*, Phéc-di-năng.

Vi-ê (Wiehe), I-ô-han Phri-đrich - công nhân xếp chữ; 1859 làm việc ở nhà in Hôn-lin-gơ ở Luân Đôn.-618, 621-624, 809, 820, 830, 878-881, 901, 908.

Vi-lích (Willich), Au-gu-xtơ (1810 - 1878) - sĩ quan Phổ, giải ngũ do quan điểm chính trị thành viên của Đồng minh những người cộng sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; một trong những lãnh tụ của tập đoàn bè phái - phiêu lưu tách khỏi Đồng minh những người cộng sản 1850, 1853 di cư sang Mỹ, tham gia nội chiến đứng về phía miền Bắc.-497, 505, 507, 512, 519, 540, 559-568, 572, 581, 773, 800, 808, 860, 862, 866.

Vi-lơ-ma-rơ (Villemarest), Sác-lơ Mác-xim đơ (1785 - 1852) - nhà văn học Pháp, người soạn ra nhiều tập hồi ký giả.-149.

Viéc-gi-lơ (Pu-bli-út Viéc-gi-lơ Ma-rô) (70 - 19 trước công nguyên) - nhà thơ kiệt xuất La Mã.-514, 556, 829, 857.

Vích-to (Victor), Clốt Vích-to *Pê-ranh* (1764 - 1841) - tướng

Pháp, từ 1807 nguyên soái, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-218, 229, 231, 232.

Vích-to Ê-ma-nu-en II (1820 - 1878) - vua Xác-đa-ni (1849 - 1861), vua I-ta-li-a (1861 - 1878).-682, 718.

Vin-đi-sơ-grét-xơ (Windischgrätz), An-phrết, hầu tước (1787 - 1862) - nguyên soái Áo; 1848 lãnh đạo đàn áp cuộc khởi nghĩa ở Pra-ha và Viên; 1848 - 1849 chỉ huy quân Áo tham gia đàn áp cách mạng ở Hung-ga-ri.-147, 166, 561, 776.

Vin-hem I (1797 - 1888) - hoàng thân Phổ, nhiếp chính vương (1858 - 1861) vua Phổ (1861 - 1888), hoàng đế Đức (1871 - 1888).-255, 674, 707, 772, 873, 889-890.

Vin-hem II (1777 - 1847) - tuyển đế hầu Hét-xen - Cát-xen (1821 - 1847); 1813 - 1814 tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-227.

Vin-txin-ghe-rô-dơ, Phéc-di-năng Phê-đô-rô-vích, nam tước (1770 - 1818) - tướng Nga, gốc người Đức, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-222, 231-234.

Vin-ghen-stây-nơ, Pi-ốt Cri-xti-a-nô-vích, bá tước (1768 - 1842) - tướng Nga sau nguyên soái, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, tháng Tư- tháng Năm 1813 tổng tư lệnh quân đội Nga - Phổ.-219, 231.

Vít-xơ (Wyß) - trong những năm 50 thế kỷ XIX luật sư ở Béc-nơ.-885.

Vla-đi-mi-re-xcu (Wladimiresco). Tu-do (khoảng 1780 - 1821) - anh hùng dân tộc Ru-ma-ni, lãnh tụ cuộc khởi nghĩa nhân dân năm 1821 ở Va-la-khi chống lại bọn đại địa chủ và ách áp bức của Thổ Nhĩ Kỳ.-641.

Voa-rôn (Voirol), Tê-ô-phin, nam tước (1781 - 1853) - tướng Pháp, tham gia chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, 1833 - 1834 toàn quyền An-giê-ri.-133.

Vô-băng (Vauban), Xê-ba-xchiên lơ Prét-tơ-rơ (1633 - 1707) - nguyên soái Pháp, công trình sư quân sự, tác giả nhiều tác phẩm về xây công sự và lý luận vây đánh.-113, 244, 339, 340, 401, 411, 412, 414-417, 423, 428, 429.

Vô-rôn-xốp Mi-kha-in Xê-mê-nô-vích, công tước (1782 - 1856) - nhà hoạt động nhà nước Nga, tướng, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông; 1844 - 1854 tổng tư lệnh quân đội ở Cáp-ca-dơ và tổng đốc Cáp-ca-dơ.-234.

Vôn-phơ (Wolff), Béc-nơ-hác (1811 - 1879) - nhà báo Đức, từ 1848 chủ tờ báo "National - Zeitung" ở Béc-lin, người sáng lập ra hăng điện tín đầu tiên ở Đức (1849).-822.

Vôn-phơ (Wolff), Khri-xti-an (1679 - 1754) - nhà triết học duy tâm và nhà toán học Đức.-249.

Vôn-phơ (Wolff), Vin-hem (1809 - 1864) - nhà cách mạng vô sản Đức, nghề nghiệp giáo viên, con trai của một nông nô ở Xi-lê-di; tham gia phong trào học sinh 1834 - 1839 bị giam trong

nhà tù Phổ, 1846 - 1847 uỷ viên Uỷ ban thông tin cộng sản Bruy-xen, từ tháng Ba 1848 uỷ viên Ban Chấp hành trung ương Đồng minh những người cộng sản, 1848 - 1849 một trong những biên tập viên báo "Neue Rheinische Zeitung", đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghen.-525, 549, 550, 558, 592-598, 604, 609, 822, 834, 835, 837.

Vôn-phram phôn Ê-sen-bắc (khoảng 1170 - khoảng 1220) - nhà thơ Đức thời Trung cổ, tác giả thơ kỳ sĩ "Pác-xi-phan".-736.

Vôn-te (Voltaire), Phrăng-xoa Ma-ri (họ thật (A-ru-ê) (1694 - 1778) - nhà triết học theo thuyết thần luận Pháp, nhà văn trào phúng, nhà sử học, đại biểu nổi tiếng của phong trào Ánh sáng của giai cấp tư sản thế kỷ XVIII, đấu tranh chống lại chế độ chuyên chế và Thiên chúa giáo.-729, 886, 890.

Vran-ghen (Wrangel), Phri-đrich Hen-rích Éc-nơ-xơ (1784 - 1877) - tướng, đại biểu nổi tiếng của bọn quân phiệt phản động Phổ, một trong những người tham gia chính yếu vào cuộc đảo chính phản cách mạng ở Phổ và tham gia giải tán Quốc hội Phổ tháng Mười một 1848.-793.

Vre-đơ (Wrede), Các-lơ Phi-líp (1767 - 1838) - tướng Ba-vi-e, từ 1814 là nguyên soái; chỉ huy quân đội Ba-vi-e, từ 1805 tham gia chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, còn từ 1813 tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-227, 231.

Vre-đơ (Wrede), Pha-bi-an, bá tước 91760 - 1824) - tướng Thụy Điển, từ 1816 nguyên soái; 1810 được phái đi Pa-ri với sứ mệnh đặc biệt, tích cực thúc đẩy việc lựa chọn Béc-na-đốt-tơ làm người nối ngôi vua Thụy Điển.-200.

Vuyéc-tem-béc (Württemberg), Ô-gien, công tước (1788 - 1857) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, cháu của hoàng hậu Pôn I.-317, 318.

Vuyéc-tem-béc (Württemberg), Phéc-đi-năng Phri-đrich Au-gu-xơ, công tước (1763 - 1834) - nguyên soái Áo, tham gia chiến tranh chống nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông.-227, 231.

Vuyéc-thơ (Würth) - nhà hoạt động chính trị Đức, đại biểu Quốc hội Phran-phước.-597.

X

Xa-ben (Zabel), Phri-đrich (1802 - 1875) - nhà chính luận Đức thuộc phái tự do, biên tập viên báo "National Zeitung" ở Béc-lin (1848 - 1875).-767, 781, 799-825, 827-847, 865, 885, 887, 911, 912.

Xa-dô-nốp, Ni-cô-lai I-va-nô-vích (1815 - 1862) - nhà báo Nga, thuộc phái tự do, đầu những năm 40 lưu vong ra nước ngoài ở đây ông cộng tác với nhiều tờ báo và tạp chí.-507-509.

Xa-ken-xem Ô-xten-xa-ken, Pha-bi-an Vin-hem-mô-vích.

Xa-li-út-xti-út (Ga-i-út Xa-li Ut-xti-út) (86 - khoảng 35

trước công nguyên) - nhà sử học La Mã.-30.

Xa-lơ (salles), Sác-lơ Ma-ri đơ (1803 - 1858) - tướng Pháp, trong những năm 30-50 tham gia xâm lược An-giê-ri, năm 1855 chỉ huy quân đoàn ở Crim.-274.

Xa-ra-phra-dơ-khan - xem *Pai-in-đa-khan*.

Xa-va-ri (Savary), An-nơ Giăng Ma-ri Rê-nê, công tước đơ Rô-vi-gô (1774 - 1833) - tướng Pháp, nhà hoạt động chính trị và nhà ngoại giao, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, bộ trưởng cảnh sát (1810 - 1814), toàn quyền An-giê-ri (1831 - 1833).-133.

Xai-plơ-xơ (Cyple), năm 1856 bí thư uỷ ban ngoại giao Sép-phin-đơ.-875.

Xan-đơ-xơ (Sands) - đại tá Anh, trong những năm 20 thế kỷ XIX, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-289.

Xan-mi-kê-li (Sanmicheli), Mi-ke-lơ (1484 - 1559) - kiến trúc sư và công trình sư quân sự I-ta-li-a, một trong những đại biểu ban đầu của môn xây dựng công sự kiểu phân đài.-405, 408.

Xan-ta Cru-xơ (Santa Cruz), An-va-rô đơ Ba-xan, hầu tước đơ (1526 - 1588) - đô đốc Tây Ban Nha, 1576 - 1588 chỉ huy hạm đội Tây Ban Nha.-209.

Xan-tan-đê-rơ (Santander), Phran-xi-xcô đơ Pau-la (1792 -

1840) - tướng và nhà hoạt động chính trị Cô-lôm-bi-a, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, phó tổng thống Đại Cô-lôm-bi-a (1821 - 1828), chống lại Bô-li-va-rô, 1828 bị trục xuất về tội tổ chức âm mưu chống lại Bô-li-va-rô; 1832 - 1837 tổng thống Gra-na-đa Mới (Cô-lôm-bi-a), lãnh tụ đảng tự do.-286, 287, 289, 231.

Xanh- ác-nô (Saint - Arnaud), ác-măng Giắc A-sin *Lơ-roa đơ* (1801 - 1854) - tướng Pháp, từ 1852 nguyên soái, phần tử Bô-na-pác-tơ; 1836 - 1851 tham gia xâm lược An-giê-ri; một trong những kẻ tổ chức cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851, bộ trưởng lục quân (1851 - 1854), 1854 tổng tư lệnh quân đội ở Crưm.-75, 135, 274.

Xanh - I-le-rơ (Saint - Hilaire), Lu-i Vành-xăng - Giô-dép *Lơ Blông*, bá tước đơ (1766 - 1809) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-88.

Xanh-Pri, Ê-ma-nu-en Phran-tô-vích (Ghi-ôm Ê-ma-nu-en Ghi-nhi-ác), bá tước (1776 - 1814) - tướng phục vụ nước Nga, vốn người Pháp, phần tử lưu vong phản cách mạng, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-232, 234.

Xanh - Rê-mi (Saint - Remy), Pi-e Xuy-ri-rây đơ (khoảng 1650 - 1716) - tướng Pháp, từ 1703 phó tư lệnh pháo binh Pháp.-248.

Xanh - Xi-mông (Saint - Simon), Hăng-ri (1760 - 1825) -

nhà xã hội học - không tưởng vĩ đại Pháp.-570.

Xắc (Zach), An-tôn, nam tước (1747 - 1826) - tướng áo.-87.

Xây-lơ (Sale), Rô-bóc Hen-ri (1782 - 1845) - đại tá Anh, tham gia chiến tranh Anh - Áp-ga-ni-xtan (1838 - 1842).-106.

Xây-mua (Seymour) - đô đốc Anh, 1588 chỉ huy phân hạm đội cử đi truy kích Ác-ma-đa Tây Ban Nha.-211.

Xéc-na (Serna) Hô-xê đơ la (1770 - 1832) - tướng và nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, 1816 - 1824 chỉ huy quân đội chống lại phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-213, 214.

Xéc-van-tét đơ Xa-vê-đra (Cervantes de Saavedra), Mi-ghen (1547 - 1616) - nhà văn hiện thực vĩ đại Tây Ban Nha.-705-706.

Xép-ti-mi-út Xê-ve-rơ (Lu-txi-út Xép-ti-mi-út Xê-ve-ri-út (146 - 211) - hoàng đế (193 - 211) và thống soái La Mã.-36.

Xê-a (Zea), Phran-xi-xcô An-tô-ni-ô (1770 - 1822) - nhà hoạt động chính trị Cô-lôm-bi-a, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa ở Nam Mỹ, người ủng hộ Bô-li-va-rô, phó tổng thống Cô-lôm-bi-a (1819), sau là Đại Cô-lôm-bi-a (1819 - 1820).-284, 286.

Xê-ba-xti-a-ni (Sébastieni), Ô-ra-xơ, bá tước (1772 - 1851) - tướng và nhà ngoại giao Pháp, từ năm 1840 nguyên soái, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.229.

Xê-da (Cai-út I-u-li-út Xê-da) (khoảng 100 - 40 trước công nguyên) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng La Mã.-33, 34, 90, 188, 364, 367, 441.

Xê-lép-kin-đơ - vương triều thống trị vương quốc lớn nhất trong những vương quốc Hy Lạp hoá ở châu Á (312 - 64 trước công nguyên).-436.

Xê-lim I I-a-vu-xơ (người dũng mãnh) (1467 - 1520) - vua Thổ Nhĩ Kỳ (1512 - 1520).-128.

Xê-lim Cu-te-mi (mất năm 1515) - ê-mia Mê-tít-gia (An-giê-ri).-128.

Xê-me-rơ (Szemere), Béc-ta-lan (1812 - 1869) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Hung-ga-ri, tham gia cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, bộ trưởng nội vụ (1848) và thủ tướng chính phủ cách mạng (tháng Năm - tháng Tám 1849), sau khi cách mạng thất bại, lưu vong khỏi Hung-ga-ri.-509, 648, 751, 889.

Xê-phơ-pa-sa - công tước Tréc-kê-xi, phục vụ Thổ Nhĩ Kỳ, tham gia chiến tranh Nga-Thổ (1826 - 1828), còn 1855 - 1859 lãnh đạo dân miền núi Tréc-kê-xi tác chiến chống lại nước Nga.-742-745.

Xê-xin (Cecil), Uy-li-am, nam tước *Buốc-li* (1520 - 1598) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thủ tướng (1558 - 1598).-209.

Xi-ây-ét (Sieyès), Ê-ma-nu-en Giô-dép (1748 - 1836) - linh

mục Pháp, nhà hoạt động của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu cho giai cấp đại tư sản.-196.

Xi-bli (Sibley), Hăng-ri Hốp-kin (1816 - 1886) - sĩ quan Mỹ, người phát minh ra nhà bạt quân sự.-334.

Xi-nhi-ôn (Signeul) - tổng lãnh sự Thụy Điển ở Pa-ri vào đầu thế kỷ XIX.-200.

Xi-môi (Szvimay), bá tước - đầu những năm 50 thế kỷ XIX kiều dân Hung-ga-ri, đặc sứ của Cô-sút tại Pa-ri.-741.

Xi-môn (Simon), Lút-vích (1810 - 1872) - luật sư ở Tô-ria, nhà dân chủ tiểu tư sản, 1848 - 1849 đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả, lưu vong ở Thụy Sĩ.-730, 890.

Xi-mông (Simon), Ê-đu-a (1824 - 1897) - nhà chính luận Pháp, sinh ở Béc-lin, gián điệp của Bô-na-pác-tơ.-508, 577, 600, 602, 725-734, 767, 772, 779.

Xi-pi-ôn (Pu-bli-út Coóc-nê-út Xi-pi-ôn) (mất năm 211 trước công nguyên) - thống soái La Mã, quan chấp chính (218 trước công nguyên), rồi toàn quyền ở Tây Ban Nha (217 - 211 trước công nguyên).-365, 366.

Xi-véc-xơ, Các-lơ Các-lô-vích, bá tước (1772 - 1856) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-318.

Xi-xê-rông (Mác-cút Tu-li-út Xi-xê-rông) (106 - 43 trước công nguyên) - nhà húng biện và nhà hoạt động nhà nước xuất sắc La Mã, nhà triết học chiết trung.-532, 543, 544, 547.

Xi-xin-na-tút (Lu-i-út Canh-tút Xi-xin-na-tút) (thế kỷ V trước công nguyên) - quý tộc La Mã, quan chấp chính (460 trước công nguyên), nhà độc tài (458 và 439 trước công nguyên), theo truyền thuyết sống giản dị và tự canh tác ruộng đất.-796.

Xim-méc-man (Zimmermann), Êc-nơ-xơ Vin-hem Ê-đu-ác-tơ - thị trưởng Span-đau, đại biểu Quốc hội Phran-phước thuộc cánh tả.-589, 597.

Xoóc-bi-e (Sorbier), Giảng Bác-tê-lê-mi (1762 - 1827) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, 1810 - 1812 tư lệnh pháo binh cận vệ.-319.

Xô-phi-a (1805 - 1872) - nữ đại công tước áo, mẹ của hoàng đế Phran-tơ - I-ô-xíp, có ảnh hưởng lớn đối với chính sách của bọn quyền thần cung đình phản động.-747, 776.

Xô-xuya-rơ (Saussure), Tê-ô-đo đơ (1824 - 1903) - nhà hoạt động nhà nước Thụy Sĩ, nhà văn, họa sĩ, lãnh tụ đảng quý tộc đối lập, nghị sĩ Đại hội đồng (1854 - 1856 và 1858 - 1872).-717.

Xpếch-lơ (Xpếch-lin) (Speckle, đúng hơn Specklin), Đa-ni-en (1563 - 1589) - công trình sư quân sự Đức, một trong những người sáng lập ra môn xây công sự kiểu pháo đài.-409-413, 415-418, 421.

Xpi-rmen (Spearman) - sĩ quan Anh, đầu thế kỷ XIX cải tổ pháo dã chiến Anh.-254, 256.

Xtan-bơ-ri (Stanbury) - chủ của một trong những nhà in ở Luân Đôn.-864.

Xtéc-nơ (Sterne), Lo-ren-xơ (1713 - 1768) - nhà văn nổi tiếng Anh, một trong những người sáng lập ra chủ nghĩa thương cảm, tác giả cuốn tiểu thuyết "Thân thể và chính kiến của con người phong nhã, Tơ-ri-xơ-ram Sen-di".-780.

Xtiu-át (Stewart), Sác-lơ Uy-li-am (1778 - 1854) - tướng Anh, nhà hoạt động chính trị và nhà ngoại giao, 1813 - 1814 tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-205.

Xtơ-ru-en-đơ (Struensee), Các-lơ Áp-gu-xơ (1735 - 1804) - nhà toàn học, kinh tế học và hoạt động nhà nước Phổ.-251.

Xtơ-ru-vơ (Struve), Gu-xtáp (1805 - 1870) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, nghề nghiệp nhà báo; một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Ba-đen tháng Tư và tháng Chín 1848 và cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphran-xơ 1849; sau thất bại của cách mạng, lưu vong khỏi Đức, một trong những lãnh tụ của những người tiểu tư sản Đức lưu vong ở Anh; tham gia Nội chiến ở Mỹ đứng về phía miền Bắc.-496, 497, 520, 523, 761.

Xu-cơ (Sucre), An-tô-ni-ô Hô-xê (1795 - 1830) - tướng và nhà hoạt động chính trị Nam Mỹ, một trong những nhà lãnh đạo cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, ủng hộ Bô-li-va-rơ, tổng thống Bô-li-vi-a (1826 - 1828).-213, 289.

Xu-lây-man I Ca-nu-ni (Đại đế) (1494 - 1556) - vua Thổ Nhĩ Kỳ (1520 - 1566).-128, 327.

Xu-lu-cơ (Soulouque), Phau-xtin (khoảng 1782 - 1867) - tổng thống nước Cộng hoà người da đen Ha-i-ti, 1849 tự xưng là hoàng đế với đế hiệu Phau-xtin I.-501.

Xu-vô-rốp A-lếch-xan-đơ Va-xi-li-ê-vích (1730 - 1800) - thống soái vĩ đại Nga.-139.

Xúch-tê-len, Pi-ốt Coóc-ni-lô-vích (1751 - 1836) - tướng Nga, công trình sư quân sự và nhà ngoại giao, vốn người Hà Lan; tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, 1808 lãnh đạo cuộc vây đánh pháo đài Xvê-a-boóc-gơ, từ 1809 đại sứ ở Xtốc-khôn.-202.

Xun-tơ (Soul), Ni-cô-la Giăng (1769 - 1851) - nguyên soái Pháp, nhà hoạt động nhà nước, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, 1808 - 1814 chỉ huy quân Pháp trong cuộc chiến tranh trên bán đảo I-be-ri-cơ, thời kỳ nền Quân chủ tháng Bảy bộ trưởng chiến tranh (1830 - 1834, 1840 - 1845), bộ trưởng ngoại giao (1839 - 1840) và thủ tướng (1832 - 1834, 1839 - 1840 và 1840 - 1847).-72, 73, 197, 198, 218, 272, 321, 322-325.

Xuy (Sue), Ó-gien (1804 - 1857) - nhà văn Pháp, tác giả một số tiểu thuyết viết về các đề tài xã hội có tính chất thương cảm tiểu thị dân.-862.

Bản chỉ dẫn tên các nhân vật văn học và thần thoại

A-ben- theo truyền kể trong kinh thánh là con thứ của A-đam bị anh cả Ca-in vì ghen ghét mà giết chết.-781, 782.

A-bi-ghên-lơ - nhân vật trong kinh thánh.-777.

A-gia-xơ Tê-la-mông - một trong những nhân vật trong "I-li-át" của Hô-me, tham gia cuộc vây đánh thành Tơ-roa.-336.

A-pô-lông -thần mặt trời và ánh sáng, thần bảo hộ nghệ thuật trong thần thoại Cổ Hy Lạp.-36.

A-si-lơ (người La Mã gọi là A-sin) - trong thần thoại Cổ Hy Lạp là anh hùng dũng cảm nhất, vây đánh thành Tơ-roa, một trong những nhân vật chính trong "I-li-át" của Hô-me.-336.

A-va-quých - nhà tiên tri trong kinh thánh.-782.

Ác-gô-nô-tơ - anh hùng trong thần thoại Hy Lạp đi trên thuyền "I-a-gút" đến Côn-si-đa để tìm lông cừu vàng do rồng canh giữ; cuộc hành trình của các anh hùng tuyền I-a-gút trong đó có Oóc-phê, nhà thơ và ca sĩ trong thần thoại tham gia đã được A-pô-lô-ni-út đề Rốt-dơ ca ngợi vào thế kỷ III trước công nguyên trong bài trường ca "Cuộc hành trình của những anh hùng thuyền Ác-gô".716-720.

Ác-lơ-canh - nhân vật trong hài kịch mặt nạ I-ta-li-a, người đầy tớ đáng yêu say đắm khi rơi vào hoàn cảnh lúng túng

thường thoát khỏi một cách khôn khéo.-588, 787.

Ây-de-lơ và Bây-de-lơ - những nhân vật hài hước trong tập sách nhỏ châm biếm xuất bản khuyết danh của nhà văn Đức I.V. Cri-xtéc-nơ "Cuộc hành trình của bác sĩ Ây-de-lơ và nam tước Phôn Bây-de-lơ đi dự hội nghị của hội đồng hàng tỉnh tháng Tư năm 1847".-625, 818.

Ba-cu-xơ (hoặc *Bắc-cơ*) - thần rượu vang và vui thú của người La Mã Cổ đại.-705, 725.

Bây-de-lơ - xem *Ây-de-lơ và Bây-de-lơ*.

Ca-di-mô-đô - nhân vật trong cuốn tiểu thuyết của V. Huy-gô "Nhà thờ Đức bà Pa-ri"; tên gọi ca-di-mô-đô đã trở thành hiện thân của thân hình quái gở.-732, 746.

Ca-in - theo truyện kể trong kinh thánh là con trai cả của A-đam đã giết em trai A-ben do ghen tị.-782.

Cla-rin - nhân vật trong ca kịch của Can-đê-rôn "Nhà ảo thuật thần kỳ".-490, 787.

Cô-bét I - nhân vật chính trong bài thơ châm biếm của H. Hai-nơ; biệt hiệu I-a-cốp Vê-nê-đây.-546, 597.

Crê-ven - nhân vật trong tiểu thuyết của Ban-dắc "Dì Bét-tơ", điển hình của kẻ chơi trội, kẻ tham lam và kẻ dâm dăng.-501.

Đông Ki-sốt - nhân vật trong cuốn tiểu thuyết cùng tên của Xéc-van-téc.-705-706.

Đun-xơ I - nhân vật trong truyện thơ "Đun-xi-át" của A.Pốp.-769, 820.

Đun-xơ II - nhân vật trong truyện thơ "Đun-xi-át" của A.Pốp.-769.

Ê-đi-pơ - nhân vật trong phần ghi chép thành Phi-va thuộc thần thoại Cổ Hy Lạp, nhân vật chính trong bị kịch của Xô-phô-clơ; theo truyền thuyết, đã đoán trúng điều bí ẩn của Xphanh do đó tránh cho thánh Phi-va khỏi nanh vuốt của con quái vật hút máu.-716.

Ê-giê-ri - theo thần thoại La Mã, nữ thần thông minh có tài tiên tri.-703, 714, 716.

Ghê-oóc chiến thắng - "thánh đồ" Cơ đốc giáo trong thần thoại đã chiến thắng rồng.-794.

Giêch - xem *Phôn-xtáp*.

Ghin-ri nhân vật trong vở hài kịch cùng tên của E.A-bu.-889, 890.

Giuy-pi-te - theo thần thoại La Mã, thần tối cao, thần sấm, tương ứng với thần Dớt của Hy Lạp.-36, 779.

Goóc-ghen-li-an-toa hoặc *Guốc-ghen-grốt-lin-ghe* - nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết của nhà văn Đức thế kỷ XVI là I. Phi-sác-tơ "Câu chuyện lịch sử dài đầy phiêu lưu về công tích và danh ngôn của các vị anh hào các ngài Gran-gô-sia, Goóc-ghen-li-an-toa và Păng-ta-gru-en" mô phỏng hình tượng

của Gác-găng-tu-a trong cuốn tiểu thuyết của Ra-blơ" Gác-găng-tu-a và Păng-ta-gru-en".-497, 531.

Gu-đíp-rát - nhân vật trong bài thơ châm biếm cùng tên của nhà văn Anh thế kỷ XVII Bất-lơ, nhân vật này ưa bàn luận và tranh luận vô nghĩa lý và có thể dùng tam đoạn luận chứng minh những luận điểm phi lý nhất.-705.

Hăm-lét - nhân vật chính trong vở bi kịch cùng tên của Sếch-xpia.-605, 705, 779.

Hen-ri IV - nhân vật trong vở kịch lịch sử cùng tên của Sếch-xpia.-518, 551.

I-a-nút - thần Cổ Hy Lạp được mô tả là có hai mặt ngoảnh về đằng sau và đằng trước; theo nghĩa rộng I-a-nút chỉ con người giả dối.-705.

I-a-rô-mia - nhân vật chính trong bi kịch của Grin-pác-xe-rơ "Bà thủy tổ".-610.

I-ê-dê-kim - nhà tiên tri trong kinh thánh.-13.

I-phi-ghe-ni-a - con gái của vua A-ga-men-nông trong thần thoại Cổ Hy Lạp, bị nhà vua đưa ra làm tế vật trước cuộc viễn chinh của người Hy Lạp sang Tơ-roa để được sự tha thứ của thần linh.-735.

Ki-pri-a-nô - nhân vật trong ca kịch của Can-đê-rôn "Nhà ảo thuật thần kỳ"; hình tượng gắn gũi với Phau-xtơ.-787.

La-xa-ri-li-ô - nhân vật chính trong truyện vừa khuyết danh ở Tây Ban Nha "La-xa-ri-li-ô đến từ Toóc-mét và những

điều rủi ro của anh ta" ra đời vào giữa thế kỷ XVI; diễn hình của kẻ lừa bịp giáo quyệt.-696.

Lê-pô-rê-lô - nhân vật trong ca kịch của Mô-da "Đông Gioăng", đầy tớ của Đông Gioăng.-506, 716.

Mê-phi-xtô-phen - một trong những nhân vật chính trong bi kịch của Gơ-tơ "Phau-xtơ".-753.

Mô-xcôn - nhân vật trong vở kịch của Can-đê-rôn "Nhà ảo thuật thần kỳ".-787.

Môi-xe - theo truyện kể trong kinh thánh, nhà tiên tri đã giải phóng người Do Thái Cổ đại khỏi sự hãm hại của pha-ra-ôn Ai Cập ("cuộc ra khỏi Ai Cập").-779, 782.

Muyn-hau-den - tên của một kẻ khoác lác và bịa chuyện vô tội vạ trong văn học Đức, đã trở thành tên thường dùng.-865.

O-phê-li-a - nhân vật chính trong bi kịch của Sếch-pia "Hăm-lét".-779.

Oóc-phê - theo thần thoại Hy Lạp, nhà thơ và ca sĩ mà tiếng hát làm cho dã thú cúi đầu và đá cũng phải gặt gù; đã tham gia cuộc hành trình của những anh hùng thuyền Ác-gô đi tìm lông cừu vàng.-717.

Ô-xnô-va - nhân vật trong hài kịch của Sếch-pia "Giấc mộng đêm hè".-499.

Pa-rôn - nhân vật trong hài kịch của Sếch-xpia "Cái gì kết thúc tốt đẹp đều tốt đẹp".-506.

Pa-ven - theo truyện kể trong kinh thánh là một trong những thánh đồ Cơ đốc giáo; trước khi tham gia Cơ đốc giáo,

tên gọi là Xao-lô.-556.

Pan-xơ - nhân vật trong hài kịch rối dân gian Anh; nhân vật này là một người gù lưng có mũi dài, hay làm ồn ào, lấu lỉnh và hóm hỉnh.-771.

Păng-ta-lông - nhân vật trong hài kịch mặt nạ dân gian Ita-li-a, nhà buôn người Vơ-ni-dơ, ông già giàu có, keo kiệt và ngu xuẩn.-788.

Péc-xi Hốt-xpơ (Hốt-xpơ nghĩa đen là "người nôn nóng") - nhân vật lịch sử của Sếch-xpia trong "Ri-sác II" và "Vua Hen-ri IV"; điển hình của kỵ sĩ nhiệt tình, dũng cảm và cao thượng.-566.

Péch-xníp - nhân vật trong tiểu thuyết của Đích-ken "Cuộc đời và sự gian nan của Mác-tin Se-dơ-vít", kẻ đạo đạo đức giả và giả nhân giả nghĩa.-683.

Pha-ra-mông - theo truyền thuyết là vua của người Phran-cơ sống vào thế kỷ V sau công nguyên.-177.

Pha-vnơ - theo thần thoại Cổ La Mã, thần thấp nhất tương xứng với thần Xa-tia Hy Lạp; thần bảo hộ rừng và đồng ruộng.-796.

Phau-xtơ - nhân vật chính trong bi kịch cùng tên của Gơ-tơ.-787.

Phlơ-dơ Ma-ri - nữ nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết của Ô-gien Xuy "Những bí mật của thành Pa-ri" một cô gái lớn

lên giữa bọn tội phạm nhưng vẫn giữ gìn được phẩm hạnh và sự trong trắng của thiếu nữ; tác giả đặt cho cô tên một loại hoa, hoa huệ mọc trong vũng bùn, nhưng vẫn giữ được những cánh hoa trắng tới loá mắt.-862.

Phan-xtáp - nhân vật trong nhiều tác phẩm của Sếch-xpia "Những nụ lăm mồn vui tính ở cung đình", "Vua Hen-ri IV" một kẻ nhu nhược hay khoác lác, kẻ ưa khôi hài và nghiện rượu.-491, 497, 503, 506, 516, 529, 531, 545, 547, 550, 551, 587, 621, 648, 714, 722, 726, 734, 788, 797, 825.

Pô-da, hầu tước - một trong những nhân vật chính trong bi kịch của Si-lơ "Đôn Các-lốt", điển hình của một viên cận thần cao thượng, có tư tưởng tự do tìm cách ảnh hưởng đến một tên bạo chúa.-703.

Pô-lô-ni-út - nhân vật trong bi kịch của Sếch-xpia "Hăm-lét" điển hình của một viên đình thần xảo quyệt và lăm mồn.-541, 687.

Prô-mê-tê - một trong những thần khổng lồ trong thần thoại Hy Lạp đã đánh cắp lửa của thượng đế đem cho con người; để trừng phạt; Dớt đã trói thần này vào tảng đá cho đại bàng mổ ruột.-852.

Pruy-đôm, Giô-dép - điển hình của anh tiểu thị dân tự mãn và thiên cận do nhà văn và nhà biếm họa Pháp Hăng-ri Mô-ni-e sáng tạo ra.-726.

Pun-si-nen-la - nhân vật trong hài kịch mặt nạ I-ta-li-a, ăn nói hóm hỉnh và vui nhộn.-589.

Quy-nê-gông-đơ - nữ nhân vật chính trong tiểu thuyết triết học của Vôn-te "Căng-đít".-730, 890.

Ri-smôn-đơ - nhân vật trong kịch lịch sử của Sếch-xpia "Ri-sác III".-504.

Su-phte-lơ và Spi-ghen-béc-gơ - nhân vật trong bi kịch của Sếch-xpia "Kẻ cướp"; điển hình của những tên cướp của giết người táng tận lương tâm.-500.

Ten-lơ, Vin-hem - anh hùng trong truyền thuyết dân gian về cuộc chiến tranh giải phóng của người Thụy Sĩ chống lại vương triều Háp-xbuốc vào cuối thế kỷ XIII - đầu thế kỷ XIV; thiện xạ về cung, đã bắn chết viên quan cai trị người Áo (Lan-đơ-phoóc-tơ); nhân vật chính trong vở kịch cùng tên của Si-le.-506.

Vin-ken-rít - quân nhan nữa truyền thuyết Thụy Sĩ; theo truyền thuyết, trong trận đánh của người Thụy Sĩ với quân đội của công tước Áo Lê-ô-pôn III ở thành Dem-pắc (bang Luy-xéc-nơ), bằng sự hy sinh quên mình, nhân vật này đã quyết định thắng lợi của người Thụy Sĩ.-715.

Xai-cơ-xơ, Bin - nhân vật chính trong tiểu thuyết của Đích-ken "Ô-li-vơ Tu-ít"; là kẻ cướp.-547.

Xao-lô - xem *Pa-ven*.

Xi-len - theo thần thoại Hy Lạp, bạn đường của Đi-ô-ni-xuyt, thần rượu vang và nghề nấu rượu.-515, 551, 725.

Xi-ren - nữ yêu quái đầu người mình chim trong thần thoại Hy Lạp dùng tiếng hát để mê hoặc và giết hại thủy thủ.-681.

Xlô-ken-béc-ghi - nhân vật trong tiểu thuyết của nhà văn anh L.Xtéc-nơ "Thân thể và quan điểm của ngài Tri-xơ-ram Sen-di", một người lạ mặt do chiếc mũi to mà làm cho nhiều thành phố xôn xao.-780.

Bản chỉ dẫn các xuất bản phẩm định kỳ

"Báo *Au-xbuốc*" - xem "*Allgemeine Zeitung*".

"Báo *đại chúng*" - xem "*Allgemeine Zeitung*".

"Báo *Khuên*" - xem "*Kölnische Zeitung*".

"Báo mới tỉnh *Ranh*" - xem "*Neue Rheinische Zeitung, Organ der Demokratie*".

"Người rao hàng" - xem "*Schweizer Handels - Courier*".

Aargauer Nachrichten ("Tin tức Ác-gây").-723.

"*Abend - Post, Demokratische Zeitung*" ("Bưu điện buổi chiều, Báo dân chủ") (Béc-lin).-496, 579.

"*Abend - Zeitung*" ("Báo buổi chiều") (Đre-xđen và Lai-pxích).-145.

"*Allgemeine Zeitung*" ("Báo phổ thông") (Au-xbuốc).-487, 491, 505, 530, 547, 549, 552, 554, 584, 599-605, 610, 613, 616-622, 624,

625, 690, 699, 702, 729, 731, 773, 784, 799-805, 809, 810, 814, 817, 820-823, 829-832, 877, 879, 882, 891, 893, 896, 898-909, 911, 912.

"Baltimore Wecker" ("Đồng hồ báo thức Ban-ti-mo").-583.

"Baltische Monatsschrift" ("Nguyệt san Ban-tích") (Ri-ga).-783.

"Belletristisches Journal und New-Yorker Criminal-Zeitung" ("Tập chí văn học và báo hình sự Niu Oóc").-540, 743, 860.

"Berliner Militair - Wochenschrift" ("Tuần báo quân sự Béc-lin").-553.

"Breslauer Zeitung" ("Báo Brê-xláp").-767, 769.

"Der Bund" ("Liên minh") (Béc-nơ).-690.

"Le Constitutionnel" ("Người lập hiến") (Pa-ri).-501, 700, 728.

"Correspondent" - xem *"Der Deutsche Correspondent"*.

"Courrier du Dimanche" ("Tin tức chủ nhật") (Pa-ri).-885.

"Crimina - Zeitung" -xem *"Belletristisches Journal und New-Yorker Criminal - Zeitung"*.

"Daily Telegraph" ("Tin điện hàng ngày") (Luân Đôn).-621, 624, 776-782, 786, 905.

"Le Débat Social" ("Tranh luận xã hội") (Bruy - xen).-882.

"Der Deutsche Correspondent" ("Phóng viên Đức") (Ban-ti-mo).-581.

"Deutsche Monatsschrift" ("Nguyệt san Đức") (Stút-gát).-586,

620,887.

"Dresdner Zeitung" ("Báo Dre-xđen").-861, 869.

"The Economist" ("Nhà kinh tế học") (Luân Đôn).-663.

"Eidgenossische Zeitung" ("Báo Liên bang Thụy Sĩ") (Xuy-rích, Béc-nơ).-690.

"L'Espérance" ("Hy vọng") (Giơ-ne-vơ).-723-726, 733.

"Frankfurter Journal" ("Báo Phran-phước").-547, 856, 857.

"The Free Press" ("Báo tự do") (Luân Đôn).-607, 614, 615, 620, 621, 744, 809, 838, 877, 894, 899, 900.

"Der Freischutz" ("Đội nghĩa dũng tự do") (Hăm-buốc).-772-775, 894, 910.

"Galignani's Messenger" ("Người đưa tin Ga-li-nhi-a-ni") (Pa-ri).-682.

"La Gazeutte Nord" ("Báo miền Bắc") (Pa-ri).-509.

"Giornale della provincia Bresciana" ("Báo tỉnh Brê-si-a").-343.

"The Glasgow Sentinel" ("Người bảo vệ Gla-xgô").-606, 746.

"Hamburger Anzeiger" ("Người hướng dẫn Hăm-buốc").-584.

"Handels - Courier" - xem *"Schweicer Handels - Courier"*.

"Hermann" ("Héc-man") (Luân Đôn).-607, 873, 896.

"Herold des westens" ("Truyền tin phương Tây").-596.

"Die Hornisse" ("Ong bò vẽ").-608.

"L'Indépendance belge" ("Độc lập của Bỉ") (Bruy-xen).-726,

733, 882.

"L'Indépendant" ("Độc lập") (Giơ-ne-vơ).-524, 850.

"La Jeune Italie" ("I-ta-li-a trẻ").-641, 642.

"Journal de Constantinople" ("Báo Công-xtăng-ti-nốp-plơ").-744.

"Journal de Genève" ("Báo Giơ-ne-vơ").-856.

"Journal des Débats politiques et littéraires" ("Bá đàm luận về chính trị và văn học") (Pa-ri).-727.

"Journal du tir fédéral" ("Báo bắn súng liên bang").-851.

"Journal général de la Cour et de la Ville" ("Báo phổ thông triều đình và thành phố") (Pa-ri).-174.

"Kladderadatsch" ("Clát-dê-ra-đát") (Béc-lin).-771.

"Kölnische Zeitung" ("Báo Khuên").-527, 529, 621, 775, 776, 783, 863, 868, 882, 895, 904, 909.

"Der Komet, Unterhaltungsblatt für gebildete Stände" ("Sao chổi, Người đàm thoại của giới trí thức") (Lai-pxích).-145.

"Königlich privilegierte Berlinische Zeitung von Staats- und gelehrten Sachen" ("Báo đặc quyền của nhà vua ở Béc-lin về vấn đề chính trị và khoa học").-540.

"Kreuz - Zeitung" - xem "Neue Preussische Zeitung".

"Lithographierte Correspondenz" ("Tin tức in thạch") (Pa-ri).-700.

"The Manchester Guardian" ("Người bảo vệ Man-se-xtơ").-

887.

"Le Messager du Léman" ("tin tức Lê-man") (Giơ-ne-vơ).-535.

"Monatsschrift" - xem "Deutsche Monatsschrift"

"Le Moniteur universel" ("Báo đại chúng") (Pa-ri).-196, 581, 592, 609, 628, 655, 662-666, 694, 763, 887, 903.

"Morgenblatt für gebildete Leser" ("Báo buổi sáng cho học giả có học thức") (Stút-gát và Tuy-bin-ghen).-601.

"The Morning Chronicle" ("Tin buổi sáng") (Luân Đôn).-733.

"The Morning Star" ("Sao mai") (Luân Đôn).-607.

"La Nation suisse" ("Báo dân tộc Thụy Sĩ") (Giơ-ne-vơ).-726.

"Le National" ("Báo dân tộc") (Pa-ri).-760.

"National - Zeitung" ("Báo dân tộc") (Béc-lin).-487, 549, 560, 605, 617, 620, 621, 767-769, 781, 782, 800, 806, 807, 810, 814, 817, 823, 829, 831, 833, 836, 838-845, 883, 887, 903, 905, 910, 911.

"National - Zeitung" - xem "Schweizerische National - Zeitung".

"Les Nationalités" ("Các dân tộc") (Pa-ri).-729.

"Neue Deutsche Zeitung" ("Báo Đức mới") (Phran-phước trên sông Mai-nơ).-580.

"Neue Hannoversche Zeitung" ("Báo Han-nô-vơ mới").-818.

"Neue Oder - Zeitung" ("Báo Ô-đe mới") (Brê-xláp, nay là Vrốt-xláp).-770, 803.

"*Neue Preußische Zeitung*" ("Báo Phổ mới") (Béc-lin).-550, 568, 592, 782, 784, 795, 796, 818, 819.

"*Neue Rheinische Zeitung, Organ der Demokratie*" ("Báo mới tỉnh Ranh, Cơ quan của phong trào dân chủ") (Khuên).-491, 507, 526, 551, 588-593, 599, 767-771, 775, 776, 787, 800, 806, 815, 822, 828, 834, 837, 841, 882, 895.

"*Neue Rheinische Zeitung, Politisch - ökonomische Revue*" ("Báo mới tỉnh Ranh, Tạp chí kinh tế - chính trị") (Luân Đôn, Hăm-buốc).-561, 572-576, 579, 580, 586, 597, 598, 604.

"*Neue Schweizer Zeitung*" ("Báo mới Thụy Sĩ") (Giơ-ne-vơ).-701, 702, 703.

"*Die Neue Zeit*" ("Thời mới") (Luân Đôn).-607.

"*Neue Zürcher - Zeitung*" ("Báo Xuy-rích mới").-716.

"*New - York Daily Tribune*" ("Diễn đàn Niu Oóc hàng ngày").-603-606, 741, 744, 806, 884, 894.

"*The New York Times*" ("Thời báo Niu Oóc").-895.

"*New York Criminal - Zeitung*" - xem "*Belletristisches Journal und New-Yorkes Criminal - Zeitung*".

"*New - York Humorist*" ("Nhà văn hài hước Niu Oóc").-495.

"*Notes to the People*" ("Tin ngắn cho nhân dân") (Luân Đôn).-883.

"*Nouvelliste Vaudois*" ("Người truyền tin bang Vô-đơ" (Lo-dan).-716, 733.

"*L'Opinion nationale*" ("Dư luận nhân dân") (Pa-ri).-682, 726, 733, 890.

"*La Patrie*" ("Tổ quốc") (Pa-ri).-713, 727, 728.

"*Le Patriote savoisien*" (Người Xa-voa yêu nước") (Săm-be-ri).-708.

"*Le Pays*" ("Đất nước") (Pa-ri).-728.

"*Pensiero ed Azione*" ("Tư tưởng và hành động") (Luân Đôn).-654, 691, 746.

"*The Peoplés Paper*" ("Báo nhân dân") (Luân Đôn).-606, 875, 883, 894.

"*The Players*" ("Nghệ sỹ") (Luân Đôn).-779.

"*Der Postheiri*" ("Po-xtê-i-ri") (Dô-lô-tuốc-nơ).-725.

"*Prager Zeitung*" ("Báo Pra-ha").-681.

"*Preußisches Wochenblatt*" ("Tuần báo Phổ") (Béc-lin).-638.

"*Die Preußische Zeitung*" ("Báo nước Phổ") (Béc-lin).-784.

"*Le Propagateur du Nord et du Pas-de-Calais*" ("Phát ngôn viên của miền Bắc và Pa-đơ-Ca-le").-725.

"*Publicist*" ("Nhà chính luận") (Béc-lin).-869.

"*Punch, or the London Charivari*" ("Sự vụng về hay là sự ồn ào ở Luân Đôn").-771.

"*Putnam's Monthly*" ("Nguyệt san của Pát-nem") (Niu-Oóc).-884.

"*Die Reform*" ("Cải cách") (Hăm-buốc).-487, 549, 616, 893,

897, 904, 908, 910.

"*Republik der Arbeiter*" (Chế độ cộng hòa của công nhân") (Niu-Oóc).-529.

"*Revue contemporaine*" ("Tập chí hiện đại") (Pa-ri).-508, 577, 600, 693, 726, 727, 731, 767.

"*Revue européenne*" ("Bình luận châu Âu") (Pa-ri).-727.

"*Revue der Neuen Rheinischen Zeitung*" - xem "*Neue Rheinische Zeitung Politisch - ökonomische Revue*".

"*Revue de Genève et Journal Suisse*" ("Bình luận Giơ-ne-vơ và Báo Thụy Sĩ").-702, 705, 709, 710, 714, 718-722, 726, 763.

"*Revue des deux Mondes*" ("Tập chí Hai thế giới") (Pa-ri).-727.

"*Rheinische Volks - Halle*" ("Hội trường nhân dân vùng Ranh") (Khuên).-776.

"*Rheinische Zeitung für Politik, Handel und Gewerber*" ("Báo Ranh bàn về cả vấn đề chính trị, thương mại và công nghiệp") (Khuên).-599.

"*Rummelpuff*" ("Ru-me-ti-pút") (Giơ-ne-vơ).-495, 496, 510.

"*Sachsische Vaterlands - Blätter*" ("Tập san Tổ quốc vùng Dắc-den") (Dre-xden và Lai-pxích).-145.

"*Saturday Review of Politics, Literature, Science and Art*" ("Tập chí thứ bảy bàn về những vấn đề chính trị, văn học khoa học và nghệ thuật") (Luân Đôn).-718, 778.

"*Seebblätter*" ("Báo khổ nhỏ miền hồ") (Côn-xtan-xơ).-526.

"*Schlesische Zeitung*" ("Báo Xi-lê-di") (Brê-xláp, nay là Vrót-xláp).-770.

"*Schweizer Handels - Courier*" ("Thông tin viên thương mại Thụy Sĩ") (Bi-lơ).-491, 504, 609, 611, 626, 708, 714, 715, 722, 726, 806, 875, 903.

"*Schweizerische National - Zeitung*" ("Báo dân tộc Thụy Sĩ") (Ba-lơ).-856.

"*The Sheffield Free Press*" ("Báo chí tự do Sép-phin-đơ").-607.

"*Le Siècle*" ("Thế kỷ") (Pa-ri).-513, 700, 725.

"*Stimmen der Zeit*" ("Tiếng nói thời đại") (Gô-ta).-620, 887.

"*Tabet*" ("Ký sự") (Luân Đôn).-642.

"*Telegraph*" - xem "*Daily Telegraph*".

"*The Times*" ("Thời báo") (Luân Đôn).-642, 659, 684, 712, 717, 775, 879.

"*Tribune*" - xem "*New - York Daily Tribune*".

"*L'Univers religieux, philosophique, politique, scientifique et littéraire*" ("Thế giới tôn giáo, triết học, chính trị, khoa học và văn học") (Pa-ri).-513.

"*Das Volk*" ("Nhân dân") (Luân Đôn).-504, 607-611, 620, 690, 773, 774, 807, 819, 821, 879, 881, 895, 899-902.

"*Volks - Zeitung*" ("Báo nhân dân") (Béc-lin).-487, 549, 616, 769, 893, 904, 909.

"*Vorwärts*" ("Tiến lên") (Lai-pxích).-145.

"*Vossische Zeitung*" xem "*Königlich privilegierte Bertinische Zeitung von Staats und gelehrten sachen*".

"*Weekly Mail*" ("Bưu điện hàng tuần") (Luân Đôn).-779.

Bản chỉ dẫn địa danh

A

A-ben-xbéc-gơ -83 (xem chú thích 54), 123.

A-bô (Tuốc-cu).-203, 204.

A-bu-kia - 170.

A-các-na-ni-a, một tỉnh ở Hy Lạp.-18.

A-den-cua, một điểm cao ở Pháp.-39.

A-béc-bi (A-déc-bi-ép-ca), một điểm cao ở Cáp-ca-dơ.-742-746.

A-i-a-cu-sô - thành phố và một tỉnh ở Pê-ru.-214-215.

A-ken- 224.

A-khen - 529.

A-la-ba-ma, một bang - 191.

A-lép-pô (Kha-lép).-168.

A-li-can-tơ - 240.

A-li-dan, một điểm cao ở Áp-ga-ni-xtan.-107.

A-pông-đa - 197.

A-ra-vi-a.-359.

A-ra-can - 345.

A-rát-738.

A-rê-ki-pa, một thành phố và một tỉnh.-214.

A-rơ, sông-715.

A-sa-gu-xơ-286.

A-ten - 15-18, 19, 22, 433, 641.

A-va - 345-350, 353.

A-va, vương quốc - xem *Miến Điện*.

A-vi-nhôn - 174, 175, 177.

A-xam - 345.

A-xpéc-nơ - 83-88.

Ác-bê-lơ (éc-bi-lơ) - 26, 27, 39, 361, 362, 367.

Ác-ca-đi, một tỉnh ở Hy Lạp-22.

Ác-dép (Ác-dây-u)-132.

Ác-gui-ta.-280.

Ác-va, sông-507.

Ác-vin-cum, thành phố cổ.-327.

Ác-xi-xuy-rơ-ốp - 235.

Ai Cập-11, 12, 36, 121, 170, 334, 356, 363, 388, 632, 633, 676, 682, 695.

Ai-đơ, sông-467.

Ai-rơ-len-211, 212, 356.

An-bu-ê-ra, điểm cao ở Tây Ban Nha - 72-73, 357.

An-bu-ê-ra, sông-72.

An-dát-651.

An-gan-tơ, lãnh thổ.-674.

An-giê, thành phố và một tỉnh - 125-131, 135, 274.

An-giê-ri - 57, 68, 125-136, 172, 239, 272-274, 381, 463, 523.

An-gô-xtu-ra (Xuy-đát - Bô-li-va-rơ).-283-287.

An-gluy-rơ, điểm cao ở Pháp - 233.

An-lơ (nay là Lư-va, La-va)-142.

An-ma, điểm cao ở Crutn.-75.

An-ma, sông-74-77, 173, 704.

An-pơ, núi-27, 629, 664.

An-pơ thuộc Sti-ri-a, dãy núi-652.

An-xbắc, một điểm cao ở Đức-218.

Áp-ga-ni-xtan - 96-108.

Át-lát, dãy núi - 125, 127.

Át-léc-cla, một điểm cao ở áo - 199.

Át-tích, một vùng ở Cổ Hy Lạp.-18.

Át-tốc - 97.

Át-xi-ri - 13.

Au-éc-xtết - 198, 199, 218, 459.

Au-phít (Ô-phan-tô), sông ở I-ta-li-a-366.

Au-re-xơ (Ô-re-xơ), dãy núi ở An-giê-ri-125.

Au-xbước - 123, 311, 490, 497, 609, 616-619, 804, 832, 878, 891, 899.

Ăng-ve - 178, 200, 409, 563, 659, 774, 805.

Ấn, sông - 12, 97, 99, 104, 436.

Ấn Độ-96, 98-105, 106, 107, 108, 238, 239, 346, 351, 354, 384, 467, 663.

Ấn Độ Dương - 96, 346.

Ấn - Trung - 398.

Ây-dơ-nác-225, 794.

Ây-đơ-xvôn-205.

Ây-lau xem *Proi-xi-sơ* - *Ây-lau*.

B

Ba-bi-lon - 399, 781.

Ba-den - 492, 520, 558, 593, 675, 861, 869.

Ba-đen-Ba-đen.-890.

Ba-la-cla-va.-81, 173, 185, 389.

Ba-la-ghi-xa-rơ, vùng ngoại ô Ca-bun-105.

Ba-lơ-217, 412, 529, 539, 540, 630, 853, 856.

Ba-nát, một vùng ls-168.

Ba-nát thuộc Tê-me-sva-ra (Ti-mi-sô-a-ra), vùng-671.

Ba-ri-ma, một tỉnh-286.

Ba Tư (I-ran)-96, 99, 101, 141, 359, 435.

Ba-vi-e -123, 311, 651, 675, 809.

Ba-xa-240.

Bác-lê - Đuych - 413.

Bác-si-xa-rai - 74.

Bác-xê-lô-na, một thành phố và một tỉnh ở Vê-nê-xu-ê-la - 278, 279, 283, 284.

Bác-xuyéc-ôp - 227.

Bai-ôn - 115, 321, 357.

Bai-roi-tơ -217.

Ban-tích, biển - 118, 209, 673.

Bán đảo I-bê-ri-cơ - 357.

Ban-khơ - đất nước ở Nam Tuốc-ke-xtan - 97.

Ban-ten-nơ, điểm cao ở Đức - 139.

Bát-đa-i-ốt - 72, 73.

Bau-txen, điểm cao ở Dắc-den - 118, 219, 221, 222.

Băm-béc-gơ - 120, 124.

Béc-ga-mô - 341.

Béc-gen-ốp - Dôm - 339.

Béc-giê-rơ, điểm cao ở Pháp - 230, 231.

Béc-lin - 144, 492, 533, 539, 540, 542, 551, 604, 609, 651, 679, 767, 769, 780-784, 792-797, 799-803, 806, 806, 807, 810, 814, 824, 830, 845, 866-869, 887, 905, 911.

Béc-na-rơ Lớn xem *Xanh-Béc-na-rơ Lớn*.

Béc-nác-đin (Xan-Béc-nác-đi-nô), đèo ở An-pơ.-687.

Béc-nơ - 520, 524, 553-556, 609, 626, 685, 686, 689, 692, 708-720, 762, 766, 849, 852, 855, 856, 888.

Béc-nơ, một bang của Thụy Sĩ - 175, 599, 683, 691, 693, 701, 722, 760.

Béc-nơ-buốc - 224.

Ben-gan - 348.

Ben-grát - 326.

Ben-tơ xem *Đại Ben-tơ*.

Bét-xa-ra-bi-a - 143, 639, 671.

Bê-lút-gi-xtan - 96.

Bê-ô-ti, một vùng ở Hy Lạp - 18, 361.

Bi-dam-béc, dãy núi - 83, 84.

Bi-đa-xô-a, sông - 321-325.

Bi-lơ - 561.

Bi-ri-a-tu - 324.

Bi-sóp-xvéc-đa, một điểm cao ở Đức - 221.

Bi-xcơ-ra - 127.

Biển Bắc - 130, 212, 467, 673.

Bin-đốc-xơ - 324.

Bin-ghen - 504, 573, 734.

Blen-hai-mơ hay *Blin-đơ-hai-mơ* - 311-313.

Blê - 272.

Blê-đin - 223.

Bom-bay - 104.

Bon thành phố và cảng ở An-giê-ri - 127, 132, 239.

Bon - 339, 504, 536.

Boóc-dô - 215.

Boóc-ghét-tô, điểm cao ở I-ta-li-a - 120.

Bô-be-rơ (Bu-brơ), sông - 221.

Bô-gô-ta - 277, 279, 286, 287, 290-294.

Bồ Đào Nha - 166, 356-358, 575, 659.

Bô-hêm - xem *Tréc-khi-a*

Bô-lan, đèo trên núi - 104-105.

Bô-li-vi-a - 214, 289, 290, 291.

Bô-mác-xun-đơ, eo biển - 355.

Bô-nai-rơ, hòn đảo ở biển Ca-ra-íp - 283.

Bô-rô-đi-nô - 118, 131, 253, 268, 314-320, 395.

Bô-tu-ên-khô, một điểm cao ở Xcốt-len.-79.

Bô-xni-a - 678.

Bô-xpho, eo biển - 188.

Bô-xu-ê-rơ, điểm cao ở Anh.- 78.

Bốt-vin - 347.

Bra-khen-phen-đơ, điểm cao ở Đức. -225.

Bra-xin - 291, 357.

Brai-tơn - 864.

Bran-đen-buốc - 651, 653.

Brao-svai-gơ - 139, 673, 682.

Brây-xgau, địa hạt - 675.

Brê-đa -339, 413.

Brê-ghen-xơ - 686-687.

Brê-men - 541, 569, 680.

Brê-si-a (đúng hơn là Brê-sa), thành phố và một tỉnh -341 - 344.

Brê-xláp (Vrốt-xláp) - 493, 594, 769, 770.
Bri-en - 148, 226, 227.
Bri-en-la-Vi-vây - 227.
Bríp-la-Gai-ác-đơ, điểm cao ở Pháp - 174, 177.
Bơ-ta-nhơ - 176.
Brúc-dan - 496.
Bruy-xen - 558, 660, 805, 883.
Bruyn (Bơ-nô).-197.
Bu-ca-rét - 203, 693, 641, 670.
Bu-cô-vi-na - 167, 671.
Bu-đa - vùng tả ngạn sông của Bu-đa-pét hiện nay - 326, 327-330.
Bu-ê-nốt - Ai-rét - 356.
Bu-gi - 1213, 128.
Bu-gi, vịnh - 128.
Bu-lông - 176, 376, 461-463, 482, 499, 667.
Bun-xen-vi-xơ (Bô-lê-xla-vi-xơ), điểm cao ở Xi-lê-di - 492.
Buốc-giơ - 166.
Buốc-gô-xơ - 170.
Buốc-gun-di, địa danh lịch sử-40.
Bơ-dăng-xông - 505, 522, 526, 561, 562.
Bơ-ri-ô - Bắc, điểm cao ở Pháp - 233-234.

C

Ca-bi-li-a, một địa danh lịch sử - 135, 172.
Ca-bun - 97, 100-104, 105, 106, 107.
Ca-bun, sông -97.
Ca-đi-xơ - 214, 277, 281.
Ca-la-bô-xô - 279, 285, 286.
Ca-lơ - 210.
Ca-li-phoóc-ni-a - 575, 659.
Ca-nơ - 148.
Ca-pi-tôn, đồi ở La Mã - 27.
Ca-poa - 368.
Ca-ra-bô-bô-288.
Ca-ra-cát - 275, 278, 279, 286, 289, 292, 293.
Ca-ra-cu-ta - 292.
Ca-rê-li-a - 117.
Ca-rông - 301.
Ca-ru-pa-nô - 280, 282.
Ca-sơ-mia-96.
Ca-ta-lô-ni, một vùng ở Tây Ban Nha-271.
Ca-xbắc (Ca-tra-va), sông ở Xi-lê-di - 219-220, 237.
Ca-xpiên, biển - 140.
Ca-xten - 331.
Các công quốc vùng Đa-nuýp - xem *Môn-đa-vi-a* và *Va-la-khi*
Các-lơ-xbuốc (An-ba - I-u-li-a)-167.

Các-lơ-xru-ê-861.
Các tỉnh Ba-xơ (xứ xứ của những người Ba-xơ)-321.
Các-ta-giơ-466, 467.
Các-ta-hê-na -277, 278, 280, 281, 288, 292.
Các-xbát (Các-lô-vi - Va-ri)-119.
Các-xơ - 607, 666, 875.
Cai-déc-xlau-téc-nơ - 217.
Cai-e-xơ (Ô-kê), trên đảo Ha-i-ti-282.
Cam-pô-phô-mi-ô, điểm cao ở I-ta-li-a-175, 195, 678.
Can-đa-gác, thành phố và một tỉnh-97, 99-103, 106.
Can-nư (Can-nơ), điểm cao ở I-ta-li-a-92, 365-366.
Can-va-đô-xơ, tỉnh-174.
Cát-xen-338, 608.
Cau-pơ, một điểm cao ở Đức - 226.
Cây-en-na - 499.
Cham-pa-nia - 179.
Chen-xi, vùng ở Luân Đôn-81.
Coóc-bê-ni, một điểm cao ở Pháp-234.
Coóc-đô-va-240.
Coóc-xơ, đảo-356.
Cô-blen-tơ-226, 331, 426.
Cô-đô-ni-ô - 121.
Cô-hin-xtan, một địa danh lịch sử-96.

Cô-lê-a, một điểm cao ở An-giê-ri-127.
Cô-lin - 151, 152.
Cô-lô-sa (Cô-lô-si), sông-314-318.
Cô-lôm-bi-a-275, 286-294.
Cô-moóc-nơ (Cô-ma-rôm)-327, 329, 430, 647, 737, 743, 751-755.
Cô-mô, hồ ở I-ta-li-a-687.
Cô-ru-ni-a (La - Cô-ru-ni-a)-210, 211, 357.
Cô-xanh-xin (Nam Bộ), một xứ ở Đông Dương-655.
Cô-xvi-gơ, một điểm cao ở Đức.-868.
Côm-pi-êng-124, 662.
Côn-coóc-đơ-460.
Côn-ma, một điểm cao pr Pháp-412.
Côn-xtăng-tanh, thành phố và một tỉnh-127, 128, 132-136.
Cộng hoà Cra-cốp - 635.
Công-xtăng-ti-nô-plơ (Xtam-bun) - 129, 131, 176, 467, 640, 641, 644, 671, 741-746, 774.
Cốt-xơ-165.
Cra-cốp - 635, 655.
Cra-ôn, một điểm cao ở Pháp-233, 234.
Crai-na, một địa danh lịch sử-84.
Crê-mô-na - 341.
Crê-xi, một điểm cao ở Pháp - 39, 91.

Cri-blô-vi-xơ, một điểm cao ở Xi-lê-di-216.
Cri-tơ, đảo-18.
Cri-xti-a-ni-a (Ô-xtô)-205, 206.
Croa-đơ - Bu-cơ - 324.
Crô-a-xi - 751.
Crôi-xơ (Crô-tô-sít-xơ) - 220, 221.
Crôn-stát-422.
Crưm- 58, 59, 74, 77, 257, 492, 639, 665, 705.
Cu-cu-ta - 289.
Cu-ne-rơ-xđoóc-phơ, một điểm cao ở Đức-151, 251.
Cu-ma-na, thành phố và một tỉnh-278-280, 283.
Cu-xcô - 214.
Cun-di-na-mác-ca, tỉnh-280.
Cun-xen-đoóc-phơ (Đrô-gơ-xláp), một điểm cao ở Xi-lê-di-219.
Cuốc-hét-xen - xem Hét-xen - Cát-xen
D
Da-bơ -127, 134.
Da-le, sông -223, 224.
Dan-xbuốc - 652.
Dãy núi Bô-hêm (khu rừng Tréc-khi-a)-83.
Dãy núi Rút-222, 673.
Dãy núi Xô-li-man (Xu-lây-man)-97.
Dắc-den-145, 171, 221, 222, 223, 644, 653, 672, 675, 682, 681.

Dê-lan, một đảo trong quần đảo Đất-xơ-198.
Di-gma-rin-ghen - 597.
Di-ra (Ha-u-di - Di-ra), hồ ở áp-ga-ni-xtan-97.
Do-át-sơ - 135.
Đ
Đa-nuýp, sông-83, 84, 188, 192, 203, 311, 326, 328, 430, 642, 644, 652, 754.
Đắc-da-nen, eo biển-188.
Đại Ben-tơ, eo biển-198.
Đại Tây Dương-467.
Đan-ma-xi, một địa danh lịch sử-83.
Đan-ních-cốp, một điểm cao ở Đức-377.
Đan-txích (Gơ-dan-xơ) - (bao vây năm 1807) (bao vây năm 1913)-141.
Đất đỏ - xem *Ve-xtơ-pha-li*.
Đây-khxen- xem *Snen-lơ Đây-khxen*.
Đéc-ben-tơ - 140.
Đen-nê-vi-nơ, một điểm cao ở Đức-204.
Đèo Khai-béc-107.
Đèo Hốt-giắc (Hốt-giắc)-101.
Đèo Hua Ca-bun (Xua - Ca-bun)-106.
Đê-li-99, 239.
Đi-en-vin, một điểm cao ở Pháp-227.

Địa Trung Hải-12, 27, 125, 127-130, 327, 363, 467, 575, 631-634, 637.

Đoi-xơ-331.

Đoóc-man, một điểm cao ở Pháp - 229.

Đoóc-nơ-buốc-gơ, một điểm cao ở Đức - 198, 199.

Đô-ra (Đô-ra-Ri-pa-ri-a), sông ở I-ta-li-a-686.

Đôi Ma-la-khốp gần Xê-va-xtô-pôn-173.

Đôn-ca-xtơ-rơ, một điểm cao ở Anh-337.

Đông Ấn-632.

Đơn-di - 504, 507.

Dre-xđen-221, 593, 651, 861, 868.

Du-ben (Đuy-ben), điểm cao ở Đức-224.

Dung-kéc-210.

Đuyt-xen-đoóc-phơ-865.

E

Éc-bi-xơ, điểm cao ở Pháp-232.

Éc-phuốc-217, 232.

Éc-xi-đây, điểm cao ở Pháp-271.

Éc-xơ - xem *éc-xơ-lơ-Ben*.

Éc-xơ-lơ-Ben, điểm cao ở Pháp-687, 689.

En, sông-233, 234.

En-bơ, đảo-89, 119, 124, 149.

En-bơ, (La-bơ), sông-204, 205, 218, 219, 221-224, 296, 332,

467, 652.

En-phơ-phen-đơ-592.

En-mi-ra-872.

En-xơ-583.

En-xthe-rơ, điểm cao ở Đức-222, 223.

Eo Pa-na-ma-291.

Eo Xuy-ê-632.

Ép-pa-tô-ri-74.

Ê-chiên - xem *Xanh - Ê-chiên*.

Ê-cơ-muy-lơ, điểm cao ở Pháp-83, 392.

Ê-đen-cô-ben, sông-217.

Ê-đin-bốc-550.

Ê-đơ-xhai-mơ, điểm cao ở Đức-217.

Ê-ghe-rơ, sông-651.

Ê-noa, điểm cao ở Tây Ban Nha-323.

Ê-péc-nơ, điểm cao ở Pháp-229.

Ê-ren-brây-xtai-nơ, điểm cao ở Đức-331, 422.

Ê-rép-ru-201, 203.

Ê-ri, hồ ở Mỹ-301.

Ê-sơ (A-đít-giơ), sông-631.

Ê-xli-gơ, điểm cao ở áo-83-88, 91, 171.

Ê-xlinh-ghen-611, 723, 724.

Ê-xpê-lết, điểm cao ở Pháp-324.

Ê-xtrê-ma-đu-ra, tỉnh ở Tây Ban Nha-72.

Ê-tô-giơ, điểm cao pr Pháp-230-231.

Ê-tô-li-a, tỉnh ở Hy Lạp-18.

G

Ga-li-xi-164.

Ga-ghê-nau (A-gnô)-412.

Ga-rxa, sông-382.

Ga-xcô-nhơ, một địa danh lịch sử-448.

Ga-xi-a - *Êc-na-đét*-395.

Gan-đa-mắc-107.

Gây-nau (Hoi-núp)-219, 378.

Ggiát-xơ - 118.

Gì-bran-ta - 240, 632.

Gì-rôn-đơ, một tỉnh ở Pháp-175.

Gia-gđa-lắc-xki (Gia-gđa-lắc), đèo ở Áp-ga-ni-xtan-106.

Gia-mai-ca, đảo-281.

Gia-xtơ-rốp-652.

Giắc-xác-tơ (Xi-rơ - Đa-ri-a)-436.

Giê-la-la-bát - 106, 107.

Giê-nơ-693.

Giê-nơ-voa-712, 720.

Giê-ru-xa-lem-333.

Gioăng-vin, điểm cao ở Pháp-226.

Giơ-ne-vơ - 490-496, 503-508, 510, 514, 521, 524, 529, 531, 533, 537, 538, 544, 548-552, 555, 586, 602, 604, 606, 615, 624, 684, 686, 691, 693, 698, 700-703, 708, 710, 712, 714, 716-721, 723, 725, 737, 749, 754-758, 760-766, 800, 808, 815, 819, 824, 839, 848-852, 855-860, 877, 879, 888, 900.

Giơ-ne-vơ, một bang - 494, 532, 722, 849.

Giốc-xi, một đảo trong quần đảo Noóc-man-529, 566, 840.

Giuốc-đơ-giu-ra, dãy núi ở An-giê-ri-125.

Giuy-lích, điểm cao ở Đức-194, 409.

Ghê-tu-li-a, xứ cổ nằm trên lãnh thổ châu Phi-127.

Ghi-ui (I-ui), điểm cao ở Bỉ-339.

Gla-xgô-670, 750, 894.

Glô-gây (Glô-gúp)-493.

Goa-tê-ma-la-447.

Gô-lơ, một xứ cổ-34.

Gô-lơ thuộc La Mã-34.

Gô-xpôóc-tơ-331.

Gôn-đơ-béc-gơ, một điểm cao ở Đức-222.

Gra-đi-xca-195.

Gra-na-đa-448.

Gra-ních (Coóc-gia-xu), sông-16, 27, 361.

Gra-vơ-339.

Gran-đơ-ruyn, núi ở Tây Ban Nha-325.

Grau-buyn-đen, một bang ở Thụy Sĩ-554.

Grây-phen-ha-ghen (Grư-phi-nô)-247.

Grây-phơ-xvan-đơ-493.

Grô-xơ-Bê-rên, một điểm cao ở gần Béc-lin-205.

Gu-a-na-284.

Guay-a-kin-289.

Guê-li-xơ, điểm cao ở Đức-119.

H

Ha-ghen-797.

Ha-dơ-ni (tấn công năm 1839) (hoạt động quân sự năm 1842)-
97, 102, 103.

Ha-i-ti, đảo ở biển Ca-ra-íp-282.

Ha-lơ - 198, 223, 224.

Ha-vơ-853.

Hạ Ai Cập, vùng-12.

Hạ Pê-ru (Pe-ru)-290.

Hạ Pi-rê-nê, tỉnh-172, 194.

Hạ Sa-răng-tơ (vùng duyên hải), một tỉnh-274.

Hai-đen-béc - 526.

Han-nô-vơ - 139, 197, 546, 612, 630, 644, 673, 675, 682.

Hảo vọng, mũi-356.

Hăm-buốc-142, 149, 150, 176, 218, 332, 561, 647, 869, 870,
893.

Hằng, sông-345.

Hây-lơ-xbéc (Li-đơ-dbác-cơ Bắc-min)-141.

Héc-man-stát (Xi-bi-u)-168.

Hem-pxtét, điểm cao ở gần Luân Đôn-602.

Hen-xin-gboóc-gơ-201.

Hét-xen-682.

Hét-xen - *Cát-xen* (Cuốc-hét-xen), công quốc-560, 673, 675.

Hét-xen - *Đác-mơ-stát*-675.

Hê-le-xpôn-tơ - xem *Đác-đa-nen*.

Hê-rát - 96, 100, 101, 102.

Hi-ma-lay-a, dãy núi - 97.

Hin-đu-cu-sơ, dãy núi-96-97.

Hin-đu-xtan, bán đảo-99, 351.

Hin-men-đơ, sông ở Áp-ga-ni-xtan-97.

Hít-xen-595.

Hoan-gri-e-gô-280.

Hô-en-phri-đê-béc-375, 394.

Hô-hen-linh-đen (Hô-en-linh-đen)-295.

Hô-ra-xan-96, 99, 367.

Hồ Bô-đen-715.

Hồ Giơ-ne-vơ-494, 715, 758.

Hồ Phiếc-van-đơ-stét-709.

Hóch-stét (Huê-stét), một điểm cao ở Ba-vi-e-313.

Hôn-stai-nơ-205, 495, 672.

Hồng Công-783.

Hông-xcốt-tơ (Ông-xcốt)-175.

Huê-khơ-xtơ-225.

Hung-ga-ri-43, 168, 327, 328, 379, 450, 489, 592, 593, 606, 614, 615, 647-651, 654, 662, 671, 676, 699, 783-743, 746, 747, 751, 754, 775, 790, 877, 888, 889, 896, 898, 900.

Hy Lạp-16, 18, 20, 23, 25, 37, 360-363, 400, 434, 466, 640.

I

I-a-đơ (I-a-đơ-Bu-đen), vịnh-634, 672.

I-da-rơ, sông - 83.

I-e-rơ, sông ở Pháp - 231.

I-ê-na - 7170, 198, 218, 236, 459.

I-glau (I-gla-va) - 195.

Ike-rơ-nơ, một điểm cao ở Đức - 787, 789, 796.

I-ra-va-đi, sông- 345, 347, 352.

I-run - 321.

I-van-gô-rốt - 645.

I-xli, một điểm cao ở Ma-rốc - 273-274.

I-xtơ-ri-a, tỉnh-195.

In-gôn-xtát - 412.

In-ke-rơ-man - 58, 173.

In-nơ, sông - 83.

I-stết-tơ, một điểm cao ở Đức-495.

In-xtéc-bua (Trô-rni-a-khốp-xơ) - 117.

K

Kéc-nơ-then - 653.

Ken-331.

Ken-tơ-356.

Kê-xen-đoóc-phơ, một điểm cao ở Đức-375.

Khe Xê-me-nốp-xơ, gần Bô-rô-di-nô-314.

Khốt-si-den-652.

Khu-nin-213.

Ki-en- Đven, sông ở Miến Điện-346.

Ki-tô (Êu-cu-a-đo), tỉnh-280, 289.

Kiéc-ha-im-bô-lan-đen, điểm cao ở Đức-586, 785.

Kiéc-vây-lơ, một điểm cao ở Đức - 217.

Kin - 205.

Kin-ca, một điểm cao ở Pê-ru - 214.

Kin-bu - 476.

Kin-ken-ni - 677.

Kinh-xtơn- 282.

Kít-xin-ghen, một điểm cao ở Ba-vi-e - 311.

Khuê-ních-xbéc (Ca-li-nin-grát) - 347.

Khuê-ních-xvác-ta, một điểm cao ở Đức - 119.

Khuên - 144, 225, 331, 422, 424, 491, 517, 526-530, 536, 538-

543, 551, 559, 567, 568, 571, 731, 769, 801, 808, 859, 862, 863, 866, 867, 882, 895, 909.

L

La Guay-ra - 276, 279.

La Hay - 338.

La Mã, nhà nước và thành phố - 28, 36, 121, 439, 466, 642, 656, 750.

La-phéc-tê-xu - *Gioa-rơ*, điểm cao ở Pháp - 229, 233.

La Phe-rơ, một điểm cao ở Pháp - 249.

La-phê-rơ - *Sam-pen-nu-a-đơ* (Phê-rơ - Sam-pen-nu-a-đơ), điểm cao ở Pháp - 230.

La - Măng-sơ, vịnh - 210, 211, 587, 632, 808.

La-Pla-ta - 291.

La - Pô-pa, ngọn đồi ở Cô-lôm-bi-a - 281.

La - Pu-éc-tô - 279.

La - Rô-chi-e-rơ, điểm cao ở Pháp - 227, 228, 235.

La-vi-li-a-đen - Noóc-tơ - 282.

Lai-pxích - 47 (trận đánh năm 1631), 48, 88 (trận đánh năm 1813) - 118, 142, 145-147, 205, 224-226, 391, 492.

Lai-then (Luy-tin), điểm cao ở Xi-lê-di - 131, 250, 375.

Lam-bét-xa (Lam-bê-đơ) - 127.

Lan-đau - 417.

Lao-tơ-buốc (Lô-the-rbuốc) - 651.

Lào, vùng - 347.

Lau-pen, điểm cao ở Thụy Sĩ - 446.

Lăng - 232, 233, 234.

Lăng-gơ, thành phố và cao nguyên - 232, 234.

Léc-xin-tơ - 460.

Lem-béc-gơ (Lvốp) - 165, 166.

Lép-ctơ-rơ, điểm cao ở Hy Lạp - 22, 93.

Lét, sông - 232, 233.

Lê-ê-vác-đen, một điểm cao ở Hà Lan - 340.

Lê-khơ, sông - 47 (trận đánh năm 1632), 368 (trận đánh năm 955).

Lê-rii-đa - 271.

Lê-ông, đảo - 288.

Lê-xtơ - 337.

Li-be-rô-dơ - 652.

Li-đô - 408.

Li-e-giơ - 339.

Li-ma - 290.

Li-mô-giơ, một điểm cao ở Pháp - 271, 274.

Li-nhi, pháo đài ở Bỉ - 236, 395.

Li-vô-ni - 117.

Li-vóc-pun - 507, 587.

Li-xbon - 208, 209.

Lim-buốc - 339.

Lin-xơ - 84, 422, 424, 651.

Líp-pê - 673.

Lít-va - 140.

Lô, một tỉnh ở Pháp - 170.

Lô-bai, đảo ở Đa-nuýp, gần Viên - 84, 87, 88.

Lô-dan - 542-546, 548, 585, 611, 698, 708, 774, 819.

Lô-đi - 121, 341.

Lô-xơ - Ta-gu-a-nê-xơ - một điểm ở Vê-nê-xu-ê-la - 278.

Lôm-bác-đi - 275, 342, 343, 631, 633, 642, 679, 681, 691.

Lu-gô-giơ - 168.

Lu-i-xvin-tơ - 569.

Luân Đôn - 211, 276, 282, 294, 354, 488, 489-492, 496, 497, 505, 507, 516, 522, 525, 527-531, 533, 542, 549, 553, 560, 565-570, 578, 579-584, 599, 602, 604-612, 614-620, 623, 624, 633, 644, 648, 661, 719, 735, 739-750, 773, 777, 778, 780-784, 799, 800, 803-806, 808, 810, 817, 819, 822, 832, 838, 840, 841, 850, 858-870, 873-877, 879-884, 890-896, 898-901, 903-906, 908, 912.

Lúc-xăm-buốc - 217.

Luy-ben - 652.

Luy-bếch - 652.

Luy-bếch - 198, 216-218.

Luy-tơ-xen ở Dắc-den - 47 (trận đánh năm 1632) - 170, 171

(trận đánh năm 1813) - 219, 225, 378.

Ly-ông.

M

Ma-a-xtơ-rích - 194 (cuộc bao vây năm 1794), 338 (cuộc bao vây năm 1673).

Ma-đây-ra, đảo - 356.

Ma-đrít - 170, 215, 275.

Ma-in-xơ - 225, 226, 232, 331, 673, 784.

Ma-ni-pua - 345.

Ma-ra-cai-bô - 290, 292.

Ma-ra-tông - 15, 16, 17, 91.

Ma-ren-gô - 122, 170, 295.

Ma-ri-nhi-a-nô (Ma-len-nhi-a-nô) - 43, 243.

Ma-rốc - 125, 273, 633.

Ma-ni-rin - 281.

Ma-xê-đoan, địa danh lịch sử - 435.

Ma-xơ, sông - 339.

Mác-cơ, điểm cao ở Ve-xtơ-pha-li - 792-795.

Mác-đơ-buốc - 223, 332.

Mác-ga-ri-ta, đảo - 280-283, 287.

Mác-khphen-đơ, vùng - 83-86.

Mác-nơ, sông - 228-233.

Mác-tô-xơ - 240.

Mác-xây - 175, 740.

Mác-xtôn-mua, một điểm cao ở Anh - 373.

Mai-nơ, sông - 673.

Mai-nơ Trắng, sông - 673.

Man-đa-lơ, ngọn đồi ở Tây Ban Nha - 324.

Man-hem - 226, 339.

Man-mi-ô - 589, 791.

Man-plắc-cơ, một điểm cao ở Bỉ - 247, 456.

Man-se-xtơ - 494, 549, 564, 609, 610, 613, 748, 803, 805-808, 907, 910.

Man-ta, đảo - 632.

Man-ti-nây-a, một thành phố ở Hy Lạp thời Cổ - 22, 93.

Mát-xơ-va - 106, 119, 123, 203, 314, 320, 509.

Mát-xơ-va, sông - 314.

Mau-tơ Va-la-sri-xơ - 125.

Măng-tu - 341.

Mây-xen - 223.

Me-ri, một điểm cao ở Pháp - 232, 235.

Méc-dê-buốc-gơ - 368.

Mét-xơ - 172, 424.

Mê-dê-rít-xơ (Men-đầu-giếch) - 652.

Mê-di-e-rơ - 418.

Mê-di-na-dơ Ri-ô - Xê-cô - 170.

Mê-hi-cô - 191, 291, 398.

Mê-la, sông - 342.

Mê-la, tỉnh - 343.

Mê-tít-gia, đồng bằng ở An-giê-ri - 128.

Méch-clen-bua - 203, 673, 675, 682.

Méch-clen-bua - *Sve-rin* (Méch-clen-bua), lãnh thổ - 216.

Mu-ca-lơ (Xam-xun - Đa-gơ), mũi - 15.

Mi-la-nô - 121, 195, 407, 667, 772, 741.

Miến Điện - 345 - 354.

Miền bình nguyên Bắc Đức - 628, 672.

Min-si-ô, sông - 604, 790.

Mít-xếch, công quốc ở Anh - 880.

Moóc-shai-mơ, điểm cao ở Đức - 218.

Mô, điểm cao ở Pháp - 233.

Mô-den, sông - 226.

Mô-đê-na - 631.

Mô-giai-xơ - 314, 315, 318.

Mô-ha-me-đi-a - 240.

Mô-na-gan, khe ở Ca-bi-li-a - 172.

Mô-ra-vi - 649-654, 6721, 676, 678.

Mô-run-ghen (Mô-rôn-gơ), điểm cao ở Ba Lan - 198.

Mô-xta-ga-nem - 132.

Môm-pô-xơ, một điểm cao ở Cô-lôm-bi-a - 287.

Môn-bô-dôn - 176.
Môn-đa-vi-a (Môn-đô-va) - 168, 638, 639, 643, 666, 670, 672.
Môn-đô-va, sông - 651.
Môn-đô-vi - 121.
Môn-tê-can - 287.
Môn-tê-rô, điểm cao ở Pháp - 231.
Môn-vi-xơ (Ma-luy-ô-vi-xơ) - 50, 374.
Mông-mác-tơ-rơ - 235.
Mông-mi-rai, điểm cao ở Pháp - 229, 230, 231.
Mông-xê-ni, đèo ở An-pơ - 686, 695.
Mốt-lin (Ghê-oóc-ghi-ép-xơ Mối) - 645.
Mu-rơ, sông - 84.
Mun-đơ, sông - 223, 224.
Muốc-tanh - 518-522, 525, 526, 547, 802, 815, 837, 857.
Muyn-hau-den - 217.
Muyn-sen - 494, 651.
Muyn-xtơ - 217, 794.
Muyéc-ke-rơ, một điểm cao ở Đức - 224.
N
Na-mua - 339.
Na-plơ - 59, 632, 642.
Na-pô-li-đi - *Rô-ma-ni-a* (Náp-pli-ông) - 408.
Na-rép, sông - 141.

Na-va-rin - 641.
Na-um-buốc - 198.
Nan-xi - 561, 653.
Nây-dơ-bi - 373.
Nét-xơ (Nô-te-xơ), sông - 652.
Nê-ben, con suối ở Ba-vi-e - 311.
Nê-mi-rốp, điểm cao ở U-cra-na - 639.
Ni-đéc - Crai-nơ - 221.
Ni-e-bia - 239-241.
Ni-ê-man, sông - 140, 295.
Ni-nê-vi-a, thành phố Cổ - 399.
Ni-ông - 735.
Ni-xơ - 524, 604, 680, 682, 690-694, 709, 711-716, 718, 729.
Nin, sông - 11, 97.
Nim-ve-ghen (Nây-mê-ghen) - 339.
Niu-Oóc - 498, 529, 540, 564, 583, 603, 746, 840, 869, 870, 883.
Niu-Oóc, bang - 872.
Nô-giăng - 299.
Nô-va-ra - 370.
Nôi-vít - 759.
Nôi-xơ (Ni-xa - Lu-gi-sca), sông - 221, 222.
Nơ-sa-ten - 122, 123, 684, 724.

Nu-mi-đi-a, xứ cổ ở Bắc Phi - 34.

Núi Đen, sông - 173.

Nuyéc-nơ-béc-gơ - 598, 651.

O

Oa-sinh-ton - 870.

Oa-téc-lô - 86, 88, 89, 119, 177, 182, 236, 378, 390, 393, 395.

Oa-tơ-phoóc-công quốc - 357.

Oen-xơ - En-đơ, vùng ở Luân Đôn - 602, 774.

Oóc-đan, điểm cao ở Tây Ban Nha - 271.

Oóc-tê-dơ, điểm cao ở Pháp - 357.

Ô-ca-ni-a, điểm cao ở Cô-lôm-bi-a - 291, 292.

Ô-cu-ma-rơ, điểm cao ở Vê-nê-xu-ê-la - 282.

Ô-đen-van - 511.

Ô-đét-xa - 492.

Ô-phen (Ô-phen Cổ) tiếng Đức gọi là Ba-da - 326.

Ô-ran - 128, 134, 135.

Ô-ran, tỉnh - 135, 272.

Ô-ri-nô-cô, sông - 285, 294.

Ô-xmi-a-nư, điểm cao ở gần Vin-nô (Vin-nhút) - 140.

Ô-xtec-lít (Xla-vcốp) - 159, 170, 197, 217, 660.

Ô-xten-đơ - 774.

Ô-xơ-rây-li-a - 554, 659.

Ô-xơ-rô-len-ca - 165.

Ốc-xphốt - 236.

Ốc-xu-xơ (A-mu - Đa-ri-a) - 27.

Ô i-ác-xun - 321, 322.

Ôn-đen-buốc - 6783, 682.

Ôn-ta-ri-ô, hồ ở Mỹ - 302.

Ốp, sông - 227, 228, 232.

Ốt-sa-cốp - 139.

P

Pa-đun-gơ, tỉnh - 350.

Pa-na-ma - 291.

Pa-ri - 89, 124, 134, 148, 149, 165, 172, 174-177, 195, 200, 201, 205, 220, 226-229, 232, 233, 236, (Hiệp ước năm 1814), 271, 275, 292, 424, 427, 492, 495, 500, 502, 504, 508, 509, 526-533, 537, 541, 558, 568, 569, 577, 586, 602, 631, 635, 636, 644, 660, 662, 664, 666, 668, (Hoà ước năm 1856), 666, 679-684, 686, 694, 700, 708-712, 714, 716, 718, 727, 735, 740-743, 746, 756, 758-761, 765, 784, 786, 801-805, 808, 822, 838, 840, 859, 862-865, 869, 881, 883, 887, 889.

Pa-rô-pa-mi-xơ, dãy núi - 97.

Pa-vi-a-44, 78, 448.

Pa-xtô - 280, 289.

Pác-ma-631.

Pác-tơ, sông ở Dắc-đen-225.

Pam-pa-ta, điểm cao ở đảo Mác-ga-ri-ta - 282.
Pam-plô-na, điểm cao ở Cô-lôm-bi-a-287.
Pam-plô-na, điểm cao ở Tây Ban Nha-321.
Pen-giáp-96, 99, 101.
Pét, phần tả ngạn sông của Bu-đa-pét hiện nay-166, 326, 329, 747, 887.
Pê-gu, thành phố và tỉnh ở Miến Điện-345, 352.
Pê-ni-a-đơ-Ai-a, núi ở Tây Ban Nha-322.
Pê-ru-213, 214, 289, 290, 294.
Pê-rút-gia-41.
Pê-téc-bua xem *Xanh-pê-téc-bua*
Pê-téc-xbéc, điểm cao ở Đức-224.
Pê-xa-vác - 97, 99, 101, 106, 108.
Pê-xke-ra-424.
Phác-xi-xtan (Phác-xơ), địa danh lịch sử - 14.
Phe-ti-ô-234.
Phéc-mô-pin, đường trên núi ở Hy Lạp -15, 91.
Phen-đơ-kiếc-sơ-686.
Phét-xa-li, địa danh lịch sử-19, 32, 361.
Phê-nê-xơ-ren-lơ - 686, 695.
Phê-ni-xi, xứ cổ ở Cận Đông-466.
Phi-líp-vin-135.
Phi-mơ-230, 233, 234.

Phi-sau (Bát-Phi-sau) - 165.
Phi-u-mê (Ri-e-ca)-749.
Phích-ten, dãy núi-673.
Phlan-đơ, địa danh lịch sử-210, 211, 311, 338, 339, 444.
Phlơ-ruýt - 194. (trận đánh năm 1794)- 338.
Phoóc-nô-vô (Phoóc-nô-vô-đi - Ta-rô), điểm cao ở I-ta-li-a-243.
Phô-xi-ni-691, 711, 712, 715, 719, 879.
Phốc-san-nư-639.
Phông-ten - I'Ê-vec, điểm cao ở Bỉ-149.
Phông-tơ-noa, điểm cao ở Bỉ-93.
Phran-phuốc trên sông Mai-nơ-146, 550, 561, 580, 590, 597, 698, 733, 772, 781, 783, 798, 863, 905.
Phran-phuốc trên sông Ô-đê-247.
Phrau-stát (Bxơ-khô-va)-492.
Phrây-buốc-520.
Phrê-đê-rích-stát-205.
Phri-đrích-xham (Ha-mi-na)-201.
Phri-xlan-đơ, tỉnh-338, 340.
Phrít-lan-đơ, (Práp-đin-xơ)-141, 170, 253.
Phu-en-te-ra-bia-321.
Phủ Khai Phong (Khai Phong)-179, 238.
Pi-các-đi, địa danh lịch sử-448.
Pi-ê-mông-175, 176, 381, 457, 631-634, 653, 659, 667, 670,

679, 682, 686-691, 708-715, 722, 726, 765.

Pi-rê-nê, dãy núi-170.

Pi-u - Ghi-ôm, điểm cao ở Pháp-240.

Pi-xtôi-a-41.

Piéc-ma-den-254.

Pla-tây (Pla-tây-a), thành phố Cổ ở Hy Lạp-15, 18, 22, 91.

Pla-xen-xi-a (Pi-a-sen-xa)-366.

Plôm-bi-éc-662, 691, 692, 708, 715.

Poóc-tơ - ô-Pren-282.

Poóc-xmút - 331, 422.

Pô, sông-604, 787, 895.

Pô, thành phố ở Pháp-172, 194.

Pô-dơ-nan - 646, 648, 676.

Pô-mê-ra-ni - 202, 217, 218.

Pô-txan-lô, điểm cao ở I-ta-li-a-176.

Pôn-tê-cô-rvô, điểm cao ở Pháp-200.

Pphan-xơ - 507, 586, 593, 861.

Pra-ha - 651.

Pra-dnít-xơ (Pru-xít-xơ), điểm cao ở Xi-lê-di-220.

Prê-xéch, điểm cao ở Pháp-170.

Proi-xi-sơ - Ấy-lau (Ba-gra-ti-ô-nốp-xơ)-117, 140, 141, 170.

Prô-mê - điểm cao ở Miến Điện-349.

Prút, sông-118.

Pruym, điểm cao ở Đức-507.

Pu-a-chi-ê, điểm cao ở Pháp (trận đánh năm 1356) (trận đánh năm 732)-39 (trận đánh năm 1356), 91, 368 (trận đánh năm 732).

Pu-éc-tô - Ca-be-li-ô - 276-279, 288-291.

Pu-nô - 214.

Pun-tu-xơ, 141.

Q

Quần đảo A-lăng-355.

Quần đảo Hê-bơ-rít-212.

Quần đảo I-ô-niêng-632.

Quần đảo Oóc-nhây-212.

Quy-lô-dơ - 687, 689.

Quy-ra-xao, đảo - 277, 284.

Quy-ta-khi-a-649, 738, 742.

Quy-tơ-rin (Cô-xtơ-rin)-409.

R

Ra-áp (Đi-ốp)-753.

Ra-stát - 196, 424, 582, 869, 873.

Ra-tê-cau-198, 218.

Rai-sen-bắc-220.

Ram-ri-út, điểm cao ở Pháp-228.

Ran-ti, điểm cao ở Pháp-243.

Ranh, sông-36, 188, 196, 225, 226, 232, 339, 311, 339, 507,

513, 536, 604, 629, 664, 676-683, 687, 699, 715, 723-726, 787, 895.

Rem-xơ - 231-235.

Rê-ghen-xbuốc-83, 123, 651.

Ri-ma-xôm-bát (Ri-máp-xca - Xô-bô-ta)-753.

Ri-mi-ni-243.

Ri-pắc-171.

Ri-u-ghen, đảo - 176, 216.

Ri-vô-li-121, 170, 175.

Rô-chi-e-rơ - xem *La-Rô-chi-e-rơ*.

Rô-ma-nhơ-642.

Rô-ve-re-tô, điểm cao ở I-ta-li-a-170.

Rô-xbắc-375, 385.

Rô-xtốc-216, 237.

Rôn, sông-177.

Ru-ma-ni-669.

Rua-rmôn-đơ-339.

S

Sa-lon-230, 231, 388, 660.

Sa-ti-ông-227, 228.

Sa-tô-Chi-e-ri-229, 230, 231-233.

Sác-lơ-roa-149.

Sam-pô-béc, điểm cao ở Pháp-229, 230, 231.

Sáp-lơ-691, 711, 712, 715, 720, 879.

Săm-be-ri-687, 689.

Se-xtơ-337, 567.

Séc-bua-422, 749.

Séc-sen-127.

Séc-xbua (Xi-ghi-xô-a-ra)-168.

Sép-phin-874, 894.

Sê-len-béc, núi ở Ba-vi-e-311.

Sê-líp-phơ (U-ết-Sê-líp-phơ), sông ở An-giê-ri-125.

Si-vi-ta - *Vê-ki-a*-656.

Sin-đa (Sin-đây), điểm cao ở Đức-767.

Slác-ten, điểm cao ở gần Béc-lin-176.

Slét-stát (Xi-lê-xta)-412.

Slê-dơ-vích-205.

Slê-dơ-vích - *Hôn-stai-nơ*-507, 643.

Slô-xbéc (Sa-stin)-326.

Snen-lơ - *Đây-kh xen* (Xcô-ra), sông ở Xi-lê-di-221.

Sô-me-nin, điểm cao ở Pháp-227.

Sô-mông-226, 235.

Span-đau-589.

Spây-ơ-bác (Spây-éc), sông ở Ba-vi-e-115.

Sơ-luy-ghen, đèo trên núi ở An-pơ-687.

Sprê, sông-781.

Stết-tin (Sê-xin)-203, 218, 236.

Sti-ri-a-652.

Stôn-pê-652.

Stơ-ran-đun-đơ-204.

Stơ-gi-gâu (Ctơ-sê-gôm)-375.

Stút-gat-598, 731.

Svác-xvan-đơ, dãy núi-582.

Svây-đơ-nít-xơ (Xvi-đơ-ni-xơ)-219.

Su-ki-xa-ca (Xu-crê), tỉnh ở Bô-li-vi-a-214.

Suên-brun-200, 666.

T

Ta-ba-xcô-398.

Ta-li-a-men-tô, sông ở I-ta-li-a-195.

Ta-phna, sông ở An-giê-ri-272.

Tác-nốp (Tác-núp)-164.

Tác-ra-gô-na-271.

Tân Gra-na-đa (Cô-lôm-bi-a), cộng hoà-277, 280, 282, 285-288, 294.

Tân Tây Lan-399.

Tân Xcôt-len-356.

Tây Ấn-356.

Tây Tạng-345.

Tét-xin, bang ở Thụy Sĩ-687, 722.

Tê-din-107.

Tê-mê-sva-ra (Ti-mi-sô-a-ra)-168.

Tê-m-dơ, sông-777.

Thái Bình Dương-575.

Thoóc-nơ (Tô-ru-ni)-118, 198.

Thung lũng Đáp-pơ-684, 685.

Thượng A-xam-375.

Thượng En-ga-din, địa hạt ở Thụy Sĩ-554.

Thượng Pê-ru - xem *Bô-li-vi-a*.

Thượng Sva-ben, công quốc-675.

Ti-pe-ra-345.

Ti-rôn-83, 341, 634, 653.

Tiểu Á-36, 359, 361.

Tiểu Ben-tơ, eo biển - 117.

Tiểu Ca-bi-li-a xem *Ca-bi-li-a*.

Tiểu Nga - xem U-cra-i-na.

Tin-đít (Xô-vét-xơ) - 142, 198, 219.

Tỉnh Đa-nuýp thuộc Đế chế La Mã-36.

Tỉnh La Mã-200.

Tỉnh Ranh - xem *Vùng Ranh*.

Tỉnh Ranh-145, 579, 580, 813, 890.

Tít-si-nô (Tét-xin), sông-364-366.

Tlem-xen-127, 132.

Toóc-hai-332.

Toóc-tô-xa-271.
Tông-nông (Tông-nông-lơ-Ben)-717, 718.
Tô-re-xơ - Ve-đra-xơ (Tô-ri-giơ - Ve-đra-sơ)-429.
Tô-xca-nơ, vùng-41, 710.
Tông-hô-349.
Tơ-ra-pê-dun-đơ (Tơ-ra-bơ-dôn)-744.
Tơ-ran-xin-va-ni-166, 168, 671, 751.
Tơ-ria-504, 730, 890.
Tơ-roa-335.
Tơ-roay-ơ-228, 232.
Tra-khen-béc (Gi-mi-grút)-203-205.
Tra-na-226.
Tra-rbắc (Tra-ben-tra-rbắc)-339.
Tréc-kê-xi-606, 647, 653, 743-746, 752.
Tréc-khi-a, địa danh lịch sử-195, 219, 222, 379, 649-654, 671, 675-678.
Trê-bi-a, sông-365.
Tri-pê-va-93.
Trin-poóc, điểm cao ở gần Pa-ri-230.
Tru-khi-li-ô-167.
Trung - Ấn, bán đảo-398.
Trung Quốc - 179, 238, 239, 348, 349, 351, 353, 482.
Tu-lông-177, 356, 667.

Tu-lu-dơ-357.
Tu-rin-175, 249, 408, 524, 649, 691, 693, 711, 735, 749, 750.
Tun-ha-280, 286.
Tuốc-gau, bang ở Thụy Sĩ-599, 684, 709.
Tuy-ni-di, thành phố và đất nước-125.
Txa-re-vô - Dai-mi-sơ-315.
U
U-đi-nơ-195.
U-cra-i-na-380.
U-mê-ô-117.
U-rô-ni-e-324.
U-ti-xa, điểm cao ở gần Bô-rô-di-nô-314,315.
U-si-la-Vin, điểm cao ở Pháp-230.
U-si-lơ-Sa-tô, điểm cao ở Pháp-233.
Ui-xbích-740.
Un-mơ-122, 412, 424.
Uốc-bi-nô-408.
Uốc-cơ, sông-233.
Uốc-đắc-xơ (Uốc-đa)-324.
V
Va-át-tơ (Vô), một bang ở Thụy Sĩ-735, 761.
Va-gơ, sông-754.
Va-gram-123, 192, 198, 253, 270, 392.

Va-khau, điểm cao ở Đức-392.

Va-la-khi-1767m 638, 641, 644, 666, 670, 671.

Va-lan-gien, điểm cao ở Thụy Sĩ-122.

Va-len-xi-a-279, 283, 288, 289.

Va-li-a-đô-lít-170.

Va-ra, sông - 177.

Vác-đi-ô, đảo ở vịnh Bốt-ni-a-355.

Vác-na - 81.

Vác-sa-va-140, 148, 164, 165 (tấn công năm 1831)-643 (ký kết hiệp định năm 1850)-645.

Vác-ten-buốc-223.

Van-đây, một tỉnh-120.

Van-đếch, điểm cao ở Đức-673.

Van-đơ-xbéc-772, 775.

Van-khe-ren, đảo-170, 200.

Van-stát (Le-gnít-xơ Pô-le), điểm cao ở Xi-lê-đi-369.

Vây-đen-than, điểm cao ở Đức-217.

Vây-ken, điểm cao ở Hà Lan-341.

Vây-xen-béc-225.

Vây-xen-buốc (Vi-xam-buốc)-429.

Ve-ra-321, 322, 323.

Ve-xtơ-pha-li, tỉnh-675, 676, 681, 787, 793, 797.

Véc-chi-u-229.

Véc-xây, ngoại ô Pa-ri - 120.

Ven, sông-233.

Ven-tô-339.

Vét-tin - 223.

Vê-nê-xu-ê-la-275, 276, 279, 281, 282, 285-292.

Vê-rô-na - 342-346, 405, 424, 429, 631, 640.

Vi-a-ma-la, đèo trên núi ở An-pơ-687.

Vi-e - *Mê-đôn*-230.

Vi-ta-gô-sơ (Si-ri-a)-751.

Vi-la-phran-ca (Vin-phran-sơ), điểm cao ở Pháp-634.

Vi-la-phrăng-ca, điểm cao ở I-ta-li-a-631, 679, 681, 709, 749, 896.

Vi-pho-rơ, điểm cao ở Pháp-230.

Vi-tô-ri-a, điểm cao ở Tây Ban Nha-326, 357.

Vi-tô-ri-a, điểm cao ở Vê-nê-xu-ê-la-276, 278.

Vi-xla, sông-645, 652.

Vi-tơ-ri, điểm cao ở gần Pa-ri-235.

Viên -83, 88, 144, 147, 148, 165, 196, 199, 326, 328, 420 (cuộc phòng thủ năm 1683), 550, 551, 569, 609, 630 (hiệp ước bí mật năm 1815), 651, 661, 751, 753, 776, 783, 879.

Vin-nô (Vin-nhút)-139.

Vin-se-xtơ, điểm cao ở Anh-337.

Vịnh Bốt-ni-a-117, 293.

Vịnh Ca-la-mít-74.

Vít-ten-béc-224, 332.

Vô-cu-li-ốp, điểm cao ở Pháp-226.

Vô-e-vô-đi-na, vùng-751.

Vô-he-dơ-226.

Vô-li-a, điểm cao ở gần Vác-sa-va-165.

Vô-lưn-380.

Vô-san, điểm cao ở Pháp-231.

Vôi-na, sông ở gần Bô-rô-di-nô-318.

Vôn-ga-xtơ-203.

Vôn-ta, sông-175-177.

Vơ-ni-dơ - một thành phố và một nước cộng hoà -343, 408, 631, 633, 666, 667, 691.

Vu-li-gtơ, ngoại ô Luân Đôn-308.

Vu-xtơ, điểm cao ở Anh-337.

Vuyéc-tem-béc-536, 675.

Vuyéc-xbuốc-375.

Vùng Pét-326.

Vùng Ranh-493, 644, 676-683, 724, 729.

Vùng Ranh thuộc Phổ - xem Tỉnh Ranh.

Vùng duyên hải Pô-me-ra-ni-652.

X

Xa-bôn-sơ (Xa-bôn-sơ - Xát-ma) vùng ở Hung-ga-ri-889.

Xa-ha-ra-125.

Xa-la-man-ca, thành phố và tỉnh-170, 357.

Xa-lu-en, sông ở Miến Điện-346.

Xa-mô-xơ-23.

Xa-ra-gốt, thành phố và tỉnh-240.

Xa-rơ, sông-226.

Xa-voa-524, 604, 680, 687-694, 707-716, 718-722, 724, 726, 729, 762, 879.

Xác-đi-ni - xem Pi-ê-mông.

Xác-đi-ni, đảo-693.

Xan-Các-lốt, điểm cao ở Nam Mỹ-287.

Xan Ma-te-ô, điểm cao ở Vê-nê-xu-ê-la-276.

Xan-Mác-xi-an, dãy núi ở Tây Ban Nha-322, 324.

Xan-Pê-đrô, điểm cao ở Nam Mỹ-275, 293.

Xan-Phéc-nan-đô trên sông A-pu-rê (Xan-Phéc-nan-đô)-287, 288.

Xan-ta-Ma-rta-275, 280, 281.

Xan-tan-đê-rơ-212, 286.

Xan-xơ-148, 231.

Xanh-Béc-na-rơ - xem *Xanh Béc-na-rơ Lớn*.

Xanh Béc-na-rơ Lớn, đườn trên núi ở An-pơ-686.

Xanh-Ble-đơ, điểm cao ở Thụy Sĩ-723.

Xanh - Đì-gle-235.

Xanh Đơ-ni, điểm cao ở Bỉ-338.
 Xanh - Ê-chiên-683.
 Xanh - Ê-len, đảo - 118, 177, 196.
 Xanh - Ê-li-e (Xanh Huê-li-e)-566, 649.
 Xanh - Giảng - d'A-crơ (Ác-ca)-170.
 Xanh-Giăng-dơ - Li-út-321, 323.
 Xanh - Lê-ô-nác-xơ, điểm cao ở ANh-614.
 Xanh - Pê-téc-bua-140, 165, 203, 783.
 Xanh - Xê-ba-xchiên-321, 323.
 Xanh - U-an, điểm cao ở Pháp-229.
 Xao-hem-tơn, điểm cao ở Anh-739.
 Xây-xtan-97.
 Xcốt-len-78, 79, 212, 301, 470, 746.
 Xéc-bi-641, 678.
 Xen, sông-229, 231, 236.
 Xê-dan - 229, 233.
 Xê-gét, điểm cao ở Hung-ga-ri-738.
 Xê-me-nốp-xơ, điểm cao ở gần Bô-rô-di-nô-253, 316-320.
 Xê-nép, điểm cao ở Bỉ-338.
 Xê-va-xtô-pôn-74, 77, 183, 261, 422.
 Xi-lê-di-40, 216, 219, 220, 369, 374, 644, 650-654.
 Xi-ra-cu-giơ-20, 330.
 Xi-ri-36, 632, 633.

Xi-xin, đảo-466, 632.
 Xiêm (Thái Lan)-351, 352.
 Xim-plông, đèo-686, 712, 879.
 Xin-dơ-96, 102.
 Xin-tơ-ra, điểm cao ở Bồ Đào Nha-356.
 Xlô-va-ki-751.
 Xmô-len-xơ-118.
 Xnéch, điểm cao ở Hà Lan-341.
 Xoóc-nơ-đoóc-phơ-375, 394, 555.
 Xô-lư, điểm cao ở gần Vin-nô (Vin-nhút)-140.
 Xô-muy-rơ, điểm cao ở Pháp-124.
 Xôm-pi-út, điểm cao ở Pháp-229.
 Xpác-tơ-15, 20, 21, 431, 432, 433.
 Xti-ven-xu-ê-rtơ-340.
 Xtốc-khôn-194, 198, 201, 202, 206, 873.
 Xtơ-ra-xbua-331, 409, 412, 495, 499, 526, 667, 778, 863.
 Xtư-rơ, sông ở I-ta-li-a-686, 695.
 Xu-át-xông, điểm cao ở Pháp-233, 235.
 Xuy-rích-525, 549, 555, 578, 582, 600, 611, 721.
 Xvê-a-boóc-gơ (Xu-ô-men-lin-na)-183, 185, 202, 204, 264, 476.

Mục lục*	
Lời nhà xuất bản	7
PH. ĂNG-GHEN, Quân đội (Army)	11
PH. ĂNG-GHEN, Sĩ quan tùy tùng (Adjutant)	70
PH. ĂNG-GHEN, An-bu-ê-ra (Albuera)	72
PH. ĂNG-GHEN, An-ma (Alma)	74
PH. ĂNG-GHEN, ác-kê-bút (Arquebuse)	78
PH. ĂNG-GHEN, Ê-ri (Airey)	81
PH. ĂNG-GHEN, A-xpéc-nơ (Aspern)	83
PH. ĂNG-GHEN, Tấn công (Attack)	89
PH. ĂNG-GHEN, áp-ga-ni-xta (Afganistan)	96
PH. ĂNG-GHEN, Vật chướng ngại (Abatis)	109
PH. ĂNG-GHEN, Phương pháp bố trí pháo trên nền cao (Barbette)	110
PH. ĂNG-GHEN, Pháo đài (Bastion)	112
PH. ĂNG-GHEN, Lưỡi lê (Bayonet)	115
C. MÁC và PH. ĂNG-GHEN, Bác-clai-dơ-Tô-li (Barklay De Tolly)	117

* Trong ngoặc là đầu đề viết theo tiếng nguyên bản được công bố trên tờ "New American Cyclopaedia".

C. MÁC, Béc-ti-ê (Berthier)	120
PH. ĂNG-GHEN, An-giê-ri (Algeria)	125
PH. ĂNG-GHEN, Dạn được (Ammunition)	137
C. MÁC và PH. ĂNG-GHEN, Ben-ních-xen (Bennigsen)	139
C. MÁC, Bli-um (Blum)	144
C. MÁC, Buốc-ri-en-nơ (Bourrienne)	148
PH. ĂNG-GHEN, Giáp chiến (Battle)	150
PH. ĂNG-GHEN, Khẩu đội (Battery)	155
PH. ĂNG-GHEN, Đóng quân ngoài trời (Bivouae)	158
PH. ĂNG-GHEN, Tắm che (Blindage)	160
PH. ĂNG-GHEN, Bô-nét (Bonnet)	162
C. MÁC và PH. ĂNG-GHEN, Bem (Bem)	164
C. MÁC, Bet-xi-e-rơ (Bessieres)	170
C. MÁC và PH. ĂNG-GHEN, Bô-xkê (Bosquet)	172
C. MÁC, Bruyn (Brune)	174
PH. ĂNG-GHEN, Dạn trái phá (Bomb)	178
PH. ĂNG-GHEN, Pháo thủ (Bombardier)	181
PH. ĂNG-GHEN, Pháo kích (Bombardment)	182
PH. ĂNG-GHEN, Pháo thuyền (Bomb-ketch)	184
PH. ĂNG-GHEN, Pháo hạm (Bomb-Vessel)	185
PH. ĂNG-GHEN, Công sự chống đạn trái phá (Bomb-Proof)	186
PH. ĂNG-GHEN, Cầu quân sự (Bridge Military)	188
C. MÁC, Béc-na-đốt-tơ (Bernadotte)	194
C. MÁC, Ác-ma-đa (Armada)	208
C. MÁC và PH. ĂNG-GHEN, A-i-a-cu-sô (Ayacucho)	213
C. MÁC và PH. ĂNG-GHEN, Bluy-khơ (Blücher)	216
PH. ĂNG-GHEN, Pháo binh (Artillery)	238

- C. Mác, Buy-giô (Bugeaud) 271
 C. Mác, Bô-li-va-rô-i-Pôn-tê (Bolivar y Ponte) 275
 PH. ĂNG-GHEN, Chiến dịch (Campaign) 295
 PH. ĂNG-GHEN, Đại uý (Captain) 297
 PH. ĂNG-GHEN, Các-bin (Carabine) 299
 PH. ĂNG-GHEN, Pháp Ca-rông (Carronade) 301
 PH. ĂNG-GHEN, Đạn ria (Case shot) 303
 PH. ĂNG-GHEN, Đạn cháy (Carcass) 306
 PH. ĂNG-GHEN, ống thuốc súng (Cartridge) 308
 PH. ĂNG-GHEN, Béc-mơ (Berme) 310
 PH. ĂNG-GHEN, Blen-hai-mơ (Blenheim) 311
 PH. ĂNG-GHEN, Bô-rô-di-nô (Borodino) 314
 PH. ĂNG-GHEN, Bi-đa-xô-a (Bidassoa) 321
 PH. ĂNG-GHEN, Bu-đa (Buda) 326
 PH. ĂNG-GHEN, Công sự đầu cầu (Bridge-head) 331
 PH. ĂNG-GHEN, Máy phòng (Catapult) 333
 PH. ĂNG-GHEN, Trại dã chiến (Camp) 334
 PH. ĂNG-GHEN, Cu-khuốc-nơ (Cochoorn) 338
 PH. ĂNG-GHEN, Bre-si-a (Brescia) 341
 PH. ĂNG-GHEN, Miến Điện (Burman) 345
 PH. ĂNG-GHEN, Bô-mác-xun-đơ (Bomarsund) 355
 C. MÁC và PH. ĂNG-GHEN, Bê-re-xphôt (Beres-ford) 356
 PH. ĂNG-GHEN, Kỵ binh (Cavalry) 359
 PH. ĂNG-GHEN, Xây công cụ (Fortification) 398
 I. Công sự lâu dài 398
 II. Vây đánh 425
 III. Xây công sự dã chiến 428
 PH. ĂNG-GHEN, Bộ binh (Infantry) 431

- I. Bộ binh Hy Lạp 431
 II. Bộ binh La Mã 437
 III. Bộ binh thời Trung cổ 442
 IV. Sự phục hưng của bộ binh 446
 V. Bộ binh thế kỷ XVI và XVII 449
 VI. Bộ binh thế kỷ XVIII 455
 VII. Bộ binh trong thời kỳ cách mạng Pháp và trong thế kỷ XIX 460
 PH. ĂNG-GHEN, Hải quân (Navy) 466
 C. Mác, "Ngài Phô-gtô" 483
 Lời nói đầu 487
 I. Bảng nhóm lưu hoàng 490
 II. Những người thợ làm bàn chải 503
 III. Hành động kiểu cảnh sát 516
 1. Sự tự thú 517
 2. Đại hội cách mạng ở Muốc-tanh 519
 3. Séc-van 526
 4. Vụ án những người cộng sản ở Khuên 538
 5. Ngày lễ chính của các hội giáo dục công nhân Đức ở Lô-dan 543
 6. Những vấn đề khác 549
 IV. Thư của Tê-khốp 553
 V. Nhiếp chính đế quốc và bá tước Pphan-xơ 585
 VI. Phô-gtô và "Neue Rheinische Zeitung" 588
 VII. Chiến dịch Au-xbuốc 599
 VIII. Ông Phô-gtô Đa-Đa và những nghiên cứu của ông ta 627
 IX. Cơ quan đại diện 697
 X. Những kẻ bảo trợ và những tông phạm 737

- XI. Một vụ án 799
- XII. Phụ lục 848
1. Việc trục xuất Si-li khỏi Thụy Sĩ 848
 2. Đại hội cách mạng ở Muốc-tanh 857
 3. Séc-van 858
 4. Vụ án những người cộng sản ở Khuên 859
 5. Vu khống 869
 6. Chiến tranh giữa chuột và ếch 871
 7. Luận chiến chống Phan-mốc-xtơn 874
 8. Tuyên bố của ông A.Séc-tơ 875
 9. Bài của Blin-đơ trong tờ "Free Press" 877
 10. Thư của ngài Oóc-ghét 877
 11. Thông tri chống C.Blin-đơ 878
 12. Affidavit của Phuê-ghe-lơ 879
 13. Affidavit của Vi-ê 880
 14. Trích các văn kiện tố tụng 881
 15. Các cuốn sách nhỏ của Đan-tiu 885
 16. Bổ sung 887
- a) Các Phô-tơ và công ty "Xi măng" 887
 - b) Cô-sút 888
 - c) ét-mông A-bu "Nước Phổ năm 1860" 889
- C. MÁC. Thư gửi chủ biên báo "Allgemeine Zeitung" 891
- C. MÁC. Tuyên bố gửi Ban biên tập các báo "Reform", "Volkss Zeitung" và "Allgemeine Zeitung" 893
- C. MÁC. Tuyên bố gửi Ban biên tập báo "Allgemeine Zeitung" 898
- C. MÁC. Vụ án chống "Báo Au-xbuốc" 900
- C. MÁC. Tuyên bố gửi Ban biên tập các báo Đức 903

- C. MÁC. Thư gửi chủ biên báo "Daily Telegraph" 905
- C. MÁC. Thư gửi Ban biên tập báo "Allgemeine Zeitung" 907
- C. MÁC. Tuyên bố gửi Ban biên tập các báo "Freischutz" và "Reform" 910
- C. MÁC. Tuyên bố gửi Ban biên tập báo "Allgemeine" và các báo Đức khác 911
- Chú thích 915*
- Bản chỉ dẫn tên người 1039*
- Bản chỉ dẫn các xuất bản định kỳ 1133*
- Bản chỉ dẫn địa danh 1139*
- Phụ bản
- Bìa phụ của tập một cuốn "Bách khoa thư mới của Mỹ" 9
- Phác hoạ do Ph.ăng-ghe-nê vẽ khi viết bài "Bi-đa-xô-a" 323-324
- BÌA PHỤ CỦA LẦN XUẤT BẢN ĐẦU TIÊN CUỐN
"NGÀI PHÔ-GTƠ" 485
- In 2080 bản khổ 14,5x20,5, In tại Công ty In & Bao Bì Liksin, 64 Tôn Thất Tùng, Q. 1, TP. HCM. Số XB 162.CTQG. In xong và gửi lưu chiếu tháng 12 năm 1994.

VII

CHIẾN DỊCH AU-XBUỐC

Chẳng bao lâu sau khi người công dân của bang Tuốc-gau⁴³⁷ kết thúc cuộc chiến tranh của mình ở I-ta-li-a, thì người công dân của bang Béc-nơ bắt đầu chiến dịch Au-xbuốc của mình.

"Ồ đó" (ở Luân Đôn) "đã có từ lâu tập đoàn Mác, có cung cấp phần lớn bản tin" (cho "Allgemeine Zeitung"). "Còn từ năm 1849 thì nó giữ liên hệ thường xuyên với "Allgemeine Zeitung"" (tr. 194. "Tác phẩm chính").

Mặc dầu bản thân Mác chỉ sống ở Luân Đôn từ cuối năm 1849, tức là từ khi bị trục xuất khỏi Pháp lần thứ hai, nhưng "tập đoàn Mác" hình như đã ở Luân Đôn từ lâu, tuy rằng tập đoàn Mác "từ lâu" đã cung cấp **phần lớn các bản tin** cho "Allgemeine Zeitung", nhưng chỉ "từ năm 1849 mới giữ liên hệ *thường xuyên*" với nó. Dù sao thì cách liệt kê thứ tự thời gian của Phô-gơ chia ra làm hai thời kỳ lớn, là thời kỳ "từ lâu" cho đến năm 1849 và thời kỳ từ năm 1849 cho đến năm "đó", điều đó chẳng có gì phải ngạc nhiên, vì trước năm 1848, vị trượng phu đó "còn chưa nghĩ tới hoạt động chính trị" (l.c., tr. 225).

Trong những năm 1842-1843, tôi biên tập "Rheinische Zeitung" cũ⁴³⁸ đã tiến hành đấu tranh một mất một còn với "Allgemeine Zeitung". Trong các năm 1848-1849 "Neue Rheinische Zeitung" lại triển khai cuộc luận chiến đó. Vậy thì đối với thời kỳ "từ lâu cho đến năm 1849" sẽ còn lại gì, ngoài sự việc là "từ lâu" Mác đã đấu tranh với "Allgemeine Zeitung", trong khi đó vào các năm

1844-1847 Phô-gơ là "cộng tác viên thường xuyên" của báo này? (xem tr. 225, "Tác phẩm chính").

Bây giờ chúng ta chuyển sang thời kỳ thứ hai trong thiên lịch sử thế giới của Phô-gơ:

Ở Luân Đôn tôi giữ "liên hệ thường xuyên với "Allgemeine Zeitung", "*thường xuyên từ năm 1849*" vì "*từ năm 1852*" một người nào đó tên là Ô-ly là phóng viên chính ở Luân Đôn của tờ báo đó. Sự thực thì Ô-ly *không có* quan hệ gì với tôi trước cũng như sau năm 1852. Suốt đời mình, tôi *chưa hề* thấy ông ta. Do ông ta thường xuyên đi lại trong đám lưu vong ở Luân Đôn, ông ta là hội viên của *Hội lưu vong* của Kin-ken. Nhưng điều đó không mấy may thay đổi sự việc, vì:

"Người đồng hương của tôi" (của Phô-gơ) "Ô-ly tóc hung trước kia là nhà tiên tri của An-ten-huê-phơ, một ông già người vùng Ba-vi-e đã học được tiếng Anh, anh toán tính dựa trên cơ sở chủ nghĩa cộng sản, *đạt được quan điểm thi ca cao nhất trong chính trị và văn học*. Anh là phóng viên chính của "Allgemeine Zeitung", ban đầu ở Xuy-rích, rồi từ năm 1852 ở Luân Đôn, cho đến khi, rút cục, kết thúc bằng việc bị rơi vào nhà thương điên" (tr. 195, "Tác phẩm chính").

Mouchard^{1*} Ê-đu-a Xi-mông đã tiểu thuyết hóa bài ca Phô-gơ ấy như sau:

"En voici d'abord un qui de point de son départ communiste, avait cherché à s'élever aux plus hautes conceptions de la politique"^{2*} (quan điểm thi ca cao nhất trong chính trị đã tỏ ra không vừa sức với ngay cả Ê-đu-a Xi-mông) "A en croire M.Vogt, cet adepte fut l'oracle de la gazette d' Augsbourg jusqu'en 1852, époque où il mourut dans une maison de fous"^{3*} ("Revue contemporaine", t.XIII, tr. 529, Pa-ri, 1860).

1* – gián điệp

2* – "Đây trước hết là một người, xuất phát từ quan điểm cộng sản của mình, tìm cách tự nâng lên tới những quan niệm cao nhất trong chính trị".

3* – "Nếu tin theo ô.Phô-gơ thì môn đồ ấy là nhà tiên tri của "Báo Au-xbuốc" cho đến năm 1852, thời kỳ mà anh ta chết trong một nhà thương

"Operam et oleum perdidit"^{1*}, Phô-gơ có thể nói như vậy và "Tác phẩm chính" và *Ô-ly* của mình. Trong khi bản thân ông ta buộc "người đồng hương gần gũi" của mình phải từ Luân Đôn gửi cho "Allgemeine Zeitung" những bản tin kể từ năm 1852 cho đến khi "rút cục anh ta kết thúc bằng cái chết ở nhà thương điên", thì Ê-đu-a Xi-mông nói rằng "nếu tôi theo Phô-gơ thì Ô-ly là nhà tiên tri của "Allgemeine Zeitung" cho đến năm 1852 khi ông ta chết trong nhà thương điên" (tiện thể xin nói luôn, ông ta hiện còn khỏe mạnh).

Nhưng Ê-đu-a Xi-mông hiểu rõ Các Phô-gơ của mình, Ê-đu-a biết rằng nếu đã quyết định "tin vào" Các của mình, thì tin vào điều ông ta nói hoặc tin vào điều trái với điều ông ta nói cũng đều hoàn toàn như nhau cả.

"Ông Líp-nếch" - Các Phô-gơ nói - "thay thế ông ấy", tức Ô-ly, "với tư cách phóng viên của "Allgemeine Zeitung", "chỉ từ khi Líp-nếch được công khai tuyên bố là thành viên của phái Mác, ông mới được báo "Allgemeine Zeitung" nhận làm phóng viên" (l.c., tr.169).

Việc tuyên bố đó đã được tiến hành vào thời gian có vụ xử những người cộng sản ở Khuên, tức vào cuối năm 1852.

Thực ra, Líp-nếch là cộng tác viên của "Morgenblatt"⁴³⁹ vào mùa xuân năm 1851 và viết cho nó về cuộc triển lãm công nghiệp ở Luân Đôn, thông qua "Morgenbaltt", ông trở thành phóng viên của "Allgemeine Zeitung" vào tháng Chín 1855.

"Đồng chí của ông ta" (của Mác) "không viết một dòng nào mà lại không báo trước cho ông ta" (l.c., tr.194).

diên".

1* - "Tôi đã mất toi dầu và công sức của mình" (Plau-tút "Người Các-ta-giơ", màn I, cảnh 2; câu nói của cô hầu gái than phiền rằng cô đã uống công xoa dầu có hương thơm). Mác chơi chữ dựa trên sự trùng âm của tên người Ohly (Ô-ly) với từ la-tinh Oleum (dầu).

Chúng có rất giản đơn: "ông ta" (Mác) "không chế không điều kiện người của mình" (tr.195) trong khi Phô-gơ phục tùng không điều kiện Pha-di và đồng bọn của mình. Ở đây chúng ta vấp phải các đặc điểm của lối sáng tác thần thoại của Phô-gơ. Tất cả ở ông ta đều mang "tâm vóc lùn tịt của Ghít-xen hoặc Giơ-ne-vơ, tầm nhìn của thị trấn nhỏ và mùi vị của quán rượu Thụy Sĩ. Chuyển một cách ngây thơ tục lệ chất phác, chật hẹp kiểu tỉnh lẻ của Giơ-ne-vơ sang thành phố quốc tế Luân Đôn, ông ta không cho phép Líp-nếch viết ở Oen-xtơ-En-dơ "một dòng nào" mà tôi, ở Hem-pxtét cách đó 4 dặm Anh, "không được báo trước". Tôi cũng phục vụ hàng ngày theo kiểu La Ghê-rô-ni-ê-rơ cho cả một loạt "đồng chí" khác ở rải rác khắp Luân Đôn và viết lách với khắp nơi trên thế giới. Một sứ mệnh suốt đời khích lệ biết bao và lợi lộc biết bao!

Cố vấn của Phô-gơ là Ê-đu-a Xi-mông hiểu rõ nếu không phải là điều kiện sinh hoạt ở Luân Đôn thì chỉ ít cũng của Pa-ri, với sự nhạy cảm không thể chối cãi được của nghệ sĩ, đã đem lại quy mô của thủ đô cho bức tranh mà "người bạn nhà quê" vụng về của mình vẽ ra.

"Marx, comme chef de la société, ne tient pas lui même la plume mais ses fidèles n'écrivent pas une ligne sans l'avoir consulté: *La Gazette d'Augsbourg* sera d'autout mieux servie" (l.c., tr.529). Tức là: "Mác với tư cách thủ lĩnh của hội này, bản thân không viết, còn bạn bè của ông ta không viết một dòng nào mà không hỏi ý kiến ông trước. Như vậy là "*Báo Au-xbuốc*" được phục vụ càng tốt hơn".

Phô-gơ có cảm thấy tất cả sự tinh vi của sửa chữa đó không?

Tôi không có quan hệ gì với các bản tin của Líp-nếch viết từ Luân Đôn cho "Allgemeine Zeitung", cũng như với các bản tin của Phô-gơ viết từ Pa-ri cho tờ báo này. Nhìn chung các bản tin của Líp-nếch hoàn toàn đáng ca ngợi; đấy là những bản trình bày có tính chất phê phán về nền chính trị của Anh mà ông giải thích rõ cho "Allgemeine Zeitung", cũng theo tinh thần của bản tin mà ông viết trong cùng thời gian đó cho báo chí tiếng Đức cấp tiến

ở Mỹ. Bản thân Phô-gơ đọc kỹ nhiều tập báo hàng năm của "Allgemeine Zeitung" để tìm kiếm những tài liệu tế nhị trong những thư tín của Líp-nếch, đã buộc phải nhận xét trong các bài phê bình nội dung của những bản tin ấy, rằng dấu hiệu của các bản tin của Líp-nếch là "*hai đường chéo mảnh mai*" (tr.196, "Tác phẩm chính").

Vị trí chéo của những đường mảnh mai ấy dĩ nhiên nói lên rằng, các bản tin không được tốt^{1*}. Huống hồ những đường ấy còn "*mảnh mai*". Thay "*hai đường chéo mảnh mai*", hãy để cho Líp-nếch mô tả các bản tin của mình bằng một huy hiệu có hai vết đậm lớn! Nếu như trong các bản tin không có khuyết điểm nào khác ngoài "*hai đường chéo mảnh mai*", thì chỉ còn điều nghi ngờ là tại sao chúng đã được đăng trên "Allgemeine Zeitung". Nhưng tại sao chúng lại không được đăng trên "Allgemeine Zeitung"? Mọi người đều biết "Allgemeine Zeitung" đăng những bài thuộc các quan điểm khác nhau nhất, ít ra là về các vấn đề có tính chất trung lập như nền chính trị của Anh, ngoài ra, nó được nước ngoài biết là tờ báo Đức duy nhất vượt ra ngoài ý nghĩa địa phương. Líp-nếch có thể yên trí viết các bức thư Luân Đôn cho chính tờ báo mà *Hai-nơ* gửi đến đó "Thư Pa-ri", còn *Phan-mê-rai-ơ* thì gửi đến đó "Thư phương Đông"⁴⁴⁰. Phô-gơ bảo rằng có những người không sạch sẽ cộng tác với "Allgemeine Zeitung". Bản thân ông ta, như mọi người đều biết, đã cộng tác với tờ báo này trong những năm 1844-1847.

Còn về bản thân tôi và *Phri-đrich Ăng-ghe-n* - tôi nhắc đến Ăng-ghe-n vì hai chúng tôi làm việc theo một kế hoạch chung và có sự thảo luận trước với nhau - thì năm 1859 chúng tôi quả thực có một số "quan hệ" với "Allgemeine Zeitung". Tức là vào tháng Giêng, tháng Hai và tháng Ba 1859 tôi đã đăng trên tờ

1* Chơ chữ: "schiet" có nghĩa là "chéo" cũng có nghĩa là "xấu", "không tốt" (khi kết hợp với một số động từ).

"New-York Tribune" một loạt bài xã luận, trong đó cũng có bài phê phán tường tận "lý luận về các cường quốc Trung Âu" mà "Allgemeine Zeitung" phát triển và luận điểm của nó cho rằng tuồng như thể việc Áo tiếp tục thống trị ở I-ta-li-a là *có lợi cho Đức*⁴⁴¹. Không lâu trước chiến tranh, được sự đồng ý của tôi, *Ăng-ghe-n* đã cho công bố tác phẩm có tính chất đả kích "*Pô và Ranh*", Béc-lin, 1859, nhằm vào "Allgemeine Zeitung" và, theo cách nói của *Ăng-ghe-n* (tr.4. tác phẩm của ông "*Xa-voa, Ni-xơ và Ranh*", Béc-lin, 1869), dựa vào khoa học quân sự chứng minh rằng "để phòng ngự" cho bản thân, Đức không cần một mảnh lãnh thổ nào của I-ta-li-a và nếu chỉ xét từ góc độ quân sự thì tham vọng của Pháp đối với sông Ranh dù sao cũng có căn cứ hơn nhiều so với tham vọng của Đức đối với sông Min-si-ô⁴⁴². Nhưng cuộc luận chiến này của chúng tôi chống lại "Allgemeine Zeitung" và lý luận của nó về sự cần thiết của nền thống trị dựa trên bạo lực của Áo ở I-ta-li-a, đã diễn ra song song với cuộc luận chiến chống lại sự tuyên truyền của *Bô-na-pác-tơ*. Như tôi đã chứng minh tường tận chẳng hạn, trong "Tribune" (ví dụ, xem tháng Hai 1859) rằng tình hình tài chính và tình hình nội trị của "Bas Empire" đã đạt tới điểm nguy cấp và chỉ có cuộc chiến tranh với bên ngoài là có thể kéo dài nền thống trị của chế độ đảo chính ở Pháp và cùng với nó là sự thống trị của thế lực phản động ở châu Âu⁴⁴³. Tôi chứng minh rằng sự giải phóng I-ta-li-a theo kiểu *Bô-na-pác-tơ* chỉ là lý do để thống trị Pháp và bắt I-ta-li-a khuất phục chế độ của cuộc chính biến, mở rộng "biên giới tự nhiên" của Pháp về phía Đức, biến nó thành công cụ của Nga và lôi kéo nhân dân các dân tộc vào cuộc chiến tranh giữa bọn phản cách mạng chính thống và không chính thống. Tất cả điều đó xảy ra từ trước khi Phô-gơ cự đế quốc lu loa ở Giơ-ne-vơ.

Sau khi bài của Vôn-phơ được đăng trong "Revue der Neuen Rheinischen Zeitung" (1850), tôi hoàn toàn quên mất sự tồn tại của "nhân vật tròn trĩnh". Tôi lại nói đến anh chàng ngộ nghĩnh

ấy vào mùa xuân năm 1859 trong một buổi tối tháng Tư, khi Phrai-li-grát cho tôi đọc bức thư của Phô-gtơ kèm theo "*Cương lĩnh*" chính trị⁴⁴⁴. Đây không phải là sự thiếu tế nhị, vì thư của Phô-gtơ cốt "để thông báo cho các bạn bè" không phải của Phô-gtơ, mà của người nhận thư.

Đối với câu hỏi xem tôi phát hiện gì trong "*Cương lĩnh*", tôi trả lời: "Những lời ba hoa của một chính khách". Qua yêu cầu của ông ta đối với Phrai-li-grát là lôi cuốn ông *Buy-xơ* về làm phóng viên về vấn đề chính trị cho tờ báo Giơ-ne-vơ dự định xuất bản để tuyên truyền, tôi lại nhận ra ngay nhà khôi hài cũ. Thư của Phô-gtơ đề ngày 1 tháng Tư 1859. Như mọi người đều biết, từ tháng Giêng 1859, trong các bản tin từ Luân Đôn gửi cho "*National-Zeitung*" ở *Béc-lin*, *Buy-xơ* đã phát biểu những quan điểm đối lập hẳn với "*Cương lĩnh*" của Phô-gtơ, nhưng đối với vị tượng phụ có đầu óc "phê phán thẳng thắn" thì tất cả mèo cái đều màu xám cả.

Sau sự việc ấy, mà tôi cho là quá nhỏ mọn để người ta bàn tới, tôi nhận được "*Nghiên cứu về tình hình châu Âu hiện nay*" của Phô-gtơ, một cuốn sách thảm hại làm tôi không chút hoài nghi về quan hệ của nó với sự tuyên truyền chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ.

Tối ngày 9 tháng Năm 1859 trong cuộc mít tinh đại chúng, do Đa-vít Uốc-các-tơ tổ chức về cuộc chiến tranh ở I-ta-li-a, tôi ở trên khán đài. Ngay trước khi khai mạc cuộc mít tinh, một nhân vật vẻ râu rậm trịnh trọng tiến về phía tôi. Qua vẻ mặt kiểu Hăm-lét của anh ta, tôi hiểu ngay rằng "có cái gì đó đang thối ruỗng ở Vương quốc Đan Mạch"^{1*}. Đây là homme d'état^{2*} Các-lơ Blin-đơ. Sau mấy câu giáo đầu, ông ta nói về "âm mưu" của Phô-gtơ, và lắc lư chiếc đầu đầy sức truyền cảm quả quyết với tôi rằng Phô-gtơ đã

1* Sécch-xpia. "Hăm-lét", màn I, cảnh 4.

2* – nhân vật nhà nước

nhận tiền của chính phủ Bô-na-pác-tơ cho công tác tuyên truyền của mình, rằng Phô-gtơ tìm cách mua chuộc một nhà văn Nam Đức, mà "đáng tiếc" là tôi không thể nêu tên, đề nghị với nhà văn này 30 000 gun-đen – khó bề tưởng tượng nhà văn Nam Đức nào đáng giá 30 000 gun-đen-, rằng đã có những mưu đồ mua chuộc ở Luân Đôn, rằng ngay từ năm 1858 ở Giơ-ne-vơ, trong cuộc hội kiến giữa Plông-Plông, Pha-di và đồng bọn, họ đã thảo luận vấn đề cuộc chiến tranh I-ta-li-a, và đại công tước Nga Côn-xtan-tin được người ta chỉ định làm vua tương lai của Hung-ga-ri, rằng Phô-gtơ đề nghị ông (Blin-đơ) tham gia công tác tuyên truyền của mình, rằng ông có *bằng chứng* về hoạt động phản bội của Phô-gtơ. Sau đó Blin-đơ trở về chỗ ngồi của mình ở đầu bên kia của khán đài, bên cạnh người bạn của mình là I-u. Phruê-ben; cuộc mít tinh bắt đầu và trong bài diễn văn tỉ mỉ, Đ.Uốc-các-tơ cố chứng minh rằng cuộc chiến tranh ở I-ta-li-a là kết quả của âm mưu Nga - Pháp¹⁾.

1) Dĩ nhiên, Phô-gtơ giải thích sự công kích của "tập đoàn Mác" đối với huân tước Pan-móc-xtơ là bắt nguồn từ sự thù địch của tôi với con người tự mãn của ông ta và "bạn bè" của ông ta ("*Tác phẩm chính*", tr.212). Cho nên ở đây nên nói vắn tắt về quan hệ của tôi đối với Đ.Uốc-các-tơ và đảng của ông. Các tác phẩm của Uốc-các-tơ về nước Nga và phản đối Pan-móc-xtơ làm tôi chú ý, nhưng không thuyết phục được tôi. Để đi tới những quan điểm rõ ràng về vấn đề ấy, tôi phân tích kỹ "*Các cuộc tranh luận tại Nghị viện của Han-xác-đơ và cuốn Sách xanh ngoại giao*"⁴⁴⁵ của những năm 1807-1850. Kết quả ban đầu của việc nghiên cứu ấy là một loạt bài xã luận trên New-York Tribune" (cuối năm 1853) trong đó dựa vào cuộc hội đàm của Pan-móc-xtơ với Ba Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Tréc-kê-xi, tôi chứng minh quan hệ của ông ta với nội các Pê-téc-bua. Chẳng bao lâu sau tôi đăng lại những bài ấy trên tờ "Peoplés Paper", cơ quan ngôn luận của phái Hiến chương, do Éc-ne-xtơ-Giôn-xơ chủ biên, có thêm những chương mới về hoạt động của Pan-móc-xtơ⁴⁴⁶. Trong khi đó báo "Glasgow Sentinel" cũng đăng lại một trong những bài ấy ("*Pan-móc-xtơ và*

Gần cuối cuộc mít tinh, bác sĩ *Phau-xơ*, phụ trách biên tập trang quốc tế của báo "Morning Star", cơ quan của trường phái Man-se-xtơ⁴⁵⁰ đến trước mặt tôi và cho biết như sau: tờ báo mới ra hàng tuần bằng tiếng Đức ở Luân Đôn "Volk" vừa xuất bản; tờ báo công nhân "Neue Zeit" do ông A.Séc-tơ xuất bản và ông Ết-ga Bau-e phụ trách biên tập, đã phải đình bản do âm mưu của Kin-ken, người xuất bản tờ "Hermann"⁴⁵¹; được tin này, Bi-xcam-pơ – mà cho tới nay vẫn là phóng viên của "Neue Zeit" – đã bỏ chức giáo viên ở miền Nam nước Anh để ra tờ "Volk", chống lại tờ "Hermann" ở Luân Đôn. Hội giáo dục công nhân Đức và một số đoàn thể khác ở Luân Đôn đã ủng hộ tờ "Volk", dĩ nhiên, cũng như tất cả các tờ báo công nhân tương tự nó, nó được biên tập và viết bài không có nhuận bút. Bản thân ông Phau-sơ, là người chủ

*Ba Lan*⁴⁴⁷), bài này đã thu hút sự chú ý của ông Đ.Uốc-các-tơ. Nhờ cuộc gặp mặt của chúng tôi với ông, ông đã thuyết phục được ông Ta-cơ ở Luân Đôn xuất bản một phần những bài ấy thành những tập sách riêng. Rồi những tập sách riêng phản đối Pan-mốc-xtơ đã được xuất bản nhiều lần với số lượng 15-20 ngàn bản. Do ảnh hưởng của sự phân tích của tôi trong cuốn Sách xanh về sự ~~thất thủ của~~ C

chương ở Luân Đôn (tháng Tư 1856) – Ủy ban đối ngoại Sép-phin-đơ đã gửi cho tôi bức thư cảm ơn (xem phụ lục 7)⁴⁴⁸. Khi xem các bản thảo ngoại giao ở Viện bảo tàng Anh, tôi thấy nhiều văn kiện Anh liên quan đến thời kỳ từ thời Pi-e Đại đế cho đến cuối thế kỷ XVIII và bộc lộ sự hợp tác bí mật thường xuyên của các nội các Luân Đôn và Pê-téc-bua, mà thời Pi-e Đại đế là khởi điểm của những quan hệ ấy. Trong tác phẩm viết tỉ mỉ về đề tài này, cho tới nay tôi chỉ công bố lời tựa nhan đề "Vạch trần lịch sử ngoại giao thế kỷ XVIII". Lời tựa này đăng trên hai tờ báo của Uốc-các-tơ, ban đầu trên tờ "Sheffield Free Press", rồi trên tờ "Free Press" Luân Đôn⁴⁴⁹. Từ đó tờ "Free Press" Luân Đôn ra đời, tôi thỉnh thoảng viết bài cho nó. Từ đó thấy rõ là, nói chung, tôi quan tâm đến Pan-mốc-xtơ và hoạt động ngoại giao Anh-Nga, không may phỏng đoán về sự thể là đằng sau huân tước Pan-mốc-xtơ là ông Các Phô-gtơ.

trương mậu dịch tự do, tuy khác xu hướng với tờ "Volk", nhưng không muốn chịu sự độc quyền nào trong báo chí bằng tiếng Đức ở Luân Đôn, nên đã cùng mấy người quen biết ở Luân Đôn thành lập một ủy ban tài chính để giúp đỡ tờ báo trên. Bi-xcam-pơ cũng viết thư cho Líp-nếch, mà trước nay ông không quen biết, đề nghị cộng tác viết bài cho tờ báo v.v.. Cuối cùng, Phau-sơ đề nghị tôi tham gia công tác của báo "Volk".

Tuy Bi-xcam-pơ sống ở Anh từ năm 1852, nhưng cho tới nay chúng tôi vẫn chưa quen biết nhau. Hôm sau, cuộc mít tinh do Uốc-các-tơ tổ chức, Líp-nếch đưa Uốc-các-tơ đến chỗ tôi. Về đề nghị viết cho tờ "Volk" ban đầu tôi từ chối, vì không có thời gian, nhưng hứa sẽ yêu cầu bạn bè người Đức của mình giúp đỡ tờ báo về mặt đặt mua, quyên góp tiền và tham gia viết bài. Trong quá trình nói chuyện, chúng tôi nói về cuộc mít tinh do Uốc-các-tơ tổ chức, rồi chuyển sang bàn về Phô-gtơ mà tác phẩm "Nghiên cứu" đã được Bi-xcam-pơ đọc và đánh giá chính xác. Tôi cho ông và Líp-nếch biết nội dung của "Cương lĩnh" của Phô-gtơ và sự vạch trần của Blin-đơ đối với nội dung đó, nhưng nêu rõ, về sự vạch trần, rằng người Nam Đức ưa tô vẽ thêm. Điều làm tôi ngạc nhiên là trong số 2 của "Volk" (ngày 14 tháng Năm) tôi thấy bài báo nhan đề "Nhiếp chính đế quốc với tư cách tên phản bội đế quốc" (xem "Tác phẩm chính", Văn kiện, tr.17, 18), trong đó Bi-xcam-pơ nhắc tới hai sự việc mà Blin-đơ dẫn ra: về 30 000 gun-đen, song ông giảm xuống còn 4 000, và về số tiền Bô-na-pác-tơ cung cấp cho Phô-gtơ sử dụng. Phần còn lại của bài báo gồm những lời nói ý nhị theo tinh thần của tờ "Hornisse"⁴⁵² mà Bi-xcam-pơ xuất bản vào những năm 1848-1849 cùng với *Hau-dơ* ở Các-xen. Trong khi đó Hội giáo dục công nhân ở Luân-Đôn – về điều này rất lâu sau khi "Tác phẩm chính" ra đời tôi mới rõ (xem phụ lục 8) –, ủy nhiệm cho một trong những nhà lãnh đạo của mình, ông Séc-tơ, kêu gọi các hội giáo dục công nhân ở Thụy Sĩ, Bỉ và Mỹ ủng hộ tờ "Volk" và đấu tranh với hoạt động tuyên

truyền chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ. Bài báo nói trên được đăng trong "Volk" số ra ngày 14 tháng Năm 1859. Bi-xcam-pơ đã đích thân gửi qua bưu điện cho Phô-gơ, trong lúc đó Phô-gơ cũng nhận được thông tin của ông A. Séc-tơ qua tín đồ của mình là Ra-ních-ken.

Với sự "phê bình thẳng thắn" nổi tiếng của mình, Phô-gơ đứng vững ngay lên rằng tôi là kẻ giăng lưới thù địch chống ông ta. Do đó, chẳng phải suy nghĩ lâu, ông ta cho đăng *đề cương* của "Câu chuyện lịch sử" sau này của ông ta trên *phụ trương đặc biệt của số 150 tờ "Schweizer Handels – Courier"* đã được dẫn ra nhiều lần trên kia. Sách phúc âm nguyên thủy ấy, trong đó lần đầu tiên vạch trần cái bí mật về bọn lưu hoàng, bọn thợ làm bàn chải, Séc-van v.v., và sách đó đề: Béc-nơ, ngày 13 tháng Năm 1859 (do đó có ghi ngày tháng muộn hơn nhiều so với sách phúc âm của đạo Moóc-môn⁴⁵³) với nhan đề: "**Sự phòng ngừa**" và về nội dung thì nó giống với một đoạn dịch trong cuốn sách nhỏ của E.A-bu nổi tiếng xấu xa¹⁾.

Sách phúc âm nguyên thủy nặc danh của Phô-gơ "**Sự phòng ngừa**" đã được đăng lại trên tờ "Volk", theo yêu cầu của tôi, như tôi đã chỉ rõ trên kia.

Đầu tháng Sáu tôi rời Luân Đôn đến chỗ Ăng-ghe-n ở Man-se-xtơ, nơi đây đã thu được khoảng 25 pao xtéc-linh do đặt mua báo "Volk". Số tiền này – mà nguồn gốc của nó đã tạo lý do cho Phô-gơ "hiếu kỳ" phóng "tầm mắt qua biển La Măng-sơ" đến Au-

1) Đôi lời về "Người rao hàng" ở Bi-lơ, cái thứ "Moniteur" kiểu tỉnh lẻ của "nhiếp chính đế quốc bỏ trốn". Người xuất bản và phụ trách biên tập của "Handels Courier" Bi-lơ, là một người tên là Êc-nơ-xtơ Suy-lơ, một người lưu vong chính trị từ năm 1838, đã từng làm trưởng trạm bưu điện, nhà buôn rượu, kẻ phá sản và hiện nay lại có tiền nhờ có 1 200 người đặt mua báo, nhờ số tiền đó mà tờ báo này được sở mộ lính của Anh - Pháp - Thụy Sĩ trợ cấp trong thời kỳ Chiến tranh Crưm.

xbuốc và Viên (tr.212, "Tác phẩm chính") – là do Ph.Ăng-ghe-n, V.Vôn-phơ, tôi và sau hết là ba bác sĩ Đức sống ở Man-se-xtơ mà tên của họ đã được nêu lên trong các văn kiện tư pháp được tôi gửi đi Béc-lin, cung cấp. Về số tiền mà Ủy ban tài chính ban đầu thu được ở Luân Đôn, Phô-gơ có thể hỏi bác sĩ Phau-sơ.

Phô-gơ dạy bảo chúng ta ở trang 225, "Tác phẩm chính":

"Song việc yêu cầu những người dân chủ làm *không công* tất cả mọi việc trong khi *bản thân họ*" (không phải những người dân chủ mà là bọn phản động) "đòi có đặc quyền yêu cầu tiền lương cho mình và được trả thù lao, xưa nay vẫn là *quỷ kế của bọn phản động*".

Quỷ kế của báo "Volk" thật là *phản động* biết chừng nào khi báo này không những để người ta biên tập và viết bài không công, mà thêm vào đó, còn *buộc* các cộng tác viên của nó trả *tiền cho nó* nữa. Nếu như đấy không phải là bằng chứng về quan hệ giữa "Volk" và phe phản động, thì Các Phô-gơ không còn hiểu nổi điều gì nữa.

Trong khi tôi lưu lại Man-se-xtơ thì ở Luân Đôn xảy ra một sự kiện cực kỳ quan trọng. Đó là Líp-nếch phát hiện ở nhà in Hô-linh-gơ (*chủ nhà in đã từng in báo "Volk"*) bản dập thử tờ truyền đơn nặc danh chống lại Phô-gơ "**Sự phòng ngừa**", đọc lướt nhanh bản đó và nhận ngay ra là bài vạch mặt của Blin-dơ, ngoài ra còn nghe thấy anh thợ sắp chữ A.*Phuê-ghe-lơ* nói rằng bản thảo này do chính tay *Blin-dơ* viết đã giao cho Hô-linh-gơ để in. Những chỗ sửa chữa trên bản dập thử cũng do chính tay *Blin-dơ* làm. Hai ngày sau, Líp-nếch nhận được của Hô-linh-gơ bản dập thử và chuyển cho "Allgemeine Zeitung". Bản sắp chữ của tờ truyền đơn được giữ lại và sau này dùng để in lại trên số 7 tờ "Volk" ngày 18 tháng Sáu 1859.

Chiến dịch Au-xbuốc của Phô-gơ cụt – đế quốc bắt đầu từ khi "**Sự phòng ngừa**" được đăng trên "Allgemeine Zeitung". Ông ta đưa "Allgemeine Zeitung" ra tòa về tội in lại bản truyền đơn.

Trong "Tác phẩm chính" (tr.227-228), Phô-gơ bắt chước Muyn-ne "Tôi là, tôi là, tôi là tên kẻ cướp I-a-rô-mia" ["bin's, bin's,

bin der Räuber Jaromir"]⁴⁵⁴. Có điều ông ta thay động từ sein bằng haben.

"Tôi phát đơn kiện" [*ich habe geklagt*] vì tôi biết trước rằng tất cả sự rỗng tuếch, sự nhỏ nhen và sự tí ti tiện của cái bộ biên tập mạo xưng là "đại biểu của nền văn hóa Thượng Đức" sẽ bị bóc trần; *tôi phát đơn kiện* vì tôi biết trước rằng quan hệ của bộ biên tập đáng kính ấy và của chính sách của Áo – mà nó tâng bốc lên tận trời xanh – với bọn lưu hoàng và đám cận bã của cách mạng, sẽ bị phơi ra ánh sáng".

Tiếp theo còn bốn lần "*tôi phát đơn kiện*" nữa.

Phô-gtơ, kẻ đã phát đơn kiện, tràn đầy vẻ vĩ đại^{1*}, như thế nghĩa là Long-gin đã đúng khi nói rằng không có gì khô khan hơn là anh mắc bệnh phù thũng.

"Lợi ích cá nhân" – "con người tròn trĩnh" thốt lên – "không phải là lý do để tôi đưa đơn kiện".

Nhưng sự thực lại khác hẳn. Con bê không thể giẫy giụa trước bàn sát sinh như Các Phô-gtơ giẫy giụa trước ghế bị cáo. Trong khi những người bạn "thân nhất" của ông ta là Ra-ních-ken – Rai-nắc (trước kia đã viết *chronique scandaleuse*^{2*} rất thịnh hành về Phô-gtơ) và Mai-ơ, người vùng Ê-xlinh-ghen, nghị sĩ bẻm mép của "tàn dư" nghị viện tăng thêm sự sợ hãi của ông ta trước tòa án, thì từ Xuy-rích người ta khăng khăng đòi ông ta phải "kiện" gấp. Tại ngày lễ công nhân ở Lô-dan, nhà buôn da Rốt tuyên bố trước nhân chúng rằng sẽ không kính trọng ông ta nữa, nếu ông ta không phát đơn kiện. Nhưng Phô-gtơ cố chấp: ông ta không đếm xỉa đến bọn lưu hoàng ở Au-xbuốc và Luân Đôn và ngậm miệng. Song ông ta đột nhiên lên tiếng. Các báo đăng tin về vụ kiện của ông ta, còn Ra-ních-ken thì nói rằng:

1* – Trong nguyên bản là sự chơi chữ không dịch được, dựa trên sự trùng âm của hai nhóm từ: "geklagt habende" (phát đơn kiện) và "wird erhaban" (tràn đầy vẻ vĩ đại).

2* – ký sự tai tiếng

"Người Stút-gát không để cho ông ta" (Phô-gtơ) "yên thân. Nhưng ông" (Ra-ních-ken) "không đồng ý điều đó".

Vả chăng, vì "nhân vật tròn trĩnh" ở vào giữa hai gọng kìm, nên liệu pháp thích hợp nhất, không nghi ngờ gì nữa, là kiện "Allgemeine Zeitung". Bài tự bào chữa của Phô-gtơ nhằm chống lại lời công kích của I-a. Vê-nê-đây, buộc tội ông ta về những âm mưu Bô-na-pác-tơ⁴⁵⁵ đã ra mắt trên tờ "*Handels-Courier*" ở Bi-lơ, số ra ngày 16 tháng Sáu 1859, do đó chỉ đến Luân Đôn sau khi đã xuất hiện tờ truyền đơn nặc danh kết thúc bằng lời đe dọa sau đây:

"Nhưng nếu" *Phô-gtơ* định phủ nhận điều đó – vị tất ông ta đã dám làm – thì tiếp theo bài vạch mặt này là bài vạch mặt số 2".

Phô-gtơ đã đứng ra phủ nhận, nhưng bài vạch mặt số 2 không thấy xuất hiện tiếp theo. Vậy là, về phía đó, ông ta được bảo đảm an toàn, sự rầy rà chỉ có thể đe dọa ông ta từ phía những người quen thân, nhưng ông biết khá rõ họ và có thể trông cậy vào sự nhất gan của họ. Vấn đề càng rõ ràng nhờ vụ kiện, thì ông ta càng có thể trông cậy vào sự dè dặt của họ, vì sự ô nhục của "nhiếp chính đế quốc bỏ chạy", trên mức độ nhất định, cũng là của tất cả đám "tàn dư" nghị viện nói chung.

Trong cuốn sách nhỏ của mình, "*Tự bảo vệ và bảo vệ đế quốc chống lại Các Phô-gtơ*", Han-nô-vơ, 1860⁴⁵⁶, tr. 27-28 nghị sĩ I-a-cốp Vê-nê-đây đã nói *lỡ miệng* như sau:

"Ngoài những bức thư mà Phô-gtơ dùng để trình bày vụ kiện của mình, tôi còn được đọc một bức thư khác của Phô-gtơ vạch trần rõ ràng hơn nhiều, so với bức thư gửi bác sĩ Lơ-ninh, lập trường của Phô-gtơ với tính cách trợ thủ của tất cả những ai muốn cục bộ hóa bằng bất cứ giá nào cuộc chiến tranh ở I-ta-li-a. Vì nhu cầu cá nhân tôi đã trích một số đoạn trong thư ấy mà đáng tiếc là tôi không thể dẫn ra đây, vì người nhận thư chỉ cho tôi đọc thư ấy với điều kiện không công bố nó. *Xuất phát từ những lý do có tính chất cá nhân và đảng phái, người ta đã ra sức che đậy hành vi của Phô-gtơ trong sự việc này bằng những biện pháp mà theo tôi, không thể được biện minh bởi những lợi ích của đảng cũng như bởi nghĩa vụ công dân trước tổ quốc. Sự dè dặt đó của nhiều người làm cho*

Phô-gơ hiện nay còn có thể vô liêm sỉ xuất đầu lộ diện với tư cách lãnh tụ đảng Đức. Nhưng tôi cho rằng chính vì vậy mà đảng mà Phô-gơ là thành viên phải chịu trách nhiệm nhất định về hành vi của ông ta"¹⁾

Thế là nếu như, một mặt, sự mạo hiểm của vụ kiện "Allgemeine Zeitung" nhìn chung không lớn lắm, thì mặt khác, sự chuyển sang tấn công ở hướng này đã cho tướng Phô-gơ một căn cứ tác chiến có lợi nhất. Đó là việc Áo vu khống Phô-gơ đế quốc, thông qua "Allgemeine Zeitung", Áo liên minh với những người cộng sản! Nhờ vậy Phô-gơ đế quốc trở thành vật hy sinh lý thú của liên minh quái dị của các kẻ thù của chủ nghĩa tự do tư sản. Còn báo chí Tiểu Đức, vốn đã có thiện chí đối với Phô-gơ đế quốc với tư cách kẻ tích cực ủng hộ việc thu hẹp đất đai của đế quốc [Minder des Reichs]⁴⁵⁷, sẽ phải hân hoan tăng bốc ông ta lên tận mây xanh!

Đầu tháng Bảy 1859, chẳng bao lâu sau khi tôi từ Man-se-xơ trở về, Blin-đơ đến tìm tôi về một vài việc không có liên quan gì đến tình hình trên. Ông đến chỗ tôi cùng với Phi-đê-li-ô, Hô-linh-gơ và Líp-nếch. Trong cuộc gặp mặt, tôi bày tỏ ý kiến của mình tin chắc rằng ông ta là tác giả của tờ truyền đơn "Sự phòng ngừa". Ông kiên quyết phủ nhận điều đó. Tôi nhắc lại từng điểm lời phát biểu của ông ngày 9 tháng Năm mà về thực chất gồm toàn bộ nội dung của tờ truyền đơn. Ông đồng ý tất cả những lời nói đó, tuy vậy vẫn tiếp tục phủ nhận mình là tác giả tờ truyền đơn.

Khoảng một tháng sau, tháng Tám 1859, Líp-nếch cho tôi xem bức thư ông nhận được của ban biên tập "Allgemeine Zeitung", trong đó người ta khấn khoản yêu cầu ông cho biết những chứng cứ của những lời buộc tội trong tờ truyền đơn "Sự phòng ngừa".

1) Cũng xem t.4, cuốn sách nhỏ đã dẫn, ở đó có viết "Những "sự khoan dung" xuất phát từ nhiều lý do đảng phái ấy, sự không kiên định về đạo đức ấy khiến cho bản thân của Phô-gơ thừa nhận rằng Phô-gơ đã chơi trò chơi nhục nhĩ với tổ quốc, rồi họ lại dung túng cho bản thân Phô-gơ công khai buộc tội vu cáo cho những người chỉ nói điều mà tất cả đều biết và suy nghĩ với những bằng chứng trong tay – tất cả cái đó gây ra cho tôi sự chán ghét" v.v..

Theo yêu cầu của ông, tôi cùng ông đến nhà Blin-đơ ở Xanh-Giôn-vút, Blin-đơ nếu không là *tác giả* của tờ truyền đơn thì dù sao vào đầu tháng Năm đã biết những gì mà vào đầu tháng Sáu tờ truyền đơn đã nói đến, hơn nữa, ông ta có thể "*chứng minh*" điều mà ông biết. Blin-đơ không có nhà, ông đến khu nghỉ mát ở bờ biển nào đó. Líp-nếch viết thư cho ông ta về mục đích cuộc đến thăm của chúng tôi. Không có thư trả lời của Blin-đơ. Líp-nếch viết bức thư thứ hai. Cuối cùng đã nhận được văn kiện sau đây xứng đáng với nhân vật nhà nước:

"Líp-nếch thân mến!

Hai bức thư của Ngài gửi sai địa chỉ, tôi đã nhận được hầu như cùng một lúc. Tự Ngài hiểu rằng tôi hoàn toàn không muốn can thiệp vào công việc của một tờ báo hoàn toàn xa lạ đối với tôi, trường hợp này càng như vậy, vì, như tôi đã nói từ trước, tôi **không dính líu gì đến việc đó**. Còn những ý kiến nói trong cuộc gặp riêng mà Ngài nhắc tới thì hiển nhiên là được hiểu hoàn toàn không đúng; ở đây có sự hiểu sai nào đó mà tôi định trình bày miệng khi có dịp. Tôi lấy làm tiếc rằng Ngài cùng Mác đã mất công tới nhà tôi.

Xin gửi lời chào rất kính trọng tới Ngài.

C. Bin-đơ của Ngài"

Xanh-Lê-ô-nác-xơ ngày 8 tháng Chín

Bức công hàm ngoại giao lạnh lùng ấy –, mà theo đó Blin-đơ "**không dính líu gì**" tới những lời buộc tội Phô-gơ – làm tôi nhớ lại một bài báo nặc danh trong tờ "Free Press" ở Luân Đôn số ra ngày 27 tháng Năm 1859 dịch ra như sau:

"Đại công tước Côn-xtan-tin – vị vua tương lai của Hung-ga-ri".

Một phóng viên viết thư cho chúng tôi, có kèm theo danh thiếp của mình: "Thưa quý ngài! Tham dự cuộc mít tinh gần đây¹⁾ ở Phòng âm nhạc, tôi được nghe nói về đại công tước Côn-xtan-tin. Tôi có thể cho Ngài biết một sự việc khác. Mối mùa hè năm

1) Đó là cuộc mít tinh ngày 9 tháng Năm đã nói ở trên do Đ.Uốc-các-tơ tổ chức.

ngoái, hoàng thân Giê-rôm Na-pô-lê-ông tướng thuật ở Giơ-ne-vơ cho mấy người thân tín của ông ta về kế hoạch tấn công Áo và việc sắp sửa vẽ lại bản đồ châu Âu. Tôi biết tên một thượng nghị sĩ Thụy Sĩ mà hoàng thân đã nói kỹ về đề tài này. Bấy giờ hoàng thân Giê-rôm nói rằng theo kế hoạch đã định, đại công tước Côn-tan-xtin phải trở thành vua của Hung-ga-ri.

Tôi cũng biết những *muoi đồ* được tiến hành đầu năm nay nhằm thuyết phục *một số người dân chủ Đức bị trục xuất cũng như những người thuộc phái tự do có tiếng tăm ở ngay nước Đức* để họ ủng hộ kế hoạch Nga – Na-pô-lê-ông. *Để mua chuộc họ, người ta đã đề nghị những khoản tiền lớn* (large pecuniary advantages were held out to them as a bribe). Tôi hài lòng báo tin rằng những đề nghị ấy đã bị cự tuyệt một cách phẫn nộ" (xem phụ lục 9).

Bài ấy – tuy không nêu tên Phô-gtô, nhưng nói về những người Đức lưu vong ở Luân Đôn mà ông ta đã bị ám chỉ thì đã rõ – về thực chất đã diễn đạt được *nội dung cơ bản* của tờ truyền đơn "Sự phòng ngừa", xuất hiện sau này. Tác giả bài về "*vua tương lai của Hung-ga-ri*", xuất phát từ nhiệt tình yêu nước, đã nặc danh lên án Phô-gtô, và lẽ tự nhiên, đã vội vàng nắm lấy cơ hội rất thuận lợi mà vụ án Au-xbuốc tạo ra để vạch trần tại tòa án hành vi phản bội trước toàn châu Âu. Nhưng ai là tác giả bài "*vua tương lai của Hung-ga-ri*"? Ngoài *Các-lơ Blin-đơ*. Điểm này, tôi đã đoán ra ngay từ tháng Năm qua hình thức và nội dung của bài báo, và điều đó hiện nay được nhân vật biên tập tờ "Free Press", ông Cô-lét, *chính thức xác nhận* với tôi khi tôi giải thích cho ông ý nghĩa của vấn đề đang tranh luận và cho ông biết nội dung của công hàm ngoại giao của Blin-đơ.

Ngày 17 tháng Chín 1850, công nhân sắp chữ, ông A.*Phuê-ghe-lơ*, trao cho tôi bản tuyên bố (đăng trong "*Tác phẩm chính*", Văn kiện, tr.30 - 31), trong đó ông *tuyệt nhiên không khẳng định rằng Blin-đơ là tác giả* tờ truyền đơn "Sự phòng ngừa", nhưng làm chứng rằng bản thân ông (Phuê-ghe-lơ) và người chủ của ông là *Phi-đê-li-ô Hô-linh-gơ đã sắp chữ* cho tờ truyền đơn *tại nhà in Hô-linh-gơ*, rằng nét chữ viết bản thảo là nét chữ của Blin-đơ, và

Hô-linh-gơ đã có lần gọi Blin-đơ là tác giả của *tờ truyền đơn ấy*.

Dựa vào bản tuyên bố Phuê-ghe-lơ và hai bài "vua tương lai của Hung-ga-ri", *Líp-nếch* lại viết thư cho *Blin-đơ* một lần nữa, yêu cầu ông ta đưa ra "bằng chứng" về sự việc mà nhân vật nhà nước ấy công bố trên tờ "Free Press", đồng thời *Líp-nếch* chỉ ra cho ông ta rằng hiện đã có những vật chứng về sự tham gia của *ông ta* vào việc in tờ truyền đơn "Sự phòng ngừa". Đáng lẽ phải trả lời *Líp-nếch*, *Blin-đơ* lại cử ông Cô-lét đến gặp tôi. Ông Cô-lét đến với mục đích *thay mặt Blin-đơ* yêu cầu tôi đừng công bố những tin tức mà tôi có được về tác giả của bài báo kể trên trong tờ "Free Press". Tôi trả lời rằng tôi không đưa ra lời cam kết nào cả: sự khiêm tốn *của tôi* đã nhệch bước cùng sự dũng cảm của *Blin-đơ*.

Trong khi đó ngày mở phiên tòa Au-xbuốc sắp tới. *Blin-đơ* im hơi lặng tiếng. Trong các bản tuyên bố công khai, Phô-gtô tìm cách đổ trách nhiệm *cho tôi* về tờ truyền đơn và về việc cung cấp *bằng chứng* cho những sự việc nêu lên trong tờ truyền đơn, coi tôi là tác giả bí mật của tờ truyền đơn đó. Để đập lại mảnh khốe ấy, *biện bạch* cho *Líp-nếch* và giúp tờ "Allgemeine Zeitung", mà tôi cho là nó đã làm một việc tốt khi vạch mặt Phô-gtô, tôi – thông qua *Líp-nếch* – báo cho ban biên tập báo này rằng tôi sẵn sàng cung cấp cho báo những văn kiện về nguồn gốc của tờ truyền đơn "Sự phòng ngừa", nếu như báo viết thư yêu cầu tôi điều đó. Như Phô-gtô kể ở tr.194 "Tác phẩm chính"¹⁾ "sự trao đổi *thư từ* nhận nhệch giữa Mác và ông Côn-bơ từ đây" bắt đầu như vậy. "*Việc trao đổi thư từ nhận nhệch*" ấy của tôi "*với ông Côn-bơ*" gồm có hai bức thư của ông *Oóc-ghe-t* gửi cho tôi trong cùng một ngày, trong đó

1) Trong số 319 "Allgemeine Zeitung" ông Côn-bơ quả có nhắc tới "một bức thư viết tỉ mỉ của ông Mác mà ông ta không đăng". Nhưng bức thư tỉ mỉ ấy được đăng trong *phụ trương số 139 của tờ "Reform" Hăm-buốc ngày 18 tháng Mười một 1859*. "Bức thư tỉ mỉ" đó là bản tuyên bố tôi viết để phát biểu *công khai* và cũng được tôi (gửi cho tờ "Volks - Zeitung" ở Béc-lin. [xem tập này, tr. 893-897].

ông yêu cầu tôi gửi những tài liệu đã hứa mà sau đó tôi gửi cho ông cùng với *mấy dòng* ngắn gọn²⁾.

Hai bức thư của ông Oóc-ghét – hoặc nói đúng hơn, hai bản của cùng một bức thư – đến Luân Đôn ngày 18 tháng Mười 1859, còn việc xét xử vụ án phải bắt đầu ở Au-xbuốc từ ngày 24 tháng Mười. Do đó, tôi viết thư ngay cho ông Phuê-ghe-lơ, hẹn ông rendez vous vào ngày hôm sau tại trụ sở của tòa án trị an, phố Man-bô-rô, nơi đây ông phải làm cho bản tuyên bố của mình về tờ truyền đơn "Sự phòng ngừa" có được hình thức tư pháp đó là affidavit³⁾. Thư của tôi đến với ông không kịp thời. Do đó ngày 19 tháng Mười¹⁾, trước khi phiên tòa của mình, tôi phải gửi cho "Allgemeine Zeitung" bản tuyên bố ngày 17 tháng Chín nói trên thay cho affidavit²⁾.

Như mọi người đều biết, vụ kiện ở Au-xbuốc biến thành một hài kịch thực sự của những sai phạm. Corpus delicti^{1*} là tờ truyền đơn "Sự phòng ngừa" do V.Líp-nếch chuyển cho tờ "Allgemeine Zeitung" và đăng lại trên báo này. Nhưng người xuất bản và tác

2) Mấy lời kèm theo của tôi [xem tập này, tr. 891] và bản tuyên bố của Phuê-ghe-lơ có thể đọc thấy trong "Tác phẩm chính". Văn kiện, tr. 30, 31, còn thư của ông Oóc-ghét gửi cho tôi có thể xem trang phụ lục 10.

3) Affidavit là lời tuyên bố trước tòa án thay cho lời làm chứng có tuyên thệ, và trong trường hợp nói dối lời tuyên bố này sẽ đem lại cho kẻ tuyên bố man trá mọi hậu quả pháp luật.

1) Vì tôi viết thẩu, nên tòa án ở Au-xbuốc đọc bức thư của tôi đề ngày 19 tháng Mười thành ngày 29 tháng Mười, Luật sư của Phô-gtô, tiến sĩ Héc-man, bản thân Phô-gtô, cũng như tờ "National - Zeitung" đáng kính et hoc genus omne [và toàn bộ bọn cùng một giuộc] "có đầu óc phê bình thẳng thắn" đều không hề giây phút suy nghĩ xem bức thư viết ở Luân Đôn ngày 29 tháng Mười làm thế nào đã đến được Au-xbuốc ngày 14 tháng Mười.

2) quid pro quo (vật thay thế) ấy xảy ra thuần túy do ngẫu nhiên chính vì rằng Phuê-ghe-lơ nhận được thư của tôi quá chậm, điều đó có thể thấy được qua affidavit ngày 13 tháng Hai 1860 sau này của ông.

1* - Kết cấu tội phạm

giả tờ truyền đơn đã chơi trò ú tim; *Líp-nếch* không thể đưa nhân chứng của mình đang ở Luân Đôn ra trước tòa, bị rơi vào tình trạng khó khăn về mặt pháp luật, các biên tập viên của "Allgemeine Zeitung" tiến hành bàn luận về chính trị một cách khoa trương và tầm thường, tiến sĩ Héc-man thết đãi tòa bằng những câu chuyện kỳ lạ của "nhân vật tròn trĩnh" về bọn lưu hoàng, về ngày lễ ở Lô-dan v.v., cuối cùng, tòa đã bác đơn kiện của *Phô-gtô*, vì đã *nộp nhầm* tòa án có thẩm quyền. Vụ rắc rối lên đến tột đỉnh khi vụ án Au-xbuốc kết thúc và chỉ việc về vụ án này đến Luân Đôn cùng với "Allgemeine Zeitung". *Blin-đơ* cho tới nay vẫn giữ thái độ câm lặng của nhân vật nhà nước sáng suốt, đã hoảng sợ trước những bằng chứng mà tôi thu thập được ở người thợ xếp chữ *Phuê-ghe-lơ* và đột nhiên ông ta xuất hiện trên vũ đài công khai. Phuê-ghe-lơ *không* nói rằng *Blin-đơ* là *tác giả* tờ truyền đơn, mà chỉ nói rằng Phi-ê-li-ô Hô-linh-gơ đã bảo với ông rằng *Blin-đơ* là tác giả của tờ truyền đơn. Song Phuê-ghe-lơ tuyên bố dứt khoát rằng nét chữ trong *bản thảo của tờ truyền đơn mang nét bút của Blin-đơ mà ông biết và được xếp chữ và in tại nhà in Hô-linh-gơ*. Cho dù tờ truyền đơn không do chính tay *Blin-đơ* viết và không xếp chữ ở nhà in Hô-linh-gơ thì *Blin-đơ* có thể là *tác giả* của nó. Trái lại, cho dù *Blin-đơ không phải* là tác giả tờ truyền đơn, thì nó vẫn có thể do *chính tay Blin-đơ viết* và in tại nhà in Hô-linh-gơ.

Số 313 của tờ "Allgemeine Zeitung" đăng bản tuyên bố của *Blin-đơ*, có ghi: Luân Đôn ngày 3 tháng Mười một (xem "Tác phẩm chính", Văn kiện, tr. 37, 38), trong đó ngài ấy và nhân vật nhà nước ấy quả quyết rằng ông ta *không phải tác giả* tờ truyền đơn và để *chứng minh*, ông "công bố" **"văn kiện sau đây"**:

a) Xin tuyên bố rằng lời khẳng định của người thợ sắp chữ Phuê-ghe-lơ đăng trong số 300 của tờ "Allgemeine Zeitung", nói rằng tờ truyền đơn "Sự phòng ngừa" được nhắc tới ở đó đã in ở nhà in của tôi hoặc ông *Các-lơ Bìn-đơ* là tác giả của nó, – là *sự bịa đặt đầy ác ý*.

Số 3, phố Li-sphin, khu Xô-hô, Luân Đôn, ngày 2 tháng Mười một 1859.

Phi-đê-li-ô Hô-linh-gơ

b) Tôi ký tên dưới đây *đã sống và làm việc* 11 tháng ở nhà số 3, phố Li-sphin, *chứng nhận tính đúng thực của bản tuyên bố của ông Hô-linh-gơ*.

Luân Đôn, ngày 2 tháng Mười một 1859.

I.Ph.Vi-ê, thợ sắp chữ

Phuê-ghe-lơ, không *khẳng định* ở chỗ nào cả rằng *Blin-đơ là tác giả* tờ truyền đơn. Như vậy, Phi-đê-li-ô trước hết tạo dựng ra lời quả quyết của Phuê-ghe-lơ, để rồi gọi nó là "sự bịa đặt đầy ác ý". Mặt khác, *nếu* tờ truyền đơn đã kích *không* được in ở nhà in Hô-linh-gơ thì do đâu mà chính ông Phi-đê-li-ô Hô-linh-gơ ấy biết rằng *Các-lơ Blin-đơ không phải* là tác giả của nó?

Tại sao người *thợ sắp chữ Vi-ê*, dựa trên cơ sở là anh ta "*sống và làm việc 11 tháng*" (tính ngược lại từ ngày 2 tháng Mười một 1859) ở nhà Hô-linh-gơ, cho rằng có thể chứng nhận "tính đúng thực của lời tuyên bố ấy của Phi-đê-li-ô Hô-linh-gơ"?

Tôi kết thúc sự trả lời của mình đối với lời tuyên bố đó của *Blin-đơ*, (số 325, "Allgemeine Zeitung", cũng xem cả "Tác phẩm chính", Văn kiện, tr. 39, 40) bằng câu sau đây: "*Việc chuyển vụ án từ Au-xbuốc sang Luân Đôn sẽ phơi bày toàn bộ mystère*^{1*} của *Blin-đơ* - *Phô-gtơ*".

Với tất cả sự phẫn nộ đạo đức của một người tốt bụng bị lãng nhục, *Blin-đơ* xoay sang công kích trong "*phụ trương của 'Allgemeine Zeitung' số ra ngày 11 tháng Chạp 1859*".

"*Lại dẫn ra*" (chúng tôi nhớ điều đó), "*văn kiện do chủ nhà in ông Hô-linh-gơ và thợ sắp chữ Vi-ê ký tên*", tôi tuyên bố lần cuối cùng rằng *lời quả quyết* hiện đã mang tính chất vu cáo cho rằng *tôi là tác giả* tờ truyền đơn thường hay được nhắc tới - là *lời nói dối hiển nhiên*. Những điều quả quyết khác về tôi đều bao hàm *những sự xuyên tạc thô bạo nhất*".

Trong lời tòa soạn chú giải thêm vào bản tuyên bố đó, ban biên

tập "Allgemeine Zeitung" chỉ rõ rằng "cuộc tranh luận không còn thu hút sự chú ý của đông đảo bạn đọc nữa", do đó ban biên tập yêu cầu "những nhân vật có liên quan đến sự việc đó ngừng đưa ra những ý kiến phản đối lẫn nhau thêm nữa"; "nhân vật tròn trĩnh" đã bình luận điểm đó ở cuối "Tác phẩm chính" như sau:

"Nói cách khác: Ban biên tập "Allgemeine Zeitung" yêu cầu các ông *Mác, Bi-xcam-pơ*¹⁾, *Líp-nếch* – bị vạch mặt là thuần túy dối trá – đừng bôi nhọ bản thân cũng như tờ báo này nữa".

Chiến dịch Au-xbuốc tạm thời kết thúc như vậy.

Lại dùng giọng điệu của bài ca Lau-di-át, *Phô-gtơ* quả quyết rằng "người thợ sắp chữ Phuê-ghe-lơ" đã cung cấp cho tôi và *Líp-nếch* "*bằng chứng giả dối*" (tr.195, "Tác phẩm chính"). Về nguồn gốc của tờ truyền đơn thì ông ta giải thích rằng *Blin-đơ*

"nảy sinh ra sự hoài nghi nào đó và nói lung tung ở khắp nơi. Từ vật liệu này, bạn lưu hoàng chế tạo ra tờ truyền đơn, rồi những bài viết mà chúng gán cho *Blin-đơ* đang

1) Ngày 20 tháng Mười, từ Luân Đôn Bi-xcam-pơ gửi cho Ban biên tập "Allgemeine Zeitung" một bức thư về vụ Phô-gtơ, cuối thư ông ta đề nghị phục vụ tờ báo với tư cách phóng viên⁴⁵⁸. Thư này tôi chỉ biết qua chính tờ báo này. Phô-gtơ sáng chế ra một thứ thuyết đạo đức mà căn cứ vào đó sự ủng hộ một tờ báo đã đình bản làm

1* - điều bí mật

cho tôi phải chịu trách nhiệm về những thư riêng sau này của người chủ biên tờ báo đó. Vậy thì Phô-gtơ cũng phải chịu trách nhiệm lớn như thế nào về tờ "Stimmen der Zeit" của Cô-lát-chếch mà ông ta là cộng tác viên có nhận thù lao của "Monatsschrift"⁴⁵⁹ của Cô-lát-chếch. Khi Bi-xcam-pơ xuất bản tờ "Volk", ông tỏ ra có sự hy sinh cao cả nhất. Để đảm nhận công tác biên tập của tờ báo, ông đã bỏ công việc trước đây mà ông đã làm nhiều năm; ông biên tập tờ báo *không hưởng thù lao* trong những điều kiện rất khó khăn, sau hết, ông đã hy sinh cơ hội gửi các bản tin cho các tờ báo Đức như "Kölnische Zeitung" để có thể hành động theo niềm tin của mình. Tất cả những việc khác đều không liên quan đến tôi, trước đây cũng như hiện nay.

lâm vào tình thế khó xử" (l.c., 218).

Nếu như Phô-gtơ đế quốc, bất chấp lời mời, không mở lại ở Luân Đôn chiến dịch chưa kết thúc của mình thì điều đó xảy ra một phần thì Luân Đôn là "*nơi hẻo lánh*" (tr.229, "Tác phẩm chính"), một phần nữa vì các bên hữu quan "chỉ trích lẫn nhau là dối trá" (l.c.).

Với sự "phê bình thẳng thắn" của mình, nhân vật ấy cho rằng sự can thiệp của toà án chỉ thích hợp khi hai bên *không tranh luận* với nhau về chân lý.

Tôi chuyển qua ba tháng và tiếp tục câu chuyện của mình từ đầu tháng Hai 1860. "Tác phẩm chính" của Phô-gtơ bấy giờ còn chưa đến Luân Đôn, nhưng ở đây đã có *báo hoa* "National - Zeitung" *Béc-lin*, trong đó viết:

"*Phái Mác* có thể gán ghép rất dễ dàng cho *Blin-đơ* là tác giả tờ truyền đơn, chính vì trong cuộc nói chuyện với *Mác* và sau đó trong bài báo trên tờ "Free Press", *Blin-đơ* đã phát biểu những quan điểm tương tự như thế: lợi dụng những ý kiến đó và cách nói đó của *Blin-đơ*, người ta có thể *dựng lên* tờ truyền đơn sao cho nó có vẻ là tác phẩm của ông".

Ông *Blin-đơ*, mà toàn bộ nghệ thuật ngoại giao quy lại, là sự im lặng, giống như Phan-xtáp cho rằng sự thận trọng^{1*} là biểu hiện tốt nhất của sự dũng cảm – , lại im hơi lặng tiếng. Để ông ta mở miệng, tôi công bố ở Luân Đôn bản thông báo bằng tiếng Anh, đề ngày 4 tháng Hai 1860 (xem phụ lục 11).

Trong thông báo đó gửi ông chủ biên tờ "Free Press" có nói như sau:

"Trước khi có những biện pháp tiếp theo, tôi phải vạch mặt những anh chàng rõ ràng đã tiếp tay cho Phô-gtơ. Nhằm mục đích đó, tôi công khai tuyên bố rằng bằng chứng của *Blin-đơ*, *Vi-ê* và *Hô-linh-gơ* nói rằng tờ truyền đơn nặc danh *không* được in ở nhà in

Hô-linh-gơ, số 3, phố Li-sphin, khu Xô-hô, là lời dối trá ô nhục"¹⁾

Sau khi đưa ra chứng cứ của mình, tôi kết thúc như sau:

"Dựa trên tất cả cái đó, tôi lại gọi *Các-lơ Blin-đơ* nói trên là *kẻ dối trá ô nhục* (deliberate liar). Nếu tôi không đúng thì ông ta có thể dễ dàng bác bỏ tôi, kiện tôi trước tòa án Anh".

Ngày 6 tháng Hai 1860, một tờ báo Luân Đôn ("***Daily Telegraph***"⁴⁶⁰) đăng lại - tôi còn trở lại vấn đề này - bài văn tinh hoa của "National-Zeitung", với nhan đề "*The Journalistic Auxiliaries of Austria*" (Những kẻ trợ thủ báo chí của Áo). Về phía mình, tôi bèn kiện "National-Zeitung" về tội vu khống, cảnh cáo báo "Telegraph" bằng vụ thưa kiện như vậy và bắt đầu thu thập tài liệu cần thiết cho vụ kiện ngày 11 tháng Hai 1860, công nhân sắp chữ *Phuê-ghe-lơ* của các nhà in của ông ta tại *Munich* - bài này nhắc lại, về cơ bản tuyên bố ngày 17 tháng Chín 1859, tức là bản thảo tờ truyền đơn **được viết bằng nét chữ của *Blin-đơ*** và một phần do chính ông (*Phuê-ghe-lơ*) và một phần do *Ph.Hô-linh-gơ* sắp chữ ở nhà in *Hô-linh-gơ* (xem phụ lục 12).

Affidavit của người thợ sắp chữ *Vi-ê* quan trọng hơn nhiều, *Blin-đơ* đã **hiều lần** dẫn ra bằng chứng của ông này trên tờ "Allgemeine Zeitung" với sự tin tưởng ngày một tăng.

Do đó, ngoài nguyên bản (xem phụ lục 13), ở đây xin còn dẫn ra bản dịch từng câu từng chữ của ông:

"Trong những ngày đầu tháng Mười một năm nay - tôi không nhớ chính xác ngày nào - vào khoảng 9, 10 giờ tối, tôi bị ông *Ph.Hô-linh-gơ* đánh thức dậy từ trên giường, bấy giờ tôi sống ở nhà ông và làm việc cho ông với tư cách là thợ sắp chữ. Ông đưa cho tôi bản tuyên bố

1) Tôi viết bằng tiếng Anh: "deliberate lie", "Kölnische Zeitung" dịch là: "*lời dối trá ô nhục*". Tôi chấp nhận cách dịch đó, tuy rằng dịch là "*lời dối trá rắp tâm*" thì sát nguyên bản hơn.

1* Séc-h-xpia. "Vua Hen-ri IV". Phần I, hồi V, màn 4.

nói rằng trong 11 tháng qua, tôi *liên tục* làm việc ở nhà ông và trong thời gian ấy ở nhà in của ông Hô-linh-gơ, số 3, phố Li-sphin, khu Xô-hô, *không* sắp chữ cũng như không in tờ truyền đơn tiếng Đức nào gọi là "*Sự phòng ngừa*". Bối rối và không hiểu được ý nghĩa của điều tôi làm, tôi đã làm theo ý muốn của ông, sao chép và ký tên vào tài liệu ấy. Ông Hô-linh-gơ hứa cho tôi *tiền*, nhưng tôi chẳng nhận được gì của ông ta. Sau đó vợ tôi cho tôi biết, trong khi *tiến hành vụ giao kèo như vậy thì ông Các-lơ Blin-đơ chờ ở phòng ông Hô-linh-gơ*. Một ngày sau, khi đang ăn thì bà Hô-linh-gơ gọi tôi đi và đưa tôi vào phòng chồng bà, ở đây tôi chỉ thấy có một mình ông Blin-đơ. Ông ta đưa cho tôi cũng tài liệu mà ông Hô-linh-gơ đưa cho tôi trước đây, và *khẩn khoản yêu cầu tôi (entreatedme) chép và ký tên vào bản thứ hai, vì ông ấy cần hai bản, một bản cho bản thân và một bản để đăng báo. Ông nói thêm rằng ông ta sẽ ơn tôi. Tôi lại chép và ký tên vào tài liệu.*

Tôi chứng nhận tính đúng thực của sự việc trên đây, cũng như những điều sau đây:

1) Trong 11 tháng nói trong văn kiện, có 6 tuần lễ tôi làm việc **không phải** ở nhà ông Hô-linh-gơ, mà ở nhà ông Êc-ma-ni nào đó;

2) Tôi **không** làm việc ở nhà ông Hô-linh-gơ đúng vào thời gian in tờ truyền đơn "*Sự phòng ngừa*";

3) Lúc đó tôi nghe thấy ông Phuê-ghe-lơ, bấy giờ làm việc ở nhà ông Hô-linh-gơ, nói rằng ông ta, Phuê-ghe-lơ, cùng **với chính ông Hô-linh-gơ sắp chữ** cho tờ truyền đơn nói trên và bản thảo mang *nét chữ của Blin-đơ*;

4) Khi tôi làm việc ở nhà ông Hô-linh-gơ thì bản sắp chữ của tờ truyền đơn vẫn còn. *Bản thân tôi đã sắp lại bản sắp chữ ấy để in lại tờ truyền đơn "Sự phòng ngừa" trong tờ báo tiếng Đức "Volk" in tại nhà in của ông Hô-linh-gơ, số 3, phố Li-sphin, khu Xô-hô. Truyền đơn đăng trên số 7 "Volk", ngày 18 tháng Sáu 1859;*

5) Tôi đã thấy ông Hô-linh-gơ trao cho ông Vin-hem Líp-nếch ở nhà số 14, phố Séc-sơ, khu Xô-hô, bản dập thử tờ truyền đơn "*Sự phòng ngừa*" mà trên đó *chính tay ông Các-lơ Blin-đơ* *chứa 4 hoặc 5 chỗ in sai*. Ông Hô-linh-gơ ngập ngừng không biết có nên trao cho ông Líp-nếch bản dập thử hay không và khi ông *Líp-nếch* vừa mới đi khỏi, ông đã tỏ ý với tôi và đồng nghiệp của tôi là Phuê-ghe-lơ rằng ông này lấy làm tiếc là đã để tuột khỏi tay bản dập thử.

I-ô-han Phri-đrich Vi-ê

Phri-đrich Vi-ê nói trên đã tuyên bố và ký tên tại tòa án trị an phố Bôi hôm nay, ngày 8 tháng Hai 1860, trước mặt tôi.

T.Hen-ri, thẩm phán tòa án nói trên"

(Tòa án trị an, phố Bôi)

Hai *affidavits* của các thợ sắp chữ *Phuê-ghe-lơ* và *Vi-ê* đã chứng minh rằng *bản thảo tờ truyền đơn do chính tay Blin-đơ viết và nó được sắp chữ tại nhà in Hô-linh-gơ và Blin-đơ đích thân sửa một bản dập thử*.

Homme d'état^{1*} ấy từ Luân Đôn viết thư cho I-u-li-út Phruê-ben ngày 4 tháng Bảy 1859:

"Ở đây đã xuất hiện - tôi không biết ai viết - lời chỉ trích gay gắt Phô-gtơ về hoạt động mua chuộc. Trong đó có đưa ra một số sự việc tưởng như đã xảy ra mà trước đây chúng tôi không nghe thấy".

Cùng homme d'état ấy viết thư cho Líp-nếch ngày 8 tháng Chín 1859 rằng ông ta

"Không có quan hệ gì tới việc ấy".

Không thỏa mãn với những chiến công ấy, ngài công dân và nhân vật nhà nước *Blin-đơ* còn dựa vào lời hứa của *Phi-đê-li-ô Hô-linh-gơ* là cho *tiền anh thợ sắp chữ Vi-ê* và dựa vào lời hứa của bản thân là sau này sẽ tạ ơn anh ta, để *bịa ra một bản tuyên bố giả dối* mà ông ta *dụ dỗ người thợ sắp chữ Vi-ê, ký tên*.

Ông ta không những gửi "*Allgemeine Zeitung*" tác phẩm đó của ông ta với chữ ký thu được bằng con đường lừa bịp, cùng với chứng cứ dối trá của *Phi-đê-li-ô Hô-linh-gơ*, mà còn "*nhiều lần*" "*dẫn ra*" những "*văn kiện*" ấy trong bản tuyên bố thứ hai của mình và dựa vào những "*văn kiện*" đó để buộc tội tôi, với sự công phần đầy đạo đức, là "sự hiển nhiên" dối trá".

Bản sao của hai *affidavits*, của *Phuê-ghe-lơ* và *Vi-ê*, tôi đã gửi cho các giới. Điều đó dẫn tới cuộc gặp mặt, tại nhà của ông *Blin-đơ*, giữa *Blin-đơ*, *Phi-đê-li-ô Hô-linh-gơ* và một người bạn của gia

1* — Nhà hoạt động nhà nước

đình Blin-đơ, bác sĩ y khoa ngài *Các Sai-bơ*, một con người dễ mến, lặn lội, trên một mức độ nhất định đóng vai điều đóm trong hoạt động chính trị của Blin-đơ.

Và thế là, trên "Daily Telegraph" số ra ngày 15 tháng Hai 1860 xuất hiện bản tin mà về sau được đăng lại trong các tờ báo tiếng Đức, dịch ra như sau:

"Truyện đơn dả kích Phô-gơ"

Gửi người xuất bản tờ "Daily Telegraph"

Thưa ngài! Xét rằng những tin đồn giả dối đang lan truyền, tôi cảm thấy mình có trách nhiệm với ông Blin-đơ cũng như với ông Mác, nên chính thức tuyên bố rằng cả hai ông đều không phải là *tác giả* tờ truyền đơn xuất hiện ít lâu nay chống lại giáo sư Phô-gơ ở Giơ-ne-vơ. Tờ truyền đơn ấy do tôi viết và tôi chịu trách nhiệm về nó. Do tôn trọng ông Mác cũng như ông Blin-đơ, tôi tỏ ý tiếc rằng hoàn cảnh không tùy thuộc vào tôi đã cản trở tôi ra lời tuyên bố này sớm hơn.

Luân Đôn, ngày 14 tháng Hai 1860.

Các Sai-bơ, bác sĩ y khoa"

Ông Sai-bơ gửi cho tôi bản tuyên bố đó. Sau khi bỏ qua những quy tắc xã giao, tôi gửi cho ông affidavits của các thợ sắp chữ Phuê-ghe-lơ và Vi-ê, đồng thời viết thư nói rằng bản tuyên bố của ông (của Sai-bơ không hề thay đổi những bằng chứng giả dối mà *Blin-đơ* gửi cho "Allgemeine Zeitung", cũng như conspiracy^{1*} của *Blin-đơ* với *Hô-linh-gơ* nhằm mục đích lừa Vi-ê ký tên để *dựng lên văn kiện giả tạo*.

Blin-đơ cảm thấy rằng hiện nay ông ta không đứng trên nền tảng vững vàng của "Allgemeine Zeitung", mà là đứng trước tòa án Anh nên tỏ ra hết sức lo sợ. Nếu ông ta muốn làm mất hiệu lực của những affidavits nói trên và của "sự lằng nhục thô bạo" dựa trên những affidavits đó trong thông báo của tôi, thì ông ta và *Hô-linh-gơ*

1* — sự thỏa thuận bí mật

phải đưa ra những affidavits của chính họ để *đập lại* chúng; song người ta không cho phép đùa cợt với những vụ án hình sự.

Ây-de-lơ-Blin-đơ không phải là tác giả tờ truyền đơn, vì Bây-de-lơ-Sai-bơ đã công khai tuyên bố mình là tác giả của nó. Blin-đơ chỉ *viết* bản thảo tờ truyền đơn, chỉ *đưa nó* cho *Hô-linh-gơ để in*, chỉ chính tay sửa bản dập thủ, chỉ cùng với *Hô-linh-gơ dựng lên* những bằng chứng giả dối để bác bỏ những sự thực ấy và gửi những bằng chứng ấy cho tờ "Allgemeine Zeitung". Song ông ta vẫn là người vô tội chưa được công nhận, vì ông không phải là *tác giả* tờ truyền đơn và không phải là *người khởi xướng* ra việc xuất bản nó. Ông chỉ hành động với tư cách là *người chấp bút của Bây-de-lơ-Sai-bơ*. Chính vì vậy mà ngày 4 tháng Bảy 1859 ông không biết "*ai*" đã tung ra tờ truyền đơn, còn ngày 8 tháng Chín 1859 ông "*chẳng có quan hệ gì với việc đó*". Vậy thì chúng ta hãy làm cho ông ta yên tâm: *Bây-de-lơ-Sai-bơ là tác giả* tờ truyền đơn theo ý nghĩa văn chương, còn *Ây-de-lơ-Blin-đơ* là tác giả của nó theo ý nghĩa kỹ thuật đối với luật pháp nước Anh và là *người xuất bản chịu trách nhiệm* theo ý nghĩa luật pháp của mọi dân tộc văn minh Habeat sibi!^{2*}

Xin nói đôi câu với ông bác sĩ Bây-de-lơ-Sai-bơ để từ biệt.

2* — Tùy ông ta thôi!

Bài phỉ báng tôi, do *Phô-gơ* công bố trên "Handels Courier", ở Bi-lơ có ghi: *Béc-nơ, ngày 23 tháng Năm 1859*, với nhan đề "*Sự phòng ngừa*". Tờ truyền đơn do *Sai-bơ* được viết vào đầu tháng Sáu 1859 và do thư ký của ông ta *Blin-đơ* chép và xuất bản, trong đó - có chỉ ra những chi tiết hoàn toàn xác định vạch mặt *Phô-gơ* là tay sai "*bị mua chuộc*" của Lu-i Bô-na-pác-tơ và "*đi mua chuộc*" người khác, cũng mang nhan đề "*Sự phòng ngừa*". Ngoài ra bài này mang chữ ký *C*. Tuy trong đại số học, *C* chỉ một đại lượng chưa biết, song nó lại là chữ cái cuối cùng của họ tôi. Có lẽ người ta muốn dùng nhan đề của tờ truyền đơn của *Sai-bơ* "*Sự phòng ngừa*" và chữ ký trong tờ truyền đơn đó để gây ấn tượng rằng tờ truyền đơn ấy là sự trả lời của tôi đối với bài "*Sự phòng ngừa*" của *Phô-gơ* chẳng? *Sai-bơ* hứa sẽ có bài vạch mặt trên số 2, nếu *Phô-gơ* cả gan phỉ báng bài vạch mặt số 1. *Phô-gơ* không những phỉ nhận, mà còn trả lời bài "*Sự phòng ngừa*" của *Sai-bơ* bằng cách tố cáo về tội vu khống. Còn trên số 2 của ngài *Sai-bơ* thì cho tới nay vẫn chưa được ra mắt. *Sai-bơ* ghi trên tờ truyền đơn của mình mấy chữ "*yêu cầu phổ biến*". Nhưng khi Líp-nếch thỏa mãn "*yêu cầu* ấy", "*phổ biến*" tờ truyền đơn ấy qua "*Allgemeine Zeitung*", thì hoàn cảnh không tùy thuộc vào ông ta" đã khóa miệng ông *Sai-bơ* từ tháng Sáu 1859 đến tháng Hai 1860, và chỉ có những Affidavits ở tòa án trị an ở phố Bôi mới làm ông ta mở miệng.

Dù sao đi nữa, *Sai-bơ*, vốn là bên nguyên của *Phô-gơ*, bây giờ đã công khai nhận trách nhiệm về những sự việc nêu trong tờ truyền đơn. Do đó, chiến dịch Au-xbuốc kết thúc không phải bằng thắng lợi của những kẻ bảo vệ *Phô-gơ*, mà rút cục, bằng sự xuất hiện của kẻ công kích *Sai-bơ* trên vũ đài.

VIII

ÔNG PHÔ-GƠ ĐA-ĐA VÀ NHỮNG NGHIÊN CỨU CỦA ÔNG TA

"SINE STUDIO"^{1*}

Chừng một tháng trước khi nổ ra cuộc chiến tranh I-ta-li-a, cái gọi là "*Nghiên cứu về tình hình châu Âu hiện nay*" của *Phô-gơ*, Giơ-ne-vơ, 1859, ra mắt. Cui bono?^{2*}

Phô-gơ biết rằng

"Trong cuộc chiến tranh sắp nổ ra, Anh vẫn giữ trung lập ("*Nghiên cứu*", t.4.)

Ông ta biết rằng *Nga*

"thỏa thuận với Pháp, sẽ thi hành mọi biện pháp để làm hại Áo, nhưng không vượt quá giới hạn của sự thù địch công khai" ("*Nghiên cứu*", tr.13).

Ông ta biết rằng *Phổ* – nhưng hãy để chính ông ta nói với chúng ta rằng ông ta biết nước *Phổ*.

"Những người thiện cận nhất hiện nay cũng biết rõ rằng đang có hiệp định giữa Chính phủ *Phổ* và Chính phủ của hoàng đế *Pháp*; rằng *Phổ* sẽ không tuốt kiếm để bảo vệ những tỉnh không phải của Đức thuộc Áo; rằng *Phổ* đồng ý tất cả những biện pháp cần thiết để bảo vệ lãnh thổ của Hiệp bang, nhưng đồng thời sẽ ngăn ngừa

1* "*Sine studio*" nghĩa là "không thiên vị", Mác dùng phụ đề đó để ám chỉ một cách châm biếm sự thiên vị của "*Nghiên cứu*" ("*Studien*") của *Phô-gơ*.

2* – Có lợi cho ai?

mọi sự tham gia của Hiệp bang, hoặc của các thành viên cá biệt của nó, đứng về phía Áo, – để rồi trong thời gian đàm phán hoà bình sau này sẽ được phần thưởng của mình ở vùng bình nguyên Bắc Đức vì đã có những cố gắng đó" (l.c., tr.19).

Do đó, facit^{1*}: trong cuộc thập tự chinh sắp tới của Bô-na-pác-tơ chống lại Áo, Anh vẫn giữ trung lập, Nga sẽ hành động thù địch đối với Áo, Phổ sẽ kìm hãm những thành viên hiếu chiến của Hiệp bang⁴⁶¹, còn châu Âu thì ra sức làm cho cuộc chiến tranh có tính chất cục bộ. Lu-i Bô-na-pác-tơ hiện nay sẽ tiến hành cuộc chiến tranh I-ta-li-a, cũng như trước kia tiến hành cuộc chiến tranh chống Nga, với sự cho phép của đẳng tối cao, và có thể nói là với tư cách viên tướng bí mật của đồng minh châu Âu. Vậy cuốn sách nhỏ của Phô-gtơ viết ra để làm gì? Một khi Phô-gtơ đã biết rằng Anh, Nga và Phổ sẽ hành động chống lại Áo, thì cái gì buộc ông ta viết cuốn sách có lợi cho Bô-na-pác-tơ? Nhưng, xem ra thì - ngoài cái tâm trạng muốn ăn thịt người Pháp đã có từ trước cùng với "bố già lẩm cẩm An-đơ và với bóng ma của I-an bé nhỏ đứng đầu" (l.c., tr.121) – "dân tộc Đức" đang bị cuốn hút vào một thứ phong trào dân tộc được hưởng ứng trong các "nghị viện và báo chí", "đồng thời các chính phủ chỉ tán thành trào lưu thống trị ấy một cách chậm chạp và không phải không có sự chống cự gì" (l.c., tr.114). Xem ra thì "sự tin chắc vào mối nguy đang đe dọa" làm cho "nhân dân" Đức phát ra "lời kêu gọi thi hành những biện pháp chung" (l.c.) "**Moniteur**" của Pháp (chẳng hạn, hãy xem số ra ngày 15 tháng Ba 1859) nhìn phong trào ấy ở Đức với "sự đau buồn và kinh ngạc".

"Trong các nghị viện và trên báo chí một số quốc gia thuộc Hiệp bang Đức" – tờ báo ấy thốt lên – "đang tuyên truyền một thứ thập tự chinh chống nước Pháp. Họ buộc tội nó theo đuổi những kế hoạch đầy tham vọng mà Pháp đã từ bỏ, buộc tội nó chuẩn bị những cuộc xâm lược mà Pháp không cần tới" và v.v..

1* – kết luận

Trả lời những "lời buộc tội có tính chất vu khống" ấy, "Moniteur" tuyên bố rằng hành vi của "hoàng đế" trong vấn đề I-ta-li-a, "trái lại", phải "làm cho đầu óc người Đức tin tưởng sâu sắc nhất" về cái điều là việc bảo đảm sự thống nhất của Đức và lợi ích dân tộc của người Đức, trên mức độ nhất định là ý tưởng thiêng liêng của nước Pháp về cuộc đảo chính tháng Chạp v.v.. Song "Moniteur" thừa nhận (xem số ra ngày 10 tháng Tư 1859) rằng sự lo ngại của người Đức xem ra có thể "bị kích động "bởi một số cuốn sách nhỏ ở Pa-ri trong đó nói rằng Lu-i Bô-na-pác-tơ khản khoản cầu xin bản thân mình hãy tạo cho nhân dân mình sử dụng "cơ hội chờ đợi từ lâu" - đó là "pour étendre majestueusement des Alpes au Rhin" ("để mở rộng đất đai một cách hùng vĩ, từ dãy núi An-pơ đến sông Ranh").

"Nhưng". – "Moniteur" viết – "Nước Đức quên rằng nước Pháp được sự bảo hộ của cơ quan lập pháp không cho phép chính phủ có sự giám sát trước nào cả".

Những lời tuyên bố như thế của "Moniteur", như đã báo cáo với bá tước Man-mơ-xbê-ri (xem Sách xanh về sự kiện I-ta-li-a tháng Giêng - tháng Năm 1859⁴⁶², đã gây ra tác dụng trái ngược hẳn với điều mà nó mong muốn. Những điều mà "Moniteur" không đạt được thì có lẽ *Các Phô-gtơ* đã đạt được. Tác phẩm "Nghiên cứu" của ông ta không phải cái gì khác hơn là tập *hội biên*, bằng tiếng Đức, các bài báo của "Moniteur", các cuốn sách nhỏ *Đan-ti-u* xuất bản và các bản đồ tương lai của Bô-na-pác-tơ.

Những lời bàn suông chính trị của *Phô-gtơ* về nước Anh chỉ đáng quan tâm ở chỗ phơi bày tính chất của "*Nghiên cứu*" của ông ta. Hoà nhịp với những nguồn ban đầu tiếng Pháp của mình, ông ta biến đô đốc Anh, ngài *Sác-li Nây-pia*, thành "*huân tước Nây-pia*" ("*Nghiên cứu*", tr.4) qua cuộc trình diễn ở nhà hát Poóc-tơ

Xanh-Mác-tanh⁴⁶³, lính du-a-vơ trong văn đàn được biết rằng mỗi người Anh có tên tuổi ít ra cũng là một huân tước.

"Nước Anh chưa bao giờ" – *Phô-gơ* kể – "có thể sống hoà thuận với Áo trong một thời gian tương đối dài. Nếu như lợi ích chung *nhất thời* làm cho họ kết hợp với nhau trong *một thời gian nào đó*, thì nhu cầu cần thiết về chính trị *tiếp theo sau* bao giờ cũng lại chia rẽ họ. Với Phổ thì, trái hẳn, Anh thường xuyên có quan hệ rất chặt chẽ" và v.v. (l.c., tr.2).

Quả thực như vậy! Cuộc đấu tranh chung của Anh và Áo chống Lu-i XIV kéo dài, với mấy lần gián đoạn không đáng kể, từ năm 1689 đến năm 1713, tức là gần một phần tư thế kỷ. Trong cuộc chiến tranh nhằm kế thừa ngôi vua Áo, Anh đã cùng Áo chiến đấu sáu năm chống Phổ và Pháp. Chỉ có trong cuộc Chiến tranh bảy năm⁴⁶⁴ Anh đã liên minh với Phổ chống lại Áo và Pháp, nhưng ngay từ năm 1762 huân tước Bu-thơ phản bội Phri-đrich Đại đế, bằng việc đề nghị tiến hành "chia cắt Phổ", khi thì đề nghị với công sứ Nga Gô-li-txun, khi thì với bộ trưởng Áo Cau-nít-xơ. Năm 1790 Anh đã liên minh với Phổ chống Nga và Áo, nhưng khối liên minh ấy lại tan rã cùng trong năm ấy. Trong cuộc chiến tranh chống Gia-cô-banh, bất chấp sự trợ cấp của Pít, Phổ đã ký Hiệp ước Ba-lơ⁴⁶⁵ và rút khỏi liên minh châu Âu. Trái lại, Áo bị Anh xúi giục, đã tiếp tục cuộc chiến đấu từ năm 1793 đến năm 1809, trừ mấy lần gián đoạn ngắn. Na-pô-lê-ông vừa bị phế truất, thì ngay trong thời gian Đại hội Viên, Anh đã ký ngay với Áo và Pháp hiệp ước bí mật (ngày 3 tháng Giêng 1815) chống Nga và Phổ⁴⁶⁶. Năm 1821 Mét-téc-ních và Ca-xlê-ri đã ký ở Han-nô-vơ một hiệp nghị mới chống Nga⁴⁶⁷. Do đó, trong khi bản thân người Anh – các nhà sử học và các diễn giả trong nghị viện – nói về Áo chủ yếu như là "ancient ally" (đồng minh cũ) thì *Phô-gơ* phát hiện, trong nguyên bản của mình, – những cuốn sách nhỏ tiếng Pháp do *Đan-tiu* xuất bản – rằng nếu không tính đến "sự nhất trí tạm thời" thì Áo và Anh bao giờ cũng chia rẽ, còn Anh và Phổ thì,

trái lại, bao giờ cũng nhất trí, do đó huân tước Linh-huê-xơ trong thời kỳ chiến tranh với Nga đã thốt lên ở Thượng nghị viện khi nói về Phổ: Quemtú, Romane, caveto!"^{1*}. Nước Anh theo Tân giáo ghét nước Áo theo Thiên chúa giáo, nước Anh tự do ghét nước Áo bảo thủ, nước Anh chủ trương mậu dịch tự do ghét nước Áo theo chính sách bảo hộ thuế quan, nước Anh có khả năng thanh toán ghét nước Áo phá sản. Nhưng yếu tố đa cảm bao giờ cũng xa lạ với lịch sử nước Anh. Trong 30 năm cai trị nước Anh của mình, quả thực huân tước *Pan-móc-xơn* hề có dịp là dùng thái độ ác cảm của mình đối với Áo để che đậy địa vị phụ thuộc của mình đối với Nga. Do "ác cảm" đối với Áo mà năm 1848 ông đã cự tuyệt, chẳng hạn, đề nghị của Áo, được Pi-ê-mông và Pháp tán thành, là Anh đứng ra làm trung gian điều đình trong vấn đề I-ta-li-a, với điều kiện Áo rút về tuyến Ê-sơ và Vê-rô-na, Lô-m-bác-di – nếu nó muốn – thì có thể sáp nhập vào Pi-ê-mông, còn Pác-ma và Mô-đê-na thì trao cho Lô-m-bác-di, còn Vơ-ni-dơ hình thành một quốc gia I-ta-li-a độc lập do đại công tước Áo cai quản và tự đặt ra hiến pháp của mình (xem *Sách xanh về sự kiện I-ta-li-a*, phần II, tháng Bảy 1849, các số 377, 478). Những điều kiện ấy dù sao vẫn có lợi hơn những điều kiện của Hoà ước Vi-la-phrăng-ca⁴⁶⁸. Sau khi Ra-đét-xki đánh bại người I-ta-li-a, bản thân Pan-móc-xơn lại đưa ra những điều kiện mà ông ta bác bỏ trước đây. Khi lợi ích của Nga yêu cầu những hành vi ngược lại vào thời kỳ chiến tranh giành độc lập của *Hung-ga-ri*, thì Pan-móc-xơn bất chấp "ác cảm" của mình đối với Áo – vịn vào hiệp ước năm 1711⁴⁶⁹ đã từ chối sự chi viện mà người Hung-ga-ri yêu cầu; ông ta thậm chí còn cự tuyệt mọi sự phản kháng đòi chống lại

1* - "Hãy đề phòng nó, hỡi người La Mã!" (Phỏng theo câu thơ trong tập "Thơ châm biếm" của Hô-ra-xơ, quyển I, bài thơ châm biếm số 4).

sự can thiệp của Nga, vì

"độc lập chính trị và tự do của châu Âu liên quan đến sự tồn tại và sự toàn vẹn của Áo với tính cách đại cường quốc châu Âu" (phiên họp ngày 21 tháng Bảy 1849 của Hạ nghị viện).

Phô-gơ nói tiếp:

"Lợi ích của Vương quốc liên hiệp... *khắp mọi nơi đều thù địch* với chúng" (những lợi ích của Áo) (l.c., tr.2).

Cái "khắp mọi nơi" ấy biến ngay thành Địa Trung Hải.

Dù sao thì Anh cũng muốn củng cố ảnh hưởng của mình ở Địa Trung Hải và tại các nước ở ven biển ấy. Na-plơ và Xi-xin, Man-ta và quần đảo I-ô-niêng, Xi-ry và Ai Cập là những điểm tựa của chính sách của Anh hướng về *Đông Ấn*, ở *khắp nơi* trong những điểm tựa ấy. Áo đã gây ra trở ngại *mạnh mẽ* cho Anh" (l.c.).

Trong những điều mà ông *Phô-gơ* ấy đọc trong nguyên bản của mình - những cuốn sách nhỏ của những kẻ ủng hộ cuộc đảo chính tháng Chạp, do Đan-tiu xuất bản ở Pa-ri - chẳng có gì ông ta không tin cả. Cho tới nay người Anh vẫn nghĩ rằng họ tranh giành Man-ta và quần đảo I-ô-niêng khi thì với người Nga, khi thì với người Pháp, chứ không bao giờ với người Áo. Pháp chứ không phải Áo đã cử quân viễn chinh sang Ai Cập và hiện nay đang tăng cường địa vị trên eo Xuy-ê; Pháp chứ không phải Áo đã chinh phục bờ biển Bắc Phi và liên minh với Tây Ban Nha định giật lấy Gi-bran-ta của Anh; Anh đã ký hiệp ước tháng Bảy 1840 về Ai Cập và Xy-ri để cùng với Áo chống lại Pháp⁴⁷⁰, trong "*chính sách hướng về Đông Ấn*", ở đâu đâu Anh cũng vấp phải "trở ngại mạnh mẽ" từ phía Nga, chứ không phải từ phía Áo, trong cuộc tranh chấp nghiêm trọng duy nhất giữa Anh và Na-plơ, về vấn đề lưu hoàng năm 1840, độc quyền

của công ty *Pháp* chứ không phải công ty Áo đã là lý do va chạm⁴⁷¹; sau hết ở bên kia biển La Măng-sơ, hễ có dịp là người ta nói đến việc biến Địa Trung Hải thành "lac francais"^{1*} chứ không bao giờ nói đến việc biến nó thành "lac autrichien"^{2*}. Nhưng ở đây cần lưu ý một tình huống quan trọng.

Đó là năm 1858 ở Luân Đôn xuất hiện bản đồ châu Âu nhan đề "*L'Europe en 1860*" ("Châu Âu năm 1860"). Bản đồ này do đại sứ quán Pháp xuất bản bao gồm một số điều chỉ dẫn có tính chất tiên tri đối với năm 1858 – chẳng hạn, Lôm-bác-đi và Vơ-ni-dơ bị sáp nhập vào Pi-ê-mông, còn Ma-rốc sáp nhập vào Tây Ban Nha, đã sửa lại địa lý chính trị toàn châu Âu, trừ một ngoại lệ duy nhất là Pháp, xem ra nó vẫn nằm trong biên giới cũ của mình. Những đất đai dành cho Pháp lại được đem phân chia, với sự châm biếm che giấu, cho những ông chủ không thể tưởng tượng được. Ví dụ: Áo được *Ai Cập*; và những chỗ ghi chú trên lề bản đồ thì ghi: "Français Joseph I, l'Empereur d'Autriche et d'Egypte" (Phran-txơ-I-ô-xíp I, hoàng đế Áo và Ai Cập).

Trước mắt *Phô-gơ* là tấm bản đồ "*Châu Âu năm 1860*" với tính cách kim chỉ nam tháng Chạp. Từ đó ông ta đưa ra cuộc xung đột giữa Anh và Áo vì *Ai Cập* và *Xi-ry*. *Phô-gơ* tiên tri rằng cuộc xung đột ấy "sẽ kết thúc bằng sự diệt vong của một trong những cường quốc đối địch" ấy, *nếu như*, như ông ta còn kịp thời nhớ ra, "*nếu như Áo có hải quân*" (l.c., tr.2). Nhưng tri thức lịch sử độc đáo của "Nghiên cứu" của ông ta đã đạt tới tột đỉnh của đoạn sau:

"Khi Na-pô-lê-ông I đã từng mưu toan gây ra sự phá sản của *Ngân hàng Anh* [die englische Bank], ngân hàng này *trong vòng một ngày* đã thoát khỏi khó khăn, nhờ việc nó

1* – "hồ của Pháp"

2* – "hồ của Áo"

đếm tiền chứ không cần tiền như thường làm cho tới nay; quỹ quốc gia của Áo cả³⁶⁵ ngày trong một năm đều ở vào tình trạng giống thế, thậm chí còn xấu hơn nhiều" (l.c., t.43).

Như mọi người đều biết, Ngân hàng Anh [die Bank von England] (die englische Bank cũng là bóng ma của Phô-gơ) đã đình chỉ việc đổi tiền giấy ra vàng từ tháng Hai 1797 đến 1821; suốt 24 năm ấy, giấy bạc Anh nói chung không được đổi ra tiền kim loại, dù là dưới hình thức cân hoặc đếm. Khi người ta ngừng đổi tiền ra vàng thì ở Pháp còn chưa có Na-pô-lê-ông I nào cả (tuy bấy giờ tướng Bô-na-pác-tơ đang tiến hành chiến dịch I-ta-li-a đầu tiên của mình), còn đến khi tại phố Tô-rét-nít người ta phục hồi việc đổi giấy bạc thì Na-pô-lê-ông I đã không còn ở châu Âu nữa. Cái thứ "Nghiên cứu" như thế thậm chí vượt cả cuộc chinh phục theo kiểu *La-Ghê-rô-ni-e-rơ* của "hoàng đế" Áo đối với Ti-rôn.

Bà Cru-dê-ne-rơ, mẹ của Liên minh thần thánh, phân biệt giữa cái thiện, "*thiên thần trắng phương Bắc*" (A-lếch-xan-đơ I) và cái ác "*thiên thần đen phương Nam*" (Na-pô-lê-ông I). Phô-gơ, bố nuôi của Liên minh thần thánh mới, đã biến cả hai – Nga hoàng và Xê-da, tức A-lếch-xan-đơ II và Na-pô-lê-ông III – thành những "*thiên thần trắng*", cả hai đều được số mệnh quyết định làm những người giải phóng châu Âu.

Pi-ê-mông, Phô-gơ nói, "**thậm chí giành được sự tôn trọng của nước Nga**" (l.c., tr.71).

"*Thậm chí giành được sự tôn trọng của nước Nga* (l.c., tr.71). Đối với một quốc gia còn có thể nói gì hơn nữa? Nhất là sau khi Pi-ê-mông nhượng cho Nga quân cảng Vi-la-phrăng-ca, còn cũng cái ông Phô-gơ ấy đã cảnh cáo như sau về việc Phổ mua vịnh I-a-đơ⁴⁷².

"quân cảng" nước ngoài mà không có liên hệ hữu cơ với nước chiếm giữ nó - đó là điều phi lý nực cười biết nhường nào, vì sự tồn tại của một quân cảng như thế chỉ có ý nghĩa trong trường hợp người ta coi nó, trên mức độ nhất định là mục tiêu cho những ý định sau này, là ngọn cờ nhỏ giương lên làm đường ngắm bắn ("Nghiên cứu", tr.15).

Mọi người đều biết, Ê-ca-tê-ri-na II đã từng cố gắng chiếm cho

nước Nga một số quân cảng ở Địa Trung Hải.

Sự sẵn sàng ân cần đối với "thiên thần trắng" phương Bắc đã dẫn Phô-gơ tới chỗ phá hoại cực kỳ thô bạo "tính khiêm tốn bẩm sinh", vì tính khiêm tốn này đã từng có trong nguyên tắc của ông ta do Đan-tiu xuất bản. Trong tập sách nhỏ "*Thực chất vấn đề, Pháp - I-ta-li-a - Áo*", *Pa-ri, 1859* (Đan-tiu xuất bản)⁴⁷³, ông ta đọc ở trang 20.

"Nhưng Chính phủ Áo dựa vào lý do gì để viện ra tính không thể phá hoại của hiệp ước năm 1815 khi bản thân chính phủ đó phá hoại nó bằng việc *chiếm Cra-cốp* mà nền độc lập của nó do hiệp ước ấy bảo đảm?"¹⁾

Phô-gơ dịch nguyên bản tiếng Pháp của mình ra tiếng Đức như sau:

"Thật ngạc nhiên như nghe thấy những lời tương tự từ cửa miệng *chính phủ duy nhất cho tới nay vẫn phá hoại một cách vô liêm sỉ các hiệp ước*, trong thời bình, chẳng hề có lý do gì, nó đã thò bàn tay tội ác của nó vào nước Cộng hòa Cra-cốp được hiệp ước bảo đảm và chẳng phải quanh co lâu nó đã sáp nhập nước cộng hòa này vào thành phần của đế quốc" (l.c., tr. 58).

Dĩ nhiên, Ni-cô-lai thủ tiêu hiến pháp và nền độc lập của Vương quốc Ba Lan được hiệp ước 1815 bảo đảm, vì ông ta "tôn trọng" hiệp ước năm 1815. Đưa quân đội của mình chiếm thành phố tự do Cra-cốp vào năm 1831, người Nga đã tỏ ra không kém phần tôn trọng sự bất khả xâm phạm của thành phố này. Năm 1836 Cra-cốp lại bị người Nga, người Áo và người Phổ chiếm, người ta đối xử với nó như vùng đất bị chinh phục, và ngay từ năm 1840, dựa vào hiệp ước năm 1815, nó đã uống công kêu gọi Anh và Pháp. Sau hết, ngày 22 tháng Hai 1846 người Nga, người

1) "De quel droit, d'ailleurs, le gouvernement autrichien viendrait-il invoquer l'invi confisquant Cracovie, dont ces traités garantissaient l'indépendance?"

Áo và người Phổ lại chiếm Cra-cốp để sáp nhập nó vào Áo⁴⁷⁴. Việc phá hoại những hiệp ước ấy là do *ba cường quốc phương Bắc* tiến hành, còn cuộc xâm chiếm của Áo năm 1846 chỉ là lời kết thúc cuộc xâm phạm của Nga năm 1831. Xuất phát từ thái độ lịch sử đối với "thiên thần trắng phương Bắc", – Phô-gtô đã quên mất việc xâm chiếm Ba Lan và xuyên tạc lịch sử cuộc xâm chiếm Cra-cốp¹⁾.

Việc nước Nga "luôn luôn thù địch với Áo và có cảm tình với Pháp" làm cho Phô-gtô không nghi ngờ gì về khuynh hướng giải phóng nhân dân của Lu-i Bô-na-pác-tô, cũng như việc "chính sách của ông ta" (Lu-i Bô-na-pác-tô) "*hiện nay có quan hệ hết sức chặt chẽ với chính sách của Nga*" (tr.30) làm cho Phô-gtô không chút hoài nghi về khuynh hướng giải phóng nhân dân của A-lếch-xan-đrô II.

Do đó, phải xem nước Nga thần thánh ở phương Đông là "Người bạn của nguyện vọng giải phóng" và "của sự phát triển nhân dân và dân tộc", giống như nước Pháp của cuộc chính biến tháng Chạp là người bạn đó ở phương Tây vậy. Khẩu hiệu ấy đã được phát cho tất cả những kẻ đại diện cho cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp.

"Nước Nga" – Phô-gtô đọc trong cuốn sách nhỏ do Đan-tiu xuất bản: "*Sự ràng buộc của các hiệp ước, các cường quốc đã ký các hiệp ước và hoàng đế Na-pô-lê-ông III*". Pa-ri, 1859⁴⁷⁶ – "Nước Nga thuộc về gia đình người Xla-vơ, thuộc chủng tộc ưu tú... Người ta ngạc nhiên về sự thỏa thuận có tính chất hiệp sĩ đột nhiên nảy sinh giữa Pháp và Nga. Không có gì tự nhiên hơn: *sự giống nhau về nguyên tắc, sự nhất trí về mục đích, sự tuân theo của các chính phủ và các dân tộc đối với luật lệ của Liên minh thần thánh*, không phải để lừa gạt và cướp bóc, mà để hướng dẫn và hỗ trợ bước đi của các dân tộc theo con đường của Thượng đế. Từ sự

1) Pan-mốc-xtôn lửa bịp châu Âu bằng lời phản kháng nực cười của mình, từ năm 1831 ông ta đã đặt sự tham gia nhưng âm mưu chống Cra-cốp (Xem bài đả kích của tôi "*Pan-mốc-xtôn và Ba Lan*", *Luân Đôn*, 1853)⁴⁷⁵.

thần thiết hết sức chứa chan ấy" (giữa Lu-i Phi-líp và Anh chỉ có entente cordiale^{1*}, nhưng giữa Lu-i Bô-na-pác-tô và Nga có la cordialité la plus parfaite^{2*}) "đã sản sinh ra những kết quả tốt đẹp nhất: đường sắt, *sự giải phóng nông nô*, bến tàu buôn ở Địa Trung Hải, v.v..."¹⁾

Phô-gtô vớ lấy "sự giải phóng nông nô" và ám chỉ rằng:

"cái đã vừa có được trong lúc này... sẽ biến nước Nga thành bạn hơn là thành thù của những nguyện vọng giải phóng" (l.c., tr. 10).

Ồ Phô-gtô cũng như ở nguyên bản của ông ta, do Đan-tiu xuất bản, sự thúc đẩy đối với cái gọi là công cuộc giải phóng nông nô ở Nga là do Lu-i Bô-na-pác-tô mà có được, nhằm mục đích đó, ông ta biến sự thúc đẩy ấy là cuộc chiến tranh Anh - Thổ Nhĩ Kỳ - Pháp - Nga thành "*cuộc chiến tranh của Pháp*" (l.c., tr.9).

Mọi người đều biết, lời kêu gọi giải phóng nông nô lần đầu tiên vang lên mạnh mẽ và kiên quyết dưới thời A-lếch-xan-đrô I. Suốt đời mình, Nga hoàng Ni-cô-lai đã nghiên cứu vấn đề giải phóng nông nô; nhằm mục đích đó, năm 1838 ông đã thành lập một bộ chuyên trách về tài sản quốc gia, năm 1843 ra lệnh cho bộ này tiến hành các bước chuẩn bị và năm 1847 thậm chí đã ban hành những đạo luật có lợi cho nông dân về việc bán các lãnh địa quý tộc⁴⁷⁷, song chỉ đến năm 1848 sự sợ hãi trước cách mạng đã khiến ông lại thủ tiêu những đạo luật ấy. Do đó, nếu vấn đề giải

1* – sự thỏa thuận nhiệt thành

2* – sự thân thiết hết sức chứa chan

1) "La Russie est de la famille des Slaves, race d'élite... On s'est étonné de l'accord chevaleresque survenu soudainement entre la France et la Russie. Rien de plus naturel: accord de principes, unanimité de but... *soumission à la loi de l'alliance sainte des "gouvernements et des peuples*, non pour leurrer et contraindre, mais pour guider et aider la marche divine des nations. De la cordialité la plus parfaite sont sortis les plus heureux effets: chemins de fer, *affranchissement des serfs*, stations commerciales dans la Méditerranée etc.", p.33. "*La Foi des Traités etc.*". Paris, 1850.

phóng nông nô dưới thời "Nga hoàng tốt bụng", như *Phô-gtô* có nhã ý gọi A-lếch-xan-đrơ II, đã có sự tiến triển rất mạnh, thì điều đó xảy ra hiển nhiên là do sự phát triển của các quan hệ kinh tế mà ngay cả Nga hoàng cũng không chi phối được. Ngoài ra, sự giải phóng nông nô *theo tinh thần của Chính phủ Nga* có thể tăng cường gấp trăm lần tính xâm lược của Nga. Sự giải phóng đó chỉ nhằm mục đích đưa chế độ chuyên chế lên cực độ bằng cách thủ tiêu những chướng ngại mà ông vua chuyên chế lớn trước đây vấp phải từ phía rất nhiều những ông vua chuyên chế nhỏ trong giới quý tộc Nga dựa vào chế độ nông nô và từ phía các công xã nông dân tự quản mà cơ sở vật chất, tức chế độ sở hữu công xã của chúng, sẽ bị cái gọi là sự giải phóng tiêu diệt.

Nhưng hóa ra nông nô Nga hiểu sự giải phóng khác với chính phủ, còn giới quý tộc Nga lại hiểu nó theo cách khác nữa. Do đó, "Nga hoàng tốt bụng" phát hiện ra rằng sự giải phóng thực sự nông nô không dung hợp với sự chuyên chế của ông ta, giống như giáo hoàng tốt bụng Pi IX trước kia đã phát hiện thấy rằng sự giải phóng I-ta-li-a không dung hợp với những điều kiện tồn tại của giáo đình. Do đó, "Nga hoàng tốt bụng" coi chiến tranh xâm lược và việc thi hành chính sách đối ngoại truyền thống của Nga, mà theo ý kiến của nhà sử học Nga Ca-ram-din thì chính sách đó là "không thay đổi"⁴⁷⁸, là biện pháp duy nhất để trì hoãn sự nổ ra cách mạng trong nước. Trong cuốn sách của mình *"Sự thật về nước Nga"* 1860⁴⁷⁹, công tước Đôn-gô-ru-cốp đã kịch liệt phê phán và bác bỏ câu chuyện hoang đường về sự xuất hiện của vương quốc ngàn năm dưới thời A-lếch-xan-đrơ II, được bọn bồi bút Nga sốt sắng truyền bá ra khắp châu Âu từ năm 1856, được các hiệp sĩ tháng Chạp tâng bốc âm ỉ năm 1859 và được Phô-gtô lập lại một cách nô lệ trong tập "Nghiên cứu" của mình.

Ngay trước khi nổ ra cuộc chiến tranh I-ta-li-a, liên minh được ký kết – theo *Phô-gtô*, chỉ cốt nhằm mục đích giải phóng các dân tộc – giữa "Nga hoàng trắng" và "vị anh hùng tháng Chạp" đã

được thủ thách ở Các công quốc vùng Đa-nuýp, ở đó sự thống nhất và nền độc lập của dân tộc Ru-ma-ni được củng cố bằng việc cử đại tá Cu-da làm vua Môn-đa-vi-a và Va-la-khi⁴⁸⁰.

"Áo phản kháng điên cuồng, *Pháp và Nga tỏ ý tán thành*" (l.c., tr. 65).

Trong bản báo cáo (đã đăng lại trong "Preußisches Wochenblatt"⁴⁸¹, 1855) do nội các Nga soạn thảo năm 1837 cho Nga hoàng thời bấy giờ, chúng ta đọc thấy:

"Nga không thích sáp nhập *ngay tức khắc* vào bản thân mình những quốc gia có những phần tử dị tộc... Dù sao, điều thích hợp hơn vẫn là để cho những nước đã được *quyết định* chiếm lấy, trong một thời gian được đặt dưới sự cai quản của những nhân vật cầm quyền đặc biệt nhưng hoàn toàn phụ thuộc, như chúng ta đã làm ở Môn-đa-vi-a và Va-la-khi v.v."

Trước khi Nga sáp nhập Crưm, nó tuyên bố xứ này *độc lập*.

Trong Tuyên ngôn ngày 11 tháng Chạp 1814 của Nga, chúng ta đọc thấy như sau:

"Hỡi những người Ba Lan, hoàng đế A-lếch-xan-đrơ, người bảo vệ các bạn, kêu gọi các bạn: hãy tự vũ trang để bảo vệ tổ quốc mình và giữ gìn nền *độc lập chính trị* của mình".

Còn Các công quốc vùng Đa-nuýp! Từ khi Pi-e Đại đế xâm nhập các công quốc ấy, nước Nga liên quan tâm đến "*nền độc lập*" của họ. Tại Hội nghị Nê-mi-rốp (năm 1737), nữ hoàng An-na đòi vua Thổ Nhĩ Kỳ để cho Các công quốc vùng Đa-nuýp được độc lập dưới sự bảo hộ của Nga. Tại Hội nghị Phốc-san-nư (năm 1772), Ê-ca-tê-ri-na II đòi kỳ được sự độc lập của các công quốc ấy dưới *sự bảo hộ của châu Âu*⁴⁸². Những cố gắng đã được tiếp tục dưới thời A-lếch-xan-đrơ I, ông ta đã thực hiện được mục đích sau khi biến Bét-xa-ra-bi-a thành một tỉnh của Nga (Hòa ước Bu-ca-rét năm 1812)⁴⁸³. Ni-cô-lai thậm chí thông qua Ki-xê-lép ban phúc cho người Ru-ma-ni bằng "quy chế hữu cơ" hiện còn hoàn toàn có hiệu lực, nó đã xác lập chế độ nông nô đáng ghét nhất giữa tiếng hoan

hồ của toàn châu Âu đối với code^{1*} tự do ấy⁴⁸⁴. A-lếch-xan-đrơ II chỉ đẩy tới một bước chính sách một thế kỷ rưỡi nay của các vị tiền bối của mình bằng cách thực hiện sự liên hiệp giả tạo. Các công quốc vùng Đa-nuýp dưới sự cai quản của Cu-da. Nhưng Phô-gtơ phát hiện thấy rằng nhờ sự liên hiệp ấy dưới sự thống trị của tên chư hầu của Nga mà "các công quốc sẽ trở thành thành trì chống sự bành trướng xuống phía Nam của Nga" (l.c., tr.64).

Vì Nga chào mừng sự dắc cử của Cu-da (l.c., tr. 64), nên điều rõ ràng như ban ngày là Nga hoàng tốt bụng không tiếc sức mình để bịt kín con đường xuống phía Nam của mình, tuy rằng "Công-xtăng-ti-nô-pơ là mục tiêu luôn luôn được đeo đuổi của chính sách của Nga" (l.c., tr.9).

Tư tưởng cho rằng Nga là kẻ bảo vệ chủ nghĩa tự do và các nguyện vọng dân tộc thì không có gì là mới mẻ. Toàn bộ nhóm khai sáng Pháp và Đức đều ca tụng Ê-ca-tê-ri-na II là người giương cao ngọn cờ tiến bộ. A-lếch-xan-đrơ I "cao thượng" (Le grec du Bas Empire^{1*}, như Na-pô-lê-ông gọi ông ta một cách không cao thượng) đã từng sắm vai vị anh hùng của chủ nghĩa tự do khắp châu Âu. Chẳng phải là ông ta đã đem lại hạnh phúc cho Phần Lan bằng những phúc lợi của nền văn minh Nga, đó sao? Chẳng phải là ông ta đã khẳng khái ban cho nước Pháp, cùng với bản hiến pháp, một vị thủ tướng *Nga*, công tước Ri-sơ-li-ơ, đó sao? Chẳng phải là ông ta đã từng là lãnh tụ bí mật của "Hê-tê-ri"⁴⁸⁵ đó sao, mặc dù đồng thời với việc đó, tại Hội nghị Vê-rô-na thông qua tên Sa-tô-bri-ăng bán mình, ông ta đã xúi giục Lu-i XVIII tiến quân chống những người nổi loạn ở Tây Ban Nha?⁴⁸⁶ Chẳng phải là ông ta đã xúi giục Phéc-đi-năng VII, thông qua vị linh mục của ông ta, tiến hành cuộc viễn chinh chống lại những thuộc địa

của Tây Ban Nha ở châu Mỹ đang khởi nghĩa, đồng thời hứa với tổng thống Hợp chúng quốc Bắc Mỹ sẽ ủng hộ chống lại bất cứ cuộc can thiệp nào của các nước châu Âu vào lục địa châu Mỹ, đó sao? Chẳng phải là ông ta đã cử Íp-xi-lan-ti đến Va-la-khi làm "thủ lĩnh đội quân nghĩa dũng thần thánh người Hy Lạp" và cũng dùng tên Íp-xi-lan-ti này bán rẻ đội quân nghĩa dũng đó và giết chết một cách quỷ quyệt Vla-di-mi-re-xcu, lãnh tụ của những người khởi nghĩa Va-la-khi đó sao. Trước năm 1830, Ni-cô-lai cũng được ca tụng bằng mọi thứ ngôn ngữ, bằng thơ ca và văn xuôi, được gọi là vị anh hùng giải phóng các dân tộc. Vào các năm 1828-1829 khi ông ta tiến hành chiến tranh chống Ma-khơ-mút II để giải phóng *người Hy Lạp* - đúng sau khi Mác-mút cự tuyệt không cho quân đội Nga mượn đường đi đàn áp cuộc khởi nghĩa ở Hy Lạp - thì Pan-móc-xtôn đã tuyên bố ở Nghị viện Anh rằng kẻ thù của nước Nga - người giải phóng - đó là những "người bạn" tất nhiên của những con quái vật lớn nhất trên thế giới: Đôn Mi-ghe-n, Áo và vua Thổ Nhĩ Kỳ. Chẳng phải là Ni-cô-lai, với sự quan tâm cha con đối với người Hy Lạp, đã ban cho họ một viên tướng Nga, bá tước Ca-pô-di-xtô-ri-a, làm tổng thống đó sao? Nhưng người Hy Lạp không phải là người Pháp, họ đã giết Ca-pô-di-xtô-ri-a cao thượng. Tuy từ khi nổ ra cuộc Cách mạng tháng Bảy 1830, Ni-cô-lai chủ yếu đóng vai kẻ bảo hộ bọn chính thống, nhưng ông ta vẫn không chút nào ngừng giúp sức cho "sự giải phóng các dân tộc", xin dẫn ra mấy ví dụ là đã rõ. Cuộc cách mạng ở *Hy Lạp* nhằm mục đích tuyên bố hiến pháp - nổ ra tháng Chín 1843 là do Ca-ta-ca-di lãnh đạo, ông ta là công sứ Nga ở A-ten, trước kia là chánh thanh tra chịu trách nhiệm giám sát đô đốc Gây-đen trong thời gian xảy ra cuộc đại bại ở Na-va-rin⁴⁸⁷. Trung tâm phiến loạn ở *Bun-ga-ri* năm 1842 là lãnh sự quán Nga ở Bu-ca-rét. Ở đây, vào mùa xuân năm 1842, tướng Nga Duy-ga-men đã tiếp đoàn đại biểu Bun-ga-ri và trình bày với họ kế hoạch tổng khởi nghĩa. Xéc-bi phải là lực lượng dự bị của khởi nghĩa, còn tướng Nga Ki-xê-lép sẽ trở thành vua Va-la-khi. Thời kỳ cuộc khởi nghĩa *Xéc-bi* (năm 1843), Nga thông qua đại sứ

1* - bộ luật

1* - "Người Hy Lạp thời kỳ đế quốc Đông La Mã", "người Bi-dăng-xơ" (theo nghĩa bóng của danh từ: kẻ hai mặt, người giả dối).

quán ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, xúi giục Thổ Nhĩ Kỳ dùng những biện pháp bạo lực chống lại người Xéc-bi để rồi vin có đó kêu gọi sự đồng tình và cuồng nhiệt của châu Âu chống lại người Thổ Nhĩ Kỳ. I-ta-li-a cũng không hề bị loại trừ trong kế hoạch giải phóng của Nga hoàng Ni-cô-lai. Tờ "Jeune Italie" đã có một thời là tờ báo của phái Mát-di-ni ở Pa-ri, đã kể trong một số báo xuất bản trong *tháng Mười một 1843*:

"Tình trạng lộn xộn gần đây ở Rô-ma-nhơ và phong trào ở Hy Lạp là ít nhiều có quan hệ với nhau... Phong trào ở I-ta-li-a đã thất bại, vì phái dân chủ chân chính cự tuyệt tham gia. *Những phần tử cộng hòa không muốn ủng hộ phong trào do Nga khởi xướng.* Tất cả mọi việc đã được chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa ở I-ta-li-a. Phong trào phải mở đầu ở Na-pơ, nơi đây người ta trông chờ một bộ phận quân đội đứng ra lãnh đạo phong trào hoặc trực tiếp gia nhập hàng ngũ những người yêu nước. Lô-m-bác-di, Pi-ê-mông và Rô-ma-nhơ phải nổi dậy tiếp theo cuộc cách mạng bắt đầu ở Na-pơ: phải thành lập *để quốc I-ta-li-a*, đứng đầu là công tước Loi-khten-béc, con trai của Ô-giê-ni Bô-hắc-ne và con rể của Nga hoàng "I-ta-li-a trẻ" *đã phá vỡ kế hoạch ấy*".

"Times"⁴⁸⁸ số ra *ngày 20 tháng Mười một 1843*, nhận xét về tin tức ấy của "Jeune Italie":

Nếu như mục đích vĩ đại đó – thành lập để quốc I-ta-li-a đứng đầu là một ông hoàng Nga – có thể thực hiện thì càng tốt; nhưng bất cứ sự bùng nổ nào ở I-ta-li-a đều có thể đưa lại một lợi ích khác, trực tiếp hơn, tuy rằng không lớn lao bằng: gây ra sự hoảng hốt cho Áo và đánh lạc sự chú ý của nó đối với các kế hoạch đáng sợ (fearful) của Nga ở *Đa-nuýp*".

Sau lời kêu gọi gửi tổ chức "Nước I-ta-li-a trẻ"⁴⁸⁹ năm 1843 không kết quả, thì tháng Ba 1844 Ni-cô-lai cử ngài Bu-chi-e-nép sang La Mã thay mặt Nga hoàng. Bu-tê-nép báo cho giáo hoàng^{1*} biết kế hoạch, theo đó Ba Lan thuộc Nga sẽ được nhường cho Áo để đổi lấy Lô-m-bác-di, xứ này sẽ thành lập Vương quốc Bắc I-ta-li-a, đứng đầu là công tước Loi-khten-béc. Báo "Tablet" bấy giờ là cơ quan ngôn luận bằng tiếng Anh của giáo đình La Mã, đã viết vào

1* – Gri-gô-ri XVI.

tháng Tư 1844 về đề nghị đó như sau:

"Cái mối thù đối với cung đình La Mã, trong kế hoạch tuyệt vời đó, là ở chỗ Ba Lan sẽ rơi vào tay Thiên chúa giáo, trong khi đó Lô-m-bác-di vẫn ở dưới quyền cai quản của vương triều Thiên chúa giáo như trước kia. Nhưng các nhà ngoại giao lão luyện của La Mã hiểu rằng trong khi Áo khó khăn lắm mới bảo vệ được lãnh địa của mình, và hoàn toàn có khả năng là sớm muộn nó sẽ mất các tỉnh Xla-vơ của mình, thì việc nhường Ba Lan cho Áo — nếu thậm chí đó là đề nghị nghiêm túc — chỉ là món nợ phải trả sau này, trong khi đó Bắc I-ta-li-a, do công tước Loi-khten-béc đứng đầu, đã thực sự chịu sự bảo hộ của Nga, và chẳng bao lâu cũng không tránh khỏi rơi vào sự thống trị của Nga, nên kế hoạch được giới thiệu sớm sáng đó tạm thời bị gác lại".

Báo "Tablet" viết như vậy năm 1844.

Nhân tố duy nhất xác nhận sự tồn tại của Áo, với tư cách một quốc gia, từ giữa thế kỷ XVIII, sự chống đối của nó với bước tiến của Nga và Đông Âu – một sự chống đối bất lực, không triệt để, nhút nhát nhưng ngoan cường – đã cho *Phô-gtô* cái cớ để phát hiện rằng "Áo là nơi bắt nguồn của mọi sự tranh chấp ở phương Đông" (l.c., tr.56). Với "sự ngây thơ trẻ con" rất tương xứng với đáng vẻ bề ngoài phi nộn của mình, ông ta lý giải sự liên minh của Nga với Pháp chống lại Áo – ngoài khuynh hướng giải phóng của "Nga hoàng tốt bụng" – bằng *sự vong ơn* của Áo đền đáp lại sự giúp đỡ của Ni-cô-lai trong thời kỳ cách mạng Hung-ga-ri.

"Còn trong thời kỳ Chiến tranh Crưm, Áo đã đi tới ranh giới cuối cùng của sự trung lập vũ trang, thù địch. Tất nhiên, hành động ấy còn mang dấu ấn của *sự giả dối và giáo quyết*, đã chọc tức ghê gớm Chính phủ Nga chống lại Áo và do đó đẩy Nga về phía Pháp" (l.c., tr. 10, 11).

Theo *Phô-gtô*, Nga thi hành chính sách đa cảm. *Sự cảm tạ* của Áo đối với Nga hoàng làm thiệt hại cho Đức trong thời gian Hội nghị Vác-sa-va năm 1850 và việc nó tiến quân vào Slê-dơ-vích – Hôn-stai-nơ⁴⁹⁰, vẫn chưa làm hài lòng ông *Phô-gtô đầy lòng biết ơn*.

Trong báo cáo khải nổi tiếng của mình, có đề rõ: Pa-ri, tháng Mười 1825⁴⁹¹, sau khi nêu lên âm mưu của Áo chống lại kế hoạch

can thiệp của Nga vào phương Đông, nhà ngoại giao Nga *Pốt-xô-đi* – Boóc-gô nói:

"Vì vậy, chính sách của chúng ta đòi hỏi chúng ta giữ thái độ uy hiếp đối với quốc gia ấy" (Áo) "mọi sự chuẩn bị của chúng ta phải làm cho nó tin rằng nếu nó tiến hành bất cứ cái gì chống lại chúng ta thì một cơn bão táp ghê gớm mà nó chưa từng chịu đựng, sẽ giáng lên đầu nó".

Sau khi dọa dẫm Áo bằng chiến tranh từ bên ngoài và bằng cách mạng từ bên trong và đề nghị Áo chiếm các "tỉnh" của Thổ Nhĩ Kỳ "mà nó nhòm ngó", coi đó là kết cục hòa bình có thể có, sau khi mô tả Phổ đơn giản chỉ là đồng minh ngoan ngoãn của Nga, Pốt-xô nói tiếp:

"Nếu như nội các Viên thừa nhận mục tiêu và ý định tốt đẹp của chúng ta, thì kế hoạch của nội các hoàng đế đã được thực hiện từ lâu, kế hoạch này không những nhằm chiếm Các công quốc vùng Đa-nuýp và Công-xtăng-ti-nô-pơ, mà còn tống cổ người Thổ Nhĩ Kỳ ra khỏi châu Âu".

Mọi người đều biết, năm 1830 giữa Ni-cô-lai và Sác-lơ X đã ký kết một hiệp ước bí mật theo những điều kiện sau đây: Pháp cho phép Nga chiếm Công-xtăng-ti-nô-pơ, và để đền bù Pháp sẽ được các tỉnh vùng Ranh và Bỉ; Phổ được đền bù vùng Han-nô-vơ và Dắc-den; Áo được một phần các tỉnh thuộc Thổ Nhĩ Kỳ trên sông Đa-nuýp. Dưới thời Lu-i - Phi-líp, theo sáng kiến của Nga, cũng kế hoạch đó được Mô-lê đề nghị với nội các Pê-téc-bua. Chẳng bao lâu sau đó, Bru-nốp mang văn kiện ấy đến Luân Đôn cho Chính phủ Anh xem, coi đó như bằng chứng về sự phản bội của Pháp, và văn kiện ấy đã được sử dụng để thành lập Liên minh chống Pháp năm 1840.

Bây giờ chúng ta hãy xem nước Nga với sự thỏa thuận của Pháp, *phải* lợi dụng như thế nào cuộc chiến tranh I-ta-li-a, theo cách nghĩ của *Phô-gtô* được sự gợi ý của các nguyên tắc Pa-ri của mình. Thành phần "dân tộc" của Nga, đặc biệt là "*dân tộc Ba Lan*" xem ra phải gây ra một số khó khăn đối với con người mà "nguyên tắc dân tộc" là "ngôi sao dẫn đường", song:

"Chúng ta đánh giá rất cao, nguyên tắc dân tộc, nhưng đối với chúng ta nguyên tắc tự quyết tự do còn cao hơn nữa" (l.c., tr. 121).

Dựa vào hiệp ước năm 1815, sau khi chiếm tuyệt đại bộ phận của chính nước *Ba Lan*, Nga đã tiến rất xa về phía Tây, không những xen vào giữa Áo và Phổ, mà còn chen vào giữa Đông Phổ và Xi-lê-di, đến nỗi ngay thời đó các sĩ quan Phổ (như Gnai-dơ-nau) đã chú ý đến tính chất không thể dung thứ được của những quan hệ biên giới như vậy với nước láng giềng cực kỳ hùng cường. Nhưng chỉ khi mà việc bình định người Ba Lan vào năm 1831 làm cho toàn bộ vùng này hoàn toàn bị người Nga chi phối, thì mới thấy được ý nghĩa thực sự của cái gọng kìm đó. Sự cần thiết khuất phục Ba Lan chỉ là cái cớ để xây dựng những công sự lớn mạnh ở Vác-sa-va, Mốt-lin, I-van-gô-rốt. Mục đích thực sự của những công sự ấy là sự khống chế hoàn toàn về mặt chiến lược đối với khu vực sông Vi-xla, sự xây dựng những căn cứ tấn công về phương Bắc, phương Nam và phương Tây. Ngay cả Hắc-xtơ-hau-den, với tất cả thiện cảm sốt sắng đối với Nga hoàng theo đạo Chính thống và tất cả mọi thứ của nước Nga, cũng thấy ở đó mối nguy và sự đe dọa hoàn toàn thực tế đối với Đức. Đối với Đức, trận địa được củng cố của người Nga trên sông Vi-xla là sự uy hiếp lớn hơn tất cả các pháo đài Pháp gộp lại, nhất là từ khi cuộc kháng cự của dân tộc Ba Lan sẽ chấm dứt, còn Nga thì có thể nắm lực lượng quân sự của Ba Lan như lực lượng xâm lược của chính mình. Do đó, *Phô-gtô* làm cho Đức yên lòng bằng cách nói rằng *Ba Lan trở thành của Nga* là theo sự tự quyết tự do.

"Không nghi ngờ gì nữa" - ông ta nói: - "không nghi ngờ gì nữa, nhờ sự cố gắng khấn trương của đảng nhân dân Nga mà cái hố sâu ngăn cách Ba Lan và Nga đã nhỏ đi rất nhiều và có lẽ chỉ cần một sức đẩy nhỏ là đủ để hoàn toàn lấp bằng nó" (l.c., tr. 12).

Sức đẩy nhỏ ấy phải do cuộc chiến tranh I-ta-li-a đem lại (nhưng trong thời gian cuộc chiến tranh ấy, A-lếch-xan-đơ II nhận thức rõ ràng Ba Lan còn chưa ngang tầm cao mà *Phô-gtô*

chuẩn bị cho nó). Bị hòa vào nước Nga trên cơ sở "tự quyết tự do", Ba Lan – với tư cách vật thể trung tâm - đã thu hút, theo luật hấp dẫn, những bộ phận bị chiếm đoạt của quốc gia Ba Lan cũ đang rên siết dưới sự thống trị của ngoại bang. Để cho quá trình hấp dẫn đó được tiến hành dễ hơn, *Phô-gtơ* khuyên Phổ lợi dụng thời cơ thuận lợi để trút bỏ "vật phụ thuộc Xla-vơ" (l.c., tr.17), tức là *Pô-dơ-nan* (l.c., tr.97), có lẽ cũng trút bỏ cả *Tây Phổ*, vì chỉ có Đông Phổ được coi là "đất đai thuần túy Đức". Những bộ phận bị chiếm đoạt của Phổ, đương nhiên, sẽ lập tức được sáp nhập vào vật thể trung tâm bị Nga thôn tính, còn "đất đai thuần túy Đức" – Đông Phổ – thì sẽ biến thành enclave^{1*} của Nga. Mặt khác, về *Ga-li-xi* – mà trên bản đồ "*Châu Âu năm 1860*" nó cũng nằm trong nước Nga – thì cần biết rằng việc tách nó khỏi Áo trực tiếp nằm trong mục đích của cuộc chiến tranh nhằm giải thoát Đức khỏi những lãnh tụ không phải Đức của Áo, *Phô-gtơ* nhớ lại rằng

"trước năm 1848, ở Ga-li-xi chân dung của Nga hoàng thường thấy nhiều hơn là chân dung hoàng đế Áo" (l.c., tr.12), rằng "trong tình hình Nga bộc lộ tài nghệ khác thường trong việc thực hiện loại âm mưu ấy, Áo có thể có đầy đủ căn cứ để lo sợ" (l.c.).

Nhưng, đương nhiên, để thoát khỏi "kẻ thù bên trong", Đức phải bình thản cho phép người Nga "đưa quân đội tiến đến biên giới" (tr.13), quân đội này sẽ hỗ trợ cho âm mưu đó. Trong khi dân thân Phổ phải từ bỏ các tỉnh Ba Lan của mình, thì Nga phải lợi dụng cuộc chiến tranh I-ta-li-a để chiếm đoạt Ga-li-xi của Áo, giống như vào năm 1809 A-lếch-xan-đơ I đã nhận được phần xứ này như phần thưởng cho sự ủng hộ chỉ có tính chất đóng kịch của ông ta đối với Na-pô-lê-ông I. Mọi người đều biết, Nga đã đạt được một cách thành công, một phần đối với Na-pô-lê-ông I, một phần đối với Đại hội Viên, phần đất Ba Lan mà thoát đầu Phổ

1* – phần đất lồm vào lãnh thổ nước khác.

và Áo được hưởng. Theo *Phô-gtơ*, năm 1859 là thời cơ sáp nhập toàn bộ Ba Lan vào Nga. Thay cho *sự giải phóng dân tộc Ba Lan* khỏi tay người Nga, người Áo và người Phổ, *Phô-gtơ* yêu cầu *sự hòa tan vào nước Nga và sự tiêu diệt toàn bộ quốc gia Ba Lan trước đây*. Finis Poloniae!^{2*}. Cái quan niệm "Nga" đó về sự "khôi phục Ba Lan" được lập tức truyền bá khắp châu Âu ngay sau khi Nga hoàng Ni-cô-lai I chết, đã bị *Đa-vít Uốc-các-tơ* vạch trần ngay từ tháng Ba 1855 trong tác phẩm đả kích "*The new hope of Poland*" ("*Hy vọng mới của Ba Lan*").

Nhưng *Phô-gtơ* đã dốc sức chưa đầy đủ đối với Nga.

"Sự thận trọng khác thường" – người đối thoại lịch thiệp đó kể – gần như là thái độ anh em của người Nga đối với những nhà cách mạng *Hung-ga-ri* quá ư nổi bật so với hành vi của người Áo, do đó đã có tác dụng của nó. Sau khi đập tan một đảng" (nota bene: theo *Phô-gtơ*, Nga đập tan không phải Hung-ga-ri mà là đập tan một đảng), "nhưng đối xử với nó nhẹ nhàng và lịch sự, Nga đã tạo cơ sở cho ý kiến có thể diễn đạt đại để như sau: trong hai điều tai hại, cần lựa chọn điều tai hại nhỏ hơn, và trong trường hợp này Nga không phải là điều tai hại lớn hơn" (l.c., tr.12,13).

Với "sự thận trọng khác thường, sự nhẹ nhàng và sự lịch sự", thậm chí với thái độ như "anh em" đó, nhân vật Phan-xtáp Plông – Plông đã mô tả hành vi của Nga ở Hung-ga-ri, biến thành "kênh" ảo tưởng mà khi đụng vào nó Cách mạng Hung-ga-ri 1849 bị đập tan. Đó là đảng của Guéc-gây hồi bấy giờ đã truyền bá niềm tin vào công tước Nga với cương vị vị vua tương lai của Hung-ga-ri, và dùng niềm tin ấy nó đã hủy diệt lực lượng phản kháng của cách mạng Hung-ga-ri¹⁾.

2* – Sự cáo chung của Ba Lan!

1) "Điều bất hạnh của người Hung-ga-ri là ở chỗ họ không hiểu người Nga" – như lời của đại tá Ba Lan (La-pin-xki đã chiến đấu chống người Nga trong quân đội cách mạng Hung-ga-ri trước khi Cô-móc-nơ bị thất thủ, sau đó đã chiến đấu chủ lực Hung-ga-ri năm 1849, Hăm-buốc, 1850, tr.216)⁴⁹². – "Nội các Viên

Trước năm 1848, Vương triều Háp-xbuốc không có chỗ dựa đặc biệt trong chủng tộc nào cả, lẽ đương nhiên phải xây dựng sự thống trị của mình ở Hung-ga-ri dựa vào dân tộc thống trị – người Ma-di-a. Tiện đây xin nói luôn, Mét-téc-ních nói chung là người bảo vệ vĩ đại của các dân tộc. Ông ta buộc dân tộc này làm hại dân tộc kia, nhưng ông ta cần đến họ để buộc họ làm như vậy. Do đó, ông ta bảo vệ họ. Chúng ta hãy so sánh Pô-dơ-nan với Ga-li-xi. Sau cuộc cách mạng những năm 1848-1849, được sự giúp đỡ của người Xla-vơ, Vương triều Háp-xbuốc đánh bại người Ma-di-a và người Đức, nó định noi gương I-ô-xíp II thiết lập bằng bạo lực địa vị thống trị của người Đức ở Hung-ga-ri. Sợ hãi nước Nga, Vương triều Háp-xbuốc không dám ngả vào lòng vị cứu tinh của nó là người Xla-vơ. Thế lực phản động toàn quốc của nó ở Hung-ga-ri chĩa vào vị cứu tinh của nó, người Xla-vơ, nhiều hơn là chĩa vào kẻ thù bị đánh bại của nó, người Ma-di-a. Do đó, trong cuộc đấu tranh với vị cứu tinh của mình, thế lực phản động Áo – như Xê-me-rơ chỉ rõ trong cuốn sách nhỏ của mình "*Hung-ga-ri trong những năm 1848 - 1860*", Luân Đôn, 1860⁴⁹³ – đã xua người Xla-vơ trở lại dưới ngọn cờ của người Ma-di-a. Do đó, *trước cũng như sau* năm 1848, sự thống trị của Áo *đối với* Hung-ga-ri đều kèm theo sự thống trị của người Ma-di-a ở Hung-ga-ri. Về Nga thì tình hình khác hẳn, dù là nó thống trị trực tiếp hoặc gián tiếp ở Hung-ga-ri. Nếu như thống kê tất cả những dân tộc có họ hàng với Nga về mặt nguồn gốc và về mặt tôn giáo thì Nga có được số dân cư *không phải Ma-di-a* chiếm *đa số* trong dân cư. Người Ma-di-a thua kém về số lượng so với người Xla-vơ có quan hệ họ hàng với Nga về nguồn gốc và so với người Va-la-khi có quan hệ họ hàng

hoàn toàn nằm trong tay người Nga... Theo lời khuyên của họ, các nhà lãnh đạo đã bị giết hại... Dùng mọi thủ đoạn để tranh thủ cho mình sự đồng tình, *người Nga đã buộc Áo* hành động sao cho Áo bị căm ghét hơn bao giờ hết" (l.c., tr. 188, 189).

với Nga về tôn giáo. Do đó, sự thống trị của Nga ở Hung-ga-ri đồng nghĩa với *sự diệt vong của dân tộc Hung-ga-ri*, tức là sự diệt vong của Hung-ga-ri mà về phương diện lịch sử gắn liền với sự thống trị của người Ma-di-a¹⁾.

Phô-stơ cho nhén *người Ba Lan*, dưới hình thức "tư huyết tư do", noa tan vào *nước Nga*, và *người Hung-ga-ri* dưới hình thức phục tùng sự thống trị của Nga, diệt vong trong *dân tộc Xla-vơ*¹⁾.

1) Tướng *Mô-rít-xơ Péc-txen* nổi tiếng trong chiến tranh cách mạng Hung-ga-ri, ngay trong thời gian chiến dịch I-ta-li-a đã rời bỏ bọn sĩ quan Hung-ga-ri tụ tập xung quanh Cô-sút tại Tu-rin, đã giải thích như sau trong bản tuyên bố công khai về động cơ của sự ra đi của ông: một mặt, Cô-sút chẳng qua chỉ là bù nhìn của Bô-na-pác-tơ, mặt khác, tiền đề của Hung-ga-ri lại *thuộc* nước Nga. Trong thư trả lời (đề là: *Xanh-Ê-li-e ngày 19 tháng Tư 1860*) bức thư của tôi yêu cầu ông giải thích kỹ hơn về lời tuyên bố của mình, ông viết: "Tôi không bao giờ trở thành công cụ góp phần giải thoát Hung-ga-ri khỏi nanh vuốt của con chim ưng hai đầu chỉ để sau đó lại đẩy nó vào vòng tay đầy chết chóc của con gấu phương Bắc".

1) Ông *Cô-sút* không bao giờ lầm lẫn về sự chính xác của những suy nghĩ được phát triển trên kia. Ông biết rằng Áo có thể đối xử tàn khốc đối với Hung-ga-ri nhưng không thể tiêu diệt Hung-ga-ri được. "Hoàng đế I-ô-xíp II" – ngày 15 tháng Hai 1851 từ Quy-ta-xao ông viết thư cho đại tể tướng Rê-sít-pa-sa – "là con người tài năng duy nhất của Vương triều Háp-xbuốc, đã tận dụng năng lực độc đáo của trí tuệ hiếm có của mình và những quan niệm bấy giờ còn được lưu hành về uy lực của vương triều ông, để Giéc-manh hóa Hung-ga-ri và hòa tan nó vào một quốc gia liên hiệp, nhưng Hung-ga-ri ra khỏi được cuộc đấu tranh với sức sống mới... Áo gượng dậy từ trong điều tàn, bước vào cuộc cách mạng gần đây nhất chỉ là để quỳ gối trước Nga hoàng, ông chủ của mình, kẻ chưa bao giờ dành cho nó sự giúp đỡ, mà bao giờ cũng bán sự giúp đỡ ấy. Còn Áo thì phải trả giá đắt cho sự giúp đỡ đó" ("Thư từ của Cô-sút", tr.33). Cũng trong thư ấy ông còn viết rằng chỉ có Thổ Nhĩ Kỳ và Hung-ga-ri – liên hiệp với nhau mới có thể đập tan *âm mưu Đại Xla-vơ* của Nga. Ngày 17 tháng Giêng 1851, từ Quy-ta-xao ông viết thư cho Đa-vít Uốc-

Nhưng *Phô-gtơ* vẫn còn chưa dốc sức đầy đủ cho nước Nga.

Trong số "những tỉnh không phải Đức" thuộc Áo mà Hiệp bang Đức không nên vì chúng mà "tuốt kiếm" chống lại nước Pháp và chống lại nước Nga "hoàn toàn đứng về phía Pháp", không những chỉ có Ga-li-xi, Hung-ga-ri, I-ta-li-a, mà còn có *Bô-hêm* với *Mô-ra-vi* nữa.

"Nước Nga", *Phô-gtơ* nói, "là một hạt nhân vững chắc mà các dân tộc Xla-vơ ngày càng muốn tập hợp xung quanh nó" (l.c., tr.9-10).

Cư dân *Bô-hêm* và *Mô-ra-vi* thuộc vào các "dân tộc Xla-vơ". Giống như công quốc Mát-xcơ-va đã trở thành nước Nga, nước Nga phải trở thành quốc gia Đại Xla-vơ. "Có người Séc ở bên cạnh, chúng ta *không đứng vững được trước bất cứ kẻ thù nào*" (l.c., tr.134). Chúng ta, tức là nước Đức, phải dốc sức giải thoát khỏi người Séc, nghĩa là khỏi *Bô-hêm* và *Mô-ra-vi*. "Không có sự bảo đảm nào cho những lãnh địa không phải Đức của các vua chúa" (l.c., tr.133). "Không thêm một tỉnh không phải Đức nào nữa trong Hiệp bang" (l.c.), mà chỉ cần những tỉnh Đ ở Pháp! Vì vậy "cần trao quyền tự do hành động" không những cho "đế quốc Pháp chừng nào nó **không xâm phạm lãnh thổ Đức của Hiệp bang**". (tr. 9, Lời nói đầu), mà còn "trao quyền tự do hành động"

các-tơ: "We must crush Russia, my dear Sir! and, headed by you, we will! I have not only the resolution of will, but also that of hope! and this is no vain word, my dear Sir, no sanguine fascination; it is the word of a man, who is wont duly to calculate every chance: of a man though very weak in faculties, not to be shaken in perseverance and resolution etc." (l.c., tr.39). ("*Chúng ta phải đập tan nước Nga*, bạn thân mến! và dưới sự lãnh đạo của bạn, chúng ta sẽ đập tan nó! Tôi không những có quyết tâm, mà còn đầy hy vọng; và đó không phải là câu nói suông, bạn thân mến không phải là ảo tưởng của kẻ ưa kích động: đó là lời nói của một người quen suy tính thận trọng về mọi thời cơ, một con người tuy rất kém năng lực, nhưng không lung lay trong sự kiên định và quyết tâm của mình v.v."

cho **Nga**" chừng nào nó chỉ xâm phạm "*các tỉnh không phải Đức trong Hiệp bang*". Bằng việc đưa quân đội vào những vùng "đất đai phụ thuộc có cư dân Xla-vơ" của Áo đang là đối tượng của âm mưu của mình, nước Nga sẽ góp phần phát triển "sự thống nhất" và "sự toàn vẹn dân tộc" của Đức. Trong khi Áo còn bận đối phó với Lu-i Bô-na-pác-tơ ở I-ta-li-a, còn *Phổ* vẫn để chiếc kiếm Hiệp bang Đức trong vỏ, thì "Nga hoàng tốt bụng" sẽ "dùng tiền, vũ khí và đạn dược ủng hộ cách mạng ở *Mô-ra-vi* và *Bô-hêm*" (l.c., tr.13).

Song "có người Séc bên cạnh, chúng ta không đứng vững được trước bất cứ kẻ địch nào!"

"Nga hoàng tốt bụng" đã rộng lượng biết bao, vì ông đã giải thoát chúng ta khỏi xứ *Bô-hêm* và *Mô-ra-vi* với người Séc của những xứ này những người Séc ấy là "dân tộc Xla-vơ", lẽ tự nhiên, "phải tập hợp xung quanh nước Nga".

Nhưng chúng ta hãy xem *Phô-gtơ* đế quốc của chúng ta, sau khi sáp nhập *Bô-hêm* và *Mô-ra-vi* vào Nga, sẽ bảo vệ biên giới phía Đông của Đức như thế nào. *Bô-hêm* trở thành của Nga! Nhưng *Bô-hêm* nằm giữa nước Đức, bị Xi-lê-di ngăn cách với Ba Lan thuộc Nga và bị *Mô-ra-vi*, được *Phô-gtơ* Nga hóa, ngăn cách nó với Ga-li-xi và Hung-ga-ri được *Phô-gtơ* Nga hóa. Như vậy là Nga được một phần lãnh thổ của Hiệp bang Đức, với chiều dài 50 và chiều rộng 25-35 dặm Đức. Nó đưa biên giới phía Tây của nó ra xa 65 dặm Đức về phía Tây. Nhưng vì từ sông Ê-ghe-rơ đến Lao-tơ-buốc thuộc An-dát theo đường thẳng chỉ có 45 dặm Đức, cho nên, một mặt, do gọng kìm Pháp và nhất là mặt khác, gọng kìm Nga làm cho Bắc Đức bị hoàn toàn tách rời Nam Đức, và *sự chia cắt nước Đức trở thành hiện thực*. Đường thẳng từ Viên đến Béc-lin – thậm chí từ Muyn-sen, đến Béc-lin – sẽ phải chạy *qua nước Nga*. Đre-xđen, Nuyéc-nơ-béc-gơ, Rê-ghen-xbuốc, Lin-xơ sẽ là những thành phố của chúng ta giáp với Nga; địa vị của chúng ta ở phía Nam đối với người Xla-vơ ít ra cũng sẽ giống như *trước* thời

Sắc-lơ-ma-nhơ (trong khi đó ở phía Tây, Phô-gtơ không cho phép chúng ta trở lại với Lu-i XV), và chúng ta có thể xóa toẹt 1 000 năm trong lịch sử nước ta.

Đối với mục đích mà Ba Lan phục vụ, Bô-hêm có thể phục vụ tốt hơn. Chỉ cần biến Pra-ha thành dinh lũy và xây dựng những cứ điểm hỗ trợ ở chỗ các sông Môn-dô-va và Ê-ghe-rơ đổ vào sông En-bơ, là quân đội Nga ở Bô-hêm có thể yên chí chờ đợi quân đội Đức ngay từ đầu đã tiến quân một cách phân tán từ Ba-vi-e, Áo, Bran-đen-buốc để cho những đơn vị mạnh của quân đội này vấp phải các cứ điểm, còn các đơn vị yếu của nó thì sẽ bị lần lượt tiêu diệt.

Chúng ta hãy xem bản đồ ngôn ngữ của Trung Âu, – chúng ta hãy lấy, chẳng hạn, nguồn tư liệu Xla-vơ có uy tín *slovenský zeměvid* của Sa-pha-rích⁴⁹⁴. Ở đây biên giới của ngôn ngữ Xla-vơ kéo dài từ bờ biển Pô-mê-ra-ni gần Stôn-pê đi qua Gia-xtơ-rốp đến phía Nam Khốt-xi-den, trên sông Nét-xơ, rồi lại đi về phía tây cho đến tận Mê-dê-rít-xơ. Nhưng từ đây nó lại ngoặt hẳn về phía đông - nam. Ở chỗ này gọng kìm lớn Xi-lê-di của Đức cắm sâu vào giữa Ba Lan và Bô-hêm. Ở Mô-ra-vi và Bô-hêm ngôn ngữ Xla-vơ lại tiến xa về phía tây; tuy nhiên, nó xen kẽ, với các yếu tố ngôn ngữ Đức và ở đây xen vào là các thành phố Đức và các ốc đảo tiếng Đức, còn ở phía bắc toàn bộ hạ lưu sông Vi-xla và phần tốt đẹp nhất của Đông Phổ và Tây Phổ đều là Đức, và sự tiến triển về phía trước của chúng là bất lợi cho Ba Lan. Giữa điểm cực tây của ngôn ngữ Ba Lan và điểm cực bắc của ngôn ngữ Séc ở giữa khu vực nói tiếng Đức có vùng nói tiếng Ven-đơ-lu-gích; nhưng vùng này hầu như chia cắt Xi-lê-di.

Đối với ông Phô-gtơ, người theo chủ nghĩa Đại Xla-vơ của Nga và nắm trong tay Bô-hêm, thì không thể nghi ngờ xem đường biên giới tự nhiên của các quốc gia Xla-vơ là ở chỗ nào. Nó chạy thẳng từ Mê-dê-rít đến Li-be-rô-dơ và Luy-ben, rồi đi về phía nam, từ

chỗ sông En-bơ cắt dãy núi biên giới Bô-hêm, rồi lại đi xa nữa đến biên giới phía tây và phía nam của Bô-hêm và Mô-ra-vi. Toàn bộ khu vực ở phía đông tuyến đó đều là khu vực Xla-vơ; mấy mảnh đất Đức và của ngoại tộc xâm lấn khác ở xen vào khu vực Xla-vơ không thể cản trở lâu hơn nữa sự phát triển của chính thể Xla-vơ vĩ đại; vả lại, họ không có quyền lưu lại nơi họ đang ở. Một khi đã thừa nhận "hiện trạng Đại Xla-vơ" đó thì lẽ tự nhiên là ở miền nam, những sự điều chỉnh biên giới tương tự trở thành cần thiết. Ở đây cái gọng kìm Đức không mời mà đến cũng chêm vào giữa người Xla-vơ miền Bắc và miền Nam và chiếm cứ thung lũng sông Đa-nuýp và dãy núi An-pơ thuộc vùng Sti-ri-a, Phô-gtơ không thể dung thứ cái gọng kìm đó và đem Áo, Đan-xbuốc, Sti-ri-a và bộ phận Kéc-nơ-then thuộc Đức sáp nhập hoàn toàn và triệt để vào Nga. Trong khi cải tổ đế quốc Xla-vơ - Nga trên cơ sở đã được thử thách hết sức của "nguyên tắc dân tộc", Nga đã được trao cho một số người Ma-đi-a và người Ru-ma-ni với những người Thổ Nhĩ Kỳ đủ loại (cần biết rằng "Nga hoàng tốt bụng" chinh phục Tréc-kê-si và tiêu diệt người Tác-ta ở Crưm, cũng hoạt động vì sự vinh quang của "nguyên tắc dân tộc", để trừng phạt họ về chỗ họ ở xen vào giữa người Xla-vơ miền Bắc và người Xla-vơ miền Nam, - điều đó đã được Phô-gtơ giải thích là sự kích thích đối với Áo.

Trong hoạt động đó, những người Đức chúng ta chẳng mất gì hết ngoài Phổ và Tây Phổ, Xi-lê-di, một phần Bran-đen-buốc và Dắc-den, toàn bộ Bô-hêm, Mô-ra-vi và phần còn lại của Áo, trừ Ti-rôn (mà theo "nguyên tắc dân tộc" một phần vùng này phải trao cho I-ta-li-a) – không mất gì hết, ngoài tất cả những cái đó và, thêm vào đó, là mất đi sự tồn tại dân tộc của chúng ta!

Nhưng bây giờ chúng ta hãy chỉ bàn xem tình hình sẽ ra sao nếu Ga-li-xi-a, Bô-hêm và Mô-ra-vi trở thành của Nga!

Trong tình hình đó, vùng Áo thuộc Đức, vùng Tây Nam Đức và Bắc Đức sẽ không bao giờ có thể cùng nhau hành động, trừ phi -

điều này không tránh khỏi – *dưới bá quyền của Nga*.

Phô-gtơ buộc những người Đức chúng ta hát bài hát mà người Pa-ri đã hát vào năm 1815.

"Vive Alexandre,

Vive le roi des rois;

Sans rien prétendre;

Il nous donne des lois^{1*}."

Như vậy là "nguyên tắc dân tộc" của *Phô-gtơ* mà năm 1859 ông muốn thực hiện bằng sự liên minh giữa "thiên thần trắng phương Bắc" với "thiên thần trắng phương Nam", theo ý kiến của *chính* ông, phải biểu hiện trước hết ở sự hòa tan của dân tộc Ba Lan, sự diệt vong của dân tộc Ma-đi-a và sự tiêu vong của dân tộc Đức *trong lòng quốc gia Nga*.

Lần này tôi không nhắc đến các nguồn tài liệu gốc của ông ta, những tập sách do *Dan-tiu* xuất bản, mà tôi dùng một đoạn trích dẫn *tuyệt diệu* có sức thuyết phục, có chứng minh rằng cái khẩu hiệu do Tuyn-lơ-ri phát ra – khẩu hiệu mà ở đây ông ta nửa thì ám chỉ, nửa thì nói toạc ra – đang được thực hiện toàn diện. Trong tờ "Pensiero ed Azione"⁴⁹⁵ số ra ngày 2-16 tháng Năm 1859, trong đó *Mát-di-ni* dự đoán những sự kiện xảy ra sau đó, chẳng hạn, ông có nói rằng điều khoản thứ nhất của hiệp ước liên minh ký kết giữa A-lếch-xan-đơ II và Lu-i Bô-na-pác-tơ là: "abbandono assoluto della Polonia" – (Pháp hoàn toàn từ bỏ việc ủng hộ Ba Lan, đoạn này *Phô-gtơ* dịch thành: "san bằng hoàn toàn cái hố sâu ngăn cách giữa Ba Lan và Nga").

"Che la guerra si prolunghi e assuma... proporzioni europee, l'insurrezione delle

1* - "A-lếch-xan-đơ muôn năm

Vị vua của các ông vua muôn năm

Không đòi hỏi gì,

Ngài ban *luật pháp* cho chúng ta".

province oggi turche preparata di lunga mano e guelle dell' *Ungheria*, daranno campo all'Alleanza di rivelarsi... Principi russi governerebbero le provincie che surgerebbero *sulle rovine* dell' Impero Turco e dell' *Austria*... *Constatino di Russia* è già proposto ai malcontenti ingheresi" (xem "Pensiero ed Azione", số ra ngày 2-16 tháng Năm 1859) ("Nếu chiến tranh tiếp diễn và mang quy mô toàn châu Âu, cuộc khởi nghĩa ở các tỉnh hiện nay của Thổ Nhĩ Kỳ đã được chuẩn bị lâu và cuộc khởi nghĩa ở Hung-ga-ri sẽ làm cho liên minh mang hình thức rõ rệt... Các công tước Nga sẽ cai quản các quốc gia được thành lập trên đồng tro tàn của đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ và Áo... Đại công tước Nga Cơn-tan-tin đã được chỉ định cho người Hung-ga-ri bất mãn".)

Nhưng *thái độ thân Nga* của *Phô-gtơ* mang tính chất phục thù. Về điểm này, ông ta chỉ làm theo khẩu hiệu do Tuyn-lơ-ri đưa ra, chỉ cố gắng chuẩn bị đưa nước Đức vào những thủ đoạn mà Lu-i Bô-na-pác-tơ và A-lếch-xan-đơ II đã thỏa thuận với nhau để đề phòng trường hợp có bước ngoặt nào đó của cuộc chiến tranh với Áo; thực ra ông ta chỉ lặp lại một cách nô lệ những câu nói mang tính chất Đại Xla-vơ của nguyên tắc Pa-ri của mình. Công việc của ông ta kỳ thực là hát "Bài ca về Lu-i"⁴⁹⁶.

"Einan kûning wêia ih, hêizit, hêr Hlûdowîg

ther gerno Gode" (tức là các dân tộc) "dionot"^{1*}.

Trên kia chúng ta đã nghe *Phô-gtơ* ca tụng ra sao xứ Xắc-đi-ni về chỗ nó "*thậm chí giành được sự tôn trọng của Nga*". Bây giờ có sự so sánh sau đây:

"Trong tuyên bố" (của Phổ) – ông ta nói – "không nói đến, Áo... Bản tuyên bố, trong trường hợp xảy ra chiến tranh giữa Bắc Mỹ và xứ Cô-xanh-xin, cũng sẽ mang tính chất như thế. Song nó đặc biệt nhấn mạnh sứ mạng Đức ở Phổ, nghĩa vụ Đức của nó, nước Phổ cũ. Do đó, Pháp" (mà theo sự giải thích do ông ta đưa ra ở trang 27 về nước Pháp thì: "Pháp hiện nay quy lại chỉ là bản thân người thống trị nó") "*thông qua "Moniteur" và các tờ báo*

1* - "Tôi biết có ông vua tên là Lu-i

Ông phục vụ Thượng đế rất thành tâm".

khác không tiếc lời ca tụng, - Áo phát điên lên" ("Nghiên cứu", tr.18).

Việc Phổ hiểu được đúng đắn "*sứ mạng Đức*" của mình có thể thấy được ở lời tán dương mà Lu-i Bô-na-pác-tơ *tung ra không tiếc lời* đối với nó, thông qua tờ "Moniteur" và các báo chí khác của cuộc đảo chính tháng Chạp. Một sự vô liêm sỉ trở trên biết bao! Chúng ta hãy nhớ lại, xuất phát từ sự lịch sự đối với "thiên thần trắng phương Bắc", Phô-gơ đã nói rằng *một mình* Áo phá hoại các hiệp ước năm 1815 và một mình nó xâm chiếm Cra-cốp. Bây giờ ông ta cũng phục vụ "thiên thần trắng phương Nam" một cách hữu nghị như thế.

"Các quốc gia giáo hội này, mà đối với chính thể cộng hòa của nó" (chính thể cộng hòa của quốc gia giáo hội!) "*Ca-ve-nhắc*, đại biểu của đảng cộng hòa giáo điều và bọn cùng giuộc trong giới quân sự của Ga-ghec-nơ" (đó cũng là một sự so sánh!) "đã thực hiện *hành động* giết người hèn hạ" (thực hiện hành động giết người đối với chính thể "cộng hòa của một quốc gia") "song hành động này đã không thể giúp hắn chiếm địa vị tổng thống" (l.c., tr.69).

Tóm lại, *Ca-ve-nhắc*, chứ không phải *Lu-i Bô-na-pác-tơ* đã thực hiện "*hành động giết người hèn hạ*" đối với *Cộng hòa La Mã*! Tháng Mười một 1848 *Ca-ve-nhắc* quả có phải một phân hạm đội đến Si-vi-ta-Vê-ki-a làm đội cảnh vệ riêng của giáo hoàng. Nhưng chỉ năm sau, chỉ mấy tháng sau khi *Ca-ve-nhắc* bị thất bại trong cuộc bầu cử tổng thống, *chỉ ngày 9 tháng Hai 1849* thế quyền của giáo hoàng mới bị thủ tiêu và *tuyên bố thành lập nền cộng hòa ở La Mã*, do đó, *Ca-ve-nhắc* không thể tiêu diệt một nền cộng hòa chưa tồn tại dưới thời cầm quyền của ông ta. Ngày 22 tháng Tư 1849 Lu-i Bô-na-pác-tơ đã cử tướng U-đi-nô đem 14 000 quân đến Si-vi-ta – Vêch-ki-a, nhờ lừa bịp được Quốc hội cung cấp số tiền cần thiết cho cuộc viễn chinh chống La Mã sau khi nhiều lần trịnh trọng bảo đảm rằng ông ta chỉ nhằm ngăn cản cuộc xâm nhập dã trù tính của Áo và quốc gia La Mã. Như mọi người đều biết, quyết định của Lơ-đruy Bô-lanh và phái Núi về việc trả thù "hành động giết người hèn hạ đối với nền cộng hòa La Mã" đồng thời còn là "sự vi phạm hèn hạ

đối với hiến pháp của nước Pháp" và "sự vi phạm hèn hạ đối với nghị quyết của Quốc hội", về việc trả thù kẻ thủ phạm của tất cả những hành vi hèn hạ đó, tức *Lu-i Bô-na-pác-tơ, bằng cách đưa hắn ra trả lời trước tòa*, đã mở đầu cho thảm họa ở Pa-ri ngày 13 tháng Sáu 1849⁴⁹⁷. Chúng ta thấy rằng *Các Phô-gơ*, kẻ đặt điều nhục nhã của cuộc đảo chính, đã *xuyên tạc* lịch sử một cách "hèn hạ", một cách vô liêm sỉ như thế nào để loại trừ mọi sự hoài nghi đối với sứ mệnh của ngài "Lu-i" trở thành người giải phóng các dân tộc nói chung và I-ta-li-a nói riêng.

Phô-gơ nhớ lại tờ "Neue Rheinische Zeitung" đã viết rằng ở Pháp giai cấp tiểu nông cùng với giai cấp vô sản lưu manh tạo thành cơ sở duy nhất của Bas Empire. Ông ta trình bày điều đó như sau:

"Để quốc hiện nay không có người ủng hộ trong hàng ngũ những người có học thức, không có người ủng hộ trong giai cấp tư sản Pháp – *ủng hộ* nó chỉ có hai loại quần chúng: quân đội và giai cấp vô sản nông thôn *không biết đọc, biết viết*. Nhưng họ chiếm 9/10 dân cư, là công cụ được tổ chức hùng mạnh có thể đè bẹp sự phản kháng, và họ đại diện cho *đám nô lệ bị cầm nô* không có gì ngoài lá phiếu bầu" (t. 25).

Cư dân phi thành thị ở Pháp, bao gồm cả quân đội, vị tất chiếm đến 2/3 toàn bộ dân cư. *Phô-gơ* biến chưa đầy 2/3 đó thành 9/10. Toàn bộ dân cư phi thành thị ở Pháp, trong đó khoảng 1/5 gồm những điền chủ sung túc và 1/5 nữa, trái lại, gồm những người không có ruộng đất và nghèo khổ, thì lại được ông ta biến rảo thành tiểu nông, thành "đám nô lệ bị cầm nô". Sau hết, ông ta xóa toẹt ở Pháp, trừ các thành phố, mọi khả năng biết đọc và biết viết. Hiện nay ông ta xuyên tạc thống kê học như trước kia đã xuyên tạc lịch sử, để mở rộng cái bệ ngồi cho vị anh hùng của mình. Giờ đây bản thân vị anh hùng ấy được đặt lên bệ ấy.

"Do đó, nước Pháp trên thực tế hoàn toàn chỉ quy thành bản thân người thống trị nó, về nhân vật này Ma-xông" (cũng là một bậc quyền uy) "nói rằng nhân vật ấy có phẩm chất lỗi lạc của một nhà hoạt động nhà nước và vua chúa, có ý chí không sờn, sự tế nhị đúng đắn, quyết tâm không lay chuyển được, trái tim kiên cường, trí tuệ cao siêu và táo

bạo và sự nhẫn tâm đặc biệt" (l.c., tr.27).

"Wie saecleclîche stât im an

allez daz, daz êr begât!

wie gâr sîn lîp ze wunsche stât!

wie gênt îm so gelfîche incin

dic finen keiserlîchen bein"

(Tristan)^{1*}

Phô-gtơ giật lấy chiếc lư hương của Mát-xông để dích thân vung vẩy nó. Ông ta thêm vào mục lục các đức hạnh của Mát-xông: "Sự suy tính lạnh lùng", "bản lĩnh lớn lao về mưu kế", "sự thông minh của loài rắn", "sự kiên nhẫn" (tr.28), rồi bập bẹ như Ta-xít nào đó ở phòng đợi: "*Nguồn gốc của quyền lực ấy là sự khùng khiếp*", dù sao điều đó cũng là phi lý. Trước hết, ông ta phải biến một cách hài kịch hình tượng hài hước của vị anh hùng của mình thành một con người vĩ đại, và thế là "Na-pô-lê-ông Bé"⁴⁹⁸ biến thành "*con người có tính chất quyết định*" đó (l.c., tr.36).

"Nếu như tình hình hiện nay" – *Phô-gtơ thốt lên* – "*dẫn tới sự biến đổi*" (cách nói khiếm tốn làm sao: *sự biến đổi!*) "trong sự cai trị của ông" (của con người có tính chất quyết định) "thì về phía mình, chúng ta không khỏi bày tỏ *sự nhiệt liệt chúc mừng thành công*, tuy rằng lúc này trước mắt chúng ta không có triển vọng đó" (l.c., tr.29).

Anh chàng dễ động lòng thương người với nguyện vọng thầm kín chúc thành công ấy đã tỏ vẻ nghiêm chỉnh như thế nào, điều đó có thể thấy được qua đoạn sau đây:

1* - "Trong tất cả mọi cử chỉ của anh
Phải chăng có thể tìm thấy thiếu sót nào?
Thân hình anh kiêu diễm và thon thả
Bộ đùi của anh đồ sộ và cân đối
Ai có thể mô tả bằng ngôn ngữ?"
(Gốt-phrít Xtơ-ra-xbua.
"Tơ-ri-xtan và I-dôn-đa").

"*Nhưng tình hình trong nước*, trong điều kiện trạng thái **hòa bình kéo dài**, do đó mà sẽ **mỗi ngày càng không ổn định**, vì sự liên hệ của quân đội Pháp, với các đảng của những người có học thức thì chặt chẽ hơn nhiều so với tình hình, chẳng hạn, ở các quốc gia Đức, Phổ và Áo; vì chính những đảng phái ấy được sự hưởng ứng trong giới sĩ quan, do vậy một ngày kia *trụ cột hữu hiệu duy nhất* của quyền lực mà hoàng đế có được, có thể tuột khỏi tay ngài" (l.c., tr.27).

Thế là, trong điều kiện "trạng thái **hòa bình kéo dài tình hình trong nước ngày càng trở nên không ổn định**". Do đó, *Phô-gtơ* phải ra sức làm dễ dàng việc *phá hoại hòa bình* của Lu-i Bô-na-pác-tơ. Quân đội, "trụ cột hữu hiệu nhất" của "quyền lực" của ông ta đe dọa "tuột" khỏi tay ông ta. Do đó, *Phô-gtơ* chứng minh rằng nhiệm vụ của châu Âu là lại cột "quân đội" Pháp vào Lu-i Bô-na-pác-tơ bằng cuộc chiến tranh "cục bộ" ở I-ta-li-a. Thực vậy, vào cuối năm 1858, vai trò của nhân vật Ba-danh-ghê, như người dân Pa-ri gọi một cách không kính trọng "người cháu của bác mình", xem ra phải kết liễu bằng một kết cục khùng khiếp. Cuộc tổng khùng hoảng thương mại trong những năm 1857 - 1858 đã làm tê liệt nền công nghiệp Pháp¹⁾. Thủ đoạn của chính phủ nhằm ngăn cản sự trầm trọng thêm của cuộc khùng hoảng đã mang lại tính chất kinh niên cho tai họa đó, nên tình trạng tiêu điều trong nền thương mại Pháp kéo dài cho đến khi cuộc chiến tranh I-ta-li-a bắt đầu. Mặt khác, giá lương thực vào các năm 1857-1859 sụt xuống đến mức tại các congrès agricoles^{1*} đã vang lên những lời than phiền rằng nền công nghiệp Pháp không thể

1) Thực vậy, chính sự phồn vinh công nghiệp đã duy trì chế độ của Lu-i Bô-na-pác-tơ được lâu dài như vậy. Do những sự phát hiện ở Ô-xtơ-rây-li-a và Ca-li-phoóc-ni-a và ảnh hưởng của chúng đối với thị trường thế giới nên khối lượng xuất khẩu của Pháp đã tăng gấp đôi và đạt được quy mô chưa từng thấy. Xét cho cùng, nhìn chung, Cách mạng tháng Hai thất bại là do Ca-li-phoóc-ni-a và Ô-xtơ-rây-li-a.

1* - hội nghị đại biểu các chủ nông trại

duy trì được trong điều kiện giá lương thực hạ mà thuế má cao. Ý đồ nực cười của Lu-i Bô-na-pác-tơ là nâng giá lương thực một cách giả tạo bằng một mệnh lệnh quy định những người làm bánh mì ở khắp nước Pháp phải lập các kho lương thực, chỉ bộc lộ sự bất lực và sự lúng túng của chính phủ của ông ta.

Chính sách đối ngoại của chế độ của cuộc đảo chính chỉ biểu hiện một loạt ý đồ thất bại muốn trưng lên vai diễn của Na-pô-lê-ông - đó chỉ là mấy cuộc tập kích thường xuyên kết thúc bằng sự rút lui chính thức. Mưu mô của Lu-i Bô-na-pác-tơ chống lại Hợp chúng quốc Mỹ, những thủ đoạn nhằm khôi phục chế độ buôn bán nô lệ⁴⁹⁹, sự đe dọa có tính chất hài kịch đối với Anh, đều là như vậy. Những hành vi vô liêm sỉ mà Lu-i Bô-na-pác-tơ tự cho phép mình tiến hành lúc bấy giờ đối với Thụy Sĩ, Xéc-di-ni, Bồ Đào Nha và Bỉ – mặc dầu ở Bỉ ông ta thậm chí không cản trở được việc bố phòng Ăng-ve – càng chứng minh rõ ràng sự đại bại của ông ta trước các đại cường quốc. Ở Nghị viện Anh, "Na-pô-lê-ông Bé" đã trở thành câu nói thường dùng, còn báo "Times" trong các bài tổng kết năm 1858 đã thay đổi một cách châm biếm cách gọi "con người sắt" thành "con người *cao su*". Trong khi đó những trái tạc đạn của Oóc-xi-ni, hết như tia chớp, đã soi tỏ tình hình nội bộ nước Pháp. Chế độ của Lu-i Bô-na-pác-tơ tỏ ra vẫn chưa được củng cố, như những ngày đầu của cuộc đảo chính. "*Lois de surete publique*"⁵⁰⁰ hoàn toàn phơi bày sự cô lập của ông ta. Ông ta buộc phải nhường lại quyền lực cho các viên tướng của mình. Điều chưa từng thấy là nước Pháp bị phân chia, theo mẫu Tây Ban Nha, thành năm khu tư lệnh trấn thủ. Với việc thiết lập chế độ nhiếp chính, Pê-li-xi-ê đã thực tế được thừa nhận là người cầm quyền tối cao ở Pháp⁵⁰¹. Trong khi đó việc khôi phục *terreur*^{1*} không gây ra sự sợ hãi. Đáng lẽ tỏ ra đáng sợ thì người cháu Hà Lan của trận Ô-xtéc-lít lại tỏ ra kỳ quặc đến kỳ dị⁵⁰². Ở

1* - sự khủng bố

Pa-ri, Mông-ta-lăm-be có thể sắm vai Hem-pden, Bê-ri-ê và Đuy-phô-rơ có thể nói lên hy vọng của giai cấp tư sản trong các bài bào chữa tại tòa án, còn Pru-đông có thể tuyên truyền ở Bruy-xen chủ nghĩa Lu-i-Phi-líp với acte additionel⁵⁰³, trong khi đó bản thân Lu-i Bô-na-pác-tơ phải thừa nhận trước toàn châu Âu uy lực đang phát triển của Ma-ri-an-na. Trong thời kỳ cuộc khởi nghĩa Sa-lon⁵⁰⁴, các sĩ quan khi nghe nói đến việc tuyên bố thành lập nền cộng hòa ở Pa-ri thì đáng lẽ phải tấn công mãnh liệt vào những người khởi nghĩa, nhưng họ trước hết lại thăm dò ở tòa thị chính xem ở Pa-ri có thực người ta tuyên bố nền cộng hòa không, đó là bằng chứng đủ sức thuyết phục nói lên rằng ngay quân đội cũng coi đế chế phục tích là một vở kịch câm mà màn chót đang đến gần. Những cuộc quyết đấu tai tiếng của các sĩ quan ngạo mạn ở Pa-ri diễn ra cùng một lúc với các vụ áp phe tai tiếng ở Sở giao dịch làm mất thể diện những tên đầu sỏ của băng đảng ngày 10 tháng Chạp! Nội các Pan-móc-xtơn ở Anh đã đổ vì liên minh với Lu-i Bô-na-pác-tơ⁵⁰⁵! Sau hết là tình hình công quỹ chỉ có thể bù đắp bằng những biện pháp đặc biệt! Đó là tình hình của Bas Empire vào cuối năm 1858. Hoặc là chính quyền giả mạo hào nhoáng bên ngoài của hoàng đế phải sụp đổ, hoặc là phải chấm dứt tấn tuồng nực cười của đế quốc Na-pô-lê-ông *trong những đường biên giới* do hiệp ước năm 1815 quy định. Nhưng muốn thế cần có *chiến tranh cục bộ*. Chỉ riêng viễn cảnh của cuộc chiến tranh với châu Âu lúc đó đã đủ gây nên cuộc bùng nổ ở nước Pháp. Bất cứ em bé nào cũng hiểu điều mà *Hoóc-xmen* nói tại Nghị viện Anh:

"Chúng ta biết rằng nước Pháp sẽ ủng hộ vị hoàng đế của mình chừng nào sự dao động của chúng ta đảm bảo thắng lợi của chính sách đối ngoại của ông ta, nhưng chúng ta có căn cứ để cho rằng nước Pháp sẽ rời bỏ ông ta khi chúng ta kiên quyết chống lại ông ta".

Tất cả tùy thuộc vào chỗ có thể *cục bộ hóa* chiến tranh được

không, tức là tiến hành nó với sự cho phép của nhà cầm quyền tối cao châu Âu. Ban đầu bản thân Pháp cũng phải chuẩn bị từng bước cho cuộc chiến tranh bằng một loạt những cuộc đàm phán hòa bình giả dối và những thất bại lấp đi lấp lại của chúng. Nhưng ở đây Lu-i Bô-na-pác-tơ rơi vào tình thế khó xử. Đại sứ Anh ở Pa-ri, huân tước Cau-li, được cử đến Viên mang theo kiến nghị do Lu-i Bô-na-pác-tơ thảo ra và được sự đồng ý của nội các Anh (Đốc-bì). Ở đó (xem Sách xanh đã dẫn trên kia), những kiến nghị ấy do áp lực của Anh đã được chấp nhận một cách bất ngờ. Cau-li chưa kịp trở về Luân Đôn báo cáo về việc "hòa bình giải quyết" vụ tranh chấp thì đột nhiên nhận được tin là Lu-i Bô-na-pác-tơ từ bỏ các kiến nghị của chính mình và đồng ý với kiến nghị của Nga về việc triệu tập hội nghị để có những biện pháp chống lại Áo. Chỉ có sự can thiệp của Nga, chiến tranh mới có khả năng xảy ra. Nếu như Nga không còn cần đến Lu-i Bô-na-pác-tơ để thực hiện kế hoạch của mình – hoặc để cùng với Pháp thực hiện những kế hoạch đó, hoặc để dùng những đòn công kích của Pháp biến Áo và Phổ thành công cụ nhu nhược của mình – thì khi đó Lu-i Bô-na-pác-tơ đã bị lật đổ rồi. Nhưng mặc dầu có sự ủng hộ bí mật của Nga, mặc dầu có sự hứa hẹn của Pan-móc-xtơn là người đã tán thành vụ âm mưu Plôm-bi-éc ở Côm-pi-éc⁵⁰⁶, tất cả đều phụ thuộc vào hành vi của Đức, vì một mặt, chính quyền ở Anh vẫn là nội các của đảng To-ri, mặt khác, viễn cảnh của cuộc chiến tranh châu Âu, có thể gây ra sự bùng nổ của tâm trạng bất mãn ngấm ngầm đương thời ở nước Pháp đối với chế độ Bô-na-pác-tơ.

Bản thân *Phô-gtơ* đã buột miệng nói rằng ông ta hát "Bài ca về Lu-i" của mình không phải do đồng tình với I-ta-li-a và không phải do sợ hãi trước chế độ chuyên chế nhút nhát, bảo thủ, bất lực bao nhiêu thì cũng thô bạo bấy nhiêu của Áo. Trái lại, ông ta cho rằng nếu Áo – tiện thể xin nói luôn, nước này *buộc phải* bắt đầu hành động chiến tranh – ngay từ lúc đầu giành được thắng lợi ở I-ta-li-a thì

"dù sao đi nữa ở Pháp sẽ bùng nổ cách mạng, đế quốc sẽ tan rã và tương lai mới sẽ đến" (l.c., tr.131). Ông ta cho rằng "rút cục, quân đội Áo sẽ không đứng vững trước lực lượng đã được giải phóng của nhân dân Pháp" (l.c.), rằng "trong cách mạng ở Pháp, ở I-ta-li-a và ở Hung-ga-ri, lực lượng vũ trang chiến thắng của Áo sẽ tự tạo ra kẻ địch của mình, nó chắc chắn sẽ bị kẻ địch ấy tiêu diệt".

Nhưng đối với Phô-gtơ, điều quan trọng không phải là việc giải phóng I-ta-li-a khỏi Áo mà là làm cho nước Pháp khuất phục trước Lu-i Bô-na-pác-tơ.

Chẳng lẽ còn cần bằng chứng nào nữa để chứng minh rằng *Phô-gtơ* chỉ là một trong vô số những chiếc loa mà anh hề nói không máy môi ở Tuyn-lơ-ri sử dụng để phát thanh bằng tiếng nước ngoài?

Chớ nên quên rằng đúng vào lúc Lu-i Bô-na-pác-tơ lần đầu phát hiện sứ mạng của mình là giải phóng các dân tộc nói chung và I-ta-li-a nói riêng, thì ở Pháp đang diễn ra một tấn kịch chưa từng có trong lịch sử. Toàn châu Âu ngạc nhiên trước tinh thần ngoan cường vững chắc mà nước Pháp bác bỏ "idées napoléoniennes"⁵⁰⁷. Nhiệt tình mà ngay cả "Chiens savants"^{1*} của Đoàn lập pháp biểu hiện trong việc hoan nghênh những lời bảo đảm hòa bình của Moóc-ni; cái giọng bất mãn của Moniteur" dùng để chê trách quốc dân khi thì về chỗ họ sa lầy vào những lợi ích vật chất, khi thì về chỗ họ thiếu nghị lực yêu nước và về chỗ họ hoài nghi sự sáng suốt chính trị và tài năng của Ba-đanh-ghê với tư cách vị thống soái; messages^{2*} trấn an chính thức gửi tất cả các phòng thương mại ở Pháp; sự quả quyết của hoàng đế rằng "étudier une question n'est pas la créer"^{3*}, - tất cả những cái đó còn mới mẻ trong trí nhớ mọi người. Báo chí Anh, ngạc nhiên trước tấn kịch

1* – "Con chó thông thái"

2* – thông cáo

3* – "nghiên cứu vấn đề không có nghĩa là tạo ra vấn đề"

khác thường ấy, đã đưa ra đây rầy những lời tầm bậy đầy thiện chí về sự chuyển biến có tính chất hòa bình chủ nghĩa trong tính cách người Pháp, sở giao dịch bàn về vấn đề "có chiến tranh hay không" thì coi đó như "cuộc quyết đấu" giữa Lu-i Bô-na-pác-tơ muốn chiến tranh và quốc dân không muốn chiến tranh; người ta đánh cuộc xem ai sẽ thắng: quốc dân hay là "người cháu của bác mình". Để miêu tả tình hình đương thời, tôi chỉ xin dẫn ra mấy đoạn trong tạp chí Luân Đôn "Economist"⁵⁰⁸, cơ quan ngôn luận của Xi-ti, người báo trước cuộc chiến tranh I-ta-li-a và đứa con cưng của Uyn-xơn (là bộ trưởng tài chính Ấn Độ mới qua đời và là công cụ của Pan-móc-xơn) và là tạp chí có sức nặng lớn:

Hoảng hốt vì sự kích động lớn lao do nó gây ra, hiện nay Chính phủ Pháp dùng đến phương pháp trấn an" ("*Economist*", ngày 15 tháng Giêng 1859).

Trong số ra ngày 22 tháng Giêng 1859 với bài báo nhan đề "Giới hạn thực tế của quyền lực hoàng đế ở Pháp", "Economist" viết:

"Dù kế hoạch của hoàng đế về chiến tranh ở I-ta-li-a có thực hiện được hay không, thì chỉ ít cũng có một điều không thể bác bỏ được là kế hoạch của ông ta vấp phải sự chống đối mạnh mẽ và xem ra bất ngờ, biểu hiện ở thái độ thờ ơ của dư luận Pháp đối với nó, ở sự hoàn toàn không có sự đồng tình nào đối với kế hoạch của hoàng đế... Ông đề nghị chiến tranh, còn nhân dân Pháp chỉ tỏ ra lo sợ và bất mãn, tiền giấy của nhà nước sụt giá, sự sợ hãi trước nhân viên thu thuế đã làm tắt mọi tinh thần hiếu chiến và nhiệt tình chính trị, giới thương gia bị hoảng hốt, các khu nông nghiệp thì bất mãn và im lặng do sợ hãi trước những đợt tuyển quân mới và thuế khóa mới; tập đoàn chính trị ủng hộ mạnh mẽ nhất cho chế độ hoàng đế, coi đó như là pis aller^{1*} chống lại trạng thái vô chính phủ, cũng phản đối chiến tranh do cùng những nguyên nhân ấy: tóm lại, rõ ràng là Lu-i Bô-na-pác-tơ phát hiện ở các giai cấp dân cư sự chống đối rộng rãi và sâu sắc đối với chiến tranh, ngay cả đối với chiến tranh vì nước I-ta-li-a, một sự chống đối mà ông ta không ngờ tới"¹⁾.

1) Huân tước Tren-si, thay mặt huân tước Cau-li khi ông này vắng mặt ở Pa-ri, đã viết: "The official disavowal" ("*Moniteur*", ngày 5 tháng Ba 1859)

Đối lập với tâm trạng đó của nhân dân Pháp là sự ra đời của cái phần trong những cuốn sách nguyên tắc của Đan-tiu mà trong đó người ta "nhân danh nhân dân" yêu cầu "hoàng đế" "rút cục hãy giúp đỡ nước Pháp bành trướng một cách hùng vĩ từ núi An-pơ đến sông Ranh" và đừng cản trở nữa "tinh thần hiếu chiến" và "nguyện vọng của nhân dân muốn giải phóng các dân tộc". *Phô-gtô* đã hòa tấu cùng với bọn con đi tháng Chạp. Đúng vào lúc mà nguyện vọng kiên quyết yêu cầu hòa bình của nước Pháp gây ra sự ngạc nhiên ở châu Âu thì *Phô-gtô* phát hiện ra rằng "*hiện nay dân tộc hiếu động này*" (người Pháp) "*xem ra chứa chan tâm trạng hiếu chiến*" (l.c., tr.29, 30) rằng ngài Lu-i chỉ chạy theo "trào lưu tư tưởng thống trị đương thời" được biểu hiện chính là ở nguyện vọng "độc lập dân tộc" (l.c., tr.31). Đương nhiên, ông ta không tin một chữ nào trong những điều ông ta viết. Trong "*Cương lĩnh*" của mình kêu gọi các nhà dân chủ cộng tác trong việc tuyên truyền chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ của ông ta, ông ta nói kỹ rằng chiến tranh I-ta-li-a *không được lòng người ở Pháp*.

"*Thoạt đầu tôi không thấy sự nguy hiểm nào đối với vùng sông Ranh; nhưng nó có thể xuất hiện sau này, chiến tranh ở đó hoặc ở Anh làm cho Lu-i Bô-na-pác-tơ hầu như được lòng người, nhưng chiến tranh ở I-ta-li-a không được lòng người*" (tr.34, "*Tác phẩm chính*", văn kiện¹⁾).

"of all warlike intentions on the part of the Emperor, this Imperial message of peace, has been received by all classes of Paris with feelings of what may be called exultation" (Số 88, Sách xanh về sự kiện I-ta-li-a tháng Giêng – tháng Năm 1859). (Việc hoàng đế chính thức từ bỏ mọi ý đồ gây chiến, thông báo hòa bình đó của hoàng đế đã được tất cả các giai cấp ở Pa-ri tiếp đón với nhiệt tình khác thường").

1* – biện pháp cực chẳng đã

1) *Nota bene*. Trong "Nghiên cứu" của mình, *Phô-gtô* cùng với "*Moniteur*" và các nguyên tắc của mình, các cuốn sách nhỏ của Đan-tiu, lấp

Nếu như một phần những tập sách như nguyên tắc do Đan-tiu xuất bản, là nhằm ra sức dùng ảo ảnh chinh phục cổ truyền làm cho nhân dân Pháp thoát khỏi "trạng thái mê ngủ hòa bình" và làm cho của miệng quốc dân phát ra những nguyện vọng riêng của Lu-i Bô-na-pác-tơ thì nhiệm vụ của phần khác, đứng đầu là "Moniteur", là thuyết phục trước hết nước Đức rằng hoàng đế cảm thấy chán ghét việc chiếm đoạt đất đai và sứ mạng lý tưởng của ông là làm chúa cứu thế giải phóng các dân tộc. Bằng chứng, một mặt, về sự vô tư của chính sách của ông và, mặt khác, về nguyện vọng giải phóng các dân tộc của ông -, có thể được học thuộc lòng dễ dàng, vì chúng được thường xuyên lặp lại và bao giờ cũng xoay quanh hai điểm cơ bản. Bằng chứng về sự vô tư của chính sách của tháng Chạp là cuộc *Chiến tranh Crum*. Bằng chứng về nguyện vọng giải phóng các dân tộc là *đại tá Cu-da và dân tộc Ru-ma-ni*. Giọng điệu ở đây do "Moniteur" trực tiếp đưa ra. Xem "Moniteur", ngày 15 tháng Tư 1859, số ra ngày 10 tháng Tư 1859 viết về *dân tộc Ru-ma-ni* như sau:

"Nước ấy" (nước Pháp) "muốn rằng ở Đức cũng như ở I-ta-li-a các dân tộc được các hiệp ước thừa nhận sẽ được bảo tồn và thậm chí được tăng cường. – Còn về *Các công quốc vùng Đa-nuýp* thì ông" (hoàng đế) "đã nhận lãnh sự khó nhọc là góp phần vào thắng lợi của những nguyện vọng hợp pháp của các tỉnh ấy, để trong bộ phận này của châu Âu bảo đảm được nền trật tự đã được xây dựng trên những lợi ích dân tộc".

Cùng xem tập sách nhỏ "Na-pô-lê-ông III và vấn đề Ru-ma-ni"⁵⁰⁹,

đi lặp lại rằng "sự trở trêu của số phận buộc con người đó" (Lu-i Bô-na-pác-tơ) "xuất hiện trên hàng đầu với tư cách *người giải phóng các dân tộc*" (tr.35), rằng "phải *giúp sức* vào chính sách ấy, chừng nào nó còn được duy trì trong phạm vi giải phóng các dân tộc" và "*chờ đợi xảy ra sự giải phóng đó nhờ con người có tính chất quyết định ấy*" (tr. 36). Còn trong "Cương lĩnh", được viết cho các ngài dân chủ, Phô-gtô nói trái lại rằng: "Chúng ta có thể và phải đề phòng sự giúp đỡ của con người ấy" (tr. 34, "Tác phẩm chính". Văn kiện).

do Đan-tiu xuất bản đầu năm 1859. Về vấn đề "*Chiến tranh Crum*":

"Sau hết, nước Pháp đã đòi hỏi những sự đền bù gì về máu mà nó đã đổ và về hàng triệu bạc mà nó đã chi tiêu ở phương Đông hoàn toàn vì lợi ích của châu Âu" ("*Thực chất của vấn đề*", Pa-ri, Đan-tiu, 1859, tr.13).

Cái đề mục ấy, được lặp đi lặp lại bằng mọi cách ở Pa-ri, Phô-gtô trình bày nó bằng tiếng Đức thành công đến mức *E.A-bu*, con quạ có tính ba hoa của chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ, xem ra đã dịch lại ra tiếng Pháp bản dịch tiếng Đức của *Phô-gtô*. Xem "*Nước Phổ năm 1860*"⁵¹⁰. Ở đây chúng ta lại gặp cuộc *Chiến tranh Crum và dân tộc Ru-ma-ni dưới sự cai trị của đại tá Cu-da*.

"Nhưng có một điều dù sao chúng ta cũng biết" – *Phô-gtô* lặp lại theo đuôi "Moniteur" và các cuốn sách nguyên tác của Đan-tiu – "là nước Pháp không xâm chiếm một tấc đất nào" (ở Crum) "và ông bác sau cuộc hành quân thắng lợi đã không thỏa mãn với kết quả nhỏ mọn của ưu thế đã được xác lập trong nghệ thuật quân sự" ("*Nghiên cứu*", tr. 33). "Song, ở đây biểu hiện sự khác nhau *quan trọng* so với chính sách Na-pô-lê-ông cũ"¹⁾ (l.c.).

— 1) Thực ra, những câu nói suông của "Na-pô-lê-ông Bé" về sự giải phóng các

dân tộc cũng được sao chép ở Na-pô-lê-ông đích thực. Chẳng hạn, *tháng Năm 1809*, từ Suên-brun, Na-pô-lê-ông ra lời kêu gọi gửi *người Hung-ga-ri*, trong đó đặc biệt có nói: "Hỡi người Hung-ga-ri! Giờ phút khôi phục *nền độc lập* của các bạn đã tới... Tôi không yêu cầu gì ở các bạn. Tôi chỉ muốn thấy các bạn trở thành *dân tộc tự do và độc lập*. Quan hệ của các bạn với Áo là sự nguyên rửa đối với các bạn v.v.". Ngày 16 tháng Năm 1797 Bô-na-pác-tơ ký với nước Cộng hòa Vơ-ni-dơ một hiệp ước mà điều khoản thứ nhất của nó quy định: "Từ nay giữa Pháp và nước Cộng hòa Vơ-ni-dơ phải có sự hòa bình và thân thiện". Mục đích mà ông theo đuổi với hòa ước ấy, ông bộc lộ với chính phủ Đốc chính ở Pháp chính ba ngày sau đó, trong bản báo cáo khẩn và mặt mở đầu như sau: "Cùng với cái đó, các ngài nhận được bản hiệp ước ký kết giữa tôi với nước Cộng hòa Vơ-ni-dơ mà căn cứ vào đó tướng Ba-ra-ghe đ'I-li-ê chỉ huy 5-6 ngàn binh sĩ đã chiếm lĩnh thành phố. Với hòa ước đó, tôi theo đuổi nhiều mục đích. Với tính cách là mục đích cuối

Tuồng như thể Phô-gơ phải chứng minh với chúng ta rằng "Na-pô-lê-ông Bê" không phải Na-pô-lê-ông đích thực! Phô-gơ cũng có thể có quyền dự báo vào năm 1851 rằng người cháu – hẳn chẳng có ai để so sánh với chiến dịch I-ta-li-a đầu tiên và cuộc viễn chinh của ông, người cháu của ông – sẽ không bao giờ Bu-lông và cuộc duyệt binh lập xương ở Xa-tô-ri – sẽ không bao giờ

cùng, ông dẫn ra: "trấn áp mọi lời bàn luận có thể nảy sinh ở châu Âu, vì hiện nay người ta cảm thấy rằng việc chúng ta chiếm Vơ-ni-dơ là hành động tạm thời mà *bản thân người Vơ-ni-dơ* sốt sắng yêu cầu đạt tới". Hai ngày sau đó, ngày 26 tháng Năm, Bô-na-pác-tơ viết cho Tòa thị chính Vơ-ni-dơ: "Hiệp ước ký kết ở Mi-la-nô có thể tạm thời do ủy ban thị chính ký, những điều khoản bí mật thì do ba ủy viên của nó ký. Tôi bao giờ cũng làm tất cả những gì có thể làm được để chứng minh với các vị nguyên vọng của tôi là củng cố *tự do của các vị* và rút cục nhìn thấy *I-ta-li-a bất hạnh được tự do và không phụ thuộc vào mọi người nước ngoài*, sẽ tìm được địa vị xứng đáng của nó trên trường quốc tế". Mấy ngày sau ông viết cho tướng Ba-ra-ghe đ'I-li-ê: "Nhận được thư này hãy đến gặp chính phủ lâm thời Vơ-ni-dơ và giải thích với họ rằng thể theo các nguyên tắc hiện đang liên hiệp các nước cộng hòa Pháp và Vơ-ni-dơ và vì lợi ích của sự bảo hộ trực tiếp của nước Cộng hòa Pháp đối với nước Cộng hòa Vơ-ni-dơ, cần nâng hạm đội của nước cộng hòa lên một trình độ tạo ra được sự tôn trọng. *Viện lý do đó*, ông sẽ chiếm lấy tất cả, đồng thời không nên quên sống hòa thuận với người Vơ-ni-dơ và tuyển mộ tất cả các thủy thủ của nước cộng hòa để họ phục vụ chúng ta, nhưng *trước sau vẫn nhân danh Vơ-ni-dơ mà hành động*. Tóm lại, ông phải thu xếp đưa toàn bộ trang bị hải quân và chiến hạm từ cảng Vơ-ni-dơ về Tu-lông. Theo điều khoản bí mật của hiệp ước, người Vơ-ni-dơ phải cung cấp cho nước Cộng hòa Pháp để trang bị cho hạm đội Tu-lông 3 triệu, nhưng vì lợi ích của nước Cộng hòa Pháp, *tôi có ý định chiếm tất cả* tàu thuyền của Vơ-ni-dơ và *tất cả* trang bị hải quân cần thiết cho Tu-lông, (xem "Thư từ mật và riêng của Na-pô-lê-ông", 7 tập, Pa-ri, 1817⁵¹¹). Những mệnh lệnh ấy được thi hành chính xác; và khi Vơ-ni-dơ bị tước đoạt và mất đi *tất cả* trang bị hải quân, lục quân của mình, Na-pô-lê-ông không chút ngần ngại trao đồng minh mới của mình, *nước Cộng hòa Vơ-ni-dơ được giải phóng* mà ông ta trịnh trọng tuyên thệ bảo vệ bất chấp mọi nguy hiểm, vào bàn tay *đô hộ chuyên chế của Áo*.

bất chước Ngày 18 tháng Sương mù⁵¹², càng không thể đội lên đầu mình chiếc vương miện. Song, ở đây có "sự khác nhau quan trọng so với chính sách Na-pô-lê-ông cũ". Tiến hành chiến tranh chống lại đồng minh châu Âu và tiến hành chiến tranh với sự cho phép của đồng minh châu Âu - đó là một sự khác nhau khác.

"Chiến dịch Crưm vinh quang" trong đó liên quân Pháp, Anh, Thổ Nhĩ Kỳ và Xác-di-ni sau 2 năm đã "chiếm lĩnh" được một nửa cứ điểm của Nga, và để đổi lấy nó, đã mất cho Nga cả một cứ điểm của Thổ Nhĩ Kỳ (Các-xơ), còn khi ký hòa ước Đại hội Pa-ri⁵¹³ đã buộc phải khiêm tốn "yêu cầu" địch "cho phép" hồi hương không bị cản trở quân lính của mình, - chiến dịch đó quả thực có thể gọi là gì cũng được; chúng chỉ không thể được gọi là chiến dịch "Na-pô-lê-ông". Nhìn chung nó chỉ vinh quang trong tiểu thuyết của *Ba-dăng-cua*⁵¹⁴. Nhưng cuộc Chiến tranh Crưm chỉ ra nhiều điều. Lu-i Bô-na-pác-tơ *bán rẻ* đồng minh giả (Thổ Nhĩ Kỳ) để đạt được sự liên minh với kẻ địch giả. Kết quả đầu tiên của Hòa ước Pa-ri là đem "dân tộc Tréc-kê-xi" làm vật hy sinh và việc người Nga tiêu diệt người Tác-ta ở Crưm, cũng như sự tiêu tan của những niềm hy vọng dân tộc mà Ba Lan và Thụy Điển gửi gắm vào cuộc viễn chinh thập tự của Tây Âu chống Nga. Một bài học khác rút ra được từ cuộc Chiến tranh Crưm là: Lu-i Bô-na-pác-tơ *không* còn dám tiến hành cuộc *Chiến tranh Crưm thứ hai*, không dám để mất quân đội cũ và mắc những khoản quốc trái mới để đổi lấy sự nhận thức rằng nước Pháp đủ giàu có "de payer sa propre gloire"^{1*}, rằng tên tuổi của Lu-i – Na-pô-lê-ông xuất hiện trong hiệp ước của châu Âu, rằng "báo chí bảo thủ và báo chí Vương triều của châu Âu" – theo sự đánh giá cao của *Phô-gơ* (l.c., tr.32,) – nhất trí thừa nhận "lòng dũng cảm, sự sáng suốt và sự tự kiểm chế cao cả của hoàng đế", rằng toàn thể châu

1* – "để trả giá cho sự vinh quang của bản thân"

Ấu hồi bấy giờ đã dâng cho ông ta tất cả honneurs^{1*} xứng đáng với Na-pô-lê-ông đích thực với điều kiện rõ ràng là Lu-i Bô-na-pác-tơ phải noi gương Lu-i-Phi-líp là tự kiềm chế một cách thích đáng trong "những ranh giới của lý trí thực tế", tức là trong các đường biên giới của Hiệp ước năm 1815, không phút nào quên ranh giới nhỏ phân biệt anh em với người anh hùng do ông ta mô tả. Âm mưu chính trị, các vua chúa và tình hình xã hội nói chung tạo khả năng cho tên cầm đầu bọn tháug Chạp sắm vai Na-pô-lê-ông thoát đầu ở Pháp, rồi kế đến ở ngoài biên giới nó, - quả thực những điều đó là đặc trưng của thời đại *ông ta*, nhưng không thích hợp với sử biên niên của cách mạng Pháp vĩ đại.

"Nhưng chỉ ít vẫn có một sự thực là chính sách của Pháp hiện nay ở phương Đông đáp ứng khát vọng đoàn kết của một dân tộc" (*Ru-ma-ni*) ("Nghiên cứu", tr. 34, 35).

Cu-da, như đã nhắc tới, giữ vị trí bổ trống hoặc để cho một tổng đốc Nga, hoặc để cho một chư hầu của Nga. Trên bản đồ "Châu Âu năm 1860", đại công tước Mếch-clen-bua xuất hiện với tư cách một chư hầu. Đương nhiên, Nga trao cho Lu-i Bô-na-pác-tơ tất cả honneurs của sự giải phóng Ru-ma-ni *đó*, còn bản thân nó nhận lấy tất cả những lợi lộc của sự giải phóng đó. Áo là sự cản trở trên con đường thực hiện thêm nữa những ý định tốt lành của Lu-i Bô-na-pác-tơ. Do đó, cuộc chiến tranh I-ta-li-a phải *biến* Áo từ *chỗ là trở ngại thành công cụ*.

Ngay từ năm 1858 anh em nói tiếng bụng ở Tuyn-lơ-ri đã lợi dụng vô số những chiếc còi của mình để thổi bản biến tấu về đề tài: "dân tộc Ru-ma-ni". Do đó, nhân vật quyền uy của *Phô-gơ*, *ông Cô-sút*, ngay từ ngày 20 tháng Mười một năm 1858 trong bài giảng ở Gla-xgô đã có thể trả lời:

"Va-la-khi và Môn-đa-vi-a nhận được bản hiến pháp thảo ra trong hang động ngoại

1* - "vinh dự"

giao bí mật... Trên thực tế, nó là bản hiến chương, không hơn không kém, được bán cho nước Nga để nó chi phối Các công quốc vùng Đa-nuýp" (It is in reality no more no less than a charter granted to Russia for the purp pose of disposing of the Principalities").

Như vậy là Lu-i Bô-na-pác-tơ lạm dụng "nguyên tắc dân tộc" ở Các công quốc vùng Đa- nuýp để che đậy việc chuyển những công quốc ấy cho nước Nga, giống như *Chính phủ Áo* trong những năm 1848-1849 đã lạm dụng "nguyên tắc dân tộc" để dùng người Xéc-bi, người Xlô-vê-ni, người Crô-a-xi, người Va-la-khi v.v. nhằm bóp chết cách mạng của người Ma-đi-a và người Đức.

Nhân dân Ru-ma-ni -, những kẻ cùng một lúc bận tâm đến họ thì gồm có lãnh sự Nga ở Bu-ca-rét, bọn lưu manh quý tộc Môn-đa-vi-a, Va-la-khi vì lợi ích bản thân, bọn này phần lớn không phải là người Ru-ma-ni, mà là một đám ô hợp đủ màu sắc gồm những tên phiêu lưu từ nước ngoài chạy đến, một bọn tháug Chạp phương Đông - nhân dân Ru-ma-ni vẫn rên xiết như trước đây dưới ách lao dịch hết sức ghê tởm mà *chỉ* có thể do *người Nga* dựng lên, dựa vào "quy chế tổ chức", và chỉ có thể được demi - monde^{1*} phương Đông ủng hộ.

Để dùng tài hùng biện của mình tô điểm cho trí thông minh mượn ở các nguyên tác của Đan-ti-u, *Phô-gơ* nói:

"Áo đã hoàn toàn đủ bận rộn chỉ nguyên với Pi-ê-mông ở phương Nam, nó không cần một Pi-ê-mông ở phương Đông nữa" (l.c., tr. 64).

Pi-ê-mông xâm chiếm đất đai của *I-ta-li-a*. Do đó, Các công quốc vùng Đa-nuýp khu vực ít hiếu chiến nhất của Thổ Nhĩ Kỳ - sẽ phải xâm chiếm đất đai của Ru-ma-ni, tức là cướp lấy Bét-xa-ra-bi-a của Nga, Tơ-ran-xin-va-ni, Ba-nát thuộc Tê-mê-sva-ra và Bu-cô-vi-na của Áo? *Phô-gơ* không những quên mất "Nga hoàng tốt bụng". Ông ta còn quên rằng trong các năm 1848 -

1* - xã hội nửa thượng lưu

1849 *Hung-ga-ri* xem ra hoàn toàn không muốn cho phép người ta tước của nó những đất đai ít nhiều là của Ru-ma-ni ấy, sẽ tuốt kiếm để trả lời "những lời gào thét đau khổ" của họ, và còn quên rằng, trái lại, chính Áo đã sử dụng việc "tuyên truyền nguyên tắc dân tộc" ấy để *chống lại Hung-ga-ri*.

Nhưng tri thức lịch sử của "Nghiên cứu" của Phô-gtơ lại lộ ra với tất cả sự huy hoàng của nó khi *Phô-gtơ*, một nửa dựa vào những ký ức rút từ tập sách như vang bóng một thời mà ông ta đã đọc lướt qua, để giải thích hết sức bình tĩnh rằng

"Tình hình đau khổ của các công quốc... là do hơi độc rửa nát của người Hy Lạp và người Pha-nác" (l.c., tr. 63).

Ông ta không ngờ rằng *người Pha-nác* (lấy tên gọi của một khu phố ở Công-xtăng-ti-nô-pơ) cũng là *người Hy Lạp* mà từ đầu thế kỷ XVIII, dưới sự bảo hộ của người Nga, đã làm chủ ở Các công quốc vùng Đa-nuýp. Một bộ phận là những kẻ bắt chước *những người bán nước chanh* ở Công-xtăng-ti-nô-pơ mà hiện nay, theo sự sắp đặt của Nga, đang chơi những khúc biến tấu của chủ đề: "dân tộc Ru-ma-ni".

Trong khi thiên thần trắng phương Bắc tiến từ phương Đông và tiêu diệt các dân tộc vì sự vinh quang của chủng tộc Xla-vơ, thì thiên thần trắng phương Nam, với tư cách người giương ngọn cờ nguyên tắc dân tộc, tấn công từ phía ngược lại và

"Cần chờ đợi tới khi xảy ra sự giải phóng dân tộc nhờ con người có tính chất quyết định đó" ("Nghiên cứu", tr.36).

Phô-gtơ đế quốc, tuyệt nhiên không phải "kẻ bành trướng đất đai đế quốc" ["Mehrer des Reichs"], đã trao vai trò gì cho Đức trong khi có những hành động liên hiệp ấy của hai thiên thần và của "hai kẻ thù bên ngoài lớn nhất của sự thống nhất nước Đức", những hành động được tiến hành trong "sự liên minh chặt chẽ nhất"? ("Nghiên cứu", xuất bản lần thứ hai, lời bạt, tr. 154).

"Những người thiện cận nhất", - Phô-gtơ nói - "Hiện nay cũng *phải* thấy rõ rằng giữa Chính phủ Phổ và Chính phủ của hoàng đế Pháp đã có hiệp nghị; rằng Phổ sẽ không tuốt kiếm để bảo vệ các tỉnh không phải Đức của Áo" (đĩ nhiên, kể cả Bô-hêm và Mô-ra-vi); "rằng Phổ sẽ đồng ý tất cả những biện pháp cần thiết để bảo vệ lãnh thổ của Hiệp bang" (trừ các tỉnh "không phải Đức"), "nhưng trên tất cả phương diện khác sẽ ngăn ngừa bất cứ sự tham gia nào của Hiệp bang hoặc thành viên riêng lẻ của nó đứng về phía Áo, để rồi trong thời gian đàm phán hòa bình sau này, *sẽ được vùng bình nguyên Bắc Đức như món quà thưởng cho những cố gắng đó*" ("Nghiên cứu", xuất bản lần thứ nhất, tr. 18, 19).

Qua việc khua chuông gõ mõ ngay trước khi cuộc chiến tranh với Áo thực sự bắt đầu về điều bí mật mà Tuyn-lơ-ri tiết lộ với mình rằng Phổ hành động trong "*sự nhất trí* bí mật" với "kẻ thù bên ngoài của Đức" là kẻ sẽ cho nó được hưởng "bình nguyên Bắc Đức như món quà thưởng", - đương nhiên Phô-gtơ đã có công lao lớn đối với Phổ trong việc đạt được những mục tiêu giả của nó. Ông ta đã gây ra sự hoài nghi của các chính phủ Đức khác đối với ý đồ trung lập của Phổ khi chiến tranh bắt đầu, cũng như đối với sự chuẩn bị chiến tranh của Phổ và tham vọng nắm quyền chỉ huy tối cao của nó trong tiến trình sau này của chiến tranh.

"Dù con đường mà Đức phải lựa chọn trong cuộc khủng hoảng này ra sao" - Phô-gtơ nói, - "thì có một điều không thể nghi ngờ gì nữa, đó là: được coi là một chính thể, Đức phải kiên quyết đi theo con đường xác định, trong khi hiện có một Quốc hội Hiệp bang xấu số v.v." (l.c., tr.96).

Việc gieo rắc quan điểm cho rằng Phổ kẻ vai sát cánh đi với "kẻ thù bên ngoài" và con đường đó dẫn tới việc thôn tính vùng bình nguyên Bắc Đức, - rõ ràng là phải khôi phục lại sự thống nhất còn thiếu của Quốc hội Hiệp bang. Đặc biệt điều làm cho *Dăc-den* lưu ý là Phổ đã từng "làm nó mất một số tỉnh tốt nhất" (l.c., tr.93). "Việc mua vịnh I-a-đơ" bị vạch trần" (l.c., tr. 15).

"Trong khi *Hôn-stai-nơ* phải là cái giá phải trả cho sự hợp tác của Phổ" (trong cuộc chiến tranh Thổ Nhĩ Kỳ) "thì đột nhiên vụ đánh cắp tại tiếng bản báo cáo mật làm cho cuộc đàm phán có bước ngoặt khác hẳn" (l.c., tr.15). "Méch-clen-bua, Han-nô-

vợ, Ôn-đen-buốc, Hôn-stai-nơ và các quốc gia Đức anh em... tiếp giáp khác trở thành miếng mồi mà – hướng hồ "mỗi khi có thời cơ thuận lợi" – "Phổ tham lam lao vào" (l.c., tr. 14, 15).

Như Phô-gtơ tiết lộ, Phổ đã bị mắc vào miếng mồi mà Lu-i Bô-na-pác-tơ đem ra bẫy lần này. Một mặt, trong sự "nhất trí" bí mật với Lu-i Bô-na-pác-tơ, Phổ "sẽ nhận được" và phải "nhận được bờ biển Biển Bắc và biển Ban-tích làm thiệt hại đến những người anh em Đức của mình" (l.c., tr.14). Mặt khác, Phổ sẽ được

"biên giới tự nhiên chỉ khi nào tuyến phân thủy do các dãy núi Rút và Phích-tan tạo thành, sẽ kéo dài theo sông Mai-nơ Trắng và xuôi theo sông Mai-nơ đi xa nữa đến tận Ma-in-xơ" (l.c., tr.93).

Biên giới tự nhiên lại ở giữa nước Đức! Mà lại được hình thành bởi *tuyến phân thủy chạy theo sông!* Một sự phát hiện như vậy trong lĩnh vực địa vật lý – một con kênh lộ ra bên ngoài cũng phải được tính vào loại phát hiện đó (xem "Tác phẩm chính") - đã làm cho "con người tròn trĩnh" giống hệt với A. Phôn Hum-bôn. Tuyên truyền như vậy về sự tín nhiệm của Hiệp bang Đức đối với bá quyền của Phổ, Phô-gtơ không thỏa mãn ở "sự cạnh tranh cũ của Phổ và Áo để giành lãnh thổ Đức v.v." mà còn phát hiện sự cạnh tranh của họ "thường xảy ra nhằm giành lãnh thổ ngoài châu Âu" (l.c., tr.20). Lãnh thổ ngoài châu Âu đó hiển nhiên là ở trên cung trăng.

Trên thực tế, Phô-gtơ chỉ giản đơn trình bày, bằng ngôn ngữ của mình, bản đồ "Châu Âu năm 1860 do Chính phủ Pháp xuất bản năm 1858. Trên bản đồ đó Han-nô-vơ, Mếch-clen-bua, Brao-svây-gơ, Hôn-stai-nơ, hầu quốc Hét-xen cùng với các con sông Van-đếch, An-gan-tơ, Líp-pê v.v. đều bị sáp nhập vào Phổ, trong khi "l'Empereur des Français conserve ses (!) limites actuelles", hoàng đế của người Pháp duy trì đường biên giới trước kia của mình (!). "Nước Phổ đến tận Mai-nơ" đồng thời là khẩu hiệu của hoạt động ngoại giao của Nga (xem, chẳng hạn, bản báo cáo năm 1837, đã được nhắc tới). Đối lập với Bắc Đức của Phổ là Nam Đức của Áo,

được ngăn cách với Bắc Đức của Phổ, bởi biên giới tự nhiên, bởi truyền thống, bởi tín ngưỡng tôn giáo, phương ngữ và bởi những sự khác nhau về bộ tộc; *sự chia cắt* Đức thành *hai phần* sẽ được hoàn thành bằng sự đơn giản hóa những mâu thuẫn tồn tại trong nội bộ nó và, do đó, sẽ tuyên bố cuộc Chiến tranh ba mươi năm kéo dài liên miên⁵¹⁵.

Tóm lại, theo lần xuất bản thứ nhất của "*Nghiên cứu*", Phổ phải được "*phần thưởng*" đó về những "sự cố gắng" giữ lưỡi kiếm Hiệp bang Đức trong vỏ trong thời gian có chiến tranh. Trong "*Nghiên cứu*" của Phô-gtơ, cũng như trên bản đồ "châu Âu năm 1860" của Pháp hoàn toàn *không phải Lu-i Bô-na-pác-tơ mà là Phổ* yêu sách đòi mở rộng lãnh thổ của mình và đường biên giới tự nhiên của mình bằng cuộc chiến tranh của *Pháp* chống Áo.

Nhưng chỉ trong Lời bạt viết cho lần xuất bản thứ hai tác phẩm "*Nghiên cứu*" của mình, xuất bản vào thời kỳ chiến tranh Áo – Pháp, Phô-gtơ mới chỉ rõ sứ mệnh chân chính của Phổ. Nước này phải phát động "**nội chiến**" (xem lần xuất bản thứ hai, tr. 152) để thiết lập chính quyền trung ương thống nhất" (l.c., tr.153), để thôn tóm Đức vào Vương quốc Phổ. Trong khi Nga tiến từ phương Đông, còn Áo bị Lu-i Bô-na-pác-tơ giữ chân ở I-ta-li-a, Phổ phải phát động cuộc "*nội chiến*" *vương triều* ở Đức, thì Phô-gtơ bảo đảm với hoàng thân nhiếp chính^{1*}, rằng

"Cuộc chiến tranh hiện đã bùng cháy" ở I-ta-li-a "sẽ chiếm ít ra là năm 1859", "trong khi việc thống nhất nước Đức, nếu người ta tiến hành nhanh chóng và kiên quyết, thì đòi hỏi *số tuần lễ ít hơn* so với số tháng mà chiến dịch I-ta-li-a đòi hỏi" (l.c., tr. 155).

Cuộc nội chiến ở Đức sẽ chỉ kéo dài mấy tuần! Chưa nói đến việc quân đội Áo – bất kể là chiến tranh ở I-ta-li-a có kéo dài hay

1* - Vin-hem.

không – sẽ lập tức tiến quân chống lại Phổ, thì Phổ, như bản thân ông Phô-gtơ nói, sẽ vấp phải sự kháng cự của "Ba-vi-e... là xứ hoàn toàn chịu ảnh hưởng của Áo" ("Nghiên cứu", xuất bản lần thứ nhất, tr. 90), của Dắc-den, mà trước hết nó bị uy hiếp và nó không có lý do gì buộc bản thân mình phải "đồng tình với Áo" (l.c., tr.93) của "Vuyéc-tem-béc, Hét-xen-Đác-mơ-stát và Han-nô-vơ" (l.c., tr. 94), nói tóm lại, của "*chín phần mười*" (l.c., tr.16) "*các chính phủ ở Đức*". Và những chính phủ này, như *Phô-gtơ* chứng minh thêm, dĩ nhiên không ở vào tình trạng không được chỉ viện trong cuộc "nội chiến" vương triều như thế, hướng hồ cuộc nội chiến này do Phổ phát động vào lúc Đức bị "hai kẻ thù bên ngoài lớn nhất" uy hiếp.

"Cung đình" (ở Ba-den) – Phô-gtơ nói – "sẽ đi theo Phổ, nhưng nhân dân - điều này không thể nghi ngờ chút nào - đương nhiên không tán thành sự đồng tình đó của vương triều cầm quyền. Cũng như Thượng Sva-ben, Brây-xgau do sự đồng tình về tín ngưỡng, do hồi ức cũ về Thượng Áo mà nó đã có thời lệ thuộc vào, vẫn bị cột vào hoàng đế và đế quốc, mà là bị cột chặt hơn người ta tưởng rất nhiều sau sự xa cách lâu dài như vậy" (l.c., tr. 93, 94). "Trừ Mếch-clen-bua" và "có lẽ" tuyển đế hầu quốc Hét-xen, "*ở Bắc Đức* đang bao trùm không khí không tín nhiệm thuyết hòa tan, và sự nhượng bộ đối với Phổ được thực hiện một cách cực kỳ miễn cưỡng. *Ấc cảm* bản năng, *thậm chí sự thù ghét* của *Nam Đức* đối với Phổ.... tình cảm đó cũng không thể bị tất cả những tiếng kêu la om sòm của phái bảo hoàng đề bệch hoặc bóp chết được. Nó sống trong nhân dân, và không một chính phủ nào, ngay cả Chính phủ Ba-den, lại có thể chống lại nó lâu dài. *Như vậy là Phổ không được sự đồng tình thực sự ở đâu cả, trong nhân dân Đức cũng như trong các chính phủ thuộc Hiệp bang Đức*" (l.c., tr.21).

Phô-gtơ nói như vậy. Chính vì vậy mà, cũng theo ý kiến của ông *Phô-gtơ* ấy, cuộc "*nội chiến*" vương triều do Phổ phát động, trong sự "nhất trí bí mật" với "hai kẻ thù bên ngoài lớn nhất của Đức", sẽ chỉ kéo dài "mấy tuần". Nhưng đây chưa phải là tất cả.

Nước Phổ cũ kẻ vai sát cánh đi với chính phủ, còn *Ranh* và *Ve-xtơ-pha-li* kẻ vai sát cánh đi với Áo theo Thiên chúa giáo. Nếu phong trào nhân dân ở đó không buộc

được chính phủ chuyển sang phía Áo thì hậu quả trực tiếp sẽ là sự đào sâu thêm các hố ngăn cách hai bộ phận của vương quốc" (l.c., tr. 20).

Vì vậy, theo *Phô-gtơ*, nếu như, ngay cả sự trung lập giản đơn của Phổ đối với Áo lại đào sâu hố ngăn cách giữa vùng *Ranh*, *Ve-xtơ-pha-li* và Phổ cũ thì cũng theo lời ông *Phô-gtơ* ấy, cuộc "nội chiến" mà Phổ phát động nhằm loại Áo khỏi Đức, đương nhiên sẽ hoàn toàn tách vùng *Ranh* và *Ve-xtơ-pha-li* ra khỏi Phổ. Nhưng những tín đồ của giáo hội La Mã đó có liên quan gì đến Đức?" (l.c., tr. 119) hoặc, nói đúng ra, như ông ta nghĩ, Đức liên quan gì đến những tín đồ của giáo hội La Mã đó? *Vùng Ranh, Ve-xtơ-pha-li* là những vùng đất theo thuyết giáo hoàng tối cao, theo "*Thiên chúa giáo La Mã*" không phải là những vùng đất "*Đức đích thực*". Do đó, không khác gì Bô-hêm và Mô-ra-vi, chúng bị loại khỏi Hiệp bang. Cuộc "*nội chiến*" vương triều mà *Phô-gtơ* khuyên Phổ nên tiến hành phải đẩy nhanh quá trình loại trừ đó. Quả thực, trong bản đồ "Châu Âu năm 1860, do Chính phủ *Pháp* in năm 1858 và được dùng làm kim chỉ nam cho *Phô-gtơ* trong "Nghiên cứu" của ông ta, Chính phủ *Pháp* đã sáp nhập Ai Cập vào Áo, còn các tỉnh vùng *Ranh* với tính cách đất đai của "dân tộc Thiên chúa giáo" thì sáp nhập vào Bỉ, - đó là công thức có tính chất châm biếm để sáp nhập Bỉ cùng với các tỉnh vùng *Ranh* vào *Pháp*. Còn việc *Phô-gtơ* đi xa hơn cả bản đồ của Chính phủ *Pháp*, tặng luôn cả vùng *Ve-xtơ-pha-li* theo Thiên chúa giáo thì được lý giải bằng "quan hệ khoa học" của niết chính đế quốc chạy trốn đối với Plông-Plông, con trai của cựu quốc vương vùng *Ve-xtơ-pha-li*^{1*}.

Tóm tắt lại: một mặt, Lu-i Bô-na-pác-tơ cho phép Nga thò tay xuyên qua Pô-dơ-nan vào Bô-hêm và xuyên qua Hung-ga-ri vào Thổ Nhĩ Kỳ, mặt khác, bản thân ông ta dùng lực lượng vũ trang

1* – Giê-rôm Bô-na-pác-tơ.

xây dựng ở biên giới Pháp nước I-ta-li-a độc lập và thống nhất, và tất cả những cái đó là pour le roi de Prusse^{1*}, tất cả những cái đó chỉ là để cho Phổ có khả năng dùng nội chiến khuất phục Đức, còn "các tỉnh vùng Ranh vĩnh viễn không bị sự uy hiếp" của Pháp (l.c., tr.121).

"Nhưng người ta nói rằng lãnh thổ Hiệp bang bị kẻ thù thế tập uy hiếp, rằng mục đích đúng thực của nó là sông Ranh. Thì hãy để người ta bảo vệ vùng Ranh, hãy để người ta bảo vệ lãnh thổ của Hiệp bang" (l.c., tr.105).

Hãy để người ta bảo vệ lãnh thổ của Hiệp bang, nhường Bô-hêm và Mô-ra-vi cho Nga, hay để người ta bảo vệ vùng Ranh, phát động "nội chiến" ở Đức, cũng là nhằm mục đích tách vùng Ranh và Ve-xtơ-pha-li ra khỏi Phổ.

"Nhưng người ta nói rằng Lu-i – Na-pô-lê-ông... muốn bằng cách nào đó thỏa mãn khát vọng xâm lược của Na-pô-lê-ông! Chúng ta không tin điều đó, khi mà trước mặt chúng ta có tấm gương chiến dịch Crum!" (l.c., tr. 129).

Ngoài việc không tin tham vọng xâm lược của Na-pô-lê-ông và tin ở chiến dịch Crum, *Phô-gtơ* in petto^{2*} còn có một luận cứ khác. Người Áo và người Pháp ở I-ta-li-a, giống như những con mèo ở Kin-ken-ni, sẽ cắn xé nhau cho đến khi họ chỉ còn lại những cái đuôi.

"Đó sẽ là một cuộc chiến tranh cực kỳ đẫm máu, ngoan cường, thậm chí có thể kết thúc bằng sự bất phân thắng bại" (l.c., tr. 127, 128). "Chỉ có dốc hết sức lực, Pháp cùng với Pi-ê-mông mới có thể thắng, nhưng phải mất hàng chục năm nó mới hồi sức sau những cố gắng kiệt sức ấy" (l.c., tr. 129).

Viễn cảnh kéo dài đó của cuộc chiến tranh I-ta-li-a là đòn đánh vào kẻ thù của nước này. Nhưng phương pháp mà Phô-gtơ dùng

1* Chối chữ: "pour le roi de Prusse" là thành ngữ, theo nghĩa đen có nghĩa là "Vì quốc vương Phổ"; thông thường được dịch là: "không công", "chỉ để đẹp lòng".

2* - trong thâm tâm

để kéo dài sự chống cự của Áo đối với lực lượng vũ trang Pháp ở I-ta-li-a và để làm tê liệt lực lượng xâm lược của Pháp, quả thực khá độc đáo. Một mặt, người Pháp được carte blanche^{1*} ở I-ta-li-a; mặt khác "Nga hoàng tốt bụng" được phép dùng những cuộc cơ động quân ở Ga-li-xi-a, Hung-ga-ri, Mô-ra-vi và Bô-hêm, dùng những âm mưu cách mạng trong nước Áo và những cuộc thị uy quân sự ở biên giới Áo để

"giam chân một bộ phận lớn lực lượng quân sự của Áo ở những khu vực của vương quốc bị quân đội Nga tấn công hoặc những âm mưu của Nga có thể thực hiện được" (l.c., tr. 11).

Và sau hết, do cuộc "nội chiến" vương triều mà Phổ đồng thời phát động ở Đức, Áo sẽ buộc phải rút chủ lực của mình khỏi I-ta-li-a để bảo vệ lãnh địa Đức của mình. Trong điều kiện đó, Phran-txơ - I-ô-xíp và Lu-i Bô-na-pác-tơ đương nhiên không ký hòa ước Cam-pô-phê-mi-ô⁵¹⁶, mà... "cả hai đều đổ máu ở I-ta-li-a".

Áo sẽ không nhượng bộ "Nga hoàng tốt bụng" ở phương Đông và sẽ không chấp nhận Xéc-bi và Bô-xni-a như khoản bồi thường đã được đề nghị từ lâu, không bảo đảm các tỉnh vùng Ranh cho Pháp và sẽ không tấn công Phổ trong sự liên minh với Nga và Pháp. Quyết không làm như vậy! Nó sẽ ngoan cường "đổ máu ở I-ta-li-a". Nhưng dù sao thì "con người có tính chất quyết định" của Phô-gtơ sẽ bác bỏ, với thái độ bất bình đầy đạo đức, khoản thưởng như thế ở vùng Ranh. Phô-gtơ biết rằng

"chính sách đối ngoại của đế quốc hiện thời chỉ tuân theo một nguyên tắc, nguyên tắc tự bảo tồn" (l.c., tr. 31).

Ông ta biết rằng Lu-i Bô-na-pác-tơ

"chỉ tuân theo một tư tưởng duy nhất, tức là duy trì cho mình quyền lực ấy" (đối với nước Pháp) (l.c., tr. 29).

1* - tự do hành động (nghĩa đen: "giấy không chỉ").

Ông ta biết rằng "Cuộc chiến tranh I-ta-li-a không làm cho con người ấy được lòng dân chúng ở Pháp", trong khi đó việc chiếm các tỉnh vùng Ranh sẽ làm cho con người ấy và vương triều của con người ấy "được lòng dân". Ông ta nói:

"Các tỉnh vùng Ranh trên thực tế là ước mơ tha thiết của bọn só-vanh Pháp, và nếu nghiên cứu sâu hơn có lẽ sẽ thấy rằng, chỉ một thiểu số nhỏ quốc dân không ôm ấp nguyện vọng ấy" (l.c., tr. 121).

Mặt khác, "những người nhìn xa thấy rộng ở Pháp", do đó, dĩ nhiên có cả "con người có tính chất quyết định, thông minh như rắn" của Phô-gtô, đều biết rằng,

"Chừng nào ở Đức còn 34 chính phủ khác nhau thì chừng ấy còn hy vọng thực hiện điều đó" (tức việc Pháp chiếm biên giới tự nhiên ở sông Ranh). "Chỉ cần xuất hiện nước Đức đích thực với những lợi ích nhất trí và tổ chức vững chắc là biên giới sông Ranh được vĩnh viễn an toàn" (l.c., tr. 121).

Chính vì vậy mà Lu-i Bô-na-pác-tô, đã từng đề nghị ở Vi-la-phrăng-ca với hoàng đế Áo là đổi Lô-m-bác-di lấy sự bảo đảm đối với các tỉnh vùng Ranh (xem tuyên bố của Kinh-lếch tại Hạ nghị viện ngày 12 tháng Bảy 1860), sẽ phần nộ bác bỏ đề nghị của Áo là trao cho Pháp các tỉnh vùng Ranh để đổi lấy sự giúp đỡ của Pháp chống lại Phổ.

Những nguyên tắc của Phô-gtô, do *Dan-tiu* xuất bản, không những tràn trề niềm phấn khởi đối với sự thống nhất của nước Đức dưới sự lãnh đạo của Phổ¹⁾, – những tác phẩm đó với giọng

1) "La Prusse est l'espoir de l'Allemagne... l'esprit allemand a son centre à Berlin... l'esprit allemand cherche l'unité de son corps, la vérité de la Confédération. C'est par cet entraînement que s'élève la Prusse... D'où vient-il que, lorsque l'Italie réclame l'intégrité, l'unité nationale, ce que l'Allemagne désire, celle-ci favorise l'Autriche, négation vivante de toute nationalité?... C'est que la Prusse n'est pas encore la tête; c'est que la tête est l'Autriche qui, pesant avec ces forces hétérogènes sur l'Allemagne politique, l'entraîne à des contradictions avec l'Allemagne véritable" (p.34,

điệu kiểu cách đạo mạo đã bác bỏ mọi sự ám chỉ biểu hiện bất cứ tham vọng nào đối với các tỉnh vùng Ranh:

"Sông Ranh! Sông Ranh là gì? Biên giới. Nhưng các biên giới chẳng bao lâu nữa sẽ thành những sai lầm về niên đại" (tr.36, "*Sự trung thành đối với các hiệp ước v.v.*", Pa-ri, 1859)¹⁾.

Ài sẽ bàn về biên giới sông Ranh và nói chung về biên giới trong cái vương quốc ngàn năm mà Ba-đanh-ghe phải xây dựng theo nguyên tắc dân tộc?

"Chẳng lẽ Pháp đặt điều kiện là nó phải được đền bù về những hy sinh mà nó sẵn sàng chịu đựng vì mục đích chính nghĩa, xác lập ảnh hưởng đúng đắn và vì lợi ích của thế cân bằng ở châu Âu? Chẳng lẽ nó đòi hỏi vùng tả ngạn sông Ranh? Chẳng là nó có, dù là tí chút, tham vọng đối với Xa-voa và công quốc Ni-xơ?" ("*Thực chất của vấn đề v.v.*" Pa-ri, 1859, tr. 13)²⁾.

Việc Pháp từ bỏ Xa-voa và Ni-xơ là bằng chứng của việc nó từ bỏ sông Ranh! Phô-gtô không dịch điểm đó ra tiếng Đức.

"*La Foi des Traités etc.*") – [Phổ niềm hy vọng của Đức... Trung tâm của tinh thần Đức là ở Béc-lin... tinh thần Đức tìm kiếm *sự thống nhất* của cơ thể nó, tìm kiếm thể chế Hiệp bang chân chính. Chính nhờ sự cổ vũ của ý hướng đó mà Phổ đã đứng lên...

Tại sao khi I-ta-li-a đưa ra yêu sách toàn vẹn và thống nhất dân tộc - điều mà Đức khao khát đạt tới -, Đức lại đứng về phía Áo, hiện thân của sự phủ nhận mọi tính dân tộc?... Đó là vì Phổ còn chưa được đứng đầu, đó là vì đứng đầu là Áo, nước đang dùng mọi lực lượng của mình để lên nước Đức chính trị và kéo nó vào tình trạng mâu thuẫn với nước Đức đích thực" (tr. 34, "*Sự trung thành đối với các hiệp ước v.v.*")].

1) "Le Rhin!... Qu'est ce que le Rhin? Une frontière. Les frontières seront bientôt des anachronismes" (l.c., tr.36).

2) La France stipule-t-elle des dédommagements pour les sacrifices qu'elle est prête à faire dans un but d'équité, de juste influence, et dans l'intérêt de l'équilibre européen? Demande-t-elle la rive gauche du Rhin? Elève-t-elle même des prétentions sur la Savoie et sur le comté de Nice?" (p. 13, "*La vraie Question, etc.*").

Trước khi xảy ra chiến tranh, nếu Lu-i Bô-na-pác-tơ không nhử được Phổ và thúc đẩy Phổ đi tới đồng ý, thì điều có ý nghĩa qu... ông ta nhử được Phổ. Trong "Nghiên cứu", xuất bản lần thứ nhất, *Phô-gtơ* ra sức truyền bá niềm tin ấy. Trong thời kỳ chiến tranh, điều quan trọng hơn nữa đối với Lu-i Bô-na-pác-tơ là xúi giục Phổ có những biện pháp chứng minh thực sự hoặc giả dối với Áo rằng có một sự thỏa thuận như thế. Do đó, trong "Nghiên cứu" xuất bản lần thứ hai và xuất hiện trong thời gian chiến tranh, trong Lời bạt riêng *Phô-gtơ* đã kêu gọi Phổ chinh phục Đức và gây ra cuộc "nội chiến" vương triều; đồng thời trong nội dung nguyên bản của cuốn sách, ông ta chứng minh rằng chiến tranh sẽ "dẫn máu, ngoan cường, thậm chí có thể kết thúc bằng sự bất phân thắng bại" và sẽ trả giá chỉ ít bằng vùng Ranh và Ve-xtơ-pha-li; còn trong Lời bạt cùng cho cuốn sách đó ông ta lại trình trọng tuyên bố rằng chiến tranh chỉ kéo dài "mấy tuần". Nhưng trên thực tế, tiếng nói của Phô-gtơ không phải là tiếng nói của nòng tiên cá. Do đó, Lu-i Bô-na-pác-tơ được bottle-holder^{1*} *Pan-môc-xtơ* ủng hộ trong trò bịp bợm của mình, buộc phải đưa ra tại Vi-la-phrăng-ca cho Phran-tơ - I-ô-xíp *những đề nghị của Phổ do chính ông ta bịa ra*; những tham vọng khiếm tốn của Phổ muốn lãnh đạo Đức về mặt quân sự là cái cớ để Áo ký hòa ước¹⁾, một hòa ước mà Lu-i-Bô-na-pác-tơ phải biện bạch trước

1) Một ngày sau khi ký Hòa ước Vi-la-phrăng-ca, trên tờ "Prager Zeitung" có đăng lời tuyên bố chính thức sau đây: "Sự phản kháng đó" (sự phản kháng của Phổ muốn nắm quyền chỉ huy tối cao quân đội Hiệp bang dưới sự giám sát của Hiệp bang) "chứng minh rõ ràng rằng *Phổ* ra sức muốn giành quyền bá chủ ở Đức và, do đó, muốn loại trừ Áo ra khỏi Đức. Vì Lômbác-di bội tín có giá trị thấp vô cùng so với việc duy trì địa vị của chúng ta ở Đức, nên chúng ta từ bỏ nó để ký kết hòa ước, hòa ước này, do thái độ của

nước Pháp rằng chiến tranh I-ta-li-a đe dọa trở thành cuộc chiến tranh rộng khắp và có thể

"đưa tới sự thống nhất nước Đức, nhờ đó, sẽ hoàn thành được sự nghiệp mà ngăn cản thực hiện nó là mục đích thường xuyên của chính sách của Pháp từ thời Phrăng-xoa I"¹⁾.

Sau khi Pháp nhờ cuộc chiến tranh I-ta-li-a chiếm được Xa-voa và Ni-xơ và cùng với chúng là một trận địa mà khi xảy ra chiến tranh ở vùng Ranh sẽ có ý nghĩa quan trọng hơn cả một đạo quân, thì "sự thống nhất của nước Đức dưới sự lãnh đạo của Phổ" và "việc nhượng phần tả ngạn sông Ranh cho Pháp" đã thành những đại lượng đảo nghịch trong thuyết xác suất của vị anh hùng ngày 2 tháng Chạp. Bản đồ "*Châu Âu năm 1860*", xuất bản năm 1858, được giải thích bằng bản đồ "*L'Europe pacifiée*" ("châu Âu đã được bình định"?), xuất bản năm 1860, trong đó Áo không nhận được Ai Cập, còn các tỉnh sông Ranh và Bỉ đã được sáp nhập vào Pháp để đền bù việc nhường "*bình nguyên miền Bắc*" cho Phổ²⁾.

Phổ, là nhu cầu cấp bách đối với chúng ta".

1* - kẻ giúp việc trong trận đấu quyền Anh; trợ thủ, kẻ ủng hộ

1) Tờ "Galignani's Messenger" ở Pa-ri là tờ báo chỉ đăng xã luận trong những trường hợp đặc biệt và khi được sự ủy nhiệm chính thức đặc biệt, đã viết trong số ra ngày 22 tháng Bảy 1859: "To give another province to the King of piedmond, it coul't not only have been necessary to support a war against two - thirds of Europe, but *German unity would have been realised*, and work thus accomplished, which ever since the time of Francis I. it has been the object of French policy to prevent" ["Để trao cho vua Pi-ê-mông một tỉnh nữa, không những cần phải chịu đựng một cuộc chiến tranh chống lại 2/3 châu Âu, mà điều đó cũng sẽ dẫn đến sự thống nhất nước Đức, và nhờ đó sẽ hoàn thành được sự nghiệp mà việc ngăn cản thực hiện nó là mục đích thường xuyên của chính sách của Pháp từ thời Phrăng-xoa I"].

2) Chuyên san của Plông-Plông "Opinion nationale" đã nói trong bài báo đăng ngày 5 tháng Bảy 1860: "Thời kỳ dựa vào sức mạnh để đưa ra những yêu sách đã qua rồi. Đối với việc đó, hoàng đế quá ư tế nhị, quá ư nhạy cảm với dư luận... Nhưng phải chăng *Phổ* đã thể không bao giờ nghĩ tới *sự thống*

Sau hết, Ê Ê-chiên, *Péc-xi-nhi* chính thức tuyên bố rằng ngay cả "nhằm mục đích duy trì thế cân bằng ở châu Âu", bất cứ sự tập trung thêm nữa nào của Đức đều không tránh khỏi dẫn đến sự tiến quân của Pháp về vùng Ranh¹⁾. Chưa bao giờ - trước cũng như sau cuộc chiến tranh I-ta-li-a – anh hề nói tiếng bùng ở Tuvn-lơ-ri nói một cách vô ulem si non ra bang của miệng của vị nniệp chính đế quốc chạy trốn.

nhất của Đức. Liệu nó có thể cam đoan rằng sẽ không bao giờ tham lam nhòm ngó Han-nô-vơ, Dắc-den, Brao-svai-gơ, Hét-xen, Ôn-den-buốc và Mếch-clen-bua không? Hôm nay các vị vua chúa ôm ấp nhau, và dĩ nhiên là với lòng chân thành. Nhưng ai biết được mấy năm sau nhân dân sẽ đòi hỏi ở họ gì? Và nếu như do áp lực của dư luận mà Đức *thống nhất* lại thì liệu có công bằng hay không, có hợp lý không nếu không cho phép *Pháp mở rộng đất đai của mình làm thiệt hại đến các nước láng giềng?*... Nếu người Đức cảm thấy cần thay đổi cơ cấu chính trị cũ của mình và thay thế Hiệp bang bất lực bằng một chính phủ tập trung mạnh thì chúng ta không thể không thừa nhận *Pháp có quyền đòi ở Đức sự đền bù và những sự bảo đảm.*

1) Pếch-xníp hoàng đế đã vượt trội bản thân mình trong cuốn sách "*Chính sách của Anh*", do Đan-tiu xuất bản, Pa-ri, 1860⁵¹⁷. Theo tư tưởng của tác giả, đặc biệt cần cướp mấy triệu người Đức và người Bỉ để cải thiện bộ mặt đạo đức của Pháp mà những thành phần miền Nam của nó cần có sự pha trộn hơn nữa với tính vững vàng của người miền Bắc. Sau khi bàn luận rằng Pháp, vì những lý do chính trị và quân sự cần đến *những biên giới mà bản thân tạo hóa ban cho nó*, tác giả đã nói: "Sự thôn tính đó" (thôn tính các tỉnh vùng Ranh và Bỉ) "là cần thiết còn vì một lý do khác. Nước Pháp yêu thích và đòi hỏi một sự tự do hợp lý (une sage liberté), còn thành phần miền Nam chiếm vị trí quan trọng trong các thiết chế xã hội của nó. Thành phần này có những phẩm chất tuyệt diệu... Nhưng nó thiếu tính kiên trì và tính kiên quyết. Nó cần đến sự kiên định nhẫn nại, quyết tâm bình tĩnh và không lay chuyển của những người anh em miền Bắc của chúng ta. Do đó, những biên giới mà thượng đế đã ban cho chúng ta là cần thiết cho nền tự do của chúng ta, cũng như cần thiết cho nền độc lập của chúng ta".

Phô-gtô, "Người Thụy Sĩ mới, công dân bang Béc-nơ và là ủy viên đại biểu cho Giơ-ne-vơ trong Viện liên bang"⁵¹⁸ (l.c., Lời tựa), đã mở đầu phần *Thụy Sĩ* trong "Nghiên cứu" của mình bằng lời mở đầu (l.c., tr. 37-39) trong đó ông ta đề nghị Thụy Sĩ bày tỏ sự hân hoan của mình đối với việc Lu-i Bô-na-pác-tơ thay thế Lu-i – Phi-líp. Tuy nhiên, Lu-i Bô-na-pác-tơ yêu cầu Hội đồng liên bang thi hành "những biện pháp chống báo chí", nhưng "về mặt này, tất cả các đại biểu của dòng họ Na-pô-lê-ông xem ra đều có lập da nhạy cảm (l.c., tr. 36). Bệnh ngoài da chỉ là bệnh ngoài da, nhưng nó bám lấy dòng họ ấy đến nỗi không những chỉ di truyền theo huyết thống dòng họ mà còn – Lu-i Bô-na-pác-tơ là 100%^{1*} di truyền theo một tên tuổi của dòng họ. Đương nhiên,

việc truy nã những người vô tội ở Giơ-ne-vơ mà Hội đồng liên bang tiến hành theo *lệnh của hoàng đế* chống lại những người đáng thương mà toàn bộ tội lỗi là ở chỗ họ là người I-ta-li-a, việc lập các lãnh sự quán, việc áp chế báo chí, mọi thứ biện pháp cảnh sát vô nghĩa, và sau hết là những cuộc đàm phán về việc nhường thung lũng Đáp-pơ đều đã góp phần, trên mức độ rất lớn, vào việc làm cho ở Thụy Sĩ người ta quên mất *những sự phục vụ mà hoàng đế thực tế đã tiến hành trong cuộc xung đột Nơ-sa-ten*, mà lại là những sự phục vụ đối với cái chính đảng hiện nay chống lại hoàng đế một cách mãnh liệt nhất" (l.c., tr. 37, 38).

Hoàng đế rộng lượng, chính đảng vong ơn! Sự can thiệp của hoàng đế vào cuộc xung đột Nơ-sa-ten⁵¹⁹ không may mắn là tiền lệ để phá hoại các hiệp ước năm 1815, - để làm nhục Phổ và thiết lập sự bảo hộ đối với Thụy Sĩ. Lu-i Bô-na-pác-tơ, với tư cách "người Thụy Sĩ mới, công dân bang Tuốc-gau và đại úy pháo binh Ô-béc-stơ-rát", phải "*thực sự phục vụ*" Thụy Sĩ. Nếu như vào tháng Ba 1859 *Phô-gtô* buộc tội chính đảng chống Bô-na-pác-tơ ở Thụy Sĩ là vong ơn bội nghĩa, thì một đầy tớ khác của hoàng đế, ông Phôn *Tu-vơ-nen* vào tháng Sáu 1860 đã lên án toàn bộ Thụy Sĩ là vong

1* – bằng chứng về điều đó

on bội nghĩa. Trong "Times" số ra ngày 30 tháng Sáu 1860, chúng ta đọc thấy:

Mấy ngày trước đây tại Bộ ngoại giao ở Pa-ri đã có cuộc gặp mặt giữa tiến sĩ Kéc-nô và ông Phôn Tu-vơ-nen, huân tước Cau-li cũng có mặt. Tu-vơ-nen tuyên bố với vị đại diện đáng kính của Thụy Sĩ rằng sự do dự và sự phản kháng của chính phủ liên bang mang tính chất lãng nhệch, vì xem ra nguyên nhân của chúng là sự không tín nhiệm đối với chính phủ của Đức hoàng đế. Hành vi đó là sự bội ơn thô bỉ, nếu xét đến những *sự giúp đỡ* (services) mà hoàng đế Na-pô-lê-ông *dành* cho (rendered) liên bang trong nhiều trường hợp, đặc biệt là trong *cuộc xung đột Nơ-sa-ten*. Dù sao đi nữa, một khi Thụy Sĩ đã tỏ ra mù quáng đến nỗi không tín nhiệm ăn năn của mình, thì bản thân nó sẽ phải gánh lấy hậu quả".

Cần biết rằng ngay từ tháng Ba 1859, *Phô-gtơ* đã định cắt cái gai ở mắt của chính đảng chống Bô-na-pác-tơ *mù quáng* ở Thụy Sĩ. Một mặt, ông ta chỉ rõ "những sự giúp đỡ thực tế của hoàng đế". Mặt khác, "những điều khó chịu mà hoàng đế gây ra lại hoàn toàn lu mờ" trước những điều khó chịu mà vua Lu-i-Phi-líp gây ra (l.c., tr. 39). Ví dụ: năm 1858 Hội đồng liên bang "theo lệnh của hoàng đế đã trục xuất những con người đáng thương mà toàn bộ tội lỗi của họ là ở chỗ họ là người I-ta-li-a" (tr. 37); năm 1838, bất chấp sự đe dọa của Lu-i-Phi-líp, Hội đồng liên bang đã từ chối trục xuất Lu-i Bô-na-pác-tơ mà toàn bộ tội lỗi của ông ta chỉ là chuẩn bị âm mưu chống vua Lu-i-Phi-líp tại Thụy Sĩ. Năm 1846 Thụy Sĩ bất chấp sự "đe dọa dùng vũ lực" của Lu-i-Phi-líp, đã quyết định gây chiến với Dôn-đéc-bun: đối với vị vua yêu chuộng hòa bình thì điều đó có nghĩa là những sự đe dọa của ông ta không đáng sợ; năm 1858, khi Lu-i Bô-na-pác-tơ xâm phạm thung lũng Đáp-pơ, Thụy Sĩ chỉ làm điệu làm bộ chút đỉnh thôi⁵²⁰.

"Lu-i-Phi-líp" – chính Phô-gtơ nói – "đang sống lay lắt ở châu Âu: tất cả mọi người, thậm chí các quốc vương chính thống nhỏ, đều coi thường ông ta, vì ông ta không dám thi hành chính sách đối ngoại mạnh mẽ" (l.c., tr. 31). Nhưng "*chính sách của hoàng đế đối với Thụy Sĩ*", không nghi ngờ gì nữa, là chính sách của một nước láng giềng mạnh *biết rõ rằng rút cục, nó có thể đạt được tất cả những gì mà nó muốn*" (l.c., tr. 37).

Thế là - Phô-gtơ kết luận rằng lô-gích của *Grăng-guy-lô* - "*xét*

theo quan điểm thuần túy Thụy Sĩ, chỉ có thể cảm nhận niềm vui sướng lớn lao" (tr. 39) về sự chuyển biến đã đem lại cho Thụy Sĩ, thay vì "Lu-i-Phi-líp mà nội người đều coi thường", "một nước láng giềng hùng mạnh biết rõ rằng *đối với Thụy Sĩ nó có thể tự cho phép mình làm tất cả những gì nó muốn*".

Tiếp theo lời giáo đầu chuẩn bị cho tâm trạng cần có ấy, là bản dịch ra tiếng Đức công hàm của Hội đồng liên bang ngày 14 tháng Ba 1859, và điều lạ lùng là Phô-gtơ tán dương công hàm đó, tuy rằng Hội đồng liên bang đã dẫn ra trong công hàm đó Hiệp ước năm 1815⁵²¹ và tuy rằng cung ông Phô-gtơ ấy cho rằng việc viện dẫn đó là "đạo đức giả", "Các ngài hãy cắt đi với cái đạo đức giả của mình!" (l.c., tr. 112)¹⁾.

Phô-gtơ tiếp đó nghiên cứu xem "*sự xâm phạm đầu tiên đối với nền trung lập của Thụy Sĩ* sẽ đến từ phía nào?" (l.c., tr. 84), và ông ta đưa ra những bằng chứng không cần thiết rằng quân đội Pháp lần này không cần chinh phục Pi-ê-mông, sẽ không đi qua Xim-plông, cũng như dèo Béc-na Lớn. Đồng thời ông ta phát hiện ra con đường bộ không tồn tại "chạy qua Mông-xê-ni, chạy qua Phê-nê-xơ-ren-lơ theo thung lũng Xtư-rơ" (l.c., tr. 80). Nói đúng ra, nó là thung lũng sông Đô-ra. Do đó, Thụy Sĩ không bị sự đe dọa từ phía *Pháp*.

"Không thể yên trí trông mong như vậy sự tôn trọng nền trung lập của Thụy Sĩ từ

1) Trên thực tế, không phải "các hiệp ước", mà là lợi ích kiểm chế lẫn nhau của các cường quốc tiếp giáp với Thụy Sĩ, đã duy trì nền trung lập của nước này, "Người Thụy Sĩ hiểu rõ" - đại úy Ha-rít, đại biện của Anh ở Béc-nơ, viết cho huân tước Giôn Rốt-xen sau cuộc hội đàm với tổng thống Liên bang Phrây Ê-rô-dê, - "rằng... những sự kiện gần đây đã thay đổi một cách quan trọng sức nặng so sánh của các cường quốc tiếp giáp với Thụy Sĩ, vì sau cuộc xung đột Nơ-sa-ten, Phổ giữ thái độ bàng quan. Áo bị tê liệt, còn Pháp thì mạnh hơn rất nhiều so với trước kia".

phía Áo, và những sự kiện đủ loại thậm chí còn chứng minh rằng Áo định phá hoại nền trung lập đó, nếu có thời cơ thuận tiện" (l.c., tr. 85). "Điều đáng chú ý về mặt đó là sự tập trung một quân đoàn ở Brê-ghen-xơ và Phen-dơ-kiếc-sơ" (l.c., tr. 86).

Ở đây sợi chỉ đỏ xuyên suốt "Nghiên cứu", đã lộ ra và dẫn thẳng từ Giơ-ne-vơ đến Pa-ri.

Sách Xanh về sự kiện 1859, chúng ta cũng còn biết rằng những tin đồn về "sự tập trung của một quân đoàn Áo ở Brê-ghen-xơ và Phen-dơ-kiếc-sơ" là do tay sai của Bô-na-pác-tơ ở Thụy Sĩ cố tình truyền bá, những tin đồn ấy thiếu mọi cơ sở thực tế (văn kiện số 174 của Sách xanh đã dẫn thư của đại úy Ha-rít từ Béc-nơ gửi cho huân tước Man-mơ-xbê-ri, đề ngày 24 tháng Ba 1859). Trong trường hợp này Hum-bôn-Phô-gơ cũng phát hiện ra rằng một khi ta có mặt ở Brê-ghen-xơ và Phen-dơ-kiếc-sơ, thì ta đã

"ở giáp liên thung lũng sông Ranh, chạy vào thung lũng này có ba con đường lớn qua núi An-pơ với những con đường xe ngựa chạy được là Vi-a-ma-la, Spơ-luy-ghen và Béc-nác-đin; con đường Béc-nác-đin dẫn đến Tét-xin, còn hai con đường kia dẫn đến hồ Cô-mô" (l.c., tr. 86).

Thực ra Vi-a-man trước hết chạy qua Spơ-luy-ken, thứ hai chạy qua Béc-nác-đin, và thứ ba không chạy qua đâu nữa.

Sau tất cả những lời ba hoa đó theo tinh thần Pô-lô-ni-út, những lời ba hoa phải chuyển sự hoài nghi của Thụy Sĩ từ biên giới phía Tây sang biên giới phía Đông, "con người tròn trĩnh" rút cục đã đến gần được nhiệm vụ đúng thực của mình.

"Thụy Sĩ" - Phô-gơ nói - "hoàn toàn có quyền kiên quyết từ chối nghĩa vụ cho phép sử dụng tuyến đường sắt ấy" (từ Quy-lô-dơ đến Êc-xơ và Săm-be-ri) "cho các chuyến xe quân sự, trừ phi sử dụng khu vực trung lập chỉ khi nào cần thiết để bảo vệ lãnh thổ của mình (l.c., tr. 89).

Và ông ta làm cho Hội đồng liên bang tin rằng "toàn thể Thụy Sĩ, muôn người như một, sẽ ủng hộ chính sách ấy, đã được nêu lên trong công hàm của Hội đồng công bố ngày 14 tháng Ba".

Phô-gơ công bố "Nghiên cứu" của mình vào cuối tháng Ba. Nhưng mãi ngày 24 tháng Tư Lu-i Bô-na-pác-tơ mới lợi dụng tuyến đường sắt nói trên cho các tuyến xe quân sự, còn việc tuyên chiến thì ông ta tiến hành muộn hơn. Do đó, thấy rằng Phô-gơ biết cặn kẽ kế hoạch tác chiến của Bô-na-pác-tơ, hiểu chính xác "sự xâm phạm đầu tiên đối với nền trung lập của Thụy Sĩ xảy đến từ phía nào". Ông ta được chỉ thị rõ ràng là thuyết phục Thụy Sĩ chịu đựng sự xâm phạm đầu tiên đối với nền trung lập mà hậu quả lô-gích là đế quốc của cuộc đảo chính tháng Chạp thôn tính vùng Xa-voa trung lập. Để lấy lòng Hội đồng liên bang, ông ta gán cho công hàm ngày 14 tháng Ba ý nghĩa mà nó phải có theo quan điểm của Bô-na-pác-tơ. Hội đồng liên bang nói trong công hàm của mình rằng Thụy Sĩ sẽ thực hiện "như nhau và trung thực đối với tất cả mọi người" "sứ mạng" trung lập của mình, bắt nguồn từ các hiệp ước. Thứ đến, ông ta dẫn ra một trong những điều khoản của hiệp ước mà căn cứ vào đó "không một quân đội nào của bất cứ cường quốc nào khác được lưu lại" (ở khu Xa-voa trung lập), "hoặc đi qua khu vực này". Hội đồng không nói một lời nào về việc người Pháp được phép sử dụng đường sắt chạy qua khu trung lập. Một cách có điều kiện, trong tư cách là "biện pháp để giữ gìn và bảo vệ lãnh thổ của mình", nó mới dành cho Liên bang quyền "đưa quân đội chiếm lĩnh khu vực trung lập". Ở đây việc Phô-gơ theo lệnh trên đã cố ý xuyên tạc nội dung bức công hàm của Hội đồng được chứng minh không những bằng nguyên văn nội dung của công hàm, mà còn bằng lời tuyên bố của huân tước Man-mơ-xbê-ri – bấy giờ là bộ trưởng ngoại giao Anh – tại phiên họp của Thượng nghị viện ngày 23 tháng Tư 1860.

"Khi quân đội Pháp" – Man-mơ-xbê-ri nói – "sửa soạn" (hơn một tháng sau khi có bức công hàm của Hội đồng liên bang ngày 14 tháng Ba) "đi qua Xa-von để tiến vào Xéc-di-ni, thì Chính phủ Thụy Sĩ trung thành với nền trung lập, nền tảng của nền độc lập của Thụy Sĩ, trước hết đã phản đối rằng những đội quân ấy không có quyền đi qua khu

trung lập"¹⁾.

Lu-i Bô-na-pác-tơ và chính đảng Thụy Sĩ có quan hệ gắn bó với ông ta đã dùng luận cứ gì để làm tiêu tan sự hoài nghi của Hội đồng liên bang? Phô-gtơ ngay từ cuối tháng Ba 1859 đã biết rằng các đoàn tàu quân sự của Pháp sẽ phá hoại sự trung lập của vùng trung lập vào cuối tháng Tư 1859, lẽ đương nhiên ông ta ngay từ cuối tháng Ba đã dự đoán trước câu nói mà Lu-i Bô-na-pác-tơ sẽ nói vào cuối tháng Tư để che đậy hành vi bạo lực của mình.

tuyến đường sắt từ Quy-lô-dơ đến Éc-xơ và Săm-be-ri" nằm "trong phạm vi khu vực trung lập" (l.c., tr. 89) và chứng minh rằng "việc đặt ra khu trung lập tuyệt nhiên không nhằm mục đích làm gián đoạn quan hệ giữa Pháp và Săm-be-ri, do đó, về phương diện đạo lý, tuyến đường sắt nói trên đi vòng khu trung lập"¹⁾.

Mặt khác, chúng ta hãy nghe huân tước *Man-mơ-xbê-ri*:

1) "When the French troops were about to march through Savoy into Sardinia the Swiss Government, true to the neutrality upon which depends its in – dependence, at first objected that these troops had no right to pass through the neutralised territory".

1) Việc tuyến đường sắt này nằm trong khu trung lập đã được thừa nhận rõ ràng trong công hàm mà tổng thống Liên bang Stem-phli và thủ tướng Si-sơ gửi ngày 18 tháng Mười một 1859 cho đại úy Ha-rít. Công hàm có nói: "Il pourrait être aussi question d'un autre point qui concerne la neutralité de la Savoie... nous voulons parler du chemin de fer dernièrement construit de Culoz à Chambéry, à l'égerd duquel on peut se demander s'il devait *continuer à faire partie du territoire neutralisé*" [" Có thể nảy sinh vấn đề về một điểm khác liên quan đến sự trung lập của Xa-voa... Chúng tôi muốn nói đến con đường sắt vừa được xây dựng chạy từ Quy-lô-dơ đến Săm-be-ri, mà về con đường đó người ta có thể đặt câu hỏi xem nó sẽ còn tiếp tục là một bộ phận của khu trung lập hay không"].

Về sau, vì lý do trên, nghĩa là cho rằng tuyến đường sắt đang được xem xét đi vòng qua phần trung

cho phép quân đội Pháp đi qua khu ấy. Tôi cho rằng hành động như vậy, chính phủ đó hoàn toàn đã phạm sai lầm (I think that they were wrong in doing so). Chúng tôi cho rằng việc tuân thủ sự trung lập của khu này là cực kỳ quan trọng đứng trên góc độ lợi ích của châu Âu... nên ngày 28 tháng Tư 1859 chúng tôi đã gửi cho triều đình Pháp bản phản kháng việc quân đội Pháp đi qua khu ấy để tiến vào Xác-đi-ni".

Sự phản kháng đó đã trở thành cái cớ cho Pan-mốc-xtơn buộc tội Man-mơ-xbê-ri là cảm tình với "Áo", vì ông ta đã "lãng mạ một cách hoàn toàn không cần thiết Chính phủ Pháp" (had uselessly offended the French Government), hoàn toàn giống như *Phô-gtơ* trong "Tác phẩm chính" (tr. 183) đã buộc tội báo "Volk" rằng, tờ báo này:

"ra sức bằng mọi cách" - đương nhiên là để lấy lòng Áo - "gây khó khăn cho Thụy Sĩ... Chỉ cần đọc những bài đăng trên báo "Volk về sự trung lập và về việc người Pháp đi qua Xa-voa là đủ để người ta thấy được những khuynh hướng ấy mà tờ "Allgemeine Zeitung" hoàn toàn tán thành"¹⁾.

"Điều đập vào mắt người ta" là cả một chương của "Nghiên cứu" của Phô-gtơ nói về Thụy Sĩ, nó có nhiệm vụ đặc biệt là biện bạch trước cho *sự phá hoại đầu tiên* của "con người có tính chất quyết định" của ông ta đối với *khu trung lập của Thụy Sĩ*. Đó là bước đầu để đi tới sáp nhập Xa-voa, còn sau đó là khu nói tiếng

1) Phô-gtơ đặc biệt công kích báo "Volk" về việc nó ra sức "lôi kéo liên bang vào cuộc xung đột với các cường quốc láng giềng hùng mạnh". Khi việc thôn tính Xa-voa đã được thực hiện thực sự thì tờ báo nhỏ của phái Bô-na-pác-tơ "Eidgenössische Zeitung" lên án báo "Bund", cơ quan ngôn luận chính thức, rằng "cách nhìn của báo này đối với Xa-voa và Pháp là dư âm yếu ớt của thứ chính sách mà ngay từ năm 1848 đã ra sức lôi cuốn Thụy Sĩ vào cuộc đấu tranh của châu Âu" (xem "Bund", số 71, Béc-nơ, ngày 12 tháng Ba 1860). Như chúng ta thấy, những câu đó đã được chuẩn bị trước dưới ngòi bút của các phần tử Bô-na-pác-tơ.

Pháp của Thụy Sĩ. Số phận của Thụy Sĩ tùy thuộc vào chỗ nó phản đối bước đầu đó và bảo vệ quyền lợi của nó với một nghị lực như thế nào, sử dụng các quyền ấy vào giờ phút quyết định và biến vấn đề về các quyền ấy thành vấn đề toàn châu Âu – và tất cả cái đó xảy ra vào lúc mà sự đồng tình của Chính phủ Anh đã được bảo đảm, còn Lu-i Bô-na-pác-tơ vừa phát động cuộc chiến tranh cục bộ của mình, nên không dám khiêu khích Thụy Sĩ. Đã chính thức can thiệp vào sự kiện ấy, Chính phủ Anh không thể rút lui được nữa²⁾. Do đó mà có sự cố gắng khác thường của "người Thụy Sĩ mới, công dân bang Béc-nơ và đại biểu của Giơ-ne-vơ trong Viện liên bang", để lấp liếm vấn đề, còn việc *cho phép* quân đội Pháp đi qua khu trung lập được trình bày như một thứ **quyền** mà Thụy Sĩ phải sử dụng, coi đó như một cuộc diễu võ dương oai dũng cảm chống Áo. Cần biết rằng ông ta đã cứu Thụy Sĩ khỏi bàn tay của Ca-ti-li-na - Séc-van!

Lấp lại và tăng cường sự phản kháng nêu lên trong nguyên tắc của mình, - tức những tập sách nhỏ của *Đan-ti-u*, - phủ nhận mọi sự nhòe ngó biên giới sông Ranh, Phô-gtơ lẩn tránh mọi sự ám chỉ trong *cùng những tập sách ấy* về việc từ bỏ Xa-voa và Ni-xơ. Thậm chí cả những tên gọi Xa-voa và Ni-xơ cũng không thấy trong "Nghiên cứu" của ông ta. Nhưng ngay từ tháng Hai 1859, các đại biểu của Xa-voa ở Tu-rin đã phản đối cuộc chiến tranh I-ta-li-a, vì việc đế quốc của cuộc đảo chính tháng Chạp thôn tính Xa-voa là cái

2) Had those provinces [(Chablais and Faucigny) been occupied by the Federal troops... there can be little doubt they would have remained in them up to this moment (p.20, *L. Oliphant, "Universal Suffrage and Napoléon III"*. London, 1860) [Nếu như quân đội Liên bang chiếm những tỉnh ấy (Sáp-lơ và Phô-xi-ni... thì không nghi ngờ gì nữa, họ còn đóng ở đó cho đến bây giờ (*L. Ô-li-phan-tơ "Quyền phổ thông đầu phiếu và Na-pô-lê-ông III"*. Luân Đôn, 1860, tr. 20)].

giá phải trả cho việc ký kết liên minh với Pháp. Sự phản kháng đó không đến tai Phô-gtơ. Cũng như những điều kiện của bản hiệp ước ký *tháng Tám* 1858 ở Plôm-bi-éc giữa Lu-i Bô-na-pác-tơ và Ca-vua (đăng trên một trong những số đầu tiên của "Volk") mà tất cả những người lưu vong khác đều biết rõ, đã không đến tai ông ta. Trong số "Pensiero ed Azione" (ngày 2-16 tháng Năm 1859) nói trên, *Mát-di-ni* đã tiên đoán nguyên văn như sau:

"Nếu như Áo, sau khi thua ngay từ đầu cuộc chiến tranh, đưa ra những điều kiện giống như những điều kiện Áo đã đề nghị vào giờ phút nào đó năm 1848 với Chính phủ Anh, tức là giải tỏa Lô-m-bác-đi, nhưng giữ lại Vơ-ni-dơ cho mình - thì bấy giờ hòa ước sẽ được chấp nhận. Đồng thời chỉ có thể thực hiện những điều kiện sau: mở rộng Vương quốc Xác-di-ni và *nhường Xa-voa và Ni-xơ cho Pháp*"¹⁾.

1859, Phô-gtơ xuất bản lần thứ hai tác phẩm "Nghiên cứu" của mình vào giữa tháng Sáu 1859, nhưng không nói lấy một lời nào về Xa-voa và Ni-xơ. Ngay trước *Mát-di-ni* và trước các đại biểu của Xa-voa, ngay vào *tháng Mười 1858*, một tháng rưỡi sau vụ âm mưu Plôm-bi-éc, tổng thống Liên bang Thụy Sĩ đã thông báo cho nội các Anh trong một bức công hàm đặc biệt khẩn rằng:

"ông có căn cứ để cho rằng giữa Lu-i Bô-na-pác-tơ và Ca-vua đã ký một hiệp định có điều kiện về việc *nhường Xa-voa*"¹⁾.

1) "Ma dove l'Austria, disfatta in sulle prime, affacciasse proposte equali, a quelle ch'essa affacciò per breve tempo nel 1848 al Governo Inglese, abbandono della Lombardia a patto di serbare il Veneto, la pace... sarebbe accettato: le sole codizioni dell' ingrandimento della Moarchia çarda e della cessione della Savoia e di Nizza alla Francia riceverebbero esecuzi one".

1) Trong lời phát biểu nói trên kia, huân tước Man-mơ-xbê-ri nói: "There is a despatch now in the Foreign Office, dated as long back as October 1858... from the President of the Swiss Republic, stating that he had reason to believe that some conditional agreement had been come to between the

Vào đầu tháng Sáu 1859, tổng thống Liên bang lại thông báo cho đại biện của Anh ở Béc-nơ sự lo ngại của mình về cuộc thôn tính Xa-voa và Ni-xơ sắp xảy ra²⁾. Không một tin tức nào về sự phản kháng của các đại biểu Xa-voa, về sự vạch trần của Mát-di-ni, cũng như về sự lo ngại của Chính phủ Liên bang Thụy Sĩ kéo dài từ tháng Chạp 1858 đến tháng Sáu 1859, được lọt đến tai *Phô-gtơ*, con người mà nghề nghiệp là làm đáng cứu tinh của người Thụy Sĩ. Như chúng ta thấy sau này, *ngay từ tháng Ba 1860*, khi bí mật về vụ Plôm-bi-éc đã lan truyền trên tất cả các đường phố châu Âu, không hiểu tại sao nó đã không đến tai ông Phô-gtơ. Đề từ: "Sự nín lặng là phẩm chất tốt đẹp của nô lệ"^{1*} tô điểm cho "Nghiên cứu", có lẽ do nó lặng thinh đối với sự thôn tính đang đe dọa. Tuy nhiên, trong tác phẩm đó có một sự ám chỉ:

"Nhưng giả định" - Phô-gtơ nói - "rằng sẽ xảy ra điều không thể tin được và thắng lợi sẽ phải trả giá bằng những đất đai I-ta-li-a ở phương Nam hoặc phương Bắc... Sự thực, xét theo quan điểm Đức "thuần túy, chặt hẹp... Có thể thành thực mong rằng con sói Pháp vớ được miếng xương I-ta-li-a" (l.c., tr. 129, 130).

Khu Bắc I-ta-li-a đương nhiên là Ni-xơ và Xa-voa. Sau khi người Thụy Sĩ mới ấy, công dân bang Béc-nơ và đại biểu của Giơ-ne-vơ tại Viện liên bang, kêu gọi Thụy Sĩ "*xét theo quan điểm thuần túy Thụy Sĩ*" (l.c., tr. 39), "*hãy cảm thấy vui sướng vô vàn*" về người láng giềng Lu-i Bô-na-pác-tơ, thì vị nhiếp chính đế quốc chạy trốn đột nhiên nảy ra ý nghĩ cho rằng "sự

Emperor of the French and Count Cavour with respect to Savoy" ["Hiện nay ở Bộ ngoại giao có một công hàm khẩn đề tháng Mười 1858... của tổng thống nước Cộng hoà Thụy Sĩ, trong đó có nói rằng tổng thống có căn cứ để cho rằng giữa hoàng đế Pháp và ba nước Xa-voa và Ni-xơ một hiệp ước có liên quan về Xa-voa"].

2) Xem văn kiện số 1 tập Sách xanh thứ nhất "Về sự thôn tính được trừ định đối với Xa-voa v.v."

thực thì xét theo quan điểm thuần túy chặt hẹp của Đức, ông ta "có thể thành thực hy vọng" con sói Pháp "vớ được miếng xương" tức là Ni-xơ và Xa-voa, *do đó vớ được cả khu nói tiếng Pháp của Thụy Sĩ*¹⁾.

Trước đó không lâu ở Pa-ri đã xuất bản cuốn sách nhỏ "*Na-pô-lê-ông III*", chứ không phải "*Na-pô-lê-ông III và I-ta-li-a*" hoặc "*Na-pô-lê-ông III và vấn đề Ru-ma-ni*", hoặc "*Na-pô-lê-ông III và Phổ*", mà chỉ giản đơn là "*Na-pô-lê-ông III*", Na-pô-lê-ông I đơn

1) Nguyên vọng của Phô-gtơ: "xuất phát từ quan điểm thuần túy chặt hẹp của Đức thì việc nhét "miếng xương" I-ta-li-a vào họng "con sói Pháp" để sói không tiêu hóa được, không nghi ngờ gì nữa, - việc đó sẽ được tiến hành với quy mô lớn hơn. Trong tạp chí bán chính thức "Revue contemporaine" số ra ngày 15 tháng Mười 1860 - xin nêu thêm rằng nó *chuyên bảo hộ cho Phô-gtơ* - đã đăng một bản tin từ Tu-rin phát đi ngày 8 tháng Mười trong đó có nói rằng Giê-nơ và Xác-đi-ni là cái giá hợp pháp cho cuộc chiến tranh mới (của Pháp) vì sự thống nhất của I-ta-li-a. Tôi bổ sung rằng việc chiếm được Giê-nơ là công cụ cần thiết cho ảnh hưởng của chúng ta trên bán đảo và là thủ đoạn duy nhất có hiệu lực để ngăn cản cường quốc hải quân - mà chúng ta đã giúp sức thành lập - không để nó một ngày kia sẽ tuột ra khỏi liên minh của

1* Phỏng theo câu nói trong "Ghi chép đi đường" của Hai-nơ (phần thứ tư, I-ta-li-a, III. Thành phố Lú-ca).

chúng ta và tham gia liên minh mới nào đó. *Chỉ có bằng cách đề đầu gối lên ngực*

I-ta-li-a, chúng ta mới có thể bảo đảm cho mình sự trung thành của nó. Áo, quan tòa tốt trong việc này; biết rất rõ điều đó. Sức ép của chúng ta sẽ ít thô bạo hơn, nhưng vững chắc hơn sức ép của Áo -, đây là sự khác nhau duy nhất".

thuần. Đó là cuốn sách Na-pô-lê-ông III tán dương quá đáng Na-pô-lê-ông III bằng lời văn bóng bẩy. Cuốn sách nhỏ này được một người A-rập tên là Đa-Đa dịch ra tiếng mẹ đẻ. Trong Lời bạt viết cho cuốn sách nhỏ này, Đa-Đa quá mê say không còn kiềm chế được nhiệt tình của mình nữa và đã tuôn tràn trề cả một dòng thác những vần thơ nóng bỏng. Nhưng trong Lời tựa Đa-Đa còn đủ tỉnh táo để thừa nhận rằng tác phẩm của ông ta được công bố theo lệnh của nhà cầm quyền địa phương An-giê-ri và dùng để phân phát trong các bộ lạc A-rập bản địa ở bên kia biên giới An-giê-ri, để cho "lý tưởng thống nhất và lý tưởng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của một thủ lĩnh chung, bao trùm trí tưởng tượng của họ". Thủ lĩnh chung ấy, người sẽ phải xây dựng "sự thống nhất của dân tộc A-rập" - như Đa-Đa tiết lộ - không phải ai khác mà là "mặt trời từ thiện, vinh quang của bầu trời - hoàng đế Na-pô-lê-ông III". Phô-gtô, tuy không sáng tác bằng thơ^{1*}, xong ông ta chỉ

Gọi sự thuật lại của mình bằng tiếng Đức *những bài báo của "Moniteur"* do đáng mặt trời từ thiện và niềm vinh quang của bầu trời tỏa ra, các *cuốn sách nhỏ của Đan-tiu và các bản đồ châu Âu vẽ lại* là "Nghiên cứu", ông Đa-Đa Phô-gtô đã nói ý nhị thành công hơn bao giờ hết trong suốt cuộc đời vui sướng của mình. Điều đó thậm chí còn hay hơn cả sự nhiếp chính đế quốc, các buổi yến tiệc đế quốc và các hộ chiếu đế quốc ngoại quốc do bản thân ông ta phát minh. Vị thị dân Đức "có học thức" cho rằng "Nghiên cứu" là tác phẩm bona fide^{1*} vì trong đó có nói

1* Chơi chữ: "ungereimt schreiben" có nghĩa là "viết không có vần", tức là không phải bằng thơ, nhưng cũng có nghĩa là "viết những điều tầm bậy", "những điều nhảm nhí".

1* - trung thực

đến cuộc đấu tranh của Áo chống Anh vì Ai Cập, Áo và Phổ cãi nhau vì đất đai *ngoài châu Âu*, Na-pô-lê-ông I đã buộc Ngân hàng Anh phải cân chú không đếm vàng của nó, người Hy Lạp và người Pha-nác là những chủng tộc khác nhau, từ Mông-xê-ni có con đường bộ chạy qua Phê-nê-xtơ-ren-lơ theo thung lũng sông Xtu-ra, v.v. - việc đó chỉ chứng tỏ rằng trong thời kỳ phản động mười năm, cái sọ tự do chủ nghĩa của vị thị dân ấy đã chịu áp lực cao như thế nào.

Nhưng, điều lạ lùng là chính cái vị người Đức tự do chủ nghĩa có lớp da dày mỡ ấy, cái vị đã hoan nghênh *bản dịch tiếng Đức* bị bóp méo một cách thô bỉ của *Phô-gtô đối với các cuốn sách nhỏ nguyên tác của những kẻ ủng hộ cuộc đảo chính tháng Chạp*, đã phát điên lên, nảy ra khỏi chiếc ghế bành yên ổn của mình, khi Ết-mông A-bu, trong cuốn sách nhỏ của mình *"Nước Phổ năm 1860"* (ban đầu gọi là "Na-pô-lê-ông III và Phổ") đã *dịch lại* ra tiếng Pháp, với sự thận trọng sáng suốt, cái mớ tài liệu do Đa-Đa biên soạn. Tiện đây, xin chỉ ra rằng con quạ ba hoa đó của chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ không mất đi sự xảo trá. Chẳng hạn, để chứng minh sự đồng tình của Bô-na-pác-tơ đối với Đức, A-bu, chỉ rõ rằng đế quốc của cuộc đảo chính tháng

Chạp đã coi cùng một giuộc ông *Đa-Đa Phô-gtơ và Hum-bôn*, cũng như coi La-xa-ri-li-ô - Ha-clen-đe-rơ và Gơ-tơ là cùng một giuộc. Dù sao sự kết hợp *Phô-gtơ - Ha-clen-đe-rơ* đó biểu hiện rằng đối với đối tượng nghiên cứu của mình, A-bu đã có sự nghiên cứu sâu sắc hơn là người ta có thể thấy trong tập "Nghiên cứu" của ông Đa-Đa người Đức.

IX CƠ QUAN ĐẠI DIỆN

"So muosens alle striten.

in vil angestlichen ziten

wart gescheiden doch her dan

... der *Vogt* da von Bërne^{1*}.

("Klage")¹⁾

1) Trái lại, trong *Leben*, *Hat-man* rõ ràng là anh em sự bất đồng của mình với những người có đầu tóc thủ cựu ở Béc-nơ, đã buộc giám quan giáo khu nói như sau:

"von Bèrn mac wol heizen ich,
wand ich dâ niht ze schaffen hân".

[" Cho dù gọi tôi là người Béc-nơ,
Tôi vẫn không dính dáng gì đến Béc-nơ"]⁵²²

Song chớ nên lẫn lộn *Hát-man* này với ông bạn của Phô-gtơ cũng có tên như thế và là một nhân vật đa cảm mềm yếu ở nghị viện.

1* "Trong giờ phút hiểm nghèo này

Tất cả đều tiến hành đấu tranh

Và đây, nhảy vào cuộc đấu tranh

... có giám quan giáo khu Béc-nơ". ("Tiếng khóc")

Trong một bản "Cương lĩnh" – mà ông Đa-đa Phô-gơ đề từ một cách rất có ý nhị là *ngày 1 tháng Tư*, tức ngày 1 tháng Tư 1859 - ông ta đề nghị các nhà dân chủ đủ màu sắc hãy cộng tác với tờ báo sắp xuất bản ở Giơ-ne-vơ và tuyên truyền các quan điểm thân Nga và theo chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ của tác phẩm "Nghiên cứu" của ông ta. Tuy "Cương lĩnh" đương nhiên được soạn ra với sự thận trọng thích đáng, song qua bì bọc bằng giấy bì bọc trong suốt vẫn lộ ra ý định ma quỷ. Nhưng chúng ta không bàn về việc đó.

Ở cuối "Cương lĩnh", Phô-gơ yêu cầu người nhận thư của mình giới thiệu "những người đồng tâm nhất trí sẵn sàng cộng tác theo tinh thần như thế với những tờ báo và tạp chí mà họ có thể tham gia được". Tại buổi lễ chính ở Lô-dan, Phô-gơ tuyên bố rằng ông ta đã phác thảo "Cương lĩnh" nhằm mời

"*những ai* muốn tuân theo cương lĩnh ấy hãy cộng tác với số nhuận bút thích đáng với các cơ quan báo chí mà họ nắm được" (tr.17, "Buổi lễ chính v.v.").

Sau hết, trong một bức thư gửi tiến sĩ *Lơ-ninh*, chúng ta đọc thấy:

"Bạn có thể cho rằng tôi có liên hệ với *những người* có thể từ Phran-phước gây ảnh hưởng theo tinh thần đó đối với các tờ báo và tạp chí hay không? Tôi sẵn sàng trả thù lao rộng rãi cho họ về những bài báo mà bản đập thử sẽ được gửi cho tôi" ("Tác phẩm chính". Văn kiện, tr. 36).

"*Những người đồng tâm nhất trí*", được nhắc tới trong "Cương lĩnh" tại Buổi lễ chính ở Lô-dan đã trở thành "*những người ấy*", còn "*những người ấy*" thì trong thư gửi tiến sĩ *Lơ-ninh* lại biến thành "*những người*", những con người sans phrase^{1*}. Phô-gơ, tổng chủ nhiệm tài vụ và tổng thanh tra báo chí Đức, "được trao những quỹ" (l.c., tr.36) để chi nhuận bút không những cho những bài đăng trong các "tờ báo và tạp chí", mà còn cho cả "những tập

1* – đơn giản

sách nhỏ" (l.c.). Rõ ràng là được đặt vào địa vị ấy, cơ quan đại diện đòi hỏi những "quỹ" khá lớn.

"er sante nach allen den hêren

die in diusken rîchen wâren;

er clagete in allen sîn nôtt;

unde bôt in ouch sîn golt rôtt".

(*Kaiserchronik*)^{1*}

Nhằm mục đích gì mà đòi *những người ấy* phải "gây ảnh hưởng" đối với các tờ báo, tạp chí và tập sách nhỏ, phải "gửi" những thứ ấy cho Phô-gơ và sẽ được Phô-gơ trả thù lao "hậu hi"? "Vấn đề được nói đến là vì I-ta-li-a", chỉ có thể; để tránh nguy hiểm cho sông Ranh, ngài Phô-gơ "cho rằng điều có lợi là làm cho Lu-i Bô-na-pác-tơ bị kiệt máu ở I-ta-li-a" (l.c., tr. 34, "*Cương lĩnh*"). Không, "vấn đề không phải là nói về I-ta-li-a" (Thư gửi tiến sĩ Lai-ninh, l.c., tr. 36). "Vấn đề nói đến là về Hung-ga-ri" (Thư gửi ông G. ở H.,l.c). Không, vấn đề nói đến không phải về Hung-ga-ri "vấn đề nói đến là những sự việc mà tôi không thể thông báo được" (l.c., Văn kiện, tr. 36).

Cũng như tất cả những sự việc đã nói, nguồn gốc của những "quỹ" dồi dào, cũng đầy rẫy mâu thuẫn. Đó là "nơi hẻo lánh của khu nói tiếng Pháp ở Thụy Sĩ" ("Tác phẩm chính", tr. 210). Không, "đó là những phụ nữ Hung-ga-ri đến từ phương Tây" (thư gửi Các-lơ Blin-đơ, phụ trương của "Allgemeine Zeitung", số 44,

1* – "Ngài phái sứ giả tới

Tất cả các công tước trên đất Đức,

Kể với họ nỗi cực khổ của mình

Và cũng cấp vàng cho họ".

(*Sử biên niên đế quốc*)⁵²³

ngày 13 tháng Hai 1860). Trái lại, đó là masculini^{2*} ở "trong khu vực cai quản của cảnh sát Đức, đặc biệt là cảnh sát Áo" (tr. 17, "Buổi lễ chính"). Quy mô của quỹ của ông ta cũng biến ảo vô cùng, không kém gì mục đích và nguồn gốc của chúng. Đó là "mấy phrăng" ("Tác phẩm chính", tr. 210). Đây là "những quỹ nhỏ" (tr. 17, "Buổi lễ chính v.v."). Đây là những quỹ đủ để trả nhuận bút hậu hĩ cho những người sẽ còn làm việc cho báo chí Đức và viết các tập sách nhỏ theo kiểu Phô-gơ. Sau hết, thêm vào tất cả những cái đó là tính chất lập lờ nước đôi của phương thức thành lập quỹ. Phô-gơ "vắt và lăm mới *thu góp* được các quỹ ấy!" ("Tác phẩm chính", tr. 210). Không, các quỹ ấy "được trao cho ông ta nắm" (l.c., Văn kiện, tr. 36).

"Nếu tôi không nhầm", - "con người tròn trĩnh" nói - "thì *mua chuộc* có nghĩa là dùng tiền hoặc cho những lợi lộc khác làm cho người nào đó có những hành vi và những lời phát biểu mâu thuẫn với niềm tin của người đó" (l.c., tr. 217).

Do đó, một người mà niềm tin cho phép ta *bị mua chuộc* thì không thể *bị mua chuộc*, và một người mà niềm tin của mình mâu thuẫn với điều đó, thì cũng không thể bị mua chuộc. Nếu như Vụ báo chí nước ngoài thuộc nội các Pa-ri đề nghị cung cấp, chẳng hạn cho các tờ báo Thụy Sĩ - mà chỉ lấy có nửa giá tiền, ¼ giá tiền thậm chí cho không - tờ "Lithographierte Correspondenz", đồng thời lưu ý "Các ban biên tập có [ra hàng ngày ở Pa-ri và giá 250 phrăng] thiện chí", rằng, họ chắc chắn được tính trợ cấp hàng tháng với số tiền là 50, 100 và 150 phrăng "tuỳ theo sự thành công", thì đó tuyệt nhiên không phải là sự mua chuộc. Không ai bắt buộc các ban biên tập mà niềm tin của họ mâu thuẫn với tờ "Correspondenz" ra hàng ngày và mâu thuẫn với khoản trợ cấp hàng tháng, phải tiếp thu cả hai điều kể trên. Chẳng lẽ Gra-ni-ê đơ Cát-xa-nhắc, hoặc La Ghê-rô-ni-e-rơ, hoặc A-bu, hoặc Grăng - guy-lô hoặc Bu-li-e-rơ, hoặc Giuốc-đan của tờ "Siècle"⁵²⁴, hoặc Mác-tanh và Bô-ni-pha-xơ

2* - những người đàn ông

của tờ "Constitutionel"⁵²⁵, hoặc Rô-sê Đa-Đa An-be- đều đã "bị mua chuộc", hay sao? Chẳng lẽ đã có trường hợp một việc làm hoặc một lời phát biểu được trả thù lao lại mâu thuẫn với niềm tin của các ngài đó sao? Hoặc, ví dụ, chẳng lẽ Phô-gơ đã mua chuộc người đại diện - của một tờ báo Thụy Sĩ nào đó trước đây thù địch với ông ta, nếu như ông ta cấp không cho người đại diện ấy mấy trăm bản "Nghiên cứu" của mình? Dù sao đi nữa, điều hết sức lạ lùng là đề nghị của Phô-gơ với các nhà chính luận hãy viết bài theo tinh thần của niềm tin của họ cho những cơ quan báo chí nằm trong tay họ, đồng thời lại được lĩnh nhuận bút về những bài ấy thông qua cơ quan của ngài Các Phô-gơ ở Giơ-ne-vơ. Phô-gơ lẫn lộn khoản nhuận bút, mà một tờ báo nhất định trả cho cộng tác viên của mình, với những khoản trợ cấp bí mật mà một người thứ ba nào đó lấy trong quỹ nặc danh để trả cho các phóng viên của những tờ báo hoàn toàn xa lạ với ông ta, thậm chí của báo chí cả một nước - quid pro quo^{1*} ấy chứng minh ông Đa-Đa người Đức "hoà nhập" vào đạo đức ngày 2 tháng Chạp sâu sắc đến nhường nào.

"Cậu bé ngồi bên nguồn nước"^{2*}. Nhưng cậu bé ngồi bên nguồn nước nào?

Thay cho tuần báo "Neue Schweiz" mà Phô-gơ dự định, sau này ở Giơ-ne-vơ đã xuất bản tờ "Neue Schweizer Zeitung" do bạn cũ của Đa-Đa là ông A. *Bra-sơ* sáng lập. Vào một buổi sáng mát trời của tháng Mười một, ông *Bra-sơ* tuyên bố làm cho toàn Giơ-ne-vơ sững sốt rằng:

"trong thư gửi Phô-gơ ông đã cự tuyệt *chiếc chậu thức ăn Pháp* mà Phô-gơ muốn chìa ra cho ông".

Đồng thời, ông tuyên bố sẵn sàng chịu trách nhiệm trước toà án về lời buộc tội ấy ("*Neue Schweizer Zeitung*", số ra ngày 12

1* - sự lẫn lộn về khái niệm

2* Trích bài thơ của Si-le "Chàng trai bên suối".

tháng Mười một 1859). Còn con gà trống, hay nói đúng hơn, con gà thiến mà cho tới nay vẫn gây vui vẻ như thế, đã câm tịt sau khi bị người ta đánh nhừ đòn trên bãi phân do chính nó thải ra. "Người Thụy Sĩ mới, công dân bang Béc-nơ và đại biểu của Giơ-ne-vơ tại Viện liên bang" lần này bị một trong những người bạn "nổi tiếng" của mình công khai buộc tội ở ngay Giơ-ne-vơ về tội *mưu toan mua chuộc* bằng tiền của *Pháp*. Và vị đại biểu của Giơ-ne-vơ tại Viện liên bang đã im thín thít.

Chớ có tưởng rằng ông Phô-gtơ, người nhận thức rõ phẩm giá của mình, lại có thể phớt lờ "Neue Schweizer Zeitung". Lời buộc tội ông ta, như tôi đã nói, được đưa ra trong số báo ra ngày 12 tháng Mười một 1859. Chẳng bao lâu sau đó, cũng trên tờ báo ấy đã xuất hiện bài bình luận chua cay về Plông-Plông, tờ "Revue de Genève"⁵²⁶, cơ quan ngôn luận của nhà độc tài ở Giơ-ne-vơ *Giêm Pha-di* lập tức đáp lại bằng bài xã luận phản đối dài bốn cột ("Revue de Genève", số ra ngày 6 tháng Chạp 1859). Nó phản đối "au nom du radicalisme genevois", nhân danh phái cấp tiến Giơ-ne-vơ. Bản thân Giêm Pha-di cũng đã coi trọng "Neue Schweizer Zeitung" như vậy. Trong bài xã luận dài 4 cột của "Revue de Genève" không thể không đoán thấy bàn tay của Phô-gtơ. Trong bài đó người ta bào chữa cho chính Bra-sơ ở mức độ nhất định, nói rằng ông ta không phải kẻ mưu dả kích Plông-Plông. Ông ta bị lừa gạt. Theo phương pháp thuần túy Phô-gtơ, người ta đẩy corpus delicti^{1*} lên đầu chính L.Háp-ne mà Phô-gtơ, trong "Tác phẩm chính", (tr. 188) đã nghi là tác giả tác phẩm "những chuyện xấu xa khả ố về hoàng đế và hoàng thân Na-pô-lê-ông". Điều không tránh khỏi là Phô-gtơ đã ám chỉ "Clô-xman, cựu trung uý Ba-den nổi tiếng xấu xa" là phóng viên ở Béc-nơ của "Allgemeine Zeitung" (xem "Tác phẩm chính", tr. 198). Chúng ta hãy bàn qua về lời phản

1* — cấu thành phạm tội

kháng mà chủ và tớ, *Giêm Pha-di* và *Các Phô-gtơ*, đã phát biểu ngày 6 tháng Chạp 1869 trên tờ "Revue de Genève" "nhân danh phái cấp tiến Giơ-ne-vơ" nhằm cứu vãn danh dự của Plông-Plông.

Người ta buộc tội Bra-sơ định "củng cố ý kiến của mình là người Đức đối với người Pháp bằng cách lăng nhục hoàng thân thuộc vương triều Bô-na-pác-tơ". *Plông-Plông*, như người ta đã biết từ lâu ở Giơ-ne-vơ, là một phần tử tự do chủ nghĩa thuần túy mà trong thời gian bị trục xuất đã tỏ ra cao thượng từ chối "sắm vai trò trong triều đình Stút-gát, thậm chí trong triều đình Pê-téc-bua". Gán cho ông ta ý nghĩ thành lập ở nơi nào đó một vương quốc nhỏ, một vương quốc E-xtơ-ru-xi-a như bài báo có tính chất lăng mạ trong "New Schweizer Zeitung" đã làm, thì đó quả là điều nực cười.

"Hoàng thân Na-pô-lê-ông, với nhận thức vững chắc về *thiên tài* của mình và về *tài năng* của mình, tự đặt mình cao hơn hẳn những ngài vàng bé nhỏ tầm hại ấy".

Ở Pháp, ở "cái trung tâm ấy của nền văn minh cao độ và của tinh thần sáng tạo phổ biến" ông ta thích sắm vai hầu tước Pô-da trong cung đình của người anh họ vô cùng sáng chói của mình, "với tư cách hoàng thân – công dân" (prince – citoyen). "Người anh họ tôn trọng và yêu quý ông, dù người ta nói gì đi nữa". Nhưng hoàng thân không những là hầu tước Pô-da theo chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ, ông còn là "người bạn vô tư" của I-ta-li-a, Thụy Sĩ, tóm lại, của các dân tộc.

"Cũng như hoàng đế, hoàng thân Na-pô-lê-ông là nhà kinh tế học lớn... Nếu như ở Pháp những nguyên lý của khoa kinh tế chính trị lành mạnh sẽ thắng lợi vào khi nào đó, thì không nghi ngờ gì nữa, điều đó xảy ra với sự tham gia lớn lao của hoàng thân Na-pô-lê-ông".

Ông đã và vẫn còn là "người ủng hộ tự do báo chí hoàn toàn không hạn chế", là người phản đối mọi biện pháp đề phòng kiểu cảnh sát, là người thể hiện "những tư tưởng tự do theo nghĩa rộng nhất của từ này về mặt lý luận, cũng như về mặt thực tiễn". Nếu như tai của hoàng đế do ảnh hưởng xấu mà không nghe thấy được

những lời khuyên của nhân vật Ê-giê-ri đó, thì hoàng thân lui ra với thái độ tự trọng, nhưng "không oán thán". Không phải cái gì khác mà "chính là *công lao của ông* đã gây ra sự đả kích có tính chất phỉ báng ở châu Âu đối với ông".

"Kẻ thù của nước Pháp sợ ông, vì ông dựa vào sự ủng hộ cách mạng của các dân tộc châu Âu, ra sức trả lại cho họ nền độc lập dân tộc và nền tự do của họ".

Tóm lại, thiên tài không được công nhận, hầu tước Pô-da, nhân vật Ê-giê-ri, nhà kinh tế học, người bảo vệ các dân tộc bị áp bức, nhà dân chủ thuần túy và - điều này có thể được chăng? – Plông-Plông "habile come général et brave comme tout officier français" (thạo giỏi như viên tướng và dũng cảm như bất cứ sĩ quan Pháp nào).

"Ông chứng tỏ điều đó trong chiến dịch Crum, trong trận An-ma và sau trận này". Còn trong chiến tranh I-ta-li-a ông "đã tổ chức một cách xuất sắc quân đoàn 5 vạn người của mình" (corps de touristes^{1*} nổi tiếng, tôi suýt nữa nói corps de ballet^{2*}) "và trong một thời gian ngắn hoàn thành cuộc hành quân gian khổ qua miền núi trong khi quân lính của ông không hề bị thiếu thốn thứ gì".

Như mọi người đều biết, binh sĩ Pháp ở Crum gọi bệnh sợ pháo kích là maladie Plon-Plonienne^{3*}, và có thể là Plông-Plông rồi bỏ bán đảo này chỉ vì thực phẩm ngày càng thiếu thốn⁵²⁷.

"Chúng tôi giới thiệu ông" – tức Plông-Plông. "Revue de Genève" kết thúc một cách trịnh trọng – "đúng như chân tướng ông".

Hoan hô tướng Plông-Plông!

Do đó, không có gì là đáng ngạc nhiên nếu như Phô-gtơ nói rằng ông ta nhận được quỹ hành quân của mình từ "những bàn tay dân chủ". Plông-Plông, vị Prince Rouge^{4*} ấy là lí tưởng của

1* – đoàn du lịch

2* – đoàn vũ ba-lê

3* – con bệnh Plông-Plông

4* – Hoàng thân đỏ

Phô-gtơ và Pha-di, có thể gọi là hoàng thân đầy quyền rũ của phái dân chủ châu Âu. *Phô-gtơ* không thể nhận số tiền của mình từ bàn tay dân chủ thuần túy nào hơn là từ bàn tay của Plông-Plông. Nếu thậm chí một phần số tiền do người anh họ chí tôn của Plông-Plông trực tiếp giao cho Cô-sút, thông qua bàn tay của người Hung-ga-ri lại rơi vào tay Phô-gtơ, thì "nguồn gốc" của nó vẫn "*kinh khủng*". Còn đến từ bàn tay của Plông-Plông thì lại là chuyện khác! Cho dù số tiền mà *Phô-gtơ* nhận được trong thời gian có cuộc xung đột Nơ-sa-ten, từ tay bá tước phu nhân C...^{1*}, bạn gái của Cláp-ca, có thể là từ bàn tay dịu dàng hơn, nhưng không phải từ bàn tay trong sạch hơn và dân chủ hơn. "Plon-Plon est voluptueux comme Héliogabale, lâche comme Ivan III et faux comme un vrai Bonaparte"^{2*}, như một nhà văn nổi tiếng Pháp đã nói như vậy. Hành vi tệ nhất của Plông-Plông là ông coi người anh họ của mình là homme sérieux^{3*}. Vích-to Huy-gô còn có thể nói về Lu-i Bô-na-pác-tơ: "n'est pas monstre qui veut"^{4*}, nhưng từ khi Lu-i Bô-na-pác-tơ phát hiện ra Plông-Plông, trên con người ở Tuyn-lơ-ri tập trung mặt sự nghiệp, còn trên con người ở Pa-le Roay-an thì tập trung mặt hê của cái đầu I-a-nút của Bô-na-pác-tơ. Bô-na-pác-tơ dỏm, người cháu của bác mình tuy không phải con trai của bố mình⁵²⁸, lại tỏ ra đích thực hơn so với Bô-na-pác-tơ đích thực

1* – Ca-rô-li

2* – "Plông-Plông hiếu sắc như Hê-li-ô-ga-ban, nhút nhát như I-van III và giả dối như Bô-na-pác-tơ đích thực"

3* – người nghiêm túc

4* – "không phải ai cũng có thể trở thành quái vật" (Huy-gô. "Na-pô-lê-ông Bé". Kết luận. Phần thứ nhất, chương I).

ấy, nên người Pháp vẫn còn nói rằng: *L'autre est plus sûr*^{5*}. Plông-Plông đồng thời vừa là Đông Ki-sốt, vừa là Gu-đíp-rát, của Bas Empire. Hăm-lét suy ngẫm rằng có lẽ thì hài của A-léch-xan-đơ nhất định sẽ trở thành chiếc đai của thùng bia^{6*}. Hăm-lét sẽ nói gì khi thấy cái đầu rữa nát của Na-pô-lê-ông trên vai Plông-Plông!¹⁾

Nhận số tiền chủ yếu của quỹ hành quân của mình *"từ chậu thức ăn của Pháp"*, để che giấu chậu ấy, *Phô-gơ* dĩ nhiên có thể nhân tiện - để tạo vẻ bề ngoài quỵen góp "mấy phrăng" trong số những bạn bè đó ít nhiều tinh thần dân chủ. Mâu thuẫn mà ông ta rơi vào khi nói về nguồn gốc, số lượng và phương pháp lập quỹ của mình, được giải thích một cách giản đơn như vậy.

Hoạt động đại diện của *Phô-gơ* không chỉ bó hẹp ở "Nghiên cứu", "Cương lĩnh" về phòng tuyến mộ. Tại *Buổi lễ chính ở Lô-dan*, ông ta báo cho công nhân ở Đức, ở Thụy Sĩ biết sứ mạng của Lu-i Bô-na-pác-tơ về mặt giải phóng dân tộc - đương nhiên là theo quan điểm cấp tiến hơn là trong tác phẩm "Nghiên cứu" dành cho bọn phi-li-xtanh Đức theo chủ nghĩa tự do. Trong khi ở tác phẩm "Nghiên cứu" bằng sự đi sâu nghiên cứu quan hệ giữa "vật chất và sức mạnh", *Phô-gơ* đi đến niềm tin là không nên nghĩ đến "việc làm lung lay và tiêu diệt các chính phủ hiện tồn ở Đức" ("*Nghiên cứu*". Lời nói đầu, tr. VII) và kêu gọi, đặc biệt là kêu gọi

5* - người khác đáng tin cậy hơn

6* Xem Sếch-xpia. "Hăm-lét", hồi V, cảnh 1.

1) *Phô-gơ*, như ông ta kể, ngay từ năm 1852 đã phải tiến hành một cuộc du hành khoa học (cuộc du hành của Ba-cu-xơ) với Plông-Plông mà một người "theo chủ nghĩa Pru-đông" đã nhiệt tình giới thiệu với ông do ông đòi tiến hành - "mais do que promettia a força humana" ["vượt qua sức người có thể cho phép" - Ca-mô-en-xơ, "Lau-di-át", bài ca thứ nhất] - "những sự nghiêm cấm làm cho người ta sống sót trong lĩnh vực lịch sử tự nhiên" ("Tác phẩm chính", Văn kiện, tr. 24).

"người tư sản Đức" (l.c., tr. 128), hãy "thiết tha" với tình hình là việc Bô-na-pác-tơ "giải phóng" I-ta-li-a và ngăn ngừa "cách mạng" ở Đức, - thì đối với công dân Đức, ngược lại, ông ta giải thích rằng "Áo là *trụ cột duy nhất* của sự tồn tại tiếp tục của chúng" (của các vua chúa Đức) ("*Buổi lễ chính v.v.*", tr. 11).

"Tôi vừa nói với các bạn", - ông ta nói - "rằng đối với các nước khác, Đức không chỉ tồn tại mà còn cần được xây dựng lên, và tôi tin rằng nó chỉ có thể được thành lập theo hình thức liên bang các nước cộng hoà, giống như Liên bang Thụy Sĩ" (l.c., tr. 10).

Ông ta nói điều đó ngày 26 tháng Sáu (1859), trong khi đó ngày 6 tháng Sáu, trong Lời bạt cho lần xuất bản thứ hai của "Nghiên cứu", ông ta đã kêu nài hoàng thân - nhiếp chính Phổ^{1*} dùng vũ lực và nội chiến vương triều để làm cho Đức quy phục Vương triều Hô-hen-txô-léc. Đương nhiên, tập quyền quân chủ bằng vũ lực là con đường ngắn nhất đi tới nước cộng hoà liên bang, "giống như Liên bang Thụy Sĩ". Tiếp đó ông ta phát huy lí luận về "*kẻ thù bên ngoài*" - nước Pháp - mà Đức phải đi theo để chống lại "*kẻ thù bên trong*" - Áo.

"Nếu như tôi" - ông ta thốt lên - "Phải lựa chọn giữa quỹ (Háp-xbuốc) và bà của con quỹ (Lu-i Bô-na-pác-tơ) thì tôi sẽ lựa chọn điều thứ hai: bà của con quỹ là một bà già và sẽ chết đi".

Nhưng *Phô-gơ* cảm thấy lời kêu gọi trực tiếp Đức lao vào lòng nước Pháp của cuộc đảo chính tháng Chạp - với cái có thù ghét Áo, - là điều quá ư mất thanh danh của ông ta trước công chúng bạn đọc, do đó khi in bài này, lời kêu gọi đó đã được chữa lại như sau:

"Nếu như vấn đề là trong cuộc đấu tranh giữa quỹ và bà của con quỹ, ta phải đứng về phía nào thì chúng ta thích rằng *chúng ta tiêu diệt nhau và nuốt chửng nhau*, để tránh cho chúng ta phải làm cái công việc ấy" ("*Buổi lễ chính v.v.*", tr. 13).

Sau hết, trong khi trong "Nghiên cứu" *Phô-gơ* tâng bốc Lu-i Bô-na-pác-tơ là vị hoàng đế của nông dân và của binh sĩ, thì lần

1* - Vim-hem

này, trước thính giả công nhân lại tuyên bố rằng

"chính tuyệt đại đa số công nhân Pa-ri hiện nay" đã chuyển "sang phía Lu-i Bô-na-pác-tơ".

Theo ý kiến của công nhân Pháp thì

"Lu-i Bô-na-pác-tơ làm tất cả những gì mà nước cộng hoà phải làm, ông đem lại việc làm cho giai cấp vô sản và làm cho giai cấp tư sản phá sản v.v." ("Buổi lễ chính v.v.", tr. 9).

Như vậy, Lu-i Bô-na-pác-tơ là *nhà độc tài công nhân*, và với tư cách nhà độc tài công nhân, được tăng bốc trước công nhân Đức ở Thuỵ Sĩ bởi chính cái ông Phô-gơ mà trong "Tác phẩm chính" đã khùng lên với sự công phần tư sản chỉ vừa nghe thêm từ "chuyên chính của công nhân".

Cương lĩnh Pa-ri quy định cho những đại diện của tháng Chạp ở Thuỵ Sĩ kế hoạch hành động về vấn đề thôn tính Xa-voa, gồm ba điểm: 1) hoàn toàn lờ tịt, càng lâu càng tốt, những tin đồn về mối nguy cơ đe doạ, còn khi cần thì tuyên bố đó là sự đặt điều của Áo; 2) vào giai đoạn muộn hơn, cần truyền bá ý kiến rằng Lu-i Bô-na-pác-tơ định sáp nhập vào Thuỵ Sĩ khu vực trung lập; và sau hết, 3) sau khi thực hiện thôn tính, lợi dụng việc này làm cái cớ cho việc lập *liên minh của Thuỵ Sĩ với Pháp*, tức là cho Thuỵ Sĩ tự nguyện phục tùng sự bảo hộ của Bô-na-pác-tơ. Chúng ta sẽ thấy chủ và tớ, *Giê-m Pha-di và Các Phô-gơ*, nhà độc tài Giơ-ne-vơ và bộ hạ của ông ta, đại biểu của Giơ-ne-vơ trong Viện liên bang, chấp hành cương lĩnh ấy một cách trung thành như thế nào.

Chúng ta đã biết rằng trong "Nghiên cứu" Phô-gơ tránh ngay cả sự ám chỉ nhỏ nhất về tư tưởng mà vì nó con người có tính chất quyết định của ông ta đã gây ra chiến tranh. Sự im lặng đó cũng thấy ở Buổi lễ chính ở Lô-dan, ở Viện dân tộc⁵²⁹, tại lễ kỷ niệm Si-le và Rô-bóc Bli-um, trong tờ "Người rao hàng" ở Bi-lơ, sau hết,

trong "Tác phẩm chính". Tuy nhiên, "tư tưởng" ấy ra đời sớm hơn vụ âm mưu *Plôm-bi-éc*. Ngay từ *tháng Chạp 1851*, mấy ngày sau cuộc đảo chính, có thể đọc thấy trong tờ "Patriote savoisien" những dòng dưới đây:

"Trong các phòng đợi của Điện Ê-li-dê, người ta chia nhau các chức vụ... ở Xa-voa. Các tờ báo của họ thậm chí bông đùa rất vui về việc này"¹⁾.

Ngày 6 tháng Chạp 1851, Pha-di đã thấy rằng Giơ-ne-vơ trao cho đế quốc của cuộc dao cùn nung Unap...".

Ngày 1 tháng Bảy 1859 *Stem-phli*, bấy giờ là tổng thống liên bang, có cuộc hội đàm với đại diện của Anh ở Béc-nơ, đại uý Ha-rít. Ông nhắc lại sự lo ngại của mình là nếu sự thống trị của Xắc-di-ni được mở rộng ở I-ta-li-a thì việc Pháp thôn tính Xa-voa là điều không tránh khỏi, và nhấn mạnh rằng sự thôn tính, đặc biệt là Bắc Xa-voa, hoàn toàn *làm hỏng* một bên sườn của Thuỵ Sĩ và chẳng bao lâu sẽ kéo theo việc mất Giơ-ne-vơ (xem Sách xanh thứ nhất: "về sự sáp nhập được giả định đối với Xa-voa và Ni-xơ", số 1). Ha-rít báo cáo việc đó với Man-mơ-xbê-ri, Man-mơ-xbê-ri lại uỷ thác cho huân tước Cau-li ở Pa-ri yêu cầu Va-lép-xki giải thích về ý định của hoàng đế. Va-lép-xki không hề phủ nhận rằng:

"vấn đề thôn tính đã được thảo luận nhiều lần giữa Pháp và Xắc-di-ni và hoàng đế giữ ý kiến cho rằng nếu Xắc-di-ni được mở rộng đến quy mô Vương quốc I-ta-li-a, thì có căn cứ trông đợi nó nhường đất đai cho Pháp" (l.c., số IV).

Thư trả lời của Va-lép-xki đề ngày 4 tháng Bảy 1859 khi đó có

1) "On se partage déjà les places... de la Savoie dans les antichambres de, l'Elysée. Ses journaux plaisantent même assez agréablement là-dessus".

1) Peut-être le citoyen Thurgovien que nous avons si bien dé fendu contre les menaces de Louis Philippe, nous fera-t-il ea grâce de vouloir bien se constituer comme médiateur, *et reprendre de nous Genève*" ("Revue de Genève", số ra ngày 6 tháng Chạp 1851) ["có thể ông Tuốc-gau, người đã được chúng ta bảo vệ tốt chống lại sự đe doạ của Lu-i-Phi-líp, có nhã ý đứng ra làm trung gian để lấy đi Giơ-ne-vơ của chúng ta"].

trước việc ký hoà ước Vi-la-phrăng-ca. Tháng Tám 1859 ở Pa-ri xuất bản cuốn sách nhỏ của Pê-tê-tanh, trong đó nói rằng châu Âu chuẩn bị thôn tính Xa-voa⁵³⁰. *Cũng tháng Tám ấy* sau kỳ họp mùa hè của Quốc hội Thụy Sĩ, Phô-gơ lên lút đi Pa-ri nhận chỉ thị của Plông-Plông. Để giấu tung tích, ông ta uỷ nhiệm cho những kẻ đồng lõa của mình là Ra-ních-ken và đồng bọn tung tin ở Giơ-ne-vơ nói rằng ông ta đi an dưỡng ở hồ Phiếc-van-đơ-stết.

"zê Pâris lëbt er mangel tac,
vil kleiner wisheit er enpflic,
sîn zerung was unmâzen grôz...
ist ër ein esel und ein guoch,
daz sëlbb ist ër zuo Pâris ouch"^{1*}.

Tháng Chín 1859 Hội đồng liên bang Thụy Sĩ thấy rằng nguy cơ thôn tính ngày càng đến gần (l.c., số VI); ngày 12 tháng Mười một hội đồng quyết định gửi cho các đại cường quốc bị vong lục được soạn thảo theo tinh thần đó, còn ngày 18 tháng Mười tổng thống Stem-phli và thủ tướng Si-sơ gửi công hàm chính thức cho đại biện Anh ở Béc-nơ (l.c., số IX). Trở về vào tháng Mười sau chuyến đi không thành công ở Tô-xca-na, là nơi ông ta đã uổng công cố động cho Vương quốc E-xơ-ru-xi-a của Plông-Plông, *Giêm-Pha-di* phản đối những tin đồn về sự thôn tính với khí thế hung hăng và lời chửi bới om xòm thường thấy ở ông ta: ở Pháp, cũng như ở Xac-

1* — "Ở lại Pa-ri lâu ngày

Nhưng ngay ở đó cũng không thành thông minh

Mà chỉ ăn gấp năm gấp mười...

Như một kẻ phì nộn vì cơm và một con lừa,

Trước sau thì hần vẫn như vậy!"

(Bô-nê-ri-uyt. "Đá quý". Trích bài ngụ ngôn "Về một cha cố ngu ngốc có học thức").

đi-ni tưởng như không ai nghĩ đến chuyện sáp nhập cả. Mỗi nguy càng đến gần thì lòng tin của "Revue de Genève" càng tăng lên, tháng Mười một và tháng Chạp 1859 sự sùng bái của nó đối với các đại diện của dòng họ Na-pô-lê-ông (chẳng hạn, xem bài viết về Plông-Plông đã dẫn trên kia) đã đạt tới trình độ điên cuồng kiểu Cô-ri-ban⁵³¹.

Từ năm 1860, chúng ta bước vào giai đoạn thứ hai của việc chuẩn bị thôn tính.

Tiếp tục phốt lờ và phủ nhận không còn phù hợp với những lợi ích của các vị anh hùng tháng Chạp nữa. Vấn đề hiện nay trái lại, là dùng sự thôn tính để cám dỗ Thụy Sĩ và đẩy nó vào tư thế ngộ nhận. Cần thực hiện điểm thứ hai của cương lĩnh Tuyn-lơ-ri, do đó phải hết sức lớn tiếng tuyên dương việc dự định chuyển giao khu trung lập cho Thụy Sĩ. Đương nhiên, trong việc này bọn lâu la ở Thụy Sĩ của cuộc đảo chính tháng Chạp được chỉ viện bằng những thủ đoạn tiến hành đồng thời ở Pa-ri. Chẳng hạn, đầu tháng Giêng 1860, bộ trưởng nội vụ *Ba-rô-sơ* đã tuyên bố với công sứ Thụy Sĩ, tiến sĩ *Kéc-nơ*, rằng

"nếu xảy ra việc thay đổi người chiếm hữu Xa-voa, thì căn cứ vào hiệp ước năm 1815 Thụy Sĩ đồng thời phải có được một tuyến phòng ngự tốt" (xem Sách xanh đã dẫn, № XIII)

Ngay từ ngày 2 tháng Hai 1860, vào chính cái ngày mà Tu-vê-nê-nen tuyên bố với đại sứ Anh, huân tước Cau-li, về "khả năng" thôn tính Xa-voa và Ni-xơ, ông ta đồng thời nói với Cau-li rằng

"Chính phủ Pháp cho rằng trong tình hình đó, các khu Sáp-lơ và Phô-xi-ni phải *vĩnh viễn* thuộc về Thụy Sĩ là điều đương nhiên" (l.c., № XXVII).

Gieo rắc ảo tưởng ấy không những làm cho Thụy Sĩ cam chịu việc để quốc của cuộc đảo chính tháng Chạp thôn tính Xa-voa, mà còn làm yếu sự phản kháng sau này của nó đối với cuộc thôn tính và làm mất danh dự của nó trước châu Âu vì là kẻ đồng lõa - dù rằng bị lừa gạt - của chính sách của tháng Chạp. *Phrây Ê-rô-đê*

trở thành tổng thống của Liên bang vào năm 1860, không sa vào cạm bẫy đó, mà trái lại, đã nói với đại uý Ha-rít về sự hoài nghi của mình đối với cái gọi là lợi ích của việc sáp nhập khu trung lập vào Thụy Sĩ. Về phía mình, *Ha-rít* báo trước cho chính phủ Liên bang để phòng âm mưu của bọn Bô-na-pác-tơ để

"Thụy Sĩ không tỏ ra là một nước cũng mang dã tâm thôn tính và ra sức mở rộng lãnh thổ của mình" (l.c., № XV).

Ngược lại, công sứ Anh ở Tu-rin, *ngài Giêm Hát-xơn*, đã viết cho huân tước Giôn Rốt-xen sau một cuộc hội đàm dài với *Ca-vua*:

"Tôi có những căn cứ nghiêm chỉnh để nghĩ rằng Thụy Sĩ cũng khao khát thôn tính một phần vùng Xa-voa. Do đó, không nên tự gây ra ảo tưởng nào cả, và nếu như Pháp bị quở trách về những dã tâm thôn tính, thì Thụy Sĩ cũng có tội không kém... Vì – áp lực từ hai mặt – vấn đề ấy trở thành phức tạp, cho nên nói đúng ra có thể tha thứ lập trường của Xác-di-ni" (l.c., № XXXIV).

Sau hết, Lu-i Bô-na-pác-tơ vừa bỏ chiếc mặt nạ thì Tu-vê-nen chẳng ngượng ngùng gì đã phơi trần bí mật của khẩu hiệu Thụy Sĩ thôn tính khu trung lập. Trong bức điện khẩn gửi đại biện của Pháp ở Béc-nơ, ông ta công khai nhạo báng bản phản kháng của Thụy Sĩ đối với việc Pháp thôn tính Xa-voa, và dựa trên cơ sở nào? Dựa trên "Kế hoạch *chia cắt* Xa-voa" mà Pa-ri áp đặt cho Thụy Sĩ (xem điện khẩn của Tu-vê-nen ngày 17 tháng Ba 1860).

Nhưng đại diện của thính Chạp ở Thụy Sĩ đã tham gia như thế nào vào những âm mưu ấy? Tháng Giêng 1860, *Giêm Pha-di* là người đầu tiên mô tả với đại diện Anh ở Béc-nơ rằng sự sáp nhập Sáp-lơ và Phô-xi-ni vào Thụy Sĩ không phải là lời hứa của Lu-i Bô-na-pác-tơ, mà là nguyện vọng của chính Thụy Sĩ và cư dân các khu trung lập (l.c., № XXIII). *Phô-gtơ*, kẻ trước đây chưa bao giờ hoài nghi về khả năng Pháp thôn tính Xa-voa, nay lại đột nhiên tràn đầy cảm hứng của nhà tiên tri, còn báo "Times" từ khi được sáng lập chưa hề nhắc đến tên Phô-gtơ, thì đột nhiên thông báo trong bản tin ngày 30 tháng Giêng:

"Giáo sư Thụy Sĩ Phô-gtơ cho rằng, theo tin tức của ông, Pháp sẵn sàng nhượng cho

Thụy Sĩ các vùng trung lập Xa-voa-Phô-xi-ni, Sáp-lơ và Giê-nơ-voa nếu như Hội đồng liên bang nước cộng hoà để cho Pháp tự do sử dụng Xim-plông" ("Times" ngày 3 tháng Hai 1860).

Chưa hết! Cuối tháng Giêng 1860 Giêm Pha-di bảo đảm với đại biện Anh ở Béc-nơ rằng *Ca-vua* mà khoảng hai tháng trước đây ông đã có cuộc hội đàm dài ở Giơ-ne-vơ, đã dứt khoát phản đối mọi sự nhượng bộ đất đai cho Pháp (xem Sách xanh đã dẫn, № XXXIII). Như vậy là trong khi Pha-di bảo lãnh cho Ca-vua với Anh thì Ca-vua lại tự biện bạch trước Anh bằng cách dẫn ra dã tâm thôn tính của chính Pha-di ấy (l.c., số XXXIII). Sau hết, ngày 9 tháng Hai 1860, công sứ Thụy Sĩ ở Tu-rin là ông *Tu-rtơ* đã đặc biệt vội vã đến gặp công sứ Anh Hát-xơn để làm cho ông này tin rằng

"giữa Xác-di-ni và Pháp không có một hiệp nghị nào về việc chuyển nhượng Xa-voa cho Pháp, Xác-di-ni hoàn toàn không đồng ý trao Xa-voa hoặc nhượng Xa-voa cho Pháp" (l.c.).

Nhưng giờ phút quyết định đã tới gần. Từ "Patrie"⁵³² Pa-ri số ra ngày 25 tháng Giêng 1860 đã chuẩn bị cho việc thôn tính Xa-voa trong bài báo nhan đề "*Nguyện vọng của Xa-voa*". Trong một bài khác của báo này, số ra ngày 27 tháng Giêng, - "*Công quốc Ni-xơ*" được viết theo phong cách của Bô-na-pác-tơ, đã lộ ra bóng dáng của cuộc thôn tính Ni-xơ sắp tới. Ngày 2 tháng Hai 1860, Tu-vê-nen báo cho đại sứ Anh Cau-li rằng ngay trước chiến tranh, giữa Pháp và Xác-di-ni đã đạt được hiệp nghị về "khả năng" thôn tính Xa-voa và Ni-xơ. Nhưng công hàm chính thức về quyết định *thực tế* của Pháp muốn thôn tính Xa-voa và Ni-xơ chỉ được thông báo cho huân tước Cau-li vào ngày 5 tháng Hai (xem bài phát biểu của huân tước Cau-li tại Thượng nghị viện ngày 23 tháng Tư 1860) và mãi ngày 6 tháng Hai mới báo cho tiến sĩ Kéc-nơ, đồng thời cả hai vị công sứ ở Anh và ở Thụy Sĩ được tuyên bố rõ ràng là khu trung lập phải được sáp nhập vào Thụy Sĩ. *Trước* khi có những bản tuyên bố chính thức đó, *Giêm Pha-di* được người ta thông báo từ Tuyn-lơ-ri rằng theo

hiệp ước bí mật, Xác-di-ni đã nhường Xa-voa và Ni-xơ cho Pháp, rằng trong hiệp ước không có điều kiện đặt trước nào có lợi cho Thụy Sĩ. Trước khi có lời tuyên bố chính thức của Tu-vơ-nen với huân tước Cau-li và tiến sĩ Kéc-nơ, Pha-di phải bọc đường viên thuốc của hoàng đế và cho thần dân của mình uống. Do đó, ngày 3 tháng Hai, theo sự uỷ nhiệm của Pha-di, Giôn Pê-ri-e là công cụ mù quáng trong tay ông ta - đã tổ chức tại trụ sở của Câu lạc bộ nhân dân ở Giơ-ne-vơ một cuộc mít-tinh quần chúng, trong đó Pha-di tuồng như ngẫu nhiên xuất hiện với cái cố là

"ông ta vừa nghe nói (je viens d' entendre) rằng người ta nói về hiệp ước ký giữa Pháp và Xác-di-ni về việc nhượng Xa-voa. Đáng tiếc là Chính phủ Xác-di-ni đã ký hiệp ước đó ngày 27 tháng Giêng; nhưng từ sự thật hiển nhiên đó chưa nên rút ra kết luận rằng sự an toàn của chúng ta thực sự bị đe dọa... Tuy nhiên, trong văn bản hiệp ước không có điều kiện đặt trước nào về các quyền của chúng ta đối với khu trung lập Xác-di-ni; nhưng chúng ta không biết là hai bên ký hiệp ước có đề cập đến điều kiện đặt trước đó hay không... Có thể là người ta coi nó là lẽ đương nhiên đi rồi (sous – entendue comme allant de soi)... Chỉ có điều là chúng ta không được biểu hiện quá sớm sự không tín nhiệm... Chúng ta phải được hướng dẫn bởi thiện cảm của chúng ta" (đối với đế quốc của cuộc đảo chính tháng Chạp)... "và phải tự kiểm chế không đưa ra mọi lời tuyên bố thù địch" (xem bài diễn văn "đẩy sự tin cậy" của Pha-di, một thứ kiệt tác về mỹ dân, trên tờ "Revue de Genève", số ra ngày 3 tháng Hai 1860).

Đại biện Anh ở Béc-nơ coi những dữ kiện có tính chất tiên tri của Pha-di khá quan trọng, nên lập tức báo cho huân tước Giôn Rốt-xen biết bằng bức điện đặc biệt.

Hiệp ước chính thức về việc nhượng Xa-voa và Ni-xơ cho Pháp dự định được ký vào ngày 24 tháng Ba 1860. Do đó, không được để mất phút nào. Ngay trước khi chính thức công bố việc thôn tính Xa-voa, cần phải chính thức chứng thực lòng yêu nước Thụy Sĩ của các tay sai ở Giơ-ne-vơ của cuộc đảo chính tháng Chạp. Do đó, đầu tháng Ba, ngài Phô-gtơ, có tướng Cláp-ca đi cùng - ông

này có lẽ hành động de bonne foi^{1*} - đã đi Pa-ri để gây ảnh hưởng của mình đối với Ê-giê-ri ở Pa-le Roay-an, thiên tài chưa được công nhận Plông-Plông, và trước con mắt toàn Thụy Sĩ, ném sức nặng cá nhân của mình lên bàn cân có lợi cho sự sáp nhập khu trung lập vào Thụy Sĩ. Ra khỏi bàn tiệc thịnh soạn của Plông-Plông – mọi người đều biết, về lĩnh vực ăn uống, Plông-Plông có thể đua tài với Lu-cun-lu-xơ và Căm-ba-xê-re-xơ, và nếu như bản thân Bri-la-Xa-va-ranh từ cõi chết sống lại thì cũng sẽ phải kinh ngạc trước thiên tài, kinh tế chính trị học, những tư tưởng tự do, trước tài năng thống soái và sự dũng cảm cá nhân của Plông-Plông trong lĩnh vực này – ra khỏi bàn tiệc thịnh soạn của Plông-Plông – ở đó Phan-xtáp – Phô-gtơ đã tham lam nhét đầy dạ dày với tư cách "người tiếp chuyện vui vẻ" – ông ta kêu gọi dũng khí của Thụy Sĩ (xem bức thư Pa-ri của ông ta, đăng trong tờ "Người rao hàng" ở Bi-lô, số ra ngày 8 tháng Ba 1860, Phụ trương). Thụy Sĩ phải tỏ ra rằng

"dân quân của nó tồn tại không những chỉ để duyệt binh và để sắm vai binh sĩ" "Việc nhượng khu trung lập cho Thụy Sĩ" là ảo tưởng. "Việc nhượng Sáp-lơ và Phô-xi-ni cho Pháp mới chỉ là bước đầu, tiếp theo sẽ còn những bước khác". "Đứng trên hai chiếc cà kheo, trên nguyên tắc dân tộc và biên giới tự nhiên, có thể đi từ hồ Giơ-ne-vơ đến sông A-rơ và cuối cùng đến hồ Bô-đen và sông Ranh, miễn là đôi chân đủ rắn chắc".

Nhưng Phan-xtáp - Phô-gtơ – toàn bộ thực chất là ở đây – vẫn còn chưa tin điều mà bản thân bộ trưởng Pháp Tu-vơ-nen đã chính thức tiết lộ một tháng trước đây và điều mà cả châu Âu đều biết, đó là việc nhượng Xa-voa và Ni-xơ ngay từ tháng Tám 1858 ở Plôm-bi-éc đã là điều kiện để trả giá cho sự can thiệp của Pháp chống lại Áo. Nói đúng ra, "con người có tính chất quyết định" của ông ta chỉ đến nay, do ảnh hưởng của các cha cố và trái với ý muốn của mình, mới rơi vào lòng chủ nghĩa sô-vanh và bị buộc

1* - một cách thành thực

phải chiếm khu trung lập.

"Hiển nhiên" – nhà biện hộ của chúng ta lấp bấp trong sự lúng túng – "hiển nhiên là trong tập đoàn lãnh đạo người ta đã tìm kiếm đối trọng để chống lại phong trào giáo quyền ngày càng phát triển và thấy rằng họ đã tìm thấy lực lượng ấy trong cái gọi là chủ nghĩa sô-vanh, tức là trong chủ nghĩa dân tộc ngu xuẩn nhất, nó không thừa nhận gì hết ngoài việc chiếm lấy *mảnh đất nhỏ nào đó* (!)"

Sau khi Phô-gtơ bị ngậy ngất vì hơi bốc lên của nhà bếp của Plông-Plông, đã biểu hiện sự dửng dưng đó trên tờ "Người rao hàng" ở Bi-lơ, chẳng bao lâu sau khi từ Pa-ri trở về ông ta đã kể trên cùng tờ báo đó câu chuyện hoang đường về sự đồng cảm tuyệt đối của dân cư Ni-xơ đối với người Pháp, do đó, ông ta đã có sự va chạm không vui vẻ gì với *Vê-giét-txi Ru-xca-la*, một trong những nhà lãnh đạo của Liên minh dân tộc I-ta-li-a và tác giả tập sách nhỏ "*Dân tộc Ni-xơ*"⁵³³. Nhưng cũng vị anh hùng sấm vai Vin-ken-rít trên bàn tiệc của Plông-Plông ấy, khi phát biểu ở Viện dân tộc ở Béc-nơ thì tiếng kèn hiệu chiến biến thành tiếng huýt sáo ngoại giao đề nghị tiếp tục một cách bình yên cuộc đàm phán với *vị hoàng đế luôn luôn có cảm tình với Thụy Sĩ*, và cảnh cáo hết sức kiên quyết *sự liên minh với phương Đông*. Tổng thống của Liên bang là *Phrây Ê-rô-dê* phát biểu mấy lời kỳ lạ ám chỉ Phô-gtơ, về phía mình Phô-gtơ lấy làm hài lòng được biết rằng báo "Nouvelliste Vaudois" tán dương bài phát biểu của mình. "Nouvelliste vaudois" là cơ quan ngôn luận của các ngài Bălăng-sơ-ne, Đơ-la-ra-di-át và những nhân vật tai to mặt lớn khác ở Va-át-tơ, tóm lại, nó là cơ quan ngôn luận của đường sắt phía Tây Thụy Sĩ, giống như "Neue Zürcher Zeitung" là cơ quan ngôn luận của phái Bô-na-pác-tơ Xuy-rích và của đường sắt Đông Bắc⁵³⁴. Để nhận xét về các ông chủ của "Nouvelliste Vaudois", chỉ cần nêu lên điểm sau đây là đủ: trong cuộc tranh chấp về đường sắt Ô-rông, năm cố vấn người Va-át-tơ của chính phủ đã bị báo chí của bên đối lập nhiều lần ngang nhiên lên án là mỗi vị đã nhận tặng phẩm của

"Crédit Mobilier" Pa-ri⁵³⁵ – cổ đông chính của tuyến đường sắt Tây Thụy Sĩ – là 10 000 phrăng cổ phiếu (20 cổ phần).

Mấy ngày sau khi Phô-gtơ, có Cláp-ca đi cùng, đến thăm Ê-giê-ri ở Pa-le Roay-an, *Giêm-Pha-di*, có *Giôn Pê-ri-e* đi cùng đã đi thăm nhân vật nửa sư tử nửa người ở Tuyn-lơ-ri. Mọi người đều biết, Lu-i Bô-na-pác-tơ thích vai nửa người – nửa sư tử và ông đã trả lương cho những Ê-di-pơ của mình giống như trước kia các vua Pháp trả lương cho những tên hề cung đình của mình. Ở Tuyn-lơ-ri, *Pha-di* nhảy bổ vào giữa Thụy Sĩ và nhân vật nửa người nửa sư tử. Như trên đã nói, *Giôn Pê-ri-e* là bạn đồng hành của ông ta. Ông Giôn này là cái bóng của Giêm của mình. Ông ta làm tất cả những gì mà Giêm muốn và không làm cái gì mà Giêm không muốn, ông ta sống bởi Giêm và vì Giêm, nhờ Giêm mà ông ta trở thành uỷ viên Đại hội đồng Giơ-ne-vơ; ông ta thu xếp mọi yến tiệc và chuẩn bị mọi lời chúc tụng cho Giêm, ông ta là Lê-pô-rê-lô và Phi-a-len của Giêm. Cả hai trở về Giơ-ne-vơ chẳng được gì hết về mặt lợi ích của Thụy Sĩ, nhưng thành công lớn về mặt nguy cơ đe dọa địa vị của Pha-di. Trong những lời phát biểu công khai của mình, Pha-di tuyên bố một cách giận dữ rằng bây giờ ông ta đã sáng mắt ra và từ nay ông ta sẽ căm ghét Lu-i Bô-na-pác-tơ như trước đây vốn yêu thích y. Cái tình yêu kéo dài chín năm ấy của Pha-di theo chế độ cộng hoà đối với kẻ đã giết hại 2 nước cộng hoà xem ra có vẻ kỳ quặc! Pha-di sắm vai nhà yêu nước bị lừa gạt một cách tài tình đến mức cả Giơ-ne-vơ bị bao trùm nhiệt tình kiểu Pha-di và người ta cảm thấy việc mất đi những ảo tưởng kiểu Pha-di vị tất ít đau khổ hơn việc mất đi các tỉnh trung lập. Ngay Tê-ô-đo đơ Xô-xuya-rơ, đối thủ nhiều năm của Pha-di, thủ lĩnh đảng quý tộc đối lập, cũng phải thừa nhận rằng không còn thể hoài nghi lòng yêu nước của Giêm Pha-di đối với Thụy Sĩ.

Giữa những tiếng hoan hô xứng đáng đó của nhân dân, tên bạo chúa Giơ-ne-vơ vội vã tới Viện dân tộc ở Béc-nơ. Chẳng bao lâu sau khi Pha-di lên đường, người thân tín của ông ta, bạn

đường Pa-ri của ông ta, tóm lại, *Giôn Pê-ri-e* của ông ta đã tiến hành một cuộc viễn chinh kiểu các anh hùng thuyền I-a-gút. Đám người nát rượu ở Giơ-ne-vơ (ít ra là báo "Times" ở *Luân Đôn* đã gọi họ như vậy) được tuyển lựa trong hội "fruitiers"^{1*}, đội cấm vệ dân chủ của Pha-di, đã đáp thuyền đi *Tô-nông*, do *Pê-ri-e* chỉ huy và không mang vũ khí, để tiến hành một cuộc biểu tình *chống Pháp* ở địa điểm đó thuộc khu trung lập. Cuộc biểu tình ấy là gì hoặc cuộc biểu tình ấy phải là cái gì ấy, các anh hùng thuyền I-a-gút có lấy được bộ da vàng hay là bị lột mất bộ da của mình, - điều đó cho tới nay chưa ai nói được, vì không có Oóc-phê nào đi theo cuộc hành quân của các anh hùng thuyền I-a-gút của *Pê-ri-e* và không có A-pô-lô-ni-út nào ca ngợi nó. Hiển nhiên, đó là một cuộc chiếm lĩnh có tính chất tượng trưng đối với khu trung lập mà Thụy Sĩ, do *Giôn Pê-ri-e* và đồng bọn làm đại biểu, tiến hành. Còn Thụy Sĩ thực thì chỉ được những sự bận rộn không bao giờ hết với những cuộc xin lỗi ngoại giao, những lời bảo đảm sự trung thành và lời công phần đối với cuộc chiếm lĩnh Tô-nông một cách tượng trưng do *Giôn Pê-ri-e* thực hiện, thành thử Lu-i Bô-na-pác-tơ đã thực sự tỏ ra rộng lượng khi chỉ hạn chế ở việc thực tế chiếm lĩnh Tô-nông và khu trung lập khác.

Giôn Pê-ri-e mà trong túi khám thấy mấy nghìn phrăng, đã bị bắt ở Giơ-ne-vơ. Do sự vu cáo của *Pê-ri-e*, phó bí thư trưởng quốc gia và chủ biên tờ "Revue de Genève" *Đuy-côm-mun* cũng bị bắt, anh là một thanh niên không có tài sản riêng, hai chức vụ trên đều nhờ ở chủ tịch Hội đồng nhà nước và ông chủ "Revue", Giêm Pha-di mà có được. Anh thừa nhận đã đưa tiền cho *Pê-ri-e*, lấy trong quỹ dùng để thành lập quân đoàn tình nguyện, quỹ này trước đó phải cấp tiền vẫn chưa biết. Cuộc điều tra của toà án kết thúc bằng việc trước hết

1* — "những người làm pho-mát"

là thả *Đuy-côm-mun*, rồi *Pê-ri-e* cũng được thả.

Ngày 24 tháng Ba, Vích-to-Ê-ma-nu-en đã chính thức nhường Xa-voa và Ni-xơ, cùng với khu trung lập cho Bô-na-pác-tơ. Ngày 29-30 tháng Ba *Giôn Pê-ri-e* từ Pa-ri trở về Giơ-ne-vơ cùng với *Pha-di*, đã tiến hành cuộc viễn chinh của các anh hùng thuyền I-a-gút, cuộc biểu tình có tính chất trò hề đó đã ngăn cản mọi cuộc biểu tình nghiêm chỉnh đúng vào giờ phút có tính chất quyết định. *Giêm Pha-di* cam đoan ở Béc-nơ rằng "ông ta chẳng biết tý gì về sự việc đã xảy ra"¹⁾. Ở khu trung lập cũ *Le-ti* khoác lác rằng nếu người Thụy Sĩ thực sự tập kích vào đây, thì hoàng đế của ông ta sẽ lập tức đem ba sư đoàn chiếm Giơ-ne-vơ. Sau hết, *Phô-gtô* hoàn toàn không biết bí mật của cuộc viễn chinh của các anh

1) Như mọi người đều biết, sự nhận thức rằng sau khi Bắc Xa-voa bị sáp nhập,

Giơ-ne-vơ nằm lẹm trong lãnh thổ của Pháp, cũng như sự bố phòng của người Pháp ở vịnh Tô-nông gần đây — những cái đó đã tăng cường rất nhiều tâm trạng chống Bô-na-pác-tơ của nước cộng hoà cũ. Nhưng những sự bùng nổ thực sự của tâm trạng trên đây ấy lại kèm theo những sự bùng nổ giả tạo được chuẩn bị theo sự sắp đặt của Pa-ri và một phần do chính mật thám Pháp thực hiện. Như trong "Saturday Review"⁵³⁶, số ra ngày 22 tháng Mười một 1860, chúng ta đọc thấy: "Một đám gọi là người Thụy Sĩ đã tự tiện lăng mạ thô bạo để chế ở Tô-nông vào lúc mà một viên cảnh sát vụng về, trong khi hăng hái làm nhiệm vụ chung, đã giữ những người gọi là người Thụy Sĩ lại và yêu cầu họ xuất trình hộ chiếu. Những người Thụy Sĩ ấy hoá ra là người Pháp mà giấy tờ của họ thì hoàn toàn hợp lệ... Nhân những cuộc xung đột giả tạo ấy, điều làm cho người ta suy nghĩ nhiều nhất là sự kiện sau: trong cuộc xung đột sớm nhất và tệ nhất *một người ủng hộ thân cận của ông Pha-di* (bạn của *Pê-ri-e*) đã bị dính líu một cách nổi bật" ("The gravest fact relating to these artificial collisions is, that in one the earliest and the worst of them a close adherent of Mr. Fazy was prominently implicated").

hùng thuyền I-a-gút, và mấy ngày trước đó, để phòng ngừa, ông ta đã *tổ giác với cục cảnh sát Giơ-ne-vơ* - nhưng ông ta đã dẫn nó đi theo dấu vết giả - về một cuộc xung đột ở biên giới Xa-voa, được sắp đặt từ Giơ-ne-vơ. Về điểm này tôi có bức thư của một người lưu vong sống ở Giơ-ne-vơ, bạn cũ của Phô-gtơ, gửi cho một người lưu vong sống ở Luân Đôn. Bức thư có đoạn viết:

"Phô-gtơ tung tin rằng tôi không ngừng đi lại giữa Tây Thụy Sĩ và Xa-voa nhằm mục đích làm bùng nổ cách mạng để làm hại Thụy Sĩ và có lợi cho những cường quốc thù địch với Thụy Sĩ. Điều đó xảy ra mấy ngày trước việc làm của *Pê-ri-e* mà chắc hẳn Phô-gtơ biết rõ về việc đó, còn tôi cũng như anh chẳng biết gì. Hiển nhiên là ông ta định để lộ dấu vết của tôi, để tôi bị chết. May thay, ông ta cũng *tổ giác* tôi với *cục trưởng cảnh sát Di-u*, ông này gọi tôi đến và hết sức ngạc nhiên khi ông nêu câu hỏi đầu tiên, thấy tôi cười mà ngắt lời ông ta: "A ha! Mọi người đều biết, đây là âm mưu kiểu Phô-gtơ!" ông ta yêu cầu tôi nói tỉ mỉ về quan hệ của tôi với *Phô-gtơ*. Bằng chứng của tôi đồng thời được một vị bí thư của chính phủ, uỷ viên của "Hen-vê-xi" ủng hộ, vị bí thư này hôm sau đi Béc-nơ dự hội nghị trung ương và ở đây bày tỏ với người anh em của Phô-gtơ thái độ không hài lòng của ông về hành vi của Phô-gtơ. Gu-xtáp trả lời gọn lỏn điều đó rằng qua thư của Phô-gtơ ông đã biết từ lâu về hoạt động chính trị của Phô-gtơ là gì".

Nếu như thoát đầu sự nín lặng, sự phủ nhận và sự tuyên truyền lòng tin đối với Lu-i Bô-na-pác-tơ đã nhằm đánh lạc sự chú ý của Thụy Sĩ đối với mối nguy hiểm, nếu như kể đó những tiếng hò hét

nơ-voa vào Thụy Sĩ là nhằm truyền bá tư tưởng Pháp thôn tính Xa-voa, nếu như, sau hết, tấn tuồng Tô-nông là nhằm phá hoại mọi sự kháng cự, thì hiện nay, sự thôn tính đã biến thành sự thực - theo cương lĩnh Pa-ri - và nguy cơ trở thành hiển nhiên, rút cục, là lý do cho sự đầu hàng tự nguyện của Thụy Sĩ, tức là cho *sự liên minh của nó với đế quốc của cuộc đảo chính tháng Chạp*.

Nhiệm vụ tế nhị đến mức chỉ có đích thân Giêm pha-di mới có thể đảm đương việc giải quyết nó. Đây tổ của ông ta *Phô-gtơ* có thể cảnh cáo phòng ngừa *sự liên minh với phương Đông*, nhưng chỉ có bản thân Pha-di mới có thể bảo vệ *sự liên minh với phương Tây*. Về

sự cần thiết của nó, ông ta đã ám chỉ lần đầu tiên trong "Revue de Genève". Ngày 18 tháng Tư 1860 ở Giơ-ne-vơ lưu truyền các đoạn trích rút ra từ một bức thư Luân Đôn, trong đó có đoạn viết:

"Hãy khuyên bảo những đồng bào có thể lực của bạn hãy đề phòng các đề nghị của G. Pha-di, ông ta có thể đề nghị Thụy Sĩ từ bỏ sự trung lập của mình. Hoàn toàn có thể là đề nghị ấy phát ra từ Chính phủ Pháp mà Giêm Pha-di cho tới nay vẫn là người đại diện sổi sáng của nó... Hiện giờ ông ta ra vẻ là người Thụy Sĩ lương thiện đấu tranh với kế hoạch của Pháp, nhưng một người luôn luôn thạo tin quả quyết với tôi rằng đó là cạm bẫy. Miễn là Thụy Sĩ tuyên bố rằng nó không muốn và không thể tiếp tục là nước trung lập nữa, thì Chính phủ Pháp lưu ý đến điều đó và sẽ áp đặt lên Thụy Sĩ sự liên minh với nó, giống như vào thời kỳ đế chế thứ nhất".

Pha-di trả lời điều đó trong "Revue de Genève" như sau:

"Vào cái ngày mà Xa-voa bị sáp nhập vào Pháp, thì sự trung lập của Thụy Sĩ tự nó kết thúc, và như vậy là đề nghị ấy của Pha-di trở thành thừa".

Ba tháng sau, ngày 10 tháng Bảy, Giêm Pha-di đọc tại Viện dân tộc Thụy Sĩ một bài diễn văn chứng tỏ rằng ông ta

"tiến vào dinh luỹ của Bô-na-pác-tơ hôm thì chải rửa, tay giơ quả đấm chống lại bọn trùm tài chính và bọn nam tước theo Bô-na-pác-tơ của liên bang - ông ta lên án họ là le gouvernement souterrain"^{1*}.

Mặc dầu ông ta tuồng như công kích kịch liệt hơn ai hết nhằm vào đảng công khai thân Pháp ở Xuy-rích - Va-át-tơ, nhưng đảng này vẫn không cản trở ông ta hò hét.

"Châu Âu, đặc biệt là Đức, đã bỏ rơi Thụy Sĩ. Do đó sự trung lập trở thành không thể có được, Thụy Sĩ phải tìm kiếm đồng minh, nhưng ở đâu?"

Kể đó, kẻ mị dân già ấy nói lúng búng về

"nước Pháp thân thuộc đến một lúc nào đó nó sẽ nhận ra và sửa chữa điều bất công của mình, và nó có thể sẽ còn trở thành nước cộng hoà v.v.. Nhưng chính sách mới không phải do bọn trùm tài chính và bọn nam tước của Liên bang lỗi thời bắt đầu, mà phải do Hen-vê-ti, do nhân dân thi hành. Hãy chờ đợi, cuộc bầu cử sắp tới sẽ dạy cho các

1* - chính phủ hoạt động ngầm

vị biết cách xử sự như thế nào. Sự có mặt của quân đội Liên bang ở Giơ-ne-vơ có thể chỉ đáng hoan nghênh. Nhưng nếu như sự có mặt của chúng gây ra sự nghi ngờ, dù là nhỏ nhất, đối với giới cầm quyền hiện nay ở Giơ-ne-vơ thì không cần đến chúng. Giơ-ne-vơ sẽ tự giúp mình và bảo vệ mình".

Thế là vào *ngày 10 tháng Bảy*, tại Viện dân tộc, *Giêm Pha-di* đã phát biểu ủng hộ điều mà ông ta ám chỉ trong "Revue de Genève" *ngày 18 tháng Tư* – ủng hộ "*chính sách mới*", *sự liên minh của Thụy Sĩ với Pháp*, tức là ủng hộ sự sáp nhập Thụy Sĩ vào nước Pháp của cuộc đảo chính tháng Chạp. Những người Thụy Sĩ thạo tin cho rằng gỡ bỏ cái mặt nạ chống Bô-na-pác-tơ mà Pha-di đeo từ khi ông ta từ Tuyn-lơ-di trở về là việc làm quá sớm. Nhưng chính Pha-di lại có được sự điều luyện độc đáo, hầu như ngang với Pan-móc-xtơn, trong cái nghệ thuật ba hoa cổ ý.

Như mọi người đều biết, các đại biểu nổi tiếng xấu xa của "Gouvernement souterrain" đã đưa ra Viện dân tộc xét biểu quyết việc khiển trách *Stem-phli*; với tư cách tổng thống Liên bang, ông đã hiểu được đúng đắn tình thế và đã từng có quyết định chính xác là đưa quân đội liên bang đến chiếm lĩnh khu trung lập để tránh cho khu này rơi vào nguy cơ bị Pháp xâm phạm. Sự khiển trách đã bị bác bỏ bằng đa số phiếu áp đảo, nhưng trong đó không có lá phiếu của *Phô-gtơ*.

"Việc *Các Phô-gtơ* không tham gia cuộc thảo luận tại Liên bang Thụy Sĩ về việc biểu quyết khiển trách *tổng thống của Liên bang Stem-phli*" – lúc đó người ta đã viết như thế cho tôi từ Thụy Sĩ – "là điều rất đặc trưng cho ông ta. Là đại biểu của bang Giơ-ne-vơ đang bị Bô-na-pác-tơ đe dọa, *Phô-gtơ* lẽ ra buộc phải bỏ phiếu tán thành *Stem-phli* là người kiên quyết bảo vệ lợi ích của bang này. Ngoài ra, bản thân ông ta có quan hệ thân mật và chịu ơn con người ấy. Bố và hai người anh em của *Phô-gtơ* nhờ làm viên chức ở bang Téc-nơ mà có miếng cơm ăn; người anh em thứ ba của *Phô-gtơ* gần đây đã được *Stem-phli* giúp đỡ cho giữ chức vụ lương hậu là nhân viên thống kê hạng nhất Liên bang. Do đó, trong khi bỏ phiếu có ghi tên, đương nhiên *Phô-gtơ* không thể chống lại người bạn, ân nhân và người có tiếng tăm. Mặt khác, là một phần tử Plông-Plông, ông ta càng không thể công khai tán thành chính sách đấu tranh một *mất* một còn với kế hoạch xâm lược của chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ. Do đó, cần phải lẩn trốn và giấu cái đầu đi,

nhưng cái móng vuốt lớn vẫn cứ lò ra và bị đòn: mưu chước thông thường và số phận trần tục của anh chàng Phôn-xtáp hiện tại là như vậy".

Lời buộc tội về "*chủ nghĩa thân Áo*", phát ra từ Tuy-lơ-ri và được *Giêm Pha-di* lớn tiếng lập lại trong "Revue de Genève", rồi được đẩy tố của ông ta là *Phô-gtơ* lớn tiếng lập lại trong tờ "Người rao hàng" ở Bi-lơ, trong "Nghiên cứu", trong "Tác phẩm chính" v.v., cuối cùng đã bật tường trở lại giáng trúng vào bản thân Thụy Sĩ. Vào tháng giữa tháng Tư trên tất cả các bức tường Mi-la-nô đều xuất hiện bản bích chương: "*Cuộc tranh chấp giữa Na-pô-lê-ông và Thụy Sĩ*". Trong đó có viết:

"Xem ra Xa-voa là một thứ mỹ vị đối với Thụy Sĩ và nó được *Áo xúi giục* - đã vội vã cản đường Na-pô-lê-ông III trong vấn đề chỉ có liên quan đến I-ta-li-a và Pháp... Anh và các đại cường quốc phương Bắc, *trừ Áo*, không hề phản đối việc thôn tính Xa-voa; *chỉ có Thụy Sĩ, bị Áo xúi giục* đã ra sức gây ra tình trạng bất ổn và xáo động ở tất cả các lãnh địa liên hiệp của Xắc-di-ni, đã đưa ra sự phản đối của mình... *Thụy Sĩ là một quốc gia không bình thường*, không thể chống cự lâu dài *sức ép mãnh liệt của nguyên tắc dân tộc vĩ đại*. Người Đức, người Pháp, người I-ta-li-a không thể phục tùng cùng một loại những luật lệ. Nếu Thụy Sĩ biết điều đó thì nó hãy nhớ lại rằng ở bang Tét-xin người ta nói bằng ngôn ngữ của Phô-xcô-lô và Giuyt-xti, nó chớ có quên rằng một bộ phận lớn của nước nó thuộc về một dân tộc vĩ đại mà rộng lượng, tự gọi mình là *người Pháp*".

Xem ra Thụy Sĩ hoàn toàn là sản phẩm bịa đặt của *Áo*.

Trong khi bản thân *Phô-gtơ* tích cực cứu vớt *Thụy Sĩ* khỏi nanh vuốt của *Áo*, thì ông ta uỷ nhiệm cho một trong những kẻ tòng phạm thân cận nhất của mình, anh chàng Sva-bơ ba hoa và nghị sĩ kiêu ngạo của "tàn dư" nghị viện *Các-lơ Mai-ơ ở Ê-xlinh-ghen*, hiện là chủ xưởng kim hoàn, đảm nhận việc cứu vãn *nước Đức*. Tuy buổi lễ kéo cờ của Hội công nhân Đức ở Nơ-sa-ten, được tổ chức ở quán rượu "Vương miện" ở Xanh Blê-dơ, diễn giả - nghị sĩ của "tàn dư" nghị viện và chủ xưởng kim hoàn. *Các-lơ Mai-ơ ở Ê-xlinh-ghen* - đã kêu gọi nước Đức

"*phải để* cho người Pháp đi qua sông Ranh, vì nếu không tình hình ở Đức không bao giờ khá hơn được".

Hai đại biểu của Hội công nhân Giơ-ne-vơ đi dự lễ kéo cờ trở về sau năm mới (năm 1860) đã kể lại sự việc ấy. Sau khi báo cáo của họ được đại biểu của các hội công nhân khác ở Tây Thụy Sĩ xác nhận, cơ quan lãnh đạo Hội công nhân Giơ-ne-vơ đã phân phát một bản thông tri để nhắc nhở tất cả mọi người đề phòng các âm mưu của phái Bô-na-pác-tơ đang được tiến hành trong giới công nhân Đức ở Thụy Sĩ.

"Theo hồi ức về nền Đế chế thứ nhất" – tôi trích dẫn ở tập ghi chép mà tôi có – "thậm chí bây giờ một số người Đức đã cố góp sức vào sự thống trị thế giới của Na-pô-lê-ông vì họ hy vọng rằng đế quốc khổng lồ sẽ không chịu đựng nổi sự sụp đổ của kẻ thống trị nó, và đến lúc bấy giờ từ các tỉnh bị tan rã của đế quốc của người Phrăng ít ra có thể hình thành nên nước Đức thống nhất, nước này trong trường hợp đó có thể giành được tự do cho mình, dễ dàng hơn, - bấy giờ người ta gọi sự lừa bịp về chính trị là việc rút hết máu của cơ thể sống, với niềm hy vọng vào sự xuất hiện thần kỳ dòng máu lành mạnh mới trong cơ thể ấy; ngoài ra, bấy giờ người ta đã lên án những người đã đơn giản không thừa nhận rằng ở dân tộc vĩ đại có sức mạnh để tự vệ và không thừa nhận quyền tự quyết của nó; sau hết, người ta nêu lên rằng đáng cứu thế mà Đức chờ đợi đã xuất hiện ở I-ta-li-a, đáng ấy hiểu rõ phải giải phóng dân tộc là gì v.v. và v.v.. Bản thông tin, như đã nói trong đó, chỉ dành cho những người Đức theo đuổi mục đích tốt đẹp nhưng sử dụng những thủ đoạn không thích đáng; đồng thời trong đó cự tuyệt quan hệ với *những con người cũ hiểu danh và các nhà chính luận đã bán mình*".

Trong khi đó, tờ "Aargauer Nachrichten", *Cơ quan ngôn luận của Hen-vê-xi*⁵³⁷, đã đả kích

"thứ lô-gích mà theo phái tả con nhím vào hang chuột để có thể bắt nó nhanh hơn và lại thả nó ra; theo cái lô-gích hoàn mỹ ấy, cũng phải cho E-phi-an-tơ hoàn toàn tự do để cho những người Lê-ô-nít có thể xuất hiện. **Một vị giáo sư nổi tiếng** đã hành động như công tước Un-rích Vuyéc-tem-béc lộn ngược đầu; vị công tước này định nhờ "chiếc hài" của nông dân để từ nơi bị đẩy trở về quê hương sau khi chiếc ủng hiệp sĩ không còn muốn đếm xỉa đến ông ta nữa; còn **vị giáo sư đó** đã làm hỏng quan hệ với chiếc hài, do đó, đã đặt quan hệ với chiếc ủng v.v..

Lời lên án đó đối với *giáo sư Phô-gtơ* quan trọng ở chỗ nó xuất hiện trên cơ quan ngôn luận của "Hen-vê-xi". Nhưng, do đó, nó

được sự tiếp đón nhiệt liệt hơn của tờ "Espérance"⁵³⁸, tờ báo khổng lồ, được lập ra năm 1859 ở Giơ-ne-vơ nhờ số tiền rất lớn lấy trong ngân khố quốc gia của Pháp. Nhiệm vụ của tờ "Espérance" là tuyên truyền việc thôn tính Xa-voa và vùng Ranh nói riêng, và ca ngợi sứ mệnh cứu thế của Lu-i Bô-na-pác-tơ với tư cách người giải phóng các dân tộc nói chung. Toàn thể *Giơ-ne-vơ* đều biết rằng *Phô-gtơ* là habitué^{1*} của ban biên tập "Espérance" và là một trong những cộng tác viên tích cực nhất của nó. Tôi được biết những chi tiết khiến người ta không *ngại ngờ gì* về mặt này. Điều mà *Phô-gtơ* ám chỉ trong "Nghiên cứu" của mình, cũng như điều mà ông ta giao phó cho tông phạm của mình, anh chàng Sva-bơ ba hoa, nghị sĩ của "tàn dư" nghị viện và chủ xưởng kim hoàn, *Các-lơ Mai-ơ ở Ê-xlinh-ghen*, công khai tuyên truyền ở Nơ-sa-ten, - điều đó đã được phát triển tỉ mỉ trên tờ "Espérance". Như trong số báo ra ngày 25 tháng Ba 1860 có nói:

"Nếu như hy vọng duy nhất của các nhà yêu nước Đức đã dựa trên cơ sở là cuộc chiến tranh với Pháp, thì họ có lý do gì để tìm cách làm yếu chính phủ của nước này và ngăn cản nó có được đường *biên giới tự nhiên* của nó? Phải chăng nhân dân Đức hoàn toàn không tán thành sự thù ghét đó đối với nước Pháp? Dù sao đi nữa cũng *có những nhà yêu nước Đức rất thành thực, và nhất là trong hàng ngũ các nhà dân chủ Đức tiến bộ nhất*" (tức Phô-gtơ đế quốc, Ra-ních-ken, Các-lơ Mai-ơ ở Ê-xlinh-ghen và tutti quanti^{1*}), "*họ không thấy nổi bất hạnh lớn trong việc để mất tả ngạn sông Ranh, mà ngược lại, họ còn tin chắc rằng chỉ sau sự tổn thất đó mới bắt đầu đời sống chính trị của nước Đức, nước Đức phục hưng dựa trên sự liên minh với Tây Âu và hoà mình vào nền văn minh của nó*"⁽¹⁾

1* – khách quen

1) "Si la seule espérance des patriotes allemands est fondee sur une guerre avec la France, quelle raison peuvent-ils avoir de chercher à affaiblir le gouvernement de ce pays et l'empêcher de former ses frontières naturelles? Serait-il que le peuple en Allemagne est loin de partager cette haine de la France? Quoi qu'il en soit, il y a des patriotes allemands très sincères, et notamment parmi les democrates les plus avancés, qui ne voient

Qua *Phô-gơ* hiểu được cực kỳ chính xác quan điểm của những nhà dân chủ Đức tiến bộ nhất, tờ "Espérance" tuyên bố trong bài xã luận ngày 30 tháng Năm như sau:

"Cuộc trưng bày ý dân ở tả ngạn sông Ranh sắp sửa chứng minh rằng ở đó tất cả đều ngả về nước Pháp".

Tờ báo nhỏ có tính chất châm biếm của Thụy Sĩ "Postheiri" hiện nay chế nhạo độc ác tờ ""Espérance", "con ngựa xấu gây còm" ấy, ngoài những cảnh nguyệt quế nhẹ của Ba-cu-xơ Plông-Plông, nó còn phải thô cả "cái bụng nặng nề" của Xi-len của ông ta.

Qua sự việc sau đây có thể thấy được báo chí đã thực hiện mưu mô của Bô-na-pác-tơ với sự chuẩn xác như thế nào. Ngày 30 tháng Năm, báo "Espérance" ở Giơ-ne-vơ kêu gọi dùng trưng cầu ý dân để nhượng vùng tả ngạn sông Ranh cho nước Pháp của cuộc đảo chính tháng Chạp; ngày 31 tháng Năm, trên tờ báo "Siècle" ở Pa-ri, Lu-i Giuốc-đan mở đầu cuộc trận địa chiến của mình nhằm thôn tính vùng Ranh, còn đầu tháng sáu "Propagateur du Nord et du Pas-de-Calais" chĩa trọng pháo của mình sang Bỉ. Ít lâu trước khi chiếc loa Giơ-ne-vơ lên tiếng, Êt-mông A-bu đã tuyên bố trong "Opinion nationale" rằng sự bành trướng của Xác-đi-ni đã buộc hoàng đế "de prendre la Savoie... c. à d. nous fermons notre porte"^{1*} và nếu như - ông ta nói tiếp - nguyện vọng thống nhất ở Đức cũng dẫn tới sự bành trướng như vậy của Phổ, thì

pas grand malheur dans la perte de la rive gauche du Rhin, qui sont, au contraire, convaincus que c'est après cette perte seulement que commencera la vie politique d'une Allemagne régénérée, appuyée sur l'alliance et se confondant avec la civilisation de l'Occident européen" ("L'Espérance", 25 Mars 1860).

1* - bọn cùng một giuộc

1* - "chiếm Xa-voa..., nói cách khác, chúng ta sẽ đóng cánh cổng của chúng ta"

"alors nous aurions à veiller à notre sûreté, à prendre la rive gauche du Rhin, c. à d. nous fermerions notre porte"^{2*}. Theo gót anh chàng gác cổng nhẹ dạ đó là con trâu vụng về A.A. - phóng viên báo "Indépendance belge"^{3*}, một thứ nhân vật Giô-dép Pruy-dôm và bà đồng chuyên nghiệp của "Providencia"^{3*} trú ngụ tại Tuyn-lơ-di. Nhưng, với sự hân hoan độc đáo của mình đối với sự thống nhất nước Đức và với những lời vạch mặt đầy phẫn nộ đối với những người Đức chống tháng Chạp đã bán mình cho Áo, tờ "Espérance" đã lao lên tới độ cao chóng mặt, nên *Giêm Pha-di*, kẻ buộc phải tính một số lý do ngoại giao, thêm vào đó dự định biến "Revue de Genève" của mình thành "Nation suisse", nên đã tuyên bố một cách khoan dung độ lượng trên tờ "Revue" rằng cũng có thể phản đối chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ mà vẫn không phải là người Áo.

Nhưng *Các Phô-gơ* - nhân vật Đa-Đa của Đức, chủ phòng tuyển mộ của Bô-na-pác-tơ đối với báo chí Đức, tay sai của Pha-di, "người tiếp chuyện vui vẻ" ở Pa-le Roay-an, Phan-xtáp của Plông-Plông, "bạn" của Ra-ních-ken, người nhắc vở của báo "Người rao hàng" ở Bi-lơ, cộng tác viên của "Espérance", đồ đệ của Êt-mông A-bu, ca sĩ hát bài "Lau-di-át" - còn phải tụt xuống thấp hơn một bậc nữa. Ở Pa-ri, ông ta phải xuất hiện trước toàn thế giới, tay nắm chặt tay *ngài Ê-đu-a Xi-mông* trong tờ "Revue contemporaine". Chúng ta hãy xem "Revue contemporaine" là gì và ngài Ê-đu-a Xi-mông là ai.

"Revue contemporaine" thoát đầu là tạp chí chính thức của phái Bô-na-pác-tơ, hoàn toàn đối lập với "Revue de deux mondes"⁵⁴⁰ mà cộng tác viên là những cây bút xuất sắc, những người thuộc "Journal

2* - "bấy giờ chúng ta sẽ phải quan tâm đến sự an toàn của chúng ta, chiếm tả ngạn sông Ranh, nói cách khác, chúng ta sẽ đóng cánh cổng của chúng ta"

3* - "thiên mệnh"

des Débats"⁵⁴¹, phái Oóc-lê-ăng, phái liên hợp, cũng như các giáo sư thuộc Collège de France và Membres de l'Institut⁵⁴². Vì không thể điều động thẳng những nhân vật chính thức được nói đến sau cùng ấy cho tờ "Revue Contemporaine", nên người ta tìm cách điều họ khỏi "Revue des deux Mondes" để bằng con đường vòng ấy, đẩy họ đến với "Revue" của phái Bô-na-pác-tơ. Nhưng nước cờ ấy không đạt được kết quả mong muốn. Các ông chủ của "Revue Contemporaine" thậm chí cảm thấy không thể cộng tác với ban biên tập do ông La Ghê-rô-ni-e-rơ gán ghép cho họ. Nhưng vì con người nổi tiếng bụng ở Tuyn-lơ-ri cần có những chiếc loa có những giọng khác nhau, nên "Revue contemporaine" biến thành "Revue" *bán chính thức*, còn "Revue européenne"⁵⁴³ với ban biên tập do La Ghê-rô-ni-e-rơ gán ghép thì trở thành "Revue" *chính thức*.

Bây giờ nói về **ngài Ê-đu-a (Eduard) Xi-mông**. Về nguồn gốc ông ta là người Do Thái vùng Ranh thuộc Phổ tên là Ê-đu-a [Eduard] Xi-mông, nhưng luôn luôn tạo ra những điệu bộ nhần mặt hài hước nhất để người ta tưởng mình là người Pháp chính cống; nhưng điều không may là phong cách ngôn ngữ của ông ta bất cứ giây phút nào cũng để lộ chân tướng ông là người Do Thái vùng Ranh thuộc Phổ được dịch ra tiếng Pháp.

Chẳng bao lâu sau lễ kỷ niệm Si-le (tháng Mười một 1859) tại nhà một người quen ở Luân Đôn tôi gặp một nhà buôn rất khả kính, đã từ lâu sống ở Pa-ri, đang kể lại tỉ mỉ về lễ kỷ niệm Si-le ở Pa-ri, về các hội Si-le, v.v.. Tôi ngắt lời ông ta bằng câu hỏi Hội liên hiệp Đức và các cuộc hội họp ở Pa-ri trong quan hệ như thế nào với cảnh sát của Bô-na-pác-tơ? Ông ta trả lời tôi với sự mỉm cười hài hước:

"Đương nhiên, không có một cuộc hội họp nào và không có đoàn thể nào mà thiếu bóng mouchard^{1*}". Để tránh mọi khó khăn, chúng tôi đã tuân thủ một sách lược giản đơn

1* — mật thám

được xác định vĩnh viễn, - probatum est^{2*} - chúng tôi thu hút một tên *mouchard* mà chúng tôi biết rõ và bầu ngay hắn vào ban chấp hành. Trong tất cả các trường hợp như thế. **Ê-đu-a Xi-mông** của chúng tôi bao giờ cũng là của quý đối với chúng tôi. Ngài biết rằng *La-Ghê-rô-ni-e-rơ*, đây tớ cũ của La-mác-tin và người chế biến món bánh mì cặp thịt cho Ê-min đờ Gi-rác-đanh, hiện là sủng thần của hoàng đế, bí thư cơ mật của hoàng đế, đồng thời là cục trưởng cục kiểm duyệt báo chí Pháp, còn Ê-đu-a Xi-mông là con chó giữ nhà của La Ghê-rô-ni-e-rơ và "- ông nói thêm với điệu bộ nhần mũi một cách độc đáo - "con chó con khá hơi thối. Ê-đu-a Xi-mông - điều này, dĩ nhiên, anh không thể quy tội cho ông ta - không muốn làm việc pour le roi de Prusse^{3*}. Ông ta cho rằng với việc tham gia vào hệ thống của cuộc đảo chính tháng Chạp, ông ta có những cống hiến không thể kể xiết được đối với bản thân và đối với nền văn minh. Đây là một con người có bộ óc nhỏ và tính cách không trong sạch nhưng không phải không có năng lực trong một số lĩnh vực của những âm mưu không quan trọng. La Hê-rô-ni-e-rơ đã phái Ê-đu-a Xi-mông của mình đến với tờ "Patrie" trong tư cách là một trong những người viết xã luận. Điều đó cũng chứng minh sự tế nhị của viên bí thư cơ mật. Vấn đề là ở chỗ người chủ của tờ "Patrie", chủ ngân hàng *Đê-la-ma-rơ là một parvenu*^{4*} ngạo mạn, cố chấp, giống như chó con, không chịu đựng được ai làm việc ở bàn giấy mình ngoài những tên bợ đỡ giỏi nhất. Ê-đu-a Xi-mông của chúng ta, tuy có thuốc bả chuột của mình, vẫn có thể tỏ ra nhẹ nhàng như chú mèo Ăng-gô-la, nên ông ta đúng là thích hợp với địa vị ấy. Trong thời kỳ nền cộng hoà, tờ "Patrie", như bạn biết đấy, là một trong những cơ quan ngôn luận vô liêm sỉ nhất của phố Poa-chi-ê⁵⁴⁴. Từ thời kỳ cuộc đảo chính tháng Chạp, nó tranh giành với "Pays"⁵⁴⁵ và "Constitutionnel" cái vinh dự làm cơ quan bán chính thức của Tuyn-lơ-ri, còn từ khi tín hiệu được phát ra, nó đã cố gắng không ít cho việc triển khai một chiến dịch thôn tính điên cuồng. Đương nhiên, bạn biết những người ăn mày sắm vai người bị bệnh động kinh trên đường phố để lừa gạt khách qua đường lấy mấy đồng xu. "Patrie" quả thực đã được cái vinh dự là tờ báo đầu tiên đưa tin về sự thôn tính Xa-voa và Ni-xơ sắp tới. Cuộc thôn tính vừa xảy ra là tờ "Patrie" mở rộng ngay khuôn khổ tờ báo của nó, vì theo sự giải thích ngày thơ của ngài Đê-la-ma-rơ thì "La Savoie et le comté de Nice

2* — đã được kiểm nghiệm

3* — không công, chỉ để làm đẹp lòng

4* — kẻ mới phát

ayant été annexés à la France, la conséquence naturelle est l'agrandissement de la patrie"^{1*}. Nhân việc này ai mà không nhớ lại câu nói hóm hỉnh của một vô liêm sĩ ở Pa-ri đối với câu hỏi "Qu'est ce que la Patrie"?^{2*}, y đã trả lời ngay: "journal du soir"^{3*}. Nếu các tỉnh vùng Ranh bị thôn tính thì "Patrie" và khổ báo của nó cũng như salaire^{4*} của Ê-đu-a Xi-mông sẽ được mở rộng như thế nào! Về mặt kinh tế – chính trị, "Patrie" nhìn thấy "sự cứu vớt nước Pháp" trong sự huỷ bỏ tourniquet de la Bourse^{5*}, nhờ đó mà việc buôn bán ở Sở giao dịch nghĩa là trong cả nước, sẽ lại được nâng lên tầm cao mong muốn. Ê-đu-a Xi-mông ước mong bị xoá bỏ tourniquet de la Bourse. Nhưng Ê-đu-a Xi-mông của chúng ta không những là tác giả các bài xã luận của "Patrie" mà là con chó trong phòng của La Ghê-rô-ni-e-rơ. Ông ta là bạn trung thực nhất và kẻ tố giác của Giê-ru-da-lem mới, alias^{6*} - cục cảnh sát, đặc biệt là chuyện ngài Pa-le-xơ-ri-na. Tóm lại, thưa các ngài" – người kể chuyện kết thúc – "từ cái uỷ ban mà trong đó có ngài Ê-đu-a Xi-mông tham gia, chỉ nguyên điều đó cũng đã làm cho nó toả ra cái mùi cảnh sát đặc sệt nhất".

Và lúc đó ngài... bật ra một tiếng cười đặc biệt the thé, tựa hồ như giữa odeur de mauvais lieu^{7*}... và ngài Ê-đu-a Xi-mông còn có một quan hệ bí mật gì đó hoàn toàn không thể hiện được.

Ông Kinh-léch lưu ý hạ nghị viện về sự lẫn lộn dễ thương giữa chức năng của chính sách đối ngoại, của cảnh sát và của báo chí, sự lẫn lộn này là đặc trưng của các vị đại diện của tháng Chạp (phiên họp ngày 12 tháng Bảy 1860 của hạ nghị viện). Đương nhiên, không nên lẫn lộn **Ngài Ê-đu-a Xi-mông** - Ê-đu-a nổi

1* – "Hậu quả tự nhiên của việc sáp nhập Xa-voa và công quốc Ni-xơ vào Pháp là sự mở rộng Tổ quốc" (chơi chữ "Patrie" nghĩa là "Tổ quốc" và là tên của tờ báo).

2* – "Tổ quốc là gì?"

3* – "Báo buổi chiều"

4* – tiền công

5* – bảng thị giá ở sở giao dịch

6* – nói cách khác

7* – mùi thối

tiếng^{1*} của Phô-gtơ - với *Quy-nê-gông-đơ* ôn tồn của Phô-gtơ, alias *Lút-vích Xi-môn ở Tơ-ria*¹⁾ – **Ngài Ê-đu-a Xi-mông**, con chó trong phòng của La Ghê-rô-ni-e-rơ, con chó xù của Đê-la-ma, mật thám của Pa-le-xơ-ri-na và con chó giữ cổng của tất cả mọi người, rõ ràng nếu không phải là Crem thì dù sao cũng là pho mát linh-bua của ngày 10 tháng Chạp, thuộc vào cái gọi thứ hai mà trong đó

"s'annida

Ipocrisia, lusinghe, e chi affatura.

Falsità, ladroneccio, e simonia,

Ruffian, baratti e simile lordura"^{2*}.

Nhiều tuần trước khi xuất bản "Tác phẩm chính", *Các Phô-gtơ* uỷ nhiệm cho Ê-đu-a Xi-mông của mình bình luận về cuốn sách đó trên báo chí Pháp. Ê-đu-a Xi-mông thích hợp với double emploi^{3*}. Trước hết ông ta trình bày nội dung "Tác phẩm chính" với ông La Ghê-rô-ni-e-rơ, và tiếp đó nhờ vậy đã được ông chủ của mình cử

1) Thông qua nhân vật Cu-ni-gun-đa ôn tồn này mà một sự công kích nào đó của Phô-gtơ chống lại tôi đã được đăng trên tờ báo nhỏ của thành phố quê hương tôi là Tơ-ria. Trong bài đó có nói đến "sự gần gũi như môi với răng" của tôi với "Allgemeine". Thật là một sự liên tưởng tuyệt diệu làm sao đối với Cu-ni-gun-đa trong trắng! Very Shocking Indeed! [quả thực là rất bất lịch sự!].

1* Chơi chữ "ruchbar" nghĩa là "nổi tiếng", cũng có nghĩa là "bốc mùi"

2* - "Tụ tập bọn giả nhân giả nghĩa, bọn xu nịnh, bọn mê hoặc người ta

Bọn trộm cắp, bọn dẫn mối, *bọn buôn thánh bán thần*

Bọn chứa chấp mọi sự dè tiện khác"

(Đan-tơ "Hài kịch thần thánh", "Địa ngục", bài ca XI).

3* - sử dụng vào hai mặt, đóng hai vai trò.

đến làm việc với "Revue contemporanie". Ban biên tập "Revue contemporanie" đã uống công ngoan ngoan yêu cầu Ê-đư-a Xi-mông ít ra cũng nên phát biểu nặc danh trên các cột báo của tờ báo này. La Ghê-rô-ni-e-rô rất kiên quyết. Ê-đư-a Xi-mông mở đầu trên tờ "Revue contemporanie" ngày 15 tháng Hai 1860 bằng bài viết về ông bạn Phô-gơ của ông ta với nhan đề "*Un tableau de mœurs politiques de l'Allemagne. Le procès de M. Vogt avec la Gazette d'Augsbourg*" ("Bức tranh phong tục chính trị của Đức. Ông Phô-gơ kiện "Báo Au-xbuốc"), bài này ký tên Ê-đư-a Xi-mông.

"Người Rô-man" Ê-đư-a Xi-mông không nghĩ ra rằng "để trở thành người Pháp lương thiện, ông ta phải lảng mạ chủng tộc Giéc-manh cao quý" ("Revue contemporanie", l. c., tr. 531), nhưng với tư cách "người Pháp lương thiện" và "người Rô-man bẩm sinh", ông ta chỉ ít phải tỏ rõ sự ngu dốt tự nhiên về tình hình của Đức. Chẳng hạn ngoài những điều khác ông ta còn nói về *Các Phô-gơ* của mình như thế này "Ông là một trong *ba vị nhiếp chính* của đế quốc chóng tàn"¹⁾. Ngài Ê-đư-a Xi-mông đương nhiên không đoán ra rằng đế quốc in partibus^{1*} đang rên xiết dưới sự cai trị của *năm vị đầu xỏ*, và "với tư cách là người Pháp", trái lại, ông ta cho rằng tương ứng với ba vị thánh đế ở Khuê⁵⁴⁶ – dù chỉ là để cho sự đối sánh phải là ba vị nhiếp chính đế quốc nghị viện ở Stút-gát. Những câu ý nhị của "bạn" của ông Phô-gơ trong "Tác phẩm chính" của ông ta, thường đi "quá xa xét theo góc độ khẩu

1) "Il fut u

2) "Il dépasserait le but au goût des Français" (l.c., p. 519).

— 1* In Partibus infidelium — nghĩa là ở bên ngoài hiện thực (nguyên văn "ở nước dị giáo" là những chữ thêm vào chức tước của các giáo chủ Thiên chúa giáo được cử giữ chức giáo chủ thuần túy trên danh nghĩa ở các nước không theo Cơ đốc giáo).

vị người Pháp"²⁾. Ông Ê-đư-a người Pháp sẽ sửa chữa điểm đó và "sẽ ra sức tiến hành lựa chọn"¹⁾. "Bạn" Phô-gơ bẩm sinh đã ưa thích những "màu sắc chói mắt" và "về mặt ngôn ngữ không đặc biệt tinh tế"²⁾. Đương nhiên thôi! "Bạn" Phô-gơ chỉ là người Đức bị thôn tính, cũng giống như Đa-Đa là người A Rập bị thôn tính, trong khi đó Ê-đư-a Xi-mông là "người Pháp lương thiện" bẩm sinh và "người Rô-man" chính gốc. Ông Ốc-ghéc và ông Đì-txen có bao giờ đi xa đến thế trong việc phỉ báng "chủng tộc Rô-man" không?

Ngài Ê-đư-a Xi-mông giải sấu cho quan thầy của mình bằng việc mô tả trước công chúng Pa-ri một trong "ba" vị thánh đế còn rơi rớt lại của nước Đức – mà là với sự đồng ý và sự uỷ nhiệm của một vị thánh đế còn rơi rớt lại đó của nước Đức – dưới hình thức làm một tên tù binh tự nguyện đi sau cỗ xe chiến thắng của hoàng đế Ca-di-mô-dô.

"Chúng ta thấy rằng" – Ê-đư-a Xi-mông nói, có trích dẫn một đoạn trong "Tác phẩm chính" của Phô-gơ – "chúng ta thấy rằng ông Phô-gơ ít quan tâm đến vấn đề là sự giúp đỡ đến từ phía nào để xây dựng lại sự thống nhất của nước Đức, miễn là có sự giúp đỡ là được rồi; Theo ông, thậm chí Đế quốc Pháp là đặc biệt thích hợp đối với việc thúc đẩy nhanh giải quyết vấn đề này theo nguyện vọng của ông. Có thể, trong trường hợp này, ông Phô-gơ đã bán rẻ (?) quá khứ của mình, và những đồng sự cũ của ông, đã từng hội họp với ông và thuộc cánh cực tả tại Nghị viện Phran-phuốc, sẽ phải ngạc nhiên thấy rằng kẻ thù độc ác ấy của bất cứ quyền lực thống nhất nào, kẻ ủng hộ sôi nổi chủ nghĩa vô chính phủ ấy, lại tỏ ra có cảm tình nồng nhiệt như thế đối với một vị vua đã đánh bại chủ nghĩa vô chính phủ ở Pháp"³⁾

1) "Nous nous efforcerons de choisir" (l.c.).

2) "M. Vogt aime beaucoup les couleurs tranchantes, et il n' est pas précisément un gourmet en matière de langage" (l.c., p.530).

3) "On le voit, M. Vogt se souciait peu d'où vint le secours en faveur de l'unité allemande, pourvu qu'il vint; l'empire français lui semblait même singulièrement propre à hâter le dénouement qu'il désire. Peut-être en cela M. Vogt faisait-il bon marché de ses antécédents, et il dut paraître étrange, à ses anciens collègues qui siégeaient avec lui à l'extrême gauche dans le

Ê-đu-a đã đổi vị trí của "nhiếp chính đế quốc chạy trốn" từ cánh tả không "kiên định" sang cánh cực tả của Nghị viện Phran-phuốc. Con người bỏ phiếu tán thành "hoàng đế thế tập của Đức" đã biến thành "địch thủ điên cuồng của mọi quyền lực thống nhất", còn ủy viên của Liên minh tháng Ba trung ương, người đã từng tuyên truyền trong các đảng quán rượu đủ màu sắc ở Phran-phuốc về sự cần thiết của "trật tự" bằng bất cứ giá nào, thì đã trở thành "kẻ nhiệt tình ủng hộ chủ nghĩa vô chính phủ". Tất cả những cái đó chỉ là để làm nổi bật lên một cách thích đáng con cá mà chế độ ngày 10 tháng Chạp câu được ở nhân vật "nhiếp chính đế quốc chạy trốn". Nhờ vậy mà "sự cảm tình nồng nhiệt" của ông *Phô-gtơ* "đối với con người đã đánh bại chủ nghĩa vô chính phủ Pháp" càng quý giá và sự công nhận của ông ta hiện nay rằng "*đế quốc Pháp đặc biệt thích hợp đối với việc xây dựng sự thống nhất của Đức*", lại càng quý giá và sự ám chỉ khéo léo kiểu nhanh nhẩu đoảng của ông "bạn" *Xi-mông* rằng ông "bạn" *Phô-gtơ* "có thể, đã bán rẻ (debonmarché) quá khứ của mình", nghĩa là vị anh hùng của cuộc đảo chính tháng Chạp dù sao cũng không trả "*quá đắt*" để mua ông ta – lại càng dễ hiểu. Và để cho các giới thượng lưu không còn nghi ngờ gì về việc ông "bạn" *Phô-gtơ* hiện nay cũng vẫn đáng tin cậy như "bạn" *Xi-mông*, ngài Ê-đu-a Xi-mông mỉm cười, xoa tay, nhếch mắt trái lên và kể rằng *Phô-gtơ* vì khao khát trật tự, "*nếu ông hiểu đúng ông Phô-gtơ nên, thậm chí ông đã báo cho nhà cầm quyền Giơ-ne-vơ về âm mưu của các nhà cách mạng*", hoàn toàn giống như ông Ê-đu-a Xi-mông "đã báo" cho Pa-le-xtơ-ri-na và La Ghê-rô-ni-e-rơ.

Mọi người đều biết rằng A-bu, Giuốc-đan, Gra-ni-ê đơ Cát-xa-nhắc, Bô-ni-pha-xơ, tiến sĩ Hốp-man, các tu sĩ thuộc tở

Parlement de Francfort de voir ce fougueux antagoniste de tout pouvoir unique, ce fervent zélateur de l'anarchie manifester de si vives sympathies envers le souverain qui l'a vaincue en France" (l.c., p. 518).

"Espérance", các hiệp sĩ của tở "Nationalités", bọn xúi giục thuộc tở "Opinion nationale", penny-a-liner^{1*} thuộc tở "Indépendance", "Morning Chronicle", "Nouvelliste Vaudois" v.v., bọn La Ghê-rô-ni-e-rơ và Xi-mông, bọn văn thư, bọn truyền bá văn minh, bọn ủng hộ cuộc đảo chính tháng Chạp, bọn Plông-Plông, bọn Đan-tiu và bọn Đãng-tít – tất cả bọn họ không trừ một ai đều lấy nguồn cảm hứng từ cùng một cái **kho bạc** hết sức thiêng liêng. Như thể là nhân vật Đa-Đa *Phô-gtơ* không phải là anh du kích đơn độc, tự mình gánh lấy may rủi khi chiến đấu, anh ta được trợ cấp, được nhồi sọ, được biên chế, được liên kết với bọn lưu manh, liên hợp với Ê-đu-a Xi-mông, nhập bọn với Plông-Plông, cùng bị bắt và bị treo cổ với chúng. Xin hỏi: *phải chăng có người trả công cho Các Phô-gtơ* về hoạt động tay sai của ông ta?

"Nếu như tôi không nhầm thì mua chuộc có nghĩa là dùng tiền hoặc đưa ra những lợi lộc khác đã làm cho người nào đó đi tới những việc làm và lời nói trái với niềm tin của anh ta" ("Tác phẩm chính", tr. 217).

Còn chủ nghĩa Plông-Plông là niềm tin của *Phô-gtơ*. Do đó, dù *Phô-gtơ* được người ta *trả thù lao* bằng tiền mặt, thì tuyệt nhiên ông ta cũng không *bị mua chuộc*. Nhưng hoa văn của tiền kim loại không lắm hình nhiều vẻ như phương thức trả tiền.

Ai mà biết được, biết đâu Plông-Plông lại chẳng hứa với Phan-xtáp của mình cho giữ chức vụ tư lệnh Tháp Chuột ở bang Binghamen⁵⁴⁷. Hoặc bỏ nhiệm làm viện sĩ thông tấn của một *học viện* sau khi A-bu trong tác phẩm của mình "Nước Phổ năm 1860" đã buộc các nhà khoa học tự nhiên Pháp tranh cãi về niềm vinh dự được *cùng một lúc* trao đổi thư từ với *Phô-gtơ* còn sống và *Đíp-phen-bắc* đã chết? Hoặc có ý nói đến việc khôi phục cho *Phô-gtơ* chức nhiếp chính đế quốc?

Tôi biết rằng dẫu sao thì tiếng đồn giải thích của sự việc một cách tầm thường hơn. Như có người nói rằng "cùng với sự chuyển

1* - nhà văn viết thuê, bồi bút

biến của sự kiện bắt đầu từ năm 1859" cũng đã xảy ra sự chuyển biến trong tình hình công việc của "người tiếp chuyện vui vẻ" (trước đây ít lâu là một trong những người đứng đầu một công ty cổ phần bị điều tra về mặt hình sự do tiền của nó bị tiêu hết sạch); những người bạn cần trọng tìm cách giải thích điều đó rằng một công ty cổ phần về khai khoáng của I-ta-li-a, để cảm tạ công lao của Phô-gơ "trong lĩnh vực khoáng sản học", đã tặng ông ta một số cổ phiếu rất lớn mà sau đó ông ta đã đổi ra tiền mặt trong chuyến lưu lại Pa-ri lần đầu. Những người thông thạo tình hình Thụy Sĩ và ở Pháp hoàn toàn không quen biết nhau đã viết thư cho tôi hầu như cùng một lúc, nói rằng "người tiếp chuyện vui vẻ" giữ một chức vụ với số lương ở mức độ nào đó khá hậu hĩ: làm nhân viên giám sát tối cao dinh cơ "La Béc-giê-ri" ở Ni-ông (tại Va-át-tơ) – dinh thự này thuộc quyền một quả phụ mà Plông-Plông mua tại cuộc đấu giá cho I-phi-giê-ni-a ở Tu-rin^{1*}. Tôi biết một bức thư trong đó "người Thụy Sĩ mới" – người này có quan hệ thân mật với *Phô-gơ* một thời gian dài ngay sau "sự chuyển biến năm 1859" - đã thông báo cho ông P.B.B., 78 phố Phan-séc, Luân Đôn, vào đầu năm 1860 về một *số tiền rất lớn* mà một người bạn cũ của anh ta đã nhận được từ quỹ trung ương Pa-ri; không phải với tính cách là khoản *hồi lộ*, mà với tính cách khoản *ứng trước*.

Những tin đồn như thế và những tin đồn xấu hơn đã truyền đến Luân Đôn, nhưng về phần mình, tôi cho rằng chúng không có ý nghĩa gì. Tôi muốn tin *Phô-gơ* hơn, khi ông ta nói rằng

"Tôi" (*Phô-gơ*) "lấy tiền ở đâu thì điều đó không liên quan đến ai cả. Từ nay tôi sẽ cố gắng tự kiểm lấy số tiền cần thiết để đạt những mục đích chính trị của tôi, từ nay tôi, với sự nhận thức được tính chất chính nghĩa của sự nghiệp của mình, sẽ lấy tiền ở nơi mà tôi có thể lấy được" ("Tác phẩm chính", tr. 226);

do đó, cũng từ quỹ trung ương Pa-ri.

Các mục đích chính trị!

"Nugaris, cum tibi, Calve

1* Mác ám chỉ Clô-tin-đa con gái của Vích-to-Ê-ma-nu-en, vua Xéc-di-ni.

Pinguis aqualiculus propenso sesquiped extet^{2*}

2* "Thằng Hói, mày viết toàn những điều nhảm nhí.

Và kéo lê thê cái bụng phình lên quá khổ của mày"

(Péc-xi-út, bài thơ châm biếm thứ nhất).

Sự nghiệp chính nghĩa! Đó là cách nói duy tâm của Đức để chỉ điều mà người Anh duy vật thô lỗ gọi là "the good things of this world"^{1*}.

Cho dù tiến sĩ y khoa *Sai-blơ* có nghĩ gì đi nữa về điều đó thì tại sao lại không tin vào lời của *Phô-gơ* khi ông ta, cũng trong cuốn "Tác phẩm chính" ấy, để kết thúc *câu chuyện hoang đường* của mình về bọn lưu hoàng v.v., đã trình trọng tuyên bố rằng:

"Cái thời đoạn ấy của một thời kỳ trong **lịch sử hiện đại** kết thúc ở đây. *Tôi thông báo ở đây tuyệt nhiên không phải về những điều hão huyền trông rỗng đó là sự thật thuần túy*" ("Tác phẩm chính", tr. 182).

Tại sao *hoạt động tay sai* của ông ta không thể cũng *trong sạch* như **sự thật** ông ta kể trong "Tác phẩm chính".

Về phần mình, tôi vẫn tin tưởng vững chắc và bất di bất dịch rằng sự khác nhau giữa *Phô-gơ* và các thành viên khác của *bọn thán Chạp* làm công việc viết văn, cổ động, hoạt động chính trị, hoạt động âm mưu, tuyên truyền, quảng cáo, hoạt động kiểu *Plông-Plông*, làm mất danh giá người khác và bản thân chỉ riêng một mình *Phô-gơ*, tuyệt đối chỉ một mình ông ta đã coi hoàng đế là "l'homme qu'on aime pour lui-même"^{2*}.

"Swers niht geloubt, der sündet"^{3*}, như *Vôn-phram Phôn Ê-sen-bắc* nói, hoặc "ai không tin điều đó, người ấy đã lầm", như lời trong một bài ca hiện đại.

1* – "phúc lợi của thế giới này"

2* – "con người mà người ta yêu mến chính vì con người ấy"

3* – "Ai không tin, người ấy có tội" (*Vôn-phram Phôn Ê-sen-bắc* "Pa-xi-phan", quyển IX)

X

NHỮNG KẺ BẢO TRỢ VÀ NHỮNG TÔNG PHẠM

Principibus placuisse viris non ultima laus est^{1*}.

Với tư cách người làm chứng cho "good behaviour"^{2*} của mình, *Phô-gơ* cựu đế quốc đã nêu lên.

"*Cô-sút*" và "hai người khác, *Pha-di* – người đã phục hưng *Giơ-ne-vơ*, và *Cláp-ca* – người đã bảo vệ *Cô-moóc-nơ*", những người mà ông ta đã "tự hào gọi là những người bạn của mình" ("Tác phẩm chính", t. 213).

Tôi gọi họ là những kẻ *bảo trợ* của ông ta.

Sau trận *Cô-moóc-nơ* (ngày 2 tháng Bảy 1849) *Guéc-gây* cướp quyền chỉ huy tối cao của quân đội *Hung-ga-ri*, bất chấp lệnh của Chính phủ *Hung-ga-ri*, đã cách chức ông ta.

"Nếu như đứng đầu chính phủ là người kiên nghị" - đại tá *La-pin-xki* viết trong cuốn sách khi ông còn là người tin theo *Cô-sút* – "thì bấy giờ đã chấm dứt được mọi âm mưu của *Guéc-gây*. *Cô-sút* chỉ cần đến doanh trại và nói đôi lời với quân đội là toàn bộ tiếng tăm của *Guéc-gây* không cứu vãn nổi sự sụp đổ của ông ta... Nhưng *Cô-sút* không đi, ông thiếu dũng khí công khai chống *Guéc-gây* và tung *âm mưu bí mật* chống lại viên tướng này, ông ta lại công khai biện hộ cho hành vi của viên

1* – Được lòng bọn quyền quý không phải là vinh dự tối cao (*Hô-ra-xơ*, ("Thư từ", quyển thứ nhất, thư 17).

2* – "hành vi tốt"

tướng đồ" (tr. 125, 126 T. *La-pin-xki*. "Cuộc tiến quân của đạo quân chủ lực Hung-ga-ri v.v." ⁵⁴⁸).

Theo chính Cô-sút thừa nhận thì cuộc mưu phản có chủ định của Guéc-gây đối với Cô-sút đã được tướng *Hai-ôn* chính thức tố cáo với Cô-sút ít ngày sau đó (xem *Đa-vít Uốc-các-tơ*. "Cuộc đi thăm những người lưu vong Hung-ga-ri ở Quy-ta-xao").

"Đúng là Cô-sút đã nói trong một bài diễn văn hùng hồn ở Xê-gét rằng nếu như ông biết một tên phản bội nào đó thì chính tay ông sẽ giết nó, mà có lẽ ông ám chỉ Guéc-gây. Nhưng ông ta không những không thực hiện sự đe dọa ít nhiều có tính chất diễn kịch ấy, mà thậm chí cũng không nêu lên với một vị bộ trưởng nào tên của kẻ mà ông nghi ngờ; cùng một số người bố trí các kế hoạch thâm hại để chống lại Guéc-gây, ông ta đồng thời luôn luôn nói về Guéc-gây với sự tôn kính lớn nhất và thậm chí còn viết cho Guéc-gây những bức thư rất mực dịu dàng. Hãy để ai muốn hiểu được thì hiểu, chứ tôi không tài nào hiểu được điều này trong khi thấy rằng chỉ có sự sụp đổ của con người nguy hiểm mới cứu vãn được tổ quốc, mà lại dùng bàn tay run lẩy bẩy tìm cách thanh toán hắn, đồng thời nâng đỡ hắn bằng cách đem uy tín của mình tạo cho hắn những tín đồ và những kẻ thân phục và thậm chí bằng cách đó chuyển toàn bộ quyền lực vào tay hắn. Trong khi Cô-sút hành động một cách thâm hại như vậy, khi thì có lợi cho Guéc-gây, khi thì chống lại Guéc-gây... thì Guéc-gây, một con người triệt để và kiên định hơn ông ta, lại thực hiện kế hoạch đen tối của mình" (T. *La-pin-xki*, l.c., tr. 163-164).

Ngày 11 tháng Tám 1849 theo lệnh của Guéc-gây, Cô-sút ra bản tuyên bố chính thức, tuồng như từ cứ điểm A-rát, việc từ bỏ quyền lực, ông chuyển giao cho Guéc-gây "quyền lực dân sự và quân sự tối cao của chính phủ" và nói rằng:

"Sau những trận thất bại mà chúa trừng phạt quốc dân trong những ngày gần đây không còn có hy vọng là chúng ta có thể tiếp tục tiến hành một cách thắng lợi cuộc chiến tranh tự vệ chống hai đại cường quốc liên hiệp với nhau".

Sau khi tuyên bố như vậy – trong phần đầu của bản tuyên bố – về sự diệt vong vô vọng của sự nghiệp của Hung-ga-ri, hơn nữa là do sự trừng phạt của chúa trời, trong đoạn tiếp sau của bản tuyên bố, Cô-sút đã trao cho Guéc-gây "trách nhiệm trước chúa trời về việc sử dụng thích đáng" quyền lực mà ông ta giao phó cho Guéc-gây "để cứu vớt" Hung-ga-ri. Ông khá tin tưởng vào

Guéc-gây cho nên đã phó thác Hung-ga-ri cho Guéc-gây, nhưng lại quá thiếu tin tưởng để giao phó cho Guéc-gây chính cá nhân ông ta. Sự không tín nhiệm cá nhân của ông ta đối với Guéc-gây lớn đến mức ông ta đã khéo léo chuẩn bị việc ông đến lãnh thổ Thổ Nhĩ Kỳ đúng vào lúc Guéc-gây nhận được bản tuyên bố từ bỏ chính quyền của ông ta. Do đó, bản tuyên bố của ông ta kết thúc như sau:

"Nếu cái chết của tôi có thể giúp ích cho tổ quốc thì tôi vui lòng hiến dâng cuộc sống của mình".

Nhưng cái mà ông ta dâng lên làm tế vật trên bàn thờ tổ quốc, trong bàn tay của Guéc-gây, chỉ là quyền lực của người cầm quyền, mà tước hiệu đó thì ông ta lập tức lại cướp lại dưới sự bảo hộ của người Thổ Nhĩ Kỳ.

Ở Quy-ta-xao, đăng cầm quyền in partibus cao cả ấy nhận được cuốn Sách xanh thứ nhất về thảm kịch Hung-ga-ri, do Pan-móc-xtôn đệ trình lên nghị viện⁵⁴⁹. Việc nghiên cứu những văn kiện ngoại giao ấy làm cho ông ta - ông ta viết cho Đ. Uốc-các-tơ - tin chắc rằng "Trong mỗi nội các, nước Nga đều có gián điệp của mình, thậm chí hơn thế nữa, có người đại diện của mình", rằng Pan-móc-xtôn đã bán rẻ dear Hungari^{1*} vì lợi ích của Nga¹⁾. Nhưng câu đầu tiên mà ông ta phát biểu trước công chúng khi đặt chân lên đất Anh ở Xao-hem-tôn là: "Palmerston, the dear friend

1) Cô-sút b

của Nga lại "có thể" lừa gạt con người lý trí lành mạnh "How could a man of any intellect for a single moment believe that the Minister who allowed Russia's intervention in Hungary, would give the word of attack against her?" ["Con người dù chỉ có chút ít lý trí làm thế nào lại có thể tin, dù chỉ trong giây lát, rằng vị bộ trưởng đã để cho Nga can thiệp vào Hung-ga-ri ấy lại có thể ra hiệu lệnh tiến công nước Nga?"] (Bức thư từ Quy-ta-xao ngày 17 tháng Chạp 1850. Thư từ trao đổi của Cô-sút).

1* - Hung-ga-ri thân yêu

of my bosom!" (Pan-mốc-xơn, người bạn chí thân của tôi!).

Sau khi kết thúc thời kỳ bị sống lưu vong ở Thổ Nhĩ Kỳ, Cô-sút đáp tàu sang Anh. Trên đường đi sang Anh, khi ghé qua Mác-xây – nơi đây ông ta không được phép lên bờ – ông ra bản tuyên bố viết theo tinh thần và phong cách của phái dân chủ xã hội Pháp. Ở Anh, ông ta lập tức *chối bỏ*

"học thuyết mới, xã hội dân chủ ấy, nó – dù đúng hay sai - đều bị người ta coi là không thể dung hoà với trật tự xã hội và tính bất khả xâm phạm của sở hữu. Hung-ga-ri không có cơ sở, cũng không có nguyện vọng muốn gắn với học thuyết đó, chỉ ít cũng vì nguyên nhân rất đơn giản là ở Hung-ga-ri không có điều kiện, không có mấy may lý do cho nó tồn tại" (xin so sánh điều này với bức thư gửi từ Mác-xây).

Trong hai tuần lễ đầu lưu lại ở Anh, ông ta tiếp bất cứ ai và bất cứ ở đâu bao nhiêu lần thì ông ta đã thay đổi niềm tin của mình từng ấy lần. Bá tước *Ca-di-mia Bát-ti-a-ni* đã nêu lên lý do sau đây của sự đoạn tuyệt lúc bấy giờ của ông với Cô-sút:

"Điều thúc đẩy tôi đi tới bước đi này không những là bévues^{1*} mà Cô-sút mắc phải trong thời gian lưu lại hai tuần sau khi được tự do, mà còn là toàn bộ kinh nghiệm tôi đã tích lũy được, tất cả những cái mà tôi trông thấy, chịu đựng, cho phép, hứng lấy và - như Ngài còn nhớ – giấu giếm và che đậy ban đầu là ở Hung-ga-ri, rồi trong cảnh lưu vong, tóm lại, ở tôi hình thành ý kiến vững chắc về con người ấy... Cho phép tôi nêu lên rằng những lời tuyên bố trước đây hoặc sau này của Cô-sút ở Xau-hem-pton, Ui-xbích hoặc Luân Đôn, tóm lại ở Anh, sẽ không làm người ta quên những điều mà ông ta đã nói ở Mác-xây. Ở đất nước của "người khổng lồ trẻ" (Mỹ) "ông ta sẽ lại nói theo cách khác, vì trong các sự việc khác ông ta cũng thiếu trung thực (unscrupulous) và uốn mình giống như cây sậy cong xuống trước mỗi cơn gió mạnh, ông ta vứt bỏ sans gêne^{2*} những lời nói của bản thân và không do dự tự che đậy bằng những tên tuổi vĩ đại của những người đã quá cố mà ông ta đã giết hại, như tên tuổi của người anh họ đáng thương của tôi là Lút-vích Bát-ti-a-ni... Tôi tuyên bố không chút ngần ngại rằng ngay trước khi Cô-sút rời nước Anh, các bạn sẽ có đầy đủ căn cứ để lấy làm tiếc về những sự trọng vọng mà các bạn đã phụng phỉ như

1* – những sai lầm

2* – không ngượng ngùng

vậy để dành cho một con người nhỏ nhen nhất (a most undeserving heart" (Thư từ trao đổi của Cô-sút, thư của bá tước Bát-ti-a-ni gửi ông Uốc-các-tơ, Pa-ri, ngày 29 tháng Mười 1851).

Những cuộc trình diễn của Cô-sút ở Hợp chúng quốc Bắc Mỹ – tại đó khi ở miền Bắc ông ta *phản đối* chế độ nô lệ; còn khi ở miền Nam ông ta lại *tán thành* chế độ nô lệ – chỉ để lại đằng sau chúng một sự thất vọng ghê gớm và 300 bộ hài cốt sứt mẻ của những bài diễn văn. Không dừng lại để bàn về tình tiết kỳ lạ ấy, tôi chỉ xin nêu lên một điều là ông ta đã nhiệt tình, khuyên *người Đức ở Mỹ* đặc biệt là *những người Đức lưu vong* hãy thực hiện sự liên minh giữa Đức, Hung-ga-ri và I-ta-li-a, *loại trừ Pháp* (không những chính phủ của cuộc đảo chính, mà là nước Pháp nói chung, thậm chí loại trừ cả những người Pháp lưu vong và có chính đảng Pháp đại diện cho họ). Chẳng bao lâu sau khi trở về Luân Đôn, ông ta mưu toan – thông qua một nhân vật khả nghi, bá tước Xi-môi và đại tá Kít-sơ ở Pa-ri – *bắt liên lạc với Lu-i Bô-na-pác-tơ* (xem bức thư của tôi trên tờ "New-York Tribune", số ra ngày 28 tháng Chín 1852 và bản tuyên bố của tôi cũng đăng trên báo này số ra ngày 16 tháng Mười một 1852⁵⁵⁰).

Năm 1853, khi ở Mi-la-nô nổ ra cuộc khởi nghĩa do Mát-di-ni chuẩn bị⁵⁵¹, trên các tường nhà của thành phố này xuất hiện lời kêu gọi gửi quân đội Hung-ga-ri đóng ở đó, kêu gọi họ đứng về phía những người I-ta-li-a khởi nghĩa. Dưới bản lời kêu gọi ấy ký tên: *Lút-vích Cô-sút*. Tin tức về thất bại của những người khởi nghĩa vừa đến Luân Đôn, thì Cô-sút vội vã tuyên bố trên "Times" và các tờ báo Anh khác rằng lời kêu gọi ấy là *giả mạo*, do đó công khai vạch mặt bạn ông ta Mát-di-ni, là đối trá. Tuy nhiên, lời kêu gọi ấy là *đúng thực*. Mát-di-ni nhận nó từ tay Cô-sút, ông có trong tay bản thảo của lời kêu gọi đó do chính tay Cô-sút viết, và đã hành động với sự đồng ý của Cô-sút. Tin chắc rằng chỉ có những cố gắng thống nhất của I-ta-li-a và Hung-ga-ri mới lật đổ được chế độ bạo ngược của Áo ở I-ta-li-a, Mát-di-ni ban đầu định thay thế Cô-sút bằng một lãnh tụ Hung-ga-ri nào đó đáng tin cậy hơn;

nhưng khi ý đồ ấy bị thất bại do sự bất hoà trong hàng ngũ những người Hung-ga-ri lưu vong, ông đã tha thứ cho người đồng minh không đáng tin cậy của mình và rộng lượng tự kiểm chế không vạch mặt Cô-sút, sự vạch mặt này sẽ xoá sạch uy tín của Cô-sút ở Anh.

Như mọi người đều biết, cũng vào năm 1853 đã nổ ra cuộc chiến tranh Nga – Thổ Nhĩ Kỳ. Ngày 17 tháng Chạp 1850, từ Quy-ta-xao, Cô-sút viết cho Đa-vít Uốc-các-tơ:

"Không có sự thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ thì Thổ Nhĩ Kỳ sẽ không tồn tại được nữa. Mà trong tình hình hiện nay. *Thổ Nhĩ Kỳ là tuyệt đối cần thiết đối với tự do của thế giới*".

Trong thư gửi tể tướng Thổ Nhĩ Kỳ *Rê-sút-pa-sa* ngày 15 tháng Hai 1851, tâm trạng thân Thổ Nhĩ Kỳ của ông ta còn biểu hiện nồng nhiệt hơn. Bằng những câu văn khoa trương, ông ta tỏ ý sẵn sàng phục vụ Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ. Trong thời gian du hành ở nước Mỹ, ngày 22 tháng Giêng 1852 ông viết cho Đ.Uốc-các-tơ:

"Không ai hiểu hơn ngài rằng lợi ích của Thổ Nhĩ Kỳ và Hung-ga-ri là đồng nhất, vậy ngài có đồng ý bảo vệ tư thế của tôi ở Công-xtăng-ti-nô-plơ không? Trong thời gian tôi lưu lại Thổ Nhĩ Kỳ, Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ không biết tôi là ai; sự tiếp đón của Anh và Mỹ dành cho tôi và địa vị mà tôi có được nhờ sự may mắn – thậm chí tôi muốn nói: nhờ ý trời – phải chứng minh với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ rằng tôi là người bạn thành thực, và có lẽ không phải không có ảnh hưởng, của Thổ Nhĩ Kỳ và của tương lai của nó".

Ngày 5 tháng Mười một 1853, ông ta đề nghị bằng văn bản với ông *Crô-si* (thuộc phái Uốc-các-tơ), hãy đi Công-xtăng - ti-nô-plơ với tư cách đồng minh của người Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng "không phải là với hai bàn tay không" ("not with empty hands"), do đó yêu cầu ông *Crô-si* kiếm tiền cho ông ta

"bằng cách kêu gọi riêng những người nào thuộc phái tự do có thể dễ dàng giúp đỡ".

Trong bức thư đó ông ta nói rằng: "Tôi căm ghét và khinh bỉ mãnh khoẻ làm cách mạng" ("I hate and despise the artifice of making revolutions"). Nhưng trong khi đứng trước phái Uốc-các-tơ

ông ta bày tỏ sự thù ghét đối với cách mạng và sự yêu mến đối với người Thổ Nhĩ Kỳ, thì ông ta lại cùng Mát-di-ni ra bản tuyên bố, trong đó đưa ra yêu cầu trục xuất người Thổ Nhĩ Kỳ khỏi châu Âu và biến Thổ Nhĩ Kỳ thành một thứ "Thụy Sĩ phương Đông", và ông ta còn ký tên vào lời kêu gọi của cái gọi là Ủy ban trung ương phái dân chủ châu Âu⁵⁵² hô hào tiến hành cách mạng nói chung.

Vì ngay từ cuối năm 1853 Cô-sút đã phung phí hết một cách vô mục đích số tiền mà ông ta quỵên được ở Mỹ trong năm 1852 bằng những lời hô hào lấy danh nghĩa Hung-ga-ri, và vì ông Crô-si đã bỏ ngoài tai đề nghị của ông ta nên người cầm quyền đó đã từ bỏ kế hoạch viếng thăm nghĩa hiệp đến Công-xtăng-ti-nô-plơ, nhưng lại cử tới đó người đại diện của mình, đại tá *I-ô-han Ban-đi-a*¹⁾ với những lời giới thiệu tốt nhất.

1) Năm 1850 ở Luân Đôn, bản thân tôi có quen *Ban-đi-a* và ông *Tuy-rơ* bạn của ông ta lúc đó, hiện nay là *tướng*. Bằng phương pháp giản đơn là đưa tôi xem giấy chứng minh do chính *Cô-sút* chuẩn bị, ông ta đã xua tan những sự nghi ngờ của tôi bắt nguồn từ những sự mờ ám của ông ta cùng với đủ loại đảng phái – phái Oóc-lê-ăng, phái Bô-na-pác-tơ v.v. – và quan hệ của ông ta với cảnh sát thuộc tất cả các "nước". Theo giấy chứng minh này, Ban-đi-a trước kia đã từng là giám đốc cảnh sát lâm thời ở Cô-moóc-nơ dưới quyền Cláp-ca, hiện nay được bổ nhiệm làm giám đốc cảnh sát in pertibus. Với tư cách cục trưởng cảnh sát bí mật phục vụ cách mạng, đương nhiên ông ta phải có cửa "công khai" vào cục cảnh sát phục vụ chính phủ. Mùa hè 1852, tôi phát hiện thấy ông ta giấu bản thảo mà tôi đưa ông ta chuyển cho một nhà buôn sách ở Béc-lin, ông ta đem nộp cho một trong số các chính phủ ở Đức⁵⁵³. Sau khi tôi viết cho một người Hung-ga-ri ở Pa-ri kể về sự kiện ấy và về những đặc điểm khác từ lâu đã làm tôi chú ý ở con người đó và sau khi điều bí mật đó của Ban-đi-a được giải đáp nhờ sự tham dự của một nhân vật thứ ba khá thạo tin, thì đầu năm 1853 tôi gửi cho tờ "New-Yorker Criminal - Zeitung"⁵⁵⁴ số nhỏ hơn một bài báo công khai vạch mặt ông ta, do tôi ký tên. Trong bức thư bào chữa hiện tôi còn giữ. Ban-đi-a chỉ rõ rằng tôi không có mấy may can cứ

nào để coi ông ta là gián điệp, vì ông ta bao giờ cũng (và đó là sự thực) tránh nói với tôi về những vấn đề nội bộ của đảng tôi. Tuy Cô-sút và những người ủng hộ ông ta bấy giờ chưa cắt đứt với Ban-di-a, song bài vạch mặt của tôi trong tờ "Criminal-Zeitung" đã cản trở hoạt động sau này của ông ta ở Luân Đôn, nên ông ta vui lòng nắm lấy thời cơ, mà tình hình rắc rối ở Phương Đông tạo ra cho ông ta, để sử dụng tài năng của mình vào lĩnh vực khác. Chẳng bao lâu sau khi ký hoà ước Pa-ri (năm 1856) tôi đọc thấy trên báo chí đảng tin này. Một người nào đó tên là *Méch-mét-bây*, đại tá quân đội Thổ Nhĩ Kỳ, trước đây được biết đến dưới cái tên I-ô-han Ban-di-a, là tín đồ Cơ đốc giáo, đã cùng một số người lưu vong Ba Lan đáp tàu từ Công-xtăng-ti-nô-plơ đi Tréc-kê-xi, tại đây ông ta lấy tư cách tổng tham mưu trưởng của Xê-phơ-pa-sa và trên mức độ nhất định lấy tư cách là "Xi-môn Bô-li-va-rô" của người Tréc-kê-xi. Trên tờ "Free Press" *Luân Đôn* được phát hành với số lượng lớn ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, tôi vạch rõ

báo đã nêu rõ, Ban-di-a đã bị toà án quân sự của quân đoàn Ba Lan – do đại tá T. La-pin-xki chỉ huy – xử tử hình ở A-đéc-bi do mưu toan phản bội Tréc-kê-xi. Vì Ban-di-a là đại tá Thổ Nhĩ Kỳ, nên Xê-phơ-pa-sa cho rằng việc thi hành bản án đó là không phù hợp với sự tôn trọng Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, do đó đã chuyển tội phạm đến Tơ-ra-pê-dun-đơ, từ đây, hẳn được trả lại tự do, chẳng bao lâu lại quay về Công-xtăng-ti-nô-plơ. Trong thời gian đó, những người Hung-ga-ri lưu vong ở Công-xtăng-ti-nô-plơ đã sốt sắng biện hộ cho Ban-di-a, công kích người Ba Lan, được sứ quán Nga bảo vệ chống lại Đì-van (mà Đì-van còn phải nuôi ông ta với tư cách "đại tá" cùng với lũ vợ của ông ta, được thiên kiến của đồng bào ông ta đối với người Ba Lan che chở, Ban-di-a đã thản nhiên công bố tự bào chữa trên tờ "Journal de Constantinople"⁵⁵⁶. Nhưng chẳng bao lâu sau, việc đoàn đại biểu Tréc-kê-xi tới đó đã chấm dứt câu chuyện. Những người Hung-ga-ri lưu vong đã chính thức từ bỏ người được họ che chở, tuy rằng de très mauvaise graine rất không hài lòng. Tất cả giấy tờ của toà án quân sự ở A-đéc-bi, trong đó có lời nhận tội của chính Ban-di-a, cũng như những văn kiện trao đổi sau này ở Công-xtăng-ti-nô-plơ, đều được những người Ba Lan lưu vong ở tại chỗ chuyển về Luân Đôn, nơi đây "Free Press" (tháng Năm 1858) có trích đăng. Những văn kiện ấy được tôi công bố đầy đủ hơn trên tờ "New-York Tribune", số ra ngày 16 tháng Sáu 1858⁵⁵⁷.

Ngày 20 tháng Giêng 1858 toà án quân sự đã mở phiên toà tại A-đéc-bi thuộc Séc-kê-si và nhất trí xử tử hình "Méch-mét-bây, nguyên là *I-ô-han Ban-di-a ở In-lô-sphan-va*, tên này căn cứ vào lời cung khai của y và chứng cứ của nhân chứng – đã phạm tội phản bội đất nước và bí mật liên lạc với địch" (tướng Nga Phi-líp-xơn) nhưng việc đó không hề cản trở y – cho tới lúc này – vẫn tiếp tục sống yên ổn ở Công-xtăng-ti-nô-plơ. Trong bản cung khai của chính *Ban-di-a* nộp cho toà án quân sự có đoạn viết:

"Hoạt động chính trị của tôi hoàn toàn chịu sự hướng dẫn của lãnh tụ nước tôi là *Lút-xích Cô-sút*... Tôi đến Công-xtăng-ti-nô-plơ ngày 22 tháng Chạp 1853, mang theo giấy giới thiệu của lãnh tụ chính trị của tôi".

Sau đó, như ông ta kể ở dưới, ông ta trở thành tín đồ Hồi giáo và vào phục vụ trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ với quân hàm đại tá.

"Theo chỉ thị" (của Cô-sút) "gửi cho tôi thì tôi phải bằng cách nào đó chui vào hàng ngũ đơn vị quân đội được cử đi tác chiến ở bờ biển Tréc-kê-xi".

Ở đây ông ta phải ra sức cản trở bất cứ sự tham gia nào của người Tréc-kê-xi vào cuộc chiến tranh chống Nga. Ông ta đã hoàn thành thắng lợi sứ mạng của mình và khi chiến tranh kết thúc đã từ Công-xtăng-ti-nô-plơ gửi cho Cô-sút "báo cáo tỉ mỉ về tình hình ở Tréc-kê-xi". Trước cuộc viễn chinh thứ hai được tiến hành cùng với người Ba Lan vào Tréc-kê-xi, ông ta nhận được chỉ thị của Cô-sút yêu cầu cùng hành động với những người Hung-ga-ri được nêu lên chính xác trong đó có tướng Stai-nơ (Phéc-hát-pa-sa).

"Đại úy Phran-ki-ni", – ông ta nói – "bí thư quân sự của công sứ Nga, đã tham gia một số cuộc họp của chúng tôi. Mục đích của chúng tôi là lôi kéo Tréc-kê-xi về phía Nga bằng phương pháp hoà bình, chậm nhưng chắc. Trước khi đoàn quân viễn chinh rời Công-xtăng-ti-nô-plơ" (vào giữa tháng Hai 1857), "tôi nhận được thư và chỉ thị của Cô-sút tấn thành kế hoạch hành động của tôi".

Ở Tréc-kê-xi, sự phản bội của Ban-di-a bị phát giác do người ta bắt được thư của ông ta gửi tướng Nga Phi-líp-xơn,

"Theo chỉ thị mà người ta gửi cho tôi" – Ban-di-a nói – "tôi phải bắt liên lạc với một viên tướng Nga. Một thời gian dài tôi không dám làm việc đó, nhưng, cuối cùng, tôi nhận được ordre^{1*} rõ ràng đến mức tôi không dám do dự nữa".

Vụ án mà toà án quân sự đưa ra xử ở A-đéc-bi, đặc biệt là *bản cung khai của bản thân Ban-di-a* đã gây ra sự xôn xao lớn ở Công-xtăng-ti-nô-pơ, Luân Đôn và Niu Oóc. Người ta, trong đó có cả người Hung-ga-ri, đã nhiều lần kiên quyết đòi Cô-sút đưa ra lời giải thích công khai, nhưng không kết quả. Cho tới bây giờ, ông ta vẫn giữ sự im lặng hèn nhát về sứ mệnh của Ban-di-a ở Tréc-kê-xi.

Mùa thu năm 1858, Cô-sút bán rao với giá rẻ mạt ở Anh và Xcốt-len những bài giảng chống lại địa vị Công-coóc-da của Áo⁵⁵⁸ và chống lại Lu-i Bô-na-pác-tơ. Với một sự cuồng tín hết sức nồng cháy hồi bấy giờ ông ta đã nhắc nhở người Anh đề phòng các kế hoạch phản bội của Lu-i Bô-na-pác-tơ mà ông ta gọi là đồng minh bí mật của Nga, điều đó có thể thấy được, chẳng hạn, qua tờ "Glasgow Sentinel" (số ra ngày 20 tháng Mười một 1858). Đầu năm 1859 khi Lu-i Bô-na-pác-tơ bộc lộ kế hoạch I-ta-li-a của mình, Cô-sút vạch mặt Lu-i Bô-na-pác-tơ trên tờ "Pensiero ed Azione" của *Mát-di-ni* và nhắc nhở "tất cả những người cộng hoà chân chính" – người I-ta-li-a, Hung-ga-ri, thậm chí cả người Đức – đừng có tiếp tay cho hoàng đế Ca-di-mô-đô ấy. Tháng Hai 1859 Cô-sút quả quyết rằng đại tá Kít-sơ, bá tước Tê-lê-ki và tướng Cláp-ca, mà từ khá lâu đã thuộc bọn nịnh thần đỏ ở Pa-le Roay-an, đã cùng với Plông-Plông lập kế hoạch âm mưu khởi nghĩa ở Hung-ga-ri. Cô-sút đe dọa rằng sẽ mở cuộc luận chiến công khai trên báo chí Anh, nếu người ta không cho ông ta tham gia "đồng minh bí mật". Plông-Plông hoàn toàn sẵn sàng mở rộng cửa hội nghị hầu giáo hoàng cho ông ta. Đầu tháng Năm, Cô-sút mang hộ chiếu Anh, dưới tên là Brun, đi Pa-ri, vội vàng đến Pa-le Roay-an

1* – mệnh lệnh

và trình bày tường tận với Plông-Plông kế hoạch khởi nghĩa ở Hung-ga-ri của mình. Tối ngày 3 tháng Năm, "vị hoàng thân đỏ" dùng xe ngựa riêng chở vị chấp chính đến Tuyn-lơ-ri để giới thiệu với vị cứu tinh của xã hội. Trong thời gian cuộc hội kiến với Lu-i Bô-na-pác-tơ, tài ăn nói hùng hồn của Cô-sút được thể hiện trong những trường hợp khác, đã không chịu phục vụ ông ta, thành thử Plông-Plông phải nói thay ông ta và thuật lại, trên chừng mực nào đó, cương lĩnh của Cô-sút với người anh em họ của mình. Sau đó, Cô-sút hết lời ca tụng Plông-Plông đã thuật lại chính xác hầu như từng chữ một. Sau khi chăm chú nghe người anh em họ của mình thuật lại, Lu-i Bô-na-pác-tơ nói rằng chỉ có một trở ngại ngăn cản ông chấp nhận đề nghị của Cô-sút, đó là những nguyên tắc cộng hoà của Cô-sút và quan hệ của Cô-sút với phái cộng hoà. Để trả lời điều đó, vị cựu chấp chính từ bỏ hết sức trịnh trọng niềm tin cộng hoà, cam đoan rằng ông ta không phải là và chưa hề là người cộng hoà, rằng chỉ do sự cần thiết về chính trị và tình huống đặc biệt đã buộc ông tham gia phái cộng hoà của những người châu Âu lưu vong. Để chứng minh rằng mình chống chủ nghĩa cộng hoà, Cô-sút đã nhân danh đất nước mình dâng ngôi vua Hung-ga-ri cho Plông-Plông. Ngôi vua đó hồi bấy giờ còn chưa bị thủ tiêu. Tuy Cô-sút không có toàn quyền được công nhận để bán đấu giá ngôi vua, nhưng ai thường xuyên chú ý ít nhiều đến các bài diễn thuyết của ông ta ở nước ngoài, thì đều biết rằng từ lâu ông ta đã có thói quen nói về "dear Hungary" của mình, giống như bọn quý tộc tỉnh lẻ nói về lãnh địa của họ¹⁾.

1) Nếu như những việc như thế mọi người đều biết thì cũng chẳng có gì phải ngạc nhiên, nhất là khi ta xét đến một điều là ở đây chỉ ít có hai bên lăm lăm tham gia. Vả lại, những sự việc ấy đã được công bố trên báo chí Anh khi Cô-sút lưu lại ở Luân Đôn (đầu mùa thu năm 1859).

Tôi cho rằng việc Cô-sút từ bỏ niềm tin cộng hoà của mình là thành thực. Mức lương nguyên thủ 300 000 phlô-rin mà ông ta yêu cầu ở Pét để duy trì sự hào nhoáng của quyền hành pháp của mình; việc giao cho em gái mình cai quản những cơ sở điều trị lớn mà trước kia thuộc về đại công tước phu nhân Áo; mưu toan đặt tên Cô-sút cho mấy trung đoàn; ước nguyện của ông ta về việc gây dựng bọn nịnh thần; ra nước ngoài rồi còn ngoan cố bám lấy tước hiệu người cầm quyền mà ông ta đã từ bỏ vào giờ phút nguy hiểm; tất cả những hành vi tiếp theo của ông ta – hành vi này xứng với một kẻ tập tễnh chiếm ngôi vua hơn là với một người lưu vong – tất cả những cái đó nói lên khuynh hướng xa lạ với chủ nghĩa cộng hoà.

Sau những màn kịch gột sạch cho ông Cô-sút sự tình nghi là theo chủ nghĩa cộng hoà, theo hiệp nghị, người ta trao cho ông ta ba triệu phrăng. Một hiệp nghị như thế không có gì là lạ, vì để tổ chức những người lưu vong Hung-ga-ri theo lối quân sự thì cần có tiền, và tại sao một nhà chấp chính lại không có quyền nhận trợ cấp của những đồng minh mới của mình, giống như tất cả các quốc gia chuyên chế châu Âu đã nhận trợ cấp của nước Anh trong suốt cuộc chiến tranh chống Gia-cô-banh? Với tính cách khoản ứng trước để chi tiêu cho cá nhân, Cô-sút được lĩnh ngay 50 000 phr., ngoài ra ông ta còn đạt được những khoản lợi lộc về tiền nong nhất định, có thể gọi là khoản tiền bảo hiểm đề phòng chiến tranh kết thúc trước thời gian. Tài nhìn xa về tài chính và sự nhạy cảm của những tình cảm mang tính chất đóng kịch tuyệt nhiên không loại trừ nhau. Cần biết rằng ngay trong thời kỳ cách mạng Hung-ga-ri, – như cựu bộ trưởng tài chính của Cô-sút là Đu-sếch phải biết rõ điều này, – Cô-sút đã sáng suốt quan tâm đến làm sao người ta trả lương cho ông ta không phải bằng giấy bạc Cô-sút, mà là bằng bạc thật hoặc bằng giấy bạc Ngân hàng Áo.

Trước khi Cô-sút rời Tuyn-lơ-ri, đã có sự thoả thuận rằng ông ta sẽ triển khai ở Anh cuộc vận động vì nền trung lập nhằm trung

lập hoá cái gọi là "khuynh hướng thân Áo" của chính phủ Đốc-bi. Mọi người đều biết, sự giúp đỡ tự nguyện của đảng Vích và của trường phái Man-se-xơ đã cho phép ông ta hoàn thành rất thành công điều khoản sơ bộ đó của hiệp ước. Những cuộc diễn thuyết lưu động tiến hành từ Toà thị chính Luân Đôn đến dinh Mậu dịch tự do ở Man-se-xơ tựa hồ như đã tạo thành phản đề cho những cuộc diễn thuyết lưu động của ông ta ở Anh và Xcốt-len hồi mùa xuân 1858, bấy giờ ông ta bán rao – để thu từng đồng si-linh ở mỗi người – sự thù ghét của ông ta đối với Bô-na-pác-tơ và Séc-bua như "the standing menace to England"^{1*}.

Đại bộ phận những người Hung-ga-ri lưu vong ở châu Âu đã quay lưng lại với Cô-sút từ cuối năm 1852. Triển vọng tấn công vào bờ biển A-dri-a-tích, với sự giúp đỡ của Pháp, lại thu hút đại bộ phận trong số họ đứng dưới ngọn cờ của Cô-sút. Cuộc đàm phán của ông ta với những quân nhân gồm những tín đồ mới tranh thủ được không thiếu dư vị của "tháng Chạp". Để có thể chuyển cho họ phần lớn số tiền của Pháp, Cô-sút đã nâng quân hàm cho họ, chẳng hạn, nâng trung uý lên cấp thiếu tá. Trước hết, mỗi người trong bọn họ đều được cấp lộ phí đến Tu-rin, rồi được cấp quân phục sang trọng (giá của mỗi bộ quân phục thiếu tá lên tới 150 pao xtéc-linh) và, sau hết, được phát trước 6 tháng lương và được hứa hẹn trả một năm lương sau khi ký hoà ước. Nhưng, nhìn chung, lương không cao lắm: tổng tư lệnh (Cláp-ca) nhận được 10 000 phr., tướng – 6 000 phr., tư lệnh lữ đoàn – 5 000 phr., trung tá - 4 000 phr., thiếu tá - 3 000 phr. v.v.. Lực lượng quân sự Hung-ga-ri tập hợp ở Tu-rin hầu như gồm toàn sĩ quan mà không có binh sĩ, và về điểm này tôi đã nhiều lần nghe thấy những lời than phiền xót xa của "lớp dưới" thuộc hàng ngũ những người Hung-ga-ri lưu vong.

Tướng Mô-rít-xơ Péc-txen nhìn thấu cái trò ngoại giao ấy, như

1* – "mối đe doạ thường xuyên đối với Anh"

đã nói trên kia, đã cự tuyệt tham gia trò chơi ấy và công khai phát biểu về việc ấy. *Cláp-ca*, bất chấp phản mệnh lệnh của Lu-i Bô-na-pác-tơ, đã kiên trì đòi đổ bộ ở Phi-u-mê, nhưng *Cô-sút* giữ quân đoàn lưu vong Hung-ga-ri ở giới hạn sân khấu mà chủ rạp hát quy định cho ông ta.

Tin tức về việc ký hoà ước Vi-la-phrăng-ca vừa đến Tu-rin, thì *Cô-sút*, sợ bị nộp cho Áo, đã vô đầu suy nghĩ và bí mật bỏ chạy về Giơ-ne-vơ, giấu giếm không cho quân của mình biết việc đó. Trong doanh trại của Hung-ga-ri, tại Tu-rin lúc đó, Phran-tơ-I-ô-xíp cũng như Bô-na-pác-tơ cũng như không một người nào khác lại bị thù ghét bằng Lút-vích *Cô-sút*, song tính hài hước của cuộc chạy trốn vừa rồi của ông ta đã làm cho sự phê phán đối với ông ta lắng đi trên một mức độ nhất định. Nhưng trở về Luân Đôn, *Cô-sút* đã công bố bức thư gửi cho con voi thuần phục của mình, một tên Mắc A-đam nào đó ở Gla-xgô, trong đó ông ta tuyên bố rằng ông ta cảm thấy thất vọng nhưng không bị lừa; ông kết thúc bức thư bằng câu nói xúc động rằng ông ta không có chốn nương thân và ông ta yêu cầu tất cả thư viết cho ông ta đều gửi đến nhà của bạn ông ta là Ph.Pun-xki là người đã thu dụng kẻ lưu vong. Vượt cả sự thô lỗ của người An-glô - Dắc-den, báo chí Luân Đôn đề nghị với *Cô-sút* rằng nếu ông ta muốn thì có thể dùng tiền trợ cấp của Bô-na-pác-tơ để thuê cho mình một ngôi nhà ở Luân Đôn, điều đó làm cho ông ta tin chắc rằng tạm thời ở Luân Đôn ông ta không còn vai trò gì phải sắm nữa.

Ngoài tài hùng biện, *Cô-sút* còn một tài năng vĩ đại là cầm lạng khi thính giả tỏ ra không hài lòng rõ rệt đối với ông ta, hoặc khi ông ta không có gì nói để tự biện hộ. Giống như mặt trời, ông ta không xa lạ với cảnh nhạt thực. Bức thư gần đây của ông ta gửi Ga-ri-ban-đi đã chứng minh rằng ông đã tỏ ra nhất quán, dù rằng suốt đời chỉ có một lần thôi. Trong thư này ông ta cảnh cáo Ga-ri-ban-đi chớ tấn công La Mã để không lãng nhục hoàng đế của người Pháp, "chỗ dựa duy nhất của các dân tộc bị áp bức".

Giống như An-be-rô-ni ở nửa đầu thế kỷ XVIII đã được người ta gọi là vị hồng y giáo chủ khổng lồ, *Cô-sút* có thể được gọi là *Lan-ghen-svác-xơ* khổng lồ. Về thực chất, ông ta là nhà thơ ngẫu hứng, mỗi lần đều chịu ảnh hưởng của thính giả mới của mình, chứ không phải là một nhà sáng tác áp đặt cho thế giới những tư tưởng độc đáo của mình. Giống như Blông-đanh nhảy múa trên sợi dây của mình, *Cô-sút* nhảy múa trên cái lưỡi của mình. Bị tách khỏi bầu không khí của nhân dân nước mình, ông ta không tránh khỏi biến thành kẻ điều luyện đơn thuần và mắc phải những tật xấu của kẻ điều luyện. Đặc điểm của nhà thơ ngẫu hứng là tính không căn bản của tư duy, đặc điểm đó tất được phản ánh trong tính lập lờ nước đôi của hành động của ông ta. Nếu như *Cô-sút* đã từng là chiếc đàn hác-phơ của Thần gió, mà bão táp nhân dân đã dùng để tạo nên những khúc hùng tráng, thì hiện nay ông ta chỉ còn là cái tai của *Đi-ô-xi-uyt* để truyền lại những lời thì thào của các phòng bí mật ở Pa-le Roay-an và Tuyn-lơ-ri.

Sẽ hoàn toàn không công bằng nếu đặt người bảo trợ thứ hai của *Phô-gtô*, *tướng Cláp-ca*, vào cùng một giuộc với *Cô-sút*. *Cláp-ca* là một trong những viên tướng cách mạng ưu tú của Hung-ga-ri. Giống như phần lớn các sĩ quan tập hợp ở Tu-rin năm 1859, ông nhìn Lu-i Bô-na-pác-tơ như là Phran-tơ Ra-cô-xi nhìn Lu-i XIV. Đối với họ Lu-i Bô-na-pác-tơ tiêu biểu cho sức mạnh quân sự của Pháp có thể giúp ích cho Hung-ga-ri, nhưng không bao giờ – chỉ riêng vì những điều kiện địa lý – có thể là mối nguy đối với nó¹⁾.

1) Tuy tôi hiểu rằng *Cláp-ca* có thể đứng trên quan điểm đó, tôi vẫn ngạc nhiên một cách khó chịu khi thấy tâm trạng tương tự trong tác phẩm được dẫn ra trên đây của Xê-me-rơ, và tôi đã thẳng thắn nói với ông quan điểm của tôi về vấn đề ấy. Tôi càng không hiểu lời tuyên bố gần đây nhất của ông về sự nhượng bộ của Áo⁵⁵⁹. Tôi biết rằng trong các công việc chung, Xê-me-rơ không thể để cho động cơ cá nhân chi phối và có căn cứ rất vững chắc để

Nhưng tại sao Phô-gơ lại viện dẫn Cláp-ca? Cláp-ca chưa bao giờ phủ nhận ông thuộc đám nịnh thần của Plông-Plông. Để dùng "bạn" Cláp-ca làm người bảo lãnh cho "bạn" Phô-gơ? Cláp-ca không có biệt tài trong việc lựa chọn bạn hữu của mình. Một trong những bạn thân của ông ở Cô-moóc-nơ là đại tá *A-xe-rman*. Chúng ta hãy nghe đại tá *La-pin-xki* nói về đại tá *A-xe-rman*. Đại tá *La-pin-xki* đã phục vụ dưới quyền Cláp-ca trước khi Cô-moóc-nơ đầu hàng và sau đó đã tỏ ra xuất sắc ở Tréc-kê-xi trong cuộc đấu tranh của mình chống người Nga.

"Sự phản bội ở Vi-la-gô-sô"⁵⁶¹ – *La-pin-xki* nói – "đã gây ra sự hoảng sợ mạnh mẽ trong vô số sĩ quan tham mưu ở Cô-moóc-nơ lúc đó chẳng làm gì cả... Những ngài xúc nước hoa với cổ áo thêu kim tuyến ấy trong số đó nhiều người không biết cầm súng và không chỉ huy nổi ba người lính – đã bỏ chạy tán loạn trong sự hoảng hốt, họ nghĩ đủ cách để cứu vãn lấy mạng sống của mình bằng bất cứ giá nào. Viện đủ thứ lý do để rời khỏi các binh đoàn chủ lực để có thể ăn không ngồi rồi trong các cứ điểm đủ tiện nghi, an toàn, không thể đánh chiếm được, hàng tháng ký sổ lương như thường lệ, họ hoảng sợ trước ý nghĩ phải tiến hành cuộc chiến đấu phòng thủ sống mái... Chính những tên vô lại ấy đã lừa dối viên tướng, vẽ ra cho ông ta bức tranh rùng rợn về sự hỗn loạn trong nội bộ, về những cuộc nổi loạn v.v., để đẩy ông ta đi tới chỗ cho cứ điểm đầu hàng hết sức nhanh chóng với điều kiện đảm bảo sinh mệnh và tài sản của họ. Nhiều người hết sức thiết tha với điều kiện cuối này bởi vì toàn bộ mọi suy nghĩ của họ trong suốt cuộc cách mạng là chỉ nhằm làm giàu, một số đã đạt được điều đó. Đối với một số người, sự làm

tuyên bố rằng: người Hung-ga-ri, một khi nhận được những gì mà Viên trao cho họ sẽ đạt được mọi cái ở Pét; rằng bất cứ cuộc khởi nghĩa nào ở Hung-ga-ri do bên ngoài gây ra, đặc biệt là với sự chi viện của Pháp, đều không tránh khỏi kéo theo sự can thiệp của Nga vào công việc của Hung-ga-ri có lợi cho Áo hoặc chống lại Áo; sau hết, rằng lúc này – cũng như vào những năm 1848-1849 – quyền tự trị trao cho Tơ-ran-xin-va-ni, Xlô-va-ki và Crô-a-xi, cũng như cho Vô-ê-vô-di-na, sẽ bảo đảm cho nội các Viên có được sự giúp sức của các "dân tộc" ấy chống lại người Ma-di-a. Tất cả điều đó đều đúng, nhưng tất cả điều đó có thể được nói theo cách khác để không tạo lý do cho người ta nghĩ rằng anh đã thừa nhận hiến pháp Hung-ga-ri theo bản in ở Viên đã bị bóp méo "in usum delphini"⁵⁶⁰.

giàu đó đạt được rất dễ dàng, vì nhiều kẻ được thanh toán số tiền nhận được không quá nửa năm sau. Tình hình đó tạo điều kiện thuận lợi cho sự bịp bợm và lường gạt, và chắc chắn là một số người đã thọc tay vào kết sắt sâu hơn là họ có khả năng bồi hoàn cho kết sắt... Đình chiến được ký kết, bây giờ phải lợi dụng nó như thế nào? Trong số thức ăn dự trữ đủ dùng cho *cả năm*, đại bộ phận đã bị chuyển về các làng mạc xung quanh tuy hoàn toàn không cần làm như vậy; trái lại, người ta không chuyển một thứ thực phẩm gì từ vùng phụ cận vào; nông dân các làng mạc tiếp giáp thậm chí còn được để lại cỏ khô và yến mạch, mặc dầu nông dân đã yêu cầu mua cho họ những thức ăn cho súc vật ấy; và thế là sau đó mấy tuần ngựa của quân Cô-đắc đã ăn sạch các thứ của nông dân, trong khi đó trong cứ điểm chúng tôi ta thán vè sự thiếu thức ăn cho lừa ngựa. Đại bộ phận súc vật để giết thịt có trong cứ điểm đã bị đem bán ra ngoài thành phố, với lý do thiếu thức ăn cho chúng. *Đại tá A-xe-rman* chắc hẳn đã không biết rằng thịt tươi có thể làm thành thịt ướp muối. Phần lớn ngũ cốc cũng bị đem bán với lý do là nó bắt đầu bị mục; việc đó được tiến hành công khai nhưng phần nhiều được tiến hành bí mật. Trong đám người thân cận *A-xe-rman* và những kẻ tương tự ông ta, dĩ nhiên là *Cláp-ca* phải lập tức từ bỏ mọi ý nghĩ tốt đẹp nảy sinh trong đầu óc ông; các ngài vây quanh ông đã quan tâm đến chính điều đó..." (*La-pin-xki*, l. c., tr. 202-206).

Hội ký của Guéc-gây và Cláp-ca⁵⁶² đều chứng minh một cách hiển nhiên như nhau rằng Cláp-ca thiếu tính kiên quyết và viễn kiến chính trị. Tất cả những sai lầm mà ông mắc phải trong thời gian phòng thủ Cô-moóc-nơ, đều bắt nguồn từ thiếu sót cơ bản ấy.

"Nếu như với sự am hiểu và lòng yêu nước của mình, Cláp-ca còn có *một ý chí kiên quyết của chính mình* và nếu như ông hành động theo lý trí *của mình*, chứ không theo sự xúi bẩy của bọn người ngu xuẩn và nhát gan bao quanh ông, thì cuộc phòng thủ Cô-moóc-nơ đã có thể sáng tỏ trong lịch sử như một ngôi sao băng" (l.c., tr. 209).

Ngày 3 tháng Tám, Cláp-ca giành được một thắng lợi huy hoàng đối với quân đoàn Áo bao vây Cô-moóc-nơ, hoàn toàn đánh bại quân Áo và làm nó mất sức chiến đấu trong một thời gian dài. Tiếp liền đó ông chiếm Ra-áp và có thể chiếm được dễ dàng ngay cả Viên, nhưng, không biết nên làm gì, ông đã dừng lại một thời gian ngắn ở Ra-áp mà không làm gì, rồi quay lại Cô-moóc-nơ, nơi đây ông nhận được thư của Guéc-gây và tin tức cho biết Guéc-gây

đã hạ vũ khí. Kẻ địch đề nghị ngừng bắn để tập trung ở Cô-moóc-nơ quân đoàn Áo đã bị đánh bại và số quân Nga đang từ Ri-ma-xôm-bát tiến về, sau đó sẽ yên trí bao vây cứ điểm. Đáng lẽ phải tấn công lần lượt và tiêu diệt từng bộ phận số quân địch còn đang tập trung, thì Cláp-ca lại do dự một cách bất lực, nhưng vẫn bác bỏ đề nghị ngừng bắn của phái đoàn quân Áo và Nga. Đến lúc ấy – La-pin-xki kể, –

"ngày 22 tháng Tám, sĩ quan tùy tùng của hoàng đế Ni-cô-lai đến Cô-moóc-nơ... Nhưng – nhân vật Mê-phi-xtô-phen Nga nói với giọng ngọt ngào, – *thưa tướng quân, Ngài sẽ không từ chối chúng tôi một cuộc ngừng bắn hai tuần: Đức hoàng đế nhân từ của chúng tôi yêu cầu Ngài như vậy!* Điều đó đã có hiệu quả như một liều thuốc độc mạnh. Bằng mấy lời nói mà viên sĩ quan tùy tùng xảo quyệt đã được cái mà bằng tất cả những cố gắng và thuyết phục, các phái đoàn đàm phán Áo và Nga không đạt được. Cláp-ca không thể đứng vững trước những lời ca tụng tinh vi ấy và ký ngừng bắn hai tuần. Sự thất thủ của Cô-moóc-nơ bắt đầu từ ngày đó".

Như trên đã nói, bản thân thời gian ngừng bắn đã bị *đại tá A-xe-rman*, dựa vào sự dung túng của Cláp-ca, lợi dụng để *trong hai tuần lễ* chuyển ra khỏi cứ điểm số *dự trữ thức ăn đủ cho cả năm*. Hết thời hạn ngừng bắn, Gra-bơ bao vây Cô-moóc-nơ từ phía sông Va-gơ, trong khi đó quân Áo tăng dần lực lượng của mình lên tới 40 000 người và bố trí ở hữu ngạn sông Đa-nuýp. Quân phòng thủ Cô-moóc-nơ bị mất tinh thần do cuộc sống vô công rồi nghề trong công sự và tường thành. Cláp-ca không tiến hành một cuộc xuất kích nào đối với quân đoàn Nga bao vây cứ điểm còn chưa đánh trận nào và chỉ có 19 000 người. Quân địch không bị cản trở phút nào trong công việc chuẩn bị bao vây thành phố. Từ ngày ký ngừng bắn. Cláp-ca trên thực tế đã chuẩn bị mọi thứ không phải để phòng ngự, mà để đầu hàng. Toàn bộ tinh lực mà ông bỏ ra, đều mang tính chất cảnh cáo vì nó nhằm chống lại các sĩ quan dũng cảm phản đối đầu hàng.

"Thời gian cuối", - *La-pin-xki* viết – "nói bất cứ điều gì về người Áo đều trở thành nguy hiểm, vì có thể bị bắt".

Cuối cùng, ngày 27 tháng Chín đã diễn ra cuộc đầu hàng.

"Nếu như xét đến lực lượng hiện có, tình hình tuyệt vọng của đất nước gửi gắm hy vọng cuối cùng của mình vào Cô-moóc-nơ, tình hình chung ở châu Âu và sự bất lực của Áo là nước có thể chịu những hy sinh lớn nhất cho Cô-moóc-nơ, – thì những *điều kiện đầu hàng là cực kỳ thảm hại*".

Chúng "chỉ giúp cho việc nhanh chóng hơn rút khỏi Cô-moóc-nơ ra nước ngoài", chứ không đem lại những bảo đảm nào cho Hung-ga-ri, thậm chí cho những viên tướng cách mạng đã rơi vào tay người Áo. Thêm vào đó chúng được thảo ra quá vội vàng và hết sức không rõ ràng, mập mờ đến mức sau này tạo điều kiện dễ dàng cho Hay-nau vi phạm những điều kiện ấy.

Cláp-ca là như vậy. Nếu như Phô-gtô thiếu "tính cách" thì Cláp-ca lại càng ít có khả năng cung cấp cho ông ta món hàng ấy.

Người bảo trợ thứ ba là "*Giêm Pha-di* – con người đã phục hưng Giơ-ne-vơ", như anh hề cung đình Phô-gtô đã nhận định như vậy về ông ta. Những bức thư dưới đây của *I-ô-han Phi-líp Béch-ơ* gửi cho cùng một người nhận, giống như bức thư của ông đã dẫn ra trên kia^{1*}, đã mô tả tính cách của Pha-di quá ư thành công, đến mức nếu bỏ sung thêm thì sẽ làm hỏng đi! Cho nên tôi chỉ bó hẹp ở mấy lời nhận xét sơ bộ. Đặc điểm hết sức đáng ghét của cái gọi là "Nghiên cứu" của Phô-gtô là sự hoảng sợ giả dối kiểu Luy-te, thậm chí kiểu Can-vanh, trước "*phái giáo hoàng tối cao*". Chẳng hạn, ông ta đặt nước Đức trước một sự lựa chọn tầm thường là: hoặc chia tay ra với Lu-i Bô-na-pác-tơ, hoặc chịu sự chi phối của địa vị đặc quyền của Áo và "thực ra thà chịu đựng lần thứ hai thời kỳ ô nhục dân tộc còn hơn" ("Nghiên cứu", tr. 52). Bằng cái giọng khàn khàn của thánh giáo đồ, ông ta phần nộ hò hét chống lại

1* Xem tập này, tr. 533-539.

"đấng giáo hoàng tối cao, kẻ thù truyền kiếp hút máu của cả loài người, con yêu quái ấy" (l.c., tr. 120).

Rõ ràng là ông ta chưa bao giờ nghe thấy điều mà thậm chí ông già Duy-panh ở Thượng nghị viện Bô-na-pác-tơ đã tiết lộ, tức là

"dưới chế độ của Lu-i Bô-na-pác-tơ, số lượng các nghiệp đoàn, các hội liên hiệp và mọi thứ đoàn thể trực tiếp lệ thuộc hội dòng Tên đã trở nên nhiều hơn nhiều so với dưới ancien régime^{2*}, cơ quan lập pháp và hành chính của đế quốc của cuộc đảo chính tháng Chạp đã thù tiêu một cách có hệ thống mọi sự hạn chế của nhà nước mà các cơ quan chính phủ đã đặt ra đối với hoạt động tuyên truyền của phái giáo hoàng tối cao thậm chí cho tới năm 1789".

Nhưng điều mà Phô-gtơ tất nhiên biết rõ là sự thống trị của nhân vật Bô-na-pác-tơ địa phương của ông ta, ngài *Giêm Pha-di*, được duy trì trên cơ sở sự liên hợp nhiều năm của cái gọi là đảng cấp tiến với phái giáo hoàng tối cao. Khi Đại hội Viên sáp nhập Giơ-ne-vơ, quê hương cũ của chủ nghĩa Can-vanh, vào Liên bang Thụy Sĩ thì nó cũng sáp nhập vào lãnh thổ của Giơ-ne-vơ - cùng với một số khu của Xa-voa-cư dân nông thôn theo Thiên chúa giáo và crème^{1*} của bọn tăng lữ thuộc phái giáo hoàng tối cao. Liên minh với "kẻ thù truyền kiếp đó của loài người, với con yêu quái ấy" đã làm cho *Pha-di* trở thành *nhà độc tài* của Giơ-ne-vơ và làm cho *Phô-gtơ* trở thành *ủy viên của Pha-di* tại Viện liên bang. Đó là điều được trình bày sơ bộ.

Pa-ri, ngày 2 tháng Bảy 1860

Bạn R...!

Rút cục, tôi phải thoả mãn yêu cầu của bạn và cho bạn biết ý kiến của tôi về ngài Giêm Pha-di...

2* – chế độ cũ

1* – tinh hoa

Cũng như các môn khoa học về quốc gia sẽ là vô dụng nếu không có nghệ thuật vận dụng nó vào đời sống, nghệ thuật quản lý nhà nước cũng sẽ không kết quả nếu nó không dựa trên khoa học và tư duy triết học. Chỉ riêng khoa học thì không đem lại cho cái gọi là nhà hoạt động nhà nước kinh nghiệm xử thế, và sự bất lực của ông ta sẽ bộc lộ nhanh chóng. Trái lại, một người mà chỉ có một cách phiến diện nghệ thuật quản lý nhà nước thì có thể che đậy dễ dàng thiếu sót về tri thức và sự thiếu khả năng sáng tạo trí tuệ, đúng ra người ấy sẽ được xem là nhà hoạt động nhà nước thực tế và sẽ được sự ủng hộ của đông đảo kẻ tầm thường. Dưới sự cai trị của một người như thế liệu nhân dân có thể tiến bộ về mặt lịch sử – văn hoá hay không và liệu có tạo ra được sự bảo đảm để phát triển thêm nữa một cách thuận lợi hay không? – đám người hưng phấn một cách mù quáng không thể suy đoán về điều đó. Đặc biệt là nếu như bề ngoài mọi việc đều tốt đẹp và thuận lợi và tất cả mọi việc đều được tiến hành vì tự do và văn minh!

Bạn sẽ thấy ở ngài *Giêm Pha-di* của chúng ta một bản mẫu tuyệt vời của species^{2*} nhà hoạt động nhà nước như vậy. Con người xảo quyết ấy quả thực đã bộc lộ không chỉ đơn thuần nghệ thuật quản lý nhà nước, mà cả một hệ thống nghệ thuật trong lĩnh vực này, ông ta làm đủ mọi trò ảo thuật và tours de force^{1*} mỗi khi "phúc lợi chung" yêu cầu, nhưng lại lẩn tránh, với sự thận trọng quen thuộc, những cú nhảy san-tô-moóc-ta-lơ. Đó là một tay lành nghề về mặt phân vai ở hậu trường, nhà đạo diễn khôn khéo và người nhắc vở, mẫu mực non plus ultra^{2*} của diễn viên hài kịch I-ta-li-a. Có thể đánh giá cao "tinh thần kiên định" của ông ta, việc ông ta không từ một thủ đoạn nào để đi tới mục đích của mình nếu như sự kiên định ấy không bắt nguồn từ mục đích bản thủ của ông ta. Nhưng khi chúng ta biết tính vô nguyên tắc và tính ươn hèn của con người ấy thì chúng ta sẽ hết ngạc nhiên trước sự sáng trí của ông ta trong việc lựa chọn thủ đoạn và sự giáo quyết của ông ta khi vận dụng những thủ đoạn ấy. Tất cả những gì tốt đẹp diễn ra hoặc nảy sinh ra trong đời sống của nhân dân do ông ta cai trị, đều bị nhà hoạt động nhà nước ấy chiếm lấy một cách vô liêm sỉ, rồi nhân danh cá nhân ban cho đám quần chúng tin tưởng mù quáng rằng tất cả những cái đó là do "bố già Pha-di" làm hoặc chỉ nhờ ông ta mới có được. Ông ta cũng tìm mưu tính kế một cách giáo quyết như vậy để trút lên đầu người khác

2* – loại hình

1* – những tiết mục nhào lộn

2* – có một không hai

tất cả những điều xấu xa và mất lòng người do chính ông ta để xuống ra. Trong chính phủ của mình, ông ta không dung thứ những người có tư tưởng độc lập; khi nào thấy cần, ông ta phủ nhận thẩm quyền của các đồng sự của mình và họ buộc phải cùng chịu trách nhiệm với ông ta về những biện pháp thất bại của ông ta. Chịu đựng à discrétion^{3*} sự thô bạo chuyên chế của ông ta, họ bao giờ cũng sẵn sàng trở thành con dê tế thần vì hạnh phúc của nhân dân và vì sự vinh quang của vị tổng thống của mình. Giống như nhà thống trị đội vương miện, mỗi lần thi hành một biện pháp gì, thậm chí có lợi nhất cho nhân dân, đều tự hỏi – trước khi bệ hạ "phê chuẩn" – liệu nó có hại cho vương triều không, bố già Pha-di cũng tự hỏi về bất cứ việc gì rằng: "nó có đe dọa sự vững chắc của chiếc ghế tổng thống của tôi không?" Do đó, vị anh hùng của chúng ta bao giờ cũng làm cho chính sách của mình thích ứng với tình hình trước mắt và sống cho ngày hôm nay; hôm nay ông ta diễn một vở hài kịch nào đó tại hội đồng chính phủ, ngày mai lại diễn một trò ảo thuật tung hứng nào đó ở Đại hội đồng, ngày kia lại đạt được thành công om sòm ở một cuộc mít tinh nhân dân nào đó. Còn đám quần chúng được ông ta khéo léo vuốt ve thì lại thích một thần tượng như vậy; mà họ có thể trông thấy và nghe thấy, mà họ có thể yêu mến và trọng vọng, họ đã trở nên cả tin đến mức tưởng rằng quả trứng kêo xèo xèo trong chảo nóng mỗi khi mưa rào rơi trên nóc nhà. Tôi không muốn qua đó nói rằng người Giơ-ne-vơ chưa được khai hoá và ngu xuẩn; trái lại, tôi tin rằng hiếm có nơi nào có thể thấy đời sống xã hội sôi động hơn thế, sự nỗ lực tinh thần nào nhằm hướng tới sự phát triển tự do công dân – mạnh mẽ hơn ở đây, trên bờ hồ Giơ-ne-vơ. Dưới đây tôi còn trở lại vấn đề xét xem tại sao ông Pha-di thường bảo đảm được cho mình đa số phiếu.

Tất cả những gì mà thế hệ đầy nghị lực đã làm được ở Giơ-ne-vơ trong 15 năm gần đây. Pha-di đều đích thân, hoặc thông qua bọn đầy tớ và bọn sùng bái mình, quy công cho sự cai trị của ông ta. Ví dụ, việc san bằng các thành lũy và mở rộng trên quy mô lớn và tổ điểm thủ phủ của bang này đều được quy cho công lao của ông ta. Thực ra, bất cứ chính phủ nào, kể cả chính phủ của ông Pha-di, đều có thể bị lật đổ một cách không thương tiếc, nếu nó dám chống lại nguyện vọng thiết tha của dân cư là san bằng các thành lũy vô dụng và mở rộng quy mô thành phố ngày càng trở thành thiếu vệ sinh do mật độ dân số quá lớn. Do đó, đối với Pha-di vấn đề này đồng thời là vấn đề sống còn và ông ta – tùy theo công lao mà được nhận vinh dự - đã kiên quyết bắt tay vào việc và đã giúp nhiều vào việc hoàn thành công việc ấy, nên được sự hài lòng phổ biến. Mỗi cá nhân, nếu anh ta không có tính tự phụ

quá đáng, sẽ không thể quy cho sáng kiến của mình và sự sáng tạo của mình những gì mà cả một thế hệ kiên nghị góp phần tạo ra do yêu cầu trợ giúp mãnh liệt của thời đại. Chỉ có toàn xã hội mới sáng tạo ra được một cái gì hoàn chỉnh – mà cũng chỉ là tương đối thôi, – còn mỗi thành viên của xã hội chỉ góp phần lớn hoặc nhỏ, tùy theo địa vị và sức lực của mình. Niềm tin mù quáng vào quyền uy là một hình thức đặc thù của mê tín và có hại đối với bất cứ sự phát triển bình thường nào.

Tôi biết rất rõ rằng ngài Pha-di của chúng ta không khác tí gì với những người con bình thường của nhân loại: ông ta chỉ làm cái mà ông ta không thể bỏ lại, và ông ta chỉ bỏ lại cái gì mà ông ta không thể làm được; do khát vọng muốn có sự nổi bật tuyệt đối của cá nhân mình, ông ta, giống như toàn thể giới động vật, chỉ thỏa mãn yêu cầu của mình. Không thể yêu cầu ông ta làm khác thế được, cũng như không thể đòi con mèo tự nguyện nhảy xuống nước, hoặc đòi ngựa leo lên cây. Nếu không, ông ta không còn là Giêm Pha-di nữa, mà nếu ông ta không còn là Pha-di, thì ông ta có thể là Lu-i Bô-na-pác-tơ hoặc một người nào đó thuộc loại ấy. Nếu coi đó là sự vĩ đại lợi dụng quyền uy của mình để tùy tiện dẫn dắt nhân dân, che mắt họ bằng thủ đoạn xảo trá, không góp phần vào sự tiến bộ nhanh chóng của nền văn hoá tinh thần và đạo đức của họ, mà chỉ để lại đằng sau mình một xã hội sa đoạ, – thì không nghi ngờ gì nữa, Pha-di là vĩ đại và có thể – không phải không có căn cứ – trở thành đối tượng ghen tị của các vị bạo chúa hùng mạnh hơn.

Đứng giữa mâu thuẫn, vị anh hùng của chúng ta biết cách đi vòng vèo một cách hiểm thấy và biến chúng thành cái la bàn thần kỳ để dựa vào đó ông ta lái chiếc thuyền quốc gia của mình khi thì phái cấp tiến cấp cho ông ta thủy thủ, còn phái giáo hoàng tối cao cấp hàng hoá, khi thì ngược lại, - điều đó tùy thuộc vào nhu cầu thuận tiện cho người lái. Do đó, bộ máy nhà nước thường xuyên hoạt động, giống như quả lắc của chiếc đồng hồ quả quýt du đưa ra phía trước và phía sau. Kết quả thật kỳ diệu! Phái cấp tiến cam đoan rằng tình hình công việc đang tiến lên, phái giáo hoàng tối cao tin rằng tình hình đang thụt lùi. Và cả hai đều đúng; hai bên đều sung sướng trong tín ngưỡng của mình, còn Pha-di, giống như Chúa trời, vẫn nắm tay lái.

Bạn thân mến, lần này xin hãy vui lòng với những dòng viết trên.

Gửi lời chào thân thiết

I-ô, Phi-líp Béch-cơ của bạn".

3* – một cách không hạn chế

"Pa-ri, ngày 20 tháng Bảy 1860

R... thân mến!

Vậy bạn cho rằng có lẽ tôi đã tò quá đậm thuốc vẽ khi vẽ chân dung Pha-di. Không chút nào, bạn thân mến của tôi! Và lại người ta không thể suy nghĩ và suy xét về sự vật và về con người theo ý mình muốn – mà suy xét một cách đúng lô-gích, theo nhận thức và kinh nghiệm nội tại của bản thân. Trong những vấn đề như vậy, ai nói khác điều mình nghĩ và hành động khác điều mình nói, người ấy đã tự phản bội và là một tên vô lại.

Pha-di được sự giáo dục ban đầu ở một học viên của tín đồ Hội anh em ở Nôi-vít và nói rất thạo tiếng Đức, hình như đến nay, khi đã 65 tuổi, ông ta vẫn còn suy xét về nước Đức và nhân dân Đức theo những ấn tượng có được từ hồi còn học ở trường học mẫu mực đó. Tất cả cái gì của Đức, thậm chí của khu nói tiếng Đức thuộc Thụy Sĩ, đều không hợp khẩu vị ông ta và chỉ trong những trường hợp ngoại lệ mới được ông ta thưởng thức. Là người Giơ-ne-vơ bẩm sinh và nhờ lưu lại lâu ngày ở Hợp Chúng Quốc Bắc Mỹ, ông ta hiểu biết rất thấu đáo các thiết chế cộng hoà, phương pháp cổ động và đặc biệt là những thủ đoạn có tính âm mưu thân thuộc với bản chất ông ta. Ông ta là người mị dân hơn là nhà dân chủ, và quy tắc quốc gia chủ yếu và châm ngôn của ông ta – *laissez aller et laissez faire*⁵⁶³ – sẽ không đến nỗi xấu như vậy, nếu như ông ta có thể tự kiềm chế và không thọc tay vào những nơi nào mà xã hội muốn tạo ra một cái gì đó không cần đến ân huệ của nhà nước, không thọc tay vào để đạt được thắng lợi vì niềm vinh quang của mình, hoặc – nếu điều đó không thành công – để ngăn cản sáng kiến, như đối với Banque de Crédit et d'Echange^{1*} do ông May-ơ và những người khác thiết lập, và đối với việc lập bảo tàng công nghiệp. Trong thời kỳ cách mạng Giơ-ne-vơ năm 1846, Giêm đã hành xử theo câu cách ngôn: tránh được những phát súng bắn ra anh lính sẽ sống đến già, do đó ông ta nghĩ đến cánh chạy trốn nhiều hơn là nghĩ cách chiến thắng. Ông ta đã chuẩn bị bí mật rời Giơ-ne-vơ, khi An-be Ga-le, linh hồn của toàn bộ phong trào, bằng những cố gắng cuối cùng đã quyết định kết cục của trận chiến đấu mang tính chất giằng co trong một thời gian dài, và đã báo cho ông ta biết tin thắng lợi hoàn toàn. Là một con người mà sự nghiệp là tất cả, còn niềm vinh quang cá nhân chẳng là gì hết, Ga-le – ít ra là lúc đó đã vững tin vào

tình yêu thành thực của Pha-di đối với nhân dân, nên đã tỏ ra hài lòng khi thấy vị anh hùng được kịp thời cứu vớt khỏi cuộc chạy trốn vội vã, đã giữ tư thế người chiến thắng như thế nào trong cuộc mít tinh nhân dân được tổ chức ngay sau chiến thắng. Đồng thời, ngay sau khi cách mạng thắng lợi, Ga-le không thể nào hy vọng nhận được ngay một chức vụ trong chính phủ, vì ông không phải người Giơ-ne-vơ, mà là công dân bang Béc-nơ, và theo luật lệ đương thời của Liên bang thì ông không được quyền bầu cử và ứng cử. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau đó ông được hưởng quyền công dân và bấy giờ ông được bầu vào Đại hội đồng cũng như được cử giữ chức vụ phiên dịch văn bản nhà nước. Là trung tâm hấp dẫn đối với giới thanh niên đầy nghị lực ở Giơ-ne-vơ, ông trở thành trụ cột vững chắc của chính phủ cấp tiến. Nhờ ông mà Pha-di ngày càng được tiếng tăm trong giới bình dân. Lợi dụng những câu chữ của phái cấp tiến Pháp mà ông học được khi còn làm cộng tác viên của tờ "National"⁵⁶⁴ ở Pa-ri thời Lu-i – Phi-líp. Giêm Pha-di đã thả sức tuyên truyền trên báo chí và trên diễn đàn – dưới hình thức che đậy – những mưu đồ và nguyện vọng thực sự của mình. Nhưng mặc dù nghệ thuật mị dân của ông ta, qua một năm, ông ta đã bị các giới lên án nghiêm khắc về tội đã có quan hệ bí mật với bọn thủ lĩnh phái giáo hoàng tối cao, và chẳng bao lâu sau cũng bị quy tội là thân Pháp. Ở khu nói tiếng Đức thuộc Thụy Sĩ, nơi mà người ta phán xét sự vật một cách bình tĩnh hơn và ôn tồn hơn, xem ra chẳng bao lâu sau người ta đã thấy rõ sự giáo quyết của ông ta. Cuối năm 1847, ngay khi cuộc chiến tranh chống Đôn-đéc-bun-đơ kết thúc, ông Giêm Pha-di đến ngay văn phòng bộ chiến tranh để thăm tướng Ốc-xen-banh; ở văn phòng lúc đó chỉ có một mình tôi, vì Ốc-xen-banh cùng với các sĩ quan khác đã đến bệnh viện thăm thương binh. Khi Ốc-xen-banh quay về, tôi báo cáo với ông về cuộc viếng thăm của ông Pha-di, thì Ốc-xen-banh, nói với vẻ khinh bỉ: "À, cái anh chàng đạo đức giả dối trá ấy!". Là cựu tổng thống của Liên bang Thụy Sĩ và người đứng đầu chính phủ Béc-nơ, tướng Ốc-xen-banh từ mấy năm nay ở Thụy Sĩ đã hưởng trợ cấp hưu trí của hoàng đế Pháp, có thể đến nay ông có những tình cảm tốt đẹp hơn đối với đồng sự cũ của mình và - không nghĩ ngờ gì nữa – cũng ở trong một địa vị như vậy. Nói chung, điều thường xuyên làm mọi người chú ý là ông Pha-di chưa lần nào được Quốc hội Thụy Sĩ bầu vào Hội đồng liên bang, tuy rằng ông ta và bạn bè của ông ta ra sức đạt cho được điều đó, tuy rằng trong Quốc hội ấy, có sự ngự trị của khuynh hướng - được thực hiện một cách cuồng tín – muốn bảo đảm cho các bang quan trọng nhất lần lượt có đại biểu của mình trong chính phủ trung ương. Đối với chính phủ Liên bang – trong đó Pha-di không có quyền lực gì, nhưng nó vẫn cứ hạn chế chủ quyền của bang, điều hợp với ông ta - ông ta

1* – Ngân hàng tín dụng

luôn luôn tỏ ra bướng bỉnh và chỗ nào có thể được là ông ta thọc vào.

Đầu năm 1849 khi cảnh sát Liên bang cảm thấy việc truy nã tôi – vì đã tổ chức quân đoàn Xi-xin – là việc quan trọng về mặt chính trị, tôi đã đi Giơ-ne-vơ, ở đây Pha-di nói với tôi rằng tôi có thể tha hồ làm công việc tổ chức và không quan tâm tới Hội đồng liên bang. Tôi biết rất rõ rằng ông Pha-di dễ dàng hy sinh bất cứ người nào, nếu điều đó cần cho ông ta, thậm chí cả khi mà pháp luật đứng về phía người bị hy sinh. Sau này bản thân tôi đã được nếm thử điều đó – câu chuyện quá dài, nên không thể kể ra trong thư – về chuyện này thì các vị uỷ viên Liên bang, tiến sĩ Kéc-nơ và ông Trô-gơ, có thể thuật lại.

Trong vấn đề những người lưu vong, viện lý do nhân đạo ông ta tỏ ra chống lại những biện pháp của Hội đồng liên bang, nhưng bản thân lại hãm hại một cách tàn khốc và chuyên quyền những người lưu vong không hợp ý ông ta. Ông ta hãm hại đặc biệt không thương tiếc những nhân vật gần gũi với Ga-le, người mà ông ta coi là địch thủ tương lai của mình. Đối với ông ta, Mát-di-ni đáng sợ hơn là cảnh sát Liên bang, Hai-nơ-txen có đáng người cao là địch thủ đáng ghét của ông ta và đã phải nhanh chóng rời bang này: "hắn bước đi nặng nề đến mức dường như đất thuộc về hắn" - đó là lý do duy nhất để trục xuất Hai-nơ-txen mà Pha-di dẫn ra một cách ngây thơ. Xơ-ru-vơ bị bắt mà không có lệnh của Hội đồng liên bang trong khi đi dạo chơi với vợ và bị coi là gián điệp Nga, bị áp giải qua biên giới để đưa sang bang Va-át-tơ. Ga-le đã kịp thời đến gặp Pha-di để thuyết phục ông ta nhận rõ sai lầm. Giữa họ đã nổ ra một cuộc tranh cãi dài vì Pha-di cho rằng ông ta càng to tiếng và càng tỏ ra giận dữ thì càng có vẻ đúng. Xơ-ru-vơ buộc vẫn phải là gián điệp Nga. Nếu tôi không nhớ nhầm thì cảnh tượng này diễn ra ở khách sạn Đơ Béc-gơ với sự hiện diện của người lưu vong Nga, ngài Ghéc-xen là người mà vị đứng đầu Chính phủ Giơ-ne-vơ ưa đến nhà dùng cơm. Dù sao, ông này cũng không dính dáng gì đến chuyện bịa đặt vu cáo không đẹp để gì chống Xơ-ru-vơ. Không nghi ngờ gì nữa, Pha-di thân Nga hơn Xơ-ru-vơ, tôi đã có lần nghe ông ta phát biểu tại một bữa tiệc, ông ta nói rằng: "Đối với các tác phẩm của Giăng Giắc Rút-xô, ở Nga người ta đọc nhiều hơn và hiểu rõ hơn là ở Đức". Đương nhiên, ông ta muốn dùng câu đó chủ yếu là để chế nhạo những người bạn Đức của Ga-le và người Đức nói chung.

Ga-le, người trước đây vẫn nhất trí với Pha-di trên các vấn đề chính trị – ngay sau cuộc xung đột của ông với Pha-di về vụ Xơ-ru-vơ, tôi đã nói chuyện với ông – đã đau khổ bảo tôi rằng: "Với Pha-di, thế là hết, nói thẳng ra, tôi không còn có thể cộng tác với ông ta: đó là con quái vật chính trị thực sự, một con vật thực sự xét về những ham thích của ông ta; tiếp tục đồng tâm nhất trí với ông ta có nghĩa là giúp vào việc huỷ diệt từ bên trong sự nghiệp nhân dân. Chỉ có dùng đảng đối lập có tư tưởng tự do và kiên quyết để

chọi lại ông ta, thì ông ta, để cứu vãn địa vị của mình, sẽ buộc phải giương cao ngọn cờ của phái cấp tiến. Chừng nào ông ta chỉ là giới quý tộc cũ chống lại mình thì sự việc ngày càng xấu đi, vì từ lâu ông ta đã câu kết với phái giáo hoàng tối cao và có thể hành động theo sự suy xét của mình. Ngoài ra, xét về cách suy nghĩ, ông ta hoàn toàn không phải là người Thụy Sĩ và thích nhìn về phía Pa-ri hơn là về phía Béc-nơ. Từ lâu tôi đã có đủ lý do để cắt đứt với ông ta; chỉ do thói quen đã ngăn cản tôi làm việc đó, bởi vì từ lâu tôi coi ông ta là con người làm được việc. Chỉ có cuộc đấu tranh nội bộ liên miên và cuộc xung đột công khai hôm nay đã giúp tôi đoạn tuyệt với ông ta".

Tập hợp xung quanh Ga-le là tất cả những người có tính cách độc lập hơn, nhất là những người thuộc phái kinh tế – chính trị trẻ; những phần tử cấp tiến kiên quyết và những phần tử xã hội chủ nghĩa "liên hiệp lại" như vậy đã nhanh chóng được gọi là đảng dân chủ. Phái cấp tiến từ nay, trừ những ngoại lệ hiếm hoi, gồm những kẻ nọ lệ có ý thức hoặc không có ý thức trước Pha-di, hiện giờ họ kiếm được đa số thực sự ở vùng nông thôn theo Thiên chúa giáo của vùng Xa-voa đã sáp nhập vào Giơ-ne-vơ từ năm 1815. Bọn tăng lữ có quyền lực vạn năng ở đây, những kẻ thuộc phái giáo hoàng tối cao đã liên minh với "phái cấp tiến" ấy, đưa con của Pha-di, Ga-le bị nghi ngờ một cách dễ tiện nhất, bị hãm hại và bị cách chức. Đảng dân chủ trẻ còn chưa thể đưa ra danh sách ứng cử riêng của mình trong cuộc bầu cử sắp tới bên cạnh bọn quý tộc và phái cấp tiến cũ cùng phái giáo hoàng tối cao đã liên hiệp với nhau. Tuy Giem Pha-di từ chối đưa vào danh sách của mình mấy tên tuổi dân chủ, song Ga-le và những người cùng tư tưởng với ông đã cự tuyệt mọi đề nghị của phái quý tộc và quyết định lần này bỏ phiếu cho danh sách của Pha-di và đặt hy vọng thắng lợi của mình vào tương lai. Nếu như Pha-di thực lòng quan tâm đến sự tiến bộ và sự phát triển nghiêm chỉnh của đời sống công dân thì ông ta đã không bám lấy cái đuôi nhơ nhớp của phái giáo hoàng tối cao lúc nào cũng ngoảnh lại đằng sau. Để đạt được thành công lớn hơn trong việc vu khống và hãm hại Ga-le, bọn đầy tớ của quý ngài chủ tịch "phái cấp tiến" đã sáng lập tờ báo nhỏ chuyên vu cáo để cho nhà thống trị anh minh của họ không cần bôi bẩn bằng những lời chửi bới tờ "Moniteur" của mình – "Revue de Genève"; những lời chửi bới do đó càng phong phú thêm trên tờ báo của những con đẻ tể thần của ông ta, những kẻ mà ông ta có thể hất hủi bất cứ lúc nào. Với sức khoẻ yếu, Ga-le đã không chịu đựng nổi những cuộc săn lùng dễ tiện ấy và đã chết ngay năm ấy (1852), khi mới 33 tuổi. Ở Giơ-ne-vơ, tôi thường nghe thấy nói "*Ga-le lương thiện và cao thượng của chúng tôi là vật hy sinh của sự trả thù tàn khốc của tên bạo chúa Giê-duýt của chúng tôi!*" Trong khoá bầu

chính phủ sau, bạn bè của Ga-le đã càng sẵn lòng tiếp nhận đề nghị liên minh của phái quý tộc, vì phái quý tộc đã sẵn sàng thoả mãn với sự lật đổ Pha-di và dự phần rất nhỏ trong việc tham gia chính phủ. Ga-le có tính nguyên tắc chắc bây giờ cũng vẫn cự tuyệt sự liên minh ấy; nhưng các đồng chí trong đảng của ông nói rằng ngài Pha-di đã nêu ra cho chúng ta tấm gương sáng về sự liên minh của ông ta với phái giáo hoàng tối cao; nếu như Pha-di không thẹn thùng về cái đuôi giáo hoàng tối cao không lịch sự, thì tại sao chúng ta lại phải thẹn thùng về cái đuôi quý tộc lịch thiệp? Tại chúng ta không thể tiến lên cùng phái quý tộc có giáo dục, ít ra với một sự thành công như Pha-di tiến lên trong sự liên minh với phái giáo hoàng tối cao ngu dốt?

Như vậy là trong cuộc bầu cử (hình như diễn ra vào tháng Mười một 1853), trong đó nhiều phần tử cấp tiến, trong số đó thậm chí có những đồng sự trong chính phủ của Pha-di, đã ngã về đảng dân chủ, vì vậy nhân vật anh hùng năm 1846 của chúng ta đã bị đa số áp đảo lật khỏi ghế tổng thống. Vị cựu tổng thống cực kỳ bối rối vì nợ nần chồng chất. Nhân đây tôi phải bàn đến một số chi tiết trong cuộc sống của ông ta.

Phung phí một gia tài lớn vào việc chè chén và những cuộc tình ái từ trước khi ông ta tham gia chính phủ, bị chồng chất nợ nần và bị chủ nợ săn lùng không thương hại, ông Giem Pha-di sau khi trở thành tổng thống liền ra sức thủ tiêu hết sức nhanh chóng luật lệ về việc bắt giam người vì nợ nần, đương nhiên là "vì lợi ích của tự do cá nhân". Ví dụ, năm 1856 một người Giơ-ne-vơ khổ sở vì nợ nần đã nói với tôi: "Hay lắm, chúng tôi đã bầu một người mắc nợ làm người đứng đầu chính phủ, ông ta xoá bỏ nếu không phải là nợ nần, thì chỉ ít cũng huỷ bỏ nhà giam những người mắc nợ". Nhưng vào đầu những năm 50 tình hình vật chất của ông Pha-di rất khó khăn, nên "nhân dân biết ơn" đã phải vội vàng giúp đỡ ông ta và tặng cho ông ta một khoảnh đất lớn dùng để xây dựng tại khu vực trống sau khi đã san bằng các thành lũy. Tại sao không thể làm như vậy? Ông ta đã giúp dọn sạch thành lũy khỏi khu vực đó, tại sao lại không cho phép ông ta "thôn tính" một mảnh đất con khi những nhân vật có thể lực hơn đã hành động như vậy không chút ngập ngừng? Bây giờ ông Pha-di có thể bán nhiều mảnh đất lớn để xây dựng nhà cửa và xây cất cho bản thân một ngôi nhà lớn đẹp đẽ. Nhưng chẳng may, ông ta lại sa vào vòng nợ nần và không thể trả tiền công cho số công nhân làm nhà cho ông. Đầu năm 1855 một người thợ mộc, mà ông ta nợ mấy ngàn phrăng, đã hét vào mặt ông ta ở ngoài phố: "Hãy trả tiền công cho tao, đồ vô lại, để tao có thể mua bánh mì cho các con tao!" Trong tình hình khốn quẫn ấy, ông ta mất ghế tổng thống, và hoạ vô đơn chí, ông ta còn gặp phải một điều không may lớn hơn. Cơ quan tín dụng của phái cấp tiến

Caisse d'Escompte^{1*} đã buộc phải ngừng chi trả. Bạn bè của Pha-di trong cơ quan này cũng chống chất nợ nần không kém gì ông ta, bất chấp điều lệ họ đã cho Pha-di và cho bản thân họ vay những số tiền vượt quỹ của ngân hàng. Giám đốc ngân hàng này, hiện nay vẫn còn ngồi tù, đã tự ý – gương xấu phá hoại thuần phong mỹ tục – lạm dụng tiền của ngân hàng này nhiều hơn nữa. Như vậy là Caisse d'Escompte đứng trước một sự bất hạnh lớn: phá sản. Tiền tiết kiệm của hàng trăm gia đình công nhân tần tảo đang bị đe dọa. Dù sao đi nữa, bây giờ phải bằng mọi cách, bằng lời khuyên và bằng hành động, cứu vãn tình thế, nếu không thì toàn bộ sự nghiệp của Pha-di sẽ bị cảnh nợ nần làm tiêu tan như bụi bay trước gió. Dĩ nhiên, trong tình hình đó không thể kiếm tiền cho chính bản thân Caisse d'Escompte. Nhưng đúng vào lúc đó ở Giơ-ne-vơ đã thành lập một cơ quan tín dụng mới, Banque Générale Suisse^{2*}. Cần cung cấp cho ngân hàng này một số tiền lớn để đến lượt mình, nó có thể cứu Caisse d'Escompte khỏi tình trạng thất thoát tiền, và cứu ngài Pha-di khỏi những cơn thủy triều nợ nần. Pha-di phải trở thành cứu tinh để được cứu vớt. Nếu thành công, người ta bảo đảm cho ông ta một khoản thù lao hậu hĩ dưới hình thức khoản lương tỷ lệ phần trăm nhất định, và kiếm cho Caisse d'Escompte một số vốn bổ sung cứu mạng. Thế là pro donc^{1*} và vì Banque Générale Suisse, ông Pha-di nhằm mục đích ấy đã đi *Pa-ri*, tại đây, sau khi lưu lại nhiều tuần lễ – như tiếng đồn truyền lại – *với sự giúp đỡ nhân từ của "hoàng thượng"* ông ta đã nhận được của Crédit Mobilier số tiền cứu mạng lên tới mấy triệu phrăng. Đúng vào lúc đó người ta đang chuẩn bị cuộc bầu cử chính phủ mới (tháng Mười một 1855); do đó trước khi về tới Giơ-ne-vơ, vị cứu tinh đã viết thư cho biết rằng trong thời gian gần nhất ông ta sẽ đem về một món tiền lớn nhiều triệu. Đó là một lá cao đặc hiệu đối với những trái tim bị thương của các cổ đông của Caisse d'Escompte và là bó đuốc có ma lực đối với các cử tri của phái giáo hoàng tối cao – cấp tiến. Trong một bức biếm hoạ hồi đó, ông ta được vẽ giống hệt như một con thiên nga khổng lồ trên lưng mang nặng mấy túi vàng, bơi từ hồ vào cảng Giơ-ne-vơ. Một người ưa pha trò bấy giờ kể với tôi rằng trong khi uống bia có người bảo anh ta rằng Pha-di đem về 50 triệu phrăng; khi uống rượu nho người ta bảo anh ta rằng Pha-di đem về 100 triệu, còn khi uống extrait d'absynthe^{2*} người ta bảo anh ta rằng Pha-di đem về 200 triệu. Tiếng tăm của bố già Pha-

1* – Quỹ chiết khấu (kỳ phiếu)

2* – Ngân hàng trung ương Thụy Sĩ

1* – vì bản thân

2* – rượu ngải cứu

di, như có sức mạnh thần kỳ, lại được hoàn toàn khôi phục trước con mắt những đứa con của ông ta. Phái dân chủ tin chắc vào thắng lợi trong bầu cử, nên đã không có cố gắng gì đặc biệt. Hội thanh niên cường tráng được thành lập gần đây – les fruitiers^{3*} – đã xử sự hoàn toàn như quân cấm vệ của Pha-di, khủng bố một cách thô bạo nhất các cử tri vào lúc bầu cử, và thế là thần tượng của họ lại được đưa lên ghế tổng thống.

Nhưng lần này thì chẳng bao lâu người ta đã thấy rõ ràng không chút lập lờ gì rằng phái giáo hoàng tối cao không cho không số cử tri đồng đảng của họ, họ cũng muốn được trả công về thắng lợi. Một hôm, ông Ma-ri-lây, một kẻ suốt đời làm công việc xúi bẩy và phiến loạn, giáo chủ ở Phrây-bước, đã bị trục xuất khỏi Thụy Sĩ sau cuộc chiến tranh chống Dôn-đéc-bun, được sự cho phép cao thượng của ngài Pha-di, lại đã từ Pháp trở về Giơ-ne-vơ và bắt đầu tiến hành các lễ "thánh". Tiếng la hét bất mãn vang khắp thành phố và chẳng bao lâu đã được sự hưởng ứng ở khắp Thụy Sĩ. Điều đó là quá đáng ngay cả đối với phái cấp tiến mù quáng nhất, những fruitiers trung thành nhất. Lập tức có cuộc đại hội nhân dân, ở đó người ta đã biểu quyết không tín nhiệm người đứng đầu chính phủ. Đồng sự của ông ta, cố vấn chính phủ là ông Tu-rơ tuy chỉ là một tín đồ và học trò của Pha-di, cũng đã tỏ ý muốn tự giải phóng nên đã công kích không thương xót ông chủ và người bảo trợ của mình. Nhưng ông Pha-di đã ra đi trước khi ngài giáo chủ xuất hiện, như ông ta đã luôn luôn hành động như vậy trong những trường hợp ông ta gây rắc rối cho đồng sự của mình để rồi tự họ phải hứng chịu. Dĩ nhiên, ông Ma-ri-lây buộc phải lập tức rời Giơ-ne-vơ và Thụy Sĩ. Còn bố già Pha-di, sau khi tăng cường gấp bội việc chỉnh đốn tư tưởng trước cho lũ con bất trị của mình, đã viết thư từ Béc-nơ về, nói rằng ông ta bị hiểu lầm, chính phủ đã phạm sai lầm, ông ta hành động chỉ vì "lợi ích của tự do tôn giáo", chỉ giản đơn cho phép giáo chủ về thăm thành phố. Khi con báo táp đầu tiên đã yên đi, bố già Pha-di bị lãng mạ quá đáng mới trở về. Bằng mấy câu cách ngôn có tính chất tiên tri thích hợp cho mọi trường hợp của cuộc sống, đa số bao giờ cũng có vẻ là chân lý, ông ta khôi phục được dễ dàng uy tín đã lung lay của mình và niềm tin của mọi người vào tình yêu trong sạch của ông ta đối với tự do và tổ quốc; hơn nữa, các ngài đồng sự của ông ta đã có nhã ý gánh chịu tội lỗi chính. Do vậy, Pha-di đã đạt được mục đích mong muốn, chứng minh được với bạn bè của ông ta thuộc phái giáo hoàng tối cao rằng *bao giờ ông ta cũng sẵn sàng làm cho họ tất cả những gì có thể làm được*. Mấy năm nay, ông Giem Pha-di trở thành người rất

3* – những người làm pho mát

giàu. Ngoài Banque Générale Suisse bảo đảm cho ông lĩnh suốt đời một tỉ lệ lợi nhuận nhất định, là người đứng đầu chính phủ, ông ta không quên quyền lợi của mình trong việc xây dựng đường sắt trong bang mình v.v.. Giới thượng lưu thường đi lại với cercle des étrangers^{1*} tại ngôi nhà lớn đẹp đẽ của ông ta (biệt thự của Pha-di ở phố Mông Bông trên bờ sông). Còn từ khi Pi-ê mông thấy rằng "sòng bạc" của khu điều dưỡng Xa-voa là điều không thể dung hoà với đạo đức quốc gia của mình, thì vị tổng thống đầy lòng trắc ẩn và cảm động của nước Cộng hoà Giơ-ne-vơ đã tiếp nhận ở phòng lớn rộng rãi của mình một sòng bạc như thế, như tiếp nhận một người lưu vong. Tự do muôn năm! Laissez aller et laissez faire! Allez chez moi et faites voter jeu!^{2*}

Như thế hãy còn ít đối với bạn ư?^{3*}

I-ô-han Phi-líp Béch-co của bạn".

Rồi những người bảo trợ của *Phô-gtô*, tôi xuống gặp các *tông phạm* của ông ta.

Peace and goodwill to this fair meeting,

I come not with hostility, but greeting¹⁾

Đi ở hàng đầu đám người điểu hành, trong đó tôi chỉ nhắc tới mấy nhân vật lỗi lạc nhất, chúng ta thấy có tờ "National-Zeitung" ở *Béc-lin*, do ông **Ph. Xa-ben** chỉ huy. Nếu so sánh bài phê bình của ông Ê-đu-a Xi-mông về "Tác phẩm chính" - đăng trong "Revue contemporaine" và được *Phô-gtô* dịch thân gà cho, - với những bài tương ứng của "National-Zeitung", "Breslauer - Zeitung"⁵⁶⁵ v.v., thì phải nghĩ rằng "con người tròn trĩnh" đã chuẩn bị hai cương lĩnh, một cương lĩnh để chuẩn bị cho chiến dịch I-ta-li-a, còn một

1* – nhóm người nước ngoài

2* – Hãy để cho người ta được tự do hành động! Hãy đến nhà tôi và hãy đặt cọc!

3* – Hai-nơ. Rút trong chùm thơ "Lại ở tổ quốc".

1) – Hoà bình và tình yêu đang hiện diện trong cuộc họp này, Tôi đến đây không phải với sự thù hằn, mà với lời chào mừng.

cương lĩnh thì để chuẩn bị cho chiến dịch Au-xbuốc. Thực ra cái gì đã buộc ông *Ph. Xa-ben*, một tên ranh mãnh vật thông thường hết sức nhạt nhẽo và thận trọng, một tên béo phì của tờ "National-Zeitung", lại đi quá đà và chuyển các bài hát ngắn kiểu vĩa hè của Phô-gtơ thành các bài xã luận?

"National - Zeitung" được nêu lên tỉ mỉ lần đầu trong số 205 của tờ "Neue Rheinische Zeitung", ra ngày 26 tháng Giêng 1849, trong bài xã luận được mở đầu bằng mấy chữ: "*Mốc chỉ đường có ghi: Đi Sin-đa*"⁵⁶⁶. Nhưng mốc chỉ đường có những cánh tay quá dài nên không thể đăng lại ở đây. Trong bài xã luận của tờ "Neue Rheinische Zeitung" số 224 ra ngày 17 tháng Hai 1849 chúng ta đọc thấy:

"Tờ "National-Zeitung" Béc-lin là biểu hiện cái nội dung của cái không có nội dung. Đây là mấy ví dụ mới. Vấn đề là về thông cáo của Phổ... Tuy là nhưng! Có thể mong muốn và tỏ ra! Thấy rằng và mong muốn rằng Chính phủ Phổ mong muốn! Mỗi một câu chữ, hết như anh tù khổ sai, đều mang cùm lớn và nặng nề vô chừng. Mỗi chữ "nếu như", mỗi chữ "tuy rằng", mỗi chữ "nhưng mà", — đó đều là Dr. utriusque juris!^{1*} bằng xương bằng thịt. Nếu như tất cả những lời ba hoa chống chất như mớ giẻ rách kiểu Đức — Cơ đốc giáo ấy, mà "National-Zeitung" dùng để che đậy cần thận sự thông minh của nó, bị quý vị mở ra cũng cần thận như thế, thì còn lại những gì?... *Những lời nói suông về chính trị* — rõ như ban ngày, giống như premier Berlin, en grande tenue!^{1*}... Rõ ràng là "National-Zeitung" được xuất bản cho *những bạn đọc có năng lực tư duy*, cũng như "Lịch sử toàn thế giới" của Rố-tếch⁵⁶⁷... Người Pháp có một cách nói hay đối với loại tư duy thuần tuý bằng lời nói ấy: "Je n'aime pas les épinards et j'en suis bien aise; car si je les aimais, j'en mangerais beaucoup, et je ne peux pas les souffrir". "Tôi không ưa ăn rau dền và điều đó rất hay; vì nếu tôi thích ăn rau dền thì tôi ăn rất nhiều, mà tôi thì không chịu nổi thứ rau đó". Tờ "National-Zeitung" muốn Phổ gặp may mắn, do đó mong cho một nội các mới. Nhưng *nội các*-đó là cái mà nó muốn trong bất kể tình hình nào. Chỉ có điều là những người bảo trợ của "National-Zeitung" đã hiểu rõ và tin tưởng hoàn toàn vào điều đó".

1* - tiến sĩ luật học về hai thứ luật (nghĩa là luật giáo hội và luật trần thế).

Trong số 296 của tờ "Neue Rheinische Zeitung" chúng ta đọc thấy:

"*Béc-lin, ngày 9 tháng Năm 1849...* Điều thú vị là quan sát lập trường của báo chí Béc-lin đối với cách mạng Dắc-đen. Tờ "National — Zeitung" *chỉ có một cảm giác — sợ bị cấm*".

Nhưng sự sợ hãi là thứ thuốc trường sinh, như tờ "National-Zeitung" đã chứng minh điều đó trong mười năm cai trị của Man-toi-phen.

"National - Zeitung" đã xác nhận tính chính xác của câu nói của Pốp:

Still her old empire to restore she tries,

For born a goddess Dulness never dies¹⁾.

Nhưng ở Pốp, vương quốc của Dulness, khác với vương quốc của tờ "National - Zeitung" ở chỗ: ở đây "Đun-xơ đệ nhị hiện đang thống trị như Đun-xơ đệ nhất đã từng thống trị trước kia"^{1*}; còn ở đây tên ngu ngốc cũ, Duncethe first^{2*}, vẫn còn thống trị.

Theo gót tờ "National - Zeitung" là tờ "Breslauer Zeitung", hiện nó đang sùng bái nội các Hô-hen-txô-léc, giống như trước kia nó đã từng sùng bái nội các Man-toi-phen. Đầu năm 1860, tôi nhận được bức thư sau đây:

1) — Là nữ thần vĩnh hằng,

Ngày nay Dulness vẫn bảo vệ quyền lực của mình như xưa kia⁵⁶⁸.

Trong bản dịch không thể nào diễn đạt được từ Dulness. Nó có nghĩa lớn hơn cả sự buồn chán, đó là ennui [sự buồn chán] được nâng lên thành nguyên tắc, là sự thiếu sinh khí có tác dụng ru ngủ, sự ngu xuẩn làm người ta ngu si. Trong đặc điểm của cách hành văn của Dulness có cái mà tờ "Neue Rheinische Zeitung" gọi là "biểu hiện có nội dung của cái không có nội dung".

1* - xã luận Béc-lin, hết sức xuất sắc.

1* — A.Pốp. "Bài ca Đun-xơ", quyển thứ nhất

2* — Đun-xơ đệ nhất

"Brê-xláp, ngày 27 tháng Hai 1860

Mác thân mến!

Tôi đã đọc trên tờ "Volks-Zeitung" bài trả lời và lời tuyên bố của bọn chống "National-Zeitung"^{3*}. Có một bài như thế – như bài đăng trên "National-Zeitung" – cũng đã được đăng trên "Breslauer Zeitung" với chữ ký của cộng tác viên *thường xuyên* của nó, *tiến sĩ Stai-nơ*. Đấy chính là vị tiến sĩ Stai-nơ đã ngồi tại Quốc hội Béc-lin cùng với Đ'E-xte ở cánh cực tả và đã đưa ra đề nghị nổi tiếng chống lại các sĩ quan của quân đội Phổ. Nhân vật Stai-nơ vĩ đại với vóc người nhỏ bé ấy đã bị cách chức giáo viên của mình. Từ khi thành lập nội các mới, ông ta đã đặt cho mình nhiệm vụ cổ động cho nội các ấy – không những năm ngoái, vào thời gian bầu cử, mà cả hiện nay - để liên hợp phái dân chủ Xi-lê-di với phái lập hiến. Mặc dầu như vậy, đơn của ông ta xin cho phép dạy tư đã bị nội các hiện nay bác bỏ, không phải một lần mà là nhiều lần. Nội các đã từ chức thì đã mặc nhiên cho ông ta dạy học, còn nội các hiện nay lại cấm việc đó, coi đó là việc làm phạm pháp. Ông ta đi Béc-lin xin phép, nhưng không kết quả, như bạn có thể biết từ mĩ qua chính số báo "Volks-Zeitung" có đăng bản tuyên bố của bạn. Nhưng hiện nay, theo sáng kiến của tiến sĩ *Stai-nơ*, tại *Câu lạc bộ Brê-xláp*, trong cuộc diễu hành của các tay hề, bọn lưu hoàng đã trình diễn. Mặc dầu như vậy, tiến sĩ *Stai-nơ*, *Slê-han*, *Dem-rau* và các bạn đồng hành của họ thuộc phái lập hiến đã phải chịu đựng hết sự sỉ nhục này đến sự sỉ nhục khác; nhưng loại người này không để mình dao động về lòng yêu nước của mình. Anh có thể nói gì về những bạn đồng hành đáng yêu ấy?"

Tôi có thể nói gì về đồng sự Stai-nơ của tôi? Ông ta quả thực đã là đồng sự của tôi. Vấn đề là cả nửa năm trời (1855) tôi là phóng viên của tờ "Neue Oder-Zeitung"⁵⁶⁹, tờ báo Đức duy nhất mà tôi tham gia viết bài trong thời gian tôi ở nước ngoài. Hiển nhiên là Stai-nơ có trái tim bằng đá^{1*}, trái tim ấy không thể bị mềm đi ngay khi không được phép dạy tư. "Neue Rheinische Zeitung" từ lâu đã cất gọt Stai-nơ ấy để tạo thành tượng nửa người. Như chúng ta thấy ở số 225:

"*Khuê*, ngày 16 tháng Hai 1849... Về bản thân ông Stai-nơ thì chúng tôi còn nhớ đến thời kỳ ông ta chống những người cộng

3* – Xem tập này, tr. 903-904

1* – ở đây và ở đoạn dưới đều có sự chơi chữ: Stein là họ, "Stein" là đá.

hoà khi ông ta còn là người lập hiến cuồng tín, khi mà ông ta, *hành nghề tố giác thực sự* trên tờ "*Schlesische Zeitung*"⁵⁷⁰ đối với *các đại biểu của giai cấp công nhân và nhằm mục đích đó, ông đã lợi dụng* một giáo viên, người đồng tâm nhất trí với ông ta và hiện là thành viên của "Đồng minh những người ủng hộ trật tự hợp pháp". Cái gọi là phái dân chủ của Quốc hội của phái thoả hiệp cũng thảm hại như bản thân Quốc hội ấy. Có thể thấy trước rằng hiện nay các ngài ấy thừa nhận *hiến pháp vua lập ban để lại* được *trúng cử*. Đặc trưng của quan điểm của các ngài ấy là *sau* bầu cử họ sẽ phủ nhận, trong các câu lạc bộ dân chủ, những điều mà họ bảo vệ *trước* bầu cử, tại các hội nghị của cử tri. Cái thói ranh vặt xảo trá tự do chủ nghĩa ấy không bao giờ là đặc trưng vốn có ở nền ngoại giao của những người cách mạng"⁵⁷¹.

Stai-nơ đã chứng minh rằng tờ "Rheinische Zeitung" đã không ủng hộ công gọt giữa ông ta, khi Man-toi-phen lại giáng chức [wegoktroziert hatte] nghị viện vua ban⁵⁷². Bấy giờ tiến sĩ I-u-li-út Stai-nơ đã tuyên bố như sau ở "Tổng đồng minh dân chủ Brê-xláp":

"Chúng tôi" (phái cực tả Béc-lin) "ngay từ đầu đã cho rằng sự nghiệp của Đức đã tiêu tan... *Hiện nay* phải thừa nhận rằng *sự thống nhất của nước Đức nói chung không thể có được, chừng nào còn tồn tại các vua chúa Đức*" (Neue Rheinische Zeitung", số 290).

Thật vậy, một sự kiện đáng thương tâm đến đá cũng phải mũi lòng, là: chính ông Stai-nơ ấy, tuy không còn là hòn đá thử thách nữa, nhưng vẫn bị ông Svê-rin dứt khoát từ chối không sử dụng làm đá xây dựng.

Tôi không biết bạn đọc của tôi đã được đọc tạp chí "Punch" hay chưa – tôi muốn nói đến tờ "Kladderadasch" Luân Đôn⁵⁷³. Ở bìa trong của nó có vẽ Pan-sơ đang ngồi, và đứng trước mặt ông ta là con chó Tô-bi với vẻ mặt rất buồn, có chiếc bút gài trên tai: cả hai đều là dấu hiệu tượng trưng cho penny-a-liner bầm sinh. Nếu cho phép so sánh cái nhỏ với cái lớn thì có thể so sánh Phô-gtô với

Pan-sơ, với Pan-sơ đã mất sự sắc sảo của mình, - malheur^{1*} ấy xảy ra với ông ta vào năm 1846, cùng với sự huỷ bỏ đạo luật về lúa mì⁵⁷⁴. Nhưng bạn của ông ta, con chó Tô-bi, chỉ có thể được so sánh với bản thân ông ta hoặc với Ê-đu-a Mây-en. Nếu ngày nào đó Ê-đu-a Mây-en chết thật, thì ông ta không cần đến sự đổi kiếp của Pi-ta-go. Điều này thì Tô-bi đã quan tâm đến ngay khi ông ta còn sống. Tôi hoàn toàn không muốn khẳng định rằng Ê-đu-a Mây-en đã làm người mẫu cho hoạ sĩ khi trang trí bìa trong của tạp chí. Nhưng dù sao trong đời mình tôi chưa hề thấy sự giống nhau hơn thế giữa người và chó. Và lại, chẳng có gì phải ngạc nhiên. Ê. Mây-en bẩm sinh là penny-a-liner, còn penny-a-liner bẩm sinh, là Tô-bi. Ê. Mây-en bao giờ cũng kiên trì ưa thích hiển dương vinh phúc của ngôi bút linh lợi của mình cho các cơ quan xuất bản – sách báo của tổ chức đảng. Cương lĩnh bề trên ban xuống đã miễn cho sự khó nhọc của suy nghĩ độc lập, cảm giác về mối liên hệ với quần chúng ít nhiều có tổ chức đã lấn át nhận thức về sự thiếu hoàn thiện của mình, có ý nghĩa về sự tồn tại của quỹ hành quân nhất thời đã khắc phục được ngay cả sự buồn rầu mang tính nghề nghiệp của Tô-bi. Chẳng hạn, chúng ta thấy Ê-đu-a Mây-en đã từng trà trộn được vào uỷ ban trung ương dân chủ đen đủi, cái cây hồ đào rồng mọc ra vào năm 1848 từ hội nghị các nhà dân chủ Đức ở Phran-phước trên sông Mai-nơ⁵⁷⁵. Thời gian lưu vong ở Luân Đôn, ông ta là người chế tạo tích cực nhất các tờ truyền đơn in đá, số tiền mà Kin-ken vay để chế tạo ra cách mạng đã tiêu phí một phần cho những tờ truyền đơn này: đương nhiên, điều đó không mấy may mắn cũng chính ông Ê-đu-a Mây-en ấy mang theo toàn bộ tài sản chạy sang phía hoàng thân nhiếp chính, oán thán về việc ân xá và thực sự cầu xin cho phép mình từ Van-đơ-xbéc vò xé tờ "Freischutz" Hăm-

1* - điều bất hạnh

buộc bằng những bài viết về chính sách đối ngoại. Phô-gtơ, người đã chiêu mộ những người – những người sẵn sàng "tuân theo cương lĩnh của ông ta" và cung cấp bài vở cho ông ta – và vung vẩy trước mặt họ cái túi đầy ắp quỹ hành quân, – thì đã đến thật đúng lúc với Ê-đu-a Mây-en của chúng ta lúc này đang chạy rong không có chủ, vì vào lúc khó khăn không ai muốn trả thuế chó. Tô-bi đã sửa lên những tiếng kêu giận dữ khi được tin tôi chuẩn bị phá hoại uy tín của xí nghiệp xuất bản sách báo của đảng của Phô-gtơ và làm cho bầy chó xồm của nó mất nhuận bút trong việc viết bài vở cho nó! Quelle horreur!^{1*} Phô-gtơ đã cho Ê-đu-a Mây-en của mình những chỉ thị cũng tỉ mỉ như đối với Ê-đu-a Xi-mông của mình, về nghĩa vụ sửa chữa "Tác phẩm chính". Mây-en quả thực đã nhét đầy vào năm số của tờ "Freischutz" (số 17-21, 1860) những lời rỗng tuếch khó hiểu của "Tác phẩm chính"⁵⁷⁶. Nhưng khác nhau biết bao! Trong khi Ê-đu-a Xi-mông sửa chữa nguyên bản thì Ê-đu-a Mây-en xuyên tạc nó. Năng lực tối thiểu hiểu một cách khách quan tài liệu đã có sẵn, không nghi ngờ gì nữa được thể hiện ở khả năng *sao chép* ấn phẩm đã được in, nhưng Ê-đu-a Mây-en của chúng ta hoàn toàn bất lực trong việc sao chép một cách chính xác ngay cả một dòng chữ. Trong tính cách của Tô-bi thiếu ngay cả sức mạnh cần thiết để sao chép. Chúng ta hãy nghe đây:

"Freischütz", số 17: "Báo" ("Allgemeine Zeitung")... "hiện nay bị vạch tội là nó... cũng... được sự giúp sức của đảng cách mạng, cái đảng bị Phô-gtơ vạch mặt là *bọn lưu hoàng của phái cộng hoà Đức*".

Phô-gtơ bịa đặt về bọn lưu hoàng của phái cộng hoà Đức ở chỗ nào và vào lúc nào nhỉ?

"Freischütz", số 18: "Chính Líp-nếch đã đưa ra trong "Allgemeine Zeitung" lời buộc tội Phô-gtơ, khi ông ta lắp lại trên tờ báo đó những lời công kích do Bi-xcam-pơ

1* – kinh khủng làm sao!

phát ra trên tờ "Volk" ở Luân Đôn, nhưng những lời công kích đó chỉ có được toàn bộ ý nghĩa của chúng khi Mác chuyển cho "Allgemeine Zeitung" tờ truyền đơn xuất hiện ở Luân Đôn mà ông gán cho Blin-đơ là tác giả".

Phô-gtơ nói dối rất nhiều và không biết ngượng ngùng, nhưng vị luật sư của ông ta là Héc-man đã cấm ông ta vin vào lời khẳng định dối trá nói rằng *không phải* bài của Bi-xcam-pơ, được đăng trên tờ "Allgemeine Zeitung", đã được Líp-nếch "lấp lại" trên báo này. Và Phô-gtơ chưa hề nghĩ đến việc nói rằng tôi đã chuyển cho "Allgemeine Zeitung" tờ truyền đơn "Sự phòng ngừa". Trái lại, ông ta tuyên bố rõ ràng rằng: "Chính ông Líp-nếch... đã chuyển tờ truyền đơn vu khống cho "Allgemeine Zeitung" ("Tác phẩm chính", tr. 167).

"Freischütz", số 19: "Blin-đơ dứt khoát phủ nhận mình là tác giả tờ truyền đơn, còn người chủ nhà in thì làm chứng rằng không phải Blin-đơ *trao cho* ông ta tờ truyền đơn để in. Nhưng điều được xác định chắc chắn là bài vu cáo ấy được in lại ngay lập tức trên tờ "Volk" bằng cùng bản sắp chữ ấy; và Mác đã lo liệu việc công bố tờ truyền đơn ấy trên "Allgemeine Zeitung" v.v."

Trong "Tác phẩm chính" Phô-gtơ đăng lại một mặt, bản tuyên bố của Phi-đê-li-ô Hô-linh-gơ, trong đó Hô-linh-gơ làm chứng rằng tờ truyền đơn ấy *không được sắp chữ* trong nhà in của ông và, mặt khác, cũng đăng lại bản phản tuyên bố của tôi nói rằng bản sắp chữ ban đầu *còn chưa* bị tháo ra ở nhà in Hô-linh-gơ khi "bài vu khống" được đăng lại trên tờ "Volk". Người ta thấy một sự hỗn độn như thế nào trong tất cả những cái đó ở Tô-bi vô phước!

"Freischütz", số 19: "Còn về những nhân vật ấy" (theo thư của Tê-khốp thì hình như Ăng-ghen và tôi đã nói) "thì họ là những người thuần túy mang lý tính, không biết đến dân tộc nào hết".

Không hiểu *tính đa cảm* nào hết, Tô-bi vô cùng yêu quý, không biết tính đa cảm nào hết – Tê-khốp viết như vậy trong tác phẩm của Phô-gtơ.

"Freischütz", số 20: "Mác... để cho những người quyết đấu đi bắn nhau ở Ô-xten-

đơ. Tê-khốp là người giúp việc cho Vi-lích v.v.. Sau sự kiện này, Tê-khốp đoạn tuyệt với Mác và Đồng minh của ông ta".

Ê-đu-a Mây-en không thoả mãn với việc đọc *Ăng-ve* thành *Ô-xten-đơ*. Chắc là ở Luân Đôn ông ta đã nghe câu chuyện về một người Pháp than phiền ở Oen-xtơ - En-đơ rằng người Anh viết là Luân Đôn, nhưng đọc là Công-xtăng-ti-nô-plơ. Tê-khốp cả đời chỉ gặp tôi có mỗi một lần, vào thời kỳ ông ta viết thư của mình mà lại viết rõ ràng rằng ban đầu ông ta muốn *liên hiệp* với tôi và với Đồng minh của tôi, - Ê-đu-a Mây-en đã buộc ông Tê-khốp ấy phải *đoạn tuyệt* với tôi và với Đồng minh của tôi mà Tê-khốp chưa bao giờ gia nhập.

"Freischütz", số 21: "Sự cố ấy" (ngày lễ công nhân chính ở Lô-dan) "đã lý giải việc Phô-gtơ bị công kích kịch liệt trên tờ "Volk" ở Luân Đôn".

Trong "Tác phẩm chính", bản thân Phô-gtơ chỉ rõ ngày tháng mà ông ta bị "công kích kịch liệt" trên tờ "Volk" là: *ngày 14 tháng Năm 1859* (tờ truyền đơn được đăng trên tờ "Volk", ngày 18 tháng Sáu 1859). Lễ chính ở Lô-dan được cử hành vào các ngày 26 và 27 tháng Sáu 1859, nghĩa là rất lâu *sau khi* có những lời "công kích kịch liệt", mà theo Mây-en, là do nó gây ra.

Nhưng những đoạn chọn lọc đó của Tô-bi cũng đã đủ rồi. Không có gì phải ngạc nhiên, nếu như Tô-bi sau khi đọc thấy trong sách của Phô-gtơ tất cả những gì hoàn toàn không có ở đó, nhưng lại đọc thấy rằng:

"Cuốn sách của Phô-gtơ sẽ được liệt vào những tác phẩm luận chiến đứng cảm nhất, ý nhị nhất và bổ ích nhất của nền văn học chúng ta" ("Freischütz", số 17).

Bây giờ hãy tưởng tượng xem Tô-bi kém may mắn ấy không sao chép nổi một cách chính xác mấy dòng chữ đã in, hãy tưởng tượng Tô-bi ấy, bị quy định ngồi ở Van-đơ-xbéc hàng ngày đọc sách về lịch sử thế giới, từng giờ trích trong đó những sự kiện trong ngày, chỉ được đánh dấu qua loa bằng những chữ cái lơ mơ, và chụp ảnh trên tờ "Freischütz", với kích thước tự nhiên,

dissolving views^{1*} của thực tại! Sứ đồ Van-dơ-xbéc bất hạnh! Bạn đọc may mắn ở Hăm-buốc của "Freischütz"!

Mấy ngày trước đây, tờ "*Times*" Luân Đôn đã đăng một bài bình luận ngắn lạ lùng được truyền đi trên khắp các báo chí Anh, với nhan đề: "Một người bị chó cắn chết". Xem ra Tô-bi cũng biết bản, do đó không có gì phải ngạc nhiên nếu như Ê-đu-a Mai-ơ hát trên tờ "Freischütz": "Tôi là xạ thủ phục vụ nhiếp chính".

"Kölnische Zeitung" chỉ bó hẹp ở mấy bài bình luận ngắn ác độc và những điều vu khống vụn vặt có lợi cho Phô-gtô. Một tuần sau khi xuất bản "Tác phẩm chính", trên các cột báo của mình tờ báo này tung tin rằng quyển sách đã bán hết, - chắc là để bản thân không phải phê bình nhận xét cuốn sách này nữa. Trên đời này có biết bao nhiêu chuyện hài hước!

Vào những năm 1848-1849, trong khi phát hành tờ "Neue Rheinische Zeitung" và trong khi hàng ngày chúng tôi phải đo giắc với người láng giềng ở Khuê của chúng tôi vì vấn đề Ba Lan, Hung-ga-ri và I-ta-li-a, - lúc đó làm thế nào tôi có thể ngờ rằng năm 1859 chính "Kölnische Zeitung" ấy đã xuất đầu lộ diện trước chúng ta trong vai hiệp sĩ của nguyên tắc dân tộc, và từ ông **Giô-dép Duy-mông** bình thường đã hiện ra ngài Giu-dép đen Môn-tê! Nhưng, đương nhiên, hồi bấy giờ còn chưa có Lu-i Bô-na-pác-tô nào là người đã ban cho các dân tộc cái ân huệ đạo đức - tự do cao cả, còn tờ "Kölnische Zeitung" sẽ không bao giờ quên rằng Lu-i Bô-na-pác-tô đã cứu xã hội. Tờ "*Neue Rheinische Zeitung*" số 144, sẽ chỉ rõ cho ta thấy là lúc đó tờ báo kẻ trên đã công kích nước Áo với sự tức giận như thế nào.

"Khuê, ngày 15 tháng Mười một (1848). Vào lúc toàn nước Đức, đang vang lên tiếng thét phản nộ khi được tin tên Vin-di-sơ-grét-xơ nào đó, đầy tớ khát máu của bọn kẻ cướp Áo, đã cả gan ra lệnh bắn chết nghị sĩ **Rô-bóc Bli-um** như ra lệnh bắn một con chó -

1* - bức tranh mờ ảo

vào lúc hoàn toàn phù hợp là đang bàn về hai tờ báo Đức, trong đó một tờ với sự phản trắc hiểm thấy đã ra sức bôi nhọ những ngày cuối cùng của người đã khuất, còn tờ kia, với sự ngu xuẩn lộ bịch của mình, đã truy lùng người quá cố đến tận nơi chôn cất. Chúng tôi muốn nói đến tờ "Kölnische Zeitung" và "Rheinische Volks - Halle" (Vulgo Narrhalle^{1*}). Trong số 292, tờ "Kölnische Zeitung" viết: "ngày 22 tháng này" (tháng Mười) "*các lãnh tụ đầy phẫn khởi* của phái dân chủ đã rời Viên; trong số đó có... **Rô-bóc Bli-um**". Tờ "Kölnische Zeitung" đưa tin ấy mà không bổ sung gì thêm, nhưng lời vu cáo đối với Bli-um đã được in chữ đậm để gây ấn tượng sâu sắc hơn trong đầu óc bạn đọc của mình. Trong những số tiếp theo tờ "Kölnische Zeitung" còn làm xuất sắc hơn. Nó trở trên đăng lại ngay cả những bài của tờ báo nhỏ đen - vàng chính hiệu của bọn nịnh thần, những tin tức của tờ báo của nữ đại công tước Xô-phi-a, một tờ báo đề tiện nhất trong tất cả các tờ báo Áo..." Tiếp đó còn đưa ra những đoạn trích dẫn có nói: "Rô-bóc Bli-um đã không thu được vinh quang ở Viên... vấn đề là ông ta nói tại đại lễ đường về kẻ thù bên trong: về sự nhút nhát, về sự thiếu dũng khí và thiếu tinh thần kiên định; "nhưng nếu ngoài kẻ thù bên trong đó *cũng* còn có những kẻ thù *khác* - ông hy vọng rằng không có chúng - hoặc trong thành phố còn có những người thích chấp nhận thắng lợi của bọn quân phiệt hơn là thắng lợi của tự do, thì cuộc đấu tranh một mất một còn với kẻ thù đang đứng trước thành phố cũng phải dốc toàn bộ sức mạnh chĩa vào những người ấy"... Bài diễn văn của ông Bli-um, chứa đựng sự điên rồ của phái thánh Chín⁵⁷⁷; nếu như ông Blum phát hiện những lời lẽ đó thì ông ta - chúng tôi xin nói toạc ra - **tự làm mất danh dự của mình**. Tờ "Kölnische Zeitung" viết như vậy".

Tất cả các hố xí ở Luân Đôn đều thông qua một mạng lưới những ống được che đậy khéo léo để đổ ra sông Tem-dơ tất cả những chất bẩn thỉu của chúng. Hệt như vậy, thủ đô của thế giới ấy, thông qua hệ thống chiếc bút lông ngỗng, tháo tất cả những chất bẩn thỉu của xã hội vào một cái ổ trung tâm lớn bằng giấy là tờ "Daily Telegraph". Li-bích chỉ ra một cách đúng đắn sự lãng phí vô nghĩa đó, khiến cho nước sông Tem-dơ mất đi sự trong sạch và nước Anh mất đi số phân bón. Nhưng **Lê-vi**, ông chủ của cái ổ

1* - nói một cách đơn giản, phòng dành cho bọn ngu ngốc (chơi chữ: "Volkshalle" là "phòng họp nhân dân", "Narrhalle" là "phòng dành cho bọn ngu ngốc").

trung tâm bằng giấy ấy không những thông thạo hoá học, mà còn thông thạo thuật luyện đan. Sau khi biến những thứ bần thiêu của xã hội Luân Đôn thành những bài báo, ông ta biến các bài báo thành đồng rồi, cuối cùng, biến đồng thành vàng. Trên cánh cửa dẫn tới cái ổ trung tâm bằng giấy có viết di colore oscuro^{1*} những chữ: "hic...quisquam faxit oletum!"^{2*} hoặc như Bai-rơn đã dịch một cách bóng bẩy: "Wanderer, stop and – piss!"^{3*}

Giống như A-bi-ghen-lơ, Lê-vi est capable de tout^{4*}. Ông ta có thể viết một bài xã luận dài ba cột báo về một vụ hiếp dâm nào đó. Đầu năm nay ông ta đã thết đồng đảo bạn đọc sành ăn của mình món ra-gu nặng mùi được chế biến từ những tình tiết bần thiêu đến lộn mửa của một vụ kiện, đến nỗi những tình tiết ấy đã buộc quan toà phải đuổi sạch ra khỏi phòng xét xử các phụ nữ và trẻ em. Rủi thay, Lê-vi đã lôi ra tên một người hoàn toàn vô tội để làm hạt tiêu cho món ra-gu nặng mùi. Vụ kiện về tội vu khống do việc đó gây ra đã kết thúc bằng việc toà án Anh kết án ông ta và công khai khiển trách tờ báo do ông ta xuất bản. Mọi người đều biết, ở Anh các vụ kiện về tội vu khống – cũng như tất cả các vụ kiện khác - đều tốn kém vô cùng và, trên mức độ nhất định, chúng tạo thành đặc quyền của coffre fort^{1*}. Nhưng chẳng bao lâu, một bọn luật sư vô công rồi nghề nào đó ở khu Xi-ti phát hiện ra rằng Lê-vi là con mồi rất có lợi, họ liên hiệp lại và nhằm mục đích đầu cơ, họ đã đề nghị phục vụ không công cho bất cứ ai muốn kiện Lê-vi về tội vu khống. Do đó, bản thân Lê-vi phải lớn tiếng than

1* – bằng màu đen

2* – "ở đây... ai cũng có thể đi tiểu tiện" (phỏng theo câu thơ trong bài thơ châm biếm thứ nhất của Péc-xi-út).

3* – "Người qua đường, hãy dừng lại và đái!" (Bai-rơn, "Chữ đê trên mộ").

4* – có thể làm được mọi điều

1* – tủ không cháy (nghĩa là bọn nhà giàu)

phiền trên tờ báo của mình rằng đã xuất hiện một hình thức những vụ bắt bớ mới – kết tội Lê-vi là vu khống. Từ đó đưa Lê-vi ra toà là việc mạo hiểm. Điều đó gây ra sự giải thích mập mờ nước đôi giống như trên tường ở Luân Đôn có thể đọc thấy: Commit no Nuisance, thì trên cửa toà án Anh có thể đọc thấy: Commit Levy^{2*}.

Các nhà chính trị gọi "Daily Telegraph" là "mobpaper"^{3*} của Pan-móc-xtơn, nhưng chiếc xe chở phân của Lê-vi chỉ chở chính trị để làm vật giữ thăng bằng. Còn tạp chí "Saturday Review" đã nhận định một cách chính xác về đặc trưng của tờ báo giá một xu của Lê-vi bằng mấy chữ "cheap and nasty" (rẻ và tởm lợn).

"Triệu chứng có tính chất quyết định" – tạp chí đó nhận xét – "là ở chỗ Lê-vi rất ưa cái bần thiêu hơn là cái sạch sẽ; trong bất kể tình hình nào, ông ta đều sẵn lòng từ bỏ những tin tức quan trọng nhất để dành chỗ cho những bài bần thiêu".

Nhưng Lê-vi có cái phẩm hạnh giả vờ của mình. Chẳng hạn, ông ta chê trách sự thiếu đạo đức của các nhà hát và công kích – quân giám sát đệ nhị Ca-tô – nữ diễn viên ba-lê về y phục của họ, thứ y phục ấy bắt đầu quá muộn mà kết thúc quá sớm. Do những cơn bột phát về phẩm hạnh ấy, Lê-vi đã rơi vào cảnh tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa. Ôi, lô-gích! – tạp chí sân khấu Luân Đôn "Players" thốt lên – ôi lô-gích, sự thẹn thùng của mi đâu rồi? Song, chắc chắn tên lưu manh (the rogue) cười thâm!... "Telegraph" sắm vai người tuyên truyền sự đứng đầu của y phục phụ nữ trên sân khấu! Giu-y-pi-te thần thánh, tiếp nữa là gì? Chí ít phải chờ đợi động đất và sao chổi. Sự lịch thiệp! "I thank thee, Jew, for teaching me that word" ("Tôi cảm ơn anh, hồi người Do Thái, vì

2* Lối chơi chữ khó dịch, dựa trên động từ "to commit" có nhiều nghĩa. "Commit no Nuisance" nghĩa là "Cấm phóng uế". "Commit Levy" nghĩa là "Hãy xử Lê-vi".

3* – tờ báo tầm thường

anh đã dạy tôi lời ấy")^{1*} Giống như Hăm-lét khuyên Ô-phê-li-a, "Players" khuyên Lê-vi nương thân vào tu viện mà là nữ tu viện. Get thee to a nunnery^{2*}, Lê-vi! Lê-vi ở trong một nữ tu viện! Có lẽ nonaria in sai thành "nunnery"^{3*} và phải đọc là "Hãy đến với cô gái hư hỏng, hồi Lê-vi" và trong trường hợp này mỗi người sẽ

"multum gaudere paratus

Si Cynico (tên Lê-vi trơ trẽn) barbam petulans nonaria vellat"^{4*}

"Weekly Mail" khẳng định rằng tuy Lê-vi [Levy] không bảo với bạn đọc của mình rằng "X" là "U", nhưng viết "Y" thay cho "T". Thật vậy, trong số 22000 Lê-vi [Levis]⁵⁷⁸ mà Môi-xe đếm khi đi qua sa mạc, không có người nào viết tên mình bằng "Y". Giống như Ê-đu-a Xi-mông bằng mọi giá muốn coi mình thuộc chủng tộc Rô-manh, Lê-vi cũng khao khát coi mình thuộc chủng tộc Ăng-glô-Dắc-den. Do đó, ít ra mỗi tháng một lần ông ta công kích chính sách không phải Anh của ông Đi-xra-e-li, vì Đi-xra-e-li, "điều bí ẩn châu Á" ấy (the Asiatic mystery), giống như "Telegraph", không thuộc về chủng tộc Ăng-glô - Dắc-den. Nhưng khi mà bà mẹ – thiên nhiên đã kiên quyết ghi thẳng trên mặt ông ta, bằng chữ cái lớn, dòng dõi của ông ta, thì Lê-vi đã kích ông Đi-xra-e-li và viết "Y" thay cho "I" để làm gì? Cái mũi của kẻ xa lạ thần bí Xlô-ken-béc-ghi (xem "Tơ-ri-xtơ-ram Sen-đi"), kẻ đã từ promontery of

1* – Sếch-xpia. "Người lái buôn thành Vơ-ni-dơ", hồi IV, cảnh 1.

2* – Hãy vào tu viện (Sếch-xpia, "Hăm-lét", hồi III, cảnh 1).

3* – Mác gắn liền từ tiếng Anh "nunnery" (nữ tu viện) với từ la tinh phát âm tương tự "noneria" cô gái hư hỏng).

4* – "từ thâm tâm sẵn lòng bật lên tiếng cười,

Nếu cô gái hư hỏng tóm lấy râu anh chàng trơ trẽn"

(Péc-xi-út, bài thơ châm biếm thứ nhất).

noses^{1*} kiếm được cho mình finest nose^{2*}, đã thành đề tài bông đùa ở Xtơ-ra-xbua chỉ có một tuần^{3*}, trong khi đó cái mũi của Lê-vi đã thành đề tài bàn tán ở Xi-ti Luân Đôn suốt một năm. Một nhà thơ châm biếm Hy Lạp mô tả cái mũi của anh Ca-xtơ nào đó, ông ta sử dụng cái mũi ấy vào đủ mọi thứ: làm cái xẻng, chiến kèn, chiếc liễn, chiếc neo thuyền v.v.. Ông kết thúc sự mô tả của mình bằng mấy câu thơ:

«Οὕτως εὐχρήστου σχεύους Κάστωρ τετύχηκε
'Πῶνα φέρων πάσης ἄρμενον ἐργασίας»

1)

Nhưng Cơ-xtơ không đoán được Lê-vi dùng cái mũi của mình để làm gì. Nhà thơ Anh đến gần mục đích hơn khi ông viết:

"And 'tis a miracle we may suppose,

No nastiness offends his skilful nose"²⁾

Thật vậy, tài nghệ lớn lao của cái mũi của Lê-vi biểu hiện ở quan hệ thân ái với mùi hôi thối, ở năng lực biết hít và thu hút mùi hôi thối ấy từ khoảng cách hàng trăm dặm. Thế là mũi của Lê-vi phục vụ cho "Daily Telegraph" với tính cách là chiếc vòi voi, con bạch tuộc, ngọn hải đăng và điện tín. Do đó, có thể nói không phóng đại rằng Lê-vi viết tờ báo của mình bằng mũi.

1) Hãy xem Ca-xtơ được cung cấp một công cụ vạn năng;

Ông có chiếc mũi để làm tất cả mọi việc trong gia đình.

2) Ai mà không coi đây là điều kỳ diệu,

Không mùi hôi thối nào xúc phạm cái mũi thánh của anh ta.

1* - chóp của các cái mũi

2* cái mũi tuyệt vời

3* - L. Xtéc-nơ "Cuộc đời và những ý kiến của ngài Tơ-ri-xtơ-ram Sen-đi".

Tập 4, phần "Câu chuyện Xlô-ken-béc-gi".

Đương nhiên, tờ "Daily Telegraph" sạch sẽ ấy là tờ báo Anh *duy nhất* có thể và phải đăng bài ca "Lau-di-át" của Phô-gtô. Trên tờ báo của Lê-vi, từ ngày 6 tháng Hai 1860, đã đăng một bài báo dài chiếm hai cột rưỡi, nhan đề là "The Journalistic Auxiliaries of Austria" ("Trợ thủ báo chí của Áo") về thực chất là bản dịch đơn thuần hai bài xã luận của "National - Zeitung" ra thứ tiếng Anh khá khó ngửi. Để che mắt, trên bài báo có đề "from an occasional correspondent. Frankfort on the Main, February 2." ("của một phóng viên ngẫu nhiên. Phran-phuốc trên sông Mai-nơ, ngày 2 tháng Hai"). Dĩ nhiên, tôi biết rằng có một phóng viên duy nhất của "Telegraph" ở Béc-lin, nơi mà cái mũi của Lê-vi phát hiện ra anh ta với sự lành nghề quen thuộc của ông ta. Do đó, tôi lập tức viết thư hỏi một người bạn của tôi ở Béc-lin xem có thể cho tôi biết tên người phóng viên của tờ báo của Lê-vi không. Nhưng bạn của tôi – một người mà học vấn được ngay cả A. Phôn Hum-bôn thừa nhận – khẳng định rằng ở Luân Đôn không có "Daily Telegraph" nào cả, do đó ở Béc-lin không có phóng viên nào của báo ấy cả. Trong tình hình đó, tôi buộc phải hỏi một người quen khác cư trú ở thủ đô, tại Sprê. Câu trả lời là: phóng viên Béc-lin của tờ "Daily Telegraph" là có thực và tên người ấy là **A-ben**. Tôi thấy đây là một sự đánh lừa có ác ý. A-ben hiển nhiên chỉ là cách viết tắt Xa-ben. Xa-ben không biết tiếng Anh, nên việc này không thể làm tôi bối rối. Nếu A-ben với tư cách Xa-ben không biết tiếng Đức mà lại biên tập "National - Zeitung", thì tại sao Xa-ben với tư cách A-ben không biết viết bằng tiếng Anh, lại không thể gửi bài vở cho "Telegraph". Vậy thì đó là Xa-ben-A-ben hay là A-ben-Xa-ben? Làm sao thoát khỏi khu vườn Ba-bi-lon [Babel] ấy? Tôi lại so sánh tờ báo Béc-lin thông thái với tờ báo của Lê-vi và thấy ở số 41 của "National - Zeitung" có đoạn sau:

"Líp-nếch bổ sung một cách kỳ quặc rằng: "Chúng tôi muốn *toà thị chính* (?) chứng nhận tính đúng thực của chữ ký của chúng tôi"."

Đoạn này với toà thị chính và với câu hỏi tỏ rõ sự kinh ngạc

của Xa-ben, đã làm cho người ta nhớ đến một anh chàng Sva-bơ "vừa mới từ tàu biển bước lên đất châu Á đã hỏi ngay "ở đây có anh chàng tốt bụng ở Béch-bia-ghen không?".

Trên tờ báo của Lê-vi không những không có tất cả đoạn đó, mà không có cả dấu hỏi, do đó có thể kết luận không thể chối cãi được rằng phóng viên Lê-vi không đồng ý với quan điểm của Ph. Xa-ben cho rằng các quan toà trị an Luân Đôn hoặc các quan của toà thị chính (magistrates) cũng chẳng khác gì Toà thị chính Béc-lin⁵⁷⁹. Vì vậy, Xa-ben không phải là A-ben, và A-ben cũng không phải là Xa-ben. Trong khi đó, những người quen khác của tôi ở Béc-lin đã nghe thấy nói về sự tìm kiếm của tôi. Một người trong số họ viết thư cho tôi: "Trong số 22000 người Lê-vi trong quyển kinh thứ tư của Môi-xe cũng có một A-ben, nhưng tên người đó được viết thành A-va-quých [Abihail]". Một người khác lại viết: "Lần này thì A-ben [Abel] giết chết Ca-in, chứ không phải Ca-in giết chết A-ben". Thế là tôi ngày càng lúng túng, cho đến khi, rút cục, biên tập viên của một tờ báo Luân Đôn, với vẻ nghiêm nghị khó khăn vốn có ở người Anh, đã làm cho tôi tin rằng A-ben tuyệt nhiên không phải là chuyện hoang đường mà là một tác giả Do Thái ở Béc-lin, tên đầy đủ của ông ta là **tiến sĩ Các A-ben**. Chàng trai đáng yêu đó một thời gian dài là một anh đầy tớ sốt sắng của "Kreuz - Zeitung" dưới quyền Stan và Ghéc-la-khơ, nhưng với sự thay đổi của các nội các anh ta đã biến đổi, nếu không phải biến đổi bộ da thì cũng biến đổi màu sắc. Nhiệt tình dai dẳng của kẻ phản bội dù sao cũng có thể giải thích tại sao phóng viên Béc-lin của Lê-vi cho rằng tự do báo chí ở Anh chỉ tồn tại để ông ta có thể công khai bán rẻ sự ca tụng của mình trước nội các Hô-hen-txô-léc. Do đó, có thể giả định rằng ngoài Lê-vi ở Luân Đôn, còn có A-ben ở Béc-lin – *par nobile fratrum*^{1*}.

1) "Cua nhảy múa trong bùn cũng không linh lợi hơn,
Bò xuống dưới và bước đi thụt lùi:

A-ben cung cấp hàng hoá của mình cho Lê-vi cùng một lúc từ tất cả những nơi có thể được – từ Béc-lin, Viên, Phran-phuốc trên sông Mai-nơ, Xtốc-khôn, Pê-téc-bua, Hồng Công v.v., nên đó là thứ trò ảo thuật cao tay hơn cả "Cuộc hành trình xung quanh căn phòng của tôi" của Đơ Me-xtơ-ra. Nhưng A-ben viết cho Lê-vi của mình dù ghi địa danh gì thì ông ta bao giờ cũng viết dưới dấu hiệu con Cua. Khác với cuộc diễu hành ở Ê-xtéc-nắc – ở đó người ta tiến hai bước, lùi một bước⁵⁸⁰, – các bài của A-ben tiến một bước mà lùi hai bước.

"No crab more active in the dirty dance,
Downward to climb, and backward to advance"
(Pope)¹⁾

A-ben có cái tài không chối cãi được là thông báo cho Lê-vi của mình về các bí mật quốc gia ở lục địa châu Âu. Chẳng hạn, "Kölnische Zeitung" đăng bài xã luận nào đó, – chúng ta hãy cho là về tài chính của nước Nga, – chúng ta giả định rằng bài này được sao chép của tờ "Baltische Monstschrift". A-ben chờ đợi một tháng, rồi đột nhiên gửi bài báo đã đăng trên "Kölnische Zeitung" từ Pê-téc-bua về Luân Đôn và đương nhiên làm cho người ta hiểu rằng nếu không phải bản thân Nga hoàng hoặc không phải bộ trưởng tài chính Nga thì dù sao cũng là một trong những giám đốc của Ngân hàng quốc gia tiết lộ với A-ben *entre deux cigares*^{2*} những số liệu thống kê bí mật, và ông ta đặc chí thốt lên: "I am in a position to state etc." ("tôi có thể báo tin v.v."). Hoặc tờ "Preußische Zeitung" chính thức thò cái vòi nội các vào, chẳng hạn, đụng chạm đến quan điểm tư nhân của Phôn Slai-ni-xơ về

[Pốp. "Đun-xi-át", cuốn thứ hai]

1* – một cặp anh em quý phái (Hô-ra-xơ. "Thơ châm biếm", quyển II, bài thứ ba).

2* – giữa hai điếu xì gà.

vấn đề hầu quốc tuyển đế Hét-xen. Lần này thì A-ben chẳng chờ đợi phút nào mà là công khai viết từ Béc-lin ngay ngày hôm ấy cho Lê-vi của mình về vấn đề hầu quốc tuyển đế. Qua một tuần, ông ta báo tin tờ "Preußische Zeitung", cơ quan ngôn luận của nội các, đã đăng bài sau đây về vấn đề hầu quốc tuyển đế Hét-xen và "I owe to myself" ("tôi cho rằng mình có trách nhiệm") lưu ý đến sự việc một tuần trước đây v.v.. Hoặc ông ta dịch một bài nào đó của "Allgemeine Zeitung", chẳng hạn, ghi là, được viết ở Xtốc-khôn. Tiếp đó, tất nhiên phải là câu "I must warn your readers", "Tôi phải nhắc nhở bạn đọc của ngài đề phòng" không phải bài báo được sao chép từ "Allgemeine Zeitung", mà là bài báo nào đó không sao chép từ tờ báo này. Khi A-ben buộc phải nói đến "Kreuz-Zeitung" thì ông ta làm dấu thánh để không bị nhận mặt.

Còn về bút pháp của A-ben thì có thể quan niệm một cách tượng trưng rằng nó là sự sao chép bút pháp của Stéc-nơ Ghê-sây-tơ, I-xi-đô Béc-li-néc-blau và I-a-cốp Vi-den-ri-xle.

Xin phép A-ben được đi lạc để chút ít. Stéc-nơ Ghê-sây-tơ nguyên bản là một tông phạm khác của Phồ-gtô tên là **L. Bam-béc-gơ**, năm 1848 là biên tập viên của một tờ báo vô giá trị ở Ma-in-xơ, còn hiện nay sống "hoàn toàn nhờ được nuôi dưỡng", do kết hôn mà trở thành bà con với Pa-ri loup garou^{1*} và trở thành *nhà dân chủ kiểu Bô-na-pác-tơ* theo nghĩa *giản đơn nhất* của từ này". Để hiểu được "nghĩa giản đơn" ấy phải hiểu được tiếng lóng của thánh đường Do Thái của Sở giao dịch Pa-ri. Dân chủ "giản đơn" của Stéc-nơ Ghê-sây-tơ cũng chính là cái mà I-xác Pê-rây-ra gọi là "la démocratisation du crédit, dân chủ hoá tín dụng, sự dân chủ hoá này thể hiện ở chỗ là không còn những giới cá biệt của dân tộc, mà là toàn bộ dân tộc đã biến thành một ổ đánh bạc để có thể lừa

1* - ma sói, người dữ tợn

đảo en masse^{1*} nó. Nếu dưới thời Lu-i-Phi-líp, bọn sói đầu sỏ của Sở giao dịch chỉ sản bắt không thương xót của cải quốc dân tập trung trong tay giai cấp tư sản lớn nhất, thì dưới sự che chở của Lu-i Bô-na-pác-tơ, tất cả đều biến thành fish^{2*} của sói dân chủ của Sở giao dịch, bọn sói này đã cùng với hoàng đế La Mã thét lên: non olet^{3*} và đã cùng với Stéc-nơ Ghê-sây-tơ – Bam-béc-gơ bổ sung thêm "*quần chúng phải làm việc đó*". Dân chủ của Stéc-nơ trong sự "đơn giản" vĩ đại nhất của nó là như vậy. Gần đây, Stéc-nơ Ghê-sây-tơ - Bam-béc-gơ đã được biết đến dưới cái tên: "*Hoan hô, đi sang I-ta-li-a!*"⁵⁸¹. Trái lại, trong cuộc vận động ủng hộ hiến pháp đế quốc, ông ta đã lắng nghe tiếng kêu: "*Ôi, hãy đi khỏi Kiéc-ha-im-bô-lan-đen!*". Vội vã chạy khỏi Kia-han-im-bô-lan-đen và lừa gạt quân đoàn tình nguyện Ranh-Pphan-xơ, Stéc-nơ Ghê-sây-tơ - Bam-béc-gơ – về những chiến công anh hùng của nhân vật này người ta đã trao cho tôi một bản thảo quý giá - tỏ ra quá ư sáng trí^{4*} để nghĩ thấy rằng lớp đất bản thủ thấm máu của thánh Chạp có cát chứa vàng dành cho nững người sáng trí đi tìm báu vật. Do đó, ông ta đi Pa-ri, tại đấy – theo cách nói hay tuyệt của bạn ông ta là I-xi-đo Béc-li-ne-blau, alias^{5*} *H. B. Ôp-pen-hai-mơ* – "anh cảm thấy mình được tự do hơn là anh biết". Stéc-nơ Ghê-sây-tơ tỏ ra phấn khởi, theo ông ta năm 1858 bắt đầu có "sự đình đốn trong lưu thông" (xem bảng thống

1* – toàn thể

2* – cá

3* – không thối (câu nói của hoàng đế La Mã Ve-xpa-di-a-nút khi nói về thuế hổ xỉ).

4* Ở đây và ở những đoạn tiếp theo có sự chơi chữ: Gescheidt là tên, "gescheidt" là "sáng trí".

5* – nói cách khác

kê của Banque de France^{1*} về lưu thông tiền tệ trong các năm 1858-1859), vào lúc mà lớp đất bản thủ của thánh Chạp đột nhiên bắt đầu biến thành màu sắc tươi thắm của những tư tưởng cao cả. Sáng trí bao nhiêu, thì cũng dân chủ chói lọi bấy nhiêu, Stéc-nơ Ghê-sây-tơ hiểu rằng dòng thác Pa-ri có thể cuốn trôi không những lớp đất của thánh Chạp, mà cả pro của tác phẩm chính của ông ta, chỉ để lại contra^{2*}. Như mọi người đều biết, Stéc-nơ Ghê-sây-tơ – Bam-béc-gơ đã tăng số lượng các bài thi ca Hy Lạp, bổ sung bài thi ca thứ mười, thi ca mu-dơ Do Thái, "thi ca của thời đại", như ông ta gọi bảng thị giá của Sở giao dịch.

Nhưng hãy trở lại với A-ben. Bút pháp của A-ben đặc sệt cái odor specificus^{3*} cần thiết cho "Daily Telegraph" – cái ổ rác rưởi bằng giấy của thủ đô thế giới. Khi Lê-vi đặc biệt xúc động vì cái mùi thơm của các bản tin của A-ben, vì học thức của A-ben và vì nhiệt tình thào vát mà A-ben dùng để viết cùng một lúc từ 20 độ vĩ khác nhau, vào những giờ phút cảm động sâu sắc đó, Lê-vi gọi A-ben một cách dịu dàng – mến thương là "industrious bug"^{4*} của mình.

Ý thức công bằng của nhà thơ đã yêu cầu "con người tròn trĩnh", vào cuối vở hài kịch, đừng có cùng với A-ben sa vào đồng phân Luân Đôn. Nhưng ai sẽ kéo ông ta ra khỏi đồng phân? Ai sẽ là kẻ cứu vớt? Kẻ cứu vớt phải là một người bản thủ, tức *nam tước Phôn Phin-kê*^{5*}, một địa chủ ở miền đất đỏ^{6*} hiệp sĩ vui

1* – Ngân hàng Pháp

2* – pro và contra: tán thành và phản đối, ở đây ý nói các khoản thu và chi.

3* – mùi đặc biệt

4* – "con rệp cần cù" (Pôp, "Đun-xi-át", quyển thứ nhất).

5* – Chơi chữ: Vincke – họ, "Mistfinke" – "người bản thủ".

6* – Ve-xtơ-pha-li

tươi, chevalier sans peur et sans reproche⁵⁸².

Như trên đã nói, ngay từ năm 1848 tờ "Neue Rheinische Zeitung" đã để lộ ra tính đồng nhất của sự đối lập giữa Phô-gtơ và Phin-kê, và bản thân Phô-gtơ đã dự cảm thấy điều đó năm 1859 khi ông ta viết trong "Nghiên cứu" của mình.

"Ông Phôn Phin-kê với tư cách tông đồ của nền tự do quốc gia mới... đã thật sự tiến sát đến *lĩnh vực của điều mực cười*" (l.c., tr. 21).

nghĩa là đến lĩnh vực của Phô-gtơ. Nhưng ngày 1 tháng Ba 1860, Phin-kê đã công khai nói đến chữ hoà giải, mà theo lời của I-ô-han Phi-líp Béch-cơ, đã dùng "*bọn lưu hoàng* để minh hoạ nghị viện Phổ khiếm tốn". Gần một năm trước đó, ông ta đã giới thiệu với cũng nghị viện ấy cuốn sách nhỏ "Pô và Ranh"⁵⁸³ mà nguồn gốc lưu hoàng của nó, do không có cái mũi của Lê-vi, nên ông ta đương nhiên không thể nghĩ thấy. Nhưng khi Phin-kê, giống như Phô-gtơ, sắm vai người I-ta-li-a, khi Phin-kê, giống như Phô-gtơ lãng nhục người Ba Lan, khi Phin-kê giống như Phô-gtơ đòi hỏi chia cắt nước Đức thì hai anh em – thù địch vĩnh viễn ôm chặt lấy nhau.

Mọi người đều biết, nhưng cực cùng tên nhất thiết đẩy nhau. Hệt như vậy, Phô-gtơ và Phin-kê đã đẩy nhau trong một thời gian dài. Cả hai đều mắc tật lăm mồm, do đó mỗi người trong bọn họ đều cho rằng kẻ kia không để cho mình nói.

Theo sự làm chứng của Ra-ních-ken, Phô-gtơ là nhà động vật học vĩ đại, giống hệt như Phin-kê, việc ông ta nuôi lợn ở I-ke-rơ-nơ đã chứng minh điều đó.

Trong các vở kịch Tây Ban Nha, mỗi vai chính đều kèm theo hai vai hề. Trong vở kịch của Can-đê-rôn, thậm chí thánh Ki-pri-a-nô nhân vật Phau-xtơ Tây Ban Nha ấy – cũng có Mô-xcôn và Cla-rin. Hệt như vậy, tại nghị viện Phran-phước viên tướng phản động Phôn Ra-đô-vi-xơ có bên cạnh mình hai sĩ quan tùy tùng hài hước, anh hề kịch Li-snốp-xki và anh hề xiếc Phin-kê của ông ta. Phô-gtơ cũng vậy, nhân vật phản hề xiếc tự do chủ nghĩa này phải một

mình làm tất cả mọi việc – điều này, đương nhiên, làm ông ta nổi giận với Phin-kê vì I-a-cốp Vê-nê-đây chỉ thích hợp với mặt đa cảm của vai Păng-ta-lông. Phin-kê đôi khi thích vung vẩy chiếc mũ nhọn góc nghếch của mình. Chẳng hạn, tại phiên họp ngày 21 tháng Sáu 1848 của nghị viện, ông ta tuyên bố rằng:

"có khi ông ta cảm thấy rằng ông ta ở rập hất hơn là ở trong một quốc hội như vậy".

Còn trong lễ chúc mừng, do phái bảo thủ của Nghị viện Phran-phước tổ chức, ông ta đã lấy tư cách *công tước của những thắng ngốc* để làm trò tiêu khiển cho khách mời, và ngồi trên thùng rượu, ông ta hát⁵⁸⁴:

"Người ta bầu tôi làm công tước của những thắng ngốc

Để được ăn và được uống".

Điều đó cũng làm dịch thủ của ông ta bực mình. Thêm vào đó, Phô-gtơ và Phin-kê không thể dọa nạt lẫn nhau, do đó cho rằng đả kích nhau là hoàn toàn không nguy hiểm. Phan-xtáp - Phô-gtơ biết rõ giá trị của chàng hiệp sĩ không biết sợ và không chê trách được, và vice versa^{1*}. Ba-ri-a ở Ve-xtơ-pha-li từng nghiên cứu môn luật ở các trường đại học Đức, nhưng đã nghiên cứu ít hơn Corpus juris⁵⁸⁵ của La Mã, vì ông ta nghĩ rằng tổ tiên vùng đất đỏ đã không ủng hộ công đánh bại Va-rút. Nên ông ta đã nghiên cứu sốt sắng hơn về luật tô-tông, đặc biệt là *điều lệ sinh viên* mà cơ sở của nó được ông ta nghiên cứu trên các mặt, rồi ca ngợi nó dưới cái tên *cơ sở pháp luật*. Do ảnh hưởng của sự nghiên cứu sâu sắc kiểu nguy biến đó đối với điều lệ sinh viên, sau này trong bất cứ cuộc quyết đấu nào ông đều dụng phải một sợi tóc nào đó của Đun-xơ Xcô-tút, sợi tóc này vào giờ phút quyết định đã trở thành trở ngại nguy biến không thể khắc phục được giữa hiệp sĩ và sự đổ máu giống như thanh kiếm đã tuốt trần trên giường cưới giữa công

1* – ngược lại

chúa và locum tenens^{2*}. Chướng ngại nguy hiểm ấy bao giờ cũng xuất hiện một cách chuẩn xác của cơn sốt rét mang tính chu kỳ, bắt đầu từ câu chuyện xảy ra với viên bồi thẩm Ben-đa vào thời kỳ Lan-tắc liên hiệp năm 1847⁵⁸⁶ và kết thúc bằng câu chuyện xảy ra không kém phần đáng chú ý với bộ trưởng chiến tranh Phổ^{1*} tại Hạ nghị viện năm 1860. Như vậy, chúng ta thấy rằng gần đây người ta đã gây ra sự bất công như thế nào đối với anh địa chủ của chúng ta khi kết tội anh ta là đã mất cơ sở pháp luật của mình. Không phải do lỗi của anh ta, nếu cơ sở pháp luật của anh ta gồm toàn những cạm bẫy. Huống hồ, vì điều lệ của sinh viên chỉ thích hợp với những cuộc tranh luận pháp luật cao cấp, nên anh địa chủ sắc sảo của chúng ta đã thay thế nó trong thực tiễn nghị viện hàng ngày bằng *điều lệ của chiếc gậy*.

Tại cái đầm lầy Phran-phước của loài ếch, trong cơn tức giận, Phin-kê đã gọi đối thủ của mình Phô-gtơ là "*bộ trưởng tương lai*". Ở I-ke-rơ-nơ, khi ông ta biết rằng Phô-gtơ do nhớ được câu danh ngôn:

"Chỉ cần kiếm cho mình được chức quan,

Là anh sẽ thành công lớn suốt cả năm"^{2*}.

đã trở thành không những nhiếp chính đế quốc mà còn thành bộ trưởng ngoại giao in partibus, – thì ông ta xúc động và cầu nhàu bất bình về những tham vọng chưa được công nhận là thăng quan theo địa vị. Cần biết rằng ngay tại Lan-tắc liên hiệp năm 1847, Phin-kê đã đứng đối lập với nội các, với tư cách người thuộc phái Phrông, và chống lại phe đối lập tư sản, với tư cách đại biểu của

2* – người thay thế

1* – Rôn.

2* I. Phi-sác-tơ. "Câu chuyện lịch sử đồ sộ đầy gian hiểm về sự tích và danh ngôn của các anh hùng và các ngài Gran-gô-sia, Goóc-ghen-li-an-toa và Pan-ta-gru-en", chương bốn.

quý tộc. Do đó, khi nổ ra cuộc Cách mạng tháng Ba, ông ta cho rằng ông ta có nghĩa vụ hơn ai hết về mặt cứu vãn ngôi vua. Nhưng các đối thủ của ông ta đã trở thành các bộ trưởng trong hiện tại, còn ông ta nhận được chức "*bộ trưởng tương lai*", một chức vụ mà ông ta đảm nhiệm trước sau vẫn thành công cho đến tận lúc này.

Để trả thù, ông ta phải bụi Béc-lin ở chân mình và đi Phran-phước, vào Nhà thờ Thánh Pôn, nơi đây ông ta ngồi ở cánh cực hữu để gây chuyện âm ỉ ở đây với tư cách anh hề xiếc, kẻ vỗ tay thuê và kẻ gây sự của tướng Ra-đô-vi-xơ.

Phin-kê^{1*} là người Áo trung thành một cách cuồng tín chừng nào điều đó được sự tán thưởng của cấp trên. Như kẻ mất trí, ông ta đã kích *các dân tộc*.

"Ồ cánh tả, người ta lần lượt say sưa với đủ loại dân tộc – người I-ta-li-a, người Ba Lan –, còn hiện nay thậm chí say sưa với cả người Ma-đi-a" (phiên họp ngày 23 tháng Mười 1848).

Ba hiệp sĩ – Phin-kê, Li-snốp-xki và Ác-nim, đã dạo bản tam tấu:

Bò cái thì..., bò đực kêu rống lên,

Còn lừa thì hát giọng trầm

với nghệ thuật điêu luyện chống lại các diễn giả đã phát biểu ủng hộ Ba Lan (phiên họp ngày 5 tháng Sáu 1848), đến nỗi chiếc chuông của chủ tọa đã rung lên đến kiệt sức, còn khi Ra-đô-vi-xơ - xuất phát từ lý do địa lý – quân sự – đòi trao sông Min-si-ô cho đế quốc Đức (phiên họp ngày 12 tháng Tám 1848) thì Phin-kê - làm trò giải trí cho tất cả những khán giả và khiến cho Phô-gtơ bí mật phấn chấn – đã đứng bằng đầu và vỗ tay bằng chân. Là kẻ

1* Trong nguyên bản "Fink" (chứ không phải Vincke) nghĩa là chim mai hoa, kẻ phóng đảng, kẻ đâm dăng.

vỗ tay thuê – chính trong việc cái đầm lầy Phran-phuốc của loài ếch thông qua nghị quyết quy định in dấu ý chí của nhân dân Đức lên sự nô dịch của vương triều đối với Ba Lan, Hung-ga-ri và I-ta-li-a, anh chàng địa chủ ở vùng đất đỏ này đã kêu lên phẫn khởi hơn khi phải hy sinh yêu sách của dân tộc Đức vì hiệp định đình chiến nhục nhã ở Man-mi-ô. Để bảo đảm đa số đảng có thể phê chuẩn hiệp định đình chiến, các nhà ngoại giao và những khán giả khác đã từ hành lang lên vào hàng ghế cánh hữu. Sự lừa bịp bị phát hiện, và Ra-vô yêu cầu biểu quyết lại. Phin-kê kịch liệt phản đối việc biểu quyết lại, chứng minh rằng điều quan trọng không phải là ai biểu quyết mà là biểu quyết cái gì (phiên họp ngày 16 tháng Chín 1848). Trong cuộc Khởi nghĩa tháng Chín ở Phran-phuốc nổ ra do việc phê chuẩn hiệp ước đình chiến Man-mô, Ba-i-a ở Ve-xtơ-pha-li biến mất không để lại dấu tích, để sau đó, khi người ta tuyên bố giới nghiêm, thì tiến hành sự đả kích phản động kịch liệt để trả thù cho sự hoảng sợ của ông ta mà không ai có thể đền bù cho ông ta được.

Không thoả mãn với những lời tuyên bố bừa bãi của mình chống người Ba Lan, người I-ta-li-a và người Hung-ga-ri, ông ta đề nghị cử đại công tước I-ô-han của Áo làm chủ tịch chính phủ trung ương lâm thời (phiên họp ngày 21 tháng Sáu 1848), nhưng với điều kiện nhất thiết là cơ quan hành pháp Háp-xbuốc của Nghị viện Đức không thi hành, không công bố và nói chung không đếm xỉa gì đến những nghị quyết có tính chất bình dân đó của nghị viện. Ông ta nổi giận khi các đồng chí của ông ta thuộc phe đa số, chỉ cốt có được sự nhiều hình nhiều vẻ, đã tán thành để nhà chấp chính đế quốc – ít ra là khi quyết định các vấn đề chiến tranh và hoà bình và khi ký kết các hiệp ước với nước ngoài – tỏ rõ nhã ý tranh thủ trước sự đồng ý của nghị viện (phiên họp ngày 27 tháng Sáu 1848). Sự hăng hái diễn thuyết

của Phin-kê của chúng ta trong việc cố sức tranh thủ Nghị viện Đức biểu quyết tín nhiệm bộ trưởng đế quốc Sméc-ling và đồng bọn để thưởng cho họ và cho vị chấp chính đế quốc về sự tham gia vào vụ phản bội đầm máu dê tiện ở Viên⁵⁸⁷ (phiên họp ngày 23 tháng Mười 1848), – sự hăng hái đó đã bác bỏ một cách hoàn toàn thắng lợi lời vu khống của Phi-sác-tơ:

Ôi, những cái mồm nhảm tâm biết mấy,

Những cái mồm của miền Vê-xtơ-pha-li!^{1*}

Vậy đấy, Phin-kê đã giữ quan hệ láng giềng hữu nghị với Vương triều Háp-xbuốc chừng nào trên Xa-ha-ra nghị viện còn chưa đột nhiên xuất hiện lâu đài trên không Tiểu Đức⁵⁸⁸, và anh chàng địa chủ của chúng ta còn chưa mơ thấy rằng anh ta đã trông thấy con chim mai hoa kẹp ở dưới cánh nó chiếc cặp bộ trưởng lớn bằng kích thước thật. Vì trên tường Nhà thờ Thánh Pôn có những cái tai dài khác thường, nên ông ta có thể tự an ủi bằng niềm hy vọng rằng sự rùm beng trong những lời giải bày của ông ta ở Phran-phuốc về lòng thành thực và trung thành đối với Vương triều Hô-hen-txô-léc, sẽ được sự tán thưởng ở Béc-lin. Chẳng phải là ông ta đã tuyên bố như sau vào ngày 21 tháng Sáu 1848 tại Nhà thờ Thánh Pôn chật ních người, đó sao:

"Tôi được các cử tri của tôi cử đến đây không những để đại biểu cho quyền lợi của nhân dân, mà còn đại biểu cho quyền lợi của các vua chúa. Tôi bao giờ cũng ca tụng câu nói của tuyển đế hầu vĩ đại^{2*} đã có lần gọi cư dân Mác-cơ^{3*} là những thần dân trung thực nhất và ngoan ngoãn nhất. Chúng tôi ở Mác-cơ lấy làm tự hào về điều đó".

Ba-i-a ở Mác-cơ chuyển từ lời nói sang hành động trong trận

1* I. Phi-sác-tơ. "Câu chuyện lịch sử đồ sộ đầy gian hiểm về sự tích và danh ngôn của các anh hùng và các ngài Gran-gô-sia. Goóc-ghen-li-an-toa và Pan-ta-gru-en", chương ba.

2* – Phri-đrich-Vin-hem.

3* Âm chỉ bá quốc Mác-cơ ở Ve-xtơ-pha-li.

chiến đấu nổi tiếng, trên diễn đàn, mà tại đó ông ta đã giành được những chiếc gót giầy có đỉnh thúc ngựa của hiệp sĩ (phiên họp ngày 7 và ngày 8 tháng Tám 1848). Khi Bren-ta-nô, nhân việc xin ân xá cho Phri-đrich Hếch-cơ, đã từ diễn đàn phát biểu ý kiến lập lò về một trong những ông hoàng của hoàng tộc Hô-hen-txô-léc, Phin-kê đã nổi cơn thịnh nộ thật sự như một con chó trung thành. Từ chỗ mình, ông ta lao vào ông Bren-ta-nô thét lên: "Cút đi, đồ lưu manh!" và định kéo ông Bren-ta-nô xuống khỏi diễn đàn. Nhưng Bren-ta-nô vẫn đứng trụ tại chỗ. Ít phút sau, anh chàng địa chủ lại xông lên phía Bren-ta-nô và ném cho ông này – lẽ dĩ nhiên, có ý muốn rằng sau này sẽ suy nghĩ chín chắn đến những khó khăn có thể nảy sinh trên cơ sở pháp luật – chiếc găng tay hiệp sĩ như lời thách thức, Bren-ta-nô nhặt chiếc găng tay lên và nói:

"Bên ngoài nhà thờ ông có thể nói với tôi tất cả những gì ông muốn, ở đây ông hãy để tôi yên, nếu không tôi sẽ cho ông cái bạt tai".

Anh địa chủ quý tộc lực lợi trong vốn từ vựng hùng biện của mình và lời ra được mấy lời chửi bới nữa đối với phái tả, cho đến khi Rây-khác thét vào mặt ông ta: "Phôn Phin-kê, ông là đồ vô lại!" (phiên họp ngày 7 tháng Tám 1848). Phin-kê tìm cách xoá bỏ cuộc tranh luận về sự xung đột giữa nội các Bran-đen-buốc với Quốc hội của phái hoà hiệp ở Béc-lin bằng đề nghị chuyển thẳng sang bàn những vấn đề trước mặt.

"Từ khi Vran-ghen tiến một cách thắng lợi vào Béc-lin" ông ta nói – "sự yên tĩnh đã ngự trị, chứng khoán đã lên giá... Quốc hội Béc-lin không có quyền ra lời kêu gọi nhân dân v.v.".

Phái hoà hiệp vừa bị xua tan, chàng hiệp sĩ không biết sợ và không có khuyết điểm liên đả kích họ kịch liệt hơn.

"Đối với nước cộng hoà", – ông ta thét lên ở phiên họp ngày 12 tháng Chạp 1848 – "chúng ta thiếu sự giáo dục chính trị sơ bộ; các đại biểu của Quốc hội Béc-lin cũ đã chứng minh với chúng ta điều đó, họ đã thông qua những nghị quyết chỉ xuất phát từ đầu óc hiếu danh cá nhân thấp hèn".

Cơn bão táp nổ ra sau câu nói đó, ông ta tìm cách làm lắng xuống bằng lời tuyên bố rằng ông ta

"sẵn sàng chống lại bất cứ ai để bảo vệ *theo tinh thần hiệp sĩ* những quan điểm của mình" – nhưng, chàng hiệp sĩ thận trọng đó bổ sung rằng "anh ta không có ý ám chỉ ai trong quốc hội này, mà chỉ nói đến các thành viên của Quốc hội Béc-lin đã bị giải tán".

Ba-i-a ở Mác-cơ đã thách thức ngạo mạn như vậy với tất cả phái hoà hiệp mang tinh thần thượng võ đã bị giải tán. Một trong những người bị giải tán nghe thấy lời thách thức đó đã cố sức và đạt được một biến cố quả thực chưa từng có là đã buộc anh địa chủ vùng đất đỏ dẫn xác đến chiến trường ở Ây-dơ-nắc. Cuộc đổ máu xem ra đã trở thành không tránh khỏi, khi Ba-i-a của chúng ta vào giây phút quyết định đã tìm được câu chống chế về pháp luật kiểu Đun-xơ-Xcô-tút. Đối thủ của ông ta tên là Ghê-oóc I-ung, nhưng luật danh dự đòi hỏi vị hiệp sĩ không biết sợ và không có khuyết điểm của chúng ta chiến đấu với rỗng, nhưng dù sao thì cũng không chiến đấu với kẻ chiến thắng trùng tên rỗng^{1*}. Ý nghĩ ám ảnh ấy không thể nào gột khỏi đầu óc Phin-kê. Ông ta đã trịnh trọng thề rằng ông ta thà tự mổ bụng, như dai-mô Nhật Bản⁵⁸⁹, còn hơn là đụng vào dù chỉ là một sợi tóc của con người có tên là Ghê-oóc mà lại còn quá trẻ^{2*} để tham gia quyết đấu. Song tại Nhà thờ Thánh Pôn, nhà quyết đấu ngoan cường ấy lại càng công kích vô liêm sỉ hơn Tem-mê và những người khác chống đối chính phủ đang bị cùm chặt ở nhà tù Muyn-xtơ (phiên họp ngày 9 tháng Giêng). Nếu do muốn làm vừa lòng giới thượng lưu ông ta đã không từ một điều nhỏ mọn nào thì trong những cố gắng lớn lao nhằm xây dựng đất nước nhỏ và vương quốc Phổ lớn, ông ta đã

1* – Thánh Ghê-oóc (Ghê-oóc Người chiến thắng).

2* – Chơi chữ: Jung là họ, "jung" là "trẻ tuổi".

vượt cả bản thân mình bằng sự trung thành đầy nhiệt tâm. "Người sản sinh ra các vương quốc" Vác-vích là đứa trẻ con so với "người sản sinh ra các hoàng đế" Phin-kê.

Ba-i-a ở Mác-cơ cho rằng bọn vong ơn đã nếm trải được nhiều ở ông ta. Khi nội các hành động đổ tháng Ba 1848 thì Phin-kê biến khỏi Nhà thờ Thánh Pôn trong một thời gian, nhưng lúc nào cũng sẵn sàng. Tình hình đó cũng đã lặp lại khi nội các Pphu-en-lơ đổ. Nhưng vì núi không dẫn đến Mô-ha-mét, cho nên Mô-ha-mét quyết định đi lên núi. Trúng cử ở một địa phương mục thối nào đó, vị hiệp sĩ của vùng đất đỏ tất nhiên xuất hiện ở Béc-lin với tư cách nghị sĩ của Hạ nghị viện vua ban, mang khát vọng được khen thưởng về những chiến công đạt được ở Phran-phuốc. Ngoài ra, vị hiệp sĩ cảm thấy rất thoải mái trong tình trạng giới nghiêm không làm ông ta mất một quyền tự do phi nghị viên nào cả. Những tiếng huyết sáo và giễu cười mà cư dân Béc-lin hoan nghênh ông ta khi ông ta cùng với những nghị sĩ vua cử khác chờ đợi ở trước cung điện một cuộc tiếp đón ở phòng trắng càng làm ông ta phấn khởi khi Man-toi-phen đã thận trọng gợi ý với ông ta rằng bề trên – dù chỉ là để trống một ghế bộ trưởng để khen thưởng công lao nào đó – có xu hướng tiếp nhận chiếc vương miện Tiểu Đức từ tay những "người sản sinh ra các hoàng đế" ở Phran-phuốc. Say sưa với niềm hy vọng ngọt ngào ấy, Phin-kê tìm cách tạm thời phục vụ nội các với tư cách dirty boy^{1*} của nó. Theo chỉ thị của "Kreuz - Zeitung", ông ta thảo bản số tâu vua làm om sòm chống lại việc ân xá, bản thân chỉ đồng ý chấp nhận bản hiến pháp vua ban với điều kiện nhất thiết phải có là hiến pháp đó sẽ do "chính quyền quốc gia mạnh" duyệt lại và gột sạch mọi cái của Cách mạng tháng Ba, chửi bới các nghị sĩ cánh tả than phiền về

1* – đứa bé làm những việc bẩn thỉu

tình trạng giới nghiêm v.v. và chờ đợi thắng lợi của mình.

Tại hoạ đến gần. Đoàn đại biểu Phran-phuốc mang đề nghị chiếc hoàng miện đến Béc-lin, thì ngày 2 tháng Tư 1849, Phin-kê đưa ra bản tu chính hết sức trung thành đối với bản đề án về tờ số về việc dâng hoàng miện, bản tu chính án mà Man-toi-phen đã ngây thơ bỏ phiếu tán thành. Ngay khi hội nghị kết thúc, Phin-kê lao như điên vào một hiệu bán đồ cũ gần đấy để tự tay mua chiếc cặp bọc bìa cứng đen, trang điểm bằng lông thiên nga đỏ và rìa mạ vàng. Sáng sớm hôm sau, vị hiệp sĩ, với bộ mặt vui vẻ tràn đầy hạnh phúc, mỉm cười đắc thắng như thần Pha-vnơ, ngồi trên chiếc ghế bành của mình ở giữa nghị viện, nhưng đột nhiên có tiếng vang lên: "không khi nào, không khi nào, không khi nào". Đôi môi của Man-toi-phen mấp máy một cách mỉa mai, còn vị địa chủ không biết sợ của chúng ta, với đôi môi trắng bệch, run rẩy như con cá chình phát điên, do sự xáo động trong nội tâm, với bộ mặt điên dại đã ra hiệu cho bạn bè của mình "hãy ngăn giữ tôi, nếu không tôi sẽ gây ra tai hoạ". Để ngăn giữ ông ta, tờ "Kreuz - Zeitung" – mà các chỉ thị của nó đã được Phin-kê kiên trì tuân theo trong nhiều tháng và nó coi ông ta là cha đỡ đầu cho đề án về tờ trình của mình gửi nghị viện – đã đăng vào ngày hôm sau một bài báo nhan đề: "Tổ quốc lâm nguy", trong đó có nói:

"Nội các vẫn tồn tại, còn quốc vương!" trả lời ông Phin-kê và bạn bè ông ta rằng, họ chẳng có gì phải lo lắng đến những việc không liên quan gì đến họ".

Vị hiệp sĩ sans peur et sans reproche bị lừa sợ hãi tháo chạy từ Béc-lin đến I-ke-rơ-nơ, ông ta bị lừa đau hơn Lê-vi, một sự mắc lừa mà dĩ nhiên chỉ có... *vị bộ trưởng của tương lai* mới phải gánh chịu!

1* - Phri-đrich Vin-hem IV.

Sau khi Xi-xin-na-tút, người ở vùng đất đỏ, đã phải khổ sở nhiều năm nghiên cứu môn động vật học thực hành của mình ở I-ke-rơ-nơ, một buổi sáng kia ông ta tỉnh dậy ở Béc-lin với tư cách lãnh tụ chính thức của phe đối lập ở Hạ nghị viện Phổ. Vì ông ta không gặp may ở Phran-phuốc với những bài diễn văn khuynh hữu, nên ở Béc-lin ông ta đọc những bài diễn văn khuynh tả. Không thể xác định chính xác xem ông ta đại biểu cho phái đối lập của sự tín nhiệm hay là cho sự tín nhiệm của phái đối lập. Dù sao ở đây ông cũng đã đóng quá vai trò của mình. Chẳng bao lâu ông ta trở thành cần thiết cho nội các trên hàng ghế phe đối lập đến mức ông bị cấm rời bỏ ghế ấy. Như vậy, anh chàng địa chủ ở vùng đất đỏ vẫn là *vị bộ trưởng của tương lai*.

Trong tình hình đó, Phin-kê mất hết kiên nhẫn và ký kết bản hiệp ước I-ke-rơ-nơ nổi tiếng của mình. *Phô-gtơ* hứa hẹn hết sức rõ ràng với ông ta rằng: chỉ cần Plông-Plông chinh phục được trên đại lục đảo nghị viện đầu tiên là Ba-vi-e, cho bọn nghiện rượu^{1*} của ông ta đến ở đó và cho nhân vật Phan-xtáp của mình làm nhiếp chính, thì Phô-gtơ lập tức sẽ bổ nhiệm Ba-i-a ở Ve-xtơ-phe-li làm thủ tướng của mình, trao cho ông ta quyền xét xử tối cao trong các vấn đề quyết đấu và sau đó sẽ cho ông ta làm tổng uỷ viên xây dựng chủ yếu và bí mật về đường sá¹⁾. Ngoài ra sẽ còn

1) Xem cuốn sách nhỏ "Auch eine Charakteristik des liberelen Abgeordneten von vicke und erbauliche Geschichte des Sprochhövel-Elberfelder Weghbauer" Hagen, 1849 ["Lại một bài nhận xét về nghị sĩ phái tự do Phôn Phin-kê và câu chuyện bổ ích về việc xây dựng con đường Sprô-hô-ven-En-béc-phen". Ha-ghen, 1849].

1* Trong nguyên bản, Mác dùng từ Seh-Oppenheimer (theo số nhiều), tạo thành lối chơi chữ: Oppenheim (Ốp-pen-hai-mơ) là họ, "Scheppenheimer (từ chữ "Schoppen" là "chén đựng rượu", "một nửa chiếc cốc") là từ có thể

thăng ông ta lên địa vị công tước cao quý với tước hiệu công tước của bọn ngu si và sau hết khắc lên sắt tây^{2*} – được lưu thông thay cho tiền tệ tại hòn đảo dưới quyền Phô-gtơ – hình hai đứa trẻ Xiêm-la sinh đôi, ở phía bên phải là Phô-gtơ với tư cách nhiếp chính của Plông-Plông, ở phía trái là Phin-kê với tư cách bộ trưởng

dịch ra là "kẻ nghiện rượu", "kẻ ưa uống rượu".

2* Chơi chữ: "Blech" nghĩa là "sắt tây", cũng có nghĩa là "lời nhảm nhí".

của Phô-gtơ, và xung quanh tượng hai người cỡ lớn đó sẽ uốn lượn những dòng chữ có cảnh nho uốn quanh:

"Tôi với anh mãi liên mồm

"Đưa ra lời thách thức với thế kỷ của mình"^{1*}.

1* Phỏng theo một cách châm biếm câu thơ trong vở kịch của Si-le "Đôn Các-lốt, hoàng tử Tây Ban Nha", màn I, cảnh 9.

XI

MỘT VỤ ÁN

Cuối tháng Giêng 1860 ở Luân Đôn đã nhận được hai số báo "National-Zeitung" *Béc-lin* với hai bài xã luận, bài thứ nhất nhan đề "*Các Phô-gtơ và 'Allgemeine Zeitung'*" (số 37, "National-Zeitung"), còn bài thứ hai nhan đề "*Người ta làm giả những tờ truyền đơn cấp tiến như thế nào?*" (số 41, "National-Zeitung"). Dưới những tiêu đề khác nhau ấy **Ph.Xa-ben** đã xuất bản "*Tác phẩm chính*" của Phô-gtơ đã qua gia công in usum delphini⁵⁹¹. Ở Luân Đôn mãi sau này người ta mới nhận được tác phẩm đó. Tôi quyết định lập tức kiện **Ph.Xa-ben** tại Béc-lin về tội vu khống.

Chỉ trong những trường hợp đặc biệt và hiếm hoi - khi vấn đề là lợi ích của Đảng, như vụ án những người cộng sản ở Khuê-n - tôi mới trả lời trên báo chí vô số những lời chửi rủa mà người ta sẽ tạt vào tôi trong mười năm trời trên báo chí Đức và báo chí tiếng Đức ở Mỹ. Theo tôi, báo chí có quyền xúc phạm các tác giả, các nhà chính trị, các diễn viên và những người khác hoạt động trên vũ đài xã hội. Nếu tôi cho rằng sự công kích đáng được lưu ý thì trong những trường hợp đó tôi tuân theo châm ngôn là: à corsaire corsaire et demi^{1*}.

1* – vô quýt dày có móng tay nhọn (ngạn ngữ Pháp, nghĩa đen là một kẻ cướp rưỡi chống lại một kẻ cướp).

Lần này thì tình hình lại khác. *Xa-ben* buộc tội tôi về cả một loạt hành động *phạm pháp và nhục nhã*, buộc tội trước một đám công chúng do thiên kiến đảng phái mà có khuynh hướng tin vào những sự việc hoang đường nhất. Mặt khác, do tôi vắng mặt ở Đức đã 11 năm, số công chúng ấy không có tiêu chuẩn nào để phán đoán về cá nhân tôi. Khỏi phải nói về lý do chính trị, vì gia đình tôi, vì vợ con tôi, tôi có trách nhiệm đưa ra toà án xét xử sự buộc tội của *Xa-ben* nhằm *làm mất danh dự* của tôi.

Vụ kiện của tôi, xét về tính chất của nó, đương nhiên loại trừ khả năng diễn ra tấn hài kịch xét xử những sai lầm như vụ kiện của *Phô-gơ* chống "Allgemeine Zeitung". Cho dù tôi nảy ra ý định kỳ lạ là kiện *Phô-gơ* trước chính toà án Pha-di là toà án đã vì lợi ích của *Phô-gơ* mà huỷ bỏ một vụ án hình sự, thì có những yếu tố cực kỳ quan trọng *chỉ* có thể được làm sáng tỏ ở *Phô* chứ không phải ở *Giơ-ne-vơ*; trái lại, lời khẳng định duy nhất của *Xa-ben* mà chúng có cho lời khẳng định đó ông ta có thể tìm ở *Phô-gơ*, lại dựa trên những văn kiện giả mà *Xa-ben* có thể cung cấp ở *Béc-lin* cũng dễ dàng như bạn ông ta, *Phô-gơ*, cung cấp ở *Giơ-ne-vơ*. "Đơn kiện" của tôi đối với *Xa-ben* bao gồm những điểm sau đây:

1) Ở số 37 của tờ "National-Zeitung", ra ngày 22 tháng Giêng 1860, trong bài nhan đề "Các *Phô-gơ* và Allgemeine Zeitung", *Xa-ben* quả quyết rằng:

"Ở trang 136 và những trang tiếp theo, *Phô-gơ* cho biết: trong những người lưu vong năm 1849 có một nhóm người được biết đến với cái tên là *bọn lưu hoàng* hoặc *bọn thợ làm bàn chải*, ban đầu họ sống phân tán ở Thụy Sĩ, Pháp và Anh, về sau tụ tập dần dần ở Luân Đôn, nơi đây họ tôn ông *Mác* lên làm lãnh tụ xuất sắc của họ. Nguyên tắc chính trị của *những người anh em* ấy là "chuyên chính vô sản, bằng ảo tưởng quyền rũ ấy, ban đầu họ đã mê hoặc được không chỉ một số những phần tử ưu tú trong giới lưu vong, mà cả những công nhân trong đội tình nguyện của *Vi-lích*. Họ tiếp tục trong hàng ngũ *những người lưu vong* sự nghiệp của "Rheinische Zeitung" là tờ báo năm 1849 đã tiến hành cổ động chống mọi sự tham gia vào phong trào và thường xuyên đả kích các nghị sĩ rằng phong trào chỉ có mục đích là giành hiến pháp để quốc. *Bọn lưu hoàng* bắt các tin đồn của mình phục tùng kỷ luật nghiêm ngặt. Người

nào trong số họ định bằng cách nào đó, đạt được thành công lớn trong đời sống công dân, chỉ vì lý do là có khát vọng trở thành người độc lập, thì đều bị coi là phản bội cách mạng, một cuộc cách mạng mà họ trông chờ có thể lại nổ ra bất cứ giờ phút nào, do đó phải làm cho binh sĩ của mình luôn sẵn sàng để đưa họ vào cuộc chiến đấu trong cái đám người biếng nhác được bảo vệ chu đáo đó, người ta đã dùng việc gieo rắc những tin đồn, thư từ v.v. để làm nẩy sinh tranh chấp, ẩu đả, quyết đấu. Người nọ nghi người kia là gián điệp và phản động, không ai tin ai cả. Một trong những công việc chính của *bọn lưu hoàng* là làm mất thanh danh của những người sống ở Tổ quốc nên họ phải nộp tiền để *bọn* này giữ bí mật cho họ và không làm mất thanh danh họ. Không phải một mà là hàng trăm bức thư được gửi về Đức dọa sẽ tố giác sự tham gia hành động cách mạng nào đó nếu như không góp số tiền quy định trong thời hạn nhất định theo địa chỉ đã chỉ rõ. Cần cứ vào nguyên tắc "ai không đi với chúng ta một cách vô điều kiện thì kẻ đó chống lại chúng ta", bất cứ ai phản đối những âm mưu ấy đều không chỉ giản đơn bị làm mất thanh danh trong giới lưu vong, mà còn "bị hại" trên báo chí. "*Những người vô sản*" đã làm cho các trang của báo chí phản động tràn đầy những sự tố giác những người dân chủ nào không công nhận họ; họ trở thành đồng minh của mật thám ở Pháp và Đức. Để bình luận thêm nữa, *Phô-gơ* đã đưa ra một bức thư dài đề ngày 26 tháng Tám 1850 của cựu trung uý *Tê-khốp*, trong đó mô tả các nguyên tắc, âm mưu, các vụ tranh chấp, những đồng minh bí mật đấu tranh kịch liệt với nhau của "những người vô sản"; và qua bức thư đó có thể cho thấy là *Mác*, với sự kiêu ngạo kiểu *Na-pô-lê-ông*, và với nhận thức về sự ưu việt trí tuệ của mình, đã nắm chặt *bọn lưu hoàng* trong những bàn tay sắt "như thế nào".

Để hiểu được phần tiếp theo, ở đây chỉ cần chỉ ra rằng *Xa-ben* trong đoạn trích dẫn trên, dường như đã thuật lại "bản tin" của *Phô-gơ*, tiếp đó để minh hoạ rõ hơn về *bọn lưu hoàng* ông ta đã lấy danh nghĩa cá nhân liên tiếp đưa ra vụ án *Séc-van* ở *Pa-ri*, vụ án những người cộng sản ở *Khuên*, cuốn sách mỏng của tôi về vụ án này, đại hội cách mạng của *Líp-nếch* ở *Muốc-ten* và quan hệ giữa *Líp-nếch* và "Allgemeine Zeitung" được xây dựng nhờ sự giúp đỡ của tôi, *Ô-ly* "cũng là một kênh của *bọn lưu hoàng*", sau hết là bức thư ngày 20 tháng Mười 1859 của *Bi-xcam-pơ* gửi "Allgemeine Zeitung", rồi ông ta kết thúc bằng câu sau

"Một tuần sau khi *Bi-xcam-pơ* viết thư, *Mác* cũng viết thư cho "Allgemeine Zeitung", giới thiệu với tờ báo này một văn kiện tư pháp làm chứng có chống lại *Phô-gơ* mà có lẽ chúng tôi còn nói tới vào lần khác. Các phóng viên của tờ "Allgemeine Zeitung"

là như vậy đó”.

Trong toàn bài xã luận đó của №1 tôi chỉ lấy đoạn trích được đăng lại thành điểm thứ nhất làm tài liệu thừa kiện, hơn nữa chỉ lấy câu sau đây trong đoạn trích ấy:

"Một trong những công việc chính của bọn lưu hoàng" (Do Mác cầm đầu) "là làm mất thanh danh của những người sống ở tổ quốc, nên họ phải nộp tiền để bọn này giữ bí mật cho họ và không làm mất thanh danh họ. Không phải một mà là hàng trăm bức thư được gửi về Đức dọa sẽ tố giác sự tham gia hành động cách mạng nào đó nếu như không nộp số tiền quy định trong thời hạn nhất định theo địa chỉ đã chỉ rõ".

Ở đây, đương nhiên tôi yêu cầu Xa-ben đưa ra *chứng cứ về tính đúng thực* của những lời khẳng định của ông ta. Trong bức thư đầu tiên gửi luật sư của tôi, ngài cố vấn pháp luật *Vê-bơ* ở Béc-lin, tôi viết rằng tôi yêu cầu Xa-ben không phải "hàng trăm bức thư dọa dẫm" thậm chí không phải một bức thư, mà dù chỉ là một dòng vạch trần được lời của người nào đó trong những đồng chí nổi tiếng của Đảng tôi về hành vi nhục nhã mà Xa-ben nêu lên. Xa-ben chỉ cần hỏi Phô-gtơ là lập tức nhận được hàng tá "những bức thư dọa dẫm" đó. Nếu như vạ bất đắc dĩ Phô-gtơ không thể đưa ra một dòng nào đó trong hàng trăm bức thư dọa dẫm, thì dù sao cũng có thể nêu ra tên họ mấy trăm "người sống ở Tổ quốc" đã bị tố giác như đã nói ở trên. Vì những người ấy đang ở "Đức", nên dù sao thì toà án Béc-lin vẫn có thể tìm được họ dễ hơn là toà án Giơ-ne-vơ.

Tóm lại, tôi kiện Xa-ben về bài xã luận №1 của ông ta bó gọn ở một điểm duy nhất – *làm mất thanh danh về mặt chính trị những người sống ở Đức, nhằm mục đích tố giác tiên họ*. Đồng thời, để bác bỏ những lời khẳng định khác của bài xã luận №1 của ông ta, tôi dẫn ra một loạt sự việc. Ở đây tôi không yêu cầu những bằng chứng về tính đúng thực, mà dẫn ra những bằng chứng về sự giả dối.

Vấn đề *bọn lưu hoàng hoặc bọn thợ làm bàn chải* đã được giải

thích đủ rõ trong bức thư của *I-ô-han Phi-líp Béch-ơ*. Để làm sáng tỏ *tính chất của Đồng minh những người cộng sản* và sự tham gia của tôi vào Đồng minh này, có thể triệu tập *H.Buyéc-ghec-xơ* ở Khuên, một trong những người bị kết án trong vụ án những người cộng sản ở Khuên, đến Béc-lin làm nhân chứng và yêu cầu làm chứng có tuyên thệ tại toà án. Thứ đến, Phri-đrich Ăng-ghe-n đã tìm thấy trong giấy tờ của mình bức thư đề tháng Mười một 1852 mà con dấu bưu điện Luân Đôn và Man-se-xơ xác nhận là *đúng thực*, trong đó tôi cho ông biết về sự giải tán Đồng minh đã diễn ra, theo đề nghị của tôi, và về những lý do đưa ra để quyết định giải tán, tức là khi những bị cáo ở Khuên bị bắt thì mọi liên hệ với lực địa đều bị cắt đứt. Một đoàn thể có tính chất tuyên truyền như thế hiện nay nói chung là không hợp thời nữa. Còn việc Xa-ben quả quyết một cách vô liêm sỉ rằng tôi có quan hệ với "mật thám ở Đức và Pháp" thì lời quả quyết ấy tưởng như được chứng minh một phần qua vụ án những người cộng sản ở Khuên, một phần qua vụ án Séc-van ở Pa-ri. Về vụ án Séc-van, sau đây tôi còn trở lại. Về vụ án thứ nhất tôi đã gửi cho luật sư của tôi cuốn "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" xuất bản năm 1853, có lưu ý ông rằng ông có thể gọi luật sư Snai-đơ II ở Khuên đến Béc-lin và yêu cầu làm chứng có tuyên thệ về sự tham gia của tôi vào việc vạch trần những hành động bỉ ổi của cảnh sát. Lời quả quyết của Xa-ben rằng tôi và các đồng chí trong Đảng tôi "đã nhét đầy những trang của báo chí phản động ở Đức lời tố cáo những nhà dân chủ nào không công nhận" chúng tôi, thì chúng tôi có thể đập lại bằng sự thật là tôi *chưa hề* – trực tiếp hoặc gián tiếp – gửi từ ngoài nước bản tin nào cho một tờ báo Đức nào, trừ tờ "Neue Oder-Zeitung". Căn cứ vào những bài của tôi đăng trên tờ báo này – và khi cần thì dựa vào lời làm chứng của một trong những biên tập viên của tờ báo, tiến sĩ En-xơ có thể chứng minh rằng tôi *chưa hề* thấy cần phải nhắc tới chỉ ít *tên tuổi* của một "nhà dân chủ" nào. Còn những

bản tin của *Líp-nếch* trong “Allgemeine Zeitung” thì sự cộng tác của ông với tờ báo này bắt đầu từ mùa xuân năm 1855, ba năm sau khi Đồng minh giải tán, và *tôi không biết gì về việc này*, ngoài ra, những bản tin ấy – như bộ sưu tập báo hàng năm của “Allgemeine Zeitung” chứng minh “đã trình bày chính sách của Anh theo quan điểm của đảng mình, nhưng không có chữ nào về “những nhà dân chủ”. Nếu như sau khi tôi đã rời Luân Đôn, Líp-nếch đã gửi cho “Allgemeine Zeitung” tờ truyền đơn chống “nhà dân chủ” Phô-gơ xuất hiện ở Luân Đôn, thì ông hoàn toàn có quyền làm việc đó, vì ông biết rằng người xuất bản tờ truyền đơn ấy là một “nhà dân chủ” được đích thân “nhà dân chủ” Phô-gơ mời tham gia công tác tuyên truyền “dân chủ” của ông ta, do đó, đã coi ông này là một “nhà dân chủ” ngang hàng với bản thân ông ta. Sự bịa đặt nực cười của Xa-ben biến tôi thành “phóng viên của “Allgemeine Zeitung”” đã bị bác bỏ một cách hùng hồn bằng bức thư mà ông *Oóc-ghét* gửi cho tôi (phụ lục 10) mấy ngày trước khi bắt đầu vụ án Au-xbuốc, trong thư này ông cố làm tiêu tan thiên kiến “tự do chủ nghĩa” chống “Allgemeine Zeitung” mà ông gán cho tôi. Sau hết, lời đối trá của Xa-ben cho rằng “mấy tuần sau Bi-xcam-pơ, Mác cũng viết cho “Allgemeine Zeitung” tự nó đã bị vô hiệu hoá, vì thư của Bi-xcam-pơ đề ngày 20 tháng Mười 1859, còn mấy dòng tôi ghi thêm vào “văn kiện mà tôi gửi cho Oóc-ghét theo yêu cầu của ông, thì ngày 24 tháng Mười 1859 đã ở toà án khu Au-xbuốc rồi, nên không thể được viết vào ngày 29 tháng Mười ở Luân Đôn được.

Để phục vụ cho việc xét xử của toà án, tôi thấy cần phải đưa thêm vào những chứng cứ mà tôi đã dẫn ra, một số văn kiện đập lại kể vu khống tung ra lời vu khống độc ác bỉ ổi mà “nhà dân chủ” Xa-ben định tung vào địa vụ của tôi trong giới lưu vong và vào những “âm mưu” của tôi ở nước ngoài.

Lúc đầu, từ cuối năm 1843 đến đầu năm 1845, tôi sống ở Pa-ri cho đến khi Ghi-dô trục xuất tôi. Để trình bày địa vị của tôi trong

đảng cách mạng Pháp vào thời gian tôi cư trú ở Pa-ri, tôi đã gửi cho người liên hệ của tôi bức thư của *Phlô-công*, bức thư này nhân danh chính phủ lâm thời năm 1848 đã huỷ bỏ lệnh của Guy-dô trục xuất tôi và mời tôi từ Bỉ trở về Pháp (phụ lục 14). Tôi sống ở Bruy-xen từ đầu năm 1845 đến cuối tháng Hai 1848 khi Rô-gi-ê trục xuất tôi khỏi Bỉ. Về sau nhà đương cục thành phố Bruy-xen đã cách chức viên thanh tra cảnh sát đã bắt tôi và vợ tôi nhân việc trục xuất ấy. Ở Bruy-xen có Hội dân chủ quốc tế⁵⁹² mà chủ tịch danh dự là vị tướng *Mê-li-nê*, người đã cứu Ăng-ve khỏi tay người Hà Lan. Chủ tịch hội là luật sư *Giô-tơ-răng* đã từng làm uỷ viên Chính phủ lâm thời Bỉ, phó chủ tịch đại diện cho người Ba Lan là *Lê-lê-ven*, đã từng làm uỷ viên Chính phủ lâm thời Ba Lan, phó chủ tịch đại diện người Pháp là *Anh-be*, sau Cách mạng tháng Hai 1848 ông từng làm tư lệnh của Tuyn-lơ-ri, còn phó chủ tịch đại diện người Đức là tôi, được cử giữ chức vụ ấy tại cuộc mít tinh công khai có các thành viên của Hội công nhân Đức và toàn thể những người lưu vong Đức ở Bruy-xen tham dự. Một bức thư của Giô-tơ-răng gửi cho tôi viết vào thời kỳ sáng lập “Neue Rhenische Zeitung” (Giô-tơ-răng thuộc cái gọi là trường phái Mỹ của những người cộng hoà, tức là một phái xa lạ đối với tôi) và mấy dòng không có ý nghĩa gì của bạn tôi, Lê-lê-ven, đã chứng minh đầy đủ địa vị của tôi trong phái dân chủ ở Bruy-xen. Do đó, tôi kèm những thư đó vào văn kiện biện hộ (phụ lục 14).

Sau khi tôi bị trục xuất khỏi Phổ vào mùa xuân 1849 và khỏi Pháp vào cuối mùa hè 1849, tôi đi Luân Đôn, nơi đây sau khi Đồng minh giải tán (1852) và sau khi phần lớn bạn tôi rời Luân Đôn, tôi sống ngoài rìa *mọi* đoàn thể hợp pháp và bất hợp pháp, thậm chí tránh mọi hoạt động giao tiếp tuy rằng – được phép của “nhà dân chủ” Xa-ben – tôi mạn phép thỉnh thoảng dạy không lấy thù lao về môn kinh tế chính trị học cho một bộ phận công nhân được lựa chọn. *Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn*, mà tôi rút khỏi ngày 15 tháng Chín 1850, đã tổ chức vào ngày 6 tháng

Hai 1860 lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập; tôi được mời tham gia lễ kỷ niệm ấy, trong đó đã nhất trí thông qua nghị quyết “*lên án nghiêm khắc và coi là sự vu cáo*” lời quả quyết của Phô-gtơ nói rằng tôi “bóc lột” công nhân Đức nói chung và đặc biệt là công nhân Đức sống ở Luân Đôn. Chủ tịch hội đó của hội công nhân là ông Mui-lơ, đã chứng nhận tính đúng thực của nghị quyết ấy tại toà án trị an Bôi-xtrít ngày 1 tháng Ba 1860. Ngoài văn kiện ấy, tôi đã gửi cho luật sư của tôi bức thư của luật sư Anh và là lãnh tụ phái Hiến chương. Êc-ne-xtơ Giôn-xơ (phụ lục 14), trong đó ông bày tỏ sự bất bình của mình về “infamous articles” (những bài báo bỉ ổi) của tờ “National-Zeitung” (Êc-ne-xtơ Giôn-xơ sinh ra và được giáo dục ở Béc-lin, biết tiếng Đức giỏi hơn ông Xa-ben), cũng luôn tiện nhắc đến sự cộng tác không hưởng thù lao trong nhiều năm của tôi với các tờ báo của phái Hiến chương. Ở đây tôi cũng có thể nhắc rằng cuối năm 1853 khi Nghị viện công nhân⁵⁹³ họp ở Man-se-xtơ thì trong số những người lưu vong ở Luân Đôn chỉ có Lu-i Blăng và tôi nhận được lời mời tham dự với tư cách các hội viên danh dự.

Sau hết, vì Phô-gtơ thực tin chắc rằng tôi “sống bằng mồ hôi của công nhân”, những người mà tôi chưa bao giờ nhận hoặc đòi hỏi họ ở một xăng-tim, còn “nhà dân chủ” Xa-ben tin chắc rằng về mặt chính trị tôi đã “làm mất thanh danh của những người sống ở Tổ quốc”, nên “họ phải nộp tiền để bọn ấy giữ bí mật và không làm mất mát thanh danh họ”, cho nên tôi đã yêu cầu ông *Sác-lơ A. Đa-na*, managing editor^{1*} của “New-York Tribune - một tờ báo tiếng Anh có tiếng ở Mỹ, có tới 200.000 người đặt mua, do đó được phát hành rộng rãi hầu như bằng tờ “Người rao hàng” ở Bi-lơ, hoặc “tờ báo của phái dân chủ” của Xa-ben - chứng thực bằng văn bản về việc viết bài của tôi trong 10 năm có nhuận bút cho

1* - chủ biên

“Tribune”, cho “Bách khoa toàn thư Mỹ” v.v.. Bức thư khen tôi của ông (xem phụ lục 14) là văn kiện cuối cùng mà tôi cho rằng cần gửi cho luật sư của tôi để đập lại những viên đạn thối hoảng №1 của Phô-gtơ - Xa-ben.

2) Trong bài №II của Xa-ben “Người ta làm giả các tờ truyền đơn cấp tiến như thế nào (№41 “National-Zeitung”, ra ngày 25 tháng Giêng 1860) chúng ta đọc thấy:

“*Có trời mới biết được số tiền* cho tờ báo được phân phát một cách hào hiệp đó” (tức tờ “Volk”) *kiếm ở đâu ra*; người ta được biết, *Mác* và *Bi-xcam-pơ* không thừa tiền”.

Đoạn này nếu được xem xét một cách cô lập, có thể có ý nghĩa là sự biểu lộ thành thực sự ngạc nhiên, như khi tôi nói rằng “Làm thế nào mà anh chàng béo phì nào đó mà khi còn học đại học ở Béc-lin tôi đã biết hần là một tên ngu xuẩn đã sa đoạ về thể xác và tinh thần – hần là chủ một nhà mồ côi, còn hoạt động văn học của hần trước Cách mạng 1848 chỉ bó gọn vào mấy bài báo nặc danh viết cho một tờ báo văn học vùng hẻo lánh – làm thế nào thằng ngốc béo phì nói trên lại biến thành tổng biên tập của “National-Zeitung”, thành cổ đông của báo này và “nhà dân chủ có thừa tiền” – điều đó thì chỉ có trời mới biết được. Những người đã đọc tiểu thuyết nổi tiếng của Ban-dắc⁵⁹⁴ và nghiên cứu thời đại Man-toi-phen, có thể đoán được điều đó”.

Nhưng lời nhận xét này của Xa-ben lại mang ý nghĩa khác hần, đây ác ý do chỗ nó được phát biểu tiếp liền lời tuyên bố của ông ta về quan hệ của tôi với mật thám ở Pháp và ở Đức, về những bức thư đoạ dẫm mà tôi viết có câu kết với cảnh sát để tống tiền, và lời nhận xét ấy gắn liền với câu “làm rất nhiều giấy bạc giả”, được nhắc ở điểm ba của đơn kiện của tôi. Điều đó ám chỉ rành rọt rằng tôi cung cấp cho “Volk” tiền kiếm được bằng thủ đoạn không danh dự.

Affidavit ngày 3 tháng Ba 1860 nhận được từ Man-se-xtơ đã được ông dùng từ bác bỏ Xa-ben tại toà án, theo văn kiện này thì

toàn bộ số tiền mà tôi trao cho “Volk” - trừ một số khoản do cá nhân tôi chi ra – đều nhận được không phải “từ bên kia bờ biển La Măng-sơ”, như Phô-gơ quả quyết, mà từ Man-se-xtơ, từ túi tiền của bạn bè của tôi (xem phần “Chiến dịch Au-xbuốc”).

3) “Để trình bày đặc điểm” của “sách lược” của “đảng” những người vô sản **“do Mác cầm đầu”**, trong bài xã luận №II, Ph.Xa-ben nói rằng:

“Như vậy là năm 1852, một âm mưu cực kỳ nhục nhã là *làm nhiều giấy bạc giả - chi tiết xin xem ở tác phẩm của Phô-gơ* — đã được suy tính để chống lại các hội công nhân ở Thụy Sĩ v.v.).

Vậy là Xa-ben cải tiến cách nói của Phô-gơ về *sự phiêu lưu của Séc-van*, biến tôi thành thủ phạm về mặt đạo đức và tông phạm có tội trong việc “làm rất nhiều giấy bạc giả”. Những bằng chứng, mà tôi nắm được để bác bỏ lời nói đó của “nhà dân chủ” Xa-ben, bao gồm toàn bộ thời kỳ từ khi Séc-van gia nhập Đồng minh những người cộng sản đến khi ông ta chạy trốn khỏi Giơ-ne-vơ vào năm 1854. Affidavit mà *Các Sáp-phơ* đưa ra ngày 1 tháng Ba 1860 tại toà án trị an ở Bô-i-xtrít, chứng minh rằng Séc-van tham gia Đồng minh ở Luân Đôn *trước* khi tôi tham gia Đồng minh này, rằng ở Pa-ri, nơi ông ta sống từ mùa hè 1850 đến mùa xuân 1852, ông ta đã có quan hệ không phải với tôi mà là với phái đồng minh ở Sáp-phơ và Vi-lích thù địch với tôi, rằng sau cuộc vượt ngục giả của ông ta khỏi nhà tù Xanh Pê-la-giơ và trở về Luân Đôn (mùa xuân 1852), ông ta tham gia *Hội giáo dục công nhân Đức* hoạt động hợp pháp lúc bấy giờ – tôi đã không tham gia hội này từ tháng Chín 1850, cho mãi đến khi rút cục ông ta bị vạch mặt, bị lên án là kẻ vô liêm sỉ và bị khai trừ. Tiếp nữa, luật sư Snai-đơ II ở Khuên có thể làm chứng có tuyên thệ rằng việc vạch mặt Séc-van về việc liên hệ của ông ta với cảnh sát Phổ ở Luân Đôn v.v. được tiến hành trong thời gian vụ án những người cộng sản ở Khuên – là do tôi đưa ra. Ấn phẩm “Sự phòng ngừa”, mà tôi công bố năm 1853, chứng minh rằng *khi* kết thúc vụ án, tôi đã công khai vạch mặt ông ta. Sau hết, bức thư của I-ô-han Phi-líp Béch-

cơ cho những tư liệu về thời kỳ Séc-van sống ở Giơ-ne-vơ.

4) Trong bài xã luận №II, sau khi dùng cái lô-gích của anh đại ngốc tuôn ra biết bao nhiêu điều nhằm nhí về tờ truyền đơn “Sự phòng ngừa” chống lại Phô-gơ và không từ thủ đoạn nào ra sức làm cho người ta hoài nghi tính chất đáng tin cậy của lời làm chứng của Phuê-ghe-lơ về nguồn gốc tờ truyền đơn mà tôi gửi cho “Allgemeine-Zeitung”), “*nhà dân chủ*” Ph.Xa-ben kết thúc như sau:

“Hiển nhiên ông ta” (Blin-đơ) “không phải là thành viên của cái *đảng hẹp hòi của Mác*, Chúng tôi thấy rằng *đảng này* có thể dễ dàng biến ông thành con dê tế thần, còn để cho lời buộc tội đưa ra chống lại Phô-gơ có trọng lượng, nó phải do một nhân vật nhất định nhận lấy trách nhiệm về mình, đưa ra. *Đảng của Mác* có thể rất dễ dàng gán cho Blin-đơ là tác giả truyền đơn, chính vì trong cuộc nói chuyện với Mác và trong bài báo trên “Free Press”, Blin-đơ đã phát biểu những quan điểm tương tự; *lợi dụng những ý kiến đó và cách nói đó của Blin-đơ, có thể làm giả tờ truyền đơn để cho nó có vẻ là tác phẩm của ông...* Bây giờ thì mỗi người có thể tùy thích coi *Mác* hoặc Blin-đơ là tác giả tờ truyền đơn v.v..

Ở đây Xa-ben buộc tội tôi đã **lấy danh nghĩa Blin-đơ để làm giả** văn kiện là giấy tờ truyền đơn “Sự phòng ngừa”, sau đó gửi cho “Allgemeine-Zeitung” bằng chứng giả tạo, tôi mô tả Blin-đơ là tác giả *tờ truyền đơn mà tôi làm giả*. Sự bác bỏ về mặt tư pháp đối với những lời buộc tội đó của “nhà dân chủ” Xa-ben đã giáng đòn chí mạng bao nhiêu thì cũng giản đơn bấy nhiêu. Nó gồm có bức thư dẫn ra trên kia của Blin-đơ gửi Líp-nếch, những bài của Blin-đơ trên “Free Press”, hai affidavits của Vi-ê và Phuê-ghe-lơ (phụ lục 12 và 13) và bản tuyên bố in ra của tiến sĩ y khoa Sai-blơ.

Như mọi người đều biết, Phô-gơ, kẻ đã chế nhạo trong ấn phẩm “Nghiên cứu” của mình Chính phủ Ba-vi-e, đã kiện “Allgemeine Zeitung” vào cuối tháng Tám 1859. Ngay từ tháng Chín tờ “Allgemeine Zeitung” đã xin toà án hoãn việc xét xử vụ án, nhưng mặc dầu có sự trì hoãn đó, vụ án vẫn được xét xử *ngày 24 tháng Mười 1859*. Nếu như sự việc tương tự xảy ra ở *vương quốc của bóng tối, ở Ba-vi-e*, thì có việc gì mà người ta không thể chờ đợi ở *vương quốc của ánh sáng* – **nước Phổ**, đương nhiên

khỏi phải nói đến câu ngạn ngữ “Béc-lin không phải không có quan toà”.

Luật sư của tôi, *cố vấn luật pháp Vê-bơ*, đã thảo ra đơn kiện trước toà của tôi như sau:

“Biên tập viên tờ “National-Zeitung”, tiến sĩ Xa-ben đã mấy lần công khai vu khống tôi trong các bài xã luận đăng trên các số 37 và 41 năm nay, đặc biệt là buộc tội tôi: 1) tôi đang và đã kiếm tiền bằng thủ đoạn tội lỗi và mất danh dự; 2) tôi đã làm giả tờ truyền đơn nặc danh “Sự phòng ngừa”, không những hiển nhiên đi ngược sự thật đã nói với “Allgemeine Zeitung” rằng một người nào đó tên là Blin-đơ là tác giả tờ truyền đơn, mà còn tìm cách dùng văn kiện, - mà nội dung giả dối của nó hình như được tôi tin - làm bằng chứng cho điều đó”.

Cố vấn pháp luật, ông Vê-bơ ban đầu *chọn con đường truy tố hình sự*, tức là báo cho viên chủ trương lý biết sự vụ khống của Xa-ben, để nhà cầm quyền truy tố Xa-ben. Ngày 18 tháng Tư 1860 có “*quyết định*” sau đây:

“Qua cố vấn luật pháp Vê-bơ gửi trả lại nguyên bản cho tiến sĩ Các Mác và thông báo rằng vụ án này không liên quan đến *lợi ích công cộng* khiến tôi có lý do can thiệp, điều XVI của đạo luật ngày 14 tháng Tư 1851 về thi hành bộ luật hình sự. Béc-lin, ngày 18 tháng Tư.

Chưởng lý toà án thành phố của vương quốc

Ký tên: *Líp-pê*”

Luật sư của tôi kiện lên tổng chủ trương lý, và ngày 26 tháng Tư 1860 có “*quyết định*” thứ hai nói rằng:

“Gửi cố vấn luật pháp của vương quốc, ông Vê-bơ, với tư cách người được uỷ thác ở đây của tiến sĩ Các Mác ở Luân Đôn. Xin gửi trả Ngài, cùng với đơn kiện ngày 20 tháng Tư năm nay kiện tiến sĩ Xa-ben về việc vu khống, một số văn kiện kèm theo đơn kiện với nhận xét rằng không nghi ngờ gì nữa, lý do duy nhất mà vị chủ trương lý dựa vào khi chấp hành quyền tự quyết định do điều XVI của đạo luật về thi hành bộ luật hình sự dành cho ông, - là vấn đề xem có lợi ích công cộng nào hiển nhiên đòi hỏi phải truy tố hay không? Trong trường hợp này tôi phải - sau khi đã nhất trí với vị chủ trương lý của vương quốc - trả lời phủ định về vấn đề ấy, do đó tôi bác đơn kiện của Ngài. Béc-lin, ngày 26 tháng Tư 1860.

Tổng chủ trương lý toà thượng thẩm vương quốc:

Ký tên: *Svác-cơ*”

Cả hai việc bác đơn đó của chủ trương lý Líp-pê và của tổng chủ trương lý Svác-cơ - tôi thấy hoàn toàn hợp lý. Ở tất cả các quốc gia trên thế giới, tức là cả ở nước Phổ, cái gọi là lợi ích công cộng có nghĩa là *lợi ích của chính phủ*. Chính phủ Phổ không thấy và không thể thấy “*lợi ích công cộng hiển nhiên nào*” trong việc truy tố “nhà dân chủ” Xa-ben về tội vu khống tôi. Nói đúng hơn, nó quan tâm đến điều ngược lại. Thêm vào đó, vị chủ trương lý không có quyền của quan toà phát biểu ý kiến của mình; ông ta phải nhắm mắt tuân theo - thậm chí trái với quan điểm và niềm tin của mình - mệnh lệnh của cấp trên, xét cho cùng là của *bộ trưởng tư pháp*. Do đó, về thực chất, tôi hoàn toàn đồng ý với các quyết định của các ông Líp-pê và Svác-cơ, nhưng hoài nghi tính đúng đắn về mặt pháp luật của việc ông Líp-pê nên dẫn điều XVI của đạo luật ngày 14 tháng Tư 1851 về việc thi hành bộ luật hình sự. Không một điểm nào trong bộ luật của Phổ bắt viện chủ trương lý đưa ra lý do tại sao ông ta *không* sử dụng quyền truy tố của mình. Mà trong điều XVI - mà Líp-pê dựa vào - cũng không có lấy một chữ nào về điểm đó. Ở đây tại sao lại viện đến nó?

Bấy giờ luật sư của tôi phát *đơn kiện theo thủ tục dân sự*, và tôi thở phào nhẹ nhõm. Nếu như Chính phủ Phổ không có lợi ích công cộng để truy tố Ph.Xa-ben, thì tôi càng có lợi ích tư nhân thiết thực để tự bảo vệ. Và bây giờ tôi đứng ra với danh nghĩa của chính mình. *Bản án* sẽ ra sao, điều đó đối với tôi không quan trọng, miễn là đưa được Ph.Xa-ben ra trước toà án công cộng. Nhưng xin hãy tưởng tượng sự ngạc nhiên của tôi! Theo tôi được biết, vấn đề tuyệt nhiên không phải là toà án xét đơn kiện của tôi, mà là toà án xét vấn đề xem tôi có *quyền phát đơn kiện* Ph.Xa-ben hay không.

Tôi kinh ngạc khi biết rằng theo trình tự tố tụng của Phổ thì bên nguyên, trước khi toà án xét đơn kiện, nghĩa là chuẩn bị cho việc tuyên án thực tế, phải trình bày với quan toà vụ kiện của mình để quan toà tin chắc rằng anh ta có *quyền thưa kiện*. Trong

khí thẩm tra sơ bộ các văn kiện, quan toà có thể yêu cầu những bằng chứng mới hoặc không chấp nhận một phần những bằng chứng cũ, hoặc cho rằng hoàn toàn không có *quyền thừa kiện*. Nếu quan toà vui lòng thừa nhận có quyền thừa kiện, thì ông ta tiến hành khởi tố, bắt đầu quá trình tranh luận và vụ án được giải quyết bằng việc tuyên án. Nếu quan toà phủ nhận quyền thừa kiện, thì ông ta bác bỏ bên nguyên một cách giản đơn per decretum, bằng hình thức ra *quyết định*. Trình tự tố tụng ấy không chỉ đặc trưng cho các vụ kiện về hình sự xúc phạm, mà cả cho những vụ kiện dân sự nói chung. Do đó, có thể xảy ra tình hình là vụ kiện về hành vi xúc phạm, cũng như mọi vụ kiện dân sự khác, sẽ bị toà án các cấp bác bỏ bằng *quyết định* chính thức như thế, nghĩa là không bao giờ được xét xử.

Phải thừa nhận rằng thứ luật pháp không thừa nhận *quyền thừa kiện* của tư nhân trong các công việc riêng của bản thân anh ta, đã vi phạm những đạo luật cơ bản tối thiểu của xã hội công dân. Quyền thừa kiện, từ chỗ là quyền lợi đương nhiên của một cá nhân độc lập, đã biến thành một thứ đặc quyền mà nhà nước ban phát thông qua các quan chức tư pháp của mình. Trong mỗi cuộc tranh cãi về pháp luật, nhà nước đều đứng giữa tư nhân và cánh cửa của toà án, coi đó là *tài sản riêng* của mình và tùy ý mở hoặc đóng cánh cửa ấy. Quan toà thoát đầu ra *quyết định* với tư cách là quan chức, để rồi sau đó *phán quyết* với tư cách quan toà. Một vị quan toà không thẩm vấn bị cáo, không qua trình tự tranh luận mà đã *quyết định trước* rằng có quyền thừa kiện hay không, và giả dụ ông ta đứng về phía bên nguyên, tức là quyết định ở một mức độ nhất định *có lợi* cho tính hợp pháp của việc thừa kiện, do đó, ở một mức độ nhất định thì bất lợi cho phía bị cáo, - chính vị quan toà ấy, sau đó trong chính phiên toà xét xử phải *quyết định một cách không thiên vị* có lợi cho bên nguyên hoặc cho bên bị, tức là phải quyết định mà không đếm xỉa đến quyết định trước đó của bản thân mình. *B* bặt tại *A*. *A*

không thể phát đơn kiện kẻ xúc phạm mình trước khi anh ta xin phép một cách lịch sự nhất, để quan chức tư pháp cho phép làm việc đó. *A* từ chối trả lại *B* mảnh đất. Để bảo vệ quyền sở hữu của mình trước toà án, *B* cần được phép trước, điều này anh ta có thể nhận được hoặc không nhận được. *B* công khai vu cáo *A* trên báo chí, nhưng quan chức tư pháp có thể lặng lẽ “quyết định” rằng *A* không có quyền khởi tố *B*. Rất dễ hiểu rằng thủ tục kiện tụng như thế ngay trong các vụ kiện thuần túy dân sự cũng có thể dẫn tới những chuyện kỳ quặc như thế nào. Khởi phải nói đến những chuyện vu cáo của các đảng công kích nhau trên báo chí! Mọi người đều biết, ở tất cả các nước, thậm chí ở Phổ, quan toà cũng là con người như tất cả mọi người. Cần biết rằng thậm chí một trong những phó chánh án của toà án tối cao Vương quốc Phổ, tiến sĩ *Gơ-xơ*, đã nói tại Viện quý tộc Phổ rằng các cuộc nổi loạn vào các năm 1848, 1849 và 1850 đã dẫn tới sự hoang mang trong ngành tư pháp Phổ, đối với nó phải mất một thời gian để định phương hướng. Ai bảo đảm được rằng tiến sĩ *Gơ-xơ* không tính sai số thời gian cần thiết, để định phương hướng? Phải khéo léo như thế nào để tôi không dám nói rằng để giải thích cho người Anh hiểu, mà chỉ là để làm cho họ hình dung đó là điều có thật; rằng ở Phổ quyền thừa kiện - ví dụ như hành vi vu cáo - tùy thuộc vào “*quyết định*” *từ trước* của quan chức tư pháp mà chính phủ có thể (xem bản quy định tạm thời ngày 10 tháng Bảy 1849 và luật thi hành kỷ luật ngày 7 tháng Năm 1850) trừng phạt quan chức ấy về cái gọi là tội “vi phạm chức trách”, chẳng hạn, cảnh cáo ông ta, phạt tiền ông ta, điều động cường bức ông ta sang chức vị khác hoặc thậm chí cách chức vụ tư pháp một cách nhục nhã?

Vấn đề là tôi định công bố một cuốn sách nhỏ bằng tiếng Anh về casus contra^{1*} Ph.Xa-ben. Ết-mông A-bu chẳng tiếc gì khi ông viết tập sách nhỏ của mình “Nước Phổ năm 1860” để chỉ ra rằng ở khắp Vương quốc Phổ không nơi nào có *quyền thừa kiện*, trừ tỉnh

1* - vụ kiện chống lại

Ranh "được hưởng ân huệ" của Code Napoléon!⁵⁹⁵ Khắp nơi người ta đều *khổ sở* vì toà án, nhưng chỉ có một số ít nước cấm người ta *thừa kiện trước toà án*.

Trong tình hình đó, rõ ràng là *vụ kiện* của tôi chống *Xa-ben trước toà án Phổ* phải mặc nhiên biến thành *vụ kiện tụng của tôi chống toà án Phổ* về việc *Xa-ben*. Nhưng gạt sang một bên vấn đề những câu lý thuyết mỹ miều của luật pháp, chúng ta hãy đưa mắt liếc nhìn sự tuyệt hảo thực tiễn của việc vận dụng đó.

Ngày 8 tháng Sáu 1860 toà án thành phố của vương quốc ở Béc-lin ra "*quyết định*" sau đây:

"Quyết định về đơn kiện ngày 5 tháng Sáu 1860

về việc Mác kiện Xa-ben đã lăng nhục mình.

Vụ án số 38 năm 1860

1) Đơn kiện bị bác vì *thiếu cấu thành tội phạm*, vì hai bài xã luận bị buộc tội của "National-Zeitung" lúc đó chỉ nhằm thảo luận *lập trường chính trị* của tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc và *câu chuyện về tờ truyền đơn nặc danh "Sự phòng ngừa"*, còn những lời tuyên bố và luận điểm trong các bài đó do bản thân tác giả phác ra, chứ **không gồm những đoạn trích dẫn gián đơn của người khác**, nên chúng không vượt quá *giới hạn của một sự phê bình được cho phép*, do đó, căn cứ vào §154 của bộ luật hình sự, chúng không thể bị coi là đáng xử phạt, vì ngoài ra xét về hình thức của những lời lẽ đó cũng như xét đến *tình huống* trong đó nảy sinh ra những lời lẽ đó, đều không thấy có ý *định lăng nhục*.

Béc-lin, ngày 8 tháng Sáu 1860.

Toà án thành phố của vương quốc, phòng hình sự.

Ủy ban 1 về vấn đề lăng nhục.

(L.S!¹)"

1* - loco sigilli - chỗ đóng dấu

Thế là *toà án thành phố* cấm tôi đưa *Ph.Xa-ben ra toà*, và do đó giải thoát cho *Xa-ben* khỏi cái chuyện khó chịu là chịu trách nhiệm về những lời vu khống công khai của mình! Tại sao vậy? "*Do thiếu cấu thành tội phạm*". Cơ quan kiểm sát từ chối đứng về phía tôi chống lại *Xa-ben*, do *không thấy có lợi ích công cộng hiển nhiên nào cả*. Còn *toà án thành phố* cấm tôi đích thân đứng ra chống lại *Xa-ben*, do *thiếu cấu thành tội phạm*. Nhưng tại sao không có cấu thành tội phạm?

Một là: "Vì hai bài xã luận của "National-Zeitung" chỉ liên quan đến *lập trường chính trị* của tờ "Allgemeine Zeitung"."

Vì *Xa-ben* đã dựng đứng, đã từ trước biến tôi thành "*phóng viên của "Allgemeine Zeitung"*" nên ông ta có quyền đem tôi ra làm con dê tế thần trong cuộc cắn xé nhau có tính chất cạnh tranh của ông ta với tờ "Allgemeine Zeitung", còn tôi thậm chí không có cả quyền phát đơn kiện cái "*quyết định*" đó của *Xa-ben* có quyền lực vô hạn! Bọn lưu hoàng, những anh thợ làm bàn chải, complot franco-allemand^{1*}, đại hội cách mạng ở Muốc-tanh, vụ án những người cộng sản ở Khuê-n, việc làm giấy bạc giả ở Giơ-ne-vơ, "*vụ án* tờ "Rheinische Zeitung" v.v. và v.v. và tất cả những cái đó "**chỉ**" liên quan đến "*lập trường chính trị* của tờ "Allgemeine Zeitung"."

Hai là: "*Xa-ben không có "ý định lăng nhục"*". Đương nhiên là không! Anh chàng tốt bụng ấy chỉ có ý định dùng những lời dối trá để giết hại tôi về mặt chính trị và đạo đức.

Nếu "nhà dân chủ" *Xa-ben* quả quyết trên tờ "National-Zeitung" rằng tôi làm một số lượng lớn giấy bạc giả, tôi lấy danh nghĩa những người thứ ba để dựng lên những văn kiện, làm mất thanh danh những người sống ở tổ quốc, dọa vạch mặt để tống tiền họ v.v. — thì về mặt pháp luật, *Xa-ben* chỉ có thể có một

1* — vụ âm mưu Pháp - Đức

trong hai mục đích: hoặc vu khống tôi, hoặc vạch mặt tôi. Trong trường hợp thứ nhất Xa-ben phải bị toà án trừng phạt, trong trường hợp thứ hai ông ta phải chứng minh trước toà tính đúng thực của lời khẳng định của mình. Tôi có dính dáng gì với những ý định chủ quan khác của "nhà dân chủ" Ph.Xa-ben?

Xa-ben vu cáo, nhưng "không có ý định lăng nhục". Ông ta muốn làm tôi mất danh dự giống như người Thổ Nhĩ Kỳ nọ chặt đầu một người Hy Lạp mà không có ý định làm anh đau đớn.

"Ý định" đặc thù của Xa-ben muốn "lăng nhục – nếu chỉ dựa vào những hành vi bỉ ổi mà "nhà dân chủ" Xa-ben vu khống gán cho tôi đã có thể nói đến "sự lăng nhục" và "ý định lăng nhục", – là ý định độc ác của ông Xa-ben *lương thiện* toát ra từ mỗi câu mỗi chữ của các bài xã luận №1 và №II của ông ta.

"Tác phẩm chính" của Phô-gtơ, cũng với phụ lục, dày ít nhất 278 trang. Vậy mà ông Ph.Xa-ben – kẻ quen "to draw out the thread of his verbosity finer than the staple of his argument"^{1*} – Ph.Xa-ben lảm nhảm, Xa-ben ngu xuẩn đã khó tìm cách thu gọn 278 trang ấy vào năm cột báo nhỏ mà không để sót *một* lời vu khống nào của Phô-gtơ đối với tôi và Đảng của tôi. Từ những phần bản thảo nhất của cuốn sách, Ph.Xa-ben đã lựa chọn thành bó hoa, từ những phần rất nặng mùi ông ta đã làm bản tóm tắt nội dung. Ph.Xa-ben – kẻ quen kéo dài hai molecules^{2*} – tư tưởng thành 278 trang – đã dồn nén 278 trang thành hai bài xã luận mà trong quá trình đó ông ta đã không bỏ sót ngay cả một nguyên tử dè tiện. Ira facit poetam^{3*}. Cần phải có biết bao nhiêu sự tức giận để biến –

1* – "Kéo dài sợi chỉ của sự nói dông dài của mình giỏi hơn là kéo dài sợi chỉ của luận cứ của mình" (Séch-xpia. "Những cố gắng uống công của tình yêu", hồi V, màn một).

2* – phân tử

3* Sự tức giận sinh ra nhà thơ (phỏng theo câu nói trong bài thơ châm

giống hết như hình ma thuật – cái đầu óc mắc bệnh phù thủy của Xa-ben thành máy nén thủy lực có sức ép mạnh như vậy!

Mặt khác, sự tức giận đã làm mờ mắt ông ta đến mức chỉ cần thêm một sự vu khống bỉ ổi nữa là ông ta gán cho tôi một sức mạnh thần kỳ, sức mạnh thần kỳ thực sự.

Sau khi mở đầu bài xã luận thứ nhất của mình bằng việc mô tả bọn lưu hoàng do tôi cầm đầu và biến một cách suôn sẻ tôi và các đồng chí trong Đảng tôi thành "*những đồng minh của một thám ở Pháp và Đức*", cũng như kể lể rằng "những người ấy" đã căm ghét Phô-gtơ vì, trái với ý họ, ông Phô-gtơ thường xuyên cứu Thụy Sĩ, – Xa-ben viết tiếp:

"Năm ngoái, khi Phô-gtơ kiện "Allgemeine Zeitung", tờ báo này đã nhận được thư của một đồng loã khác ở Luân Đôn là Bi-xcam-pơ... Người viết thư đề nghị một cách cực kỳ vô liêm sỉ bản thân mình... sẽ là phóng viên thứ hai cùng với ông Líp-néch. Một tuần lễ sau Bi-xcam-pơ, Mác cũng viết thư cho "Allgemeine Zeitung" để nghị được cung cấp cho tờ báo này "những văn kiện tư pháp" làm chứng cứ chống lại Phô-gtơ, mà về cái đó" (về văn kiện, chứng cứ hay là về Phô-gtơ?) ("có lẽ chúng tôi sẽ còn nói đến trong một lần khác".

Xa-ben đưa ra lời hứa ấy ngày 22 tháng Giêng, và ngày 25 tháng Giêng ông ta đã thực hiện nó trong №41 "National-Zeitung" mà chúng ta đọc thấy:

"Như vậy, Blin-dơ không thừa nhận mình là tác giả tờ truyền đơn: Bi-xcam-pơ lần đầu tiên... gọi Blin-dơ như vậy trong thư gửi "Allgemeine Zeitung" ngày 24 tháng Mười... Để tiếp tục giữ ý kiến coi Blin-dơ là tác giả tờ truyền đơn, ngày 29 tháng Mười Mác đã viết thư cho "Allgemeine Zeitung".

Như thế là Ph.Xa-ben đã gán cho tôi không phải một lần mà là hai lần – lần đầu vào ngày 22 tháng Giêng, rồi sau đó vào ngày 25 tháng Giêng, sau ba ngày suy nghĩ – sức mạnh thần kỳ khiến tôi có thể viết ở Luân Đôn vào ngày 29 tháng Mười 1859, bức thư đã nằm ở toà án khu vực Au-xbuốc vào ngày 24 tháng Mười 1859,

biếm thứ nhất của Giu-vê-nan).

và cả hai lần ấy ông ta đều gán cho tôi sức mạnh thần kỳ đó để xác định quan hệ giữa "Văn kiện", mà tôi gửi cho "Allgemeine Zeitung", với bức thư đáng hổ thẹn của Bi-xcam-pơ gửi cho "Allgemeine Zeitung" để mô tả bức thư của tôi là pediseques^{1*} bức thư của Bi-xcam-pơ. Ngoài sự tức giận, sự tức giận điên cuồng nhất, còn có cái gì có thể làm cho ông Xa-ben ấy trở thành anh chàng đại ngốc tin vào sự thần kỳ, anh chàng đại ngốc mà sự ngu xuẩn vượt xa sự ngu xuẩn thông thường?

Nhưng toà án thành phố "tiếp tục bài biện hộ" của mình, nói rằng trong bài №II của Xa-ben "đề tài thảo luận" *"chỉ là câu chuyện về tờ truyền đơn nặc danh 'Sự phòng ngừa'". Đề tài ư? Phải nói là cái cớ.*

Những *Ây-de-lơ – Bây-de-lơ* – mà lần này nấp sau tên gọi "những người bạn của Tổ quốc" – xem ra đã gửi vào tháng Mười một 1859 cho Đồng minh dân tộc "Bức thư ngỏ"⁵⁹⁶ mà tờ "Neue Hannoversche Zeitung" phản động đã đăng lại. "Bức thư ngỏ" đã vượt quá cái thước đo "dân chủ" của Xa-ben, cái thứ dân chủ làm cân bằng sự dũng cảm kiểu sư tử, trước mặt Vương triều Háp-xbuốc bằng thái độ nô lệ bợ đỡ trước Vương triều Hô-hen-txô-léc. Đối với "Neue Preussische Zeitung", "Bức thư ngỏ" chỉ là một lý do cho một sự phát hiện tuyệt nhiên không độc đáo là: nếu dân chủ bắt đầu ở một cái gì đó thì nó hoàn toàn không nhất thiết phải kết thúc ở ông **Ph.Xa-ben** và ở "tờ báo dân chủ" của ông ta. Xa-ben điên tiết viết bài xã luận №II. *"Người ta làm giả những tờ truyền đơn cấp tiến như thế nào"*.

"Khi đề nghị", — ông Xa-ben có dáng vẻ quan trọng của chúng ta nói, — "Khi đề nghị tờ 'Kreuz-Zeitung' cùng chúng tôi xem xét quá trình nảy sinh ra tờ truyền đơn" ("Sự phòng ngừa") *dựa trên những văn kiện và sự giải thích mà Phô-gơ đưa ra, chúng tôi hy vọng báo này rút cục sẽ thừa nhận rằng chúng tôi vẫn đúng khi nói hai tháng trước*

1* — thư hoạ lại

đây rằng Bức thư ngỏ của Đồng minh dân tộc là thích hợp với tờ báo này, chứ không thích hợp với chúng tôi, rằng nó được viết ra để dành *cho các cột của tờ báo này*, chứ không phải dành cho tờ báo của chúng tôi".

Như vậy, được Phô-gơ cho biết radicaliter^{1*} về những điều bí mật của chủ nghĩa cấp tiến, "nhà dân chủ" Xa-ben, về phần mình, có ý định cho tờ "Kreuz-Zeitung" biết về điều bí mật xem "người ta làm giả những tờ truyền đơn cấp tiến như thế nào" hoặc, như cách nói của toà án thành phố, *"chỉ lấy câu chuyện về tờ truyền đơn 'Sự phòng ngừa' làm đề tài thảo luận"*. Xa-ben bắt tay vào công việc ấy như thế nào?

Ông ta bắt đầu từ "sách lược" của "đảng của 'những người vô sản' do Mác cầm đầu". Trước hết, ông ta kể rằng "những người vô sản do Mác cầm đầu" nấp sau lưng một hội công nhân nhưng lại *lấy danh nghĩa của hội* này để trao đổi thư từ từ Luân Đôn với các hội công nhân nước ngoài "mà người ta *nhằm làm mất danh dự*" tiến hành những "âm mưu", tổ chức đồng minh bí mật v.v., và sau hết, dựng lên "những văn kiện"... "Không tránh khỏi gây ra sự truy nã của 'cảnh sát' chống lại các hội "mà người ta nhằm làm mất danh dự". Thế là, để khai sáng cho tờ "Kreuz-Zeitung" ở chỗ "người ta làm giả những tờ truyền đơn cấp tiến như thế nào", Xa-ben trước hết giải thích rằng "đảng của 'những người vô sản' do Mác cầm đầu" đã làm giả "thư từ" và "văn kiện" có tính chất cảnh sát, nhưng tuyệt nhiên không phải là "truyền đơn". Để nói rõ xem "người ta làm giả những tờ truyền đơn cấp tiến như thế nào", ông ta kể tiếp rằng "những người vô sản do Mác cầm đầu" năm 1852 ở Giơ-ne-vơ đã làm giả *"một số lượng lớn giấy bạc giả"* tức là vẫn không phải là "những truyền đơn cấp tiến". Để thuật lại việc "người ta làm giả những tờ truyền đơn cấp tiến như thế nào", ông ta cho biết rằng "những người vô sản do Mác cầm đầu" đã sử dụng như thế nào — tại buổi lễ chúa ở Lô-dan năm 1859-

1* — một cách cấp tiến.

những "thủ đoạn" thù địch với Thuy Sĩ và làm mất danh dự hội công nhân, tức là vẫn không phải là những "truyền đơn cấp tiến"; ông ta cho biết rằng "Bi-xcam-pơ và Mác" đã dùng tiền – mà nguồn gốc chỉ có "trời" mới biết được – để xuất bản tờ "Volk", nhưng vẫn không phải là "truyền đơn cấp tiến" mà là một tờ tuần báo; sau tất cả những điều đó, ông ta ra sức nói những lời tốt đẹp vì sự trong sạch không hoen ố của phòng tuyến mộ của Phô-gơ, nhưng phòng đó vẫn không phải là "truyền đơn cấp tiến". Ông ta đã nhét đầy như vậy mất 2 trang số 3^{1/4} cột của bài "*Người ta làm giả những tờ truyền đơn cấp tiến như thế nào*". Vậy là đối với 2 phần 3 của bài báo của ông ta, *câu chuyện* về tờ truyền đơn nặc danh chỉ là cái cớ để trình bày những điều *bỉ ổi* của Phô-gơ mà ông "bạn" và tông phạm là Ph.Xa-ben còn chưa kịp báo cho thế giới biết dưới cái tiêu đề "*Lập trường chính trị*" của "Allgemeine Zeitung". Chỉ mãi cuối cùng Đun-xơ I vất vả lắm mới đạt đến nghệ thuật "làm giả những tờ truyền đơn cấp tiến", tức là đạt đến "câu chuyện" về tờ truyền đơn "Sự phòng ngừa".

"Blin-đơ không thừa nhận mình là tác giả tờ truyền đơn; Bi-xcam-pơ lần đầu tiên trắng trợn gọi Blin-đơ là tác giả tờ truyền đơn trong thư gửi "Allgemeine Zeitung" ngày 24 tháng Mười... Để tiếp tục giữ ý kiến Blin-đơ là tác giả tờ truyền đơn, ngày 29 tháng Mười Mác viết cho "Allgemeine Zeitung": "Tôi đã kiểm được văn kiện kèm theo thư này, vì Blin-đơ từ chối xác nhận những lời ông ta nói với tôi và với những người khác".

Xa-ben hoài nghi tính chất đúng thực của văn kiện đó, vì Líp-nếch nói thêm "một cách kỳ lạ" rằng "Chúng tôi muốn toà thị chính (?)" (dấu hỏi này vốn có trong nguyên bản của Xa-ben) "chứng nhận tính chất đúng thực của chữ ký của chúng tôi", còn Xa-ben thì nhất quyết quyết định không thừa nhận toà thị chính nào khác ngoài Toà thị chính Béc-lin. Xa-ben nói tiếp đến nội dung bản tuyên bố của Phuê-ghe-lơ, nó thúc đẩy Blin-đơ gửi cho "Allgemeine Zeitung" lời làm chứng của Hô-linh-gơ và của Vi-ê để chứng minh rằng *tờ truyền đơn không được sắp chữ ở nhà in Hô-linh-gơ*, nghĩa là không phải do *Blin-đơ viết*, và ông ta nói tiếp:

"Mác bao giờ cũng nhanh trí đưa ra câu trả lời trên tờ "Allgemeine Zeitung" ngày 15 tháng Mười một".

Xa-ben liệt kê các điểm của bài trả lời của tôi. Mác nói điều này... Mác nói điều kia... "**ngoài ra Mác còn dẫn chứng**". Nghĩa là, vì "*ngoài cái đó ra*" tôi không nói gì hết, nên đương nhiên Xa-ben báo cho bạn đọc của mình *tất cả* các điểm của bài trả lời của tôi? Quý vị chưa biết nhiều về Xa-ben! Ông ta lơ đi, che đậy, *giấu kín* điểm có tính chất quyết định trong bài trả lời của tôi. Trong bản tuyên bố của tôi ngày 15 tháng Mười một¹, tôi đưa ra – có đánh số thứ tự – các điểm, tức là: 1)... 2)... sau hết 3) "... Việc in lại một cách ngẫu nhiên (tờ truyền đơn) trên báo "Volk" được tiến hành trên cơ sở bản sắp chữ của tờ truyền đơn còn giữ lại ở nhà in Hô-linh-gơ là điều ngẫu nhiên. Như vậy là, *không cần làm chứng*, chỉ đơn giản đối chiếu tờ truyền đơn với tờ truyền đơn in lại trên báo "Volk" là có thể *chứng minh với toà án rằng nó do nhà in của Ph.Hô-linh-gơ phát ra*". Điều đó quyết định toàn bộ vấn đề, Xa-ben tự nhủ, bạn đọc của tôi không được biết điều đó. Ông ta đã ranh ma giấu kín chỉ có sức thuyết phục nhất trong bài trả lời của tôi, nhưng lại gán cho tôi sự nhanh trí đáng nghi ngờ. Thế đó, Xa-ben đã kể lại như thế đó "câu chuyện về tờ truyền đơn", đã hai lần cố tình dùng đến sự giả mạo – lần thứ nhất về ngày tháng, còn lần thứ hai về nội dung bản tuyên bố *ngày 15 tháng Mười một* của tôi. Bằng *sự giả mạo kép* ấy, ông ta đi đến kết luận rằng tôi "*làm giả*" *tờ truyền đơn*, hơn nữa sao cho nó "tỏ ra là tác phẩm" của Blin-đơ, rằng như vậy là tôi cũng gửi cho "Allgemeine Zeitung" một bằng chứng giả dối dưới hình thức lời làm chứng của Phuê-ghe-lơ, và việc làm đó hoàn toàn có *ý thức*. Quy tội cho người khác là làm giả văn kiện với ý định gán cho người thứ ba là tác giả của văn kiện ấy, – theo ý kiến của *Toà án*

1* Xem tập này, tr. 898-899.

thành phố Béc-lin thì điều đó "không vượt quá giới hạn một sự phê bình được cho phép" và cũng không bao hàm "ý định lăng nhục".

Ở cuối đơn thuốc của mình "Người ta làm giả những tờ truyền đơn cấp tiến như thế nào", Xa-ben chợt nghĩ ra rằng ông ta còn chưa nói đến một điều bịa đặt vô liêm sỉ của Phô-gtơ, nên ở cuối bài xã luận №II ông ta vội vã phác ra trong phút chốc lời chú thích sau:

"Năm 1850 đã phát đi một thông tri khác gửi "những người vô sản" Đức, do giới nghị viện, alia *Vôn-phơ bị tù*, soạn thảo (Phô-gtơ cho là như vậy), thông tri này đồng thời được nhét ngấm cho cảnh sát Han-nô-vơ".

Sau khi đưa ra câu chuyện giai thoại kiểu cảnh sát dễ thương đó về một cựu biên tập viên của "Neue Rheinische Zeitung", anh chàng béo phì và nhà dân chủ Xa-ben cười khẩy, rồi chào chia tay với bạn đọc của mình. Cụm từ "alias *Vôn-phơ bị tù*" không phải của Phô-gtơ, mà là của Ph.Xa-ben. Bạn đọc của ông ta ở Xi-lê-di tất phải biết chính xác rằng ở đây nói về người đồng hương V.*Vôn-phơ* của họ, một trong những cựu biên tập viên của "Neue Rheinische Zeitung". Xa-ben tốt bụng đã quan tâm lo lắng như thế nào để xác lập đến tận chi tiết quan hệ của "Neue Rheinische Zeitung" với cảnh sát ở Pháp và ở Đức! Những người của ông ta ở Xi-lê-di có thể nghĩ rằng đây là nói về B.*Vôn-phơ* của chính ông ta, của Xa-ben, về cấp trên tự nhiên (natural superior) của ông ta là kẻ – như mọi người đều biết – "liên minh bí mật" với những nhà sản xuất nổi tiếng các tin tức giả – *Roi-tơ* ở Luân Đôn và *Ha-va-xơ* ở Pa-ri – đã truyền đi bằng điện tín, theo kiểu của mình, những sự kiện của lịch sử toàn thế giới. Nhưng linh hồn của hăng Roi-tơ, của sự thống nhất hiện thân của tam vị nhất thể B.*Vôn-phơ* – *Roi-tơ* – *Ha-va-xơ*, đó là tên mật thám khét tiếng *Dích-mun En-glen-đơ*.

Mặc dầu tất cả những cái đó và mặc dầu nhà dân chủ Xa-ben không có ý định lăng nhục, *Toà án thành phố* Béc-lin vẫn tuyên bố rằng hai bài xã luận của Xa-ben vẫn "chứa đựng những lời lẽ và luận điểm vượt quá giới hạn của một sự phê bình được cho

phép", nghĩa là "đáng trừng phạt" và vô luận thế nào cũng có thể trở thành *đối tượng tố tụng*. Vậy thì Xa-ben ở đâu rồi! Hãy giao Xa-ben đến đây cho tôi để hấn run sợ trước toà án! Dừng lại! – *toà án thành phố* thét lên. "Những lời lẽ và luận điểm" đưa ra trong hai bài xã luận – toà án thành phố nói – "do chính tác giả" (Xa-ben) "đưa ra và **không gồm những câu trích giản đơn của người khác**", nên không vượt quá "giới hạn của một sự phê bình được cho phép", không đáng bị trừng phạt, do vậy không những không thể trừng phạt Xa-ben, mà còn không thể kêu ông ta trước toà; "vụ án phải kết thúc, án phí a conto^{1*} nguyên cáo". Vậy, phần vu khống trong "những lời lẽ và luận điểm" của Xa-ben là **"những câu trích dẫn giản đơn"**. Voyons!^{2*}

Các bạn còn nhớ phần mở đầu của chương này nói rằng lời buộc tội của tôi về vu khống dựa trên 4 điểm trong hai bài xã luận của Xa-ben. Trong điểm nói về các nguồn tiền của "Volk" (điểm thứ hai trong các điểm kể trên của đơn kiện), *bản thân Xa-ben không nói* rằng ông ta trích dẫn, và thực ra ông ta không trích dẫn:

Xa-ben (National-Zeitung". №41)

"Có trời mới biết được từ đâu mà người ta kiếm được tiền cho tờ ("Volk"), "được phân phát một cách hào hiệp ấy"; mọi người biết rằng Mác và Bi-xcam-pơ không có thừa tiền".

Phô-gtơ ("Tác phẩm chính", tr. 212) "Phóng viên thường trú của "Allgemeine Zeitung" cộng tác với tờ báo ấy" ("Volk"), "được sáng lập nhờ những khoản tiền có nguồn gốc không rõ ràng, vì cả Bi-xcam-pơ lẫn Mác đều không có số tiền cần thiết cho việc đó" (tức là để sáng lập tờ báo bằng *những khoản tiền có nguồn gốc rõ ràng?*).

Ở chỗ bị buộc tội thứ hai trên kia, điểm 4), tức chỗ người ta quy tội cho tôi đã lấy danh nghĩa Blin-đơ để làm giả văn kiện, Xa-ben thậm chí tuyên bố *dứt khoát* rằng **ông ta** phát biểu nhân

1* – tính vào số

2* – Chúng ta hãy xem xem!

danh bản thân, tức Xa-ben, chứ không nhân danh Phô-gtơ.

"**Chúng tôi**" – với tư cách người thống trị ở Vương quốc Dulness, Xa-ben đương nhiên dùng Pluralis majestatis^{3*} – "**chúng tôi**" cảm thấy rằng đảng này" (đảng của Mác) biến ông ta" (Blin-đơ) "không khó khăn lắm thành con dê tế thần bằng cách lợi dụng những ý kiến và cách nói ấy của Blin-đơ để có thể làm giả tờ truyền đơn để nó tỏ ra là tác phẩm của ông" (Blin-đơ) ("National-Zeitung" №41).

Chỗ thứ ba bị tôi kết tội (trên kia, điểm 3), tôi lại phải "dẫn ra" toàn văn:

"Như vậy là năm 1852 người ta đã sắp đặt một âm mưu hết sức bỉ ổi chống lại các hội công nhân ở Thụy Sĩ qua việc làm giả nhiều giấy bạc giả (về chi tiết xem tác phẩm của Phô-gtơ), một âm mưu mà nếu không kịp thời bị phát giác thì sẽ gây ra những sự phiền phức lớn nhất cho nhà cầm quyền Thụy Sĩ".

Chẳng lẽ đó là "**những câu trích dẫn giản đơn**", như toà án thành phố khẳng định, và nói chung phải chăng đó là những câu trích dẫn? Đây một phần là sự sao chép lời văn của Phô-gtơ, nhưng dù sao cũng không phải là câu trích dẫn.

Trước hết, bản thân Xa-ben khẳng định rằng ông ta không trích dẫn mà phát biểu lấy danh nghĩa bản thân, chỉ ra – trong ngoặc đơn – cho bạn đọc của mình "về chi tiết, xem tác phẩm của Phô-gtơ". Còn bây giờ chúng ta hãy xem đoạn ấy. Ở Giơ-ne-vơ, người ta biết rằng Séc-van chỉ đến Giơ-ne-vơ vào mùa xuân 1853, rằng "âm mưu" và cuộc chạy trốn của y xảy ra vào mùa xuân 1854. Do đó, Phô-gtơ ở Giơ-ne-vơ không dám nói rằng "âm mưu" được sắp đặt... năm 1852", lời dối trá ấy, ông ta dành cho Xa-ben tốt bụng ở Béc-lin. Phô-gtơ nói tiếp:

"Bản thân Niu-đgien-tơ" (Séc-van) "đã chuẩn bị xong xuôi cho mục đích đó" (in giấy bạc giả v.v.) ("những bản sắp chữ khác nhau để in đá và in đồng" ("Tác phẩm chính", tr. 175).

Thế là những bản in đá và in đồng khác nhau đã được sắp chữ để chuẩn bị in giấy bạc giả, nhưng còn chưa làm được giấy bạc giả

3* – số nhiều để chỉ sự tôn kính

và chúng khoán ngân khố giả. Trái lại, Xa-ben nói rằng "việc làm giấy bạc giả" được tiến hành – hơn nữa với "*số lượng lớn*". Phô-gtơ nói rằng, theo điều lệ, "mục đích" của âm mưu của Séc-van là

"đấu tranh với chế độ chuyên chế bằng những phương tiện của bản thân nó – tức làm giả, với số lượng lớn, giấy bạc giả và chúng khoán ngân khố giả" (l.c).

Xa-ben xoá toẹt cuộc đấu tranh với chế độ chuyên chế, chỉ bó hẹp ở việc "làm rất nhiều giấy bạc giả". Vì vậy ở Xa-ben, ta thấy tội hình sự giản đơn, thậm chí không phải tội hình sự được tô điểm bằng cách vin một cách giả dối vào mục đích chính trị – để dành cho các thành viên của "đồng minh bí mật". Nhìn chung, Xa-ben "**trích dẫn**" "Tác phẩm chính" bằng thủ đoạn đó. Phô-gtơ buộc phải viết chuyện hoang đường của mình thành một cuốn "sách". Do đó, ông ta đi vào tình tiết, thêm dệt, tô đậm, bôi mực, tô hồng, dập xoá, nhộn nhạo, phát triển, gây rối mù, vin cố nọ kia, dựng đứng lên, fa del cul trombetta^{1*} – thế là linh hồn của Phan-xtáp xuất hiện khắp nơi, xuyên qua những sự việc giả tạo mà bằng cách thuật lại của mình ông ta đã vô tình biến chúng thành cái hư vô ban đầu của chúng. Còn Xa-ben phải dồn nén cuốn sách xuống khuôn khổ hai bài xã luận và cố sức không để lọt một điểm bỉ ổi nào, vứt bỏ tất cả trừ caput mortuum^{2*} của mỗi "sự việc" giả tạo, nối liền tất cả những chiếc xương khô ấy của sự vu khống thành một chuỗi, rồi lần chuỗi tràng hạt ấy với sự thành tâm giả tạo.

Để làm ví dụ, chúng tôi đưa ra sự việc mà chúng tôi đang xem xét. Sự việc đầu tiên mà tôi vạch trần là Séc-van là mật thám ăn lương của nhiều sứ quán nước ngoài, là agent provocateur^{3*} – Phô-gtơ đã ngoặc sự việc đó với những điều bịa đặt của mình. Ông ta

1* – biến cả dít thành một cái kèn (Đan-tơ, "Thần khúc", "Địa ngục, bài ca XXI)

2* Nghĩa đen: cái đầu chết, nghĩa bóng: hài cốt.

3* – kẻ khiêu khích

viết điều đó như thế này:

"Bản thân Niu-dgien-xơ (Séc-van) "đã chuẩn bị xong xuôi cho mục đích ấy" (cho việc in giả giấy bạc) "những bản in đá và in đồng, đã chỉ định một số hội viên nhẹ dạ của đồng minh bí mật phải đem những bó giấy bạc giả" (còn chưa được sản xuất) "ấy sang Pháp, Thụy Sĩ và Đức"; nhưng *tiếp liền đó đã có những sự tố giác với cảnh sát*, đồng thời những sự tố giác ấy cũng trù một cách vô liêm sỉ lên các hội công nhân v.v.." ("Tác phẩm chính", tr. 175).

Vậy là theo lời *Phô-gtơ*, Séc-van đã tố cáo với cảnh sát về hoạt động của bản thân khi ông ta mới chỉ chuẩn bị xong bản in đá và in đồng cần thiết để sản xuất giấy bạc giả, khi mục đích của âm mưu của ông ta còn chưa đạt được, khi *corpus delicti*^{1*} còn chưa có, và ngoài ông ta ra không ai bị tố giác. Nhưng Séc-van của Phô-gtơ vội vàng lôi kéo "một cách vô liêm sỉ" "các hội công nhân" vào "âm mưu" của ông ta. *Các phái bộ nước ngoài* lợi dụng sự phục vụ của Séc-van cũng ngu xuẩn như Séc-van, họ cùng đã vội vàng.

"qua các cuộc chất vấn bí mật, lưu ý cảnh sát Thụy Sĩ rằng trong các hội công nhân đang tiến hành những âm mưu chính trị gì đó v.v..".

Trong khi đó, bọn công sứ ngu si ấy không kiên nhẫn chờ sự chín muồi của âm mưu mà Séc-van đang ấp ủ theo sự uỷ nhiệm của họ, và do sự sốt ruột ấu trĩ của mình đã làm bại lộ một cách vô ích tên tay sai của mình, đã bố trí hiến binh trên "biên giới" để "nếu như sự việc đi xa quá mức" mà họ cho nó phát triển - "tóm cổ" các đặc sứ của Séc-van mang "giấy bạc giả" mà họ ngăn cản việc sản xuất chúng,

"và lợi dụng câu chuyện này để tiến hành cuộc truy nã rộng khắp trong đó đông đảo những người vô tội sẽ bị trả giá cho sự gian lận của mấy tên vô lại".

Khi *Phô-gtơ* nói tiếp rằng: "kế hoạch của âm mưu đó được suy tính một cách cực kỳ dễ tiện", thì mọi người đều đồng ý với ông ta

1* - cấu thành tội phạm.

rằng nó được suy tính một cách cực kỳ ngu xuẩn, còn khi Phô-gtơ kết thúc một cách khoác lác:

"Tôi không phủ nhận rằng tôi đã có *sự đóng góp quan trọng của mình* để đập tan những *kế hoạch độc ác* đó".

thì mỗi người đều hiểu được *pointe*^{2*} của ý kiến ấy và không khỏi cười vỡ bụng về anh chàng vui vẻ của chúng ta. Bây giờ chúng ta hãy so sánh giả thuyết của Xa-ben khô khan, như sử biên niên của nhà tu hành, với điều đó!

"Vậy là, năm 1852 người ta đã sắp đặt một âm mưu cực kỳ nhục nhã chống lại các hội công nhân ở Thụy Sĩ qua việc làm rất nhiều giấy bạc giả (về chi tiết, xem tác phẩm của Phô-gtơ) – một âm mưu đã có thể gây ra những sự phiền phức lớn nhất cho nhà cầm quyền Thụy Sĩ, nếu âm mưu đó không kịp thời bị phát giác".

Ở đây người ta đã nhét vào một câu duy nhất và ngắn ngủi cả một đồng những sự việc vừa khô khan, vừa nhục nhã: *"âm mưu vô liêm sỉ nhất"* có ghi năm tháng xảy ra là năm 1852, "việc làm rất nhiều giấy bạc giả", tức là tội hình sự thông thường; việc cố tình làm mất danh dự các "hội công nhân ở Thụy Sĩ", nghĩa là sự phản bội đảng mình, những "sự phiền phức lớn nhất" có triển vọng nảy sinh đối với "nhà cầm quyền Thụy Sĩ", tức là agent provocateur hành động vì lợi ích của các ông vua chuyên chế trên lục địa chống lại nước Cộng hoà Thụy Sĩ; sau hết, "sự phát giác âm mưu được kịp thời". Ở đây sự phê bình đã mất hết tất cả các điểm tựa có trong sự trình bày của Phô-gtơ – chúng đơn giản đã bị loại trừ một cách khéo léo. Cần phải tin hay là không tin. Xa-ben đã gia công cũng bằng cách đó toàn bộ "Tác phẩm chính", vì vấn đề đề cập đến là tôi và các đồng chí trong Đảng tôi. *Hai-nơ* đã đúng khi nói rằng không một người nào nguy hiểm bằng con lừa phát điên.

Sau hết, điểm thứ tư bị tôi kết tội (trên kia, điểm 1) là chỗ mở đầu trong bài xã luận №I vạch mặt bọn lưu hoàng, đã được *Xa-ben* bắt đầu bằng mấy chữ sau: "*Phô-gtơ cho biết ở tr. 136 và những trang tiếp theo*". Ở đây Xa-ben không nói xem ông ta tóm

2* - thực chất (nguyên văn: mũi nhọn)

tắt hay là ông ta trích dẫn. Ông ta tránh dùng dấu ngoặc kép. Trên thực tế, *ông ta không trích dẫn*. Phải chờ đợi điều đó, vì Xa-ben đã dồn nén các trang 136, 137, 138, 139, 140 và 141 của "Tác phẩm chính" vào **51** dòng, mỗi dòng chứa khoảng 48 chữ cái, không để chỗ trống nào, trái lại, các câu dồn ép vào nhau, hết như xếp các con cá mòi Hà Lan, thêm vào đó còn tìm được chỗ cho sự sáng tác của mình ở 51 dòng đó. Chỗ nào mà ông ta gặp một câu đặc biệt bí ối là ông ta đưa hầu như nguyên vẹn vào cái gói ấy của mình. Song những đoạn trích ấy, ông ta sắp xếp xen kẽ, không theo thứ tự các trang trong "Tác phẩm chính" mà theo nhu cầu của mục đích của ông ta. Ông ta đem đuôi của một câu này đặt lên đầu của một câu khác của Phô-gtơ. Để làm thành một mệnh đề, ông ta lại sử dụng những từ nhỏ trong cả một tá câu của Phô-gtơ. Hễ nơi nào mà đồng rác rưởi tu từ của Phô-gtơ cần trở thể hiện rõ ràng sự vu khống là Xa-ben loại bỏ một rác rưởi ấy đi. Chẳng hạn, Phô-gtơ nói:

"làm mất danh dự của những người sống ở Tổ quốc đến mức họ không được phản đối ý đồ tống tiền và phải bỏ tiền ra".

Xa-ben thì nói:

"Làm mất danh dự đến mức họ phải bỏ tiền ra".

Ở những trường hợp khác, Xa-ben sửa chữa điều mà ông ta cho là *mập mờ* trong sự trình bày thiếu phong cách của Phô-gtơ. Như *Phô-gtơ* nói:

"... nên họ phải bỏ tiền ra để bọn này giữ bí mật những sự việc làm mất danh dự họ".

Xa-ben lại viết:

"để bọn này giữ bí mật và không làm mất danh dự của họ".

Sau hết, Xa-ben đưa cả câu vào câu do *bản thân* ông ta sáng tác, ví dụ:

"Bọn lưu hoàng bắt những tín đồ của mình tuân theo kỷ luật cực kỳ nghiêm ngặt" và "họ" – tức là "những người anh em ấy... tiếp tục trong giới lưu vong sự nghiệp của *"Rheinische Zeitung"*, – "trở thành đồng minh của mặt thám ở Pháp và Đức".

Thế là, trong 4 điểm mà tôi buộc tội, thì *theo lời của chính Xa-ben*, có ba điểm thuộc về Xa-ben, trong khi điểm thứ tư, tưởng như là đoạn "trích dẫn", tuy lẫn lộn với các đoạn trích dẫn khác, *tuyệt nhiên không phải là trích dẫn*, càng không phải là "trích dẫn giản đơn", như *toà án thành phố* nói, lại càng không phải là đoạn trích dẫn lời của "những người khác", ở thể số nhiều, như cũng chính *toà án thành phố* ấy khẳng định. Trái lại, trong tất cả những "lời lẽ và luận điểm" của Xa-ben nói về tôi, *không có một dòng nào* chứa đựng "sự phê bình" và "phán xét" ("được phép" hoặc "không được phép").

Nhưng hãy giả định rằng *tiền đề thực tế của toà án thành phố đúng thực* chừng nào thì trong thực tế cũng giả dối chừng ấy rằng Xa-ben chỉ *trích dẫn* những lời tuyên bố có tính chất vu khống của ông ta đối với tôi. Chẳng lẽ tình hình đó trên thực tế đã đem lại cho *toà án thành phố* cái *quyền hợp pháp* là *cấm tôi kiện Ph.Xa-ben*? Trong "quyết định" mà tôi dẫn ra dưới đây, **toà kháng án của Vương quốc Phổ**, trái lại, đã giải thích rằng:

"Theo §156 của Bộ luật hình sự, vấn đề cấu thành tội phạm *không thay đổi chút nào*, dù những sự việc nêu lên trong các bài báo ấy là *lời nói của chính tác giả* hay là **những đoạn trích dẫn** lời khẳng định của người thứ ba".

Vậy thì dù là trích dẫn hay không phải là trích dẫn "nhà dân chủ" Xa-ben phải chịu trách nhiệm về "lời khẳng định" của mình. *Toà án thành phố đã giải thích* rằng Xa-ben đã phát biểu về tôi với những lời lẽ tự nó "đáng trừng phạt", nhưng *chỉ* cần chúng là những **điều trích dẫn** là **do đó** chúng được bảo vệ vững chắc. Đả đảo lý do *pháp lý giả dối* đó! **Toà kháng án** thốt lên. Thế là rút cục tôi có thể tóm được Xa-ben, của toà án sẽ rộng mở, Italiam, Italiam!^{1*}.

Luật sư của tôi đã kiện lên *toà kháng án* về quyết định của *toà*

1* I-ta-li-a, I-ta-li-a! (Việc-gi-ơ "Ê-mê-ít", quyền thứ ba).

án thành phố và ngày *11 tháng Bảy 1860* nhận được "*quyết định*" sau đây:

"Những bài xã luận nhan đề "Các Phô-gơ và Allgemeine Zeitung" và "Người ta làm giả những tờ truyền đơn cấp tiến như thế nào" đăng trong "National - Zeitung", số 37 và 41, ra ngày 22 và 25 tháng Giêng năm nay, không thể bị coi là sự vu khống đối với nguyên cáo, tiến sĩ Các Mác ở Luân Đôn. Tuy theo §156 của Bộ luật hình sự vấn đề cấu thành tội phạm không hề thay đổi, dù những sự thực nêu lên trong các bài nói trên là lời nói của chính tác giả hay là lời nói của nhân vật thứ ba, thì vẫn không được ngăn cản báo chí tiến hành thảo luận và phê bình hoạt động của các đảng phái và các cuộc tranh luận có tính chất chính luận của họ, nghĩa là hình thức luận chứng không biểu hiện *ý định lăng nhục*, điều này *không thể giả định* được trong trường hợp này.

Những bài nói trên chủ yếu trình bày: cuộc xung đột giữa một bên là quan điểm của tiến sĩ Các Phô-gơ với một bên là tờ "Allgemeine Zeitung" về vấn đề ủng hộ quyền lợi của người I-ta-li-a hay quyền lợi của người Áo trong cuộc chiến tranh vừa rồi; sự tham gia vào cuộc xung đột này của cái gọi là *những người lưu vong Đức* ở Luân Đôn đứng về phía tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuc chống lại Phô-gơ, cũng như *cuộc tranh chấp đảng phái* nói chung và mưu mô chống lại nhau của những người lưu vong ấy!

Nếu trong quá trình trình bày mà đưa vào phạm vi vấn đề xem xét quan hệ của bên *nguyên* đối với những đảng phái ấy và sự tham gia một phần của anh ta vào việc tổng tiền của họ, đặc biệt là những nỗ lực của anh ta nhằm giúp tờ "Allgemeine Zeitung" *trong cuộc luận chiến* của báo này với Phô-gơ, bằng cách cung cấp các tài liệu thực tế, – thì các chỉ dẫn tương ứng trong hai bài báo sẽ tìm thấy trong những sự việc mà *bản thân bên nguyên* đưa ra *trong đơn kiện của mình*, sự chứng thực hơn là sự bác bỏ mà *bên kiện ra* sức đạt tới. Và nếu như anh ta quả quyết tiếp rằng dưới một hình thức *lăng nhục danh dự của anh ta*, người ta đã *đồng nhất* anh ta với những âm mưu đảng phái bị lên án gay gắt trong những bài báo kể trên như là những âm mưu *quá khích* hoặc *vô nguyên tắc* và *mất thể diện*, thì lời quả quyết đó không thể được xem là có căn cứ. *Thật vậy*, nếu bài thứ nhất, dựa vào tin tức của Phô-gơ, *chỉ ra* rằng "những người lưu vong năm 1849 dẫn đầu tụ tập ở Luân Đôn và ở đây đã tôn ông Mác lên làm lãnh tụ nổi tiếng của mình", còn về bức thư của Tê-khốp thì nói rằng: "... qua thư đó có thể thấy Mác, với tính kiêu ngạo kiểu Na-pô-lê-ông và nhận thức về tính hơn hẳn về trí tuệ của mình, đã khống chế được bọn lưu hoàng như thế nào", thì ở đây, về thực chất, chỉ đưa ra sự đánh giá đối với cái mà

Phô-gơ gọi là bọn lưu hoàng, chứ không đả kích Mác; trái lại Mác được mô tả ở đây như là con người có sự hơn hẳn và có năng lực khống chế người khác; bài báo càng không đem cá nhân ông này gắn với những người bị kết tội là tổng tiền và tổ giặc. Hệt như vậy, trong bài thứ hai không có chỗ nào nói rằng bên nguyên gán cho ông Blin-đơ nói trên là tác giả tờ truyền đơn "Sự phòng ngừa", *mà lại tin vào điều ngược lại*; không có chỗ nào nói rằng bên nguyên chuyển cho "Allgemeine Zeitung" những bằng chứng *hiển nhiên* không đáng tin cậy của những người thứ ba. Những bằng chứng của thợ sắp chữ Phuê-ghe-lơ là điều còn tranh cãi, điều đó thì bản thân bên nguyên đã thừa nhận trong đơn kiện mà mình khi đưa ra những lời khẳng định trái ngược nhau của chủ nhà in Hô-linh-gơ và thợ sắp chữ Vi-ê. Ngoài ra, theo sự thuật lại của chính bên nguyên, về sau một người tên là Sai-blơ đã thừa nhận mình là tác giả tờ truyền đơn, mà chỉ *sau khi* hai bài báo của "National – Zeitung" đã ra mắt.

Do đó, đơn kiện ngày 21 tháng trước đối với quyết định bác đơn ngày 8 cũng trong tháng đó của toà án thành phố của vương quốc phải được coi là không có căn cứ và được gửi trả lại. Do việc bác đơn kiện không có căn cứ, nên phải nộp ngay – để tránh việc cưỡng bức truy thu – 25 din-béc-grôt vào quỹ thu của toà án thành phố địa phương.

Béc-lin, ngày 11 tháng Bảy 1860

Phòng hình sự của Toà kháng án của vương quốc - Ban II

Gu-thơ-smít, Sun-tơ

Gửi tiến sĩ triết học Các Mác qua ngài cố vấn pháp luật ở đây là Vê-bơ".

Khi tôi nhận được "*quyết định*" này ở luật sư của tôi, trong lần đọc đầu tiên, tôi đã đọc sót phần mở đầu và phần kết và do tôi không hiểu luật pháp của Phổ nên cho rằng trước mặt tôi là bản sao *văn kiện* mà "nhà dân chủ" Ph.Xa-ben gửi cho toà kháng án để *tự liên hệ*. Tôi tự nhủ rằng điều mà Xa-ben nói về "quan điểm (xem phụ lục 15) của tiến sĩ Các Phô-gơ và của "Allgemeine Zeitung"" ở Au-xbuc, về "quyền lợi của người I-ta-li-a và quyền lợi của người Áo", thì đã được đưa vào plaidoyer^{1*} của ông ta, dĩ nhiên là do nhân dân đã được rút từ bài được chuẩn bị cho tờ

1* – bài biện hộ, bài bào chữa

"National – Zeitung".

Nhưng "nhà dân chủ" Ph.Xa-ben không nói *lời nào* về những quan điểm quyền lợi ấy trong 4 cột của hai bài xã luận của ông ta dành riêng *cho tôi* mà vị tất dài được 6 cột. Trong plaidoyer của mình, *Xa-ben* nói rằng tôi

"đã giúp tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc trong *cuộc luận chiến* của nó với Phô-gơ, bằng việc cung cấp những tài liệu thực tế".

Ông ta gọi *vụ kiện của Phô-gơ chống "Allgemeine Zeitung"* là *cuộc luận chiến của "Allgemeine Zeitung" chống Phô-gơ*. Nếu như vụ kiện và cuộc luận chiến là những điều đồng nhất thì chẳng lẽ tôi cần xin phép vị chủ tọa, toà án thành phố, toà kháng án v.v. để "luận chiến" với Xa-ben hay sao? Nhưng Xa-ben thậm chí làm người ta tin rằng tuồng như "những chỉ dẫn tương ứng" trong hai bài báo của ông ta về quan hệ của tôi với "Allgemeine Zeitung" đã tìm thấy ở "những sự việc" mà bản thân tôi đưa ra "*sự chứng thực* hơn là sự bác bỏ mà tôi cố đạt tới". *Đúng ra... hơn là?* Jus^{2*} chỉ biết có: hoặc là – hoặc là. "Những chỉ dẫn tương ứng" của Xa-ben là những gì?

"Những chỉ dẫn tương ứng" của Xa-ben trong bài xã luận №1 về quan hệ của tôi với tờ "Allgemeine Zeitung" là như sau:

1) Do giấy chứng nhận mà tôi chính thức cấp cho ông, Líp-nếch đã trở thành phóng viên của tờ "Allgemeine Zeitung". Trong đơn kiện gửi toà án, tôi đã vạch mặt Xa-ben về tội nói dối, nhưng cho rằng đưa ra những "sự việc" khác về sự vô lý đó là thừa. 2) Xa-ben quả quyết rằng ngày 29 tháng Mười tôi đã gửi từ Luân Đôn cho "Allgemeine Zeitung" một "văn kiện tư pháp" mà ngày 24 tháng Mười văn kiện ấy đã nằm tại toà án địa phương ở Au-xbuốc, và ông ta tìm thấy sự chứng thực cho "sự chỉ dẫn" đó trong các "sự việc" mà tôi đưa ra! Từ những sự thực dẫn ra trong đơn kiện của tôi gửi toà án, Xa-ben tuy nhiên đã thấy rằng - bất

kể quan niệm chính trị ra sao - việc tôi gửi văn kiện có liên quan đến *nguồn gốc* của tờ truyền đơn "Sự phòng ngừa" đã trở thành việc làm cần thiết sau khi Phô-gơ, ngay từ trước khi vụ kiện bắt đầu, đã tìm cách công khai gọi tôi là tác giả của tờ truyền đơn ấy. 3) "Sự chỉ dẫn" của Xa-ben nói rằng tôi là một phóng viên của "Allgemeine Zeitung", thì đã bị tôi bác bỏ bằng những văn kiện đích xác. Bài *xã luận* №II của Xa-ben "Người ta làm giả những bài châm biếm cấp tiến như thế nào" – như đã nói trên kia – nói về quan hệ của tôi với "Allgemeine Zeitung", chỉ chứa đựng "những chỉ dẫn tương ứng" nói rằng bản thân tôi làm giả tờ truyền đơn "Sự phòng ngừa" rồi gán nó cho Blin-đơ và dùng bằng chứng giả của Phuê-ghe-lơ để tìm cách chứng minh rằng đó là ấn phẩm tôi của Blin-đơ. Phải chăng "những chỉ dẫn tương ứng" ấy tìm thấy, trong những sự thực được nêu lên "trong đơn kiện của tôi", sự chứng thực hơn là sự bác bỏ mà tôi cố đạt tới"? Bản thân Xa-ben đã thừa nhận điều ngược lại.

Xa-ben liệu có thể biết được rằng Sai-bơ là tác giả tờ truyền đơn "Sự phòng ngừa" không? Xa-ben có phải tin rằng bằng chứng "đáng tranh cãi – theo sự thừa nhận của tôi – của thợ sắp chữ Phuê-ghe-lơ là đáng tin cậy không? Nhưng từ đâu mà thấy rằng tôi đã gán cho Xa-ben sự am tường đó hoặc sự tin tưởng đó? Đơn kiện của tôi, "trái lại", có liên quan đến "sự chỉ dẫn tương ứng" của Xa-ben cho rằng tôi "*đã làm giả* tờ truyền đơn sao cho nó *tỏ ra* là tác phẩm *của ông ta*" (Blin-đơ) và sau đó, dùng chứng cứ của Phuê-ghe-lơ, tôi tìm cách chứng minh rằng nó là tác phẩm tôi của Blin-đơ.

Sau hết, tôi bỗng vấp phải một luận điểm mà Xa-ben đưa ra để tự biện hộ và tôi thấy luận điểm ấy ít ra cũng đáng chú ý.

"Nếu như", – ông ta nói, – "nếu như ông ta" (nguyên cáo Mác) "quả quyết hơn nữa rằng người ta đã, dưới hình thức lảng nhục đối với danh dự của ông ta, đồng nhất ông ta với các âm mưu đảng phái" (của bọn lưu hoàng) "bị chỉ trích gay gắt trong những bài nói trên" (những bài xã luận của Xa-ben) "là quá khích hoặc vô nguyên tắc và mất thể diện, thì điều quả quyết ấy không thể thừa nhận là có căn cứ... Bài báo càng không gần cả

2* – Pháp luật

nhân ông ta với những người bị quy tội tống tiền và tố giác".

Hiển nhiên là Xa-ben không thuộc vào những người La Mã mà người ta nói là "memoriam quoque cum voce perdidissimus"^{1*}. Ông ta mất trí nhớ nhưng không mất cái lưỡi. Xa-ben biến không những lưu hoàng, mà biến cả bọn lưu hoàng từ tinh thể thành thể lỏng, rồi từ thể lỏng thành thể hơi để dùng thể hơi màu đỏ làm tôi mê mẩn. Bọn lưu hoàng – ông ta quả quyết – là "đảng" mà ông ta chưa bao giờ "*đồng nhất*" những *âm mưu* của nó với tôi, và ông chưa bao giờ gắn ngay cả những người "có quan hệ" với tôi, với "sự tống tiền và tố giác" của nó. Tất sẽ phải biến hơi lưu hoàng thành hoa lưu hoàng.

Trong bài *xã luận* №I ("National – Zeitung" №37, 1860), Xa-ben mở đầu "các chỉ dẫn tương ứng" về *bọn lưu hoàng* bằng cách gọi "Mác" là "lãnh tụ nổi tiếng" của nó. Thành viên thứ hai của bọn lưu hoàng mà để trình bày thêm nữa" về bọn lưu hoàng, tuy nhiên ông ta đã không gọi đích danh, nhưng vẫn ám chỉ đó là Phri-đrich Ăng-ghe-n. Cụ thể là ông ta dẫn ra bức thư trong đó Tê-khốp nói về cuộc gặp gỡ của ông này với tôi, với Ph.Ăng-ghe-n và C.Sram. Hai người nói đến sau cùng này, Xa-ben nhắc tới để minh họa bọn lưu hoàng. Ông ta nhắc ngay đến Séc-van với tư cách đại sứ ở Luân Đôn. Rồi đến lượt Líp-nếch.

"Líp-nếch này, in nomine omen"^{1*}, là một tín đồ nô lệ nhất của Mác... Vừa nói tới, Líp-nếch đã lập tức phục vụ Mác và được sự tin cậy hoàn toàn của chủ mình".

Theo sau Líp-nếch là "Ô-ly", **cũng** là một kênh của bọn lưu hoàng. Sau hết, "một tông phạm" khác ở Luân Đôn là Bi-xcam-pơ". Tất cả những thông tin ấy nối tiếp nhau trong bài xã luận №I, nhưng ở cuối bài xã luận №II lại nêu tên bổ sung một thành

1* – "chúng ta mất đi tiếng nói cùng với trí nhớ".

1* – như chính tên gọi đã nói lên nghĩa (phần thứ hai của họ Líp-nếch – "nếch" (knecht) có nghĩa là "nô lệ", "tôi tớ".

viên nữa của bọn lưu hoàng, *V.Vôn-phơ* – "Sói nghị viện, alias, Sói bị tù" – được uỷ thác một việc quan trọng: "phân phát thông tri". Tóm lại, theo "Các chỉ dẫn tương ứng" của Xa-ben, *bọn lưu hoàng* gồm có: thủ lĩnh bọn lưu hoàng là Mác; vai phò tá của bọn lưu hoàng – Ph.Ăng-ghe-n; một đặc sứ của bọn lưu hoàng tại Luân Đôn – Séc-van; "một tín đồ nô lệ nhất của Mác" là Líp-nếch; "**cũng** là một kênh của bọn lưu hoàng – Ô-ly"; một "tông phạm" "*khác*" ở Luân Đôn – Bi-xcam-pơ; sau hết người thảo thông tri của bọn lưu hoàng – Vôn-phơ.

Bọn lưu hoàng được tập hợp lại như vậy, đã có mặt trong 51 dòng đầu bài báo của Xa-ben dưới những *tên gọi* khác nhau: "bọn lưu hoàng, hoặc cũng là bọn thợ làm bàn chải", "những người anh em tiếp tục trong giới lưu vong *sự nghiệp* của **"Rheinische Zeitung"**, "những người vô sản" hoặc như cách gọi trong bài xã luận №II – "đảng của những người vô sản" do *Mác* cầm đầu".

Nhân sự và tên gọi của *bọn lưu hoàng* là như vậy. Trong "các chỉ dẫn tương ứng" của mình Xa-ben đã mô tả ngắn gọn và chính xác *tổ chức* của bọn này "*Mác* là *"thủ lĩnh"*. Bản thân *bọn lưu hoàng* tạo thành nhóm những tín đồ *gần gũi nhất*" của ông ta, hoặc, như Xa-ben nói trong bài xã luận thứ hai, "*đảng nhỏ hẹp của Mác*". Xa-ben thậm chí cho biết đặc trưng mà căn cứ vào đó có thể nhận biết được "*đảng nhỏ hẹp của Mác*". Thành viên của đảng nhỏ hẹp của Mác phải trông thấy Bi-xcam-pơ dù chỉ là một lần trong đời mình.

"Ông ta, – Xa-ben nói trong bài xã luận №II, – "ông ta" (Blin-đơ) "tuyên bố rằng trong đời mình ông chưa bao giờ trông thấy Bi-xcam-pơ, – *hiển nhiên, ông ta không phải là thành viên của đảng nhỏ hẹp của Mác*".

Vậy là, "đảng nhỏ hẹp của Mác", hay chính là bọn lưu hoàng, –

là pairie^{1*} của bọn lưu hoàng, nó cần phải được phân biệt với hạng người thứ ba, với đám "tín đồ", hay là "*lũ lười nhác* được giữ gìn cẩn thận". Thế là, trước tiên là thủ lĩnh Mác; rồi đến chính "bọn lưu hoàng" hoặc "đảng nhỏ hẹp của Mác", và cuối cùng, là đám "tín đồ" hoặc "lũ lười nhác". Bọn lưu hoàng được phân ra thành ba hạng người ấy; sống trong điều kiện kỷ luật thuần tuý kiểu Xpác-tơ "*Bọn lưu hoàng*", - Xa-ben nói, - "bắt các *tín đồ* của mình phục tùng kỷ luật nghiêm ngặt", nhưng mặt khác, "*Mác.. đối xử khắc nghiệt với bọn lưu hoàng*". Tất nhiên, trong một "băng nhóm" được tổ chức tốt đến thế, những "âm mưu" đặc trưng cho nó, "những việc làm chủ yếu" của nó, những chiến công mà nó hoàn thành với tư cách một băng đảng - tất cả những điều đó được tiến hành theo mệnh lệnh của thủ lĩnh của nó và được Xa-ben cố tình mô tả như là việc làm của thủ lĩnh của nó đối xử khắc nghiệt với cả bọn. Cái gọi là nghề nghiệp của bọn này là gì?

"Một trong những công việc chính của bọn lưu hoàng là làm mất danh dự những người sống ở Tổ quốc để họ phải nộp tiền để bọn này giữ bí mật và không làm mất danh dự họ. Không phải một, mà là hàng trăm bức thư được gửi về Đức dọa vạch trần sự tham gia vào hành động cách mạng nào đó nếu không nộp số tiền quy định trong một thời hạn nhất định tại địa điểm chỉ định... Bất cứ ai chống lại âm mưu đó không những sẽ chỉ giản đơn bị làm mất danh dự trong những người lưu vong, mà còn bị hăm hại trên báo chí. "Những người vô sản" đã nhét đầy các trang cột của báo chí phản động Đức *những lời tố giác của họ* đối với những nhà dân chủ không công nhận họ; chúng trở thành *đồng minh* của mật thám ở Pháp và Đức v.v." (National-Zeitung" №-37).

Sau khi mở đầu "những chỉ dẫn tương ứng" ấy về bọn lưu hoàng bằng cách đưa ra ý kiến nhận xét rằng tôi là "thủ lĩnh xuất sắc" của nó, sau khi liệt kê "công việc chủ yếu" của bọn lưu hoàng, tức là tống tiền, tố giác v.v., thì Xa-ben kết thúc sự mô tả chung của mình về bọn lưu hoàng như sau:

"... họ trở thành *đồng minh* của mật thám ở Pháp và Đức. Để nói rõ thêm đặc điểm, Phô-gtơ đưa ra bức thư ngày 26 tháng Tám 1850 của cựu trung uý Tê-khốp... qua đó có

thể thấy được Mác, với sự kiêu ngạo kiểu Na-pô-lê-ông và với sự nhận thức về tính ưu việt về trí tuệ của mình, đã đối xử khắt khe với bọn lưu hoàng như thế nào".

Sau khi ở phần đầu sự mô tả của mình về bọn lưu hoàng, Xa-ben đã bắt "tôn" tôi lên làm "thủ lĩnh nổi tiếng", ông ta sợ rằng bạn đọc có thể giả định đằng sau thủ lĩnh nổi tiếng còn có thủ lĩnh không nổi tiếng, hoặc nghĩ rằng tôi thoả mãn với "sự tôn sùng" như Đạt-lai - Lạt-ma. Vì vậy, ở cuối sự mô tả của mình (đã dùng lời của *bản thân* mình; chứ không phải lời của *Phô-gtơ*), ông ta đã biến tôi từ chỗ là thủ lĩnh đơn thuần "nổi tiếng" thành thủ lĩnh khắt khe, từ chỗ là Đạt-lai - Lạt-ma thành Na-pô-lê-ông của bọn lưu hoàng. Trong plaidoyer của mình, chính chỗ này đã được Xa-ben đưa ra làm *bằng chứng* rằng ông ta *không quy "đồng nhất"* tôi với các "âm mưu đảng phái" của bọn lưu hoàng mà trong các bài báo của mình ông ta đã "lên án gay gắt là *quá khích* hoặc *vô nguyên tắc* và *làm mất thể diện*". Không đâu, không hoàn toàn như vậy! Ông ta "*đã đồng nhất*" tôi, nhưng *không* dưới "*hình thức lăng nhục danh dự của tôi*". "Trái lại, ông ta dành cho tôi *vinh dự*, đề bạt tôi làm Na-pô-lê-ông của những kẻ tống tiền, những kẻ dọa tố giác, mouchards, agents provocateurs, những kẻ làm giấy bạc giả, v.v.. Rõ ràng là Xa-ben mượn những khái niệm về danh dự của ông ta trong từ điển của *bọn thánh Chạp*. Từ đó mà có tính từ "kiểu Na-pô-lê-ông". Nhưng tôi đưa ông ta ra toà chính là vì cái *vinh dự* ấy mà ông dành cho tôi! Bằng những "sự việc" dẫn ra trong đơn kiện của tôi, tôi **chứng minh** một cách đầy sức thuyết phục - có sức thuyết phục đến mức Xa-ben dù thế nào cũng không muốn đáp lời mời của tôi xuất hiện trước *toà* -, tôi **chứng minh** rằng tất cả "các chỉ dẫn tương ứng" của ông ta về bọn lưu hoàng đều là những điều bịa đặt giả dối của Phô-gtơ mà Xa-ben "chỉ ra" chỉ cốt để có thể "*tôn*" tôi lên làm Na-pô-lê-ông của bọn lưu hoàng ấy. Nhưng phải chăng ông ta đã không mô tả tôi là con người "có tính ưu việt và có năng lực chế ngự" người khác đó sao? Phải chăng tôi, theo lời ông ta, đã không

1* - quý tộc

bắt bọn ấy phục tùng *kỷ luật*, đó sao? Bản thân ông ta đã kể ra sự chế ngự ấy, tính ưu việt ấy, *kỷ luật* ấy là ở chỗ nào.

"Bọn lưu hoàng bắt các tín đồ của mình phục tùng *kỷ luật nghiêm ngặt nhất*. Trong số họ, hễ ai bằng cách nào đó mà tìm cách tiến thân trong đời sống công dân, thì chỉ nguyên vì nguyện vọng muốn trở thành người độc lập ấy, đều bị coi là phản bội cách mạng... Bằng cách truyền bá những tin đồn, những bức thư v.v. trong lũ lười nhác được giữ gìn cẩn thận đó người ta đã gây ra bất hoà, ẩu đả, quyết đấu".

Nhưng Xa-ben không bó hẹp ở *sự mô tả chung* về các "âm mưu đảng phái" của bọn lưu hoàng mà ông ta "đồng nhất" với tôi một cách kính trọng.

"Thành viên nổi tiếng của đảng Mác" là *Líp-nếch*, "một tín đồ nô lệ nhất của Mác, được sự tin cậy hoàn toàn của chủ mình", đã rắp tâm làm mất danh dự của công nhân ở Thuỵ Sĩ bằng "đại hội cách mạng ở Muốc-tanh", nơi đây ông ta hân hoan "trao họ vào tay bọn hiến binh" đang đợi sẵn. "Trong thời gian vụ án ở Khuên, một nhân vật Líp-nếch nào đó đã bị gán là viết biên bản giả" (đương nhiên, Xa-ben quên nói rằng tính giả dối của sự đặt điều đó của Sti-bơ đã được chính thức *chứng minh* ngay trong khi xử vụ án). *Vôn-phơ*, một cựu biên tập viên của "Neue Rheinische Zeitung", gửi từ Luân Đôn "bản thông tri gửi những người vô sản" mà "ông ta đồng thời nhét cho cảnh sát Han-nô-vơ".

Xa-ben, một mặt, mô tả những người "nổi tiếng" và có quan hệ với tôi là nhân vật mật thám, mặt khác, lại gắn tôi với tên mật thám, agent provocateur và kẻ làm giấy bạc giả nổi tiếng là Séc-van. Ngay sau khi mô tả chung về bọn lưu hoàng, ông ta kể rằng "mấy người", trong đó có *Séc-van*, "trong vai trò hai mặt vừa là nhà cách mạng lôi kéo công nhân, vừa là đồng minh của mật thám" đã từ Luân Đôn trở về Pa-ri như thế nào và đã dựng lên ở đây "cái gọi là vụ án những người cộng sản" như thế nào v.v.. Trong bài xã luận №II, ông ta kể tiếp:

"Như vậy, năm 1852 người ta đã sắp đặt một âm mưu nhục nhã nhất là làm rất nhiều giấy bạc giả (*về chi tiết xem tác phẩm của Phô-gơ*) v.v..".

Nếu bạn đọc của tờ "National-Zeitung" làm theo đề nghị khẩn khoản của Xa-ben và *xem chi tiết ở tác phẩm của Phô-gơ* thì bạn đọc sẽ thấy gì ở đó? Thấy rằng Séc-van được tôi phái đến Giơ-ne-vơ để sắp đặt, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của tôi, một "âm mưu cực kỳ nhục nhã là làm giấy bạc giả" v.v.. Bạn đọc được Xa-ben hướng dẫn đến Phô-gơ cũng sẽ thấy điều sau đây:

"Nhưng quan hệ cá nhân của Mác trong trường hợp này là điều hoàn toàn không quan trọng, vì, như đã chỉ rõ, *Mác đích thân hoặc thông qua một thành viên nào đó trong bọn ông ta làm điều gì đó, thì điều đó hoàn toàn chẳng khác gì nhau: ông ta thống trị vô điều kiện những người của mình*".

Nhưng Xa-ben còn chưa thoả mãn với việc làm của mình. Ông ta vội vàng nói thêm – ở phần cuối hai bài xã luận – lời nói cuối cùng với bạn đọc của mình. Ông ta nói:

"Ông (Blin-đơ) "tuyên bố rằng trong đời mình ông chưa hề trông thấy Bi-xcam-pơ; hiển nhiên, ông không phải là thành viên của *đảng nhỏ hẹp của Mác*. Chúng tôi cho rằng đảng này" (đảng nhỏ hẹp của Mác) "có thể không khó khăn lắm biến ông" (Blin-đơ) "thành con dê tế thần... *Đảng của Mác* có thể rất dễ dàng gán cho Blin-đơ là tác giả tờ truyền đơn, chính vì... trong cuộc nói chuyện với Mác và trong bài báo trên tờ "Free Press" ông đã phát biểu những quan điểm tương tự; lợi dụng những ý kiến và cách nói ấy của Blin-đơ người ta có thể *làm giả tờ truyền đơn* sao cho nó tỏ ra là "tác phẩm" của ông (Blin-đơ).

Vậy có nghĩa là "*đảng của Mác*" hoặc "*đảng nhỏ hẹp của Mác*" alias bọn lưu hoàng, đã "làm giả" tờ truyền đơn sao cho nó tỏ ra là tác phẩm của Blin-đơ. Sau khi trình bày giả định ấy, Xa-ben tóm tắt một cách khô khan ý của mình bằng những lời sau đây: "*Bây giờ thì mỗi người có thể, tùy theo ý muốn, cho rằng Mác hoặc Blin-đơ là tác giả tờ truyền đơn*".

Vậy là không phải đảng của Mác hoặc Blin-đơ, cũng không phải Blin-đơ hoặc đảng nhỏ hẹp của Mác, vulgo^{1*} bọn lưu hoàng,

1* – đơn giản

mà là Blin-dơ hoặc Mác, Mác sans phrase^{2*}. Đảng của Mác, đảng nhỏ hẹp của Mác, bọn lưu hoàng v.v. chỉ là những tên gọi có tính chất phiếm thần luận của *Mác*, của cá nhân Mác. Xa-ben không những "*đồng nhất*" Mác với "đảng" của bọn lưu hoàng, ông ta còn *nhân cách hoá* bọn lưu hoàng thành Mác. Chính ông Xa-ben ấy đã cả gan quả quyết trước các cấp toà án rằng trong các bài xã luận của mình, ông ta không "đồng nhất" "nguyên cáo" Mác "dưới hình thức lăng nhục danh dự của Mác" với "âm mưu" của bọn lưu hoàng. Ông ta tự đâm vào ngực và thề rằng ông ta "càng không" "gắn cá nhân tôi với những người" mà ông ta "kết tội là tống tiền và tố giác!". Tôi nghĩ thâm, Xa-ben đã vác bộ mặt như thế nào ra trước phiên toà xét xử công khai! Một bộ mặt như thế nào! Tôi khoan khoái thốt lên một tiếng khi cầm lên tay văn kiện mà luật sư của tôi gửi cho tôi và đọc lại lần nữa; tôi thấy hình như ở cuối tôi đã nhìn thấy những cái tên như Mui-lơ và Sun-tơ, nhưng tôi lập tức tin rằng tôi đã lầm. Vật nằm trước mắt tôi hoàn toàn không phải là plaidoyer của Xa-ben, mà là "*quyết định*" của toà *kháng án*, do *Gu-thơ-smít* và *Sun-tơ* ký, quyết định này tước đoạt của tôi *quyền đi kiện* Xa-ben, thêm vào đó, còn phạt tôi về "đơn kiện" của tôi 25 din-béc-grôt phải nộp ngay vào quỹ thu của Toà án thành phố Béc-lin để khỏi bị cưỡng bức truy thu. Tôi quả thực attonitus^{1*}. Nhưng sự ngạc nhiên của tôi bớt đi khi đọc lại một cách chăm chú bản "quyết định".

Ví dụ I

Xa-ben viết trong bài xã luận của "National-Zeitung" №37, 1860:

"Phô-gơ nói ở trang 136 và ở những trang tiếp theo: trong hàng ngũ những người lưu vong năm 1849, một nhóm

Các ông Gu-thơ-smít và Sun-tơ đọc thấy trong bài xã luận của "National-Zeitung" №37, 1860:

"Thực vậy, nếu như bài thứ nhất dựa vào sự trình bày của Phô-gơ để chỉ rõ rằng

2* - đơn giản thể thôi, không quanh co úp mở

1* - sững sờ

những người ban đầu sống rải rác ở Thụy Sĩ, Pháp và Anh, về sau dần dần tập trung ở Luân Đôn được biết đến dưới tên gọi bọn lưu hoàng hoặc bọn thợ làm bàn chải, và ở Luân Đôn, họ tôn Mác lên làm thủ lĩnh nổi tiếng của họ".

"những người lưu vong năm 1849 dần tập hợp ở Luân Đôn và ở đây họ tôn Mác lên làm thủ lĩnh của họ"".

Xa-ben nói rằng trong hàng ngũ những người lưu vong năm 1849 *một nhóm người* được biết đến dưới *cái tên bọn lưu hoàng hoặc bọn thợ làm bàn chải* v.v. đã dần dần tụ tập ở Luân Đôn và ở đây họ tôn tôi làm thủ lĩnh xuất sắc của họ. Theo các ông Gu-thơ-smít và Sun-tơ thì Xa-ben nói rằng: *những người lưu vong năm 1849 dần dần tụ tập ở Luân Đôn* (điều này quả không chính xác, vì đại bộ phận những người lưu vong tụ tập ở Pa-ri, Niu Oóc; Gióc-xi v.v.) và tôn tôi lên làm thủ lĩnh nổi tiếng của họ, một vinh dự mà không ai ban cho tôi và Xa-ben cũng như Phô-gơ không gán cho tôi. Ở đây các ông *Gu-thơ-smít* và *Sun-tơ* không hề tóm tắt, các ông ấy *trích dẫn* vì đã đặt trong "*ngoặc kép*" câu nói mà Xa-ben không phát biểu ở *nơi nào cả*, coi đó là một "điều chỉ dẫn" của ông ta chứa đựng trong bài xã luận thứ nhất và dựa vào sự trình bày của Phô-gơ". Hiển nhiên là trước mặt các ông *Gu-thơ-smít* và *Sun-tơ* là *bản in bí mật* №37 của báo "National-Zeitung" mà tôi và công chúng bạn đọc hoàn toàn không biết. Đó là nguyên nhân của mọi sự hiểu nhầm.

Bản in bí mật №37 của báo "National - Zeitung" khác bản in công khai cùng số ấy không chỉ ở câu chữ khác nhau của một số câu cá biệt. *Toàn bộ nội dung* của bài xã luận thứ nhất ở *bản in công khai* không có chỗ nào - trừ mấy chữ - giống với nội dung bài đó ở *bản in bí mật*.

Ví dụ II

Sau khi tôn tôi lên làm thủ lĩnh bọn lưu hoàng, Xa-ben viết trong №37 của báo "National - Zeitung": "Nhưng người anh em ấy" (bọn lưu hoàng... "tiếp tục trong giới lưu

Các ông Gu-thơ-smít và Sun-tơ đọc thấy ở №37 "National-Zeitung", sau khi Xa-ben tôn tôi lên làm *thủ lĩnh của giới lưu vong năm 1849*:

vong công việc của "Rheinische Zeitung"... Một trong những công việc chính của bọn lưu hoàng là làm mất danh dự của những người sống ở tổ quốc để họ phải nộp tiền... "Những người vô sản nhét đầy các trang cột của báo chí phản động ở Đức những sự tố giác của họ... họ trở thành đồng minh của mặt thám ở Pháp và Đức. Để *nếu thêm* đặc điểm" (của "bọn lưu hoàng" hoặc của "những người vô sản") "Phô-gơ dẫn ra... bức thư... của Tê-khốp... trong đó mô tả những nguyên tắc, những "âm mưu" v.v. của "những người vô sản" và qua thư đó có thể thấy được rằng Mác, với sự kiêu ngạo kiểu Na-pô-lê-ông và sự nhận thức về tính hơn hẳn về trí tuệ của mình, đã đối xử khắt khe như thế nào với bọn lưu hoàng".

Nếu các quan tòa có toàn quyền cho phép hoặc tước đoạt của các cá nhân quyền đi kiện, thì các ông *Gu-thơ-smít* và *Sun-txơ* không những có quyền, mà còn có nghĩa vụ không thừa nhận tôi có quyền đi kiện Xa-ben. Nội dung bài xã luận của *bản in bí mật* №37 "National – Zeitung", mà các ông ấy thông báo in nuce^{1*}, hoàn toàn loại trừ bất kể corpus delicti nào. Thực vậy, Xa-ben phát biểu gì trong *bản in bí mật* đó? Một là, ông ta dành cho tôi cái vinh dự không đáng được hưởng, buộc toàn bộ những người lưu vong năm 1849 tụ tập ở Luân Đôn phải "tôn" tôi lên làm "thủ lĩnh nổi tiếng" của họ. Chẳng lẽ tôi "đưa" ông ta "ra tòa" vì điều đó sao? Hai là, ông ta dành cho tôi cái vinh dự cũng không đáng được hưởng như vậy, khi ông ta quả quyết rằng, tôi đã "đối xử khắt khe" với *bọn lưu hoàng* chẳng hề dính líu gì với tôi, như nói rằng vào những năm 1848 - 1849 tôi đối xử khắt khe với Xa-ben và đồng bọn. Tôi "đưa" Xa-ben "ra tòa" vì điều đó sao?

1* – ở trạng thái mằm mống; ở đây, có nghĩa là: tóm tắt, vắn tắt.

Qua đó thấy rằng có một sự rắc rối như thế nào khi cơ quan lập pháp cho phép các quan chức tư pháp ra "*quyết định*", hơn nữa lại là "quyết định" bí mật xem một người nào đó có quyền kiện người khác hay không, ví dụ như về sự vụ khống trên tờ "National - Zeitung". Nguyên cáo *phát đơn kiện* dựa trên bản in công khai №37 của tờ "National - Zeitung", có lẽ được phát hành tới 10.000 bản, còn quan toà thì lại *quyết định* chỉ dựa trên *một* bản in bí mật của cùng số báo đó dành *riêng cho ông ta*. Với thủ tục đó thì nguy cơ tính đồng nhất của corpus delicti cũng ít được bảo đảm biết bao!

Cơ quan lập pháp của Phổ, trong mỗi vụ án, đều đặt quyền thừa kiện của cá nhân phụ thuộc vào sự xem xét của quan toà, vì nó xuất phát từ quan điểm cho rằng quốc gia, với tư cách chính quyền kiểu cha chú, phải bảo hộ và quy chế hoá đời sống riêng của những đứa con của quốc gia. Nhưng dù xuất phát từ quan điểm của cơ quan lập pháp Phổ, "quyết định" của *toà kháng án* vẫn kỳ quặc. Rõ ràng là cơ quan lập pháp ở Phổ muốn loại trừ những vụ kiện cáo lặt vặt. Do đó, - nếu tôi hiểu đúng tinh thần của luật pháp của Phổ và giả định một cách có đầy đủ căn cứ rằng nó không đặt ra cho mình mục đích khước từ một cách có hệ thống việc xét xử - do đó nó cho quan toà có quyền bác đơn kiện, nhưng chỉ nếu như *prima facie*^{1*} *không có đối tượng khởi tố*, do đó, nếu việc khởi tố *prima facie* không có căn cứ. Điều đó có thể áp dụng đối với vụ án này không? *Toà án thành phố* thừa nhận rằng các bài xã luận của Xa-ben chứa đựng những lời lẽ *về thực chất* mang tính chất "lãng nhục danh dự" của tôi, do đó chúng "đang bị trừng phạt". Nó bảo hộ *Ph.Xa-ben* chống sự trả thù hợp pháp của tôi, chỉ vì *Ph.Xa-ben* "chỉ trích dẫn" những lời vu khống của mình. Toà kháng án tuyên bố rằng: xét theo góc độ pháp luật thì những lời lẽ lãng nhục danh dự - dù được trích dẫn hay không được trích dẫn - đều đáng bị trừng phạt như nhau; nhưng về phía mình, nó lại *phủ nhận* rằng các bài xã luận của

1* - thoát nhìn

Xa-ben nhìn chung có chứa đựng những lời lẽ lăng nhục danh dự – những lời lẽ lăng nhục cá nhân tôi dù chúng được trích dẫn hoặc không phải là không trích dẫn. Như vậy là, giữa *toà án thành phố* và *toà kháng án* không chỉ có sự khác nhau, mà còn có quan điểm đối lập trực tiếp về *chính cấu thành tội phạm*. Một bên thấy được những lời lẽ lăng nhục tôi ở chỗ mà bên kia không thấy. Sự mâu thuẫn đó về quan điểm của các quan toà về *chính cấu thành tội phạm* chứng minh đầy sức thuyết phục rằng ở đây *prima facie* đã có *đối tượng* khởi tố. Nếu như Pa-pi-ni-an và Un-pi-an nói rằng: lời lẽ trên báo đó mang tính chất lăng nhục danh dự, còn Mu-xi-út Xe-vô-la và Ma-nhi-li Brút, trái lại, nói rằng lời tuyên bố trên báo đó không mang tính chất lăng nhục danh dự thì nhân dân Qui-rít⁵⁹⁷ nghĩ gì? Tại sao nhân dân không cùng với Un-pi-an và Pa-pi-ni-an tin rằng Xa-ben đã đăng ở №37 và 41 của tờ "National-Zeitung" những lời lẽ lăng nhục danh dự của tôi? Nếu như tôi thuyết phục nhân dân Qui-rít tin rằng Mu-xi-út Xe-vô-la và Ma-nhi-li Brút đã cho tôi chứng cứ bí mật mà căn cứ vào đó những lời lẽ và luận điểm "*lăng nhục danh dự*" của Xa-ben không mấy may liên quan đến tôi, thì nhân dân Qui-rít có thể nhún vai như để nói rằng: à d'autres!^{1*}.

Vì *toà kháng án* quyết định ở cấp cuối cùng vấn đề *cấu thành tội phạm*, tức là trong vụ án này phải quyết định ở cấp cuối cùng xem hai bài xã luận của Xa-ben có chứa đựng, về *thực chất*, sự lăng nhục danh dự của tôi hay không, có ý đồ lăng nhục tôi hay không, và vì *toà kháng án* phủ nhận *cấu thành tội phạm* ấy, nên chỉ còn một vấn đề chưa được giải quyết để kêu lên *toà án tối cao* là, về *thực chất*, *quyết định* của *toà kháng án* có dựa trên *sai lầm pháp lý* không? Trong "*quyết định*" của mình, *bản thân toà kháng án*, về *thực chất*, đã *xác định* rằng Xa-ben đã gán cho *bọn lưu hoàng* "những âm mưu vô nguyên tắc và mất thể diện", "những việc tố

giác và tống tiền", gán cho chính cái *bọn lưu hoàng* mà cũng ông Xa-ben ấy cũng trong bài xã luận ấy đã trực tiếp nhận xét là "*đảng của Mác*" hoặc "*đảng nhỏ hẹp của Mác*" do Mác làm "thủ lĩnh" nổi tiếng và bị ông ta đối xử một cách khắt khe. *Toà kháng án* liệu có *quyền hợp pháp* không khi coi đó là sự lăng nhục danh dự của tôi không? Người biện hộ của tôi, cố vấn luật pháp *Ve-bơ*, trong đơn *khiến lên toà án tối cao* đã chỉ rõ như sau về vấn đề đó:

"Tuy nhiên, không có chỗ nào" (Xa-ben) "trực tiếp nói rằng Mác tống tiền, tiến hành tố giác và làm giấy bạc giả. Nhưng chẳng lẽ điều đó phải chăng đã không phát triển ra đủ rõ ràng trong lời nói sau đây hay sao. Mác là thủ lĩnh của một đảng đã theo đuổi những mục đích phạm tội và vô đạo đức nói trên hay sao? Không một người nào, nếu anh ta không mang thành kiến và có tư tưởng lành mạnh, lại phủ nhận sự thật là thủ lĩnh của một đoàn thể mà mục đích và hoạt động chủ yếu nhằm vào những hoạt động phạm tội, không những tán thành những âm mưu của đoàn thể đó, mà bản thân ông ta còn điều hành và lãnh đạo những âm mưu ấy và hưởng thành quả của chúng; thủ lĩnh đó, không nghi ngờ gì cả, phải chịu trách nhiệm gấp đôi: không những với tư cách là người tham gia, mà còn với tư cách người cổ vũ về tư tưởng, cho dù không thể vạch mặt ông ta về một hoạt động nào, chứng minh ông ta trực tiếp tham gia thực hiện một tội ác nào đó. *Quan điểm được phát biểu trong quyết định đáng tranh cãi*" (của *toà kháng án*) "*có thể dẫn tới tình trạng là thanh danh tốt đẹp của một người sẽ không được bảo vệ trước một kẻ muốn làm hại thanh danh đó. Thay vì khẳng định đối trá về A rằng anh ta đã giết người, kẻ vu khống chỉ cần nói rằng ở nơi nào đó có một bọn chuyên giết người, và A là thủ lĩnh của bọn ấy. Quan điểm của toà kháng án bảo đảm cho kẻ vu khống ấy hoàn toàn không bị trừng trị. Sẽ là điều đúng đắn nếu như kẻ vu khống sẽ bị trừng trị về tội vu khống, bất kể hấn ta vu cáo người thứ ba – trái với sự thật – là kẻ cướp hay là tướng cướp*".

Xét theo góc độ *lý trí con người lành mạnh*, trên thực tế đã có sự vu khống. Theo *quan điểm của cơ quan lập pháp của Phổ*, nó có tồn tại hay không? *Toà kháng án* nói rằng: không, còn người biện hộ của tôi nói rằng có. Nếu như *toà kháng án*, bất chấp ý kiến của *toà án thành phố*, quyết định rằng *hình thức trích dẫn không làm cho* kẻ vu khống thoát khỏi sự truy xét thì tại sao *toà án tối cao* không quyết định – bất chấp ý kiến của *toà kháng án* –

1* – hãy nói với những người khác!

rằng *hình thức rắc rối kiểu con sán của sự vụ không không làm cho hẳn ta thoát khỏi* sự truy xét? Chính là về *yếu tố pháp lý* ấy, về *sai lầm pháp lý* mà toà kháng án mắc phải trong vấn đề cấu thành tội phạm, người biện hộ của tôi đã chống án lên **toà án tối cao**, trên mức độ nhất định là kiện lên *cấp quyết định cao nhất*. *Toà án tối cao “quyết định”*:

“I) Về đơn kiện ngày 25 tháng Tám năm nay của Ngài về quyết định của phòng hình sự toà kháng án vương quốc ngày 11 tháng Bảy năm nay về vụ kiện biên tập viên tờ “National-Zeitung”, tiến sĩ Xa-ben, đã lăng nhục tiến sĩ C.Mác, thì toà án tối cao, sau khi đã xem xét các văn kiện hữu quan, cho rằng đơn kiện của Ngài thiếu căn cứ nên bị bác. II) Toà kháng án của vương quốc không cho rằng trong hai bài xã luận đang bị buộc tội của tờ “National-Zeitung” có chứa đựng sự lăng nhục – xét về khách quan – danh dự của bị cáo, và không thấy trong đó có ý định lăng nhục nguyên cáo, do đó đã bác bỏ một cách chính xác việc khởi tố về tội lăng nhục. Vấn đề xem xét có lăng nhục – xét về khách quan – hay không thì xét về thực chất, đó là sự xác định mặt thực tế của vụ kiện mà người ta chỉ có thể kiện lên toà án tối cao vương quốc khi quyết định của toà kháng án về vụ kiện này mắc phải sai lầm pháp lý. III) Nhưng trong vụ án này không thấy mắc sai lầm như vậy. IV) án phí về quyết định này là 25 din-béc-grốt, Ngài phải nộp số án phí đó trong thời hạn một tuần vào quỹ thu của toà án thành phố sở tại của vương quốc.

Béc-lin, ngày 5 tháng Mười 1860.

Toà án tối cao của vương quốc

Phôn Slích-cơ-man

Gửi cố vấn pháp luật *Vê-bơ*, ở đây”.

Để việc xem xét được thuận tiện hơn, tôi đánh số các phần hợp thành của “*quyết định*” của *toà án tối cao*.

Ở điểm I) ngài Phôn *Slích-cơ-man* cho biết đơn kiện lên toà án tối cao bị “bác bỏ”. Ở điểm II) ngài Phôn *Slích-cơ-man* lên lớp về thẩm quyền giữa toà kháng án và toà án tối cao đối với nhau – một sự lạc đề có tính chất huấn thị hiển nhiên là không liên quan tới vụ kiện. Ở điểm IV) ông *Ve-bơ* nhận được lệnh là trong thời

hạn một tuần phải nộp 25 din-béc-grốt vào quỹ thu của Toà án thành phố Béc-lin, đây là *hậu quả* của “quyết định”, nhưng đương nhiên không phải là *nguyên nhân* của nó.

Nhưng *căn cứ* của *quyết định* “bác bỏ” là ở chỗ nào? Đây là sự trả lời cho đơn kiện hết sức tường tận của người biện hộ của tôi? Đó là:

Điểm III) “Nhưng trong vụ kiện này **không thấy mắc**” (sai lầm pháp lý) “đó”.

Nếu trong câu ấy của điểm III) mà bỏ đi từ *không*, thì lý do sẽ được nêu lên là: “Nhưng trong vụ kiện này đã *mắc phải*” (sai lầm pháp lý) “đó” và bấy giờ quyết định của toà kháng án sẽ mất hiệu lực. Do đó, nó có hiệu lực chỉ là nhờ có từ “không” xen vào ở cuối câu, mà ông Phôn *Slích-cơ-man* dựa vào từ đó để nhân danh toà án tối cao bác bỏ đơn kiện của cố vấn pháp luật *Ve-bơ*.

Αὐτόματος ἐφη^{1*}. *Không!* Ngài Phôn *Slích-cơ-man* không bác bỏ những lý do pháp lý mà người biện hộ của tôi trình bày, ông ta *không* thảo luận về chúng, ông ta thậm chí *không nhắc tới* chúng. Đương nhiên, ngài Phôn *Slích-cơ-man* có đầy đủ căn cứ cho “quyết định” của ông ta, nhưng ông ta lỡ đi không nói đến chúng. *Không!* Sức mạnh chứng minh của từ ấy hoàn toàn chỉ là ở quyền uy, chỉ là ở địa vị thứ bậc của nhân vật phát ra từ ấy. Bản thân từ “không” chẳng chứng minh gì hết. “*Không!*”

Như thế là *toà án tối cao cấm tôi đưa* “nhà dân chủ” **Ph.Xa-ben ra toà**.

Vụ kiện cáo của tôi với các toà án của Phổ kết thúc như thế đấy.

1* – Tự anh ta nói

XII

PHỤ LỤC

1. VIỆC TRỤC XUẤT SI-LI KHỎI THỤY SĨ

Tôi lấy làm tiếc rằng do thiếu chỗ, nên tôi chỉ có thể trích đăng bức thư của Si-li nói về việc ông bị trục xuất khỏi Thụy Sĩ, trong thư đã đưa ra một ví dụ để minh họa sự đối xử với những người lưu vong không phải là nghị sĩ. Bức thư mở đầu bằng câu chuyện hai người lưu vong Đức B và I^{1*}, bạn của Si-li, sau khi đi khỏi Giơ-ne-vơ đã bị bắt như thế nào trong cuộc du lịch của họ ở Thụy Sĩ; sau đó nhờ Đrui-ê họ lại được tự do và trở lại *Giơ-ne-vơ*.

“Theo sự uỷ nhiệm của họ”, Si-li viết tiếp, – “tôi đến gặp Pha-di để biết xem họ có bị truy nã hay không và không được ông an ủi rằng với tư cách là người đứng đầu chính quyền bang ông ta sẽ không tiết lộ tung tích của họ, còn nhà cầm quyền liên bang thì chưa có mệnh lệnh gì về họ; ngoài ra, nếu như tôi- dựa vào ông và lời phát biểu của ông- tìm gặp thủ trưởng ngành tư pháp và cảnh sát là ông Gi-rác thì càng tốt. Tôi đã làm như vậy, đạt được kết quả hầu như thế và để lại địa chỉ của tôi phòng khi có lệnh của nhà cầm quyền liên bang. Mấy tuần sau, một quan chức cảnh sát đến nhà tôi yêu cầu cho biết địa chỉ của B và I. Tôi cự tuyệt làm việc đó, chạy đến gặp Gi-rác nói trên và – để trả lời việc ông ta dọa trục xuất tôi nếu tôi không cho biết địa chỉ của họ – nói với ông ta rằng theo sự thoả thuận trước đây của chúng tôi, có

1* – Bi-xcam-pơ và I-man.

thể gọi tôi đến với tư cách intermédiaire^{1*} chứ tuyệt nhiên không phải với tư cách dénonciateur^{2*}. Thế là ông ta bảo tôi rằng: “Vous avez l’air de vouloir vous interposer comme ambassadeur entre moi et ces réfugiés, pour traiter de puissance à puissance”^{3*}. Tôi trả lời “je n’ai pas l’ambition d’être accrédité ambassadeur près de vous”^{4*}. Trên thực tế, tôi bị tống tiền mà không có nghi thức gì xứng đáng với vị đại sứ. Trên đường về tôi được biết là cả hai người B và I, vừa mới bị phát hiện, bị bắt và giải đi, vậy là tôi có thể tin rằng sự đe dọa trên đã không còn nữa. Nhưng tôi không tính đến ngày 1 tháng Tư, vào cái ngày đen đủi ấy của năm 1852, một viên chức cảnh sát yêu cầu tôi, ngay trên đường phố, hãy theo ông ta đến toà thị chính, nơi đây người ta muốn hỏi tôi điều gì đó. Ở đây cố vấn quốc gia Tu-rơ, uỷ viên bang Giơ-ne-vơ về các vấn đề trục xuất những người lưu vong, ad latus^{5*}, của Trơ-gơ, uỷ viên liên bang cũng về các vấn đề trên bấy giờ đang ở Giơ-ne-vơ, nói với tôi rằng tôi bị trục xuất, do đó ông ta phải đưa ngay tôi về Béc-nơ, tỏ ý lấy làm tiếc vô cùng, vì nhà cầm quyền bang không có gì chống tôi cả, nhưng uỷ viên liên bang đòi kỳ được việc trục xuất tôi. Đối với yêu cầu của tôi là dẫn tôi đến gặp uỷ viên liên bang, tôi được trả lời là: “Non, nous ne voulons pas, que le commissaire fédéral fasse la police ici”^{6*}. Nhưng như thế là ông ta đã mâu thuẫn với lời nói trước đây của mình và nói chung đã từ bỏ vai trò cố vấn quốc gia ở Giơ-ne-vơ, vai trò đó là: với thái độ tự do chủ nghĩa giả dối chống lại yêu cầu trục xuất của nhà cầm quyền liên bang và chỉ nhượng bộ trước bạo lực, nhưng đồng thời lại phẫn khởi hoặc ngoan ngoãn nhượng bộ ngay cả gentle pressure^{7*}. Một đặc điểm khác của vai trò đó là nói sau lưng người bị trục xuất rằng anh ta là gián điệp, rằng vì lợi ích của “sự nghiệp chính nghĩa” mà phải trục xuất anh ta... Chẳng hạn, về sau Tu-rơ nói với những người lưu vong rằng ông ta buộc phải đuổi tôi, vì tôi đã câu kết với uỷ viên liên bang và cùng với vị uỷ viên này phản đối các biện pháp của ông ta (Tu-rơ) nhằm bảo vệ những người lưu vong, tức là tôi đã có hoạt động âm mưu cùng với chính vị uỷ viên – mà Tu-rơ rất lấy làm tiếc – đã ra

1* – người trung gian

2* – kẻ tố giác

3* – “Hình như ngài muốn đóng vai vị đại sứ, đứng ra làm trung gian giữa tôi và những tên lưu vong đó, và tiến hành đàm phán, giống như các cường quốc ngang hàng đàm phán với nhau”.

4* – Tôi không có tham vọng được bổ nhiệm làm đại sứ bên cạnh ngài”.

5* – trợ lý

6* – “Không, chúng tôi không muốn rằng uỷ viên liên bang làm công việc cảnh sát ở đây”

7* – sức ép nhẹ nhàng

lệnh trực xuất tôi! Quelles tartines! Đối trá và mâu thuẫn biết bao! Và tất cả cái đó là vì chút aura popularis^{1*}. Đương nhiên, chỉ nhờ lựa gió lái thuyền mà ngài ấy làm nên sự nghiệp của mình. Trong Hội đồng liên bang chỉ còn thiếu vị uỷ viên ấy của Đại hội đồng Giơ-ne-vơ và Hội đồng nhà nước Giơ-ne-vơ, uỷ viên của Viện liên bang Thụy Sĩ hoặc Viện dân tộc, vị cố vấn bẩm sinh của những trò rầm rối – chỉ thiếu vị uỷ viên ấy để bảo đảm nền an ninh của Thụy Sĩ; không phải vô cớ mà người ta viết: Providentia Dei et confusione hominum Helvetia salva fuit^{2**}.

Khi đến Luân Đôn, Si-li đã gửi bản kháng nghị chống những lời vu khống của Tu-rơ cho tờ “Indépendant” Giơ-ne-vơ chịu ảnh hưởng của *Rê-den* – dưới đây sẽ nói về ông ta – tờ báo này trước đó không lâu đã công kích kịch liệt những đòn đả kích vu khống mù quáng mà bọn “faiseurs thuộc phái tự do^{3*}” dùng để trực xuất những người lưu vong khỏi Thụy Sĩ”, bản kháng nghị đó *không* được chấp nhận.

“Bị đưa từ tòa thị chính”, – Si-li kể tiếp – “vào nhà tù, và hôm sau từ đây ngồi xe trạm của bưu điện, có cảnh sát áp giải đi Béc-nơ, nơi đây ông Đrui-ê giam giữ tôi nghiêm ngặt hai tuần lễ trong cái gọi là tháp canh cổ...”

Trong thư từ của mình với Si-li bị tù - dưới đây sẽ nói về những bức thư ấy – *Đrui-ê* đổ hết tội lỗi cho bang Giơ-ne-vơ trong khi đó, về phía mình, Tu-rơ quả quyết rằng tất cả đều là lỗi của nhà cầm quyền Liên bang, rằng *nhà cầm quyền Liên bang Giơ-ne-vơ dứt khoát không có gì chống lại Si-li*. Trước đó không lâu *Rê-den*, uỷ viên điều tra của tòa án Giơ-ne-vơ cũng bảo đảm với Si-li như vậy. Về *Rê-den*, Si-li viết như sau:

“Trong thời gian lễ hội xạ thủ liên bang được cử hành ở Giơ-ne-vơ vào mùa hè năm

1* – danh tiếng nhất thời

2* – Ý trời và sự lúng túng của con người đã cứu Hen-vê-ti-út.

3* – bọn nói dóc

1851, *Rê-den* nhận trách nhiệm biên tập tờ “Journal du tir fédéral” xuất bản bằng tiếng Pháp và tiếng Đức và mời tôi cộng tác với tờ báo này, hứa trả nhuận bút 300 phrăng; công việc của tôi là tôi phải ghi chép flagrante delicto^{1*} diễn văn chào mừng và lời từ biệt bằng tiếng Đức của chủ tịch uỷ ban là Tu-rơ, nhiệm vụ ấy – tôi phải cảm tạ Tu-rơ, tuy đã muộn – rất dễ dàng đối với tôi, vì hầu như lần nào ông ta cũng đều dùng những lời nhiệt liệt như nhau để nói chuyện với các đoàn đại biểu xạ thủ, chỉ thay đổi chút ít, tùy theo ông chào mừng chú gấu của Béc-nơ, chú bò của U-ri hay là một thành viên nào đó trong liên bang; do đó, mỗi lần bắt đầu cái điệp khúc: “Nếu như ngày nào đó xảy ra nguy hiểm thì chúng ta v.v.”, tôi có thể yên trí gác bút và đối với câu hỏi của *Rê-den*: *tại sao* tôi làm như vậy, tôi trả lời rằng: “c’est le refrain du danger, je le sais par coeur”^{2*}. Nhưng thay cho 300 phr., nhuận bút mà tôi đáng được hưởng trong sự vất vả thì *Rê-den* than thở trả lời cho tôi có 100phr., song lại với lời hứa tiếp tục cộng tác với chính tạp chí chính trị mà ông ta định sáng lập ở Giơ-ne-vơ để – “bất chấp tất cả các đảng hiện hữu – tiến hành đấu tranh toàn diện và đặc biệt chống lại chính phủ “tự do chủ nghĩa” của Pha-di – Tu-rơ đương thời, tuy rằng bản thân ông ta thuộc chính phủ đó. Ông ta hoàn toàn thích hợp với công việc đó, sẵn sàng, như ông ta thường khoe khoang, “d’arracher peau, à qui que ce soit”^{3*}... Nhằm mục đích đó, ông ta uỷ nhiệm cho tôi – trong thời gian thực hiện cuộc du lịch ở Thụy Sĩ mà tôi tiến hành sau những sự vất vả tại lễ hội xạ thủ liên bang- sẽ thiết lập những mối liên hệ cần thiết cho công việc trên – điều này tôi đã làm tròn và khi trở về đã viết cho ông ta một bản báo cáo. Nhưng vào thời gian đó, một ngọn gió khác hẳn đã nổi lên, đã đưa ông ta từ cuộc viễn chinh cướp biển mở hết tốc lực về cái bến yên tĩnh của chính phủ hiện tại. J’en étais donc pour mes frais et honoraires^{4*}, khoản nhuận bút mà tôi đã uống công đòi và đang uống công đòi ông ta, tuy rằng ông ta đã trở thành người giàu có... Trước khi tôi bị bắt ít lâu, ông ta thể với tôi rằng không thể có chuyện trực xuất tôi, như bạn ông là Tu-rơ đã quả quyết rằng, tôi không việc gì phải tiến hành biện pháp đề phòng nào đối với sự đe dọa của Gi-rác v.v..

1* – tại hiện trường

2* – “đó là điệp khúc về sự nguy hiểm, tôi đã thuộc lòng rồi”

3* – “lột da bất cứ ai”

4* – Thế là chỉ mình tôi phải gánh chịu mọi chi phí và mất cả tiền nhuận bút

Đối với bức thư mà tôi gửi ông ta de profundis^{1*} thấp cạnh cổ của nhà tù để đòi ông ta một số tiền nhỏ trong số tiền tôi được hưởng và yêu cầu giải thích về sự việc xảy ra (việc tôi bị bắt v.v.), ông ta đã không trả lời, tuy rằng đã bảo đảm với người chuyển bức thư của tôi cho ông ta rằng sẽ thỏa mãn tất cả những yêu cầu của tôi.

... Một tháng sau, K., một người đáng tin cậy và không có thành kiến, viết thư báo cho tôi biết rằng việc trục xuất tôi là do bàn tay của các *ngộ sĩ* chạy trốn gây ra, và điều đó được chứng thực mordicus^{2*} trong mấy dòng mà *Ra-ních-ken* viết kèm theo bức thư ấy. Nhiều người am hiểu tình hình, mà sau này có nhắc tới có dịp nói chuyện với họ về sự việc ấy, cũng bày tỏ cùng ý kiến đó... Song tôi không phải kẻ có dã tâm trong nghị viện, giống như con chó rừng *Rai-nắc* cứ ngày ngày lòi nhíp chính đế quốc đã châu giời *Phô-gơ* từ phần mộ đế quốc lên bàn ăn ở Béc-nơ, nơi đây ông ta ngồi bằng xương bằng thịt, hết như “Prô-mê-tê bị xiềng”, còn entre poire et fromage^{3*}, trước sự kinh ngạc của mọi người, đã tham lam nuốt chửng cả xác ướp lẫn hiện thân của nó. Tuy nhiên, tôi không phải là kẻ sùng bái các chiến công nghị viện. Ngược hẳn lại... chẳng lẽ các ngài ấy đã định trả thù tôi về điều đó bằng việc trục xuất tôi khỏi đế quốc – sau khi sáp nhập Thụy Sĩ vào đế quốc, vì ở nước này đã chôn vùi hiến pháp đế quốc cùng với các biên bản ghi các quyết định của nghị viện đế quốc? Tôi thì nghĩ rằng sự nghi ngờ sự hãm hại của họ đối với tôi nảy sinh có liên quan đến điều được nhắc trong thư trước của tôi là sự tức giận của các *ngộ sĩ* đối với Ủy ban lưu vong Giơ-ne-vơ do tôi, Béch-cơ và mấy công dân Giơ-ne-vơ thành lập... Trong số những ngài ấy không có sự nhất trí về vấn đề tại sao các ngài ấy muốn đoạt lấy quyền phân phối tiền trong giới lưu vong. Một số người trong số họ- trong đó có Đen-xen thuộc tiểu nghị viện Ba-đen – muốn có những biện pháp khác với *chúng tôi* – chúng tôi muốn giúp đỡ những công nhân đặc biệt thiếu thốn – là lau sạch nước mắt *chủ yếu* cho những người bị nạn chuyên nghiệp, các anh hùng cách mạng, những đứa con của tổ quốc đã từng được sống những ngày tốt đẹp... Is fecit cui prodest^{4*}, như câu nói của các thợ thủ công. Vì hoạt động của tôi quả thực không có lợi cho các ngài ấy, nên nảy sinh sự nghi ngờ rằng họ lợi dụng ảnh hưởng của mình trong giới

1* – từ trong lòng

2* – một cách có sức thuyết phục

3* – trong lúc ăn tráng miệng

4* – Ai được lợi thì người ấy làm

lãnh đạo để loại trừ tôi. Mọi người đều biết rằng họ đã lợi dụng aurem principis^{1*}, rằng dù sao họ cũng đứng đủ gần cái tai ấy để nói thăm điều gì đó về tính cách *hiếu động* của tôi, nhất là họ đã nhiều lần tập hợp xung quanh princeps^{2*} Tu-rtơ...”

Sau khi kể về việc ông bị giải từ tháp cạnh cổ ở Béc-nơ qua Ba-lơ đến biên giới Pháp, Si-li nói:

“Còn như chi phí về trục xuất những người lưu vong thì tôi hy vọng rằng khoản chi phí đó tuyet nhiên không do quỹ liên bang đài thọ, mà do Liên minh thần thánh chịu. Một thời gian sau khi chúng tôi bước lên đất Thụy Sĩ, có một lần *công chúa On-ga* ngồi ăn tại một khách sạn ở Béc-nơ cùng với vị đại biện của *Nga* ở đây. Entre poire et fromage (sans comparaison^{3*} với *Rai-nắc* đáng sợ), công chúa nói với người đối thoại của mình: “Eh bien, Morsieur le baron, avez-vous encore beaucoup de réfudies ici?”. “Pas mal, Princesse”^{4*}, – vị kia trả lời – “bien que nous en ayons déjà beaucoup renvoyé. M.Druce fait de son mieux à cet égard, et si de nouveaux fonds nous arrivent, nous enverrons, bien encore”^{5*}. Người bồi bàn đang phục vụ lúc đó nghe thấy cuộc đối thoại đó kể lại với tôi, trong cuộc vận động ủng hộ hiến pháp đế quốc, anh ta là lính tình nguyện do tôi chỉ huy”.

Trong khi Si-li bị trục xuất, hành lý của ông đã biến đi một cách bí mật và không tìm thấy nữa.

“Làm thế nào mà những thứ ấy có thể đột nhiên biến mất ở Ha-vơ trong đồng hành lý lộn xộn ở toa những người di cư Đức (ở Ba-lơ chúng tôi bị *Clen-cơ*, phái viên về di cư, giam vào toa xe ấy, ông ta được nhà cầm quyền Liên bang cử đưa chúng tôi đến Ha-vơ mà tất cả hành lý của những người lưu vong và những người di cư đều để lẫn lộn với nhau, thì cho tới nay vẫn còn là điều bí ẩn; điều đó có thể xảy ra *như vậy chỉ là nhờ vào danh sách những người lưu vong và bản kê khai đồ đạc của họ*. Có lẽ vị lãnh sự Thụy Sĩ ở Ha-vơ, nhà buôn *Van-ne*, biết việc này rõ hơn, chúng tôi bị

1* – tai của cấp trên

2* – thủ trưởng

3* – không có sự so sánh

4* “Thưa ngài nam tước, ngài còn nhiều người lưu vong ở đây chẳng?”
“Không ít, thưa công chúa”.

5* – “tuy rằng chúng tôi đã tổng đi rất nhiều. Về mặt này, ông Đruy-ê đã làm tất cả những gì có thể làm được, và nếu chúng tôi sẽ nhận được thêm những khoản tiền mới thì chúng tôi tổng đi nhiều nữa”.

đưa đến chỗ ông ta để giải đi xa nữa. Ông ta hứa sẽ bồi thường đầy đủ. Về sau, Đruy-ê chứng thực với tôi lời hứa đó trong bức thư mà tôi đã gửi cho *luật sư Phô-giơ ở Béc-nơ* để biện hộ cho đơn kiện của tôi trước Hội đồng liên bang. Cho tới nay, tôi không được ông ta gửi trả lại bức thư đó, nói chung cũng không được *sự trả lời về tất cả những bức thư mà tôi gửi cho ông ta*. Còn mùa hè năm 1856, tôi nhận được sự khước từ kiên quyết của Hội đồng liên bang mà không đưa ra bất cứ lý do nào cho quyết định ấy...

Nhưng tất cả những cái đó và nói chung tất cả những vụ trục xuất có hiến binh áp giải, có công tay v.v. đều là chuyện vặt vãnh so với những vụ áp giải về tổ quốc những người gọi là những tội phạm nhẹ hơn trong số những người Ba-đen, so với những vụ áp giải được tiến hành một cách hết sức hiền dịu với cái cơ hiệp nghị láng giềng hữu hảo; những người này được cấp giấy thông hành đặc biệt quy định khi về nước phải trình diện nhà cầm quyền địa phương, ở đây đúng là được cơ hội làm nghề nghiệp của mình thì, trái với sự mong đợi của họ, họ phải chuộc tội lỗi bằng bất cứ phương pháp nào. Sự đau khổ của những con người bị giao nộp như vậy (ở đây chính sự giao nộp tội phạm là danh từ thích hợp nhất) chỉ còn chờ đợi nhà viết sử và người trả thù cho mình.

Ta-xít Thuỵ Sĩ nói về Thuỵ Sĩ rằng đáng khen thay cho người nào "không mất đi sự vĩ đại khi người ta chỉ rõ những khuyết điểm của anh ta". Tài liệu để tán dương như vậy thì không thiếu gì. Sự tán dương như vậy không làm hại thể hình của nó... qui aime bien chatie bien^{1*}. Thực vậy, về phía mình, nhìn chung tôi có sự cảm tình không thay đổi đối với Thuỵ Sĩ. Tôi rất thích đất nước và nhân dân này. Luôn luôn sẵn sàng sử dụng vũ khí cũ của mình — được giữ gìn trong đồng đồ đạc gia đình — để bảo vệ truyền thống lịch sử vinh quang và thành quả hiện đại tốt đẹp trong nền kinh tế, trong con mắt tôi, người Thuỵ Sĩ là hoàn toàn đáng kính trọng. Họ đáng được sự cảm tình của người khác, vì bản thân họ đồng tình với cuộc đấu tranh của người khác vì một vận mệnh tốt đẹp hơn. Một nông dân Thuỵ Sĩ buồn phiền về thất bại của cuộc khởi nghĩa ở Nam Đức đã nói rằng "tôi thà rằng để thượng đế của tôi mất đi một cặp thiên thần sủng ái nhất của ngài còn hơn". Có lẽ anh ta không dám mạo hiểm để mất chiếc xe ngựa *của mình* cho sự nghiệp ấy, thà mạo hiểm sinh mệnh mình cộng thêm khẩu súng cổ còn hơn. Như vậy là trong thâm tâm người Thuỵ Sĩ không *trung lập*, tuy rằng họ giữ thái độ trung lập trên cơ sở gia sản thế tập của mình và để bảo vệ gia sản đó. Và chẳng cái vỏ cũ ấy của sự tập trung, che đậy cái hạt nhân tốt của nó, rõ ràng là không chịu đựng nổi sự dầm dáp của tất cả những bàn chân nước

1* – ai yêu mãnh liệt, người đó trừng phạt nghiêm khắc

ngoài — mà thực chất của sự trung lập là ở chỗ này — sẽ nhanh chóng rạn nứt và tan vỡ, và điều đó sẽ làm trong sạch bầu không khí".

Si-li viết như vậy. Trong thập canh của nhà tù ở Béc-nơ, ông không thể gặp được cá nhân Đruy-ê, nhưng đã trao đổi thư từ với ngài ấy. Đối với bức thư trong đó Si-li hỏi về lý do ông bị bắt và yêu cầu cho phép ông tham khảo pháp lý với luật sư Vít-xơ ở Béc-nơ, Đruy-ê đã trả lời *ngày 9 tháng Tư 1852* như sau:

... "Nhà đương cục Giơ-ne-vơ quyết định trục xuất Ngài ra khỏi bang này, ra lệnh bắt Ngài và giải đến Béc-nơ để bộ tôi quản lý, vì Ngài là một trong những người lưu vong hiếu động nhất và định che giấu I. và B. mà Ngài có nghĩa vụ phải báo cáo với nhà đương cục. Vì điều đó và vì việc Ngài tiếp tục ở lại Thuỵ Sĩ có thể làm tổn thương đến *quan hệ quốc tế của Liên bang Thuỵ Sĩ*, nên Hội đồng Liên bang quyết định trục xuất Ngài khỏi biên giới Thuỵ Sĩ v.v.. Vì việc bắt Ngài được tiến hành không nhằm mục đích đưa Ngài ra toà án hình sự hoặc toà án cải tạo của cơ quan cảnh sát mà là *biện pháp thi hành lý do quốc gia*... nên Ngài không cần hỏi ý kiến luật sư. *Ngoài ra, trước khi... cho phép cuộc gặp mặt mà Ngài yêu cầu với ông luật sư Vít-xơ, — tôi muốn biết rõ mục đích của cuộc gặp mặt đó*".

Những bức thư mà sau nhiều lần yêu cầu Si-li rút cục được phép viết cho bạn hữu của mình ở Giơ-ne-vơ, đều phải qua ông Đruy-ê kiểm duyệt trước. Ở một trong những bức thư ấy, Si-li dùng chữ "*Vae victis*"^{1*}. Về điểm này, Đruy-ê viết thư cho ông *ngày 19 tháng Tư 1852* như sau:

"Trong thư ngài gửi cho ông G.^{2*} tôi thấy những chữ "*vae victis*"... phải chăng Ngài muốn nói rằng nhà đương cục Liên bang đối xử với Ngài như đối xử với kẻ chiến bại? Nếu đúng như vậy thì đó là sự kết tội mang *tính chất giả dối* mà tôi phải phản kháng".

Ngày 21 tháng Tư 1852, Si-li trả lời Đruy-ê có toàn quyền như sau:

"Thưa ngài cố vấn Liên bang, tôi không nghĩ rằng nhận xét ấy về những biện pháp được áp dụng đối với tôi đáng bị chỉ trích là *sự quy tội mang tính chất giả dối*; dù sao, sự chỉ trích như thế không thể buộc tôi phải từ bỏ ý nghĩ cho rằng người ta đối xử tàn nhẫn

1* – "Nỗi đau lòng của kẻ chiến bại"

2* – Gia-cô-bi

với tôi; trái lại, tôi thấy rằng câu trả lời như vậy đối với *người bị giam* từ phía người đang giam giữ anh ta, càng tàn nhẫn hơn"^{1*}.

Cuối *tháng Ba 1852*, không bao lâu trước khi Si-li bị bắt và những người lưu vong khác *không phải nghị sĩ* bị trục xuất, tờ "Journal de Genève" phản động đã đăng đủ loại chuyện thêu dệt nhằm nhĩ về những âm mưu cộng sản được sắp đặt ở Giơ-ne-vơ trong giới lưu vong Đức: ông Trô-gơ tưởng như đang bận thu hồi cái tổ cộng sản Đức có một ổ 84 con rồng cộng sản v.v.. Bên cạnh tờ báo phản động Giơ-ne-vơ ấy, tên bồi bút ở Béc-nơ thuộc bọn nghị sĩ- nên nghĩ rằng đó là **Các Phô-gtơ**, vì trong "Tác phẩm chính", ông ta đã nhiều lần tự lấy cái vinh dự là người cứu vớt Thụy Sĩ khỏi bọn lưu vong cộng sản – đã tung ra những tin nhằm nhĩ tương tự trên tờ "Frankfurter Journal" với bút danh "ss". Chẳng hạn ông ta viết rằng Ủy ban trợ giúp những người lưu vong Đức ở Giơ-ne-vơ – gồm những người cộng sản – đã bị lật đổ do sự phân phối không đúng đắn số tiền cứu tế và bị thay thế bằng ủy ban gồm những người ngay thẳng (các nghị sĩ), những người này chẳng bao lâu nữa sẽ chấm dứt được tất cả những sự lộn xộn ấy; rồi tiếp đó là việc nhà độc tài Giơ-ne-vơ, xem ra, cuối cùng đã phục tùng mệnh lệnh của các uỷ viên Liên bang, cho nên cách đây không lâu hai người lưu vong Đức thuộc phái cộng sản đã bị bắt và bị giải từ Giơ-ne-vơ về Béc-nơ, v.v.. Tờ "Schweizerische National – Zeitung"⁵⁹⁸ xuất bản ở Ba-lơ đã đăng trong *№72* ra *ngày 25 tháng Ba 1852* bài trả lời từ Giơ-ne-vơ, trong đó đặc biệt có viết:

"Bất cứ người nào không mang thành kiến cũng đều biết rằng, giống như Thụy Sĩ chỉ chăm lo củng cố và phát triển theo hiến pháp các thành quả chính trị của mình, số ít người lưu vong Đức còn sót lại ở địa phương chỉ bận tâm kiếm miếng bánh mì hàng ngày và làm những việc hoàn toàn vô hại, rằng những câu chuyện thần thoại về chủ nghĩa

1* - Trong nguyên bản, thư từ giữa Si-li và Đrui-ê đều được dẫn ra bằng tiếng Pháp.

cộng sản chỉ là do các nhà ảo tưởng tiểu thị dân và *bọn tố giác* có sự quan tâm chính trị hoặc cá nhân, tưởng tượng ra".

Xác định phóng viên nghị viện ở Béc-nơ của tờ "Frankfurter Journal" là một trong những *kẻ tố giác* ấy, bài báo kết thúc như sau:

"Những người lưu vong ở địa phương cho rằng trong hàng ngũ của họ có không ít cái gọi là những "người chính trực" thuộc các nhân vật kiểu "Bi-déc-man và Bát-xơ-man đế quốc" thời xưa, họ tưởng nhớ nổi thịnh của tổ quốc⁵⁹⁹, nên mưu toan dùng những hành động đề tiện phản động như thế để cầu xin ân huệ của các vua chúa nước họ; người ta mong họ mau chóng thượng lộ bình an để họ không còn làm mất danh dự của những người lưu vong và của chính phủ đã cho họ chốn nương thân".

Các nghị sĩ chạy trốn biết rằng *Si-li* là tác giả bài báo ấy. Bài báo được đăng trên tờ "National-Zeitung" ở Ba-lơ *ngày 25 tháng Ba*, còn *ngày 1 tháng Tư* thì xảy ra việc vô cớ bắt giữ Si-li. "Tantaene aminis celestbus irae?"^{1*}

2. ĐẠI HỘI CÁCH MẠNG Ở MUỐC-TANH

Sau vụ tai tiếng ở Muốc-tanh, những người lưu vong Đức ở Giơ-ne-vơ, trừ *các nghị sĩ* chạy trốn, đã trao cho "Bộ tư pháp và cảnh sát tối cao Liên bang" một bản kháng nghị. Tôi chỉ trích dẫn trong đó một đoạn:

"... Các vua chúa không thoả mãn với những thành tựu ngoại giao trước đây của mình. Để quét sạch những người lưu vong khỏi Thụy Sĩ, họ giờ vũ khí ra dọa nước này, dọa sẽ chiếm lĩnh nó bằng quân sự; Viện liên bang đã tỏ ra lo ngại về mối nguy ấy ít ra là trong một văn kiện chính thức. Vì tiếp đó diễn ra những vụ trục xuất, lần này thì người ta tin vào Đại hội Muốc-tanh nổi tiếng và người ta quả quyết rằng do cuộc tìm kiếm liên quan đến đại hội ấy mà đã tìm ra dấu vết hoạt động tuyên truyền chính trị. Những sự thực hiện có đã dứt khoát bác bỏ lời quả quyết ấy... Về mặt pháp luật, chỉ cần chỉ ra rằng chỉ nơi nào có nền pháp trị thì *mới có thể có những sự tròng trệ*

1* - "Cơn giận dữ của các linh hồn không thần thánh có ghê gớm đến thế không?" (Viéc-gi-lơ, "Ê-nây-đơ, quyển thứ nhất").

hợp pháp đối với những hành vi đáng trừng phạt do pháp luật quy định; điều đó cũng áp dụng đối với việc trục xuất ra khỏi đất nước, nếu sự trục xuất này không công khai biến thành hành động chuyên quyền của cảnh sát. Hoặc có thể là trong trường hợp này, đối với chúng tôi, người ta đưa ra ý nghĩa của *ngoại giao* và nói rằng phải hành động như thế là do *sự tôn trọng đối với các cường quốc nước ngoài*, để giữ gìn quan hệ quốc tế? Nếu như vậy thì hãy để *hình chữ thập của Liên bang Thụy Sĩ* ẩn đằng sau *hình trăng lưỡi liềm của Thổ Nhĩ Kỳ*, vầng trăng này sẽ giơ đòi sừng của nó ra cho anh mặt thám trụ nã những người lưu vong khi anh ta gõ cửa của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ, chứ nó không nhận tội; nếu như vậy thì hãy cấp cho chúng tôi hộ chiếu đi *Thổ Nhĩ Kỳ* và sau khi đóng cửa sau lưng chúng tôi, xin hãy trao chiếc chìa khoá của lâu đài của nền tự do Thụy Sĩ cho *Liên minh thần thánh*, làm dấu hiệu của *feudum oblatum*^{1*}, để từ nay sẽ mang nó như tấm huy chương quan hầu cận của liên minh này với câu châm ngôn: *Finis Helvetiae!*^{2**}.

3. SÉC VAN

Qua thư của I-ô-han Phi-líp Béch-cơ, tôi thấy rằng "bạn chiến đấu của Mác", hoặc "bạn chiến đấu" của Séc-van không thể là ai khác ngoài ông Stê-khơ hiện cư trú ở Luân Đôn. Trước đây tôi không có vinh dự quen biết cá nhân ông, tuy nghe người ta nói nhiều lời ca tụng tài năng nghệ thuật lớn và toàn diện của ông. Nhờ thư của Béch-cơ mà chúng tôi được gặp ông. Dưới đây là bức thư của "bạn chiến đấu" của tôi gửi cho tôi.

"*Luân Đôn* ngày 17 Xắc-xếch-xtrít, U-ô-et Xan-tơ-ran,

Ngày 14 tháng Mười 1860.

Ngài Mác thân mến!

Tôi vui lòng giải thích cho Ngài đôi điều về vấn đề Niu-đgien-tơ (Séc-van – Crê-me) được nhắc tới trong cuốn sách nhỏ của Phô-gtơ mà Ngài đã có nhã ý gửi cho tôi một số đoạn

1* – sự phụ thuộc kiểu thái ấp

2* – Sự cáo chung của Hen-vê-ti!

trích. Tháng Ba 1853 tôi đến Gio-ne-vơ sau chuyến du lịch ở I-ta-li-a trở về. Cũng gần khoảng thời gian ấy, Niu-đgien-tơ đến Gio-ne-vơ, tôi quen ông ta trong một xưởng in đá. Bấy giờ tôi chỉ vừa mới làm công việc in đá, và vì Niu-đgien-tơ có những hiểu biết rộng rãi trong công việc này và là một người rất sốt sắng, kiên nghị, cần cù, nên tôi chấp nhận đề nghị của ông ta là cùng làm việc với ông ta ở một xưởng. Sự thuật lại của Phô-gtơ về những âm mưu của Niu-đgien-tơ ở Gio-ne-vơ gần phù hợp với điều mà tôi nghe thấy về âm mưu đó, nếu như bỏ qua sự phóng đại quen thuộc của các tác giả viết tiểu phẩm hoặc soạn giả, những tập sách nhỏ. Thành công cực kỳ không đáng kể. Tôi chỉ biết có một người trong bọn ấy, một thanh niên hoà nhã và cần cù nhưng lại cực kỳ nhệ nhạ; vì anh ta là một trong những nhân vật chủ yếu nên rất dễ hiểu rằng trong đoàn người ấy N. là tất cả, còn những người khác chỉ là những thính giả hiểu kỳ mà thôi. Tôi tin chắc rằng những bản in đá cũng như những bản in đồng đã không được làm ra, nhưng nghe thấy N. nói về những việc như vậy. Những người quen của tôi phần lớn là người Gio-ne-vơ và người I-ta-li-a. Tôi biết rằng sau này Phô-gtơ và những người lưu vong Đức khác, mà tôi không quen biết, cho rằng tôi là gián điệp. Nhưng tôi không lo lắng về điều đó, - chân lý bao giờ cũng sẽ phơi bày ra; thậm chí tôi không trách họ, cần biết rằng rất dễ nảy sinh ra sự hoài nghi, vì không thiếu gì gián điệp và không phải bao giờ cũng dễ nhận biết chúng. Tôi hầu như tin chắc rằng Niu-đgien-tơ không trao đổi thư từ với ai ở Gio-ne-vơ sau khi bị trục xuất khỏi đây. Về sau tôi nhận được hai bức thư của ông; ông yêu cầu tôi đi Pa-ri và nhận việc hoàn thành một công việc về môn kiến trúc thời trung cổ, việc đó tôi đã làm. Ở Pa-ri, tôi thấy Niu-đgien-tơ đứng ngoài chính trị và không trao đổi thư từ với ai. Dựa trên tình hình nói trên dù sao cũng có thể rút ra kết luận rằng người ta có thể ám chỉ "*bạn chiến đấu của Mác*" là tôi vì tôi không trông thấy, cũng như không nghe thấy nói đến *một người nào khác được Niu-đgien-tơ mời đến Pa-ri*. Đương nhiên, ông Phô-gtơ không thể biết rằng tôi chưa bao giờ tiếp xúc – trực tiếp hoặc gián tiếp – với Ngài và có thể sẽ vĩnh viễn không được tiếp xúc với Ngài, nếu như tôi không rời chỗ ở sang Luân Đôn, tại đây nhờ cơ hội ngẫu nhiên mà được vinh dự làm quen với Ngài và gia đình khả kính của Ngài.

Xin gửi tới Ngài và các quý bà trong gia đình Ngài lời chào nhiệt thành.

H.C. Stê-khơ"

4. VỤ ÁN NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN Ở KHUÊN

Những tin tức mà tôi dẫn ra trong chương này về đại sứ quán

Phổ ở Luân Đôn và thư từ của nó với nhà đương cục Phổ ở lục địa trong thời gian diễn ra vụ án ở Khuên là dựa trên bản tự thú của Hiéc-sơ hiện đang ngồi ở nhà tù Hăm-buốc do A.Vi-lích đăng với nhan đề "*Nạn nhân của hoạt động gián điệp, bản biện hộ của Vin-hem Hiéc-sơ*"⁶⁰⁰ trên tờ "New-Yorker Criminal-Zeitung" (tháng Tư 1853); Hiéc-sơ là công cụ chính của trung uý cảnh sát Grây-phơ và của tên mật vụ của Grây-phơ là Phlơ-ry, được sự uỷ nhiệm và dưới sự lãnh đạo của những tên này, Hiéc-sơ đã dựng lên tập biên bản *giả* mà Sti-bơ đưa ra trong vụ án những người cộng sản.

"Bộ ba trùm cảnh sát — có cố vấn cảnh sát Sti-bơ ở Phổ, ngài Cu-be-sơ nào đó ở Áo và cảnh sát trưởng Hun-tên ở Brê-men cùng nhau theo dõi các hội liên hiệp Đức" (trong thời gian có cuộc triển lãm công nghiệp).

Hiéc-sơ mô tả như sau về cuộc gặp mặt đầu tiên của mình với bí thư đại sứ quán ở Phổ ở Luân Đôn *An-béc-xơ*, cuộc gặp mặt này sỗ dĩ diễn ra là vì ông ta ngỏ ý phục vụ với tư cách mouchard^{1*}.

"Các cuộc gặp mặt mà đại sứ quán Phổ ở Luân Đôn chỉ định cho các nhân viên bí mật của họ, đã diễn ra tại một địa điểm thích hợp với việc đó. Quán rượu "Gà trống", phố Phlút, quán Têm-pơ, ít thu hút sự chú ý của mọi người, nên nếu như con gà trống vàng với biển đề tên hiệu không chỉ lối vào thì người không chuyên tâm tìm nó khó bề phát hiện được. Qua lối đi hẹp, tôi vào bên trong quán rượu Anh cổ xưa ấy, và khi tôi hỏi về ông Sác-lơ thì có một ngài thân hình chắc nịch ra mắt tôi với cái tên kể trên, ông ta mỉm cười dễ mến, hết như chúng tôi đã quen biết nhau từ lâu. Vị đại diện ấy của đại sứ quán tỏ ra rất vui tính, và rượu cô-nhắc pha nước đã nâng cao tâm trạng ấy, nên ông ta dường như nhất thời quên mất mục đích của cuộc gặp gỡ của chúng tôi. Ông Sác-lơ, hoặc như ông tự giới thiệu ngay quý danh thật của ông là *bí thư sứ quán An-béc-xơ*, trước hết giải thích cho tôi rằng ông ta vốn không liên quan gì đến công việc của cảnh sát, nhưng sẵn sàng nhận làm trung gian... Cuộc gặp mặt thứ hai là tại phòng ở lúc đó của ông ta, phố Bru-éc, số 39, công viên Gôn-den; ở đây lần đầu tiên tôi quen biết trung uý cảnh sát Grây-phơ. Đó

là một con người thuộc mẫu thuần tuý cảnh sát, người tâm thước, tóc đen, với bộ râu cùng mẫu cắt tia par ordre^{1*} — ria ở môi ăn liền với bộ râu quai nón — và cằm nhọn. Mắt ông ta không ánh lên một chút trí tuệ nào, lại tỏ ra rất căng thẳng do thường xuyên tiếp xúc với bọn bịp bợm và bọn móc túi... Ông Grây-phơ ban đầu cũng tự giới thiệu với tôi bí danh của ông ấy, giống như ông An-béc-xơ là ngài Sác-lơ. Nhưng ngài Sác-lơ mới ít ra nghiêm túc hơn; xem ra ông cho rằng trước hết cần kiểm tra tôi... Khi cuộc gặp mặt đầu tiên của chúng tôi kết thúc, ông giao cho tôi nhiệm vụ thảo một báo cáo chính xác với ông về toàn bộ hoạt động của những người lưu vong cách mạng... Lần gặp mặt sau, ông Grây-phơ giới thiệu với tôi, như cách gọi của ông ta, "cánh tay phải của mình", và như ông ta nói thêm, "tức là một trong những mật vụ của ông ta". Đó là một thanh niên người cao, áo quần bảnh bao, cũng lại được giới thiệu với tôi là ngài Sác-lơ; xem ra, tất cả cảnh sát chính trị đều dùng bí danh ấy. Như vậy là hiện nay tôi phải giao thiệp với ba ngài Sác-lơ. Nhưng ông Sác-lơ mới đến xem ra đáng chú ý hơn: theo lời anh ta, "anh ta trước đây cũng là nhà cách mạng; nhưng chỉ cần đi cùng anh ta là việc gì cũng có thể làm được". Grây-phơ rời Luân Đôn một thời gian, và khi từ biệt Hiéc-sơ "nói thẳng ra rằng ngài Sác-lơ mới sẽ thường xuyên hành động theo sự uỷ nhiệm của ông ta, rằng tôi có thể hoàn toàn yên trí tin ở anh ta, mặc dù có cái tôi thấy lạ lùng; tôi không nên ngại ngần về điều đó. Để làm sáng tỏ hơn, ông ta nói thêm: "Nội các có khi cần cái này hoặc cái khác; *điều chủ yếu là các văn kiện; nếu như không kiếm được chúng thì phải tìm cách nào đó để giúp nổi khổ đó!*"

Hiéc-sơ kể tiếp rằng Sác-lơ cuối cùng là *Phlơ-ry*,

"trước kia làm công tác phát hành của tờ "Dresdner Zeitung", là tờ báo xuất bản do L.Vít-tích chủ biên. Ở Ba-den, dựa vào giấy giới thiệu kiếm được ở Dắc-den, ông ta được chính phủ lâm thời phái đến Pphan-xơ, để tiến hành ở đây công tác tổ chức dân quân v.v.. Khi người Phổ tiến vào Các-lơ-xru-ê ông ta bị bắt làm tù binh v.v.. Cuối năm 1850 hoặc đầu năm 1851, ông ta lại đột nhiên xuất hiện ở Luân Đôn. Ở đây, ngay từ đầu ông ta đã lấy họ là Đơ Phlơ-ry và với tên họ ấy ông ta đã trà trộn vào những người lưu vong, ít ra nhìn bề ngoài ông ta sống rất khó khăn. Ông ta sống cùng với họ trong trại lưu vong do Uỷ ban lưu vong xây dựng và nhận sự cứu tế. Đầu mùa hè năm 1851, đời sống của ông ta đột nhiên được cải thiện, ông ta dọn sang ở một buồng khá tốt và cuối năm đó kết hôn với con gái của một kỹ sư người Anh. Về

1* — gián điệp

1* - theo kiểu quan chức

sau chúng tôi gặp ông ta làm mật thám ở Pa-ri... Họ thật của ông ta là *Crau-dơ*; ông ta là con của người thợ đánh giấy Crau-dơ mà 15–18 năm trước đây đã bị xử tử ở Đre-xden cùng với Bắc-hộp và Bê-dê-léc trong vụ giết bá tước phu nhân Sem-béc-gơ và cô hầu của bà ở Đre-xden... Phlơ-ry-Crau-dơ thường kể với tôi rằng ngay từ khi 14 tuổi ông ta đã làm việc cho các chính phủ".

Đây chính là nhân vật *Phlơ-ri-Crau-dơ* mà Sti-bơ đã chỉ tên và tuyên bố tại phiên toà công khai của toà án Khuên nhân vật này là mật thám của Phổ trực tiếp dưới quyền Grây-phơ. Trong "Vạch trần vụ án những người cộng sản" tôi đã nói về Phlơ-ry⁶⁰¹.

"Phlơ-ri, tuy không phải là Phlơ đơ Ma-ri [Fleur de Marie] trong đám gái giang hồ cảnh sát, nhưng vẫn là đoá hoa^{1*}, nó sẽ nở ra, tuy chỉ là hoa fleurs-de-lys¹⁾".

Điều đó đã diễn ra trên mức độ nhất định. Mấy tháng sau vụ án những người cộng sản ở Khuên, Phlơ-ry bị xử mấy năm hulk^{2*} ở Anh trong một vụ giả mạo.

"Với tư cách cánh tay phải của trung uỷ cảnh sát Grây-phơ – Hiéc-sơ nói tiếp – "Khi Grây-phơ vắng mặt, Phlơ-ry trực tiếp liên hệ với đại sứ quán Phổ".

Liên hệ với Phlơ-ry có Mác Roi-tơ, kẻ đã đánh cắp thư của Ô-xvan-đơ Đít-xơ bấy giờ là người giữ hồ sơ lưu của liên minh Sáp-phơ- Vi-lích.

"Sti-bơ"- Hiéc-sơ nói: "nhờ mật thám của Ha-dơ-phen, công sứ Phổ ở Pa-ri, tức *Séc-van* nổi tiếng xấu xa, được biết về những thư từ mà bản thân *Séc-van* viết gửi Luân Đôn, và thông qua Roi-tơ mà Sti-bơ đã tìm ra nơi để thư ấy, sau đó Phlơ-ry,

1) Fleur de lys (hoa huệ) trong ngôn ngữ dân gian Pháp được dùng để chỉ những chữ cái T.F (travaux forcés-công việc của tù khổ sai) được xăm trên thân thể những kẻ tội phạm. (*Chú thích của Ăng-ghe-n cho lần xuất bản năm 1885 tác phẩm "Sự phòng ngừa"*).

1* Chơi chữ: "fleur" là hoa, Fleury là họ.

2* – làm công việc khổ sai trên các chiếc tàu được trang bị làm nhà tù.

được Sti-bơ uỷ thác và với sự giúp đỡ của Roi-tơ đã đánh cắp những thư ấy. Đây chính là những bức thư bị đánh cắp mà ông Sti-bơ đã không ngại ngừng công khai công bố làm bằng chứng trước toà án bồi thẩm ở Khuên, coi đó là "những bức thư có thật"... Mùa thu năm 1851 Phlơ-ry ở Pa-ri cùng với Grây-phơ và Sti-bơ, trước đó, Sti-bơ – qua sự môi giới của bá tước Ha-dơ-phen – đã bắt liên lạc được ở đây với *Séc-van* ấy, hoặc nói đúng hơn, với *I-ô-dép Crê-mơ*, Sti-bơ hy vọng nhờ con người này có thể dựng lên một vụ âm mưu. Nhằm mục đích đó, các ông Sti-bơ, Grây-phơ, Phlơ-ry cũng như hai nhân viên mật vụ khác, là Béch-cơ-man¹⁾ và Dôm-me, đã mở cuộc thảo luận ở Pa-ri với tên gián điệp Pháp nổi tiếng *Luy-xiêng Đơ-la-ốt* (lấy họ là Đuy-prê) và trao cho *Séc-van* những chỉ thị tương ứng, theo đó *Séc-van* phải bịa ra thư từ của mình. Phlơ-ry rất hay tỏ ý thích thú trước mặt tôi về cuộc đấu tranh khiêu khích ấy giữa Sti-bơ và *Séc-van*; và nhân vật Smít xuất hiện trong một hiệp hội – do *Séc-van* thành lập theo *lệnh của cảnh sát* – với tư cách bí thư của một liên minh cách mạng ở Xto-ra-xbước và Khuên, – Smít ấy không phải ai khác mà chính là ngài Đơ Phlơ-ri... Không nghi ngờ gì nữa, Phlơ-ry là mật thám duy nhất của cơ quan mật thám Phổ ở Luân Đôn và tất cả những đề nghị được đề xuất với đại sứ quán Phổ đều qua bàn tay của ông ta... Các ngài Grây-phơ và Sti-bơ nhiều khi tin cậy ý kiến của ông ta". Ngài Phlơ-ry báo cho Hiéc-sơ: "Ngài Grây-phơ đã nói với ông nên hành động như thế nào... Cục cảnh sát trung ương ở Phran-phước cũng có ý kiến rằng trước hết cần *bảo đảm sự tồn tại của cảnh sát chính trị*, còn như chúng ta đạt được điều đó bằng thủ đoạn nào đó, thì là điều không quan trọng, cuộc âm mưu tháng Chín ở Pa-ri *đã là một bước đi theo hướng đó*".

Grây-phơ trở về Luân Đôn, tỏ ý hài lòng về công tác của Hiéc-sơ, nhưng yêu cầu nhiều hơn, tức là cung cấp các báo cáo về

"*các hội nghị bí mật của Đồng minh thuộc đảng của Mác*". "Chúng ta phải – vị trung uỷ cảnh sát nói khi kết thúc – à tout prix^{1*} cung cấp các báo cáo về các hội

1) Cũng chính nhân vật này đã xuất hiện trong vụ án với cái tên Ác-nim (*Chú thích của Mác cho lần xuất bản năm 1875 tác phẩm "Sự phòng ngừa"*, phụ lục № 4 này được đưa vào lần xuất bản ấy làm điểm bổ sung).

Bây giờ và trong nhiều năm tiếp theo, ông ta là phóng viên của tờ "Kölnische Zeitung". (*Chú thích của Mác cho lần xuất bản năm 1885 tác phẩm "Sự phòng ngừa"*).

ng nghị của Đồng minh; hãy tuý ý làm việc đó, nhưng không bao giờ được vượt giới hạn của tính xác thực, bản thân tôi quá *bận rộn*. Ông Đơ Phlơ-ry sẽ thay mặt tôi làm việc với anh".

Theo lời Hiéc-sơ, Grây-phơ bấy giờ đang bận việc trao đổi thư từ với Mô-pa qua Đơ-la-ốt – Đuy-prê làm trung gian, để bố trí cuộc vượt ngục giả của Séc-van và Ghi-pe-rích khỏi nhà tù Xanh Pê-la-giơ. Do Hiéc-sơ khẳng định rằng

"Mác không thành lập Hội liên hiệp trung ương mới nào của Đồng minh ở Luân Đôn... Grây-phơ bàn định với Phlơ-ri rằng trong tình hình đó chúng ta tạm thời tự mình soạn thảo các báo cáo về các hội nghị của Đồng minh; ông ta, Grây-phơ, tự đảm nhiệm việc bảo đảm tính đúng thực của những văn kiện ấy, nên những điều mà ông ta đề nghị dù sao cũng được chấp nhận".

Thế là Phlơ-ry và Hiéc-sơ bắt tay vào việc. Theo lời Hiéc-sơ, "nội dung" các báo cáo của họ về các hội nghị bí mật của Đồng minh do tôi triệu tập,

"là: tổ chức các cuộc thảo luận, kết nạp những hội viên mới của Đồng minh, thành lập các chi bộ mới ở nơi nào đó tại Đức, thành lập tổ chức mới nào đó, nhưng bạn hữu của Mác bị giam ở Khuên lúc thì có, lúc thì không có hy vọng được trả tự do, nhận thư từ của những người này hoặc người khác v.v.. "Về điểm cuối này Phlơ-ry thường lưu ý đến những người Đức đã bị tình nghi do kết quả điều tra về chính trị, hoặc do họ đã biểu hiện bằng cách nào đó tính tích cực về chính trị; nhưng Phlơ-ry rất thường phải nhờ tới sự giúp đỡ của trí tưởng tượng, và khi ấy, trong Đồng minh sẽ xuất hiện những hội viên mà tên họ có lẽ hoàn toàn không tồn tại trên thế gian này. Nhưng ông Grây-phơ cho rằng các báo cáo đều tốt và cần soạn thảo ra chúng à tout prix. Một phần những báo cáo ấy Phlơ-ry soạn thảo một mình, nhưng phần lớn trường hợp tôi phải giúp ông ta, vì ngay những sự ghi chép vụn vặt ông ta cũng không viết được theo thể văn cần có. Những báo cáo đã ra đời như vậy, còn ông Grây-phơ đã không hề do dự bảo đảm tính đúng thực của chúng".

Hiéc-sơ kể tiếp về việc ông ta và Phlơ-ry đã đến thăm A. Ru-gơ ở Brai-tơn và Ê-đu-a Mây-en (ký ức Tô-bi) như thế nào và đã đánh cắp như thế nào thư từ và các bản tin in đá của họ. Nhưng chưa

hết, Grây-phơ- Phlơ-ry đã thuê máy in đá của nhà in Xtan-bơ-ri ở Phét-téc-lai-nơ và cùng với Hiéc-sơ làm giả các tờ "truyền đơn cấp tiến". Ở chỗ này có cái cho "nhà dân chủ" *Ph.Xa-ben* rút ra bài học. Hãy để ông ta nghe:

"Tờ truyền đơn thứ nhất do tôi" (Hiéc-sơ) "làm ra, theo đề nghị của Phlơ-ry, được gọi là *"gửi giai cấp vô sản nông thôn"*; tờ truyền đơn này đã có nhiều bản in tốt. Grây-phơ đã gửi những tờ truyền đơn đó đi như là những truyền đơn của Đảng của Mác, và để cho giống thực hơn, ông ta đã thêm vào những báo cáo của cái gọi là những hội nghị của Đồng minh – những người báo cáo được làm giả bằng phương pháp trên – mấy lời về việc phân phát tờ truyền đơn ấy để giải thích nguồn gốc của nó. Nhưng sản phẩm giả như thế cũng được làm ra với nhan đề "Gửi những người con của nhân dân"; tôi không biết, lần này thì ông Grây-phơ gán nó cho ai. Sau đó, trò xiếc này ngừng lại, chủ yếu vì nó ngốn mất nhiều tiền"

Sau cuộc chạy trốn vờ vịt khỏi Pa-ri, Séc-van đến Luân Đôn; ở đây ban đầu ông ta làm việc cho Grây-phơ với số tiền công mỗi tuần 1 pao xtéc-linh 10 si-linh;

"để đổi lại, ông ta phải cung cấp các báo cáo về quan hệ giữa những người lưu vong Đức và Pháp".

Bị công khai vạch mặt trong Hội công nhân là mouchard và bị khai trừ khỏi Hội này.

"Séc-van, do những nguyên nhân hoàn toàn tự nhiên, đã mô tả những người lưu vong Đức và cơ quan báo chí của họ là hoàn toàn không đáng chú ý, vì về mặt này ông ta đã mất đi mọi khả năng cung cấp bất kỳ tin tức nào. Nhưng ông ta cung cấp cho Grây-phơ báo cáo về đảng cách mạng không phải Đức, trong báo cáo này ông ta vượt cả Muyn-hau-den".

Tiếp đó Hiéc-sơ quay lại vụ án Khuên.

"Người ta đã nhiều lần chất vấn ông Grây-phơ về nội dung những báo cáo của Đồng minh, do Phlơ-ry soạn ra được sự uỷ nhiệm của ông vì những báo cáo ấy có liên quan đến vụ án ở Khuên... Về việc này đã có những nhiệm vụ được ấn định. Chẳng hạn, có một lần Mác đã trao đổi thư từ với *Lát-xan* theo địa chỉ "quán rượu", và ngài chương lý quốc gia muốn có những cuộc truy tìm tương ứng... Yêu cầu của vị chương lý quốc gia càng tỏ ra ngày thơ khi ông tỏ ý mong muốn được giải thích chính xác về sự giúp đỡ tiền

1* - bằng bất cứ giá nào

bạc của Lát-xan ở Đuyt-xen-đoóc-phơ cho Ruê-dơ bị tù ở Khuên... bởi vì số tiền ấy tưởng như sự thực phải được gửi từ Luân Đôn”.

Chương III, phần 4, có nhắc tới việc Phlơ-ry theo sự uỷ nhiệm của Hin-ken-đây, phải tìm kiếm ở Luân Đôn một người sẽ thay mặt cho nhân chứng H^{1*} bị mất tích trước toà án bồi thẩm ở Khuên v.v.. Sau khi trình bày tỉ mỉ tình tiết này, Hiéc-sơ nói tiếp:

“Đồng thời ông Sti-bơ đòi kỳ được Grây-phơ phải ra sức kiểm lấy bản gốc các biên bản hội nghị của Đồng minh mà ông ta đã gửi Phlơ-ri nói rằng nếu có trong tay nhân lực thì ông ta có thể thảo ra biên bản thực thụ. Nhưng muốn thế thì cần có *bút tích của mấy người bạn của Mác*. Tôi lợi dụng ý kiến đó và, về phía mình, bác bỏ đề nghị đó; Phlơ-ry chỉ nêu lại vấn đề này một lần nữa, rồi không nhắc tới nữa. Khoảng thời gian ấy, ông Sti-bơ đột nhiên xuất hiện ở Khuên mang theo biên bản hội nghị của Hội liên hiệp trung ương của Đồng minh họp tại Luân Đôn... Tôi càng ngạc nhiên khi nhận thấy trong các đoạn trích yếu biên bản mà các báo đưa tin đã đăng lại hầu như từng chữ các báo cáo mà Phlơ-ry làm giả theo sự uỷ nhiệm của Grây-phơ. Như vậy là ông Grây-phơ hoặc bản thân ông Sti-bơ làm giả bằng cách nào đó *bản sao, vì cái gọi là bản gốc của biên bản giả có mang chữ ký, còn biên bản mà Phlơ-ry đưa ra thì chưa hề có chữ ký*. Về hiện tượng đáng ngạc nhiên ấy, tôi chỉ nghe thấy chính Phlơ-ry nói rằng: “Sti-bơ có thể làm được tất cả, câu chuyện này được hoan hô nhiệt liệt!””.

Khi Phlơ-ri biết rằng “Mác” đưa ra toà án trị an Luân Đôn bằng chứng về chữ ký thực của những người đã ký vào biên bản (Líp-nếch, Rinh-xơ, Un-mơ v.v.) thì ông ta viết bức thư sau:

“*Kính gửi Tổng cục cảnh sát tối cao vương quốc ở Béc-lin, Luân Đôn, d.d^{2*}*”. Mác và bạn của ông ta định chứng minh chữ ký ký trong biên bản của Đồng minh là giả mạo, chuẩn bị đưa ra bằng chứng tại đây về chữ ký để đưa ra toà án bồi thẩm với tính cách chữ ký đúng thực. Bất cứ ai am hiểu luật pháp Anh cũng biết rằng về mặt này những luật pháp ấy đều có thể bị xoay chuyển theo nhiều phía, rằng ai bảo đảm tính đúng thực, thì về thực chất, bản thân người đó không đưa ra sự bảo đảm thực sự. Người cho tin tức này không sợ nói ra tên mình đối với sự việc mà trong đó vấn đề

1* – Hau-pơ-tơ

2* – de dato – nghĩa là: viết ngày

là xác định chân lý. *Béch-cơ*, phố Li-sphin, số 4”... “Phlơ-ry biết địa chỉ của nhà lưu vong Đức Béch-cơ sống cùng một ngôi nhà với *Vi-lích*, nên sau này người ta có thể dễ nghi ngờ Vi-lích, địch thủ của Mác, là người viết thư... Phlơ-ry đã phần khởi trước về sự tai tiếng tất sẽ phải nảy sinh từ việc đó. Ông ta nghĩ rằng bức thư đương nhiên sẽ được đọc rất muộn, cho nên sự hoài nghi về tính đúng thực của nó sẽ chỉ có thể được giải quyết khi vụ án đã kết thúc... Thư có chữ ký của Béch-cơ gửi cho *Tổng cục cảnh sát ở Béc-lin*, nhưng không được gửi đi Béc-lin, mà được gửi cho “quan chức cảnh sát Gôn-hai-mơ, khách sạn Phran-phuốc ở Khuên”, *còn phong bì của bức thư này thì được gửi đến Béc-lin với mẫu giấy có ghi mấy dòng chữ: “Ông Sti-bơ ở Khuên sẽ trình bày tường tận về ý nghĩa việc này”*... Ông Sti-bơ không lợi dụng bức thư: ông ta không thể lợi dụng nó, vì ông ta buộc phải từ bỏ toàn bộ *tập biên bản*”.

Về tập biên bản này, Hiéc-sơ nói rằng:

“Ông Sti-bơ nói” (trước toà án) “rằng tập biên bản này đã nằm trong tay ông ta hai tuần trước đây và ông đã suy nghĩ kỹ trước khi sử dụng nó; ông nói tiếp rằng ông nhận nó từ tay người đưa tin tên là Grây-phơ... Vậy là Grây-phơ đã đem tác phẩm của mình đưa cho ông ta, nhưng làm thế nào để cái đó ăn khớp với thư của ông *Gôn-hai-mơ*? Ông Gôn-hai-mơ viết cho đại sứ quán: “Tập biên bản được đưa ra muộn là chỉ cốt để ngăn ngừa thành công của những câu chất vấn có thể có về tính đúng thực của nó”... Thứ sáu, ngày 29 tháng Mười, ông Gôn-hai-mơ đến Luân Đôn. Vấn đề là ông Sti-bơ hiểu rằng không thể biện hộ cho tính đúng thực của tập biên bản; do đó ông ta cử sứ giả đi bàn bạc tại chỗ với Phlơ-ry về vấn đề đó; vấn đề được đặt ra là liệu có thể bằng cách nào đó kiếm được bằng chứng về tính đúng thực đó. Cuộc thương lượng không đem lại kết quả và không đạt được gì cả, ông ta ra đi, để lại Phlơ-ri trong cảnh tuyệt vọng: để không làm mất thanh danh của các quan chức cảnh sát cao cấp, trong tình hình đã xảy ra, Sti-bơ quyết định bán rẻ Phlơ-ry. Qua lời tuyên bố tiếp đó không lâu của ông Sti-bơ, tôi hiểu rằng đó là nguyên nhân của sự lo sợ của Phlơ-ry. Trong tâm trạng hoàn toàn buồn phiền ông Phlơ-ry đã dùng đến thủ đoạn cuối cùng; ông ta đưa tôi một bản thảo để căn cứ vào đó tôi phải chép một bản tuyên bố và ký tên Líp-nếch vào đó, rồi tuyên thệ trước thị trưởng ở Luân Đôn rằng tôi là Líp-nếch... Phlơ-ry nói với tôi rằng nét chữ của bản thảo là của người đã viết tập biên bản, và ông *Gôn-hai-mơ đem nó* (từ Khuên) “*tôi*”. Nhưng nếu như ông Sti-bơ nhận tập biên bản từ Luân Đôn qua người đưa tin Grây-phơ thì làm thế nào ông Gôn-hai-mơ lại có thể đem từ Khuên tới bản thảo của người viết biên bản giả trong khi Grây-phơ đã trở lại Luân Đôn rồi?... Cái mà Phlơ-ry đưa cho tôi chỉ gồm có mấy chữ và chữ ký... “Hiéc-sơ “sao chép nét bút

cố hết sức chính xác và dựng lên bản tuyên bố nói rằng người ký tên dưới đây – Líp-nếch – nói rằng chữ ký của ông mà Mác và bè lũ xin chứng thực là chữ ký giả, và thừa nhận chữ ký này của ông là duy nhất đúng thực. Làm xong việc của mình và cầm trong tay bản thảo” (bản thảo do Phlơ-ry chuyển cho ông ta để sao chép)” – mà may thay, hiện nay tôi còn giữ – tôi trình bày với Phlơ-ry sự lo ngại của tôi và kiên quyết cự tuyệt yêu cầu của ông ta, điều này làm cho ông ta rất đỗi ngạc nhiên. Ban đầu ông ta rất buồn, nhưng rồi nói rằng ông ta đích thân đi tuyên thệ... Để chắc chắn hơn, ông ta định *xin lãnh sự Phổ chứng thực chữ ký của mình*, do đó trước hết ông đến văn phòng của luật sư. Tôi chờ ông ta tại một quán rượu. Khi ông ta trở lại, chữ ký của ông ta đã được lãnh sự chứng nhận, sau đó ông ta đến thị trưởng để chứng nhận có tuyên thệ. Nhưng ở đây công việc không trôi chảy, ông thị trưởng yêu cầu những người bảo đảm khác mà Phlơ-ry không tìm được, và việc tuyên thệ thất bại... Đêm khuya tôi còn gặp ông Đơ Phlơ-ry một lần nữa – mà là lần cuối. Đúng vào ngày đó ông ta gặp chuyện không vui khi đọc thấy trên tờ “Kölnische Zeitung” bản tuyên bố của ông Sti-bơ liên quan đến ông ta! “Tôi biết rằng Sti-bơ không thể hành động khác được, nếu ông ta buộc phải tự làm mất thanh danh” – ông Đơ Phlơ-ry tự an ủi như vậy với đầy đủ cơ sở triết lý... Tại một trong những cuộc gặp mặt cuối cùng của chúng tôi, ông Đơ Phlơ-ry nói với tôi rằng: “*Sấm sét sẽ vang lên ở Béc-lin nếu những người ở Khuên bị kết án*”.

Những cuộc gặp mặt cuối cùng của Hiéc-sơ với Phlơ-ry diễn ra vào *cuối tháng Mười 1852*; những lời tự thú của Hiéc-sơ được ghi là *cuối tháng Mười một 1852*, còn vào *cuối tháng Ba 1853 thì “sấm sét ở Béc-lin”* (Vụ âm mưu của La-den-đoóc-phơ)¹⁾ đã vang lên.

1) Đối với phụ lục số 4 trên đây, do Mác đưa vào lần xuất bản thứ hai của ấn phẩm “Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên” (1875), Ăng-ghe-n đã thêm đoạn dưới đây trong lần xuất bản thứ ba của ấn phẩm “Vạch trần” (1885):

Bạn đọc sẽ thích thú khi xem lời nhận xét của chính Sti-bơ đối với hai tông phạm của mình là Phlơ-ry Crau-dơ và Hiéc-sơ. Về tông phạm thứ nhất, “Sách đen”⁶⁰², (t.II, tr. 69) nói như sau:

“№345 Crau-dơ. Các-lơ Phri-đrich Ô-guyt ở Dre-xden, là con trai của ông Phri-đrich

Ô-guyt Crau-dơ - bị xử tử năm 1834 do tham gia giết bá tước phu nhân Sơn-béc-gơ

Dre-xden, trước là quản gia, sau đó” (sau khi bị xử tử?) “làm người kinh doanh

5. VU KHỔNG

Khi vụ án những người cộng sản ở Khuên kết thúc, người ta tăng cường gieo rắc – đặc biệt là trên báo chí tiếng Đức ở Mỹ

lượng thực, của bà quả phụ I-ô-han Rê-din, mang họ thời con gái là Gôn-nít-xơ hiện còn sống; Các Crau-dơ sinh ngày 9 tháng Giêng 1824 ở Vai-nơ-béc-hôi-déc, gần Cô-xvi-gơ, cách Dre-xden không xa. Ngày 1 tháng Mười 1832 vào học ở trường con em dân nghèo ở Dre-xden, ~ 1833 tại ~ ~ ~ ~ ~ năm 1840 chịu lễ kiên tin. Sau đó anh ta vào học việc ở nhà thương gia Gru-lơ ở Dre-xden, năm sau vì *nhiều lần ăn cắp* đã bị toà án thành phố Dre-xden điều tra và kết án tù, thời gian tạm giam trước khi xử được tính vào thời hạn ngồi tù. Khi được tha, anh ta không có nghề nghiệp gì, sống với mẹ. Tháng Ba 1842 anh ta lại bị bắt, bị đưa ra toà về tội bẻ khoá ăn trộm và bị xử *bốn năm tù khổ sai*. Ngày 23 tháng Mười 1846 anh ta ra tù, trở về Dre-xden, ở đây anh ta *giao du với bọn trộm cắp bất trị*. Về sau anh ta được nhận vào Sở thu nhận tù nhân được tha và được bố trí vào làm ở xưởng thuốc lá. Ở đây anh ta làm việc liên tục cho đến tháng Ba 1848, tỏ ra biết điều. Nhưng chẳng bao lâu ngay sau đó anh ta lại lao vào tình trạng không lao động, bắt đầu lui tới các đoàn thể chính trị” (với tư cách gián điệp của chính phủ, như bản thân anh ta nói với Hiéc-sơ ở Luân Đôn; xem trên kia). “Đầu năm 1849 anh ta trở thành người phát hành báo “Dresdner Zeitung” do nhà văn theo xu hướng cộng hoà E.L. Vít-tích người Dre-xden và hiện đang sống ở Mỹ, làm chủ biên, tháng Năm 1849 là người chỉ huy trên chiến lũy ở Xô-phi-en-xơ-rát trong thời kỳ nổ ra cuộc khởi nghĩa Dre-xden, và khi cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, anh ta chạy về Ba-den, ở đây vào các ngày 10 và 23 tháng Sáu 1849 được Chính phủ lâm thời Ba-den uỷ nhiệm toàn quyền về tổ chức dân quân và trưng thu lương thực cho những người khởi nghĩa. Anh ta bị quân Phổ bắt làm tù binh và ngày 8 tháng Mười 1849, chạy trốn khỏi Ra-stát” (hoàn toàn giống như sau này Séc-van “chạy trốn” khỏi Pa-ri. Nhưng dưới đây mới là bớ hoa cảnh sát thực sự- chớ nên quên rằng, điều này được công bố trên báo chí hai năm sau khi xử vụ án những người cộng sản ở Khuên). “Theo tin tức đăng trên tờ “Publicist” Béc-lin, số 39, ngày 15 tháng Năm 1853, trích trong cuốn “Nạn nhân

những lời vu khống kiểu Phô-gtô về “sự bóc lột” của tôi đối với công nhân. Mấy người bạn của tôi sống ở Mỹ- các ông Vây-dơ-mai-ơ, bác sĩ A. Gia-cô-bi (bác sĩ hành nghề ở Niu Oóc, một trong những bị cáo trong vụ án những người cộng sản ở Khuên) và A. Clút-xơ (phục vụ ở Bộ hải quân Mỹ tại Oa-sinh-tơn), đã công bố lời bác bỏ tỉ mỉ- ghi rõ: Niu Oóc ngày 7 tháng Mười một 1853- đối với những lời hoang đường đó, đồng thời chỉ ra rằng tôi có quyền *lặng thinh* về những việc riêng của mình, nếu vấn đề là tranh thủ *thiện ý* của bọn phi-li-xtanh. “Nhưng khi phải *đương đầu* với crapule^{1*}, bọn phi-li-xtanh và bọn vô công rồi nghề

của hoạt động gián điệp” của nhân viên bán hàng Vin-hem Hiếc-sơ ở Hăm-buốc, xuất bản ở Niu Oóc” (ôi Sti-bơ, anh là một thiên thần có dự cảm!) “từ cuối năm 1850 hoặc đầu năm 1851, Crau-dơ xuất hiện ở Luân Đôn dưới cái tên *Sác-lơ Đơ Phlơ-ry* với tư cách người lưu vong chính trị. Ban đầu anh ta nghèo túng, nhưng từ năm 1851 đời sống của anh ta khá lên, sau khi anh ta được kết nạp vào Đồng minh những người cộng sản” (sự kết nạp do Sti-bơ tưởng tượng ra) “anh ta bắt đầu làm đặc vụ của nhiều chính phủ; nhưng bị tố giác là đã dính líu vào nhiều hành động gian lận”.

Sti-bơ đã cảm tạ bạn mình Phlơ-ri như thế đấy, nhìn chung, như đã nói trên kia, mấy tháng sau vụ án những người cộng sản ở Khuên, Phlơ-ri đã bị xử mấy năm tù khổ sai ở Luân Đôn về tội gian lận.

Về Hiếc-sơ đáng kính thì cũng ở đây, ở tr.58 đã nói rằng:

“№265. Hiếc-sơ, Vin-hem, nhân viên thương mại ở Hăm-buốc. Xem ra ông ta đã tự nguyện đến Luân Đôn, chứ không phải với tư cách người lưu vong” (đưa ra lời nói dối hoàn toàn không mục đích đó để làm gì? – cần biết rằng Gôn-hai-mơ định bắt anh ta ở Hăm-buốc!). “Ở đây anh ta đi lại với những người lưu vong và tham gia Đảng cộng sản. Anh ta sắm vai trò hai mặt. Một mặt, anh ta tham gia hoạt động của đảng cách mạng, mặt khác, anh ta phục vụ các chính phủ trên lục địa với tư cách là gián điệp chống lại các chính trị

đã mất phẩm hạnh thì, theo ý chúng tôi, im lặng sẽ có hại cho công việc, cho nên chúng tôi phá vỡ sự im lặng^{603*}.”

6. CHIẾN TRANH GIỮA CHUỘT VÀ ẾCH

Trong cuốn sách nhỏ “Hiệp sĩ v.v.” mà tôi đã dẫn ra trên kia, ở trang 5 có viết:

“... Ngày 20 tháng Bảy 1851 đã thành lập Hội cổ động, còn ngày 27 tháng Bảy 1851 thì thành lập Câu lạc bộ lưu vong Đức. Chính từ ngày đó... bắt đầu cuộc đấu tranh giữa “Những người lưu vong” và “Những nhà cổ động”, được tiến hành ở hai bên bờ đại dương – cuộc chiến tranh vĩ đại giữa chuột và ếch.

phạm, cũng như chống lại bọn làm giấy bạc giả. Với tư cách gián điệp, anh ta đã thực hiện những vụ *lừa dối, lường gạt, thậm chí những vụ giả mạo hèn mạt nhất*, cần phải đề phòng *anh ta* câu kết với những phần tử ấy, anh ta thậm chí đã *làm giấy bạc giả* tưởng như chỉ để được thưởng hậu hĩ nhờ phát hiện với nhà đương cục cảnh sát việc làm giấy bạc giả. Hai bên” (bọn làm giấy bạc giả là cảnh sát và bọn làm giấy bạc giả không phải là cảnh sát?) “dần dần phát hiện ra chân tướng anh ta”. Anh ta từ Luân Đôn chuyển về Hăm-buốc, ở đây anh ta sống rất túng thiếu”.

Sti-bơ đã viết như vậy về hai tên tay chân của mình ở Luân Đôn mà “sự thành thực và sự đáng tin cậy” của họ đã được ông ta không ngừng thể thốt bảo đảm. Tuy nhiên, điều đặc biệt lý thú là anh chàng người Phổ chuẩn mực đó tuyệt nhiên không có khả năng nói ra sự thật thuần túy. Anh ta hoàn toàn không thể tự kiểm chế để không được những lời dối trá tuy hoàn toàn không có mục đích” vào giữa những sự thực đúng thực hoặc giả dối lấy trong các văn kiện. Dựa trên những bằng chứng của những kẻ nói dối chuyên nghiệp ấy – mà hiện nay số lượng chúng nhiều hơn bao giờ hết, – hàng trăm người đã bị xử tù. Đấy chính là cái mà hiện nay người ta gọi là sự cứu vãn quốc gia.

1* – bọn đề tiện đủ loại

Ai làm cho chiếc đàn lia nhỏ nhỏ này vang lên
 Tôi lấy ở đâu ra cả một ngọn thác những lời làm phấn chấn lòng người
 Để cho tôi có thể vẽ lên bằng màu sắc tươi sáng
 Cuộc đấu tranh chưa từng thấy trên thế giới này?
 So với trận chiến đấu mà số phận buộc tôi phải ca hát
 Tất cả những trận đánh trước đây chỉ là những đoá hoa trong yến tiệc
 Vì rằng tất cả những ai có tinh thần dũng cảm tuyệt vời
 Đều tuốt kiếm ra trong trận chiến đấu vinh quang này.

(Bôi-ác-đô. “Rô-lan si tình”, bài ca 27)⁶⁰⁴.

Nhiệm vụ của tôi tuyệt nhiên không phải là tường thuật “cuộc chiến đấu vinh quang đó”, cũng như trình bày tỉ mỉ “Hiệp nghị sơ bộ về *hiệp ước liên minh*” (được đăng verbotenus^{1*} dưới nhan đề ấy trên tất cả các báo chí bằng tiếng Đức ở Mỹ) đã đạt được ngày 13 tháng Tám 1852 giữa *Gốt-phrít Kin-ken* thay mặt Hội lưu vong, và A. Guê-gơ thay mặt Đồng minh cách mạng của thế giới Cũ và Mới. Tôi chỉ nêu lên rằng toàn bộ các *ng nghị sĩ* lưu vong của cả hai bên đều tham gia hội hoá trang, trừ một số ít (bấy giờ mỗi đảng đều tránh những cái tên đại loại như *C.Phô-gơ* chỉ vì giữ thể diện).

Tinh hoa của bọn phi-li-xtanh Đức là Gốt-phrít Kin-ken khi kết thúc cuộc chu du mang tính chất cách mạng- vui vẻ và ăn xin ở Hợp chúng quốc Mỹ, đã bày tỏ trong “*Ghi chép về khoản vay quốc dân ở Đức để thúc đẩy cách mạng*” có đề rõ: *En-mi-ra, bang Niu Oóc, ngày 22 tháng Hai 1852*, – những quan điểm có giá trị, chỉ ít cũng là nhờ tính chất cực kỳ giản đơn. Gốt-phrít cho rằng tổ chức cách mạng thì cũng giống như xây dựng đường sắt. Miễn là

1* – nguyên văn

có tiền thì trong trường hợp này ta sẽ có đường sắt, còn trong trường hợp kia ta sẽ có cách mạng. Trong khi quốc dân phải mang trong lòng mình khát vọng cách mạng thì những người tổ chức cách mạng phải có tiền mặt trong túi, vì tất cả đều tùy thuộc vào “một đội ngũ nhỏ, vũ trang tốt, được cung cấp **đôi dào** tiền bạc”. Đây, ngọn gió trọng thương ở Anh đã đưa thậm chí cả những cái đầu thông tục đến những sự mò mẫm tư tưởng như thế. Vì ở đây tất cả đều được tiến hành nhờ các cổ phần, kể cả “public opinio”^{1*}, nên sao lại không lập ra một công ty cổ phần “Để thúc đẩy cách mạng”?

Trong một cuộc gặp mặt công khai với *Cô-sút* bấy giờ cũng đang làm công việc ăn xin cách mạng ở Hợp chúng quốc, Gốt-phrít nói rất văn vẻ rằng:

“Thậm chí nền tự do được ban từ bàn tay trong sạch của Ngài, thừa nhà chấp chính, đối với tôi vẫn là mẩu bánh mì cứng mà tôi làm mềm đi bằng nước mắt của sự **thẹn thùng của mình**”.

Vì vậy *Gốt-phrít* rất chăm chú quan sát từng chiếc răng ở con ngựa được ban tặng cho mình, đã cam đoan với nhà chấp chính rằng nếu như nhà chấp chính dùng tay phải ban cho ông ta “cách mạng từ phương Đông” thì ông ta, Gốt-phrít, về phần mình, sẽ dùng tay phải để dâng cho nhà chấp chính “cách mạng từ phương Tây” để đền đáp lại. Bảy năm sau, trên tờ “Hermann” do bản thân ông ta sáng lập, cũng ông Gốt-phrít ấy nói rằng ông ta là con người nhất quán hiếm thấy, ông ta đã tuyên bố trước toà án quân sự ở Ra-stát rằng hoàng thân nhiếp chính là hoàng đế Đức, rằng ông ta thường xuyên theo câu châm ngôn ấy.

Một trong ba nhà chấp chính ban đầu và thủ quỹ các khoản vay cách mạng là bá tước Ô-xca Rai-sen-bác đã công bố bản thanh

1* – “dư luận xã hội”

toán tiền, đề rõ: *Luân Đôn, ngày 8 tháng Mười 1852*, với lời tuyên bố rằng ông sẽ từ bỏ công việc và nói thêm rằng: "Dù sao tôi cũng không thể và sẽ không chuyển giao tiền cho ông Kin-ken v.v.". Đồng thời ông đề nghị với các cổ đông hãy cho đổi biên lai vay nợ tạm thời lấy tiền mặt ở quỹ. Ông nói rằng sở dĩ ông từ bỏ chức vụ thủ quỹ là

"do tôi bị thúc đẩy bởi những lý do chính trị và pháp lý... Những giả định mà ý đồ vay nợ dựa vào, đã tỏ ra có căn cứ xác đáng. Số tiền 20.000 đô-la mà muốn thực hiện thì chỉ có bắt tay vào vay nợ, do đó đã không thu được... Đề nghị ra tạp chí để cổ động cho những tư tưởng ấy đã không được hưởng ứng. Chỉ có bọn bịp bợm chính trị hoặc bọn điên rồ về cách mạng mới có thể cho rằng tư tưởng vay nợ hiện nay có thể thực hiện được và cho rằng lúc này có thể sử dụng tiền một cách công bằng như nhau đối với tất cả các phái, tức là một cách không thiên vị, thực sự cách mạng".

Nhưng niềm tin cách mạng của Gớt-phrít không dễ dàng bị lung lay như vậy, ông ta kiếm được cho trường hợp này một "nghị quyết" làm cho ông ta có thể tiếp tục công việc dưới một chiêu bài khác.

Bản thanh toán của Rai-sen-bác có sự chỉ dẫn đáng quan tâm:

Về những khoản tiền" – ông nói – "mà sau này các uỷ ban đã trả *không phải cho tôi, mà cho người khác*, thì không nên để người bảo lãnh chịu trách nhiệm về chúng, về điều này tôi yêu cầu các uỷ ban lưu ý khi đổi biên lai ra tiền mặt và khi kết toán".

Theo compte rendu^{1*} của ông này, *các khoản thu* gồm có 1.587 pao xtéc-linh 6 si-linh 4 pen-ni, trong đó phần của Luân Đôn là 2 pao xtéc-linh 5 si-linh, còn phần của Đức 9 pao xtéc-linh. Chi hết 584 pao xtéc-linh 18 si-linh và 5 pen-ni gồm *những khoản sau: lệ phí của Kin-ken và Hin-ghê-rơ-nơ* – 220 pao xtéc-linh; *lệ phí của những người khác* – 54 pao xtéc-linh; *máy in đá* – 11 pao

1* – bản thanh toán

xtéc-linh; in biên lai tạm thời – 14 pao xtéc-linh; *bản tin in đá, bưu phí v.v.* – 106 pao xtéc-linh 1 si-linh 6 pen-ni; *chi theo chỉ thị của Kin-ken v.v.* – 100 pao xtéc-linh.

Khoản tiền vay cách mạng chỉ có 1.000 pao xtéc-linh là số tiền mà Gớt-phrít Kin-ken gửi ở Ngân hàng Oét-min-xtơ chuẩn bị làm khoản tiền đầu tiên cho chính phủ lâm thời Đức sắp được thành lập. Nhưng vẫn không thấy tăm hơi chính phủ lâm thời đâu cả! Xem ra nước Đức nghĩ rằng 36 chính phủ hiện có là đủ đối với nó rồi.

Một số khoản tiền vay ở Mỹ không rơi vào quỹ trung ương Luân Đôn, nhưng đã được, trong một số trường hợp, sử dụng theo tình thân yêu nước, chẳng hạn: 100 pao xtéc-linh mà Gớt-phrít Kin-ken chuyển cho ông Các Blin-đơ hồi mùa xuân năm 1858 để biến những khoản tiền ấy thành "truyền đơn cấp tiến" v.v..

7. LUẬN CHIẾN CHỐNG PAN-MỐC-XTƠN

Sép-phin, Ca-un-xin-hôn,

ngày 6 tháng Năm 1856

Thưa tiến sĩ!

Uỷ ban ngoại vụ Sép-phin uỷ nhiệm cho tôi bày tỏ với Ngài sự cảm tạ nhiệt liệt về sự giúp đỡ lớn lao của Ngài đối với hội liên hiệp bằng expose^{1*} lỗi lạc của Ngài đối với văn kiện về Các-xơ, đăng trên tờ "Peoplés Paper".

Xin hân hạnh, v.v.. **V.Xai-plơ-xơ**, bí thư

Gửi tiến sĩ Các Mác^{2*}

1* – bản trình bày

2* Trong nguyên bản, thư này được dẫn ra bằng tiếng Anh

8. TUYÊN BỐ CỦA ÔNG A.SÉC-TXƠ

Ông A.Séc-txơ, người mà từ những năm ba mươi đã tham gia xứng đáng vào phong trào công nhân, đã từ *Luân Đôn* viết thư cho tôi vào ngày 22 tháng Tư 1860:

"Thưa Ngài!

Tôi không thể không phản kháng một điểm có liên quan đến cá nhân tôi trong những lời giả dối ghê tởm và những lời bịa đặt vu khống đê tiện của tập sách nhỏ của Phô-gtơ. Đó chính là văn kiện №7 đăng trong phụ trương của "Schweizer Hendels — Courier" số 150, ra ngày 2 tháng Sáu, trong đó, có viết: "Chúng tôi biết rằng hiện nay ở Luân Đôn đang tiến hành những bước đi mới. Những bức thư do A.S. ký tên được gửi từ đây đi cho các đoàn thể và các cá nhân v.v.". Những "thư" ấy xem ra đã cho ông C.Phô-gtơ cái cớ để viết ở một chỗ khác của cuốn sách của ông ta: "Đầu năm nay (1859) dường như đã xuất hiện mảnh đất mới cho công tác cổ động chính trị. Tình hình đó lập tức được lợi dụng để ra sức lại giành lấy một số ảnh hưởng. Về mặt này, sách lược nhiều năm nay vẫn không thay đổi. Ủy ban mà — như bài hát cũ thường hát — "không ai biết gì cả" đã phân phát, thông qua ông chủ tịch hoặc bí thư cũng không ai biết cả, những bức thư ấy v.v. và v.v.. Khi mảnh đất đã được thăm dò như vậy, thì ở khu vực này xuất hiện mấy "người anh em lang thang", họ lập tức bắt tay vào tổ chức một hội bí mật. Bản thân đoàn thể bị người ta chuẩn bị làm mất danh dự thì chẳng biết gì về những âm mưu xuất phát từ cái hội riêng rẽ ấy của mấy người; thậm chí những thư từ trao đổi nhân danh đoàn thể thì trong phần lớn trường hợp đoàn thể này cũng hoàn toàn không được biết; nhưng trong các thư từ đó bao giờ cũng nói "đoàn thể chúng tôi" v.v.. Những cuộc truy nã của cảnh sát mà tất nhiên diễn ra sau đó và dựa trên những văn kiện bắt được thì bao giờ cũng chĩa vào toàn thể đoàn thể v.v.."

Tại sao ông C.Phô-gtơ không *dăng lại toàn bộ bức thư* mà ông ta dẫn ra trong văn kiện №7? Tại sao ông ta không "thăm dò" cái nguồn gốc mà ông ta xuất phát từ đó? Ông

ta biết được dễ dàng rằng *Hội giáo dục công nhân Luân Đôn* tồn tại công khai đã chỉ định, trong hội nghị *công khai*, một ủy ban thông tin mà tôi có vinh dự được cử vào. Nếu ông Phô-gtơ nói về những vị thư ký không được ai biết v.v. thì tôi rất vui vẻ trở thành người không bị ông ta biết đến, nhưng tôi có thể hài lòng nói rằng hàng ngàn công nhân Đức biết tôi, họ đã nhận được những tri thức khoa học ở những người hiện ông Phô-gtơ đang vu khống. Thời đại đã biến đổi. Thời kỳ của những hội kín đã qua rồi. Sẽ là điều phi lý nếu nói về Hội liên hiệp bí mật hoặc hội liên hiệp biệt lập khi mà vấn đề được thảo luận công khai ở Hội liên hiệp công nhân và mỗi phiên họp của nó đều có người ngoài tham dự với tư cách là khách. Những bức thư do tôi ký được viết sao cho không ai có thể vì chúng mà bị rụng mất một sợi tóc nào. Đối với chúng tôi, những công nhân Đức ở Luân Đôn, thì điều quan trọng chỉ là hiểu được tâm trạng của đoàn thể công nhân ở lục địa và sáng lập một tờ báo bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và đấu tranh với bọn bồi bút của phe thù địch. Đương nhiên, không một công nhân Đức nào nảy ra ý nghĩ hành động cho một Bô-na-pác-tơ nào đó, điều này chỉ có một Phô-gtơ nào đó hoặc những kẻ cùng giuộc với ông ta là có thể làm được. Chúng tôi ghét chế độ chuyên chế Áo chắc chắn là mãnh liệt hơn ông Phô-gtơ, nhưng chúng tôi không mong muốn đập tan nó bằng một ông vua chuyên chế nước ngoài. Mỗi một dân tộc phải tự giải phóng mình. Ông Phô-gtơ cho rằng mình có quyền dùng chính những thủ đoạn mà việc chúng tôi sử dụng chúng vào cuộc đấu tranh chống lại mưu kế của ông ta lại đã bị ông ta lên án là hành vi phạm tội, điều đó chẳng lạ lùng hay sao? Nếu như ông Phô-gtơ quả quyết rằng ông ta không ăn lương của Bô-na-pác-tơ, còn số tiền để sáng lập tờ báo thì chỉ được nhận từ tay của phái dân chủ, và ông ta muốn dùng điều đó để thanh minh cho mình — thì ông ta, với tất cả học thức của mình, làm sao lại có thể tỏ ra ngu xuẩn đến nỗi chỉ trích và hoài nghi những công nhân quan tâm đến hạnh phúc của tổ quốc mình và tiến hành tuyên truyền cho việc ra báo?

Với tất cả lòng kính trọng A.Séc-txơ"

9. BÀI CỦA BLIN-ĐƠ TRONG TỜ "FREE PRESS" ngày 27 tháng Năm 1859

The Grand Duke Constantine to be King of Hungary^{1*}

1* Những văn kiện bằng tiếng Anh mà Mác dẫn ra trong chương này đã

A Correspondent, who encloses his card, writes as follows: -

Sir, - Having been present at the last meeting in the Music Hall, I heard the statement made concerning the Grand-Duke Constantine. I am able to give you another fact: -

So far back as last summer, Prince Jerome Napoleon detailed to some of his confidants at Geneva a plan of attack against Austria, and prospective rearrangement of the map of Europe. I know the name of a Swiss senator to whom he broached the subject. Prince Jerome, at that time, declared that, according to the plan made, the *Grand-Duke Constantine was to become King of Hungary*.

I know further of attempts made, in the beginning of the present year, to win over to the Russo-Napoleonic scheme some of the exiled German Democrats, as well as some influential Liberals in Germany. Large pecuniary advantages were held out to them as a bribe. I am glad to say that these offers were rejected with indignation.

10. THƯ CỦA NGÀI OÓC-GHÉT

Thưa Ngài!

Hôm nay tôi được ngài Líp-nếch cho biết Ngài có nhã ý định cho chúng tôi sử dụng văn kiện tư pháp về tờ truyền đơn chống Phô-gơ *liên quan đến quá trình xuất hiện của truyền đơn đó*. Tôi khẩn khoản đề nghị Ngài gửi cho tôi hết sức nhanh chóng văn kiện đó để chúng tôi có thể công bố trong phiên toà. Đề nghị Ngài gửi văn kiện ấy bằng bưu kiện có bảo đảm và mọi chi phí tôi xin chịu. Ngoài ra, thưa Ngài, đáng tự do đôi khi đánh giá không đầy đủ tờ "Allgemeine Zeitung". Chúng tôi (Ban biên tập) đã đứng vững trước tất cả mọi thử thách gay go nhất về lòng trung thành với niềm tin chính trị của mình. Nếu như Ngài suy xét không phải căn cứ vào một bài cá biệt nào đó, mà chỉ là căn cứ vào toàn bộ công tác của chúng tôi thì Ngài sẽ tin chắc rằng không một tờ báo Đức nào làm việc không hấp tấp nhưng bền bỉ như chúng tôi vì sự

được chính ông dịch toàn bộ trong các chương khác, ở đây chỉ in lại bằng thứ tiếng của nguyên bản; bản dịch văn kiện này, xem tr. 614 tập này.

thống nhất và tự do, vì sự hùng cường và văn minh, vì tiến bộ tinh thần và vật chất, vì sự nâng cao ý thức dân tộc và đạo đức của nhân dân Đức, rằng không một tờ báo nào trong các tờ báo Đức đạt được những thành quả lớn hơn chúng tôi. Ngài phải phán xét hoạt động của chúng tôi qua kết quả của hoạt động ấy. Một lần nữa tôi khẩn khoản đề nghị Ngài chiếu cố thoả mãn yêu cầu của tôi.

Với tất cả sự kính trọng và hoàn toàn trung thành với Ngài

Au-xbuốc 16/10

Héc-man Oóc-ghét

Bức thư thứ hai viết *cùng ngày* chỉ là *trích yếu* bức thư thứ nhất; như ngài Oóc-ghét nói, nó "cũng đã được gửi đi do quá thận trọng"; bức thư này bao gồm cũng vẫn yêu cầu ấy về việc "gửi hết sức nhanh chóng văn kiện về *nguồn gốc* của tờ truyền đơn nổi tiếng chống Phô-gơ mà - như ngài Líp-nếch viết - Ngài có nhã ý cho chúng tôi sử dụng".

11. THÔNG TRI CHỐNG C.BLIN-ĐƠ

Ở đây tôi chỉ dẫn ra đoạn cuối của thông tri bằng tiếng Anh của tôi chống Blin-đơ ngày 4 tháng Hai 1860^{1*}.

"Trước khi có biện pháp thêm nữa, tôi muốn vạch mặt những kẻ đã hiển nhiên tiếp tay cho Phô-gơ. Nhằm mục đích đó, tôi công khai tuyên bố rằng lời khai của Blin-đơ Vi-ê và Hô-linh-gơ nói rằng tờ truyền đơn nặc danh *không in* ở nhà in Hô-linh-gơ, số 3, phố Li-sphin, khu Xô-hô - là *sự cố tình bịa đặt*. Một là, ông Phuê-ghe-lơ, một trong những thợ sắp chữ trước đây làm việc ở nhà in Hô-linh-gơ, sẵn sàng tuyên bố có tuyên thệ rằng tờ truyền đơn này *đã* được in ở nhà in Hô-linh-gơ, được viết với nét chữ của ông Blin-đơ và do chính Hô-linh-gơ sắp chữ một phần. Hai là, bằng thủ tục tư pháp có thể chứng minh rằng tờ truyền đơn đó và bài báo đăng trên tờ "Volk" đã được in bằng cùng một bộ chữ in.

^{1*} Xem tập này, tr. 900-902.

Ba là, sẽ có bằng chứng cho thấy rằng Vi-ê *không* làm việc ở nhà in Hô-linh-gơ liên tục mười một tháng và đặc biệt *không* làm việc ở đó vào thời gian in tờ truyền đơn. Sau hết, có thể đưa ra những nhân chứng mà trước mặt họ bản thân Vi-ê đã thừa nhận rằng Hô-linh-gơ đã thuyết phục anh ta ký tên vào *bản tuyên bố hiển nhiên là bịa đặt được đăng trên "Báo Au-xbuốc"*. Căn cứ vào tất cả những điều đó, tôi lại vạch mặt Các-lơ Blin-đơ nói trên là *kẻ cố tình nói dối*.

Các Mác"

TRÍCH BÁO "TIMES" Ở LUÂN ĐÔN, SỐ RA NGÀY 3 THÁNG HAI^{1*}

Vienna, January 30th - The Swiss Professor Vogt pretends to know that France will procure for Switzerland Faucigny, Chablais and the Genevese, the neutral provinces of Savoy, of the Grand Council of the Republic will let her have the free use of the Simplon.

12. AFFIDAVIT CỦA PHUÊ-GHE-LO

Tôi xin tuyên bố rằng:

Tờ truyền đơn tiếng Đức "Sự phòng ngừa" sau đó được đăng trên tờ "Volk" (tờ báo tiếng Đức bấy giờ xuất bản ở Luân Đôn) số 7, ngày 18 tháng Sáu 1859 và được đăng lại trên tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc ("Báo Au-xbuốc") là do ông Phi-đê-li-ô Hô-linh-gơ, ở số 3, phố Li-sphin, khu Xô-hô, Luân Đôn sắp chữ một phần; do tôi sắp chữ một phần, bấy giờ tôi làm việc ở nhà in của Phi-đê-li-ô Hô-linh-gơ, tờ truyền đơn này đã được in tại nhà in của ông Ph. Hô-linh-gơ, 3, phố Li-sphin, khu Xô-hô, Luân Đôn; bản thảo của tờ truyền đơn đó được viết bằng nét chữ của ông Các-lơ Blin-đơ, tôi đã trông thấy ông Ph. Hô-linh-gơ đưa bản dập thử cho ông Vin-hem Líp-nếch, 14 phố Séc, khu Xô-hô, Luân Đôn, như thế nào; ban đầu ông Ph. Hô-linh-gơ ngập ngừng không biết có nên đưa bản dập thử cho ông V.Líp-nếch hay không, khi ông V.Líp-nếch

^{1*} Bản dịch, xem tr. 712 của tập này.

đi rồi thì ông ta, ông Ph. Hô-linh-gơ tỏ ý với tôi và với bạn tôi là anh công nhân I. Ph. Vi-ê, lấy làm tiếc rằng đã trao mất bản dập thử.

Tuyên bố tại tòa án trị an tại phố Bôi, quận Mít-xếch, ngày 11 tháng Hai 1860 trước mặt tôi, quan tòa trị an thủ đô *T.Hen-ri*.

A. Phuê-ghe-lo^{1*}

Nơi đóng dấu.

13. AFFIDAVIT CỦA VI-Ê^{2*}

One of the first days of November last - I do not recollect the exact date - in the evening between nine and ten o'clock I was taken out of bed by Mr. F. Hollinger, in whose house I then lived, and by whom I was employed as compositor. He presented to me a paper to the effect, that, during the preceding eleven months I had been continuously employed by him, and that during all that time a certain German flysheet "Zur Warnung" (A Warning) had not been composed and printed in Mr. Hollinger's Office, 3, Litchfield Street, Soho. In my perplexed state, and not aware of the importance of the transaction, I complied with his wish, and copied, and signed the document. Mr. Hollinger promised me money, but I never received anything, During that transaction Mr. Charles Blind, as my wife informed me at the time, was waiting in Mr. Hollinger's room. A few days later, Mrs. Hollinger called me down from dinner and led me into her husband's room, where I found Mr. Charles Blind alone. He presented me the same paper which Mr. Hollinger had presented me before, and entreated me to write, and sign a second copy, as he wanted two, the one for himself, and the other for publication in the Press. He added that he would show himself grateful to me. I copied and signed again the paper.

I herewith declare the truth of the above Statements and that:

1) During the 11 months mentioned in the document I was for *six weeks* *not* employed by Mr. Hollinger, but by a Mr. Ermani. 2) I did not work in Mr. Hollinger's

^{1*} Trong nguyên bản, Affidavit của Phuê-ghe-lô được dẫn ra bằng tiếng Anh.

^{2*} Xem bản dịch, tr. 622-623 của tập này.

Office just at that time when the flysheet: "Zur Warnung" (A Warning) was published. 3) I heard at the time from Mr. Voegelé, who then worked for Mr. Hollinger, that he, Voegelé, had, together with Mr. Hollinger himself, composed the flysheet in question, and that the manuscript was in Mr. Blind's handwriting. 4) The types of the pamphlet were still standing when I returned to Mr. Hollinger's service. I myself broke them into columns for the reprint of the flysheet (or pamphlet) "Zur Warnung" (A Warning) in the German paper "Das Volk" published at London, by Mr. Fidelio Hollinger, 3, Litchfield Street, Soho. The flysheet appeared in No. 7, d. d. 18th June, 1859, of "Das Volk" (The People). 5) I saw Mr. Hollinger give to Mr. William Liebknecht, of 14, Church Street, Soho, London, the proofsheets of the pamphlet "Zur Warnung", on which proofsheets Mr. Charles Blind with his own hand corrected four or five mistakes, Mr. Hollinger hesitated at first giving the proofsheets to Mr. Liebknecht, and when Mr. Liebknecht had withdrawn, he, F. Hollinger, expressed to me and my fellow workman Voegelé his regret for having given the proofsheets out of his hands.

Declared and signed by the said Johann Friedrich Wieche at the Police Court. Bow Street, this 8th day of February, 1860, before me *Th. Henry*, Magistrate of the said court.

L.S.

Johann Friedrich Wieche

14. TRÍCH CÁC VĂN KIỆN TỔ TỤNG

Chính phủ lâm thời. Nước cộng hoà Pháp. Tự do, Bình đẳng và Bác ái.

Thay mặt nhân dân Pháp

Pa-ri, ngày 1 tháng Ba 1848

Ông Mác dũng cảm và chính trực!

Nước Cộng hoà Pháp là nơi lánh nạn cho tất cả những người bạn của tự do. Chế độ bạo chúa đã trục xuất Ngài, nước Pháp tự do lại mở rộng cửa cho Ngài, cho Ngài và cho tất cả những ai đấu tranh cho sự nghiệp thiêng liêng, cho sự nghiệp anh em của tất cả các dân tộc. Tất cả đại diện nào của Chính phủ Pháp cũng đều phải hiểu chức trách của mình theo tinh thần đó. Xin gửi lời chào và tình anh em.

Phéc-di-năng Phlô-công,

ủy viên chính phủ lâm thời^{1*}

Bruy-xen, ngày 19 tháng Năm 1848

Ngài Mác thân mến!

Tôi rất hài lòng được biết qua người bạn của chúng tôi là Véc-thơ rằng Ngài chuẩn bị xuất bản ở Khuê "Bảo mới vùng Ranh" mà kế hoạch đã được bạn chúng tôi trao cho tôi. Cần làm sao để tờ báo ấy làm cho chúng tôi ở Bỉ kịp thời biết được sự nghiệp dân chủ ở Đức, vì ở đây không thể biết điều gì đáng tin cậy về tình hình đó qua "Bảo Khuê", "Tổng Báo" ở Au-xbuốc và các tờ báo quý tộc Đức khác mà chúng tôi nhận được ở Bruy-xen, cũng như qua tờ "Indépendance belge" của chúng tôi vì tất cả các bản tin đều chuyên được viết theo quan điểm lợi ích của giới quý tộc tư sản của chúng tôi. Ông Véc-thơ bảo tôi rằng ông chuẩn bị đến chờ Ngài ở Khuê để tham gia sáng lập "Bảo mới vùng Ranh". Ông ấy đã thay mặt Ngài hứa với tôi gửi báo ấy cho tôi, để đổi lấy tờ "Débat social"⁶⁰⁵ mà, về phần mình, tôi sẽ gửi cho Ngài. Tôi cũng rất muốn trao đổi thư từ với Ngài về những vấn đề liên quan đến hai nước chúng ta. Vì lợi ích của hai nước, cần làm cho người Bỉ và người Đức không xa lạ với nhau, vì ở Pháp đang chuẩn bị những sự kiện không tránh khỏi đặt ra những vấn đề đụng chạm đến hai nước chúng ta... Tôi đã từ Pa-ri trở về, ở đây tôi lưu lại khoảng mười ngày, ra sức tìm hiểu rõ hơn tình hình ở thủ đô vĩ đại ấy. Vào cuối thời gian lưu lại ở đó, tôi đã được chứng kiến sự sôi động của các sự kiện ngày 15 tháng Năm. Thậm chí tôi đã tham dự phiên họp của Quốc hội, khi đó nhân dân đã ồa vào phòng họp... Quan sát lập trường của nhân dân Pa-ri và nghe các bài diễn thuyết của các nhà hoạt động chủ yếu đương thời của nước Cộng hoà Pháp, tôi hiểu rằng trong tâm trạng giai cấp tư sản sẽ xuất hiện sự phản ứng mãnh liệt đối với các sự kiện tháng Hai, "Không nghi ngờ gì cả, sự kiện ngày 15 tháng Năm sẽ đẩy nhanh sự phản ứng đó. Mà sự phản ứng này, không nghi ngờ gì nữa, sẽ rất nhanh chóng dẫn tới một cuộc khởi nghĩa mới của nhân dân... Chẳng bao lâu nữa, nước Pháp sẽ bùng nổ chiến tranh. Trong trường hợp đó, ở đây và ở nơi ngài, chúng ta phải nghĩ đến hành động chung của chúng ta. Nếu chiến tranh bắt đầu với I-ta-li-a thì chúng ta sẽ có thời gian tạm nghỉ... Nhưng nếu chiến tranh lập tức chĩa vào các nước chúng ta thì tôi còn chưa biết chúng tôi sẽ phải làm gì, và trong trường hợp đó chúng tôi sẽ cần đến lời khuyên của người Đức... Còn giờ đây vào chủ nhật này tôi sẽ đưa in trên tờ "Débat social" về sự ra mắt sắp tới của tờ báo của Ngài... Tôi định đi Luân Đôn vào cuối tháng Sáu năm nay. Nếu Ngài có dịp viết thư cho bạn bè của Ngài ở Luân Đôn thì xin phiền Ngài yêu cầu họ

1* Trong nguyên bản, thư của Phlô-công được dẫn ra bằng tiếng Pháp.

hãy tiếp đón tôi. Xin gửi tới Ngài lời chào nhiệt thành.

Giô-tơ-răng, luật sư^{1*}

Bruy-xen, ngày 10 tháng Hai 1860

Ngài Mác thân mến!

Từ rất lâu không nhận được tin của ngài, tôi rất lấy làm hài lòng đọc bức thư vừa rồi của Ngài. Ngài than phiền rằng mọi việc được tiến hành hết sức chậm và tôi đã không trả lời ngay câu hỏi của Ngài. Làm thế nào được, càng nhiều tuổi thì người ta càng lười viết. Nhưng tôi hy vọng rằng Ngài tin rằng tình cảm của tôi và quan điểm của tôi không hề thay đổi. Tôi thấy rằng bức thư vừa rồi của Ngài là do người thư ký tâm tình của Ngài, phu nhân đáng yêu của Ngài viết theo lời Ngài đọc – bà Mác vẫn chưa quên con người ẩn sĩ già ở Bruy-xen. Mong bà nhà hãy nhận lời chào kính cẩn của tôi.

Người anh em thân mến, xin hãy giữ gìn tình cảm thân ái của Ngài đối với tôi. Xin gửi lời chào và tình anh em.

Lê-lê-ven^{1*}

Luân Đôn, ngày 11 tháng Hai 1860

Số 5, Căm-brít-phlê-ít, Ken-xinh-ton

Ngài Mác thân mến!

Tôi đã đọc nhiều bài báo đề tiện chống lại Ngài trên tờ "National-Zeitung" và tôi hết sức kinh ngạc trước sự bịa đặt ác ý của tác giả những bài ấy. Tôi cho rằng nghĩa vụ của mỗi người biết Ngài- cho dù những bằng chứng như vậy là thừa – là đánh giá xứng đáng những phẩm chất tốt đẹp, sự chính trực và sự vô tư của Ngài. Đối với tôi, nghĩa vụ đó lại gấp đôi: tôi còn nhớ nhiều bài báo mà Ngài viết hoàn toàn không lấy thù lao trong nhiều năm cho tạp chí nhỏ của tôi "Notes to the People"⁶⁰⁶, rồi cho "People's Paper", những bài báo đó rất quan trọng đối với sự nghiệp của nhân dân và hết sức quý giá đối với báo chí. Cho phép tôi hy vọng rằng Ngài sẽ trừng phạt nghiêm khắc bọn đã phỉ báng Ngài một

1* Trong nguyên bản, thư của Giô-tơ-răng được dẫn ra bằng tiếng Pháp.

1* Trong nguyên bản, thư của Lê-lê-ven được dẫn ra bằng tiếng Pháp.

cách hèn hạ và nhát gan.

Ngài Mác thân mến của tôi, xin hãy nhận lấy lời đoan chắc thành thực nhất về sự trung thành của tôi.

Éc-ne-xơ Giôn-xơ

Gửi tiến sĩ Các Mác^{2*} *Niu Ốc*, Ban biên tập "Tribune", ngày 8 tháng Ba 1860

Ngài thân mến!

Để trả lời yêu cầu của Ngài tôi rất sung sướng xác nhận sự việc mà cá nhân tôi biết rõ về quan hệ của Ngài với các xuất bản phẩm ở Mỹ. Chín năm trước đây, tôi đã mời Ngài cộng tác với "New-York Tribune" và từ đó sự cộng tác ấy không hề ngừng lại. Ngài thường xuyên viết bài cho chúng tôi, theo tôi nhớ, thậm chí không gián đoạn một tuần nào. Ngài không những là một trong những cộng tác viên quý giá nhất, mà còn là một cộng tác viên hưởng nhuận bút cao nhất của tờ báo chúng tôi. Khuyết điểm duy nhất mà tôi có thể nhận xét ở Ngài là có khi Ngài tỏ ra có cảm tình quá ư Đức đối với báo chí Mỹ. Điều đó đã xảy ra đối với Nga cũng như đối với Pháp. Trong những vấn đề liên quan đến chế độ Nga hoàng và chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ; có khi tôi thấy rằng Ngài tỏ ra quá ư thích thú và quá ư quan tâm đến sự thống nhất và nền độc lập của Đức. Có lẽ điều đó biểu hiện đặc biệt nổi bật trong vấn đề chiến tranh I-ta-li-a gần đây. Tôi hoàn toàn đồng ý với Ngài ở sự *đồng tình với nhân dân I-ta-li-a*; cũng như Ngài, tôi rất ít tin vào sự thành thực của hoàng đế Pháp và, cũng như Ngài, tôi ít tin rằng có thể chờ đợi ở ông ta *nền tự do cho I-ta-li-a* – nhưng tôi không cho rằng Đức cũng có những căn cứ để lo ngại, như Ngài cùng những nhà yêu nước Đức khác đã nghĩ.

Tôi phải bổ sung rằng trong tất cả các bài của Ngài đã qua tay tôi, Ngài bao giờ cũng bày tỏ sự quan tâm sâu sắc nhất đến hạnh phúc và tiến bộ của các giai cấp cần lao và nhiều tác phẩm của Ngài trực tiếp bàn về vấn đề ấy.

Năm sáu năm gần đây, tôi đã nhiều lần làm người trung gian chuyển các bài do Ngài viết cho tờ "Putman's Monthly"⁶⁰⁷, một tạp chí văn học rất tầm cỡ, cũng như cho "Bách khoa toàn thư mới của Mỹ" mà tôi tham gia biên tập nó và Ngài cũng đã gửi một số bài rất quan trọng cho ấn phẩm này.

2* Trong nguyên bản, thư của Giôn-xơ được dẫn ra bằng tiếng Anh.

Nếu cần những lời giải thích khác thì tôi rất sung sướng cung cấp cho Ngài. Còn giờ đây tôi tạm dừng bút và xin gửi lời trung thực tới Ngài.

Sác-lơ A.Đa-na

Chủ biên "New-York Tribune"

Gửi tiến sĩ Các Mác^{1*}

15. CÁC CUỐN SÁCH NHỎ CỦA ĐAN-TIU

Tôi đã chỉ rõ, các cuốn sách nhỏ của Đan-tiu là nguồn gốc mà từ đó Đa-Đa của nước Đức thu nhận được sự tinh thông của mình trong lĩnh vực lịch sử thế giới nói chung và "*Chính sách cứu thế của Na-pô-lê-ông*" nói riêng. "*Chính sách cứu thế của Na-pô-lê-ông*" là câu nói lấy từ một trong những bài xã luận gần đây của "nhà dân chủ" Ph. Xa-ben. *Bản thân người Pháp* nghĩ và nhận thức về những cuốn sách nhỏ ấy như thế nào, – về điều đó có thể thấy được qua đoạn trích sau đây từ tờ tuần báo Pari "Courier de Dimanche", *Nr 42, ngày 14 tháng Mười 1860*:

"Về tình hình lúc này xin quý vị hãy tùy ý cầm lấy mười cuốn sách nhỏ và quý vị sẽ thấy rằng chỉ ít chín cuốn trong số đó đã được nghĩ ra, soạn thảo và viết ra bởi... ai? bởi các nhà tiểu thuyết chuyên nghiệp, các nhà soạn ca khúc, những người viết những ca kịch ngắn và những người làm tạp dịch ở nhà thờ!

Khi báo chí chỉ bắt đầu bàn về cuộc hội đàm bí mật giữa các cường quốc phương Bắc, về Liên minh thần thánh đang sống lại, là lập tức có một nhà viết ca khúc dễ chịu nào đó chuyên sáng tác các điệp khúc rất vắn vẽ – thậm chí đã có thời – mang tính thần rất tự do chủ nghĩa – chạy đến ông Đan-tiu không thể tránh khỏi và đưa cho ông ta cuốn sách nhỏ sao chép lại một cách dài dòng và tầm thường các bài văn của ông Grăng-guy-lô, với cái nhan đề rất kêu "Liên hợp". Hoặc người ta sẽ cảm thấy rằng liên minh với Anh không làm cho ông Li-mê-rắc hài lòng, và lập tức có một ông Sát-le nào đó, – người đã được thưởng huân chương Gri-gô-ri Đại đế, và nếu xét đoán theo văn phong thì có thể là

người làm tạp dịch ở nhà thờ nào đó, – đã cho đăng hoặc đăng lại bản báo cáo dài dòng và nực cười "*Tội ác và lỗi lầm của Anh đối với Pháp*". Tác giả bài "*Cha đỡ đầu của Ghin-ri*" (Êt-mông A-bu)⁶⁰⁸ đã cảm thấy rằng cần phải khai sáng chúng ta về những bí mật chính trị của chế độ quân chủ Phổ, và từ bề cao của các vụ thất bại thảm hại ở nhà hát ông ta đã đưa ra cho các Viện ở Béc-lin những lời khuyên sáng suốt. Có tin ông Cléc-vin dự định trong thời gian sắp tới đây sẽ giải thích vấn đề kênh Pa-na-ma là vấn đề đã bị ông Ben-li làm rối tung rối mù, và không nghi ngờ gì nữa, mấy ngày sau cuộc hội kiến của các nhân vật cao cấp nhất vào ngày 21 tháng Mười, thì trong tủ kính của tất cả các hiệu sách của chúng ta sẽ xuất hiện cuốn sách nhỏ mẫu hồng rất đẹp, nhan đề "*Ký sự về cuộc hội kiến Vác-sa-va, do đội vũ ba-lê của Viện ca kịch soạn*".

Sự xâm nhập thoạt nhìn không hiểu được đó của các vị *tiểu thần* văn học vào lĩnh vực chính trị, được giải thích bằng nhiều nguyên nhân. Ở đây chúng tôi chỉ bàn đến một nguyên nhân trực tiếp nhất và hiển nhiên nhất.

Trong tình hình suy thoái hầu như phổ biến của trí tuệ và tình cảm, các ngài ấy – những người chuyên làm cái nghề đáng buồn là giải trí cho công chúng – không biết làm thế nào để lay động và thức tỉnh bạn đọc của mình. Họ lặp lại không thay đổi những khúc hát hài hước và những giai thoại cũ rích của mình. Bản thân họ cũng cảm thấy sự buồn phiền, sự đau khổ và sự chán ngán như những người mà họ định giải sầu. Chính vì vậy nên khi đã cạn hết khả năng, trong nỗi tuyệt vọng họ đã lao vào viết, người thì viết hồi ký của những cô gái giang hồ, người thì viết các tập sách nhỏ về ngoại giao.

Rồi vào một buổi sáng đẹp trời, một nhà phiêu lưu cầm bút nào đó – ông ta chưa bao giờ nghiêm chỉnh nghiên cứu chính trị lấy một giờ, trong tâm hồn không có lấy bóng dáng của niềm tin – bỗng vùng lên tự nhủ rằng: "Ta phải gây náo động! Ta phải làm gì đây để thu hút về phía mình sự chú ý của mọi người vẫn lẩn tránh ta theo bản năng? Viết tập sách nhỏ về sự kiện Lê-ô-ta hoặc về vấn đề phương Đông? Phơi bày ra trước thiên hạ đang ngạc nhiên những bí mật của khuê phòng, nơi mà ta chưa lui tới bao giờ, hay là những bí mật của chính sách của nước Nga là điều càng xa lạ đối với ta? Biểu lộ – dưới hình thức văn xuôi của Vôn-te – nỗi đau khổ của mình về *những người đàn bà thanh danh bị bôi nhọ*, hay là biểu lộ – dưới hình thức văn xuôi của sách phúc âm – sự đau thương đối với các tín đồ giáo phái Ma-rông bất hạnh bị bọn Hồi giáo cuồng tín hãm hại và chém giết? Viết bài ca tụng có Ri-ghen-bô-sơ hay là biện hộ cho quyền lực thế tục của giáo hoàng? Tôi kiên quyết lựa chọn chính trị. Tôi biết cách giải trí cho bạn đọc của mình bằng các quốc vương và hoàng đế tốt hơn nhiều là bằng những người đàn bà lá lơi dễ dãi". Nói thế rồi thành viên ngoài biên chế của đám nghệ sĩ phóng đăng lục lợi trong tờ "Moniteur" tha thẩn mấy ngày dưới

1* Trong nguyên bản thư của Đa-na được dẫn ra bằng tiếng Anh.

những hàng cột của Sở giao dịch, thăm mấy quan chức và rút cục biết được ngọn gió của tính hiếu kỳ ở thủ đô hoặc của tâm trạng cung đình thổi về hướng nào. Bấy giờ anh ta lựa chọn tiêu đề mà ngọn gió ấy có thể thổi một cách thích đáng, và anh ta hái được cành nguyệt quế của mình với vẻ hài lòng. Giờ đây tác phẩm của anh ta có thể được coi là đã viết xong, vì hiện nay trong cuốn sách nhỏ chỉ có hai điều quan trọng: tiêu đề và quan hệ có thể có giữa tác giả và "các nhân vật bề trên".

Sau tất cả điều đó liệu có cần phải nói về giá trị của những cuốn sách nhỏ mà người ta đang nhét đầy cho chúng ta? Lúc nào đó anh hãy dồn hết sự dũng cảm để đọc từ đầu chí cuối những cuốn sách ấy, thì anh sẽ ngạc nhiên về sự dốt nát chưa từng thấy, về sự khinh suất không thể chịu đựng nổi, thậm chí về sự sa đoạ về đạo đức mà các tác giả những cuốn sách ấy bộc lộ ra. Ở đây tôi không nói về những tác giả tệ nhất trong số họ... Mỗi năm càng làm cho ta cúi thấp hơn, mỗi năm đều bộc lộ triệu chứng mới của sự thoái hoá về trí tuệ, mỗi năm đều bổ sung sự nhục nhã văn học mới vào những kẻ mà chúng ta thấy đỏ mặt vì hổ thẹn. Tình hình đã đi tới mức là ngay cả những người lạc quan nhất có khi cũng bắt đầu hoài nghi đối với ngày mai và lo lắng tự hỏi rằng: liệu chúng ta có thoát khỏi tình cảnh đó không?"^{1*}

Trên đây tôi đã trích dẫn câu nói "*Chính sách cứu thế của Na-pô-lê-ông*", rút từ báo "National – Zeitung" phóng viên ở Pa-ri của tờ "Manchester Guardian"⁶⁰⁹ – một tờ báo nổi tiếng khắp nước Anh về sự chính xác thường thấy của các tin tức của nó – đã đưa tin một cách kỳ lạ về sự việc lý thú sau đây:

"Paris, November, 8... Louis Napoleon spends his gold in vain in supporting such newspapers as the "National-Zeitung" (Lu-i – Na-pô-lê-ông đã uống phí tiền bạc của mình trong việc ủng hộ những tờ báo như "National-Zeitung") ("Manchester Guardian" số ra ngày 12 tháng Mười một 1860).

Song tôi cho rằng người phóng viên này – mà nhìn chung là người rất thạo tin – của tờ "Manchester Guardian" lần này đã nhầm. Nghe nói, Ph. Xa-ben đã chạy sang phe Bô-na-pác-tơ để chứng minh rằng ông ta *không bị Áo mua chuộc*. Chỉ ít thì từ Béc-

1* Trong nguyên bản, đoạn trích trong bài đăng trên "Courrier du Dimanche", được dẫn ra bằng tiếng Pháp.

lin người ta đã báo tin cho tôi biết như vậy. Hoàn toàn giống như trong *Bài ca Đơn-xơ*!

16. BỔ SUNG

A) CÁC PHÔ-GTÔ VÀ CÔNG TY "XI-MĂNG"

Trong khi đang in những tờ cuối cùng, tôi ngẫu nhiên vớ được "Stimmen der Zeit" số ra tháng Mười (1860). Người xuất bản trước đây của tờ báo của các nghị sĩ lưu vong "Deutsche Monatsschrift", nghĩa là trên mức độ nhất định là thủ trưởng văn học của "nhiếp chính đế quốc lưu vong", A. Cô-lát-chếch, đã nói ở trang 37 về người bạn của mình Các Phô-gtô như sau:

"Công ty cổ phần "Xi-măng" ở Giơ-ne-vơ, mà người tham gia *ban quản trị* không phải ai khác mà chính là ngài *Các Phô-gtô*, được thành lập năm 1857, thế mà đến năm 1858 các cổ đông đã không còn lấy một xu và viên chương lý đã bắt giam một uỷ viên của ban quản trị về tội lường gạt. Đúng vào lúc có cuộc bắt bớ đó, ngài Phô-gtô đang ở Béc-nơ. Ngài hấp tấp trở về, người bị bắt được tha, vụ án được kết thúc "để tránh tai tiếng" nhưng các cổ đông mất sạch. Dựa vào ví dụ đó không thể nói rằng ở Giơ-ne-vơ tài sản được bảo vệ đầy đủ và sự lầm lạc của Ngài *Các Phô-gtô* về mặt này càng tỏ ra lạ lùng, vì như chúng tôi đã nói, ông ta là *một trong những uỷ viên quản trị của Công ty nói trên*; tuy nhiên, ngay ở Pháp, trong những vụ án tương tự người ta đi tìm kẻ phạm tội ngay cả trong số các uỷ viên quản trị, tổng giám họ và thoả mãn sự tố tụng dân sự của các cổ đông bằng tài sản của các uỷ viên quản trị ấy".

Hãy so sánh việc đó với điều mà I. Ph. Béch-cơ kể trong thư của mình (chương X) về vụ ngân hàng đã ném ông *Giêm-xơ Pha-di* vào lòng sự kiện tháng Chạp. Những tình tiết như vậy giúp rất nhiều vào việc giải đáp điều bí ẩn là Na-pô-lê-ông Bé làm thế nào lại trở thành con người vĩ đại nhất thời đại mình. Mọi người đều biết, bản thân Na-pô-lê-ông Bé phải lựa chọn giữa coup d'état^{1*}

1* – cuộc đảo chính

và ... Cli-si⁶¹⁰.

B) CÔ-SÚT

Đoạn trích dưới đây trong bản ghi cuộc nói chuyện với *Cô-sút* đã chứng minh hiển nhiên rằng Cô-sút hiểu rất rõ rằng Nga là mối nguy chủ yếu đối với Hung-ga-ri. Tác giả của bản ghi chép đó là một trong những nghị sĩ cấp tiến có tên tuổi nhất của House of Commons^{2*} hiện nay.

"Bản ghi cuộc nói chuyện với ngài Cô-sút tối 30 tháng Năm 1854..."

... Việc quay trở lại pháp chế nghiêm ngặt ở Hung-ga-ri (ông, tức *Cô-sút*, nói), có thể phục hồi liên minh giữa Hung-ga-ri và Áo sẽ *cản trở Nga tìm được Đồng minh ở Hung-ga-ri*. Ông (Cô-sút) không hề phản đối sự quay về nền pháp chế. Ông sẵn sàng khuyến khích đồng bào của mình tiếp nhận một cách tin tưởng sự khôi phục đó nếu như có thể đạt được nó, và về phần mình, sẽ không hề cản trở gì sự chuyển biến đó. Bản thân ông không có ý định trở về Hung-ga-ri, vì không tin rằng Áo sẽ quay trở về với nền pháp chế, trừ phi rơi vào tình trạng bất đắc dĩ. Ông cho phép tôi nói rằng đây là quan điểm của ông, rằng nếu cần thì ông sẽ công khai chứng thực quan điểm đó, mặc dầu bản thân ông không đưa ra kiến nghị gì, vì không mong đợi rằng Áo tự nguyện từ bỏ các kế hoạch trung ương tập quyền cổ truyền của nó... Năm 1848, lẽ ra có thể ông đồng ý phái quân đội Hung-ga-ri để đẩy lùi cuộc công kích của người Pi-ê-mông (năm 1848, ông Cô-sút đã đi xa hơn thế nhiều, bằng bài nói gay gắt của mình tại nghị viện ở Pét ông ta đã đạt được việc phái quân đội Hung-ga-ri đi chống lại "bọn phiến loạn I-ta-li-a") "nhưng sẽ không lợi dụng những đội quân ấy để chiếm lĩnh I-ta-li-a thuộc Áo bằng vũ lực, cũng như sẽ không đồng ý cho quân đội nước ngoài vào Hung-ga-ri"^{1*}.

Sức mạnh sáng tạo thần thoại của trí tưởng tượng của nhân dân ở mọi thời đại đều biểu hiện ở việc phát minh ra các "vĩ nhân". Ví dụ hùng hồn nhất thuộc loại đó, không nghi ngờ gì nữa là *Xi-môn Bô-li-va-rơ*. Còn về *Cô-sút* thì, chẳng hạn, ông ta được ca tụng là người đã thủ tiêu chế độ phong kiến ở Hung-ga-ri. Song

ông ta hoàn toàn không dính dáng gì vào ba biện pháp quan trọng nhất - thực hiện thu thuế một cách phổ biến, xoá bỏ nghĩa vụ phong kiến của nông dân và thủ tiêu không bồi thường thuế thập phân của giáo hội. Dự luật về *thu thuế phổ biến* (trước kia quý tộc được miễn thuế, là do *Xê-me-rơ* đưa ra; dự luật về thủ tiêu chế độ lao dịch v.v. là do *Bô-ni-sơ*, nghị sĩ của Xa-bôn-sơ, đưa ra; và bản thân giáo hội - thông qua nghị sĩ của mình, linh mục I-ê-ken-pha-lu-si - đã tự nguyện từ bỏ thuế thập phân.

C) ÉT-MÔNG A-BU. "NƯỚC PHỔ NĂM 1860"

Ở cuối chương VIII, tôi nêu lên ý kiến cho rằng cuốn sách nhỏ của *E. A-bu "Nước Phổ năm 1860"*, hoặc như tên gọi ban đầu của nó là *"Na-pô-lê-ông III và nước Phổ"* là bản trích yếu được dịch ngược lại ra tiếng Pháp lấy trong bản sưu tập của Đa-Đa Phô-gtô,

2* - Hạ nghị viện

1* Trong nguyên bản, bản ghi cuộc nói chuyện với *Cô-sút* được dẫn ra bằng tiếng Anh.

tác phẩm này lại là bản chép lại bằng tiếng Đức, tập sách nhỏ của Đan-tiu. Lý do duy nhất chống lại giả định trên là nhà hài kịch bị thất bại E. A-bu hoàn toàn không biết tiếng Đức. Nhưng chẳng lẽ compère^{1*} Ghin-ri không thể tìm được ở Pa-ri một *commère* allemande^{2*} hay sao? Ai có thể là *commère* ấy, thì đó vẫn còn là một câu đố. Cuốn sách nhỏ "*Nước Phổ năm 1860*", như mọi người đều biết, được công bố để kỷ niệm chuyến đi Ba-đen – Ba-đen của Lu-i Bô-na-pác-tơ⁶¹¹, cuốn sách này phải báo trước cho hoàng thân nhiếp chính về những đề nghị của Lu-i Bô-na-pác-tơ và giải thích với Phổ rằng – như những lời kết thúc cuốn sách đã nói – Phổ có ở chế độ ngày 2 tháng Chạp "un allié très utile qui est peut-être appelé à lui" (Nước Phổ) "rendre de grands services, *pourvu qu'elle s'y prête un peu*"^{3*}. Dịch ra tiếng Đức thì câu "*Pourvu qu'elle s'y prête un peu*" ấy có nghĩa là "với điều kiện Phổ bán tỉnh Ranh cho Pháp"; bí mật ấy, E. A-bu đã tiết lộ bằng tiếng Pháp (xem chương IX, Bộ máy tay sai), ngay từ mùa xuân năm 1860 trong "Opinion Nationale". Trong cái tình hình tăng tội như thế, tôi không có quyền xuất phát từ sự suy đoán giản đơn để nói rằng người nào đó đã là người Đức nhắc vở của E. A-bu – nhà soạn hài kịch bị thất bại và là tác giả các cuốn sách nhỏ do Đan-tiu xuất bản. Nhưng bây giờ thì tôi có quyền tuyên bố rằng *commère* Đức của compère Ghin-si không phải là ai khác mà chính là nàng Quy-nê-gông-dơ hiền dụ của Phô-gtơ, tức ngài *Lút-vích Xi-môn ở Tơ-ria*. Người lưu vong Đức^{4*} ở Luân Đôn viết bài trả lời nổi tiếng đối với tập sách nhỏ của A-bu, vị tất đã đoán được điều đó⁶¹².

1* – cha đỡ đầu

2* – mẹ đỡ đầu Đức

3* – "một đồng minh rất có ích mà có thể là đồng minh ấy có sứ mệnh giúp đỡ rất nhiều cho nó, miễn là nó hưởng ứng nguyện vọng của đồng minh ấy".

4* – X.L. Boóc-hai-mơ

C.MÁC

THƯ GỬI CHỦ BIÊN BÁO "ALLGEMEINE ZEITUNG"

[Luân Đôn], ngày 19 tháng Mười 1859

Số 9, Gráp-ten Tê-rét, công viên Máy-len,

Ha-ve-xtóc Hin

Thưa Ngài!

Khi tôi tham gia hoạt động trên báo chí ở Đức, tôi đã công kích "Allgemeine Zeitung" và "Allgemeine Zeitung" cũng đã công kích tôi. Nhưng đương nhiên, điều đó tuyệt nhiên không cản trở tôi đem hết sức mình giúp đỡ "Allgemeine Zeitung" trong trường hợp thực hiện, theo ý tôi, chức trách *đầu tiên* của báo chí, tức là chức trách vạch trần sự lừa bịp. Văn kiện kèm theo có ý nghĩa văn kiện *tư pháp*^{1*2} ở đây, tại Luân Đôn. Tôi không biết ở Au-xbuốc có như thế không. Tôi đã sưu tầm văn

1* Về văn kiện này, xem tập này, tr. 614-618.

kiện đó, vì Blin-đơ từ chối xác nhận những lời ông ta nói với tôi và với những người khác là những lời mà tôi đã kể lại với Líp-nếch và chúng đã làm cho Líp-nếch không hoài nghi chút nào về những sự vạch mặt chứa đựng trong truyền đơn nặc danh.

Xin sẵn lòng hầu ngài
Tiến sĩ C.Mác

*Đã đăng trong "Allgemeine Zeitung" số
300, ngày 27 tháng Mười 1859*

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

C.MÁC

**TUYÊN BỐ GỬI BAN BIÊN TẬP CÁC BÁO
"REFORM", "VOLKS ZEITUNG"
VÀ "ALLGEMEINE ZEITUNG"⁶¹³**

Luân Đôn, ngày 7 tháng Mười một 1859

Qua số 132 của tờ "Freischutz" mà một người bạn ở Hăm-buốc gửi cho tôi, tôi thấy rằng Ê-đu-a Mây-en cho rằng ông ta có trách nhiệm dùng uy tín không thể chê trách được của ông ta để can thiệp vào vụ án *Phô-gtơ*. Horsepower^{1*}, hoặc nói đúng hơn, donkeypower^{2*} của cái lô-gích của ông ta tập trung vào luận điểm tuyệt vời là: vì ông có quan hệ thân mật với *Blin-đơ*, còn *Blin-đơ lại không gửi* cho ông ta bản sao tờ truyền đơn nặc danh, cho nên nguyên bản mà tôi gửi cho tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc nhất định là *falsum*^{3*}. Đương nhiên, với mẹo khôn vặt của ông ta, ông ta tránh nói điều đó một cách thẳng thừng; ông ta nói điều đó một cách quanh co.

Song, tôi mong rằng ông Ê-đu-a Mây-en chứng minh rằng thời gian của tôi chẳng có giá trị gì, do đó, tôi có thể phung phí nó vào việc công kích phái dân chủ tầm thường ở Đức.

1* - sức ngựa

2* - sức lừa

3* - hàng giả

Từ cuối năm 1850, tôi cắt đứt mọi quan hệ với tổ chức lưu vong Đức ở Luân Đôn, tổ chức này liên tan rã ngay khi tôi rút mất của nó cái cơ sở duy nhất của sự đoàn kết của nó – đó là sự chống đối lại tôi. Quá trình tan rã của nó được đặc biệt đẩy nhanh nhờ những cố gắng của những tên tay sai như *Mây-en*, nhân vật này, chẳng hạn, đã công khai cổ động ủng hộ phái *Kin-ken* chống lại phái *Ru-gơ*. Trong vòng 9 năm trôi qua từ đó, tôi luôn luôn là cộng tác viên của tờ "New-York Tribune", một tờ báo có 20.000 người đặt mua, phạm vi bạn đọc tương tự như của tờ "Freischutz". Phải chăng tôi đã nhắc tên, dù là một lần, của người nào đó trong số những nhà dân chủ tầm thường Đức, phải chăng tôi đã trả lời, dù chỉ là *một lời*, trước những lời công kích đê tiện chống lại tôi, những lời công kích mà trong 5 năm trời các đảng nam nhi đáng kính đó đã tuôn ra tràn đầy trên báo chí Đức, đặc biệt là báo chí tiếng Đức ở Mỹ.

Quả thực, trong thời gian đó, tôi công kích, nhưng tôi không vu khống các nhà dân chủ "vĩ đại" mà ông Ê-đu-a Mây-en có nghĩa vụ kính phục. Chẳng hạn, tôi đã công kích nhà dân chủ vĩ đại, *huân tước Pan-móc-xtơ*. Tội của tôi càng không thể tha thứ được, vì lời "vu khống" của tôi không những được các tờ báo Anh thuộc các đảng phái khác nhau – từ tờ "People's Paper" của phái Hiến chương đến tờ "Free Press", cơ quan ngôn luận của ông *Uốc-các-tơ* – đăng lại, mà lại còn được in không hề có sự tham dự của tôi thành các tập sách mỏng với số lượng phát hành ít ra là 15.000 bản ở Luân Đôn, Séc-phin và Gla-xgô. Ngoài ra, cũng trong thời gian ấy, tôi đã vạch mặt nhà dân chủ vĩ đại *Lu-i Bô-na-pác-tơ*, ban đầu trong tác phẩm bằng tiếng Đức "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ, tác phẩm này bị tịch thu ở khắp mọi nơi trên biên giới nước Đức, nhưng được lưu hành rộng rãi ở Mỹ và được trích đăng trong tờ báo đương thời của phái Hiến chương ở Luân Đôn⁶¹⁴. Cho tới ngày nay, tôi vẫn tiếp tục "vu khống", "nhà dân chủ vĩ đại" *Bô-na-pác-tơ* trên tờ "Tribune", phân tích chế độ tài

chính của ông ta, nền ngoại giao của ông ta, phương pháp tác chiến của ông ta, idées napoléoniennes^{1*} của ông ta. *Lu-i Bô-na-pác-tơ* đã gửi cho tờ "New-York Times" bức thư *ngỏ* cảm ơn về việc tờ báo này phát biểu chống lại những lời công kích có "tính chất vu khống" đó. Bảy năm trước đây, tôi thậm chí vạch mặt nhà dân chủ vĩ đại *Sti-bơ* trong cuốn "Vạch trần vụ án những người cộng sản", cuốn sách đó bị đốt ở biên giới Ba-đen – Thuỵ Sĩ. Ông Mây-en hãy cố tha thứ cho tôi về điều đó. Ngày nay, sự vu khống đó mang tính chất dân chủ, vì nó được truyền bá "theo ý muốn cao cả của bề trên". Ngoài tờ báo của ông Ê-đu-a Mây-en, tờ báo của ông *Giô-dép Duy-mông*^{2*} ở Khuê cũng chứng minh rằng tôi thường lầm lẫn về thời gian. Năm 1848 và 1849 khi tôi cả gan lên tiếng trên tờ "Neue Rheinische Zeitung" để bảo vệ các dân tộc Hung-gari, I-ta-li-a và Ba Lan, thì ai là người tức giận và hò hét lớn tiếng nhất nếu không phải là tờ báo của ông *Giô-dép Duy-mông* ở Khuê? Tuy nhiên ngày ấy Lu-i Bô-na-pác-tơ còn chưa làm cho dân tộc nhiễm tư tưởng "tự do chủ nghĩa" diễm phúc. Về việc các biên tập viên trước đây của tờ "Neue Rheinische Zeitung" vẫn giữ vững quan điểm của mình thì ngay ông *Giô-dép Duy-mông* trước đây, mà ngày nay là *Giô-dép đen Môn-te*, đều biết được qua cuốn "*Pô và Ranh*" mà *Phri-đrich Ăng-ghen* đã công bố vào thời kỳ đầu của chiến tranh. Còn về nền dân chủ *kiểu Ê-đu-a Mây-en* – hiểu "theo nghĩa hẹp của danh từ" – thì sau khi không thềm ngó ngang tới 9 năm trời, tôi chỉ phá tan sự im lặng có hai lần mà là gần đây thôi: một lần qua bài phát biểu chống *Cô-sút*, một lần khác qua bài phát biểu chống ông *Gôt-phrít Kin-ken*. Đúng là trên tờ "Volk" tôi đã có mấy ý kiến phát biểu theo quan điểm thuần túy *ngữ pháp* về những câu nói văn hoa của *Kin-ken* trong ấn

1* – tư tưởng Na-pô-lê-ông

2* – "Kölnische Zeitung"

phẩm "Hermann". Đây là tất cả những gì tôi viết cho tờ "Volk", ngoài bài viết về Hoà ước Vi-la-phrăng-ca với nhan đề "Quid pro quo"⁶¹⁵. Nhưng theo quan niệm của *Ê-đư-a Mây-en*, hình như "nhà dân chủ lương thiện" cũng có quyền vi phạm những quy tắc "chuyên chế" của phép đặt câu, cũng như chuyển từ phe cộng hoà sang phe bảo hoàng.

Ở cuối bức thư ấy, tôi lâm vào cảnh lúng túng trái ngược với cảnh lúng túng mà Hê-ghe-nơ rơi vào ở đầu tác phẩm "Lô-gích học" của mình. Ở đây ông muốn đi từ "tồn tại" đến "hư vô", còn tôi muốn đi từ "hư vô" đến "tồn tại", tức là đi từ *Ê-đư-a Mây-en* đến vụ án, đến vụ án *Phô-gtơ*. Để khỏi phí lời vô ích, tôi đặt ra với *Các-lơ Blin-đơ* những câu hỏi sau đây:

1) Ngày 9 tháng Năm, tại diễn đàn của cuộc mít tinh do *Uốc-các-tơ* tổ chức, có đúng là *Blin-đơ* cho tôi biết mấy tin tức về *Phô-gtơ* mà nội dung của những tin báo đó có hoàn toàn trùng hợp với tờ truyền đơn "*Sự phòng ngừa*", hay không?

2) Có phải *Blin-đơ* đã cho đăng trên tờ "Free Press" ở Luân Đôn, số ra ngày 27 tháng Năm, một bài báo nặc danh nhan đề "Đại công tước Côn-xtan-tin – quốc vương tương lai của Hung-ga-ri – bài báo này thuật lại về cơ bản nội dung của tờ truyền đơn "*Sự phòng ngừa*", chỉ có điều là không nhắc đến tên *Phô-gtơ* – hay không?

3) Có phải *Blin-đơ* đã uỷ nhiệm cho in tờ truyền đơn nói trên, do ông ta chịu phí tổn, tại nhà in của ông Ph.Hô-linh-gơ, số 3, phố Li-xphin, khu Xô-hô ở Luân Đôn, hay không?

Bất chấp những lời nói quanh co của phái dân chủ *Mây-en* và thậm chí trái với ý muốn của con người không quen biết vĩ đại, "luật gia lỗi lạc" *Giô-đép Duy-mông* – tất cả vẫn xoay quanh câu hỏi: ai cho in tờ truyền đơn "*Sự phòng ngừa*"? Chỉ vì in lại tờ truyền đơn ấy mà tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc bị đưa ra toà. Điều mà *Phô-gtơ* thấy cần phải gột sạch trước toàn thiên hạ –

chỉ là những lời buộc tội trong truyền đơn ấy. Trước con người đã in truyền đơn đó có three courses open to himself^{1*} như Rô-bốt Pin đã phát biểu. Hoặc là anh ta cố tình bịa đặt. Tôi không nghĩ như thế về *Các-lơ Blin-đơ*. Hoặc là sau đó anh ta tin rằng những dữ kiện cho phép anh ta có quyền in tờ truyền đơn, là giả tạo. Như thế thì anh ta cũng phải giải thích. Hoặc, sau hết, anh ta có những chứng cứ trong tay, nhưng do những suy tính cá nhân anh ta muốn lấp liếm toàn bộ vấn đề và với tinh thần nhẫn nhục rộng lượng anh ta chịu đựng những quả trứng thối ném vào tôi, chứ không phải vào anh ta. Nhưng trong vấn đề quan trọng như vấn đề làm sáng tỏ quan hệ giữa nhiếp chính đế quốc Đức in partibus^{2*} và hoàng đế Pháp de facto^{3*} phải chăng nên vứt bỏ mọi suy tính cá nhân?

Các Mác

Đã đăng ký trong phụ trương của báo "Reform"
số 139, ngày 19 tháng Mười một 1859

In theo bản đăng trên báo

Nguyên văn là tiếng Anh

In bằng tiếng Nga lần đầu trong
cuốn: C.Mác. "Ngài Phô-gtơ", 1936

1* – ba con đường mở ra cho anh ta

2* – in partibus infidelium – phi hiện thực

3* – thực tế

C.MÁC

TUYÊN BỐ GỬI BAN BIÊN TẬP BÁO "ALLGEMEINE ZEITUNG"

Phô-gtơ biết rõ người anh em của mình nên đã có một mảnh lối rất lấu cá là chuyển nguồn gốc của những sự vạch trần chống ông ta từ cái gọi là phe dân chủ sang phe xã hội chủ nghĩa. Nhưng, về phần mình, tôi không hề quan tâm giúp vào việc quid pro quo^{1*} ấy, do đó, không thể không trả lời tuyên bố của Blin-đơ đăng trên tờ "Allgemeine Zeitung", số 313.

1) Ngày 9 tháng Năm, trên diễn đàn cuộc mít tinh do Uốc-các-tơ tổ chức, Blin-đơ cho tôi biết tất cả những lời buộc tội đưa ra chống lại Phô-gtơ trong tờ truyền đơn "Sự phòng ngừa". Những chi tiết ấy, ông ta cũng kể lại với những người khác, chẳng hạn với Phrai-li-grát. Do sự hoàn toàn giống nhau về nội dung và ngôn ngữ giữa lời tường thuật bằng miệng của ông ta và tờ truyền đơn in, cho nên lẽ tự nhiên, de prmie abord^{2*} ông ta được coi là tác giả của tờ truyền đơn ấy.

2) Trên tờ "Free Press" số ra ngày 27 tháng Năm ở Luân Đôn xuất hiện một bài báo nặc danh của Blin-đơ, nhan đề "Đại công tước Côn-xtan-tin – quốc vương tương lai của Hung-ga-ri" về cơ bản đã tán dương tờ truyền đơn. Trong bài này, Blin-đơ nói rằng

1* – sự hoà lẫn các khái niệm

2* – ngay từ đầu

ông ta biết phái tự do ở Đức và phái dân chủ ở Luân Đôn, mà người ta đề nghị với họ "large bribes"^{1*} để họ tuyên truyền cho chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ. Khi việc xử vụ án Phô-gtơ đã tới gần, chủ biên tờ "Free Press", ông Cô-lét, tìm tôi và *thay mặt Blin-đơ* đề nghị tôi *đừng lợi dụng* sự hiểu biết của tôi về tác giả của bài báo trên. Tôi trả lời ông Cô-lét rằng tôi không có sự câu kết nào – và ông Cô-lét thấy rằng điều đó là chính đáng – rằng sự khiêm tốn của tôi sẽ tùy thuộc vào hành vi của ông Blin-đơ.

3) Lời tuyên bố của Phi-đê-li-ô Hô-linh-gơ quả thực đáng buồn cười. Phi-đê-li-ô Hô-linh-gơ biết rằng ông ta chính thức vi phạm luật pháp Anh khi in tờ truyền đơn mà *không ghi rõ nơi in*. Do đó ông ta tự ý tạo ra một bằng chứng chứng minh rằng mình không dính dáng gì đến pécadillo^{2*} ấy. Việc tờ báo "Volk" đăng lại tờ truyền đơn theo bản sắp chữ còn giữ lại ở nhà in Hô-linh-gơ, là ngẫu nhiên. Như vậy, không cần bằng chứng, chỉ đơn giản đối chiếu tờ truyền đơn với tờ truyền đơn đăng lại trên tờ "Volk" là có thể chứng minh trước phiên tòa rằng truyền đơn đó "xuất phát từ nhà in của Ph. Hô-linh-gơ". Chuyển cuộc xét xử từ Au-xbuốc sang Luân Đôn sẽ làm cho toàn bộ mystère^{3*} của Blin-đơ - Phô-gtơ hoàn toàn bị phơi bày ra.

Các Mác

Luân Đôn, ngày 15 tháng Mười một 1859

"9, Gráp-ten Tê-rét Ha-ve-xtốc Hin,

công viên Mây-len.

Đã đăng trong phụ trương của tờ "Allgemeine Zeitung" số 325, ngày 21 tháng Mười một 1859

In theo bài đăng trên báo

1* – những khoản hối lộ lớn

2* – tội lỗi

3* – bí mật

Nguyên văn là tiếng Đức

In bằng tiếng Nga lần đầu trong cuốn:

Các Mác. "Ngài Phô-gơ", 1936

C.MÁC

VỤ ÁN CHỐNG "BÁO AU-XBUỐC"^{1*}

Luân Đôn, ngày 4 tháng Hai 1860,

Số 9, Gráp-Tê-rét, công viên Mây-len

Ha-ve-xtóc Hin

GỬI CHỦ BIÊN BÁO "FREE PRESS"

Thưa Ngài,

Như Ngài còn nhớ, "Free Press" số ra ngày 27 tháng Năm 1859 đã đăng bài nhan đề "*Đại công tước Côn-xtan-tin – quốc vương tương lai của Hung-ga-ri*". Trong bài này, ông Phô-gơ ở Giơ-ne-vơ, tuy không nêu tên ông ta, đã bị vạch mặt – dưới hình thức dễ hiểu đối với những người lưu vong Đức – là tay sai của Bô-na-pác-tơ, khi nổ ra cuộc chiến tranh I-ta-li-a ông ta đã đề nghị "large bribes"^{1*} với phái tư duy ở Đức và phái dân chủ Đức ở Luân Đôn. Tác giả tỏ ra thích thú trước sự thể là ý đồ rút lót ấy vấp phải sự chống đối phần nộ. Tôi khẳng định rằng tác giả bài văn ngắn ấy là

1* – "những khoản hối lộ lớn"

ông *Các-lơ Blin-đơ*. Ngài có thể bác lại tôi, nếu tôi lầm. Chẳng bao lâu sau đó ở Luân Đôn đã phân phát tờ truyền đơn nặc danh *bằng tiếng Đức* mang tiêu đề "*Zur Warnung*". ("Sự phòng ngừa"), mà về thực chất có thể coi nó là bản in lại bài báo của tờ "Free Press"; có điều là tờ truyền đơn đưa ra nhiều chi tiết hơn và nêu tên Phô-gơ. Truyền đơn nặc danh đó được đăng lại trên tờ báo tiếng Đức ở Luân Đôn "Volk" ("Nhân dân") và từ tờ báo này được đăng sang tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc (báo "Au-xbuốc") sau đó báo này bị Phô-gơ đưa ra toà về tội vu khống. Trong khi đó tôi nhận được của ông Phuê-ghe-lơ, công nhân sắp chữ hồi đó đã làm việc ở chỗ ông Hô-linh-gơ, người in báo "Volk", – một bản tuyên bố nói rằng tờ truyền đơn được in ở nhà in Hô-linh-gơ và do chính tay ông *Các-lơ Blin-đơ* viết. Bản tuyên bố ấy, như trước đây tôi đã báo cho Ngài biết, được chuyển cho "Báo Au-xbuốc". Sau khi toà án Au-xbuốc khước từ xét xử vụ này, ông *Blin-đơ* rút cục đã phát biểu trên tờ "Báo Au-xbuốc". Không thoả mãn với việc dứt khoát phủ nhận ông ta là tác giả của truyền đơn nặc danh, ông ta còn tuyên bố một cách kiên quyết nhất *rằng tờ truyền đơn ấy tuyệt nhiên không in ở nhà in Hô-linh-gơ*. Để chứng thực điều khẳng định cuối cùng này, ông cho đăng bản tuyên bố do chính Hô-linh-gơ và một người tên là Vi-ê ký tên, người này là thợ sắp chữ tự xưng là đã làm việc liên tục mười một tháng ở nhà in Hô-linh-gơ. Đối với bản tuyên bố chung đó của Blin-đơ, Hô-linh-gơ và Vi-ê, tôi đã trả lời trên "Báo Au-xbuốc"^{1*}, nhưng *Blin-đơ* lại phát biểu lần thứ hai bác bỏ và lại viện dẫn đến Hô-linh-gơ và Vi-ê làm chứng. *Phô-gơ* ngay từ đầu đã xuất phát từ mục đích cá nhân, coi tôi là tác giả nặc danh của tờ truyền đơn, bấy giờ ông ta công bố một *cuốn sách nhỏ* công kích tôi bằng những lời vu khống đê tiện nhất.

Trước khi có biện pháp thêm nữa, tôi muốn vạch mặt những

1* Xem tập này, tr. 898-899.

kẻ xấu đã hiển nhiên tiếp tay cho Phô-gơ. Nhằm mục đích đó, tôi công khai tuyên bố rằng những lời khai của Blin-đơ, Vi-ê và Hô-linh-gơ nói rằng tờ truyền đơn nặc danh *không* in ở nhà in Hô-linh-gơ, số 3, phố Li-xphin, khu Xô-hô – là hành vi *cố tình bịa đặt*. Một là, ông Phuê-ghe-lơ, một trong những thợ sắp chữ trước đây đã làm việc ở nhà in Hô-linh-gơ, sẵn sàng tuyên bố có tuyên thệ rằng tờ truyền đơn này *đã* in ở nhà in Hô-linh-gơ, đã được viết với nét chữ của *ông Blin-đơ* và do chính tay Hô-linh-gơ sắp chữ một phần. Hai là, bằng thủ tục tư pháp có thể chứng minh rằng tờ truyền đơn đó và bài báo trên tờ "Volk" đã được in bằng cùng một bộ chữ in. Ba là, có thể chứng minh rằng Vi-ê đã *không* làm việc ở nhà in Hô-linh-gơ liên tục mười một tháng và đặc biệt là đã *không* làm việc ở đó vào thời gian in tờ truyền đơn. Sau hết, có thể đưa ra những nhân chứng mà trước mặt họ, bản thân Vi-ê đã thừa nhận rằng Hô-linh-gơ đã thuyết phục anh ta ký tên vào *bản tuyên bố hiển nhiên là bịa đặt, được đăng trên "Báo Au-xbuốc"*. Căn cứ vào tất cả những điều đó, tôi lại chỉ ra *Các-lơ Blin-đơ* nói trên là *kẻ cố tình nói dối*.

Nếu như tôi không đúng thì ông ta có thể dễ dàng bác bỏ tôi bằng cách thưa kiện với Tòa án Anh.

Các Mác

Đã in dưới hình thức truyền đơn

ngày 4 tháng Hai 1860

In theo bản in của tờ truyền đơn

Nguyên văn là tiếng Anh

In bằng tiếng Nga lần đầu trong cuốn:

C.Mác. "Ngài Phô-gơ", 1936

C.MÁC

TUYÊN BỐ GỬI BAN BIÊN TẬP CÁC BÁO ĐỨC

Nay tôi xin tuyên bố rằng tôi đã có những bước chuẩn bị để đưa kiện tờ "National-Zeitung" ở Béc-lin về tội vu khống tôi trong các bài xã luận số 37 và 41 về cuốn sách nhỏ của Phô-gơ "*Tôi kiện "Allgemeine Zeitung"*". Sau này tôi sẽ trả lời Phô-gơ "trên báo chí, bởi vì muốn thế cần hỏi ý kiến nhiều người hiện không có mặt ở châu Âu.

Do đó, tôi tạm thời chỉ hạn chế ở những điểm sau đây:

1) Dựa vào văn tuyển do tờ "National-Zeitung" soạn thảo, - bản thân cuốn sách của Phô-gơ, mặc dầu hết sức cố gắng, cho tới nay tôi vẫn không kiếm được ở Luân Đôn tại các hiệu sách, cũng như ở những người quen thuộc mà trước đây vẫn được Phô-gơ gửi cái gọi là "Nghiên cứu" của mình, - những lời tằm bậy của Phô-gơ chỉ là sự phát triển thêm bài báo mà ông ta đã đăng 9 tháng trước đây trên tờ "Moniteur" tư nhân của ông ta, tức là trên tờ "Handels-Courier" ở Bi-lơ. Bấy giờ tôi cho đăng lại bài phỉ báng của ông ta ở Luân Đôn mà không kèm theo lời bình luận gì. Ở đây, nơi mà người ta hiểu biết mọi người và quan hệ qua lại của họ, thì biện pháp giản đơn đó cũng đủ để đánh giá ngài giáo sư này.

2) *Cái cơ* mà ông Phô-gơ dùng để mở cuộc chinh phạt chống lại tôi, cũng như cái cơ cho cuộc viễn chinh I-ta-li-a đều là "*tư tưởng*". Cụ thể là, tuồng như tôi là tác giả của tờ truyền đơn nặc

danh "*Sự phòng ngừa*". Qua bản thông tri bằng tiếng Anh mà tôi đã cho công bố và được đính kèm theo đây, Ngài sẽ thấy tôi đã tìm được biện pháp buộc ông Blin-dơ và bọn đàn em của ông ta phải thừa nhận – bằng sự nín lặng của mình – rằng cái cơ ấy là giả dối, hoặc là họ bị toà án Anh vạch mặt là giả dối.

Luân Đôn, ngày 6 tháng Hai 1860

Các Mác

9, Gráp-ten Tê-ret, công viên Mây-len,

Ha-ve-xtốc Hin

Đã đăng trên tờ "*Volks Zeitung*" số 35, ngày 10 tháng Hai 1860; trên "*Kölnische Zeitung*" số 4, ngày 10 tháng Hai 1860; trên "*Reform*" số 18, ngày 11 tháng Hai 1860; trong phụ trương của tờ "*Allgemeine Zeitung*" số 48 ngày 17 tháng Hai 1860 (bị xuyên tạc) và trên những tờ báo Đức khác

In theo bài đăng trên "*Volk Zeitung*"

Nguyên văn là tiếng Đức

In bằng tiếng Nga lần đầu trong cuốn:
C.Mác, "Ngài Phô-gơ", 1936

C.MÁC

**THƯ GỬI CHỦ BIÊN
BÁO "DAILY TELEGRAPH"**

Trong số báo hôm nay của Ngài, Ngài đã đăng bức thư nhan đề "*Tòng phạm của Áo trong báo giới*" đầy rẫy những lời vu khống và lăng nhục tôi. Bức thư đó tưởng như được viết ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ, nhưng chắc là được viết ở Béc-lin và về thực chất chỉ là sự thuật lại dài dòng và kỳ cục hai bài báo đăng trên "*National-Zeitung*" ở Béc-lin các số ra ngày 22 và 25 tháng Giêng. Tờ báo này sẽ phải trả lời trước toà án Phổ về sự vu khống của nó. Phô-gơ cho đăng bài phỉ báng chống lại tôi, với cái *cơ giả dối* tưởng như tôi là tác giả của tờ truyền đơn nặc danh bằng tiếng Đức "*Zur Warnung*" ("*Sự phòng ngừa*") mà ban đầu được lưu hành ở Luân Đôn, rồi sau đó được đăng lại trên tờ "*Allgemeine Zeitung*" ở Au-xbuốc. Có thể thấy được qua bản tin báo chí đính kèm theo, tôi đã đề nghị các đối thủ của tôi đưa vấn đề này ra toà án Anh xét xử.

Cuối cùng, tôi yêu cầu Ngài – nếu Ngài không muốn bị đưa ra toà với tư cách bị cáo về tội vu khống – đăng trong số báo sắp tới amende honorable^{1*} về sự khinh suất để khiến Ngài dám lăng nhục một người mà phẩm chất cá nhân, quá khứ chính trị, các

1* – lời xin lỗi

tác phẩm và địa vị xã hội của người đó – điều này Ngài phải thừa nhận – Ngài hoàn toàn không biết.

Xin chào Ngài
Tiến sĩ Các Mác

Luân Đôn, ngày 6 tháng Hai 1860

9, Gráp-ten Tê-rét, công viên Máy-len

Ha-ve-xtóc Hin.

*Đã công bố bằng tiếng Nga lần đầu trong C.Mác
và Ph.Ăng-ghen, Toàn tập, t. XXV, 1934*

In theo bản thảo

Nguyên văn là tiếng Anh

C.MÁC

THƯ GỬI BAN BIÊN TẬP BÁO "ALLGEMEINE ZEITUNG"

Man-se-xtơ, ngày 21 tháng Hai 1860

Số 6, To-clíp-grút, Ốc-xphoóc-rút

THƯ RIÊNG

Trong một trong hai bức thư mà tôi nhận được của Ban biên tập tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc và đề ngày 16 tháng Mười 1859 có nói nguyên văn như sau:

"Xin Ngài tin rằng, với lòng biết ơn đặc biệt, chúng tôi sẽ tranh thủ mọi cơ hội để bày tỏ với Ngài, Ngài Mác rất đáng kính, sự cảm tạ của chúng tôi".

Tôi không muốn vì không chờ đợi "sự cảm tạ" cũng như "lòng biết ơn đặc biệt" của tờ "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc, điều đó đã được chứng minh rất rõ ràng trong thư trả lời của tôi ngày 19 tháng Mười^{1*}. Nhưng điều mà tôi đặc biệt chờ đợi trong tình hình này, đó chỉ ít là common fairness^{2*} mà không một tờ báo Anh nào, dù thuộc xu hướng nào, dám khước từ.

"Lòng biết ơn đặc biệt" và "sự cảm tạ" đã được biểu hiện như sau:

1* Xem tập này, tr. 891-892

2* – sự công bằng thông thường

1) Bản tuyên bố thứ nhất của tôi đã *không* được đăng^{1*}. Thay vào đó đã đăng lời tuyên bố vô liêm sỉ của Blin-đơ cùng với hai bằng chứng giả dối có được bằng *couspirancy*^{2*}. Tờ "Reform" ở Hăm-buốc đã đăng ngay lời tuyên bố của tôi.

2) Tôi buộc phải dùng *douce violence*^{3*} để được đăng lời tuyên bố của tôi^{4*} đập lại Blin-đơ.

Đồng thời, bất chấp yêu cầu hợp pháp của tôi, nó không được đăng đúng ở chỗ đã đăng lời đả kích của Blin-đơ, tức là trong số chính của tờ báo này.

3) "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc đăng lời tuyên bố thứ hai của Blin-đơ, trong đó ông ta láo xược nói rằng những lời nói của tôi là những lời nói dối rành rành, và ông ta lại viện ra hai bằng chứng là Vi-ê và Hô-linh-gơ, những hành vi đáng xử phạt về mặt hình sự. Tờ báo tuyên bố rằng vấn đề đã được giải quyết xong và tước mất cơ hội trả lời của tôi.

4) Ngày 6 tháng Hai, tôi gửi cho "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc lời tuyên bố gần đây nhất của tôi cùng với thông tri bằng tiếng Anh^{5*}. Ban biên tập đáng kính đã gạt bỏ lời tuyên bố của tôi và thay vào đó đã đăng lời tuyên bố của Blin-đơ, *lời tuyên bố này chỉ được viết do có bản thông tri của tôi*. Tuy nhiên, tờ báo đã tránh đăng lại *billet doux*^{6*} mà nhà ngoại giao vĩ đại đó dính theo. Tiếp đó, nó đăng lời tuyên bố của Bi-xcam-pơ được ghi ngày viết chậm hơn lời tuyên bố của tôi ba ngày (cụ thể là: Luân Đôn ngày

9 tháng Hai). Cuối cùng, sau khi tờ báo tin chắc chắn rằng lời tuyên bố của tôi đã được đăng từ lâu trên "Kölnische Zeitung", "Volks-Zeitung" v.v., nó mới dám quyết định đăng lời tuyên bố đó, nhưng... đồng thời có nhĩa ý dám cả gan *đưa* tôi ra *kiểm duyệt* và tùy tiện sửa chữa lời tuyên bố đó. Vào các năm 1842-1843, ở Khuê-n, tôi đã bị sự kiểm duyệt hai tầng của Vương quốc Phổ⁶¹⁷, nhưng chưa bao giờ nghĩ rằng năm 1860 tôi lại bị sự kiểm duyệt của Ngài tiến sĩ Côn-bơ và đồng bọn.

Tôi cho rằng trình bày tỉ mỉ hơn về hành vi đó là điều hoàn toàn vô ích.

C.Mác

*Đã công bố bằng tiếng Nga lần đầu trong
C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, t. XXV, 1934*

In theo bản thảo

Nguyên văn là tiếng Đức

1* Xem tập này, tr. 893-897.

2* - sự cấu kết bí mật

3* - áp lực nhẹ nhàng

4* Xem tập này, tr. 898-899.

5* Xem tập này, tr. 900-902.

6* - bức thư tình

C.MÁC

TUYÊN BỐ GỬI BAN BIÊN TẬP CÁC BÁO
"FREISCHÜTZ" VÀ "REFORM"⁶¹⁸

Về những lời nói dài dòng của ông Ê-đu-a Mây-en trong các số 17-21 của báo "Freischütz" chỉ cần nói như sau là đủ:

Vụ kiện về tội vu khống mà tôi tiến hành chống lại tờ "National-Zeitung" ở Béc-lin là hoàn toàn đủ để giải thích về mặt *pháp luật* cuốn sách nhỏ của Phô-gơ. Tồng phạm của ông ta, Ê-đu-a Mây-en, không thể đòi hỏi vinh dự ấy. Tất cả những gì tôi có thể làm cho Ê-đu-a Mây-en là dành cho ông ta một vị trí tương xứng với tầm vóc của ông ta trong cuốn sách sẽ được xuất bản khi vụ kiện kết thúc.

Các Mác

Man-se-xtơ, ngày 28 tháng Hai 1860

Đã đăng trên báo "Reform" số 29, ngày
7 tháng Ba 1860

In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức

C.MÁC

TUYÊN BỐ GỬI BAN BIÊN TẬP BÁO "ALLGEMEINE
ZEITUNG" VÀ CÁC BÁO ĐỨC KHÁC⁶¹⁹

Ban biên tập "Allgemeine Zeitung" đã có nhã ý đăng vào đầu tháng Hai 1860 lời tuyên bố của tôi bắt đầu bằng những câu sau:

"Nay tôi xin tuyên bố rằng tôi đã có những bước chuẩn bị để kiện tờ "National – Zeitung" ở Béc-lin về tội báo đó vu khống tôi trong các bài xã luận số 37 và 41 về cuốn sách nhỏ của Phô-gơ "Tội kiện "Allgemeine Zeitung"". Sau này tôi sẽ trả lời Phô-gơ trên báo chí"^{1*}.

Tháng Hai 1860, ở Béc-lin tôi đã kiện chủ biên tờ "National-Zeitung" Ph.Xa-ben về tội vu khống. Luật sư của tôi, cố vấn pháp luật Vê-bơ, ban đầu đã chọn *con đường truy cứu hình sự*. Bằng quyết định ngày 18 tháng Tư 1860, ông chủ trương lý từ chối "can thiệp" chống lại Ph.Xa-ben, vì *tình hình thiếu lợi ích công chúng* tưởng như đã không tạo lý do để làm việc đó. Ngày 26 tháng Tư 1860, sự từ chối của ông chủ trương lý này đã được tổng chủ trương lý phê chuẩn.

Bấy giờ luật sư của tôi đệ đơn kiện theo *thủ tục dân sự*. Toà án thành phố của vương quốc bằng quyết định ngày 8 tháng Sáu 1860 đã bác *đơn kiện* của tôi vì "những lời lẽ và luận điểm" của Ph.Xa-ben thực sự mang tính chất xúc phạm danh dự tưởng như

1* Xem tập này, tr. 903.

chỉ gồm những *trích dẫn giản đơn* của người khác; ngoài ra trong đó không có "ý định lăng nhục". *Toà kháng án* của vương quốc với quyết định ngày 11 tháng Bảy 1860 đã tuyên bố rằng hình thức những lời trích dẫn tuồng như không thay đổi tí gì trong vấn đề tính chất đáng xử phạt của các bài báo, nhưng những chỗ xúc phạm danh dự trong bài này không liên quan gì đến "cá nhân" tôi. Ngoài ra "trong trường hợp này" "không thể cho rằng" có ý đồ lăng nhục. Như vậy là toà kháng án thừa nhận quyết định của toà án thành phố, từ chối quyền thưa kiện của tôi. Với quyết định ngày 5 tháng Mười 1860 mà tôi nhận được ngày 23 tháng Mười năm nay, *toà án tối cao* của vương quốc cho rằng "trong trường hợp này" không "phát hiện" thấy "sai lầm pháp lý" nào của toà kháng án của vương quốc. Như thế là việc *bác đơn kiện Ph.Xa-ben* vẫn có hiệu lực, và sẽ không có *phiên toà xét xử công khai*.

Bài trả lời của tôi đối với Phô-gơ sẽ ra mắt trong những ngày sắp tới đây.

Các Mác

Luân Đôn, ngày 24 tháng Mười một 1860

Đã đăng trong phụ trương của tờ "Allgemeine Zeitung" số 336, ngày 1 tháng Chạp 1860

*In theo bản đăng trên báo
Nguyên văn là tiếng Đức*

CHÚ THÍCH CÁC BẢN CHỈ DẪN

CHÚ THÍCH

- 1 Mục "Quân đội" của Ph.Ăng-ghen là một trong những mục đầu tiên viết cho bộ sách "New American Cyclopaedia". Được Sác-lơ Đa-na, một trong những người khởi xướng ra việc xuất bản bách khoa toàn thư mời tham gia biên soạn, tháng Tư 1857, theo lời khuyên của Ăng-ghen, Mác đồng ý viết một loạt mục cho bộ sách này. Đồng thời Ăng-ghen hứa giúp đỡ Mác trong việc viết một số mục chuyên đề về quân sự và lịch sử quân sự. Vì muốn tạo điều kiện cho Mác hoàn tất những nghiên cứu về kinh tế, sau này Ăng-ghen đã đảm nhận biên soạn phần lớn các mục. Phần của Mác chủ yếu là biên soạn lược sử của nhiều nhà hoạt động quân sự và chính trị, về mặt này Ăng-ghen cũng giúp đỡ Mác trình bày khía cạnh quân sự của vấn đề. Sự hợp tác của Mác và Ăng-ghen trong việc biên soạn các đề mục cho bách khoa toàn thư cũng như công việc viết bài mà hai ông cùng tiến hành lâu dài cho tờ "New-York Daily Tribune" ("Diễn đàn Niu Oóc hằng ngày") là một trong những tấm gương sáng ngời về tinh đoàn kết của những nhà sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học.

Trong số những mục đầu tiên mà Đa-na đặt với Mác và do Ăng-ghen nhận trách nhiệm viết có mục "Quân đội". Trong đó dự định trình bày khái quát lịch sử phát triển của các lực lượng vũ trang, nghệ thuật quân sự, chiến lược và chiến thuật cũng như đưa ra nhận xét về tình hình và tổ chức của các quân đội thời Ăng-ghen. Nhiệm vụ càng trở nên phức tạp khi Ăng-ghen phải viết các đề mục tổng quát song song với nhiều mục khác theo hợp đồng ban đầu. Tuy nhiên, cùng với Mác bắt tay thu thập tài liệu vào tháng Bảy 1857 và trực tiếp viết vào tháng Tám, Ăng-ghen đã hoàn tất công việc này không quá ngày 24 tháng Chín. Trong mục "Quân đội", ông đã tổng kết trên mức độ nhất định sự nghiên cứu sâu sắc nhiều năm của ông về vấn đề quân sự, lịch sử quân sự và kinh nghiệm của các cuộc chiến tranh thời đại ông. Để viết mục này, Ăng-ghen đã sử dụng nhiều tư liệu chuyên môn kể từ các tác

phẩm của các nhà sử học và tác gia quân sự cổ đại (Hê-rô-đốt, Kxê-nô-phôn-tơ, Xa-li-út-xti-ut, Pô-li-bi-út, Vê-ghe-ti-út v.v.) cho đến tác phẩm của các tác gia thế kỷ XIX: Uyn-kin-xon, Clau-đơ-vit-xơ, Giô-mi-ni, Ruy-xtốp v.v. cũng như nhiều sách báo tham khảo khác. Ăng-ghe-nhê đã nhắc tới một số tài liệu ấy trong các mục viết của mình. Trong những tài liệu chuẩn bị của Ăng-ghe-nhê còn giữ lại được những đoạn trích của ông trong cuốn sách của Ruy-xtốp "Heerwesen und Kriegführung G. Julius Cäsars". Gotha, 1855 ("Quân sự thời I-u-li-ut Xê-da và nghệ thuật thống soái của ông", Gô-ta, 1855) cũng như những đoạn trích trong mục "Quân đội" đăng trong bản in lần thứ bảy của "Encyclopaedia Britannica" (1842, v. III). Về phần mình, Mác cũng trích dẫn cho mục này nhiều đoạn trong các tác phẩm khoa học và các tài liệu tham khảo về các vấn đề lịch sử chiến tranh. Hiện người ta còn giữ được những đoạn trích của ông trong tác phẩm gồm 3 tập của Uyn-kin-xon "Manners and Customs of the Ancient Egyptians". London, 1837 ("Phong tục và tập quán của người Ai Cập Cổ đại". Luân Đôn, 1837), trong các tác phẩm của Hê-rô-đốt, Phu-ki-đít, Pô-li-bi-ut, Giô-đép Phla-vi-ut và các nhà sử học Cổ đại khác. Nhận được mục đã viết xong, Mác đánh giá nó hết sức cao trong thư gửi Ăng-ghe-nhê ngày 25 tháng Chín 1857. Ông nhấn mạnh rằng trong bài viết của mình, Ăng-ghe-nhê đã thành công trong việc lấy ví dụ về lịch sử quân đội chứng minh được sự liên hệ giữa sự phát triển của các lực lượng sản xuất với sự phát triển của các quan hệ xã hội. Đồng thời Mác cũng đưa ra nhiều ý kiến phê bình khi đề cập tới vấn đề sự ra đời của quân đội đánh thuê thời Cổ đại (của người Các-ta-giơ) cũng như sự phát triển quân sự của người I-ta-li-a vào thế kỷ XV-XVI và của các dân tộc phương Đông. Theo ý kiến của Mác, những vấn đề ấy chưa được trình bày đầy đủ trong bài viết. Những ý kiến này sau được Ăng-ghe-nhê chú ý rất nhiều khi viết cho "New American Cyclopaedia" những mục bổ sung cho mục "Quân đội" của ông như "Pháo binh", "Kỵ binh", "Xây công sự" và "Bộ binh".

"*New American Cyclopaedia*" ("Bách khoa toàn thư mới của nước Mỹ") là một bộ sách tra cứu khoa học do một nhóm các nhà báo và những người làm công tác xuất bản tiến bộ của giai cấp tư sản Mỹ trong ban biên tập tờ "New-York Daily Tribune" xuất bản. Trong số biên tập viên bách khoa toàn thư có S. Đa-na, thiếu tá Ri-pli và những người khác. Bách khoa toàn thư do nhà xuất bản "Đ. A. Plo-ton và công ty" xuất bản thành 16 tập vào năm 1858-1863 và in lại nguyên văn vào năm 1868-1869. Nhiều học giả có tên tuổi ở Mỹ và châu Âu đã cộng tác làm bách khoa

toàn thư. Xét về quy mô trình bày các lĩnh vực tri thức và sự phong phú của tài liệu tham khảo, thì đây là một trong những xuất bản phẩm tốt nhất thời bấy giờ. Mặc dầu các biên tập viên bộ bách khoa thư còn có hạn chế mang tính chất tư sản, và chủ nghĩa chiết trung vốn có trong bộ sách này cũng như trong các bộ bách khoa toàn thư tư sản khác, trong "New American Cyclopaedia" đã có nhiều mục phản ánh quan điểm của những nhân vật tiêu biểu cho các nhóm tư sản dân chủ và tiến bộ. Chiếm địa vị đặc biệt trong bách khoa toàn thư là các bài của Mác và Ăng-ghe-nhê viết theo lập trường vô sản cách mạng và duy vật, bất chấp điều kiện mà ban biên tập đặt ra đối với các tác giả là không được trình bày quan điểm đảng phái.

Những mục trong "New American Cyclopaedia" đều đăng khuyết danh. Chỉ có các tập II, V, XVI có kèm danh sách các tác giả lớn nhất. Trong danh sách có nhắc đến Mác với tư cách là tác giả của các mục "Quân đội", "Pháo binh", "Béc-na-đốt-tơ", "Bô-li-va-rô", "Kỵ binh", "Xây công sự", "Bộ binh", "Hải quân" (thực ra những mục ấy trừ "Béc-na-đốt-tơ" và "Bô-li-va-rô" đều do Ăng-ghe-nhê viết). Những mục khác là do Mác hay Ăng-ghe-nhê viết được khẳng định dựa vào thư từ giữa hai ông, thư của S. Đa-na gửi Mác, sổ tay của Mác trong đó ghi việc gửi bài đi Niu Oóc và những tài liệu lưu trữ khác (dàn bài và những đoạn trích dẫn để viết các mục v.v.). Phát hiện được cả thấy 67 mục do Mác và Ăng-ghe-nhê viết cũng như hai đoạn ngắn "A-ben-xbéc-gơ" và "Các-tút", - có thể là ban biên tập bách khoa toàn thư đã rút ngắn đi rất nhiều, ban biên tập thường tự ý sửa chữa nguyên bản khi xuất bản. Hai đoạn ngắn ấy được đưa vào tập này không phải vào phần nội dung chính mà là vào các chú thích tương ứng (xem chú thích 54 và 253).

Trong lần xuất bản này không có bài "Buy-lốp" vì rằng chúng ta không còn nguyên bản bài viết này, dựa vào thư của Mác và Ăng-ghe-nhê và vào tài liệu chuẩn bị để viết mục này hiện còn giữ lại, có thể phán đoán rằng mục này đã bị ban biên tập bách khoa toàn thư lược bớt và sửa chữa đến mức không còn nhận ra được nữa.

Trong quá trình biên soạn tập này, đã xác định được tác giả thực của một số bài mà cho tới nay một số nhà thư tịch học Tây Âu gán ghép một cách vô căn cứ là của Mác và Ăng-ghe-nhê. Như tác giả của các mục "Ap-đơ-en-Ca-đê" và "Phong trào Hiến chương" mà người ta gán cho Mác là một người nào đó tên là Uy-li-am Hăm-phrì-xơ, của mục "Ê-pi-quy-a" là nhà báo tự do Đức Héc-man Ra-xhe-rơ, của mục "Chủ nghĩa xã hội" là P. Gô-đu-in, của mục "Hê-ghe-nhê" là Hen-ri Xmit.

- Những bài viết của Mác và Ăng-ghe-n cho "New American Cyclopaedia" kéo dài từ tháng Bảy 1857 đến tháng Mười 1860 và những mục của các ông mà chúng ta được biết đã được in trong các tập I-V, VII, IX và XII của bách khoa toàn thư. Những mục ấy đã được in nguyên vẹn trong lần in thứ hai của bách khoa toàn thư năm 1868-1869 và sau này lúc sinh thời của các tác giả chúng không được tái bản nữa. Những mục của Mác và Ăng-ghe-n trong "New American Cyclopaedia" chỉ được in lần đầu tiên dưới hình thức tập hợp ở Liên Xô trước đây vào năm 1933 trong tập XI, phần II của Toàn tập C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, xuất bản lần thứ nhất. Trong lần xuất bản này những mục ấy được in một cách đầy đủ nhất.- 11.
- 2 Trong các mục của Ăng-ghe-n những thuật ngữ về lịch sử quân sự của thế giới Cổ đại đều dùng tiếng la-tinh. Trong bản in này, như thường lệ, những thuật ngữ ấy đều được phiên âm như vẫn áp dụng trong văn học lịch sử Nga.- 11.
 - 3 Ở đây Ăng-ghe-n gọi một cách ước lệ đơn vị chiến thuật của bộ binh Cổ Ai Cập là "tiểu đoàn".- 11.
 - 4 *Testudo* (nghĩa đen: "mai rùa") là một loại mái che để bảo vệ cho quân vây đánh khi phá tường cứ điểm địch bằng búa tạ và trong các hành động vây đánh khác.
Vi-nê-a (vinea nghĩa đen là "vườn nho") là thứ lá chắn đan bằng cành cây có phủ da ướt hoặc lớp đất có cỏ sử dụng thời xưa khi vây đánh thành lũy.- 12.
 - 5 Đây là nói về cuốn sách: J. G. Wilkinson. "Manners and Customs of the Ancient Egyptians". Vol. I, London, 1837, p. 67 - 68 (Gi. H. Uyn-kin-xon. "Phong tục và tập quán của người Cổ Ai Cập". T. I, Luân Đôn, 1837, tr. 67-68).- 12.
 - 6 Kinh thánh. Sách của nhà tiên tri I-ê-dê-kin, chương 21 tiết 22 và chương 26 tiết 8.- 13.
 - 7 Hê-rô-dốt. "Lịch sử gồm chín cuốn", cuốn VII.- 15.
 - 8 Đây là nhắc tới những trận đánh lớn nhất trong thời kỳ chiến tranh Hy Lạp - Ba Tư (500-449 trước công nguyên). Trong những cuộc chiến tranh ấy, các thành thị - quốc gia Hy Lạp (pô-li-xa) đã bảo vệ được nền độc lập của mình và đánh trả cường quốc Ba Tư đã từng chinh phục các thành phố Hy Lạp ở Tiểu Á và tiến hành nhiều cuộc hành quân xâm lược trên bán đảo Ban-căng (những cuộc hành quân lớn xảy ra vào các năm 492, 490, 480 và 479 trước công nguyên). Từ 479 trước công nguyên, quyền chủ động trong hoạt động quân sự đã chuyển sang tay người Hy Lạp, theo hoà ước năm 449 trước công nguyên, họ đã buộc vua Ba Tư từ bỏ ý đồ xâm lược khu vực

biển Ê-giê và thừa nhận sự độc lập của người Hy Lạp ở Tiểu Á. Trong quá trình chiến tranh, sức mạnh quân sự của các quốc gia theo chế độ nô lệ chủ yếu của Cổ Hy Lạp là Xpác-tơ và A-ten đã được tăng cường.

Ở *thung lũng Ma-ra-tông* (Ăt-tích) tháng Chín 490 trước công nguyên, quân đội của người A-ten và người Pla-tây do Min-ti-át chỉ huy đã đánh tan quân đội của người Ba Tư chiếm ưu thế rất lớn về số lượng. Trận đánh này đã quyết định kết cục thất bại của cuộc xâm nhập đầu tiên của người Ba Tư vào Ăt-tích.

Trong trận đánh ở *Phéc-mô-pin* tháng Bảy 480 trước công nguyên, quân đội đông mình số lượng không lớn của người Hy Lạp do vua Xpác-tơ Lê-ô-nít chỉ huy trong hai ngày đã anh dũng đẩy lùi được cuộc tấn công của hàng ngàn quân đội Ba Tư của Cxe-rcơ-xơ chặn đường đạo quân này qua khe núi Phéc-mô-pin tiến vào miền Trung Hy Lạp. Ngày thứ ba, người Ba Tư đã đánh vu hồi người Hy Lạp. Lê-ô-nít rút chủ lực của mình khỏi đòn tấn công, còn ba trăm người Xpác-tơ do ông chỉ huy tiếp tục phòng thủ đường núi và đã anh dũng hy sinh trong cuộc chiến đấu không cân sức.

Trong trận đánh ở *Pla-tây* (miền Trung Hy Lạp) mùa thu năm 479 trước công nguyên, đội quân liên hợp của Hy Lạp do Pap-xa-ni người Xpác-tơ và A-ri-xtit người A-ten chỉ huy đã giáng cho quân đội Ba Tư một thất bại chí mạng. Cũng năm ấy ở mũi *Mi-ca-lơ* (bờ biển Tiểu Á) quân đổ bộ Hy Lạp đã đánh bại quân Ba Tư và phá huỷ thuyền bè của họ, kéo chúng lên bờ dùng để dựng dinh lũy. Những thắng lợi ấy đã loại trừ hẳn mối hiểm hoạ của Ba Tư nhằm xâm lược Ban Căng.- 15.

- 9 Trên sông *Gra-ních* ở miền Tây-Bắc của Tiểu Á, tháng Năm 334 trước công nguyên vào thời kỳ A-lếch-xan-đơ Ma-xê-đoan tiến hành cuộc hành quân chinh phục phương Đông đã xảy ra trận đánh lớn đầu tiên giữa quân đội Ma-xê-đoan và quân đội Ba Tư, trong đó người Ma-xê-đoan đánh bại người Ba Tư.-16.
- 10 Từ thời kỳ cải cách Xông-lông (594 trước công nguyên), ở nước cộng hoà nô lệ A-ten, công dân tự do được chia thành bốn nhóm theo tài sản, tùy theo mức thu nhập hàng năm từ ruộng đất. Sự phân chia này cũng là cơ sở của tổ chức quân sự A-ten. Hai nhóm đầu được hưởng đặc quyền chính trị lớn, nhưng phải đảm nhận những nhiệm vụ quân sự có liên quan tới các khoản chi lớn (nhóm thứ nhất tạo thành những chiến hạm, nhóm thứ hai làm thành những đội kỵ binh). Loại công dân thứ ba bị hạn chế về quyền lợi chính trị nhưng là nòng cốt của quân đội - bộ binh nặng. Loại thứ

tư - phe - ta - là những công dân có ít tài sản bị tước bỏ lâu dài quyền lợi làm bất cứ chức vụ gì và ban đầu không làm nghĩa vụ quân sự, nhưng về sau người ta tuyển mộ bộ binh nhẹ trong số họ.- 17.

- 11 Khi nói "Đồng minh A-ten" Ăng-ghe-nơ ngụ ý nói các pô-li-xa Hy Lạp (chủ yếu ở các đảo trong biển Ê-giê và bờ biển Tiểu Á) tham gia đồng minh trên biển A-ten (ban đầu gọi là Đồng minh Đi-lốt), thành lập năm 478 trước công nguyên, trong thời kỳ chiến tranh Hy Lạp - Ba Tư. Ban đầu đồng minh này mang tính chất sự liên hợp giữa các quốc gia bình đẳng, nhưng cùng với sự phát triển hùng mạnh của mình, A-ten đã bắt đồng minh khuất phục quyền lực của nó và biến họ thành kẻ cống nạp. Đồng minh trên biển A-ten tan rã vào cuối thế kỷ V trước công nguyên. Năm 378 trước công nguyên người A-ten đã khôi phục được một phần đồng minh, nhưng đồng minh mới chỉ tồn tại cho đến năm 355 trước công nguyên.- 18.
- 12 *Cuộc Chiến tranh Pê-lô-pôn-nết* (431 - 404 trước công nguyên) là cuộc chiến tranh giữa hai nhóm trong quốc gia Hy Lạp: Đồng minh trên biển A-ten và Đồng minh Pê-lô-pôn-nết do Xpác-tơ đứng đầu. Cuộc chiến tranh này gây ra bởi cuộc đấu tranh giành quyền bá chủ Hy Lạp giữa người A-ten và người Xpác-tơ, bởi cuộc cạnh tranh thương mại giữa các pô-li-xa Hy Lạp và bởi những mâu thuẫn chính trị giữa chế độ dân chủ chủ nô A-ten và tập đoàn quý tộc chủ nô Xpác-tơ. Cuộc khủng hoảng nội bộ của nhà nước A-ten theo chế độ chiếm hữu nô lệ và mâu thuẫn ngày càng tăng của các đồng minh của A-ten đối với sự thống trị chuyên chế của A-ten rút cục đã thúc đẩy thắng lợi của Xpác-tơ. Theo điều kiện của hoà ước năm 404 trước công nguyên, A-ten phải nộp hầu như toàn bộ hạm đội của mình và thừa nhận sự lãnh đạo của Xpác-tơ.- 18.
- 13 *Cuộc viễn chinh Xi-xin* do người A-ten tiến hành vào năm 415 trước công nguyên nhằm áp đặt quyền lực của mình đối với các Pô-li-xa Hy Lạp ở Xi-xin, trước hết là Xi-ra-cu-giơ. Bằng cách đó A-ten mưu tính xác lập quyền thống trị của mình ở phía Tây Địa Trung Hải và tăng cường tiềm lực để đánh vào kẻ cạnh tranh chính của mình là Xpác-tơ. Hoạt động quân sự ở Xi-xin kéo dài cho đến năm 413 và kết thúc bằng thất bại hoàn toàn của hải quân và lục quân A-ten do vây đánh không thành công Xi-ra-cu-giơ. Thất bại thảm hại này đã làm thay đổi so sánh lực lượng trong cuộc Chiến tranh Pê-lô-pôn-nết có lợi cho nhóm quốc gia Hy Lạp theo Xpác-tơ.- 20.
- 14 *Pê-ri-ê-cô* là tầng lớp dân cư đặc biệt không có đầy đủ quyền lợi ở Xpác-tơ Cổ. Pê-ri-ê-cô có ruộng đất và tài sản và những người giàu có nhất trong họ còn có nô lệ.

Họ được hưởng tự do thân thể, thậm chí một số quyền tự trị, nhưng bị tước đoạt tất cả những quyền lợi chính trị khác.- 20.

- 15 *I-lô-ta* là dân cư nông nghiệp Nam Pê-lô-pôn-nết bị Xpác-tơ đô hộ. Là sở hữu của nhà nước Xpác-tơ, những i-lô-ta canh tác ruộng đất rồi trao cho cá nhân người Xpác-tơ sử dụng, và họ phải nộp tô theo quy định của nhà nước (khoảng một nửa thu hoạch) cho những người Xpác-tơ ấy. Những cuộc khởi nghĩa thường nổ ra của i-lô-ta đã bị bọn chủ nô đàn áp tàn khốc.- 22.
- 16 Trận *Lép-ctơ-rơ* (Bê-ô-ti) giữa quân đội Phi-va và quân đội Xpác-tơ xảy ra năm 371 trước công nguyên trong thời kỳ Chiến tranh Bê-ô-ti (378-362 trước công nguyên). Trong cuộc chiến tranh này Phi-va, trong đó có các phần tử dân chủ nắm quyền lãnh đạo, đấu tranh chống bá quyền của tập đoàn Xpác-tơ được xác lập ở Hy Lạp sau Chiến tranh Pê-lô-pôn-nết. Trong trận Lép-ctơ-rơ, thống soái Phi-va là Ê-pa-mi-nông lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh đã sử dụng "đội hình chiến đấu lệch", phân bố không đồng đều lực lượng chiến đấu trên chính diện và tập trung lực lượng đột kích mạnh ở cánh trái trên hướng đột kích chính. Chiến thuật của Ê-pa-mi-nông qui định kết hợp tác chiến phòng ngự với tác chiến tấn công và hiệp đồng giữa kỵ binh và bộ binh. Thất bại ở Lép-ctơ-rơ đã làm tổn hao sức mạnh của Xpác-tơ và mở đầu sự tan rã của Đồng minh Pê-lô-pôn-nết do Xpác-tơ lãnh đạo. Ưu thế của Phi-va được tạm thời xác lập ở Hy Lạp.- 22.
- 17 Ở *Man-ti-nây-a* (Pê-lô-pôn-nết), năm 362 trước công nguyên, quân của người Phi-va và quân đồng minh của họ do Ê-pa-mi-nông chỉ huy tiến hành cuộc viễn chinh trên bán đảo Pê-lô-pôn-nết đã đánh bại quân đội Xpác-tơ cũng bằng chiến thuật đã sử dụng trong trận đánh ở Lép-ctơ-rơ. Nhưng những thiệt hại nặng nề mà người Phi-va phải chịu đựng cũng như sự tử trận của thống soái của họ đã ngăn cản họ củng cố thắng lợi. Người Phi-va đã không duy trì được bá quyền ở Hy Lạp.- 22.
- 18 Đây nói về cuộc vây đánh thành phố Xa-mô-xơ của quân đội A-ten (trên đảo Xa-mô-xơ ở Đông-Nam biển Ê-giê) năm 440 trước công nguyên. Cư dân Xa-mô-xơ tham gia Đồng minh trên biển A-ten bất bình với sự thống trị chuyên chế của A-ten đã đứng lên khởi nghĩa nhằm tách khỏi Đồng minh. Một đạo quân viễn chinh lớn gồm hải, lục quân do Pê-ri-clet chỉ huy đã được phái đến chống lại những người khởi nghĩa. Sau cuộc vây đánh nhiều tháng, thành phố Xa-mô-xơ buộc phải đầu hàng và sự thống trị của A-ten dưới hình thức chuyên chế hơn lại được xác lập trên đảo.- 23.
- 19 Hy Lạp bị chinh phục mà Ăng-ghe-nơ nói ở đây là chỉ sự khuất phục của các thành

thị quốc gia Hy Lạp đối với sự thống trị của vua Ma-xê-đoan. Khi Phi-líp II trị vì, cường quốc Ma-xê-đoan đã mở rộng đáng kể ảnh hưởng của mình hòng chinh phục toàn bộ bán đảo Ban Căng. Dựa vào tập đoàn thống trị của các pô-li-xa Hy Lạp, lợi dụng sự cạnh tranh giữa họ với nhau và can thiệp vào các cuộc xung đột của họ, từ năm 357 trước công nguyên, Phi-líp dần dần tăng cường địa vị của mình ở Hy Lạp. Năm 339 trước công nguyên đã hình thành liên minh chống Ma-xê-đoan của các quốc gia Hy Lạp đứng đầu là A-ten, lực lượng của liên minh này bị quân đội của Phi-líp đánh tan vào năm 338 trước công nguyên. Kết quả là phong trào dân chủ chống Ma-xê-đoan ở Hy Lạp bị đàn áp và chính quyền ở các pô-li-xa Hy Lạp chuyển vào tay bọn tay chân của Phi-líp. Nghị quyết của hội nghị toàn Hy Lạp ở Cô-ranh-tơ 337 trước công nguyên tuyên bố vua Ma-xê-đoan là tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang toàn Hy Lạp đã củng cố sự thống trị của Ma-xê-đoan đối với các quốc gia Hy Lạp trên hình thức vẫn được coi là "độc lập". - 25.

20 Ở *Ác-bê-lơ* (nói đúng hơn ở làng Gáp-ga-me-la nằm ở phía tây-bắc thành phố At-xi-ri Ác-bê-lơ) năm 331 trước công nguyên đã xảy ra một trong những trận đánh lớn nhất thời Cổ đại, trong đó quân đội của A-lếch-xan-đơ Ma-xê-đoan đã đánh tan quân đội của vua Ba Tư Đa-ri III. Thắng lợi ở Ác-bê-lơ, việc quân Ma-xê-đoan chiếm được doanh trại của Ba Tư với toàn bộ đoàn xe vận tải và kho bạc đã có tác dụng quyết định đối với việc A-lếch-xan-đơ Ma-xê-đoan hoàn toàn chinh phục Đế quốc Ba Tư. - 26.

21 *Đồng minh A-khây-xơ* là đồng minh của nhiều thành thị quốc gia Pê-lô-pôn-nết theo chế độ nô lệ thành lập năm 280 trước công nguyên để đấu tranh chống Ma-xê-đoan cũng như chống phong trào của nô lệ, và dân nghèo thành thị. Đồng minh có lực lượng quân sự lớn và đã giành được độc lập đối với Vương quốc Ma-xê-đoan. Năm 146 trước công nguyên, quân đội của đồng minh bị người La Mã đánh tan và lãnh thổ của họ bị sáp nhập vào Ma-xê-đoan, xứ này từ năm 148 trước công nguyên đã thành một tỉnh La Mã. - 28.

22 *Tri-bu* là đơn vị hành chính theo lãnh thổ của La Mã Cổ đại. Từ thời kỳ cải cách của vua Xéc-vi-út Tu-li-út (thế kỷ VI trước công nguyên) lãnh thổ thành phố của La Mã được chia thành bốn tri-bu. Người ta cũng thành lập một số tri-bu ngoại thành. Tất cả công dân tự do có ruộng đất của mỗi tri-bu, đều đăng ký ở tri-bu ấy. Sự phân chia theo lãnh thổ, được tiến hành thay thế cho sự phân chia cũ hơn theo nguyên tắc bộ

lạc và thị tộc (bản thân từ tri-bu ban đầu có nghĩa là "bộ lạc") là tàn dư của chế độ công xã nguyên thủy. - 29.

23 *Hiệp sĩ* trong thời kỳ đầu của lịch sử La Mã Cổ đại được dùng để gọi những công dân giàu có hình thành tầng lớp cư dân hưởng đặc quyền và phải làm nghĩa vụ quân sự trong kỵ binh. Về sau *hiệp sĩ* cũng dùng để gọi đại biểu của tầng lớp thương nhân cho vay nặng lãi trong chủ nô La Mã, thuộc tầng lớp hiệp sĩ. - 29.

24 *Cuộc nội chiến thứ nhất* (88-82 trước công nguyên) ở La Mã Cổ đại, nổ ra do cuộc đấu tranh giành quyền lực giữa các đại diện của hai tập đoàn chủ nô thù địch nhau. Đứng đầu tập đoàn thứ nhất là Lu-xi-út Coóc-nê-li-út Xu-la, tay chân của giới quý tộc chủ nô (nô-bi-li-tê), đứng đầu tập đoàn thứ hai là Cai-út Ma-ri-út dựa vào tầng lớp thương nhân, những kẻ cho vay nặng lãi và ve vãn tầng lớp bình dân thành thị và nông thôn. Cuộc chiến tranh diễn ra trong bối cảnh xung đột giai cấp sâu sắc giữa chủ nô và nô lệ, cũng như giữa giới quý tộc chủ nô và tầng lớp dân chủ trong dân chúng theo khuynh hướng tự do, đã kết thúc bằng thất bại của phe Ma-ri-út và sự thiết lập nền chuyên chính của Xu-la, là một bước đi tới thủ tiêu nước Cộng hoà La Mã và xây dựng đế quốc. - 30.

25 Ở đây nói về trận đánh ở khu vực sông Mu-tu-la (Bắc Phi) trong đó vào năm 109 trước công nguyên quân đội La Mã do Canh-tút Xê-xi-li-út Mê-ten-lút thống lĩnh đã đánh bại quân đội của vua Nu-mi-di-a là I-u-guốc-ta. Đây là thắng lợi đầu tiên của người La Mã trong cuộc chiến tranh I-u-guốc-ta (III- 105 trước công nguyên) mà ban đầu họ ở thế bất lợi. Tiếp tục cuộc chiến, I-u-guốc-ta đã bị người La Mã đánh bại.

Ở đây *Âng-ghe-ni-ven* dẫn tác phẩm của nhà sử học La Mã Xan-luy-ti-út "Về cuộc chiến tranh I-u-guốc-ta" chương XLVIII-LIII. - 30.

26 Đơn vị quân sự La Mã ở mỗi cấp đều có quân hiệu riêng. Từ thời Cai-út Ma-ri-út, quân hiệu của quân đoàn là con đại bàng bằng bạc gắn vào cán giáo. - 30.

27. Cuộc chiến tranh giữa La Mã và vua xứ Ê-pia (Tây - Bắc Hy Lạp) Pi-rơ xảy ra 280-275 trước công nguyên. Mục tiêu tranh chấp chính là các thành phố Hy Lạp ở Nam I-ta-li-a mà La Mã cũng như vua xứ Ê-pia, người có ý định xây dựng một đế quốc rộng lớn ở phía tây, đều cố gắng chinh phục. Trong chiến thuật của Pi-rơ, việc sử dụng voi chiến có tác dụng quan trọng. Thời kỳ đầu chiến tranh, La Mã đã thua hai trận lớn nhưng sau đó nhờ sự viện trợ của Các-ta-giơ đã đánh bại quân đội đánh thuê

- của Pi-rơ và đuổi đạo quân này khỏi bán đảo A-pen-nanh. Việc đánh thắng được Pi-rơ giúp cho La Mã dễ dàng chinh phục miền Nam I-ta-li-a.- 31.
- 28 Chỉ trận đánh ở Ki-nô-xtê-phan năm 197 trước công nguyên trong thời kỳ có cuộc chiến tranh Ma-xê-đoan lần thứ hai (200-197 trước công nguyên), trong đó quân đội La Mã do Ti-tút Canh-ti-ut Phla-mi-ni-út chỉ huy đã đánh bại quân đội của vua Ma-xê-đoan là Phi-líp V. Thất bại này làm cho lực lượng quân sự của Ma-xê-đoan tan rã, thế lực của La Mã được củng cố ở Hy Lạp, tạo điều kiện để sau này La Mã xác lập quyền thống trị của nó ở đây.- 32.
- 29 *Chiến tranh đồng minh* (90-88 trước công nguyên) là cuộc chiến tranh giữa La Mã và những bộ lạc I-ta-li-a nổi dậy chống lại sự thống trị của La Mã, những bộ lạc này có "quan hệ đồng minh" với nước Cộng hoà La Mã (một trong những hình thức thống trị của bọn chủ nô La Mã đối với các bộ lạc và dân tộc bị chúng chinh phục). Phong trào của những người I-ta-li-a đòi tách khỏi La Mã và thành lập liên minh của mình đã bị đè bẹp, nhưng trong quá trình chiến tranh, La Mã đã buộc phải thoả mãn, - ban đầu chỉ theo phương thức nhượng bộ đối với "đồng minh trung thực" để làm tan rã liên minh, - yêu cầu chính của họ là cho họ hưởng quyền lợi như công dân La Mã. Quốc tịch La Mã ban đầu có những hạn chế nhất định về chính trị, rút cục đã dần dần mở rộng ra cho tất cả những người I-ta-li-a tự do.- 33.
- 30 *Gô-lơ thuộc La Mã* (tương ứng với tỉnh cũ ở miền Nam nước Pháp là Prô-văng) là một bộ phận của xứ Gô-lơ còn bị người La Mã chiếm lĩnh vào cuối thế kỷ II trước công nguyên.- 33.
- 31 Chỉ tác phẩm của nhà văn La Mã Vê-ghê-ti-út "Epitome rei militaris" ("Trình bày ngắn gọn về quân sự").- 38.
- 32 *Những cuộc viễn chinh của các hoàng đế Đức ở I-ta-li-a* là những cuộc viễn chinh của bọn chúa phong kiến Đức nhằm cướp phá các thành phố I-ta-li-a và chiếm đoạt đất đai, cuộc đầu tiên do hoàng đế Ôt-tôn tiến hành, Ôt-tôn đã lên ngôi hoàng đế ở La Mã năm 962 (hoàng đế của cái gọi là Đế quốc La Mã thần thánh). Những cuộc viễn chinh ấy diễn ra đặc biệt thường xuyên vào thế kỷ X - XIII đã kéo dài đến thế kỷ XVI, mặc dầu quyền lực của hoàng đế đã suy tàn và tình trạng phong kiến cát cứ đã tăng cường ngay ở Đức.

- Những cuộc viễn chinh thập tự quân* là hành động thực dân hoá chiến tranh do bọn chúa phong kiến lớn ở Tây Âu, tầng lớp kỵ sĩ và các thành phố thương nghiệp I-ta-li-a tiến hành ở phương Đông vào các thế kỷ XI-XIII dưới ngọn cờ tôn giáo là giải phóng thánh địa Cơ đốc giáo ở Giê-ru-xa-lem và những "đất thánh" khác khỏi sự thống trị của Hồi giáo. Các nhà tư tưởng và nhà cổ vũ các cuộc thập tự chinh này là giáo hội Thiên chúa giáo và Toà thánh mưu toan thống trị thế giới, còn lực lượng quân sự chính là tầng lớp kỵ sĩ. Nông dân cũng tham gia những cuộc viễn chinh ấy nhằm tìm ở đó lối thoát khỏi ách phong kiến. Trong lịch sử có tám cuộc thập tự chinh nổi tiếng: 1096-1099, 1147-1149, 1189-1192, 1202-1204, 1217-1221, 1228-1229, 1248-1254, 1270. Những cuộc viễn chinh ấy đều kèm theo sự cướp bóc và cưỡng đoạt dân Hồi giáo cũng như dân Cơ đốc giáo ở những nước mà thập tự quân đi qua. Mục tiêu cướp đoạt của thập tự quân không những là các nước Hồi giáo Xi-ri, Pa-le-xtín, Ai Cập, Tuy-ni-di mà cả Đế quốc Bi-dăng-xơ theo Cơ đốc giáo. Nhưng sự chinh phục của thập tự quân ở Đông Địa Trung Hải tỏ ra không vững vàng và đất đai họ chiếm lĩnh chẳng bao lâu lại rơi vào tay Hồi giáo.- 38.
- 33 Chỉ mấy trận đánh lớn trong cuộc Chiến tranh trăm năm giữa Anh và Pháp (1337-1453). Chiến tranh nổ ra do mưu đồ xâm lược của quý tộc phong kiến hai nước, đặc biệt là cuộc đấu tranh giữa Pháp và Anh để chiếm các thành phố công thương nghiệp ở Phlan-đơ, nơi tiêu thụ hàng len dạ chính của Anh, cũng như vua Anh nhòm ngó ngôi vua Pháp. Trong thời kỳ đầu của chiến tranh, người Anh đã chiếm được phần lớn miền Tây - Nam nước Pháp, nhưng trong thời gian những năm 60-70 thế kỷ XIV đất đai bị xâm chiếm hầu như được giải phóng toàn bộ. Lợi dụng xung đột nội bộ của bọn phong kiến ở Pháp vào cuối thế kỷ XIV - đầu thế kỷ XV, năm 1415 bọn phong kiến Anh khôi phục hoạt động quân sự và chẳng bao lâu chiếm được toàn bộ miền Bắc nước Pháp kể cả Pa-ri. Nhưng cuộc chiến tranh nhân dân rộng khắp ở Pháp chống lại bọn xâm lược nước ngoài cuối cùng đã đuổi chúng khỏi lãnh thổ Pháp. Trong tay người Anh chỉ còn lại cảng Ca-lơ.
- Trong những trận đánh được nhắc tới ở *Crê-xi* ngày 26 tháng Tám 1346, ở *Poa-chi-ê* ngày 19 tháng Chín 1356 và ở *A-den-cua* ngày 25 tháng Mười 1415, quân đội Anh mà nòng cốt là bộ binh gồm nông dân tự do đã lợi dụng khéo léo ưu thế của cung lớn Anh so với nô Pháp và sử dụng hiệp đồng chặt chẽ giữa kỵ sĩ đã xuống ngựa với những tay bắn cung, đánh bại quân đội Pháp mà chủ lực là đội kỵ sĩ thiếu kỷ luật.- 39.

- 34 Đây là nói về những hoạt động quân sự chống lại bọn xâm lược Mông Cổ trong thời gian chúng xâm lược Trung Âu (1241 - 1242) tiếp theo sự xâm lược của chúng vào lãnh thổ nước Nga (1237-1240). Chiến trường của những hoạt động quân sự ấy, ngoài lãnh thổ Ba Lan, còn có Mô-ra-vi-a, Hung-ga-ri và Đan-ma-xi. Trong cuộc chiến đấu với kỵ sĩ châu Âu, người Mông Cổ đã thu được một loạt thắng lợi, đội quân tiên phong của họ tiến gần đến tận Vê-nê-xi-a. Nhưng bị suy yếu vì sự kháng cự mà chúng đã từng gặp phải khi chinh phục các công quốc Nga và bị thiệt hại nặng, chúng buộc phải rút lui về lãnh địa Đông Âu và châu Á của chúng.
- 35 Chỉ những cuộc chiến tranh của các bang Thụy Sĩ vào thế kỷ XIV - XV chống lại bọn xâm lược nước ngoài là vương triều Háp-xbuốc của Áo cũng như cuộc chiến tranh của người Thụy Sĩ 1474-1477 với công tước Bốc-gun-đi là Sác-lơ dừng cầm mưu toan xâm chiếm lãnh thổ của Liên bang Thụy Sĩ. Trong những cuộc chiến tranh ấy, người Thụy Sĩ đã bảo vệ được nền độc lập của mình, chứng tỏ tính hơn hẳn của bộ binh có tổ chức tốt và đoàn kết của họ, gồm nông dân tự do và thị dân so với đội hiệp sĩ.- 40.
- 36 Ở đây muốn nói đến cuốn luận văn của Ma-ki-a-ve-li "I sette libri dell'arte della guerra" ("Bảy cuốn viết về nghệ thuật chiến tranh"), viết năm 1519-1520.- 43.
- 37 Ở *Ma-ri-nhi-a-nô* (Bắc I-ta-li-a) ngày 13-14 tháng Chín 1515 quân đội của vua Pháp, Phrăng-xoa I được sự chi viện của đồng minh Vơ-ni-dơ của họ đã đánh bại đội quân đánh thuê Thụy Sĩ của công tước Mi-la-nô. Đây là một trong những trận đánh lớn trong cuộc chiến tranh I-ta-li-a 1494 - 1559, trong đó I-ta-li-a đã nhiều lần bị bọn xâm lược Pháp, Tây Ban Nha và Đức xâm phạm và là chiến trường của cuộc chiến tranh giữa Pháp, Tây Ban Nha và đế quốc Đức nhằm thống trị bán đảo A-pen-nanh. Kết quả cuối cùng của cuộc chiến tranh mà ngoài các công quốc I-ta-li-a còn có Anh, Thụy Sĩ và các nước khác tham gia ở những thời kỳ khác nhau là Pháp bị trục xuất khỏi I-ta-li-a, còn nước này rơi vào ách thống trị của Tây Ban Nha.- 43.
- 38 Ở *Pa-vi-a* ngày 24 tháng Hai 1525 xảy ra trận đánh giữa quân đội của vua Pháp Phrăng-xoa I và quân đội của Sác-lơ V (hoàng đế Đức và vua Tây Ban Nha). Quân Pháp bị thất bại thảm hại, bản thân vua Phrăng-xoa bị bắt làm tù binh. Trận đánh quyết định trên mức độ rất lớn kết cục của cuộc chiến tranh I-ta-li-a theo hướng có lợi cho Tây Ban Nha (chỉ đến năm 1559 Pháp mới bỏ hẳn tham vọng đối với I-ta-li-a mà phần lớn lãnh thổ nằm trong tay vương triều Háp-xbuốc của Tây Ban Nha). Đóng vai trò lớn trong trận Pa-vi-a là lính đánh thuê Đức phục vụ cho Sác-lơ V và

- bộ binh Tây Ban Nha sử dụng có hiệu quả súng ống chống lại đội kỵ sĩ Pháp.
- 39 Ở đây có ý nói rằng cuộc cách mạng tư sản Hà Lan 1566 - 1609 đã kết hợp được cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản và quần chúng nhân dân chống chế độ phong kiến với cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc chống lại Tây Ban Nha chuyên chế thống trị Hà Lan (Bỉ và Hà Lan hiện nay) vào thế kỷ XIII. Thành trì của cách mạng là các tỉnh phía Bắc Hà Lan - Hoà Lan và Dê-lan trở thành hạt nhân của nước Cộng hoà Hà Lan tư sản (nước cộng hoà Các tỉnh liên hợp) xây dựng trong quá trình đấu tranh. Trong cuộc chiến tranh với Tây Ban Nha, Hà Lan đã giành được thắng lợi và được công nhận độc lập vào năm 1609 (Nam Hà Lan vẫn ở dưới quyền thống trị của người Tây Ban Nha). Năm 1621 hoạt động quân sự giữa Hà Lan và Tây Ban Nha lại nổ ra xen kẽ với cuộc Chiến tranh ba mươi năm ở châu Âu mà kết quả là nền độc lập của Hà Lan được củng cố hẳn vào năm 1648.- 44.
- 40 *Cuộc Chiến tranh ba mươi năm* 1618-1648 là cuộc chiến tranh toàn châu Âu nổ ra vì cuộc đấu tranh giữa tín đồ Tin lành và tín đồ Thiên chúa giáo. Chiến tranh mở đầu bằng cuộc khởi nghĩa ở Tréc-khi-a chống lại ách áp bức của vương triều Háp-xbuốc và sự tấn công của thế lực phản động Thiên chúa giáo. Các nước châu Âu tham gia sau đó vào chiến tranh chia thành hai phe. Vương triều Háp-xbuốc Tây Ban Nha và Áo, các chư hầu Thiên chúa giáo ở Đức liên hợp dưới ngọn cờ Thiên chúa giáo và được sự ủng hộ của giáo hoàng đã tấn công các nước theo đạo Tin lành: Tréc-khi-a Đan Mạch, Thụy Sĩ, Cộng hoà Hà Lan và những quốc gia ở Đức thừa nhận cải cách tôn giáo. Các nước theo đạo Tin lành được sự ủng hộ của vua Pháp - đối thủ của vương triều Háp-xbuốc. Nước Đức thành ra chiến trường chính của cuộc tranh giành này, thành đối tượng sự cướp bóc quân sự và của ý đồ xâm lược của các nước tham chiến.
- Cuộc Chiến tranh ba mươi năm chia làm bốn thời kỳ: trong thời kỳ Tréc-khi-a (1618-1624), cuộc đấu tranh chủ yếu diễn ra giữa những tín đồ Tin lành Tréc-khi-a và phe hoàng đế - Thiên chúa giáo và kết thúc bằng thất bại của người Tréc-khi-a. Năm 1625 với sự giúp sức của Pháp, liên minh giữa Anh, Hà Lan và Đan Mạch chống lại vương triều Háp-xbuốc Tây Ban Nha và Áo đã được thành lập. Vào thời kỳ Đan Mạch (1625-1629) thì chiến tranh đã mang tính chất toàn châu Âu. Nhưng quân đội Đan Mạch bị quân đội của hoàng đế - Thiên chúa giáo đánh bại. Năm 1630 Thụy Sĩ tham chiến, dưới ngọn cờ bảo vệ chư hầu theo đạo Tin lành, cố sức đứng chân ở phía nam biển Ban-tích. Thời kỳ Thụy Sĩ (1630-1635), chiến tranh mở đầu bằng một loạt thắng lợi của quân đội Thụy Sĩ, nhưng năm 1634 người Thụy Sĩ bị lực lượng liên hiệp của

hoàng đế và Tây Ban Nha đánh bại. Năm 1635 Pháp công khai đứng về phía Thụy Sĩ và chủ hầu theo đạo Tin lành. Thời kỳ Pháp - Thụy Sĩ (1635-1648), ở giai đoạn đầu, chiến tranh mang tính chất chống thế lực phản động của châu Âu phong kiến chuyên chế, rút cục biến thành một loạt cuộc xâm nhập nước Đức của bọn xâm lược nước ngoài kinh địch nhau. Chiến tranh kết thúc năm 1648 bằng việc ký kết hoà ước Ve-x-tơ-pha-li làm tăng thêm sự phân tán về chính trị của nước Đức.- 46.

- 41 Ba trận đánh được nhắc tới thuộc thời kỳ Thụy Sĩ của cuộc Chiến tranh ba mươi năm.

Ở *Lai-pxích* (hoặc ở Brây-ten-phen-đơ) ngày 17 tháng Chín 1631 và ở khu vực sông *Lê-khơ* thuộc Ba-vi-e ngày 15 tháng Tư 1632 quân đội của Gu-xtáp-A-đôn-phơ đánh bại quân đội hoàng đế - Thiên chúa giáo do Tin-li chỉ huy. Ở *Luy-tơ-xen* (Đắc-den) ngày 16 tháng Mười một 1632 Gu-xtáp A-đôn-phơ đánh bại quân đội hoàng đế của Va-len-xtây-nơ.- 47.

- 42 *Biên khu quân sự* là tên gọi các tỉnh phía nam Đế quốc Áo vào thế kỷ XVI-XIX (Xlô-vê-ni, Crô-a-xi, Xla-vô-ni-a, Ba-nát) mà cư dân - dân biên giới - phải làm nghĩa vụ quân sự biên phòng để được sử dụng ruộng đất.- 48.
- 43 Ở *Môn-vi-xơ* (Xi-lê-di) ngày 10 tháng Tư 1741 quân đội của Phri-đrich II đã đánh bại quân đội Áo trong thời kỳ chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Áo (1740-1748).

Cuộc chiến tranh 1740-1748 nổ ra là do tham vọng của các quốc gia phong kiến ở châu Âu, trước hết là Phổ muốn chiếm lãnh thổ của vương triều Háp-xbuốc Áo mà hoàng đế Các-lơ VI, sau khi chết đã trao cho con gái của mình là Ma-ri-a Tê-re-di-a vì hoàng đế không có hoàng nam kế vị. Những kẻ tham vọng quyền kế thừa ngôi vua Áo đã quyết không thừa nhận quyền của Ma-ri-a Tê-re-di-a. Những đồng minh chính của Phổ trong chiến tranh là Pháp và Ba-vi-e, và trước năm 1742 có cả Đắc-den, sau này mới chuyển sang phía Áo, Anh, vì muốn làm yếu kẻ cạnh tranh về thương mại và thuộc địa của mình là Pháp, đã đứng về phía Áo, nước này cũng được sự giúp đỡ về quân sự và ngoại giao của Xắc-đi-ni, Hà Lan và Nga. Trong cuộc chiến tranh này vua Phổ Phri-đrich II đã hai lần phản bội đồng minh của mình, ký hoà ước riêng rẽ với Áo (năm 1742 và năm 1745). Kết quả của cuộc chiến tranh là Phổ được Xi-lê-di mà nó đã chiếm lĩnh, nhưng phần còn lại của lãnh thổ của vương

triều Háp-xbuốc vẫn thuộc Ma-ri-a Tê-re-di-a.- 50.

- 44 Đây nói về cuộc chiến tranh của khối liên minh các nước phong kiến chuyên chế ở châu Âu chống lại nước Pháp cách mạng. Nước Anh tư sản - quý tộc cũng tích cực tham gia vào việc thành lập khối liên minh phản cách mạng. Tháng hai 1792 với sự ủng hộ của Anh và nước Nga sa hoàng đã ký kết liên minh quân sự giữa Phổ và Áo, những nước này bắt đầu can thiệp vào Pháp. Năm 1793, sau khi tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Pháp ngày 10 tháng Tám 1792 và xử tử vua Lu-i XVI vào tháng Giêng 1793, Anh, Hà Lan, Tây Ban Nha, Na-pơ, Xắc-đi-ni và nhiều quốc gia nhỏ ở Đức và I-ta-li-a đã công khai tham gia liên minh chống Pháp. Cuộc chiến tranh của Pháp với các nước tham gia liên minh (lần thứ nhất) ấy kéo dài cho đến năm 1797.

Từ khi chính quyền chuyển sang tay giai cấp tư sản phản cách mạng vào mùa hè 1794, cuộc chiến tranh giải phóng và chính nghĩa của Pháp mang tính chất chiến tranh xâm lược nhằm mục đích chinh phục các dân tộc khác.- 53.

- 45 Ở đây muốn nói đến cuộc chiến tranh giải phóng - cách mạng giành độc lập của 13 nước thuộc địa của Anh ở Bắc Mỹ (1775-1783). Cuộc khởi nghĩa của các thuộc địa Bắc Mỹ chống lại sự thống trị của Anh, xuất phát từ nguyện vọng của giai cấp tư sản dân tộc đã hình thành ở Mỹ muốn được độc lập và muốn xoá bỏ những trở ngại do nền thống trị thực dân của Anh đã ngăn cản sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, mang tính chất cuộc cách mạng tư sản. Nhờ thắng lợi của người Bắc Mỹ mà một nhà nước tư sản độc lập đã ra đời, đó là Hợp chúng quốc Mỹ.- 53.

- 46 *Cuộc Chiến tranh bảy năm* (1756-1763) nổ ra do dã tâm xâm lược của các nước phong kiến chuyên chế châu Âu và những kẻ tranh giành thuộc địa Anh và Pháp. Anh liên minh với Phổ chống lại liên minh của Áo, Pháp, Nga, Đắc-den và Thụy Sĩ. Năm 1756-1757 quân đội của vua phổ Phri-đrich II đã giành được một loạt thắng lợi đối với quân Áo và quân Pháp, nhưng thắng lợi của quân Nga ở Phổ năm 1757 - 1760 xoá sạch thành quả thắng lợi của Phổ. Cuộc chiến tranh kết thúc bằng việc ký kết Hoà ước Pa-ri và Hoà ước Gu-béc-tu-xbua. Theo Hoà ước Pa-ri, Pháp buộc phải nhượng cho Anh những thuộc địa lớn nhất của mình (Ca-na-đa, hầu như toàn bộ lãnh địa của Pháp ở Đông Ấn v.v.), điều đó củng cố thế lực thực dân và thế lực trên biển của Anh. Hoà ước Gu-béc-tu-xbua khôi phục biên giới trước chiến tranh cho Phổ, Áo và Đắc-den.- 56.

- 47 Trận *In-ke-rơ-man* giữa quân đội Nga và quân đội Anh - Pháp xảy ra ngày 5 tháng Mười một (ngày 24 tháng Mười) 1854 trong thời kỳ Chiến tranh Crưm (1853- 1856). Trận đánh kết thúc bằng thất bại của quân Nga, nhưng những hoạt động tích cực của quân đội Nga và những thiệt hại nặng nề mà liên quân, nhất là quân Anh, phải chịu, buộc họ phải từ bỏ việc cường tập tước khắc vào Xê-va-xtô-pôn và chuyển sang vây đánh lâu dài cứ điểm này. Trận đánh này được thuật lại tỉ mỉ trong bài của Ăng-ghe-nhê "Trận In-ke-rơ-man" (Xem, C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nhê, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tập 19, tr.)- 58.
- 48 Cứ điểm Bát-đa-i-ốt (Tây-Nam Tây Ban Nha) bị liên quân Anh - Tây Ban Nha - Bồ Đào Nha do Oen-lin-ton chỉ huy bao vây hai lần trong thời kỳ chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ (1808-1814). Trong cuộc chiến tranh này, đồng thời với những hoạt động quân sự giữa nước Anh và nước Pháp của Na-pô-lê-ông, trên toàn bán đảo đã phát triển cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha - nhiều nơi mang hình thức chiến tranh du kích - chống lại bọn chiếm đóng Pháp. Cứ điểm Ba-đa-i-ốt có tầm quan trọng về chiến lược do quân Pháp chiếm tháng Ba 1811 đã bị liên quân vây đánh vào tháng Năm cùng năm. Cuộc vây đánh kéo dài từ đầu tháng Sáu 1811 và phải rút bỏ do bên bao vây bị thiệt hại nặng nề và do đội dự bị của quân Pháp tới (ở cuối mục này Ăng-ghe-nhê đã không đúng khi nói rằng cuộc vây đánh bị rút bỏ mấy ngày sau trận An-bu-ê-ra ngày 16 tháng Năm 1811- điều không chính xác này được phát hiện sau khi bài viết đã công bố và nguyên nhân, như có thể thấy qua thư của Ăng-ghe-nhê gửi Mác ngày 18 tháng Hai 1858, là sự sai lầm của một trong những tài liệu mà Ăng-ghe-nhê sử dụng). Cứ điểm Bát-đa-i-ốt bị liên quân vây đánh lần thứ hai vào tháng Hai 1812 và rơi vào tay liên quân sau cuộc cường tập thành công ngày 6 tháng Tư cùng năm.- 72.
- 49 Ở *Bô-xu-ê-rơ* (Lê-xtơ-sia, Anh) ngày 22 tháng Tám 1485 xảy ra trận đánh giữa quân đội của Hen-ri Ti-u-đo, họ hàng xa của dòng họ Lan-kê-xtơ và quân đội của vua Anh Ri-sốt III thuộc vương triều I-oóc, kết thúc bằng thất bại và sự tử trận của Ri-sốt. Kẻ chiến thắng tuyên bố là vua Hen-ri VII. Trận đánh này chấm dứt cuộc chiến tranh Hoa hồng (1455-1485) là cuộc chiến tranh giữa đại biểu của hai dòng họ phong kiến Anh tranh giành ngôi vua: dòng họ I-oóc mà huy hiệu có vẽ hoa hồng bạch và dòng họ Lan-kê-xtơ mà huy hiệu mang hoa hồng thắm. Cuộc chiến tranh đưa tới sự diệt vong hầu như hoàn toàn của dòng họ phong kiến lâu đời và kết thúc bằng việc chính quyền chuyển vào tay vương triều mới Ti-u-đo, vương triều này xác

- lập chế độ chuyên chế ở Anh.- 78.
- 50 Chỉ cuốn sử biên niên của Ê. Hô-lơ: "The Union of the Noble and Illustre Famelies Lancastre and York" ("Sự liên hợp của hai dòng họ cao quý và quang vinh Lan-kê-xtơ và I-oóc" xuất bản ở Luân Đôn năm 1542.- 78.
- 51 *Những cuộc nội chiến ở Anh* vào thời kỳ cách mạng tư sản giữa thế kỷ XVII nổ ra giữa bọn quý tộc - bảo hoàng ra sức khôi phục sự thống trị chuyên chế của Sác-lơ I Xtiiu-át với những người ủng hộ nghị viện. Thời kỳ đầu của cuộc nội chiến (1642-1646), quân đội của nghị viện do những phần tử chủ trương thoả hiệp với nhà vua đứng đầu đã bại trận. Nhưng trong quá trình của chiến tranh, trong hàng ngũ quân đội, thế của những đại biểu kiên quyết hơn thuộc quý tộc tư sản hoá và giai cấp tư sản do Crôm-oen lãnh đạo đã mạnh hơn. Crôm-oen đã cải tổ lực lượng vũ trang của nghị viện. Trong quân đội "kiểu mới", những phần tử dân chủ, đại biểu cho các tầng lớp đông đảo nông dân và thợ thủ công, những người đòi hỏi những biện pháp cách mạng phải kiên quyết, đã có ảnh hưởng lớn. Nhờ quần chúng nhân dân tích cực tham gia cuộc nội chiến nên đã tạo ra bước ngoặt và đã đánh bại được nhà vua. Nhưng do bọn bảo hoàng nổi loạn và giới quý tộc phong kiến Xcôt-len ủng hộ Sác-lơ I nên mùa xuân 1648 lại nổ ra cuộc nội chiến thứ hai, tháng Tám năm 1648 kết thúc bằng thắng lợi mới của quân đội cách mạng. Năm 1649 Sác-lơ I bị xử tử, nền cộng hoà tư sản được thiết lập ở Anh.- 80.
- 52 Trong khi viết bài "Ê-ri", Ăng-ghe-nhê đã được Mác giúp đỡ rất nhiều trong việc lựa chọn các tư liệu cần thiết, điều đó có thể thấy được trong những đoạn trích hiện còn giữ lại được của Mác từ trong nhiều tài liệu tiếng Anh. Trong những đoạn trích này có những đoạn trích trong cuốn: R. Airey. "Adresses before Military Board at Chelsea". London, 1856 (R. Ê-ri "Tuồng trình trước uỷ ban quân sự ở Tren-xi "Luân Đôn, 1856). Đoạn trích ở phần dưới bài là lấy trong cuốn sách nhỏ ấy.- 81.
- 53 *Đại quân* (Grande armée) là tên gọi từ năm 1805 của những binh đoàn chủ yếu trong lực lượng vũ trang của Đế quốc Pháp tác chiến trên các chiến trường chính trong các cuộc chiến tranh của Na-pô-lê-ông. Ngoài bộ đội Pháp, đại quân còn bao gồm bộ đội của những nước bị Na-pô-lê-ông chinh phục: I-ta-li-a, Hà Lan, Đức, Ba Lan và các nước khác.- 83.
- 54 Ở đây muốn nói đến trận đánh năm ngày ở khu vực A-ben-xbéc-gơ, Lan-xhút, Ê-cơ-muy-lơ và Rê-ghe-nhê-xbước (Ba-vi-e) ngày 19-23 tháng Tư 1809 trong cuộc chiến

tranh Áo-Pháp 1809. Trong quá trình chiến tranh, nước Pháp của Na-pô-lê-ông đã giành được thắng lợi với cái giá phải trả là bỏ ra nhiều công sức và bị thiệt hại nặng nề do vấp phải sự chống cự ngoan cường của quân đội Áo, điều đó chứng tỏ sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân các nước châu Âu chống lại ách áp bức của Na-pô-lê-ông. Trận Rê-ghen-xbuốc kết thúc bằng thất bại và sự rút lui của quân đội Áo nhưng vẫn duy trì được sức chiến đấu.

Một trong những giai đoạn của trận Rê-ghen-xbuốc là trận A-ben-xbéc-gơ được trình bày trong một mục ngắn nhan đề "A-ben-xbéc-gơ" do Ăng-ghe-ni viết cùng một lúc với mục "A-xpéc-nơ" và in năm 1858 trong tập một của "New American Cyclopaedia". Sự ngắn ngủi của mục nhỏ này buộc người ta phải nghĩ rằng nguyên bản đã bị ban biên tập bách khoa toàn thư lược bỏ đi rất nhiều. Dưới đây là nguyên văn đăng trong "New American Cyclopaedia": "A-ben-xbéc-gơ – một thị trấn có 1200 dân ở vùng Rê-ghen của Vương quốc Ba-vi-e. Người ta cho rằng đây là di chỉ của thành phố La Mã A-ba-xi-num. Ở ngoại thị có suối nước nóng và di tích của pháo đài cổ xinh đẹp. Ngày 20 tháng Tư 1809 Bô-na-pác-tơ đã hội chiến với quân Áo ở A-ben-xbéc-gơ và đánh bại họ: họ bị thiệt hại trong trận này 12 khẩu pháo và 13000 binh sĩ. Thắng lợi này mở màn cho thắng lợi ở Lan-xhút và Ê-cơ-muy-lơ và mở đường vào Viên".- 83.

- 55 Ở *Oa-téc-lô* (Bỉ) ngày 18 tháng Sáu 1815 quân đội của Na-pô-lê-ông bị quân đội Anh - Hà Lan do Oen-lin-ton chỉ huy và quân đội Phổ do Bluy-khơ chỉ huy đánh bại. Trận đánh có tác dụng quyết định trong chiến dịch 1815, báo trước một thắng lợi chắc chắn của liên minh (lần thứ bảy) chống Na-pô-lê-ông (Anh, Nga, Áo, Phổ, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha và những nước khác) và sự sụp đổ của đế chế Na-pô-lê-ông. Thắng lợi của liên quân trong trận Oa-téc-lô được bảo đảm bằng ý chí ngoan cường của bộ binh Anh đã chịu đựng được nhiều đợt tấn công của quân đội Na-pô-lê-ông cũng như bằng sự chi viện kịp thời của quân đội Bluy-khơ cho quân đội Anh, Hà Lan.- 86.
- 56 Chỉ trận *Lai-pxích* ngày 16-19(4-7) tháng Mười 1813 là trận quyết chiến giữa quân đội của khối liên minh lần thứ sáu của các cường quốc châu Âu (Anh, Nga, Áo, Phổ, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha v.v.) với quân đội của nước Pháp Na-pô-lê-ông trong chiến dịch năm 1813. Trong trận đánh này, - một trận đánh đã đi vào lịch sử với cái tên

"trận chiến đấu của nhân dân", - hai bên đã có 50 vạn người tham gia. Thắng lợi của liên quân quyết định kết cục của chiến dịch có lợi cho liên quân và đưa tới sự giải phóng nước Đức khỏi sự thống trị của Na-pô-lê-ông.- 88.

- 57 Cuộc chiến tranh bắt đầu năm 1812 giữa Anh và Hợp chúng quốc Mỹ gây ra bởi mưu đồ của giai cấp thống trị Anh hòng khôi phục địa vị thống trị của mình ở Bắc Mỹ đã mất đi do cuộc cách mạng tư sản Mỹ thế kỷ XVIII. Trong cuộc đấu tranh với Anh, lực lượng vũ trang Mỹ được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân nhìn thấy hành động đe dọa khôi phục chế độ thuộc địa của người Anh và coi cuộc đấu tranh ấy như là cuộc chiến tranh giành độc lập lần thứ hai. Trong khi đó một số tập đoàn của giai cấp tư sản Mỹ lại gắn liền cuộc chiến tranh này với kế hoạch bành trướng lãnh thổ của Hợp chúng quốc Mỹ sang các nước láng giềng. Năm 1812 tình hình chiến tranh có lợi cho người Anh, nhưng 1813 người Mỹ đã quét sạch quân Anh khỏi bang Mi-si-gân giáp tiếp với Ca-na-đa. Năm 1814 tuy còn tạm thời chiếm giữ Oa-sinh-ton, nước Anh kiệt quệ vì cuộc chiến tranh với Na-pô-lê-ông và bị thiệt hại nặng do hoạt động thắng lợi của hạm đội Mỹ, đã buộc phải ký kết hoà ước ở Gan-đơ vào tháng Chạp 1814 trên cơ sở thừa nhận địa vị trước chiến tranh. Các hoạt động quân sự chấm dứt vào tháng Giêng 1815.- 92.
- 58 Trong trận *Phông-tê-noa* (Bỉ) ngày 11 tháng Năm 1745 vào thời kỳ chiến tranh đòi quyền thừa kế ngôi vua Áo (xem chú thích 45), quân đội Pháp do Mô-rít-xơ Đắc-den chỉ huy đã đánh bại liên quân Anh - Han-nô-vơ, Hà Lan và Áo.
- Ở *Tri-pê-va* (trên biên giới Ca-na-đa và Mỹ) ngày 5 tháng Bảy 1814 trong thời kỳ chiến tranh Anh - Mỹ đã xảy ra trận đánh giữa quân Anh và quân Mỹ, quân Mỹ đã thu được thắng lợi.- 93.
- 59 Thuật ngữ "clăng" lưu hành ở Tây Âu mà Ăng-ghe-ni dùng có nghĩa là những liên hợp thị tộc lớn (hê-li) hợp thành các bộ lạc Áp-ga-ni-xtan.- 98.
- 60 *Xun ni* và *Si-ít* là hai giáo phái chủ yếu trong Hồi giáo. Hai phái này ra đời vào thế kỷ VII do xung đột nội bộ giữa những người kế thừa Mô-ha-mét được coi là người sáng lập ra Hồi giáo.- 99.
- 61 *Mông Cổ* là những kẻ xâm lược gốc Tuyếc-cơ, từ miền Đông của Trung Á đã xâm nhập vào Ấn Độ vào đầu thế kỷ XVI và thành lập năm 1526 ở Bắc Ấn Độ đế quốc

Đại Mông Cổ (tên người châu Âu dùng để gọi những người thống trị của đế quốc ấy, còn họ tự xưng là Pa-di-sa-ha). Người đương thời cho rằng những người sáng lập ra đế quốc Mông Cổ có dòng dõi trực tiếp với những người Mông Cổ xâm lược thời Cát Tư Hãn do đó có tên gọi "Mông Cổ". Đế quốc Mông Cổ đã đạt tới một quốc gia hùng mạnh, đến giữa thế kỷ XVII đã chinh phục được phần lớn Ấn Độ và một bộ phận Á-p-ga-ni-xtan. Nhưng do những cuộc khởi nghĩa nông dân và sự phản kháng của các dân tộc Ấn Độ ngày càng tăng đối với kẻ xâm lược - Hồi giáo, cũng như do những cuộc xung đột nội bộ thường xuyên và xu hướng phân lập phong kiến ngày càng mạnh, đế quốc Đại Mông Cổ bắt đầu suy tàn và thực sự tan rã vào nửa đầu thế kỷ XVIII.- 99.

62 *Ma-rát-khơ* là một bộ tộc Ấn Độ cư trú ở khu vực Tây - Bắc Đê-can. Từ giữa thế kỷ XVII bộ tộc này bắt đầu cuộc đấu tranh vũ trang chống sự thống trị ngoại bang của bọn phong kiến Mông Cổ, giáng một đòn nghiêm trọng vào đế quốc Đại Mông Cổ và đẩy nó tới chỗ tan rã. Trong quá trình của cuộc đấu tranh đó đã thành lập quốc gia độc lập của người Ma-rát-khơ mà bọn thượng lưu phong kiến nhanh chóng đi vào con đường chiến tranh xâm lược. Vào cuối thế kỷ XVIII, quốc gia Ma-rát-khơ bị suy yếu vì những xung đột nội bộ phong kiến, nhưng đầu thế kỷ XVIII đã hình thành khối liên hiệp lớn mạnh các công quốc Ma-rát-khơ đứng đầu là người thống trị tối cao - pê-sva. Bọn phong kiến Ma-rát-khơ đấu tranh chống người Á-p-ga-ni-xtan để giành quyền bá chủ Ấn Độ, đã thất bại thảm hại vào năm 1761. Bị kiệt sức trong cuộc đấu tranh giành quyền bá chủ Ấn Độ và vì những tranh chấp nội bộ của bọn phong kiến Ma-rát-khơ, các công quốc Ma-rát-khơ trở thành con mồi cho Công ty Đông Ấn chinh phục họ sau cuộc chiến tranh Anh - Ma-rát-khơ 1803-1805.- 99.

63 *Đạo Xích* là tên gọi một đạo giáo ở Pen-giáp vào thế kỷ XVI mà giáo lý về bình đẳng nhằm dung hoà Ấn Độ với Hồi giáo, đã trở thành hệ tư tưởng chỉ đạo cho cuộc đấu tranh của nông dân phát triển từ cuối thế kỷ XVII chống lại bọn phong kiến Ấn Độ và bọn xâm lược Á-p-ga-ni-xtan. Về sau trong bản thân tín đồ Xích cũng phân hoá ra lớp thượng lưu phong kiến mà đại biểu (xéc-đa-ri) của nó đứng đầu các công quốc theo đạo Xích. Đầu thế kỷ XIX những công quốc ấy liên hợp dưới sự lãnh đạo của một xéc-đa-ri là Răng-gi-tơ Xinh-khơ, người cai quản vương quốc Xích bao gồm toàn bộ Pen-giáp và nhiều khu vực lân cận. Năm 1845 bọn thực dân Anh lợi dụng những phân tử phản bội trong quí tộc Xích gây ra cuộc

xung đột với người Xích và năm 1846 biến quốc gia người Xích thành một công quốc chư hầu. Năm 1848 người Xích đứng lên khởi nghĩa nhưng năm 1849 bị chinh phục hoàn toàn.- 100.

64 Cuộc bao vây Hê-rát của quân đội I-ran bắt đầu ngay từ tháng Mười một 1837 kéo dài cho đến tháng Tám 1838. Cuộc tiến quân của sắc I-ran Mô-ha-mét vào Hê-rát do bất hoà sâu sắc không những giữa I-ran và Á-p-ga-ni-xtan mà còn giữa Anh và Nga ở khu vực này. Vì muốn tăng cường thế lực của Anh ở Á-p-ga-ni-xtan và muốn làm suy yếu ảnh hưởng của Nga bấy giờ đã được củng cố ở I-ran, cũng như muốn buộc I-ran ký một hiệp ước thương mại bất lợi cho nước này, Chính phủ Anh tuyên bố rằng hành động của sắc là thù địch với Anh và yêu cầu chấm dứt cuộc bao vây Hê-rát. Do sắc từ chối thực hiện yêu cầu đó, Chính phủ Anh cắt đứt quan hệ ngoại giao với I-ran và để đe dọa gây chiến, năm 1838 Chính phủ Anh đã phái chiến hạm đến vịnh Ba Tư. Sắc I-ran buộc phải rút bỏ cuộc bao vây và sau đó đồng ý ký kết hiệp ước thương mại với Anh.

Cuộc bao vây Hê-rát được mô tả trong bài của Mác “Chiến tranh chống Ba Tư” (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 12, tr.51-157. Đối với Ăng-ghe-n, như có thể thấy được qua các đoạn trích dẫn của ông, thì những tài liệu chủ yếu dùng để trình bày sự kiện này, cũng như cuộc chiến tranh Anh - Á-p-ga-ni-xtan 1838-1842 liên quan đến sự kiện ấy là cuốn sách: J. W Kaye “History of the War in Afghanistan”. Vol. I-II, London 1851 (G. U. Cây: “Lịch sử cuộc chiến tranh ở Á-p-ga-ni-xtan”, t. I-II, Luân Đôn, 1851).- 102.

65 Năm 1838, quân đội Anh, dùng để xâm nhập Á-p-ga-ni-xtan, đã đi qua khu vực Xin-đơ (Tây - Bắc Ấn Độ) tiếp giáp với Á-p-ga-ni-xtan, điều đó đã tạo điều kiện cho bọn thực dân Anh dễ dàng chiếm khu vực này. Khi bắt đầu cuộc chiến tranh với Á-p-ga-ni-xtan, Công ty Đông Ấn dùng sự đe dọa và cưỡng bức buộc bọn thống trị phong kiến ở Xin-đơ đồng ý để quân đội của nó đi qua lãnh địa của mình. Năm 1843 người Anh yêu cầu bọn phong kiến địa phương tự thừa nhận là chư hầu của công ty và sau khi đàn áp cuộc khởi nghĩa của bộ lạc người Bê-lút-gia (cư dân bản địa Xin-đơ), chúng tuyên bố sáp nhập toàn bộ khu vực vào Ấn Độ thuộc Anh.- 102.

66 *Xi-pai* là quân đội đánh thuê ở Ấn Độ do bọn thực dân Anh tuyển mộ trong dân cư bản

xứ và phục vụ dưới sự chỉ huy của các sĩ quan Anh. Quân đội xi-pai trong quân đội Anh - Ấn bị bọn Anh sử dụng để chinh phục Ấn Độ và trong các cuộc chiến tranh xâm lược các nước lân cận Ấn Độ (Áp-ga-ni-xtan, Miến Điện v.v.). Bị biến thành trụ cột cho sự thống trị của Anh, quân đội xi-pai đã chịu sự bất bình chung của quần chúng nhân dân Ấn Độ đối với chế độ thực dân, điều đó đặc biệt biểu hiện trong thời kỳ cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc qui mô lớn ở Ấn Độ 1857-1859.- 105.

- 67 Chỉ tác phẩm của Coóc-môn-tanh: "Architecture militaire, ou l'art de fortifier". La Haye, 1741 ("Kiến trúc quân sự, hoặc nghệ thuật xây công sự". La Hay, 1741).- 113.
- 68 Trong trận đánh ở sông Spây-ơ-bác (Tây Đức) ngày 15 tháng Mười một 1703, quân Pháp đã đánh thắng quân đội của đế quốc Đức, cuộc đánh giáp lá cà của bộ binh Pháp đã quyết định kết cục của trận đánh.

Trận đánh này xảy ra trong thời kì cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Tây Ban Nha (1701 - 1714) gây ra bởi cuộc đấu tranh của các nước Tây Âu đòi phân chia các lãnh địa châu Âu và thuộc địa của nước Tây Ban Nha phong kiến đang suy tàn cũng như bởi sự cạnh tranh trên biển và ở thuộc địa của Anh và Pháp. Vua Pháp Lu-i XIV, kẻ ra sức sáp nhập vương quốc Tây Ban Nha, đã thành công trong việc đưa cháu mình là Phi-líp Bốc-bông lên ngai vàng Tây Ban Nha sau khi vương triều Háp-xbuốc Tây Ban Nha không có hoàng nam kế vị. Liên minh chống Pháp và Tây Ban Nha đã hình thành gồm có Anh, vương triều Háp-xbuốc Áo (đại biểu của vương triều này cũng là hoàng đế Đức), Hà Lan, Công quốc Xa-voa, Bồ Đào Nha, Phổ và nhiều nước nhỏ ở Đức. Chiến tranh diễn ra trên bốn chiến trường: I-ta-li-a, Tây Ban Nha, miền Tây và Tây-Nam Đức và Hà Lan. Chiến tranh dẫn tới sự kiệt quệ của Pháp, thực hiện phân chia một phần đế quốc Tây Ban Nha. Theo Hoà ước U-tơ-rếch (1713) và Ra-stát (1714) vua Pháp phải từ bỏ kế hoạch hợp nhất vương quốc Pháp và vương quốc Tây Ban Nha, tuy nhiên Phi-líp Bốc-bông vẫn được giữ ngôi vua Tây Ban Nha; lãnh địa của Tây Ban Nha ở Hà Lan và I-ta-li-a được trao cho vương triều Háp-xbuốc Áo. Anh được lợi nhất trong chiến tranh, đã làm suy yếu thế lực của Pháp trên biển và ở thuộc địa, được Gi-bran-ta và đảo Mê-nốc-ca, nhiều thuộc địa Pháp ở Bắc Mỹ và quyền nhập nô lệ da đen vào các thuộc địa Tây Ban Nha.- 116.

- 69 Bài "Bác-clai-đơ Tô-li", như có thể thấy qua thư của Ăng-ghe-nen gửi Mác ngày 10 tháng Chín 1857 và những tài liệu chuẩn bị mà Mác và Ăng-ghe-nen viết, là tác phẩm chung của hai ông, tuy rằng việc sửa chữa cuối cùng về mặt văn chương là do Mác. Trong số những tư liệu mà các tác giả sử dụng khi viết mục này, ngoài những sách báo tham khảo còn có tập hiệp ước và hiệp định của Mác-tanh, tác phẩm của Giô-

mi-ni "Vic politique et militaire de Napoléon". Tome, 4, Paris, 1827 ("Hoạt động chính trị và quân sự của Na-pô-lê-ông". Tập 4, Pa-ri, 1827), cuốn sách của nhà sử học Đức Béc-hác "Denkwürdigkeiten aus dem Leben des Grafen von Toll", Leipzig, 1856 ("Ghi chép về cuộc đời của bá tước Tô-li", Lai-pxích, 1856). Trong những cuốn sách ấy, lịch sử cuộc Chiến tranh giữ nước năm 1812 được trình bày phiến diện, đôi chỗ còn hoàn toàn bị xuyên tạc nên không thể không ảnh hưởng đến khi trình bày một số mặt về cuộc chiến tranh này kể cả trong các bài viết của Mác và Ăng-ghe-nen, do thời bấy giờ các ông thiếu những tài liệu khách quan hơn. Đặc biệt là mục này trình bày không chính xác nguyên nhân cử M. I. Cu-tu-dốp giữ chức tổng tư lệnh quân đội Nga, động cơ Cu-tu-dốp bỏ trận địa ở Ggiát-xcơ (nói chính xác hơn là Txa-re-vô-Dai-mi-sơ), vai trò của ông trong hoạt động quân sự sau này của quân Nga. Ở đây Cu-tu-dốp đã bị đối lập một cách vô căn cứ với Bác-clai-đơ - Tô-li là nhà chỉ huy quân sự và nhà yêu nước lỗi lạc của nước Nga, nhưng thua xa vị thống soái vĩ đại Nga về tài thao lược, về sự hiểu biết tính chất của chiến tranh, kinh nghiệm chiến tranh và uy tín trong quân đội và nhân dân. Chính những điều ấy đã giải thích sự bổ nhiệm Cu-tu-dốp làm tổng tư lệnh mà hoàng đế A-lếch-xan-đơ I, tuy có ác cảm với vị thống soái, đã buộc phải đồng ý do sức ép của dư luận.- 117.

- 70 Chỉ trận đánh ở Proi-xi-xơ Ây-lau (Đông Phổ) ngày 7-8 tháng Hai (26-27 tháng Giêng) 1807 giữa quân Pháp và quân Phổ – một trong những trận đánh ác liệt nhất trong cuộc chiến tranh của liên minh lần thứ tư (Anh, Nga, Phổ và Thụy Điển) chống Pháp. Trong cuộc chiến tranh này, sau khi quân Phổ bị quân đội Na-pô-lê-ông đánh bại năm 1806, Đông Phổ trở thành chiến trường chính, nơi đây lực lượng vũ trang của Na-pô-lê-ông vấp phải sự chống cự ngoan cường của liên quân Nga và Phổ. Ở Proi-xi-xơ Ây-lau, tuy bị thiệt hại nặng, Na-pô-lê-ông vẫn không giành được thắng lợi quyết định. Kết quả là hoạt động của quân đội Pháp bị chặn lại và ý đồ của nó định cắt đứt quân đội Nga khỏi biên giới nước Nga đã không thành công.- 117.
- 71 Việc quân Nga do Bác-clai-đơ-Tô-li chỉ huy từ Phần Lan tiến vào chính lãnh thổ Thụy Điển tháng Ba 1809 trong thời kỳ chiến tranh Nga-Thụy Điển (1808-1809) đã tạo điều kiện cho giới quý tộc Thụy Điển thực hiện âm mưu chống lại vua Gu-xtáp IV nhằm hạn chế quyền lực của nhà vua vì lợi ích của tập đoàn quý tộc. Tháng Ba 1809 Gu-xtáp IV bị truất ngôi và chẳng bao lâu sau chú ông ta là công tước Duy-đéc-man-lan được xưng vương lấy tên là Sác-lơ XIII. Tháng Chín năm đó, Thụy Điển buộc phải ký hoà ước Phri-đrich-xham với nước Nga sa hoàng, nhượng Phần

Lan cho nước này.

So sánh cuộc tiến quân của quân Nga qua vịnh Bốt-ni-a với hành động tương tự qui mô nhỏ hơn mà người Thụy Điển tiến hành trước đây, Ăng-ghe-nen muốn nói đến cuộc tiến quân cuối tháng Giêng 1658 của quân đội của vua Thụy Điển Sác-lơ Gu-xtáp qua eo biển Tiểu và Đại Ben-tơ vào đất Đan Mạch trong thời kỳ chiến tranh Đan Mạch-Thụy Điển 1657-1658. Sự xâm nhập của Sác-lơ Gu-xtáp vào Đan Mạch buộc nước này phải ký hoà ước có lợi cho Thụy Điển.- 117.

72 Ở đây muốn nói đến: "Mémoires pour Servin à l'histoire de France, sous Napoléon, écrits à Sainte - Hélène, Par les généraux qui ont partagé sa captivité, et publiés sur les manuscrits entièrement corrigés de la main de Napoléon". Paris, 1823 ("Hồi ký viết về lịch sử nước Pháp thời kỳ Na-pô-lê-ông cầm quyền, do các tướng đã chịu chung số phận tù binh cùng Na-pô-lê-ông viết trên đảo Xanh-Ê-len và được in theo bản thảo hoàn toàn do chính tay Na-pô-lê-ông hiệu đính". Pa-ri, 1823).- 118.

73 Theo kế hoạch của Phun, trường hợp Na-pô-lê-ông xâm nhập thì lực lượng vũ trang Nga phải chia ra làm ba quân đoàn mà quân đoàn thứ nhất phải chống đỡ đòn chính của địch, dựa vào dinh lũy xây dựng đặc biệt 1811-1812 ở Đrít-xa (Lít-va) còn quân đoàn thứ hai thì cơ động ở bên sườn và hậu phương địch. Kế hoạch này, đặt ra theo tính thần chiến lược và chiến thuật cũ rích thời Phri-đrich II, đã phân tán lực lượng quân Nga và tạo cho kẻ địch chiếm ưu thế về số lượng đánh tan từng bộ phận quân Nga. Mưu lược của Na-pô-lê-ông tạo dựng trên những sai lầm của kế hoạch Phun. Nhưng bộ chỉ huy Nga - trong đó có Bác-clai-đơ - Tô-li biết rất rõ sai lầm của kế hoạch ấy, sau khi A-lếch-xan-đơ I, người ủng hộ kế hoạch của Phun thực không còn chỉ đạo hoạt động quân sự nữa, đã kịp thời quyết định bỏ dinh lũy Đrít-xa và rút vào nội địa nước Nga để hội quân đoàn Nga thứ nhất và thứ hai.- 118.

74 Trận *Xmô-len-xcơ* (xảy ra ngày 16-17 (4 - 5) tháng Tám 1812) giữa quân đội của Na-pô-lê-ông và quân đội Nga yểm hộ cuộc rút lui của các lực lượng chủ lực hội quân ngày 3 tháng Tám (22 tháng Bảy) 1812 gồm các đạo quân của Ba-gra-ti-ôn và Bác-clai-đơ-Tô-li. Na-pô-lê-ông đã không buộc được quân Nga quyết chiến. Bằng những thiệt hại lớn, Na-pô-lê-ông đã chiếm được những thành phố mà quân đội hậu vệ Nga bỏ lại sau khi chủ lực của quân Nga đã rút xong. Trận *Xmô-len-xcơ* là một trong những trận đánh xuất sắc của cuộc chiến tranh giữ nước 1812, chứng tỏ cho kẻ xâm lược thấy sức chống cự ngày càng lớn mạnh của quân đội và nhân dân Nga

và chứng tỏ sự phá sản của những toan tính của Na-pô-lê-ông hòng tiêu diệt nhanh chóng lực lượng quân Nga. Sau trận đánh, Na-pô-lê-ông đã mưu đồ không thành công việc ký kết hoà ước.- 118.

75 Ở đây muốn nói đến trận địa ở Txa-re-vơ-Dai-mi-sơ ở tây-nam Ggiat-xcơ mà quân Nga sẽ tới ngày 29 (17) tháng Tám 1812. Quân Nga đã bỏ trận địa này theo quyết định của tổng tư lệnh M. I. Cu-tu-dốp mới được bổ nhiệm cách đó ít lâu, ông dự tính sẽ quyết chiến với quân Pháp khi so sánh lực lượng có lợi hơn, muốn thế cần tranh thủ thời gian và cho đội quân tăng viện hội quân với quân chủ lực. Do nguyên nhân ấy, quân đội Nga rút từ Txa-re-vơ-Dai-mi-sơ về Bô-rô-đi-nô.- 118.

76 Ở đây nhắc đến một loạt trận đánh nằm trong chiến dịch năm 1813 của cuộc chiến tranh của liên minh các nước châu Âu lần thứ sáu chống lại nước Pháp Na-pô-lê-ông. Thất bại của quân đội Na-pô-lê-ông ở Nga năm 1812 đã báo hiệu cuộc nổi dậy của nhân dân các nước châu Âu chống lại sự thống trị của Na-pô-lê-ông. Tháng Hai 1813, sau khi quân đội Nga tiến vào Ba Lan và Đức, liên minh Nga-Phổ chống Na-pô-lê-ông đã được ký kết. Mùa xuân 1813 liên minh chống Na-pô-lê-ông gồm có Anh, Nga, Phổ, Thụy Điển, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha đã được thành lập mùa thu năm đó, Áo công khai tham gia liên minh này. Trong chiến dịch năm 1813, tuy Na-pô-lê-ông có thu được một vài thắng lợi, nhưng quân đội của ông ta vẫn bị liên quân đánh bại và đuổi khỏi Đức.

Trong trận đánh ở *Bau-txen* (Đắc-den) ngày 20-21 (8 - 9) tháng Năm 1813, quân đội của Na-pô-lê-ông đã đánh thắng quân đồng minh Nga - Phổ, nhưng cuộc rút lui của quân đồng minh được sự yểm hộ của quân đội hậu vệ Nga do Bác-clai-đơ-Tô-li chỉ huy đã hoàn thành một cách yên ổn. Hôm sau xảy ra trận đánh gần *Guê-li-xơ* giữa quân Pháp và bộ phận quân Nga rút lui từ *Bau-txen*, thắng lợi thuộc về quân Nga.

Trong trận *Lai-pxích* ngày 16-19 (4-7) tháng Mười 1813 (xem chú thích 56), Bác-clai-đơ - Tô-li chỉ huy cụm giữa của quân đồng minh.- 119.

77 Xem chú thích 45.- 120.

78 Ngày 5 và 6 tháng Mười 1789 trong thời kỳ diễn ra cách mạng tư sản Pháp, quần chúng nhân dân từ Pa-ri kéo đến Véc-xây, kết quả cuộc xung đột ác liệt với quân

cận vệ của nhà vua là đã buộc vua Lu-i XVI trở về Pa-ri, do đó đập tan âm mưu phản cách mạng chống Quốc hội lập hiến do triều đình chuẩn bị ở Véc-xây.

Ngày 19 tháng Hai 1791 ở Pa-ri đã dấy lên phong trào phản đối của nhân dân, mà lý do là họ hàng của nhà vua mưu toan chạy ra nước ngoài.

- 79 Cuộc chiến tranh *Văng-đây* nổ ra là do cuộc phiến loạn phản cách mạng chống nước Cộng hoà Pháp dấy lên ở tỉnh đó, vào tháng Ba 1793, trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp. Phần lớn trong bọn phiến loạn là một bộ phận nông dân địa phương do bọn linh mục và quý tộc phản cách mạng xúi giục và chỉ huy. Phái viên Chính phủ Anh đã tích cực giúp đỡ bọn phiến loạn. Tháng Sáu 1793 bọn Văng-đây bao vây và chiếm được thành phố *Xô-muy-rơ* do quân đội cộng hoà phòng thủ, nhưng về sau vấp phải hàng loạt thất bại. Cuộc phiến loạn bị đè bẹp năm 1795, nhưng ý đồ khôi phục lại nó còn lặp lại vào năm 1799 và những năm sau.- 120.
- 80 Ngày 9 tháng Nóng (27-28 tháng Bảy 1794) là cuộc chính biến phản cách mạng dẫn tới sự lật đổ chính phủ Gia-cô-banh và sự thiết lập nền thống trị của giai cấp đại tư sản.- 120.
- 81 Ở đây liệt kê một loạt trận chiến đấu nằm trong chiến dịch 1796-1797, trong đó, quân Pháp dưới quyền chỉ huy của tướng Bô-na-pác-tơ đã xâm nhập Bắc I-ta-li-a, đánh bại quân đồng minh Áo và Pi-ê-mông (Xác-đi-ni). Trong trận *Môn-dô-vi* nhắc tới ở đây, quân đội của Bô-na-pác-tơ đã giáng cho quân Pi-ê-mông một thất bại có tính chất quyết định buộc vua Pi-ê-mông ký kết hoà ước riêng rẽ. Thất bại của quân Áo ở *Lô-đi* dẫn tới việc quân đội của Bô-na-pác-tơ chiếm lĩnh Mi-la-nô. Trận *Ri-vô-li* (14 - 15 tháng Giêng 1797) mà Bô-na-pác-tơ thắng, đã có tác dụng quyết định trong cuộc đấu tranh giành Bắc I-ta-li-a, quyết định hoàn toàn kết cục của toàn bộ chiến dịch có lợi cho Pháp. Người Áo buộc phải nộp cứ điểm Măng-tu cho người Pháp, và ký kết, vào tháng Mười 1797, một hoà ước có lợi cho Pháp, hoà ước này có nghĩa là sự tan rã hoàn toàn của liên minh chống Pháp lần thứ nhất.- 121.
- 82 Lợi dụng phong trào chống chế độ chuyên chế ở I-ta-li-a mạnh lên sau thất bại của liên minh chống Pháp, Bô-na-pác-tơ và những tướng lĩnh phục tùng ông ta dùng chiêu bài giúp đỡ những người cộng hoà I-ta-li-a, xác lập sự thống trị của Pháp ở I-ta-li-a dưới hình thức thành lập nước Cộng hoà "con". Tháng Ba 1798 được lực lượng vũ trang Pháp ủng hộ, nước Cộng hoà La Mã tuyên bố thành lập; giáo hoàng Pi VI bỏ chạy. Nhưng năm 1799, sau khi quân đội của liên minh chống Pháp lần thứ hai tiến vào I-ta-li-a, nước Cộng hoà I-ta-li-a bị tiêu diệt, và quyền lực của giáo

hoàng được khôi phục ở lãnh địa La Mã. Bằng việc khôi phục sự thống trị của Pháp ở I-ta-li-a, năm 1809 Na-pô-lê-ông sáp nhập lãnh địa giáo hoàng vào Đế quốc Pháp, trước đó đã sáp nhập một bộ phận lãnh thổ của nó vào Vương quốc I-ta-li-a thần phục Pháp.- 121.

- 83 *Cuộc viễn chinh Ai Cập* là cuộc tiến quân vào Ai Cập của quân đội và hạm đội Pháp do tướng Bô-na-pác-tơ chỉ huy, tiến hành vào năm 1789, nhằm mục đích xác lập nền thống trị thực dân của Pháp ở Cận Đông, xâm chiếm Ai Cập và Xi-ri bấy giờ thuộc Thổ Nhĩ Kỳ, và đánh vào Anh trên tuyến giao thông của Anh với Ấn Độ. Thắng lợi của Bô-na-pác-tơ ở Ai Cập đã bị xoá sạch do hạm đội Pháp bị hạm đội Anh của đô đốc Nen-xơn tiêu diệt ở A-bu-kia ngày 1 tháng Tám 1798, do việc quân đội Áo - Nga do A. V. Xu-vô-rốp chỉ huy đã thắng quân Pháp ở Bắc I-ta-li-a và do hoạt động có hiệu quả của chiến hạm Nga của đô đốc Ph. U-sa-cốp tại Địa Trung Hải. Mùa thu 1799 Bô-na-pác-tơ trở về Pháp, bỏ lại quân đội ở Ai Cập, đạo quân này buộc phải đầu hàng quân Anh năm 1801.- 122.
- 84 Ngày 18-19 tháng Sương mù (ngày 9-10 tháng Mười một 1799) tướng Bô-na-pác-tơ và những người ủng hộ ông ta đã thực hiện cuộc chính biến kết thúc tiến trình phát triển của cuộc phản cách mạng tư sản ở Pháp. Kết quả của cuộc chính biến là đã thiết lập nền chuyên chính quân sự của Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ, ông ta được cử làm uỷ viên chấp chính thứ nhất.- 122.
- 85 Trong trận *Ma-ren-gô* (Bắc I-ta-li-a) ngày 14 tháng Sáu 1809 quân đội của Na-pô-lê-ông, do nhận được tin báo không chính xác về sự bố trí của quân Áo, đã bị tấn công bất ngờ. Tuy thế quân Áo vẫn thua trận. Thắng lợi ở Ma-ren-gô cũng như những hoạt động có hiệu quả của đạo quân Pháp khác đối với quân Áo ở Tây - Nam Đức đã thúc đẩy sự tan rã của liên minh chống Pháp lần thứ hai, thành lập cuối năm 1798 gồm có Anh, Áo, Nga, Tây Ban Nha, Na-pơ và Thổ Nhĩ Kỳ. Do những thắng lợi đó, chính quyền của Na-pô-lê-ông được củng cố.- 122.
- 86 *Đại quân*-xem chú thích 53.- 122.
- 87 Tháng Mười 1805 trong thời kỳ chiến tranh của liên minh lần thứ ba các nước châu Âu (Anh, Áo, Nga, Vương quốc Na-pơ), chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, quân đội Áo của tướng Mác-cơ bị quân đội Pháp bao vây ở vùng Un-mơ đã buộc phải đầu

hàng.- 122.

- 88 Béc-ti được phong là công tước Va-gram để chào mừng chiến thắng của quân đội Na-pô-lê-ông đối với quân Áo trong trận Va-gram ngày 5-6 tháng Bảy 1809, trong thời kỳ chiến tranh của Na-pô-lê-ông chống lại liên minh lần thứ năm (Áo, Anh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha). Sau thất bại này, Áo thừa nhận mình là nước thua trận, và tháng Mười 1809, ký hoà ước với Na-pô-lê-ông theo những điều kiện khắt khe.- 123.
- 89 Chỉ chính phủ lâm thời do Ta-lây-răng làm chủ tịch, được thượng nghị viện thành lập vào tháng Tư 1814, sau khi quân đội của Na-pô-lê-ông bị đánh bại và quân của đồng minh tiến vào Pa-ri. Chính phủ lâm thời ủng hộ việc phục hồi lại vương triều Buốc-bông.- 124.
- 90 "Memoires du maréchal Berthier". Part, I-II, Paris, 1827 ("Hồi ký của nguyên soái Béc-ti-ê". Phần I-II, Pa-ri, 1827).- 124.
- 91 Mục của Ăng-ghen "An-giê-ri" đã bị ban biên tập bộ sách "New American Cyclopaedia" sửa chữa đôi chỗ. Như có thể thấy qua thư của Ăng-ghen gửi Mác ngày 22 tháng Chín 1857, trong nguyên bản hiện không còn lưu lại của mục này có mô tả cuộc chiến tranh giải phóng của nhân dân An-giê-ri do Ăp-đơ-en-Ca-đe lãnh đạo chống lại bọn xâm lược Pháp và trình bày hoạt động thực dân của nguyên soái Buy-giô ở An-giê-ri. Những đoạn này bị bộ biên tập lược bỏ làm tổn hại đến nội dung của toàn mục xem ra là do bách khoa toàn thư đã có mục riêng về Ăp-đơ-en-Ca-đe và dự định đưa vào mục "Buy-giô" đặt cho Mác viết (xem tập này tr.271-274). Cũng có những vết tích khác về sự sửa chữa của ban biên tập.

Khi viết mục này, Ăng-ghen đã khắc phục được quan niệm thiên lệch trong việc trình bày lịch sử An-giê-ri của các tác phẩm lịch sử và tham khảo của giai cấp tư sản - nguồn tài liệu duy nhất mà ông có được thời bấy giờ (chẳng hạn ông đã sử dụng mục "An-giê-ri" trong cuốn "Wingand's Conversations - Lexikon". Bd I, Leipzig, 1846 ("Từ điển bách khoa Vi-găng". Tập 1, Lai-pxích, 1846), xem ra đoạn trích dẫn ở tr. 107 là lấy trong cuốn sách đó). Nhưng do thời bấy giờ người ta rất ít nghiên cứu về lịch sử các nước châu Phi, nên một số luận điểm về những vấn đề cá biệt cũ rích và phiến diện không tránh khỏi lọt vào mục viết của Ăng-ghen, thông qua các tài liệu mà ông sử dụng, chẳng hạn như việc trình bày vai trò của các quốc gia Cơ đốc giáo trong cuộc đấu tranh với bọn cướp biển An-giê-ri (như mọi người đều biết, chính những nước này

cũng tiến hành những cuộc cướp biển ở khắp nơi) cũng như tình hình và động cơ cuộc chiếm đóng lần đầu của người Pháp ở An-giê-ri.- 125.

- 92 *Cun-lúc* là những người sinh ra từ cuộc hôn nhân của người Thổ Nhĩ Kỳ với phụ nữ An-giê-ri.- 126.
- 93 Người châu Âu trước kia gọi các nước Hồi giáo Bắc Phi ở về phía Tây Ai Cập là các nước Bắc-ba-ri hoặc Ba-va-ri.- 128.
- 94 Ngày 30 tháng Tư 1827 tổng đốc An-giê-ri Hu-xây-nơ, trong tiệc chiêu đãi ở dinh mình, đã tranh cãi với tổng lãnh sự Pháp Đê-van về vấn đề Chính phủ Pháp nợ chưa trả thần dân An-giê-ri và để trả lời thái độ láo xược, khiêu khích của Đê-van, ông này đã dùng quạt đập vào mặt Đê-van. Sự việc do lãnh sự Pháp chủ định khiêu khích ấy, đã thành cái cớ cho chính phủ của Sác-lơ, phong toả bờ biển An-giê-ri vào 1827-1829, sau cuộc phong toả này, năm 1830 bọn thực dân Pháp bắt tay vào việc xâm lược nước này.- 130.
- 95 Ở đây nói về ý định của chính phủ của Sác-lơ X chuyển giao, trên hình thức, cho Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ quản lý An-giê-ri, với điều kiện xác lập trên thực tế quyền kiểm tra của Chính phủ Pháp đối với nước này, đồng thời tăng cường sự phụ thuộc về tài chính của bản thân Đế chế Ôt-tô-man vào Pháp. Theo những điều kiện ấy người ta dự định thành lập ở An-giê-ri một chính phủ đặc biệt (sự yếu đuối của Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ và sự bất lực của nó trong việc cai trị các vùng xa xôi, đẩy chính phủ này xuống vai trò bù nhìn của Pháp); Pháp được giao bốn cảng An-giê-ri và được quyền kinh doanh ngành san hô; về "sự giúp đỡ" "trả lại" An-giê-ri cho vua Thổ Nhĩ Kỳ, vua Thổ Nhĩ Kỳ phải nộp cho Pháp 20 triệu phrăng. Việc lợi dụng quân đội Thổ Nhĩ Kỳ để chinh phục An-giê-ri cũng nằm trong tính toán của tập đoàn cầm quyền Pháp. Nhưng những cuộc đàm phán với Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã phải ngừng lại do cuộc cách mạng tư sản tháng Bảy 1830 ở Pháp, dẫn tới sự thay thế vương triều Buốc-bông bằng vương triều Oóc-lê-ăng. Nền Quân chủ tháng Bảy đã đi vào con đường xác lập sự thống trị trực tiếp của Pháp ở An-giê-ri.- 131.
- 96 Cuộc viễn chinh của quân đội Pháp do nguyên soái Clô-den chỉ huy vào khu Côn-xtăng-tanh nằm trong tay quân khởi nghĩa An-giê-ri được tiến hành vào mùa thu năm 1836. Ý đồ của người Pháp là dùng cường tập chiếm lấy thành phố Côn-xtăng-tanh đã bị quân An-giê-ri đánh lui. Mùa thu năm sau, một cuộc viễn chinh thứ hai được tiến hành, dưới quyền chỉ huy của tướng Đam-rê-mông, người thay thế Clô-den

- với chức vụ toàn quyền An-giê-ri. Lần này người Pháp đã cường tập chiếm được Côn-xtăng-tanh với những thiệt hại nặng nề. Binh sĩ Pháp đã đàn áp dã man dân bản xứ trong thành phố.- 134.
- 97 Cuộc đấu tranh giải phóng của người An-giê-ri do Áp-đơ-en-Ca-đe lãnh đạo chống lại bọn chinh phục Pháp kéo dài từ 1832 đến 1847. Do hoạt động thắng lợi của Áp-đơ-en-Ca-đe, đã dựa vào các tầng lớp dân cư đồng đảo và đã tập hợp được dưới chính quyền của mình một số bộ lạc A Rập, năm 1834 người Pháp đã phải thừa nhận Tây An-giê-ri, trừ mấy thành phố ven biển, làm một quốc gia A Rập độc lập. Thường xuyên vi phạm các hiệp ước ký kết với Áp-đơ-en-Ca-đe, bọn thực dân Pháp nhiều lần xâm nhập Tây An-giê-ri. Trong khoảng thời gian 1839 - 1844 quốc gia của Áp-đơ-en-Ca-đe bị chinh phục, sau cuộc chiến đấu ngoan cường, và bản thân ông phải rút lui sang Ma-rốc. Năm 1845 - 1847 Áp-đơ-en-Ca-đe lại lãnh đạo cuộc khởi nghĩa giải phóng có tính chất quần chúng ở Tây An-giê-ri, sau khi cuộc khởi nghĩa bị đàn áp tàn khốc, ông tiếp tục cuộc chiến tranh du kích chống lại bọn xâm lược Pháp từ các ốc đảo Xa-ha-ra. Năm 1847 Áp-đơ-en-Ca-đe bị bắt làm tù binh. Nhưng sau đó cuộc khởi nghĩa chống thực dân của người An-giê-ri vẫn không ngừng ở Tây cũng như Đông An-giê-ri.- 134.
- 98 *Ma-ra-bu* là đại biểu của các giáo phái Hồi giáo, những tu sĩ; những người này đã tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân các nước Bắc Phi chống bọn xâm lược châu Âu.- 134.
- 99 *Bureau Arabe* (phòng A Rập) là tên gọi của cơ quan thuộc ngành hành chính quân sự Pháp xử lý các vấn đề trực tiếp liên quan đến dân cư địa phương. Những phòng này được thành lập ở mỗi khu vực bị chiếm đóng ở An-giê-ri và có quyền hành rất lớn.- 135.
- 100 Bản sơ thảo mục này là do Ăng-ghe-ni viết, như có thể thấy được qua thư Ăng-ghe-ni gửi Mác ngày 10 tháng Chín 1857, cũng như qua các tài liệu chuẩn bị còn giữ lại được mà Ăng-ghe-ni trích trong những tài liệu như cuốn sách của Giô-mi-ni: "Vie politique et militaire de Napoléon". Paris, 1827 ("Hoạt động chính trị và quân sự của Na-pô-lê-ông". Pa-ri, 1827) v.v.. Bản thảo này được Mác bổ sung bằng những tài liệu lấy trong các sách tham khảo của Pháp "Biographie universelle". T. 3, Paris, 1854 ("Tập truyền ký", T. 3, Pa-ri, 1854), hồi ký của Na-pô-lê-ông "Mémoires pour servir l'histoire de France, sous Napoléon..." Paris, 1823) và những cuốn sách khác, do Mác hiệu đính và gửi đi Niu Oóc.- 139.

- 101 Ở đây muốn nói đến cuộc vây đánh lâu dài và chiếm lĩnh vào năm 1788 của quân đội Nga đối với cứ điểm Ốt-sa-cốp làm điểm tựa cho quân Thổ Nhĩ Kỳ ở vùng Bắc Hắc Hải trong thời kỳ chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ (1787-1791).- 139.
- 102 Ở gần *Ô-smi-a-nur* và *Xô-lư* tháng Sáu 1794, trong thời kỳ diễn ra cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc Ba Lan do Cò-xtiu-scô lãnh đạo, đội quân của Ben-ních-xen đã đánh bại quân đội Ba Lan. Tháng Tám cùng năm, quân Nga đã đè bẹp sự chống cự của quân đội Ba Lan đang bảo vệ thành phố *Vin-nô* (Vin-nhút) và tiến vào thành phố.
- Cuộc khởi nghĩa bị đè bẹp đã dẫn tới chỗ Ba Lan bị chia cắt lần thứ ba do Áo – Phổ và nước Nga sa hoàng tiến hành vào 1795 và dẫn tới sự tiêu vong hoàn toàn của quốc gia Ba Lan.- 140.
- 103 Ở đây muốn nói đến cuộc bao vây và chiếm thành phố *Đéc-ben-tơ* của quân đội Nga vào năm 1796 để trả đũa cuộc xâm lược của vua Ba Tư A-ga-Mô-ham-mét vào Gru-di-a năm 1795 kèm theo sự tàn sát qui mô lớn và nô dịch đối với dân chúng.- 140.
- 104 Cuộc vây đánh *Dan-txich* (Gơ-đan-xcơ) do quân đội Na-pô-lê-ông mở đầu vào tháng Ba 1807 trong thời kỳ chiến tranh của Na-pô-lê-ông I với liên minh chống Pháp lần thứ tư của các nước châu Âu. Quân phòng thủ cứ điểm gồm có quân Phổ và quân Nga đồng minh của Phổ đã chống cự ngoan cường với kẻ địch chiếm ưu thế hơn. Cứ điểm đầu hàng vào cuối tháng Năm 1807.- 141.
- 105 "*Der Komet*" ("Sao chổi") là tờ báo văn học ra hàng ngày của phái tự do Đức xuất bản ở Lai-pxích những năm 1830-1848.
- "*Abend-Zeitung*" ("Báo buổi chiều") là tờ báo văn học của giai cấp tư sản Đức xuất bản ở Đre-xđen và Lai-pxích những năm 1817-1857.- 145.
- 106 *Hội liên hiệp Sĩ-lơ* Lai-pxích và *Hội liên hiệp các nhà văn học Đức* trong những năm 40 thế kỷ XIX đã đoàn kết các nhà văn Đức tự đặt ra mục đích đấu tranh cho tự do xuất bản và tuyên truyền các tư tưởng tự do ở Đức.-145.
- 107 "*Sächsische Vaterlands - Blätter*" ("Tập san tổ quốc vùng Dắc-den") là tờ báo văn học Đức xuất bản ở Đre-xđen từ năm 1837 và ở Lai-pxích từ năm 1841.-145.
- 108 "*Thiên chúa giáo Đức*" là phong trào tôn giáo xuất hiện vào năm 1844 ở nhiều quốc gia Đức và bao gồm các tầng lớp đồng đảo của giai cấp tiểu tư sản và trung sản. Phong trào nhằm chống lại những biểu hiện cực đoan của chủ nghĩa thần bí và sự giả nhân giả nghĩa trong giáo hội Thiên chúa giáo và qua hình thức tôn giáo phong trào

đã thể hiện sự bất mãn của giai cấp tư sản những năm 40 đối với chế độ phản động ở Đức. Đồng thời với việc bác bỏ quyền vị tối cao của giáo hoàng La Mã và nhiều giáo lý cùng nghi lễ của giáo hội Thiên chúa giáo, "tín đồ Thiên chúa giáo Đức" ra sức làm cho Thiên chúa giáo thích ứng với nhu cầu của giai cấp tư sản Đức.-145.

109 Tại trường đua Lai-pxích diễn ra cuộc tụ họp của thị dân vào hôm sau vụ quân đội Dắc-den nổ súng vào cuộc biểu tình của nhân dân ở Lai-pxích ngày 12 tháng Tám 1845. Cuộc biểu tình, mà cái cớ là cuộc diễu binh nhân chuyển viếng thăm của hoàng thái tử Dắc-den I-ô-han, nhằm chống lại sự hãm hại của chính phủ Dắc-den đối với những người tham gia phong trào "tín đồ Thiên chúa giáo Đức". Thái tử Dắc-den bị coi là thủ phạm của sự hãm hại đó.-146.

110 *Hội liên hiệp tổ quốc* là một tổ chức dân chủ rộng rãi thành lập vào cuối tháng Ba 1848 ở Lai-pxích trong bối cảnh phong trào cách mạng lên cao do có cuộc cách mạng tư sản tháng Hai ở Pháp và cuộc cách mạng tư sản tháng Ba ở các quốc gia Đức. Đứng đầu phong trào này là những phần tử cộng hoà tư sản và tiểu tư sản Bli-um, Ru-gơ, I-ê-ken v.v.. Liên minh này có chi hội ở khắp Dắc-den.-146.

111 *Tiền nghị viện* là hội nghị của các nhà hoạt động xã hội các quốc gia ở Đức họp ở Phran-phước trên sông Mai-nơ từ ngày 31 tháng Ba đến 4 tháng Tư 1848. Đa số tuyệt đối đại biểu của Tiền nghị viện thuộc phái quân chủ lập hiến. Những đại biểu này đã bác bỏ đề nghị của thiểu số cộng hoà - dân chủ về xây dựng chế độ cộng hoà liên bang ở Đức và biến Tiền nghị viện thành cơ quan lập hiến làm việc cho đến khi triệu tập Nghị viện quốc dân toàn Đức. Vì đề nghị của mình không được chấp nhận, nhóm những người cộng hoà do Mếch-cơ và Xto-ru-vơ lãnh đạo đã rời bỏ Tiền nghị viện nhưng bộ phận ôn hoà hơn của phe đối lập cộng hoà - dân chủ đứng đầu là Bli-um vẫn ở lại và tham gia thành lập Ủy ban 50 người do phái tự do đề nghị. Ủy ban này, trong đó những phần tử cộng hoà ôn hoà chỉ được 12 ghế, phải căn cứ vào sự hiệp thương với Quốc hội hiệp bang (tổ chức phản cách mạng của Liên bang Đức cũ) bảo đảm triệu tập Quốc hội toàn Đức. Tiền nghị viện cũng thảo ra dự án "Quyền lợi và yêu cầu cơ bản của nhân dân Đức" - văn kiện tuyên bố trên lời nói một số tư do tư sản nhưng không động chạm đến nền tảng của chế độ chuyên chế nửa phong kiến ở nước Đức đương thời.

Quốc hội Phran-phước là Quốc hội toàn Đức khai mạc ở Phran-phước trên sông Mai-nơ ngày 18 tháng Năm 1848 nhằm mục đích thảo ra hiến pháp toàn Đức.

Đa số trong quốc hội là những đại biểu của giai cấp tư sản tự do và giới trí thức tư sản phụ thuộc vào nó. Những phần tử tả và cấp tiến ôn hoà tập hợp xung quanh Rô-béc Bli-um. Do tính nhút nhát và tính thoả hiệp của đa số thuộc phái tự do cũng như do tính dao động và tính nửa vời của cánh tả tiểu tư sản, Quốc hội không những không thành cơ quan thống nhất thực sự nước Đức mà biến thành câu lạc bộ tranh luận giản đơn thiếu thực quyền và đánh lạc hướng quần chúng khỏi cuộc đấu tranh cách mạng. Quốc hội ngừng hoạt động vào mùa hè năm 1849.-146.

112 *Cuộc khởi nghĩa nhân dân ở Viên* nổ ra ngày 6 tháng Mười 1848 là do ý đồ của tập đoàn quân chủ phản cách mạng được giai cấp đại tư sản ủng hộ mưu toan thủ tiêu thành quả của cuộc cách mạng tư sản tháng Ba 1848 ở Áo và khôi phục chế độ chuyên chế. Lý do trực tiếp của cuộc nổi dậy là sắc lệnh của hoàng đế cử quân phòng thủ Viên tiến hành cuộc hành quân cần quét cách mạng Hung-ga-ri. Cuộc khởi nghĩa đã bị quân hoàng đế đè bẹp sau một cuộc chiến đấu ác liệt kéo dài từ ngày 24 tháng Mười đến ngày 1 tháng Mười một 1848. Nguyên nhân thất bại của người Viên là thiếu sự thống nhất trong phe khởi nghĩa, tính do dự của những nhà lãnh đạo tiểu tư sản, sự yếu ớt của phong trào ủng hộ Viên do sự phản bội của các quốc gia tư sản ở Đức. Cuộc khởi nghĩa tháng Mười ở Viên là đỉnh phát triển cao nhất của cuộc cách mạng dân chủ - tư sản ở Áo và Đức.-112.

113 *Ngày 20 tháng Sáu 1792 ở Pa-ri* đã nổ ra cuộc biểu tình vũ trang của quần chúng nhân dân xông vào cung vua. Cuộc tấn công này, do phái Gi-rông-đanh (đảng của giai cấp đại tư sản) tổ chức nhằm mục đích gây sức ép với vua Lu-i XVI và buộc nhà vua huỷ bỏ quyết định việc bãi chức nội các Gi-rông-đanh, đã biến thành cuộc biểu tình chống vương quyền và sự cấu kết của cung đình với bọn can thiệp nước ngoài. Cuộc biểu tình chứng tỏ tâm trạng phản đối chế độ quân chủ của quần chúng nhân dân đã lên cao. Sự kiện tiếp tục phát triển dẫn tới cuộc khởi nghĩa nhân dân ngày 10 tháng Tám 1792 mà kết quả là sự lật đổ chế độ quân chủ và sự thiết lập nền Cộng hoà ở Pháp.-148.

114 Ở đây muốn nói đến cuộc tiến quân của Na-pô-lê-ông vào Bắc I-ta-li-a năm 1800 trong thời kỳ nổ ra cuộc chiến tranh chống liên minh lần thứ hai và kết thúc bằng thắng lợi ở Ma-ren-gô (xem chú thích 85).-148.

115 *Hệ thống lục địa hoặc cuộc phong toả lục địa* do Na-pô-lê-ông I tuyên bố năm 1806

đã cấm các lực địa châu Âu buôn bán với Anh.-149.

116 Về *chính phủ lâm thời* xem chú thích 89.-149.

117 Mác muốn nói đến cuốn: "Mémoires de M. de Bourrienne sur Napoléon, le Directoire, le Consulat, l'Empire et la Restauration". Paris, 1829 ("Hồi ký của ngài Đơ Bước-ri-en-nơ viết về Na-pô-lê-ông, thời kỳ Hội đồng chấp chính, thời kỳ chế độ Tổng tài, thời kỳ Đế chế và thời kỳ Phục tích". Pa-ri, 1829). Người ta cho rằng phần lớn hồi ký ấy là do viên chức ngoại giao trước đây của Na-pô-lê-ông Vi-lơ-ma-rơ viết, ông ta là người chuyên viết loại tác phẩm này.-149.

118 Trong trận *Lai-then* (Luy-tin) ở Xi-lê-di ngày 5 tháng Chạp 1757 trong thời kỳ Chiến tranh bảy năm 1756 - 1763 (xem chú thích 46) quân đội của vua Phổ Phri-đrich II đã đánh bại quân Áo.-151.

119 Ở *Cô-lin* (Tréc-khi-a) trong thời kỳ Chiến tranh bảy năm 1757-1763 quân đội Phổ của Phri-đrich II đánh bại quân Áo ngày 18 tháng Sáu 1757.

Ở *Cu-ne-rơ-xđoóc-phơ* (Phổ) ngày 12 (1) tháng Tám 1759 xảy ra một trong những trận đánh lớn nhất của cuộc Chiến tranh bảy năm, trong đó quân đội Nga đánh bại nặng nề quân đội của Phri-đrich II. Thất bại của quân Phổ đã đưa đến chỗ quân Nga tạm thời chiếm Béc-lin năm 1760. Phổ chỉ thoát khỏi tai hoạ nhờ mâu thuẫn giữa Nga và các đồng minh của Nga là Áo và Pháp cũng như nhờ sự lên ngôi của Pi-ốt III thân Phổ.-152.

120 Khi đăng mục này vào tập hai "New American Cyclopaedia", ban biên tập bách khoa toàn thư đã đem hợp nhất mục này với mục "Pháo đài nổi" ("Floating batteries") của một tác giả khác thành một mục riêng. Mục này xem ra do một chuyên gia Mỹ nào đó viết bao gồm những tài liệu về ngành đóng tàu ở Mỹ vào thời kỳ mà Ăng-ghe-nhê đã viết mục "Khẩu đội" và đã gửi sang Niu Oóc.-155.

121 Xem chú thích 32.-158.

122 Trận *Ô-xéc-lit* (Mô-ra-vi) ngày 2 tháng Chạp (20 tháng Mười một) 1805 giữa quân Nga-Áo và quân Pháp kết thúc bằng thắng lợi của Na-pô-lê-ông I. Sau thất bại này, Áo rút khỏi liên minh lần thứ ba và ký hoà ước Pre-xbuc với Na-pô-lê-ông. Nga và Anh tiếp tục đấu tranh, thành lập vào năm 1806 một liên minh mới, liên minh thứ tư

chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-159.

123 Phần lớn mục này do Mác viết. Ông đã đánh giá Bem về mặt chính trị cũng như hiệu đính lần chót và sửa chữa văn chương toàn bài. Đồng thời ông đã sao lại - hầu như nguyên văn - nhận xét về Bem với tính cách nhà hoạt động quân sự, và sự đánh giá hoạt động quân sự của Bem trong thời kỳ khởi nghĩa Ba Lan những năm 1830-1831 và trong thời kỳ chiến tranh cách mạng ở Tô-ran-xin-va-ni 1848-1849 đã có trong thư của Ăng-ghe-nhê gửi Mác ngày 18 tháng Chín 1857 và trong các bình luận ngắn chuyên đề mà Ăng-ghe-nhê viết cho Mác. Ngoài ra Ăng-ghe-nhê còn giúp Mác trong việc lựa chọn và xác định các tài liệu về tiểu sử.-164.

124 Ở đây muốn nói đến cuộc phòng thủ Đan-txích (Gơ-đan-xcơ) do quân đội của Na-pô-lê-ông đóng giữ, thành phố này bị quân Nga và Phổ vây đánh năm 1813. Thành phố bị bao vây 11 tháng rưỡi, trong thời gian đó quân phòng thủ (trong đó có quân Ba Lan) chịu đựng được ba lần vây đánh chính qui, nhưng rút cục đã buộc phải đầu hàng.-164.

125 Ở đây muốn nói đến cuốn: J. Bem "Erfahrungen über die Congrevschen Brand-Ranketen, bis zum Jahre 1819 in der Königl. poln Artillerie gesammelt". Weimar, 1820 (G. Bem. "Kinh nghiệm sử dụng tên lửa đốt cháy Công-gri-vơ thu thập được trong pháo binh của Vương quốc Ba Lan trước năm 1819". Vây-ma, 1820).-164.

126 Đây là nói về cuộc khởi nghĩa của những người tháng Chạp ở Pê-téc-bua ngày 14 tháng Chạp 1825.-165.

127 Ở gần *Ô-xơ-rô-len-ca* ngày 26 (14) tháng Năm 1831 quân đội của Nga hoàng do Đê-bích chỉ huy đã đánh bại quân khởi nghĩa Ba Lan.

Cuộc khởi nghĩa Ba Lan 1830-1831 nổ ra là do ách áp bức dân tộc và ách áp bức của cảnh sát của chế độ Nga hoàng. Bắt đầu ngày 29 (17) tháng Mười một 1830 ở Vác-sa-va với tính cách cuộc chính biến quân sự, cuộc khởi nghĩa này mang tính chất cuộc khởi nghĩa nhân dân và tiến tới đánh đuổi quân đội của Nga hoàng. Nhưng những nhà lãnh đạo tiểu quý tộc trong chính phủ và quân đội Ba Lan thì hành chính sách đầu hàng và cản trở thu hút đông đảo quần chúng nhân dân vào phong trào giải phóng dân tộc, đồng thời lộ ra dã tâm xâm lược đối với đất đai U-cra-i-na và Bê-lô-ru-xi-a. Đại biểu của phái dân chủ tư sản không đạt được việc thủ tiêu quan hệ phụ thuộc nông nô nên cuộc khởi nghĩa không được sự

ủng hộ cần thiết của nông dân. Hoạt động quân sự bắt đầu tháng Hai 1831 rút cục đi tới sự đầu hàng của Chính phủ Ba Lan ngày 8 tháng Chín (26 tháng Tám) 1831 và sự giao nộp Vác-sa-va cho quân đội Nga hoàng. Tuy bị thất bại, cuộc khởi nghĩa Ba Lan vẫn có tác dụng lớn trong cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Ba Lan và có ý nghĩa quốc tế quan trọng.-165.

128 Đây là nói về ý định không thực hiện được của Bem là tham gia cuộc nội chiến ở Bồ Đào Nha (1828-1834) xảy ra giữa phái chuyên chế (đảng giáo quyền phong kiến) đứng đầu là Đôn Mi-ghen, kẻ đã cướp được ngôi vua Bồ Đào Nha vào năm 1828, và phái lập hiến (đảng tự do tư sản) tập hợp xung quanh nữ vương Ma-ri-a-đa Glô-ri-a và cha của Đôn Pê-đru.-166.

129 *Quân cận vệ cơ động* Viên do Bem thành lập trong những ngày khởi nghĩa tháng Mười 1848 ở Viên (xem chú thích 112). Đội quân này tỏ ra là bộ phận có kỷ luật nhất, có sức chiến đấu và dũng cảm nhất trong lực lượng vũ trang của những người khởi nghĩa, nó chủ yếu gồm công nhân và thợ thủ công Viên. - 166.

130 *Hòn-véch* (tiếng Hung-ga-ri "honvéd" nghĩa là "người bảo vệ tổ quốc") là tên gọi bộ binh Hung-ga-ri thời Trung cổ. Trong thời kỳ cách mạng tư sản và chiến tranh giải phóng dân tộc 1848-1849 ở Hung-ga-ri, người ta cũng gọi binh sĩ quân đội dân tộc Hung-ga-ri do Chính phủ Hung-ga-ri thành lập mùa hè 1848 là Hòn-véch.-167.

131 *Xê-cle-rư* là những người Hung-ga-ri cư trú ở vùng núi miền Đông Tơ-ran-xin-va-ni.-167.

132 Cuộc tiến quân của quân đội của Bem vào Ba-nát, một khu vực ở Vô-e-vô-đi-na thuộc Xéc-bi, bấy giờ nằm trong lãnh thổ Hung-ga-ri, được tiến hành vào năm 1849. Khi cách mạng năm 1848 bắt đầu, ở Vô-e-vô-đi-na, đã dấy lên phong trào dân tộc của người Xéc-bi, cùng sự nổi dậy chống phong kiến của các tầng lớp dân chủ thành thị và nông thôn. Nhưng do sự yếu đuối và phản bội của các phần tử tư sản tự do địa phương, phong trào dân tộc đã nhanh chóng bị ảnh hưởng của các đại biểu quý tộc và tầng lớp phản động liên minh với lực lượng phản cách mạng Áo. Phong trào đòi tự trị của người Xéc-bi đã bị vương triều Háp-xbuốc lợi dụng cho cuộc đấu tranh chống lại cách mạng Hung-ga-ri. Mùa hè 1848 bắt đầu hành động quân sự giữa người Xéc-bi ở Vô-e-vô-đi-na và người Hung-ga-ri, hành động này càng trở nên phức tạp khi những cuộc đụng độ giữa cư dân Xéc-bi và cư dân không phải người Xéc-bi xảy ra ở Ba-nát, nơi mà ngoài người Xéc-bi còn có một số lượng lớn người Hung-ga-ri, người

Đức, người Ru-ma-ni sinh sống. Mùa xuân 1849 tại Ba-nát, quân đội của Bem và của tướng Hung-ga-ri Péc-txen đã giáng cho người Áo và người Xéc-bi ở Vô-e-vô-đi-na một loạt thất bại, nhưng những thắng lợi ấy không thể ảnh hưởng đến tiến trình chung của chiến tranh cách mạng của người Hung-ga-ri đang theo chiều hướng sau này bất lợi cho họ. Cuộc đấu tranh với các lực lượng phản cách mạng ở Vô-e-vô-đi-na thuộc Xéc-bi cũng như ở Tơ-ran-xin-va-ni và ở nhiều vùng dân tộc bấy giờ thuộc Hung-ga-ri đã gặp khó khăn do lập trường sai lầm trên vấn đề dân tộc của các nhà cách mạng quý tộc-tư sản Hung-ga-ri đã hiểu quá muộn sự cần thiết hợp tác với các dân tộc bị áp bức, và mãi đến ngày 28 tháng Bảy 1849 mới ban hành đạo luật về quyền bình đẳng của họ.-168.

133 Trong trận *Tê-mê-sva-ra* (Ti-mi-sô-a-ra) ngày 9 tháng Tám 1849 trong thời kỳ chiến tranh giải phóng dân tộc của Hung-ga-ri, quân Áo do Hay-nau chỉ huy đã đánh bại Tập đoàn quân phương Nam của Hung-ga-ri cố giữ trận địa của mình cho tới khi hội quân với Tập đoàn quân phương Bắc do tổng tư lệnh Hung-ga-ri Guéc-gây chỉ huy. Bốn ngày sau thất bại này Tập đoàn quân phương Bắc đã đầu hàng quân đội Nga hoàng. Cách mạng tư sản Hung-ga-ri bị đè bẹp.-168.

134 Mùa xuân 1850 ở thành phố A-lép-pô (Kha-lép) đã xảy ra cuộc nổi dậy của cư dân A Rập chống lại tín đồ Cơ đốc giáo địa phương và chính quyền Thổ Nhĩ Kỳ, sau biến thành cuộc khởi nghĩa chống lại sự thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ. Cuộc khởi nghĩa bị quân đội Thổ Nhĩ Kỳ đàn áp tàn khốc.-169.

135 "*Quân cận vệ lập hiến*" là những đơn vị đặc biệt, theo hiến pháp năm 1791, thông qua trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp, phải đảm nhiệm bảo vệ nhà vua và hoàng cung sau khi giải tán quân cận vệ hoàng gia. Tháng Năm 1792 do sức ép của phong trào dân chủ, Quốc hội lập pháp đã thông qua sắc lệnh về giải tán "quân cận vệ lập hiến".-170.

136 *Ghi-đơ* là đội quân đặc biệt có trong nhiều quân đội châu Âu được sử dụng làm người dẫn đường; trong quân đội Pháp, thời kỳ chiến tranh của Na-pô-lê-ông, ghi-đơ làm nhiệm vụ canh gác bộ tư lệnh của Na-pô-lê-ông và là đội vệ binh riêng của ông ta.-170.

137 Ở đây đã liệt kê một loạt trận đánh trong thời kỳ chiến tranh của nước Pháp chống lại liên minh chống Pháp lần thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư.

Ở *Rô-ve-re-tô* (Bắc I-ta-li-a) trong thời gian tiến quân vào I-ta-li-a của quân

đội Pháp do tướng Bô-na-pác-tơ chỉ huy, ngày 4 tháng Chín 1796 quân Pháp đã đánh bại quân Áo.

Pháo đài Xi-ri *Xanh-Giăng d' A-cơ* (Ác-ca) thuộc Thổ Nhĩ Kỳ đã bị quân Bô-na-pác-tơ vây đánh không thành công vào tháng Ba - tháng Năm 1799, trong thời kỳ Bô-na-pác-tơ viễn chinh xâm chiếm Ai Cập và Xi-ri trong những năm 1798-1799.

Trong trận *A-bu-kia* ngày 25 tháng Bảy 1799, cũng trong thời gian xảy ra cuộc viễn chinh này, quân Pháp đã tiêu diệt quân đổ bộ Thổ Nhĩ Kỳ do hạm đội Anh-Thổ Nhĩ Kỳ chở tới bờ biển Ai Cập.

Trong trận *I-ê-na* (Tuy-rinh-ghen) ngày 14 tháng Mười 1806 quân Pháp do Na-pô-lê-ông chỉ huy đã đánh tan một bộ phận quân đội Phổ. Cùng ngày, quân của Đa-vu, nguyên soái của Na-pô-lê-ông, đã đánh bại quân chủ lực của quân Phổ ở *Au-éc-stết*. Thất bại của quân đội Phổ trong hai trận ấy thường được gọi bằng cái tên chung là trận I-ê-na, đã đưa tới việc quân Pháp chiếm phần lớn lãnh thổ Phổ và tới sự đầu hàng của Phổ - nước tham gia liên minh chống Pháp lần thứ tư - trước nước Pháp Na-pô-lê-ông.

Về trận *Ri-vô-li*, xem chú thích 81, trận *Ma-ren-gô* xem chú thích 85, trận *Ô-xtéc-lít* xem chú thích 112, trận *Ây-lau* xem chú thích 70. Trận *Phrit-lan-đơ* được mô tả trong phần nội dung của tập này, xem tr.141.-170.

138 Ở đây muốn nói đến cuộc viễn chinh của hạm đội Anh vào cửa sông Sen-đơ tiến hành vào tháng Bảy 1809 trong thời gian nổ ra chiến tranh của liên minh lần thứ năm chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, vào lúc mà lực lượng chủ yếu của Na-pô-lê-ông bị thu hút vào cuộc chiến với Áo. Sau khi chiếm được đảo Van-khe-ren, quân Anh không thể lợi dụng nó làm căn cứ để triển khai các hoạt động quân sự chống Ăng-ve và những cứ điểm khác của quân Pháp ở Bỉ và Hà Lan và, vì trong số 4 vạn quân đổ bộ đã bị thiệt hại do đói và bệnh tật khoảng 1 vạn, nên quân Anh buộc phải rút bỏ đảo này vào tháng Chạp 1809.-170.

139 Trận *Luy-tơ-xen* (Đắc-den) giữa quân đội của Na-pô-lê-ông I và quân đội Nga-Phổ xảy ra ngày 2 tháng Năm (20 tháng Tư) 1813. Trong trận này, với cái giá phải trả là thiệt hại nặng nề, Na-pô-lê-ông đã buộc quân đội Nga-Phổ phải rút lui, một cuộc rút lui tiến hành hoàn toàn trật tự.-171.

140 Phần thứ nhất của mục này do Mác viết như có thể thấy được qua những tài liệu chuẩn bị hiện còn lưu giữ. Phần nói về sự tham gia của Bô-xxê vào cuộc Chiến tranh Crum 1853-1856 là do Ăng-ghen viết (xem thư ông gửi Mác ngày 22 tháng Chín 1857).-172.

141 Ngày 25 (13) tháng Mười 1854 ở gần *Ba-la-cla-va* đã diễn ra trận đánh giữa quân Nga và liên quân Anh-Thổ Nhĩ Kỳ- Pháp; trong trận này quân Anh mặc dù có vị thế thuận lợi hơn vẫn bị thiệt hại nặng do sai lầm của chỉ huy làm cho phần lớn kỵ binh nhẹ của Anh bị tiêu diệt. Chi tiết hơn về trận đánh này được miêu tả trong bài viết của Ăng-ghen "Trận đánh gần Ba-la-cla-va" (Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 10, tr.603-611.).-173.

142 Ở đây muốn nói đến cuộc cường tập vào công sự Xê-va-xtô-pôn do quân Pháp và Anh tiến hành ngày 8 tháng Chín (27 tháng Tám) 1855 và kết quả là quân Pháp chiếm được đồi Ma-la-khốp sau những thiệt hại lớn. Sau 11 tháng phòng thủ anh dũng Xê-va-xtô-pôn, quân phòng thủ Nga đã bỏ thành phố theo lệnh của bộ chỉ huy cho rằng tiếp tục bảo vệ thành phố này là không có ý nghĩa. Cuộc cường tập ngày 8 tháng Chín được mô tả trong các bài của Ăng-ghen "Về việc chiếm lĩnh Xê-va-xtô-pôn" và "Sự kiện quyết định của chiến tranh" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 11, tr. 667-681, 706-716).-173.

143 "*Journal général de la Cour et de la Ville*" ("Báo phổ thông triều đình và thành phố) là tờ báo ra hàng ngày của giới quý tộc Pháp, xuất bản ở Pa-ri từ ngày 15 tháng Chín 1789 đến 10 tháng Tám 1792, Bruyn là biên tập viên báo này trước ngày 30 tháng Mười 1789.-174.

144 *Câu lạc bộ Coóc-đê-li-ê* là một trong những câu lạc bộ nhân dân thành lập ở Pa-ri 1790 trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp. Tên gọi của câu lạc bộ chính thức mang tên là "Hội những người bạn của nhân quyền và dân quyền" là lấy tên của tu viện cũ của giáo phái Phrăng-xi-xcơ - Coóc-đê-li-ê, nơi mà câu lạc bộ hội họp. Cùng với câu lạc bộ Gia-cô-banh, câu lạc bộ này có tác dụng quan trọng trong đời sống chính trị ở Pháp. Câu lạc bộ Coóc-đê-li-ê ban đầu là tập hợp các đại biểu của giai cấp tư sản cách mạng và các phái khác nhau của giai cấp tiểu tư sản về sau hình thành cánh hữu (phái Đàng-tông) cũng như cánh tả (phái Ê-be) của khối Gia-cô-banh. Cùng với sự phát triển ngày thêm sâu sắc của phong trào cách mạng, các phần tử tả chiếm được ưu thế trong câu lạc bộ. Trong thời kỳ chuyển chính dân chủ cách mạng của

phái Gia-cô-ban (thiết lập ngày 2 tháng Sáu 1793), câu lạc bộ là thành trì của phái Ê-be và tiếp tục tồn tại cho tới khi phái này thất bại vào tháng Ba 1794.

Từ Coóc-đê-li-ê trong thời kỳ cách mạng và trong những năm tiếp sau được dùng để gọi những người cách mạng thuộc hoặc gần gũi với cánh tả Gia-cô-ban.-174.

145 Ở đây muốn nói đến cuộc biểu tình chống chế độ quân chủ của những người thủ công và công nhân Pa-ri tại *quảng trường Mác-xơ* ngày 17 tháng Bảy 1791 trong thời kỳ nổ ra cuộc cách mạng tư sản. Cuộc nổi dậy này do các thủ lĩnh của câu lạc bộ Coóc-đê-li-ê lãnh đạo, họ đã thảo ra đơn thỉnh nguyện gửi Quốc hội lập hiến đòi nhà vua thoái vị. Quân đội và các đội cận vệ quốc gia bảo vệ các khu tư sản ở Pa-ri do La-phay-ét chỉ huy đã nổ súng vào cuộc biểu tình. Sự kiện ngày 17 tháng Bảy 1791 bộc lộ sự chia rẽ sâu sắc giữa một bên là quần chúng nhân dân và giai cấp tư sản cách mạng với một bên là tập đoàn quân chủ lập hiến của giai cấp đại tư sản đã chạy sang phía phản cách mạng.-174.

146 Ngày 2-5 tháng Chín 1792 ở Pa-ri đã dấy lên phong trào phản đối của nhân dân do cuộc tiến công của bọn can thiệp nước ngoài và do sự quấy phá mạnh của các lực lượng phản cách mạng trong nước. Quần chúng Pa-ri chiếm các nhà tù đã thiết lập toà án nhân dân lâm thời để xét xử bọn phản cách mạng. Nhiều tên phản cách mạng nhất đã bị xử tử. Cuộc khủng bố đỏ đó là hành động tự vệ của nhân dân cách mạng.-174.

147 Trong trận *Hông-xcốt-tơ* (Phlan-đơ) ngày 6-8 tháng Chín 1793 trong thời kỳ xảy ra những trận chiến ác liệt của nước Pháp cách mạng chống lại quân đội của khối liên minh chống Pháp lần thứ nhất của các nước châu Âu, quân đội Pháp đã đánh bại liên quân Anh - Han-nô-vơ - Hà Lan - Áo.-175.

148 Cuộc phiên loạn phản cách mạng ở tỉnh Gi-rôn-đơ cũng như các cuộc phiên loạn đã nhắc tới ở trên ở tỉnh Can-va-đô-xơ và nhiều tỉnh khác ở miền Tây, Tây - Nam và Đông - Nam nước Pháp là do phái Gi-rông-đanh - đảng của giai cấp đại tư sản công thương nghiệp - liên hiệp với các phần tử bảo hoàng phản cách mạng phát động mùa hè 1793. Phái Gi-rông-đanh mượn chiêu bài bảo vệ quyền tự trị và quyền lập liên bang của các tỉnh chống lại chính phủ Gia-cô-ban và quần chúng cách mạng ủng hộ chính phủ này. Mùa thu 1793 phong trào "liên bang" phản cách mạng của phái Gi-rông-đanh bị quân đội của nước Cộng hoà Pháp đè bẹp.

Ủy ban cứu nguy xã hội (Comité du salut public) là cơ quan trung ương của

Chính phủ Pháp thành lập tháng Tư 1793. Trong thời kỳ chuyển chính Gia-cô-ban (ngày 2 tháng Sáu 1793 - 27 tháng Bảy 1794) Ủy ban đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong cuộc đấu tranh với thế lực phản cách mạng trong và ngoài nước, trong việc giải quyết các nhiệm vụ của cách mạng bằng con đường bình dân, sau cuộc chính biến phản cách mạng ngày 9 tháng Nóng, Ủy ban đã mất tác dụng lãnh đạo và bị giải tán vào tháng Mười năm 1795.-175.

149 Tham gia tích cực vào cuộc chính biến ngày 9 tháng Nóng 1794 (xem chú thích 80), ngoài các phần tử phản cách mạng khác, có nhóm Đăng-tông còn sống sót sau khi Đăng-tông và bạn chiến đấu của ông bị xử tử, nhóm này đại biểu cho lợi ích của cái gọi là giai cấp tư sản mới trưởng thành trong những năm cách mạng.-175.

150 Đây là nói về cuộc nổi dậy của bọn bảo hoàng ở Pa-ri ngày 12-13 tháng Hái nho (4-5 tháng Mười) 1795 bị quân đội chính phủ do tướng Bô-na-pác-tơ chỉ huy dẹp tan.-175.

151 Ở đây muốn nói đến cuộc nổi dậy mùa thu 1796 của nhóm Ba-bốp - những người ủng hộ nhà cộng sản không tưởng lỗi lạc Ba-bốp cố sức dùng cách mạng để lật đổ chế độ hiện tại, xoá bỏ chế độ tư hữu và thiết lập chế độ công hữu - ở trại lính Grê-nen ở Pa-ri. Sau khi Ba-bốp và những bạn chiến đấu gần gũi của ông bị bắt vào tháng Năm 1796, đã có một âm mưu giải thoát những người bị bắt khỏi nhà tù và phát động ở trại lính Grê-nen nơi binh sĩ được nhóm Ba-bốp tuyên truyền cách mạng, một cuộc khởi nghĩa dưới khẩu hiệu lật đổ Hội đồng chấp chính và khôi phục hiến pháp Gia-cô-ban 1793. Cuộc nổi dậy của nhóm Ba-bốp bị quân đội đàn áp tàn khốc.-175.

Hội đồng chấp chính (gồm năm viên chấp chính, cứ mỗi năm cử lại một người) là cơ quan lãnh đạo ngành hành pháp ở Pháp thiết lập theo hiến pháp 1795 thông qua sau khi nền chuyển chính cách mạng Gia-cô-ban bị đổ 1794. Trước cuộc chính biến năm 1799 của Bô-na-pác-tơ, Hội đồng chấp chính là Hội đồng ở Pháp ủng hộ chế độ khủng bố đối với các lực lượng dân chủ và bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản.-175.

152 *Hoà ước Cam-pô-phô-mi-ô* ngày 17 tháng Mười 1797 đã kết thúc cuộc chiến tranh của Pháp chống Áo là nước tham gia liên minh chống Pháp lần thứ nhất của các nước Châu Âu. Theo hoà ước này, Pháp được Bỉ, quần đảo I-ô-niêng và một phần An-ba-ni. Áo cam kết tạo điều kiện để chuyển giao cho Pháp tả ngạn sông Ranh và từ bỏ lãnh địa của mình ở Bắc I-ta-li-a, vùng lãnh thổ này sẽ sáp nhập vào nước cộng hoà Xi-dan-pin thành lập dưới sự bảo hộ của Pháp. Đồng thời phần lớn lãnh thổ nước Cộng hoà Vê-nê-xu-ê-la cũng như một phần I-xơ-ri-a và Đan-ma-xi thuộc nước

- Cộng hoà này được giao cho Áo.-175.
- 153 Ở đây muốn nói đến hoạt động tác chiến thắng lợi vào tháng Tám-tháng Mười 1799 của quân Pháp và quân Hà Lan do tướng Bruyn chỉ huy chống lại quân đội Anh-Nga đổ bộ vào Hà Lan trong thời kỳ chiến tranh của Pháp chống lại liên minh lần thứ hai của các nước châu Âu. Mục đích của cuộc viễn chinh Anh-Nga là đánh đuổi quân Pháp khỏi Hà Lan (nước bị Pháp chiếm đóng và tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Ba-ta-vi-a bù nhìn là quốc gia thuộc Pháp, khôi phục ở nước này chế độ quân chủ trước cách mạng và chiếm lấy hạm đội Hà Lan. Bị thất bại trước quân của Bruyn, tổng tư lệnh liên quân, công tước I-ôóc, buộc phải ký văn kiện đầu hàng An-cma ngày 18 tháng Mười 1799, theo văn kiện này, phải trao trả 8.000 tù binh Pháp và Hà Lan và rút quân khỏi Hà Lan.-175.
- 154 *Trại lính Bu-lông* là căn cứ quân sự do Na-pô-lê-ông I lập ra năm 1803 - 1805 để xâm nhập nước Anh qua La-Măng-sơ. Trong trại lính này tập trung đạo quân đổ bộ gồm 12 vạn người. Thất bại của hạm đội Pháp trong chiến tranh với Anh và sự thành lập liên minh chống Pháp mới, liên minh lần thứ ba có Nga và Áo tham gia buộc Na-pô-lê-ông phải từ bỏ kế hoạch xâm nhập của mình.-176.
- 155 Ở đây muốn nói đến pháp lệnh phế truất Na-pô-lê-ông và khôi phục vương triều Bôc-bông ở Pháp do thượng nghị viện Pháp thông qua sau khi quân đội của liên minh lần thứ sáu tiến vào Pa-ri ngày 31 tháng Ba 1814.-177.
- 156 "*Trăm ngày*" là thời kỳ ngắn ngủi phục hồi nền đế chế của Na-pô-lê-ông kể từ khi ông ta từ đảo En-bơ trở về Pa-ri ngày 20 tháng Ba 1815 cho đến khi ông ta thoái vị lần thứ hai ngày 22 tháng Sáu cùng năm sau thất bại ở Oa-téc-lô.-177.
- 157 Mùa xuân 1832, hạm đội Anh-Pháp phong toả các cảng Hà Lan, còn quân Pháp vây đánh thành Ăng-ve nhằm mục đích buộc Hà Lan thi hành các điều kiện của Hiệp ước Luân Đôn năm 1831 về việc thừa nhận nền độc lập của Bỉ tách khỏi Vương quốc Hà Lan nhờ cuộc cách mạng tư sản 1830 và việc chuyển giao Ăng-ve cho người Bỉ. Tuy bên bị vây chống cự ngoan cường, cứ điểm đã phải đầu hàng vào cuối tháng Chạp 1832.-178.
- 158 *Thuốc nổ Va-lan-xi-en* là vật hỗn hợp đốt cháy gồm diêm tiêu, lưu huỳnh và thuốc súng, được sử dụng lần đầu tiên năm 1793 khi quân Anh-Áo bao vây thành phố Va-

- lan-xi-en do quân Pháp giữ trong thời kỳ chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp chống lại liên minh lần thứ nhất của các nước châu Âu.-178.
- 159 Chỉ cuộc bao vây Xê-va-xtô-pôn trong thời kỳ Chiến tranh Crum 1853-1856 do liên quân Pháp, Anh, Thổ Nhĩ Kỳ và Xéc-đi-ni tiến hành, kéo dài từ ngày 13 (1) tháng Chín 1854 đến ngày 9 tháng Chín (28 tháng Tám) 1855.-183.
- 160 Chỉ cuộc pháo kích không kết quả mà hạm đội Anh - Pháp tiến hành 9-11 tháng Tám (28-30 tháng Bảy) 1855 vào pháo đài *Xvê-a-bôóc-gơ* (Xu-ô-men-lin-na) thuộc nước Nga nằm trên lối vào vịnh Phần Lan trong thời kỳ Chiến tranh Crum 1853 - 1856. Về cuộc pháo kích này, xem bài của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen "Chiến tranh của Anh-Pháp chống Nga" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 11, tr. 640-643).-183.
- 161 Như có thể thấy qua thư gửi Ăng-ghe-nen ngày 18 tháng Chín 1857, khi tham gia lựa chọn tài liệu cho mục này, Mác đã trích lục nhiều trong các sách tham khảo về câu quân sự mà ông gửi cho Ăng-ghe-nen.-188.
- 162 Hê-rô-đốt. "Lịch sử gồm 9 quyển", quyển IV, chương 83; quyển VII, chương 36.-188.
- 163 A-ri-a-nốt. "Những cuộc viễn chinh của A-lếch-xan-đrô", quyển VII, chương III.-188.
- 164 Năm 55 trước công nguyên, trong thời kỳ Xê-da chinh phục xứ Gô-lơ (58-51 trước công nguyên), quân đội La Mã truy kích quân Đức bại trận đã vượt sông Ranh ở khu vực trung lưu sông này và dùng 18 ngày bên hữu ngạn. Cuộc vượt sông Ranh nhằm mục đích biểu dương sức mạnh quân sự của La Mã và dọa dẫm các bộ lạc Đức đã được ghi chép trong quyển thứ tư bút ký của Xê-da viết về cuộc chiến tranh xứ Gô-lơ.-188.
- 165 "Abregé des commentaires de M. de Folard sur l'Histoire de Polybe". Vol. 3, Paris, 1754, p. 82 ("Bình luận ngắn của Phô-la-rơ về "Lịch sử" Pô-li-bi-út. Tập 3, Pa-ri, 1754, tr.82).-189.
- 166 Chiến tranh của Hợp chúng quốc Mỹ chống lại Mê-hi-cô 1846 - 1848 nổ ra do đã xâm lược đất đai Mê-hi-cô của bọn chủ đồn điền-chủ nô và giai cấp đại tư sản Mỹ. Sau cuộc chiến tranh này, Hợp chúng quốc Mỹ đã chiếm hầu như một nửa lãnh thổ Mê-hi-cô trong đó có toàn bộ Têch-dát, Bắc Ca-li-phôóc-ni-a, Mê-hi-cô Mới và những vùng khác.-191.

- 167 Ăng-ghe-n đã giúp đỡ rất nhiều cho Mác trong việc viết mục Béc-na-đốt-tơ, trong thư ngày 21 và 22 tháng Chín 1857 ông đã cung cấp cho Mác nhiều những thông tin xác thực về hoạt động quân sự của Béc-na-đốt-tơ trong đó có sự tham gia của ông ta vào chiến dịch của Na-pô-lê-ông chống Phổ năm 1806 và chống Áo năm 1809. Nhận xét của Ăng-ghe-n về vai trò của Béc-na-đốt-tơ trong những chiến dịch ấy đã được Mác lấy lại hầu như trọn vẹn trong mục viết của mình. Vì muốn khắc hoạ Béc-na-đốt-tơ một cách toàn diện, trước hết trên phương diện là nhà hoạt động chính trị và nhà ngoại giao, Mác đã thu thập rất nhiều tài liệu tiểu sử, những đoạn trích của Mác trong các sách tham khảo và sách lịch sử hiện còn giữ lại đã chứng minh điều đó.-194.
- 168 Trong trận *Phơ-lơ-rút* (Bi) ngày 26 tháng Sáu 1794 quân Pháp do tướng Giuốc-đan chỉ huy đã đánh tan quân đội Áo của công tước Cô-buốc-gơ. Thắng lợi này giáng cho liên minh chống Pháp lần thứ nhất một đòn đau, quân đội cách mạng Pháp đã có lợi thế để chiếm Bỉ và tiến hành những hoạt động tấn công tích cực đối với Hà Lan và bờ tây sông Ranh. Đầu tháng Mười 1794, quân Pháp vượt sông Rua và chiếm cứ điểm Giuy-lích; ngày 4 tháng Mười một cùng năm họ đã buộc cứ điểm *Ma-a-xơ-rích* đầu hàng.-194.
- 169 Cuộc xâm nhập của quân Pháp vào I-xơ-ri-a (một tỉnh của nước cộng hoà Vơ-ni-đơ) năm 1797 được tiến hành theo sáng kiến của tướng Bô-na-pác-tơ trong thời gian diễn ra chiến dịch chống người Áo ở Bắc I-ta-li-a 1796- 1797. Theo Hoà ước Căm-pô-phô-mi-ô ký với Áo, Bô-na-pác-tơ đã nhượng phần cuối cùng của lãnh thổ Vơ-ni-đơ trong đó có I-xơ-ri-a.-195.
- 170 *Ngày 18 tháng Quả* (Ngày 4 tháng Chín 1797) theo lệnh của uỷ viên Hội đồng chấp chính được tướng Bô-na-pác-tơ ủng hộ, quân đội chính phủ đã chiếm dinh của Đoàn lập pháp và bắt các nghị sĩ bảo hoàng có quan hệ với những người quý tộc lưu vong và chuẩn bị cuộc đảo chính nền quân chủ. Thành phần của bản thân Hội đồng chấp chính cũng đổi mới, những biện pháp đàn áp đã được thi hành chống các phần tử bảo hoàng. Sự kiện ngày 18 tháng Quả mang tính chất một cuộc chính biến phản ánh tính chất không vững vàng của chế độ tư sản của Hội đồng chấp chính và sự nghiêng ngả của nó khi thì sang tả trước sự uy hiếp của bọn bảo hoàng, khi thì sang hữu do sợ hãi phong trào dân chủ.-195.
- 171 Ở đây muốn nói đến cái gọi là cuộc chính biến *ngày 30 tháng Chấn nuôi* (18 tháng

- Sáu 1799), trong thời gian đó, dưới sức ép bởi sự bất bình ngày càng tăng của công chúng trước những thất bại quân sự của quân Pháp ở Đức và I-ta-li-a cũng như trước tình hình kinh tế và tài chính của nước cộng hoà ngày một xấu đi. Đoàn lập pháp đã thay đổi thành phần của Hội đồng chấp chính, loại khỏi Hội đồng này ba phần tử phản động lộ liễu.-196.
- 172 *Trận Au-éc-stét*- xem chú thích 137.-198.
- 173 *Hoà ước Tin-dít* là hoà ước ký ngày 7 và 9 tháng Bảy 1807 giữa nước Pháp Na-pô-lê-ông và các nước tham gia liên minh chống Pháp lần thứ tư, Nga và Phổ, bị bại trận. Điều kiện của hoà ước cực kỳ nặng nề cho Phổ, nước bị mất một phần lớn lãnh thổ của mình (trong đó có toàn bộ lãnh địa ở phía tây sông En-bơ). Nga không mất đất đai gì, thậm chí còn được vùng Bê-lô-xtóc cắt của Phổ cho Nga. Nhưng A-lếch-xan-đơ I phải thừa nhận cuộc xâm lược Đức của Pháp và sự thay đổi lãnh thổ mà Na-pô-lê-ông thực hiện ở đó, cũng như quyền thống trị của Na-pô-lê-ông đối với quần đảo I-ô-niêng, phải đồng ý thành lập Đại công quốc Vác-sa-va là căn cứ quân sự của Pháp ở biên giới Nga và tham gia cuộc phong toả nước Anh (cái gọi là cuộc phong toả lục địa).
- Liên minh quân sự của Pháp với Đan Mạch nhằm chống lại Thụy Điển được ký kết ngày 31 tháng Mười 1807 ở Phòng-ten-nơ-blô.-198.
- 174 Xem chú thích 138.-200.
- 175 *Suyên-brun* là một cung điện ở Viên, nơi ở vào mùa hè của hoàng đế; mùa thu 1809, tại cung này Na-pô-lê-ông I đã áp đặt cho Áo những điều kiện của hoà ước sau khi quân đội Áo bị đánh bại trong chiến dịch 1809.-200.
- 176 *Hoà ước Phri-đrich-xham*-xem chú thích 71.- 201.
- 177 *Hoà ước Bu-ca-rét* kết thúc cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ 1806-1812 được ký kết ngày 28 (16) tháng Năm 1812. Hoà ước qui định trao cho Nga Béc-xa-ra-bi-a và nhiều tỉnh ở Nam Cáp-ca-dơ; Thổ Nhĩ Kỳ phải trao cho Xéc-bi quyền tự trị trong việc quản lý công việc nội bộ và xác nhận hiệp nghị trước kia của mình với Nga về việc thừa nhận một số quyền tự trị cho Môn-đa-vi-a và Va-la-khi. Việc ký hoà ước với Thổ Nhĩ Kỳ, nhờ thắng lợi của quân đội Nga và tài ngoại giao của viên tư lệnh

- của nó M. I. Cu-tu-dốp, cho phép Nga rút ra được những lực lượng quân sự lớn để cho cuộc đấu tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-203.
- 178 Chỉ hiệp ước hoà bình và liên minh giữa Nga và Anh và giữa Anh và Thụy Điển nhằm chống lại nước Pháp Na-pô-lê-ông.-203.
- 179 Đây là nói về công ước do Nga và Thụy Điển ký ngày 30 (18) tháng Tám 1812 ở A-bô (Tuốc-cu) và trên thực tế công ước này đã hợp thức hoá liên minh quân sự giữa hai nước này chống lại nước Pháp Na-pô-lê-ông. Công ước cũng bao gồm cả nghĩa vụ của Nga giúp đỡ quân sự cho Thụy Điển chống lại Đan Mạch trong trường hợp Đan Mạch cự tuyệt nhường Na Uy cho vua Thụy Điển. Về phía mình Thụy Điển có nghĩa vụ ủng hộ tham vọng về đất đai của chính phủ Nga hoàng trong đó có lãnh thổ của Đại công quốc Vác-sa-va do Na-pô-lê-ông thống trị.-203.
- 180 Ngày 3 tháng Ba năm 1813 ở Xtốc-khôn đã ký hiệp định khối đồng minh quân sự giữa Anh và Thụy Điển qui định gửi quân đội Thụy Điển sang lục địa châu Âu để tham gia hoạt động quân sự chống quân đội của Na-pô-lê-ông và việc Anh trợ cấp cho Thụy Điển để thực hiện mục đích đó. Điều 2 của hiệp ước qui định nghĩa vụ của Anh ủng hộ tham vọng của Thụy Điển chiếm Na Uy.-204.
- 181 Ở đây muốn nói đến hiệp định đình chiến ký kết ngày 4 tháng Sáu 1813 giữa Nga và Phổ với Na-pô-lê-ông I. Thời hạn đình chiến ban đầu là đến ngày 20 tháng Bảy, về sau kéo dài tới ngày 10 tháng Tám. Trong thời gian đình chiến, tại cuộc gặp gỡ với A-lếch-xan-đrơ I, Phri-đrich-Vin-hem III và Béc-na-đốt-tơ tại lâu đài Tra-khen-béc (Xi-lê-di), ngày 12 tháng Bảy 1813, các nước đồng minh đã thoả thuận về kế hoạch hoạt động quân sự sau này. Sau khi các cuộc đàm phán hoà bình tiến hành trong thời gian đình chiến không thành, Áo chính thức tham gia liên minh chống Na-pô-lê-ông. Tháng Tám 1813 lại tiếp tục các hoạt động quân sự.-204.
- 182 Bản sơ thảo mục "Ác-ma-đa" do Ăng-ghe-ni viết phần lớn dựa trên những tài liệu do Mác thu thập và gửi cho Ăng-ghe-ni dưới hình thức những đoạn trích có bình luận ở các tài liệu khác nhau. Một số chỗ trong những tài liệu do Mác chuẩn bị Ăng-ghe-ni đã lấy nguyên văn vào mục viết. Nhận được bản thảo do Ăng-ghe-ni viết, Mác đã xác định nhiều tài liệu thực tế và gửi bản thảo hoàn thành đi Niu Ốc.-208.

- 183 Cuốn sách gọi theo nguyên văn là "Expositio Hispanica in Angliam. Vera Discriptio", A. D. 1588.-208.
- 184 P. Paz Salas. "La felicissima armada que et rey don Felipe nuestro Señor mando juntar en el Puerto de Lisboa. Relación sumaria de los nauios". Lisboa, 1588 (P. Pa-xơ Xa-la-xơ "Ác-ma-đa thật may mắn được đáng tối cao của chúng ta, vua Đôn Phi-líp đã ra lệnh tập kết ở cảng Li-xbon. Báo cáo tổng hợp về tàu biển". Li-xbon, 1588).-208.
- 185 Bản thảo gọi theo nguyên văn là "Details of the English Force assembled to oppose the Spanish Armada".-209.
- 186 "Certaine Advertisements out of Ireland, concerning the losses and distresses happened to the Spanish Navie, upon the West coastes of Ireland, in their voyage intended from the Northerne Isles beyond Scotland, towards Spaine". London, 1588. ("Thông báo xác thực từ Ai-rơ-len về thiệt hại và thảm hoạ của hạm đội Tây Ban Nha trên bờ biển phía tây Ai-rơ-len trong cuộc hành trình từ các đảo phía bắc dọc theo bờ biển Xcốt-len đi về Tây Ban Nha". Luân Đôn, 1588).-211.
- 187 Trong mục "Ai-i-a-cu-sô", phần mô tả chính trận đánh là do Ăng-ghe-ni viết có sử dụng những tài liệu do Mác sưu tầm và gửi đến Man-se-xơ cho Ăng-ghe-ni cùng với thư gửi Ăng-ghe-ni ngày 21 tháng Chín 1857. Phần cuối của mục này do Mác viết. Nhận xét về Ê-xpác-te-rô và những người ủng hộ ông ta có trong phần này là phù hợp với nhận xét mà Mác đưa ra trong bài của ông "Ê-xpác-te-rô" viết năm 1854 cho tờ "New-York Daily Tribune" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-ni, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 10, tr. 409-416).-213.
- 188 Trong trận *Khu nin* (Pê-ru) ngày 6 tháng Tám 1824, quân đội Cô-lôm-bi-a, Chi-lê và Pê-ru do Bô-li-va-rơ chỉ huy dũng cảm vượt qua dãy núi An-đơ đánh bại quân đội Tây Ban Nha. Trận đánh này xảy ra trong giai đoạn kết thúc của cuộc đấu tranh giải phóng của các nước châu Mỹ La-tinh chống lại nền thống trị thực dân của Tây Ban Nha. Trong giai đoạn đầu của cuộc đấu tranh (1810-1815), phong trào giải phóng đã đưa tới sự thành lập nhiều nước cộng hoà độc lập (Vê-nê-xu-ê-la v.v.), nhưng do tính chất phân tán của chúng, cũng như do sự xa rời của tầng lớp quý tộc thượng lưu Crê-ô-lô đối với nhân dân, nên Tây Ban Nha đã khôi phục lại sự thống trị ở hầu khắp các nơi. Từ 1816 bắt đầu giai đoạn mới của cuộc đấu tranh giành độc lập. Tại

La-Pla-tây, xứ bảo hộ trước đây, đã tuyên bố thành lập một nước cộng hoà độc lập. Cuộc chiến tranh giành độc lập cho Vê-nê-xu-ê-la, Tân Gra-na-da (Cô-lôm-bi-a), Ki-tô (Ê-cu-a-đo) do Xi-môn Bô-li-va-rô khôi phục đưa tới sự thành lập vào 1819-1822 ở các xứ này nước cộng hoà Đại Cô-lôm-bi-a. Năm 1821 cuộc chiến tranh giải phóng khôi phục lại tại Mê-hi-cô. Năm 1817 được sự chỉ viện của quân đội nước cộng hoà La-Pla-tây (Ác-hen-ti-na), Chi-lê tuyên bố độc lập và 1821 đến lượt Pê-ru. Cuộc tiến quân của quân đội Cô-lôm-bi-a của Bô-li-va-rô năm 1824 để chỉ viện cho những người cộng hoà Pê-ru đã giáng đòn kết liễu sự thống trị của Tây Ban Nha ở châu Mỹ La-tinh. Năm 1826 tàn quân Tây Ban Nha bị đuổi khỏi bờ biển Pê-ru. Nhờ cuộc chiến tranh giành độc lập, ở các nơi trước đây là lãnh địa của Tây Ban Nha đã thành lập các nước cộng hoà độc lập: Mê-hi-cô, Hợp chúng quốc Trung Mỹ (sau chia thành 5 nước cộng hoà), Đại Cô-lôm-bi-a (sau chia ra thành Vê-nê-xu-ê-la, Cô-lôm-bi-a và Ê-cu-a-đo), Bô-li-vi-a, Ác-hen-ti-na, Pa-ra-goay, Pê-ru và Chi-lê.-213.

- 189 Chỉ các cuốn sách: J. S. Florez. "Espartero, Historia de Su vida Militar y Política y de los grandes Sucesos Contemporáneos" (H. X. Phlô-rê-xơ. "Ê-xpác-rô, Lịch sử hoạt động quân sự và chính trị của ông và những thành tựu lớn đạt được hiện nay"). Bản in lần thứ nhất của tác phẩm gồm 4 tập này xuất bản ở Ma-đrít 1843, Mác sử dụng bản in lần thứ hai mà tập 1 và 2 của lần xuất bản này xuất bản vào năm 1844, tập 3 và 4 xuất bản vào năm 1845.

M. A. Principe, R. Giron, R. Statores, A. Ribot. "Espartero: su pasado, su presente, su porvenir". Madrid, 1848 (M. A. Prin-xip-pơ, R. Gi-rôn, R. Xa-tô-re-txơ, A. Ri-bốt. "Ê-xpác-te-rô: quá khứ, hiện tại và tương lai của ông". Ma-đrít, 1848.

- 190 Tài liệu tiểu sử chủ yếu dùng để viết mục này là do Mác thu thập. Ông cũng hiệu đính lần cuối và sửa chữa mục này về văn phong. Trong các phản tương ứng của mục này, Mác đã đưa vào những đoạn lấy trong thư Ăng-ghe-n gửi ngày 22 tháng Chín 1857, trong đó có nêu nhận xét chung về Bluy-khơ với tư cách là nhà hoạt động quân sự và đánh giá hoạt động của Bluy-khơ trong các chiến dịch chính mà ông ta tham gia. Nhận xét này được Mác bổ sung thêm những tài liệu thực tế và phân tích thêm cho tỉ mỉ hơn hoạt động của Bluy-khơ với tư cách nhà chỉ huy quân sự, là nội dung cơ bản trong mục viết. Sự tham gia của Ăng-ghe-n vào việc viết mục này cũng được chứng minh bằng những đoạn trích dẫn của ông trong cuốn sách của

Muy-phơ-linh về chiến dịch 1813 và 1814, cuốn sách này cũng là tài liệu tham khảo chính của Mác.-216.

- 191 Đây là nói về cuộc can thiệp vũ trang của Phổ vào Hà Lan 1787 được sự ủng hộ và trợ cấp của Chính phủ Anh. Mục đích của sự can thiệp là khôi phục chính quyền của viên toàn quyền Vin-hem V O-răng-giơ. Viên toàn quyền này bị đuổi khỏi đất nước năm 1784 do phong trào cách mạng chống khối liên minh quý tộc và tập đoàn nhà buôn và dưới sự lãnh đạo của chính đảng tư sản "những nhà yêu nước" chủ trương đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống kẻ thù thực dân là Anh. Lực lượng vũ trang của giai cấp tư sản Hà Lan không sao chống cự một cách nghiêm túc với quân đội Phổ, kẻ thực hiện khôi phục quyền lực của viên toàn quyền và chế độ tập đoàn thống trị.-217.

- 192 G. L. Blücher. "Kampagne-Journal der Jahre 1793 und 1794". Berlin, 1796 (G. L. Bluy-khơ. "Nhật ký chiến dịch năm 1793 và 1794", Béc-lin, 1796).

Trong chiến dịch 1794, quân đội Phổ tham gia hoạt động của quân đội liên minh lần thứ nhất chống nước Cộng hoà Pháp đã thu được những thắng lợi nhất định về chiến thuật ở khu vực phía nam sông Mô-den trên tả ngạn sông Ranh (Pphan-xơ). Nhưng thất bại của liên quân Áo và Anh ở Bỉ cũng như thất bại của người Áo ở Tây Đức buộc bộ chỉ huy Phổ phải rút quân đội của mình về hữu ngạn sông Ranh vào mùa thu 1794.-217.

- 193 Chỉ *Hoà ước Ba-lơ* mà Phổ ký kết riêng rẽ với nước Cộng hoà Pháp ngày 5 tháng Tư 1795. Việc ký kết hoà ước này là kết quả của thắng lợi của quân đội Pháp cũng như nền ngoại giao Pháp biết lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước tham gia liên minh chống Pháp lần thứ nhất, trước hết là giữa Phổ và Áo. Hoà ước với Phổ mở đầu sự tan rã của liên minh; ngày 22 tháng Bảy 1795 Tây Ban Nha cũng ký hoà ước riêng rẽ với nước Cộng hoà Pháp ở Ba-lơ.-217.

- 194 "*Tu-ghen-bun*" ("Hội đạo đức") là một trong những hội yêu nước ở Phổ thành lập sau khi Phổ bị nước Pháp Na-pô-lê-ông đánh bại năm 1806; hội này đã liên kết các đại biểu của quý tộc tự do và giới trí thức tư sản. Mục đích của hội là tuyên truyền tư tưởng về chiến tranh giải phóng chống Na-pô-lê-ông và ủng hộ những cải cách tự do ôn hoà ở Phổ. Theo yêu cầu của Na-pô-lê-ông, năm 1809 Tu-ghen-bun đã bị vua Phổ cấm đoán, hoạt động của hội cũng làm nhà vua rất lo sợ. Nhưng hội vẫn tiếp tục

- tồn tại bí mật cho đến khi kết thúc chiến tranh của Na-pô-lê-ông.-219.
- 195 Ngày 26 (14) tháng Năm 1813 ở gần *Gây-nau* (Xi-lê-di), quân đội Nga - Phổ do Bluy-khơ chỉ huy đã tổ chức mai phục bằng kỵ binh và đánh bại quân tiền vệ của Na-pô-lê-ông.-219.
- 196 Xem chú thích 181.-219.
- 197 Müffling. "Passages from my Life, together with Memoirs of the Campaign of 1813 and 1814". London, 1853, p. 225 (Muy-phơ-linh. "Những sự kiện trong đời tôi cũng như hồi ký về chiến dịch 1813 và 1814". Luân Đôn, 1853, tr. 225). Như có thể thấy qua các đoạn trích dẫn của hai ông, Mác và Ăng-ghe-n đã sử dụng bản dịch tiếng Anh nói trên cuốn sách của Muy-phơ-linh mà bản in lần thứ nhất bằng tiếng Đức của nó được xuất bản ở Béc-lin năm 1851. Đoạn trích dẫn phía dưới (tr.187) cũng lấy trong cuốn sách của Muy-phơ-linh (bản tiếng Anh, tr.327).-220.
- 198 Trong trận đánh ở gần *Đrét-xden* ngày 26 - 27 (14 - 15) tháng Tám 1813, quân đội của Na-pô-lê-ông đã đánh bại quân đồng minh Áo - Phổ - Nga (quân đoàn Bô-hêm hoặc quân đoàn chủ lực) do nguyên soái Áo Svác-xen-béc chỉ huy. Quân đồng minh bị thất bại phần lớn là do Svác-xen-béc từ chối kế hoạch mà Béc-clai-đơ - Tô-li đề nghị là phản kích vào sườn quân đội của Na-pô-lê-ông. Cuộc rút lui của quân đoàn Bô-hêm tiến hành trong những điều kiện khó khăn đã được yểm hộ thành công của hậu vệ của quân Nga.-221.
- 199 *Liên minh vùng Ranh* là liên minh của các quốc gia ở Nam và Tây Đức thành lập tháng Bảy 1806 dưới sự bảo hộ của Na-pô-lê-ông I. Na-pô-lê-ông đã thành lập được thành trì quân sự - chính trị đó ở Đức là do đánh bại Áo năm 1805. Tham gia liên minh ban đầu có 16 quốc gia (Ba-vi-e, Vuyếch-tem-béc, Ba-đen v.v.) rồi sau đó thêm 5 quốc gia nữa (Đắc-den, Ve-xtơ-pha-li v.v.), những nước trên thực tế là chư hầu của nước Pháp Na-pô-lê-ông. Quân đội của các quốc gia này đã tham gia các cuộc hành quân xâm lược của Na-pô-lê-ông, trong đó có cuộc hành quân năm 1812 vào Nga. Liên minh tan rã năm 1813 do thất bại của quân đội Na-pô-lê-ông.-225.
- 200 Từ ngày 4 tháng Hai đến 19 tháng Ba 1814 ở thành phố Sa-ti-ông (trên sông Xen) đã diễn ra cuộc đàm phán hoà bình giữa đại biểu của các nước đồng minh tham gia liên minh chống Pháp lần thứ sáu với đại diện toàn quyền của Na-pô-lê-ông I. Các nước

- đồng minh đưa ra việc Na-pô-lê-ông từ bỏ mọi đất đai Pháp đã xâm chiếm và khôi phục biên giới Pháp năm 1792 làm điều kiện chính để ký kết hoà ước. Cuộc đàm phán đã tan vỡ do Na-pô-lê-ông dứt khoát bác bỏ điều kiện ấy.-227.
- 201 *Đội cận vệ trẻ* là tên gọi từ năm 1807 của những bộ phận quân mới thành lập của quân cận vệ hoàng gia của Na-pô-lê-ông, để phân biệt nó với những quân đội thành lập trước đó gọi là quân cận vệ cũ. Người ta đề ra những yêu cầu thấp hơn về việc đưa binh sĩ và sĩ quan vào quân cận vệ mới; mặt khác nó là đội hậu bị cố định để bổ sung quân cận vệ cũ.-228.
- 202 Ở đây muốn nói đến *Hoà ước Pa-ri* ký ngày 30 tháng Năm 1814 giữa các nước tham gia chính vào liên minh chống Pháp lần thứ sáu (Nga, Áo, Anh và Phổ) với Pháp sau khi liên minh đánh thắng Na-pô-lê-ông. Theo hoà ước này, Pháp bị mất toàn bộ đất đai mà nó chiếm được từ 1792 trừ một số cứ điểm dọc biên giới và Tây-Xa-voa - những đất đai này nước Pháp cũng bị tước mất theo Hoà ước Pa-ri thứ hai ký ngày 20 tháng Mười một năm 1815 cũng giữa những nước chiến thắng ấy với nước Pháp sau sự khôi phục quyền lực ngắn ngủi và bị hạ bệ lần thứ hai của Na-pô-lê-ông. Hoà ước Pa-ri thứ hai đưa lãnh thổ của Pháp trở lại biên giới của nó ngày 1 tháng Giêng 1790.-236.
- 203 Có lẽ ở đây muốn nói đến tác phẩm sau: Paravey. "Mémoire sur la découverte très ancienne en Asie et dans l'Indo-Perse de la poudre à canon et des armes à feu". Paris. 1850 (Pa-ra-vây. "Bút ký về sự phát minh ra thuốc súng thời xa xưa và hỏa khí ở châu Á và Ấn Độ - Ba Tư". Pa-ri. 1850).-238.
- 204 Ở đây muốn nói đến thời kỳ người A Rập chinh phục vào thế kỷ VII Mê-xô-pô-ta-mi, I-ran, Xi-ri, Pa-le-xtín, Ai Cập và những nước khác và thành lập Vương quốc Hồi giáo A Rập.-239.
- 205 Ăng-ghe-n chỉ tác phẩm của nhà luyện kim đen Bi-dăng-xơ Mác-cô Grếch "Cuốn sách viết về lửa dùng để tiêu diệt địch".-240.
- 206 Ở đây muốn nói đến: "Epistola Fratris Rogerii Baconis de secretis operibus artis et natureac, et de nullitate magiae" ("Thư của tu sĩ Rô-giơ Bê-con bàn về bí mật trong nghệ thuật và tự nhiên cũng như về sự hoang đường của ảo thuật"). Thời gian viết trong tác phẩm này cũng như năm sinh của tác giả cho tới nay chưa xác minh được. Trong sách thế kỷ XIX viết về lịch sử nghệ thuật quân sự, tác phẩm này thường được

ghi là viết vào năm 1216. Tác phẩm của Ăng-ghe-n cũng nói là vào năm đó. Nhưng theo những nghiên cứu sau này thì tác phẩm này viết vào những năm 40 thế kỷ XIII. Cuốn sách này phát hành lần đầu tiên ở Pa-ri vào năm 1542.-240.

- 207 J. A. Conde. "Historia de la dominación de los árabes en Espana, sacada de varios manuscritos y memorias arábicas". Tập 1-3, Madrid, 1820-1821 (H.A. Côn-đơ. "Lịch sử thống trị của người A Rập ở Tây Ban Nha, viết theo các bản thảo và hồi ký của người A Rập". Tập 1-3, Ma-đrít, 1820-1821).

Năm 1118, quân đội của vua A-ra-gông An-phông-xô I bao vây thành Xa-ra-gốt (A-ra-gông) nằm trong tay người Hồi giáo từ 712 và chiếm được thành này. Việc chiếm Xa-ra-gốt là một trong những giai đoạn của rê-công-ki-xta thu phục lãnh thổ trên bán đảo I-bê-ri-ca bị người A Rập và người Bắc-ba-ri châu Phi ("người Mô-rơ") xâm chiếm trong thời kỳ xâm nhập của người A Rập đầu thế kỷ VIII. Các quốc gia Ca-xti-li-a và A-ra-gông ở Tây Ban Nha cũng như Bồ Đào Nha đóng vai trò chính trong rê-công-ki-xta bắt đầu ngay từ thế kỷ VIII-IX. Trong nửa sau thế kỷ XII, rê-công-ki-xta bị tạm thời dừng lại do sự xâm nhập bán đảo I-bê-ri-ca của vương triều An-mô-hát - giáo phái Hồi giáo tập hợp xung quanh mình các bộ lạc Bắc-be-ri ở miền núi và dưới thời I-man - Kha-lip thứ nhất Ap-đơ-en Mu-min đã thống trị An-giê-ri, Tuy-ni-di, Ma-rốc và vùng Hồi giáo Nam Tây Ban Nha. Đầu thế kỷ XIII, Ca-xti-li-a và A-ra-gông được sự chi viện của thập tự quân các nước khác đã đánh bại vương triều An-mô-hát và phục hồi rê-công-ki-xta. Năm 1236 người Ca-xti-li-a chiếm được Coóc-đô-va, thủ đô của Vương quốc Hồi giáo Coóc-đô-va cũ (bị tan rã 1031) còn đến cuối thế kỷ XIII lãnh địa của Hồi giáo thu hẹp trong lãnh thổ của quốc gia Gra-na-da ở phía nam. Người Tây Ban Nha tiếp tục đấu tranh với quốc gia này và kết thúc năm 1492 bằng việc chiếm lĩnh nó. Ở phía dưới, Ăng-ghe-n nhắc đến nhiều sự kiện trong lịch sử rê-công-ki-xta.-240.

- 208 *Hiệp sĩ Đức ở Phổ* là hiệp sĩ thuộc đoàn hiệp sĩ To-tông thành lập 1190 trong thời kỳ viễn chinh thập tự quân. Thế kỷ XIII bằng con đường chinh phục và tàn sát cư dân người Lit-va ở Đông Phổ, đoàn hiệp sĩ đã chiếm được Đông Phổ, nơi trở thành thành trì xâm lược của đoàn hiệp sĩ đối với Ba Lan, Lit-va và các công quốc Nga. Năm 1237 đoàn này hợp nhất với một đoàn hiệp sĩ Đức khác là đoàn Li-vô-ni-a cũng thành lập ở bờ biển Ban-tích. Sau những thất bại trên Hồ Su-đơ 1242 (trận kịch chiến trên băng) và trong trận Grun-van-đơ 1410, đoàn hiệp sĩ trở nên suy yếu và về sau

chỉ giữ được một phần nhỏ lãnh địa của mình.-240.

- 209 Trong trận *Phoóc-nô-vô* (Bắc I-ta-li-a) ngày 6 tháng Bảy 1495 quân đội của các nước phong kiến Bắc I-ta-li-a đã tấn công quân đội của vua Pháp Sác-lơ VIII, đạo quân này vượt qua dãy núi A-pen-nanh trở về Pháp sau cuộc tiến quân ăn cướp ở I-ta-li-a. Trận này mà kết quả là quân Pháp có pháo binh mạnh đã thắng nằm trong thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh I-ta-li-a 1494-1559 (xem chú thích 37).- 243.

- 210 Xem chú thích 36.-243.

- 211 Trong trận *Ran-ti* (Phlan-đơ) ngày 13 tháng Tám 1554 trong thời kỳ chiến tranh của vua Pháp Hăng-ri II liên minh với các công quốc theo đạo Tin lành ở Đức chống lại vua Tây Ban Nha và hoàng đế Đức Các-lơ V, quân đội Tây Ban Nha đã buộc quân Pháp phải bỏ cuộc bao vây thành Ran-ti và rút về biên giới Pháp.-243.

- 212 *Cuộc chiến tranh của Tây Ban Nha chống Hà Lan* - xem chú thích 39.-245.

- 213 Đây là nhắc tới những trận đánh giữa quân đội của vua Thụy Điển Gu-xtáp II-A-đôn-phơ và quân đội của hoàng đế Đức trong thời kỳ Thụy Điển của Cuộc chiến tranh ba mươi năm ở Đức (xem chú thích 40). Tháng Chạp 1830 quân đội của Gu-xtáp - A-đôn-phơ tiếp cận cứ điểm *Grây-phen-ha-ghe-n* trên sông Ô-đê và sau hai trận cường tập ngắn đã buộc quân đội phòng thủ bỏ cứ điểm. Tháng Tư 1631, quân đội của Gu-xtáp - A-đôn-phơ tập kích chiếm *Phran-phuốc trên sông Ô-đê*. Trong hai trận này pháo binh Thụy Điển có tác dụng lớn.-247.

- 214 Trong trận *Man-plắc-cơ* (Bi) ngày 11 tháng Chín 1709 - một trong những trận lớn nhất của cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Tây Ban Nha 1701-1714 (xem chú thích 68) - quân đội của đồng minh Anh-Áo-Hà Lan do hoàng thân Ô-gien Xa-voa và công tước Man-bô-rô chỉ huy đã đánh bại quân đội Pháp của nguyên soái Vi-la-rơ.-248.

- 215 Chỉ bộ sách gồm 2 tập do Xanh-Rê-mi biên soạn: "Mémoires d'Artillerie". Paris, 1697 ("Bút ký về pháo binh". Pa-ri, 1697); bộ sách này gồm nhiều tác phẩm của các sĩ quan pháo binh Pháp được người biên soạn chỉnh lý và hiệu đính có hệ thống.-248.

- 216 C. A. Struensee. "Anfangsgründe der Artillerie". Liegnitz, 1760 (C. A. Xơ-ru-en-đơ, "Nguyên lý pháo binh". Li-gnich-xơ, 1760); G. F Tempelhoff. "Le Bombardier

- prussien ou du mouvement des projectiles en supposant la résistance de l'air proportionnelle au carré des vitesses". Berlin, 1781 (G. Ph. Tem-pen-hốp. "Pháo thủ Phổ hoặc về sự bay của đạn pháo giả định rằng sức cản của không khí tỷ lệ thuận với bình phương của tốc độ". Béc-lin, 1781).-251.
- 217 Ở đây muốn nói đến tác phẩm của Sác-nơ-hoóc-xơ: "Handbuch der Artillerie". Bd. 1-3, Hannover, 1804 - 1814 ("Sách chỉ dẫn về pháo binh". T. 1-3. Han-nô-vơ, 1804-1814) và "Handbuch für Officiere, in den anwendbaren Theilen der Krieges-Wissenschaften. Ester Theil von der Artillerie". Hannover, 1787 ("Sách chỉ dẫn cho sĩ quan về phần thực nghiệm của khoa học quân sự. Phần thứ nhất: pháo binh". Han-nô-vơ, 1787).-251.
- 218 G. Vega. "Praktische Anweisung zum Bombenwerfen mittelst dazu eingerichteter Hilfstafeln". Wien 1787 (G. Vê-ga. "Giáo phạm về bắn có sử dụng bảng bắn". Viên, 1787); T. Morla. "Tratado de artilleria". Segovia, 1787 (T. Moóc-la. "Luận văn về pháo binh", Xê-gô-vi-a, 1784); J. G. Hoyer. "Allgemeines Wörterbuch der Artillerie". Tübingen, 1804 - 1812 (I. G. Hoi-éc. "Từ điển phổ thông về pháo binh". Tuy-bin-ghen, 1804 - 1812); F.G. Rouvroy. "Vorlesungen über die Artillerie". Th. 1-3, Dresden 1811-1814 (Ph. G. Rúp-roa. "Bài giảng về pháo binh". Ph. 1-3, Đre-xden, 1811-1814).-251.
- 219 Trong trận *Piéc-ma-den* (Tây Đức) ngày 14 tháng Chín 1793 trong cuộc chiến tranh của liên minh châu Âu lần thứ nhất chống nước Cộng hoà Pháp, quân đội Phổ đã đánh bại quân đoàn Mô-den của Pháp. Trong trận này quân Phổ đã sử dụng thành công pháo binh có số lượng lớn của mình.-254.
- 220 Như có thể thấy qua những đoạn trích còn giữ lại được của Mác: Trong số tài liệu chủ yếu ông dùng để viết mục này có mấy cuốn sách: M. Wagner. "The Tricolor on the Atlas; or Algeria and the French Conquest". London - New - York, 1854 (M. Va-gne-rơ: "Cờ tam tài trên Át-lát hay là An-giê-ri và cuộc chinh phục của Pháp". Luân Đôn - Niu Ốc, 1854); D. Stern "Histoire de la Révolution de 1848". Vol. I. Paris, 1850 (Đ. Xtéc-nơ. "Lịch sử cách mạng 1848". T. I. Pa-ri, 1850). Có thể là Mác cũng sử dụng những tài liệu viết về hoạt động của Buy-giô ở An-giê-ri được dẫn ra trong bản thảo mục "An-giê-ri" của Ăng-ghen và bị bộ biên tập bách khoa toàn thư lược bỏ khi ấn hành (xem chú thích 91). Qua thư Ăng-ghen gửi Mác ngày 17 và 22 tháng Chín 1857 cũng thấy rằng Ăng-ghen đã tham gia việc thu thập tài liệu cho mục này.-271.

- 221 Trận *Oóc-dan* (Ca-ta-lô-ni) cũng như trận vây đánh nói trên xảy ra trong thời kỳ chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ 1808-1814 (xem chú thích 48).-271.
- 222 *Hoa huệ* là huy hiệu của vương triều Buốc-bông.-271.
- 223 *Trăm ngày* - xem chú thích 156.-271.
- 224 Chỉ sự can thiệp của quân đội Pháp vào Tây Ban Nha nhằm mục đích đàn áp cuộc cách mạng tư sản lần thứ hai ở Tây Ban Nha những năm 1820-1823. Sau khi mưu đồ chiếm Ma-đrít cách mạng ngày 7 tháng Bảy 1822 bị thất bại, Phéc-di-năng VII bí mật yêu cầu Liên minh thần thánh (liên minh phản động của các nước quân chủ châu Âu do nước Nga sa hoàng, Áo và Phổ thành lập 1815) giúp đỡ để đàn áp cách mạng. Theo quyết định của Hội nghị Vê-rô-na của Liên minh thần thánh, Pháp phải viện trợ cho Phéc-di-năng. Quân Pháp do công tước Ăng-gu-lê-m chỉ huy tiến vào Tây Ban Nha năm 1823, khôi phục chế độ chuyên chế ở nước này và ở lại Tây Ban Nha cho đến năm 1828.-271.
- 225 Chỉ cuộc khởi nghĩa xảy ra ở Pa-ri nhằm thiết lập chế độ cộng hoà do công nhân và tầng lớp tiểu tư sản đứng về phía công nhân tiến hành ngày 13-14 tháng Tư 1834 chống lại chế độ quân chủ tháng Bảy tư sản. Sự kiện Pa-ri là sự hưởng ứng cuộc khởi nghĩa vô sản lớn mạnh nổ ra vào thời điểm đó ở Ly-ông - cuộc khởi nghĩa đã khơi dậy những cuộc đấu tranh cách mạng ở nhiều thành phố khác của nước Pháp. Cũng như ở Ly-ông, cuộc khởi nghĩa ở Pa-ri là do một hội bí mật theo khuynh hướng cộng hoà - dân chủ - Hội nhân quyền lãnh đạo. Quân chúng chủ yếu của những người khởi nghĩa là công nhân Pa-ri đã chiến đấu ác liệt trên chiến lũy hai ngày trời với quân đội của chính phủ. Đi cùng với sự đàn áp cuộc khởi nghĩa này là hành động tàn bạo vô độ của bọn quân nhân và sự đàn áp của chính phủ đối với những người dân chủ.-272.
- 226 *Hiệp ước Ta-phna* giữa Buy-giô và Ap-đơ-en - Ca-đe được ký ngày 30 tháng Năm 1837 ở khu vực sông Ta-phna. Năm 1835, thực dân Pháp phá hoại hoà ước đã ký với Ap-đơ-en - Ca-đe vào năm 1834 lại mở đầu các hoạt động quân sự chống lại ông nhằm mục đích chinh phục miền tây An-giê-ri do ông đã giải phóng. Không thu được mấy kết quả và lại cần phải có lực lượng quân sự để đàn áp vùng có khởi nghĩa bùng nổ ở Đông An-giê-ri. Chính phủ Pháp buộc phải phê chuẩn hoà ước mới do Buy-giô ký. Theo hiệp ước Ta-phna, Pháp buộc phải vẫn thừa nhận nền độc lập quốc gia của Ap-đơ-en-Ca-đe, nằm trên lãnh thổ Tây An-giê-ri trừ mấy thành phố ven biển (An-giê, Ô-ren, Ăc-dép v.v.) nằm

trong tay người Pháp. Năm 1839 hoà ước lại bị bọn xâm lược bội tín phá hoại. Cuộc chiến tranh giải phóng của người An-giê-ri do Ap-đơ-en-Ca-đe lãnh đạo chống lại bọn xâm lược Pháp lại bắt đầu (về cuộc chiến tranh này xem chú thích 97).-272.

227 Cho đến năm 1844 Buy-giô và những viên tướng Pháp khác bằng cách mua chuộc bọn phong kiến địa phương và dùng các thủ đoạn khủng bố các bộ lạc An-giê-ri đã chinh phục được Tây An-giê-ri. Mượn cố vua Ma-rốc từ chối nộp Ap-đơ-en - Ca-đe đã chuyển sang Ma-rốc, Buy-giô đem quân xâm nhập lãnh thổ Ma-rốc. Tháng Tám 1844, bằng cách bội ước tấn công, Buy-giô đã đánh bại lực lượng quân sự của người Ma-rốc khu vực sông I-xli. Đồng thời hạm đội Pháp phá huỷ thành phố Tan-giéc và Mô-ga-đô-rơ. Nhưng sự đe dọa can thiệp của Anh vì lo sợ trước triển vọng mở rộng lãnh địa của Pháp ở Bắc Phi đã làm cho bọn thực dân Pháp tạm thời từ bỏ ý đồ xâm chiếm Ma-rốc. Theo Hiệp ước Tan-giéc ngày 10 tháng Chín 1844, sau khi đạt được việc nhà vua trục xuất Ap-đơ-en - Ca-đe và giải tán lính biên phòng Ma-rốc, Buy-giô đã rút quân khỏi lãnh thổ Ma-rốc.-273.

228 Một trong những nguyên nhân của sự bất đồng giữa Ghi-dô và Buy-giô là ý đồ của Buy-giô lợi dụng việc đàn áp cuộc khởi nghĩa An-giê-ri 1845-1847 để tiếp tục xâm chiếm Bắc Phi (cuộc viễn chinh Ca-bi-li-a mà ông ta tiến hành vào tháng Năm 1847 đã phục vụ cho mục đích đó) và lại xâm nhập Ma-rốc. Thường xuyên theo đuổi chính sách xâm lược thuộc địa, chính phủ Ghi-dô lúc này sợ rằng hoạt động của Buy-giô sẽ tăng thêm mâu thuẫn Anh-Pháp bấy giờ đang rất gay gắt.-273.

229 Ở đây muốn nói đến chính phủ lâm thời của nước Cộng hoà Pháp thành lập ngày 24 tháng Hai 1848 khi lật đổ chế độ Quân chủ tháng Bảy. Các phần tử cộng hoà tư sản ôn hoà chiếm ưu thế trong chính phủ này.-274.

230 Mác chỉ các tác phẩm của Buy-giô xuất bản ở các thời kỳ khác nhau mô tả các cuộc chiến tranh mà bọn thực dân Pháp tiến hành ở An-giê-ri cũng như kế hoạch xâm lược và thực dân hoá nước này.-274.

231 Mục "Bô-li-va-rô-i-Pôn-te" do Mác viết vào thời kỳ mà lịch sử các cuộc chiến tranh giành độc lập của các nước châu Mỹ La-tinh (1810-1826) còn chưa được nghiên cứu sâu sắc. Được lưu hành khá rộng rãi là những cuốn sách và hồi ký do một số những nhà phiêu lưu châu Âu tham gia cuộc chiến tranh ấy xuất bản vì động cơ vụ lợi. Nhiều người trong họ do không đạt được mục đích của mình ở châu Mỹ La-tinh đã xuyên tạc cuộc đấu tranh giành độc lập ấy. Thể hiện là tập hồi ký của Đuy-cu-đơ

Hôn-stai-nơ người Pháp, đã có một thời làm tham mưu trưởng cho Bô-li-va-rô và là kẻ có tư thù với Bô-li-va-rô. Cuốn sách của Hip-pi-xli, người Anh, đã đảo ngũ khỏi quân đội của Bô-li-va-rô, cũng như "Hồi ký của tướng Mi-lơ", là bút ký của Uy-li-am Mi-lơ, người tham gia chiến tranh giành độc lập của Pê-ru bị em là Giôn-xơ sửa chữa với dụng ý xấu. Những cuốn sách đó đã nhận định phiến diện phong trào của nhân dân châu Mỹ La-tinh và nhiều nhà lãnh đạo của họ. Chẳng hạn như trong những cuốn sách đó, người ta đã gán cho Bô-li-va-rô những thói xấu bịa đặt (gian trá, kiêu căng, hèn nhát) và thổi phồng quá đáng những khuyết điểm có thật của ông (ưa phô trương hình thức, tham quyền cố vị, biểu hiện đặc biệt rõ rệt trong những năm cuối đời khi ông dựa vào giới quý tộc và tầng lớp bảo thủ). Cuộc đấu tranh của Bô-li-va-rô chống lại những phần tử liên bang - phân lập vì sự thống nhất của các nước cộng hoà Mỹ La-tinh bị mô tả như biểu hiện của ý đồ độc tài, thậm chí công nhiên xuyên tạc sự thật như Đuy-cu-đơ Hôn-stai-nơ dựng đứng lên rằng năm 1810 Bô-li-va-rô từ chối tham gia cuộc đấu tranh giành độc lập của Vê-nê-xu-ê-la v.v..

Trên thực tế, như những công trình nghiên cứu khách quan sau này chứng thực, Xi-môn Bô-li-va-rô đã đóng vai trò xuất sắc trong cuộc đấu tranh giành độc lập của châu Mỹ La-tinh, trong một thời gian của cuộc đấu tranh ấy đã đoàn kết được các phần tử yêu nước trong giới địa chủ Crê-ô-lô (người Mỹ La-tinh gốc Tây Ban Nha) giai cấp tư sản và quần chúng nhân dân kể cả người In-di-an và người da đen. Hoạt động của Bô-li-va-rô mặc dù có chứa nhiều mâu thuẫn, đã thúc đẩy phong trào giải phóng của nhiều nước Mỹ La-tinh khỏi ách áp bức Tây Ban Nha, thiết lập ở đó chính thể cộng hoà và thi hành một số cải cách tư sản tiến bộ.

Mác không có những nguồn tài liệu khác, ngoài cuốn sách kể trên mà sự đánh giá không công bằng của các tác giả viết những cuốn sách đó hồi bấy giờ chỉ có ít người biết được. Do đó ông không tránh khỏi có quan niệm phiến diện về cá nhân Bô-li-va-rô, điều này được phản ánh trong mục viết của ông. Thái độ của Mác đối với Bô-li-va-rô chịu ảnh hưởng nhất định của sự đánh giá đã bị thổi phồng trong những tác phẩm nói trên là Bô-li-va-rô hám quyền lực cá nhân. Trong chính sách của Bô-li-va-rô bộc lộ rõ những đặc tính của chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ mà bấy giờ Mác và Ăng-ghe-nh đã chống lại một cách không nhân nhượng. Tuy nhiên Mác không bỏ qua mặt tiến bộ trong hoạt động của Bô-li-va-rô như Bô-li-va-rô đã giải phóng người nô lệ - da đen, và nhìn chung ông đã đánh giá cao phong trào chống thực dân của nhân dân châu Mỹ La-tinh và coi phong trào ấy là phong trào giải phóng và cách mạng.-275.

232 Ở đây muốn nói đến lễ xưng vương Vương quốc I-ta-li-a của hoàng đế Na-pô-lê-ông, vương quốc này thành lập năm 1805 ở Bắc I-ta-li-a thay thế nước cộng hoà I-ta-li-a Xi-dan-pin cũ bị thủ tiêu. Ở-gien Bô-hác-ne, con trai chồng cũ của vợ Na-pô-lê-ông được cử làm phó vương.-275.

233 Ngày 19 tháng Tư 1810 tại thành phố Ca-ra-cát chế độ thực dân đã bị lật đổ và chính phủ gồm đại biểu của địa chủ Crê-ô-lơ, thương nhân và trí thức đã được thành lập. Dưới ảnh hưởng của Hội yêu nước cấp tiến do Mi-ran-đa và Bô-li-va-rơ lãnh đạo, ngày 5 tháng Bảy 1811 tại Ca-ra-cát đã họp hội nghị tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Vê-nê-xu-ê-la độc lập. Sự kiện ở Ca-ra-cát là tín hiệu cho sự nổi dậy chống chính quyền thực dân Tây Ban Nha ở các nước khác thuộc châu Mỹ La-tinh. Khắp mọi nơi từ Mê-hi-cô đến Chi-lê đều nổ ra rộng khắp cuộc đấu tranh giữa những người khởi nghĩa Mỹ La-tinh với bọn thực dân Tây Ban Nha. Ở Tân Gra-na-đa (Cô-lôm-bi-a hiện nay), giáp tiếp Vê-nê-xu-ê-la, chính quyền của người Tây Ban Nha bị lật đổ ở thủ đô Bô-gô-ta và ở thành phố cảng Các-ta-hê-na, ở tỉnh Ki-tô (hiện nay là Ê-cu-a-đo), chính quyền Tây Ban Nha bị lật đổ ở thủ phủ cùng tên, nơi đây chẳng bao lâu sau đó nó lại được phục hồi. Các-ta-hê-na trở thành một trong những thành trì của cuộc đấu tranh khôi phục nước Cộng hoà Vê-nê-xu-ê-la sau khi nó bị sụp đổ vào tháng Bảy 1812. Cuộc đấu tranh sau này, - sự kiện nổi bật là việc thành lập nước Cộng hoà Vê-nê-xu-ê-la thứ hai (tháng Tám 1813 - tháng Bảy 1814) dẫn tới sự khôi phục tạm thời chính quyền của người Tây Ban Nha tại phần lớn các thuộc địa trừ La-Pla-ta. Một trong những nguyên nhân chính dẫn tới thất bại của lực lượng giải phóng dân tộc trong giai đoạn này là chính sách giai cấp hẹp hòi của địa chủ - Crê-ô-lơ lãnh đạo phong trào không thoả mãn yêu cầu của nông dân và duy trì chế độ nô lệ đối với người da đen và sự bất bình đẳng đối với người In-đi-an.-275.

234 Tuyên bố của Môn-te-véc-đơ, Mác dẫn ở cuốn: "Memoirs of General Miller". Vol. II, London, 1829 p. 277, 278 ("Hồi ký của tướng Mi-lơ". Tập II, Luân Đôn, 1829, tr. 277, 278). Trong cuốn sách này (về cuốn sách này xem chú thích 231), động cơ Bô-li-va-rơ tham gia bắt Mi-ran-đa bị trình bày phiến diện. Theo câu trả lời của Bô-li-va-rơ với Môn-te-vec-đơ, ông thực bụng tin vào sự phản bội được dự đoán của Mi-ran-đa.-277.

235 Ở đây là trích dẫn theo cuốn: H. L. V. Ducoudray Holstein. "Memoirs of Simon

Bolivar". Vol. L. London, 1830, p. 170 - 171 (Đuy-cu-đơ-rơ-Hôn-xtai-nơ. "Hồi ký về Xi-môn Bô-li-va-rơ. Tập I, Luân Đôn, 1830, tr. 170 - 171). Sách này viết năm 1829 ở Niu Oóc đã xuất bản với tên gọi khác nhau ở Pháp và Anh. Như có thể thấy qua các đoạn trích của ông, Mác đã sử dụng bản xuất bản bằng tiếng Anh nói trên.-279.

236 Nước Cộng hoà liên bang Tân Gra-na-đa thành lập năm 1813 sau cuộc khởi nghĩa chống nền thống trị của Tây Ban Nha ở các thành phố và các tỉnh ở Tân Gra-na-đa. Nước cộng hoà này thống nhất các vùng nằm trong tay những người khởi nghĩa; chúng liên hợp với nhau bằng hiệp ước liên bang và thừa nhận quyền lực tối cao của quốc hội Tân Gra-na-đa. Nước cộng hoà này sụp đổ 1816 do người Tây Ban Nha nhận được chi viện lớn từ chính quốc nên trội hơn về lực lượng cũng như do xích mích nội bộ giữa các chính phủ tự trị của các khu vực.-280.

237 Ở đây muốn nói đến nước Cộng hoà Ha-i-ti thành lập sau cuộc khởi nghĩa của người nô lệ da đen và người lai da đen trên đảo Xan - Đô-min-gô (phía tây đảo này thuộc Pháp, phía đông thuộc Tây Ban Nha, vùng này đến năm 1795 phải nhường nốt cho Pháp) và sau cuộc đấu tranh giải phóng tiến hành liên tục từ 1790 chống lại thực dân Pháp, Anh và Tây Ban Nha. Năm 1804 đảo này tuyên bố độc lập, còn năm 1806 tại phần tây-nam của đảo này đã thành lập nước cộng hoà.-282.

238 H.L. V. Ducoudray Holstein, "Memoirs of Simon Bolivar". Vol. II. London, 1830, p. 10-11.-283.

239 Đây là nhắc tới trận đánh giữa quân khởi nghĩa Vê-nê-xu-ê-la và quân đội Tây Ban Nha ở Tân Gra-na-đa. Sau khi tuyên bố thành lập vào năm 1816 nước Cộng hoà Vê-nê-xu-ê-la thứ ba, những người yêu nước Vê-nê-xu-ê-la đồng thời với việc tiếp tục cuộc đấu tranh giải phóng Vê-nê-xu-ê-la do Bô-li-va-rơ lãnh đạo, đã tiến hành vào tháng Năm - tháng Bảy 1819 cuộc tiến quân giải phóng vượt qua dãy núi Ăng-đơ vào Tân Gra-na-đa. Trận quyết chiến xảy ra ngày 7 tháng Tám ở khu vực sông Bô-i-a-ca; trong trận này quân đội Tây Ban Nha bị đại bại. Thắng lợi của quân đội Bô-li-va-rơ đưa tới sự giải phóng đại bộ phận Tân Gra-na-đa và thành lập vào tháng Chạp 1819 nước Cộng hoà liên hợp Đại Cô-lôm-bi-a bao gồm Vê-nê-xu-ê-la, Tân Gra-na-đa và đến năm 1822 thì cả Ki-tô (Ê-cu-a-đo) cũng gia nhập sau khi đuổi được người Tây Ban Nha.-286.

240 *Cách mạng trên đảo Lê-ông* là cuộc khởi nghĩa chống chế độ chuyên chế ở Tây Ban

Nha do các sĩ quan có tinh thần cách mạng đứng đầu là các đại tá Ri-c-gô và Quy-rô-ga phát động vào tháng Giêng 1820 ở miền Nam nước này với khẩu hiệu đòi phục hồi hiến pháp năm 1812 bị chính phủ của Phéc-đi-năng VII thủ tiêu năm 1814, đòi xoá bỏ toà án tôn giáo và triệu tập nghị viện, các nhà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa lợi dụng sự bất bình của binh sĩ thuộc đạo quân viễn chinh mà chính phủ tập trung ở khu vực Ca-đi-xơ (thành phố và cảng trên đảo Lê-ông) để đưa đi chống những người yêu nước châu Mỹ La-tinh. Sự kiện trên đảo Lê-ông mở đầu cuộc cách mạng tư sản lần thứ hai ở Tây Ban Nha (1820-1823) đã bị thế lực phản động trong nước và quân đội can thiệp Pháp đè bẹp (xem chú thích 224). Một trong những nguyên nhân thất bại của cách mạng là nó xa rời quần chúng nông dân, khối quần chúng đã không được giai cấp tư sản, sau khi nắm chính quyền, bảo đảm cải cách ruộng đất về căn bản. Làm một đòn giáng vào chế độ chuyên chế Tây Ban Nha, cuộc cách mạng 1820-1823 đã phá vỡ những kế hoạch định gửi các lực lượng vũ trang lớn sang các thuộc địa Tây Ban Nha ở châu Mỹ để đàn áp phong trào giải phóng dân tộc đang phát triển rộng khắp ở đó.-287.

241 *Li-a-nê-rốt* là nông dân chăn nuôi tự do, chủ yếu là những người lai da đen sống ở thảo nguyên miền Bắc của Nam Mỹ. Lợi dụng sự thù địch của Li-a-nê-rốt đối với địa chủ - Crê-ô-lô, Bô-vết, tay sai của Tây Ban Nha đã tuyển mộ họ vào đội quân của mình tham gia cuộc đấu tranh 1813 - 1814 chống những người yêu nước Vê-nê-xu-ê-la và Tân Gra-na-đa. Năm 1816, đội quân Li-a-nê-rốt dưới sự lãnh đạo của lãnh tụ mới của mình là Pa-ê-xơ, một người lai, đã gia nhập quân đội giải phóng của Bô-li-va-rơ, người hứa chia ruộng đất cho nông dân. Kỵ binh của Li-a-nê-rốt đã tham gia nhiều trận chiến đấu của quân đội Bô-li-va-rơ trong số đó có trận thắng ở Ca-ra-bô-bô ngày 24 tháng Sáu 1821 nói trên, làm cho người Tây Ban Nha hầu như bị đuổi hoàn toàn khỏi Vê-nê-xu-ê-la.-289.

242 Năm 1821 ở nhiều xứ thuộc Trung Mỹ (khu tư lệnh trấn thủ Goa-tê-ma-la của Tây Ban Nha), chính quyền của bọn thực dân Tây Ban Nha bị các cuộc khởi nghĩa của những người yêu nước bản xứ lật đổ. Các quốc gia Mỹ La-tinh ở các xứ này tuyên bố độc lập, sau một thời gian ngắn sáp nhập với Mê-hi-cô, năm 1823 thành lập một liên bang - Hợp chúng quốc Trung Mỹ - năm 1839 phân chia thành năm nước cộng hoà: Goa-tê-ma-la, Hôn-đu-rát, Xan-va-đo, Ni-ca-ra-goa và Cô-xta-Ri-ca. Pa-na-ma là một bộ phận thuộc địa hạt của viên toàn quyền Tân Gra-na-đa, sau cuộc khởi nghĩa 1821 đã gia nhập nước cộng hoà Đại Cô-lôm-bi-a.-289.

243 Chỉ hiến Pháp nước Cộng hoà Bô-li-vi-a do Quốc hội lập hiến Bô-li-vi-a thông qua mùa thu 1826.

Code Napoléon (Bộ luật Na-pô-lê-ông) là bộ dân luật do Na-pô-lê-ông công bố năm 1804. Ăng-ghe-n gọi nó là "bộ luật kinh điển của xã hội tư sản". Bộ luật này có ảnh hưởng lớn đối với việc lập pháp của nhiều nước châu Âu và một số nước châu Mỹ La-tinh đã đi vào con đường phát triển tư bản chủ nghĩa.-290.

244 Đại hội lục địa ở Pa-na-ma họp ngày 22 tháng Sáu đến ngày 25 tháng Bảy 1826. Đại hội thông qua nghị quyết về "liên bang vĩnh viễn" của các nước cộng hoà châu Mỹ La-tinh, hiệp ước về phòng thủ lẫn nhau và hiệp định quân sự. Nhưng nghị quyết của đại hội không được nước cộng hoà Mỹ La-tinh nào phê chuẩn. Kế hoạch thành lập liên bang châu Mỹ La-tinh liên quan với việc triệu tập hội nghị cũng như kế hoạch qui mô nhỏ hơn do Bô-li-va-rơ đưa ra sau này về thành lập "liên bang Ăng-đơ" (gồm ba nước cộng hoà thuộc quyền ông là Pê-ru, Bô-li-vi-a và Đại Cô-lôm-bi-a) đều bị phá sản do thiếu tiền để kinh tế để thực hiện nó cũng như do sự xung đột giữa tập đoàn địa chủ-tư sản các nước châu Mỹ La-tinh. Ngay ở những quốc gia ấy cũng diễn ra cuộc đấu tranh giữa các tập đoàn trong nội bộ giai cấp thống trị. Những mâu thuẫn ấy lên tới đỉnh điểm, dẫn tới sự lật đổ chính quyền Bô-li-va-rơ ở Pê-ru năm 1827 và ở Bô-li-vi-a năm 1828 cũng như tới sự tan rã của Đại Cô-lôm-bi-a mà Vê-nê-xu-ê-la tách ra vào năm 1829 còn Ê-cu-a-đo tách ra vào năm 1830.-291.

245 H. L. V Ducoudray Holstein. "Memoirs of Simon Bolivar". Vol. II. London, 1830, pp. 232-236.-293.

246 Thư mục là do Mác kèm vào mục viết theo yêu cầu của S. Đa-na (xem thư Mác gửi Ăng-ghe-n ngày 14 tháng Hai 1858 và Đa-na gửi Mác ngày 25 tháng Giêng 1858). Trong thư mục này có ghi bản tiếng Pháp cuốn sách của Duy-cu-đơ - Hôn-stai-nơ "Histoire de Bolivar par le général Ducoudray Holstein; continuée Jusqu'à sa mort par Alphonse Viollet". T. I-II. Pa-ri, 1881. Cuốn sách thứ hai được giới thiệu đã để sót một chỗ không chính xác: tác giả cuốn sách này là Giôn Mi-lơ, nhưng không phải ông ta phục vụ trong quân đội của nước Cộng hoà Pê-ru mà là em ông ta, tướng Uy-li-am Mi-lơ và câu chuyện được kể là nhân danh viên tướng này. Tên gọi chính xác: J. Miller. "Memoirs of General Miller, in the Service of the Republic of Perú". Vlo. 1-2, London, 1828 - 1829. Tên gọi đầy đủ của cuốn sách thứ ba: G.Hippisley. "A Narrative of the Expedition to the Rivers Orinoco and Apure, in South America;

which sailed from England in November 1817, and joined the Patriotic Forces in Venezuela and Caraccas". London, 1819 (G. Hip-pi-xli. "Mô tả cuộc viễn chinh ở khu vực sông Ô-ri-nô-cô và A-pu-rê Nam Mỹ, rời nước Anh vào tháng Mười một 1817 và đến phối hợp với các lực lượng yêu nước ở Vê-nê-xu-ê-la và Ca-ra-cát". Luân Đôn, 1819). - 294.

247 Chỉ trận *Hô-hen-linh-den* (Ba-vi-e) xảy ra ngày 3 tháng Chạp năm 1800 trong thời kỳ chiến tranh của Pháp chống lại liên minh lần thứ hai của các nước châu Âu. Trong trận này quân đội Pháp do Mô-rô chỉ huy đã đánh bại quân đội Áo của đại công tước I-ô-han.-295.

248 Tư tưởng này Clau-dơ-vít-xơ đã trình bày ở đầu phần hai cuốn sách của ông "Vom Kriege" ("Bản về chiến tranh"). Bản in lần thứ nhất của cuốn sách này, được xuất bản ở Béc-lin 1832-1833.-296.

249 Bộ biên tập "New American Cyclopaedia" đã bổ sung vào cuối mục này tình hình cải tiến súng các-bin ở Mỹ, đồng thời đưa vào những sự kiện có sau khi viết mục này.-299.

250 Súng trường En-phin sử dụng để trang trí cho quân đội Anh vào năm 1854 cũng như súng trường Pháp Mi-ni-ê (1849) đều vận dụng nguyên lý đạn nổ: đạn có phần dưới rỗng đi qua miệng súng vào nòng súng, khi bắn do tác động của hơi thuốc súng, nên đạn nổ ra và bị ấn xuống các rãnh, những rãnh này làm cho nó chuyển động xoay tròn.-299.

251 Chỉ chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Bắc Mỹ (xem chú thích 45).-301.

252 Xem chú thích 57.-302.

253 Đồng thời với mục "Đạn rìa", Ăng-ghe-nơ còn viết một mục ngắn về "các-tút", một thuật ngữ gần gũi nhất với đạn rìa. Dưới đây là nguyên văn của mục ngắn công bố năm 1859 trong tập bốn của "New American Cyclopaedia", chắc là đã lược bớt:

"*Các-tút* (chữ Pháp cartouche) là thuật ngữ đôi khi được dùng trong các tác phẩm quân sự cũ như là từ đồng nghĩa của "đạn rìa". Trong những trường hợp khác, thuật ngữ ấy cũng được dùng để chỉ bao đạn của bộ binh.

Trong kiến trúc và điêu khắc, "các-tút" là khối gờ ở phần mái nhà chìa ra ngoài

tường và nói chung bất cứ vật trang trí đắp nổi nào trên đó có khắc một phù hiệu hoặc chủ đề nào đó".-303.

254 Trong trận *Hốch-stét* ngày 20 tháng Chín 1703 trong thời kỳ chiến tranh giành quyền kế thừa ngôi vua Tây Ban Nha 1701-1714 liên quân Pháp - Ba-vi-e do nguyên soái Pháp Vin-la chỉ huy đã đánh bại quân đội Áo.-313.

255 Trong mục "Bô-rô-di-nô", Ăng-ghe-nơ đã trình bày rõ ràng tính vĩ đại của trận đánh lớn này, tính ngoan cường và kiên nghị mà hai quân đội tác chiến biểu hiện trong trận chiến và ông đã vẽ lên một bức tranh khách quan hơn nhiều về tiến trình của trận đánh so với các tác giả của nhiều tác phẩm lịch sử quân sự Tây Âu, song dù sao vẫn không tránh khỏi tính thiếu chính xác khi trình bày một số khía cạnh của sự kiện ấy. Về mặt này quan điểm của Ăng-ghe-nơ chịu ảnh hưởng nhất định của cuốn sách do nhà sử học Đức Béc-hác viết về tướng Tôn: Ăng-ghe-nơ đã viện dẫn cuốn sách này ở cuối mục viết và trong cuốn sách đó có nhiều cách nhìn thiên lệch của bản thân Tôn cũng như của người viết tiểu sử ông ta. Chỗ không chính xác trong mục viết của Ăng-ghe-nơ chủ yếu là khi đánh giá kết quả trận đánh mà Ăng-ghe-nơ bị kéo theo cách nhìn nhận xem như quân đội Na-pô-lê-ông đã thắng, cũng như cách đánh giá vai trò của tổng tư lệnh quân đội Nga M. I. Cu-tu-dốp trong trận đó. Trận địa mà Cu-tu-dốp lựa chọn và cách bố trí của quân Nga tuyệt nhiên không sai lầm như đã nói trong mục viết. Cánh trái của quân Nga yếu nhất đã được sự chi viện có hiệu quả của đội dự bị lớn mà Cu-tu-dốp để lại và biết sử dụng trong quá trình chiến đấu. Đó là nguyên nhân buộc Na-pô-lê-ông phải bỏ việc vu hồi cánh trái quân Nga và chuyển hướng tấn công chủ yếu sang gần trung tâm trận địa quân Nga. Trong trận đánh, Cu-tu-dốp không bị động mà thường xuyên tác động đến tiến trình của nó, đảo lộn và phá tan ý đồ cho Na-pô-lê-ông, điều đó được chứng minh đặc biệt rõ ràng bằng cuộc tập kích thành công mà kỵ binh Nga theo lệnh của ông đã tiến hành vào phía sau sườn trái quân Pháp và làm yếu sức ép của quân Pháp. Kết cục chung của trận đánh là hoàn toàn bất lợi cho Na-pô-lê-ông. Ông ta không thể tiêu diệt được chủ lực của quân đội Nga mà bản thân bị thiệt hại nặng nề. Trận đánh nói lên khả năng của quân Nga không những có thể phòng ngự vững chắc mà còn có thể giáng những đòn có tính chất tiêu diệt. Kết cục trận đánh chuẩn bị bước ngoặt làm cho cuộc chiến tranh đi theo hướng có lợi cho Nga và chuẩn bị cho thất bại của quân đội Na-pô-lê-ông mặc dầu quân Nga phải bỏ lại Mát-xcơ-va, nhưng đó là sự rời bỏ thích hợp trong điều kiện đó.

Sự nghiền cứu sau này cũng đem lại những đỉnh chính quan trọng về số liệu tương quan lực lượng và sự thiệt hại của hai quân đội. Theo những số liệu ấy, trong trận đánh, quân Pháp có 135.000 người và 587 khẩu pháo, quân Nga có 120.000 người và 640 khẩu pháo; thiệt hại của quân Pháp là 58.000 thương vong, quân Nga mất khoảng 40.000 người.-314.

256 Xem chú thích 75.-315.

257 Ở đây muốn nói cuộc tập kích của quân đoàn kỵ binh U-va-rốp và quân đoàn Cô-đắc-Pla-tốp mà Cu-tu-dốp phái đi đánh bọc quân đội tấn công của sườn trái quân Pháp. Sự xuất hiện của kỵ binh Nga ở bên sườn và phía sau quân Pháp buộc Na-pô-lê-ông ngừng công kích vào trung tâm trận địa, điều đó tạo khả năng cho Cu-tu-dốp bố trí lại lực lượng để đánh lui cuộc công kích sau này.-318.

258 Ở đây muốn nói đến cuốn sách: Th. Bernhardi. "Denkwürdigkeiten aus dem Leben des kaiserl. rus, Generals von der Infanterie Carl Friedrich Grafen von Toll", Bd 1-4 Leipzig, 1856 (T. Béc-hác-đi. "Ghi chép về thân thế thượng tướng bộ binh đế chế Nga, bá tước Các-lơ Phri-đrich Tôn").-320.

259 Trong trận *Vi-tô-ri-a* ngày 21 tháng Sáu 1813 trong thời kỳ chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ (1808-1814) liên quân Anh - Tây Ban Nha - Bồ Đào Nha do Oen-lin-ton chỉ huy đã đánh bại quân Pháp của Giô-dép Bô-na-pác-tơ. Trận đánh này là giai đoạn quan trọng trong cuộc đấu tranh giải phóng bán đảo I-bê-ri-cơ khỏi sự chiếm đóng của quân đội Na-pô-lê-ông.-321.

260 Chú thích này giải thích bản phác thảo sơ đồ do Ph.Ăng-ghen vẽ trong thời gian viết bài "Bi-đa-xô-a". Vì có nhiều khó khăn về kỹ thuật khi in các bản đồ, nên bản tiếng Việt của tập này không in bản phác thảo sơ đồ kể trên. *Xem phụ bản giữa trang*-323-324.

261 Ở đây muốn chỉ cuốn sách gọi là "Itinerarium Antonini" ("Sách dẫn đường An-tô-nin") viết khoảng năm 300; trong cuốn sách dẫn đường này ghi rõ những đường giao thông quan trọng của Đế quốc La Mã cũng như những địa điểm trên tuyến giao thông ấy và khoảng cách giữa các địa điểm ấy.-327.

262 A. Görgei. "Mein Leben und Wirken in Ungarn in den Jahren 1848 und 1849". Leipzig, 1852 (A. Guyéc-gây. "Cuộc sống và hoạt động của tôi ở Hung-ga-ri trong những năm 1848 và 1849". Lai-pxích, 1852); G. Klapka. "Memoiren, April bis

Oktober 1849". Leipzig, 1850 (G. Cláp-ca "Hồi ký. Tháng Tư đến tháng Mười 1849". Lai-pxích, 1850).-328.

263 *Hôn-vét*-xem chú thích 130.-330.

264 Giô-dép Pha-la-vi-út "Cuộc Chiến tranh Giu-đê", quyển thứ ba, chương 5.

Cuộc vây đánh Giê-ru-xa-lem do thống soái La Mã Phla-vi-út Ve-xpa-di-a-nút, rồi sau khi Ve-xpa-di-a-nút xưng đế do con trai ông Ti-tút tiến hành, xảy ra vào năm 68-70 sau công nguyên vào thời kỳ Chiến tranh Giu-đê (66-73 sau công nguyên), gây ra bởi cuộc khởi nghĩa của người Giu-đê chống lại sự thống trị của La Mã. Sau khi người La Mã chiếm được tường thành, bên bị vây còn chống cự lâu dài ở nhà thờ Giê-ru-xa-lem và trên đường phố của thành phố.-333.

265 *Lê-vít* là cấp hạng đặc biệt trong những người làm chức vụ tôn giáo của người Cổ Do Thái;

Xki-ni-a - theo truyền thuyết trong kinh thánh là nhà thờ lưu động.

Doanh trại của người I-xra-en được mô tả trong kinh thánh, quyển kinh thứ tư Môi-xe, dân số, ch. 1-2.-335.

266 *Ô-guya* là thầy cúng thời Cổ La Mã có tác dụng lớn trong đời sống chính trị; họ can cứ vào tiếng kêu và sự bay của chim v.v. mà bói trước mỗi hành động quan trọng của quốc gia.

Gnô-môn là dụng cụ thiên văn học thời xưa.-336.

267 Ở đây là trận chiến đấu Véc-xen-lư (Bắc I-ta-li-a) năm 101 trước công nguyên trong đó thống soái La Mã Ma-ri-út đánh bại bộ lạc Giéc-manh Kim-vri. Thắng lợi này chấm dứt cuộc đấu tranh giữa La Mã với người Kim-vri và người Tô-tông (113-101 trước công nguyên) đã nhiều lần xâm nhập miền Nam xứ Gô-lơ và I-ta-li-a.-337.

268 Ở đây kể ra nhiều sự kiện quân sự thời kỳ chiến tranh của Pháp liên minh với Anh (rút khỏi liên minh năm 1674) và Thụy Điển chống lại Hà Lan, vương triều Háp-xbuốc Tây Ban Nha và Áo xảy ra vào năm 1672-1679. Cuộc chiến tranh xảy ra do cạnh tranh thương nghiệp giữa Pháp và Hà Lan cũng như do tham vọng của Lu-i XIV định xâm chiếm miền Nam (thuộc Tây Ban Nha) và miền Bắc Hà Lan, đã đi tới sự mở rộng lãnh thổ của vương triều Lu-i-XIV, làm thiệt hại đến lãnh địa của Tây Ban Nha, nhưng người Pháp không đạt được mục đích chính là đánh bại Hà Lan.-338.

269 *Hoà ước Nim-ve-ghen* là hoà ước do chính phủ của vua Pháp Lu-i XIV ký năm 1678 với Hà Lan và Tây Ban Nha và năm 1679 với vương triều Hấp-xbước Áo và chấm dứt cuộc chiến tranh bắt đầu từ 1672 giữa Pháp và những nước này. Theo hoà ước ấy, Pháp được Phrăng-sơ-Công-tê và mấy thành phố ở Hà Lan thuộc Tây Ban Nha; Hà Lan được trả lại cứ điểm Ma-a-xơ-rích và đất đai thế tập của dòng họ O-răng-giơ mà Pháp chiếm giữ trong chiến tranh; về phía mình, Hà Lan thừa nhận sự xâm chiếm thuộc địa của Pháp ở Gu-a-na và Xê-nê-gan.-339.

270 Ở đây muốn nói đến hoạt động quân sự trong ba năm đầu của cuộc chiến tranh 1688-1697 giữa Pháp với liên minh châu Âu gọi là Đồng minh Au-xbước do Hà Lan, Anh, Tây Ban Nha, Đế chế Đức liên hiệp lại mà đứng đầu là vương triều Hấp-xbước, Áo, Xa-voa, Thụy Điển, nhiều công quốc ở Đức và I-ta-li-a. Cuộc chiến tranh kết thúc bằng việc ký kết vào năm 1697 Hoà ước Rì-xvích xác nhận biên giới trước chiến tranh với ít nhiều thay đổi. Pháp phải thừa nhận cuộc chinh biến 1688 ở Anh đã đưa lên ngôi vua Anh kẻ thù của vua Lu-i XIV là toàn quyền Hà Lan Vin-hem O-răng-giơ.

Ở phía dưới nhắc tới những sự kiện những năm tiếp theo của cuộc chiến tranh này.-339.

271 Cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Tây Ban Nha 1701-1714 - xem chú thích 68.-339.

272 M. Cochoorn. "Nieuwe Vestingbouw". Leeuwarden, 1685.-340.

273 *Gven-phơ* và *ghi-ben-lin* là những chính đảng ở I-ta-li-a thế kỷ XII-XV trong thời kỳ đấu tranh giữa giáo hoàng La Mã và hoàng đế Đức. *Gven-phơ* là những người ủng hộ giáo hoàng thuộc lớp trên của giới thương nghiệp - thủ công nghiệp trong các thành phố I-ta-li-a. *Ghi-ben-lin* chủ yếu là đại biểu của giới quý tộc phong kiến ủng hộ hoàng đế.-343.

274 Ở đây muốn nói đến việc quân Pháp chiếm đóng Vơ-ni-dơ vào năm 1797 nằm trong chiến dịch của tướng Bô-na-pác-tơ ở Bắc I-ta-li-a, đưa tới sự thủ tiêu nước Cộng hoà Vơ-ni-dơ (tồn tại từ thế kỷ V) và sự chia cắt lãnh thổ của nước này giữa Pháp và Áo căn cứ vào Hiệp ước Cam-pô-phô-mi-ô (xem chú thích 152).-343.

275 Bọn thực dân Anh bắt đầu xâm chiếm Miến Điện từ đầu thế kỷ XIX. Kết quả của cuộc chiến tranh Miến Điện thứ nhất (1824-1826): quân đội của Công ty Đông Ấn

xâm chiếm tỉnh A-xam giáp giới với Băng-gan và vùng duyên hải A-ra-can và Tê-nát-xê-rim bị cắt khỏi Miến Điện theo hiệp ước I-an-đa-bô, ký ngày 24 tháng Hai 1826, do Anh gán ghép cho Miến Điện. Theo hiệp ước này, Miến Điện cũng phải bồi thường 1 triệu pao xtéc-linh. Cuộc chiến tranh Miến Điện thứ hai (1852) đưa tới việc quân Anh xâm chiếm tỉnh Pê-gu.-345.

276 H. Yule, "A Narrative of the Mission sent by the Governor - General of India to the Court of Ava in 1855". London, 1858.-354.

277 Bản sơ thảo mục này do Ăng-ghen viết đã được Mác bổ sung những điều quan trọng và thành bản chính thức gửi đi Niu-Oóc. Qua các đoạn trích của hai ông, cũng như qua thư Ăng-ghen gửi Mác ngày 11 tháng Ba 1858 có thể thấy rằng khi viết mục này Mác và Ăng-ghen đã thu thập tài liệu từ các nguồn khác nhau: Ăng-ghen sử dụng chủ yếu cuốn sách của Nây-pia bàn về chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ (xem chú thích 260), còn Mác thì sử dụng các sách tham khảo và bách khoa toàn thư.-356.

278 Ở đây nêu lên một số cuộc viễn chinh chinh phục thuộc địa của Anh mà Bê-re-xphốt có tham gia.

Năm 1806 lợi dụng cuộc khởi nghĩa của những người di dân Bua Hà Lan ở địa phương chống lại chính quyền thực dân Hà Lan, người Anh chiếm lấy vùng đất Nam Phi xung quanh mũi Hảo vọng (thuộc địa Cáp). Lý do để xâm nhập là Hà Lan bấy giờ là chư hầu của Na-pô-lê-ông đã tham gia chiến tranh của Na-pô-lê-ông chống Anh. Thuộc địa Cáp chính thức chuyển sang tay Anh khi chiến tranh của Na-pô-lê-ông kết thúc.

Năm 1806 quân viễn chinh Anh do đại uý Pô-pem và tướng Bê-re-xphốt chỉ huy mưu toan chiếm Bu-ê-nốt-Ai-rét thuộc Tây Ban Nha - bấy giờ là đồng minh của nước Pháp Na-pô-lê-ông. Quân của Bê-re-xphốt do không gặp phải sự chống cự gay go của chính quyền thực dân Tây Ban Nha đã chiếm được Bu-ê-nốt-Ai-rét nhưng bị dân quân yêu nước của người Ác-hen-ti-na bao vây và buộc phải đầu hàng. Đội quân viễn chinh mới mà Anh phái đến cửa sông La-Pla-ta năm 1807 cũng bị thất bại. Quân đội của Bê-rê-xphốt đã chiếm đảo Ma-dây-ra thuộc Bồ Đào Nha vào cuối năm 1807 vin cớ bảo vệ đảo này chống lại người Pháp. Đảo này nằm trong tay người Anh

cho đến năm 1814.-356.

279 *Hiệp định Xin-tơ-ra* (Bồ Đào Nha) là hiệp định quân sự ký ngày 30 tháng Tám 1808 giữa tổng tư lệnh quân Anh và tổng tư lệnh quân Pháp ở Bồ Đào Nha là Đan-rim-plo và Giuy-nô. Theo hiệp nghị, Pháp phải rút quân đội của mình khỏi Bồ Đào Nha (đưa vào đây từ mùa thu năm 1807). Hiệp nghị được ký kết là do quân Pháp bị thất bại vào năm 1808 trước quân Anh-Bồ Đào Nha cũng như khởi nghĩa thắng lợi khắp nơi của nhân dân trên bán đảo I-bê-ri-cơ chống sự thống trị của Na-pô-lê-ông. Mùa hè 1808 quân chiếm đóng Pháp hầu như hoàn toàn bị đuổi khỏi Tây Ban Nha. Mặc dù quân đội Pháp gặp phải hoàn cảnh gay go như vậy, nhưng theo điều kiện của hiệp nghị, người Anh phải chờ quân đội của Giuy-nô bằng tàu của mình về Pháp, ở đây họ được Na-pô-lê-ông biên chế vào đạo quân 20 vạn người mà ông ta dùng để tiến hành cuộc xâm nhập lần thứ hai vào bán đảo I-bê-ri-cơ tháng Mười một 1808.

Ở *Cô-ru-ni-a* (Tây Ban Nha) ngày 16 tháng Giêng 1809 trong thời kỳ xâm nhập lần thứ hai của người Pháp vào bán đảo I-bê-ri-cơ, quân đội Anh đang rút lui của tướng Mu-rô đã đẩy lui cuộc tấn công của nguyên soái Xun-tơ, và ngày 17 và 18 tháng Giêng được sự đoàn của Bê-re-xphôt yểm hộ đã xuống tàu ở cảng Cô-ru-ni-a trở về Anh.-357.

280 Đây nói về mấy trận chiến đấu ở giai đoạn kết thúc của cuộc chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ (1808-1814), trong những trận này quân đội đồng minh Anh-Bồ Đào Nha do Oen-lin-ton chỉ huy đã đánh bại quân Pháp.

Trong trận *Xa-la-man-ca* ngày 22 tháng Bảy 1812 quân đội của Oen-lin-ton đánh lui đạo quân của nguyên soái Mác-môn, đạo quân này bị thiệt hại nặng. Do kết quả của trận *Vi-tô-ri-a* ngày 21 tháng Sáu 1813 (xem chú thích 259) chủ lực của quân Pháp bị dồn về dãy núi Pi-rê-nê và đến cuối năm 1813 chiến tranh chuyển sang lãnh thổ Pháp. Trong trận ở ngoại thành *Bai-ôn* (Tây-Nam nước Pháp) ngày 9-13 tháng Chạp 1813, quân của Oen-lin-ton tấn công vào dinh lũy của đạo quân của nguyên soái Xun-tơ và đẩy lùi đạo quân này.

Mùa xuân 1814, trong thời kỳ tổng công kích của quân đội thuộc liên minh chống Pháp lần thứ sáu, tại Pháp, quân đội tấn công của Oen-lin-ton đã đánh thắng đạo quân của Xun-tơ ngày 27 tháng Hai ở *Oóc-tê-dơ* và ngày 10 tháng Tư ở *Tu-lu-*

dơ. Ngày 18 tháng Tư sau khi Na-pô-lê-ông thoái vị, Xun-tơ ký hiệp định đình chiến với Oen-lin-ton.-357.

281 Chỉ sự tham gia của Bê-re-xphôt vào việc đàn áp cuộc khởi nghĩa giải phóng dân tộc chống bọn thực dân Bồ Đào Nha nổ ra năm 1817 ở tỉnh Péc-nam-bu-cu miền Đông-Bắc Bra-xin. Những người khởi nghĩa, tuyên bố đấu tranh thành lập nước cộng hoà độc lập, đã thất bại. Những người lãnh đạo phong trào sau này đòi tách khỏi Bồ Đào Nha - năm 1822 đã tuyên bố thành lập Đế chế Bra-xin độc lập - các phần tử địa chủ quý tộc đã duy trì chế độ quân chủ phản động và chế độ nô lệ da đen.-357.

282 Đây là nói về sự ủng hộ của Bê-re-xphôt đối với tập đoàn địa chủ-giáo quyền Bồ Đào Nha do hoàng thân Đôn Mi-ghen lãnh đạo trong việc đàn áp cuộc cách mạng tư sản Bồ Đào Nha 1820-1823. Tháng Năm 1823, các tướng lĩnh và sĩ quan phản cách mạng do giới ngoại giao Anh và Pháp xúi giục đã gây ra cuộc phản loạn và khôi phục ở Bồ Đào Nha chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ phong kiến.-357.

283 Chỉ cuốn tiểu thuyết của T.Hoi-pơ: "Anastasius: or Memoirs of a Greek; written at the close of the Eighteenth Century". Vol. I-III. London, 1819 ("A-na-xta-xi-ut hoặc Hồi ký của một người Hy Lạp viết vào cuối thế kỷ XVIII". Tập I-III, Luân Đôn, 1819).-358.

284 I-ta-li-a đã bị thống soái Các-ta-giơ là Han-ni-ban biến thành chiến trường chính của cuộc Chiến tranh Pu-ni thứ hai (218-201 trước công nguyên). Năm 218 cầm đạo quân đánh thuê, Han-ni-ban tiến quân từ Tây Ban Nha vượt qua dãy núi An-pơ vào Bắc I-ta-li-a. Tháng Mười 218 trước công nguyên, ở khu vực sông *Tít-si-nô*, ông đánh bại đội quân đi đầu của một trong những đạo quân của quan chấp chính đón đánh ông, và tháng Chạp cùng năm đánh bại hai đạo quân liên hợp ở khu vực sông Tri-bi-a. Đột nhập miền trung I-ta-li-a Han-ni-ban đánh bại người La Mã vào tháng Tám 216 ở *Can-nơ* thuộc A-pu-li (cả ba trận này đều được Ăng-ghen thuật lại tỉ mỉ ở phía dưới). Song thắng lợi của Han-ni-ban đã trở thành con số không do thắng lợi của quân La Mã ở Tây Ban Nha và Xi-xin cũng như cuộc đổ bộ của quân đội La Mã lên Bắc Phi khiến cho viện nguyên lão Các-ta-giơ triệu hồi Han-ni-ban từ I-ta-li-a trở về. Năm 202 trước công nguyên Han-ni-ban lại thất bại trong trận Da-ma. Chiến tranh kết thúc bằng việc ký hoà ước với những điều kiện nặng nề đối với Các-ta-giơ.-364.

- 285 Các cuộc chiến tranh Pu-ni (264-241, 218-201 và 149-146 trước công nguyên) là những cuộc chiến tranh giữa hai quốc gia theo chế độ nô lệ lớn nhất thời Cổ đại-La Mã và Các-ta-giơ để xác lập bá quyền ở phía Tây Địa Trung Hải, để chiếm những đất đai và nô lệ mới. Kết quả của cuộc chiến tranh Pu-ni thứ nhất là Các-ta-giơ buộc phải nhường cho La Mã quyền thống trị Xi-xin và các đảo phụ cận, kết quả của cuộc chiến tranh Pu-ni thứ hai là Các-ta-giơ mất hạm đội, tất cả các lãnh địa không phải ở châu Phi (Tây Ban Nha, đảo Ba-lê-a-rơ v.v.) và phải bồi thường một khoản lớn cho La Mã. Kết quả của cuộc chiến tranh Pu-ni thứ ba là người La Mã đập tan thực lực của Các-ta-giơ, tiêu diệt quốc gia Các-ta-giơ, thành phố Các-ta-giơ bị phá huỷ.
- 286 Chỉ trận đánh ở sông Ca-di-li-num (gần thành phố Ca-pua ở Tây - Nam I-ta-li-a) năm 554, trong đó thống soái Bi-dăng-xơ Nác-xê-xơ đã đánh bại các bộ lạc Giéc - manh người Phrăng-cơ và người A-lê-man. Ban đầu trận đánh, người Phrăng-cơ thọc sâu vào trung tâm của quân đội Bi-dăng-xơ nhưng sau đó bị kỵ binh của Nác-xê-xơ vu hồi từ bên sườn và đánh tập hậu bao vây và tiêu diệt. Sau khi đẩy lùi cuộc xâm lược của người Phrăng-cơ và người A-lê-man và sau khi tiêu diệt tàn quân của Vương quốc I-ta-li-a của người Đông Gốt (493-554) mà chủ lực đã bị đánh tan ngay trước khi tác chiến với người Phrăng-cơ, quân đội của Nác-xê-xơ đã xác lập trong một thời gian ngắn ở I-ta-li-a sự thống trị của Đế quốc Đông La Mã theo chế độ nô lệ (Bi-dăng-xơ).-367.
- 287 Trong trận *Méc-dê-buốc-gơ* (933), quân đội của vua Đức Hen-rích I Người bắt chim và trong trận *Lê-khơ* (955), quân đội của người nối ngôi ông Ồ-tôn I đã đánh bại người Hung-ga-ri xâm nhập lãnh thổ Đức vào thế kỷ X. Những thắng lợi ấy được chuẩn bị trên mức độ lớn bằng sự cải tổ quân đội kỵ sĩ Đức do Hen-rích I tiến hành.-368.
- 288 Ngày 9 tháng Tư 1241 trong trận *Van-stát* gần thành phố Li-gi-xơ (Lê-gni-xa), liên quân của bốn phong kiến Ba Lan và Đức đã thất bại trước bốn chinh phục Mông Cổ xâm nhập Trung Âu (về cuộc xâm nhập này, xem chú thích 34).-369.
- 289 Trong trận *Nô-va-ra* (Bắc I-ta-li-a) ngày 6 tháng Sáu 1513 quân đội đánh thuê Thụy Sĩ phục vụ cho công tước Mi-la-nô đã đánh bại quân đội Pháp mà chủ lực là kỵ sĩ và buộc quân đội Pháp rút qua núi An-pơ về Pháp. Thất bại này đã làm phá sản cuộc tiến quân xâm lược của vua Pháp Lu-i XII vào I-ta-li-a năm 1513 - một trong nhiều cuộc xâm nhập bán đảo An-pen-nanh của kẻ địch bên ngoài trong thời kỳ chiến tranh ở I-ta-li-a 1494-1559 (xem chú thích 37).-370.

- 290 Ở *Mác-xtôn-mua* (I-oóc-sia) ngày 2 tháng Bảy 1644 và ở *Nây-dơ-bi* (Noóc-hem-pton-sia) ngày 14 tháng Sáu 1645 trong thời kỳ cách mạng tư sản ở Anh, quân đội của nghị viện đã đánh bại quân đội phản cách mạng của vua Anh Sác-lơ I. Có tác dụng quyết định trong những trận ấy là kỵ binh do Crôm-oen chỉ huy mà hạt nhân là những đơn vị tuyển mộ trong nông dân và những người thủ công và họ nổi bật về chất lượng chiến đấu cao, có kỷ luật và nhận thức được trách nhiệm cách mạng. Kết cục của hai trận này, đặc biệt là trận thứ hai, quyết định trên mức độ lớn thắng lợi của lực lượng của nghị viện trong cuộc nội chiến thứ nhất 1642-1646 (về cuộc nội chiến này, xem chú thích 51).-373.
- 291 Các cuộc chiến tranh Xi-lê-di là một bộ phận của cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Áo (xem chú thích 43) có tính chất toàn châu Âu, nó bao gồm các hoạt động quân sự giữa Phổ và Áo 1740-1742, từ khi Phri-đrich II xâm nhập Xi-lê-di cho đến khi Phri-đrich II ký hoà ước riêng rẽ với Áo (Chiến tranh Xi-lê-di thứ nhất) cũng như các hoạt động quân sự của Phổ chống Áo và đồng minh Áo Dắc-den năm 1744-1745, từ khi chiến tranh lại bùng nổ vào tháng Tám 1744 cho đến khi Phri-đrich II ký hoà ước riêng rẽ mới (Chiến tranh Xi-lê-di thứ hai). Mục đích chính của Phri-đrich II trong những cuộc chiến tranh ấy, những cuộc chiến tranh phản ánh cuộc tranh giành bá quyền ở Trung Âu của Phổ và Áo, là cướp đoạt và khống chế tỉnh Xi-lê-di giàu có của Ba Lan.-374.
- 292 Ăng-ghe-n dẫn ra theo cách trình bày của mình một số qui định trong các bản chỉ thị của Phri-đrich II như "Chỉ thị cho kỵ binh trong chiến đấu" ngày 17 tháng Ba 1742, "Chỉ thị cho các trung đoàn trưởng và tất cả các sĩ quan trung đoàn phiêu kỵ" ngày 21 tháng Ba 1742, "Chỉ thị về trình tự hành động của sĩ quan kỵ binh khi gặp địch" ngày 25 tháng Bảy 1744, "Chỉ thị cho thiếu tướng kỵ binh" ngày 14 tháng Tám 1748 v.v..-374.
- 293 Ở đây kể ra một số trận chiến đấu trong cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Áo (1740-1748) và Chiến tranh bảy năm (1756-1763) trong đó hành động của kỵ binh có tác dụng rất lớn.
- Trong trận *Hô-en-Phri-dê-béc* ở Xi-lê-di (có khi gọi là *Sto-ri-gâu*) ngày 4 tháng Sáu 1745, quân Phổ do Phri-đrich chỉ huy đã đánh bại liên quân Áo-Dắc-den; ở *Kê-xen-doóc-phơ* (Dắc-den) ngày 15 tháng Chạp 1745 quân đội Phổ đánh tan quân

Dắc-den tạo khả năng cho vua Phri-đrich II ký ở Đre-xden hoà ước với Áo và Dắc-den, chấm dứt cuộc Chiến tranh Xi-lê-di thứ hai (xem chú thích 291).

Trong trận *Rô-xbắc* (vùng Méc-dê-buốc-gơ thuộc Phổ) ngày 5 tháng Mười một 1757, quân đội của Phri-đrich II đánh bại liên quân của Pháp và các quốc gia Đức thù địch với Phổ.

Về trận *Lai-then* (ngày 5 tháng Chạp 1757) xem chú thích 118.

Ở *Xoóc-nơ-doóc-phơ* (Đồng Phổ) ngày 25 (14) tháng Tám 1758 Phri-đrich đã chiến đấu với quân Nga, kết quả là hai bên đều bị thiệt hại nặng mà bất phân thắng bại. Sự chống cự của quân Nga đã phá vỡ sự tính toán của Phri-đrich II là diệt địch từng bộ phận một và đã chuẩn bị cho cuộc tấn công thắng lợi sau này của quân Nga.-375.

294 Trong trận *Vuyéc-xbuốc* (Ba-vi-e) ngày 3 tháng Chín 1796 trong thời kỳ chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp chống liên minh chống Pháp lần thứ nhất, quân đội Áo do đại công tước Các-lơ chỉ huy đã đánh bại quân Pháp của tướng Giuốc-đôn buộc phải rút về bên kia sông Ranh. Tác chiến của Kỵ binh đông đảo của quân Áo đã có tác dụng quyết định trong thắng lợi của họ.-375.

295 *Đại công quốc Vác-sa-va* là một quốc gia chư hầu do Na-pô-lê-ông I thành lập năm 1807 theo Hoà ước Tsin-dít gồm một phần nhỏ lãnh thổ Ba Lan trước kia đã sáp nhập vào Phổ; năm 1809 sau khi Áo bị đánh bại, phần lãnh thổ Ba Lan bị Áo chiếm cũng sáp nhập vào công quốc ấy. Theo nghị quyết của Hội nghị Viên 1814-1815 lãnh thổ của công quốc Vác-sa-va bị phân chia cho Phổ, Áo và Nga.

Liên minh vùng Ranh - xem chú thích 199.-376.

296 Ở *Dan-ních-cốp* (hoặc Muyéc-ke-rơ) thuộc Dắc-den quân đội của đồng minh Nga-Phổ do tướng Nga P.Kh. Vít-gen-xtây-nơ chỉ huy ngày 5 tháng Tư (ngày 24 tháng Ba) đã đánh bại quân đội Pháp của phó vương Ô-gien.-377.

297 W. F. P. Napier. "History of the War in the Peninsula and in the South of France from the year 1807 to the year 1814". Vol. III. London, 1831, P. 272.-378.

298 La Roche-Aymon. "De la cavalerie, ou des changements necessaires dans la composition. l'organisation et l'instruction des troupes à cheval". I-re partie, Paris, 1828, P. 140 (La-rô-sơ-Ê-mông. "Về kỵ binh, hoặc về những thay đổi cần thiết trong

biên chế, tổ chức và huấn luyện kỵ binh". Phần thứ nhất. Pa-ri, 1828, tr. 140).- 381.

299 Năm 451 ở đồng bằng Ca-ta-la-un (gần thành phố Sa-lon trên sông Mác-nơ của nước Pháp hiện nay) đã xảy ra trận chiến đấu quyết liệt giữa người Hung-nô-những người du mục đi chinh phục gốc Tuyéc-cơ do Át-ti-la chỉ huy và quân đội của thống soái Tây La Mã Ai-xi-út gồm các binh sĩ thuộc nhiều dân tộc: người Đức, người Ru-ma-ni, người Gô-lơ v.v.. Trong thành phần quân đội Át-ti-la cũng có binh sĩ thuộc nhiều bộ lạc châu Âu bị Hung-nô chinh phục. Kỵ binh của Hung-nô đã phá vỡ cánh giữa của quân đội Ai-xi-út nhưng sau đó bị công kích từ bên sườn đã buộc phải rút lui với những thiệt hại nặng nề. Sự bất hoà trong những người chiến thắng đã ngăn cản tiêu diệt hoàn toàn quân đội Hung-nô.

Cuộc khởi nghĩa xi-pai là cuộc khởi nghĩa nhân dân qui mô lớn ở Ấn Độ 1857-1859 chống lại sự thống trị của Anh. Cuộc khởi nghĩa nổ ra mùa xuân 1857 trong quân đội gọi là quân xi-pai thuộc quân đội Ben-gan, tuyển mộ trong dân bản xứ và lan ra một khu vực rộng lớn ở miền Bắc và miền Trung Ấn Độ. Động lực chính của cuộc khởi nghĩa là nông dân và những người thủ công nghèo thành thị. Cuộc khởi nghĩa do bọn phong kiến địa phương lãnh đạo đã thất bại vì tình trạng cát cứ phong kiến ở Ấn Độ, sự khác nhau về tôn giáo và phe phái cũng như về ưu thế quân sự - kỹ thuật của bọn thực dân.-388.

300 Xem hồi ký của Na-pô-lê-ông "Mười bảy ý kiến về tác phẩm nhan đề "Bàn về nghệ thuật quân sự" xuất bản ở Pa-ri năm 1816", ý kiến thứ ba: Pháo binh, Đăng trong cuốn "Mémoires pour servir à l'histoire de Francesous Napoléon, écrits à Sainte-Hélène. Par les généraux qui ont pantagé sa captivité, et publiés sur les manuscrits entièrement corrigés de la main de Napoléon" Tome premier, Paris, 1823, p. 262 (bản dịch tên cuốn sách xem chú thích 72).-388.

301 Trong trận Oa-téc-lô ngày 18 tháng Sáu 1815 (xem chú thích 55) quân đoàn của tướng Đ'E-c-lon theo lệnh của Na-pô-lê-ông dùng bốn sư đoàn của mình, mỗi sư bố trí thành một trung đội tấn công cánh trái của quân đội đồng minh của Oen-lin-ton. Trong mỗi trung đội các tiểu đoàn đều bố trí nối đuôi nhau. Sự bố trí đó ngay khi bắt đầu công kích đã làm cho quân đoàn thiệt hại một bộ phận quan trọng quân số của mình.-392.

302 Ngày 23 tháng Bảy 1812 ở *Ga-xi-a-Êc-nan-đét* trong thời kỳ chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ (1808-1814) kỵ binh của quân đoàn Đức nằm trong biên chế của quân

- đội Anh của Oen-lin-ton đã tập kích hậu vệ của quân Pháp rút lui sau thất bại ở Xa-la-man-ca (xem chú thích 208). Đã đột phá và đánh tan đội hình vuông của bộ binh, bắt được mấy trăm tù binh.-395.
- 303 Ban biên tập "New American Cyclopaedia" đăng mục này năm 1859 trong tập bảy có kèm theo bảng liệt kê những công sự trúc thành đã hoặc đang xây dựng ở Mỹ theo số liệu tháng Mười 1859. Bảng này cũng ghi rõ số tiền chi phí cho xây dựng, sửa chữa và hiện đại hoá những công sự ấy.-398.
- 304 Chỉ công trình sư Đức Đ. Xpếch-lơ và cuốn sách của ông: "Architectura von Vestungen". Strassburg, 1589 ("Khoa xây dựng cứ điểm". Xto-ra-xbua, 1589).-400.
- 305 Chỉ cuốn thứ sáu tác phẩm của N. Tác-ta-li-a: "Quesiti et inventioni diverse" ("Những công trình nghiên cứu và phát minh khác nhau") xuất bản ở Vơ-ni-dơ 1554. Sách này xuất bản lần thứ nhất ở Vơ-ni-dơ 1546.-407.
- 306 G. Alghisi, "Delle fortificationi". Venetia, 1570 (G. An-ghi-di, "Bản vẽ xây công sự, Vơ-ni-dơ, 1570); G. Maggi e J Castriotto. "Della fortificatione delle città". Venetia, 1564 (G. Mát-gi và Gi.Ca-xtri-ôt-tô. "Bản vẽ xây công sự ở thành phố". Vơ-ni-dơ, 1564).-408.
- 307 Xem chú thích 39.-412.
- 308 Trong thời kỳ chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Tây Ban Nha (1701-1714) cứ điểm *Lan-dau* (miền Tây nước Đức) nằm trong tay quân Pháp đã bị quân đội hoàng đế Đức bao vây và chiếm lĩnh năm 1702. Năm 1703 người Pháp lại chiếm cứ điểm này và năm sau quân đội hoàng đế lại cho bao vây nó và sau ba tháng bị vây, cứ điểm buộc phải đầu hàng. Năm 1713 thành phố Lan-đau lại bị người Pháp chiếm.-417.
- 309 Chỉ trận phòng ngự Viên chống lại quân Thổ Nhĩ Kỳ vây thành phố này tháng Bảy 1683 và kết thúc bằng thất bại của quân Thổ Nhĩ Kỳ ngày 12 tháng Chín 1683 trước quân đội Áo - Đức - Ba Lan. Quân đội Ba Lan do I-an Xô-be-xki chỉ huy đi cứu viện cho thủ đô của Áo đã đóng vai trò quyết định trong việc đánh tan quân Thổ Nhĩ Kỳ. Trận Viên đã chặn đứng cuộc tiến quân của người Thổ Nhĩ Kỳ vào Trung Âu.-420.
- 310 Tác phẩm chính của Mông-ta-lăm-be về xây công sự: "La Fortification perpendiculaire, ou Essai sur plusieurs manières de fortifier la ligne droite, le triangle, le quarré et tous les polygones". Tt. 1-5, Paris, 1776 - 1786 ("Xây công sự thẳng đứng hoặc kinh nghiệm nghiên cứu các phương pháp xây công sự theo đường thẳng, hình tam giác, hình tứ giác và mọi hình đa giác". Tập 1-5, Pa-ri, 1776-1786).-421.

- 311 *Tháp canh kiểu Mắc-xi-mi-li-an* là 32 tháp canh xây dựng 1826-1836 xung quanh thành phố Lin-xơ theo sự thiết kế chuyên môn của đại công tước Áo Mắc-xi-mi-li-an đ' E-xơ. Những tháp canh này được trù tính cho hoạt động phòng ngự với tính cách những đồn độc lập.-422.
- 312 *Dinh lũy ở Bun-xen-vi-xơ* là hệ thống công sự kiểu dã chiến ở Xi-lê-di xây dựng theo lệnh của vua Phổ Phri-đrich II từ 1760 trong thời kỳ Chiến tranh bảy năm (1756-1763); 1760-1762 quân đội của Phri-đrich II đã nhiều lần tiến hành phòng ngự ở dinh lũy đó chống lại quân Nga và quân Áo.
- Dinh lũy ở Tô-re-xơ-Ve-đra-xơ* (Tô-ri-giơ-Ve-đra-sơ gần Li-xbon) được xây dựng theo lệnh của Oen-lin-ton vào năm 1810 để yểm hộ sự bố trí của quân đội Anh-Bồ Đào Nha chống lại quân Pháp. Dinh lũy này có ba hàng công sự kiên cố đã có tác dụng quan trọng trong cuộc chiến tranh trên bán đảo I-bê-rơ-cơ (1808-1814); 1810-1811 dinh lũy này đã chặn được cuộc tiến công của quân đội Pháp của nguyên soái Ma-xê-na vào Li-xbon.
- Phòng tuyến Vây-xen-buốc* (An-đơ-xơ) của Pháp do quân đội của nguyên soái Vi-la xây dựng năm 1706 trong thời kỳ chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Tây Ban Nha (1701-1714), đạo quân này đã tiến hành phòng ngự ở đây chống lại quân đội hoàng đế Đức, về sau phòng tuyến này được Coóc-môn-tanh cải tiến. Cuộc đấu tranh đặc biệt gay gắt giữa quân Pháp và quân Áo để chiếm phòng tuyến này đã diễn ra trong thời kỳ chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp chống lại liên minh chống Pháp lần thứ nhất (1792-1797).
- Về công sự của Áo phía trước *Vê-rô-na* và tác dụng của nó trong hoạt động quân sự của quân đội phản cách mạng Áo chống lại quân đội Pi-ê-mông 1848, xem tác phẩm của Ph.Ăng-ghe-n "Sông Pô và sông Ranh" và bài của ông "Áo khống chế I-ta-lia-a như thế nào" (Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1993, t. 13, tr. 301-359 và 265-273).-429.
- 313 Trong thời kỳ chiến tranh giải phóng dân tộc của người Hung-ga-ri chống lại Áo 1848-1849 dinh lũy của cứ điểm Cô-moóc-nơ (Cô-ma-rôm) đã tạo khả năng cho quân đội Hung-ga-ri chống cự được 2 lần, vào 2 và 11 tháng Bảy 1849, với quân Áo chiếm ưu thế về số lượng. Bản thân cứ điểm vào năm 1849 đã hai lần (tháng Giêng-

tháng Tư và tháng Bảy-tháng Chín) chịu đựng được cuộc bao vây lâu dài và mãi đến ngày 27 tháng Chín mới bị quân Áo chiếm.-430.

314 *Người Đô-ri-en* là một trong những nhóm chính của các bộ lạc Cổ Hy Lạp di cư vào thế kỷ XII-XI trước công nguyên từ phương Bắc đến bán đảo Pê-lô-pôn-nết và những đảo phía Nam biển Ê-giê. So với các bộ lạc định cư sớm hơn ở Hy Lạp - người A-khây-xơ, người I-ô-ni-a, người Ê-ô-li-a thì người Đô-ri-en duy trì được nhiều hơn đặc điểm của chế độ phụ quyền xa xưa trong chế độ xã hội của mình. Nhưng tiến trình tan rã của chế độ công xã nguyên thủy đã dẫn tới sự phân hoá trong người Đô-ri-en ra quý tộc thị tộc và, vào thế kỷ VIII-VI trước công nguyên dẫn tới sự thành lập các quốc gia theo chế độ nô lệ, trong đó Xpác-tơ là mạnh nhất.-431.

315 *Pê-ri-ê-cô* - xem chú thích 14.-431.

316 *Chiến tranh Hy Lạp - Ba Tư* - xem chú thích 8.-432.

317 *I-lô-ta* - xem chú thích 15.-433.

318 *Chiến tranh Pê-lô-pô-nết* - xem chú thích 12.-433.

319 *Các cuộc chiến tranh Xam-nít* (343-341, khoảng 327-304 và 298-290 trước công nguyên) là những cuộc chiến tranh giữa người La Mã và người Xam-nít (nhóm bộ lạc I-ta-li-a cư trú ở miền núi Trung A-pen-nanh-trong thời kỳ đấu tranh của La Mã giành quyền thống trị miền Trung I-ta-li-a. Việc chiến thắng người Xam-nít là cái mốc quan trọng trong việc củng cố quốc gia La Mã theo chế độ nô lệ và trong việc thống nhất các bộ lạc I-ta-li-a dưới quyền La Mã.-438.

320 Chỉ cuốn thứ sáu tác phẩm của Pô-li-bi-út "Thông sử gồm 12 cuốn".

Chiến tranh pu-ni - xem chú thích 285.-438.

321 Ở *Lau-pen* (gần Béc-nơ) ngày 21 tháng Sáu năm 1339 bộ binh Thụy Sĩ gồm nông dân tự do đã đánh bại quân đồng minh của bọn chúa phong kiến Áo, Đức và I-ta-li-a. Trận này là một giai đoạn quan trọng trong cuộc đấu tranh giành độc lập của các bang Thụy Sĩ (xem chú thích 35).-446.

322 Chỉ cuộc chiến tranh 1481-1492 của Vương quốc liên hợp Ca-xti-li-a và A-ra-gông (nước quân chủ Tây Ban Nha) chống quốc gia Gra-na-da là giai đoạn kết thúc của công cuộc thu phục bán đảo I-bê-ri-cơ trong tay người Mô-rơ - Rê-công-ki-xta (xem

chú thích 207). Cuộc chiến tranh kết thúc bằng việc người Tây Ban Nha chiếm được Gra-na-da.-448.

323 *Biên khu quân sự* - xem chú thích 42.-459.

324 Ở *Léc-xin-ton* và *Côn-coóc-đơ* (Ma-xa-su-xét) ngày 19 tháng Tư 1775 quân đội chính quy Anh đã thất bại trước những người Mỹ khởi nghĩa chiến đấu trong đội hình tản khai. Những trận này mở màn cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ.-460.

325 Chỉ cuộc chiến tranh giữa một bên là Pháp và Vương quốc Xác-đi-ni (Pi-ê-mông) với một bên là Áo kéo dài từ ngày 29 tháng Tư đến 8 tháng Bảy 1895. Cuộc chiến tranh này do Na-pô-lê-ông II gây ra, dưới chiêu bài "giải phóng I-ta-li-a" để xâm chiếm đất đai và củng cố chế độ Bô-na-pác-tơ ở Pháp bằng cách gây ra những cuộc chiến tranh "cục bộ" có kết quả. Giai cấp đại tư sản và quý tộc tự do ở I-ta-li-a hi vọng dùng chiến tranh thực hiện thống nhất nước I-ta-li-a không có sự tham gia của quần chúng nhân dân và dưới chính quyền của vương triều Xa-voa đang thống trị ở Pi-ê-mông. Nhưng hoảng sợ trước sự phát triển rộng rãi của phong trào giải phóng dân tộc chống bọn áp bức I-ta-li-a và vương triều Áo, đồng thời muốn duy trì sự phân liệt về chính trị của I-ta-li-a và do lo ngại những khó khăn về quân sự trong trường hợp chiến tranh kéo dài, Na-pô-lê-ông, sau một vài thất bại của quân đội Pháp - Pi-ê-mông, đã ký kết riêng rẽ với Áo và sau lưng Xác-đi-ni hoà ước Vin-la-phran-ca ngày 11 tháng Bảy. Kết quả của chiến tranh là Pháp được Xa-voa và Ni-xơ, Lô-m-bắc-đi sáp nhập vào Xác-đi-ni. Khu vực Vơ-ni-đơ vẫn ở dưới quyền người Áo.

Trotha. "Beitrag zur Erörterung der Frage: Welchen nothwendigen Einfluß haben die bis jetzt gebräuchlichen Weittragenden Handfeuerwaffen auf das Gefecht der Infanterie?" Wittenberg, 1857 (Trô-ta. "Nghiên cứu vấn đề súng tầm xa điều khiển bằng tay sử dụng cho tới nay có ảnh hưởng gì đến hành động chiến đấu của bộ binh", Vit-ten-béc, 1857).-465.

326 Bộ biên tập "New American Cyclopaedia" đã thêm vào cuối mục này một đoạn trong đó đưa ra những tài liệu về sự phát triển của hải quân Mỹ kể từ năm 1775. Trong đoạn này đã dẫn ra những số liệu về biên chế của hải quân Mỹ cho đến khi in tập 20 bách khoa toàn thư (1861) của Ăng-ghe-n viết trước đó mấy tháng trước được đưa vào tập này.-466.

327 Trong cuộc chiến tranh Pu-ni thứ nhất 264-241 trước công nguyên (xem chú thích 285), người La Mã, ban đầu không có phương tiện đấu tranh với lực lượng hải quân lớn mạnh của Các-ta-giơ, đã xây dựng được hạm đội mạnh nhất đương thời nhờ đó đã nhiều lần đánh bại hạm đội Các-ta-giơ. Kết quả là lực lượng hải quân Các-ta-giơ bị thiệt hại. Việc lắp những cầu mạn tầu trên tàu chiến của mình đã góp phần vào thắng lợi của người La Mã.-467.

328 Đây nói về cuốn sách nhỏ của hoàng thân Gioăng-vin: "De l'état des forces navales de la France" ("Về tình hình lực lượng hải quân Pháp") xuất bản 1844.-474.

329 Ngày 17 (5) tháng Mười 1855 trong thời kỳ Chiến tranh Crưm (1853-1856) một cứ điểm nhỏ của Nga Kin-bu bảo vệ lối vào vịnh Đni-e-pro-Bu-gơ đã bị hạm đội liên quân Anh-Pháp pháo kích. Ba pháo đài nổi bực thép của Pháp đã tham gia cuộc pháo kích này.-476.

330 Tác phẩm có tính chất đả kích của Mác "Ngài Phô-gơ" là sự trả lời cuốn sách có tính chất vu khống của nhà dân chủ tầm thường, tay sai của Bô-na-pác-tơ Các Phô-gơ "Tôi kiện "Allgemeine Zeitung"" nhằm chống lại Mác và các nhà cách mạng vô sản do ông lãnh đạo. Cuốn sách nhỏ của Phô-gơ xuất bản tháng Chạp 1859 và tháng Giêng 1860, tờ báo tư sản ở Béc-lin "National-Zeitung" đã thuật lại nội dung vu khống của cuốn sách của Phô-gơ trong hai bài xã luận. Vì lợi ích của chính đảng vô sản đang hình thành, Mác quyết định trả lời Phô-gơ trên sách báo và kiện báo "National-Zeitung" về tội vu khống. Từ cuối tháng Giêng 1860, Mác bắt đầu thu thập tài liệu cho cuốn sách phản đối Phô-gơ và để kiện "National-Zeitung". Nhằm mục đích đó, ông gửi thư cho nhiều người mà ông có quan hệ trong hoạt động chính trị và cách mạng của mình yêu cầu cung cấp những tài liệu buộc tội Phô-gơ. Từ giữa tháng Hai 1860, Mác bắt đầu gửi tài liệu buộc tội Xa-ben biên tập viên tờ "National-Zeitung", đến Béc-lin cho luật sư của mình là cố vấn pháp luật Vê-bơ. Nhưng trong khoảng tháng Tư-tháng Mười 1860, đơn kiện của Mác đã bị tất cả các cơ quan tư pháp các cấp ở Phổ bác bỏ mà không có lý do gì.

Đồng thời với việc chuẩn bị và gửi tài liệu cho vụ kiện, Mác tiếp tục viết cuốn sách đả kích Phô-gơ. Ông nghiên cứu lịch sử chính trị và ngoại giao thế kỷ XVIII-XIX, trích lục nhiều trong sách báo viết về vấn đề chính sách ngoại giao, đến gặp Ăng-ghen ở Man-se-xơ để xem những thư từ và văn kiện do Ăng-ghen giữ phản ánh hoạt động của các nhà cách mạng vô sản và cuộc đấu tranh của họ với các phe phái

thù địch. Tháng Chín 1860, Mác hoàn thành cơ bản cuốn sách đả kích; nhưng sau khi cơ quan tư pháp các cấp của Phổ trả lại ông đơn kiện Xa-ben, ông lại viết chương bổ sung "Vụ kiện" trong đó phê phán gay gắt chế độ tư pháp Phổ. Tháng Mười một, Mác viết xong cuốn sách chống Phô-gơ và đặt cho nó cái tên "Ngài Phô-gơ".

Cuốn sách đả kích "Ngài Phô-gơ" ra đời ngày 1 tháng Chạp 1860, do Nhà xuất bản Pê-si xuất bản ở Luân Đôn và in ở nhà in Hiéc-sphen-đơ. Sinh thời Mác và Ăng-ghen, cuốn sách đả kích này không được tái bản. Phụ lục thứ tư của cuốn "Ngài Phô-gơ" ("Vụ án những người cộng sản ở Khuên") đã được đăng lại làm phần bổ sung cho bản in (lần thứ hai) tác phẩm của Mác "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên", xuất bản năm 1875. Khi xuất bản lần thứ ba cuốn "Sự phòng ngừa" năm 1885, Ăng-ghen đã bổ sung đôi chút cho phụ lục ấy.

Tác phẩm "Ngài Phô-gơ" được xuất bản bằng tiếng Nga lần thứ nhất năm 1933.-483.

331 "Volks-Zeitung" ("Báo Nhân dân")— báo hàng ngày của phái dân chủ Đức, xuất bản ở Béc-lin từ năm 1853.

"Die Reform" ("Cải cách")— báo hàng ngày của phái tự do tư sản Đức, xuất bản ở Hăm-buốc những năm 1848-1892.-487.

332 "National-Zeitung" ("Báo dân tộc") - báo hàng ngày của giai cấp tư sản Đức, xuất bản dưới tên gọi đó ở Béc-lin trong những năm 1848-1915.-487.

333 C. Vogt. "Mein Prozess gegen die "Allgemeine Zeitung", Ge n f im Dezember 1859.

"Allgemeine Zeitung" ("Báo phổ thông") - báo bảo thủ Đức ra hàng ngày, xuất bản từ năm 1798; từ năm 1810 - đến năm 1881, xuất bản ở Au-xbuốc. Trong những năm 50-60 ủng hộ kế hoạch thống nhất nước Đức dưới sự chỉ huy của Áo.-487.

334 Ở đây Mác nói về bất đồng ý kiến của mình với Lát-xan về vấn đề con đường thống nhất nước Đức và I-ta-li-a.

Về cuộc chiến tranh I-ta-li-a, xem chú thích 325.-489.

335 "Băng nhóm lưu hoàng" ban đầu là tên gọi của Hội liên hiệp sinh viên Trường đại học I-ê-na vào những năm 70 thế kỷ XVIII; hội mang tiếng xấu vì sự càn quấy của các hội viên về sau những chữ "bọn lưu hoàng" trở thành tiếng thống dụng.-490.

336 Chế nhạo Các Phô-tơ, Mác thường lợi dụng sự trùng hợp giữa họ của ông ta với tên gọi một quan chức thời trung cổ - quan châu của hoàng đế đế quốc Đức gọi là "phô-tơ" hoặc "lan-phô-tơ". "Phô-tơ thế tập ở Ni-hin-buốc", nghĩa là ở lâu đài không tồn tại trên thế gian (*nihil* tiếng la-tinh nghĩa là *không có gì cả*), là nhân vật được nhắc đến ở trong tên sách của cuốn tiểu thuyết châm biếm của Giô-han Phi-sác "Câu chuyện lịch sử vĩ đại đầy mạo hiểm về hoạt động và danh ngôn của các vị anh hùng và các ông chủ Grăng-gô-sia, Hô-hen-li-an-tu-a và Păng-ta-gru-en". Tác phẩm của Phi-sác là sự cải biên bằng tiếng Đức cuốn tiểu thuyết của Ra-ble "Gác-găng-tu-a và Păng-ta-gru-en" ra đời năm 1575. Ở phía dưới, Mác dùng các chữ trong tên tác phẩm đó.-490.

337 Mác gọi như vậy cuốn sách của Phô-tơ mà ông phân tích "Tôi kiện" Allgemeine Zeitung"" để phân biệt với các bài phát biểu khác ngắn hơn của Phô-tơ trên báo chí về cùng một đề tài.-491.

338 Mác có ý nói về bài báo của Phô-tơ "Sự phòng ngừa" đề ngày 25 tháng Năm và đăng trên phụ trương số 150 báo "Schweiger Handels-Courier", ra ngày 2 tháng Sáu 1859.

"Schweizer Handels-Courier" ("Thông tin viên thương mại Thụy Sĩ") báo hàng ngày của giai cấp tư sản, xuất bản ở thành phố Bi-lơ (bang Béc-nơ) Thụy Sĩ. Xuất bản dưới tên gọi đó trong những năm 1853-1909. Trong những năm 50-60 phản ánh quan điểm của chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ. Có khi Mác gọi một cách trào phúng tờ báo ấy là "Người rao hàng" ở Bi-lơ.-490.

339 Cuộc khởi nghĩa cộng hoà ở Ba-đen xảy ra cuối tháng Chín 1848 là do một nhóm người Đức lưu vong đứng đầu là Gu-xtáp Xơ-ru-vơ từ Thụy Sĩ tiến vào lãnh thổ Ba-đen ngày 21 tháng Chín, phát động. Được sự ủng hộ của đội vũ trang của phái dân chủ Ba-đen và của đội tự vệ thị dân địa phương, Xơ-ru-vơ tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Đức. Sau mấy ngày cuộc khởi nghĩa bị quân đội Ba-đen đè bẹp còn Xơ-ru-vơ và nhiều người khác tham gia khởi nghĩa đã bị bắt và xử tử dài hạn, họ bị áp giải đến nhà tù ở thành phố Brúc-dan (Ba-đen) để thi hành bản án. Tháng Năm 1849 trong thời gian cuộc khởi nghĩa mới ở Ba-đen, Xơ-ru-vơ cùng với những tù chính trị khác đã được những người khởi nghĩa giải phóng.

Cuộc vận động bảo vệ hiến pháp đế quốc do Quốc hội Phran-phuốc thông qua ngày 28 tháng Ba 1849 là giai đoạn cuối cùng của cách mạng dân chủ-tư sản 1848-

1849 ở Đức. Hiến pháp đã bị phản lớn các chính phủ ở Đức bác bỏ. Tháng Năm 1849 khởi nghĩa nổ ra ở Dác-den, vùng Ranh thuộc Phổ, Ba-đen và Pphan-xơ nhằm mục đích bảo vệ hiến pháp. Nhưng Quốc hội Phran-phuốc không ủng hộ những người khởi nghĩa. Tháng Bảy 1849 cuộc vận động bị đè bẹp hẳn. Ăng-ghe-n đã nhận xét về cuộc vận động bảo vệ hiến pháp trong các bài "Cuộc vận động bảo vệ hiến pháp đế quốc ở Đức" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 7, tr. 151-276 và "Cách mạng và phản cách mạng ở Đức" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 8, tr. 110-125).-496.

340 Tháng Chín 1849 Mác được bầu vào uỷ ban trợ giúp những người lưu vong Đức ở Luân Đôn, uỷ ban này trực thuộc Hội giáo dục công nhân Đức địa phương. Để chấm dứt ý đồ của những người dân chủ lưu vong tiểu tư sản định làm cho những phần tử vô sản trong những người lưu vong ở Luân Đôn chịu ảnh hưởng của họ, theo đề nghị của Mác và những người lãnh đạo khác của Đồng minh những người cộng sản, Uỷ ban đã được cải tổ thành Uỷ ban lưu vong xã hội-dân chủ, Mác và Ăng-ghe-n tham gia lãnh đạo. Vào giữa tháng Chín 1850 Mác và Ăng-ghe-n tuyên bố rút khỏi Uỷ ban lưu vong mà đa số thành viên sa vào ảnh hưởng của nhóm phiêu lưu - bè phái Vi-lích-Sáp-pơ.-496.

341 Các-bô-na-ri (Carbonaro nghĩa đen là thợ đốt than củi) hội viên của đoàn thể âm mưu bí mật tồn tại ở I-ta-li-a vào 30 năm đầu của thế kỷ XIX và ở Pháp vào những năm 20 thế kỷ XIX. Các-bô-na-ri I-ta-li-a liên hiệp trong hàng ngũ của mình đại biểu của giai cấp tư sản thành thị, của quý tộc đã tư sản hoá, của hàng ngũ sĩ quan, giai cấp tiểu tư sản và nông dân, đặt ra cho mình mục đích là thực hiện giải phóng dân tộc, khôi phục sự thống nhất của nước I-ta-li-a và tiến hành cải cách chính trị. Các-bô-na-ri Pháp bao gồm đại biểu của các xu hướng chính trị khác nhau tự đặt ra nhiệm vụ lật đổ Vương triều Bốc-bông.-497.

342 Mác gọi Ra-đơ-ma-khe-rơ là lang băm để ám chỉ tên cuốn sách của ông ta: J. Q. Raemacher. "Rechtfertigung der von Gelehrten misskannten, verstandesrechten Erfahrungsheilehre der alten scheidekünstigen Geheimärzte und treue Mittheilung des Ergebnisses einer 25 jährigen Erprobung dieser Lehre am Krankenbette" (I.G. Ra-đơ-ma-khe-rơ "Biện hộ cho khoa chữa bệnh thực hành hợp lý không được các học giả thừa nhận của các thầy lang băm cổ tiến hành thuật luyện đan và trình bày

đúng thực về kết quả của 25 năm sử dụng khoa học ấy vào lâm sàng").-497.

343 Mác dùng chữ *bọn tháng Chạp* để gọi những người tham gia cuộc chính biến ngày 2-4 tháng Chạp 1851 của Bô-na-pác-tơ dẫn tới việc thiết lập ở Pháp chế độ phản cách mạng của Đế chế thứ hai (1852-1870) do Na-pô-lê-ông III đứng đầu. Đóng vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị cuộc chính biến này là Hội 10 tháng Chạp bí mật của phái Bô-na-pác-tơ thành lập năm 1849 (gọi như vậy để kỷ niệm ngày 10 tháng Chạp 1848, ngày Lu-i Bô-na-pác-tơ, người bảo hộ hội này được bầu làm tổng thống nước Cộng hoà Pháp) mà Mác có nhận xét ở phía dưới.-497.

344 Trong các đoạn trích dẫn "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ", chỗ nào Mác cũng thay chữ "hội" bằng chữ "băng nhóm".-498.

345 Có ý nói về ý đồ của Lu-i Bô-na-pác-tơ trong thời kỳ Vương triều tháng Bảy định tiến hành đảo chính bằng một cuộc phản loạn quân sự. Ngày 30 tháng Mười, dựa vào một số sĩ quan tán thành chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ, ông ta đã phát động được hai trung đoàn pháo trong binh lính đồn trú ở Xtơ-ra-xbuốc, nhưng chỉ trong vòng mấy giờ bọn phản loạn đã bị tước vũ khí. Bản thân Lu-i Bô-na-pác-tơ bị bắt và đẩy sang Mỹ. Ngày 6 tháng Tám 1840, lợi dụng tâm lý ủng hộ chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ được phục hồi ít nhiều ở Pháp, ông ta cùng một nhóm các nhà âm mưu đổ bộ lên Bu-lô-nhơ và định gây ra cuộc phản loạn trong binh lính đồn trú tại địa phương. Ý đồ này cũng bị phá sản hoàn toàn. Bô-na-pác-tơ bị xử tù chung thân, nhưng chạy sang Anh năm 1846.-449.

346 *Công xưởng quốc gia* do chính phủ lâm thời Pháp (trong đó các phần tử cộng hoà tư sản chiếm ưu thế) thành lập sau Cách mạng tháng Hai 1848, chính phủ này định làm cho tư tưởng của Lu-i-Blăng về tổ chức lao động bị mất tín nhiệm trong công nhân, mặt khác dùng công nhân của những công xưởng ấy được tổ chức theo phương thức quân sự chống lại giai cấp vô sản cách mạng của các công xưởng. Nhưng kế hoạch khiêu khích chia rẽ giai cấp công nhân này không thành công và công nhân làm ở các công xưởng ấy ngày càng thấm nhuần tư tưởng cách mạng nên đã thúc đẩy chính phủ tư sản dùng đến biện pháp đóng cửa những công xưởng ấy. Điều này gây ra sự công phẫn mạnh mẽ của giai cấp vô sản Pa-ri và là một trong những lý do đưa tới cuộc khởi nghĩa vô sản ở Pa-ri ngày 23-26 tháng Sáu, trong đó những người khởi nghĩa biết lợi dụng tổ chức quân sự đã hình thành ở các công xưởng quốc gia. Sau khi cách mạng bị đè bẹp, chính phủ đã ra sắc lệnh ngày 3 tháng Bảy 1848 giải tán

các công xưởng quốc gia.

Đội vệ binh cơ động được thành lập theo sắc lệnh ngày 25 tháng Hai 1848 của chính phủ lâm thời để đấu tranh chống lại quần chúng nhân dân có tinh thần cách mạng. Đội vệ binh lưu động chủ yếu gồm các phần tử vô sản áo rách được sử dụng để đàn áp cuộc khởi nghĩa vô sản tháng Sáu 1848.-499.

347 Chỉ sự nhiếp chính của Phi-líp Oóc-lê-ăng ở Pháp vào những năm 1715-1723 khi Lu-i XV còn nhỏ tuổi.-502.

348 *Áo thánh ở Tơ-ria* - di vật Thiên chúa giáo được bảo tồn ở nhà thờ lớn ở Tơ-ria, nghe nói là chiếc áo thánh mà Ki-tô cởi ra khi bị hành hình. Áo thánh ở Tơ-ria là vật sùng bái của những người hành hương.-502.

349 Xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 8, tr. 209-213 và 274-277.-502.

350 "*Das Volk*" ("Nhân dân") - tờ báo ra hằng ngày, xuất bản bằng tiếng Đức ở Luân Đôn từ ngày 7 tháng Năm đến ngày 20 tháng Tám 1859, được xuất bản làm cơ quan ngôn luận chính thức của Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn. Số đầu xuất bản với sự biên tập của nhà chính luận Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản E-lắc-đơ Bi-xcăm-pơ. Từ số 2, tờ báo xuất bản với sự tham gia sát sao của Mác, ông viết bài một cách không chính thức, thường xuyên góp ý kiến và giúp đỡ hiệu đính các bài báo, tổ chức sự ủng hộ vật chất cho tờ báo v.v.. Trong số 6 ra ngày 11 tháng Sáu, bộ biên tập chính thức tuyên bố sự cộng tác của Mác, Ăng-ghe-n, Phrai-li-grát, V. Vôn-phơ và H. Hai-dơ (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 13, tr. 779). Từ tháng Bảy, Mác thực tế trở thành biên tập viên của tờ báo, nó trở thành cơ quan ngôn luận của những nhà cách mạng vô sản.

Trên báo "Volk" đã phản ánh sự nghiên cứu của Mác và Ăng-ghe-n đối với các vấn đề về lý luận cách mạng và sách lược đấu tranh của giai cấp vô sản, trình bày cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, tiến hành cuộc đấu tranh không thỏa hiệp với các đại biểu của hệ tư tưởng tiểu tư sản. Tờ báo đã đứng trên lập trường của chủ nghĩa quốc tế vô sản phân tích các sự kiện của cuộc chiến tranh Áo - I-ta-li-a - Pháp 1859, vấn đề thống nhất nước Đức và I-ta-li-a, vạch trần chính sách đối ngoại của Anh, Phổ, Pháp, Nga và các quốc gia phản động khác, đấu tranh triệt để chống chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ và những kẻ công khai ngấm ngầm ủng hộ nó.

Tờ "Volk" đã đăng lời tựa của Mác cho tác phẩm của ông "Góp phần phê phán

khoa kinh tế chính trị", 5 bài của Mác trong đó có nhóm bài viết chưa xong "Quid pro quo", 9 bài của Ăng-ghe-n cũng như bài bình luận của Ăng-ghe-n đối với tác phẩm của Mác "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị", bài bình luận mà Mác viết với sự tham gia của Bi-xcam-pơ về tờ báo của phái dân chủ tiểu tư sản Đức "Hermann" đăng trong cột "Qua các trang báo chí". Ngoài ra nhiều bài báo và nhiều bài bình luận chính trị đã mang dấu vết của công tác biên tập trực tiếp của Mác. Tờ báo ra tất cả được 16 số. Tờ báo đình bản ngày 20 tháng Tám 1859 do thiếu tiền.-504.

351 *Hai Ri-smôn-dơ* hoặc một Ri-smôn-dơ trên chiến trường là nói trường hợp xuất hiện kẻ địch bất ngờ thứ hai. Những chữ này vốn ở trong bi kịch của Sếch-xpia "Ri-xác III" (hồi V, cảnh 4).-504.

352 Tháng Tư 1848 ở Ba-đen nổ ra cuộc khởi nghĩa cộng hoà mà một trong những người lãnh đạo là Ph. C. Hếch-cơ. Đơn vị của Hếch-cơ cũng như các đơn vị khởi nghĩa khác đều bị quân chính phủ đánh tan. Cuộc khởi nghĩa đã thất bại. Một số những người tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen về sau tham gia vào đơn vị do Vi-lích tổ chức gồm những người lưu vong Đức - công nhân và thợ thủ công - ở Bơ-dăng-xông (Pháp) tháng Mười một 1848. Các chiến sĩ của đơn vị này được trợ giúp của Chính phủ Pháp, nhưng từ đầu năm 1849 người ta ngừng trợ giúp. Về sau đơn vị này được biên chế vào phân đội tình nguyện, do Vi-lích chỉ huy tham gia hoạt động của quân khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ tháng Năm - tháng Bảy 1849.-505.

353 "*Cuộc phiêu lưu lớn đi tìm chiếc trống đã mất*" là chữ Mác dùng để gọi một cách châm biếm tham vọng của Na-pô-lê-ông III và tập đoàn các phần tử Bô-na-pác-tơ ở Pháp được Phô-gtơ ủng hộ trên báo chí là chiếm tả ngân sông Ranh. Mác so sánh kế hoạch ấy của phái Bô-na-pác-tơ với những tình tiết buồn cười trong vở kịch của Sếch-xpia. "Tất cả cái gì kết thúc tốt đẹp đều tốt đẹp" (hồi III, cảnh 5 và 6, hồi III cảnh 1 và 3) trong vở kịch này đại uý Pa-rôn được phái đi tìm chiếc trống đã mất và rút cuộc bị đồng đội cũ của mình vạch mặt là kẻ nhất gan, khoắc lác và bán rẻ nhân cách. Mác lấy Pa-rôn để chỉ Phô-gtơ.-506.

354 "*Neue Rheinische Zeitung. Organ der Demokratie*" ("Báo mới vùng Ranh, Cơ quan của phong trào dân chủ") xuất bản hàng ngày ở Khuên từ 1 tháng Bảy 1848 đến 19 tháng Năm 1849 do Mác làm tổng biên tập. Tham gia bộ biên tập có Ăng-ghe-n cũng như V.Vôn-phơ, G.Véc-thơ, Ph. Vôn-phơ, E.Đrôn-ke, Ph. Phrai-li-grát và H. Buyéc-ghéc-sơ.

Là cơ quan chiến đấu của cánh vô sản trong phái dân chủ, "Neue Rheinische

Zeitung" đóng vai người giáo dục của quần chúng nhân dân, động viên họ vào cuộc đấu tranh chống phản cách mạng. Những bài xã luận xác định lập trường của tờ báo trên những vấn đề quan trọng nhất của cách mạng Đức và châu Âu thông thường là do Mác và Ăng-ghe-n viết.

Lập trường kiên định và không thoả hiệp của tờ báo, chủ nghĩa quốc tế chiến đấu của nó, việc nó đăng các bài vạch mặt chính trị đối với Chính phủ Phổ và nhà cầm quyền địa phương ở Khuên, — tất cả những cái đó đã gây ra ngay từ những tháng tồn tại đầu tiên của "Neue Rheinische Zeitung" sự công kích của báo chí phong kiến—bảo hoàng và tư sản tự do cũng như sự truy nã của chính phủ được đặc biệt tăng cường sau cuộc chính biến phản cách mạng ở Phổ tháng Mười một—tháng Chạp 1848.

Bất chấp mọi sự truy nã và sự gây khó dễ của cảnh sát, "Neue Rheinische Zeitung" vẫn dũng cảm bảo vệ lợi ích của phái dân chủ cách mạng, lợi ích của giai cấp vô sản. Tháng năm 1849, trong tình hình thế lực phản cách mạng tiến công toàn diện, vin có Mác không có quốc tịch Phổ, Chính phủ Phổ đã ra lệnh trục xuất ông khỏi Phổ. Việc trục xuất Mác và sự đàn áp các biên tập viên khác của "Neue Rheinische Zeitung" là nguyên nhân đình bản của tờ báo. Số cuối cùng, số 301, của "Neue Rheinische Zeitung" in màu đỏ ra ngày 19 tháng Năm 1849. Trong lời từ biệt gửi công nhân, các biên tập viên của tờ báo tuyên bố rằng "Câu nói cuối cùng của họ ở mọi nơi và mọi lúc vẫn là sự giải phóng giai cấp công nhân!".-507.

355 Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của Slê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ nhằm tách khỏi Đan Mạch bắt đầu từ tháng Ba 1848 do ảnh hưởng của Cách mạng tháng Hai ở Pháp và Cách mạng tháng Ba ở Đức và kéo dài có gián đoạn đến cuối tháng Sáu 1850. Thấy rằng dư luận Đức ủng hộ Slê-dơ-vích và Hôn-stai-nơ, tập đoàn thống trị Phổ phát động vào tháng Ba 1848 một cuộc chiến tranh giả dối chống Đan Mạch, trong đó nó từng bước bán rẻ quân đội cách mạng Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ, rút cục họ đã thất bại.

Cuộc tập kích kho quân giới Prum vào ngày 17-18 tháng Năm 1849 do những người dân chủ tiến hành được sự ủng hộ của công nhân Tô-ria và các điểm dân cư lân cận. Mục đích của những người tham gia cuộc tập kích là chiếm vũ khí và phát động cuộc khởi nghĩa bảo vệ hiến pháp đế quốc. Tuy những người khởi nghĩa nhất thời chiếm được kho quân giới, song phong trào chẳng bao lâu đã bị quân chính phủ đến kịp đè bẹp.-507.

356 *"Revue contemporaine"* ("Tập chí hiện đại") - tạp chí ra hai tuần một kỳ ở Pháp, xuất bản ở Pa-ri trong những năm 1851-1870. Trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai, nó là cơ quan ngôn luận của đảng trật tự hợp nhất phái chính thống và phái Oóc-lê-ăng, sau cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851 là cơ quan của phái Bô-na-pác-tơ.

Bài của Ê-đu-a Xi-mông "Vụ kiện của Ngài Phô-giơ đối với "Báo Au-xbuốc"" đăng trong *"Revue contemporaine"*, số ra ngày 15 tháng Hai 1860. Nhận xét của Mác về bài này, xem tập này, tr. -576-578, 600-602 và 731-733.-508.

357 Có ý nói tác phẩm của C.Mác "Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị" (xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.13, tr.9-225.-508.

358 *"Hội giày"* — Hội liên hiệp bí mật của nông dân cách mạng hoạt động ở Đức trước cuộc chiến tranh nông dân năm 1526; Si-li dùng chữ "hội giày" ở đây để chỉ Đồng minh những người cộng sản do Mác và Ăng-ghe-n lãnh đạo. Si-li nhấn mạnh không có quan hệ gì giữa các thành viên của bọn lưu hoàng với Đồng minh những người cộng sản.-511.

359 *Cercle social* (Nhóm xã hội) - tổ chức do đại biểu của giới trí thức dân chủ thành lập và hoạt động ở Pa-ri những năm đầu của cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII. Vị trí của Cercle social trong lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa được xác định ở chỗ nhà tư tưởng của nó, C.Phô-sê đưa ra yêu cầu chia đều ruộng đất, hạn chế tài sản quá lớn cũng như yêu cầu cung cấp việc làm cho tất cả các công dân có sức lao động. Sự phê bình của C.Phô-sê đối với sự bình đẳng trên hình thức mà các văn kiện của cách mạng Pháp tuyên bố đã chuẩn bị cho lời phát biểu táo bạo hơn nhiều của Giắc Ru, nhà lãnh đạo "phái người điên", về vấn đề này. Đa số các nhà cách mạng tư sản Gia-cô-ban có thái độ phủ định đối với tư tưởng về chủ nghĩa xã hội bình quân mà các nhà tư tưởng của Cercle social và nhất là của "phái người điên" đưa ra.-514.

360 *Liên minh Gruýt-li* - tổ chức cải lương tiểu tư sản ở Thụy Sĩ thành lập năm 1838 với tính cách là Hội giáo dục của thợ thủ công và công nhân. Năm 1901, liên minh Gruýt-li gia nhập đảng dân chủ-xã hội Thụy Sĩ và năm 1925 thì hoà nhập hẳn vào đảng này. Tên gọi "Gruýt-li" là nhấn mạnh tính dân tộc Thụy Sĩ của tổ chức này. Theo truyền thuyết, năm 1307 đại biểu của 3 bang Thụy Sĩ họp trên đồng cỏ Gruýt-li và ký kết liên minh về đấu tranh chống sự thống trị của Áo trong đó có bọn quan cai

trị Áo Phô-giơ. Mác lợi dụng sự việc đó để châm biếm Phô-giơ.-515.

361 *Ba-danh-ghe* - biệt hiệu mà người ta đặt cho Na-pô-lê-ông III vì năm 1846 ông ta vượt ngục với bộ quần áo của người thợ nề tên là Ba-danh-ghe.

Ma-ri-a-ne (Marianne) - tên một đoàn thể cộng hoà bí mật chống chủ nghĩa Bô-na-pác-tơ ra đời năm 1850 ở Pháp. Trong thời kỳ Đế chế thứ hai nó đặt cho mình mục đích đấu tranh chống Na-pô-lê-ông III.-517.

362 *Đồng minh những người cộng sản* - tổ chức công sản quốc tế đầu tiên. Trước khi thành lập Đồng minh những người cộng sản, Mác và Ăng-ghe-n đã tiến hành một công tác lớn lao nhằm đoàn kết về tư tưởng và tổ chức những người xã hội chủ nghĩa và công nhân tiên tiến các nước. Nhằm mục đích đó đầu năm 1846 hai ông đã tổ chức ở Bruy-xen Ủy ban thông tin cộng sản. Mác và Ăng-ghe-n đã bảo vệ tư tưởng chủ nghĩa cộng sản khoa học trong cuộc đấu tranh ngoan cường chống chủ nghĩa cộng sản bình quân thô sơ của Vai-tlinh, "chủ nghĩa xã hội chân chính" và không tưởng tiểu tư sản của Pru-đông đã có ảnh hưởng nhất là đối với thành viên của Đồng minh những người chính nghĩa - một tổ chức bí mật của công nhân và thợ thủ công ra đời vào giữa những năm 30 và có chi bộ ở Đức, Pháp, Thụy Sĩ và Anh. Ban lãnh đạo của Đồng minh những người chính nghĩa ở Luân Đôn tin vào tính đúng đắn của quan điểm của Mác và Ăng-ghe-n, cuối tháng Giêng 1847 đã đề nghị hai ông gia nhập Đồng minh, tham gia cải tổ nó cũng như thảo ra cương lĩnh của Đồng minh dựa vào những nguyên tắc mà hai ông đã tuyên bố. Mác và Ăng-ghe-n đã đồng ý điều đó.

Đầu tháng Sáu 1847 đại hội của Đồng minh những người chính nghĩa đã họp ở Luân Đôn, đại hội được ghi vào sử sách như là đại hội lần thứ nhất của Đồng minh những người cộng sản. Ăng-ghe-n và V.Vôn-phơ đã tham gia công việc của đại hội. Tại đại hội, tổ chức đã đổi tên thành Đồng minh những người cộng sản, khẩu hiệu mập mờ trước đây "Tất cả mọi người là anh em!" đã được thay bằng khẩu hiệu quốc tế có tính chiến đấu của chính đảng vô sản "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!" Đại hội cũng nghiên cứu "Điều lệ của Đồng minh những người cộng sản" mà Ăng-ghe-n tích cực tham gia khởi thảo. Điều lệ mới đã xác định rõ ràng mục đích cuối cùng của phong trào cộng sản, xoá bỏ những điều đem lại cho tổ chức tính chất âm mưu, những nguyên tắc dân chủ là nền tảng của tổ chức của Đồng minh. Điều lệ rút

cục đã được phê chuẩn ở đại hội lần thứ hai của Đồng minh những người cộng sản (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, tập 4, tr. 691-697), Mác và Ăng-ghe-n đã tham gia công tác của đại hội lần thứ hai họp ở Luân Đôn những ngày 29 tháng Mười một-8 tháng Chạp 1847. Trong cuộc tranh luận nhiều ngày hai ông đã bảo vệ những nguyên tắc của chủ nghĩa cộng sản khoa học được đại hội nhất trí thông qua. Được sự uỷ nhiệm của đại hội, Mác và Ăng-ghe-n đã viết văn kiện có tính chất cương lĩnh - "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, t.4, tr. 563-613) đã được công bố vào tháng Hai 1848.

Do cách mạng nổ ra ở Pháp, vào cuối tháng Hai 1848 Ủy ban trung ương của Đồng minh ở Luân Đôn đã trao quyền lãnh đạo cho Ban chấp hành khu bộ Bruy-xen của Đồng minh do Mác đứng đầu. Sau khi Mác bị trục xuất khỏi Bruy-xen, Pa-ri, nơi mà Mác chuyển tới, trở thành trụ sở của Ủy ban trung ương mới từ đầu tháng Ba. Ăng-ghe-n cũng được bầu vào Ủy ban trung ương mới. Nửa sau tháng Ba - đầu tháng Tư 1848, Ủy ban trung ương tổ chức cho mấy trăm công nhân Đức, phần lớn là hội viên của Đồng minh những người cộng sản, trở về tổ quốc để tham gia cuộc cách mạng đã nổ ra ở Đức. "Những yêu sách của Đảng cộng sản ở Đức" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.5, tr.11-13) do Mác và Ăng-ghe-n viết vào cuối tháng Ba là cương lĩnh chính trị của Đồng minh những cộng sản trong cuộc cách mạng ấy.

Về Đức vào đầu tháng Tư 1848, Mác và Ăng-ghe-n cùng những người ủng hộ hai ông tin chắc rằng do tình trạng lạc hậu của nước Đức, tính chất phân tán và giặc nội chiến chưa đầy đủ của công nhân Đức, vài ba trăm hội viên của Đồng minh những người cộng sản rải ra khắp nước không thể có ảnh hưởng rõ rệt đối với đông đảo quần chúng nhân dân. Vì vậy, Mác và Ăng-ghe-n cho rằng cần phải tham gia cánh cực tả, trên thực tế là cánh vô sản, của phong trào dân chủ. Hai ông tham gia hội dân chủ ở Khuen và giới thiệu những người ủng hộ mình tham gia các tổ chức dân chủ để bảo vệ ở đó lập trường của giai cấp vô sản cách mạng, phê phán tính không triệt để và tính dao động của các nhà dân chủ tiểu tư sản, thúc đẩy họ đi vào hành động kiên quyết. Đồng thời Mác và Ăng-ghe-n lưu ý những người ủng hộ mình đến việc tổ chức các hội công nhân, giáo dục chính trị cho giai cấp vô sản, tạo tiền đề cho việc thành lập chính đảng vô sản có tính chất quần chúng. "Neue Rheinische Zeitung" (xem chú thích 354) do Mác biên tập bấy giờ là trung tâm lãnh đạo và hướng dẫn đối với các hội viên của Đồng minh những người cộng sản.

Tháng Tư 1849, Mác, Ăng-ghe-n và những người ủng hộ hai ông rút khỏi hội dân chủ. Kinh nghiệm chính trị mà quần chúng công nhân thu được, sự thất vọng của họ đối với phái dân chủ tiểu tư sản, tất cả những điều đó bấy giờ cho phép thực tế đặt ra vấn đề thành lập chính đảng vô sản độc lập. Nhưng Mác và Ăng-ghe-n không thực hiện được kế hoạch đó. Chẳng bao lâu khởi nghĩa nổ ra ở Tây Nam nước Đức, sự thất bại của nó là sự cáo chung của cách mạng Đức.

Tiến trình cách mạng đã chứng tỏ rằng quan điểm của Đồng minh những người cộng sản trình bày trong "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" là duy nhất đúng đắn; Đồng minh là trường học tốt cho hoạt động cách mạng ở khắp mọi nơi, thành viên của Đồng minh đã kiên quyết tham gia phong trào, bảo vệ trong báo chí, trên chiến lũy, trên chiến trường của giai cấp cách mạng nhất-giai cấp vô sản.

Thất bại của cách mạng giáng một đòn nặng nề vào Đồng minh những người cộng sản. Nhiều hội viên của Đồng minh bị tù hoặc lưu vong, địa chỉ bị mất, liên lạc bị cắt đứt, chỉ bộ ở các nơi đều ngừng hoạt động. Tổ chức của Đồng minh ở ngoài nước Đức cũng bị thiệt hại lớn.

Mùa thu 1849, đa số những người lãnh đạo của Đồng minh đã tập hợp ở Luân Đôn. Những cố gắng của Ủy ban trung ương mới đã cải tổ, do Mác và Ăng-ghe-n lãnh đạo, khôi phục tổ chức trước đây và được Đồng minh những người cộng sản hoạt động sôi nổi vào mùa xuân 1850. "Thư của Ủy ban trung ương gửi Đồng minh những người Cộng sản" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.7, tr.257-267) do Mác và Ăng-ghe-n viết tháng Ba 1850 đã tổng kết cuộc Cách mạng 1848-1849 và đưa ra nhiệm vụ thành lập chính đảng của giai cấp vô sản, độc lập, không phụ thuộc vào giai cấp tiểu tư sản. Bức "Thư" lần đầu tiên nêu lên tư tưởng cách mạng không ngừng. Từ tháng Ba 1850 đã xuất bản tờ báo mới tuyên truyền cho chủ nghĩa cộng sản "Neue Rheinische Zeitung Politisch-Ökonomische Revue".

Mùa hè 1850, những bất đồng có tính chất nguyên tắc về vấn đề sách lược đã trở nên gay gắt trong Ủy ban trung ương Đồng minh những người cộng sản. Đa số trong Ủy ban trung ương đứng đầu là Mác và Ăng-ghe-n kiên quyết phản đối sách lược phiêu lưu bè phái mà tập đoàn Vi-lích - Sáp-ơ đưa ra là phát động tức khắc cách mạng không đếm xỉa đến tính quy luật khách quan và tình hình chính trị thực tế ở châu Âu. Đối lập với điều đó, Mác và Ăng-ghe-n ra sức nhấn mạnh trong tình hình thế lực phản động tấn công, nhiệm vụ quan trọng nhất của Đồng minh những người cộng sản là

tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản khoa học và huấn luyện cán bộ của những người cách mạng vô sản cho những cuộc chiến đấu cách mạng sau này. Hoạt động chia rẽ của tập đoàn Vi-lích - Sáp-pơ dẫn tới sự phân liệt của tập đoàn này vào giữa tháng Chín 1850. Tại phiên họp ngày 15 tháng Chín 1850 (xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 8, tr. 733-739) theo đề nghị của Mác, chức quyền của Ủy ban trung ương được chuyển cho Ban chấp hành khu bộ Khuên. Các chỉ bộ của Đồng minh những người cộng sản khắp nơi ở nước Đức đều tán thành quyết định của đa số trong Ủy ban trung ương Luân Đôn. Theo chỉ thị của Mác và Ăng-ghe-n, Ủy ban trung ương mới ở Khuên đã thảo ra vào tháng Chạp 1850 điều lệ mới của Đồng minh (nguyên văn và lời ghi chú của Mác, xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 7, tr. 737-740). Sự truy nã của cảnh sát và việc bắt bớ các thành viên của Đồng minh khiến cho Đồng minh những người cộng sản ở Đức phải thực tế ngừng hoạt động vào tháng Năm 1851. Ngày 17 tháng Mười một 1852, chẳng bao lâu sau vụ án những người cộng sản ở Khuên, theo đề nghị của Mác, Đồng minh đã tuyên bố giải tán.

Đồng minh những người cộng sản đã đóng vai trò lịch sử lớn lao với tính cách trường học của những nhà cách mạng vô sản, vườn ươm của chính đảng vô sản, tiền thân của Hội liên hiệp công nhân quốc tế (Quốc tế thứ nhất).-518.

363 Xem tác phẩm của C. Mác "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" (C. Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 8, tr. 609-613). Tháng Giêng 1853 tác phẩm này được in thành một cuốn sách riêng ở Ba-lơ, Thụy Sĩ (Phiên-giờ dùng bản in này). Ở Mỹ, tác phẩm ban đầu được đăng dần từng phần trên tờ báo dân chủ ở Bô-xton "Neu-England Zeitung" ("Báo nước Anh mới") và đến cuối tháng Tư 1850 được in thành sách riêng trong nhà in của báo này. Trong bài đã kích "Ngài Phiên-giờ", Mác trích dẫn "Sự phòng ngừa" là theo cuốn sách in ở Bô-xton.-518.

364 *Pa-le-Roay-an* - cung điện ở Pa-ri. Trong thời kỳ Đế chế thứ hai là nơi ở của em trai của Na-pô-lê-ông I là Giê-rôm Bô-na-pác-tơ và con trai của ông ta, hoàng thân Giô-đép Na-pô-lê-ông (biệt hiệu là Plông-Plông).-518.

365 Xem C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.8, tr.610.

"*Tiền vay nợ cách mạng Đức-Mỹ*" khoản tiền mà Kin-ken và những lãnh tụ khác của những người lưu vong tiểu tư sản định vay vào những năm 1851-1852 của những người lưu vong Đức và những người Mỹ gốc Đức nhằm mục đích động viên tài lực để phát động ngay tức khắc cách mạng ở Đức. Để tiến hành vay nợ, tháng Chín 1851 Kin-ken đã sang Mỹ. Ý đồ "vay nợ cách mạng" đã phá sản. Trong nhiều bài của mình, Mác và Ăng-ghe-n chế nhạo khắt khe tính chất phiêu lưu của ý đồ ấy của Kin-ken, coi nó như là mưu đồ có hại và không thành công về phát động cách mạng một cách khiên cưỡng, trong tình hình thoái trào cách mạng.-519.

366 Tại *Nhà thờ Thánh Pôn* ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ, Quốc hội Phran-phuốc đã họp từ ngày 18 tháng Năm 1848 đến ngày 30 tháng Năm 1849.- 520.

367 *Đại Cáp-ta* - tên một nhà tư tế Ai Cập mà kẻ bịp bợm nổi tiếng thế kỷ XVIII, bá tước Ca-li-ô-xơ-rơ (Giu-đép-sơ Ban-da-mô) bịa ra, vị tư tế này dường như là thủ lĩnh toàn năng và toàn trí của "phân hội Ai Cập" của hội Phrăng-ma-xông, một phân hội mà bản thân Ca-li-ô-xơ-rơ là sáng lập viên và nhà hoạt động.-523.

368 "*L'Indépendant*" ("Độc lập") - tuần báo dân chủ - tư sản Thụy Sĩ xuất bản dưới tên ấy ở Giơ-ne-vơ trong những năm 1851 - 1852.-524.

369 *Hội đồng liên bang* - tên gọi của Chính phủ Thụy Sĩ.-525.

370 Tháng Chín 1851 ở Pháp đã tiến hành những vụ bắt bớ những thành viên chỉ bộ địa phương thuộc nhóm Vi-lích - Sáp-pơ tách khỏi Đồng minh những người cộng sản tháng Chín 1850. Sách lược có tính chất âm mưu tiểu tư sản mà nhóm này thi hành bất chấp tình hình thực hiện và dự tính tổ chức khởi nghĩa ngay tức khắc đã khiến cho cảnh sát Pháp và Phổ, với sự giúp đỡ của tên khiêu khích Séc-van lãnh đạo một trong những chỉ bộ Pa-ri, dựng lên cái gọi là âm mưu Pháp - Đức. Tháng Hai 1852 những người bị bắt bị xử về tội chuẩn bị đảo chính. Tên khiêu khích Séc-van được bố trí cho vượt ngục. Ý đồ của cảnh sát Phổ định quy tội tham gia âm mưu Pháp - Đức cho Đồng minh những người cộng sản do Mác và Ăng-ghe-n lãnh đạo đã hoàn toàn phá sản. Thành viên của Đồng minh những người cộng sản Côn-rát Sram bị bắt tháng Chín 1851 ở Pa-ri chẳng bao lâu được trả tự do vì thiếu bằng chứng. Chứng cứ giả tạo của Si-bơ tại vụ án Cô-lin nhằm mục đích chứng minh sự tham gia của các bị cáo vào âm mưu Đức-Pháp đã bị Mác bác bỏ trong tác phẩm "Vạch trần vụ án những người cộng

sản ở Khuên", chương "Âm mưu của Séc-van" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 8, tr. 436-449).-527.

371 "*Kölnische Zeitung*" ("Báo Khuên")-tờ báo Đức ra hàng ngày, xuất bản với tên gọi ấy ở Khuên từ năm 1802, trong thời kỳ cách mạng 1848-1849 và trong thời kỳ phản động tiếp liền đó, tờ báo phản ánh chính sách hèn nhát và phản bội của giai cấp tư sản tự do.-527.

372 *Vụ án những người cộng sản ở Khuên* (ngày 4 tháng Mười - ngày 12 tháng Mười một 1852)-vụ án có tính chất khiêu khích do Chính phủ Phổ tổ chức ra, 11 hội viên của tổ chức cộng sản quốc tế. Đồng minh những người cộng sản (1847-1852), bị đưa ra xử về tội "âm mưu mang tính chất phản quốc". Những tài liệu đưa ra làm tang chứng là "biên bản gốc" của hội nghị của Ủy ban trung ương do nhân viên cảnh sát Phổ dựng lên và những tài liệu giả mạo khác cũng như những văn kiện mà cảnh sát đánh cắp được của tập đoàn phiêu lưu Vi-lích - Sáp-pơ đã bị khai trừ khỏi Đồng minh những người cộng sản. Dựa vào những văn kiện giả mạo và những lời làm chứng dối trá, 7 bị cáo đã bị xử tù từ 3 đến 6 năm. Hành động khiêu khích của bọn tổ chức ra vụ án và những phương pháp bỉ ổi mà nhà nước cảnh sát Phổ sử dụng để chống lại phong trào công nhân quốc tế đã bị Mác và Ăng-ghe-n bóc trần (xem bài của Ăng-ghe-n "Vụ án mới đây ở Khuên" và tác phẩm đả kích của Mác "Vạch trần vụ án những người cộng sản ở Khuên" trong C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 8, tr. 529-537, 539-625).-527.

373 Xem C. Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, t. 8, tr. 450.-527.

374 *Hội giáo dục công nhân Đức* ở Luân Đôn do C. Sáp-pơ, I. Môn và những nhà hoạt động khác của Liên đoàn những người chính nghĩa sáng lập tháng Hai 1840. Sau khi thành lập Đồng minh những người cộng sản, vai trò lãnh đạo của Hội thuộc về chi bộ địa phương của Đồng minh. Năm 1847 và những năm 1849-1850, Mác và Ăng-ghe-n tham gia tích cực hoạt động của Hội. Ngày 17 tháng Chín 1850 Mác, Ăng-ghe-n và nhiều người ủng hộ hai ông đã rút khỏi Hội vì trong cuộc đấu tranh giữa phe đa số của Ủy ban trung ương Đồng minh những người cộng sản do Mác và Ăng-ghe-n lãnh đạo với phe thiểu số bè phái-phiêu lưu (tập đoàn Vi-lích-Sáp-pơ), Hội đã đứng về phe thiểu số. Từ cuối những năm 50, Mác và Ăng-ghe-n lại tham gia hoạt

động của Hội giáo dục. Hội tiếp tục tồn tại cho đến năm 1918 khi bị Chính phủ Anh đóng cửa. Thế kỷ XX nhiều nhà lưu vong chính trị Nga đã đến thăm Hội.-528.

375 "*Republik der Arbeiter*" ("Chế độ cộng hòa của công nhân") - tờ báo công nhân do V.Vai-tlinh xuất bản ở Niu Oóc trong những năm 1850-1855, phản ánh quan điểm của đại biểu của chủ nghĩa cộng sản bình quân bè phái.-529.

376 C. Phô-gơ là một trong năm uỷ viên của *chính phủ nhiếp chính đế quốc* do "tàn dư" của Quốc hội Phran-phuốc thành lập ở Stút-gát thay thế cho cái gọi là chính quyền trung ương tồn tại ở Đức từ tháng Sáu 1846 đứng đầu là người cầm quyền đế quốc, đại công tước Giô-han, và công khai thi hành đường lối phản cách mạng. Quốc hội Phran-phuốc chuyển trụ sở của mình đến Stút-gát vào đầu tháng Sáu 1849 là do bị đe dọa giải tán sau khi các nghị sĩ thuộc phái bảo thủ và phần lớn nghị sĩ thuộc phái tự do rời bỏ Quốc hội. Ý định của chính phủ nhiếp chính dùng thủ đoạn nghị viện bảo đảm thi hành hiến pháp đế quốc do Quốc hội Phran-phuốc thảo ra và bị các vua chúa Đức bác bỏ đã hoàn toàn phá sản. Ngày 18 tháng Sáu "tàn dư" của nghị viện bị quân đội Vuyéc-tem-béc giải tán.-530.

377 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 8, tr. 555-572.-532.

378 Lễ Hăm-bắc—cuộc biểu tình chính trị ngày 27 tháng Năm 1832 tại lâu đài Hăm-bắc ở Phran-xơ thuộc Ba-vi-ê do các đại diện của phái tự do và phái cấp tiến tư sản tổ chức. Những người tham dự buổi lễ kêu gọi tất cả những người Đức đoàn kết chống lại bọn vua chúa Đức, đấu tranh cho các quyền tự do tư sản và cải cách về mặt lập hiến.-533.

379 Xem C. Mác và Ph.Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 9, tr. 627-666.-540.

380 "*New-Yorker Criminal-Zeitung*" - tên gọi tắt của tuần báo "Belletristisches Journal und New-Yorker Criminal - Zeitung" ("Tập chí văn học và báo hình sự Niu Oóc") do đại diện của những người lưu vong tiểu tư sản Đức sáng lập ở Niu Oóc năm 1852, xuất bản với tên gọi đó từ ngày 18 tháng Ba 1853 đến ngày 10 tháng Ba 1854.

Mác có ý nói đến bài vu khống của A. Vi-lích "Tiến sĩ Các Mác và "Sự phòng ngừa" của ông", đăng trên báo này số ra ngày 28 tháng Mười và 4 tháng Mười một 1853.-540.

381 "*Vossische Zeitung*" ("Báo của Phốt-xơ") — cách gọi theo tên người sáng lập ra tờ báo hàng ngày "Königlich privilegierte Berlinische Zeitung von Staats-und gelehrten Sachen" ("Báo đặc quyền của nhà vua ở Béc-lin về vấn đề chính trị và khoa học"), xuất bản với tên gọi đó ở Béc-lin từ năm 1785.-540.

382 Vụ án *La-den-đoóc-phơ* - vụ án tiến hành ở Béc-lin năm 1854 nhằm xử những nhà dân chủ La-den-đoóc-phơ, Héc-cơ, Phan-ken-tan, Lê-vi v.v. bị bắt năm 1853 do sự tố cáo của Hen-xơ, cựu thành viên của Đồng minh những người cộng sản, chạy sang phục vụ cho cảnh sát. Dựa vào những bằng chứng giả về hoạt động âm mưu, họ bị xử tù theo thời hạn khác nhau (từ 3 đến 5 năm).

Đồng minh những người quá cố - tổ chức bí mật có tính chất âm mưu tồn tại ở Brê-mơ vào những năm 40 - đầu những năm 50 thế kỷ XIX, bị cảnh sát phát hiện năm 1852.-541.

383 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t.8, tr. 620-621.-542.

384 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 8, tr. 618.-542.

385 Ở đây Mác phỏng theo hai câu: 1) "*Sự yên tĩnh là nghĩa vụ hàng đầu của công dân*" (câu nói trong lời kêu gọi dân chúng Béc-lin ngày 17 tháng Mười 1806 của bộ trưởng Phổ Su-len-buốc-gơ Kê-néc-tơ sau thất bại ở I-ê-na) và 2) "*Anh sẽ chiến thắng dưới dấu hiệu đó*" (theo nhà sử học La Mã I-xê-bi-át Kê-xa-ri-a, đây là chữ đề trên cây thập tự trên không trung mà hoàng đế Côn-xtan-tin I trông thấy năm 312 trước công nguyên, vào đêm trước ngày chiến thắng Mác-xen-xi-uyt.-543.

386 "Das Centralfest der Deutschen arbeitervereine in der Westschweiz" (Lausanne, 1859)", Genf, 1859, Markus Vaney, rue de la Croix d'or.-544.

387 Âm chỉ tên cuốn sách của C.Phô-gơ xuất bản năm 1851 "Nghiên cứu về quốc gia của loài thú viết theo quan điểm duy vật tâm thường.-545.

388 Jacob Venedey "Pro domo und Pro patria gegen Karl Vogt". Hannover, 1860.

Cô-bét I - biệt hiệu của Vê-nê-đây được gắn liền với ông ta nhờ bài thơ của H.Hai-nơ "Cô-bét I". Trong bài thơ châm biếm này, Hai-nơ chế nhạo I-a-cốp Vê-nê-đây là điển hình của thói Phi-li-xtanh. Cô-bét trong phương ngữ vùng Khuên có nghĩa là I-a-cốp (I-a-cốp Vê-nê-đây sinh ở Khuên).-546.

389 "*Frankfurter Journal*" ("Báo Phran-phuốc") - tờ báo Đức ra hàng ngày của giai cấp tư sản, xuất bản ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ từ thế kỷ XVII đến năm 1903.-547.

390 Âm chỉ một cách châm biếm tên cuốn sách của nhà sinh lý học Đức Buy-khne "Lực và vật chất" xuất bản năm 1855, ông ta cũng như Phô-gơ là đại biểu của chủ nghĩa duy vật tâm thường.-548.

391 "Die Schiller - Feier in Genf, Nebst einem Nachtrag enthaltend die diesjährige Todtenfeier für Rebort Blum" Genf, 1859 ("Lễ kỷ niệm Si-le ở Giơ-ne-vơ cùng với phụ lục về kỷ niệm Rô-bốt Blum trong năm đó". Giơ-ne-vơ, 1859).-548.

392 C. Vogt, "Studien Zur gegenwärtigen Lage Europas" Genf und Bern, 1859 (C. Phô-gơ. "Nghiên cứu về tình hình châu Âu hiện nay". Giơ-ne-vơ và Béc-nơ, 1859).-548.

393 "*Kreuz-Zeitung*" ("Báo chữ thập")-tên gọi (do có hình chữ thập ở đầu tờ báo) của tờ báo Đức cực kỳ phản động ra hàng ngày "Neue Preußische Zeitung" ("Báo Phổ mới"), bắt đầu xuất bản ở Béc-lin tháng Sáu 1848, là cơ quan ngôn luận của bọn gian thần cung đình và bọn gioong-ke Phổ.-550.

394 Có ý nói cuốn sách "Die Kommunisten in der Schweiz nach den bei Weitling vergefundenen Papieren. Wörtlicher Abdruck des Kommissionsberichtes an die H. Regierung des Standes Zürich". Zürich, 1843 ("Những người cộng sản ở Thụy Sĩ, căn cứ vào những văn kiện phát hiện được ở Vai-tinh. Toàn văn báo cáo của Ủy ban gửi chính phủ bang Xuy-rích". Xuy-rích, 1843); người viết báo cáo là I.C. Blun-sli.-558.

395 *Hội giáo dục công nhân Đức ở Bruy-xen* (hoặc Hội công nhân Đức) do Mác và Ăng-ghe-n thành lập vào cuối tháng Tám 1847 nhằm mục đích giáo dục chính trị cho công nhân Đức cư trú ở Bỉ và tuyên truyền trong họ tư tưởng của chủ nghĩa cộng sản khoa học. Dưới sự lãnh đạo của Mác và Ăng-ghe-n và các bạn chiến đấu của hai ông. Hội thành trung tâm hợp pháp đoàn kết những người vô sản cách mạng Đức ở Bỉ và có liên hệ trực tiếp với các câu lạc bộ công nhân ở Phla-măng và Van-lông. Những phần tử ưu tú của Hội gia nhập chi bộ Bruy-xen của Đồng minh những người cộng sản. Sau cuộc Cách mạng tư sản tháng Hai 1848 ở Pháp, Hội ngừng hoạt động do cảnh sát Bỉ bắt bớ và trục xuất hội viên của Hội.-558.

396 *Dôn-đéc-bun* (Liên minh đặc biệt) tên do Mác và Ăng-ghe-n gọi một cách châm biếm nhóm bè phái phiêu lưu Vi-lích - Sáp-ơ tự thành lập tổ chức độc lập với Ủy ban trung ương riêng của nó sau khi Đồng minh những người cộng sản phân liệt ngày 15 tháng Chín 1850, để so sánh với liên minh riêng rẽ của các bang Thiên chúa

giáo phản động ở Thụy Sĩ trong những năm 40 thế kỷ XIX.-560.

397 *Hiệp bang Đức* - Liên minh các quốc gia Đức thành lập ngày 8 tháng Sáu 1815 tại Hội nghị Viên. Việc Hiệp bang này bao gồm 36 quốc gia Đức với chế độ phong kiến chuyên chế của chúng đã tăng cường tính chất phân tán ở nước Đức về chính trị và kinh tế và cản trở sự phát triển tiến bộ của nó.

Sau khi Cách mạng 1848-1849 bị đè bẹp, giữa Phổ và Áo nổ ra cuộc đấu tranh giành quyền bá chủ ở Đức. Áo ra sức phục hồi Hiệp bang Đức đã thực tế tan rã trong thời kỳ cách mạng; Phổ hy vọng củng cố sự thống trị của mình bằng việc thành lập liên minh các quốc gia Đức do mình bảo hộ. Mùa thu năm 1850, cuộc đấu tranh giữa Áo và Phổ trở nên gay gắt do cuộc xung đột nảy sinh giữa hai nước này vì hầu quốc Hét-xen, phong trào cách mạng ở hầu quốc Hét-xen là cái cớ cho Áo và Phổ can thiệp vào công việc nội bộ của hầu quốc này và mỗi bên đều muốn giành lấy vai trò kẻ đàn áp phong trào cách mạng. Để đáp lại sự tiến quân của quân Áo vào hầu quốc Hét-xen, Chính phủ Phổ tuyên bố động viên và cử binh lính của mình sang đó. Nhưng do sức ép của Nga hoàng Ni-cô-lai I, Phổ đã nhượng bộ Áo không dám thực sự chống cự.-560.

398 *Quốc hội Hiệp bang* - cơ quan trung ương của Hiệp bang Đức, đóng tại Phran-phước trên sông Mai-nơ và gồm các đại biểu của các quốc gia Đức. Quốc hội Hiệp bang là công cụ của chính sách phản động của các chính phủ ở Đức.-561.

399 "Bình luận quốc tế, số 3 mà Mác trích dẫn đã đăng trên "Neue Rheinische Zeitung. Politisch Ökonomische Revue" số 5 - 6 năm 1850 (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 7, tr. 639).

"*Neue Rheinische Zeitung. Politisch-ökonomische Revue*" ("Báo Ranh mới. Bình luận chính trị - kinh tế") - tạp chí do Mác và Ăng-ghe-n sáng lập vào tháng Chạp 1849 và xuất bản cho đến tháng Mười một 1850. Tạp chí là cơ quan lý luận và chính trị của Đồng minh những người cộng sản, là sự kế tục của "Neue Rheinische Zeitung" do Mác và Ăng-ghe-n xuất bản trong thời kỳ Cách mạng 1848 - 1849. Từ tháng Ba đến tháng Mười một 1850 ra tất cả được 6 số trong đó có một số kép (5-6). Tạp chí biên tập ở Luân Đôn, in ở Hăm-buốc. Tuyệt đại bộ phận tài liệu (luận văn, bình luận, điểm sách báo) do Mác và Ăng-ghe-n viết, cũng thu hút sự cộng tác của những người ủng hộ hai ông - V. Vôn-phơ, I-Vây-đơ-mai-ơ, G.Ếch-ca-ri-út. Trong những tác phẩm của những người sáng lập ra chủ nghĩa Mác, tạp chí đã đăng "Đấu tranh

giai cấp ở Pháp" của Mác, "Phong trào ủng hộ hiến pháp đế quốc ở Đức" và "Chiến tranh nông dân ở Đức" của Ăng-ghe-n cũng như nhiều tác phẩm khác. Những tác phẩm đăng trong tạp chí đã tổng kết cuộc Cách mạng 1848-1849, xác định thêm nữa lý luận và sách lược của chính đảng vô sản cách mạng. Tạp chí đã đình bản do sự hãm hại của cảnh sát ở Đức và do thiếu tiền.-561.

400 Hội nghị của Ủy ban trung ương của Đồng minh những người cộng sản được nhắc tới ở đây hợp vào những ngày cuối tháng Tám 1850.-564.

401 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 9, tr. 644-645.-565.

402 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 9, tr. 648-651.-565.

403 Trong bài văn đả kích của Mác "Hiệp sĩ có ý thức cao thượng" có đăng toàn văn bức thư ấy đề ngày 22 tháng Mười một (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 9, tr. 660-663). Nguyên bản bức thư đó không còn nữa.-576.

404 Âm chỉ bài thơ khôi hài cổ Hy Lạp không rõ tác giả "Chiến tranh giữa chuột và ếch" nhại anh hùng ca của Hô-me.

Trong tác phẩm đả kích "Những vĩ nhân của giới lưu vong" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 8, tr. 428-450). Mác và Ăng-ghe-n đã nhận xét tỉ mỉ về Hội cổ đông là câu lạc bộ lưu vong (ở đây Mác gọi là Hội những người lưu vong) cũng như về quan hệ qua lại giữa hai tổ chức lưu vong tiểu tư sản ấy.-569.

405 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 4, tr. 607-611. Ở đây và ở phía dưới Mác đều trích dẫn ở bản in lần thứ nhất bằng tiếng Đức của "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", xuất bản ở Luân Đôn tháng Hai 1848.-571.

406 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 4, tr. 107-256.-572.

407 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội 1987, t. 4, tr. 583-584.-572.

- 408 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, t. 4, tr. 587-583.-572.
- 409 Mác trích dẫn tác phẩm của mình "Đấu tranh giai cấp ở Pháp từ 1848 đến 1850" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 7, tr. 28-30).-573.
- 410 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 7, tr. 135-137.-573.
- 411 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1983, t. 2, tr. 311-668.-573.
- 412 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, t. 4, tr. 612-613.-574.
- 413 Mác trích dẫn bài nói của ông trong vụ xét xử Ban chấp hành khu bộ Ranh của những người dân chủ (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 6, tr. 344-346).
- Cuộc xét xử Ban chấp hành khu bộ Ranh của những người dân chủ tiến hành ngày 8 tháng Hai 1849. C. Mác, C. Sáp-pơ và luật sư Snai-đơ II bị đưa ra trước toà án bồi thẩm ở Khuên, họ bị buộc tội xúi giục phiến loạn vì lời kêu gọi ngày 18 tháng Mười một 1848 của Ban chấp hành này về việc cự tuyệt nộp thuế bị coi là thủ đoạn động viên quần chúng đấu tranh với cuộc phản cách mạng sắp xảy ra ở Phổ (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 6, tr. 49). Toà án bồi thẩm xử trắng án các bị cáo. Biên bản của cuộc xét xử này đã đăng trên tờ "Neue Rheinische Zeitung" các số 226, 231, 232 và 233 vào các ngày 19, 25, 27 và 28 tháng Hai 1849 cũng như xuất bản thành tập sách riêng: "Zwei politische Prozesse. Verhandelt vor den Februar-Assisen in Köln". Köln, 1849. Verlag der Expedition der "Neue Rheinische Zeitung" ("Hai vụ án chính trị. Xét xử trong tháng Hai tại toà án bồi thẩm Khuên". Khuên, 1849. Bản in của nhà phát hành "Neue Rheinische Zeitung").-574.
- 414 Trích dẫn trong tác phẩm của C. Mác và Ăng-ghe-n "Bài thứ nhất. Điểm tình hình quốc tế" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 7, tr. 309-311).-575.
- 415 Trích dẫn trong tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n "Bài thứ ba. Điểm tình hình

- quốc tế" (Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 7, tr. 607-608).-575.
- 416 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 7, tr. 613.-576.
- 417 *Comite de salut public* (Ủy ban cứu nguy xã hội), xem chú thích 148.-577.
- 418 "*Neue Deutsche Zeitung*" ("Báo Đức mới") - tờ báo ra hằng ngày của phái dân chủ, xuất bản ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ từ ngày 1 tháng Bảy 1848 đến ngày 14 tháng Chạp 1850. Một trong những biên tập viên của tờ báo này là nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Đức, hội viên của Đồng minh những người cộng sản, I-ô-xíp Vai-đơ-mai-ơ.-580.
- 419 Trích dẫn tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n "Gốt-phrít Kin-ken" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 7, tr. 417-419).
- Mác và Ăng-ghe-n viết bài này là do thái độ hèn hạ của nhà dân chủ tiểu tư sản G. Kin-ken trước toà án Ra-stát mà ông ta bị xét xử vì việc tham gia cuộc vận động bảo vệ hiến pháp đế quốc. Trong bài tự biện hộ ngày 4 tháng Tám 1849, ông ta tìm cách phủ nhận sự tham gia phong trào cách mạng của mình và ca tụng Vương triều Hô-hen-txô-léc.-580.
- 420 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, t. 7, tr. 264-274. - 581.
- 421 Mác so sánh một cách châm biếm tờ báo của Kin-ken "Der Deutsche Correspondent" ("Báo đại chúng") với tờ báo của Chính phủ Pháp "Moniteur".
- "*Moniteur*" - tên gọi tắt của tờ báo Pháp ra hằng ngày "Le Moniteur Universel" ("Báo đại chúng") xuất bản ở Pa-ri từ năm 1789 đến năm 1901, từ năm 1799 đến năm 1869 là cơ quan ngôn luận chính thức của chính phủ.-581.
- 422 Chế nhạo Phô-gtơ, Mác gọi tập sách nhỏ của ông ta "Tội kiệ-n "Allgemeine Zeitung" là "Bài ca "Lau-di-át" ("Lausiade") nghĩa là "Bài ca con rắn" (từ từ "Lause" trong tiếng Đức nghĩa là "con rắn") tương tự với bài thơ châm biếm của nhà thơ Anh cuối thế kỷ XVIII Pi-tơ Pin-đa-rơ "The Lousiad" nghĩa là "Bài ca con rắn" (từ từ "Louse" trong tiếng Anh là "con rắn").

"*Lau-di-át*"- bài anh hùng ca của Lu-ít Ca-mô-en-xơ, nhà thơ vĩ đại Bồ Đào Nha thời kỳ Phục hưng.-584.

423 Chế nhạo quyền lực hão huyền của Phô-gơ với tư cách nhiếp chính đế quốc (xem chú thích 376) Mác so sánh địa vị của ông ta với của viên tỉnh trưởng hư cấu Xan-sô Pan-xa trên đảo Bu-ra-ta-ri-a trong tiểu thuyết của Xéc-van-tét "Đông-Ki-sốt".-585.

424 Xem tác phẩm của Ph. Ăng-ghe-n "Phong trào đòi hiến pháp đế chế ở Đức" (in trong C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 7, tr. 222-225).-586.

425 Ngày 26 tháng Tám 1848 giữa Đan Mạch và Phổ tham gia trên hình thức vào cuộc chiến tranh Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ (xem chú thích 355) đã ký kết hiệp định đình chiến ở Man-mô, hiệp định đã xoá sạch thành quả dân chủ cách mạng ở Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ và thực tế duy trì sự thống trị của Đan Mạch ở đó. Ngày 16 tháng Chín 1848, bất chấp sự phản kháng của các lực lượng dân chủ ở Đức kiên trì yêu cầu tiếp tục cuộc chiến tranh cách mạng chống Đan Mạch, cuộc chiến tranh này là một bộ phận của cuộc đấu tranh của nhân dân Đức nhằm thống nhất nước Đức, Quốc hội Phran-phuốc với đa số 21 phiếu phê chuẩn hiệp định đình chiến. Quyết định này gây ra sự bất bình lớn trong giới dân chủ Đức. Ngày 17 tháng Chín 1848 tại bãi cỏ Pphin-xvai-đơ ở Đông Bắc ngoại thành Phran-phuốc trên sông Mai-nơ đã họp đại hội nhân dân đông đảo thông qua nghị quyết yêu cầu tuyên bố những nghị sĩ bỏ phiếu tán thành phê chuẩn hiệp nghị đình chiến là những kẻ phản bội Tổ quốc và yêu cầu cánh tả rút khỏi Quốc hội. Trong khi nhiều đại biểu của phái cực tả đồng ý với yêu cầu của đại hội nhân dân ở Pphin-xvai-đơ thì Các Phô-gơ phản đối yêu cầu của đại hội ấy. Ngày 18 tháng Chín phong trào nhân dân, do việc phê chuẩn hiệp định đình chiến gây ra, ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ, đã biến thành cuộc khởi nghĩa nhưng đã bị quân đội chính phủ đàn áp tàn khốc.-589.

426 Có ý nói đến "Đạo luật về duy trì Quốc hội lập hiến và các quan chức của chính quyền trung ương" mà Quốc hội Phran-phuốc đã thông qua ngày 9 tháng Mười 1848, theo đạo luật này thì sự lãng mạ đối với nghị sĩ Quốc hội hoặc đại diện của chính quyền trung ương (nhiếp chính đế quốc, bộ trưởng và quan chức của nó) sẽ bị xử tù. Đạo luật này là một trong những thủ đoạn đàn áp mà đa số Quốc hội và các nhà cầm quyền đế quốc thi hành sau cuộc khởi nghĩa tháng Chín ở Phran-phuốc để chống lại quần chúng nhân dân.-590.

427 *Liên minh tháng Ba trung ương* ở Phran-phuốc và các chi nhánh của nó ở các thành

phố của Đức là do các nghị sĩ cánh tả của Quốc hội Phran-phuốc tổ chức vào cuối tháng Mười một 1848. Đồng minh tuyên bố mục đích của mình là bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Ba 1848 ở Đức. Tổ chức này do các nhà dân chủ tiểu tư sản như Phruy-ben, Xi-môn, Ru-gơ, Phô-gơ v.v. lãnh đạo. Ngay từ tháng Chạp 1848, Mác và Ăng-ghe-n đã công kích trên "*Neue Rheinische Zeitung*" chính sách nửa vời, không kiên quyết của những thủ lĩnh phái dân chủ tiểu tư sản lãnh đạo Đồng minh, vạch rõ chính sách ấy có lợi cho kẻ thù của cách mạng.-590.

428 Trích bài báo của C.Mác "Liên minh tháng Ba" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 6, tr. 450-452).-591.

429 Xem bài của C.Mác "Liên minh tháng Ba ở Phran-phuốc và "*Neue Rheinische Zeitung*" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 6, tr. 483).-592.

430 Xem các tác phẩm của Ăng-ghe-n "En-bơ-phen-đơ" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 6, tr. 675-678) và "Phong trào đòi hiến pháp đế chế ở Đức" (t. 7, tr. 166-181).-592.

431 Có ý nói đến cuộc đảo chính ở Phổ tháng Mười một - đầu tháng Chạp 1848 kết thúc bằng thắng lợi của lực lượng phản cách mạng. Do cuộc đảo chính này ở Phổ đã thành lập nội các cực kỳ phản động Bran-đen-buốc-Man-toi-phen và giải tán Quốc hội.

"*Neue Preußische Zeitung*"- xem chú thích 393.-592.

432 Xem bài "Tờ "*Krewz-Zeitung*" (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 6, tr. 662-663).-592.

433 Xem chú thích 390.-593.

434 *Lời kêu gọi gửi nhân dân Đức* do nhà thơ U-lan nhân danh các nhà dân chủ ôn hoà thảo ra, họ bị chi phối bởi khát vọng là nhích đường lối chính trị của họ gần lại với đường lối của giai cấp tư sản tự do. Lời kêu gọi đó không đưa ra cương lĩnh hành động cụ thể nào, chỉ bó hẹp ở lời kêu gọi bắt lực gửi nhân dân Đức về việc góp phần thực hiện hiến pháp đế quốc.

Lời kêu gọi thứ hai do Ủy ban 30 người của Quốc hội đưa ra bao gồm lời kêu gọi không kém phần vô ích đối với binh sĩ của các quốc gia Đức không thừa nhận Quốc hội và nghị quyết của nó là tuyên thệ trung thành với hiến pháp đế quốc.

Ủy ban 30 người do Quốc hội Phran-phuốc thành lập ngày 12 tháng Tư 1849

để đề ra những biện pháp thi hành hiến pháp để quốc do lập trường lập lờ của vua Phổ Phri-đrich Vin-hem IV đối với vương miện mà Quốc hội trao cho ông ta. Ban đầu Phri-đrich Vin-hem IV đạt sự đồng ý của mình tùy thuộc vào lập trường của các vua chúa Đức khác, ngày 28 tháng Hai 1849 ông tuyên bố bác bỏ hiến pháp để quốc và từ chối vương miện.-593.

435 Ở đây cũng như ở các chỗ khác nói về Quốc hội Phran-phước, Mác sử dụng biên bản tốc ký về sau in thành tập sách riêng "Stenographischer Bericht über die Verhandlungen der deutschen constituirenden Nationalversammlung zu Frankfurt am Mein". Frankfurt am Mein, 1848-1849 ("Biên bản tốc ký về các phiên họp của Quốc hội lập hiến Đức ở Phran-phước trên sông Mai-nơ". Phran-phước trên sông Mai-nơ 1848-1849).-593.

436 Đầu tháng Năm 1849 ở Nu-ren-béc thuộc Ba-vi-e trên lãnh thổ miền Trung Phran-cô-ni đã nổ ra phong trào nhân dân rộng lớn chống lại việc Chính phủ Ba-vi-e cự tuyệt hiến pháp để quốc. Đỉnh cao của phong trào là cuộc đại hội nhân dân khổng lồ ở Nu-ren-béc ngày 13 tháng Năm 1849 có 50 000 người tham dự. Tham gia đại hội này, Các Phô-gơ nấp dưới những câu nói giả cách mạng thuyết phục nhân dân từ bỏ những hành động quyết liệt. Hành động phản bội của Phô-gơ và lập trường dao động của phái dân chủ cầm đầu phong trào đã làm cho phong trào thất bại.

Phái than vãn- (Heuler) tên mà những người dân chủ - cộng hoà dùng để gọi phái lập hiến tư sản trong những năm 1848 - 1849 ở Đức, và phái lập hiến tư sản lại gọi phái dân chủ cộng hoà là *phái gây rối* (Wühler).-598.

437 Mác gọi Lu-i Bô-na-pác-tơ một cách châm biếm như vậy vì ông ta đi học ở bang Tuốc-gau Thụy Sĩ; do đó được tặng danh hiệu công dân danh dự của bang này.-599.

438 "*Rheinische Zeitung für Politik, Handel und Gewerbe*" ("Bảo tỉnh Ranh bàn về các vấn đề chính trị, thương mại và công nghiệp")- tờ báo ra hàng ngày, xuất bản ở Khuên từ 1 tháng Giêng 1842 đến 31 tháng Ba 1843. Báo do đại diện của giai cấp tư sản tỉnh Ranh chống chế độ chuyên chế Phổ sáng lập ra. Một số phần tử Hê-ghen trẻ cũng được lôi cuốn hợp tác với tờ báo. Từ tháng Tư 1842 C. Mác đã thành cộng tác viên của "*Rheinische Zeitung*", còn từ tháng Mười năm đó ông trở thành một biên tập viên của báo. "*Rheinische Zeitung*" cũng đăng một loạt bài của Ph. Ăng-ghen. Thời kỳ Mác làm biên tập viên, tờ báo ngày càng có tính chất dân chủ cách mạng rõ

rệt hơn. Chính phủ kiểm duyệt đặc biệt nghiêm ngặt "*Rheinische Zeitung*" , rồi đóng cửa nó.-559.

439 "*Morgenblatt*"-tên gọi tắt của tờ báo văn học ra hàng ngày "*Morgenblatt für gebildete Leser*" ("Báo buổi sáng cho học giả có học thức") xuất bản ở Stút-gát và Tu-bin-ghen từ 1807 đến 1865, trong những năm 1840-1841, báo này đã đăng một số bài tin của Ăng-ghen về vấn đề văn học và nghệ thuật.-601.

440 Có ý nói về những bài đăng báo của H. Hai-nơ mà ông gửi từ Pa-ri cho tờ "*Allgemeine Zeitung*" ở Au-xbuốc vào những năm 30-40 của thế kỷ XIX, cũng như về những bài tùy bút của nhà Đông phương học Đức I. Phan-me-rai-ơ cũng đăng trên tờ báo ấy vào đầu những năm 40. Phần lớn những bài của mình đăng trên tờ "*Allgemeine Zeitung*", Hai-nơ đã xuất bản thành sách riêng đặt tên là "Ký sự nước Pháp" (1832) và "Lu-tê-xi-a" (1854). Tùy bút của Phan-mê-rai-ơ được in trong cuốn sách riêng gồm hai tập, xuất bản năm 1845 dưới nhan đề "Những đoạn văn từ phương Đông".-603.

441 Sự phê phán của Mác đối với lập trường thân Áo của "*Allgemeine Zeitung*". Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 13, tr. 293-296.

"*New-York Daily Tribune*" ("Diễn đàn Niu Oóc hàng ngày")- tờ báo Mỹ xuất bản từ năm 1841 đến năm 1924. Do Hô-rat Gri-li, nhà báo và nhà hoạt động chính trị nổi tiếng ở Mỹ sáng lập, cho đến giữa những năm 50, tờ báo là cơ quan của cánh tả của đảng Vích Mỹ, rồi là cơ quan của đảng cộng hoà. Trong những năm 40-50, báo đứng trên lập trường tiến bộ và phản đối chế độ nô lệ. Nhiều nhà văn và nhà báo nổi tiếng Mỹ đã tham gia tờ báo, một trong những biên tập viên của nó từ cuối những năm 40 là Sác-lơ Đa-na, người chịu ảnh hưởng của những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng. Sự cộng tác của Mác với tờ báo bắt đầu từ tháng Tám 1851 và kéo dài trên mười năm cho đến tháng Ba 1862, một số lượng lớn các bài gửi cho "*New-York Daily Tribune*" là do Ăng-ghen viết theo yêu cầu của Mác. Những bài của Mác và Ăng-ghen trong "*New-York Daily Tribune*" bao gồm những vấn đề quan trọng nhất của chính trị quốc tế và trong nước, phong trào công nhân, sự phát triển kinh tế của các nước châu Âu, sự bành trướng thuộc địa, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước bị áp bức và phụ thuộc v.v.. Trong thời kỳ các thế lực phản động hoành hành ở châu Âu, Mác và Ăng-ghen đã lợi dụng tờ báo Mỹ phát hành rộng rãi này để dựa vào những tài liệu cụ thể mà vạch trần những tệ hại của xã hội tư bản chủ nghĩa,

những mâu thuẫn không thể điều hoà vốn có ở nó, cũng như chỉ ra tính chất hạn chế của nền dân chủ tư sản.

Bộ biên tập báo "New-York Daily Tribune" nhiều khi xử lý tùy tiện những bài của Mác và Ăng-ghe-n, đăng nhiều bài không ghi tên tác giả dưới hình thức xã luận của ban biên tập, một số trường hợp ban biên tập đã tự tiện sửa chữa nguyên văn, Mác đã nhiều lần phản kháng những hành động ấy của ban biên tập. Từ mùa thu 1857 do cuộc khủng hoảng kinh tế ở Mỹ cũng ảnh hưởng đến tình hình tài chính của tờ báo, Mác đã phải giảm số lượng các bài viết của mình cho "New-York Daily Tribune". Sự cộng tác của Mác với tờ báo đã ngừng hẳn vào đầu cuộc nội chiến ở Mỹ; việc tăng thêm những người ủng hộ sự hoà hiệp với các bang còn chế độ chiếm hữu nô lệ trong ban biên tập và việc tờ báo xa rời lập trường tiến bộ đã có tác dụng quan trọng trong sự đoạn tuyệt của "New-York Daily Tribune" với Mác.-604.

442 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 13, tr. 596.

Trong cuốn sách nhỏ của Ăng-ghe-n "Pô và Ranh" - xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 13, tr. 233-281- còn về ý kiến phê bình thuyết "cường quốc Trung Âu", xem tr. 236-237.-604.

443 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 13, tr. 179-183.

"*Bas Empire*" ("đế quốc thời kỳ suy tàn") - trong các sách lịch sử có khi được dùng để chỉ đế quốc Bỉ-dăng-xơ cũng như đế quốc La Mã sau này, dần dần trở thành chữ thông dụng để chỉ quốc gia ở vào giai đoạn suy tàn và tan rã.-604.

444 Đầu tháng Tư 1859, Phô-gơ gửi cho Phrai-li-grát cũng như nhiều nhân vật khác bản "Cương lĩnh" chính trị của mình trong đó, theo tinh thần tuyên truyền của phái Bô-na-pác-tơ, ủng hộ sự trung lập của Hiệp bang Đức trong cuộc chiến tranh sắp nổ ra giữa Pháp và Áo.-605.

445 "*Tranh luận ở nghị viện của Han-sác-dơ*" ("Hansard's Parliamentary Debates")- những báo cáo về hội nghị của hai viện của nghị viện Anh; tên gọi này lấy tên người xuất bản Tô-ma Kéc-xơ-n Han-xa, người xuất bản định kỳ những báo cáo đó từ năm 1803.

"*Sách xanh*" (Blue Books)-tên gọi chung những tài liệu công bố của nghị viện Anh và những văn kiện ngoại giao của Bộ ngoại giao. Sở dĩ Sách xanh mang tên gọi ấy là vì bìa của nó có màu xanh được xuất bản ở Anh từ thế kỷ XVII và là tư liệu chính thức chủ yếu về lịch sử kinh tế và ngoại giao của nước này.-606.

446 Xem một loạt bài báo của C.Mác "Huân tước Pan-móc-xton" (trong C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 9, tr. 453-537).

"*The People's Paper*" ("Báo Nhân dân")-tờ báo ra hàng ngày của phái Hiến chương, do một trong những thủ lĩnh của phái Hiến chương cách mạng, bạn của Mác và Ăng-ghe-n là E. Giôn-xơ sáng lập ở Luân Đôn tháng Năm 1852. Từ tháng Mười 1852 đến tháng Chạp 1856, Mác và Ăng-ghe-n đã cộng tác với tờ báo cũng như giúp đỡ báo việc biên tập. Ngoài những bài mà Mác và Ăng-ghe-n viết riêng cho "People's Paper", tờ báo này còn đăng lại những bài quan trọng nhất đã đăng trong "New-York Daily Tribune". Vào thời kỳ đó, "People's Paper" nhất quán bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và tuyên truyền tư tưởng của chủ nghĩa xã hội. Việc Giôn-xơ nhích gần phái cấp tiến tư sản dẫn tới việc Mác và Ăng-ghe-n ngừng cộng tác với "People's Paper" và tạm thời cắt đứt quan hệ với Giôn-xơ, tháng Sáu 1858 tờ báo chuyển sang tay các nhà kinh doanh tư sản.-606.

447 Chỉ bài thứ ba trong một loạt bài của Mác "Huân tước Pan-móc-xton" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 9, tr. 474-488) được báo "Glasgow Sentinel" ("Người bảo vệ Gla-xgô") đăng lại ngày 26 tháng Mười một 1853 dưới nhan đề "Pan-móc-xton và nước Nga"; trong mục lục của một trong những xuất bản phẩm sau này nhan đề là "Pan-móc-xton và Ba Lan" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 9, chú thích 295).-606.

448 Tác phẩm của C.Mác "Sự thất thủ Các-xơ" đăng trên báo "The People's Paper" trong các số ra ngày 5, 12, 19 và 26 tháng Tư 1856 (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 11, tr. 633-667).

Các Ủy ban đối ngoại (Foreign Affairs Committees) - những tổ chức có tính chất xã hội do Uớc-các-tơ và những người ủng hộ ông ta thành lập ở nhiều thành phố Anh trong những năm 40-50 của thế kỷ XIX chủ yếu là để đấu tranh chống chính

sách của Pan-móc-xton.-607.

449 Có ý nói đến lời tựa chưa hoàn thành do Mác viết cho tác phẩm mà ông dự định viết về lịch sử ngoại giao của Anh và Nga thế kỷ XVIII; đăng lần đầu trên các báo "Sheffield Free Press" và "Free Press" ở Luân Đôn vào tháng Sáu 1856- tháng Tư 1857 với nhan đề "Revelations of the Diplomatic History of the 18th Century". Năm 1899 được con gái Mác là Ê-lê-ô-nô-ra Ê-vơ-linh xuất bản ở Luân Đôn thành một cuốn sách riêng nhan đề "Secret Diplomatic History of the Eighteenth Century" ("Lịch sử ngoại giao bí mật của thế kỷ XVIII").

"The Free Press" ("Báo chí tự do", xuất bản ở Luân Đôn những năm 1855-1856) và "The Sheffield Free Press" ("Báo chí tự do Sép-phin", xuất bản ở Sép-phin những năm 1851-1857) - những tờ báo tư sản Anh do Uốc-các-tơ và những người ủng hộ ông ta sáng lập.-607.

450 "The Morning Star" ("Sao mai")-tờ báo Anh ra hằng ngày, cơ quan ngôn luận của phái Mậu dịch tự do, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1856 đến 1869.

Trường phái Man-se-xơ - một khuynh hướng trong tư tưởng kinh tế, phản ánh lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp. Những người ủng hộ phái này, tức những người chủ trương mậu dịch tự do, bảo vệ tự do mậu dịch và không có sự can thiệp của nhà nước vào đời sống kinh tế. Trung tâm cổ động của phái Mậu dịch tự do là ở Man-se-xơ, lãnh đạo phong trào này ở đây là hai chủ xưởng dệt Cốp-đen và Brai-tơ, họ tổ chức ra Đồng minh chống đạo luật về lúa mì vào năm 1838. Trong những năm 40-50 phái Mậu dịch tự do là một tập đoàn chính trị độc lập về sau thành cánh tả của đảng tự do.-607.

451 "Die Neue Zeit" ("Thời mới")- tờ báo công nhân, cơ quan của những người lưu vong Đức, xuất bản ở Luân Đôn từ tháng Sáu 1858 đến tháng Tư 1859.

"Hermann"-tên gọi tắt của tuần báo "Hermann. Deutsches Wochenblatt aus London" ("Héc-man. Tuần báo tiếng Đức xuất bản từ Luân Đôn"), cơ quan của những người dân chủ tiểu tư sản Đức; Gốt-phrít Kín-ken là biên tập của nó từ tháng Giêng đến tháng Sáu 1859.-607.

452 "Die Hornisse" ("Ong bò vẽ")-tờ báo tiếng Đức do các nhà dân chủ tiểu tư sản Xây-dơ và Ken-ne xuất bản những năm 1848-1850 ở Cát-xen; trong những năm 1848 -

1849, Bi-xcam-pơ đã cộng tác với tờ báo này.-608.

453 *Tín đồ Moóc-môn* -tín đồ của một giáo phái, thành lập năm 1830 ở Hợp chúng quốc Mỹ. Người sáng lập ra giáo phái này là Giô-dép Xmit (1805-1844) dường như được thần khải gợi ý đã viết "Kinh Moóc-môn". Trong cuốn sách này chứa đầy những sự tưởng tượng hoang đường đã lấy danh nghĩa nhà tiên tri Moóc-môn thuật lại cuộc di cư của các bộ lạc I-xra-en sang Mỹ dường như diễn ra vào thời cổ đại.-609.

454 Mác đã viết không chính xác. Câu này lấy không phải của Muyn-ne mà ở Grin-pác-xe. Xem Ph. Grin-pác-xe "Nữ thủy tổ", màn 3.-610.

455 "Allgemeine Zeitung" số 158, ngày 7 tháng Sáu 1859 đã đăng thư của I-a-cốp Vê-nê-đây vạch trần đặc biệt là quan hệ của Phô-gơ với hoàng thân Giô-dép Na-pô-lê-ông.-611.

456 Xem chú thích 388.-612.

457 Mác gọi một cách châm biếm Phô-gơ là "Mindrer des Reichs" kẻ thu hẹp đất đai đế quốc để đối lập với vương hiệu thường dùng của các hoàng đế Đức thời trung cổ "Mehrer des Reichs" nghĩa là kẻ mở rộng đất đai đế quốc. Cũng xem tr.671-672, tập này.

Báo chí Tiểu Đức-báo chí phản ánh lập trường của những kẻ chủ trương thành lập Tiểu Đức nghĩa là thống nhất nước Đức dưới sự lãnh đạo của Phổ không bao gồm Áo.-613.

458 Xem "Allgemeine Zeitung" số 300, ngày 27 tháng Mười 1859.-619.

459 "Stimmen der Zeit" ("Tiếng nói thời đại") - nguyệt san của giai cấp tiểu tư sản Đức do A. Cô-la-sếch xuất bản những năm 1858-1862, ban đầu ở Gô-ta, rồi ở Vây-ma, Lai-pxích và Hai-đen-béc (đồng thời), cũng như ở Viên và Lai-pxích (đồng thời).

"Monatsschrift"-tên gọi tắt của tạp chí của giai cấp tiểu tư sản Đức "Deutsche Monatsschrift für Politik, Wissenschaft, Kunst und Leben" ("Nguyệt san Đức về văn đề chính trị, khoa học, nghệ thuật và đời sống") do A.Cô-la-sếch xuất bản ở Stút-gát năm 1850 và ở Brê-men năm 1851.-620.

460 "Daily Telegraph" ("Tin điện hàng ngày")- tờ báo ra hằng ngày của phái tự do Anh, còn từ những năm 80 của thế kỷ XIX là tờ báo của phái bảo thủ, xuất bản với tên gọi đó ở Luân Đôn từ năm 1855 đến năm 1937; từ năm 1937 sau khi hợp nhất với báo "Morning Post" ("Bưu điện buổi sáng") xuất bản với tên gọi "Daily Telegraph and Morning Post".-621.

- 461 Có ý nói đến Hiệp bang Đức-xem chú thích 397.-627.
- 462 "Correspondence respecting the Affairs of Italy, January to May 1859, Presented to both Houses of Parliament by Command of her Majesty, 1859", London, ("Thư từ về sự kiện I-ta-li-a. Từ tháng Giêng đến tháng Năm 1859, Đề trình hai viện của Nghị viện theo chỉ thị của Nữ hoàng vào năm 1859". Luân Đôn).-629.
- 463 *Poóc-tơ-Xanh-Mác-tanh* - nhà hát ở Pa-ri, trong thời gian nổ ra cuộc chính biến tháng Chạp 1851 ở gần đó đã xảy ra việc binh lính của Bô-na-pác-tơ đánh đập những người cộng hoà.-630.
- 464 *Chiến tranh kế thừa ngôi vua Áo* - xem chú thích 43.
Chiến tranh bảy năm-xem chú thích 46.-630.
- 465 *Hiệp ước Ba-lơ*— xem chú thích 193.-630.
- 466 Mác có ý nói đến hiệp ước bí mật chống Nga và Phổ mà Pháp, Áo và Anh ký kết ngày 3 tháng Giêng 1815 trong thời gian Đại hội Viên với mục đích không để cho Phổ chiếm toàn bộ đất đai của Vương quốc Dắc-den và ngăn chặn sự sáp nhập vào Nga toàn bộ đất đai của đại công quốc Vác-sa-va cũ. Việc ký kết hiệp ước bí mật này phản ánh mâu thuẫn giữa các nước trước đây tham gia liên minh chống Na-pô-lê-ông đã sâu sắc thêm một cách gay gắt dường như dẫn tới xung đột công khai giữa họ với nhau.-630.
- 467 Có ý nói tới hiệp định giữa Áo và Anh do Mét-téc-ních và Ca-xlê-ri ký tháng Mười 1821 trong thời gian vua Anh Gioóc-giơ IV thăm Han-nô-vơ. Hiệp định nhằm chống lại chính sách của Nga trong vấn đề Hy Lạp.-630.
- 468 *Hoà ước Vi-la-phrăng-ca*— xem chú thích 325.-631.
- 469 Có ý nói tới Hoà ước Xát-ma là hiệp định ký kết giữa Vương triều Háp-xbuốc với tầng lớp quý tộc Hung-ga-ri ngày 1 tháng Năm 1711 ở thành phố Xát-ma (Hung-ga-ri) do thất bại của phong trào giải phóng dân tộc ở Hung-ga-ri, Hoà ước Xát-ma củng cố sự thống trị của Vương triều Háp-xbuốc ở Hung-ga-ri cũng như tăng cường quyền lực của tầng lớp quý tộc Hung-ga-ri đối với nông dân. Đồng thời, theo Hoà ước Xát-ma, tầng lớp quý tộc đã được nhiều sự nhượng bộ về chính trị của Vương triều Háp-xbuốc.-631.
- 470 Có ý nói tới Công ước Luân Đôn ký ngày 15 tháng Bảy 1840 giữa một bên là Anh,

- Nga, Áo và Phổ với một bên là Thổ Nhĩ Kỳ về việc viện trợ quân sự cho hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ chống lại vua Ai Cập Mô-ham-mét A-li, có Pháp ủng hộ. Công ước Luân Đôn phản ánh sự cạnh tranh của các cường quốc châu Âu chủ yếu là Anh, Pháp và Nga trong cuộc đấu tranh của họ giành chính quyền bá chủ ở Cận Đông.-632.
- 471 Theo hiệp ước ký giữa Chính phủ Anh và Chính phủ Vương quốc hai Xi-xin (Vương quốc Na-p lơ) năm 1816 thì Vương quốc hai Xi-xin không được dành đặc quyền thương mại cho nước khác làm thiệt hại đến lợi ích của Anh. Năm 1838 vua Na-p lơ cho Công ty Pháp độc quyền khai thác lưu hoàng nên gây ra sự phản kháng mãnh liệt của Anh. Để buộc vua Na-p lơ huỷ bỏ quyết định trên, năm 1840 Chính phủ Anh ra lệnh cho hạm đội của mình ở Địa Trung Hải mở đầu hành động quân sự. Na-p lơ buộc phải thực hiện yêu cầu của Anh.-632.
- 472 Tháng Tám 1858 đã đạt được hiệp định giữa Nga và Vương quốc Xác-đi-ni về việc tạm thời cho một công ty tàu biển và thương mại Nga có quyền sử dụng phần phía đông của cảng Pi-ê-mông là Vi-la-phrăng-ca ở trên bờ biển Địa Trung Hải gần Ni-xơ để đỗ, sửa chữa và lấy nhiên liệu cho tàu.

Năm 1853 Phổ mua của công quốc On-đen-buốc một phần duyên hải vịnh I-át để xây dựng quân cảng (cảng này mang tên Vin-hem-ga-phen xây dựng 1855-1869).-634.
- 473 "La vraie question. France-Italia-Autriche" Paris, 1859.-635.
- 474 Tháng Hai 1846 cuộc khởi nghĩa được chuẩn bị trên đất Ba Lan nhằm giải phóng dân tộc Ba Lan. Những người khởi xướng chủ yếu của cuộc khởi nghĩa là các nhà dân chủ cách mạng Ba Lan (Đem-bốp-xki, v.v.). Nhưng do sự phản bội của các phần tử quý tộc và do những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa bị cảnh sát Phổ bắt, nên cuộc tổng khởi nghĩa bị phá vỡ và chỉ xảy ra những cuộc nổi dậy cách mạng lẻ tẻ. Chỉ có ở Cra-cốp được tuyên bố là thành phố tự do năm 1815 căn cứ vào Điều ước Viên, những người khởi nghĩa đã giành được thắng lợi ngày 22 tháng Hai và thành lập chính phủ quốc dân, ra tuyên ngôn thủ tiêu các nghĩa vụ phong kiến. Cuộc khởi nghĩa ở Cra-cốp bị đè bẹp vào đầu tháng Ba 1846. Tháng Mười một 1846, Áo, Phổ và Nga ký hiệp định về việc sáp nhập Cra-cốp vào đế quốc Áo.-635.
- 475 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 9, tr. 474-487.-636.

- 476 "La loi des traités, les puissances signataires et L'empereur Napoléon III", Paris, 1859.-636.
- 477 Có ý nói đến sắc chỉ về lãnh địa ngày 8 (20) tháng Mười một 1847, căn cứ vào đó khi lãnh địa của địa chủ đem bán vì nợ nần thì nông nô có quyền chuộc bản thân cùng với ruộng đất (chi tiết về vấn đề này, xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 12, tr. 699-700).-637.
- 478 Xem Ca-ram-din "Lịch sử nhà nước Nga", t. XI, X.Pê-téc-bua, 1835 Ch.I, tr. 23.-638.
- 479 P. Dolgoroukow "La verité sur la Russie" Paris, 1860.-638.
- 480 Ra sức củng cố thế lực của mình ở Ban-căng, Nga đã ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Ban-căng chống sự thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ. Cùng với Pháp là nước cũng tăng cường ảnh hưởng ở Ban-căng, Nga đã ủng hộ nguyện vọng của Môn-đa-vi-a và Va-la-khi là hợp nhất và thành lập quốc gia Ru-ma-ni. Tháng Giêng 1859, với sự giúp sức của Nga và Pháp, đại tá Cu-da được cử làm vua (người cầm quyền) của hai công quốc ấy. Quốc gia Ru-ma-ni thống nhất được thành lập năm 1862.-638.
- 481 "*Preußisches Wochenblatt*" ("Tuần báo Phổ")- tuần báo của phái bảo thủ Đức, xuất bản ở Béc-lin những năm 1851-1861.-638.
- 482 *Đại hội Nê-mi-rốp* tiến hành ở Nê-mi-rốp, một toà thành nhỏ ở U-cra-i-na, từ ngày 15 tháng Tám đến ngày 11 tháng Mười một 1737, do Thổ Nhĩ Kỳ đề xướng triệu tập trong thời kỳ chiến tranh Nga-Thổ Nhĩ Kỳ (1735-1739), Áo tham gia cuộc chiến tranh đó năm 1737 đứng về phía Nga. Đoàn đại biểu Nga đưa ra yêu cầu biến Môn-đa-vi-a và Va-la-khi thành một công quốc độc lập dưới sự bảo trợ của Nga làm một trong những điều kiện ký hoà ước. Thổ Nhĩ Kỳ bác bỏ phần lớn các đề nghị đưa ra tại đại hội và tiếp tục các hoạt động quân sự.
- Đại hội Phốc-sa-na* tiến hành từ 27 tháng Bảy đến 28 tháng Tám 1772 ở toà thánh nhỏ ở Phốc-sa-na (Môn-đa-vi-a thuộc Ru-ma-ni) nhằm mục đích chấm dứt cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ do Thổ Nhĩ Kỳ gây ra năm 1768. Phía Nga đặc biệt đưa ra đại hội để nghị để cho Va-la-khi và Môn-đa-vi-a được độc lập dưới sự bảo trợ chung của các nước châu Âu nhưng Thổ Nhĩ Kỳ bác bỏ yêu cầu đó cũng như các yêu cầu khác của đại diện toàn quyền Nga. Đại hội kết thúc không kết quả và

- các hoạt động quân sự lại tiếp diễn.-639.
- 483 Xem chú thích 177.-639.
- 484 *Quy chế tổ chức năm 1831* - hiến pháp đầu tiên của Các công quốc vùng Đa-nuýp (Môn-đa-vi-a và Va-la-khi) được thông qua theo đề nghị của P. Đ. Ki-xê-li-ép, người đứng đầu cơ quan cai trị Nga ở các vương quốc ấy bị quân đội Nga chiếm đóng theo điều khoản của Hoà ước A-đri-a-nô-pôn năm 1829 kết thúc cuộc chiến tranh Nga- Thổ Nhĩ Kỳ 1828 - 1829. Theo Quy chế tổ chức, quyền lập pháp của mỗi công quốc trao cho quốc hội do đại địa chủ bầu ra, còn quyền hành pháp trao cho một vị vua do đại biểu của địa chủ, tăng lữ và của thành thị bầu ra suốt đời. Quy chế củng cố địa vị thống trị của đại quý tộc và tăng lữ lớp trên, duy trì chế độ phong kiến trước kia nhưng đồng thời đưa ra một số cải cách tư sản: thủ tiêu thuế quan trong nước, thực hiện tự do mậu dịch, toà án tách khỏi hành chính v.v.. Trong thời kỳ cách mạng 1848, Quy chế tổ chức đã bị thủ tiêu.-639.
- 485 "*Hê-tê-ri*" ("chính xác hơn là "Phê-lích Hê-tê-ri") - một tổ chức bí mật Hy Lạp thành lập năm 1814 có trung tâm ở Ô-đét-xa và các chi nhánh ở tất cả các thành phố lớn ở Hy Lạp; đặt ra mục đích là chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang chống lại sự thống trị của Thổ Nhĩ Kỳ. Chính phủ Nga hoàng bí mật ủng hộ "*Hê-tê-ri*".-640.
- 486 Về sự can thiệp của Lu-i XVIII vào Tây Ban Nha, xem chú thích 244.-641.
- 487 *Trận Na-va-rin* (Na-va-rin là thành phố và hải cảng ở Hy Lạp) xảy ra ngày 28 tháng Mười 1827 giữa hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ - Ai Cập với phân hạm đội liên hiệp Anh, Pháp và Nga do đô đốc Anh A. Côn-đrinh-ton chỉ huy được các cường quốc châu Âu phái đến hải phận Hy Lạp nhằm mục đích bằng vũ lực điều đình cuộc chiến tranh giữa Thổ Nhĩ Kỳ và những người khởi nghĩa Hy Lạp. Sau khi bộ tư lệnh Thổ Nhĩ Kỳ cự tuyệt ngừng tàn sát dân cư Hy Lạp, trận chiến đấu bắt đầu, hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ - Ai Cập bị tiêu diệt hoàn toàn và đẩy nhanh sự bùng nổ của cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ 1828 - 1829 mà Nga thắng lợi. Trong trận Na-va-rin, phân hạm đội Nga, đặc biệt là Kỳ hạm "A-dốp" do M. Q. La-da-rép chỉ huy đã có đóng góp xuất sắc.-641.
- 488 "*The Times*" ("Thời báo") - báo ra hàng ngày lớn nhất ở Anh thuộc phái bảo thủ, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1785.-642.
- 489 "*Nước I-ta-li-a trẻ*" - tổ chức bí mật của những nhà cách mạng tư sản I-ta-li-a, tồn

tại trong những năm 1831 - 1848, do Mát-di-ni thành lập. Mục đích của họ là đấu tranh cho sự thống nhất I-ta-li-a "từ bên dưới" (bằng con đường cách mạng) và thành lập nước Cộng hoà I-ta-li-a.-642.

490 Có ý nói đến cuộc đàm phán giữa đại diện của Áo và Phổ vào tháng Mười 1850 ở Vác-sa-va với sự trung gian của Ni-cô-lai I nhằm mục đích điều chỉnh quan hệ giữa hai nước mà cuộc đấu tranh giành quyền bá chủ ở Đức đã làm sâu sắc thêm sau Cách mạng 1848 - 1849, đặc biệt là do cuộc xung đột vì vấn đề hầu quốc Hét-xen (xem chú thích 397), và vấn đề Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ. Tuy có sự ký kết giữa Phổ và Đan Mạch vào tháng Bảy 1850 Hoà ước Béc-lin khôi phục tình hình trước cách mạng ở Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ, Phổ vẫn tiếp tục giúp đỡ hai công quốc này trong cuộc đấu tranh với Đan Mạch. Thủ tướng Áo Svác-xen - bác yêu cầu cho quân Áo vào Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ để bình định hai công quốc này nhưng Chính phủ Phổ phản đối. Hoàng đế Ni-cô-lai I không muốn Phổ tăng thêm thế lực và ra sức duy trì tình trạng cát cứ phong kiến ở Đức đã ngó ý ở Vác-sa-va rằng ông kiên quyết ủng hộ Áo. Cuộc xung đột giữa Phổ và Áo được giải quyết vào cuối tháng Mười một 1850 trong cuộc đàm phán giữa những người đứng đầu hai chính phủ tại thành phố Ôn-muýt của Séc (Ô-lô-snô-út-sơ). Theo Hiệp định Ôn-muýt ký ngày 29 tháng Mười một 1850, Phổ buộc phải từ bỏ tham vọng đóng vai trò lãnh đạo nước Đức cũng như buộc phải nhượng bộ Áo trong vấn đề Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ và hầu quốc Hét-xen. Do hiệp định này, một quân đoàn của Áo được phái đến Hôn-stai-nơ.-643.

491 Đây là nói về báo cáo khẩn của đại sứ Nga ở Pháp Pốt-xô-đi-Boóc-gơ gửi bá tước thủ tướng Nê-xen-rô-đê ngày 16 (4) tháng Mười 1825. Báo cáo khẩn này là công văn trả lời thông tư của Nê-xen-rô-đê thảo ra theo chỉ thị của A-lếch-xan-đrơ I ngày 18 (6) tháng Tám 1825 hỏi ý kiến các đại sứ Nga ở nước ngoài về thực chất chính sách mà các cường quốc phương Tây thi hành đối với nước Nga trong vấn đề phương Đông và về đường lối ngoại giao của Nga.-643.

492 Th. Lapinski "Feldzug der Ungarischen Hauptarmee im Jahre 1849", Hamburg, 1850.-647.

493 B. Szemere "Hungary, from 1848 to 1860", London, 1860.-648.

494 Có ý nói đến bản đồ "Các nước Xla-vơ" mà nhà học giả người Séc chuyên nghiên cứu về vấn đề Xla-vơ là Pa-ven I-ô-xíp Sa-pha-rích vẽ cho cuốn sách của mình "Các dân tộc Xla-vơ" ("Slovanský národopis"), xuất bản năm 1842.-652.

495 "*Pensiero and Azione*" ("Tư tưởng và hành động") - cơ quan ngôn luận của các nhà dân chủ tư sản I-ta-li-a do Mát-di-ni chủ biên, xuất bản tháng hai kỳ trong những năm 1858 - 1859 ở Luân Đôn và năm 1860 ở Lu-ga-nô và Giê-nơ.

Bản tuyên ngôn của Mát-di-ni được trích dẫn ở dưới đã được Mác dịch ra tiếng Anh và đăng kèm lời tựa ngắn trên tờ "New - York Daily Tribune" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 13, tr. 381-386.-654.

496 "*Bài ca về Lu-i*" - bài thơ của một nhà thơ khuyết danh thời trung cổ viết vào cuối thế kỷ IX bằng phương ngữ phrăng. Bài thơ là bài tán tụng vua xứ Tây Phrăng Lu-i III, ca ngợi nhà vua đánh thắng người Noóc-măng năm 881.-655.

497 Ngày 11 tháng Sáu 1849 lãnh tụ phái dân chủ tiểu tư sản, Lơ-đru Rô-lăng đưa ra Quốc hội lập pháp đề nghị truy tố tổng thống Lu-i Bô-na-pác-tơ và các bộ trưởng của ông ta về tội vi phạm hiến pháp ở chỗ phái binh lính Pháp bao vây La Mã nhằm đập tan nước Cộng hoà La Mã và khôi phục thế quyền của giáo hoàng. Sau khi đa số bảo thủ của Quốc hội bác bỏ đề nghị ấy, phái dân chủ tiểu tư sản mưu toan tổ chức vào ngày 13 tháng Sáu 1849 cuộc biểu tình quần chúng phản đối việc vi phạm hiến pháp. Cuộc biểu tình đã bị binh lính của chính phủ giải tán. Nhưng nhà hoạt động nổi tiếng của phái Núi - phái tiểu tư sản trong Quốc hội lập pháp - bị tước quyền nghị sĩ và bị đàn áp, một bộ phận trong họ lưu vong ra nước ngoài. Sự kiện này 13 tháng Sáu bộc lộ tính do dự của các thủ lĩnh phái Núi và sự bất lực của họ trong việc lãnh đạo phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân (về điểm này, xem C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 7, tr. 50-89.-656.

498 "*Na-pô-lê-ông Bé*" - biệt hiệu mà Vích-to Huy-gô đặt cho Lu-i Bô-na-pác-tơ trong bài diễn văn của ông đọc tại phiên họp của Quốc hội lập pháp của nước Pháp năm 1851, biệt hiệu được lưu truyền rộng rãi từ khi bài đã kích của Huy-gô "Na-pô-lê-ông Bé" ("Napoléon le Petit") ra đời năm 1852.-658.

499 Năm 1852 Chính phủ Pháp đặt ra kế hoạch di cư người da đen từ châu Phi kể cả các lãnh địa châu Phi thuộc Bồ Đào Nha đến lao động ở các đồn điền của các thuộc địa Pháp ở Tây Ấn. Việc thực hiện kế hoạch này trên thực tế đã khôi phục việc buôn bán nô lệ dẫn tới cuộc xung đột giữa Pháp và Bồ Đào Nha.-659.

500 Mác dùng "*lois de sûreté publique*" (luật về an ninh xã hội) để chỉ cái gọi là "luật về

những người bị tình nghi" do Đoàn lập pháp thông qua ngày 19 tháng Hai 1858. Luật này trao cho chính phủ và hoàng đế quyền lực vô hạn về đưa đi đày tại các nơi ở Pháp và An-giê-ri hoặc trục xuất khỏi lãnh thổ Pháp tất cả những người bị tình nghi là thù địch với chế độ của Đế chế thứ hai.-660.

- 501 Sắc lệnh ngày 27 tháng Giêng 1858, phỏng theo Tây Ban Nha là nơi mà tư lệnh quân khu - tư lệnh trấn thủ có quyền lực tuyệt đối, chia lãnh thổ của Đế chế thứ hai thành 5 quân khu, đứng đầu mỗi quân khu là một nguyên soái.

Sắc lệnh về chế độ nhiếp chính và về thiết lập Hội đồng cơ mật ban hành ngày 1 tháng Hai 1858 chẳng bao lâu sau khi Oóc-xi-ni hành thích Na-pô-lê-ông III. Pê-li-xi-ê là thành viên của Hội đồng cơ mật, hội đồng này sẽ trở thành Hội đồng nhiếp chính khi con trai còn nhỏ tuổi của Hoàng đế lên ngôi.-660.

- 502 Na-pô-lê-ông III là con trai của em Na-pô-lê-ông I, Lu-i Bô-na-pác-tơ chiếm ngôi vua Hà Lan những năm 1806 - 1810. Gọi Na-pô-lê-ông III là "người cháu của trận Ô-xtéc-lít", Mác ám chỉ sự việc là cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 được bố trí vào ngày kỷ niệm trận Ô-xtéc-lít (2 tháng Chạp 1805), trong đó Na-pô-lê-ông đánh tan quân đội liên minh Nga - Áo.-660.

- 503 Nhà chính luận Pháp Mông-ta-lăm-be viết bài lên án chế độ của Đế chế thứ hai đã bị đưa ra xét xử vào cuối năm 1858. Na-pô-lê-ông III án xá bị cáo nhưng Mông-ta-lăm-be cự tuyệt ân xá, đòi trắng án. Mác so sánh một cách châm biếm vụ án này với vụ xét xử Giôn Hem-pơ-đen, một trong những nhà hoạt động xuất sắc của cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII, năm 1636 đã từ chối nộp cho nhân viên thu thuế hoàng gia "thuế đóng tàu" là thứ thuế không được Hạ nghị viện phê chuẩn. Vụ xét xử Hem-pơ-đen thúc đẩy trên mức độ đáng kể sự lớn mạnh của phe đối lập chống chế độ chuyên chế trong xã hội Anh.

Trong tập sách nhỏ "La Justice poursuivie par l'Eglise" ("Chính nghĩa mà giáo hội theo đuổi"), xuất bản năm 1858 ở Bruy-xen, khi so sánh Vương triều Bô-na-pác-tơ với Vương triều Oóc-lê-ăng, Pru-đông đã tỏ ra thích thú những nguyên tắc quản lý mà Vương triều Oóc-lê-ăng tuyên bố với những điều kiện bảo lưu về sự cần thiết của một số cải cách dân chủ. Mác so sánh một cách châm biếm những điều kiện bảo lưu ấy với Acte additionel (Văn kiện bổ sung) là những quy định về lập hiến mà Na-pô-lê-ông thực hiện ở Pháp năm 1815 sau khi từ đảo En-bơ trở về.-660.

- 504 Chỉ cuộc nổi dậy có tính chất cộng hoà bị thất bại của binh lính ở Sa-lôn trên sông Xôn ngày 6 tháng Ba 1858.-660.

- 505 Tháng Hai 1858 trước sự đe dọa của Chính phủ Pháp lên án Anh cung cấp nơi lánh nạn cho những người lưu vong chính trị, Pan-mốc-xton đưa ra Hạ nghị viện dự luật về ngoại kiều, căn cứ vào đó ngoại kiều cũng như người Anh sẽ bị trừng trị nghiêm ngặt về việc tham gia hoạt động âm mưu. Do sức ép của phong trào phản đối của quần chúng, dự luật đã bị Hạ nghị viện bác bỏ còn Pan-mốc-xton buộc phải từ chức.-660.

- 506 Có ý nói đến hiệp định bí mật về liên minh giữa Pháp và Vương quốc Xác-đi-ni (Pi-ê-mông) trong chiến tranh chống Áo ký kết vào tháng Bảy 1858 ở Plôm-bi-éc (Pháp) giữa hoàng đế Pháp Na-pô-lê-ông III với người đứng đầu Chính phủ Xác-đi-ni là Ca-vua. Na-pô-lê-ông III hứa viện trợ quân sự cho Ca-vua để giải phóng Lô-m-bác-đi và Vơ-ni-dơ khỏi ách thống trị của Áo và sáp nhập những xứ ấy vào Vương quốc Xác-đi-ni, để đổi lại việc vương quốc này phải nhượng cho Pháp Xa-voa và Ni-xơ. Trong thời gian hội kiến ở Plôm-bi-éc đã quyết định vấn đề chiến tranh của Pháp và Xác-đi-ni chống Áo nổ ra tháng Tư 1859 (xem chú thích 325).

Mùa thu 1858, Pan-mốc-xton bấy giờ đứng đầu phe đối lập Vích chống lại nội các Tơ-ri Đốc-bi - Đê-xra ê-li được Na-pô-lê-ông III mời đến Côm-pi-eng để giải thích lập trường của mình trong cuộc chiến tranh sắp nổ ra của Pháp chống Áo. Trong cuộc hội kiến, Pan-mốc-xton không phản đối việc đánh đuổi người Áo khỏi I-ta-li-a.-662.

- 507 Ám chỉ cuốn sách của Lu-i Bô-na-pác-tơ "Những tư tưởng của Na-pô-lê-ông" xuất bản ở Pa-ri năm 1839 (Napoléon - Louis Bonaparte. "Des idées napoléoniennes". Paris, 1839).-662.

- 508 "*The Economist*" ("Nhà kinh tế học") - tuần báo Anh về vấn đề kinh tế và chính trị, xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1843, cơ quan ngôn luận của giai cấp đại tư sản công nghiệp.-663.

- 509 "Napoléon III et la question roumaine", Paris, 1859.-666.

- 510 E.About, "La Prusse en 1860", Paris, 1860 (E.A-bu, "Nước Phổ năm 1860", Pa-ri, 1860).-666.

511 "Correspondance secrète et confidentielle de Napoléon" 7 vols, Paris, 1817.-667.

512 Mác dùng mấy chữ *cuộc duyệt binh lập xương* để gọi một cách châm biếm cuộc tổng duyệt binh của tổng thống Lu-i Bô-na-pác-tơ ngày 10 tháng Mười 1850 tại cánh đồng Xa-tô-ri (gần Véc-xay). Trong buổi duyệt binh, Lu-i Bô-na-pác-tơ đã tổ chức chiêu đãi binh sĩ và sĩ quan bằng món lập xương, món thịt thú săn được để nguội, rượu sâm banh và thuốc lá, định dùng cái đó mua chuộc quân đội để chuẩn bị cho cuộc đảo chính sắp tới.

Về *chiến dịch I-ta-li-a* và *cuộc viễn chinh Ai Cập* của Bô-na-pác-tơ, xem chú thích 81 và 83.

Về *cuộc phiêu lưu ở Xơ-ra-xbuốc* và *cuộc viễn chinh Bu-lông* của Lu-i Bô-na-pác-tơ, xem chú thích 345.

Ngày 18 tháng Sương mù - xem chú thích 84.-668.

513 Có ý nói tới Hiệp ước Pa-ri, tức hoà ước ký kết ngày 30 tháng Ba 1856 tại Đại hội Pa-ri giữa một bên là đại biểu của Pháp, Anh, Áo, Xéc-đi-ni, Phổ và Thổ Nhĩ Kỳ với một bên là Nga, kết thúc cuộc Chiến tranh Crưm 1853-1856. Thất bại trong chiến tranh, Nga phải nhượng cửa sông Đa-nuýp và miền Nam Bét-xa-ra-bi-a từ bỏ quyền bảo hộ đối với Các công quốc vùng Đa-nuýp, đồng ý trung lập hoá Hắc Hải nghĩa là đóng cửa eo biển không cho tàu chiến nước ngoài vào và cấm Nga và Thổ Nhĩ Kỳ có kho vũ khí hải quân và hạm đội trên Hắc Hải; để đổi lấy Xê-va-xtô-pôn và những thành phố khác bị liên quân chiếm ở Crưm, Nga trả lại Các-xơ cho Thổ Nhĩ Kỳ. Tại đại hội, Pháp không ủng hộ yêu cầu của Anh về cắt Cáp-ca-dơ khỏi Nga và yêu cầu Áo về sáp nhập Bét-xa-ra-bi-a vào Thổ Nhĩ Kỳ. Sự nhích gần giữa Pháp và Nga hình thành tại Đại hội sau này được tăng cường.-668.

514 Bazancourt. "L'Expédition de Crimée jusqu'à la prise de Sébastopol". Tomes I - II (Ba-dăng-cua. "Cuộc viễn chinh Crưm cho đến khi chiếm Xê-va-xtô-pôn" t.I - II). Xuất bản lần thứ nhất ở Pa-ri năm 1856.-668.

515 *Cuộc chiến tranh ba mươi năm* - xem chú thích 40.-674.

516 Ám chỉ *Hoà ước Căm-pô-phô-mi-ô* ngày 17 tháng Mười 1797 - xem chú thích 152.-678.

517 "La politique anglaise". Paris, 1860.-683.

518 *Viện liên bang* - một trong hai viện của Quốc hội liên bang (nghị viện) Thụy Sĩ, viện kia gọi là Viện dân tộc.-683.

519 *Nơ-sa-ten* (Đức gọi là Noi-en-buốc) - từ năm 1815 là một bang của Thụy Sĩ (trước kia là một công quốc nhỏ bị Vương triều Hô-hen-txô-léc Phổ thống trị), đồng thời lệ thuộc vào nước quân chủ Phổ. Nhờ cuộc Cách mạng tư sản tháng Hai 1848, Nơ-sa-ten tuyên bố là nước cộng hoà độc lập tách khỏi Phổ. Trên cơ sở đó sự xung đột giữa Phổ và nước Cộng hoà Thụy Sĩ nảy sinh đã đạt tới mức đặc biệt sâu sắc vào mùa thu 1856 khi nhà đương cục Thụy Sĩ bắt những người tham gia cuộc bạo động không thành công của phái bảo hoàng được vua Phổ ủng hộ. Mùa xuân 1857, nhờ sự can thiệp ngoại giao của các cường quốc khác trong đó có Pháp, cuộc xung đột được giải quyết; vua Phổ phải từ bỏ yêu cầu đối với Nơ-sa-ten, còn Chính phủ Thụy Sĩ phải thả những phần tử bảo hoàng bị bắt.-684.

520 *Dôn-đéc-bun* - liên minh riêng rẽ của các bang Thụy Sĩ theo Thiên chúa giáo và lạc hậu về kinh tế ký năm 1843 nhằm mục đích chống lại các cải cách tư sản tiến bộ ở Thụy Sĩ và bảo vệ đặc quyền của giáo hội và phái Dê-duýt; nghị quyết của Nghị viện Thụy Sĩ tháng Bảy 1847 về việc giải tán Dôn-đéc-bun đã tạo cái cớ cho Dôn-đéc-bun tiến hành vào đầu tháng Mười một hoạt động quân sự chống lại các bang khác. Ngày 23 tháng Mười một 1847, quân đội của Dôn-đéc-bun bị quân đội của Chính phủ liên bang đánh tan. Trong thời gian chiến tranh Dôn-đéc-bun, các cường quốc phản động Tây Âu - Áo và Phổ - mưu toan can thiệp vào công việc của Thụy Sĩ, ủng hộ Dôn-đéc-bun, bảo vệ Dôn-đéc-bun, chính phủ của Lu-i Phi-líp thực tế đứng trên lập trường ủng hộ các cường quốc ấy.

Thung lũng Đáp-pơ - thung lũng miền núi nằm trên biên giới bang Vác của Thụy Sĩ và Pháp. Đại hội Viên 1814-1815 đã thừa nhận bang này là lãnh thổ của Thụy Sĩ nhưng về sau Pháp không chịu thừa nhận quyết định ấy. Trước năm 1862, do ý nghĩa chiến lược của nó, thung lũng Đáp-pơ là đối tượng tranh chấp thường xuyên giữa Pháp và Thụy Sĩ. Năm 1862 Thụy Sĩ nhượng cho Pháp một phần thung lũng ấy và nhận của chính phủ của Lu-i Bô-na-pác-tơ sự bồi thường lãnh thổ.-685.

521 Trong công hàm ngày 14 tháng Ba 1859 gửi một số nước, Hội đồng liên bang Thụy Sĩ tuyên bố rằng trường hợp có chiến tranh ở I-ta-li-a, Thụy Sĩ sẽ bảo vệ sự bất khả xâm phạm và sự trung lập lãnh thổ của mình và dựa vào quyết định của Đại hội Viên

sẽ chiếm khu trung lập Xa-voa (Bắc Xa-voa).

Đại hội Viên tuyên bố "sự trung lập vĩnh viễn" của Thụy Sĩ, bằng Định ước cuối cùng của mình ngày 9 tháng Sáu 1815 tuyên bố rằng các tỉnh Sa-blê và Phô-xi-ni ở bắc Xoa-voa là trung lập và cho Thụy Sĩ có quyền dùng lực lượng vũ trang của mình chiếm lấy các tỉnh ấy trong trường hợp chiến tranh đe dọa hoặc có chiến tranh giữa các nước láng giềng của mình, còn vua Xác-đi-ni trong trường hợp ấy phải rút binh lực của mình khỏi nơi đó.-685.

- 522 Trong đề từ của chương này, Mác trích dẫn "*Plát*" (Klage"), anh hùng ca bằng tiếng Đức thời trung cổ của một tác giả khuyết danh viết vào thế kỷ XII, là một thứ phụ lục cho "Bài ca Ni-bê-lung".

"*I-vê-in, hoặc hiệp sĩ với con sư tử*" - truyện thơ hay của nhà thơ Đức thời trung cổ Hát-men Phôn Au-e mà tư tưởng cơ bản là hy sinh hạnh phúc cá nhân cho danh dự: là sự cải biến bằng tiếng Đức cuốn tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Pháp thế kỷ XII Crê-ten-đơ Tô-roa.-697.

- 523 "*Sử biên niên đế quốc*" - bài anh hùng ca viết bằng tiếng Đức thời trung cổ vào thế kỷ XII, kể lại dưới hình thức nửa truyền thuyết lịch sử các hoàng đế La Mã và Giéc-manh từ thời Xê-da đến 1147. Người ta cho rằng tác giả của bài anh hùng ca mà bản in còn lại đến ngày nay là nhà thơ Đức Côn-rát sống vào nửa sau thế kỷ XII.-699.

- 524 "*Le siècle*" ("Thế kỷ") - tờ báo ra hàng ngày, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1836 đến 1939. Trong những năm 40 thế kỷ XIX phản ánh quan điểm của bộ phận giai cấp tiểu tư sản chỉ bó hẹp trong những yêu cầu cải cách lập hiến ôn hoà; trong những năm 50 là tờ báo của phái cộng hoà ôn hoà.-700.

- 525 "*Le constitutionnel*" ("Báo lập hiến", - tờ báo ra hàng ngày của giai cấp tư sản Pháp; xuất bản ở Pa-ri từ năm 1815 đến năm 1870; trong những năm 40 là cơ quan ngôn luận của cánh ôn hoà trong phái Oóc-lê-ăng; trong thời kỳ Cách mạng 1848 phản ánh quan điểm của giai cấp tư sản cách mạng tập hợp xung quanh Chi-c; sau cuộc đảo chính tháng Chạp 1851, là tờ báo của phái Bô-na-pác-tơ.-700.

- 526 "*Revue de Genève*", tên gọi tắt tờ báo của giai cấp tư sản Thụy Sĩ "Revue de Genève et Journal Suisse" ("Bình luận Gio-ne-vơ và báo Thụy Sĩ") - cơ quan ngôn luận của

đảng cấp tiến, xuất bản bằng tiếng Pháp ở Gio-ne-vơ từ năm 1842, xuất bản với tên đó cho đến năm 1861. Trong thời kỳ Đế chế thứ hai ở Pháp mang khuynh hướng của phái Bô-na-pác-tơ. Năm 1861 hợp nhất với tờ báo "La nation suisse" ("Báo dân tộc Thụy Sĩ"). Sau khi hợp nhất, xuất bản với tên gọi là "La nation suisse", có kèm phụ đề "Revue de Genève. Journal la Suisse".-702.

- 527 Năm 1854 hoàng thân Na-pô-lê-ông chỉ huy một sư đoàn ở Crum. Không có đủ năng lực quân sự và không có uy tín trong quân đội, ông thác bệnh, sao lãng sự lãnh đạo hoạt động quân sự, rồi tự ý trở về Pa-ri.-704.

- 528 Mác ám chỉ tin đồn rằng, Na-pô-lê-ông III là đứa con ngoài hôn thú, người ta chính thức cho rằng bố ông ta là vua Hà Lan Lu-i- Bô-na-pác-tơ, em của Na-pô-lê-ông I.-705.

- 529 *Viện dân tộc* - xem chú thích 518.- 708.

- 530 A. Petétin "De l'annexion de la Savoie" Paris, 1859 (A. Pơ-tê-tanh "Về việc sáp nhập Xa-voa". Pa-ri, 1859).-709.

- 531 *Cô-ri-ban* - những tư tế thời cổ thờ phụng nữ thần Ki-bê-la, họ làm lễ một cách cuồng nhiệt kèm theo nhạc và múa.-710.

- 532 "*La Patrie*" ("Tổ quốc") - tờ báo Pháp ra hàng ngày, xuất bản từ năm 1841; năm 1850 phản ánh lợi ích của phái bảo hoàng liên hợp, tức cái gọi là đảng trật tự; sau cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851, là tờ báo của phái Bô-na-pác-tơ.-713.

- 533 Vegezzi-Ruscalla. "La nazionalità di Nizza". 3 de Nizza". 1860.-715.

- 534 "*Nouvelliste Vaudois*" ("Người truyền tin bang Vô-đơ") - tờ báo của giai cấp tư sản Thụy Sĩ, xuất bản từ năm 1789, xuất bản ở Lô-dan cho đến năm 1914.

"*Neue Zürcher Zeitung*" ("Báo Xuy-rích mới") - tờ báo của giai cấp tư sản Thụy Sĩ, xuất bản bằng tiếng Đức với tên gọi đó ở Xuy-rích từ năm 1821; trong những năm 50-60 của thế kỷ XIX giữ lập trường thân Bô-na-pác-tơ.-716.

- 535 *Société générale du Crédit Mobilier* - công ty cổ phần lớn của Pháp do anh em Pê-rây-ra thành lập năm 1852. Nó có quan hệ mật thiết với chính phủ của Na-pô-lê-ông III, tiến hành hoạt động đầu cơ dưới sự bao che của chính phủ này. Nó tham gia trên quy mô lớn vào việc xây dựng đường sắt ở Pháp, Áo, Hung-ga-ri, Thụy Sĩ, Tây Ban

Nha và Nga. Năm 1867 công ty này vỡ nợ và năm 1871 thì giải tán.-716.

536 "*Saturday Review*" - tên gọi tắt tuần báo của phái bảo thủ Anh "*Saturday Review of Politics, Literature, Science and Art*" ("Tập chí thứ bảy bàn về các vấn đề chính trị, văn hóa, khoa học và nghệ thuật"), xuất bản ở Luân Đôn những năm 1855 - 1938.-718.

537 Có ý nói đến Hội sinh viên Thụy Sĩ "Hen-vê-xi", thành lập năm 1858 bằng sự hợp nhất những hội cùng tên ở các thành phố A-rau, Lô-dan và Béc-nơ, lấy Béc-nơ làm trung tâm. Những hội tương tự mang màu sắc tự do chủ nghĩa và một số mang màu sắc dân chủ đã tồn tại ở nhiều thành phố Thụy Sĩ (Hội "Hen-vê-xi" đầu tiên ra đời ở Xuy-rích năm 1832). Hội "Hen-vê-xi" mà Mác nhắc tới vào những năm 1859-1860 đã phản đối kế hoạch sáp nhập Xa-voa vào Pháp.

"*Aargauer Nachrichten*" ("Tin tức Ác-gây") - tờ báo của phái tự do tư sản Thụy Sĩ, xuất bản ở thành phố A-rau bang Ác-gây những năm 1854-1918.-723.

538 "*L'esperance*" ("Hy vọng") - tờ báo của phái Bô-na-pác-tơ, xuất bản ở Giơ-ne-vơ những năm 1859-1862.-724.

539 "*L'Indépendance belge*" ("Độc lập của Bỉ") - tờ báo của giai cấp tư sản ra hàng ngày, thành lập ở Bruy-xen năm 1831, cơ quan ngôn luận của phái tự do.-726.

540 "*Revue des deux Mondes*" ("Tập chí Hai thế giới") - tạp chí văn học nghệ thuật và chính luận của giai cấp tư sản ra 2 tuần một kỳ, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1829.-727.

541 "*Journal des Débats*" - tên gọi tắt tờ báo của giai cấp tư sản Pháp ra hàng ngày "*Journal des Débats politiques et littéraires*" ("Báo đàm luận về chính trị và văn học"), xuất bản ở Pa-ri từ năm 1789. Trong thời kỳ Vương triều thánh Bấy là tờ báo của chính phủ, cơ quan ngôn luận của giai cấp tư sản thuộc phái Oóc-lê-ăng. Trong thời kỳ Cách mạng 1848, tờ báo phản ánh quan điểm của giai cấp tư sản phản cách mạng tức cái gọi là đảng trật tự. Sau cuộc đảo chính năm 1851 là cơ quan của phe đối lập là phái Oóc-lê-ăng ôn hòa.-727.

542 *Phái liên hiệp* ("fusion" - "liên hiệp") - những người chủ trương liên hiệp phái chính thống tức những người ủng hộ chỉ trưởng của Vương triều Bốc-bông với những người ủng hộ chỉ thứ tức phái Oóc-lê-ăng.

Collège de France (Cò-le đơ Phrăng) - một trong những trường cao đẳng lâu đời nhất ở Pháp, xây dựng ở Pa-ri năm 1530.

Membres de l'Institut de France - các viện sĩ Viện nghiên cứu Pháp, cơ quan khoa học và nghệ thuật cao nhất của Pháp bao gồm nhiều Viện hàn lâm quan trọng, trong đó có Viện hàn lâm Pháp.-727.

543 "*Revue europeenne*" ("Bình luận châu Âu") - tạp chí ra hàng tháng của phái Bô-na-pác-tơ, xuất bản ở Pa-ri những năm 1859-1861. Năm 1862 hợp nhất với tạp chí "*Revue contemporaine*"-727.

544 Có ý nói tới uỷ ban phố Poa-chi-e — cơ quan lãnh đạo của cái gọi là đảng trật tự là sự liên hợp của hai phái bảo hoàng ở Pháp— phái chính thống (những kẻ ủng hộ Vương triều Bốc-bông) và phái Oóc-lê-ăng (những kẻ ủng hộ Vương triều Oóc-lê-ăng). Chính đảng này của giai cấp đại tư sản bảo thủ ra đời năm 1848, từ năm 1849 đến cuộc đảo chính ngày 2 tháng Chạp 1851 luôn luôn giữ địa vị lãnh đạo trong quốc hội lập pháp của nền Cộng hoà thứ hai. Sự phá sản của chính sách phản dân tộc của nó đã bị tập đoàn Lu-i Bô-na-pác-tơ lợi dụng vào mục đích của Bô-na-pác-tơ.-728.

545 "*Le Pays*" ("Đất nước") - tờ báo Pháp ra hàng ngày, sáng lập ở Pa-ri năm 1849; thời kỳ Đế chế thứ hai (1852-1870) là cơ quan bán chính thức của chính phủ của Na-pô-lê-ông III có tiêu đề phụ là "*Journal de l'Empire*" ("Báo Đế quốc").-728.

546 Ở nhà thờ lớn Khuê có thành đường của ba ông vua, theo truyền thuyết trong kinh thánh, là ba thầy tướng đến Vi-phlen triều kiến Cri-xtơ mới giáng sinh. Theo truyền thuyết, di hài của ba thầy tướng được giữ gìn trong thánh đường ấy (xem Hai-nơ, "Nước Đức - Chuyện thần thoại mùa đông". Chương VII).-731.

547 *Tháp chuột* - chiếc tháp nằm trên tảng đá giữa sông Ranh gần thành phố Bin-ghen; ở chỗ này con sông bị đã thu hẹp lại mang tên gọi là *huyết Bin-ghen*. Có người cho rằng tên tháp có liên quan đến truyền thuyết về đại giáo chủ Gát-tôn ở Mai-nơ (thế kỷ X) đã bị chuột ăn trong tháp này để trừng phạt về tội ông ta đốt chết những người đói khát.-734.

548 Xem chú thích 492.-738.

549 "Correspondence relative to the Affairs of Hungary, 1847-1849, Presented to both Houses of Parliament by Command of Her Majesty, August 15, 1850". London ("Thư từ về sự kiện Hung-ga-ri 1847-1849. Đề trình hai viện của nghị viện theo chỉ

- thị của nữ hoàng ngày 15 tháng Tám 1850". Luân Đôn).-739.
- 550 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 8, tr. 489-492 và 523-524.-741.
- 551 Có ý nói đến cuộc khởi nghĩa do những người ủng hộ nhà cách mạng I-ta-li-a Mát-di-ni phát động ở Mi-la-nô ngày 6 tháng Hai 1853 và được các nhà cách mạng lưu vong Hung-ga-ri ủng hộ. Mục đích của những người khởi nghĩa, gồm phần lớn là công nhân yêu nước I-ta-li-a, là lật đổ nền thống trị của Áo ở I-ta-li-a. Nhưng cuộc khởi nghĩa tổ chức theo sách lược âm mưu và không tính đến tình hình thực tế nên đã thất bại nhanh chóng. Mác đã đánh giá cuộc khởi nghĩa này trong nhiều bài của ông (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, t. 8, tr. 689-691, 723-725).-741.
- 552 *Ủy ban trung ương phái dân chủ châu Âu*, thành lập tháng Sáu 1850 ở Luân Đôn theo sáng kiến của Mát-di-ni, là tổ chức liên hiệp những người lưu vong tư sản và tiểu tư sản của các nước. Cực kỳ phức tạp về thành phần cũng như về lập trường tư tưởng, tổ chức này tồn tại không lâu: do quan hệ ngày một căng thẳng giữa những người dân chủ lưu vong I-ta-li-a và Pháp, Ủy ban trung ương phái dân chủ châu Âu đã thực tế tan rã vào tháng Ba 1852.-743.
- 553 Chỉ bản thảo cuốn sách nhỏ của C. Mác và Ph.Ăng-ghe-n "Những vĩ nhân trong giới lưu vong" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 8, tr. 315-450).-743.
- 554 Xem bài của C. Mác: "Những lời tự thú của Hiéc-sơ" (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 9, tr. 57-61.-743.
- 555 Xem bài của C. Mác "Tên phản bội ở Tréc-kê-si" (trong C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 12, tr. 171-172).-744.
- 556 "*Journal de Constantinople*" ("Báo Công-xtăng-ti-nô-plơ") - tờ báo Thổ Nhĩ Kỳ xuất bản từ năm 1846 bằng tiếng Pháp, được Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ trợ cấp và đóng vai tờ báo bán chính thức, đồng thời là kẻ truyền bá ảnh hưởng của Pháp ở Thổ Nhĩ Kỳ, tháng ra 6 kỳ.-744.
- 557 Xem bài của C. Mác. "Một trang lý thú trong lịch sử" trong C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 12, tr.

- 490-496.-744.
- 558 *Công-coóc-da* - hiệp ước giữa giáo hoàng La Mã với tư cách người đứng đầu giáo hội Thiên chúa và chính phủ một số nước nhằm xác định địa vị và đặc quyền của giáo hội Thiên chúa trong quốc gia. Theo công-coóc-da năm 1885 giữa Áo và La Mã, giáo hội Thiên chúa ở Áo được quyền tự trị, quyền quan hệ trực tiếp với La Mã, quyền có tài sản, sự kiểm duyệt tôn giáo tối cao và ảnh hưởng lớn đối với nhà trường.-746.
- 559 Có ý nói đến sắc chỉ tháng Mười do hoàng đế Áo Phran-txơ - I-ô-xíp ban hành ở Áo ngày 20 tháng Mười 1860 quy định một số quyền tự trị cho các khu dân tộc của đế quốc. Sắc chỉ này là sự nhượng bộ nửa vời đối với những người ủng hộ chế độ nhà nước liên bang, nhất là người Hung-ga-ri, đối lập với những người chủ trương chế độ tập quyền, chủ yếu là người Đức ở Áo. Nhưng ngay đầu năm sau, sắc chỉ tháng Mười đã bị thủ tiêu do việc ban hành chứng thư ngày 26 tháng Hai 1861 lại đưa ra nguyên tắc của chế độ tập quyền của đế quốc Áo.-751.
- 560 "*In usum delphini*" - nghĩa đen: "để dùng cho hoàng tử"; nghĩa bóng: có cất xén, dưới hình thức xuyên tạc. Những chữ này đã được ban hành sau sự việc: năm 1668 đã xuất bản cho người nối ngôi vua Pháp (đô phanh) những tác phẩm của các nhà kinh điển cổ đại có cất bỏ đi tất cả những chỗ "đáng chê trách".-751.
- 561 Chỉ cuộc đầu hàng của quân đội cách mạng Hung-ga-ri ngày 13 tháng Tám 1849 ở thành Vi-la-gô-sơ, trước quân đội Nga do Ni-cô-lai I phái đến Hung-ga-ri để đàn áp cách mạng. Mặc dù quân đội Hung-ga-ri còn khả năng tiếp tục chiến đấu và còn lực lượng dự bị quan trọng, tổng tư lệnh Guéc-gây đã phản bội đầu hàng cho phù hợp với lợi ích của các phần tử phản cách mạng và tự do ôn hoà trong giới quý tộc Hung-ga-ri.-752.
- 562 Xem chú thích 262.-753.
- 563 "*Laissez aller et laissez faire*" - "cứ để tự do hành động" - công thức của các nhà kinh tế học tư sản thuộc phái Mậu dịch tự do, chủ trương tự do mậu dịch và nhà nước không can thiệp vào lĩnh vực quan hệ kinh tế.- 759.
- 564 "*Le National*" ("Báo dân tộc") - tờ báo Pháp ra hàng ngày, xuất bản ở Pa-ri từ năm 1830 đến 1831, cơ quan ngôn luận của những người cộng hoà tư sản ôn hoà.-760.

565 "*Breslauer Zeitung*" ("Báo Brê-xláp) - tờ báo Đức ra hàng ngày, xuất bản ở Brê-xláp (Vrô-xláp) năm 1820; trong những năm 50-60 thế kỷ XIX theo xu hướng bảo thủ.-767.

566 Xem bài báo của C. Mác "Tờ" *National-Zeitung*" ở Béc-lin gửi các cử tri sơ tuyển" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 6, tr. 269).

Sin-da - tên một thành thị mà cư dân sống ở đó là người Sin-đơ-buyéc-gơ - nhân vật của cuốn truyện dân gian Đức cùng tên ("Schildbürger") - đã trở thành biểu tượng của tính thiển cận và ngu dân Phi-li-xtanh.-767.

567 Báo "*Neue Rheinische Zeitung*" gọi một cách mỉa mai bạn đọc của tờ "*National - Zeitung*" như vậy, khi ám chỉ tiêu đề cuốn sách nổi tiếng thời gian đó: K. Rotteck "*Allgemeine Geschichte vom Anfang der historischen Kenntniß bis auf unsere Zeiten; für denkende Geschichtsfreunde*". Freiburg und Konstanz, 1813 - 1818 (C. Rốt - tếch. "Thông sử từ sự ra đời của kiến thức lịch sử đến thời đại chúng ta; dành cho các bạn biết suy nghĩ về lịch sử". Phrây-buốc và Côn-xtan-xơ, 1813-1818).-768.

568 Mác trích hai câu thơ này trong cuốn đầu của tập thơ trào phúng "Đun-xi-át" ("Dunciad") do nhà thơ Anh A-lếch-xan-đơ Pốp viết trong những năm 1728-1743. Tên gọi của trường ca bắt nguồn từ từ "*dune*" trong tiếng Anh có nghĩa là *kẻ dân dộn, kẻ ngu ngốc*. Trong tập thơ này tác giả mô tả có tính chất trào lộng đối thủ văn học của mình, đặt chúng trong vương quốc *Dulness-sự dân dộn*. Chủ đề quan trọng nhất của thời kỳ ánh sáng nằm trong trường ca "Đun-xi-át" là: cuộc đấu tranh của lý trí chống sự dốt nát và dã man.-768.

569 "*Neue Ode - Zeitung*" ("Báo Ô-đe mới") - nhật báo dân chủ - tư sản Đức, xuất bản dưới tên đó trong những năm 1849 - 1855 ở Brê-xláp (Vrô-xláp), thành lập từ tháng Ba 1849 do sự phân biệt trong bộ biên tập của "*Allgemeine Odes Zeitung*" ("Báo toàn Ô-đe") của phe đối lập Thiên chúa giáo xuất bản từ năm 1846. Theo phương châm dân chủ tư sản, trong những năm 50, "*Neue Ode-Zeitung*" được coi là tờ báo cấp tiến nhất ở Đức và bị báo chí của chính phủ hăm hại. Lãnh đạo tờ báo là các nhà dân chủ tư sản Tem-mơ, Stai-nơ, Ên-xne (Ên-xne trở thành tổng biên tập của tờ báo này từ tháng Chín 1855), năm 1855 Mác là phóng viên của báo này ở Luân Đôn.-770.

570 "*Schlesische Zeitung*" ("Báo Xi-lê-di") - tờ báo Đức ra hàng ngày, xuất bản ở Brê-

xláp từ năm 1742, đêm trước của Cách mạng 1848-1849 là cơ quan ngôn luận của tập đoàn quân chủ lập hiến.-770.

571 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 6, tr. 408 - 409 (bài "Stai-nơ").

Quốc hội của phái hiệp thương (Quốc hội hiệp thương) - Quốc hội Phổ triệu tập ở Béc-lin vào tháng Năm 1848, đã soạn thảo hiến pháp "theo sự hiệp thương với nhà vua". Bị giải tán trong thời gian cuộc đảo chính ở Phổ tháng Chạp 1848.

Hiến pháp vua ban được ban bố đồng thời với sự giải tán Quốc hội Phổ ngày 5 tháng Chạp 1848. Theo hiến pháp này sẽ thi hành chế độ hai viện mà viện thứ nhất sử dụng điều kiện tối thiểu về tuổi và tài sản đã biến thành "Viện quý tộc" có đặc quyền; theo luật bầu cử ngày 6 tháng Chạp 1848, chỉ những người gọi là người Phổ độc lập mới được bầu viện thứ hai theo lối bầu hai cấp. Quyền lực rộng rãi mà hiến pháp dành cho vua và quy định rõ ràng có thể sửa đổi các điều khoản của hiến pháp, tất cả những cái đó làm thuận tiện cho cuộc tấn công sau này của thế lực phản cách mạng.-770.

572 Ngày 28 tháng Tư 1849 Chính phủ Bran-đen-buốc - Man-toi-phen giải tán viện thứ hai của Quốc hội Phổ bầu ra theo hiến pháp vua ban phản dân chủ ngày 5 tháng Chạp 1848. Nguyên nhân của sự giải tán đó là do trong viện thứ hai có một số khá đông phần tử thuộc phe đối lập, cụ thể là họ tán thành hiến pháp đế quốc do Quốc hội toàn Đức ở Phran-phuốc thảo ra.-770.

573 "*Punch*" — tên gọi tắt của tờ tuần báo Anh của phái tự do "Punch, or the London Charivari" ("Sự vụng về hay là sự ồn ào ở Luân Đôn"), xuất bản ở Luân Đôn từ năm 1841.

"*Kladsderadatsh*" (Clát-đe-ra-đát) — hoạ báo hài hước ra hàng tuần, xuất bản ở Béc-lin từ năm 1848.-771.

574 *Đạo luật về lúa mì* nhằm hạn chế hoặc cấm nhập khẩu lúa mì từ nước ngoài được thi hành ở Anh từ năm 1815 vì lợi ích của bọn đại địa chủ. Giai cấp tư sản công nghiệp đấu tranh chống đạo luật về lúa mì dưới khẩu hiệu tự do mậu dịch, đã đạt được việc huỷ bỏ những đạo luật đó vào năm 1846.-771.

575 Đại hội dân chủ lần thứ nhất họp từ ngày 14 - 17 tháng Sáu 1848 ở Phran-phuốc trên sông Mai-nơ gồm có đại biểu của 59 tổ chức dân chủ và công nhân thành phố Đức, đã thông qua nghị quyết về liên hiệp tất cả đoàn thể dân chủ và do đó thành lập các uỷ ban khu và Uỷ ban trung ương phái dân chủ Đức lãnh đạo các uỷ ban khu và đặt trụ sở ở Béc-lin. Được bầu làm uỷ viên trung ương có Phrô-ben, Rau, Cri-gơ, May-en, được bầu làm uỷ viên trung ương dự khuyết có Bai-hốp-phơ, Suy-tê và An-nê-ki. Nhưng do sự yếu đuối và không kiên định của ban lãnh đạo tiểu tư sản, sau quyết nghị ấy, phong trào dân chủ Đức vẫn tiếp tục rời rạc và vô tổ chức.-772.

576 Mác chỉ bài viết có tính chất vu cáo của Ê-đua Mai-ơ "Cuộc đấu tranh của Các Phô-gơ chống lại "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc và những người mác-xít" đăng trên các số 17-21 báo "Freischütz" tháng Hai 1860.

"Der Freischütz" ("Đội nghĩa dũng tự do") - tờ báo tư sản Đức có khuynh hướng văn nghệ, xuất bản ở Hăm-buốc trong những năm 1825 - 1878.- 722.

577 "*Phái tháng Chín*" - tên mà kẻ thù của những người Gia-cô-banh dùng để gọi những người Gia-cô-banh trong thời kỳ Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, bọn chúng vu cáo những người Gia-cô-banh là cực kỳ tàn bạo trong *những ngày tháng Chín 1792* (xem chú thích 146).-776.

578 *Những người Lê-vít* - xem chú thích 265.-779.

579 *Ma-gi-xơ-rát* ở Đức là cơ quan cai quản thành phố; ở Anh ma-gi-xơ-rát là quan toà trị an cũng là quan chức cao cấp của cảnh sát.-782.

580 *Cuộc du hành Ê-xtéc-nắc* (tên gọi chính xác: cuộc du hành nhảy múa) - cuộc du hành hàng năm tiến hành từ thời trung cổ trong ngày đức thánh linh giáng lâm tại thành phố Ê-xtéc-nắc ở Lú-xăm-buốc để cảm tạ về việc chặn đứng được bệnh nhảy múa của tháng Vít hoành hành trong năm 1374. Những người tham gia cuộc du hành không vận động theo bước đi bình thường mà tiến lên lùi lại với động tác phức tạp hơn.-783.

581 "Juchhe nach Italia", Bern und Genf. Vogts Verlag, 1859 ("Hoan hô, đi sang I-ta-li-a". Béc-nơ và Giơ-ne-vơ, Nhà xuất bản Phô-gơ, 1859). Cuốn sách của Bam-béc-ghe "Hoan hô, đi sang I-ta-li-a" đã được xuất bản khuyết danh.-785.

582 Mác gọi một cách châm biếm Phin-kê là *hiệp sĩ có bộ mặt vui tươi* để đối lại với

hiệp sĩ có bộ mặt đau khổ là biệt hiệu của Đông-ki-sốt.

Chevalier sans peur et sans reproche (kỵ sĩ không biết sợ và không chê trách được) - biệt hiệu của kỵ sĩ Pháp thời trung cổ Pi-e duy Te-rai Ba-i-a đã trở thành từ thông dụng (theo ý nghĩa đen, cũng như theo nghĩa châm biếm).-786.

583 Mác có ý chỉ cuốn sách xuất bản khuyết danh của Ph.Ăng-ghe-n "Pô và Ranh" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 13, tr. 23-281.-787.

584 Ngày 11 tháng Bảy 1848 nhân việc nhiếp chính đế quốc đại công tước I-ô-han đến Phran-phuốc trên sông Mai-nơ, phái bảo thủ trong Quốc hội Phran-phuốc tổ chức bữa tiệc để tỏ lòng kính trọng, Phin-kê đã dự bữa tiệc này.-788.

585 Corpus juris civilis (Coóc-puyt giu-rít xi-vi-lit) - bộ luật điều chỉnh quan hệ tài sản của xã hội La Mã theo chế độ nô lệ, biên soạn vào thế kỷ VI dưới thời hoàng đế I-u-xti-ni-ăng.-788.

586 *Lan-tắc liên hiệp* (Landtag (tiếng Đức: land - ruộng đất, đất nước; tag - hội nghị) - Quốc hội liên hiệp của các lan-tắc đẳng cấp tỉnh do Phri-đrich Vin-hem IV triệu tập tháng Tư 1847 ở Béc-lin để thoát khỏi tình trạng khó khăn về tài chính bằng cách được bảo đảm vay nợ nước ngoài. Vì nhà vua từ chối thỏa mãn yêu cầu chính trị nhỏ nhất của đa số tư sản trong lan-tắc, nên lan-tắc đã cự tuyệt phê chuẩn vay nợ. Để đáp lại điều đó, nhà vua đã giải tán lan-tắc vào tháng Sáu cùng năm, điều đó tăng thêm tâm lý chống đối trong nước và đẩy mạnh cách mạng ở Đức.-789.

587 Chỉ lập trường phản cách mạng của giai cấp tư sản Đức và Áo đối với cuộc khởi nghĩa tháng Mười 1848 ở Viên (về cuộc khởi nghĩa này, xem chú thích 112). Lập trường đó đặc biệt biểu hiện trong hoạt động của đa số trong Quốc hội Phran-phuốc và của chính quyền trung ương mượn chiêu bài điều đình để thực tế phá hoại ngầm việc giúp đỡ cách mạng Viên, Phin-kê sốt sắng ủng hộ lập trường này.-791.

588 Xem chú thích 457.-792.

589 *Đại mô* - chúa phong kiến, hầu tước lãnh chúa ở Nhật thời Trung cổ.-794.

590 "*Nội các hành động*" — tên dùng trong những năm cách mạng 1848 - 1849 để gọi nội các Phổ Au-ơ-xvan-đơ - Han-đơ-man cầm quyền từ tháng Sáu đến tháng Chín

1848 (xem bài của Ph.Ăng-ghe-n "Nội các hành động bị đổ" trong C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 5, tr. 491-493). - 794.

591 *Inusum delphini* — xem chú thích 560.-799.

592 Hội dân chủ thành lập ở Bruy-xen vào mùa thu năm 1847. Hội đoàn kết trong hàng ngũ của mình những người cách mạng vô sản, chủ yếu là những người cách mạng lưu vong Đức và những phần tử tiên tiến của phái dân chủ tư sản và tiểu tư sản. Mác và Ăng-ghe-n đã đóng vai trò tích cực trong việc thành lập Hội. Mác được bầu làm phó chủ tịch Hội, còn nhà dân chủ Bỉ Giô-tơ-răng được bầu làm chủ tịch. Nhờ ảnh hưởng của Mác, Hội dân chủ Bruy-xen đã trở thành một trong những trung tâm lớn của phong trào dân chủ quốc tế. Trong những ngày Cách mạng tư sản tháng Hai ở Pháp, cánh vô sản của Hội dân chủ Bruy-xen đã vũ trang cho công nhân và triển khai cuộc đấu tranh cho nước Cộng hoà dân chủ. Nhưng sau khi Mác bị trục xuất khỏi Bruy-xen vào đầu tháng Ba 1848, và chính quyền truy nã những phần tử cách mạng nhất của Hội, những người dân chủ tư sản Bỉ đã không lãnh đạo được phong trào chống chế độ quân chủ của quần chúng lao động, hoạt động của Hội dân chủ mang tính chất hẹp hòi hơn, thuần túy địa phương và năm 1849 thực tế đã ngừng hoạt động.-805.

593 *Nghị viện công nhân* họp ở Man-se-xơ từ ngày 6 đến 16 tháng Ba 1854 được triệu tập nhân phong trào bãi công có tính chất quần chúng của giai cấp vô sản Anh dâng cao vào năm 1853 do một nhóm người thuộc phái Hiến chương đứng đầu là Giôn-xơ đề xướng. Ngay từ cuối năm 1853 (ở đây, Mác đã nhầm ngày tháng này với ngày tháng họp Nghị viện công nhân), nhóm này đã đưa ra tư tưởng thành lập một tổ chức công nhân đông đảo "Phong trào quần chúng", tổ chức này phải tập hợp đoàn viên Công liên với công nhân chưa tham gia tổ chức, trước hết nhằm phối hợp các cuộc bãi công ở các khu vực khác nhau trong nước. Tổ chức này chịu sự lãnh đạo của Nghị viện công nhân được triệu tập định kỳ, gồm đại biểu được bầu ra trong các cuộc mít tinh của công nhân chưa tham gia tổ chức và trong các cuộc hội nghị của Công liên. Nghị viện công nhân triệu tập ở Man-se-xơ đã thảo luận và thông qua cương lĩnh của "Phong trào quần chúng" và bầu Ban chấp hành gồm 5 người. Mác được bầu làm đại biểu danh dự của nghị viện đã gửi một bức thư (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 10, tr. 122 - 123) được đọc ngày 10 tháng Ba. Trong thư này, Mác nêu lên nhiệm vụ thành lập chính đảng độc lập, có tính chất quần chúng của giai cấp vô sản

ở nước Anh.

Nhưng ý định tổ chức "Phong trào quần chúng" không thành công vì không được sự ủng hộ của đa số lãnh tụ Công liên mang thành kiến đối với đấu tranh chính trị. Sự suy thoái của phong trào bãi công vào mùa hè năm 1854 cũng ảnh hưởng tiêu cực đối với sự tham gia của đông đảo quần chúng công nhân vào phong trào. Sau tháng Ba 1854, Nghị viện công nhân không còn được triệu tập nữa. -806.

594 Có lẽ, có ý nói đến cuốn tiểu thuyết của Ban-dắc "Áo tưởng đã mất đi".-807.

595 *Code Napoléon* (xem chú thích 243) được thi hành ở khu vực Tây và Tây-Nam Đức bị người Pháp chiếm và tiếp tục có hiệu lực ở tỉnh Ranh sau khi tỉnh này sáp nhập vào Phổ.-813.

596 "*Hội những người bạn của Tổ quốc*" - đoàn thể cộng hoà của những người lưu vong Đức ở Luân Đôn tồn tại trong những năm 50-60 của thế kỷ XIX, trong các hội viên của nó có C. Blin-đơ, Ph.Phai-li-grát, Ph. Hô-linh-gơ v.v..

Liên minh dân tộc — đảng của giai cấp tư sản tự do Đức, chủ trương thống nhất nước Đức như một quốc gia tập quyền mạnh dưới sự lãnh đạo của nước Phổ quân chủ (không có Áo), thành lập tại đại hội ở Phran-phước tháng Chín 1859. Hạt nhân chính của Liên minh là đảng Gô-ta thân Phổ thành lập tháng Sáu 1849 ở thành phố Gô-ta gồm đại biểu của giai cấp tư sản phản cách mạng tức cánh hữu của phái tự do đã rút khỏi Quốc hội Phran-phước sau khi vua Phổ Phri-đrich Vin-hem IV từ chối nhận của Quốc hội chiếc vương miện và sau khi đa số cánh tả của Quốc hội ra nghị quyết thành lập nhiếp chính đế quốc.

"Bức thư ngỏ" của Hội những người bạn của Tổ quốc gửi Liên minh dân tộc được đăng trên nhiều tờ báo Đức tháng Mười một 1859. Bằng những lời lẽ mập mờ, bức thư lên án kế hoạch thống nhất nước Đức theo vương triều dưới sự lãnh đạo của Phổ.-818.

597 *Qui-rít* — tên gọi chính thức công dân có đầy đủ các quyền ở Cổ La Mã.-843.

598 "*Schweizerische National-Zeitung*" ("Báo dân tộc Thụy Sĩ) — tờ báo tư sản ra hàng ngày, xuất bản ở Ba-lơ từ năm 1842.-856.

599 Si-li dùng câu nói nổi tiếng "*luyện tiếc nổi thịt Ai Cập*" đã trở thành ngạn ngữ. Theo truyền thuyết Kinh thánh, trong khi người Do Thái chạy trốn khỏi nhà tù Ai Cập,

- những kẻ nhát gan trong họ do đường sá khó khăn và đói khát, đã luyến tiếc những ngày sống trong cảnh nô lệ bấy giờ ít ra họ cũng no bụng.-857.
- 600 Bài của Hiéc-sơ "Những nạn nhân của hoạt động gián điệp" đã được đăng trên tờ "Belletristisches Journal und New-Yorke Criminal-Zeitung" trong các số ra ngày 1, 8, 15 và 22 tháng Tư 1853. Bài này đã được đánh giá trong tác phẩm của Mác "Sự tự thú của Hiéc-sơ" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 9, tr. 57-61).-860.
- 601 C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 8, tr. 603.-862.
- 602 Có ý nói đến cuốn sách: "Die Communisten - Verschwörungen des neunzehnten Jahrhunderts". Berlin, Erster Theil 1853, Zweiter Theil 1854 ("Âm mưu của những người cộng sản ở thế kỷ XIX", Béc-lin, phần thứ nhất 1853, phần thứ hai 1854) do các quan chức cảnh sát Véc-mút và Sti-bơ viết. Trong phụ lục của phần thứ nhất trình bày "lịch sử" của phong trào công nhân, coi như sách chỉ dẫn đối với cảnh sát, đã đăng lại một số văn kiện của Đồng minh những người cộng sản rơi vào tay cảnh sát. Phần thứ hai là "sổ đen" kèm lý lịch những người có quan hệ với phong trào công nhân và dân chủ.-868.
- 603 Mác có ý nói đến bản tuyên bố của I.Vây-đơ-mai-ơ, A. Gia-cô-bi và A. Clút-xơ gửi Bộ biên tập "New-Yorker Criminal-Zeitung" đăng trên báo ngày 25 tháng Mười một 1853.-871.
- 604 Xem bài đả kích của Các Mác "Hiệp sĩ có ý thức cao thượng" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 9, tr. 637-638).-871.
- 605 "*Le Debat socila*" ("Tranh luận xã hội")- tờ báo Bỉ ra hàng ngày, cơ quan của phái cấp tiến và phái dân chủ tư sản, xuất bản ở Bruy-xen từ năm 1844 đến năm 1849.-882.
- 606 "*Notes to the People*" ("Tin nhắn cho nhân dân") - tuần báo Anh, cơ quan của phái Hiến chương, xuất bản ở Luân Đôn những năm 1851-1852 do E.Giôn-xơ chủ biên. Mác và Ph.Ăng-ghe-n cũng đã ủng hộ tờ báo này, tham gia công tác biên tập và xuất bản và đăng trên tờ báo này nhiều bài từ tháng Sáu 1851 đến tháng Tư 1852.-883.

- 607 Trong tạp chí "Putnam's Monthly" ("Nguyệt san của Pát-nem") Niu Oóc đã đăng bài "Quân đội châu Âu" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 11, tr. 433-507) do Ăng-ghe-n viết theo yêu cầu của Mác, bài này Mác đã hẹn viết cho tạp chí thông qua biên tập viên của "New York Daily Tribune" là S. Đa-na. Mác đã giúp Ăng-ghe-n trong khi viết bằng việc sưu tầm cho Ăng-ghe-n những tư liệu ở Viện bảo tàng Anh.-884.
- 608 Có ý nói đến hài kịch ba màn của E.A-bu "Ghin-ri".-885.
- 609 "*The Manchester Guardian*" ("Người bảo vệ Man-se-xơ") - tờ báo tư sản Anh, cơ quan của những người chủ trương tự do mậu dịch (phái Mậu dịch tự do), về sau là cơ quan của Đảng tự do, xuất bản ở Man-se-xơ từ năm 1821.-887.
- 610 *Cli-si* - nhà tù giam những người mắc nợ ở Pa-ri trong những năm 1826-1867.-888.
- 611 Chỉ chuyến đi của Na-pô-lê-ông III đến Ba-đen để hội kiến với nhiếp chính vương Phổ Vin-hem; cuộc hội kiến diễn ra hồi tháng Sáu 1860.-890.
- 612 Có ý nói đến cuốn sách nhỏ xuất bản khuyết danh của X.Boóc-hai-mơ "Napoléon III. Und Preußen. Antwort eines deutschen Flüchtlings auf die Broschüre "Preußen in 1860" von Edmond About". London, 1860 ("Na-pô-lê-ông III và nước Phổ. Bài trả lời của một người Đức lưu vong đối với cuốn sách nhỏ của Ết-mông A-bu. "Nước Phổ năm 1860", Luân Đôn, 1860). Cuốn sách của Boóc-hai-mơ, được viết ra với sự giúp đỡ của Mác.-890.
- 613 Bản tuyên bố của Mác không được đăng trên các tờ báo "Volks Zeitung" và "Allgemeine Zeitung".-893.
- 614 Các số 32 và 33 ra ngày 11 và 18 tháng Chạp 1852 của tờ "People's Paper" của phái Hiến chương đã đăng bài bình luận tác phẩm của Mác "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ". Bài bình luận đã đưa ra những đoạn trích dẫn tác phẩm đó.-894.
- 615 Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 13, tr. 470 - 488 (bài "Quid pro quo") và tr. 640 - 648 (bài "Qua các trang báo chí").-896.
- 616 Mác đã nhiều lần gọi bản tuyên bố được công bố dưới hình thức truyền đơn là

thông cáo vì ông đã gửi bản tuyên bố đó cho nhiều tờ báo Đức kèm theo bản tuyên bố ngày 6 tháng Hai 1860. (Xem tập này, tr. 701 - 702).-900.

617 Có ý nói đến quy định của Chính phủ Phổ về việc kiểm duyệt hai lần thật chặt chẽ đối với tờ "Rheinische Zeitung" do Mác biên tập trong những năm 1842 - 1843.-909.

618 Qua vở ghi chép của Mác năm 1860 có thể thấy được sự việc gửi bản tuyên bố cho báo "Freischütz". Nhưng báo này đã không đăng bản tuyên bố đó.-910.

619 Bản tuyên bố này, Mác cũng gửi cho tờ "Volks-Zeitung" và "Reform".-911.

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A

A-ben (Abel), Các (sinh năm 1837) — nhà ngữ văn học và nhà báo Đức, phóng viên của báo "Daily Telegraph" tại Béc-lin.-780-787.

A-bóc-crôm-bi (Abercromby), Ran-phơ (1734 - 1801) — tướng Anh, năm 1795 - 1797 chỉ huy cuộc viễn chinh của quân Anh chống lại người Pháp ở Tây Ấn.- 356.

A-bu (About), Ết-môn (1828-1885) - nhà báo Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-609, 666, 695, 700, 726, 733, 813, 885, 889, 890.

A-ga-xít (Agassiz), Lu-i Giăng, Ru-đôn-phơ (1807 - 1873) - nhà khoa học tự nhiên Thụy Sĩ, trong quan niệm về khoa học tự nhiên của ông ta có những quan điểm cực kỳ phản động, kẻ thù của chủ nghĩa Đác-uyn. -512.

A-giê-di-lát II (khoảng 442 - khoảng 358 trước công nguyên) - vua Xpác-tơ (khoảng 399 - khoảng 358 trước công nguyên) và thống soái.-13.

A-khét-sắc Đua-ra-ni (1724 - 1773) - sắc Áp-ga-ni-xtan (1747 - 1773), người sáng lập ra quốc gia Áp-ga-ni-xtan.-97-100.

A-len (Allen) - sĩ quan Anh.-290.

A-lếch-xan-đơ Ma-xê-đoan (356 - 323 trước công nguyên) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng thời Cổ đại. - 16, 24, 27, 39, 90, 188, 239, 361, 367, 371, 435, 436, 445, 705.

A-lếch-xan-đơ I (1777-1825) - hoàng đế Nga (1801 - 1825).- 119, 120, 140-143, 149, 164, 200-205, 224, 236, 634, 637, 640, 641, 646, 653.

A-lếch-xan-đơ II (1818 - 1881) - hoàng đế Nga (1855 - 1881).- 371, 634-639, 642-645, 650, 653, 654, 670-672, 678.

A-lôm-pra (A-la-un-Pai) (1711-1760) - vua Miến Điện (1753 - 1760).- 352.

A-pô-lô-ni-ut Rô-đu-xơ (thế kỷ III trước công nguyên) - nhà thơ và nhà ngữ pháp học Cổ Hy Lạp, tác giả bài thơ dài "Những anh hùng thuyền Ác-gô".- 717.

A-ri-a-nốt (Arrianus), Phla-vi-ut (khoảng 95 - khoảng 180) - tác giả Hy Lạp, nhà sử học và nhà địa lý học, tác giả nhiều tác phẩm về lịch sử thế giới Cổ đại.- 188.

A-ri-xmen-di (Arimendi), Hoan Bau-ti-xta (sinh năm 1770) - tướng và nhà hoạt động chính trị Vê-nê-xu-ê-la, tham gia các cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, năm 1819 là phó tổng thống Cô-lôm-bi-a.-280-283, 287.

A-xe-rman (Assermann), Phê-ren-xơ (1821 - 1893) - sĩ quan Hung-ga-ri, tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri.- 752, 753.

Ác-gai-lơ (Argyll), *Ác-tri-ban Kem-pơ-ben*, bá tước (1629 - 1685) - quý tộc Xcôt-len, tháng Năm - Sáu năm 1685 lãnh đạo cuộc bạo động chống Giêm-xơ II; sau khi cuộc bạo động bị đè bẹp, bị xử tử.- 550.

Ác-nim (Arnim), Ha-ri (Hen-rích), bá tước (1824 - 1881) — nhà ngoại giao Đức, đối thủ của Bi-xmác, năm 1874 bị kết tội về việc chiếm văn kiện ngoại giao.- 863.

Ác-nim - *Bôi-txen-bua* (Arnim - Boytzenburg), A-đôn-phơ Hen-rích, bá tước (1803 - 1868) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, đại biểu của bọn Giông-ke Phổ phản động, bộ trưởng nội vụ (1842 - 1845) và thủ tướng (19 - 29 tháng Ba 1848), năm 1848 đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, năm 1849 là một trong những lãnh tụ của cánh hữu trong nghị viện thứ hai.- 790.

Ai-den-man (Eisenmann), Gốt-phrít (1795 - 1867) - nhà chính luận Đức, thầy thuốc; trong những năm 1848 - 1849 đại biểu Quốc hội Phran-phuốc thuộc cánh giữa, sau sang cánh tả.- 590.

Ai-sơ-hốp (Eichhoff), Các Vin-hem (1833 - 1895) - nhà xã hội chủ nghĩa Đức, cuối những năm 50 vạch trần trên báo chí hoạt động gián điệp - khiêu khích của Sti-bơ và do đó bị đưa ra xét xử; một trong những nhà sử học đầu tiên của Quốc tế I.- 540.

An-ba (Alba), Phéc-năng-đô An-va-rét, công tước (1507-1582) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, năm 1567 - 1573 toàn quyền Hà Lan.- 45, 409.

An-be-rô-ni (Alberoni), Giu-li-ô (1664 - 1752) - nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, hồng y giáo chủ; năm 1717 - 1719 thủ tướng của vua Phi-líp V.- 750.

An-béc-xơ (Alberts) - trong những năm 50 thế kỷ XIX là bí thư đại sứ quán Phổ ở Luân Đôn.- 860, 861.

An-ghi-di đa, Các-pi (Alghisi da Carpi), Ga-la-sô (khoảng 1523 - 1573) - kiến trúc sư I-ta-li-a.- 408.

An-đéc-xơn (Anderson), Rô-bóc (mất năm 1696) - nhà toán học và công trình sư quân sự Anh, tác giả của nhiều tác phẩm về pháo binh.- 249.

An-đơ (Arndt), Êc-nơ-xơ Mô-rít-tơ (1769 - 1860) - nhà văn Đức, nhà sử học và nhà ngữ văn học, tham gia cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Đức chống sự thống trị của Na-pô-lê-ông, vẫn không thoát khỏi những yếu tố dân tộc chủ nghĩa; năm 1848 - 1849 đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh hữu của phái giữa.-628.

An-na I-va-nốp-na (1693 - 1740) - nữ hoàng Nga (1730 - 1740).-639.

An-ten-huê-phơ (Altenhöfer). Au-gu-xơ Giô-đép (1804 - 1876) - nhà báo Đức, một trong những biên tập viên của báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc.-600.

Anh-be (Imbert) - nhà xã hội chủ nghĩa Pháp, tham gia cuộc khởi nghĩa Li-ông năm 1834; trong những năm 40 lưu vong sang Bỉ, phó chủ tịch Hội dân chủ Bruy-xen, sau cách mạng tháng Hai năm 1848, chỉ huy đội vệ binh ở cung Tuy-lơ-ri.-805.

Am-xơ-rông (Armstrong), Uy-li-am Gioóc-giơ (1810 - 1900) - nhà phát minh và chủ xưởng Anh, nổi tiếng về việc phát minh ra pháo đặc biệt nòng có rãnh.-191.

Áp-đơ-e-rơ - Rắc-man (1778 - 1859) - vua Ma-rốc (1882 - 1859).-273.

Áp-đơ-en - Ca-đe (1808 - 1883) - lãnh tụ của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân An-giê-ri chống bọn xâm lược Pháp những năm 1832 - 1847, năm 1847 bị người Pháp cầm tù, năm 1852 được phép của Na-pô-lê-ông III di cư sang Thổ Nhĩ Kỳ.-128, 134, 272, 273.

Áp-đơ-en - Mu-min (1094 - 1163) - ha-li-pha đầu tiên (1130 - 1163) của quốc gia hồi giáo của vương triều A-mô-hát Tây - Bắc châu Phi và Nam Tây Ban Nha.-240.

Áp-tơ (Abt) - nhà báo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, đầu những năm 50 thế kỷ XIX lưu vong ở Giơ-ne-vơ, bị khai trừ khỏi Hội liên hiệp công nhân Đức ở Giơ-ne-vơ vì vu khống.-504, 505, 507, 510, 512, 515.

Au-gu-xten-boóc (Augustenborg), Cri-xti-an Au-gu-xtơ, công tước (1768-1810) - quý tộc Đan Mạch, tháng Giêng năm 1810 được vua Thụy Điển Các-lơ XIII nhận làm con nuôi với tên gọi Các-lơ Ô-guyt-xtơ.-200.

Au-gu-xtơ (1779 - 1843) - hoàng thân Phổ, tướng và nhà hoạt động quân sự, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, năm 1808 - 1843 giữ chức vụ tư lệnh pháo binh Phổ, lãnh đạo việc cải tổ binh chủng này.-231.

Ăng-ghen (Engels), Phri-đrich (1820 - 1895) (các tài liệu tiểu sử).-494, 496, 558-562, 564-567, 569-573, 580, 581, 586, 588, 592, 603, 609, 774, 803, 834, 895.

Ăng-gu-lê-m (Angoulême), Lu-i Ăng-toan, công tước (1775 - 1844) - con trai vua Pháp Sác-lơ X, năm 1823 chỉ huy quân đội Pháp đàn áp cuộc cách mạng tư sản ở Tây Ban Nha.-271.

Ăyl-lơ-me-rơ (Aylmer) - sĩ quan Anh, tham gia cuộc chiến tranh trên bán đảo I-be-ri-cơ (1808 - 1814).-324.

B

Ba-buốc (1483 - 1530) - thống soái và người chinh phục châu Á, pa-di-sắc Ấn Độ (1526 - 1530) - người sáng lập ra quốc gia và vương triều Đại Mông Cổ, đồng dôi của Tì-mua.-97.

Ba-dang-cua (Bazancourt) - Xê-da (1810 - 1865) - nhà văn Pháp thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-668.

Ba-đen-ghê- xem *Na-pô-lê-ông III*.

Ba-gô-viút, Các-lơ Phê-đô-rô-vích (1761 - 1812) - tướng Nga, tham gia cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-316.

Ba-gra-ti-ôn, Pi-ốt I-va-nô-vích, công tước (1765 - 1812) - thống soái kiệt xuất nước Nga, tham gia nhiều cuộc viễn chinh và chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông do Xu-vô-rốp tiến hành, chỉ huy một trong những đạo quân của Nga trong thời kỳ Chiến tranh giữ nước năm 1812.-118, 315-318.

Ba-i-a (Bayard), Pi-e (khoảng 1475 - 1524) - kỵ sĩ Pháp được người đương thời ca tụng

là tấm gương của sự dũng cảm và cao thượng, là "kỵ sĩ không hề biết sợ sệt và không chê trách được".-786, 788, 790-797.

Ba-ra-ghê d' I-li-ê (Baraguay d'Hilliers), A-sin (1795 - 1878) - tướng Pháp, từ 1854 là nguyên soái, thuộc phái Bô-na-pác-tơ; năm 1854 chỉ huy đạo quân viễn chinh Pháp ở biển Ban-tích.-355.

Ba-ra-ghê d' I-li-ê (Baraguay d'Hilliers), Lu-i (1764 - 1812) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp và của nước Pháp Na-pô-lê-ông, bố của A-sin Ba-ra-ghê d' I-li-ê.-667.

Ba-rô (Barrot), Ô-đi-lông (1791 - 1873) - nhà hoạt động chính trị của giai cấp tư sản Pháp, trước tháng Hai năm 1848 thủ lĩnh phe đối lập vương triều theo chủ nghĩa tự do; tháng Chạp năm 1848 - tháng Mười năm 1849, lãnh đạo nội các dựa vào khối liên minh phản cách mạng của các phái quân chủ.-526, 592.

Ba-rô-sơ (Boroche), Pi-e Giuy-lơ (1802 - 1870) - nhà hoạt động chính trị, nhà luật học Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, tham gia nhiều nội các trước và sau cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp năm 1851.-711.

Bác-clai-dơ Tô-li, Mi-kha-in Bô-gđa-nô-vích (1761 - 1818) - thống soái và nhà hoạt động quân sự xuất sắc của nước Nga, từ năm 1814 là nguyên soái, tham gia cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, chỉ huy quân Nga trong cuộc chiến tranh Nga - Thụy Điển năm 1808 - 1809, bộ trưởng lục quân (1810 - 1812), chỉ huy một đạo quân Nga trong thời kỳ Chiến tranh giữ nước năm 1812, những năm 1813 - 1814 chỉ huy quân Nga và quân đội Nga - Phổ.-117-119, 142, 143, 220, 314-317.

Bác-tê-lê-mi (Barthélemy), Ê-ma-nu-en (khoảng 1820 - 1855) - công nhân Pháp, theo chủ nghĩa Blăng-ki, thời kỳ nền Quân chủ tháng Bảy và khởi nghĩa tháng Sáu năm 1848 ở Pa-ri tham gia vào các hội cách mạng bí mật, sau lưu vong sang Anh, là một trong những người lãnh đạo hội liên hiệp những người Pháp lưu vong theo chủ nghĩa Blăng-ki ở Luân Đôn; tham gia nhóm bè phái - phiêu lưu Vi-lích - Sáp-pơ; bị xử tử năm 1855 vì phạm tội hình sự.-563.

Bai-rôn (Byron), Gióc-giơ (1788 - 1824) - nhà thơ lỗi lạc Anh, đại biểu của chủ nghĩa lãng mạn cách mạng.-556, 777.

Bai-ron (Byron), huân tước - chỉ huy quân đội hải quân Anh chiến đấu với Ác-ma-đa của Tây Ban Nha năm 1588.-211.

Bam-béc-gơ (Bamberger), Lút-vích (1823 - 1899) - nhà chính luận Đức, nhà dân chủ tư sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, trong những năm 50 lưu vong sang Pháp, về sau thuộc phái tự do, đại biểu quốc hội.-784, 786.

Ban-dắc (Balzac), Ô-nô-rê-dờ (1799 - 1850) - nhà văn hiện thực vĩ đại Pháp.-501, 807.

Ban-di-a (Bangya), I-a-nốt (I-ô-han) (1817 - 1868) - nhà báo và sĩ quan Hung-ga-ri, tham gia cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, sau khi cách mạng bị đàn áp, làm mật sứ của Cô-sút ở nước ngoài đồng thời làm mật thám, về sau chuyển sang phục vụ trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ lấy tên là Mê-khơ-mét-bây và làm gián điệp cho Thổ Nhĩ Kỳ ở Cáp-ca-dơ (1855- 1858) trong thời kỳ chiến tranh của người Tréc-kê-xi chống lại nước Nga.-743-746.

Báp-xơ, Ivan Côn-đra-chi-ê-vích (1824 - 1881) - nhà kinh tế học, nhà sử học và nhà chính luận Nga, giáo sư kinh tế chính trị ở Đại học Ca-dan (từ năm 1851), rồi ở Đại học Mát-xcơ-va (từ năm 1857); đầu những năm 60 giảng dạy rộng rãi chương trình kinh tế chính trị học.-509.

Bát-ti-a-ni (Batthyány), Ca-dmơ (Ca-di-mia), bá tước (1807 - 1854) - nhà hoạt động nhà nước Hung-ga-ri, đại biểu của phái tự do trong quý tộc, bộ trưởng ngoại giao trong chính phủ cách mạng Hung-ga-ri năm 1849, sau khi cách mạng bị đàn áp, lưu vong ra nước ngoài.-740.

Bát-ti-a-ni (Batthyny), Lai-ô-xơ (Lút-vích), bá tước (1809 - 1849) - nhà hoạt động nhà nước Hung-ga-ri, đại biểu của phái tự do trong quý tộc; lãnh đạo Chính phủ Hung-ga-ri (tháng Ba - tháng Chín 1848), thi hành chính sách hoà hiệp với chế độ quân chủ Áo, bị bắn sau khi cách mạng bị đè bẹp.-740.

Bát-xơ-man (Basserman), Phri-đrich Đa-ni-en (1811 - 1855) - nhà hoạt động chính trị của giai cấp tư sản Đức, phần tử thuộc phái tự do ôn hoà, nghị sĩ viện Ba-đen, trong thời kỳ cách mạng năm 1848 - 1849 là đại biểu của chính phủ Ba-đen trong Nghị viện liên bang, nghị sĩ Quốc hội Phran-phước, thuộc cánh hữu phái giữa.-592, 857.

Bau-ơ (Bauer), Êt-ga (1820 - 1886) - nhà chính luận Đức, thuộc phái Hê-ghen trẻ, trong

những năm 50 - đầu những năm 60 sống ở nước ngoài, trong những năm 1858 - 1859 là biên tập viên của tờ "Neue Zeit" ở Luân Đôn.-607.

Bát-lơ (Butler), Xa-mu-en (1612 - 1680) - nhà thơ trào phúng Anh, tác giả bài "Hu-đi-brát".-705.

Be-ri-ê (Berryer), Pi-e Ăng-toan (1790 - 1868) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Pháp, trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai là đại biểu quốc hội lập hiến và lập pháp, thuộc phái chính thống.-660.

Béc-li-ne-blau, I-xi-đo - xem *Ốp-pen-hem*, Hen-rích Béc-hác.

Béc-mu-dét (Bermudez), Hô-xê Phran-xi-xcô (1782 - 1831) - tướng và nhà hoạt động chính trị Vê-nê-xu-ê-la, tham gia các cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, chống lại Bô-li-va-rơ.-280.

Béc-na-đốt-tơ (Bernadotte), Giảng Báp-tít Giuy-lơ (1763 - 1844) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp và của nước Pháp Nô-pô-lê-ông; năm 1810 được vua Thụy Điển Các-lơ XIII nhận làm con nuôi, trở thành người nối ngôi và nhiếp chính của Thụy Điển; năm 1813 tham gia chiến tranh chống Na-pô-lê-ông I; vua Thụy Điển và Na-uy lấy hiệu là Các-lơ XIV I-ô-han (1818 - 1844).-118, 142, 170, 194-207, 218, 222-225.

Béc-nu-li (Bernoulli), Giô-han (1667 - 1748) - nhà toán học lỗi lạc Thụy Sĩ, giáo sư Đại học Grôn-ni-ghen (Hà Lan) và Đại học Ba-lơ, nổi tiếng về các tác phẩm trong lĩnh vực vi phân học và tích phân học cũng như cơ học.-249.

Béc-ri (Berry), Ma-ri-a Ca-rô-li-na Phéc-đi-năng-đơ Lu-i-đơ, nữ công tước (1798 - 1870) - mẹ bá tước Săm-bo, thuộc phái chính thống, theo đuổi ngôi vua Pháp; năm 1832 mưu toan gây ra cuộc bạo động ở Van-đây nhằm lật đổ Lu-i - Phi-líp.- 271.

Béc-ti-ê (Berthier), Giảng Ba-ti-xơ (1721 - 1804) - công trình sư quân sự Pháp, thân sinh của nguyên soái Béc-ti-ê.- 120.

Béc-ti-ê (Berthier), Lu-i A-lếch-xăng-đơ (1753 - 1815) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông, tổng tham mưu trưởng quân đội của Na-pô-lê-ông I.- 120-124, 177, 228.

Bem (Bem), Giô-dép (1795- 1850) - tướng Ba Lan, nhà hoạt động của phong trào giải phóng dân tộc, tham gia cuộc khởi nghĩa năm 1830 - 1831; năm 1848 tham gia cuộc đấu tranh cách mạng ở Viên; một trong những người lãnh đạo quân đội cách mạng ở Hung-ga-ri; sau đó phục vụ trong quân đội Thổ Nhĩ Kỳ.- 164-169.

Ben-da (Benda), Rô-bóc (1816 - 1899) - nhà hoạt động chính trị Đức, thuộc phái tự do, từ năm 1859 là hạ nghị sĩ, từ năm 1867 là nghị sĩ quốc hội, về sau tham gia phái dân tộc tự do.-789.

Ben-gác-đơ (Bellegarde), Phri-đrich, Hen-rich, bá tước (1756 - 1845) - nguyên soái Áo, tham gia cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-199.

Ben-ních-xen (Bennigsen), Lê-vin Áp-gu-xơ Tê-ô-phin (Lê-ông-ti Lê-ông-ti-ê-vích) (1745 - 1826) - người gốc Han-nô-vơ, làm tướng ở nước Nga, tham gia cuộc mưu sát Pa-ven I, tham gia cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, năm 1807 làm tổng tư lệnh, trong cuộc Chiến tranh giữ nước năm 1812 làm tổng tham mưu trưởng quân đội Nga.-139-143.

Bét-xi-e-rơ (Bessières), Giảng Ba-ti-xơ (1768 - 1813) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông.-65, 169-170.

Bê-con (Bancon), Rô-giơ (khoảng 1214-1294) - nhà triết học và nhà khoa học tự nhiên Anh, ủng hộ phương pháp thực nghiệm trong khoa học; tăng lữ thuộc giáo phái Phrăng-xi-xcô.-240.

Bê-đô (Bedeau), Ma-ri An-phông-xơ (1804 - 1863) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, nhà cộng hoà tư sản ôn hoà, trong những năm 30-40 tham gia việc xâm chiếm An-giê-ri, trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai, là phó chủ tịch Quốc hội lập hiến và lập pháp, sau cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp năm 1851 trốn khỏi nước Pháp.-274.

Bê-li-đoóc (Belidor) Béc-nác, *Pho-rơ đơ* (1693 - 1761) - công trình sư quân sự Pháp, tác giả của nhiều tác phẩm về xây công sự, pháo binh và toán học.- 249.

Bê-rđơ (Baird), Đa-vít (1757 - 1829) - tướng Anh, trong những năm 1800 - 1802 chỉ huy cuộc viễn chinh của quân Anh ở Ai Cập.-356.

Bê-re-xphôt (Beresford), Gioóc-giơ, hầu tước *U-ô-tơ-pho* (mất năm 1826) - quý tộc Anh, thân sinh của U.C. Bê-re-xphôt.-356.

Bê-re-xphôt (Beresford), Uy-li-am - giáo sĩ Thiên chúa giáo Anh, đại giáo chủ Tu-am (ở Ai-rơ-len).-357.

Bê-re-xphôt (Beresford), Uy-li-am - Các-rơ, tử tước (1768 - 1854) - tướng và nhà hoạt động chính trị Anh, thuộc đảng To-ri, một trong những người tổ chức và lãnh đạo nhiều cuộc viễn chinh thực dân, những năm 1808 - 1814 tham gia cuộc chiến tranh ở bán đảo I-bê-ri-cơ, tổng tư lệnh quân đội Bồ Đào Nha (1809 - 1823), cục trưởng cục pháo binh (1828 - 1830).-72, 356-358.

Béch (Beck), Cri-xti-an Đa-ni-en (1757 - 1832) - nhà ngữ văn học Đức, tác giả của nhiều tác phẩm về văn học cổ điển và lịch sử.-20.

Béch-cơ (Becker), Gôt-phrít (1827 - 1865) - nhà báo Đức, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, năm 1853 lưu vong sang Mỹ, tham gia cuộc nội chiến ở nước Mỹ, con trai của I-ô-han Phi-líp Béch-cơ.-535.

Béch-cơ (Becker), I-ô-han Phi-líp (1809 - 1886) - công nhân làm bàn chải, tham gia phong trào dân chủ những năm 30 - 40 ở Đức và Thụy Sĩ; với tư cách sĩ quan quân đội Thụy Sĩ tham gia cuộc chiến tranh chống Đồng minh đặc biệt, nhà hoạt động tích cực của cuộc cách mạng những năm 1848 - 1849; trong thời kỳ khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ, chỉ huy dân quân Ba-đen; sau khi cách mạng bị đè bẹp, lưu vong khỏi Đức; trong những năm 60, là một trong những nhà hoạt động lỗi lạc của Quốc tế I, tham gia tất cả các đại hội của Quốc tế I, biên tập viên tạp chí "Vorbote", bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghen.-520, 532-539, 555, 561, 754-765, 787, 802, 808, 852, 858, 888.

Béch-cơ (Becker), Mác-xơ Giô-dép (mất năm 1896) - công trình sư vùng Ranh, nhà dân chủ, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau khi cách mạng bị đè bẹp, lưu vong sang Thụy Sĩ rồi sang Mỹ.-493, 495.

Béch-cơ-man (Beckman) - đầu những năm 50 thế kỷ XIX, mật thám Phổ ở Pa-ri, phóng viên báo "Kölnische Zeitung" ở Pa-ri.-527, 528, 863.

Bi-xcam-pơ (Biskamp), Ê-lac - nhà dân chủ Đức, nhà báo, tham gia cuộc cách mạng năm 1848 - 1849 ở Đức, sau khi cách mạng bị đè bẹp lưu vong ra nước ngoài, tham gia ban biên tập của cơ quan ngôn luận của những người Đức lưu vong ở Luân Đôn là tờ "Volk", xuất bản với sự tham gia trực tiếp của Mác.-608, 619, 773, 801, 804,

807, 817-821, 823, 834, 835, 838, 849, 855, 908.

Bi-déc-man (Biedermann), Các (1812 - 1901) - nhà sử học và nhà chính luận tư sản Đức, thuộc phái tự do ôn hoà; năm 1848 đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc phái giữa, về sau tham gia phái dân tộc - tự do.-857.

Bi-ra-gô (Birago), Các-lơ (1792 - 1845) - công trình sư quân sự Áo, nghiên cứu ra hệ thống cầu phao được nhiều nước châu Âu sử dụng trang bị cho quân đội.-190.

Bi-rin-gu-sô (Biringuccio), Va-nô-sô (1480 - 1539) - nhà hoá học và kỹ sư luyện kim I-ta-li-a, tác giả cuốn "Bản về kỹ thuật thuốc nổ".- 244.

Blăng (Blanc), Lu-i (1811 - 1882) - nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Pháp, nhà sử học; năm 1848 uỷ viên chính phủ lâm thời và chủ tịch Uỷ ban Lúc-xăm-buốc; đứng trên lập trường hoà hiệp với giai cấp tư sản; tháng Tám năm 1848 lưu vong sang Anh, một trong những nhà lãnh đạo những người lưu vong tiểu tư sản ở Luân Đôn.-545, 806.

Blăng-ki (Blanqui), Lu-i Ô-guy-xtơ (1805 - 1881) - nhà cách mạng Pháp, nhà cộng sản không tưởng, người tổ chức nhiều đoàn thể bí mật và hoạt động âm mưu; tích cực tham gia cách mạng năm 1830 và 1848, nhà lãnh đạo nổi tiếng nhất của phong trào vô sản Pháp; nhiều lần bị xử tù.-545.

Blăng-sác-đơ (Blanchard) - sĩ quan Anh, năm 1828 nghiên cứu được một hệ thống cầu phao.-190.

Blăng-sơ-nê (Blanchenay), Lu-i (1800 - 1881) - nhà hoạt động chính trị của giai cấp tư sản Thụy Sĩ, nghị sĩ Hội đồng quốc dân (1848 - 1860), giám đốc hải quan (1861 - 1873).-716.

Blêch (Blake), Rô-bớt (1599 - 1657) - đô đốc Anh, tham gia cuộc cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII, bạn chiến đấu của Crôm-oen; trong những năm 50 chỉ huy hạm đội trong cuộc chiến tranh Anh- Tây Ban Nha, đã chiến đấu với bọn cướp biển Tuy-ni-di và An-giê-ri.-128.

Bli-um (Blum), Rô-bớt (1807 - 1848) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, về nghề nghiệp là nhà báo, lãnh đạo cánh tả trong Quốc hội Phran-phuốc; tháng Mười năm 1848 tham gia bảo vệ Viên, bị bắn sau khi quân phản cách mạng chiếm được Viên. - 144-147,

505, 548-552, 776.

Blin-đơ (Blind), Các-lơ (1826 - 1907) - nhà báo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia phong trào cách mạng ở Ba-đen trong những năm 1848 - 1849, vào những năm 50 là một trong những người lãnh đạo những người tiểu tư sản Đức lưu vong ở Luân Đôn; về sau là phần tử dân tộc - tự do.-606, 608, 610, 613-626, 698, 773, 809, 817, 820-824, 830-835, 838, 874-881, 891, 893, 895-902, 904, 908.

Blun-sli (Bluntschli), Giô-han Ca-xpa (1808 - 1881) - nhà luật học và nhà hoạt động chính trị phản động Thụy Sĩ; một trong những kẻ tổ chức những cuộc truy nã của cảnh sát đối với những người tham gia phong trào cách mạng; uỷ viên uỷ ban điều tra hoạt động của những người lưu vong Đức ở Thụy Sĩ do Chính phủ Thụy Sĩ thành lập năm 1843 và người thảo ra bản báo cáo của uỷ ban đó công bố năm 1843.-558.

Bluy-khơ (Blücher), Ghép-hác Lê-bê-rếch (1742 - 1819) - nguyên soái Phổ, năm 1793 - 1794 tham gia cuộc chiến tranh chống nước Cộng hoà Pháp, những năm 1806, 1813 - 1814 và 1815 chỉ huy quân đội trong những cuộc chiến tranh chống nước Pháp Nápô-lê-ông.-198, 204, 216-237, 378.

Blông-danh (Blondin) (tên thật là Giảng Phrăng-xoa *Gra-vê-lơ*) (1824 - 1897) - diễn viên Pháp nổi tiếng về môn nhào lộn và leo giây.-750.

Blông-đen (Blondel), Phrăng-xoa (1617 - 1686) - kiến trúc sư và công trình sư quân sự Pháp, tác giả của những tác phẩm về trúc thành và pháo binh.-249.

Boa-sô (Boichôt), Giảng Ba-ti-xtơ (sinh năm) - nhà hoạt động chính trị Pháp theo phái cộng hoà, nghị sĩ Quốc hội lập pháp (1849), tham gia cuộc khởi nghĩa ngày 13 tháng Sáu năm 1849, về sau lưu vong ra nước ngoài.-523.

Boi-xtơ (Beust), Phri-đrich (1817 - 1899) - sĩ quan Đức, từ chức do niềm tin về chính trị, năm 1848 uỷ viên Ban chấp hành Hội liên hiệp công nhân Khuên, một trong những biên tập viên của báo "Neue Kölnische Zeitung" (tháng Chín năm 1848 - tháng Hai năm 1849), tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; sau cách mạng lưu vong sang Thụy Sĩ, giáo sư giáo dục học.-554.

Boóc-hai-mơ (Borkheim), Xi-ghi-dmun-đơ Lút-vích (1825 - 1885) - nhà báo Đức, nhà dân chủ, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau khi cuộc khởi nghĩa bị đè bẹp, lưu vong khỏi Đức, từ năm 1851 là nhà buôn ở Luân Đôn; có quan hệ hữu nghị với Mác và Ăng-ghe-n.-492-496, 507, 509, 534, 890.

Bô-di-xcô, I-a-cốp An-đrê-ê-vích (sinh năm 1794) - sĩ quan Nga, về sau thăng cấp tướng;

đầu cuộc Chiến tranh Crum (1853 - 1856) - tư lệnh pháo đài Bô-mác-xun-đơ.-355.

Bô-hác-ne (Beauharnais), Ô-gien, hoàng thân (1781 - 1824) - tướng Pháp, con chồng trước của vợ Na-pô-lê-ông I, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông năm 1805 - 1814, phó vương I-ta-li-a.-83, 190-193, 642.

Bô-li-va-rơ-i - *Pôn-te* (Bolivar y Ponte), Xi-môn (1783 - 1830) - nhà hoạt động chính trị lỗi lạc Nam Mỹ, một trong những nhà lãnh đạo chính trị của những cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, tổng thống nước Cộng hoà Cô-lôm-bi-a (1819 - 1830).-275-294, 744, 889.

Bô-na-pác-tơ - dòng họ hoàng đế ở Pháp (1804 - 1814, 1815 và 1852 - 1870).-683, 702, 710.

Bô-na-pác-tơ - xem Na-pô-lê-ông I.

Bô-na-pác-tơ (Bonaparte), Giê-rôm (1784 - 1860) - em của Na-pô-lê-ông I; vua Vết-xơ-pha-li (1807 - 1813), từ năm 1850 là nguyên soái.-676.

Bô-na-pác-tơ (Bonaparte), Giô-dép (1786 - 1844) - anh cả của Na-pô-lê-ông I, vua Na-pha-lơ (1806 - 1808) và vua Tây Ban Nha (1808 - 1813).-195.

Bô-na-pác-tơ (Bonaparte), Giô-dép Sác-lơ-Pôn, hoàng thân Na-pô-lê-ông (1822 - 1891) - con trai của Giê-rôm Bô-na-pác-tơ, anh em họ thúc bá với Na-pô-lê-ông III, sau khi anh cả mất (1847) lấy tên là Giê-rôm, trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai, nghị sĩ Quốc hội lập pháp và lập hiến, năm 1854 chỉ huy một sư đoàn ở Crum, trong cuộc chiến tranh Áo - I-ta-li-a - Pháp năm 1859 chỉ huy một quân đoàn; nổi tiếng về biệt hiệu Plông - Plông và hoàng thân Đơ.-75, 506, 518, 530, 532, 614, 647, 682, 701-706, 710, 714-717, 724, 726, 734, 735, 746, 747, 751, 797, 876.

Bô-na-pác-tơ, Lu-i - xem *Na-pô-lê-ông III*.

Bô-na-pác-tơ (Bonaparte), Lu-i (1778 - 1846) - em của Na-pô-lê-ông I, vua Hà Lan (1806 - 1810).-705.

Bô-na-pác-tơ (Bonaparte), Luy-xiêng (1775 - 1840) - em của Na-pô-lê-ông I, một trong những người tổ chức cuộc chính biến ngày 18 tháng Sương mù (9 tháng Mười một) năm 1799; công sứ ở Tây Ban Nha (1800 - 1802).-200.

Bô-ne-ri-uyt (Bonarius), Un-rich - nhà thơ Đức thời Trung cổ, nhà truyền giáo tu viện;

tác giả tập ngụ ngôn "Đá quý" viết dựa theo nguồn tư liệu la-tinh và xuất bản năm 1350.-710.

Bô-ni-pha-xơ (Boniface), Lu-i (sinh năm 1796) - nhà báo Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-700, 733.

Bô-ni-sơ (Bónis), Sa-mu-en (1810 - 1879) - nhà luật học và nhà hoạt động chính trị Hung-ga-ri, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849, ủng hộ Cô-sút.-889.

Bô-rô-dơ-đin, Ni-cô-lai Mi-khai-lô-vích (1777 - 1830) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-317.

Bô-vét (Boves), Hô-xê Tô-mát (mất năm 1814) - sĩ quan Tây Ban Nha, thủ lĩnh đội quân li-a-nê-rốt chiến đấu chống lại bọn địa chủ Crê-ô-lô, trước năm 1814, đội quân li-a-nê-rốt bị người Tây Ban Nha lợi dụng để đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-279, 280.

Bô-xkê (Bosquet), Pi-e Giô-dép Phrăng-xoa (1810 - 1861) - nguyên soái Pháp, nhà cộng hoà tư sản, về sau tham gia phái Bô-na-pác-tơ, trong những năm 30 - 50 tham gia chiến tranh xâm lược An-giê-ri, năm 1854 chỉ huy một sư đoàn sau đó một quân đoàn ở Crum (1854 - 1855).-75, 172-173.

Bôi-ác-dô (Bojardo), Ma-tê-ô Ma-ri-a (1434 - 1494) - nhà thơ I-ta-li-a thời kỳ Phục hưng, tác giả bài thơ "Rô-lan si tình".-871.

Bốp-xin (Bobzin), Phri-đrich Hen-rích Các-lơ (sinh năm 1826) - thợ thủ công Đức, năm 1847 thành viên Hội liên hiệp công nhân Đức ở Bruy-xen; tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau đó lưu vong sang Luân Đôn; cùng với Xơ-ru-vơ lãnh đạo Hội liên hiệp những người lưu vong dân chủ tư sản Đức ở Luân Đôn.-496.

Bốc-lây - xem *Xê-xin*, Uy-li-am.

Bốc-xơ (Burnes), A-lếch-xan-đơ (1805 - 1841) - sĩ quan Anh, một trong những người tổ chức việc bành trướng thuộc địa Anh ở Trung Á; năm 1836 - 1838 làm nhiệm vụ đặc biệt ở Ca-bun; năm 1839 - 1841 nhận chức vụ cố vấn chính trị bên cạnh bộ tư lệnh quân đội Anh ở Ca-bun.-102, 103, 105.

Bra-sơ (Braß), Au-gu-xơ (1818 - 1876) - nhà báo Đức, tham gia cách mạng năm 1848 -

1849 ở Đức, sau khi cách mạng bị đè bẹp, lưu vong sang Thụy Sĩ, những năm 1859 - 1860 là chủ bút báo "Neue Schweizer Zeitung", về sau ủng hộ Bi-xmác.-701, 702.

Brai-đơn (Brydon), Uy-li-am (1811 - 1873) - bác sĩ quân đội Anh, tham gia cuộc chiến tranh Anh - Ấp-ga-ni-xtan (1838 - 1842).-106.

Bran-đen-buốc (Brandenburg), Phri-đrich Vin-hem, bá tước (1792 - 1850) - tướng Phổ và nhà hoạt động nhà nước Phổ, đứng đầu nội các phản cách mạng (tháng Mười một năm 1848 - tháng Mười một năm 1850).-793.

Brau-nơ (Brown), Gioóc-giơ (1790 - 1865) - tướng Anh, tham gia cuộc chiến tranh ở bán đảo I-bê-ri-cơ (1808 - 1814), trong những năm 1854 - 1855 chỉ huy sư đoàn ở Crum.-76.

Bren-ta-nô (Brentano), Lô-ren-xơ (1813 - 1891) - nhà dân chủ tiểu tư sản ở Ba-đen, nghề nghiệp luật sư; năm 1848 đại biểu Quốc hội Phran-phước thuộc cánh tả, năm 1849 đứng đầu chính phủ lâm thời Ba-đen, sau khi cuộc cách mạng Ba-đen - Pphan-xơ bị dẹp, lưu vong sang Thụy Sĩ rồi sang Mỹ.-520, 582, 793.

Bri-la - Xa-va-ranh (Brillat - Savarin), An-xen-mơ (1755 - 1826) - nhà văn Pháp, tác giả cuốn "Sinh lý học về vị giác".-714.

Bri-ông (Brion), Lu-i (1782 - 1821) - thương nhân bán buôn Cô-lôm-bi-a, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập của thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, ủng hộ Bô-li-va-rơ, gốc người Hà Lan.-282-285.

Bru-xi-ê (Broussier), Giảng Ba-ti-xơ (1766 - 1814) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-317.

Brun-nốp, Phi-líp I-va-nô-vích, nam tước (1797 - 1875) - nhà ngoại giao Nga, công sứ (1840 - 1854, 1858 - 1860) rồi đại sứ (1860 - 1874) ở Luân Đôn.-644.

Bruyn (Brune), Ghi-ôm Ma-ri An-nơ (1763 - 1815) - nguyên soái Pháp, nhà hoạt động của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, phần tử Gia-cô-banh - Đăng-tông phái hữu, về sau ủng hộ Bô-na-pác-tơ tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp và của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-174-177.

Bu-chi-e-nhép, A-pô-li-na-ri Pê-trô-vích (1787 - 1866) - nhà ngoại giao Phổ, đại sứ ở Thổ Nhĩ Kỳ (1830 - 1842), những năm 1843 - 1856 công sứ ở Rô-ma, sau đó trong

những năm 1856 - 1858 công sứ ở Thổ Nhĩ Kỳ.-642.

Bu-ghen-ha-ghen (Buggenhagen) (thế kỷ XVIII) - công trình sư quân sự ở Mếch-clen-bua.-420.

Bu-li-e-rơ (Bullier) - nhà báo Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-700.

Bu-rô (Bureau), hai anh em, Ga-xpa (mất năm 1469) và Giảng (mất năm 1463) - các công trình sư quân sự Pháp, trong những năm 30 đến 50 lãnh đạo pháo binh Pháp, tiến hành nhiều cuộc cải tiến trong pháo binh.-242.

Bu-thơ (Bute), Giôn Xi-u-ác, bá tước (1713 - 1792) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, thủ tướng (1761 - 1763).-630.

Bu-xca (Busca), Ga-bri-ô (khoảng 1540 - 1601) - công trình sư quân sự I-ta-li-a, tác giả tác phẩm về xây công sự.-409.

Bu-xma-rơ (Bousmard), Hăng-ri Giảng Ba-ti-xơ (1749 - 1807) - công trình sư quân sự Pháp, từ năm 1792 phần tử lưu vong phản cách mạng, phục vụ nước Phổ, năm 1807 lãnh đạo việc phòng ngự Đan-txích chống lại quân đội của Na-pô-lê-ông; tác giả những tác phẩm về trúc thành.-418.

Bu-xơ (Buß), Phran-tơ I-ô-dép (1803 - 1878) - nhà luật học và nhà hoạt động chính trị Đức, chống lại bá quyền của Phổ, thuộc phái giáo quyền quyết liệt, đại biểu quốc hội.-594.

Búc-xghép-đen, Phê-đo Phê-đô-rô-vích, bá tước (1750 - 1811) - tướng Nga, những năm 1805 và 1806 tham gia các cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-140.

Buốc-bông - triều đại ở Pháp (1589 - 1792, 1814 - 1815 và 1815 - 1830).-205, 271.

Buốc-môn (Bourmont), Lu-i Au-gu-xơ Vích-to đơ (1773 - 1846) - tướng Pháp, từ 1830 là nguyên soái, phần tử bảo hoàng; năm 1830 chỉ huy quân viễn chinh xâm lược An-giê-ri.-131, 132.

Buốc-ri-en-nơ (Bourrienne), Lu-i Ăng-toan Phô-ven-lơ đơ (1769 - 1834) - nhà ngoại giao và nhà hoạt động chính trị Pháp, bạn học của Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ, bí thư riêng của ông ta (1797 - 1802), đại biểu ở Hăm-buốc (1804 - 1813), sau chạy sang phía vương triều Buốc-bông.-148-149, 176.

Búp-na phôn Li-ti-xơ (Bubna von Littié), Phéc-đi-năng, bá tước (1768 - 1825) - tướng và nhà ngoại giao Áo, gốc người Tréc; những năm 1813 - 1814 và 1815 tham gia các cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-232.

Buy-giô đơ la Pi-côn-nơ-ri (Bugeaud de la Piconnecrie), Tô-ma Rô-be (1784 - 1849) - nguyên soái Pháp, thuộc phái Oóc-lê-ăng, hạ nghị sĩ thời kỳ nền Quân chủ thánh Bấy, chỉ huy đội quân đàn áp cuộc khởi nghĩa của phái cộng hoà ở Pa-ri năm 1834, một trong những người tổ chức cuộc chiến tranh xâm lược An-giê-ri và Ma-rốc, trong những năm 1841 - 1847, toàn quyền ở An-giê-ri, trong những năm 1848 - 1849 tổng tư lệnh đạo quân An-pơ, đại biểu Quốc hội lập pháp.-271-274.

Buy-lốp (Bulow), Phri-đrich Vin-hem, bá tước *Đen-nê-vít* (1755 - 1816) - tướng Phổ, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-204, 222, 226, 227.

Buy-xơ (Bucher), Lô-tác (1817 - 1892) - quan chức Phổ, nhà chính luận; năm 1848 đại biểu Quốc hội Phổ thuộc phái trung tả; sau khi cách mạng 1848 - 1849 bị đê bẹp, lưu vong sang Luân Đôn, phóng viên của báo "National - Zeitung" ở Béc-lin, về sau thuộc phái dân tộc - tự do, ủng hộ Bi-xmác.-596, 605.

Buyéc-ghéc-xơ (Burgers), Hen-rích (1820 - 1878) - nhà chính luận cấp tiến Đức, cộng tác viên của báo "Rheinische Zeitung" (1842 - 1843), năm 1848 hội viên chỉ bộ Khuên của Đồng minh những người cộng sản, một trong những biên tập viên của báo "Neue Rheinische Zeitung", từ 1850 uỷ viên Uỷ ban trung ương Đồng minh những người cộng sản, trong vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852) bị xử 6 năm tù, về sau tham gia đảng tiến bộ.-803.

C

Ca-bê (Babet), Ê-chiên (1788 - 1856) - nhà chính luận Pháp, đại biểu xuất sắc của chủ nghĩa cộng sản hoà bình không tưởng, tác giả cuốn "Cuộc du hành ở I-ca-ri".-570, 571.

Ca-bốt (Cabot), Giôn (*Ca-bô-tô*, Giô-van-ni) (khoảng 1450 - 1498) - nhà hàng hải I-ta-li-a phục vụ cho nước Anh, năm 1497 phát hiện một bộ phận bờ biển Bắc Mỹ.-468.

Ca-hi-gan (Cajigl), Hoan Ma-nu-en (1757 - 1823) - tướng Tây Ban Nha, những năm

1813 - 1815 chỉ huy quân đội chống lại phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-278.

Ca-men-xki, Mi-kha-in Phê-đô-tô-vích, bá tước (1738 - 1809) - nguyên soái Nga, năm 1806 làm tổng tư lệnh trong cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-140.

Ca-mô-en-xơ (Camões), Lu-i (khoảng 1524 - 1580) - nhà thơ vĩ đại Bồ Đào Nha thời kỳ Phục hưng; tác giả bản anh hùng ca "Lau-di-át".-584, 706.

Ca-pô-đi-xơ-ri, I-ô-han, bá tước (1776 - 1831) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Hy Lạp; những năm 1809 - 1822 phục vụ ở nước Nga, thứ trưởng ngoại giao Nga (1815 - 1822), tổng thống Hy Lạp (1827 - 1831); thi hành chính sách thân Nga, bị gián điệp nước ngoài ám hại.-641.

Ca-ram-din, Ni-cô-lai Mi-khai-lô-vích (1766 - 1826) - nhà sử học và nhà văn xuất sắc Nga, nhà viết sử chính thức của Alếch-xan-đrơ.-638.

Ca-ta-ca-di, Ga-vrín An-tô-nô-vích (1794 - 1867) - nhà ngoại giao Nga, gốc Hy Lạp, công sứ ở Hy Lạp (1833 - 1843), quan khu mật.-641.

Ca-ti-li-na (Lu-xi-ut Xéc-gi-ut Ca-ti-li-na, (khoảng 108 - 62 trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị La Mã, quý tộc, người tổ chức âm mưu chống lại nền cộng hoà quý tộc.-531, 543, 691.

Ca-tô (Mac-quýt, Pooc-xi-ut Ca-tô Lớn) (234 - 149 trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị và nhà văn La Mã, bảo vệ đặc quyền của quý tộc, năm 184 trước công nguyên được bầu làm quan giám sát, sự nghiêm khắc của ông trong công tác giám sát ai nấy đều biết.-778.

Ca-ve-nhắc (Cavaignac), Lu-i Ô-gien (1802 - 1857) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử cộng hoà từ sản ôn hoà; trong những năm 30 - 50 tham gia xâm chiếm An-giê-ri, năm 1848 toàn quyền An-giê-ri (từ tháng Ba) rồi bộ trưởng chiến tranh của Pháp (từ tháng Năm), đàn áp cực kỳ tàn khốc cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của công nhân Pa-ri, đứng đầu chính quyền hành pháp (tháng Sáu - tháng Chạp năm 1848).-134, 526, 655, 656.

Ca-vua (Cavour), Ca-min-lô Ben-dô, bá tước (1810 - 1861) - nhà hoạt động nhà nước I-ta-li-a, nhà tư tưởng và lãnh tụ của giai cấp tư sản tự do bảo hoàng và của quý tộc tư

sản hoá; đứng đầu chính phủ Xác-đi-ni (1852 - 1859 và 1860 - 1861), thi hành chính sách thống nhất nước I-ta-li-a từ trên xuống, dưới sự lãnh đạo của vương triều Xa-voa và dựa vào sự ủng hộ của Na-pô-lê-ông III, năm 1861 lãnh đạo chính phủ thống nhất đầu tiên I-ta-li-a.-524, 691, 692, 711, 712.

Ca-xát - xem *La-xơ Ca-xát*, Ma-nu-en Ma-ri-a.

Ca-xlê-ri (Castlereagh), Rô-bốt *Xtiu-át*, tử tước (1769 - 1822) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, bộ trưởng chiến tranh và thuộc địa (1805 - 1806, 1807 - 1809), bộ trưởng ngoại giao (1812 - 1822).-630.

Ca-xten-la (Castella) - nhà hoạt động nhà nước Thụy Sĩ, phân tử cấp tiến, trong những năm 1847 - 1856 uỷ viên chính phủ bang Phrây-buốc (Phri-buốc).-523.

Ca-xi-li-ô (Castillo), Ma-nu-en (mất năm 1816) - tướng Cò-lôm-bi-a, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, năm 1815 chỉ huy đội quân đồn trú Các-ta-hê-na, chống lại Bô-li-va-rơ.-277, 280.

Ca-xtri-ốt-tô (Catriotto), Gia-cô-mô (mất năm 1562) - công trình sư quân sự I-ta-li-a.-408, 417.

Các-li-ê (Carlier), Pi-e (1799 - 1858) - cục trưởng cục cảnh sát Pa-ri (1849 - 1851), thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-527.

Các Dũng cảm (1433 - 1477) - công tước Buốc-gun-đi (1467 - 1477), người có mưu đồ chiếm Thụy Sĩ; được nhắc đến một cách mỉa mai khi so sánh với Các Phô-gtơ.-519, 520, 523-526, 597.

Các-lơ - Ê-ma-nu-en II (1751 - 1819) - vua Xác-đi-ni (1796 - 1802).-175.

Các-lơ V Lê-ô-pôn, công tước Lô-ta-rin-ghen (1643 - 1690) - nguyên soái Áo, năm 1683 - 1688 chỉ huy quân Áo trong cuộc chiến tranh Áo - Thổ Nhĩ Kỳ 1683 - 1699.-327.

Các-lơ - Lút-vích - I-ô-han (1771 - 1847) - đại công tước Áo, nguyên soái, tổng tư lệnh trong cuộc chiến tranh với Pháp (1796, 1799, 1805 và 1809), bộ trưởng chiến tranh (1805 - 1809).-83, 84, 87, 123, 194.

Các-lơ Mác-ten (khoảng 688-741)- tể tướng Phran-cơ, trên thực tế là đứng đầu nhà nước Phran-cơ.-368.

Các-ma-ni-ô-la (Carmagnola), Phran-se-xcô *Bu-xôn-nơ* (khoảng 1380 - 1432) - chỉ huy

quân đánh thuê I-ta-li-a, năm 1426 - 1432 chỉ huy liên quân Vơ-ni-dơ và Phlo-ren-xi-a trong cuộc chiến tranh chống Mi-la-nô.-343.

Cam-ba-xê-re-xơ (Cambacérés), Giảng Giắc Rê-gi (1753 - 1824) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, nhà luật học, chủ tịch Hội nghị Quốc ước (1794 - 1795), sau đó là uỷ viên chấp chính, một trong những bạn chiến đấu gần gũi của Na-pô-lê-ông I, một trong những người soạn thảo "Bộ dân luật".-714.

Cam-mơ (Kamm), Phri-drích (mất năm 1867) - thợ thủ công Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau khi cuộc khởi nghĩa bị đè bẹp, lưu vong sang Thụy Sĩ, hội viên Hội liên hiệp công nhân Đức ở Giơ-ne-vơ, năm 1852 lưu vong sang Mỹ.-504, 511.

Cam-ran - con trai của sắc Áp-ga-ni-xtan Ma-khơ-mút, từ năm 1829 cầm quyền ở Hê-rát.-101.

Can-đê-rôn đơ la Béc-ca (Calderon de la Barca), Pê-đrô (1600 - 1681) - nhà soạn kịch xuất sắc Tây Ban Nha.-490, 787.

Can-nơ-ghi-xơ (Kannegieber), Các-lơ Lut-vích (1781 - 1861) - nhà thơ và phiên dịch Đức.-552, 585.

Can-rô-béc (Canrobert), Phrăng-xoa Xéc-ten (1809 - 1895) - tướng Pháp, từ năm 1856 nguyên soái, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, trong những năm 30 - 40 tham gia xâm chiếm An-giê-ri; một trong những người tham gia tích cực vào cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp năm 1851; năm 1854 chỉ huy sư đoàn rồi tổng chỉ huy quân đội ở Crum (1854 - 1855).-75, 135.

Can-tê-rắc (Canterac), Hô-xê (khoảng 1779 - 1835) - tướng Tây Ban Nha, trong những năm 1816 - 1824 tham mưu trưởng quân đội của tướng Xéc-na chống lại phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-214.

Cáp-txê-vích, Pi-ốt Mi-khai-lô-vích (1772 - 1840) - tướng Nga, tham gia cuộc chiến tranh chống lại nước Pháp Na-pô-lê-ông.-228-231.

Cát-các-tơ (Cathcart), Gioóc-giơ (1794 - 1854) - tướng Anh, năm 1854 chỉ huy sư đoàn ở Crum.-76.

Cau-li (Cowley), Hen-ri Rì-sốt Sác-lơ *Oen-xli*, nam tước (1804 - 1884) - nhà ngoại giao Anh, đại sứ ở Pa-ri (1852 - 1867).-661, 644, 684, 709, 711, 713.

Cau-nít-xơ (Kaunitz), Ven-xen An-tôn, công tước (1711 - 1794) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Áo, ủng hộ cái gọi là chế độ chuyên chế sáng suốt, kẻ thù hung ác của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, thủ tướng (1753 - 1792).-630.

Căm-brít-giơ (Cambridge), Gioóc-giơ Uy-li-am Phrê-đê-rích Sác-lơ, công tước (1819 - 1904) - tướng Anh, năm 1854 chỉ huy sư đoàn ở Crum, tổng tư lệnh quân đội Anh (1856 - 1895).-75, 76.

Clai-ri (Clary), Êp-ghe-nhi Béc-na-rđi-na Đê-di-rơ (1777 - 1860) - vợ Béc-na-đốt-tơ.-196.

Clai-xơ (Kleist), Phri-đrich Hen-rích Phéc-di-năng Ê-min (1762 - 1823) - tướng Phổ sau thắng nguyên soái, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-226, 228-232.

Cláp-ca (Klapka), Đuyéc-giơ (Ghê-oóc-gơ) (1820 - 1892) - tướng Hung-ga-ri, thời kỳ cách mạng 1848 - 1849 chỉ huy một đạo quân Hung-ga-ri; tháng Sáu - tháng Chín năm 1849, tư lệnh pháo đài Cô-moóc-nơ, năm 1849 lưu vong ra nước ngoài, trong những năm 50 có quan hệ với tập đoàn Bô-na-pác-tơ, năm 1867 sau khi được ân xá trở về Hung-ga-ri.-328, 705, 714, 716, 735, 743, 746, 748-755.

Clau-dơ-vít-xơ (Clausewitz), Các-lơ (1780 - 1831) - tướng Phổ và nhà lý luận quân sự xuất sắc nhất của giai cấp tư sản, những năm 1812 - 1814 phục vụ cho quân đội Nga.-295.

Cléc-phơ (Clerfayt), Các-lơ (1733 - 1798) - nguyên soái Áo, tham gia cuộc chiến tranh Áo - Thổ Nhĩ Kỳ (1788 - 1789), những năm 1794 - 1795 tổng tư lệnh quân đội Áo trong cuộc chiến tranh chống nước Cộng hoà Pháp.-93, 194.

Cléc-vin (Clairville), Lu-i Phrăng-xoa (họ thật là Ni-cô-lơ) (1811 - 1879) - nhà soạn kịch Pháp.-885.

Clê-béc (Kléber), Giảng Ba-ti-xơ (1753 - 1800) - tướng Pháp, tham gia cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp chống lại liên minh thứ nhất của các nước châu Âu.-194.

Clê-ô-men III (255 - 219 trước công nguyên) - vua Xpác-tơ (235 - 221).-194.

Clô-den (Clausel), Béc-tran, bá tước (1772 - 1842) - tướng Pháp, từ năm 1831 thăng nguyên soái, trong những năm 1809 - 1814 tham gia cuộc chiến tranh trên bán đảo I-be-ri-cơ, tướng toàn quyền An-giê-ri (1830 - 1831 và 1835 - 1837).-131, 134, 322-324.

Clô-tin-da, công chúa Xa-voa (1843 - 1911) - con gái vua Xác-di-ni Vich-to Ê-ma-nu-en II, từ năm 1859 là vợ của hoàng thân Na-pô-lê-ông.-735.

Clô-xman (Closmann)- sĩ quan Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau đó lưu vong ở Thụy Sĩ.-702.

Clút-xơ (Cluß), A-đôn-phơ (mất sau năm 1889) - công trình sư Đức, hội viên của Đảng minh những người cộng sản, năm 1848 là thư ký của Hội liên hiệp giáo dục công nhân ở Ma-in-xơ, năm 1849 lưu vong sang Mỹ; phục vụ trong bộ hải quân ở Oa-sinh-ton; trong những năm 50 thường xuyên trao đổi thư từ với Mác và Ăng-ghe-n, cộng tác với nhiều tờ báo công nhân và dân chủ ở Đức, Anh và Mỹ.-780.

Cmê-ti (Kmetz), Đuyéc-đơ (Ghê-oóc-gơ) (1810 - 1865) - tướng Hung-ga-ri, tham gia cuộc cách mạng năm 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, sau khi cách mạng thất bại lưu vong sang Thổ Nhĩ Kỳ, ở đây nhập quốc tịch Thổ Nhĩ Kỳ, lấy tên là I-xma-in-pa-sa, mang quân hàm cấp tướng của Thổ Nhĩ Kỳ, tham gia cuộc Chiến tranh Crum (1853 - 1856).-329-330.

Cnê-txích (Knezich), Ca-rôi (khoảng 1808 - 1849) - tướng Hung-ga-ri, trong thời kỳ cách mạng năm 1848 - 1849 chỉ huy đơn vị quân đội cách mạng Hung-ga-ri.-330.

Coóc-đô-ba (Córdoba), Hô-xê Ma-ri-a (1799 - 1829) - tướng Cô-lôm-bi-a, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-213.

Coóc-đô-va - xem *Phéc-nan-đéc đờ Coóc-đô-va Gông-xa-lô*.

Coóc-môn-tanh (Cormontaigne), Lu-i đờ (khoảng 1696 - 1752) - tướng Pháp, công trình sư quân sự, tác giả nhiều tác phẩm về trúc thành.-113, 409-412, 416-420, 428.

Coóc-nờ (Korn), A-đôn-phơ (1822 - 1904) - sĩ quan Phổ (trước năm 1845), tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở Đức, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong ở Thụy Sĩ rồi từ 1857 ở Ăc-hen-ti-na.-492, 495, 520.

Coóc-phơ, Phê-đơ Các-lô-vích, nam tước (1774 - 1826) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-317.

Coóc-te-xơ (Cortes), Êc-nan (Phéc-nan-đô) (1485 - 1547) - thực dân Tây Ban Nha, kẻ chinh phục quốc gia của người Axít (Mê-hi-cô) (1519 - 1521).-398.

Cô-lát-chếch (Kolatschek), A-đôn-phơ (1821 - 1889) - nhà báo và nhà hoạt động chính trị Áo, trong năm 1848 - 1849 là đại biểu Quốc hội Phran-phước, thuộc phái dân chủ tiểu tư sản, người xuất bản các tạp chí "Deutsche Monatsschrift" (1850 - 1851) và "Stimmen der Zeit" (1858 - 1862).-585, 620, 888.

Cô-lét (Collet), Cô-let Đốp-xơn - nhà báo và nhà hoạt động xã hội Anh, biên tập viên tờ báo của phái Uốc-các-tơ "Free Press" (1859 - 1865).-615, 899.

Cô-la-dô (Collado), Lu-i-xơ (thế kỷ XVI) - công trình sư quân sự Tây Ban Nha.-244.

Cô-lô-vrát - *Cra-cốp-xki* (Kolowrat - Krakowsky), I-ô-han Nê-pô-múc Các-lơ, bá tước (1748 - 1816) - tướng Áo, từ năm 1809 nguyên soái, tham gia chiến tranh chống nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông.-84.

Cô-lông (Colombo), Cri-xtốp (1451 - 1506) - nhà hàng hải lỗi lạc, đã phát hiện ra châu Mỹ, phục vụ cho Tây Ban Nha, người gốc Giê-nơ.-468.

Cô-sút (Kossuth), La-i-ốt (Lút-vích) (1802 - 1894) - lãnh tụ phong trào giải phóng dân tộc Hung-ga-ri, lãnh đạo các phần tử dân chủ tư sản trong cách mạng năm 1848 - 1849, đứng đầu chính phủ cách mạng Hung-ga-ri, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong khỏi Hung-ga-ri, trong những năm 50 tìm sự ủng hộ trong tập đoàn Bô-na-pác-tơ.-328, 648, 670, 704, 735-750, 872, 888, 889, 895.

Côn-bơ (Kolb), Gu-xtap Ê-đu-ác (1798 - 1865) - nhà báo Đức, một trong những biên tập viên của báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuc.-616, 909.

Côn-dơ (Conde), Hô-xê An-tô-ni-ô (1765 - 1820) - nhà sử học Tây Ban Nha, nghiên cứu về A Rập, tác giả nhiều tác phẩm về sự thống trị của người A Rập ở Tây Ban Nha.-240.

Côn-hai-mơ (Cohnheim), Mác-cơ - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, tham gia phong trào cách mạng ở Ba-den vào những năm 1848 - 1849, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong khỏi nước Đức.-492, 495, 496, 520.

Côn-xtan-tin, Ni-cô-la-ê-vích (1827 - 1892) - đại công tước Nga, con thứ của Ni-cô-lai, đô đốc, lãnh đạo ngành hải quân (1853 - 1881) và hạm đội (1855 - 1881).-606, 614, 654, 877, 896, 898, 900.

Côn-xtan-tin, Páp-vlô-vích (1779 - 1831) - đại công tước Nga, từ năm 1841 tổng tư lệnh

quân đội Ba Lan, trên thực tế là toàn quyền Ba Lan.-165.

Công-gri-vơ (Congreve), Uy-li-am (1772 - 1828) - sĩ quan Anh, nhà phát minh quân sự, năm 1808 phát minh ra tên lửa mang tên ông.-164.

Crai (Kray), Pan (1735 - 1804) - tướng Áo, vốn người Hung-ga-ri, tham gia chiến tranh chống nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông.-194.

Crau-dê, Các Phri-đrich Ô-guy-xơ - xem *Phlơ-ri*, Sác-lơ.

Crây-tơ, Ki-pri-an An-tô-nô-vích, bá tước (1777 - 1850) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-319.

Crê-mơ - xem *Séc-van*, Giuy-li-ên.

Cri-xi-an - *Phrê-dê-riích* (1786 - 1848) - hoàng thân Đan Mạch, năm 1813 - 1814 toàn quyền, năm 1814 vua Na-uy, năm 1839 - 1848 vua Đan Mạch, lấy hiệu là Cri-xi-an VIII.-205.

Cri-xéc-nơ (Christern), Giô-han Vin-hem - tác giả một tập sách châm biếm xuất bản khuyết danh "Cuộc hành trình của bác sĩ Ây-den và nam tước Bây-den đi họp hội đồng hàng tỉnh tháng Tư năm 1847".-626.

Crô-si (Crawshay) - trong những năm 50 thế kỷ XIX nhà báo Anh ủng hộ Uốc-các-tơ.-742.

Crôm-oen (Cromwell), Ô-li-vơ (1599 - 1658) - lãnh tụ của giai cấp tư sản và quý tộc tư sản hoá trong thời kỳ cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII; từ năm 1853 là người nhiếp chính Anh, Xcôt-len và Ai-rơ-len.-373.

Cruy-đê-ne-rơ (Krüdener), Báp-ba-ra I-u-li-a, nam tước phu nhân (1764 - 1824) - nữ văn sĩ, người truyền bá chủ nghĩa kiên thành; vào thế kỷ XIX người ta nhận xét sai rằng tư tưởng thành lập Liên minh thần thánh là do bà đưa ra.-634.

Ctê-xi-át (giữa thế kỷ V - đầu thế kỷ IV trước công nguyên) - nhà sử học và thầy thuốc Cổ Hy Lạp, tác giả tác phẩm về Ấn Độ và Ba Tư Cổ đại.-239.

Cu-da (Cuza), A-lếch-xan-đru (1820 - 1873) - nhà hoạt động chính trị Ru-ma-ni, năm 1859 - 1866 lấy vương hiệu A-lếch-xan-đơ Giô-han I làm vua (người cầm quyền) hai Công quốc vùng Đa-nuýp là Môn-đa-vi-a và Va-la-khi, năm 1862 thành quốc gia Ru-ma-ni thống nhất; do âm mưu của bọn phản động, phải nhượng ngôi và lưu vong

ra nước ngoài.-638, 639, 665, 669.

Cu-ê-xta - xem *Gác-xi-a đơ la Cu-ê-xta*, Grê-go-ri-ô.

Cu-khoóc-nơ (Cồ-khoóc) (Cochoorn), Men-nô, nam tước (1641 - 1704) - tướng Hà Lan, công trình sư quân sự, tác giả nhiều tác phẩm về xây công sự.-113, 217-220, 419, 420.

Cu-tu-dốp, Mi-kha-in I-la-ri-ô-nô-vích, công tước (1745 - 1813) - thống soái vĩ đại nước Nga.-118, 314-317.

Cúc (Cook), Giêm-xơ (1728 - 1779) - nhà hàng hải nổi tiếng Anh, đã hoàn thành ba cuộc hành trình quanh trái đất.-398.

Cxe-rcơ-xơ (khoảng 519 - 465 trước công nguyên) - vua Cổ Ba Tư (486 - 465 trước công nguyên).-13, 16, 188.

Cxê-nô-phôn-tơ (khoảng 430 - khoảng 354 trước công nguyên) - nhà sử học và nhà triết học Cổ Hy Lạp, nhà tư tưởng của giai cấp chủ nô.-21.

D

Da-kha-ri (Zachariae), Hen-rich An-be (1806 - 1875) - nhà luật học Đức, đại biểu Quốc hội Phran-phước (1848 - 1849), thuộc cánh hữu phái giữa.-589, 595.

Dau-éc-hai-mơ (Sauernheimer) - công nhân làm bàn chải Đức, đầu những năm 50 thế kỷ XIX lưu vong sang Thụy Sĩ, chủ tịch Hội liên hiệp công nhân Đức ở Giơ-ne-vơ.-504, 511, 512.

Dây-dli-xơ (Seydlitz), Phri-đrich Vin-hem (1721 - 1773) - tướng Phổ, trong cuộc Chiến tranh bảy năm 1756 - 1763 chỉ huy các đơn vị kỵ binh, đóng vai trò quan trọng trong việc cải tổ kỵ binh Phổ.-51, 373, 374, 378, 396.

Dắc-den - *Cô-buốc-gơ*, công tước - xem *Ếc-ne-xơ III*.

Đê-man sắc-sắc Áp-ga-ni-xtan (1793 - 1800).-100.

Đết-tơ (Saedt), Ôt-tô Giô-đép A-đôn-phơ (1816 - 1886) - quan toà Phổ, từ năm 1848 chương lý ở Khuên, uỷ viên công tố trong vụ án những người cộng sản ở Khuên

(1852).-541.

Đi-ghen (Sigel), An-be (1827 - 1884) - sĩ quan Ba-đen, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia phong trào cách mạng ở Ba-đen những năm 1848 - 1849; năm 1853 lưu vong sang Mỹ, tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ đứng về phía miền Bắc.-581, 582.

Đi-ghen (Sigel), Phran-tơ (1824 - 1902) - sĩ quan Ba-đen, nhà báo, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia phong trào cách mạng ở Ba-đen năm 1848 - 1849, tổng tư lệnh rồi phó tổng tư lệnh quân đội cách mạng Ba-đen trong thời kỳ cuộc khởi nghĩa Ba-đen-Pphan-xơ năm 1849; sau đó lưu vong sang Thụy Sĩ và Anh; năm 1852 di cư sang Mỹ, tham gia cuộc Nội chiến đứng về phía miền Bắc; anh của An-be Đi-ghen.-581, 582.

Đôm-me (Sommer) - đầu những năm 50 thế kỷ XIX mật thám Phổ ở Pa-ri.-527, 863.

Đ

Đa-Đa - nhà chính luận A-rập, những năm 50 thế kỷ XIX được nhà cầm quyền An-giê-ri uỷ nhiệm dịch những tập sách đả kích phái Bô-na-pác-tơ ra tiếng A-rập.-694-698, 700, 701, 726, 732, 734, 885, 890.

Đa-dli (Dudley), Rô-bớc (1574 - 1649) - sĩ quan hải quân và nhà phát minh Anh, tác giả nhiều tác phẩm về hàng hải.-496.

Đa-na (Dana), Sác-lơ An-đéc-xơ (1819 - 1897) - nhà báo tiến bộ Mỹ, một trong những biên tập viên của báo "New - York Daily Tribune" và "Bách khoa toàn thư mới của Mỹ".-805-807, 884, 885.

Đa-ri I Ghi-xtáp (550 - 486 trước công nguyên) - vua Ba Tư Cổ đại.-14, 188, 398.

Đa-vu (Davout), Lu-i Ni-cô-la (1770 - 1823) - nguyên soái Pháp, một trong những bạn chiến đấu gần gũi của Na-pô-lê-ông I, tham gia những cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-83, 85, 123, 144, 164, 197, 198.

Đan-gren (Dahlgren), Giôn A-đôn-phơ (1809 - 1870) - sĩ quan hải quân và nhà phát minh quân sự Mỹ, từ năm 1863 là đô đốc, tác giả nhiều tác phẩm về pháo binh hải quân.-262.

Đan-tiu (Dentu), Ê-đu-ác Hăng-ri Giuyt-xtanh (1830 - 1884) - một trong những người

- chủ của nhà xuất bản Pháp Đan-tiu thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-628-632, 634-637, 654, 664, 666, 670, 679, 683, 691, 695, 885, 890.
- Dan-tơ A-li-ghi-e-ri* (Dante Alighieri) (1265 - 1321) - nhà thơ vĩ đại I-ta-li-a.-519, 552, 553, 585, 730, 825.
- D'At-xprê* (D'Aspre), Công-xtăng-tin, nam tước (1761 - 1809) - tướng Áo, tham gia chiến tranh chống nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông.-199.
- Dăng-tông* (Danton), Gioóc-giơ Giắc-cơ (1759 - 1794) - một trong những nhà hoạt động lỗi lạc của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, lãnh tụ cánh hữu của phái Gia-cô-banh.-174, 175.
- D'E-xte* (D'Ester), Các Lút-vích I-ô-han (1811 - 1859) - nhà xã hội chủ nghĩa và nhà dân chủ Đức, nghề nghiệp thầy thuốc, thành viên chi bộ Khuê của Đồng minh những người cộng sản, năm 1848 đại biểu Quốc hội Phổ, thuộc cánh tả; từ tháng Mười năm 1848, uỷ viên Uỷ ban trung ương những người dân chủ ở Đức, đóng vai trò xuất sắc trong cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; về sau lưu vong sang Thụy Sĩ.-586, 769.
- Den-vi-nhơ* (Delvigne), Hăng-ri Gu-xtáp (1799 - 1876) - sĩ quan và nhà phát minh quân sự Pháp.-57, 463.
- Đê-các-tua* (Decatur), Xti-von (1779 - 1820) - chuẩn đô đốc Mỹ, năm 1815 chỉ huy phân hạm đội tác chiến chống lại An-giê-ri, Tuy-ni-di và Tori-pô-li.-130.
- Đê-mô-xten* (384 - 322 trước công nguyên) - nhà hùng biện và nhà hoạt động chính trị lỗi lạc Cổ Hy Lạp, lãnh tụ phái chống Ma-xê-đoan ở A-ten, ủng hộ chế độ dân chủ chủ nô.-544.
- Đê-van* (Deval) - lãnh sự Pháp ở An-giê-ri (1815 - 1827).-130.
- Đi-ô-gi-en ở Xi-nô-pơ* (khoảng 404 - khoảng 323 trước công nguyên) - nhà triết học Cổ Hy Lạp, một trong những người sáng lập ra trường phái Ki-ních phản ánh sự phản đối tiêu cực của tầng lớp nghèo khổ trong nhân dân chống lại sự chống trị của bọn hữu sản.-513.
- Đi-ô-ni-di-ốt I Bô* (khoảng 431 - 367 trước công nguyên) - bạo chúa ở Xi-ra-cu-đơ (khoảng 406 - 367 trước công nguyên).-333.

- Đi-txen* (Dietzel), Gu-xtáp (1827 - 1864) - học giả và luật gia Đức.-732.
- Đi-xra-e-li* (Disraeli), Ben-gia-min, từ 1871 bá tước *Bi-con-xphim-đơ* (1804 - 1881) - nhà hoạt động nhà nước và nhà văn Anh, một trong những lãnh tụ của đảng To-ri, vào nửa sau thế kỷ XIX, lãnh tụ đảng bảo thủ; bộ trưởng tài chính (1852, 1858 - 1859 và 1866 - 1868), thủ tướng (1868 và 1874 - 1880).-799.
- Dích-ken* (Dickens), Sác-lơ (1812 - 1870) - nhà văn hiện thực vĩ đại Anh.-547, 682, 878.
- Đi-lích* (Dilich), Vin-hem *Sép-phơ* (khoảng 1575 - 1655) - nhà văn quân sự Đức, tác giả sách giáo khoa về vấn đề quân sự và xây công sự.-414.
- Dip-phen-bắc* (Dieffenbach), *Êc-nơ-xơ* (1811 - 1855) - nhà khoa học tự nhiên Đức, giáo sư địa chất học ở Hít-xen (1850).-734.
- Dit-xơ* (Dietz), Ô-xvan-đơ (khoảng 1824 - 1864) - kiến trúc sư Đức ở Vi-xba-đen, tham gia cách mạng 1848 - 1849, lưu vong sang Luân Đôn, uỷ viên Ban chấp hành trung ương Đồng minh những người cộng sản, sau sự phân liệt trong đồng minh năm 1850, tham gia tập đoàn bè phái - phiêu lưu Vi-lích - Sáp-pơ, uỷ viên Ban chấp hành trung ương của tập đoàn này; về sau tham gia cuộc Nội chiến ở Mỹ.-862.
- Đô-xơ Mô-ha-mét* (1793 - 1863) - ê-mia Áp-ga-ni-xtan (1826 - 1839 và 1842 - 1863).-101-103, 108.
- Đô-khu-rốp*, Đmi-tri Xéc-ghê-ê-vích (1756 - 1816) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, thời kỳ Chiến tranh giữ nước năm 1812 chỉ huy quân đoàn.-316,317.
- Đôn-gô-ru-cốp*, Pi-ốt Vla-di-mi-rô-vích, công tước (1816 - 1868) - nhà chính luận và nhà sử học Nga, thuộc phái tự do, năm 1859 lưu vong ra nước ngoài, trong những năm 60 xuất bản nhiều tờ báo và tạp chí thuộc khuynh hướng đối lập, cộng tác với tờ "Cái chuông" của Ghéc-xen.-638.
- Đơ-la-ma-rơ* (Delamarre), Tê-ô-đo Ca-di-mia (1797 - 1870) - chủ ngân hàng Pháp, nhà chính luận, từ năm 1844 chủ tờ báo "Patrie", thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-728, 729.
- Đơ-la-ốt* (Delahodde cũng là de la Hodde, bí danh Duy-prê), Luy-xiêng (1808 - 1865) - nhà chính luận Pháp, tham gia các hội cách mạng bí mật thời kỳ Phục tích và thời kỳ

Nền quân chủ thánh Bấy, mật thám.-527, 550, 863.

Đơ-la-ra-di-át (Delarageaz), Lu-i Hen-ri (1807 - 1891) - nhà hoạt động chính trị Thụy Sĩ, phần tử cấp tiến, ủng hộ Phu-ri-ê, biên tập viên báo "Nouvelliste Vaudois".-716.

Đơ Me-xơ-ra (De Maistre), Cxa-vi-e (1763 - 1852) - nhà văn và tướng Pháp, thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII lưu vong sang Nga, tác phẩm của ông phản ánh tâm trạng của quý tộc phản cách mạng.-783.

Đớc-bi (Derby), Ê-đu-ác Gioóc-giơ Giê-phri Xmít *Xen-li*, bá tước (1799 - 1869) - nhà hoạt động nhà nước Anh, lãnh tụ đảng To-ri, về sau là một trong những lãnh tụ của đảng bảo thủ, thủ tướng (1852, 1858 - 1859 và 1866 - 1868).-661, 686, 748.

Đrây-dơ (Dreyse), I-ô-han Ni-cô-la-út (1787 - 1867) - nhà phát minh quân sự và chủ xưởng Phổ.-464.

Đrây-cơ (Drake), Phren-xít (khoảng 1540 - 1596) - nhà hàng hải Anh, đô đốc, năm 1588 tham gia đánh tan Ác-ma-đa Tây Ban Nha.-211.

Dron-ke (Dronke), Êc-nơ-xơ (1822 - 1891) - nhà chính luận Đức, ban đầu là "nhà xã hội chủ nghĩa chân chính", sau là thành viên của Đồng minh những người cộng sản và một trong những biên tập viên của tờ "Neue Rheinische Zeitung", sau cách mạng năm 1848 - 1849 lưu vong sang Giơ-ne-vơ, rồi năm 1851 sang Anh, trong thời kỳ phân liệt của Đồng minh những người cộng sản năm 1850, ủng hộ Mác và Ăng-ghen; về sau rời bỏ hoạt động chính trị và chuyển sang buôn bán.-507, 512, 578.

Đruy-ê d'Ec-lon (Drouet d'Erlon), Giảng Ba-ti-xơ, bá tước (1765 - 1844) - tướng Pháp về sau là nguyên soái, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-322, 323, 324, 392.

Đruy-ê (Druey), Hăng-ri (1799 - 1855) - nhà hoạt động nhà nước Thụy Sĩ, phần tử cấp tiến, uỷ viên Hội đồng liên bang (1848 - 1854), bộ trưởng tư pháp và cảnh sát (từ năm 1848), năm 1850 tổng thống Liên bang Thụy Sĩ.-510, 512, 522-526, 848, 850, 852-856.

Đu-a-nô (Doineau), Au-gu-xơ Ê-đu-ác (sinh năm 1824) - sĩ quan Pháp, từ năm 1853 làm cục trưởng một cục A Rập ở An-giê-ri năm 1856 do giết một người An-giê-ri bị toà án bồi thẩm xử tử hình, năm 1857 Na-pô-lê-ông đổi thành tù chung thân; năm

1859 được ân xá.-135.

Du-lông (Dulon) - Ru-đôn-phơ (1807 - 1870) - mục sư Đức, ủng hộ phong trào "Bạn của ánh sáng" chống lại giáo hội chính thống, năm 1853 lưu vong sang Mỹ.-569.

Du-sếch (Dusek), Phran-ti-sếch (1797 - 1873) - nhà hoạt động nhà nước Hung-ga-ri, vốn người Tréc, bộ trưởng tài chính trong chính phủ cách mạng Xê-mc-rơ (1849).-748.

Dun-xơ Xcô-tút (Duns Scotus), Giôn (khoảng 1265 - 1308) - nhà triết học thời Trung cổ, nhà triết học kinh viện, đại biểu của chủ nghĩa duy danh là biểu hiện của chủ nghĩa duy vật thời Trung cổ.-788, 794.

Duy-cô (Ducos), Rô-giơ (1747 - 1816), nhà hoạt động của cách mạng tư sản Pháp, cuối thế kỷ XVIII, đại biểu của giai cấp đại tư sản, nghề nghiệp luật sư.-197.

Duy-cô-mun (Ducommun), Ê-li (1833 - 1906), - nhà hoạt động nhà nước và nhà báo Thụy Sĩ, phần tử cấp tiến, từ năm 1855, biên tập viên "Revue de Genève".-718.

Duy-cu-đơ- Hôn-stai-nơ (Ducoudray Holstein) - sĩ quan Pháp, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, tác giả cuốn sách có thiên kiến về Bô-li-va-rơ.-294.

Duy-lông (Dulong), Phrăng-xoa Sác-lơ (1792 - 1834) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Pháp, từ năm 1831 hạ nghị sĩ, thuộc phái đối lập tự do.-272.

Duy-ga-men A-lếch-xan-đơ Ô-xi-pô-vích (1801 - 1880) - tướng và nhà ngoại giao Nga, trong những năm 1842 và 1848 mang sứ mệnh đặc biệt đến Các công quốc vùng Đa-nuýp.-641.

Duy-ken (Duquesne), Ap-ram, hầu tước (1610 - 1688) - đô đốc Pháp, những năm 1680 - 1683 tiến hành hoạt động quân sự chống An-giê-ri và Tô-ri-pô-li.-128.

Duy-lai (Gyulay), I-gna-xơ, bá tước (1763 - 1881) - tướng Áo, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-227.

Duy-mông (Dumont), Giô-đép (1811 - 1861) - nhà báo tư sản Đức, thuộc phái tự do ôn hoà, từ năm 1831 phát hành tờ "Kölnische Zeitung"; đổi họ thành Mông-tơ.-776, 895, 896.

Duy-mu-ri-ê (Dumouriez), Sác-lơ Phrăng-xoa (1739 - 1823) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp thời cách mạng tư sản cuối thế kỷ XVIII, thuộc phái Gi-rông-đanh;

năm 1792 - 1793 chỉ huy quân đội cách mạng ở miền Bắc, tháng Ba năm 1793 phản bội nước Cộng hòa Pháp.-174.

Duy-pa (Dupas), Pi-e Lu-i (1761 - 1823) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-199.

Duy-panh (Dupin), Ăng-đrê Ma-ri Giăng Giắc (1783 - 1865) - luật gia và nhà hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái Oóc-lê-ăng, sau thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-755.

Duy-piu đơ Lôm (Dupuy de Lôme), Xta-ni-xla Sác-lơ Hăng-ri Lô-ran (1816 - 1885) - công trình sư quân sự và công trình sư đóng tàu Pháp.-475.

Duy-phô-rơ (Dufaure), Giuy-lơ Ác-măng Xta-ni-xla (1798 - 1881) - luật sư Pháp, nhà hoạt động chính trị tư sản, thuộc phái Oóc-lê-ăng, được nổi tiếng rộng rãi nhờ tham gia các vụ xét xử về chính trị; năm 1848, đại biểu Quốc hội lập hiến, tháng Mười - tháng Chạp năm 1848, bộ trưởng nội vụ trong chính phủ Ca-ve-nhắc.-660.

Duy-pông đơ IÊ-man (Dupont de l'Étang), Pi-e-rơ Ăng-toan (1765 - 1840) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, năm 1808 trong thời kỳ chiến tranh của Tây Ban Nha đã đầu hàng ở gần Bai-len với sư đoàn của mình.-176.

Duy-rơ (Dürer), An-brếch-tơ (1471 - 1528) - họa sĩ và nhà điêu khắc vĩ đại Đức; nghiên cứu vấn đề xây công sự.-419.

E

Éc-bi-ông (Herbillon), Ê-min (1794 - 1866) - tướng Pháp, trong những năm 40 tham gia xâm lược An-giê-ri, năm 1855 chỉ huy sư đoàn ở Crum.-135.

Éc-lon - xem Đru-ê d'Éc-lon, Giăng Ba-tít-xơ.

Éc-ma-ni (Ermani) - người xuất bản và chủ hiệu sách ở Luân Đôn.-622, 880.

Éc-nơ-xơ III (Ernst III) (1784 - 1844) - công tước Dắc-den - Cô-buốc-gơ (1806 - 1826) và Dắc-den - Cô-buốc-gơ - Gô-ta với vương hiệu Éc-nơ-xơ I (1826 - 1844), tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-226.

Éc-ra-rơ (Errard), Giăng (1554 - 1610) - công trình sư quân sự và nhà toán học Pháp, tác giả tác phẩm về xây công sự.-413.

En-ghen-hác, An-tôn Êp-xta-phi-ê-vích (1795 - 1872) - tướng Nga, tham gia đàn áp cách mạng Ba Lan năm 1830 - 1831 và cách mạng Hung-ga-ri năm 1848 - 1849.-167.

En-glen-đơ (Engländer), Dích-mun (1828 - 1902) - nhà báo Áo, năm 1848 lưu vong sang Anh, mật thám.-222.

En-phin-xơ (Elphinstone), Ma-un-xtiu-ác (1779 - 1859) - nhà ngoại giao Anh và quan chức của Công ty Đông Ấn, những năm 1808 - 1809 giữ chức đại sứ ở Ca-bun, những năm 1819 - 1826 tỉnh trưởng Bom-bay.-101.

En-phin-xơ (Elphinstone), Uy-li-am Gioóc-giơ Kit (1782 - 1842) - tướng Anh, năm 1841 chỉ huy quân đội ở Ca-bun trong thời kỳ chiến tranh Anh - Ấp-ga-ni-xtan (1838 - 1842).-104, 105.

En-xơ (Elsner), Các Phri-đrich Mô-rít-xơ (1809 - 1894) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Xi-lê-di, phần tử cấp tiến, năm 1848 đại biểu Quốc hội Phổ, thuộc cánh tả; trong những năm 50, một trong những biên tập viên của tờ "Neue Oder - Zeitung".-803.

Em-méc-man (Emmermann), Các-lơ - quan chức kiểm lâm, chỉ huy phân đội bộ binh của quân đội cách mạng Ba-den - Pphan-xơ năm 1849; sau khi cách mạng thất bại lưu vong sang Thụy Sĩ.-554, 556.

Ê-ca-lê-ri-na II (1729 - 1796) - nữ hoàng Phổ (1762 - 1796).-139, 140, 634, 639.

Ê-đơ (Eudes) (665 - 735) - công tước A-qui-tan, tham gia cuộc đấu tranh của người Phrăng chống lại sự xâm nhập của người A Rập.-368.

Ê-đu-ác-đơ, hoàng thân xứ Oen-xơ (biệt hiệu hoàng thân Đen) (1330 - 1376) - con vua Anh Ê-đu III, một trong những thống soái thời kỳ Chiến tranh trăm năm giữa Anh và Pháp.-445.

Ê-len-bô-rô (Ellenborough), Êt-uốt Lô, từ năm 1844 bá tước (1790 - 1871) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, toàn quyền Ấn Độ (1842 - 1844), năm 1846 bộ trưởng hải quân, chủ tịch Ủy ban giám sát công việc Ấn Độ (1858).-107.

Ê-li-an (thế kỷ II) - nhà văn quân sự Hy Lạp.-239.

Ê-li-da-bét (Elizabeth) (1553 - 1603) - nữ hoàng Anh (1558 - 1603).-39, 79, 209.

Ê-pa-mi-nông (khoảng 420 - 362 trước công nguyên) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước lỗi lạc Cổ Hy Lạp, một trong những lãnh tụ của chế độ dân chủ chủ nô Ti-van.-22, 90, 92, 435, 457.

Ê-phi-an-tơ - người Hy Lạp, vào năm 480 trước công nguyên đã phản bội chỉ cho người Ba Tư con đường vòng đến khe núi Phéc-mô-pi do đó làm cho những người bảo vệ khe núi đứng đầu là vua Xpác-tơ Lô-ô-nít bị chết.-724.

Ê-ri (Airey), Ri-sốt (1803 - 1881) - tướng Anh, năm 1854 - 1855 cục trưởng cục quân nhu quân đội Anh ở Crum, sau đó cục trưởng cục quân nhu toàn thể quân đội Anh (1855 - 1865).-81.

Ê-xpác-te-rô (Espantero), Ban-đô-me-rô (1793 - 1879) - tướng và nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, lãnh tụ đảng tiến bộ, nhiếp chính Tây Ban Nha (1841 - 1843), đứng đầu chính phủ (1854 - 1856).-215.

Ê-van-xơ (Evans), Giooc-giơ đơ Lây-xi (1787 - 1870) - tướng Anh, nhà hoạt động chính trị của đảng tự do, nghị sĩ; năm 1854 chỉ huy sư đoàn ở Crum.-75, 76.

Ếch-xma-út (Exmouth), Ê-du-a Pen-li-u (1757 - 1833) - đô đốc Anh, năm 1816 chỉ huy hạm đội hoạt động chống lại An-giê-ri, Tuy-ni-di và O-ri-pô-li.-130.

G

Ga-ghéc-nơ (Gagern), Hen-rích, nam tước (1799 - 1880) - nhà hoạt động chính trị tư sản Đức, phần tử tự do ôn hoà; đại biểu và chủ tịch Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh hữu phái giữa, thủ tướng đế quốc (tháng Chạp năm 1848 - tháng Ba năm 1849), sau tháng Năm 1849 là một trong những lãnh tụ của phái Gô-ta.-586, 597, 855.

Ga-le (Galeer), An-be (1816 - 1851) - giáo viên và nhà văn Thụy Sĩ; nhà dân chủ, tham gia cuộc chiến tranh chống Đồng minh đặc biệt ở Thụy Sĩ năm 1847 và cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, nghị sĩ Đại hội đồng viện Giơ-ne-vơ, ban đầu ủng hộ Pha-di về sau là thủ lĩnh phe đối lập.-494, 760-764.

Ga-le (Galeer), Ô-xca - em của An-be Ga-le, sinh viên đại học.-494.

Ga-li-lê (Galilei), Ga-li-lê-ô (1564 - 1642) - nhà vật lý học và nhà thiên văn học vĩ đại I-ta-li-a, người sáng lập ra nguyên lý cơ học, chiến sĩ đấu tranh cho thế giới quan tiến bộ.-249.

Ga-ri-ban-đi (Garibaldi), Giu-đép-pơ (1807 - 1882) - nhà cách mạng và nhà dân chủ I-ta-li-a, lãnh tụ phong trào giải phóng dân tộc ở I-ta-li-a; năm 1848 chỉ huy quân

đoàn tình nguyện chiến đấu quên mình bên cạnh quân đội Pi-ê-mông trong cuộc chiến tranh chống Áo; người tổ chức chính công cuộc phòng thủ nước Cộng hoà La Mã năm 1849; những năm 50 - 60, lãnh đạo cuộc đấu tranh của nhân dân I-ta-li-a nhằm giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước.-750.

Gác-dăng (Gardane), Clô-đơ Ma-thi-ê đơ (1766 - 1817) - tướng và nhà ngoại giao Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, năm 1807 - 1808 có sứ mệnh đặc biệt ở Tê-hê-ran.-101.

Gác-xi-a đơ la Cu-ê-xta (Garcia de la Cuesta), Grê-go-ri-ô (1741 - 1811) - tướng Tây Ban Nha, tham gia chiến tranh giải phóng chống sự thống trị của Na-pô-lê-ông.-170.

Gây-đen, Lô-ghin Pê-tơ-rô-vích (1772 - 1850) - đô đốc hạm đội Nga, chỉ huy phân hạm đội trong trận chiến đấu Na-va-rin trong thời kỳ chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ năm 1828 - 1829, tổng tư lệnh hạm đội Nga ở Địa Trung Hải.-641.

Ghéc-la-khơ (Gerlach), Ếc-nơ-xơ Lut-vích (1795 - 1877) - luật gia Phổ, nhà hoạt động chính trị phản động, người sáng lập báo "Neue Preußische Zeitung".-782.

Ghê-béc (Gebert), Au-gu-xơ - thợ mộc ở Méc-clen-bua, hội viên Đồng minh những người cộng sản ở Thụy Sĩ, sau di cư sang Luân Đôn, sau sự phân liệt của Đồng minh năm 1850, tham gia tập đoàn bè phái - phiêu lưu Vi-lích - Sáp-pơ, uỷ viên Ban chấp hành trung ương của tập đoàn này.-522.

Ghi-dô, công tước - xem *Hen-rích II Lo-ren-nơ*.

Ghi-dô, (Guizot), Phrăng-xoa Pi-e Ghi-ôm (1787 - 1874) - nhà sử học và nhà hoạt động nhà nước của giai cấp tư sản Pháp, từ năm 1840 đến cách mạng tháng Hai năm 1848, lãnh đạo trên thực tế chính sách đối nội, đối ngoại, đại biểu cho lợi ích của giai cấp tư sản tài chính.-273, 502, 558, 804.

Ghi-pe-rích (Gipperich), I-ô-đép - thợ may Đức, thành viên của một trong những chi bộ Pa-ri, sau sự phân liệt của Đồng minh những người cộng sản, thuộc tập đoàn bè phái - phiêu lưu Vi-lích - Sáp-pơ, một trong những bị cáo của cái gọi là vụ án ám mưu Pháp - Đức ở Pa-ri tháng Hai năm 1852, về sau lưu vong sang Anh.-864.

Gi-rác-đanh (Girardin), Đen-phin đơ (1804 - 1885) - nữ văn sĩ Pháp, vợ của Ê-min đơ Gi-rác-đanh.-502.

Gi-rac-danh (Girardin), Ê-min đờ (1806 - 1881) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị của giai cấp tư sản Pháp, trong những năm 30 - 60 (có gián đoạn) là biên tập viên báo "Presse", về mặt chính trị có đặc điểm là cực kỳ vô nguyên tắc; trước cách mạng năm 1848 ở phe đối lập với chính phủ Ghi-dô, trong thời kỳ cách mạng là nhà cộng hoà tư sản, đại biểu Quốc hội lập pháp (1850 - 1851), về sau theo phái Bô-na-pác-tơ.-728.

Gi-rôn (Girón), Pê-đrô A-gu-xtín (1778 - 1842) - tướng Tây Ban Nha, tham gia chiến tranh giải phóng chống sự thống trị của Na-pô-lê-ông (1808 - 1814).-275.

Gia-cô-bi (Jacobi), A-bra-ham (sinh năm 1832) - thầy thuốc Đức, hội viên Đồng minh những người cộng sản, một trong những bị cáo trong vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852), được toà án bồi thẩm xử trắng án, về sau lưu vong sang Mỹ.-870.

Gia-cốp II (1633 - 1701) - vua Anh (1685 - 1688).-550.

Giê-rác (Gérard), Ê-chiê-n Mô-ri-xơ, bá tước (1773 - 1852) - tướng Pháp về sau là nguyên soái và nhà hoạt động chính trị, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-317.

Giêm-xơ (James) - sĩ quan Anh.-79.

Giêm-xơ (James), Gioóc-giơ Pây-nơ Rây-nơ-xphoóc-đơ (1799 - 1860) - nhà văn Anh, tác giả nhiều tiểu thuyết lịch sử.-79.

Gioăng-vin (Joinville), Phrăng-xoa Phéc-đi-năng Phi-líp Lu-i Ma-ri công tước *Oóc-lê-ăng*, hoàng thân *đơ* (1818 - 1900) - con trai của Lu-i - Phi-líp, trong những năm 40 tham gia xâm lược An-giê-ri, sau thắng lợi của cách mạng tháng Hai năm 1848 lưu vong sang Anh.-134, 474.

Gioóc-giơ II (1683 - 1760) - vua Anh và tuyển đế hầu Han-nô-vơ (1727 - 1760).-139.

Gioóc-giơ IV (1762 - 1830) - nhiếp chính (1811 - 1820) và vua Anh (1820 - 1830).-236.

Giô-đép Phla-vi-út (khoảng 37 - khoảng 95) - nhà sử học và thủ trưởng quân sự Do Thái, tác giả nhiều tác phẩm về Cổ Do Thái và Cổ La Mã.-209, 215.

Giô-tơ-răng (Jottrand), Luy-xiêng Lê-ô-pôn (1804 - 1877) - luật gia và nhà chính luận Bỉ, trong những năm 40 là nhà dân chủ tiểu tư sản; chủ tịch Hội liên hiệp dân chủ Bruy-xen.-805, 882.

Giôn-xơ (Jones), Êc-ne-xơ Sác-lơ (1819 - 1869) - nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Anh, nhà thơ và nhà chính luận vô sản, một trong những lãnh tụ của phái

hiến chương cách mạng, một trong những biên tập viên của tờ "Northern Star", biên tập viên "Notes to the People" và "People's Paper"; bạn của Mác và Ăng-ghe-n.-606, 806, 883.

Giu-vê-nan (Đê-xi-mút Giu-ni-út Giu-vê-na-lít) sinh trong những năm 60 - mất sau năm 127) - nhà thơ trào phúng nổi tiếng La Mã.-511, 816.

Giuốc-dan (Jourdan), Giảng Ba-ti-xơ (1762 - 1833) - tướng Pháp, từ 1804 nguyên soái; tham gia cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp chống lại liên minh thứ nhất của các nước châu Âu.-194.

Giuốc-dan (Jourdan), Lu-i (1810 - 1881) - nhà chính luận Pháp, ủng hộ học thuyết của Xanh-Xi-mông, sau đó thuộc phái Bô-na-pác-tơ, từ năm 1849 biên tập viên báo "Siècle".-700, 25, 733.

Giuốc-ni-ác Xanh - Mê-ác (Jourgniac Saint-Méard), Phrăng-xoa đơ (1745 - 1827) - sĩ quan và nhà chính luận Pháp, phần tử bảo hoàng.-174.

Giúyt-xti (Giusti), Giu-đép-nơ (1809 - 1800) - nhà thơ trào phúng I-ta-li-a.-772.

Gnai-đơ-nau (Gneisenau), Au-gu-xơ, Vin-hem An-tôn (1760 - 1831) - tướng và nhà hoạt động chính trị Phổ, từ năm 1825 nguyên soái; đóng vai trò xuất sắc trong cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Đức chống sự thống trị của Na-pô-lê-ông; sau khi quân đội Phổ bị Na-pô-lê-ông đánh bại năm 1806, tham gia việc thảo ra nguyên tắc cải cách quân sự; trong những năm 1813 - 1814 và 1815, tham mưu trưởng quân đội của Bluy-khơ.-219-221, 231, 237, 644.

Gô-chi-e (Gautier), Giắc Lu-i - nhà báo Pháp, phần tử bảo hoàng, cuối những năm 80 - đầu những năm 90 thế kỷ XVIII, một trong những biên tập viên của báo "Journal général de la Cour et de la Ville".-174.

Gô-li-xun, A-lếch-xan-đơ Mi-khai-lô-vích - nhà ngoại giao Nga, vào cuối những năm 50 - đầu những năm 60 thế kỷ XVIII công sứ ở Luân Đôn.-630.

Gôn-hai-mơ (Goldheim) - sĩ quan cảnh sát Phổ, đầu những năm 50 thế kỷ XIX là một trong những tên mật thám của cảnh sát Phổ ở Luân Đôn.-530, 866-868.

Gôn-sơ (Goltz), Các-lơ Hen-rích Phri-đrich (1772 - 1822) - tướng và nhà ngoại giao Phổ, tham gia chiến tranh chống nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông, những năm 1814 - 1822 công sứ ở Pa-ri.-218.

Gôn-xa-let (Gonzalez) - sĩ quan Tây Ban Nha, đầu thế kỷ XIX chỉ huy đội quân đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-279.

Gốt-phrit ở Xơ-ra-xbua (cuối thế kỷ XII - đầu thế kỷ XIII) - nhà thơ Đức thời Trung cổ, tác giả bài thơ kỳ sĩ "Tri-xtan và I-dôn-đa".-657.

Gơ-tơ (Goethe), I-ô-han Vôn-phơ-găng (1749 - 1832) - nhà văn và nhà tư tưởng vĩ đại Đức.-547, 559, 696, 753, 787.

Gơ-xơ (Götze) - luật gia Đức, trong những năm 50 thế kỷ XIX phó chánh án tòa án tối cao Phổ.-813.

Gra-bơ, Pa-ven Khri-xtô-phô-rô-vích (1787 - 1875) - nhà hoạt động quân sự và nhà nước Nga, tham gia việc đàn áp cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1830 - 1831 và vào việc can thiệp của quân đội Nga hoàng chống lại cách mạng Hung-ga-ri năm 1849.-754.

Gra-ni-ê đơ Cát-xa-nhắc (Granier de Cassagnac), A-đôn-phơ (1806 - 1880) - nhà báo Pháp, chính khách vô nguyên tắc, trước cách mạng năm 1848, thuộc phái Oóc-lê-ăng rồi phái Bô-na-pác-tơ, nghị sĩ Đoàn lập pháp (1852 - 1870), giữ lập trường cực hữu, cộng tác với báo "Constitutionnel".-502, 700, 733.

Grăng-guy-lô (Grandguillot), An-xít Pi-e (1829 - 1891) - nhà chính luận Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, từ năm 1859 chủ bút báo "Constitutionnel", biên tập viên báo "Pays" (1863 - 1865).-685, 700, 885.

Grây-nơ (Greiner), Lút-vích - luật gia Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1849 ủy viên chính phủ cách mạng lâm thời ở Pphran-xơ, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong sang Thụy Sĩ rồi sang Mỹ.-586, 598.

Grây-phơ (Greif) - sĩ quan cảnh sát Phổ, đầu những năm 50 thế kỷ XIX là một trong những người lãnh đạo gián điệp Phổ ở Luân Đôn.-527, 529, 859-868.

Grê-gô-ri XVI (1756 - 1846) - giáo hoàng La Mã (1831 - 1846).-642.

Gri-bô-van (Gribeauval), Giảng Báp-ti-xơ đơ (1715 - 1789) - tướng Pháp, trong những năm 1764 - 1789 (có gián đoạn) giữ chức vụ thanh tra pháo binh Pháp, đóng vai trò quan trọng trong việc cải tổ pháo binh Pháp.-56, 247, 251-154.

Grit-ti (Gritti), An-đrê-a (khoảng 1455 - 1538) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước

Vơ-ni-dơ năm 1510 - 1521 tổng tư lệnh quân đội trong cuộc chiến tranh I-ta-li-a, năm 1523-1538 là tổng đốc Vơ-ni-dơ.-343.

Gru-ních (Grunich) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, đầu những năm 50 thế kỷ XIX di cư sang Luân Đôn.-496.

Gru-si (Grouchy), Ê-ma-nuy-en, hầu tước đơ (1766 - 1847) - tướng Pháp, từ năm 1815 nguyên soái, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-317.

Gu-xtáp II A-đôn-phơ (1594 - 1623) - vua Thụy Điển (1611 - 1632), thống soái và nhà cải cách quân sự lỗi lạc.-46-49, 246, 247, 372, 452, 453, 458.

Gu-xtáp IV A-đôn-phơ (1778 - 1837) - vua Thụy Điển, năm 1809 bị lật khỏi ngai vàng do một âm mưu quân sự.-117, 176, 198, 202.

Gu-thơ-smit (Guthschmidt) - quan chức tư pháp Phổ.-731, 839, 840, 841.

Guê-gơ (Goegg), A-man-đu-xơ (1820 - 1897) - nhà báo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1849 ủy viên chính phủ lâm thời Ba-đen, sau khi cách mạng thất bại lưu vong khỏi nước Đức, trong những năm 70 tham gia đảng xã hội - dân chủ Đức.-853, 871.

Guéc-gây (Görgey), Ac-tua (1818 - 1916) - nhà hoạt động quân sự của cách mạng Hung-ga-ri năm 1848 - 1849, tổng tư lệnh quân đội Hung-ga-ri (tháng Tư - tháng Sáu năm 1849); dựa vào bọn sĩ quan phản động và bộ phận phản cách mạng của giai cấp tư sản ngấm ngấm phá hoại chiến tranh cách mạng.-327-330, 647, 737, 738, 753.

H

Ha-clen-de-rơ (Hackländer), Phri-đrich Vin-hem (1816 - 1877) - nhà văn Đức.-696.

Ha-det - nhà thơ Ấn Độ đầu thế kỷ XIII.-239.

Ha-dơ-phen (Hatzfeldt), Mắc-xi-mi-li-an, công tước (1813 - 1859), nhà ngoại giao Phổ, từ 1849 là công sứ ở Pa-ri, tham gia Hội nghị hoà bình Pa-ri năm 1856.-528, 862.

Ha-ghen (Hagen), Các-lơ (1810 - 1868) - nhà sử học Đức, nhà hoạt động chính trị, những năm 1848 - 1849 đại biểu Quốc hội Han-nô-vơ thuộc cánh cực tả; từ năm 1855, giáo sư ở Béc-nơ.-586, 595.

Ha-min-tơn (Hamilton), Giêm-xơ (mất năm 1850) - quý tộc Xcốt-len, ủng hộ vua Xcốt-

len Ma-ri Xtiu-át.-79.

Ha-min-các Bác-ca (khoảng 270 - khoảng 228 trước công nguyên) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước Các-ta-giơ, năm 247 - 241 trước công nguyên lãnh đạo cuộc đấu tranh chống người La Mã ở đảo Xi-xin, năm 237 - khoảng 228 trước công nguyên chỉ huy quân viễn chinh xâm lược Tây Ban Nha, thân sinh của Han-ni-ban.-363, 364.

Ha-phi-dơ, Săm-xét-đin Mô-ha-mét (khoảng 1300 - khoảng 1389) - nhà thơ vĩ đại Ba Tư, vốn người Tát-gich, nhà văn học cổ điển về văn học Tát-gich.-511.

Ha-rít (Harris), Êt-vác-dơ An-phrét Giôn (1808 - 1888) - sĩ quan và nhà ngoại giao Anh, đại biện ở Béc-nơ (1858 - 1867).-686, 689, 692, 708-714.

Ha-va-xơ (Havas), Au-gu-xơ (1814 - 1889) - một trong những người chủ hãng thông tấn Pháp.-882.

Ha-xđơ-ru-ban - thống soái Các-ga-giơ, tham gia cuộc Chiến tranh Pu-ni thứ hai (218 - 201 trước công nguyên).-336.

Hác-đinh (Hardinge), Hen-ri, tử tước (1785 - 1856) - sĩ quan Anh, về sau là nguyên soái và nhà hoạt động chính trị, thuộc đảng To-ri, tham gia cuộc chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ (1808 - 1814).-73, 357.

Hác-ni (Harney), Gioóc-giơ Giu-li-an (1817 - 1897) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Anh, một trong những lãnh tụ của cánh tả phái Hiến chương; biên tập viên báo "Northern Star" và nhiều tập san định kỳ của phái Hiến chương, có quan hệ với Mác và Ăng-ghe-n.-566.

Hác-tman (Hartmann), Ghê-oóc-gơ (1489 - 1564) - nhà cơ khí học và vật lý học Đức.-244.

Hai-dơ-man (Heidemann) (thế kỷ XVII) - công trình sư quân sự người Đức, làm việc ở Hà Lan.-413.

Hai-ét-đin, Bác-ba-rốt-xa (khoảng 1467 - 1546) - cướp biển Thổ Nhĩ Kỳ, người cầm quyền ở An-giê-ri (1815 - 1546).-128.

Hai-nơ (Heine), Hen-rích (1797 - 1856) - nhà thơ cách mạng vĩ đại Đức.-545, 596, 603, 693, 766, 872.

Hai-ôn (Guyon), Ri-sác Đê-bốp-rơ (1803 - 1856) - tướng Thổ Nhĩ Kỳ mang tên Hua-sit-

pa-sa, nguyên là người Anh, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong sang Thổ Nhĩ Kỳ; năm 1853 chỉ huy quân đội Thổ Nhĩ Kỳ ở Cáp-ca-dơ.-738.

Hai-nơ-txen (Heinzen), Các (1809 - 1880) - nhà chính luận cấp tiến Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, chống lại Mác và Ăng-ghe-n, tham gia cách mạng Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849, sau đó lưu vong sang Thụy Sĩ rồi sang Anh, mùa thu năm 1850 định cư hẳn ở Mỹ.-761.

Han-ni-ban (Hannibal) (khoảng 247 - 183 trước công nguyên) - thống soái kiệt xuất của Các-ta-giơ.-27, 90, 362-366.

Han-xác-dơ (Hansard), Tô-mát Kéc-dôn (1776 - 1833) - người xuất bản Anh, người công bố các báo cáo của hội nghị nghị viện.-606.

Háp-xbuốc - hoàng triều của cái gọi là Đế quốc La Mã thần thánh từ năm 1273 đến năm 1806 (có gián đoạn), vương triều Tây Ban Nha (1516 - 1700), hoàng triều Áo (từ năm 1804) và Áo - Hung (1867 - 1918).-647, 649, 792, 818.

Hát-man (Hartmann), Mô-ri-xơ (1821 - 1872) - nhà văn Áo, vào giữa những năm 40 là "nhà xã hội chủ nghĩa chân chính", đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh cực tả.-697.

Hát-man phon Au-ê, (khoảng 1170 - khoảng 1210) - nhà thơ trữ tình và anh hùng ca Đức thời Trung cổ.-697.

Hát-tơ-phen (Hatzfeldt), Mác-xi-mi-liêng, bá tước (1813 - 1859) - nhà ngoại giao Phổ, từ năm 1849 công sứ ở Pa-ri, tham gia Hội nghị hoà bình Pa-ri năm 1856.-697.

Hát-xơ (Hudson), Giêm (1810 - 1885) - nhà ngoại giao Anh, công sứ ở Tu-ranh (1851 - 1863).-711, 712.

Hau-ác-dơ (Howard), Sác-lơ (1536 - 1624) - đô đốc Anh, trong những năm 1585 - 1618 lãnh đạo hải quân, năm 1588 tổng tư lệnh hạm đội Anh đánh bại Ác-ma-da Tây Ban Nha.-210, 211.

Hau-gơ (Haug), Êc-nơ-xơ - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, sĩ quan Áo, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở I-ta-li-a; sau khi cách mạng thất bại lưu vong sang Anh, một trong những biên tập viên của tuần báo "Kosmos".-568.

Hau-pơ-tơ (Haupt), Héc-man Vin-hem (sinh khoảng năm 1831) - nhân viên thương

ngiệp Đức, hội viên Đồng minh những người cộng sản, một trong những người bị bắt về vụ án những người cộng sản ở Khuên, đã phản bội cung khai khi điều tra, được cảnh sát tha trước khi xét xử, chạy sang Bra-xin.-542, 866.

Hay-nau (Haynau), I-u-li-át I-a-cốp (1786 - 1853) - tướng Áo, đàn áp dã man phong trào cách mạng ở I-ta-li-a và Hung-ga-ri những năm 1848 - 1849, do biểu hiện tàn bạo mà mang biệt hiệu "chó rừng đen".-343, 754.

Hắc-xơ-hau-den (Haxthausen), Au-gu-xơ (1792 - 1866) - quan chức và nhà văn Phổ, tác giả tác phẩm chuyên môn tả tàn dư của chế độ thôn xã trong quan hệ ruộng đất ở Nga, về quan điểm chính trị là một chủ nông nô phản động.-645.

Hăng-ri IV (1553 - 1610) - vua Pháp (1589 - 1610).-45, 46, 79.

Hây-dơ (Heise), Hen-rích (mất năm 1860) - nhà dân chủ và nhà chính luận Đức, một trong những biên tập viên của báo "Hornisse" (1848 - 1850), tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở Đức, sau lưu vong sang Anh.-608.

He-rơ (Heer), Cri-xtốp (mất năm 1701) - nhà toán học và công trình sư quân sự Đức, tác giả tác phẩm về xây công sự.-413.

Héc-boóc-tơ (Herbort), I-ô-han An-tôn (thế kỷ XVIII) - công trình sư quân sự Vuyéc-tem-béc, tác giả tác phẩm về xây công sự.-421.

Héc-man (Hermann) - luật gia Đức, năm 1859 luật sư của Phó-giơ trong vụ Phó-giơ kiện báo "Allgemeine Zeitung".-490, 497, 617, 773.

Héc-xen, A-lếch-xan-đrơ I-va-nô-vích (1812 - 1870) - nhà dân chủ cách mạng vĩ đại Nga, nhà chính luận và nhà văn, nhà triết học duy vật; năm 1847 di cư ra nước ngoài, tại đó tổ chức nhà in tự do Nga và xuất bản văn tập "Sao Bắc cực" và báo "Cái chuông".-762.

Ham-pđen (Hampden), Giôn (1594 - 1643) - nhà hoạt động nổi tiếng của cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII, phản ánh lợi ích của giai cấp tư sản và quý tộc tư sản hoá.-660.

Hen-ri (Henry), Tò-mát (1807 - 1876) - thẩm phán an ninh Anh.-623, 880, 881.

Hen-ri VII (1456 -1509) - vua Anh (1485 - 1509).-468.

Hen-ri VIII (1491 - 1547) - vua Anh (150 - 1547).-78, 468.

Hen-rích II Lo-ren-nơ, công tước *Ghi-dơ* (1614 - 1664) - một trong những nhà hoạt động của phong trào Phrông-đơ.-500.

Hen-txi (Hentzi), Hen-rích (1785 - 1849) - tướng Áo, chỉ huy quân đội Áo đóng giữ pháo đài Bu-da, khi pháo đài này bị quân đội cách mạng Hung-ga-ri bao vây năm 1849.-329, 330.

Hép-ne (Häfner), Lê-ô-pôn (sinh năm 1820) - nhà báo Áo, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở Đức, sau đó lưu vong ra nước ngoài.-568, 569, 584, 702.

Hét-xen, tuyển đế hầu - xem *Vin-hem II*.

Hê-ghen (Hegel), Ghê-oóc Vin-hem Phri-đrich (1770 - 1831) - đại biểu vĩ đại nhất của triết học cổ điển Đức, nhà duy tâm khách quan, phát triển toàn diện nhất phép biện chứng duy tâm.-896.

Hê-li-ô-ga-ban hoặc *Ê-la-ga-ban* (204 - 222) - hoàng đế La Mã (218 - 222) mà, tên trở thành biểu tượng của sự xa hoa, chuyên chế và hoang dâm.-518, 705.

Hê-rô-đốt (khoảng 84 - khoảng 425 trước công nguyên) - nhà sử học Cổ Hy Lạp.-15, 188.

Hếch-cơ (Hecker), Phri-đrich Các (1811 - 1881) - nhà cộng hoà Ba-đen, nhà dân chủ tiểu tư sản, một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Ba-đen tháng Tư năm 1848, sau khi cách mạng thất bại lưu vong sang Thụy Sĩ rồi sang Mỹ, tham gia Nội chiến ở Mỹ đứng về phía miền Bắc.-505, 792.

Hiếc-sơ (Hirsch), Vin-hem - nhân viên bán hàng ở Hăm-buốc, đầu những năm 50 thế kỷ XIX mật thám Phổ ở Luân Đôn.-859-868.

Hin-ghê-rơ-nơ (Hillgärtner), Ghê-oóc - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, sau thất bại của cách mạng năm 1848 - 1849 lưu vong ra nước ngoài.-874.

Hin-ken-dây (Hinckeldey), Các-lơ Lut-vích Phri-đrich (1805 - 1856) - quan chức chính phủ Phổ, từ năm 1848 là thanh tra cảnh sát Béc-lin, từ 1853 cục trưởng cục cảnh sát thuộc bộ nội vụ.-593, 542, 569, 865.

Hip-pi-xli (Hippisley), Gu-xtáp - sĩ quan Anh, tham gia cuộc viễn chinh của quân tình nguyện Anh ở Nam Mỹ (1817 - 1818) để đấu tranh cho nền độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha, tác giả tập ký về cuộc viễn chinh đó.-294.

Hoi-éc (Hoyer), I-ô-han Gốt-phrít (1767 - 1848) - tướng và nhà sử học quân sự Đức, tác

giả nhiều tác phẩm về xây công sự và pháo binh.-251.

Hoi-pơ (Hope), Tô-mát (khoảng 1770 - 1831) - người chơi đồ cổ và nhà văn Anh.-358.

Hoóc-xmen (Horsmen), Êt-uốt (1807 - 1876) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng tự do, những năm 1855 - 1857 bộ trưởng phụ trách vấn đề Ai-rơ-len.-661.

Hô-hen-txô-léc - dòng họ các tuyển đế hầu Bran-đen-buốc (1415 - 1701), các vua Phổ (1701 - 1918) và các hoàng đế Đức (1871 - 1918).-707, 792, 818.

Hô-hen-txô-léc (Hohenzollern), Các-lơ An-tôn (1811 - 1885) - tướng và nhà hoạt động nhà nước Phổ, đứng đầu chính phủ (tháng Mười một 1858 - 1860).-769, 782.

Hô-hen-txô-léc - *Hê-khin-ghen* (Hohenzollern - Hechingen) Phri-đrich Phran Xa-ve, công tước (1757 - 1844) - tướng Áo, sau thắng nguyên soái, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-85, 87, 171.

Hô-linh-gơ (Hollinger), Phi-đê-li-ô - chủ nhà in ở Luân Đôn, nhà in này đã in báo "Volk".-610, 613-619, 621-625, 773, 821, 830, 877-881, 896, 899-902, 908.

Hô-lơ (Hall), Ê-đu-ác-đơ (khoảng 1498 - 1547) - nhà viết sử biên niên Anh.-78.

Hô-me - nhà thơ anh hùng ca Cổ Hy Lạp có tính chất nửa truyền thuyết, tác giả của "I-li-át" và "Ô-di-xê".-16, 40.

Hô-ra-xơ (Canh Hô-ra-xi Phlắc) (65 - 8 trước công nguyên) - nhà thơ lỗi lạc La Mã.-487, 631, 737, 783.

Hốp-man (Hoffmann) - nhà báo, thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-733.

Hu-xây-nơ (khoảng 1773 - 1838) - tổng đốc An-giê-ri (1818 - 1830).-130.

Hua-rta-đô đơ Men-đô-xa (Hurtado de Mendoza) - nhà hoạt động chính trị Vê-nê-xu-ê-la, tham gia phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, ủng hộ Bô-li-va-rơ.-279.

Hum-bôn (Humboldt), A-lếch-xan-đơ (1769 - 1850) - học giả vĩ đại Đức, nhà khoa học tự nhiên và nhà du lịch.-507, 673, 687, 696, 781.

Huy-gô (Hugo), Vích-to (1802 - 1885) - nhà văn vĩ đại Pháp.-658, 659, 666, 667, 705, 746, 888.

Huyếc-phen (Hörfel), Gu-xtáp - nhà dân chủ tiểu tư sản Áo, từ năm 1850 cư trú ở Pa-ri, một trong những bị cáo về cái gọi là âm mưu Đức - Pháp ở Pa-ri tháng Hai năm 1852, mật thám Pháp.-568, 569, 584.

I

I-an (Jahn), Phri-đrich Lút-vích (1778 - 1852) - nhà văn và nhà chính luận Đức, người tổ chức phong trào thể dục - thể thao ở Đức, tích cực tham gia cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Đức chống sự thống trị của Na-pô-lê-ông; nhà dân tộc chủ nghĩa.-628.

I-bra-him - tổng đốc An-ghê-ri.-129.

I-ê-ken-pha-lu-xi (Jekelfalussy) - linh mục Hung-ga-ri, năm 1848 - 1849 giáo chủ ở Xip-xơ.-889.

I-ê-la-sích (Jera uh) I-ô-xíp, bá tước (1801 - 1859) tướng Áo, tổng đốc Crô-a-xi, Đan-ma-xi và Xla-vô-ni (1848 - 1859), tích cực tham gia đàn áp cách mạng năm 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri và Áo.-84, 561.

I-man (Imandt), Pê-tơ - giáo viên Đức, nhà dân chủ, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849, sau khi cách mạng thất bại lưu vong sang Thụy Sĩ rồi sang Luân Đôn; hội viên Đồng minh những người cộng sản, ủng hộ Mác và Ăng-ghen.-504-510, 512, 848, 855.

I-ô-ốc (Yorck), Han Đa-vít Lút-vích (1759 - 1830) - tướng Phổ, từ năm 1821 nguyên soái, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-220, 227-232.

I-ô-ốc (York), Phrê-đê-rích Au-gu-xtơ, công tước (1763 - 1827) - con thứ hai của vua Anh Gioóc-giơ III, từ 1795 nguyên soái; tổng tư lệnh quân đội Anh (1798 - 1809, 1811 - 1827), quân đội dưới quyền chỉ huy của ông đã nhiều lần thất bại trong cuộc chiến tranh với Pháp vào cuối thế kỷ XVIII.-175.

I-ô-xíp II (1741 - 1790) - người cùng cảm quyền với nữ hoàng Ma-ri - Tê-rê-da (1765 - 1780), hoàng đế của cái gọi là Đế quốc La Mã thần thánh (1780 - 1790).-648, 649.

I-ô-han (Johann) - công trình sư Đức, giữa thế kỷ XVI xây dựng pháo đài Giuy-lich.-409.

I-ô-han (Johann) - đại công tước Áo, nguyên soái, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông; năm 1809 chỉ huy một trong những đạo quân của Áo, từ tháng Sáu đến tháng Chạp năm 1849 nhiếp chính đế quốc của Đức.-85, 88, 530, 594-597, 791, 792.

I-phi-crat (khoảng 419 - khoảng 353 trước công nguyên) - thống soái A-ten, chỉ huy quân đánh thuế.-18, 22, 23, 434, 435.

I-u-ba (chết năm 46 trước công nguyên) - vua Nu-mi-di-a, một trong những người tích cực tham gia cuộc chiến tranh của Pông-pê-i và những người ủng hộ Pông-pê-i chống lại Xê-da (49 - 46 trước công nguyên).-127.

I-u-guốc-ta (khoảng 160 - 104 trước công nguyên) - vua Nu-mi-di-a, trong những năm 111 - 106 trước công nguyên, tiến hành chiến tranh ngoan cường với La Mã.-30.

I-u-lơ (Yule), Hăng-ri (1820 - 1889) - nhà Đông phương học Anh, nhà địa lý học và sử học, trong những năm 40 - 50, công trình sư phục vụ Công ty Đông Ấn.-285, 352, 353.

I-i-xti-ni-ăng I (483 - 565) - hoàng đế Bi-dăng-xơ (527 - 565).-368.

I-ung (Jung), Ghê-oóc (1814 - 1886) - nhà chính luận Đức, phần tử Hê-ghe-nrê, một trong những người phụ trách phát hành tờ "Rheinische Zeitung", nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1848 đại biểu Quốc hội Phổ thuộc cánh tả.-794.

I-van III (1440 - 1505) - đại công tước Mát-xcơ-va (1462 - 1505).-705.

In-glen-đơ (England), Ri-sốt (1793 - 1883) - tướng Anh, năm 1854 - 1855, sư đoàn trưởng ở Crum.-76, 77.

In-glit (Inglis), Uy-li-am (1764 - 1835) - tướng Anh, năm 1809 - 1814 tham gia chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ.-322.

Ip-xi-lan-ti, A-lếch-xan-đrơ (1792 - 1835) - nhà hoạt động của phong trào giải phóng dân tộc Hy Lạp, tổ chức cuộc khởi nghĩa năm 1821 ở Môn-đa-vi-a, sau khi khởi nghĩa thất bại, chạy sang Áo, bị bắt và bỏ tù cho đến năm 1827.-640.

K

Ke-léc-man (Kellermann), Phrăng-xoa Cri-xtốp (1735 - 1820) - tướng Pháp, từ năm 1804 nguyên soái, tham gia chiến tranh của nước Cộng hòa Pháp chống lại liên minh các nước châu Âu.-120.

Kéc-nơ (Kern), Giô-han Côn-rát (1808 - 1888) - nhà hoạt động chính trị của giai cấp tư sản Thụy Sĩ, nhà luật học và nhà ngoại giao; năm 1849 thống đốc bang Tước-gau, chánh án tòa án liên bang, năm 1857 - 1883 công sứ ở Pa-ri.-524, 684, 709, 713, 761.

Kha-bri (mất khoảng năm 357 trước công nguyên) - thống soái A-ten.-22.

Ki-xê-lép, Pa-ven Đmi-tri-ê-vích, bá tước (1788 - 1872) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Nga, năm 1829 - 1834 tỉnh trưởng Môn-đa-vi-a và Va-la-khi, từ năm 1835 uỷ viên thường xuyên của tất cả các uỷ ban bí mật về vấn đề nông dân; từ năm 1837 bộ trưởng về tài sản quốc gia, ủng hộ thực hiện các cuộc cải cách ôn hoà.-639, 641.

Kin (Keane), Giôn (1781 - 1844) - tướng Anh, năm 1839 chỉ huy quân đội trong cuộc chiến tranh Anh - Ấp-ga-ni-xtan (1838 - 1842).-104.

Kin-ken (kinkel), Gốt-phrít (1815 - 1882) - nhà thơ và nhà chính luận Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-den - Pphan-xơ năm 1849; bị tòa án Phổ xử tù chung thân, vượt ngục và lưu vong sang Anh; một trong những lãnh tụ của những người tiểu tư sản lưu vong ở Luân Đôn, biên tập viên báo "Hermann" (1859), chống lại Mác và Ăng-ghe-n.-505, 519, 569, 579-584, 600, 607, 871-875, 894, 895.

Kinh-lếch (Kinglake), A-lếch-xan-đrơ Uy-li-am (1809 - 1891) - nhà sử học và nhà hoạt động chính trị Anh, nghị sĩ (1857 - 1865), thuộc phái tự do.-679, 729.

Kít-sơ (Kiss), Mi-clô-rơ (sinh năm 1820) - sĩ quan Hung-ga-ri, nhà dân chủ sống lưu vong, đại diện của Cô-sút ở Pháp và I-ta-li-a, có quan hệ với tập đoàn Bô-na-pác-tơ.-741, 746.

L

La-den-đoóc-phơ (Ladendorf) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, nhà triết học, năm 1854 bị xử tù 5 năm do bị vu tội hoạt động âm mưu.-541, 543, 868.

La Ghe-rô-ni-e-rơ (La Guéronnière), Lu-i Ê-chiêng Ác-tua *Điêu-brây* - Ê-li-ôn (1816 - 1875) - nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, trong những năm 50 thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-602, 643, 700, 727-730, 734.

La-ghéc-bi-en-cơ (Lagerbjelke), Gu-xtáp, bá tước (1777 - 1837) - nhà ngoại giao Thụy Điển, những năm 1810 - 1813 đại biểu toàn quyền lâm thời ở Pa-ri.-201.

La-Ma-rơ (La Mar), Hô-xê (1778 - 1830) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pê-ru, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, chống lại Bô-li-va-rơ, tổng thống Pê-ru (1827 - 1829).-213, 291.

La-mác-tin (Lamartine), An-phông-xơ (1790 - 1869) - nhà thơ Pháp, nhà sử học và nhà

hoạt động chính trị, trong những năm 40 là phần tử cộng hoà tư sản; năm 1848 bộ trưởng bộ ngoại giao và trên thực tế đứng đầu chính phủ lâm thời.-728.

La-mô-ri-xi-e-rơ (Lamoricière), Cri-xtốp Lu-i Lê-ông (1806 - 1865) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, phần tử cộng hoà tư sản ôn hoà, trong những năm 30 - 40 tham gia xâm lược An-giê-ri, năm 1848 tích cực tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa tháng Sáu, rồi bộ trưởng lục quân trong chính phủ Ca-ve-nhắc (tháng Sáu - tháng Chạp), đối lập với chính phủ của Lu-i Bô-na-pác-tơ, sau cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp năm 1851 bị trục xuất ra nước ngoài.-273.

La-phay-et (Lafayette), Ma-ri Giô-dép Pôn (1757 - 1834) - tướng Pháp, một trong những lãnh tụ của giai cấp đại tư sản trong thời kỳ cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII và thời kỳ cách mạng tư sản tháng Bảy năm 1830.-120, 174, 576.

La-pi (Lapic), Pi-e (1779 - 1850) - công trình sư quân sự và nhà chuyên đo đạc địa hình Pháp.-200.

La-pin-xki (Lapinski), Tê-ô-phin (1827 - 1886) - đại tá Ba Lan, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, chuyển sang phục vụ quân đội Thổ Nhĩ Kỳ, lấy tên là Tép-phích-bây, chiến đấu chống lại nước Nga ở Tréc-kê-xi (1857 - 1858).-647, 737, 738, 744, 751-755.

La-ra (Lara), Hoan Ha-xin-tô (1778 - 1859) - tướng Vê-nê-xu-ê-la, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-213.

La-ra-bi (Larabit), Ma-ri Đê-ni (1792 - 1876) - nhà hoạt động chính trị Pháp, thời kỳ nền Quân chủ tháng Bảy hạ nghị sĩ, thuộc phe đối lập tự do; về sau thuộc phía Bô-na-pác-tơ.-272.

La-rô-sơ - Ê-mông (La Roche-Aymon), Ăng-toan Sác-lơ Ê-chiên Pôn, bá tước dơ (1772 - 1849) - tướng và tác giả quân sự Pháp, tác giả nhiều tác phẩm về pháo binh.-381.

La-tu-rơ - Mô-bu-rơ (Latour - Maubourg), Ma-ri Vich-to Ni-cô-la (1768 - 1850) - tướng Pháp, sau là nhà hoạt động quân sự, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-318.

La-xơ - Ca-xa-xơ (Las Casas), Ma-nu-en Ma-ri-a - sĩ quan Vê-nê-xu-ê-la, năm 1812 chỉ huy quân đội bảo vệ La-go-a-rơ, ủng hộ Bô-li-va-rơ.-276.

Lan-ghen-xvác-xơ (Langenschwarz), Mác-xi-mi-li-an (sinh khoảng năm 1806) - nhà thơ

ngẫu hứng Đức, định sáng tạo ra lý luận khoa học về thơ ngẫu hứng.-750.

Lan-giê-rôn A-lếch-xan-đơ Phê-đô-rô-vích (Lu-i A-lếch-xan-đơ An-đrô), bá tước (1763 - 1831) - tướng phục vụ nước Nga, vốn người Pháp, phần tử lưu vong phản cách mạng, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-220, 221, 226, 232.

Lan-nơ (Lannes), Giảng (1769 - 1809) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-85, 87, 88, 11, 142, 197.

Lan-xbéc-gơ (Landsberg), Héc-man (1670 - 1746) - công trình sư quân sự Đức, tác giả nhiều tác phẩm về xây công sự.-420.

Lai-phơ (Leiv), Ấy-ri-ch-xon (khoảng 975 - khoảng 1020) - nhà hàng hải Na Uy, đầu thế kỷ XI đã đến bờ biển Bắc Mỹ.-467.

Láp-phit-tơ (Laffitte), Giắc-cơ (1767 - 1844) - chủ ngân hàng lớn ở Pháp, nhà hoạt động chính trị, phần tử Oóc-lê-ăng, đại biểu của giai cấp tư sản tài chính.-206.

Lát-xan (Lassalle), Phéc-đi-năng (1825 - 1864) - nhà chính luận tiểu tư sản Đức, luật sư, năm 1848 - 1849 tham gia phong trào dân chủ ở tỉnh Ranh, đầu những năm 60 tham gia phong trào công nhân, một trong những người sáng lập ra Hội liên hiệp công nhân toàn Đức (1863), ủng hộ chính sách thống nhất nước Đức "từ trên xuống" dưới bá quyền của nước Phổ phản cách mạng, lập ra bè phái cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân Đức.-785, 865.

Le-ti (Laity), Ác-măng Phrăng-xoa (1812 - 1889) - sĩ quan và nhà hoạt động chính trị Pháp, tham gia vụ phiến loạn của Lu-i Bô-na-pác-tơ ở Xtơ-ra-bua (1836), từ 1857 là thượng nghị sĩ.-518, 718.

Le-xtéc (Leicester), Rô-bóc Đa-dli, bá tước (khoảng 1532 - 1588) - sủng thần của nữ hoàng Anh Ê-li-da-bét, năm 1588 chỉ huy quân đội phòng thủ nước Anh chống sự xâm nhập của Tây Ban Nha.-209.

Le-xtốc (L'Estocq), An-tôn Vin-hem (1738 - 1815) - tướng Phổ, năm 1806 - 1807 tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-141.

Lê-lê-ven (Lelewel), I-ô-a-khim (1786 - 1861) - nhà sử học và nhà hoạt động cách mạng xuất sắc Ba Lan, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1830 - 1831, một trong

những lãnh tụ của phái dân chủ trong những người lưu vong Ba Lan, năm 1847 - 1848 uỷ viên Ban chấp hành Hội liên hiệp dân chủ Bruy-xen.-805, 883.

Lê-pít (Mác-cơ Ê-mi-li Lê-pít Bé, (89 - 12 trước công nguyên) - nhà hoạt động nhà nước La Mã, ủng hộ I-u-li-út Xê-da, quan chấp chính (46 và 42 trước công nguyên), uỷ viên của tam toạ chấp chính thứ hai (43 - 36 trước công nguyên) trong đó đóng vai trò thứ yếu so với hai người kia là Ốc-ta-vi và An-tô-ni, năm 36 trước công nguyên bị tước quyền lực trong tam toạ chấp chính.-203.

Lê-ô-nít - vua Xpác-tơ (khoảng 488 - 480 trước công nguyên); trong thời gian chiến tranh Hy Lạp - Ba Tư chỉ huy quân đội người Xpác-tơ chiến đấu anh dũng chống lại người Ba Tư ở ải Phéc-mô-pin.-724.

Lê-ô-pôn công tước An-gan-tơ Đê-xau (1676 - 1747) - nguyên soái Phổ, tham gia nhiều cuộc chiến tranh, đã cải tổ bộ binh Phổ.-456.

Lê-vi (Levy), Giô-dép Mô-dét (1812 - 1888) - một trong những người sáng lập viên và người phát hành báo "Daily Telegraph".-777-782, 787, 796.

Li-bích (Liebig), I-u-xtút (1803 - 1873) - học giả lỗi lạc Đức, một trong những người sáng lập ra môn nông hoá học.-777.

Li-xu-rơ - nhà lập pháp có tính chất thần thoại Cổ Xpác-tơ.-20.

Li-đéc-xơ, A-lếch-xan-đơ Ni-cô-la-ê-vich (1790 - 1874) - tướng Nga, năm 1849 quân đoàn trưởng tham gia đàn áp cách mạng ở Hung-ga-ri, năm 1853 - 1856 chỉ huy quân đội tham gia cuộc Chiến tranh Crum.-168.

Li-mê-rắc (Limayrac), Pô-lanh (1817 - 1868) - nhà báo Pháp, cộng tác với nhiều tờ báo lớn ở Pháp, năm 1861 - 1868 chủ biên báo "Constitutionnel", thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-885.

Li-snốp-xki (Lichnowski), Phê-lích, công tước (1814 - 1848) - sĩ quan Phổ, phần tử phản động, đại biểu Quốc hội Phran-phước, thuộc cánh hữu; bị nhân dân giết chết trong thời kỳ cách mạng Phran-phước tháng Chín năm 1848.-588, 787, 790.

Lích-ten-stây-nơ (Liechtenstein), I-ô-han, công tước (1760 - 1836) - tướng Áo, từ 1809 nguyên soái, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-87.

Lích-ten-stây-nơ (Liechtenstein), Ven-txen, công tước (1767 - 1842) - sĩ quan Áo sau thăng cấp tướng, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, năm 1814, sĩ

quan tuỳ tùng của nguyên soái Svác-xen-béc.-232.

Linh-huê-xơ (Lyndhurst), Giôn Xinh-lơ-ton *Cốp-li*, nam tước (1772 - 1863) - nhà hoạt động nhà nước Anh, luật gia, thuộc đảng To-ri; chánh án cao cấp (1827 - 1830, 1834 - 1835 và 1841 - 1846).-631.

Líp-nếch (Liebknecht), Vin-hem (1826 - 1900) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và quốc tế, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849, hội viên Đồng minh những người cộng sản, một trong những người sáng lập và lãnh tụ của đảng xã hội - dân chủ Đức, bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghe-n.-493, 519-524, 600-604, 607, 610, 613, 615, 617, 619, 623, 773, 782, 801, 803, 809, 817, 820, 832-835, 837, 866, 867, 877-881, 891.

Líp-pê (Lippe), Lê-ô-pôn, bá tước (1815 - 1889) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, luật gia, năm 1860 chương lý ở Béc-lin, bộ trưởng tư pháp (1862 - 1867).-810.

Lôi-khten-béc (Leuchtenberg), Mác-xi-mi-li-an Ô-gien Giô-dép Na-pô-lê-ông, công tước (1817 - 1852) - con trai của Ô-gien Bô-hác-en, năm 1839 lấy con gái Ni-cô-lai I.-642.

Long-gin, Ca-xi (khoảng 213 - 273) nhà triết học Hy Lạp, thuộc phái Pla-tông mới.-611.

Lô-ren-xơ (Lorenz), Giô-dép (1814 - 1879) - sĩ quan và nhà phát minh quân sự Áo.-464.

Lô-ri-xton (Lauriston), Giắc A-lếch-xan-đơ Béc-na-rơ *Lô* (1768 - 1828) - tướng Pháp, về sau là nguyên soái và nhà hoạt động nhà nước, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-119.

Lô-ven-đan (Lowendal), Un-rích Phrê-đê-rích *Van-đơ-mác đơ* (1700 - 1755) - tướng Pháp, từ 1747 nguyên soái, vốn người Đan Mạch, chỉ huy quân Pháp trong cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Áo.-339.

Lôm-men (Lommel), Ghê-oóc - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen tháng Tư năm 1848, sau đó lưu vong sang Thụy Sĩ.-543, 548.

Lông-ga (Longa), Phran-xi-xcô - sĩ quan Tây Ban Nha, về sau lên cấp tướng, tham gia chiến tranh giải phóng chống sự thống trị của Na-pô-lê-ông (1808 - 1814), một trong những người chỉ huy du kích.-322, 323.

Lơ-cau-bơ (Lecourbe), Clốt Giắc (1759 - 1815) - tướng Pháp, tham gia chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp chống lại liên minh các nước châu Âu.-176.

Lơ-đruy - Rô-lanh (Ledru - Rollin), A-lếch-xăng-đơ Ô-guy-xơ (1807 - 1874) - nhà

chính luận và nhà hoạt động chính trị Pháp, một trong những lãnh tụ của phái dân chủ tiểu tư sản, biên tập viên báo "Réforme"; năm 1848 uỷ viên chính phủ lâm thời, nghị sĩ Quốc hội lập hiến và lập pháp trong đó ông lãnh đạo phái Núi, sau cuộc biểu tình ngày 13 tháng Sáu năm 1849 lưu vong sang Anh.-656.

Lơ-ning (Loening) - người xuất bản Đức.-612, 698.

Lu-cun-lu-xơ (Lu-xi-út Li-xi-ni-út Lu-cun-lu-xơ) (khoảng 106 - khoảng 57 trước công nguyên) - thống soái La Mã, nổi tiếng về sự giàu có và tiệc tùng xa xỉ.-714.

Lu-i - xem *Na-pô-lê-ông III*.

Lu-i XII (1462 - 1515) - vua Pháp (1498 - 1515).-243.

Lu-i XIV (1638 - 1715) - vua Pháp (1643 - 1715).-129, 248, 312, 417, 630, 751.

Lu-i XV (1710 - 1774) - vua Pháp (1715 - 1774).-56, 502, 651.

Lu-i XVI (1754 - 1793) - vua Pháp (1774 - 1792), bị xử tử trong thời gian cuộc cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII.-120, 170.

Lu-i XVIII (1755 - 1824) - vua Pháp (1814 - 1815 và 1815 - 1824).-123, 149, 177, 178, 640.

Lu-i Bô-na-pác-tơ - xem *Na-pô-lê-ông III*.

Lu-i Phi-líp (1773 - 1850) - công tước Oóc-lê-ăng, vua Pháp (1830 - 1848).-132, 134, 271-274, 528, 636, 644, 660, 669, 983, 685, 709, 760, 785.

Luých-ne-rơ (Luckner), Ni-cô-la (1722 - 1794) - nguyên soái Pháp, tham gia chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp chống lại liên minh lần thứ nhất của các nước châu Âu.-120.

M

Ma-gôn (mất năm 203 trước công nguyên) - thống soái Các-ta-giơ, tham gia cuộc Chiến tranh Pu-ni lần thứ hai (218 - 201 trước công nguyên); anh em với Han-ni-ban.-366.

Mô-hô-mét - xem *Mô-ha-mét*.

Ma-ki-a-ve-li (Machiavelli), Ni-cô-lô (1469 - 1527) - nhà tư tưởng chính trị I-ta-li-a, nhà sử học và nhà văn, một trong những nhà tư tưởng của giai cấp tư sản I-ta-li-a thời kỳ

ra đời của quan hệ tư bản chủ nghĩa.-43, 243.

Ma-khơ-mút II (1785 - 1839) - vua Thổ Nhĩ Kỳ (1808 - 1839).-641.

Ma-khơ-mút Bê-ga-ra - sắc Gút-giê-rát (1458 - 1511).-179.

Ma-khơ-mút Ga-dne-vi (971 - 1030) - nguyên thủ của quốc gia Ga-dni của người Tuyế-cơ bao gồm Hô-ra-xan, Xây-xtan và Ấp-ga-ni-xtan (998 - 1030), thống soái và người đi chinh phục, đã tiến hành nhiều cuộc hành quân cướp phá ở Ấn Độ.-97, 98.

Ma-khơ-mút-sắc (mất năm 1829) - sắc Ấp-ga-ni-xtan (1800 - 1803 và 1809 - 1818) về sau cầm quyền ở Hê-rát.-101, 102.

Ma-la-te-xta (Malatesta), Xít-gi-xmôn-đô Pan-đôn-pho *di Ri-mi-ni* (1417 - 1468) - người chỉ huy lính đánh thuê I-ta-li-a.-243.

Ma-nhì-li Brút - luật gia La Mã.-843.

Ma-ri-a - Ê-li-da-bét - *A-ma-li-a* (1784 - 1849) - con gái công tước Ba-vi-e Vin-hem thuộc chi Pphan-xơ Xvây-bruy-ken - Biếc-ken-phen-đơ.-102.

Ma-ri-lây (Marilley), Ê-chiê (1804 - 1889) - giáo chủ Phrây-buốc (1846 - 1879), kẻ xúi bẩy cuộc bạo động phản dân chủ ngày 24 tháng Mười năm 1848 ở Phrây-buốc (Phri-buốc).-765, 766.

Ma-ri-ni-ô (Marino), Xan-chi-a-gô (1788 - 1854) - tướng Vê-nê-xu-ê-la, một trong những nhà lãnh đạo cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, có một thời gian chống lại Bô-li-va-rơ.-278-280, 282, 283, 286.

Ma-ri-út Cai-út (khoảng 156 - 86 trước công nguyên) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước La Mã, quan chấp chính (107, 104 - 100, 86 trước công nguyên).-30, 437, 441.

Ma-rki (Marchi), Phran-se-xcô (1504 - 1577) - công trình sư quân sự I-ta-li-a, tác giả tác phẩm về xây công sự.-409.

Ma-rô-lu-a (Marolois), Xa-muy-en - nhà toán học Pháp, nửa đầu thế kỷ XVII công tác tại Hà Lan, một trong những người đặt nền móng cho trường phái Hà Lan cũ về xây công sự.-413.

Ma-xê-na (Masséna), Ăng-đrê (1756 - 1817) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông.-85, 123, 124, 175,

177, 199.

Ma-xông (Masson), Au-gu-xơ Mi-sen Bê-nu-a (1800 - 1883) - nhà văn Pháp.-657.

Mác (Marx), Các (1818 - 1883) (Các tài liệu tiểu sử).-487-489, 491, 495-497, 503, 505-511, 514, 524-530, 533-540, 543, 547, 550, 551, 558-561, 563-576, 579, 583-590, 592, 599-611, 613-622, 624, 625, 649, 727, 729, 743, 751, 769, 773, 781, 782, 799-815, 829-840, 843-847, 870, 875, 877-887, 891-896, 898-904, 905-912.

Mác (Marx), Giên-ni, họ bố *Phôn Vét-pha-len* (1814 - 1881) - vợ Các Mác, bạn trung thành và người giúp việc của ông.-550, 805, 882.

Mác-cơ Grếch (Grác) - nhà luyện kim đan Bi-dăng-xơ thời Trung cổ.-240.

Mác-xơ (Mack), Các-lơ (1752 - 1828) - tướng Áo, năm 1805 chỉ huy quân đội trong cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-122.

Mác-đô-nan (Macdonald), Giắc Ê-chiên Giô-dép A-lếch-xăng-đơ (1765 - 1840) - nguyên soái Pháp (từ năm 1809), tham gia chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-64, 134, 220, 221, 229-233, 270.

Mác-môn (Marmont), Ô-guy-xơ Phrê-đê-rích Lu-i đơ (1774 - 1852) - nguyên soái Pháp, tham gia chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, tháng Tư năm 1814 chạy sang phía vương triều Buốc-bông, trong thời gian cách mạng tháng Bảy năm 1830 chỉ huy quân đội của Sác-lơ X.-225, 226, 228-234.

Mác-nô-ten (Macnaghten), Uy-li-am Hây (1793 - 1841) - nhà ngoại giao Anh, công sứ ở Ca-bun (1838 - 1841), một trong những người tổ chức cho sự bành trướng thuộc địa của Anh ở Trung Á, đóng vai trò chính trong việc phát động cuộc chiến tranh Anh - Áp-ga-ni-tan (1838 - 1842).-103-106.

Mác-tanh (Martin) - nhà báo Pháp, cộng tác viên của báo "Constitutionnel", thuộc phái Bô-na-pác-tơ.-700.

Mác-ti-ne-xơ đơ Rê-can-đơ (Martinez de Recalde), Hoan (mất năm 1588) - đô đốc Tây Ban Nha, năm 1588 phó tư lệnh Ác-ma-đa Tây Ban Nha.-210, 211.

Mác-xanh (Marsin), Phéc-đi-nang, bá tước đơ (1656 - 1706) - nguyên soái và nhà ngoại giao Pháp, chỉ huy quân Pháp trong cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua

Tây Ban Nha.-311.

Mai-ơ (Mayer), Các-lơ (1819 - 1889) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, những năm 1848 - 1849, nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong sang Thụy Sĩ.-611, 723, 724.

Man-côm (Malcolm), Giôn (1769 - 1833) - nhà ngoại giao Anh và viên chức của Công ty Đông Ấn, công sứ ở Tê-hê-ran (1799 - 1801, 1808 - 1809, 1810), năm 1826 - 1830 thống đốc Bom-bay, tác giả nhiều tác phẩm về Ấn Độ và Ba Tư.-100.

Man-bô-rô (Marlborough), Giôn *Sóc-sin*, công tước (1650 - 1722) - thống soái và nhà hoạt động chính trị Anh, năm 1702-1711 tổng tư lệnh quân đội Anh trong cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Tây Ban Nha.-311, 312, 339.

Man-mơ-xbê-ri (Malmesbury), Giêm-xơ Hô-vác-đơ *Ha-rít*, bá tước (1807 - 1889) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng To-ri, nửa sau thế kỷ XIX là nhà hoạt động nổi tiếng của đảng bảo thủ; bộ trưởng ngoại giao (1852, 1858-1859), quan chương ấn (1866-1868, 1874-1876).-629, 686-690, 692, 709.

Man-toi-phen (Manteuffel), Ốt-tô Tê-ô-đo, nam tước (1805 - 1882) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, đại biểu của giới quan liêu quý tộc; bộ trưởng nội vụ (1848 - 1850), thủ tướng kiêm bộ trưởng ngoại giao (1850 - 1858).-767-711, 795, 796, 807.

Man-ton (Manton), Giô-dép (khoảng 1766-1835) - chuyên gia và nhà phát minh vũ khí Anh.-79.

Mát-di-ni (Mazzini), Giu-dép-pơ (1805 - 1872) - nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà dân chủ tư sản, một trong những lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc I-ta-li-a, năm 1849 đứng đầu chính phủ lâm thời của nước Cộng hòa La Mã, năm 1850 một trong những người tổ chức ra Ủy ban trung ương Hội dân chủ châu Âu ở Luân Đôn; trong những năm 50 phản đối sự can thiệp của nước Pháp Na-pô-lê-ông vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân I-ta-li-a.-654, 691, 692, 741, 743, 746, 761.

Mát-gi (Maggi), Gie-rô-la-mô (khoảng 1523 - 1572), công trình sư và nhà văn quân sự I-ta-li-a.-408.

Mát-vây (Ma-ti-at), *Coóc-vin* (1440 - 1490) - vua Hung-ga-ri (1458 - 1490).-327.

Mắc-xi-mi-li-an II-ô-xíp (1756 - 1825) - tuyển đế hầu xứ Ba-vi-e (từ 1799) và vua Ba-vi-e (1806 - 1825) tham gia chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, năm 1813 chuyển sang phía liên minh chống Pháp của các nước châu Âu.-122.

Mắc-xi-mi-li-an II Ê-ma-nu-en (1662 - 1726) - tuyển đế hầu Ba-vi-a (1679 - 1726), chỉ huy quân đội Ba-vi-e trong cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Tây Ban Nha.-254.

Mắc-xi-mi-li-an d'Ê-xơ (1782 - 1863) - đại công tước Áo, tướng, người phát minh ra một kiểu công sự pháo đài đặc biệt mang tên ông "tháp canh Mắc-xi-mi-li-an".-422.

Mây-en (Meyen), Ê-đu-a (1812 - 1870) - nhà chính luận Đức, phần tử Hê-ghe-nê; nhà dân chủ tiểu tư sản, sau thất bại của cách mạng 1848 - 1849, lưu vong sang Anh; về sau tham gia đảng dân tộc - tự do.-581, 770-775, 864, 893-896, 910.

Me-dông (Maison), Ni-cô-la Giô-đép (1771 - 1840)- tướng Pháp, về sau là nguyên soái và nhà hoạt động chính trị, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-219.

Me-rây (Murray), Giêm-xơ Xtiu-át, bá tước (khoảng 1531 - 1570) - anh vua Xcôt-len Ma-ri Xtiu-át, từ 1567 nhiếp chính Xcôt-len, đấu tranh chống Ma-ri Xtiu-át và những người ủng hộ Ma-ri Xtiu-át.-79.

Mem-nôn Rô-đô-xơ (mất năm 333 trước công nguyên) - người chỉ huy lính đánh thuê Hy Lạp trong quân đội của vua Ba-Tư Đa-ri III.-16.

Men-đe-rơ (Melder), Giê-rác-đơ (thế kỷ XVII) - công trình sư quân sự Hà Lan, tác giả tác phẩm về xây công sự.-413.

Men-đôn (mất năm 1878) - vua Miến Điện (1853 - 1878).-352.

Men-đô-xa - xem *Hu-ta-đô đơ Men-đô-xa*.

Men-si-cốp, A-lếch-xan-đrơ Xéc-gây-ê-vích, công tước (1787 - 1896) - nhà hoạt động quân sự và nhà nước Nga, năm 1853 đặc sứ ở Công-xtăng-ti-nô-pơ, tổng tư lệnh hải lục quân ở Cũm (1853 - tháng Hai 1855).-74, 75.

Men-vin (Melville), Rô-béc (1723 - 1809) - tướng Anh, phát minh ra pháo hải quân năm 1759 gọi là pháo Ca-rông.-470.

Mét-téc-ních (Metternich), Clê-men-xơ, công tước (1773 - 1859) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Áo, phần tử phản động, bộ trưởng ngoại giao (1809 - 1821) và thủ tướng (1821 - 1848), một trong những người tổ chức ra Liên minh thần thánh.-630, 648.

Mê-di-na Xi-đô-ni-a (Medina Sidonia), A-lôn-xô Pê-re-xơ đơ Gu-xman, công tước đơ (1550 - 1615) - sủng thần của vua Tây Ban Nha Phi-líp II, năm 1588 chỉ huy Ác-ma-đa Tây Ban Nha.-210.

Mê-lát (Melas), Mi-kha-en Phri-đích Bê-nê-đrích (1729 - 1806), tướng Áo, năm 1799 - 1800 tổng tư lệnh quân Áo trong cuộc chiến tranh chống nước Pháp trên lãnh thổ Ita-li-a.-122.

Mê-li-nê (Mellinet), Phrăng-xoa (1768 - 1852) - tướng Bỉ, vốn là người Pháp; tích cực tham gia cuộc cách mạng tư sản Bỉ năm 1830 và phong trào dân chủ ở Bỉ, chủ tịch danh dự Hội liên hiệp dân chủ Bruy-xen.-805.

Mê-ten-lút Nu-mi-đi-út (Quy-tút Xe-xi-li-út Mê-ten-lút, (thế kỷ II - I trước công nguyên) - nhà hoạt động chính trị và thống soái La Mã, năm 109 trước công nguyên quan chấp chính, 109 - 107 trước công nguyên chỉ huy quân La Mã trong cuộc Chiến tranh I-u-guốc-ta (111 - 105 trước công nguyên).-30.

Mi-ghen, đôn (1802 - 1866) - hoàng thân Bồ Đào Nha năm 1828 - 1834 là vua, thủ lĩnh đảng giáo quyền chuyên chế ở Bồ Đào Nha.-357, 641.

Mi-lơ (Miller), Giôn - anh em với tướng Anh Uy-li-am, Mi-lơ, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, người xuất bản cuốn hồi ký của Uy-li-am Mi-lơ viết theo thiên kiến.-294.

Mi-ni-ê (Minicé), Clô-đơ Ê-chiêng (1804 - 1879) - sĩ quan Pháp, người sáng chế ra súng trường kiểu mới.-57, 77, 267, 308, 464.

Mi-ran-đa (Miranda), Phran-xi-xcô (1750 - 1816) - tướng và nhà hoạt động chính trị Vê-nê-xu-ê-la, một trong những người lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở châu Mỹ, năm 1811 - 1812 tổng tư lệnh quân đội Vê-nê-xu-ê-la.-2676, 277.

Mi-xcốp-xki (Miskowsky), Hen-rích Lút-vích (mất năm 1854) - sĩ quan Ba Lan, tham gia

cách mạng năm 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong sang Thổ Nhĩ Kỳ rồi sang Luân Đôn.-564,566.

Min-ti-át (mất năm 489 trước công nguyên) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước Cổ Hy Lạp.-17.

Moóc-chi-ê (Mortier), Ê-đu-a-ác A-đôn-phơ Ca-di-mia Giô-đép (1768 - 1835) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông. - 142, 228-233.

Moóc-la (Morla), Tô-mát (1752 - 1820) - tướng Tây Ban Nha, uỷ viên của Hội đồng nhiếp chính tối cao, năm 1808 chạy sang phía bên chiếm đóng Pháp, bộ trưởng hải, lục quân trong chính phủ của Giô-đép Bô-na-pác-tơ. - 251.

Moóc-ni (Morny), Sác-lơ Ô-guy-xơ Lu-i Giô-đép, bá tước *đơ* (1811 - 1865) - nhà hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, đại biểu Quốc hội lập pháp (1849 - 1851), một trong những người tổ chức cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp năm 1851 - bộ trưởng nội vụ (tháng Chạp năm 1851 - tháng Giêng năm 1852), nghị trưởng Đoàn lập pháp (1854 - 1856, 1857 - 1865).-501, 663.

Mô-đen (Maudin) (thế kỷ XVII) - công trình sư quân sự Pháp.- 407.

Mô-ha-mét (khoảng 570 - 632) - giáo sĩ A-rập, được coi như người sáng lập ra Hồi giáo, theo quan niệm của Hồi giáo là nhà tiên tri, "sứ giả của An-la".-239, 505, 795.

Mô-ha-mét-A-li (1769 - 1849) - người cầm quyền Ai Cập (1805 - 1849), thi hành nhiều cải cách tiến bộ; năm 1831 - 1833 và 1839 - 1840 tiến hành chiến tranh với vua Thổ Nhĩ Kỳ nhằm mục đích biến Ai Cập thành một quốc gia độc lập đối với Thổ Nhĩ Kỳ.-130.

Mô-ha-mét-khan - người cầm quyền ở Pê-sa-vác (1818 - 1834).- 101.

Mô-lê (Molé), Lu-i Ma-chi-ơ, bá tước (1781 - 1855) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, phần tử Oóc-lê-ăng, thủ tướng (1836 - 1837, 1837 - 1839), trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai, đại biểu Quốc hội lập hiến và lập pháp.-664.

Mô-ni-e (Monnier), Hăng-ri Bô-na-ven-chiu-rơ (1805 - 1877) - nhà biếm hoạ và nhà văn Pháp.- 727.

Mô-pa (Maupas), Sác-lơ-ma-nhơ Ê-min (1818 - 1888) - luật sư Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, cục trưởng cục cảnh sát Pa-ri (1851), một trong những người tổ chức cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp năm 1851, bộ trưởng cảnh sát (1852 - 1853).-864.

Mô-ra-le-xơ (Morales), Tô-mát (1781 - 1844) - tướng Tây Ban Nha những năm 1813 - 1823 chỉ huy quân đội đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.- 283.

Mô-ran (Morand), Sác-lơ A-lếch-xít Lu-i Ăng-toan (1771 - 1835) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-317.

Mô-ri-lô (Morillo), Páp-lô (1778 - 1837) - tướng Tây Ban Nha, tham gia chiến tranh giải phóng chống lại sự thống trị của Na-pô-lê-ông (1808 - 1814), trong những năm 1815 - 1820 tổng tư lệnh quân đội đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ. - 281, 284-289.

Mô-rít-xơ Na-xau, bá tước (hoàng thân O-răng-giơ) (1567 - 1625) - tổng đốc Hà Lan (1585 - 1825), nhà hoạt động quân sự và thống soái trong thời kỳ chiến tranh giành độc lập của Hà Lan.- 44, 248, 371.

Mô-xke-ra (Mosquera), Hoa-kin (1787 - 1877) - nhà hoạt động chính trị Cô-lôm-bi-a, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, năm 1830 tổng thống Cô-lôm-bi-a.-293.

Môn (Moll), I-ô-xíp (1812 - 1849) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và quốc tế, nghề nghiệp là thợ đồng hồ; một trong những người lãnh đạo của Đồng minh những người chính nghĩa, uỷ viên Ban chấp hành trung ương Đồng minh những người cộng sản, tháng Bảy - tháng Chín năm 1848, chủ tịch Hội liên hiệp công nhân Khuên, uỷ viên Ban chấp hành khu bộ Ranh của phái dân chủ; sau sự kiện tháng Chín năm 1848 ở Khuên, lưu vong sang Luân Đôn, chẳng bao lâu sau từ đây lại trở về mang tên khác và tiến hành công tác cổ động ở các vùng khác nhau ở Đức, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen-Pphan-xơ năm 1849, hy sinh trong chiến đấu ở Muốc-gơ.-558.

Môn-bren (montbrun), Lu-i Pi-e, bá tước (1770 - 1812) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-319.

Môn-tan-vô (Montalvo), Phran-xi-xcô (1754 - 1822) - tướng Tây Ban Nha, năm 1812 - 1816 toàn quyền Gra-na-đa Mới (Cô-lôm-bi-a).-280.

Môn-te-véc-dơ (Monteverde), Đô-min-gô (1772 - 1832) - sĩ quan hải quân Tây Ban Nha, năm 1812 - 1813 chỉ huy quân đội đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ sau khi Mi-ran-đa đầu hàng, giữ chức tư lệnh trấn thủ (tư lệnh quân khu) Vê-nê-xu-ê-la. 276-279.

Mông-ta-lăm-be (Montalembert), Mác-cơ Rê-nơ, hầu tước *đơ* (1714 - 1800) - tướng Pháp, công trình sư quân sự, nghiên cứu ra một hệ thống xây công sự mới được sử dụng rộng rãi vào thế kỷ XIX.-114, 421-426.

Mông-ta-lăm-be (Montalembert), Sác-lơ (1810 - 1870) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Pháp, trong thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai, đại biểu Quốc hội lập hiến và lập pháp thuộc phái Oóc-lê-ăng, thủ lĩnh đảng Thiên chúa giáo; ủng hộ Lu-i Bô-na-pác-tơ trong cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp năm 1851, nhưng chẳng bao lâu sau chuyển sang phe đối lập.-660.

Mu-rơ (Moore), Giôn (1761 - 1809) - tướng Anh, năm 1808 - 1809 tổng tư lệnh quân Anh ở Bồ Đào Nha.-357.

Mu-xi-út Xe-vô-la - luật gia La Mã.-843.

Muy-lơ (Müller) - chủ tịch Hội giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn vào năm 1860-806.

Muy-phơ-linh (Muffling), Phri-đrich Phéc-đi-năng Các-lơ, nam tước (1775 - 1851) - tướng Phổ, về sau là nguyên soái, nhà hoạt động quân sự và nhà văn, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-219, 231, 236.

Muy-ra (Murat), I-ô-a-sim (1767 - 1815) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, vua Na-plơ (1808 - 1815.-198, 219, 319, 378, 389-391.

Muyéc-ne-rơ (Mörner), Các-lơ Ôt-tô, nam tước (1781 - 1868) - sĩ quan Thụy Điển, kẻ thúc đẩy việc lựa chọn Béc-na-đốt-tơ làm người nối ngôi vua Thụy Điển.-200.

Na-đia-sắc (1688 - 1748) - sắc Ba Tư (1736 - 1747), thống soái và nhà chinh phục, những năm 1738 - 1739 đã có nhiều cuộc hành quân cướp phá ở Ấn Độ.-99.

Na-pô-lê-ông I Bô-na-pác-tơ (1769 - 1821) - hoàng đế Pháp (1804 - 1814 và 1815).-55, 57, 58, 64, 69, 83-85, 89-93, 101, 105, 118-124, 140-144, 148, 149, 158, 164, 170, 175-177, 182, 191, 194-208, 217-237, 251-255, 268-271, 275, 284, 313, 318, 319, 332, 334, 343, 375-378, 385, 391, 392, 424, 461-463, 471, 498, 501, 502, 576, 581, 630, 633, 634, 640, 646, 659, 663, 665-670, 676, 705, 706, 723, 801, 830, 836, 837, 841.

Na-pô-lê-ông III (Lu-i Na-pô-lê-ông Bô-na-pác-tơ) (1808 - 1873)- cháu Na-pô-lê-ông I, tổng thống nền Cộng hoà thứ hai (1848 - 1851), hoàng đế Pháp (1852 - 1870).-59, 172, 287, 274, 489, 498-502, 515, 533, 581, 597, 599, 614, 626, 628, 629, 634-638, 650, 653-674, 676-685, 687-696, 699, 702-709, 711, 715-720, 722, 724, 726, 732, 736, 741, 746-752, 755, 756, 758, 760, 765, 776, 785, 876, 883-890, 894, 896.

Na-pô-lê-ông, Giê-rôm, hoàng thân - xem *Bô-na-pác-tơ* Giô-đép Sác-lơ Pôn.

Nác-xê-xơ (khoảng 472 - 568) - thống soái Bi-dăng-xơ, vốn người Ác-mê-ni, một trong những người giúp đỡ hoàng đế I-u-xi-ni-ăng thực hiện chính sách phản động của mình là khôi phục chế độ nô lệ ở I-ta-li-a.-368.

Nan-xu-ti (Nansouty), Ê-chiên Ma-ri Ăng-toan *Sam-pi-ôn*, bá tước *đơ* (1768 - 1815) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-318.

Nây (Ney), Mi-sen (1769 - 1815) - nguyên soái Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông.-229, 233, 253, 315-317, 395, 504.

Nây-bau-e-rơ (Neubauer) (thế kỷ XVII) - công trình sư quân sự Đức.-413.

Nây-pia (Napier), Sác-lơ (1786 - 1860) - đô đốc Anh, năm 1854 tư lệnh hạm đội biển Ban-tích.-355, 629.

Nây-pia (Napier), Uy-li-am Phren-xít, Pa-rơ-rích (1785 - 1860) - tướng và nhà sử học quân sự Anh, tham gia chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ (1808 - 1814).-378.

Nê-muốc-xơ (Nemours), Lu-i Sác-lơ Phi-líp Ra-pha-en *Oóc-lê-ăng*, công tước (1814 - 1896) - con thứ hai của vua Pháp Lu-i Phi-líp, tướng, trong những năm 30-40 tham

gia xâm chiếm An-giê-ri, sau cách mạng tháng Hai năm 1848 lưu vong sang Anh.-274.

Ni-cô-lai I (1796 - 1855) - hoàng đế Nga (1825 - 1885).-46, 206, 635-643, 646, 753.

Niu-đgiên-tơ - xem *Séc-van*, Giuy-li-ên.

Niu-ton (Newton), I-xắc (1642 - 1727) - nhà vật lý học, thiên văn học và toán học vĩ đại Anh, người sáng lập ra cơ học với tính cách một khoa học.-249.

Noóc-man (Nordmann), Giô-đép Ác-măng (1759 - 1809) - tướng Áo, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-85.

Nốt-tơ (Nott), Uy-li-am (1782 - 1845) - tướng Anh, tham gia cuộc chiến tranh Anh - Áp-ga-ni-xtan (1838 - 1842).106, 107.

O

O-răng-giơ, hoàng thân - xem *Vin-hem III O-răng-giơ*.

Oen-lin-ton (Wellington), Ác-tua *Oen-xli*, công tước (1769 - 1852) thống soái và nhà hoạt động nhà nước Anh, đảng viên đảng To-ri; 1808 - 1814 và 1815 lãnh đạo quân đội trong các cuộc chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, chỉ huy cục pháo binh (1818 - 1827), tổng chỉ huy quân đội Anh (1827 - 1828, 1842 - 1852), thủ tướng (1828 - 1830), bộ trưởng ngoại giao (1834 - 1835).-236, 321, 324, 325, 357, 392, 429.

Oen-xli (Wellesley), Ri-sốt Cô-li, hầu tước (1760 - 1842) - nhà hoạt động nhà nước Anh, toàn quyền Ấn Độ (1798 - 1805), đại sứ ở Tây Ban Nha (1809), bộ trưởng ngoại giao (1809 - 1812); toàn quyền ở Ai-rơ-len (1821 - 1828, 1833 - 1834) đã đàn áp đã man phong trào giải phóng dân tộc ở trong nước.-276.

Oóc-ghét (Orges), Héc-man (1821 - 1874) - nhà báo Đức, từ năm 1854 đến 1864, một trong những biên tập viên của báo "Allgemeine Zeitung" ở Au-xbuốc.-616, 732, 804, 878.

Oóc-lê-ăng - vương triều ở Pháp (1830 - 1848).-500, 501.

Oóc-xi-ni (Orsini), Phê-lít-xơ (1819 - 1858) - nhà cách mạng I-ta-li-a, nhà dân chủ và nhà cộng hoà tư sản, một trong những người tham gia có tên tuổi vào cuộc đấu tranh cho giải phóng dân tộc và thống nhất nước I-ta-li-a, bị xử tử vì mưu sát Na-pô-lê-ông III.-660.

Ố Đôn-nen (O'Donnell), En-ri-cơ Hô-xê (1769 - 1834) - tướng Tây Ban Nha, tham gia chiến tranh giải phóng chống lại sự thống trị của Na-pô-lê-ông (1808 - 1814), vào giữa năm 1819, chỉ huy tại khu vực Ca-đi-xơ một quân đoàn quân viễn chinh dùng để đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở châu Mỹ.-288, 289.

Ô-giê-rô (Augereau), Pi-e Phrăng-xoa Sác-lơ (1757 - 1816) - tướng Pháp, từ 1804 nguyên soái, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông.-175, 177, 232.

Ô-guy-xơ (63 trước công nguyên - 14) – hoàng đế La Mã (27 trước công nguyên - 14).-36.

Ô-ly (Ohly), Các-lơ Phri-đrich Cri-xti-an Héc-man (1825 - 1881), nhà báo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cách mạng 1848 - 1849, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong sang Thụy Sĩ rồi sang Luân Đôn; phóng viên báo "Allgemeine Zeitung".-600, 601, 801, 834.

Ô-li-phan-tơ (Oliphant), Lô-ren-xơ (1829 - 1888) – nhà du lịch và nhà báo Anh; năm 1855 ở Cáp-ca-dơ với tư cách phóng viên báo "Times".-691.

Ô-man-xki (Aumale), Hăng-ri O-gien Phi-líp Lu-i *Oóc-lê-ăng*, công tước (1822 - 1897)-con trai của vua Pháp Lu-i – Phi-líp, trong những năm 40 tham gia xâm chiếm An-giê-ri, toàn quyền An-giê-ri (1847 - 1848), sau cách mạng tháng Hai năm 1848 lưu vong sang Anh.-134, 273.

Ô-oen (Owén), Rô-béc (1771 - 1858) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng vĩ đại Anh.-570.

Ô-rút-giơ Béc-ba-rốt-xơ (khoảng 1473 - 1518) - cướp biển Thổ Nhĩ Kỳ, người cầm quyền ở An-giê-ri.-127.

Ô-xte-rman – Tôn-xtôi, A-lếch-xan-đơ I-va-nô-vích, bá tước (1770 - 1857) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-317, 318.

Ô-xten-Xa-ken, Pha-bi-an Vin-hem-mô-vích (1752 - 1837) – tướng Nga, từ 1826 nguyên

soái, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-220, 221.

Ô-xvan (Oswald), Ây-ghe (1826 - 1912) - nhà báo Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia phong trào cách mạng ở Ba-đen trong những năm 1848 - 1849; sau khi cách mạng thất bại, lưu vong khỏi Đức.-496.

Ốc-lên-dơ (Auckland), Gioóc-giơ I-đen, bá tước (1784 - 1849) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thuộc đảng Vích, giữ nhiều chức vụ bộ trưởng, toàn quyền Ấn Độ (1836 - 1842).-104.

Ốc-xen-banh (Ochsenbein), I-ô-han Un-rích (1811 - 1890) - tướng và nhà hoạt động nhà nước của giai cấp tư sản Thuỵ Sĩ, phần tử cấp tiến, rồi sau là một trong những người lãnh đạo phái tự do, chủ tịch Quốc hội hiệp bang trong thời kỳ chiến tranh với Đồng minh đặc biệt, đứng đầu Chính phủ liên bang (1847 - 1848); năm 1848 chủ tịch Hội đồng quốc dân và uỷ viên Hội đồng liên bang.-761.

Ôn-ga (1822 - 1892) - nữ đại công tước Nga, con gái Ni-cô-lai I, về sau là hoàng hậu Vuyéc-tem-béc.-853.

Ôn-đen-buốc (Oldenburg), Ghê-oóc-gơ Pê-tơ Phri-đrich (Ghê-oóc-gi Pê-trô-vích), hoàng thân (1784 - 1812) - con rể của hoàng đế Nga A-lếch-xan-đơ I, năm 1809 - 1812 tổng đốc các tỉnh Tve, I-a-rô-xláp-xki và Nốp-gô-rôt và giám đốc giao thông ở Nga.-200.

Ôn-xu-phi-ép, Da-kha-rơ Đmi-tri-e-vích (1773 - 1835) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-229, 230.

Ốp-pen-hai-mơ (Oppenheim), Hen-rích Béc-hác (1819 - 1880) - nhà hoạt động chính trị Đức, nhà kinh tế học và nhà báo, nhà dân chủ tiểu tư sản; năm 1848 là một trong những biên tập viên báo "Reform" ở Béc-lin, năm 1848 - 1849 sống lưu vong; về sau là phần tử dân tộc - tự do.-581, 785.

Ốt-tôn I (912 - 973) - vua Đức (936 - 937) và hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (962 - 973).-343.

Ô-gien, hoàng thân - xem *Bô-hác-ne*, *Ô-gien*.

Ô-gien-xa-voa, hoàng thân (1663 - 1736) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước Áo.-311, 312.

Ô-le (Euler), Lê-ô-na (1707 - 1783) - nhà toán học, nhà cơ khí học và nhà vật lý học vĩ đại, gốc người Thuỵ Sĩ, công tác ở Viện hàn lâm khoa học Pê-téc-bua (1727 - 1741 và 1766 - 1783) và Viện hàn lâm khoa học Béc-lin (1741 - 1766).-249.

P

Pa-di-li-a (Padilla), Hô-xê (1778 - 1828) - tướng Cô-lôm-bi-a, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, năm 1828 bị xử tử về tội tổ chức âm mưu chống lại Bô-li-va-rơ.-289, 292.

Pa-ê-xơ (Pácz), Hô-xê An-tô-ni-ô (1790 - 1873) - tướng và nhà hoạt động chính trị Vê-nê-xu-ê-la, một trong những nhà lãnh đạo cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, từ năm 1814 chỉ huy đội quân li-a-nê-rôt, chạy sang phía phong trào giải phóng dân tộc, năm 1826 - 1830 chống lại Bô-li-va-rơ, lãnh đạo cuộc đấu tranh đòi độc lập cho Vê-nê-xu-ê-la tách khỏi Cô-lôm-bi-a, từ năm 1831 đến 1863 (có gián đoạn) là tổng thống Vê-nê-xu-ê-la.-280, 285-288, 291, 292.

Pa-gan (Pagan), Blê-đơ Phrăng-xoa đơ (1604 - 1665) - công trình quân sự Pháp, tác giả tác phẩm về xây công sự.-413-416.

Pa-le-xơ-ri-na (Palestrina) - quan chức cảnh sát Pháp.-730, 733.

Pa-len, Pi-ôt A-lếch-xây-ê-vích, bá tước (1745 - 1826) - tướng và nhà hoạt động chính trị Nga, tổng đốc quân sự Pê-téc-bua (1798 - 1801), một trong những người tổ chức và tham gia việc giết Pa-ven I.-140.

Pa-pa-si-nô d'An-tô-ni (Papacino d'Antoni), A-lếch-xan-đrô Vi-tô-ri-ô (1714 - 1786) - công trình sư quân sự Xác-đi-ni, tác giả nhiều tác phẩm về pháo binh và xây công sự.-249.

Pa-pi-ni-an, Ê-mi-li (khoảng 140 - 212) - luật gia nổi tiếng La Mã, người bảo vệ triệt để chế độ nô lệ.-843.

Pa-ra-vây (Paravey), Sác-lơ I-pô-lít đơ (1787 - 1871) - công trình sư và nhà Đông phương học Pháp.-238.

Pa-sốt-tô (Paciotto), Phran-se-xcô (1521 - 1591) - công trình sư quân sự I-ta-li-a.-408.

Pa-ven I (1754 - 1801) - hoàng đế Nga (1796 - 1801).-140.

Pa-xkê-vích, I-van Phê-đô-rô-vích, công tước (1782 - 1856) - nguyên soái Nga, tham gia

chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, từ mùa hè năm 1831 là tổng tư lệnh quân đội Nga đàn áp cuộc khởi nghĩa Ba Lan năm 1830 - 1831, từ năm 1832 toàn quyền Vương quốc Ba Lan, năm 1849 tư lệnh quân đội Nga tham gia đàn áp cách mạng ở Hung-ga-ri.-317.

Pa-xơ Xa-la-xơ (Paz Salas), Pê-đrô đơ (thế kỷ XVI) - người soạn báo cáo về Ác-ma-đa Tây Ban Nha.-208.

Pác-mơ, công tước - xem *Phác-ne-dơ*, A-lếch-xan-đơ.

Pác-xê-van - *Đê-sen* (Parseval - Deschênes), A-lếch-xan-đơ Phéc-đi-nan (1790 - 1860) - đô đốc Pháp, năm 1850 chỉ huy phân hạm đội biển Ban-tích.-355.

Pai-in-đa-khan (biệt hiệu Xa-ra-phra-khan) (mất năm 1800) - người cầm đầu vụ âm mưu chống lại sắc Áp-ga-ni-xtan Đê-man.-100.

Pan-móc-xton (Palmerston), Hen-ri Giôn Tem-pon, tử tước (1784 - 1865) - nhà hoạt động nhà nước Anh, khi mới hoạt động thuộc đảng To-ri, từ năm 1830 là một trong những lãnh tụ của đảng Vích, dựa vào những phần tử cánh hữu của đảng này, bộ trưởng ngoại giao (1830 - 1834, 1835 - 1841 và 1846 - 1851), bộ trưởng nội vụ (1852 - 1855) và thủ tướng (1855 - 1858 và 1859 - 1865).-206, 606, 631, 635, 641, 660-663, 681, 689, 721, 739, 740, 778, 875, 894.

Péc-txen (Perczel), Mô-rít-xơ (1811 - 1899) - tướng Hung-ga-ri tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri; sau khi cách mạng thất bại, lưu vong sang Thổ Nhĩ Kỳ và đến 1851 thì sang Anh.-648, 749.

Péc-xi-nhi (Persigny), Giăng Gin-be Vích-to *Phi-a-len*, bá tước (1808 - 1872) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, nghị sĩ Quốc hội lập pháp (1849 - 1851), một trong những người tổ chức cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851, bộ trưởng nội vụ (1852 - 1854 và 1860 - 1863), đại sứ ở Anh (1855 - 1858, 1859 - 1860).-683, 716.

Péc-xi-út (Ô-lút Péc-xi-út Phlắc-cút) (32 - 64) - nhà thơ trào phúng La Mã.-735, 777, 779.

Pê-đru I (1798 - 1834) - hoàng đế Bra-xin (1822 - 1831), vua Bồ Đào Nha dưới danh hiệu Pê-đru IV (1826), từ chối ngôi vua Bồ Đào Nha cho con gái của mình là Ma-ri-a II đa Glô-ri-a.-166.

Pê-lê-chi-ê (Pelletier), Giăng Ba-ti-xơ (1777 - 1862) - tướng Pháp, tham gia chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, thời kỳ nền Quân chủ thánh Bấy giữ chức giám đốc nhiều trường pháo binh ở Pháp.-164.

Pê-li-xi-ê (Pelissier), Giăng Giắc (1794 - 1864) - tướng Pháp, từ năm 1855 nguyên soái, trong những năm 30 - 50 tham gia xâm chiếm An-giê-ri, tổng tư lệnh quân đội ở Crum (1855 - 1856).-134, 660.

Pê-nhi-a (Pena), Mi-ghen (1781 - 1833) - luật sư và nhà hoạt động chính trị Vê-nê-xu-ê-la, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, ủng hộ Bô-li-va-rơ, năm 1812 tỉnh trưởng La-Goay-ra, sau khi Vê-nê-xu-ê-la tách khỏi Cô-lôm-bi-a làm bộ trưởng nội vụ và tư pháp trong chính phủ của Pa-ê-xơ.-276.

Pê-rây-ra (Pérecire), I-xác (1806 - 1880) - chủ ngân hàng Pháp thuộc phái Bô-na-pác-tơ, năm 1852 cùng với anh là Ê-min Pê-rây-rơ thành lập công ty cổ phần Crédit Mobilier, tác giả nhiều tác phẩm về vấn đề tín dụng.-784.

Pê-ri-clét (khoảng 490 - 429 trước công nguyên) - nhà hoạt động nhà nước A-ten, nhà chiến lược (444 - 429 trước công nguyên), thúc đẩy củng cố chế độ dân chủ nô lệ.-19, 23.

Pê-ri-ê (Perrier), Giôn - nhà hoạt động chính trị Thụy Sĩ, phần tử cấp tiến, nghị sĩ Đại hội đồng (1852 và 1856 - 1860) ủng hộ Pha-di.-713, 716-720.

Pê-tê-tanh (Petétin), An-xen-mơ (1807 - 1873) - nhà chính luận Pháp, ban đầu là nhà cộng hoà rồi tham gia phái Bô-na-pác-tơ; tỉnh trưởng tỉnh Xa-voa (1860 - 1861).-709.

Pê-ti-ôn (Pétion), An-nơ A-lếch-xan-đơ Xa-bê-rơ (1770 - 1818) - nhà hoạt động chính trị và tướng Tây Ấn, tham gia đấu tranh giải phóng Ha-i-ti khỏi nền thống trị thực dân, tổng thống nước Cộng hoà Ha-i-ti (1807 - 1818).-282, 283.

Péch-xan (Paixhans), Hăng-ri Giô-đép (1783 - 1854) - tướng Pháp, công trình sư và nhà phát minh quân sự, tác giả nhiều tác phẩm về pháo binh.-262, 472.

Pha-di (Fazy), Giăng Giắc-cơ (Giêm-xơ) (1794 - 1878) - nhà hoạt động nhà nước và nhà chính luận Thụy Sĩ, phần tử cấp tiến, đứng đầu chính phủ bang Giơ-ne-vơ (1846 - 1853 và 1855 - 1861), thi hành chính sách thân Bô-na-pác-tơ.-494, 523, 551, 602, 607, 702, 704-714, 716-722, 726, 737, 754-766, 800, 848, 651, 888.

Phác-ne-dơ (Famese), A-lếch-xan-đơ (A-lét-xan-đrô), công tước Pác-mơ (1545 - 1592) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước Tây Ban Nha, năm 1578 - 1592 tổng đốc Hà

- Lan.-210, 211.
- Phan-me-rai-ơ* (Fallmerayer), I-a-cốp Phi-líp (1790 - 1861) - nhà sử học và nhà du lịch Đức.-603.
- Phát-khơ Giun-gơ* - con trai của sắc Ấp-ga-ni-xtan Sút-gia, năm 1842 đã giữ ngai vàng Ấp-ga-ni-xtan mấy tháng.-107.
- Phát-khơ-khan* (mất năm 1818) - vi-dia của sắc Ấp-ga-ni-xtan, Ma-khơ-mút.-101.
- Phau-sơ* (Faucher), Giuy-lơ (Giuy-li-út) (1820 - 1878) - nhà chính luận Đức, phần tử Hê-ghen trẻ; ủng hộ mật dịch tự do, di cư sang Anh, cộng tác với báo "Morning Star", năm 1861 trở về Đức, thuộc đảng tiến bộ.-606-610.
- Phéc-đi-năng IV* (1285 - 1312) - vua Ca-xti-li và Lê-ông (1295 - 1312).-240.
- Phéc-đi-năng VII* (1784 - 1833) - vua Tây Ban Nha (1808 và 1814 - 1833).-214.
- Phéc-đi-năng V Ca-tô-lich* (1452 - 1516) - vua (1474 - 1504) và người cầm quyền (1507 - 1516) Ca-xti-li-a, vua A-ra-gông với vương hiệu Phéc-đi-năng II (1479 - 1516).-128.
- Phéc-đi-năng Phôn Ê-xtơ*, đại công tước (1781 - 1830) - nguyên soái Áo, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-196.
- Phéc-nan-đét đơ Coóc-dô-ba* (Fernández de Córdoba), Gòng-xa-lô (1453 - 1515) - thống soái Tây Ban Nha, tham gia chiến tranh chống lại nước Hồi giáo Gra-na-đa.-448.
- Phéc-hát - pa-sa* - xem *Stai-nơ* Mắc-xi-ni-liêng.
- Phê-mi-xti-út* (317 - khoảng 387) - nhà hoạt động chính trị Hy Lạp, nhà hùng biện và nhà triết học - chiết trung, nhà bình luận tác phẩm của A-ri-xtốt.-239.
- Phê-thơ - A-li-sắc* (1762 - 1834) - sắc Ba Tư (1797 - 1834).-101.
- Phi-a-len* - xem *Péc-xi-nhi*, Giảng Gin-be Vích-to.
- Phi-e-rô* (Fierro), Ma-nu-en - tướng Tây Ban Nha, phục vụ trong quân đội đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, tháng Bảy - tháng Tám năm 1813, tổng đốc Ca-ra-cát.-278.
- Phi-líp II* (1572 - 1598) - vua Tây Ban Nha (1556 - 1598).-208.

- Phi-líp II* Ma-xê-đoan (khoảng 382 - 336 trước công nguyên) - vua Ma-xê-đoan (359 - 336 trước công nguyên).-24, 26, 361.
- Phi-líp V* (khoảng 237 - 179 trước công nguyên) - vua Ma-xê-đoan (221 - 179 trước công nguyên).-32.
- Phi-líp-xơ*, Gri-gô-ri I-va-nô-vích (1809 - 1883) - tướng Nga, tham gia chinh phục Cáp-ca-dơ.-744, 745.
- Phi-lô-xơ-rát* (khoảng 170 - 245) - nhà hùng biện Hy Lạp, nhà triết học nguy biện và nhà văn.-239.
- Phi-sắc-tơ* (Fischart), I-ô-han (khoảng 1545 - 1590) - nhà văn trào phúng Đức.- 497, 533, 546, 789, 792.
- Phin-cơ* (Fink) - kiều dân Đức ở Giơ-ne-vơ.-524.
- Phin-kê* (Vincke), Ghê-oóc, nam tước (1811 - 1875) - nhà hoạt động chính trị Phổ, năm 1848 - 1849 một trong những lãnh tụ của cánh hữu trong Quốc hội Phran-phước; năm 1849 nghị sĩ đệ nhị viện thuộc cánh hữu, trong những năm 50 - 60 được bầu vào hạ nghị viện Phổ, thuộc phái tự do ôn hoà.-535, 588, 590, 786, - 797.
- Phit-xơ-uy-li-am* (Fitzwilliam), Uy-li-am (1526 - 1599) - nhà hoạt động nhà nước Anh, tổng đốc Ai-rơ-len (1572 - 1575 và 1588 - 1594).-212.
- Phla-mi-ni-út* (Ti-tut Canh-tut Pla-mi-ni-út) (khoảng 228 - 174 trước công nguyên) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước La Mã, quan chấp chính (198 trước công nguyên, chỉ huy quân đội La Mã trong cuộc chiến tranh Ma-xê-đoan thứ hai (200 - 197 trước công nguyên).-32.
- Phlo-ri-a-ni* (Floriani), Pi-e Pao-lô (1584 - 1638) - công trình sư quân sự I-ta-li-a, tác giả tác phẩm về xây công sự.-409.
- Phlô-công* (Flocon), Phéc-đi-năng (1800 - 1866) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Pháp, nhà dân chủ tiểu tư sản, một trong những biên tập viên của báo "Réforme", năm 1848 uỷ viên chính phủ lâm thời.-805, 881.
- Phlô-rê-xơ* (Florez), Hô-xê Xê-gun-đơ đơ (sinh năm 1789) - nhà sử học và nhà chính luận tư sản tự do Tây Ban Nha.-215.

Phlo-ry (Fleury), Sác-lơ (tên thật Các-lơ Phri-đrich Au-gu-xơ *Crau-dơ*) (sinh năm 1824) - thương nhân ở Luân Đôn, gián điệp và mật thám Phổ.-527, 540, 680-868.

Phoa (Foix), Ga-xtôn *dơ* (1489 - 1512) - thống soái Pháp, năm 1512 chỉ huy quân Pháp trong thời gian xảy ra cuộc tiến quân vào I-ta-li-a trong thời kỳ chiến tranh I-ta-li-a.-343.

Phoa (Foy), Mác-xi-mi-liêng Xê-bê-xchiên (1775 - 1825) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái tự do, tham gia chiến tranh ở bán đảo I-bê-ri-cơ (1808 - 1814).-321, 323, 324.

Phoóc-rơ (Forey), Ê-li Phrê-đê-rích (1804 - 1872) - tướng Pháp, sau nguyên soái, thuộc phái Bô-na-pác-tơ; trong những năm 30 - 40 tham gia xâm chiếm An-giê-ri, một trong những người tích cực tham gia cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp năm 1851; trong những năm 1854 - 1855 chỉ huy quân đội ở Crum.-75.

Phô-gtơ (Vogt), A-đôn-phơ (sinh năm 1823) - thầy thuốc Thụy Sĩ, em của C. Phô-gtơ.-722.

Phô-gtơ (Vogt), Các (1817 - 1895) - nhà khoa học tự nhiên Đức, nhà duy vật tâm thường, nhà dân chủ tiểu tư sản; năm 1848 - 1849 nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; tháng Sáu năm 1849 là một trong năm nhiếp chính để chế; năm 1849 lưu vong khỏi Đức; trong những năm 50 - 60 mật thám ăn lương của Lu-i Bô-na-pác-tơ, một trong những kẻ tích cực tham gia việc đả kích có tính chất vu cáo đối với các nhà cách mạng vô sản. -487-492, 495, 597, 503-512, 515-535, 537-541, 542-556, 577, 580, 584-593, 595-640, 642-659, 662, 664-702, 704-710, 712-717, 719, 721-726, 728-738, 750, 752, 754, 755, 766, 767, 770-775, 781, 784-791, 796-802, 804-810, 816-819, 821-832, 835-841, 852, 855, 859, 869, 872, 875-882, 885, 888-890, 893, 895-903, 905, 910-912.

Phô-gtơ (Vogt), Ê-min (1820 - 1883) - luật gia Thụy Sĩ, em của C. Phô-gtơ.- 722.

Phô-gtơ (Vogt), Gu-xtáp (1829 - 1901) - luật gia Thụy Sĩ, nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị, phần tử cấp tiến, năm 1860 - 1862 giám đốc cục thống kê, em của C.Phô-gtơ.-719, 722.

Phô-gtơ (Vogt), Phi-líp Phri-đrich Vin-hem (1786 - 1861) - thầy thuốc Đức, đầu những năm 30 sống ở Thụy Sĩ, từ năm 1835 giáo sư y học ở trường cao đẳng Béc-nơ, tham gia phái tự do, bố của C.Phô-gtơ.-539, 722.

Phô-la-rơ (Folard), Giăng Sác-lơ (1669 - 1752) - sĩ quan Pháp, nhà lý luận và nhà văn quân sự.-189.

Phô-xcô-lô (Foskolo), U-gô (1778 - 1827) - nhà thơ nổi tiếng I-ta-li-a.-722.

Phrai-li-grát (Freilligrath), Phéc-di-năng (1810 - 1876) - nhà thơ Đức, thời kỳ mới hoạt động là nhà thơ lãng mạn sau thành nhà thơ cách mạng; trong những năm 1848 - 1849 một trong những biên tập viên của tờ "Neue Rheinische Zeitung", thành viên Đồng minh những người cộng sản; trong những năm 50 rời bỏ đấu tranh cách mạng.-605, 898.

Phran-cơ - xem *Séc-van* Giuy-li-ên.

Phran-cơ (Franck), Gu-xtáp - nhà dân chủ tiểu tư sản Áo, đầu những năm 50 thế kỷ XIX cư trú ở Luân Đôn.-569.

Phran-ki-ni, Vích-to An-tô-nô-vích (1820 - 1892) - sĩ quan Nga, sau lên tướng, tham gia cuộc Chiến tranh Crum (1853 - 1856), tham gia chiến tranh chống lại dân miền núi Cáp-ca-dơ.-745.

Phran-txơ (Franz) (thế kỷ XVI) - công trình sư quân sự Đức.-409.

Phran-txơ-I-ô-xip I (1830 - 1916) - hoàng đế Áo (1848 - 1916).-633, 678-681, 750.

Phrăng-xoa I (1494 - 1547) - vua Pháp (1515 - 1547).-43, 243, 499, 682.

Phrây- Ê-rô-dê (Frey - Hérosé), Phri-đrich (1801 - 1873) - sĩ quan Thụy Sĩ, nhà hoạt động chính trị tư sản, thuộc phái tự do; năm 1848 uỷ viên Hội đồng quốc dân, nghị sĩ quốc hội; năm 1854 và năm 1860 tổng thống Liên bang Thụy Sĩ.-686, 711, 716.

Phrây-rơ (Freire), Ma-nu-en (1765 - 1834) - tướng Tây Ban Nha, tham gia đấu tranh giải phóng chống lại sự thống trị của Na-pô-lê-ông (1808 - 1814).-322-325.

Phrây-tác (Freitag), A-đam (thế kỷ XVII) - công trình sư quân sự Hà Lan, một trong những người sáng lập ra trường phái Hà Lan cũ về xây công sự.-413.

Phrây-tét (Freites), Pê-đrô Ma-ri-a (mất năm 1817) - sĩ quan Vê-nê-xu-ê-la, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-284.

Phrê-đê-rích VI (1768 - 1839) - vua Đan Mạch - Na Uy (1808 - 1814) rồi vua Đan Mạch (1814 - 1839).-200, 205.

Phrê-mô-xa (Fremosa), Ê-ma-nu-en - thủy binh Tây Ban Nha, một trong những người tham gia cuộc viễn chinh của Ác-ma-đa Tây Ban Nha năm 1588, bị người Anh bắt làm tù binh.-211.

Phrê-rôn (Fréron), Lu-i Ma-ri Xta-ni-xta (1754 -1802) - nhà hoạt động của cách mạng tư

sản Pháp cuối thế kỷ XVIII rồi sau là một trong những thủ lĩnh của cuộc phản cách mạng tháng Nóng.-175.

Phri-an (Friant), Lu-i (1758 - 1829) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-317, 318.

Phri-drích II (1712 - 1786) - vua Phổ (1740 - 1786).- 50-54, 57, 93, 152, 216, 250, 251, 364, 373, 374, 376, 385, 394, 429, 456-459, 545, 630.

Phri-drích - Vin-hem (1620 - 1688) - tuyển đế hầu Bran-đen-buốc (1640 - 1688).-792.

Phri-drích - Vin-hem I (1688 - 1740) - vua Phổ (1713 - 1740).-50, 374.

Phri-drích - Vin-hem III (1770 - 1840) - vua Phổ (1797 - 1840).-204, 217, 219, 235.

Phri-drích - Vin-hem IV (1795 - 1861) - vua Phổ (1840 - 1861).-796.

Phruê - ben (Fröben), I-u-li-út (1805 - 1893) - nhà chính luận Đức, người xuất bản sách báo tiến bộ, phần tử cấp tiến tiểu tư sản, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở Đức, nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả, sau thất bại của cách mạng, lưu vong sang châu Mỹ, năm 1857 trở về châu Âu, thuộc phái tự do.-606, 623.

Phrun-dơ-xbéc (Frundsberg), Ghê-oóc-gơ (1473 - 1528) - tư lệnh lính đánh thuê Đức, phục vụ cho hoàng đế Đức và Liên minh Sva-ben, tham gia chiến tranh ở I-ta-li-a; năm 1525 - 1526 tham gia đàn áp cuộc khởi nghĩa nông dân ở Sva-ben và ở giáo khu Đan-xbuốc.-44.

Phu-ri-ê (Fourier), Sác-lơ (1772 - 1837) - nhà xã hội chủ nghĩa - không tưởng vĩ đại Pháp. -503, 570, 571.

Phu-sê (Fouché), Giô-dép (1759 - 1820) - nhà hoạt động của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII và của đế chế Na-pô-lê-ông, thời kỳ cách mạng thuộc phái Gia-cô-banh, dưới thời Na-pô-lê-ông I là bộ trưởng cảnh sát; nổi tiếng là cực kỳ vô nguyên tắc.-200.

Phuê-ghe-lơ (Voegelé), A. - năm 1859 công nhân sắp chữ ở nhà in Hôn-lin-ghê-ơ ở Luân Đôn.-610, 614-624, 809, 820, 821, 830-835, 877, 881, 901.

Phun (Phull), Các-lơ Lút-vích Áp-gu-xơ (1757 - 1826) - tướng Phổ, năm 1806 tổng tham mưu trưởng quân đội Phổ, năm 1806 - 1812 phục vụ trong quân đội Nga.-118.

Phun-ton (Fulton), Rô-bóc (1765 - 1815) - kỹ sư và nhà phát minh Mỹ, người chế tạo ra chiếc tàu thủy đầu tiên.-472.

Phuyên-ke-rơ (Völker) (thế kỷ XVII) - công trình sư quân sự, một trong những người sáng lập ra trường phái Hà Lan cũ về xây công sự.-414.

Pi-a-rơ (Piar), Ma-nu-en Các-lốt (1782 - 1817) - tướng Vê-nê-xu-ê-la - Cò-lôm-bi-a, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, năm 1817 bị xử tử về tội tổ chức âm mưu chống Bô-li-va-rơ.-282-286.

Pi-ê-tơ-ri (Pietri), Pi-e Ma-ri (1809 - 1864) - nhà hoạt động chính trị Pháp, thuộc phái Bô-na-pác-tơ, cục trưởng cục cảnh sát Pa-ri (1852 - 1858).-517, 518.

Pi-ốt I (1672 - 1725) - vua Nga từ 1682, hoàng đế toàn Nga từ 1721.-607, 639.

Pi-rơ (319 - 272 trước công nguyên) - vua Ê-pi-a (307 - 302, 296 - 272 trước công nguyên) - nguyên soái nổi tiếng thời Cổ đại.-31.

Pi-ta-go (khoảng 571 - 497 trước công nguyên) - nhà toán học Cổ Hy Lạp, nhà triết học - duy tâm, nhà tư tưởng của quý tộc chủ nô.-771.

Pi-si-ni-ô (Piccinino), Ni-cô-lô (1386 - 1444) - người chỉ huy lính đánh thuê Mỹ, năm 1426 - 1443 chỉ huy quân đội Mi-la-nô trong cuộc hỗn chiến giữa các thành phố I-ta-li-a.-243.

Pi-sơn (Pichon), Lu-i Ăng-đơr, nam tước (1771 - 1850) - nhà ngoại giao và nhà hoạt động chính trị Pháp, đầu những năm 30 quan cai trị dân sự ở An-giê-ri.-133.

Pi IX (1792 - 1878) - giáo hoàng La Mã (1846 - 1878).-638, 656.

Pin (Peel), Rô-bóc (1788 - 1850) - nhà hoạt động nhà nước Anh, lãnh tụ phái ôn hoà trong đảng To-ri (phái này được gọi theo tên ông là phái Pin), bộ trưởng nội vụ (1822 - 1827 và 1828 - 1830), thủ tướng (1834 - 1835 và 1841 - 1846), với sự ủng hộ của đảng tự do đã huỷ bộ luật lúa mì (1846).-897.

Pin-đa-rơ, Pi-tơ - xem *Uôn-cốt Giôn*.

Pit (Pitt), Uy-li-am, Bé (1759 - 1806) - nhà hoạt động nhà nước Anh, một trong những lãnh tụ của đảng To-ri; một trong những nhà tổ chức chủ yếu các cuộc chiến tranh chống cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, thủ tướng (1783 - 1801 và 1804 - 1806).-531, 630.

Piu-dơ (Puisaye), Giô-dép Giê-nê-vi-ép, bá tước dơ (1755 - 1827) - tướng Pháp, phần tử bảo hoàng, những năm 1793 - 1797 là một trong những lãnh tụ của bọn phiến loạn phản cách mạng Su-ăng.-174.

Plau-tút Ti-tút Mắc-xi-út (khoảng 254 - 184 trước công nguyên) - tác giả hài kịch thơ Cổ Hy Lạp.-601.

Plông-Plông - xem *Bô-na-pác-tơ* Giô-dép Sác-lơ Pôn, hoàng thân Na-pô-lê-ông.

Pluy-mích-ke (Plümicke), I.C. - sĩ quan Đức, tác giả cuốn "Sách hướng dẫn giành cho sĩ quan pháo binh hoàng gia Phổ".-539.

Pô-li-bi-út (khoảng 201 - khoảng 120 trước công nguyên) - nhà sử học lỗi lạc Cổ Hy Lạp, tác giả của một trong những tác phẩm đầu tiên về thông sử.-483.

Pô-lốc-cơ (Pollock), Gioóc-giơ (1786 - 1872) - tướng Anh, sau nguyên soái, tham gia chiến tranh Anh - Ấp-ga-ni-xtan (1838 - 1842).-107.

Pô-ni-a-tốp-xki (Poniatowski), Xta-ni-xláp Ấp-gu-xtơ (1732 - 1798) - vua Ba Lan với vương hiệu Xta-ni-xláp II Ô-guy-xtơ (1764 - 1795).-148.

Pô-ni-a-tốp-xki (Poniatowski), Giô-dép, công tước (1763 - 1813) - nhà hoạt động chính trị và quân sự Ba Lan, tướng, năm 1809 - 1813 tham gia chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-315.

Pô-tem-kin, Gri-gô-ri A-lếch-xan-đrô-vích, công tước (1739 - 1791) - nhà hoạt động nhà nước Nga, nguyên soái, tổng tư lệnh trong cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ năm 1787 - 1791; sủng thần của Ê-ca-tê-ri-na.-139.

Pôn-sa-ra (Poncharra), Sác-lơ Lu-i Xê-da duy Po-rơ, hầu tước dơ (1787 - 1860) - sĩ quan và nhà phát minh quân sự Pháp.-463.

Pốp (Pope), A-lếch-xan-đrơ (1688 - 1744) - nhà thơ Anh, đại biểu của chủ nghĩa cổ điển khai sáng.-768, 769, 783, 786, 820, 886.

Pốt-xô-đi-Boóc-gô, Các-lơ Ô-xi-pô-vích, bá tước (1764 - 1842) - nhà ngoại giao Nga, vốn người Coóc-xơ; từ 1814 đến 1821 công sứ, từ 1821 đến 1835 đại sứ ở Pa-ri rồi ở Luân Đôn (1835 - 1839).-643.

Pphu-en-lơ (Pfuel), Êc-nơ-xtơ (1779 - 1866) - tướng Phổ, một trong những kẻ đại biểu cho giới quân phiệt phản động; tháng Chín - tháng Mười 1848 thủ tướng và bộ trưởng chiến tranh.-795.

Prin-xíp-pơ-i - *Vi-đau* (Principe y Vidaud), Mi-ghen A-gu-xtín (1811 - 1866) - nhà văn tư sản Tây Ban Nha, tác giả nhiều tác phẩm về lịch sử và văn học Tây Ban Nha, thuộc đảng tiến bộ.-215.

Pru-đông (Proudhon), Pi-e Giô-dép (1809 - 1865) - nhà chính luận, kinh tế học và xã hội học Pháp, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản, một trong những người sáng lập ra chủ nghĩa vô chính phủ.-572, 660.

Ptô-lê-mây, Clau-đi-út (thế kỷ II) - nhà thiên văn học và địa lý học nổi tiếng Cổ Hy Lạp.-125.

Ptô-lê-mây La-gơ (khoảng 360 - 283 trước công nguyên) - thống soái Ma-xê-đoan, tham gia các cuộc viễn chinh của A-lếch-xan-rơ Ma-xê-đoan, từ 323 trước công nguyên tổng đốc rồi vua của Ai Cập đã Hy Lạp hoá (305 - 285 trước công nguyên) người sáng lập ra vương triều Ptô-lê-mây.-16, 362.

Pxam-me-tích I-pha-ra-ông (663 - 610 trước công nguyên) và thống soái Ai Cập.-12.

Pu-ga-sép, Ê-me-li-an I-va-nô-vích (khoảng 1742 - 1775) - lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa chống phong kiến lớn nhất của nông dân và người Cô-đắc ở nước Nga những năm 1773 - 1775.-139.

Pu-khơ-nơ (Puchner), An-tôn, nam tước (1779 - 1852) - tướng Áo, những năm 1848 - 1849 chỉ huy quân đội ở Tơ-ran-xin-va-ni tác chiến chống lại quân đội cách mạng Hung-ga-ri.-167.

Pun-xki (Pulszky), Phran-si-sếch (1814 - 1897) - nhà hoạt động chính trị, nhà văn và nhà khảo cổ học Hung-ga-ri, gốc Ba Lan, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri; sau khi cách mạng thất bại lưu vong ra nước ngoài, những năm 50 cộng tác với tờ báo "New york Daily Tribune", năm 1867 trở về Hung-ga-ri sau sự ân xá, nghị sĩ (1867 - 1876 và 1884 - 1897).-750.

Q

Qui-ri-ni (Quirini), An-đgiê-lơ Ma-ri-a (1680 - 1755) - hồng y giáo chủ I-ta-li-a và nhà

văn.-342.

Quy-vi-ê (Cuvier), Gioóc-giơ (1769 - 1832) - nhà khoa học tự nhiên vĩ đại Pháp, nổi tiếng về các tác phẩm thuộc các lĩnh vực giải phẫu học so sánh, cổ sinh vật học và phân loại động vật.-550.

Quy-xtin-nơ (Custine), A-đam-Phi-líp, bá tước *dờ* (1740 - 1793) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, tham gia cuộc chiến tranh của nước Cộng hoà Pháp chống lại liên minh lần thứ nhất của các nước châu Âu.-120.

R

Ra-cô-xi (Rákóczi), Phê-ren-tơ (Phran-tơ) (1676 - 1735) - người lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở Hung-ga-ri chống lại sự thống trị của vương triều Háp-xbuốc vào đầu thế kỷ XVIII.-751.

Ra-dét-xki (Radetzky), I-ô-dép, bá tước (1766 - 1858) - nguyên soái Áo, từ năm 1831 chỉ huy quân đội Áo ở Bắc I-ta-li-a, trong những năm 1848 - 1849 đàn áp dã man phong trào cách mạng và giải phóng dân tộc I-ta-li-a, từ năm 1850 đến tháng Hai năm 1857 toàn quyền Vương quốc Lôm-bác-di - Vơ-ni-dơ.-631.

Ra-dê-ma-khe-rơ (Rademacher), I-ô-han Gốt-phrít (1772 - 1849) - thầy thuốc Đức, nổi tiếng về sự phân loại độc đáo của ông đối với các bệnh tật theo phương pháp chữa bệnh.-579.

Ra-dô-vi-xơ (Radowicz), Giô-dép (1797 - 1853) - tướng và nhà hoạt động nhà nước Phổ, đại biểu cho bọn gian thần ở cung đình, những năm 1848 - 1849 là một trong những lãnh tụ của cánh hữu tại Quốc hội Phran-phước.-787-791.

Ra-ép-xki, Ni-cô-lai Ni-cô-lai-c-vích (1771 - 1829) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-314-319.

Ra-glan (Raglan), Phi-xrôi Giêm-xơ Hen-ri *Xô-mét-xét*, nam tước (1788 - 1855) - tướng Anh, từ năm 1854 nguyên soái tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông (1808 - 1814 và 1852) với tư cách sĩ quan tham mưu của Oen-lin-ton, bí thư quân vụ của văn phòng tổng tư lệnh (1827 - 1854), cục trưởng cục pháo binh (1852 - 1854), tổng tư lệnh quân đội ở Crum (1854 - 1855).-76, 81.

Ra-ních-ken (Ranickel) - thợ thủ công Đức, nghề nghiệp thợ đóng sách, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cách mạng 1848 - 1849 ở Đức, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong sang Thụy Sĩ.-505, 506, 513, 525, 537, 554-557, 608-612, 709, 724, 726, 787, 852.

Ra-pha-en Xan-ti (Raffaello Santi) (1483 - 1520) - hoạ sĩ vĩ đại I-ta-li-a thời kỳ Phục hưng.-341.

Ra-vô (Raveaux), Phran-tơ (1810 - 1851) - nhà hoạt động chính trị Đức, nhà dân chủ tư sản; năm 1848 - 1849 nghị sĩ của Khuên tại Quốc hội Phran-phước thuộc phái tả; phái viên để chế tại Thụy Sĩ; tháng Sáu năm 1849 là một trong năm nhiếp chính để chế; uỷ viên chính phủ lâm thời Ba-đen, sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ lưu vong khỏi nước Đức.-791.

Ra-xpai (Raspail), Phrăng-xoa (1794 - 1878) - học giả - nhà vật học nổi tiếng Pháp, nhà chính luận, nhà xã hội chủ nghĩa, gần gũi với giai cấp vô sản cách mạng; tham gia cách mạng 1830 và 1848; nghị sĩ Quốc hội lập hiến.-545.

Rai-lơ (Reille), Ô-nô-rơ Sác-lơ Mi-sen Giô-dép (1775 - 1860) - tướng Pháp, sau là nguyên soái và nhà hoạt động chính trị, tham gia chiến tranh trên bán đảo I-bê-ri-cơ (1808 - 1814).-321, 322-325.

Rai-nắc (Reinach), Ác-nôn (khoảng 1820 - 1870) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, tham gia cách mạng 1848 - 1849 ở Đức sau đó lưu vong sang Thụy Sĩ.-610, 852, 853.

Rai-nơ-len-dơ (Rheinländer), Ghê-oóc Phri-đrich - hội viên của Đồng minh những người bị hất hủi ở Pa-ri sau lưu vong sang Luân Đôn.-533, 755, 756, 759.

Rai-sen-bác (Reichenbach), Ô-xca, bá tước (sinh năm 1815) - địa chủ Xi-lê-di, nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1848 - 1849 đại biểu Quốc hội Phran-phước, từ năm 1850 lưu vong sang Anh rồi sang Mỹ.-873.

Rai-stát, I-ô-dép Phrăng-xoa Sác-lơ Bô-na-pác-tơ, công tước (1811 - 1832) - con trai của Na-pô-lê-ông I và Ma-ri-a - Lu-i-da; được phái Bô-na-pác-tơ tiến cử làm người nối ngôi vua Pháp.-202.

Rai-tơ (Reuter), Pau-lơ I-u-li-út (1816 - 1899) - năm 1851 sáng lập ra hãng thông tấn Rai-tơ ở Luân Đôn.-822.

Rai-xơ - Plau-en (ReuS - Plauen), Hen-rích, công tước (1751 - 1825) - tướng Áo, tham gia chiến tranh chống nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông.-87.

Ram-xê-xơ II (theo truyền thuyết Hy Lạp gọi là Xê-xô-xtrít) - pha-ra-ông Ai Cập (1317 - 1251 trước công nguyên) và thống soái Ai Cập.-11.

Ran-đôn (Randon), Giắc Lu-i Xê-da A-lếch-xan-đơ, bá tước (1795 - 1871) - tướng Pháp, từ 1856, nguyên soái; trong những năm 30-40 tham gia xâm chiếm An-giê-ri; bộ trưởng chiến tranh (1851 và 1859 - 1867), toàn quyền An-giê-ri (1851 - 1858).-135.

Răng-gi-tơ Xinh-khơ (1780 - 1839) - người cầm quyền ở Pen-giáp (1797 - 1839).-101.

Rây-khác (Reichard), I-ô-đép Mác-tin (1803 - 1872) - luật gia Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, uỷ viên chính phủ cách mạng lâm thời Pphan-xơ năm 1849, sau khi khởi nghĩa thất bại lưu vong sang Mỹ.-793.

Rê- (Reh), Tê-ô-đo - luật sư Đức, năm 1848 - 1849 nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc thuộc cánh trung tả.-593-596.

Rê-can-đơ - xem *Mác-ti-nê-xơ đơ Rê-can-đơ*, Hoan.

Rê-den (Raisin), Pi-e-rơ (1820 - 1870) - luật gia và nhà hoạt động chính trị Thụy Sĩ, nghị sĩ Đại hội đồng.-850, 851.

Rê-muy-da (Rémusat), Sác-lơ Phrăng-xoa Ma-ri, bá tước (1797 - 1875) - nhà hoạt động nhà nước và nhà văn Pháp, phần tử Oóc-lê-ăng, bộ trưởng nội vụ (1840), thời kỳ nền Cộng hoà thứ hai là đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp, bộ trưởng ngoại giao (1871 - 1873).-528.

Rê-sít-pa-sa (1802 - 1858) - nhà hoạt động nhà nước Thổ Nhĩ Kỳ, nhiều lần giữ chức vụ thủ tướng và bộ trưởng ngoại giao.-649, 742.

Ri-bát (Ribas), Hô-xê Phê-lích (1775 - 1814) - tướng Vê-nê-xu-ê-la, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-275-281.

Ri-sơ-li-ơ (Richelieu), Ác-măng Ê-ma-nu-en *đuy Plét-xi*, công tước (1766 - 1822) - nhà hoạt động nhà nước Pháp, sau khi cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII bắt đầu, lưu vong sang Nga, năm 1813 trở về Pháp, thủ tướng và bộ trưởng ngoại giao (1815 - 1818 và 1820 - 1821).-640.

Rim-pơ (Rimpler), Ghê-oóc (1636 - 1683) - công trình sư quân sự Đức, tác giả tác phẩm

về xây công sự.-420, 421.

Rin-ghen-gác-đơ (Ringelgardt) - giám đốc nhà hát ở Khuên rồi (từ năm 1832) ở Lai-pxích.-145.

Rinh-xơ (Rings), L.V. - thành viên của Đồng minh những người cộng sản, đầu những năm 50 thế kỷ XIX cư trú ở Luân Đôn, ủng hộ Mác và Ăng-ghen.-866.

Rít-xơ (Riesser), Ga-bri-en (1806 - 1863) - luật gia và nhà hoạt động chính trị Đức, đứng ra bảo vệ quyền bình đẳng của người Do Thái, năm 1848 - 1849 nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, ban đầu thuộc cánh trung hữu nhưng từ tháng Chín 1848 thuộc cánh trung tả.-597.

Roi-tơ (Reuter), Mác-đau những năm 50 thế kỷ XIX mật thám Phổ ở Luân Đôn.-862.

Rô-bin-xơ (Robins), Ben-đgia-min (1707 - 1751) - nhà toán học và công trình sư quân sự Anh, tác giả nhiều tác phẩm về toán học và pháo binh.-249.

Rô-den-béc-gơ - Oóc-xi-ni (Rosenberg - Orsini), Phran-xơ Xê-ra-phơ, công tước (1761 - 1832) - tướng Áo, tham gia chiến tranh chống nước Cộng hoà Pháp và nước Pháp Na-pô-lê-ông.-87.

Rô-den-blum (Rosenblum), Ê-đu-a - học sinh đại học Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-den - Pphan-xơ năm 1849; sau thất bại của cách mạng lưu vong khỏi nước Đức.-492-497, 520.

Rô-đri-ghe-xơ - Tô-ri-xê (Rodriguez Torices), Ma-nu-en (1788 - 1815) - nhà hoạt động chính trị Cô-lôm-bi-a, tham gia phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, năm 1812 - 1814 tổng thống Các-ta-hê-na, sau là một trong những người lãnh đạo của Gra-na-da Mới (Cô-lôm-bi-a).-277.

Rô-gi-ê (Rogier), Sác-lơ - La-toa (1800 - 1885) - nhà hoạt động nhà nước của giai cấp tư sản Bỉ, thuộc phái tự do ôn hoà; năm 1847 - 1852 bộ trưởng nội vụ.-805.

Rô-ma-na (Romana), Pê-đrô *Ca-rô-i - Xu-re-đa*, hầu tước *đơ la* (1761 - 1811) - tướng Tây Ban Nha, năm 1807 - 1808 chỉ huy một quân đoàn Tây Ban Nha trên bờ biển Bắc và biển Ban tích, tham gia chiến tranh giải phóng chống sự thống trị của Na-pô-lê-ông (1808 - 1814).-198.

Rô-tếch (Rotteck), Các (1775 - 1840), nhà sử học và nhà hoạt động chính trị của giai cấp

tư sản Đức, thuộc phái tự do.-768.

Rô-xét-ti (Rossetti), Đô-me-ni-cô (thế kỷ XVII) - công trình sư quân sự I-ta-li-a, tác giả tác phẩm về xây công sự.-409.

Rô-xi-ô (Roscio), Hoan Héc-man (1769 - 1821) - luật gia và nhà hoạt động chính trị Vê-nê-xu-ê-la, tham gia phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, phó tổng thống Vê-nê-xu-ê-la (1819 - 1820), rồi phó tổng thống Đại Cô-lôm-bi-a.-285-288.

Rôn (Roon), An-brếch (1803 - 1879) - nhà hoạt động nhà nước và quân sự Phổ, từ năm 1873 nguyên soái, một trong những đại biểu của bọn quân phiệt Phổ, bộ trưởng chiến tranh (1859 - 1873) và bộ trưởng hải quân (1861 - 1871), người tiến hành cải tổ quân Phổ.-789.

Rôt-xen (Russel), Giôn (1792 - 1878) - nhà hoạt động nhà nước Anh, lãnh tụ đảng Vích, thủ tướng (1846 - 1852 và 1865 - 1866), bộ trưởng ngoại giao (1852 - 1853 và 1859 - 1865).-668, 711, 714.

Ru-gơ (Ruge), Ác-nôn (1802 - 1880) - nhà chính luận Đức, thuộc phái Hê-ghe-nrê; phần tử cấp tiến tư sản; năm 1848 nghị sĩ Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; trong những năm 50, một trong những lãnh tụ của những người lưu vong tiểu tư sản Đức ở Anh, sau năm 1866, phần tử dân tộc - tự do.-569, 580-584, 864, 894.

Ru-mi-an-xép, Pi-ốt A-lếch-xan-đrô-vích, bá tước (1725 - 1796) - thống soái xuất sắc của nước Nga, nguyên soái, nhà hoạt động nhà nước, chỉ huy quân đội trong cuộc chiến tranh Nga - Thổ Nhĩ Kỳ năm 1768 - 1774.-139.

Ru-péc-tơ, hoàng thân (1619 - 1682) - tướng Anh, phần tử bảo hoàng, thời kỳ cách mạng tư sản Anh thế kỷ XVII chỉ huy kỵ binh hoàng gia trong cuộc nội chiến thứ nhất (1642 - 1646).-372.

Ruê-dơ (Röser), Pê-tơ Ghéc-hác (1814 - 1865) - nhà hoạt động của phong trào công nhân Đức; nghề nghiệp công nhân thuốc lá; năm 1818 - 1849 phó chủ tịch Hội liên hiệp công nhân Khuên; hội viên Đồng minh những người cộng sản, một trong những bị cáo trong vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852), bị xử sáu năm tù; về sau tham gia phái Lát-xan.-865.

Ruê-xlơ (Roesler), Gu-xtáp A-đôn-phơ (1818 - 1855) - giáo viên và nhà báo Đức, năm 1848 - 1849 nghị sĩ cánh tả của Quốc hội Phran-phuốc, từ 1850 di cư sang châu Mỹ.-583.

Rúp-roa (Rouvroy), Phri-đrich Gu-xtáp (1771 - 1839) - sĩ quan Dắc-den, tác giả nhiều tác phẩm về pháo binh.-251.

Rút-xô (Rousseau), Giăng Giắc (1712 - 1778) - nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào ánh sáng, nhà dân chủ, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản.-762.

Ruy-li-e-rơ (Rulhières), Giô-dép Mác-xê-lanh (1787 - 1862) - tướng và nhà hoạt động chính trị Pháp, tham gia chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, trong những năm 30 tham gia xâm chiếm An-giê-ri, năm 1848 - 1849 đại biểu Quốc hội lập hiến và Quốc hội lập pháp và bộ trưởng chiến tranh, từ chức sau cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851.-274.

S

Sa-bê-lít-xơ (Schabelitz), Gia-cốp (1827 - 1899) - chủ nhà xuất bản và chủ hiệu sách Thuy Sĩ, phần tử cấp tiến tư sản; cuối những năm 40 - đầu những năm 50 có quan hệ với Mác và Ăng-ghe-n.-529, 540.

Sa-le-rơ (Schaller), Giuy-li-ên (1807 - 1871) - nhà hoạt động nhà nước Thuy Sĩ, đứng đầu chính phủ bang Phrây-buốc (Phri-buốc) (1848 - 1856).-523.

Sa-pha-rích (Safarik), Pa-ven I-ô-dép (1795 - 1861) - nhà ngữ văn học Xlô-va-ki xuất sắc, nhà sử học và nhà khảo cổ học, đại biểu của phái tự do trong phong trào dân tộc Tréc và Xlô-va-ki; ủng hộ cương lĩnh chủ nghĩa Xla-vơ Áo.-652.

Sa-tô-bri-ăng (Chateaubriand), Phrăng-xoa Rê-nơ, tử tước đơ (1768 - 1848) - nhà văn Pháp nổi tiếng, nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao phản động, bộ trưởng ngoại giao (1822 - 1824), đại biểu của Pháp tại Hội nghị Vê-rô-na (1822).-640.

Sác-lốt-ta, công chúa (1796 - 1865) - con gái của Luy-xiêng Bô-na-pác-tơ.-200.

Sác-lơ II (1630 - 1685) - vua Anh (1660 - 1685).-340.

Sác-lơ V (1500 - 1558) - vua Tây Ban Nha dưới danh hiệu Sác-lơ I (1516 - 1556) và

- hoàng đế của cái gọi là Đế chế La Mã thần thánh (1519 - 1556).-127, 243, 409.
- Sác-lơ VII* (1403 - 1461) - vua Pháp (1422 - 1461).-41, 43, 242.
- Sác-lơ VIII* (1470 - 1498) - vua Pháp (1483 - 1498).-43, 242, 243.
- Sác-lơ X* (1403 - 1461) - vua Pháp (1824 - 1830); bị cuộc cách mạng tháng Bảy lật đổ vào năm 1830.-131, 132, 644.
- Sác-lơ X Gu-xtáp* (1622 - 1660) - vua Thụy Điển (1654 - 1660).-117.
- Sác-lơ XII* (1682 - 1718) - vua Thụy Điển (1697 - 1718).-49, 373.
- Sác-lơ XIII* (1748 - 1818) - vua Thụy Điển (từ 1809), sau là vua Thụy Điển và Na Uy (1814 - 1818).-200, 201, 206.
- Sác-lơ-ma-nhơ* (khoảng 742 - 814) - vua Pháp (768 - 800) và hoàng đế (800 - 814).-651.
- Sác-nơ-hoóc-xơ* (Scharnhorst), Ghéc-hác (1755 - 1813) - tướng và nhà hoạt động quân sự Phổ, sau khi quân đội Phổ bị Na-pô-lê-ông đánh bại năm 1806 - chủ tịch uỷ ban soạn thảo nguyên tắc cải cách quân sự, bộ trưởng chiến tranh (1807 - 1810) và tổng tham mưu trưởng (1807 - 1813), đóng vai trò xuất sắc trong chiến tranh giải phóng chống Na-pô-lê-ông năm 1813.-219, 251.
- Sai-blô* (Schaible), Các Hen-rích (1824 - 1899) - thầy thuốc và nhà văn Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-den - Pphan-xơ năm 1849, sau lưu vong sang Anh.-624-626, 736, 809, 830, 832.
- Sai-den-xti-cơ* (Seidensticker), Ghê-oóc Phri-đrich Các-lơ Tê-ô-đo (1797 - 1862) - nhà luật học và nhà hoạt động chính trị Đức, bị xử tù vì tham gia cuộc bạo động ở Cô-tin-ghen năm 1831, năm 1845 lưu vong sang châu Mỹ ở đó ông hoạt động báo chí.-582.
- Sai-the-rơ* (Scheithner), I-ô-han Béc-nơ-hác-đơ (thế kỷ XVII) - công trình sư quân sự Đức, người theo gót Xpêch-lơ, tác giả tác phẩm về xây công sự.-413.
- Sáp-pơ* (Schapper), Các (1812 - 1870) - nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và quốc tế, một trong những người lãnh đạo Đồng minh những người chính nghĩa, uỷ viên Ban chấp hành trung ương Đồng minh những người cộng sản, tham gia cách mạng năm 1848 - 1849, năm 1850 là một trong những lãnh tụ của tập đoàn bè phái - phiếu lưu khi có sự phân liệt của Đồng minh những người cộng sản; năm 1856 lại gần gũi với Mác; uỷ viên Tổng hội đồng Quốc tế I.-519, 560, 565, 808, 862.
- Séc-tơ* (Scherzer), An-đrê-át (1807 - 1879) - thợ may người Đức, thành viên của một

- trong những chi bộ Pa-ri sau khi Đồng minh phân liệt, thuộc tập đoàn bè phái - phiếu lưu Vi-lích - Sáp-pơ, một trong những bị cáo của cái gọi là vụ án âm mưu Pháp, Đức ở Pa-ri tháng Hai 1852; sau lưu vong sang Anh, một trong những người lãnh đạo Hội liên hiệp giáo dục công nhân Đức ở Luân Đôn, người xuất bản báo "Neue Zeit" và cộng tác viên của báo "Volk".-607, 608, 875, 876.
- Séc-van* (Chervall), Giuy-li-ên (tên thật Giô-dép *Cré-mor*) mật thám và phản tử khiêu khích Phổ, chui vào hàng ngũ Đồng minh những người cộng sản, sau khi Đồng minh phân liệt, lãnh đạo một trong những chi bộ Pa-ri thuộc tập đoàn bè phái phiếu lưu Vi-lích - Sáp-pơ; một trong những bị cáo của cái gọi là vụ án âm mưu Pháp - Đức ở Pa-ri tháng Hai 1852; vượt ngục nhờ sự giúp đỡ của cơ quan cảnh sát, năm 1853-1854 lấy tên là Niu-diên-tơ hoạt động gián điệp - khiêu khích ở Thụy Sĩ.-510, 526-537, 585, 609, 691, 801, 803, 808, 824, 825, 834, 836, 858, 859, 862-865, 869.
- Sếch-xpia* (Shakespeare), Uy-li-am (1564 - 1616) - nhà văn Anh vĩ đại.-491, 497, 499, 503, 506, 515-518, 527, 529-532, 540, 545, 547, 550, 551-556, 586, 605, 621, 647, 687, 705, 714, 715, 722, 726, 733, 779, 787, 816, 824.
- Sì-li* (Schily), Vích-to (1810 - 1875) - nhà dân chủ Đức, nghề nghiệp luật sư, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-den Pphan-xơ năm 1849, sau lưu vong khỏi Đức, thành viên của Quốc tế I.-504-514, 523, 525, 534, 554, 556, 586, 848-857.
- Sì-le* (Schiller), Phri-đrich (1759 - 1805) - nhà văn Đức vĩ đại.-145, 500, 505, 506, 516, 548, 587, 701, 703, 708, 727, 798.
- Sì-sơ* (Schiess), Giô-han Un-rich (1813 - 1883) - nhà hoạt động chính trị tư sản Thụy Sĩ, thủ tướng Liên bang Thụy Sĩ (1848 - 1881).-689, 710.
- Siéc-nơ* (Tzschimer), Xa-mu-en Éc-đơ-man (khoảng 1812 - 1870) - luật sư Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, thời kỳ cách mạng 1848 - 1849 lãnh tụ cực tả trong nghị viện Dắc-den, một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa tháng Năm 1849 ở Đrét-xden, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-den Pphan-xơ 1849; sau khi cách mạng thất bại, lưu vong sang Thụy Sĩ, uỷ viên Ban chấp hành trung ương của tổ chức "Tập trung cách mạng", về sau di cư sang Anh.-578.
- Sim-men-phen-ních* (Schimmelpfennig), A-lếch-xan-đơ (1824 - 1865) - sĩ quan Phổ, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-den - Pphan-xơ năm 1849, sau đó lưu vong, tham gia tập đoàn bè phái - phiếu lưu Vi-lích - Sáp-pơ; tham gia Nội chiến ở Mỹ đứng về phía miền Bắc.-553, 544, 563-570, 574, 576, 581, 583-584.

Slai-ni-xơ (Schleinitz), A-lếch-xan-đrơ, bá tước (1807 - 1885) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, phần tử phản động, bộ trưởng ngoại giao (tháng Sáu 1848, 1849 - 1850, 1858 - 1861).-784.

Slích-cơ-man (Schlickmann) - quan chức tư pháp Phổ.-845, 846.

Sluê-phen (Schlöffel), Gu-xtáp A-đôn-phơ (khoảng 1828 - 1849) - học sinh đại học và nhà báo Đức, nhà cách mạng, tích cực tham gia cách mạng 1848 - 1849 ở Đức và Hung-ga-ri.-592.

Sluê-phen (Schlöffel), Phri-đrich Vin-hem (1800 - 1870) - chủ xưởng ở Xi-lê-xi, nhà dân chủ, năm 1848 nghị sĩ Quốc hội Phran-phước, thuộc cánh tả.-595.

Sméc-linh (Schmerling), An-tôn (1805 - 1893) - nhà hoạt động nhà nước Áo, thuộc phái tự do; năm 1848 đại biểu Quốc hội Phran-phước thuộc cánh trung hữu, năm 1848 bộ trưởng nội vụ của đế chế (tháng Bảy - tháng Chạp), thủ tướng kiêm bộ trưởng ngoại giao (tháng Chín - tháng Chạp).-791.

Snai-đơ II (Schneider), Các - luật gia Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1848 chủ tịch Hội liên hiệp dân chủ Khuên và uỷ viên Ban Chấp hành khu bộ những người dân chủ vùng Ranh; người biện hộ cho Mác và Ăng-ghe-nơ trong vụ án "Neue Rheinische Zeitung" ngày 7 tháng Hai 1849; một trong những bị cáo trong vụ án về Ban Chấp hành khu bộ những người dân chủ vùng Ranh ngày 8 tháng Hai 1849; năm 1849 nghị sĩ nghị viện thứ hai, thuộc cánh cực tả; người biện hộ cho những người cộng sản trong vụ án Khuên (1852).-528, 592, 803, 808.

Sơ-nu (Shenu), A-đôn-phơ (sinh khoảng 1817) - người tham gia một số hội hoạt động cách mạng bí mật ở Pháp vào thời kỳ nền Quân chủ tháng Bảy, phần tử khiêu khích và mật thám.-550.

Sram (Schramm), Cơn-rát (khoảng 1822 - 1858) - người tham gia xuất sắc vào phong trào công nhân Đức, thành viên của Đồng minh những người cộng sản, từ năm 1849 di cư sang Luân Đôn, người phụ trách phát hành ở "Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue", thời kỳ Đồng minh những người cộng sản phân liệt năm 1850, ủng hộ Mác; bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghe-nơ.-563-567, 834.

Srap-nen (Shrapnet), Hăng-ri (1761 - 1842) - tướng và nhà phát minh quân sự Anh.-304.

Stai-nơ (Stein), I-u-li-út (1813 - 1889) - giáo viên ở Xi-lê-di, nhà chính luận, nhà dân chủ tư sản, năm 1848 nghị sĩ Quốc hội Phổ thuộc cánh tả; năm 1849 nghị sĩ nghị viện thứ hai thuộc cánh cực tả.-769-771.

Stai-nơ (Stein), Mắc-xi-mi-liêng (1811 - 1860) - sĩ quan Áo, thời kỳ cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, tham mưu trưởng quân đội cách mạng, sau khi cách mạng thất bại lưu vong sang Thổ Nhĩ Kỳ ở đấy lấy tên là Phéc-hát-pa-sa; tác chiến với nước Nga ở Tréc-kê-xi.-745.

Stan (Stahl), Phri-đrich I-u-li-út (1802 - 1861) - luật gia và nhà hoạt động chính trị cực kỳ phản động Đức, từ 1840 giáo sư Đại học Béc-lin.-782.

Stem-phli (Stämpfli), Gia-cốp (1820 - 1879) - nhà hoạt động nhà nước của giai cấp tư sản Thụy Sĩ, phần tử cấp tiến; tổng thống Liên bang Thụy Sĩ (1856, 1859 và 1862).-689, 709, 710, 721.

Stép-phen (Steffen) V.- nguyên sĩ quan Phổ, nhân chứng bị cáo tại vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852), 1883 lưu vong sang Anh rồi sang Mỹ; trong những năm 50 gần gũi với Mác và Ăng-ghe-nơ.-567, 568.

Stê-khơ (Stecher), G.C - nguyên hiệu trưởng trung học thực nghiệm ở Ba-đen, sau thất bại của cách mạng lưu vong khỏi Đức; nghiên cứu về in li-tô.-535, 537, 858, 859.

Sti-bơ (Stieber), Vin-hem (1818 - 1882) - quan chức cảnh sát Phổ, một trong những kẻ bố trí vụ án ở Khuên chống lại các thành viên của Đồng minh những người cộng sản và nhân chứng chính trong vụ án này (1852); cùng với Véc-mút viết cuốn "Âm mưu cộng sản ở thế kỷ XIX"; cục trưởng cục cảnh sát chính trị Phổ (1850 - 1860).-521, 526-530, 531, 540, 542, 552, 857, 859, 862, 863, 866-871, 895.

Sun-txơ (Schultze) - quan chức tư pháp Phổ.-831, 839, 840.

Suốc-xơ (Schurz), Các-lơ (1829 - 1906) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; lưu vong sang Thụy Sĩ, về sau là nhà hoạt động nhà nước ở Mỹ.-568, 569, 581, 584.

Sút-gia-sắc (mất năm 1842) - sắc Ấp-ga-ni-xtan (1803 - 1809 và 1839 - 1841), bù nhìn

của Anh.-100, 105, 107.

Suy-lơ (Schüler), Éc-ne-xơ (1807 - 1881) - nhà hoạt động chính trị và chính luận Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản; từ 1833 lưu vong sang Thụy Sĩ, giáo viên, từ 1853 xuất bản tờ "Schweizer Handels - Courier", trong những năm 50 - 60 tuyên truyền tư tưởng của Na-pô-lê-ông.-609.

Svác-cơ (Schwarck) - trường lý toà thượng thẩm vương quốc Phổ.-810, 911.

Svác-xen-béc (Schwarzenberg), Các-lơ Phi-lip, công tước (1771 - 1820) - nguyên soái và nhà ngoại giao Áo, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, năm 1813 - 1814 tổng tư lệnh liên quân của liên minh chống Pháp.-227, 228, 231, 232, 235.

Svéc-tơ (Schwedt), Hen-rích Phri-đrich (1709 - 1788) - hầu tước cuối cùng của Bran-đen-buốc-Svét-tơ.-216.

Svê-rin (Schwerin), Mắc-xi-mi-liêng, bá tước (1804 - 1872) - một trong những đại biểu của quý tộc và quan lại Phổ, bộ trưởng phụ trách các vấn đề tôn giáo, giáo dục và y tế (tháng Ba - tháng Sáu 1848), đại biểu Quốc hội Phran-phước thuộc cánh hữu; về sau thuộc phái dân tộc - tự do.-771.

T

Ta-cơ (Tucker) - chủ nhà xuất bản ở Luân Đôn.-606.

Ta-la-rơ (Tallard), Ca-min (1652 - 1728) - nguyên soái Pháp, chỉ huy quân Pháp thời kỳ đầu cuộc chiến tranh giành quyền thừa kế ngôi vua Tây Ban Nha.-255, 265.

Ta-lây-răng - *Pê-ri-go* (Talleyrand - Périgord), Sác-lơ Mo-ri-xơ, công tước (1754 - 1838) - nhà ngoại giao nổi tiếng Pháp, bộ trưởng ngoại giao (1797 - 1799, 1799 - 1807), (1814 - 1815), đại biểu của Pháp tại Hội nghị Viên (1814 - 1815), đại sứ ở Luân Đôn (1830 - 1834).-195, 205.

Ta-méc-lan (Ti-mua) (1336 - 1405) - thống soái và nhà chinh phục Trung Á, người sáng lập một quốc gia rộng lớn ở phương Đông.-99.

Ta-xít (Pu-bli-út Coóc-nê-li-út Ta-xít) (khoảng 55 - khoảng 120) - nhà sử học nổi tiếng

La Mã.-658, 854.

Tác-ta-li-a (Tartaglia), Ni-cô-lô (khoảng 1499 - 1557) - nhà toán học I-ta-li-a, cũng nghiên cứu về vấn đề pháo binh và xây công sự.-243, 407, 408.

Tau-dê-nau (Tausenau), Các-lơ (1808 - 1873) - nhà hoạt động chính trị Áo, đại biểu nổi tiếng của cánh tả phái dân chủ tiểu tư sản, đứng đầu Ban chấp hành Trung ương Hội liên hiệp dân chủ ở Viên thời kỳ cách mạng 1848; từ 1849 lưu vong ở Luân Đôn.-582.

Tem-mê (Temme), I-ô-đô-cut Đô-na-tút Hu-béc-tút (1798 - 1881) - luật gia Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, năm 1848, đại biểu Quốc hội Phổ, thuộc cánh tả; 1849 nghị sĩ Quốc hội Phran-phước.-794.

Tem-pen-hốp (Tempelhoff), Ghê-oóc-gơ Phri-đrich (1737 - 1807) - tướng và nhà văn quân sự Phổ, tác giả tác phẩm về toán học và pháo binh.-251.

Tê-khốp (Techow), Gu-xtáp A-đôn-phơ (1813 - 1893) - sĩ quan Phổ, nhà dân chủ tiểu tư sản, tham gia sự biến cách mạng 1848 ở Béc-lin, tổng tham mưu trưởng quân đội cách mạng Pphan-xơ; sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ 1849 lưu vong ở Thụy Sĩ, năm 1852 chuyển sang Ô-xơ-rây-li-a.-553-556, 563-567, 569-584, 774, 801, 830, 833, 836, 841.

Tê-lê-ki (Teleki), La-xtô, bá tước (1811 - 1861) - nhà hoạt động chính trị và nhà văn Hung-ga-ri, thời kỳ cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, đại biểu cho nước Cộng hoà Hung-ga-ri tại Pháp, sau thất bại của cách mạng ở lại nước Pháp.-746.

Thành Cát Tư Hãn (khoảng 1165-1227) - thống soái và nhà chinh phục Mông Cổ, người lập ra Đế quốc Mông Cổ.-99.

Ti-li (Tilly), I-ô-han, bá tước (1559 - 1632) - thống soái Đức thời kỳ Chiến tranh ba mươi năm, từ 1610 chỉ huy quân đội của Liên minh Thiên chúa giáo, 1630 - 1632 chỉ huy liên quân đội của hoàng đế và Liên minh Thiên chúa giáo.-47.

Ti-mô-phây (chết năm 354 trước công nguyên) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước A-ten.-22.

Ti-mua-sắc (1746 - 1793) - sắc Áp-ga-ni-xtan (1773 - 1793).-108.

Ti-txi-an Vê-sê-li-ô (Tiziano Vecellio) (khoảng 1477 - 1576) - hoạ sĩ vĩ đại I-ta-li-a thời

- kỳ Phục hưng.-342.
- Ti-xca* (Tiscar), An-tô-ni-ô (mất năm 1845) - sĩ quan hải quân Tây Ban Nha, 1811 - 1815 chỉ huy quân đội đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-278.
- Tô-rơ* (Torre), Mi-ghen đơ la (mất năm 1838) - tướng Tây Ban Nha, 1820 - 1822 tư lệnh quân đội đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-286.
- Tô-ri-sê-li* (Torricelli), Ê-van-đgie-li-xta (1608 - 1647) - nhà vật lý và nhà toán học xuất sắc I-ta-li-a.-205.
- Toóc-xten-sơn* (Torstensson), Len-nác (1603 - 1651) - thống soái Thụy Điển thời kỳ Chiến tranh ba mươi năm, người giúp việc chính của Gu-xtáp II A-đôn-phơ trong việc cải tổ pháo binh, 1641 - 1645 là tổng tư lệnh quân đội Thụy Điển.-247.
- Tôn* (Tolb), Các -lơ Phê-đô-rô-vích (Các-lơ Phri-đrich), từ 1829 bá tước (1777 - 1842) - đại tá Nga, về sau thăng cấp tướng, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, trong Chiến tranh giữ nước 1812 làm cục trưởng cục quân nhu của Tập đoàn quân phía Tây thứ nhất rồi từ tháng Chín của quân chủ lực.-317, 318, 320.
- Tơ-rai-an* (Mác Un-pi-út Tơ-rai-an) (53 - 117) - hoàng đế (98 - 117) và thống soái La Mã.-36.442.
- Tréc-nư-sép* A-lếch-xan-đơ I-va-nô-vích (1786 - 1857) - sĩ quan Nga, từ 1812 tướng, nhà hoạt động nhà nước, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, 1809 - 1812 đại biểu quân sự - ngoại giao bên cạnh bộ tư lệnh của Na-pô-lê-ông I.-202.
- Tren-bai-xơ* - *Mai-ai-en* (Ba-in-na-un-gơ) - vua Miến Điện (1550 - 1581).-352.
- Tren-xi* (Chelsea), tử tước - nhà ngoại giao Anh, năm 1859 bí thư sứ quán ở Pa-ri.-664.
- Tri-tra-gốp* Pa-ven Va-xi-li-ê-vích (1767 - 1849) - đô đốc và nhà hoạt động nhà nước Nga, bộ trưởng hải quân (1807 - 1811), 1812 là tổng tư lệnh quân đoàn Môn-đa-vi-a (Đa-nuýp) và hạm đội Hắc Hải, tháng Mười một chỉ huy quân đội tiến vào hậu phương của quân Na-pô-lê-ông I đang rút lui.-118, 203.
- Trô-gơ* (Trog), I-ô-han (1807 - 1867) - nhà hoạt động nhà nước Thụy Sĩ, đại biểu Hội đồng quốc dân (1848 - 1857), thẩm phán toà án liên bang (1852 - 1856).-761, 849, 856.

- Trô-ta* (Trotha) (thế kỷ XIX) - sĩ quan Phổ, nghiên cứu vấn đề chiến thuật bộ binh.-465.
- Tu-rơ* (Tourte), A-bra-ham Lu-i (1818 - 1863) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Thụy Sĩ.-524, 712, 765, 849-853.
- Tu-sơ-cốp*, Ni-cô-lai A-lếch-xây-ê-vích (1761 - 1812) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, chỉ huy quân đoàn trong thời kỳ Chiến tranh giữ nước 1812.-316, 317.
- Tu-vơ-nen* (Thouvenin), Lu-i Ê-chiê-n (1791 - 1882) - sĩ quan và nhà phát minh quân sự Pháp.-57.
- Tu-vơ-nên* (Thouvenet), Ê-đu-a Ăng-toan (1818 - 1866) - nhà hoạt động nhà nước và nhà ngoại giao Pháp, phân tử Bô-na-pác-tơ, bộ trưởng ngoại giao (1860 - 1862).-684, 712, 713, 715.
- Tuy-rơ* (Türr), I-sơ-van (1825 - 1908) - sĩ quan Hung-ga-ri, lưu vong ở Thổ Nhĩ Kỳ, tham gia Chiến tranh Crum đứng về phía liên quân và chiến tranh của người Tréc-kê-xi chống lại nước Nga.-743.
- Txit-xơ* (Zifz), Phran-tơ (1803 - 1877) - luật sư Đức, nhà dân chủ tiểu tư sản, 1848 đại biểu Quốc hội Phran-quốc thuộc cánh tả, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ 1849; sau thất bại của cách mạng 1848 - 1849 lưu vong ở Mỹ.-583.

U

- U-đi-nô* (Oudinot), Ni-cô-la Sác-lơ (1767 - 1847) - tướng Pháp, từ 1809 nguyên soái, tham gia chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-87, 229, 231, 232.
- U-đi-nô* (Oudinot), Ni-cô-la Sác-lơ Vích-to (1791 - 1863) - tướng Pháp, phân tử Oóc-lê-ăng, 1849 chỉ huy đội quân phản cách mạng phái đi chống lại nước Cộng hoà La Mã.-656.
- U-lan* (Uhland), Lút-vích (1787 - 1862) - nhà thơ lãng mạn Đức, 1848 - 1849 đại biểu Quốc hội Phran-phuộc thuộc phái trung tả.-593-596.
- U-loa* (Ulloa), Giê-rô-la-nô (1810 - 1891) - tướng Na-plơ, tham gia phong trào giải

phóng dân tộc và cách mạng 1848 - 1849 ở I-ta-li-a, sau khi cách mạng thất bại lưu vong ở Pháp, chỉ huy đội quân Tô-xcan-nơ trong cuộc chiến tranh Áo - I-ta-li-a - Pháp năm 1859.-506.

U-pha-nô (Ufano), Đê-e-gô (thế kỷ XVI - đầu thế kỷ XVII) - công trình sư quân sự Tây Ban Nha, tác giả tác phẩm về pháo binh.-244.

Un-mơ (Ulmer), Giô-han - thành viên của Đồng minh những người cộng sản, đầu những năm 50 thế kỷ XIX lưu vong ở Luân Đôn, thời kỳ phân liệt của Đồng minh những người cộng sản, ủng hộ Mác và Ăng-ghe-n.-866.

Un-pi-an, Đê-mi-xi-út (khoảng 170 - 228) - luật gia và nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng La Mã.-843.

Un-rích (Ulrich) (1487 - 1550) - công tước Vuyéc-tem-béc từ 1498; năm 1519 bị trục xuất; mưu toan lợi dụng phong trào nông dân 1525 để khôi phục sự thống trị của mình; 1534 trở lại tước vị công tước Vuyéc-tem-béc.-724.

Uốc-ban (Urban), Các-lơ (1802 - 1877) - sĩ quan Áo, tướng từ năm 1850, vốn người Ru-ma-ni, năm 1848 lãnh đạo cuộc bạo động phân lập của người Ru-ma-ni chống lại Chính phủ Hung-ga-ri tại Tơ-ran-xin-va-ni do bọn mật vụ Áo gây ra, tham gia đàn áp cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri.-167.

Uốc-các-tơ (Urquhart), Đa-vít (1805 - 1877) - nhà ngoại giao Anh, nhà chính luận và nhà hoạt động chính trị phản động, phần tử thân Thổ Nhĩ Kỳ, trong những năm 30 làm nhiệm vụ ngoại giao ở Thổ Nhĩ Kỳ, 1847 - 1852 là nghị sĩ, đã vạch trần chính sách đối ngoại của Pan-mốc-xton và đảng Vích.-604-608, 614, 647, 649, 737-743, 894, 896, 898.

Uôn-cốt (Wolcot), Giôn (bút danh Pi-tơ Pin-đa-rơ) (1738 - 1819) - nhà thơ trào phúng Anh.-584.

Uy-li-am III O-răng-giơ (1650 - 1702) - toàn quyền Hà Lan (1672 - 1702), vua Anh (1689 - 1702).-338.

Uyn-kin-xơn (Wilkinson) - chủ xưởng và nhà phát minh vũ khí Anh.-464.

Uyn-kin-xơn (Wilkinson), Giôn Hác-nơ (1797 - 1875) - nhà du lịch và nhà Cổ Ai Cập học Anh, tác giả nhiều tác phẩm về Ai Cập.-12.

Uyn-xơn (Wilson), Giêm-xơ (1805 - 1860) - nhà kinh tế học và nhà hoạt động chính trị của giai cấp tư sản Anh, theo thuyết mậu dịch tự do, người sáng lập và biên tập viên tạp chí "Econmomist", 1853 - 1858 chánh văn phòng bộ tài chính, 1859 - 1860 bộ trưởng phụ trách ngân khố Ấn Độ.-663.

Uyn-xơn (Wilson), Giôn (1780 - 1856) - sĩ quan Anh sau thăng cấp tướng, tham gia chiến tranh trên đảo I-bê-ri-cơ (1808 - 1814).-324.

Uyn-xơn (Wilson), Hô-ra-xơ Hây-man (1786 - 1860) - nhà Đông phương học Anh, nghiên cứu y học và hoá học, tác giả nhiều tác phẩm về chữ Phạn và văn học chữ Phạn.-239.

V

Va-len-stây-nơ (Wallenstein), An-brếch-tơ (1583 - 1634) - thống soái trong thời kỳ Chiến tranh ba mươi năm, trong những năm 1618 - 1630 và 1632-1634 chỉ huy quân đội của đế chế.-47.

Va-lép-xki (Walewski), A-lếch-xăng-đơ Phlô-ri-ăng Giô-đép Cô-lô-na, bá tước (1810 - 1868) - nhà ngoại giao và nhà hoạt động nhà nước Pháp, con trai của Na-pô-lê-ông I và bá tước phu nhân Ba Lan Va-lép-xcai-a, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba Lan 1830 - 1831, sau khi cách mạng thất bại, lưu vong ở Pháp; bộ trưởng ngoại giao (1855 - 1860), chủ trì Hội nghị Pa-ri (1856).-709.

Va-li-ê-rơ (Vallière), Giảng Phlô-ran-đơ đơ (1667 - 1759) - tướng Pháp, 1720 - 1747 là tư lệnh pháo binh Pháp, cải tổ binh chủng này theo hệ thống của mình.-251.

Va-rút (Pu-bli-út Can-ti-li-út Va-rút) (khoảng 53 trước công nguyên - 9 sau công nguyên) - nhà hoạt động chính trị và thống soái La Mã, cai trị các tỉnh ở Đức (7-9 sau công nguyên), tử trận ở rừng Tép-tơ-buốc trong cuộc khởi nghĩa của các bộ lạc Đức.-788.

Va-xin-chi-cốp, I-la-ri-ôn Va-xi-lê-vích (khoảng 1777 - 1847) - tướng Nga về sau là nhà hoạt động quân sự và nhà nước, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-317, 318.

Vác-vích (Warwick), Ri-sốt Nê-vin, bá tước (1428 - 1471) - chúa phong kiến, đóng vai trò lớn trong cuộc Chiến tranh Hoa hồng đỏ và Hoa hồng trắng (1455 - 1485); do ảnh hưởng của ông ta trong việc xếp đặt ngôi vua nên mang biệt hiệu là "kẻ tạo ra

quốc vương".-794.

Vai-tlinh (Weitling), Vin-hem (1808 - 1871) - nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Đức ở thời kỳ phôi thai, một trong những nhà lý luận của chủ nghĩa cộng sản bình quân không tưởng; nghề nghiệp thợ may.-558.

Van-dam (Vandamme), Đơ-mi-ních Rê-nơ (1770 - 1830) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, năm 1813 đầu hàng ở gần Cun-ma với toàn quân đoàn của mình.-119.

Van-te Phôn đơ Phô-ghen-vai-đơ (khoảng 1170 - khoảng 1230) - nhà thơ trữ tình Đức thời Trung cổ.-596.

Vây-đơ-mai-ơ (Weydemeyer), I-ô-xíp (1818 - 1866) - nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào công nhân Đức và Mỹ; 1846 - 1847 "nhà xã hội chủ nghĩa chân chính" do ảnh hưởng của Mác và Ăng-ghen chuyển sang lập trường chủ nghĩa cộng sản khoa học, thành viên Đồng minh những người cộng sản, tham gia cách mạng 1848 - 1849 ở Đức, một trong những chủ biên của "Neue Deutsche Zeitung" (1849 - 1850), sau thất bại của cách mạng lưu vong sang Mỹ, tham gia Nội chiến ở Mỹ đứng về phía miền Bắc; là người đặt cơ sở cho việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác ở nước Mỹ; bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghen.-580, 870.

Ve-xpa-di-a-nút (Tu-tút Phla-vi-út Ve-xpa-di-a-nút) (9-79) - hoàng đế La Mã (69 - 79).-785.

Ve-xtơ-pha-len (Westphalen), Phéc-di-nan *phôn* (1799 - 1876) - nhà hoạt động nhà nước Phổ, bộ trưởng nội vụ (1850 - 1858), phân tử phản động; anh cùng cha khác mẹ của vợ Mác, Gien-ni Mác.-550.

Véc-mút (Wermuth) - ty trưởng cảnh sát ở Han-nô-vơ, nhân chứng trong vụ án những người cộng sản ở Khuên (1852); cùng với Sti-bơ viết cuốn "Âm mưu cộng sản ở thế kỷ XIX".-530.

Véc-thơ (Veerth), Ghê-oóc (1822 - 1856) - nhà thơ và nhà chính luận của giai cấp vô sản Đức, thành viên Đồng minh những người cộng sản, 1848 - 1849, là một trong những biên tập viên của tờ "Neue Rheinische Zeitung", bạn của Mác và Ăng-ghen.-881.

Vê-bơ (Weber) - luật gia Phổ, luật sư của Mác trong vụ kiện báo "National - Zeitung" ở Béc-lin năm 1860.-802, 806, 810, 829, 831, 843-847, 911.

Vê-den-đôn-cơ (Wesendonck), Gu-gô - luật sư Phổ ở Duyt-xen-đoóc-phơ, 1848 - 1849

đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; 1849 nghị sĩ nghị viện thứ hai thuộc cánh cực tả.-593.

Vê-ga (Vega), Ghê-oóc, nam tước (1756 - 1802) - sĩ quan và nhà toán học Áo, người đặt ra bảng lô-ga-rít.-251.

Vê-ghê-ti-út (Phla-vi-út Vê-gê-ti-út Rê-na-tút) (cuối thế kỷ IV) - nhà văn quân sự La Mã.-38.

Vê-giét-txi - Ru-xca-la (Vegezzi - Ruscalla), Giô-vê-nan-lơ - nhà chính luận I-ta-li-a giữa thế kỷ XIX, tác giả cuốn sách nhỏ "Dân tộc Ni-xơ".-715.

Vê-li-da-ri (khoảng 505 - 565) - thống soái Bi-đăng-xơ, tiến hành chiến tranh với người Ba Tư, người Văng-đan, người Đông-Gốt và người Phrăng-cơ; một trong những người giúp cho hoàng đế I-u-xi-ni-ăng I trong chính sách phản động của ông ta là khôi phục chế độ nô lệ Bắc Phi và ở I-ta-li-a.-443.

Vê-nê-dây (Venedey), I-a-cốp (1805 - 1871) - nhà chính luận cấp tiến Đức, năm 1848 - 1849 là đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả; sau cách mạng 1848 - 1849 tham gia phái tự do.-546, 589, 597, 612, 788.

Vê-rông (Véron), Lu-i Đê-di-rê (1798 - 1867) - nhà báo và nhà hoạt động chính trị Pháp, trước năm 1848 thuộc phái Oóc-lê-ăng về sau thuộc phái Bô-na-pác-tơ; chủ tờ báo "Constitutionnel".-501.

Vi-den-ri-xle-rơ, I-a-cốp - xem *Lát-xan*, Phéc-di-năng.

Vi-ê (Wiehe), I-ô-han Phri-đrich - công nhân xếp chữ; 1859 làm việc ở nhà in Hôn-lin-gơ ở Luân Đôn.-618, 621-624, 809, 820, 830, 878-881, 901, 908.

Vi-lích (Willich), Au-gu-xtơ (1810 - 1878) - sĩ quan Phổ, giải ngũ do quan điểm chính trị, thành viên của Đồng minh những người cộng sản, tham gia cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphan-xơ năm 1849; một trong những lãnh tụ của tập đoàn bè phái - phiêu lưu tách khỏi Đồng minh những người cộng sản 1850, 1853 di cư sang Mỹ, tham gia nội chiến đứng về phía miền Bắc.-497, 505, 507, 512, 519, 540, 559-568, 572, 581, 773, 800, 808, 860, 862, 866.

Vi-lơ-ma-rơ (Villemarest), Sác-lơ Mác-xim *đơ* (1785 - 1852) - nhà văn học Pháp, người soạn ra nhiều tập hồi ký giả.-149.

Viéc-gi-lơ (Pu-bli-út Viéc-gi-lơ Ma-rô) (70 - 19 trước công nguyên) - nhà thơ kiệt xuất La Mã.-514, 556, 829, 857.

Vích-to (Victor), Clốt Vích-to *Pê-ranh* (1764 - 1841) - tướng Pháp, từ 1807 nguyên soái, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-218, 229, 231, 232.

Vích-to Ê-ma-nu-en II (1820 - 1878) - vua Xác-da-ni (1849 - 1861), vua I-ta-li-a (1861 - 1878).-682, 718.

Vin-di-sơ-grét-xơ (Windischgrätz), An-phrết, hầu tước (1787 - 1862) - nguyên soái Áo; 1848 lãnh đạo đàn áp cuộc khởi nghĩa ở Pra-ha và Viên; 1848 - 1849 chỉ huy quân Áo tham gia đàn áp cách mạng ở Hung-ga-ri.-147, 166, 561, 776.

Vin-hem I (1797 - 1888) - hoàng thân Phổ, nhiếp chính vương (1858 - 1861) vua Phổ (1861 - 1888), hoàng đế Đức (1871 - 1888).-255, 674, 707, 772, 873, 889-890.

Vin-hem II (1777 - 1847) - tuyển đế hầu Hét-xen - Cát-xen (1821 - 1847); 1813 - 1814 tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-227.

Vin-txin-ghe-rô-dơ, Phéc-di-năng Phê-đô-rô-vích, nam tước (1770 - 1818) - tướng Nga, gốc người Đức, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-222, 231-234.

Vin-ghen-stây-nơ, Pi-ốt Cri-xti-a-nô-vích, bá tước (1768 - 1842) - tướng Nga sau nguyên soái, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, tháng Tư- tháng Năm 1813 tổng tư lệnh quân đội Nga - Phổ.-219, 231.

Vít-xơ (Wyß) - trong những năm 50 thế kỷ XIX luật sư ở Béc-nơ.-885.

Vla-di-mi-re-xcu (Wladimiresco). Tu-đo (khoảng 1780 - 1821) - anh hùng dân tộc Ru-ma-ni, lãnh tụ cuộc khởi nghĩa nhân dân năm 1821 ở Va-la-khi chống lại bọn đại địa chủ và ách áp bức của Thổ Nhĩ Kỳ.-641.

Voa-rôn (Voiron), Tê-ô-phin, nam tước (1781 - 1853) - tướng Pháp, tham gia chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, 1833 - 1834 toàn quyền An-giê-ri.-133.

Vô-băng (Vauban), Xê-ba-xchiên lơ Prét-tơ-rơ (1633 - 1707) - nguyên soái Pháp, công trình sư quân sự, tác giả nhiều tác phẩm về xây công sự và lý luận vây đánh.-113, 244, 339, 340, 401, 411, 412, 414-417, 423, 428, 429.

Vô-rôn-xốp Mi-kha-in Xê-mê-nô-vích, công tước (1782 - 1856) - nhà hoạt động nhà nước Nga, tướng, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông; 1844 - 1854 tổng tư lệnh quân đội ở Cáp-ca-dơ và tổng đốc Cáp-ca-dơ.-234.

Vôn-phơ (Wolff), Béc-nơ-hác (1811 - 1879) - nhà báo Đức, từ 1848 chủ tờ báo "National - Zeitung" ở Béc-lin, người sáng lập ra hãng điện tín đầu tiên ở Đức (1849).-822.

Vôn-phơ (Wolff), Khri-xti-an (1679 - 1754) - nhà triết học duy tâm và nhà toán học Đức.-249.

Vôn-phơ (Wolff), Vin-hem (1809 - 1864) - nhà cách mạng vô sản Đức, nghề nghiệp giáo viên, con trai của một nông nô ở Xi-lê-di; tham gia phong trào học sinh 1834 - 1839 bị giam trong nhà tù Phổ, 1846 - 1847 uỷ viên Uỷ ban thông tin cộng sản Bruy-xen, từ tháng Ba 1848 uỷ viên Ban Chấp hành trung ương Đồng minh những người cộng sản, 1848 - 1849 một trong những biên tập viên báo "Neue Rheinische Zeitung", đại biểu Quốc hội Phran-phước, bạn và bạn chiến đấu của Mác và Ăng-ghe-n.-525, 549, 550, 558, 592-598, 604, 609, 822, 834, 835, 837.

Vôn-phram phôn Ê-sen-bắc (khoảng 1170 - khoảng 1220) - nhà thơ Đức thời Trung cổ, tác giả thơ kỳ sĩ "Pác-xi-phan".-736.

Vôn-te (Voltaire), Phrăng-xoa Ma-ri họ thật (A-ru-ê) (1694 - 1778) - nhà triết học theo thuyết thần luận Pháp, nhà văn trào phúng, nhà sử học, đại biểu nổi tiếng của phong trào Ánh sáng của giai cấp tư sản thế kỷ XVIII, đấu tranh chống lại chế độ chuyên chế và Thiên chúa giáo.-729, 886, 890.

Vran-ghen (Wrangel), Phri-đrich Hen-rích Êc-nơ-xơ (1784 - 1877) - tướng, đại biểu nổi tiếng của bọn quân phiệt phản động Phổ, một trong những người tham gia chính yếu vào cuộc đảo chính phản cách mạng ở Phổ và tham gia giải tán Quốc hội Phổ tháng Mười một 1848.-793.

Vre-dơ (Wrede), Các-lơ Phi-líp (1767 - 1838) - tướng Ba-vi-e, từ 1814 là nguyên soái; chỉ huy quân đội Ba-vi-e, từ 1805 tham gia chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, còn từ 1813 tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-227, 231.

Vre-dơ (Wrede), Pha-bi-an, bá tước (1760 - 1824) - tướng Thụy Điển, từ 1816 nguyên soái; 1810 được phái đi Pa-ri với sứ mệnh đặc biệt, tích cực thúc đẩy việc lựa chọn Béc-na-đốt-tơ làm người nối ngôi vua Thụy Điển.-200.

Vuyéc-tem-béc (Württemberg), Ô-gien, công tước (1788 - 1857) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, cháu của hoàng hậu Pôn I.-317, 318.

Vuyéc-tem-béc (Württemberg), Phéc-di-năng Phri-đrich Au-gu-xơ, công tước (1763 - 1834) - nguyên soái Áo, tham gia chiến tranh chống nước Cộng hoà Pháp và nước

Pháp Na-pô-lê-ông.-227, 231.

Vuýt-thơ (Würth) - nhà hoạt động chính trị Đức, đại biểu Quốc hội Phran-phước.-597.

X

Xa-ben (Zabel), Phri-drích (1802 - 1875) - nhà chính luận Đức thuộc phái tự do, biên tập viên báo "National Zeitung" ở Béc-lin (1848 - 1875).-767, 781, 799-825, 827-847, 865, 885, 887, 911, 912.

Xa-dô-nốp, Ni-cô-lai I-va-nô-vích (1815 - 1862) - nhà báo Nga, thuộc phái tự do, đầu những năm 40 lưu vong ra nước ngoài ở đây ông cộng tác với nhiều tờ báo và tạp chí.-507-509.

Xa-ken-xem Ô-xten-xa-ken, Pha-bi-an Vin-hem-mô-vích.

Xa-li-út-xti-út (Ga-i-út Xa-li Ut-xti-út) (86 - khoảng 35 trước công nguyên) - nhà sử học La Mã.-30.

Xa-lơ (salles), Sác-lơ Ma-ri đơ (1803 - 1858) - tướng Pháp, trong những năm 30-50 tham gia xâm lược An-giê-ri, năm 1855 chỉ huy quân đoàn ở Crim.-274.

Xa-ra-phra-dơ-khan - xem *Pai-in-da-khan*.

Xa-va-ri (Savary), An-nơ Giăng Ma-ri Rê-nê, công tước đơ Rô-vi-gô (1774 - 1833) - tướng Pháp, nhà hoạt động chính trị và nhà ngoại giao, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, bộ trưởng cảnh sát (1810 - 1814), toàn quyền An-giê-ri (1831 - 1833).-133.

Xai-plơ-xơ (Cyple), năm 1856 bí thư uỷ ban ngoại giao Sép-phin-đơ.-875.

Xan-đơ (Sands) - đại tá Anh, trong những năm 20 thế kỷ XIX, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-289.

Xan-mi-kê-li (Sanmicheli), Mi-ke-lơ (1484 - 1559) - kiến trúc sư và công trình sư quân sự I-ta-li-a, một trong những đại biểu ban đầu của môn xây dựng công sự kiểu pháo đài.-405, 408.

Xan-ta Cru-xơ (Santa Cruz), An-va-rô đơ Ba-xan, hầu tước đơ (1526 - 1588) - đô đốc Tây Ban Nha, 1576 - 1588 chỉ huy hạm đội Tây Ban Nha.-209.

Xan-tan-de-rơ (Santander), Phran-xi-xcô đơ Pau-la (1792 - 1840) - tướng và nhà hoạt động chính trị Cô-lôm-bi-a, tham gia chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, phó tổng thống Đại Cô-lôm-bi-a (1821 - 1828), chống lại Bô-li-va-rơ, 1828 bị trục xuất về tội tổ chức âm mưu chống lại Bô-li-va-rơ; 1832 - 1837 tổng thống Gra-na-đa Mới (Cô-lôm-bi-a), lãnh tụ đảng tự do.-286, 287, 289, 231.

Xanh-Ắc-nô (Saint - Arnaud), Ấc-măng Giắc A-sin Lơ-roa đơ (1801 - 1854) - tướng Pháp, từ 1852 nguyên soái, phần tử Bô-na-pác-tơ; 1836 - 1851 tham gia xâm lược An-giê-ri; một trong những kẻ tổ chức cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851, bộ trưởng lục quân (1851 - 1854), 1854 tổng tư lệnh quân đội ở Crim.-75, 135, 274.

Xanh - I-le-rơ (Saint - Hilaire), Lu-i Vành-xăng - Giô-dép Lơ Blông, bá tước đơ (1766 - 1809) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-88.

Xanh-Pri, Ê-ma-nu-en Phran-txô-vích (Ghi-ôm Ê-ma-nu-en Ghi-nhi-ác), bá tước (1776 - 1814) - tướng phục vụ nước Nga, vốn người Pháp, phần tử lưu vong phản cách mạng, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-232, 234.

Xanh - Rê-mi (Saint - Remy), Pi-e Xuy-ri-rây đơ (khoảng 1650 - 1716) - tướng Pháp, từ 1703 phó tư lệnh pháo binh Pháp.-248.

Xanh - Xi-mông (Saint - Simon), Hăng-ri (1760 - 1825) - nhà xã hội học - không tưởng vĩ đại Pháp.-570.

Xắc (Zach), An-tôn, nam tước (1747 - 1826) - tướng Áo.-87.

Xây-lơ (Sale), Rô-bốt Hen-ri (1782 - 1845) - đại tá Anh, tham gia chiến tranh Anh - Ấp-ga-ni-xtan (1838 - 1842).-106.

Xây-mua (Seymour) - đô đốc Anh, 1588 chỉ huy phân hạm đội cử đi truy kích Ấc-ma-đa Tây Ban Nha.-211.

Xéc-na (Serna) Hô-xê đơ la (1770 - 1832) - tướng và nhà hoạt động chính trị Tây Ban Nha, 1816 - 1824 chỉ huy quân đội chống lại phong trào giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ.-213, 214.

Xéc-van-tét đơ Xa-vê-đra (Cervantes de Saavedra), Mi-ghen (1547 - 1616) - nhà văn hiện thực vĩ đại Tây Ban Nha.-705-706.

Xép-ti-mi-út Xê-ve-rơ (Lu-txi-út Xép-ti-mi-út Xê-ve-ri-út (146 - 211) - hoàng đế (193 - 211) và thống soái La Mã.-36.

Xê-a (Zea), Phran-xi-xcô An-tô-ni-ô (1770 - 1822) - nhà hoạt động chính trị Cô-lôm-bi-a, tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa ở Nam Mỹ, người ủng hộ Bô-li-va-rơ, phó tổng thống Cô-lôm-bi-a (1819), sau là Đại Cô-lôm-bi-a (1819 - 1820).-284, 286.

Xê-ba-xti-a-ni (Sébastieni), Ô-ra-xơ, bá tước (1772 - 1851) - tướng và nhà ngoại giao Pháp, từ năm 1840 nguyên soái, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông.-229.

Xê-da (Cai-út I-u-li-út Xê-da) (khoảng 100 - 40 trước công nguyên) - thống soái và nhà hoạt động nhà nước nổi tiếng La Mã.-33, 34, 90, 188, 364, 367, 441.

Xê-lép-kin-đơ - vương triều thống trị vương quốc lớn nhất trong những vương quốc Hy Lạp hoá ở châu Á (312 - 64 trước công nguyên).-436.

Xê-lim I I-a-vu-xơ (người dũng mãnh) (1467 - 1520) - vua Thổ Nhĩ Kỳ (1512 - 1520).-128.

Xê-lim Cu-te-mi (mất năm 1515) - ê-mia Mê-tít-gia (An-giê-ri).-128.

Xê-me-rơ (Szemere), Béc-ta-lan (1812 - 1869) - nhà hoạt động chính trị và nhà chính luận Hung-ga-ri, tham gia cách mạng 1848 - 1849 ở Hung-ga-ri, bộ trưởng nội vụ (1848) và thủ tướng chính phủ cách mạng (tháng Năm - tháng Tám 1849), sau khi cách mạng thất bại, lưu vong khỏi Hung-ga-ri.-509, 648, 751, 889.

Xê-phơ-pa-sa - công tước Tréc-kê-xi, phục vụ Thổ Nhĩ Kỳ, tham gia chiến tranh Nga-Thổ (1826 - 1828), còn 1855 - 1859 lãnh đạo dân miền núi Tréc-kê-xi tác chiến chống lại nước Nga.-742-745.

Xê-xin (Cecil), Uy-li-am, nam tước *Buốc-li* (1520 - 1598) - nhà hoạt động nhà nước Anh, thủ tướng (1558 - 1598).-209.

Xi-ây-ét (Sieyès), Ê-ma-nu-en Giô-dép (1748 - 1836) - linh mục Pháp, nhà hoạt động của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII, đại biểu cho giai cấp đại tư sản.-196.

Xi-bli (Sibley), Hăng-ri Hốp-kin (1816 - 1886) - sĩ quan Mỹ, người phát minh ra nhà bạt quân sự.-334.

Xi-nhi-ôn (Signeul) - tổng lãnh sự Thụy Điển ở Pa-ri vào đầu thế kỷ XIX.-200.

Xi-môi (Szmimay), bá tước - đầu những năm 50 thế kỷ XIX kiều dân Hung-ga-ri, đặc sứ của Cô-sút tại Pa-ri.-741.

Xi-môn (Simon), Lút-vích (1810 - 1872) - luật sư ở Tơ-ria, nhà dân chủ tiểu tư sản, 1848 - 1849 đại biểu Quốc hội Phran-phuốc, thuộc cánh tả, lưu vong ở Thụy Sĩ.-730, 890.

Xi-mông (Simon), Ê-đu-a (1824 - 1897) - nhà chính luận Pháp, sinh ở Béc-lin, gián điệp của Bô-na-pác-tơ.-508, 577, 600, 602, 725-734, 767, 772, 779.

Xi-pi-ôn (Pu-bli-út Coóc-nê-út Xi-pi-ôn) (mất năm 211 trước công nguyên) - thống soái La Mã, quan chấp chính (218 trước công nguyên), rồi toàn quyền ở Tây Ban Nha (217 - 211 trước công nguyên).-365, 366.

Xi-véc-xơ, Các-lơ Các-lô-vích, bá tước (1772 - 1856) - tướng Nga, tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-318.

Xi-xê-rông (Mác-cút Tu-li-út Xi-xê-rông) (106 - 43 trước công nguyên) - nhà hùng biện và nhà hoạt động nhà nước xuất sắc La Mã, nhà triết học chiết trung.-532, 543, 544, 547.

Xi-xin-na-tút (Lu-i-út Canh-tút Xi-xin-na-tút) (thế kỷ V trước công nguyên) - quý tộc La Mã, quan chấp chính (460 trước công nguyên), nhà độc tài (458 và 439 trước công nguyên), theo truyền thuyết sống giản dị và tự canh tác ruộng đất.-796.

Xim-méc-man (Zimmermann), Êc-nơ-xơ Vin-hem Ê-đu-ác-tơ - thị trưởng Span-đau, đại biểu Quốc hội Phran-phuốc thuộc cánh tả.-589, 597.

Xoóc-bi-e (Sorbier), Giảng Bác-tê-lê-mi (1762 - 1827) - tướng Pháp, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, 1810 - 1812 tư lệnh pháo binh cận vệ.-319.

Xô-phi-a (1805 - 1872) - nữ đại công tước Áo, mẹ của hoàng đế Phran-tơ-xơ I-ô-xíp, có ảnh hưởng lớn đối với chính sách của bọn quyền thần cung đình phản động.-747, 776.

Xô-xuya-rơ (Saussure), Tê-ô-đo đơ (1824 - 1903) - nhà hoạt động nhà nước Thụy Sĩ, nhà văn, họa sĩ, lãnh tụ đảng quý tộc đối lập, nghị sĩ Đại hội đồng (1854 - 1856 và 1858 -

1872).-717.

Xpếch-lơ (Xpếch-lin) (Speckle, đúng hơn Specklin), Đa-ni-en (1536 - 1589) - công trình sư quân sự Đức, một trong những người sáng lập ra môn xây công sự kiểu pháo đài.-409-413, 415-418, 421.

Xpi-rmen (Spearman) - sĩ quan Anh, đầu thế kỷ XIX cải tổ pháo dã chiến Anh.-254, 256.

Xtan-bơ-ri (Stanbury) - chủ của một trong những nhà in ở Luân Đôn.-864.

Xtéc-nơ (Sterne), Lo-ren-xơ (1713 - 1768) - nhà văn nổi tiếng Anh, một trong những người sáng lập ra chủ nghĩa thương cảm, tác giả cuốn tiểu thuyết "Thân thể và chính kiến của con người phong nhã, Tơ-ri-xơ-ram Sen-đi".-780.

Xtiu-át (Stewart), Sác-lơ Uy-li-am (1778 - 1854) - tướng Anh, nhà hoạt động chính trị và nhà ngoại giao, 1813 - 1814 tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông.-205.

Xtơ-ru-en-dơ (Struensee), Các-lơ Ấp-gu-xơ (1735 - 1804) - nhà toán học, kinh tế học và hoạt động nhà nước Phổ.-251.

Xtơ-ru-vơ (Struve), Gu-xtáp (1805 - 1870) - nhà dân chủ tiểu tư sản Đức, nghề nghiệp nhà báo; một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Ba-đen tháng Tư và tháng Chín 1848 và cuộc khởi nghĩa Ba-đen - Pphran-xơ 1849; sau thất bại của cách mạng, lưu vong khỏi Đức, một trong những lãnh tụ của những người tiểu tư sản Đức lưu vong ở Anh; tham gia Nội chiến ở Mỹ đứng về phía miền Bắc.-496, 497, 520, 523, 761.

Xu-crơ (Sucre), An-tô-ni-ô Hô-xê (1795 - 1830) - tướng và nhà hoạt động chính trị Nam Mỹ, một trong những nhà lãnh đạo cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Tây Ban Nha ở Nam Mỹ, ủng hộ Bô-li-va-rơ, tổng thống Bô-li-vi-a (1826 - 1828).-213, 289.

Xu-lây-man I Ca-nu-ni (Đại đế) (1494 - 1556) - vua Thổ Nhĩ Kỳ (1520 - 1566).-128, 327.

Xu-lu-cơ (Soulouque), Phau-xtin (khoảng 1782 - 1867) - tổng thống nước Cộng hoà người da đen Ha-i-ti, 1849 tự xưng là hoàng đế với đế hiệu Phau-xtin I.-501.

Xu-vô-rốp A-lếch-xan-đrơ Va-xi-li-ê-vích (1730 - 1800) - thống soái vĩ đại Nga.-139.

Xúch-tê-len, Pi-ốt Coóc-ni-lô-vích (1751 - 1836) - tướng Nga, công trình sư quân sự và nhà ngoại giao, vốn người Hà Lan; tham gia chiến tranh chống nước Pháp Na-pô-lê-ông, 1808 lãnh đạo cuộc vây đánh pháo đài Xvê-a-boóc-gơ, từ 1809 đại sứ ở Xtốc-khôn.-202.

Xun-tơ (Soult), Ni-cô-la Giăng (1769 - 1851) - nguyên soái Pháp, nhà hoạt động nhà nước, tham gia các cuộc chiến tranh của nước Pháp Na-pô-lê-ông, 1808 - 1814 chỉ huy quân Pháp trong cuộc chiến tranh trên bán đảo I-be-ri-cơ, thời kỳ nền Quân chủ tháng Bảy bộ trưởng chiến tranh (1830 - 1834, 1840 - 1845), bộ trưởng ngoại giao (1839 - 1840) và thủ tướng (1832 - 1834, 1839 - 1840 và 1840 - 1847).-72, 73, 197, 198, 218, 272, 321, 322-325.

Xuy (Sue), Ô-gien (1804 - 1857) - nhà văn Pháp, tác giả một số tiểu thuyết viết về các đề tài xã hội có tính chất thương cảm tiểu thị dân.-862.

BẢN CHỈ DẪN TÊN CÁC NHÂN VẬT VĂN HỌC VÀ THẦN THOẠI

A-ben- theo truyện kể trong kinh thánh là con thứ của A-đam bị anh cả Ca-in vì ghen ghét mà giết chết.-781, 782.

A-bi-ghên-lơ - nhân vật trong kinh thánh.-777.

A-gia-xơ Tê-la-mông - một trong những nhân vật trong "I-li-át" của Hô-me, tham gia cuộc vây đánh thành Tơ-roa.-336.

A-pô-lông -thần mặt trời và ánh sáng, thần bảo hộ nghệ thuật trong thần thoại Cổ Hy Lạp.-36.

A-si-lơ (người La Mã gọi là A-sin) - trong thần thoại Cổ Hy Lạp là anh hùng dũng cảm nhất, vây đánh thành Tơ-roa, một trong những nhân vật chính trong "I-li-át" của Hô-me.-336.

A-va-quích - nhà tiên tri trong kinh thánh.-782.

Ác-gô-nô-tơ - anh hùng trong thần thoại Hy Lạp đi trên thuyền "I-a-gút" đến Côn-si-da để tìm lòng cừu vàng do rồng canh giữ; cuộc hành trình của các anh hùng thuyền

I-a-gút trong đó có Oóc-phê, nhà thơ và ca sĩ trong thần thoại tham gia đã được A-pô-lô-ni-út dời Rốt-đơ ca ngợi vào thế kỷ III trước công nguyên trong bài trường ca "Cuộc hành trình của những anh hùng thuyền Ác-gô".-716-720.

Ác-lơ-canh - nhân vật trong hài kịch mặt nạ I-ta-li-a, người đầy tớ đáng yêu say đắm khi rơi vào hoàn cảnh lúng túng thường thoát khỏi một cách khôn khéo.-588, 787.

Ây-de-lơ và Bây-de-lơ - những nhân vật hài hước trong tập sách nhỏ châm biếm xuất bản khuyết danh của nhà văn Đức I.V. Cri-xtéc-nơ "Cuộc hành trình của bác sĩ Ây-de-lơ và nam tước Phôn Bây-de-lơ đi dự hội nghị của hội đồng hàng tỉnh tháng Tư năm 1847".-625, 818.

Ba-cu-xơ (hoặc Bắc-cơ) - thần rượu vang và vui thú của người La Mã Cổ đại.-705, 725.

Bây-de-lơ - xem Ây-de-lơ và Bây-de-lơ.

Ca-di-mô-dô - nhân vật trong cuốn tiểu thuyết của V. Huy-gô "Nhà thờ Đức bà Pa-ri"; tên gọi ca-di-mô-dô đã trở thành hiện thân của thân hình quái gở.-732, 746.

Ca-in - theo truyền kể trong kinh thánh là con trai cả của A-đam đã giết em trai A-ben do ghen tị.-782.

Cla-rin - nhân vật trong ca kịch của Can-đê-rôn "Nhà ảo thuật thần kỳ".-490, 787.

Cô-bét I - nhân vật chính trong bài thơ châm biếm của H. Hai-nơ; biệt hiệu I-a-cốp Vê-nê-dây.-546, 597.

Crê-ven - nhân vật trong tiểu thuyết của Ban-dắc "Dì Bét-tơ", điển hình của kẻ chơi trội, kẻ tham lam và kẻ dâm dăng.-501.

Đông Ki-sốt - nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết cùng tên của Xéc-van-téc.-705-706.

Đun-xơ I - nhân vật trong truyện thơ "Đun-xi-át" của A.Pốp.-769, 820.

Đun-xơ II - nhân vật trong truyện thơ "Đun-xi-át" của A.Pốp.-769.

Ê-di-pơ - nhân vật chính trong phần ghi chép thành Phi-va thuộc thần thoại Cổ Hy Lạp, nhân vật chính trong bi kịch của Xô-phô-clơ; theo truyền thuyết, đã đoán trúng điều bí ẩn của Xphanh do đó tránh cho thánh Phi-va khỏi nanh vuốt của con quái vật hút máu.-716.

Ê-giê-ri - theo thần thoại La Mã, nữ thần thông minh có tài tiên tri.-703, 714, 716.

Ghê-oóc chiến thắng - "thánh đồ" Cơ đốc giáo trong thần thoại đã chiến thắng rồng.-794.

Giếch - xem Phôn-xtáp.

Ghìn-ri - nhân vật trong vở hài kịch cùng tên của E.A-bu.-889, 890.

Giuy-pi-te - theo thần thoại La Mã, thần tối cao, thần sấm, tương ứng với thần Dớt của Hy Lạp.-36, 779.

Goóc-ghen-li-an-toa hoặc Guốc-ghen-grốt-lin-ghe - nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết của nhà văn Đức thế kỷ XVI là I. Phi-sác-tơ "Câu chuyện lịch sử dài đầy phiêu lưu về công tích và danh ngôn của các vị anh hào các ngài Gran-gô-sia, Goóc-ghen-li-an-toa và Păng-ta-gru-en" mô phỏng hình tượng của Gác-găng-tu-a trong cuốn tiểu thuyết của Ra-blơ "Gác-găng-tu-a và Păng-ta-gru-en".-497, 531.

Gu-díp-rát - nhân vật trong bài thơ châm biếm cùng tên của nhà văn Anh thế kỷ XVII Bât-lơ, nhân vật này ưa bàn luận và tranh luận vô nghĩa lý và có thể dùng tam đoạn luận chứng minh những luận điểm phi lý nhất.-705.

Hăm-lét - nhân vật chính trong vở bi kịch cùng tên của Sếch-xpia.-605, 705, 779.

Hen-ri IV - nhân vật trong vở kịch lịch sử cùng tên của Sếch-xpia.-518, 551.

I-a-nút - thần Cổ Hy Lạp được mô tả là có hai mặt ngoảnh về đằng sau và đằng trước; theo nghĩa rộng I-a-nút chỉ con người giả dối.-705.

I-a-rô-mia - nhân vật chính trong bi kịch của Grin-pác-xe-rơ "Bà thủy tổ".-610.

I-ê-dê-kim - nhà tiên tri trong kinh thánh.-13.

I-phi-ghê-ni-a - con gái của vua A-ga-men-nông trong thần thoại Cổ Hy Lạp, bị nhà vua đưa ra làm tế vật trước cuộc viễn chinh của người Hy Lạp sang Tơ-roa để được sự tha thứ của thần linh.-735.

Ki-pri-a-nô - nhân vật trong ca kịch của Can-đê-rôn "Nhà ảo thuật thần kỳ"; hình tượng gắn gũi với Phau-xtơ.-787.

La-xa-ri-li-ô - nhân vật chính trong truyện vừa khuyết danh ở Tây Ban Nha "La-xa-ri-li-ô đến từ Toóc-mét và những điều rủi ro của anh ta" ra đời vào giữa thế kỷ XVI; điển hình của kẻ lừa bịp giáo quyết.-696.

Lê-pô-rê-lô - nhân vật trong ca kịch của Mô-da "Đồng Giaoăng", đầy tớ của Đồng Giaoăng.-506, 716.

Mê-phi-xtô-phen - một trong những nhân vật chính trong bi kịch của Gơ-tơ "Phau-xtơ".-753.

Mô-xcôn - nhân vật trong vở kịch của Can-đê-rôn "Nhà ảo thuật thần kỳ".-787.

Môi-xe - theo truyện kể trong kinh thánh, nhà tiên tri đã giải phóng người Do Thái Cổ đại khỏi sự hãm hại của pha-ra-ôn Ai Cập ("cuộc ra khỏi Ai Cập").-779, 782.

Muyn-hau-den - tên của một kẻ khoác lác và bịa chuyện vô tội vạ trong văn học Đức, đã trở thành tên thường dùng.-865.

O-phê-li-a - nhân vật chính trong bi kịch của Sếch-pia "Hăm-lét".-779.

Oóc-phê - theo thần thoại Hy Lạp, nhà thơ và ca sĩ mà tiếng hát làm cho dã thú cúi đầu và đá cũng phải gặt gù; đã tham gia cuộc hành trình của những anh hùng thuyền Ác-gô đi tìm lông cừu vàng.-717.

Ô-xnô-va - nhân vật trong hài kịch của Sếch-pia "Giấc mộng đêm hè".-499.

Pa-rôn - nhân vật trong hài kịch của Sếch-xpia "Cái gì kết thúc tốt đẹp đều tốt đẹp".-506.

Pa-ven - theo truyện kể trong kinh thánh là một trong những thánh đồ Cơ đốc giáo; trước khi tham gia Cơ đốc giáo, tên gọi là Xao-lô.-556.

Pan-sơ - nhân vật trong hài kịch rối dân gian Anh; nhân vật này là một người gù lưng có mũi dài, hay làm ồn ào, lấu lỉnh và hóm hỉnh.-771.

Păng-ta-lông - nhân vật trong hài kịch mặt nạ dân gian I-ta-li-a, nhà buôn người Vơ-ni-dơ, ông già giàu có, keo kiệt và ngu xuẩn.-788.

Péc-xi Hốt-xpơ (Hốt-xpơ nghĩa đen là "người nôn nóng") - nhân vật lịch sử của Sếch-xpia trong "Ri-sác II" và "Vua Hen-ri IV"; điển hình của kỵ sĩ nhiệt tình, dũng cảm và cao thượng.-566.

Pếch-xníp - nhân vật trong tiểu thuyết của Đích-ken "Cuộc đời và sự gian nan của Mác-tin Se-dơ-vít", kẻ đạo đức giả và giả nhân giả nghĩa.-683.

Pha-ra-mông - theo truyền thuyết là vua của người Phran-cơ sống vào thế kỷ V sau công nguyên.-177.

Pha-vnơ - theo thần thoại Cổ La Mã, thần thấp nhất tương xứng với thần Xa-tia Hy Lạp; thần bảo hộ rừng và đồng ruộng.-796.

Phau-xtơ - nhân vật chính trong bi kịch cùng tên của Gơ-tơ.-787.

Phlơ-dơ Ma-ri - nữ nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết của Ô-gien Xuy "Những bí mật

của thành Pa-ri" một cô gái lớn lên giữa bọn tội phạm nhưng vẫn giữ gìn được phẩm hạnh và sự trong trắng của thiếu nữ; tác giả đặt cho cô tên một loại hoa, hoa huệ mọc trong vũng bùn, nhưng vẫn giữ được những cánh hoa trắng tới loá mắt.-862.

Phan-xtáp - nhân vật trong nhiều tác phẩm của Sếch-xpia "Những nụ lăm mồm vui tính ở cung đình", "Vua Hen-ri IV" một kẻ nhu nhược hay khoác lác, kẻ ưa khôi hài và nghiện rượu.-491, 497, 503, 506, 516, 529, 531, 545, 547, 550, 551, 587, 621, 648, 714, 722, 726, 734, 788, 797, 825.

Pô-da, hấu tước - một trong những nhân vật chính trong bi kịch của Si-ơ "Đôn Các-lốt", điển hình của một viên cận thần cao thượng, có tư tưởng tự do tìm cách ảnh hưởng đến một tên bạo chúa.-703.

Pô-lô-ni-út - nhân vật trong bi kịch của Sếch-xpia "Hăm-lét" điển hình của một viên đình thần xảo quyệt và lăm mồm.-541, 687.

Pro-mê-tê - một trong những thần khổng lồ trong thần thoại Hy Lạp đã đánh cắp lửa của thượng đế đem cho con người; để trừng phạt; Dớt đã trói thần này vào tảng đá cho đại bàng mổ ruột.-852.

Pruy-dôm, *Giơ-dép* - điển hình của anh tiểu thị dân tự mãn và thiển cận do nhà văn và nhà biếm họa Pháp Hăng-ri Mô-ni-e sáng tạo ra.-726.

Pun-si-nen-la - nhân vật trong hài kịch mặt nạ I-ta-li-a, ăn nói hóm hỉnh và vui nhộn.-589.

Quy-nê-gông-dơ - nữ nhân vật chính trong tiểu thuyết triết học của Vôn-te "Căng-dít".-730, 890.

Ri-smôn-dơ - nhân vật trong kịch lịch sử của Sếch-xpia "Ri-sác III".-504.

Su-phte-lơ và *Spì-ghen-béc-gơ* - nhân vật trong bi kịch của Sếch-xpia "Kẻ cướp"; điển hình của những tên cướp của giết người táng tận lương tâm.-500.

Ten-lơ, Vin-hem - anh hùng trong truyền thuyết dân gian về cuộc chiến tranh giải phóng của người Thuỵ Sĩ chống lại vương triều Háp-xbước vào cuối thế kỷ XIII - đầu thế kỷ XIV; thiện xạ về cung, đã bắn chết viên quan cai trị người Áo (Lan-đơ-phoóc-tơ); nhân vật chính trong vở kịch cùng tên của Si-le.-506.

Vin-ken-rít - quân nhân nửa truyền thuyết Thuỵ Sĩ; theo truyền thuyết, trong trận đánh của người Thuỵ Sĩ với quân đội của công tước Áo Lê-ô-pôn III ở thành Dem-pắc (bang Luy-xéc-nơ), bằng sự hy sinh quên mình, nhân vật này đã quyết định thắng lợi của người Thuỵ Sĩ.-715.

Xai-cơ-xơ, Bin - nhân vật chính trong tiểu thuyết của Đích-ken "Ô-li-vơ Tu-ít"; là kẻ cướp.-547.

Xao-lô - xem *Pa-ven*.

Xi-len - theo thần thoại Hy Lạp, bạn đường của Đi-ô-ni-xuyt, thần rượu vang và nghề nấu rượu.-515, 551, 725.

Xi-ren - nữ yêu quái đầu người mình chim trong thần thoại Hy Lạp dùng tiếng hát để mê hoặc và giết hại thủy thủ.-681.

Xi-lô-ken-béc-ghi - nhân vật trong tiểu thuyết của nhà văn Anh L.Xtéc-nơ "Thân thế và quan điểm của ngài Tri-xtơ-ram Sen-đi", một người lạ mặt do chiếc mũ to mà làm cho nhiều thành phố xôn xao.-780.

BẢN CHỈ DẪN CÁC XUẤT BẢN PHẨM ĐỊNH KỲ

"*Báo Au-xbước*" - xem "*Allgemeine Zeitung*".

"*Báo đại chúng*" - xem "*Allgemeine Zeitung*".

"*Báo Khuê*" - xem "*Kölnische Zeitung*".

"*Báo mới tỉnh Ranh*" - xem "*Neue Rheinische Zeitung. Organ der Demokratie*".

"*Người rao hàng*" - xem "*Schweizer Handels - Courier*".

Aargauer Nachrichten ("Tin tức Ác-gây").-723.

"*Abend - Post. Demokratische Zeitung*" ("Bưu điện buổi chiều, Báo dân chủ") (Béc-lin).-496, 579.

"*Abend - Zeitung*" ("Báo buổi chiều") (Đre-xđen và Lai-pxích).-145.

"*Allgemeine Zeitung*" ("Báo phổ thông") (Au-xbước).-487, 491, 505, 530, 547, 549, 552, 554, 584, 599-605, 610-613, 616-622, 624, 625, 690, 699, 702, 729, 731, 773, 784, 799-805, 809, 810, 814, 817, 820-823, 829-832, 877, 879, 882, 891, 893, 896, 898-909, 911, 912.

"*Baltimore Wecker*" ("Đồng hồ báo thức Ban-ti-mo").-583.

"*Baltische Monatsschrift*" ("Nguyệt san Ban-tích") (Ri-ga).-783.

"*Belletristisches Journal und New-Yorker Criminal-Zeitung*" ("Tập chí văn học và báo hình sự Niu Ốc").-540, 743, 860.

"Berliner Militair - Wochenschrift" ("Tuần báo quân sự Béc-lin").-553.

"Breslauer Zeitung" ("Báo Brê-xláp").-767, 769.

"Der Bund" ("Liên minh") (Béc-nơ).-690.

"Le Constitutionnel" ("Người lập hiến") (Pa-ri).-501, 700, 728.

"Correspondent" - xem "Der Deutsche Correspondent".

"Courier du Dimanche" ("Tin tức chủ nhật") (Pa-ri).-885.

"Criminal - Zeitung" -xem "Belletristisches Journal und New-Yorker Criminal - Zeitung".

"Daily Telegraph" ("Tin điện hàng ngày") (Luân Đôn).-621, 624, 776-782, 786, 905.

"Le Débat Social" ("Tranh luận xã hội") (Bruy - xen).-882.

"Der Deutsche Correspondent" ("Phóng viên Đức") (Ban-ti-mo).-581.

"Deutsche Monatsschrift" ("Nguyệt san Đức") (Stút-gát).-586, 620,887.

"Dresdner Zeitung" ("Báo Dre-xden").-861, 869.

"The Economist" ("Nhà kinh tế học") (Luân Đôn).-663.

"Eidgenossische Zeitung" ("Báo Liên bang Thụy Sĩ") (Xuy-rích, Béc-nơ).-690.

"L'Espérance" ("Hy vọng") (Giơ-ne-vơ).-723-726, 733.

"Frankfurter Journal" ("Báo Phran-phước").-547, 856, 857.

"The Free Press" ("Báo tự do") (Luân Đôn).-607, 614, 615, 620, 621, 744, 809, 838, 877, 894, 899, 900.

"Der Freischutz" ("Đội nghĩa dũng tự do") (Hăm-buốc).-772-775, 894, 910.

"Galignani's Messenger" ("Người đưa tin Ga-li-nhi-a-ni") (Pa-ri).-682.

"La Gazette du Nord" ("Báo miền Bắc") (Pa-ri).-509.

"Giornale della provincia Bresciana" ("Báo tỉnh Brê-si-a").-343.

"The Glasgow Sentinel" ("Người bảo vệ Gla-xgô").-606, 746.

"Hamburger Anzeiger" ("Người hướng dẫn Hăm-buốc").-584.

"Handels - Courier" - xem "Schweicer Handels - Courier".

"Hermann" ("Héc-man") (Luân Đôn).-607, 873, 896.

"Herold des westens" ("Truyền tin phương Tây").-596.

"Die Hornisse" ("Ong bò vẽ").-608.

"L'Indépendance belge" ("Độc lập của Bỉ") (Bruy-xen).-726, 733, 882.

"L'Indépendant" ("Độc lập") (Giơ-ne-vơ).-524, 850.

"La Jeune Italie" ("I-ta-li-a trẻ").-641, 642.

"Journal de Constantinople" ("Báo Công-xtăng-ti-nốp-plơ").-744.

"Journal de Genève" ("Báo Giơ-ne-vơ").-856.

"Journal des Débats politiques et littéraires" ("Báo đàm luận về chính trị và văn học") (Pa-ri).-727.

"Journal du tir fédéral"("Báo bắn súng liên bang").-851.

"Journal général de la Cour et de la Ville" ("Báo phổ thông triều đình và thành phố") (Pa-ri).-174.

"Kladderadatsch" ("Clát-đê-ra-đát") (Béc-lin).-771.

"Kölnische Zeitung" ("Báo Khuên").-527, 529, 621, 775, 776, 783, 863, 868, 882, 895, 904, 909.

"Der Komet, Unterhaltungsblatt für gebildete Stände" ("Sao chổi. Người đàm thoại của giới trí thức") (Lai-pxích).-145.

"Königlich privilegirtc Berlinische Zeitung von Staats - und gelehrten Sachen" ("Báo đặc quyền của nhà vua ở Béc-lin về vấn đề chính trị và khoa học").-540.

"Kreuz - Zeitung" -xem "Neue Preußische Zeitung".

"Lithographierte Correspondenz" ("Tin tức in thạch") (Pa-ri).-700.

"The Manchester Guardian" ("Người bảo vệ Man-se-xtơ").-887.

"Le Messenger du Léman" ("Tin tức Lê-man") (Giơ-ne-vơ).-535.

"Monatsschrift" -xem "Deutsche Monatsschrift"

"Le Moniteur uninersel" ("Báo đại chúng") (Pa-ri).-196, 581, 592, 609, 628, 655, 662-666, 694, 763, 887, 903.

"Morgenblatt für gebildete Leser" ("Báo buổi sáng cho học giả có học thức") (Stút-gát và Tuy-bin-ghen).-601.

"*The Morning Chronicle*" ("Tin buổi sáng") (Luân Đôn).-733.

"*The Morning Star*" ("Sao mai") (Luân Đôn).-607.

"*La Nation suisse*" ("Báo dân tộc Thụy Sĩ") (Giơ-nc-vơ).-726.

"*Le National*" ("Báo dân tộc") (Pa-ri).-760.

"*National - Zeitung*" ("Báo dân tộc") (Béc-lin).-487, 549, 560, 605, 617, 620, 621, 767-769, 781, 782, 800, 806, 807, 810, 814, 817, 823, 829, 831, 833, 836, 838-845, 883, 887, 903, 905, 910, 911.

"*National - Zeitung*" - xem "*Schweizerische National - Zeitung*".

"*Les Nationalités*" ("Các dân tộc") (Pa-ri).-729.

"*Neue Deutsche Zeitung*" ("Báo Đức mới") (Phran-phước trên sông Mai-nơ).-580.

"*Neue Hannoversche Zeitung*" ("Báo Han-nô-vơ mới").-818.

"*Neue Oder - Zeitung*" ("Báo Ô-đơ mới") (Brê-xláp, nay là Vrôt-xláp).-770, 803.

"*Neue Preußische Zeitung*" ("Báo Phổ mới") (Béc-lin).-550, 568, 592, 782, 784, 795, 796, 818, 819.

"*Neue Rheinische Zeitung, Organ der Demokratie*" ("Báo mới tỉnh Ranh. Cơ quan của phong trào dân chủ") (Khuên).-491, 507, 526, 551, 588-593, 599, 767-771, 775, 776, 787, 800, 806, 815, 822, 828, 834, 837, 841, 882, 895.

"*Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue*" ("Báo mới tỉnh Ranh, Tạp chí kinh tế - chính trị") (Luân Đôn, Hăm-buốc).-561, 572-576, 579, 580, 586, 597, 598, 604.

"*Neue Schweizer Zeitung*" ("Báo mới Thụy Sĩ") (Giơ-nc-vơ).-701, 702, 703.

"*Die Neue Zeit*" ("Thời mới") (Luân Đôn).-607.

"*Neue Zürcher - Zeitung*" ("Báo Xuy-rích mới").-716.

"*New - York Daily Tribune*" ("Diễn đàn Niu Oóc hàng ngày").-603-606, 741, 744, 806, 884, 894.

"*The New York Times*" ("Thời báo Niu Oóc").-895.

"*New - York Criminal - Zeitung*" - xem "*Belletristisches Journal und New-Yorkes Criminal - Zeitung*".

"*New - Yorke Humorist*" ("Nhà văn hài hước Niu Oóc").-495.

"*Notes to the People*" ("Tin ngắn cho nhân dân") (Luân Đôn).-883.

"*Nouvelliste Vaudois*" ("Người truyền tin bang Vô-đơ" (Lô-dan).-716, 733.

"*L'Opinion nationale*" ("Dư luận nhân dân") (Pa-ri).-682, 726, 733, 890.

"*La Patrie*" ("Tổ quốc") (Pa-ri).-713, 727, 728.

"*Le Patriote savoisien*" (Người Xa-voa yêu nước") (Săm-be-ri).-708.

"*Le Pays*" ("Đất nước") (Pa-ri).-728.

"*Pensiero ed Azione*" ("Tư tưởng và hành động") (Luân Đôn).-654, 691, 746.

"*The Peoples Paper*" ("Báo nhân dân") (Luân Đôn).-606, 875, 883, 894.

"*The Players*" ("Nghệ sỹ") (Luân Đôn).-779.

"*Der Postheiri*" ("Pô-xtê-i-ri") (Đô-lô-tuốc-nơ).-725.

"*Prager Zeitung*" ("Báo Pra-ha").-681.

"*Preußisches Wochenblatt*" ("Tuần báo Phổ") (Béc-lin).-638.

"*Die Preußische Zeitung*" ("Báo nước Phổ") (Béc-lin).-784.

"*Le Propagateur du Nord et du Pas-de-Calais*" ("Phát ngôn viên của miền Bắc và Pa-đơ-Ca-le") (Li-li).-725.

"*Publicist*" ("Nhà chính luận") (Béc-lin).-869.

"*Punch, or the London Charivari*" ("Sự vụng về hay là sự ồn ào ở Luân Đôn").-771.

"*Putnam's Monthly*" ("Nguyệt san của Pát-nem") (Niu-Oóc).-884.

"*Die Reform*" ("Cải cách") (Hăm-buốc).-487, 549, 616, 893, 897, 904, 908, 910.

"*Republik der Arbeiter*" ("Chế độ cộng hòa của công nhân") (Niu-Oóc).-529.

"*Revue contemporaine*" ("Tạp chí hiện đại") (Pa-ri).-508, 577, 600, 693, 726, 727, 731, 767.

"*Revue européenne*" ("Bình luận châu Âu") (Pa-ri).-727.

"*Revue der Neuen Rheinischen Zeitung*" - xem "*Neue Rheinische Zeitung. Politisch - ökonomische Revue*".

"*Revue de Genève et Journal Suisse*" ("Bình luận Giơ-nc-vơ và Báo Thụy Sĩ").-702, 705, 709, 710, 714, 718-722, 726, 763.

"*Revue des deux Mondes*" ("Tạp chí Hai thế giới") (Pa-ri).-727.

"Rheinische Volks - Halle" ("Hội trường nhân dân vùng Ranh") (Khuên).-776.

"Rheinische Zeitung für Politik, Handel und Gewerbe" ("Báo Ranh bàn về các vấn đề chính trị, thương mại và công nghiệp") (Khuên).-599.

"Rummelpuff" ("Ru-me-ti-pút") (Gio-ne-vơ).-495, 496, 510.

"Sächsische Vaterlands - Blätter" ("Tập san Tổ quốc vùng Dắc-den") (Dre-xđen và Lai-pxích).-145.

"Saturday Review of Politics, Literature, Science and Art" ("Tập chí thứ bảy bàn về những vấn đề chính trị, văn học khoa học và nghệ thuật") (Luân Đôn).-718, 778.

Seeblätter ("Báo khổ nhỏ miền hồ") (Côn-xtan-xơ).-526.

"Schlesische Zeitung" ("Báo Xi-lê-di") (Brê-xláp, nay là Vrốt-xláp).-770.

"Schweizer Handels - Courier" ("Thông tin viên thương mại Thụy Sĩ" (Bi-lo).-491, 504, 609, 611, 626, 708, 714, 715, 722, 726, 806, 875, 903.

"Schweizerische National - Zeitung" ("Báo dân tộc Thụy Sĩ") (Ba-lo).-856.

"The Sheffield Free Press" ("Báo chí tự do Sép-phin-đơ").-607.

"*Le Siècle*" ("Thế kỷ") (Pa-ri).-513, 700, 725.

"*Stimmen der Zeit*" ("Tiếng nói thời đại") (Gô-ta).-620, 887.

"*Tablet*" ("Ký sự") (Luân Đôn).-642.

"*Telegraph*" - xem "*Daily Telegraph*".

"*The Times*" ("Thời báo") (Luân Đôn).-642, 659, 684, 712, 717, 775, 879.

"*Tribune*" - xem "*New - York Daily Tribune*".

"*L'Univers religieux, philosophique, politique, scientifique et littéraire*" ("Thế giới tôn giáo, triết học, chính trị, khoa học và văn học") (Pa-ri).-513.

"*Das Volk*" ("Nhân dân") (Luân Đôn).-504, 607-611, 620, 690, 773, 774, 807, 819, 821, 879, 881, 895, 899-902.

"*Volks - Zeitung*" ("Báo nhân dân") (Béc-lin).-487, 549, 616, 769, 893, 904, 909.

"*Vorwärts*" ("Tiến lên") (Lai-pxích).-145.

"*Vossische Zeitung*" xem "*Königlich privilegirte Bertinische Zeitung von Staats und gelehrten sachen*".

"*Weekly Mail*" ("Bưu điện hàng tuần") (Luân Đôn).-779.

BẢN CHỈ DẪN ĐỊA DANH

A

A-ben-xbéc-gơ -83 (xem chú thích 54), 123.

A-bô (Tuốc-cu).-203, 204.

A-bu-kia - 170.

A-các-na-ni-a, một tỉnh ở Hy Lạp.-18.

A-den-cua, một điểm cao ở Pháp.-39.

A-đéc-bi (A-đéc-bi-ép-ca), một điểm cao ở Cáp-ca-dơ.-742-746.

A-i-a-cu-sô - thành phố và một tỉnh ở Pê-ru.-214-215.

A-ken- 224.

A-khen - 529.

A-la-ba-ma, một bang - 191.

A-lép-pô (Kha-lép).-168.

A-li-can-tơ - 240.

A-li-đan, một điểm cao ở Ấp-ga-ni-xtan.-107.

A-pông-đa - 197.

A-ra-vi-a.-359.

A-ra-can - 345.

A-rát-738.

A-rê-ki-pa, một thành phố và một tỉnh.-214.

A-rơ, sông-715.

A-sa-gu-a-xơ-286.

A-ten - 15-18, 19, 22, 433, 641.

A-va - 345-350, 353.

A-va, vương quốc - xem *Miến Điện*.

A-vi-nhôn - 174, 175, 177.

A-xam - 345.

A-xpéc-nơ - 83-88.

Ác-bê-lơ (*Ếc-bi-lơ*) - 26, 27, 39, 361, 362, 367.

Ác-ca-di, một tỉnh ở Hy Lạp.-22.

Ác-dép (*Ác-dây-u*)-132.

Ác-gui-ta.-280.

Ác-va, sông-507.

Ác-vin-cum, thành phố cổ.-327.

Ác-xi-xuy-rơ-Ốp - 235.

Ai Cáp-11, 12, 36, 121, 170, 334, 356, 363, 388, 632, 633, 676, 682, 695.

Ai-dơ, sông -467.

Ai-rơ-len-211, 212, 356.

An-bu-ê-ra, điểm cao ở Tây Ban Nha - 72-73, 357.

An-bu-ê-ra, sông-72.

An-dát-651.

An-gan-tơ, lãnh thổ.-674.

An-giê, thành phố và một tỉnh - 125-131, 135, 274.

An-giê-ri - 57, 68, 125-136, 172, 239, 272-274, 381, 463, 523.

An-gô-xtu-ra (*Xuy-đát* - *Bô-li-va-rơ*).-283-287.

An-gluy-rơ, điểm cao ở Pháp - 233.

An-lơ (nay là *Lư-va*, *La-va*)-142.

An-ma, điểm cao ở Crum.-75.

An-ma, sông-74-77, 173, 704.

An-pơ, núi -27, 629, 664.

An-pơ thuộc Sti-ri-a, dãy núi -652.

An-xbắc, một điểm cao ở Đức -218.

Áp-ga-ni-xtan - 96-108.

Át-lát, dãy núi - 125, 127.

Át-léc-cla, một điểm cao ở Áo - 199.

Át-tích, một vùng ở Cổ Hy Lạp.-18.

Át-tốt - 97.

Át-xi-ri - 13.

Au-éc-xtết - 198, 199, 218, 459.

Au-phút (*Ô-phan-tô*), sông ở I-ta-li-a -366.

Au-re-xơ (*Ô-re-xơ*), dãy núi ở An-giê-ri-125.

Au-xbuốc - 123, 311, 490, 410, 497, 609, 616-619, 804, 832, 878, 891, 899.

Ăng-ve - 178, 200, 409, 410, 563, 659, 774, 805.

Ấn, sông - 12, 97, 99, 104, 436.

Ấn Độ - 96, 98-105, 106, 107, 108, 238, 239, 346, 351, 353, 354, 384, 467, 663.

Ấn Độ Dương - 96, 346.

Ấn - Trung - 398.

Ây-dơ-nác - 225, 794.

Ây-đơ-xvôn -205.

Ây-lau xem *Proi-xi-sơ* - *Ây-lau*.

B

Ba-bi-lon - 399, 781.

Ba-den - 492, 520, 558, 593, 675, 861, 869.

Ba-den-Ba-den. -890.

Ba-la-cla-va. -81, 173, 185, 389.

Ba-la-ghi-xa-rơ, vùng ngoại ô Ca-bun-105.

Ba-lơ - 217, 412, 529, 539, 540, 630, 853, 856.

Ba-nát, một vùng lịch sử - 168.

Ba-nát thuộc Tê-mê-sva-ra (Ti-mi-sô-a-ra), vùng-671.

Ba-ri-ma, một tỉnh -286.

Ba Tư (I-ran) -96, 99, 101, 141, 359, 435.

Ba-vi-e -123, 311, 651, 675, 809.

Ba-xa-240.

Bác-lê - *Đuých* - 413.

Bác-si-xa-rai - 74.

Bác-xê-lô-na, một thành phố và một tỉnh ở Vê-nê-xu-ê-la - 278, 279, 283, 284.

Bác-xuyếc-ôp - 227.

Bai-ôn - 115, 321, 357.

Bai-roi-tơ -217.

Ban-tích, biển - 118, 209, 673.

Bán đảo I-bê-ri-cơ - 357.

Ban-khơ - đất nước ở Nam Tuốc-ke-xtan - 97.

Ban-ten-nơ, điểm cao ở Đức - 139.

Bát-đa-i-ốt - 72, 73.

Bau-txen, điểm cao ở Dắc-den - 118, 219, 221, 222.

Băm-béc-gơ - 120, 124.

Béc-ga-mô - 341.

Béc-gen-ốp - *Dôm* - 339.

Béc-gie-rơ, điểm cao ở Pháp - 230, 231.

Béc-lin - 144, 492, 533, 539, 540, 542, 551, 604, 609, 651, 679, 767, 769, 780-784, 792-797, 799-803, 806, 806, 807, 810, 814, 824, 830, 845, 866-869, 887, 905, 911.

Béc-na-rơ Lớn xem *Xanh-Béc-na-rơ Lớn*.

Béc-nác-din (Xan-Béc-nác-di-nô), đèo ở An-pơ.-687.

Béc-nơ - 520, 524, 553-556, 609, 626, 685, 686, 689, 692, 708-720, 762, 766, 849, 852,

855, 856, 888.

Béc-nơ, một bang của Thụy Sĩ - 175, 599, 683, 691, 693, 701, 722, 760.

Béc-nơ-bước - 224.

Ben-gan - 348.

Ben-grát - 326.

Ben-tơ xem *Đại Ben-tơ*.

Bét-xa-ra-bi-a - 143, 639, 671.

Bê-lút-gi-xtan - 96.

Bê-ô-ti, một vùng ở Hy Lạp - 18, 361.

Bi-dam-béc, dãy núi - 83, 84.

Bi-đa-xô-a, sông - 321-325.

Bi-lơ - 561.

Bi-ri-a-tu - 324.

Bi-sóp-xvéc-đa, một điểm cao ở Đức - 221.

Bi-xcơ-ra - 127.

Biển Bắc - 130, 212, 467, 673.

Bin-đốc-xơ - 324.

Bin-ghen - 504, 573, 734.

Blen-hai-mơ hay *Blin-đơ-hai-mơ* - 311-313.

Blê - 272.

Blê-đin - 223.

Bom-bay - 104.

Bon thành phố và cảng ở An-giê-ri - 127, 132, 239.

Bon - 339, 504, 536.

Boóc-đô - 215.

Boóc-ghét-tô, điểm cao ở I-ta-li-a - 120.

Bô-be-rơ (Bu-bơ), sông - 221.

Bô-gô-ta - 277, 279, 286, 287, 290-294.

Bồ Đào Nha - 166, 356-358, 575, 659.

Bô-hêm - xem *Tréc-khi-a*

Bô-lan, đèo trên núi - 104-105.

Bô-li-vi-a - 214, 289, 290, 291.

Bô-mác-xun-đơ, eo biển - 355.

Bô-nai-rơ, hòn đảo ở biển Ca-ra-íp - 283.

Bô-rô-di-nô - 118, 131, 253, 268, 314-320, 395.

Bô-tu-ên-khô, một điểm cao ở Xcốt-len.-79.

Bô-xni-a - 678.

Bô-xpho, eo biển - 188.

Bô-xu-ê-rơ, điểm cao ở Anh.- 78.

Bốt-vin - 347.

Bra-khen-phen-đơ, điểm cao ở Đức. -225.

Bra-xin - 291, 357.

Brai-tơn - 864.

Bran-đen-bước - 651, 653.

Brao-svai-gơ - 139, 673, 682.

Brây-xgau, địa hạt - 675.

Brê-đa -339, 413.

Brê-ghen-xơ - 686-687.

Brê-men - 541, 569, 680.

Brê-si-a (đúng hơn là Brê-sa), thành phố và một tỉnh -341 - 344.

Brê-xláp (Vrốt-xláp) - 493, 594, 769, 770.

Bri-en - 148, 226, 227.

Bri-en-la-Vi-vây - 227.

Bríp-la-Gai-ác-dơ, điểm cao ở Pháp - 174, 177.

Bơ-ta-nhơ - 176.

Brúc-dan - 496.

Bruy-xen - 558, 660, 805, 883.

Bruyn (Brơ-nô).-197.

Bu-ca-rét - 203, 693, 641, 670.

Bu-cô-vi-na - 167, 671.

Bu-đa - vùng tả ngạn sông của Bu-đa-pét hiện nay - 326, 327-330.

Bu-ê-nốt - Ai-rét - 356.

Bu-gi - 1213, 128.

Bu-gi, vịnh - 128.

Bu-lông - 176, 376, 461-463, 482, 499, 667.

Bun-xen-vi-xơ (Bô-lê-xla-vi-xơ), điểm cao ở Xi-lê-di - 492.

Buốc-giơ - 166.

Buốc-gô-xơ - 170.

Buốc-gun-di, địa danh lịch sử-40.

Bơ-dăng-xông - 505, 522, 526, 561, 562.

Bơ-ri-ô - Bắc, điểm cao ở Pháp - 233-234.

C

Ca-bi-li-a, một địa danh lịch sử - 135, 172.

Ca-bun - 97, 100-104, 105, 106, 107.

Ca-bun, sông -97.

Ca-đi-xơ - 214, 277, 281.

Ca-la-bô-xô - 279, 285, 286.

Ca-lơ - 210.

Ca-li-phoóc-ni-a - 575, 659.

Ca-nơ - 148.

Ca-pi-tôn, đồi ở La Mã - 27.

Ca-poa - 368.

Ca-ra-bô-bô-288.

Ca-ra-cát - 275, 278, 279, 286, 289, 292, 293.

Ca-ra-cu-ta - 292.

Ca-rê-li-a - 117.

Ca-rông - 301.

Ca-ru-pa-nô - 280, 282.

Ca-sơ-mia - 96.

Ca-ta-lô-ni, một vùng ở Tây Ban Nha - 271.

Ca-xbắc (Ca-tra-va), sông ở Xi-lê-di - 219-220, 237.

Ca-xpiên, biển - 140.

Ca-xten - 331.

Các công quốc vùng Đa-nuyp - xem *Môn-đa-vi-a* và *Va-la-khi*

Các-lơ-xbuốc (An-ba - I-u-li-a) - 167.

Các-lơ-xru-ê - 861.

Các tỉnh Ba-xơ (xứ sở của những người *Ba-xơ*)-321.

Các-ta-giơ - 466, 467.

Các-ta-hê-na -277, 278, 280, 281, 288, 292.

Các-xbát (Các-lô-vi - Va-ri)-119.

Các-xơ - 607, 666, 875.

Cai-déc-xlau-téc-nơ - 217.

Cai-e-xơ (Ô-kê), trên đảo Ha-i-ti - 282.

Cam-pô-phô-mi-ô, điểm cao ở I-ta-li-a - 175, 195, 678.

Can-đa-gác, thành phố và một tỉnh - 97, 99-103, 106.

Can-nư (Can-nơ), điểm cao ở I-ta-li-a - 92, 365-366.

Can-va-đô-xơ, tỉnh - 174.

Cát-xen - 338, 608.

Cau-pơ, một điểm cao ở Đức - 226.

Cây-en-na - 499.

Cham-pa-nia - 179.

Chen-xi, vùng ở Luân Đôn - 81.

Coóc-bê-ni, một điểm cao ở Pháp - 234.

Coóc-đô-va - 240.

Coóc-xơ, đảo - 356.

Cô-blen-tơ - 226, 331, 426.

Cô-đô-ni-ô - 121.

Cô-hin-xtan, một địa danh lịch sử - 96.

Cô-lê-a, một điểm cao ở An-giê-ri - 127.

Cô-lin - 151, 152.

Cô-lô-sa (Cô-lô-si), sông - 314-318.

Cô-lôm-bi-a - 275, 286-294.

Cô-moóc-nơ (Cô-ma-rôm)-327, 329, 430, 647, 737, 743, 751-755.

Cô-mô, hồ ở I-ta-li-a - 687.

Cô-ru-ni-a (La - Cô-ru-ni-a) - 210, 211, 357.

Cô-xanh-xin (Nam Bộ), một xứ ở Đông Dương - 655.

Cô-xvi-gơ, một điểm cao ở Đức. - 868.

Côm-pi-êng - 124, 662.

Côn-coóc-đơ - 460.

Côn-ma, một điểm cao ở Pháp - 412.

Côn-xtăng-tanh, thành phố và một tỉnh - 127, 128, 132-136.

Cộng hoà Cra-cốp - 635.

Công-xtăng-ti-nô-plơ (Xtam-bun) - 129, 131, 176, 467, 640, 641, 644, 671, 741-746, 774.

Cốt-xcơ - 165.

Cra-cốp - 635, 655.

Cra-on, một điểm cao ở Pháp - 233, 234.

Crai-na, một địa danh lịch sử - 84.

Crê-mô-na - 341.

Crê-xi, một điểm cao ở Pháp - 39, 91.

Cri-blô-vi-xơ, một điểm cao ở Xi-lê-di - 216.

Cri-tơ, đảo - 18.

Cri-xti-a-ni-a (Ô-xlô) - 205, 206.

Croa-đơ - *Bu-cơ* - 324.

Crô-a-xi - 751.

Crôi-xơ (Crô-tô-sít-xơ) - 220, 221.

Crôn-stát - 422.

Crum - 58, 59, 74, 77, 257, 492, 639, 665, 705.

Cu-cu-ta - 289.

Cu-ne-rơ-xdoóc-phơ, một điểm cao ở Đức - 151, 251.

Cu-ma-na, thành phố và một tỉnh - 278-280, 283.

Cu-xcô - 214.

Cun-di-na-mác-ca, tỉnh - 280.

Cun-xen-đoóc-phơ (Đrô-gơ-xláp), một điểm cao ở Xi-lê-di - 219.

Cuốc-hét-xen - xem *Hét-xen* - *Cát-xen*.

D

Da-bơ - 127, 134.

Da-le, sông - 223, 224.

Dan-xbước - 652.

Dãy núi Bô-hêm (khu rừng Tréc-khi-a) - 83.

Dãy núi Rút - 222, 673.

Dãy núi Xô-li-man (Xu-lây-man) - 97.

Dắc-den - 145, 171, 221, 222, 223, 644, 653, 672, 675, 682, 681.

Dê-lan, một đảo trong quần đảo Đát-xcơ - 198.

Di-gma-rin-ghen - 597.

Di-ra (Ha-u-di - Di-ra), hồ ở Ấp-ga-ni-xtan - 97.

Do-át-sơ - 135.

Đ

Đa-nuýp, sông - 83, 84, 188, 192, 203, 311, 326, 328, 430, 642, 644, 652, 754.

Đắc-da-nen, eo biển - 188.

Đại Ben-tơ, eo biển - 198.

Đại Tây Dương - 467.

Dan-ma-xi, một địa danh lịch sử - 83.

Dan-ních-cốp, một điểm cao ở Đức - 377.

Dan-tích (Gơ-dan-xơ) - (bao vây năm 1807) (bao vây năm 1813)-141.

Dất đỏ - xem *Ve-xơ-pha-li*.

Đáy-khxen- xem *Snen-lơ Đáy-khxen*.

Déc-ben-tơ - 140.

Den-nê-vi-xơ, một điểm cao ở Đức - 204.

Dèo Khai-béc - 107.

Dèo Hốt-giắc (Hốt-giắc) - 101.

Dèo Hua Ca-bun (*Xua* - *Ca-bun*) - 106.

Đê-li - 99, 239.

Đi-en-vin, một điểm cao ở Pháp - 227.

Địa Trung Hải - 12, 27, 125, 127-130, 327, 363, 467, 575, 631-634, 637.

Đoi-xơ - 331.

Đoóc-man, một điểm cao ở Pháp - 229.

Đoóc-nơ-bước-gơ, một điểm cao ở Đức - 198, 199.

Đô-ra (Đô-ra-Ri-pa-ri-a), sông ở I-ta-li-a - 686.

Đôi Ma-la-khốp gần Xê-va-xtô-pôn - 173.

Đôn-ca-xơ-rơ, một điểm cao ở Anh - 337.

Đồng Ất - 632.

Đơn-di - 504, 507.

Đre-xđen - 221, 593, 651, 861, 868.

Đu-ben (Đuy-ben), điểm cao ở Đức - 224.

Đung-kéc - 210.

Đuyt-xen-đoóc-phơ - 865.

E

Ếc-bi-xơ, điểm cao ở Pháp - 232.

Ếc-phuốc - 217, 232.

Ếc-xi-dây, điểm cao ở Pháp - 271.

Ếc-xơ - xem *Ếc-xơ-lơ-Ben*.

Ếc-xơ-lơ-Ben, điểm cao ở Pháp - 687, 689.

En, sông - 233, 234.

En-bơ, đảo - 89, 119, 124, 149.

En-bơ, (La-bơ), sông - 204, 205, 218, 219, 221-224, 296, 332, 467, 652.

En-bơ-phen-dơ - 592.

En-mi-ra - 872.

En-xơ - 583.

En-xthe-rơ, điểm cao ở Đức - 222, 223.

Eo Pa-na-ma - 291.

Eo Xuy-ê - 632.

Ếp-pa-tô-ri - 74.

Ê-chiên - xem *Xanh* - *Ê-chiên*.

Ê-cơ-muy-lơ, điểm cao ở Pháp - 83, 392.

Ê-đen-cô-ben, sông - 217.

Ê-dìn-bóc - 550.

Ê-dơ-xhai-mơ, điểm cao ở Đức - 217.

Ê-ghe-rơ, sông - 651.

Ê-noa, điểm cao ở Tây Ban Nha - 323.

Ê-péc-nơ, điểm cao ở Pháp - 229.

Ê-ren-brây-stai-nơ, điểm cao ở Đức - 331, 422.

Ê-rép-ru - 201, 203.

Ê-ri, hồ ở Mỹ - 301.

Ê-sơ (A-đít-giơ), sông - 631.

Ê-xli-gơ, điểm cao ở Áo - 83-88, 91, 171.

Ê-xlinh-ghen - 611, 723, 724.

Ê-xpê-lét, điểm cao ở Pháp - 324.

Ê-xtrê-ma-đu-ra, tỉnh ở Tây Ban Nha - 72.

Ê-tô-giơ, điểm cao ở Pháp - 230-231.

Ê-tô-li-a, tỉnh ở Hy Lạp - 18.

G

Ga-li-xi - 164.

Ga-ghê-nau (A-gnô) - 412.

Ga-rxa, sông - 382.

Ga-xcô-nhơ, một địa danh lịch sử - 448.

Ga-xi-a - *Ếc-na-đét* - 395.

Gan-da-mắc - 107.

Gây-nau (Hoi-núp) - 219, 378.

Ggiát-xcơ - 118.

Gi-bran-ta - 240, 632.

Gi-rôn-dơ, một tỉnh ở Pháp - 175.

Gia-gđa-lắc-xki (Gia-gđa-lắc), đèo ở Áp-ga-ni-xtan - 106.

Gia-mai-ca, đảo - 281.

Gia-xơ-rốp - 652.

Giắc-xác-tơ (Xi-rơ - Đa-ri-a) - 436.

Giê-la-la-bát - 106, 107.

Giê-nơ - 693.

Giê-nơ-voa - 712, 720.

Giê-ru-xa-lem - 333.

Gioăng-vin, điểm cao ở Pháp - 226.

Giơ-ne-vơ - 490-496, 503-508, 510, 514, 521, 524, 529, 531, 533, 335, 537, 538, 544, 548-552, 555, 586, 602, 604, 606, 615, 624, 684, 686, 691, 693, 698, 700-703, 708, 710, 712, 714, 716-721, 723, 725, 737, 749, 754-758, 760-766, 800, 808, 815, 819, 824, 839, 848-852, 855-860, 877, 879, 888, 900.

Giơ-ne-vơ, một bang - 494, 532, 722, 849.

Giốc-xi, một đảo trong quần đảo Noóc-man - 529, 566, 840.

Giuốc-dơ-giư-ra, dãy núi ở An-giê-ri-125.

Giuy-lích, điểm cao ở Đức - 194, 409.

Ghê-tu-li-a, xứ cổ nằm trên lãnh thổ châu Phi - 127.

Ghi-ui (I-ui), điểm cao ở Bỉ - 339.

Gla-xô - 670, 750, 894.

Glô-gây (Glô-gúp) - 493.

Goa-tê-ma-la - 447.

Gô-lơ, một xứ cổ - 34.

Gô-lơ thuộc La Mã - 34.

Gô-xpôóc-tơ - 331.

Gôn-đơ-béc-gơ, một điểm cao ở Đức - 222.

Gra-di-xca - 195.

Gra-na-đa - 448.

Gra-ních (Coóc-gia-xu), sông - 16, 27, 361.

Gra-vơ - 339.

Gran-đơ-ruyn, núi ở Tây Ban Nha - 325.

Grau-buyn-đen, một bang ở Thụy Sĩ - 554.

Grây-phen-ha-ghen (Grư-phi-nô) - 247.

Grây-phơ-xvan-đơ - 493.

Grô-xơ-Bê-rên, một điểm cao ở gần Béc-lin - 205.

Gu-a-na - 284.

Guay-a-kin - 289.

Guê-li-xơ, điểm cao ở Đức - 119.

H

Ha-ghen - 797.

Ha-dơ-ni (tấn công năm 1839) (hoạt động quân sự năm 1842) - 97, 102, 103.

Ha-i-ti, đảo ở biển Ca-ra-íp - 282.

Ha-lơ - 198, 223, 224.

Ha-vơ - 853.

Hạ Ai Cập, vùng - 12.

Hạ Pê-ru (Pe-ru) - 290.

Hạ Pi-rê-nê, tỉnh - 172, 194.

Hạ Sa-răng-tơ (vùng duyên hải), một tỉnh - 274.

Hai-đen-béc - 526.

Han-nô-vơ - 139, 197, 546, 612, 630, 644, 673, 675, 682.

Hảo Vọng, mũi - 356.

Hăm-buốc - 142, 149, 150, 176, 218, 332, 561, 647, 869, 870, 893.

Hằng, sông - 345.

Hây-lơ-xbéc (Li-đơ-dbác-cơ Bắc-min) - 141.

Héc-man-stát (Xi-bi-u) - 168.

Hem-pxtét, điểm cao ở gần Luân Đôn - 602.

Hen-xin-gboóc-gơ - 201.

Hét-xen - 682.

Hét-xen - *Cát-xen* (Cuốc-hét-xen), công quốc - 560, 673, 675.

Hét-xen - *Đác-mơ-stát* - 675.

Hê-le-xpôn-tơ - xem *Đác-đa-nen*.

Hê-rát - 96, 100, 101, 102.

Hi-ma-lay-a, dãy núi - 97.

Hin-đu-cu-sơ, dãy núi - 96-97.

Hin-đu-xtan, bán đảo - 99, 351.

Hin-men-đơ, sông ở Ấp-ga-ni-xtan - 97.

Hít-xen - 595.

Hoan-gri-e-gô - 280.

Hô-en-phri-đê-béc - 375, 394.

Hô-hen-linh-đen (Hô-en-linh-đen) - 295.

Hô-ra-xan - 96, 99, 367.

Hồ Bô-đen - 715.

Hồ Giơ-ne-vơ - 494, 715, 758.

Hồ Phiếc-van-đơ-stết - 709.

Hốch-stét (Huê-stét), một điểm cao ở Ba-vi-c - 313.

Hôn-stai-nơ - 205, 495, 672.

Hồng Công - 783.

Hông-xcốt-tơ (Ông-xcốt) - 175.

Huê-khơ-xtơ - 225.

Hung-ga-ri - 43, 168, 327, 328, 379, 450, 489, 592, 593, 606, 614, 615, 647-651, 654, 662, 671, 676, 699, 783-743, 746, 747, 751, 754, 775, 790, 877, 888, 889, 896, 898, 900.

Hy Lạp-16, 18, 20, 23, 25, 37, 360-363, 400, 434, 466, 640.

I

I-a-đơ (I-a-đơ-Bu-den), vịnh - 634, 672.

I-da-rơ, sông - 83.

I-e-rơ, sông ở Pháp - 231.

I-ê-na - 170, 198, 218, 236, 459.

I-glau (I-gla-va) - 195.

I-ke-rơ-nơ, một điểm cao ở Đức - 787, 789, 796.

I-ra-va-di, sông- 345, 347, 352.

I-run - 321.

I-van-gô-rốt - 645.

I-xli, một điểm cao ở Ma-rốc - 273-274.

I-xtơ-ri-a, tỉnh - 195.

In-gôn-xtát - 412.

In-ke-rơ-man - 58, 173.

In-nơ, sông - 83.

It-stết-tơ, một điểm cao ở Đức - 495.

In-xtéc-bua (Trò-rni-a-khốp-xcơ) - 117.

K

Kéc-nơ-then - 653.

Ken - 331.

Ken-tơ - 356.

Kê-xen-đoóc-phơ, một điểm cao ở Đức - 375.

Khe Xê-me-nốp-xơ, gần Bô-rô-di-nô - 314.

Khốt-si-den - 652.

Khu-nin - 213.

Ki-en-Đven, sông ở Miến Điện - 346.

Ki-tô (Êu-cu-a-đo), tỉnh - 280, 289.

Kiéc-ha-im-bô-lan-đen, điểm cao ở Đức - 586, 785.

Kiéc-vây-lơ, một điểm cao ở Đức - 217.

Kin - 205.

Kin-ca, một điểm cao ở Pê-ru - 214.

Kin-bu - 476.

Kin-ken-ni - 677.

Kinh-xton - 282.

Kít-xin-ghen, một điểm cao ở Ba-vi-e - 311.

Khuê-ních-xbéc (Ca-li-nin-grát) - 347.

Khuê-ních-xvác-ta, một điểm cao ở Đức - 119.

Khuên - 144, 225, 331, 422, 424, 491, 517, 526-530, 536, 538-543, 551, 559, 567, 568, 571, 731, 769, 801, 808, 859, 862, 863, 866, 867, 882, 895, 909.

L

La Guay-ra - 276, 279.

La Hay - 338.

La Mã, nhà nước và thành phố - 28, 36, 121, 439, 466, 642, 656, 750.

La-phéc-tê-xu - *Gioa-rơ*, điểm cao ở Pháp - 229, 233.

La Phe-rơ, một điểm cao ở Pháp - 249.

La-phê-rơ - *Sam-pen-nu-a-đơ* (Phê-rơ - *Sam-pen-nu-a-đơ*), điểm cao ở Pháp - 230.

La - *Măng-sơ*, vịnh - 210, 211, 587, 632, 808.

La-Pla-ta - 291.

La - *Pô-pa*, ngọn đồi ở Cô-lôm-bi-a - 281.

La - *Pu-éc-tô* - 279.

La - *Rô-chi-e-rơ*, điểm cao ở Pháp - 227, 228, 235.

La-vi-li-a-den - *Noóc-tơ* - 282.

Lai-pxích - 47 (trận đánh năm 1631), 48, 88 (trận đánh năm 1813) - 118, 142, 145-147, 205, 224-226, 391, 492.

Lai-then (Luy-tin), điểm cao ở Xi-lê-di - 131, 250, 375.

Lam-bét-xa (Lam-bê-đơ) - 127.

Lan-đau - 417.

Lao-tơ-buốc (Lô-the-rbuốc) - 651.

Lào, vùng - 347.

Lau-pen, điểm cao ở Thụy Sĩ - 446.

Lăng - 232, 233, 234.

Lăng-grơ, thành phố và cao nguyên - 232, 234.

Léc-xin-tơ - 460.

Lem-béc-gơ (Lvốp) - 165, 166.

Lép-ctơ-rơ, điểm cao ở Hy Lạp - 22, 93.

Lét, sông - 232, 233.

Lê-ê-vác-den, một điểm cao ở Hà Lan - 340.

Lê-khơ, sông - 47 (trận đánh năm 1632), 368 (trận đánh năm 955).

Lê-rì-đa - 271.

Lê-ông, đảo - 288.

Lê-xơ - 337.

Li-be-rô-dơ - 652.

Li-đô - 408.

Li-e-giơ - 339.

Li-ma - 290.

Li-mô-giơ, một điểm cao ở Pháp - 271, 274.

Li-nhi, pháo đài ở Bỉ - 236, 395.

Li-vô-ni - 117.

Li-vóc-pun - 507, 587.

Li-xbon - 208, 209.

Lim-bước - 339.

Lín-xơ - 84, 422, 424, 651.

Líp-pê - 673.

Lít-va - 140.

Lô, một tỉnh ở Pháp - 170.

Lô-bai, đảo ở Đa-nuýp, gần Viên - 84, 87, 88.

Lô-dan - 542-546, 548, 585, 611, 698, 708, 774, 819.

Lô-đi - 121, 341.

Lô-xơ - Ta-gu-a-nê-xơ - một điểm ở Vê-nê-xu-ê-la - 278.

Lôm-bác-di - 275, 342, 343, 631, 633, 642, 679, 681, 691.

Lu-gô-giơ - 168.

Lu-i-xvin-tơ - 569.

Luân Đôn - 211, 276, 282, 294, 354, 488, 489-492, 496, 497, 505, 507, 516, 522, 525, 527-531, 533, 542, 549, 553, 555-560, 565-570, 578, 579-584, 599-602, 604-612, 614-620, 623, 624, 633, 644, 648, 661, 719, 735, 739-750, 773, 777, 778, 780-784, 799, 800, 803-806, 808, 810, 817, 819, 822, 829, 832, 838, 840, 841, 850, 858-870, 873-877, 879-884, 890-896, 898-901, 903-906, 908, 912.

Lúc-xăm-bước - 217.

Luy-ben - 652.

Luy-bếch - 198, 216-218.

Luy-tơ-xen ở Dắc-den - 47 (trận đánh năm 1632) - 170, 171 (trận đánh năm 1813) - 219, 225, 378.

Ly-ông –

M

Ma-a-xơ-rích - 194 (cuộc bao vây năm 1794), 338 (cuộc bao vây năm 1673).

Ma-đây-ra, đảo - 356.

Ma-đrít - 170, 215, 275.

Ma-in-xơ - 225, 226, 232, 331, 673, 784.

Ma-ni-pua - 345.

Ma-ra-cai-bô - 290, 292.

Ma-ra-tông - 15, 16, 17, 91.

Ma-ren-gô - 122, 170, 295.

Ma-rì-nhi-a-nô (Ma-len-nhi-a-nô) - 43, 243.

Ma-rốc - 125, 273, 633.

Ma-tu-rin - 281.

Ma-xê-doan, địa danh lịch sử - 435.

Ma-xơ, sông - 339.

Mác-cơ, điểm cao ở Ve-xơ-pha-li - 792-795.

Mác-dơ-bước - 223, 332.

Mác-ga-ri-ta, đảo - 280-283, 287.

Mác-khphen-dơ, vùng - 83-86.

Mác-nơ, sông - 228-233.

Mác-tô-xơ - 240.

Mác-xây - 175, 740.

Mác-xtôn-mua, một điểm cao ở Anh - 373.

Mai-nơ, sông - 673.

Mai-nơ Trắng, sông - 673.

Man-đa-lơ, ngọn đồi ở Tây Ban Nha - 324.

Man-hem - 226, 339.

Man-mi-ô - 589, 791.

Man-plắc-cơ, một điểm cao ở Bỉ - 247, 456.

Man-se-xơ - 494, 549, 564, 609, 610, 613, 748, 803, 805-808, 907, 910.

Man-ta, đảo - 632.

Man-ti-nây-a, một thành phố ở Hy Lạp thời Cổ - 22, 93.

Mát-xơ-va - 106, 119, 123, 203, 314, 320, 509.

Mát-xơ-va, sông - 314.

Mau-tơ Va-la-sri-xơ - 125.

Măng-tu - 341.

Mây-xen - 223.

Me-ri, một điểm cao ở Pháp - 232, 235.

Méc-dê-bước-gơ - 368.

Mét-xơ - 172, 424.

Mê-dê-rít-xơ (Men-đư-giêch) - 652.

Mê-di-e-rơ - 418.

Mê-di-na-dơ Ri-ô - Xê-cô - 170.

Mê-hi-cô - 191, 291, 398.

Mê-la, sông - 342.

Mê-la, tỉnh - 343.

Mê-tít-gia, đồng bằng ở An-giê-ri - 128.

Mếch-clen-bua - 203, 673, 675, 682.

Mếch-clen-bua - *Sve-rin* (Mếch-clen-bua), lãnh thổ - 216.

Mu-ca-lơ (Xam-xun - Đa-gơ), mũi - 15.

Mi-la-nô - 121, 195, 407, 667, 772, 741.

Miến Điện - 345 - 354.

Miền bình nguyên Bắc Đức - 628, 672.

Min-si-ô, sông - 604, 790.

Mít-xếch, công quốc ở Anh - 880.

Moóc-shai-mơ, điểm cao ở Đức - 218.

Mô, điểm cao ở Pháp - 233.

Mô-den, sông - 226.

Mô-dê-na - 631.

Mô-giai-xơ - 314, 315, 318.

Mô-ha-me-di-a - 240.

Mô-na-gan, khe ở Ca-bi-li-a - 172.

Mô-ra-vi - 649-654, 672, 676, 678.

Mô-run-ghen (Mô-rôn-gơ), điểm cao ở Ba Lan- 198.

Mô-xta-ga-nem - 132.

Môm-pô-xơ, một điểm cao ở Cò-lôm-bi-a - 287.

Môn-bô-dôn - 176.

Môn-đa-vi-a (Môn-đô-va) - 168, 638, 639, 643, 666, 670, 672.

Môn-đô-va, sông - 651.

Môn-đô-vi - 121.

Môn-tê-can - 287.

Môn-tê-rô, điểm cao ở Pháp - 231.

Môn-vi-xơ (Ma-luy-ô-vi-xơ) - 50, 374.

Mông-mác-tơ-rơ - 235.

Mông-mi-rai, điểm cao ở Pháp - 229, 230, 231.

Mông-xê-ni, đèo ở An-pơ - 686, 695.

Mốt-lin (Ghê-oóc-ghi-ép-xơ Mới) - 645.

Mu-rơ, sông - 84.

Mun-đơ, sông - 223, 224.

Muốc-tanh - 518-522, 525, 526, 547, 802, 815, 837, 857.

Muyn-hau-den - 217.

Muyn-sen - 494, 651.

Muyn-xơ - 217, 794.

Muyếc-ke-rơ, một điểm cao ở Đức - 224.

N

Na-mua - 339.

Na-plơ - 59, 632, 642.

Na-pô-li-di - *Rô-ma-ni-a* (Náp-pli-ông) - 408.

Na-rép, sông - 141.

Na-va-rin - 641.

Na-um-bước - 198.

Nan-xi - 561, 653.

Nây-dơ-bi - 373.

Nét-xơ (Nô-te-xơ), sông - 652.

Nê-ben, con suối ở Ba-vi-e - 311.

Nê-mi-rốp, điểm cao ở U-cra-i-na - 639.

Ni-đéc - *Crai-nơ* - 221.

Ni-e-bla - 239-241.

Ni-ê-man, sông - 140, 295.

Ni-nê-vi-a, thành phố Cổ - 399.

Ni-ông - 735.

Ni-xơ - 524, 604, 680, 682, 690-694, 709, 711-716, 718, 729.

Nin, sông - 11, 97.

Nim-ve-ghen (Nây-mê-ghen) - 339.

Niu-Oóc - 498, 529, 540, 564, 583, 603, 746, 840, 869, 870, 883.

Niu-Oóc, bang - 872.

Nô-giăng - 299.

Nô-va-ra - 370.

Nôi-vít - 759.

Nôi-xơ (Ni-xa - Lu-gi-sca), sông - 221, 222.

Nơ-sa-ten - 122, 123, 684, 724.

Nu-mi-đi-a, xứ cổ ở Bắc Phi - 34.

Núi Đen, sông - 173.

Nuyếc-nơ-béc-gơ - 598, 651.

O

Oa-sinh-ton - 870.

Oa-téc-lô - 86, 88, 89, 119, 177, 182, 236, 378, 390, 393, 395.

Oa-tơ-phoóc - công quốc - 357.

Oen-xơ - *En-dơ*, vùng ở Luân Đôn - 602, 774.

Oóc-dan, điểm cao ở Tây Ban Nha - 271.

Oóc-tê-dơ, điểm cao ở Pháp - 357.

Ô-ca-ni-a, điểm cao ở Cô-lôm-bi-a - 291, 292.

Ô-cu-ma-rơ, điểm cao ở Vê-nê-xu-ê-la - 282.

Ô-đen-van - 511.

Ô-đét-xa - 492.

Ô-phen (Ô-phen Cổ) tiếng Đức gọi là Ba-đa - 326.

Ô-ran - 128, 134, 135.

Ô-ran, tỉnh - 135, 272.

Ô-ri-nô-cô, sông - 285, 294.

Ô-smi-a-nư, điểm cao ở gần Vin-nô (Vin-nhút) - 140.

Ô-xtéc-lít (*Xla-vcốp*) - 159, 170, 197, 217, 660.

Ô-xten-đơ - 774.

Ô-xơ-rây-li-a - 554, 659.

Ô-xơ-rô-len-ca - 165.

Ốc-xphớt - 236.

Ốc-xu-xơ (A-mu - Đa-ri-a) - 27.

Ô i-ác-xun - 321, 322.

Ôn-đen-buốc - 6783, 682.

Ôn-ta-ri-ô, hồ ở Mỹ - 302.

Ốp, sông - 227, 228, 232.

Ốt-sa-cốp - 139.

P

Pa-đun-gơ, tỉnh - 350.

Pa-na-ma - 291.

Pa-ri - 89, 124, 134, 148, 149, 165, 172, 174-177, 195, 200, 201, 205, 220, 226-229, 232, 233, 236, (Hiệp ước năm 1814), 271, 275, 292, 424, 427, 492, 495, 500, 502, 504, 508, 509, 526-533, 537, 541, 558, 568, 569, 577, 586, 602, 631, 635, 636, 644, 660, 662, 664, 666, 668, (Hoà ước năm 1856), 666, 679-684, 686, 694, 700, 708-712, 714, 716, 718, 727, 735, 740-743, 746, 756, 758-761, 765, 784, 786, 801-805, 808, 822, 838, 840, 859, 862-865, 869, 881, 883, 887, 889.

Pa-rô-pa-mi-xơ, dãy núi - 97.

Pa-vi-a - 44, 78, 448.

Pa-xtô - 280, 289.

Pác-ma - 631.

Pác-tơ, sông ở Dắc-den - 225.

Pam-pa-ta, điểm cao ở đảo Mác-ga-ri-ta - 282.

Pam-plô-na, điểm cao ở Cô-lôm-bi-a - 287.

Pam-plô-na, điểm cao ở Tây Ban Nha - 321.

Pen-giáp - 96, 99, 101.

Pét, phần tả ngạn sông của Bu-đa-pét hiện nay - 166, 326, 329, 747, 887.

Pê-gu, thành phố và tỉnh ở Miến Điện - 345, 352.

Pê-ni-a-dơ-Ai-a, núi ở Tây Ban Nha - 322.

Pê-ru - 213, 214, 289, 290, 294.

Pê-rút-gia - 41.

Pê-téc-bua xem *Xanh-pê-téc-bua*.

Pê-téc-xbéc, điểm cao ở Đức - 224.

Pê-xa-vác - 97, 99, 101, 106, 108.

Pê-xke-ra - 424.

Phác-xi-xtan (Phác-xơ), địa danh lịch sử - 14.

Phe-ti-ô - 234.

Phéc-mô-pin, đường trên núi ở Hy Lạp - 15, 91.

Phen-đơ-kiéc-sơ - 686.

Phét-xa-li, địa danh lịch sử - 19, 32, 361.

Phê-nê-xơ-ren-lơ - 686, 695.

Phê-ni-xi, xứ cổ ở Cận Đông - 466.

Phi-líp-vin - 135.

Phi-mơ - 230, 233, 234.

Phi-sau (Bát-Phi-sau) - 165.

Phi-u-mê (Ri-e-ca) - 749.

Phích-ten, dãy núi - 673.

Phlan-đơ, địa danh lịch sử - 210, 211, 311, 338, 339, 444.

Phlơ-ruýt - 194, (trận đánh năm 1794) - 338.

Phoóc-nô-vô (Phoóc-nô-vô-đi - Ta-rô), điểm cao ở I-ta-li-a-243.

Phô-xi-ni - 691, 711, 712, 715, 719, 879.

Phốc-san-nư - 639.

Phông-ten - I'Ê-véc, điểm cao ở Bỉ - 149.

Phông-tơ-noa, điểm cao ở Bỉ - 93.

Phran-phuốc trên sông Mai-nơ - 146, 550, 561, 580, 590, 597, 698, 733, 772, 781, 783, 798, 863, 905.

Phran-phuốc trên sông Ô-đe - 247.

Phrau-stát (Bơ-không) - 492.

Phrây-buốc - 520.

Phrê-đê-rích-stát - 205.

Phri-đrích-xham (Hạ-mi-na) - 201.

Phri-xlan-đơ, tỉnh - 338, 340.

Phrit-lan-đơ, (Práp-đin-xơ) - 141, 170, 253.

Phu-en-te-ra-bia - 321.

Phủ Khai Phong (Khai Phong) - 179, 238.

Pi-các-đi, địa danh lịch sử - 448.

Pi-ê-mông - 175, 176, 381, 457, 631-634, 653, 659, 667, 670, 679, 682, 686-691, 708-715, 722, 726, 765.

Pi-rê-nê, dãy núi - 170.

Pi-u - Ghi-ôm, điểm cao ở Pháp - 240.

Pi-xtôi-a - 41.

Piéc-ma-den - 254.

Pla-tây (Pla-tây-a), thành phố Cổ ở Hy Lạp - 15, 18, 22, 91.

Pla-xen-xi-a (Pi-a-sen-xa) - 366.

Plôm-bi-éc - 662, 691, 692, 708, 715.

Poóc-tơ - ô-Pren - 282.

Poóc-xmút - 331, 422.

Pô, sông - 604, 787, 895.

Pô, thành phố ở Pháp - 172, 194.

Pô-dơ-nan - 646, 648, 676.

Pô-mê-ra-ni - 202, 217, 218.

Pô-txan-lô, điểm cao ở I-ta-li-a - 176.

Pôn-tê-cô-rvô, điểm cao ở Pháp - 200.

Pphan-xơ - 507, 586, 593, 861.

Pra-ha - 651.

Pau-dnít-xơ (Pru-xít-xơ), điểm cao ở Xi-lê-di - 220.

Prê-xéch, điểm cao ở Pháp - 170.

Proi-xi-sơ - Ấy-lau (Ba-gra-ti-ô-nốp-xơ) - 117, 140, 141, 170.

Prô-mê - điểm cao ở Miến Điện - 349.

Prút, sông - 118.

Pruym, điểm cao ở Đức - 507.

Pu-a-chi-ê, điểm cao ở Pháp (trận đánh năm 1356) (trận đánh năm 732)-39 (trận đánh năm 1356), 91, 368 (trận đánh năm 732).

Pu-éc-tô - Ca-be-li-ô - 276-279, 288-291.

Pu-nô - 214.

Pun-tu-xơ, 141.

Q

Quần đảo A-lăng - 355.

Quần đảo Hê-bơ-rít - 212.

Quần đảo I-ô-niêng - 632.

Quần đảo Oóc-nhây - 212.

Quy-lô-dơ - 687, 689.

Quy-ra-xao, đảo - 277, 284.

Quy-ta-khi-a - 649, 738, 742.

Quy-tơ-rin (Cô-xtơ-rin) - 409.

R

Ra-áp (Đi-ốp) - 753.

Ra-stát - 196, 424, 582, 869, 873.

Ra-tê-cau - 198, 218.

Rai-sen-bắc - 220.

Ram-ri-út, điểm cao ở Pháp - 228.

Ran-ti, điểm cao ở Pháp - 243.

Ranh, sông - 36, 188, 196, 225, 226, 232, 311, 339, 507, 513, 536, 604, 629, 664, 676-683, 687, 699, 715, 723-726, 787, 895.

Rem-xơ - 231-235.

Rê-ghen-xbuốc - 83, 123, 651.

Ri-ma-xôm-bát (Ri-máp-xca - Xô-bô-ta) - 753.

Ri-mi-ni - 243.

Ri-pắc - 171.

Ri-u-ghen, đảo - 176, 216.

Ri-vô-li-121, 170, 175.

Rô-chi-e-rơ - xem *La-Rô-chi-e-rơ*.

Rô-ma-nhơ - 642.

Rô-ve-re-tô, điểm cao ở I-ta-li-a - 170.

Rô-xbắc - 375, 385.

Rô-xtốc - 216, 237.

Rôn, sông - 177.

Ru-ma-ni - 669.

Rua-rmôn-dơ - 339.

S

Sa-lon - 230, 231, 388, 660.

Sa-ti-ông - 227, 228.

Sa-tô-Chi-e-ri - 229, 230, 231-233.

Sác-lơ-roa - 149.

Sam-pô-béc, điểm cao ở Pháp - 229, 230, 231.

Sáp-lơ - 691, 711, 712, 715, 720, 879.

Săm-be-ri - 687, 689.

Se-xơ - 337, 567.

Séc-bua - 422, 749.

Séc-sen - 127.

Séc-xbua (Xi-ghi-xô-a-ra) - 168.

Sép-phin - 874, 894.

Sê-len-béc, núi ở Ba-vi-e - 311.

Sê-líp-phơ (U-ết-Sê-líp-phơ), sông ở An-giê-ri - 125.

Si-vi-ta - Vê-ki-a - 656.

Sin-đa (Sin-đây), điểm cao ở Đức - 767.

Slắc-ten, điểm cao ở gần Béc-lin - 176.

Slét-stát (Xi-lê-xta) - 412.

Slê-dơ-vích - 205.

Slê-dơ-vích - Hôn-stai-nơ - 507, 643.

Slô-xbéc (Sa-stin) - 326.

Snen-lơ - Dây-khxen (Xcô-ra), sông ở Xi-lê-di - 221.

Sô-me-nin, điểm cao ở Pháp - 227.

Sô-mông - 226, 235.

Span-đau - 589.

Spây-ơ-bác (Spây-éc), sông ở Ba-vi-e - 115.

Sơ-luy-ghen, đèo trên núi ở An-pơ - 687.

Sprê, sông - 781.

Stết-tin (Sê-xin) - 203, 218, 236.

Sti-ri-a - 652.

Stôn-pê - 652.

Stơ-ran-dun-dơ - 204.

Stơ-gi-gâu (Ctơ-sê-gôm) - 375.

Stút-gát - 598, 731.

Svác-xvan-dơ, dãy núi - 582.

Svây-dơ-nít-xơ (Xvi-đơ-ni-xơ) - 219.

Su-ki-xa-ca (Xu-crê), tỉnh ở Bô-li-vi-a - 214.

Suên-brun - 200, 666.

T

Ta-ba-xcô - 398.

Ta-li-a-men-tô, sông ở I-ta-li-a - 195.

Ta-phna, sông ở An-giê-ri - 272.

Tác-nốp (Tác-núp) - 164.

Tác-ra-gô-na - 271.

Tân Gra-na-đa (Cô-lôm-bi-a), cộng hoà - 277, 280, 282, 285-288, 294.

Tân Tây Lan - 399.

Tân Xcôt-len - 356.

Tây Ấn - 356.

Tây Tạng - 345.

Tét-xin, bang ở Thụy Sĩ - 687, 722.

Tê-din - 107.

Tê-mê-sva-ra (Ti-mi-sô-a-ra) - 168.

Têm-dơ, sông - 777.

Thái Bình Dương - 575.

Thoóc-nơ (Tô-ru-ni) - 118, 198.

Thung lũng Đáp-pơ - 684, 685.

Thượng A-xam - 375.

Thượng En-ga-đin, địa hạt ở Thụy Sĩ - 554.

Thượng Pê-ru - xem *Bô-li-vi-a*.

Thượng Sva-ben, công quốc - 675.

Ti-pe-ra - 345.

Ti-rôn - 83, 341, 634, 653.

Tiểu Á - 36, 359, 361.

Tiểu Ben-tơ, eo biển - 117.

Tiểu Ca-bi-li-a xem *Ca-bi-li-a*.

Tiểu Nga - xem *U-cra-i-na*.

Tin-đút (Xô-vét-xơ) - 142, 198, 219.

Tỉnh Đa-nuýp thuộc Đế chế La Mã - 36.

Tỉnh La Mã - 200.

Tỉnh Ranh - xem *Vùng Ranh*.

Tỉnh Ranh - 145, 579, 580, 813, 890.

Tít-si-nô (Tết-xin), sông - 364-366.

Tlem-xen - 127, 132.

Toóc-hai - 332.

Toóc-tô-xa - 271.

Tông-nông (Tông-nông-lơ-Ben) - 717, 718.

Tô-re-xơ - Ve-đra-xơ (Tô-ri-giơ - Ve-đra-sơ) - 429.

Tô-xca-nơ, vùng - 41, 710.

Tông-hô - 349.

Tơ-ra-pê-dun-đơ (Tơ-ra-bơ-dôn) - 744.

Tơ-ran-xin-va-ni - 166, 168, 671, 751.

Tơ-ria - 504, 730, 890.

Tơ-roa - 335.

Tơ-roay-ơ - 228, 232.

Tra-khen-béc (Gi-mi-grút) - 203-205.

Tra-na - 226.

Tra-rbắc (Tra-ben-tra-rbắc) - 339.

Tréc-kê-xi - 606, 647, 653, 743-746, 752.

Tréc-khi-a, địa danh lịch sử - 195, 219, 222, 379, 649-654, 671, 675-678.

Trê-bi-a, sông - 365.

Tri-pê-va - 93.

Trin-poóc, điểm cao ở gần Pa-ri - 230.

Tru-khi-li-ô - 167.

Trung - Ấn, bán đảo - 398.

Trung Quốc - 179, 238, 239, 348, 349, 351, 353, 482.

Tu-lông - 177, 356, 667.

Tu-lu-dơ - 357.

Tu-rin - 175, 249, 408, 524, 649, 691, 693, 711, 735, 749, 750.

Tun-ha - 280, 286.

Tuốc-gau, bang ở Thụy Sĩ - 599, 684, 709.

Tuy-ni-di, thành phố và đất nước - 125.

Txa-re-vô - Dai-mi-sơ - 315.

U-di-nơ - 195.

U-cra-i-na - 380.

U-mê-ô - 117.

U-rô-ni-e - 324.

U-ti-xa, điểm cao ở gần Bô-rô-di-nô - 314,315.

U-si-la-Vin, điểm cao ở Pháp - 230.

U-si-lơ-Sa-tô, điểm cao ở Pháp - 233.

Ui-xbích - 740.

Un-mơ - 122, 412, 424.

Uốc-bi-nô - 408.

Uốc-cơ, sông - 233.

Uốc-dắc-xơ (Uốc-đa) - 324.

V

Va-át-tơ (Vô), một bang ở Thụy Sĩ - 735, 761.

Va-gơ, sông - 754.

Va-gram - 123, 192, 198, 253, 270, 392.

Va-khau, điểm cao ở Đức - 392.

Va-la-khi - 167, 638, 641, 644, 666, 670, 671.

Va-lan-gien, điểm cao ở Thụy Sĩ - 122.

Va-len-xi-a - 279, 283, 288, 289.

Va-li-a-đô-lít - 170.

Va-ra, sông - 177.

Vác-di-ô, đảo ở vịnh Bốt-ni-a - 355.

Vác-na - 81.

Vác-sa-va - 140, 148, 164, 165 (tấn công năm 1831), 643 (ký kết hiệp định năm 1850), 645.

Vác-ten-buốc - 223.

Van-dây, một tỉnh - 120.

Van-đếch, điểm cao ở Đức - 673.

Van-đơ-xbéc - 772, 775.

Van-khe-ren, đảo - 170, 200.

Van-stát (Le-gnit-xơ Pô-le), điểm cao ở Xi-lê-di - 369.

Vây-đen-than, điểm cao ở Đức - 217.

Vây-ken, điểm cao ở Hà Lan - 341.

Vây-xen-béc - 225.

Vây-xen-buốc (Vi-xam-buốc) - 429.

Ve-ra - 321, 322, 323.

Ve-xơ-pha-li, tỉnh - 675, 676, 681, 787, 793-797.

Véc-chi-u - 229.

Véc-xây, ngoại ô Pa-ri - 120.

Ven, sông - 233.

Ven-lô - 339.

Vét-tin - 223.

Vê-nê-xu-ê-la - 275, 276, 279, 281, 282, 285-292.

Vê-rô-na - 342-346, 405, 424, 429, 631, 640.

Vi-a-ma-la, đèo trên núi ở An-pơ - 687.

Vi-e - *Mê-dôn* - 230.

Vi-ta-gô-sơ (Si-ri-a) - 751.

Vi-la-phran-ca (Vin-phran-sơ), điểm cao ở Pháp - 634.

Vi-la-phrăng-ca, điểm cao ở I-ta-li-a - 631, 679, 681, 709, 749, 896.

Vi-pho-rơ, điểm cao ở Pháp - 230.

Vi-tô-ri-a, điểm cao ở Tây Ban Nha - 326, 357.

Vi-tô-ri-a, điểm cao ở Vê-nê-xu-ê-la - 276, 278.

Vi-xla, sông - 645, 652.

Vi-tơ-ri, điểm cao ở gần Pa-ri - 235.

Viên -83, 88, 144, 147, 148, 165, 166, 196, 199, 326, 328, 420 (cuộc phòng thủ năm 1683), 550, 551, 569, 609, 630 (hiệp ước bí mật năm 1815), 651, 661, 751, 753, 776, 783, 879.

Vin-nô (Vin-nhút) - 139.

Vin-se-xtơ, điểm cao ở Anh - 337.

Vịnh Bốt-ni-a - 117, 293.

Vịnh Ca-la-mút - 74.

Vít-ten-béc - 224, 332.

Vô-cu-li-ốp, điểm cao ở Pháp - 226.

Vô-e-vô-đi-na, vùng - 751.

Vô-he-dơ - 226.

Vô-li-a, điểm cao ở gần Vác-sa-va - 165.

Vô-lun - 380.

Vô-san, điểm cao ở Pháp - 231.

Vôi-na, sông ở gần Bô-rô-di-nô - 318.

Vôn-ga-xtơ - 203.

Vôn-ta, sông - 175-177.

Vơ-ni-dơ - một thành phố và một nước cộng hoà -343, 408, 631, 633, 666, 667, 691.

Vu-li-giơ, ngoại ô Luân Đôn - 308.

Vu-xtơ, điểm cao ở Anh - 337.

Vuyéc-tem-béc - 536, 675.

Vuyéc-xbước - 375.

Vùng Pét - 326.

Vùng Ranh - 493, 644, 676-683, 724, 729.

Vùng Ranh thuộc Phổ - xem *Tỉnh Ranh*.

Vùng duyên hải Pô-me-ra-ni - 652.

X

Xa-bôn-sơ (*Xa-bôn-sơ* - *Xát-ma*) vùng ở *Hung-ga-ri* - 889.

Xa-ha-ra - 125.

Xa-la-man-ca, thành phố và tỉnh - 170, 357.

Xa-lu-en, sông ở Miền Điện - 346.

Xa-mô-xơ - 23.

Xa-ra-gốt, thành phố và tỉnh - 240.

Xa-rơ, sông - 226.

Xa-voa - 524, 604, 680, 682, 687-694, 707-716, 718-722, 724, 726, 729, 762, 879.

Xác-di-ni - xem *Pi-ê-mông*.

Xác-di-ni, đảo - 693.

Xan-Các-lốt, điểm cao ở Nam Mỹ - 287.

Xan Ma-te-ô, điểm cao ở Vê-nê-xu-ê-la - 276.

Xan-Mác-xi-an, dãy núi ở Tây Ban Nha - 322, 324.

Xan-Pê-đrô, điểm cao ở Nam Mỹ - 275, 293.

Xan-Phéc-nan-đô trên sông A-pu-rê (*Xan-Phéc-nan-đô*) - 287, 288.

Xan-ta-Ma-rta - 275, 280, 281.

Xan-tan-đê-rơ - 212, 286.

Xan-xơ - 148, 231.

Xanh-Béc-na-rơ - xem *Xanh Béc-na-rơ Lớn*.

Xanh Béc-na-rơ Lớn, đường trên núi ở An-pơ - 686.

Xanh-Blê-đơ, điểm cao ở Thụy Sĩ - 723.

Xanh - Đì-gie - 235.

Xanh Đơ-ni, điểm cao ở Bỉ - 338.

Xanh - Ê-chiên - 683.

Xanh - Ê-len, đảo - 118, 177, 196.

Xanh - Ê-li-e (*Xanh Huê-li-e*) - 566, 649.

Xanh - Giảng - *d'A-crơ* (*Ác-ca*) - 170.

Xanh - Giảng-đơ - *Li-út* - 321, 323.

Xanh - Lê-ô-nác-xơ, điểm cao ở Anh - 614.

Xanh - Pê-téc-bua - 140, 165, 203, 783.

Xanh - Xê-ba-xchiên - 321, 323.

Xanh - U-an, điểm cao ở Pháp - 229.

Xao-hem-ton, điểm cao ở Anh - 739.

Xây-xtan - 97.

Xcôt-len - 78, 79, 212, 301, 470, 746.

Xéc-bi - 641, 678.

Xen, sông - 229, 231, 236.

Xê-dan - 229, 233.

Xê-gét, điểm cao ở Hung-ga-ri - 738.

Xê-me-nốp-xcơ, điểm cao ở gần Bô-rô-di-nô - 253, 316-320.

Xê-nép, điểm cao ở Bỉ - 338.

Xê-va-xtô-pôn - 74, 77, 183, 261, 422.

Xi-lê-di - 40, 216, 219, 220, 369, 374, 644, 650-654.

Xi-ra-cu-giơ - 20, 330.

Xi-ri - 36, 632, 633.

Xi-xin, đảo - 466, 632.

Xiêm (Thái Lan) - 351, 352.

Xim-plông, đèo - 686, 712, 879.

Xin-dơ - 96, 102.

Xin-tơ-ra, điểm cao ở Bồ Đào Nha - 356.

Xlô-va-ki - 751.

Xnô-len-xcơ - 118.

Xnếch, điểm cao ở Hà Lan - 341.

Xoóc-nơ-đoóc-phơ - 375, 394, 555.

Xô-lư, điểm cao ở gần Vin-nô (Vin-nhút) - 140.

Xô-muy-rơ, điểm cao ở Pháp - 124.

Xôm-pi-út, điểm cao ở Pháp - 229.

Xpác-tơ - 15, 20, 21, 431, 432, 433.

Xti-ven-xu-ê-rơ - 340.

Xtốc-khôn - 194, 198, 201, 202, 206, 873.

Xtơ-ra-xbua - 331, 409, 412, 495, 499, 526, 667, 778, 863.

Xtu-rơ, sông ở I-ta-li-a - 686, 695.

Xu-át-xông, điểm cao ở Pháp - 233, 235.

Xuy-rích - 525, 549, 555, 578, 582, 600, 611, 721.

Xvê-a-boóc-gơ (Xu-ô-men-lin-na) - 183, 185, 202, 204, 264, 476.

MỤC LỤC*

Lời nhà xuất bản	7
PH. ĂNG-GHEN. Quân đội (Army)	11
PH. ĂNG-GHEN. Sĩ quan tùy tùng (Adjutant)	70
PH. ĂNG-GHEN. An-bu-ê-ra (Albuera)	72
PH. ĂNG-GHEN. An-ma (Alma)	74
PH. ĂNG-GHEN. Ác-kê-bút (Arquebuse)	78
Ph. ĂNG-GHEN. Ê-ri (Airey)	81
Ph. ĂNG-GHEN. A-xpéc-nơ (Aspern)	83
Ph. ĂNG-GHEN. Tấn công (Attack)	89
Ph. ĂNG-GHEN. Áp-ga-ni-xtan (Afganistan)	96
Ph. ĂNG-GHEN. Vật chướng ngại (Abatis)	109
Ph. ĂNG-GHEN. Phương pháp bố trí pháo trên nền cao (Barbette)	110
Ph. ĂNG-GHEN. Pháo đài (Bastion)	112
Ph. ĂNG-GHEN. Lưỡi lê (Bayonet)	115
C. MÁC và Ph. ĂNG-GHEN. Bác-clai-đơ-Tô-li (Barklay De Tolly)	117
C. MÁC. Béc-ti-ê (Berthier)	120
Ph. ĂNG-GHEN. An-giê-ri (Algeria)	125
Ph. ĂNG-GHEN. Đạn dược (Ammunition)	137
C. MÁC và PH. ĂNG-GHEN. Ben-ních-xen (Bennigsen)	139

* Trong ngoặc là đầu đề viết theo tiếng nguyên bản được công bố trên tờ "New American Cyclopaedia".

C. MÁC. Bli-um (Blum)	144
C. MÁC. Bước-ri-en-nơ (Bourrienne)	148
Ph. ĂNG-GHEN. Giáp chiến (Battle)	150
Ph. ĂNG-GHEN. Khẩu đội (Battery)	155
Ph. ĂNG-GHEN. Đống quân ngoài trời (Bivouac)	158
Ph. ĂNG-GHEN. Tắm che (Blindage)	160
Ph. ĂNG-GHEN. Bô-nét (Bonnet)	162
C. MÁC và Ph. ĂNG-GHEN. Bem (Bem)	164
C. MÁC, Bet-xi-e-rơ (Bessieres)	170
C. MÁC và Ph. ĂNG-GHEN. Bô-xkê (Bosquet)	172
C. MÁC. Bruyn (Brune)	174
Ph. ĂNG-GHEN. Đạn trái phá (Bomb)	178
Ph. ĂNG-GHEN. Pháo thủ (Bombardier)	181
Ph. ĂNG-GHEN. Pháo kích (Bombardment)	182
Ph. ĂNG-GHEN. Pháo thuyền (Bomb-ketch)	184
Ph. ĂNG-GHEN. Pháo hạm (Bomb-Vessel)	185
Ph. ĂNG-GHEN. Công sự chống đạn trái phá (Bomb-Proof)	186
Ph. ĂNG-GHEN. Cầu quân sự (Bridge Military)	188
C. MÁC. Béc-na-đốt-tơ (Bernadotte)	194
C. MÁC. Ác-ma-đa (Armada)	208
C. MÁC và Ph. ĂNG-GHEN. A-i-a-cu-sô (Ayacucho)	213
C. MÁC và Ph. ĂNG-GHEN. Bluy-khơ (Blücher)	216
Ph. ĂNG-GHEN. Pháo binh (Artillery)	238
C. MÁC. Buy-giô (Bugeaud)	271
C. MÁC. Bô-li-va-rơ-i-Pôn-tê (Bolívar y Ponte)	275
Ph. ĂNG-GHEN. Chiến dịch (Campaign)	295
Ph. ĂNG-GHEN. Đại úy (Captain)	297
Ph. ĂNG-GHEN. Các-bin (Carabine)	299
Ph. ĂNG-GHEN. Pháo Ca-rông (Carronade)	301
Ph. ĂNG-GHEN. Đạn rĩa (Case shot)	303

Ph. ĂNG-GHEN. Đạn cháy (Carcass)	306
Ph. ĂNG-GHEN. Ống thuốc súng (Cartridge)	308
Ph. ĂNG-GHEN. Béc-mơ (Berme)	310
Ph. ĂNG-GHEN. Blen-hai-mơ (Blenheim)	311
Ph. ĂNG-GHEN. Bô-rô-đi-nô (Borodino)	314
Ph. ĂNG-GHEN. Bi-đa-xô-a (Bidassoa)	321
Ph. ĂNG-GHEN. Bu-da (Buda)	326
Ph. ĂNG-GHEN. Công sự đầu cầu (Bridge-head)	331
Ph. ĂNG-GHEN. Máy phóng (Catapult)	333
Ph. ĂNG-GHEN. Trại dã chiến (Camp)	334
Ph. ĂNG-GHEN. Cu-khuốc-nơ (Cochoorn)	338
Ph. ĂNG-GHEN. Bre-si-a (Brescia)	341
Ph. ĂNG-GHEN. Miến Điện (Burman)	345
Ph. ĂNG-GHEN. Bô-mác-xun-đơ (Bomarsund)	355
C. MÁC và Ph. ĂNG-GHEN. Bê-re-xphốt (Beres-ford)	356
Ph. ĂNG-GHEN. Kỵ binh (Cavalry)	359
Ph. ĂNG-GHEN. Xây công sự (Fortification)	398
I. Công sự lâu dài	398
II. Vây đánh	425
III. Xây công sự dã chiến	428
PH. ĂNG-GHEN. Bộ binh (Infantry)	431
I. Bộ binh Hy Lạp	431
II. Bộ binh La Mã	437
III. Bộ binh thời Trung cổ	442
IV. Sự phục hưng của bộ binh	446
V. Bộ binh thế kỷ XVI và XVII	449
VI. Bộ binh thế kỷ XVIII	455
VII. Bộ binh trong thời kỳ cách mạng Pháp và trong thế kỷ XIX	460
PH. ĂNG-GHEN. Hải quân (Navy)	466
C. MÁC. "Ngài Phô-gơ"	483
Lời nói đầu	487

I. Bảng nhóm lưu hoàng	490
II. Những người thợ làm bàn chải	503
III. Hành động kiểu cảnh sát	516
1. Sự tự thú	517
2. Đại hội cách mạng ở Muốc-tanh	519
3. Séc-van	526
4. Vụ án những người cộng sản ở Khuên	538
5. Ngày lễ chính của các hội giáo dục công nhân Đức ở Lô-dan	543
6. Những vấn đề khác	549
IV. Thư của Tê-khốp	553
V. Nhiếp chính đế quốc và bá tước Pphan-xơ	585
VI. Phô-gơ và "Neue Rheinische Zeitung"	588
VII. Chiến dịch Au-xbuốc	599
VIII. Ông Phô-gơ Đa-Đa và những nghiên cứu của ông ta	627
IX. Cơ quan đại diện	697
X. Những kẻ bảo trợ và những tông phạm	737
XI. Một vụ án	799
XII. Phụ lục	848
1. Việc trục xuất Si-li khỏi Thụy Sĩ	848
2. Đại hội cách mạng ở Muốc-tanh	857
3. Séc-van	858
4. Vụ án những người cộng sản ở Khuên	859
5. Vụ khống	869
6. Chiến tranh giữa chuột và ếch	871
7. Luận chiến chống Phan-móc-xơ	874
8. Tuyên bố của ông A.Séc-tơ	875
9. Bài của Blin-đơ trong tờ "Free Press"	877
10. Thư của ngài Ốc-ghét	877
11. Thông tri chống C.Blin-đơ	878
12. Affidavit của Phuê-ghe-lơ	879
13. Affidavit của Vi-ê	880
14. Trích các văn kiện tố tụng	881
15. Các cuốn sách nhỏ của Đan-tiú	885

16. Bổ sung	887
a) Các Phô-gtơ và công ty "Xi măng"	887
b) Cô-sút	888
c) É-t-mông A-bu "Nước Phổ năm 1860"	889
C. MÁC. Thư gửi chủ biên báo "Allgemeine Zeitung"	891
C. MÁC. Tuyên bố gửi Ban biên tập các báo "Reform", "Volks Zeitung" và "Allgemeine Zeitung"	893
C. MÁC. Tuyên bố gửi Ban biên tập báo "Allgemeine Zeitung"	898
C. MÁC. Vụ án chống "Báo Au-xbước"	900
C. MÁC. Tuyên bố gửi Ban biên tập các báo Đức	903
C. MÁC. Thư gửi chủ biên báo "Daily Telegraph"	905
C. MÁC. Thư gửi Ban biên tập báo "Allgemeine Zeitung"	907
C. MÁC. Tuyên bố gửi Ban biên tập các báo "Freischutz" và "Reform"	910
C. MÁC. Tuyên bố gửi Ban biên tập báo "Allgemeine" và các báo Đức khác	911
<i>Chú thích</i>	915
<i>Bản chỉ dẫn tên người</i>	1039
<i>Bản chỉ dẫn các xuất bản định kỳ</i>	1133
<i>Bản chỉ dẫn địa danh</i>	1139

PHỤ BẢN

Bìa phụ của tập một cuốn "Bách khoa thư mới của Mỹ"	9
Phác hoạ do Ph.Ăng-ghen vẽ khi viết bài "Bi-đa-xô-a"	323-324
Bìa phụ của lần xuất bản đầu tiên cuốn "Ngài Phô-gtơ"	485